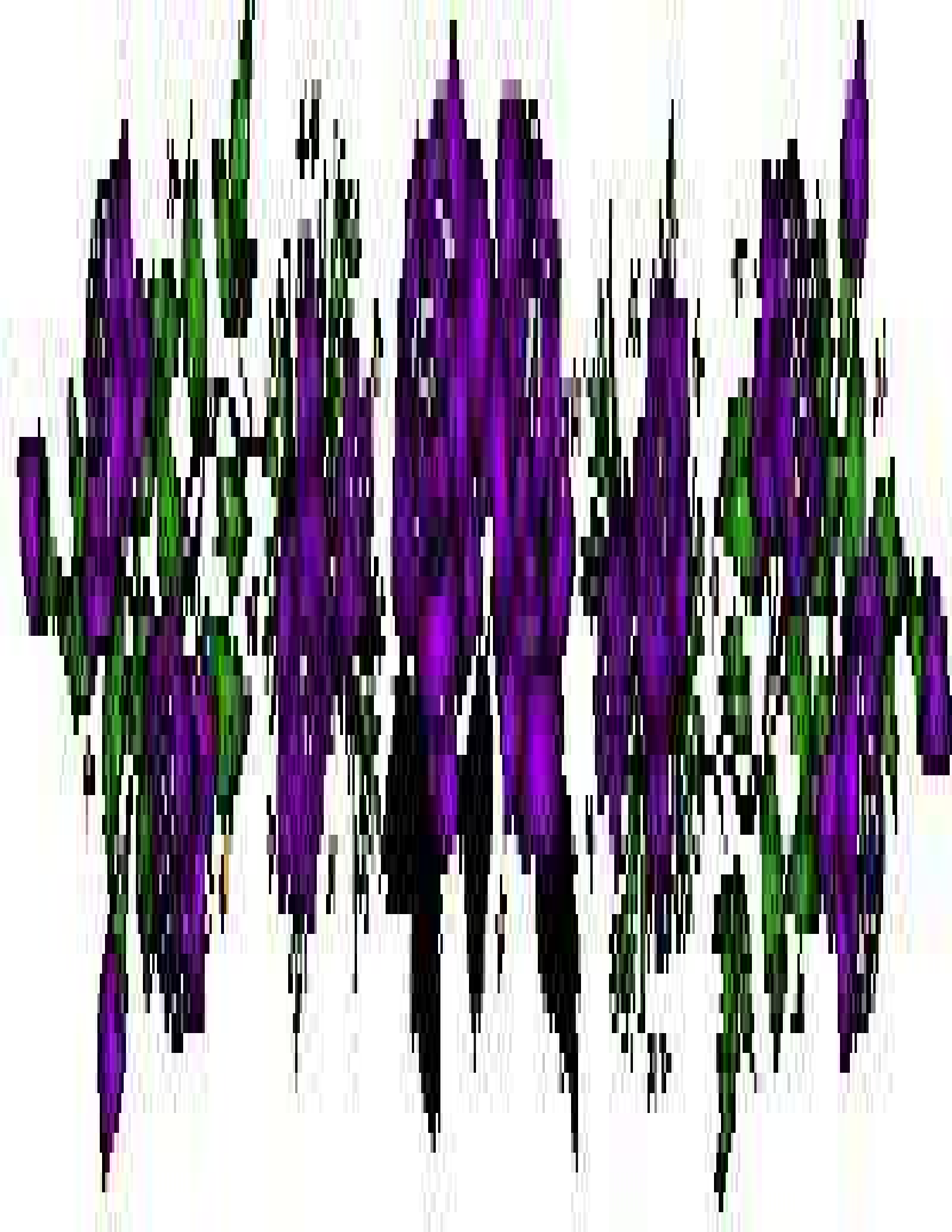




Đoán Án Kỳ Quan

nhieu tác giả

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

[Lời Giới Thiệu](#)

[Tập 1 - Chương 1 \(A\)](#)

[Chương 1 \(B\)](#)

[Chương 2 \(A\)](#)

[Chương 2 \(B\)](#)

[Chương 3 \(A\)](#)

[Chương 3 \(B\)](#)

[Chương 4 \(A\)](#)

[Chương 4 \(B\)](#)

[Chương 4 \(C\)](#)

[Chương 5 \(A\)](#)

[Chương 5 \(B\)](#)

[Chương 5 \(C\)](#)

[Chương 6 \(A\)](#)

[Chương 6 \(B\)](#)

[Chương 7 \(A\)](#)

[Chương 7 \(B\)](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 15 \(B\)](#)

[Chương 16](#)

[Chương 16 \(B\)](#)
[Chương 17](#)
[Chương 17 \(B\)](#)
[Chương 17 \(C\)](#)
[Chương 18](#)
[Chương 18 \(B\)](#)
[Chương 18 \(C\)](#)
[Chương 19](#)
[Chương 20](#)
[Chương 21](#)
[Chương 22](#)
[Chương 23](#)
[Chương 23 \(B\)](#)
[Chương 24](#)
[Chương 24 \(B\)](#)
[Chương 24 \(C\)](#)
[Chương 25](#)
[Chương 25 \(B\)](#)
[Tập 2 - Chương 1](#)
[Chương 1 \(B\)](#)
[Chương 2](#)
[Chương 2 \(B\)](#)
[Chương 3](#)
[Chương 3 \(B\)](#)
[Chương 3 \(C\)](#)
[Chương 4](#)
[Chương 4 \(B\)](#)
[Chương 5](#)
[Chương 5 \(B\)](#)
[Chương 6](#)
[Chương 6 \(B\)](#)
[Chương 6 \(C\)](#)

[Chương 6 \(D\)](#)
[Chương 6 \(E\)](#)
[Chương 7](#)
[Chương 7 \(B\)](#)
[Chương 8](#)
[Chương 8 \(B\)](#)
[Chương 9](#)
[Chương 9 \(B\)](#)
[Chương 10](#)
[Chương 10 \(B\)](#)
[Chương 11](#)
[Chương 11 \(B\)](#)
[Chương 12](#)
[Chương 12 \(B\)](#)
[Chương 13](#)
[Chương 13 \(B\)](#)
[Chương 14](#)
[Chương 14 \(B\)](#)
[Chương 15](#)
[Chương 15 \(B\)](#)
[Chương 16](#)
[Chương 16 \(B\)](#)
[Chương 17](#)
[Chương 17 \(B\)](#)
[Chương 18](#)
[Chương 18 \(B\)](#)
[Chương 19](#)
[Chương 20](#)
[Chương 20 \(B\)](#)
[Chương 21](#)
[Chương 21 \(B\)](#)
[Chương 21 \(C\)](#)

[Chương 22](#)

[Tập 3 - Chương 1](#)

[Chương \(B\)](#)

[Chương 1 \(C\)](#)

[Chương 2](#)

[Chương 2 \(B\)](#)

[Chương 2 \(C\)](#)

[Chương 3](#)

[Chương 3 \(B\)](#)

[Chương 4](#)

[Chương 4 \(B\)](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 9 \(B\)](#)

[Chương 10](#)

[Chương 10 \(B\)](#)

[Chương 10 \(C\)](#)

[Chương 11](#)

[Chương 11 \(B\)](#)

[Chương 11 \(C\)](#)

[Chương 12](#)

[Chương 12 \(B\)](#)

[Chương 12 \(C\)](#)

[Chương 13](#)

[Chương 13 \(B\)](#)

[Chương 14](#)

[Chương 14 \(B\)](#)

[Chương 15](#)

[Chương 15 \(B\)](#)

[Chương 16](#)
[Chương 16 \(B\)](#)
[Chương 17](#)
[Chương 17 \(B\)](#)
[Chương 18](#)
[Chương 18 \(B\)](#)
[Chương 19](#)
[Chương 19 \(B\)](#)
[Chương 20](#)
[Chương 20 \(B\)](#)
[Chương 20 \(C\)](#)
[Chương 20 \(D\)](#)
[Chương 20 \(F\)](#)
[Chương 21](#)
[Chương 21 \(B\)](#)
[Chương 21 \(C\)](#)
[Chương 21 \(D\)](#)
[Chương 22](#)
[Chương 22 \(B\)](#)
[Chương 23](#)
[Chương 23 \(B\)](#)
[Chương 24](#)
[Chương 24 \(B\)](#)
[Chương 25](#)
[Chương 25 \(B\)](#)
[Chương 26](#)
[Chương 26 \(B\) Kết](#)

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Lời Giới Thiệu

Dựa trên nhiều tài liệu xuất bản tại Trung Quốc, có tham khảo các trước tác của những tác giả văn học nổi tiếng dưới thời Minh, Thanh (Trung Quốc).

Đoán án kỳ quan là tên gọi chung một tập hợp những truyện phá án và xử án nổi tiếng nằm rải rác trong các sách cổ của Trung Quốc. nhất là ở hai triều đại Minh và Thanh. Về thể loại văn học, những truyện này được gọi là "tiểu thuyết công án".

Tiểu thuyết công án ở Trung Quốc có nguồn gốc rất xa xưa, bắt đầu từ những ghi chép ngắn trong sử, truyện về sử có từ thời Tiên Tần, Lưỡng Hán (206 - 220). Tới tiểu thuyết bút ký trước đời Đường và đời Đường (618 - 907), tác phẩm về đề tài công án đã chiếm một tỉ lệ khá quan, để rồi chín muồi hơn ở truyền kỳ đời Đường.

Sang đến đời Minh và đời Thanh, tiểu thuyết công án tăng trưởng rất mạnh về mặt số lượng, về chất lượng cũng được nâng cao rõ rệt. Tiểu thuyết công án không chỉ có trong các tập truyện ngắn nổi tiếng xưa nay như các tập *Du thế minh ngôn*, *Cảnh thế thông ngôn*, *Tĩnh thế hằng ngôn* (được gọi tắt là *Tam ngôn*), *Phách án kinh kỳ*, *Nhị khắc phách án kinh kỳ* (gọi tắt là *Nhị phách*). *Tham hoán báo*, *Thập nhị lâu*. v.v... mà còn có hẳn những tập truyện chuyên viết về đề tài công án như *Bao Công án*, *Địch Công án*. *Long Đồ công án*, v.v... Cho đến giữa đời Thanh, tiểu thuyết công án có thêm sắc thái mới, đó là hợp dòng với tiểu thuyết võ hiệp như các truyện dài ở *Bành Công án*, *Tam hiệp ngũ nghĩa*. v.v...

Sự phát triển của tiểu thuyết công án cho thấy thể loại này ngày một có địa vị đáng kể trong văn học Trung Quốc. Từ nhiều mặt của cuộc sống, tiểu

thuyết công án đã phản ánh cuộc đấu tranh giằng co quyết liệt giữa cái ác và cái thiện, giữa tội ác và pháp luật, cho thấy tội ác dù tinh vi, xảo trá đến mức nào thì cuối cùng bị pháp luật trừng trị. Ở đó, đạo đức truyền thống của phương Đông như chính nghĩa, công bằng, nhân hậu, thật thà... luôn được đề cao, song vì là truyện cổ nên không tránh khỏi ảnh hưởng của tư tưởng nhân quả báo ứng, một tư tưởng mà trong thời kỳ chính quyền bất lực trước tội ác, thường được người dân bị cái ác ức hiếp lấy làm chỗ bám víu, an ủi.

Khi đứng chung trong các tập truyện ngắn, tiểu thuyết công án thường bị chìm trong đề tài có tính chất bao trùm là phản ánh nhân tình thế thái, chỉ đến khi tách riêng chúng ra và tập hợp lại thành một bộ sách khác thì mới thấy loại truyện này viết ngày một lên tay, có cấu trúc hoàn chỉnh, nhiều tình tiết hấp dẫn được đan xen để dẫn tới nhiều khám phá bất ngờ thú vị. Trong truyện, trí xét đoán của con người dần dần được khẳng định và đề cao, dần dần đã thoát ra khỏi yếu tố nhờ quỷ thần, sức mạnh siêu nhiên giúp đỡ.

Tiểu thuyết công án Trung Quốc từ lâu đã được bạn đọc nước ta đón nhận. Ngay từ đầu thế kỷ XX, mười bộ truyện với tên gọi khác nhau về đề tài xử án của Bao Công đã được dịch sang tiếng Việt; đến nay, nếu còn những truyện khác về Bao Công chưa dịch mà được dịch tiếp thì có thể nói chắc vẫn được bạn đọc nhiều lứa tuổi ở nước ta hoan nghênh.

Dịch những truyện công án trong bộ sách này, chúng tôi muốn bạn đọc nước ta được thấy ngoài *Bao Công án* ra, tiểu thuyết công án Trung Quốc còn có nhiều truyện khác (chưa phải đã bao gồm hết) cũng ưu tú và hấp dẫn không kém. Chúng tôi bám sát lối văn tự sự của tác giả đương thời để bạn đọc nước ta còn có thể thấy lối miêu tả tỉ mỉ từng chi tiết và sự kiện trong truyện cũng từ lâu đã ảnh hưởng đến lối viết của một số nhà văn đầu thế kỷ XX ở nước ta.

Tập truyện do hai người dịch nên văn phong, chữ dùng khác nhau là điều khó tránh, song chúng tôi không định thống nhất vì mỗi truyện là một câu chuyện riêng rẽ, bạn đọc có thể tùy ý thưởng thức. Tuy đã cố gắng hết mức, nhưng nếu còn sai sót, xin bạn đọc chỉ giáo.

Các tác giả.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Tập 1 - Chương 1 (A)

Kẻ Buôn Vải Minh Oan Cho Bạn

Tên Giết Người Vợ Khó Bao Che

*Chỉ bởi hoa cười miệng mới cười.
Hoàng oanh thánh thót hót đôi hồi
Trên quầy sẵn rượu say vài chén
Thiên hạ núi sông thay đạo chơi.
Hãy mở mắt ra nhìn thế cuộc.
Giải tấm lòng ta đón sự đời.
Lắng nghe câu chuyện còn tươi rói.
Khuây khoa lòng buồn cũng phải nguôi.*

Tôi làm bữa mấy câu thơ, không phải khuyên người ta sống phóng dăng, nghe chuyện cười để sống qua ngày, mà khuyên người ta mở rộng tấm lòng, đừng gian ác, xảo trá. Không nên lúc nào cũng tất bật, vội vã, ngay bữa ăn cũng nhấp nha nhấp nhồm, đêm nằm nghĩ ngợi không yên giấc. Sao lại căng thẳng đến như thế? Vì họ không tin "tất cả là do mệnh, chỉ một chút do người". Cho nên, cả đời lầm lỡ, đến khi sắp từ già cõi đời mới biết là sai. Tôi với bạn đều là những người mắt sáng tai lành, ấy cũng là do đời trước tu nhân tích đức. Nếu biết sống yên phận, giữ mình nghe theo lời người tốt, thì nhất định không đến nỗi đói rét. Còn một số người mù lòa tàn tật, đáng thương, phần lớn là do may rủi.

Chuyện kể rằng, thời Gia Tĩnh, thành Nam Kinh, có một người mù, ban ngày xem bói, ban đêm lại đi đánh bạc. Đã ở tuổi trung niên nhưng Dương Liễu Tiên vẫn là người chưa vợ. Anh ta thường ân hận rằng, kiếp trước do mình không tu nhân tích đức nên kiếp này phải chịu nỗi mù lòa. Anh không

dám mơ tưởng tới cuộc sống giàu có, mà chỉ cam lòng sống dựa vào người cậu. Một hôm vào buổi tối, mấy người bạn kéo anh đến nhà đãi rượu, chơi tới mãi tận nửa đêm mới về. Đi được nửa chừng, ba người bạn rẽ sang lối khác, còn Liễu Tiên lọc cọc chống gậy lần đường về nhà. Anh nghĩ, hôm nay ăn quá no, đêm mình phải đánh một giấc cho đã mắt. Đang men theo đường về nhà bỗng nhiên vấp phải vật gì làm anh suýt ngã. Liễu Tiên cúi xuống sờ, thì đó là một chiếc bao. Anh ngồi lên bao đợi một lúc lâu, song vẫn không thấy tiếng người đi tới. Liễu Tiên mang chiếc bao ấy về nhà. Thằng nhỏ ra mở cửa, trời tối quáng mắt, nó chẳng nhìn thấy Liễu Tiên cầm gì. Đặt chiếc bao lên giường, Liễu Tiên cũng cởi áo đi ngủ luôn. Đến canh năm Liễu Tiên trở dậy lấy chiếc áo xanh bọc lấy bao, dùng dây buộc lại, rồi vội vàng mang ra khỏi nhà. Liễu Tiên rờ rẫm đi đến chỗ cũ, đặt bao xuống. Lúc ấy trời vẫn chưa sáng. Liễu Tiên ngồi lên chiếc bao không rời nửa bước.

Lát sau trời sáng dần, người qua lại mỗi lúc một đông. Liễu Tiên nghe thấy có tiếng kêu than: "Hôm qua, lúc chập choạng tối, tôi cùng đứa con trai mười tuổi tới đây thì trời tối mịt tôi muốn đi tiểu tiện nên bảo nó ngồi lên bao, khi nào cha đi xong thì mang bao cho cha. Ai ngờ khi đi xong tôi bảo nó: Bụng đói rồi, hãy mau mau tới cửa hàng ăn cơm. Tôi đi trước, nó đứng lên theo sau. Trời tối mịt, vì sợ lạc, nên nó vội bám theo tôi. Thấy nói đến cơm, bụng lại đói nên nó quên khuấy mất bao. Tôi cũng lú lẫn chẳng nhắc nó một câu. Mãi đến khi tới cửa hàng ăn, mới biết nó để quên, thế là mất. Tôi đánh nó. Chủ nhà khuyên tôi: ‘Đường sá Nam Kinh người đi kẻ lại nườm nượp suốt ngày đêm, chẳng may mất rồi, đánh nó cũng chẳng tìm lại được. Hãy đợi đến sáng mai ra đường kêu, may ra có người nào nhặt được thì chia cho họ một nửa, hoặc nhờ trời gặp được người tốt thì chưa biết chừng họ sẽ trả lại hết cũng nên. Trong bao của tôi có mười bảy lạng bạc, ba tấm lụa lụa vừa vải và một gói đồ trang sức. Vì con gái sắp đi lấy chồng, tôi phải vào thành mua sắm cho nó. Đây là số tiền mới bán ruộng, nay mất sạch, lại cận ngày cưới, tôi biết làm sao bây giờ’. Rồi ông kêu khóc thảm thiết. Người đi đường, kẻ nói thế này, người nói thế khác cứ ầm

ĩ cả lên. Dương Liễu Tiên ngồi trên chiếc bao nghe thấy hết, rồi khẽ nói với một người bên cạnh rằng:

- Anh bảo ông ta, hãy đến đây tôi đoán giúp. Tôi không lấy tiền đâu.

Người ấy vội chạy tới nói với Liễu Tiên rằng mình gặp nạn. Dương Liễu Tiên bảo mọi người lui ra, ghé vào tai người ấy nói mấy câu, rồi cầm chiếc bao đứng dậy. Người nhà quê kia theo ông về nhà. Liễu Tiên nói:

- Ông ạ, bao của ông ở trong này, vừa rồi tôi không tiện trả ông, sợ người ở đây nhìn thấy, nếu kẻ xấu hiểu sự, mở ra xem tất sẽ lấy cắp. Tuy tôi không cần trả ơn, nhưng những người ấy sẽ hạch sách, đòi trả công, rất phiền toái. Tôi có nhĩ ý bảo ông đến nhà trả lại, ông hãy để chiếc áo xanh lại cho tôi rồi mang bao về.

Người nhà quê ấy vội giở chiếc bao ra, thấy tất cả vẫn còn nguyên vẹn, cầm bao cười hể hả, nói:

- Quả là trời có mắt, nên tôi gặp được người tốt bụng, sau này biết lấy gì đền đáp.

Ông rồi rút cảm ơn, rồi ra về.

Vẫn như mọi ngày, Liễu Tiên rửa mặt, khăn áo chỉnh tề, ra cửa hàng, ngồi trang nghiêm chờ khách tới xem bói. Liễu Tiên cần mẫn hành nghề, cuộc sống cũng tạm đủ. Một hôm có người ăn mày đến cửa hàng kêu với ông rằng:

- Ông ơi! Hãy nhón tay làm phúc, cho tôi đồng tiền bát gạo.

Liễu Tiên đưa cho người ăn mày ba đồng.

- Ông ơi! - Người ăn mày nói. - ông có biết, nếu thiên hạ có không thanh(1) thì chẳng còn ai mù nữa không?

- Làm gì mà có nhiều không thanh đến thế. - Liễu Tiên nói.

(1) Không thanh: tên khoáng vật, sản xuất tại hang núi ích Châu, nơi có mỏ đồng, giống quả dương mai màu xanh, bên trong rỗng, chứa một loại dung dịch chữa mắt rất hiệu nghiệm.

- Đúng, đúng lắm! - Người ăn mày cười ha hả nói. - Ta nghe nói ông là người đức hạnh, hôm nay ta có ý định đến cứu ông hãy lại đây ta bảo.

Người ăn mày ghé sát vào tai Liễu Tiên nói mấy câu, rồi đưa cho ông một hạt không thanh và một bộ sách thuốc, nói:

- Tôi là Y Đầu Xù.

Rồi nhẹ nhàng cất bước ra đi.

Ngày hôm sau Liễu Tiên khăn áo chỉnh tề, hướng lên trời cao cầu khẩn, tra nước không thanh vào mắt. Như lột một lớp da, mắt tự nhiên bừng sáng. Liễu Tiên mù từ lúc lên ba, nay lại nhìn thấy, nói sao xiết, như một vị tiên, mang cuốn sách thuốc đi cứu giúp người đời...

Các bạn thân mến, trong thiên hạ, dù là người sáng hay mù, nếu làm ăn lương thiện thì pháp luật không bao giờ động đến. Song, có một tiên sinh mù thông minh, linh hoạt, có chí khí lại để tiếng xấu muôn đời, làm bia miệng thế gian, ai nghe thấy cũng phải rùng mình run sợ. Hẳn ta người huyện Hải Ninh, phủ Hằng Châu, năm lên sáu tuổi bị đậu mùa, hai mắt mọc hai chiếc mụn, khi mụn khỏi thì hai mắt không còn nhìn thấy. Lúc nhỏ thường gọi là A Mỗ, sau học được nghề xem bói, rồi dọn đến thành Gia Hưng mở cửa hàng, đặt tên hiệu là Lý Tâm Sở. Tuy mù nhưng Lý Tâm Sở lại biết đánh bài mạt chược, cờ tướng. Khi chơi cờ, thường thì ai cũng phải chịu thua, nếu ai dám coi thường hắn, thì người đó quả là liều lĩnh. Lý Tâm Sở không những bắt người đó phải xin lỗi và bồi thường danh dự, mà còn đến tận nhà xé rách quần áo, cắn nát ngón tay. Về sau không ai dám chơi với hắn. Đến năm ba mươi tuổi, Lý Tâm Sở tích góp được hai ba chục lượng bạc, lấy một người góa chồng và nuôi thành ở tên là A Long. Lý Tâm Sở là người xảo trá bạc ác, có vợ hắn như hổ mọc thêm cánh. Những người láng giềng qua lại, hắn không cho phép bất cứ ai nói tới chữ "mù", nếu ai đó lỡ mồm thì hắn chửi cho tàn tệ, đến những kẻ hàng tôm, cá cũng đành chịu thua. Vô phúc có ai cất gánh lên còn lâu bầu chửi "lão mù độc ác" thì hắn đuổi theo đánh không tiếc tay. Những người qua đường thấy thế xúm lại khuyên can, nhưng khi thấy hắn xử sự như thế thì họ đều khinh bỉ bỏ đi. Cứ thế trong nhiều năm, sự độc ác của hắn không sao kể xiết. Đúng là, người không mù mà độc ác cũng có, song chưa thấy người nào mù mà độc ác như hắn.

Gã mù này đã gây ra cái chết oan khuất cho một người ở huyện Bình Hồ, tên là Ngụy Ngọc Phủ. Anh ta có vợ luôn ốm đau là Giang Thị và một đứa con trai lên bốn tuổi tên là Quan Thọ. Tuy là người buôn vải, song Ngọc Phủ cũng là kẻ chẳng ra gì. Một hôm mới canh năm anh ta đã trở dậy, đến phủ Gia Hưng kiện một người họ Trương là chủ hàng của anh ta để kiếm một món tiền. Hôm ấy cơm nước xong, trời vẫn còn tối, vừa bước ra cửa đã vấp ngã, nhưng anh ta không thấy đau, lồm cồm ngồi dậy, ra bến thuê thuyền đến huyện lỵ, trong lòng thắc thỏm lo sợ, không biết có lừa được người chủ này không. Tới huyện lỵ, anh ta mãi miết đi. Từ xa có một tấm biển: "Lý Tâm Sở xem bói, biết được tiền vận, hậu vận", bên cạnh có đề hai dòng chữ nhỏ: "Lòng thành xem họa phúc, phải thực sự báo đền". Vừa tới cửa, anh ta sửa lại quần áo nhìn vào thấy:

Khói hương nghi ngút, nước thái tàn nhang.

Thần tượng oai nghiêm, dát vàng rực rỡ.

Mấy chiếc chõng tre, bút nghiên bày sẵn.

Giấy thơ mấy bút, đoán thật đúng thay.

Trên bài vị thờ Chu Văn, Khổng Tử.

Dưới bàn nước, ghi năm tháng ngày giờ.

Tiên sinh mù, ngồi trang nghiêm cung kính.

Tiếp đãi khách hàng, dáng bề vệ oai nghiêm.

Cửa hàng Lý Tâm Sở, từ sáng sớm đã được quét dọn lau chùi sạch sẽ, chậu rửa tay đầy ắp nước trong. Trời thu mát mẻ, Tâm Sở mặc áo dài thâm mới cứng, đầu đội khăn vấn hình mỏ quạ. Hai mắt như hai con ốc nhồi lộn lên đảo xuống, vênh tai nghe ngóng. Khách vào, hẩn nịnh nọt một hồi, rồi mời khách xem bói. Nếu có người hỏi về bệnh tật, thì hẩn bảo cúng bái các vì sao, lễ thổ thần, chiêm trống chập cheng, dặn dò thí chủ ầm ĩ một hồi. Ngẫm nghĩ trên trời dưới đất, tránh sao khỏi việc chẳng lành. Cổ nhân từng nói:

*Dục vọng ở đời,
Khiến lòng rối loạn.
Người không có mắt,
Sáng sáng chiều chiều,
Tối đen như mực.
Mắt chẳng thấy gì.
Lòng nghĩ lung tung.
Ta chẳng lạ lòng.*

Chỉ cần nghĩ một chút, ta thấy ngay Lý Tâm Sở là người không ngay thẳng, hẳn nghĩ sao được điều đúng đắn. Xem bói xong lại đánh bạc, thì chẳng vị thần nào dám vào cửa nhà hẳn.

Ngọc Phủ bước vào, đứng như chôn chân trước cửa, đã vào thì không ra được, hẳn nghĩ: "Nếu xem bói thì nên hỏi việc gì cho đúng với ý định của mình". Rồi anh ta mạnh dạn bước vào nói:

- Xin nhờ tiên sinh xem cho một quẻ.

Ngọc Phủ rút ra một lá sớ, rì rầm khấn: "Họ Ngọc lòng thành dâng nhang đăng, kêu cầu một việc đó là: Vốn ta rất căm tức gã chủ họ X. nên hôm nay lên huyện kiện lão. Lão là người trung hậu nhưng vô dụng. Sau này, quan đòi gã tới xử, ta sẽ được rất nhiều tiền của. Xin thần cho một quẻ". Ngọc Phủ khấn xong rồi vái lạy, chuyển lá sớ cho Tâm Sở. Tâm Sở cầm lấy hỏi họ tên, khấn một hồi, lắc lắc ống thẻ rồi gieo quẻ ba lần, được quẻ Nội. Sau đó lại lắc, gieo một lần nữa mới xong đó chính là quẻ *Trạch thủy khốn*, rồi nói:

- Xin ông anh ngồi xuống để nghe tôi nói. Đây là quẻ *Trạch thủy khốn*. Có làm việc gì tốt không?

- Đòi chủ được nhiều tiền của, - Ngọc Phủ nói, - không biết có được không? Tiên sinh cứ nói thẳng.

- Quẻ này rất tốt. - Lý Tâm Sở nói. - Tên là quẻ Khốn, người cầu tài không phải vất vả, ở nhà cũng có người đưa của đến. Vả lại hào thứ sáu động lung tung, ấy là điềm báo tiền của chảy vào nhà như nước. Hôm nay là ngày

Trần Huyền Vũ trông coi, giờ Thất Sát, Hoàng Phan canh giữ, lại có báo đuôi kéo thương, có rắn biết bay bày binh bố trận. Những loài đó sẽ đuổi hết tiền tài đến với ngài. Nhìn kĩ lại thấy sao Bắc Đẩu lấp đường, ngũ quỷ phá cầu, cóc nhái bò đầy đường. Những vị thần hung tợn nhỏ máu xin chúc mừng ngài tiền của đến như nước chảy.

Ngụy Ngọc Phủ là một kẻ tham tài lại ngu muội, sao biết được nghĩa lí trong Kinh Dịch. Nghe Lý Tâm Sở nói, Ngụy Ngọc Phủ cười tít mắt, tưởng mình đang ngồi trên đồng của. Ngụy Ngọc Phủ rút ra một gói bạc, nhón lấy bảy tám đồng gói vào giấy đưa cho tiên sinh, gọi là chút thù lao, rồi cúi đầu đi ngay. Hắn ta nghĩ: "Nếu lần này thắng kiện, được bạc, ta sẽ tậu ruộng vườn, lợn, cừu và ba cô gái đẹp để nâng khăn sửa túi".

Nhận được gói bạc của Ngụy Ngọc Phủ, Lý Tâm Sở sờ sờ nắn nắn, hẳn sung sướng vứt ngay giấy cho tiền vào mồm nếm, biết là bạc tốt, hẳn gọi ngay A Long tới bảo:

- A Long, mày hãy đuổi theo người vừa xem bói, bảo hắn quay lại ngay, tiên sinh còn có điều muốn nói thêm.

A Long, người tai mắt của Tâm Sở, kẻ ra người vào nó đều để ý. Thường là khi gặp phải bạc xấu hoặc giả cần phải đổi, nó đều đuổi theo như thế. Ngụy Ngọc Phủ vừa đi khỏi quán được mấy bước thì A Long túm áo, nói:

- Xin ngài quay lại, tiên sinh còn điều gì quan trọng muốn nói với ngài.

Thấy thế Ngọc Phủ vui mừng quay lại ngay. Lý Tâm Sở đã bàn trước với vợ. Quả là:

*Không thực thi kế sâu vạn trượng
Sao bắt được rồng ngậm ngọc châu.*

Ngụy Ngọc Phủ theo A Long quay lại, vừa tới cửa, Tâm Sở bước ra nói:

- Ngài Ngụy quay lại rồi đấy ư? Quê của ngài có mười hai phần tài lộc, tiểu đệ xin chúc mừng. Lần này gia đình ngài giàu có phát tài gấp bội. Đây là cuộc đổi đời, chẳng khác nào thay đổi xương cốt, thịt da. Tiểu đệ học được

cách xem tướng, vì khách đông nên không dám xem, chỉ xem bói mà thôi. Nay gặp ngài, thuộc tướng giàu có nên tôi quyết định xem cho ngài thật kĩ. Ngài yên tâm, tôi không lấy tiền đâu, sau này giàu có, lúc đó ngài đến tạ ơn tôi là được.

Ngụy Ngọc Phủ đầu óc ngu tối, mê muội, tưởng mình sẽ thành ông chủ giàu có thật, đưa tay cho Tâm Sở xem. Tâm Sở nói:

- Nơi này người xem bói thường lui tới đông. Tôi sẽ tiếp ngài tại phòng nhỏ phía sau, ở đó tôi sẽ xem cho ông tỉ mỉ kĩ càng hơn.

A Long đã mở sẵn cửa ngách. Tâm Sở mời Ngọc Phủ đi trước rồi thông thả bước theo sau. Cũng lúc đó vợ hăn bảo A Long đóng cổng, hạ biển, chỉ để Ngụy Ngọc Phủ và Lý Tâm Sở ở phòng trong. Lão mù đứng, Ngọc Phủ ngồi, hai người quay mặt vào nhau. Tâm Sở nói:

- Phải sờ thì mới biết được.

Lý Tâm Sở vòng ra sau, sờ vào sống lưng, bên hông, thấy chiếc túi cộm cộm bên trong. Lý Tâm Sở lại sờ lên đầu và mặt, vừa sờ vừa nói, tốt, tốt lắm, rồi lại bảo Ngọc Phủ ngẩng đầu lên. Ngọc Phủ ngẩng đầu. Lý Tâm Sở sờ vào yết hầu, ngửi ngửi. Mùi hôi từ người Ngọc Phủ thộc vào mũi gã. Gã mù đột ngột cúi đầu ngoạm chặt lấy yết hầu Ngọc Phủ. Lão Ngụy đau quá không sao chịu nổi, giằng ra, vợ gã mù lèn vào trói tay Ngụy Ngọc Phủ. Gã mù cắn vào yết hầu quá mạnh, ngập cả hàm răng như cắn vào đu đủ, đứt một miếng to bằng quả đào, nhổ toẹt xuống đất như một chiếc tổ ong đầm máu. Ngọc Phủ ngất xỉu ngã vật xuống, cổ hầu máu tuôn ra như suối. Chân tay run lấy bầy không kêu lên được nữa. Chưa đầy nửa giờ, Ngọc Phủ không giãy giụa được nữa rồi chết hăn. Đúng là:

Kiếp trước từng gây nên oan nghiệp.

Kiếp này lại gặp kẻ gian manh.

Ngụy Ngọc Phủ chết, hai vợ chồng gã mù vội vã bảo A Long đóng cổng thật chặt, lột quần áo, lấy hết của cải. Tâm Sở loạng quạng cầm cuốc, đào vội chiếc hố, chôn đất tống sau nhà. A Long và Trâu Thịch cũng cùng hăn ra

sức đào, được hơn hai giờ thì hố sâu khoảng ba thước, chúng hất Ngọc Phủ xuống hố rồi lấp đất. Ba đứa vẫn cười nói như thường, không chút sợ hãi, hình như từ lâu chúng đã quen với ngón nghề này. Gã mù sờ vào gói bạc, mỉm cười, còn vợ hăn dọn sạch những vết máu trên đất. Suốt ngày hôm đó chúng không mở cửa hàng, đến tối ba đứa ăn uống phè phỡn, rồi cười ha hả với nhau. Hôm sau Lý Tâm Sở lại mở cửa hàng như thường lệ. Ngày thứ ba chúng không mở cửa hàng, lại mua thịt cá về ăn uống. Cứ như thế đến nửa tháng, không ai hay biết.

Thương thay, vợ Ngọc Phủ, là sản phụ, lại mắc bệnh bại liệt chỉ ăn mà không làm được việc gì. Con trai mới lên bốn tuổi, còn thơ dại. Mẹ con ở nhà mong ngóng, nghĩ: "Đã bỏ đi đâu lâu ngày như thế, không thiết đến nhà cửa, chắc rằng không về nữa". Chỉ có một người gọi là Lão Tô, đã hơn bảy mươi tuổi, hằng ngày đến bế đứa trẻ đi lang thang khắp nơi, hỏi han tin tức Nhà vốn thu mua vải vụn, ngày ngày có người mang đến bán, song những người đó đều không hay biết gì về Ngọc Phủ. Vợ Ngọc Phủ mòn mỏi ngóng đợi tin chồng, cảnh ngộ thật là thê lương.

*Ai ngờ đâu đồng xương Vô Định,
Vẫn còn trong mộng gái phòng khuê.*

Các bạn thử nghĩ xem, sự việc độc ác ấy bao giờ mới đưa ra ánh sáng, nỗi oan ấy bao giờ mới được báo thù. Cổ nhân có câu:

*Chủ định trồng hoa, hoa không mọc
Chẳng màng cấy liễu, liễu xanh tươi.*

May mà trước đây Ngụy Ngọc Phủ kết nghĩa anh em với Phó Tứ Quan, anh cũng là người thu mua vải vụn, vì tuổi ít hơn nên làm em. Một hôm anh mang bốn năm mươi tấm vải đến thành Gia Hưng bán. Đi khắp thành mà chỉ bán được sáu bảy tấm. Vừa tắt tả đi qua cửa hàng Lý Tâm Sở thì thấy một người đàn bà xinh đẹp, đậm đà, ăn mặc gọn gàng, gọi mua vải. Phó Tứ Quan đưa vải tới, người đàn bà xem xong mua năm tấm. Phó Tứ Quan đòi

lạng rưỡi bạc. Người ấy trả một lạng hai năm. Phó Tứ Quan nói:

- Cứ cân bạc xem đã, nếu là bạc hoa thì thiếu chút ít cũng được.

Người đàn bà quay vào cân bạc, rồi đưa ra, nói:

- Đây toàn là bạc hoa.

Phó Tứ Quan vốn là người thông minh, xem bạc xong, anh ta chợt dạ: “Kỳ lạ thật, tại sao số bạc này lại ở đây?”, rồi đòi trả thêm mới bán. Khi ra khỏi cửa, anh nhìn đi nhìn lại tấm biển, suốt dọc đường cứ nghĩ miên man: “Số bạc hoa này là tiền vải của lão Ngánh họ Chu trả cho Ngụ Ngọc Phủ. Nửa tháng trước đây chính tay anh cân, nặng chín hoa bảy li rưỡi. Xem đi xem lại, rồi cân thử, thì thấy không sai một li. Sao số bạc ấy lại ở cửa hàng gã xem bói này?”. Câu hỏi ấy cứ bám riết lấy anh: “Nếu như không chi dùng ở đây, thì vì sao người đàn bà này lại có số bạc đó”. Mấy người này Ngụ Phủ cũng không hề quen biết, đi đã hơn nửa tháng nay vẫn chưa về, mọi người đều mong mỏi. Hôm kia ta đến nhà trọ hỏi, Ngụ Phủ không hề tới đây. Thăm dò trong dinh quan huyện cũng không thấy Ngụ Phủ đệ đơn kiện. Quả là trong đó có duyên cớ gì đây! Anh đặt bao vải xuống, lấy bạc ra xem đi xem lại, rồi cân thử một lần nữa, đưa quả cân tới chỗ chín hoa bảy li rưỡi, cán cân ngang bằng như mặt nước. Điều ấy khiến Phó Tứ Quan càng thêm nghi ngờ.

Mấy hôm sau bán hết vải, trở về Bình Hồ, Phó Tứ Quan tới ngay nhà Ngụ Ngọc Phủ. Thấy vợ Ngụ Ngọc Phủ khóc than thảm thiết, còn đứa con trai cũng rầu rĩ. Anh nói:

- Đã lâu rồi mà anh Ngụ Ngọc Phủ vẫn chưa về. Tôi đã đến huyện hỏi dò, không thấy anh đưa đơn kiện, lại đến nhà trọ người ta bảo anh ấy không tới đây. Anh cũng không nói là đi đâu xa, chắc là anh đã mang số bạc mua vải của lão Ngánh họ Chu đến xem bói ở phủ lệ. Tôi đã bán vải cho nhà ấy, chính tay tôi cân bạc. Số bạc đó y như bạc lão Ngánh trả, không sai một li. Tôi thấy rất đáng nghi, nên không dùng số bạc đó mua hàng. Nếu không dò hỏi được tung tích của anh, tôi sẽ đem số bạc này đến huyện cáo giác. Quan huyện sẽ phải hỏi lão thầy bói, thì chắc chắn sẽ biết được. Chừng nào anh ấy chưa về thì vẫn phải tiếp tục điều tra, nhất định sẽ tìm thấy!

Vợ Ngọc Phủ đau đớn, ghen ngào nói:

- Chú nói có lí. Tôi ngày đêm lo lắng, nhưng cũng chẳng biết làm gì, con thì còn nhỏ, tôi lại đau ốm, không ai lên huyện lo việc, tôi biết làm thế nào đây?

Phó Tứ Quan nói:

- Tôi đi làm chứng, còn chị hãy bảo lão Tô bế cháu Thợ đem số bạc đệ lên huyện cáo giác, việc này phải làm cho ra nhẽ.

- Không có người làm đơn kiện thì làm sao đây? - Vợ Ngọc Phủ nói.

- Tôi sẽ đi mua giấy, - Phó Tứ Quan nói. - Cứ viết thẳng ra là được.

Phó Tứ Quan vội vàng đi mua giấy về, viết:

"Người làm đơn này là Ngọc Quan Thợ. Thừa về việc tìm cha. Cha tôi vào thành buôn bán đã hai mươi ngày rồi mà không thấy về. Tôi biết cha tôi đã mang bạc tới xem bói nhà Lý Tâm Sở. Vì cha tôi có người chú kết nghĩa anh em tên là Phó Tứ Quan đã bán vải cho nhà ông ta, và phát hiện ra số bạc người ta mua vải là của cha tôi. Nay đem số bạc trình lên ngài, khẩn thiết xin ngài điều tra tận gốc số bạc ấy từ đâu ra, lúc đó sẽ biết được cha tôi ở đâu. Mẹ con tôi vô cùng cực khổ. Xin dâng đơn lên ngài".

Phó Tứ Quan đưa lá đơn không hợp quy cách, chỗ thì viết chân phương, chỗ thì viết ngoáy, cho vợ Ngọc Phủ, rồi nói:

- Sáng sớm mai, chị bảo lão Tô bế Quan Thợ, cùng đi cáo giác, còn số bạc này hãy để ở nhà chị.

Sáng sớm hôm sau, Phó Tứ Quan đến, cùng lão Tô công Quan Thợ, mang số bạc tới huyện Bình Hồ. Quan huyện Thẩm Dao Chương là quan thanh liêm chính trực. Ông khoảng ba mươi tuổi, người phủ Quỳnh Châu, Quảng Đông. Cha ông là một ông đồ, tuổi cao mới sinh được mình ông. Ngay từ khi còn nhỏ, Thẩm Dao Chương sống trong cảnh khổ cực, nghèo túng, nếm đủ mùi cay đắng, nên khi được làm quan ông luôn theo lời răn dạy của cha, làm tốt mọi công việc, xét xử công bằng, thưởng phạt nghiêm minh. Chính vì thế mà bọn nha lại rất sợ, không dám làm bậy, còn nhân dân coi ông như một vị Thành Hoàng. Hôm ấy, công đường vừa mở, Phó Tứ Quan, lão Tô bế Quan Thợ theo đám đông vào cáo giác. Vị Thành Hoàng nhận tất cả đơn từ xem xét tỉ mỉ từng lá một, và phê những ý kiến vào đó. Xem đến lá đơn

của Ngụy Quan Thọ, ông gật gật đầu cười rồi phê vào hai chữ "truy nã". Đến trưa thì ông xem xong tám mươi lá đơn, trong đó có đơn của Ngụy Quan Thọ. Hôm ấy chỉ có ba lá đơn tố giác, ông lần lượt gọi vào xét hỏi. Đến Ngụy Quan Thọ, thấy lão Tô bế Quan Thọ vào, miệng chỉ nói "bác bác", đáng vẻ sợ hãi đáng thương. Sau đó ông gọi Phó Tứ Quan lại hỏi:

- Số bạc này người lấy ở đâu ra?

Phó Tứ Quan khai rõ ràng, từ đầu tới cuối. Hỏi xong lần sơ thẩm về ba vụ án, ông kết thúc phiên tòa.

Thẩm Công trở về tư dinh hỏi người hầu rằng:

- Ta cần sai một người giáp thủ(1) thật thà chất phác, làm tốt công việc này, người có thể cử giúp ta được không?

(1) Giáp thủ: người đứng đầu năm binh sĩ.

Người hầu không dám làm bậy, nghĩ ngay tới Tào Thằng, là người thật thà chất phác, không bao giờ dám nhận tiền đút lót để ăn uống rượu chè, rồi nói với Thẩm Công:

- Chỉ Tào Thằng mới làm được việc này.

Thẩm Công viết một tờ trát, sai Tào Thằng mang đi và dặn rằng:

- Người hãy đi, nói với Lý Tâm Sở, người hành nghề thầy bói trong huyện, rằng chiều mai ta có việc phải hỏi ông ta, không được nói một câu nào khác, không được đòi ăn uống, nếu hăn tới ta sẽ thưởng cho bữa rượu.

Tào Thằng lĩnh trát, cúi chào rồi đi ngay.

Vào khoảng canh năm, Tào Thằng tới phủ lỵ, hỏi đến nhà Lý Tâm Sở, ôn tồn lễ phép đưa trát cho ông ta. Lý Tâm Sở rờ rờ tờ trát, chẳng chút kinh sợ, nói:

- Gọi ta về việc gì thế?

- Tôi không biết, - Tào Thằng nói. - Chưa biết chừng muốn nhờ ông tới xem bói cũng nên. Phải lập tức đi ngay, tiên sinh không nên chần chừ.

- Thưa ông, - Tâm Sở nói, - ông có biết trong huyện đường của ngài có ai sao không?

- Tôi cũng không biết nữa, - Tào Thằng nói. - Tiên sinh cứ đi hỏi ngài sẽ biết.

- Ông hãy ngồi nán lại, - Lý Tâm Sở nói. - Uống một chén rượu đã.

- Tôi không dám uống rượu, lấy tiền của ông. - Tào Thằng nói. - Không còn thời gian nữa, xin ông lên đường ngay.

Tâm Sở đành vào nhà trong, ăn vội bát cơm, giặt theo mấy lạng bạc. Sợ lên huyện Bình Hồ phải xem bói, nên ông ta mang theo cả ống thẻ. Ra tới cửa ông ta còn quay lại nói với vợ:

- Tôi đi rồi sẽ về ngay thôi.

Hai người ra khỏi cửa, ra bến sông gọi thuyền tới huyện Bình Hồ.

Tào Thằng dẫn Tâm Sở đến tư dinh hầu quan. Trời sắp tối thấy trong tư dinh đèn nến sáng choang. Thấm Công đang ngồi trên ghế công đường, hỏi:

- Tào Thằng, hãy dẫn hản vào.

Tào Thằng dẫn lão mù vào. Thấm Công lấy từ trong tay áo ra một gói giấy, rồi nói:

- Tào Thằng, người làm việc công thận trọng, ta thưởng cho năm đồng mua rượu.

Tào Thằng cúi đầu cảm ơn, rồi ra ngoài đang đợi. Lão mù quỳ trước bàn. Thấm Công hỏi:

- Lý Tâm Sở, người là một tên mù, làm được việc tốt! Chỉ thưởng thằng bé nhỏ dại ấy.

Nói xong ông giận dữ đập bàn. Gã mù kinh sợ nói:

- Thưa ngài, không liên can gì đến con, thằng nhỏ ấy vốn là một thằng trộm cắp, việc đã xảy ra ra lâu rồi, ngài hỏi con làm gì?

- Hãy khai lại từ đầu, một thằng bé khờ dại như thế thì trộm cắp sao được?

- Thưa ngài, - lão mù nói, - nó lấy trộm đồ trang sức bằng bạc, quần áo và các đồ đồng của nhà chủ, nó vốn không phải là người tốt, nên lần này con phải đuổi nó đi.

- Người đuổi nó đi từ bao giờ?

Tháng tư năm ngoái, - lão mù nói, - thằng nhỏ ấy lấy trộm rất nhiều đồ vật gửi ở nhà con, rồi sau đó đến lấy đi. Vợ con trách mắng nó, lừa nó vào cửa, đánh nó một trận ngã dúi xuống, rồi dùng dây thắt cổ cho đến chết. Quả thực mắt con mù, việc làm ấy đều do vợ con gây ra.

- Thế là mất một mạng người, - Thấm Công nói. - Thằng nhỏ ấy là con ai?

Tên gì?

- Thằng nhỏ ấy tên là Ô Tam, - gã mù nói. - Con ông gù Từ Lang Trung.

- Xác chết hiện ở đâu? - Thăm Công hỏi.

- Ở sân sau, - gã mù nói.

- Hãy kẹp nó cho ta, - Thăm Công nói.

Những người xung quanh lập tức kẹp ngay cái ấy của tên vô lại rồi hỏi tỉ mỉ. Gã tù nhân mù độc ác như hổ, chuyên hãm hại người tại nhà, đâu có biết phép vua như lò lửa, và sự ghê gớm của cửa quan, nên đến nay mới ra nông nỗi này, quả đúng là:

Phạm pháp mất hết quyền

Vận đen thi nhau đến.

Tên mù Lý Tâm Sở bị kẹp, hồn bay phách lạc, trời đất tối sầm lại. Từ thuở cha sinh mẹ đẻ chưa từng nếm mùi vị này, ngất đi lại tỉnh. Thăm Công không giận dữ, không nóng vội, ông thông thả hỏi:

- Số bạc của người khách họ Ngụy, người dùng cũng khá đấy, đến nay thì nó đang ở chỗ ta, hãy trả lại người ấy cho ta!

- Thưa ngài, thưa ngài! - Gã tù nhân mù nói, - xác của người khách họ Ngụy cũng chôn tại chỗ Ô Tam.

- Người tham của giết người, - Thăm Công lại hỏi, - phải khai rõ từ đầu đến cuối, ta sẽ tha chết cho người.

- Ngày mười chín tháng tám, - tên mù nói, - ông ấy đến xem bói, và trả công rất hậu. Con bèn bàn với vợ, vợ con nói: "Không thể buông tha được, vì ông ấy là người buôn bán giàu có. Phải gọi ông ấy lại giết đi, lấy bạc". Con quả thực đáng tội chết. Con không biết giết người. Vợ con không biết dùng dao, giả vờ xem tướng, rồi nhè chỗ yết hầu cắn, làm ông ấy không kêu được. Con nói với vợ con, nếu làm không được con sẽ đến giúp và còn nói, nếu cổ cắn không chặt, tôi sẽ đánh như đòn. Người xưa nói "mèo mù vồ gà, chết cũng không buông", con dạn đi dạn lại vợ con mới dám ra tay. Chỉ lấy được tám chín lạng bạc, một bộ quần áo. Cầu mong ngài ra ân trời bể, tha cho chiếc thân tàn tật này, chỉ bắt vợ con và thằng A Long đền mạng.

- Người là một tên độc ác, mất hết tính người. - Thăm Công nói.

Sau đó ông gọi tay chân đánh cho bốn mươi tay thước. Gã mù quần quai đau đớn, khóc không thành tiếng. Thấm Công gọi người tổng hãn vào ngục, rồi ông viết trát, sai Tào Thăng ngày mai tới bắt Trâu Thị và A Long về xét xử, định tội. Tào Thăng nhận lệnh, Thấm Công rời khỏi công đường.

Ngày hôm sau, Tào Thăng dậy từ canh năm tới nhà lão mù, hỏi:

- Có người trong nhà không?
- Ông Tào đây à, - người đàn bà cười hi hí nói, - ông nhà tôi bao giờ về?
- Chưa được về! - Tào Thăng nói. - Ngài quan huyện cho gọi người và A Long tới huyện.
- Tiên sinh biết xem bói thì quan mới gọi. Còn chúng tôi biết gì đâu mà quan gọi. - Người đàn bà nói.
- Hãy chuẩn bị lên huyện ngay.
- Thật sao? - Người đàn bà nói.
- Không thật thì đùa à? - Tào Thăng nói. - A Long đâu, phải đi cả hai người.

Người đàn bà vẫn cứ đứng đó. Tào Thăng lại nói:

- Ngài quan huyện gọi cả hai người. Chồng người có việc cần bàn, không có thời gian về, đang mong mỏi các người. Không được trì hoãn, nếu chậm sẽ liên lụy đến ta.

Người đàn bà nghe thấy nói có việc cần kíp, lúc ấy mới sắp cơm cho Tào Thăng ăn. Còn mình và A Long cũng ăn vội mấy bát, rồi chải đầu rửa mặt, mặc áo, mang theo bạc và tiền đồng. Nói khó với hai nhà bên:

- Nhờ ông bà trông nhà giúp, nếu ông ngoại tôi có đến thì nói giúp rằng, chúng tôi lên huyện Bình Hồ.

Sau đó khóa cửa, mặc chiếc áo xanh lên đường. Một người đàn ông lớn tuổi thốt lên:

Khuôn mặt xinh tươi

Mắt sáng long lanh

Tai to mũi nhọn

Lưỡng quyền nhô cao

Mi mắt cũng cao.

Người đàn bà này nói năng hoạt bát, vừa đi vừa nói luôn mồm. Tào Thăng

chẳng nói chẳng rằng, đi một mạch đến Bình Hồ. Tới huyện đường, Tào Thằng vào thưa với Thẩm Công rằng:

- Vợ Lý Tâm Sở và A Long đã tới.

Thẩm Công ra lệnh tổng giam, ngày mai xét hỏi.

Gã mù giam tại phòng giam nam, còn vợ giam tại phòng giam nữ, chúng không hề biết gì về nhau. Trong ngục, người đàn bà nghĩ, không biết đã xảy ra chuyện gì. Không có kẻ thù, lại chẳng thấy ai nói gì cả. Chưa biết chừng do bói sai mà nên cơ sự này. Hay là chồng mình bị liên lụy, hoặc do cậu mình mà xảy ra việc này. Trong nhà có hai việc, song chẳng ai nói ra. Suốt đêm lo lắng, trăn trở, nước mắt rơi lã chã. Đó chẳng phải là:

Nhà tù lạnh lẽo, ma quỷ hiện,
Mơ thấy đường về thăm thăm xa.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 1 (B)

Kẻ Buôn Vải Minh Oan Cho Bạn

Tên Giết Người Vợ Khó Bao Che

Giữa lúc người đàn bà đang lo lắng, bỗng thấy có người điệu lên xét hỏi. Mấy hôm trong tù, lão mù như một con chó, mặt tái nhợt cắt không còn giọt máu. Người đàn bà thấy dữ nhiều lành ít không dám nói thẳng với chồng, nước mắt lưng tròng. Liếc nhìn người quỳ cạnh mình, nhận ra Phó Tứ Quan, người bán vải dạo nọ, thị giật mình, nhưng vẫn không biết duyên cớ gì. Chẳng lẽ số vải ấy là do hắn ăn cắp bán cho mình, bây giờ lại kiện vì bán rẻ chăng? Thìnhhĩ bụng: "Thôi cứ để nhìn thấy vải hãy hay".

Thẩm Công nói:

- Mụ kia, hãy khai rõ từ khi lớn lên và đi lấy chồng tới nay.
- Con là Trâu Thị, - người đàn bà nói, - chồng trước chết, sau đó về làm dâu nhà họ Lý.
- Người chủ mưu giết người, - Thẩm Công nói, - hãy khai ngay, bạc mua vải hãy còn đây.

Người đàn bà ấp úng, nói quanh co. Thẩm Công gọi người giúp việc kệp mụ lại. Người đàn bà bị kệp, vừa khóc vừa nói:

- Không phải con chủ mưu, từ nhỏ con được cha dạy bảo.
- Nói bậy. - Thẩm Công nói.

Thế rồi ông lệnh kệp chặt hơn, người đàn bà đau đớn, nói:

- Không phải do con, mà là cậu con dạy con.
- Mày tham của, giết người chôn tại nhà, - Thẩm Công giận dữ nói. - Còn đồ tội bừa cho người thân thích, còn gì hãy nói mau.
- Bẩm quan, - mụ đàn bà nói, - cậu con và cha con không biết lấy bao nhiêu của, giết bao nhiêu nhân mạng. Xin quan hãy truy nã họ. Con chỉ là đàn bà, vì yêu quý người thân con mới làm như thế, xin ngài tha cho.

- Cha người là ai, - Thẩm Công hỏi.

- Cha con là Trâu Đoàn Hồ, - người đàn bà nói, - là tướng cướp nổi tiếng. Cậu con là Vưu Bảo Quan cũng là kẻ cầm đầu một bọn cướp khác. Hai toán cướp này đêm đêm thường tụ tập thành một toán để đi cướp, trong đó còn có một số tên trộm vặt không biết cướp của giết người. Xin ngài hãy tháo kệp ra con xin khai rõ ràng, tỉ mỉ.

Gã tù nhân mù, thấy vợ nói thế rất mừng, không kìm nổi, chỉ chửi thề:

- Đồ lừa dối xấu xa, nói in ít chữ, không khéo mà tuôn ra hết!

Thẩm Công nói:

- Hãy nói kệp ra.

Rồi ông quát lớn :

- Chỉ còn thiếu một người, người còn giấu ta, hãy đánh chết nó đi !

Nói xong ông cầm bút viết. Người đàn bà nói:

- Con xin khai hết sự thật, chỉ mong ngài tha đánh. Thừa ngài, cha con tên là Trâu Đoàn Hồ, chuyên giết người. Năm nay cuộc sống khó khăn, giết được mười sáu người. Người giết trước đó thì không sao tính xuể. Nay đã năm mươi tám tuổi, trú tại chiếc lều phía bắc làng Hương Bích. Bọn tay chân gồm có: Dương Lạp Lê, Hồ Hỏa chuyên cầm gậy đi đầu, vào nhà cướp bóc, được bao nhiêu họ chia đôi; Bì Họa Mi, giỏi đào tường khoét gạch, trước tiên bắt trộm chó, rồi sau mới ra tay trộm của cải. Hắn luôn giả chết để đánh lừa người. Lục Cửu Bá, có sức khỏe nâng ngàn cân, chuyên đốt nhà, buôn bán phụ nữ. Đào Tiểu Ngử biết bay lên hiên, vọt qua tường, ngày đêm chỉ uống rượu; Cường Tao Ôn chuyên tụ tập cướp bóc; Man Đầu Lục đánh người không để lại dấu vết; Lạn Thoái Đình chuyên đi cướp vàng bạc, không để sống sót một người nào; Vồng Câu Quý, chuyên thiêu người, đánh đai sắt vào đầu; Quang Đả Quang, vốn là một hòa thượng, giỏi leo thang dây; Miết Kỳ Tôn, chột mắt, giỏi khoét gạch; Du Ngử, người đen xạm, giả vờ đi bán dầu, chuyên dò la tin tức, cũng cần phải bắt. Ngoài ra còn có một số tên trộm vặt như Thổ Toán, Vương Tam chuyên cắt túi người đi đường. Chương Hà Quả chuyên bắt trộm gà. Lại còn có Chu Thư Phu, Lý Thân Gia, Hồ Lục Quan, Giả Biểu Thúc phần lớn là anh em với cậu con. Cậu còn có bốn năm người hầu lúc nào cũng bên

cạnh như Tào Giả Ty, Kê Nhi Hoàng, Nông Bảo, A Dậu, Thúc Hỏa Đồng. Những người này rất giỏi, đêm đêm lần mò giết người cướp của, không biết bao nhiêu mà kể.

Thẩm Công ghi xong, đọc đi đọc lại, đối chiếu từng dòng, lấy bút đánh dấu từng tên một. Quả nhiên không sai một chữ. Rồi hỏi:

- Người làm sao mà nhớ được những tên này?
- Từ hồi nhỏ, - mẹ đàn bà nói, - con ở nhà. Những lúc rỗi rãi, thường cùng mẹ đếm chơi, không thể nào quên được.

Sau đó gọi A Long tới hỏi:

- Người khách họ Ngụy bị giết như thế nào?
- Con ở ngoài canh cửa, - A Long khai, - không biết họ giết chết thế nào, con có giúp họ đào hố chôn người.

Thế rồi Thẩm Công cho tay chân lột hết quần áo đánh mỗi đứa bốn mươi gậy, giam vào ngục. Kiểm kê toàn bộ gia sản của tên mù, giao toàn bộ cho Ngụy Quan Thọ.

Thẩm Công rút ra một tờ trát, đưa cho Tào Thăng. Ngày hôm sau dẫn khổ chủ Ngụy Quan Thọ đến nhà Lý Tâm Sở đào xác. Xác Ngụy Ngọc Phủ vẫn còn nhận được mặt. Phó Tứ Quan khóc rống lên, rồi mua quan tài khâm liệm, chôn cất cúng bái.

Thẩm Công thương Quan Thọ còn bé, không thể xa mẹ, nên không cưỡng ép nó. Phó Tứ Quan rửa nỗi oan ức cho bạn, được quan trên ban thưởng. Gã mù họ Lý, Trâu Thị bị kết tội. A Long còn ít tuổi, nghe theo lệnh chủ, nên được Thẩm Công tha tội. Mặt khác lại cho người báo cho Từ Lang Trung đến nhận thi thể Ô Tam. Những tên cướp mà Trâu Thị khai ra, Thẩm Công sai tay chân chiếu theo danh sách bắt cho bằng hết, tra hỏi từng tên, rồi giải lên cấp trên. Thời ấy nạn trộm cắp bị quét sạch, dân chúng vô cùng cảm động. Có thơ rằng:

Nước an, lòng trời thuận.

*Quan tốt, dân không oan.
Xin chớ làm điều ác.
Hãy ngẩng nhìn trời xanh.*

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 2 (A)

Sa Nhĩ Trừng Vô Cớ Giết Người
Sương Tam Bát Quên Mình Vì Nghĩa

*Mười năm mài lưỡi kiếm,
Kiếm sắc chưa dám thử.
Hôm nay hiển dăng ngài,
Diệt trừ bọn hung dữ.*

Thật nực cười, con người ngày nay, cứ động một tí là nổi ùng lên như gió cuốn. Mượn tiếng công phần để gây ra biết bao tai họa. Lớn thì làm lung lay triều đình, bé thì làm nghiêng ngả xóm thôn. Sự công phần sao có thể đùa giỡn được. Ta cho rằng phần nộ mà không công bằng chỉ là dựa vào sức mạnh; công bằng mà không phần nộ thì có khác gì lũ đàn bà son phấn. Nếu như công phần chân chính, thì sẽ được nêu tên trong sử sách, đời đời ghi nhớ.

*Khi biết người đời kêu căng rờm,
Một khi gặp sự, gió nổi lên.
Hãy nhớ cho rằng, thân đáng quý,
Dạ sắt gan vàng tiếng ngàn thu.*

Điều mà thiên hạ xưa nay vô cùng căm giận là bọn tiểu nhân thi hành công vụ, cậy quyền thế, tác oai tác quái, cho ai sống được sống, bắt ai chết phải chết. Quả là gần lửa rất mặt. Luôn luôn có một bọn nịnh hót, bợ đỡ, đó chính là cáo mượn oai hùm. Bọn tiểu nhân này sát khí đằng đằng, không sao ngăn nổi, nếu là người chân chính thì phải thận trọng, giữ mình trong sạch, làm theo đạo lí. Tôi cũng không hòa theo thói đời, cũng không bói

lông tìm vết. Chẳng hạn việc Dương Hóa muốn gặp Khổng Tử. Ngài Chu Văn đã chú thích rất hay: quân tử đối với tiểu nhân không ghét mà nghiêm khắc, e rằng ghét người quá đáng thì sẽ xảy ra việc bất ngờ. Nói thế có nghĩa là, ai muốn hài hòa thì đi theo cái hài hòa, ai muốn thanh cao thì tu dưỡng cái thanh cao. Rốt cục không thể nghe theo bọn tiểu nhân làm loạn thiên hạ. Khi lâm sự, thành đấng trượng phu oanh liệt, tỏ rõ chí khí nam nhi. Tuy nhiên, đây là việc vô cùng khó phụng sự cương thường, thực thi khí tiết, sao mà thực hiện rộng khắp thiên hạ được. Lợi hại không thể chuyển dời, sinh tử không làm lay động, coi thường cái chết, đem hết sức lực sống mái một phen. Huống hồ là bọn tiểu nhân bách tính không ra gì, cương thường khí tiết rất xa lạ với họ. Đúng là:

*Chiến trường hết thảy đấng nam nhi,
Phút chốc trở thành người thiếu phụ.*

Nói thì như thế, nhưng rốt cục ai mà chẳng có tính khí.

Vào năm Thiên Khải, Ngụy Yêm nổi loạn. Thế lực lớn mạnh khó mà chống lại. Những bậc quan lại, không những không ra sức cứu chính trừ tà, mà ngược lại còn làm tay sai cho chúng, bị người đời mai mỉa. Sau đó bị vạch tội, hạ bệ. Sáng oai nghiêm, vênh vang áo mũ, chiều thì sĩ khí văn chương, tất cả đều biến mất. Văn võ, quan lại chủ chốt trong triều, phần đông đều vứt bỏ nhân cách, cúi đầu xin thương xót. Lúc ấy họ tạo ra chiếu chỉ giả, bọn hiệu úy(1) hoành hành ngang ngược. Kể cả quan phủ đương chức cũng bị chúng sát hại. Bọn mang danh sĩ phu bên dưới, lập tức gây sự khắp nơi, bôi nhọ thanh danh, khiến cho mọi người không lúc nào yên giấc.

(1) Hiệu úy: chức quan võ.

Một hôm mấy viên hiệu úy tới Tô Châu bắt người. Khi đọc chiếu chỉ của vua, quan chức ở đạo phủ, huyện nghiêng răng căm giận, còn người xem đông nghịt. Quả thật:

Ban ngày chẳng làm việc gì xấu

Nửa đêm gõ cửa cũng kinh hoàng.

Không ngờ đọc chiếu chỉ xong, gào thét truyền lệnh bắt người, thì lập tức có hai ba người đứng ra kêu oan cho người ấy. Quả thật đạo lí vẫn còn. Nghe tiếng kêu, những người hào kiệt xông ra. Lúc ấy trời đổ mưa, người thì cầm gạch, cầm guốc gỗ; kẻ thì dùng giày đinh đâm đá loạn xạ. Có người còn cầm cán ô, gây gộc đánh túi bụi vào tên hiệu úy. Các quan chức phủ huyện thấy dân nổi loạn, kêu gào cốt để cứu sống bản quan, nên không dám ngăn cản. Chỉ thấy những người ấy:

Lông mày dựng ngược, người người liều mạng xông lên

Mắt mở trừng trừng, lớp lớp bỏ mình vì nghĩa.

Khác nào công chiến

Để trả thù riêng

Đấm rồi lại đấm, nhiều lúc đứt hơi không nghỉ

Đá rồi lại đá, tưởng đã chết rồi vẫn đá thêm.

Thương thay mấy tên hiệu úy, chưa đầy nửa giờ, xác nát như tương. Phủ quan hoảng sợ, lập tức vỗ yên trăm họ, chỉ bảo điều tra người cầm đầu, xử lí hậu quả, không được bắt bừa. Trong phủ quan có bao nhiêu kẻ chỉ vì thanh thế của Ngụy Yên mà phút chốc đã biến thành chó săn cho hắn. Thấy dân nổi loạn, sợ rằng sấm chớp gió bão nổi lên, phút chốc xảy ra điều bất trắc. Thế mà những kẻ có "bầu máu nóng" ấy cũng không dám nói nửa lời. Huống hồ ngay cả mệnh lệnh của nhà vua, các quan cũng chỉ im lặng nhìn nhau, chẳng dám làm gì. Chỉ thấy trong đám hỗn loạn, có tiếng gào thét: "Tôi đánh chết đấy! Tôi đánh chết đấy". Sau đó có năm người rẽ đám đông bước vào, quỳ trước mặt phủ quan. Trong đó có một đứa con ở đầu tóc lở loét khoảng mười bốn mười lăm tuổi. Phủ quan nói rằng chỉ cần một người. Cả năm người đều phần nộ tranh nhau xin nhận cầm đầu. Tất cả đều trình hung khí và khẩu cung. Bọn Nhan Bội Vĩ lập tức khóa tay họ tống vào nhà tù. Viên hiệu úy mang chiếu chỉ, giữ chức trưởng quan một đạo, là bạn đồng khoa, thấy Chu Thuận Xương bị bắt giải về kinh cũng không dám ra

mặt thương xót. Nhưng những người dân bình thường, chẳng có quan hệ gì với ông lại tỏ ra oai phong lẫm liệt. Ngay cả khi bị xử tội, họ vẫn cười nói tự nhiên. Sự việc ấy làm chấn động cả thiên hạ, làm cho biết bao đấng trượng phu mũ cao áo dài phải toát mồ hôi. Hành động cao cả như thế, vậy mà không ai dám cầm bút viết nửa chữ, để giành lại vinh quang cho họ. Quả thật là:

*Quan cao không gánh việc cường thường
Phó mặc Tề dân một gánh mang.*

Thời ấy Ngụy Yêm reo rắc tội ác, ai ai cũng ngấm ngấm nghiêng răng cắn giận. Sao họ không dám dùng cảm làm như thế. Vậy mà họ vẫn nói: "Nhìn thấy trái phải đảo điên, trắng đen lẫn lộn, một khi sôi máu, mắt nhìn bốc lửa, liều thân chẳng tiếc, làm nên kì tích lưu danh thiên cổ". Tới nay vẫn còn những chuyện mới lạ hiếm thấy. Đó là sau khi Ngụy Yêm chết được ba bốn năm. Từ trong cuộc chơi đùa bình thường, trong đồng tro tàn lại cháy bùng lên một hòn than. Ai ngờ rằng trong đó còn có rất nhiều thay đổi âm thầm, nhiều nguyên nhân ngoắt ngoéo. Chẳng khác nào:

*Gương cũ còn bám bụi,
Nhân tài chưa hiện ra
Ông già lau mòn kính,
Viết truyền ghi sử xanh.*

Vua băng hà, Sùng Trinh lên ngôi hoàng đế. Lấp bằng chiếc hố chôn người đen ngòm vô duyên có trước đây. Trong triều ngoài nội cũng phải đội ơn Sùng Trinh. Một thời dân chúng sống yên lành, no đủ. Song chẳng biết vì sao, lụt lội hạn hán xảy ra liên tiếp, khiến dân chúng phải tha hương cầu thực, mười người chết chín. Một số người nhờ nghề mọn tài hèn, lang thang khắp nơi, mới kiếm được miếng ăn. Đúng là:

Không trải đời cay đắng

Sao kiếm được miếng ăn.

Chuyện kể rằng trong thành Nam Kinh có một vị Thái học, tên là Trương Hữu Quân, hiệu là Kỳ Tu. Hơn ba mươi tuổi, có đứa con trai lên mười. Ông nội Kỳ Tu đỗ giáp khoa. Anh em trong họ cũng nhiều người đỗ đạt. Theo lệ cũ, anh em muốn ông phải tiến lên theo con đường ngắn nhất, để giảm được những kì thi lật vật. Hơn nữa ông vốn thông minh đỉnh ngộ, lại chịu khó học tập, hai chữ khoa bảng luôn luôn khắc sâu trong trái tim ông. Song chỉ vì việc nhà bề bộn, lại giữ chức lí trưởng, giao tiếp nhiều, nhất là hằng năm vào dịp thuế khóa và sai dịch, buộc ông phải làm tròn trách nhiệm. Việc học hành tất phải thiệt thòi. Bởi thế công không thành, danh không toại, ông thường ngao du khắp đó đây, kết thân với những người có chí khí khác thường. Thuở còn để chỏm đi học, ông kết nghĩa anh em với Sa Nguyên, tự là Nhĩ Trừng. Ông tổ của Nhĩ Trừng là người Hồi Giáo. Cha là Sa Tượng Khôn, một tấm gương mẫu mực trong làng, làm trọn bốn phận, hết lòng theo đạo. Lúc nhỏ, Nhĩ Trừng học với Kỳ Tu, hai người cùng chí hướng, chung đèn sách. Thế là:

*Vùi đầu kinh sử ba năm chẵn,
Chẳng thấy ai cầm gậy thanh lê(1)*

(1) Thanh lê: gậy làm bằng cây thanh lê. Tương truyền Lưu Hưởng đời Hán một hôm đang đêm thấy một cụ già mặc áo vàng, chống gậy thanh lê bước vào. Cụ thối cho chiếc gậy bùng cháy, rồi truyền cho Lưu Hưởng một học thuyết sâu sắc. Xem Từ điển điển cố, NXB Văn hóa - Thông tin, H, 2002.

Kỳ Tu vì duyên nợ ràng buộc, không được tận hưởng thú giao du. Nhĩ Trừng không đạt được sự nghiệp văn chương, một thân một mình lưu lạc bốn ba khắp nơi, được Tu Kỳ đón về nhà. Đã ba mươi tuổi, không được vào trường Thái học, cảnh nhà khó khăn, Nhĩ Trừng cảm thấy xấu hổ, muốn bỏ đi, nhưng Kỳ Tu cứ giữ lại, dứt ra không được. Nhĩ Trừng mắc chứng bệnh bẩm sinh là tính hiệp sĩ, chẳng chú ý đến ăn mặc. Mỗi khi gặp kẻ cậy thế

coi thường, đè nén người lương thiện, không tiếc thân mình, bất bình nổi giận. Ngay cả khi đọc những chuyện oan ức trong sử sách, bèn đập bàn đứng dậy. Oán hận đến mức bán hết ruộng vườn, ngựa mặt cả cười, uống rượu giải sầu thoải mái hát ca. Thằng nhỏ hầu hạ bảo anh là con một sách mất trí, khó mà thay đổi được tính tình. Gia chủ lại đối đãi rất chu đáo. Bởi thế Nhĩ Trùng hạch sách đủ điều, chẳng khác gì hô gió gọi mây, không dám mảy may sai trái.

Đúng là:

Trong nhà luôn chịu đựng

Ngoài hiên vẫn ân cần.

Năm gian lầu chứa sách tại vườn sau nhà họ Tưởng, tầng trên tầng dưới có hàng vạn ống tằm ngà, hàng ngàn hộp đựng sách bằng gấm, màu đã ngả vàng. Ngoài việc đọc sách, họ còn đọc báo nói về thời sự hàng ngày trong triều. Chiều chiều, Kỳ Tu thân thiết uống chút rượu với Nhĩ Trùng, nghe anh nói về thời cuộc.

Thời ấy đang là thời của Ngụy Yêm. Trong ngoài triều đình, Ngụy Yêm đã gây ra biết bao tội ác. Mười tờ báo thì có chín tờ đăng tin xử tội quan thanh liêm, tra khảo các danh sĩ. Khi nói chuyện với Kỳ Tu, không phải chỉ một lần Nhĩ Trùng nghiêng răng căm giận, uất ức trào lên tận cổ. Song thời ấy, thói đời xu nịnh, nói năng phải giữ mồm giữ miệng, nếu không dễ bị tai bay vạ gió. Huống hồ nhà họ Tưởng có mấy mạng người làm sao mà không sợ. Hơn nữa thành Nam Kinh, lính của phủ quan tuần tra giăng lưới bắt người dầy đặc. Kỳ Tu là một chàng trai có chí khí nên chuyện trò rất hợp nhau. Sợ rằng Nhĩ Trùng không chịu nổi sẽ gây chuyện rắc rối, nên người nhà bảo Kỳ Tu đuổi Nhĩ Trùng ra khỏi nhà để tránh tai họa, song Kỳ Tu không nghe. Ngày tháng trôi đi như bóng câu qua cửa. Hy Miếu băng hà, Nghị Tông lên ngôi. Bọn Ngụy Yêm ác độc sụp đổ. Khi ấy, Nhĩ Trùng như người nổi dôi đứng ra báo thù nhà, nhảy lên gào thét điên cuồng, mừng vui khôn tả. Bỗng một hôm, Nhĩ Trùng nói với Kỳ Tu:

- Trước đây chông gai khắp bốn phương bậc chí sĩ đóng cửa ở nhà. Nay đã tạm yên, tôi muốn thả sức rong chơi, giải tỏa nỗi u uất trong lòng. - Được đấy, được đấy! - Kỳ Tu nói.

Trước đây, nhà họ Tưởng muốn đuổi anh đi, chỉ riêng có Kỳ Tu không muốn. Bởi Nhĩ Trùng là người nóng tính, hay nổi giận, không kìm được uất ức. Sợ anh ra đi không đúng lúc tính mạng khó bảo toàn. Nay đã khác trước, bởi thế nghe Nhĩ Trùng nói, Kỳ Tu bằng lòng ngay.

Kỳ Tu nói:

- Tôi có một người bác họ, tên là Trương Tuyết Nga, tên húy là Hằng Giả. Hiện đang giữ chức Binh bộ Phương ty. Năm nay tôi phải đến huyện Thượng Nguyên nộp thuế. Tiện đường sẽ ghé vào thăm ông, nhờ ông giúp đỡ. Nếu anh muốn đi với tôi thì càng tốt. Song đi lần này phải có lẽ vật quý hiếm. Ở Đông Tây kinh người ta rất ưa thích những vật phẩm sản xuất tại Bình Hồ. Vậy phiền anh tới đó mua giúp tôi ít quà tặng. Mọi việc đã có người làm thay, anh hoàn toàn không phải vất vả gì.

Nhĩ Trùng bằng lòng ngay. Kỳ Tu bèn giao cho Nhĩ Trùng bản ghi những thứ cần mua sắm, đó là vải, bút Hồ và một trăm tám mươi lạng bạc. Ngoài ra còn đưa cho anh hai mươi lạng làm tiền lộ phí, và một số giấy làm quà tặng. Rồi Kỳ Tu nói:

- Anh hãy tới thôn Trung Minh, huyện Đức Thanh, phủ Hồ Nam, hỏi thăm tới nhà Thái Bình Tuyền. Thái Bình Tuyền là người thường xuyên trông coi lương thực của nhà tôi, hãy nhờ ông ấy lo liệu, xong việc rồi cùng về một thể. Tôi muốn nhờ ông ấy áp tải hàng hóa. Mùa đông năm ngoái, tôi đã gửi thư hẹn ông ấy rồi.

Dặn dò xong, hai người uống mấy chén rượu chia tay. Tưởng Kỳ Tu bảo Nhĩ Trùng:

- Tính anh ngang tàng, lại không chú ý ăn mặc. Chất lượng bạc không biết phân biệt rõ ràng, sợ gặp kẻ xấu anh không kìm nổi, nên tôi khuyên anh nên cố gắng kìm nén. Tôi chờ anh về, rồi cùng đi. Tháng giêng năm thứ hai đã sắp hết rồi.

Nhĩ Trùng vâng dạ, tỏ ra là người chín chắn, đến thẳng Thủy Tây Môn, xuống thuyền đi Hồ Châu. Phong cảnh trên đường thật là:

*Gió xuân lành lạnh cỏ mượt xanh,
Tiếng trống tàn đêm đã điểm canh
Chân trời du khách tràn thi hứng,
Cầu uốn qua sông núi chập chùng*

Thôn Bách Ma gần huyện Thượng Ngu, phủ Thiệu Hưng Triết Giang, có người tên thường gọi là Sương Tam Bát, tên thật là Cát Kiệm. Trước đây làm Vệ quân Kim Sơn. Cha là thầy giáo trường tư thực, do đó Tam Bát cũng biết chữ. Năm hai mươi tuổi học được nghề khâu giày. Thấy việc gì bất bình, anh không tiếc thân mình ra tay cứu giúp. Vào năm Sùng Trinh thứ nhất, Thượng Ngu đại hạn, mùa màng mất trắng, cháo cũng không có mà ăn. Tam Bát một thân một mình, may nhờ vào nghề này cũng kiếm được bữa no bữa đói. Anh tính rằng: "Ôm lấy mảnh đất này, quả thực cũng chẳng hay ho gì. Nay cả vùng mất mùa, mọi người cháo cũng không có ăn, mà đã đói thì đầu gối phải bò". Thế rồi Tam Bát vội vàng thu xếp hành lý, phần lớn là đồ nghề dùng để kiếm cơm. Anh nghĩ, bến cảng thành Hàng Châu rất cần người, ta hãy đến đó. Rồi anh quấy hành lý đáp thuyền đến Tiêu Sơn.

*Bến Tây Hưng thuyền ta lướt sóng,
Theo dòng sông chở đến tỉnh thành,
Mất mùa đói kém đi quẩn quanh.
Gia tài một quấy thật đáng thương.
Ai ơi chớ hỏi nhà đâu tá,
Nghề mọn một thân khó đời.*

Góp được mấy đồng, Tam Bát lên thuyền, khi đó đã là cuối đông. Ngày mồng hai thuyền tới Hàng Châu. Đây là nơi đô hội, hiệu giày nhiều vô kể, mà Tam Bát lại chỉ có ít mảnh da vụn. Len lỏi qua nhiều phố xá, nhà nào cũng thấy người lớn trẻ con, kẻ giày vải, người giày lụa, đều còn rất mới.

Tam Bát bực mình vì nghề vá giày của anh đã lỗi thời và chính mình cũng không biết thời thế, chân rất bồng vội vã rảo bước. Ngày mồng năm tháng giêng, Tam Bát tới thành Hàng Châu. Chỉ mong ai cũng đi chân đất đứng chờ anh thợ da tới. Anh gánh hàng lí tới nhà Phùng Tước Khê phố Kim Chất, bên cạnh cầu Thuần Hựu. Lão Phùng là đồng hương, lại là người thân quen. Anh đặt gánh xuống tán gẫu mấy câu, rồi sắp xếp lại mấy thứ đồ nghề, chuẩn bị đi tiếp.

Phố Tân Chính không có một anh thợ da nào, Tam Bát mừng thầm, kéo kẹt gánh hàng rảo bước, và cuối cùng cũng có hai người thuê anh vá giày. Tam Bát kiếm được mười hai đồng, bụng nghĩ thầm: "Có lẽ mình chưa cúg". Chẳng nghĩ ngợi gì, anh bước thấp bước cao, ngẩng đầu lên đã thấy một ngôi miếu thờ Ngũ Thánh, mọi người đang lũ lượt tới dâng hương. Tam Bát đặt gánh hàng xuống bày lễ thắp hương, hỏi xem việc làm ăn trước mắt thế nào. Anh lắc ống thẻ tới ba lần, vẫn là quẻ âm; thơ trong quẻ như sau:

*Giang hồ, nghe tiếng chuông,
Vất vả vẫn hoàn không.
Gặp nhau ngoài ý muốn,
Có cuối chẳng có đầu.*

Anh ra về, cứ ngẫm nghĩ về quẻ thẻ ấy, đại khái là cũng có chút hi vọng. Trời tối, anh quấy hàng về, những người hàng thịt bên cầu Thuần Hựu giày rách nát nhờ anh khâu. Đặt gánh xuống, thấy họ là những người nhà quê, vùng Hạ Chung Minh, huyện Đức Thanh, Hồ Châu, Tam Bát thân mật hỏi:

- Nhà bác có đông người không? Bác làm nghề này có đủ ăn không?

Thấy Tam Bát ăn nói dễ nghe, người khách đáp:

- Cũng chẳng ăn thua gì. Mùa xuân năm ngoái mưa nhiều, mùa màng thất bát. Nhà nào cũng túng thiếu, ai có nghề phụ đều bỏ nhà đi làm ăn xa. Vụ đông năm ngoái lúa mùa bội thu, bước sang tháng giêng vẫn còn nhàn hạ, nhà nào cũng muốn khâu giày. Ngày ngày bận rộn việc làm ăn, khi nào đóng cửa buồng tầm mới được nghỉ ngơi.

Tam Bát đọc lại bốn câu thơ trong quẻ thẻ, lại thấy trong đó có hai chữ "chung minh". Rồi anh quyết định đến Chung Minh làm ăn. Tam Bát hỏi thăm đường đi, rồi hỏi họ tên, địa chỉ người khách hàng, mong anh giúp đỡ. Người khách ấy vui vẻ nhận lời. Khâu xong giày, Tam Bát không lấy tiền công.

Đúng là:

*Long đong chân trời khách,
Thương nhau kiếp bọt bèo.*

Người hàng thịt họ Mục tên là Kính Huyền. Vì thương Tam Bát, nên anh vui vẻ rủ Tam Bát cùng về. Anh nói:

- Đi thuyền rất tiện, ngày mồng tám ta cùng về nhé!

Hai người đi thuyền về tới Chung Minh, Tam Bát tạm ở nhờ nhà Kính Huyền. Sáng sớm đi làm, tối mịt mới về. Công việc bề bộn, đến cơm trưa cũng chẳng kịp ăn.

Lại nói tới Sa Nhĩ Trùng, khởi hành từ Nam Kinh, đi mất chín ngày mới tới Chung Minh. Làng này không lớn lắm, nhân dân đều trồng dâu, gai. Chỉ thấy:

*Bờ ruộng quanh co,
Sông ngòi lượn khúc,
Tre trúc uốn cong, mái tranh thấp thoáng,
Đậu mạch trổ hoa, trắng xóa cánh cò,
Lão ông phưỡn bụng, miệng lẩm nhẩm, lượng mưa tính nắng.
Lão bà tóc rối, tay bận rộn kéo kén chần tằm.
Giống như canh Vồng Xuyên, dâu đồng rợp bóng,
Chẳng khác suối Đào Hoa, từng bách chen nhau.
Mây gió nơi đây, khiến Tiêu Lý cũng phải ngẩn ngơ
Ánh chiều bến cũ, đến Đại Si thôi đành gác bút.*

Nhĩ Trùng tay xách hành lí, đưa mắt nhìn phong cảnh làng quê mang dáng

dấp cổ xưa. Anh chợt thấy một ngôi chùa nhỏ, trên đề bốn chữ “*Bạn nhược thượng nhân!*”, xung quanh thanh u tĩnh mịch. Nhĩ Trường dừng lại nghỉ chân, một vị sư gầy đét xanh xao bước ra. Nhĩ Trường hỏi:

- Thừa thầy, thầy có biết đường về nhà ngài Thái Bình Tuyên không?
- Biết, - sư cụ nói, - thí chủ của bản tự häng năm thường tới Nam Kinh, trú tại Cẩg Tây, bảo rằng sau khi lễ Phật xong cũng tới đó.

Nghe thấy vậy, Nhĩ Trường bèn gửi tạm hành lí tại chùa, chỉ lấy ra một phong thư và hai đôi giày, đi tìm lão Thái.

Sa Nhĩ trường quả là một gã hồ đồ. Anh ta để hết hành lí và tiền bạc tại chùa, rồi một mình ra đi. Cũng may anh ăn mặc xuề xòa nên chẳng ai để ý. Chỉ thấy anh:

Khăn thì đen nhem, áo nát như dưa,

Tất xỏ tả tơi

Giày đi há mõm,

Râu vênh vàng khè, tâm sự trong lòng chất chứa

Giương đôi mắt trắng, cô đơn cất bước mặc ai.

Thấy anh lấy ra hai đôi giày sản vật địa phương đến tặng chủ nhà, vị sư già đoán rằng đây là một thầy đồ. Sa Nhĩ Trường hỏi thăm đến nhà họ Thái, mang thư và giày đến. Một lúc lâu thấy một bà già đi ra nói:

- Ông là người từ chỗ Tướng tướng công đến, xin mời ông ở lại xơi bữa cơm thường, ông hãy đưa hành lí vào đây.

- Ngài Bình Tuyên có nhà không?

- Mùa đông năm ngoái, - bà lão nói, - Tướng tướng công gửi thư mời, đến mười tám tháng giêng này sẽ đi, hôm nay, ngài đến dinh quan huyện họ Lí thúc thuế, ngày mai mới về.

- Nếu thế thì ngày mai tôi sẽ lại. - Nhĩ Trường nói.

- Anh trở lại chùa, thấy vị sư già ra chào, anh nói rõ họ tên. Nhĩ Trường nghĩ: “Mình lạ lắm, không quen đường, trời lại sắp tối đành phải nghỉ tạm ở đây”. Rồi anh nói với vị sư già xin ở nhờ. Vị sư già tuy sống ở thôn quê, song vẫn có thói khinh người. Thấy Sa Nhĩ Trường sống có vẻ bừa bãi,

không muốn cho ở, bèn đọc cho anh nghe tờ trát của quan trên ra lệnh không cho phép chùa chiền chứa chấp người lạ mặt khả nghi. Song lại ngại Thái Bình Tuyền là thí chủ của bản tự, hơn nữa anh lại nói rằng anh không ở lâu, nên đành miễn cưỡng nhận lời.

Hằng năm vào ngày mười bốn tháng hai là ngày sinh nhật Thành Hoàng huyện Đức Thanh. Các làng thu tiền gạo, hoặc để cúng Phật hoặc diễn kịch góp vui. Vùng Hạ Chung Minh có mười hai đội kịch, đều diễn tại sân khấu trước miếu thổ thần, cao không đầy bốn thước. Khu đất trống xung quanh miếu đều dựng lều quán, hoặc đặt ghế, trải chiếu cho khách tới xem, thưởng trà uống rượu. Nhĩ Trừng nghỉ trong chùa, sáng dậy vội vàng đến nhà họ Thái xin thư, thấy mọi người đang dọn dẹp, biết đây là tục lệ làng quê.

Tới nhà họ Thái, vẫn thấy bà lão hôm qua bước ra chào, nói:

- Đêm qua quan lớn về, đã đọc thư. Song thóc lúa trong huyện hện đến ngày mười lăm mới chuyển xuống thuyền. Việc nói trong thư của tướng công đến ngày hai mươi ngài mới làm được. Xin tướng công hãy lưu lại đây. Còn đây là lá thư của ngài Thái Bình Tuyền gửi cho ông.

Trong thư viết:

Kính gửi ông Nhĩ Trừng,

Hai đôi giày tôi đã nhận đủ, nếu có loại to mua thêm một đôi, tôi sẽ gửi tiền trả ông chu tất, xin báo để ông biết. Cảm ơn ông.

(Không đề tên)

Xem xong thư, Nhĩ Trừng rất buồn cười. Việc chính không thấy ông ta nhắc tới, chỉ viết mua thêm một đôi giày. Các bạ, ở nông thôn thật hiếm có người tài. Người đọc thông viết thạo như ông Thái có là bao. Trong thư Kỳ Tu gửi cho ông, nói Sa Nhĩ Trừng tới Hồ mua sắm hàng, không biết vì có gì ông không nhắc tới chuyện ấy, chỉ viết lèo tèo có mấy chữ, ngay cả tên mình cũng quên không ghi. Hơn nữa người nhà thấy thế cũng không hỏi,

ngay cả bà già cũng chỉ nhìn thấy chiếc khăn bẹp của Nhĩ Trùng, rồi gọi là tướng công. Nhĩ Trùng nói:

- Quan đang bận việc, thì ngày hai mươi tôi sẽ đến.

Bà già cố nài anh ở lại ăn cơm, nhưng Nhĩ Trùng cầm thư đi ngay. Anh nghĩ "Không có việc gì, chi bằng đến chen lấn vào đám đông xem diễn kịch". Tới nơi, thấy già trẻ, gái trai, nam thanh nữ tú đông nghịt, cảnh tượng chẳng khác nào:

Lũ kiến tha xương cá, ruồi xanh bầu bọc mủ

Bọn thần chết xuất đầu lộ diện

Quý đen đầu múa mép khua môi

Mặt hoa da phấn, lướt thuyền hái hoa sen

Hàm râu tua tủa, trùm vai che lá cọ

Lung gù, như vượn công con

Bụng ôm, như Bà La bế cháu.

Thấy vẫn còn sớm, Nhĩ Trùng trở về chùa, lấy ra năm đồng và một ít tiền lẻ gói lại đưa cho vị sư già nói:

- Tôi còn ở đây, phiên nhà chùa ba bốn hôm nữa, xin giao trước cho nhà chùa chút tiền ăn, mong cụ nhận cho, xin cảm ơn cụ.

- Xin ông đừng bận tâm. - Nhà sư cười nói.

Vị sư già cầm tiền, đếm cẩn thận rồi xuống bếp lo cơm nước. Một lúc sau bưng lên sáu bát thức ăn chay ngon lành. Nhĩ Trùng cảm thấy hơi sốt ruột, muốn ăn sớm để đi chơi. Hòa Thượng quá nhiệt tình, cứ mời Nhĩ Trùng ăn thêm, cơm nước xong thì mặt trời đã ngả chiều. Nhĩ Trùng từ biệt vị sư già ra khỏi chùa. Chưa tới miếu thổ thần, đã nghe thấy tiếng trống, tiếng thanh la inh ỏi. Đêm diễn đã được ba màn kịch nói về Ngụy Thái Giám, đây là vở *Phi long kí*. Người đóng vai Ngụy Giám là một nghệ nhân xuất sắc, tên là Thu Tam. Sa Nhĩ Trùng tới nơi thì người xem đông nghịt. Lượn quanh một vòng, chỗ nào người ngồi cũng chật ních, chỉ thấy bên cạnh anh khâu giày có một chỗ trống, bởi anh dọn hàng khâu giày ở đó nên người ta đã chừa ra cho anh một ít. Sa Nhĩ Trùng thấy đang diễn tới chỗ Dương Liên, Ngụy

Yêm, Khách Thỉ lần lượt chuẩn bị xử án. Tam Bát cũng chẳng ngó ngàng tới, vừa khâu giày, anh vừa làu bầu chửi. Nghe thấy Ngự Giám ra sân khấu, nói the thé tiếng đàn bà, anh bèn buột miệng chửi: "Giết mẹ nó đi loại ấy chẳng tốt đâu!". Sa Nhĩ Trừng vẫn tiếp tục xem, vốn đã tức sẵn, anh tự nhiên nổi giận. Đang lúc uất ức, lại thấy anh thợ khâu giày phẫn nộ, Nhĩ Trừng cảm phục anh là người can trường. Không ngờ thấy sân khấu, Ngự Giám sợ rằng các quan Dương, Tả, Chu, Ngự không cung khai nhận tội, hẳn bảo bọn tay chân dùng kiểu đánh đập tàn khốc mà chúng gọi là "Năm bông hoa lớn". Đó là:

Rồng vàng uốn khúc, là con rắn đồng cuốn vào người tước dầu sôi đốt.
Thiện Tài cúng Quan âm, là trói chặt hai tay rồi dội hắc ín sôi vào hai bàn tay.
Đánh gãy trâm ngọc, là dùng chùy sắt đập gãy răng, làm cho phạm nhân nói phều phào.
Dây tương tư, là dùng thép nhọn xuyên qua xương bả vai.
Cùng một lưỡi dao, là dùng chiếc chày sắt rộng bản và sắc, cùng một lúc chặt đứt năm ngón chân.

Trên sân khấu chỉ thấy người đóng vai Ngự Giám, vạch trời chỉ đất, dáng vẻ tàn ác. Sa Nhĩ Trừng nhìn thấy cảnh ấy, máu sôi lên, nghiêng răng nghiêng lợi, quát tháo: "Không thể chịu được!" Rồi anh lấy con dao của anh thợ khâu giày xông lên sân khấu, đè Ngự Giám xuống cắt đầu, máu phọt ra, đầu lìa khỏi cổ. Những người diễn kịch thấy tên hung thủ nhảy lên giết người, chạy ủa vào buồng hóa trang ẩn nấp, còn người xem không biết cơ sự gì đã xảy ra. Tất cả đều dẫm đạp lên nhau, kêu khóc bỏ chạy. Sợ mất dao, Tam Bát vội vã nhảy lên sân khấu tìm, tay cầm dao mà vẫn không nhìn thấy xác chết. Sa Nhĩ Trừng lẳng lặng vứt dao, nhảy khỏi sân khấu, trà trộn vào đám đông, gào thét rồi chạy thục mạng. Chỉ còn mấy ông già không sợ xúm lại, quát to: "Không được chạy lung tung, hãy tìm bắt ngay tên hung thủ". Tức khắc bảy tám người xông lên, thấy Sương Tam Bát đang cầm dao, đứng trơ lại đó than vãn: "Anh ấy giết người nhanh như chớp". Mọi

người vây lấy anh nói:

- Không phải tìm nữa, hung thủ đây rồi?

Chính lúc mọi người sợ anh hành hung, nên những người đứng sau anh dùng thùng trối chặt lại. Tam Bát vẫn cứ bình thản như thường, đến khi mọi người túm vào đám đá hỏi: "Vì sao lại giết người?", thì lúc ấy Tam Bát mới ngó người ra.

Mọi người quây lấy hỏi:

- Anh ấy với mày có oán thù gì, mà mày lại giết anh ấy?

Rồi đội kịch lôi Tam Bát đến chỗ xác chết, vừa đánh chửi, vừa hỏi tên. Anh không nói. Người ta chỉ nhặt được mẩu giấy trong đó viết:

Kính gửi ông Nhĩ Trùng,

Hai đôi giày tôi đã nhận đủ, nếu có loại to mua thêm một đôi, tôi sẽ gửi tiền trả ông chu tất, xin báo để ông biết. Cảm ơn ông.

(Không đề tên)

Mọi người thấy thế nói:

- Đây là tang vật của kẻ sát nhân! Trong đó nói tới giày, chẳng phải liên quan đến nghề của nó ư? Thừa tên nó là Sa Nhĩ Trùng.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 2 (B)

Tam Bát thấy mọi người hỏi họ tên, khẳng khẳng không nói. Đến khi thấy họ ghép cho mình là Sa Nhĩ Trùng, anh mới khai là Sương Tam Bát. Mọi người cũng không biết phân giải thế nào, đành giải lên quan. Khi bỏ con dao đâm máu vào gánh đồ nghề, người ta thấy một gói lá sen, mở ra thì trong đó là thịt trâu. Mọi người kêu ầm lên, không cần phải hỏi nữa, đúng là nó giết người rồi. Lá thư bên cạnh xác chết nói tới việc mua giày thì chưa chắc là của người khâu giày. Nhưng Sa là họ người Hồi, trong gánh lại có thịt trâu mà người Hồi thường ăn. Con dao cắt da còn đâm máu trên tay. Thế thì đây đích thị là hung thủ, không còn nghi ngờ gì nữa.

Ngay đêm ấy, người ta giải Tam Bát và gánh đồ nghề lên huyện. Trình lên quan rằng đã bắt được tên Sa Nhĩ Trùng (Sương Tam Bát) giết người. Còn hai nhà Thái Bình Tuyên và Mục Kính Huyền thì trốn biệt tăm. Sa Nhĩ Trùng chạy như bay về chùa mới hoàn hồn. Anh thấy việc kì lạ ấy như một giấc mộng. Anh nhớ rõ hình ảnh người thợ giày cầm dao, nhưng mình thì chạy thoát. Không biết sau đó người ta nhặt được bức thư, tìm thấy thịt trâu, và khai tên là Sương Tam Bát, không chịu nhận là Sa Nhĩ trùng. Anh tự nghĩ rằng: "Giết người là trọng tội. Mình lại là người giết người. Hơn nữa nhà họ Thái lại biết mình họ Sa, nhân lúc mọi người đang hỗn loạn, thì chạy trốn là tốt nhất". Rồi anh nói với nhà chùa rằng:

- Tôi đã gặp nhà họ Thái rồi, xin cảm ơn nhà chùa, tôi về.

Nhà chùa rất buồn. Sa Nhĩ Trùng lui ra bến đò, lên thuyền. Sợ liên lụy đến Tướng Kỳ Tu, nên không về Nam Kinh. Anh lo lắng, cuối cùng đổi thành họ Hải, tự là X.X. trốn tới Trường An. Thật là:

Cá thoát khỏi lưới câu

Vây đuôi không trở lại

Lại nói về đoàn người Hạ Chung Minh, tới huyện thì trời đã tối nhưng vẫn đánh trống bầm quan. Quan huyện nghe thấy, không hỏi han gì, tổng giam tất cả, chờ xét xử sau. Ngay đêm ấy ra lệnh cho làng chôn cất thi thể. Hôm sau cho Sương Tam Bát và những người địa phương lên công đường hầu tòa. Mọi người khai rõ đầu đuôi.

Quan tòa là Sầm Đài, tên khắc trên dấu là Đức Thanh. Xuất thân tư cống sinh, người huyện Tự Phổ, phủ Thần Châu, Hồ Quảng. Vì yêu mến sông núi Tây Hồ, nên đã dốc tiền của học hành. Ông gần bốn mươi tuổi, thông thạo việc quan. Ông là người xét xử vụ án. Nghe người cung khai sự việc xảy ra, ông lạnh lùng nhìn Sương Tam Bát. Thấy Sương Tam Bát khi thì mỉm cười đắc ý, khi thì phẫn nộ bất bình. Tri huyện Sầm nghĩ rằng đây là một người thế tội cho hiệp khách. Nhưng vì sao lại giết một diễn viên, thật là khó hiểu. Lại càng không hiểu được vì thù hận Ngụy Giám mà đi giết người đóng giả Ngụy Giám. Đến khi gọi tên Sa Nhĩ Trường thì Tam Bát lại chẳng nói chẳng rằng. Quan huyện hỏi mọi người:

- Có phải hung thủ này cầm không?

Chỉ thấy mọi người nhao nhao nói, huyện đường ồn ào như vỡ chợ, không nghe rõ họ nói gì. Tri huyện Sầm thét lên:

- Án giết người phải tôn trọng sự thật, lấy cung xong sẽ xử theo luật pháp, không thể thiếu đối phương, chỉ cần một người địa phương có hiểu biết lên khai.

Mọi người thấy vậy co vùi lại, phủ đường phút chốc im phăng phắc. Sau đó Sương Tam Bát bình thản đáp:

- Tên con là Sương Tam Bát.

Quan huyện giật mình. Trước tiên Sương Tam Bát nói quê quán lai lịch, sau đó bẩm:

- Quê con mất mùa, đến Hàng Châu, rồi lại tới Hồ Châu kiếm sống. Hôm ấy con ngồi khâu giày bên sân khấu, người khác giết, con đi lấy lại dao. Nếu như đổ cho con giết người, thì con cũng là người căm ghét Ngụy Giám, anh ta giết cũng như con giết. Nếu đổ cho con là người Hồi Sa Nhĩ

Trùng thì con có chết cũng không nhận. Con sao có thể xứng đáng chịu tội và con cũng không thể mang danh một người để nhận lấy một việc làm tốt đẹp, chỉ vì bất bình mà giết gian tặc. Tri huyện nghe xong trợn mắt nhìn Tam Bát, ông nghĩ: "Thiên hạ xưa nay chưa có người nào thật thà, rành mạch như thế". Rồi ông gọi người đứng đầu đội kịch lên khai báo. Tỉ Luật Lũng khai:

- Xét thấy Sa Nhĩ Trùng tức là Sương Tam Bát đã có mối thù với diễn viên Thu Tam từ trước. Đúng lúc Thu Tam biểu diễn, hắn đã giả làm người khâu giày, rồi dùng dao giết Thu Tam. Thật đau đớn thay! Bị bất ngờ Thu Tam không chống cự nổi nên chỉ phân trần, đến nỗi những người xung quanh không cứu được Còn vì sao hai bên thù nhau thì không ai biết được. Trước huyện đường thẩm vấn, thì Sa Bát nói rằng, đã có mối thù từ lâu với Ngụy Yên, do phần nộ mà giết thì quả là vụ án có thể có(1). Hắn khai quanh co, lẫn trốn đến cùng, đúng là đùa giỡn với mạng người. Bản huyện nên căn cứ vào năm chứng cứ mà địa phương nhìn thấy sau đây: hung khí giết người là con dao đóng giày; tờ giấy rơi bên cạnh thi thể là kích thước giày; tên người nhận thư là Sa Nhĩ Trùng, họ Sa không phải là họ của người Hoa mà là họ của người Hồi. Hơn nữa lúc ấy hắn đang cầm con dao còn dính máu! Cho nên Sương Tam Bát đích xác là tên lúc nhỏ của Sa Nhĩ Trùng, là điều không còn nghi ngờ gì nữa.

(1) Triều Tống chống Kim, danh tướng Nhạc Phi bị hạ ngục do Tần Cối vu cáo. Hàn Thế Trung phần uất vận hỏi, Tần Cối nói: việc Nhạc Phi làm phản e rằng có thể có. Xem Từ điển điển cố Trung Hoa, NXB Văn hóa - Thông tin, H, 2002.

Tam Bát cung khai từng ở trong quân ngũ, theo luật Vệ quân phải tử hình, theo lệ của quân lính hãy tổng giam chờ quyết định sau.

Ngay tại công đường, quan huyện xem xét lại hồ sơ thẩm vấn. Sau đó gọi các làng lại dặn dò, cấm từ nay về sau không được diễn kịch, làm phiền nhiễu dân chúng. Mọi người ra về.

Lại nói Thái Bình Tuyền đến nhà họ Tưởng, Kỳ Tu mới biết Nhĩ Trừng không gặp Thái Bình Tuyền: Kỳ Tu bực tức tới huyện Thượng Nguyên xin được chuyển đổi lương thực thành bạc và chỉ cần một người giúp việc áp tải bao bạc đến Thiên Tân giao nộp. Kỳ Tu đuổi Bình Tuyền đi, ở nhà chờ Nhĩ Trừng. Ai ngờ qua tết Đoan Ngọ mà vẫn không nhận được thư. Không thể kiên nhẫn chờ đợi được nữa, Kỳ Tu thấy cô đơn buồn tẻ, nên đã cùng bạn bè mang hơn năm trăm tấm lụa tới kinh đô bán, lại mang thêm hai ngàn lạng bạc, vàng và hạt châu khâu vào chiếc mũ da cũ đựng trong chiếc hộp để đi lại thuận tiện. Kỳ Tu ăn mặc theo kiểu một viên quan thông phán rời khỏi kinh đô. Suốt dọc đường bình yên vô sự, nhưng đến vùng Túc Thiên, đột nhiên gặp người của Đại Vương cướp hết của cải. Cộng tất cả số tiền của người cùng đi lên tới hàng vạn đồng. Chán nản và buồn bã nên mỗi người bỏ đi một ngả. Song chỉ có Kỳ Tu liều lĩnh đòi gặp kẻ cầm đầu xin lại chiếc hộp mũ cũ. Bọn cướp thấy Kỳ Tu cứ nằng nặc bám theo, nói rằng thẳng ngực này muốn nộp mạng đây. Trên đường đi Kỳ Tu chẳng thấy một bóng người, chỉ thấy núi cao chập chùng, cây cối ngút ngàn, âm u. Đi được ba bốn dặm thì chúng dừng lại, nhìn về phía Tây thấy một chiếc đầm lớn, đó là sào huyết của chúng. Đinh Dực là tên cầm đầu toán cướp, người Tứ Châu, hiệu là Đinh Trương phi. Hắn là một tên liều lĩnh, chỉ vì đói quá mà trở thành cướp:

Lông mày dựng ngược, khắp mình bắp thịt nổi cục như nắm tay.

Mắt cú râu tôm, gân nổi cuộn cuộn

Không phải La Sát(1) ba đầu mà quỷ nhìn mất vía

Chẳng là Na Tra(2) tám tay, mà thần cũng kinh hồn.

(1) La Sát (tiếng Phạn): La Sát Bà, tên một loại quỷ.

(2) Na Tra: tên một nhân vật trong thần thoại.

Gã Đại Vương ngồi chễm chệ, của cải chúng mới cướp được bày ra la liệt trên mặt đất. Chiếc hộp da còn khóa, vẫn nằm đó. Mồm hắn quát tháo, nhưng tay hắn lại thu dọn tất cả những thứ vừa bày ra. Hắn thấy Tưởng Kỳ Tu là người lạ; khăn áo lại chỉnh tề, liền hỏi bọn tay chân:

- Anh này cần gì?

- Tôi vốn là học trò, - Kỳ Tu nói, - không ham của cải danh lợi. Vì có người thân tại kinh thành, nên đáp thuyền đi thăm. Tất cả gấm đoạn đều xin hiến dâng hết cho các ông. Song cái hộp da đựng khăn, trong đó có thư từ, khăn thiết xin ông hoàn lại.

- Chúng tôi đều có gia đình. - Tên tướng cướp nói. - Vùng Sơn Đông bị Bạch Liên giáo quấy nhiễu, bọn tham quan ô lại vợ vét của cải, khiến cho người dân no đủ bị vạ lây. Vả lại mất mùa đói kém, cha con li tán mỗi người một ngả, buộc chúng tôi phải đi vào con đường này. Tôi thấy anh đáng về yếu đuối, nhút nhát, hẳn là đến kinh thành mưu tính việc làm quan. Song làm quan thì phải ác độc, không có âm đức phù trợ. Tôi khuyên anh đừng đi nữa, ở đây ta có lương thực mà không quân, có quân lại không có tướng. Muốn làm những việc ra trò mà không được. Chúng tôi cung kính mời dâng hiến giả ở lại đây làm chủ hội.

Nói xong gã tướng cướp cúi đầu vái lạy, Tướng Kỳ Tu cuống lên, rồi rút đáp lễ. Kỳ Tu nghĩ: "Tuy là kẻ lục lâm, song ăn nói nhã nhặn, đứng đắn. Nếu ta bỏ đi thì chiếc hộp da sẽ mất, chi bằng cứ ở lại tìm cơ hội khác". Thế rồi anh khai rõ họ tên. Kỳ Tu nói:

- Đã nhận nhau, thì phải làm lễ ăn thề.

Sau đó họ thắp hương nến, bẻ tên bái lạy, thề trước mọi người rằng:

"Đàn bà không được lên núi, trẻ mồ côi phải thả, thuế thương nghiệp tăng ba lần. Khi chiêu hàng thì giải tán".

- Tuyệt, tuyệt lắm, - Đinh Dực cười nói, - câu cuối cùng rất hợp ý ta. Những tang vật trước đây đều phải ghi chép lại hết.

Mọi người cười rộ lên. Chỉ có Kỳ Tu ngồi im một chỗ, bởi anh không thể quên được người thân.

Sa Nhĩ Trừng tới Bắc Kinh, tìm chỗ ở. Vừa đặt hành lí xuống, anh lập tức đi khắc một chiếc bài vị thờ, trên đó ghi:

"Người thợ giày nghĩa sĩ", đặt lên bàn thờ, rót rượu thắp hương thề rằng,

suốt đời không quên ơn người đã chết thay mình. Sau khi làm việc động trời ấy, trên đường bỏ chạy Nhĩ Trùng kết thân với một số người, tới Bắc Kinh nghe thấy Trương Công . giữ chức Phụng tư Bộ Binh đang tuyển người, Nhĩ Trùng mua sắm lễ vật nhờ Văn Sinh đưa danh thiếp, được Trương Công gọi vào gặp. Trương Công nói:

- Ông hạ cố tới đây, tôi cũng quên mất quan huyện thân thiết thế nào, ông từ xa tới chắc có điều gì chỉ bảo?

Thấy Trương Công bao dung, Sa Như Trùng mới nhẹ nhàng thưa:

- Tôi là bạn học của Tưởng Kỳ Tu, là anh em đồng cô của Văn Sinh. Nghe thấy đại nhân nạp nhân tài, ngay cả những người tài hèn đức mỏng cũng không bỏ sót. Tôi rất may mắn được anh họ là Văn Sinh dẫn tới gặp ngài, thành thực hiến dâng chút tài nhỏ mọn, xin ngài rộng lượng.

Trương Công thấy anh nói năng nhã nhặn, mặt mũi sáng sủa tươi tỉnh, bèn nói:

- Ông tài cao lại còn trẻ khỏe, nếu muốn làm quan, tôi xin sẵn sàng tiếp nhận.

Rồi Trương Công vui vẻ mời Nhĩ Trùng dùng trà. Sau đó lại tiễn chân ra tận cửa. Nhĩ Trùng vội vàng biểu ông túi lễ vật, gồm hai đôi giày thêu, hai tấm the Hồ.

Đến ngày mùng một tháng chín, Trương Công tuyển Sa Nhĩ Trùng (lúc này đổi họ tên thành Hải Nguyên) làm Đồn bộ tổng ti trấn Kế Châu, trị sở tại Kế Môn. Đây là vùng có quân lính tinh nhuệ, lương thực đầy đủ, bảo vệ cho kinh sư, tương đương với chức Tư đạo. Chuyên xét xử những đơn từ của dân chúng, có súng và cờ, trông rất oai vệ. Vì cách kinh thành không xa, nên ngay hôm ấy Nhĩ Trùng trở về kinh thành lĩnh giấy tờ đích thân tạ ơn. Trương Công nói:

- Nếu có cơ hội, sẽ thăng chức.

Nhĩ Trùng vô cùng biết ơn Trương Công, trở về nhiệm sở. Thật là:

Trượng phu, thời vận nay đã gặp

Thương người khổ sở chốn Tàn Quan.

Lại nói về vụ án Sương Tam Bát. Sau khi đã định tội xong, anh không hề bị đánh đập, mà lại được khâu giày trong nhà tù. Trong tù mọi người gọi anh là nghĩa sĩ oan khuất, và lại còn được mọi nơi mời cơm rượu, được ăn uống thỏa thích. Sầm Công định tội xong tường trình lên cấp trên, được trên phê y án. Song ông lại đề phòng một quan huyện khác đến thay sẽ bác bỏ quyết án này. Bởi thế ông điều tới đồn quân ở trấn Bảo Định. Do tai bay vạ gió, lại khảng khái nhận tội, nên Sa Bát được Sầm Công cảm mến. Ông dặn dò hai người lính áp giải cẩn thận, và thưởng cho mỗi người mười lạng bạc lộ phí, ngay cả Sương Tam Bát cũng được thưởng năm lạng. Sương Tam Bát tới huyện đường khóc lóc thảm thiết, thề rằng nhất định anh sẽ đền đáp công ơn trời biển của Sầm Công. Do quen biết nhau nên hai người áp giải đã tháo cùm chân tay cho Sương Tam Bát, cất văn thư sai anh đi làm lính vào túi. Rồi mỗi người mang một túi hành lý, đáp thuyền tới Tô Châu. Thuyền chở khách buôn về Bắc Kinh đầy ắp, ba người thương lượng với chủ thuyền, cuối cùng họ phải ngồi vào khoang bếp. Đi mất nhiều ngày, thuyền vừa tới vùng Túc Thiên, thì từ xa thấy có người giơ tay ra hiệu. Khách hàng hiểu ngay, nói là hàng miền Nam . về Bắc Kinh, theo lệ chỉ nộp một đồng. Thuyền áp sát, một bọn người, mặt mũi hung ác dữ tợn, đội mũ nhọn đi ủng nhảy lên thuyền, xét nét lục soát từng khoang. Sau đó đến khoang lái, thấy ba người nói tiếng miền Nam, chúng hỏi đây là hàng gì. Chủ thuyền không rõ, nên chỉ nói lơ mơ rằng: "Tôi tưởng là không có hàng". Cho rằng đây là hàng lậu đưa về Bắc Kinh, nên chúng nhắc thử những bao hành lý. Thấy có một bao rất nặng. Họ đâu biết rằng, trong đó là đồ nghề và chiếc cùm của anh thợ giày Tam Bát, rồi kêu toáng lên: "Bọn này lậu thuế". Mặc cho ba người phân trần, họ cứ lôi xềnh xệch lên bờ.

Ba người bị bắt đưa tới trại. Đinh Dực và Tưởng Kỳ Tu quát thét đưa ra xét xử. Tám tên đàn em mở hành lý ra xem, thấy một phong thư, đệ lên Tưởng Kỳ Tu. Tưởng Kỳ Tu bóc ra xem, vô cùng kinh ngạc nói:

- Sa Nhĩ Trường đâu, xin mời lên gặp ngay!

Sương Tam Bát nghe thấy thế, phúi quần áo đứng dậy nói:

- Thừa ngài, phạm nhân đây ạ.

- Nói láo. - Tưởng Kỳ Tu nói. - Sa Nhĩ Trùng là bạn học của ta, anh ấy mang tiền đến Hồ, nay không thấy tin tức gì, hóa ra là tên này giết người rồi mạo danh.

Hai người áp giải cuống lên, song Sương Tam Bát bỗng vỡ lẽ, lần lượt thừa lại tỉ mỉ sự việc xảy ra. Sương Tam Bát nói:

- Chỉ vì thế mà con bị khép tội, bắt sung vào lính. Giấy tờ phán xét có thể xác minh những điều con nói là sự thật.

Tưởng Kỳ Tu xem đi xem lại, nói:

- Người ấy rõ ràng bị Sa Nhĩ Trùng giết, nhưng lại giết người đóng giả Ngụy Giám.

Đinh Dực thấy thế rất thương Sương Tam Bát, bèn khuyên Tưởng Kỳ Tu giết hai người áp giải, rồi thả Sương Tam Bát. Tam Bát nghe xong khấu đầu xin tha chết cho hai người này. Tưởng Kỳ Tu nói:

- Lẽ nào lại làm như thế?

Sau đó gọi Tam Bát ra sau nhà dặn rằng:

- Ta hiểu ra rồi, nếu ta tha anh, thì cũng thật là khó xử, thấy anh là người nghĩa khí, không muốn hại người áp giải. Thôi thì anh hãy tới đó, tìm cơ hội khác. Tên tôi là Tưởng Kỳ Tu, giám sinh Nam Kinh, quê ở Thượng Nguyên.

Kỳ Tu nói lại nhiều lần, Tam Bát nhớ như in. Rồi sai người dọn cơm rượu cho ba người ăn, thu xếp hành lý, cử người đi theo hộ tống một đoạn đường.

Ba người được tha, đi suốt đêm tới Bảo Định. Vệ quan ở Bảo Định tiếp nhận văn thư, thấy văn thư đã bóc, sợ rằng bị đánh tráo, kiên quyết không nhận. Ba người thưa rằng:

- Giữa đường gặp bọn cướp, chúng đã bóc ra kiểm tra.

Vệ quan biết đây là bọn Đinh Trương Phi, thế rồi họ mới nhận.

Ở quân doanh, Tam Bát chịu khó làm tròn phận sự. Khi rồi rãi lại khâu giày, nên cũng có miếng ăn. Một hôm, Cục ti đồn Bảo Định gửi văn thư xuống đồn ti Ký Châu về việc khai khẩn đất để đảm bảo lương thực cho quân lính. Tam Bát lĩnh văn thư ra đi, ba ngày ba đêm tới Ký Môn, đó là

dinh thự của Sa Nhĩ Trùng. Trước hết anh báo tên, sau đó chờ dinh thự bắn ba phát súng thị uy, rồi quát tay chân mở cửa mới vào. Lúc sắp kết thúc, Sa Nhĩ Trùng mới gọi đến Tam Bát. Sa Nhĩ Trùng bảo anh quỳ xuống, chờ lĩnh văn thư mang về. Sa Nhĩ Trùng đăm đăm nhìn anh một lúc lâu, nghĩ bụng: "Làm sao mà anh ta lại đến đây?". Rồi hỏi rằng:

- Anh tên gì?

- Sa Nhĩ Trùng. - Tam Bát trả lời.

Thấy lạ, Sa Nhĩ Trùng toát hết mồ hôi, gật đầu lia lịa, rồi lập tức sai đóng cửa.

Hai người ra nhà sau, Nhĩ Trùng hỏi:

- Anh không phải là Sa Nhĩ Trùng, làm sao anh lại đến đây?

Tam Bát thuật lại tỉ mỉ việc người khác giết người, song anh lại phải chịu tội cho Sa Nhĩ Trùng nghe, rồi lấy từ trong túi ra một tờ giấy quan huyện luận tội đã nhàu nát. Sa Nhĩ Trùng xem xong, bước tới quỳ xuống lạy rồi thốt lên:

- Nghĩa sĩ! Nghĩa sĩ!

Tam Bát hết sức kinh ngạc, không hiểu vì sao. Nhĩ Trùng lệnh tay chân dọn rượu cho hai người ngồi uống. Tam Bát không dám ngồi. Nhĩ Trùng nói:

- Nghĩa sĩ cứ ngồi xuống, tôi sẽ kể rõ cho nghĩa sĩ nghe.

Thế rồi anh kể lại chuyện Tưởng Kỳ Tu ở Nam Kinh nhờ tới Hạ Chung Minh, Thanh Đức, Hồ Châu mua sắm lễ vật. Hôm ấy khi xem kịch, tôi bỗng nổi giận giết Ngụy Yêm, rồi chạy trốn về Bắc Kinh, đổi họ là Hải. Ngài là người nghĩa sĩ, lúc nào tôi cũng nghĩ tới việc đền ơn. Trong nhà vẫn đặt bài vị cúng ngài, đề *Nghĩa sĩ thọ giày*, để ghi nhớ ơn ngài.

Tam Bát bỗng nhiên nghe nói tới Tưởng Kỳ Tu, rất lấy làm lạ hỏi:

- Có phải Tưởng công là giám sinh ở Thượng Nguyên không?

- Đúng đấy, - Nhĩ Trùng đáp, - sao ngài biết?

Tam Bát thuật lại tỉ mỉ chuyện ở Túc Thiên cho Nhĩ Trùng nghe, và bảo rằng trước khi ra đi, Tưởng Kỳ Tu nói rằng: "Tôi là Tưởng Kỳ Tu, giám sinh Nam Kinh, người Thượng Nguyên" và nói đi nói lại rằng: "Hình như ông ngẫu nhiên vào rừng làm cướp". Nhĩ Trùng thở dài nói:

- Phải lập tức đi cứu ngay.

Sau đó Nhĩ Trùng giao văn thư cho Tam Bát mang về, anh còn viết một bức thư riêng cho Vệ quan. Trong đó gói mười hai lạng bạc, cho Vệ quan thuê quân canh giữ thay cho Tam Bát để trở về Ký Môn. Vệ quan xem thư, lập tức mang bạc đi thuê người trực thay, để Tam Bát lên đường đến trị sở Ký Môn. Nhĩ Trùng lại viết một bức thư, sai người đến Trương Công. Trong thư có ghi: Tưởng Kỳ Tu mang tiền tới kinh đô, bị bức làm cướp, hơn nữa Túc Thiên là bến đò hiểm yếu, phải lập tức gọi bọn cướp ra đầu hàng, để tránh tai họa, chấm dứt việc ách tắc giao thông Nam - Bắc. Trương Công biết được, lập tức cấp giấy cất nhắc Nhĩ Trùng làm Thao Bồ ti Dương Châu, lại viết thư riêng cho Nhĩ Trùng, tiện đường về nhiệm sở cứu Kỳ Tu khỏi tay bọn cướp. Nếu gọi họ ra hàng, không nên viết Kỳ Tu là tướng cướp vào tờ chiêu dụ, vì rằng như thế sẽ làm cho ông và con cháu chịu nhục suốt đời. Nhận được thư, Nhĩ Trùng than rằng:

- Quân Tử thương người, tấm lòng của văn nhân sao mà chu đáo đến như thế.

Thế rồi ông vội vã thu xếp lên đường. Gần tới địa phận Túc Thiên, thấy những tên cướp đứng đợi. Đinh Trương Phi dặn dò tay chân rằng, nếu có thuyền quan qua lại, không theo lệ cũ, mà hô là "Xin thuyền quan ép vào bờ để thưa chuyện". Tam Bát cuống lên, vội vàng nói:

- Đúng, chúng tôi đang muốn gặp ngài Đinh Dực, các ông không cần phải vất vả.

Sa Nhĩ Trùng thấy thế, mặc thường phục ra khỏi khoang thuyền nói:

- Thủy thủ hãy ép thuyền vào bờ, tôi đi thăm một người rồi sẽ trở lại.

Những tên cướp thấy trong lời nói của ông đã hé mở ra một điều gì đó, chúng không dương oai giễu võ nữa. Vào tới sơn trại, Kỳ Tu và Đinh Dực bước ra. Thấy Kỳ Tu, Nhĩ Trùng ôm đầu khóc rống lên. Trước đây hai người đã được Tam Bát kể lại, nên ít nhiều biết được chuyện của nhau. Thế rồi, lúc đó Tưởng Kỳ Tu mới kể lại tỉ mỉ chuyện mình vì sao phải sa vào sơn trại cho Nhĩ Trùng nghe.

Đinh Dực biết, hiện nay Sa Nhĩ Trùng đang nhậm chức ở phủ quan, lại đối xử chu đáo với mình, tự nhiên nước mắt trào ra, rồi nói:

- Tuy núi non cách trở, nhưng hai ông đã được gặp lại nhau, còn tôi thì

không có một người thân đến.

Mọi người an ủi Đinh Dực, rồi mở tiệc ăn mừng. Nhĩ Trường còn khuyên Đinh Dực tốt hơn hết nên nghe theo lời dụ hàng của triều đình. Thấy ý của Nhĩ Trường như thế, Đinh Dực nói:

- Tôi xin nghe theo triều đình, và nguyện sẽ đi nấu cơm cho các quan. Và lại, ra trình diện tuy nói là tự sửa đổi mình, song đã mang tiếng là một tướng cướp, thì cuối cùng vẫn bị khinh thường.

- Trương Công cũng có ý cho sai quan đến chiêu hàng. - Sa Nhĩ Trường nói.

- Tôi cũng thấy được nguyện vọng của ông rất hợp với ý kiến của Trương Công. Hiện nay Bộ Binh đang cần sai quan, nếu ông đảm nhận được việc này thì tôi sẽ giúp.

Đinh Dực rất mừng, nói với Tưởng Kỳ Tu:

- Được rồi, ta nghe theo sự sắp đặt của ngài Sa Nhĩ Trường, thật khó có được một người tri kỉ đến thế. Cuối cùng nhất định chúng ta sẽ được dùng.

Nhĩ Trường lại nói ngay:

- Hiện nay chỗ ông có bao nhiêu người ngựa và của cải phải khai thật rõ.

Ngày hôm sau, Nhĩ Trường cùng với Đinh Dực và Tưởng Kỳ Tu thương lượng. Tưởng Kỳ Tu nói:

- Hiện có hai ngàn người, của cải còn rất nhiều. Có thể phân phát cho các hào kiệt.

Rồi lập tức cho gọi mọi người đến nghe mệnh lệnh:

“Chúng ta là anh em kết nghĩa. Tuy khác họ, nhưng còn thân thiết hơn tình ruột thịt. Lúc đầu vì Bạch Liên giáo ác độc, phủ quan tham ô, đã bức bách chúng ta phải đến đây. Nay được phủ quan thương xót, song không thể nào khác được, triều đình cho phép chúng ta tự sửa mình, chúng ta không nên theo con đường này nữa, tất cả hãy trở về quê làm ăn lương thiện. Của cải mà bấy lâu nay tích lũy được, ta chia hết cho mọi người. Ai bảo ta là một tướng cướp tham lam, vô liêm sỉ, tất phải chết trước gương giáo”.

Tất cả đều rơi nước mắt, nguyện sẽ theo đúng lời thề ước. Rồi giết trâu mổ lợn, cùng nhau ăn uống. Hôm sau mọi người gói hành lí hợp nhau thành từng tốp, đi về các ngả tìm đường sống.

Mấy người thân thiết của Đinh Dực thu dọn của riêng, thiêu hủy đồn trại,

rồi lên thuyền cùng Sa Nhĩ Trùng trở về nhiệm sở. Về tới Dương Châu thì chưa đầy một ngày, đã thấy thuộc quan ra đón tiếp. Tam Bát, tên chính là Cát Kiệm được bổ làm Trung quân. Đinh Dực đổi tên thành Can Dực làm Bả Tổng. Còn Kỳ Tu từ biệt Sa Nhĩ Trùng và mọi người lên thuyền trở về gia đình. Cả nhà thấy Kỳ Tu trở về vô cùng mừng rỡ, rồi anh kể cho mọi người nghe chuyện đã xảy ra như thế nào. Nghĩ Nhĩ Trùng và Tam Bát là ân nhân cứu mạng mình, không quên được ơn này, Kỳ Tu đã viết ngày sinh của Sa Nhĩ Trùng, Tam Bát đặt ở một nơi trang trọng và cứ những ngày đó cả nhà thắp nén hương bái tạ.

Các bạn thân mến, Cát Kiệm là một người thợ giày, chỉ vì coi trọng nghĩa khí mà phải vất vả gian truân, để rồi mang vạ vào thân. Dám chết thay cho Sa Nhĩ Trùng, bảo toàn tính mạng cho Tướng Kỳ Tu, lại cứu Đinh Dực ra khỏi cuộc đời tướng cướp, khai thông con đường giao thông huyết mạch. Đó là một con người kì lạ xưa nay, làm nên những chuyện kì lạ mà cổ kim hiếm thấy. Tôi chỉ xấu hổ, ngòi bút của mình vụng về không ghi hết được sự kì lạ trong cuộc đời của ông. Thơ rằng:

*Khí phách sáng rực tựa cầu vồng,
Kì tích lẫy lừng lưu vạn cổ.*

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 3 (A)

Thanh Liêm, Dân Chúng Không Kiện Tụng

Trung Dũng, Quản Chi Đóng Vai Hầu

*Tiên quan triều Hán bao giờ lại,
Hiểm nguy đường Thục vén khói mây.
Ngàn dặm tiếng đàn bay mất hạc,
Trời xanh quốc gỗ ngóng chim bay.
Mây giăng đường đá nghiêng nghiêng gác,
Rừng cây sông chảy nước quanh co.
Giấu dao mới biết anh hùng chí,
Thông minh mới biết cổ nhân tài.*

Bài thơ do Lô Luân đời Đường sáng tác, khi ông tiền bạn tới làm quan ở Tân Đô. Lô Luân đã ca ngợi bạn mình là quan thanh liêm, giỏi giải quyết công việc, đáng được người đời tin cậy. Nhân đó ông nghĩ tới cuộc sống xưa nay không lúc nào yên ổn. Vì sao thế? Vì quan cai trị không thanh liêm và không có tài trị dân, khiến cho dân không yên tâm làm ăn, mà cứ phải kiện cáo nhau. Các bạn thân mến, mọi việc trên đời này đều dựa vào những bậc trưởng giả đội mũ the đen. Trong đó lại có nhiều người không đủ tiêu chuẩn: người có đức lại không có tài; người có tài lại không có đức. Bởi thế xã hội ngày càng rối bời như canh hẹ. Những viên quan này, trừ bọn tham lam, tàn ác, ngu xuẩn, bất lương ra, vẫn còn một số người thông minh học vấn uyên thâm. Song đến khi xử án thì chẳng ích lợi gì. Chỉ có người biết lặng lẽ suy tư, chân thành, đối xử công bằng không thiên vị, không dựa vào học vấn, sự thông minh, mới có được những quyết đoán thông minh và thỏa đáng. Nếu như đầu óc không thông minh, quyết đoán chỉ dựa vào sự vô tư, thì dễ nổi nóng, cuối cùng dẫn đến nhiều điều oan khuất. Người dân

gặp phải tính khí ấy của họ, sẽ chịu không ít rủi ro. Thật là:

*Quan nổi lôi đình khi xử kiện,
Dân đen oan ức biết kêu ai.
Quan lớn khoe rằng tiền chẳng lấy,
Hình phạt răn đe tội kiếp người.*

Xem ra, làm quan quả thực là rất khó. Xưa nay bậc đế vương trị thiên hạ chỉ thích nói câu “quan là cha mẹ dân”. Song thực ra phủ quan ngày nay ai chịu coi dân là con cái.

Tôi xin kể một câu chuyện nhỏ dưới đây để các bạn nghe.

Vào thời Thành Hóa(1) trong phủ Kiến Ninh, Phúc Kiến, có một nhà giàu chuyên tích trữ hồ phách, tê giác, trầm hương, và coi trọng của cải. Ông ta là Bình Tất Dụng, thông gia với một cử nhân tên Tất Vinh. Tất Vinh lại là người tham lam, thấy đồ vật của người, bất kể là tốt hay xấu, bằng giá nào cũng phải xem cho bằng được. Một hôm tuyết rơi rất dày, Bình Tất Dụng đội một chiếc khăn nhung. Vì là một thứ trang phục quý, nên bên trên ông ta lại đội thêm một chiếc mũ lông chồn trắng như tuyết, lông dài khoảng hai tấc. Không ngờ Tất Vinh nhìn thấy hỏi:

- Ông Bình! Cái mũ này rất quý, không biết ông mua bao nhiêu, tôi cũng muốn mua một chiếc.

(1) Thành Hóa: niên hiệu Hiếu Tông thời Minh.

- Đây là mũ của người khách bán nhân sâm Liêu Đông mang tới. - Lão Bình nói. - Tôi phải mua mất bốn trăm lạng.

- Loại mũ này là của những vương hầu phò mã đội, - Tất Vinh nói, - khó mà mua được. Quả thực tôi rất quý.

Ngày hôm sau, Tất Vinh gói tám mươi lạng bạc, số bạc này một nửa lẫn đồng và sắt, sai người mang đến cho lão Bình, đòi mua lại chiếc mũ, nếu

không đủ sẽ đưa thêm. Lão Bình xem xong cười nhạt nói:

- Đây là một chiếc mũ đặc biệt, tôi rất quý. Đội nó gió thu không thể lọt qua, tôi sẽ dùng nó suốt đời. Nếu như bán cho Tất Vinh thì sao tôi lại phải chịu lỗ ba trăm hai mươi lạng bạc. Thôi thì, anh hãy mang bạc về.

Người nhà trở về nói lại với Tất Vinh, Tất Vinh lại đưa thêm mười hai lạng nữa. Cứ thế đi lại rất nhiều lần, cho tới khi tăng tới một trăm mười bảy lạng ba, thậm chí phải bỏ hết cả trâm, đinh hương, ngà voi, vòng nhẫn, lão Bình vẫn khẳng khẳng đòi đúng bốn trăm lạng, không thiếu một li.

Tham lam nhưng không được, Tất Vinh rất buồn. Tất Vinh có một người cháu ngoại, tên là Tuyên Anh được cử trông coi việc lễ. Thấy lão Bình cứ một mực khẳng khẳng như thế, Tuyên Anh chẳng nghĩ gì đến tình thân, bàn với Tất Vinh chờ sang năm.

Tới mùa đông năm sau, trời rét buốt, lão Tất nói với Tuyên Anh:

- Ngày mai ta đến nhà thông gia cúng, cháu hãy mượn giúp ta chiếc mũ ấy. Lão Bình đành phải cho mượn. Quả nhiên chiều hôm sau lại mang tới trả. Ai ngờ, Tuyên Anh là một tên xỏ lá. Cách đó nửa năm hắn đã đệ đơn lên huyện, khai mất chiếc mũ. Sử Bi là quan xử kiện, người Quảng Tây, xuất thân từ tiến sĩ. Sử Bi cũng là một tên tham của. Trước tiên ông ta cho phép Tuyên Anh đi tìm. Một hôm lão Bình đội chiếc mũ đi nghênh ngang ngoài phố, Tuyên Anh nhìn thấy túm lấy áo, kêu toáng lên:

- Cướp cướp làng nước ơi, cướp, cướp!

Hai người cãi nhau, giằng co mãi, rồi đưa nhau lên huyện. Lão Bình cứ kêu oan. Quan huyện thét.

- Bắt lấy, đưa vào đây!

Hai người quỳ trước huyện đường. Tuyên Anh bẩm rằng:

- Năm ngoái tôi bị mất mũ, đã từng đệ đơn kêu lên huyện. Chiếc mũ ấy làm bằng da lông chồn trắng. Song vẫn chưa tìm thấy. Nay, lưới trời lồng lộng, lại thấy tên trộm này đội.

- Con là Bình Tất Dụng, - lão Bình thưa, - là người dân lương thiện, trong

sạch. Chiếc mũ này do chính con mua.

Quan huyện hỏi, hiện thiếc mũ ấy đâu. Lão Bình lấy trong tay áo ra đệ lên quan. Quan huyện xem xong kinh ngạc nói:

- Từ khi tôi làm quan đến giờ, chưa từng thấy chiếc mũ nào như thế. Đây là một thứ cực kì xa xỉ.

Quan huyện cũng thêm muốn chiếc mũ ấy, bèn nói:

- Ăn cắp là trọng tội, đơn kê mất cắp không phải chỉ một thứ. Nếu vụ này điều tra ra sự thực, thì các vụ khác cũng đúng là người lấy. Anh có nhớ chiếc mũ này có đặc điểm gì không?

- Toàn là màu trắng. - Lão Bình nói. - Không lẫn một loại lông nào. Bên trong có lẫn vải lĩnh hoa trắng, chỗ che-tai bên trái có dính một vết máu, đó là do tai con bị xước gây ra.

- Dấu vết ấy ai cũng nhìn thấy, - Tuyên Anh nói, - ai chả nói được! Mũ của con đánh dấu vào một chỗ kín, đó là một dấu hình vuông, nét chữ màu đỏ, ghi là "Tuyên Anh chi ấn" ở phía trong vải lĩnh, chỗ giáp lai, xé đường chỉ ra thì sẽ thấy.

Quan huyện sai người xé đường chỉ ra, quả đúng như thế. Quan huyện kêu to:

- Đúng rồi! Đúng rồi! Đúng là có một dấu tên hình vuông, ghi là "Tuyên Anh chi ấn".

Lão Bình cứng họng, không sao nói được, đành chờ phúc thẩm. Đúng là:

Dân chúng đáng phải khổ

Có quan chẳng có ngày.

Quan Kính là quan sát viện, người Triết Giang, hiệu là Thiết Sơn. Ông là người nghiêm minh chính trực và tài giỏi. Đúng vào hôm xét xử vụ kiện Bình Tất Dụng, thì hôm đó Quan Kính tới theo dõi. Khi xét hỏi việc này, ông nhìn kĩ thần thái của hai người. Thấy lời lẽ của lão Bình không giống giọng nói của trộm cướp, lẽ nào chính hắn đi ăn trộm, lại công khai đội chiếc mũ mình đã ăn trộm!

Trở về nha môn, ông suy nghĩ rất kỹ, rồi lẩm bẩm một mình: "Có manh mối rồi! Tìm ra manh mối rồi!". Ngày hôm sau, cửa công đường mở từ rất sớm. Ông viết giấy gọi phạm nhân Bình Tất Dụng, quan huyện Kiến Ninh, đồng thời bắt nguyên cáo Tuyên Anh, lập tức tới tòa xét hỏi. Tri huyện cuống lên, hồn bay phách lạc, mang chiếc mũ lên Sát viện để điều tra.

Quan Kính sai người mang chiếc mũ đặt lên bàn, gang tay đo thấy dài chín tấc. Sau đó nhìn kỹ đầu hai người, xem to nhỏ thế nào. Rồi lại xem dấu tên ở mặt trong, đúng là có đóng dấu kiểm thật. Sau đó hỏi Tuyên Anh:

- Chiếc mũ này ở đâu ra?
- Do bố vợ con làm quân môn tại Thẩm Dương mang về cho. - Tuyên Anh trả lời.
- Anh đã đội chiếc mũ này chưa?
- Khi còn đi học con thường đội, nên đã đóng dấu vào đó để ghi nhớ.

Quan Sát viện lại hỏi Tất Dụng:

- Chiếc mũ này ở đâu ra?
- Con mua của người khách bán nhân sâm, - Tất Dụng trả lời - mất bốn trăm lạng bạc.
- Các anh hãy mang mũ áo mặc hàng ngày vào đây. - Quan Sát viện nói. - Bất kể là vuông hay tròn hoặc màu sắc nào cũng được.

Hai người ra ngoài, bảo người nhà lấy mũ áo. Quan Sát viên gọi hai người vào rồi lệnh cho họ mặc áo đội mũ trước mặt ông. Lão Bình mặc áo nhung, đội mũ nhung. Còn Tuyên Anh đội mũ the, mặc áo the màu xanh da trời. Quan Kiểm sát viện nghĩ: "Mặc áo đơn, chít khăn thì không phải là loại hàng cùng bộ". Sau đó ông gọi Bình Tất Dụng, đưa mũ cho lão Bình đội, thấy ông đội rất vừa. Tiếp đó ông lại đưa mũ cho Tuyên Anh đội. Thật đáng thương, đầu Tuyên Anh nhỏ khăn thấp, mũ quá rộng, trùm xuống tận mắt. Quan Sát viện cười rộ lên nói:

- Chiếc mũ này không phải của anh.
- Hiện còn dấu vết bên trong. - Tuyên Anh nói. - Quả là Bình Tất Dụng lấy cắp rồi về nơi rộng ra.

Quan Sát viện cầm mũ xem đi xem lại, thấy đường may vẫn còn nguyên vẹn, con dấu thì đóng trùm lên trên đường may. Ông ùng ùng nổi giận quát:

- Hãy mang kẹp ra đây ngay!

Tuyên Anh bị kẹp, không chịu nổi kêu lên:

- Ngài tha tội! Con xin khai thật, không phải con can phạm. Vốn là cậu con muốn mua chiếc mũ ấy, song Tất Dụng không bán, cậu con đành phải giả vờ mượn mũ đi phúng viếng đám ma, con đã xé bên trong, đóng dấu tên con vào đó, rồi viết đơn thưa lên quan, vu tội cho ông ấy.

Quan Sát viện gọi người đánh cho năm mươi roi, giải lên phủ Thụ giám định tội. Sau đó hỏi cậu hăn ta là ai. Tuyên Anh nói:

- Đó là cử nhân Tất Vinh.

Rồi ông trả lại mũ, thả Tất Dụng về. Quan Sát viện lập tức sai người gọi cử nhân tri huyện vào mắng: "Người là đồ ngu dốt vô liêm sỉ". Chửi cho hả giận, rồi ông viết tờ hạch tội tri huyện Sử Bi, là người tính tình nóng vội bột chộp; cử nhân Tất Vinh là kẻ tham lam. Tuyên Anh bị tổng giam, rồi chết trong nhà tù.

Kìa xem những kẻ thường gian dối

Quan vốn thanh liêm trị thẳng tay.

Các bạn thân mến, làm quan quả là chẳng dễ chút nào! Tri huyện Sử Bi thấy có đóng dấu, đã cho ngay là sự thực. Còn quan Sát viện là một vị cứu tinh, đã gỡ cho lão Bình khỏi mang tiếng oan là một tên trộm cướp. Thiết Kính là một vị quan thanh liêm chính trực, ông đã làm sáng tỏ nhiều vụ án, mà những chứng cứ giả dối như một sự thực khó bác bỏ.

Tới đây, lại nói thêm về một ông quan thanh liêm khác. Cát Ngụ một tiến sĩ tài giỏi ở Giang Tây, hiệu là Thủy Nguyên, đỗ tiến sĩ năm Tiến Đức. Mẹ chết sớm, cha là tú tài nghèo, tên là Cát Thánh Tường, hiệu là Đạo Phù,

suốt đời thật thà ngay thẳng, gìn giữ nếp xưa. Khi dạy dỗ con cái ông thường khuyên con đừng bơi nhọ lương tâm, sang hèn đều do số mệnh. Nếu gặp vận may, được trị dân, thì không những phải trong sạch, có tiết tháo nghiêm khắc nhưng lại phải ôn hòa thận trọng, vừa nhã nhặn phải vừa thật thà chất phác. Thủy Nguyên luôn luôn ghi nhớ lời cha dạy. Năm ông hơn ba mươi tuổi thì cha qua đời, rồi sau đó vợ chết. Hoàn cảnh ông rất khó khăn, nhưng rất may ông được nhập học. Ông cố gắng học hành chẳng quản nắng mưa, rét mướt. Trên tường ông đã dán bốn điều để răn mình đó là:

*Không dạy học, không uống rượu
Không gặp quan, không kết bạn.*

Cát Thủy Nguyên, một thân một mình đóng cửa tuyệt giao, ăn đói mặc rét, đọc sách suốt ngày. Thời gian trôi đi rất nhanh, mới thoáng qua mà ông đã hơn bốn mươi, cuộc sống vẫn nghèo túng. Người ta khuyên ông hãy xé bốn điều răn mình, thích ứng với cuộc đời thì sẽ không bị thiệt thòi. Song ông vẫn không thay đổi, và nói rằng giữ mình như thế mới thực là có ích. Người ta lại hỏi ông có ích ở chỗ nào? Thủy Nguyên nói:

- Thầy nghiêm, đạo được tôn trọng, thì mình mới giữ được thể diện. Tôi thấy những tiên sinh ngày nay theo đòi đèn sách đều vị kỉ. Kẻ chơi bởi dâm đảng, lại tự cho mình là người thầy hướng dẫn người. Họ đều là những người lòng dạ xấu xa, đạo đức hư hỏng. Tôi một đời nghiêm túc chăm chỉ học hành, sao lại kết bè kết đảng với họ được! Còn như ăn uống tiệc tùng, mới nghe thấy tôi đã chán ngán. Trên đời, việc này ai ai cũng mong muốn, song đối với tôi, nó chẳng có chút hứng thú nào, bởi vì những người không hiểu biết rất đông, đến đó có ích lợi gì đâu! Những người đang làm việc ở phủ quan, đều xuất thân từ tú tài. Đến khi được làm quan thì ăn uống bê tha, họ thấy tú tài như chiếc gai trước mắt. Tôi vô cùng khinh bỉ loại quan như thế, hạng người như thế có đáng gặp hay không? Nếu nói, nay kết bè mai kết bạn, thì đây là một việc hết sức vô bổ. Người xưa nói: "Tú tài như cô gái trinh tiết". Gái trinh không thể thân quen với người này, người khác.

Kết thân bạn bè có phải trên đầu lưỡi thôi đâu. Bởi thế cho dù tôi nghèo túng thế nào chẳng nữa, tôi cũng không thể vứt bỏ những điều tôi gìn giữ, để dẫn thân vào thói xấu của tú tài.

Mọi người thấy Thủy Nguyên nói thế, than rằng: "Quả thực đây là một người vô cùng trong sạch và đạo đức". Đúng là:

Chẳng thể luyện được vàng,

Kẻ sĩ thường nghèo túng.

Sách vở chất đầy nhà,

Ra ngoài không có bạn.

Cát Thủy Nguyên nghèo đến mức khó mà sống nổi, người ta khuyên anh nên làm một việc gì đấy. Anh nói:

- Là nho sinh mà thay đổi nghề nghiệp, quả thực tôi rất lo sợ. Giảng giải kinh dịch, bàn luận về số mệnh, ấy là duy trì đạo giữa trời và người của bậc Thánh nhân. Số phận của ta là trong sạch. May mà sang năm ta được thi, nhưng sang năm cũng cần ăn cần mặc, cần phải có tiền đến trường thi, nhưng kiếm đâu ra tiền, thôi thì ta thử làm xem sao?

Thế rồi anh tìm một tờ giấy dán vào tấm gỗ viết: "Gia cư sĩ đoán số mệnh".

Dựa tấm biển vào trước cửa nhà, Thủy Nguyên ngồi chờ người đến xem. Mọi người lần lượt đến nhờ ông đoán số mệnh. Thủy Nguyên cứ theo lí nói thẳng, chẳng khác nào như đuổi khách đi. Thấm thoát thế mà anh đã đoán số mệnh được bốn năm tháng.

Một hôm bỗng có một người dáng vẻ tu hành đặc đạo, tên là Mễ Niên, đầu đội mũ kiểu thời Đường, mặc áo thụng, lắc được quẻ Cấn. Thủy Nguyên hỏi:

- Ông cần gì?

- Tôi cần lấy vợ. - Mễ Niên trả lời. - ông xem người ấy có phúc, có duyên, có thuận hòa với kẻ trên người dưới không?

- Nếu không phải là vợ cả thì đều tốt. - Thủy Nguyên nói: - Cậu có nghĩa là

gặp, năm dương mà gặp một âm, chứng tỏ âm vượng, dương châu. Vả lại hôm nay là Thanh long đẹp đường, chim chu tước im tiếng hót, chim loan đỏ trông coi việc, sao khiến nguờ ngu gât, hẳn là người vợ cả phẩm hạnh kém, mà lại có biểu hiện vô cùng tốt, chỉ có điều về mặt trình tiết kém một chút.

Cát Thủy Nguyên nói thế, Mễ Niên vô cùng sung sướng, nghĩ bụng: "Quê này nói rất đúng" rồi lại nói ngày sinh tháng đẻ của mình để xem số phận của cả đời. Mệnh thuộc long, sinh vào giờ Giáp Tí, ngày Kì Mão, tháng Bính Dần, năm Giáp Thìn.

Thủy Nguyên viết tám chữ ấy theo hàng, xem xong rồi nhìn Mễ Niên nói:

- Tám chữ tạo nên sự kì lạ khó mà nói hết, tám chữ bổ sung cho nhau, sánh bên nhau, sự thịnh vượng cứ như ủa cả đến. Hiêu thần, Niết thần ra sức giúp đỡ việc ăn uống, Tử Vi không mời mà tự đến. Mệnh thuộc loại hèn kém không thể tính hết được. Nhưng vận phú quý chẳng gì cao hơn thế. Ông là người quê ở đâu thế?

- Xin cảm ơn ngài đã có con mắt tinh tường. - Mễ Niên nói. - Nhất định sẽ có ngày đền đáp công ơn.

Mễ Niên nhét quẻ thẻ vào tay áo, cảm ơn Thủy Nguyên, rồi ra đi. Đúng là:

Bế tắc, thông suốt đều do mệnh

Suy đoán sau này sẽ biết thôi.

Hôm sau Thủy Nguyên cất biển đi. Nghĩ rằng: "Mệnh đoán hôm qua là mệnh hết sức thấp hèn, mà cái vận thì vô cùng kì lạ quả thực đoán không ra, khiến người ta chê cười. Chi bằng hãy gắng công học tập, chuẩn bị kì thi cho tốt".

Thi hương xong, yết bảng đề danh, anh xếp thứ hai trong số bảy người. Người trong làng ai cũng kinh ngạc nói: "Cát Tiên sinh đã đỗ rồi! : Họ đến chúc mừng, song ông vẫn tiếp đãi lạnh nhạt như cũ. Mấy ngày sau, những

người tôn ông làm thầy, cũng chưa đưa chút lễ vật nào, bạn đồng khoa cũng không ai muốn gặp. Ông khăn gói lên đường tới kinh đô. Đúng là:

*Đô thành mưa tạnh buồn vô hạn,
Quán trọ đèn tàn khách mộng mơ.*

Không ngờ thi Hội xong, Thủy Nguyên lại đỗ tiến sĩ. Mặc dù là người đỗ cao trong kì thi Hội, song ông vẫn lo âu buồn bã. Ông thấy triều đình rối ren, quan lại ở địa vị cao đều hòa theo thế tục, coi việc nước như trò đùa. Họ bày cỗ linh đình, cúng tế trời đất tổ tông, viết hai câu thơ nguyên, nhưng lại không hề thực hiện. Họ làm thế, là muốn tô vẽ thêm cho mình. Hai câu ấy như sau:

*Nguyện dốc sức mình cho đất nước,
Tuân theo phép tắc phục vụ dân.*

Thủy Nguyên ở lại kinh đô, lấy người vợ kế là Thị Cầm, và được bổ làm Tri huyện Tức Mặc, Sơn Đông. Khi tới nhậm chức, ông mở mang trường lớp, nâng đỡ việc học tập, trừ phi thừa hành lệnh cấp trên ra, ông thường không dùng hình phạt nặng. Khi thừa hành chức trách, không bao giờ ông nhận lễ vật. Đúng là quan thanh liêm chỉ uống nước lã. Ông là người ôn hòa, tài năng mẫn tiệp. Bằng tài năng ấy, ông đã tìm ra nhiều sự việc rắc rối liên quan đến trộm cướp, và số phận con người. Tôi sẽ kể lại một vài câu chuyện đã lưu truyền trong dân gian mà chính sử không ghi chép, để chúng ta thấy được sự tinh vi thận trọng trong cuộc đời làm quan của ông.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 3 (B)

Một người nhà quê mang một con ngỗng còn sống đi thăm người thân. Anh ta để ngỗng xuống vệ đường đi tiểu tiện. Tên trộm đi tới xách lấy con ngỗng, rồi đem cân. Khi người nhà quê đuổi kịp, hai bên giăng co đánh chửi nhau. Vừa lúc ấy quan Bồ sảnh Hồ Bá Liên đi tới. Mọi người đều thưa lên quan, quan Tổng bố Hồ nói:

- Ngỗng không nói được, các anh hãy khai xem nó nặng bao nhiêu?
- Bẩm quan, - anh nhà quê nói, - cách đây nửa tháng con cân được bốn cân bảy lạng.
- Bẩm quan, - tên trộm nói, - con ngỗng của con là năm cân ba lạng.

Hồ Bá Liên lấy cân cân thử. Đầu tiên ông đặt quả cân vào chỗ bốn cân bảy lạng, cán cân vọt lên. Ông nhích quả cân đến chỗ năm cân ba lạng, cán cân ngang bằng như mặt nước. Thế là ông ta quở trách người nhà quê nọ, trả ngỗng cho tên trộm. Xử xong ông bỏ đi. Nhưng anh nhà quê quyết không chịu mất ngỗng. Hai bên vẫn giăng co. Đúng lúc đó Cát Công đi tới, hai người ngăn ông lại, quỳ xuống bẩm. Tên trộm bẩm lại quyết án của quan Bồ sảnh, còn người nhà quê chỉ biết khóc lóc kêu xin thảm thiết. Cát Công nghĩ rằng: "Một người thì vô cùng giáo hoạt, một người thì chất phác thật thà. Nếu không phải ngỗng của mình thì tại sao anh ta lại cố công giành lại bằng được như thế?". Cát Công nói với tên trộm rằng:

- Anh nói đúng trọng lượng con ngỗng thì đương nhiên con ngỗng ấy là của anh rồi. Con ngỗng của anh ăn gì mà béo thế?
- Nó ăn cám. - Tên trộm nói.
- Ngỗng của anh ta rồi. - Cát Công bảo với anh nhà quê. - Nhưng anh thử đoán xem con ngỗng ăn gì.
- Nó ăn thóc. - Anh nhà quê nói.

Cát Công sai người lấy dao mổ điều ngỗng, chỉ thấy điều toàn thóc lép. Cát

Công hỏi tên trộm:

- Vì sao trong điều ngỗng chẳng thấy chút cám nào?

Tên trộm khầu đầu nhận tội. Ông sai người đánh cho hắn ba mươi tay thước, cùm một tháng. Hóa ra hắn là Mao Giáp Thủ, một tên trộm nổi tiếng, song không che được mắt Cát Công.

Lại có một lần, tên trộm lọt lỏi Hàn Lâm Quý, dò la biết được một nhà giàu cưới vợ. Nhân lúc đông người hắn lẻn vào buồng cô dâu, nấp dưới gầm giường. Tối đến, đôi vợ chồng mới cưới đóng cửa đi ngủ. Ở dưới gầm giường, hắn nghe hết cả những chuyện riêng tư thầm kín của đôi vợ chồng. Một lát sau, anh chồng ngủ, ngáy gồ vang nhà. Tên trộm thấy yên ắng, bèn khê sọt soạt đánh động thăm dò. Cô dâu mới vẫn còn tỉnh, thấy lạ lại sợ xấu hổ không dám gọi chồng. Tiếng động mỗi lúc một rõ hơn, cô mới lay người chồng dậy, nói:

- Dưới gầm giường có tiếng động.

Tên trộm im thin thít không dám cựa quậy. Anh chồng nói:

- Có thấy gì đâu?

- Hay là đốt đèn soi xem. - Cô vợ nói.

Thế rồi họ gọi người ở đốt đèn. Quả nhiên thấy có người nấp dưới gầm giường, họ gọi người nhà lôi ra, lấy thùng trối lại. Bị đánh túi bụi, tên trộm nghĩ ra một kế, nói:

- Các vị đừng đánh nữa, không phải tôi vô cớ mà đến đây. Chính người vợ mới cưới của anh ấy bảo tôi đến. Cô này ở nhà đã từng ăn nằm với tôi, hẹn tôi đúng vào ngày cưới đến phòng để tiếp tục thú vui xưa và hứa tặng đồ nữ trang cho tôi.

Mọi người nghe xong, toát mồ hôi, hết sức kinh ngạc, bán tín bán nghi, muốn bịt mồm hắn lại, nhưng không được. Trong buồng, cô dâu nghe thấy mặt đỏ bừng, không sao thanh minh được, phải treo cổ tự tử. May mà người chồng cứu được, rồi anh an ủi rằng:

- Em không phải là loại người như thế, nếu chết đi sẽ không rõ trắng đen, em tự vẫn khiến người ta nghĩ, do xấu hổ mà làm thế. Nếu quả là tên trộm

ngâm máu phun người, thì nhất định em sẽ được minh oan, qua sự việc vừa rồi anh biết, em là người vô tội.

Cô dâu nghe thấy chồng nói thế, đành nhẫn nhục không tự vẫn nữa. Tuy cả nhà đều cho là tên trộm vu tội, nhưng ngay người ngu đần nhất cũng không thể không ngờ vực: "Không có lửa thì sao có khói. Nếu không chuyện, thì hẳn chỉ nhận là ăn cắp. Còn đặt điều cho cô dâu, thì tội càng nặng, gỡ sao nổi". Mọi người thấy thế càng nghi hoặc. Đúng là:

*Mẹ Tăng nghe thấy ba lần nói,
Lầm tưởng Tăng Sâm giết chết người.*

Hôm sau người ta giải tên trộm lên quan xét xử. Cát Công chưa hỏi, tên trộm đã khai như hẳn nói tối qua. Cát Công quát:

- Đêm tối vào nhà người ta không gian dâm thì là đạo tặc, đó là luật pháp đã định. Người đã nhận là gian dâm, thì không phải là tội nặng. Chờ bắt người đàn bà kia tới, sẽ định tội.

Rồi ông cho hẳn vào nhà giam. Cát Công rời khỏi công đường. Đến canh hai, ông bí mật gọi một người lính lệ thì thầm với anh ta một hồi... rồi ông lập tức ra sau nhà gọi một cô gái ăn mặc thật đẹp, giao cho viên lính lệ. Thế rồi ông lên công đường bắt tên phạm nhân quỳ trước mặt, và cho gọi cô gái vào, cũng bắt quỳ xuống. Cát Công nói:

- Việc gian dâm chưa có chứng cứ, nay đã bắt người đàn bà này tới, hai người phải nói thẳng ra với nhau, thì sẽ miễn tội.

Người đàn bà tỏ vẻ xấu hổ, ấp a ấp úng, hồi lâu mới nói:

- Con là phận gái luôn giữ mình, làm gì có việc đó, song chỉ thương cho con oan khuất mà không sao minh oan được!

Tên trộm len lén nhìn qua ánh đèn, thấy một người con gái dáng vẻ là lượt, bèn dùng những câu thơ bỉ nói xấu cô:

- Tôi đã ăn nằm với cô mấy lần, chính mồm cô bảo tôi rằng, đến hôm cưới, thừa lúc đông người, trốn vào gầm giường trong buồng, rồi cô sẽ tặng cho những đồ trang sức bằng vàng, sao bây giờ cô lại chối phắt đi như thế?

- Tội gian dân đã quá rõ ràng. - Cát Công nói.

Ông bảo tên trộm quỳ xuống bên cạnh cô gái, để trực tiếp đối chất Tên trộm quỳ sát vào cô gái nói:

- Cô với tôi gần bó khăng khít, đã thông dân với nhau nhiều lần. Cô đã bảo tôi như thế, vậy mà bây giờ cô lại không chịu nhận, cô đã hại tôi, bắt tôi phải nhận là tên ăn trộm, tôi dù có chết cũng không tha cô.

Người con gái một mực kêu oan. Cát Công bảo tên trộm rằng:

- Nhất định anh đã thông dân với người khác rồi, còn cô gái này chắc là vô can.

- Bẩm quan, - tên trộm nói, - quả là cô ta thông dân với con từ lâu rồi. Con thông thuộc tiếng nói và nét mặt của cô ta, đúng là cô ta chứ không phải ai.

- Có thật đúng như thế không? - Cát Công hỏi.

- Đúng, đúng, đúng ạ, bẩm quan đèn trời soi xét. - Tên trộm nói.

Cát Công sai người kẹp tên trộm lại, tên trộm vẫn không chịu nhận. Cát Công cười ha hả nói:

- Người có còn nói người đã thông dân với người ấy nữa không? Đây chính là người gái hầu trong nhà môn của ta.

Ông bảo cô gái hầu đứng dậy, cô gái khúc khích cười rồi đi vào nhà trong. Cát Công nói:

- Ta đã biết ngay mày là tên trộm.

Lúc đó ông lại gọi năm người đầy tớ, dùng gậy đánh chết. Chưa đầy một giờ đồng hồ, tên trộm tắt thở. Đúng là:

Phép quan ba tấc kiếm,

Biến oan rửa sạch lâu.

Cha mẹ cô dâu thấy mỗi nhân duyên lỡ dở, ngay hôm sau đến huyện đường nghe ngóng. Thấy việc chưa giải quyết xong, họ vô cùng buồn bã. Họ không ngờ Cát Công đã vạch trần sự gian dối và xử tử tên trộm. Hai nhà mừng rỡ, chờ khi Cát Công mở cửa công đường, họ đội lễ, thắp hương vào bái tạ.

Các bạn thân mến, tên trộm ấy quả là ghê gớm. Hẳn tức giận vì cô dâu ấy đã gọi chồng dậy, nên nảy ra kế hiểm, hại cô. Hẳn tưởng rằng sẽ không mang tiếng là đưa ăn trộm, mà lại trả thù được cô dâu. Làm cho hai nhà

lâm vào vụ án lớn, khiến cô dâu phải quyên sinh. Song không ngờ, hắn gặp phải Cát Công, mưu trí tài giỏi. Ông không phí đến một tờ giấy, không cần gọi người của hai nhà, mà cô dâu được giải oan. Nếu như gặp một viên quan huyện ngu tối, gọi cô dâu tới công đường thì không biết sự thế sẽ ra sao. Thấy ông trí tuệ khôn lường, chỉ trong phút chốc sự việc được giải quyết, nhân dân cả huyện đều khâm phục sự thông minh sáng suốt của ông. Quả là:

Đục ngẫu ta ngộ mè là chếp.

Trong veo, thấy chúng khác hẳn nhau.

Thời gian trôi đi rất nhanh, mới thoáng cái mà đã năm năm. Cát Công nhận được giấy gọi về kinh đô. Đúng hẹn, ông cùng vợ con lên đường. Khi kiệu tới bến đò, thấy một tốp thư sinh nhảy bừa lên thuyền, người chủ thuyền ra sức kêu oan. Vừa lúc đó Cát Công đi tới, ngồi trong kiệu hỏi:

- Có việc gì thế?

- Chúng tôi đi thi, - bọn tú tài nhao nhao nói, - bị chủ thuyền lấy cớ, không liên can gì đến thân hào.

- Ta là Cát Thủy Nguyên, các anh có nhận ra người thân hào này không?

Mọi người thấy đó là Cát Công, cảm thấy nhờn nhờn, mặt nhăn nhó như khi ăn gừng. Cát Công gọi chủ thuyền và bọn tú tài tới ngay dịch trạm xét hỏi. Cát Công vừa ngồi xuống, năm anh tú tài thưa:

- Chúng con là khóa sinh đến phủ dự thi, đã thuê chiếc thuyền này để ăn nghỉ. Thừa lúc chúng con đi thi, chủ thuyền lấy trộm hết quần áo tư trang.

- Năm ông này thuê thuyền của con, - chủ thuyền nói. - Họ nói thuê trong một tháng, trả mười lạng bạc. Tính đến nay đã được hai mươi bảy ngày, thế mà các ông ấy bớt của con mất ba lạng.

- Các anh này ở thuyền của anh, - Cát Công nói, - thì anh phải có trách nhiệm coi giữ, nếu để mất thì anh thoái thác sao được. Anh phải hiểu rằng ở thuyền thì một chiếc kim cũng chẳng thể nào lọt được.

- Các ông ấy còn cử hai người ở lại trông coi. - Chủ thuyền nói.

Cát Công không nghe, gọi tay chân cùm chủ thuyền lại. Cát Công lại hỏi

những tú tài:

- Các anh có làm đơn kiện không?

- Có. - Bọn tú tài đồng thanh trả lời.

Cát Công bảo họ mang đơn tới, thấy trong đơn liệt kê tất cả quần áo, lò hương, và một chiếc nghiên mực. Cát Công gật gật đầu nói:

- Đã là tú tài thì ta sẽ dạy các anh một bài học.

Lập tức ông gọi dịch phu mang năm chiếc ghế đặt cách xa nhau, và mang nghiên, bút giấy phát cho cả năm người. Ông đuổi hết mọi người ra, rồi ngồi vào giữa. Những tú tài cứ tưởng là làm văn thật, rất muốn trở tài, lặng lẽ chờ ông ra đề. Cát Công lấy một tờ giấy viết: "Các anh hãy vẽ chiếc nghiên đã mất, không cần phải viết văn cho một nhọc". Năm anh tú tài ngồi cách nhau quá xa, không biết vẽ thế nào. Ngồi một lúc lâu, đành phải tự vẽ. Thấy mỗi người vẽ một khác, Cát Công cười phá lên, nói:

- Làm tú tài trước hết phải rèn luyện bản thân, đừng làm trò vô liêm sỉ, táng tận lương tâm. Nếu để bọn các anh chặn dân, thì các anh là lũ tham quan ô lại, bòn rút của dân. Để các anh chấp chính thì sẽ trở thành kẻ phản nghịch lật đổ triều đình. Cớ sao một chiếc nghiên mực mất mà mỗi người vẽ một khác? Ba lạng bạc tiền thuê thuyền chẳng đáng là bao, song thật đáng tiếc, các anh đã làm bằng hoại đạo đức.

Năm gã tú tài cứng họng, đưa mắt nhìn nhau, đứa nào mặt cũng vàng như nghệ, không dám ho he. Cát Công bèn cho gọi hai tên gia nhân của bọn tú tài tới bảo:

- Chủ các anh mỗi người đáng chịu mười cái tát, còn các anh, tôi mượn cái móng đít.

Hai người kia ra sức kêu gào xin tha tội, song chẳng ai thương. Họ vẫn phải nhận đủ hai mươi lăm gậy. Năm gã tú tài kia phải khai rõ họ tên, báo lên quan Đề học(1) xử lí. Từ đó tiếng tăm Thủy Nguyên lại càng lan truyền khắp trong triều ngoài nội. Sau vụ xử đó ông lại tiếp tục lên đường về kinh, vừa đúng hạn. Thật là:

Xe loan dừng tại đô đình,

Mà ông vẫn kịp về kinh đúng ngày.

(1) Đề học: quan trọng coi việc học hành tại phủ huyện.

Tri huyện Cát trở về kinh đô được thăng lên Lại khoa Cấp sự. Thời ấy hoàng đế Chính Đức rất ngu ngốc. Ông ta làm đủ điều hoang dâm thất đức. Cát Thủy Nguyên dâng sớ thẳng thắn can gián, song vẫn như đá ném ao bèo. Ông nghĩ: "Làm sao gặp được hoàng đế, để nói hết những sai lầm của ông cho hả dạ, xử tử hết những kẻ xu nịnh hoàng thượng, thì dù cho mình thịt nát xương tan cũng cam lòng!".

Một hôm người ta thấy Cát Thủy Nguyên mặc thường phục, đi lang thang trên đường phố. Đang đi ông nhìn thấy một người đội mũ vuông, mặc áo hoa đi ô cầm một tấm thảm, ông lững thững theo sau, thì thấy đó là Mễ Niên người đã từng được ông xem tướng trước đây. Dáng vẻ sang trọng, giống như một người rất đặc ý. Cát Nguyên cứ theo, cho đến khi ông ta vào một kĩ viện. Đây là kĩ viện nổi tiếng nhất thời bấy giờ, gọi là Tiêu Lang viện. Đường vào kĩ viện rất vắng vẻ và ngoắt ngoéo, bên trong thoáng đặng và cực kì tráng lệ. Cát Thủy hỏi thăm rất tỉ mỉ. Thấy người chủ kĩ viện là một cô gái phấn son, tên là Tiết Phượng Nhi. Hoàng đế Chính Đức thường lui tới đây ân ái với nàng và lại biết Mễ Niên là một Giáo phường ti, quyền uy lẫy lừng, miệng thét ra lửa. Trở về nhà, Cát Thủy Nguyên nói với vợ là Thị Cầm rằng:

- Tôi phải đi thăm một người bạn cũ, mấy ngày mới về. Phủ quan có tới, thì bảo là tôi ốm chưa khỏi, không thể tiếp kiến được.

Hôm sau ông sai cấp dưới đến cáo bệnh xin nghỉ. Tối đến ông đội mũ, mặc áo xanh tới Tiêu Lang viện. Tới nơi, ông hỏi:

- Ngài Mễ Niên có ở đây không, nói với ông là có người bạn cũ tới thăm.

Người đó trở vào, lúc sau thấy Mễ Niên cầm hai cây nến đỏ bước ra, vái chào Cát Công rồi hỏi:

- Ngài ở đâu tới, xin ngài cho biết tính danh.

- Trước đây sáu năm, - Thủy Nguyên trả lời, - tôi từng xem tướng cho ngài. Nay ngài vô cùng giàu sang, đã quên tôi rồi ư?

Mễ Niên dơ ngọn nến nhìn kĩ, nói:

- Đúng rồi! Ngài là Cát Tiên sinh ở Giang Tây phải không? Đúng là tôi tốt số. Chẳng giấu gì tiên sinh, từ khi lấy người đàn bà ấy, quả là tôi đã gặp được vận may hiếm có.

Rồi Mễ Niên lại ghé vào tai Cát Công nói:

- Đúng là tôi phải đền đáp lại công ơn của ông, ông đến thật là đúng lúc, thật tuyệt diệu. Tại sao tiên sinh không ở đây hành đạo?

- Chẳng giấu gì ngài, - Cát Công nói, - tôi đang bị người ta kiện, nên trốn tới đây, không tiện xuất đầu lộ diện, muốn giấu mình tại quý viện để lánh nạn. Được nghe hoàng thượng thường tới nhà ông, sao không để tôi nhìn một chút xem ngài như thế nào, đó chính là niềm may mắn của đời người.

- Điều đó có khó gì, - Mễ Niên nói. - Hoàng đế thường cùng với chúng tôi chơi trò phạt rượu(1). Hôm nay là ngày mười ba tháng chín, ngày rằm nếu như có trăng, thế nào hoàng thượng cũng đến. Muốn tới gần, chỉ cần ngài chịu nhận làm người hầu chải đầu sửa móng chân là được.

- Chỉ cốt được gần hoàng đế, thì bất kể làm gì cũng được. - Cát Công nói.

(1) Phạt rượu: một loại trò chơi mua vui khi uống rượu.

Bàn bạc xong, bèn lưu Cát Công ở lại, tạm thời gọi Cát Công là Phúc Man.

Quả nhiên, ngày mười rằm trăng rất sáng, trong kĩ viện nơi nào cũng treo đèn, các loại hương liệu quý hiếm đốt lên thơm lừng. Đêm càng trở nên tĩnh mịch, một đoàn người trong hoàng cung, tiền hô hậu ủng quanh một chiếc xe có rèm, mui xe làm bằng the màu tía đi thẳng vào sảnh đường. Thiên tử từ trong xe bước ra, dáng vẻ oai nghiêm như rồng, như hổ. Hai đứa hầu cầm đèn soi, còn thiên tử một mình đi sau. Mễ Niên quỳ dưới đất, đón vào. Cát Công đứng đằng sau khe cửa nhìn thấy hết, ông nghĩ: "Hoàng đế thật chẳng đúng đắn chút nào, tại sao lại đến mức như thế?". Một lát sau, Mễ Niên tới báo Cát Công rằng:

- Ngài có thấy hoàng đế không?

- Nhìn rất rõ. - Cát Công nói.

- Ngài có thể tới đứng bên cạnh Lộ đài, phía vườn sau, - Mễ Niên nói, - có

cơ hội tôi sẽ gọi vào.

Theo lời Mễ Niên, Cát Công tới Lộ đài, ở đó chỉ có một đôi đèn lồng. Đang chờ ở đó, chợt Cát Công thấy hoàng đế Chính Đức dẫn kỹ nữ Tiết Phương Nhi đến. Nàng đi uyển chuyển, nhẹ nhàng như tiên nữ, tới Lộ đài ngắm trăng.

*Nhẹ tựa mây vờn lồng bóng nguyệt,
Thường Nga dáng vẻ luống mơ màng.*

Trên Lộ đài bày chiếc ghế khảm trai rất rộng, một chiếc bàn bằng gỗ tử đàn, một chiếc đôn sứ. Trên bàn bày lư hương, hộp hương liệu, ấm trà và khay chén. Mễ Niên theo sau, quỳ xuống nói:

- Giáo phường ti Mễ Niên có việc bẩm với hoàng thượng. Thần mới thu nhận được một thằng hầu chải tóc, sửa móng chân, tên là Phúc Man, xin được cho vào hầu hạ.

Phúc Man bước tới cúi đầu, rồi đứng sang một bên. Ngài Chính Đức dặn dò Mễ Niên rằng:

- Sau này phải dặn những người trong viện không được tiết lộ những chuyện hoàng đế đã đến đây chơi, bọn quan lại lắm mồm lại can gián trẫm. Hôm trước có một viên Lại khoa cấp sự tên là Cát Ngu, dâng lên một bản tấu sớ cứ làu bà làu bàu nói trẫm như Kiệt Trụ, can hệ đến xã tắc. Nói về việc trẫm đến hạnh viện, ngay cả Kiệt Trụ cũng không đến mức như thế! Quả là hăn to gan lớn mật, khiến ta vô cùng tức giận. Trẫm phải xử tội hăn. Song các quan trong triều nói rằng hăn là một viên quan thanh liêm bậc nhất, gọi hăn là Cát Chiếu Đản, mọi người ai cũng sợ hăn. Trẫm đành phải tha tội chết cho hăn. Ngày mai trẫm phải đích thân hỏi hăn, rằng hăn thấy trẫm đã hạnh viện ở đâu, để bịt mồm hăn lại.

Cát Thủy Nguyên nghe thấy kinh sợ, lạnh toát mồ hôi. Ông nghĩ: "Ai ngờ rằng hôm nay Cát Nguyên được may mắn, đều do ân đức cao dày của hoàng thượng!". Ông vô cùng cảm kích, muốn làm việc gì đó, đưa thiên tử khỏi chốn chơi bời, để báo đền công ơn. Đúng là:

*Thánh thượng khoan dung người cường trực,
Sao ta dám tiếc vạ ngôn thư.*

Một lát sau, đêm khuya, trăng lạnh, ông cầm đèn đưa hoàng thượng về lầu sưởi ấm. Tấm lòng trung nghĩa của Cát Thủy Nguyên bỗng chốc trời dậy, rồi nhanh chóng nghĩ ra mưu kế. Chờ đêm yên ắng tĩnh mịch, ông tới nhà bếp phóng hỏa. Hôm ấy gió thu đang thổi mạnh, ngọn lửa ngàn ngạt bốc cháy. Cát Thủy Nguyên xông vào phòng sưởi ấm, kêu thất thanh:

- Cháy nhà! Cháy nhà! Nguy cấp! Nguy cấp! Hoàng thượng ngự tại đâu?

Chỉ thấy a hoàn chạy ra khỏi cửa nói:

- Đây! Ở đây!

Cát Thủy Nguyên nhận ra, vội vã công vua vượt qua ngọn lửa chạy vọt ra ngoài. Mế Niên thấy ông công hoàng thượng nói:

- Ngài hãy hầu hạ hoàng thượng chu đáo.

Cát Thủy Nguyên vâng dạ. Mọi người vội vàng dập tắt ngọn lửa.

*Dặm xa đường thăm hay ngựa quý,
Năm tháng dài lâu biết lòng người.*

Các bạn thân mến, tấm lòng trung nghĩa của Thủy Nguyên, phải nhờ vào tình thế khẩn cấp. Ông công hoàng đế Chính Đức về nhà, gọi người mở cửa, mời hoàng đế ngồi vào ghế chính giữa. Một mặt đuổi những người chạy theo về Tiêu Lang viện, báo cho người đến đón hoàng thượng. Chính Đức nói:

- Người là Phúc Man của nhà Mế Niên ư?

- Thần đội ơn thánh thượng. - Cát Thủy Nguyên cúi đầu nói. - Thần đồ hoàng giáp tiến sĩ, rồi được bổ làm Lại khoa Cấp sự Thần là Cát Ngu, đội ơn hoàng thượng, đã có tấm lòng nhân từ tha tội chết.

Chính Đức kinh sợ nói:

- Trẫm hỏi người, làm sao mà người lại ở nhà Mế Niên? - Thần từng nghe, - Cát Nguyên đáp, - hổ không thể xa rời núi, rồng không thể xa rời biển.

Thánh thượng là đấng chí tôn, lại hạ mình chơi bời, lửa cháy còn là việc nhỏ, nếu chẳng may xảy ra điều bất trắc, thì ai là người dám chết để bảo vệ bệ hạ? Quả thực thần lo thay cho bệ hạ, nên không sợ mình chịu nhục, vào giáo phòng, thay đổi họ tên để bảo vệ hoàng thượng. Việc xảy ra hôm nay quả thật là một bài học lớn.

Cát Ngu quỳ dưới đất, ra sức can gián, rồi khóc nức nở. Chính Đức bồng thấy được lòng trung thành của ông, nói:

- Trẫm đã biết được nỗi khổ tâm của người, từ nay về sau trẫm sẽ sửa chữa.

Nói xong, người trong hoàng cung đã tới đón. Hoàng thượng lên chiếc xe rèm tía về cung thì lúc đó đã vào canh năm.

Ngày hôm sau, Chính Đức cất nhắc Cát Ngu lên nhậm chức Đô sát viện. Từ đó về sau, những người có việc làm sai trái, nghe nói đến ông đều phải sợ hãi. Họ nói với người xung quanh rằng: "Nhất thiết đừng để cho Cát Chiếu Đan biết".

Các bạn thân mến, khi Cát Thủy Nguyên còn làm tú tài, ông luôn giữ tiết tháo thanh cao, khi thi đỗ ông thề rằng: "Nguyên dốc lòng với triều đình, không thể bẻ cong luật pháp". Thờ vua trị dân, rốt cục vẫn không xa rời hai câu ấy. Đó là kẻ sĩ không đánh mất lương tâm. Vợ ông là Thị Cầm sinh được một người con trai, thời trẻ đỗ đầu khoa, làm quan tới chức thượng thư, trở thành một gia đình quan lại thanh liêm ở Dự Chương. Chuyện được ghi lại trong cuốn *Cô song thanh dạ lục* của Trương Lăng Nhai. Thờ rằng:

*Xưa nay vốn vô sự,
Suy Vưu(1) chế ra cung.
Làm quan cần nhân ái.
Phò vua phải hết lòng.
Trời rét hay từng bách.
Thanh cao biết gõ đồng.
Tú tài trong thiên hạ.*

Chẳng kể cùng hay thông.

(1) Suy Vưu: nhân vật trong truyền thuyết Trung Quốc.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 4 (A)

Kết Nghĩa Thật, Triệu Tương Gửi Mẹ Và Gửi Vợ
Giả Can Trường, Tưởng Vân Cửa Phật Trộm Phấn Sơn

Thơ rằng:

*Ai bảo kết giao dễ,
Kết giao thật khó thay.
Kết vàng hơn kết ngãi,
Kết mặt khó kết lòng.
Dương Tá không xuất hiện,
Phạm Trường chẳng thấy đâu.
Thường thì rượu thịt, tối mắt lại,
Hễ thấy tiền bạc lòng nhuốc nhơ.
Luôn luôn lật lọng như sóng vỗ,
Biết bao bè bạn thành kẻ thù.
Xin anh hãy rót cho tràn chén,
Lắng nghe tôi kể chuyện đời nay.*

Bài thơ này nói về lòng dạ người đời thật khó lường. Việc kết giao bè bạn khó vô cùng. Tình bằng hữu là một trong năm mối quan hệ của con người. Sĩ, nông, công, thương là căn cứ vào sự giống nhau mà xếp ra từng loại. Song bản thân những người cùng loại ấy rất hiếm khi trở thành bạn bè thân thiết. Chỉ thấy đạo của người xưa ngày càng suy vi, nhân tình ngày càng kiêu bạc. Những người trọng nghĩa khinh tài, hào hiệp cứu giúp người hoạn nạn quá ít. Những người dựa vào tiền của nhiều hay ít mà thân thiết hay lạnh nhạt lại nhiều. Bởi thế, mối giao lưu giữa những người giàu sang với nhau thì lâu bền, còn mối tình giữa những người giàu sang với người nghèo thì đứt đoạn. Trước cao sang, sau nghèo hèn cũng đứt đoạn. Khi họ thành đạt và giàu có ngang nhau thì họ thân thiết hòa hợp, nhận nhau như ruột

thịt. Lúc đầu còn hơn cả Quán, Bão(1). Đến khi gặp nạn, đột nhiên khốn khó, mong được bạn bè giúp đỡ thì họ trở mặt, coi như người xa lạ. Thậm chí sợ tai họa liên lụy tới mình, gặp bạn lại nói xưa nay không hề quen biết, đó lại là loại người vô đạo đức. Song trên đời này, những bọn hiểm độc luôn luôn thừa lúc bạn bè hoạn nạn, bề ngoài thì tỏ ra hào hiệp, nhưng ngầm ngầm dựa vào đó để kiếm lợi. Họ vờ vịt thề bồi, nhưng chỉ chờ bạn lâm nạn, rồi ra tay vơ vét. Có ruộng vườn của cải thì họ bòn rút, có vợ đẹp thì họ chiếm đoạt. Tình nghĩa bạn bè như thế há chẳng đau lòng sao. Bởi thế, xưa kia Chu Mục đã viết bài luận bàn về sự tuyệt giao tại cửa dinh thự Địch Công. Đỗ Công Bộ(2), khi còn ở Trường An, mỗi khi bị bạn bè cũ bạc tình, ông làm một bài cổ thi, trong đó có đoạn:

*Tay ngửa thành mây úp thành mưa
Cuộc đời giở mặt đến thế ư?
Quán, Bão thân nhau dù nghèo xác
Tình nghĩa ngày nay vứt bỏ rồi.*

(1) Quán, Bão: Quán Trọng, Bão Thúc Nha thời Xuân Thu. Hai người rất thân thiết với nhau.

(2) Đỗ Công Bộ: Đỗ Phủ thời Đường.

Theo bài thơ ta thấy thói đời bạc ác, tình bạn đâu còn thủy chung. Từ xưa tới nay phần lớn đều như vậy. Tuy nói thế, song lẽ nào trên thế gian không còn đáng trọng phụ nào, biết giữ lời hứa, quả cảm, trọng nghĩa khinh tài? Trong quan hệ bạn bè kẻ hại bạn thì nhiều, làm lợi cho bạn thì ít, nên khi kết bạn cũng phải tìm hiểu người ấy có tốt không, sau đó mới kết nghĩa bạn bè. Đừng nhẹ dạ cả tin mà bị người lừa dối, trước mặt mà, sau thì hiểm khích, đến lúc hối hận cũng không kịp. Gần đây có một chàng trai, cũng vì cả tin mà chơi thân với bọn trộm cướp, về sau vợ chồng lìa bỏ nhau, bản thân bị tù tội, tánh mạng khó bảo toàn.

Chuyện này xảy ra tại huyện Hoa Đình phủ Tùng Giang. Người ấy là Triệu

Tương, hiệu Quân Phủ. Cha mất từ lúc mười hai tuổi. Mẹ là Vương thị lúc đó mới hai mươi bảy tuổi, phải vất vả, lo toan nuôi nấng con nên người. Đến tuổi trưởng thành, anh lấy Phùng thị, một người vợ có nhan sắc. Ba người đều sống dựa vào gia tài của ông cha để lại. Một người láng giềng tên là Đồng Cận Tuyền làm nghề thợ may, hễ trong làng có việc ma chay hoặc cưới xin... đều thấy có mặt ông ta. Dựa vào tuổi cao, Đồng Cận Tuyền thường đứng ra thu tiền mua sắm lễ vật. Đây là việc chung của mọi người, nhưng vì sao Đồng Cận Tuyền lại một mình chịu vất vả như thế? Số tiền mừng hay phúng viếng, có khi chỉ thu một đồng, nếu lễ hậu thì thu hai đồng. Làm người đứng đầu, không những mình không phải nộp, mà số người đóng góp đông lên thì có thể bớt xới được chút ít cho riêng mình. Khi chủ nhà chuẩn bị cỗ bàn, ngoài việc được ăn cỗ ra, hôm sau dọn dẹp nhà cửa cũng phải mời ông ta tới ăn. Vì béo bở như thế, nên Đồng Cận Tuyền thường dò hỏi xem nhà nào mừng thọ, nhà nào sinh con... thế rồi ông bỏ việc nhà, lui tới nhà đó bắt thân.

Một lần ông ta tất tả đến nhà Triệu Tương nói:

- Nhà họ Lí bán rượu phía đông làng, đêm qua đã dọn đi rồi. Tối nay sẽ có một người họ Tưởng từ Nam Môn dọn nhà tới đó. Nghe nói anh Tưởng tuy tuổi không cao, nhưng rất hiếu đời. Mấy nhà chúng ta góp mỗi người một ít tiền để mừng anh ấy, xin anh góp một phần.

- Việc này ta nên làm. - Triệu Tương nói. - Nhưng mỗi người phải bỏ ra bao nhiêu mới đáng.

- Theo mọi người thì ta nên bỏ ra trước mỗi người một đồng rưỡi. - Đồng Cận Tuyền nói. - Đến khi xong xuôi hãy tính toán.

Thế rồi Cận Tuyền thu tiền ngay, tự đi mua sắm lễ vật, không cần tính toán chi li.

Người họ Tưởng, tên húy là Vân, thuộc hàng thứ ba, tên thường gọi là Phạt Ca, tên chữ là Công Độ. Ông, cha ba đời đều làm viên lại ở phủ này. Tài sản để lại đáng giá ngàn vàng. Chỉ vì Tưởng Vân còn trẻ đã mồ côi cha nên không được dạy bảo, chơi bời cờ bạc. Chưa đến đời thứ ba thì tài sản ông

cha để lại đã khánh kiệt. Từ đó sinh ra buồn chán, chỉ sống dựa vào đơn từ kiện cáo của người khác. Hôm ấy anh ta dọn nhà, Đồng Cạn Tuyên đưa lễ tới mừng. Tưởng Vân vui vẻ nhận lễ, chọn ngày mang danh thiệp tới mời, bày biện cỗ bàn thịnh soạn. Đêm ấy, khách ăn uống đều là những người láng giềng. Những người này đều làm nghề thủ công, vốn thô lỗ và thật thà, họ ham thích rượu thịt, ăn uống thả sức, song đấy tri huyện không phải là thói xấu. Còn Tưởng Vân thì tỏ ra là người có học, am hiểu thời thế, nói năng ngọt ngào, khiến mọi người ngồi im thin thít, chẳng ai chen vào được câu nào. Chỉ có Triệu Tương am hiểu đôi chút, dịu dàng nhã nhặn, tuổi lại còn ít, ngồi ở cuối chiếu đúng vào mâm của gia chủ, bởi thế hai người chuyện trò rất tâm đắc.

Đêm ấy tan cuộc, Triệu Tương về nhà khoe với Vương thị rằng Tưởng Vân thường lui tới cửa quan là một người tài giỏi hòa nhã, đối đãi với mọi người rất chu đáo lịch thiệp.

Wương thị nói:

- Con không có anh em, có được người láng giềng như thế, con nên kết nghĩa.

Sáng hôm sau, Triệu Tương sang tạ ơn. Tưởng Vân cười nói:

- Tôi rất xấu hổ, cỗ bàn quá đơn sơ, thật là có lỗi. May được anh quan tâm, hiện vẫn còn rượu ngon, anh ngồi lại đây uống với tôi chén rượu, rồi chúng ta cùng nói chuyện.

Triệu Tương vội vã đứng dậy từ chối. Tưởng Vân cứ nài, không cho về. Thế là Triệu Tương ngồi lại uống rượu, cho mãi tận trưa. Từ đó về sau họ thường qua lại uống rượu, chẳng giữ kẽ gì nữa. Một hôm, huyện đường có việc kiện tụng, Tưởng Vân dậy từ rất sớm, rửa mặt, chải đầu rồi ra đi. Vừa bước ra khỏi cửa, anh ta thấy bên thành giếng có một người con gái xinh đẹp đang múc nước, lại gần, nhìn kĩ thì quả là người đàn bà ấy đẹp tuyệt vời. Chỉ thấy:

Dáng vẻ dịu dàng

*Tấm thân uyển chuyển,
Nét mặt phớt hồng, đẹp tựa đào hoa,
Khêu gợi hồn Tống Ngọc.
Ôi, nét mày xanh tươi xinh đẹp,
Hà tất mượn bút vẽ chàng Trương.
Tóc mai buông rối lòa xòa,
Đẹp tựa cảnh thiên nhiên mỹ lệ.*

Tường Vân dừng chân, đứng chờ người ấy mức nước bước vào cửa. Bấm đốt ngón tay nhắm tính những nhà hàng xóm, mới biết đây là vợ của Triệu Tương. Anh ta vừa đi vừa nghĩ thầm: "Sao vợ Triệu Tương lại đẹp đến mê hồn như thế, phải tìm cách chiếm đoạt mới thỏa nguyện".

Từ đó về sau anh ta thường mua hoa quả tươi ngon biếu Vương thị. Việc gì cũng tỏ vẻ ân cần, đối với Triệu Tương thì hẳn ngày càng thân mật.

Khi cha mất, Triệu Tương phải mượn một món tiền để lo ma chay. Mấy năm qua tiền gốc chưa trả, lãi mẹ đẻ lãi con, vượt cả tiền gốc. Anh muốn xin chủ nhân nhượng xóa nợ chomình. Song nào có biết, số nợ của nhà quan chẳng bao giờ chịu để thiếu một xu. Chủ nợ không chịu, còn sai quản gia gọi Cổ Kính dẫn bọn người hầu đến nhà Triệu Tương làm ầm ĩ. Vì còn trẻ người non dạ, Triệu Tương cố tình không trả. Chúng bèn dùng thùng đầy tròng vào cổ Triệu Tương, rồi lôi đi bắt quan, một mình Triệu Tương không sao chống lại được bọn đầy tớ ác độc. Trước đây Đồng Cạn Tuyền, người sát vách, cùng mấy nhà hàng xóm đã khuyên giải Triệu Tương. Song lần này họ biết thế lực của bọn quan lại trong làng, không ai dám ngăn cản. Vương thị cuống lên, chẳng giữ gìn gì nữa, chạy ra đường kêu khóc. Đúng lúc chưa phân giải, Tường Vân cùng với mấy người bạn về nhà, chen vào đám đông xem sự thể ra sao. Thấy Triệu Tương, anh ta kinh ngạc kêu lên:

- Hóa ra là Triệu Tương, vì sao anh lại bị đánh đập nhục nhã như thế?

Rồi anh ta xông vào, đánh túi bụi những người lôi Triệu Tương. Cổ Kính nói:

- Anh Tường, anh đừng có nhúng vào chuyện này, bọn chúng tôi không

phải là người dễ chơi đâu.

Tưởng Vân quay lại thấy Cổ Kính, nói ngay:

- Anh Cổ, chúng ta đều là người quen biết nhau, chú Triệu là em họ tôi, cũng là một người có tư cách. Nếu như nợ cũ chưa trả xong, thì việc gì đòi nợ lại như bắt cướp vậy. Anh đừng có dựa vào thế quan, còn tôi đây là người có hung thần phù trợ, chẳng thể đè bẹp được tôi. May mà tôi với anh đã quen biết nhau, nếu mang tới cửa quan tôi sẽ đứng lên làm đơn kiện, lúc đó trắng đen rõ ràng, các anh thoát sao được.

Bọn người hầu thấy thế nói: "Có lý, có lý". Rồi họ vào chùa Phổ Chiếu, tìm một quán yên tĩnh ngồi uống rượu. Rượu đã ngà ngà, Cổ Kính nói:

- Món nợ này mượn đã lâu, lãi mẹ đẻ lãi con, tiền lãi nhiều hơn tiền gốc, muốn xin xóa thì cũng được thôi. Chỉ có điều Triệu Tương phải nói với Nguyên Trung hoặc tìm người thân thích trực tiếp nói với ông ấy để lấy khế ước vay nợ về thì sẽ xong. Nếu chỉ đóng cửa trở mặt, mà không nói cho rõ ràng, cứ khẳng khẳng không trả thì không thể được. Số nợ chưa thanh toán xong, thì nhất định ông ấy sẽ sai anh em chúng tôi đi đòi. Tới lúc ấy đừng bảo chúng tôi là không có tình nghĩa. Chẳng nhẽ anh em chúng tôi phải bỏ của nhà ra mà đền thay cho anh à? May gặp được anh Tưởng đây là người hiểu đời. Việc thế thái nhân tình trong thiên hạ đều nhờ đến tay anh. Người xưa nói rất đúng "trả nợ phải trả hết gốc". Nếu như không cắt đứt đuôi nòng nọc, ông chủ lại sai bọn chúng tôi tới đòi, rồi lại động chạm đến anh, thì đừng có trách là chúng tôi không nói.

- Xin nghe theo lời dạy bảo của anh. - Tưởng Vân nói. - Tôi đã thấy được lòng tốt của các anh. Hôm nay đã khuya rồi, xin mời các anh hãy về đi. Ngày mai ăn cơm xong, tôi sẽ tới gặp ông chủ các anh. Nhưng cũng cần các anh nói thêm vào, thẳng em tôi nhất định sẽ hậu tạ.

Tưởng Vân là người chuyên để ý đến những việc rắc rối, viết đơn kiện cáo mà nổi tiếng. Những thân hào trong vùng, phạm có việc kiện tụng đều đến nhờ anh ta giúp đỡ. Bởi thế Cổ Kính không dám trái ý, chỉ vâng dạ rồi ra

về.

Sáng hôm sau, Vương thị gọi Triệu Tương dậy sớm, đến nhà Tường Vân cảm ơn, mong anh ta lo công việc chu toàn. Sắp bước ra cổng thì Tường Vân tới, Triệu Tương vội vàng mời vào nhà. Vương thị đích thân ra cảm ơn. Tường Vân nói:

- Tối qua, tôi đã xem sổ nợ của Cổ Kính, thấy còn thiếu tất cả là mười một lạng bảy, làm sao người ta chịu xóa nợ nhiều như thế. Ít ra cũng phải trả người ta một nửa thì mới xong. Còn Cổ Kính và bọn đầy tớ kia cũng phải lót tay một lạng. Chỉ sợ Triệu Tương một lúc lo ngay thì không kịp, phải cố gắng mượn bạn bè được năm lạng. Chờ lát nữa tôi sẽ trực tiếp đến xin, nếu ổn thỏa tôi sẽ về báo lại.

Nói xong định đứng dậy đi, Triệu Tương giữ lại nói:

- Cơm nước tôi đã chuẩn bị xong. Tuy không phải là mời anh, nhưng đây là chút lòng thành thực của tôi, xin anh đừng từ chối.

- Quả đây là tấm lòng tốt của anh, tôi không dám chối từ. - Tường Vân nói.

- Nhưng thực tình, sáng nay tôi có hẹn, gặp người bạn thân. Hãy chờ tôi giải quyết ổn thỏa mọi công việc, khi ấy chúng ta ăn uống cũng không muộn.

Rồi Tường Vân vội vàng vào thành. Vương thị nói với con:

- Tường Vân tốt như thế, ngay cả anh em ruột cũng chẳng bằng. Anh ấy đã không chịu ăn, thì phải mua ít hoa quả tối nay mời anh ấy đến làm lễ kết nghĩa anh em, đi lại với nhau, nhờ anh ấy giúp đỡ.

- Mẹ không nói con cũng đã nghĩ rồi. - Triệu Tương gật đầu nói.

Thế rồi anh mang tiền đi mua gà, cá tôm và một ít hoa quả tươi. Phùng thị xuống bếp chuẩn bị cơm nước, Vương thị hâm rượu.

Đang lúc bận rộn chuẩn bị, bỗng thấy tiếng kệt cửa. Triệu Tương vén rèm nhìn ra, thấy Tường Vân mặt mày hớn hờ bước vào nhà khách. Triệu Tương hỏi ngay:

- Việc tôi nhờ anh đã giải quyết ổn thỏa chưa?

- Tôi đến nhà, - Tường Vân nói, - đã thấy bạn tôi chờ ở Đó. Chúng tôi vào

gặp ông ấy ngay. Lúc đầu ông ta khẳng khẳng nhất định không nghe, nhưng tôi cố van nài mong ông ấy xóa hết. Cổ Kính đứng bên cũng nói thêm rằng, quả thực anh ấy nghèo túng quá không thể xoay xở được. Anh ấy xin được trả một nửa, số còn lại xin ông xóa cho. Tôi lại phải năm lần bảy lượt van xin, cuối cùng ông ta giảm cho sáu phần mười. Cộng với tiền tạ ơn Cổ Kính hết cả thảy là năm lạng sáu. Tờ khế ước vay nợ tôi đã mang về, anh hãy xem cho kĩ rồi nhận lấy.

Triệu Tương đón lấy tờ khế ước, xem qua một lượt, rồi xé đi. Triệu Tương quay ra vui vẻ nói chuyện với Tường Vân. Người mẹ đứng sau rèm nghe thấy hết. Vương thị vô cùng mừng rỡ, sửa sang khăn áo bước ra, cảm ơn Tường Vân.

- Mẹ con tôi đơn côi, không ai nương tựa, luôn bị người ta khinh bỉ. Nếu không được anh giúp đỡ chu toàn, thì lúc nào chúng tôi cũng như cá nằm trên thớt. Số tiền lãi ấy vừa phải trả đúng hạn, lại còn phải mang ơn. Tôi muốn nói một chuyện, không biết có được không?

Tường Vân vội đứng dậy, hớn hờ tươi cười cúi lạy rất lễ phép, rồi nói:

- Bà dạy gì xin cứ nói, đừng ngại.

- Tôi đã chuẩn bị trâu, rượu, hoa quả. - Vương thị nói. - Nếu anh không chê nghèo hèn thì xin cho Triệu Tương được kết nghĩa anh em, mong anh đừng từ chối.

Tường Vân đang lo chưa có đường len vào nhà này, thấy nói kết nghĩa anh em, hân rất đổi vui mừng, bèn cúi xuống lạy liền mấy lạy, nói:

- Ý tôi cũng muốn thế, nhưng chỉ lo tôi nhà bần hàn, khó mà kết nghĩa được với anh ấy. Nay nhờ bà thương yêu đến, thật là may cho tôi quá.

Triệu Tương bèn bưng lễ ra bày lên bàn, thắp hương nén, rồi hai người cùng hướng lên bàn thờ thề kết nghĩa anh em.

Tường Vân hơn năm tuổi là anh, Triệu Tương là em. Hai người lễ xong, rồi lập tức mời Vương thị ra nhận mặt. Vương thị nói:

- Chỉ cần các anh lễ là được rồi, không nên bắt bà già lễ nữa.

Tường Vân vội vàng quỳ xuống lạy bốn lạy. Sau đó mời Phùng thị ra, cùng gặp mặt. Cổ được bày ra, mọi người vui vẻ ăn uống cho mãi tới tận khuya mới tàn. Chỉ vì lần kết nghĩa này mà số phận của Triệu Tương, mẹ và vợ

anh ta thật là bi đát, cửa nhà tan nát, tính mạng hiểm nguy, hầu như chết một cách oan uổng. Từng có thơ rằng:

*Cốt nhục tình nhà còn rất khó,
Huống hồ đem nó gửi người dưng.*

Thiên cổ anh hùng xưa vẫn hiểm,

Sao nay nhẹ dạ kết đào viên.

Sau khi kết nghĩa, hai người ngày càng thân thiết. Đúng vào năm ấy hạn hán lụt lội, giá thóc tăng vọt, tới bốn lạng bạc một thạch. Triệu Tương ra chốn đô thành, trở về buồn rười rượi. Vương thị cứ gặng hỏi vì sao, Triệu Tương đáp:

- Chẳng có việc gì khác, chỉ vì trời hạn hán mất mùa, gạo thâu củi quế. Con nghĩ, miệng ăn núi lở, cứ ở nhà, mai ngày lấy gì độ thân. Con định đi buôn, nhưng lo rằng việc nhà không ai trông cậy. Bởi thế đi cũng dờ, ở không xong, cứ chần chừ không định được.

- Mẹ cũng đã tính cho con từ trước. - Vương thị nói. - Chỉ sợ con từ nhỏ đến giờ chưa từng xa nhà, vả lại hàng có nhiều loại, không biết buôn bán loại nào cho có lãi. Nay con muốn đi xa, mà làm trai phải có chí bốn phương, mẹ đâu dám ngăn cản con. Còn người trông coi việc nhà, con cũng không cần phải nghĩ ngợi, đã có anh Tường quan tâm. Song không biết con tới đâu mua loại hàng gì cho có lãi.

- Con được biết Hồ Quảng thóc gạo rẻ. - Triệu Tương nói. - Con có một người bạn là Triệu Vân Sơn ở Lục Trần Hàng, nhà giàu có, khuyên con đi buôn. Con đã bàn kỹ với anh ấy rồi, nếu đến đó mua gạo về, tính ra lãi tới quá nửa.

- Nếu được bạn tốt dìu dắt, - Vương thị mừng rỡ nói, - thì mẹ chẳng cần phải lo lắng, con hãy định ngày lên đường. Mẹ cũng thu xếp bán ít đồ trang sức để lo chút vốn cho con, mua thêm được tí nào hay tí ấy.

Đêm ấy hai mẹ con bàn soạn xong xuôi. Sáng sớm hôm sau Triệu Tương đến nhà Triệu Vân Sơn, hẹn ngày lên đường. Sau đó lại rẽ vào nhà Tường

Vân, mời anh chiều nay đến nhà uống rượu, rồi đi mua thịt, cá và một hũ rượu ngon. Chiều đến, thức nhắm đã chuẩn bị xong, Triệu Tương lại mời Tương Vân tới dọn bàn, bưng ra một mâm cơm thịnh soạn. Tương Vân nói:

- Không biết hôm nay chú mời khách nào đến mà làm cơm thịnh soạn thế.

- Em bất tài, hoàn toàn dựa vào anh che chở. - Triệu Tương nói. - Làm bữa rượu nhạt, nhân tiện có việc nhỏ cần nói với anh.

- Là anh em một nhà thì cơm nước bình thường thôi. - Tương Vân nói. - Chú cứ bày vẽ như thế này thì lần sau ai còn dám đến nữa.

Rồi họ cùng ngồi vào mâm. Lúc đầu họ còn nói chuyện ở chốn nha môn, sau vài tuần rượu, Triệu Tương rót rượu tràn chén, hai tay nâng lên mời Tương Vân, nói:

- Xin mời anh uống chén đầy này.

- Em đã biết tửu lượng của anh rồi đấy. - Tương Vân ra sức chối từ, nói. - Vì sao hôm nay chú cứ ép anh, có phải anh khách sáo gì đâu?

- Em không biết tửu lượng của anh thế nào? - Triệu Tương nói. - Nhưng đây là chén rượu Lỗ, mà cũng chẳng phải bỗng dưng mời anh chén rượu này. Nếu anh uống thì em mới dám nhờ anh, còn như anh cố từ chối, thì tất nhiên em sẽ trách anh, và cũng chẳng dám hé răng.

Tương Vân đành miễn cưỡng uống cạn, rồi nói:

- Rượu là mệnh lệnh, xin sẵn sàng nghe em nói.

- Cha em mất sớm, - Triệu Tương nói, - phải nương tựa vào mẹ già. Đã hai mươi tuổi, em vẫn chưa từng ra khỏi làng, người ta nói, làm trai phải có chí bốn phương. Nghiệp nhà sa sút nếu cứ ngồi há miệng chờ sung, thì đâu phải là kế lâu dài. Đang lúc trời làm hạn hán, giá thóc gạo tăng vọt, có người bạn cũ rủ em đến Sở Trung buôn bán. Lúc đi xa, ai chẳng nhớ quê hương, bạn bè, song điều khiến em chưa dám dứt áo ra đi, đó là mẹ già không ai chăm sóc. Nay có anh; thân thiết như ruột thịt, xin nhờ anh giúp đỡ. Em sợ, khi em đi rồi tình cảm trước đây nhạt dần. Bởi thế, em có ý làm mâm cơm, trước để nói lời tạm biệt, sau việc nhà xin nhờ cậy anh. Sau khi em đi, có việc gì xảy ra, thì nước xa không cứu được lửa gần, điều ấy hoàn toàn nhờ vào anh. Nếu mẹ già của em được cậy nhờ, thì em chẳng phải lo lắng gì nữa. Song điều này đều tùy thuộc vào sự bao dung của anh. Nếu

anh bằng lòng, thì em vô cùng biết ơn.

Nghe xong Tưởng Vân vui vẻ nói:

- Anh tuy kém cỏi, nhưng vốn sẵn lòng hào hiệp, anh hứa với em sẽ hết lòng giúp đỡ. Hơn nữa lời thề kết nghĩa anh em vẫn còn đó. Mẹ em cũng như mẹ anh, vợ em là em dâu của anh. Em cứ yên tâm ra đi, không phải vấn vương gì đến việc nhà nữa.

- Anh đã hứa như thế, - Triệu Tương nói, - thì xin anh ngồi lên trên, và nhận của đứa em này một lạy.

Tưởng Vân vội vàng gạt tay, nhưng Triệu Tương đã quỳ xuống lạy, rồi tiếp đó lạy thêm hai lạy nữa. Nước mắt Triệu Tương tự nhiên giàn giụa, chảy tràn xuống má. Tưởng Vân an ủi:

- Em đã tính toán như thế, thì lần này ra đi tất sẽ toại nguyện. Cớ sao lại nước mắt lưng tròng như đàn bà con gái vậy?

Vương thị cứ dấn đi dấn lại con rằng:

- Con đi đường phải cẩn thận, giữ gìn sức khỏe, rồi liệu mà về cho sớm, việc nhà đã có anh con lo liệu. Gạo nước, củi đuốc trong nhà mẹ sẽ tự lo. Chỉ mong con chuyến đi này kiếm được ít lãi thì mẹ cũng chẳng uổng công vất vả.

- Ý em đã quyết, - Tưởng Vân nói, - không biết rằng em định bao giờ thì nhổ neo, để anh còn chuẩn bị chén rượu nhậm tiễn chân.

- Sáng sớm mai em lên đường. - Triệu Tương nói.

- Đã đi ngay ư? - Tưởng Vân nói. - Vậy anh phải thuê thuyền tiễn chân em.

Lúc ấy trời đã gần tối, Tưởng Vân cáo từ ra về.

Ngay đêm ấy Triệu Tương dặn Phùng thị rằng:

- Cửa nhà sớm tối phải cẩn thận, có con trai đến nhà nhất thiết đừng ra mặt.

- Em thấy, đây là việc nhỏ có thể thực lòng nhờ cậy Tưởng Vân, - Phùng thị nói, - nhưng xét kỹ lời nói, sắc mặt và việc làm, e rằng anh ta không phải là người quân tử. Em chỉ lo rằng sau này chẳng có lợi gì cho nhà ta.

- Tưởng Vân là đấng trượng phu nghĩa hiệp. - Triệu Tương nói. - Anh đã thử từ lâu rồi, sao em lại đa nghi như thế.

Đêm ấy vợ chồng trò chuyện, dặn dò nhau đủ mọi điều. Sáng hôm sau, Triệu Vân Sơn, Triệu Tương lên thuyền đi thẳng tới Tô Châu.

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 4 (B)

Từ khi Tường Vân gặp Phùng thị mức nước bên giếng. Lúc nào anh ta cũng tơ tưởng đến nàng. Tuy hàng ngày trông thấy nhau, song Phùng thị lại là một người rất trinh tiết. Dù anh cố ý ân cần, hay xa xôi bồn chột, nàng cũng không bao giờ mỉm cười. Bởi thế chỉ được nhìn thỏa thích, chứ không dám động đến nàng. Hôm ấy Tường Vân tiễn chân Triệu Tường đến Tú Châu rồi chia tay. Trên đường về Tường Vân mừng thầm, anh ta nghĩ: "Cho dù Phùng thị không bằng lòng, Vương thị làm trở ngại, cũng không thay đổi được dịp may hiếm có này. Chi bằng trước hết phải đánh đổ được Vương thị, nhất định con ấy phải trong tay mình". Tính toán xong, thuyền cập bến, trước tiên anh ta vào chào Vương thị, sau mới về nhà dọn dẹp khay chén, tiễn chân chủ thuyền. Ngay hôm ấy, Tường Vân mua một con cá tươi, một con gà béo, một ít bánh kẹo, sai vợ là Dương Xảo Cô đi lối cửa sau đến nhà Vương thị. Vương thị thấy thế rồi rít cảm ơn, nhận gà, cá và giữ Xảo Cô lại ăn cơm tối, lại đưa Xảo Cô về tận nhà. Về đến nhà Xảo Cô giữ Vương thị ở lại ăn kẹo, nấn ná mãi đến tận khuya mới về. Tường Vân lại soi đèn đưa chân Vương thị về, rồi khê dặn:

- Nhà không có đàn ông, phải chú ý đề phòng bọn trộm. Nếu có động tĩnh nên lắng tai nghe kĩ, chứ đừng coi đó là mèo hay chuột.

- Rất cảm ơn anh. - Vương thị nói. - Khuya rồi anh về đi.

Tường Vân đi được bốn năm bước lại quay lại nói:

- Dầu tuy đắt nhưng cũng phải đốt một ngọn đèn nhỏ cho vững dạ.

- Hiểu rồi. - Vương thị trên gác nói vọng xuống.

Từ đó Tường Vân năng lui tới nhà họ Triệu. Buổi sáng hết củi thì anh ta đi mua, buổi chiều sang có rượu thì uống. Vương thị rất vui, và còn khâu cho anh ta một đôi giày. Tường Vân mang giày về, hai hôm sau Vương thị hỏi:

- Giày tôi khâu cho, sao không thấy anh đi, hay là tôi khâu xấu, anh không vừa ý?

- Rất cảm ơn mẹ đã tặng con đôi giày ấy. - Tường Vân nói. - Tiếc nó còn mới, con không dám xỏ chân, nên đã cất vào trong tủ.

Một hôm, Tường Vân mang đến một tấm lụa hoa, đòi Vương thị cắt quần áo. Hắn ta cố ý để rơi chiếc thước xuống đất, vờ tìm thước, nhưng tay lại cầm lấy chân Vương thị. Vương thị cười nói:

- Anh nhầm rồi, đây có phải là thước đâu, sao lại cầm chân tôi?

Nếu Vương thị là người trinh tiết, thì lúc ấy phải nói cho anh ta biết, để lần sau anh ta bỏ ý nghĩ xấu xa ấy đi. Song Vương thị lại nói, cầm nhầm, há chẳng phải là có tình ý gì ư. Vương thị tuy tuổi đã ba năm, nhưng vẫn đẹp nồn nà, trông chỉ khoảng dưới ba mươi. Từ ngày chồng mất đến nay, đã ở vậy được tám năm. Do cô quạnh, trống trải lâu ngày, nay lại có người đàn ông suốt ngày ở nhà mình, mẹ mẹ con con thân thiết như ruột thịt, đừng nói gì đến Vương thị, mà ngay một người đàn bà trinh tiết e rằng cũng nảy ra ý nghĩ tà dâm. May có Phùng thị là người đứng đắn, luôn bên cạnh. Vương thị còn e ngại, không dám bờm xờ.

Vì sắp đến ngày sinh nhật, Vương thị muốn mời ni cô ở chùa Quan âm tên là Tĩnh Chiếu tới nhà đọc kinh. Vương thị nhờ Tường Vân mua sắm hoa quả, hương nến. Tường Vân mừng thầm, nghĩ bụng: "Chỉ cần ta nói với ni cô, thì việc ấy sẽ xong".

Thế rồi ngay hôm ấy hắn mang hai lạng bạc đến chùa đưa cho Tĩnh Chiếu, bàn kín với ni cô sắp đặt mọi chuyện. Tuy chốn cửa Thiền, song Tĩnh Chiếu vẫn quen thói trăng hoa. Thấy bạc, Tĩnh Chiếu tối mắt lại, hứa ngay với Tường Vân rằng:

- Cư sĩ chẳng cần phải lo, nhờ vào ba tấc lưỡi của tôi thì chắc chắn việc sẽ xong. Nhưng khi xong việc thì phải hậu tạ.

Tường Vân cười khanh khách, gật đầu ra về.

Ngay chiều hôm ấy, Tĩnh Chiếu đến nhà họ Triệu, thấy Vương thị, Tĩnh Chiếu nói:

- Mới ít lâu không gặp chị, nay gặp lại, thấy chị đẹp hẳn ra, ngày càng nồn nà. Chắc chị rất vui.

- Cuộc sống nghèo túng, góa bụa có gì mà vui. - Vương thị đáp.
- Tôi nghe thấy, anh cư sĩ Tường là người kết nghĩa anh em, có người giúp đỡ, đây là cái vui thứ nhất. Lại được tin anh Triệu Tường đi buôn bán xa, kiếm được nhiều tiền, đây là niềm vui thứ hai. Ngày mừng sinh nhật sắp tới, ấy là niềm vui thứ ba. Lại còn một niềm vui ngoài ý muốn khó mà nói ra được.
- Đa tạ. - Vương thị cười nói. - Sư phụ chỉ biết cái vui của tôi, chứ đâu có biết tôi lo gạo nước, củi đuốc, trông nom cửa nhà đúng là khổ hết chỗ nói. Sắp tới là ngày sinh nhật, tôi đã mua hương nến, muốn mời thầy trò sư phụ tới nhà tụng kinh niệm Phật một ngày, chưa kịp sai người đến mời, ai ngờ cơn gió lành đã đưa sư phụ tới đây.
- Cũng chính vì thế mà tôi đến đây. - Tĩnh Chiếu nói. - ở nhà ồn ào không tiện, chi bằng chị mang hương nến đến chùa, núi rừng vắng vẻ, cùng với nhà chùa tụng kinh niệm Phật, tiện biết mấy. Không biết ý chị thế nào?
- Được thế thì tốt quá Vương thị nói. - Tới hôm ấy tôi sẽ đến sớm lễ chùa. Vương thị định làm cỗ chay khoản đãi, nhưng Tĩnh Chiếu từ chối ra về. Bởi thế có thơ rằng:

*Mừng thọ trở thành hội uyên ương,
Nhà sư đã chỉ đất đưa đường.*

Hôm ấy, Vương thị dậy sớm trang điểm, để Phùng thị ở nhà, cùng Tường Vân và một thằng nhỏ mang hương nến, hoa quả tới chùa. Nhìn quanh thì ở đây quả là chốn thiên môn thanh u tịch mịch. Chỉ thấy:

*Cửa ngoài rêu biếc một màu xanh,
Bên dậu thùy dương khói tỏa cành.
Chỉ thấy một làn mây bạc mỏng,
Lượn lờ cánh hạc nhẹ nhàng bay.*

Tĩnh chiếu mời vào chùa, tòa sen đèn nến sáng trưng, khói hương nghi ngút. Thầy trò Tĩnh chiếu đã niệm hết một quyển kinh Dược sư. Vương thị

quỳ xuống lễ Phật, rồi được nhà chùa mời tới phòng uống nước. Tĩnh Chiếu nói:

- Tưởng cư sĩ cũng tới đây cùng uống trà.
- Đa tạ sư phụ, - Vương thị nói, - không có người ngoài, chúng tôi ngồi ăn chung cũng được.

Vì đã ăn sáng nên thầy trò Tĩnh Chiếu vẫn ngồi tụng kinh trước Phật đường. Tưởng Vân dẫn Vương thị ngắm nhìn phong cảnh xung quanh, luôn nói những lời gợi tình để dụ dỗ. Vương thị chỉ mỉm cười chẳng nói gì. Lát sau Tĩnh Chiếu giục họ tới ăn chay. Chờ cho Vương thị và Tưởng Vân vào phòng. Tĩnh Chiếu nói:

- Hai vị cứ ngồi ăn uống tự nhiên, tôi lên thắp một tuần nhang nữa rồi sẽ trở lại tiếp hai vị.

Nói xong Tĩnh Chiếu nháy mắt ra hiệu cho Tưởng Vân, rồi khép cửa phòng lại. Tưởng Vân tươi cười đến bên Vương thị, quỳ xuống nói:

- Nỗi đau khổ của tôi nàng có biết không?

Wương thị đập nhẹ vào vai Tưởng Vân mỉm cười chửi:

- Đồ con khỉ, ý xấu của anh tôi đã biết từ lâu rồi, có điều ở đây không thể làm thế được đâu? Nhỡ ra Tĩnh Chiếu đột ngột vào thì ê mặt.

Lúc ấy ngọn lửa tình dục của Vương thị đã bùng lên không sao dập được, để mặc Tưởng Vân bế lên giường, cởi quần áo, rồi phút chốc mây mưa. Một chàng trai khinh bạc, một người đàn bà từ lâu góa chồng, chẳng khác nào củi khô bén lửa. Họ tận hưởng khoái lạc đến tột độ, bỗng chốc mồ hôi đầm áo, hồn vía mê man. Từng có bài thơ chửi Tưởng Vân phụ nghĩa bạc tình như sau:

*Anh em kết nghĩa đã thề bồi,
Ai hay dạ thú lại mặt người.
Chi tiếc Phật đường nơi thanh tịnh,
Mà sao giường chõng sặc tà dâm.*

Tưởng Vân thỏa mãn dâm dăng tại chùa, tràn trề sung sướng. Từ đó về sau, cứ cách một đêm lại lên tới buồng Vương thị mây mưa khoái lạc. Có điều

mẹ chồng nàng dâu ở hai phòng liền nhau, chỉ cách một vách gỗ mỏng, không thể che giấu được những tiếng sột soát. Phùng thị nằm sát vách, nghe rõ mồn một. Thực ra, Tường Vân muốn "mượn đường đánh Hoắc", khi đã thông dâm với Vương thị, gã càng táo tợn. Mỗi khi gặp Phùng thị gã sờ tay nắn chân, đùa cợt khêu gợi, Phùng thị không dám lên tiếng, chỉ ngấm ngầm tức giận. Một đêm, sau khi mây mưa, Vương thị bế Tường Vân nói:

- Tuy được chàng gian díu mấy đêm, chỉ sợ người bên kia vách nên chưa từng có hôm nào là thỏa thích, ngay nói cũng không được, thế thì sao gọi là sướng.

- Làm như thế, - Tường Vân nói, - anh cũng cảm thấy buồn chán. Từ nay về sau cứ làm bữa đi, chẳng việc gì mà ngại.

- Thế sao được. - Vương thị lắc đầu nói. - Nếu nó nghe thấy chẳng hóa ra mặt mo à.

- Nếu muốn nó không biết, - Tường Vân nói, - thì thôi không làm nữa. Mà giấu thì có giấu được mãi không. Thôi cứ lôi nó cùng xuống vũng bùn để bịt mồm nó lại. Sau này chồng nó về, anh còn dịp đi lại, chứ không đến nỗi đoạn tuyệt với em.

- Anh nói đúng. - Vương thị trầm ngâm hồi lâu nói. - Chỉ có điều như thế thì rẻ rúng anh quá.

Hai người nói với nhau như thế, càng thấy hứng tình, họ lại tiếp tục mây mưa một lần nữa. Về sau, mỗi khi Tường Vân bắt chuyện với Phùng thị, Vương thị cố ý lánh đi chỗ khác.

Người xưa thường nói: "Thượng bất chính, hạ tắc loạn". Phùng thị là người rất đoan chính, thì Tường Vân làm sao lôi kéo được. Song đến khi ngủ, lại nghe thấy những lời dâm dăng, tình dục lâu ngày không được đáp ứng, Phùng thị chịu đựng sao được, chỉ vì sợ mà Phùng thị không dám bước vào con đường tà dâm. Tường Vân lại bịa chuyện để đánh lừa:

- Hôm qua có một người từ Vũ Xương trở về, nói rằng có một người bạn họ Triệu cùng ở chung đã đi lại với một kỹ nữ, vốn liếng mất hết không về được nhà. Tôi nghĩ rằng, từ đây đến Hồ Quảng không xa, thóc gạo rất dễ mua, sao lại mắc kẹt ở đấy lâu như thế, chẳng thấy tin tức gì? Hay là có

việc đó thật, mà ta chưa biết được.

Phùng thị nghe xong chẳng biết thực hư thế nào, nổi máu ghen, lòng dạ bỗng nhiên thay đổi, nói:

- Anh ấy ở ngoài vui thú, chẳng nhòm ngó gì đến ta, ta hà tất phải giữ mình làm gì cho khổ.

Đàn bà vốn là người đoan chính trinh tiết, song sự ghen tuông đố kỵ cũng thật là ghê gớm. Khi ý nghĩ Phùng thị đổi thay, lại có Vương thị bên cạnh luôn luôn khen Tưởng Vân, điều đó khiến Phùng thị càng có cảm tình với Tưởng Vân. Một hôm ba người ngẫu nhiên nói tới chuyện *Tây Sương Ký*, Phùng thị nói:

- Thôi Oanh Oanh là một người con gái thất tiết, nói mà làm gì.

Vương thị nghe thấy tái mặt nói:

- Dục vọng giữa đàn ông và đàn bà ai ai cũng có. Con hãy xem những người đàn bà trên đời này, giữ được trinh tiết có mấy người. Chỉ cần chọn người mà chơi, không đến nỗi dâm dăng là được. Ngựa nào mà chẳng ăn cỏ. Những chuyện như thế đầy dẫy nói sao hết được.

Phùng thị cúi đầu chẳng nói gì.

Chạng vạng tối hôm ấy, Tưởng Vân mua một con cá trắm còn tươi rói, mang xuống bếp. Đúng lúc Phùng thị đang đứng một mình. Tưởng Vân nói:

- Nghe thấy thích ăn cá tươi, anh nhỡ ý mua con cá này cho thích làm bữa tối.

- Tôi chẳng có gì ngon đưa đến biếu anh, sao anh cứ vẽ vờ thế.

Phùng thị vừa nói vừa giơ tay cầm lấy cá. Tiện tay, Tưởng Vân nắm chặt lấy cổ tay trắng như ngó cấn. Phùng thị mỉm cười vờ như không biết, Tưởng Vân mừng thầm thấy cá đã cắn câu, rồi đem lờ chòng ghẹo. Thấy Phùng thị cúi đầu, hai tay đỡ lấy ngang hông, vội vàng bước lên lầu, Tưởng Vân rón rén bước theo. Thò đầu nhìn vào, thấy Phùng thị đang mở nắp thùng đi tiểu. Khi đi xong, vén móng dít trắng phôm phốp, lấy giấy lau. Không ngờ Tưởng Vân đứng đằng sau nhìn thấy, lửa tình ngùn ngụt bốc cháy, xông tới ôm chầm lấy ngang lưng. Cuống lên, hai má Phùng thị đỏ như, khê kêu lên:

- Trời ơi! Giữa ban ngày anh làm trò gì thế, tôi kêu lên thì anh mất mặt.
- Anh yêu em vô cùng. - Tưởng Vân nói. - Nếu ôm được tấm thân ngọc ngà của em, anh chết cũng cam, cần gì đến thể diện.

Phùng thị van nài mãi, nói:

- Nếu thế thì hãy buông tay ra, chờ đến đêm tôi sẽ ngủ với anh.
- Chỉ sợ em lừa để thoát thân, rồi giở quẻ. - Phùng thị nói.
- Nếu tôi giở quẻ thì tôi sẽ chết. - Phùng thị nói.

Lúc ấy Tưởng Vân mới tin, lập tức buông tay. Váy áo Phùng thị chưa kéo xuống, vẫn lộ ra bộ mông nõn nà phốp pháp, Tưởng Vân cứ thế xoa vuốt ở đó rất lâu. Đường lên Vu Sơn(1) đã mở, quả nhiên đêm ấy trở thành giấc mộng mây mưa. Đúng là:

Đàn ông dâm dăng hay lừa dối,

Đàn bà như nước khó giữ mình.

(1) Vu Sơn: núi tiên ở (ND).

Tưởng Vân lôi kéo được Vương thị, thế rồi hằng đêm hai mẹ con thay nhau dâm dăng. Từ ngày đó Tưởng Vân hằng ngày ra vào nhà Vương thị chẳng hề sợ sệt. Song cái kim bọc giẻ lâu ngày cũng ra, làm sao mà giấu được tai mắt mấy nhà hàng xóm. Anh thợ may Đồng Cận Tuyền, thường đem chuyện kín ra mua vui, hòng gạ gẫm Tưởng Vân. Anh ta nghĩ, mình là người biết chuyện kín của họ, nếu muốn bớt đi những điều thị phi sau này, thế nào Tưởng Vân cũng mời uống rượu. Song Tưởng Vân cậy mình đi lại chốn quan trường, kết thân với những người chức sắc, không coi Đồng Cận Tuyền ra gì, nên không muốn hoài của mời anh ta. Thấy không được mời chào, Cận Tuyền bực bõ không vui. Chỉ chờ Triệu Tương về là anh ta mách Triệu Tương bắt bọn gian dâm.

Triệu Vân Sơn cùng Triệu Tương rời khỏi nhà, suốt dọc đường không có chuyện gì xảy ra. Đến thành Hồ Nam, vào trạm giao dịch buôn bán. Giữa lúc đang định mua hàng, vì một tranh chấp nhỏ mà xảy ra đánh nhau. Hai người bị bắt, song Triệu Tương may mắn được tha, còn Triệu Vân Sơn phải

ngồi tù.

Hằng ngày Triệu Tương đưa cơm và lo lót nha môn cho Triệu Vân Sơn, từ đầu tháng sáu đến cuối tháng chín, lưng vốn cạn kiệt, lúc đó Vân Sơn mới được tha. Hai người âm ức thất vọng, đành thu xếp hành lý trở về, lúc đó đã vào giữa tháng mười.

Hai người về nhà Triệu Vân Sơn, đặt hành lý xuống, Vân Sơn lấy ra một ít bạc lẻ, đưa cho Triệu Tương, nói:

- Tôi với anh vận rủi, mắc phải kiện cáo. Mặc dù tôi đã mất hết vốn, nhưng sao tôi lại để anh tay không trở về. Hãy mang mấy lạng bạc lẻ này về chi dùng. Chờ tôi đòi nợ, sẽ cho anh mượn thêm làm vốn.

Triệu Tương xa nhà lâu ngày, thương mẹ, nhớ vợ, chỉ mong nhanh chóng về nhà, vội vàng cầm tiền bỏ vào tay áo, rồi từ biệt Vân Sơn trở về.

Tới nhà, mặt trời đã đứng bóng, cổng vẫn chưa mở, gõ cửa liên hồi mấy lần, không thấy mẹ và vợ ra. Vì cùng Tương Vân giờ trò ma mãnh suốt đêm, nên hai mẹ con gần trưa mới ngủ dậy, đang chải đầu rửa mặt, thì thấy tiếng gõ cửa, lắng nghe, biết là Triệu Tương đã về. Bỗng chốc họ run lên sợ hãi. Phàm là những người đi xa trở về, gặp nhau đáng lý ra phải vui mừng khôn xiết, nhưng vì sao họ lại giật mình sợ hãi, gượng gạo nói cười, nhưng nổi xấu hổ làm sao che giấu được. Còn người trở về buồn ủ rũ, mặt mày phờ phạc, cúi đầu thở dài, lại không thấy người vận chuyển hàng hóa, lúc đó Vương thị mới hỏi:

- Vì sao con nấn ná mãi ở Hà Quảng đến nay mới về? Mua được những hàng gì? Sao không bảo người ta chuyển về?

Triệu Tương bèn kể lại tỉ mỉ chuyện xảy ra từ đầu đến cuối.

- Em không tin anh lại gặp tai họa ngang trái như thế. - Phùng thị nói. - Nhất định là do anh say mê bọn kỹ nữ ở đường hoa ngô liễu, nên mới mất hết cả vốn liếng. Nay mới bịa ra những chuyện không đâu như thế.

Triệu Tương đang định phân trần, thì nghe thấy tiếng gõ cửa. Hóa ra Tương Vân đến thăm, Triệu Tương vội vã mời vào, rồi cảm ơn rồi rút. Tương Vân

nói:

- Tình cờ tôi gặp Triệu Vân Sơn, biết em đã về. Lại nghe em gặp phải chuyện không may. Thật là đáng tiếc. Thua keo này ta bày keo khác, cũng chẳng muộn gì. Đường còn dài, hà tất em phải bận tâm.

- Em là người lỡ thời, thất thế. - Triệu Tương thở ngắn than dài nói. - Em chẳng còn có ngày cất đầu lên được.

Triệu Tương lại kể những chuyện đã xảy ra một lần nữa, rồi mới vội vàng chuẩn bị rượu thịt, hoa quả đãi Tường Vân.

Tối ấy khi đang uống rượu thì mẹ và vợ bước ra tươi cười, liên tục rót rượu mời. Triệu Tương thấy hơi nghi ngờ, tới khi ngủ, lúc vợ chồng ân ái thì Phùng thị tỏ ra miễn cưỡng, không thấy vồ vập thích thú như trước. Khi chuyện ấy xong, Phùng thị cứ khen Tường Vân, làm Triệu Tương rất buồn. Sáng hôm sau, Triệu Tương dậy sớm, rửa mặt, chải đầu, sau đó anh sang các nhà hàng xóm thăm dò, cuối cùng tới nhà người thợ may họ Đồng. Đồng Cận Tuyền kéo anh ra sau nhà, bảo anh ngồi xuống, hỏi qua về tình hình làm ăn. Đồng Cận Tuyền nói:

- Từ khi anh đi tới nay thăm thoát đã nửa năm, khiến hai chúng tôi luôn luôn mong nhớ anh. Không ngờ anh đi gặp điều chẳng lành, mất hết vốn, nhà lại không người trông nom. Lão già cổ hủ, tuy ở sát nhà, nhưng nhà nào có cổng nhà ấy, sao mà quản được. Từ nay nhất thiết anh đừng đi đâu xa, sớm tối nên có người, với lại cũng phải đề phòng. Thế diện của người đàn ông là rất quan trọng, lão già cổ hủ này cũng nói thế thôi, xin anh đừng giận.

Triệu Tương nghe thấy thế ấm ức không vui, đứng dậy ra về. Lúc ấy Triệu Vân Sơn và một số bạn bè thân thiết dọn rượu trên thuyền, ở hồ Bạch Long. Người đến mời đang chờ ở nhà, Triệu Tương không thể từ chối, bèn cùng họ kéo nhau ra thành phố. Tới nơi, cơm sáng nhà thuyền đã chuẩn bị sẵn. Ăn xong, đánh mấy ván cờ tiêu khiển, gần trưa lại dọn rượu ra uống, cho mãi tới vàng vàng mặt trời mới về. Triệu Tương say khướt, bước đi loạng choạng. Sắp tới nhà, anh nhớ lại như in những điều Đồng Cận Tuyền nói. Triệu Tương không đi lối cửa trước, mà vòng ra cửa sau, ghé sát tai vào cửa

nghe, quả nhiên thấy Tường Vân đang nói bên trong. Lúc đầu họ nói thì thào Triệu Tường không nghe rõ, sau lại chỉ nghe thấy hai câu: "Đụng đầu nhau thì ngượng mặt, anh phải đi lối cửa sau thôi".

Triệu Tường lúc ấy đã tỉnh rượu, đột nhiên ùng ùng nổi giận. đang định gõ cửa vào, bỗng nghe thấy tiếng động. Tường Vân mở cửa bước ra. Hai người chạm trán nhau, Triệu Tường không kìm nổi, tung người lao tới. Tường Vân cho rằng đó là người hàng xóm đến dò la, đột nhiên máu sôi lên. Đè Triệu Tường xuống tống liền mấy quả. Đúng lúc ấy mẹ và vợ mang đèn chạy ra, thấy có người nằm soài dưới đất, vội vàng soi đèn thì thấy đó là Triệu Tường. Sợ quá, Tường Vân buông tay chạy vụt đi.

Vương thị, Phùng thị hốt hoảng tới, đỡ Triệu Tường dậy, dìu lên gác. Triệu Tường để nguyên cả quần áo rồi ngủ thiếp đi. Mẹ chồng và nàng dâu cùng đi xuống dọn dẹp bát đĩa. Một lát sau, nghe thấy tiếng gọi mang trà, Phùng thị vội vàng pha trà, hai tay bưng lên cho chồng. Triệu Tường mắt trừng trừng cầm lấy, ném vào mặt Phùng thị. May mà Phùng thị kịp thời tránh được, chiếc chén rơi xuống sàn gỗ vỡ tan tành. Phùng thị nói:

- Anh đi hàng nửa năm trời, vốn liếng hết sạch, nay về lại sinh ra cái thói rượu chè.
- Đồ đĩ, chứa trai trong nhà lại còn già mồm. - Triệu Tường nổi giận lôi đình thét lên. - Tao hỏi mày, thằng vừa đi ra cửa sau là thằng nào?
- Anh đừng có nói càn, anh uống rượu say bét nhè rồi ngã, em và mẹ đã dìu anh lên đây, chứ có người nào ra đâu. Anh hoa mắt rồi.
- Đồ đĩ! - Triệu Tường gào lên chửi. - Mày chứa trai trong nhà, tao đã biết hết rồi, con dâm phụ kia, sớm muộn tao cũng giết chết mày.

Vừa nói Triệu Tường vừa giơ tay tóm tóc tống túi bụi vào người Phùng thị. Vương thị đang dọn dẹp bên dưới, nghe thấy tiếng Phùng thị kêu la, bèn hoảng hốt chạy lên giằng tay Triệu Tường, ra sức khuyên can. Nhưng Triệu Tường cứ tóm chặt lấy tóc Phùng thị không buông tha. Vương thị cuống lên can vào cổ tay, lúc đó Triệu Tường mới buông. Phùng thị thoát thân bỏ

chạy.

Triệu Tương càng phẫn nộ, định chạy xuống đuổi theo. Vương thị cản lại. Triệu Tương nói:

- Tôi phải xé xác con dâm phụ chứa trai ấy, ai khiến bà khuyên can. Bà và nó cũng cùng một giuộc.

Câu nói ấy đã động đến gan ruột Vương thị. Bà ta bèn dấm ngực, dậm chân gào khóc, chửi bới:

- Mày là đứa súc sinh vô liêm sỉ, bị vợ cầm sừng. Tao là mẹ mày, ở nhà vất vả khổ sở, mong kiếm được bữa rau bữa cháo. Mày mang đi hai trăm lạng không biết vì sao tiêu hết, chỉ còn lại cái túi rỗng mang về. Tao không trách móc mày nửa câu, thế mà mày lại còn đơm đặt ra những điều vô căn cứ để hãm hại người. Thôi thì mày đánh vợ mày cũng được, sao mày lại lôi cả tao xuống vũng bùn. Tao ở vậy từ ngày mày mới mười hai tuổi, đến nay, mày xem, con mẹ mày ăn nằm với đứa nào? Mày đã tận mắt bắt được mấy lần, mà mày lại nói những lời như thế, thằng súc sinh ngỗ ngược kia, tao thà chết quách đi cho xong.

Bà ta cứ gào thẳng súc sinh chửi mãi cho tới sáng. Triệu Tương ngủ trên giường vừa đau buồn, vừa giận dữ. Đợi khi tiếng chuông báo tàn canh, Triệu Tương dậy tới ngay nhà Triệu Vân Sơn bàn bạc.

Trời dần dần sáng, Vương thị dậy xuống nhà dưới. Tìm Phùng thị khắp nơi nhưng không thấy. Đi tới cửa sau thấy cánh cửa khép hờ, sợ Phùng thị đột nhiên phản chí nhảy xuống giếng, bà ta bèn lấy chiếc sào phơi quần áo, thọc xuống giếng khua, nhưng vẫn không thấy tăm hơi. Vương thị cuống lên, vội vã chạy tới nhà Triệu Vân Sơn bàn bạc:

- Thằng súc sinh chết giẫm, trời chưa sáng đã bỏ đi, không biết nó đi đâu, cả vợ nó, tìm khắp nơi không thấy. Làm thế nào bây giờ?

- Tôi đã có cách, - Triệu Vân nói, - không cần bà lo nghĩ. Việc này nhất định là do Triệu Vân Sơn, hẳn biết nhà bà có nhiều tiền bạc, nên đã tìm cách lấy đi hai trăm lạng rồi. Hôm qua nó lại tới gọi đi ăn uống, chắc là hẳn

lại giở trò gì nữa đây. Chỉ sợ bà không nghe tôi, lại xảy ra xô xát, cãi nhau, khiến bà không mở mồm được. Ngay cả việc ấy nữa, cho dù có kẻ đâm bị thóc, chọc bị gạo, thì người xưa đã nói: phải bắt được trai trên gái dưới, đằng này có ai biết đâu. Theo tôi, phải lên huyện kiện nó về tội ngỗ ngược bất hiếu, để quan trị nó một trận, lần sau sẽ không dám chống đối lại. Nếu không sẽ nuôi nết nó, sau này muốn gì được nấy, sẽ chẳng coi bà ra gì. Nó bị thằng Triệu Vân Sơn bày mưu lừa gạt, thì tôi với bà cũng đoạn tuyệt từ đây.

- Anh nghĩ rất đúng. - Vương thị gật đầu nói. - Vậy anh hãy viết cho tôi lá đơn, tôi sẽ lên huyện ngay.

- Tôi viết đơn thì không được, - Tưởng Vân nói. - Tôi có một người bạn ở ngay trước huyện đường gọi là Đường Sơn Tử. Chỉ cần bà đến nhà, nhờ anh ấy viết đơn, sau bảo anh ấy dẫn vào. Hiện quan đang ngồi tại huyện đường, việc này không nên chậm trễ, phải nhanh chóng vào thành mới là diệu kế.

Wang thị vội vàng ra về, lấy chiếc khăn cũ chít đầu. Khóa cửa, kéo theo Tôn Ấu, một người hàng xóm bán hoa làm bạn lên huyện đưa đơn kiện.

Tưởng Vân biết bố vợ của Triệu Tương là Phùng Bá Nguyên, ngụ tại đầu cầu phía nam, trước Đông Sát Viện. Đi một mạch lên nhà họ Phùng, Tưởng Vân nói với Phùng Bá Nguyên rằng:

- Cháu không dám bịa đặt điều gì, song có một việc lạ lùng oan khuất cần nói cho bác biết. Từ khi con rể quý của bác là Triệu Tương đến đất Sở xa xôi buôn bán, người con gái yêu quý của bác ở nhà không ra khỏi cửa, làng xóm ít khi gặp mặt. Ai ngờ Triệu Tương, con rể bác, tối hôm kia trở về. Khi đi anh ấy mang hơn hai trăm lạng bạc, hẳn là do chơi bời tại lầu xanh, nên đã tiêu hết nhẵn số bạc đó. Điều ấy không thể không làm cho con gái bác bức bối. Con rể bác vì thế mà đâm ra thù hận. Đêm qua đã uống rượu say khướt ở hồ Bạch Long, khi về nhà một mực đổ oan cho con gái bác gian dâm, rồi cứ thế đánh từ lúc còn mặt trời cho mãi tới tận canh hai. Đến nỗi uất ức không chịu được, cô ấy đã bỏ nhà đi từ lúc nửa đêm. Sáng nay tìm

khắp mọi nơi vẫn không thấy. Theo bà mẹ nói, thì mình mấy thâm tím, tóc bị đứt mất quá nửa, thật là thê thảm, ai nghe thấy cũng phải đau lòng. Vợ chồng hục hặc với nhau, chẳng liên quan gì đến cháu, song nghĩ, lòng dạ con người thật khó lường, nhất định sẽ bị liên lụy đến láng giềng. Nên cháu đến đây báo cho bác biết.

Phùng Bá Nguyên nghe xong, không kìm nổi, nước mắt rơi lã chã, nói:

- Già này gần sáu mươi tuổi, chỉ còn mỗi giọt máu này nhưng lại bị thẳng súc sinh lăng nhục, nửa đêm đã bỏ nhà ra đi, không biết sống chết thế nào. Già này phải lên huyện cáo quan bắt nó phải đền mạng. May nhờ anh là người trọng nghĩa báo cho biết, tôi vô cùng đội ơn anh. Lát nữa lên huyện tố cáo, tôi muốn nhờ anh làm chứng, liệu có được không?

- Cháu là người hàng xóm, - Tưởng Vân nói, - bắt đắc dĩ phải đến báo cho bác, còn như đưa đơn kiện, xin bác suy nghĩ kỹ. Việc này can hệ tới tình bố con, không thể vì giận dữ nhất thời mà làm thương tổn đến tình cảm sau này.

Nói xong, Tưởng Vân định đứng dậy ra về, bỗng thấy một người mờ mờ nhu nhũ chạy đến. Người ấy nói đúng như Tưởng Vân, không sai một câu. Hẳn là người được Tưởng Vân nhờ, mạo nhận là láng giềng đến báo tin. Phùng Bá Nguyên lập tức viết đơn tới ngay huyện Hoa Đình.

Tri huyện đang làm việc tại công đường, thì Vương thị xin được vào. Nghe Vương thị tố cáo, lập tức tri huyện sai người bắt Triệu Tương thẩm vấn. Vì sao quan huyện lại dễ dàng bắt Triệu tương tới xét hỏi như vậy? Vốn, việc cáo giác con ngỗ ngược, bất hiếu, khác với việc cáo giác khác. Muốn bắt người tra xét, trước tiên phải viết trát đòi lên xét xử, việc đó kéo dài thời gian. Nếu như sai nhân nhận hối lộ còn có thể phải gác lại. Chỉ có kẻ ngỗ ngược bất hiếu là lập tức sai bắt để xét xử ngay. Tri huyện cho gọi Vương thị vào hỏi tỉ mỉ, rồi gọi Triệu Tương hỏi:

- Mà mang hai trăm lạng bạc, ra ngoài nửa năm trời, không những không sinh lợi, mà bỏ về tay không. Rõ ràng là lừa con bất hiếu. Hơn nữa, về nhà được hai ngày, uống rượu say, lăng nhục vợ. Mẹ đẻ dùng lời hơn lẽ thiệt

khuyên can, mà lại nói những lời vô căn cứ, ngược đãi phản bội lại cha mẹ. Điều ấy có khác gì loài cầm thú.

Triệu Tương vừa định thanh minh, thì quan huyện đã rút ra bốn chiếc roi vút xuống. Lính hầu hai bên đồng thanh quát thét lôi Triệu Tương ngã sấp xuống đất. Đáng thương thay, da thịt non nớt chưa từng chịu đòn roi, bỗng chốc bị đánh rách da toạc thịt máu tươi lênh láng. Tri huyện lại gọi Vương thị dặn rằng:

- Tội bất hiếu ngỗ ngược xưa nay bản huyện rất căm ghét, đáng lẽ phải đánh chết. Song nghĩ rằng chồng bà chết sớm, chỉ còn một đứa con, ta chỉ đánh trừng phạt để răn dạy sau này. Bà cũng phải hết lòng dạy dỗ, đừng làm tổn thương đến tình mẹ con.

Nói xong bảo người đuổi ra. Lúc ấy Phùng Bá Nguyên đã đứng ngoài hiên, chờ xét xử xong mở rèm bước vào, luôn mồm kêu oan khuất. Lính canh vội ngăn lại, nhưng ông ta quỳ ngay xuống trước bàn. Tri huyện cầm lấy đơn xem, đó là lá đơn Phùng Bá Nguyên kiện Triệu Tương. Tri huyện bèn bảo lính hầu gọi Vương thị và Triệu Tương quay lại. Quát hỏi:

- Mà đã đánh đập vợ, hiện giờ nó ở đâu? Phùng Bá Nguyên đã đưa đơn kiện mà về nhân mạng, mà hãy trả lời đi.

- Con có đánh vợ thật. - Triệu Tương nói. - Nhưng sau đó vợ con chạy xuống dưới lầu. Con bị mẹ con ngăn lại ở trên gác. Đến canh năm con đi khỏi nhà. Hiện vợ con ở đâu con không biết.

Quan huyện lúc ấy chưa biết giải quyết thế nào, bèn giam Triệu Tương vào ngục. Chờ bắt được Phùng thị mới xét xử tiếp. Cho tất cả mọi người về.

Chỉ có Triệu Tương hai chân đầm máu, phải giam vào ngục tối. Tới nhà ngục, nước mắt giàn giụa không sao cầm nổi, rồi như một đồng thịt đổ xuống nền nhà ngục. Những người coi ngục xúm đến hỏi, thấy vậy ai cũng thương anh. Ngoài cửa bỗng có tiếng gọi. Triệu Tương quay ra, thì đó là Triệu Vân Sơn và thằng nhỏ mang rượu, thịt cá tới thăm. Triệu Tương gặp Triệu Vân Sơn sự uất ức lại ghen lên, hai hàng nước mắt trào ra, vừa nhắc đứa gắp một miếng thịt, bỗng nhiên ngất lịm đi ngã lăn ra đất. Triệu Vân Sơn an ủi:

- Em ơi, em đã phải chịu hình phạt ở công đường, chắc mẹ em cũng không còn giận nữa. Vợ em rồi sẽ về, em bị giam cũng chỉ mấy hôm là được tha. Em không phải nghĩ ngợi, đau khổ.

Rồi Triệu Vân Sơn lại nói với người coi ngục là Lý Kính rằng:

- Thưa bác, đây là tai họa không đâu, chỉ tạm giam, khác hẳn tội phạm khác, tôi có lạng bạc, xin bác cầm mua giúp tôi ít thức nhắm, chúng ta cùng uống chút rượu cho khuây khỏa. Còn hai lạng này xin biểu bác, nhờ bác hằng ngày tận tình giúp đỡ Triệu Tương. Nếu có người nào đến xúi bác hại em thì bác đừng làm. Sau này có chuyện gì xảy ra, cháu sẽ bàn với bác.

Lý Kính rất vui vẻ, hứa sẽ giúp đỡ. Bởi thế, bị giam cầm, nhưng Triệu Tương không đến nỗi phải chịu khổ.

Lúc đầu Vương thị lên huyện tố cáo con, chẳng qua là muốn răn dạy con. Ai ngờ biến giả thành thật, khiến con phải giam vào ngục. Còn vợ Triệu Tương, đã cho người đi tìm khắp nơi mà chẳng thấy. Đêm đêm, Vương thị cứ trần trọc không sao ngủ được, thấy hối hận về việc đã làm. Rồi một hôm Vương thị dậy sớm, đến bàn với Tưởng Vân. Tưởng Vân nói:

- Nếu như đưa biểu quan một ít bạc, thì có thể đảm bảo Triệu Tương được tha.

Vương thị phải bán hết đồ trang sức, quần áo được khoảng hơn bốn mươi lạng bạc, rồi giao hết cho Tưởng Vân. Tưởng Vân giao cho Xảo Cô đi thu xếp công việc. Xảo Cô tìm gặp Lý Kính, nói:

- Nếu ông thu xếp xử tử được Triệu Tương ngay thì sẽ biểu mười lạng bạc, quyết không sai lời hứa.

Rồi Tưởng Vân tìm gặp Phùng Bá Nguyên, nói:

- Con gái bác nửa tháng nay vẫn biệt vô âm tín, hẳn là đã chết chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Nếu không bẩm lên quan, điều tra ngay để kết tội, thì con bác phải ngậm oan nơi chín suối.

- Lão cũng phải tìm cho ra nhẽ. - Phùng Bá Nguyên nói. Bởi thế còn nấn ná chưa tố cáo. Nay được ông chỉ bảo, tôi vô cùng biết ơn. Sau này xử án, còn mong ông giúp đỡ.

Tưởng Vân vâng dạ ra về. Ngay hôm ấy Phùng Bá Nguyên đưa đơn kiện. Đúng lúc quan huyện đang thẩm vấn lại một phạm nhân. Tri huyện lại cho

gọi Triệu Tương tới, đánh cho hai mươi roi, rồi cho người cùm kẹp. Triệu Tương chết đi sống lại đau đớn khóc lóc thưa rằng:

- Ngài có cùm kẹp chết, con cũng cam chịu. Nếu như tra hỏi vợ ở đâu, thì quả thực con không biết, thế thì con khai sao được.

Tri huyện cũng thấy thương tâm, không cùm kẹp đánh đập Triệu Tương nữa, nhưng vẫn phải giam chờ xét sau.

Vương thị tận mắt thấy con chịu hình phạt, vô cùng đau đớn. Về nhà oán trách Tường Vân:

- Tôi phải bán quần áo, đồ trang sức đi, lấy tiền đút lót cho quan, anh bảo đưa rồi quan đã nhận hối lộ sao vẫn còn hành hạ nó như thế?

- Nếu quan không nhận được lễ vật của bà, - Tường Vân nói, - thì hôm nay đã tra khảo kết tội rồi, chứ đâu được tha thứ. Có điều dù quan có thương tình thì cũng phải trừ tận gốc, bây giờ ta phải nói thẳng với Phùng Bá Nguyên mới được.

Rồi Vương thị lại lấy từ trong tráp ra tờ văn khế mười mấy mẫu ruộng giao cho Tường Vân định giá, đưa cho Phùng Bá Nguyên để Bá Nguyên im đi. Tường Vân vớ được tờ văn khế, lập tức xuống làng gặp chủ thuê ruộng, viết lại tờ văn khế nhận ruộng khác. Xong việc Tường Vân tới gặp Cổ Kính, nói:

- Tờ khế ước vay nợ của Triệu Tương lần trước tôi đã sao ra một bản, rồi trả lại. Như vậy bản gốc còn ở chỗ anh. Nay Triệu Tương phạm tội phải tù, mẹ nó còn có nhiều của cải. Nếu anh cùng với mấy người anh em nữa, đến nhà nó làm rùm beng lên, mụ quả phụ ấy sẽ phải đến tìm tôi, thì từ đó, chúng ta có thể gỡ gạc được. Tôi hứa sẽ chia đều cho các anh.

Cổ Kính thấy thế mừng rỡ nói:

- Tôi đâu dám không nghe lời dạy bảo của anh.

Ngay lập tức hãnh dẫn một số người đến nhà Vương thị gây gổ. Vương thị cuống lên, tìm đến Tường Vân nhờ phân xử. Sau đó Vương thị đành phải bán hết bàn ghế, đồ đạc để hoàn trả. Chỉ có lần ấy mà cũng tốn hơn mười lạng bạc. Vương thị ngày càng uất ức, không ăn uống được, chưa đầy một tháng thì đổ bệnh. Đêm lâm chung, bà ta nguyền rủa oán hận Tường Vân, bà nói:

- Nếu không có thằng khốn nạn ấy thì nhà ta sao đến nỗi này.
Bà kêu lên một tiếng, máu ộc ra hàng chậu, rồi tắt thở.
Từng có bài thơ than tiếc Vương thị:

*Con vào ngục tối, dâu mất tích,
Ân ái đâu ngờ thành nghiệp oan.
Nếu như khóa kín phòng xuân lại,
Thì sao ngậm tử dưới suối vàng.*

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 4 (C)

Từ khi Triệu Tương mắc oan, thẩm thoát đã nửa năm. Tuymấy lần thẩm vấn, song Phùng thị vẫn biệt vô âm tín, trở thành nghi án. Một hôm từ huyện đường về phòng giam Triệu Tương gặp Chu Thanh Hà. Chu Thanh Hà là người từng phụ trách kho lương thực của huyện, chỉ do một sơ xuất nhỏ đã phải vào ngục. Là người nghĩa hiệp, vốn coi khinh tiền bạc, quý mến bạn bè, ở nhà ngục mấy ngày Chu Thanh Hà chuyện trò với Triệu Tương rất tâm đầu ý hợp. Một hôm Triệu Tương mời Chu Thanh Hà uống rượu, Thanh Hà hỏi cặn kẽ vì sao anh phải chịu tội. Triệu Tương kể hết mọi chuyện, Thanh Hà ngậm ngùi nói:

- Anh bị oan mà không sao tự gỡ tội cho mình, khiến tôi nghe mà nát ruột nát gan.

Nói xong Thanh Hà cúi đầu trầm ngâm hồi lâu, rồi lại hỏi:

- Có phải vợ anh họ Phùng, tên thường gọi là cô Bảy, cổ tay trái có một nốt ruồi không?

Triệu Tương nước mắt rơi lã chã nói:

- Vợ tôi đúng là con thứ bảy, tay trái có nốt ruồi, sao anh lại biết?

Chu Thanh Hà vội cầm lấy chai rượu, rót một chén đầy đưa cho Triệu Tương, rồi nói:

- Thế thì đúng rồi. Vợ anh còn sống, anh nhất định sẽ được tha. Tôi mừng cho anh.

Triệu Tương mừng vui khôn xiết, nói:

- Anh biết vợ tôi còn sống, xin anh chỉ giúp, đến chết tôi cũng không dám quên ơn.

- Tôi có người bạn thân, tên là Thẩm Cầu Trọng, - Chu Thanh Hà nói, - sống ở huyện Thượng Hải, cách thành mười dặm, nơi ấy gọi là Trang Viên nhà họ Lý. Nửa tháng trước tôi tới đó được bạn khoản đãi, ở mãi tới khuya. Bạn tôi bảo: "Ở đây có một mỹ nhân, anh có muốn gặp không?". Tôi hỏi

người ấy đẹp thế nào. Bạn tôi bảo: "Người này không phải là hạng gái lầu xanh, mà là gái nhà lành. Họ Phùng, tên Nhị Nương. Chồng bị tạm giam, nay gửi thân ở trang viên Lý Tịnh Ngô. Nàng đang độ thanh xuân, sắc đẹp khuynh thành, cô ta đòi giá rất cao, nếu không phải là bạn tương tri thì khó mà gặp được". Mới nghe nói thế, tôi đã thấy xiêu lòng. Tối ấy chúng tôi tới đó thế rồi bạn tôi về, chỉ mình tôi ngủ lại. Đêm đến tôi thấy cô ấy khóc rồi nói rằng: "Thiếp họ Phùng, tên thường gọi là cô Bảy. Chồng là Triệu Tương. Lấy nhau vừa được một năm thì gặp tai họa, bị Trương Vân lừa đến đây, bức thiếp đi vào con đường này. Nếu chàng có thể báo tin được cho gia đình, thiếp không bao giờ dám quên ơn". Tôi thương cô gặp chuyện không hay, phải dấn thân vào vũng bùn. Tôi đã hứa là sẽ giúp cô. Không ngờ, sau khi về nhà, việc vận chuyển lương thực bận rộn, chưa dò hỏi ra, nay gặp anh trò chuyện, thấy sự việc khớp nhau. Quả thực cô ấy đúng là vợ anh, không còn nghi ngờ gì nữa.

- Vợ tôi ở đây, thì ta tính kế sao đây. - Triệu Tương hỏi.

- Tôi sẽ viết đơn bẩm lên huyện cho anh. - Chu Thanh Hà nói. Sau nhờ thằng nhỏ Chu Hiếu làm chứng dẫn bắt, chỉ thiếu người đưa lá đơn này trình lên quan huyện thôi.

Đang bàn soạn, thì Triệu Vân Sơn đến thăm. Triệu Tương nói hết chuyện cho bạn nghe. Triệu Vân Sơn vui mừng nói:

- Người đệ trình đơn không khó, có thể giao cho Triệu Nguyên cháu tôi.

Chu Thanh Hà lập tức viết đơn đưa cho Vân Sơn. Lại viết một bức thư dặn Kính Thừa ngay ngày hôm đó đem lệnh tới Thượng Hải.

Lính hầu đi hai ngày, chỉ dẫn người quản trang viên Lý Thái trở về Tri huyện vận hỏi tỉ mỉ. Lý Thái nói:

- Ở trang viên của con không có Phùng thị, mấy tháng trước, gia chủ Lý Xuân Nguyên chỉ có một kỹ nữ Tô Châu tên là Mã Nhị Nương, cô ta ở được nửa tháng, rồi đi. Con cũng không biết cô ta hiện ở đâu, thì có lệnh của ngài gọi. Gia chủ con có gửi một bức thư dâng lên ngài, mời ngày tới chơi. Tri huyện tha Lý Thái về. Triệu Tương bị đánh hai mươi gậy, người làm Chu Hiếu cũng bị đánh mười gậy. Trở về nhà giam, Triệu Tương vô cùng đau khổ, khóc rống lên. Chu Thanh Hà cũng cảm thấy buồn, chẳng

nói năng gì.

Hơn một tháng sau, Chu Thanh Hà được tha. Khi từ biệt Triệu Tương, Thanh Hà nói:

- Chỉ trong vòng năm ngày tôi quyết tìm ra sự thực, sẽ báo cho anh. Đúng như đã nói, tối ngày thứ sáu Thanh Hà tới nhà ngục, mặt mày rạng rỡ, nói với Triệu Tương rằng:

- Vừa ra tù, tôi đến đó ngay, dò hỏi biết cô ấy đã thay chỗ ở, và cũng đã tìm thấy. Tôi vừa gặp Triệu Vân Sơn, hẹn anh ấy sáng mai cùng đi tố cáo. Tôi đến báo tin cho anh biết. Nay chỉ chờ vợ anh tới, sẽ đối chất minh oan.

Triệu Tương nghe xong, hai hàng nước mắt chảy ướt đầm gò má, nói:

- Rất cảm ơn anh đã nhiệt tình cứu giúp, tôi đâu dám quên ơn. Chỉ có điều kiếp tôi là kiếp chó, phải dẫn thân nơi tù tội chẳng may vẫn không tìm được vợ tôi tới đây, tôi không bao giờ dám phụ lòng tốt của anh. Nhưng tôi sẽ bị đánh đến xương tan thịt nát.

Chu Thanh Hà mặt tái đi nói:

- Lần này tôi sẽ tự làm chứng dẫn đi bắt, nhất quyết không sai. Hơn nữa, tôi rất ái ngại cho vợ chồng anh, một người bị giam cầm, còn một người phải làm gái lầu xanh. Tôi đã không ngần ngại, bỏ cả công việc đi khắp nơi tìm ra sự thực, mà anh lại không tin tưởng ư?

Triệu Tương vội quỳ xuống nói:

- Được anh nhiệt tình giúp đỡ như thế, tôi thề sẽ làm chó ngựa để báo đền anh.

Chu Thanh Hà ra khỏi nhà giam thì gặp Triệu Vân Sơn. Họ cùng mời Đồng Cận Tuyền tới chùa Phổ Chiếu bàn bạc, viết đơn cáo trạng. Các bị cáo gồm có ba người chủ mưu là Tưởng Vân, Lý Thái, Chu Thuận chủ nhà chứa chấp Phùng thị và ba người liên đới là Phùng Bá Nguyên, Phùng thị, Đồng Cận Tuyền là người láng giềng làm chứng. Triệu Nguyên vẫn là người đệ đơn như cũ; Chu Thanh Hà là người làm chứng dẫn đi bắt. Tất cả đã chuẩn bị xong, chỉ chờ bắt được Phùng thị, sau đó sẽ xét xử các phạm nhân.

Chưa tới mười ngày đã bắt được Phùng thị. Ngay chiều hôm ấy tri huyện

mở cửa công đường, giải tất cả phạm nhân tới. Trước hết quan huyện gọi Phùng thị đập bàn giận dữ quát:

- Mày là kẻ dâm phụ, bỏ chồng trốn đi, cam lòng làm kỹ nữ, làm Triệu Tương phải vào tù. Khai ra sự thực, sẽ tránh được hình phạt.

- Bẩm quan lớn! - Phùng thị nói. - Quả thực oan cho con. Đêm ấy con bị chồng đánh đập tàn nhẫn, cùng quẫn, muốn nhảy xuống giếng cho chết đi. Nào ngờ, vừa mở cửa sau đã thấy Tưởng Vân đứng bên tường nghe trộm. Thấy con ra, hăn bèn lôi con về nhà, nói rằng: "Có việc gì ghê gớm thế, đừng cóngĩ quẩn. Hãy theo tôi, tôi sẽ đưa đến một nhà người thân thích, ở tạm mấy hôm, chờ tôi khuyên can chồng cô nguôi giận rồi hãy về". Đang lúc cùng đường, con buộc phải nghe theo. Ngay đêm ấy, hăn gọi chủ thuyền là Phương Minh cùng vợ là Dương thị đưa con đến huyện Thượng Hải, sau rời khỏi thành xuống nông thôn, tới tá túc tại trang viên nhà họ Lý. Hôm sau Tưởng Vân đến trang viên, con muốn về nhưng hăn nói: "Chồng cô bị tố cáo vì tội ngỗ ngược bất hiếu đang bị giam trong nhà tù chờ ổn thỏa mới về được". Sau đó gần nửa tháng, hăn cùng một người tên Tiền Tuyển tới, nói với con rằng: "Chồng cô bị trọng tội giam trong ngục, không có tiền dứt lót, nếu được năm mươi lượng biểu quan thì có thể được tha. Tú tài họ Tiền là nhà giàu có nếu chịu nghe lời tôi mà kết giao thì chồng cô sẽ được tha, và cô cũng có thể được về". Lúc ấy con biết hăn lòng dạ xấu xa, kêu khóc van xin nhưng hăn không nghe. hăn lại mưu mô với Lý Thái, dùng gậy đánh con hết sức tàn nhẫn, bức con phải chịu ô nhục. Đến nay đã mấy tháng, chúng thực hiện mưu kế độc ác mà không cho con đồng nào. Quả đúng như thế, cúi xin quan lớn đèn trời soi xét.

- Vợ chồng lục đục là việc thường của con người. - Quan huyện hỏi. - Vì sao phải tìm đến cái chết? Hơn nữa Tưởng Vân không liên quan gì, sao lại đứng sát tường nghe trộm. Mày hãy khai thực ra.

Phùng thị lại khai rằng, từ khi Triệu Tương đi buôn xa. Tưởng Vân đã gian dâm với Vương thị, rồi lại bức mình hành dâm. Phùng thị khai rữ từ đầu tới cuối. Tri huyện bèn gọi Tưởng Vân, cười khẩy nói:

- Mày là thằng xỏ lá. Đã gian dâm với mẹ con họ, lại thừa cơ dụ dỗ họ đi

trốn, bức bách Phùng thị làm gái điếm. Mày là kẻ vô cùng độc ác, mày đáng tội chết.

Nói xong tri huyện lại cho gọi Phùng Bá Nguyên hỏi:

- Người chưa rõ thật giả, sao lại tố cáo bừa về tính mạng con người. Người có biết, vu cáo là tội nặng không? Theo luật đáng phải ngồi tù.
- Xin quan đèn trời soi xét. - Phùng Bá Nguyên cúi lạy nói. - Cha con con không có điều tiếng gì. Tất cả đều do Tường Vân báo tin, xúi giục con đi kiện.

Quan huyện gọi Triệu Tường lại nói:

- Từ trước đến nay người đã bị đánh bao nhiêu gậy?
- Con bị ông lớn ra ớn trừng phạt, bị đánh tất cả là một trăm linh năm gậy.

Đã thế thì ta cũng không đánh thẳng xỏ lá độc ác này nhiều hơn. Chỉ đánh một trăm linh năm gậy, bằng Triệu Tường. Lúc ấy Tường Vân tự biết mình mắc trọng tội, chẳng còn lời nào để tự thanh minh cho mình. Tuy là dũng mãnh hơn người, nhưng vừa đánh được bảy mươi gậy đã lăn ra chết. Tri huyện lại gọi Triệu Tường hỏi:

- Vợ người vốn thân đã ô nhục, danh đã nhuốc nhơ, anh muốn đoạn tuyệt hay đoàn tụ?
- Nhà con đã khánh kiệt, mẹ con đã qua đời. - Triệu Tường nói. - Trước mắt không ai thân thích, xin quan cho được đoàn tụ.

Tri huyện sai đánh Lý Thái, Chu Thuận, Phùng Bá Nguyên mỗi người mười gậy, định tội từng người. Rồi gọi Phùng thị nói:

- Người là đồ dâm phụ, lẽ ra phải đánh hai mươi gậy, nhưng nể tình chồng người mà ta tha cho.

Triệu Tường dẫn Phùng thị về, hàng xóm ai cũng tới an ủi. Khi nhắc tới Tường Vân, ai ai cũng nghiêng răng nguyên rửa. Về sau Triệu Vân Sơn cho Triệu Tường vay hai mươi lạng bạc, mở cửa hàng bán bánh mì. Phùng thị hối hận lầm lỗi trước đây, chịu thương chịu khó giúp chồng buôn bán. Chưa đầy ba năm đã gom góp được mấy trăm lạng bạc làm vốn. Từng có thơ .

rằng:

*Kết nghĩa ai ngờ thành nghiệp chướng,
Phòng the lã chã lệ tuôn rơi.
Nếu trời không diệt phường gian ác,
Ngọc châu sao mất lại trở về.*

Vào một ngày mùa xuân, Triệu Tương đến Tô Châu mua hàng. Triệu Tương mời Chu Thanh Hà tới Hồ Khâu du ngoạn. Chu Thanh Hà tuổi đã gần bốn mươi, song vẫn quen đi lại nơi ngõ liễu đường hoa, tiêu tiền như rác, ngao du khắp nơi. Lần này đến Hồ Khâu, Thanh Hà mời Triệu Tương đến một nhà chứa. Chủ lầu xanh tên là Chư Tú, trong tay mụ chỉ có hai chị em: một người gọi là Lai Hương, một người gọi là Vân Sảnh. Tối ấy hai người đã bỏ ra một lạng bạc để làm chủ. Bốn người cùng ngồi, uống rượu tới gần sáng mới tan. Chu Thanh Hà đòi Vân Sảnh, Triệu Tương dắt Lai Hương về phòng riêng mây mưa, thỏa nỗi hận lâu nay.

Triệu Tương và Lai Hương ở với nhau trong ba ngày. Triệu Tương mua hàng, chuẩn bị xong, nghĩ sáng hôm sau sẽ thoát khỏi cảnh này. Đêm ấy càng về khuya, sau khi mây mưa, Lai Hương khóc lóc nói với Triệu Tương rằng:

- Chàng quê ở Tùng Giang, thiếp cũng là con gái nhà lành vùng đó. Thiếp rơi vào vũng bùn này đã hai năm, lúc nào cũng muốn hoàn lương, nhưng khổ một nỗi, không ai nương tựa. Nay, may được chẵn gối với chàng, được chàng ân ái, nếu như chàng cứu ra khỏi vũng bùn nhơ này, thiếp xin nguyện suốt đời nâng khăn sửa túi cho chàng.

- Nàng thuộc con gái nhà lành, song vì sao lại đến nông nỗi này? - Triệu Tương hỏi. - Nếu như muốn chuộc nàng thì phải mất bao nhiêu?

- Thiếp họ Dương, tên là Xảo Cô. - Lai Hương đáp. - Chồng thiếp là Trương Vân, phạm trọng tội, bị quan huyện đánh chết ngay tại huyện đường. Cha mẹ thiếp đều đã qua đời, tai họa ập đến, tên độc ác ấy tham lợi đã bán thiếp cho Chư Tú. Một thương nhân ở An Huy muốn chuộc thiếp, nhưng Chư Tú

đòi một trăm lạng, bởi thế mà không ra được. Nay thiếp đã góp được một nửa, nếu chàng có năm mươi lạng thì có thể đưa thiếp đi cùng.

- Lần này tuy tôi có một trăm lạng thật, - Triệu Tương nói, - nhưng đã mua hàng hết rồi. Nàng hãy đợi chừng hơn tháng nữa, tôi sẽ tới bàn với nàng.

Lúc chia tay, Lai Hương dặn đi dặn lại Triệu Tương, mong rằng chàng tới cứu nàng, rồi nước mắt giàn giụa, khóc nức nở, thật đáng thương tâm. Triệu Tương nghĩ thầm, quả là trời báo ứng, quyết không sai hẹn. Về tới nhà, anh nói ngay chuyện ấy với Phùng thị. Phùng thị cứ năn nỉ khuyên Triệu Tương chuộc nàng về làm thiếp. Sau đó Triệu Tương bàn với Chu Thanh Hà, Triệu Vân Sơn, họ vui mừng khuyên Triệu Tương nên chuộc nàng về. Hơn một tháng sau, Triệu Tương tới Tô Châu, bỏ ra hơn sáu mươi lạng bạc chuộc lại Xảo Cô.

Từ đó Triệu Tương cùng Phùng thị và Xảo Cô sống với nhau rất hòa thuận. Mỗi khi nhắc đến Trương Vân, Xảo Cô vẫn còn oán hận. Về sau Phùng thị sinh được hai con trai, Xảo Cô sinh được một con gái. Tới nay vợ chồng họ sống vẫn bình yên.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 5 (A)

Trương Xương Bá Thương Người Nên Thoát Nạn

Thơ rằng:

*Tài mệnh gắn liền nhau,
Người xưa thường dạy thế.
Tử sinh, biết bao người liên lụy,
Mới tin rằng tiền tài như phân, đất mà thôi.
Nước uống cơm ăn tùy phận,
Nhà ở ba gian, giường tre một chiếc.
Việc chi phải lụy đến ngàn vàng.
Đáng buông tay, xin hãy buông tay,
Đừng cố bám mà thành oan nghiệt.*

Bốn chữ *tiền, tài, phân, đất* trong bài từ thật là có ý nghĩa. Vì sao ngày nay người ta cứ chê câu nói ấy mà chỉ nói tới những hành vi của bọn phá gia chi tử? Hoàn toàn không biết câu nói này có thể làm người ta nên người. Vì sao vậy? Phải biết rằng cái nuôi người thứ nhất trong thiên hạ, chẳng gì bằng đất; cái nuôi vật thứ nhất trong thiên hạ chẳng gì bằng phân. Vậy thì phân và đất là gốc rễ của sinh sôi nảy nở, là nguồn gốc của mạng sống, nó quả là cái đáng quý trong trời đất. Nó được giải thích, cũng giống như cách giải thích của chữ tài là "nguồn gốc của sự nuôi dưỡng sinh mệnh". Song một đằng là, công năng của nó cực lớn, dùng nó phải thật phù hợp. Chẳng hạn, thời tiết trồng mạch thì không trồng được lúa, nếu trồng lúa, không những không có lợi cho lúa mà lại còn có hại cho lúa mạch. Thời tiết trồng lúa thì không được trồng đậu, nếu trồng đậu, không những không có ích cho đậu, mà lại còn có hại cho lúa. Bởi vậy phải theo thời tiết mà cày cấy, thì tự nhiên thu lợi cả đôi đằng. Phân là cái rất có ích, nhưng có cái phù hợp với

nước mà không phù hợp với phân, phù hợp với phân mà lại không phù hợp với nước. Nên ta phải xem thời tiết mà định liệu, không thể cứ khẳng khẳng theo ý riêng mình. Bởi thế cũng là dùng tiền tài, nhưng dùng nó để đánh bạc chơi gái phè phỡn, dùng tiền của không đúng chỗ thì nhất định sẽ dẫn đến du đãng, hư hỏng, làm nhục tổ tông. Còn dùng tiền tài để cứu người, làm lợi cho vật thì đó là cái đáng dùng, như thế không những sẽ được tiếng là đạo đức, mà còn đem lại nhiều lợi ích khác, vừa được hưởng cuộc sống an nhàn, của cải lại sinh sôi nảy nở. Những kẻ không biết cày cấy, mà dốc hết tiền của phung phí vào việc chơi bời, ta chẳng nói đến làm gì, song ngay cả những kẻ keo kiệt không dám nhổ một chiếc lông chân để cứu người, thì cuối cùng cũng chẳng nên người. Vì sao vậy? Phàm là tiền của phải lưu thông trên đời, một người không thể vơ vét hết được. Nếu như nghĩ ra trăm phương ngàn kế, được một lại muốn mười, được mười lại muốn trăm, nhất định sẽ bị người đời oán hận, và sẽ có ngày thân bại danh liệt, tan cửa nát nhà. Thế mới biết câu tiền tài như phân đất nhằm dạy người ta phải biết chi tiêu, chẳng khác nào như phân đất sinh sôi phát triển vô cùng tận, đó chính là bí quyết xây dựng gia đình. Bởi thế không nói tiền tài như gạch đá, mà chỉ so sánh nó với phân đất. Người ngày nay không hiểu được ý nghĩa ấy, mà lại coi mấy chữ phá gia chi tử để chỉ kẻ hoang phí tài sản, đồng thời lại dùng ẩn ngữ *ôm nổi oan thiên cổ* mà không sao rửa được để đả kích, thì quả thật đó là điều đáng tiếc. Câu chuyện dưới đây rất sát với câu châm ngôn, qua đây chúng ta phần nào chặn đứng được những việc xấu xa, tiêu diệt căn bệnh keo kiệt đến mức không muốn mất một chiếc lông chân để làm lợi cho thiên hạ. Câu chuyện rất có ích cho mỗi chúng ta.

Thời Vạn Lịch triều Minh, ở huyện Trường Châu, phủ Tô Châu, có một vị quan tên là Trương Quốc Thụy, tự là Xương Bá, vợ là Dư thị. Vốn là một gia đình Nho gia, song từ khi bỏ việc học hành, mở cửa hàng vải, cha Xương Bá trở thành phú ông, nổi tiếng giàu có. Đến đời Xương Bá, nối chí cha, Xương Bá còn giàu có gấp mấy cha, và vẫn giữ được danh hiệu phú ông.

Một hôm đang ngồi trong cửa hàng, Xương Bá thấy một người đi qua, rồi lại quay lại đứng trước cửa nhìn vợ vẫn. Xương Bá đang định hỏi anh ta, thì thấy có người tới mua vải. Vì bận việc, nên ông không để ý tới nữa. Tối đến ông đóng cửa hàng, nghỉ ăn cơm, sau đó lại tính toán sổ sách, xong việc thì đã tới canh hai. Vừa cởi áo lên giường, còn đang nằm chưa ngủ, thì thấy ngoài cửa có tiếng động. Xương Bá định dậy xem sao, song nghĩ, người nhà đã ngủ, nếu dậy sẽ làm mọi người thức giấc, thật bất tiện. Hơn nữa cửa đã đóng cẩn thận, chắc chẳng việc gì, bởi thế ông cũng không để ý tới nữa. Song, tiếng động ngoài cửa vẫn cứ vọng vào. Xương Bá đành phải lặng lẽ ngồi dậy, rón rén nấp sau cánh cửa. Thấy trong bóng đêm, một người đi tới Xương Bá nhanh tay lôi lại, gọi người nhà dậy, châm đèn soi. Rất mừng thấy không mất gì, bên ngoài cũng không có ai. Người này đúng là người sáng nay đứng vợ vẫn trước cửa hàng. Lúc ấy người nhà định đánh song Xương Bá quát, ngăn lại nói:

- Đừng đánh, anh ta có lấy gì đâu!

Thấy thế, người ấy cho rằng ông chủ này là một người rất dễ dãi, bèn vội quỳ xuống nói:

- Con không còn gì để nuôi mẹ già, nên bất đắc dĩ phải làm việc này. Hơn nữa, đây là lần đầu, mong ông tha cho, lần sau con không dám đến quấy rầy ông nữa.

- Anh ạ, tôi cũng không muốn vất vả, - Xương Bá cười nói, - anh đã đến nhà tôi, sao lại về không. Không lấy được gì, thì tôi đãi anh một chén rượu cho ấm bụng.

Rồi ông gọi người nhà hâm một bình rượu mang ra, bày thêm hai đĩa thức nhắm, bảo anh ngồi xuống. Thấy chủ nhà đối xử như thế, anh không những xấu hổ, mà còn cuống lên nghĩ: "Thế này là thế nào? Nếu như thả mình ra thì ông quả là người rất tốt. Tại sao ông ấy lại cho mình uống rượu? Hay thấy mình không chịu được đòn, cho mình ăn rồi mới đánh". Anh cứ lưỡng lự mãi mà không dám ăn. Xương Bá biết được anh nghĩ gì, bèn nói:

- Anh cứ yên tâm ăn thoải mái, tôi không phải là người ngấm ngầm thanh toán anh đâu. Nếu định làm như thế thì tại sao tôi không gây khó dễ cho

anh, lại còn tốn rượu mời anh?

Người ấy thấy ông là người tốt thực nên không dám phụ lòng, tự rót rượu uống.

Thấy anh ta ăn uống thoải mái, Xương Bá vui vẻ hỏi:

- Anh tên gì? Ở đâu? Trông anh không phải là người xấu, sao không kiếm việc gì làm, mà lại đi làm cái trò phạm pháp này.

- Con tên là Chu Ân. - Anh ta vừa ăn vừa đáp. - Nhà nghèo túng, mẹ lại ốm đau không có tiền chạy chữa thuốc thang, nên con phải làm liều. Mong ông tha tội.

Thấy hoàn cảnh anh ta nghèo khó, Xương Bá rất thương, cho anh ba lạng bạc về làm vốn buôn bán kiếm lời nuôi mẹ.

Chu Ân chần chừ không dám nhận, nhưng Xương Bá cứ nhét tiền vào tay. Chu Ân không dám phụ lòng tốt của ông, cầm lấy tiền rồi cảm ơn rồi rút. Về tới nhà anh ghé sát vào tai mẹ kể hết mọi chuyện, anh định lấy trộm rồi được Xương Bá cho uống rượu và cho tiền như thế nào. Bà mẹ nói:

- Rất may, anh đã gặp được người tốt, nên không bị giải lên quan. Ở công đường sẽ bị đánh đập, chửi mắng, và người ta lại còn đòi hỏi cái này cái khác thì anh biết dựa vào ai. Chẳng may xảy ra việc gì thì tôi cũng chết chứ chẳng phải anh. Lần sau đừng làm liều như thế.

Chu Ân nói:

- Đúng là con không còn cách nào khác nên mới làm thế, chứ đâu phải con thích làm loại người lưu manh. Từ nay về sau con nghe lời mẹ.

Được Xương Bá giúp đỡ, hai mẹ con đều rất vui. Họ chờ đến sáng, sắp xếp quang gánh, sắm lễ vật cúng thần tài. Khi cơm nước xong, không còn việc gì phải bận tâm, Chu Ân ra cửa đứng nhìn vợ vãn. Bỗng trời tối sầm lại, rồi đổ mưa. Đúng lúc định đóng cửa vào thì thấy có người đến trước cửa nhà anh trú mưa. Thấy người ấy quần áo ướt đầm, Chu Ân động lòng thương, trong tay đang sẵn có ít tiền vốn, anh nảy ra ý định cứu giúp người. Thế là anh mời người ấy vào nhà, nhóm lửa cho người ấy hong quần áo, rồi hỏi:

- Ông người ở đâu? Định đi đâu mà lại gặp mưa thế này?

- Tôi là học sinh, họ Lạc tên là Công Tế, ở phố Tư Môn. Sáng nay đang trên đường về thăm nhà, không ngờ lại gặp mưa, làm phiền ông quá.

Sau đó anh hỏi tên Chu Ân. Chu Ân nói họ tên mình và kể lại chuyện trước đây anh mở cửa hàng, vì bị kiện tụng mà trở thành nghèo túng. Rồi lại nói:

- Tôi đến Tư Môn xem bói, chọn ngày làm ăn. Thế thì ông ở đây có biết xem bói không?

- Tôi là học trò, - Công Tế nói. - Chẳng giấu gì anh, trước đây tôi là người thường viết đơn kiện cho người ta. Những người trong nha môn đều quen biết. Nay tuổi đã cao, thấy rằng một tờ giấy mà đã làm cho nhiều người tan cửa nát nhà, hại biết bao nhân mạng, đó không phải là trò tích đức. Đơn từ tôi viết khác hẳn với người khác, dựa vào việc của họ, tôi chỉ cần viết ba bốn dòng là đảm bảo thắng kiện. Nay mặc dù tôi đã đổi nghề, song vẫn nhiều người tìm đến. Tôi không thể từ chối, đành phải viết cho họ. Nửa năm sau tôi chọn được nghề xem ngày để sinh sống, rồi thề sẽ không làm nghề viết đơn kiện nữa.

Chu Ân nghe xong, thấy đây là một người hào kiệt trong làng bút mực, không dám coi thường. Dần dần thấy quý mến ông, muốn kết bạn với ông, để có chỗ dựa vững chắc sau này.

Lúc ấy trời vẫn còn mưa, Chu Ân nghĩ: "Đã định làm bạn với nhau, sẵn lộc cúng thần, sao không mời ông ta một chén cho ấm dạ, thế mới là tình người". Rồi gọi Phù thị dọn rượu mời Công Tế. Thấy Chu Ân đối đãi với mình như thế, Công Tế hơi ngượng, nhưng vì đang đói, nên không từ chối. Hai người, một chủ một khách ngồi ăn, trời đã muộn, mưa đã ngớt, Công Tế đứng dậy xin cáo từ, nhưng lại nghĩ, trời vừa mưa, đường trơn rất khó đi, nên vẫn còn nấn ná. Chu Ân biết ý, nói:

- Đường trơn thế này đi sao được. Tôi cho ông mượn đôi guốc gỗ đi cho đỡ trơn.

- Cám ơn lòng tốt của anh, - Công Tế nói, - song đâu dám phiền anh đến thế.

- Sao lại nói thế. - Chu Ân nói. - Sau này chúng ta còn đi lại với nhau nhiều, chỉ mong ông đừng chê tôi nghèo là được rồi.

Công Tế nói nhún nhường mấy câu, rồi bảo Chu Ân rằng:

- Thôi thì phiền ông vậy.

Nhà không có guốc, Chu Ân sang hàng xóm mượn, rồi đưa cho Công Tế. Còn Chu Ân tìm một đôi đũa hỏng để đi. Chu Ân vào nói với mẹ một câu, quay ra dọn dò Phù thị dọn dẹp bát đĩa, rồi ra tiễn chân Công Tế. Công Tế nói:

- Trời sắp tối rồi, anh không phải tiễn chân tôi.

- Nhân thể tôi đến chỗ anh để biết nhà, - Chu Ân nói, - đợi đến mai lại phải nói thêm những lời khách sáo; hai là đôi guốc ấy tôi đi mượn, sợ rằng người ta cũng dùng, nên đến mang về trả họ.

- Thế thì phiền ông quá, - Công Tế nói, - biết lấy gì để tạ ơn ông đây?

- Thôi thì tùy ông, - Chu Ân nói, - tôi có "kiện" đâu.

Cả hai cùng cười, suốt dọc đường họ vừa đi vừa chuyện trò vui vẻ. Chẳng mất chốc đã tới nhà. Hai người đều lễ phép mời nhau ngồi. Lúc ấy trời vẫn còn sáng, Chu Ân thấy trong nhà bày biện rất sang trọng. Chỉ thấy:

Cửa sổ sơn son,

Tường vôi trắng xóa.

Trên tường,

treo bức tranh danh tiếng, chẳng mới chẳng cũ,

dán mấy bài thơ danh sĩ, nửa thực nửa hư.

Trên bàn,

mấy thiên rách nát, xem hết luật lệ triều Minh.

Vài cuốn sổ tàng, sao cả thông thư thất chính,

Bút lông thỏ nhọn, sắc bén tựa dao,

Màu mực mới nguyên, như sơn đặc sánh.

Chu Ân ngồi một lúc, uống xong chén trà, cầm guốc đứng dậy cáo từ. Vừa bước ra khỏi cửa, thấy tấm biển, bèn dừng lại nói:

- Tôi quên khuấy đi mất, không nhờ ông một việc.

- Quên việc gì, - Công Tế nói, - bây giờ nói cũng không muộn.

- Không giấu gì ông, - Chu Ân nói, - cuộc sống của tôi hiện nay thật khó

khăn. Tôi định ngày mai đi buôn chút hàng lật vặt không biết có tốt không, bởi thế muốn phiền ông xem giúp.

- Thế thì mời ông nán lại đây, - Công Tế nói, - tôi dở cuốn *Thông thư* ra xem là biết ngay.

Công Tế lấy cuốn lịch ra xem, rồi nói:

- Ngày mai không phải là ngày thượng cát, chờ hai, ba hôm nữa hãy đi. Ngày mười bảy là ngày rất tốt, đi đâu cũng có lợi.

Chu Ân được chỉ bảo, cảm ơn ra về.

Hai ngày trôi qua, chẳng có gì đáng nói. Ngày tốt đã đến, hôm đó, Chu Ân dậy sớm đun nước uống, sửa soạn quang gánh đi mua hàng. Khi đi, Chu Ân không quên dặn Phù thị đóng cửa. Lúc Chu Ân tắt đèn bước ra khỏi nhà thì trên trời trăng vẫn sáng. Vừa đi tới cửa nhà Xương Bá, ngẩng lên chợt nhìn thấy một người đang đứng dựa sát vào cửa nhà ông, Chu Ân chợt nghĩ: "Chắc đây là tên ăn trộm, trời vẫn chưa sáng, nên hắn vẫn còn lén lút ở đây". Chu Ân lên tiếng quát hỏi, vẫn không thấy động tĩnh gì, anh đánh liều chạy tới tóm lấy người ấy bằng người anh run lên, mồm cứng ra không nói được. Nguyên là:

*Đầu lâu chạm sao, sờ vào như kéo ngói,
Gót chân, trên đồng gạch duỗi ra vẫn chưa tới bùn.
Kính hãi như bay khỏi đất bằng,
Chẳng khác nào đang đi tới mây xanh.
Vốn không là đạo sĩ sao biết vén mây cười gió,
Chẳng phải là giai nhân sao biết chơi đu.
Đáng kinh, đáng sợ, muốn biết việc này sao lại thế?
Là quỷ, là người, sẽ rõ tại đoạn sau.*

Khi Chu Ân lôi thì thấy người ấy xoay tròn, nhìn kỹ thì ra một người thất cổ tự tử. Chu Ân sờ vào thấy người lạnh toát không biết chết từ bao giờ. Anh vô cùng kinh sợ, nghĩ: "Xương Bá là người tốt như thế, không biết có

nỗi oan ức gì mà người ta lại đến tận nhà để hại ông". Định báo cho Xương Bá biết, nhưng sợ gõ cửa làm kinh động xóm làng, muốn bỏ đi để tránh chuyện liên quan, song lại không nỡ. Chu Ân nghĩ: "Ông ấy đã cứu giúp mình, sao mình lại không cứu giúp ông ấy" Rồi lại nghĩ: "Chỉ có kéo xác chết này đi chỗ khác, thì ông mới tránh khỏi điều tiếng". Nghĩ xong anh bèn đứng lên đóng gạch, cời xác chết ra, cũng chẳng cần biết anh ta thế nào, rồi cõng xác chết đi. Đi chừng nửa dặm tới một chiếc cầu, anh đặt chiếc xác xuống, cời chiếc thùng trên cổ ra, buộc hòn đá vào xác chết, rồi nhẹ nhàng thả xuống nước. Sau đó quay trở lại bỏ gạch đá vào quang gánh đi. Có bài thơ làm chứng:

*Mang nặng công ơn cứu đói nghèo,
Trộm tuy bắt được vẫn cho thêm.
Cứu người chẳng khác mình tự cứu,
Việc thiện trên đời thật khó thay.*

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 5 (B)

Vốn là đối diện với nhà Xương Bá có một gã tên là Điều Tinh, tự là Đức Phủ, chuyên thối bốc lừa bịp tay không, lừa người lấy tiền của. Từ lâu thấy Xương Bá giàu có. Điều Tinh muốn kiếm chác nhưng chưa tìm ra mưu kế. Đúng hôm Chu Ân tới nhà, Xương Bá cho gọi mọi người dậy. Bà lão giúp việc năm nay đã hơn bảy mươi tuổi cũng chạy ra. Không ngờ tuổi cao, vừa kinh sợ, lại gặp gió độc bị cảm lạnh, đầu đau, sốt cao, chỉ trong vài hôm đã qua đời. Vì không có người thân thích, Xương Bá đã mua quan tài nhập liệm. Nghĩ bà ở nhà ông đã lâu, lại là người hiền lành, chịu khó, không nỡ hỏa táng bà, ông đã đưa bà tới chỗ đất trống tại nghĩa địa tổ tiên, an táng bà tại đó. Ông mua sắm vàng hương cúng, báo đền công lao của bà. Biết được điều ấy, Điều Tinh mừng thầm, ngấm ngấm tính kế kiếm tiền. Chỉ chờ có người đến tìm bà, thì mới đặt ra mưu kế kiếm lợi. Song nếu không có người tiên phong làm quân sư mà mình tự xông vào sẽ không thành. Dẫn đo mãi mà chưa tìm được người đảm đương việc nặng nề này. Phải tìm một người bạn thân thiết để bàn bạc.

Vừa ra khỏi cửa, thấy anh hàng gà người nhà quê đi qua. Hắn gọi lại mua, mặc cả xong, hắn mang luôn gà vào trong Nhà. Nào ngờ, gà đã mang đi, mà tiền thì không trả. Chờ mãi không thấy tăm hơi người mua gà đâu, anh ta sốt ruột, đành vào đòi tiền. Gọi hai ba tiếng mới thấy người ra tiếp. Song tiền vẫn không trả, mà người mua cũng không ra. Cứ thoái thác rằng bận việc, bảo anh nán lại chờ một chút. Mãi tới lúc lên đèn, Điều Tinh mới ra, luôn mồm xin lỗi. Hắn ta ân cần mời anh hàng gà ở lại, nói:

- Tôi chắc anh không phải là người trong thành. Anh quê ở đâu?
- Ở ngoài Lâu Môn. - Người ấy nói.
- Thế thì về nhà không kịp, - Điều Tinh nói, - anh hãy ở đây sáng sớm mai về có được không?

- Sao lại thế? - Điều Tinh nói. - Tôi đã làm lỡ anh, nếu như không giữ anh lại thì không đành lòng. Mà về không kịp, có phải thiệt cả đôi đảng không. Thế thì ở đây là tốt nhất.

Người ấy thấy hân tha thiết, không dám phụ lòng, mà bây giờ về thì cũng đã muộn, bèn cảm ơn anh ta, yên tâm ở lại. Thấy anh ta chịu ở lại, Điều Tinh mời vào phòng xếp ngồi, gọi đưa ở thấp đèn, lấy tiền ra trả, nói:

- Tiền gà của anh đây, không thiếu một xu.

Người ấy dỡ ra xem, thấy đủ, bèn cất vào túi. Đang định hỏi mình ngủ chỗ nào thì thấy người nhà bưng cơm rượu ra, mâm cơm lại rất thịnh soạn. Điều Tinh vừa tiếp rượu cho người ấy vừa nói chuyện dông dài:

- Anh tên gì nhỉ?

- Tôi là Ngu Tín Chi. - Người ấy đáp.

- Anh làm gì? - Điều Tinh hỏi.

- Chỉ cấy năm sáu mẫu ruộng, - Tín Chi đáp, - ngoài ra chẳng làm gì khác. Nay tiền thuế gấp quá phải mang gà đi bán để nộp.

- Năm sáu mẫu ruộng cũng chẳng phải kho bạc cây tiền, sao chẳng đổi khát! - Điều Tinh nói. - Hôm nay có gà bán còn khá, ngày mai không có gà thì anh bán gì. Cuối cùng thấy nhà anh không có gà, thì quan lấy thóc chứ lấy gì nữa.

Tín Chi thấy anh ta nói thế rất buồn, im lặng không trả lời. Điều Tinh nghĩ, bây giờ có thể dùng lợi để lay động anh ta, bèn nói:

- Anh không cần phải lo, hiện tôi có một món tiền cho anh. Anh có cần không?

Tín Chi cho rằng anh ta nói đùa, vừa cười vừa hỏi:

- Xin đa tạ tấm lòng tốt của tướng công, song cho tôi bao nhiêu?

- Tôi nói thực đấy, - Điều Tinh nói, - chứ không phải đùa anh đâu. Đây là cái lộc mà chẳng tốn công phí sức, không phải anh lấy nó ở chỗ tôi, mà cũng phải xem anh có cơ duyên nhiều hay ít.

- Vô cùng cảm ơn tướng công đã hết lòng nâng đỡ. - Tín Chi nói. - Chỉ có điều tôi là người quê mùa cục mịch, chẳng làm được trò trống gì.

- Chẳng cần anh phải làm gì nặng nhọc, chỉ cần anh nói mấy câu là tiền sẽ đến tay. - Điều Tinh nói.

Rồi Điều Tinh thuật lại tỉ mỉ về cái chết của già Trương và vạch ra cho anh ta một số câu đối đáp. Điều Tinh nói:

- Anh đến nhà họ Trương nhận là người thân thích của bà cụ, sau đó làm rùm beng lên, tôi sẽ nói thêm vào, nhất định sẽ kiếm được món hời, đấy chẳng phải là một món tiền kếch xù mà anh tha hồ tiêu ư?

Tín Chi nghe anh ta bàn dày bàn mỏng một hồi, lòng tham tự nhiên bùng lên, chẳng kịp tính toán chi li, anh ta mừng rỡ nghe theo.

Sáng hôm sau, theo Điều Tinh chỉ bảo, Tín Chi sang nhà Xương Bá. Thấy anh tới, Xương Bá hỏi anh đến có việc gì. Tín Chi nói:

- Tôi có bà cô làm thuê ở đây, phải đi làm ăn xa, không đến thăm được. Hôm nay tôi đến thăm cô tôi.

Xương Bá thấy khả nghi, ông nghĩ: "Bà ấy ở nhà mình đã hơn hai mươi năm, chẳng hề thấy một người thân nào lai vãng tới. Nhưng sao vừa mới chết, đột nhiên lại có người tới nhận là thân thích, chẳng biết thật giả thế nào?". Xương Bá nảy ra một kế, truy hỏi tỉ mỉ người ấy về tuổi tác bà cụ. Tín Chi ấp úng không nói được, và cảm thấy sượng sùng. Xương Bá thấy vậy đoán rằng đây là cách nói giở giọng, nên cũng chẳng chấp làm gì. Những người trong nhà, kẻ hỏi câu này, người hỏi câu khác làm Tín Chi không sao trả lời được. Tín Chi thấy đây là người không dễ gì lừa dối, liền bỏ đi. Anh ta nghĩ: "Mình không nghĩ kỹ, sao mình lại đi nghe những lời nói vu vơ, đến nỗi ê cả mặt. Tiền của bất nghĩa, vốn không phải là thứ mình dễ dàng chiếm đoạt được". Anh cũng không quay lại nhà Điều Tinh nữa, mà vội vã ra về. Ai ngờ Điều Tinh đứng sẵn trước cửa nhà Xương Bá nghe ngóng tình hình, thấy Tín Chi đi qua bèn gọi lại, hỏi duyên do. Tín Chi đáp:

- Món bạc ấy không dễ gì lấy được. Chỉ vì việc ấy người ta đã té tát vào mặt, từ nay tôi cũng không dám đi lại phố này nữa.

- Họ nói gì mà ghê gớm vậy? - Điều Tinh nói. - Anh hãy kể tỉ mỉ cho tôi nghe, tôi sẽ nghĩ cách cho anh.

Tín Chi cũng chẳng giấu giếm, kể lại tỉ mỉ những lời họ truy hỏi. Điều Tinh

nói:

- Anh dần thật, người ta chỉ hỏi có mấy câu mà cũng sợ. thôi thì cũng không cần vội vàng gì, tôi còn có chuyện muốn bàn với anh.

Điêu Tinh kéo Tín Chi về nhà, không cho anh về. Tối đến vẫn mang rượu thịt ra, nhưng còn thịnh soạn hơn cả tối hôm trước. Tín Chi rất áy náy, cảm ơn Điêu Tinh mãi. Điêu Tinh nói:

- Có đáng gì đâu, lần này tôi quyết giúp anh để khỏi uống công người bạn tương tri.

Hai người ăn uống hồi lâu, Điêu Tinh nói:

- Nhà Trương mắng anh một trận, hôm nay anh có nghĩ ra kế gì không?

- Đây là chuyện gây rối vô lý, sao có thể làm được, chỉ có đòi bữa thôi. - Tín Chi nói.

- Anh là loại người được nâng đỡ mà không trèo được cây. - Điêu Tinh cười nói. - Hiện ta có một kế rất hay, cứ làm theo chắc chắn sẽ được, song phải thận trọng.

- Việc ấy khó đến nỗi tướng công phải hao tâm tổn trí, - Tín Chi nói, - mà vẫn chưa tìm ra cách gì?

- Không còn cách nào khác, - Điêu Tinh nói, - đêm nay anh phải chết trước cửa nhà lão ta mới có thể được.

- Tướng công đừng đùa tôi! - Tín Chi kinh ngạc nói. - Tôi làm thế nào được?

- Không phải tôi đùa đâu. - Điêu Tinh nói. - Tôi nói thực đấy. Ấy là tôi bảo anh chết giả thôi, chứ không phải chết thật. Chết giả như thế nào? Hôm nay anh sẽ đến cửa nhà lão ta, làm ra vẻ mình treo cổ, ta sẽ chạy ra ngay, một mặt cời cứu anh, một mặt gọi mọi người, thì nhất định lão ta phải thòi tiền ra cho anh. Chỉ cách ấy mới có thể được.

Đang lúc bốc hơi men, Tín Chi thấy thế nghĩ rằng Điêu Tinh nhất định sẽ là người đứng ra cứu anh, nên cũng chẳng đắn đo, xin Điêu Tinh một sợi thừng, đi một mạch tới nhà họ Trương.

Lúc ấy đã là canh ba, trăng vẫn còn sáng. Tín Chi tìm được một chỗ buộc thừng, thắt thòng lọng, trèo lên. Chỉ khoảng mười mười lăm phút, đã đi đầu Diêm vương.

*Thương thay, vợ con không từ biệt,
Hóa thành gió tham khóc suốt đêm.
Tuyền đài, từ nay thêm nỗi hận,
Bao giờ sống lại kiếp bán gà.*

Lừa được Tín Chi, Điều Tinh đứng thật xa theo dõi, sau đó đóng cửa đi vào, nói cho vợ là Thủy thị biết, việc đã xong, Thủy thị nói:

- Tốt thì tốt rồi, nhưng chỉ nghĩ ngợi về người bán gà.
- Đời nay, - Điều Tinh nói, - nếu như thương người khác thì mình chẳng được lợi lộc gì. Lúc nào ta cũng nghĩ phải khoảng của nhà Xương Bá, không ngờ đến nay lại mượn tính mạng của gã bán gà mới được toại nguyện. Nếu không có trời dung rủi, sao ta nghĩ ra diệu kế này. Ngay lúc ấy gã lại tính toán đến việc dọa nạt lừa dối, xếp đặt sẵn những lời nói để ngày mai thực thi kế moi tiền. Mọi việc sắp đặt xong, hăn mới cởi áo lên giường ngủ lấy sức ngày mai đối chọi với nhà họ Trương. Ai ngờ do quá mệt mỏi vì phải tính kế, hăn ngủ thiếp đi, trời sáng bảnh mắt mà hăn vẫn chưa dậy.

Thủy thị gọi, hăn choàng tỉnh lao ra cửa. Hăn tưởng rằng có người tiên phong, thì quân sư có thể ngồi chễm chệ nơi màn trướng. Ai ngờ ra thăm dò thấy vẫn im ắng, chẳng có động tĩnh gì. Cửa hàng nhà Xương Bá vẫn cứ đông đúc ồn ào. Ngay những nhà bên cạnh cũng chẳng thấy ai nói đến. Hăn thấy rất lạ lùng: "Tại sao lại không thấy tin tức gì? Thật là kỳ quái, hay nhà họ Trương phát hiện ra mà giấu đi. Chỉ có mình biết chuyện ấy nhưng khó mà hỏi người khác được". Hăn hồi tiếc và uất ức mà không dám lên tiếng, đến nỗi để tuột khỏi tay một món tiền ketch xù, mà lại còn lỗ mất hai bữa rượu. Từ đó lòng dạ Điều Tinh không yên, tìm mọi cách thăm dò cho ra sự thực, lúc đó sẽ khoác thêm cho Xương Bá tội mang xác chết đi chôn. Mấy hôm sau vẫn không thấy động tĩnh, Điều Tinh tuy nôn nóng, nhưng chẳng biết làm thế nào, chỉ một mình bồn chồn lo lắng mà thôi.

Từ ngày được Xương Bá tha và cho tiền, Chu Ân buôn bán lật vạt cũng đủ

chi dùng hàng ngày, không lúc nào anh quên ơn Xương Bá. Một hôm làm xong việc, trời vẫn còn sớm, Chu Ân muốn đến thăm Xương Bá. Một là, anh áy náy về việc xác chết, không biết sau khi thả xuống sông sẽ ra sao, và cũng muốn báo cho Xương Bá biết tin này. Đường nhiên không phải Chu Ân muốn kể công với Xương Bá, và cũng không đòi ông ấy phải đền ơn.

Vừa mới đi tới đầu cầu, thấy người ta đứng vòng trong vòng ngoài bàn tán. Chu Ân bước tới thấy một xác chết đầu oặt ra. Đúng là xác chết anh chìm xuống đêm trước, đã được vớt lên bờ. Lúc ấy bụng Chu Ân hơi run, chỉ sợ liên lụy đến mình, nhờ ra bất chợt họ ghép mình vào tội tự ý di dời xác chết, kết hợp với tội ăn trộm thì chống sao nổi. Chu Ân tới nơi xem, càng kinh hãi. Chẳng phải ai khác mà đó chính là Ngu Tín Chi, người anh con bà cô. Cha Tín Chi là Ngu Bá Cần. Xưa kia ông tổ họ Ngu là một người giàu có trong làng. Đời Bá Cần do không biết kinh doanh, rồi lại phải đóng thuế má sai dịch, cửa nhà sa sút dần. Đến đời Tín Chi thì cửa nhà đã khốn đốn sa sút. Chu Ân thường hay đi lại với anh, từ khi hai nhà lâm vào cảnh túng quẫn hiu hắt, nên ít qua lại. Chu Ân thấy thế không sao cầm nổi nỗi thương tâm, tự nhiên gào lên khóc. Những người xem quanh đấy thấy anh là thân nhân của người chết, không thể không hỏi, người ấy tên gì, ở đâu.

Chu Ân chưa trả lời xong, thì thấy một người trong đám đông vội kéo tay anh, nói:

- Hãy đến nhà tôi, tôi sẽ bàn với anh.

Chu Ân quay đầu lại chỉ thấy:

*Trán ngang ba ngấn, chau lại thành tên độc ác
Thao láo mắt tròn, nhắm nghiền thấy được mưu gian
Sợ mình nghèo, sinh lòng oán hận.
Lo người giàu, đòi phải chia đều.
Đất bằng gió mưa,
Trời xanh sấm sét.
Kế độc đã thành, chẳng kể làng xóm gần xa,*

Đơn từ bịa đặt, đâu biết phủ quan liêm chính.

Thị phi diên đảo,

Thay trắng đổi đen.

Quả là miệng cười, giấu dao, nói năng ráo hoảnh,

Đúng là trong bụng có kiếm, óc tim toàn nghĩ giết người.

Chu Ân theo người ấy đến nhà, người ấy nói: "Tôi họ Điêu, tự là Đức Phủ. Năm nay, tới phiên tôi cai quản vùng này. Xác chết vừa vớt được, chưa tìm được người thân tới nhận, anh đến rất kịp thời, ta cần phải làm đơn trình báo phủ quan. Anh đã biết vì sao anh anh chết, nay anh nghĩ thế nào cứ nói, tôi sẽ thay anh làm việc này".

- Hôm trước, người nhà anh ấy đến hỏi, - Chu Ân nói, - anh ấy đã đi năm sáu hôm mà không thấy về. Tôi cũng không để ý tới, song nào có ngờ đâu anh ấy chết ở đây.

- Anh anh bị người ta giết chết. - Điêu Tinh giả vờ kinh ngạc nói. - Tôi biết anh không hay biết chuyện này, song hung thủ chính là Trương Bá, người mở cửa hàng vải ngay đối diện nhà tôi. Lão ta cậy thế giàu có, không biết họ cãi nhau về chuyện gì mà chửi anh anh vô cùng tàn tệ. Nay bỗng nhiên anh anh chết, dù không phải bị chết do đánh, nhưng tôi vẫn nghĩ rằng lão ta không thể trốn tránh được trách nhiệm.

- Xem ra không phải là chết đuối, - Điêu Tinh nói tiếp, - mà chết do thắt cổ. Theo tôi, anh phải đi cáo giác, nhất định lão ta phải lo chôn cất. Đây là tấm lòng của tôi khi gặp nỗi bất bình, nhưng việc đó cũng phải do anh định đoạt.

Nghĩ lại việc xảy ra hôm trước, Chu Ân thấy anh ta nói đúng. Song đã chịu ơn Xương Bá, Chu Ân không thể vong ơn bội nghĩa ngay được. Hơn nữa, về việc này, nhà họ Ngô không còn ai, thì anh phải đứng ra. Nếu chẳng may gặp Xương Bá, ông sẽ nói ra chuyện xấu xa của mình thì việc sẽ rắc rối to. Chu Ân do dự không quyết, đành trả lời lấp lửng rằng:

- Tôi không đứng tên được, phải tìm chị tôi để chị ấy đứng tên, thế mới thỏa đáng. Bây giờ đã muộn, ngày mai chúng ta bàn tiếp.

Điêu Tinh nghĩ: “Nếu được đàn bà đứng tên thì càng dễ bưng bít”. Rồi hắn nói với Chu Ân rằng:

- Anh nói có lí, sáng mai anh chị đến cả đây, ta sẽ nghĩ kế, ra tay trị lão ta trước. Nếu đến muộn thì lão Trương giờ trò khó mà lật lại được. Chẳng may phủ quan biết, hỏi vì sao không khai báo, thì lúc ấy càng tốn công, lại khó xoay sở.

Trở về, Chu Ân nói hết mọi chuyện với mẹ là Khâu thị, rồi hỏi:

- Sự việc xảy ra như thế, mẹ nghĩ nên làm thế nào cho phải?

Nghe xong chuyện, Khâu thị khóc nói:

- Không ngờ anh Ngu lại chết khổ như thế? Nhưng con cũng không nên vội vàng, phải tìm ra sự thực. Tính mạng nhà mình là nhờ vào họ Trương tha thứ. Nếu như đêm hôm ấy ông giải con lên quan trị tội, thì không phải một mình con, mà cả nhà đều chết đói. Hôm đó không những ông chỉ tha con, mà còn cho thêm vốn liếng làm ăn. Hiện nay mình sống được là nhờ ơn ông sao con không lo đền ơn đáp nghĩa, mà lại đứng ra kiện cáo. Làm thế lương tâm chúng ta không cho phép. Theo mẹ, một người tốt như thế thì không thể là kẻ giết người. Anh Ngu xưa nay cũng là một người yên phận, song lại tự nhiên liều lĩnh lừa dối người, chắc rằng có duyên có gì đây.

Nghe xong, Chu Ân mới hiểu ra. Anh vội tìm gặp Xương Bá. Anh cảm ơn Xương Bá đã giúp đỡ mình, sau lại hỏi cặn kẽ về việc Tín Chi, Xương Bá không hề hay biết. Ông cho biết, có người đến nhà mình, nhưng không nói rõ họ tên, nên đã không cho anh ta một xu. Nghĩ một lát, chợt nhớ ra, ông nói:

- Đúng rồi, nhất định là người ấy.

Xương Bá thuật lại tỉ mỉ cho anh nghe chuyện Tín Chi đến nhà, nhận bà già là người thân, bị truy hỏi, anh ta ê mặt bỏ đi. Xương Bá nói:

- Thực ra hôm anh tới nhà tôi, bà già rất sợ, lại gặp gió, cảm lạnh bị chết. Bà ấy ở nhà tôi đã hơn hai mươi năm nay, không thấy một người thân thích nào đến thăm. Chẳng hiểu sao nay lại thấy có người đột ngột đến?

- Không biết anh tôi bị người nào xúi bẩy, - Chu Ân nói, mà lại liều lĩnh chết một cách vô ích như thế.

- Anh nói sao? - Xương Bá kinh ngạc nói.

Chu Ân kể lại việc mình thấy Tín Chi thắt cổ ở cửa nhà ông rồi mang chiếc xác ấy đi, nay Điều Tinh lại xúi anh tố cáo ông giết người, anh không nghe. Xương Bá nghe xong, dựng tóc gáy không nói lên được, mãi sau ông nói:

- Một người xưa nay những hề quen biết, sao lại lừa dối để hại ông, cứ hư hư thực thực không sao hiểu nổi.

- Đời nay thật giả lẫn lộn, - Chu Ân nói, - đến khi tìm ra thật giả thì gia tài khánh kiệt. Tướng công đã giúp đỡ tôi thì đương nhiên tôi phải lo chu tất, việc này ông không phải bận tâm.

Xương Bá cảm ơn Chu Ân. Trên đường trở về, vừa đi Chu Ân vừa nghĩ: "Tín Chi có người thân thích nào làm công cho Xương Bá đâu. Vậy việc này chẳng liên quan gì đến nhà họ Trương. Tại sao Tín Chi không phân biệt thật giả, lại bị hấn lừa gạt, coi rẻ cả tính mạng mình?". Anh lại nghĩ tiếp: "Sự việc có thể là giả, nhưng cãi nhau, cuối cùng dẫn đến cái chết lại là thực. Thế thì chết tại cửa nhà Xương Bá cũng là giả ư? Tín Chi đã chết, Xương Bá chẳng qua hết lòng báo ơn mình, vậy thì việc lo ma chay cho anh ấy biết trông cậy vào đâu?". Càng nghĩ, Chu Ân càng thấy thương tâm. Đi được nửa đường, anh nảy ra ý định: "Mình không nghĩ ra cách gì, Lạc Công Tế là người hiểu biết, sao ta không đến bàn với ông ấy xem sao?". Thế rồi anh đến nhà Công Tế.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 5 (C)

Chu Ân tới nhà Công Tế thì nhà đã lên đèn. Chẳng cần khách sáo, Chu Ân kể lại tỉ mỉ cho Lạc Công Tế nghe về cái chết của Tín Chi, và những lời nói của Điều Tinh, mong ông tìm ra cách giải quyết. Công Tế nói:

- Việc này đúng là do Điều Tinh gây nên. Ngày mai phải cáo giác Điều Tinh, thì lúc đó sẽ biết rõ mọi chuyện.

- Sao ông lại biết chắc chắn là do Điều Tinh? - Chu Ân nói.

- Vớt thi thể từ dưới nước lên, - Lạc Công Tế nói, - trong lúc vội vã như thế, vì sao anh ta lại biết được chết là do thắt cổ, mà trong khi đó mọi người đều không biết. Căn cứ vào chi tiết ấy biết ngay đó là do Điều Tinh lừa đảo. Lúc đó Chu Ân mới hiểu ra, nói:

- Ông nói có lí, thế mà tôi không nghĩ ra. Nhưng ta phải tố cáo hãn thế nào?

- Tôi đã biết Điều Tinh xưa nay là một thằng vô lại. - Lạc Tế Công nói. - Hãn chuyên lừa dối để hãm hại người lương thiện. Nay ta phải tố cáo hãn về tội xúi bẩy người khác giết người, hãm hại dân thường. Nếu đưa đơn kiện, nhất định hãn phải đền mạng. Hãy nói cho tôi biết anh anh có con trai không, và vợ anh ấy họ gì?

- Anh ấy không có con, - Chu Ân nói, - vợ anh ấy họ Ngải.

- Ngày mai anh đưa chị ấy đến đây, - Công Tế nói, - tôi sẽ chỉ cho cách gặp quan. Tôi sẽ đi trước đưa đơn kiện, để hãn không kịp đề phòng, ấy mới là thượng sách.

Chu Ân nghe theo, rồi cáo từ ra về.

Hôm sau, Điều Tinh chờ Chu Ân đến bàn việc hệ trọng, nhưng chờ mãi hãn không thấy Chu Ân đâu cả, hãn nghĩ: "Bọn này thật là ngu xuẩn, chúng không đến thì mình là người địa phương phải báo quan, xem Xương Bá có phải nhận tội không?". Đang định viết đơn thì hãn thấy công sai(1) đến đòi. Điều Tinh giật mình, không biết là chuyện gì, đến khi xem trát, thì lại chính

là việc Tín Chi. Nguyên cáo là Ngải thị, người báo là Chu Ân. Điều Tinh nhìn qua, tức giận nói với công sai rằng:

- Tôi không phải là hung thủ, không phải là phạm nhân, sao phủ quan lại cho đòi tới xét hỏi. Hẳn cáo giác ta không biết có chủ ý gì đây.

(1) Công sai: người đưa giấy tờ ngày xưa.

- Chúng tôi chỉ là người theo lệnh quan đến tìm anh. - Công sai nói. - Anh là hung thủ hay không, chúng tôi không biết, anh đến quan mà biện bạch rõ trắng đen. Chúng tôi chỉ là người thừa hành công vụ. Hãy trả công chúng tôi mang giấy tới để chúng tôi uống rượu, sau này anh còn phải nhờ vả chúng tôi nhiều đấy.

- Khoản tiền này sẽ có người đưa, - Điều Tinh nói, - tôi không thể trả thay được. Ngày mai tôi tố cáo ra hung thủ, hẳn là phú ông, lúc đó sẽ đưa cho các ông, thế có được không?

- Anh nói mới hay chứ, - công sai nói, - tên trong giấy là tên anh. Chúng tôi chẳng biết phú ông là ai. Nhận được lệnh là chúng tôi học tốc đi ngay không dám trái lệnh.

- Các ông đến đây là theo lệnh bắt người, - Điều Tinh nói, - chứ không phải đến đòi tiền.

Công sai dùng dùng nỗi giận, nói:

- Chúng tôi đã sai, anh đừng trách móc chúng tôi nữa. Thôi mời anh đi cho. Nếu đến quan xét xử, anh tố cáo ra hung thủ thì chúng tôi không dám đến cửa nhà anh nữa.

Công sai bắt hẩn giải đi. Điều Tinh cười nói:

- Nỗi oan đều có đầu mối, nợ phải có người trả. Đã biết kẻ nào phải đền mạng đâu, đi thì đi sợ gì!

Điều Tinh theo công sai lên huyện. Hẩn xem giấy, biết ngày mai mới xét xử, định xin quay về viết đơn trình báo, nhưng công sai thấy anh ta không chịu đưa tiền, nên không cho hẩn về bắt giam vào phòng ở của một người sai dịch: Vì sao mọi người lại ra sức giúp Chu Ân như thế? Điều ấy là do Công Tể căn cứ vào những biểu hiện bên ngoài mà suy ra, lại là người quen biết hầu hết những người trong nha môn. Phàm là việc gì ông cũng hết sức

chu đáo, chỗ nào cần tiền dứt lốt thì ông đưa, nên nói gì họ cũng nghe theo.

Đồng Văn Tiêu lúc đó là tri huyện Trường Châu, xuất thân từ khoa bảng. Là người thanh liêm chính trực, Đồng Văn Tiêu được người đời kính trọng. Các vụ kiện tụng ông xét xử đều rất công bằng, hợp tình hợp lí. Ngày hôm sau Đồng Văn Tiêu đưa vụ án ra xét xử. Ông cho gọi tất cả các phạm nhân có liên quan, đầu tiên là Ngải thị, ông hỏi:

- Sao người biết chồng mình bị Điều Tinh mưu hại? Thường ngày có thù oán gì nhau không?

- Chồng con là Ngu Tín Chi, - Ngải thị nói, - vì thiếu tiền thuế nên đã phải đi bán gà lấy tiền nộp thuế. Đến nay đã hơn hai mươi ngày mà không thấy về. Hôm kia Chu Ân báo rằng Điều Tinh mưu hại. Con là đàn bà gặp phải tai họa, nên đã làm đơn trình lên quan xét xử. Quả thực thường ngày chúng con không thù hận gì nhau.

Quan huyện bảo chị quỳ xuống một bên, rồi gọi Chu Ân ra, quát hỏi:

- Người căn cứ vào đâu để biết người ta mưu hại? Đã biết mưu hại sao khi ấy không lập tức báo quan, mãi cho đến hôm nay mới đưa đơn kiện? Người đã lừa dối quan, vu tội cho người khác.

- Con và Điều Tinh không hề quen biết nhau, - Chu Ân nói, - có gì con lại vu cho anh ta. Hôm kia, ngẫu nhiên đi qua cầu con thấy một xác chết ngạt đầu, vớt từ dưới nước lên. Nhìn kĩ thì đó lại là anh con. Lúc ấy ở đó rất đông người, không ai biết anh ấy chết là do treo cổ, thế mà chỉ có mình Điều Tinh biết, và nói là người chết do treo cổ rồi bị vớt xuống sông. Vì thế mà con nghi cho anh ta.

Quan huyện lại bảo anh quỳ xuống một bên, rồi gọi Điều Tinh hỏi:

- Vì sao lại mưu hại Ngu Tín Chi? Người phải khai rõ sự thực.

- Bẩm quan lớn, - Điều Tinh nói, - thật là oan cho con quá. Nếu con mưu giết anh ta để lấy của thì anh ta là người nghèo. Bảo giết anh ta để báo thù thì con và anh ta chẳng có hiềm khích gì nhau. Vậy thì vì sao tự dưng con lại giết người? Chỉ có một nguyên nhân, đó là, mấy hôm trước con thấy anh ta cãi nhau với Trương xương Bá, bị Xương Bá đánh đau. Con đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh ta không nghe. Bởi thế Tín Chi phần uất mà chết.

Họ trách con là người cai quản địa phương, không cứu anh ta, nên đã vu cáo cho con.

- Sầy chân mà chết đuối là việc thường tình. - Quan huyện nói. - Sao người biết là anh ta thắt cổ?

- Con thấy có ngấn ở cổ anh ta. - Điều Tinh nói. - Con biết đó là dấu vết thắt cổ.

Quan huyện lại viết lệnh bắt Xương Bá tới xét hỏi, đồng thời sai người nhà phạm nhân kiểm tra lại thi thể, gọi ngay vụ tác nhân(1) tới ngay cầu xem xác chết có thương tích gì không. Khám nghiệm tử thi xong, người ấy về báo rằng:

(1) Vụ tác nhân: người khám nghiệm tử thi.

- Không thấy có thương tích gì, chỉ có một vết ngấn ở cổ.

Lúc ấy quan huyện đã có phần nghi Điều Tinh xúi bẩy, song cũng có phần nghi cho Xương Bá gây ra thù oán, vậy phải cho gọi Xương Bá đến thì mới có thể kết luận được. Đúng lúc ấy Xương Bá đến quỳ trước công đường. Quan huyện hỏi:

- Người là Xương Bá có phải không?

- Thưa ngài, con đúng là Xương Bá. - Xương Bá nói.

- Ngu Tín Chi cãi nhau với người, - quan huyện hỏi, - bức hấn chết lúc nào? Hãy khai ngay.

- Con buôn bán làm ăn, cũng có chút ít của cải, - Xương Bá nói, - con cũng là người biết luật pháp, sao con lại bức hại người ta chết vô cớ?

- Hôm kia anh cãi nhau với anh ấy, - Điều Tinh nói chen vào, thấy anh có tiền của, có thế lực, không thể địch nổi nên phần uất quá mà anh ấy thắt cổ chết. Con thực tình không dám lừa dối quan lớn.

Quan huyện quát Điều Tinh không được lảm lời. Rồi hỏi Xương Bá:

- Vì sao mà anh ta lại cãi nhau với người ấy?

Xương Bá thuật lại việc sau khi bà giúp việc chết, nói rằng Tín Chi có đến nhà ông nhận là người thân của bà cụ nhưng khi hỏi quan hệ của anh ấy thế nào với bà cụ, thì anh ấy không trả lời được. Sau thấy ngượng quá Tín Chi

bỏ đi. Nghe xong quan huyện lại hỏi Điều Tinh:

- Khi họ cãi nhau, người không ở đấy, sao lại nói là trông thấy?
 - Dù không thấy, - Điều Tinh nói, - song sự thực đúng là như thế.
 - Người là người địa phương, - quan huyện hỏi, - thấy anh ta chết phải báo quan ngay, tại sao người lại chờ đến hôm nay có người kiện, anh mới cáo giác.
 - Lẽ ra con phải báo ngay với quan, - Điều Tinh nói, - nhưng Xương Bá đã giấu thi thể, con không biết tìm đâu. Không có chứng cứ thực, thì con không dám báo liều. Chỉ khi tự dờn xác chết đi mới có tội danh.
 - Nói bậy. - Quan huyện quát. - Người nói người ta mang xác chết giấu đi, người biết thì phải giữ lại, không cho phép mang đi chứ.
 - Nó mang đi giấu, - Điều Tinh nói, - thì con biết sao được.
 - Mà là thằng gian manh, - quan huyện quát, - trước mặt quan huyện mà còn dám nói những lời xảo trá. Đã không biết sao lại đi vu cáo cho người?
- Điều Tinh ấp úng, không dám mở miệng. Quan huyện biết hấn gian dối, gọi lính hầu kẹp hấn lại. Hai lính hầu đang căm tức hấn không chịu đưa tiền, bèn kẹp hấn thật đau. Điều Tinh tuy là một tên liều lĩnh, song chưa từng bị hình phạt bao giờ, không chịu được buộc phải khai hết sự thực từ khi gặp anh hàng gà. Lúc ấy quan huyện mới cho tháo kẹp, ghi hết lại lời khai của hấn. Quan huyện hỏi tiếp:

- Đúng thì đúng rồi, nhưng vì sao lại di dờn thi thể ấy đi, có phải làm thế để ghép thêm tội di dờn thi thể nữa không?
- Con làm thế, lúc đầu chẳng qua chỉ dựa vào đó để được mấy lạng bạc, chứ chẳng có thù hận gì mà đòi ông ấy phải đền mạng. Đã làm người ta chết rồi thì sao lại chịu di dờn đi, xin ngài xoi xét cho.

Quan huyện bèn gọi Xương Bá, hỏi:

- Đây là kẻ người tránh tội, nếu không dùng hình phạt thì sao người chịu khai ra.

Nói xong quan huyện sai lính hầu kẹp Xương Bá. Chu Ân thấy thế vội bấm rằng:

- Đây là do con không muốn làm hại người dân lương thiện.
- Vì sao lại do người? - Quan huyện hỏi.

Chu Ân không dám giấu, nói hết việc xấu xa của mình cho quan huyện nghe, rồi anh lại kể việc Xương Bá cho tiền, và từ đó đã hối cải làm ăn. Anh làm thế để báo đền ân đức của ông. Lúc đầu vì không biết là anh mình, nên đã mang xác chết đi. Quan huyện thấy anh thật thà, khẳng khái nhận tội, nên không truy cứu chỉ trách anh qua loa để kết thúc vụ án. Trương Xương Bá tuy không truy bức đến nỗi làm cho Tín Chi phải chết, song vì ông là đầu mối gây họa, phải đền hai mươi lạng bạc cho Ngải thị mai táng và nuôi thân. Điều Tinh lòng dạ xấu xa, lừa dối người vào chỗ chết phải tử hình chờ xử trảm. Quan huyện cho Ngải thị và Chu Ân trở về.

Lạc Công Tế đã đón họ ngoài cửa, gặp cả Xương Bá. Chu Ân nói:

- Đây là Lạc Tướng công, hiệu là Công Tế. Việc hôm nay nhờ ông chỉ bảo mới giải quyết được rõ ràng.

Ngải thị, Xương Bá vô cùng biết ơn. Mọi người ra về.

Còn Điều Tinh bị giam, sau chết trong ngục. Vợ là Thủy thị đi lấy chồng. Thế mới biết lẽ trời sáng tỏ, không dung tha kẻ xấu xa. Có thơ rằng:

*Vốn chỉ tham tài mà gian dối,
Ai ngờ thật giả lại đảo điên.
Mưu mô quỷ quyết thành vô dụng,
Vợ sống cô đơn, tự giết mình.*

Vụ kiện này khiến Chu Ân chịu thiệt. Xương Bá tuy mất hai ba chục lạng bạc, song không đến nỗi khổ sở vì nhà tan cửa nát. Ông vô cùng cảm động, chuẩn bị hai mâm rượu, mời Chu Ân và Lạc Công Tế đến khoản đãi, dốc hết bầu tâm sự. Rượu ngà ngà say, Xương Bá vội lấy từ trong tay áo ra ba mươi lạng bạc biếu Chu Ân. Ông nói:

- Anh cầm số bạc này về làm vốn, mở một cửa hàng nhỏ cũng có thể sống được, không cần phải gánh hàng rong suốt ngày trên đường cho khổ.

Sau đó ông lại rút ra hai mươi lạng biếu Công Tế. Công Tế từ chối, nhưng cuối cùng cũng phải nhận. Chu Ân ra sức từ chối, nói:

- Vụ kiện này ông được minh oan, vì ông là người phúc đức nên trời phù

hộ; hai là, quan phủ thanh liêm, lại được Lạc tướng công chỉ bảo, chứ tôi có công lao gì mà nhận thưởng!

- Cung kính không gì bằng theo lệnh. - Công Tế nói. - Các ông quen biết nhau từ lâu rồi, đây không phải báo đức hay là nhận, mà là hai người giúp nhau sống yên vui.

Thấy thế Chu Ân không dám chối từ, bèn thay áo ngồi vào ăn uống hết sức vui vẻ cởi mở.

Từ đó Chu Ân vẫn theo nghề buôn bán, và trở nên giàu có Công Tế vì đã giúp đỡ hai người, sau lại thông gia với Xương Bá, đời này đến đời khác vẫn quan hệ thân thiết. Cho tới nay tình thân ái càng thêm khăng khít mặn nồng.

Câu chuyện này luôn luôn khuyên người ta làm việc thiện. Nó giáo dục con người không nên tham lam tiền của. Ngay như Tín Chi, vừa mới nảy lòng tham đã bị chết; Điều Tinh vì sẵn có lòng tham, đến nỗi cửa nhà tan nát. Không những không lấy được của người khác, mà ngay của nhà mình cũng phải đội nón ra đi. Tiền bạc là cái tác oai tác quái, nếu các bạn khao khát nó thì các bạn hãy dập tắt ngay những ý nghĩ ấy đi, đừng quá coi trọng. Song không thể quá tham lam tiền tài, cũng không thể không yêu quý nó. Vì sao vậy? Nếu như khinh tiền của mà tiêu hoang phí, đến nỗi áo không đủ mặc, cơm không đủ ăn, cũng không phải là mỹ đức. Nếu một đồng cũng không tiêu, hai đồng cũng không hoang phí, tuy không gây nên họa làm nên tội song cuối cùng có tụ phải có tán, thì tội gì phải giữ tiền của mà không dám ăn. Loại người này gọi là loại người kiết xỉ chứ không phải là người quý tiền của. Được mười thì phải tiêu một, được trăm phải tiêu mười, ai ai cũng cảm kích và biết ơn. Mình không phí nhiều, mà người chịu ơn cũng không ít. Thế chẳng phải người ta thì lãng phí đến cùng cực, mà mình thì không phải là lãng phí. Như vậy mới gọi là biết yêu quý của cải. Giả thử lúc ấy Xương Bá tiếc ba lạng bạc, thì Chu Ân làm sao lại chịu bảo vệ ông. Chu Ân nếu không có ba lạng bạc làm sao khôi phục lại được nghề nghiệp. Tiền

bạc quả là một thứ ma mãnh. Các bạn thân mến, nếu bạn tiêu tiền không đúng chỗ thì xin bạn hãy dừng lại, dùng cho đúng chỗ, đừng quá coi thường nó. Mấy lời tôi nói không những khuyên cho đời tốt, mà còn là một cuốn sách khiến người ta trở nên giàu có.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 6 (A)

Ôn Hòa Cảm Hóa Hung Tàn Độc Ác,

Khinh Thường Nhu Nhược

Độc trong sách xưa, thấy anh em gấn bó khăng khít như chân với tay. Cái quý nhất trên đời là tình đồng bào, song không thể so sánh với tình anh em ruột thịt. Đừng có cướp đoạt của cải ruộng vườn của người khác. Tất cả những cái đó đều là của phi nghĩa. Hiểu được điều đó thì thật là có ích.

Đáng cười thay, thế thái nhân tình điên đảo. Tình vợ chồng thì hòa hợp, nhưng tình anh em thì ngày càng mai một. Họ không nghĩ đến tình anh em, mà lại nghe những lời nói bên chần gối. Thiên tính ngày càng mất đi, lửa tham ngày càng bùng cháy, luôn xảy ra tranh chấp. Đâu được người hoàng(1) mà giết bữa trâu ăn thịt. "

(1) Ngưu hoàng: một chất trong trâu ốm tiết ra, ngưng kết thành hạt, hoặc thành từng miếng. Đây là một vị thuốc Đông y rất quý.

Đây là bài từ theo điệu "Niệm nô kiều". Nó khuyên anh em nên sống hòa thuận với nhau. Anh em ruột thịt, lúc hợp lúc tan. Anh em ruột thịt, như chân với tay. Cùng một cơ thể sinh ra, nếu như mất một cánh tay thì chân đi tập tễnh. Các bạn thân mến, không nên cho rằng đây là những điều tôi bịa ra cho có vẻ li kì. Rằng, thiên hạ làm gì có người ngu si, chặt tay mình cho người khác xem, rằng, điều ấy không có đối chứng. Song, lời tôi nói tuy có hơi kì lạ, nhưng cũng không hẳn là sai. Nếu không tin các bạn thử bắt chéo tay lại, chạy thật nhanh khoảng một trăm bước, liệu có được không? Bạn sẽ thấy lời tôi nói là đúng sự thực. Những người bại liệt không có chân, phải dùng hai tay bò, mà cũng không bò được xa. Bởi thế anh em phải hòa thuận. Không phải chỉ anh em cùng cha mẹ sinh ra mới hòa thuận, mà ngay

cả anh em cùng cha khác mẹ cũng không vì thế sinh ra hiềm khích. Tôi xin kể cho các bạn nghe một câu chuyện, anh em cùng cha khác mẹ luôn gây gổ hiềm khích nhau, nhưng may lại có một người như Mẫn Tử Khiên, đã dẹp được những mối hiềm khích.

Thời Chính Đức triều Minh, tại huyện Lô Lăng, phủ Cát An, Giang Tây, có một người họ Bình tên là Bình Trường Phát, gia sản của ông ta tới hàng trăm vạn. Viển thị vợ Bình Trường Phát sinh được một con trai, tên là Bình Thành. Một hôm vì công việc. Bình Trường Phát phải đi xa. Biết được đây là nhà giàu có, chủ nhà lại đi vắng, đêm ấy, hàng trăm tên cướp đã xông thẳng vào nhà cướp bóc. Nhà họ Bình chỉ có mấy chục người, không sao chống đỡ nổi, bị chúng đuổi bắt, rồi vợ vét hết của cải. Viển thị là người có nhan sắc cũng bị chúng bắt đi. Bình Thành thấy mẹ bị mấy tên cướp lôi ra khỏi cửa, chạy tới níu áo mẹ khóc thảm thiết. Một tên rút dao định chém Bình Thành. Viển thị vội quỳ xuống cầu xin:

- Tôi chỉ có một đứa con này, xin các ông tha cho nó, tôi nguyện sẽ đi theo các ông!

Tên cướp buông tay. Thấy Bình Thành cứ nức nở khóc, Vưu thị thương con không muốn xa, đành bế nó đi theo.

Hôm sau Bình Trường Phát cùng mấy người trở về, biết được tất cả mọi chuyện xảy ra đều do bọn cướp trên núi, báo quan cũng chẳng làm gì được chúng. Gia tư nhà họ Bình có tới hàng trăm vạn, một nửa là ruộng, vườn, ao hồ; bốn phần nữa là cửa hàng buôn bán rải rác ở một số nơi. Bọn cướp chỉ lấy đi một phần mười gia tài, nên Bình Trường Phát vẫn còn giàu có. Người vợ trước bị cướp mất, Bình Trường Phát lấy vợ khác là Cam thị. Sống với nhau đã được bốn năm năm mà Cam thị không có con, Bình Trường Phát rất buồn và muốn có đứa con trai để nối dõi. Thấy nhà họ Trương có người con gái xinh đẹp, Bình Trường Phát bỏ tiền cưới cô về làm thiếp. Song đúng vào lúc lấy vợ lẽ thì Cam thị lại có mang, sinh được đứa con trai. Người ta nói đùa với bà rằng, bà lo lắng quá mới đẻ được con.

Bình Trường Phát đặt tên con là Bình Y. Năm sau Trường thị sinh con trai, đặt tên là Bình Bạch. Sau, Cam thị lại sinh được hai con trai, đặt tên là Bình Thân và Bình Phẫu. Trường thị cũng sinh thêm được hai người, nhưng đều ít tuổi hơn Bình Phẫu, đó là Bình Duật, và Bình Lâu. Lúc nhỏ, sáu đứa con vẫn chơi với nhau bình thường, đến khi lớn lên, Bình Y trở thành kẻ vô lễ. Y oán hận cha vì đã lấy vợ lẽ, không bằng lòng chia gia tài làm ba. Bình Y cho Bình Bạch, Bình Duật, Bình Lâu là loại hèn hạ, không nhận là anh em, hằn lại còn liên kết với Bình Thân và Bình Phẫu thành một phe, ra mặt coi khinh ba người kia. Bình Bạch con của Trường thị là người hiếu thuận, không suy bì tính toán thiệt hơn. Bình Duật và Bình Lâu thấy bị coi khinh rất bất bình, đã mấy lần bàn với Bình Bạch báo thù, song Bình Bạch ngăn trở. Thấy các con bất hòa, nhân lúc còn sống Bình Trường Phát chia gia tài, mấy năm sau Bình Trường Phát chết. Khi cha chết, Bình Y càng ra mặt coi khinh ba người em do mẹ kế sinh ra. Bình Bạch biết hai em mình rất căm tức Bình Y, nên nhiều lần đã dùng lời hơn lẽ thiệt khuyên nhủ, can ngăn Bình Duật, Bình Lâu không được gây ra tai họa. Hai người em thấy anh hết lòng dạy bảo đành nén giận, không dám trái lời. Bọn Bình Y thì vẫn khinh ghét họ như trước.

Bình Y có một người con gái, gả cho con trai Chu Hiếu Tư, người cùng huyện. Do mắc bệnh hiểm nghèo con gái Bình Y chết. Gia đình Chu Hiếu Tư cho người đến nhà họ Bình báo, được tin Bình Y vô cùng oán hận, cho rằng gia đình thông gia họ Chu không thương yêu con gái mình, để đến nỗi mắc bệnh chết. Bình Y hằm hằm tức giận bảo Bình Bạch cùng với anh em họ đến gây gổ. Bình Bạch ngăn lại nói:

- Anh ạ, chúng ta không nên làm thế, người xưa thường nói "chết có số", số cháu năm nay chết, nếu còn ở nhà, chưa đi lấy chồng thì nó cũng chết. Hơn nữa, quan hệ mẹ chồng nàng dâu xưa nay chẳng có điều tiếng gì. Nay cháu chết, bên ấy họ cũng đau xót chứ, sao anh lại đến đó gây sự, làm như thế là không nên. Anh đừng đến đó nữa.

Bình Y thấy Bình Bạch không nghe theo, bực tức nói:

- Con gái anh, nó còn trẻ khỏe như thế, lẽ nào vừa mắc bệnh đã chết. Con gái chú, năm ngoái ốm, năm nay cũng ốm, sao không chết? Chú không muốn đi với chúng tôi thì thôi, chú đừng tin vào số mệnh nữa. Tôi thật không sao hiểu được.

- Anh đừng nghĩ, do anh em xích mích nên tôi không đi.

- Bình Bạch nói. - Quả thực việc này không thể làm được, anh hãy suy nghĩ kĩ những lời em nói. Không đi mới thực sự là tình cảm anh em.

Bình Y không thêm trả lời, giận dữ bỏ đi. Bình Bạch khuyên nhủ nhiều lần, nhưng Bình Y vẫn không từ bỏ ý định. Bình Bạch biết dù có khuyên can nữa thì cũng vô ích, nên chỉ buồn rầu than thở.

Bình Y hẹn với Bình Thân, Bình Phẫu tập hợp một số tên vô lại trong họ, cùng một số trai tráng khác, tất cả hơn mười người, sòng sọc kéo nhau đến nhà họ Chu. Chu Hiếu Tư đang tiễn khách ngoài cửa, nhìn thấy bọn họ định ra tiếp đón, song lại thấy người đến rất đông, người nào người nấy mặt cứ hăm hăm. Chu Hiếu Tư bèn chạy vào trong nhà theo dõi, vào tới cửa bọn Bình Y đã quát thét chửi bới. Một người thân thấy ầm ầm chạy vào khuyên can, song bọn người này bất chấp, tất cả xông thẳng vào nhà tìm bà thông gia. Thấy họ xông vào, bà thông gia chạy xuống bếp ẩn nấp, rồi bà nghe thấy tiếng quát: "Nó không ở đây, Phải ra đằng sau tìm ngay!". Bà thông gia vội chui vào bếp, song chỉ chui được nửa người, may mà có bó rạ che đi. Trong lúc vội vàng chúng không nhìn thấy, chúng bèn bắt đứa ở ra tra khảo, đứa ở không chịu nói, Bình Thân vớ ngay chiếc búa bổ củi dựa ở chân cột định giết. Sợ quá đứa ở buộc phải nói:

- Vừa thấy bà chủ xuống bếp, chắc rằng ở đằng sau.

Chúng chạy ùa cả xuống bếp lục soát, thấy hai chân bà thò ra ngoài cửa bếp, bèn lôi ra, lột hết quần áo. Trên gác bếp sẵn có củi cảnh, mỗi đứa rút một thanh đánh bà túi bụi. Khi thấy khắp người bà sưng húp, thâm tím chúng mới dừng tay. Bình Y lấy một chiếc khóa dây tròng vào cổ, lôi đến khóa vào chân người chết. Bọn chúng lại xúm vào chửi bới hết sức độc địa, sau lại ra hố xí lấy củi nhét vào mồm bắt bà ăn. Một tên vô lại đang hành

hung bà thông gia thì thấy có tiếng quát bên ngoài, một số người ập vào. Bọn chúng tưởng đó là tốp người nhà họ Chu tới đánh, định chống lại, nhưng đây lại là người của quan trên cử đến, do Chu Hiếu Tư dẫn về. Người dẫn đầu tay cầm lệnh bắt, nói:

- Quan trên có lệnh bắt các người.

Bọn người ấy sững ra đứng im để những người thi hành công vụ lấy khóa, khóa tất cả lại, rồi cởi chiếc khóa ở cổ bà thông gia khóa Bình Y, giải đi.

*Hùng hổ ra oai đánh đập người
Cùm chân tất cả thật đáng đời.*

Vốn là, Chu Hiếu Tư đứng sau cửa, nhìn thấy bọn người ấy hùng hổ ập vào nhà, ba người con trai lại chưa về, một mình địch sao nổi chúng, bèn vội vã thoát ra ngoài, hôc tốc tới huyện báo quan. Đúng lúc quan huyện đang ở công đường, tức khắc ra lệnh bắt, bởi thế mới nhanh như vậy. Ngay lúc ấy, công sai giải bọn Bình Y tới, Chu Hiếu Tư quỳ trước công đường vừa khóc vừa tố cáo việc hành hung của bọn người vô lại.

Quan huyện nghe thấy vô cùng tức giận, cho lính hầu đánh mỗi tên bốn mươi gậy, sau đó hỏi tội. Bọn lính lệ kéo Bình Y ngã sấp, đánh túi bụi. Quan huyện lúc ấy đang xử bọn Bình Y thì có hai viên thừa sai của quan phủ vào, nói có việc khẩn cấp mời quan huyện đi ngay, thật là may cho bọn Bình Y. Biết quan phủ có việc khẩn cấp, nên quan huyện không dám coi thường, dặn mọi người giam bọn Bình Y lại, lập tức lên kiệu tới phủ đường. Chu Hiếu Tư cùng mọi người ra về.

Thấy anh không nghe lời, Bình Bạch rất lo lắng, ông sai người tới nhà họ Chu nghe ngóng. Lát sau trở về nói với Bình Bạch rằng, họ đã đến nhà họ Chu hành hung, bị công sai bắt giải lên huyện rồi. Bình Bạch nghĩ: "Nguy rồi, ta biết quan huyện là người rất cứng rắn và quyết đoán. Chuyện này làm sao mà ông ấy xử lí nhẹ được". Rồi Bình Bạch bảo: "Lấy ra đây cho ta

bộ quần áo!" Vốn là, trong sáu anh em, thì Bình Bạch là người có học hành, có danh vọng, đã đỗ tú tài. Người dân trong vùng có việc gì khó khăn ở huyện đường đến nhờ, anh đều giúp đỡ. Bình Bạch mặc áo màu lam, gọi người cùng lên huyện, song quan huyện lên phủ chưa về. Bình Bạch bèn bỏ một tờ giấy vào chiếc hòm đựng đơn từ tại cửa huyện đường, rồi ra chờ ở phòng tiếp khách. Lát sau thì quan huyện về, nhận được giấy của Bình Bạch, ông cho gọi ngay Bình Bạch. Bình Bạch là người đức độ và ngay thẳng, quan huyện rất nể phục. Gặp nhau họ chào mấy câu xã giao, hỏi han chuyện trò, tới khi trời gần tối, quan huyện mời Bình Bạch ở lại dùng cơm. Vì có việc muốn nói, nên Bình Bạch không từ chối, nhân lúc uống rượu. Bình Bạch nói tới chuyện vừa xảy ra, xin ông cho qua việc này. Quan huyện nói:

- Vì việc ấy mà anh đã đến đây, lẽ ra tôi phải giúp anh, nhưng đây là hành động phi pháp, giải quyết vụ này rất khó. Anh bảo tôi nên xử thế nào?

Bình Bạch chau mày nói:

- Phép công là thế, là cha mẹ của dân, mà xử phạt theo tình riêng làm trái pháp luật quả là khó. Số tôi thật long đong vất vả!

Rồi ông kể hết cho quan huyện nghe nỗi khổ của mình, đã khuyên giải các anh nhưng họ không nghe, ông nói:

- Nay thấy họ chịu tội, lòng tôi đau như cắt.

Nói xong, nước mắt ông ứa ra, nhỏ xuống chén rượu. Quan huyện thấy thế thương tình nói:

- Tình yêu thương của anh như thế, lẽ nào tôi lại không thương. Anh đừng đau buồn nữa. Song phải làm thế nào khuyên nhà họ Chu nguôi giận, thì việc này mới giải quyết được.

Bình Bạch vội cảm ơn, nói:

- Tôi vô cùng biết ơn lòng tốt của quan, tôi sẽ sang bên ấy nhận tội.

Từ biệt quan huyện ra về, canh hai Bình Bạch tới nhà họ Chu gõ cửa. Chu Hiếu Tư vẫn còn thức, ba đứa con cũng đã về biết chuyện xảy ra, họ nghiêng răng căm giận. Thấy tiếng Bình Bạch bên ngoài, họ chạy ủa ra định trút cơn thịnh nộ, song . Chu Hiếu Tư ngăn lại, nói:

- Các con không được lỗ mãng, anh em nhà ấy chỉ có ông là người đạo đức.

Việc xảy ra hôm nay nhất định ông ấy không liên quan. Các con hãy ở lại, để mình ta ra gặp là được rồi.

Chu Hiếu Tư trở ra, Bình Bạch vội quỳ xuống nói:

- Tội em đáng chết.

Chu Hiếu Tư vội quỳ xuống đỡ ông dậy, nói:

- Anh có gì cần dạy bảo, xin mời anh vào nhà, ta nói chuyện. Nếu anh thế này, em cũng phải quỳ, như thế sao tiện.

Lúc ấy Bình Bạch mới đứng dậy. Chu Hiếu Tư mời vào trong nhà. Bình Bạch nghẹn ngào không nói thành lời, nước mắt rơi lã chã, lúc lâu mới nói:

- Số em thật không may, gặp phải những người anh ngỗ ngược. Hôm nay họ đã xúc phạm đến gia đình anh, thấy thế em như ngồi trên đống lửa. Nay đã bị bắt, đúng là gieo gió gặt bão, song em là anh em của họ, sao có thể đang tâm thấy họ bị tra khảo đánh đập? Bởi thế đêm nay em đến đây, cầu mong anh ra ơn cho đứa em này.

Chu Hiếu Tư thấy Bình Bạch xin tha cho Bình Y, ông rất không muốn, nhưng vì Bình Bạch là người quân tử, trung hậu, không thể xem thường, chỉ nói :

- Việc ấy đã đưa lên cửa quan, bàn với em cũng vô ích thôi. Em nghĩ rằng, quan huyện quyết không che chở cho riêng em, xin anh cứ yên tâm.

Bình Bạch thấy ông ta vẫn chưa nguôi giận, chỉ biết kêu thương, van nài. Song Chu Hiếu Tư chỉ nói:

- Thôi thì cứ theo phủ quan phân xử, còn nếu bảo em rút đơn thì em thấy không được.

Bình Bạch thấy Chu Hiếu Tư vẫn không tha thứ, lại khóc lóc van xin.

- Không giấu gì anh, quả thực, vừa rồi em đã lên huyện xin, quan cũng chịu xử lí nhẹ, nhưng còn chờ anh mở rộng đường sống, thì việc này mới xong.

Chu Hiếu Tư nghe thấy quan huyện định tha, song lại nghĩ:

"Quan đã hứa với người ta, thì ngày mai phải đánh tho bọn độc ác ấy mấy gậy, cũng coi là xử lí công tâm, thì tội gì mà mình không thể tắt nhân tình với anh ta". Thế rồi Chu Hiếu Tư nói:

- Em chỉ sợ quan huyện nói là hôm nay kiện, ngày mai lại thôi, quở trách em là đồ phản phúc, bởi thế em do dự. Quan huyện đã bằng lòng tha, hơn

nữa anh đêm hôm cất công tới đây thì sao em lại tiếc một tờ giấy xin thôi kiện, ngày mai em sẽ cùng anh đi đệ đơn.

Bình Bạch nghe xong rất mừng, quỳ xuống tạ ơn. Chu Hiếu Tư đỡ dậy, rồi tiễn Bình Bạch ra khỏi cửa. Về tới nhà đã là canh tư.

Hôm sau Bình Bạch cùng Chu Hiếu Tư lên huyện đệ đơn xin thôi kiện. Quan huyện gọi bọn Bình Y ra, quát:

- Bọn người mặc sức làm càn, không kiêng nể ai. Bản huyện định xử tử các người, nhưng vì anh các người đến cầu xin, nên đã nguôi giận đôi chút, bởi thế ta tha cho các người. Lần sau còn hành hung như thế, ta quyết không tha thứ.

Bọn người ấy cúi đầu cảm tạ, quan huyện lại bảo phải cúi đầu nhận tội trước mặt Chu Hiếu Tư ngay tại công đường, chúng không dám trái lời. Thật là:

Cá mắc lưới câu may thoát chết

Vẫy đuôi cút thẳng chẳng ngoái đầu.

Bình Y về nhà không những không cảm ơn người em đã can mình, ngược lại vẫn hận thù Bình Bạch đã không cùng mình đi gây sự. Bình Bạch cũng chẳng thêm để ý đến.

Mấy hôm sau, mẹ Bình Bạch mắc bệnh chết. Lễ ra bọn Bình Y phải để tang một năm, song bọn họ không tuân theo luật lệ. Trong ngày tang lễ đầu tiên, người chết chưa nhập quan. Bình Y và hai đứa em cùng mẹ đã ngồi ở hiên nhà bên chơi trò đổ rượu, hò reo cho tới sáng, bọn chúng không hề bén mảng tới trước linh sàng. Bình Duật, Bình Lâu uất ức không chịu nổi, đòi cùng với Bình Bạch kéo nhau đến mắng chửi. Bình Bạch nói:

- Đây là bản thân chúng vô đạo đức, chẳng hại gì đến chúng ta, dù có đến tìm chúng thì chúng cũng chẳng thêm để ý mà ngược lại còn bị chúng đánh chửi.

Hai người em đành thôi. mấy hôm sau, anh em Bình Bạch đưa quan tài Trương phu nhân đi chôn cất. Khi ấy, Cam phu nhân đã mất từ lâu, an táng cùng với Bình Trường Phát. Bình Bạch muốn an táng mẹ bên cạnh cha, nhưng Bình Y, Bình Thân và Bình Phẫu ngăn lại không cho chôn, chúng nói:

- Mảnh đất này của con gái nhà họ Điền, cách đây hai năm chúng tôi mua về để đó, sao người chết lại đưa đến đây chôn.

Bình Duật, Bình Lâu thấy vô lí, muốn xông tới đánh. Bình Bạch ngăn lại, rồi tìm một mảnh đất khác chôn mẹ.

Hai tháng sau, vợ Bình Y mắc bệnh chết, Bình Bạch gọi hai em cùng đến cúng lễ. Bình Duật nói:

- Họ chẳng coi mẹ mình ra gì, thì chúng ta cũng chẳng chị em gì nữa! Lần này chúng ta cũng không đi.

Bình Bạch khuyên nhủ mãi, nhưng hai người chỉ cười khẩy bỏ đi. Bình Bạch đành phải đi một mình tới lễ bái, khóc lóc. Song anh thấy Bình Duật và Bình Lâu, người thì thổi sáo, người thì hát hò vui đùa ở gian nhà bên cạnh.

Bình Y thấy thế giận dữ nói:

- Ở bên này có tang, thế mà hai đứa ở gian bên kia vẫn hát xướng, thật là vô đạo đức!

Thế rồi Bình Y sai Bình Thân và Bình Phẫu tới đánh. Bình Bạch cũng mang gậy chạy tới. Vừa đi vừa quát mắng ầm ĩ, chỉ sợ hai người em bị đánh đập, nên cố ý đánh động cho hai người kia chạy trốn. Bình Duật nghe thấy tiếng quát thét bỏ chạy, còn Bình Lâu, vì mấy hôm trước đi ủng, chân bị toạc da nên chạy chậm. Bình Bạch tới nơi, dùng gậy quật vào người nói:

- Sao mày không tới linh sàng cúng, mà còn ở đây hát xướng?

Bình Lâu chưa kịp trả lời thì bọn Bình Y tới, đưa cầm then cửa, đưa cầm gậy đánh túi bụi, bắt kể vào đầu. Thấy bọn chúng đánh Bình Lâu quẫn quại, không đứng dậy được, Bình Bạch bèn ngáng người ngăn chúng lại. Thấy thế Bình Y quát:

- Sao không để chúng tao đánh cho thẳng súc sinh này một trận?

- Nó tuy không tốt, - Bình Bạch nói, - song đánh như thế đủ rồi, xin các anh tha cho nó! Nếu như các anh còn muốn đánh nó, thì em xin chịu thay, chứ không nỡ thấy nó bị đánh.

Thấy vậy bọn Bình Y quay lại đánh túi bụi vào người Bình Bạch, đến nỗi mình mẩy thâm tím, sưng húp, đầu vỡ toác, máu tứa ra đầm đìa, lúc ấy chúng mới chịu dừng tay.

Bình Duật trở về thấy hai người bị đánh. Bình Lâu trọng thương, không ăn uống được, Bình Bạch tuy đau đớn nhưng vẫn chống gậy đến Bình Y xin nhận tội. Không chịu nổi, Bình Duật giấu Bình Bạch tự viết đơn trình lên huyện, tố cáo Bình Y không tang mẹ kế. Quan huyện cho công sai về bắt, thấy đó là bọn người đến gây gỗ ở nhà họ Chu trước đây, quan huyện rất căm giận, định xử trọng tội. Nhưng vì kính nể Bình Bạch, lại không biết ý ông, nên quan huyện cho mời Bình Bạch tới.

Bình Bạch muốn đi, nhưng khắp người đau đớn, mặt mũi thâm tím, không muốn gặp, chỉ viết một lá đơn bấm lên, xin quan không xử phạt, rồi nhờ công sai trình giúp lên quan. Công sai hỏi vì sao Bình Bạch lại muốn như thế, Bình Bạch không chịu nói. Bình Duật đứng bên cạnh kể hết đầu đuôi, công sai nghe xong rất bất bình. Trở về, công sai dâng tờ trình lên quan. Quan huyện xem, gật đầu nói:

- Ta ngờ anh ấy không muốn xử tội, nên mới sai các người về hỏi Bình Bạch, quả nhiên đúng như thế!

- Sao anh ấy không đến, mà chỉ giao tờ trình cho các anh mang về. - Quan huyện hỏi công sai.

Công sai bèn thưa lại hết những lời Bình Duật nói. Nghe xong quan huyện ùng ùng nổi giận, lập tức sai người bắt bọn Bình Y ra công đường, quát hỏi:

- Bọn người còn táng tận lương tâm hơn cả cầm thú. Ta chưa hỏi các người về tội không để tang mẹ kế. Bình Bạch là người đã cứu sống các người, vậy mà các người lại đánh anh tàn nhẫn như thế. Hãy đánh chết nó đi.

Nói xong ông rút hết cả ống roi vất xuống đất. Sai nha cũng thấy rất bất bình, chỉ mong sao kết liễu đời chúng cho hả giận, rồi họ hùng hổ, lăn xả lôi bọn chúng ngã sấp ngã dúi. Nhưng quan huyện lại nghĩ: "Xử tử chúng sẽ làm cho người đời vui lòng, song lại làm cho Bình Bạch đau lòng. Đó chẳng phải là lẽ kính trọng người hiền", rồi cho dừng lại không đánh nữa.

Quan huyện hỏi Bình Y:

- Các người trở về có còn dám coi thường anh ấy nữa không?

- Bẩm quan không dám ạ. - Bình Y nói.

Quan huyện lấy trong tay áo ra tờ giấy bấm trình của Bình Bạch cho chúng

xem, nói:

- Có người kiện các người không tang mẹ kế, lẽ ra bản huyện xử tử các người. Bình Bạch không hận thù các người về chuyện ấy, mà lại còn xin bản huyện tha cho các người. Đã hai lần ta tha chết cho các người, đều là do nể Bình Bạch, các người phải hiểu thế mới được.

Ba tên cúi đầu cảm ơn quan huyện. Quan huyện lại mắng chửi chúng hết sức thậm tệ, rồi mới tha về.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 6 (B)

Tới nhà chúng vẫn cho Bình Bạch là người xấu, oán Bình Bạch không ngăn ngừa, để Bình Duật đi kiện. Đúng là "Bến mê, chúng sinh sao dễ vượt qua, người ta muốn vượt quả là rất khó". Thấy bọn chúng lên huyện mà không bị đánh một roi nào, Bình Duật rất tức, song cũng không làm gì được. Bình Lâu cũng dần dần bình phục. Hai người vẫn cứ trách Bình Bạch, lẽ ra anh không nên viết tờ trình bẩm lên quan. Bình Bạch đã nhiều lần khuyên giải, song hai người đang tuổi tráng niên, tính khí mạnh mẽ, vẫn không chịu nghe theo anh, mà ngược lại họ ngày càng hận thù Bình Y. Ngày nào họ cũng chửi bới, Bình Bạch nghe thấy chán ngán. Trước kia Bình Bạch chỉ nhẫn nhục chịu đựng đám Bình Y, nhưng nay hai em cùng mẹ lại ương bướng, Bình Bạch vô cùng buồn rầu, nghĩ: "Ta khó mà sống được ở đây, chi bằng chuyển đi nơi khác". Anh bèn mua một ngôi nhà ở thị trấn Bình Đồng cách nhà cũ hai mươi dặm, chẳng nói với ai, chọn ngày tốt dẫn vợ con đến sống ở đó.

Trước đây, khi Bình Bạch còn ở nhà, tuy không thiên vị bên vực hai em, song Bình Y vẫn thấy ngại. Nay Bình Bạch đã đi hẳn ngày càng lẩn tới. Hai đứa em Bình Y cũng giống anh, chúng trèo qua cửa gào lên, lôi từ chân tơ kẽ tóc về Trương phu nhân ra nhiếc móc. Bình Duật, Bình Lâu muốn chống trả lại nhưng yếu thế không dám ra tay. Họ vô cùng uất hận, mỗi người sắm một con dao thật sắc luôn giắt bên người, định đâm chết chúng, ý định đó không thực hiện được, họ suốt ngày tức tối, buồn phiền.

Một hôm, Bình Thành, người đã bị bọn cướp bắt đi, nay mang vợ con trở về. Họ nói Vưu thị đã chết, vì nhớ quê hương nên đã trốn về đây. Lúc ấy cả nhà họp lại bàn cách để Bình Thành ổn định gia đình. Ba anh em Bình Y thoải thác, rằng khi cha còn sống đã chia gia tài, nay là của chúng. thì nhất định chúng không chịu bỏ ra chia cho Bình Thành. Ròng rã ba ngày liền

việc ấy vẫn không giải quyết, vợ chồng con cái Bình Thành không biết bám búi vào đâu. Bình Duật, Bình Lâu thấy thế mừng thầm, làm cơm mời họ tới khoản đãi, lại sai người đến Bình Đồng báo cho Bình Bạch. Biết được tin Bình Thành trở về, Bình Bạch rất mừng, dẫn vợ con về gặp mặt, nhường lại gian nhà của mình cho Bình Thành, rồi lại trích một phần tài sản của mình và Bình Duật, Bình Lâu cho anh. Thấy ba người này cư xử tốt như thế Bình Thành rất vui. Bỗng họ nghe thấy tiếng ba anh em Bình Y chửi bới âm ỉ:

- Nó về thì nó phải tự tìm cách để sống chứ, chúng mày muốn làm người tốt, chia tài sản cho nó cũng phải nói với chúng tao.

Bình Thành là người từng sống với bọn cướp trên núi, tính khí ngỗ ngược, sức khỏe hơn người, nghe thấy thế dùng dưng nổi giận, nói:

- Tao về, không có cơm ăn, may được ba anh em nghĩ đến tình ruột thịt sẽ cửa sê nhà cho, ta mới sống được. Các người lại đến tuôn ra những lời thối tha.

Thế rồi, như một con hổ, anh xông tới tống cho Bình Y một quả, làm hấn ngã dúi xuống đất cách đó tới ba trượng. Bình Thân và Bình Phẫu cùng con cháu họ xô đến, tưởng nuốt sống Bình Thành, song không ngờ anh khỏe như trâu móng, lấy tay gạt một cái tất cả đều ngã dúi dụi. Dựa vào thế Bình Thành, Bình Lâu cũng vác gậy xông tới, đánh cho bọn Bình Y một trận nên thân. Bình Bạch xông vào can, nhưng sao mà can nổi. Thấy bọn này bị đánh sứt đầu mẻ trán, máu chảy đầm đìa, họ mới ngừng tay. Bình Thành không chờ họ cáo quan, tự viết tờ nhận tội, rồi trình lên quan, nói rằng bọn Bình Y vô lễ. Quan huyện sai người mời Bình Bạch lên thương lượng. Bất đắc dĩ Bình Bạch phải lên huyện, gặp quan, anh cúi đầu khóc, không nói nên lời. Quan huyện gắng hỏi, anh chỉ đáp:

- Tôi hoàn toàn nghe theo lời quan xét xử.

Quan huyện quyết: anh em Bình Y phải giao lại điền sản cho Bình Thành; anh em Bình Bạch trước đây đã giao nhiều, nay trích ra một ít trả lại. Tất cả tài sản phải chia đều thành bảy phần. Bình Bạch nhiều lần từ chối không nhận lại, và xin quan huyện để lại số tài sản cho Bình Y nhiều hơn, quan huyện không nghe.

Từ đó Bình Bạch vẫn sống ở trấn Bình Đồng, Bình Thành sống chung với Bình Duật, Bình Lâu. Họ kể hết cho Bình Thành nghe mọi chuyện. Một hôm nói về chuyện chôn cất Trương phu nhân, hai anh em sụt sùi khóc. Bình Thành nói:

- Bọn chúng làm như thế là đồ cầm thú!

Họ bàn nhau, chọn ngày đưa hài cốt Trương phu nhân về cạnh phần mộ cha hợp táng. Bình Duật, Bình Lâu rất vui sướng, sai người báo cho Bình Bạch biết. Ngay đêm ấy Bình Bạch về, can ngăn họ, nói:

- Mẹ đã nằm yên ở đó rồi, ta không nên động tới nữa, linh hồn người chết dưới suối vàng sẽ không yên.

Bình Thành sao chịu nghe theo. Hôm đưa hài cốt về hợp táng, anh báo cho mọi người, kể cả bọn Bình Y đến. Bình Thành rút con dao sáng loáng phật vào cây tùng trồng trước mộ, làm toác ra một miếng vỏ dày tới hai tấc, chỉ vào mọi người nói:

- Đứa nào không để tang mẹ kế, hãy nhìn vào đây.

Bọn Bình Y vội vàng đáp:

- Vâng ạ, vâng ạ.

An táng mẹ xong, anh em dần dần yên ổn.

Bình Thành là người có cá tính mạnh mẽ, hung bạo. Các em, người nào không nghe theo, nhẹ thì chửi, nặng thì đánh. Bọn Bình Y không biết đã bị đánh mắng bao nhiêu lần. Ngay cả Bình Duật, Bình Lâu cũng bị đánh chửi vài lần. Song hai người thấy anh đã vì mình mà trút nỗi căm giận lên đầu bọn Bình Y, nên không dám oán hận. Trong số anh em, Bình Thành chỉ kính trọng có Bình Bạch. Bởi thế, khi Bình Thành giận dữ đến đâu, chỉ cần Bình Bạch đến nói một vài câu là Bình Thành thôi ngay. Bình Y bị Bình Thành đánh chửi, không chịu nổi, thường đến trấn Bình Đồng mời Bình Bạch về dẹp. Bình Bạch khuyên Bình Y rằng: "Hãy làm tròn đạo làm em, thì tự nhiên anh ấy sẽ đối xử khác". Song Bình Y không nghe, suốt ngày đeo bám Bình Bạch. Thấy sống ở Bình Đồng cũng không yên, Bình Bạch lại chuyển nhà đến Tam Ba Loan. Nơi đây vắng vẻ, u tịch. Tuy thuộc huyện Lô Lăng, song cách thành khoảng một trăm ba mươi dặm, đường sá xa xôi nên anh em ít đi lại với nhau. Bình Thành từ đó lại bắt đầu sợ anh em họ,

không hay chửi mắng như trước nữa. Cuộc sống gia đình yên ổn được một thời gian.

Bình Y có bốn người con. Con cả là Lập Đức, con thứ ba là Lập Ngôn, đều là con của vợ cả Vương thị. Con thứ hai là Lập Công, con thứ tư là Lập Hạnh, là con của vợ lẽ Trắc thị và Toàn thị. Bốn người con này cũng học theo tính cha. Lập Đức, Lập Ngôn vào một phe; Lập Công, Lập Hạnh một phe, suốt ngày cãi vã nhau. Bình Y nhiều lần khuyên chúng phải sống hòa thuận, y nói rằng:

- Các con tuy không phải do một mẹ sinh ra, nhưng đều là con ta, đừng đánh chửi nhau nữa.

Song họ không vâng lời. Một hôm Lập Đức uống rượu say trên đường về gặp Lập Công, hăn cố ý đi sát, rồi dùng vai hích Lập Công, định làm Lập Công ngã. Không ngờ Lập Công phòng bị trước, hích lại. Người tỉnh thì chân vững, người say thì chân tay quờ quạng, bởi thế Lập Đức ngã sấp xuống ngòi, những người quanh đó nhìn thấy cười ồ lên. Lập Đức bị ngã, tỉnh rượu thấy mọi người cười, vừa xấu hổ, vừa bực tức bèn lấy đá ném Lập Công. Lập Công đứng bên gốc cây, né người tránh. Chiếc mũ của Lập Công vướng vào cành cây rơi xuống chỗ Lập Đức. Lập Công vội chạy tới giật lấy, nhưng Lập Đức đã vụt xuống hố phân. Lập Công nổi giận đánh Lập Đức, Lập Đức tổng vào mắt Lập Công, máu chảy ròng ròng. Lập Công hung lên, bay người đá vào đúng hạ bộ, Lập Đức không đứng dậy được. Thấy Lập Đức như thế, Lập Công lo sợ bỏ chạy. Mọi người vội dìu Lập Đức về nhà, mặt hăn tái mét không còn hột máu, tới nơi thì tắt thở.

Lúc ấy vợ Lập Đức là Mã thị gào lên khóc, đòi giải Lập Công lên quan xử tội. Bình Y thấy con chết, mà hung thủ cũng là con mình, muốn khuyên Mã thị thôi đi. Song Mã thị nào có chịu nghe. Lập Ngôn đứng bên cũng khích vào:

- Giết người thì phải đền mạng, đây là phép nước, làm gì có chuyện mình tự giải quyết được?

Bình Y không muốn đưa con lên quan chịu tội. Lập Ngôn thấy cha không nghe, bèn lén lút đi một mạch lên thẳng huyện bẩm quan Huyện bèn cử công sai cùng Lập Ngôn về bắt. Bình Y thấy sự việc không thể giữ nổi, chỉ

biết nuốt nước mắt nhìn người ta lôi Lập Công đi. Song vì quá thương con, một mặt ông ta nhờ Bình Thân và Bình Phẫu mang tiền dứt lốt cửa quan, một mặt ngay đêm ấy tới Tam Bạc Loan, nhờ Bình Bạch đến nói với quan huyện.

Đến nơi, Bình Y gặp Lập Thiện, con Bình Bạch. Biết Bình Bạch đến nhà bạn ăn cỗ cưới, nhưng Bình Y vẫn kéo Lập Thiện cùng đến nhà bạn tìm Bình Bạch. Lập Thiện không hiểu vì sao bác lại hoang mang, lo lắng thế, bèn hỏi:

- Bác ơi, có việc gì mà cháu thấy bác lo lắng thế?

Bình Y nước mắt lưng tròng kể lại mọi chuyện cho Lập Thiện nghe. Lập Thiện là người trung hậu như cha, anh không nghĩ gì đến những chuyện bác đối xử với cha mình trước đây, nghe xong anh lo lắng, muốn đưa bác đi ngay. Song Lập Thiện nghĩ, bên ấy đang có việc vui mừng, nếu gặp cha, bác ấy khóc, mà ngay cả cha mình thấy thế cũng đau khổ, thì sẽ bị người ta oán trách, nên chần chừ không đi. Lập Thiện nói:

- Bác ạ, đêm tối rồi, đi lại vất vả, bác hãy nghỉ tạm ở đây một lát, bố cháu ăn xong sẽ về ngay thôi.

- Cháu ơi, - Bình Y nói, - bây giờ bác như kiến bò trong chảo nóng, không thể kiên tâm chờ bố cháu về! Cháu hãy cùng bác đến đó ngay!

- Nếu cần kíp như thế thì cháu bảo người đi gọi, - Lập Thiện nói, - bảo với cha cháu là bác có việc rất cần đang chờ ở nhà, phải về gấp.

Nói xong quay vào trong gọi người nhà.

Bình Y thấy Lập Thiện không chịu đi, quay vào nhà trong, cho là vì thù oán xưa nên Lập Thiện lảng tránh. Bình Y cuống lên, kéo áo lại, quỳ xuống nói:

- Cháu ơi! Đúng là cháu không muốn đi!

Lập Thiện vội quỳ xuống đỡ Bình Y dậy, nói:

- Bác ơi, sao bác lại nói thế.

- Cháu ơi, - Bình Y nói, - đúng là trước đây bác nghĩ nông cạn, ngu dốt, khinh thường cha cháu và hai chú. Bác đáng tội chết. Nhưng bây giờ các cháu phải nghĩ đến ông bà tổ tông. Bác và cha con tuy không cùng mẹ đẻ ra, song đều là con của ông cháu. Cháu và Lập Công đều là cháu của ông. Cháu đừng nghĩ tới mối thù xưa nữa, cháu hãy đi ngay với bác.

Thấy bác như thế. Lập Thiện nói:

- Không phải cháu không muốn đi, song thú thực với bác, đằng ấy họ đang có việc vui, đến đó bác gặp bố cháu nói tới chuyện thương tâm, cả hai người không kìm nổi đều khóc thì gia đình họ oán.

- Bác đến đây sẽ không nói, - Bình Y nói, - chỉ đến gọi bố cháu về thôi.

Nói xong Bình Y lôi Lập Thiện đi. Lập Thiện đành cùng Bình Y ra khỏi nhà.

- Nhà bạn cha cháu ở đâu? - Bình Y hỏi.

- Cách đây ba dặm đường. - Lập Thiện nói. - Nơi ấy là Tiểu Thôn Phường.

Hai người vừa đi vừa nói chuyện. Hôm ấy, bữa cỗ kết thúc sớm, Bình Bạch ăn xong về ngay, giữa đường gặp hai người. Bình Y kéo ngay ông lại, khóc lóc kể lẽ chuyện đã xảy ra. Bình Bạch nghe xong, chau mày nói:

- Anh ạ, đây không phải là chỗ ta nói chuyện, hãy về nhà em đã.

Ba người về tới nhà, Bình Bạch nào nuốt thờ dài nói:

- Mấy anh em nhà mình, năm nào cũng xô xát nhau. Em biết, mỗi người một tính một nết không hợp nhau, điều đó chẳng hay ho gì, nhưng không ngờ lại xảy ra việc này.

- Chú ạ, chú không phải nói nữa, đó là do tôi không đáng đạo làm anh, không có gia giáo. Ngày nay, mấy anh em nó cũng học theo cái thói của tôi, gây ra tai họa, điều ấy khiến tôi vô cùng đau đớn. Tôi chịu báo ứng như thế đã đủ rồi, chú đừng oán trách tôi nữa, hãy cùng tôi lên huyện giải quyết việc cấp bách này!

- Anh không biết, - Bình Bạch do dự nói, - trước đây anh em bất bình nhau về những chuyện nhỏ nhặt, em có thể lên huyện xin được. Nay là tội lớn, em giết anh thì em đi nói làm sao, dù có nói thì quan huyện cũng sẽ không nghe.

Bình Y thấy Bình Bạch tỏ thái độ như thế, tự nhiên òa lên khóc, nói:

- Tôi vốn biết, nếu chú có đi xin cũng không thể an toàn vô sự song chỉ muốn cháu thoát tội chết, còn mắc tội gì cũng được. Chú hãy thương lấy tôi, đã lần đêm mò hôm tới đây, muốn chú đi với tôi, chỉ một lần nữa thôi.

Nói xong Bình Y quỳ xuống, Bình Bạch cuống lên vội cúi xuống đỡ dậy nói:

- Anh đừng làm em khó nghĩ, em sẽ đi xin cho anh.

Lúc ấy Bình Bạch bắt đắ dĩ phải cùng Bình Y xuống thuyền đi thẳng lên huyện.

Công sai đã bắt Lập Công tới. Quan huyện thấy đây là việc của nhà họ Bình, lại là trọng tội giết anh, ông rất phẫn nộ. Lập tức mở công đường, hỏi được mấy câu đã rút ra tám chiếc gậy, hô đánh. Đánh xong bốn mươi gậy, thịt da rách nát, máu chảy đầm đìa. Quan huyện vẫn chưa nguôi giận, lại rút ra tám chiếc gậy hô đánh tiếp. Người thi hành án bầm:

- Xem ra phạm nhân không thể chịu được nữa, hãy cho giam hãm vào nhà giam.

- Tên này giết anh, người còn muốn bảo vệ cho hắn ư? - Quan huyện trợn mắt quát. - Hãy đánh tiếp.

Bọn lính hầu không muốn đánh chết, chỉ vì mấy quan tiền đứt lốt song thấy quan huyện giận dữ, không dám có ý trì hoãn, lại tiếp tục đánh thêm bốn mươi gậy nữa. Đánh đến nỗi hai chân tướt hết thịt da, thoi thóp thở. Tới lúc ấy quan huyện mới cho giam vào ngục. Bình Thân và Bình Phẫu tới huyện, thấy thế rất lo lắng, đem tiền đứt lốt cho bọn coi ngục để được vào thăm, thì thấy Lập Công đã tắt thở. Người coi tù báo với quan, cho nhà họ Bình mang xác về chôn. Bình Thân và Bình Phẫu cùng Lập Hạnh, vừa khóc lóc vừa mang xác Lập Ngôn về.

Sáng hôm sau, Bình Y, Bình Bạch về tới nhà, biết Lập Công bị quan huyện đánh chết, gào lên khóc. Bình Bạch khuyên nhủ mãi, rồi ở đó thêm mấy ngày mới trở về Tam Bạc Loan.

Vợ của Lập Đức là Mã thị và vợ của Lập Công là Kim thị, thấy chồng chết như thế, họ chửi nhau suốt ngày. Bình Y thương tiếc hai con, quá đau khổ rồi sinh bệnh. Nằm trên giường bệnh, lại thấy hai người con dâu cãi nhau, Bình Y càng chán nản buồn rầu. Biết không thể ở nhà được, bèn tới nhà người em họ là Cam Lệnh Nhân, cách đó một trăm năm mươi dặm để chữa bệnh.

Bình Y đi rồi. Một hôm, Mã thị chửi Lập Công, Kim thị ở nhà bên, than thân trách phận, nghe thấy Mã thị chửi, giận dữ nói:

- Chồng chị chết, còn chồng tôi có sống được đâu? Rồi cầm cón dao bầu

nhọn hoắt, chạy vụt sang, đâm phập vào ngực Mã thị. Lưỡi dao thấu tới lưng, chết ngay tại chỗ. Kim thị rút dao ra, tự cứa vào cổ mình đến xoẹt một cái, đầu lìa khỏi cổ, rơi bịch xuống đất. Cả nhà cuống lên, vội đi báo cho mẹ đẻ của họ.

Cha Kim thị chết từ lâu, anh em không có, chỉ còn một mình mẹ đẻ, lại ốm liệt giường, thấy vậy chỉ biết khóc mà thôi. Cha Mã thị là Mã Đại Lập, lại là kẻ bất lương, nghe thấy tin ấy vô cùng oán hận, nói:

- Đây hoàn toàn do lão Bình Y khốn kiếp, không biết dạy bảo con cái, khiến con gái ta phải chịu cái chết thảm thương!

Thế rồi Mã Đại Lập dẫn bốn đứa con, cùng với một số người thân trong họ tộc, đông tới sáu bảy chục người, đến nhà họ Bình tìm Bình Y. Lúc ấy, những người đàn ông nhà họ Bình không ai có nhà. Bình Y vẫn còn ở nhà Cam Lệnh Nhân, ngay hay người con dâu chết cũng không ai báo tin cho ông, họ sợ rằng ông đang ốm, lại lo nghĩ mà ốm thêm. Mã Đại Lập phá tan hoang cửa nhà, không tìm thấy Bình Y đâu, hăn bắt bọn người ở tra hỏi, biết Bình Y ở nhà Cam Lệnh Nhân, rồi nghĩ: "Thật may cho hăn". Mã Đại Lập chợt nghĩ tới trước đây con gái chết, Bình Y đã kéo đến đánh bà thông gia họ Chu, sao bây giờ không báo thù cho nhà họ Chu. Rồi bọn họ lôi người vợ kế của Bình Y là Toàn thị ra đánh. Toàn thị trốn trong bếp, bọn chúng túm được lôi ra, lột trần truồng, đánh thâm tím mình mẩy, cuối cùng chúng trói Toàn thị vào một chiếc ghế dài, lấy một quả mướp nhét vào chỗ ấy, rồi chúng mới hò nhau kéo về. Không lâu sau, bọn đàn ông nhà họ Bình trở về, biết được, Bình Thành nổi giận nói:

- Nhà ta người chết đang rồi bồng bong, bọn chúng lại đến làm nhục thế này, thật là quá đáng.

Thế rồi Bình Thành hét lên một tiếng, xách gậy chạy đi. Bình Thân và Bình Phẫu, Bình Duật, Bình Lâu và một lũ con cháu đều vác dao, gậy chạy theo.

Nhà họ Mã cách đó ba mươi dặm. Lúc ấy đã vào hạ tuần tháng tám, nhưng trời vẫn nắng chang chang, vừa đi họ vừa nghỉ. Bỗng thấy đằng sau có tiếng người hò hét chạy tới. Quay đầu nhìn lại, chỉ thấy độ mười người, bọn Bình Thành không coi ra gì. Tất cả phe Mã Đại Lập dừng lại, nghĩ rằng sẽ

đánh mấy tên này cho sướng tay. Không ngờ Bình Thành xông tới, như một con hổ dữ, chiếc gậy trong tay Bình Thành vung lên, khua tít, khiến năm sáu người ngã gục. Bọn người họ Mã thấy thế lực họ Bình mạnh như vũ bão bỏ chạy tán loạn. Người nhà họ Bình xông lên truy đuổi. Bình Thành tóm được Mã Đại Lập, rút dao cắt đứt hai tai, thả cho về. Con Mã Đại Lập là Phụng Ngôn đến cứu, bị Lập Hạnh lia cho một gậy gậy hai chân, ngã vật ra. Bình Thành thấy đã thỏa mãn gọi nhau về.

Người nhà họ Mã thấy họ Bình đã đi xa mới dám quay lại khiêng người gãy chân về. Ngay đêm ấy họ lên huyện tố cáo. Quan huyện thấy đây lại là việc nhà họ Bình, rất tức giận, lập tức sai người đi bắt. Hôm ấy, chỉ có Bình Thân, thấy công sai đến, chui qua lỗ chó rúc thoát thân, ngay đêm ấy tới Tam Bạc Loan. Bình Bạch và con vừa đi thi hương về, thấy Bình Thân đến, liền hỏi:

- Anh có việc gì mà đến đây?

Bình Thân thuật lại mọi việc xảy ra cho Bình Bạch nghe, rồi nói:

- Chú hãy lên huyện lần nữa để xin quan.

Bình Bạch buồn rầu nói:

- Làm sao mà cứ gây hết tai họa này đến tai họa khác? Tôi ở đây đã lâu, không đi lại với quan phủ, e rằng nói cũng vô ích. Tôi chỉ mong sao cho con nhà họ Mã không chết, cha con tôi lại thi đỗ, thì việc đó có thể lo liệu được, anh hãy ở lại đây mấy hôm xem sao.

Bình Thân nghe theo, ở lại Tam Bạc Loan. Hằng ngày ngồi ăn cùng mâm, đêm đến lại ngủ cùng giường. Anh em vô cùng thân thiết. Lại thấy anh em Lập Thiện, tuy cùng cha khác mẹ mà sống với nhau rất hòa thuận, khác hẳn với anh em mình, tự nhiên thấy cảm động rớt nước mắt nói:

- Bây giờ em mới hiểu, trước đây mình không phải là người.

Thấy Bình Thân hối hận, Bình Bạch rất mừng, cũng khóc theo.

Sau mấy hôm, thấy trống phách vang lừng, có người tới báo cha con Bình Bạch thi đỗ. Bình Bạch vô cùng sung sướng bảo Lập Thiện ở nhà lo liệu,

còn mình và Bình Thân lên gặp tri huyện. Cử nhân thời Minh rất danh giá, các quan châu, huyện đều phải kính nể. Rất may, cháu Mã Phụng Ngôn được một danh y chữa khỏi, quan huyện khuyên họ Mã không kiện nữa, nên tha cho bọn Bình Thành. Bình Thành cùng với Bình Bạch trở về. Bình Y lúc ấy dưỡng bệnh cũng đã về. Mọi người đều yêu quý kính nể Bình Bạch, khuyên Bình Bạch trở lại quê, anh em sống quây quần bên nhau. Bình Bạch cùng anh em thắp hương thề, hứa từ nay về sau, mọi người phải sửa chữa lỗi lầm, tự làm lại cuộc đời. Bình Bạch dọn nhà, trở về chung sống với anh em. Từ đó, có việc gì họ đều hỏi Bình Bạch. Bình Thành ngày một già, tính khí cũng dần dần trở nên ôn hòa, gia đình họ đều vô sự. Anh em, con cháu mấy đời sau sống chan hòa, yêu thương đùm bọc lẫn nhau như cùng cha mẹ sinh ra. Về sau Bình Bạch thi Hội đỗ tiến sĩ, thi Đình lại được cất nhắc làm tri huyện, song ông biết tài làm quan của mình chỉ bình thường, nên xin chuyển làm giáo thụ. Hai khoa sau, Lập Thiện đỗ tiến sĩ, được vào Hàn lâm viện. Con cháu đời đời khoa bảng, song chỉ phát ở chi Bình Bạch. Đây chính là sự đền đáp cho những người sống hiếu thuận.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 7 (A)

Giả Dối Kết Nghĩa Đào Viên

*Bè bạn xưa nay đạo luân thường,
Chỉ vì thời thế nát như tương.
Lòng dạ người đời nay đã khác,
Tiền tài lợi lộc lắm kẻ thân.
Hôm trước miễn quan sà vãng bóng,
Hôm sau làm tướng khách chạ nhà.
Sóng xô lớp lớp ôi kinh sợ,
Tình bạn kết giao mạnh tựa gươm.*

Xưa nay thường nói: "Bạn bè tâm đầu ý hợp sẽ tạo nên sức mạnh", bởi thế, khi kết bạn phải thật hiểu nhau. Ngày nay nhân tình thế thái đổi thay, những người có quyền thế địa vị, thì bạn bè đông đúc, khách khứa đầy nhà. Song đáng thương, những kẻ sĩ cương trực, lại chẳng có bạn bè. Phần lớn người đời quan hệ với nhau chỉ vì tiền của lợi lộc, hết lợi thì bỏ nhau. Bởi thế Lưu Hiếu Tiêu đã bàn đến sự tuyệt giao phổ biến ấy trong thiên hạ. Xem ra, những người hoàn toàn trung nghĩa mới là bạn bè. Thế thì những kẻ thấy lợi quên nghĩa, thấy mặt phụ lòng, thì trên thế gian này có đáng gọi là bạn bè không?

Ở huyện Đông Lưu, phủ Trì Châu, Giang Bắc, có ba kẻ tiểu nhân, mũ cao áo dài, đó là Trương Bá Nghĩa, Ngử Kỳ Lương, và Tiền Tổ Lợi. Họ là những người xuất thân trong gia đình có tiếng xưa nay. Từ nhỏ cùng học một trường, họ coi nhau như một, không phân biệt anh tôi, cao thấp. Trong bảy tám nămqua, những điều họ học được không phải là đạo đức nhân nghĩa Khổng Mạnh, mà cũng không phải là mưu mẹo kế sách của Thân, Hàn. Cái họ học là kẻ khoét gạch, trèo tường, và đức hạnh bội bạc, táng tận

lượng tâm. Một hôm ngẫu nhiên ba người này cùng đi qua ngã tư, thấy một đám người đông nghịt đứng vòng trong vòng ngoài. Họ vào xem thì thấy một người giơ tay gõ mạnh quân cờ, cười ha hả, kể chuyện về ba người kết nghĩa đào viên cuối thời Hán. Người ấy kể rất say sưa, nào là ngựa trắng tể trời, trâu đen tể đất, không thể cùng sống, mà thể cùng chết. Về sau họ lại cùng nhau tranh giành thiên hạ, giết Tào Tháo, diệt Đông Ngô, người nghe rất hào hứng. Nghe xong, ba người vô cùng tán phục, vỗ tay khen, rồi rút ra mỗi người một đồng thưởng cho người kể chuyện. Khi đứng dậy thấy bụng đói, họ đến cửa hàng chén chú chén anh, lấy ra hơn hai lạng bạc để trả, rồi cùng về nhà Trương Bá Nghĩa. Trương Bá Nghĩa nói:

- Câu chuyện ông lão vừa kể rất hay!

- Hay thì hay đấy, nhưng ta có kết nghĩa đào viên được không? - Tiền Tri Lợi nói.

- Ba chúng ta học với nhau từ bé, - Ngử Kỳ Lương cười nói, - bây giờ lại cùng chung sự nghiệp. Nếu nói về nghĩa khí thì cũng coi là đào viên kết nghĩa!

- Song người đời nay, - Trương Bá Nghĩa nói, - phần lớn chỉ vì vợ, mà bỏ cả anh em thân thích ruột thịt đi kết nghĩa anh em với người ngoài. Suốt ngày chỉ ăn uống chơi bời, không đúng với ý nghĩa, suốt đời gấn bó khăng khít với nhau, sống chết có nhau. Nếu chúng ta kết nghĩa, thì không những phải gấn bó với nhau như anh em ruột thịt, mà còn hơn hẳn thói kết nghĩa thời nay mới được.

- Anh nói rất có lí. - Tiền Tri Lợi nói. - Người xưa từng nói: "Kẻ trượng phu, tiền bạc phải phân minh". Chúng ta kết nghĩa đào viên, có thể cùng nhau sống chết, tiền tài chỉ là chuyện vặt, kể tới làm gì! Tiền của anh là tiền của tôi, tiền của tôi là tiền của chúng ta. Rồi lại nói một hồi, nghe rất hay:

Nếu anh có tiền,

Anh hãy cho tôi.

Nếu tôi không tiền,

Thì lấy tiền anh.

Nếu được như lời nói ấy, thì quả là tình bạn chung thủy.

Hai người nghe xong vỗ tay cười ha hả nói:

- Anh Tiền này, theo anh nói, thì anh là một người không cầu lợi.

- Em nói thật đấy chứ không phải nói đùa đâu. - Ngử Kỳ Lương nói. - Ngày mười lăm tháng ba là ngày tốt, đúng dịp hoa đào đang nở rộ, mỗi người sẽ bỏ ra ba đồng ba hào, ba xu, ba xèng, tất cả là một lạng, không ai nhiều hơn cũng không ai ít hơn để làm lễ kết nghĩa đào viên!

- Được - Ba người cùng nói.

Đến ngày mười lăm tháng ba, họ sắm sửa lễ vật, bày dưới một gốc đào, cùng nhau đốt vàng hương đứng thề. Ba người hớn hờ vui mừng, viết ngày sinh tháng đẻ vào tờ văn khấn tế thần. Trương Bá Nghĩa lớn tuổi làm anh cả, Ngử Kỳ Lương anh hai, Tiền Tri Lợi là em út. Thề với nhau rằng, anh em làm việc gì cũng phải đồng tâm nhất trí, giúp nhau khi hoạn nạn, nếu có lòng riêng tư thì trời chu đất diệt. Cúng xong, ba người ngồi ngay tại đó ăn uống no say, rồi ai về nhà nấy. Đúng là:

Kết nghĩa anh em tình ruột thịt,

Chẳng bao giờ gây chuyện bất lương.

Mấy hôm sau, họ lại bàn nhau rằng: "Chúng ta đương nhiên đã đồng tâm nhất trí rồi, có điều nay phải tìm một việc gì cùng làm mới được, chứ ngày nào cũng chơi bời thế này thì sẽ không khấm khá lên được".

- Các anh bảo tôi phải làm gì? - Ngử Kỳ Lương nói.

- Tôi chỉ có chơi gái, đánh bạc, ngoài ra không biết gì khác.- Tiền Tri Lợi nói.

- Chơi gái, đánh bạc cũng phải cần tiền. Tôi cho rằng đi đâu đó lừa người kiếm một món tiền lớn, rồi ba đứa chia đều nhau. Đấy há không phải là tiền vốn của chúng ta ư?

- Muốn kiếm được một món tiền lớn, chỉ có đi ăn trộm mới có được - Ngử Kỳ Lương nói. - Nếu thế sẽ bị quan bắt, cùm kẹp đau đớn không chịu nổi, mất hết danh dự, còn mặt mũi đâu mà sống.

- Chú hai, đừng nói thế. - Trương Bá Nghĩa cười nói. - Nói thế sao gọi là có

chí khí. Ngay đến việc ăn trộm, tôi vẫn đang hoàng giữ được thể diện. Lấy của người ta ngàn vàng, mà người ta vẫn vui, đấy mới gọi là kẻ chử? Hai chú thấy thế nào?

- Anh thật là cao kiến. - Tiền Tri Lợi nói. - Chỉ có điều, việc ấy làm thế nào?

- Phía nam thành có một nhà giàu, - Trương Bá Nghĩa nói, - biệt hiệu của anh ta là Tượng Kỳ Lân. Các chú có biết vì sao người ta gọi là Tượng Kỳ Lân không? Theo người ta kể, trước đây bố anh ta dắt một con trâu qua phố, trên mình trâu thồ rất nhiều tiền đồng, còn sừng trâu đeo một chiếc sừng kì lân bằng giấy. Rất nhiều trẻ con trông thấy tiền đồng, không biết đó là trâu, mà nói với nhau là "rất giống kì lân". Bởi thế chúng reo lên nói: "Chúng mày ơi! Đây có phải là kỳ lân không?"

Một ông già mắt đã đục lờ, chạy ra xem, nói với bọn trẻ rằng:

"Đây là trâu có tiền, sao lại giống kỳ lân được".

Khi gã nhà giàu ở phía nam thành chết, đưa con gã, tuy đã hai mươi tuổi vẫn không biết chữ, chỉ biết ăn thịt. Nên người ở phía nam thành gọi hẵn là Tượng Kỳ Lân. Ngay con gã cũng không biết được nguồn gốc ba chữ ấy, chỉ biết Kỳ Lân là vật tượng trưng cho điều lành, và nói, những người ấy nịnh bố mình nên đặt cho ông một cái tên hay như thế, và anh ta rất thích thú khi thấy có người gọi mình là Tượng Kỳ Lân.

- Anh ta họ gì? - Ngũ Kỳ Lương nói.

- Anh ta họ Lương, tên là Đắc Quý. - Trương Bá Nghĩa nói.

- Nhà anh ta có dãy tường cao, - Tiền Tri Lợi nói, - bên ngoài trồng dương liễu, hai bên có dòng nước, giữa có chiếc cầu phải không? Em biết, phải nghĩ cách liên hệ với anh ta trước chử. Hay anh cứ dỗ anh ta đi chơi gái, tôi dụ anh ta đi đánh bạc, dần dà chúng ta lại dụ anh ta cứ xem kịch, mua quan tước làm nhà, mua sắm tài sản... Đấy là những việc làm mà vẫn giữ được thể diện. Ba người chúng ta, kẻ té người cất, hỗ trợ nhau hành động từ bên trong, chỉ cần chúng ta toại nguyện, cửa nhà tan nát mặc xác nó. Tôi nói thế có được không?

Hai người kia cười ha hả nói:

- Hay, hay lắm.

- Chú em út, hãy làm thử xem sao? - Trương Bá Nghĩa nói.
- Được em sẽ đi ngay. - Tiền Tri Lợi nói.

Tiền Tri Lợi từ biệt hai người anh kết nghĩa, đi thẳng tới phía nam thành. Vừa đi vừa nghĩ: "Người này đúng là mình quen biết thật, nhưng ta không thể đi một mình, phải dẫn họ cùng đi moi tiền của anh ta chứ.". Bỗng chốc anh ta đã thay lòng đổi dạ.

*Đúng là thấy lợi quên tình nghĩa,
Biết đâu Quấn, Bao chịu chia vàng?*

Tiền Tri Lợi qua cầu, thấy Tiểu Nhân đang vờ ở đó.

Tiền Tri Lợi bước tới hỏi:

- Anh Tiểu Nhân, Tượng Kỳ Lân có nhà không?
- Có! - Tiểu Nhân nói, - Có chuyện gì thế?
- Có chuyện vui, - Tiền Tri Lợi nói, - cũng cần anh nói thêm vào một câu, nếu xong việc, tôi với anh sẽ chia nhau.
- Việc vui gì thế? Tôi lại được chia với anh ư?
- Tây Môn mới có một kĩ nữ đẹp tuyệt trần, - Tiền Tri Lợi nói, - lại giỏi đàn hát, tôi đã gặp cô ta. Bây giờ ta gạ ông ấy hái hoa, nếu có lộc thì anh em mình sẽ say sưa với nhau một bữa, được không?
- Cái đó dễ thôi. - Tiểu Nhân nói. - Số sách tôi quẩn, chuyện ấy khó gì!

Tiền Tri Lợi được Tiểu Nhân dẫn vào nhà gặp Đinh Đắc Quý. Tiểu Nhân nói:

- Tiền Tri Lợi là anh họ tôi, anh ấy cho biết có một cô gái đẹp tuyệt vời ở Ngô Hạ mới đến, tên là Tiểu Ngọc Nương, muốn dẫn ông đến để thử mùi đời một chút xem sao.

Đinh Đắc Quý tuổi còn trẻ, lại sẵn tiền. Thấy gái đẹp mừng rơn, lấy ngay mười lạng bạc, đưa cho Tiền Tri Lợi, nói:

- Anh hãy cầm đi lo liệu trước, tôi thay quần áo, rồi lên ngựa tới ngay.

Tiền Tri Lợi được cầm mười lạng bạc trong tay, hân vô cùng sung sướng, đến nhà kĩ nữ Lý Tiểu Ngọc, nói:

- Ông ta là một người giàu có bậc nhất ở phía nam thành, là viên ngoại

Tượng Kỳ Lân nổi tiếng. Cô không nên đòi tiền ông ta, cô cố chiều chuộng để ông ta vui lòng, nếu cô muốn theo ông ta, tôi sẽ khuyên ông ta cưới cô làm vợ, còn cô không muốn thì cô vào cửa trước kiếm ba trăm lạng, sau đó thu xếp theo cửa sau ra đi. Như thế sẽ tốt biết bao! Chỉ cần xong việc tôi sẽ sòng phẳng chia cho cô một nửa. Đừng có ngúng nguẩy với ông ta mà thiệt. Ngay bây giờ, cô hãy chuẩn bị chu đáo đón tiếp ông ta.

Nói xong, mười lạng bạc cũng chẳng đưa cho cô ta lấy một hào. Thấy Tiền Tri Lợi nói rất có lí, Tiểu Ngọc tin ngay, nói:

- Việc ấy nhờ anh xếp đặt, nếu thành, tôi sẽ chịu cho anh bốn phần còn tôi sáu phần.

Rồi cô ta lấy ra ba lạng bạc đưa cho Tiền Tri Lợi. Tiền Tri Lợi tỏ vẻ từ chối, song lại chìa tay ra cầm lấy tiền bỏ vào túi. Lát sau quả nhiên Tượng Kỳ Lân cười ngửa tới. Tiểu Nhàn theo sau. Tiểu Ngọc từ trong bước ra vồn vã. Chỉ thấy:

*Không vợ, không con, chữ chẳng biết,
Cỏ lấp đường đi, phườn bụng chơi.
Trời đâu có biết Kỳ Lân tá.*

Thế gian lại thấy đó trâu tiền.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 7 (B)

Đinh Đặc Quý là người đầu tiên biết gái làng chơi, chẳng kể gì đến nhan sắc. Thấy dáng vẻ phong tình đã chết mê chết mệt, hồ hởi cùng cô uống rượu. Được một lát, Tiểu Ngọc giở đủ ngón trắng hoa, khiến anh ta mê mẩn, Tiền Tri Lợi bên cạnh đưa đẩy thêm:

- Ngọc Nương, hãy làm vui lòng Viên Ngoại thì ngày mai Viên Ngoại sẽ cưới cô về làm vợ.

Đương lúc đê mê, Đinh Đặc Quý nói:

- Ngày mai ta sẽ mang tới một trăm lạng bạc để cưới nàng.

- Cổ nhân nói: "Trăm quan mua lấy miệng cười". - Tiền Tri Lợi cố ý nói chen vào. - Huống hồ Viên Ngoại lại là Tượng Kỳ Lân, tiếng tăm lừng lẫy chứ đâu có nói bừa như bọn tú tài nghèo xác.

- Ngay một ngàn quan cũng đáng. - Đinh Đặc Quý cười tít mắt nói.

Đêm ấy, Đinh Đặc Quý ngủ tại nhà Tiểu Ngọc, trưa hôm sau vẫn chưa muốn dậy. Khi dậy, lại thấy thức nhắm đã bày sẵn, họ lại tiếp tục uống đến tận đêm khuya. Ba đêm liền thưởng nguyệt hái hoa, Đinh Đặc Quý vô cùng sung sướng, không sao dứt ra được. Anh ta nói với Tiểu Nhàn rằng:

- Hãy về lấy sang đây ba trăm lạng để dẫn cô về.

Tiểu Nhàn đâu dám trái lời. Anh ta về mang bạc tới. Tiền Tri Lợi vội cầm lấy, len lén đi ra phía sau gọi Tiểu Ngọc, nói:

- Cô theo anh ta thật à?

- Tùy anh xếp đặt. - Tiểu Ngọc lắc đầu nói.

- Ba trăm lạng đã trong tay, cô hãy lừa cho hẵn ta về, chuẩn bị thoát thân!

Tiểu Ngọc gật gật đầu, vào trong nói với Đinh Đặc Quý:

- Anh Viên Ngoại ời! Thế là em đã thuộc về anh rồi. Anh hãy để tiền lại đây rồi về trước, bảo người mang kiệu tới đón. Em nán lại thu xếp quần áo.

Đinh Đắc Quý sợ Tiểu Ngọc đòi thêm bạc lòng dạ không yên, giờ thấy Tiểu Ngọc nói thế cười khanh khách, nói:

- Anh về trước chờ em nhé!

- Nếu không tin, em tặng chiếc khăn này để anh yên lòng. - Tiểu Ngọc nói.

Đinh Đắc Quý cười hi hí nhận lấy khăn rồi lên ngựa ra về.

Tiểu Ngọc quay vào nhà trong chia bạc với Tiền Tri Lợi. Được chia hơn một trăm lạng, Tiền Tri Lợi ung dung cầm số bạc trở về gặp bọn Trương Bá Nghĩa. Hăn ranh mãnh nói:

- Em đi thăm dò Tượng Kỳ Lân, đúng vào ngày xấu. Chẳng biết kẻ nào đã lừa anh ta đi chơi gái, trăng hoa với Lý Tiểu Ngọc, bị Tiểu Ngọc đánh lừa lấy bạc chuồn mất. Hăn tức giận, sai người tìm khắp nơi nhưng không thấy. Hai anh phải nghĩ ra kế gì khác moi tiền của hăn được không?

- Hay, hay quá, có khó gì đâu. - Ngũ Kỳ Lương vỗ tay reo lên nói. - Anh ta muốn tìm Lý Tiểu Ngọc, thì nhất định phải dán giấy để hỏi tin. Ta phải lột lấy một tờ để báo tin. Bất kể Tiểu Ngọc trốn ở đâu, ta cũng nói bừa một nơi nào đó, bảo anh ta mang một ít tiền đi để đãi khách, vừa đi vừa tìm, nhất định cũng sẽ moi được tiền của anh ta.

- Hay! Hay lắm! Nhưng được thì đừng giấu tôi đấy. - Tiền Tri Lợi nói, song thực ra anh ta vừa lừa được một món tiền nhưng đã giấu họ.

Đinh Đắc Quý về, sai người mang kiệu tới đón Tiểu Ngọc. Đợi từ sáng tới chiều vẫn không thấy, lại sai liền hai đứa hầu tới song vẫn chẳng thấy tăm hơi. Cô ta đã cuồn bạc trốn đi rồi. Tượng Kỳ Lân tức giận hỏi Tiểu Nhân:

- Sao anh họ mày lại làm việc ấy, ta không thể trông chờ mày được nữa, phải trình quan, tố cáo bọn này.

- Ta hãy dán giấy khắp nơi để hỏi tin. - Tiểu Nhân nói. - Lý Tiểu Ngọc là một kĩ nữ danh tiếng, tất nhiên có nhiều người biết, nếu không ai đến báo tin thì sẽ trình lên quan cũng chưa muộn, hãy chờ thêm một ngày nữa xem sao.

Quả nhiên, Đinh Đắc Quý không báo quan. Được ngủ ba đêm, mất ba trăm

lạng, coi như bị chê cười một lần thôi.

Tờ hỏi tin tức dán khắp nơi, nhưng chỉ thấy Ngũ Kỳ Lương bóc một tờ, mang đến nói rằng:

- Tôi họ Ngũ, tên Kỳ Lương, thường đi lại với Lý Tiểu Ngọc. Hôm kia tôi đến thăm người bạn, ngẫu nhiên thấy cô ta ở Sở Trung. Nếu ông muốn tìm cô ta thì phải thuê chiếc thuyền từ Tây Môn đi theo dòng sông tới vùng Hồ Quảng. Ở Sở Trung tôi thấy vài lạng rất đắt, ông vừa đi tìm cô ấy, vừa nhân thể mua một ít lạng đến đó bán kiếm lời, đó chẳng phải nhất cử lưỡng tiện sao. Hàng hóa đem tới đó, tôi chỉ bán vèo một lúc là hết. Chiếc thuyền mà Tiểu Ngọc đi tôi biết rồi, trên đường đi tôi sẽ để ý dõi tìm, ý ông thế nào?

Đinh Đắc Quý tuy là người ngu xuẩn, nhưng khi nghe Kỳ Lương nói thế, hẳn đã có ý nghi ngờ: "Người này ta không quen biết, đi tìm Tiểu Ngọc nhưng sao lại bảo ta mang hàng đi bán? Chưa biết chừng đây cũng là loại lừa đảo Tiền Tri Lợi". Anh ta đứng dậy nói:

- Mời anh ngồi, tôi có việc muốn nhờ anh giúp đỡ.

Đinh Đắc Quý trở vào nhà trong bàn với Tiểu Nhàn:

- Có một người vừa tới, bảo ta buôn một ít lạng đến Hồ Quảng bán, liệu có được không?

- Không được đâu. - Tiểu Nhàn nói. - Hiện nay bọn lừa đảo rất đông, không thể mang hàng đi xa được.

Vì không bỏ được Tiểu Ngọc, lại nghe thấy Tiểu Nhàn nói thế, Đinh Đắc Quý cuống lên, nói:

- Hàng hóa ở ngay bên mình, không rời mình nửa bước, cứ có tiền ta mới bán hàng, thì dù có ba đầu sáu tay cũng chẳng sợ. Ta cứ mang hàng đi ngại gì.

Bàn xong, Đinh Đắc Quý lững thững đi ra, ngồi xuống nói:

- Anh dạy chí phải.

Rồi Đinh Đắc Quý thu xếp tiền, mua ngay năm trăm lạng bạc tiền lạng, bảo Ngũ Kỳ Lương đi thuê thuyền. Ngũ Kỳ Lương đã ngấm ngầm tính sẵn, nói với chủ thuyền rằng:

- Đây là thuyền tôi thuê, suốt dọc đường phải nghe theo lời tôi, tôi bảo đi thì đi, bảo dừng thì dừng, không thể làm lơ việc của tôi.

Chủ thuyền dặn các chân sào, rồi nói:

- Tất nhiên là như thế, cứ theo khách thôi.

Đình Đắc Quý xếp hàng xuống thuyền, mang theo hai người, dặn Tiểu Nhàn ở lại trông nhà, sau đó cùng Ngũ Kỳ Lương xuống thuyền, xuôi dòng đi Hồ Quảng.

Họ đi được hai ba hôm, nếu không gặp may thì lại không thành chuyện. Ngũ Kỳ Lương làm như thật, dẫn Đình Đắc Quý đi, không ngờ hôm ấy Lý Tiểu Ngọc cũng xuất phát từ Tây Môn. Cô ta không đi Giang Nam, không đi Giang Bắc, mà trốn đến Tương Dương, Hồ Quảng. Lúc ấy thuyền Tiểu Ngọc đang ép mạn vào bờ hóng gió, thì thuyền của Đình Đắc Quý cũng ép mạn vào bờ. Đức Quý bước ra mũi thuyền hóng mát, thì nghe thấy thuyền bên cạnh có tiếng đàn bà nói:

- Xin mời cô Tiểu Ngọc dùng trà.

Đình Đắc Quý vốn chẳng quan tâm gì đến việc hàng hóa, trong đầu anh ta lúc nào cũng chỉ nghĩ tới Tiểu Ngọc. Đúng lúc nghe thấy tiếng gọi, anh ta quên hết mọi sự, bước ngay sang thuyền bên. Vừa mở cửa thuyền thì thấy Tiểu Ngọc. Tiểu Ngọc đã quen thói lừa gạt, thấy Đình Đắc Quý nhẩy sang thuyền, cô ta không chút bối rối, mà còn tươi cười nói:

- Anh đã đến đây ư? Tôi với anh đã bị tên Tiền Tri Lợi độc ác lừa dối.

Nghe Tiểu Ngọc nói thế. Đình Đắc Quý chẳng còn tức giận nữa, hỏi rằng:

- Em bị nó lừa thế nào.

- Hôm trước, khi anh trở về, - Tiểu Ngọc nói, - thì ngay sau đó Tiền Tri Lợi dẫn em đi, bảo là đến nhà anh. Nào ngờ nó lấy hết bạc, rồi lừa em đến đây, bỏ đi mất. Nay anh đã đến, thì hãy cứu em về.

Nói xong gục đầu vào lòng Đình Đắc Quý. Mừng quá, Đình Đắc Quý quên hết cả lo lắng buồn phiền, quên cả năm trăm lạng bạc tiền lượ ở thuyền bên, chúi đầu vào ăn uống với Lý Tiểu Ngọc.

Ngũ Kỳ Lương không biết Đình Đắc Quý tìm được Tiểu Ngọc. Chờ mãi không thấy chủ về, hai đứa ở hỏi Ngũ Kỳ Lương. Thuận miệng Ngũ Kỳ

Lương đáp:

- Ông ấy lên bờ mua thuốc, dặn lại rằng: "Nếu chờ không thấy thì cứ xuôi thuyền về Bạch Long, sau đó ta sẽ tới", rồi bảo một trong hai người ấy đi gọi.

Bọn ngu ngốc này bị Ngũ Kỳ Lương lừa. Một người lên bờ tìm. Ngũ Kỳ Lương bèn nói với các chân sào cho thuyền tới cửa vịnh Bạch Long. Thuận buồm, xuôi gió, chẳng mấy chốc đã đi được hơn một trăm dặm đường. Đến cửa vịnh Bạch Long, làm gì có Đình Đắc Quý và người nhà kia chứ! Ngũ Kỳ Lương lại cố ý đợi một lúc lâu, sau đó thấy anh người nhà nói:

- Tôi thử lên tìm xem sao.

Anh người nhà ấy lại lên bờ. Ngũ Kỳ Lương vờ nói theo.

- Đi tìm không được thì đừng có về đây nhé.

Người ấy vừa nhảy lên bờ, Ngũ Kỳ Lương giả vờ giận dữ nói:

- Các người cứ mãi chơi bời, làm lỡ cả việc buôn bán của ta. Làm sao cứ cầm thuyền mãi ở đây mà chờ các người được.

Rồi hăn quát đám chân sào:

- Khi đi tôi đã hẹn trước với các anh rồi, bảo đi là đi, bảo dừng là dừng, nay thì không thể kiên nhẫn chờ họ được, gió đang to, hãy giương buồm cho thuyền chạy, mặc xác họ đuổi theo. Những người chân sào đành phải cho thuyền chạy. Vậy là Ngũ Kỳ Lương đã cuỗm cả thuyền hàng. Thuyền chưa tới Hồ Quảng, hăn cho ép vào một thị trấn gần đó, bán đồ, bán tháo cả một thuyền hàng, rồi mua sáu trăm lạng bạc bỏ túi. Hai người nhà tìm mãi không thấy Đình Đắc Quý, bèn trở lại chỗ thuyền đỗ, thì chẳng thấy thuyền đâu. Lúc ấy họ mới biết Ngũ Kỳ Lương đánh lừa, trong mình không có tiền, họ đành đi bộ về nhà.

Đình Đắc Quý uống rượu với Tiểu Ngọc được một lát, nhớ tới Kỳ Lương, anh ta nói:

- Thật thiệt thòi cho Ngũ Kỳ Lương. Lẽ ra phải mời anh ấy lại cùng uống rượu.

Đình Đắc Quý kể hết chuyện Ngũ Kỳ Lương đã dẫn mình đi tìm Tiểu Ngọc thế nào. Rồi lập tức bảo chân sào sang thuyền bên gọi ông khách họ Ngũ

sang. Bước ra khỏi khoang thuyền, thì chẳng thấy chiếc thuyền nào. Đinh Đặc Quý lúc ấy nói:

- Sao ông ấy không chờ ta! Hàng hóa trên thuyền có tới năm trăm lạng bạc, hai đứa ở cũng đi theo Ngũ Kỳ Lương!

- Anh lại gặp một Tiền Tri Lợi nữa rồi. - Tiểu Ngọc nói. - Bây giờ chắc anh mới hiểu không phải tôi lừa anh.

- Mất một ngàn vàng mà lại được người đẹp, cũng coi là lợi rồi. - Đinh Đặc Quý cười nói. - Ruộng đất, gia sản của anh còn tới mấy trăm lạng vàng. Với số của ấy chúng ta còn sống sung sướng chán. Thôi hãy về với anh.

Tiểu Ngọc không thể thoát thân, đành cùng Đinh Đặc Quý quay thuyền trở lại. Đinh Đặc Quý đưa Tiểu Ngọc vào nhà, bỗng cười phá lên nói:

- Bây giờ thì nàng đã là người của ta rồi.

Đinh Đặc Quý mất bốn năm trăm lạng bạc mà chỉ dẫn về một cô gái làng chơi. Đây cũng là một chuyện nực cười phải không các bạn.

Khoảng trên dưới mười ngày, Đinh Đặc Quý về đến nhà, Tiểu Nhàn vội hỏi:

- Sao nhanh thế, làm sao mà lại tìm được Tiểu Ngọc? Ngũ Kỳ Lương và hai người nhà sao lại không về cùng? Số hàng ấy bán được bao nhiêu lạng, có lãi không? Mua được hàng gì, phải đi tìm người bán chứ!

- Chẳng có hàng gì hết. - Đinh Đặc Quý xua tay nói.

Rồi Đinh Đặc Quý kể lại cho Tiểu Nhàn nghe. Tiểu Nhàn tức tối nói:

- Lần trước bị lừa bạc, lần này bị lừa hàng, đều là vì con này. Nó có đáng gì đâu.

Tiểu Ngọc về nhà họ Đinh, liền ra oai phủ đầu, chửi toáng lên:

- Là đứa ở, sao dám gọi ta là con. Bây giờ ta đã là bà chủ của người, người không được phép gọi ta như thế.

Tiểu Ngọc cứ luôn mồm chửi, Tiểu Nhàn nghĩ: "Vừa mới bước vào cửa đã thế, thì sau này chịu sao được", rồi vội vã đi tìm Tiền Tri Lợi. Gặp Tiền Tri Lợi, Tiểu Nhàn nói:

- Làm sao mà anh lừa được bạc, vứt kĩ nữ vào đồng lửa, lại bảo Ngũ Kỳ Lương cuỗm đi số lụa trị giá tới năm trăm lạng bạc. Dù tôi có chết cũng phải trình quan.

Nói xong Tiểu Nhân cứ giữ chặt lấy Tiền Tri Lợi không chịu buông ra. Đúng lúc ấy Trương Bá Nghĩa đi tới. Thấy Tiền Tri Lợi đang bị Tiểu Nhân giữ lại, song không biết Tiểu Nhân là ai, bèn giằng Tiểu Nhân ra, nói:

- Đây là em tôi, có gì hãy nói với tôi.

Tiền Tri Lợi đang bị giữ chặt, được giải thoát hẳn ù té chạy. Thấy Tiền Tri Lợi bỏ chạy, Tiểu Nhân bèn nắm chặt lấy Trương Bá Nghĩa, nói:

- Chính hắn đã lấy của ông chủ tôi bảy tám trăm lạng bạc. Anh lại thả nó ra, anh phải đền tội.

Trương Bá Nghĩa không biết Tiền Tri Lợi và Ngũ Kỳ Lương lừa được bạc, giấu không cho anh ta biết. Dù không cãi được câu nào, song Trương Bá Nghĩa cũng không sao thoát được, bị Tiểu Nhân lôi đến cửa quan. Trương Bá Nghĩa gào lên kêu oan khuất. Phủ quan mở công đường, hỏi tỉ mỉ, Tiểu Nhân kể lại sự việc hai tên kia đã lừa gạt Đinh Đặc Quý thế nào. Trương Bá Nghĩa lúc ấy mới hiểu hết duyên do, bèn thưa với phủ quan rằng:

- Theo như Tiểu Nhân nói, vẫn chưa có chứng cứ. Mà nếu có thể thì đó là chuyện của Tiền Tri Lợi và Ngũ Kỳ Lương. Tôi không phải là người làm chứng, sao lại bị lôi đến gặp ngài. Đây chẳng phải là căn cứ vu vơ để hại người ư. Việc hai người ấy có can hệ gì đến tôi.

Tri phủ tức giận, nói:

- Nó nói có lý, thôi đuổi ra.

Cho rằng Tiểu Nhân đã gây sự, tri phủ sai người đánh cho năm tay thước. Tiểu Nhân được tha, không dám gây sự với Trương Bá Nghĩa nữa, ngược lại càng tỏ ra thân thiết, nói:

- Tôi cũng chẳng muốn làm thế, song anh có biết tông tích hai người ấy không?

Trương Bá Nghĩa cũng đang tức vì hai người kia đã giấu mình, bèn nói:

- Sao không biết? Họ đã kết nghĩa anh em với tôi. Tôi đã hết lòng vì họ,

vậy mà họ lại giấu tôi đi lừa chủ anh. Rất may, hai người ấy vẫn chưa biết tôi biết chuyện này, nhất định tôi sẽ tìm chúng cho anh.

Thế rồi Tiểu Nhân bỏ đi.

Về nhà họ Đinh chưa được bao lâu, vốn quen thói đưa người cửa trước rước người cửa sau, Tiểu Ngọc không chịu được cuộc sống gò bó, cô ta lén lút lần tới nơi ở cũ, tìm người bạn cố tri dẫn về lấy trộm đồ trang sức, vàng bạc, quần áo. Tất cả trị giá tới một, hai trăm lạng bạc, rồi bỏ trốn. Đinh Đặc Quý lại mất cả chì lẫn chài, bèn gọi Tiểu Nhân nói:

- Bây giờ thì dứt khoát phải báo quan.

- Tôi cũng đã dò được tông tích của chúng. - Tiểu Nhân nói. - Phải cáo giác cả Trương Bá Nghĩa, chắc chắn chỉ trong vòng mười ngày là có kết quả.

Đinh Đặc Quý viết tới mười lá đơn nộp ở nhiều nơi, và trong vụ kiện này lại dùng rất nhiều tiền bạc dứt lút. Ngũ Kỳ Lương đã bán hết hàng, giấu bạc một chỗ, trở về gặp Trương Bá Nghĩa, Tiền Tri Lợi. Hắn không dám về lúc ban ngày, mà đợi đêm tối một mình lần mò về nhà. Hắn định lấy vợ, rồi trốn đi nơi khác. Song Trương Bá Nghĩa đã ngầm ngầm theo dõi. Đúng ngay đêm hắn về thì chạm trán Trương Bá Nghĩa. Trương Bá Nghĩa gọi hắn lại, nói:

- Chú em kết nghĩa đào viên ơi, tôi đến tìm chú để nói chuyện này.

Ngũ Kỳ Lương giật mình, song cũng đành phải gặp. Trương Bá Nghĩa lại nói:

- Sao chẳng nói với tôi những chuyện xảy ra gần đây. Tôi với chú đi tìm Tiền Tri Lợi đi.

Từ ngày Tiền Tri Lợi tẩu thoát, không dám đi đâu. Ngay đêm ấy Trương Bá Nghĩa và Ngũ Kỳ Lương đến gõ cửa, sợ quá Tiền Tri Lợi không dám ra mở. Chờ lâu quá, Ngũ Kỳ Lương đành phải gọi:

- Em ơi, anh đây.

Tiền Tri Lợi đành phải ra. Trương Bá Nghĩa hai tay nắm chặt lấy hai người, kêu ầm lên:

- Có kẻ trộm làng nước ơi!

Hai người không thể bịt được mồm Trương Bá Nghĩa. Xóm làng nghe thấy

đền đuốc đổ đến, kẻ cầm gậy, người cầm dao xông vào. Trương Bá Nghĩa mỗi tay túm chặt một người, nói với những người xung quanh rằng:

- Bây giờ Đinh Đắc Quý cũng đổ cho tôi là kẻ lừa đảo, thì sao tôi lại tha cho chúng.

Mọi người túm vào, trói chặt hai người, khám Ngũ Kỳ Lương thấy một số bạc. Trương Bá Nghĩa vội nói, xin mọi người đừng động tới số bạc ấy. Nhưng mọi người cho đây là của ăn cắp rồi lấy hết sạch, không nghe theo Trương Bá Nghĩa.

Hôm sau Tiểu Nhân đến nhà Trương Bá Nghĩa dò la tình hình, thấy hai người đang bị trói ở đó, vội vàng về báo cho Đinh Đắc Quý tới. Ngũ Kỳ Lương và Tiền Tri Lợi bị bắt giải lên quan. Ở công đường, quan huyện chưa ra lệnh đánh, chúng đã khai. Tức giận quan huyện nói:

- Bọn trộm cướp này lừa dối người, sao gọi là kết nghĩa được, hãy đánh chết chúng đi.

Trương Bá Nghĩa lúc đầu bày mưu, tuy chưa lấy được bạc, song vì không được lợi nên đã không che chở cho bạn bè. Điều ấy có khác gì bán rẻ bạn bè. Quan huyện cũng hô đánh cho Trương Bá Nghĩa bốn mươi gậy.

Đinh Đắc Quý ra khỏi công đường, cười ha hả nói:

- Hai đứa ấy tuy đã cuỗm mất số bạc của ta, nhưng chúng đã bị đánh chết.

Đinh Đắc Quý bị Tiểu Ngọc lấy mất cả trăm lạng. Cả trước lẫn sau hẫng mất hàng ngàn lạng, lại bán nhà cửa đi để đút lót tốn kém thêm một số tiền. Rốt cục người cũng mất, mà tiền của cũng đội nón ra đi.

Tới nay, cái gọi là anh em kết nghĩa đào viên ấy đã làm hại người, hại cả mình. Đáng cười thay cho anh chàng Tượng Kỳ Lân, chỉ vì Tiểu Ngọc mà mất tới hàng ngàn lạng bạc, song vẫn không chiếm được cô ta. Đáng cười nữa là, kẻ kết nghĩa đào viên giả, khi có tiền thì sự giả dối mới lộ ra. Đến nay người đề xướng kết nghĩa chỉ còn hai bàn tay trắng. Nên có thơ rằng:

Tiền tài chưa có chưa giờ mặt,
Nếu của có rồi mới rõ nhau.
Vong ân bội nghĩa, đời lắm kẻ,
Chỉ vì tiền bạc có gì đâu!

Lại có thơ rằng:
Ngàn vàng mua lấy tiếng cười!
Bạn bè giờ mặt, người đời trách chê!
Hãy ghi lời dạy người xưa,
Tiền tài như đất đến giờ đúng thay.

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 8

Giết Oan Bốn Mạng Người

Phàm đã làm quan, thì khi gặp kiện tụng cần phải nghi ngờ, nghi ngờ ngay cả những chỗ không đáng nghi. Tuy đã kết án, nhưng cũng phải từ bản án dò tìm ra đường sống để cứu người. Chỗ nào còn nghi ngờ thì không nên bỏ qua. Nếu sự việc không có đối chứng, tình và lý chưa khớp nhau thì nhất thiết không thể thêm bớt bừa để hãm người vào chỗ chết. Phàm nhân với ta vốn chẳng có hiềm khích, thì có gì ta lại đưa họ vào chỗ chết. Tóm lại, con người là da thịt do cha mẹ sinh ra, chứ không phải đúc bằng đồng bằng sắt. Ngay trong hành động và lời nói của họ có chỗ sơ hở, nếu cứ cố chấp, hoặc bất chợt nổi giận mà cùm kẹp đánh đập, hòng tìm ra thủ phạm, thì e rằng, giả sẽ thành thật, không sẽ thành có. Thế mới biết, làm quan thông minh, cố chấp, thật là tai hại. Song trong những ông quan ấy, người ngu có ít, người thông minh lại có nhiều; quan tham lam ít, quan thanh liêm thì nhiều. Cũng chính vì tự cho mình là thanh liêm, nên khi làm việc, quan không thanh liêm không thấy hổ thẹn, xử phạt không khoan dung, sai lầm không chịu nhận, bởi thế họ coi tính mệnh như trò đùa. Ta cho rằng, tính mạng con người liên quan đến trời, nên nhất định sẽ bị trời trừng phạt. Chuyện quan huyện Khổng là một bài học cho chúng ta.

Đạo làm thầy rất cao cả, nhưng thầy phải có học vấn thực sự, phải cần mẫn nghiêm khắc dạy dỗ học trò, không để học trò mắc sai lầm. Ngày nay ta thường thấy có người *Tứ thư* cũng chưa hiểu hết, thế mà lại làm thầy. Hơn nữa, họ còn bị cuốn hút vào cờ bạc, rượu chè, kiện tụng, làm hại cả đời người học trò. Bởi thế con cháu thầy không những không phát đạt, thậm chí tuyệt tự thật đáng sợ thay!

Giết người bằng bút chính là tự giết mình. Ngô Dường Thuần thường hay

viết đơn kiện cho người, không biết ngòi bút của ông ta đã giết biết bao sinh mạng. Hai người con ông ta vì thế mà chết, còn lại người con gái. Song sự oan khuất lại chuyển sang hại cả chồng cô gái, về sau cả cháu nội của cô ấy cũng chết. Đạo trời vẫn còn, nghĩ đến mà run sợ.

Người ta để con, vô luận là nhiều hay ít đều phải chú ý giáo dục. Nhất thiết không được quá yêu mà nhân nhượng vô nguyên tắc, phải biết con mình có tài năng hay không, dựa vào đó mà hướng dẫn con. Ví như nó thông minh thì phải làm cho nó chăm chỉ học hành; nếu không thì chuyển học chữ sang học nghề, không nên để nó chơi bời lêu lổng. Phải biết tính tình của tuổi trẻ, nếu không quản lý chúng thì tất cả những việc xấu đều bắt đầu từ đó. Nên ta không thể không răn dạy con cái.

Ta từng viết cuốn *Thiên phúc thiên*, trong đó có câu: "Muốn trở thành người tốt, phải chơi với bạn tốt, ử rượu chua thì làm sao có được rượu ngon". Tóm lại con cháu ai, nếu cứ chơi bời với kẻ xấu, thì tự nhiên sẽ xấu theo. Khi đã quen thói, dù có ra sức cứu vớt, mong trở thành người cũng không được nữa.

Cuối thời Minh, ở Dương Châu có một người tên là Trương Lão Nhi. Nhà giàu có, nhưng chỉ sinh được một người con trai, tên là Tuyền Sinh: Tuyền Sinh là đứa trẻ rất ngoan, nên vợ chồng Trương Lão Nhi quý như vàng. Lên bảy, Tuyền Sinh được cho đi học, thầy Dự Đồng nói: "Đừng dồn ép, cứ mặc nó vui chơi". Mười hai tuổi Tuyền Sinh đẹp như một viên ngọc. Thường thì, trẻ con chăm học thì ít, lười nhác thì nhiều, nên cha mẹ cần phải thường xuyên đôn đốc việc học hành. Nếu cha mẹ lười nhác con cái sẽ xao nhãng việc học hành. Và tới khi mười bốn, mười lăm tuổi, thậm chí mười tám, mười chín tuổi, tuy biết không học được, thì cũng phải dựa vào việc học để quản lý. Chúng không làm gì sẽ lêu lổng chơi bời, dần dà sẽ bị kẻ xấu lôi kéo, kết bè kết đảng, lén lút yêu đương, rượu chè cờ bạc, rồi không biết chúng sẽ gây ra chuyện gì.

Mười sáu tuổi, Trương Tuyển Sinh bỏ học, chẳng ai quản lý quả nhiên bị mấy đứa xấu lôi kéo. Lúc đầu mình hầu hạ người, sau lại tìm người khác hầu mình; suốt đêm nằm cầu ngủ quán. Vì mẹ che giấu, cha không biết, đến khi biết thì con đã hư hỏng, không dạy được nữa. Bố mẹ nghĩ rằng lấy vợ cho con để nó hồi tâm lại. Họ nghĩ: "Ngày nay người lớn thích ăn diện, thích sang trọng, càng làm cho trẻ con hư hỏng. Hơn nữa, nhà càng sang trọng, người lui tới càng đông. Nhà nghèo hèn thì lại không có chí khí. Song, nó chơi bời với bọn thanh niên, quen thói trăng hoa, chỉ thích gái đẹp. Nay nếu lấy vợ đẹp, lại đánh đá một chút thì nó sẽ sợ, không dám đi nữa, điều đó chẳng hay sao?". Hai người bàn soạn xong, nhờ bà mối đi tìm người. Song những nhà khá giả thì không có con gái đẹp, nhà có con gái đẹp mà họ Trương ưng ý, thì thấy đứa con trai chơi bời lêu lổng không ai muốn gả.

Hơn một năm sau, nghe nói thầy giáo Ngô Dưỡng Thuần, cách đó ba dặm có một người con gái. Thầy Ngô, kiến thức nông cạn, ngày *Tứ thư* cũng không hiểu hết, toàn dựa vào việc bày mưu tính kế, lừa dối mấy đứa học trò để kiếm ăn. Tính ông ta hay cờ bạc, rượu chè, thấy thế học sinh cũng lười nhác, không chịu nghe lời thầy. Thầy thì không dạy học trò, suốt ngày viết đơn từ kiện cáo cho người. Trong làng xảy ra việc gì đều tìm đến ông. Được tiền, việc bé xé ra to, nói không thành có, không biết đã giết hại bao nhiêu mạng người. Trong làng ai cũng sợ ông ta. Ngô Dưỡng Thuần sinh được hai đứa con trai rất kháu khỉnh. Chưa đầy ba tuổi đã lăn ra chết, còn lại một người con gái, tên là Tam Thư. Đứa con gái vừa xinh đẹp lại nết na, vợ chồng ông ta rất yêu quý. Người mối đến hỏi cho con trai nhà họ Trương, lão Ngô đích thân đến thành dò hỏi. Thấy đứa con trai xinh đẹp, gia đình lại khá giả, bèn đồng ý ngay, rồi sau đó chọn ngày lành tháng tốt làm lễ cưới. Khi cho con gái đi lấy chồng, nhà họ Ngô sắm sửa tư trang cho con gái rất đơn sơ.

Vợ chồng lão Trương thấy Ngô Dưỡng Thuần không có con trai, hơn nữa con gái nông thôn lấy người thành thị nghĩ rằng sẽ lắm của hồi môn, nhưng khi biết đồ trang sức của cô dâu đơn sơ thì họ vô cùng thất vọng. Đến khi

động phòng hoa chúc, thấy cô dâu xinh đẹp, vợ chồng nhà họ Trương rất vui mừng, mà ngay cả Trương Tuyển Sinh trước đây không ưng thì nay cũng thích. Không ngờ cô gái tuyệt thế giai nhân này không biết nũng nịu, ỏng ẹo làm tình như bọn kỹ nữ, Trương Tuyển Sinh nói những lời trắng hoa cô xấu hổ không dám bắt chuyện, khi Trương Tuyển Sinh đùa cợt, nhót nhả, cô thấy khó chịu. Trương Tuyển Sinh nghĩ bụng: "Rốt cục cô vẫn chỉ là bọn gái quê". Chỉ có hai vợ chồng lão Trương thấy cô nết na, dịu dàng, đoan trang nên rất ân cần quý mến cô. Trong nhà vui vẻ thuận hòa.

Được nửa tháng, thấy lúc nào cô cũng buồn rầu nhớ nhung cha mẹ, Tuyển Sinh nói:

- Em cứ thương nhớ mẹ cha như thế, thì anh sẽ đi thăm cha mẹ thay em.

Sáng hôm sau, Tuyển Sinh trang điểm cẩn thận, thắt bộ quần áo mới. Thường ngày anh ta đi về chẳng nói gì với cha mẹ, đi đâu thì nửa chừng là rủ bạn bè cùng đi, dọc đường chơi đùa vui vẻ, nên dù đường có xa đến mấy anh ta cũng đi. Lần này đi một mình, anh ta cảm thấy đường quá xa. Bên đường có một ngôi miếu thờ thổ thần, bèn rẽ vào đó chơi. Anh ta thấy một thằng nhỏ khoảng mười sáu, mười bảy tuổi, rất xinh đẹp.

Tuyển Sinh vốn là một gã đa tình, lại rất thích mùi vị đàn ông. Nay thấy thằng nhỏ, anh ta sán lại bắt chuyện. Thấy thằng nhỏ đeo túi hành lý rất nặng, Tuyển Sinh hỏi ra, biết thằng nhỏ tới Quảng Đông thăm Thân Mậu Dịch. Tuyển Sinh chết mê chết mệt, quyến luyến không muốn rời thằng nhỏ, bèn nói dối rằng:

- Ở Quảng Đông tôi cũng có một người rất thân làm quan.

Thế là họ bám rịt lấy nhau, cùng tới Quảng Đông. Đã ba ngày, không thấy chồng về, Tam Thư nghĩ: "Nếu cha mẹ giữ lại đãi cơm thì cũng chẳng ở lâu đến thế, không biết vì sao?". Hai hôm sau, mẹ chồng không thấy con trai, mới bảo Tam Thư:

- Tuyển Sinh thường hay chơi bời lêu lổng, tụ tập bạn bè không chịu ở nhà. Mẹ hy vọng cưới con về thì nó sẽ nghĩ lại. Từ nay về sau con phải giữ rịt nó ở nhà, không cho đi đâu. Ba bốn hôm nay nó đi đâu mà không thấy.

- Cách đây bốn hôm, - Tam Thư nói, - anh ấy nói là đến thăm bố mẹ con, không biết vì sao không về. Mẹ hãy cho người đi hỏi xem sao!

Mẹ chồng sai người đến nhà thông gia hỏi. Ngô Dưỡng Thuần nói:

- Không thấy Tuyền Sinh đến đây.

Vợ chồng nhà họ Trương nói với nhau rằng: "Không biết nó ở nhà con kỹ nữ nào, hay ở nhà thằng bạn nào đấy? Sau này phải quản nó cho thật chặt".

Hai hôm sau thấy sốt ruột, Tam Thư bảo mẹ chồng rằng:

- Hôm đi anh ấy cài trâm vàng, mặc áo the mới. Hay là anh ấy ở nhà người bạn nào chẳng?

Lão Trương tìm khắp nơi, rất nhiều ngày rồi mà vẫn không thấy Tuyền Sinh đâu. Ông lại đến nhà họ Cao hỏi, người ấy nói:

- Cách đây tám hôm, tôi gặp anh ấy ở gần cửa thành, anh ấy bảo "đến nhà bố vợ", từ đó về sau không gặp nữa.

Vợ chồng lão Trương rất lo lắng, nghĩ ngợi lung tung, thì Ngô Dưỡng Thuần sai cháu nội là Ngô Chu đến hỏi thăm tin tức và nhân thể thăm Tam Thư. Ngô Chu là cháu vợ Ngô Dưỡng Thuần, cha mẹ mất sớm, phải sống một mình. Nhà họ Ngô, con gái đi lấy chồng, tuổi già hiu quạnh không ai đỡ đần, bèn đưa cháu về nuôi, đổi thành họ Ngô, làm con thừa tự. Ngô Chu tới, lão Trương ra tiếp, thấy Ngô Chu chừng hai mươi tuổi, mặt mũi khôi ngô, bèn túm chặt lấy nói:

- Người hãy trả con ta đây!

Ngô Chu trợn tròn mắt, ngớ người ra không nói được câu nào. Thấy vậy Tam Thư nói:

- Thừa cha, anh ấy có lòng tốt đến thăm, chứ anh ấy có can hệ gì đâu.

- Mà cũng không chạy thoát được đâu. - Lão Trương nổi giận nói. - Các người âm mưu giết con ta để lấy nhau, trời không dung tha các người.

Thấy ông ta nói thế, Tam Thư uất nghẹn đến tận cổ, không sao nói được. Lão Trương giải Ngô Chu lên huyện. Quan huyện họ Khổng, là người thanh liêm chính trực, ông chỉ có một đam mê đó là xử kiện. Ông thường nói: "Nếu không oan ức thì sao người ta phải đi kiện?". Bởi thế người đi

kiện ngày một nhiều. Hôm ấy lão Trương lôi Ngô Chu lên huyện kêu khóc. Quan huyện gọi vào xét hỏi, lão Trương nói:

- Con con là Trương Tuyển Sinh, lấy vợ mới được nửa tháng, nói là đến nhà bố vợ, nhưng tới nay vẫn chưa thấy về. Hỏi thì Ngô Chu nói là không thấy con tới. Ngô Chu là anh em con cô con cậu với con dâu con, nhất định chúng đã thông dâm với nhau nên chúng đã âm mưu giết hại con con để lấy nhau. Con xin ngài ra tay trừng trị.

- Tại sao mà lại âm mưu giết hại con người ta? - Quan huyện hỏi Ngô Chu.

- Thưa ngài, - Ngô Chu nói, - em con mới đi lấy chồng được nửa tháng. Con chưa thấy chồng nó tới nhà con, con cũng chưa gặp bao giờ, vậy sao lại đổ cho con giết hại?

- Con người có người nào oán không? - Quan huyện hỏi lão Trương.

- Con con mới mười chín tuổi, - lão Trương nói, - hằng ngày đóng cửa đọc sách, chẳng ai thù oán!

- Trên đường đi có hổ báo gì không, - quan huyện hỏi tiếp.

- Vùng này rất yên lành, - lão Trương đáp, - không có kẻ xấu và ác thú.

Quan huyện nghĩ một lát rồi hỏi Ngô Chu.

- Mà có vợ chưa?

- Chưa ạ. - Ngô Chu đáp.

- Nhà có những ai? - Quan huyện gật gật đầu hỏi.

- Còn cha mẹ già. - Ngô Chu đáp.

Quan huyện nói:

- Hãy giam Ngô Chu lại, còn lão Trương cho về, chờ vợ chồng họ Ngô và con dâu tới sẽ xét hỏi tiếp.

Chỉ trong mấy ngày các phạm nhân đã đến đủ. Quan huyện thấy Ngô thi xinh đẹp đã nghi ngay cho cô, ông nghĩ: "Cô ta đẹp như thế, sao chồng lại chịu bỏ đi, trai chưa vợ nhìn thấy ai mà chả thích. Gian dâm là chắc, còn mưu hại có thể tới tám chín phần mười". Thế rồi ông quắc mắt hỏi Tam Thư:

- Chồng người hiện ở đâu?

- Trước khi đi nhà con có nói là đến thăm bố mẹ con. - Tam Thư trả lời. -

Song chẳng hiểu sao không thấy về.

- Người nói thế thì chỉ được tha không lăng trì vì không đồng mưu. - Quan huyện nói.

- Sao các người lại để con gái thông dâm với Ngô Chu? - Quan huyện hỏi vợ chồng họ Ngô.

- Bẩm quan lớn, - Ngô Dương Thuần nói, - quan lớn đèn trời soi xét, con gái con ở nhà học hành, biết được phép tắc, lễ nghi. Anh em nó ở xa nhau, mỗi năm chỉ gặp một hai lần. Sau khi con con đi lấy chồng nó mới về ở với chúng con. Mà con rể con có đến nhà con đâu, sao lại vu oan cho nó như thế?

- Tại sao người gian dâm với vợ người khác, - quan huyện lại hỏi Ngô Chu, - rồi âm mưu giết hại người, người đã giấu xác chết ở đâu?

- Bẩm quan lớn, - Ngô Chu nói, - quả thực là oan cho con. Thực tình chồng em con không đến nhà con. Xin quan lớn đèn trời soi xét.

- Nó mới cưới, vợ lại đẹp như một bông hoa, nếu nó đến nhà chứa hay đi xa thì nó phải về chứ? Đích thị mày đã giết nó rồi. Hãy mau cùm kẹp hai đứa này, bắt phải khai ra sự thật chúng đã giết người và giấu xác chết ở đâu.

Song thương thay, vị nha môn chưa từng nhận tiền đút lót bao giờ, dù có kẹp ba người đến chết họ cũng không khai. Quan huyện lại thét đánh, song đánh thế nào chẳng nữa họ cũng không khai. Rồi lại tiếp tục đánh. Quan huyện nói:

- Mấy đứa này cứng đầu cứng cổ, cùng một giuộc, tội đáng chết. - ông lại nói tiếp. - Hãy dừng lại, giam đứa con dâu vào nhà giam nữ, lão Ngô, Ngô Chu tổng vào nhà giam mỗi đứa một nơi, còn vợ lão Ngô cho về, hôm sau tiếp tục xét hỏi.

Vợ lão Ngô thấy bị oan khuất, uất ức quá không chịu nổi. Đêm ấy về nhà nhảy xuống giếng tự tử. Ngày hôm sau thẩm vấn quan lại tiếp tục kìm kẹp đánh đập lão Ngô và Ngô Chu, truy hỏi bắt khai ra tử thi đã giấu ở đâu, nhưng họ vẫn im lặng. Lão Ngô vì già yếu, lại chịu tra tấn cực hình đã chết trong ngục. Quan huyện vẫn không buông tha, tiếp tục đánh đập Ngô Chu cho đến khi chết mới thôi, chỉ còn lại Tam Thư. Cô biết cha mẹ và Ngô Chu đã chết, cứ gào khóc kêu oan khuất, chết đi sống lại. Cô nói:

- Cha mẹ chết hết cả rồi, ta biết dựa vào ai bây giờ?

- Đúng như vậy đấy. - Mọi người nói. - Nhà chồng là kẻ thù, nhà mẹ đẻ không còn ai, sống trong ngục mãi sao được, chỉ còn có đường chết mà thôi.

- Chết tôi cũng không sợ. - Tam Thư nói. - Cha và anh tôi không giết chồng tôi, lâu ngày sự việc cũng sẽ rõ ràng. Tôi chờ đến ngày ấy mới chết.

Quan huyện cho giam Tam Thư vào ngục.

Không lâu sau, viên quan họ Khổng mắc tội, bị đuổi về quê Thiểm Tây.

Quan mới đến nhậm chức, sự việc mới dịu đi.

Còn Trương Tuyển Sinh, chỉ vì nổi say mê nhất thời đã cùng với thằng nhỏ đến Quảng Đông. Biết Tuyển Sinh chẳng có người nào thân thích ở đây, nó bèn chuốc rượu cho anh ta uống say khướt, rồi lấy hết vàng bạc, quần áo tẩu thoát. Khi tỉnh dậy mới biết mình đã lâm vào cảnh đường cùng, về sau lại gặp bọn người quen thói trắng hoa với con trai, thấy Tuyển Sinh còn trẻ lại xinh đẹp bèn giữ lại hành dâm. Sống như thế được hơn một năm, thì Tuyển Sinh mình mẩy ghẻ lở, chán ghét chúng đuổi anh ta đi. Tuyển Sinh nghĩ: "Nhà mình giàu có, lại mới cưới vợ được nửa tháng, chẳng vạ gì phải đi xa, chịu khổ thế này". Thế là anh ta xin ăn, lần đường về quê. Làng xóm thấy anh ta trở về rất bất bình, liền điệu anh ta lên quan huyện mới. Quan huyện hỏi rõ sự tình, đánh cho bốn mươi gậy, sau đó tha Tam Thư. Tam Thư được tha không muốn trở về nhà chồng. Mọi người đều khuyên rằng:

- Cô nên về sống ở nhà họ Trương.

- Trước đây tôi đã nói, - Tam Thư nói, - khi nào sự việc rõ ràng tôi sẽ chết. Khi tôi chết, nếu mọi người thương tôi hãy chôn tôi bên cạnh bố mẹ và anh của tôi, chứ tôi không thể nằm chung một huyệt với kẻ thù.

- Sau này chúng tôi sẽ chôn cất theo lời trăng trối của cô. - Những người làng nói. - Song bây giờ cô nên về nhà họ Trương mới phải.

Tam Thư nghe theo, về nhà họ Trương. Vợ chồng lão Trương vô cùng hồ thẹn, khóc lóc nói:

- Bố mẹ quả là đồ súc sinh, đã hại con đến nỗi này. Chúng ta mong con hãy tha thứ.

Tam Thư về phòng riêng của mình. Trương Tuyển Sinh chịu hình phạt đau

đón, nằm riêng một chỗ kêu rên. Thấy Tam Thư vào phòng, hấn gắng gượng ngồi dậy, quỳ trước mặt Tam Thư van xin tha thứ. Tam Thư lạnh lùng nói:

- Tôi với anh không còn tình nghĩa gì nữa, cha và anh tôi đã phải chết vì bị cùm kẹp. Mẹ tôi phải nhảy xuống giếng tự tử. Hai năm nay cha mẹ anh đã ra vào cửa quan kiện tụng, trong và ngoài thành ai ai cũng cho tôi là kẻ gian dân, điều ấy đã làm tổn hại tới thanh danh của tôi. Hai năm trong tù tôi bị đánh đập, cùm kẹp, đau khổ vạn phần. Anh đã hại tôi đưa tôi đến nông nỗi này. Anh là kẻ nhẫn tâm, bỏ đi không gửi một chữ nào về, ngay bạn bè cũng không đến nỗi hại người như thế, huống hồ lại là vợ chồng. Anh là kẻ lòng lang dạ sói, không nghĩ đến vợ con, quên hết cả cha mẹ, anh là loại súc sinh bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa, là cầm thú đội lốt người.

Trương Tuyển Sinh chỉ cúi đầu, nói:

- Tôi thấy sai rồi.

Anh ta bò dậy, nắm lấy tay Tam Thư, Tam Thư giằng tay ra nói:

- Thôi hôm nay ta vĩnh biệt nhau.

Đêm ấy cô nằm riêng một chỗ, khi mọi người đã ngủ say, cô tự thắt cổ chết. Lúc ấy các bậc thân sĩ trong làng mới biết cô không phải là người tham sống sợ chết, cô đã chết để bảo toàn danh tiết. Ai ai cũng kính phục thương xót cho số phận của cô, họ đều đến cầu nguyện cho linh hồn của cô. Theo lời trăng trối, người ta đã chôn cô cạnh ngôi mộ người cha già. Gia tộc họ Ngô và xóm làng vô cùng phẫn uất, đổ đi các ngả tìm bắt Tuyển Sinh đền mạng.

Biết được tin ấy, dù khắp mình lở loét, anh ta đành phải trốn đến Thiểm Tây, rồi sung vào đội quân của một viên tướng nào đó. Theo lệnh ông, anh ta đến mai phục tại một sườn núi. Đột nhiên thấy một người đầu tóc bù xù, mặt mũi nhem nhuốc, áo vắt vai, đi chân đất như một người điên dại, chạy tới như bay, gào lên:

- Ta là người họ Khổng, từng nhậm chức tri huyện. Vì cứ khẳng khẳng theo ý mình, đã làm chết oan bốn mạng người. Nay thấy một con ma đàn ông đã già, què chân vì bị cực hình, dẫn theo ba con ma: một con ma đàn bà mặt

mày bê bết bùn đất do chết đuối, mình con ma đàn bà vẫn còn buộc một sợi thừng thắt cổ, và một con ma đàn ông còn ít tuổi chân què. Họ đang đuổi ta đòi mạng, xin cho tôi được tạm thời ẩn nấp ở đây. Tuyển Sinh thấy ông ta đứng vào lúc trận đánh diễn ra ác liệt. Quân của Đại Thanh đã tới chân núi, một khẩu đại pháo mặc áo đỏ chĩa nòng vào chỗ chúng phục kích trên sườn núi, nổ vang trời dậy đất, chết một lúc mấy trăm tên. Viên quan họ Khổng, Tuyển Sinh nát như tương, thi thể thành bùn đất. Thế mới biết, cha có con mà không dạy, thầy làm học trò lầm lỡ, bọn dùng giấy bút để hại người, quan lại vì cố chấp mà xử oan, cho đến con cái, cháu chắt cũng học thói lưu manh, tà dân lang chạ, quên cả cha mẹ vợ con, cuối cùng đều phải chịu kết cục thê thảm. Thật đáng sợ thay.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 9

Hồ Bãi Bồi

Những việc không giúp ích cho người khác, thì những người có lương tâm không bao giờ dám làm, thế thì kẻ nào dám cả gan giết chết người để chiếm đoạt ruộng đất? Kẻ nào nhẫn tâm làm điều ác sẽ khiến trời nổi giận, và Chu Hồ, kẻ gây ra điều ác, đã phải chuốc lấy tai họa.

Có người hỏi, con giải đã nuốt con trai Chu Hồ, sao nó không nuốt luôn Chu Hồ, thế có phải sướng không. Chu Hồ kẻ độc ác đã giết người để chiếm đoạt bãi sông, khiến trời tức giận. Nếu như con giải nuốt hẳn, thì con hẳn vẫn còn, tài sản của hẳn vẫn chưa bại hoại. Nay con giải nuốt con hẳn, cái đầu của hẳn bị chặt, bêu giữa chợ, hẳn bị tuyệt tự, vợ thì dâm loạn, gia tài khánh kiệt. Người ta cho rằng kẻ của Chu Hồ đã tàn ác, ai ngờ kẻ của trời còn ghê gớm hơn hẳn nhiều.

Bất hiếu là tội ác nhất trong các tội ác. Gã ăn mày họ Tào mưu đồ tiến thân, tuy còn một người mẹ mù, nhưng hẳn nói dối chỉ có một mình. Khi đã được tiến thân, được ăn no mặc đẹp hẳn bỏ mặc người mẹ mù lòa đói rách khổ sở, không cho mẹ lấy một miếng cơm, manh áo, ấy là cái xấu xa nhất của Tào. Nếu gã không bị Chu Hồ dùng gậy đập vỡ sọ, thì nhất định cũng bị Thiên Lôi đánh đập đầu, cái xác to béo của hẳn cũng không mang nổi đầu hẳn.

Thời Thuận Trị, vùng bãi Tam Giang, làng Đông, huyện Giang Đô, cách sông khoảng bốn năm dặm, có một bãi đất mới bồi khoảng hơn một ngàn mẫu, người dân Giang Đô đã nộp đơn xin bãi đất này để cày cấy. Một người huyện Đan Đồ là Chu Chính Dân nhà rất giàu có, đã năm mươi tuổi, có hai người vợ nhưng lại chỉ có một người con trai. Mượn có là người

trông coi việc thuế má, Chu Chính Dần quen thói chiếm đoạt ruộng đất của người, gian dân với vợ người khác. Trong nhà hắn nuôi một lũ côn đồ, trái ý là hắn cho người bắt tới đánh đập, nên người ta sợ hắn như sợ cọp. Tên là Chính Dần, dần cầm tinh con hổ, nên người trong làng đặt cho hắn biệt hiệu là Hổ Bãi Bồi, rồi gọi hắn là Chu Hổ, nghe thấy mọi người gọi thế hắn rất khoái.

Một người nữa ở huyện Đan Đồ, họ Triệu, gia tài anh ta tuy không bằng Chu Hổ, nhưng lại quen thuộc quan lại, cũng muốn chiếm đoạt bãi bồi, bởi thế mà trở thành địch thủ của Chu Hổ.

Thấy giữa sông có một bãi bồi, Chu Hổ và người họ Triệu, ai cũng muốn là của riêng mình. Chu Hổ nói:

- Đây là bãi mới bồi, bao nhiêu năm nay tôi đã nộp thuế khổng, nên nó phải là của tôi.

- Bãi mới bồi này, - người họ Triệu nói, - nằm sát bãi bồi cũ của tôi, nó phải là của tôi.

Người huyện Giang Đô lại nói:

- Bãi mới bồi này địa giới Giang Đô rất gần, mà cách địa giới huyện Đan Đồ rất xa, nên bãi bồi này là của chúng tôi.

Họ cứ kiện cáo nhau. Phụng Viện ty ủy quyền cho hai phủ Trấn, Dương dẫn hai huyện cùng nhau hoạch định, hơn ba năm vẫn không giải quyết được.

Bên cạnh nhà họ Chu có một vị họ Trương, đã soạn ra hai bài từ ngắn, sai người dán lên tường. Chu Hổ mở ra xem, trên đó viết như sau:

"Đừng tranh nhau, đừng tranh nhau nữa. Tranh nhau sẽ gây oán chuốc thù. Bãi bể nương dâu nào ai biết được, mà trước mắt kiện nhau vẫn chưa dừng. Đừng tranh nhau nữa, tất cả hãy quay về nhìn lại đời sau.

Hãy tranh nhau, hãy tranh nhau nữa. Tranh nhau đâu sá kể chuốc oán mua thù. Chỉ mong cháu con giàu có. Một thời liều mạng dẫn thân. Hãy tranh

nhau, chẳng quản ngày nay, quản đời sau”.

Chu Hổ xem xong, cho rằng bài từ không hợp ý mình, hắt bỏ đi và vẫn không hề thay đổi. Ngày nào hắt cũng nghĩ, nhưng chưa tìm ra kế sách. Một hôm đi thăm bạn về, hắt gặp một người ăn mày béo tốt, khỏe mạnh, trạc ba mươi tuổi. Chu Hổ gọi đến chỗ vắng, tươi cười nói:

- Anh tuy là ăn mày nhưng dáng vẻ đôn hậu, hắt sau này sẽ rất phú quý. Nhưng vì sao lại nghèo khổ đến nỗi phải đi ăn mày?

- Con là người họ Tào, vốn là con cháu nhà quan, sa cơ lỡ vận, không việc làm, đành phải đi ăn mày.

- Nhà anh còn ai không? - Chu Hổ hỏi.

- Ông hỏi tới người nhà tôi làm gì? - Tên ăn mày trả lời.

- Nếu như người chỉ có một mình thì ta dễ quản. - Chu Hổ nói.

Tên ăn mày họ Tào vẫn còn người mẹ già mù lòa, song hắt nói dối rằng:

- Con chỉ một thân một mình, nếu được nương nhờ nơi ông thì ơn ấy chẳng khác gì ơn sinh thành.

- Thế này nhé, dễ lắm. - Chu Hổ cười nói. - Ta có một người con cả, chết ở nơi xa không ai biết. Anh đến nhà, nhận ta là cha đẻ, làm con cả của ta, ta giả vờ giận dữ chửi, rồi sau đó mới nhận.

Tên ăn mày bằng lòng theo về nhà. Chu Hổ giận dữ hỏi:

- Mày là đồ súc sinh, mày lang thang phiêu dạt ở nơi nào, mày là đứa đề tiện, làm xấu mặt nhà tao.

Sau đó Chu Hổ định đánh và đuổi đi, tên ăn mày van nài cầu xin, tự sửa chữa lỗi lầm. Lúc đó Chu Hổ mới bằng lòng, cho người tắm rửa, mặc quần áo mới, dặn dò người nhà phải gọi bằng ông. Tên ăn mày rất đổi vui mừng, một phút lên tiên, được ăn ngon mặc đẹp. Chu Hổ ra ruộng bãi thu tô, cắt lau đều cho tên ăn mày đi theo.

Hơn ba tháng sau Chu Hổ dẫn người nhà và những tên côn đồ cùng với tên ăn mày đến bãi mới bồi trồng lau sậy. Hắt biết, trồng lau ở bãi mới bồi nhất định sẽ đánh nhau. Triệu X. biết tin, cùng với năm tên đồng đảng và hơn trăm người nữa gậy gộc gươm đao ào ào xông tới bãi mới bồi, chặn lại

đánh. Chu Hồ chỉ có hơn ba mươi người, lực lượng ít không thể chống lại được.

Hôm ấy, hai bên giao chiến, gậy gộc giáo mác vung lên quay tít, quật bừa vào nhau, tiếng thét vang trời dậy đất. Phe Chu Hồ rất nhiều người bị thương. Nhân lúc ẩu đả, Chu Hồ dùng gậy quật mạnh vào đầu tên ăn mày, óc phọt ra, chết ngay tại chỗ. Xong việc hăn gào lên khóc lóc:

- Bọn chúng bay đã đánh chết con tao giữ ban ngày ban mặt, chúng bay coi trời bằng vung, coi thường pháp luật.

Bọn Triệu X. thấy người chết nằm vật dưới đất, sợ quá bỏ chạy.

Chu Hồ lập tức gào thét báo quan. Vì quan hệ đến tính mạng con người, ngay ngày hôm sau quan huyện đích thân đến khám nghiệm tử thi. Quả nhiên thấy con Chu Hồ bị đánh vỡ đầu, phọt óc. Một mặt ông cho mua quan tài chôn cất, một mặt sai người lùng sục các nơi truy tìm hung thủ. Khóa tay sáu người thuộc phe cánh Triệu X. cho vào ngục. Qua nhiều lần xét hỏi, cùm kẹp tra khảo, Triệu X. buộc phải cung khai. Quan huyện bắt Triệu X. phải đền mạng. Triệu X. thấy mình đã thất bại, bèn nhờ mấy viên chức trách trong làng đến nói với Chu Hồ, xin hiến toàn bộ bãi bồi mới cho hăn, và xin hăn rộng lòng tha thứ. Chu Hồ cứ khăng khăng từ chối. Cuối cùng hăn chỉ chịu nhận bãi bồi mới, còn việc lo lót quan lại từ trên xuống dưới Triệu X. phải hoàn toàn lo liệu. Từ đó vụ án mới kết thúc. Triệu X. phải bán hết gia sản chạy khắp nơi xin cứu giúp. Chu Hồ đã thực hiện mưu kế ác độc, chiếm không toàn bộ bãi đất mới bồi, hăn hả hê sung sướng. Thế rồi hăn cùng với đứa con thật dẫn mấy người ở đi khắp bãi nhận mốc giới.

Lúc ấy trời nóng nực oi ả, nhà coi ruộng trên bãi lại thấp lè tè, giữa đêm nóng quá, hai cha con kê phản ngủ ngoài trời cho mát. Đến nửa đêm, nghe thấy tiếng kêu thất thanh, Chu Hồ bật dậy, thấy một con giải to như cái nhà, mồm như một chậu máu đang nhai đứa con trai của mình. Chu Hồ sợ mất vía, kêu toáng lên, rồi lấy gậy quật thực mạng vào đầu con giải, nhưng nó đã nuốt con hăn mất quá nửa người, chỉ còn lại hai chiếc cẳng chân. Chu

Hồ khóc rống lên, rồi ngất lịm, mãi sau mới tỉnh lại. Người ta vội vàng mua quan tài, thu nhặt những mẩu thịt còn thừa bỏ vào đó, rồi đem chôn. Ngay sau đấy thấy ba người lính của huyện mang trát có đóng dấu đỏ của quan về bắt Chu Hồ. Chu Hồ xem thì trong trát có viết: "Lệnh bắt Chu Chính Dân tại bãi mới, chờ quan huyện ngày mai đích thân về xét nghiệm". Chu Hồ xem xong kinh hoàng nói:

- Con tôi bị giải nuốt chết, chứ việc gì mà phải khám nghiệm?

Những người lính đều trả lời không biết. Các chức trách địa phương dựng rạp chuẩn bị lập phiên tòa xét xử. Hôm sau, quan huyện cùng một vị học quan về làng, áp giải sáu phạm nhân thuộc phe họ Triệu, một bà già mù. Cùng đi với quan là những người khám nghiệm tử thi, có mang theo đầy đủ dụng cụ xét nghiệm. Khi các vị quan ngồi oai nghiêm trước phiên tòa, quan huyện quát dẫn các phạm nhân vào. Chu Hồ quỳ xuống lẩm bẩm rằng:

- Con của giám sinh, quả thực đêm qua bị con giải dưới sông bỏ lên nuốt chết, chứ không phải do người làm chết, hiện đã thu nhặt xác bỏ vào quan tài đóng đinh rồi, xin quan lớn cho phép miễn mở quan tài khám nghiệm.

- Người hãy quỳ sang một bên. - Quan huyện cười nói.

Sau đó quan huyện cho những người khám nghiệm tử thi và những người sai dịch khiêng tới chiếc quan tài của người bị đánh vỡ đầu trước đó ba tháng. Quan huyện bảo mở nắp quan tài ra, đích thân rời khỏi bàn đến xem, bảo người đàn bà mù chích máu ở ngón tay nhỏ vào xương tử thi, quả nhiên máu thấm vào trong. Sau đó lại bảo Chu Hồ chích máu ngón tay nhỏ vào tử thi, thì máu cứ nổi lên không thấm. Quan huyện lệnh cho đập nắp quan tài lại, cho người khiêng về chỗ cũ. Lập tức gọi Chu Hồ quát:

- Người đã làm gì, hãy khai hết sự thực.

Chu Hồ thấy việc bại lộ, buộc phải khai hết những việc hăn đã lừa dối người ăn mày, và đánh chết người ấy thế nào. Quan huyện nói:

- Mày là kẻ thương luân bại lý, coi tính mạng như trò đùa. Hôm nay có vị học quan ở đây, chứng kiến ta xử tội một tên đại gian, đại ác chứ không phải xử tội một giám sinh. Tuy người đã khai thực, nhưng việc làm của

người vẫn phải chịu cùm kẹp và đánh bốn mươi gậy.

Chu Hồ bị đánh xây xẩm mình mẩy, sau đó xích tay tống vào nhà giam tử tù. Còn sáu người trong phe Triệu X. được tha về, chờ xét xử sau. Những người dân vùng bãi đều hả lòng hả dạ.

Có người tò mò hỏi kỹ những người tùy tùng của quan, thì biết rằng, khi quan làm việc tại Xuyên Đường, trong lúc mệt mỏi gục xuống bàn, tự nhiên thấy một người mình mẩy đầy máu me, đau đớn van xin rằng:

- Bẩm quan lớn, con là người họ Tào, đi ăn mày để sống qua ngày, bị Chu Hồ lừa dối nhận làm con. Trong lúc mọi người đánh nhau hỗn loạn, hắn đã dùng gậy đập vỡ toác đầu con, âm mưu dùng cái chết của con để chiếm bãi sông. Oan hồn con vẫn u uất chưa tan. Hiện con còn người mẹ đang nằm cầu ngủ quán, vất vưởng ăn xin ngoài Tây Môn. Cầu mong quan giải oan cho con.

Tỉnh dậy, quan huyện bí mật sai người tìm hỏi cận kề bà lão ăn mày mù, biết bà có người con trai thật. Sợ giấc mộng không đúng sự thực, quan huyện cho người mở quan tài, nhỏ máu bà cụ vào tử thi, thì thấy đúng như thế. Nghe xong, mọi người mới hiểu hết ngọn ngành.

Xét xử xong, quan huyện cùng với học quan tới ngay nhà họ Chu, tịch biên tài sản. Một đứa ở nhà họ Chu bẩm với quan huyện rằng:

- Mẹ Chu Hồ cùng với vợ của hắn, thấy việc bại lộ, đã gom hết vàng bạc châu báu theo bọn côn đồ chạy trốn.

Nghe xong quan huyện nói:

- Đây là quả báo đối với vợ con của bọn gian dân.

Sau đó, ông cho ghi toàn bộ tài sản, nhà cửa vào sổ sách định giá bán hết. Giao cho bà lão mù năm mươi lạng để chi dùng vào việc chôn cất con và dưỡng già. Số bạc còn lại nhập kho để cứu tế người nghèo. Còn hơn ba ngàn mẫu ruộng của Chu Hồ chia cho những người mù lòa, tàn tật, cô quả tại các làng, và đem số tiền đã nhập kho cứu tế những người nghèo.

Không lâu sau cả kinh thành biết được tội ác của Chu Hồ rất nghiêm trọng, yêu cầu quan xử Chu Hồ, đưa Chu Hồ tới bãi mới chém cổ, bêu đầu cho

mọi người biết. Người nào cũng vui mừng và phỉ nhổ tên giết người tàn ác ấy. Từ đó sáu người trong phe họ Triệu và những người ở huyện Giang Đô không ai dám xâm phạm bãi bồi. Những người trong làng làm một bài vè lời lẽ quê mùa mộc mạc như sau:

*Hai chiếc quan tài
Một thật, một giả
Con giả khóc giả
Con thật lòng đau
Cướp của giết người
Cháu con tuyệt tự
Vợ con dâm dăng
Nhà nát cửa tan
Tấm gương tày liếp
Báo ứng rõ ràng
Nhấn nhủ mọi người
Trông đó làm gương
Đừng theo điều ác
Làm điều tốt lành.*

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 10

Người Đẹp Nhất Làng

Đàn bà gian dâm, một dạ đôi lòng, chê người này yêu người khác, dần dần rồi sẽ gây ra họa giết người, đó chẳng đáng sợ sao.

Không chịu nghe người già khuyên bảo điều hay lẽ phải, nhanh chóng đi vào chỗ chết. Trước đây, dựa vào việc đi bán chỉ thêu, để ngắm nhìn đàn bà, trêu ghẹo phụ nữ. Tất cả mọi chuyện đều do đó mà ra. Thật đáng sợ thay.

Đàn ông thật thà chất phác, nhất thiết đừng lấy những người đàn bà phóng đãng. Việc của Vương Nguyên là một bài học cho người đời.

Ở Nam Môn, Dương Châu có một người tên là Vương Nguyên, chuyên bán chỉ thêu để sinh sống. Anh ta đang độ tuổi tráng niên, chưa vợ, thường mượn cớ đi bán chỉ để ngắm nhìn phụ nữ, và buông ra những lời chòng ghẹo. Hàng ế, một người bảo anh ta đến làng Tây mà bán, ở đó hàng bán rất chạy.

Một hôm anh ta đến trang trại nhà họ Trần, một người đàn bà gọi vào mua. Người đàn bà xinh đẹp mặc áo tang, trạc hai bốn hai năm tuổi. Vương Nguyên vừa bán hàng vừa cùng cô ta đầu mảy cuối mắt. Thích quá, anh ta hỏi dò một cụ già lảng giềng, cụ nói:

- Người ấy tên là Quách thị, thường gọi là "Người đẹp nhất làng". Tuy đẹp nhưng năm ngoái lấy chồng chưa đầy nửa năm thì chồng ốm chết. Chẳng hỏi cũng biết cô ta là người đàn bà dâm đãng. Tôi thấy anh là người thật thà chất phác, lại khỏe mạnh, e rằng không phải là địch thủ của cô ta.

- Nhà cháu không có người trông nom, - Vương Nguyên nói, - có lẽ cháu sẽ lấy cô ấy.

Anh ta nhờ người mối đến hỏi, cô ưng ngay. Cưới cô về, vợ chồng sống với nhau rất hòa thuận.

Được hơn một tháng Vợng Nguyên xanh xao, dần dần chuyển sang thờ dốc. Lưu Bội Ngô là bạn bán chỉ, thường hay lui tới nhà Vợng Nguyên đùa cợt với vợ anh ta, sau đó hai người yêu vụng nhớ thầm. Bội Ngô hiểu rằng, ôn tồn giúp đỡ cô ta thì sẽ có ngày cùng cô chăn gối. Người đàn bà thấy mùi vị ngọt ngào, ngày càng tỏ ra thân thiết. Hơn nữa chồng lại ốm, cứ nằm kê rên, phải hầu hạ thuốc thang, khiến cô ta càng tức tối khó chịu. Hàng xóm láng giềng cũng nghe phong thanh thấy việc này. Vợng Nguyên đau yếu nằm liệt giường, Bội Ngô vờ đến thăm hỏi, nhưng lại hôn trộm vợ anh ta. Vợng Nguyên nhìn thấy, song vì đau quá không nói được. Hôm sau thấy người dễ chịu, Vợng Nguyên mới nói với vợ:

- Ta sống ở đây lâu rồi, tuy nhà nghèo nhưng thanh bạch. Cô phải giữ thể diện cho gia đình, ta không muốn mang tiếng là kẻ bị cảm sừng, nếu việc ấy lộ ra ta sẽ giết, chứ không tha đâu.

Người vợ miễn cưỡng nói mấy câu lấp liếm, rồi nói cho Bội Ngô biết. Bội Ngô nói:

- Chồng em đã biết, lần sau anh cẩn thận hơn là được chứ gì!

- Mỗi tình giữa em và anh không thể nào dứt được, nhân lúc anh ta đang ốm liệt giường, em sẽ có cách.

Bội Ngô ra về.

Người đàn bà dâm dăng ấy đã mê đắm Bội Ngô, sợ chồng khỏi bệnh sẽ trói buộc chân tay, không tự do hành lạc. Đêm đến, chờ lúc chồng ngủ say, cô ta lấy chăn trùm kín đầu, rồi lại lấy bao gạo đè lên cho ngạt thở, Vợng Nguyên đã bị cô ta giết chết như thế. Đến sáng, biết là Vợng Nguyên đã tắt thở, cô ta vờ khóc toáng lên.

Bội Ngô nghe thấy tiếng khóc, lại thấy xóm giềng nói: "Người ấy chết bất minh, ta phải đi báo quan ngay". Bội Ngô trống ngực đánh hơn trống làng nghề chỉ còn có cách trốn tới nhà người thân ở Hoài An vài ba tháng, khi

nào yên ắng sẽ quay về. Rồi anh ta đi một mạch từ Cao Miếu ở Loan Đầu tới trấn Thiệu Bá, cách nhà tới hơn bốn mươi dặm mới tạm yên tâm. Thấy đói bụng, anh ta vào hàng ăn, tìm một chỗ ngồi, rồi gọi chủ hàng:

- Hãy lấy cho tôi suất cơm, tôi ăn còn đi ngay, có rượu nóng cho tôi một bình. Người chủ dạ ran. Lát sau thằng nhỏ mang cơm và thức ăn đặt lên bàn, thấy hai đôi đũa, hai chiếc chén. Bội Ngô nói:

- Chỉ có mình tôi, sao lại mang ra hai đôi đũa, hai chiếc chén.

Thằng nhỏ chỉ vào chỗ đối diện nói:

- Vị khách này sao lại không uống rượu?

- Có khách nào đâu? - Bội Ngô nói.

- Đây chẳng phải là người cùng vào với ông ư? - Thằng nhỏ lại chỉ vào chỗ đối diện nói.

- Quả thật là anh hoa mắt rồi. - Bội Ngô nói.

Thằng nhỏ dụi dụi mắt nói:

- Quái thật! Vừa có một người đàn ông gầy gò, da vàng bủng theo ông vào đây, cùng ngồi với ông, sao bây giờ lại biến mất? Nhớ tới dáng vẻ của Vương Nguyên lúc còn sống, ngờ rằng oan hồn anh ta theo mình, vô cùng khiếp sợ, không kịp ăn. Bội Ngô bèn đứng dậy định bỏ đi.

Khách hàng biết được thằng nhỏ gặp ma, bèn xúm đến vây chặt lấy Bội Ngô hỏi vì sao. Bội Ngô càng hoảng sợ, rồi đột nhiên phát điên, gào lên:

- Tôi chết khổ lắm.

- Người này ma nhập rồi. Nhất định có điều oan uổng chi đây.

Quân lính tuần tra gần đó biết được, báo cho trạm tuần tra Thiệu Bá. Trạm tuần tra là một nha môn rất lạnh lùng, coi công việc là một vinh dự, cử ngay lính tuần bắt về thẩm vấn.

Ngay lúc ấy, khách hàng và thằng nhỏ bồi bàn dìu Bội Ngô đến trạm tuần tra. Bội Ngô mắt trợn ngược, nói với trạm tuần tra rằng:

- Các người là quan nhỏ, không giải quyết nổi việc của ta.

Tuần Ty hết sức kinh sợ, ngay lập tức bảo thư ký làm đơn, giải lên huyện Giang Đô. Quan huyện lập tức đưa vào thẩm vấn. Ma nhập vào Bội Ngô buộc Bội Ngô thông thốc nói hết việc mình đã thông dâm và Quách thị dè

chết chồng. Quan huyện lấy xong khẩu cung, sai lính đi bắt Quách thị tới đối chứng.

Quách thị giết chồng, định chờ tới sáng sẽ bàn với Bội Ngô, nhưng không ngờ Bội Ngô đã chạy trốn, lúc ấy cô ta mới bật lên khóc thật sự, định thu xếp quần áo, tiền của bỏ trốn. Mọi người thấy Vương Nguyên đột tử, sinh nghi, lại thấy lính đến bắt Quách thị. Tới cửa quan Quách thị vẫn chối quanh, song bị Bội Ngô cắn cho nên đành phải cung khai. Tri huyện Phùng ghép Quách thị vào tội giết chồng, bị lăng trì.

Nếu Bội Ngô không thông dâm thì Quách thị sẽ không nảy ra ý định giết chồng, phải khép hãm vào tội chém đầu. Không lâu sau Bội Ngô và Quách thị cùng bị giải tới pháp trường. Một kẻ bị chém đầu, một kẻ bị lăng trì. Người xem đông tới mấy ngàn người, ai ai cũng run sợ, biết rằng đây là quả báo.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 11

Thiên Đô Giả

Người đời phần đông là ngu muội, dễ bị những lời nhảm nhí mê hoặc. Chẳng hạn, đạo Phật thì có phép ma quỷ, đạo Lão thì có thuật luyện đan. Ngoài ra còn có "Vô vi giáo" "Bạch Liên giáo", tên tuy khác nhau, song đều lừa gạt người. Vì bị mê hoặc, nên mất hết tài sản, sinh ra trộm cắp, gian ác, thậm chí lập bè kết đảng để nổi loạn, nên về sau không có kẻ nào là không bại hoại. Hai tên họ Lục, lợi dụng thần thánh đã giết người cướp đoạt tài sản, tiền của chưa kịp hưởng đã vào tù. Tất cả đều bắt đầu từ việc làm "Thiên Đô sống", những kẻ thôn quê ngu muội đã tin theo lời gạt, thật đáng thương thay.

Các vị thánh Tam giáo đã có công khai sáng và làm lợi cho người đời, họ đáng được tôn kính, vậy thì tại sao tú tài họ Tống, quen thói phỉ báng, mà lại chết một cách thê thảm. Đó cũng là do xưa nay anh ta xem thường Thần Phật, nên đã tự chuốc lấy mà thôi.

Vào thời Khang Hy thứ mười bốn, ở vùng Hoàng Kim Bối, Ích Môn, Dương Châu, có một người chuyên đi gánh phân bón ruộng. Một hôm đang gánh phân, anh ta gặp Lục Đại và Lục Nhị, họ nói với anh ta rằng:

- Quanh năm anh phải gánh phân, thật là vất vả khổ cực. Tôi có một cách khiến anh trở thành ông chủ có tiền vạn. Anh có muốn không?

Gã ngu ngốc quê mùa nghe thấy mừng vui khôn xiết. Chúng dẫn anh ta đến chỗ vắng, nói hết mảnh khoe và bảo cứ làm như thế. Gã Ngu nghe xong gạt đầu lia lịa.

Hôm sau, gã Ngu đang gánh phân bón ruộng, bỗng nhiên vút quang gánh quay ra nhẩy nhót, quát thét như điên dại, tự xưng là thần Thiên Đô giáng

thế, gào lên:

- Nếu không lập đền thờ ta, thì dân chúng vùng này, cả nam lẫn nữ đều mắc phải ôn dịch mà chết hết.

Lúc ấy bệnh dịch đang hoành hành, nhà nào cũng có người mắc bệnh, người chết rất nhiều. Mọi người tin là thật. Lục Đại, Lục Nhị đứng ngoài tán tụng ủng hộ. Chúng nói, trước hết hãy tạm thời dựng một đền thờ bằng tre, lợp cỏ để thờ phụng, gã Ngu ngồi trên bệ chính giữa, gọi là "Thiên Đô sống". Người xa gần đến cúng lễ, rượu thịt nườm nượp không sao kể xiết. Hương nến lễ vật, rượu thịt ùn ùn mang đến hiến dâng. "Thiên Đô sống" suốt ngày ngồi nghiêm trang trên bệ thờ, chẳng hề ăn uống. Người dân quê đến cầu nguyện thoát khỏi ôn dịch, đua nhau tiến cúng, người thì bạc thỏi, người bạc cây, người thì bỏ tiền mua gỗ, gạch ngói... Tất cả đều giao cho Lục Đại, Lục Nhị ghi danh sách nhập kho.

Đang lúc mọi người chen lấn nhau, bỗng thấy Tổng tú tài từng nhiều năm nhạo Thần Phật xông vào đền thờ, chỉ thẳng vào mặt "Thiên Đô sống" chửi toáng lên:

- Mày là thằng ôn dịch chết dẫm, mày tự xưng là "Thiên Đô sống" để lừa dối những người làng xóm, nhưng không thể lừa được ông họ Tổng này. Tao phải đánh chết mày, xem mày có hành nổi tao không.

Vừa chửi tú tài họ Tổng vừa bước tới bệ thần tống cho "Thiên Đô sống" hai ba quả. Lục Đại, Lục Nhị ngăn lại. Tú tài họ Tổng lại gào lên:

- Xưa nay tao không tin tà đạo, tao sẽ chén lễ vật của các người cúng, xem nó có vật chết được tao không?

Thế rồi tú tài họ Tổng lấy bừa rượu, thịt lễ "Thiên Đô sống" sẵn ngồm ngoạm đầy mồm, vừa ăn vừa chửi. Hôm ấy người đi cúng lễ đông tới hàng ngàn, xô vào xem chật ních. Chỉ thấy tú tài họ Tổng ăn xong giãy đành đạch, ngã lăn ra đất, hai tay quặt lại phía sau như bị trói, rồi gào lên:

- Ngài "Thiên Đô sống", con ngu muội, trót xúc phạm đến ngài, con đáng tội chết, con mong ngài tha cho.

Tú tài họ Tổng lại tiếp tục gào lên:

- Chết đến nơi rồi! Chết đến nơi rồi! Ngài "Thiên Đô sống" vẫn không tha, đã giết chết ta rồi.

Kêu gào một lúc, máu tươi học ra đằng mồm đỏ lòm, mặt mũi dần tím tái lại, lát sau thì tắt thở, nằm cứng đờ dưới đất. Lục Đại, Lục Nhị kêu lên:

- Tú tài họ Tống đã chết, ông ta mắc tội báng nhạo ngài

Thiên Đô, nên ngài quyết không tha, đã vật chết. Các ông, bà ai biết nhà ông ta, hãy đến báo tin để họ mang xác về. Qua một ngày một đêm, hôm sau gia đình nhà họ Tống đến rất đông, khóc than thảm thiết rồi mua quan tài chôn cất. Mọi người nhìn thấy tận mắt, ai ai cũng vô cùng kinh sợ, người tôn sùng "Thiên Đô sống" đến cúng lễ ngày càng đông.

Mới chỉ gần một tháng mà tiền bạc, thóc gạo, gỗ, gạch, ngói chất đầy mấy dãy nhà. Bỗng một hôm quan Thái thú của phủ là Kim Công, đích thân tới dâng hương, kéo theo rất nhiều cờ quạt, nghi trượng và lính lệ, rầm rộ đến. Người xa kẻ gần lũ lượt mỗi lúc một đông. Lục Đại, Lục Nhị mừng vui khôn xiết. Kim Công đến chỗ "Thiên Đô sống", xuống kiệu, không dâng hương cũng không lễ, hỏi:

- Ngoài "Thiên Đô sống" ra, ai là những chủ sự của miếu này? Quan huyện biết rõ rồi sẽ cúng.

Lục Đại, Lục Nhị đứng bên cạnh vội nói:

- Chính hai chúng con là chủ sự.

Hai người trả lời rất tỉ mỉ. Kim công ngồi ngay giữa chiếu lập tức ra lệnh cho lính trói ngay "Thiên Đô sống" và Lục Đại, Lục Nhị lại. Chẳng cần phải nói vì sao, ông hạ lệnh đánh ngay tại đền thờ mỗi người hai mươi gậy. Sau đó quát hỏi:

- Việc các người làm, quan đã biết hết, hãy khai rõ sự thực. Các người đã âm mưu đóng giả Thiên Đô thế nào? Làm thế nào để giết hại tú tài họ Tống? Hãy khai thật cụ thể, nếu không ta sẽ đánh chết.

Thiên Đô khóc lóc khai rằng:

- Con thằng Ngu, chuyên nghề gánh phân, con chẳng biết gì hết. Tất cả là do hai tên này chủ mưu xúi con. Xin ngài cứ hỏi hai tên này sẽ rõ.

Kim Công lập tức xét hỏi Lục Đại và Lục Nhị, song chúng chối quanh không chịu khai. Kim Công bảo mang ngay cùm kẹp ra kẹp. Không chịu nổi cực hình, Lục Đại phải khai thật:

- Chúng con đã lừa thằng Ngu làm Thiên Đô. Chúng con đã cam kết trước với nhau là tiền thu được sẽ chia ba. Tú tài họ Tống quen thói báng Thích báng Đạo, vào một đêm chúng con đến nhà ông ta bày mưu tính kế, xin ông ấy giả vờ đến đánh chửi "Thiên Đô sống", sau đó giả vờ ngã lăn ra kêu trời kêu đất, làm cho mọi người kinh hãi, càn sùng kính Thiên Đô và lúc đó sẽ càng nhiều người tới tiến cúng. Chúng con đã nói rõ với anh ta rằng, tất cả tiền của thu được sẽ chia bốn, tú tài Tống mới chịu nhận.

- Vì sao tú tài Tống lại học ra máu? - Kim Công hỏi.

Lục Đại không chịu cung khai. Kim Công nổi giận quát:

- Hãy đánh chết nó đi.

Lúc đó Lục Đại mới chịu khai rõ sự thật.

- Đó là do chúng con bỏ thuốc độc vào rượu, lừa cho ông ta uống nên mới học máu ra đặng mồi.

- Tú tài họ Tống đã nhập bọn với các người, sao các người còn giết chết anh ta?

- Chúng con sợ rằng thêm một người thì phải chia cho ông ấy một phần, nên đã hại ông ấy. - Lục Đại khai.

- Các người đã dùng cách gì mà "Thiên Đô sống" không ăn uống? - Kim Công hỏi tiếp.

- Hằng đêm, cứ vào canh ba, - Lục Đại khai, - khi không còn một người nào, chúng con cho "Thiên Đô sống" ăn một bữa thật no, cho nên suốt ngày không phải ăn.

Kim Công nghe xong nổi giận lôi đình, bảo tháo kẹp ra, quát:

- Hãy đánh cho mỗi đứa hai mươi gậy, tống chúng vào ngục.

Sau đó Kim Công cho tịch biên tất cả tiền của, nguyên vật liệu, hóa giá nhập kho, mua thóc gạo để cứu tế dân nghèo. Mọi người đều ngợi ca quan huyện là người sáng suốt.

Khi về huyện được ba hôm, Kim Công lại cho người đánh ba tên này, mỗi đứa mười hai gậy. Sau đó chúng đều lần lượt chết trong tù. Cho đến nay việc ấy tuy đã qua từ lâu, song mỗi khi gặp việc gì giả dối, người ta lại nói: "Thiên Đô giả, Hoàng Kim Bối nhất định sẽ cho ngồi tù."

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 12

Quan Hình Sảnh Bị Chém Đầu(1)

(1) Hình sảnh: quan trông coi luật pháp.

Người đời đừng gieo mầm ác, nếu gieo mầm ác thì nhất định sẽ chuốc lấy báo oán. Đức Tông đã tu đắc đạo, song mầm ác đời trước chưa trả, bởi thế tuy pháp luật không đụng đến mà vẫn phải chịu báo oán. Trước đây, ngay Đức Sư cũng khó mà trốn thoát, huống hồ là Đức Tông. Thật đáng sợ thay. Hãy thận trọng đừng nghĩ đến điều ác mà gây mầm ác.

Anh em ruột hại nhau để chiếm đoạt tài sản, việc mà ngay đến kẻ ngu đần nhất cũng không bao giờ làm. Nay họ phải chết trong ngục là do chính họ gây ra. Điều đáng mừng là hai đứa trẻ đã có chí báo thù. Đời nay hiếm có ai như thế, nên không thể không lưu truyền, chỉ đáng tiếc là ta đã quên mất họ tên.

Thời Thuận Trị, Dương Châu, có một viên quan trông coi pháp luật. Hắn là người tham lam và tàn khốc, đã làm nhiều việc bạc ác. Ta chỉ kể lại dưới đây hai việc, để mọi người cùng biết.

Viên quan này vừa đến nhiệm sở, theo lệ cũ thì phải gặp quan Tào phủ. Quan Tào phủ thời ấy họ Ngô, rất tôn sùng đạo Phật. Nhân có đại hòa thượng Đức Tông, là vị cao tăng đắc đạo ở chùa Phúc Duyên, Dương Châu, tới thăm, Tào phủ Ngô mời viên quan này tới bàn về đạo Phật. Lúc ấy có người vào bẩm báo Thôi quan(1) họ Vũ mới nhậm chức tới yết kiến. Tào phủ truyền lệnh mời vào. Quan Hình sảnh họ Vũ vào đưa cuốn sổ, cúi đầu lạy ba lạy rồi xin cáo lui. Khi ấy, thấy một vị cao tăng cùng ngồi với quan Tào phủ, hỏi ra mới biết đây là hòa thượng "chùa Phúc Duyên".

(1) Thôi quan: tương đương với án sát sứ.

Đức Tông về chùa, được mấy hôm thấy người mang danh thiệp của quan Hình sảnh họ Vũ tới chùa, mời sư tới đàm đạo về Phật pháp. Nhận được thiệp mời, Đức Tông dặn những người hầu rằng:

- Đời trước ta đã hại đến tính mạng người này, nay gặp lại thật khó mà trốn thoát. Lần này ta đi sẽ không về, hãy chuẩn bị cho ta chiếc quan tài.

Nói xong, người hầu theo nhà sư đến cửa phủ, cũng đúng lúc quan Hình sảnh họ Vũ đang ngồi tại công đường. Viên lại thưa rằng:

- Đức Tông đã tới.

Quan Hình sảnh tức khắc gọi vào. Đức Tông từ dưới thềm bước lên, đứng chờ quan hỏi. Quan Hình sảnh nổi giận quát:

- Người tuy có chút ít kiến thức về thiền học, song ta là quan phụ mẫu, sao lại kiêu ngạo vô lễ, gặp ta mà không quỳ?

Hòa thượng chưa trả lời, quan Hình sảnh họ Vũ đã lệnh cho lính lệ đánh cho bốn mươi gậy rồi đuổi ra. Vừa ra khỏi cửa đã tắt thở. Những người hầu rất thán phục ông là người sáng suốt. Vội vàng khâm liệm xác hòa thượng, nhân dân trong vùng đều nói:

- Quan Hình sảnh vô cùng độc ác.

Vào tháng tư năm ấy, ở Sao Quan Môn có một người buôn muối, vốn liếng tới hơn hai vạn đồng. Ông có hai người con và hai người cháu. Nhà giàu có, nên khi ông chết, hai anh em tranh giành nhau của cải. Anh bảo em riêng tư, em lại cho anh giấu ngấm cất giấu tiền bạc, do bất hòa nên suốt ngày họ mắng chửi lẫn nhau, họ hàng thân thích khuyên giải, nhưng họ vẫn bỏ ngoài tai. Không ai chịu ai, cuối cùng hai anh em đều làm đơn đệ lên quan Hình sảnh họ Vũ tố cáo. Quan xử kiện thấy gia tài của hai anh em họ có tới mấy vạn, lập tức sai người bắt giam. Giam tới hai tháng, họ vẫn không thấy đưa ra xét hỏi. Gặp nhau hai anh em vô cùng hối hận, họ bàn với nhau bỏ ra năm ngàn lạng nhờ người nộp cho quan. Quan Hình sảnh nói:

- Nhà nó giàu tới mấy vạn, sao bỏ ra ít thế.

Sau đó, người trong họ đã bẩm lên mấy lần song vẫn bị giam. Hai anh em chẳng còn cách nào, đành yên phận ngồi tù chờ xét xử.

Họ bị giam từ tháng tư cho tới tháng mười hai mà vẫn không được đưa ra xét hỏi. Nhân dịp cuối năm có quan Thanh quân sánh đích thân xuống tận nhà giam thanh tra. Anh em họ khóc lóc, quỳ xuống van xin:

- Chỉ vì chúng con bỗng chốc ngu tối, kiện nhau về chuyện gia tài, ngài Vũ đã giam chúng con tám chín tháng mà không xét hỏi. Năm hết tết đến, chúng con vẫn không được về thăm mẹ già.

Kêu xong, hai người lại khóc lóc, quan Thanh quân nói với họ rằng:

- Anh em người đã hòa thuận với nhau, chờ ta đi gặp ngài Vũ, các người rồi sẽ được tha.

Hai anh em họ cảm ơn, chờ tin tức. Quả nhiên quan không về dinh thự, tới ngay chỗ quan Hình sánh bàn việc xin tha cho anh em họ. Được quan Hình sánh bằng lòng, quan Thanh quân lại cho người báo để anh em họ biết tin.

Đã hai mươi chín tháng chạp họ vẫn không thấy được tha. Nào ngờ, ngay đêm ấy quan Hình sánh sai lính coi tù viết đơn trình lên nha môn nói hai người này ốm. Người nhà vẫn không hiểu tại sao họ vẫn không được tha, lại mang rất nhiều lễ vật biếu những người coi tù. Lúc ấy họ lại được tin hai người đột ngột mắc bệnh chết. Thế là hai người vợ cùng hai đứa con và tất cả hơn trăm người trong gia đình mua hai chiếc quan tài đặt trước cửa ngục khóc than vang trời dậy đất, người xa kẻ gần đến xem đông nghịt, tắc nghẽn cả đường phố. Ai nhìn thấy cũng phải thương xót.

Hai đứa con trai trạc mười bốn, mười lăm tuổi, mặc áo xô, chít khăn xô khóc lóc thảm thiết, ngất đi sống lại. Chúng cứ gào lên:

- Bà con ơi! Đau đớn khóc lóc cũng chẳng ích gì. Chúng con phải liều mạng, ngay đêm nay tới Bắc Kinh đưa đơn tố cáo may ra mới giải được nỗi oan khuất này.

Ở đó cũng có bốn người từng bị hại nói:

- Các cháu còn bé quá, nếu có chí, chúng tôi cũng tình nguyện đi theo giúp đỡ.

Khâm liệm cha xong, không lo đến việc đưa đám, họ viết ngay bản cáo trạng kể mười hai tội của quan Hình sánh họ Vũ đi thẳng tới kinh thành đánh trống đăng văn, dâng tấu, mong triều đình cử người Bộ Hình về xét hỏi rồi phúc đáp lên trên. Vâng theo chiếu chỉ, triều đình cách chức Vũ Toàn Tự, lệnh cho Đốc phủ giang Nam xét hỏi, rồi viết tờ tấu, trình bày cụ thể. Đốc phủ hội thẩm thấy hoàn toàn đúng sự thực, bẩm lên hoàng thượng. Theo lệnh vua, trói Hình sánh họ Vũ điệu ra cửa bắc chém đầu, lệnh cho Hình sánh họ Vương về nhậm chức.

Hôm ấy, nhân dân Diêm Thành đi xem tới mấy vạn người. Đường sá tắc nghẽn. Đầu tên Hình sánh họ Vũ bị nhân dân dùng gạch, đá, búa, gậy băm vằm nát như tương. Thời ấy Dự tiên có một người thợ mộc làm cùm, về sau người thợ mộc phạm pháp, người ta đã dùng chính chiếc cùm anh ta làm, cùm anh ta dong ngoài đường cho mọi người xem. Có một thư sinh làm một vế đối như sau:

Thợ mộc làm cùm cùm thợ mộc.

Một năm rồi vẫn không ai đối được, cho mãi tới hôm ấy mới tìm được vế đối sau:

Hình sánh coi chém chém Hình sánh.

Thật là kỳ lạ! Thémới thấy kẻ gây tội ác thì không thể nào sống được. Anh em ruột thịt không thể hại nhau. Quan lại tham lam, tàn khốc nhất định sẽ phải nhận tội chết. Quả báo như thế, thật đáng sợ thay.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 13

Ngọc Lại Trở Về

Xưa nay tình dục vốn rất nguy hại, nó làm băng hoại danh dự, trí khôn và tính mạng con người. Ta hãy thử xem "Trại Tây Thi", sắc đẹp của nàng khiến cho trắng lu hoa thẹn, nếu giữ mình trong sạch, thì há chẳng được thiên hạ xa gần kính phục sao! Cô ta thấy ai trẻ đẹp là đem lòng yêu mến, giả vờ thân thiết nghĩ đến tình cá nước, hoàn toàn không nghĩ tới Viên Công. Vì sao "Trại Tây Thi" đối đãi trọng hậu đến thế? Khi đã tung tiền ra như vỏ hến, thì ai mà biết được người tình sau này sẽ bội ước. Chết vì hình phạt thảm khốc, há chẳng phải cái hại của tình dục sao? Viên Công đường đường là một vị thứ sử không chịu tu thân tề gia, chỉ quen thói bóp nặn dân để cung phụng gái đẹp, cuối cùng người ngọc đi đâu về đâu? Thanh danh nhờ nhục, há chẳng phải là cái hại của tình dục sao? Tức giận hơn nữa là Phủ Thần không biết tự trọng, táng tận lương tâm, đến nỗi chết một cách thê thảm. Ta cho rằng, hẳn ta quá thừa tội chết, chứ chẳng phải nói đến tình dục làm hại. Thémà đời nay người ta vẫn tiếp tục lao vào con đường tình dục mà không hề tỉnh ngộ. Thật đáng buồn thay.

Phủ Thần là người biết suy nghĩ và có kiến thức, song ta tức giận vì hắn đã đánh mất tiết tháo, về sau lại bội ước. Tức giận hơn nữa là làm cho "Trại Tây Thi" phải chết một cách thảm hại. Đọc tới đó mà rơi nước mắt, quả thật ngay cả chó lợn cũng không làm thế. Sự bạc tình phụ nghĩa độc ác ấy còn hơn cả Vương Khôi, không hẳn bị báo oán mà về sau còn bị đánh chết bằng gậy. Há chẳng khoái sao?

Trong số những người lục lâm luôn có những người trọng nghĩa khinh tài. Phủ Thần táng tận lương tâm, nếu không có sự báo oán liên quan này, thì "Trại Tây Thi" chết một cách oan uổng, chứ sao được minh oan? Đọc tới

đây ta cảm thấy vô cùng khoái chí. Viên Công dùng vàng cứu tên cướp thoát chết, ấy cũng là lấy nghĩa báo nghĩa.

Những người nghèo không dám làm điều ô uế, sợ người xung quanh biết được. Song những nhà giàu có, mặc sức hoang dâm, không hề kiêng kỵ, người xưa cho rằng, những nhà giàu có thường đa dâm, quả là rất đúng thay. Nhưng nhiều người cũng bị quả báo vì dâm dăng.

Những nhà giàu có cần hiểu rằng, vợ bao giờ cũng ghen tuông, đừng miễn cưỡng cưới thiếp để làm hại vợ con mình, hủy hoại đạo đức, tự chuốc lấy ô nhục. Hãy xem gương Viên Công để tự răn mình.

Bên cầu Thái Bình, Phủ Đông, có một chàng trai tên là Đường Phủ Thần. Anh ta hai mươi tuổi, đẹp như một viên ngọc, môi đỏ hơn cả mỹ nữ. Nhân dịp năm mới anh ta đến phủ Hoài mừng tuổi người thân. Đúng dịp ấy phủ Hoài đón xuân, anh ta dừng lại đứng ở đường phố Đông Môn xem mọi người đánh trống múa sư tử lũ lượt đi qua.

Đang xem, bỗng thấy một đứa đầy tớ gái còn ít tuổi, đứng sát vào anh ta ghé tai nói nhỏ:

- Bà chủ nhà tôi rất ngưỡng mộ ông, tối nay đến đợi ở đây tôi có câu chuyện muốn nói với ông. Rồi đưa cho anh ta một tặng vật, gói trong chiếc khăn tay. Phủ thần mở ra xem, thì đó là chiếc quạt và chiếc như ý đều bằng vàng. Phủ Thần vừa kinh ngạc vừa vui mừng, rồi rút nhận lời.

Đến tối, anh ta tới chỗ hẹn, đã thấy đứa hầu gái chờ ở đó. Đứa hầu gái dẫn Phủ thần đi ngoắt ngoéo một lúc thì tới một ngôi nhà rất sang trọng. Một người đàn bà đẹp, ăn mặc lộng lẫy tươi cười bước ra đón anh ta.

Người đàn bà ấy không phải ai xa lạ, đó chính là "Trại Tây Thi". Nàng là người cực kỳ diễm lệ, chỉ hiếm một nỗi, khi còn nhỏ, do được cưng chiều, không bó chân, nên đôi chân rất to, nàng là thiếp của Viên Công. Viên Công người tham lam, khi được nhậm chức ông ta đã bỏ ra rất nhiều vàng

bạc cưới người đàn bà này, cốt mua được tiếng cười của cô, ông ta đã dùng quá nửa số tài sản chiếm đoạt được để cung phụng "Trại Tây Thi". Biết chuyện, người vợ cả ghen tuông âm ỉ, khiến Viên Công không lúc nào yên, bèn xin chuyển đến Dương Châu, cách phủ Hoài một ngàn dặm. Khi đến nhậm chức ở Dương Châu, người vợ cả không cho Viên Công mang thiếp theo. Ông ta nói với "Trại Tây Thi", khi nào đến nhiệm sở sẽ cử người về đón, chỉ để lại người hầu già và ông chú già ở lại thôi.

Hôm đón xuân "Trại Tây Thi" nhìn thấy Phủ Thần, như cá gặp nước, như rồng gặp mây, bởi thế sai người hẹn đến gặp nhau. Sau đó họ giả vờ là chị em, lén lút đi lại, không sao đứt ra được.

Khoảng hơn hai tháng, người đàn bà ấy bàn với Phủ Thần rằng:

- Thiếp có nhiều tiền của, nếu một lòng một dạ cùng thiếp thì thiếp sẽ dốc hết tài sản để dâng hiến cho chàng, chàng phải ở đây lập nghiệp. Có thể mua ruộng vườn, nhà cửa kiếm lời, hoặc cứ thế mà sống, để mãi mãi bên thiếp.

Phủ Thần nghe ngay, song lại nghĩ: "Người đàn bà này tuy đẹp thật nhưng rất đa tâm, nếu có người khác hơn mình thì lời hẹn ước sẽ nhạt phai, ấy là điều lo thứ nhất; người đàn bà này chân quá to, đã hơn ba mươi tuổi, ta không xứng đôi vừa lứa, đó là nỗi lo thứ hai; chồng người đàn bà này đang làm quan, nếu trở về, biết được chuyện vụng thâm thì tính mạng khó mà giữ nổi, đó là nỗi lo thứ ba. Thôi thì ta dùng những lời đường mật lừa người ấy thật nhiều vàng bạc, rồi tìm cách tới Dương Châu lập nghiệp, cưới cô gái trẻ khác, há chẳng tốt lắm sao?". Ý đã định, bề ngoài anh ta nói là về Dương Châu lo liệu việc gia đình, trong vòng non tháng sẽ trở lại phủ Hoài lập nghiệp. Người đàn bà rất vui mừng, dốc hết túi đưa cho Phủ thần khoảng hơn bốn trăm lạng vàng. Rồi lại giao cho Phủ Thần đôi rồng bằng bạch ngọc, vật hiếm có trên đời, do tổ tiên để lại làm vật tin gắn bó họ với nhau. Rồi khóc sụt sùi dặn rằng:

- Nhìn viên ngọc này, như được nhìn thấy nhau. Chúng ta mãi mãi không

bao giờ quên nhau.

Hai người lau nước mắt chia tay. Phủ Thần lừa được nhiều vàng, ngay đêm đó trở về Dương Châu. Thời ấy, chức thư lại ở Vũ Hình sảnh sao có thể kiếm được rất nhiều tiền của. Phủ Thần dùng một trăm lạng vàng xin vào làm chức thư lại, rồi lại dùng một trăm lạng vàng cưới người con gái xinh đẹp, mới mười bảy tuổi làm vợ. Họ sống với nhau rất hòa hợp. Phủ Thần hoàn toàn không nghĩ tới những chuyện ân ái với "Trại Tây Thi" nữa. Ngày ngày phục dịch tại sảnh đường, Phủ Thần rất đắc ý. Thấy Phủ Thần trẻ đẹp, quan Vũ Hình sảnh rất mê, và nghiễm nhiên Phủ Thần trở thành người tình cùng giới với ông ta.

"Trại Tây Thi" trông chờ tới nửa năm, Phủ Thần vẫn bặt vô âm tín, bèn gửi thư tới Dương Châu. Người đưa thư tới nhà Phủ thần, nhưng Phủ thần chối đây đẩy không quen biết, gửi thư trả lại. "Trại Tây Thi" đau buồn rồi sinh bệnh.

Hai tháng sau, không còn cách nào, "Trại Tây Thi" vốn có đôi chân to nêđi giày rất hợp, lại dùng mũ áo của Viên Công giả làm đàn ông. "Trại Tây Thi" dẫn theo một thằng nhỏ, lên thuyền tới nhà Phủ thần ở Nhai Đường, Thái Bình, Dương Châu. Phủ Thần thấy người đàn bà ốm đau, mặt bằng da vàng, không còn đẹp như xưa càng chán ngán, lắc đầu từ chối không quen biết. Người đàn bà làm ầm ĩ, song Phủ Thần nói với mọi người rằng:

- Người đàn bà này là một gái làng chơi có tiếng, quen thói vu vạ cho người. Từ phủ Hoài tới đây, thấy ta là người thành thực bèn đặt điều vu cáo. Về tình và lý thì khó mà chấp nhận được!

Người đàn bà ấy chỉ vào mặt Phủ Thần chửi bới thậm tệ:

- Đồ vong ân bội nghĩa, quỷ thần sẽ không tha. Rồi "Trại Tây Thi" vẫn mặc trang phục nam giới đến dinh quan Hình sảnh, định tố cáo nỗi khổ bị phụ tình bạc nghĩa. Phủ Thần biết được, vu cho người đàn bà này vô cớ vu cáo bừa cho mình, rồi bầm lên quan Hình sảnh. Lúc ấy quan Hình sảnh đang làm việc tại công đường, cho Phủ Thần nói thế là đúng sự thực, rồi bắt

ngay người đàn bà cải trang thành nam giới ấy. Chẳng cần hỏi han, lệnh đánh ba mươi gậy. Vừa khỏi bệnh, vừa uất ức chen ngang cổ, lại bị hình phạt nặng, vừa khiêng ra khỏi cửa thì "Trại Tây Thi" tắt thở. Hôm ấy có tới mấy trăm người đến xem xét xử. Quan Hình sảnh lệnh cho lính lệ mua ngay chiếu, bó lại đem chôn ở ngoại thành. Phủ Thần thấy người đàn bà ấy chết rất mừng.

Nửa năm sau, ở đạo Hoài Dương gửi một bản án về bọn cướp của giết người. Trong đó có một đồng đảng là Đường Phủ Thần, hiện đang làm thư lại tại Hình sảnh, phải lập tức bắt giải lên đạo để xét hỏi. Vốn là có một tên cướp ở phủ Hoài, trong lúc qua phủ Dương đã tới xem xử án tại Hình sảnh. Thấy "Trại Tây Thi" bị đánh chết, biết "Trại Tây Thi" hoàn toàn chết oan, hăn nghiêng răng căm giận. Về sau vì phạm tội, hăn bị xử tại đạo Hoài. Hăn khai Phủ Thần đã oa trừ viên ngọc, tang vật hăn đã lấy cắp. Vì thế Phủ Thần bị bắt.

Quan Vũ Hình sảnh không thể vì tình riêng mà che chở, ngay hôm ấy đành giải Phủ Thần lên đạo. Đồng thời viết tờ trình bẩm với quan, kêu oan cho Phủ Thần. Hai hôm sau, quan đạo hỏi Phủ Thần rằng:

- Có thể bọn trộm đã vu hại, nhưng nội trong ba ngày phải dâng viên ngọc chạm rồng đó lên quan đạo khám nghiệm, nếu không đúng sẽ tha. Phủ Thần buộc phải cung khai. Sau đó tạm tha, chờ lấy ngọc về xử tiếp.

Ngay đêm ấy, Phủ Thần về Dương Châu, đưa viên ngọc trình lên quan đạo. Thấy viên ngọc quan đạo dùng dùng nổi giận quát:

- Đây đúng là tang vật thể mà ngươi còn dám chối quanh!

Quan quát lính đánh ba mươi gậy, giam vào ngục định tội sau. Vừa khiêng ra khỏi cửa quan, Phủ Thần tắt thở. Quan đạo bảo tay chân bó chiếu, chôn ở ngoại thành theo đúng như cái chết của "Trại Tây Thi". Quan đạo lại ra lệnh cho huyện Giang Đô tịch thu toàn bộ gia sản, cộng tất cả là bốn trăm lạng vàng dùng số vàng đó cứu tế người nghèo.

Lúc ấy Viên Công vì tham ô cũng bị cách chức. Về quê, Viên Công mới biết người thiếp của mình giả nam giới, rồi bị đánh chết, tên kẻ trộm đã khai ra sự thực. Viên Công vô cùng xấu hổ, đã dùng lễ hậu nói với quan đạo, chuyển tội chết của tên trộm sang tội lưu đầy để đền ơn. Quan đạo biết rất rõ Viên Công nhận luôn tiền đứt lót, và trả lại viên ngọc, một kỷ vật của người thiếp ông ta. Thương thay Phủ Thần xinh đẹp nhưng lòng dạ xấu xa, đã chết một cách thê thảm, gia tài khánh kiệt, vợ đi lấy người khác. Sự báo ứng đáng sợ thay.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 14

Tham Ô Bất Chấp Pháp Luật

Nếu quan tham ô, tất sẽ phá hoại luật pháp, theo tình riêng mà dung túng kẻ ác, giết người lương thiện, dùng tiền của dân tiêu xài, để lại cho con cháu. Ta cho rằng trời sẽ chẳng dung tha, cuối cùng, lợi chưa được hưởng mà hại đã theo sau. Hãy coi việc mình bóp nặn dân chúng là vết xe đổ đang ở ngay trước mắt.

Cấp trên nhận quà tặng của cấp dưới, cho rằng mình chẳng có gì đáng ngại. Họ hoàn toàn biết rằng, quan cấp dưới ai dám dốc tiền túi cho mình, chẳng qua họ bóp nặn dân mà dâng hiến. Chính việc đó, họ ngầm bảo cấp dưới tham ô, làm hại dân. Vậy thì họ làm sao hy vọng cấp dưới liêm khiết? Hãy trông gương Viện X. lấy quỹ của huyện, đấy chính là vết xe đổ ngay trước mắt.

Quan tham ô chưa kịp hưởng đã bị tai họa. Bọn cướp của chưa kịp hưởng đã bị chém đầu. Tầng tầng lớp lớp chịu quả báo, nhìn thấy mà kinh sợ.

Việc này không nói đến tên tuổi của viên quan tham ô, vì ông ta là người thân trong họ, ta cũng không muốn đem sự xấu xa của ông ta ra. Xin các bạn đừng nghi ngờ đây là câu chuyện bịa đặt.

Vào thời Thuận Trị, ở Giang Đô có một vị quan huyện, sáu mươi tuổi, song ông ta chỉ khai mới năm mươi một tuổi. râu đã bạc trắng nhưng ông ta dùng thuốc nhuộm cho đen lại. Viên quan huyện này không cần danh vọng, cũng chẳng muốn thăng quan, ông ta làm quan là chỉ mong sao kiếm được nhiều tiền của, sau này dưỡng già và để lại cho con cháu. Bởi thế mọi việc, dù lớn hay nhỏ, không cần xét đến đúng sai, nếu tiền đến tay thì sai cũng

thành đúng, không dứt tiền thì đúng cũng thành sai. Tay thước và cùm kẹp là dụng cụ kiểm tiền, thượng vàng, hạ cám ông ta đều vơ vét sạch. Nhân dân cả huyện ai nấy đều căm giận viên quan tham lam, tàn ác, chỉ có điều không lột được da ông ta mà thôi. Người trong huyện gọi ông ta là Lão Lột Da". Gặp nhau họ hỏi: "Lão Lột Da có đánh không?". "Lão Lột Da đã về huyện đường chưa?" Chưa đầy nửa năm, số bạc phi pháp mà hắn tích cóp được lên tới bảy tám ngàn lạng, và cũng không biết bao nhiêu người đã bị xử oan, tiếng kêu ai oán vang trời dậy đất.

Một hôm cấp trên gửi về một bức công văn, đó là một tờ trát mật của Phủ Viện gửi cho quan huyện. Ông ta vội mở ra xem, trong đó có viết:

"Bản viện thấy ông, vì nhậm chức quan huyện mới được nửa năm, khắp nơi ta thán, dân chúng oán hận. Lại nghe nói *bọn* tay chân bắt người vô tội, quyền hành rơi vào tay sai nha, nên nhiều việc bê trễ, công khai đòi hối lộ, phép quan bại hoại. Độc ác như thế khiến dân sống trong tình cảnh dầu sôi lửa bỏng: Lẽ ra phải bắt tức thời, song ta khoan thứ, từ nay phải làm lại từ đầu, nhanh chóng gột rửa tội lỗi. Nếu vẫn còn u mê như cũ, tuổi già muốn trở về quê liệu có được không? Đừng bảo bản viện không nói trước? Hãy thận trọng đừng xem thường".

Xem xong quan huyện vô cùng kinh sợ, không còn cách nào bèn gọi đứa con cả lên bàn:

- Quan trên nghiêm khắc, ta phải thu gom tiền bạc, nhân tháng tư này là dịp tấu trình, ta sẽ đích thân tới Tô Châu dứt lốt cho Viện đài, xin ông ta che chở. Nếu ông nhận lễ vật thì yên tâm, còn không, e rằng chức quan huyện khó mà giữ được.

Ý đã quyết ông ta thu xếp mang đi hơn hai ngàn lạng bạc. Tới phủ ông ta nộp giấy xin được gặp Phủ Viện. Song đợi đến ba ngày vẫn không được lệnh cho vào. Lão Lột Da rất lo sợ lại chuẩn bị thêm lễ vật. Nhờ người chức trách ở làng nọ thuộc huyện Ngô dâng lên Phủ Viện một ngàn lạng bạc, sau lại tăng lên tới ba ngàn lạng. Bạc mang theo không đủ, ông ta lại vay thêm ở Tô Châu với lãi suất cao, đủ số tiền dâng lên. Phủ Viện mới chịu nhận,

sau đó mới lệnh cho vào gặp. Phủ Viện dặn:

- Về huyện, phải cố gắng sửa chữa lỗi lầm. Người phải biết ơn, con mắt ta rất sáng suốt.

Lão Lộ Da vô cùng sung sướng, vâng dạ rồi xin cáo từ, yên tâm trở về nhà trọ. Đang lúc tới nhà một người chức trách ở làng nọ tạ ơn, bỗng thấy hai người nhà từ Dương Châu đi suốt đêm tới báo tin khẩn cấp.

- Nguy to, nguy to rồi! Sau khi ngài tới Tô Châu, thì vào nửa đêm hôm sau, bỗng thấy người ta khiêng tới một cỗ kiệu lớn theo sau là sáu người đàn ông lực lưỡng, mặc áo the Quảng, đai mũ chỉnh tề, tự xưng là ngài X ở Bộ X từ Bắc Kinh về hội kiến. Lúc đó người nhà bảo: "Ngài đi Tô Châu công cán". Họ vội vàng nói: "Đây là việc khẩn. Tri huyện đi công cán thì xin mời công tử ra hội kiến". Nghe thấy thế, công tử ra đón tiếp tại sảnh đường. Một người từ trong kiệu bước ra, giữ chặt lấy công tử. Sáu người đàn ông lực lượng kia, cùng với phu khiêng kiệu tất cả là mười người, rút dao sáng loáng kề vào cổ công tử nói: "Chúng tao là hảo hán, từ lâu biết cha người đã tham ô rất nhiều tiền bạc, hãy mau đem tiền bạc ra đây, chúng tao sẽ tha chết, chậm một phút sẽ toi mạng". Công tử sợ quá, hồn xiêu phách lạc, run cầm cập nói: "Chỉ có hơn sáu ngàn lạng bạc chính hạn, hiện đang để tại chỗ X, trong dinh thự". Bọn đàn ông lực lượng kia cứ giữ chặt công tử nói: "Dù bạc nhà nước hay bạc tư nhân cũng phải mang ra ngay". Công tử muốn sống, đành phải sai người nhà mang ra. Tất cả số bạc đều bỏ lên kiệu, bốn người vẫn khiêng như cũ. Sáu người lực lượng theo sau, cùng với người ngồi trên kiệu lôi công tử tới huyện đường, lấy một tờ lệnh nói là có việc khẩn cấp phải mở cửa thành, ép công tử lên thuyền, được hai dặm mới thả ra. Bây giờ chỉ mong ngài về gấp bàn cách đi bắt.

Lão Lộ Da nghe xong giãy đành đạch, máu tươi ộc ta đặng mồm, nằm ngất xỉu. Người nhà vội đi mời thầy thuốc cứu chữa, song vẫn bất tỉnh nhân sự. Thuốc thang không uống được, chưa đầy nửa tháng thì chết tại quán trọ. Người nhà trình báo lên huyện Ngô, xin Phủ Viện cho chôn. Người nhà không mang nhiều tiền, trời lại nóng nực, vội vàng mua chiếc quan tài mỏng, khâm liệm ngay tại quán trọ. Bọn sai dịch nghe thấy quan chết, đang

đêm chúng tản mát bỏ về huyện.

Quan phủ thấy vậy, ngay đêm ấy truyền lệnh cho sai dịch, lính lệ, nhanh chóng tới huyện đường. Trước hết bắt công tử tổng ngục, rồi sai người đến lục soát, kiểm kê đồ vật, ghi hết vào sổ rồi lại cho người kiểm tra kho tàng thì thấy hơn tám ngàn lạng bạc và hơn hai ngàn thạch thóc đã hết nhẵn. Quan phủ hoảng hốt, báo cáo tỉ mỉ lên cấp trên để xem xét truy cứu. Cấp trên sức giấy xuống, bắt công tử và gia thuộc phải bồi thường đầy đủ. Song đã mất hết chẳng còn gì để nộp. Người oán hận rất đông, bầm lên quan huyện mới. Quan lập tức ra lệnh đánh rất đau, rồi lại giam vào ngục nửa năm trời. Công tử không sao gỡ nổi, nghĩ rằng Phủ Viện từng lấy không mấy ngàn lạng, rồi bảo người tới Tô Châu cầu cứu. Người nhà trở về báo: "Phủ Viện mắc tội tham ô, quan đạo đã bắt giải về Bắc Kinh trị tội". Công tử lo sợ khóc lóc thảm thương.

Quan huyện truy hoàn không được, vì là người Thiệu Hưng nên đã giải công tử về quê quán, để quan huyện Thiệu Hưng tiếp tục truy hoàn.

Trên đường qua huyện Đan Đồ, đúng vào lúc mùa đông hành quyết tử tù, công tử chen vào xem, kẻ bị chém đầu đều là những tên đã vào huyện cướp trước đây. Vốn là bọn cướp này bị Bồ dịch bắt được, xét hỏi thấy đúng sự thực, khép vào tội chém đầu, giam vào ngục chờ xử trảm. Số bạc đã sung vào kho lương. Sợ liên lụy, công tử không dám nhận, về tới quê lại bị tổng ngục truy cứu. Gặp những cụ già ở Giang Đông, công tử vô cùng xấu hổ, lo lắng quá rồi chết trong ngục. Nhìn thấy bọn tham quan và con cái họ chết thê thảm như vậy, quả là một bài học cho mỗi chúng ta.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 15

Khứ Hòa Thượng Ban Đêm Lén Qua Cửa Giết Vợ Người

Lai Ngự Sử Phán Xét Kẻ Đuổi Minh Rơi Xuống Giếng

Huyết lệ cạn khô.

Bồng dung thả làm chim trĩ sa vào lưới.

Lòng Phật tính sao đây.

Nhân quả rõ ràng.

Có Di Đà chứng giám.

Biến thành Đức Như Lai về Đông Thổ.

Khiến cho bể khổ trở lại trong xanh.

Từ xưa tới nay, đi tu cũng như đi học, nếu đi tu mà phạm phải những điều: giận dữ, ngu muội, tham lam, dâm dục, giết người, cướp của... đều không xứng đáng là đệ tử của đức Như Lai. Còn như kẻ đọc sách mà quên mất hiếu đễ, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ cũng không thể coi là đệ tử của Khổng sơn Trình. Chỉ trách những kẻ quá yêu quý sư, dù sư tốt hay xấu, cứ gặp là vái lạy. Nếu có ai đó nói, sư không tốt thì họ chẳng bao giờ tin cả. Họ hoàn toàn không biết rằng chửi sư là chửi họ không biết theo lời răn dạy của Đức Phật. Chửi sư không phải là nhạo báng Tăng, Phật, Pháp, mà chính là yêu tăng phụng sự Pháp. Dưới đây ta sẽ kể về mấy hòa thượng mang danh xuất gia, song chính họ là đạo tặc, hai người thường dân phát tâm quy Phật, lại là hòa thượng chân chính và hai người không cắt tóc, không mặc áo cà sa mà có tấm lòng ngay thẳng, trừ hung diệt bạo. Họ là viên quan hiểu được lời răn dạy của Khổng Tử, là vị Bồ Tát theo lời răn dạy của Đức Phật. Xin các bạn hãy lắng nghe câu chuyện nhân quả sau đây.

Năm Chính Hòa thời Tổng Huy Tông, ở huyện Đồng Hương, Chiết Giang, có một thư sinh tên là Lai Pháp, tự là Bản Như. Lai Pháp trạc hai mươi

tuổi, chưa vợ, cha mẹ đều qua đời. Thời trẻ Lai Pháp là người rất ham học, nhà tuy nghèo nhưng đầy nhiệt huyết. Quả là người làu thông kinh sử, lược thao, phong thái lịch thiệp, tính tình ngay thẳng khoáng đạt. Lai Pháp tài năng nhưng lại không gặp may, hơn hai mươi tuổi, Lai Pháp vẫn chưa đỗ tú tài, ở nhà nhận dạy học cho một nhà giàu ở ngoại thành. Người chủ tên là Thủy Giám, có người con gái, con vợ cả tên là Quan Cô mười bốn tuổi. Vợ cả chết, ông lấy người thiếp là Phong Nguyệt Di, được đưa con trai lên sáu tuổi. Lai Sinh dạy học cho đứa bé này. Từ ngày Lai Sinh tới, Nguyệt Di thấy Lai Sinh là một thanh niên đẹp trai, đem lòng yêu mến, thường đến bên cửa sổ nhìn vào nhà học. Lai Sinh nhìn thấy nhưng vẫn ngồi nghiêm trang đọc sách, không hề nhìn ngang liếc dọc. Nguyệt Di đến bên cửa sổ hái hoa, Lai Sinh lại vội đứng dậy ngồi quay vào. Thấy Lai Sinh tỏ thái độ như thế, Nguyệt Di cố ý sai đứa ở, hoặc vú em vào dâng trà mời nước, bắt chuyện, làm cho Lai Sinh thẹn đỏ mặt không dám nói chuyện. Có thơ rằng:

Nhà vắng một mình ngồi ngâm ngợi.

Song cửa nhòm qua thiếu nữ cười.

Muốn gửi tình riêng vào tiếng nói.

Mười năm chàng vẫn giữ trắng trong.

Từ đó người nhà họ Thủy thường nói với nhau rằng, đã mời được người thầy chẳng khác gì trình nữ. Thủy Viên Ngoại rất quý mến Lai Sinh, vì anh là người có trí mà thành thực, định gả con gái cho anh. Lai Sinh từ chối:

- Tôi đi học nhưng vẫn chưa tiến được là bao. Đợi khi nào . công thành danh toại, lúc đó nói đến việc xây dựng gia đình cũng chưa muộn.

Từ đó việc hôn nhân đành gác lại. Một hôm Lai Sinh cho học trò nghỉ, vào thành thăm bạn bè. Khi trở về thì trời đã muộn, anh đi theo đường tắt cho gần. Đi được hai ba dặm, qua một ngôi miếu cổ, bỗng nghe thấy bên trong có tiếng đàn bà khóc. Lai Sinh nghi ngờ có sự chẳng lành liền đẩy cửa bước vào. Thấy hai hòa thượng to béo bắt một thiếu nữ lột trần truồng đè xuống đất. Lai Sinh giật mình hoảng sợ, chưa kịp nói gì thì một gã hòa thượng xông tới, cầm thiền trượng quát:

- Tự dừng dẫn xác tới đây, ta sẽ cho người ăn đòn.

Lai Sinh thấy tình thế không địch nổi, vội vã quay ngoắt ra, song vương bầu cửa suýt ngã, tụt mất chiếc giày đỏ ngay trước miếu. Ngoái lại, thấy lão hòa thượng đang đuổi sát nút, Lai Sinh chạy bán sống bán chết, ai ngờ đằng trước có một chiếc giếng cạn không có bờ bao, Lai Sinh hụt chân, lao người xuống. Hòa thượng đuổi tới, nhìn xuống thấy tối om, thọc thiền trượng khua, giếng sâu hun hút không thấy đáy. Hòa thượng nghĩ, chắc người ấy không thể nào lên được, quanh quần một lúc rồi lững thững kéo lê thiền trượng về miếu. Tới nơi, hắn thấy người đàn bà đã bị giết, nằm vật trong miếu, còn gã hòa thượng đồng bọn không biết đã bỏ chạy đi đâu. Đứng lặng giây lát, gã hòa thượng cũng trốn luôn. Đúng là:

Hành dâm, giết người cùng một lúc.

Hỡi ôi! Đầu trọc ác độc thay.

Bồ Tát thấy rồi lim dim mắt.

Kim Cương giận dữ mắt trợn trừng.

Người đàn bà ấy là Chu thị, vợ Ngưỡng A Nhuận bán rượu trong thành. Vợ chồng lục đục xô xát, chị tức giận bỏ về nhà mẹ đẻ. Nhà mẹ ở dưới quê, nên khi chạy qua ngôi miếu cổ, gặp hai tên hòa thượng. Thấy đi một mình, chúng tóm cổ lôi vào trong miếu cưỡng dâm. Lai Sinh bắt gặp, một gã truy đuổi Lai Sinh, còn tên kia ở lại miếu. Vì người đàn bà ấy kêu gào, sợ lại có người phát hiện, tên này dùng dao tùy thân đâm chết. Hắn không chờ đồng bọn, bỏ chạy thoát thân.

Thấy Chu thị bỏ đi, mấy người hàng xóm đến khuyên Ngưỡng A Nhuận rằng:

- Gần tối rồi, chị ấy còn ra khỏi thành, sợ rằng không đến kịp nhà mẹ đẻ, hơn nữa là đàn bà con gái, sao lại để chị ấy đi một mình. Anh hãy cùng chúng tôi đuổi theo khuyên chị ấy quay về.

Ngưỡng A Nhuận chưa nguôi giận, không chịu đi, song họ cứ lôi anh đuổi theo. Đi vòng qua ngôi miếu cổ, bỗng thấy một chiếc giày đỏ, mọi người

nhặt lên xem, nói:

- Tại sao giày lại rơi ở đây nhỉ? Nhất định trong miếu có người.

Vào miếu, mọi người sợ dựng tóc gáy. Một người đàn bà trần truồng, mình đầy máu chết vật ở đó. Nhìn kĩ, hóa ra Chu thị vợ Ngưỡng A Nhuận. Trên cổ cô có vết dao đâm. Mọi người vô cùng kinh sợ. Ngưỡng A Nhuận chết lặng. Họ đoán rằng: “Đích thị kẻ giết người đã đánh rơi chiếc giày, chắc hẳn chưa đi xa được, phải chia nhau đi các ngã đuổi gấp. Nếu thấy kẻ nào chỉ có một chiếc giày. Họ hò nhau chạy túa đi mọi ngã. Chưa đầy nửa dặm, bỗng lảng máng tiếng rên rĩ kêu cứu quanh quần đâu đây. Mọi người dò theo thì thấy tiếng kêu vọng ra từ một chiếc giếng cạn trên bãi cỏ. Thấy lạ, họ bèn tháo dây lưng, xà cạp cuốn chân nổi vào, giòng xuống giếng. Thấy người đến cứu, Lai Sinh vội bám chặt lấy đầu dây. Họ hò nhau kéo lên, quả nhiên thấy người ấy chỉ đi một chiếc giày đỏ. Mọi người lấy chiếc giày ra đối chiếu thì đúng là cùng một đôi. Tất cả đều nói:

- Lưới trời lồng lộng, thưa mà không thoát được, trời đã bắt mày phải rơi xuống giếng này.

- Tôi có giết ai đâu? - Lai Sinh kinh sợ nói.

- Mày còn chối quanh ư? - Mọi người đều nói.

Họ lôi Lai Sinh đến miếu, chỉ vào người đàn bà chết, nói:

- Đây không phải là người mày giết ư?

Lai Sinh kêu oan, nói lại việc anh đã gặp hòa thượng, rồi bị đuổi rơi xuống giếng thế nào, nhưng họ nào có tin anh. Đúng là:

Dưới giếng lôi lên.

Chứng cứ rành rành.

Dù có thanh minh,

Chẳng ai tin được.

Một mặt họ cho người gọi lý trưởng tới, giao trông coi thi thể mặt khác họ giải Lai Sinh lên huyện. Quan huyện thấy đây là trọng án, bèn sai Tuần bổ tới khám nghiệm tử thi. Ngày hôm sau quan huyện mở phiên tòa, cho dẫn phạm nhân vào xét hỏi. Quan huyện là Hồ Hồn, vốn là học trò của Thái

Kính, rất tôn sùng Phật, thích ăn chay và bố thí. Trước tiên ông ta hỏi Ngưỡng A Nhuận và những người hàng xóm, rồi quát thét mắng Lai Sinh:

- Sao ngươi lại làm việc độc ác và xấu xa như thế?

Lai Sinh trình bày lại những điều mà chính anh đã nhìn thấy. Tri huyện nói:

- Ngươi đã nhìn thấy hòa thượng thì phải biết hòa thượng là người ở chùa nào chứ?

- Họ ở xa đến thì sao tôi biết được? - Lai Sinh nói.

- Các người đuổi theo, trên đường có gặp hai hòa thượng nào không? - Quan huyện hỏi mọi người.

Họ đều nói không gặp. Quan huyện lại chỉ vào mặt Lai Sinh mắng:

- Ta biết mày là loại người xấu xa, giữa đồng không mông quạnh gặp đàn bà nảy sinh ý nghĩ bất lương, lôi vào miếu hành dâm. Vì người ấy chống cự nên mày đã giết đi. Lại sợ người khác biết nên hốt hoảng bỏ chạy, bởi thế mất giày, người thì rơi xuống giếng. Bây giờ lại còn xảo trá quanh co đổ tội cho người khác.

Lai Sinh gào lên kêu oan. Tri huyện nói:

- Thằng này cứng đầu cứng cổ, không đánh thì sao nó chịu cung khai.

Sau đó ông ta cho gọi tay chân đưa Lai Sinh tra tấn. Không chịu nổi Lai Sinh phải khai theo lời quan huyện. Quan huyện lập bản án, khép Lai Sinh vào tội chết, rồi tổng giam. Một mặt ông cho khâm liệm, chôn cất thi thể người phụ nữ, cho Ngưỡng A Nhuận và những người láng giềng về.

Tin ấy đồn khắp nơi, Thủy Viên Ngoại nghe tin, nghĩ rằng: "Thầy Lai là người có chí mà thành thực, lẽ nào đi làm chuyện xấu xa ấy? Thật là oan cho thầy". Rồi Thủy Viên Ngoại đích thân đến trại giam thăm hỏi. Lai Sinh khóc lóc kêu oan, Thủy Viên Ngoại phải an ủi mãi. Là người nghèo khó, nên Lai Sinh coi lớp học là nhà, tuy cũng có mấy người họ hàng, xong họ đối xử rất lạnh nhạt. Lai Sinh mắc tội, họ đều cho là tự mình làm mình chịu, chẳng người nào đến thăm. Chỉ có Thủy Viên Ngoại tin Lai Sinh là người tốt, luôn sai người mang cơm và bỏ tiền ra đút lót kêu oan cho anh. Bởi thế, ở trong ngục Lai Sinh cũng không đến nỗi quá khổ. Đúng là:

*Trọng Ni biết người,
Hiếu được Công Dã.
Tuy đang bị trói,
Chẳng phải phạm nhân.*

Thời gian thấm thoát thoi đưa, chỉ thoáng một cái Lai Sinh ngồi tù đã ba năm. Quan tri huyện họ Hồ mãn hạn chuyển đi nơi khác, quan tri huyện mới chưa tới nhận chức. Khi ấy Phương Lạp đang nổi loạn ở Giang Nam, triều đình lệnh cho Trương Thúc Dạ làm Đại chiêu thảo, dẫn quân của Lương Sơn Bạc vừa đầu hàng, tiến đánh Phương Lạp. Phương Lạp bỏ Giang Nam, mang tàn quân chạy đến Triết Giang, đi qua huyện Đồng Hương. Vì tri huyện chưa có, lợi dụng lúc thiếu người cai trị, quan lại và những người coi tù đều bỏ chạy, cửa nhà tù mở toang. Những tội phạm lợi dụng sự hỗn loạn, thừa cơ chạy trốn, nhà tù trống rỗng. Mọi người bỏ trốn, nhưng Lai Sinh vẫn ngồi lì trong ngục không chạy. Sợ quan quân truy kích, binh mã của Phương Lạp không dám dừng, ngay đêm ấy chạy tới Hàng Châu. Trương Thúc Dạ dẫn quân đuổi theo, tới huyện Đồng Hương thì tạm dừng, vỗ về nhân dân, kiểm tra kho tàng, nhà ngục. Thấy phạm nhân trong ngục đều chạy trốn, chỉ còn duy nhất một người không chạy. Thấy lạ, Trương Thúc Dạ gọi đến trung quân hỏi:

- Bọn tù, nhân lúc loạn lạc bỏ trốn, tại sao chỉ còn mình người không chạy?
- Tôi vốn là thư sinh, - Lai Sinh nói, - mắc tội oan. Quan trên sáng suốt liêm khiết thì sẽ có ngày được minh oan. Nếu nay nhân lúc loạn lạc mà bỏ chạy thì đó là kẻ nổi loạn, loại người ấy có khác gì giặc đâu. Cho nên dù chết tôi cũng không chạy.

Trương Chiêu Thảo nghe xong gật đầu nói:

- Nếu quan lại và dân chúng đều phụng sự việc công, giữ gìn luật pháp, lâm nạn không sống bữa bãi thì thiên hạ loạn sao được.

Sao đó ông hỏi rõ vì sao Lai Sinh phạm tội. Lai Sinh kể tỉ mỉ sự việc đã xảy ra và mình bị đánh đập bức khai thế nào. Trương Chiêu Thảo lấy hồ sơ của Lai Sinh xem, nghĩ: "Quan xử kiện đạo ấy thật chẳng hiểu gì, nếu anh ta giết người, thì có gì để lại chiếc giày đỏ làm chứng. Nếu không có người đuổi thì sao anh ta lại không nhặt lấy giày rồi mới bỏ đi? Nếu không hốt

hoảng, thì có gì lại rơi xuống giếng? Hơn nữa người đàn bà bị đâm, song vì sao lại không có hung khí? Việc này quả là oan uổng. Chỉ tiếc, chưa bắt được hai tên hòa thượng kia để xử tội. Song, nếu căn cứ vào hiện tại, loạn lạc nhưng anh ta không vì thế mà bỏ trốn, nhất định người ấy trước đây không phải là người xấu”. Rồi ông lấy bút xóa ngay bản án, tha cho Lai Sinh. Lai Sinh tạ ơn, nói:

- Tôi được pháp luật xử như thế mới dám ra khỏi nhà tù.
- Anh hãy thư thả một chút đã. - Trương Chiêu Thảo nói. - Tôi nghĩ anh là một nghĩa sĩ trung thần, không dám phản bội triều đình, hơn nữa anh là một thư sinh nhất định sẽ có chút hiểu biết. Ta vẫn muốn hỏi kĩ anh.

Trương Chiêu Thảo hỏi Lai Sinh những điều về quân cơ, chiến lược. Hỏi một Lai Sinh đáp mười, ứng đối trôi chảy. Trương Chiêu Thảo rất mừng, nói:

- Trong quân đang thiếu một người tham mưu, anh có thể đóng góp công sức cho đội quân của ta.

Nói xong, Trương Chiêu Thảo lệnh cho Lai Sinh cởi bỏ áo tù thay áo mũ triều đình, cùng anh bàn việc quân sự.

Đang lúc bàn luận, thì có người vào bẩm, đã bắt được mấy trăm phụ nữ mà bọn giặc bỏ lại, xin chờ xử lý. Thấy thế Lai Sinh bèn thưa:

- Những người đàn bà này đều là người dân quê, bị giặc bắt. Nay nên xếp họ vào những gian nhà còn bỏ trống, chờ gia đình họ đến đón về.

Trương Chiêu Thảo nghe theo, lệnh cho Lai Sinh tới điểm danh, ghi tên vào sổ sách, sắp xếp cho họ nghỉ ngơi, chờ gia đình đến đón. Lai Sinh vâng lệnh, đến lập danh sách những phụ nữ bị bắt. Ghi tên được hơn nửa số người thì thấy một người đứng sững nhìn Lai Sinh, hỏi:

- Có phải ông là thầy Lai không?

Lai Sinh ngạc nhiên hỏi:

- Chị là ai? Sao chị biết tôi?
- Tôi là Phong Nguyệt Di, - người ấy nói, - thiếp của Thủy Viên Ngoại.

Viên Ngoại và những người trong gia quyến hiện ở đâu? - Lai Sinh hỏi. - Sao chị gặp phải nông nỗi này?

- Viên Ngoại nghe thấy quân giặc tới gần, - Nguyệt Di nói, - dẫn thiếp và con cái tới lánh nạn tại am ni cô Lạc Hương, không ngờ giữa đường lạc nhau. Tôi không may bị giặc bắt, hiện Viên Ngoại và con cái sống ra sao thì tôi không biết. Lai Tiên sinh gặp rắc rối, giam cầm trong ngục, được làm quan từ bao giờ thế.

Lai Sinh kể cho Nguyệt Di nghe chuyện Trương Chiêu Thảo phóng thích và cho làm tham mưu. Rồi hỏi Thủy Viên Ngoại trốn ở am ni cô nào. Nguyệt Di nói:

- Ở am Thủy Nguyệt, cách nhà khoảng năm mươi dặm.

Lai Sinh sai quân mang danh thiếp của mình đến Thủy Nguyệt, mời Thủy Viên Ngoại tới gặp, đồng thời báo cho ông biết tin Nguyệt Di. Sau đó tìm phòng mời Nguyệt Di đến ở, chờ Thủy Viên Ngoại. Những người đàn bà còn lại đều sắp xếp nơi ăn chốn nghỉ chu đáo, đợi người nhà đến đón về.

Thủy Viên Ngoại đang rất lo buồn, không biết tin tức Nguyệt Di, bỗng thấy Lai Sinh sai người tới mời, lại biết Nguyệt Di vẫn bình yên, ông xiết đôi vui mừng, bèn tới ngay quân doanh bái kiến. Lai Sinh cảm ơn ông đã quan tâm tới mình trong lúc ngồi tù, và kể lại việc mình được Trương Chiêu Thảo rộng lòng tha tội, nhận làm tham mưu, cho ghi tên những phụ nữ bị giặc bắt và gặp được Nguyệt Di. Thủy Viên Ngoại vô cùng biết ơn Lai Sinh, sau đó nhắc lại chuyện hôn nhân. Lai Sinh nói:

- Tôi đã chịu ơn ông nhiều, song chưa được đền đáp. Nay vẫn được ông thương yêu, tôi sẽ nguyện làm con rể ông. Hiện nay việc quân bận rộn, e rằng chưa được nghỉ ngơi để nghĩ đến việc xây dựng gia đình. Chờ tôi bầm với chủ soái rồi sẽ thưa chuyện lại.

Thủy Viên Ngoại dẫn Nguyệt Di về. Ngày hôm sau Lai Sinh vào gặp Trương Chiêu Thảo, thưa lại với ông về tình thân thiết với Thủy Viên Ngoại trước đây và việc hôn nhân sắp tới. Trương Chiêu Thảo nói:

- Đây là việc vui mừng, ta sẽ hết sức giúp đỡ.

Trương Chiêu Thảo chọn ngày lành tháng tốt, đưa hai trăm lạng bạc, hai mươi tám lạng màu cho Lai Sinh làm sính lễ, hẹn ngày chiến thắng trở về,

làm lễ thành hôn. Thủy Viên Ngoại rất đổi vui mừng. Đúng là:

Lúc ấy đua nhau khen chàng rể,

Tù nhân chịu nhục chính là anh.

Nếu chẳng thân tình sao gặp được.

Duyên lành loan phương thật xứng đôi.

Sau khi đưa sính lễ, Lai Sinh lập tức theo Trương Chiêu Thảo dẫn quân ra trận. Lai Sinh khuyên Trương Chiêu Thảo soạn ra những điều cấm, không cho quân lính quấy nhiễu dân chúng. Từ đó những nơi đại binh đi qua, không xảy ra việc xâm phạm tài sản của dân, tới đâu, dân chúng cũng vui mừng chào đón. Ngay cả những hảo hán ở Lương Sơn Bạc đầu hàng, thấy kỷ luật nghiêm minh như thế càng kính phục. Lai Sinh lại hiến mật kế, khuyên Trương Chiêu Thảo chia quân mai phục, bắt sống được tên giặc đầu sỏ Phương Lạp. Phút chốc dẹp tan quân giặc chiến thắng về triều. Trương Chiêu Thảo tâu lên triều đình những công tích của Lai Sinh. Triều đình hạ lệnh thăng Trương Chiêu Thảo làm Xu mật viện Chánh sứ, tham mưu Lai Pháp được ban tiến sĩ, cất nhắc làm Giám sát Ngự sử Quảng Đông. Lai Ngự sử dâng biểu tạ ơn, xin về làm lễ cưới. Được triều đình cho phép, Lai Ngự sử cáo từ trường xu Mật lên ngựa về quê làm lễ thành hôn với Quan Cô, con gái Thủy Viên Ngoại. Khi ấy Lai Ngự sử đã hai mươi bốn tuổi. Quan Cô mười bảy tuổi. Đúng là:

Trước là thầy học, nay là rể yêu.

Ba năm ngồi tù, gặp bọn điều hâu cú vạ.

Một năm chinh chiến, trở thành rồng hổ oai hùng.

Trùng Nhĩ lấy Bá Cơ, vốn là Bồ Thành tội phạm,

Vân Vương cầu thực nữ, từng tại Dìu Lý ngồi tù.

Vinh nhục thăng trầm đắp đổi.

Cuộc đời sẽ lại bình yên.

Cưới nhau được tròn một tháng, Lai Ngự sử lên ngựa tới Quảng Đông nhậm chức. Thời ấy, ở huyện Long Môn, Quảng Đông xảy ra một vụ án oan, được Lai Sinh xét xử và được giải oan. Đây là một câu chuyện li kì, thú vị. Ngay cả nỗi oan uổng trước đây của Lai Sinh cũng được sáng tỏ.

Huyện Long Môn có một viên Tham tướng coi giữ địa phương tên là Cao

Huân, nhận làm cháu họ của quan Thái úy Cao Cầu Thông Phổ. Cậy thế Cao Thái úy, Cao Huân cho dân vay với lãi suất cắt cổ. Nếu ai không biết vay vế, thì ông ta sẽ làm cho người ấy khuynh gia bại sản. Tăng Tiểu Tam, người huyện Long Môn, anh có một cửa hàng điểm tâm. Vì mẹ mắc bệnh chết đột ngột, không tiền chôn cất, không còn cách nào, Tăng Tiểu Tam đành tới Cao Tham tướng mượn mười lạng bạc lo ma chay cho mẹ. Qua một năm, lãi mẹ đẻ lãi con, cả vốn lẫn lãi tới ba mươi lạng. Nhiệm kì làm Tham tướng của Cao Huân đã hết, hăn cho người tới đòi Tăng Tiểu Tam phải trả cả vốn lẫn lãi ngay lập tức. Binh lính đến đòi nợ, anh cuống lên, không biết làm cách nào trả được. Anh nghĩ: "Ta vì mẹ đẻ mà vay nợ, nếu nay bán con cái đi trả cũng đáng, song chỉ tiếc mình không con". Suy đi tính lại, anh nghĩ ra một kế quả là vạ bất đắc dĩ, anh kéo những người lính tới nói nhỏ:

- Tôi nghèo lắm, ngay một lúc không trả hết được nợ, trong nhà chẳng có gì đang giá để gán nợ, chỉ có một người vợ là Thương thị xin để cho các ông dẫn đi.

- Chúng tôi chỉ cần tiền chứ không cần người. - Binh lính nói. - Mà một người đàn bà- làm gì mà bán tới ba mươi lạng bạc. Ta hoãn cho anh thêm hai ngày nữa, anh bán vợ đi rồi trả tiền ta.

Dứt lời họ bỏ đi. Tăng Tiểu Tam nghĩ: "Vợ mình sắc đẹp cũng bình thường, bán sẽ không nổi ba mươi lạng. Trừ phi bán cho nhà chứa thì mới được, nhưng ta nỡ lòng nào làm như thế". Chẳng còn cách nào, Tăng Tiểu Tam đành gạt nước mắt nói thực với vợ. Thương thị nghe xong chết lặng người, lát sau òa lên khóc nức nở. Tăng Tiểu Tam lòng đau như cắt, cũng gào lên khóc.

Tiếng khóc đã làm cho ThiHuệ Khanh, người hàng xóm động lòng. ThiHuệ Khanh làm nghề đóng giày, sống độc thân, không có vợ con. Nhờ chăm chỉ làm việc anh tích cóp được hai, ba mươi lạng bạc. Lúc ấy chùa Báo ứng ở ngoại thành đang quyên góp xây dựng chùa, một hòa thượng đã làm ngôi lều cỏ ở ngay xóm để khuyến giáo. Thi Huệ Khanh định đem số bạc tích góp lâu nay tiến cúng xây dựng chùa. Hôm ấy Thi Huệ Khanh mời hòa thượng Hóa Duyên đến nhà ăn chay, thì nghe thấy vợ chồng Tăng Tiểu Tam

khóc lóc thảm thiết, bèn sang hỏi nguyên do. Biết được tình cảnh ấy, Thi Huệ Khanh hết sức thương tâm. Về nhà, khi hòa thượng đi khỏi, đóng cửa lại Thi Huệ Khanh nghĩ: "Nếu ta tiến cúng số tiền ấy cho chùa, thì chi bằng ta đưa cho Tăng Tiểu Tam trả nợ, để bảo toàn tính mạng của họ, làm thế sẽ tốt hơn là ta tiến cúng số tiền ấy cho chùa". Ý đã quyết, anh liền sang nhà Tăng Tiểu Tam nói:

- Anh chị đừng khóc nữa. Tôi đã góp được ba mươi lạng, nay không nữa thấy anh chị lìa bỏ nhau. Anh chị hãy lấy số tiền của tôi mà trả nợ.

Thấy Huệ Khanh nói thế, Tăng Tiểu Tam lau nước mắt nói:

- Rất cảm ơn lòng tốt của anh, song đâu phải anh giàu có gì. Đây là số tiền lâu nay anh tốn bao công sức mới tích góp được tôi nợ lòng nào một lúc tiêu hết của anh.

- Lòng thương người ai ai cũng có. - Thi Huệ Khanh nói. - Tôi với anh là hàng xóm với nhau, nhìn thấy thảm cảnh này, ai mà không thương xót. Tôi đã có lòng như thế, xin anh đừng từ chối nữa!

Tăng Tiểu Tam còn đang ngần ngại thì bọn lính đã xông xộc đến hỏi nợ. Chúng quát thét ầm ĩ.

- Ông lớn không gia hạn nữa, hôm nay mà phải trả bằng hết. Nếu không thì bắt ngay tới cửa quan treo cổ.

Huệ Khanh chạy ra ngăn lại nói:

- Các ông đừng la hét nữa. Tôi sẽ cho anh ấy mượn để trả cho các ông là được chứ gì!

Nói xong, anh chạy ngay về nhà, mang đủ ba mươi lạng bạc giao cho bọn lính. Thấy bạc, chẳng kể đến tiền ấy ở đâu, nhận đủ là chúng kéo nhau đi thẳng. Tăng Tiểu Tam vô cùng cảm động, cúi xuống lạy, Thi Huệ Khanh vội vàng đỡ dậy.

Mấy hôm sau, Tăng Tiểu Tam với vợ, làm một mâm rượu mời Thi Huệ Khanh. Đúng hẹn Thi Huệ Khanh đến. Thấy trên bàn có ba chiếc chén, ba đôi đũa, Thi Huệ Khanh ngỡ là Tiểu Tam còn mời thêm ai. Lát sau, thấy Tăng Tiểu Tam dẫn vợ là Thương thị ra gặp Thi Huệ Khanh, cùng ngồi tiếp rượu. Thi Huệ Khanh nghi ngại, uống hai ba chén định đứng dậy, Tăng Tiểu Tam ngăn lại, rồi đứng lên đi vào trong. Rất lâu Huệ Khanh không

thấy Tiểu Tam ra, còn Thương thị cứ ngồi nhìn Thi Huệ Khanh. Thấy lạ, Thi Huệ Khanh hỏi:

- Sao không thấy anh ấy ra uống rượu?

Thương thị cúi đầu không nói. Thi Huệ Khanh quay vào trong gọi:

- Anh Tiểu Tam, mau ra uống rượu. Tôi về đây.

Thương thị nước mắt giàn giụa nói với Thi Huệ Khanh:

- Anh ấy đã trốn ra lối cửa sau, không về nữa.

- Vì sao thế? - Thi Huệ Khanh kinh ngạc nói.

- Anh ấy bảo, anh rất nghèo, - Thương thị nói, - mà tự nhiên bỏ ra ngần ấy tiền. Chúng ta được anh cứu vớt, nay anh vẫn chưa có vợ, nên bảo tôi lấy anh. Anh ấy đã viết giấy để lại. Hôm nay mời anh sang uống rượu cốt giao tôi cho anh. Anh ấy đã cắt tóc, khoác áo lên Ngũ Đài Sơn tu hành rồi.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 15 (B)

Nói xong nước mắt chị đầm đìa. Thi Huệ Khanh nghe xong, mặt tái mét, nói:

- Tôi vốn có ý tốt, sao anh chị lại nghĩ tôi như vậy? Lẽ nào tôi lại chiếm đoạt vợ anh ấy.

Nói xong, xô bàn đứng dậy bỏ đi. Về tới nhà anh nghĩ: "Không có lí gì mà Tăng Tiểu Tam lại bỏ đi như thế". Rồi anh lại nghĩ: "Nếu quả nhiên anh đi mà không về ngay, ta ở sát vách thế này cũng không ổn. Thôi thì ta dọn đi nơi khác". Hôm sau Thi Huệ Khanh tìm được nhà, rồi dọn đi. Những nhà lân cận đều nói, Thi Huệ Khanh chỉ vờ thế thôi, chuyển xong chỗ ở thế nào cũng trở lại đón Thương thị. Hôm ấy không thấy Thương thị mở cửa đi đâu. Những người hàng xóm sinh nghi, đứng ngoài gọi không thấy trả lời, đẩy cửa vào thấy cửa khép hờ, chân quay cửa bị đào lên. Mọi người ủa vào xem, thấy Thương thị chết nằm co trên giường, vẫn còn vết tay bóp cổ. Tin Thương thị bị chết đồn ầm khắp làng, họ đều cho rằng: "Người đàn bà này chết đúng vào lúc người thợ giày sát vách dọn đi nơi khác. Vậy chỉ có anh ta giết chứ chẳng ai khác". Lập tức đưa việc này lên quan xét xử. Quan huyện là Thẩm Bá Minh đang ngồi làm việc tại công đường, nghe thấy chuyện giết người, bèn cầm tờ trình xem, hỏi lũ những người đi tố cáo, sau đó ra lệnh bắt Thi Huệ Khanh ngay. Lát sau người ta giải Thi Huệ Khanh tới. Tri huyện quát hỏi, sự việc đã xảy ra thế nào, Thi Huệ Khanh đáp:

- Con trả nợ cho Tăng Tiểu Tam, Tăng Tiểu Tam gán vợ là Thương thị cho con. Nhưng con không muốn, nên phải chuyển đi nơi khác để tránh hiềm nghi. Con không biết vì sao Thương thị chết?

- Mày không muốn lấy vợ người ta, - quan huyện thét mắng, - tại sao mày lại trả nợ hộ? Rõ ràng mày giả vờ từ chối, rồi lén lút hành dâm, không được, mày đã giết người ta.

Thi Huệ Khanh gào lên kêu oan. Nhưng quan huyện nào có tin, sai người đánh đập Thi Huệ Khanh bức phải cung khai rồi tống Thi Huệ Khanh vào nhà lao. Đúng là:

*Làm ơn lại nên oán,
Giúp người hóa chịu oan.
Trời ơi! Đâu có tội.
Oan này ai thấu cho.*

Hôm ấy Tăng Tiểu Tam từ biệt vợ, đi lối cửa sau ra khỏi thành tới Ngũ Đài Sơn. Đi được hơn hai mươi dặm thì trời tối, Tăng Tiểu Tam dừng chân, nghỉ tại một quán trọ bên đường. Không ngờ đến nửa đêm thì lên cơn sốt, sáng hôm sau không cất mình ngồi dậy được. Tăng Tiểu Tam ốm liệt giường đến hơn nửa tháng trời mới khỏi. Hôm ấy đang lúc sửa soạn lên đường thì thấy có người trong thành ra, họ kể lại chuyện Thi Huệ Khanh. Tăng Tiểu Tam giật mình nghĩ bụng: "Thi Huệ Khanh không phải là kẻ giết người. Hơn nữa khi nhường vợ cho anh, mình cũng đã nói trước với Thương thị. Thương thị cũng đã nghe theo. Không biết vì sao Thương thị lại bị giết. Thật là oan cho anh quá. Ta phải về xem sự thể thế nào, nếu không thì người tốt phải chịu oan". Tăng Tiểu Tam quay trở về không rẽ qua nhà, mà đi thẳng vào thành tìm tới nhà tù, van nài người coi tù dẫn Thi Huệ Khanh ra gặp. Tăng Tiểu Tam thấy Thi Huệ Khanh mặc quần áo tù, mình đầy xiềng xích, nước mắt ứa ra. Thi Huệ Khanh nói:

- Tôi bị oan là do số trời đã định. Anh đừng nói nữa, tôi biết, lần này chị ấy vô cớ bị hại, điều đó càng làm cho anh thêm đau khổ.
 - Tôi đã làm cho anh phải liên lụy. - Tiểu Tam nói. - Tôi sẽ lên huyện minh oan cho anh.
 - Án đã quyết, - Thi Huệ Khanh nói, - quan huyện đâu chịu nhận sai? Anh đừng tốn công kêu oan nữa.
 - Nếu quan huyện không chịu làm ra nhẽ, ta sẽ lên ngài Lai sát Viện mới tới nhậm chức, bẩm lại việc này, nỗi oan sẽ được làm sáng tỏ.
- Nói xong Tăng Tiểu Tam từ biệt Thi Huệ Khanh, nhờ người làm đơn, rồi

tới gần ngựa Lai Ngự sử, kêu khóc dằng dặc.

Lai Ngự sử nhận đơn, sai tuần bổ giải Tăng Tiểu Tam về nhà môn. Khi giải quyết xong việc công, ông cho Tăng Tiểu Tam tới hỏi tỉ mỉ sự việc đã xảy ra. Rồi ông sai người tới huyện lấy bản án ThiHuệ Khanh và cho gọi những người hàng xóm trước đây đã trình báo lên huyện. Ngày hôm sau, Lai Ngự sử trực tiếp hỏi cung, nghiên cứu tỉ mỉ lại một lần nữa, rồi ông hỏi những người láng giềng.

- Sau khi chồng Thương thị đi, có người nào đến nhà không?

- Bấm quan, không thấy ai đến ạ. - Những người láng giềng nói.

- Hàng ngày có người thân thích nào hay đến không? - Lai Ngự sử hỏi Tiểu Tam.

- Thưa ngài, con nhà nghèo, có mấy người bạn thân, nhưng họ cũng không hay lui tới. - Tăng Tiểu Tam trả lời.

- Thường ngày anh hay đi lại với ai? - Lai Ngự sử hỏi Thi Huệ Khanh.

- Con sống độc thân, không quan hệ với ai. - Thi Huệ Khanh trả lời.

- Trong mấy ngày, từ khi trả nợ giúp, uống rượu, rồi dọn đi nơi khác, có đi lại với ai không ? - Lai Ngự sử hỏi.

ThiHuệ Khanh nghĩ một lát rồi nói:

- Hôm trả nợ, con có mời hòa thượng Hóa Duyên đến nhà con ăn bữa cơm chay.

- Người ấy là hòa thượng chùa nào? - Lai Ngự sử hỏi.

- Đó là hòa thượng của chùa Bảo ứng ngoại thành, - Thi Huệ Khanh nói, - tới khuyên giáo xây chùa. Hòa thượng làm chiếc liêu nhỏ ở ngay xóm con để đi khuyên giáo. Lúc đầu con định tiến cúng ba mươi lạng đó xây chùa, cho nên con đã mời hòa thượng đến ăn chay. Sau đó vì trả nợ cho Tăng Tiểu Tam, con không tiến cúng vào chùa nữa.

- Hòa thượng hiện còn ở đấy không? - Lai Ngự sử hỏi.

- Thưa ngài, hòa thượng đi rồi. - Những người láng giềng trả lời.

- Đi bao giờ? - Lai Ngự sử hỏi.

- Bấm ngài, đi đúng vào ngày ThiHuệ Khanh dọn nhà. - Những người láng giềng trả lời.

Lai Ngự sử trầm ngâm hồi lâu, rồi nói với mọi người rằng:

- Vụ án này khó mà sáng tỏ ngay được, hãy chờ đến hôm khác xét xử tiếp. Nói xong cho mọi người trở về, Tăng Tiểu Tam chờ xét sau. Từ đó, Lai Ngự sử không nhắc tới vụ án nữa. Để bằng đi tới hai tháng trời.

Một hôm Lai Ngự sử bỏ ra một trăm lạng bạc cho chùa Bảo Ứng thết đãi các nhà sư. Hôm sau lại đích thân tới chùa dâng hương. Nhà sư trụ trì nghe tin Ngự sử đích thân tới chùa, bèn tụ tập các sư ra nghênh tiếp. Lai Ngự sử xuống kiệu vào chùa lễ Phật. Đi quanh chùa một lượt, Ngự sử hỏi:

- Xây dựng xong ngôi chùa mất khoảng bao nhiêu?

- Phải mất hai ba ngàn lạng. - Nhà sư trụ trì nói.

- Muốn chùa sửa sang hoàn thành, phải hoàn toàn dựa vào sự quyên góp sao? - Lai Ngự sử nói.

Nhân đó Lai Ngự sử hỏi đã cử bao nhiêu hòa thượng đi quyên góp. Nhà sư trụ trì nói:

- Có mười người, được chia đi các nơi.

- Thế mười hòa thượng ấy hôm nay có ở chùa không - Lai Ngự sử hỏi.

- Hôm nay ngài tới chùa đãi cơm chay, họ đều ở chùa cả. - Hòa thượng trụ trì nói.

Lai Ngự sử bảo những người giúp việc rằng, ngoài cơm chay bình thường ra, dọn thêm mười mâm cỗ chay, khoản đãi mười hòa thượng đi quyên góp. Một mặt bảo sư trụ trì gọi từng người tới trình số quyên góp cho ông xem, để sau này bản viện tiện tiến cúng. Sư trụ trì tuân lệnh, lập tức gọi mười hòa thượng lại. Song chỉ gọi được chín người, còn một người tìm mãi vẫn không thấy. Lai Ngự sử nghiêm mặt nói:

- Ta có thiện chí mời tới ăn chay, tại sao lại trốn biệt không chịu ra gặp ta?

Rồi ông quát sai dịch tìm tất cả các phòng, song sao mà tìm thấy được? Thấy Lai Ngự sử quát tháo bắt đi tìm, hòa thượng ấy càng trốn kĩ. Sư trụ trì vội vàng tìm khắp nơi, rồi đi thẳng tới gian bếp cất giữ hương cũ, thấy hòa thượng chui vào chiếc lò hóa vàng hương. Sư trụ trì và các sai dịch lôi ra, giải đến trước Lai Ngự sử. Thấy mặt mũi, chân tay nhem nhuốc như một vị La Hán đúc bằng sắt. Lai Ngự sử gọi người mang nước đến cho hẩn rửa

mặt. Lại cho gọi Tăng Tiểu Tam và những người hàng xóm của anh đến, hỏi:

- Có phải đây là hòa thượng đã đến xóm các anh dựng lều để đi quyên góp không?

- Đúng là ông ấy. - Mọi người trả lời.

Lai Ngự sử chỉ vào mặt gã hòa thượng ấy quát:

- Người đã hãm hại Thương thị, vợ của Tăng Tiểu Tam, giờ người chạy đâu cho thoát.

Gã hòa thượng vẫn chối quanh. Lai Ngự sử cho giải các phạm nhân và gã hòa thượng về nha môn để thẩm vấn. Về tới nha môn. Lai Ngự sử mở phiên tòa xét xử giải hòa thượng Hóa Duyên tới, cho lính cùm kẹp. Đau quá không chịu nổi, hòa thượng đành phải khai:

- Con là Khứ Phi chùa Bảo Ứng. Vào tháng... con đã dựng lều tại xóm... để đi khuyên giáo. Biết được Thi Huệ Khanh người xóm ấy giúp Tăng Tiểu Tam trả nợ. Tiểu Tam gán Thương thị cho Huệ Khanh rồi bỏ đi. Huệ Khanh không muốn lấy Thương thị. Thương thị ở một mình, phạm tăng nảy ra ý xấu. Vào tháng... đêm... đã thay quần áo đóng giả Thi Huệ Khanh, lén lút mở cửa vào nhà, lừa dối Thương thị để dâm ô. Bị Thương thị phát hiện kêu lên, phạm tăng sợ người ta biết, đã bóp chết Thương thị. Những điều con khai là đúng sự thực.

Lai Ngự sử ghi những lời cung khai tội lỗi, đánh ba mươi gậy, gông cổ, giam hòa thượng vào nhà lao tử tù. Cho gọi sư trụ trì tới mắng:

- Người cho đồ đệ đi khuyên giáo, chúng lại làm những việc bất lương, phải chịu tội liên đới. Nay ta tha, phạt người ba trăm lạng, đền cho Thi Huệ Khanh.

Sư trụ trì cúi đầu chịu phạt, Lai Ngự sử sai người dẫn Thi Huệ Khanh tới, đồng thời cho gọi tri huyện Thẩm Bá Minh. Viên tri huyện sợ hãi xin nhận tội. Lai Ngự sử quát:

- Người đã xử oan, hãm hại người lương thiện, tội ác như thế làm quan sao được. Người đáng phải chịu tội. Nay ta phạt người năm trăm lạng bạc, đền

cho Thi Huệ Khanh.

Sau đó Lai Ngự sử cho gọi Thi Huệ Khanh lại an ủi:

- Anh là một đấng trượng phu đáng được khen thưởng. Ta thưởng cho người tám trăm lạng bạc. Đây là phần thưởng nêu gương điều thiện.

Thi Huệ Khanh thưa:

- Con đã được ngài minh oan, cải tử hoàn sinh. Nay con xin xuất gia, không dám nhận tám trăm lạng tiền thưởng. Xin một nửa để xây dựng chùa, còn một nửa tặng cho Tăng Tiểu Tam, để anh thờ cúng người vợ đã mất, và lấy người vợ khác.

Tăng Tiểu Tam cúi lạy nói:

- Từ lâu con đã phát tâm tới Ngũ Đài Sơn tu hành, không muốn nhận bạc, số bạc này để lại xây dựng chùa.

Lai Ngự sử nghe xong trầm ngâm nói:

- Hai anh không nhận bạc, đều muốn xuất gia. Ta định sẽ giải quyết theo cách khác.

Thế rồi ông cho gọi tất cả hòa thượng tới, nói:

- Các người đều là lũ trọc đầu không có tấm lòng trong sáng lại muốn làm người tu hành. Phần lớn khi còn nhỏ, cha mẹ nghèo đói, không có nghề nghiệp gì truyền lại, bảo rằng mình gặp cơn đen vận túng phải cho con đi tu. Khi lớn lên dục vọng nảy sinh, làm những điều xấu xa. Hoặc có người nửa đường đứt gánh, hoặc do nghèo túng bức bách đi tu, hoặc vì phạm tội, không còn cách nào phải trốn vào cửa thiền. Rồi được khách thập phương cúng đốn, ăn no mặc ấm, từ đó nảy sinh ý xấu. Đó gọi là: "Đói rét sinh trộm cướp, no ấm sinh dâm dục". Nay ta cho các người hoàn tục, nếu ai muốn, ta cho năm lạng bạc trở về quê quán làm dân lương thiện.

Quá nửa tăng lữ xin hoàn tục, những người đó được Lai Ngự sử cho bạc rồi thả ra. Lệnh cho Thi Huệ Khanh, Tăng Tiểu Tam tạm thời trụ trì chùa Bảo ứng, và Lai Ngự sử dặn họ rằng:

- Ta muốn mở đàn tràng cúng cô hồn ba ngày ba đêm tại bản tự, đến ngày đó sẽ cử hành lễ cắt tóc làm hòa thượng cho các người. Việc này cần rất nhiều tăng lữ, song tăng lữ tại địa phương rất ít, có người lại chưa biết hành lễ, bởi thấy cần mời các nhà sư tiếng tăm ở các nơi về, thì mới làm tốt được

việc này.

Nói xong Lai Ngự sử cho một số người đem bản yết thị dán khắp nơi, từ các cổng thành, đến các vùng thôn quê và chùa chiền. Bản yết thị như sau:

- Giám Sát Ngự sử Quảng Đông mời các tăng lữ về hành lễ để chấn hưng Phật giáo. Bản viện chọn ngày lập đàn tràng lớn tại chùa Bảo ứng. Song tăng nhân địa phương không đảm đương nổi việc nhà Phật. Vậy kính mời tăng nhân thập phương về bản tự lập đàn tràng ba ngày ba đêm, cúng các tướng sĩ trận vong, và các cô hồn bị hại ở khắp nơi. Nghĩ rằng các nhà sư đang vân du muôn nẻo, nhất định sẽ có những thánh tăng. Bởi thế mời các vị tới để cử hành khóa lễ trọng thể này" .

Khi công bố bản yết thị, các nơi truyền tin nhau. Những tăng lữ đang vân du, nghe tin đều lũ lượt về chùa Bảo ứng. Lai Ngự sử đột nhiên đến chùa tiếp kiến, lần lượt ghi danh sách quê quán, và chia về từng phòng yên nghỉ. Bỗng thấy một hòa thượng:

Hai mắt tráo trừng.

Lông mày dựng ngược.

Hùng hùng hổ hổ học thói La Hán cười rồ.

Hằm hằm độc ác như thể Thiền sư cười hổ.

Chuỗi tràng hạt ở cổ như đốt xương người.

Gậy thiền trượng trên tay, như tắm máu tươi.

Đó chẳng phải là ai khác, hán chính là gã hòa thượng cách đây năm năm đã đuổi Lai Ngự sử rơi xuống giếng. Hắn không nhận ra Lai Ngự sử, nhưng Lai Ngự sử lại nhận ra hắn. Lai Ngự sử vờ nói:

- Đêm hôm qua ta nằm mơ thấy Quan âm Đại Sĩ, nói với ta rằng: "Ngày mai có một vị hòa thượng, tuy đáng vẻ dữ tợn, nhưng lại là một vị cao tăng đức hạnh". Nay thấy đúng như lời báo mộng, thì đây nhất định là một hòa thượng tốt. Xin mời đến dinh dùng cơm chay.

Nói xong sai người dẫn hòa thượng đến nha môn. Sai dịch nói:

- Ở chốn nha môn không được mang thiền trượng vào.

Họ bảo hòa thượng để thiền trượng ở ngoài, rồi dẫn vào nhà Lai Ngự sử lập tức trở về nha môn. Vừa bước vào cổng, ông thét bọn tay chân trói hòa thượng lại. Hòa thượng vội kêu:

- Bần tăng vô tội.
- Người vẫn còn nói là vô tội ư? - Lai Ngự sử quát.
- Người còn nhớ cách đây năm năm, người đã đuổi một thư sinh rơi xuống giếng không?

Gã hòa thượng nhìn kĩ Lai Ngự sử, bỗng chết lặng đi, cứng họng không nói được. Lai Ngự sử nói:

- Tại sao hôm ấy người giết người đàn bà? Hãy khai cho ra để khỏi phải tra tấn.

- Pháp danh của con là Đạo Hư. - Hòa thượng nói. - Năm ấy cùng với sư huynh là Đạo Vi đi qua ngôi miếu ở ngoài thành thuộc huyện Đồng Hương, ngẫu nhiên thấy một thiếu phụ, rồi nảy ra ý xấu, bức người ấy vào miếu cưỡng dâm. Không ngờ ngài đi qua gặp được, bởi thế con đã cả gan đuổi ngài rơi xuống giếng. Khi về tới miếu, thấy người đàn bà ấy đã chết, còn sư huynh bỏ đi đâu không biết. Quả thật con đã đuổi ngài, nhưng kẻ giết người không phải là con.

- Hiện nay Đạo Vi ở đâu? - Lai Ngự sử hỏi.

- Con không biết hắn ta ở đâu? - Đạo Hư nói.

Lai Ngự sử trầm ngâm hồi lâu, rồi lấy danh sách những hòa thượng tới chùa Bảo ứng ra xem, thấy cách đó ba hôm Đạo Vi đã tới chùa. Lai Ngự sử lập tức sai người đến chùa bắt Đạo Vi. Quát hỏi:

- Sư đệ khai, cách đây năm năm người đã giết người đàn bà tại ngôi miếu cổ. Người hãy thành thật khai ngay.

- Con không bạn bè gì với Đạo Hư. - Đạo Vi nói. - Con và tiểu tăng hiềm khích, nên Đạo Hư đã hại con. Xin ngài soi xét.

- Rõ ràng người đã giết người đàn bà ấy. - Đạo Hư nghiêng răng nói. - Bây giờ người còn chối cãi quanh co.

Lai Ngự sử quát, cho người mang kẹp ra kẹp, hắn vẫn không khai. Lai Ngự sử nhìn kĩ, song không nhận được mặt Đạo Vi. Hôm ấy bị đuổi, quay lại nhìn mấy lần ông chỉ nhớ được mặt Đạo Hư, còn gã hòa thượng trong miếu thì không nhớ được. Lai Ngự sử thấy Đạo Vi không chịu cung khai, bèn kẹp, bắt Đạo Hư phải khai đúng sự thực. Đạo Hư chỉ một mực nói là Đạo Vi chứ không hề thay đổi lời khai. Lai Ngự sử nghĩ một lát rồi cho giam

riêng mỗi người một nơi, hôm sau xét xử tiếp.

Đạo Vi bị giam riêng trong ngục, hăn nghĩ bụng: "Ngự sử đã nhận được mặt Đạo Hư, nên hăn không thể chối được. May mà ông ta không nhớ được mình. bây giờ cứ thối phăng, thì vẫn có thể thoát chết. Ngày mai xét xử dù cò kẹp hai ba chiếc kẹp, ta vẫn cố chịu đựng không khai, nhất định sẽ được tha". Vào lúc canh ba, giữa đêm tối mịt mùng, Đạo Vi nghe thấy tiếng ma khóc văng vẳng từ xa, rồi sau cứ rõ dần. Đạo Vi tỉnh giấc lắng tai nghe, thấy tiếng nói khe khẽ bên tai: "Đạo Vi, mày giết chết tao, tao khổ lắm, lần này mày phải đền mạng". Đạo Vi chợt dạ sợ quá, bất giác kêu thất thanh: "Có phải người là oan hồn người đàn bà không? Ta trong giây lát đã giết chết người, ta sai rồi, người đừng tới đòi ta đền mạng nữa, lần này thoát chết, ta sẽ làm nhiều việc tốt để siêu sinh tịnh độ cho người". Vừa nói xong, thấy đèn đuốc sáng rực, hai người lính mặc áo xanh ập tới, quát lớn:

- Trên trọc đầu! Mày đã tự khai ra rồi. Chúng tao không phải là ma quỷ, mà là người tâm phúc của quan Ngự sử, giả vờ khóc để thử lòng mày. Nay thì chân tướng của mày đã bại lộ. Mày không thể chối cãi được nữa.

Đạo Vi nghe xong sợ xanh mặt. Đúng là:

Đêm đen đuổi lí,

Sáng quắc mắt thần.

Không một bóng người,

Chân tướng lộ ra.

Hai người lính lệ, trói chặt Đạo Vi, chờ tới sáng giải hăn lên bẩm quan. Lai Ngự sử cười nói:

- Hôm qua ta kẹp, người không khai, đêm qua không kẹp thì tự người khai ra. Nay còn nói gì nữa không.

Đạo Vi thấy không thể chối quanh được nữa, đành phải khai rõ sự thật. Ngự sử lấy khẩu cung rồi lại giam vào ngục. Đồng thời lệnh cho chùa Bảo Ứng ngay ngày hôm ấy lập đàn tràng. Sau đó đích thân đến chùa, cắt tóc cho Thi Huệ Khanh, Tăng Tiểu Tam, và đặt pháp danh cho hai người là Chân Thông, Chân Thiết. Sau đó mời hai người làm hòa thượng, chủ trì đại lễ lại lệnh cho sư các chùa đều phải tôn kính hai vị hòa thượng này. Chân Thông, Chân Thiết bẩm rằng:

- Hai chúng tôi chỉ biết niệm Phật, không biết tụng kinh, không chủ trì đại lễ được.

- Hai vị là bậc cao tăng chân chính có đức hạnh, - Lai Ngự sử nói, - chỉ niệm Phật cũng đủ để siêu sinh tịnh độ cho cô hồn.

Thế rồi mời hai vị bước lên đài ngời, cất cao giọng niệm Phật. Còn các tăng lữ ở dưới tụng kinh, tấu nhạc họa theo, cứ thế ba ngày ba đêm, đại lễ xong. Lai Ngự sử cho làm ba chiếc quan tài lớn, dẫn Khứ Phi, Đạo Hư, Đạo Vi tới trước đàn tràng, đánh mỗi tên một trăm roi, rồi cho vào quan tài, chất củi xung quanh. Cả một biển người từ các ngã ùn ùn đổ về chùa đông nghịt. Đúng vào giờ Ngọ, Lai Ngự sử rút từ trong tay áo ra một tờ giấy, đưa cho Chân Thông, Chân Thiết, bảo họ tuyên đọc. Chân Thông, Chân Thiết cũng biết được ít chữ, mở ra xem thì đó là một bài kệ, bèn đồng thanh tuyên đọc: “Những việc ba người này gây ra không thể nói hết được. nay ta giải oan cho các người, giải oan cho các người. Đốt hết gốc rễ tham lam xấu xa, thiêu hết mầm dâm dục độc ác. Từ nay diệt tận gốc, không sinh ra kiếp ác độc nữa”.

Đọc xong Lai Ngự sử nổi lửa, ngọn lửa rần rật bốc cháy, phút chốc ba gã hòa thượng cháy thành tro. Đúng là:

Siêu thoát sư ngời thiên.

Đốt chết hòa thượng sống.

Tất cả nhập niết bàn.

Cõi đời nợ xóa sạch.

Lai Ngự sử đã sai người đặt sẵn hai bài vị trên đàn tràng. Trên đó ghi: "Linh hồn Chu thị bị hại" và "Linh hồn Thương thị bị hại". Trước hai bài vị bày hương nến và lễ vật. Thiêu sống xong ba hòa thượng, Lai Ngự sử mời Chân Thông, Chân Thiết đến trước linh sàng hai người đàn bà, cúng rồi hóa vàng. Lai Ngự sử lại rút trong tay áo ra một trang giấy đưa cho hai người tuyên đọc:

Thương người đã làm thân phụ nữ,

Chớ sao phải chịu chết thảm thương.

Nghiệp trước nghĩ rằng chưa xóa hết,

Cho nên đời này chịu diệt trừ.

*Cô hồn mờ mịt nào yên được,
Báo oán nổi oan bao giờ xong.
Nay người siêu thoát khỏi kiếp sống,
Hãy về nơi cõi Phật Tây Phương.*

Đọc xong, hóa vàng hương, bài vị. Đàn tràng kết thúc. Hôm sau Lai Ngự sử tập hợp tăng lữ các nơi lại, rồi cho hoàn tục. Nếu người nào không muốn, phải đến nơi chức trách lĩnh giấy chứng nhận sư. Nếu không có giấy, không được phép ra khỏi châu huyện. Người nào vi phạm coi như đạo tặc. Tuyên bố xong, các nhà sư khất đầu lạy tạ ra đi.

Quan huyện Đồng Hương, trước đây là Hồ Hồn, vì lầm lỗi nên bị giáng chức xuống làm huyện thừa huyện Long Môn. Tham tướng Quảng Đông trước đây là Cao Huân, dựa vào Cao Cầu nên vẫn trở lại nhậm chức như cũ, Lai Ngự sử cho gọi họ tới dinh quan, quát hỏi Hồ Hồn về tội đã xử oan sai vụ án người rơi xuống giếng. Hồ Hồn sợ quá cúi đầu nhận tội. Lai Ngự sử mắng chửi hồi lâu, rồi bắt hẩn phải bỏ ra một ngàn lạng bạc trích ra hai trăm lạng cho Ngưỡng A Nhuận, số còn lại dùng để xây dựng chùa. Sau đó lại gọi Cao Huân, nói rằng hẩn dung túng cho quân lính làm hại dân, ta phải tâu lên cấp trên. Cao Huân hoảng sợ xin tha tội, và xin bỏ ra một ngàn lạng để xây dựng chùa. Lai Ngự sử nói:

- Người vợ vét bóp nặn dân chúng để tiền cúng xây dựng ngọn tháp bảy tầng, thì có khác gì sơn máu mỡ người lên tháp. Nay hãy mang số bạc ấy cứu tế dân nghèo, và phạt người thêm một ngàn lạng bạc nữa mua thóc lúa dự trữ, cứu tế dân khi gặp thiên tai.

Hai người ấy đều phải tuân lệnh. Lai Ngự sử lại lệnh cho tri huyện Thẩm Bá Minh, Hồ Hồn, Cao Huân đến chùa Bảo Ứng bái kiến Chân Thông, Chân Thiết, chọn ngày tốt tiễn họ lên Ngũ Đài Sơn. Lệnh cho sư các chùa đánh trống tấu nhạc đi trước. Tri huyện Thẩm Bá Minh, Huyện thừa Hồ Hồn và Tham tướng Cao Huân đi bộ tiễn chân Chân Thông, Chân Thiết ra khỏi thành, lại sai thư lại mang theo tiền lộ phí, trực tiếp tiễn đưa hai ông về Ngũ Đài Sơn. Đúng là:

*Tìm hòa thượng chân chính.
Hãy nhìn vào dân lành.*

Hai người làm hòa thượng.

Một vị làm quan to.

Thời ấy nhân dân Quảng Đông, ai ai cũng ngợi ca Lai Ngự sử là người sáng suốt. Ở triều đình, Trương Xu Mật nghe thấy tiếng tăm Lai Ngự sử lòng lầy, dâng sớ đặc biệt tiến cử, được triều đình thăng làm Điện trung Thị Ngự sử. Lai Ngự sử vâng lệnh về triều, dân chúng sĩ phu Quảng Đông đứng chật đường tiễn chân. Lai Ngự sử về huyện Đồng Hương đón vợ và gia đình Thủy Ngoại Sinh tới kinh đô. Triều đình phong thưởng, cha mẹ vợ con cũng được phong tặng. Lai Ngự sử xin cho Thủy viên Ngoại làm quan, suốt đời được vinh thân phì gia. Về sau Lai ngự sử lại dạy dỗ con cái Thủy viên ngoại học hành đỗ đạt, báo đền ơn tri kỉ xưa kia. Đúng là:

Trên đời nhất định được minh oan.

Ân đức có ngày sẽ báo đền.

Những người trí dũng và nhân ái.

Suốt đời vẫn giữ trọn hiếu trung.

Lai ngự sử cắt tóc cho hai hòa thượng đi tu là bảo vệ Phật; thiêu chết ba hòa thượng là bảo vệ Phật; cho những hòa thượng hoàn tục cũng là bảo vệ Phật. Thời ấy ai ai cũng nói đến phật, gặp sư là vái chào, như thế mới gọi thực tâm mến mộ đạo Phật. Nay chúng ta đọc truyện này, ai ai cũng vỗ tay khen ngợi!

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 16

Bố Bất Hiếu, Con Đào Mả Bố Bán Quan Tài

*Trâu cày tạo hóa sinh ra nhé.
Ngỗ ngược thì sao có con ngoan.
Giọt giọt máu hiền đều thế cả.
Cha nào cũng con ấy mà thôi.*

Đây là bài thơ khuyết danh thời Tống. Theo như bài thơ nói thì vì sao Cổ Tẩu ngu muội ác độc lại sinh được Thánh Thuần? Nghiêu Thuần thánh minh tại sao lại sinh ra đứa con bất hiếu là Đan Chu và Thương Quân? Bá Cốn hung ác sao lại sinh ra Thuần Vũ? Tăng Sâm là người tu thân dưỡng chí? Không biết Cổ Tẩu là một người rất cổ lỗ. Ngày nay nhân tình bạc ác, những gia đình có thói hợm của, thấy con cái bỗng chốc giàu sang phú quý thì họ vô cùng vui sướng. Họ hoàn toàn không biết cái phú quý trước mắt, dù cho mình có làm phò mã, làm tể tướng, thậm chí làm hoàng đế, thì sau cũng sẽ bị giết hại, đến khi nghĩ lại thì đã muộn. Đó không phải là người ngày nay không bằng người ngày xưa, vậy thế nào là người cha ngu dốt hung ác cố chấp? Còn bàn về Đan Chu, Thương Quân, đều là người con có hiếu, biết nghe lời cha. Quả thật, bàn về thế thái nhân tình ngày nay, cho dù con do một người cha sinh ra, chia một chút gia sản cho các con, thì chúng vẫn ganh tị nhau, kẻ nhiều người ít. Song cha của hai người này không chịu truyền cơ nghiệp lớn lao cho con mình, mà lại truyền cho người khác, hai người con ấy hoàn toàn không nói gì. Cho nên *Thư Kinh* nói: "Vui vẻ thấy người ngoài làm vua". Đó chính là ca ngợi Đan Chu nhường nhện. *Trung Dung* nói: "Con cháu bảo vệ nó."

Đó chính là ca ngợi Thương Quân là người hiền. Sao lại bảo họ là kẻ bất hiếu? Lại như Bá Cốn cũng là một hiền thần cần mẫn làm việc cho vua.

Xưa nay trị thủy là một việc rất khó khăn nhất là thời Nghiêu, nạn hồng thủy càng khủng khiếp, nếu không có phép thần thông khoét núi mở đường trừ tà đuổi quỷ thì làm sao trị được ? Cho nên Đại Vũ là Thầnvũ. Nhưng Bá Cốn trị thủy được chín năm. Thần Vũ trị được tám năm. Bá Cốn chỉ coi trọng kinh sư, cho nên trị thủy từ Thái Nguyên. Nhạc Dương, Thần Vũ coi trọng Hà Nguyên nên trị thủy từ Tích Thạch Long Môn. Rốt cục *Thư Kinh - Vũ Cống* viết: "Đã trị từ Thái Nguyên đến Nhạc Dương", cũng chẳng qua ông dựa vào cơ sở công việc của Bá Cốn để trị thủy; Lễ Ký - Tế Pháp tế tự là nhờ đến công lao người đã chết. Người Hạ xem thường Cốn mà đề cao Vũ. Trong điển lễ lại xếp Bá Cốn vào loại người hung ác ngang với Cộng Công, Hoan Đâu, Hữu Miêu? Còn như Tăng Sâm, đều dựa theo tính cách của cha mẹ mà suy ra. Là người tính tình hào phóng, Tăng Tích rất yêu quý bạn bè, thường cùng họ du xuân trên sông Nghi Thủy. Bữa nào ông cũng bảo còn thừa, cho nên phải xin những thứ còn lại. Tăng Sâm thì luôn luôn tiết kiệm, lúc nào cũng lo sợ, tính hay thu góp, không đòi hỏi con cái nhiều quá lãng phí, không nói có đồ ăn thừa, cho nên Tăng Nguyên không xin. Tại sao lại bảo Tăng Sâm là người dưỡn chí, còn Tăng Nguyên không phải là người dưỡn chí. Người ngày nay không biết suy xét, nói là người tốt lại đẻ ra con độc ác, cha độc ác lại sinh được con ngoan, thế rồi cho rằng làm điều thiện là vô ích, không ngăn chặn làm điều ác. Dưới đây tôi kể chuyện báo ứng về người có hiếu sẽ sinh được con có hiếu, người xấu xa sẽ đẻ ra những đứa con xấu xa để các bạn nghe.

Thời Chính Đức triều Minh, huyện Vô Tích, phủ Thương Châu, Nam Trực, có một người tên là Yến Ngao, tự Lạc Xuyên. Cha Yến Ngao là Yến Mộ Vân - con rể nhà họ Thạch, mẹ là Thạch thị. Họ chỉ sinh được một mình Yến Ngao. Ông ngoại Yến Ngao là Thạch Giai Trinh, nhà giàu có, nên đã bỏ tiền ra mua một chức nho sĩ mũ cao áo dài, và tự xưng là ông lớn. Không có con nối dõi, Thạch Giai Trinh coi Yến Ngao như con để mời thầy về dạy học, cốt sao thi đậu tú tài. Khi Yến Ngao mười tám tuổi, đúng vào lúc thi thì vợ chồng Yến Mộ Vân lần lượt qua đời. Cha mẹ vừa qua đời thì Yến Ngao phải đi thi. Thạch Giai Trinh muốn anh ta thi đậu tú tài nên đổi

tên Yến Ngao thành Thạch Ngao, nhận là con. Thạch Giai Trinh mua chuộc Chúc Lẫm Sinh, làm tờ cam đoan, dùng tiền hối lộ che giấu việc bố mẹ Yến Ngao mất để được vào học. Ngày tiền chân Thạch Ngao đi học, người, ngựa tấp nập, đua nhau mang quà đến mừng. Bạn bè thân thích cười thầm. Còn Thạch Chính Tông cháu họ của Thạch Giai Trinh thì tức tối. Anh ta trách móc Thạch Giai Trinh đã không nhận cháu làm người thừa kế. Thạch Chính Tông đưa việc này trình lên thầy dạy học rằng, Yến Ngao che giấu việc tang cha mẹ, yêu cầu thầy ra lệnh tra xét. Yến Ngao lo lắng, vội vàng về báo cho ông ngoại, bỏ tiền ra đút lót thầy học, và đút lót Thạch Chính Tông thì chuyện mới yên.

Năm ấy Thạch Giai Trinh lại cưới con gái họ Phương cho Yến Ngao, ngay năm đó đã có con, đặt tên là Kỳ Lang. Yến Ngao đỗ tú tài lấy vợ sinh con đều trong thời kỳ để tang, như thế là vi phạm luân thường đạo lí, dù có văn tài cũng coi như là một văn nhân vô hạnh, thật đánh khinh. Hơn nữa, trình độ của Yến Ngao quá kém, mãi hai năm sau gặp được người thầy trong họ, mới đỗ rớt bảng. Đạo ấy có người hiếu sự đã lấy bốn câu trong *Tứ Thư* ghép thành một bài thơ yết hậu như sau:

Tiểu nhân bụng đầy đức.

Chẳng sáng dạ chút nào.

Điểm thi được người cho.

Vênh vang đỗ rớt bảng.

Yến Ngao đỗ cuối bảng chỉ ở vào địa vị hàng xã. May mà chưa hết hạn sáu năm, nên Thạch Giai Trinh lại bỏ tiền đến thăm hỏi Tông sư (học quan) mới được đỗ vào cuối bảng ba, nhích thêm được một nấc nữa.

Ông ngoại coi Yến Ngao như con. Yến Ngao bỏ rơi cha mẹ, lẽ ra sau này phải thờ phụng Thạch Giai Trinh. Song kẻ bội bạc với cha mẹ thì làm sao biết ơn ông ngoại được.

Ngay người ruột thịt còn tệ bạc

Thì sao tốt được với người xa.

Thấy Thạch Giai Trinh già yếu, hăn nghĩ: "Ông ngoại chết, thì những người trong gia tộc họ Thạch nhất định sẽ tranh giành của cải. Nhân lúc ông ngoại còn sống, ta lấy một ít tiền để chi tiêu". Rồi hăn lại bàn với vợ là Phương thị, lén lút lấy tiền của Thạch Giai Trinh mua ruộng vườn, nhà cửa, và tất cả những vật dụng trong nhà. Một hôm hăn lừa ông ngoại, đưa vợ con tới nơi ở mới. Thạch Giai Trinh vô cùng tức giận, đến ngay trường học trình báo về sự bất hiếu, ngỗ ngược của hăn. Học sư(1) sai Học dịch(2) đến gọi Yến Ngao hỏi. Yến Ngao hứa sẽ tạ ơn những người này, và nhờ họ khéo léo dàn xếp với Học sư. Sau đó Yến Ngao đến xin lỗi ông ngoại. Thạch Giai Trinh vốn người hiền lành, thấy hăn xin lỗi cũng cho qua. Khi xong việc, Học dịch đòi tạ ơn, Yến Ngao đã nuốt lời hứa, Học dịch vô cùng căm tức.

(1) Học sư quan trông coi việc học.

(2) Học dịch: nhưng người thừa hành công vụ trong ngành giáo dục.

Hai năm sau trời hạn hán, mất mùa đói kém. Quan huyện và Học sư đều tới đàn cầu mưa thấp nhang khấn vái, phát cháo cứu đói. Lúc ấy Thạch Giai Trinh đã nghèo túng lại mắc bệnh phong, hằng ngày phải lang thang đi xin ăn. Hôm ấy, ông ta ăn mặc rách rưới, đến chỗ phát cháo rẽ đám đông quát to:

- Lui ra cho ông lớn vào ăn cháo.

Không ngờ trên lễ đàn, quan huyện nhìn thấy hỏi Học sư:

- Lạ thật, người này xưng là ông lớn, mà sao lại tới đây ăn cháo.

Học sư chưa kịp trả lời thì Học dịch đã quỳ xuống thưa rằng:

- Người này là Thạch Giai Trinh, từng là nho sĩ đội mũ đi hia, cho nên tự xưng là ông lớn. Ông là cha đẻ của Thạch Ngao học trò của huyện ta.

- Ta thấy điều này rất lạ. - Tri huyện kinh ngạc nói. - Con là tú tài sao lại để cho cha đi xin cháo? Con ông ấy có còn không?

- Bẩm quan, vẫn còn ạ. - Học dịch nói.

- Người tú tài đó hiện giờ sống thế nào? - Quan huyện hỏi.

- Ông ta có nhà cửa, ruộng vườn, sống sung túc. Chỉ vì đã ra ở riêng từ lâu, cho nên không quan tâm đến cha nữa.

Quan huyện nghe xong bỗng giận dữ, nói với Học sư rằng:

- Loại thư sinh như thế sao còn cho hăn học. Hãy tố cáo lên quan Học hiến, đuổi hăn ra.

Học sư vâng dạ làm theo lệnh quan huyện. YẾN Ngao biết tin vô cùng lo lắng, vội chờ người đến ngăn lại đơn tố cáo. Mặt khác khẩn thiết nhờ mấy vị tú tài họ ÁN đến huyện trình rằng: "Thạch Ngao vốn là họ ÁN. Thạch Giai Trinh là ông ngoại. Tuy lúc nhỏ có lập người thừa tự, nhưng nay đã trở về họ gốc rồi". Đồng thời tìm người lên nói với quan huyện rằng, Thạch Giai Trinh hiện đang bị bệnh phong. Tri huyện mới phê vào đơn, thôi không tố cáo lên quan Học hiến nữa. Đúng là:

Bỏ YẾN về Thạch.

Bỏ Thạch về YẾN.

Mặc sức tùy tiên.

Khéo léo giả vờ.

Sau vụ này YẾN Ngao hứa sẽ trả công, tuy không dây dưa, nhưng hăn lại đưa tiền đồng, lừa là tiền bạc. Tuy nhà YẾN Ngao giàu có, nhưng lại có thói thích dùng tiền đồng. Đúng là:

Làm người không có tính người.

Tiền bạc lại không bằng bạc.

Bạc giả khác cho giấy tiền.

Côi dương chẳng khác côi âm.

Được nửa năm. Thạch Giai Trinh ốm chết. YẾN Ngao không những không lo ma chay, mà còn không chịu tang. Chỉ nhờ Thạch Chính Tông lo liệu. Đến khi phát tang, hăn chỉ mang đến mấy lạng tiền đồng phúng viếng. Vô cùng căm tức, lo ma chay xong, Chính Tông lên huyện tố cáo YẾN Ngao là

người thừa tự nhưng không để tang. Hơn nữa, trước kia hẳn cũng không tang cha mẹ. Xem xong đơn, quan huyện gửi giấy đến trường học kiểm tra lại. Những Học dịch lúc ấy không dám che dấu Yến Ngao, xúi giục thầy học trình ngay lên huyện về những sai trái của Yến Ngao. Trước khi thẩm vấn, quan huyện cho gọi những người họ Yến Ngao tới làm chứng. Trước đây Yến Ngao đã dùng tiền đồng đánh lừa họ, nên ai cũng ghét, họ đều thừa rằng:

- Quả thật trong khi để tang, Yến Ngao đã thi tú tài, trước kia anh ta đã nhận làm người thừa tự họ Thạch, song nay lại trở về với họ Yến.
- Cha mẹ chết thì bảo là làm con thừa tự họ Thạch. - Quan huyện nói. - Cha nuôi họ Thạch chết lại nói là trở về với họ gốc. Nay nếu đúng là về họ gốc, thì rõ ràng trước đây dấu tang để đi thi. Như thế là phạm tội.

Yến Ngao van nài xin tha. Tri huyện không nghe, gửi giấy lên Học viện. Theo luật, Học viện phê: "Phải xóa tên trong danh sách".

Từ đó yến Ngao đoạn tuyệt quan hệ với nhà họ Thạch, song không ngờ, quan tài vợ chồng Yến Mộ Vân trước đây chôn tạm ở nghĩa địa nhà họ Thạch, nay bị Thạch Chính Tông đào lên mang tới gò hoang. Không còn cách nào khác, Yến Ngao đành chuyển hai chiếc quan tài về chôn tại nghĩa địa nhà họ Yến. Trước đây yến Ngao đã làm con thừa tự nhà họ Thạch, không góp một xu nào để mua khu đất nghĩa địa này. Số tiền ấy điều do Yến Tử Khai, anh con ông bác, bỏ ra. Nay Yến Ngao lại muốn đưa cha mẹ về đó, sợ Yến Tử Khai bắt phải góp tiền, nên chỉ nói là chôn tạm, sau sẽ chuyển đi nơi khác. Yến Tử Khai là một người tốt, không đòi tiền Yến Ngao, mà vẫn cho chôn. Yến Ngao tự chọn ngày, không báo cho người trong họ, cũng không mời thầy địa lý điểm huyệt, chỉ gọi mấy người thợ, bảo họ đào bừa một lỗ ở chỗ đất còn trống. Nào ngờ, đào được hai thước thì thấy một phiến đá lớn. Bọn thợ nói:

- Chỗ này không đào được, phải tìm chỗ khác.

Tiết tiền công, Yến Ngao không muốn đào chỗ khác, cứ đặt bừa hai chiếc quan tài trên đá. phiến đá ấy gồ ghề cao thấp khác nhau, hai chiếc quan tài,

chiếc cao chiếc thấp. Cha ở chỗ thấp, mẹ ở chỗ cao, y như cưỡi ngựa đá. Người ta đã làm mấy câu thơ như sau:

Cha lấy vợ họ Thạch.

Mẹ là con họ Thạch.

Sống dựa vào đá.

Đá cao chôn mẹ.

Đá thấp chôn cha.

Vì sao vợ cao hơn chồng.

Bởi vì là con gửi rể.

Yến Tử Khai thấy Yến Ngao chôn cha mẹ như thế lấy làm kinh ngạc, chỉ nghĩ rằng, vì chôn tạm cho nên mới cấu thả như thế. Nhưng không ngờ, hơn một năm không thấy chuyển đi, vẫn cứ vút bừa hai chiếc quan tài trên đá.

Yến Ngao đã hủy hoại hài cốt cha mẹ, thì làm sao con trai hấn tốt được. Đương nhiên hấn đã sinh ra một đứa con trai hư hỏng để báo oán. Kỳ Lang sinh vào năm Yến Ngao có tang, nay đã mười ba tuổi. Yến Ngao keo kiệt, không dám mời thầy về dạy, tự mình dạy lấy. Ai ngờ Kỳ Lang chẳng học cha được chữ gì, chỉ học được nghề đánh bạc. Chỉ quen tiêu tiền đồng, lại là người ham đánh bạc, liệu khi thua, Yến Ngao có mang bạc tốt ra trả không? Người ta thường nói: "Thượng bất chính, hạ tắc loạn". Yến Ngao dạy Kỳ Lang học chữ, chữ thì thả học, mà chỉ học được ở bố trò đánh bạc.

Vợ Yến Ngao là Phương thị, thấy con chẳng chịu học hành, suốt ngày mãi mê đánh bạc. Biết rằng cha không bảo được con, nhiều lần Phương thị khuyên Yến Ngao tìm thầy về dạy. Thấy vợ thúc ép quá anh ta tìm một thầy vừa đơn giản vừa đỡ tốn tiền, đó là người anh họ Yến Tử Giám, cùng ở một xóm. Yến Tử Giám là tú tài, chỉ vì tuổi già mà không theo đuổi con đường thi cử. Yến Ngao mời ông về dạy học, không phải trả lương mà chỉ nuôi cơm. Anh ta lại kéo thêm trẻ con hàng xóm tới học, bắt chúng thay nhau

mang cơm đến nuôi thầy, còn mình chỉ thu xếp chỗ học và bỏ ra một bữa cháo buổi sáng. Vì nhà gần nên Yến Tử Giám sáng đến tối về, thành thử Yến Ngao không mất bữa cơm tối. Việc quá đơn giản, quá hời như thế, tưởng rằng Yến Ngao đặt lớp học tại phòng học mà con vẫn học, ai ngờ Yến Ngao lại dùng phòng học ấy làm nơi đánh bạc, lớp học lại xếp vào một gian nhà dột nát, cửa thì hoang toàng, nền nhà dể đòn, chuột đũi. Thấy lớp học quá tồi tàn, Tử Giám làm một bài thơ dán lên tường như sau:

Núi biếc nghiêng bên cửa.

Cây xanh gọi trước nhà.

Sáng nhìn sao thưa mọc.

Tối thấy ráng chiều sa.

Dạy học, niềm lạc thú.

Say mê suốt cuộc đời.

Mài mực thùng nghiên sắt.

Đừng bỏ dở ai ơi.

Yến Ngao xem bài thơ không hiểu, chỉ thấy bài thơ răn dạy học sinh. Nào ngờ Yến Thuật, con Yến Tử Khai, là người học nhờ lại là một học sinh rất thông minh. Vì Tử Khai mới dọn tới xóm này, nên đã gửi con tới đây học. Đứa học trò ấy mười ba tuổi, cũng bằng tuổi Kỳ Lang. Thấy Tử Giám đề thơ, nó nói riêng với Kỳ Lang rằng:

- Tiên sinh chỉ lớp học tồi tàn, ý của bài thơ đều ở chữ cuối câu hợp tất cả các chữ ấy sẽ thành: "Cửa sổ và cửa ra vào gãy nát, nền nhà thì dể đòn chuột đũi".

Kỳ Lang biết được bèn nói với cha là, chính nó phát hiện ra. Yến Ngao rất mừng, thấy con mình thông minh. Hôm sau gọi thợ đến sửa lại cửa và nền nhà, rồi cười nói với Tử Giám rằng:

- Bây giờ cửa sổ và nền nhà đã sửa rồi, hãy lột bài thơ ấy đi!

Tử Giám ngạc nhiên hỏi Yến Ngao, ai bảo mà Yến Ngao lại biết. Yến Ngao nói là con trai. Tử Giám nghĩ bụng, không ngờ thằng bé ấy lại thông minh

như thế, đúng là con hơn cha. Cứ như cha hăn thì chẳng kể làm gì, song
thằng con như thế thì tạm dạy một thời gian xem sao. Bởi thế Tử Giám yên
tâm dạy học. Ai ngờ Yến Ngao vô cùng keo kiệt, chỉ cho được một bữa
cháo buổi sáng, mà lại là cháo loãng. Suốt buổi phải chịu đói, Tử Giám lại
đùa bỡn làm bài *Phú cháo loãng* như sau:
Cháo trong leo lẻo, trời nước một màu.

*Thả chiếc máng trôi đi, phút chốc xa xăm mù mịt.
Miệng thối phù phù, nổi sóng Vũ Môn lay động Nhạc
Dương.
Môi húp soàn soạt, sấm rền trái đất ầm vang Vân Mộng.
Dáng vẻ văn nhân.
Tiên sinh trọng vọng.
Vui vì cháo có nhiều công dụng,
Học trò thiếu trà, dùng cháo làm đồ giải khát,
Lớp học thiếu gương, soi vào thấy rõ mày râu,
Húp được một thìa, bần sĩ rất vui.
Không gao nấu thành Chủ nhân quá giỏi.
Ngon hơn thái canh(1)
Ngọt hơn huyền tửu(2)
Loại cháo này chỉ hợp với đứa con có hiếu lúc để tang.
Hợp với người vừa ốm dậy.
Nước cháo vào mồm tuy ít,
Nhưng hơi hồ đã sợ quá nhiều.
Cũng chẳng khác nào khi mất mùa đói kém,
Đặt cháo loãng bên đường bố thí kẻ lại người qua.
Hoặc giống chó tù nhân bị cai ngục vơ hết cái.
Thầy có tội gì mà đến nông nổi này, trời ơi!
Ôi thôi!
Năm tháng cứ qua đi.
Đớn đau thâm thiết.*

(1) Thái canh: canh không tra ngũ vị.

(2) Huyền tử: nước lã.

Yến Thuật thấy bài phú này, đọc cho cha nghe. Tử Khai vô cùng kinh ngạc nghĩ rằng Yến Ngao không muốn mời thầy, bèn mời Tử Giám về nhà mình. Đang oán trách Tử Giám chế giễu mình, lại thấy Tử Khai mời thầy về, Yến Ngao rất mừng, vì bữa cháo cũng không mất nữa, lại gửi Kỳ Lang sang nhà Tử Khai học. Tử Khai nhận nuôi dưỡng thầy, cũng không chia cho mọi người nuôi, chỉ bảo họ mang thêm chút thức ăn. Đến tiết thanh minh, quả nhiên những người hàng xóm có con học, mang thức ăn đến nhiều hơn, chỉ riêng có Yến Ngao mang sang ba đồng. Tử Giám mở ra xem thì đó là tiền đồng. Nghĩ bụng, từ trước tới nay ta nghe thấy anh có biệt hiệu là "Lăn Đồng". Hẳn ta nhờ người trong họ đệ đơn lên huyện, sau đó lại dùng tiền đồng để tạ ơn. Xưa kia ta không lên huyện, chưa từng gặp phải võ tiền đồng, nay anh ta mang tiền đồng sang, quả là biệt hiệu "Lăn Đồng" thật chẳng ngoa chút nào. Tử Giám đưa tiền cho Kỳ Lang trả lại, rồi lại ra một câu đối bảo Kỳ Lang đối. Câu đối ấy như sau:

Ba tiền: vàng, bạc, đồng, tiền đồng sao lăn vào tiền bạc.

Kỳ Lang mặt đỏ tía tai, ngắc ngứ mãi không đối được. Tử Giám bước xuống thềm đi dạo một lát, khi quay lại. Kỳ Lang đã đối rằng:

Tứ Thi: Phong, Nhã, Tụng, chính thi sao lẫn biến thi.

Tử Giám xem xong nghi ngờ nói:

- Đối rất chỉnh, nhưng e rằng không phải người đối. Ta thường thấy khi ra đề người không làm ngay. Bao giờ cũng chờ ta đi rồi mới làm. Chắc rằng ai đó đã làm hộ.

Kỳ Lang cứ nói bừa rằng:

- Con tự làm, chứ có ai làm thay đâu.

- Nếu đúng như thế, - Tử Giám nói, - thì người hãy giải thích câu đối của mình cho ta nghe. Phong, Nhã, Tụng là ba loại thơ tại sao gọi là "tứ thi" thì sao lại có "chính" và "biến"?

Kỳ Lang mặt đỏ như gấc chín, không trả lời được. Tử Giám quả trách, Kỳ Lang đành phải khai thật là Yến Thuật làm giúp, và ngay cả bài thơ dán

trên tường đều do Yến Thuật đoán ra rồi bảo mình.

Tử Giám nghe xong, gọi Yến Thuật lại nói:

- Nó là đứa ngu đần không đáng trách, song người là người thông minh, sao lại đi làm cho nó, để nó lừa dối thầy.

Yến Thuật vội vàng xin lỗi.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 16 (B)

Đúng vào dịp Thanh minh, Tử Khai thuê thuyền đi tảo mộ, dọn rượu trong khoang, mời Tử Giám, và hện Yến Ngao cùng đi. Ba người tới mộ, thấy hai chiếc quan tài của cha mẹ Yến Ngao đặt trên tảng đá, cỏ dại mọc trùm lên, không chịu được gió mưa, quan tài lộ ra. Tử Giám thấy thế hỏi, biết được ông bỗng rùng mình sợ hãi. Tử Khai không nỡ nhìn thấy quan tài lộ ra như thế, gọi ngay phu đắp mộ gánh đất lấp đi. Khi đã đắp xong, đến hỏi tiền công, Yến Ngao thoái thác rằng không mang một xu nào đi. Tử Khai đành bỏ ra một quan tiền để trả. Tử Giám cứ giục chuyển quan tài đi chỗ khác, song Yến Ngao cứ ầm ừ cho qua. Đến khi thuyền quay về, thấy bên bờ sông có một cây mai nhỏ, Yến Ngao bảo ép thuyền vào bờ, rút từ tay áo ra năm đồng tiền bạc mua cây, rồi bảo người bán cây mang đến trồng ngay hôm ấy. Tử Khai thấy thế kinh ngạc hỏi:

- Vừa rồi phu đắp mộ đòi tiền công, sao anh bảo không có tiền, bây giờ lại đi mua cây, thế thì chẳng hóa ra anh quý cây hơn cha mẹ anh sao?

Tử Giám cũng rất tức giận, cười nhạo nói:

- Cây mai còn sống thì yêu, còn bố mẹ chết rồi không đáng tiếc.

Yến Ngao nghe thấy vẫn cứ lờ đi.

Từ đó Tử Giám rất ghét thói keo bẩn của Yến Ngao, đoạn tuyệt không quan hệ với hắn, ngay cả Kỳ Lang, ông cũng không bảo nó đến học nữa, chỉ quý trọng Yến Thuật. Tử Khai là người nhân hậu, hiếu đễ, cứ đến những ngày giỗ cha mẹ, Tử Khai thường mặc áo tang suốt ngày buồn bã, và Tử Khai cũng thường hay cứu giúp người nghèo. Mỗi khi thấy có người đến ngõ nhà Yến Ngao đòi đổi tiền đồng lấy tiền bạc, Yến Ngao không chịu nhận đó là tiền của mình nên không trả lại. Những người nghèo túng ấy hết sức oán hận. Tử Khai không nỡ nhìn thấy cảnh ấy, thường đổi cho họ, và cũng không biết đã đổi như thế bao nhiêu lần. Thấy thế Tử Giám nghĩ: "Người

làm điều thiện như thế, thì con cháu sau này sẽ phát đạt". Rồi có ý định thông gia với YẾN THUẬT. TỬ GIÁM với YẾN THUẬT là quan hệ bác cháu trong cùng một họ, thì sao lại thông gia với nhau được? Vốn là TỬ GIÁM có KỲ THỊ là cháu bên ngoại, tên là THỤY NƯỞNG. Cha mẹ mất từ lúc THỤY NƯỞNG còn nhỏ, được cậu nuôi dưỡng. Vợ TỬ GIÁM qua đời, trong nhà chỉ còn có bà TRỊNH là vú nuôi làm bạn với THỤY NƯỞNG. Lúc ấy THỤY NƯỞNG tuổi xấp xỉ YẾN THUẬT, người lại xinh đẹp và rất có tài. Từ lâu TỬ GIÁM đã có ý định kén một chàng rể tốt. Lần này thấy YẾN THUẬT, ông rất vừa ý. Ông thường đưa bài của YẾN THUẬT về cho THỤY NƯỞNG xem. THỤY NƯỞNG rất cảm phục tài năng, và thường khen YẾN THUẬT trước mặt vú nuôi. TỬ GIÁM dò được ý cháu, định nhờ mối đến cầu thân, thì một người mối là TÔN BÀ đã quen biết từ lâu tới chơi. TỬ GIÁM định nói chuyện này với bà, song thấy TÔN BÀ lấy ra một tờ giấy đỏ, nói:

- Có việc hôn nhân, nhờ ông tới lớp học nhà ông YẾN TỬ KHAI nói giúp.

TỬ GIÁM mở tờ thiếp ra xem, thấy trong đó viết: "Người con gái VŨ LONG MÔN mười bốn tuổi".

TỬ GIÁM xem xong, hỏi vì sao. TÔN BÀ nói:

- Con gái nhà họ VŨ tên là QUỲNH CƠ. Về sắc đẹp không cần phải nói, chỉ nói về văn cũng ngang tài với nhà ta đây. Nay bà già ấy muốn nó kết duyên với con trai YẾN TỬ KHAI. Cô ấy là con nuôi VŨ LONG MÔN nên vợ TỬ KHAI không bằng lòng chê cô không có cha mẹ đẻ. Nay nhờ ông tới nói giúp, đừng bỏ lỡ việc hôn nhân tốt đẹp này.

TỬ GIÁM nghe xong, nghĩ bụng: "Nhà họ VŨ nhận cháu gái nội làm con. Vợ TỬ KHAI còn không muốn thông gia, nhà mình nuôi cháu ngoại thì việc hôn nhân không thể xuôi được". Bởi thế TỬ GIÁM không nhắc tới việc hôn nhân của con mình, mà trả lời TÔN BÀ rằng:

- Bà vợ ông ấy đã không bằng lòng thì tôi nói cũng vô ích.

TÔN BÀ vẫn ngồi lại chuyện trò với THỤY NƯỞNG, hết lời khoe QUỲNH CƠ tài giỏi. Từ đó về sau, hai người tuy không biết nhau, nhưng lại rất kính trọng, yêu mến nhau hơn cả chị em ruột.

Một hôm TÔN BÀ nói với THỤY NƯỞNG rằng:

- Tiếc cho con gái nhà họ Vũ, bị bà mối xấu bụng làm hại, nên sinh ra đau ốm.

Thụy Nương hết sức kinh ngạc không hiểu, sau được Tôn Bà nói mới biết. Vốn, vợ Vũ Long Môn là họ Phương, em vợ Yến Ngao. Khi Tử Giám không dạy Kỳ Lang, Yến Ngao vẫn dạy nó. Kỳ Lang đã chép những bài của Yến Thuật và nói dối rằng đó là bài mình làm. Yến Ngao vốn là người không biết được tốt xấu cứ lầm tưởng con mình học giỏi, đem bài giả của con đi khoe khắp nơi, và được mọi người khen ngợi. Một vị hòa thượng ở chùa Thanh Liên, pháp danh là Liễu Duyên quen biết Yến Ngao. Yến Ngao thường hay tới chùa tụng kinh niệm Phật. Vũ Long Môn cũng là một người trong hội Phật giáo. Bởi thế Liễu Duyên nói vun vào cho hai người thông gia với nhau. Long Môn bàn với vợ, gả cháu cho Kỳ Lang, nhận sính lễ nhà họ Yến. Họ luôn luôn nói Kỳ Lang là người thông minh, có tài năng văn chương, sau này nhất định sẽ được sung sướng. Không ngờ, sự thật vẫn là sự thật, chân tướng Kỳ Lang ngày càng lộ rõ. Lúc đầu Kỳ Lang còn dùng những bài văn giả để lừa cha, sau lại vứt bỏ cả sách vở, suốt ngày đánh bài ngoài đường phố. Yến Ngao là người ham mê cờ bạc, anh ta thường trải thảm đỏ giữa nhà thắp nến hoa, đánh bạc với những kẻ lăm tiền, rồi cùng bọn vô lại, lê la đánh bạc ở khắp đầu đường xó chợ, Tin này đến tai, Quỳnh Cơ vô cùng tức giận. Vì không phải là người mối, nên Tôn Bà thường tỏ rõ sự bức bối trước mặt Quỳnh Cơ. Cô buồn bã, không thiết gì đến ăn uống, hận rằng cha mẹ đã chết sớm nên bị hai bác nhắm mắt gả bừa, làm hỏng một đời. Tức giận quá rồi sinh ra đau ốm. Thụy Nương thấy thế cũng bức thay, nhiều lần bảo bà Trịnh đến thăm hỏi an ủi Quỳnh Cơ. Song ai ngờ bệnh tư tưởng khó mà chữa trị, gần một năm sau thì cô qua đời. Trước khi chết, cô đốt hết những bài thơ làm hằng ngày, không để sót lại một bài nào. Quả là:

Cha mẹ mất rồi buồn vô hạn.

Đất dài trời rộng hận mệnh mong.

Nghe tin Quỳnh Cơ mất, Thụy Nương khóc thương thảm thiết. Người ta

thường nói: "Cùng bệnh thương nhau". Cô nghĩ: "Tài năng văn chương của mình cũng ngang với Quỳnh Cờ và những người con gái có tài thường mệnh bạc", và "Mình cũng chỉ là đứa con nuôi, không được cha mẹ để quan tâm, không biết sau này đời mình sẽ khổ đến mức nào". Cô cứ dằn vặt, suy nghĩ như thế, rồi đổ bệnh. Thụy Nương đã làm một bài phú khóc Quỳnh Cờ. Tử Giám thấy bài phú ấy, tự nhiên nước mắt trào ra. Thụy Nương kể lại chuyện đổ nhau làm thơ với Tử Giám. Tử Giám và Tử Khai nói chuyện với nhau về Quỳnh Cờ. Tử Giám nói:

- Nó là đứa con bất hiếu, làm mỗi sao được, chỉ làm hại con gái người ta thôi.

- Cũng là do Vũ Long Môn không thận trọng. - Tử Khai nói. - Người ta thường nói: "Nhìn con gái mình mà chọn chồng". Vì sao khi dựng vợ gả chồng lại đại khái qua loa, làm thiệt mạng một đời con gái như thế?

Yến Thuật nghe thấy, ân hận rằng trước đây mình không lấy cô ấy. Rồi làm hai bài thơ khóc cô.

Bài một:

Con gái không nên giỏi văn chương.

Cú vạ làm sao sánh phượng hoàng.

Lâm chung đốt sách đành hối hận.

Thà rằng dần độn quách cho xong.

Bài hai:

Cửu trùng tiên nữ vừa bay xuống.

Đã nghe thấy lệnh gọi về trời.

Buồn bã sáo đàn mang về hết.

Chẳng để lại gì chốn nhân gian.

Yến Thuật làm xong đặt trên bàn. Yến Tử nhìn thấy, biết con tiếc thương người con gái có tài. Tử Khai định nói với con về chuyện hôn nhân của Thụy Nương, song chưa tiện nói thì Yến Thuật lại biết được Thụy Nương làm thơ, rất ngưỡng mộ tài năng của cô, bèn thưa với mẹ là Trần thị hỏi Thụy Nương làm vợ, Trần thị rất yêu quý Yến Thuật, thấy con nói thế thì

bàn với chồng, nhờ Tôn Bà làm mối. Tử Giám cũng sai bà Trịnh đến nhà Tử Khai nói vun vào. Tử Khai mừng rỡ bằng lòng, chọn ngày lành tháng tốt, đưa sính lễ.

Năm ấy y mười lăm tuổi. Mười sáu tuổi Yến Thuật thi tú Tài. Mười bảy tuổi làm lễ thành hôn. Họ sống với nhau rất hạnh phúc. Một hôm Yến Thuật ngồi đọc sách trong thư phòng, thấy bà già Trịnh cầm tờ giấy, nói rằng:

- Cô nhà bảo cậu giỏi tập hợp những câu trong *Tứ Thư* thành một bài văn, lại hay ra câu đối cho người khác. Nay có mấy câu trong *Tứ Thư* xin cậu đoán, và một câu đối xin cậu đối lại.

Yến Thuật đón nhận ba tờ giấy, mở ra xem, thấy tờ thứ nhất viết một vế đối:

Không Tử trị quốc cân nhắc bốn đời Ngu, Hạ, Ân, Chu.

Yến Thuật nhìn qua không cần suy nghĩ, cầm bút viết ngay:

Cơ Công làm việc gồm cả ba vương Vũ Thang Văn Vũ.

Đối xong xem đến tờ thứ hai thì lại là sáu câu *Tứ Thư* ẩn chứa sáu nhân vật cổ xưa.

Yến Thuật đều đoán hết mọi câu, dưới mỗi câu lại ghi chú họ tên từng nhân vật.

Người sai kẻ sĩ trong thiên hạ muốn làm vua trong triều.

(Lai Tuấn Thần)

Vũ vương đánh Trụ.

(Chu Hưng)

Con cháu đời sau, tất có người làm vua.

(Thái Công Vọng)

Thái giáp hất đổ canh.

(Trưởng Tôn Vô Kỵ)

Quan hệ bạn bè.

(Điều thứ năm trong ngũ luân)

Yến Thuật đoán xong, nói:

- Sáu câu đố này đều hay, câu cuối cũng rất sát hợp.

Nói xong xem đến tờ thứ ba, thấy trong đó viết:

"Quốc sĩ vô song" tìm một câu trong *Tứ Thư*.

Yến Thuật đoán không ra, Đang lúc đi đi lại lại ngẫm nghĩ thì bà Trịnh đem hai tờ giấy vào hỏi Thụy Nương. Lát sau trở ra nói rằng:

- Cô nhà nói, hai tờ giấy trước cậu đã đoán đúng, thì câu này khó gì. Chỉ cần nghĩ rằng câu này ai nói, và nói về người nào là hiểu ngay.

Yến Thuật bừng tỉnh, hiểu ra ngay, nói:

- "Quốc sĩ vô song" là câu Tiêu Hà nói về Hàn Tín. Đúng là *Tứ Thư* có câu *Hà nói Tín*, ta đã đoán đúng. Yến Thuật cầm bút viết xong, đưa cho bà Trịnh mang vào cho Thụy Nương, rồi theo luôn bà vào phòng. Hai người gặp nhau, Yến Thuật cứ tấm tắc khen ngợi tài trí của nàng. Thụy Nương cũng rất vui vì sự mắn tiệp của chàng. Đúng là:

Đôi lứa xứng đôi phượng nói hoàng,

Gái này trai ấy quả ngang hàng.

Chồng vợ coi nhau như bè bạn.

Quốc sĩ ngày nay được cả hai.

Từ đó bài văn Yến Thuật làm thường đưa cho Thụy Nương bình phẩm. Nàng bình phẩm khá xác đáng. Yến Thuật rất khâm phục, coi nàng như một người thầy và cũng là một người bạn. Năm mười tám tuổi, Yến Thuật thi hương. Khi trở về viết lại ba bài thi đưa cho Tử Giám xem. Tử Giám khen ngợi, cho rằng nhất định sẽ đỗ. Nhưng khi Thụy Nương xem, thì nàng bảo:

- Ba bài đều hay, song phần kết của bài thứ ba có một câu rất nguy hiểm, e rằng không ổn.

Đến khi yết bản, Yến Thuật đỗ thứ một trăm hai mươi bảy. Vốn bài văn của Yến Thuật, quan sơ khảo thấy câu kết trong bài thứ ba rất nghịch mặt, nên

xếp vào cuối cùng. Không ngờ quan chủ khảo xem câu ấy gạch đi, không cho đỗ. Bỗng thấy có người giăng lấy bút, rồi nói văng vẳng bên tai: "Nhà người này có truyền thống nhân hậu, hiếu đễ, không thể đánh trượt được!". Quan chủ khảo kinh ngạc, rồi cho đỗ. Hôm ấy Yến Thuật đến tạ ơn quan sơ khảo và quan chủ khảo, mới được nghe kể lại chuyện này. Thấy cha mẹ làm điều thiện mình mới đỗ, Yến Thuật vô cùng cảm động, và càng khâm phục tài thâm định văn chương của Thụy Nương. Đúng là:

Mắt xanh thâm văn phục tài vợ.

Từ tâm tích đức quả nhờ cha.

Yến Thuật đỗ, họ hàng thân thích tấp nập đến chúc mừng. Mừng quá, Tử Khai uống nhiều rượu nên phát bệnh hen. Yến Thuật sớm chiều bên cha hầu hạ thuốc thang, song niềm vui khiến bệnh Tử Khai thuyên giảm. Thấy Yến Thuật lo lắng cho bệnh tình của mình, không muốn đi thi. Tử Khai đành phải thúc giục, buộc Yến Thuật phải tới kinh thi. Không ngờ, sau khi đi, bệnh tình Tử Khai ngày một trầm trọng. Thụy Nương vội viết thư cho Yến Thuật rằng: "Công danh là việc nhỏ, phụng dưỡng cha mẹ mới là việc lớn". Rồi sai người gọi Yến Thuật về gấp. Song không ngờ người nhà đuổi theo gần kịp thì ốm giữa đường, không đi được. Khi khỏi bệnh tới quán trọ tại kinh đô thì đã là mười lăm tháng hai. Yến Thuật thi xong mới nhận được thư vợ. Không chờ yết bảng, Yến Thuật đi suốt ngày đêm, về tới nhà đã thấy dán giấy báo hỉ đỗ tiến sĩ. Tử Khai bỗng nhiên khỏi bệnh. Nếu trời không làm người nhà ốm giữa đường thì Yến Thuật sẽ không đỗ tiến sĩ. Quả là:

Từ tâm phải dốc lòng.

Đạo trời chẳng chút sai.

Khi Yến Ngao hỏi con gái nhà họ Vũ cho con, vợ là Phương thị lấy ra sáu mươi lạng bạc tốt của riêng mình làm lễ vật. Sau khi Quỳnh Cơ chết, Yến Ngao đòi lại, Phương thị muốn giữ lại làm của riêng, Yến Ngao không cho.

Thấy Phương thị nằng nặc đòi lại, Yển Ngao bèn đổi bạc đồng đưa cho Phương thị, Phương thị không biết tưởng bạc thật. Sợ Kỳ Lang lấy trộm đánh bạc, Phương thị cất kỹ vào hòm. Kỳ Lang biết số bạc đó là bạc giả, bạc thật thì cha giữ, giấu ở nền nhà phòng học. Kỳ Lang nghĩ ra một kế, nhân lúc mẹ vắng nhà, lấy trộm bạc giả, đánh tráo lấy số bạc thật mà cha giấu, đem đi đánh bạc. Phương thị không thấy tiền, biết ngay là con lấy, nhưng vì quá yêu con không dám nói ra, sợ nói ra sẽ làm cho Yển Ngao tức giận, đành ngậm đắng nuốt cay. Sau một thời gian đánh bạc, Yển Ngao nợ tới năm mươi lạng. Huyện đưa giấy đốc thúc, công sai đưa giấy đòi tiền lệ phí. Yển Ngao không chịu đưa, công sai lại đòi phải trả số tiền nợ ngay lập tức. Không còn cách nào, Yển Ngao đành đem sáu chục lạng bạc ra dùng. Mãi tới gần tối hôm ấy, công sai cứ ngồi lì thúc bách, Yển Ngao đành vào phòng học lấy ra, vội vã trả hết, chỉ còn lại một ít mang bên mình để chi tiêu thêm. Sau đó cùng theo công sai lên huyện nộp. Hăn không biết số tiền ấy đã bị Kỳ Lang đánh tráo. Lúc đầu là để lừa vợ nên số tiền ấy không khác gì tiền thật. Song nay đang lúc vội vàng, không biết đã bị đánh tráo, đem số tiền đó nộp quan. Quan thu tiền phát hiện ra bạc giả, đưa chuyện này bẩm lên tri huyện. Tri huyện xem thì đúng số bạc đó là bạc giả, ông dùng dùng nổi giận, quát thét lính lôi Yển Ngao ra đánh. Thấy gói bạc trong người hăn lôi ra, tri huyện cầm lấy xem thì cũng là bạc giả, càng khiến ông như lửa đổ thêm dầu. Những công sai về thúc nợ đang tức vì Yển Ngao không trả tiền lệ phí, bèn quỳ xuống bẩm rằng:

- Tên Yển Ngao quen dùng tiền đồng, người ta đều gọi là "Yển Lăn Đồng".

Thấy thế tri huyện chỉ vào mặt Yển Ngao mắng chửi thậm tệ, rồi hạ lệnh đánh Yển Ngao hai mươi gậy, giam vào ngục. Ở nhà biết được tin chồng, Phương thị rất lo sợ, vội sai người đến sòng bạc báo cho Kỳ Lang biết. Kỳ Lang thấy mình đã hại cha, sợ sau này cha hỏi tội, bèn trốn đi không về nhà nữa.

Yển Ngao trong tù không thấy con đến thăm, lại biết quan huyện cho mình coi thường vua, khép vào trọng tội. Hăn cuống lên, viết thư bảo người nhà

bán gấp ruộng vườn lấy bạc chi dùng. Gia sản Yến Ngao cũng thuộc loại bình thường, vì cha con đều cờ bạc nên gia đình ngày một sa sút. Lần nay phạm tội phải bán hết ruộng vườn. Thạch Chính Tông bắt chẹt, mua với giá rẻ mạt. Thạch Chính Tông nói:

- Ruộng vườn, nhà cửa và tài sản trong nhà đều mua bằng tiền nhà họ Thạch, bây giờ phải trả lại cho họ Thạch.

Khi giao tiền xong, Thạch Chính Tông buộc Phương thị ra khỏi nhà ngay. Phương thị đành xin người chủ mới khi nào chồng về sẽ dọn. Lúc ấy kẻ ăn người ở đã bỏ đi hết. Phương thị đành cầm tiền đến nhà giam, một là để thăm chồng, hai là sợ chồng đòi sáu mươi lạng bạc mình cất giữ, nhân đó nói rõ số bạc ấy đã mất. Thấy vợ đến, Yến Ngao hỏi:

- Kỳ Lang đâu?

- Từ hôm ông bị bắt, - Phương thị nói, - không thấy nó về.

Yến Ngao giậm chân quát thét:

- Thằng súc sinh ấy đi đâu rồi? Ta cần phải hỏi nó số bạc tốt ta đã cất đi sao bây giờ thành bạc giả. Nhất định là thằng súc sinh ấy đã cuỗm đi rồi. Nó đã hại ta.

- Ông giấu tiền ở đâu? - Phương thị nói. - Làm sao mà

Kỳ Lang lấy được?

- Bà không biết. Số bạc ta giấu ở nền nhà lớp học hoàn toàn là bạc tốt. - Yến Ngao nói. - Tại sao bây giờ lại thành tiền đồng? Thằng súc sinh ấy không đổi thì ai đổi.

- Chưa hẳn là nó lấy, - Phương thị nói, - ông đừng đổ oan cho nó. Chỉ có điều sáu mươi lạng bạc tôi giữ bị nó lấy đi rồi. Nếu còn tôi sẽ đưa cho ông chi dùng.

- Sáu mươi lạng bạc của bà nó lấy mất từ bao giờ? - Yến Ngao hỏi.

- Nó cũng chẳng thém hỏi tôi, - Phương thị nói, - cũng không biết nó lấy từ bao giờ, tôi sợ ông giận dữ nên không dám nói.

Yến Ngao nghe xong dậm chân thét lên:

- Đúng rồi, đúng rồi. Số tiền ấy là tiền giả tôi đã lừa bà, không ngờ bây giờ nó lại lừa tôi.

Thấy vậy Phương thị trách chồng:

- Sao lúc ấy ông lại lừa tôi?

- Đã biết mất sao không bảo tôi lại còn bao che cho nó. - Yến Ngao lại trách vợ. - Nếu nói ngay, tôi điều tra ra thì không đến nỗi phải chịu tai vạ.

Hai vợ chồng cứ trách móc nhau mãi. Đúng là:

Lúc đầu tôi lừa vợ.

Sau đó con lừa tôi.

Họ bảo tôi lừa quan.

Nào ngờ tôi lừa tôi.

Phương thị giao tiền bán gia sản cho Yến Ngao, rồi ra khỏi nhà giam. Trên đường về nhà, trời lấp sắp mưa, đường trơn như đổ mỡ, Phương thị cố qua chiếc cầu đá, đi không quen, cầu trơn, trượt chân lăn tòm xuống nước. Người qua đường trông thấy vội vã kêu cứu, khi vớt lên được thì đã chết.

Đúng là:

Chết vì nước có thể cứu được.

Chết vì tình không sao cứu được.

Người nào mà đắm đuối vì tình.

Không chết vì nước cũng chết vì tình.

Phương thị chết, người làng ấy mua quan tài thiêu xác. Yến Ngao biết vợ chết, nhà cửa tan nát, đau thương quá rồi sinh bệnh. Có bạc Yến Ngao đốt lót, được quan huyện tha. Song Yến Ngao đang ốm, lại không có nhà cửa, đành tới chùa Thanh Liên xin ở tạm. Nghĩ tới tình xưa, hòa thượng Liễu Duyên cho Yến Ngao ở tạm trong chùa chữa bệnh. Yến Ngao lúc đó không còn một xu, chỉ còn lại một chuỗi ngọc trắng dùng niệm Phật hằng ngày, chuỗi ngọc trước đây Yến Ngao cũng đã dùng bạc giả để đánh lừa. Hẳn rất quý chuỗi ngọc, nên thường mang trong người. Nay bất đắc dĩ phải giao cho Liễu Duyên chi phí ăn uống thuốc thang. Thấy đây là vật Yến Ngao yêu quý, Liễu Duyên từ chối không nhận. Mấy hôm sau, bệnh tình Yến Ngao ngày càng trầm trọng, không sao chữa trị được, đã trút hơi thở cuối cùng.

Vốn là, khi Yến Ngao lâm sự, đúng vào lúc Yến Thuật tới kinh đô dự thi, Tử Khai ốm nặng nên không biết tin. Yến Ngao chết, lúc đó bệnh tình Tử Khai đã thuyên giảm, nghe thấy tin, nghĩ đến tình họ hàng, Tử Khai đã sai

người mua quan tài, áo liệm tới chùa khâm liệm. Trước khi liệm, Liễu Duyên bỏ chuỗi bạch ngọc vào quan tài. Liệm xong chôn tạm tại khu đất sau chùa. Chôn Yến Ngao được ba hôm, thấy Kỳ Lang đến chùa, gặp hòa thượng Liễu Duyên, hăn nói là ngẫu nhiên phải đi xa, nay nghe thấy cha chết, linh cữu chôn tạm ở đây, xin hòa thượng dẫn đi lễ. Liễu Duyên dẫn hăn ra sau chùa, Kỳ Lang hướng vào linh cữu cha khóc lóc vái lạy. Liễu Duyên giữ Kỳ Lang ở lại ăn bữa cơm chay, và kể lại chuyện Yến Ngao đã chết như thế nào, nhân đó khuyên Kỳ Lang nghĩ lại, sửa chữa lỗi lầm. Kỳ Lang rơm rớm nước mắt hứa sẽ thực hiện lời khuyên của hòa thượng. Kỳ Lang lại hỏi việc phụ thân đã nhập quan như thế nào. Liễu Duyên kể lại tỉ mỉ cho hăn nghe. Kỳ Lang nhớ như in những lời Liễu Duyên nói. Đến tối hăn chỉ nói là muốn đến chỗ Tử Khai cảm ơn, rồi từ biệt ra đi. Đêm ấy vào canh tư, Liễu Duyên nghe thấy tiếng chó sủa sau chùa. Sáng hôm sau, ra xem thì thấy thi thể Yến Ngao vút bừa trên đất, quan tài cũng không thấy nữa. Hai con chó vàng đang tranh nhau xé chiếc đùi Liễu Duyên kinh sợ, vội vàng gọi đồ đệ lấy chiếc chiếu đắp lại, rồi sai người tới báo cho Tử Khai. Tử Khai vô cùng kinh hãi, cho ngay người nhà tới thăm, điều tra bằng được kẻ lấy cắp quan tài giải lên quan hành quyết. Song trong lúc vội vã vẫn chưa điều tra ra.

Đến quá trưa, thấy mấy người công sai trói ba tên giải tới sau chùa. Họ kiểm tra lại việc bọn chúng đã bắt nắp quan tài, lôi thi thể ra ngoài để lấy quan tài thế nào. Một trong số đó có Kỳ Lang. Vốn là Kỳ Lang có hai gã bạn cờ bạc rất thân thiết là Đẩu Oai Đầu biệt hiệu là Đẩu Bách Lão và Đẩu Ai Tử, biệt hiệu là Đầu Không Thắng. Ba tên thua bạc, không còn một đồng để trả, không còn cách nào, Kỳ Lang nghĩ tới cha. Tuy đã chết, song có thể còn chút của cải để lại chùa Thanh Liên. Rồi vờ đến đó thăm viếng linh cữu cha để dò la. Khi hỏi kĩ Liễu Duyên, biết cha chẳng còn gì, chỉ còn lại một chuỗi ngọc trắng đã bỏ vào quan tài. Thời ấy, ngọc rất đắt, hăn bèn nảy ra ý định hết sức vô đạo đức, cùng với Đẩu, Đẩu nhân lúc đêm khuya lén vào sau chùa đào quan tài lên, lấy trộm chuỗi ngọc. Hai tên Đẩu, Đẩu lại còn bất lương hơn, là chúng thấy chiếc quan tài gỗ tốt, nổi máu tham, lôi xác chết ra. Ngay đêm ấy cùng với Kỳ Lang khiêng quan tài đến một trấn

gần đó bán. Song bị người địa phương biết đây là quan tài đã chôn người, bị chúng đào trộm, lập tức bắt ngay bọn này giải đến ti tuần tra tại địa phương. Lính tuần tra khảo ba tên, chúng đành phải khai rõ sự thật. Rồi sau đó họ báo lên huyện, áp giải chúng tới hiện trường khám xét. Đây cũng là sự báo ứng đầu tiên việc Yến Ngao đã để lộ quan tài cha mẹ trước đây.

Tuần kiểm giải ba tên lên huyện, tri huyện thẩm tra lại thấy đúng sự thực, theo luật định tội: Kỳ Lang bắt nấp quan tài vượt thi thể cha là kẻ đạo nghịch vô đạo, tội nặng gấp ba so với kẻ khác bắt nấp quan tài. Hai tên Đẩu, Đãng cũng phải tử hình. Yến Tử Khai sai người mua quan tài khác, thu dọn năm xương tàn của Yến Ngao khâm liệm lại như cũ. Yến Thuật về tới nhà biết được việc này, anh vô cùng ngán ngấm. Nỗi oan nghiệt do Kỳ Lang gây nên Yến Thuật cũng không cứu nổi, chỉ đành im lặng. Yến Thuật đem linh cữu vợ chồng Yến Mộ Vân về chôn vào chỗ đất trống của phần mộ họ tộc, để họ khỏi phải vất dấp dụi trên đồng đá lổn nhổn.

Nghe thấy cha bị ốm, Yến Thuật vội vã về nhà không kịp thi Đình. Nào ngờ năm ấy hoàng đế Chính Đức ngự giá tuần du, kỳ thi Đình được vua hoãn tới tháng chín. Yến Thuật thi Đình đỗ tam giáp, được bổ nhiệm Tri châu. Sau ba năm lại cất nhắc về nhận chức tại kinh đô. Cha, mẹ, vợ đều được thụ phong, Yến Thuật đón người bác là Tử Giám về kinh cùng hưởng vinh hoa phú quý. Năm ấy Thụy Nương sinh được người con trai, thông minh, xinh đẹp, đó là kiếp sau của Vũ Quỳnh Cơ. Vốn là, vì gả bừa cháu gái của mình, nên đã dẫn đến cái chết của Quỳnh Cơ. Điều đó khiến Phương thị vợ Vũ Long Môn vô cùng hối hận, không đầy một năm thì ngã bệnh chết. Long Môn thấy vợ chết, lại không có con cái bèn cắt tóc tu tại gia. Hằng ngày niệm kinh lễ Phật, cúng bái người vợ và đứa cháu đã qua đời. Vào một đêm, Vũ Long Môn nằm mơ thấy Quỳnh Cơ nói với mình rằng: "Ta vốn là thị nữ ở Dao Trì, ngẫu nhiên bị giáng thế nay đã được về cõi tiên, không phải ở nơi trần thế nữa, song nghĩ tới vợ chồng Yến Thuật thường làm thơ khóc thương ta, ta vẫn còn vương vấn nơi trần thế. Hôm nay ta sẽ thác sinh làm đứa con trai nhà ấy, sau này sẽ được vinh hoa phú quý". Long Môn tỉnh dậy, nhớ lời báo mộng, chú ý thăm dò. Sau đó mấy hôm, quả nhiên nghe thấy tin Yến Thuật đang nhậm chức tại kinh đô đã

sinh được đứa con trai. Đúng là:

*Con hiếu đương nhiên có cháu ngoan
Người tiên trở lại cõi trần gian.*

Yến Ngao chết không có chỗ chôn, chỉ vì hắn đã táng tận lương tâm; Yến Tử Khai con cháu vinh hoa phú quý đều do ông nhân ái, hiếu đễ. Tôi cũng rất mong mọi người chúng ta sống nhân ái, hiếu đễ, để làm gương cho con cháu, ấy là dạy bảo con cháu vậy.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 17

Trung Thành Trời Cảm Thông, Đàn Ông Mộc Vú
Nghĩa Khí Thần Báo Mộng, Thái Giám Sinh Râu

Hoàng Sơn Hoàng Thủy nhớ Xuân Thân.

Sông núi ngàn năm thuộc Sở thần.

Thái tử phải chằng vì thoát nạn.

Cho nên được lưu tiếng ngàn thu.

Đây là bài thơ khuyết danh thời xưa, ca ngợi Xuân Thân Quân. Thời Chiến Quốc có bốn người đều là Quân: nước Ngụy có Ngụy Vô Kỵ là Tín Lang Quân; nước Triệu có Triệu Thắng, là Bình Nguyên Quân; Tề có Điền Văn là Mạnh Thường Quân; Sở có Hoàng Yết là Xuân Thân Quân. Xuân Thân Quân từng theo thái tử của Khoảnh Tương Vương nước Sở sang nước Tần làm con tin. Khoảnh Tương Vương ốm nặng, thái tử muốn về nước, nhưng nước Tần không cho. Xuân Thân Quân bí mật cải trang cho thái tử trốn về, còn mình ở lại chịu xử tội. Biết tin, Tần Vương vô cùng giận dữ, định giết Xuân Thân Quân. Sau đó Tần Vương lại nghĩ: thái tử đã trốn thoát, nay ta giết Xuân Thân Quân cũng vô ích. Thế rồi Tần Vương không giết Xuân Thân Quân nữa. Khoảnh Tương Vương chết, thái tử về nước kịp thời, nên được kế vị, đó là Khảo Liệt Vương. Việc ấy hoàn toàn do Xuân Thân Quân phò tá. Công lao ấy còn hơn cả Lạn Tương Như mang ngọc về nước Triệu. Tới nay nhân dân vùng Giang Nam vẫn thờ phụng Xuân Thân Quân như thần lúa và thổ thần, hương khói ngày đêm. Mộ của ông ở chân núi Quân Sơn thuộc huyện Giang âm, Giang Nam, còn có Hoàng Sơn, Hoàng Thủy, cũng đều do người đời sau đặt tên để ghi nhớ Xuân Thân Quân. Chỉ bàn tới việc ông liều chết cứu thoát thái tử, cũng xứng đáng ngàn năm hương khói. Người ngày nay không chịu làm những việc trung nghĩa, chỉ vì họ tiếc tấm thân, cứu người khác sợ mình thiệt thân. Mưu việc thiên hạ không chu đáo

thì không những mình chết vô ích, mà ngay tính mạng người mình cứu cũng khó bảo toàn. Bởi thế họ không chịu làm những việc trung nghĩa.

Thời Cao Tông, Nam Tống, huyện Phong Nhuận, Ký Châu do nước Kim, Bắc Triều cai trị, có một thư sinh tên là Lý Chân, tự Đạo Tu. Ông đang độ tuổi tráng niên, là người tài cao học rộng nhưng không bao giờ nghĩ tới danh vọng. Là một ẩn sĩ tại gia, luôn dùng bút mực để bộc lộ tình cảm, gửi gắm niềm tự hào vào thơ phú. Ông thấy trước đây quân miền Bắc ghép thuyền vượt sông, đánh thẳng xuống vùng Tương, Tuấn. Người Tống không ai dám chống cự, bởi thế ông vô cùng đau buồn. Lại nghe tin Tần Cối một gian thần được Nam triều tin dùng, ra sức chủ trương cầu hòa. Thái tử Ngật Thuật của quân Kim bị tướng quân Nhạc Phi đánh bại, định rút về miền Bắc thì có một thư sinh ngăn ngựa lại khuyên rằng:

- Bên trong không có gian thần thì bên ngoài đại tướng mới lập công được. Nhưng nay tính mạng của Tướng quân Nhạc Phi khó bảo toàn thì Tống không thể thành công.

Ngật Thuật tỉnh ngộ, bèn ém quân không rút nữa. Quả nhiên Tướng quân Nhạc Phi bị Tần Cối triệu về xử tử. Từ đó Nam triều không sao chiếm lại Biện Kinh, đón Nhị đế về. Bởi thế Lý Chân hết sức đau buồn, làm hai bài thơ để than vãn.

Bài thứ nhất: *Ai Nam nhân*

Cây cỏ Bát Công đã lụi tàn.

Tần quân ngày ấy hát khải hoàn.

Gió về chạnh nhớ Đông Sơn cũ.

Thương thay phụ lão chốn Giang Nam.

Bài thứ hai: *Điêu Nam sự*

Thư sinh ngăn ngựa kéo tướng quân.

Cho rằng Nam Tống chẳng thành công.

Chỉ hận gian thần chưa giết được.

Khiến cho Nhị đế phải khóc ròng.

Lý Chân viết hai bài thơ này ra giấy, ngâm nga mấy lần rồi gấp vào một cuốn sách để ở đầu bàn.

Nào ngờ bạn học cùng trường là Mễ Gia Thạch - một kẻ tiểu nhân gian manh, mặt mũi xấu xa nói năng vô vị. Lý Chân rất ghét. Mễ Gia Thạch thường hay đến nhà, nhưng Lý Chân không hề bắt chuyện. Thấy Lý Chân tỏ ra lãnh đạm, Mễ Gia Thạch rất căm tức. Một hôm Mễ Gia Thạch cũng với Lý Chân ăn cỗ nhà bạn, khi đã ngấm hơi men, họ cùng nhau vui đùa. Lý Chân dùng họ tên Mễ Gia Thạch ra để xướng họa, rồi đọc ngay một bài đùa rằng:

*Trời đất sinh ra do một hòn(1)
Tháng năm gió thổi chẳng hao mòn
Gỗ đầu mới thấy đá ngu ngốc
Tiếc rằng không được gặp Sinh Công.*
(1) Thạch có nghĩa là đá (ND).

Nghe đọc thơ xong, bạn bè cười rộ lên. Mễ Gia Thạch biết Lý Chân cười mình là đùa ngu ngốc, hơn nữa lại chê hằn trước mặt mọi người, nên vô cùng căm giận. Bề ngoài hằn vờ coi như không, cũng cười theo, song lửa giận sục sôi đang tìm cách báo thù cho hả giận.

Một hôm, nhân lúc Lý Chân vắng nhà, Mễ Gia Thạch lén vào thư phòng, lật tập sách trên bàn, hăn vớ được hai bài thơ *Ai Nam nhân* và *Điều Nam sự*. Mễ Gia Thạch bỗng nảy ra một kế ác độc, hăn nghĩ: "Hai bài thơ này là tội trạng của Lý Chân, báo lên quan cũng đủ để rửa hận", rồi giấu hai bài thơ vào tay áo. Về nhà Mễ Gia Thạch viết một tờ trình nói rằng: "Lý Chân lén lút làm thơ chống lại triều đình, lòng dạ hăn thật khôn lường", rồi mang tờ trình cùng hai bài thơ tới Trấn thủ Đô đốc Y Đại Kiên tố cáo. Mễ Gia Thạch là kẻ luồn lọt nên Y Đại Kiên cũng quen biết. Đại Kiên là người tham lam và độc ác, thấy đơn tố cáo và kèm theo hai bài thơ của Lý Chân,

lập tức sai người tới huyện Phong Nhuận bắt Lý Chân về Kỳ Châu giam vào ngục, đòi hối lộ, sẽ miễn truy cứu. Lý Chân là nhà nho nghèo làm gì có tiền bạc để đút lót. Sách nhiễu không được, Y Đại Kiên tâu lên triều đình. Thời ấy thừa tướng Nghiệp Ách Hồ đương triều, thấy bản tấu của Y Đại Kiên dùng từ ngữ nổi giận, nói:

- Tần Cối là quan Nam triều, còn chịu giúp việc cho ta. Thế mà Lý Chân là người nước này, cứ sao lại theo Nam triều, lén lút làm thơ chống lại?! Tên ấy thật là đáng ghét.

Thế rồi Nghiệp Ách Hồ ra lệnh: "Đưa Lý Chân về đó chém đầu tịch thu gia sản, bắt vợ làm nô tì cho nhà quan. Người tố cáo được thưởng hai trăm lạng bạc" . Lệnh ấy về tới Kỳ Châu, Y Đại Kiên vâng lệnh thi hành. Một mặt cho người tới ngục trói Lý Chân giải đến Thị Tào hành quyết, một mặt gửi giấy tới huyện Phong Nhuận lệnh thưởng cho người tố cáo, và tịch thu tài sản của Lý Chân, bắt vợ con giải lên quan. Vợ Lý Chân là Giang thị, mới hai mươi tuổi, là người hiền thực và có hiểu biết, bà thường khuyên chồng: "Việc bút mực phải hết sức thận trọng, đừng làm văn thơ động chạm đến thời cuộc". Bà lại nói: "Mễ Gia Thạch là một người xấu, cần phải cảnh giác, không nên làm anh ta tức giận". Song Lý Chân không nghe theo, đến lúc ra pháp trường Lý Chân mới nhớ tới lời khuyên của vợ song đã quá muộn, ông ngửa mặt lên trời khóc. Đúng là:

Vợ thường nói đúng ai ơi

Ta không thương vợ, thương người nơi đâu!

Giang thị mới sinh ra một người con trai, được hai tháng tuổi đặt tên là Sinh Ca. Người giúp việc trong nhà là một bé hầu mười hai tuổi, và một ông già tên là Vương Bảo. Ông là người trung thành, gan dạ. Sau khi chủ bị bắt, bèn tới thành Kỳ Châu nghe ngóng tin tức. Biết được lệnh truy nã cả vợ con, Bèn đi suốt đêm về nhà, báo ngay cho bà chủ biết, bảo rằng là phải mau mau tính kế, nếu sai nha đến sẽ trở tay không kịp. Giang thị nghe được tin dữ, òa lên khóc, bé Sinh Ca nói Vương Bảo rằng:

- Ông nhà tôi đã chết thê thảm, ta quyết tử vẫn chứ không chịu nhục. Song không thể bỏ mặc đứa con này. Ông chủ của người chỉ còn một giọt máu này, nếu người thương chủ, hãy bảo toàn tính mạng đứa bé, ta chết mới nhắm mắt được.

Vương Bảo giàn giụa nước mắt nhận lời. Đêm hôm ấy, chờ cho kẻ hầu ngủ say, Giang thị cho Sinh Ca bú thật no, rồi giao cho Vương Bảo. Lại đưa một gói bạc và mấy chiếc trâm vàng để Vương Bảo lo liệu. Rồi bà vào nhà trong thắt cổ tự tử. Có thơ rằng:

Thiếp đành liều mạng thôi chàng nhé.

Chàng ời ngọc nát vẫn trắng trong.

Chết theo tiếng đàn sông Tương gọi.

Chẳng sống theo tiếng sáo rợ Hồ.

Vương Bảo thấy mẹ ông chủ nhỏ đã chết, hướng lên trời cao lạy mấy lạy, định bế Sinh Ca đi, song lại nghĩ: "Nếu ta cứ ăn mặc thế này, e rằng không thoát, phải cải trang, thay hình đổi dạng thì may ra mới thoát khỏi sự lùng sục". Nghĩ một lát, ông nảy ra một kế, vào phòng mình, lấy mấy bộ quần áo của người vợ đã chết để lại, cải trang thành đàn bà. Vốn sẵn có bộ mặt thái giám, cầm nhả thím chẳng một sợi râu, mặc quần áo vào trông Vương Bảo y như một đàn bà. Mọi việc chuẩn bị đã xong, Vương Bảo cầm bạc và trâm bện ông chủ nhỏ mở cửa sau chạy trốn suốt đêm.

Đến ngày hôm sau, quan huyện nhận được giấy của Y Đại Kiên sức về. Khi sai nha đến bắt người nhà, thì chỉ bắt được bé hầu gái giải lên quan. Sai nha bắt người những hàng xóm tra hỏi, họ bẩm rằng, đứa con trai mới được hai tháng tuổi của Lý Chân và người ở là Vương Bảo không biết đi đâu. Quan huyện một mặt sai người đi truy lùng một mặt giải đứa hầu gái lên huyện bán cho quan làm gia nô, rồi đệ đơn báo cho Đốc phủ, cho phép địa phương ấy khâm liệm, chôn cất thi hài Giang thị. Lúc đó ở thành có một vị hiệu liêm(1) tên là Hoa Hắc, không quen biết Lý Chân, song lại thương Lý Chân

là người có tài, và kính trọng Giang thị là người kiên trinh, đã mua quan tài, chọn đất chôn cất Giang thị, rồi sai người tới Ký Châu khăm liệm Lý Chân, đưa tới chôn cùng một chỗ với Giang thị. Chính là:

Người không quen biết là nghĩa sĩ.

Kẻ từng nhắm mắt ấy gian tà.

(1) Hiếu liêm: là những người địa phương cử ra, tới thời Minh, Thanh gọi là cử nhân. Đây là một chức hữu danh vô thực.

Đêm ấy Vương Bảo chạy trốn, canh năm thì ra khỏi cổng thành rồi men theo con đường nhỏ vào một vùng hẻo lánh. Đi một mạch tới hai ba mươi dặm, bụng đói, miệng khát. Sinh Ca cũng khát sữa, gào lên khóc. Đành phải ngồi xuống vệ đường, định lấy một ít bạc lẻ vào làng mua chút gì lót dạ. Sờ tay vào bên hông, thì ôi thôi, vì quá vội nên gói tiền và mấy càn tranh vàng đã rơi mất từ lúc nào. Vương Bảo vừa bế Sinh Ca vừa khóc nghĩ: "Đừng nói là không có tiền, ngay có tiền cũng chẳng biết lấy gì mà nuôi đứa bé hai tháng tuổi này. Phải nuôi bằng sữa nhưng sữa lấy ở đâu ra? Nếu không bảo toàn tính mệnh người chủ nhỏ này thì quả là ta đã phụ lòng nhờ cậy của người mẹ ấy!". Nghĩ mãi không có cách gì, ông đứng dậy, ngửa mặt lên trời, quỳ xuống khẩn rằng: "Xin trời cao thương cho, nếu chủ ta không đáng tuyệt tự, xin cầu mong gặp được nhiều điều tốt lành cứu được người chủ nhỏ trong hoàn cảnh hiểm nguy". Kỳ lạ thay, vừa khẩn xong, tự nhiên ợ lên mấy cái, miệng đầy nước miếng, không thấy đói mà cũng chẳng thấy khát. Lát sau lại thấy trước ngực tê buốt, hai vú to ra. Cởi hai vạt áo ra xem thì Vương Bảo thấy vú mình căng phồng như vú đàn bà, sữa từ núm vú chảy ra. Vương Bảo kinh ngạc, vội nhét đầu vú vào miệng Sinh Ca, chỉ nghe thấy tiếng nuốt ừng ực như tu một bình trà. Quả là:

Miệng mà chưa nuốt kịp,

Thì mũi lại phun ra.

Vú trái bú chưa hết,

Vú phải đã đầy tràn.

Vương Bảo vui mừng, mặt mày hớn hởi, chắp tay ngang trán khấn:

- Tạ ơn trời đất, lần này không những chủ nhỏ được sống, mà ta đã có vú thì chẳng ai biết ta là đàn ông.

Thế rồi ông phanh ngực ra cho Sinh Ca bú. Cứ thế ông đi tới những thôn trấn đông người xin ăn. Trời gần tối, xa xa thấy khu rừng tùng, lại có một bức tường màu hồng, trông như một ngôi miếu cổ. Ông rảo bước đi tới, trời đã tối, ông bế đứa trẻ bước vào, cứ để cả quần áo nằm ngủ trên chiếc bục. Suốt ngày mệt mỏi, chân tay rã rời, Vương Bảo thiếp đi cho tới sáng. Khi tỉnh dậy thì thấy bài vị thờ Trình Anh và Công Tôn Chữ Cửu, đó là hai vị gia thần họ Triệu nước Tần thời Xuân Thu. Vương Bảo quỳ xuống lẩm rầm khấn:

- Hai vị là bậc trung thần, bảo vệ người con cô đơn họ Triệu, còn Vương Bảo ta hiện đang bảo vệ người con cô đơn của Lý Chân. Xin cầu mong hai vị ra sức phù hộ.

Khấn xong bế Sinh Ca ra khỏi miếu, thấy trên tấm bảng trước miếu đề ba chữ "Song Trung miếu". Từ đó ban ngày Vương Bảo đi ăn xin, tối đến lại về đây nương thân. Nếu có ai hỏi thì Vương Bảo không những giả vờ là đàn bà, mà ngay cả Sinh Ca cũng bảo là con gái. Nhân việc Trình Anh bảo vệ người con cô đơn nhà họ Triệu, nên Vương Bảo nói với mọi người là:

- Tôi họ Trình, nên cứ gọi tôi là quả phụ Trình, cháu gái tên là Tồn Nô. Khi ông nhà tôi chết, nó vẫn còn trong bụng mẹ. Hiện nay đang nuôi con vất vả, nên tôi không muốn đi bộ nữa, cũng không muốn làm vú nuôi. Mẹ con chỉ quanh quẩn xin ăn trong thôn xóm thôi.

Mọi người thấy thế rất thương, thường hay bố thí, nên họ không phải chịu đói.

Đầu bạc mọo nhận đàn bà.

Con trai giả thành con gái.

Chẳng dám nhờ ai nương tựa.

Chỉ sợ giấu đầu hở đuôi.

Lúc ấy quan phủ sức giấy đi các nơi bắt Vương Bảo và Sinh Ca. May mà đã đóng giả đàn bà, lại có hai bầu vú, nên bình yên vô sự. Vương Bảo đi ăn xin được mấy ngày, thì vào một buổi sáng, thấy có một vị đạo sĩ, mặt áo thâm đi giày cỏ, tay cầm quạt lông, nhẹ nhàng bước tới, nhìn Vương Bảo nói:

- Người khoan hãy đi, ta có điều cần nói.

Vương Bảo thấy người ấy da dẻ hồng hào, râu tóc bạc phơ thanh thoát nhẹ nhàng như tiên ông, bèn đứng lại hỏi:

- Thưa sư phụ, sư phụ muốn nói gì?

- Ta xem ra người không phải là kẻ hành khất. - Đạo sĩ nói. - Ngôi miếu này không phải là người nơi yên thân: Ta muốn truyền cho người một phép màu nhiệm, để người không phải đi hành khất nữa, người thấy thế nào?

- Thế thì tốt quá. - Vương Bảo nói. - Song không biết sư phụ truyền cho ta phép gì?

Người đạo sĩ ấy thanh thản, ung dung lấy từ trong tay áo ra một chiếc hộp nhỏ, đưa cho Vương Bảo, nói:

- Trong hộp này có một viên đan dược, gọi là ngân mẫu (mẹ tiên). Người phải thường xuyên cất giấu trong người, sáng sáng mở ra sẽ được ba phân bạc, đủ chi dùng trong một ngày.

Vương Bảo nhận chiếc hộp rồi quỳ xuống lạy tạ. Đạo sĩ nói:

- Thôi đừng bái tạ nữa, hãy theo ta.

Vương Bảo bèn bế Sinh Ca, theo đạo sĩ đi khoảng nửa dặm thì thấy một chiếc lều cỏ. Người đạo sĩ lấy chìa khóa mở cửa, dẫn Vương Bảo vào, nói:

- Đây là thôn Lưu Hậu. Gian nhà này do ta làm, ở đây có đầy đủ bếp núc, bát đĩa, giường chiếu, bàn ghế. Bây giờ ta phải đi vân du nơi khác, chiếc am này ta nhượng cho người nghỉ ngơi. Bảy năm sau ta sẽ tới gặp.

Nói xong ông rời khỏi am. Vương Bảo định hỏi thêm thì thấy ông đi như bay, trong nháy mắt đã biến mất.

Vương Bảo thấy bên phải am là khu đất trống, bên trái am có một ngôi nhà. Vào trong am nhìn kỹ thì đây là hai gian nhà cỏ. Gian ngoài là bếp, gian

trong có một chiếc giường gỗ, có chăn đệm, trước giường là một chiếc bàn có một chiếc ghế gỗ trên bàn có mấy chiếc liễn, bên trong vẫn còn cơm. Vương Bảo rất đổi vui mừng. Hôm ấy không ra khỏi nhà xin cơm. Đến tối có mấy người hàng xóm tới thăm, họ hỏi:

- Gian nhà này đạo sĩ mới làm cách đây hai tháng, sao nay lại để cho người ở.

- Đạo sĩ thương tôi không có nơi nương tựa, - Vương Bảo nói, - nên cho tôi mượn chiếc am này. Đạo sĩ đi nơi khác vân du.

Những người hàng xóm thấy thế bèn để cho Vương Bảo ở. Qua một đêm, sáng hôm sau dậy, Vương Bảo mở chiếc hộp nhỏ ra, quả nhiên thấy một thỏi bạc trắng, đem cân thì đúng là ba phân. Từ đó trở đi cuộc sống không thiếu thốn nữa.

Thời gian cứ thế trôi, mới có mấy năm Sinh Ca lớn bổng lên, thôi bú, chuyển sang ăn cháo, rồi ăn cơm. Nhưng cũng rất lạ Sinh Ca lớn lên thì trong chiếc hộp ấy lại có thêm ba phân bạc nữa, tất cả có sáu phân, đủ chi dùng hàng ngày. Vương Bảo vô cùng sung sướng, mỗi ngày dành ra nửa phân, cứ gom dần, tích tiểu thành đại để may quần áo nữ cho Sinh Ca mặc. Chỉ có điều không xâu lỗ tai và bó chân mà thôi. Khi hàng xóm hỏi tại sao Vương Bảo nói dối rằng:

- Trong cung mệnh của cháu có sao Hoa Cái, phải xuất gia, nên không bó chân và xâu lỗ tai.

Mọi người cứ ngỡ là thật, hoàn toàn không biết Sinh Ca là con trai. Hằng năm vào tháng chạp, Vương Bảo cúng cha mẹ người chủ của mình, khóc than thảm thiết. Xóm giềng có ai hỏi thì Vương Bảo nói là cúng chồng và người vợ cả của chồng. Hàng xóm đều cho Vương Bảo sống rất tình nghĩa, và càng kính phục. Họ đâu có biết rằng đó không phải là vợ khóc chồng, mà là đầy tớ khóc chủ.

Hàng tháng vào ngày mồng một, rằm, Vương Bảo đều dẫn Sinh Ca đến *Song Trung miếu* thắp hương. Một hôm thắp hương xong, bước ra khỏi

miếu, bỗng gặp người đạo sĩ lần trước. Khi ấy Sinh Ca đã tám tuổi. Đúng là sáu bảy năm. Vương Bảo lại gặp đạo sĩ, vội vàng lạy tạ. Đạo sĩ nói:

- Người đừng lạy tạ nữa, hôm nay ta đến xin người.

- Sư phụ đừng đùa tôi, - Vương Bảo nói, - mẹ con tôi ăn ở đều do sư phụ, tôi có gì đâu mà sư phụ xin?

Đạo sĩ chỉ vào Sinh Ca nói:

- Ta chẳng xin người cái gì khác, người hãy cho ta đứa bé này để ta dạy dỗ.

- Người chồng đã mất của tôi chỉ còn một giọt máu này, sao lại để cho nó đi tu được.

- Người đừng dối ta. - Đạo sĩ nói. - Theo ta, nó cần phải xuất gia. Hôm nay ta muốn nó xuất gia, người không chịu cho ta ư?

Wương Bảo không còn biết nói sao nữa. Đạo sĩ cười nói:

- Ta đến để thử lòng người thôi, người không chịu cho ta đứa bé, ta càng thấy lòng trung thành của người. Nay ta cũng không muốn nó xuất gia nữa, chỉ cần nó theo ta học kiếm thuật.

- Tôi e rằng học kiếm thuật không phải là việc của con gái. - Vương Bảo nói.

- Trước mắt ta người vẫn còn dối ư? - Đạo sĩ cười nói. - Nó là con gái không học được kiếm, sao người là đàn ông lại có vú?

Wương Bảo thấy nói trúng tim đen, sợ quá chỉ cúi đầu vái lạy. Đạo sĩ đỡ Vương Bảo dậy nói:

- Ta phải dạy kiếm thuật để sau này nó báo thù cho cha. Trước mắt hãy để nó theo ta vào núi, sau năm năm ta sẽ trả lại.

Nói xong rút từ trong tay áo ra hai viên gì đó màu trắng, tung lên không trung, biến thành hai thanh kiếm dài. Đạo sĩ đón lấy kiếm, múa trước miếu. Tự nhiên thấy quầng ánh sáng lạnh nhiễm vào người, tuyết bay lả tả, hơi lạnh đọng thành sương tung lên cuộn cuộn. Vương Bảo hoa cả mắt. Khi ánh sáng lạnh tan hết thì đạo sĩ và Sinh Ca đã biến mất. Vương Bảo kinh ngạc đứng ngây người như tượng gỗ. Vương Bảo nghĩ rằng: người đạo sĩ này là một vị tiên sống. Lần gặp đầu tiên ông nói bảy năm sau sẽ trở lại. Quả thật đến bảy năm là đúng bảy năm. Vừa rồi ông nói năm năm sau sẽ mang ông nhỏ lại cho ta, thì nhất định không phải đây là lời giả dối. Ta hãy

yên tâm chờ năm năm nữa xem sự thế ra sao!" rồi một mình về am. Những người láng giềng hỏi: "Con gái bà đâu?". Vương Bảo nói:

- Tôi vừa gặp người đạo sĩ trước đây, ông ấy đã dẫn đi dạy kinh, khoảng năm năm sau sẽ dẫn cháu về.

- Những đạo sĩ vân du liệu họ nói có thật không? - Những người láng giềng nói. - Người bị ông ấy lừa rồi!

- Ông ấy cho am để chúng tôi ở, thì nhất định ông không lừa dối, - Vương Bảo nói.

Những người hàng xóm cứ suy đoán lung tung, người thì bảo ông xấu, người thì nói ông tốt. Song Vương Bảo đã hiểu hết, chẳng nghi ngờ gì cả. Đúng là:

Bên cầu đã gặp Xích Tùng Tử

Trên cầu đường nghi Hoàng Thạch Công(1)

(1) Xích Tùng Tử, Hoàng Thạch Công, đều là người tiên.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 17 (B)

Từ đó Vương Bảo sống một mình trong lầu cỏ. Tính đốt ngón tay, đã được năm năm. Thời ấy đúng là lúc Hải Lăng Vương làm vua tại Bắc Triều. Y Đại Kiên được thăng làm Kinh doanh Thống soái, rất được sủng ái. Mễ Gia Thạch nhờ Y Đại Kiên tiến cử, cũng được giao chức Hoàng thành Đại sứ. Hai người này xu nịnh, khuyên Hải Lăng Vương tuyển chọn con gái dân gian khắp nơi làm cung nữ. Hải Lăng nghe theo, sai hai người là Thái tuyển sứ, tới lộ Ký Châu tuyển chọn. Phàm là con gái từ mười ba đến mười sáu tuổi đều phải dự tuyển. Hai người làm khâm sai, dựa vào việc này sách nhiễu tiền hối lộ. Người nào có tiền thì miễn tuyển, còn người nào không có tiền đều phải tuyển làm cung nữ. Từ thành thị đến thôn quê đều bị lòng sục. Họ lại dán một tờ yết thị lớn như sau: "Thánh chỉ tới, thì việc lấy vợ lấy chồng trong dân gian phải đình chỉ ngay". Những gia đình có con đều sợ hãi khóc lóc, đành bó tay. Vương Bảo thấy vậy nghĩ bụng: "Đứa con gái của mình, may mà đạo sĩ đã mang đi, năm nay nó mười ba tuổi, nếu còn ở đây thì cũng phải tuyển làm cung nữ, vậy thì che giấu sao được " Đúng là:

Nam đã giả làm nữ.

Khó nói nữ là nam.

Nếu không trốn tránh được,

Thì nay chạy trốn đâu.

Xóm làng rối loạn đến hai ba tháng trời, bỗng nghe thấy người ta đồn Y, Mễ đều đã bị giết. Vì Mễ Gia Thạch khi tuyển chọn cung nữ, đã tự ý để lại mấy người đẹp nhất hưởng thụ riêng. Y Đại Kiên biết được, sợ sau này Hải Lăng Vương điều tra ra sẽ bị liên lụy, bèn bí mật dâng sớ lên Hải Lăng Vương. Hải Lăng Vương vô cùng giận dữ, lập tức truyền chỉ hoạn Mễ Gia

Thạch ngay tại chỗ, đuổi về nguyên quán. Sau đó mấy ngày, đang đêm Y Đại Kiên cũng bị giết tại tư dinh, lấy mất đầu. Người ta thấy trên tường trước giường nằm có dòng chữ viết bằng máu: "Người giết tên này là Mễ Gia Thạch". Sai dịch báo cho quan địa phương, sau đó tâu lên triều đình. Hải Lăng Vương nổi giận ra lệnh chém đầu Mễ Gia Thạch, bắt vợ con vào cung làm nô tì. Đúng là:

Gian đảng lại do gian đảng hại.

Kẻ ác bị kẻ ác diệt trừ.

Vương Bảo nghe thấy tin này thì mừng thầm: "Hai kẻ thù của chủ nhân đều bị giết, quả là trời có mắt". Hơn tháng sau, nghe tin triều đình sai thái giám Nhan Quyền cầm phủ tiết tới đình chỉ việc tuyển chọn cung nữ, và thả những người đã tuyển chọn trở về quê quán. Đạo ấy thôn làng đâu đâu cũng vui mừng hò reo vang trời dậy đất. Vương Bảo nghĩ: "Ông chủ nhỏ của ta lần này đã thoát khỏi tai nạn, nếu có về thì cũng sẽ bình yên vô sự". Bây giờ đã năm hết tết đến, một năm nữa lại sắp trôi qua, bấm đốt ngón tay Sinh Ca đã mười bốn tuổi rồi, song vẫn chưa thấy người đạo sĩ đưa về. Suốt ngày Vương Bảo mong ngóng, thường đến *Song Trung miếu* thắp hương, cầu nguyện. Một hôm tới miếu, Vương Bảo thấy người đạo sĩ và Sinh Ca ngồi ngay trước mặt. Vương Bảo rất đổi vui mừng, thấy Sinh Ca tóc chấm ngang vai, hoàn toàn như một cô gái đã trưởng thành. Vương Bảo cúi lạy đạo sĩ, nói:

- Đa tạ tiên ông đã giữ lời hứa.

- Ta đã dạy kiếm thuật để nó báo thù cho cha. - Đạo sĩ nói. - Song trước mắt vẫn chưa được xuất đầu lộ diện. Người hãy đưa nó về am ở. Mười hôm nữa sẽ có một người họa sĩ họ Tu đến ở bên cạnh chiếc am cỏ của người. Người hãy cho nó sang đó học vẽ, sau này sẽ là duyên kỳ ngộ. Người hãy làm theo ta, không được trái lời.

Nói xong bước ra khỏi cửa, hét lên một tiếng dài rồi bay lên không trung biến mất. Có bài thơ còn lại làm chứng:

Vân du tiên cảnh chốn nào đây?

*Lúc đến khi đi cỡi gió bay.
Bồi tấm lòng trung như sắc đá,
Ban ngày đã gặp được tiên ông.*

Vương Bảo nhìn theo lạ rồi rít. Rồi quay lại ôm Sinh Ca vào lòng hỏi:

- Năm năm trời nay con đi những đâu?

- Ở đó con không nhớ ngày tháng. - Sinh Ca nói. - Con cảm thấy mới có ít hôm thôi, sao đã tới năm sáu năm trời.

- Ta nghĩ rằng, - Vương Bảo nói, - một ngày ở cõi tiên bằng bao nhiêu ngày ở cõi trần. Tiên ông đã đưa con đi những đâu? Tiên ông tên gì? Hãy kể để ta hay.

- Từ lúc thấy tiên ông múa kiếm, - Sinh Ca nói, - con thấy một luồng ánh sáng trắng vây lấy con, tiếp theo thấy tiếng gió mưa gào rú. Khi ánh sáng tan, bình tâm nhìn ra thì thấy mình đang ngồi trong một hang đá. Trong hang có đủ giường ghế đá, sách vở, bút mực. Tiên ông đưa quần áo nam giới cho con mặc, và sai những hài đồng mặc áo xanh hầu hạ con. Hằng ngày dọn cơm cho con ăn, nhưng lại không thấy đun nấu. Bạn bè tiên ông thường lui tới, đều gọi tiên ông là Bích Hà Chân Nhân, động này cũng được gọi là động Bích Hà. Ban đầu tiên ông dạy chữ, sau đó dạy kiếm thuật. Trước khi dạy kiếm thuật, ông bảo con phải chạy nhảy trên vách núi, tập đến khi nào thấy người mình nhẹ bỗng rồi mới truyền kiếm thuật, sau đó dạy niệm thần chú và bắt quyết, những đường kiếm bao bọc lấy người, bay lên, bay xuống. Khi đã thành thạo, tiên ông ghi phù chú vào cánh tay con, bảo tới một nơi xa xôi nào đó lấy đầu một người nào đó. Con bắt quyết, niệm thần chú, đi lại mấy trăm dặm chỉ trong khoảnh khắc. Con nhớ mấy hôm trước đây, tiên ông lệnh cho con tới một nơi nào đó, giết một người rồi mang thủ cấp về. Lại lệnh cho con ghi mấy chữ trên tường: "Người giết tên này là Mễ Gia Thạch". Tiên ông nói: "Người này là kẻ thù giết cha ngươi, giết được kẻ này là người đã báo thù được cho cha. Bây giờ ta đưa ngươi về". Tiên ông bảo con cải trang thành con gái. Con nói với tiên ông rằng: "Con đã biết mẹ, không biết cha, và cũng không bao giờ nghe mẹ kể chuyện cha. Con không biết cha mình sống chết thế nào? Và vì

sao con lại phải cải trang thành con gái?". Tiên ông nói: "Người hãy về hỏi mẹ thì sẽ biết rõ đầu đuôi". Nói xong, bèn đưa con đến đây. Mẹ hãy nói cho con nghe đi!

Thấy thế Vương Bảo nước mắt chảy giàn giụa, khóc tức tưởi, nói:

- Ta không phải là mẹ con. Mẹ con cũng đã chết một cách oan khuất.

Nghe đến đây, Sinh Ca òa lên khóc, kéo tay Vương Bảo hỏi:

- Mẹ hãy nói nhanh lên!

Wương Bảo đang định nói, song phải im bật. Bước ra ngoài nhìn xung quanh không có người nào mới trở vào nói với Sinh Ca rằng:

- Việc này không thể để lộ ra ngoài được, con phải nín ngay để nghe ta nói.

Sinh Ca lau nước mắt, Vương Bảo đứng lên kể hết về cái chết thảm của vợ chồng Lý Chân, và mình giả làm đàn bà bảo vệ người chủ nhỏ. Sinh Ca nghe xong nằm lăn ra đất khóc nức nở. Đúng là:

Con côi trốn tránh đã mười năm.

Trúng nước chia li sao nhớ được.

Trước đây cứ ngỡ đó mẹ hiền.

Đâu ngờ cha mẹ chết thảm thương.

Wương Bảo đỡ Sinh Ca dậy nói:

- Nay đã biết hết rồi, ta cũng không cần phải đóng giả là mẹ nữa. Phải phân biệt rõ chủ tớ, nhưng tiên ông vừa dặn, trước mắt vẫn chưa được lộ ra. Ông chủ nhỏ vẫn không được lộ tung tích, vẫn phải đóng giả con gái như cũ, gọi ta là mẹ để che giấu tai mắt mọi người.

- Nếu con không có mẹ che chở thì cũng đã mất mạng từ lâu. Xin đa tạ tấm lòng trung thành của mẹ. Dù cho việc ấy khiến thần tiên cảm động giúp đỡ thì con tôn là mẹ cũng không phải là quá đáng.

Nói xong, Sinh Ca cúi xuống lạy. Vương Bảo vội khấu đầu nói:

- Ông nhỏ làm thế ta không chịu nổi. Từ nay về sau chỉ đóng giả mẹ con trước mặt mọi người thôi.

Hôm ấy hai người về tới am, vẫn xưng hô với nhau như trước. Láng giềng thấy con gái bà quả phụ họ Trình đã về, khôn lớn trưởng thành, ai ai cũng vui mừng.

Mấy hôm sau người láng giềng cũ dọn đi nơi khác, và quả nhiên sau đó có người họ Tu đến ở. Người ấy chính là thái giám Nhan Quyền, trước đây Hải Lăng Vương chưa xuống chiếu đình chỉ tuyển cung nữ, đã ra lệnh Nhan Quyền nhậm chức thay Y Đại Kiên tuyển chọn con gái đưa về kinh đô. Ai ngờ Nhan Quyền lại là một thái giám có lòng từ thiện và nghĩa khí nhân cơ hội này ông đã trái lệnh vua, cho những người con gái trở về quê quán. Nghĩ rằng, lần này về triều, nhất định cũng sẽ bị giết, nên đến giữa đường ông đuổi hết những người đi theo, mặc thường phục trốn chạy. Vừa may tới *Song Trung miếu* thì trời tối, ông tá túc tại đó. Tối giữa canh năm, thấy trong miếu đèn nến sáng trưng, một hài đồng mặc áo xanh bước tới kéo Nhan Quyền dậy nói:

- Ta vâng lệnh thần, cho ngươi một bộ râu để lánh nạn.

Vừa nói vừa lấy kim chọc chọc vào cằm Nhan Quyền, rồi lấy trong tay áo ra một túm râu cắm vào cằm. Cắm xong, hài đồng cởi chiếc áo xanh và một đôi giày để lại, rồi dặn rằng:

- Ngươi hãy nhận lấy những thứ này, ngày mai đi cứu một người.

Nhan Quyền vội bò dậy kéo hài đồng lại, hỏi:

- Còn muốn ta cứu ai?

Hài đồng không nói gì, đẩy tay ra. Nhan Quyền ngã nhào, sức tỉnh. Thì ra đó là giấc mộng. Sờ lên miệng thấy ba chòm râu dài gần một thước, chân râu vẫn thấy còn ngứa ngứa. Thật là kì lạ. Khi trời sáng rõ, lạ lùng hơn nữa, lại thấy một chiếc áo xanh và một đôi giày. Ông đứng dậy lay tạ thần, cầm áo và giày ra khỏi miếu. Vì có bộ râu nên chẳng ai biết ông là thái giám. Ông cứ tự nhiên thoải mái ra đi.

Đi được mấy chục bước, Nhan Quyền thấy có tiếng khóc bên đường. Tới nơi thì thấy là một người con gái trạc mười một mười hai tuổi đang ngồi khóc. Tuy ăn mặc rách rưới, đầu tóc rối bù, song dáng vẻ rất khác thường. Nhan Quyền hỏi lai lịch, lúc đầu cô không chịu nói, sau Nhan Quyền an ủi, cô nói rằng:

- Tôi là người huyện Ngọc Điền, Kế Châu. Cha là Liêm Quốc Quang, làm quan Gián nghị Đại phu. Vì thẳng thắn, coi thường lệnh vua, nên ông bị tử hình, tịch thu gia sản. Gần đây có lệnh tuyển chọn con gái vào làm cung nữ. May mà mẹ tôi đã mất từ trước, tôi bị thống chế Y Đại Kiên bắt, nhốt cùng với những người con gái trong dân gian tại dinh quan? Nay theo chiếu chỉ, những người con gái dân gian được trả về quê quán. Mọi người đều được cha mẹ đón, còn tôi, không nơi nương tựa, phải bơ vơ lưu lạc ở đây, nên tôi khóc.

Nhan Quyền nghe xong, nhớ lại giấc mộng đêm qua. Nghĩ tới sự trung thành tiết tháo đáng kính của Liêm Gián Nghị, hơn nữa, mình cũng là đồng hương của cô gái, cần phải tìm cách cứu cô. Nhan Quyền đưa cô gái về *Song Trung miếu*, cho cô biết lai lịch của mình, rồi nói với cô rằng:

- Ta với cô đều là người có tội, phải chạy trốn. Đêm qua được thần nhân báo mộng, phải cứu một người, ta nghĩ người ấy là cô. Muốn thế thì cô phải nhận ta là cha. Song cô là con gái của một phạm nhân chưa được tha thì không thể xuất đầu lộ diện. Đêm qua, thần nhân có cho ta một chiếc áo và một đôi giày đàn ông, ta muốn người giả trai, lúc đó mới an toàn được. Cô hãy cải trang thành nam giới, cùng đi với ta có được không?

Nghe xong, người con gái vội vàng lạy tạ. Nhan Quyền bảo cô bái lạy thần, đưa áo, giày cho cô thay, rồi hỏi tên tuổi. Cô gái đáp:

- Tôi là Dã Nương, mười ba tuổi.

- Bây giờ ta gọi cô là con, - Nhan Quyền nói, - chữ "Dã" bỏ đi hai chấm, đổi tên thành "Đài".

Dã Nương rất vui mừng, nghe theo ông. Đúng là:

Bên này hai trai giả làm gái.

Bên ấy có người gái giả trai.

Sự việc hai bên tuy có khác,

Nhưng mà ước vọng lại giống nhau.

Nhan Quyền dắt đứa con giả trai, nghĩ: "Mình không thể sống ở nhà trọ được, phải tìm một nhà ở nông thôn để sống". Rất may họ tìm được một ngôi nhà cạnh am. Nhan Quyền tự nhiên có râu nên tự đổi là họ Tu, chỉ nói cho con mình ở Ngọc Điền dắt dúi nhau tới đây tìm người thân, không thấy, lại không còn tiền trở về quê, đành phải trú tạm ở đây. Tuy ông mang theo ít tiền, nhưng không dám tiêu hoang phí, phải tìm một nghề gì để sống lâu dài. Dã Nương nói:

- Cha không phải lo nghĩ gì. Lúc nhỏ con được học may vá lại biết vẽ tranh phong cảnh, và truyền thần. Bây giờ con có thể kiếm sống bằng nghề vẽ.

- Như thế thì tốt quá! - Nhan Quyền nói.

Thế là Nhan Quyền vào thành mua giấy bút, mực màu bảo Dã Nương vẽ ít tranh phong cảnh, quả nhiên Dã Nương vẽ rất đẹp. Sau đó Dã Nương lại vẽ ông, thấy bức chân dung đó giống mình như tạc, Nhan Quyền rất vui, bèn treo tấm biển vẽ truyền thần và phong cảnh. Thấy nhà họ Tu có đứa con gái vẽ giỏi người đến thuê vẽ rất đông. Song nếu ai mời đến nhà vẽ thì Dã Nương kiếm có không đi, mà chỉ vẽ tại nhà.

Vương Bảo thấy đứa con nhà họ Tu vẽ giỏi, nhớ tới lời tiên ông dặn trước đây, bèn tới thăm Nhan Quyền, ngỏ ý muốn đưa Sinh Ca sang học. Nhan Quyền thấy Sinh Ca là con gái, nghĩ: "Con mình cũng là gái, con gái tiếp xúc với con gái thì cũng chẳng ngại". Từ đó Sinh Ca sáng tới học vẽ, chiều về nhà. Dã Nương và Sinh Ca coi nhau như chị em, sống với nhau rất hòa hợp. Khi biết Nhan Quyền đã cho những người con gái về quê, Hải Lăng Vương dùng dùng nổi giận, cho người vẽ ảnh Nhan Quyền, sai người truy lùng. Đồng thời tiếp tục cử quan lại đi các nơi tuyển chọn con gái vào cung. May mà có người đi sứ Nam Triều trở về khen con gái Nam Triều đẹp hơn con gái Bắc Triều rất nhiều. Bởi thế, Hải Lăng Vương thôi, không tuyển chọn con gái miền Bắc, mà đem quân đánh xuống phía Nam. Một hôm Sinh Ca sang nhà Dã Nương học vẽ, hôm đó Nhan Quyền vắng nhà, Dã

Nường nói đùa với Sinh Ca:

- Chị rất thông minh, chỉ cần hướng dẫn qua là chị biết ngay. Bây giờ trình độ của chị cũng gần như em rồi, sau này chị sẽ giỏi hơn em rất nhiều. Chị thông minh như thế, chắc rằng lúc nhỏ chị cũng đi học?

- Chị cũng biết được chút ít. - Sinh Ca nói. - Nhưng chị là con gái, việc học hành không coi trọng lắm. Còn em, ít tuổi mà tài giỏi như thế, chắc rằng thơ phú cũng giỏi, sao em không tiến thân bằng con đường văn chương chữ nghĩa, mà lại theo đuổi nghề vẽ?

- Quân tử giấu tài để chờ thời. - Dã Nường nói. - Ngày nay không phải là thời chúng ta tiến thân. E rằng văn chương chữ nghĩa không phải là con đường công danh, nó dễ mang vạ vào thân.

Sinh Ca nghe xong, nghĩ tới cha mình cũng vì văn chương mà bị kẻ xấu hãm hại, nổi bi phẫn tự nhiên trào lên, ghen ngào nói với Dã Nường:

- Lúc nhỏ ta gặp được một người kì lạ, học được kiếm thuật, lâu nay chưa từng biểu diễn, nay ta diễn thử cho em xem nhé!

Nói xong bèn lấy từ trong tay áo một viên màu trắng, bước ra sân tung lên không trung, biến thành một thanh kiếm dài. Sinh Ca dơ tay đón lấy, rồi múa ngay giữa sân. Lúc đầu còn thấy thấp thoáng bóng người trong quầng ánh sáng, sau đó chỉ thấy quầng ánh sáng trắng mà không thấy bóng người. Khi múa xong, vẫn thấy viên màu trắng trong tay, mà không thấy kiếm đâu. Dã Nường sửng sờ kinh ngạc nói:

- Không ngờ chị lại tài đến thế, quả là đáng trọng phu trong nữ giới.

Kiểm múa hoa sen nở.

Ánh sáng lạnh tằng không.

Như sương bay tuyết múa.

Như chớp lóe gió gào.

Bay lên rồi nhào xuống.

Tiến đông lại lùi tây.

Thoắt ẩn rồi thoắt hiện.

Chẳng phải con gái đâu.

Dã Nường đề thơ xong, đưa cho Sinh Ca. Sinh Ca tấm tắc khen, rồi cười nói:

- Ta nghĩ, hiền đệ thông minh, giỏi thơ phú, thật chẳng sai chút nào. Hiền đệ lại coi ta như một trượng phu. Song ta coi nét chữ của hiền đệ lại mềm mại như nét chữ con gái. Ta cũng làm một bài tặng hiền đệ. Rồi Sinh Ca viết ngay vào mặt sau trang giấy đề là "Tây Giang nguyệt". Bài từ như sau:

Thế chữ đẹp như con gái.

Văn chương thơm nức phấn son.

Nét bút mềm như ẩn ngọc

Đâu phải là nét bút nam nhi

Tuy là con trai.

Dáng dấp như con gái.

Nếu mặc kiểu con gái.

Chẳng ai bảo là trai.

Dã Nương xem xong, thấy hình như Sinh Ca biết rõ mình là con gái, tự nhiên mặt đỏ bừng, gượng cười nói:

- Sao chị lại coi em như con gái? Em lại thấy chị rất giống con trai, nên gọi chị là anh mới đúng.

Nói rồi, Dã Nương lại đề tiếp một bài thơ để trêu Sinh Ca.

Dáng chị anh hùng đại trượng phu,

Nên cứ bằng anh, em xưng hô.

Bao giờ chị em ta lại gặp,

Như tình cầm sắt, em gọi anh.

Sinh Ca xem xong, cười nói:

- Nếu như em gọi chị là anh, thì chị cũng gọi em là em gái. Rồi nhân đó làm một bài đáp lại:

Yêu em tài trai như gái sắc,

Lại ngờ phòng học hóa khuê phòng.

Bao giờ chi em gặp nhau nhỉ?

Đôi lứa xứng đôi anh bên em.

Hai người chuyện trò vui vẻ với nhau hồi lâu, khi trở về Sinh Ca nghĩ: "Đài Quan có tướng con gái". Dã Nương cũng nhìn Tồn Nô có tướng con trai.

Một hôm nhân tiết Thanh minh, Sinh Ca ở nhà cùng với Vương Bảo cúng

cha mẹ.

Hôm ấy, Nhan Quyền cũng mua sắm hương hoa lễ vật cho Dã Nương cúng cha mẹ, rồi tới *Song Trung miếu* thắp hương. Dã Nương đóng cửa ở nhà một mình vừa cúng vừa sụt sùi khóc.

Dã Nương là gái, không dám khóc to, chỉ lặng lẽ cúng. Khi cúng xong, nghe thấy tiếng gào khóc thảm thiết bên kia. Dã Nương kiểng chân, nghển cổ nhìn qua khe hở, thấy nhà bên vẫn còn đang cúng. Tồn Nô quỳ phía trước, mẹ cúi đầu quỳ đằng sau, nước mắt giàn giụa. Tồn Nô nằm lăn ra đất khóc nức nở. Mẹ đỡ dậy, miệng lẩm bẩm khuyên răn. Bà nói gì không rõ, Dã Nương chỉ nghe được mấy tiếng "ông nhỏ". Tồn Nô cúng xong, ngược lên vái lạy. Thấy vậy Dã Nương sinh nghi: "Sao lại kì quặc như thế? Từ trước tới nay ta nghi Tồn Nô là con trai, nhất định cũng là người thay hình đổi dạng như mình. Ngày mai ta phải thử xem sao".

Hôm sau Sinh Ca tới nhà Dã Nương. Chờ cho Nhan Quyền đi khỏi nhà, Dã Nương hỏi Sinh Ca như khơi gợi:

- Chị thông minh như thế chắc chị rất giỏi nữ công gia chánh . Sao em chẳng thấy chị thêu thùa gì cả?

- Còn nhỏ chị được mẹ cưng chiều, - Sinh Ca nói, - nên không học thêu thùa may vá.

- Nhưng sao lại học làm thơ múa kiếm? - Dã Nương hỏi. - Em chắc rằng chị phải giỏi nữ công, nếu như gặp con gái thì nhất định chị sẽ trở tài. Bây giờ trước mặt em, chị mới giở cái trò con trai ra để khoe với em.

- Vẽ cũng như thêu thùa thôi. - Sinh Ca nói. - Thế thì em cũng giỏi thêu thùa?

- Em không phải là con gái, Dã Nương nói, - thì làm sao mà biết thêu thùa! Chị là con gái, lại học việc con trai. Mà sao chị lại hỏi em về nữ công?

- Em bảo em không phải là con gái ư? - Sinh Ca cười nói. - Chỉ sợ rằng con gái không ai linh lợi được như em.

- Chị vốn là con gái, - Dã Nương cười nói, - nhưng lại giống con trai. Em cũng chỉ sợ rằng không có người con trai nào hào phóng như chị. Nhân đó đưa cho Sinh Ca bức tranh vẽ Hồng Phất(1) trốn theo trai và nói:

(1) Hồng Phất: một kĩ nữ của Dương Tố thời Tùy, sau theo Lý Tĩnh.

- Nếu như chị học Hồng phát cải trang thành con trai, thì chẳng phải ban đêm có người trốn theo chị mà ngay cả ban ngày cũng có người theo chị. Chẳng ai nhận ra chị là con gái!

- Em bảo chị trốn theo ai? - Sinh Ca cười nói, - nếu chị là Hồng Phát, thì em phải là Lý Tĩnh.

Dã Nương thấy Sinh Ca nói trúng ý mình, bèn chỉ đôi chim uyên ương trên bức tranh, nói:

- Chúng mình gọi nhau là chị em, chỉ như nhau cùng đàn thôi chứ không thân thiết như uyên ương. Tuy chị lớn hơn em một tuổi, nếu không giấu được, chờ em nói với cha em, chúng ta sẽ kết nghĩa vợ chồng liệu có được không?

Nghe xong Sinh Ca cúi đầu im lặng hồi lâu, rồi bỗng nhiên hai hàng nước mắt chảy dòng dòng. Dã Nương ngạc nhiên hỏi:

- Vì sao chị buồn phiền như thế? Chị giận em quá đường đột ư?

Sinh Ca lau nước mắt trả lời:

- Tung tích của ta không ai biết được. Ta đã giấu em, khiến em lầm tưởng là con gái mà yêu ta, nay ta phải nói thực để em nghe.

Rồi Sinh Ca lấy một tờ giấy trên bàn, viết một bài thơ tứ tuyệt:

*Thay hình đổi dạng đâu phải thật,
Vì thiếu Đào Nguyên để tránh Tần.
Nếu muốn cùng em nên chồng vợ
Ước gì ta là con gái em ơi.*

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 17 (C)

Nghe xong Dĩ Nương vô cùng ngạc nhiên, hỏi:

- Lẽ nào Tồn Nô không phải là con gái, mà lại là con trai. Tồn Nô, chị hãy kể hết sự thực cho em nghe!

Sinh Ca khe khẽ thuật lại, rồi dặn:

- Em không được tiết lộ với ai!

Dĩ Nương rất kinh sợ, nhân đó cười nói:

- Em cứ đùa chị là con trai, ai ngờ lại là con trai thật.

- Vì trước đây giả làm con gái, - Sinh Ca nói, - nên không thể sống chan hòa được, nay đã rõ nhau rồi thì anh em mình có thể kề đuôi kề vế, cùng ngủ chung giường với nhau.

Nói xong bèn tới ngồi sát vào Dĩ Nương. Dĩ Nương mặt đỏ bừng vội đẩy Sinh Ca, đứng dậy tránh sang một bên. Sinh Ca nói:

- Khuôn mặt em giống con gái, chứ có phải em là gái thật đâu mà xấu hổ như thế?

- Anh tưởng em là con trai thật ư? Anh không giấu em thì sao em nỡ giấu anh.

Thế rồi Dĩ Nương lấy bút viết một bài thơ

Chị chẳng thật còn em thật sao?

Trốn Tần ta cùng khổ như nhau.

Nếu ta kết nghĩa đào viên được,

Em chỉ mong mình hóa con trai.

Sinh Ca đọc thơ, kinh ngạc nói:

- Anh không ngờ em lại là con gái. Em hãy nói rõ sự thật với anh.

Dĩ Nương kể lại hết, Sinh Ca rất lạ lùng nói:

- Anh với em, một người giả gái, một người giả trai, thật là duyên trời run

rủi. Ta nên kết duyên chồng vợ. Em vừa nói, nhận đàn không như duyên ương. Từ nay chúng ta không phải là anh em mà là vợ chồng.

- Nếu anh muốn thế, - Dã Nương nói, - phải nói với cha mẹ cho danh chính ngôn thuận, chứ không thể vội vàng được.

Hôm ấy Sinh Ca nói cho Vương Bảo biết. Còn bên này Dã Nương cũng kể hết những chuyện của Sinh Ca cho Nhan Quyền nghe. Hôm sau Vương Bảo tới gặp Nhan Quyền, bàn về chuyện kết hôn, Nhan Quyền bằng lòng ngay. Họ chỉ nói với mọi người rằng nhà họ Tu xin Tồn Nô về làm dâu, rồi nhờ một bà hàng xóm làm mối, chọn ngày lành tháng tốt đón Sinh Ca về. Vương Bảo phá thông tường phía sau, hai nhà thành một. Láng giềng có mấy kẻ xấu, nói ra nói vào:

- Con cái mới mười lăm tuổi, xưa nay không nên cho chúng sống chung với nhau. Nay tự nhiên cưới vợ cho nó. Chưa biết chừng sau này họ lấy nhau. Như thế thì tồi quá.

- Lúc đầu, - có người nói, - bà quả phụ họ Trình muốn con gái xuất gia, thế mà bây giờ lại gả cho Đài Quan nhà họ Tu. Chắc trước đây họ đã có tình ý với nhau, nay thì hai người thông gia ấy đẹp đôi rồi.

Vương Bảo chẳng hề để ý tới những lời thị phi ấy, thời gian như thoi đưa, thấm thoát đã hai năm. Sinh Ca mười bảy tuổi Dã Nương mười sáu tuổi. Nhan Quyền chọn ngày lành tháng tốt tổ chức lễ cưới. Dã Nương vẫn mặc lối con trai. Chàng rẽ chải tóc con gái, cô dâu lại mặc áo xanh, đội mũ hoa như con trai, trông thật buồn cười. Người mang lễ đến, mời Vương Bảo ra nhận lễ, Vương Bảo không dám nhận, lấy cớ đau bụng đi năm sớm. Từ ngày kết hôn, Sinh Ca và Dã Nương sống với nhau thật là ân ái. Chỉ ngại có điều âm dương đảo lộn, không thể thay đổi trang phục, trở lại đúng họ tên thật của mình.

Ai ngờ cũng có cái may, vì học vẽ mà có cuộc hôn nhân này, lại vì bán tranh mà lại dẫn đến một cuộc gặp gỡ bất ngờ khác vốn là thời ấy, hiệu liêm Hoa Hắc đậu tiến sĩ được tuyển vào Hàn lâm, song vì bất hòa với thừa tướng Nghiệp Ách Hồ nên từ quan về sống tại quê hương. Phu nhân của ông là Lam thị muốn vẽ một bức tranh trong cảnh vui thú điền viên. Nghe

tin vợ chồng Trình Tồn Nô nhà họ Tu ở Hậu Thôn giỏi vẽ truyền thần, bèn sai người mang kiệu tới mời về phủ vẽ trực tiếp. Dĩ Nương khuyên Sinh Ca không nên đi. Vì nghĩ tới công ơn Hoa Hắc đã chôn cất cha mẹ mình, nay không nỡ trái lệnh. Vị phu nhân chỉ biết Sinh Ca là con gái, mời thẳng vào phòng riêng. Chào hỏi xong, bà mời Sinh Ca dùng trà, rồi đưa cho Sinh Ca một vuông lụa trắng. Sinh Ca nhìn kỹ phu nhân hồi lâu, rồi cầm bút vẽ. Chỉ phút chốc, bức chân dung đã vẽ xong, trông rất đẹp và giống hệt. Phu nhân vô cùng vui sướng, gọi bọn hầu gái vào xem, đều tấm tắc khen. Phu nhân vô cùng thán phục, nói với Sinh Ca rằng:

- Chân dung mẹ tôi bị anh em chúng tôi làm mất, nay muốn vẽ lại một bức, vẽ mô phỏng thì quả là khó thực. Nay ta tả lại hình dáng, nhờ cô giúp đỡ. Nếu vẽ đúng ta sẽ hậu tạ.

Sinh Ca nhận lời. Bà chỉ vào khuôn mặt của mình, chỗ nào giống mẹ, chỗ nào khác mẹ. Theo lời bà, Sinh Ca tưởng tượng vẽ ra một bức chân dung. Song thật lạ lùng, bức họa rất sống động. Phu nhân xem, vỗ tay thán phục, vừa nhìn vừa khen, càng nhìn càng thấy giống. Bà cảm thấy như được gặp lại mẹ mình, rồi bất giác òa lên khóc. Thấy bà khóc, tự nhiên Sinh Ca cũng nước mắt giàn giụa. Phu nhân thấy lạ hỏi:

- Ta khóc vì nhớ mẹ, còn cô thì vì sao lại khóc.

Sinh Ca lau nước mắt nói:

- Tôi còn bé đã mất cha mẹ, nên không biết mặt cha mẹ. Nay phu nhân có được bức ảnh của mẹ mình, tôi nghĩ mình là người vẽ truyền thần, song không sao vẽ được cha mẹ, nên không cầm được nước mắt.

Thấy vậy phu nhân hỏi:

- Ta nghe tin mẹ cô vẫn còn, nhưng sao lại nói cha mẹ đã mất từ khi còn nhỏ.

Sinh Ca vội nói chữa lại rằng:

- Phu nhân nghe lầm rồi, thiếp nói là cha mất từ khi còn nhỏ

- Ta làm sao được, rõ ràng cô vừa nói cha mẹ mất từ khi còn nhỏ. Vậy bà quả phụ Trình không phải là mẹ đẻ cô ư? Hãy nói thực với ta đi!

Sinh Ca thầm nghĩ: "Ngài Hoa là một người tình nghĩa, nếu ta nói thực với phu nhân, chắc chẳng có gì đáng ngại". Thế rồi Sinh Ca chấp tay lạy bà nói:

- Phu nhân là đấng bề trên, xưa kia cha con nhờ ân đức ngài Hoa, trước mặt phu nhân con đâu dám giấu. Nhưng xin bà hãy tha chết cho con, con mới dám nói.

- Sao lại lạ lùng thế? - Phu nhân nói. - Ta vốn chẳng quen biết gì nhà cô, thì làm gì có ơn với huệ. Hơn nữa bây giờ cô có tội gì đâu!

- Xin phu nhân cho người nhà lui ra, - Sinh Ca nói, - con sẽ thưa lại tường tận.

Phu nhân cho những người hầu ra ngoài. Trước hết Sinh Ca nói là mình giả làm con gái, lẽ ra không được vào nội thất, song không dám trái lệnh phu nhân, đành phải miễn cưỡng vào đó là tội đáng chết. Sau đó kể lại tỉ mỉ vì sao mình phải cải trang lánh nạn, vì sao mình lại lấy Dã Nương làm vợ. Phu nhân nghe xong vô cùng kinh ngạc, mời Hoa Hắc vào để nói lại chuyện này, và cho Sinh Ca vào gặp. Hoa Hắc thấy hết sức lạ lùng.

Đang lúc ấy, gia nhân vào thưa:

- Có người ở trên về báo, ngài lại được phục hồi chức cũ.

Thời ấy, Hải Lăng Vương ngự giá đánh xuống phương Nam, giữa đường bị hại. Thừa tướng Nghiệp Ách Hồ bị loạn quân giết chết. Trong triều lập Thế Tông làm vua. Thế Tông là người sáng suốt, những quan viên xúc phạm Hải Lăng Vương bị Nghiệp Ách Hồ giết, đều được truy tặng, tìm lại con cháu cho tập ấm. Những người bị phế truất, bị đầy đều được phục hồi. Bởi thế Hoa Hắc được bổ nhiệm lại chức cũ. Nhận được lệnh gia ân, Hoa Hắc nói với Sinh Ca rằng:

- Vua mới rất sáng suốt, vẫn cho tìm lại con cháu các hiền thần bị hại để giao chức vụ. Liêm Giám Nghị cũng trong số đó. Ngài không có con, nay anh là con rể cũng coi như con ngài. Còn như việc cha mẹ đẻ thơ mà bị giết, ta sẽ dâng sớ để minh oan. Anh không những thoát tội mà còn được phong quan.

- Xưa kia ngài đã chôn cất cha con, - Sinh Ca nói, - nay lại quan tâm chu đáo tới con như thế, ơn ấy thật như trời biển. Con không thể nào quên được.

Nói xong Sinh Ca quỳ xuống lạy. Đúng là:

Nhờ ơn quân tử rủ lòng thương.

Cứu thoát cùng dân khỏi nỗi oan.

Sinh Ca bái tạ ông bà Hoa ra về, rồi kể lại chuyện đã xảy ra cho Dã Nương, Nhan Quyền và Vương Bảo nghe, họ rất vui mừng. Ngay ngày hôm ấy, Hoa Hắc về kinh, yết kiến vua, dâng sớ minh oan cho Lý Chân, nói:

- Hai bài thơ Lý Chân làm, một bài than văn Nam triều không có người, một bài than văn Nam triều chưa từng không có người, chỉ vì gian thần hãm hại, vô cớ bị giết chứ không hề xúc phạm đến triều đình. Thật đáng thương cho cả gia đình ông. Vợ ông là Giang thị đã chết để bảo vệ tiết hạnh, cũng rất đáng thương. Nay Sinh Ca con họ lại lấy con gái Liêm Quốc Quang. Quốc Quang không có con trai, nên tập ấm cho con rể để báo đền lòng trung thành của ông.

Sau đó lại kể chuyện Vương Bảo được trời cảm động mà cho vú, Nhan Quyền mơ thấy thần cho râu. Thế Tông xem tấu, ra lệnh:

- Cho Sinh Ca được tập ấm Liêm Quốc Quang, giao cho chức Hàn lâm chờ chiếu chỉ. Phong Dã Nương làm Nho nhân. Vương Bảo là người trung nghĩa đáng thương, giao chức Thái bộc thừa. Thái giám Nhan Quyền được triệu về kinh sư, giao chức Lục cung Đô đề điểm.

Lệnh vua được ban ra, Sinh Ca và Dã Nương mới được thay đổi trang phục. Một người đàn ông vú to, một người thái giám râu dài đều được khôi phục lại diện mạo thật của mình. Chuyện kì lạ ấy, đâu đâu cũng thấy người ta đồn đại.

Trước đó âm dương đảo lộn

Bây giờ nam nữ đúng rồi.

Mọi người nhận ơn vua, đều trở về kinh. Sinh Ca dâng sớ tâu rằng: "Trước đây thần gặp hoạn nạn, chưa để tang cha mẹ. Nay muốn được để tang cha

mẹ, ở lầu cỏ bên phần mộ ba năm, sau xin nhậm chức". Thiên tử khen ngợi Sinh Ca là người có hiếu, nên chuẩn y theo nguyện vọng. Sinh Ca cùng với Dã Nương mặc áo xô gai, chống gậy, đến nơi phần mộ cha mẹ bày lễ cúng. Nghĩ lại cha mẹ đã chết oan khuất, lúc còn sống lại không biết mặt, khi chết không được chăm sóc mộ phần, cho mãi tới bây giờ mới đến trước mộ bái lạy. Nỗi đau đớn trong lòng ứa dậy, họ nằm lăn ra đất khóc lóc thảm thiết. Điều đó khiến cho những người xung quanh không ai không thương tâm.

Vương Bảo thấy vợ chồng Sinh Ca tới mộ, nhân lúc chưa tới nhiệm sở, mang lễ vật đến mộ lễ. Lúc ấy Vương Bảo mặc áo triều đình ban cho, đến trước mộ, ông bảo người hầu mang áo xanh và mũ nhỏ để ông thay.

Sinh Ca hỏi:

- Sao lại phải làm thế.

- Xưa kia ta được mẹ ông nhỏ nhờ cậy bảo vệ ông nhỏ. - Vương Bảo nói. - Nay ta đến để thừa lại với bà. Nếu như đội mũ đeo đai, sợ rằng người dưới mộ không nhận được.

Nghe xong bất giác Sinh Ca òa lên khóc. Vương Bảo thay áo mũ, đứng trước mộ bái lạy thưa rằng:

- Thừa bà, con là Vương Bảo, xưa kia ở thành Ký Châu, vì muốn về gấp báo tin cho bà chủ, không kịp khâm liệm thi thể ông chủ. Đến khi bà chủ chết, con vội vàng bảo vệ ông nhỏ, đưa ông đi trốn, không kịp khâm liệm thi thể bà, cũng không kịp đến mộ để cúng. Nay nhờ trời, được ân xá, con mới tới mộ ông bà. Trước đây nhờ trời cho vớ, tiên ông che chở nên chủ tớ chúng con mới được sống tới ngày nay. Nay may mà mối thù đã trả ông nhỏ đã thành gia thất, lại được thăng quan. Không biết ông bà chủ có biết cho không? Nếu linh hồn tại đây, cúi lạy xin chứng giám.

Cứ như thế, ông vừa khấn vừa vái lạy, rồi nước mắt ông cứ trào ra. Những người theo hầu nhìn thấy, ai ai cũng khóc.

Vương Bảo lễ xong, thay mũ áo. Lúc ấy Nhan Quyền cùng đến cúng. Chờ lễ xong họ cùng đến từ biệt vợ chồng Sinh Ca, chuẩn bị lễ vật đến Song

Trung miếu lễ tạ. Nhan Quyền cho đúc lại tượng thần, trùng tu lại miếu, rồi sau đó cùng với Vương Bảo trở về kinh thành. Sinh Ca cùng với Dã Nương ở lại chịu tang. Sau đó lại nghe thấy chiếu chỉ của triều đình, sắc cho quan huyện Ngọc Điền xây dựng miếu thờ Liêm Quốc Quang, hằng năm thờ cúng. Sinh Ca cùng với Dã Nương tới đó cúng lễ xây dựng lại lăng mộ. Hết hạn chịu tang, họ cùng trở về kinh đô tạ ơn vua rồi nhậm chức.

Ở kinh đô chưa được bao lâu, nghe tin tại huyện Lâm Thành, Triệu Châu có một mụ yêu quái, đó là Ngưu thị. Mụ ta đã liên kết với bọn cướp hung hăng ngang ngược nổi loạn. Ngưu thị là vợ Y Đại Kiên, Đại Kiên là người Lâm Thành. Khi còn sống hẳn đã dựa vào sự sủng ái của Hải Lăng Vương, làm nhiều điều ác độc. Sau đó bị cáo giác, Thế Tông đã ra lệnh tịch thu gia sản. Không ngờ Ngưu thị là vợ, biết nhiều yêu thuật, bèn cùng với con là Y Bưu trốn vào núi Thái Hàng, tụ tập bọn cướp nổi loạn, tự xưng là "Thông Thánh Nương Nương". Quan địa phương đem quân truy bắt, song đều bị chúng đánh bại. Sinh Ca biết được tin này, tấm lòng trung thành sôi sục trào dâng, nói:

- Đây là vợ tên kẻ thù, ta phải tự tay giết nó.

Thế rồi Sinh Ca dâng sớ xin tới sào huyệt kẻ thù. Thiên tử chuẩn y, lệnh cho giữ chức Hàn lâm Đãi chiếu kiêm Hành quân Thiên hộ, đem ba ngàn quân đến Lâm Thành dẹp bọn yêu tặc. Sinh Ca vâng lệnh, ngày đêm thúc quân thẳng tiến. Ngưu thị thống lĩnh quân giặc, chiếm cứ núi cao hiểm yếu, xây dựng doanh trại, rồi dùng phép thuật chống lại. Nào ngờ Sinh Ca được Bích Hà Chân Nhân truyền cho kiếm thuật. Sinh Ca không chờ giao phong, một mình bay lên đỉnh núi, vung kiếm chém đầu Ngưu thị và Y Bưu. Sau đó đốc quân phá tan sào huyệt bọn cướp, dẹp tan quân giặc, chiến thắng trở về triều. Thiên tử thấy Sinh Ca lập công lớn, thăng làm Trung thư Tả thừa, kiêm Xu mật Phó sứ, truy tặng cha mẹ là Lý Chân và Giang thị. Sinh Ca cảm động đến rơi nước mắt, tạ ơn vua, trở về tư dinh. Đêm ấy nằm mơ thấy một vị quan mặc áo đi hia, và phu nhân mặc áo gấm đội mũ cánh phượng. Hai người nói với Sinh Ca rằng:

- Ta là cha mẹ của người. Được Thượng đế rủ lòng thương, vì một người là văn nhân bị tai họa, một người vì tiết nghĩa mà quyên sinh, cho ta thoát khỏi kiếp ma quỷ mà được làm thần. Không những được ơn vua, mà còn được Thượng đế yêu mến. Con không phải buồn phiền thương xót cha mẹ nữa.

Sinh Ca tỉnh dậy, nhớ lại hình ảnh cha mẹ, vẽ ra hai bức chân dung, gọi Vương Bảo tới xem. Vương Bảo vô cùng kinh ngạc nói:

- Rất giống ông bà chủ lúc sinh thời.

Sinh Ca vô cùng sung sướng, đưa vào miếu thờ. Đúng là:

Trung, trinh trời đất biết.

Nhân, hiếu quỷ thần hay.

Vương Bảo làm quan được ba năm, rồi xin từ chức, đi tìm Bích Hà Chân Nhân vào núi tu luyện. Đến từ biệt vợ chồng Sinh Ca, mang theo hộp đựng hạt ngân mẫu linh đan, nhẹ nhàng phôi phới ra đi. Sinh Ca luôn luôn nhớ tới lòng trung thành của ông, vẽ một bức chân dung của ông đặt bên cạnh Lý Chân, hằng năm thờ cúng. Lại vẽ bức chân dung Bích Hà Chân Nhân, đặt thờ ông tại am cỏ xưa kia, và cùng thờ Vương Bảo tại đó. Về sau Hoa Hắc đi sứ trên biển, thấy Vương Bảo người hồng hào tóc trắng xóa, nhẹ nhàng bay lướt trên mặt nước. Khi trở về, kể lại với Sinh Ca. Sinh Ca biết ông đã thành tiên. Nhan Quyền ra vào cung, người ta đều gọi ông là thái giám Râu, và ông được vua sủng ái, thọ tới chín mươi bảy tuổi mới qua đời. Dã Nương mặc áo xô tang ông, đặt bức chân dung lên bàn thờ. Đây là việc báo đền hai người trung nghĩa. Các bạn thân mến, nếu người ta có lòng trung thành, có nghĩa khí, thì trời sẽ phù hộ, thần sẽ giúp đỡ. Hãy xem nobộc, hoạn quan còn như thế, huống hồ những sĩ đại phu. *Kinh Dịch* viết: "Tận trung với vua, không phải vì bản thân mình".

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 18

Hai Lần Phán Quyết, Con Giả Thành Con Thật

Ba Lần Nung Tượng, Vàng Thật Hóa Vàng Hư

*Ở trong vô tướng tướng bỗng sinh,
Đúng đúng sai sai vẫn tranh giành.
Cuối cùng hữu tướng về vô tướng,
Trách kẻ tham lam vẫn mãi mê.*

Trên đây là bốn câu kệ do Tinh Thiên sư làm, ông khuyên người đời không nên bộc lộ mình. Những người bộc lộ mình, phần lớn đều bộc lộ ở ba khía cạnh: tham lam, giận dữ, ngu ngốc (tham, sân, si). Tham của cải của người khác là tham, tham phúc của trời là tham. Tham không được thì sinh giận dữ. Giận người là ngu, giận trời càng ngu. Rốt cục cái đã định thì không thể cưỡng lại, mà cái không định thì lại không giữ được. Biết mọi sự đã được định đoạt thì không nên tham. Biết nó không phải của mình thì lại càng không nên tham.

Thời Chu Thế Tông cuối Ngũ Đại, ở Quy Đức, Hà Nam, có một người tên là Kỷ Diễn Tộ. Gia đình vào loại thường thường bậc trung, đã gần bốn mươi tuổi mà chưa có con nối dõi. Vợ là Cường thị, tính lại hay ghen tương, không cho chồng lấy vợ lẽ. Trong nhà chỉ có một đứa ở tên là Nghi Nam mười sáu tuổi rất xinh đẹp. Sợ chồng gian dối với cô ta, Cường thị không cho cô chải đầu, bó chân và luôn quản chặt Kỷ Diễn Tộ, không lúc nào buông lơi. Kỷ Diễn Tộ có một đứa cháu trai Kỷ Vọng Hồng, là con người anh đã qua đời tên là Kỷ Diễn Tự. Từ nhỏ Kỷ Vọng Hồng đã được cha mẹ cưng chiều, lớn lên chẳng biết làm gì suốt ngày cờ bạc, và đã trở thành một đứa hết sức vô lại. Cha mẹ chết sớm, Kỷ Diễn Tộ không sao dạy bảo được Kỷ Vọng Hồng. Vợ Kỷ Vọng Hồng là Trần thị cũng là đứa thích ăn diện, bị chồng đuổi đi, may được bố chồng Trần Nhận Phủ nhận về nuôi.

Kỷ Diễm Tộ thấy cháu hư hỏng, nên không muốn nhận làm con thừa tự. Nào ngờ Vọng Hồng thấy chú không con, nhòm ngó gia tài của chú, cho rằng chú không quan tâm đến mình, cứ nài nỉ xin xỏ. Khi Diễm Tộ giúp cho ít đồ đạc, cầm chưa nóng tay Vọng Hồng đã bán sạch. Vọng Hồng như thế thì làm sao Kỷ Diễm Tộ thỏa mãn được lòng tham vô đáy của hắn. Bởi thế Cường thị nói với chồng:

- Chỉ vì ông không có con nên mới phải chịu nó hành hạ. Trước đây ta muốn tới chùa Đại Tướng Quốc cúng cầu tự, song vẫn không được, nay tôi muốn ông cùng tôi đi cầu tự, ông thấy thế nào?

Kỷ Diễm Tộ nói:

- Đàn bà không nên đi cầu tự, hơn nữa đường xá xa xôi, rất bất tiện. Nếu bà muốn cầu con thừa tự, thì sớm chiều dâng lễ cúng Phật tại nhà là được rồi!

Thấy chồng nói thế, Cường thị bảo chồng làm một pho tượng Phật không phải bằng gỗ mà phải đúc bằng đồng, pha thêm vàng để thờ cúng. Theo lời vợ, Diễm Tộ mời một người thợ giỏi là Dung Tam đến nhà đúc một pho tượng Phật bằng đồng nặng mười cân và hai lạng vàng. Pho tượng đúc xong sáng chói trông như vàng ròng. Cường thị đặt pho tượng trong gian phòng rất thanh tịnh, suốt ngày lễ bái, cầu con thừa tự.

Cầu cúng gần một năm trời mà chẳng thấy Cường thị có mang, Diễm Tộ ngấm ngấm để ý đến Nghi Nam. Tuy cô không chải đầu, không bó chân, anh đâu có cần đến phần đầu, chỉ cần phần đuôi thôi, và chỉ cần cái chân ngồi, chứ không cần cái chân đi của cô. Người ta thường nói: "Mất trộm rồi mới rào giậu". Dù cho vợ quản chặt, nhưng đến đêm Cường thị ngủ say, Diễm Tộ mới lén lút gian dúi với Nghi Nam. Đúng là:

*Mặc cho sư tử Hà Đông rống
Nào có ai ngờ mất chim loan.*

Gã xưa nay vẫn sợ vợ, đêm đến lén lút vụng trộm với đứa ở. Quá trình lén lút ấy đều có biệt hiệu riêng. Trước hết gối đầu lên gối theo dõi hơi thở của

vợ, gọi là "cáo nghe nước đóng băng"; đến khi vợ ngủ say, len lén chui ra khỏi chăn, gọi là "ve sầu lột xác"; trong đêm tối ngồi trên giường dùng chân quơ dép gọi là "rửa chân ở sông Thương Lang"; đi trong đêm sợ chạm vào đồ vật nên hai tay phải đặt trước bụng, gọi là "Bá Nha ôm đàn"; đến chỗ ngủ của con ở, xoa xoa, nắn nắn, cả hai đều không dám nói, gọi là "người cầm đánh nhau"; sợ vợ tỉnh dậy biết được, vội vàng làm cho nhanh chóng, gọi là "chuồn chuồn đập nước"; về tới giường vợ, lại rón rén chui vào chăn như cũ, gọi là "rắn vàng về lỗ".

Kỷ Diễn Tộ vụng trộm với Nghi Nam, nhưng lúc nào cũng nơm nớp lo sợ, không được tự do thoải mái, đang lúc muốn cùng với cô ta vụng thầm cho thật dã, thì rất may, buồn ngủ lại gặp chiếu manh. Cường thị vốn ăn chay niệm Phật, nên có một ni cô thường hay lui tới. Ni cô người họ Tất, pháp danh là Ngũ Không. Am của ni cô gần chùa Long Hưng, Thành Nam, bởi thế cô thân quen với một vị hòa thượng trong chùa: Chùa Long Hưng có hai sư trụ trì, đó là Tĩnh Tu và Huệ Phổ. Tĩnh Tu hiểu kinh Phật rất sâu sắc, không thích ồn ào, thường đóng cửa ngồi tĩnh tọa. Huệ Phổ thì chỉ nắm được cái tổng quát, giảng kinh thuyết pháp. Việc tiếp đãi thiện nam, tín nữ hoàn toàn dựa vào Ngũ Không. Ngũ Không thường tới các nhà giàu có, giáo hóa nữ giới quy Phật. Bởi thế, Ngũ Không cũng khuyên Cường thị nên đi nghe giảng kinh. Ngày mười chín tháng hai là ngày sinh nhật Quan âm Đại Sĩ, chùa lại càng đông vui. Cường thị muốn đi, Diễn Tộ không muốn vợ đi, song ông ta lúc nào cũng tơ tưởng tới Nghi Nam, nên nghĩ nếu Cường thị đi vắng thì việc đàn dúi sẽ không bị ngăn trở. Trước hôm Cường thị đi chùa, ông ta bảo Nghi Nam vờ đau bụng nằm rên. Hôm sau, Cường thị thấy Nghi Nam ốm, không thể đi cùng, đành cho hai vợ chồng người giúp việc là Hỷ Tường đi theo, để Hưng Nhi một đứa ở mười hai tuổi và Nghi Nam ở lại trông nhà. Lúc đầu Diễn Tộ cùng đến chùa với vợ, song khi vào chùa thì nam ngồi bên đông, nữ ngồi bên tây, sau khi Huệ Phổ an tọa giảng kinh, thì nhân lúc đông người, Diễn Tộ lén về, thả sức ong bướm với Nghi Nam. Chỉ thấy:

Vợ vào chùa xem Phật đường thanh tịnh
Chồng về nhà hưởng cực lạc Niết Bàn
Người thì thành tì kheo cúng Thế Tôn quỳ rạp đất
Kẻ lại hóa thành tiên, khiến gái hầu chống vó lên trời

Trước đây đêm tối vội vàng hành sự chỉ chớp mắt là mây tạnh trời quang
Nay giữa ban ngày ban mặt ung dung tường tận chẳng khác gì rung cành lá
rụng tả tơi
Trước đây thường trách Thủy Mẫu Quy sơn độc ác không chút buông tay.
Nay lại gặp sư tử Hà Đông lễ Phật, mới có dịp may
Dựa vào sức mạnh Quan âm bắt đi La Sát Dạ Xoa
Nhờ vào sức sống của Thiền dựng nên Cao Đường Vu Giáp
Trước đây vợ tại phòng the chiêu chửi, chẳng khác nào đọc kinh cầu
nguyện cho chồng
Nay mụ ác vào chùa nghe kinh Phật, chẳng khác gì niệm chú cho đứa hầu
hòa hợp
Hoàn toàn nhờ Phật mở đường phương tiện
Quả là Bồ Tát rộng lượng từ bi

Diễn Tộ hành sự xong, gọi thằng nhỏ Hưng Nhi dặn rằng:

- Khi bà về không được nói là tao về nhà nhé.

Nói rồi, Diễn Tộ đến ngay chùa, đúng lúc đón kiệu Cường thị cùng về.
Cường thị không biết được trò ma mãnh của chồng, cũng chẳng biết được,
lần này Nghi Nam đã mang thai. Hơn một tháng, thấy Nghi Nam lông mày
dựng ngược, mắt đỏ dẫn mệt mỏi, Cường thị sinh nghi, bèn gọi ra tra khảo,
Nghi Nam đành phải nói thực. Cường thị vô cùng tức giận, rầy la chồng.
Diễn Tộ vì sợ vợ, nên lúc đầu không nhận, sau bị truy bức đành phải khai
ra. Cường thị xô bàn đập ghế gào khóc, chửi bới, rồi bảo Nghi Nam đi.
Đúng là:

Đàn bà thường đánh ghen,
Đánh ghen phản tu hành.

*Mình không từ bi được,
Cúng phật cũng bằng không.*

Đến hai tháng ròng, ngày nào Cường thị cũng nhieếc móc Nghi Nam. Một hôm Cường thị vào gian thờ Phật, hướng về pho tượng đồng giận dữ nói:

- Phật cũng chẳng thiêng. Ta suốt ngày cầu mong người, nhưng người lại phù hộ cho con đĩ ấy có thai, thật là ta uống công hương khói bấy lâu nay.

Cường thị cứ vừa lễ vừa oán trách phật.

Mà cũng lạ thật, hôm trước Cường thị nói thế, thì hôm sau pho tượng đồng trên bệ thờ biến mất. Cường thị giật mình, ngờ rằng pho tượng bị đánh cắp. Trong nhà chỉ có bốn người: vợ chồng Hy Tường, Hưng Nhi và Nghi Nam, song Cường thị cứ đổ hết cho Nghi Nam lấy cắp. Nghi Nam không chịu nhận. Cường thị định đánh Nghi Nam tra khảo, thì có người tới báo, pho tượng ấy hiện đang ở đâu. Người báo tin lại là người nhà của phú hộ Tất Viên Ngoại ở trong thành này. Thế thì kẻ nào đã lấy cắp pho tượng? Đó chính là Hỷ Tường, anh ta đã nghe thấy bà chủ oán trách tượng, nhân đêm tối đã lẻn vào lấy cắp pho tượng, sáng sớm hôm sau đem bán cho nhà Tất Viên Ngoại lấy mười lạng bạc. Tất Viên Ngoại là Tất Tư Phục, một người hết sức tham lam, ni cô Ngũ Không là em họ ông ta, và ông ta thường nghe thấy Ngũ Không nói: "Nhà họ Kỷ có một pho tượng đồng đúc lẫn vàng vô cùng tinh xảo". Nay Hỷ Tường ăn trộm mang đến bán, ông ta mua với giá rất hời. Cát Phúc biết Hỷ Tường lấy trộm bán, đòi chia hai lạng. Hỷ Tường không cho. Cát Phúc tức giận đến báo cho nhà họ Kỷ. Nhưng khi Kỷ Diễn Tộ hỏi kẻ nào lấy trộm thì Cát Phúc không chịu nói. Diễn Tộ mười phần thì chín phần ngờ cho Hỷ Tường, song chỉ vì Hỷ Tường là người theo về hầu hạ vợ mình khi cưới, vợ coi là người tâm phúc, nên luôn bao che cho anh ta, Diễn Tộ không dám truy hỏi, chỉ thưởng cho Cát Phúc năm đồng. Sau đó sai Hỷ tường mang mười lạng bạc đến chuộc. Cát Phúc lại bàn kín với Hỷ Tường rằng:

- Tôi không khai rõ người lấy với chủ anh, thì anh cũng đừng lộ việc này với chủ tôi.

Hỷ Tường bằng lòng. Thấy Diễn Tộ thúc dục gấp, Hỷ Tường phải mang bạc tới chuộc. Vì mua được pho tượng đồng quá rẻ, nên Tất Tư Phục không cho chuộc, bèn nghĩ ra một kế, nói rằng bạc kém phẩm chất, phải đưa thêm. Tất Tư Phục lại bàn kín với Cát Phúc, ngay đêm ấy gọi Dung Tam, thợ đúc tượng Phật tới nhà, bảo đúc một pho tượng hoàn toàn bằng đồng, cũng giống như pho tượng có lẫn vàng, rồi sẽ trọng thưởng. Khi nhà họ Kỷ đưa bạc tới chuộc, lại bị thoái thác rằng Viên Ngoại không có nhà. Trì hoãn liên trong mấy ngày, tới khi Dung Tam đúc xong tượng giả rồi mới cho chuộc, còn pho tượng thật để mình thờ phụng. Quả là:

*Tham vàng lén lút kế gian manh
Thờ Phật toàn là kẻ bất lương.*

Mang tượng về, Diễn Tộ hoàn toàn không biết đó là tượng giả vẫn đặt tại gian thờ Phật như cũ.

Cường thị thấy Phật đã chuộc về không thể đổ cho Nghi Nam lấy cắp tượng được nữa, song không thể tha Nghi Nam, suốt ngày đánh chửi, rầy la. Diễn Tộ thấy Nghi Nam khó mà dung thân, bèn bàn kín với Hỷ Tường, bí mật tìm một người tới xin, rồi mang đi một nơi xa nuôi dưỡng. Nào ngờ thằng hầu Hỷ Tường lại ton hót hết với chủ. Cường thị nổi giận, hỏi Hỷ Tường:

- Lão vô liêm sỉ làm như thế thì ta nên đối phó thế nào?
- Bà chủ cứ bán đứa con hầu này đi, - Hỷ Tường hiến kế nói, - đừng bán cho nhà nghèo, ông sẽ chuộc lại, mà phải bán cho nhà giàu không chuộc được, lúc đó mới chặn đứng ý muốn của ông chủ.

Cường thị nghe theo, bèn bảo bà mối tìm khách bán. Mấy hôm sau, ni cô Ngũ Không biết tin có ý đến dẫn mối, nói là mua về làm thiếp cho cháu mình là Tất Tư Phục. Tất Tư Phục đã luống tuổi mà vẫn chưa có con, vợ là Đan thị rất hiền thực, thấy chồng không có con, muốn cưới thêm cho ông một người vợ lẽ vì thế Ngũ Không đến nói vun vào. Cường thị chỉ mong

Nghi Nam đi cho khuất mắt, nên chẳng kể chi đến đất rẻ, chỉ sợ chồng lén lút chuộc về. Ngũ Không nói:

- Điều đó không lo, cháu tôi là con nuôi của Thái úy Hô Diên Ngưỡng cũng ở thành này, chỉ cần nói với chồng bà là phủ Hô Diên lấy đi là được rồi.

Cường thị còn đang do dự, Ngũ Không biết được Cường thị thường nghe theo Hỷ Tường, bèn ngấm ngấm hứa cho Hỷ Tường hai lạng. Hỷ Tường tìm cách vun vào. Cường thị liền nghe theo. Diễn Tộ về làng thu hoạch lúa mạch, nhân lúc chồng vắng nhà, Cường thị bèn nhận mười sáu lạng bạc nhà họ Tất và ngay hôm ấy Tất Tư Phục cho người mang kiệu đưa Nghi Nam về. Hỷ Tường sợ Nghi Nam không chịu đi, lừa cô rằng:

- Ông chủ sợ bà không tha cô, nên đã nhờ sư phụ Ngũ Không đến nói vun vào, xin cho cô đi lấy một người chủ khác.

Nghi Nam tin là thật, để họ dắt lên kiệu đưa tới nhà họ Tất. Về nhà, Diễn Tộ không thấy Nghi Nam, hỏi Hỷ Tường, anh ta chỉ nói là phủ Hô Diên bắt đi rồi. Diễn Tộ rất đau buồn, song lại sợ vợ không dám nói, đành ngửa mặt lên trời mà than thở. Đúng là:

*Của quan hun hút sâu như biển
Từ đó chàng Tiêu khách qua đường.*

Nghi Nam đến nhà họ Tất, biết chủ đã bán mình, gào lên khóc lóc thảm thiết, muốn chết đi cho rảnh, song lại thương cái thai trong bụng mình. Đang lúc chưa biết nên thế nào, thì ngờ đâu Cát Phúc biết Nghi Nam đã có thai, nói với chủ rằng:

- Ông chủ bị sư Ngũ Không đánh lừa rồi?

Tư Phục cho gọi ngay Ngũ Không tới hỏi chuyện này.

- Làm gì có chuyện ấy, - Ngũ Không nói, - ai nói thế.

- Cát Phúc nói. - Tư Phục nói.

- Nó không được lót tay, - Ngũ Không nói, - cho nên nó gièm pha, cháu đừng nghe nó.

Tư Phục bán tén bán nghi, nói chuyện này với vợ, bảo vợ truy hỏi Nghi

Nam. Lúc ấy Nghi Nam đang thút thít khóc, không muốn ở nhà họ Tất nên đã nói thực với Đan thị:

- Tôi đã có thai từ tháng hai, giữa tháng năm này là tròn ba tháng. Tuy bà chủ mua tôi về, song tấm thân này quyết không chịu nhục, cúi xin bà rộng lòng thương trả tôi về chủ cũ.

Đan thị nói chuyện ấy với chồng, Tư Phục nói:

- Đúng là ta đã bị cô Ngũ Không lừa rồi, nay nếu trả về chủ cũ thì phải đòi trả lại nguyên giá.

- Vợ cả ông ta không dung tha, - Đan thị nói, - nếu nay ta trả về thì tốt nhất là bán cho người khác. Hay là ta làm phúc để cô lại.

- Nếu giữ lại, - Tư Phục nói, - thì phải mua thuốc trụ thai cho cô ấy uống. Có như thế thì mới thụ thai được.

- Không được. Đan thị trầm ngâm nói. - Một là để cô trụ thai thì phải tội, hơn nữa anh lại đang cầu mong con trai, sao lại đi làm trụ thai người khác. Hai là, thuốc trụ thai rất nguy hiểm, tôi nghe người ta nói, thai đã hai tháng rất khó ra, phải dùng thuốc mạnh, nếu chết người không phải chuyện đùa. Ba là dù cho có trụ thai, chẳng may uống phải lãnh được thì lần sau khó thụ thai, có phải lỡ việc của mình không. Thôi thì cứ chờ cô ấy đẻ, lúc ấy quen dạ, thụ thai càng dễ. Tính đi tính lại mình đang khát con trai, nay cô ta đã về nhà mình, còn sáu bảy tháng nữa thì đẻ. Dù đẻ con trai hay con gái ta cũng cho đi, nhưng mười tháng nữa mới đẻ, thì coi như hạt máu của nhà ta, giữ lại để làm người thừa kế khói hương sao lại không được.

- Bà nói đúng. - Tư Phục nghe xong gật đầu nói.

Thế rồi họ đổi tên cho Nghi Nam thành Tử Thư, bảo cô vào phòng nghỉ ngơi. Đêm đến, Nghi Nam sợ Tư Phục sát lấy cô bèn dùng giải áo buộc chặt lấy chỗ ấy, và để quần áo ngủ. Đến tối Tư Phục ngủ ở giường vợ, bỗng thấy đau bụng, dậy đi ngoài mấy lần. Khi trời sáng, mệt mỏi rã rời không dậy được, bèn mời thầy về khám bệnh. Thầy thuốc nói:

- Không những bụng đau mà còn mắc chứng phong hàn, phải chăm sóc cẩn thận.

Đan thị nghi chồng đêm đã dậy ăn nằm với Nghi Nam, hoặc là mắc chứng phạm phong. Nào có biết, Tư Phục hoàn toàn không hề động chạm tới cô,

chỉ vì đi tả gặp gió lạnh nên đã mắc liền một lúc hai bệnh. Nằm tụy tới hai ba tháng trời mới thấy đỡ, song vẫn chưa khỏi hoàn toàn. Bởi thế Nghi Nam không bị ô nhục, ngày ngày cô tới Phật đường lễ Phật, cầu mong cho đứa con trong bụng, nếu mười ba tháng mới ra đời thì có thể giữ được giọt máu cho người chủ cũ. Đó cũng là tấm lòng không quên chủ cũ của cô. Có một bài thơ làm chứng như sau:

*Gái hầu nuốt lệ đến cửa người,
Chỉ nhớ tình xưa chẳng đoái nay.
Đâu phải bèo trôi không có rễ.
Giống xưa giữ lại đó mà thôi.*

Đan thị thấy Nghi Nam ngày nào cũng lễ Phật, bèn chỉ tượng Phật nói với cô:

- Pho tượng đồng này vốn là pho tượng nhà chủ cũ của cô.
- Tôi cũng đang nghi, pho tượng Phật giống pho tượng của chủ tôi. - Nghi Nam nói, - thế mà đúng thật. Người ta lấy trộm tới đây bán, chủ tôi đã chuộc về, nhưng sao nay vẫn còn ở đây

Đan thị kể lại hết. Nghi Nam than vãn:

- Tôi cứ tưởng chủ tôi đã chuộc được tượng rồi, nhưng ngờ đâu không chuộc được. Phật và tôi đều giống nhau, chỉ đến mà không về.

Thế rồi cô nói với Đan thị là Cát Phúc đã báo tin đòi tiền thưởng. Lập tức, Đan thị gọi Cát Phúc tới mắng:

- Mày là đồ chó má, nhà mua tượng đồng, sao mày lại đến báo cho nhà họ Kỷ. Không những mày đi báo mà còn lừa nhà họ Kỷ lấy tiền thưởng, xúi bẩy chủ đối tượng giả lấy tượng thật. Nếu ta nói việc này với ông chủ thì mày như đòn. Hiện ông ấy đang ốm, sợ ông nổi khùng nên ta tạm tha cho mày.

Cát Phúc bị Đan thị mắng chỉ biết cúi đầu, chẳng dám nói năng gì. Hắn nghĩ: "Đã bảo ta làm việc xấu thì dứt khoát ta sẽ có cách khác". Thế rồi hắn đến bàn với Dung Tam thợ đúc đồng, bảo ông ta đúc một pho tượng đồng đúng như thế, sau đó đổi lấy pho tượng có lẫn vàng đem nấu chảy, tách vàng ra dùng. Dung Tam nghe theo, ngay đêm ấy đúc một pho tượng khác. Dung Tam đã đúc pho tượng Phật này hai lần nên rất thành thực, không cần

phải xem mẫu, đúc mò một pho tượng mới giống hệt như hai pho trước. Cát Phúc rất khoái, bèn lén lút mang về đổi lấy pho tượng thật, đưa đến nhà Dung Tam, mong nấu chảy tách lấy vàng. Lạ thay, pho tượng cho vào lửa nấu một ngày mà vẫn không sao chảy được. Hai người không biết làm cách nào, bàn nhau hồi lâu, rồi đem pho tượng đến phủ Hô Diên cầm lấy mười lạng bạc chia nhau. Đúng là:

Trộm lại gặp trộm.

Gian lại gặp gian.

Trên làm thế nào,

Dưới làm thế vậy.

Đan thị và Nghi Nam hoàn toàn không biết tượng Phật đã bị đánh tráo, chỉ chú tâm vào thắp hương lễ bái. Nghi Nam cầu Phật được mẹ tròn con vuông. Đan thị cầu mong chồng khỏi bệnh.

Ngờ đâu bệnh tình Tư Phục vừa thuyên giảm, thì lại gặp phải hai việc rắc rối, bệnh càng nặng thêm. Vốn là trước đây, Tư Phục là con người cầu lợi. Ông ta có hai bộ quần áo, hai bộ mặt, thấy người thân thích nghèo túng thì mặc áo cũ, mặt mày nhăn nhó kêu nghèo; thấy khách giàu sang, thay áo đẹp, xum xoe nịnh nọt, sẵn đón bợ đỡ. Ông ta có một người em họ tên là Tất Tư Hằng, là con ông chú Tất Tư Vũ, tính vốn an phận thủ thường, mở cửa hàng thuốc buôn bán kiểu cò con. Tư Phục không hề cho em mượn một xu nào. Ông của Kỷ Vọng Hồng là Trần Nhân Phủ, là cậu của mẹ Tư Phục. Nhà nghèo không có con trai, chỉ có một người con gái chưa chồng, sống ở nhà, Tư Phục cũng không hề quan tâm đến ông, chỉ xu phụ Hô Diên Ngưỡng, một viên quan hiển đạt ở thành này. Hô Diên Ngưỡng làm tới chức Thái úy, được nghỉ tại nhà. Tư Phục đến tận nhà nhận làm con nuôi, biếu quà rất hậu. Trước cửa nhà Tư Phục đều dán thiệp báo hỉ của Hô Diên Phủ. Trước đây ba năm, tú tài Tất Đông Ly từng quen biết Tất Tư Hằng, viết một tờ thiệp nói là em họ, muốn đến nhà Tư Phục thăm viếng. Tư Phục cho là tú tài kiết xác, không muốn anh ta đến quấy rầy, nên đã trả lại thiệp. Tất Đông Ly rất bức. Không ngờ năm ấy Tất Đông Ly thi đỗ tiến sĩ, về nhà chờ bổ nhiệm. Đúng dịp Hô Diên Ngưỡng bị người ta dâng sớ vạch tội, vì đã lén lút đúc tiền đồng. Theo lệnh quan địa phương nơi ấy phải kiểm tra

báo lên cấp trên. Tư Phục sợ liên lụy, vội vàng xé những tờ danh thiếp của Hồ Diên Phủ dán tại nhà mình. Nhờ Tất Tư Hằng lén lút đến bái kiến Tất Đông Ly, muốn nhận là anh họ, cầu mong ông che chở. Tất Đông Ly nghĩ đến việc trước đây, khẳng khái chối từ. Tư Phục phải bỏ ra hai trăm lạng mới mua được tờ báo hỉ tiến sĩ mới, đem dán tại cửa nhà mình. Không lâu sau, việc Hồ Diên Ngưỡng đúc tiền đồng, được bao che nên không việc gì. Song Tất Đông Ly lại bị vạch tội là quan giám khảo vì tình riêng đã cho Tất Đông Ly đỗ. Theo lệnh Bộ ấy phải kiểm tra lại. Đông Ly muốn tới Bộ đút lót, thiếu một trăm lạng, bèn sai người đến Tư Phục mượn. Tư Phục không hề cho mượn một xu, còn mắng rằng:

- Trước đây, ta đã đưa hai trăm lạng, nay ta sẽ trừ cho một trăm lạng, còn lại một trăm lạng trả lại ta.

Đông Ly tức giận tuyệt giao với Tư Phục. Sau kiểm tra, Đông Ly vô sự, vẫn là tiến sĩ. Biện Phương Dận, quan Thiêm phán mới đến nhậm chức tại phủ này lại là bạn học của Đông Ly. Vì Tư Phục sai Cát Phúc đi đòi nợ đã bức tử một bệnh nhân, bị người nhà kiện lên Thiêm phán đài. Bệnh vừa thuyên giảm, sợ người thân của người đã chết đến làm rầy rà, Tư Phục phải trốn tạm sang nhà Tất Tư Hằng, và nhờ Tất Tư Hằng nói với Đông Ly, mong ông đến nói với Biện Phương Dận. Đông Ly nhớ tới mối hận trước, đòi phải đưa năm trăm lạng thì mới xong việc.

Tư Phục bị một vết đau, buồn bã ra về. Đang lúc buồn rầu, thì ni cô Ngũ Không đến đòi bạc. Vốn là trước đây Ngũ Không đưa cho Tư Phục một trăm lạng quay vòng kiếm lời, nay thấy Tư Phục bị kiện, sợ Tư Phục tiêu đi không có tiền trả, nên cố ý đến đòi. Tư Phục lo lắng nói:

- Cô thấy tôi không trả được nên mới vội vã đòi có phải không? Đi tu thì cần gì đến tiền, hơn nữa cháu lại không giữ được tiền của cô ư?

Ngũ Không thấy vậy làm âm lên:

- Sao người lại trở mặt như thế? Tiền của cô người không quýt được, tiền của người tu hành không thể quýt được.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 18 (B)

Thấy Ngũ Không làm toáng lên, Đan thị phải khuyên can mãi. Ngũ Không thâm nghĩ: "Trước đây sợ mất nên ta đã không cho đứa cháu nghèo là Tư Hằng vay, đem cho cháu giàu là Tư Phục vay, thì ai ngờ bây giờ Tư Phục lại trở mặt, thế chẳng hóa ra Tư Hằng sẽ cười cho ư?", và vô cùng tức giận. Vì hay đi lại Hô Diên phủ nên Ngũ Không nói với vợ lẽ của Thái úy, nhờ người trong Hô Diên phủ tới đòi. Đúng lúc ấy, Tư Phục lại mắc phải một tội khác, rơi vào tay Thái úy Hô Diên. Lúc ấy vào cuối thu đầu đông, Tư Phục tới trang trại dưỡng bệnh thu tô một tá điền bướng bỉnh là Đào Lương còn nợ tô chưa trả. Tư Phục đã cùm anh ta tại trang trại. Ngờ đâu vợ của Đào Lương thông đồng với Cát Phúc, ngấm ngầm mở khóa thả Đào Lương, rồi bảo vợ anh ta tới trang trại tìm chồng, sau đó Cát Phúc lại mách cho chị ta làm đơn tố cáo với Thái úy Hô Diên. Trước đây Hô Diên rất phần nộ vì Tư Phục bỏ không nhận cha nuôi, nay nhân việc này Hô Diên đòi phải đưa năm trăm lạng mới ngóe đi cho. Tư Phục bèn bán một số tài sản, gom đủ năm trăm lạng bạc đút lót cho Hô Diên. Song bị Thái úy trừ đi một trăm lạng trả cho Ngũ Không, thành thử số tiền ấy chỉ còn bốn trăm lạng. Không còn cách nào, Tư Phục buộc phải bán nhà cửa nộp thêm cho Thái úy. Uất quá Tư Phục ngất đi, phải dìu ngay về nhà, trượt ngã, trúng phong, bị bại liệt, nằm một chỗ không dậy được. Đáng thương thay một ông chủ giàu có, bỗng chốc bệnh tật nghèo túng. Trước đây khi gặp người thân thích cứ kêu là nghèo túng, thì bây giờ lại nghèo túng thật. Bởi thế có thơ rằng:

Người nghèo kêu nghèo mong được nhờ.

Người giàu kêu nghèo để khước từ.

Một bên là thật một bên giả.

Ai ngờ giả dối lại đúng thay.

Tư Phục đau ốm tới bốn năm tháng, không ngờ mùa xuân năm sau Nghi Nam đẻ con trai. Thụ thai từ tháng hai năm trước đến giữa tháng ba năm nay sinh ra, tính ra là mười hai tháng mới đẻ. Đan thị không biết nội tình thế nào, chỉ biết rằng cô ấy về vào tháng năm năm ngoái, đến nay tròn mười hai tháng mới đẻ, nên rất vui mừng, nói với chồng rằng:

- Không còn nghi ngờ gì nữa, nó đúng là con nhà mình.

Tư Phục vẫn nằm liệt trên giường, lắc đầu nói:

- Nó không phải là con ta. Từ đêm cô ấy về tới nay ta mắc bệnh, chưa từng gần cô ấy lần nào. Đứa con này chẳng có liên can gì đến ta.

- Ông đang ốm rề rề ra đấy, - Đan thị khe khẽ nói, - trước mắt khó mà nuôi được con nuôi. Ông xem hoàng đế nhà Chu ngày nay là người họ Sài, còn nhận cơ nghiệp của họ Quách, hưởng hồ mình là người thứ dân, đã trót thì cho trét, chẳng ngại gì.

- Hãy bàn lại xem. - Tư Phục trầm ngâm nói.

Hơn một tháng sau trong nhà không còn tiền tiêu, đành phải nấu chảy pho tượng đồng, mong tách vàng ra để chi dùng. Nào ngờ khi nấu lên chỉ có đồng chẳng thấy vàng đâu. Tư Phục kinh ngạc, gọi Nghi Nam tới hỏi. Nghi Nam nói:

- Chính mắt tôi thấy chủ cũ bỏ vào đó mấy lạng vàng, tại sao lại không còn?

Tư Phục chỉ nghĩ rằng đạo ấy đã đổi nhảm, lại gọi Cát Phúc đến truy hỏi. Cát Phúc nói:

- Hoàn toàn không đổi sai.

Đan thị cứ nghĩ lung tung, nói với chồng rằng:

- Đúng là thần Phật linh thiêng, không cho phép chúng ta đổi pho tượng thật nên thần Phật đã về nhà họ Kỷ.

Thấy thế Tư Phục kinh ngạc nghi ngờ, và càng hoang mang. Bỗng nhiên nghe thấy tin Hô Diên Ngưỡng bị người ta cáo giác từng liên hệ với nước Liêu, bị bắt giải về kinh đô, khép vào trọng tội, gia sản bị tịch thu. Vì Tư Phục từng làm con nuôi ông ta, sợ bị vạ lây, nên bệnh ngày càng trầm trọng. Tính mạng như ngàn cân treo sợi tóc, bởi thế Tư Phục cho người mời cậu của mẹ là Trần Nhân Phủ, và em họ Tất Tư Hằng dặn dò việc ma chay.

Rồi chỉ vào Nghi Nam nói rằng:

- Cô này về nhà, tôi chưa từng gần cô, nay con cô đẻ ra hoàn toàn không phải là con tôi. Trước đây tôi nhận cha giả, anh giả rồi cục chẳng được lợi lộc gì. Nay giữ lại đứa con giả này làm gì! Sau khi tôi chết có thể gọi nhà họ Kỷ tới đem mẹ con cô ta về. Tôi chỉ còn mấy chục mẫu ruộng bạc màu, nghĩ rằng vợ tôi đàn bà con gái không đảm đương nổi việc thuế má. Tôi chết đi, nhờ cậu đứng dựng cho, rồi tìm một người nào tốt để bà ấy tái giá. Những bạc điền và nhà cửa ở đó đều giao cho chú Tư Hăng quản lí. Trước đây tôi không quan tâm đến chú, xin vì tình anh em, lo thuế mà giúp tôi, có thể tôi chết mới nhắm mắt được.

Nói xong Tư Phục đột nhiên trút hơi thở cuối cùng. Đúng là:

Người sắp lìa đời nói lời thiện.

Chim muông sắp chết ai oán kêu.

Đan thị khóc thương vật vã, chết đi sống lại. Nhân Phủ và Tư Hăng lựa lời khuyên nhủ. Đan thị nuốt nước mắt nói:

- Ông ấy dặn cho mẹ con Nghi Nam về nhà họ Kỷ thì được, còn như bảo tôi tái giá là nói bừa. Tôi thà chết cũng không nghe theo.

- Nếu chị có chí thủ tiết, - Tư Hăng nói, - thì đây là việc rất vinh hạnh. Tất cả những việc trong nhà, em sẽ lo thay chị.

Hôm ấy Đan thị giao hết giấy tờ sổ sách cho Tư Hăng. Lại đem những đồ trang sức của mình cho Tư Hăng bán đi để lo cuộc sống. Tư Hăng trực tiếp xuống làng rà soát lại ruộng đất, những mảnh ruộng trước đây bị Cát Phúc chuyển từ đất thuộc sang đất hoang hóa, để giảm mức tô, nay đều được điều chỉnh lại. Rồi lại dùng số bạc bán trang sức mua thêm một ít ruộng đất. Đan thị được giúp đỡ, an tâm thủ tiết. Chỉ có mẹ con Nghi Nam là chưa được toại nguyện. Đan thị bàn với Tư Hăng, theo lời trăng trối của chồng trả về chủ cũ. Tư Hăng nói:

- Phải tìm người mối cũ nói với người ta.

- Người mối cũ là sư Ngũ Không. Từ khi đòi tiền, cô ấy tức giận không đến

nữa, thì nay làm sao mà nhờ cô ấy được. Cậu Trần thân quen với nhà họ Kỷ, thôi thì phiền cậu đi nói giúp.

- Thế thì tốt quá - Tư Hằng nói.

Đan thị mời ngay Trần Nhân Phủ tới nhờ ông đến nhà Kỷ Diễm Tộ nói cho ông ta tới đưa mẹ con Nghi Nam về. Đúng là:

*Không cho anh em xa nhờ vả
Ai ngờ lá rụng phủ gốc cây.*

Từ khi Nghi Nam đi, Kỷ Diễm Tộ suốt ngày thở ngắn than dài, tình cảm đối với Cường thị ngày càng nhạt nhẽo. Dù cho Cường thị có nổi giận lôi đình, cũng không làm cho băng giá biến thành mây mưa. Cường thị phần uất đau buồn, rồi đổ bệnh. Khi mắc bệnh cứ oán hận, cầu cúng Phật chẳng được lợi lộc gì bèn phá giới không ăn chay nữa. Bệnh tình ngày càng trầm trọng, chữa trị, cầu cúng không qua khỏi. Chưa đầy nửa năm đã quy tiên. Khi lâm chung vẫn oán hận Thần Phật không thiêng, dặn Diễm Tộ nấu cháo pho tượng Phật đó, không thờ nữa. Có một khúc *Hoàng oanh Nhi*, nói về Cường thị hằng ngày thờ Phật, nhưng đến lúc lâm chung lại oán Phật. Thật đáng chê cười:

*Thờ Phật đã bao năm,
Đến nay bỗng thay lòng đổi dạ.
Hoàn toàn khác hẳn ngày xưa.
Uống công thập hương đốt nến.
Khi hấp hối bản chất hiện nguyên hình
Thì đã nói những lời ai oán Phật.
Thề chẳng về Tinh Thổ Tây Thiên.*

Cường thị chết, Diễm Tộ không nghe theo những lời dặn dò xằng bậy. Hằng ngày vẫn thờ Phật, thất thất lai tuần vẫn mời sư về cầu siêu cho âm hồn. Hết tuần cuối cùng, có một bà đến làm quen, cũng có người khuyên Diễm

Tộ lấy vợ kế, có người khuyên tìm một người thiếp. Song Diễn Tộ lúc nào cũng nhớ tới Nghi Nam. Ông nghĩ rằng: "Cái thai ba tháng không biết rồi sau sẽ thế nào?" và thường tới phủ Hô Diên nghe ngóng. Vốn là Hô Diên Ngưỡng có một người thiếp là Nghê thị, tên là Loan Di, khi Hô Diên Ngưỡng bị bắt, thừa lúc rối ren cuồn một ít tài sản trốn về nhà mẹ đẻ. Đúng lúc Tất Đông Ly cần thiếp bèn cưới cô về. Diễn Tộ cứ ngỡ Nghê Loan là Nghi Nam, biết cô đã trở thành vợ bé của Tất Tiến Sĩ nên vô cùng đau buồn. Chợt thấy Trần Nhân Phủ đến nói chuyện về mẹ con Nghi Nam. Diễn Tộ nửa tin nửa ngờ. Trần Nhân Phủ nói:

- Tôi rất cảm động thấy ông lúc nào cũng quan tâm đến cô ấy cho nên tôi có nhã ý đến báo cho ông biết. Nếu ông không tin, ông có thể cùng đi với tôi đến nhà họ Tất thăm mẹ con cô ấy.

Diễn Tộ bèn cùng Nhân Phủ tới nhà họ Tất. Nhân Phủ gọi Nghi Nam ra gặp mặt, thấy chủ cũ, Nghi Nam nước mắt giàn giụa. Nghi Nam bế con ra. Diễn Tộ thấy giờ đây cô chải đầu bó chân, trang điểm gọn gàng, trông đẹp hơn xưa rất nhiều. Diễn Tộ vừa mừng vui vừa buồn rầu, bế đứa bé lên xem, thấy chân trái có ngón liền nhau. Diễn Tộ cả mừng, vì chân trái anh cũng có một ngón liền nhau. Mọi người thấy vậy đều nói:

- Thăng bé này đúng là con ông rồi.

Ngay hôm sau Diễn Tộ mang đi mười sáu lạng bạc theo nguyên giá, và mười lạng để cảm ơn Đan thị đã có công bảo toàn mẹ con Nghi Nam, và đêm ấy đón mẹ con Nghi Nam về. Họ sống bên nhau tràn đầy hạnh phúc. Đúng là:

Đi rồi lại về.

Tan rồi lại hợp.

Chủ sau là chồng trước.

Vợ mới là hầu cũ.

Kế phụ là cha mới.

Con giả hóa con thật.

*Chuyện này quá hiếm thay.
Khó ai tưởng tượng được.*

Đêm ấy Nghi Nam kể hết mọi chuyện đã xảy ra, lúc ấy Diễn Tộ mới biết Hỷ Tường đã lấy cắp pho tượng và đồng mưu với Cường thị lén lút bán Nghi Nam. Diễn Tộ vô cùng tức giận, ngay ngày hôm sau gọi Hỷ Tường lại mắng chửi thậm tệ, rồi đuổi vợ chồng hăn đi. Diễn Tộ thuê vợ chồng Lai Ninh làm người ở, họ là người rất chịu khó, lại thật thà chất phác. Sau đó lại mượn một vú nuôi về chăm sóc đứa trẻ. Diễn Tộ và Nghi Nam đặt tên con là Hoàn Lang.

Nào ngờ, người cháu Kỳ Vọng Hồng biết được tin này, nghĩ: "Chú không có con tài sản sẽ phải thuộc về mình, vậy mà nay bỗng dưng đưa một đứa bé về. Nó rõ ràng là giống nhà họ Tất, chứ đâu phải là con nhà họ Kỳ". Thế là Vọng Hồng đến nói xấu Diễn Tộ, nhưng ông cứ lờ đi. Vọng Hồng vô cùng tức tối, đem chuyện làm rối loạn họ tộc, lại kiện lên quan Thiêm phán phủ ấy. Biết được việc này, Diễn Tộ cũng đưa đơn kiện, và có cậu là Trần Nhân Phủ làm chứng. Biện Công bắt tất cả đương sự đến xét hỏi. Diễn Tộ định lại việc đứa con mà mẹ nó mang thai mười hai tháng mới đẻ. Biện Công hỏi lại Trần Nhân Phủ, thấy Nhân Phủ cũng nói lại như thế. Song Vọng Hồng không chịu, Biện Công lệnh bế Hoàn Lang tới, cùng chích máu ngay trước mặt mọi người, để làm rõ đúng sai. Mà cũng thật lạ. Diễn Tộ trích giọt máu xuống chậu nước, nó ngưng lại đáy chậu, trước đó nhỏ một giọt máu của một đứa trẻ khác xuống chậu, chúng không hòa trộn với nhau. Tới khi nhỏ giọt máu của Hoàn Lang xuống thì thấy giọt máu của Diễn Tộ nổi lên, bao bọc lấy giọt máu của Hoàn Lang thành một khối. Tất cả mọi người có mặt ở đó đều cho họ là bố con, chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Đúng là:

*Cái giả khó thật,
Cái thật khó giả.
Vụ án tồn nghi,
Bỗng nhiên sáng tỏ.*

Biện Công giải quyết xong vụ án, biết đích xác Kỷ Vọng Hồng giả dối, ông mắng chửi mấy câu rồi đuổi về. Kỷ Vọng Hồng vô cùng uất ức và xấu hổ, nghĩ rằng phải kiếm có khác để trị ông chú này. Hơn một năm sau vì chất lượng tiền xấu, phải tuyển chọn đồng tốt để đúc tiền, lệnh vua ban rằng: "Phàm là trong chùa có tượng Phật bằng đồng đều phải nấu chảy để đúc tiền. Nhà dân nếu có tượng đồng, phủ quan phải định giá thu mua, người nào còn cất giấu sẽ chịu tội". Trong triều thần có những người thờ Phật đã dưng sớ nói rằng không nên nấu chảy tượng đồng. Chu Thái Công đã đích thân phê trát rằng:

"Phật dạy dân làm điều thiện. Nên lập chí làm điều thiện thì đó là thờ Phật. Những tượng đồng đó sao gọi là Phật được? Vả lại trăm được biết Phật làm lợi tho mọi người, ngay cả tấm thân mình cũng bố thí cho dân. Nếu tấm thân trăm có thể cứu dân, thì trăm cũng không tiếc".

Lệnh ấy đã ban ra, ai dám chống lại? Nếu triều đình muốn đúc tiền mới, lẽ ra nên thu đồng trong tiền cũ để dùng, làm gì đến nỗi phải hủy cả tượng Phật. Vốn là chất lượng tiền đồng thời ấy rất xấu, những tiền cũ đúc lậu bằng vụn chì hoàn toàn không có đồng, cho nên không có giá trị.

Phủ quan vâng lệnh vua, công bố với dân chúng rằng tất cả những nhà có tượng đồng phải mang đến phủ quan để hóa giá. Kẻ nào còn lén lút tàng trữ không khai báo thì coi như phạm tội chống lại chiếu chỉ. Kỷ Vọng Hồng thấy tờ cáo thị ấy, nghĩ rằng nhà chú có pho tượng đồng, bèn tới Thiêm

phán Biện Công cáo giác Kỳ Diễn Tộ cất giấu tượng đồng. Biện Công lập tức sai người bắt Kỳ Diễn Tộ đến xét hỏi. Diễn Tộ bẩm rằng:

- Đúng là con có tượng đồng, song trong đó có vàng chứ không phải chỉ là đồng, hơn nữa pho tượng rất linh thiêng, e rằng không hủy hoại được, cho nên không dám báo quan.

- Sao người biết pho tượng linh thiêng? - Biện Công hỏi.

Diễn Tộ thuật lại việc mất cắp, đến tay nhà họ Tất rồi lại chuộc tượng trở về. Biện Công cười đáp:

- Ta không tin Phật đúc bằng đồng tự đi tự về. Nếu thiêng như thế thì đã không bị đánh cắp. Hãy mau mang tới nấu chảy lấy đồng, nếu nấu không chảy thì người sẽ mang về.

Nói xong bèn sai người cùng Diễn Tộ đi nấu chảy pho tượng. Diễn Tộ không dám trái lệnh, đành phải cùng công sai nấu chảy pho tượng đồng, song không thấy vàng đâu. Diễn Tộ sợ quá đứng ngay như phỗng đá. Công sai giải Diễn Tộ, mang đồng đã nung chảy về bẩm báo với Biện Công. Biện Công nói:

- Ta biết rằng tượng Phật tự đi tự về là hoàn toàn vô lí. Đó chẳng qua là do người tự bịa đặt ra mà thôi.

- Thừa ngài, quả tình nhà họ Tất đã đánh tráo. - Diễn Tộ khầu đầu thưa. - Bởi thế nấu chảy không thấy vàng. Quả đó là sự thực.

- Như thế thì, - Biện Công trầm ngâm nói, - nhất định nhà họ Tất đổi giả lấy thật, rồi sau đó lại bị người đổi trộm một lần nữa lấy mất pho tượng thật. - Rồi ông hỏi tiếp. - Thợ đúc pho tượng là ai?

- Bẩm quan, người ấy là Dung Tam.

- Phải gọi Dung Tam lại hỏi, - Biện Công nói, - thì mới biết được sự thực về pho tượng.

Ngay đêm ấy, Biện Công sai người gọi Dung Tam. Hôm sau Dung Tam bị giải tới công đường. Biện Công ra sức truy hỏi, Dung Tam không sao thoái thác được, đành phải khai rõ sự thực, hăn nói:

- Việc ấy hoàn toàn là do Cát Phúc xúi bẩy.

- Pho tượng ấy nếu ở Hô Diên phủ, - Biện Công nói, - thì cũng đã bị tịch thu rồi, không thể truy cứu được nữa. Nay phải bắt Cát Phúc tới, khép hẳn vào tội lừa đảo, lấy cắp.

Nói xong, đang định sai người đi bắt Cát Phúc, thì lúc ấy nhà họ Tất tới trình báo hẳn về tội đầy tớ phản chủ, lấy cắp rồi bỏ trốn. Vốn là, Cát Phúc bị Tất Tư Hằng phát hiện ra rất nhiều điều xấu xa, hẳn nghĩ khó có thể an thân, nên trước đó mấy hôm hẳn đã lén lút xuống làng, mạo danh lấy một thuyền thóc tô rồi bỏ trốn nay chưa tìm thấy. Bởi thế Tất Tư Hằng đã sai người nhà tới trình đơn tố cáo, khẩn thiết mong quan truy bắt. Biện Công xem cáo trạng, một mặt sai người truy lùng, một mặt giải Dung Tam lên Cục đốc tiền giam giữ, chờ bắt được Cát Phúc để đối chất cho rõ ràng. Diễn Tộ nhận tiền đồng, và được cho về.

Kỷ Vọng Hồng vốn muốn hại chú, nào ngờ Biện Công không buộc tội ông, càng thấy xấu hổ và tức giận. Hẳn nghĩ ra một kế rất ác độc, tìm cách bắt trộm Hoàn Lang, nên hằng ngày, cứ sáng sớm là hẳn tới cổng nhà Diễn Tộ rình mò. Một hôm, Diễn Tộ cùng Nghi Nam đưa quan tài Cường thị đi chôn cất, chỉ gọi vợ chồng Lai Ninh đi theo, giao Hoàn Lang cho vú nuôi chăm sóc, còn thằng nhỏ Hưng Nhi trông coi nhà. Khi ấy Hoàn Lang mới ba tuổi, vợ chồng Diễn Tộ đi, Hoàn Lang đang ngủ say, tỉnh dậy không thấy mẹ nó òa lên khóc, cứ đòi Hưng Nhi bế đi tìm. Vú nuôi dỗ mãi không được, đành bảo Hưng Nhi bế đi chơi, đi được một lúc thì nghe tiếng vú nuôi gọi:

- Hưng Nhi bế cậu nhỏ về đây cho ta, rồi sang nhà hàng xóm xin lửa.

Hưng Nhi bế Hoàn Lang về, nhưng Hoàn Lang nào có chịu. Hưng Nhi đành để nó ngồi ngoài hiên, một mình vào bếp tìm mỗi giấy đi xin lửa. Ngờ đâu Kỷ Vọng Hồng dậy từ sớm, giả vờ đến nhà Diễn Tộ đưa thi hài Cường thị. Thấy Hoàn Lang ngồi một mình ngoài cửa, hẳn bèn nảy ra ý định xấu, lừa Hoàn Lang:

- Cháu tìm ai? Chú sẽ bế đi tìm.

Hoàn Lang chẳng biết gì, bị hẳn bế đi, rồi lủi mất.

Chỉ trong nháy mắt Kỷ Vọng Hồng lườn lách qua các ngõ ngách, phút chốc đã bế Hoàn Lang ra khỏi thành. Đang đi thì Vọng Hồng chạm trán Hy

Tường. Hỷ Tường hỏi:

- Ông anh bế cậu nhỏ đi đâu thế?

Vọng Hồng biết Hỷ Tường bị chủ trách mắng đuổi đi, hắn cũng chẳng thích gì chủ nhà, bèn đứng lại nói rõ ý định. Hỷ Tường nói:

- Anh đến thật là đúng lúc. Từ khi bị đuổi tới nay, ta đã dựa vào ngài Tất Đông Ly. Bà vợ bé của ông là Loan Di ở một mình tại trang trại, cách đây độ một vài chục dặm. Trước đây bà vợ bé ấy mang thai, sắp đẻ thì đúng dịp ngài Tất được điều vào kinh làm quan. Loan Di đẻ được cô con gái, song cứ nói là con trai, sai tôi vào kinh báo tin mừng. Ở kinh đô được hơn hai năm, nay bà cả mất, ngài Tất muốn đưa bà hai về kinh chung sống. Bà hai đang muốn tìm gấp một đứa con trai chừng hai ba tuổi, giả làm công tử để lừa ông chủ, hiện rất lo lắng vì chưa tìm được đứa bé nào thay thế. Nếu anh bán đứa bé này cho bà ấy, thì có thể được mấy chục lạng, nếu được chúng ta sẽ chia nhau. Anh thấy thế nào?

- Thế thì tuyệt quá. - Vọng Hồng vui mừng nói.

Thế rồi cùng với Hỷ Tường đến cửa hàng, ăn uống xong cùng bế Hoàn Lang đến trang trại. Hỷ Tường bế Hoàn Lang cho Loan Di xem. Thấy đứa bé khôi ngô sáng sủa, tuổi cũng xấp xỉ con gái mình, Loan Di rất mãn nguyện, rồi mua với giá mười lạng bạc. Hỷ Tường và Vọng Hồng chia nhau mỗi người năm lạng. Vọng Hồng trở về nhà rất mãn nguyện, hắn đã đạt được mục đích. Loan Di bảo Hỷ Tường mang đứa con gái của mình cho nhà Vương Tiểu Tứ nhà ở sau trang trại làm nghề bán đậu phụ nhự, lại đưa cho ông ta mười lạng bạc, dặn ông nuôi dưỡng chu đáo, chờ ít lâu sẽ về đón đi. Tiểu Tứ nhận bạc, hứa sẽ trông nom cẩn thận. Loan Di cùng vợ chồng Hỷ Tường bế công tử giả vào kinh đô.

Vú nuôi nhà họ Kỷ, thấy Hưng Nhi vào một mình vội chạy ra xem, thì đã không thấy Hoàn Lang ngồi ngoài cửa. Hốt hoảng chạy ra đường gọi âm ỉ, nhưng chẳng thấy thừa, bà gọi ngay Hưng Nhi chạy sang nhà bên hỏi, lúc ấy trời vẫn còn sớm, nhiều nhà vẫn còn đóng cổng. Có mấy nhà đã mở cổng thì đều bảo không trông thấy Hoàn Lang. Vú nuôi và Hưng Nhi cứ trách oán nhau, và chia nhau tìm khắp chỗ, soát xét hết các giếng nước, bên sông đều không thấy bóng dáng Hoàn Lang đâu. Cuống cuống trên suốt cả

ngày, đến đêm Diễn Tộ và Nghi Nam mới về, nghe nói Hoàn Lang biến mất, cả hai đều giậm chân đấm ngực kêu gào khóc lóc vô cùng thảm thiết. Thật là:

Ngọc bích trở về thật là may,

Ngọc về lại mất đốn đau thay.

Diễn Tộ viết thông báo dán khắp nơi để tìm kiếm, nhưng biệt vô âm tín. Thấy không sao tìm được, mới cho rằng số mình không có con, cưỡng lại số mệnh cũng không được. Vì thương nhớ con nên Nghi Nam thường ồm ầu luôn. Đã ba bốn năm rồi mà Nghi Nam vẫn chẳng đẻ thêm được mụn con nào.

Nhớ tới Cường thị, người vợ đã qua đời, trước kia khi còn sống bà từng ước ao đến chùa Đại tướng Quốc phủ Khai Phong dâng hương mà không được, bởi thế mà đường con cái khó khăn. Diễn Tộ nảy ra ý định muốn đi lễ Phật. Ông chọn ngày tốt, dặn dò vú nuôi, mẹ con Lai Ninh chăm sóc Nghi Nam và trông coi nhà cửa còn mình cùng với Lai Ninh lên đường tới phủ Khai Phong. Đi được mấy ngày đường, bỗng một đêm ngủ tại quán trọ, thấy bên dưới chiếc đệm cỏ trải giường có một vật gì cộm cộm. Trong đêm tối, Diễn Tộ thò tay xuống, thì thấy một gói, sờ sờ thì hình như bên trong có tiền, ông cất đi. Sáng hôm sau mở ra xem, quả nhiên là một túi bạc, trong đó thấy ghi là mười lăm lạng, cả thấy là chín nén rưỡi. Trên túi in một con dấu nhỏ màu đỏ, ghi bốn chữ "Chi thứ hai họ Tất". Thấy thế Diễn Tộ nghĩ: "Không biết người khách này vội vàng thế nào mà lại để quên túi bạc này ? Rất may mà ta nhặt được, phải tìm cách trả lại". Hôm ấy ông không đi mà ở tại quán trọ chờ, song không thấy người mất bạc tới. Diễn Tộ nghĩ: "Nếu ta cứ ở đây chờ thì lỡ việc đi hành hương, làm thế nào bây giờ" Trầm ngâm hồi lâu, Diễn Tộ nghĩ ra một kế, niêm phong kĩ túi tiền lại, đưa cho chủ quán, nói rằng:

- Gói bạc này là của người bạn họ Tất gửi tạm tôi, hẹn đến đây xin lại. Nay không thấy ông ấy đến, hoặc có thể đến mà không gặp, rồi đi đâu đó chẳng. Nhất định ông ấy sẽ quay lại song tôi không thể chờ được, vậy tôi xin gửi gói bạc lại cho quý ông. Nếu ông ấy có đến hỏi, xin phiền ông chuyển giúp. Xin cảm ơn ông.

Chủ quán chỉ vào tấm biển của hàng nói:

- Quán họ Trương của tôi có tiếng xưa nay, phàm là những khách vãng lai có gì gửi tạm ở đây, không ban giờ mất mát suy suyễn.

Diễn Tộ rất mừng, lấy ra ba lạng bạc của mình đưa cho chủ quán để trả ơn.

Rồi dặn đi dặn lại rằng:

- Ông nhớ kỹ cho, người bạn thân của tôi là chi thứ hai họ Tất, đừng giao nhầm cho người khác nhé.

Chủ quán nhận gói bạc, hứa sẽ trao lại chu đáo cho người họ Tất. Trước khi đi Diễn Tộ dặn lại lần nữa rồi mới từ biệt.

Phủ Khai Phong là nơi đô thành của đế vương, nơi đây rất nhộn nhịp. Diễn Tộ tìm đến quán trọ. Ngày hôm sau đến ngay chùa Đại Tướng Quốc hành hương. Sau đó về quán trọ ăn cơm trưa, dắt theo một ít tiền cùng Lai Ninh đi dạo phố, xem phong cảnh, mua ít đặc sản vùng này. Đang dạo chơi, ngẫu nhiên đi vào một ngõ vắng, thấy có một nhà cửa đóng, ngoài cửa có tấm biển đề: "Nơi ở của Ban kịch nhỏ nhà họ Hầu". Nghe thấy bên trong có nhiều trẻ con ca hát. Diễn Tộ dừng chân lắng tai nghe, khi ngừng hát, thấy có tiếng trẻ con khóc rất thảm thương, lại nghe có tiếng người lớn quát thét. Rồi thấy cụ già ở nhà đối diện chống gậy đứng đó, lẩm bẩm nói:

- Thương cho thằng bé, là con nhà khá giả, nếu gặp người nào tốt nhận nó thì thật là phúc đức.

Thấy thế Diễn Tộ chấp tay cung kính hỏi cụ già vì sao. Cụ già nói:

- Ngài Tất Đông Ly, quan Hình bộ viên ngoại, là người phủ Quy Đức. Ông có một người vợ bé là Nghê thị, thường gọi là Loan Di, sinh được một công tử. Tất Đông Ly quý như vàng, nhưng không ngờ gần đây ông ốm nặng. Loan Di bị bệnh rồi qua đời. Ông chú nhà ấy nói rằng, công tử là đứa con nuôi, không phải con đẻ. Bởi thế người con cả là Tất Hiến Phu đưa linh cữu hai người về quê hương, bỏ rơi thằng bé tại kinh thành. May mà có Hầu Sư Phụ, người dạy kịch ở nhà đối diện mang về nuôi, bắt nó học kịch, thằng bé không chịu học, nên nó khóc.

Nghe xong Diễn Tộ cảm cảnh nói:

- Tôi cũng là người phủ Quý Đức, cùng quê với Tất Đông Ly. Tôi xin đưa trẻ ấy mang về thôi.

- Ông nói thật sao? - Cụ già nói. - Đây quả là một việc phúc đức.

- Cháu nhờ cụ nói giúp cho. - Diễn Tộ nói.

Cụ già chống gậy bước vào, gọi ông họ Hầu ra nói ý định của Diễn Tộ. Người ấy nói:

- Đứa trẻ này không chịu học, tôi giữ lại cũng chẳng ích gì. Song tôi cũng đã nuôi không bốn năm tháng rồi.

- Điều đó không ngại, - Diễn Tộ nói, - tôi sẽ trả tiền công ông đã nuôi nó.

Nói xong, Diễn Tộ lấy ra ba lạng bạc đưa cho người ấy. Người ấy hôn hờ dẫn đứa bé ra, giao cho Diễn Tộ dẫn đi. Diễn Tộ lại tạ ơn cụ già mấy đồng bạc, sau đó bảo Lai Ninh dẫn đứa trẻ về nhà trọ tắm giặt chải đầu. Nhìn kĩ khuôn mặt nó thì hao hao giống Hoàn Lang. Hỏi tuổi thì nó bảo tên tám, tính ra đúng bằng tuổi Hoàn Lang. Diễn Tộ rất ngạc nhiên, hỏi kĩ cha mẹ đẻ nó là ai. Đứa trẻ nói:

- Cháu còn nhỏ đã phải xa cha mẹ, không nhớ được. Chỉ nghe người ta nói, lúc ba tuổi bị người ở thành Quy Đức bắt trộm.

Thấy thế Diễn Tộ càng kinh ngạc, bèn vạch chân trái đứa bé lên xem, thì thấy có hai ngón chân liền nhau, bất giác vừa kinh ngạc, vừa vui mừng ôm đứa bé vào lòng khóc:

- Con là Hoàn Lang, do chính ta đẻ ra, con có nhận được cha đẻ của con không?

Thế rồi Diễn Tộ kể cho nó nghe tất cả mọi chuyện. Lúc ấy Hoàn Lang mới biết Diễn Tộ là cha mình. Đúng là:

Trải qua thất lạc buồn vô hạn

Nay được đoàn viên sướng bội phần

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 18 (C)

Diễn Tộ tìm được Hoàn Lang, vui mừng không sao kể xiết, lên đường về ngay nhà. Nghi Nam mừng quýnh, bế bổng Hoàn Lang nước mắt giàn giụa. Trước đây vì thương nhớ con, Nghi Nam đau ốm luôn, nay Hoàn Lang đã trở về Nghi Nam dần khỏe trở lại. Song vì Hoàn Lang ở nhà họ Hầu bị hắt hủi, no đói thất thường, lại phải đi xa nên bị ốm. Diễn Tộ mời thầy thuốc về chữa chạy, Hoàn Lang mới dần dần hồi phục. Thầy thuốc lại kê cho một đơn thuốc, bảo Diễn Tộ hoàn tán thành viên nhỏ cho Hoàn Lang uống dần. Theo lời, Diễn Tộ đến hiệu thuốc của Tất Tư Hằng mua thuốc. Vốn là Diễn Tộ tuy có biết Tất Tư Hằng, nhưng không thân quen, đơn thuốc giá hai lạng bạc, Diễn Tộ giả nhằm thành ba lạng. Tư Hằng thấy thừa trả lại một lạng. Diễn Tộ tạ ơn nói:

- Thật là quý hóa, hiếm có người nào tốt như ông.
- Nay tôi trả lại ông một lạng, - Tư Hằng nói, - có gì lạ lắm đâu! Trước đây tôi mang mười lăm lạng bạc đi mua thuốc, nhưng để quên ở quán trọ. Hai hôm sau mới đi tìm, tưởng là đã mất, ngờ đâu gặp người tốt bắt được, họ gửi lại chủ quán trả tôi. Song rất tiếc không biết họ tên người ấy.
- Có phải ở quán trọ nhà ông họ Trương không? - Diễn Tộ nói. - Số bạc mất là chín nén rưỡi, ngoài gói có in một chiếc dấu nhỏ màu đỏ là "Chi thứ hai họ Tất" phải không?
- Sao ông biết? - Tư Hằng ngạc nhiên hỏi. - Chẳng phải người bắt được chính là ông ư?
- Vâng. - Diễn Tộ cười nói.

Tư Hằng vội bước ra khỏi quầy, cung kính vái lạy Diễn Tộ. Ông bảo người giúp việc coi hàng, sau đó mời Diễn Tộ vào nhà trong dọn rượu khoản đãi. Nhân đó hỏi Diễn Tộ có mấy con trai. Diễn Tộ nói:

- Chỉ có một đứa lên tám tuổi.

Rồi kể lại chuyện được chị dâu Tư Hằng che chở, sau bị thất lạc, mới gặp

được nhau.

- Đó là sự báo đền ân đức của ông vậy. - Tư Hăng nói.

Rồi nhân đó Tư Hăng hỏi Diễn Tộ đã tìm người nâng khăn sửa túi cho cậu ấy chưa. Diễn Tộ đáp:

- Chưa.

- Tôi có một cháu gái, - Tư Hăng nói, - cũng vừa tròn tám tuổi, muốn gả cho cháu, ý ông thế nào?

- Ông đã thương thì đâu dám chối từ. - Diễn Tộ nói.

Tư Hăng rất vui. Hai người vô cùng mãn nguyện. Họ chia tay nhau. Diễn Tộ về nhà nói cho Nghi Nam biết. Nghĩ tới ân nghĩa của Đan thị, cũng muốn thông gia với nhà họ Tất. Rồi bảo với chồng, nhờ Trần Nhân Phủ làm mối, chọn ngày lành tháng tốt đưa sính lễ. Hai nhà tổ chức buổi lễ rất trọng thể.

Song ngờ đâu lại động đến lòng tham của Kỷ Vọng Hồng. Hăn đến nói với Trần Nhân Phủ rằng:

- Lẽ ra chú con phải nhận con làm người thừa tự mới phải. Không hiểu vì sao lại đi nhận thằng Hoàn Lang ở đâu đâu về làm con. Cha phải nghĩ kế thế nào để chú nhận con làm người thừa kế.

Nhân Phủ xưa nay vốn ghét con rể là đứa vô lại. Nên thấy Vọng Hồng nói thế cũng mặc, không thèm để ý. Vọng Hồng tức tối, làm đơn kiện lên quan. Vốn là Thiêm phán Biên Phương Dận, trước đây đã rời nhiệm sở, nay lại vừa được thăng lên chức Thái thú ở phủ này. Vọng Hồng đến chỗ ông, đưa đơn kiện. Biện Công nói:

- Việc này trước đây ta đã xử rồi, sao bây giờ còn kiện?

Vọng Hồng tố cáo sự thực như đã nói trên. Biện Công cho bắt ngay Diễn Tộ tới xét hỏi. Diễn Tộ nói, Hoàn Lang ba tuổi bị mất, nay lên tám tuổi đã tìm thấy. Biện Công nói:

- Người căn cứ vào đâu mà cho nó là con mình.

- Chân nó có ngón liền nhau. - Diễn Tộ nói.

- Người trong thiên hạ cũng nhiều, - Vọng Hồng nói, - sao thấy đứa con giả của Tất Hình Bộ lại nhận là con đẻ của mình?

- Trước đây người đã chích máu để tìm ra cha đẻ, - Biện Công nói với Diễn

Tộ, - bây giờ lại chích một lần nữa để tìm ra có đúng người là cha đẻ không.

Ngay lúc đó, Diễn Tộ cùng Hoàn Lang chích máu, thấy hoàn toàn giống như lần trước. Biện Công nói:

- Hai người này là cha con, không nghi ngờ gì nữa. Song không biết vì sao con người lại sống ở nhà ngài Tất Hình Bộ. Phải làm sáng tỏ việc này. Tất Hình Bộ là bạn học của tôi, chờ tôi hỏi công tử của ngài thì mới rõ ngọn ngành.

Sau đó Tất Hình Bộ bảo Diễn Tộ và các phạm nhân ra ngoài, chờ hỏi Hoa Công Tử rồi sẽ xét sau.

Biện Công rời khỏi công đường, lập tức sai người mang danh thiệp đến nhà Tất Công tử, mời Tất Hiến Phu đến nói chuyện. Lúc ấy Tất Công tử vừa đưa linh cữu về hộ tang tại nhà bỗng thấy Biện Công mời không dám nấn ná, đến ngay dinh quan phủ. Biện Công mời vào nhà trong, coi như tình chú cháu, hàn huyên xong, hỏi lại chuyện người em bị anh bỏ, và sao lại biết là đứa em giả, nếu là giả thì có chứng cứ gì không? Tất Công tử kể lại chuyện Loan Di đổi gái lấy trai. Công tử nói:

- Đây là việc thăng hầu tên là Hỷ Tường gây nên. Sau đó lại do chính hắn nói ra, nên cháu mới biết. Chỉ có điều không biết đứa bé ấy là con nhà ai.

- Thế bây giờ Hỷ Tường ở đâu? - Biện Công nói. - Tôi sẽ cho người gọi hắn đến tra hỏi.

- Thăng ấy gần đây vì ăn trộm pho tượng Phật của cha cháu để lại, bị cháu truy ra, hiện đang bị bắt giam tại Bồ Nha chờ xét xử. Bác cần sẽ giải đến ngay cho bác.

Biện Công hỏi đó là pho tượng Phật thế nào? Và Tất Công tử nói rõ nguồn gốc pho tượng ấy.

Thật may thay, pho tượng nhà Công tử vốn là pho tượng đồng đúc lẫn vàng của Kỷ Diễn Tộ. Cát Tường và Dung Tam bán cho Hô Diên phủ, song được Nghe thị Loan Di thờ trong nội thất. Khi lấy Tất Đông Ly, Loan Di lại

mang pho tượng ấy đi. Loan Di chết, pho tượng này ở chỗ Tất Công tử. Hỷ Tường lại ăn trộm bán đi chỗ khác kiếm tiền, không ngờ vừa lấy đi đã bị người hầu trong nhà biết được báo cho công tử. Tất Công tử vô cùng giận dữ, truy ra tượng Phật, giải lên quan chờ xét xử. Công tử nói xong, Biện Công cười nói:

- Pho tượng ấy vốn ở chỗ tôi.

Rồi sau đó kể lại chuyện xét xử vụ tượng đồng. Tất Công tử nói:

- Chính cháu định nạp pho tượng ấy đúc tiền. Nay thấy bác nói thế cháu sẽ lập tức mang ngay pho tượng tới.

Nói xong công tử cáo từ ra về. Biện Công cho người đến Bồ Nha giải Hỷ Tường tới, xét hỏi cùng với Diễn Tộ, Vọng Hồng. Thấy Hỷ Tường, Kỷ Vọng Hồng kinh sợ đứng ngậy người ra. Biện Công gọi Hỷ Tường lại hỏi:

- Đứa con người chủ cũ của người, có sao lại là đứa con giả của chủ mới?

Lúc đầu Hỷ Tường không chịu nói, sau đó ông dùng hình phạt buộc hẳn phải khai ra Kỷ Vọng Hồng bắt trộm rồi đem bán.

- Việc đó có không? - Biện Công quát hỏi Kỷ Vọng Hồng.

Không thể chối cãi được, Kỷ Vọng Hồng phải thừa nhận.

- Hai người, một đứa là cháu hại chú, anh bán em, một đứa là đầy tớ phản chủ, bán con chủ. Tình lí khó mà dung tha.

Rồi Biện Công sai người đánh Vọng Hồng ba mươi gậy. Hỷ tường năm mươi gậy. Phạt xong, lại hỏi Hỷ Tường rằng:

- Mà đã được chủ nhờ cậy, lại ngầm ngầm đổi nữ lấy nam, vì sao sau đó lại nói với công tử.

- Lúc đầu bà chủ hứa sẽ trọng thưởng, - Hỷ Tường nói, - nhưng sau lại không thưởng. Bà chủ và ông lớn đã mất, bởi thế con nói ra mong được công tử thưởng.

- Mà là thằng ở lòng tham vô đáy. - Biện Công cười nói, rồi lại hỏi thêm. - Con gái bà chủ gửi ở đâu? Có phải là con ruột của ngài Tất không? Hãy nói để công tử đón về.

- Tiểu thư là chủ sinh ra, nuôi tại cửa hàng đậu phụ nhự của Vương Tiểu Tứ. Công tử đã sai người đến đón, song Vương Tiểu Tứ đã chuyển tới huyện Ninh Lăng. Khi con đến Ninh Lăng tìm tới nhà hỏi thì biết tiểu thư

đã mắc bệnh chết cách đó một năm.

- Ta e rằng mày chưa nói thật. - Biện Công nói. - Con trai người chủ cũ mày có thể cướp đi bán, thì e rằng đứa con gái người chủ mới cũng bị mày bán đi. Mày phải khai cho thực, tiểu thư đã chết thật chưa?

- Quả thực tiểu thư đã chết rồi, con không dám bịa đặt.

- Khó mà tin mày được. - Biện Công lắc đầu nói. - Hãy chờ ngày mai ta gọi Vương Tiểu Tứ hỏi trực tiếp.

Nói xong, ông lệnh giam Hỷ Tường và Kỷ Vọng Hồng, chờ ngày định tội.

Diễn Tộ lạy tạ Biện Công rồi trở về. Ra khỏi công đường, Diễn Tộ thấy Tất Tư Hằng và Trần Nhân Phủ đang la cà trước cửa công đường nghe ngóng tin tức. Diễn Tộ thuật lại lời xét hỏi của Biện Công, nói tới việc Vương Tiểu Tứ cho gửi con gái, Tất Tư Hằng kinh sợ, giật thót mình nói:

- Nói thế thì con gái của ta là tiểu thư của nhà quan họ Tất rồi.

Diễn Tộ thấy thế ngạc nhiên hỏi vì sao. Tư Hằng nói:

- Quả thực tôi không giấu ông, đứa con gái nhỏ của tôi là con nuôi. Khi tôi đến huyện Linh Lăng mua thuốc, Vương Tiểu Tứ, người mở cửa hàng đậu phụ nhự cũng nuôi một đứa con gái, bảo là có một người họ Tất dẫn đến, nói rằng nó là người họ Tất. Nay vì mẹ nó chết, nên bố nó muốn bán. Tôi thấy đứa bé gái ấy mặt mũi sáng sủa, đã mua ông ta với giá mười hai lạng.

Diễn Tộ thấy thế nói:

- Đã như thế, thì không cần phải chờ Vương Tiểu Tứ tới xét hỏi, mà ông nên vào bẩm lại việc này với Biện Công.

Lúc ấy Biện Công vẫn còn ở công đường, Diễn Tộ cùng với Tư Hằng vào công đường bẩm báo việc này cho ông. Biện Công lập tức gọi Hỷ Tường quay lại đối chất. Thấy Hỷ Tường, Tư Hằng nói:

- Chính người này dạo ấy bán đứa bé. Theo anh ta nói thì anh ta là người họ Tất, và nó là con của anh. Chứ ai biết đâu anh ta là người hầu nhà họ Tất, đã bán trộm con gái chủ nhà.

Lúc ấy Hỷ Tường không thể chối cãi được nữa. Biện Công nổi giận nói:

- Người là thằng hầu, hai lần bán chủ, tội mày đáng chết.

Sau đó quát lính hầu đánh hấn một trăm gậy, Hỷ Tường chết ngay tại chỗ. Còn Kỷ Vọng Hồng, Biện Công bắt hấn sung vào đội quân vùng biên giới

xa xôi. Vụ án đã xử xong. Hôm sau Tất Công tử mang pho tượng đồng tới xin gặp Biện Công. Ông nhận tượng đồng và mời công tử vào nhà trong, nói với công tử rằng:

- Tuy em trai công tử là giả, nhưng trước đây cha công tử rất yêu quý, nên công tử cần đối xử tốt với nó như thời cha công tử còn sống mới phải. Nay bỗng chốc bỏ đi thì quả là không nên. Hiện em gái của công tử chưa chết, lại nhẹ dạ tin theo lời đưa hầu phản nghịch, để nó mang đi bán trộm không chú ý xem xét e rằng sẽ làm tổn hại đến đạo hiếu. Tất Tư Hằng nuôi em công tử làm con, mà cũng khéo thay, lại kết duyên với người em giả của công tử. Em trai tuy giả, mà gái lại là thật. Công tử hãy cho em gái ba trăm lạng làm của hồi môn, để chuộc lại sai lầm trước đây.

Nghe xong Tất Công tử bần khoản ngượng ngùng, cảm ơn Biện Công và rồi rút nhận lời. Biện Công ra về, Tất Công tử viết danh thiếp mời Kỷ Diễn Tộ và Tất Tư Hằng đến nhà, đưa cho Tất Tư Hằng ba trăm lạng bạc làm của hồi môn. Mọi người đều bái phục Biện Công xét xử sáng suốt. Đúng là:

Con trai làm rõ thật hay giả.

Con gái làm rõ sống hay chết.

Biện Công đã phân xử rõ việc con trai và con gái của hai nhà, sau đó lại gọi Dung Tam hỏi rõ pho tượng Phật ấy có phải là pho tượng gốc hay không. Dung Tam nói:

- Đây chính là pho tượng Phật đúc lần đầu.

- Trước đây người nấu pho tượng này không chảy, - Biện Công nói, - nay người hãy nấu chảy pho tượng ấy ngay tại đây để ta xem.

Theo lệnh, Dung Tam đem lò đến trước công đường nhóm lửa nấu. Song kỳ lạ thay, dù đốt thế nào chẳng nữa pho tượng vẫn cứ trơ trơ, chẳng mảy may suy suyển. Thấy thế Biện Công kêu lên:

- Lạ, thật là kỳ lạ.

Thế rồi ông bảo dừng lại không đốt nữa, đặt ra một bên, rồi nói với Dung

Tam.

- Phật là đây, song vẫn chưa bắt được Cát Phúc. Theo lời khai thì người bị Cát Phúc xúi giục, lại chia cho hắn một nửa số tiền, nay chưa có người đối chứng, khó mà kết luận được.

Dung Tam chưa kịp nói thì nghe thấy ngoài cửa có tiếng kêu oan. Biện Công quát hỏi, "Đó là ai? Hãy giải vào". Trong phút chốc công sai đã áp giải hai người vào quỳ trước công đường. Hai người chưa kịp khai thì Dung Tam chỉ vào một trong hai người ấy kêu lên:

- Đây là Cát Phúc.

Vốn là, Cát Phúc trước đây đã chạy trốn đến huyện Thành Ngu ở với vợ chồng Đào Lương, đổi họ tên, làm sai dịch tại huyện ấy. Sau đó cạy thế thân quen với nha môn, Cát Phúc chiếm đoạt vợ Đào Lương, đuổi Đào Lương đi. Đào Lương uất ức nghĩ rằng không thể kiện được hắn ở huyện Thành Ngu, chờ cho Cát Phúc đi công cán ở huyện ngoài, Đào Lương tóm được lời ngay vào phủ kêu với quan.

Biện Công truy hỏi việc lấy cắp tượng Phật, Cát Phúc đành phải cung khai. Đào Lương lại tố cáo hắn đã chiếm đoạt vợ, rồi đuổi mình đi, lại xúi bẩy vợ anh dùng nhân mạng giả lừa dối để hại chủ nhân, lấy đi một số thóc tô... Biện Công lệnh đánh năm mươi gậy, tống vào nhà giam. Dung Tam bị phạt sai dịch đã lâu nên chỉ đánh hai mươi gậy rồi tha về. Cát Phúc phải đi lính, vì bị đánh quá đau, vết thương tái phát rồi chết giữa đường. Đó là sự báo ứng việc lừa dối chủ.

Biện Công xử xong vụ án bọn Cát Phúc, lệnh đem pho tượng đồng đúc lần vàng đích thân đưa lên kiệu rước tới chùa Long Hưng thờ. Lúc ấy chùa Long Hưng chỉ có hòa thượng Tĩnh Tu trụ trì. Hòa thượng Huệ Phổ không ở chùa, vì có người nói đã gian díu với ni cô Ngũ Không, Ngũ Không mắc bệnh chết, Huệ Phổ sợ mắc tội, không biết trốn đi đâu biệt tích.

Biện Công tới chùa, Tĩnh Tu ra tiếp đón. Biện Công chỉ vào pho tượng

đồng, nói với Tĩnh Tu:

- Pho tượng đồng này nấu không chảy, nghĩ rằng Phật linh thiêng, mượn cơ đó để cảm hóa triều đình. Nay hãy tạm đặt tại đây thờ phụng, đợi ta dâng số trâu lên, chờ lệnh triều đình định đoạt.

Tĩnh Tu chấp tay bắm rằng:

- Tướng công không cần phải dâng số. Đã có lệnh hủy Phật đúc tiền, tượng Phật vốn là hình ảnh ảo, lẽ nào nung không chảy, bần tăng sẽ nung chảy để tướng công xem.

Thấy thế Biện Công nửa tin nửa ngờ, lập tức lệnh cho tay chân đặt hỏa lò, xem Tĩnh Tu nấu chảy tượng Phật: Tĩnh Tu lệnh cho người hầu đặt pho tượng vào lò, vừa nhóm lửa, vừa chấp tay tuyên đọc bài kệ sau:

*Phật vốn hư vô,
Không có hình hài,
Vàng giả là hình giả,
Vàng thật há là hình thật được sao?
Quái lạ!
Thật thật giả giả đã bao phen,
Từ nay trừ hết mọi chương ngại.*

Tĩnh Tu tuyên đọc xong bài kệ, bỗng thấy pho tượng đồng tan chảy hết. Biện Công vô cùng kinh ngạc, hỏi:

- Xin hỏi nhà sư, tại sao trước đây nung không chảy, mà bây giờ lại chảy.
- Trước đây thật giả chưa rõ ràng, - Tĩnh Tu nói, - cho nên lưu lại để làm chứng. Nay thật giả đã rõ ràng, không cần phải giữ lại chứng tích nữa.

Biện Công gật đầu khen phải. Rồi lệnh đem đồng nung chảy giao cho Tiền cục đúc tiền, còn số vàng trong đó, trao trả cho Kỷ Diễn Tộ. Giải quyết xong ông lên kiệu về dinh. Diễn Tộ tiến cúng số vàng ấy cho Tĩnh Tu, Tĩnh Tu cảm ơn chối từ:

- Tôi xuất gia dùng vàng làm gì, ông hãy dùng số vàng này làm việc từ thiện, tốt hơn là cho lão tăng này. Phàm là Phật tâm đâu cũng có, nhưng hình hài Phật thì không thể rõ được chỉ vì ông đúc tượng bằng vàng nên

mới sinh ra nhiều rắc rối. Từ nay về sau phải nhớ rằng Phật tại tâm thứ không hiện hình.

Diễn Tộ vái lạy theo lời. Về tới nhà, quả nhiên dùng số vàng ấy làm nhiều việc thiện. Sau đó Kỷ Vọng Hồng được tha, ốm chết, Diễn Tộ chôn cất tử tế, rồi lại nuôi vợ cháu là Trần thị. Hoàn Lang sau khi lấy vợ đẻ liền ba người con trai. Diễn Tộ cho một đứa con thừa tự Vọng Hồng, khiến cho việc thờ phụng hương khói người anh là Kỷ Diễn Tự không đến nỗi đoạn tuyệt. Tất Tư Hằng cũng cho một đứa con của mình làm con thừa kế chị dâu là Đan thị để báo đền tấm lòng trinh tiết của bà. Sau đó lại bảo Đan thị đón Trần Nhân Phủ về nhà để hưởng hết tuổi trời cho. Từ đó Kỷ Diễn Tộ và Tất Tư Hằng con cháu đều đông đúc và vinh hiển. Thời ấy có người hiểu sự, đem chuyện phân biệt người, phân biệt Phật viết thành mấy câu sau:

Nước thì thử người,
Lửa thì thử Phật.
Thử Phật, thử vàng,
Thử người thử máu.
Thử máu không tan,
Thử vàng không mất.
Phật có ba ngôi,
Người thì một nghiệp.
Rốt cục vô hình,
Hóa trong chớp mắt.
Tồn, không trường tồn,
Hợp, đâu hợp mãi.
Tướng người tướng ta.
Đều là hư ảo.
Tuổi thọ con người,
Như hoa trên gương,
Như trăng dưới nước.
Sao mà người đời

Mê muội chẳng thông.

Các bạn thân mến, người có hình hài nhất định nhưng Phật không có hình tượng cụ thể. Hữu hình lại vô hình, vô tướng lại là hữu tướng. Khi nhận ra cái thật, thì cái giả khó mà lẫn với cái thật; khi nhận ra cái giả, thì cái thật cũng là giả. Hãy xem việc kiện con giả, bắt trộm con giả, bán con giả, mua con giả, vứt bỏ con giả, và việc đúc tượng vàng, oán tượng vàng, trộm tượng vàng, đổi tượng vàng, trả tượng vàng... cũng chỉ vì lòng tham dẫn đến. Rốt cục vợ cả ghen ghét thiệp, thiệp khinh chồng, cháu diệt chú, anh bỏ em, đầy tớ phản chủ. Cho đến cha nuôi, lúc đúng lúc sai, họ xa, lúc thân lúc sơ, quý khách cậy thế chiếm của, phú ông xu nịnh gian dối, tăng ni không giữ phép tắc nhà Phật, kẻ tá điền người làm công ngấm ngấm lấy của. Tất cả lòng tham ấy phỏng có ích gì? Thôi thì đừng tham nữa là tốt nhất. Thơ rằng:

*Cuồng phong nổi lên,
Kẻ tham bại hoại.*

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 19

Truyện Tạ Tiểu Nga

Tạ Tiểu Nga người ở Dự Chương là con gái một hiệp sĩ người lái buôn. Năm lên tám mẹ mất, sau lấy người ở Lịch Dương tên là Đoàn Cư Trinh. Cư Trinh thẳng thắn, trọng nghĩa, quan hệ với nhiều người hào kiệt. Cha Tiểu Nga có gia sản rất lớn nhưng ẩn danh trong đám thương nhân thường cùng con rể họ Đoàn chung thuyền buôn bán, qua lại trong chốn giang hồ. Năm ấy Tiểu Nga mười bốn tuổi, vừa tới tuổi cập kê. Lấy chồng được ít lâu thì cha và chồng đều bị cướp giết chết, lấy hết cả lụa là vàng bạc. Anh em của họ Đoàn, cháu của họ Tạ cùng gia nhân tởm đến mấy chục người đều chết chìm dưới sông. Tạ Tiểu Nga cũng bị thương ở ngực và gãy chân, trôi theo dòng nước, may được thuyền khác vớt lên, qua đêm tỉnh lại, vì thế phải đi đây đó ăn xin. Cho đến khi tới huyện Thượng Nguyên, nàng xin sư thầy Tịnh Ngọc cho ở nhờ trong chùa Diệu Quả.

Trước đó khi cha mới chết, Tiểu Nga nằm mơ thấy cha báo:

- Kẻ giết cha là "khỉ trong xe, cỏ phía đông cửa".

Mấy ngày sau lại nằm mơ thấy chồng báo:

- Kẻ giết anh "đi trong lúa, chồng một ngày".

Tiểu Nga không sao tự giải ra được bèn viết lại những lời đó nhờ các bậc thông tuệ ở khắp nơi đoán giúp nhưng trải mấy năm cũng không ai đoán được.

Mùa xuân năm thứ tám niên hiệu Nguyên Hòa (914), tôi xin từ chức tòng sự ở Giang Tây, cưỡi một chiếc thuyền con xuôi về Đông, dừng thuyền ở Kiến Nghiệp, lên thăm lầu gác chùa Ngõa Quan. Sư Tề Vật ở chùa này là người trọng tài, hiểu học, chơi thân với tôi. Nhân câu chuyện nhà sư bảo tôi:

- Có một quả phụ tên là Tiểu Nga, một lần thăm chùa này có đưa cho tôi xem câu đố mười hai chữ nhưng tôi không cắt nghĩa được.

Tôi bèn xin sư Tề Vật viết ra giấy, tựa vào lan can viết lên không trung rồi tập trung suy nghĩ. Các khách cùng ngồi với tôi chưa thấy một mảy mòi thì tôi đã đoán ra. Tôi sai chú tiểu đi gấp mời Tiểu Nga đến hỏi kỹ nguyên do. Tiểu Nga nước nức hồi lâu, rồi nói:

- Cha tôi và chồng tôi đều bị cướp giết chết. Sau đó tôi từng nằm mơ thấy cha báo rằng người giết ông là "khỉ trong xe, cỏ phía đông cửa". Lại nằm mơ thấy chồng báo người giết chàng "đi trong lúa, chồng một ngày". Nhưng đã lâu năm không ai giải được.

Tôi bảo:

- Nếu đúng vậy thì tôi đã xét kỹ và tìm ra rồi. Kẻ giết cha chị tên là Thân Lan, giết chồng chị tên là Thân Xuân. Khỉ trong xe (xa trung hầu) nếu bỏ một vạch ngang trên và một vạch ngang dưới ở chữ xa đi thì là chữ *thân*, thân cầm tinh con khỉ cho nên nói là khỉ trong xe. Cỏ phía đông cửa (môn đông thảo), dưới bộ thảo có chữ môn, trong chữ môn có chữ đông ấy là chữ *lan* vậy. Còn đi trong lúa là đi qua ruộng (xuyên điền quá) cũng là chữ *thân*; chồng một ngày (nhất nhật phu) nghĩa là trên chữ phu thêm một vạch ngang, dưới có chữ nhật tức là chữ *xuân*. Vậy kẻ giết cha chị là Thân Lan, kẻ giết chồng chị là Thân Xuân rõ ràng rồi đấy.

Tiểu Nga khóc nức lên, lạy tạ tôi, viết bốn chữ Thân Lan, Thân Xuân vào vạt trong áo, thề sẽ hỏi thăm, giết cho được hai tên cướp ấy để trả nỗi oan của gia đình. Tiểu Nga hỏi tên họ và chức quan của tôi rồi gạt lệ ra đi.

Sau đó Tiểu Nga mặc quần áo đàn ông, đi làm thuê kiếm mướn trong chốn giang hồ. Hơn một năm sau đến quận Tầm Dương, thấy một nhà cửa tre nọ có yết giấy rằng "Cần mướn người". Tiểu Nga đến cửa xin làm thuê hỏi tên người chủ chính là Thân Lan. Lan dẫn về nhà. Tiểu Nga trong lòng phần uất nhưng ngoài mặt vẫn vâng lời, giúp việc bên cạnh Lan, được Lan rất tin cậy. Tiền bạc chi ra thu vào Lan đều giao cả cho Tiểu Nga. Đã hơn hai năm không ai biết Nga là gái.

Trước đó, những đồ vàng, ngọc, quần áo gấm thêu của nhà họ Tạ, Lan cướp hết đem về nhà. Tiểu Nga mỗi lần cầm tới vật cũ đều khóc thầm một lúc lâu. Lan và Xuân là anh em họ. Bấy giờ gia đình Thân Xuân ở bến Độc Thụ phía bắc Đại Giang, thường qua lại thân thiết với Thân Lan. Lan và Xuân thường đi với nhau hàng tháng, lấy được rất nhiều của cải mang về. Mỗi lần như thế, Lan để Tiểu Nga ở cùng vợ Lan là Lan thị trông coi, rượu thịt áo quần cho Nga rất nhiều.

Một hôm, Xuân đem cá chép hoa và rượu đến nhà Lan làm bữa nhắm. Tiểu Nga thầm than thở:

- Ông Lý hiểu sâu biết rộng, lời ông đều khớp với lời mộng báo. Chắc là trời gọi mở cho ông, chí của ta cũng sắp thực hiện được rồi!

Đêm ấy, Lan và Xuân gọi tất cả bọn cướp đến uống rượu. Khi bọn chúng đã về, Xuân say quá nằm ở trong nhà, Lan nằm ngủ ngoài sân. Tiểu Nga lén đến khóa trái Xuân ở trong nhà, rút dao giắt lưng chặt đầu Lan, rồi hô hoán cho hàng xóm kéo đến. Xuân bị nhốt trong nhà, Lan chết ở ngoài sân, thu được tang vật của cải tính đến hàng nghìn vạn. Trước đó đảng của Xuân và Lan có mấy chục đứa, Tiểu Nga đều ghi nhớ tên chúng, cho nên chúng đều bị bắt và bị giết hết.

Khi ấy quan thái thú Tầm Dương là Trương Công rất ngợi khen đức hạnh và ý chí của Tiểu Nga, đã trình đầy đủ gửi lên trên xin ban khen, vì thế Tiểu Nga được miễn tội chết. Bấy giờ là mùa hè năm thứ mười hai niên hiệu Nguyên Hòa (918).

Sau khi phục thù cho cha và chồng xong, Tiểu Nga về quê gặp lại họ hàng. Các nhà hào phú trong làng tranh nhau hỏi cô làm vợ nhưng Nga thề với lòng mình không lấy ai nữa. Rồi cô cắt tóc mặt râu sòng tìm đường đến núi Ngưu Đầu làm đệ tử của sư thầy họ Trương ở chùa Đại Sĩ.

Tiểu Nga bần lòng chịu khổ, già gạo lúc còn sương, kiếm củi khi mưa gió, không biết mệt mỏi. Sau mười ba năm bốn tháng, cô được thụ giới ở chùa Khai Nguyên thuộc Tứ Châu, vẫn lấy pháp hiệu là Tiểu Nga để tỏ ra không quên gốc gác.

Mùa hè năm ấy tôi bắt đầu trở lại Trường An. Khi qua Tứ Tân, tôi ghé thăm đại đức ni tên là Lệnh ở chùa Thiện Nghĩa. Mấy chục người mới được trì giới, đầu trọc áo mới ung dung uy nghi xếp hàng hầu ở bên trái và bên phải nhà sư, trong số đó có một sư nữ hỏi vị đại đức:

- Thưa vị quan kia có phải là Nhị thập tam lang họ Lý làm phán quan ở Hồng Châu không ạ?

Sư trưởng đáp:

- Phải.

Sư nữ lại nói:

- Giúp con báo được thù nhà, rửa được nỗi oan, ấy là ơn đức của vị phán quan này cả.

Nói rồi ngoảnh nhìn tôi mà khóc. Tôi không biết là ai bèn hỏi nguyên do.

Tiểu Nga thưa:

- Tôi tên là Tiểu Nga, trước đây là kẻ góa chồng ăn xin. Bấy giờ phán quan đã giải giúp tôi tên của hai tên cướp Thân Lan, Thân Xuân, lẽ nào ngài đã quên sao?

Tôi đáp:

- Lúc đầu tôi quên, bây giờ nhớ ra rồi.

Rồi Tiểu Nga vừa khóc vừa kể lại đầu đuôi việc lo toan gian khổ từ lúc viết tên Thân Lan, Thân Xuân, báo thù cho cha, cho chồng cho tới lúc chí nguyện được thực hiện. Tiểu Nga lại nói với tôi:

- Thế nào cũng có ngày xin đền ơn phán quan.

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 20

Yên Chi

Người họ Biện ở Đông Xương(1) làm nghề chữa bệnh cho trâu bò, có một gái tên thuở nhỏ là Yên Chi. Yên Chi xinh đẹp, thông minh, cha yêu quý như của báu, muốn gả cho con nhà dòng dõi nhưng các thế tộc đều khinh là hèn hạ, không thềm đính ước. Vì vậy tuổi đã cập kê mà vẫn chưa hứa gả cho ai.

(1) Đông Xương: thuộc tỉnh Sơn Đông (ND).

Nhà đối diện họ Cung, vợ là Vương thị, tính đong đưa, bốn cột là bạn chuyện trò chốn phòng khuê với Yên Chi. Một hôm Yên Chi tiễn Vương thị ra đến cửa, thấy một chàng trẻ tuổi đi qua, mặc đồ trắng, vẻ người phong nhã. Yên Chi chừng thấy lòng rung động, ánh mắt vẫn vương. Chàng trẻ tuổi cúi đầu đi nhanh, đi đã xa mà Yên Chi vẫn đắm đắm trông theo. Vương thị biết ý, bõn rằng:

- Tài sắc như cô nếu được sánh đôi với người như thế thì mới không hận.

Yên Chi ửng hồng hai má, ý tình chan chứa, nhưng chỉ lặng thinh. Vương thị hỏi:

- Cô có biết chàng ấy không?

Yên Chi đáp:

- Em không biết.

Wương thị bảo:

- Đó là cậu tú họ Ngạc, tên là Thu Chuẩn ở ngõ Nam, con cụ Cử đã quá cố. Tôi vốn cùng làng với cụ ấy, nên biết cậu ta. Đàn ông trên đời này không có ai ôn hòa nhã nhặn như cậu ấy. Hôm nay cậu ấy mặc đồ trắng là vì chưa mãn tang vợ. Nếu cô có tình tôi sẽ đánh tiếng bảo cậu ấy nhờ người làm mối.

Yên Chi im lặng, Vương thị cười rồi ra về. Đợi mấy hôm không thấy có tin gì, Yên Chi ngờ Vương thị chưa rảnh việc đi ngay được, lại ngờ con cái nhà quan không bằng lòng hạ cố, buồn bã băng khuâng, nghĩ ngợi khổ sở, dần dần bỏ cả ăn uống rồi đâm ốm nặng. Vương thị vừa lúc ấy sang thăm, gạn hỏi vì sao mà ốm. Yên Chi đáp:

- Em cũng chẳng biết. Chỉ có điều hôm ấy sau lúc chị ra về em thấy người bồn chồn khó chịu, bây giờ chỉ là mượn hơi nấn ná, sống được một sớm một chiều mà thôi.

Wương thị hỏi nhỏ:

- Nhà tôi đi buôn chưa về nên không có ai đánh tiếng với chàng họ Ngạc. Quý thể bất an, chẳng phải vì việc đó chăng?

Yên Chi đỏ mặt hồi lâu. Vương thị đùa rằng:

- Nếu quả vậy, mà bệnh đến thế này thì còn e dè gì nữa? Tôi tính cứ bảo cậu ta đêm nay đến đây họp mặt, chẳng lẽ cậu ta lại không ưng?

Yên Chi thở dài:

- Việc đã đến nước này, cũng không thể thôi được nữa. Nếu cậu ấy chẳng hiềm nghèo hèn, nên nhờ ngay người làm mối đến, bệnh sẽ khỏi liền. Còn như hẹn hò riêng với nhau thì dứt khoát không thể được.

Wương thị gật đầu ra về. Mụ Vương này hồi nhỏ đã tư thông với anh chàng hàng xóm là Túc Giới. Khi đã lấy chồng, Túc vẫn rình lúc người chồng vắng nhà là tìm đến với người tình cũ. Đêm ấy Túc vừa đến, Vương thị thuật lại lời lẽ của Yên Chi để cười với nhau, lại đùa bảo Túc đến nói với Ngạc Sinh. Từ lâu Túc đã biết Yên Chi đẹp, nghe chuyện mừng thầm, lấy làm may có thể thừa cơ kiếm chác. Túc đã toan bàn với Vương thị, lại sợ mụ ghen, bèn giả vờ vô tâm, hỏi han cửa ngõ phòng the nhà Yên Chi thật kỹ. Đêm hôm sau, Túc trèo tường vào đi thẳng đến phòng Yên Chi, lấy ngón tay gõ vào cửa sổ. Trong phòng hỏi vọng ra:

- Ai đấy?

Túc đáp:

- Ngạc sinh đây.

Yên Chi nói:

- Thiếp nghĩ đến chàng là tính việc trăm năm, đâu phải vì một tối. Nếu chàng quả thật thương thiếp, nên mau chóng nhờ người làm mối. Còn như chỉ đến gặp riêng với nhau, thiếp không dám vâng mệnh.

Túc tạm nghe theo nhưng vật nài được nắm cổ tay một cái làm tin. Yên Chi không nỡ cự tuyệt quá căng, gượng dậy mở cửa. Túc ập vào, ôm choàng ngay lấy cầu hoan. Yên Chi không còn sức chống đỡ, ngã lăn ra đất, hơi thở đứt quãng.

Túc sợ bại lộ việc giả mạo, không dám cưỡng ép nữa, chỉ xin hẹn lần gặp mặt sau. Nàng hẹn đến ngày rước dâu, Túc cho là lâu quá, lại nài nỉ. Yên Chi không chịu nổi quấy nhiễu, hẹn đến khi khỏi ốm. Túc xin một vật làm tin, nàng không cho, hăn liền nắm lấy chân tháo chiếc giày thêu rồi mới chịu đi. Nàng gọi lại bảo:

- Thân này đã ước hẹn với chàng, còn tiếc chi nữa. Chỉ sợ vẽ hổ thành chó (1) chuốc lấy chê bai. Nay vật mọn đã vào tay chàng, liệu chừng cũng chẳng đòi lại được. Nếu chàng phụ thiếp, chỉ có một chết mà thôi.

(1) Vẽ hổ thành chó: ý nói sợ làm hỏng việc (ND).

Túc trở ra, lại đến ngủ ở nhà Vương thị. Khi đã đi nằm vẫn không quên chiếc giày, ngẫm nắn tay áo thì không còn ở đấy nữa. Vội vàng châm cái đèn có chụp, rũ áo tìm mò, Vương thị gạn hỏi, Túc không đáp, lại ngờ mù giấu đi. Vương thị cố ý cười cợt để Túc thêm ngờ. Hăn không giấu nổi, phải nói thật. Nói xong, cầm đèn soi khắp ngoài cửa, vẫn không thấy, đành phiền muộn trở về nằm, lại thầm lấy làm may đêm khuya không có ai, nếu có đánh rơi hăn còn ở trên đường. Sáng sớm Túc trở dậy đi tìm, vẫn không thấy.

Trước đó, trong ngõ có tên Mao Đại vốn là một kẻ lêu lổng, không có hộ khẩu, có lần đã ghẹo Vương thị mà không được. Biết Túc thân với mù, hăn nghĩ phải rình chộp lấy để rồi bức bách mù. Đêm ấy, hăn đi qua cổng nhà mù, đẩy thử thấy cổng chưa cài bèn lén vào. Vừa đến ngoài cửa sổ, giẫm

phải một vật mềm như bông vải, nhặt lên xem thì ra chiếc giày phụ nữ bọc trong khăn. Hăn phục xuống núp nghe, thấy Túc kể lại rõ ràng, mừng quá, lén ra về. Sau đó mấy đêm Mao Đại trèo tường vào nhà Yên Chi. Vì không thông thuộc cửa ngõ, hăn đến lầm phòng ông bố. Ông Biện nhòm qua cửa sổ thấy một gã đàn ông, quan sát tung tích, biết kẻ ấy đến vì con gái mình, bèn nổi giận cầm dao chạy thẳng đến. Mao Đại kinh hãi quay trở ra, đang tính leo tường thì ông Biện đã đuổi đến nơi, kíp quá không chạy lối nào được, Mao quay lại giật lấy dao. Bà Biện tỉnh dậy kêu ầm lên, Mao chạy không thoát nhân thế đâm ông Biện. Bấy giờ Yên Chi đã hơi đỡ, nghe tiếng huyền não cũng trở dậy, cùng nhau cầm đèn ra soi. Ông Biện không nói được nữa, lát sau tắt thở tìm thấy dưới chân tường chiếc giày thêu, bà Biện cầm lên xem nhận ra giày của Yên Chi. Bà vặn hỏi, Yên Chi khóc thưa thực với mẹ, nhưng không nỡ làm lụy đến Vương thị, chỉ nói là Ngạc sinh tự tìm đến mà thôi.

Sáng ra thừa kiện lên ấp, trưởng ấp cho bắt Ngạc sinh. Chàng Ngạc tính tình cẩn thận, nói năng rụt rè, mười chín tuổi rồi mà thấy khách vẫn xấu hổ như trai chưa vợ. Chàng bị bắt thì hãi quá, lên đến công đường, chẳng biết gửi thưa cứ run cầm cập. Quan càng tin chắc là Ngạc, cho gông cùm lại. Thư sinh không chịu nổi đau đớn, Ngạc đành nhận bừa. Khi giải lên quận, chàng cũng bị đánh đập như ở ấp. Nỗi oan chất chứa trong lòng, chàng chỉ mong gặp được Yên Chi để đối chất. Đến khi hai bên thấy nhau, Yên Chi满眼 chữ, thế là chàng líu lưỡi không biện bạch được gì cho mình, vì vậy bị kết án tử hình. Phúc vẫn nhiều nơi, trải mấy vị quan cũng không ai có lời bàn khác. Sau giao cho phủ Tế Nam xem lại bản án.

Khi ấy ông Ngô Nam Đại trông coi phủ Tế Nam, thoát thấy Ngạc đã sinh nghi không phải loại giết người. Ông ngầm cho người đến, thông thả hỏi riêng chàng để chàng có thể nói hết ra, vì vậy ông biết chắc chàng bị oan. Nghĩ ngợi vài ngày rồi ông mới thăm vấn. Trước hết, ông hỏi Yên Chi:

- Sau khi đính ước, có ai biết không?

Yên Chi đáp:

- Thừa không có ai.

- Khi mới gặp Ngạc sinh, có ai khác nữa không?

Cô gái trả lời:

- Không có ai.

Ông gọi Ngạc sinh lên ôn tồn hỏi han. Chàng thưa:

- Tiểu sinh có lần đi qua cửa nhà ấy, thấy Vương thị là người lảng giềng cũ cùng một thiếu nữ đi ra, liền rào bước để tránh, từ đó không hề trò chuyện gì.

Ông bèn quát Yên Chi:

- Vừa nói bên mình không có ai, sao lại có người lảng giềng ở đó?

Nói xong, toan kìm kẹp. Yên Chi sợ hãi khai:

- Tuy có Vương thị, nhưng thực không liên can gì đến việc này.

Ông cho ngừng đối chất, sai đi bắt Vương thị. Vài ngày sau đưa đến, ông cấm không cho gặp Yên Chi, lập tức đem ra thẩm vấn. Ông hỏi mục Vương:

- Kẻ giết người là ai?

Vương đáp:

- Tôi không biết.

Ông nói gạt:

- Yên Chi cũng khai mục biết rõ kẻ nào giết ông Biện, sao còn giấu giếm.

Vương kêu lên:

- Oan uổng thay! Con dĩ phải lòng trai là tự nó, tôi tuy có nhận làm mối nhưng chỉ là đùa vui thôi. Tự nó dẫn kẻ gian vào nhà tôi biết đâu được.

Ông hỏi tỉ mỉ. Bấy giờ mục mới thuật lại đầu đuôi những lời bõn cợt. Ông lại gọi Yên Chi lên, giận dữ hỏi:

- Người nói mục không biết chuyện, sao bây giờ mục lại tự khai việc làm mối?

Yên Chi rơi lệ thưa:

- Tự mình bất hiếu để đến nỗi cha chết thảm, kiện cáo không biết đến năm nào mới xong, lại còn làm lụy đến người khác thực lòng tôi không nỡ. Ông hỏi Vương thị:

- Sau khi nói bõn, có kể cho ai biết không?

Vương khai:

- Không.

Ông nổi giận:

- Vợ chồng chung giường, lẽ ra chẳng chuyện gì không nói sao lại chối rằng không?

Vương thừa:

- Chồng tôi vắng nhà lâu chưa về.

Ông nói:

- Tuy nhiên, phạm những kẻ bốn cột người đều cười người là ngu để khoe mình thông tuệ, thế mà mụ lại nói không kể với một ai cả, toàn lừa dối sao? Bèn sai kẹp mười ngón tay. Bất đắc dĩ Vương phải khai thực:

- Tôi có nói với người họ Túc.

Túc thì ông Ngô tha Ngạc sinh, cho bắt Túc. Túc đến khai:

- Tôi không biết. Ông bảo:

- Đã ngủ đêm ở nhà dân phụ ắt chẳng phải kẻ sĩ lương thiện.

Sai kìm kẹp nghiêm ngặt. Túc phải khai:

- Quả thật có lương gạt cô gái, nhưng từ khi đánh mất giày thì không dám đến nữa. Thực không biết gì về việc giết người.

Ông nổi giận mắng:

- Những đứa đã leo tường thì có việc gì mà không dám làm.

Lại sai kìm kẹp, Túc Giới không chịu nổi tra tấn, bèn tự nhận cả. Tờ khai trình lên, ai cũng khen Ngô công xét đoán như thần. Bản án đánh thép vững vàng như núi, Túc Giới đành vờn cổ chờ ngày hành quyết vào mùa thu.

Nhưng Túc tuy buông thả vô hạnh, vẫn là danh sĩ xứ Đông. Nghe tiếng quan học sứ Thi Ngu Sơn là người giỏi giang bậc nhất, lại có đức thương xót kẻ sĩ có tài, bèn viết một tờ đơn kêu oan, lời lẽ thảm thiết. Học sứ xem tờ khai, trần trở suy nghĩ rồi vỗ bàn nói:

- Người này oan thật rồi!

Bèn xin với Viện, với Ty chuyển bản án về xét lại. Ông hỏi Túc:

- Giày đánh rơi chỗ nào?

Túc nói:

- Tôi quên mất, nhưng khi gõ cửa nhà Vương thị thì vẫn còn trong ống tay áo.

Ông chuyển qua vặn hỏi Vương thị:

- Ngoài Túc Giới ra, còn mấy gian phu nữa?

Wương thừa:

- Không có ai khác.

Ông nói:

- Người đã dâm loạn, há chỉ tư thông với một người sao?

Wương khai:

- Tôi và Túc Giới quen thân nhau từ thuở nhỏ cho nên chưa thể dứt tình. Sau đó, không phải không có kẻ trêu ghẹo nhưng quả thật tôi chưa dám theo ai.

Nhân đó ông bảo phải chỉ ra người nào đấy để chứng thực. Vương thị khai:

- Mao Đại là người cùng làng mấy lần chọc ghẹo, tôi đều cự tuyệt cả.

Ông nói:

- Sao bỗng dưng mụ lại trình bạch đến thế?

Sai đánh đòn. Vương thị rập đầu đến chảy máu, cố sức biện bạch là không có ai. Ông bèn tha cho, lại gạn hỏi:

- Chồng mụ đi xa, chẳng lẽ không có ai mượn có mà đến chẳng?

Wương thị đáp:

- Có Tên Giáp, tên ất đều lấy có vay mượn, biểu xén đến nhà tôi một vài lần.

Thìra Giáp, Ất đều là loại du đảng trong ngõ, có ý với Vương thị nhưng chưa bộc lộ ra mà thôi. Ông Thighi hết tên chúng, rồi cho bắt đến. Khi đã đủ mặt, ông đưa đến miếu Thành Hoàng, cho phủ phục trước án thờ rồi bảo:

- Hôm trước ta mộng thấy thần nhân báo rằng kẻ giết người không ngoài bốn năm người bọn bay. Nay trước đấng thần linh, các người không được nói dối. Chịu thú tội còn được khoan thứ nếu gian dối, khi xét ra quyết không tha.

Bọn chúng đồng thanh nói không biết việc giết người. Ông sai đem ba loại gông cùm chân tay và cổ ra đặt trên đất, chuẩn bị đóng vào người. Khi tóm tóc lột áo, bọn chúng đều kêu oan. Ông truyền buông chúng ra, bảo:

- Đã không tự thú thì để cho quỷ thần chỉ ra vậy.

Sai người lấy đệm lông che các cửa sổ trong miếu, không được để một kẻ hở nhỏ nào. Đoạn để bọn chúng lưng trần xua vào trong tối, bấy giờ mới trao cho chậu nước bắt tất cả phải rửa tay. Xong, sắp thành hàng dưới vách, ra lệnh: "Quay mặt vào tường không được động đậy. Kẻ nào giết người thần sẽ viết chữ vào lưng". Lát sau gọi ra nghiệm xét. Ông chỉ vào Mao Đại nói:

- Đây mới thực là kẻ giết người!

Thì ra trước đó ông sai người trát vôi lên vách, lại lấy người bồ hóng cho rửa tay. Kẻ giết người sợ thần đánh dấu bèn áp lưng vào vách nên lưng dính vôi. Khi đi ra lại lấy tay xoa lưng nên lưng có bồ hóng. Ông vốn đã ngờ Mao, đến lúc này càng tin, dọa tra tấn cực hình, Mao phải khai hết sự thực...

Bản án kết thúc, xa gần đều truyền tụng.

Sau khi Ngô công xét hỏi, Yên Chi mới biết Ngạc sinh oan. Lúc gặp nhau ngoài công đường, Yên Chi bẽn lẽn, nước mắt rưng rưng như có nỗi đau khổ tiếc nuối mà chẳng thành lời. Ngạc sinh cảm mỗi tình quyến luyến ấy, đem lòng yêu mến thiết tha, nhưng lại nghĩ nàng con nhà thấp hèn, vả mấy ngày liền ra chốn công đường, ngàn người dòm nom chỉ trỏ, cười về sợ người cười chê, ngày đêm băn khoăn không quyết định được. Khi tờ phê gửi xuống, chàng mới yên lòng. Quan huyện bèn đứng ra dẫn lễ ăn hỏi cho chàng.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 21

Bản Di Chúc Đầy Trí Thông Minh

*Nghèo khó, hơn thua phận tại trời,
Ranh ma hết cách cũng công toi,
Tham lam, voi nọ răn đòi nuốt,
Rốt cuộc ve kia bỏ ngựa xơi.*

Chuyện kể rằng xưa có một ông nhà giàu họ Trương, góa vợ, không có con trai, chỉ có một con gái đã có chồng, chồng ở rể nhà vợ. Ông Trương đã ngoài tuổi cổ lai hy, vì vậy giao hết ruộng vườn của cải cho chàng rể và ăn chung với các con, nhờ chúng phụng dưỡng, coi đó là kế an hưởng đến hết đời. Con gái, con rể ông chỉ giả bộ vâng lời phụng dưỡng khiến ông già không tính đến chuyện sinh con trai nữa. Không ngờ chúng dần dần xao lãng, lười nhác khiến ông chịu không nổi. Rồi một hôm, ông già đang đứng chơi ngoài cửa, thấy thằng cháu ngoại đi ra tìm "ông" vào ăn cơm. Ông già Trương hỏi cháu:

- Cháu tìm ông vào ăn cơm đấy à?

Thằng cháu ngoại đáp:

- Cháu tìm ông của cháu cơ, không phải ông đâu!

Ông già Trương nghe cháu nói thế thì buồn lắm, nghĩ thầm: "Con gái đẻ ra đã là con nhà người ta, câu này thật không sai. Ta tuy đã già song tinh lực chưa suy, sao không kiếm lấy một người vợ kế, may ra sinh được con trai để nhà họ Trương cũng có người hương khói?". Nghĩ thế liền mang số tiền dành riêng nhờ bà mối làm mai cho ông lấy con gái nhà họ Lỗ. Cưới được ít lâu quả nhiên người vợ có thai, gần năm sau thì sinh con trai. Ông già mừng mừng khôn xiết, bạn bè quen thuộc đều đến chúc mừng, chỉ riêng con gái và con rể ông già là ngậm bực bội. Ông Trương đặt tên con trai là

Nhất Phi, nên mọi người gọi cậu bé là Trương Nhất Lang. Được vài năm, ông Trương ốm, bệnh ngày một nặng. Biết sắp lâm nguy, ông già bèn viết hai tờ di chúc, một tờ đưa cho vợ là Lỗ thị, dặn rằng:

- Tôi chỉ vì con gái và con rể bất hiếu nên mới lấy thêm cô về may mà trời thương, đẻ được con trai. Tôi vốn định giao hết gia tư điền sản cho thằng bé song nó còn bé quá, và cô lại là đàn bà, không thể tự gánh vác, trông nom nhà cửa được. Tôi bắt buộc phải giao cho con rể quản lý, song nếu tôi nói rõ nó sau này phải trao trả cho con trai thì lại sợ thằng rể ngầm tính kế hại con mình, vì thế trong di chúc tôi gài một câu đố có hai cách giải. Cô hãy cất giữ thật kỹ, đợi khi nào con lớn lên thành người thì đưa ra nhờ công lý phân xử, may gặp được quan thanh liêm sáng suốt, ắt ông ấy có chủ trương riêng.

Lỗ thị theo lời cất kỹ tờ di chúc. Rồi ông Trương cho gọi con gái, con rể vào dặn dò mấy câu và đưa tờ di chúc thứ hai cho chúng. Người con rể nhận lấy, mở ngay ra đọc:

"Trương Nhất Phi con trai ta, gia tài giao hết con rể, người ngoài không được tranh chiếm".

Con rể xem xong cả mừng, liền trao cho vợ cất giữ. Ông Trương đưa tiền dành riêng của mình cho hai mẹ con Lỗ thị tiêu dùng hàng ngày, lại thuê một căn phòng cho hai mẹ con ở. Mấy ngày sau, bệnh càng nặng, ông cụ qua đời.

Sau khi chôn cất bố vợ xong xuôi, nghĩ đến việc gia tài bây giờ là của mình hết thảy thì cả hai vợ chồng đều dương dương đắc ý, không cần nói nhiều cũng đủ biết. Còn Lỗ thị chỉ chăm nuôi dạy con trai. Dần dần thằng bé cũng đã trưởng thành. Nhân nhớ đến tờ di chúc, Lỗ thị bèn dẫn con trai đến cửa quan trình bày. Quan nghe nói bức di chúc do chính tay ông già viết, và đã viết như thế thì toàn bộ tài sản là của con rể. Hơn nữa anh con rể nhờ có tiền lo lót nên chẳng ai chịu phân xử cho hai mẹ con. Họ hàng và bè bạn đều bất bình thay cho Trương Nhất Phi, đều nói:

- Ông Trương ốm đau lú lẫn mất rồi. Chuyện buồn cười như thế thật không ai hiểu nổi!

Một thời gian sau, có ông huyện mới được chuyển đến. Ông này rất giỏi. Lỗ thị lại dẫn con đến huyện đường trình bày rõ:

- Chồng tôi trước khi mất có dặn rằng trong di chúc có ngầm gài câu đố đây ạ.

Quan huyện giờ di chúc ra coi, coi xong thì vỡ lẽ, bèn sai người cho gọi con gái, con rể cùng họ hàng phụ lão ở địa phương của ông Trương đến huyện. Tri huyện bảo anh con rể:

- Cha vợ anh thật là người thông minh, trí tuệ. Nếu không có tờ di chúc này thì suýt nữa gia tư điền sản bị anh chiếm hết. Hãy nghe ta đọc đây:

“Trương Nhất Phi con trai ta, gia tài giao hết. Con rể người ngoài, không được tranh chiếm”.

Lập tức quan nâng bút phê vào tờ di chúc, gia tài thuộc cả về Trương Nhất Phi. Mọi người đều chúc mừng người con trai rồi ra về. Đến lúc này mọi người mới hiểu, ngay từ lúc đặt tên cho con trai, ông già Trương đã tính đến nước cờ này rồi.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 22

Nhờ Vế Đối Tìm Ra Thủ Phạm

Trịnh Bản Kiêu (1693-1765) tên chữ Khắc Nhu, ở Giang Tô là người giỏi văn chương và giỏi vẽ, nhưng thi cử lận đận; mãi tới hơn bốn mươi tuổi mới đỗ tiến sĩ, được trao chức quan thất phẩm là một chức quan "nhỏ như hạt vừng". Tuy vậy, lúc nào ông cũng nghĩ đến dân, việc gì cũng cẩn thận, lo lắng làm đến nơi đến chốn. Bài thơ của ông sau đây chính là thể hiện tinh thần đó:

*Xào xạc tre đưa nơi nhiệm sở,
Ngờ dân lên tiếng tố oan khiên.
Bọn mình thư lại dù quan nhỏ,
Một lá cành kia chớ bỏ quên.*

Truyền rằng sau khi ông được làm quan huyện, ông từng dùng phương thức trưng cầu vế đối mà phá được một vụ án oan, cứu một người học trò thật thà khỏi tội chết.

Năm ấy, Trịnh Bản Kiêu tới nhận chức, dân chúng nghe nói ông là một vị quan thanh liêm, xét án công minh nên đều ngóng trông. Trước cửa huyện nha, người đứng đông đặc chờ đón quan huyện mới; có người muốn xem phong thái, mặt mũi quan như thế nào, có người chờ để kêu oan. Thấy cảnh đó, Trịnh Bản Kiêu biết ngay trách nhiệm của mình rất nặng nề, sau khi đến nhận chức được một ngày, việc đầu tiên ông làm là xem hồ sơ những vụ trọng án sắp xử trảm vào mùa thu tới. Có một hồ sơ viết: "Thư sinh Vương Sinh Tân sau ngày cưới một hôm đã giết chết vợ, bị khép vào tội tử hình vì giết người. Vương đã nhận tội giết vợ mới cưới". Hồ sơ không nói gì về việc chú rể tại sao giết cô dâu và giết như thế nào, chỉ nói cô dâu bị giết

trong phòng, ngoài ra không có chứng cứ gì khác.

Quan huyện Trịnh Bản Kiều càng nghĩ càng thấy vụ này khó hiểu nên quyết định tra lại vụ án. Ông cho gọi Vương Sinh trong nhà ngục tử tù ra tra hỏi. Khi ngục tốt đưa Vương Sinh đến, Trịnh Bản Kiều thấy thư sinh này mặt mũi hiền lành, nho nhã đoan trang, không hề có chút gì giống với bọn giết người, đốt nhà cả. Ông liền hỏi:

- Nhà người làm sao lại giết chết vợ mới cưới? Giết như thế nào?

Chàng kia chỉ cúi đầu sụi sụi mà không trả lời, bởi chàng đã cung khai như trong hồ sơ, nay sợ nói khác đi sẽ bị roi hèo đánh đập chịu không nổi.

Trịnh Bản Kiều hiểu rõ cách thức xét hỏi rồi kết án ở nha môn là nếu ai bị bắt mà không chịu cung khai thì sẽ bị đánh rất dữ, bởi vậy nhiều người đã phải khai bừa. Vương Sinh này hẳn cũng bị đánh đau nên đã khai bừa, cho nên ông ôn tồn bảo:

- Nhà người có oan khuất gì cứ nói ra, kể lại từ đầu cho rõ bản quan sẽ phân xử. Nếu có gì khác với lần khai trước cũng không ngại.

Nghe quan nói thế, Vương Sinh vẫn còn bán tín bán nghi, chưa dám hé răng. Một viên lại già đứng gần đấy bảo chàng:

- Đại quan đã nói sẽ xử công minh cho anh, sao anh còn không nói? Quan lớn mới đến nhận chức, là vị quan liêm chính công minh...

Nghe nói vậy, Vương Sinh nghĩ việc đã đến lúc này, có chết thì cũng sắp bị chết, thôi thì cứ khai thật, biết đâu được giải oan, bèn cung khai:

- Bẩm quan lớn, tiểu sinh lấy vợ họ Lý là một tài nữ dòng dõi thư hương. Vợ con từ nhỏ đã học thi thư, xuất khẩu thành chương. Ngày cưới của chúng con, đêm ấy khi đám khách trêu chọc cô dâu mới cưới đã về hết, con trở lại phòng thì cửa đã đóng, vợ con ra một câu đối, nếu đối được thì nàng mở cửa, nếu không đối được thì ngủ ngoài cửa. Con bảo "Được!", vợ con liền ra vẽ đối:

Hào, hảo, hảo, duyệt tận thế văn chương tri diệu

(Hay, hay, hay, đọc hết văn đời mới biết điều)

Trong vế đối này có ba chữ nhắc lại, con suy nghĩ và hiểu ra ý nàng mong con sau này cưới đừng bịn rịn gia đình mà nên cố gắng học tập để đạt được công danh, nên con đối lại là:

Cần, cần, cần, đãi văn đọc thư bất đoạn thanh

(Chăm, chăm, chăm, đợi nghe đọc sách chẳng ngưng tiếng)

Vợ con thấy câu đối thì vừa lòng lắm, nói: "Quan nhân đã hiểu được nỗi dụng tâm của thiếp và hiểu ra mai ngày phải hành động như thế nào là điều thật may mắn cho thiếp. Nhưng xin quan nhân hãy đối thêm câu nữa!". Thế là vợ con ra vế trên:

Kim nhật đồng đăng phượng hoàng đài

(Hôm nay cùng lên đài phượng hoàng)

Con vừa nghe vế đối ấy đã thấy rất hay lại sâu sắc nữa. Người xưa cho phượng hoàng là loài chim mang điềm lành. Con đực là phượng, con cái là hoàng. Vế đối của vợ con vừa có ý mong vợ chồng hài hòa như phượng hoàng lại vừa có ý mong con sau này đạt được nguyện ước vẻ vang. Thế là con bèn đối:

Tha niên độc chiếm kỳ lân các

(Năm sau riêng chiếm gác kỳ lân)

Con muốn tỏ cho nàng biết con cũng có hùng tâm tráng chí là ngày sau đạt được công danh to lớn để tên được ghi trên gác Kỳ Lân như các bề tôi giỏi giang xưa. Không hiểu do vợ con đang đứng ra câu đối hay là còn muốn thử tài chồng thêm nữa, nàng lại ra thêm vế đối thứ ba:

Di ý ỷ đồng đồng vọng nguyệt

(Xích ghế tựa ngô đồng cùng trông trăng)

Vợ con nhìn cảnh sinh tình mà ra vế đối này. Hôm ấy là rằm trung thu, sân nhà con có hai cây ngô đồng, lúc ấy trăng sáng giữa trời khiến vợ con dạt dào thi hứng. Vế đối ra chẳng những có tình thơ ý họa mà chữ ra được vận dụng rất thông minh tinh tế. Ý là ghế đồng âm với ý là tựa, *đồng* là ngô đồng đồng âm với *đồng* là cùng. Như vậy vế đối cũng phải có hai cặp chữ đồng âm như thế. Con nghĩ một lúc lâu mà không nghĩ ra, vừa buồn vừa ngượng, con trở ra thư phòng qua đêm mà không được động phòng với vợ con.

Sáng hôm sau, vì hôm qua không đối được câu thứ ba nên con tới gặp vợ mà lòng buồn phiền, luôn miệng lẩm bẩm: "Di ý ý đồng đồng vọng nguyệt". Vợ con thấy vậy bèn hỏi: "Lang quân, đêm hôm qua chàng chẳng đối được là gì? Còn buồn phiền, lẩm nhẩm gì thế?". Con đáp: "Tôi ngồi trong nhà học nghĩ suốt đêm mà không nghĩ ra, nên ngượng không dám vào phòng". Vợ con nghe nói thế, thần mặt ra quay luôn vào phòng. Con cũng không chú ý, ăn cơm trưa xong lại ra ngồi ở nhà học. Đến tối, người nhà mới chạy tới báo tin vợ con treo cổ tự tử ở trong buồng. Con tức khắc sai người sang báo cho nhạc phụ nhạc mẫu, bên ấy liền thưa lên quan, bảo con giết vợ con, thế là lính huyện bắt con vào ngục. Quan huyện ra lệnh giải con lên công đường tra hỏi, con nói con không hề hại vợ nhưng quan không tin, thế là nọc luôn con ra đánh. Con không chịu nổi đau đớn phải nhận là giết vợ, quan huyện khép vào tội giết người phải đền mạng. Con quả thực không giết vợ, cúi xin quan lớn minh oan cho con.

Nghe Vương Sinh kể hết đầu đuôi, Trịnh Bản Kiều thấy trong vụ này ắt có điều lắt léo liền sai người hãy giải Vương Sinh về nhà lao và bảo:

- Vương Sinh, ngươi hãy về nhà giam, ta còn phải báo với quan trên xin hoãn thi hành án để tra xét kỹ từ đầu.

Lời khai của Vương Sinh để lại nỗi nghi ngờ lớn trong óc Trịnh Bản Kiều:

chàng rể vì sao lại giết cô dâu ngay ngày hôm sau? Chợt ông nhớ tới lời người vợ hỏi Vương Sinh ngày hôm sau: "Lang quân, đêm hôm qua chàng chẳng đổi được là gì?". Ông cảm thấy đây là đầu mối của vụ án, quyết định điều tra từ vết đổi.

Tuy vậy, vợ Vương Sinh đã chết, không biết cái kẻ thừa dịp chiếm vợ người đã đổi về dưới ra sao mà vào được buồng? Không biết được điều này, làm sao tra ra vụ án?

Tối hôm ấy, sau khi ăn cơm xong

, Trịnh Bản Kiều đi tới đi lui trong sân nhà Vương Sinh, suy nghĩ cách phá án. Đi một lúc mỏi chân, ông dừng lại bên cây ngô đồng, ngẩng đầu nhìn trời. Bỗng thấy trong phòng học phía trên cao có cậu học trò đốt đèn mang lên đó học. Trước cảnh đó, trong óc ông bật ra vết đổi hoàn chỉnh:

Đăng đăng đăng các các công thư

(Đợi đèn lên gác ai nấy đọc sách)

Vết đổi này thật là một cặp trời sinh với vết ra của cô dâu: *đăng* là đèn, đồng âm với *đăng* là lên; *các* là gác, đồng âm với *các* là ai nấy. Thế là ngày hôm sau, Trịnh Bản Kiều sai người ra các phố huyện dán cáo thị, nói nếu ai đổi được về *Di ý ý đồng đồng vọng nguyệt* thì ông sẽ nhận làm cháu nuôi, được ông tiến cử với quan chấm thi trong kỳ thi Hương tới... Chỉ sau một loáng, nhiều thư sinh đã kéo nhau tới xem cáo thị, nhưng đều chịu không đổi được, buồn thiu kéo nhau ra về. Chợt có một thư sinh trẻ tuổi vỗ tay nói:

- Tôi đổi được rồi!

Nha dịch đưa thư sinh kia về gặp quan huyện. Quan hỏi họ tên, học ở đâu, thầy dạy là ai. Thư sinh kia đáp:

- Tiểu sinh họ Đông Quách, tên Lượng, học ở Vương Trang, thầy dạy là Vương Thái Hòa.

Thì ra nơi học và thầy dạy của Đông Quách Lượng cũng chính là nơi học và thầy dạy của Vương Sinh Tân. Trịnh Bản Kiều lại hỏi:

- Trong lớp học của các anh có một người tên Vương Sinh Tân anh có biết

không? Nghe nói cưới vợ hôm trước, hôm sau anh ta đã giết vợ, anh có biết không?

Nghe hỏi, đột nhiên Đông Quách Lượng tái mét mặt, người run bần bật, không nói được câu nào. Thấy vậy, Trịnh Bản Kiều biết chắc người này là thủ phạm, bèn đập bàn quát:

- Người đã giết vợ mới cưới của Vương Sinh ra sao, khai mau:

Đông Quách Lượng tham lam nên hớ hênh lộ tẩy, lại sợ bị đánh nên khai ra ngay:

- Đêm hôm cưới, thấy Vương Sinh trở lại nhà học, chúng con hỏi mới biết chuyện anh ấy không đối được về ra của vợ nên vợ không cho vào động phòng. Con thấy đây là thời cơ bèn chờ đến đêm khuya mới tới cửa buồng đọc vế đối, cô dâu nghe xong mở cửa, con mạo nhận là chú rể và thành thân với nàng...

Thế là đã rõ: sáng hôm sau khi biết đêm qua chồng mình ngủ lại ở nhà học, biết có kẻ thừa dịp thành thân với mình, cô dâu hối hận đã để mất tiết trinh nên đã tự treo cổ tự tử.

Trịnh Bản Kiều làm quan công minh, xét án rõ ràng, bắt đúng người đúng tội, giải được nỗi oan cho Vương Sinh khiến dân chúng xa gần đều phục.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 23

Ba Lần Hiện Thân, Bao Long Đồ Xử Vụ Án Oan

Giữa năm Nguyên Hựu nhà đại Tống, có quan Thái thường đại khanh họ Trần tên á, vì không đánh trúng được Trương Tư Hậu phải đổi đi làm An phủ sứ coi giữ Giang Đông kiêm Tri phủ phủ Kiến Khang. Một hôm cùng các quan uống rượu trên đình sát mé sông, chợt nghe ngoài đình có người rao to:

- Không dùng ngữ hành tứ trụ, biết được họa phúc hưng suy đây!

Quan đại khanh hỏi:

- Người nào mà dám nói như vậy.

Các quan có người biết đáp:

- Đây là thầy bói ở Kim Lăng tên gọi Biên Cổ.

Quan đại khanh bảo:

- Gọi vào đây cho ta!

Tức thì các quan gọi vào tới cửa, chỉ thấy:

Mũ nát không vành,

Lam lũ áo quần

Mắt mù tóc bạc,

Gù cả thân hình.

Biên Cổ tay cầm gậy tre bước vào, vái dài một tiếng rồi lần tìm bậc thềm ngồi xuống. Quan lớn giận mắng:

- Người mù lòa, đã không đọc được sách thánh hiền đời xưa thế mà lại dám tự cao khinh cả ngữ hành hay sao?

Lão mù đáp:

- Dạ bẩm tôi có thể nghe tiếng giã hết mà biết tiến lui, lắng tiếng giày dép mà biết phân biệt sống chết đấy ạ.

Quan lớn hỏi:

- Người bói có nghiệm đúng không. . .

Chưa nói hết câu thì trên sông có một chiếc thuyền hoa, tiếng mái chèo vang lên từ thượng lưu xui xuống. Quan lớn bèn hỏi lão mù xem họa phúc của chủ thuyền như thế nào. Lão mù đáp:

- Tiếng mái chèo có vẻ đau buồn, trong thuyền thế nào cũng chở quan tài của bậc đại quan.

Quan lớn sai người đi hỏi, quả nhiên quan Lang tướng họ Lý thống lĩnh quân Lâm Giang qua đời ở nhiệm sở, thuyền chở linh cữu ông về quê. Quan lớn thất kinh nói:

- Giả sử Đông Phương Sóc đời Hán có sống lại cũng không hơn được nhà người!

Bèn ban cho mười chén rượu, mười lạng bạc rồi cho đi.

Ông già mù ấy nghe tiếng chèo thuyền mà biết họa phúc, nay xin kể chuyện một ông bán thẻ, họ Lý tên Kiệt, người phủ Khai Phong ở Đông Kinh. Trước cửa huyện Phụng Phù phủ Duyên Châu, ông mở một cửa hàng xem bói, ngoài cửa treo thanh bảo kiếm Thái A dán bằng giấy kim tuyến, dưới kiếm là biển chào hàng, viết rằng: "Chém những kẻ cùng nghề vô học trong thiên hạ". Ông thầy bói này quả là nắm vững việc âm dương.

Hôm ấy treo biển chào hàng xong, thầy bói thấy một người bước ngay vào. Người này ăn mặc thế nào? Lưng sẵn xòa khăn đội đầu, người mặc hai lần áo đen, ngang lưng thắt dây đai tơ, chân dận đôi giày và tất sạch sẽ, trong túi áo bỏ một cuộn giấy tờ. Người ấy cùng ông thầy có thanh kiếm vàng vải chào nhau xong thì nói năm sinh tháng đẻ để thầy bày quẻ ra bói. Chỉ thấy ông thầy nói:

- Số này không xem được đâu.

Người đến xem bói là viên áp ty số một của huyện Phụng Phù, họ Tôn tên Văn. Áp ty hỏi:

- Sao lại không chịu bói cho ta ?

Ông thầy đáp:

- Bấm quan, số này khó bói lắm.

Áp ty hỏi:

- Sao lại khó bói?

Ông thầy đáp:

- Nếu ngài có hơi men thì không nên xem, hoặc nếu ngài còn bệnh lỗi lầm thì cũng không nên bói.

Áp ty nói:

- Ta chưa uống rượu mà cũng không bệnh lỗi đâu.

Ông thầy bói:

- Xin cho biết ngày sinh tháng đẻ lại lần nữa kéo có lầm lẫn.

Áp ty nói lại ngày sinh tháng đẻ, ông thầy bày quẻ lại lần nữa, nói:

- Bấm quan, thôi đừng xem nữa.

- Ta không kiên đâu, cứ nói, không hề gì. - Áp ty nói.

- Tượng quẻ xấu lắm ạ. - Ông thầy nói xong thì viết bốn câu rằng:

Ngày sau Bạch Hổ chiếu

Chiếu tới họa không sai.

Sáng mai đúng giờ Sửu,

Cả họ thấy bi ai.

Áp ty đọc xong hỏi:

- Quẻ này nói họa phúc như thế nào?

Ông thầy đáp:

- Thực không dám giấu, quẻ này báo ngài sẽ chết.

- Bao năm nữa sẽ chết?

- Thưa ngài năm nay thì chết.

- Tháng mấy năm nay thì chết?

- Thưa ngài, tháng này năm nay thì chết.

- Thế thì ngày nào tháng này năm nay ta chết?

- Thưa ngài ngày hôm nay ngài sẽ chết ạ.

- Vào giờ nào, sớm hay muộn?

- Thưa ngài, giờ Tí canh ba lẻ ba ngày hôm nay ngài sẽ chết.

Áp ty nói:

- Được nếu đêm nay chết thật thì chẳng có chuyện gì hết, nhược bằng không chết thì ngày mai sẽ nói chuyện với lão tri huyện đấy!

Ông thầy nói:

- Nếu đêm nay ngài còn sống thì sáng mai xin quan cứ đến lấy thanh kiếm chém kẻ cùng nghề vô học kia mà chém phăng đầu kẻ hèn này đi.

Áp ty nghe nói bất giác lửa giận bốc lên, lòng căm trối dậy, lôi tuột ông thầy bói ra khỏi cửa hàng. Chuyện này biết tính sao đây?

Chợt có mấy người làm việc từ huyện đường bước ra ngăn Tôn áp ty, hỏi có chuyện gì. áp ty đáp:

- Chuyện gì à? Tôi bói chơi một quẻ, thế mà lão bảo tôi ắt chết vào lúc canh ba lẻ ba đêm nay! Tôi chẳng có bệnh tật làm sao mà canh ba lẻ ba đêm nay lại chết được? Phải lôi lão vào huyện để xử cho ra lẽ mới được.

Mấy người kia can:

- Nếu tin bói thì có mà bán cả nhà. Sức mấy mà tranh cãi với mồm mép xem bói kiếm ăn kia chứ!

Mấy người khuyên giải Tôn áp ty đi rồi mới quay lại trách ông thầy bói:

- Nay thầy Lý, thầy gây chuyện với vị áp ty nổi tiếng đó, nghe chừng không thể bói ở đây được nữa đâu. Xưa nay, nghèo dễ bói, hèn dễ bói, chỉ có tuổi thọ là khó bói mà thôi. Thầy chẳng phải bố Diêm Vương, cũng chẳng phải anh của Phán quan, sao có thể đoán sống chết đúng phăm phắp từng ngày từng giờ như thế được? Có nói thì cũng phải nói áng chừng thôi chứ!

Ông thầy đáp:

- Nếu muốn lấy lòng người ta thì quẻ đúng sao được? Còn nếu nói thật thì lại bị trách mắng! Thôi chỗ này đã không chấp nhận thì ắt có chỗ khác chấp nhận?

Nói xong, thở dài rồi dọn dẹp cửa hàng, dọn đi nơi khác.

Lại nói Tôn áp ty tuy được mọi người khuyên giải song trong lòng vẫn thấy khó chịu. Hôm ấy, sau khi ký nhận xong giấy tờ ở huyện về nhà, áp ty thấy lòng buồn bực. Vợ áp ty thấy chồng mặt ủ mày chau thì hỏi:

- Có chuyện gì phiền não thế ông? Hẳn là giấy tờ trong huyện có gì khó xử chẳng?

- Không đâu, mình đừng hỏi nữa? - áp ty đáp.

- Hay là hôm nay ông bị quan huyện quở trách? - Vợ lại hỏi.

- Không phải mà!

- Hay là ông cãi nhau với ai đó chẳng?

Áp ty đáp:

- Cũng không phải. Hôm nay tôi đến cửa huyện bói một quẻ thầy bói lại bảo đúng canh ba lẻ ba đêm nay là tới số phải chết.

Vợ áp ty nghe nói thế thì mảy liễu dựng ngược, mắt phượng xoe tròn, nói:

- Làm sao một người đang yên lành mà đêm nay lại chết được? Sao ông không lôi lão vào huyện mà kiện?

Áp ty đáp:

- Tôi có lôi đi đấy nhưng mọi người đều can.

Người vợ bảo:

- Này mình, mình cứ ở nhà nghỉ ngơi. Thường ngày hễ có việc gì, tôi đều thay mình tự đến kêu với quan huyện, hôm nay tôi sẽ đi tìm lão thầy bói đó cho mình để hỏi xem chồng tôi không nợ nần gì, với công tư hai bề, lại cũng không mắc mớ gì với việc quan, làm sao có thể chết vào lúc canh ba lẻ ba đêm nay được?

Áp ty nói:

- Mình đừng đi vội. Đợi đêm nay nếu tôi không chết thì ngày mai tôi sẽ nói chuyện với lão còn hơn là mình can thiệp vào.

Thấy trời đã tối, áp ty bảo vợ:

- Mình hãy dọn mấy chén rượu ra uống cái đã. Đêm nay tôi không ngủ, uống để cho qua hết đêm nay.

Uống ba chén hai chung thì áp ty đã say mềm, mắt lơ mơ riu lại, ngủ gật trên ghế bành. Người vợ gọi:

- Mình ơi, sao lại ngủ thế này?

Bèn gọi con hầu Nghênh Nhi, sai:

- Này, đánh thức ông dậy đi!

Nghênh Nhi đến bên đánh thức song không tỉnh, lại gọi một hồi cũng không thừa. Vợ áp ty bèn bảo:

- Nghênh Nhi, tao với mảy vực ông vào phòng cho ông ngủ.

Nếu có người cùng tuổi, cùng lớn lên với nhau, ôm chặt lấy lưng, gạt tay

trở lại để mà nói chuyện thì Tôn áp ty chỉ uống rượu tiêu khiển qua đêm chứ ngàn lần không nên lên giường mà ngủ. Chính vì ngủ trên giường mà Tôn áp ty chết đúng vào đêm ấy ngày ấy tháng ấy năm ấy, chết không được bằng Lý Tồn Hiếu trong *Ngũ đại sử* và Bành Việt trong *Hán thư*. Thật đúng là:

Gió thu thổi lá ve hay trước

Tiền quý Vô Thường chết chẳng hay.

Vợ áp ty thấy chồng ngủ say, bảo Nghênh Nhi xuống bếp tắt hết đèn đóm củi lửa rồi hỏi:

- Mà có nghe ông mà nói hôm qua ông thầy bói bảo ông mà chết vào canh ba đêm nay không?

Nghênh Nhi đáp:

- Thưa bà, Nghênh Nhi cũng có nghe ông nói thế nhưng làm gì có chuyện đó?

Vợ áp ty bảo:

- Nghênh Nhi, tao với mà đem mấy thứ ra khâu, đợi xem ông có chết hay không. Nếu đêm nay không chết, ngày mai sẽ nói chuyện với lão thầy bói đó. Mà đừng có mà ngủ đấy nhé!

- Con đâu dám ngủ? - Nghênh Nhi đáp.

Nói chưa dứt lời, Nghênh Nhi đã ngủ gật. Vợ áp ty gọi:

- Nghênh Nhi, tao dặn mà đừng ngủ, sao mà lại ngủ thế?

- Dạ, con không ngủ đâu ạ!

Nói xong, Nghênh Nhi lại ngủ. Vợ áp ty gọi cho tỉnh rồi hỏi bây giờ là canh mấy. Nghênh Nhi lắng nghe tiếng trống cầm canh ở huyện đường đánh đúng canh ba lẻ ba. Vợ áp ty bảo:

- Nghênh Nhi, đừng có ngủ đấy nhé! Giờ này đúng lúc nghiêm trọng đấy.

Nhưng Nghênh Nhi lại ngủ tiếp, gọi cũng chẳng thừa. Chợt nghe tiếng áp ty từ trên giường nhảy xuống đất rồi ra mở cửa giữa. Vợ áp ty vội vàng gọi Nghênh Nhi dậy châm đèn lên coi thì lại nghe tiếng cổng lớn mở. Nghênh Nhi và vợ áp ty cầm đèn đuổi theo thì thấy một người mặc áo trắng giơ một tay lên che mặt ra khỏi cổng nhảy đánh ùm một cái xuống sông huyện Phụng Phù. Thật là:

*Việc đà chẳng thể quay đầu lại,
Hết thủy trôi xuôi mặc gió đông.*

Con sông này thông thẳng với sông Hoàng Hà, nước chảy cuồn cuộn, làm sao mà vớt được xác! Vợ áp ty và Nghênh Nhi đứng bên bờ sông gào khóc.

- Áp ty ơi áp ty sao ông lại nhảy xuống sông để hai chúng tôi biết dựa vào ai bây giờ?

Tiếng gào khóc đó lập tức khiến bốn nhà láng giềng chạy tới. Bà Điêu nhà ở phía trên, bà Mao nhà ở phía dưới, bà Bao, bà Bào nhà ở đối diện đều chạy tới. Vợ áp ty kể lại sự việc trên cho họ nghe. Bà Điêu nói:

- Thật có chuyện kỳ lạ đến thế ư?

Bà Mao nói:

- Ban ngày tôi còn thấy áp ty mặc áo đen, giấy tờ bỏ trong tay áo mang về nhà, già này còn chào hỏi áp ty nữa kia.

Bà Cao tiếp lời:

- Đúng thế, tôi cũng chào hỏi áp ty nữa đấy!

Bà Bào nói thêm:

- Ông nhà tôi sáng hôm nay tới huyện làm việc thấy áp ty đang kéo ông thầy bói, lúc về nhà ông ấy kể như vậy. Ai có ngờ đâu bây giờ lại chết thật!

Bà Điêu lại nói:

- Áp ty ơi, sao ông không báo cho hàng xóm láng giềng chúng tôi biết mà đã vội chết thế!

Nói xong ứa hai hàng nước mắt. Bà Mao cũng khóc theo:

- Cứ nghĩ đến bao nhiêu điều tốt của áp ty, ai mà không đau buồn cho được!

Bà Bào kể lễ:

- Áp ty ơi, bao giờ lại được trông thấy ông đây?

Lúc này địa phương đã trình lên quan, vợ áp ty cũng bận lo sắp sửa đồ cúng lên chùa siêu độ cho vong linh.

Thấm thoát bấm đốt ngón tay đã qua ba tháng. Một hôm vợ áp ty và Nghênh Nhi đang ngồi nhàn ở nhà thì thấy hai người đàn bà mặt đỏ bừng hơi men, người đi trước xách một chai rượu, người đi sau cầm hai đóa hoa

thông thảo, vén màn cửa bước vào nói:

- Tới nơi rồi đây!

Vợ áp ty nhìn ra thì là hai bà mỗi, một họ Trương, một họ Lý. Vợ áp ty lên tiếng:

- Đã lâu không gặp hai bà!

Hai bà kia nói:

- Bà áp ty có việc buồn, chúng tôi trước đây không biết nên không đem vàng hương đến viếng, xin miễn thứ cho! Không biết đến nay ông nhà mất đã bao lâu rồi?

Vợ áp ty đáp:

- Hôm trước đã làm lễ cúng trăm ngày rồi.

Hai bà kia nói:

- Nhanh quá nhỉ, đã được trăm ngày rồi. Hồi còn sống, áp ty quả là người tốt. Có lúc già tôi đây gặp ông chào hỏi, ông vội vàng đáp lễ ngay. Bây giờ ông mất đã chừng ấy ngày rồi, trong nhà vắng vẻ, cũng nên nói đến chuyện đi bước nữa rồi đấy.

Vợ áp ty đáp:

- Không biết ngày nào năm nào mới lại sinh ra được một người như Tôn áp ty chồng tôi!

Bà mỗi nói:

- Như thế thì có gì là khó. Già tôi đây biết có một đám tốt lắm.

- Thôi đừng nói nữa, sao có người được đúng như chồng trước của tôi đây!

- Vợ áp ty nói.

Hai bà mỗi uống trà rồi ra về. Mấy ngày sau lại đến nói chuyện mỗi mai.

Vợ áp ty nói:

- Hai bà thôi đừng một mực nói chuyện mai mỗi nữa. Nếu các bà thuận theo ba điều kiện của tôi sau đây thì hãy đến, bằng không thì cả đời này đừng bao giờ nhắc đến nữa, tôi thà ở góa sống qua ngày còn hơn.

Ngay sau đó, vợ áp ty mở miệng nói ra ba điều kiện. Hẳn là có duyên đụng phải oan gia năm trăm năm đời trước nên sau này cả đôi mới mắc vòng hình phạt của phép nước đấy thôi. Thật là:

Tần tướng mê hươu khôn biện giải,

Trang Chu mơ bướm hẩn chưa chừng.

Hai bà mỗi hỏi:

- Ba điều đó là ba điều gì?

Vợ áp ty nói:

- Điều thứ nhất, người chồng đã khuất của tôi họ Tôn, nay cũng phải là người họ Tôn thì tôi mới chịu. Điều thứ hai, chồng trước của tôi là áp ty đệ nhất danh của huyện Phụng Phù, nay người ấy cũng phải có chức vị ngang như thế. Điều thứ ba, tôi không về nhà người ta mà người ta phải đến ở đây.

Hai bà mỗi nghe xong, nói:

- Hay quá, bà nói muốn đi bước nữa với một người họ Tôn, có chức vị như chồng trước và phải đến ở đây chứ gì! Nếu là những điều khác thì còn phải suy tính chứ chỉ ba điều này thôi thì già đây xin thuận hết. Xin nói để bà áp ty biết, áp ty nhà ta là áp ty đệ nhất danh của huyện Phụng Phù, thường gọi là áp ty Tôn Lớn, nay người chúng tôi đến làm mỗi vốn là áp ty đệ nhị danh ở huyện Phụng Phù. Áp ty Tôn Lớn đã mất, ông ta có dịp thế chức ấy để thành đệ nhất danh áp ty. Ông này là áp ty Tôn bé, chịu đến ở rể nhà đây. Chúng tôi làm mỗi ông áp ty Tôn Bé đấy, bà có ưng không.

Vợ áp ty nói:

- Tôi không tin lại vừa khéo đến thế!

Bà mỗi họ Trương thề:

- Già này năm nay bảy mươi hai tuổi rồi. Nếu già nói sai, xin biến thành bảy mươi hai con chó cái ăn c... cho nhà bà?

Vợ áp ty xuôi lòng:

- Nếu quả như thế, phiền bà làm mỗi giúp, không biết duyên phận thế nào!

- Hôm nay là ngày tốt, xin cho tờ danh thiếp đoàn viên lấy may, - bà mỗi họ Trương nói.

- Tôi không mua sẵn để ở nhà. - Vợ áp ty nói.

- Tôi có mang theo đây? - Bà mỗi họ Lý nói rồi lấy trong áo ngực ra một tờ giấy hoa tiên có hình năm nam hai nữ. Thật là:

Tuyết nấu yên ương, bay mới biết,

Liều buồn anh vũ, hót thời hay.

Ngay lúc ấy, vợ áp ty sai Nghênh Nhi lấy bút nghiên. Thiếp viết xong, hai

bà mới nhận lấy ra về. Sau đó tất nhiên là đưa tiền, nạp lễ, qua lại đưa tin. Chưa đầy hai tháng thì nhận áp ty Tôn Bé vào ở trong nhà.

Đôi vợ chồng này thật là vừa một đôi, quả nhiên rất hợp nhau. Một hôm cả hai uống rượu say, sai Nghênh Nhi nấu một bát canh ăn cho tỉnh luôn. Nghênh Nhi xuống bếp vừa nhóm lửa vừa lầm bầm oán trách:

- Áp ty ngày trước khi còn sống, sớm muộn gì mình cũng đã được đi ngủ rồi, nay lại bắt mình nấu canh ăn cho già rượu!

Thấy cái ống thổi lửa bị tắc, lửa không bén, Nghênh Nhi cúi xuống động cái ống thổi vào nền bếp. Động chưa được mấy cái thấy lòng bếp từ từ trôi lên, cách mặt đất chừng một thước ta, từ đấy nhô lên một đầu người đội lòng bếp, cổ tròn sợi dây kéo nước giếng, tóc xoắn lò xo, lưỡi thè lè, mắt ứa máu, gọi thành tiếng: "Nghênh Nhi, con kêu oan giúp ông với?". Nghênh Nhi sợ quá hét lên một tiếng rồi ngã vật xuống đất. Mặt vàng khè, mắt lơ đờ, môi tím tái, móng tay xanh, không biết ngũ tạng Nghênh Nhi như thế nào chứ chân tay thì không động cựa nữa. Thật là:

*Mệnh tựa canh năm trắng ló núi,
Thân như giờ Tí bắc khô dầu.*

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 23 (B)

Hai vợ chồng vội vàng đến cứu cho Nghênh Nhi tỉnh lại, kiểm ít thuốc an thần định phách cho uống, rồi vợ áp ty hỏi:

- Vừa nãy mày trông thấy gì mà gắt đi thế?

Nghênh Nhi đáp:

- Thưa bà, vừa nãy con nhóm lửa trên bếp, thấy lòng bếp từ từ trời lên rồi thấy ông nhà ta khi trước, cổ trông đây kéo nước, mắt ứa máu, tóc xõa ra gọi "Nghênh Nhi" thế là con sợ quá ngã ra.

Vợ áp ty nghe thấy thế thì tát ngay cho Nghênh Nhi mấy cái, mắng:

- Con ranh này, bảo mày nấu ít canh giã rượu, mày cứ nói là ngại nấu đi cũng thôi, sao còn giả vờ làm ra vẻ nửa sống nửa chết thế? Thôi không phải nấu nữa, dập lửa đi rồi mà ngủ!

Nghênh Nhi theo lời đi ngủ.

Lại nói hai vợ chồng về đến phòng thì vợ áp ty khẽ nói:

- Anh Hai này, con bé ấy đã trông thấy rồi, không dùng được nữa đâu, cho nó ra khỏi nhà mình đi.

Tôn Bé hỏi:

- Cho nó đi đâu được?

- Em sẽ có cách! - Vợ áp ty đáp.

Sáng hôm sau, cơm nước xong, áp ty Tôn Bé lên huyện làm việc quan, vợ áp ty gọi Nghênh Nhi đến bảo:

- Nghênh Nhi, con ở nhà ta cũng đã được bảy tám năm, ta cũng không thờ ơ với con, nhưng hồi này con làm việc không được như hồi ông áp ty nhà ta trước kia còn sống, xem ra ý con muốn kiếm tấm chồng có phải không.

Nghênh Nhi đáp:

- Con đâu dám mong như thế, nhưng bà định gả con cho ai đây?

Vợ áp ty chỉ vì muốn Nghênh Nhi lấy phúc một người nên mới bị áp ty Tôn Lớn đòi mạng. Thật là:

*Gió lạnh mới hay ve rộn tiếng,
Đèn tàn thời thấy nguyệt nhòm song.*

Lúc ấy không cho Nghênh Nhi quyết định, gả luôn cho một người. Người này họ Vương tên Hưng, biệt hiệu là Vương Tửu Tửu, vừa nát rượu lại mê cờ bạc. Nghênh Nhi lấy chồng chưa được ba tháng, có bao nhiêu tiền mang về đã tiêu hết sạch. Thằng cha nọ uống say thế về nhà chửi bới:

- Đồ hèn mọn đáng đònkia! Thấy tao khổ như thế này, sao không đến hỏi vay chủ mày cho tao dăm ba trăm tiền làm vốn?

Nghênh Nhi không chịu được chửi mắng, vất vác lên giắt vào cặp rồi đi thẳng đến nhà áp ty Tôn Bé. Vợ áp ty thấy thế hỏi:

- Nghênh Nhi, con đã lấy chồng rồi còn đến đây làm gì?

Nghênh Nhi nói:

- Thưa bà, thực con không dám giấu. Con lấy người ấy không tốt lành gì, vừa nghiện rượu lại vừa đánh bạc. Nay chưa đầy ba tháng, con có ít tiền thì chồng con đã tiêu hết sạch. Chẳng còn cách nào khác, con nói với bà xin bà cho vay năm ba trăm tiền để làm lộ phí.

Vợ áp ty nói:

- Nghênh Nhi, con lấy chồng không tốt là việc của con. Nay ta cho con vài lạng bạc, về sau đừng có mà đến nữa đấy!

Nghênh Nhi nhận lấy bạc, tạ ơn bà chủ rồi về nhà. Nào ngờ chưa được bốn năm ngày lại tiêu hết sạch. Hôm ấy, trời đã tối Vương Hưng uống rượu say mèm, bước vào thấy Nghênh Nhi liền mắng:

- Đồ hèn mọn đáng đònkia! Mày thấy tao khổ như thế này, sao không đến nói với chủ mày lần nữa?

Nghênh Nhi đáp:

- Lần trước tôi đi vay được một vài lạng bạc đã phải nghe không biết bao nhiêu câu, lần này làm sao tôi còn đến được nữa?

Vương Hưng chửi:

- Đồ hèn mọn đáng đánh kia, mày mà không đi thì tao bẻ gãy chân mày!

Nghênh Nhi không chịu được chửi mắng đành ngay đêm ấy đến nhà áp ty

Tôn Bé. Đến cổng thì cổng đã đóng, toan gọi thì lại sợ bị trách mắng, thật là tiến thoái lưỡng nan, sau đành quay về nhà. Đi qua vài ba nhà, chợt thấy một người gọi:

- Nghênh Nhi, ta cho con cái này!

Chỉ vì có người ấy mà vợ áp ty và áp ty Tôn Bé chịu bao điều phiền não. Thật là:

*Rùa bơi mặt nước chia dòng biếc,
Hạc đậu ngọn tùng thấy rõ xanh.*

Nghênh Nhi ngoảnh đầu lại nhìn người gọi mình, chỉ thấy dưới hiên nhà kia có một người đội khăn phốc đầu bỏ múi, mặc áo bào đỏ thắt đai, ôm một đồng giấy tờ, khẽ nói:

- Nghênh Nhi, ta là áp ty ngày trước của con đây. Bây giờ ta ở nơi khác, chưa nói cho con biết được, con đưa tay đây, ta cho con cái này.

Nghênh Nhi giơ tay ra nhận lấy vật ấy, ngay sau đó không thấy người mặc áo bào đỏ thắt đai đâu nữa. Nhìn lại vật kia, thấy là một gói bạc vụn, Nghênh Nhi liền đi về nhà gọi cửa, thấy trong nhà nói vọng ra:

- Mình ơi, mình đến nhà bà chủ, sao muộn thế mới về?

Nghênh Nhi đáp:

- Nói cho anh biết, tôi đến nhà bà chủ vay gạo nhưng cổng đã đóng, tôi không dám gọi cổng sợ bị trách mắng. Khi đi trở về, thấy ông áp ty chủ cũ đang đứng dưới hiên một nhà kia, đội khăn phốc đầu bỏ múi, mặc áo bào đỏ thắt đai, ông cho tôi một gói bạc đang cầm đây.

Vương Hưng nghe nói thế thì chửi ầm lên:

- Đồ tiện tì đáng đòn kia! Mày dám bịa chuyện ma quỷ với tao à? Gói bạc của mày đáng ngờ lắm. Mày hãy vào nhà đã.

Nghênh Nhi vào nhà. Vương Hưng nói:

- Mình ơi, câu chuyện ngày trước mình kể thấy ông áp ty chủ cũ ở chỗ bếp lò, tôi vẫn còn nhớ đấy. Việc này nhất định có gì lạ đây. Tôi sợ hàng xóm nghe thấy nên cố ý chửi át đi như thế. Mình hãy cất bạc đi, ngày mai tôi vào huyện trình báo.

Thật là:

Dốc ý trồng hoa, hoa chẳng sống.

Nhàn chơi cắm liễu, liễu xanh um.

Sáng hôm sau, Vương Hưng nghĩ bụng: "Hãy khoan, có hai điều tố cáo không xong. Một là, Tôn Bé bây giờ là áp ty số một trong huyện, mình sao dám làm mất lòng ông ấy! Hai là, chẳng có chứng cứ gì, cả số bạc này cũng phải nộp quan, thế là mình đi kiện vô cớ. Chi bằng ta hãy chuộc mấy cái quần áo, mua hai hộp bánh đem biếu nhà áp ty Tôn Bé để ra mắt thử xem sao".

Suy tính xong, mua hai hộp bánh để biếu. Hai vợ chồng ăn mặc sạch sẽ đến nhà áp ty Tôn Bé. Vợ áp ty thấy hai vợ chồng ăn mặc sạch sẽ, lại có hai hộp bánh đem biếu thì hỏi:

- Anh chị lấy tiền đâu mà mua?

Wương Hưng đáp:

- Hôm qua con giúp áp ty việc giấy tờ được ông cho hai lạng bạc nên con mang hai hộp này đến biếu ông bà. Từ nay con không uống rượu, cũng không đánh bạc nữa.

Vợ áp ty nói:

- Vương Hưng, anh về trước đi, để vợ anh ở đây chơi vài ngày.

Wương Hưng về rồi, vợ áp ty bảo với Nghênh Nhi:

- Ta có việc phải đi lễ tạ miếu Đại Nhạc trên Đông Phong, ngày mai ta cùng con đi nhé!

Tối hôm ấy không có chuyện gì. Sáng mai trở dậy chải đầu rửa mặt xong, áp ty Tôn Bé lên huyện, vợ áp ty khóa cửa rồi cùng Nghênh Nhi đi lễ. Tới miếu, lên điện thắp hương xong, xuống điện vào hai bên hành lang thắp hương tiếp. Tới trước Ty tốc báo, Nghênh Nhi thắt lưng không được chặt, tuột cả ra, vợ áp ty bèn đi trước. Nghênh Nhi đang ở mé sau thắt lại dây lưng thì thấy trong Ty tốc báo có một phán quan đội khăn phốc đầu bỏ mũ,

mặc áo bào đỏ thắt đai lên tiếng gọi:

- Nghênh Nhi, ta là áp ty hồi trước của con đây, con hãy trình bày nỗi oan cho ta nhé! Ta đưa cho con cái này đây.

Nghênh Nhi nhận lấy vật ấy trong tay, một pho tượng, coi qua rồi nói:

- Lạ thật đấy, thần nặn bằng đất mà cũng biết nói! Chẳng hiểu sao lại đưa cho mình cái này?

Thật là:

*Khai thiên lập địa ít khi nghe,
Từ cổ chí kim hiếm được thấy.*

Nghênh Nhi nhận xong vội vàng nhét ngay vào người, cũng không dám nói cho bà chủ biết. Ngày hôm ấy thắp nhang xong, ai về nhà nấy. Nghênh Nhi kể chuyện vừa nãy cho chồng nghe. Vương Hưng đòi xem, khi đưa ra là một tờ giấy, trên viết:

"Con gái lớn, con gái bé, người trước cày người sau được ăn. Muốn biết việc canh ba, gạt lửa mà xuống nước. Tháng hai, ba nămsau, câu dĩ ắt giải được".

Vương Hưng xem mà chẳng hiểu gì cả, dặn Nghênh Nhi không được nói cho ai biết, chờ xem tháng hai, ba năm sau có chuyện gì xảy ra.

Bấm đốt ngón tay, khoảng tháng hai, ba năm sau thì có tri huyện mới về. Ông này người ở thành Kim Đầu thuộc Lư Châu, họ Bao tên Chung, tức tướng công Bao Long Đồ nổi tiếng mà người ngày nay truyền tụng. Sau ông làm quan tới Học sĩ các Long Đồ, cho nên gọi là Bao Long Đồ, còn tri huyện lúc này là buổi đầu mới nhận chức. Bao Công từ nhỏ thông minh chính trực, khi làm tri huyện mỗ xé được những việc ám muội trong dân gian, phanh phui được những điều hồ nghi trong thiên hạ. Ông nhậm chức ba ngày đầu còn chưa làm việc, đêm nằm mơ thấy mình ngồi trên công đường, trên đó có dán đôi câu đối: "Muốn biết việc canh ba, gạt lửa mà xuống nước".

Ngày hôm sau, Bao Công ra công đường, cho gọi hết những người giúp việc giấy tờ rồi đưa hai câu đó ra cho họ giải nghĩa, song không ai hiểu. Bao Công sai lấy cái thẻ bài trắng bảo viết đôi câu đối ấy lên, người viết lại chính là áp ty Tôn Bé. Viết xong, Bao Công cầm bút đỏ ghi ở đằng sau: "Ai giải được câu này, thưởng mười lạng bạc". Thẻ bài được treo ngoài cổng huyện, làm náo động cả làng trước làng sau huyện, cả người có chức và dân thường chen vai thích cánh tranh nhau vào xem trước chỉ vì mong được thưởng số bạc đó.

Lại nói Vương Hưng đang đứng trước cổng huyện mua bánh táo ăn, nghe người ta kháo nhau quan huyện treo một thẻ bài trắng, trên có viết hai câu đối nhưng không ai giải nghĩa được. Vương Hưng bước lại xem, thấy đúng là câu viết trên giấy mà phán quan Ty tốc báo đưa cho, bèn thầm giật mình, nghĩ: "Nếu ra khai báo, quan huyện mới đến là người kỳ quặc, chỉ sợ lại trêu người ông ta; nếu không khai báo, thì ngoài mình ra, chẳng có người thứ hai nào hiểu được lai lịch của hai câu đó". Mua bánh táo xong, Vương Hưng về nhà nói cho vợ biết chuyện ấy. Nghênh Nhi bảo chồng:

- Áp ty ngày trước đã ba lần hiện thân bảo tôi trình bày nỗi oan khuất cho ông. Mình lại được ông cho không một gói bạc nữa, nếu không đi khai báo, e rằng quỷ thần đều trách.

Vương Hưng vẫn còn do dự, bèn lại tới huyện, vừa lúc đó gặp ngay người hàng xóm là Khổng Mục họ Bùi. Thường ngày Vương Hưng đã biết Bùi Khổng Mục là người thạo việc, bèn kéo ông ta tới một ngõ vắng, đem việc đó bàn với ông ta, xem có nên khai báo hay không. Bùi Khổng Mục đáp:

- Tờ giấy của phán quan Ty tốc báo hiện giờ ở đâu?

Vương Hưng đáp:

- Tang vật ấy hiện cất trong rương quần áo của vợ tôi.

Bùi Khổng Mục bảo:

- Tôi vào huyện bẩm quan thay anh trước, anh về nhà lấy mảnh giấy ấy đem lên huyện, đợi khi nào quan huyện gọi đến anh thì anh trình lên làm chứng có.

Vương Hưng bèn đi về nhà. Khổng Mục họ Bùi chờ Bao Công tan buổi làm, áp ty Tôn Bé không có ở bên cạnh, mới quì xuống bẩm rằng:

- Bẩm quan, hai câu ngài cho viết trên thẻ bài chỉ có anh hàng xóm với con là biết được lai lịch. Anh ấy bảo Ty tốc báo miếu Đông Nhạc có cho anh ta một tờ giấy, trên giấy viết nhiều lắm, nhưng trong đó có hai câu này.

Bao Công hỏi:

- Vương Hưng hiện đang ở đâu?

Bùi Khổng Mục đáp:

- Bẩm anh ta đang về nhà lấy tờ giấy ấy.

Bao Công liền sai người đi bắt Vương Hưng đến hỏi.

Lại nói Vương Hưng về đến nhà, mở rương quần áo của vợ lấy tờ giấy đó đem ra coi thì ôi thôi, chỉ còn là tờ giấy trắng, chẳng còn một nét chữ nào. Anh ta không dám lên huyện nữa, nỗi lòng khó ngổ, tránh mặt ở nhà. Công sai của quan huyện tới nhà, quan mới phủ mới, việc gấp như lửa, làm sao thoát thác được? Vương Hưng đành mang theo tờ giấy trắng theo công sai vào huyện, đến thẳng đằng sau công đường. Bao Công cho tả hữu lui hết ra ngoài, chỉ để lại một mình Khổng mục họ Bùi. Bao Công hỏi Vương Hưng:

- Bùi mục có nói nhà người nhận được một tờ giấy ở miếu Đông Nhạc, hãy trình lên cho xem.

Vương Hưng khấu đầu lia lịa thưa:

- Vợ con năm ngoái có đến miếu Đông Nhạc dâng hương. Khi tới trước Ty cấp báo thì vị thần ở đấy hiện ra đưa cho nhà con một mảnh giấy. Trên giấy có viết một số câu, trong đó có hai câu mà đại nhân đã viết lên thẻ bài. Chúng con cất tờ giấy đó trong rương quần áo nhưng vừa nãy lấy ra xem thì lại là một tờ giấy trắng. Nay tờ giấy trắng đó còn đây, con không dám nói dối.

Bao Công lấy tờ giấy lên xem rồi hỏi:

- Những câu viết trên giấy người còn nhớ được không?

Vương Hưng đáp:

- Con còn nhớ rõ ạ.

Tức thì đọc lên cho Bao Công nghe. Bao Công viết ra trên giấy ngẫm nghĩ một lát rồi gọi:

- Vương Hưng, ta hỏi ngươi, vị thần đưa mảnh giấy này cho vợ ngươi rồi có dặn câu gì nữa không?

- Dạ, vị thần đó chỉ dặn trình bày nỗi oan giúp ông ấy thôi ạ. Vương Hưng đáp.

- Nói láo! Đã là thần thì có nỗi oan nào không giải bày được, sao vợ ngươi lại phải giải bày giùm? Sao ông ấy lại phải nhờ đến ngươi? Những điều vợ vẫn như thế, ngươi định lừa ai? - Bao Công giận dữ quát lên.

Vương Hưng vội vàng khấn đầu thưa:

- Bẩm đại nhân, có duyên có đấy ạ.

- Được, ngươi cứ kể thật kỹ. Kể mà có lý ta sẽ thưởng, nếu kể toàn là điều vô lý thì hôm nay ngươi là người mở hàng cho hèo gậy của ta đó. - Bao Công nói.

Vương Hưng thưa :

- Thưa đại nhân, nhà con nguyên là người hầu cho áp ty Tôn Lớn của bản huyện, tên gọi là Nghênh Nhi. Vì ông thầy bói đoán áp ty Tôn Lớn sẽ chết vào lúc canh ba lẻ ba ngày ấy tháng ấy năm ấy, quả nhiên đúng ngày giờ thì chết nên bà chủ con theo về với ông áp ty Tôn Bé hiện nay rồi gả Nghênh Nhi cho con làm vợ. Vợ con khi trước có nhìn thấy ông áp ty chủ cũ hiện thân ở dưới bếp nhà họ, trên cổ tròng dây kéo nước giếng; lưỡi lè ra, mắt ứa máu gọi: "Nghênh Nhi, con hãy giải bày nỗi oan cho ta!". Lần thứ hai, vợ con đến cổng nhà họ Tôn lúc đã khuya lại gặp ông áp ty chủ cũ đội khăn phốc đầu bỏ mũ, mặc áo bào đỏ thắt đai, cho vợ con một gói bạc vụn. Lần thứ ba, phán quan Ty tốc báo ở miếu Đông Nhạc hiện thân đưa cho vợ con tờ giấy này, lại dặn trình bày giùm nỗi oan cho ông. Hình dáng ông phán quan ấy đúng là áp ty Tôn Lớn, ông chủ của vợ con hồi trước.

Bao Công nghe xong cười khà khà:

- Thì ra là như thế!

Tức thì sai tả hữu đi bắt hai vợ chồng áp ty Tôn Bé đến.

Bao Công quát:

- Các ngươi làm chuyện gớm thật!

Áp ty Tôn Bé nói:

- Tiểu nhân có làm chuyện gì đâu ạ?

Bao Công liền giải thích lời lẽ trong mảnh giấy của Ty tốc báo:

- "Con gái lớn, con gái bé." Con của con gái là ngoại tôn, tức cháu ngoại, cũng có nghĩa là ngoại lang họ Tôn, rõ ràng chỉ áp ty Tôn Lớn và áp ty Tôn Bé. "Người trước cày người sau được ăn" là nói nhà người được hưởng không vợ anh ta và sản nghiệp của anh ta. "Muốn biết việc canh ba, gặt lửa mà xuống nước" là áp ty Tôn Lớn chết vào khoảng canh ba, muốn biết nguyên nhân cái chết thì "gặt lửa mà xuống nước". Nghênh Nhi thấy ông chủ hiện thân ở bếp, lưỡi thè lè, mắt ứa máu, ấy là hình trạng bị thắt cổ chết. Trên cổ tròng dây giếng, giếng là nước, bếp là lửa, nước ở dưới lửa, thế thì bếp nhà người ắt xây trên miệng giếng, còn xác người chết ắt ở dưới giếng. "Tháng hai ba năm sao chính là hôm nay, "câu dĩ ắt giải được", thì hai chữ *câu* và *dĩ* ghép lại thành chữ Bao, ý nói hôm nay ta đến đây làm quan sẽ giải được lời báo, rửa oan cho áp ty Tôn Lớn.

Phán xong, Bao Công gọi tả hữu:

- Hãy cùng Vương Hưng giải Tôn Bé tới bếp nhà hăn. Bất kể thế nào cũng phải lấy được cái xác bị thắt cổ rồi về đây trình ta.

Mọi người nửa tin nửa ngờ đến nhà họ Tôn dỡ bếp ra. Dưới nền bếp là một phiến đá, lật phiến đá lên là miệng giếng. Người công sai cho gọi thợ đầu đến tát cạn nước giếng. Dòng dây thả sọt cho người xuống vớt, vớt lên được một xác người. Ai nấy xúm vào xem, thấy nét mặt xác chết vẫn không nát, có người nhận được là áp ty Tôn Lớn. Trên cổ quả có dây thắt cổ. Áp ty Tôn Bé sợ quá, mặt như chàm đỏ, không dám mở miệng. Ai nấy cũng kinh hãi.

Thì ra áp ty Tôn Bé vốn là người bị chết cồng trong ngày tuyết lớn. Lúc ấy áp ty Tôn Lớn thấy có người ngã vì bị cồng mà lại là một thanh niên điển trai liền cứu cho sống lại, rồi dạy cho học viết công văn giấy tờ. Nào ngờ vợ áp ty có tình ý với anh ta. Hôm áp ty Tôn Lớn xem bói xong về nhà, vừa lúc đó áp ty Tôn Bé cũng đang lén lút ở nhà ông ta. Thấy nói áp ty Tôn Lớn ắt chết vào khoảng canh ba, nhân dịp này chúng chuốc rượu cho say mềm rồi ngay đêm ấy thắt cổ cho áp ty Tôn Lớn chết, xong ném xuống giếng. Áp ty Tôn Bé che mặt chạy ra khỏi nhà, vác một viên đá to ném xuống

sông huyện Phụng Phù cho vang lên tiếng ùm. Lúc ấy ai cũng tưởng áp ty Tôn Lớn nhảy xuống sông chết. Sau đó chúng xây bếp đè lên miệng giếng, rồi mỗi lái thành vợ chồng.

Công sai theo lệnh trở về bẩm với Bao Công. Hai vợ chồng Tôn Bé không khảo mà xưng, cả hai đều bị khép vào tội chết, đền mạng cho áp ty Tôn Lớn. Giữ chữ tín đối với người dân bình thường, Bao Công thưởng mười lạng bạc cho Vương Hưng. Vương Hưng biếu lại Khổng Mục họ Bùi ba lạng, không còn chuyện gì nữa.

Vừa mới đến nhận chức, Bao Công đã tra xét ra vụ án này do đó mà tên lừng thiên hạ. Ngày nay người ta vẫn còn nói Bao Công ban ngày xử việc người, ban đêm xử việc ma. Có thơ làm chứng:

Án đố trong thơ ai giải được.

Bao Công xử án quỷ thần kinh.

Tối tăm làm bậy này bao kẻ,

Đừng ngờ trời cao xét chẳng tình...

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 24

Quan Huyện Địch Ngâm Lý Xét Tình,
Thấy Rắn Độc Thả Người Vô Tội

Hôm ấy, trước công đường của quan huyện họ Địch, tiếng khóc như ri, một toán đàn ông đàn bà túm lấy một thanh niên chừng hai lăm, hai sáu tuổi, kêu oan suốt từ ngoài cửa vào tới bên trong, đi theo phía sau là một người đàn bà chừng bốn năm chục tuổi, khóc lóc càng thảm thiết hơn. Trông thấy Địch công đang ngồi trên công đường, cả bọn quì xuống trước án, ai nấy vừa khóc vừa kể làm Địch công không hiểu ra sao. Ông bảo viên lại trực nhật:

- Người hỏi đám người kia xem họ đến đây vì việc gì? Không cho nhiều người cùng nói, chỉ gọi một mình nguyên cáo lên hỏi, còn những người khác tạm thời cho lui để nghe cho được rõ ràng.

Viên lại trực nhật vâng lệnh, đẩy đám người kia ra khỏi công đường rồi nói lại ý Địch công cho họ nghe. Có hai nguyên cáo theo viên lại này lên công đường. Địch công nhìn xuống, thấy một người là phụ nữ đã đứng tuổi, còn người kia là ông già tóc bạc. Hai người bước tới trước án thì quì xuống, người bên phải, người bên trái. Địch công hỏi:

- Hai người tên họ là gì? Có oan ức gì hay chỉ đến thưa xằng?

Người đàn bà đứng tuổi nói trước:

- Tiểu phu nhân họ Lý, cha đẻ họ Vương, chồng là Tại Công, học trò bản huyện. Vì chồng chết sớm nên tiểu phu nhân ở vậy rau cháo nuôi một con gái duy nhất là Lê Cô, năm nay mười chín tuổi. Năm ngoái, ông Sử Thanh Lai người cùng huyện làm mối cho cháu làm vợ cậu Hoa Văn Tuấn, con trai vị cử nhân bản địa Hoa Quốc Tường. Hôm trước nhà trai chọn ngày lành đưa xe hoa đến đón dâu, chưa được ba ngày thì hôm qua cháu đã chết đột ngột. Tiểu phu nhân được tin khác nào được tin trời sập, vội vàng chạy tới xem sao. Nào ngờ thấy con gái cả người sưng mọng bầm tím, mắt mũi

miệng tai đều ứa máu.

Mắt thấy con gái chết có điều ám muội, hẳn là nhà trai mưu hại đó thôi. Đáng thương cho Tiểu phu nhân có một con gái, chỉ mong con rể trông nom cho êm ấm. Nay chuyện ra như thế, đành khổ sở kêu van quan trên soi xét, làm sáng tỏ cho.

Nói xong, người đàn bà cất tiếng khóc lóc, lăn lộn trên đất. Địch công vội vàng sai người đàn bà đi theo đỡ dậy.

Địch công quay sang hỏi ông già:

- Ông là Hoa Quốc Tường phải không?

Ông già đáp:

- Thưa vâng.

Địch công nói:

- Chồng đẹp vợ xinh vốn là việc vui của đời người, làm sao con dâu mới cưới được ba ngày mà ông đã mưu hại? Hoặc là bố mẹ chồng ngược đãi nàng dâu, hoặc là gia giáo nhà ông không nghiêm, để cho con trai gây nên chuyện phi pháp đó? Ông cứ thực khai ra, bản huyện sẽ tới hiện trường khám nghiệm.

Địch công chưa nói xong mà Hoa Quốc Tường đã đầm đìa nước mắt, thưa:

- Cử nhân là con nhà thi lễ, đâu dám ngược đãi con dâu. Con trai tôi là Văn Tuấn tuy chưa chiếm được công danh nhưng cũng là học trò ứng thí. Hơn nữa cháu đang vui đêm tân hôn, vợ chồng hòa thuận, đâu nỡ hạ độc thủ như vậy? Chỉ có điều nhân ngày vui hôm trước buổi tối sau khi vợ chồng cháu vái chào nhau xong, lúc ấy khách khứa đầy nhà, rất nhiều bạn bè trẻ tuổi của cháu muốn quấy đảo phòng tân hôn. Cử nhân tôi thấy đó là chuyện vui đùa của bọn trẻ nên không tiện ngăn cản. Nào ngờ trong số đó có tên Hồ Tác Tân cũng là học trò bản huyện, vốn là bạn đồng song với con trai tôi, thường ngày hẳn là người thích đùa bỡn nhất. Khi ấy hẳn thấy con dâu tôi có mấy phần nhan sắc, hẳn là sinh lòng dố kỵ nên bình phẩm từ đầu tới chân không chịu thôi. Cử nhân tôi thấy đêm khuya sắp sang canh, e lỡ mất giờ tốt của hai cháu bèn mời bọn trẻ lên thư phòng uống rượu. Chẳng ngờ bọn đó đồng thanh đòi vào tân phòng đùa bỡn. Sau đó có người dàn hòa, bắt cô dâu phải uống ba chung rượu để tỏ ý xin tha. Bọn trẻ đều đồng ý, chỉ riêng

tên Hồ Tác Tân nhất định không chịu. Sau đó cử nhân tôi nói nặng lời mấy câu, hăn xấu hổ bèn giở mặt, giận dữ nói: "Xưa nay không ai cấm đoán bạn bè náo loạn tân phòng cho vui, ông già rồi mà sao không hiểu điều đó. Trong ba ngày nữa, tôi sẽ cho ông biết thế nào là lợi hại!". Bấy giờ cử nhân tôi cũng nghĩ là hăn nói đùa, ngày hôm sau lại mời hăn đến uống rượu. Ai ngờ hăn tâm địa hẹp hòi, để bụng hận thù, không biết làm thế nào bỏ được thuốc độc vào ấm trà trong phòng tân hôn. Tối hôm qua cháu Văn Tuấn may mà chưa uống trà nên mới thoát chết. Con dâu tôi không biết uống trà lúc nào nên đã uống phải thuốc độc. Chưa được ba canh giờ, cháu đau bụng dữ dội, khiến cả nhà lúc ấy đầu trở dậy thăm nom rồi vội vàng mời thầy thuốc đến cứu. Vào khoảng canh tư thì tính mệnh cháu đã ôi thôi! Đáng thương cho cháu, một người đẹp như hoa tựa ngọc thế mà bị tên Hồ Tác Tân bỏ thuốc độc cho chết. Cử nhân tôi là người trong hàng thân sĩ mà gặp phải tai họa này, cúi xin quan lớn tra xét giúp cho.

Nói xong, ông già cũng khóc rống lên.

Địch công nghe hai người khai xong, hỏi:

- Cứ theo như lời hai người thì vụ án mạng này rõ ràng do tên Hồ Tác Tân gây ra, nhưng không biết tên này đã bỏ trốn hay chưa?

Hoa Quốc Tường nói:

- Hiện chúng tôi đã tóm hăn đến đây, đang chờ ở ngoài cổng.

Địch công lập tức cho điệu Hồ Tác Tân vào xét hỏi. Lệnh vừa truyền ra thì từ ngoài cũng đã có một người đàn bà cũng trạc bốn năm chục tuổi dắt một anh con trai, luôn miệng gào khóc, đi vào tới trước án thì quì xuống. Địch công quát hỏi:

- Người có phải là Hồ Tác Tân không?

Chàng trai trẻ quì bên dưới đáp:

- Học trò chính là Hồ Tác Tân.

Địch công lại quát:

- Khen cho người còn dám tự xưng là học trò! Người đã là học trò sao còn chưa biết lễ của Chu Công? Những việc hiếu hỷ, con gái gả chồng, con trai đến tuổi đội mũ đều có lễ nghi nhất định, người sao dám hành động vượt thân phận mình, vô lễ đến náo loạn tân phòng. Hoa Văn Tuấn lại là bạn

đồng song với người, vợ chồng là nhân luân lớn của con người, sao người dám thấy vợ người xinh đẹp thì tức, tức rồi sinh ghen ghét, ngấm ngấm làm hại? Mạng người liên quan đến trời, xem ra việc người làm phụ lòng trời rồi. Hôm nay hai người kia đến đây tố cáo, bản huyện xét việc sáng suốt như thần, người hôm ấy vì sao manh tâm, bỏ thuốc độc như thế nào, hãy mau mau khai ra, may chi bản huyện có thể lượng tình, giảm nhẹ khi luận tội. Nếu người tự cho là tú tài, cậy mình có bùa hộ mệnh, không ai được khảo đả hỏi tra thì người tự chuốc lấy khổ sở đó! Bản huyện cũng xuất thân từ khoa cử, mười năm đèn sách bên song lạnh, làm được tới huyện lệnh nơi này thì dù những đứa bất hiếu, tham lam gặp phải vụ trọng án này, ta tuy có quốc pháp song cũng có tình người, không cho ai có quyền bênh che. Và chẳng bản huyện đã nói là pháp luật làm theo liền.

Chỉ thấy Hồ Tác Tân đầm đìa nước mắt, bò rạp trên đất, thưa:

- Xin quan lớn dẹp bớt lời đình để nghe học trò thưa kỹ. Việc quấy đảo tân phòng hôm ấy tuy học trò có đùa cợt thật, nhưng chẳng qua cũng chỉ là tuổi trẻ hăng máu, đùa bỡn theo mọi người mà thôi. Lúc ấy, khách khứa bè bạn trong nhà họ Hoa có tới ít nhất cũng ba bốn chục người. Học trò thấy ông Hoa Quốc Tường không xin người khác miễn cho, lại chỉ ngăn cản một mình học trò. Học trò sợ lúc ấy mình nhận lời với ông già ắt làm mọi người mất hứng cho nên không nhận lời ông. Ngờ đâu ông bỗng nhiên giở mặt mắng học trò. Học trò đứng trước mặt ông mà bị ông mắng ngay giữa mặt, không còn nề tình chút nào, vì vậy vô tình nói một câu đùa bỡn như vậy, cho ông cụ phòng bị trong ba ngày, chẳng qua cũng chỉ mượn thế cho qua chuyện mà thôi. Và chẳng hôm sau ông cụ Hoa lại mời học trò tới uống rượu, dù có hiềm khích thì như vậy cũng đã giảng hòa rồi, sao học trò còn dám làm điều phi pháp, bỏ thuốc độc hại mạng người nữa? Học trò đứng trong hàng kẻ sĩ, há lại không biết phép nước rõ ràng, lười thưa nhưng không bỏ sót? Huống hồ trong nhà học trò còn có mẹ già, vợ trẻ, con thơ, đều nhờ học trò dạy học sống qua ngày, sao nỡ để chuyện phi pháp đó làm lụy đến cả nhà? Nếu bảo học trò có lòng ghen ghét thì ghen ghét can gì đến vợ nhà người? Cho dù ghen ghét thì mưu chiếm vợ người mới phải. Kẻ phi pháp đã có kế gian, nhất định không khi nào lại bỏ thuốc độc cho người ta

chết. Còn như quan lớn bảo học trò không được đùa bỡn vượt lễ phạm qui thì học trò xin chịu trách mắng; nếu bảo học trò mưu hại chết người thì học trò thực là oan uổng, cúi xin quan lớn xét cho.

Người trai trẻ nói xong, người đàn bà đứng tuổi quì bên ngưỡng đầu kêu oan, khóc mãi không nín.

Địch công hỏi ra mới biết người đó là mẹ của Hồ Tác Tân, góa chồng từ hồi con còn bé, ở vậy nuôi con khôn lớn. Vì con nói đùa mà phải vạ, bà sợ con vào công đường bị khổ nên đi cùng con vào xin Địch công xem xét. Địch công nghe xong lời khai của ba người, trong lòng hồ nghi không quyết định được, thầm nghĩ: "Hai nhà họ Hoa, họ Lý thấy con gái, con dâu đột tử, tất nhiên đều sốt ruột đến tố cáo là điều tất nhiên. Chỉ riêng việc Hồ Tác Tân dính líu vào, kêu rằng anh ta ghen ghét rồi mưu hại thì còn hồ nghi lắm. Chưa nói không có lý nào người quấy đảo tân phòng lại đi giết người, mà xét nhân phẩm của anh chàng này thì cái cách đùa bỡn phong lưu nho nhã ấy không thể của kẻ giết người được. Vả chăng lời anh ta vừa nói thật là chí tình chí lý, bởi vậy việc này ta không thể vội vàng tin ngay lời tố cáo được?".

Nghĩ một lát, Địch công bảo bà lấy chồng họ Lý:

- Con gái bà lấy chồng chưa được ba ngày đã chết đột ngột. Tuy chết không được rõ ràng nhưng theo lời Hoa Quốc Tường cung khai thì không phải do nhà ông ấy giết hại. Còn nếu Hồ Tác Tân náo tân phòng mà đến nỗi bỏ thuốc độc hại người thì việc này lấy ai làm bằng? Bản huyện không thể nghe theo lời một bên nào mà cho là sự thực được. Các người hãy tạm lui về; cần khai thêm thì chuẩn bị sẵn, ngày mai ta sẽ tới nơi khám nghiệm, lúc ấy mới có thể xét đúng sai. Hồ Tác Tân không được gây chuyện, bị chỉ là kẻ đầu sỏ, giao về cho nhà học của huyện trông coi, ngày mai nghiệm xác xong sẽ hỏi đến.

Lý thị vốn là con nhà thế gia, hiểu phép tắc nơi cửa công là sau khi khám nghiệm xong mới đổi chất, nên cùng lui ra theo Hoa Quốc Tường, lên kiệu về nhà, đợi tin khám nghiệm ngày hôm sau. Chỉ riêng người mẹ của Hồ Tác Tân thấy con bị giao cho nhà học của huyện trông giữ, bất giác trong lòng chua xót, khóc rống lên. Nhưng quan huyện đã ra lệnh như thế còn

biết làm sao, bà đành đứng nhìn con đi khuất rồi mới về nhà, chuẩn bị hôm sau trình bày khi quan gọi đến.

Lại nói Hoa Quốc Tường về đến nhà biết rằng khi nào khám nghiệm thì người xem chen vào rất đông, đành bảo người nhà chuyển đồ đạc trên sảnh cùng nhà trước nhà sau cho quang quẻ. Đằng trước đằng sau phòng tân hôn đều dựng mái che, tuy biết đồ đạc trong phòng tất bị làm hư hỏng, song đây là vụ trọng án, ông không thể làm khác được. May mà ông còn là người trong khoa bảng, bọn sai dịch địa phương không dám sách nhiễu lắm. Cả nhà họ Hoa bận rộn suốt đêm, chỉ riêng Hoa Văn Tuấn thấy người vợ xinh đẹp mới ân ái có hai đêm đã đột ngột chết uống thì khóc thương đến mức chết đi sống lại.

Còn bà Lý thương xót con gái cũng đến nhà họ Hoa khóc ròng. Tai họa này thật khiến cho quỷ thần cũng chẳng được yên.

Ngày hôm sau, chức dịch địa phương cùng viên lại trực nhật đến trước bố trí, kê bàn xét xử trên sảnh rồi cho mở tất cả cửa lớn cửa bé để tiện nghiệm xác ở sân trước, tiện việc đối chất với lời khai. Tất cả những đồ dùng cần đến đều được chuẩn bị đầy đủ. Lúc ấy Hoa Quốc Tường lại nhờ một người bà con tin cậy chuẩn bị sẵn một cỗ quan tài cùng quần áo vải vóc, đồ trang sức để sau khi khám nghiệm thì nhận xác về đem chôn.

Chuẩn bị xong, đã đến gần trưa. Nghe thanh la ngoài cổng gõ vang, biết Địch công tới nơi khám nghiệm, Hoa Quốc Tường vội vàng chỉnh lại mũ áo cùng con trai ra cổng nghênh đón. Bà Lý đang khóc lóc vội lui vào phía sau. Địch công xuống kiệu trước nhà, bước lên trên sảnh. Quốc Tường mời quan huyện ngồi vào bàn, gia nhân dâng trà, Văn Tuấn bước tới lạy chào xong xuôi. Địch công thấy đó là con trai Hoa Quốc Tường thì nhìn ngẫm một thôi, thấy chàng trai này cùng là thư sinh học hành nho nhã, trong lòng càng không biết phán quyết ra sao, đành hỏi chàng trai:

- Vợ người về nhà chồng mới được ba ngày, tối hôm kia lúc nào người về phòng tân hôn? Lúc vào phòng người thấy vợ người thế nào? Sau đó làm sao biết trong ấm trà có thuốc độc, vợ người uống lầm mà bỏ mạng?

Văn Tuấn thưa:

- Nhân ngày vui, họ hàng thân thích đến chúc mừng, nên học trò vâng lệnh

cha mẹ tới các nhà cảm ơn. Khi trở về người đã mệt mỏi, gặp lúc khách khứa lại tới nhà, học trò đành vâng lệnh đón tiếp chu đáo, lúc khách ra về đã là canh hai. Học trò lập tức tới thăm hỏi mẹ cha rồi mới về phòng. Lúc này vợ học trò đang ngồi bên mép giường, thấy học trò về liền sai cô phù dâu rót hai chén trà đặc để hai vợ chồng cùng uống. Vì học trò sau khi nhìn xong đã uống trà ở thư Phòng và trong buồng cha mẹ rồi nên không uống nữa. Vợ học trò uống chén trà đó rồi vào giường đi ngủ. Tới canh ba, học trò đang ngủ say thì loáng thoáng nghe tiếng vợ kêu đau, học trò tưởng cô ấy bị lạnh mà đau bụng, nào ngờ càng ngày càng đau, kêu la không dứt. Đang tính sai người đi mời thầy thuốc thì đến canh tư, vợ học trò đã qua đời. Sau đó truy hỏi nguyên do mới biết cô ấy đau bụng là vì uống chén trà kia. Học trò tới xem ấm trà thì nước trà đã thành màu đen thẫm, há lại không do trúng độc hay sao?

Địch công nói:

- Nói như thế thì hôm kia lúc đến phá quấy, Hồ Tác Tân có vào phòng tân hôn hay không?

Văn Tuấn thưa:

- Học trò đi ra khỏi nhà đến tạ ơn khách từ trước trưa nên không được rõ.

Hoa Quốc Tường lập tức nói:

- Trước trưa, anh ta cùng mọi người có vào phòng tân hôn.

Địch công hỏi:

- Trước trưa có vào phòng tân hôn, vậy ấm trà ấy đặt ở chỗ nào? Sau trưa, con dâu ông có uống trà không? Người pha trà là ai?

Hoa Quốc Tường bị Địch công hỏi liên mấy câu, không trả lời được cuống quýt giậm chân khóc rằng:

- Nếu cử nhân này sớm biết có tai họa ấy thì khi đó đã chú ý lưu tâm đến mọi việc rồi. Vả chăng con dâu mới cưới, những việc lật vật ấy cũng không tiện hỏi đến nên không được biết rõ ràng. Chỉ biết rằng tên Hồ Tác Tân kia vốn hay đùa bỡn, trước hôm cưới đã lúc vào lúc ra. Hắn để bụng hại người bằng thuốc độc thì tất nhiên không để cho ai trông thấy. Huống hồ đến canh hai, hắn mới cùng mọi người ra về, không chừng sau nửa đêm lén bỏ thuốc độc ngay trước đèn cũng nên. Việc này xin nhờ quan lớn khảo tra hắn, tự

nhiên hẳn phải khai nhận ngay.

Địch công phán:

- Việc này không phải trò trẻ, trọng án liên quan đến mạng người sao có thể chỉ tin chắc ý kiến một bên mà không nghi ngờ gì? Cho dù xưa nay Hồ Tác Tân có hay đùa bỡn, nhưng hai ngày nay các cô phù dâu đều ở trong phòng, hẳn dám hạ thủ được sao? Việc này e rằng có cơn có khác, nay hãy gọi phù dâu ra cho bản huyện hỏi xem sao.

Hoa Quốc Tường thấy quan huyện biện bác hộ cho Hồ Tác Tân thì ngờ quan có ý bao che cho hắn, bất giác cuống lên nói:

- Quan lớn là cha mẹ dân, làm quan ăn lộc lẽ ra phải minh oan cho dân, lẽ nào cử nhân tôi rắc tâm vụ hại cho Hồ Tác Tân? Nếu quan lớn nói hắn không chắc đã bỏ thuốc độc hại người rồi cứ thế mà hàm hồ cho xong việc hay sao? Cử nhân tôi đang ở trong hàng thân sĩ, xảy ra án này mà quan lớn còn dềnh dàng như thế, nếu là dân thường há chẳng để cho oan chìm đáy biển hay sao? Nếu đúng như thế thì thường ngày quan cũng chỉ có hư danh mà thôi!

Địch công thấy ông ta nói bừa bãi, song hiện đang là khổ chủ nên không tiện nổi giận, chỉ đành bảo:

- Bản huyện không phải không muốn xử vụ này. Lúc này đang tra hỏi cũng chính là muốn minh oan cho con dâu ông đấy thôi. Nếu chỉ nghe lời ông, đưa Hồ Tác Tân ra khảo đả, thế nếu anh ta cũng oan thì ai là người minh oan cho anh ta? Phàm việc gì cũng phải xét rõ, vả chăng lúc này còn chưa khám nghiệm, cố sao ông nóng vội như vậy? Bản huyện phải hỏi người đưa dâu mới được .

Địch công liền sai nha dịch vào trong nhà giải lên. Hoa Quốc Tường bị quan nói cho như thế, đành vâng theo lời quan dạy.

Chỉ trong nháy mắt, người đưa dâu đã tới quì dưới đất.

Địch công hỏi:

- Người là người đưa dâu chăng? Hay là người hầu của nhà họ Lý đi theo sang đây? Hay là người hầu của nhà bên này? Mấy ngày nay trong phòng tân hôn, người ra người vào nhiều, sao người không cẩn thận trông nom?

Người này thấy Địch công nói năng dữ dằn thì sợ run lên, cúi đầu thưa

rằng:

- Nô tì họ Cao, họ con gái là Trần, từ nhỏ chịu ơn của Lý phu nhân, nuôi dưỡng trong nhà làm người hầu. Sau lại đội ơn bà cho lấy chồng họ Cao tên Khởi, vợ chồng đều cùng làm người hầu của nhà họ Lý. Gần đây vì vợ chồng Lý lão gia nối nhau qua đời, Lý phu nhân gả chồng cho tiểu thư, thấy nô tì là người hầu cũ nên cho đi theo bầu bạn, không ngờ đêm hôm kia xảy ra cái vạ đó. Tiểu thư con chết không rõ ràng, cúi xin quan lớn tra hỏi Hồ Tác Tân cho rõ.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 24 (B)

Thoạt đầu Địch công ngờ là người đưa dâu gây nên chuyện vì bà này là người hầu ở ngay bên cạnh cô dâu, lại ngờ Hoa Quốc Tường tham giàu ghét nghèo, muốn mưu toan chuyện khác nên sai người hầu này ám hại, vì vậy Địch công cố ý đem người hầu này ra tra hỏi. Lúc này nghe người hầu khai ra, biết là người hầu cũ của nhà họ Lý, cô dâu do bà này bế ẵm từ nhỏ, không lẽ nào đột nhiên nảy ra ý độc hại được. Quan huyện không biết tính sao, đành hỏi thêm:

- Nhà người đã do bên họ Lý cho theo sang, mấy ngày qua lấy nước pha trà đều do một tay người làm, vậy ấm trà buổi tối hôm đó nhà người pha từ lúc nào?

Bà Cao đáp:

- Buổi chiều con pha một lần, sau khi lên đèn lại pha lần nữa. Nước trà cô con uống ban đêm là trà pha lần thứ hai.

Địch công lại hỏi:

- Sau khi pha trà, người có rời phòng không? Lúc ấy trong thư phòng đã bày tiệc rượu hay chưa?

Bà Cao đáp:

- Đến bữa ăn tối, nô tì có ra khỏi phòng một lần, ngoài ra không rời phòng lần nào. Lúc ấy trong thư phòng đang có tiệc rượu thiếu gia nhà cô con cùng Hồ thiếu gia đều uống rượu ở đấy, nhưng Hồ thiếu gia tối ấy quả thực tức giận bỏ về và nói những lời cay độc. Thuốc độc này hẳn là do cậu ấy bỏ vào trà.

Địch công nói:

- Cứ như người nói thì chẳng qua mới chỉ là hiềm nghi. Ta lại hỏi người, ấm trà pha buổi chiều đã có ai uống chưa?

Bà Cao nghĩ hồi lâu cũng không nhớ được có ai đã uống. Địch công nghe lời khai của bà Cao lại càng không biết phán quyết ra sao, đành quay sang

bảo Hoa Quốc Tường:

- Lời của ông và mấy người khai vừa rồi đều là tự mình giữ riêng ý mình. Trà buổi chiều mới pha, lúc ấy Hồ Tác Tân đang uống rượu trong thư phòng; ngoài một lần sau bữa ăn tối, người bầu bạn với cô dâu không ra khỏi phòng, cô dâu không thể tự mình lại bỏ thuốc độc vào trà. Ta đã cho hỏi người hầu ấy xem buổi chiều có ai vào phòng cô dâu không nhưng người ấy không nhớ rõ. Vụ án như vậy làm sao có thể ước đoán được? Thôi hãy đợi bản huyện nghiệm xác xong đã rồi sẽ phán xét sau.

Nói rồi Địch công đứng lên bước vào bên trong. Lúc này bà họ Lý cùng già trẻ lớn bé nhà họ Hoa khóc âm ỉ đến điếc cả tai, kể kể cô dâu xinh đẹp đến thế mà bỗng chết thảm đến thế.

Địch công vào đến sân nhà trên, trước hết cho đàn bà tránh ra hết, rồi ông đi xem xét quanh một lượt, sau đó cùng Hoa Quốc Tường bước vào bên trong. Trong phòng, rương hòm và vật dùng đều đã chuyển đi hết, chỉ riêng để lại ấm trà, chiếc ghế tre sơn đỏ đặt trên bàn ghép bằng bốn mảnh sơn dầu, khá nhiều người hầu gái đứng cạnh trước giường. Địch công hỏi:

- Ấm trà này vốn đặt trên bàn phải không? Các người đem bát ra đây để bản huyện thử xem sao.

Vừa dứt lời, sai dịch đã đưa chén trà tới, Địch công tự cầm lấy rót một chén nước trà trong ấm ra, quả nhiên thấy màu trà khác lạ với trà thông thường, nước tím đen tựa như nước mật, lại thoang thoảng mùi tanh. Xem xét một lát, bảo người cho gọi chó đến, lại bảo trộn một ít thức ăn với nước trà rồi Địch công cho đổ xuống đất. Con chó đến ngày tận số, cúi đầu hít ngửi vài cái là cắn đầu ăn. Chỉ khoảnh khắc sau, con chó hực cắn loạn lên chừng ăn một bữa cơm rồi lăn cổ ra chết. Địch công lấy làm lạ, vội bảo sai dịch niêm phong ấm trà tránh cho người khác uống lầm phải. Sau đó ông tới bên giường xem quanh một lượt, thấy người chết miệng vẫn còn rỉ máu, cả người xám xanh sừng mọng, biết chắc là uống phải thuốc độc rồi. Ông quay trở ra sân, sai người đưa bà Lý đến rồi nói với Hoa Quốc Tường:

- Cô gái này trúng độc mà chết, không còn nghi ngờ gì nữa, nhưng hai nhà cả bên trai cũng như bên gái đều là dòng dõi thư hương, xảy ra việc này cũng đủ bất hạnh lắm rồi. Nay ông đã có đơn kêu bản huyện cứu xét, lẽ nào

ta lại không đến nghiệm xác? Có điều, người chết bỏ mạng vì thuốc độc là điều không ngờ tới, nay nếu lật thầy khám nghiệm thì người sống và người chết đều không được yên. Người chết càng thấy oan khuất mà người sống cũng mất thể diện. Bản huyện thấy rằng chi bằng định án là chết vì chất độc, sau này tra ra được thủ phạm, ắt lấy lời khai của nó làm bằng, đỡ phải lật xác khám nghiệm. Đây vốn là ý thương xót của ta, ta cho mời riêng hai nhà đến để nói rõ nguyên do. Nếu hai nhà không nỡ để cho người chết phải khổ thì thôi không phải nghiệm xác nữa, kéo sau này lại hối là không nghe theo.

Hoa Quốc Tường chưa kịp có lời thì bà Lý đã kêu khóc:

- Bẩm quan lớn, nhà chúng tôi chỉ có một đứa con gái này, vì cháu chết không được rõ ràng nên mới phải cứ sự thực mà kêu lên. Nay quan lớn đã định án như thế để tránh cho cháu chết rồi mà còn chịu khổ thì đàn bà chúng tôi tình nguyện xin miễn khám nghiệm.

Thấy nhạc mẫu nói thế, Hoa Văn Tuấn cũng vì vợ chồng nghĩa nặng, không muốn xác vợ bị người khác đụng chạm đến nên cũng nói với cha:

- Cha hãy cho phép làm như thế đi, con thấy vợ con chết thảm quá, may được quan lớn cho hoàn tất, định án là trúng độc, cha cũng nên nghe theo lời quan để còn nhận về liệm chôn.

Hoa Quốc Tường thấy con trai và mẹ người chết đều nói như thế không thể đòi hỏi gì hơn nên đành im xuống, cùng bà Lý làm cam kết miễn nghiệm xác; sau đó nói với Địch công:

- Quan lớn có bảo cử nhân tôi nên miễn nghiệm xác. Tuy ý ngài là muốn thương xót, giữ thể diện cho, nhưng con dâu tôi bỏ mạng vì trúng độc thì việc này mọi người đã thấy cả rồi. Chỉ xin quan lớn thế nào cũng phải tra hỏi tên Hồ Tác Tân rồi theo lệ mà trừng trị. Nếu để hai nhà cam kết, nhận về khâm liệm rồi đây nấp áo quan đem chôn không thôi thì lúc đó quan lớn cũng chẳng hay ho gì.

Địch công gật đầu, nhận tờ cam kết, cho sai dịch lui hết ra khỏi nhà sau. Lòng ông thực rất phân vân, cảm thấy không tiện bỏ về ngay liền lên nhà trên ngồi, để ý xem khi mọi người đi ra có động tĩnh gì không.

Tất nhiên lúc ấy nhà trong nhà ngoài náo loạn cả lên. Đám người hầu và

bạn bè thân thích của gia chủ đều lo việc ở nhà trong, may mà quan tài và mọi thứ khác cần đến đều lo liệu đầy đủ từ hôm qua. Bà họ Lý và Hoa Văn Tuấn là hai người đau đớn nhất, lệ trào không dứt.

Đợi cho quan tài đặt xong xuôi, chỉ còn thay quần áo cho người chết nữa là khâm liệm, Địch công mới theo mọi người vào nhà trong. Chỉ thấy từng luồng hơi tanh từ phía giường người chết xộc lên tận óc, ông cũng không nhận ra đó là mùi gì thầm nghĩ: "Xưa nay ta từng xét nhiều vụ kỳ án, đã là do trúng độc gây ra thì trong ấm trà chẳng qua cũng mấy thứ phê sương, thạch tín, uống vào bụng thì thất khiếu ứa máu, lập tức mệnh vong, làm sao lại có mùi tanh tưởi đến thế? Xác cô gái tuy tím tái sừng mọng song da không nát, và ngực lại trướng mọng như trái dưa, hiển nhiên là do nguyên nhân khác. Không biết dưới gầm giường có loài vật gì độc hay không? Một mình Địch công cứ thầm suy nghĩ như vậy.

Bỗng nghe một người la lớn:

- Nguy rồi! Làm sao chết đã hai ngày mà bụng còn máy động được? Phải chăng muốn tác quái đây?

La rồi người ấy nhảy ngay khỏi giường, mặt cắt không còn hạt máu, bỏ chạy luôn. Người đứng xem thấy người kia la như thế đều lấy hết can đảm tới chỗ đó xem nhưng lại không thấy động đậy gì nữa, đến nỗi ai cũng bảo người kia trông gà hóa cuốc. Lúc ấy ai nấy vội vàng tay nắm tay mười mặc quần áo vào cho người chết. Thầy cúng gọi mang vào nhập quan, mọi người ùa nhau xuống khỏi giường, nâng xác lên đưa đi khâm liệm.

Đợi mọi người đi ra hết, Địch công mới tự tới bên giường cười, xem kỹ một lượt, lại nhìn kỹ dưới gầm giường thấy có rất nhiều máu nhỏ giọt, trong giọt máu có lẫn chút lông tơ đen dường như đang chuyển động.

Nhìn kỹ xong, Địch công ra khỏi nhà sau, lên sảnh trên ngòi, thầm nghĩ: "Vụ này nhất định không phải Hồ Tác Tân gây ra, trong đó ắt có chuyện quái dị gì đây. Hoa Quốc Tường tuy một mực khai cho cậu ta, không chịu buông tha, nếu ta không làm theo cách này thì ông ta không chịu nghe theo".

Chủ ý định xong, việc khâm liệm cũng hoàn tất, Địch công cho người mời Hoa Quốc Tường đến, bảo:

“Việc này dường như có điều gì đó rất đáng ngờ, bản huyện thông thể không tra cho ra. Hồ Tác Tân tuy là bị cáo, bà Cao là người bầu bạn với cô dâu, cả hai đều không thể đứng ngoài. Mong ông giao nộp cả bà ta để cùng tra hỏi cho được công bằng. Nếu chỉ một mực đòi hỏi Hồ Tác Tân cung khai không thôi, há lại chẳng bị người đời dị nghị ? Bản huyện không khi nào đối xử khắc bạc với bà giúp việc nhà ông đâu!

Nghe quan huyện nói như vậy, Hoa Quốc Tường thấy vụ án này ắt phải do quan phụ mẫu địa phương xét đoán, vì vậy đành gọi bà Cao ra cho quan thẩm vấn tại công đường. Địch công lập tức lên kiệu về huyện nha. Lúc này chỉ có mẹ Hồ Tác Tân là muôn phần cảm kích, biết Địch công có ý tốt, liền ngầm mua chuộc sai dịch đưa tin vào cho con trai được biết.

Lại nói Địch công về tới huyện nha song không thẳng đường thẩm vấn, chỉ truyền giao Cao thị cho đàn bà cai quản, ngoài ra không hỏi gì đến những việc khác của vụ án, mấy ngày liền đều như thế. Hoa Quốc Tường sốt ruột quá, oán con trai:

- Thăng súc sinh kia, việc này chỉ do mày làm lỡ. Mẹ vợ mày đồng ý miễn nghiêm xác vì bà ấy là đàn bà, không hiểu mối hại điều lợi của việc công. Xưa nay người làm quan chỉ muốn càng ít việc càng tốt, chỉ cốt sao bản thân đứng vững, còn oan khuất của người khác chẳng cần hỏi đến. Hôm kia hăn nhất định xin ta cho miễn nghiêm xác. Mày đã thấy viên quan chó chết ấy chưa? Đến hôm nay cũng chưa hỏi tra. Hăn cậy vào tờ cam kết của hai nhà chúng ta đó mà! Tuy trúng độc là sự thực còn tên Hồ Tác Tân bỏ thuốc độc thì chưa có chứng cứ hăn vin vào đó mà trì hoãn, có ý bênh che cho tên chó họ Hồ, há tất cả chẳng phải do mày làm lỡ hay sao? Hôm nay ta phải đến giục già xem hăn đối xử với ta ra sao? Nếu không thì tờ đơn gửi lên cấp trên là điều không tránh khỏi.

Dứt lời, Hoa Quốc Tường sai người mang mũ áo tới, đội mặc vào rồi đi thẳng đến huyện Xương Bình.

Địch công vì sao không thẩm vấn vụ án này cho xong đi? Bởi ông là vị quan tốt, không bao giờ chịu vu cáo cho người dân. Ông thấy vụ án này quyết không phải do Hồ Tác Tân gây ra, cũng không phải do bà Cao mưu hại. Tuy biết rõ như thế song lại nghĩ chưa ra nguyên do, thuốc độc từ lúc

nào được bỏ vào vì thế chưa tiện xử. Chiều hôm ấy, đang trao đổi với Mã Vinh rằng:

- Vụ án ở Lục Lý Đôn ngay từ đầu bản huyện đã biết là dễ. Chỉ cần bắt được tên họ Thiều là có thể kết thúc được rồi. Có điều khám nghiệm không ra thương tích của tên Tất Thuận, ta đã tự kiểm điểm rồi. Nào ngờ sóng này chưa lặng, sóng kia đã nổi, con dâu Hoa Quốc Tường lại mắc vào vụ nghi án. Nếu chỉ đổ dồn cho Hồ Tác Tân, ta không khỏi cảm thấy không ổn. Hôm trước, người ở nhà ấy đã từng thấy các tình tiết vụ án đều không thể đoán định được. Ta đòi Cao thị về đây cũng chẳng qua để ngăn Hoa Quốc Tường giục giã mà thôi. Các vụ án qua tay người cũng không ít, vậy hãy khá nghĩ giùm cho bản huyện, hỏi thăm xem xung quanh đây có người nghiệm xác nào giỏi thì tìm đến hỏi han, may chi có thêm manh mối.

Hai người đang trò chuyện như vậy thì có sai dịch vào báo:

- Hoa cử nhân hiện đang ở trên công đường, ông ta muốn gặp quan lớn để hỏi xem vụ án kia tiến hành đến đâu rồi.

Địch công nói:

- Bản huyện biết thế nào ông ta cũng đến giục mà! Người hãy ra mời ông ta vào. Gọi người đón tiếp chu đáo nhé!

Người ấy vâng lời đi ra. Lát sau, Hoa Quốc Tường đội mũ mặc áo chỉnh tề bước vào, Địch công đành mời vào thư phòng, chia ngôi chủ khách cùng ngồi. Hoa Quốc Tường cất lời nói trước:

- Hôm kia tôi có được quan lớn cho gọi người hầu tới hỏi tra, trong mấy ngày vừa qua, vụ án hãn đã tra xét xong. Rốt cuộc ai là kẻ bỏ thuốc độc, xin quan lớn cho biết, tôi cảm kích vô cùng.

Địch công đáp:

- Bản huyện suy nghĩ về vụ này đã lâu nhưng tạm thời vẫn chưa tìm ra nguyên do, cho nên chưa đưa người ra thẩm vấn. Nay tôn ông đến vừa đúng lúc. Xin hãy ngồi chơi để ban huyện thẩm vấn xem ra thế nào.

Dứt lời, ngoài công trường đã chuẩn bị xong, Địch công lập tức thay áo lên công đường thẩm vấn. Trước hết ông sai đưa Hồ Tác Tân lên hỏi. Công sai vâng dạ ra khỏi công đường điệu Hồ Tác Tân tới.

Hồ Tác Tân quì trước án, Địch công nói:

- Bản huyện đã tới hiện trường nghiệm xác vợ Hoa Văn Tuấn, rõ ràng là trúng độc mà thiệt mạng. Mọi người đều khai cho một mình người mưu hại. Người hãy thành thực khai ra, khi nào người bỏ thuốc độc cho người ta?

Hồ Tác Tân thưa:

- Hôm kia học trò đã khai rõ, rằng đùa bỡn là chuyện thực mưu hại là việc oan uổng. Học trò còn biết khai thế nào nữa?

Địch công nói:

- Người đừng hòng chối quanh, hiện có người hầu bầu bạn với cô dâu làm chứng. Lúc mời rượu hôm đó, Hoa Văn Tuấn đi tạ ơn khách khứa, người cùng mọi người thỉnh thoảng ra vào phòng cô dâu rồi thừa lúc không ai để ý bỏ thuốc độc vào trà. Người còn gian ngoan chối bỏ hay sao?

Hồ Tác Tân nghe xong vội kêu:

- Quan lớn soi xét, nếu người ta bảo con cùng mọi người thỉnh thoảng lại vào phòng cô dâu, đủ thấy không phải chỉ một mình học trò vào phòng. Đã không phải một mình vào phòng thì mắt ai cũng thấy, học trò làm thế nào thừa cơ được? Dù cho học trò có bỏ thuốc độc thì một ngày hôm ấy, thời gian rất dài há lại không có ai tới rót nước ở ấm? Làm sao người khác uống thì không chết, chỉ riêng cô dâu uống thì lại có thuốc độc?

Trà ấy do ai rót, ai pha, pha lúc nào? Xin quan lớn tra xét ngọn ngành. Học trò không dám chỉ đầu danh ai song người bầu bạn với cô dâu hẳn biết. Trừ bạn hữu thân quen vào phòng ra, đàn bà hầu hạ trong nhà há lại không có một ai vào phòng? Quan lớn không truy hỏi những điều nói trên mà chỉ hỏi một mình học trò, thì dù có khảo đả bằng cực hình, học trò cũng không thể có khẩu cung khai nhận được. Cúi mong quan lớn xét rõ.

Địch công nghe Hồ Tác Tân trình bày như thế, cố ý nổi giận mắng:

- Tên học trò vô sỉ kia, tự mình có tâm địa bất lương gây nên tai họa, thật là tình, lý khó dung tha. Đến nơi công đường oai nghiêm này thì phải thực thà khai nhận, cố sao lại lôi kéo người khác vào để mong thoát thân? Người phải biết rằng bản huyện là bậc quan soi sáng vạn dặm, há cho phép người bèo mép tranh cãi? Nếu còn dám loanh quanh chối cãi thì quốc pháp ở đây sẽ ra oai khảo đả đấy!

Hồ Tác Tân nghe nói vậy, bất giác gục đầu kêu xin:

- Học trò thực là oan uổng, quan lớn nếu không tra hỏi nữ tì nhà họ Hoa thì dù có đánh chết học trò, vụ án này vẫn không sáng tỏ được. Và xưa nay xét án không có lẽ nào chỉ nghe riêng một phía. Nếu Hoa Quốc Tường không cho giải người hầu đến đây, ắt bên trong có duyên do gì khác, kính mong quan lớn nghĩ lại.

Địch công nghe nói, quát to:

- Hồ Tác Tân, bản huyện thấy ngươi là học trò hàng huyện, không nỡ đánh đập khổ sở. Nay ngươi cãi hăng như thế, nếu ta không thăm vấn nữ tì nhà họ Hoa, hẳn ngươi cũng không cam tâm?

Lập tức Địch công cho đưa bà Cao lên, hai bên hô lấy oai, Cao thị bị đưa vào, quì trước án. Địch công nói:

- Theo lời khiếu kiện của gia chủ ngươi, án mạng thực do Hồ Tác Tân mưu hại, song hăn dứt khoát không nhận. Ngươi hãy khai ngày hôm trước, hăn vào quấy phá trong phòng cô dâu ra sao, khi nào thì thừa cơ bỏ thuốc độc để cùng đối chất với hăn.

Cao thị khai:

- Việc Hồ Tác Tân quấy đảo hôm cưới vào ngày lành, gia chủ nô tì đã nói rõ rồi. Chỉ vì gia chủ nặng lời với hăn khiến cho hăn nuôi ý xấu trong lòng, trước khi ra về còn bảo chúng tôi hãy cẩn thận phòng bị trong ba ngày tới. Lúc bấy giờ ai cũng cho là nói đùa, nào ngờ ngày hôm sau trở lại, thừa cơ bỏ thuốc độc. Tính ra chỉ vào khoảng trước sau lúc lên đèn, lúc ấy nhà trong nhà ngoài đều bày tiệc rượu. Nô tì tuy ở trong phòng nhưng trong khoảng hoàng hôn đó cũng không nhận thấy, và chẳng người vào ra rất nhiều. Chỉ riêng một mình hăn thì từ sáng tới chiều đã vào ra mấy bận, có phần chắc lúc đó mượn tiếng là rót trà mà bỏ thuốc độc vào. Chỉ mong quan lớn hãy tước bỏ danh hiệu học trò của hăn, dùng hình phạt tra hỏi, thì chẳng còn sợ hăn không chịu nhận nữa.

Địch công chưa cất lời thì Hồ Tác Tân đã vội nói:

- Đồ chó nô tài kia, ngươi đừng có bẻo mép làm hại tính mệnh người khác. Hôm trước quấy phá phòng cô dâu cũng đâu có một mình ta? Chỉ vì lão gia

nhà người mắng một mình ta, ta mới nói bữa một câu để giữ thể diện ra về, sao lại dẫn câu đó ra làm bằng chứng? Nếu bảo ta rót nước trước sau khi lên đèn rồi bỏ thuốc độc thì điều này là vu khống. Từ buổi sáng khi cùng với các bạn cười đùa một hồi trong phòng cô dâu, sau đó ta không còn vào lần nào nữa, mà người khác cũng không vào. Trước sau lúc lên đèn đúng là lúc công tử nhà người đang đi cảm ơn khách, ngay cả công tử cũng không tới phòng mới cưới mà cùng uống rượu ở thư phòng với bạn bè. Nói như người thì há chẳng phải nói không thành có, cố ý hại người hay sao? Huống hồ lúc ấy cách lúc đi ngủ còn lâu, há không có ai vào rót trà hay sao? Làm sao người khác không chết mà chỉ mình tiểu thư nhà người chết. Hẳn là bọn các người ngày thường oán phụ nhân tiểu thư cay nghiệt, hoặc trong lòng bất mãn nên mới hạ thủ độc địa như vậy. Nếu không thì cha con họ Hoa thông đồng mưu hại để tiện lấy vợ nhà cao sang. Những việc đó bất luận thế nào cũng không liên can gì tới ta. Người cứ nghĩ mà xem, ta cùng với mọi người vào phòng cô dâu buổi sáng rồi ra về, người là người bầu bạn theo từ nhà gái sang, tất nhiên là lúc nào cũng ở cạnh cô dâu, người có thấy ta một mình vào phòng lúc nào hay chưa?

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 24 (C)

Cao thị bị hỏi liền một chặp như thế, mới nghĩ lại hôm ấy thực là chẳng hề lưu tâm, không biết thuốc độc được bỏ vào khi nào. Huống hồ ấm trà đó do chính tay mình pha, nghĩ đến đây thì đâm hoảng sợ, khó mà lấy lời nào biện bạch cho được. Cao thị định một lần nữa đổ riệt cho Hồ Tác Tân nhưng Hồ Tác Tân đã bác đi rồi. Địch công lại oai nghiêm như thế khiến mụ sợ hãi nói không nên lời.

Thấy thế, Địch công bèn nói:

- Người nói Hồ Tác Tân buổi chiều có vào phòng nhưng hắn không vào. Và lại vừa này người khai khi người ra ngoài ăn cơm tối thì Tác Tân đang cùng với cậu chủ nhà người uống rượu trong thư phòng. Lão gia nhà người cũng nói Tác Tân vào phòng cô dâu lúc ban sáng, theo như thế, rõ ràng việc bỏ thuốc độc không do hắn làm. Người là người hầu lâu năm, lẽ ra phải hết sức để ý, hơn nữa ấm trà là do người pha, sao lại có thể vu vạ cho Tác Tân? Bản huyện suy xét tình lý thì vụ án này do người gây ra. Nếu người không chịu khai, thì ta sẽ đả người bằng cực hình đó.

Nghe quan nói vậy, Cao thị sợ hãi run rẩy cả người, lạy như tể sao, miệng kêu:

- Xin quan lớn đèn trời bớt giận, nô tì đâu dám sinh lòng độc ác phụ ơn lớn của lão phu nhân họ Lý? Hơn nữa tiểu thư là do nô tì bế ấm cho tới khi lớn, nữ nào một sớm một chiều hạ độc thủ như vậy? Việc này cúi mong quan lớn truy tìm đến cùng mới được.

Địch công nghe nói, thầm nghĩ: "Vụ án này kỳ quái thật. Cả hai khai như thế thì đến ta cũng chẳng biết làm sáng tỏ ra sao. Một bên là thư sinh nho nhã, một bên là bà vú lâu năm, không lý nào họ lại mưu sát? Vụ này mà không phán quyết được thì sao xứng là quan phụ mẫu của dân? Xem ra phải truy cứu từ chiếc ấm trà mới được".

Địch công một mình ngồi trên công đường vắng lặng, nghĩ mãi không ra

manh mỗi, chợt gia nhân trực nhật đưa lên một chén trà vì ông ngồi xét án đã lâu, e rằng ông cần đến nước uống. Địch công thấy gia nhân đưa nước đến, bèn mở nắp chén lên, thấy trong chén có bụi đen nổi trên mặt trà. Ông hỏi người kia:

- Người vô ý vô tứ từ lúc nào vậy? Phòng trà dâng trà cũng không chọn nước trong mà nấu, trên mặt chén trà có nhiều bụi đen ở đâu ra vậy ?

Gia nhân vội vàng thưa:

- Việc này không liên can gì đến con. Con đứng bên cạnh nhìn thấy đúng lúc pha trà thì trên mái hiên bỗng rơi xuống một túm bụi vì thế mà nước trà không được trong.

Nghe gia nhân nói, Địch công đột nhiên bừng tỉnh, ngoảnh sang bảo Cao thị:

- Người nói ấm trà do người pha, thế nước pha trà do phòng trà mua về hay là nước trong nhà tự nấu?

Cao thị thưa :

- Vì việc hỉ kéo liền mấy hôm, khách khứa đến đông, Hoa lão gia sợ mua nước bên ngoài không tiện có ngay nên từ hôm có việc vui đều là nước do trong nhà tự nấu.

Địch công nói:

- Nước do người nhà nấu, vậy có do người nấu không?

Cao thị đáp:

- Nô tì chỉ dùng nước sôi có sẵn, có riêng một người cai quản việc đun nước.

Địch công lại hỏi:

- Người không nấu nước, vậy chỗ nấu nước ở đâu?

Cao thị đáp:

- Dạ ở một gian bỏ không đằng sau nhà bếp.

Địch công nghe khai xong, phán bảo:

- Bản huyện đã biết phải tra vụ án này từ đâu rồi. Hai người hãy tạm lui ra, giam vào hai nơi, chờ bản huyện ngày mai phá án xong sẽ thả các người.

Nói xong, ông đứng lên bước vào nhà trong.

Lúc này Hoa Quốc Tường đứng ở phía sau nghe thăm vắn, thấy quan huyện

chuyên nói thay cho Hồ Tác Tân, tức giận không được vào công đường, đánh cho quan huyện một trận. Chỉ vì đây là công đường xử kiện của quốc gia, không được sơ suất, sau lại thấy quan trầm ngâm, không phán quyết được bề nào rồi bỗng nhiên lại cho hai người lui xuống thì trong lòng càng bức bối. Thấy Địch công bước ra, Hoa Quốc Tường sầm mặt hỏi:

- Xưa nay quan lớn xét án cả như vậy hay sao? Không dùng cực hình tra hỏi đã đành, cả đến bác bỏ cũng không dám mở miệng hay sao? Cứ theo thế mà suy thì ngày này năm sau cũng chưa thể xử cho rõ ràng được. Ngài không biết nha môn châu phủ ở đây chưa từng đóng cửa bao giờ. Ngoài trời còn có trời khác, đến lúc ấy xin đừng trách cử nhân này vượt cấp!

Nói xong, hăm hăm đứng dậy đi ra. Địch công thấy thế cười mà bảo rằng:

- Vụ việc của nhà ông, bản huyện đã rõ rồi. Xin cứ yên tâm đừng nóng vội. Chiều mai, bản huyện nhất định sẽ làm sáng tỏ. Đây là việc thuộc bốn phận bản huyện, không cần một nhọc kiện lên cấp trên. Nếu ngày mai bản huyện không làm sáng tỏ được, khi ấy không cần ông phải mất công đưa lên trên mà bản huyện cũng không còn mặt mũi nào làm quan huyện ở đây nữa. Xin ông hãy trở về nhà.

Hoa Quốc Tường nghe nói như thế cũng bán tín bán nghi, đành nói:

- Chẳng phải cử nhân tôi nóng lòng sốt ruột mà chỉ vì vụ án để đã lâu ngày, không nỡ để người chết phải ngậm oan mà thôi. Quan lớn đã nhìn ra manh mối, vậy ngày mai xin chờ đón quan lớn tại nhà.

Nói xong, cáo từ về nhà.

Địch công vào thư phòng, Mã Vinh tới trước mặt hỏi:

- Quan lớn hôm nay thăng đường quả quyết nói ngày mai sẽ kết thúc vụ án là do đâu?

Địch công đáp:

- Phàm vụ việc gì cũng phải xét tới chữ lý. Người xem Hồ Tác Tân là người như thế có lý nào là kẻ hại người? Chẳng qua chỉ là tuổi trẻ đang hăng, thích đùa bỡn rồi lỡ miệng nói mấy câu có ý đe dọa, nào ngờ vừa đúng ngày hôm sau xảy ra tai họa như thế nên người ta mới đổ riệt cho hắn. Nếu bản huyện cũng hùa theo họ kháo đả anh ta mà anh ta là con nhà thế tộc bây giờ mắc phải vụ này, mẹ và con đã khổ sở lắm rồi, bản huyện lại tin

chắc một phía, bắt phải khai nhận thì chẳng đợi bản huyện tra xét thêm, mẹ con họ đã có thể liệu mình. Thế thì vụ án này chưa kết thúc, vụ án oan uổng khác đã lại nảy ra. Về Cao thị, nghe lời bà ta khai, nhà họ Lý vốn là ân nhân, càng không có lý nào mưu hại chủ. Bởi vậy mấy ngày nay, bản huyện nghĩ tới nghĩ lui mà vẫn tìm không ra nguyên do vụ án, vì thế mà không thẳng đường. Hôm nay Hoa Quốc Tường tới giục già bản huyện đành thẳng đường hỏi cho xong chuyện. Bản huyện vẫn biết có chuyện ở cái ấm trà, không ngờ khi phòng trà dâng trà cho bản huyện, trên mặt nước có nhiều bụi nổi do rơi từ mái hiên xuống. Nơi nấu nước của nhà họ Hoa ở một căn phòng bỏ không đằng sau bếp, suy ra chẳng thấy rõ manh mối của vụ án này rồi hay sao?

Mã Vinh nghe xong nói:

- Trí xét đoán của quan lớn thật là tinh tế, nhưng nếu tìm theo hướng đó mà vẫn không kết thúc nổi vụ án thì vụ này xem ra càng khó hơn vụ Tất Thuận ở trấn Hoàng Hoa rồi. Sáng ngày hôm sau, Địch công đội mũ nhỏ, mặc áo xanh, đem theo hai viên chức dịch trực nhật cùng trợ thủ Mã Vinh, Kiều Thái đi bộ tới nhà Hoa Quốc Tường. Cả đoàn lên trên sảnh, gặp lúc Hoa Quốc Tường đang sai người quét dọn trước sảnh, thấy quan huyện đã vào tới bên trong, Quốc tường đành đón vào cùng ngồi rồi sai người đi lấy mũ áo. Địch công cuộc bảo:

- Bản huyện đã không câu nệ hình thức, tôn ông hà tất vất vả. Chỉ vì vụ việc của con dâu ông hôm ấy có thể xét rõ, vậy xin cho gọi người nấu nước đến đây cho bản huyện xét hỏi.

Hoa Quốc Tường không hiểu quan huyện có ý gì, thấy ông sáng sớm đã đến, không tiện ngăn trở đành cho gọi người kia. Địch công thấy đó là cô hầu chừng mười tám, mười chín tuổi, tới trước mặt Địch công thì cúi chào, quì xuống. Địch công bảo:

- Đây không phải là công đường, không cần phải giữ lễ như vậy. Người tên gì? Lâu nay vẫn chuyên một việc nấu nước hay sao?

Cô hầu thưa:

- Tiểu nữ tên Thái Cô, lâu nay hầu hạ phu nhân, chỉ vì mấy ngày gần đây nghênh đón mợ chủ nên được giao việc nấu nước.

Địch công hỏi:

- Buổi chiều hôm ấy Cao thị đến lấy nước, người ở tại bếp có phải không?

Thái Cô đáp:

- Tiểu nữ đang ở trong bếp nấu nước sôi. Sau đó lúc lên đèn, phòng trên có việc gọi con, bà Cao đến lấy nước pha trà không thấy con. Việc xong, con trở lại bếp, thấy nước đổ lênh láng trên lò. Hỏi ra mới biết lúc bà Cao đến lấy nước pha trà, trên lò nước chưa sôi, bà ấy mang lò xuống đặt dưới mái hiên, rồi bỏ thêm than, quạt lửa đun được một ấm nước sôi. Bà ấy chỉ dùng hết một nửa ấm, bèn xách nửa ấm nước ấy ra sân đổ thêm nước lạnh, không ngờ chân trái vấp một cái, nước trong ấm đổ cả xuống đất. Lúc con trở về bếp múc ấm nước mới, bà ấy mới đi về phòng. Đó là đầu đuôi việc pha trà sau lúc lên đèn hôm ấy, còn những việc khác thì con không được biết.

Địch công nghe xong, sai Mã Vinh trở về huyện nha đưa Cao thị về đây. Mã Vinh vâng lệnh ra đi, lát sau đưa Cao thị về Địch công quát:

- Đồ chó nhà người xảo quyệt lắm thay. Hôm trước người khai xẩm tối hôm ấy pha trà là dùng nước đun sôi sẵn có. Hôm nay Thái Cô khai hôm đó người chuyển lò ra dưới mái hiên đun cho nước sôi, lấy một nửa pha trà, một nửa còn lại đổ cả xuống thềm. Rõ ràng người cung khai không thật, người còn dám chối không?

Cao thị bị quan quát mắng sợ quá, lạy như tể sao, nói:

- Xin quan lớn ra ơn, nô tì do phải ra công đường nên quá sợ hãi, trong lúc lòng dạ rối bời nên khai sai đi để đỡ phải trả lời quan lớn chứ thực ra nô tì không hề có ý gì khác.

Địch công nổi giận:

- Người chỉ biết bẻo mép nhất thời, còn nỗi oan uổng của tiểu thư bị nhà người làm chậm trễ đến bao nhiêu ngày. Nếu bản huyện không sáng suốt, há lại chẳng làm oan thêm Hồ Tác Tân nữa hay sao? Nếu người sớm khai thật như vậy thì làm sao bản huyện phải lao tâm khổ tứ, nghĩ không ra manh mối? Đợi vụ án này làm sáng tỏ xong, ta sẽ trách phạt người.

Nói xong, Địch công đứng dậy bảo với Hoa Quốc Tường:

- Bản huyện cùng ông xuống bếp để tiện sai người tra xét.

Lúc này Hoa Quốc Tường đành theo Địch công xuống bếp. Tới nơi, Địch

công thấy bếp là ba gian nhà trên quay mặt về hướng đông, hai bên nam bắc là bốn phòng xép. Địch công hỏi Thái Cô:

- Người nấu nước hôm ấy phải chăng ở gian phòng xép hướng bắc kia.

Thái Cô đáp:

- Chính là gian ấy, bây giờ bên trong hãy còn đặt cái lò bằng đất.

Địch công bước vào gian ấy, thấy đúng như vậy. Mái hiên gian này quá cũ kỹ, ngói, cột hủy hoại đến quá nửa. Địch công lại hỏi Cao thị:

- Tối hôm ấy người chuyển lò đun nước tới thềm gian nào?

Cao thị chỉ về phía trước:

- Dạ con để lò trên hòn đá xanh kia.

Địch công theo hướng Cao thị chỉ nhìn kỹ mái hiên phía đó thấy mái đã sa xuống nửa gang, ngói mái đã vỡ nát. Ông quay qua bảo Cao thị:

- Hôm trước người khai không đúng, lẽ ra phải cho người ăn tát, song nghĩ lại thấy người tuổi cao lú lẫn, ta phạt người đặt lò ra chỗ cũ nấu nước sôi để ta ngồi đây uống trà.

Hoa Quốc Tường thấy Địch công xem xét một chập, không phán rõ được lời nào, bây giờ bỗng nhiên lại bắt Cao thị nấu nước sôi. Nấu nước sôi không phải là tra xét án, bất giác ông ta thầm nổi giận, bảo với Địch công:

- Quan lớn đến nhà xét án, lẽ ra chúng tôi phải chuẩn bị sẵn nước trà. Nếu đợi đồ chó ấy đun sôi nước, e rằng lâu la không kịp tra xét. Mụ đó cung khai không thật, lẽ ra ngài nên đưa về công đường trừng trị để hai năm rõ mười. Nếu ngày bày trò này ra, há chẳng trở thành đùa bỡn hay sao?

Địch công mỉm cười, nói:

- Tôn ông thấy chẳng khác gì trò đùa, song ông nên biết rằng bản huyện truy tìm duyên do chính ở việc này. Xin để bản huyện làm chủ, tôn ông không phải nhiều lời.

Nói xong, Địch công sai người mang hai bộ bàn ghế đặt trong bếp, rồi ngồi xuống đó nói chuyện gẫu với đám kẻ ăn người làm tại bếp. Một lúc sau, Địch công lúc thì giục Cao thị cho to lửa, lúc thì quạt lò, lúc thì bỏ trà, luôn tay luôn chân. Tới lúc nước đun đã sôi, trà đã pha xong thì Địch công lại chẳng uống, cứ như thế đến cả chục lần.

Cao thị đang ở đằng ấy đẩy củi cho lửa cháy to, bỗng trên mái hiên có mấy

vụn đất rơi xuống đầu bà ta. Cao thị lấy tay phủi đất trên đầu. Địch công đã trông thấy ngay từ đầu, vội gọi:

- Người mau lại đây!

Thấy quan gọi, Cao thị đành đi tới trước mặt quan. Địch công bảo:

- Người đứng dậy đợi lát nữa, con vật độc địa hại chết tiểu thư nhà người sắp xuất hiện ngay thôi.

Cao thị không dám nói gì, Hoa Quốc Tường không tin lời quan huyện, đứng dậy bỏ đi lên nhà trên. Địch công không ngăn ông ta, vẫn ngồi trên ghế, hai mắt nhìn chăm chăm vào mái hiên. Quả nhiên ở chỗ mái hiên, có đất bụi rơi ló ra một màu hồng nhấp nháy, lúc thò ra, lúc thụt vào, song không biết là con vật gì. Địch công mừng khắp khởi trong lòng, bảo Mã Vinh:

- Các người đã nhìn thấy chưa?

Mã Vinh đáp:

- Nhìn thấy rồi ạ, quan cho lấy vật đó ra chẳng?

Địch công vội nói:

- Chớ có động thủ! Đã có vật này thì ta nên mời gia chủ cùng quan sát đã. Để ông ta thấy con vật này bỏ chất độc như thế nào thì mới khiến ông ta tin phục được. Xưa nay bản huyện xét án không khi nào xử oan cho người khác. Nếu chưa tra cứu được đến cùng thì sao gọi được là cha mẹ dân?

Lúc ấy Thái Cô cũng đã thấy rõ, bèn chạy lên nhà trên báo cho Hoa Quốc Tường biết. Mọi người trong nhà được tin đều lấy làm bất ngờ, ai cũng thăm phục Địch công xét án như thần. Hoa Quốc Tường cũng tới xem. Địch công bảo:

- Vụ án này hầu như đã rõ. Xin ông ngồi một lát đợi xem con vật đó ra sao. Lúc ấy Hoa Quốc Tường ngẩng đầu lên nhìn kỹ, thấy một luồng khói trên lò bốc lên mái hiên, cái ánh màu đỏ bị khói xông lên ngọ nguậy chuyển động rồi đột nhiên thò ra một cái đầu con rắn. Rắn thò cổ nhìn xung quanh, mồm nhều dãi rỏ xuống bếp lò. Rắn thấy đông người lại thụt ngay vào bên trong. Mọi người đứng xem đều im lặng nín hơi, sợ đến nỗi không dám lên tiếng. Địch công bảo Hoa Quốc Tường:

- Thì ra con dâu ông bị con vật này giết hại. Đây là điều tôn ông chính mắt

nhìn thấy, không phải tôi bênh che cho Hồ Tác Tân nhà này của ông hư nát đã lâu, lâu ngày không sửa sang nên làm chỗ ẩn cho rắn độc. Chi bằng bây giờ dỡ bỏ ngay đi.

Dứt lời, bảo mọi người không có việc gì thì lui ra, sai Mã Vinh, chức dịch trực nhật và mấy người làm việc vặt của nhà họ Hoa cầm gậy gộc, trước hết dỡ bỏ mái hiên. Trên mái có tiếng động rồi một con rắn mình đỏ như lửa dài hơn một sải lao mình xuống sân toan chạy trốn. Mã Vinh nhìn thấy đang tính đến bắt thì Kiều Thái vớ được thanh sắt chọc lò nhằm đầu rắn quật một nhát. Con rắn không bò được nữa, Kiều Thái cho một nhát nữa, đánh chết luôn. Mọi người sợ trên mái vẫn còn rắn nhỏ, thế là ùa cả vào, dỡ tan dẫy phòng xép.

Dịch công sai người đem con rắn tới trước sảnh. Lúc này cả nhà đều biết tin, sang mời bà Lý đến. Dịch công ngồi xuống, bảo Hoa Quốc Tường:

- Trong vụ án này, khi bản huyện lần đầu tới khám nghiệm đã biết con dâu ông không phải do người giết hại. Hồ Tác Tân là thư sinh nho nhã, không khi nào dám làm càn trái lễ. Khi vào phòng cô dâu lại ngửi thấy mùi tanh, lúc bấy giờ bản huyện đã rất nghi hoặc. Tới lúc khám nghiệm xác, có người nói bụng xác chết động đậy, bản huyện nghĩ thuốc độc hại người chẳng qua mấy thứ phê sương, thạch tín, uống phải thì tai, mắt, mũi, mồm ứa máu mà thôi, làm sao lại có mùi tanh xộc lên? Vì vậy không dám xử vội, mấy ngày qua nghĩ tới nghĩ lui. Khi lấy khẩu cung của Cao thị, bà ta khai trà do chính tay bà pha. Sau khi pha trà, Hồ Tác Tân không hề vào phòng; ngoài lúc đi ăn cơm tối ra, Cao thị không hề rời, cũng không có ai khác vào phòng, vậy lẽ nào cô dâu tự đánh thuốc độc hại mình? Hôm nay nghe lời khai của Thái Cô mới rõ khi đi lấy nước hôm ấy, Cao thị đưa lò ra thêm đun, khói xông lên mái hiên, nhót dãi rắn rỏ xuống ấm đun nước. Lúc ấy Cao thị không nhìn thấy nên dùng nước sôi ấy pha trà. Còn lại nửa ấm, may mà do vấp chân đánh đổ xuống thêm cho nên không hại tới ai khác. Nguyên nhân tai họa vẫn là do Cao thị bất cẩn, khiến cho con dâu ông uống nhầm thiệt mạng. Lẽ ra phải trị tội Cao thị nhưng xảy ra việc là do vô tâm, già cả đáng thương nên chỉ đáng phạt nhẹ. Con dâu ông vô cớ bị chết cũng là mệnh trời xui khiến, vậy ông nên mời mấy vị cao tăng tụng kinh sám hối, siêu độ

vong hồn. Hồ Tác Tân không gây án mà bị dính líu khổ sở, lẽ ra nên tha về, song tính hay đùa bỡn, không phải phẩm hạnh của kẻ sĩ, phải được răn đe nơi nhà học, cảnh cáo cho lần sau.

Nói xong, Địch công quay qua bảo bà Lý:

- Nguyên do cái chết của con gái bà nay đã được làm sáng tỏ. Bản huyện xét xử như thế, bà có chịu phục không?

Lý thị khóc, thưa rằng:

- Thì ra do ngộ độc mà chết. Chỉ thương cho con gái tôi số khổ mà thôi. Quan lớn xử như thế là công bằng rồi, tôi còn biết nói gì nữa.

Địch công thấy bà Lý đã bằng lòng liền lập tức cho kết thúc vụ án.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 25

Mười Lăm Quan Nói Đùa Khéo Thành Vạ

*Thông minh lanh lợi tự trời sanh,
Mông muội ngu si vị tất chân.
Ghen ghét bởi chung con mắt cạn,
Gươm đao nổi lúc nói cười thâm.
Hoàng Hà chín khúc lòng dư hiểm,
Thiệt giáp mười tầng mặt ghét căm.
Tửu sắc thường gây tan nhà, nước,
Thi thư hồ dễ hại người nhân.*

Bài thơ này để nói về những cái khó trong đạo làm người . chỉ vì đường đời chật hẹp, lòng người khôn lường, đạo lớn đã xa, tình người vạn mối. Qua lại đến đi chỉ vì mối lợi, ngu si xuẩn ngốc, tất mang họa thôi. Giữ mình giữ nhà, ngàn lần cân nhắc, vì thế người xưa mới có câu: "Nhãn mày có có nhãn mày, cười có có mím cười, song giữa nhãn mày và cười thì rất cần cẩn thận". Truyện này riêng kể một vị quan nhân chỉ nhân câu nói đùa sau lúc uống rượu mà gây nên nổi thân mình bị chết, nhà cửa nát tan, làm lụy đến tính mệnh mấy người nữa. Xin tạm dẫn một câu chuyện để làm lời răn mà ngầm nghĩ.

Lại nói triều vua đời Tống có một chàng trẻ tuổi chuẩn bị đi thi, họ Ngụy, tên Bằng Cử, tên chữ Trọng Tiêu, tuổi vừa mười tám, lấy được cô vợ như hoa tựa ngọc. Chưa được một tháng, chỉ vì bằng xuân sắp yết, trường thi sắp mở, Ngụy sinh từ biệt vợ, thu thập hành lý lên Kinh ứng thí. Khi Ngụy sinh sắp đi người vợ dặn:

- Được làm quan hay không thì mình cũng nên sớm trở về, đừng có bỏ mặc tình vợ chồng ân ái.

Ngụy sinh đáp:

- Hai chữ công danh là tiền trình bản lĩnh của tôi, không cần hiền thê phải lo lắng.

Rồi từ biệt vợ lên đường tới kinh, quả nhiên vừa thi là thành danh, đỗ đệ nhất giáp đệ nhị danh Bảng nhãn, thật là chuyện đẹp vang lừng kinh đô. Tất nhiên không thiếu việc viết một lá thư gửi về nhà, sai người đón gia quyến lên kinh. Trong thư trước hết thăm hỏi cùng kể việc mình được bổ làm quan, cuối thư lại ghi thêm một vài dòng, rằng: "Tôi ở trong kinh sớm hôm không người chăm sóc, đã lấy một cô vợ bé, chuyên đợi phu nhân tới kinh để cùng hưởng vinh hoa".

Gia nhân thu xếp thư từ đi thẳng về nhà, gặp phu nhân liền chúc mừng và lấy bức thư nhà đưa trình. Phu nhân mở thư ra xem, thấy nói là như thế, như thế bèn bảo người giúp việc:

- Quan nhân thật là kẻ phụ ơn, mới được làm quan đã lấy bà bé rồi!

Gia nhân bèn thưa:

- Tiểu nhân ở kinh không thấy có chuyện đó. Hẳn chỉ là lời nói đùa của quan nhân thôi. Phu nhân tới kinh sẽ biết đầu đuôi, xin đừng lo nghĩ.

Phu nhân nói:

- Người nói như thế, ta cũng khỏi lo.

Vì việc mượn người, thuê đồ chưa thuận tiện nên phu nhân một mặt thu xếp hành lý, một mặt tìm người nhờ chuyển trước phong thư báo tin nhà bình an lên kinh. Người mang thư đến kinh, hỏi thăm tới nơi ở của tân khoa là Bảng nhãn họ Ngụy. Đưa thư xong, người ấy uống rượu ăn cơm rồi về, không nói nữa.

Lại nói Ngụy sinh nhận được thư mở ra xem, trong thư không có một câu thăm hỏi nào, chỉ nói: "Chàng ở kinh đã lấy vợ bé thì tôi ở nhà cũng tự gả cho chồng nhỏ, sớm tối sẽ đến kinh sư đây!"

Ngụy sinh xem thư cũng chỉ nghĩ là câu nói đùa của phu nhân, không hề để ý. Chưa kịp cất thư đi thì bên ngoài có người báo:

- Có bạn cùng khoa đến thăm ạ!

Nơi ở trong kinh không được rộng rãi như ở nhà, người kia lại là bạn đồng khoa thân thiết. Người ấy biết Ngụ sinh không có gia quyến ở phòng trong bèn đi thẳng vào bên trong ngõ. Chuyện trò được vài câu, Ngụ sinh đứng dậy đi tiểu. Bạn đồng khoa kia tình cờ lật xem sách giấy trên bàn, thấy bút thư nhà viết rất buồn cười bèn cố ý đọc to lên. Ngụ sinh trở tay không kịp, đỏ nhừ mặt nói:

- Đây là chuyện vô lý. Chỉ vì tiểu sinh nói đùa nàng nên nàng cũng viết đùa lại mà thôi.

Bạn đồng khoa cười ha hả:

- Chuyện này đem đùa là không xong rồi.

Rồi từ biệt ra về. Người ấy cũng còn trẻ tuổi, thích cười thích nói, bèn đem câu chuyện thư nhà kia ra kể khắp với người kinh đô trong chốc lát. Cũng có một bọn ghen ghét Ngụ sinh trẻ tuổi mà đồ cao, bèn đem chuyện này coi như một tin nhỏ mà họ nghe được làm thành một bản tấu, nói rằng Ngụ sinh tuổi trẻ không biết giữ mình, không nên trao chức quan trọng yếu nên giáng chức cho làm quan tỉnh ngoài. Ngụ sinh hối không kịp, sau đó rốt cuộc làm quan không nhoi lên nổi, buông trôi cả một đoạn tiền trình đẹp như gấm như hoa. Thế là chỉ một câu đùa mà đánh mất cả một chức quan thơm.

Bây giờ lại nói chuyện một quan nhân khác, cũng chỉ vì một câu nói đùa sau lúc rượu vào mà khiến tấm thân đường đường bảy thước ra ma, lại liên lụy đến vài ba người, oan ức hại tính mệnh họ. Vì sao lại như thế? Có thơ làm chứng:

Đường đời khắp khênh đáng buồn thay,

Đùa bỡn mà chơi, người chẳng hay.

Mây trắng vốn vô tâm bay nhớn,

Cuồng phong ập đến cuốn xô ngay.

Lại nói triều Nam Tống dựng kinh đô ở Lâm An, phồn hoa phú quý không kém gì nước cũ ở Biện Kinh. Tới bên trái Tiên Kiều ở trong thành thì sẽ thấy nhà một quan nhân họ Lưu, tên Quý, tên chữ Quân Tiến, cụ tổ vốn là nhà có căn cơ. Truyền đến tay Quân Tiến thì thời vận xui xẻo, trước còn học hành, sau thấy xem chừng không nên việc gì bèn đổi sang nghề buôn bán, thật chẳng khác gì nửa đường đi tu vậy. Trong nghề bán buôn, bởi không phải là người có mách lới nên lại làm tiêu tan vốn liếng, dần dần nhà lớn đổi sang nhà bé, rồi thuê một căn nhà ba gian cùng là Vương thị, trẻ tuổi mà khéo thờ chồng. Sau vì không có con, lại lấy thêm người vợ bé họ Trần, là con gái ông Trần bán bánh, người trong nhà gọi là Nhị Thư. Đây là việc làm hồi trước, lúc là người ngoài ở cùng. Lưu Quân Tiến là người cực hòa nhã, dân làng đều mến gọi là Lưu quan nhân.

- Quan nhân gặp lúc thời vận xui xẻo nên mới hiu quạnh như thế này. Qua ít lâu nữa hẳn là được hưởng cuộc sống tốt hơn.

Nói thì người ta nói như thế đấy nhưng phỏng có ích lợi gì? Vì thế Quân Tiến chỉ ở nhà buồn bã, không biết làm sao.

Một hôm ngồi nhàn ở nhà chợt thấy ông lão Vương bên nhà ông bố vợ, tuổi đã gần bảy chục, đến nói với Lưu quan nhân:

- Hôm nay là sinh nhật cụ viên ngoại bên nhà, cụ cho lão đây sang đón quan nhân và nương tử tới nhà một chuyến.

Lưu quan nhân đáp:

- Chỉ vì tôi hàng ngày sống trong nỗi buồn nên cả đến tiệc thọ của nhạc phụ cũng quên khuấy đi mất!

Bèn gọi vợ là Vương thị thu xếp áo quần mang theo buộc thành một khăn gói giao cho ông lão Vương đeo trên lưng, rồi dặn dò Nhị Thư:

- Ở nhà coi giữ nhà cửa, hôm nay muộn rồi, không thể về ngay được, tối mai sẽ về nhà.

Nói xong liền đi. Đi cách thành hơn hai chục dặm thì đến nhà nhạc phụ là Vương viên ngoại, thăm hỏi chuyện trò. Ngày hôm ấy khách khứa ngồi đầy, con rể bố vợ không tiện nói hết nông nỗi nghèo khó. Đợi khi khách về

hết, bố vợ giữ con rể trong phòng khách nghỉ ngơi. Sáng hôm sau, bố vợ mới tới nói chuyện cùng con rể:

- Anh Lưu này, anh không thể cứ tính toán như thế. Ngồi ăn núi lở, đứng ăn đất sụt mà! Cổ họng sâu như biển, ngày tháng nhanh tựa thoi, anh cũng phải tính ra một kế gì chứ? Con gái tôi gả cho anh, cả đời chỉ mong cơm no áo ấm, không thể cứ chờ đợi mãi như thế được.

Lưu quan nhân thở dài:

- Vâng ạ. Nhạc phụ ở trên, con đâu dám nói lên núi bắt hổ dễ, mở miệng cùng người khó. Thời thế ngày nay không có ai thương con được như nhạc phụ. Song con đành sống nghèo, bởi đi cầu xin người khác thì chỉ tổ một nhọc mà chẳng nên công lệnh gì.

Cụ bố vợ nói:

- Anh nói thế ta cũng không trách, chỉ vì già này không thể ngồi nhìn các con như vậy nên hôm nay có ít tiền giúp đỡ các con làm vốn tạm mở một cửa hàng bán gạo củi, kiếm lấy chút lời mà sống qua ngày, lại chẳng hay sao?

Lưu quan nhân thưa:

- Cảm tạ nhạc phụ có lòng nghĩ tới, đủ biết thế là tốt rồi!

Sau đó ăn cơm trưa rồi ông bố vợ lấy ra mười lăm quan tiền trao cho Lưu quan nhân:

- Con ơi, hãy cầm số tiền này về thu dọn lấy cửa hàng, già này đích thân đưa con gái về nhà con rồi chúc mừng con luôn, ý con thế nào?

Lưu quan nhân lạy tạ rồi lại lạy tạ, vác tiền đi thẳng ra cửa. Về đến trong thành thì trời đã muộn, sức nhớ có một người quen, bèn thuận đường đi qua cửa nhà người ấy, nghĩ bụng: "Người này cũng đang tính đi buôn, ta hãy bàn bạc với bác ta một lúc ắt hẳn cũng hay". Nghĩ rồi liền gõ cửa nhà kia, bên trong có người lên tiếng rồi ra cửa vái chào:

- Bác hạ cố đến nhà, có gì dạy bảo chẳng?

Lưu quan nhân nói cho người đó biết, người bạn liền nói:

- Đệ đang ngồi nhàn ở nhà, khi nào bác dùng tới ắt xin đến giúp đỡ.

Lưu quan nhân nói:

- Được như thế thì tốt quá!

Hai người chuyện trò về một vài công việc buôn bán. Người kia bèn giữ Lưu quan nhân ở lại, sẵn có mâm chén bèn uống vài ba chén rượu. Lưu quan nhân tửu lượng không cao, cảm thấy hơi hoa mắt đứng dậy từ biệt, dặn:

- Hôm nay quấy quả bác, sáng mai phiền bác sang tẽ xá bàn chuyện làm ăn.

Người bạn lại tiễn Lưu quan nhân ra tới đầu đường, rồi chào mà về, không nói đến nữa.

Nếu người nói chuyện là người cùng tuổi, cùng lớn lên với nhau, ôm chặt lấy lưng, gạt tay trở lại thì Lưu quan nhân không đến nỗi gặp tai họa như thế. Thành thử Lưu quan nhân chết mà không được bằng Lý Tồn Hiếu trong *Ngũ đại sử* và Bành Việt trong *Hán thư*!

Lại nói Lưu quan nhân vác tiền từng bước từng bước lặn về nhà, gõ cửa đã là lúc lên đèn. Dì bé Nhị Thư một mình ở nhà, không có chuyện gì xảy ra, giữ nhà đến lúc tối thì đóng cửa ngồi ngủ gật dưới đèn. Lưu quan nhân gõ cửa, cô nàng chẳng hề nghe tiếng, gõ một lúc lâu mới biết, tỉnh dậy, thưa một tiếng:

- Ra đây!

Rồi đứng dậy ra mở cửa. Lưu quan nhân vào nhà, Nhị Thư đỡ tiền giúp chồng đặt trên bàn, hỏi:

- Quan nhân mang số tiền này ở đâu về, dùng vào việc gì?

Lưu quan nhân một phần sẵn có hơi men, một phần bức mình vì vợ chậm mở cửa, tính nói đùa dọa Nhị Thư bèn đáp:

- Nói ra chỉ e cô sợ, không nói ra thì lại phải thông báo cho cô biết. Chỉ vì tôi trong một lúc vô kế khả thi, chẳng biết làm thế nào, đành gán cô cho một người khách, song lại không nỡ xa cô, chỉ cầm cô lấy mười lăm quan tiền. Nếu khấm khá lên, tới sẽ trả lại chuộc cô về, còn nếu cứ quẩn bách như hiện nay thì thời cũng đành vậy.

Cô vợ bé nghe thấy thế toan không tin, song mười lăm quan tiền chất đồng

sờ sờ trước mắt; toan tin, thì thường ngày quan nhân không chê trách mình câu nào, chị Cả cũng sống hòa thuận, làm sao lại nhẫn tâm độc ác làm vậy? Hồ nghi chưa quyết, nên lại hỏi:

- Nếu đã như vậy thì cũng phải báo cho cha mẹ tôi một tiếng chứ?
- Nếu báo cho cha mẹ cô biết thì hẳn việc không thành rồi! Ngày mai cô đến nhà người ta đã rồi từ từ tôi sẽ nhờ người đến nói cho ông bà bên ấy thông cảm, ông bà hẳn không trách tôi được

Cô vợ bé lại hỏi:

- Quan nhân hôm nay ở đâu uống rượu về đây?
- Vì đêm cầm cô cho người ta rồi viết giấy tờ, uống rượu của người ta xong mới về đây!

Cô vợ bé lại hỏi:

- Tại sao chị Cả không về?
- Cô ấy không nỡ chia tay với cô, đợi mai cô đi khỏi rồi mới về. Việc này cũng do tôi không còn cách nào khác, chỉ một lời là xong.

Quan nhân nói xong, nhin không nổi cười thầm, rồi chẳng cời áo lên giường nằm, bắt giấc ngủ đi mất.

Cô vợ bé còn thắc mắc mãi, nghĩ: "Không biết quan nhân bán mình cho người như thế nào nhỉ? Mình trước hết hãy về nhà cha mẹ báo tin, dù ngày mai người ta đến đòi mình rồi tìm đến nhà mình thì cũng phải cho ra lẽ" .

Trầm ngâm một lát rồi Nhị Thư chồng cả mười lăm quan tiền đó thành một đồng dưới chân chồng. Nhân lúc chồng đang say, Nhị Thư khe khẽ thu nhặt ít quần áo tùy thân, rón rén mở cửa đi ra rồi khép cửa lại. Trước hết tới nhà hàng xóm thân thiết phía tay trái là nhà ông già Chu Tam, ngủ lại qua đêm với bà lão bên ấy.

- Nhà cháu hôm nay không can có gì bán cháu đi, cháu phải trước hết về nói cho cha mẹ cháu biết. Phiên bà ngày mai bảo giùm nhà cháu một tiếng. Nếu khách mua tới thì cùng nhà cháu đến nhà cha mẹ cháu nói cho rõ ràng, gì cũng phải cho ra lẽ mới được. - Nhị Thư nói.

Bà hàng xóm bảo:

- Tiểu nương tử nói phải lắm, cháu cứ việc đi, già báo cho Lưu quan nhân biết là được rồi.

Qua một đêm, Nhị Thư từ biệt ra đi, không nói đến nữa. Thật là:

Cá ngao đã thoát câu vàng,

Vẫy đuôi đi thẳng chẳng màng ngó sau.

Lại nói Lưu quan nhân đánh thắng một giấc đến canh ba mới tỉnh, thấy trên bàn đèn còn chưa tắt, cô vợ bé thì không thấy nằm bên, chỉ nghe cô nàng còn thu dọn gì đó dưới bếp, bèn gọi Nhị Thư lấy nước trà cho uống. Gọi một hồi chẳng có ai thưa, đành lồm cồm bò dậy, song vì vẫn chưa tỉnh hẳn rượu nên bắt giấc lại ngủ tiếp.

Nào ngờ có một tên làm chuyện bậy, ban ngày đánh bạc thua nhẵn túi, không biết kiếm đâu ra, ban đêm mò ra kiếm chác, vừa hay tới cửa nhà Lưu quan nhân. Vì Nhị Thư bỏ đi, cửa chỉ khép hờ chứ không cài, tên trộm đẩy thử thấy cửa mở toang ra liền nhón chân nhón tay đi thẳng vào phòng, không một ai hay biết. Đến trước giường, đèn còn sáng, nhìn xung quanh tịnh không có vật gì đáng khoảng; mò tới giường, thấy một người ngủ quay mặt vào phía trong, dưới chân lại có một chõng tiền xanh bèn định trộm lấy mấy quan. Không ngờ hăn làm Lưu quan nhân sức tỉnh, liền trở dậy quát to:

- Mày thật không còn đạo lý gì nữa. Tao từ nhà ông nhạc vay được mấy quan tiền để làm vốn nuôi thân. Làm sao mày lại ăn trộm của tao thì tao biết tính sao đây?

Tên ăn trộm không nói gì, cho luôn một đấm vào giữa mặt, Lưu quan nhân né mình tránh được bèn sấn tới giằng co với hăn. Tên trộm thấy Lưu quan nhân hoạt động chân tay liền co giò chạy ra khỏi phòng. Lưu quan nhân không tha, đuổi tới tận nhà bếp. Vừa đúng lúc định lên tiếng kêu hàng xóm tới bắt trộm thì tên trộm cuống lên. Hăn đang không biết chạy đâu thì thấy có chiếc rìu bổ củi sáng loáng ở ngay tầm tay. Cũng là chó cùng rứt giậu, hăn vớ luôn lấy cái rìu bổ trúng giữa mặt, Lưu quan nhân ngã vật xuống đất, rồi lại bồi thêm nhát nữa, ngã lăn qua một bên, thế là Lưu quan nhân bỏ mạng. Ô hô, ai tai! Phục duy thượng hưởng!

Tên trộm nói:

- Đã trót thì trót cho trét, chính là mày ngăn cản tao chứ tao đâu có tìm hại mày!

Nói rồi quay luôn về phòng lấy cả mười lăm quan tiền, giắt lấy tấm chăn đơn, gói kỹ, buộc chặt, ra cửa, khép lại cửa rồi bỏ đi.

Sáng hôm sau hàng xóm trở dậy thấy cửa nhà Lưu quan nhân vẫn đóng im ỉm, tỉnh không tiếng người liền gọi:

- Lưu quan nhân, sáng bánh mắt rồi đấy!

Bên trong không có ai thừa, họ liền đi vào. Thấy cửa cũng không cài bèn đi thẳng vào trong thì thấy Lưu quan nhân bị chém chết nằm trên đất, tự hỏi:

- Vợ cả quan nhân hai hôm trước về nhà mẹ đẻ, còn cô vợ bé đi đâu không thấy nhỉ?

Họ bèn lên tiếng gọi, ông già Chu Tam bên hàng xóm mà đêm qua Nhị Thư ngủ nhờ liền nói:

- Tiểu nương tử tối qua có sang ngủ nhờ nhà tôi, nói là Lưu quan nhân vô cớ bán cô ấy đi, cô ấy phải về nhà cha mẹ đẻ để hỏi, nhờ thừa lại với Lưu quan nhân giùm. Nếu khách mua có đến thì cùng đến nhà cha mẹ cô để nói cho rõ ràng. Nay một mặt nên cho người đến gọi cô ta về, một mặt cho người đi báo cho người vợ cả rồi sẽ xử trí.

Mọi người đều nói.

- Cụ nói phải lắm!

Thế là trước hết cho người đến nhà Vương viên ngoại báo tin dữ. Viên ngoại cùng con gái khóc ầm lên, hỏi người đưa tin:

- Hôm qua còn yên lành tới đây, già này tặng chàng rể mười lăm quan tiền bảo để làm vốn sau này, làm sao đến nỗi bị người ta giết chết vậy?

Người đưa tin đáp:

- Xin nói để lão viên ngoại cùng đại nương tử biết, hôm qua lúc Lưu quan nhân về đã nhập nhoạng tối, rượu đã ngà say. Chúng tôi đều không biết ông ấy có tiền hay không, về sớm hay về muộn, chỉ thấy hôm nay cửa nhà quan nhân khép hờ, mọi người đẩy cửa bước vào, chỉ thấy ông ấy bị giết chết nằm trên đất, còn mười lăm quan tiền thì chẳng thấy đồng nào, tiểu nương tử cũng không rõ tung tích. Chúng tôi gọi ầm lên thì ông già Chu Tam bên hàng xóm bước ra, bảo tiểu nương tử nhà ấy hôm qua lúc chập choạng tối có sang xin ngủ nhờ nhà ông cụ. Tiểu nương tử có nói Lưu quan nhân vô cớ bán cô ấy cho người khác, cô phải về nói cho cha mẹ biết. Qua đêm xong,

sáng nay cô ấy đi rồi. Nay bọn chúng tôi tính rằng một mặt đi báo cho đại nương tử và lão viên ngoại, một mặt cho người đi gọi tiểu nương tử về. Nếu nửa đường mà đuổi theo không kịp thì đến thẳng nhà cha mẹ cô ấy, xấu tốt gì cũng gọi bằng được cô ấy về hỏi cho rành mạch. Lão viên ngoại và đại nương tử phải đi một chuyến để đòi mạng cho Lưu quan nhân.

Lão viên ngoại cùng người vợ cả vội vàng thu xếp để lên đường, cho mang cơm rượu khoản đãi người đưa tin, rồi ba chân bốn cẳng đi vào trong thành.

Lại nói tiểu nương tử sáng sớm ra khỏi nhà hàng xóm rồi lên đường. Đi mới được vài dặm chân đã đau đi không nổi, ngồi ở vệ đường. Chợt thấy một người trai trẻ đầu đội khăn chữ vạn, mình mặc áo rộng khâu thẳng, lưng vác một tay nải, bên trong toàn tiền bằng đồng. Chân dận giày tơ bít tất trắng, người ấy đi thẳng tới trước mặt. Tới nơi, người ấy nhìn Nhị Thư tuy thiếu phụ không có mười hai phần nhan sắc song mắt sáng răng trắng, mặt như bông sen tỏa sức xuân, ánh mắt như sóng thu đưa tình tứ làm rung động cả lòng người. Thật là:

Hoa nội càng bắt mắt

Rượu quê lắm kẻ say.

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 25 (B)

Người trẻ tuổi đặt tay nải xuống, tới trước mặt cúi chào thật thấp:

- Tiểu nương tử đi một mình không có ai bầu bạn, xin hỏi là nàng đi đâu?

Nhị Thư đáp lễ xong, nói:

- Tôi về nhà cha mẹ đẻ, vì đi không nổi nên tạm nghỉ ở đây. Vậy ca ca ở đâu tới và định đi đâu.

Người trẻ tuổi khoanh tay, nghiêm trang nói:

- Tiểu nhân là người thôn này, nay vào thành bán ít tơ, kiếm được ít tiền, định đi sang bên Chử Gia Đường.

Nhị Thư nói:

- Xin nói để ca ca biết, nhà cha mẹ tôi cũng ở mé trái Chử Gia Đường. Nếu được ca ca đi cùng thì thật may quá.

Người trẻ tuổi đáp:

- Sao lại không được? Nếu đã như vậy tiểu nhân xin tình nguyện hầu hạ tiểu nương tử đi cùng.

Hai người liền đi. Đang đi trên đường chưa được hai ba dặm đường đất, chỉ thấy từ đằng sau có hai người đi nhanh như gió đuổi theo. Hai người đuổi đến mức thở hổn hển toát mồ hôi, vạt áo phanh ra, gọi to:

- Tiểu nương tử đằng trước kia đi chậm lại. Chúng tôi có chuyện muốn báo!

Nhị Thư cùng người trẻ tuổi thấy bọn kia đuổi theo rất lấy làm lạ, bèn dừng chân lại. Hai người đằng sau đuổi tới nơi, thấy tiểu nương tử đi cùng một người trẻ tuổi thì không đợi phân bua, mỗi người túm lấy một người, mắng:

- Các người làm chuyện đẹp mặt nhì? Định chạy đi đâu đấy?

Nhị Thư giật mình, ngược mắt lên coi, hóa ra là hai người hàng xóm, một người chính là chủ nhà mà Nhị Thư ngủ nhờ đêm qua. Nhị Thư bèn nói:

- Tối hôm qua cháu chẳng nói cho ông rõ là gì? Nhà cháu vô cớ bán cháu, cháu phải về báo cho cha mẹ biết. Hôm nay ông đuổi theo đến đây là có

điều gì muốn bảo?

Chu Tam nói:

- Ta không biết đâu những chuyện đó, chỉ biết nhà cô có án mạng liên quan đến cửa công, cô phải về nhà đối chất.

Nhị Thư nói:

- Nhà cháu bán cháu, tối hôm qua tiền đã vác về để trong nhà, có chuyện giết người liên can đến cửa công gì đâu? Cháu không về!

Chu Tam nói:

- Cô bướng bỉnh ghê nhỉ! Nếu cô không chịu về, tôi hô địa phương có kẻ sát nhân đang ở đây, phiền các ông bắt giúp; nếu không thể ắt liên lụy cả đến chúng tôi, mà địa phương của cô đây cũng không được yên đâu.

Người trẻ tuổi thấy không phải chuyện chơi liền bảo thiếu phụ:

- Nếu đã như thế thì tiểu nương tử về đi, tiểu nhân cũng đi đây.

Hai người hàng xóm đuổi theo cùng kêu to:

- Nếu không có mặt anh ở đây thì thôi, nhưng anh cùng đi cùng đứng với tiểu nương tử thì anh cũng phải cùng về.

Người trẻ tuổi cãi:

- Lạ thật, tôi gặp tiểu nương tử ở giữa đường, ngẫu nhiên đi cùng cô ấy một đoạn đường, thế thì có giây mơ rẽ má gì? Chẳng lẽ bắt tôi lồi về?

Chu Tam nói:

- Nhà người ta có chuyện người bị giết, thả nhà anh đi thì còn nhân chứng đâu mà kiện?

Rồi họ không để cho Nhị Thư và người trai kia làm theo ý mình. Người xem mỗi lúc một đông, đều bảo:

- Cậu kia không đi ư? Ban ngày cậu không làm chuyện xấu hổ, nửa đêm gõ cửa chẳng giết mình. Cậu cứ đi, có ngại gì?

Người hàng xóm đuổi tới cũng nói:

- Anh không đi là có tội giết mình. Chúng tôi không buông tha anh được.

Thế là bốn người đành dắt díu nhau quay về.

Tới cửa nhà Lưu quan nhân thì thật là náo nhiệt. Nhị Thư vào trong nhà thì thấy Lưu quan nhân đã bị bổ chết nằm trên đất mười lăm quan tiền để trên giường đã mất tâm, há miệng mắc quai, không nói sao được. Người trẻ tuổi

kia cũng hoảng, ca cẩm:

- Đúng là xúi quẩy! Tự dưng đi cùng cô ta một đoạn đường, hóa ra thành kẻ liên can!

Mọi người còn đang ồn ào không biết phân xử ra sao thì Vương viên ngoại cùng con gái thất thểu về đến nơi. Thấy xác con rể, viên ngoại khóc âm lên rồi bảo Nhị Thư:

- Mày làm thế nào mà giết cả chồng? Mày cướp mười lăm quan tiền rồi định trốn đi ư? Hôm nay lẽ trời soi tỏ, mày còn lý nào nói nữa?

Nhị Thư nói:

- Mười lăm quan tiền quả có thật, chỉ vì nhà cháu tối qua về nhà nói là không còn cách gì khác phải đem cháu gán cho người ta, với giá là mười lăm quan để ở đây. Nhà cháu nói hôm nay cháu phải đến nhà người mua. Vì cháu không biết nhà cháu bán cho người như thế nào nên trước hết muốn nói cho cha mẹ cháu biết, vì thế mà nhân lúc nhà cháu ngủ, đem mười lăm quan tiền xếp đồng ở bên chân nhà cháu rồi khép cửa, sang nhà ông Chu Tam ngủ nhờ một đêm. Sáng sớm hôm nay mới về nhà cha mẹ báo tin. Trước lúc đi, cháu có nhờ ông Chu Tam nói lại với nhà cháu giùm là nếu người mua đến thì cùng nhà cháu đến nhà cha mẹ cháu nói chuyện bàn giao. Cháu đâu biết làm sao nhà cháu bị giết chết nằm đây?

Người vợ cả nói:

- Lại còn thế nữa? Hôm qua cha tôi rõ ràng cho quan nhân mười lăm quan tiền vác về làm vốn để nuôi vợ con, có lẽ nào quan nhân lại nói với cô là tiền đem cầm cô? Ấy là vì hai ngày cô ở nhà một mình, bắt nhân tình với người ta, lại thấy trong nhà không được dư dả, không lòng nào ở mãi, thấy mười lăm quan tiền mới sinh lòng tham lam, giết chồng, cướp tiền. Cô còn muốn cho người ta biết, sang hàng xóm ngủ nhờ một đêm, rồi cùng với trai thông đồng tính toán rủ nhau đi trốn. Bây giờ cô đi với một người đàn ông thì còn lý nào mà cãi nữa? Có chối cũng không được đâu!

Mọi người đồng thanh nói:

- Lời của đại nương tử thật là có lý.

Người vợ cả lại bảo chàng trai trẻ:

- Nay anh kia, sao anh lại cùng dì bé mưu sát chồng tôi, lại ngầm dận nhau

chờ chỗ vắng vẻ để cùng trốn đi nơi khác?

Anh định tính thế nào đây?

Người trẻ tuổi đáp:

- Tiểu nhân họ Thôi, tên Ninh, không hề quen biết tí gì với tiểu nương tử. Tiểu nhân tối qua vào thành, bán được mấy quan tiền tơ ở đây, nhân trên đường về gặp tiểu nương tử, tiểu nhân chỉ ngẫu nhiên hỏi cô ấy đi đâu mà đi có một mình. Cô ấy nói đi cùng đường với tiểu nhân, vì thế mà làm bạn đồng hành, thứ tuyệt không biết gì đoạn trước với đoạn sau cả.

Mọi người đâu có chịu nghe lời phân bua của chàng ta liền lôi tay nải ra thì khéo thay vừa đúng mười lăm quan tiền, không kém một đồng nào cả. Thế là ai nấy hò reo ầm lên:

- Thật là lười trời lồng lộng, thừa mà không để lọt. Người cùng với tiểu nương tử giết người, cướp tiền, rủ rê đàn bà con gái rồi trốn đi nơi khác, khiến suýt nữa liên lụy hàng xóm láng giềng địa phương đây dính vào vụ án không đầu mối!

Lúc ấy đại nương tử tóm lấy Nhị Thư, Vương viên ngoại tóm lấy Thôi Ninh, hàng xóm bốn xung quanh đều là người chứng kiến, kéo ùa cả vào phủ Lâm An. Quan phủ nghe nói có vụ án giết người tức khắc thẳng đường, gọi những người có liên can nói lại từ đầu từng việc một. Trước hết Vương viên ngoại đứng lên thưa:

- Trên có tướng công, tiểu nhân là người trong thôn trang của bản phủ, tuổi gần sáu chục, chỉ sinh một gái, năm trước gả cho Lưu Quý là người trong thành của bản phủ, làm vợ. Sau vì không có con, lấy thêm Trần thị làm thiếp, gọi là Nhị Thư. Xưa nay ba người sống cùng nhà không có điều tiếng gì. Chỉ nhân hôm kia là ngày sinh của lão đây, lão có sai người sang đón con gái, con rể về nhà, ở lại một đêm. Ngày hôm sau, nhân thấy con rể không biết tính kế gì nuôi sống cả nhà bèn đưa mười lăm quan tiền cho con rể làm vốn, mở cửa hàng mà nuôi thân. Ở nhà có Nhị Thư trông nom, tới nửa đêm khi con rể về tới nhà, không biết vì nguyên cớ gì mà dùng rìu bổ chết con rể lão Nhị Thư cùng với một người trẻ tuổi tên gọi Thôi Ninh rú

nhau đi trốn, bị người đuổi bắt được về đây. Kính mong tướng công thương xót cho con rể của lão chết không rõ ràng; gian phu dâm phụ cùng tang chứng còn đủ cả đây, cúi mong tướng công minh xét.

Phủ quan nghe kêu như thế như thế liền gọi Trần thị ra, hỏi:

- Người làm sao lại thông đồng với gian phu, giết chết chồng mình, cướp tiền rồi lại rủ nhau đi trốn, là cố làm sao?

Nhị Thư thưa:

- Tiểu phu nhân được gả cho Lưu Quý, tuy là làm lẽ nhưng được nhà con đối xử tốt, chị cả lại hiền đức, con đâu dám nảy sinh lòng dạ ác độc đó? Chỉ vì tối hôm qua nhà con về nhà thì đã có hơi men, vác mười lăm quan tiền vào nhà. Con có hỏi lai lịch số tiền đó, nhà con nói vì túng bán không đủ sống nên gán con cho người ta, được giá là mười lăm quan, lại không cho cha mẹ con được biết, ngày hôm nay là con phải về nhà người ta. Con hoảng quá, ngay đêm ấy ra khỏi nhà, sang nhà hàng xóm xin ngủ nhờ một đêm, sáng sớm hôm nay trước hết con về thẳng nhà cha mẹ, nhờ cha mẹ bảo với chồng con, nếu đã bán con cho người mua thì cũng phải đến nhà cha mẹ con để bàn giao. Con mới đi được nửa đường thì thấy ông hàng xóm cho con ngủ nhờ đêm qua đuổi theo, bắt con quay về. Con thực không biết nguyên do làm sao chồng con lại bị giết.

Quan phủ quát lên:

- Nói láo! Mười lăm quan tiền đó rõ ràng là của ông nhạc cho chàng rể, sao người dám nói là tiền gán người, việc thấy trước mắt như thế, còn nói gì nữa? Huống hồ đàn bà con gái, làm sao trời còn tối đã ra đi? Nhất định là tìm kế thoát thân. Việc này hẳn không thể do người là phụ nữ làm được, nhất định phải có gian phu giúp người lấy của hại người. Người phải khai thực ra.

Nhị Thư đang định phân bua thì mấy nhà hàng xóm đều quì xuống thưa rằng:

- Lời phán bảo của tướng công đúng là lời bậc thanh thiên.

Người vợ bé nhà ấy tối qua quả có sang ngủ nhờ nhà hàng xóm thứ hai bên

trái, sớm nay thì ra đi. Bọn chúng con thấy chồng cô ta bị giết chết, một mặt cho người đuổi theo, đuổi đến nửa đường thì thấy chị ta đi cùng một người trẻ tuổi, bảo mấy cũng không chịu trở về, chúng con phải bắt mới về. Mặt khác cho người đi đón người vợ cả và ông bố vợ tới nơi, nghe ông cụ nói hôm qua có cho con rể mười lăm quan tiền để buôn bán. Hôm nay người con rể bị chết, số tiền đó không biết mất đi đâu? Hỏi người vợ bé đến mấy lượt, chị ta nói lúc ra khỏi nhà có chồng số tiền đó ở trên giường. Nay khám đầy của anh chàng kia thì đúng mười lăm quan không thiếu một đồng, thế chẳng phải nhà chị ta với anh chàng kia thông đồng làm chuyện bày bạ hay sao? Tang chứng rõ ràng, sao chúng có thể chối được?

Quan phủ nghe họ nói có lý bèn gọi chàng trai trẻ kia ra:

- Trên có ơn đức nhà vua, sao cho phép người làm chuyện bày bạ đó? Làm sao người lại dụ dỗ vợ bé nhà người, cướp mười lăm quan tiền rồi lại giết chết chồng chị ta? Hôm nay các người toan đi đâu? Phải thành thật khai ra.

Người trẻ tuổi thưa:

- Tiểu nhân họ Thôi tên Ninh là người thôn nọ. Hôm qua vào thành bán tơ được mười lăm quan tiền, sáng nay ngẫu nhiên gặp tiểu nương tử này trên đường. Tiểu nhân còn chưa biết họ tên cô ấy, thì làm sao biết nhà cô ấy có án mạng liên can đến cửa công?

Quan phủ giận dữ quát:

- Nói láo! Ta không tin thế gian lại có chuyện vừa khéo đến thế. Nhà họ mất mười lăm quan tiền, nhà người bán tơ cũng được vừa đúng mười lăm quan, rõ ràng là người chống chế mà thôi. Huống hồ nếu người không ưng vợ người, không cưỡi ngựa người, người lại không có dây mơ rễ má gì với người đàn bà ấy, làm sao lại cùng đi cùng ngủ với nó? Người ngoan cố chối cãi như vậy không đánh sao chịu khai?

Thế là lính nhà quan đề Thôi Ninh và Nhị Thư xuống đánh cho chết đi sống lại. Vương viên ngoại, con gái cùng đám hàng xóm xưng xưng đồ riết cho hai người, quan phủ cũng chỉ muốn kết thúc cho nhanh vụ án. Tra khảo một hồi, đáng thương cho Thôi Ninh và Nhị Thư chịu không nổi hình phạt đành phải liêu nhận tội, tội danh là nhất thời trông thấy tiền nổi lòng tham, giết chết chồng mình, cướp mười lăm quan tiền rồi cùng gian phu bỏ trốn. Hàng

xóm láng giềng cùng dùng ngón tay ký nhận bằng vẽ một chữ thập. Hai người bị cùm, đưa vào nhà lao tử tù. Mười lăm quan tiền trả cho nguyên chủ, song Vương viên ngoại đành đem biếu khắp người trong nha môn mà còn chưa đủ. Quan phủ xếp thành hồ sơ vụ án, tâu lên triều đình. Trên bộ phúc tra rồi gửi thánh chỉ xuống: "Thôi Ninh không được gian dân vợ người, nay tham của giết người, y luật xử trảm. Trần thị không được thông đồng với gian phu, nay giết chết chồng mình, là kẻ đại nghịch không có đạo, lăng trì thị chúng". Ngay lúc đó đọc lời khai của phạm nhân, đưa hai người trong nhà đại lao ra, trên công đường phán một chữ "chém" và một chữ "xẻo" rồi đưa ra chợ hành hình cho dân chúng xem. Dù hai người có miệng đầy mình cũng không làm sao phân bua được Thật là:

Người cam trót nếm bồ hòn,

Đặng mồm vị ấy ai còn có hay?

Ai nghe chuyện vụ án này ắt phải hỏi, nếu quả Nhị Thư và Thôi Ninh tham của hại người thì họ phải bỏ trốn ngay đêm hôm ấy, làm sao lại sang nhà hàng xóm ngủ nhờ một đêm? Rồi tận sáng hôm sau mới về nhà cha mẹ để bị người ta bắt được? Nỗi oan uổng đó, nghĩ kỹ là có thể suy ra. Nào ngờ quan phủ hồ đồ, chỉ muốn chóng xong việc, không muốn suy nghĩ kỹ thì sao có thể xét ra? Trong chốn âm u, tích đồn âm đức, xa tới con cháu, gần ở ngay mình. Hai oan hồn kia hẳn cũng không thể cho qua. Cho nên người làm quan nhất thiết không được sơ ý trong khi xét án, tùy theo cảm tính mà dùng hình phạt, thế nào cũng phải tìm tới sự công bằng sáng suốt, không thể chỉ nói người chết đâu thể tái sinh, đầu đứt đâu thể nối lại được! Thật đáng than thở lắm thay!

Lại nói người vợ cả Lưu Quý về đến nhà liền lập bàn thờ, giữ niềm hiếu thuận cho qua ngày. Người cha là Vương viên ngoại khuyên nên đi bước nữa, liền đáp:

- Không nói lâu đến ba năm thì cũng phải sau ngày để trở đầy năm đã!

Người cha bằng lòng ra về. Ngày tháng thoi đưa, người vợ cả ngồi nhà mong ngóng. Được gần một năm, người cha thấy con gái không ở góa được bèn cho người nhà là ông già Vương đi đón về. Ông già Vương đến nói:

- Cụ bảo mợ thu xếp về nhà làm giỗ cho Lưu quan nhân thì đi bước nữa.

Người vợ cả không biết tính sao, nghĩ bụng:

- Cha bảo cũng có lý.

Rồi thu nhật khăn gói, đưa cho lão Vương vác, chào từ biệt hàng xóm, tạm về rồi trở lại sau.

Ra khỏi thành đúng lúc sang thu, gió thổi mưa bay, đành phải bỏ đường cái vào một khu rừng tránh mưa, không ngờ đi lạc lối. Thực là:

Lợn dê mò đến nhà đồ tể,

Mỗi bước đưa chân nẻo chết người.

Vào đến trong rừng, bỗng phía sau rừng có tiếng quát to:

- Ta đây là Tỉn Sơn đại vương. Ai đó dừng chân, nạp tiền mãi lộ cho ta!

Người vợ cả cùng lão Vương sợ hết hồn, chỉ thấy một người nhảy ra. Người này mình mặc áo chiến bào cũ, ngang lưng dây lụa đỏ buộc chặt, dưới chân đi đôi giày ống da đen, tay cầm một thanh phác đao. Hắn múa đao xông tới. Ông già Vương muốn chết mới nói:

- Đồ trộm cướp chặn đường kia! Tao không biết mày là ai, thôi thì đành liều mạng già này với mày đây!

Nói rồi húc đầu tới, bị hắn tránh được. Ông già dùng sức quá mạnh, ngã lăn ra đất. Tên cướp nổi giận quát:

- Đồ trâu bò dám vô lễ?

Xia cho hai đao, máu loang đầy đất, xem chừng không sống được nữa. Người vợ cả thấy tên cướp hung dữ đến thế, liệu chừng không thoát nổi thân, bèn nảy ra một kế gọi là kế thoát khống, vỗ tay reo:

- Giết đúng lúc quá!

Tên cướp dùng tay, trợn tròn hai mắt dễ sợ, quát:

- Hắn là thế nào với nhà chị?

Người vợ cả giả vờ đáp:

- Tôi chẳng may góa chồng, bị bà mối dỗ dành lấy phải lão già này, lão chỉ biết ăn bám. Hôm nay may được đại vương giết cho, thật là trừ được mối hại cho tôi.

Tên cướp thấy người đàn bà dễ tâm như thế, lại có vài phần nhan sắc, bèn hỏi:

- Nàng có bằng lòng theo ta làm áp trại phu nhân không?

Người vợ cả suy nghĩ, thấy vô kế khả thi bèn đáp:

- Xin tình nguyện hầu hạ đại vương.

Tên cướp đổi giận làm vui, thu nhặt dao gậy, vứt xác ông lão Vương xuống suối, dẫn đường đưa tới một trang viện, người vợ cả đành miễn cưỡng đi theo. Tới nơi, đại vương nọ cúi nhặt vài hòn đất ném lên mái nhà, bên trong liền có người ra mở cổng. Vào đến thảo đường, sai mỗ dê lấy rượu rồi thành thân với người vợ cả, hai bên cũng hợp được với nhau. thật là:

Biết rành chẳng phải lứa đôi,

Gặp khi nguy cấp tạm thời gá duyên.

Không ngờ từ ngày lấy được vợ cả của Lưu Quý, chưa đầy nửa năm, đại vương kia vớ liền được mấy món béo bở, nhà giàu hẳn lên. Người vợ kia cũng có kiến thức, sớm tối ngon ngọt khuyên răn:

- Xưa có câu: "Nồi đất có ngày tan cạnh giếng, Tướng quân khó tránh chết trong quân." Hai vợ chồng ta đủ ăn đủ tiêu nửa đời còn lại. Nếu cứ làm mãi những việc không hợp lẽ trời này thì chưa chắc đã có kết quả tốt, chẳng nghe nói "Vườn Lương tuy đẹp đấy đâu phải chốn ở đời" đó sao? Chi bằng đại vương nên đổi nghề, làm người lương thiện, buôn bán nho nhỏ thôi cũng đủ nuôi thân lại được sống!

Đại vương kia sớm tối bị vợ khuyên mãi cũng chuyển, quả nhiên hồi tâm đổi ý, bỏ con đường đi cướp, vào trong thành thuê một căn nhà, mở một hiệu tạp hóa, nhàn nhã sống qua ngày. Thỉnh thoảng vợ chồng lại lên chùa niệm Phật ăn chay.

Bỗng một hôm ngồi nhàn ở nhà, đại vương bảo với vợ:

- Tôi tuy xuất thân là tên cướp chặn đường cướp bóc song cũng hiểu được oan phải có đầu, nợ tất có chủ. Ngày thường thì dọa nạt lừa lấy của người để mà sinh sống. Sau đó mới gặp được nàng, từ đấy làm ăn xuôi thuận. Nay tôi đã đổi nghề làm người lương thiện, lúc rồi nghĩ lại việc trước. Chỉ có hai việc vương bận trong lòng, một là giết uống hai người, hai là làm hai người khác oan uống. Tôi muốn làm việc công đức để siêu độ cho họ. Điều này tôi chưa từng kể với nàng bao giờ.

Người vợ hỏi:

- Như thế nào là giết uống mất hai người?

Đại vương đáp:

- Một người là chồng nàng. Hồi trước ở trong rừng, ông ta húc tôi, tôi liền giết chết. Người già như ông ấy chẳng có thù oán gì với tôi, nay tôi lại cướp vợ của ông ta, ông già chết đi hẳn không chịu cam tâm đâu.

Người vợ nói:

- Nếu không nhờ thế, tôi sao được chung sống với mình? Thôi, chuyện đã qua rồi, đừng nhắc đến nữa. Còn giết người thứ hai, là ai vậy?

Đại vương đáp:

- Nói đến người này thì càng không đúng với lẽ trời, lại còn làm liên lụy đến hai người khiến họ vô tội mà phải đền mạng. Ấy là chuyện một năm trước đây, tôi đánh bạc thua sạch, không còn một đồng, ban đêm bèn đi kiếm chác chút ít. Mò đến cửa nhà ấy, thấy một người say rượu nằm quay trên giường, dưới chân có một đồng tiền đồng, tôi tính cuồn lấy vài quan. Đang tính đi thì người kia giật mình tỉnh giấc. Người ấy trở dậy nói: "Đây là số tiền ông nhạ ta cho ta làm vốn, để người lấy đi thì cả nhà ta chết đói à?" Rồi người ấy chạy sấn ra ngoài cửa buồng, đang định kêu ầm lên. Khi ấy tôi liệu không nói chuyện được với anh ta, lại sấn bên chân có cái rìu bổ củi, thế gọi là kế nảy sinh khi nguy cấp. Tôi giờ rìu lên, quát: "Không phải tao mà tại mày!", bổ cho hai nhát rồi vào trong buồng vợ hết cả mười lăm quan tiền. Sau này hỏi thăm, được biết tôi làm liên lụy đến vợ bé của anh ta cùng một người trai trẻ tên là Thôi Ninh. Ai cũng bảo hai người tham của giết người, cả hai đều chịu hình phạt theo phép nước. Tôi tuy làm cướp một thời song hai vụ chết người này thì cả lẽ trời và lòng người đều không thể cho qua được. Sớm muộn gì cũng phải siêu độ cho họ, đó là điều rất nên làm.

Người vợ nghe nói vậy thầm kêu khổ: "Thì ra chồng mình bị tên này giết, lại làm liên lụy đến Nhị Thư nhà ta cùng người trẻ tuổi, cả hai đều vô tội mà bị tội chết. Nghĩ lại, ta lúc đầu không nên nhất quyết đòi họ đền mạng mới phải. Hai người ấy ở dưới âm ty hẳn sẽ không tha cho ta đâu!"

Nghĩ rồi tạm vẫn vui vẻ như thường, không nói gì nữa.

Ngày hôm sau chớp được dịp, người vợ bèn đi thẳng tới trước cổng phủ Lâm An, kêu oan khuất ầm lên. Lúc này quan phủ mới đã nhận chức được

nửa tháng. Quan vừa thẳng đường thì tả hữu kéo người đàn bà kêu oan vào. Vợ cả Lưu Quý đến dưới thềm thì khóc rống, khóc xong mới thuật hết những việc làm trước sau của đại vương tướng cướp như đã giết Lưu Quý, chồng chị ta như thế nào; quan phủ trước không chịu suy đoán cho kỹ, chỉ hàm hồ cho qua chuyện khiến Nhị Thư và Thôi Ninh phải đền mạng mù mờ, sau lại giết ông lão Vương, lừa dối chị ta như thế nào.

- Bẩm quan, hôm nay lễ trời sáng tỏ, tất cả là tự miệng hãn thừa nhận. Cúi mong tướng công giơ cao gương sáng, chiêu tuyết nỗi oan thừa trước! - Vợ cả Lưu Quý nói xong lại khóc.

Quan phủ thấy tình cảnh và lời kêu đáng thương, tức khắc cho người đi bắt Tĩnh Sơn đại vương lôi đến, đánh đập hỏi tra thì lời hãn khai khớp với lời kêu của người đàn bà, không sai chút nào. Tức thì quan ghép vào tội chết, tấu gửi lên trên. Hết kỳ hạn sáu mươi ngày, thánh chỉ đưa xuống:

"Xét tên Tĩnh Sơn đại vương tham của giết người, làm liên lụy đến người vô tội. Chuẩn theo luật giết ba người không phải tội chết trong một nhà thì mức chém tăng nặng hơn không còn trì hoãn. Quan phủ trước đây xét án không đúng sự thực, truất chức cho về làm dân thường. Thôi Ninh và Trần thị chết uổng đáng thương, quan phủ mới cho người đến thăm nhà, tùy theo tình hình mà chu cấp. Vương thị đã do tên cướp bức bách phải thành thân, nay lại biết rửa oan cho chồng thì số gia sản của tên cướp sung công một nửa, một nửa cho Vương thị đủ sống suốt đời"

Ngay hôm ấy người vợ cả Lưu Quý ra pháp trường xem Tĩnh Sơn đại vương bị hành quyết, xong nhặt đầu hãn mang về tế chồng, Nhị Thư và Thôi Ninh, rồi khóc rống hồi lâu. Sau đó đem một nửa gia sản được chia cúng hết cho am ni cô, tự mình sáng chiều xem kinh niệm Phật, truy tiền vong hồn, già đến trăm tuổi mới mất.

Có thơ làm chứng:

*Không phân thiện ác mới toi đời,
Tai họa gây nên bởi bốn cười.
Nhẫn nhủ nói năng cần xác tín,*

Lười môi mồm vạ chẳng hề sai.

Hết Tập 1

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Tập 2 - Chương 1

Giữ Phép Nước, Trung Thần Trừ Kẻ Ác

Gây Án Oan, Gian Đảng Hại Người Trung

Người ta thường nói: "Trừ cỏ tận gốc", có nghĩa là, trừ ác cũng phải trừ tận gốc. Song thánh nhân lại nói rằng: "Ghét kẻ bất nhân quá đáng sẽ sinh loạn". Quá khích thì sinh biến loạn, bởi thế không thể không đề phòng. Chẳng hạn như thời Gia Tĩnh triều Minh, có một vụ án oan mà khiến cho ai ai cũng phải nghiêng răng căm giận. Chỉ vì trị bọn tiểu nhân mà liên quan đến đại thần quốc thích. Vì triều đình bảo vệ quốc thích mà tha cho bọn tiểu nhân, khiến bọn gian manh lọt lưới còn viên quan thẳng thắn thi hành pháp luật thì lại bị cho là hãm hại người vô tội, rồi bị bắt giam vào ngục đền tội. Các quan trong Đài giám, có người đứng ra tranh luận đều bị giết một cách nhục nhã, và trở thành thảm họa trong giới quan lại. Há đây chẳng phải là sự thưởng phạt hết sức vô cơ sao! Song quân tử cũng có chỗ không đúng. Cổ nhân xưa từng nói: "Đánh chuột phải loại trừ đồ vật". Thiết nghĩ, các bậc quân tử phải biết tính toán từ trước, sao lại để đến nỗi phải đắm chìm vào án oan, đến khi quan mới lên thay, công luận mới đề cập tới. Thế mới thấy, ghét kẻ ác đừng ghét quá đáng, và không thể không theo lời dạy của thánh nhân.

Thời Gia Tĩnh triều Minh, huyện Quách Đại Châu, Sơn Tây, có một kẻ gian ác tên là Vương Lương, hăn đã xưng lập ra tà đạo Bạch Liên, phù phép lừa dối những người ngu muội. Những người theo đạo Bạch Liên, dù nam hay nữ đều gọi là "Phật tử", kết bè kết đảng, sống chung chạ với nhau. Vương Lương có ảo thuật mê hoặc người, tất cả những con gái xinh đẹp trong vùng và các ni cô trẻ đều bị hăn làm ô nhục. Ngay đến cả những nhà giàu có cũng đều bị tà đạo lừa dối. Tay chân của hăn có tới hàng vạn tên, đều luyện phép thuật yêu ma quỷ quái chúng ra ngoài mặt sức gian dân

với đàn bà con gái, cướp bóc tài sản, không từ một việc gì.

Có một vị tú tài, vợ anh ta không đẹp lắm. Một hôm vào buổi tối, một cô gái tới nhà xin ngủ trọ, thấy cô đẹp, tú tài muốn dụ cô gian dâm, bèn giữ cô ngủ lại tại buồng của vợ, rồi bàn với vợ rằng, khi cô ta vào phòng thì tắt đèn đi ra, sau đó anh ta vào phòng ngủ với cô. Vào lúc canh hai, chờ cho vợ ra, vị tú tài bèn rón rén tới bên giường, chưa dám hành sự ngay. Nào ngờ người trên giường chờ đợi từ lâu, nghe thấy tiếng bước chân bèn nhồm dậy ôm chầm lấy. Thấy thuận lợi, tú tài nhảy tót lên giường để thỏa dục mây mưa. Nào ngờ, cái của người ấy cất lên, to cứng hơn cả của mình. Tú tài nhảy vọt ra, kêu rầm lên bảo mọi người bắt người ấy trói lại. Hỏi ra thì đó là đồng bọn của Vương Lương. Hắn thường giả làm đàn bà để lừa vợ con người khác. Bất chợt tú tài giận dữ, cắt phăng dương vật của hắn, sợ hắn chết trong nhà bất ổn, bèn đắp thuốc vào vết thương, rồi thả ra. Đó chẳng phải là một chuyện lạ ư?

Lại có một làng, đêm đêm ma quỷ cứ tác oai, tác quái. Vừa chập tối đã thấy có bóng đen đột nhập vào nhà, có khi thì giống lừa ngựa, có khi hình người mặt xanh răng chìa ra như quả chuối mẫn, trẻ con sợ khóc thét lên, suốt đêm không lúc nào yên giấc. Biết được bọn tà giáo của Vương Lương có thể trừ tà đuổi quỷ, họ thu gom tiền bạc, xin Vương Lương dùng phép bắt ma. Vương Lương bảo họ, nếu thôn ấy theo đạo của hắn thì quỷ quái không tới quấy nhiễu nữa. Quả nhiên đúng như thế. Từ đó những người xa kẻ gần không ai không sùng bái. Việc tác oai tác quái như thế không phải chỉ một lần mà thôi, ngờ đâu bọn yêu tặc lại còn nhiều lần dùng phù phép trêu người.

Tên cấp phó của chúng là Lý Phúc Đạt, dũng mãnh có thừa và cũng vô cùng giáo hoạt, hắn đã dùng thủ đoạn mê hoặc ngu dân như Vương Lương. Về sau, quan phủ biết được, bắt mấy kẻ đồng đảng của chúng trị tội cùng. Lý Phúc Đạt bèn liên kết với Vương Lương ngang nhiên chống lại. Hắn tụ tập hàng ngàn người giết hại dân thường, đốt nhà cướp của rất hung hãn.

Phủ quan đem quân đánh vào sào huyệt, song bị chúng giết không còn đường thoát.

Vương Lương lại có thuật cấm binh khí, đao gậy, cung tên đều không chạm vào người được. Do đó thế giặc ngày càng mạnh, quan quân triều đình không sao chống nổi. Phủ quan hỏi mọi người về cách chống giặc. Có một tướng quân nói:

- Phép thuật vật ấy phá chẳng khó khăn gì. Hãy bảo quân lính mỗi người cầm một chiếc gậy tùy thân, gặp giặc dùng gậy đánh, không dùng dao chém, thì bọn chúng không sao chống cự nổi.

Phủ quan làm theo kế ấy. Bọn giặc cứ dựa thế binh khí sẽ không chạm vào người được, bởi thế mà chúng cứ ung dung không hề phòng bị. Nào ngờ quan quân bất thần ập tới, dùng gậy đánh. Một người thắng, tất cả ồ ạt xông lên. Trận ấy bọn yêu đảng chết không sao kể xiết. Thấy yếu thế, đội quân ô hợp hèn nhau chạy tán loạn. Tên đầu sỏ Vương Lương bị bắt, cùng với hơn hai mươi tên đồng đảng, tất cả bọn chúng đều bị trảm thủ bêu đầu. Chỉ còn Lý Phúc Đạt là một tên giảo hoạt, thấy Vương Lương thất thế bèn hoảng hốt cải trang chạy trốn.

Quân tướng nhà Minh rất chủ quan, tìm không thấy hẩn, cho thế là xong việc. Nào ngờ Lý Phúc Đạt trốn tới huyện Từ Câu phủ Thái Nguyên, đổi tên là Trương Dần. Khi hẩn chạy trốn, mang theo nhiều vàng bạc châu báu. Huyện ấy có một người họ Trương, là người vừa giàu lại vừa có thế lực. Trương Dần lân la kết giao, nhận là người trong nhà, ghi vào gia phả để che mắt mọi người. Con mắt người đời rất thiện cận, thấy hẩn có tiền của, có thế lực, cũng chẳng để ý gì đến, chỉ biết hẩn là Trương Dần, chứ hoàn toàn không hiểu được trước đây hẩn là Lý Phúc Đạt. Sau này thấy việc truy bắt đã buông lơi, hẩn bèn đem tiền của đến kinh đô kết giao với những người quyền quý để làm bùa hộ mệnh. Thời ấy quốc thích Vũ Định hầu - Quách Huân - ngang nhiên nhận hối lộ, hẩn là kẻ tiểu nhân tham lam vô liêm sỉ, ai có tiền cũng có thể mua chuộc được. Trương Dần dùng lễ vật hậu đút lót, chui vào làm thợ. Những ngày lễ tiết quanh năm đều mang lễ hậu đến dâng

tặng. Thăm dò, biết được Vũ Định hầu là người mê gái, Trương Dần bỏ ra một ngàn lạng vàng mua một mỹ nữ, vờ làm con đẻ của mình dâng hiến, khiến Vũ Định hầu vô cùng sung sướng, ngay cả tính mệnh của mình cũng muốn hi sinh cho Trương Dần.

Trương Dần giả, dựa vào thanh thế của Quách Huân, kết giao với các quan trong triều thân thiết như anh em ruột thịt. Vừa lúc triều đình mở ra một lệ mới, Lý Phúc Đạt theo lệ ấy, bỏ ra một ngàn thạch thóc, được bổ nhiệm làm Chỉ huy vệ Thái Nguyên Sơn Tây. Một tên hung đồ trốn chạy, lại làm quan theo lệnh của triều đình, thật đáng nực cười!

Phúc Đạt có hai con trai, con trưởng là Đại Nhân, con thứ là Đại Nghĩa, đều làm thợ cho Quách Huân, sống tại kinh đô. Đây là nơi đầu mối giao thông quan trọng, đúng là con thỏ giảo quyết đã tìm được ba cái hang để lánh mình? Có được chỗ dựa vững chắc như Thái Sơn, quả là hăn đã phủi bụi lên, găm vóc lên tội ác của hăn, có tài thánh cũng không nhận ra được hăn là ai.

Đại Châu có một người tên là Tiết Lương, chơi thân với Phúc Đạt từ khi còn bé. Nghe nói Phúc Đạt phạm tội chạy trốn, quân triều đình không truy lùng ra, lại nghĩ hăn ẩn nấp ở nơi xa, nhất định sẽ phải bỏ xương nơi đất khách quê người. Ngẫu nhiên đến Thái Nguyên thăm người thân, đang đi lang thang trên đường, thì thấy một quan võ cưỡi ngựa, quát thét dạt đường, đằng sau là bốn năm người lính hầu áo mũ oai vệ, khí thế ngang tàng, trông rất hách dịch. Tiết Lương đứng nép vào vệ đường để cho họ đi qua. Khi ngựa Trương Dần tới nơi, Tiết Lương chợt nhận ra người ấy là Lý Phúc Đạt. Tiết Lương giật thót mình, nghĩ rằng: "Sao người ấy lại được thế này?". Rồi lại thấy một người tới nói chuyện với ông ta, Tiết Lương lắng nghe tiếng nói, thì quả không sai. Song cũng không dám tin: "Có thể là người giống nhau, chứ chưa chắc đã đúng". Trong lòng Tiết Lương thắc thỏm không yên, nửa tin nửa ngờ. Chờ cho đoàn người đi qua, Tiết Lương đến một nhà trước mặt phố lễ phép hỏi:

- Thưa ông, người cưỡi ngựa đi trước là quan gì vậy?

- Đây là ngài Trương, Chỉ huy vệ Thái Nguyên, tên là Dần. - Người hàng phố nói.

Tiết Lương vẫn không sao cả quyết được, nghĩ: "Nếu là ông ta thì sao lại vinh hiển đến thế? Nếu không phải là ông ta thì sao nụ cười, tiếng nói, nét mặt lại đúng là ông ta?". Nghĩ đi nghĩ lại mãi, rồi Tiết Lương tự nói thầm với mình: "Đúng rồi, ông ta sợ nên đổi tên là Trương Dần, rồi tìm cách làm quan ở đây. Thôi thì cứ mặc ông ta, ngày mai mình tới thăm ông ta xem sao, chưa biết chừng mình không những được đối xử tốt, mà lại còn mua chuộc, mình đừng lộ ra, và biết đâu lại được một món tiền to!".

Nghĩ thế, Tiết Lương yên tâm ngủ. Sáng sớm hôm sau, cơm nước xong Tiết Lương tìm đến dinh quan Phúc Đạt. Tới cửa ông ta chắp tay nói với người gác cổng:

- Ông lớn các ông có nhà không?

- Đang ở nhà. - Người ấy đáp.

- Xin phiền ông nói với ngài rằng có người bạn cũ đến thăm. - Tiết Lương nói.

Người gác cổng hỏi họ tên, Tiết Lương nói:

- Ông không cần phải hỏi, lát nữa gặp ông chủ khắc biết.

Người gác cửa vào bẩm. Phúc Đạt thấy nói là người bạn cũ không đoán được là ai, nói:

- Hãy mời ông ấy vào?

Người ấy vừa vào, Trương Dần biết ngay là Tiết Lương, mặt bỗng tái đi, nhưng vẫn tỏ vẻ tươi cười bước xuống thềm chắp tay nói:

- Từ ngày xa nhau đến giờ bạn vẫn bình an chứ?

Tiết Lương chắp tay nói:

- Nghe thấy cố nhân ở đây, tôi nhỡ ý tới thăm.

Thế rồi Phúc Đạt mời Tiết Lương vào thư phòng.

Tiết Lương thấy xung quanh không có ai mới hỏi:

- Trước đây ông lâm sự, sao đến được đây làm quan, vinh hiển tới mức này?

Phúc Đạt xoa tay nói:

- Việc trước ông đừng nhắc tới nữa. Sao ông lại biết tôi ở đây?
- Hôm qua thấy ông trên đường, vì tùy tùng đông tôi không tiện hỏi, nay nhả ý đến thăm ông. Chỉ mình tôi lưu lạc tới đây, vốn liếng hết sạch, nhờ ông giúp cho chút ít, không biết ý ông thế nào.
- Điều này không cần phải nói. - Phúc Đạt nói. - Nhưng ông đã đến đây cũng phải lưu lại chơi mấy ngày, chờ tôi thu xếp lúc đó tôi sẽ tiễn chân ông về phủ, ông thấy thế nào?

Tiết Lương thấy ông ta có lòng tốt, hết lời cảm tạ. Rồi Phúc Đạt cho dọn cơm rượu ra, hai người cùng ăn uống rất vui vẻ. Cơm nước xong, Phúc Đạt dặn dò bọn tay chân rằng:

- Hãy sắp xếp giường chiếu cho ông nghỉ tại thư phòng.

Chuyện trò hồi lâu, cuối cùng Phúc Đạt nói:

- Ông cứ yên tâm nghỉ tại đây.

Rồi Phúc Đạt vào nhà trong, nghĩ thầm: "Chẳng ai biết được tông tích của ta, nay hãn biết được, nếu hãn ra ngoài nói cho người khác biết thì nguy to! Thôi thì ta ra tay giết hãn trước để trừ hậu họa". Ngấm ngấm tính toán xong, hãn gọi hai tên tâm phúc đến thì thào dặn rằng:

- Lão đến hôm nay là kẻ thù truyền kiếp của ta, ta đã giữ hãn ở lại thư phòng. Ta nhờ vào lưỡi dao sắc của người để giết hãn. Vào canh ba đêm nay hãy kết liễu đời hãn, rồi vứt xác hãn ra ngoài đồng hoang. Phải làm cho thật mau lẹ gọn gàng, xong việc ta sẽ thưởng cho các người hai mươi lạng bạc, và sau này ta sẽ cất nhắc các người. Các người có muốn làm việc này không?

Hai tên đầy tớ vui vẻ đáp:

- Xin ngài cứ ngủ ngon. Việc khác chúng con không làm được chứ việc này là việc vặt, có đáng gì. Xin hứa với ngài sẽ làm êm ru.

Phúc Đạt rất mừng. Hai người cũng hớn hở bước ra, định nửa đêm hành sự. Tiết Lương ăn cơm tối xong, ngồi một lúc lâu mới đóng cửa thư phòng, lên giường nằm nghỉ. Tự nhiên Tiết Lương thấy đau bụng, định tìm chỗ vắng đại tiện, bèn ra khỏi thư phòng. Đêm ấy ánh trăng lơ mờ, thấy mé nhà có một lối đi nhỏ, Tiết Lương lén ra xem chuồng ngựa chỗ nào, nhưng đây là

một khu đất trống. Định ra đó thì bỗng nghe thấy bên kia tường có tiếng thì thào. Một người nói:

- Vì sao ông lớn lại định giết người ở thư phòng?

- Anh không nghe ông lớn nói, - người kia nói, - người ấy là kẻ thù của ông lớn ư?

Tiết Lương nghe thấy rụng rời chân tay, ngay đi đồng cũng không kịp, nghĩ: “Không ngờ tên giặc ấy lại lòng lang dạ sói như thế! Nếu chậm chút nữa thì tính mạng mình sẽ đi đời, phải chạy trốn ngay mới là thượng sách”. Tiết Lương rón rén bước qua chuồng ngựa, thấy có bức tường đất, tìm chỗ thấp leo qua. Rất may bên ngoài lại là đường cái thông đi các ngã. Tiết Lương chạy thực mạng, không biết đã bao xa.

Đúng lúc ấy Tri phủ Thái Nguyên đi dự tiệc trở về, Tiết Lương nhìn thấy, cảm cố chạy thẳng vào đường ông lớn đang đi bị quân lính tóm được, hỏi anh là ai. Tiết Lương nghĩ rằng, phải tố cáo Lý Phúc Đạt, nhưng chưa nghĩ ra cách nào, nay lại thấy Tri phủ Thái Nguyên, Tiết Lương xông vào, ra sức kêu oan. Ông lớn quát hỏi:

- Người có việc gì oan khuất mà đêm hôm kêu gào?

- Con gặp nạn phải chạy trốn, có sự việc tày trời muốn cáo giác nhưng người đông không dám nói, xin ngài cho về tư dinh con sẽ mật báo.

Tri phủ cho dẫn anh ta về dinh. Vừa vào cửa, đã cho gọi Tiết Lương vào nhà riêng hỏi tố cáo việc gì. Tiết Lương bẩm rằng:

- Con là người Đại Châu, tên giặc Lý Phúc Đạt là người đồng hương quen biết. Trước đây con nghe hản trốn đi biệt xứ, hôm qua con gặp Trương Dần, Chỉ huy vệ Thái Nguyên, nhìn kĩ mới nhận ra hản chính là Lý Phúc Đạt. Vì con đến thăm, Phúc Đạt dặn con không được nói ra, giữ con lại qua đêm. Con tưởng hản tốt, nào ngờ hản định giết con để bịt đầu mối. Con bỗng nhiên đau bụng ra ngoài tìm chỗ đại tiện, song nghe thấy bên kia đường hai người mưu giết con nói chuyện với nhau. Con đã vượt tường chạy trốn và đến cáo giác với ngài.

Quan Tri phủ nói.

- Tên quan chỉ huy Trương Dần có đúng là Phúc Đạt đổi tên không? Người không được cáo giác bừa.

- Nếu con nhận không đúng thì làm sao con dám tố cáo. - Tiết Lương trả lời.

Quan phủ nghĩ: "Lý Phúc Đạt là tên tội phạm nguy hiểm, hiện các nơi đang truy nã nghiêm ngặt mà vẫn chưa bắt được. Nay hắn thay tên đổi họ, chạy đến đây làm quan. Đã có người tố giác thì nhất định đúng hắn rồi!". Ngay đêm ấy dẫn người đi báo với Đô viện. Đô viện được tin bèn truyền lệnh cho trung quân đem tiêu binh hiệp đồng với Tri phủ, Tri huyện bắt gian đảng.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 1 (B)

Hai tên tay chân của Lý Phúc Đạt, vào khoảng canh ba tới thư phòng, không thấy Tiết Lương, vội vàng báo với chủ. Biết được Tiết Lương đã bỏ đi, Phúc Đạt sợ xanh mặt. Thấy nguy cấp, suốt đêm không sao ngủ được, lại nghe thấy bên ngoài có tiếng người ngựa, rồi sau đó thấy tiếng đập cửa thình thình. Mở cửa ra, thấy đèn đuốc sáng rực ập vào, đi sau là hai vị phủ quan, quan thấy Phúc Đạt liền quát thét:

- Bắt ngay!

Phúc Đạt phân trần mình vô tội.

- Người là Lý Phúc Đạt, - quan lớn quát, - hiện có Tiết Lương đang tố cáo, còn biện bạch gì nữa!

Thấy sự việc bại lộ, Phúc Đạt bèn cúi đầu chịu tội. Quan phủ khóa tất cả bọn người nhà giải đi. Kiểm tra toàn bộ tài sản, niêm phong cửa, một mặt báo cho địa phương trông coi, mặt khác giải phạm nhân về dinh quan tra hỏi. Tiết Lương được gọi ra cùng đối chất với Phúc Đạt. Tiết Lương nói rất rạch ròi, Phúc Đạt tuy giáo hoạt, nhưng sự thực rành rành, không thể che giấu nổi, đành phải thừa nhận.

Quan phủ thấy hãn cung khai, cũng không tra tấn, giam hãm vào ngục, rồi bẩm lên cấp trên xin chiếu chỉ định đoạt. Rồi lập tức gửi văn bản về kinh đô bắt hai đứa con. Thời ấy phủ Thái Nguyên đều có báo tin tức, người ta tóm năm tùm ba truyền tin đi khắp mọi nơi rằng: "Đời nay có tiền thì kẻ cướp cũng được làm quan". Tuy Phúc Đạt bị giam, song vẫn liên hệ thông suốt với kinh đô. Ngay đêm ấy đã báo tin cho hai đứa con, bảo chúng trốn chạy đến phủ Vũ Định hầu, nhờ ông ta cứu giúp, nhất định sẽ hậu tạ. Quách Huân biết tin gửi thư cho Tất Chiêu là quan Tuần phủ Sơn Tây, nhờ ông ta phóng thích. Là một kẻ muốn đề cao quyền lực, thấy Quách Huân có thư nhờ cậy, Tất Chiêu ghép luôn Tiết Lương vào tội vu cáo. Các quan thẩm

phán ra sức tranh cãi, song vẫn không thể bác bỏ, cuối cùng vụ trọng án thật lại dần dần trở thành mơ hồ.

Đúng lúc ấy quan Ngự sử tiếng tăm lừng lẫy tên là Mã Lục được lệnh tuần du Sơn Tây. Vốn là người thanh liêm, chính trực chưa tới nhiệm sở, Mã Lục đã nghe thấy vụ án này tuần phủ không chịu chấp hành pháp luật, lại trì hoãn lâu ngày không giải quyết, lập tức ông đưa vụ án Lý Phúc Đạt ra phúc thẩm. Ông cho người tới huyện Quách Đại Châu bắt những người hàng xóm Lý Phúc Đạt đến nhận mặt, lại đưa giấy đến huyện Từ Câu kiểm tra nơi ở của hắn. Kết quả phúc thẩm: "Phúc Đạt không phải là người ở đây, hắn đã tới đây từ năm bị truy lùng, hắn đã mạo nhận là họ Trương, đổi tên là Trương Dân". Đâu đâu cũng thấy chứng cứ, sau đó Mã Lục lại bắt Phúc Đạt lấy khẩu cung, thì quả nhiên hắn cung khai đúng như thế.

Vụ án đã kết luận, đang định tấu lên Chính pháp, bỗng một hôm quan Tuần bổ bẩm rằng:

- Vũ Định hầu sai người đưa thư tới.

Theo quy định của nhà môn, tất cả những thư đã dán kín không được bỏ vào hòm thư. Thư của Vũ Định hầu gửi tới tất có sự nhờ vả về vụ án, phải đệ trình ngay lên quan. Sai nhân bước tới trước bàn dâng thư, quan Ngự sử họ Mã bóc ra xem, cười ha hả nói:

- Thật là một đại thần quốc thích! Đã nói giúp cho một tên đại tặc, lẽ nào ông không hiểu được phép vua!

Sai nhân cậy mình là người của phủ Hầu, nói:

- Thưa ông lớn, phép vua vốn cần thiết, song e rằng tình riêng cũng rất cần.

Tuần án quát:

- Đánh đánh rồi hãy nói sau!

Tay chân đồng thanh quát, lôi tuột ra đánh. Bị đánh hai mươi gậy, sai nhân đau quá không chịu nổi, van xin tha tội:

- Con tự biết đã xúc phạm, xin ngài nể mặt ông lớn nhà con.

- Nể mặt chủ mày, đánh thêm hai mươi gậy nữa! - Tuần án đáp.

Mã Lục trừng phạt hắn bốn mươi gậy, rồi bảo hắn chống nạng mà về. Sai

nhân ôm đầu lùi ra.

Tuần án lập văn bản, gửi kèm theo cả bức thư của Quách Huân. Gia Tĩnh để xem văn bản chuẩn y ngay, lại giáng chỉ, quở trách Quách Huân. Đúng là án đã quyết thì phép trời cũng không thể lập được.

Nếu như gián quan không tham gia hạch tội, thì việc ấy đã kết thúc. Tiếc rằng phong khí thời Minh, gián quan rất thích tranh luận để tỏ rõ năng lực của mình. Bản thứ nhất không phê lại đệ lên bản thứ hai, bản thứ hai cũng không phê chuẩn, thế là cứ tiếp tục dâng bản tấu lên, triều đình cứ rối như canh hẹ. Bởi thế vương thân quốc thích có đôi chút sai sót cũng đều sợ ông. Lúc đầu họ bàn luận về đúng sai, tiếp đó họ lại đề cao chí khí, cốt yếu là thể hiện tài hùng biện của họ. Triều đình chán ngán để lại, không nhắc đến nữa. Nay thấy Mã Tuần án tấu trình lên, Vũ Định hầu che chở cho kẻ phản nghịch, viết thư riêng nhờ vả, các quan đều dùng dùng nỗi giận. Có người nói:

- Phúc Đạt giết hàng vạn người, trốn biệt tăm tích, nay tội đã rõ ràng, khép hẳn vào tội cực hình vẫn còn chưa xứng. Vũ Định hầu lại quanh co xin cho hắn cũng đáng phải trị tội.
- Liên hệ với kẻ giặc phản nghịch, - có người nói, - rõ ràng là kẻ nhận hối lộ của Phúc Đạt, phải chu diệt. Quách Huân cũng khó mà tha được .

Những bản vạch tội hắn càng về sau càng ghê gớm. Họ nói về kẻ che chở cho bọn phản nghịch, bụng dạ khó lường, phải ghép vào tội mưu phản, phải diệt cả họ mới đáng. Quách Huân sao có thể chống cự nổi, bèn đi van xin Trương Thông, Quế Ngạc, những sủng thần tâm phúc của triều đình, cầu mong họ che chở.

Vì sao Trương Thông, Quế Ngạc lại được triều đình sủng ái? Thời ấy hoàng đế Chính Đức băng hà, không có con nối dõi, di chiếu để lại là lập Hậu Thông - con cả Hưng Hiếu vương, thuộc cháu ruột Hiếu Tông - lên thừa kế. Quần thần bèn tôn ông lên làm hoàng đế, đó là Gia Tĩnh đế. Gia

Tĩnh tức vị, tôn cha đẻ của mình làm Hưng Hiếu hoàng đế, gọi Hiếu Tông hoàng đế là Bá. Đó là tình riêng, chứ thực ra không thuận lẽ trời, lòng người. Chẳng hạn như dân thường không có con lập người thừa tự, giao hết tài sản cho người thừa kế, tự tiếp nhận việc thờ cúng, thì cha mẹ sinh ra mình phải kém một vai. Nếu chỉ coi trọng người sinh ra mình, coi cha mẹ mà mình thừa kế như chú bác, thì việc thừa tự có ích gì? Thiên tử và thứ dân cũng thế thôi. Bởi thế mà quần thần làm căn cứ vào kinh điển, đều nói không nên xưng Hưng Hiếu là Khảo. Gia Tĩnh bị công luận ngăn trở, đành phải nín nhịn.

Thời ấy Trương Thông vừa đỗ tiến sĩ, những việc lớn trong triều chẳng thấy ông mở miệng bao giờ. Một hôm Trương Thông gặp một người thầy tướng, người ấy nói:

- Xem tướng thì thấy trong hai năm nữa ngài sẽ làm tới chức tể tướng.
- Ta mới đỗ tiến sĩ, - Trương Thông nói, - làm sao hai năm nữa, bỗng chốc leo lên hàng tể tướng được?
- Tướng ngài sinh ra như thế, - thầy tướng nói, - ngay đến tôi cũng không sao biết được.

Đúng lúc cuộc bàn luận về đại lễ xảy ra, Thông thấy triều đình muốn tôn sùng người đẻ, song bởi hội nghị triều đình ngăn trở, nên không toại nguyện. Ông ta bèn nghĩ rằng: "Nếu ta sáng lập ra một cuộc bàn luận khác, bác bỏ những lời bàn của quần thần, thì hoàng đế nhất định vui lòng, và phú quý sẽ đến tay". Thế là ông ta dâng sớ tâu rằng:

- Hoàng thượng được thừa trị đại tông, tôn Hiếu Tông là Hoàng Khảo, tôn Hưng Hiếu vương là Hoàng Thúc Phụ, các triều thần trong triều đình quá câu nệ vào chuyện cũ, Hán Ai đế Tống Anh được lập làm thái tử dự bị, nuôi trong cung. Rõ ràng từ sớm đã coi như con, còn như hoàng thượng kế vị là vì sau khi vua băng hà, quần thần theo di chiếu tôn làm vua, khác hẳn với thái tử dự bị được nuôi dưỡng trong cung. Về lý thì nên tôn Hưng Hiếu làm Hoàng Khảo để làm trọn đạo con. Nếu theo thiên hạ mà làm con thừa kế của người thì e rằng đã làm mất điều nghĩa đối với cha mẹ.

Ông ta nói rất khẩn thiết, hoàn toàn trái hẳn với những lời bàn của triều thần.

Thấy vậy Gia Tĩnh rất vui mừng, truyền dụ cho triều thần rằng:

"Lời bàn ấy tuân theo di huấn của tổ tiên, hợp với lễ xưa, các người sao lại hiểu sai trăm là bất hiểu".

Tiếp đó Quế Ngạc lại dâng sớ tán đồng với ý kiến của Trương Thông. Vua thấy thế hả dạ. Lúc ấy quần thần thấy hai người này dâng sớ, đều cho đó là tà thuyết, ghét họ như kẻ thù, những người gác cửa hoàng cung đều muốn cho hấn một trận, tổng hấn ra khỏi cửa. Thấy mọi người phản nộ, không làm gì được họ, hai người này đến nhà Vũ Định hầu cầu viện. Vũ Định hầu nói với Gia Tĩnh, rồi sau đó có ngay chiếu chỉ, lệnh cho hai người làm Hàn lâm học sĩ, đại lễ bắt đầu từ lời đề nghị ấy. Tất cả những điều không hợp đều bãi bỏ hết.

Chưa đầy hai năm, quả nhiên Trương Thông trở thành tướng, kết bè kết đảng với Quách Huân. Nay Quách Huân đến cầu cứu sao Trương Thông không ra sức giúp đỡ. Hơn nữa hai người này đều là tay chân của triều đình, lời nói của họ dễ lọt tai hoàng đế, bởi thế họ thừa cơ dâng sớ tâu rằng: "Vì Quách Huân bàn đến lễ khiến cho quần thần tức giận, cả triều đình đều coi là kẻ thù, nên đã nhao nhao hạch tội. Chúng thần xét thấy chỉ huy Trương Dần không phải là do Phúc Đạt đổi tên. Vì chư thần muốn hại Quách Huân, nên vu cho Trương Dần là phản nghịch. Xin hoàng thượng đừng nghe lời quần thần mà gây ra oan ức".

Phải hiểu rằng Gia Tĩnh để không phải là ông vua ngu tối song khi bàn về đại lễ đã bị các đại thần làm cho khó chịu. Nay thấy hai người này nói, đã động chạm đến nỗi oán hận của ông, ông tin là thật, bèn ban một chỉ dụ chuyển vụ án của Phúc Đạt về kinh, đồng thời bắt Tuần án Mã Lục về xét hỏi. Quần thần vẫn như mê ngủ, không hiểu triều đình đã nghe theo bọn Trương Thông. Khi đưa xét hỏi Mã Lục, Tam pháp ty vẫn lấy khẩu cung dâng tấu sớ như cũ. Gia Tĩnh nổi giận trách mắng việc quan xét hỏi không đúng sự thực, lệnh cho Trương Thông kiêm Đô sát viện, Quế Ngạc kiêm Hình bộ cùng xem xét vụ án này. Tới lúc ấy, quần thần mới biết triều đình đã nghe lời xiểm nịnh, tình thế thay đổi hẳn.

Hai người tuân theo chiếu chỉ, chỉ làm vừa lòng vua, chẳng kể gì đến chân lí, lương tâm. Khi xét hỏi tuyệt nhiên không xét hỏi Phúc Đạt, chỉ trách Tuần án Mã Lục không tôn trọng pháp luật mà xét xử theo tình riêng, hãm hại người vô tội. Tuần án Mã ra sức tranh biện, song hai người này không nghe, ra lệnh dùng cực hình tra tấn Mã Tuần án hết sức dã man. Thương thay, một viên quan Ngự sử chính trực bị tra tấn đến chết đi sống lại? Mã Lục thấy rằng nếu không nhận bừa, thì sẽ chịu khổ mãi, nên đành nhận tội, vì riêng tư mà ghép tội cho người. Tiết Lương cũng bị khép vào tội vu cáo. Hai người này lấy xong khẩu cung, cho rằng đã tìm ra sự thực, không bị quần thần lừa dối, nào có biết đầu kỉ cương triều đình trắng đen đã bị quyền thần làm đảo lộn! Tuyên bố chỉ dụ rằng: "Tha Phúc Đạt, Tiết Lương phải tử hình, Tuần án Mã Lục và các quan trong Đài gián đều do Cấm y vệ đánh một trăm trượng tại triều đình, trị tội theo từng loại".

Loại pháp luật đánh chết tại triều đình xưa nay không có, chỉ triều Minh mới có lệ này. Từ khi đặt ra phép này không biết đã giết chết bao nhiêu trung thần? Thế mới biết chế độ đình trượng ghê gớm biết chừng nào? Phạm là quan phủ phạm tội, chỉ lệnh cho Cấm y vệ tra hỏi, theo lệ, phạm quan phải dùng kẹp kẹp năm mươi cái, dùng cặp cặp năm mươi chiếc, đánh ba mươi gậy gọi là "một bộ". Đây là phép tra khảo của Cấm y vệ. Người nào đã chịu cực hình thì chỉ có chết mà thôi. Nếu theo chiếu chỉ đánh tại triều đình thì sai nội thần giám sát các quan lớn nhỏ đều mặc áo đỏ đứng xếp hàng dưới thềm phía ngoài Ngọ môn. Trung sứ ngồi bên trái, Cấm y vệ ngồi bên phải, mỗi bộ phận đều có ba mươi người, bên dưới có một trăm người. Kỳ hiệu đều mặc quần áo có nếp gấp, tay cầm gậy gỗ xếp hàng ngay ngắn. Tuyên đọc chiếu chỉ xong, một người mang bao gai trùm từ vai xuống lưng phạm nhân, bó chặt lấy hai tay, không được chuyển động sang phải, sang trái. Một người trói hai chân, quấn chặt xung quanh chỉ để lộ hai đùi cho gậy đập vào. Đầu mặt tiếp giáp xuống mặt đất, đất cát thộc vào đầy mồm, đến kêu la cũng không được. Cứ đánh một gậy thì bên trên lại hô "Đánh mạnh vào!". Đánh hết một trăm cái gậy phải gầy đến mấy chiếc. Quần thần lấm lét nhìn nín thở, cảnh tượng hết sức nghiêm ngặt như thiên la địa võng, những viên kỳ hiệu đã luyện thành một nghệ thuật đánh, đánh

cho hai đùi sưng lên như hai cái vò, bên trong máu thịt nát như tương nhưng da không hề rách. Phép chữa trị là dùng dao cắt da ra, vét hết thịt nát bên trong, lấy một con cừu sống cắt thịt đùi nhét đầy chỗ trống, làm cho máu thịt gắn liền với nhau thành một khối, sau đó có thể hoạt động được. Cho nên thời Minh có những "tiên sinh mộng cừu" mà mọi người rất kính nể. Có một vị tri huyện đi ra khỏi huyện đường, bắt một người xông qua đường thét bảo lính hầu phải phạt nặng. Lột quần người ấy ra thì thấy mộng dít là thịt cừu, biết người ấy đã từng chịu đánh tại triều đình, tri huyện vội vàng xuống kiệu xin nhận tội và luôn mồm xin lỗi. Người ấy cười ha hả rồi bỏ đi, khiến cho quan huyện sợ toát mồ hôi. Vì những người đã từng bị đánh tại triều đình, nếu vua nghĩ lại thì lập tức được trọng dụng. Bởi thế nếu người bị đánh may mà không chết thì sẽ trở thành tiên sinh mộng cừu, chẳng may mất mạng thì cũng được tiếng là người trung trực! Thương thay những vị quan vì căm giận bọn gian tặc, đến nay phải chịu cực hình!

Mã Tuần án bị đánh tại triều đình, rồi bị đày ra biên ải, bổ sung vào quân lính. Bốn mươi người còn lại bị tù tội, hoặc bị chết. Vì thế mà Đài gián chẳng còn ai. Kẻ phản nghịch Lý Phúc Đạt vẫn là chỉ huy, hai đứa con vẫn là tượng địch, nghiêm nhiên giữ chức quan võ. Há đây chẳng phải là trời nghiêng đất ngã sao!

Vì sợ lòng người không phục, sau này sẽ sinh sự biến, Trương Thông, Quế Ngạc bèn biên soạn *Khâm mệnh đại ngục lục*, xin vua ban chiếu chỉ khắp thiên hạ, khiến cho những quan lại bị oan đời đời không ngóc đầu lên được. Nào ngờ kẻ xảo trá muốn như thế, song lòng trời lại không thế.

Tứ Xuyên có một tên gian ác, trước đây là đồng bọn của Phúc Đạt tên là Thái Bá Quý. Vì việc Sơn Tây bại lộ, hẩn chạy trốn đến Tứ Xuyên, tụ tập bọn vô lại, đặt ra tên riêng, vẫn theo bọn tà đạo Bạch Liên mưu phản, bị quan quân bắt được, lục soát thấy thư từ qua lại của Phúc Đạt. Trong đó có bức thư viết rằng: "Đổi tên là Trương Dần, hiện làm chỉ huy, cứ yên tâm không lo sợ gì". Tuần án Tứ Xuyên theo sự thực dâng sớ lên.

Thời ấy Gia Tĩnh băng hà, Long Khánh lên ngôi, thấy bản tấu dâng lên, ông dùng dùng nỗi giận, lập tức bắt cả nhà Lý Phúc Đạt chém đầu, bọn dư

đảng đều khép vào tội phản nghịch. Vụ án ấy mới sáng tỏ. Đô Ngự sử Bàng Thượng Bằng dâng sớ tâu rằng:

"Vũ Định hầu cùng với đại thần Trương Thông, Quế Ngạc bao che cho Phúc Đạt, vụ án đã giết hại hơn bốn mươi viên quan, nổi hiểm họa ấy của quan lại không vụ nào lớn hơn vụ này. Nay ba vị quan tuy đã chết, cần phải khôi phục lại chức tước để làm gương cho đời sau. Những vị quan đã bị giết oan, nên đặc cách khen thưởng để biểu dương chí khí các bậc trung thần".

Triều đình hoàn toàn nghe theo lời tấu trình trên đây, cho triệu hồi Mã Lục về kinh, khôi phục lại chức Ngự sử, sớ còn lại thăng quan, ban tặng tước vị. Tới nay trên sử sách nhà Minh vẫn còn ghi lại tiếng thơm, còn bọn gian thần để lại tiếng xấu cho muôn đời. Đây chẳng phải là do trời báo ứng sao! Mọi người đều sung sướng hả hê. Người đời sau bàn về việc này, đều cho rằng lúc đầu Quách Huân quan hệ với Phúc Đạt, chỉ vì tham của hối lộ, vốn chỉ biết là Trương Dần chứ không biết hẳn là Phúc Đạt. Đến khi sự việc đã bại lộ mà còn đi nói cho hẳn thì Quách Huân đáng phải chịu tội. Chỉ nói về thư riêng của Quách Huân xin cho hẳn cũng đủ để khép tội rồi. Song mọi người muốn ghép hẳn vào tội phản nghịch, đã xử phạt nặng dẫn đến gây ra đại họa, trên thì làm tổn hại đến nguyên khí quốc gia, dưới thì làm nhục thân thể của cha mẹ để lại, các bậc quân tử cũng không thể không nhận thấy sai sót của mình. Kẻ bàn luận này cũng không phải cho rằng người đời a dua, bợ đỡ người khác, không theo con đường ngay thẳng. Tóm lại, hỏi tội kẻ sai phạm cũng phải có lòng khoan thứ, không hẳn cứ khăng khăng theo ý mình mà đẩy người ta vào chỗ chết, đó là đạo lý minh triết bảo thân, các bậc sĩ đại phu không thể không xem xét tới.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 2

Gã Ngu Muội Tìm Con Rể Giả

Quan Hiền Tài Xe Mối Lương Duyên

*Trăng sáng dong buồm tới nơi xa,
Trời đẹp xanh rờn rộn tiếng ca.
Của rơi không nhặt đời hạnh phúc,
Đồng lúa trĩu bông biết được mùa
Trời chia thu, hạ tràn thi hứng
Vạn dặm núi rừng say ngâm nga
Hãy với trăng cao làm nghiên mực
Bút hoa ghi hết thú giang hồ.*

Đây là bài thơ do Mễ Nguyên Chương đời Tống làm ra để ca ngợi quan châu, huyện tài giỏi sáng suốt. Phàm là những quan châu, huyện phải biết thương dân, và phải là người có tài, mới thể tất nhân tình, mới thông cảm với dân, coi việc của dân cũng như việc của mình, lúc đó mọi việc mới giải quyết ổn thỏa được. Tuy có những vụ kiện hết sức nan giải, nếu ra sức làm ơn, ngoài pháp luật ra phải có tình, không những phải hao tâm tốn trí, mà còn phải bỏ tiền túi ra giúp đỡ, biến việc xấu thành việc tốt, kẻ gian ác xảo trá phải trừng phạt, người lương thiện được đáp đền. Đó mới là đạo lí làm cha mẹ dân. Nếu làm quan mà tham lam bất chấp pháp luật, chỉ biết bợ đỡ quan trên, bóc lột nhân dân, việc dân để đó chẳng màng tới, việc nghi vấn khó xử, khi xử án không xem xét tỉ mỉ, chỉ nghe theo bọn tay chân, hồ đồ cho xong chuyện, thì sao mà dân tin yêu kính phục? Và nơi ấy cũng chẳng có ích lợi gì.

Sở dĩ có mấy lời bàn như thế, chỉ vì gần đây đã xảy ra việc tranh chấp về

một người con gái, hai bên vu cáo nhau, khiến việc đó xảy ra hàng năm mà quan huyện không sao giải quyết được. May mà có vị quan sáng suốt tới nhậm chức, vụ án lúc đó mới được giải quyết, chấm dứt tranh chấp. Vị quan huyện ấy đã hoàn thành một việc tốt, khiến ai ai cũng vui mừng khâm phục, trở thành một câu chuyện lí thú được mọi người truyền tụng.

Huyện Thượng Hải, phủ Tùng Giang, tỉnh Giang Tô, có một người tên là Vương Mộ Quách, bốn mươi tuổi, bố mẹ đã mất, vợ con chưa có, sống một mình bằng nghề tướng số. Ông rất an phận, không rượu chè, cờ bạc, vui vẻ hòa nhã với mọi người, ai cũng gọi ông là "Lão Vương". Vương Mộ Quách mở cửa hàng xem bói, hằng ngày kiếm được một vài trăm bạc, tiêu pha có phần dư dật. Chỉ vì không lấy vợ, nên ông muốn nhận một đứa con nuôi để làm chỗ nương tựa lúc tuổi già. Người vùng ấy quen biết ông, ai cũng muốn con mình đến làm con nuôi ông.

Một hôm, bà mối họ Triệu, người láng giềng, đến chuyện gẫu với ông. Bà hỏi ông rằng:

- Vương tiên sinh, ông làm nghề xem bói, xem ra sống cũng tạm đủ, nhưng không có con cái thì sau này tuổi cao sức yếu ai là người thuốc thang cơm cháo cho ông.

- Tôi cũng đang định nuôi một đứa, - lão Vương nói, - để nương tựa sau này, nhưng chưa tìm được.

Bà mối Triệu nghĩ một lát rồi nói:

- Nếu ông muốn thì nhà Vưu Đại ngoài cửa Bắc, vợ mới chết, để lại một đứa con gái sáu bảy tuổi, không người chăm sóc. Vưu Đại đang muốn cho làm con nuôi. Con bé rất ngoan, ông có thể cùng tôi tới xem sao. Nếu ưng thuận, ông cứ nói thẳng với ông ấy.

Thấy thế lão Vương hớn hở, khóa cửa, cùng bà mối tới nhà họ Vưu.

Vưu Đại là người lười biếng, suốt ngày rượu chè cờ bạc, nên trong nhà trống rỗng chẳng còn gì bán được. Khi vợ còn sống, khâu vá thuê, hai mẹ con rau cháo nuôi nhau. Vợ chết, chẳng còn chỗ nào bầu vú, đến nay lão

phải bán con để lấy tiền cờ bạc. Thấy lão Vương đến nhà nói rõ ý định, gã bằng lòng ngay, rồi gọi con gái ra gặp lão Vương.

Nhìn đứa bé ăn mặc rách rưới, nhưng mặt mày tươi tỉnh, nói năng rành mạch trong trẻo, xem ra sau này cũng nên người, lão Vương nói với Vũ Đại rằng:

- Nếu ông cho tôi nuôi đứa con gái này thì nó hoàn toàn là con tôi, ông không còn liên can gì tới nó nữa. Sau này nuôi nấng, dạy bảo, gả chồng là quyền của tôi, ông không được tham dự vào. Tôi cứ nói trước như thế, nếu ông bằng lòng thì mai là ngày tốt tôi tới đón cháu về.

Vũ Đại hoàn toàn ưng thuận, nói:

- Tôi không nuôi nổi nó, nên cho ông nuôi. Tất cả mọi việc đều là quyền của ông, thế là tốt lắm rồi, tội gì tôi còn đến nhận.

Thấy ông ta thật lòng, lão Vương xem kĩ đứa bé gái một lần nữa, rồi hẹn đến ngày mai tới đón về.

Trong túi có ít tiền lẻ, lão Vương không đi thẳng về nhà, mà vội vã ra cửa hàng mua áo chùng cho nó bộ quần áo và một chiếc mũ, ngày mai nhờ bà Triệu đến nhà Vũ Đại mặc cho nó rồi mới dẫn về lạy Thọ Tinh, lạy cha nuôi. Lão Vương đặt tên đứa bé là "Thọ Cô".

Mà kể cũng lạ, Thọ Cô vừa đến còn lạ lẫm thế, mà nó chẳng kêu khóc gì, bảo lạy là lạy, bảo nói là nói, nghe theo răm rắp như nuôi từ tấm bé. Lão Vương vui mừng khôn xiết, bà mối Triệu cũng cười khanh khách. Được mấy tháng, Thọ Cô biết pha trà, quét dọn, trông coi nhà cửa. Lão Vương và Thọ Cô thân thiết nhau như cha con đẻ. Thấy đứa con gái nhanh nhẹn hoạt bát, lão Vương nhờ bà hàng xóm đến chải đầu, bó chân, và dạy may vá thêu thùa. Khi rảnh rỗi, ông dạy nó học. Lão Vương rất vui vì Thọ Cô khá thông minh, học đâu biết đấy. Đến năm mười hai, mười ba tuổi, Thọ Cô đã biết lo toan việc nhà. Lão Vương quý nó như vàng, không muốn rời nó nửa bước. Khi nó xấp xỉ mười sáu tuổi, thân hình thon thả, nhan sắc kiều diễm, hơn hẳn những đứa cùng trang lứa. Lão Vương nghĩ rằng, mấy năm nữa sẽ tìm

một chàng trai đến ở rể, để cha con nương tựa nhau. Ngay cả Thọ Cô trong thâm tâm cũng muốn sống bên cha. Nó tuy là đứa con nuôi, nhưng đó là tấm lòng chân thực.

Bỗng một hôm, lão Vương đang ngồi trong cửa hàng, thấy một người ăn mặc rất sang trọng, nhưng cử chỉ bố bã, cùng với một thằng nhỏ bước vào, chắp tay nói:

- Phiền ông xem cho một quẻ.

Nghe tiếng nói, lão Vương biết là người vùng này. Ông cũng chẳng hỏi họ tên, chắp tay nói:

- Xin mời ông ngồi.

Người này họ Tiền, biệt danh là Tiền Lộ Da, người Sùng Minh, đã dùng tiền mua chức Giám sinh. Nhà Tiền Lộ Da mở hiệu cầm đồ, lại mở cửa hàng bán vải tại Thượng Hải. Hắn ta là người bủn xỉn, cay nghiệt. Thấy đàn bà như mèo thấy mỡ, dám tung tiền để trăng hoa. Mỗi năm hắn tới Thượng Hải một lần để thanh toán tiền vải và đặt hàng. Hắn có ý định đến cửa hàng lão Vương hỏi xem có được lời lãi gì không. Lão Vương lắc ống thẻ nói cho hắn biết rõ tốt xấu.

Đang lúc nói chuyện thì Thọ Cô bưng trà đến cho cha. Thấy Thọ Cô, Tiền Giám sinh phút chốc hồn vía lên mây, nghĩ rằng: “Ta tới Thượng Hải gặp biết bao đàn bà con gái, song thấy rất bình thường, sao ở đây lại có người đẹp đến thế!”. Thấy người khách sang trọng, lão Vương quay lại nói với Thọ Cô:

- Con mang ra chén nữa mời ông.

Lão Vương vội vàng hai tay nâng chén nước mời khách. Tiền Giám sinh từ chối không cầm. Khi Thọ Cô mang trà ra, anh ta nói:

- Không cần, không cần.

Tiền Giám sinh vội vàng định đứng dậy đỡ lấy chén trà, nhưng Thọ Cô đã đặt xuống bàn, rồi quay gót đi vào.

Tiền Giám sinh còn đang sững sờ, đã thấy có người vào xem bói. Anh ta trả

tiền rồi nói:

- Phiền ông quá.

Giám sinh trở về, tới cửa hàng hăn nghĩ: "Cô gái này khoảng mười sáu mười bảy tuổi, đang độ dậy thì, dáng người thon thả, tầm thước, đẹp tuyệt vời, vừa phong nhã lại vừa hào hoa, thật là đáng yêu. Không biết nhà đó đã nhận sính lễ chưa, nếu chưa, sẵn tiền, ta cưới cô về làm vợ bé thì tuyệt biết bao". Hăn cứ ngồi thờ ra nghĩ ngợi. Bỗng có hai người bước vào, Tiền Giám sinh mừng quá, nói:

- Đang định đến mời, tôi có chuyện muốn bàn với hai anh, rất may hai anh lại đến. Thật đúng là duyên trời run rủi.

Hai người ấy, một người là họ Lý, biệt danh là Bách Hiếu; một người họ Trương, biệt danh là Trại Cát, chuyên làm tay sai tô vẽ cho những nhà giàu có. Trương Trại Cát có chút ranh mãnh vặt, lại thông thuộc cửa quan, giỏi chạy chọt cho các vụ kiện cáo, thấy hăn có tài nên người ta gọi hăn là Trại Cát. Biết Tiền Giám sinh là loại người hiếu sắc, nên hăn thường tới dụ dỗ các mục góa chồng làm khách làng chơi để được ăn no uống say, bởi thế chúng rất tâm đầu ý hợp. Nay Tiền Giám sinh hồ hởi đón tiếp, lại nói có chuyện muốn bàn, món béo bở tự dưng đến, hăn bèn cười, hỏi:

- Ông Tiền có việc gì muốn bàn với chúng tôi thì nói ngay đi chỉ sợ rằng chậm một chút sẽ khó thêm.

- Không phải chuyện đùa đâu. - Tiền Giám sinh nói. - Tôi hỏi anh, gần đây anh có tới nhà lão Vương xem bói không? Hai anh có quen ông ta không?

- Trước đây chúng tôi vốn đã quen biết ông ta. - Bách Hiếu nói. - Vì sao ông lại hỏi tới ông ấy?

- Ta ở Thượng Hải, - Tiền Giám sinh nói, - vốn muốn cưới một cô vợ bé, vừa rồi đến xem bói thấy nhà ông ta có cô con gái, tôi rất ưng ý, muốn phiền hai anh làm mối. Lễ vật, tiền của không cần phải tính đến, chỉ cốt là xong việc.

- Thế thì dễ thôi, - Bách Hiếu nói, - nói đến tên ông tôi đảm bảo chắc chắn là được.

- Anh đừng khoác lác, - Trại Cát nói, - tính lão Vương rất kì quặc, chưa chắc đã dễ đâu.

- Xưa nay tiền của làm người ta phải động lòng tham. - Bách Hiếu nói. - Ông Tiền chịu bỏ ra một khoản lớn, hai chúng tôi lại nói vào ngọt như mía lùi thì chẳng sợ gì lão Vương không ưng.

- Đã như thế, - Trại Cát nói, - thì ngày mai anh ra quân trước đi, nếu không được thì tôi tăng quân giúp anh. Anh thấy thế nào?

Họ cười nói với nhau râm ran cả nhà, tối đến, lại cùng nhau ăn uống. Khi từ biệt, Tiền Giám sinh đưa ra hai lạng bạc, rồi ân cần dặn dò:

- Nếu việc thành, ngày kia tôi sẽ hậu tạ.

Hai người từ biệt ra về.

Bách Hiếu ngủ dậy thì trời đã sáng, sợ lão Vương bận xem bói, ăn sáng xong, hẩn tới ngay nhà lão Vương. Hẩn chắp tay nói:

- Anh Vương lâu nay có phát tài không?

- Nhờ trời cũng được. - Lão Vương nói.

Hai người ngồi, nói qua loa mấy câu xã giao, Bách Hiếu hỏi ngay:

- Cô gái nuôi nhà anh năm nay bao nhiêu tuổi rồi?

- Mười sáu tuổi.

- Đã có ai dạm ngõ chưa?

- Chưa nhận lời ai cả.

- Gần ấy tuổi rồi, không thể trì hoãn được nữa đâu. Đứa em này hôm nay đến đây chỉ vì việc hôn nhân của cô gái nuôi bác thôi. Nhìn về tài sắc thì con gái bác phải gả cho nhà giàu có, được ăn trắng mặc trơn, có quyền sai bảo đầy tớ con sen, mới không phí một đời. Nếu gả cho nhà nghèo thì làm sao mà sống được? Như thế chẳng hóa ra vì cuộc sống của cha mẹ mà hại nó ư? Đứa em này tốt với ông anh nên làm mối cho con gái anh một nhà đại phú.

- Nhà đại phú sao họ chịu thông gia với nhà nghèo?

- Bác nói tuy phải, song nếu không màng tới hư danh, mà chỉ cần đến sự hưởng thụ thực tế, thì nghèo cũng có thể thông gia với giàu. Không giấu gì bác, hiện có một người giàu ở Sùng Minh, họ Tiền. Bản thân là cống sinh, của cải nhà anh ta có tới tiền vạn, tuổi lại chưa đầy ba mươi. Vì chưa có vợ lẽ, nên muốn lấy ở đây một cô làm vợ lẽ, tiền cheo, lễ cưới bao nhiêu cũng được. Từ lâu anh ta đã mến mộ cô gái nuôi của bác, nên có ý nhờ đàn em

đến làm mối. Đây là phúc lớn cho con gái bác, xin bác đừng bỏ lỡ.

Từ xưa tới nay lão Vương chưa làm mếch lòng ai, nay vừa nghe thấy nói có người muốn cưới con gái về làm vợ lẽ, đột nhiên giận tái mặt nói:

- Lão Vương này tuy nghèo, song quyết không thể bán đứng đứa con gái của mình, thôi anh đừng nói nữa. Rồi đứng dậy, nói tiếp. - Tôi đang có chút việc, xin lỗi anh.

Lão Vương bỏ đi, Bách Hiếu cụt hứng, ầm ức ra về. Trên đường đi hăn nghĩ: "Trại Cát nói đúng, làm thế nào bây giờ?".

Hôm ấy, Trại Cát đợi ở nhà họ Tiền. Đang cười hơ hớ, bỗng thấy Bách Hiếu tiu nghỉu cúi đầu bước tới, biết ngay là không ổn, bèn nói:

- Anh Bách Hiếu, việc nhà họ Vương xuôi rồi chứ?

Bách Hiếu chỉ lắc đầu. Tiền Giám sinh nói.

- Hay là không xong rồi?

Bách Hiếu kể lại đầu đuôi việc mình đến nhà lão Vương nói thế nào, và bị lão Vương từ chối ra sao cho họ nghe. Tiền Giám sinh bỗng buồn rầu nói với Trại Cát:

- Anh là người cao kiến, nếu anh lo xong việc này, nhất định tôi không phụ lòng anh.

- Có lối thoát đấy - Trại Cát nói, - nhưng chỉ bằng nước bọt không làm nổi đâu. Nếu không sợ tốn kém xin ông anh đừng sốt ruột, tôi sẽ đi tìm một người chắc chắn người con gái ấy sẽ về tay anh.

Tiền Giám sinh mừng rỡ xin chỉ bảo, Trại Cát gập hai ngón tay khe khẽ nói. Đúng là:

Nghĩ kẻ trắng sao tìm Ngọc thảo

Mưu thành trời rộng bắt Kim ô.

Trại Cát nói:

- Người con gái này là con nuôi chứ không phải là con ruột lão Vương. Nó là con của Vưu Đại ở Cửa Bắc, nếu bây giờ ta làm cho Vưu Đại nhận đứa con ấy, thì chắc chắn nó sẽ về tay mình. Song hiện nay Vưu Đại không ở Thượng Hải, mà đã dọn đến Thanh Phố rồi, phải đi tìm ông ta về đây, cho nên tôi nói phải tốn kém là vì thế.

Tiền Giám sinh thấy Trại Cát nói thế mừng quỳnh lên, lấy ngay mười lạng

bạc đưa cho Trại Cát nói:

- Tiền đây, anh liệu mà chi, phiền anh ngày mai đi ngay cho.
- Tôi với anh cùng đi. - Trại Cát nói với Bách Hiếu. - Anh thấy thế nào?
- Đúng, tôi nên đi cùng anh mới phải. - Bách Hiếu nói.

Ăn cơm tối xong, họ từ biệt ra về.

Sau khi cho đưa con gái đi làm con nuôi, Vưu Đại bán sạch cả nhà cửa, sống lang thang thẳng biết nương tựa vào đâu rồi lưu lạc đến Thanh Phố. Một hôm đang đứng trước cửa, thấy hai người đi tới, nhận ra Vưu Đại, một người hỏi:

- Có phải ông là Vưu Đại không?

Vưu Đại nghe thấy giọng nói quê mình, bèn trả lời:

- Vâng, đúng ạ.

Hai người bước vào, chắp tay nói:

- Đã lâu lắm không gặp anh.

Vưu Đại nghĩ một lát, nói:

- À đúng là anh Trương và anh Lý rồi! Các anh tới đây làm gì thế?
- Biết ông anh đang túng quẫn, - Trại Cát nói, - chúng tôi nhỡ ý tới đây biếu ông một món lộc lớn, chẳng biết ông anh có cần không?
- Tài lộc ở đâu vậy? - Vưu Đại vội hỏi. - Ai bảo tôi không cần, lẽ nào tôi chê tiền của mà sống được ư?
- Trước đây ông anh cho lão Vương nuôi đứa con gái của mình, - Trại Cát nói, - nay nó đã lớn khôn, tỏ ra là một người tài sắc. Một ông chủ giàu có chịu bỏ ra nhiều tiền của và lễ vật cưới về làm vợ bé. Hai anh em tôi biết là con ruột ông anh, nên xin ông anh về đứng ra gả bán. Nếu ông anh không đi thì số tiền ấy về hết tay lão Vương, chẳng đáng tiếc lắm sao?
- Thế thì tốt quá, - Vưu Đại nói, - nhưng chỉ có hai bàn tay không thì đi sao nổi?
- Nếu ông anh muốn thì xuống thuyền cùng đi với chúng tôi. Ý ông anh thế nào?

Vưu Đại mừng quýnh, cũng chẳng có hành lí gì, vội vã gài luôn cửa rồi đi ngay với họ. Thuyền xuôi gió, chưa đầy hai ngày đã tới Thượng Hải, lên bờ họ cùng nhau đến ngay nhà Tiền Giám sinh. Hai người vào trước nói:

- Vưu Đại đã tới rồi trước hết phải ngọt ngào phỉnh nịnh hắn.

Tiền Giám sinh gật đầu, rồi bảo mời ông ta vào, lại đúng lúc giữa trưa, mời ngay Vưu Đại ăn cơm. Vưu Đại từ lâu ăn uống kham khổ, thấy mâm cơm đầy ắp rượu thịt, ăn lấy ăn để cho đến khi no kênh bụng. Tiền Giám sinh lững thững bước ra. Trại Cát nói với Vưu Đại rằng: "Đây là ngài họ Tiền ở Sùng Minh, là người rất tốt, nhà giàu có. Vì ngưỡng mộ tài sắc con gái ông anh, muốn lấy làm vợ bé, cho nên tìm ông anh tới đây. Sính lễ là ba trăm lạng, nếu ông anh chê ít, thì thêm chút nữa cũng chẳng ngại. Tối nay làm tờ cam kết, trước hết giao thẳng cho ông anh ba mươi lạng, số còn lại chờ khi nào con gái ông anh về đây sẽ giao đủ".

Nghe thấy nói ba trăm lạng bạc sẽ vào tay mình, lại được giao trước ba mươi lạng. Vưu Đại như mở cờ trong bụng. Đúng là tự dưng được một món lớn làm vốn để đánh bạc. Bị đánh trúng tim đen, Vưu Đại nghe theo ngay, nói:

- Ngày mai tôi sẽ tới nói với lão Vương, con gái là do tôi đẻ ra, nhất định lão ta phải chịu.

Đêm ấy họ viết giá thú, rồi giao trước ba mươi lạng bạc.

Sáng sớm hôm sau Vưu Đại đến nhà lão Vương. Vừa thấy Vưu Đại vào cửa lão Vương đứng dậy hỏi:

- Anh Vưu, lâu nay không gặp anh, hôm nay ngọn gió nào đã đưa anh tới đây sớm thế?

- Một là đến hầu chuyện anh, - Vưu Đại nói, - hai là đến thăm đưa con gái.

Lão Vương gọi ngay Thọ Cô ra gặp. Vì là cha đẻ của mình, lại xa nhau đã mười năm, Thọ Cô nói: "Thật là may mắn", rồi ngồi bên cạnh tiếp cha. Thọ Cô hỏi cha:

- Cha đến từ bao giờ?

- Hôm qua.

- Thế cha nghỉ ở đâu?

- Ở cửa hàng vải nhà họ Tiền. - Vưu Đại nói tới đây thấy lờ mờ, bèn lái sang chỗ khác. - Nghỉ đêm tại nhà một người bạn.

Là một người thông minh, nghe lời nói, lại nhìn nét mặt cha, Thọ Cô thấy lạ, bèn đứng dậy nói:

- Con đi pha trà.

Rồi quay sang nói với lão Vương rằng:

- Bình pha trà ở chỗ nào ạ?

Lão Vương biết ý bèn nói:

- Để cha lấy cho.

Rồi đứng dậy đi vào.

ThọCô vào bếp nói khê với lão Vương rằng:

- Cha con đến đây hình như có ý không tốt, vừa nói đến chữ "Tiền" rồi im bật, nhất định là lão họ Tiền đang mưu đồ mua con làm vợ bé, bảo cha con tới đây chẳng? Cha phải lưu tâm đề phòng.

Lão Vương gật đầu rồi đi ra. ThọCô cũng mang trà ra đưa cho mỗi người một chén. Lão Vương nói trước với Vưu Đại rằng:

- Vì đưa con gái mà gần đây tôi bị nhục.

Vưu Đại hỏi vì sao. Lão Vương nói:

- Mấy hôm trước Lý Bách Hiếu tới nói, có một người giàu có muốn lấy con gái tôi làm vợ bé. Ông nghĩ, đưa con gái nhà tử tế cho dù không phải là con đẻ, ai nữ lòng nào lại bán nó đi. Bị tôi nói cho một trận, hăn mới câm họng. Ông bảo có tức không.

Nghe thấy nói thế, Vưu Đại không sao mở mồm được. Xem ra ngồi lại cũng vô ích, đành đứng dậy cáo từ ra về. Đi thẳng tới nhà họ Tiền, Trại Cát nhìn thấy hỏi ngay:

- Ông anh tới nói thế nào?

- Vẫn chưa nói được. - Vưu Đại nói.

- Sao lại không nói? - Tiền Giám sinh sốt ruột hỏi.

Vưu Đại kể lại cho họ nghe, lão Vương đã nói với mình thế nào, rồi lại nói:

- Lão Vương như một nhà tiên tri. Các anh ạ, ông ta đã nói trước như thế thì mình còn mở miệng làm sao được nữa. Cho nên tôi vội về đây bàn bạc với các anh.

Tiền Giám sinh nhảy bổ lên nói:

- Con gái là ông sinh ra, ông nói thế nào ông ta chả phải nghe theo, sao lúc ấy ông không nói tào lao đi.

- Ông lớn không nên nôn nóng, lão Trại còn có diệu kế. Để xem hăn có

nhảy khỏi cái vòng kim cô của ta không?

- Điều kế gì? Hãy nói mau, nói mau lên. - Tiền Giám sinh nói.

- Anh Vưu bán con gái làm vợ bé, - Trại Cát nói, - lão Vương có thể tranh chấp, nhưng gả cho người ta làm vợ, thì lẽ nào cha để không có quyền. Theo tôi, không gì bằng ta thuê một người tuổi tương đương giả làm con rể, mà đã đính hôn rồi thì phải cưới. Nay tôi đón về để gả chồng, danh chính ngôn thuận, cho dù có kiện lên quan ta cũng có thể gỡ được. Song con rể giả phải là người tâm phúc, phải mặc cả trước. Xong việc người con gái vẫn về nguyên chủ. Tướng mạo cũng phải kha khá một chút. ông anh Tiền liệu có tìm ra được người đó không?

Tiền Giám sinh nghĩ một lát rồi nói:

- Người thì dễ thôi. Nhà tôi hiện có một thằng ở tên là Chu Nhị, tuổi chừng mười bảy mười tám, người rất trắng trẻo, có thể làm được. Chỉ cần bảo nó là xong.

- Đã thế thì, - Trại Cát nói, - cứ gọi nó ra đây mới xong việc được.

Tiền Giám sinh vội vã sai người về Sùng Minh gọi Chu Nhị tới.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 2 (B)

Chu Nhị người Thượng Hải, vốn là con nhà tử tế, còn nhỏ đã đi học. Chỉ vì cha mẹ qua đời, nhà nghèo túng, mà phải đến cửa hàng Tiền Giám sinh để học buôn bán. Chu Nhị là một người học trò thật thà, thấy chủ sai người về gọi, anh xuống thuyền tới gặp chủ ngay. Tiền Giám sinh thấy Chu Nhị đến, nói ngay:

- Có một việc nhờ anh, xong việc ta sẽ hậu tạ, không để anh chịu thiệt đâu.

Chu Nhị hỏi chủ có việc gì. Tiền Giám sinh nói:

- Vì ta muốn cưới vợ bé, nhà gái không chịu, muốn anh làm con rể giả để lừa họ cắn câu. Nhất thiết anh không được chối từ.

Thấy vậy Chu Nhị im lặng không nói. Tiền Giám sinh nói:

- Anh có bằng lòng không, cứ nói, đừng ngại.

- Ông chủ lấy người ta làm thiếp, tôi lại nhận làm vợ, chẳng hóa ra tôi lừa ông chủ sao? Tôi đã nhận là vợ, thì làm sao lại là thiếp của ông chủ? Việc này quan hệ đến danh dự, sợ rằng không làm thế được.

Thấy Chu Nhị trả lời dứt khoát, Tiền Giám sinh giận dữ nói:

- Mày ăn cơm, mặc áo của tao, tao chỉ nhờ một việc nhỏ, vậy mà mà cứ chối đây đẩy. Thẽa ta đã tốn cơm nuôi mày à! Rồi Tiền Giám sinh hậm hực bỏ đi.

Trương, Lý hết lời khuyên nhủ Chu Nhị.

- Tôi khuyên anh nên nghe theo lời ông chủ. Nếu không nghe, ông ấy tức giận thì làm sao anh thành thân được, hoặc có thể anh làm thất thoát tiền, thâm vào vốn, người ta sẽ khoác cho anh, thì anh lấy gì mà đền. Hơn nữa, nếu nghe theo ông ấy, sau này anh sẽ được lợi nhiều.

Cứ thế mỗi người một câu, hai người ấy đã dồn Chu Nhị vào thế bí, buộc phải nghe theo. Họ gọi Tiền Giám sinh về nói:

- Chúng tôi đã khuyên được Chu Nhị, anh ta đã nghe theo. Ngày mai bảo lão Vương mang hoa quả, trà thuốc đến nhà họ Vương, không nên chậm trễ

nữa.

Tiền Giám sinh rất đổi vui mừng, mua ngay trà và hoa quả bảo Vưu Đại đích thân mang tới nhà lão Vương. Thấy hăn ta đến một cách kì quặc, lão Vương bèn chỉ vào trà và hoa quả nói:

- Ông mang những thứ này đến làm gì?

- Tôi gả đứa con gái cho nhà họ Chu, hôm qua đã nhận trà. Người ta muốn xin cưới, cho nên tôi đến nói với ông một tiếng.

- Ông đừng lừa dối tôi! - Lão Vương dùng dùng nổi giận nói. - Khi nhận làm con nuôi ông đã hoàn toàn giao quyền cho tôi có bà Triệu làm chứng. Tôi nuôi nó mười năm, bây giờ thấy nó khôn lớn ông lại đứng ra gả chồng. Tôi e rằng về tình cũng như lí ông nói thế không lọt tai.

- Con gái tôi đẻ ra, - Vưu Đại nói, - đương nhiên tôi có quyền, ông cấm sao được tôi gả bán cho người ta.

Hai người cứ giở lí ra với nhau, rồi dẫn tới cãi nhau. Ở nhà trong Thọ Cô nghe thấy hết, cô trở ra trách cha rằng:

- Trước đây ông đã nhả tâm ruồng rẫy tôi, nay lại tham lam lẽ vật. Nếu không có cha nuôi thì tôi đã chết từ lâu rồi!

Vừa nói cô vừa gào lên khóc. Xóm giềng nghe thấy đều chạy đến. Lão Vương kể hết đầu đuôi, mọi người đều bảo Vưu Đại như thế là sai. Thấy thế, Vưu Đại chỉ vào mặt lão Vương nói:

- Nói riêng với nhau không xong, thì tôi phải kiện cho ra nhẽ.

Nói xong Vưu Đại bỏ đi.

Lão Vương uất quá ngất đi, sau đó ông đến nhà bà mối Triệu kể lại chuyện Vưu Đại đã đến nhà ông. Nghe xong, bà Triệu dậm chân nói:

- Chính mồm Vưu Đại đã nói ra, giờ còn muối mặt đến tranh! Song lần này hăn nói đi kiện là hăn kiện thật đấy. Nếu hăn đi kiện, ép nó phải lấy chồng thì phải làm thế nào, ông không thể không phòng bị.

- Lẽ nào lại để cho hăn cướp con gái của ta đi! - Lão Vương nói.

Thọ Cô khóc nước mắt nói:

- Bà Triệu, đây là cha đẻ tôi đánh lừa để bán tôi đi làm vợ bé, tôi sẽ dứt

khoát không đi.

- Chuyện này, - lão Vương nói, - Lý Bách Hiếu đã nói rồi. Đến cửa quan tôi chỉ nói hăn giả dối để lừa Thọ Cô làm thiệp, Bách Hiếu không thể chối cãi được.

- Bách Hiếu là một đứa ranh ma, - bà Triệu nói, - làm sao mà nó giúp ông được, hơn nữa lời nói gió bay, quan phủ cũng không tin lời ông. Theo tôi, nhất định phải tìm một người nào đó nhận sính lễ, gả trước đi thì mới được.

- Kế đó là đúng rồi, - lão Vương nói, - nhưng bảo ngay lập tức thì tôi tìm đâu ra con rể.

- Chỉ tạm thời lừa họ thôi, - bà mối nói, - tìm trước người con rể giả là được rồi. Nếu ông chưa tìm được thì tôi có một đứa cháu ngoại, nó họ Phương, mười tám tuổi, nhà đối diện nhà tôi, thường thì nó biết nghe lời tôi. Chỉ cần cho nó mấy lạng bạc để nó làm con rể giả, tôi sẽ làm người mối, gặp quan cứ nói dứt khoát như thế, nhất định con gái ông cũng phải nghe theo. Xong việc thì tìm một người con rể khác. Ông xem có được không?

Lúc ấy lão Vương đang sợ họ cướp mất con, chưa nghĩ hết, nghe theo bà mối, cho đó là diệu kế, rồi làm ngay.

Khi Vưu Đại tới nhà lão Vương, việc không thành, lại xảy ra tranh cãi, bực tức hăn trở về bàn với bọn Trại Cát, rồi tới huyện kiện. Quan phủ hỏi xong, bắt Vưu Đại làm đơn đưa lên. Trại Cát viết cho hăn một lá đơn, nói: "Vì lão Vương đòi tiền cưới và lễ vật không được, nên ngăn trở con gái nuôi không cho lấy chồng". Và ghi rõ ngày cưới, họ tên con rể và người làm mối là Bách Hiếu, rồi trình ngay lên phủ quan. Sau ba ngày, quan phê: "Chờ xét hỏi". Lão Vương nghe thấy thế cũng tố cáo rằng: "Tôi nuôi nó từ nhỏ, việc dựng vợ gả chồng là quyền tôi, tôi đã gả chồng cho nó", cũng viết rõ họ tên con rể và người làm mối, cũng được phủ quan phê: "Chờ xét hỏi".

Xưa nay thường nói: "Việc quan nóng nước lã". Lại gặp phải viên quan lơ ma lơ mơ không hiểu lí sự, tuy phê chuẩn, nhưng cứ treo chuông để đầy, không xét hỏi. Vưu Đại lên thúc giục nhiều lần nhưng việc vẫn không giải

quyết, từ mùa đông năm trước, mãi sang trung tuần tháng sáu năm sau mới xét hỏi đến. Hôm ấy quan huyện mở cửa huyện đường, đầu tiên gọi Vũ Đại lên hỏi, rồi sau đó hỏi đến lão Vương, rồi ông nói:

- Theo ta, thì trừ phi chia người con gái này làm hai, hoặc hai người con trai này nhập một thì mới hết tranh nhau. Con gái không thể chia đôi, con trai không thể nhập làm một thì ta cũng chịu thôi. Đây đều là do lỗi thầy nhiều ma, lỗi cha con khó lấy chồng.

Thấy thế bà mối Triệu với quỳ xuống nói:

- Từ xưa tới nay con làm mối chẳng có điều tiếng gì, việc này là do người làm mối bên kia gây ra mà thôi.

Bách Hiếu cũng quỳ xuống thưa rằng:

- Con gái người họ Vũ, con làm mối cho nhà họ Vũ, thì con có gì là sai.

Quan huyện nổi giận đập bàn quát:

- Người này bảo mình không sai, người kia cũng bảo mình không sai, vậy thì quan huyện ta sai à! Ta không hơi đâu mà xét hỏi nữa, các người về tự dàn xếp với nhau.

Nói xong quan đuổi hết ra ngoài. Nghe tiếng quát, cả hai đều phải lui ra. Quan huyện rời công đường, rồi dẫn bà trở đi.

Khi trở về, bên nguyên cáo đến khuyên lão Vương rằng:

- Anh Vương, anh nên hiểu rằng, Vũ Đại kiện anh, là có người ngầm ngầm bỏ tiền ra cho anh ta. Còn anh thì lại bỏ số tiền mồ hôi nước mắt của mình ra đút lót quan, thôi thì anh nhường quách đứa con ấy cho anh ta.

Lão Vương vẫn không nghe.

Tiền Giám sinh thêm muốn Thọ Cô, tưởng là cô sẽ lọt vào tay mình tức khắc, song không ngờ mới có ít hôm ở Thượng Hải, việc không thành mà số tiền bọn nha môn, Trương Trại Cát và Lý Bách Hiếu ngón đi cũng không ít. Hắn rất lo buồn. Bởi thế Trại Cát nói:

- Bây giờ quan chỉ giải quyết những việc có tiền, trừ phi đưa tiền hối lộ thì họ mới phê cho cha để gả chồng, người nuôi không được tranh chấp, án đã giải quyết xong, thì nhất định lão Vương buộc phải cho con nuôi đi. Song khoản chính và những phí tổn lật vật, nhất định phải tới hàng ngàn lạng

mới trúng mục tiêu.

Không còn cách nào khác, Tiền Giám sinh theo hắc đi móc nôi, đưa hồi lộ cho quan huyện. Quả nhiên "tiền có sức mạnh như thần thánh", chưa đầy hai ngày, quan huyện đã gửi một tờ trát đỏ như sau:

"Súc cho Vương Mộ Quách phải trả ngay con gái cho Vương Đại để gả chồng. Hạn trong ba ngày. Trái lệnh sẽ mắc tội".

Tiền Giám sinh dương dương đắc ý, cho rằng việc đã trót lọt chẳng còn vướng mắc gì. Lão Vương khi nghe thấy tin ấy thì chân tay rụng rời, cha con nhìn nhau khóc rống lên.

Vương Đại cùng với nha lệ tới nhà lão Vương. Vì đã nhận được một món tiền hồi lộ lớn, nên vừa vào tới nhà chúng lấy ngay tờ trát ra, rồi nói với lão Vương rằng:

- Bây giờ thì còn nói sao được nữa! Xem đây, tờ trát đỏ ứa máu, hạn trong ba ngày phải giao đứa con nuôi cho người cha đẻ.

Lão Vương chưa kịp trả lời, đã thấy Thọ Cô đầu tóc rũ rượi khóc rống lên, bước ra chỉ vào mặt Vương Đại nói:

- Ông làm chuyện ám muội, tôi không muốn làm người phụ bạc! Nếu bây giờ bức tôi đi, thì tôi sẽ chết ngay trước mặt ông cho mà xem!

Thọ Cô vừa nức nở khóc vừa tiện tay vớ lấy con dao rọc giấy trên bàn, định tự vẫn. Vương Đại vội vàng giật lấy. Lão Vương cũng khuyên nhủ cô. Lính lệ sợ chuyện sẽ xảy ra rắc rối, bèn lắc đầu nói:

- Đúng là một đứa con gái bướng bỉnh, chúng ta đi thôi, hãy nhẹ nhàng khuyên cô ta bình tâm lại, rồi sẽ trở lại gọi sau.

Thừa cơ, Vương Đại cũng lủi mất tăm.

Thấy con gái như thế, lão Vương càng không đang tâm, cứ thở dài thườn thượt. Sau đó một hôm, lão Vương đang lo Vương Đại và lính lệ về bắt con gái, thì thấy một người bạn đến nói rằng:

- Anh Vương, anh đã có vị cứu tinh rồi. Hiện nay quan cũ đã rời nhiệm sở, quan mới vừa đến hôm nay. Có người nói vị quan mới này là người thanh liêm chính trực, chưa từng để cho người dân nào chịu oan khuất. Anh hãy

đi thừa quan ngay, còn có thể cứu vãn được.

Thấy vậy, lão Vương rất mừng, nói ngay cho Thọ Cô biết. Thọ Cô mới yên tâm đôi chút.

Quan huyện mới là người Kỳ Hạ, đậu cử nhân, tính ông thanh liêm nhân từ, coi dân như con. Đầu tiên ông để cho mọi người tự do kiện cáo, người đi kiện ùn ùn kéo đến. Thấy lão Vương nộp đơn kiện, tình tiết li kì, ông phê vào đơn xét xử ngay. Quả nhiên không còn đọng lại vụ nào, chỉ có mấy ngày, treo biểu xét hỏi, sai lính lệ bắt đủ phạm nhân tới, không cho phép lọt lại một người nào. Lúc đó, cả hai chàng rể giả đều bị bắt về. Thọ Cô cũng phải tới cửa quan, trước lúc xét xử, tất cả mọi người đều có mặt đầy đủ trước cửa huyện đường. Người xem đông nghịt, một là để xem nhan sắc Thọ Cô, hai là xem quan huyện mới xử kiện.

Một lát sau, quan huyện lên công đường, lính lệ dẫn tất cả phạm nhân vào, rồi điểm danh hết lượt, sau đó bảo mọi người quỳ sang hai bên. Trước tiên quan gọi bà mối Triệu, hỏi tỉ mỉ về việc Thọ Cô làm con nuôi, và ngày kết hôn, rồi quát:

- Quỳ xuống!

Sau đó gọi lão Vương hỏi:

- Người nuôi Thọ Cô đã lâu, nhưng gã chồng có nói cho Vưu Đại biết không?

- Vưu Đại phiêu dạt tới nơi xa, - lão Vưu nói, - mười năm nay không về, thì bảo con biết đâu mà nói?

Quan huyện gật đầu, gọi Vưu Đại hỏi:

- Người không nuôi nổi con, Vương Mộ Quách nuôi nó thành người, nếu gã chồng cho nó thì cũng phải cho người ta biết chứ, cứ sao lại tự mình quyết định. Ta thấy người đã bỏ con hơn mười năm nay, vì sao người lại đột nhiên chọn rể ở đây hẳn phải có duyên cớ gì khác.

Bị quan phủ nói đúng tim đen, Vưu Đại đành cúi đầu, song lại nói:

- Đã được vị tiền nhiệm giải quyết sáng suốt rồi, nhưng vì Vương Mộ Quách kháng án không theo, cho nên làm nhọc lòng ông lớn.

Quan huyện đập bàn quát:

- Nói láo, tiền nhiệm xử theo cách của ông, còn ta xử theo cách của ta,

người nói tới tiền nhiệm tiền nhiếp cái gì!

Người xem đứng hai bên đều nghĩ rằng vụ kiện này Vương Đại sẽ bị thua.

Quan huyện gọi Thọ Cô tới, ngược mắt nhìn thấy cô dáng vẻ đoan trang, không giống con gái nhà nghèo, khi hỏi, cô trả lời rành mạch y như lời khai của lão Vương. Sau đó lại gọi đến hai chàng rể giả, thấy Chu Nhị tướng mạo thanh tú, xứng đôi với Thọ Cô, Phương Đại người thô kệch, kém xa Chu Nhị. Quan huyện nảy ra ý định ghép cô với Chu Nhị, bèn nói với hai bên rằng:

- Việc hôn nhân này, vốn hai bên đều phải làm chủ. Hai bên không làm chủ được, mà đến cầu bản huyện làm chủ, thì bây giờ quan huyện có quyền làm chủ.

Thế rồi ông bảo Thọ Cô vào nhà trong thay quần áo, rồi lại lệnh cho chuẩn bị hương án, bảo những người chơi nhạc vào hầu. Lúc ấy sân huyện người đông nghịt, không hiểu quan huyện sẽ làm gì. Có người nói:

- Khéo mà quan cho cô cưới ngay tại đây.

- Chưa xử xong, - người khác nói, - thì bảo cô lấy ai?

Họ bàn luận, tranh cãi xôn xao mãi.

Vào nhà trong, Thọ Cô thấy bà huyện, vội cúi đầu lạy. Bà huyện cũng là một người tài năng, đức hạnh, thường khuyên chồng phải trở thành một viên quan tốt, làm được nhiều việc tốt. Thấy Thọ Cô xinh đẹp, bà càng thương cô, thường cho cô mấy bộ quần áo đẹp, và ít đồ trang sức, trang điểm cho cô đẹp như hoa như ngọc. Vừa ra công đường, tất cả mọi người đổ dồn mắt vào cô, càng thấy cô dung nhan tuyệt mỹ. Lúc ấy, Tiền Giám sinh trong đám đông, lén lút nhìn, tiếc nhỏ rãi. Nghe thấy quan huyện nói rằng:

- Con gái lấy chồng là một việc lớn của đời người, huống hồ duyên chồng vợ là do trời định. Ta đã ghi họ tên hai chàng rể vào hai chiếc thăm để ở đây, cô hãy quỳ trước hương án cầu khẩn rồi tự tay bốc thăm, bốc được người nào thì người đó là chồng cô, bản huyện sẽ làm lễ cưới ngay.

Lúc ấy Thọ Cô chỉ mặc cho số trời run rủi, đến trước hương án phủ phục xuống đất khẩn thăm, rồi nhặt lấy một chiếc thăm trình lên quan. Quan huyện mở ra xem, thấy thăm ghi người họ Chu. Ông mừng rỡ nói:

- Hay! Hay lắm?

Thế rồi ông làm lễ hợp cẩn ngay.

Lúc ấy lão Vương đứng bên chỉ biết khóc, không dám nói năng gì. Trại Cát vội xúi giục Vương Đại quỳ xuống nói:

- Con rể không có nhà ở, con xin dẫn về gả chồng.

Quan huyện nổi giận, quát:

- Người còn dám giở trò ma mãnh trước mắt ta ư?

Thế rồi đuổi hết các phạm nhân ra ngoài, chỉ để Chu Nhị, Thọ Cô ở lại làm lễ cưới. Rồi ông hỏi Chu Nhị:

- Người có nhà ở không?

- Thưa ngài, không có. - Chu Nhị nói.

Quan huyện bèn phát cho hai mươi lạng bạc, bảo thư lại mượn ngay ba gian nhà cạnh nha môn, chuẩn bị đầy đủ giường chiếu, chăn màn và tất cả mọi vật dụng cần thiết, lại thưởng cho hai tấm lụa đỏ, và chuẩn bị một chiếc kiệu để đưa dâu về.

Lúc ấy người xem ào lên như sóng biển, đông nghịt huyện đường. Chỉ thấy quan huyện nghiêm trang ngồi ở trên, những người giúp việc xếp hàng hai bên, nhạc cưới tấu lên vang lừng, người chủ hôn đọc văn tế. Cô dâu chú rể lễ trời đất, rồi quay lên lạy tạ quan huyện. Sau đó Thọ Cô ngồi lên kiệu, Chu Nhị choàng lụa hồng, đi trước kiệu, rước ra khỏi cửa huyện. Quan huyện rời khỏi công đường. Ổn ào náo nhiệt suốt dọc đường đi, ai ai cũng bảo:

- Nem công chả phượng, tự nhiên dâng đến mồm cho Chu Nhị.

Tiền Giám sinh về tới cửa hàng oán trách hai gã Trương, Lý:

- Các anh bày sẵn cỗ cho người khác ăn.

- Nước trà đầu không được uống, - hai người nói, - thì còn được uống nước thứ hai. Ngày mai phải đến thúc Chu Nhị đưa vợ về Sùng Minh, để anh dùng cho tiện.

Nếu Tiền Giám sinh từ bỏ ý nghĩ đó, thì Trương, Lý cũng thôi không giở trò gì nữa, mà đương nhiên cũng vô sự. Chỉ vì mưu gian vẫn chưa hết, để đến nỗi phải giở đầu chịu báng.

Hai vợ chồng Chu Nhị về tới chỗ ở, người phù dâu mời họ uống rượu hợp

cần, nói:

- Quan huyện dặn, hai người không được làm rầy ở đây, chúng ta đi rồi, mời cô dâu chú rể dùng cơm tối.

Nói xong mọi người ra về. Suốt ngày hầu tại công đường, hai người đói mềm, thấy sẵn có cơm, họ ngồi đối diện ăn cơm. Được quan huyện nâng đỡ, lại lấy được người chồng tốt, Thọ Cô rất vui mừng. Chu Nhị còn vương vís với Tiền Giám sinh nên cứ ngồi ngây như tượng. Thọ Cô lên tiếng nói trước:

- Việc của anh em đã biết rồi. Bây giờ chúng ta đã là vợ chồng, thì anh cứ nói thẳng với em, đừng ngại.

Thấy vợ hỏi mình, Chu Nhị nói:

- Tiền Giám sinh muốn lấy cô làm vợ bé, thuê tôi làm chồng giả, nay giả đã thành thật, sợ rằng sau này ông ta lại gây sự.

- Em cũng chẳng giấu gì anh, - Thọ Cô nói, - chàng rể họ Phương cũng là giả. Nay quan lớn đã đứng ra làm chủ hôn thì anh còn sợ gì nữa? Sau này em với anh về ở với cha nuôi. Cha nuôi rất thương em, nhất định cha sẽ nhận chúng mình. Thôi anh đừng về Sùng Minh nữa.

Hai người chuyện trò rất tâm đầu ý hợp, rồi cởi áo đi ngủ, đêm chăn gối, họ vô cùng biết ơn quan lớn.

Tuy chưa biết hết việc họ Tiền mua thiệp, song khi tại công đường, quan huyện rất khả nghi. Sáng hôm sau quan huyện bảo với sai nha rằng:

- Các người phải đến theo dõi chỗ ở của Chu Nhị, nếu có người đến gây sự, bắt về cho ta.

Các bạn thân mến, vụ kiện đã giải quyết, nhưng tại sao còn phải theo dõi điều tra? Vì rằng hôm qua khi xét xử, thấy lão Vương cứ lăn ra kêu khóc, còn Vưu Đại thì lại không vui, quan mới biết là trong đó còn có uẩn khúc gì đây, chàng rể thì đúng là giả rồi. Bởi thế nhìn con gái mà chọn chồng, cho nên tương kế tựu kế, muốn làm một việc tốt, dựa vào ý trời, cho Chu Nhị lấy cô, thực ra trong hai chiếc thăm quan đều viết tên Chu Nhị. Sợ rằng sau khi thành hôn, còn có rắc rối khác, nên sai người theo dõi. Đây là sự quan tâm chu đáo của quan huyện.

Sai nha ngồi uống trà tại quán hàng đối diện nhà Chu Nhị, đến giữa trưa,

thấy Trương, Lý cùng với Vuơ Đại tới, giục hai vợ chồng họ về Sùng Minh. Đêm qua, đã nghe Thọ Cô nói, Chu Nhị mạnh dạn đứng dậy cự tuyệt. Họ chửi Chu Nhị là đồ lừa dối, Chu Nhị cũng chửi lại hai người là bọn lừa dối mình. Thọ Cô cũng đứng dậy oán trách cha đẻ. Hai bên đang đôi co, thì sai nha nghe thấy tiếng chửi nhau ầm ĩ, bèn ập vào nói:

- Ông lớn sai chúng tôi mời ba vị tới công đường, có chuyện gì thì nói với ông lớn.

Rồi lôi họ đi. Ba người kinh sợ đứng như trời trồng, rồi xin sai nha tha cho. Sai nha nói:

- Tôi muốn tha các ông, nhưng ông lớn không chịu tha! Đi, đi mau lên!

Sau đó bảo Chu Nhị rằng:

- Anh cũng tới đó để nói với ông lớn.

Tới huyện đường, sai nha vào bẩm với quan, quan huyện bèn gọi Chu Nhị hỏi. Chu Nhị quỳ xuống, kể lại việc trước đây ông chủ họ Tiền bảo anh làm rế giả, mặc dù anh không nhận nhưng họ vẫn buộc anh phải làm, hôm qua ông lớn đã cho phép được lấy nhau, và bây giờ những người này lại đến bắt Thọ Cô đi làm thiếp cho Tiền Giám sinh. Quan huyện nghe xong dùng dùng nổi giận, rồi gọi Bách Hiếu và Trại Cát hỏi:

- Vì sao các người lại móc nối, toan tính cho họ Tiền mua con gái nhà lành về làm thiếp?

Hai tên vẫn cứ quanh co chối cãi. Quan huyện quát phải kẹp chúng lại. Sai nha như hùm sói mang kẹp xông đến kẹp. Hai tên rống lên như bò đâm tiết, nói:

- Con xin cung khai.

Quan huyện quát:

- Đã khai phải khai cho thực, nếu nói sai ta sẽ cho người đánh chết tươi.

Hai tên như chui từ hang quỷ sứ Diêm vương lên, đâu còn dám che giấu nữa, chúng đã khai hết sự thực. Quan huyện rút ngay chiếc trát, sai người đi bắt Tiền Giám sinh.

Không ngờ Tiền Giám sinh nghe thấy hai tên Trương, Lý và Vuơ Đại bị bắt, đang đứng thập thò ngoài cửa nhà môn, sai dịch trông thấy, bắt ngay Tiền Giám sinh như điều hâu quắp gà con. Thấy Tiền Giám sinh bị lôi tới,

quan huyện quát:

- Người là người Sùng Minh, dám làm loạn phép nước ở vùng này!

Lúc ấy Tiền Giám sinh sợ đến nỗi hồn xiêu phách lạc, chỉ còn biết cúi đầu thưa:

- Giám sinh biết có tội rồi.

Quan huyện quát phải khai hết sự thực. Tiền Giám sinh khai rõ tất cả. Quan huyện quyết:

"Trương Trại Cát, Lý Bách Hiếu, bàn mưu gây ác, mỗi đứa phạt bốn mươi gậy, cùm ba tháng để mọi người cùng biết. Vưu Đại thông đồng bán con gái phạt bốn mươi gậy, không được phép quấy nhiễu nữa. Tiền Giám sinh âm mưu mua người lương thiện làm thiếp, gây ra oán thù, phạt bốn mươi gậy, sẽ định tội sau".

Bọn chúng phủ phục dưới đất chịu đòn, đánh đến mức rách da nát thịt. Tới lượt Tiền Giám sinh bị lính lệ lôi ra đánh, Tiền Giám sinh ra sức kêu oan:

- Giám sinh nguyện chịu phạt, song xin quan bảo toàn danh dự.

Quan huyện cất cao giọng quát:

- Bản huyện chỉ trị tội bọn lưu manh ở nơi khác tới, bất kể là ai.

Thấy quan huyện nổi giận, sai nha kẻ kéo chân người lôi tay dúi bừa hấn xuống đất. Đáng thương thay, Tiền Giám sinh là con nhà giàu, - chưa chịu khổ nhục bao giờ, đương làm sao nổi, vừa mới đánh, hấn quần người giầy giụa như giun đất, đánh một phát nữa, thì "Trời đất ơi!" hấn khóc rống lên, đánh phát thứ ba, thì hấn kêu cũng không được nữa, chỉ muốn tìm lỗ mà chui xuống đất. Tất cả mọi người ở đó đều che mặt cười.

Quan huyện cũng buồn cười, bèn bảo ngừng đánh, rồi hỏi:

- Người muốn đánh hay muốn phạt?

- Thưa quan lớn, - Tiền Giám sinh trả lời, - muốn phạt ạ.

- Người muốn phạt, - quan huyện nói, - thì đáng phạt bao nhiêu?

- Xin tùy quan lớn. - Tiền Giám sinh vừa khóc vừa nói.

- Trời sinh ra mày là đồ chó! - Quan huyện nói. - Mày còn phải chịu ba mươi bảy gậy nữa, mỗi gậy phạt mày mười lạng, hãy mau mau về mang tới ba trăm bảy mươi lạng bạc, cho Chu Nhị làm vốn ta mới tha cho.

Tiền Giám sinh còn đang ấp a ấp úng, quan huyện nói:

- Nếu người không muốn nộp phạt thì đánh lại từ đầu. Lính hầu thét vang, Tiền Giám sinh sợ hết vía, lạy như tể sao nói:

- Con xin theo quyết đoán của quan lớn.

- Đã tuân theo quyết đoán của ta, - quan huyện nói, - thì phải về lấy bạc giao ngay cho Chu Nhị.

Tiền Giám sinh nước mắt như mưa, tập tà tập tễnh theo sai nha về cửa hàng, mang đủ ba trăm bảy mươi lạng bạc, giao ngay tại công đường. Quan huyện gọi lão Vương tới, nói rằng:

- Hôm kia ông mất con gái, hôm nay tôi lại giao thêm cho ông chàng rể. Hơn nữa con rể ông lại có vốn liếng đủ để buôn bán, hãy đón chúng về chung sống, tuổi già ông sẽ phải sống dựa vào chúng.

Lão Vương mừng quá cúi đầu bái tạ. Rồi nhận đón vợ chồng đưa con gái nuôi về. Tiền Lộ Da không dám quấy rầy mà phải “tuân lệnh”. Xét xử xong, ai ai cũng hả lòng hả dạ.

Lão Vương đưa con gái, con rể về nhà, nỗi buồn biến thành niềm vui. Cả nhà đều mừng rỡ, họ đặt bài vị quan huyện, sáng chiều thắp hương cầu mong cho quan huyện phúc thọ dài lâu, tới nay người Thượng Hải vẫn còn ca ngợi ông.

Có người hỏi:

- Một vị quan tốt như thế, sao các nhà viết sách không ghi rõ tên ông, để mọi người cùng biết.

Những việc ấy đã xảy ra gần đây, người trong chuyện đều còn sống. Nếu nói bên này tốt, thì bên kia là xấu, khiến cho người đời oán hận, thôi thì ta cứ dấu tên ông đi là hay hơn cả. Ta cũng biết rằng, những vị quan tốt như thế trên đời này có được mấy người? Cho dù không ghi rõ họ tên, song ai thực sự muốn biết, thì cũng tìm được tên ông. Đọc câu chuyện này, ta thấy lão Vương là người nhân hậu, rốt cục cũng có được người con gái và chàng rể để nhờ vả lúc tuổi già. Còn bọn vô lại như Trương Lý và Tiền Giám sinh gian manh quỷ quyết, gặp phải ông quan huyện nhân từ sáng suốt, thì không những mất hết cả thanh danh mà còn chịu nhục hình. Vậy xin người đời phải ăn hiền ở lành, ngay thẳng thật thà, đừng làm điều xằng bậy. Người xưa nói rất đúng: Ở hiền gặp lành, gieo gió gặt bão. Chỉ có điều là

sớm muộn mà thôi.

*Làm người phải sống cho ngay thẳng
Tham sắc tham tài, mắc tai ương
Nhãn tiền trông thấy đều sự thực
Khiến cho gỗ đá cũng rùng mình.*

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 3

Vì Nghĩa Làm Ơn Không Mong Trả

Lâm Ngụy Được Cứu Đáng Đền Ơn

Đấng mày râu, nhân vật anh hùng xưa nay hiếm có. Gặp nguy nan, lòng những thương gái nhỏ. Không hổ thẹn thanh danh hào hiệp nơi gác tía lầu son. Nổi giận mắt trừng gian tà khiếp vía, quỷ quái yêu ma tức thời bị diệt. Hả hê cười nói ra về, lòng can đảm sáng trong như tuyết.

Thư hẹn tòng quân, gươm sắc đeo lưng diệt trừ ác nghiệp. Mật kế không thành, nhà ngục che mờ nhật nguyệt. Cứu vớt gái quê lầu son môi tở, dấng mày râu, son phấn. Công lao ghi sử sách, đến nay thiên hạ vẫn lưu truyền.

Hữu Điều ký "Niệm nô kiêu"

Người xưa nói: "Làm ơn không mong đền đáp". Có lẽ người mong báo đền thì lúc nào cũng tính toán, người ấy đền đáp ta cái gì, rồi sau mới làm ơn. Người chịu ơn cũng sẽ tính ngược lại, người ấy đã làm ơn mình cái gì để mà báo đền. Bởi thế mà tình cảm không sâu sắc. Cái đó gọi là quan huyện buôn bán, sau này tất dẫn đến hiềm khích. Muốn được ơn trước rồi sẽ lo trả ơn sau, thì làm sao mà có được? Chỉ có vợ chồng mới khăng khải cứu vớt nhau lúc khó khăn hoạn nạn, coi đó là bổn phận của mình, không khoe khoang kể lể công lao, tuy không mong báo đền, song người ta lúc nào cũng canh cánh bên lòng, tìm cách báo đền. Cứu người thì người khác cứu mình. Vậy cứu người cũng chính là tự cứu mình.

Thời Vạn Lịch, có một vị công tử hào kiệt, tên là Tăng Anh, tự Chí Viễn, quê Tứ Xuyên. Cha làm phó sứ Hà Nam, sau khi nghỉ việc, thấy Lạc Dương là nơi trung tâm trong thiên hạ, bèn chuyển gia đình tới sống ở đấy. Mới mười ba tuổi, cha mẹ qua đời, ba năm mất tang, năm mười bảy tuổi thì đỗ tú tài. Tuy công tử theo nho học, song không bị sách vở ràng buộc, nhà giàu có lại có tấm lòng khăng khải, ai có việc cần cứu giúp anh đều sẵn lòng. Anh lại có sức khỏe kì lạ, hai tay có thể nâng bổng được ngàn cân,

thích sống tại một trang trại ở ngoài thành. Vào mùa xuân, mùa hạ thì anh đọc sách; mùa thu, mùa đông thì săn bắn. Là người sống phóng khoáng, nhưng lại thường nức nở khóc than rằng trên đời này không có ai tri kỉ. Đã hai mươi tuổi, anh vẫn chưa có người nâng khăn sửa túi. Tuy cha đã qua đời, song những học trò tiếng tăm của cha vẫn còn, những vị quan to thời ấy, nếu không là bạn đồng khoa, thì cũng là bạn cũ của ông. Là người còn trẻ lại có tài, những nhà giàu có quyền quý đều muốn anh làm con rể. Công tử rất khác người, ai nói tới việc hôn nhân, anh đều cảm ơn, rồi chối từ. Có người hỏi vì sao, công tử cười trả lời rằng:

- Trượng phu phải có chí lớn bốn phương, việc lớn đang bề bộn, sao lại tham lam cuộc sống yên lành. Vả lại người xưa thường nói, ba mươi mới thành lập gia đình, năm nay mới hai mươi, vẫn còn sớm chán.

Bởi thế những người mối lái cũng không đến quấy rầy anh nữa.

Một đêm, công tử chong đèn đọc sách, vào lúc trước canh hai, đang định lên giường ngủ, nghe thấy đằng sau có tiếng hò hét. Tưởng nhà cháy, công tử vội mở cửa phòng chạy ra xem. Người nhà nói rằng:

- Bắt được một tên trộm tại kho phía sau.

- Bắt tới đây cho ta. - Công tử nói.

Thế rồi công tử ra nhà khách, thấy mọi người túa đến như ong vỡ tổ, giải tên trộm đến, quỳ trước mặt công tử. Công tử hỏi:

- Người ở đâu mà dám đến nhà ta ăn trộm?

- Con là người Quý Châu, - người ấy đáp, - tới đây tìm người nhà nhưng không gặp, không còn tiền để về. Đêm qua thấy cửa trang trại bỏ ngõ, cho nên con đã lẻn vào định ăn trộm ít đồ đạc bán đi để lấy tiền về, nhưng chưa lấy được gì thì bị bắt. Mong ông thương tình tha cho.

- Người đã lấy trộm mấy lần rồi? - Công tử hỏi.

- Đây là lần đầu, - người ấy vừa khóc vừa nói, - thì bị bắt.

- Nếu ta giải lên quan trị tội, - công tử nói, - thì hại cả đời người, người mãi mãi mang tiếng là tên ăn trộm, nên ta tha cho.

- Xin cảm ơn ông, - người ấy nói, - sau này dù tôi có chết đói cũng không ăn trộm nữa.

- Chỉ sợ đói không chịu nổi, - công tử nói, - lại đi vào con đường ấy

- Bây giờ thì con phải vừa đi vừa xin ăn để về quê, xin cảm ơn tấm lòng cao thượng của ngài.

Công tử bảo người nhà cởi trói, rồi lấy ra mười lạng bạc, nói:

- Ta nghĩ, người là người nơi khác, ta cho người mười lạng bạc để lấy tiền ăn đường. Từ nay về sau hãy học làm người tốt nhất định không đi theo con đường này nữa.

Người ấy phủ phục xuống đất lạy tạ công tử. Công tử nói:

- Đừng làm thế, ta chỉ mong người trở thành người tốt, thôi hãy đi đi.

Rồi sau đó bảo người nhà dẫn anh ta ra lối cửa sau. Người ấy lại định cúi đầu tạ ơn, thì công tử đã đi vào nhà trong.

Mọi người hỏi công tử rằng:

- Bắt được trộm, sao công tử không giải lên quan trừng trị mà lại tha cho họ, rồi còn cho tiền họ nữa?

- Ta thấy anh ta rách rưới, xanh xao gầy gò, - công tử nói, - đúng là anh ta cùng túng quá phải làm liều, chứ không phải chuyên trộm cắp, cho anh ta một ít lộ phí để anh ta về quê hương, trở lại làm người lương thiện, sao lại bảo là không lợi? Người xưa nói: "Cứu người phải cứu đến cùng". Chính là như thế đó. Cần phải biết rằng người ấy lần đầu tiên ăn trộm bị các người bắt được. Nếu gặp kẻ trộm nhà nghề, nó cuồn đi một mẻ to, thì cũng đến báo quan truy nã mà thôi. Còn người này lần đầu phạm pháp, nếu giải lên quan, thì sẽ lộ rõ tung tích, dù anh ta có hối cải thì hằng ngày cũng bị họ truy lùng theo dõi, nhất định sẽ dồn anh ta đến đường cùng. Anh ta suốt đời làm trộm cướp, chẳng hóa ra ta bảo anh ta cứ đi ăn trộm ư? Thôi thì đáng tha thì tha, để cho anh ta trở thành người tốt chẳng hóa hơn sao.

Nói một hồi lâu, mọi người mới gật đầu cho như thế là phải rồi đi ra.

Tới hôm sau, nhân ngày sinh nhật của Thái thú Quy Đức, công tử muốn đi mừng thọ, dặn lại người nhà rằng:

- Lần này ta phải đi quanh quần tới mấy ngày, các người ở nhà cần hết sức chú ý, đừng để xảy ra việc gì.

Dặn dò người nhà xong, công tử cùng mấy gia nhân đi theo gánh lễ vật lên đường.

Ở thôn Tích Thiên, huyện Linh Lăng, phủ Quy Đức, có một người dân

thường tên là Lục Tất Đại, vợ là Trương thị. Hai vợ chồng chỉ sinh được một người con gái. Nhà có mấy chục mẫu ruộng, đều tự trồng cấy lấy, lúc nông nhàn thì buôn bán chêm pha, cuộc sống cũng tạm gọi là khá giả. Con gái họ là Kim Thư, tuy là dân thường, nhưng tính nết dịu dàng, giỏi may vá thêu thùa. Trương thị thấy con xinh xắn, bèn bó chân cho con. Đến năm mười bảy tuổi, cô xinh đẹp hẳn lên. Hằng ngày cô chăm chỉ đỡ đần cha mẹ, chưa từng bao giờ xa nhà.

Một hôm, có cô gái láng giềng đi dâng hương về, tới nhà họ Lục hớn hờ nói:

- Cách đây chừng một dặm, có một am ni cô là nơi rất vắng vẻ tĩnh mịch, ni cô khá đông, họ đều hòa nhã. Trong am có nhiều cảnh đẹp, như động tiên. Đây là nơi du ngoạn tuyệt vời, bà và cô sao không tới mà xem.

Nói xong cô ra về. Kim Thư còn tính trẻ con, nói với mẹ rằng:

- Con nghĩ, nơi ấy người ta đi được thì mẹ con mình cũng đi được. Mẹ nói với cha nhà mình đi một chuyến cũng hay.

- Mẹ cũng đã nghe quanh đây có một vài am ni cô, Phật Bồ Tát rất thiêng. Hôm nào tốt ngày ta mua hương nến tới đó lễ. Xưa nay con chưa đi đâu bao giờ, lần này cũng nên đi vắng cảnh.

Một lát sau, Lục Tất Đại trở về, người vợ bèn xin chồng đến am lễ Phật. Tất Đại nói:

- Dâng hương là việc bình thường, hai mẹ con bà đi thì đi.

Tất Đại không muốn trái ý vợ, lại thấy con gái rất thích thú, nên không nỡ ngăn cản họ. Ai ngờ lần đi này lại gây ra tai vạ.

Am có bốn ni cô, họ đều không giữ phép tu hành, chuyên tới các nhà giàu có kết thân với những thí chủ là quan to, suốt ngày họ quần là áo lượt, bài trí phòng ở cực kì sang trọng. Trong am thường có một lớp đồ đệ du đảng trẻ tuổi, biến nơi tu hành thành nơi trêu hoa ghẹo nguyệt, cho nên không cầu xin bố thí mà người ta vẫn mang đến, tuyệt nhiên không phải đi đâu khuyen giáo. Sư nữ trụ trì am, pháp danh là Tĩnh Tu, trạc dưới ba mươi tuổi, nói năng hoạt bát, thái độ nhã nhặn, đối nhân xử thế, tiếp đãi khách khứa tới thăm hết sức lịch thiệp và tỏ ra hiểu biết. Tĩnh Tu sống thân thiết với Cố Khắc Xương, một gã nhà giàu có trong thành. Cố Khắc Xương là

tên dân đảng và hiếu sắc, trong nhà có cả thê lẫn thiếp mà hãn vẫn chưa thỏa mãn. Hãn thường ra ngoài hái hoa bẻ liễu. Thấy Tĩnh Tu lẳng lơ phóng đảng, hãn kết bạn chơi bời. Một tháng có tới mười lăm ngày hãn ngủ qua đêm tại đây. Khắc Xương lại cậy có cửa, kết giao với bọn hào bá, ra vào cửa quan, khinh rẻ, áp bức người lương thiện. Bởi thế hãn đi lại trong am rất tự do, không hề một ai dám làm phiền. Tĩnh Tu cũng biết mình là người không đoan chính, nên dùng quà cáp kết thân với những người láng giềng quanh am. Những người nhà quê thường tham chút lợi nhỏ, cho nên ai cũng khen, không dám chê Tĩnh Tu.

Lục Tất Đại, tuy cách đó không xa, nhưng sống yên phận, không quan tâm đến những việc đâu đâu, nên không biết họ xấu xa thế nào.

Hôm ấy, hai mẹ con dậy sớm trang điểm rồi đi dâng hương. Vừa tới cửa am, ni cô ân cần tiếp đón. Sau khi lễ Bồ Tát xong, hai mẹ con được các sư cô mời dùng trà, và dẫn đi thưởng ngoạn cảnh trí trong am. Quả nhiên thấy hành lang thăm thẳm, phòng ốc quanh co, trong sạch thanh nhã, đồ vật trong phòng sang trọng bày biện ngăn nắp chỉnh tề, khác hẳn với nhà mình. Mẹ con hết lời tán phục.

Ai ngờ, đêm qua Khắc Xương cũng ngủ tại đây, hoa nguyệt suốt đêm, vừa mới dậy, nghe thấy có khách đến hành hương, bèn ra nhìn trộm. Hãn thấy một người phụ nữ trung tuổi, dáng vẻ nông thôn, theo sau là một cô gái mười sáu, mười bảy tuổi, dung nhan xinh đẹp, dáng người thùy mị, phút chốc hồn vía chơi vơi, hãn rạo rực khát khao thèm muốn. Sợ rằng cô gặp phải đàn ông, nên hãn lén lút nấp vào một phòng kín nhìn trộm qua khe hở. Ni cô biết ý, dẫn cô ngồi vào ghế giữa, rồi bày đồ điểm tâm. Mẹ con nhà họ Lục thích nơi đây vắng vẻ tĩnh mịch, còn những ni cô thì cứ một điều bà, hai điều cô, luôn mồm tăng bốc, khiến hai mẹ con càng thích thú, cười nói vui vẻ thân mật. Kim Thư vui mừng hơn hở, khiến cô càng trở nên xinh đẹp. Trong phòng nhòm ra, Khắc Xương thèm khát, người hãn bưng bưng rậm rật. Người xưa nói: "Tình nhân trước mắt giống Tây Thi". Hơn nữa Kim Thư là người nhan sắc tuyệt vời thì sao mà Khắc Xương không chết mê chết mệt. Hai mẹ con ngồi một lúc lâu, biểu lễ vật rồi xin phép ra về. Tĩnh Tu giữ lại dùng cơm chay. Trương thị nói:

- Ở nhà không có người trông nom, xin để hôm khác lại tới văn cảnh. Những ni cô tiền chân ra khỏi am rồi từ biệt.

Khắc Xương gặp Tĩnh Tu, oán trách rằng:

- Sao không giữ họ lại chơi, mà để họ về!

- Nhìn trộm mãi, - Tĩnh Tu nói, - vẫn chưa chán hay sao? Cô ta chẳng qua cũng là người chứ có phải báu vật Tây Dương đâu mà nhìn không chán!

- Đúng là báu vật, - Khắc Xương cười nói, - chỉ nhìn suông mà người cứ rạo rức cả lên. Tôi phải lấy cô ta làm thiếp, cô bảo nhà nó có chịu gả không?

Tĩnh Tu vỗ vai Khắc Xương nói:

- Cô ta là con gái Lục Tất Đại ở Tiền Thôn, nhà cũng khá giả đầy đủ, họ chẳng chịu bán con gái đi làm vợ bé đâu. Còn chúng em đây tha hồ mà chơi bời.

- Cô không ghen đấy chứ, - Khắc Xương nói, - thư thả rồi tôi sẽ bàn với cô. Nếu như cô ta không chịu làm thiếp, thì lấy về làm vợ và mỗi người ở một nơi, như thế có được không?

- Đúng là "mèo thấy mỡ", không biết anh có may mắn được hưởng thụ không!

Rồi họ nhìn nhau cười.

Khắc Xương cơm trưa xong, nói là có việc rồi về thành. Dọc đường hăn nghĩ miên man: "Vớ được con ấy cũng không uổng phí một đời". Dò được Lục Tất Đại có một người bạn trong thành, hăn bèn nhờ anh ta làm mối, tình nguyện làm người ở rể, sẽ phụng dưỡng bố mẹ vợ suốt đời. Người ấy đi rồi quay về nói:

- Tôi đã thăm dò, ông ta cần một người con rể tương xứng về tuổi tác và có tài năng, nếu chỉ là nhà giàu thôi thì ông cũng không muốn gả. Xem ra có nói cũng bằng thừa.

Khắc Xương nghĩ rằng: "Hăn cậy có cơm ăn cho nên không gả con gái cho ta, trừ phi phải làm hăn nghèo khổ, thì buộc hăn phải bán con gái làm thiếp. Nhưng làm thế nào để hăn nghèo khổ". Khắc Xương chau mày, trong óc hăn chợt lóe ra một ý nghĩ: "Quan phủ đang thu tiền thuế, nhất định phải chọn những nhà giàu có làm thủ quỹ, nếu thiếu hụt bắt thủ quỹ bồi thường.

Những người làm việc này thường là cửa mất nhà tan. Nay đang lúc thu thuế, phải làm thế nào khoác cho hẳn việc này, thì nhất định hẳn phải mắc câu”.

Tính toán xong, hẳn bèn giắt đi mười lạng bạc, tới nhà người bạn quen biết là Lý Thư Biện. Chào hỏi xong, nói mấy câu thăm sức khỏe, Khắc Xương hỏi:

- Anh Lý, năm nay đã chọn ai làm thủ quỹ chưa?
- Vẫn chưa định ai. - Lý Thư Biện nói.
- Việc này cần những người giàu có làm. - Khắc Xương nói. - Tôi đến đây tiến cử cho anh một người, anh thấy thế nào?
- Chỉ cần có máu mặt, - Lý Thư Biện nói, - là tốt lắm rồi.
- Lục Tất Đại làng Tích Thiện, - Khắc Xương nói, - người này giàu có, tôi và hẳn có mối hiềm khích. Tôi muốn hẳn làm việc này để buộc hẳn phải tốn phí một ít tiền cho hả dạ. Ông có thể đứng giữa kiểm lời. Nếu ông anh hết sức vì em, thì em xin đưa trước cho ông anh mười lạng bạc.

Thế rồi Khắc Xương lấy bạc ra đặt trên bàn. Thấy bạc, Lý Thư Biện như mèo thấy mỡ, mặt tươi hơn hở, vội chấp tay nói:

- Việc đó có gì đâu chỉ cần chú em dè dặt một chút nói với quan là xong, cần gì phải phiền đến anh cho nhọc lòng?
- Nếu anh không nhận, - Khắc Xương nói, - thì chẳng hóa ra anh coi em như người ngoài à.
- Đã nói như thế thì anh đành phải nhận thôi. - Thư Biện nói. - Nội trong ba ngày tôi sẽ báo lại.

Thế rồi hai bên chấp tay từ biệt nhau.

Một hôm, Lục Tất Đại đang ở nhà, bỗng thấy hai lính lệ vào nhà, hỏi:

- Thưa ông, ông có phải là Lục Tất Đại không?
- Đúng ạ? - Lục Tất Đại trả lời.

Lính lệ lập tức lấy ra một tờ trát giấy đỏ, đưa cho ông xem. Thấy tờ trát chọn ông làm thủ quỹ, bèn kinh ngạc nói:

- Tôi nhà nghèo, làm việc này sao được!
- Chúng tôi chỉ là người thừa lệnh quan. - Lính lệ nói. - Xưa nay từng nói: "Thiên lôi chỉ đâu đánh đấy". Nếu ông muốn nói thì mời ông lên quan mà

nói.

Tất Đại vội giữ họ lại ăn cơm, trước khi đi còn biếu ít quà, hẹn ngày mai gặp nhau ở huyện. Lính lệ đi rồi, Tất Đại vào nói với vợ:

- Họ chọn tôi làm thủ quỹ. Nếu thiếu hụt thì lấy tiền đâu mà đền. Bây giờ làm thế nào?

Vợ Tất Đại nghe được tin ấy vô cùng lo lắng, suốt đêm khóc lóc không sao chợp mắt được.

Sáng hôm sau Tất Đại đành liều lên huyện. Đúng lúc tri huyện đang làm việc tại công đường, lính hầu vào bẩm rồi dẫn Tất Đại vào gặp quan. Tri huyện nói:

- Quan huyện chọn người làm thủ quỹ, việc đó cũng chẳng có gì khó lắm đâu, chỉ cần làm việc cẩn thận là được.

- Con là người quê mùa ngu đần, chẳng biết tính toán ghi chép, - Tất Đại nói, - sợ rằng làm hỏng việc công. Mong ngài chọn người khác.

Tri huyện đập bàn quát:

- Người nào cũng thoái thác như người thì lấy ai làm thủ quỹ! Những việc trong huyện đều nhờ Lý ThưBiện lo liệu, người mà anh ta đã cử chắc không sai.

Thế rồi quan nói với người giúp việc rằng:

- Phải ép anh ta viết ngay đơn xin nhận việc. Nếu trái lệnh sẽ phạt nặng.

Tất Đại sợ xanh mặt không nói sao được nữa, để khỏi bị phạt Tất Đại đành phải viết đơn xin nhận việc. Người giúp việc trình đơn lên quan, rồi sau đó nói với Tất Đại rằng:

- Anh phải chuẩn bị tinh thần, ba hôm nữa bắt đầu thu.

Phải ở ngay tại thành mới làm việc được.

- Vâng ạ! - Tất Đại nhận lời.

Tất Đại trở về nhà, lấy chăn chiếu và mang theo ít tiền, trọ tại hàng cơm trước cửa huyện.

Phải biết rằng, thủ quỹ là việc rất khó, ngay người biết việc còn bị người ta lừa, huống hồ Tất Đại, một người nhà quê thật thà chẳng biết gì về chất lượng bạc và cân tiểu li, tiền bạc thu vào xuất ra cứ bị họ đánh lừa, đến lúc kết toán, hút mất hơn tám trăm lạng, quan bắt anh phải đền. Tất cả vốn

liếng, ruộng đất, nhà cửa của Tất Đại chưa đầy ngàn lạng, vậy lấy bạc đâu mà bù vào. Tất Đại đành phải bán ruộng vườn và tất cả đồ đạc trong nhà, vắt kiệt sức mà vẫn còn thiếu một trăm lạng. Quan hẹn đúng kì phải giao nộp đủ, nhưng đã quá hạn mấy lần Tất Đại vẫn chưa giao đủ số bạc thiếu hụt, quan huyện buộc phải bắt giam để truy hoàn. Tất Đại đành gửi thư về cho vợ bảo phải bán nhà. Vì bán đột xuất nên không ai mua. Mẹ con ở nhà ôm nhau khóc lóc. Đáng thương thay, một nhà đang no ấm, bị kẻ gian ngấm ngầm mưu hại, làm cho tan cửa nát nhà.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 3 (B)

Một hôm, hai mẹ con đang lo lắng đau buồn, thì thấy ni cô Tĩnh Tu vào nhà, Trương thị đứng dậy đón tiếp. Tĩnh tu nói:

- Tôi từ thành về, nghe thấy quan đang truy hoàn khoản tiền thiếu hụt, tôi không yên lòng, nên tới đây thăm bà và cô.

- Xin cảm ơn bà! - Trương thị nói.

Sau đó kể lại chuyện chồng mình làm thủ quỹ, thiếu hụt nên phải đền không, chưa trả hết nên bị bắt để truy hoàn. Nay phải bán nhà, song vẫn không có ai mua. Nói xong nước mắt bà giàn giụa. Tĩnh Tu nói:

- Bà không cần phải lo lắng, Phật Quan âm Bồ Tát trong am của tôi là đấng cứu khổ cứu nạn. Ngày mai bà cùng với cô tới thành tâm kính cầu cầu khẩn trước Phật đài. Phật sẽ phù hộ cho ông nhà bình an vô sự. À! Nếu bà bán nhà, thì trong thành có vị quan lớn người thôn quê muốn mua nhà ở đó để làm chỗ thu tô, tôi sẽ báo tin giúp, có thể nào ngày mai tôi trả lời thẳng phải là nhất cử lưỡng tiện sao.

- Nếu thế thì ngày mai mẹ con tôi sẽ tới. - Trương thị nói. Song xin sư cô đừng bày vẽ tốn kém.

- Chúng tôi tu hành, có gì mà tốn kém, chỉ cần bà không coi tôi như người dưng nước lã là được rồi.

Nói xong Tĩnh Tu giả vờ than vắn thở dài rồi ra về.

Trương thị tin lời ni cô, sáng sớm hôm sau dậy trang điểm, mua hương nến, khóa cửa cùng với Kim Thư đến am. Ni cô ra đón mẹ con Trương thị. Đầu tiên họ đưa mẹ con bà tới Phật đường thắp hương nến, hai mẹ con quỳ trên tấm thảm bằng cỏ hương bồ lăm rằm khẩn khứa, cầu Phật phù hộ độ trì. Lễ xong, Tĩnh Tu mời vào nhà khách, rồi nói với Trương thị rằng:

- Việc bán nhà, sáng sớm nay tôi đã cho người vào thành nói rồi, trưa nay nhất định có người tới. Người này vốn là thí chủ lớn, thường rất tin tôi, tôi nói thêm vào thì nhất định việc sẽ xong. Xin bà hãy yên tâm nán lại chút

nữa.

Trương thị thấy nhà sư nói có thí chủ cứu được chồng mình, nổi buồn bỗng vui đi một nửa. Khi ni cô bưng cơm ra, mẹ con không dám chối từ. Ăn cơm sáng xong, lại bưng tới một khay trà thơm. Tĩnh Tu nói với một ni cô trẻ rằng:

- Ta ở đây tiếp chuyện bà, người hãy dẫn cô nhà đi dạo quanh am cho đỡ buồn.

- Đến phòng tôi chơi một chút được không? - Ni cô trẻ nói với Kim Thư.

Hai người dắt tay nhau. Đi qua hai dãy phòng, ni cô trẻ mở cửa ngách bước vào, thì đó là một gian phòng tuyệt đẹp. Trên treo một bức tranh cổ, lò hương trên ghế đốt loại hương trầm thơm ngát, hoa cắm trong bình còn tươi nguyên, ở giữa đặt một chiếc bàn vuông và bốn chiếc ghế bành; bên trái kê một chiếc giường, trên giường có đệm gấm, gối tựa, tất cả đều tinh xảo trang nhã; trước sân trồng các loại hoa cỏ. Kim Thư thấy thế nói:

- Nơi đây tôi chưa từng đến bao giờ, quả là cảnh thần tiên.

- Cô cứ ngồi tạm đây, - ni cô trẻ tuổi, - tôi đi lấy trà mời cô dùng.

Ni cô đi ra, gài trái cửa. Kim Thư hoàn toàn không để ý, bước tới giường ngồi. Chỉ nghe thấy bên phải có tiếng kẹt cửa, rồi sau đó một người đàn ông đẩy cánh cửa nhỏ lên vào. Kim Thư hốt hoảng sợ hãi định trốn. Người đàn ông ấy cười hi hí, chấp tay chào:

- Tôi nghe thấy cha cô thiếu hụt tiền thuế, hiện đang bị giam trong ngục, tôi đã mang bạc đến đây. Chỉ cần cô bằng lòng lấy tôi thì tôi sẽ cứu cha cô khỏi giam cầm.

Chẳng cần Kim Thư đồng ý hay không, hắn đã xộc đến. Thấy thế cô sợ hãi kêu khóc toáng lên:

- Mẹ ơi, tới đây mau!

Dù cô gào khản cổ cũng chẳng ai nghe thấy. - Người ấy nói. - Hôm nay chúng ta gặp nhau, quả là duyên trời định. Cô hãy nghe theo tôi.

Hắn ôm chầm lấy cô. Kim Thư dùng hai tay đẩy hắn ra, gào to hơn:

- Cứu! Cứu tôi với!

Trương thị đang ngồi trò chuyện với Tĩnh Tu, bỗng nghe tiếng khóc vắng vắng đâu đây, bèn hỏi:

- Có tiếng khóc ở đâu đó?

Đây là tiếng cô gái nào khóc ở bên ngoài, bà chẳng cần phải để ý tới làm gì. Lẳng tai nghe, bà thấy hình như là tiếng con gái mình, nói:

- Quái lạ thật.

Rồi chạy thẳng vào trong. Thấy đám ni cô ngăn lại, Tĩnh Tu nói:

- Tôi nói nhỏ với bà là không nên vào nữa.

Trương thị càng sinh nghi, vội vã chạy đi. Bọn ni cô kéo bà lại, bắt chợt bà cuống lên, gào thét.

Dù cho phòng ốc sâu hun hút, song lẽ nào xung quanh không ai nghe thấy. Cũng cần biết rằng những nhà gần am, hàng ngày Tĩnh Tu đã mua chuộc để bịt miệng họ rồi, chẳng ai quan tâm đến những việc không đâu trong am, bởi thế mà Khắc Xương mặc sức làm liều, mưu toan cưỡng hiếp, chẳng biết sợ hãi là gì. Đáng thương thay hai mẹ con nhà họ Trương, gọi trời không thấu, mà chui xuống đất cũng chẳng có đường! Chính lúc đang phải bó tay, không biết làm sao thì đất bỗng bỗng như sét đánh ngang tai. Một người ở cửa am đi vào, thét lên một tiếng. Bạn có biết người đó là ai không? Đó chính là Tăng công tử đi mừng thọ ở Quy Đức trở về qua đây. Ngồi trên mình ngựa, khát nước, thấy chiếc am thấp thoáng bên đường, công tử nói với tùy tùng rằng:

- Trời vẫn còn sớm, chúng ta vào am xin chén nước.

Thế rồi họ cho ngựa men theo đường tắt, đi vào. Đến trước am, nghe thấy trong am có tiếng con gái khóc, và kêu cứu ầm ĩ. Biết bên trong có việc quái lạ, công tử vội xuống ngựa, đẩy cổng không được, công tử lấy sức đập mạnh, hai cánh cửa đổ sập xuống, kêu đánh ầm một tiếng như sét đánh.

Công tử bước vào Phật đường, thấy bọn ni cô đang giữ chặt một người đàn bà, người đàn bà ấy giãy giụa kêu gào, bèn quát to:

- Vì sao các người lại làm thế?

Thấy một người khăn áo chỉnh tề bước vào, theo sau là bốn năm người, bọn ni cô hoảng hốt buông tay bỏ đi. Người đàn bà ấy quỳ xuống nói:

- Còn có đứa con gái bị nhốt ở phía sau, xin ông cứu mạng.

Công tử lẳng nghe, quả nhiên đằng sau có tiếng khóc, đi thẳng tới thấy cửa khóa trái, công tử đập tung khóa, đập cửa bước vào, thấy một người con gái

đầu tóc rối bù, nằm vật dưới đất khóc đứng bên cạnh là người đàn ông. Thấy có người hùng hổ bước vào, hăn sợ quá đứng sững sờ, không sao trốn kịp. Công tử xông tới tóm chặt lấy hăn. Sau đó Trương thị bước vào ôm chầm lấy con, khóc ầm lên. Người ấy quỳ xuống xin tha. Công tử quát:

- Người là ai mà giữa ban ngày ban mặt dám làm điều phi pháp.

- Tôi là Cố Khắc Xương, - người ấy nói, - nhà họ Lục hẹn tôi tới đây để mua nhà, tự dưng cao hứng nói đùa cô ấy mấy câu thế là cô khóc, chứ hoàn toàn không làm gì cả, xin ông tha cho.

Công tử bảo tùy tùng trói Khắc Xương lại. Biết được cô gái chưa bị làm nhục, công tử nói với Trương thị rằng:

- Mẹ con bà đừng đau buồn nữa, hãy nói cho ta biết họ đã lừa dối mẹ con bà đến đây như thế nào?

- Chồng tôi là Lục Tất Đại, vì tiền thuế thu bị thiếu hụt, chưa trả hết, muốn bán nhà để nộp cho đủ. Ni cô nói rằng đã có người mua, rồi lừa mẹ con tới đây. Nào ngờ họ đã nấp ở đó, rồi cưỡng dâm con gái tôi.

Nghe xong công tử vô cùng giận dữ, nói:

- Hãy đi báo quan ngay, tôi sẽ đi minh oan cho bà.

Thế rồi họ ra khỏi Phật đường.

Lúc đầu những người lân cận không để ý tới những việc lằng nhằng, về sau thấy to chuyện, họ túa đến nghe ngóng. Thấy họ, công tử hỏi:

- Các vị có biết nhà Lục Tất Đại không?

- Biết - Có người nói.

- Xin phiền ông gọi giúp người nhà Lục Tất Đại tới đây.

Sau đó bảo gia nhân trói hết bọn ni cô lại. Lát sau thì thấy người làng Tích Thiện tới. Nghe thấy việc này họ đều phẫn nộ, chửi Khắc Xương và bọn ni cô hết sức thậm tệ. Công tử nói:

- Có ai là người địa phương này không?

- Con chính là người làng này. - Một người trong đám đông nói.

- Nếu là người địa phương, tôi giao bọn phạm nhân này cho ông giải ngay lên huyện.

Công tử lại nói với Trương thị:

- Mẹ con bà cũng tới huyện ngay bây giờ, tôi sẽ tố cáo với quan huyện, nói

với ngài xét xử vụ này.

Sau đó công tử lên ngựa đi trước, để một gia nhân ở lại áp giải. Mọi người hỏi gia nhân rằng:

- Chủ ông là người như thế nào?

- Chủ tôi là công tử Tường Phủ Tăng, là cháu của người bạn đồng khoa với ông lớn phủ Quy Đức. Ông vừa đi mừng thọ ông lớn về, nghe thấy tiếng kêu khóc cho nên tới cứu. Công tử chúng tôi chuyên dẹp những nỗi bất bình, ra sức cứu giúp người. Các ông đừng lời lỏng bọn phạm nhân mà chuốc vạ vào thân.

Trong số đó có người biết tiếng công tử, bèn vỗ tay nói:

- Hay, hay lắm! Lần này vị hào kiệt quyết không tha bọn ni cô dâm dăng và bọn côn đồ!

Trương thị, Kim Thư thuê một chiếc xe nhỏ, cùng với những người địa phương áp giải Khắc Xương và bọn ni cô lên huyện. Công tử tới trước đưa danh thiếp rồi vào huyện. Quan huyện đã gặp công tử tại buổi tiệc mừng thọ quan phủ, vừa thấy danh thiếp vội sai người ra mời vào. Chủ khách ngồi xong, công tử kể lại việc Khắc Xương, bọn ni cô đánh lừa và việc mình đến cứu như thế nào cho quan huyện nghe. Quan huyện dùng dùng nỗi giận nói:

- Bọn ni cô và bọn côn đồ gian ác, coi thường pháp luật, đệ sẽ xử tội nặng là được rồi.

Công tử bái từ ra về.

Tiếp đó quan huyện gọi Trương thị và các phạm nhân vào xét hỏi. Tin ấy làm náo động cả huyện Ninh Lăng. Nhân dân cả huyện đều đổ tới xem đông nghịt.

Quan huyện ngồi tại công đường, tất cả bọn phạm nhân quỳ bên dưới. Trước tiên quan huyện gọi Trương thị tới hỏi. Trương thị kể lại việc chồng bị giam trong ngục, muốn bán nhà để bồi thường công quỹ. Ni cô Tĩnh Tu đã lừa dối tới am, tìm cách giữ bà lại và lừa đưa con gái bà tới một phòng đã có người nấp sẵn trong đó, rồi cưỡng dâm con bà. Thấy con gái kêu, bà chạy tới cứu, song bọn ni cô giữ lại. Sau đó rất may được công tử cứu thoát. Tiếp đó quan huyện lấy khẩu cung Tĩnh Tu. Tĩnh Tu cứ quanh co

không khai thực. Quan huyện nổi giận quát:

- Kẹp nó cho ta.

Lính hầu đem kẹp tới kẹp chặt. Tỉnh Tu quen ăn trắng mặc trơn, chịu đau sao được, thì kêu như lợn chọc tiết, mồ hôi trên chiếc đầu trọc túa ra như mưa, đái cả ra quần, buộc phải kêu lên:

- Con xin khai!

Thế rồi Tỉnh Tu khai hết, từ việc Khắc Xương muốn lấy Kim Thư, nghĩ kế thế nào, rồi việc sai Tỉnh Tu lừa dối, và hắn đã đóng cửa hành dâm ra sao...

Quan huyện hỏi:

- Bọn ni cô các người có gian dâm với Khắc Xương không?

- Không ạ! - Tỉnh Tu đáp.

Quan huyện bảo người kẹp tiếp. Tỉnh Tu cuống lên, vội nói:

- Có ạ! Có ạ! Quả thực chúng con quan hệ với nhau từ lâu rồi.

Thấy bọn ni cô đã cung khai, quan huyện bảo thôi không kẹp nữa. Sau đó gọi Cổ Khắc Xương lên hỏi, quan huyện giận dữ quát:

- Người là đứa đáng chết, đất nước thanh bình mà lại dám hoành hành ngang ngược, quả là người đã coi trời bằng vung. Nay bản huyện sẽ tặng người chiếc kẹp.

Rồi ông bảo với lính hầu:

- Kẹp hắn lại cho ta!

Hằng ngày bọn lính hầu thường thân thiết với Khắc Xương, thấy quan huyện nổi giận, bọn họ không dám nường nhẹ, đành phải lúi húi ngã sấp, ngã dúi rồi lấy kẹp kẹp. Quan huyện ngồi trên quát:

- Phải kẹp thật đau!

Khắc Xương vốn là một tên quen thói ăn chơi, chưa từng nếm mùi đau đớn, nay bị cực hình, hắn hồn xiêu phách lạc, ngất lịm đi. Lính lệ hắt nước lạnh hắn mới tỉnh dậy. Tri huyện hỏi:

- Người đã bày mưu cưỡng dâm, còn biện bạch gì nữa.

- Con không dám biện bạch. Song con chỉ trót dại chòng ghẹo thôi, quả thực con chưa hại cô ấy, xin ngài tha tội!

- Tuy chưa hành dâm, nhưng sự thực là đã cưỡng ép cô ấy. - Quan huyện nói.

Rồi ông lệnh giam Khắc Xương vào nhà ngục, sẽ định tội. Còn bạn ni cô bị đưa ra ngoài, đánh mỗi đứa bốn mươi gậy, bắt hoàn tục.

Khi ấy người đến xem đông nghịt, tắc đường nghẽn lối. Kim Thư quỳ đằng sau mẹ, nhưng quan huyện không hỏi đến, chỉ bảo Trương thị dẫn cô về. Trương thị xin tha cho chồng, rồi sẽ bán nhà bồi hoàn. Quan huyện nói:

- Không được! Phải hoàn trả tiền xong mới được tha.

Trương thị đành ra về. Theo lệ địa phương, quan huyện bắt Khắc Xương phải sung vào quân lính vùng biên ải.

Mẹ con Trương thị tới nhà giam thăm Tất Đại, kể hết chuyện đã xảy ra, rồi nhìn nhau khóc lóc. Tất Đại nói:

- Tính mạng của mẹ con bà hoàn toàn do Tăng công tử cứu vớt. Ta không thể tới cảm ơn công tử được, mẹ con bà phải đến cảm ơn mới đúng.

Mẹ con Trương thị lập tức ra khỏi ngục, nhờ người láng giềng thân thiết dẫn đến chỗ công tử. Công tử thấy thế bèn hỏi:

- Chồng bà đã ra khỏi trại giam chưa?

Trương thị nước mắt lưng tròng nói:

- Thừa công tử, quan huyện nói rằng: "Phải chờ giao nộp xong tiền mới tha".

Công tử than rằng: "Làm cho người ta khánh kiệt gia tài, mà còn cố chấp như thế". Rồi hỏi:

- Còn thiếu bao nhiêu?

- Còn thiếu hơn một trăm lạng nữa. - Trương thị nói.

Công tử lập tức bảo gia nhân lấy ba gói bạc đưa cho Trương Thị, rồi nói:

- Mỗi gói là năm mươi lạng, cả thảy là một trăm năm mươi lạng, hãy cầm lấy số bạc này để trả nợ, còn bao nhiêu cứ để lại mà dùng.

- Chồng tôi bảo tôi đến cảm ơn công tử, chứ có dám đến xin ngài gia ân đâu ạ!

- Thôi đừng từ chối nữa, - công tử nói, - hãy về lo liệu công việc đi.

Lúc ấy Trương thị như người bị rơi xuống vực được lôi lên, bà vội quỳ xuống khấu đầu lia lịa tạ ơn công tử. Nhưng công tử đã bỏ đi ngay.

Vì sao công tử không về trang trại ngay? Bởi việc của Tất Đại thừa xong, công tử không yên tâm, nên đã nán lại trong thành chờ xem sao. Khi hai mẹ

con Trương thị đi rồi, công tử lập tức trở về trang trại. Trương thị đã có bạc, tới ngay giao cho huyện, Lục Tất Đại lập tức được tha. Thời ấy, cả huyện ai ai cũng khen ngợi công tử là người nghĩa khí. Ra khỏi trại giam, Lục Tất Đại đến ngay chỗ công tử tạ ơn, song công tử đã đi từ lâu. Tất Đại đành khóc trở về.

Công tử về tới nhà, tuyệt nhiên không hề nhắc tới việc này, nếu không đọc sách làm thơ, thì công tử cưỡi ngựa bắn cung, luôn luôn mong muốn có cơ hội sẽ làm nên sự nghiệp. Bỗng một hôm, có một quân nhân đến nhà, hỏi người gác cổng rằng:

- Đây có phải tư dinh của công tử không?

- Thưa ngài đúng ạ! - Người gác cổng nói.

- Tôi là người giúp việc của ngài Vương Đại Tuần phủ Quý Châu, ngài gửi thư tới muốn gặp công tử.

Người gác cổng vào bẩm, công tử lập tức mời người ấy vào. Vào sảnh đường, thấy công tử người ấy vội quỳ xuống. Công tử đỡ dậy nói: "Người được Bác Vương sai tới sao lại quá kính cẩn như thế. Xin mời ông ngồi uống nước, rồi hãy nói".

Người ấy ngần ngừ mãi, sau mới dám ngồi, rồi vội lấy thư trình lên. Công tử bóc ra xem, nói với người ấy rằng:

- Đến mai bàn bạc, rồi cùng đi một thể.

Vì sao quan Tuần phủ lại mời công tử? Vương Công tên là Tam Thiên, vừa là anh em kết nghĩa của cha công tử, vừa là bạn đồng khoa, thân nhau như ruột thịt. Ông luôn luôn nghĩ tới và mẫn mộ tài năng văn võ của công tử, nghĩ rằng công tử sau này sẽ có ích cho đất nước. Nay vì Quý Châu loạn lạc, triều đình giao cho ông làm tuần phủ, đúng lúc cần dùng người, cho nên đã sai người tới mời. Một là giúp mình, hai là muốn cho công tử hiển dương tài năng làm nên sự nghiệp. Lá thư ấy rất hợp với tâm sự của công tử. Đến hôm sau, công tử giao lại toàn bộ việc nhà cho một gia nhân tâm phúc cai quản, còn mình mang theo một ít bạc cùng bốn gia nhân và người đem thư lên đường.

Đi hơn bốn mươi ngày mới đến thành Quý Châu. Thấy công tử đến, Vương Tuần phủ vội ra đón ngay vào thư phòng dự tiệc tẩy trần. Ban đêm công tử

cũng nghỉ tại đây để tiện bàn việc cơ mật. Vương Tam Thiên thấy công tử có tài năng và rất thận trọng chu đáo, bởi thế tất cả những nhiệm vụ quan trọng về quân sự và mọi kế hoạch, công tử đều được tham dự bàn bạc, và đã đưa ra những ý kiến rất xác đáng.

Một hôm hội thao quân lính, Vương Tuần phủ lệnh cho công tử tới bãi tập thao diễn trước quân sĩ, rồi ông cười hỏi Tăng công tử rằng:

- Võ nghệ của cháu chắc là phải cao cường lắm?
- Cháu cũng biết đôi chút, xin mong bác dạy bảo.
- Chính ta đang cần thỉnh giáo. - Vương Tuần phủ đáp.

Công tử nhảy phốc lên lưng ngựa, phi quanh bãi tập, bắn trăm phát trúng cả trăm. Sau đó công tử ngồi trên mình ngựa múa đại đao, ngựa phi vòng quanh, rẽ phải rẽ trái, người xem hai bên chỉ thấy một vầng ánh sáng che kín người ngựa, khiến mọi người hoa cả mắt, ai ai cũng phải trầm trồ thán phục. Vương Tuần phủ rất mừng, cùng công tử trở về nha môn, hỏi công tử rằng:

- Cháu thấy quân sĩ thế nào?
- Dàn trận tuy tề chỉnh, nhưng quân luyện chưa thuần thục. - Công tử nói. - Người xưa có nói: "Quân không cần nhiều, mà cần tinh". Thà rằng hãy tuyển chọn người tinh nhuệ thành lập riêng ra một đội, ngày đêm luyện tập, trọng thưởng quân sĩ cùng chia ngọt sẻ bùi, thì khi lâm trận họ sẽ anh dũng xông lên. Một địch mười, thì trăm trận trăm thắng.

Vương Tuần phủ thấy công tử bàn rất chí lí, bèn nói:

- Muốn nhờ công tử làm chức giám kĩ, hiện có tờ trát lưu không, điền họ tên công tử vào, lúc đó công tử có thể ra lệnh cho ba quân.
- Xin tuân lệnh tuần phủ, - công tử đáp, - cháu xin hết sức cố gắng.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 3 (C)

Hôm sau, Vương Tuần phủ trao trát và hiệu dụ trước ba quân, giao Giám kỷ tuyển chọn. Công tử bèn lệnh cho quân sĩ, ai có thể bắn ngoài trăm thước, nâng được năm trăm cân thì mới trúng tuyển. Chọn mười ngày chỉ được ba trăm người. Công tử mua trâu, rượu khao quân, trực tiếp huấn luyện võ nghệ, cùng đồng cam cộng khổ với quân sĩ, ai ai cũng phải khâm phục. Chỉ mấy tháng, tất cả quân sĩ đều dũng mãnh như hổ lang. Có lần giặc đến, công tử xông pha gươm giáo cung tên, chỉ huy ba trăm hùng binh, xung phong hãm trận, không trận nào không chiến thắng. Ngay cả bọn giặc mạnh nổi tiếng xưa nay, thấy quân của công tử đến đều bỏ chạy. Vương Tuần phủ dâng tấu tâu với triều đình về công tích của công tử, được triều đình phong lên chức phó tổng binh. Tuy được phong chức quan võ cũng coi là một dịp may, không uổng công nuôi chí lớn lâu nay, song họa phúc khôn lường, thăng trầm khó biết.

Dân tộc Miêu, Man ở vùng Quý Châu sống xen kẽ nhau, bên ngoài là động Miêu, chủ động gọi là Thổ ty, có quyền sinh quyền sát cả một vùng, song cũng chịu sự khống chế của Tuần phủ. Thời ấy có một động chủ tên là An Bang Ngạn, tính hay lật lọng ngang ngược khác thường. Hãn cật quân mạnh, địa thế hiểm trở không theo lệnh vua, nhiều lần quấy nhiễu nội địa, giết hại nhân dân. Khi Vương Tuần phủ tới nhậm chức, có ý định tiến đánh vào sào huyệt của chúng. Song dưới trướng chưa có tướng tài, nên tạm thời nín nhịn chưa tiến quân. Nay công tử làm tướng, thắng giặc khắp nơi, uy danh lừng lẫy, bèn quyết tâm đánh dẹp. Một mặt gửi giấy về kinh, đồng thời hạ lệnh xuất quân, chọn công tử làm tiên phong, đem ba ngàn quân đi tiên phong, còn mình chỉ huy trung quân tiếp viện phía sau.

Quân tiên phong tiến vào biên giới đất Miêu, quân Miêu nghe tin bỏ chạy

tán loạn, thể mạnh như chẻ tre. Xem chừng còn cách động không xa, có quân sĩ về cấp báo: "Trước mặt động là cửa rừng hiểm trở, có quân Miêu chốt giữ". Thấy trời đã tối công tử ra lệnh dựng trại đóng quân, ngày mai sẽ tiếp tục tiến. Thấy bên cạnh có núi, trên núi, đá nằm ngổn ngang rất nhiều, công tử bèn lệnh cho quân sĩ rời trại lên núi, không cho quân sĩ nghỉ ngơi, nhặt thật nhiều đá chất bên mình, cao ngang vai mới thôi. Nếu có giặc đến sẽ dùng đá ném xuống, nhất thiết không được dùng súng và cung nỏ.

Động chủ An Bang Ngạn biết có quân triều đình tới gần, tụ tập quân lính, trước hết chốt giữ nơi hiểm yếu chờ địch tới. Thấy quân triều đình đóng cách đó gần mười dặm, bèn truyền lệnh đến canh hai tiến quân, cướp trại, giết cho bằng hết. Bọn giặc đến, công tử hạ lệnh: "Khi nào bọn giặc tới, cách mười bước mới bắt đầu ném đá xuống". Quân Miêu xông tới như ong vỡ tổ chỉ thấy đá ném xuống như mưa, sát thương gần hết, không sao tiến lên được, cứ liên tục như thế tới mấy lần, quân Miêu chết không sao kể xiết.

Trời gần sáng, trên núi bỗng có một tiếng pháo nổ đình tai, quân lính ồ ạt xông xuống, tất cả đều dừng mãnh tiến lên, tranh nhau lập công, súng, cung tên bắn như mưa. Bởi vì ban đêm hoàn toàn dùng đá chống địch, hỏa khí và cung tên dư thừa nên bây giờ thả sức bắn vào quân địch. Quân Miêu làm sao chống cự nổi, chúng đại bại bỏ chạy. Công tử dẫn ba trăm quân tinh nhuệ đuổi sát nút, tiến thẳng vào cửa hiểm yếu. Quân Miêu chốt giữ tại đó, kẻ chết, đứa bỏ chạy. An Bang Ngạn dẫn tàn quân chạy về đông, cố thủ không ra. Công tử một mặt báo tin thắng trận, một mặt chốt giữ cửa động, chờ hậu quân tới cùng ồ ạt tấn công vào động.

Vương Tuần phủ biết tiền quân đã thắng lớn, bèn dẫn đại quân tới, vây chặt cửa động, ngày đêm đánh vào. Bang Ngạn thấy quân triều đình thể mạnh, nghĩ rằng khó mà chống nổi, bèn chạy trốn ra phía sau, tới một động khác cầu cứu. Thấy tình hình trong động thay đổi, công tử thừa thế tấn công vào.

Người xưa thường nói: "Rắn mất đầu không sao bò được", số quân Miêu còn lại đều quỳ gối xin hàng. Vương Tuần phủ lập tức đóng quân trong động, kêu gọi thổ ty các động nếu không đến thì lập tức đem quân tiến công vào sào huyệt. Các thổ ty đều sợ kéo quân ra hàng, nguyện sẽ sẵn sàng theo triều đình.

Công tử nói với Vương Tuần phủ rằng:

- Tên đầu sỏ đã chạy trốn, quân Miêu đã hàng phục. Nếu như chia đất của Bang Ngạn cho các thổ ty cai quản, thổ ty các động khác nhất định hợp sức tấn công, chẳng mấy chốc có thể chặt được đầu Bang Ngạn mang về tế cờ. Toàn quân kéo về đó là thượng sách. Nếu không thì việc để lâu sẽ sinh biến, khó bảo toàn thắng lợi lâu dài.

- Quân Miêu ngang ngạnh từ lâu, - Vương Tuần phủ nói, ta đang thắng thế, chúng rất khiếp sợ, ta muốn sát nhập các nơi vào bản đồ, chiếm các nơi hiểm yếu, đặt quan đàn áp, vĩnh viễn diệt trừ tận gốc cái hại vùng biên giới. Hơn nữa Bang Ngạn chưa bị bắt phải bắt ngay để trị tội, mới thể hiện rõ quốc Uy.

- Nếu thực hiện kế ấy, - công tử nói, - e rằng các động sẽ nghi ngờ, sợ hãi rồi sinh ra thay lòng đổi dạ, mà đã thay lòng đổi dạ tất sẽ cắt đứt các đường, quân ta vào sâu khu trung tâm sẽ tiến thoái lưỡng nan.

Wang Tuần phủ cho rằng công tử nói thế không đúng.

Mấy hôm sau, quân Miêu thấy đại quân không rút, hết thấy đều nghi kị, cho rằng tuần phủ muốn chiếm đất của họ. Về sau quân triều đình kêu gọi, thì chẳng thấy động nào ra. Lúc ấy, thấy quân Miêu đã thay lòng, theo lời công tử, Vương Tuần phủ lệnh cho quân sĩ, đổi trung quân thành quân tiên phong, lệnh cho công tử bảo vệ phía sau, lần lượt rút khỏi biên giới quân Miêu.

Nào ngờ An Bang Ngạn trốn tới động Sinh Miêu, nói bừa rằng tất cả của cải châu báu không biết bao nhiêu mà kể đã bị quân triều đình chiếm hết, mong được mang quân đến cứu, giết hết quân triều đình, trừ đất đai ra, con

gái, ngọc lụa... các chủ động sẽ lấy hết mà dùng. Người Miêu vốn rất tham lam, nghe thấy nói thế, hớn hờ theo ngay. Thế rồi đem mấy ngàn quân cùng với số quân còn lại của Bang Ngạn nhất tề tiến công. Quân Miêu đều nhận được lệnh, thấy đại binh đã lên đường đều theo các ngã đường kéo tới.

Tuy đã rút quân, song chưa biết Bang Ngạn quay lại, quân Miêu theo quân phản nghịch, Vương Tuần phủ dọc đường dừng . trại đóng quân, hoàn toàn không phòng bị biến loạn. Đêm ấy, vừa lúc canh hai, quân sĩ đang ngủ say, bỗng nghe thấy tiếng la hét ngoài doanh trại, vội vàng bật dậy, mang quân ra ngoài doanh trại nghe ngóng. Chỉ thấy quân Miêu rất đông tràn vào doanh trại. Quân lính đang ngủ chột tỉnh, hồn vía rụng rời, bị quân Miêu chém chết như ngã rạ, bó tay chịu chết. Tuần phủ đem quân nghênh chiến, thấy quân Miêu tràn tới, quân của mình bị giết gần hết, khí giới mất sạch, không còn đường thoát, than rằng: "Tiếc thay ta không theo lời công tử!". Rồi dùng dao tự vẫn.

Đội quân phía sau của công tử cách đó mấy dặm, nghe thấy phía trước có tiếng thét "giết, giết", vang trời dậy đất, biết rằng đại quân đã thất bại, vội vàng đem quân tới cứu. Bỗng thấy mấy người lính sống sót chạy tới báo:

- Chủ tướng đã chết, toàn quân bị tiêu diệt!

Công tử vô cùng kinh hãi, quân lính hoảng loạn, vừa truyền lệnh phải bình tĩnh, thì quân Miêu đã ập đến trước mặt. Công tử liều chết nghênh chiến, tuy giết được mấy trăm quân Miêu, nhưng hình như càng giết càng thấy đông, giặc vây bốn phía, ba ngàn quân chết gần hết, chỉ còn ba trăm quân thân cận theo công tử, tả xung hữu đột. Quân Miêu vây chặt, đến khi trời sáng tất cả đều trọng thương. Quân Miêu biết đây là đội quân tinh nhuệ, chúng dùng nỏ, cung tên tẩm thuốc độc từ xa bắn tới như mưa, dính tên là ngã vật. Công tử liều mạng chạy. theo đường tắt, nào ngờ ngựa trúng tên gục ngã, công tử bị quân Miêu bắt được, giam vào doanh trại. Đúng là:

*Rồng sa vũng cạn bị tôm cười
Hổ lạc đầm sâu khiến chó khinh*

Công tử không còn hi vọng, chỉ có đường bó tay chờ chết. Tự nhiên thấy một tên lính Miêu đi tới, nhìn công tử từ đầu đến chân, rồi khe khẽ hỏi:

- Ngài có phải là công tử Tường Phù Tăng không?

- Đúng đấy. - Công tử đáp.

Người ấy bỏ đi, tối đến mang rượu thịt tới nói với quân tiêu rằng:

- Chủ tướng đang mang quân truy đuổi, để chúng ta lại đây coi giữ, bọn người này có chạy lên mây. Đêm nay chúng ta cứ việc ăn uống cho thỏa thích.

Thế rồi chúng reo hò ầm ĩ, uống thả sức say túy lúy. Người ấy bèn cưỡi trời rồi kéo công tử chạy. Ra khỏi cửa doanh trại, đến chỗ đường tắt vắng vẻ, người ấy biểu công tử một thanh gươm, một bao lương khô, rồi nói:

- Đây là con đường nhỏ đi hai ngày hai đêm sẽ tới vùng Trung Thổ thì công tử sẽ sống.

Công tử hỏi họ tên. Người ấy nói:

- Công tử còn nhớ tên ăn trộm tại trang trại của công tử Không? Người ấy chính là tôi. May mà được công tử cho tiền lộ phí trở về nhà, sau đó vào động gia nhập quân Miêu. Nay quân Miêu động ta bắt được công tử, may mắn gặp được công tử, nên tìm cách cứu, để báo đền ơn xưa. Xin công tử đi ngay đừng nấn ná nữa.

Đang lúc cuống cuồng gấp gáp, công tử không kịp cảm ơn, ba chân bốn cẳng rời khỏi nơi này, chẳng quản gì đến núi rừng hiểm trở, gập ghềnh. Đi tới sáng, thấy bụng đói cồn cào, mới lấy gói lương khô ra, thì thấy một mảnh thịt trâu, dùng dao cắt ăn một bữa no, rồi lại tiếp tục đi. Tuy gặp mấy chỗ hiểm yếu song không thấy một tên lính Miêu nào ngăn cản. Đi thêm một thời đường nữa, thì thấy đường dần dần bằng phẳng, xa xa đã thấy nhà dân, lúc đó mới tin rằng đây là địa giới miền Trung Thổ. Nhân dân vùng biên đang lo sợ quân Miêu tới, vừa thấy bóng công tử, biết là trốn từ động Miêu ra, tranh nhau hỏi. Công tử kể hết sự tình, họ mới biết đây là một vị quan, rồi vội vàng mời công tử lưu lại ăn cơm. Công tử hỏi:

- Từ đây tới tỉnh thành còn bao xa nữa?

- Đi theo đường tắt còn gần một trăm dặm nữa, - có người nói, - chờ chúng tôi chuẩn bị ngựa đưa đi cho tiện.

Lại đi thêm một ngày, tới tỉnh thành, quan viên coi giữ ở đây biết Tuần phủ đã tử trận, đại quân không trở về, hoàn toàn lấy dân chúng lên thành canh gác, cửa thành đóng chặt. Thấy công tử trốn về, mới mở cửa cho vào. Công tử nhìn các quan òa khóc, nói là mình đã làm mất quân, làm nhục nước, thật đáng tội chết. Có người nói:

- Tướng quân đừng đau buồn nữa, bây giờ thành đang trơ trọi, cần phải hợp sức coi giữ.

Công tử đến dinh Tuần phủ, an ủi gia quyến ông, rồi lên thành coi giữ như cũ. Bởi vì công tử trước đây uy danh lừng lẫy nay trốn về được các quan tôn làm Trưởng thành, lúc ấy nhân dân mới yên tâm đôi chút. Rất may quân Miêu chỉ cướp đoạt vùng biên giới, không dám vào sâu, cho nên tỉnh thành vẫn an toàn.

Công tử nghĩ rằng xưa kia mình tình cờ cứu giúp một người, nay cũng tình cờ được người ấy cứu thoát, chẳng phải là việc kì lạ sao? Song không biết rằng tội thua trận, triều đình sẽ xử trí thế nào, nên suốt ngày lo lắng.

Chưa đầy nửa tháng, bỗng nghe tin Tuần phủ mới đi ngựa tới nhậm chức, công tử mang quân ra nghênh tiếp, đưa tờ thiếp, lập tức truyền cho vào gặp. Công tử cùng các quan yết kiến quan Tuần phủ xong. Tuần phủ hỏi:

- Ai là Tăng Anh?

- Thưa ngài, tôi là Tăng Anh. - Công tử thưa.

- Người có biết chiếu chỉ của triều đình không? - Quan Tuần phủ hỏi.

Nghe thấy có chiếu chỉ, công tử bèn quỳ xuống. Tuần phủ nói:

- Chiếu chỉ của vua nói là, Vương Tuần phủ chết vì nước, tặng chức tước, ban thụy hiệu, những tướng quân bại trận chạy trốn về, không ứng cứu đều giải về kinh, giao cho Tam pháp ty xét xử định tội. - Sau đó Tuần phủ mới lại nói với công tử rằng: "Ta cũng biết người là viên tướng tài, nhưng thánh chỉ rất nghiêm minh, ai dám bảo lưu ý kiến của mình".

Nói xong Tuần phủ lập tức cho cởi bỏ áo mao cân đai, đeo gông vào cổ, rồi sai người giải về kinh. Những bạn đồng liêu quyền góp tiền biếu công tử làm lộ phí, và dặn dò công tử đi đường phải cẩn thận.

Công tử cho hết những người hầu của mình về, chỉ giữ lại bốn người nhà đi theo tới kinh đô. Ngày đi đêm nghỉ, tới kinh đô công tử bị đưa đến giam trong nhà giam Bộ Hình, giao cho Tam pháp ty thẩm vấn. Ngày hôm sau công tử được dẫn ra khỏi ngục, thẩm vấn ngay tại chỗ. Đứng ngay dưới thềm nhà tù công tử tự viết lời khai, khai hết mọi việc đã xảy ra, từ nguyên nhân thất bại, đến việc mình ở đội quân phía sau, không kịp ứng cứu, để đến nỗi bị bắt, và thừa cơ trốn thoát. Tam pháp ty nói:

- Người là tiên phong, không bảo vệ được chủ tướng, bị bắt rồi trốn thoát, tội này quá lớn. Sau đó lại cho vào nhà giam, xin chiếu chỉ định đoạt.

Cần hiểu rằng pháp luật thời Minh tội nặng nhất là để mất thời cơ, phạm là những người để mất thời cơ đều bị hành quyết. Huống hồ là công tử thoát thân một mình, không cứu viện, nhất định sẽ chịu tội nặng. Thời ấy, ai bị giam ở Thiên lao thì chỉ còn đường kề cổ vào lưỡi đao. Bốn người nhà công tử cũng nghĩ rằng chủ mình sớm muộn rồi cũng bị tử hình. Họ khóc lóc tiếc thương. Bỗng một hôm, ngục quan cười ha hả tới nói rằng:

- Ngài Tăng, rất may ngài vô sự! Thượng thư Bộ Binh dâng sớ tâu rằng, ngài là nhân tài có ích cho đất nước, hãy nghĩ tới việc dùng ngài sau này. Thánh thượng chuẩn y, hạ lệnh miễn tội chết, chora chiến trường lập công chuộc tội.

- Tôi đáng tội chết, làm sao mong được ơn trời biển ấy. - Công tử nói.

Đang lúc nửa tin nửa ngờ, thấy Bộ Hình gửi giấy tới, lập tức công tử được thả ngay. Công tử vui mừng không sao kể xiết chẳng khác nào thoát khỏi địa ngục của quỷ sứ Diêm vương. Công tử từ biệt quan coi ngục ra khỏi Thiên lao, tìm chỗ nghỉ ngơi. Người nhà vô cùng vui sướng.

Song công tử nghĩ rằng: "Trần thị lang mình vốn không quen biết, sao lại dâng sớ cứu mình". Thế rồi công tử đưa danh thiếp quỳ trước cửa tạ ơn. Thị lang nói:

- Xin mời ông đứng dậy, đó là do ngài cống hiến tài năng cho đất nước, chứ đâu phải tôi ra ơn cho ngài. Người thi ân cho ngài, đó là vị tân khoa Hàn lâm Kim Lương, xin ngài đi tạ ơn quan Hàn lâm mới phải.

Công tử vâng dạ rồi cáo từ. Công tử nghĩ: "Kim Hàn lâm mình cũng chưa gặp bao giờ, vì sao ngài lại cứu mình, cứ mờ mờ mịt mịt không sao hiểu nổi". Thế rồi ông mang danh thiếp tới nhà ngài Kim Hàn lâm. Hàn lâm thấy danh thiếp, lập tức mời vào tư dinh. Hai người chào hỏi, rồi ngồi vào bàn. Công tử nói:

- Tôi vừa tới tạ ơn Trần đại nhân, ngài nói tính mạng của Tăng Anh hoàn toàn do lão tiên sinh cứu vớt, cho nên tôi tới tạ ơn ngài.

Nói xong định quỳ xuống, quan Hàn lâm đỡ dậy nói:

- Tính mạng của ông do một người khác cứu, tôi không dám nhận ơn. Cũng không phải là người này cứu mà do ngài tự cứu.

Nghe xong công tử càng thêm khó hiểu, chắp tay nói:

- Xin tiên sinh nói rõ.

- Chút nữa sẽ biết. - Kim Hàn lâm nói.

Sau đó ông mời vào thư phòng, bày tiệc khoản đãi. Hai người uống xong vài tuần rượu, quan Hàn lâm hỏi công tử về việc xuất quân. Công tử kể lại tỉ mỉ từ đầu đến cuối. Quan Hàn lâm nói:

- Đây là do trời quý trọng tài năng, không nỡ hủy hoại anh hùng, đây là phúc lớn của triều đình, cho nên khắp nơi gặp hiểm nguy mà vẫn thoát chết.

Hai người đang nói chuyện vui vẻ, thì tiểu đồng vào báo:

- Phu nhân đã tới.

Chỉ thấy một đám con gái, đi theo một vị phu nhân ăn mặc lộng lẫy. Công tử định đứng dậy tránh ra, thì phu nhân đã quỳ xuống nói:

- Xin mời ân nhân ngồi lên để thiếp bái tạ.

Quân tử không kịp tránh, đành quỳ xuống. Quan Hàn lâm hai tay đỡ dậy. Công tử phủ phục xuống đất không dám dậy, chờ phu nhân bái xong quay vào trong mới đứng dậy hỏi, quan Hàn lâm nói:

- Lẽ nào ngài không nhận ra? Người này là Lục thị, từng lâm nạn ở am ni cô đây. Nhờ ngài cứu vớt, rồi lại cứu cha bà ra khỏi nhà tù, cả nhà đã mang ơn

công tử. Thời tôi chưa đỗ, lưu lạc tới Ninh Lãng, vì vợ trước qua đời, lấy bà làm vợ. Lúc nào bà cũng ca ngợi ân đức của ngài. Tôi kính phục nghĩa khí của ngài từ lâu. Nay nghe thấy ngài mắc tội bị giam trong ngục, bà nhà tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Tôi thuộc loại thư sinh mới đỗ tiến sĩ. Những việc lớn trong triều không dám nói, đành phải khẩn thiết nhờ thầy đứng ra dâng tấu sớ. Rất may được ơn vua tha tội. Điều ấy hoàn toàn do đức độ của ngài vậy. Hôm nay bà nhà tới bái tạ như thế mới phải. Nếu trước đây ngài không trọng nghĩa, thì sao được báo đền như ngày nay, vậy ngài phải tạ ơn chính mình.

Nói xong Kim Hàn lâm vỗ tay cười ha hả. Lúc ấy công tử mới rõ, rồi nói :

- Kì lạ, kì lạ thật.

Quan Hàn lâm nói với công tử rằng:

- Tôi và ngài tuy mới gặp nhau lần đầu, song về tinh thần thì đã biết nhau từ lâu rồi, xin nguyện kết nghĩa anh em, không biết ngài có cho phép không?

- Đã nhận thì bao giờ bỏ nhau, - công tử nói, - đâu dám không vâng lệnh.

Thế rồi họ bày hương án, hướng lên trời cao vái lạy. Nói về tuổi tác Kim Hàn lâm hơn công tử ba tuổi làm anh, công tử làm em. Phu nhân bên trong nghe thấy rất vui. Công tử nói:

- Đã là anh em thì phải coi nhau như ruột thịt, xin mời chị ra bái kiến.

Hàn lâm mời phu nhân ra phòng ngoài, rồi cùng với vợ chào em kết nghĩa. Công tử tạ ơn cứu mạng. Kim Hàn lâm nói:

- Hai bên làm ơn, thì cứ nói thẳng ra.

Cả ba người cùng cười, rồi lại tới thư phòng. Hai người vui vẻ uống rượu cho mãi tới tàn canh mới chia tay.

Sau đó mấy hôm, Bộ Binh gửi trát xuống, lệnh công tử tới Quý Châu làm việc, công tử không dám nấn ná. Vợ chồng quan hàn lâm đến hậu tạ, bàn tiệc tiễn chân, gạt nước mắt chia tay. Công tử tới Quý Châu, gắng sức mấy năm, nhận chiếu chỉ phục hồi chức cũ. Mãi hơn ba mươi tuổi mới lấy vợ, quả như đã nói trước đây. Về sau tiêu diệt hết quân Miêu, nhiều lần lập công, được thăng tới chức Đô đốc, áo gấm về quê. Công tử sinh được hai

con trai, đến thời Sùng Trinh họ đều đỗ tiến sĩ.

Những người đọc truyện này, nếu không phải là người hào kiệt trời sinh như công tử, thì cũng học làm những việc vì nghĩa mà cứu giúp người, thì sau này nhất định sẽ được đền đáp.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 4

Đẹp Bọn Côn Đồ Tạm Thời Gặp Biến

Khiến Huyện Quan Phẫn Uất Quyết Rửa Oan

*Thời cuộc đổi thay như bàn cờ, trắng đen khó biết, thắng bại khôn lường.
Danh thủ thắng người một nước. Lòng trinh giữ tiết gặp quỷ ma. Đạo trời
lồng lộng, công luận vô tư, danh thơm lưu truyền muôn thuở.
Hữu Diệu "Thái Tang tử"*

Xưa nay, con gái không gì quan trọng bằng "tiết liệt". Tiết có nghĩa là giữ mình trong sạch, vượt mọi gian khổ suốt đời không thay đổi chí mình. Liệt tức là ý muốn cháy bỏng, nếu chồng chết thì hi sinh cả bản thân, nếu gặp bọn cường bạo bức bách, không chịu ô nhục, dám quyên thân để bảo vệ. Cần biết rằng việc quyên sinh là điều bất hạnh của người con gái. Song khi sống, ngọc nát châu chìm, nhưng chết đi thì như trời quang mây tạnh, mặt trời sáng tỏ, người thân hết lời ca ngợi, nhà nước ra sức nêu gương, không uổng chí quyên sinh. Xưa nay chưa có ai, vì phải trái đảo lộn đến nỗi sau khi chết phải ngậm oan. May mà nhân tâm trong sáng, công luận rõ ràng. Bởi thế bọn gian phu dâm phụ, bọn côn đồ độc ác đều bị tiêu diệt. Không đến nỗi trong đục bắt phân, vàng thau lẫn lộn. Hãy nhìn trời cao lồng lộng, đạo trời thật không sai.

Thời Gia Tĩnh triều Minh, ở trấn An Đình, huyện Gia Định, phủ Tô Châu, có liệt nữ Trương thị. Cha là Trương Diệu, mẹ là Kim thị. Từ nhỏ Trương thị nét na dịu dàng, cử chỉ đoan trang, nói cười phải lẽ. Năm mười sáu tuổi cha mẹ muốn gả chồng. Vừa may có người họ Vương quê ở Gia Hưng tới sống tại Yên Đình, người ta đều gọi là Uông Khách. Vợ ông ta là người dâm đẳng, tên là Mỗ thị, chỉ đẻ được một người con trai. Khi chưa lấy

Uông Khách, Mỗ thị đã là người lãng nhãng, đến khi lấy chồng thì vẫn tựa cửa bán hoa, thường ngày chơi thân với một đám bạn mới. Tuy đã trung tuổi, con cũng đã mười mấy tuổi, song vẫn chứng nào tật ấy. Uông Khách là gã nát rượu chỉ mấy chén quốc lủi là gã quên hết sự đời. Bọn trai tơ đi lại lãng nhãng mà Uông Khách vẫn điềm nhiên như không. Vợ ông ta được đà lại càng ngang ngược khác thường. Mọi việc trong nhà Uông Khách chẳng có quyền gì.

Khi tìm vợ cho con trai, Uông Khách bàn với vợ. Vợ nói:

- Nghe người ta nói con gái Trương Diệu rất xinh đẹp, thật hợp ý tôi.

Vợ nói thế, Uông Khách đồng ý, rồi nhờ mỗi tối hỏi. Người xưa nói: "Mỗi lá nói như rồng như phượng". Bà ta đến nhà Trương Diệu, tô vẽ nhà họ Uông như hoa như gấm. Nào là chàng rể thông minh, nào là mẹ chồng hiền thực. Nếu như ngày ấy Trương Diệu tìm hiểu kỹ một chút thì không đến nỗi con gái mình phải rơi vào địa ngục trần gian. Nào ngờ, ông vốn tính thẳng thắn, tin người. Bà mỗi vừa nói ông đã bằng lòng gả con gái cho con Uông Khách.

Hai năm sau, trai to gái lớn, nhà họ Uông chọn ngày tốt cưới về, cũng chẳng đèn kết hoa, cũng kèn sáo vang lừng. Thời ấy bọn giúp việc cho nhà họ Uông đều là loại chó má, rất thân thiết với vợ Uông, Uông Khách vẫn cứ buông lơi. Trương thị về nhà chồng, bái lạy cha mẹ chồng, mẹ chồng lại lệnh phải bái lạy khách khứa. Tục ngữ nói rất đúng: "Người vừa đến không biết chuồng xí ở đâu". Lạy hết lượt chẳng biết những người này thân thích với chồng mình thế nào. Cưới được mấy ngày, thì thấy những người này luôn ở trong phòng mẹ chồng, ra vào chẳng hề e dè kiêng kị. Cứ tối đến là tụ tập, chong đèn uống rượu, cùng với mẹ chồng cười cợt đùa bỡn, hoàn toàn chẳng biết sợ là gì. Bên kia, bố chồng ngày đêm say sưa. Chồng thì cũng mặc kệ không tiếp đãi. Một đêm cô nói riêng với chồng rằng:

- Bọn người này quan hệ với nhà anh thế nào?

- Họ đều là bạn tốt của cha tôi, - chồng nói, - họ quan hệ với gia đình đã từ lâu rồi.

- Đã là bạn tốt của cha anh, - Trương thị nói, - cố sao lại cứ tụ tập suốt đêm, uống rượu trong phòng mẹ, làm những việc vô liêm sỉ, há không sợ người ta chê cười sao!?

- Mẹ muốn thế, - chồng cô nói, - thì cứ mặc mẹ, cô cũng đừng để ý làm gì.

Trương thị thấy chồng thản nhiên nói như thế, cũng không dám nói nữa. Cô cảm thấy vô cùng xấu hổ.

Trong bọn xấu đó có một đứa tên là Hồ Nham. Cha hắn là Hồ Đường, là người không chịu yên phận, thường hay ra vào cửa quan, thân quen với quan lại. Hồ Nham cậy thế cha, mặc sức ngông cuồng, khinh rẻ, áp bức người lương thiện. Ở trấn An Đình này không chỗ nào là hắn không tới. Song hắn lại là người mà vợ Uông thích nhất. Còn những đứa xấu xa khác như Chu Luân, Chu Mân, đều theo hắn sai bảo. Tuy tất cả đều thông dâm với vợ Uông, nhưng chúng vẫn dành phần cho Hồ Nham.

Một hôm, Hồ Nham nói với vợ Uông:

- Con dâu nhà bà rất xinh đẹp, nhưng từ khi về nhà này nó chưa từng nói với chúng ta một câu nào, hình như nó trách bà. Thôi thì cứ kéo tuột nó xuống vũng bùn cho hòa cả làng, sau đó có thể mặc sức vui thú. Ý bà thế nào?

- Được voi còn đòi tiên. - Vợ Uông nói.

- Nếu không thế thì hành động của bà nhất định bị nó khinh bỉ. - Hồ Nham nói. - Chúng ta ở đây bị nó nhòm ngó, chẳng khoái chút nào.

- Việc này ta rất khó nói, - vợ Uông nói, - anh đi mà dụ dỗ nó vào tròng.

Từ đó mỗi khi gặp Trương thị, Hồ Nham thường cười cợt, nói với cô những điều chót nhả, tục tĩu dâm dăng. Trương thị đều bỏ ngoài tai, giận dữ bỏ đi.

Một hôm Hồ Nham ngủ với mẹ chồng, rồi hắn nói:

- Con dâu mới của bà sợ bà chửi, cho nên không chịu thân thiết với ta. Thôi thì cứ gọi nó tới để nó nhìn tận mắt chúng ta đang ngủ xem nó thế nào.

Dâm phụ lập tức lên tiếng gọi con dâu vào. Trương thị tuy biết mẹ chồng không đoan chính, song cô hết sức vâng lời. Nghe thấy tiếng gọi, ngỡ rằng không có người trong phòng, cô liền vào ngay. Chỉ thấy mẹ chồng đang nằm trên giường gọi, mở màn ra cô nhìn tận mắt thấy người đàn ông và một người đàn bà đang hành dâm. Trương thị quay ngoắt về phòng mình, dấm ngực dậm chân khóc tức tưởi bỏ về nhà mẹ đẻ. Người chồng dẫn cô về. Thấy bố mẹ, cô gào lên khóc, nói:

- Con thà chết ở nhà, chứ không đến nhà ấy nữa.

Lúc đầu cha mẹ hỏi tại sao, cô không nói. Sau mẹ cô tỉ tê hỏi, lúc đó cô mới nói hết những hành vi xấu xa của mẹ chồng, và muốn nhảy xuống sông chết cho rảnh. Cô nói:

- Con không muốn tắm thân trong sạch của con bị ô nhục như thế, cho nên thà chết con cũng không về.

Kim thị thấy thế cứ than khóc mãi, song hối không kịp nữa. Ở nhà mẹ đẻ mấy tháng, chồng cô nhiều lần đến đón về, song cô khăng khăng không chịu.

Nào ngờ Hồ Nham mưu gian chưa đạt, tà dâm vẫn còn. Hăn nói với vợ Uông rằng:

- Dâu mới về nhà mẹ đẻ đã lâu sao không đón nó về? Cứ để nó ở ngoài phi báng bà, thử hỏi bà còn mặt mũi nào nữa. Hãy đón nó về, giữ chặt nó trong tay mình thì nó chạy đằng trời.

- Nó không chịu về, thì làm sao bây giờ - Vợ Uông nói.

- Bảo con trai bà ngọt ngào dỗ nó, - Hồ Nham nói, - thì nó về ngay.

Quả nhiên vợ Uông theo lời, bảo con trai dùng lời ngon ngọt để dụ dỗ vợ về.

Người chồng đến nhà bố vợ, nói với Trương thị rằng:

- Từ khi cô về nhà mẹ đẻ tới nay, mẹ tôi đã hối cải rồi. Bây giờ thì bà sống trong sạch, không như trước nữa. Cho nên tôi tới đón cô về.

Trương thị nửa tin nửa ngờ, cha cô nói:

- Mẹ chồng có thể đoạn tuyệt, nhưng vợ chồng không thể bỏ nhau. Người xưa nói: "Trong thì vẫn trong, đục thì cứ đục", "vàng ròng không sợ lửa", sợ gì bà ta. Hơn nữa bà ấy đã nghĩ lại rồi thôi con về đi, đừng cố chấp như thế nữa.

Không còn cách nào khác, Trương thị đành chào cha mẹ về nhà chồng. Về đến nhà, thấy mẹ chồng vẫn y như cũ. Bọn côn đồ xấu xa vẫn dâm loạn ngay tại nhà. Vợ Uông giờ trở nên độc ác suốt ngày gây gổ với con dâu, không chửi thì đánh. Trương thị cứ khóc lóc với chồng, khuyên chồng trừ khử bọn côn đồ. Lại nhân lúc Uông Khách tỉnh táo, thẳng thắn khuyên giải bố chồng:

- Cha nên ít uống rượu, chủ động trông nom cửa nhà.

Bố chồng là kẻ bù nhìn, hoàn toàn không để ý tới lời con dâu, mà còn đem chuyện đó nói với vợ. Vợ Uông tức giận, càng đánh chửi thậm tệ. Trương thị vẫn cứ phải lầm lũi nghe theo, và chỉ biết giữ gìn mình, không cho bọn Hồ Nham xúc phạm, để sống cho qua ngày đoạn tháng.

Một hôm, vào buổi tối, bọn côn đồ tụ tập trong nhà uống rượu Trương thị từ bếp lên, đi qua mặt Hồ Nham, đột nhiên hắt rút lấy chiếc trâm ngọc trên đầu. Trương thị dừng lại, vừa khóc vừa chửi. Hồ Nham nói:

- Nếu xin ta trả lại nguyên vẹn, thì nàng phải thế nào với ta đây?

Nói xong hắt đưa trâm cho Trương thị. Trương thị không cầm, hắt ném xuống đất, chiếc trâm gãy đôi. Vợ Uông nói:

- Ta đền thay cho anh Hồ.

Rồi rút chiếc thoa ngọc trên đầu đưa cho con dâu. Trương thị ném xuống đất, trâm gãy đôi, rồi bực bội bỏ đi. Hồ Nham nói:

- Khó mà động vào được người Trương thị. Ta phải làm thế nào đây? Bà không sợ mất uy mẹ chồng ư?

Bọn người ấy xúm vào nói với vợ Uông rằng:

- Quả là bà không muốn vun vào cho Hồ Nham, mới đến nỗi như thế.

- Đừng nóng vội, - vợ Uông nói, - khi nào Hồ Nham muốn thì sẽ gặp vận

may.

Thế rồi bọn ấy lại tiếp tục ăn no uống say mới về.

Trong nhà có một thằng ở tên là Vương Tú, cũng là người tình của vợ Uông. Một hôm mẹ thông đưa chiếc khăn tay cho con dâu thêu để tặng Vương Tú. Trương thị giận dữ nói:

- Nó chỉ là đứa ở mà thôi! Ta không quen thêu hoa cho bọn con ở!

Nói xong Trương thị ném chiếc khăn tay xuống đất không Thêu. Vợ Uông vừa phẫn uất vừa xấu hổ, chửi ầm lên, rồi thầm nghĩ: "Mày đừng cuống lên như thế, trời có sập thì mày mới thoát khỏi tay tao".

Lúc ấy đang là mùa hè, mỗi khi vợ Uông tắm, đều bắt con dâu lấy nước. Một hôm vừa mới tắm đã nghe thấy mẹ chồng gọi lấy nước thêm. Trương thị mang nước vào, thấy Hồ Nham cùng nằm trong bồn với mẹ chồng. Cô kinh hoàng chạy ra khỏi phòng khóc nức nở. Tắm xong vợ Uông nói với Hồ Nham rằng:

- Đêm nay anh hãy ngủ với đứa con dâu của ta.

Trước hết Hồ Nham cùng với vợ Uông bàn mưu, sai con trai tới huyện học quan coi ngục, để cho con dâu ngủ một mình, nhân lúc đêm tối lẻn vào là xong việc. Vì chồng đi vắng nên Trương thị luôn luôn phòng bị. Cô gói vào đầu giường một thiếc gậy ngắn để phòng thân. Đêm ấy, theo lời vợ Uông, Hồ Nham rón rén đến cửa buồng Trương thị, cửa cài chặt hắn bèn tháo cánh cửa sổ chui vào. Thấy có người vào buồng, Trương thị bèn đập giường kêu lên có kẻ giết người. Hồ Nham ôm chầm lấy cô. Trong đêm tối Trương thị cầm gậy quật túi bụi vào đầu vào mặt Hồ Nham. Hắn giơ tay ra đỡ, gậy vụt trúng tay, hắn tức tối chạy ra. Trương thị tuy không bị nhục, song càng nghĩ càng tức khóc suốt đêm. Đến hôm sau chẳng ăn uống gì, định bỏ về. Song cô không sao cất bước nổi, hơn nữa cửa buồng bị vợ Uông khóa chặt, không có lối thoát thân, trương thị chỉ biết ngồi kêu gào, muốn chết đi cho xong.

Đêm ấy, Hồ Nham tụ tập tất cả bọn côn đồ trong phòng, uống rượu, rồi bàn mưu tính kế. Hồ Nham nói:

- Nhẹ không ưạ lại muốn ưạ nặng. Lần này đành phải ra tay thôi.

- Tùy anh! Tùy anh! - Vợ Ưông nói.

Uống rượu tới canh hai, rồi đưa nào đưa ấy cầm khí giới xông đến buồng Trương thị. Hồ Nham dứ dao vào mặt Trương thị nói:

- Đêm nay, theo ông thì sống! Không theo, thì ông sẽ xả thịt mày tan nát thành từng mảnh vụn.

Trương thị liều chết, gào lên chửi. Bọn chúng nói:

- Đến nước này mà mày còn bướng hả?

Hồ Nham tức khí quát:

- Đánh chết nó đi!

Thế là gậy gộc, rìu búa bổ xuống tới tấp. Trương thị mình đầy thương tích.

Cô vẫn còn quần quai chưa chết, gào lên nói:

- Sao chúng bay không đâm cho ta chết ngay đi!

- Mày muốn chết ngay thì ông cho mày chết. - Hồ Nham nói.

Rồi hấn đâm vào cổ, thuồn qua vai, lại đâm luôn vào âm hộ. Cô chết hần.

Vợ Ưông nói:

- Nó đã chết, giờ phải làm thế nào?

- Sợ quái gì! - Hồ Nham nói. - Chỉ cần mấy lạng bạc đút lót cho quan lại là xong hết.

Rồi hần hò bọn đàn em khiêng xác chết đi chôn cho mất tích. Nào ngờ xác chết cứ như đóng đinh xuống đất, càng khiêng càng không nhấc nổi. Bọn chúng nói:

- Khiêng không nổi thì làm thế nào?

- Tiếc gì mấy gian nhà, hãy phóng hỏa đốt luôn chiếc xác này đi, thì còn đâu tang vật nữa?

Bọn chúng xúm vào châm lửa. Ai ngờ gió nổi lên thổi tắt lửa đi nơi khác. Xác cô gái vẫn còn nguyên tại chỗ, lửa không sao bén được. "Chẳng ai biết

có quỷ thần hay không", đó là ý trời bắt chúng phải bại lộ. Thấy nhà Ưông bốc lửa, những người láng giềng xông đến cứu. Lửa cháy ở nhà phía sau, họ bèn chạy ủa ra lối sau. Ngọn lửa dần dần bị dập tắt. Họ quay lại phía trước, thì thấy một xác chết nằm trên vũng máu tươi lênh láng. Mọi người kêu lên:

- Đúng là chúng giết người, rồi đốt nhà. Đã giết người ta còn muốn thiêu xác cho phi tang. Bọn chúng thật là vô lương tâm!

Lúc ấy bọn hung thủ đều trốn vào phòng vợ Ưông. Mọi người la hét ầm ĩ, báo cho địa phương và báo cho nhà họ Trương biết. Vợ chồng Trương Diệu biết tin, lập tức chạy đến nhà Ưông. Quả nhiên thấy xác con mình nằm trên vũng máu, họ đều gào lên khóc lóc. Lúc ấy vợ chồng họ Ưông đều đã chạy trốn. Vợ chồng Trương Diệu chỉ biết khóc lóc báo lên quan để minh oan cho con, và nhờ những người láng giềng làm chứng, rồi lập tức viết cáo trạng.

Bọn côn đồ trốn trong phòng vợ Ưông, thấy thân nhân người chết đã đi chúng mới thập thà thập thò, rồi chạy ra mồm năm miệng mười, bàn với nhau. Vợ Ưông nói với chúng rằng:

- Trương Diệu nhất định sẽ kiện, giờ phải nghĩ ra kế gì để đối phó .

- Sợ gì, - Hồ Nham nói, - chỉ cần một mình bà nhận là được. Mẹ chồng đánh chết con dâu, có tội gì nặng đâu. Còn có một kế nữa là, cứ bảo rằng con dâu gian dâm với Vương Tú, tôi quở trách nó, song nó lại chửi lại, tôi lỡ tay đánh chết. Còn thằng Vương Tú cũng phải bảo cho nó biết trước, rồi hứa cho nó ít bạc, sau này sẽ chuộc tội cho nó, thì nhất định nó sẽ nhận. - Sau đó hăn lại nói với Ưông Khách. - Ngày mai ông lên huyện tự thú trước đi.

- Ta chưa gặp quan bao giờ, - Ưông Khách nói, - anh hãy lên huyện thay ta.

- Việc riêng trong nhà thì làm thay được, - bọn chúng nói, còn việc kiện tụng thì làm thay sao được.

- Đồ ngu! - Vợ Ưông bảo chồng. - Hãy bảo vệ ta thì ta sẽ lo mọi việc cho, ngày ngày lại có cơm ăn rượu uống, như thế chẳng tốt lắm sao? Ngày mai lên huyện, mang sẵn đi mấy hũ rượu xuống thuyền mà nốc, có được

không?

Nghe thấy có rượu uống, Ông Khách gật đầu lia lịa, nói:

- Chưa biết chừng ta chỉ phải đi một lần này thôi.

- Lần kiện này, - Hồ Nham ghé vào tai vợ Ông khẽ nói, không thể tiếc tiền được đâu.

- Tiền của tôi, - vợ Ông nói, - lâu nay gửi tạm anh, nếu không đủ dùng thì dưới giường vẫn còn một ngàn lạng. Chỉ cần mọi việc ổn thỏa, lấy thêm mà dùng cũng được.

Hồ Nham về nhà nói với cha là Hồ Đường. Hồ Đường nói:

- Trước hết phải mua chuộc xong xuôi đã, ấy là "kế phỉ tay". Còn một kế nữa phải hồi lộ trước ấy là kế "đi trước nước cờ" Con có biết ông ngoại của đứa con gái ấy là ai không? Đó là Kim Bính ở thị trấn. Bố ông ta là Kim Gia, từng đỗ tiến sĩ, làm Tri châu Bồi Châu. Nay tuy đã chết, song vẫn là nhà quan lại. Trương Diệu là kẻ vô dụng, ngày mai đi kiện nhất định phải đến hỏi bố vợ. Theo ta, trước tiên phải đến mua chuộc Kim Bính, bảo ông ta rằng trong đơn kiện chỉ cáo giác bọn kia, mà không viết tên con vào đó, thế là con ung dung đứng ngoài cuộc.

- Hay, hay lắm! - Hồ Nham nói. - Thế thì phải làm ngay không nên chậm trễ, cha đi ngay đi là hay nhất.

Đêm ấy Hồ Đường lập tức đến ngay nhà Kim Bính, đưa một trăm lạng bạc, xin ông ta đừng viết tên con mình vào đơn. Kim Bính thấy bạc tối mắt lại, ưng ngay.

Trương Diệu khóc hồi lâu, nghĩ rằng phải đi kiện, nhưng mù tịt chẳng biết gì, quả nhiên đến nhà bố vợ bàn mưu tính kế. Kim Bính té nước theo mưa, an ủi qua loa vài câu, bảo không phải con cà con kê nữa, không cần phải chỉ rõ tên Hồ Nham. Trương Diệu nói:

- Hồ Nham là tên đầu sỏ, sao lại không kiện nó?

- Kiện cáo thì cũng phải vượt mặt nể mũi chứ. - Kim Bính nói. - Cha Hồ Nham là người quen biết nha môn, không phải dễ chơi đâu. Tôi nghe nói khi đánh thì nó vào phòng khuyên can, đứng về tình cũng đáng tha thứ. Và

lại kiện bọn kia thì nhất định chúng phải khai ra nó, con không cần phải kết tội cho một người có thể lực.

Đúng là tiền đã làm cho lưỡi ông ta lắt léo. Ông ta đâu có nghĩ tới sinh mạng của đứa cháu ngoan. Xưa nay Trương Diệu là kẻ ngu dân, quả nhiên nghe theo bố vợ, trong đơn kiện bỏ ngay tên Hồ Nham đi. Theo lời Hồ Nham, Uông Khách cũng đưa đơn lên huyện nói là, vì con dâu bất chính, bị mẹ chồng đánh chết. Quan huyện nhận hai lá đơn, một mặt lệnh bắt người, một mặt sai người xét nghiệm tử thi.

Cũng cần hiểu rằng, theo luật lệ về nhân mạng triều trước, thì tử thi phải do quan Chính ấn khám nghiệm. Song nay thì khác hẳn, bởi thế quan Điển sử cũng có thể khám nghiệm tử thi. Hồ Nham biết rằng việc này giao cho quan Điển sử càng dễ hối lộ, do đó hắn đã sắp đặt sẵn những quan khám nghiệm. Vì trong đơn kiện không có tên hắn, nên hắn dương dương đắc ý ngênh ngang đi lại ngoài phố, ai ai trông thấy cũng căm phẫn, song sợ hắn giở trò ác độc, nên không ai dám nói. Điển sử đến nhà họ Uông, ngồi quay ra ngoài. Người cả trấn tới xem, đứng đông nghịt hai bên. Đến khi khám nghiệm thì thấy vết dao đâm dưới hầu có thể để lọt hai ngón tay, hai mạng sườn và âm hộ đều có vết dao đâm, ai trông thấy cũng thương tâm. Những kẻ khám nghiệm nhận hối lộ chỉ báo có mấy vết thương do gậy đánh, còn tất cả những vết dao đâm đều lờ đi. Thấy vậy tất cả những người ở đó gào lên:

- Người khám nghiệm tử thi ăn tiền hối lộ! Tại sao những chỗ trọng thương lại che giấu không báo.

Họ định xông vào đánh những kẻ khám nghiệm. Điển sử cũng nhận hối lộ, thấy dân công phần giả vờ phạt những kẻ khám nghiệm mấy tay thước để dẹp yên sự bất bình của dân chúng. Sau đó cho người khâm liệm thi thể, rồi trở về văn để nguyên tờ trình đó đệ lên quan huyện. Đúng là:

*Chỉ cần tay họ cầm bạc trắng
Trên đầu nào có sơ trời xanh.*

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 4 (B)

Qua một đêm, quan huyện lập tức bắt hết những người liên quan tới xét hỏi. Việc ấy đã làm náo động cả huyện. Nghe thấy chuyện kì lạ đó, ai ai cũng thương xót Trương thị, và nghiến răng căm giận con dâm phụ. Họ đến đông nghịt cả huyện đường, để xem quan huyện xét xử thế nào. Bọn sai nha cũng nhận hối lộ của Hồ Nham, nên cứ nói lấp la lấp lửng che giấu cho hung thủ. Những người liên quan trong vụ án, có người đứng về phía họ Trương, cũng có người đứng về phía họ Uông, nên họ nói khác nhau. Khi bọn phạm nhân quỳ trước tòa, trước hết tri huyện hỏi Trương Diệu:

- Con gái đã chết bao nhiêu tuổi?

- Dạ bẩm quan, mười chín tuổi, mới về nhà chồng năm ngoái. - Trương Diệu nói:

- Người kiện Chu Luân, Chu Mâu vào phòng đánh chết con gái có đúng không? - Quan huyện hỏi tiếp.

- Vì vợ Uông gian dâm với bọn này, - Trương Diệu nói, - nên chúng muốn gian dâm với con gái con, song nó không chịu, rồi bị chúng đánh chết. Hiện con sen trông thấy tận mắt.

Quan huyện lại gọi tới cha con lão Uông. Con trai Uông nói thoái thác rằng:

- Lúc ấy con không ở nhà, xin quan cứ hỏi bố mẹ con.

Uông Khách say xỉn, quan huyện hỏi không trả lời, khẩu đầu như đang ngủ gật. Quan huyện cáu tiết. Thử lại bẩm rằng:

- Tên này say khướt chẳng còn biết gì nữa.

Quan huyện bèn gọi vợ Uông. Vợ Uông quỳ xuống nói:

- Từ khi con dâu về con vẫn đối xử tốt với nó, chỉ vì gần đây nó gian dâm với Vương Tú, con trách cứ, nhưng nó không nghe, con lỡ tay đánh chết, đó là sự thực. Trương Diệu cáo giác hoàn toàn là bịa đặt. Xin ngài đừng

nghe lão.

Quan huyện bèn gọi Vương Tú hỏi:

- Người có gian dâm với Trương thị không?

- Có ạ! - Vương Tú nói.

- Vì gian dâm mà Trương thị phải chết, - quan huyện quát, phải khép mày vào trọng tội.

- Con nguyện xin chịu tội. - Vương Tú đáp.

Những người xem đứng hai bên, thấy hai người nhận tội, họ đều kêu Trương thị bị chết oan khuất.

Thấy Vương Tú nhận tội ngay, quan huyện cũng hơi nghi. Bởi vậy ông gọi lán giềng hỏi:

- Hằng ngày Trương thị có trong trướng không?

Chức trách địa phương thoái thác rằng:

- Vì ở xa, chúng con không biết được.

Hai người lán giềng nói:

- Trương thị là người con gái tốt ở trấn An Đình. Hằng ngày giữ mình trong sạch, làm trọn đạo đàn bà. Còn những lời nói vô lương tâm kia, chúng con không dám nói.

Vợ Ưng bèn hỏi ngay:

- Các người là người ngoài biết sao được việc nhà ta!

Tai vách mạch rừng, - hai người lán giềng nói, - người tốt vẫn là người tốt, kẻ xấu vẫn là kẻ xấu. Chỉ giấu ông lớn, chứ giấu sao nổi mọi người.

- Không phải lắm lời! - Quan huyện quát. - Ta hỏi người, Trương thị bị đánh chết như thế nào?

- Việc này chúng con không trông thấy. - Hai người hàng xóm nói. - Đêm ấy, vào lúc canh hai, thấy cháy nhà chúng con đến cứu, khi lửa bị dập tắt, chúng con chỉ thấy con dâu nhà ấy bị đánh chết, nằm dưới đất, mình đầy máu me. Vì sao bị đánh chết, xin ông lớn cứ hỏi đũa ở thì biết, chính nó tận mắt nhìn thấy.

Quan huyện bèn hỏi đứa ở. Đứa bé ấy mới chỉ mười một mười hai tuổi, đến trước mặt quan, nó như bị oan hồn Trương thị nhập vào, thông thốc nói hết những hành vi của vợ Ưng. Không ai bịt mồm nó được. Quan huyện nói:

- Đây là việc của chủ mày, không phải khai. Ta chỉ hỏi, Trương thị bị đánh như thế nào?

- Đêm hôm trước, vào đầu canh một, - đứa ở nói, - Hồ Nham chui qua cửa sổ vào phòng Trương thị, bị Trương thị dùng gậy ngăn đánh. Hồ Nham lại về ngủ trong phòng bà chủ. Cô chủ khóc suốt đêm, sáng hôm sau không ăn uống gì. Đến tối, họ tụ tập tại phòng bà chủ ăn uống. Vào canh hai, họ cầm khí giới vào phòng cô chủ, bức cô phải ngủ với chúng. Cô không chịu, bọn chúng dùng khí giới đánh cô rất đau, thấy cô chưa chết, chúng đâm liên mấy nhát, rồi cô tắt thở.

Nghe xong quan huyện dùng dùng nổi giận, bèn hỏi Trương Diệu rằng:

- Tên Hồ Nham là đầu sỏ, sao người không tố cáo?

- Con sợ cha hăn là kẻ độc ác, thường đi lại chốn nha môn, cho nên con không dám kiện.

- Nói láo!

Thế rồi ông ra lệnh bắt Hồ Nham.

Lúc ấy Hồ Nham cũng đang ở đó xem thẩm vấn, bị sai nha lôi vào, bấm rằng:

- Đã bắt Hồ Nham tới.

Quan huyện hỏi cung, hăn cứ quanh co không thừa nhận. Quan bèn bắt bọn hung đồ quỳ xuống, rồi hỏi đứa ở ngay trước mặt bọn chúng. Đứa ở chỉ từng tên nói:

- Tên này dùng chùy đánh cô chủ; tên này dùng búa bổ cô chủ; tên này cũng dùng chùy đánh cô chủ, cô chủ kêu cứu.

- Rồi lại chỉ vào Hồ Nham nói. - Tên này đâm vào cô liên mấy nhát.

Hồ Nham vẫn còn chối quanh. Đứa ở nói:

- Người đâm vào cổ cô, lại đâm vào ngực cô, rồi lại đâm vào âm hộ cô hai nhát, có đúng không? Sau đó bà chủ và người gọi bọn chúng khiêng xác cô

đi, nhưng khiêng không được, rồi mới châm lửa đốt nhà. Tất cả có đúng thế không?

Đứa ở vạch rõ từng tên như thế, khiến bọn chúng sợ xanh mắt, cứng họng không nói được gì. Quan huyện lại hỏi:

- Lúc đó bà chủ có ở đó không?

- Bà chủ không ở đó mà đứng ngoài nghe. - Đứa ở nói.

- Lúc ấy mày ở đâu? - Quan huyện hỏi.

- Con không dám ra, - đứa ở nói, - con nấp ở sau cánh cửa nên đã nhìn thấy hết.

Thấy đứa ở khai đúng sự thực, quan huyện nhìn bọn chúng nhếch méch cười, nói:

- Bọn chúng mày còn chối cãi nữa đi, sắp chết đến nơi rồi! Bản huyện hôm nay chưa dùng hình phạt.

Sau đó quan huyện lệnh giam tất cả lại, chờ ông đích thân khám nghiệm rồi sau mới định tội. Cha con Ưng Khách được người bảo lãnh. Đứa ở dẫn Trương Diệu đi. Lúc ấy, người xem võ tay reo hò, nói rằng:

- Đúng là trời có mắt, thần xui quý khiến, nhập vào mồm đứa bé khai ra, Trương thị nhất định được minh oan!

Thấy con bị tống ngục, tính mệnh khó bảo toàn, Hồ Đường vội vã tìm người dứt lót, lên huyện nói giúp. Thời ấy ở Gia Định có Trương Phó sứ, bị bãi chức, nghỉ tại quê, Khâu Bình sự có đại tang cũng ở nhà. Hai người này tham lợi, không kể gì đến liêm sỉ, họ câu kết với nhau làm những việc xấu trong huyện, hằng ngày vẫn đi lại thân quen với Hồ Đường. Ngay hôm ấy, Hồ Đường mang tới nhà Trương Phó sứ năm trăm lạng bạc. Phó sứ mời vào thư phòng. Hồ Đường đặt bạc lên bàn rồi nói:

- Con tôi bị giam trong ngục, muốn nhờ tiên sinh lên nói giúp với quan huyện thả cháu ra. Xin biểu trước ngài năm trăm lạng, xong việc sẽ biểu thêm ngài năm trăm lạng nữa.

- Việc này không phải mình tôi làm được, mà tôi cũng phải bàn với lão Khâu cùng lo việc này.

Thế là ông ta sai người đi mời Khâu Bình sự. Một lát sau, Khâu Bình sự tới, Trương Phó sứ nói rõ chuyện này, hẹn nhau đi nói giúp, rồi cùng nhau chia bạc. Khâu Bình sự gật gật đầu nói với Hồ Đường rằng:

- Chúng tôi xin đảm bảo con ông vô sự, nhưng ông phải giữ lời hứa đấy.
- Đâu dám, đâu dám thế!

Hồ Đường nói xong, cảm ơn ra về.

Hôm sau, Trương và Khâu lên huyện, đưa danh thiếp. Quan huyện lập tức mời vào. Chủ khách ngồi vào bàn, nói mấy câu thăm hỏi xã giao. Khâu Bình sự nói:

- Gần đây nghe thấy ở Yên Đình có án mạng, không biết ngài đã xử thế nào?
- Vẫn chưa định tội. - Quan huyện nói. - Đang tìm cách xử vụ án này.

Trương Phó sứ chỉ vào Khâu Bình sự nói:

- Ông là quan tư pháp nổi tiếng, sao không bàn với ngài?
- Xin được ngài dạy bảo. - Quan huyện nói.
- Không biết tình tiết thế nào? - Khâu Bình sự nói.

Quan huyện thuật lại khẩu cung đương sự đã khai.

- Đúng thì đúng rồi, - Khâu Bình sự nói, - nhưng có điều, những người làm quan hình sự chúng ta cũng phải thể tất chút đức hiếu sinh của trời, vì một người con gái mà giết bốn năm mạng người, về tình lí có lẽ hà khắc quá. Hơn nữa tên Hồ Nham trong nguyên đơn không có, căn cứ vào lời khai của con sen nhỏ tuổi, nếu xử nặng tội, tâu trình lên quan trên, e rằng quan trên bác bỏ, như thế sẽ mất uy tín. Xin ngài hãy dẫn đo. Theo thiện ý của tôi, thì một người chết cũng chỉ nên một người đền mạng. Đã có thằng Vương Tú đền tội, thì người chết cũng toại nguyện rồi. Không biết ý ngài thế nào?

Quan huyện mới ra làm quan, thấy Khâu Bình sự dễ ngon dễ ngọt như thế, bèn nói:

- Xin nghe theo lời dạy bảo của ngài.

Hai người thấy đã ổn, bèn cáo từ ra về.

Quan huyện giải quyết theo cách nhẹ nhàng, ngay xét nghiệm cũng không làm nữa, và cũng chẳng xét xử gì thêm. Mấy hôm sau cho bọn gian ác được

bảo lãnh ra khỏi nhà tù. Chỉ giam vợ Ưông và Vương Tú. Toàn huyện nghe thấy thế đều kinh sợ. Về sau họ biết được hai gã Trương, Khâu đã đến nói với quan huyện, ai ai cũng chửi hằn hết sức thậm tệ. Họ cứ truyền nhau bàn tán, rồi sau đó đến tai một vị từng lừng lẫy tiếng tăm, tài kiêm văn võ.

Vị này tên là Quy Hữu Quang, tự là Chấn Xuyên, người Côn Sơn. Đạo ấy ông đến sống tại An Đình, nghe thấy đường thị chết thê thảm, ông cho rằng bọn hung đồ này có bị giết cũng không đền hết tội! Đến khi thấy quan huyện nghe theo Trương Phó sứ và Khâu Bình sự thả bọn hung đồ, rồi vu cho Trương thị gian dâm với Vương Tú, bèn đập bàn giận dữ nói:

- Việc đến thế này thì đâu còn là lẽ trời, đâu còn công lí.

Nhân đó viết một thiên "Bàn về người đàn bà trinh tiết" để nói với thân sĩ ấp Gia.

Những thân sĩ ấp Gia đọc bài văn ấy, ai ai cũng xúc động, phẫn uất. Họ nói rằng:

- Tiên sinh ở huyện khác, thấy thế còn bất bình, huống hồ chúng ta là người cùng ấp, lại ngồi đây để cho trinh nữ chịu oan, bọn côn đồ lọt lưới, thì còn mặt mũi đâu mà nhìn người khác.

Có người nói:

- Phải làm cho hai gã Trương, Khâu chịu nhục nhã và xấu hổ.

Có người nói:

- Ta chấp gì với bọn người ấy? Ngày mai là ngày rằm, quan huyện nhất định đến Học Miếu dâng hương, chúng ta hẹn bạn bè cùng đến Minh Luân Đường nói với quan huyện mới được.

Quan huyện định xử vụ án này qua loa cho xong chuyện, yết thị trưa mai sẽ phúc thẩm. Đêm ấy ngủ, ông nằm mơ thấy thần Kim Giáp, hai tay máu chảy ròng ròng, cầm đao chỉ về phía trước nói:

- Kẻ sát nhân là Hồ Phong, Hồ Nham, nếu không nhanh chóng xử vụ án này, thì ta đâm vào tim người.

Quan huyện kinh sợ giật mình tỉnh giấc. Sáng hôm sau dậy, hỏi người xung quanh rằng:

- Hồ Phong và Hồ Nham là thế nào?

- Hồ Nham có cha là Hồ Đường. - Người xung quanh trả lời.

Quan huyện ngẫm nghĩ: "Chữ *Đường* với chữ *Phong* âm gần giống nhau. Có lẽ trong mộng ta nghe nhầm." Đang lúc kinh hãi, ông đến Học Miếu, thì thấy những thân sĩ trong ấp ùn ùn kéo tới gặp ông, nói về việc ấy, đòi ông phải xác định đúng tội giết người của Hồ Nham, để minh oan cho Trương thị, rồi trình lên quan xem bài "Bàn về người đàn bà trinh tiết" của tiên sinh Chấn Xuyên. Quan huyện xưa nay vốn coi trọng nhân cách của Chấn Xuyên, thấy lời bàn rất xác đáng, chợt hiểu ra, rồi ông nói với thân sĩ rằng:

- Vụ án chưa xử xong, trở về huyện đường tôi sẽ lập tức xét xử ngay.

Thế rồi ông lên kiệu ra về.

Hôm ấy, bọn Hồ Nham đến cửa huyện nghe ngóng, chúng nói rằng vụ án xét xử xong chúng sẽ thoát tội, và bình yên vô sự. Ngay cả vợ Uông cũng sẽ được bảo lãnh ra tù. Trương và Khâu ngồi tại một nhà gần huyện chờ tin tức, vụ án kết thúc sẽ kiếm thêm năm trăm lạng bạc chia nhau. Chúng không ngờ lại xảy ra sự biến. Hôm ấy đến nha môn, quan huyện lệnh cùng bọn hung thủ lại, trói giật cánh khuỷu rồi dùng sơn quét lên mặt. Sau đó sai áp giải tới An Đình hầu tòa, cho mang lễ đi trước cúng oan hồn tiết phụ, mang theo những người khám nghiệm tử thi, và ông đích thân tới khám.

Trước đó thấy Gia Định đại hạn, ba tháng không mưa, khi quan huyện tới An Đình thì trời mưa như trút. Trương thị chết đã ba tháng, lại gặp trời nóng nực, ai cũng tưởng thi thể đã thối rữa. Song khi mở quan tài ra thì nhan sắc vẫn tươi nguyên như khi còn sống, không hề thấy mùi hôi thối. Thấy dưới cổ và trước ngực có hai vết dao đâm, máu tương đang rỉ. Người xem vô cùng kinh ngạc, ngay cả những người khám nghiệm cũng phải lè lưỡi lắc đầu. Khám xong, quan huyện hạ lệnh kẹp bọn tội phạm ngay tại chỗ, đứa nào cũng chết đi sống lại. Bọn chúng đau đớn không chịu nổi, đều phải khai ra hết. Vợ Uông cũng bị kẹp, đành phải khai hết sự thể. Khi hỏi đến Vương Tú, vì sao vu cáo Trương thị, hăn khai rằng đã gian dâm với vợ Uông, vợ Uông bắt hăn phải vu cho Trương thị. Quan huyện nổi giận, về công đường lại hạ lệnh đánh mỗi đứa bốn mươi gậy rồi khóa tay tổng ngục. Uông Khách dung túng cho vợ dâm loạn, phạt bốn mươi gậy. Ba hôm sau vợ Uông chết trong ngục, quan huyện thấy thị dâm ác, lệnh phơi thân thị, không cho thân thuộc khâm liệm. Hằng ngày vợ hăn cho hăn uống rượu thả

cửa, khi chết hân rất thương, lấy chiếc khăn xanh che lên người thị đến đêm khiêng đến một chiếc quan tài gỗ, định khâm liệm, vừa đến bên xác chết, thì một tiếng sét ngang trời đột nhiên ập xuống, thấy hàng trăm ngàn tên quỷ hung ác đến đuổi. Hân thất thểu bỏ chạy. Về sau xác thị bị điều tha qua mộ.

Vì sao vợ Uông lại chết ngay tại ngục? Vì đời thị chưa từng chịu khổ, suy đi nghĩ lại thị thấy vì Hồ Nham mà mang vạ, lại thấy Hồ Nham giấu biến số tiền thị tạm gửi, rồi định kiện lên quan đòi lại, sợ bị rầy rà, Hồ Nham bèn hối lộ bọn coi ngục giết thị để bịt đầu mối. Điều ấy cũng là sự báo ứng cuộc đời dâm loạn của thị.

Hôm ấy hai gã Trương và Khâu đang ngồi trước cửa huyện, thấy sự việc đã đổi khác, tiu nghỉu bỏ về. Sau đó Hồ Đường lại tới bàn mưu lật lại bản án. Khâu Bình sợ còn muốn kiếm chác ít tiền nữa, nên hân nói:

- Ta lại sắp được bổ làm quan, nếu đến gặp Đại lý(1) thì có thể lật ngược vụ án này.

(1) Đại lý: cơ quan pháp luật trung ương (ND).

Song bỗng nhiên hân mắc chứng bệnh ác tính, toàn thân lở loét thối rữa, chưa kịp bổ làm quan, thì đã về châu trời! Trương Phó sứ sống tại quê, chẳng ai thèm để ý đến hân, đi đến đâu cũng bị người ta phỉ nhổ, không dám lộ mặt ra ngoài đến nỗi u uất rồi chết. Vừa trình vụ án về kinh đô, bọn côn đồ Hồ Nham đều bị chặt đầu giữa chợ. Không bao lâu Hồ Đường cũng chết, thế là hân tuyệt tự. Kim Bính thấy Hồ Nham giơ đầu nộp mạng, rồi cũng chết theo. Vì xử tử quá nhiều, nên chỉ có Chu Mân, mặc đầu nhúng tay giết chết cô gái nhưng được lọt lưới. Bỗng một hôm, thẳng biết vì sao, hân quỳ xuống khấu đầu xin tha tội, rồi hộc máu mồm chết.

Trước đây, ở Gia Định vốn có một ngôi miếu thờ tiết phụ, hôm Trương Thị chết, người ở cạnh miếu nghe thấy có tiếng trống, tiếng nhạc từ trên cao vọng xuống, rồi thấy ánh lửa sáng rực chiếu ra bên ngoài, ba đêm mới hết. Người ta cho rằng, sau khi chết Trương thị đã trở thành thần. Thế rồi họ rước bài vị của Trương thị vào miếu thờ, hằng năm xuân thu đều tế lễ. Chấn Xuyên tiên sinh có bài "Ký về vị nữ thần Trương thị".

Thời Ung Chính, có Ngụy thị là tiết phụ, người Sản Than, huyện Thiên Tân. Năm mười bảy tuổi lấy Cao Nhĩ Tín. Cao Nhĩ Tín nhà nghèo, dọn nhà đến ở phía đông Quan Ngao, liền sân với Tống Mỗ. Vợ Tống thường làm ăn không cẩn thận, Ngụy thị thường cười thầm, khiến vợ Tống giận dữ, nói xấu sau lưng Ngụy thị.

Một hôm mẹ đẻ Ngụy thị sai cháu là Tự Tiến tới đón con về. Lúc ấy mẹ chồng và chồng không có nhà, cô gái cùng ngồi trong phòng với Tự Tiến. Tống thị báo cho những người láng giềng xung quanh, vu cho cô thông dâm với Tự Tiến trong nhà. Bọn vô lại ở đông Quan Ngao, nghe thấy thế ập vào, hùa nhau vu cáo. Chúng bắt Tự Tiến cởi quần áo, rồi nói là Tự Tiến hành dâm với cô gái, bắt "phải lập biên bản làm chứng cứ rồi mới thả về. Nếu không thì hô hoán mọi người cùng làm chứng". Cô gái gào lên bảo Tự Tiến rằng:

- Đừng viết biên bản. Nếu nghe bọn chúng viết giấy để làm chứng cứ, thì tôi sẽ chết ngay tức khắc.

Tự Tiến là loại người nhút nhát, khẩn thiết van nài được thoát thân trở về, cầm bút định viết. Thấy thế cô gái tự đâm cổ chết. Sau khi cô chết. Bọn chúng trói Tự Tiến, buộc anh phải viết chứng cứ. Tự Tiến sợ bọn hung ác, đành viết giấy tự nhận để mong thoát thân. Đến khi quan thẩm vấn, lấy tờ giấy Tự Tiến viết làm chứng cứ, kết tội chị em thông dâm với nhau, ghép Tự Tiến vào trọng tội. Sau đó biết anh ta bị oan, năm Càn Long thứ nhất thì được tha.

Ôi! Thời ấy Ngụy thị đã tự dùng cái chết để minh oan, mà người có chức trách không xem xét, ngược lại khi cô chết đã ghép tội cho cô, không nghĩ rằng đó là do hành động của bọn mặt người dạ thú nên cô đã tự giết mình để minh oan. Bất chợt lâm nạn mà ngàn năm ngậm oan nơi chính suối, so với liệt nữ Trương thị đau đớn hàng ngàn lần. Tiên sinh Vọng Khê ở Đồng Thành Phương đã viết "Cao liệt phụ truyện" để ca ngợi cô và cũng thương cho số phận bất hạnh của cô. Bởi thế ta chép thêm việc này vào đây.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 5

Gian Tà Ác Độc Bị Lăng Trì

Mơ Thấy Đêm Lành Thoát Lưới Giăng

Tu nhân tích đức để nuôi thân.

Sâm, hay thuốc quý đã thất truyền.

Sâm, linh chưa hẳn cứu người được,

Mới biết thầy lang đoán bệnh nhầm.

Ngài Phạm Văn Chính từng nói: "Không làm lương tướng mà làm lương y." Bạn nghĩ rằng từ tể tướng trở xuống, trong triều đình là thượng thư, thị lang, hàn lâm khoa đạo, rồi đến những người giữ các chức sắc khác, bên ngoài là đốc phủ tự đạo, cho tới quan các châu, huyện, biết bao nhiêu người thèm khát muốn làm nên sự nghiệp. Song vì sao ngài Văn Chính, ngay cả lương tướng cũng không muốn làm, mà lại muốn làm lương y. Nên biết rằng, tể tướng có quyền sinh quyền sát. Tể tướng cứu vớt cả thiên hạ, thì là lương tướng. Thầy thuốc cứu vớt cả một vùng, thì là lương y. Chưa thấy người nào mạo muội mà làm việc này cả.

Những người thầy thuốc ngày nay chỉ ghi ra mấy vị thuốc, nghĩ ra mấy thang, ấn tay xem mạch, không phân biệt được phù, trầm, trì, xác(1) thể mà cầm bút kê đơn, không biết gia giảm điều hòa. Hễ đến nhà người bệnh thì nói ông nọ ông kia mời tôi, quan ở làng nọ đến nói với tôi, người nọ người kia tôi đã chữa khỏi... Đến căn bệnh này, thì chẳng khổ công suy nghĩ tìm hiểu bốc bừa một thang, thuốc chẳng đúng bệnh, bèn dương dương tự đắc khoe khoang, như Lô Y, Biển Thước(2) tái sinh. Nếu như uống không khỏi bệnh bèn nói rằng loại bệnh này rất kỳ quái, e rằng có biến chứng. Hỏi nó biến thành chứng gì, thì mù tịt không biết. Họ lại còn có một sai lầm nữa là,

biết rằng bốc thuốc sai, nếu chịu thay một phương thuốc khác, thì bệnh ấy có thể cứu được nhưng họ khăng khăng không nhận sai, sợ rằng thang trước thang sau khác nhau, tổn hại đến thanh danh của mình, thôi thì để họ chết cho xong. Người xưa nói: "Người thầy thuốc phải biết thương người". Ngày nay họ chỉ làm nghề để mưu sinh, cốt sao kiếm được nhiều tiền, sống chết mặc bây, tiền thầy bỏ túi.

(1) Phù, trầm, trì, xác: các biểu hiện khi mạch đập (phù: nổi, trầm: chìm, trì: chậm, xác: nhanh).

(2) Lô Y, Biển Thước: những thầy thuốc giỏi thời xưa ở Trung Quốc.

Xưa kia, ở nhà một viên quan nọ có một cô con gái, tìm được một người đến ở rể mà vẫn chưa cưới. Một hôm cô gái ấy bị cảm qua loa, quan vội mời một vị thầy thuốc đến thăm bệnh. Người thầy thuốc này vốn nổi tiếng xưa nay, đặt ngón tay lên mạch là ông đoán ngay được tình trạng bệnh tật, không cần phải hỏi bệnh nhân, cho nên cả ấp đều cho ông là danh y. Mời năm lần bảy lượt ông mới chịu đến. Cha cô đưa ông vào phòng khám bệnh, xem xong trở ra ông bèn chúc mừng, nói:

- Đây không phải là bệnh, mà rất mừng là mạch ấy chứng tỏ đã có thai. Có điều thai nhi không an, uống vài chén thuốc an thai là khỏi ngay.

Cha cô im lặng không đáp. Nào ngờ chàng rể ngồi bên nghe thấy, đột nhiên nổi giận, bỏ về nhà nói với cha mẹ, định bỏ cô. Chờ cho thầy thuốc đi khỏi, cha cô nghĩ: "Gia pháp của nhà ta rất nghiêm, sao lại có chuyện đó! Phải nghĩ cách nào bịt mồm thầy thuốc lại mới được". Thấy con rể bỏ về nhà, ông đến nhà thông gia, nói nhỏ với chàng rể mấy câu, chàng rể không nói năng gì, trở lại nhà bố vợ như cũ.

Hai hôm sau, ông lại mời người thầy thuốc ấy đến nhà, nói với ông rằng:

- Sau khi uống thuốc xong, thấy người dễ chịu, thuốc rất hiệu nghiệm. Song thai vẫn chưa điều hòa, xin ông xem mạch, cho ít viên thuốc.

Thầy thuốc hớn hở tới giường xem mạch. Xem xong nói:

- Tôi nói không sai mà, thai đã ba tháng, chỉ cần làm một tể thuốc viên để

dưỡng thai, xem ra đứa bé là một vị tướng công.

Cha cô mời thầy thuốc ngồi tại giường kê đơn.

Vừa mới viết xong, thì thấy một người con trai từ trong màn bước ra, và đánh bốp vào mặt thầy thuốc, chửi:

- Ta là đàn ông mà bảo ta mang thai, sinh ra tướng công! Trách nào con gái trinh tiết lại nói đã có thai! Ta phải kiện người lên quan.

Thầy thuốc cuống lên, xấu hổ, mặt đỏ như gấc chín. Họ lôi ra nhà ngoài, ông ta quỳ xuống khấu đầu nhận tội. Cha cô nói:

- Người nói con rể ta có thai, thì cũng chẳng sao, song người nói con gái ta có thai, thì điều ấy quan hệ đến thanh danh, chẳng khác nào người đã làm hại cả đời con gái, ta không thể tha người được.

Bỗng thấy một đứa ở xách ra một cái thùng trông rất sạch sẽ nói:

- Đây là của bà tôi, thấy ông vất vả, bà tôi xin tặng ông cái thùng này.

Thế rồi nó mở nắp thùng ra, một thùng phân đầy tràn, dốc từ đầu ông ta dốc xuống, như một chiếc mũ có những tua hạt châu. Mọi người bịt mũi cười. Thầy thuốc cuống cuống chui xuống gầm bàn, giãy giụa loạn xạ, phân tưới cả vào mồm, không sao há ra được. Cả nhà càng tức cười. ông chủ cũng bật cười:

- Ta định giải người lên quan trị tội, nay thấy thế này, thôi hãy tha cho nó! Nó không sợ ăn cứt, song chúng ta sợ thôi.

Rồi bảo người nhà lấy tro bếp trát lên mặt hăn đuổi đi.

Gã thầy thuốc cầm cổ chạy, chiếc kiệu của gã cũng bị người nhà đập nát, không ngồi được nữa, hăn đành vừa đi vừa xé vạt áo lau lên mặt. Ai ngờ phân với tro quện vào nhau như đắp sơn đen lên mặt, làm sau có thể lau sạch được. Mặt hăn nhem nhuốc kinh tởm. Những người hai bên đường nhìn thấy ai ai cũng cười rũ rượi, nói:

- Tiên sinh trước đây cứ làm bộ làm tịch, ra vẻ ta đây là một danh y, nay quả là mất mặt.

Người thầy thuốc ấy về nhà, cứ nằm lì trên giường, hai ba tháng không dám lộ mặt ra ngoài.

Nhưng đó chỉ là loại thầy thuốc thông thường, chữa những bệnh thông thường, ta cũng chẳng trách họ nhiều. Song có một loại thầy thuốc, dùng những phương pháp bí truyền, quả thực chữa được những bệnh hiểm nghèo, cải tử hoàn sinh, mà những vị thuốc của họ hết sức kỳ quái, họ đã ám hại không biết bao nhiêu người. Nói ra không ai hiểu nổi. Thầy ta là Vương Nguyên Lão tiên sinh. Trong di cảo của ông có *Lão Thần Tiên truyền*, sự việc kỳ lạ mà văn cũng kỳ lạ, nay ta xin chép lại dưới đây.

"Thời Minh thiên hạ loạn lạc, Trương Hiến Trung chiếm Hà Nam, bắt được một người đàn ông, anh ta nói rằng có một phương thuốc bí truyền, có thể làm cho người sống lại. Bọn giặc cũng bỏ qua, không ai tin. Hiến Trung tính tàn bạo, thường đánh chết bọn đàn em, song sau đó lại hối hận. Bổng Hiến Trung nhớ tới người đàn ông ấy, gọi ông ta đến chữa, quả nhiên sống lại thật, thế rồi rất quý mến anh ta. Hiến Trung ở Trường Sa, một hôm lệnh cho mỗi người lấy một chiếc ghế, phết chốc được mấy vạn chiếc, xếp thành một cái đài cao tới mấy chục trượng, rồi lệnh cho tướng sĩ cầm sẵn cung tên đứng vòng quanh ở dưới, nói:

- Ta hô thì toàn quân phải hô theo.

Thế rồi bảo người đàn ông kia trèo lên đài. Người đàn ông mới trèo được non nửa, sợ quá chân tay run cầm cập định thôi. Song nhìn xuống dưới, thấy người nào cũng giương sẵn cung, sợ quá đành leo lên đỉnh. Thế là, Hiến Trung hô lên: "Lão Thần Tiên, Lão Thần Tiên!". Tiếng hô vang dội vào hang núi. Từ đó trong quân đều gọi là "Lão Thần Tiên".

Lão Thần Tiên người Trịnh Châu, tên là Trần Sĩ Khánh. Thời trẻ ham mê thuật thần tiên, ngao du khắp sông núi vẫn không gặp tiên. Về sau đến

Chung Nam, thấy một ông già đội mũ mo nang, mặc áo lông, ngồi trong hang đá sâu thẳm. Sĩ Khánh nghi là một người phi phạm, bái lạy xin làm đệ tử. Ông già lau mắt ngược nhìn rồi chậm rãi nói:

- Ta đâu phải là thần tiên, cút đi đừng làm bẩn mắt ta?

Sĩ Khánh quỳ lạy mấy ngày, đến khi đói quá thì xuống núi xin ăn. Ông già lại cho một thứ như mạch nha, ăn vào, khí trong bụng bốc lên, không thấy đói nữa. Sĩ Khánh càng ì ra không chịu đi. Lại qua mấy ngày nữa ông già mới trao cho một quyển sách. Sĩ Khánh bái tạ rồi ra đi. Nhìn vào sách, phần lớn chẳng hiểu gì, chỉ có mấy trang cuối là hiểu được, đó là phương thuốc bí truyền. Trở về, qua Lạc Dương, có một nhà quyền quý chơi đu ngã gãy chân. Họ nói rằng ai chữa khỏi sẽ trả một trăm lạng vàng. Sĩ Khánh thử chữa, quả nhiên khỏi thật, mang vàng về nhà. Thời ấy, cướp bóc nổi lên như ong. Cha mẹ nghi con là đứa vô lại, đi lâu ngày mới về, và khẳng khẳng cho rằng nó đã theo bọn giặc nên mới có nhiều vàng như thế. Sĩ Khánh đưa sách ra để thanh minh cho mình. Đang lúc tức giận, cha ném sách vào đồng lửa. Sĩ Khánh vội vàng nhặt lấy, song chỉ còn bốn trang cuối. Lúc đầu Sĩ Khánh giấu biệt tên tuổi. Sau đó văn sĩ đất Thục tên là Lưu Thần chơi thân với ông, và được ông truyền cho. Nguyên do có thuật thần tiên là như thế.

Những kẻ giặc được cứu sống rất nhiều. Lão Cước là một cung nhân trong Bể Sở phủ của Hiến Trung. Hiến Trung ngẫu nhiên nổi giận, đâm Lão Cước lòi ruột ra ngoài, rồi bảo Sĩ Khánh chữa trị. Sĩ Khánh nói:

- Ôi làm gì có người bày ruột, bày gan hết ra ngoài còn có thể làm sống lại được. Song đại vương đã ra lệnh tôi đâu dám chống lại.

Thế rồi họ cùng nhau khiêng Lão Cước đặt lên tấm phản. Trước hết dùng nước rửa sạch, nhét lục phủ ngũ tạng vào, dùng chỉ khâu lại rồi đắp thuốc. Qua một đêm, thấy Lão Cước rên, ba ngày sau muốn ăn uống, năm ngày ngồi dậy được, chưa đầy mười ngày đã có thể hầu hạ Hiến Trung. Tôn Khả Vọng giết một người thiếp yêu. Sĩ Khánh chắc là ông ta sẽ hối lại, lập tức mang đi, chữa trị như Lão Cước. Sĩ Khánh lấy chăn cuốn lấy người, rồi đặt lên xe. Sau mấy ngày thấy Khả Vọng, Sĩ Khánh nói:

- Vì sao mấy hôm trước đây tướng quân giết người mình yêu?

Khả Vọng dấm ngực than:

- Tiếc rằng khi ấy ta không nhờ ông chữa trị.

Sĩ Khánh nói:

- Đừng quá đau thương, hôm nay ta hiến dâng ngài một mỹ nữ, nàng rất muốn thờ phụng tướng quân.

Thế rồi Sĩ Khánh cho xe chở đến, khi mở rèm ra thì đó hình là người thiếp yêu mà mình đã giết. Nhìn vào cổ nàng, vết thương cuộn lấy cổ như tơ, đẹp hơn xưa gấp bội. Bạch Vân Tuyền đánh nhau với triều đình, đạn trúng bắp chân gần chết. Sĩ Khánh nói:

- Vết thương của người rất nặng, ta lại không có con. Nếu người coi ta như cha, nuôi dưỡng hết đời, thì ta sẽ cứu sống người. Song người vốn là người phản phúc, phải làm tờ cam đoan ta mới yên tâm.

Thế rồi Bạch Vân Tuyền làm tờ cam đoan như Sĩ Khánh nói. Sau đó Sĩ Khánh dùng thuốc tê đắp vào chỗ đau, rồi cưa xương đi, giết chó lấy xương đùi cũng dài bằng ấy ghép vào. Qua ba ngày thì Vân Tuyền cưỡi ngựa xông vào quân triều đình, trăm thủ người bắn pháo mang về. Rất nhiều ca kỳ lạ như thế.

Hiến Trung chết, Sĩ Khánh ngao du với các tướng lĩnh, tuổi già uống rượu nhiều, lại chơi gái, người ta muốn cầu mong ông truyền cho phép thuật. Sĩ Khánh nói:

- Thuật này ta không thể truyền được, đã có người giữ nó rồi. Cuối cùng, khi Vân Tuyền đầu hàng, ông đổ bệnh, chết tại Đẳng Việt. Ô hô! Ta nghe người đời truyền tụng chuyện Lão Thần Tiên, quả thật là rất kỳ quái, những phương thuốc cổ thật hiếm có chỉ tiếc rằng bị quân giặc lợi dụng, chứ không thuật đó để cứu sống trung thần nghĩa sĩ. Ta cũng đã nghe hàng tướng Vương Cát trong đám quân giặc cũng đã từng xin thuốc Lão Thần Tiên, thấy ông ta tụ tập rất nhiều đàn bà xẻo chừng một phân thịt âm hộ trộn lẫn với thuốc cho vào lò đốt. Phút chốc lửa bốc lên, sáng rực cả nhà, lửa ấy không làm cháy vật gì. Lâu lâu sau, Lão Thần Tiên nói:

- Thuốc được rồi.

Sau đó đổ thuốc vào, lửa tắt. Nếu như thế thì thuật ấy không phải là kẻ làm giặc, thì không nỡ làm thử, vả lại cũng không có lý do mà làm thử. Mà

không làm thử thì sao có thể ưa chuộng được.

Xem xong "truyện" này, đủ biết rằng môn thuốc nào cũng có. Nhưng trong thời loạn lạc này, khi nhân dân bị bọn cướp bắt được, mới có thuật quái đản, giúp kẻ cướp làm điều bạo ngược, cắt thân thể người làm dược liệu. Vào đầu năm Khang Hy, thiên hạ thái bình, mà nhà Kỳ Hoàng cũng ngấm ngầm giết người để trộn vào thuốc chữa trị bệnh. Các bạn có biết việc này xảy ra ở đâu không?

Kỳ Hoàng thuật ấy vốn tầm thường,

Sao họ đồn rằng thuốc bí truyền.

Chúng giết chết người cứu người khác,

Khác nào cắt thịt chữa vết thương.

Ở Tô Châu không hồ nào lớn bằng Thái Hồ, chu vi tới tám trăm dặm, biên giới trải dài hai tỉnh Giang, Triết, trong lòng hồ có bảy mươi hai ngọn núi, và cũng là nơi dân cư đông đúc, nhiều làng mạc, đi lại bằng thuyền. Ở đó có một thầy thuốc ngoại khoa, tên là Ma Hi Đà, ở Tiêu Hạ Loan nằm giữa lòng hồ, ông ta học làm thuốc từ lúc còn nhỏ. Về sau không biết tìm ở đâu được một tập sách thuốc bí truyền và hành nghề thầy thuốc rất phát đạt. Phàm là những bệnh khó khăn hiểm nghèo, người ta không chữa được, uống thuốc của ông, lập tức khỏi ngay. Ông ta không bao giờ kê đơn, mà chỉ xem bệnh rồi cho thuốc. Ông ta thường nói với mọi người rằng:

- Thuốc là cái vốn rất quý, nó đáng giá ngàn vàng.

Phàm những người nhà giàu có, mắc bệnh hiểm nghèo, mời ông ta tới thăm, trước hết ông ta nói rõ giá thuốc là bao nhiêu, tạ ơn bao nhiêu, rồi sau đó mới cắt thuốc. Hàng trăm hàng ngàn lạng bạc vào tay ông không có gì lạ. Chính tay ông ta pha chế thuốc trong một phòng kín. Mỗi năm ông ta chỉ về nhà mấy lần. Tiếng tăm lừng lẫy khắp nơi, trước cửa nhà ông ta lúc nào cũng đông như chợ. Họ đều cho ông là danh y cứu thế. Đâu có biết ông ta là một thuật sĩ, lòng lang dạ sói, độc ác như rắn rết.

Tô Châu có một vị tú tài, tên là Giả Nhậm Viễn, kiếm ăn bằng nghề dạy học. Năm ấy mất mùa, đói kém không ai đi học ông muốn đến chỗ bạn bè thân thiết ở núi Động Đình tìm chỗ ngồi dạy tạm một năm. Thuê thuyền không được, ông ra khỏi bến tìm thuyền đi kè, nhưng tới thuyền nào họ

cũng không chịu cho đi nhờ. Đang lúc chưa biết tìm thuyền cách nào, Giả Nhậm Viễn gặp được Ma Hy Đà đi khám bệnh ở một nhà quan trở về. Nghe thấy trên bờ có người gọi đi nhờ, ông đẩy cửa thuyền nhìn ra, thấy một người dáng vẻ thư sinh, bèn bảo thuyền ép vào bờ đón người ấy.

Nhậm Viễn xuống thuyền, thấy người ngồi trên thuyền ăn mặc theo kiểu người Tế Sở, trên sàn thuyền lại để một hòm thuốc. Nhậm Viễn mới biết ông là thầy lang, bèn chấp tay chào.

Thưa tiên sinh, tôi làm phiền ngài quá!

Hy Đà bèn mời vào trong khoang thuyền ngồi, hỏi:

- Ông anh đi đâu?

- Em muốn vào núi Động Đình. - Nhậm Viễn đáp. - Ông cho em đi nhờ tới Hồ Khẩu, rồi đáp thuyền đi tiếp.

- Ông tới đó làm gì? - Hy Đà hỏi.

- Em định tới đó nhờ bạn thân tìm chỗ ngồi dạy học.

- Tôi có hai đứa con, cũng đang muốn tìm một thầy giỏi về dạy. - Hy Đà nói. - Thật là duyên may. Hôm nay được gặp ông, liệu ông có thể dừng lại nhà tôi dạy cho các cháu được không? Ông không phải tìm nơi khác nữa. Mỗi tháng gửi ông năm mươi lạng bạc. Nếu ông bằng lòng, thì ông cùng về với tôi, ông thấy thế nào?

Phàm là các thầy đồ tìm được một chỗ dạy khá, quả thật vô cùng khó khăn, ai mà không thích. Nhậm Viễn nghe xong, bằng lòng ngay. Đúng là:

*Đi rách cả giày không tìm thấy,
Ngẫu nhiên vớ được không tốn công.*

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 5 (B)

Ngồi trên thuyền suốt một đêm, sáng hôm sau thuyền cập bến, họ lên bờ. Ở đây cư dân rất ít, lại sống rải rác khắp nơi, thấy một khu đất rộng rãi, nhà cửa thâm nghiêm, nhà nào cũng kín cổng cao tường, bao xung quanh khu dân cư là một con sông nhỏ. Đây là một trang trại biệt lập. Hy Đà chấp tay mời vào nhà khách. Gia nhân mang trà ra, rồi Hy Đà bảo làm cơm. Cơm xong, chủ nhân nói với Nhậm Viễn:

- Tôi định sang năm mới mời thầy, nay đã lưu được ông ở đây thì ngày mai khai trương. Hàng quý tôi trả tiền cho ông, ông thấy thế nào?

- Nhà tôi còn một số việc, - Nhậm Viễn nói, - muốn về thu xếp khi nào xong tôi sẽ tới ngay.

- Như thế này vậy. - Hy Đà nói. - Tôi sẽ sai người đem tiền quý này đến nhà ông, và mang thư người nhà về đây cho ông, còn ông không phải viết thư nữa. Thế có được không?

Nhậm Viễn mừng rơn, nói:

- Rất cảm ơn sự nhiệt tình của ông! Có tiền lương một quý thì tôi không phải về nữa.

Đêm ấy, Hy Đà đưa ông tới thư phòng nghỉ ngơi. Hôm sau là ngày tết, hai đứa học trò đến chào thầy, thấy chúng khôi ngô tuấn tú, Nhậm Viễn hỏi tuổi, thì đứa lớn mười bảy tuổi, đã biết học văn, đứa bé mười sáu tuổi, đã học cổ văn. Hai đứa trẻ khá thông minh, Nhậm Viễn dạy chúng cũng nhàn nhã, giảng bài là chúng hiểu ngay. Mấy hôm sau Nhậm Viễn nhận được thư nhà, biết nhà đã nhận được tiền lương. Từ đó Nhậm Viễn yên tâm dạy học, không cần phải lo nghĩ gì việc nhà nữa. Trường đầy đủ tiện nghi, thầy trò rất tương đắc. Khi nào học sinh không tới lớp, ngồi một mình trong phòng, Nhậm Viễn cảm thấy cô đơn lạnh lẽo, sau mới hỏi học sinh:

- Ở đây có chỗ nào dạo chơi cho đỡ buồn không?

- Ở đây hoang vắng, chẳng có chỗ nào đáng đi. Chỉ có một điều chúng con muốn dặn thầy là: tối đến không có việc chi thì cứ đi ngủ sớm, đừng bước ra khỏi thư phòng nửa bước. Thầy nhớ kỹ nhé!

Nhậm Viễn nghĩ bụng: "Bên ngoài thư phòng thì là nội thất cho nên nó dặn mình không nên ra".

Thế rồi ông gật đầu nói:

- Hiểu rồi, hiểu rồi.

Năm sau, vào tiết Thanh minh, lại nhận được thư nhà, nói rằng ở nhà đang rất cần tiền, tiền lương tiết Thanh minh đã nhận đủ rồi. Ngoài tin đó ra, thì là những chuyện lặt vặt trong nhà. Nhậm Viễn nói với học trò rằng:

- Người nhà mang tiền đi cũng nên nói qua với thầy một Câu, thầy cũng muốn gửi thư về nhà.

- Viết thì cũng chẳng khó gì - học trò nói. - Chỉ có điều trong thư đừng viết địa chỉ ở đây, nếu viết cha sẽ quở trách.

Hỏi vì sao, thì chúng chỉ cười mà không nói. Nhậm Viễn nghĩ: "Ông ấy không muốn mình viết rõ địa chỉ, chắc là ông ấy sợ người nhà mình biết được, hoặc người khác tìm đến quấy rầy, như thế cũng là cố chấp. Song cũng phải thừa nhận là, ông đã mang tiền lương tới cho gia đình, và đem thư trả lời của người nhà, nên mình cũng yên tâm, chẳng cần viết thư làm gì khiến ông mất vui".

Tới mùa hè, ông dạy người học trò lớn làm văn, còn người học trò bé học văn chương của các bậc tiền bối. Học trò rất thích thú. Chỉ có ông chủ, thì sau khi gặp lần đầu đến nay chẳng thấy bóng dáng ông đâu, thỉnh thoảng có hỏi đến thì chúng bảo không có nhà. Điều ấy ông cũng không hề để ý tới. Vào một đêm, đúng vào lúc Trung thu, học trò nghỉ học, Nhậm Viễn dạo quanh sân. Trăng sáng rất đẹp, thấy thư phòng mở, ông ra cổng nhìn, không phải là nhà trong. Ông lặng lẽ bước ra, thấy bên cạnh có một lối đi nhỏ, hai bên là tường cao quét vôi trắng, trăng sáng vắng vặc như ban ngày, trông xa, không một bóng người. Nhậm Viễn lững thững dạo bước, thấy một

luồng gió tanh mùi thịt xông phả vào mặt, lại nghe văng vẳng đâu đây có tiếng kêu rên thảm thiết. Đi thêm mấy bước nữa, thì thấy mấy gian nhà thấp lè tè, tiếng rên rỉ từ trong đó vọng ra, bên trong có ánh đèn leo lét. Nhìn qua khe cửa, ai ngờ, không nhìn thì thôi, khi nhìn vào, ôi thôi, hồn bay phách tán, bủn rủn chân tay, run như cây sậy.

Bạn biết trong nhà có gì không? Đều là những người thân thể không trọn vẹn. Có người mất mũi, có người mất tai, có người cụt chân, nền nhà sâu tới mấy thước. Có những người máu chảy đầm đìa, nằm chết vật dưới đất. Tất cả những người đó đều rên rỉ đau đớn. Trong chiếc rãnh bao quanh nền nhà, máu, thịt, còn ngổn ngang bừa bãi. Nhậm Viễn vội vã rời khỏi nơi đó, tim cứ đập rộn lên, như ma đuổi. Ông nghĩ: "Chẳng phải ta nằm mơ ư? Lẽ nào ở đây lại là âm ti địa ngục? Thoát ra khỏi địa ngục này đâu phải dễ". Suốt đêm hôm ấy Nhậm Viễn không sao ngủ được.

Sáng hôm sau, thức dậy, Nhậm Viễn cứ ngồi thờ thẩn trong phòng. Nhậm Viễn nghĩ: "Chẳng trách nào bọn học trò bảo mình đừng bước ra khỏi phòng, đó chính là vì thế". Lát sau học trò vào thấy sắc mặt thầy tái nhợt phờ phạc, chúng nói:

- Đêm qua thầy có dám ra ngoài không?

- Không. - Nhậm Viễn đáp.

- Thầy đừng giấu con, chỉ e thầy sợ, - học trò nói.

Thấy nó đoán đúng, Nhậm Viễn nói:

- Thầy đang muốn hỏi con, vì sau nhà con lại có người tàn tật khổ sở như vậy.

- Bây giờ không thể nói thẳng cho thầy biết. Những người bị thương ở trong đó đều do cha con cắt thịt họ làm thuốc. Chỉ vì xưa kia cha con tìm được cuốn sách thuốc bí truyền. Phàm là những người mắc bệnh đều cần những bộ phận trong cơ thể làm dược liệu để chữa trị. Chẳng hạn như, đau ở tai mắt, tứ chi, thì cắt tai mắt, tứ chi luyện thành thuốc; chống ung thư trong lục phủ ngũ tạng thì cắt lục phủ ngũ tạng làm thuốc chữa trị. Chẳng có bệnh nào là không kiến hiệu. Bởi thế, đi bắt một số người về để làm

được liệu, người nào chết thì vứt đi, người nào còn sống thì để dùng đến. Bởi thế mà họ ở đây chịu khổ sở đau đớn.

- Những người bị cắt thịt lấy ở đâu? - Nhậm Viễn hoảng sợ nói.

- Có người làm nghề thủ công, - học trò nói, - có người là khách giang hồ, cha đã lừa họ tới, rồi không cho họ ra.

Tuy Nhậm Viễn mồm hỏi, song sợ đến thót tim, mặt như chàm đỏ, nước mắt lã chã, nói:

- Số phận ta nhất định cũng phải như thế chẳng?

- Thầy đừng sợ. - Học trò nói. - Trước đây mời thầy về cũng định thế. Nay mang ơn thầy dạy dỗ, chúng con quyết không bao giờ hại thầy. Sau ba năm sẽ cho thầy về. Song nay thì không về được, thầy phải sống ở đây thôi.

Nhậm Viễn nắm chặt lấy tay học trò, nói:

- Thầy sẽ.. ở lại đây, tính mạng của thầy trong tay các con, miễn chết cho thầy là tốt rồi.

Học trò an ủi thầy mấy câu rồi đi ra.

Từ đó trở đi, ngày ngày Nhậm Viễn như ngồi trên đồng lửa, muốn chạy trốn nhưng tường vây quanh rất cao, làm sao có cánh mà bay được? Lại sợ học trò thay lòng đổi dạ, tính mệnh khó bảo toàn, chỉ đành vờ vịt phụng thờ chúng, làm chúng vui lòng. Nghĩ rằng hằng ngày phải tụng "Bách y Quan âm thần chú" là đáng cứu khổ cứu nạn, mỗi ngày tụng niệm hàng ngàn lần, sớm tối hướng về phía tây, quỳ lạy để cầu mong Quan âm cứu vớt. Vào một đêm, Nhậm Viễn mơ thấy một người đàn bà mặc áo trắng, nói với ông rằng:

- Phải thoát tai họa, chờ gặp vải.

Mấy hôm sau, bỗng thấy học trò mang đến một tấm vải dài khoảng năm sáu trượng, nói là biểu thầy may quần áo, chờ thợ may đến cắt, rồi để ngay trong phòng. Nhậm Viễn nhớ đến giấc mộng, bỗng nghĩ ra một kế. Vào lúc đêm khuya thanh vắng, không một bóng người, ông nhúng vải vào chậu nước cho ướt sũng, buộc vào chiếc bàn, đặt bên cạnh tường, đứng lên đó, rồi cầm lấy đầu kia tung qua tường, vải ướt dính chặt vào bên kia tường, lôi

thử thấy đã chắc, rồi sau đó kéo vải bò lên mặt tường. Nhìn xuống dưới là vườn rau, ông lại theo vải đu mình xuống. Đi khỏi vườn rau, vượt ra bờ rào, thấy một con sông nhỏ chặn lối. May mà từ bé Nhậm Viễn đã biết bơi, thế là ông vượt qua sông lên bờ, vắt chân lên cổ chạy. Đúng là:

*Bơi vờ như chó mất chủ
Vội vã như cá sấy câu.*

Chạy thực mạng cho tới khi trời sáng, được khoảng mấy dặm, ai ngờ gặp phải đường cùng, trước mắt là Thái Hồ rộng mênh mông bát ngát.

Nhậm Viễn tuy đã trốn chạy, sợ có người đuổi sau bắt được thì chỉ có đường chết. Trước mắt không thấy chiếc thuyền nào đi qua, cuống lên không còn biết cách nào khác. Đợi một lát, thấy đằng trước có một chiếc thuyền buồm đi tới. Nhậm Viễn gào lên kêu cứu. Chiếc thuyền ấy hạ buồm ép mạn vào bờ. Nhậm Viễn nhảy phốc lên thuyền. Nhà thuyền thấy ông ướt như chuột lột, dăng vể kinh hoàng, bèn hỏi:

- Có phải ông gặp cướp không? Bây giờ đi đâu?
- Đúng là gặp cướp, - Nhậm Viễn nói. - Bây giờ cho tôi về núi Động Đình.
- Về đây cũng thuận đường, - nhà thuyền nói, - Cho ông đi nhờ tới đó được rồi.

Thế là họ kéo buồm lên. Chưa đầy hai giờ thì tới núi Động Đình. Từ biệt nhà thuyền lên bờ, Nhậm Viễn đến ngay nhà người bạn thân. Người bạn trông thấy vội hỏi:

- Tôi nghe thấy anh đang dạy học ở nơi xa, sao trông anh lại phờ phạc thế này. Có phải bị đắm thuyền không?
- Chuyện dài lắm, nói một câu không hết được - Nhậm Viễn nói.

Thế rồi anh kéo bạn đến chỗ vắng, kể lại hết hành động của Ma Hy Đà và việc tranh bị lừa thế nào cho bạn nghe.

Đã như thế - người bạn kinh hãi nói, - phải đi báo quan ngay.

Thế rồi họ cùng nhau tới Thái Hồ Sảnh bẩm quan. Quan Thái Hồ Sảnh gọi vào, hỏi tỉ mỉ từng việc, rồi lệnh cho nha lệ biết. Đồng thời báo cho phó tướng Thái Hồ mang quân lính phối hợp cùng đi bắt. Cho Nhậm Viễn làm nhân chứng sống, cùng đến Tiêu Hạ Loan.

Hôm ấy bọn học trò dậy, không thấy thầy đâu, còn tấm vải thì vắt trên tường. Biết là thầy đã vượt tường chạy trốn. Song nơi này không có thuyền làm sao chạy thoát. Chúng gọi người nhà vạch bãi lau sậy, tìm khắp nơi, không thấy Nhậm Viễn đâu. Lúc ấy Ma Hy Đà ở Hồ Châu chưa về, bọn người nhà hết sức lo lắng. Thế rồi bất chợt quan quân kéo đến, gác chặt cửa trước cửa sau. Nhậm Viễn dẫn quân quan đánh thốc vào tìm thấy rất nhiều người cụt tay chân. Hai đứa con trai Ma Hy Đà thấy việc đã bị phát giác, hồn bay phách lạc, nhìn thầy gào lên khóc. Nhậm Viễn thấy tình cảnh của chúng hết sức thương tâm, nhưng cũng chỉ biết nói với chúng rằng:

- Cha các con tội ác tày trời, ta không giúp nổi các con.

Quan phủ cùm tất cả bọn người nhà Ma Hy Đà lại, rồi giải về nha môn. Sau đó gởi giặc đến phủ Hồ Châu bắt Ma Hy Đà về xét xử.

Khi Ma Hy Đà bị giải đến không cần phải kiểm kẹp truy hỏi gì hẵn đã khai hết tội ác của mình. Ngay lập tức quan hạ lệnh đánh bốn mươi gậy, tất cả gia thuộc đều bị tổng ngục. Sau đó khép Ma Hy Đà vào tội lăng trì, vợ con đều bị chém đầu. Tịch thu toàn bộ tài sản, cấp cho người bị oan, mai táng xương thịt còn vớt ngổn ngang. Hai phủ Tô, Hồ thời ấy đồn ầm lên về chuyện kỳ quái này. Từ đó Nhậm Viễn thờ phụng Quan âm, cả nhà đều quy cửa Phật, không dám ra ngoài dạy học nữa. Đúng là ác giả ác báo. Nhậm Viễn kính cẩn tụng kinh niệm Phật, thì cuối cùng được Đại Sĩ phù hộ, thoát khỏi địa ngục trần gian. Có người nói:

- Hai đứa học trò không nỡ hại thầy, tại sao thầy lại hại chúng. Như thế có phải bất nhẫn không?

Họ không hiểu rằng, trừ hại cho một vùng, tức là một vùng được hưởng

phúc. Người xưa thường vì đại nghĩa mà diệt người thân, con còn chẳng tiếc, thì tiếc gì học trò.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 6

Hồ Tú Tài Cáo Trạng Kêu Oan

Thi Hiến Thần Năm Mơ Xử Án

Ở huyện Giang Đô có một vị tú tài tên là Hồ Đăng Cử. Cha mẹ ông bị giết, đầu bị lấy mất. Cả nhà Đăng Cử hồn bay phách lạc, hốt hoảng lên báo quan huyện Thi Công. Tới huyện thì gặp lúc quan đang làm việc, ông vào huyện đường, cúi chào rồi trình đơn lên quan, nói:

- Thưa thầy, thầy là bậc bề trên, tai họa bỗng dưng giáng xuống đứa học trò này. Con xin cúi đầu thưa với thầy, thầy hãy lập tức bắt ngay.

Nói xong ông dâng lá đơn lên, thư lại nhận đơn đặt lên bàn. Thi Công lặng lẽ nghiền ngẫm. Trong đơn viết:

"Người trình đơn là học trò Hồ Đăng Cử, đời ông con sống tại huyện Giang Đô. Cha con từng làm Hàn lâm, khi tuổi già sức yếu về sống tại quê nhà. Ông làm nhiều việc thiện, xót thương người nghèo khổ, không bao giờ hà khắc với mọi người. Thế mà vào một đêm nọ, cha mẹ con đóng cửa ngủ. Đến khi trời sáng, chúng con tới thăm, gõ cửa, không thấy cha mẹ thưa, con cuống lên, đập cửa vào, thấy cha mẹ con đều nằm trên giường, hai chiếc đầu mất tích. Con hổ thẹn học tại trường, mà để cha mẹ chết thảm hại như thế. Con gắn bó với trường học, rất hổ thẹn với cha mẹ. Bởi thế con trình lên ngài, thiết tha mong ngài ra ơn, cho bắt ngay bọn hung thủ, để rửa mối hận cho con. Xin vô cùng biết ơn ngài. Xin dâng đơn".

Thi Công xem xong đơn, bất giác gật đầu, kinh sợ. Ông nghĩ: "Đêm khuya vào nhà, không phải kẻ gian thì là giặc. Vợ chồng Hồ Hàn lâm già mà bị giết, lại không lấy của, mà lấy đầu đi, thì rõ ràng là hành động trả thù. Việc này, lại không viết giấy để lại, thì làm thế nào bây giờ.". ông cảm thấy khó khăn, một lúc lâu ông nói:

- Ta sẽ cử ngay bốn quan Bồi thẩm đi khám nghiệm tử thi, xong sau đó anh

cứ khâm liệm cha mẹ. Nhất định ta sẽ tìm ra manh mối giải quyết.

Hồ Tú Tài nghe thấy thế đành nuốt nước mắt, rời khỏi công đường về lo việc khám nghiệm tử thi.

Thi Công cho người đi báo ngay với quan Bô sảnh, tới nhà họ Hồ khám nghiệm tử thi, về trình báo với Thi Công. Bỏ tờ đơn vừa nhận vào túi, Thi Công kết thúc buổi làm việc. Trở về thư phòng nghỉ ngơi, uống trà, dùng cơm, rồi rút tờ đơn ra đặt trên bàn đọc đi đọc lại. Ông cúi đầu suy nghĩ, vụ án này thật khó giải quyết. Ông ngoái người giơ tay với lấy một bộ sách cổ trên giá, đó là cuốn "Đập bàn kêu lạ", đặt lên xem. Ông so sánh với vụ án này, cho rằng, đây là việc không có đầu mối, khó mà giải quyết được. Thấy người mệt mỏi, ông đặt sách xuống bàn, gục trên án thư, mơ màng rồi ngủ thiếp đi lúc nào không hay.

Trong giấc mơ ông thấy, trên bờ tường có một đàn chín con sẻ vàng, đang vẩy đuôi, gạt mỏ kêu chích chích. Thấy vậy Thi Công rất kinh ngạc. Tiếp đó lại nghe thấy tiếng lợn kêu ụt à ụt ịt. Đó là bảy con lợn con của Du Quang Nhi, nhìn hiền thần kêu ngẫu xì. Thi Công thấy lạ, vừa định nhìn kỹ thì chín con sẻ vàng bay vụt xuống đất, cùng với mấy con lợn con đứng cả hai chân nhìn sẻ vàng, sẻ vàng quắp móng, rồi cùng nhau kêu loạn cả lên. Sẻ kêu, lợn học, bỗng nhiên thấy một trận gió quái lạ cuốn cả sẻ và lợn đi. Thi Công giật mình tỉnh giấc, kêu ầm lên: "Thật là quái lạ". Thi An đứng bên cạnh thấy chủ nhân kinh sợ kêu lên như thế, chẳng hiểu vì sao, vội vàng gọi:

Ngài! Ngài hãy tỉnh dậy.

Thi Công nghe thấy, ngẩng đầu mở mắt, trầm ngâm hồi lâu. Nghĩ lại việc trong mơ, nói:

- Lạ thay, kỳ quặc thay!

Rồi hỏi Thi An đã mấy giờ rồi. Thi An đáp:

- Mặt trời đã lặn rồi.

Thi Công gật đầu, lại hỏi:

- Vừa giờ anh có trông thấy gì không?

- Con chẳng thấy gì cả, - Thi An nói. - Nhưng có một cơn gió thổi qua tường.

Nghe thấy thế Thi Công nghĩ lại, chín con sẻ vàng, bảy con lợn con quái lạ, chắc là trong đó có uẩn khúc gì đây. Thế rồi ông để sách lên giá nghĩ ngợi liên miên, không sao ngủ được.

Sáng hôm sau trở dậy, Thi Công rửa mặt, mặc quần áo chỉnh tề, rồi truyền lệnh mở công đường. Ngồi vào ghế, ông rút lệnh gọi Anh Công Nhiên và Trường Tử Nhân tới. Hai người tới quỳ lạy dưới công đường, Thi Công nghĩ tới chín con sẻ vàng (hoàng tước) và bảy con lợn con (thất chư) ghi vào lệnh, nói:

- Hạn trong năm ngày, hai người phải bắt được Cửu Hoàng và Thất Chư về đây cho ta, nếu chậm trễ ta sẽ phạt nặng chứ không tha.

Rồi ông đưa lệnh cho hai người. Hai người tiến lên nửa bước, quỳ xuống nói:

- Thưa ngài, chúng con xin ngài cho biết Cửu Hoàng và Thất Chư là tên người hay tên vật, hiện chúng đang ở đâu, xin ngài chỉ rõ. Chúng con đi tìm sẽ bắt về.

Nói xong lại cúi lạy. Thi Công thấy thế nói:

- Các người là đồ vô dụng, ngay cả Cửu Hoàng, Thất Chư cũng không biết, thì làm sai dịch thế nào được? Rõ ràng các người muốn lẩn tránh, đùa với pháp luật. Hãy lôi bọn này ra đánh cho ta.

Hai người này bị sai nhân lôi ra, đánh mỗi người mười lăm gậy. Họ quỳ xuống, nói:

- Thưa ngài, rốt cục thì ngài cũng nên nói rõ, chúng con mới đi bắt được.

Nghe nói thế, Thi Công dùng dằng nổi giận, nói:

- Hai thằng này to gan thật, mỗi khi nhận việc là rất hay kêu ca, nếu còn dám cãi nữa ta sẽ phạt cho các người nặng hơn.

Hai người thấy thế không sao được nữa, đành đứng dậy lui ra. Tiếp tục đi dò bắt Cửu Hoàng và Thất Chư. Thi Công cũng rời khỏi công đường.

Năm ngày liền Thi Công vờ ốm, không mở công đường. Sang ngày thứ sáu, vừa sáng dậy đã bảo đánh trống mở cửa công đường, rồi ngồi vào bàn. Sai nha đứng hầu. Thấy một người bước tới bàn dâng tờ trình, nói:

- Thưa ngài, học trò Hồ Đăng Cử, cha mẹ bị giết oan, xin ngài soi xét. Nếu để kéo dài không bắt, hung thủ trốn thoát, lúc đó càng khó thêm. Vả lại con cũng được học hành, lẽ nào không xấu hổ sao? Nếu con dâng tờ trình kêu oan tới nơi khác, xin ngài lúc ấy đừng trách con.

Nói xong cúi lạy, rồi lại đệ tờ trình lên quan. Thi Công cười nói:

- Ông đừng quá nôn nóng như thế. Bản quan đã cho người bí mật dò tìm những người có dấu vết khả nghi, nhất định sẽ minh oan cho cha mẹ ông.

Hồ Đăng Cử không còn cách nào, nói:

- Thưa ngài, ngài nhanh chóng minh oan cho con, con vô cùng biết ơn ngài.

Thi Công nói:

- Xin ông cứ về đi, hãy để tờ trình lại đây.

Hồ Đăng Cử cúi đầu chào, rồi khỏi nha môn.

Thi Công cảm thấy rất khó, định gọi người quản gia nhà họ Hồ thăm vấn, thì thấy nha lệ Anh Công Nhiên và Trương Tử Nhân tới, hai người quỳ xuống thưa rằng:

- Hai chúng con không tìm thấy Cửu Hoàng, Thất Chư, xin ngài gia hạn.

Thi Công thấy thế nổi giận, gọi tay chân lôi ra đánh mỗi người mười lăm gậy. Không cho phép phân trần, cứ đánh tiếp, đau đớn cầu xin cũng không tha, máu chảy đầm đìa. Đánh xong, họ kéo quần, run cầm cập, quỳ xuống thưa:

- Thưa ngài, cúi xin ngài chỉ rõ, thì chúng con đi bắt mới dễ dàng hơn.

Nghe thấy thế, không còn cách nào khác, Thi Công miễn cưỡng nói:

- Gia hạn cho các người thêm ba ngày nữa, nếu không bắt được hung thủ, thì ta tử hình.

Hai người thấy thế thì run như cây sậy, chỉ biết gật đầu lia lịa. Thi Công lại nói:

- Các người không được lảm lời, hãy đi bắt chúng ngay.

Nghĩ tới hai người sai nha bị hình phạt, ông cảm thấy mình bất nhẫn, rồi rời công đường. Thương thay, hai người ấy vẫn còn cúi đầu kêu oan.

- Ông lớn, xin ông thương cho sinh mệnh chúng con.

Nói xong, lại khấu đầu lia lịa. Những người còn lại trong công đường, thấy hai người như thế, ai cũng thương tình, nói:

- Thôi, đứng dậy! ông lớn đi rồi, còn cầu xin ai!

Hai người nghe thấy, ngẩng đầu lên, không thấy ông lớn đâu cả đành nén giận đứng dậy, đôi chân bị đánh trọng thương, bước đi khập khểnh. Những người xung quanh dìu họ ra khỏi công đường.

Thi Công trở về thư phòng ngồi. Ông nghĩ: "Giấc mơ đêm qua rất kỳ lạ: Cửu Hoàng và Thất Chư, ta cho đó là tên người, ta ra lệnh bắt. Quả là khó tìm ra thật, vì chẳng có chứng cứ gì. Hai lần phải đánh sai dịch tại công đường mà vẫn không tìm ra manh mối kẻ giết người. Ta bị bãi miễn quan chức chỉ là một việc nhỏ, song dân chúng khắp nơi sẽ oán giận, để lại tiếng xấu cho muôn đời". Suy đi nghĩ lại, đầu ông bỗng sáng lên, thấy người phẩn chấn, rồi ông cho gọi Thi An lại nói:

- Ta cũng phải đi dò xét.

Thấy vậy, Thi An giật mình, nói:

- Thưa ngài, nếu ngài đi dò xét, tôi nghĩ rằng trước đây ngài đã đóng vai người già, tới nhà Hùng dò xét, may mà bên trong có người cứu, không thì đã nguy hiểm đến tính mạng. Còn nay ngài đi, người trong kẻ ngoài, ai mà chẳng nhận ra ngài

Thi Công nghe xong nói:

- Không phải nói nhiều, người hãy đi lấy quần áo rách của người lại đây cho ta:

Thi An không dám trái lệnh, đành phải về ngay phòng mình lấy quần áo rách đến cho ông lớn.

Thi Công mặc áo rách, mang theo mấy trăm lạng chi dùng. Từ khi tới nhiệm sở, Thi Công không có ai thân thích, chỉ sống với hai người trong bọn Thi An, mấy người trong nha môn và hai người đầu bếp. Thi Công bảo, cơm chiều xong, nhân lúc trời tối ra khỏi nha môn để tiện hành sự. Trước lúc đi Thi Công dặn dò Thi An trông nhà cửa cẩn thận. Thi An vâng lời, rồi len lén tiền chủ ra, bảo người gác cổng rằng:

- Hôm nay ông lớn tự đi điều tra, đừng có nói bô bô lên. Hãy mau mở cửa

ra.

Thi Công ra khỏi cửa rồi mất hút.

Đang đi thì thấy trong quán trà có một số khách ngồi dưới ánh đèn, Thi Công định bước vào, người hầu bàn thấy ông ăn mặc rách rưới, không giống khách uống trà, bèn nói những lời bất nhã. Nghe thấy thế, Thi Công không vui, nhưng sau nghĩ rằng: "Đã là người đi điều tra bí mật, thì chấp gì những lời nói đó? Cứ coi như mình không nghe thấy". Ông gọi:

- Anh hãy mang trà đến cho tôi, loại trà thơm ấy nhé. Đun nước nhanh lên. Bất kể là loại bánh điểm tâm nào cũng mang ra đây. Ăn xong ta sẽ thanh toán tiền.

Người hầu bàn thấy vậy không dám coi thường nữa, vội vàng mang ngay trà và các thứ điểm tâm ra.

Thi Công ngồi uống trà, lắng nghe những người bên cạnh nói chuyện. Trong đó có một người nói:

- Ngài quan huyện của các ông rất liêm chính. Từ khi tới nhậm chức, mọi việc đều giải quyết nhanh chóng, Vừa công minh, vừa thể tất nhân tình. Ông là đáng cứu tinh, là trời xanh lồng lộng.

Người ấy nói xong rồi bỏ đi. Thi Công nghe nói cũng chả góp vào câu gì, chỉ cúi xuống lấy tiền trả, rồi ra khỏi quán.

Đêm đến, trên đường thưa thớt bóng người, mây đen phút chốc phủ kín bầu trời, rồi gió ào ào thổi tới, trời lất rắt mưa. Đang lúc lo lắng, mình mảy lại đau nhừ, ông chợt nghĩ: "Sao ta không tới miếu Thành Hoàng trú mưa, nghỉ đêm tại đó?". Thế rồi ông lom khom rảo bước, chạy tới miếu. Xung quanh miếu chẳng thấy một ai, cửa miếu khóa chặt. Mưa mỗi lúc một nặng hạt, ông trầm ngâm nghĩ ngợi. Không còn cách nào khác, đành phải nghỉ bên ngoài. Đáng mừng hơn nữa, trời đã quang mây, mưa ngớt dần, rồi tạnh hẳn. Một vầng trăng tròn vành vạnh đã nhô lên. Đường lầy lội khó đi. Trống lâu đã điểm canh ba, đêm lạnh lẽo, người Thi Công bắt đầu ngấm lạnh. Hiên thần vì dân, nên ông không hề hối hận, chỉ biết rằng làm quan phải trừ kẻ hại dân. Như thế mới gọi là thờ vua phải gắng hết sức mình, vui vẻ mà không kêu ca. Chỉ khổ một nỗi, tính mạng nhà họ Hồ, làm thế nào tìm ra thủ phạm, làm thế nào để giải quyết vụ án này.

Đang mãi suy nghĩ Thi Công nghe thấy trống điểm canh năm, trời dần dần sáng rõ. Một đêm qua đi, trời đã sáng, thấp thoáng có bóng người qua lại. Thi Công vội vàng trở dậy, rời khỏi miếu Thành Hoàng, lủi thủi đi vào phố. Đội chiếc mũ sụp xuống tận mắt, nếu gặp người quen thì cúi đầu đi qua. Để tâm, dò xét bọn thổ hào ác bá, và bọn tội phạm giết người. Khoảng vào giờ Tý, bụng đói mềm. Thấy một quán cơm, ông vội vã bước tới Chủ quán thấy Thi Công mặt mũi đen sạm, quần áo rách rưới quát to:

- Gã kia, không được vào đây.

Thi Công nghe thấy tiếng quát, đứng sững lại mỉm cười, rồi bảo:

- Ông chủ! Đừng nói những lời độc địa như thế. Tôi là khách chiếu cố đến cửa hàng của ông, chứ có phải đến xin ông đâu? Bây giờ tôi sẽ trả tiền trước, rồi sau mới ăn cơm, ông thấy thế nào?

Nói xong, ông rút tiền ra, đặt lên quầy. Thế rồi họ bưng thức ăn ra. Thi Công vừa ăn vừa ngán ngẩm. Đúng là thói đời đen bạc. Nhìn ra ngoài thì thấy một người đàn bà trung tuổi đến trước cửa hàng, vừa khóc vừa kêu gào. Người ấy trạc hơn ba mươi, đầu tóc rối bù, mặt mày tím tái, tay ôm con nhỏ, hai hàng nước mắt đầm đìa, miệng kể lể: "Nhà con thật vô cùng oán hận. Nỗi oan này làm con chết mất! Định đi báo quan, nhưng quan huyện lại ồm, nha môn ngăn lại không cho vào. Nỗi oan khuất của con bao giờ mới được minh oan? Nghe nói ngài quan huyện trong sạch như nước, ngờ đâu ngài lại không mở cửa công đường. Chẳng biết ngài ồm thật hay ồm giả. Nếu như ồm giả mà trốn việc, thì ngài đã phụ ơn vua, không giải quyết đơn từ của dân, uổng công làm cha mẹ dân! Sáng mai tôi lại tới công đường đánh trống kêu oan. Nếu như không nhận giải quyết đơn kiện của tôi, thì tôi đập đầu mà chết quách đi cho rồi". Nói xong, người ấy vừa chửi vừa khóc. Mọi người xúm lại xem, Thi Công thấy thế thầm nghĩ: "Thật không sao hiểu nổi! Một người đàn bà dám chửi quan. Song không biết vì sao! Ta hãy ra khỏi cửa, theo bà để hỏi dò xem sao".

Hai người đi dò xét, không có cách nào tìm ra Cửu Hoàng và Thất Chư, đành về nhà ngồi uống rượu, rồi lại bàn nhau việc dò tìm Cửu Hoàng và Thất Chư. Tử Nhân nói:

- Anh Anh ạ, hãy quên kỳ hạn đi, chúng ta cứ nghĩ đêm nay đã, ngày mai

giả làm ăn mày, tới vùng Quan Ngoại trong thành ngày đêm tuần tra dò xét. Chúng ta chẳng sợ khó khăn, chỉ sợ mình không chuyên tâm mà thôi.

Thấy Tử Nhân nói vậy, Công Nhiên gật đầu nói:

- Đã làm việc công, chúng ta phải hết sức cố gắng.

Hai người ăn uống xong rồi nghỉ một đêm. Sáng hôm sau dậy, họ vội vã cải trang, rồi ra khỏi nhà dò tìm tung tích Cửu Hoàng và Thất Chư. Tử Nhân nói:

- Hôm nay là rằm tháng Bảy, năm ngoái rất nhiều chùa thờ Quan âm ở Quan Ngoại thuộc huyện Giang Đô mở hội. Bây giờ chưa truy tìm hung thủ, thì sao chúng ta không đến chùa Hoa Liên ở Quan Ngoại xem một chút.

- Thì đi! Anh Công Nhiên đáp.

Hai người cùng đến chùa. Tới nơi, chùa vắng ngắt, chẳng thấy hội hè đâu. Hai người đứng một lúc, thấy hai chú tiểu từ cửa ngách bước ra. Nhìn kỹ thì chú lớn trạc mười lăm, mười sáu tuổi chú bé trạc mười một mười hai. Các chú môi đỏ chót, răng trắng bóng như những cô bé gái. Người cầm chổi, kẻ cầm hốt rác, cười khúc khích đi ra. Hai sai nha trông thấy, vội nhường đường.

Hai chú tiểu ngẩng lên, thấy họ ăn mặc rách rưới, cúi đầu phàn nàn rằng:

- Hai người tới đây không gặp may rồi! Bằng giờ năm ngoái chùa chúng tôi mở hội Vu Lan, hai anh nghèo khổ có muốn ăn chút cơm chay thì cũng dễ thôi. Nhưng năm nay thì không thể được. Chùa chúng tôi có mấy người mới tới, hình như có tang nên không mở hội.

- Các anh đã tới đây, - chú tiểu lớn nói, - cũng không đến nỗi về không. Nếu chịu khó quét giúp chúng em, thì chúng em sẽ cho các anh ăn cơm.

Hai người sai nha nghe thấy thế, một người cầm chổi, một người cầm hốt rác, vừa quét vừa trò chuyện với hai chú tiểu. Họ hỏi:

- Hai vị sư nhỏ ời! Bao giờ thì được làm hòa thượng? Sư phụ của các chú tên gì?

- Chúng tôi vốn con nhà tử tế. - Hai chú nói. - Vì lúc nhỏ ốm đau, không làm gì được, đành phải làm hòa thượng, suốt từ sáng đến chiều chỉ có thắp hương, quét dọn chùa, rồi tụng kinh. Sư phụ chúng tôi rất ghê, pháp danh

của ông là "Cửu Hoàng Tăng Nhân". Chú tiểu nhỏ nói rất vô tình, hai sai nha nghe thấy, bỗng giật thót mình. Anh Công Nhiên nháy nháy mắt ra hiệu: "Cửu Hoàng" đây rồi!

Sau đó thấy có người gánh thức ăn đi vào chùa, trong đó có cả gà, vịt, cá, thịt. Công Nhiên nhìn thấy, muốn dò la tình hình mới la lên:

- Hai vị sư phụ nhỏ, tôi mạnh dạn hỏi hai vị nhé, theo như tôi nghĩ đây là đất không sát sinh, không biết vì sao lại dùng những thứ này. Nếu không mở hội, thì có lẽ mời khách chẳng?

Thấy hỏi, chú tiểu nhỏ nhìn chú tiểu lớn, rồi vội nói chen vào. Chú tiểu nhỏ khoảng mười hai tuổi, đã biết gì về hay dở, nhanh mồm nói:

- Tôi nói cho các anh biết, các anh chớ có nói với ai nhé! Sư chùa chúng tôi rất là ghê, có thể sử dụng đao, có thể bay lên mái hiên, vượt qua tường, kết giao với những anh hùng trong thiên hạ, và những tay hảo hán giang hồ. Hôm nay mời khách, cho nên mua thịt gà. Còn một điều nữa, chùa chúng tôi thiếu một người nấu ăn, nếu hai anh muốn làm thì tốt quá.

Hai sai nha nghe thấy nó nói đúng ý mình. Tử Nhân cười hỏi:

- Chắc rằng sư phụ các người đang ở nhà, hai vị thử vào gặp xem sao, nếu quả thật dùng chúng tôi thì chúng tôi vô cùng biết ơn.

Thấy thế chú tiểu hạ thấp giọng nói:

- Sáng hôm nay sư phụ chúng tôi vào thành, còn ở am ni cô trong thành chưa về chùa. Rằm tháng Bảy mở hội, mời khách tới diễn kịch. Đêm nay ở đây còn đốt cây bông. Ni cô là em nuôi sư phụ chúng tôi, trạc hơn hai mươi tuổi, rất xinh đẹp. Sư phụ chúng tôi còn mua miếu cho ni cô, dạy ni cô võ nghệ, cưỡi ngựa, sử dụng đao, cái gì ni cô cũng giỏi. Pháp danh của ni cô là Thất Chư Cô Cô, xa gần ai ai cũng biết.

Chú tiểu lớn bên cạnh, quát mắng:

- Đồ con lừa, đừng có nói linh tinh, hôm trước sư phụ đánh cho một trận như đòn không nhớ à, nay lại nói bậy rồi. Sư phụ biết được thì ốm xương.

Đang nói chuyện, thì thấy một người từ trong đi ra, người cao to, bộ mặt góm guốc dữ tợn. Ông ta gọi toáng lên:

- Tiểu lớn! Các anh đằng sau đang gọi!
Chú tiểu lớn dạ ran, rồi chạy ngay vào trong chùa.

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 6 (B)

Thấy trời đã muộn, Công Nhiên bảo Tử Nhân tìm chỗ nào ăn cơm, nay đã biết được tin thực rồi, hãy về nha môn ngay. Tử Nhân đáp:

- Chúng ta đi về thôi, về thành bẩm báo với ông lớn, kết thúc nhanh vụ án này. Đây cũng là công lao lớn của chúng ta.

Nói xong, lòng họ tràn đầy vui sướng ra về.

Thi Công từ cửa hàng ăn đi ra, đi theo người đàn bà, dò la về nguyên nhân bà đi kiện. Song thật uổng công, chẳng biết được gì thêm. Thấy trời còn sớm, về nha môn không tiện, ông nghĩ: "Sao ta không vào thành dò la xem sao, khi nào trời tối mới về nha môn...". Thế rồi ông rảo bước vào thành, thì gặp hai viên sai nha hớn hờ đi tới. Từ xa Thi Công đã nhìn thấy hai người giả ăn mày, tự nhiên ông thấy thương họ: "Thôi hãy tránh vào một chỗ cho họ đi qua". Không ngờ hai người cũng đã nhìn thấy ông, bám theo ngay. Thi Công vào miếu, hai người cũng theo gót bước vào. Thi Công ngồi trên thềm, thấy không có ai, hai người vội bước tới, quỳ xuống nói:

- Bẩm ông lớn, bọn chúng con vâng lệnh ông, đã dò tìm được Cửu Hoàng và Thất Chư, hiện chúng đang ở chùa Liên Hoa. Chúng con còn dò biết Thất Chư là em nuôi của Cửu Hoàng, người Tô Châu. Trước đây họ gian dân với nhau, rồi đưa nhau tới đây.

Nghe thấy thế, Thi Công đang buồn bỗng vui hẳn lên. Rồi ông hỏi:

- Vì sao lại gọi là Cửu Hoàng và Thất Chư?

Hai người nói:

- Hai đồ đệ của họ đã nói với chúng con, vì sau lưng sư phụ có chín mụn cơm bằng hạt đậu nên gọi là Cửu Hoàng. Còn trước ngực ni cô có bảy nốt ruồi đen, nên gọi là Thất Chư. Trong miếu còn có mười hai tên đầu gấu, hẳn làm bất kể việc gì.

Nghe xong Thi Công trầm ngâm một hồi rồi lâu rồi nói:

- Trời đã muộn, hai người theo ta vào thành. Tối nay các người đến đường Chữ Thập theo dõi hành tung của tên ác tăng và ni cô dâm dăng ấy.

Nói xong đứng dậy. Hai người theo ông vào thành. Họ thấy đám đông bàn tán ồn ào. Có người nói:

- Quan huyện này tốt hơn quan huyện trước.

- Đừng có nhẹ dạ mà tin bọn nha dịch. - Có người nói thế.

- Tự mình đi dò la, thì ông quả là con người yêu thương dân.

Có người nói:

- Quan huyện thật là một người thanh liêm.

Trong đó có một người kêu lên:

- Các ông có im mồm hay không, đừng có nói càn. Cần thận không quan huyện nghe thấy thì no đòn.

Vì vụ án chưa xét xử được, Thi Công trà trộn trong đám đông nghe ngóng người dân bàn tán. Ngẩng đầu lên Thi Công thấy ánh đèn, người ồn ào chen lấn, nói:

- Đến rồi! Đến rồi!

Thi Công đang đứng trong đám đông, thấy một lễ đài - đài dựng đối diện với cửa am Quan âm - đài kết hoa bằng các tấm the màu, đèn lồng treo la liệt. Chính diện dựng một chiếc bục, một hòa thượng đang ngồi chễm chệ, mắt to, lông mày rậm, đầu đội mũ Phật, mình mặc áo hồng, mồm đọc kinh, tay bắt quyết. Những sư khác ngồi hai bên, nhìn kỹ thì không phải chỉ có sư nam, mà có cả sư nữ, họ ngồi bên đọc họa theo. Tuổi họ đều trạc trên dưới ba mươi. Vào tiết rằm tháng Bảy, trời vẫn oi bức nên người nào cũng đầu trần, mặc áo choàng qua vai, tuy nói là đọc theo, song trong đó có một người vẫn mặt mày hớn hở, liếc mắt đưa tình với gã sư dữ tợn. Cô ta cứ nghiêng nghiêng ngó ngó liếc ngang liếc dọc, Thi Công quay lại nhìn xuống dưới lễ đài. Ở chính giữa đặt một chiếc bàn cao, hai bên là hai chiếc ghế dài, mỗi bên có chín ni cô, cả thảy mười tám người đều mặc áo cà sa, đầu trần, đánh chuông gõ mõ. Họ đều trạc trên dưới hai mươi tuổi, cô nào cũng có vẻ lả lướt, lẳng lơ. Tuy không son phấn, nhưng đều răng trắng má hồng, trông tựa đào hoa. Họ đánh chuông gõ mõ, mồm niệm Phật, nhưng lại cứ

nhìn trước ngó sau, mặt tươi như hoa sen chớm nở, chẳng có chút đáng dấp một người tu hành.

Thi Công xem xong, lặng lẽ gật đầu. Như thế chẳng trách nào chúng làm loạn Giang Đô. Vị ngồi chính giữa chính là Cửu Hoàng, còn trong đám ni cô không biết ai là Thất Chư. Nhìn kỹ người ngồi đầu bàn là một sư nữ trông rất lẳng lơ và là người xinh đẹp nhất, cô ta cũng đánh chuông gõ trống. Xem xong, Thi Công nói thầm: "Chẳng trách khiến lòng sư rối loạn!". Nghe xong ba hồi chuông trống, đã vào lúc canh hai, của bố thí cũng phát hết, dân chúng tản mát ra về. Thi Công nói với hai nha lệ:

- Duyên do Cửu Hoàng Thất Chư ta đã hiểu hết rồi. Ngày mai các anh không phải đến nha môn nữa, hãy trở lại chùa Liên Hoa, phải hết sức cẩn thận, dụ dỗ hai chú tiểu, hỏi cặn kẻ tình hình, và gốc gác họ tên của mười hai tên đạo tặc, rồi về nha môn báo lại, để ta định ra kế hoạch bắt chúng.

Hai người vâng lệnh, còn Thi Công nhân lúc đêm tối trở về nha môn.

Thi An đón Thi Công vào phòng, tắm rửa, thay quần áo. Cơm nước xong ông lên giường ngủ một mạch tới sáng hôm sau. Khi trở dậy rửa mặt, thay quần áo xong, ông bèn sai người đánh trống mở công đường. Thi Công ngồi oai vệ ở giữa, nha lệ đứng xếp hàng hai bên. Rồi với tay lấy hai tờ lệnh, gọi Vương Nhân và Từ Mậu. Hai người dạ ran, tiến đến trước mặt quỳ xuống. Thi Công nói:

- Người hãy đến am Quan âm tại đường Chử Thập mời ni cô Thất Chư, và đến chùa Liên Hoa ở ngoại thành mời Cửu Hoàng tới đây cho ta. Bản huyện muốn mời họ lập đàn cầu phúc.

Hai người vâng lệnh rời khỏi công đường.

Sau đó Thi Công lại quay xuống dưới bảo: đi mời Chấn Thủ phủ, và cử một số sai nhân chuẩn bị sẵn sàng.

Vương Nhân và Từ Mậu đi mời Cửu Hoàng và Thất Chư. Hai người cùng đi một đường, nên vừa đi vừa nói chuyện về quan huyện, thoáng một cái đã

đến am Quan âm. Một người vào am. Thất Chư là một ni cô dâm dăng, đang trong am say sưa nghĩ tới cuộc làm tình mê đắm với hòa thượng Cửu Hoàng, bỗng nghe thấy tiếng chân bước, giật mình nghĩ: "Không biết ai thế? Chắc là thí chủ đến dâng hương". Thế rồi ni cô lên tiếng gọi:

- Tiểu ni cô.

Nghe thấy tiếng thưa, rồi tiểu ni cô bước vào, tươi cười nói:

- Thưa sư phụ, có việc gì cần sai bảo tiểu đệ!

Thấy ni cô hỏi, dâm ni cô nói:

- Người hãy mau ra ngoài, xem có ai đến!

Tiểu ni cô vâng lời, vội chạy ra xem, thấy hai người đi tới, bèn hỏi:

- Hai ông từ đâu tới? Đây là nơi ở của sư nữ, sao các ông cứ sòng sọc vào như thế!

Hai nha sai thấy thế nói:

- Chúng tôi từ huyện đường tới. Người hãy vào nói với sư thầy chúng tôi vâng lệnh quan huyện đến mời Thất Chư Cô Cô tới ngay nha môn lập đàn tràng cầu phúc.

Ni cô nhỏ nghe thấy thế, nói:

- A! Hóa ra các ông là sai nha. Xin các ông chờ một chút, tôi sẽ vào báo với sư thầy, rồi sẽ trở lại thưa với các ông sau.

Nói xong tiểu ni cô quay vào phòng, nói lại với Thất Chư. Nghe xong Thất Chư thấy khó hiểu, nói:

- Quan huyện mời ta hành lễ ư?

Rồi ni cô Thất Chư nghĩ: "Thi Công hoàn toàn không quan hệ với ta. Gần đây nghe thấy những chủ trại đã gây ra nhiều án mạng, ông ta đã biết rồi chẳng? Nếu không đi thì với danh nghĩa là quan huyện, ông ấy sẽ trị cho. Nếu đi e rằng bất lợi". Ngẫm nghĩ một lát, Thất Chư chợt nghĩ ra một kế, thầm nghĩ: "Được rồi! Sao ta không lôi kéo dụ dỗ ông ta", rồi bảo ni cô nhỏ :

- Người hãy ra mời họ vào đây gặp ta.

Tiểu ni cô nghe theo, ra mời hai vị sai nha vào phòng.

Thất Chư liếc mắt nhìn, hai sai nha áo mũ nai nịt, gậy gộc linh kinh, tướng

mạo như cú vọ. Thất Chư ngán ngẩm đành phải hỏi:

- Quan sai các ông tới đây có việc gì?

Ni cô dâng trà. Hai người nhìn thấy bủn rủn cả chân tay, hồn vía lên mây, dục vọng khó kìm. Ai ai cũng đồn rằng Thất Chư tuyệt đẹp, nay nhìn thấy mới biết lời đồn của quả không ngoa. Dâm ni cô hỏi họ tên hai người quan sai nha. Hai người nói:

- Chúng tôi vâng lệnh quan huyện tới đây mời sư thầy tới nha môn, thiết lập đàn tràng cầu mong phúc lành. Quan huyện phải mời bằng được sư thầy cùng đi với chúng tôi tới huyện đường là tốt nhất.

Nói xong ngheo đầu ngheo cổ tỏ vẻ lo lắng, nhưng lại cứ dán mắt nhìn ni cô. Thất Chư thấy vậy chửi thầm hai sai nha: "Đồ mặt dày đáng ghét, nếu không có phép vua thì lập tức đầu các người sẽ rơi xuống đất. Không biết hôm nay Thi Công cho người tới mời là việc lành hay việc dữ, điều ấy khó mà đoán được. Ta nghĩ rằng, sinh mạng trong thành bị chết rất nhiều, hay ông đã đánh hơi thấy, chẳng sao mà biết được nữa. Nếu ông chưa biết được động tĩnh mà không đi thì càng bất lợi...". Trầm ngâm hồi lâu, Thất Chư quyết: "Nghĩ tới làm gì, thôi thì ta cứ tới xem sao. Dù có biến động thì bên ngoài đã có anh Cửu Hoàng và các chủ trại, hơn nữa, mình lại có thuật bay lên mái hiên, nhảy qua tường, lên ngựa múa đao thì sợ gì! Tức khí ta lên ngựa tới ngay Giang Đô, ra tay để chúng kinh hoàng. Gặp thì gặp, ngại gì". Nghĩ xong ni cô giả vờ tươi cười, nói:

- Thưa hai ông, có phải chỉ mời mình tôi hay còn mời ai khác tới huyện.

Từ Mậu nói:

- Có mời cả sư phụ Cửu Hoàng ở chùa Liên Hoa Cửa Bắc. Đi thôi quan huyện đang chờ chúng ta.

Thất Chư cười nói:

- Quan sai hãy nán lại một chút, chờ tôi thay quần áo cùng đi. Hai sai nghe thấy ni cô nói là cùng đi, họ rất mừng. Thất Chư thay quần áo mới trở ra. Hai sai nha thấy từ ni cô thoang thoảng tỏa ra mùi hương hoa lan. Họ nhìn kỹ, thấy ni cô thật đáng yêu, một lời không sao lột tả hết, khiến lòng họ cứ rạo rực, khó mà kìm nén nổi, và cảm thấy thèm khát vô cùng. Họ nói:

- Đi mau lên!

Thất Chư ra khỏi phòng, bảo tiểu ni cô đóng cửa. Tiểu ni cô nói:

- Con ra đây ạ!

Ni cô đi trước, hai sai nha theo sau, cùng ra khỏi am.

Từ Mậu cùng với Thất Chư trở về nha môn, bảo Vương Nhân ra khỏi thành đi mời hòa thượng Cửu Hoàng. Vương Nhân nhận lời đi ngay, không dám chần chừ. Ra khỏi cửa Bắc, chẳng còn lòng dạ nào nhìn quang cảnh quanh chùa, vội đi vào cửa ngách. Đang đi thì thấy Công Nhiên và Tử Nhân, Vương Nhân chợt giật mình. Hai người này đóng giả ăn mày đang quét dọn sân sau chùa. Vương Nhân buồn rầu định tới nói chuyện. Thấy Công Nhiên xua xua tay, Tử Nhân lắc đầu đau mắt. Họ sợ có người nhìn thấy, biết được cơ mưu, làm lộ tin tức. Vương Nhân nhanh trí gật đầu đi ra ngoài: Rất mừng là trong chùa không có ai nhìn thấy. Ba người lần lượt ra khỏi chùa, tới chỗ vắng, họ thuật cho nhau nghe về công việc của mình. Vương Nhân nói:

- Tôi được lệnh tới đây mời Cửu Hoàng về huyện đường.

Nghe thấy thế Công Nhiên và Tử Nhân giật thót mình, nói:

- Em hãy về ngay, mời Cửu Hoàng hoàn toàn không được đâu.

- Xin mong hai anh chỉ bảo. - Vương Nhân nói. - Em phải làm cách nào mới mời được Cửu Hoàng?

- Em ạ! - Công Nhiên nói. - Tên ác tăng này rất nguy hiểm, một đao hai gậy có thể đi trên không, vượt qua lầu gác như đi dưới đất bằng. Hiện ở đây đang tụ tập rất nhiều bọn cường đạo, đứa nào cũng võ nghệ cao cường, địch nổi hàng vạn người.

Nghe Công Nhiên nói, Vương Nhân cười nói:

- Anh không nên dọa tôi! Tôi đi lại cửa Lục Phiến, nếu không có bản lĩnh thì tôi làm sao dám xin vào làm việc ở cửa quan? Nay điều cốt yếu là phải mời cho bằng được hòa thượng Cửu Hoàng. - Rồi anh nói tiếp. - Chỉ có như thế thì mới gọi hấn đi được, xin hai anh cứ yên tâm.

Nói xong Trương và Anh đứng dậy vào chùa trước, lát sau Vương Nhân mạnh dạn bước vào chùa, gọi to:

- Chùa có ai không?

Thấy có một gã sư bước ra hỏi Vương Nhân:

- Ông từ đâu tới đây? Tới đây có việc gì? Hình như ông là sai nha của huyện phải không? - Gã sư ấy cười nói. - Xin mời ông vào phòng uống nước.

Vương Nhân theo sư vào chùa. Để họ mời trà xong, Vương Nhân nói:

- Nếu không có việc, thì tôi cũng chẳng tới đây làm gì. Tôi được lệnh của quan huyện, mời sư phụ Cửu Hoàng đến huyện lập đàn cầu phúc.

Sư nghe xong, cười nói:

- Xin ông ngồi chờ một chút, tôi vào thưa với hòa thượng trụ trì, rồi sẽ ra thưa lại với ông.

Nói xong người sư ấy đi vào, đến một phòng bí mật. Hòa thượng Cửu Hoàng đang chén chú chén anh với mười hai tên cướp, bỗng ngẩng đầu hỏi chú tiểu:

- Sao không ở ngoài canh cửa? Mà vào đây làm gì?

Chú tiểu nói lại lời Vương Nhân với Cửu Hoàng. Cửu Hoàng có phần bực bội, không vui nói:

- Mà bảo với nó là lát nữa ta ra gặp.

Chú tiểu vâng lời, ra khỏi phòng bí mật, gặp Vương Nhân nói:

- Sư phụ tôi sắp ra đây.

Gã ác tăng nghe sai nha tới mời mình, nhìn bọn cướp nói:

- Các vị trại chủ, theo tôi nghĩ, ThiBất Toàn sai người tới mời không biết là có ý tốt hay ý xấu. Chúng ta phải bàn xem, thì mới bảo toàn vô sự. Hơn nữa, nghe nói, lão ta có nhiều mưu ma chước quỷ, là con cáo lừa dối. Sợ rằng tới công đường sẽ bất lợi.

Thấy hỏi thế, bọn cướp nói:

- Tuy là những việc các ông làm rất ghê, song chúng tôi cho rằng có to gan đến mấy, chúng cũng không dám đụng tới ông. Bọn quan viên văn võ ở Giang Đô có gì đáng sợ. Nếu đứt dây động rừng, chiến mã tung ra sẽ làm cỏ cả Giang Đô này. Xin ông cứ đi gặp, ngại gì. Tùy cơ ứng biến, xóc cảnh sinh tình. Nếu lập đàn tràng thì ông cứ đọc kinh niệm Phật, chúng tôi sẽ đi lại bên ngoài nghe ngóng, hẹn trước với nhau thì còn sợ kẻ nào nữa? Hơn nữa ông anh có thuật bay lên hiên, vượt qua tường. Nếu có gì bất trắc, bọn em ở đây, tất cả sẽ ào đến, giết quan cướp kho, chém hết bọn chúng, thành

này sẽ ra nước. Xong đâu đấy, chúng ta sẽ lên núi cao, quân quan làm gì nổi ta!

Tên ác tăng nghe thế rất mừng, nói:

- Các anh nói có lý. Các anh cứ ở đây, tôi đi trước xem thế nào. Nếu như chúng biết điều, cung kính thì ta sẽ nhận lời còn như kiêu căng ta đây là nha lệ, thì chúng sẽ biết tay ta.

Nói xong tên ác tăng đứng dậy, lão đảo bước ra, quát tháo:

- Đứa nào mời ta đi cúng Phật? Ông Cừu này không cần tiền.

Thấy Cừu Hoàng hung ác, Vương Nhân nghĩ bụng: "Đúng như hai người nói, ta phải thận trọng mới được".

Vương Nhân thấy thế hỏi chú tiểu:

- Đây là sư trụ trì của chú ư?

- Vâng! - Chú tiểu đáp.

Vương Nhân thấy bức, vội tới chỗ ác tăng. Cừu Hoàng mắt lim dim, mùi rượu sặc sụa. Vương Nhân nhanh trí đến bên Cừu Hoàng vui vẻ hỏi:

- Xin kính chào đại sư phụ! Đại sư phụ có khỏe không?

Tuy uống nhiều rượu, nhưng Cừu Hoàng vẫn tỉnh táo, thấy sai nha chào mình, hần mở mắt ra, đáp:

- Khỏe, còn người thế nào?

Vương Nhân chửi thầm: "Một thằng côn đồ giở thói lưu manh. Thật đáng ghét". - Rồi lại nghĩ.- "Phải kìm nén, vì mình đến cầu nó, không được tỏ ra tức giận". Đành đáp:

- Con đâu xứng đáng được ngài hỏi thăm.

Gã ác tăng liếc mắt nhìn, nói:

- Anh là sai nha của huyện ư?

- Vâng ạ - Vương Nhân đáp. - Con được ngài quan huyện sai đến mời ngài tới huyện lập đàn tràng cầu phúc. Cho nên con mới dám tới làm phiền quý chùa.

Nghe nói thế, gã ác tăng không vui, nói:

- Anh bạn, anh ghê thật? Anh coi thường ta quá. Ta thiếu gì tiền, cần gì đến tiền đi cúng. Hãy về nói với ông lớn của anh, ta không đi.

Thấy thế Vương Nhân lo lắng. Làm thế nào bây giờ, thôi thì cứ chịu nhún

với hăn xem sao. Bổng ác tăng cười nhạt nói:

- Vô lý! Trong huyện Giang Đô, ngoài ông Cửu Hoàng này ra, lẽ nào hòa thượng chết hết cả rồi? Không phải ông Cửu Hoàng nói khoác, ngay đến ông trời mời, ta cũng không đi, huống hồ là Thi Bất Toàn, ông ta chỉ là một người thường thôi.

Nghe thấy thế Vương Nhân vội nhún mình cười nói:

- Ông lớn! Đừng nổi nóng! Ông lớn không đi thì con chết. Con về biết nói thế nào với quan huyện con. Nếu quan lớn không thương con thì con về quan huyện sẽ đánh chết tươi! Ông lớn là đệ tử của Phật, chỗ nào mà ông lớn không mở rộng từ bi, đó chẳng phải ông lớn làm điều thiện ư? Ông lớn hãy thương cho thân phận sai nha khổ sở này. Con căn rơm, căn cỏ van xin ông hãy cứu con. Xin ông lớn hãy lên xe Phật tới huyện thì con mới sống được.

Gã ác tăng ngồi trên ghế, đang giận dữ, nghe thấy sai nha một điều ông lớn, hai điều ông lớn, nói những lời xu nịnh, gã ác tăng thấy thế mỉm cười, chửi:

- Thằng bẻm mép, mày nói khiến ta không còn cách nào khác. Được rồi! Nếu ông lớn không thương mày, thì mày khổ.

Thấy ác tăng nhận lời, Vương Nhân nói:

- Thật là một đấng cứu tinh, xin đa tạ ông lớn, xin ông lớn lên xe tới huyện. Con có người đồng sự cũng đến am Quan âm mời vị ni cô Thất Chư tới huyện, cùng lập đàn tràng, họ đã đi rồi. Ta hãy đuổi theo, rồi cùng đến huyện, quan huyện thấy tới cùng một lúc chắc là rất vui.

Gã ác tăng nghe nói cả ni cô Thất Chư cũng tới huyện thì mừng ra mặt, hăn nghĩ thầm: "Cứ ngỡ là họ chỉ mời mình ta, ai ngờ lại mời cả em Thất Chư. Nếu biết trước thì ta đã nhận lời từ lâu rồi. Ta cứ mạnh dạn đi ngại gì! Nếu Thi Bất Toàn không có ác ý, thành tâm mời ta, thì mọi chuyện sẽ bình yên vô sự. Thế rồi hăn nói:

- Anh hãy đợi ta một chút.

Gã ác tăng đi vào trong. Bọn cướp hớn hỏ đón tiếp, hỏi rõ nguyên do, rồi lại chúc luôn. Sau đó hăn vào phòng thay quần áo đẹp, bí mật giắt theo binh khí phòng thân, từ biệt bọn cướp rồi bước ra, gọi:

- Sai nha! Ta đi thôi.

Vương Nhân dạ ran, rồi cùng gã ác tăng ra khỏi chùa. Thi Công đang lặng lẽ tính kế bắt Cửu Hoàng và Thất Chư thì sai nhân bước vào quỳ xuống nói:

- Ngài Thủ phủ Trấn của thành này đã đi ngựa tới. Xin lệnh của ngài.

Thi Công thấy thế xua tay nói:

- Biết rồi.

Thi Công vội đứng dậy ra sảnh đường đón tiếp. Hai ông tay cầm tay, nói tiếng Mãn Châu. Thi Công hỏi Thủ phủ Trấn:

- Ông anh có khỏe không?

- Cám ơn ngài, tôi vẫn khỏe. - Trấn Công trả lời.

Thấy sảnh đường đông người không tiện bàn bạc, Thi Công nói:

- Các người không cần phải đi đâu, ta tiếp chuyện ngài Trấn rồi sẽ quay lại làm việc.

Tất cả mọi người đều vâng lệnh. Thi Công và Thủ Phủ vào nhà trong. Sau khi mời trà, Thi Công thấy xung quanh không có ai, nói:

- Hôm nay có ý mời ngài tới đây, phiền ngài hết sức giúp đỡ. Chỉ vì hiện nay những vụ án giết người do tên ác tăng và con ni cô dâm dăng cùng với bọn cướp gây ra chưa kết thúc. Hiện đã sai người mời Cửu Hoàng và Thất Chư tới huyện đường với lý do là đến lập đàn tràng cầu phúc, để lừa chúng tới huyện. Ngoài việc đó ra, hoàn toàn mong ngài giúp đỡ, thì đại sự mới xong được.

Thủ phủ Trấn đáp:

- Đường nhiên chúng ta phải hợp lực với nhau để bắt bọn chúng. Tôi xin cáo từ về nha môn, bí mật chuẩn bị điều khiển binh mã.

Thi Công tiễn Thủ phủ Trấn rồi trở về công đường. Ngồi trước án thư, ngẩng đầu thấy kẻ la người kéo. Người bị kéo mặt xám ngoét, áo rách toạc, cả hai đều quần nâu áo vải, dáng vẻ bình thường, trạc trên dưới bốn mươi, đến công đường, họ cùng quỳ xuống kêu van âm ỉ.

Thi Công quát:

- Các người không hiểu gì cả, đến công đường kiện cáo, vì sau còn kêu toán lên. Hãy thông thả nói ta nghe, nếu còn làm ầm lên ta phạt ngay lập tức.

Hai người thấy thế không dám kêu to. Người này nói:

- Thừa ông lớn, con là Chu Hữu Tín, ông tổ con sống ở Giang Đô. Học hành từ nhỏ, cũng biết thế nào là lễ nghĩa. Hiện con đang buôn bán để kiếm sống. Vì con đến bến đồ cất hàng, đi qua hiệu tiền đổi chín lạng tám bạc, tất cả có bốn thỏi. Chủ hàng đang cân, thì con thấy cậu con đi qua, vội vả bỏ bạc đấy đi đón cậu. Gặp cậu xong trở lại cửa hàng, thì anh ta đã giấu bạc của con đi rồi cãi xóa. Bởi thế con cáo giác, mong ngài soi xét.

Nói xong cúi rạp đầu xuống đất. Thi Công hỏi người kia:

- Người có mở hiệu tiền không?

Thấy hỏi, người kia khẩu đầu thưa:

- Con là Lưu Danh Vĩnh, vốn người Từ Châu, chuyển gia đình tới Giang Đô mở cửa hiệu tiền để sinh sống. Đã hơn mười năm nay con chưa lường gạt bất cứ ai. Con chưa thấy mặt mũi đồng bạc của Chu Hữu Tín thế nào, thế mà hăn đổ oan cho con, rồi xé rách áo con. Người bên cạnh khuyên, hăn chửi bới ầm ĩ, rồi đòi con bốn thỏi bạc, cả thảy là chín lạng tám. Con không hề biết anh ta ở đâu. Vậy xin cầu mong ngài giải quyết công bằng. Nếu không cho dân làm chủ, thì e rằng hăn sẽ giở thói điều oa mãi.

Lưu Vĩnh nói xong, hai hàng nước mắt oan khuất rơi lã chã. Thi Công nghe xong, trầm ngâm hồi lâu, nghĩ "Dân Giang Đô giỏi điều oa lừa đảo. Việc này không có chứng cứ, thì xét xử rõ ràng sao được". Ông suy đi tính lại, mới nghĩ ra một kế, rồi mỉm cười gọi:

- Chu Hữu Tín! Ta hỏi người. Trên đời này, đồng tiền liền khúc ruột, người không cần thận để mất bạc, trước hết người có tội, người còn cáo giác gì nữa?

Người ấy tức quá gào lên. Thi Công ra vẻ giận dữ quát:

- Hãy lui xuống, lát nữa hỏi tiếp.

Chu Hữu Tín vâng dạ rồi lui xuống. Thi Công gọi:

- Lưu Vĩnh ta hỏi người, quả thực người không trông thấy bạc của anh ta ư? Thực tình con không trông thấy bạc của Chu Hữu Tín. - Lưu Vĩnh nói. - Nếu như lương tâm con mờ ám thì cho trời chu đất diệt.

- Người không trông thấy tiền thì thôi. : Thi Công gọi. - Nay ta bảo người, nếu người không nghe, ta sẽ xử tội nặng. - Rồi Thi Công lại nói. - Người hãy lại đây nghe ta nói.

Lưu Vĩnh đứng dậy đến bên cạnh bàn quan ngời. Vừa quỳ xuống, Thi Công vẫy tay, Lưu Vĩnh lập tức đứng vào bên cạnh. Thi Công cầm bút sơn, nói:

- Lưu Vĩnh đưa tay đây.

Lưu Vĩnh đặt tay lên bàn, Thi Công viết chữ "bạc", rồi đặt bút xuống, mỉm cười:

- Lưu Vĩnh nghe cho rõ: người hãy tới ban công quỳ quay ra ngoài, ngời im không được nghiêng ngó, chỉ nhìn vào chữ "bạc" trong tay. Nếu lau đi tí nào thì không những bắt người phải bồi thường, mà còn phải phạt nặng.

Một lát sau, thấy người nha lại giải vợ Lưu Vĩnh hiệu buôn tiền đến quỳ trước công đường. Thi Công thấy người đàn bà này thanh nhã, không thô tục, bèn nói:

- Chồng người còn thiếu mấy lạng bạc tiền công quỹ, anh ta bảo chị mang tới giao trả khoản nợ này. Có hay không, hãy nói mau.

Người đàn bà thấy hỏi thế, thưa:

- Ngài nói sai rồi! Phàm việc gì cũng đều do chủ, chồng con thiếu tiền thì lý ra phải đòi chồng con, chứ con làm gì có bạc mà trả. Con là gái khuê các, con nhà lành, sống thanh bạch, cứ sao lại cho gọi con, giờ mặt lên huyện gặp quan, khiến cho người đòi chê cười. Người biết, nói là do chồng mà bị liên lụy. Người không biết, bảo con làm bại hoại gia phong. Chỉ sợ những người hàng xóm nói những lời bất nhã. Ngài là một quan huyện, là cha mẹ dân, làm quan không ngay thẳng mà lại rất hồ đồ, nhận tước lộc ban mà không làm được việc.

Thi Công thấy người đàn bà nói có lý, cảm thấy vui mừng, không nổi giận mà mỉm cười nói:

- Người đàn bà kia đừng có nói càn, người ta thường nói, làm bề tôi phải trung, làm con phải hiếu, quan thanh liêm thì nha lại phải nghiêm, trên có pháp luật, thì triều đình mới ổn định. Người đừng kêu bừa, tất cả mọi việc đều có quỷ thần chứng giám. Người hãy chờ chút nữa sẽ biết rõ, kẻ xấu xa, trời sẽ không dung thứ.

Nói xong, Thi Công gọi:

- Sai nha tới ngay ta nói nhỏ.

Rồi lại bảo:

- Người đàn bà kia, không cần phải nổi nóng nữa. Người hãy nhìn ra ngoài ban công. Vì chồng người còn thiếu bạc chưa giao, ta phạt quỳ tại đó. Chờ ta hỏi hẵn trước mặt người, người nghe hẵn nói xem có bạc không, người đừng trách ta.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 6 (C)

Nghe xong người đàn bà ấy quay ra, quả thấy chồng đang quỳ ngoài ban công, cúi đầu không biết đang nhìn gì trong tay. Thấy vậy người đàn bà rất buồn.

Thi Công bảo sai nha:

- Người ra đứng trước cửa, hỏi thật to xem Lưu Vĩnh có bạc hay không?

Sai nha ra cửa, cất tiếng gọi to:

- Lưu Vĩnh, quan lớn hỏi người, còn bạc hay không?

Lưu Vĩnh cứ tưởng hỏi chữ "bạc" trên tay, đáp to:

- Còn bạc.

Sai nha vào bẩm:

- Thưa ông lớn, vừa giờ Lưu Vĩnh trả lời là còn bạc, không dám động tới.

Thi Công hỏi:

- Người đàn bà kia, người có nghe thấy chồng người trả lời: còn bạc vẫn chưa dám động tới, cho nên hẳn bảo ta phải lệnh cho người tới. Ta nghĩ rằng ở nhà người nhất định có bạc. Người không chịu nói thực, ta cũng không cần truy hỏi. Người đã không nghĩ tới tình vợ chồng thì bản huyện cũng không thương dân, sẽ dùng hình phạt nặng nề để truy hỏi chồng người, người đừng có trách ta.

Vừa nói, quan huyện vừa nhìn. Thấy người đàn bà này có phần khiếp sợ.

Thi Công lấy hết sức đập bàn đến rầm một cái, nghe văng cả tai, quát:

- Hãy mang kẹp loại lớn ra đây.

Bọn sai nha dạ ran, rồi chạy đi khệ nệ khiêng cùm, tới đặt trước công đường. Mang cùm đến cốt để dọa người đàn bà, Thi Công vẫn không cho cùm, mà lại quay sang nói với người thư lại đứng bên cạnh rằng:

- Các người theo hầu ta, các người biết ta dùng hình phạt nặng như thế nào rồi, phải mặt sắt, không chút thương tình. Ta chỉ thương những người buôn bán, vất vả kiếm được ít tiền nuôi vợ con. Nay nếu Lưu Vĩnh vào nha môn

nhận bồi thường cho khách thì mọi việc sẽ dễ dàng, mà lại thể hiện đức tốt của ta. Ngờ đâu người đàn bà này đã không hiểu đạo lý, lại còn oán trách ta. Thị không nghĩ tới tình cảm vợ chồng, ta bắt đắ dĩ phải dùng hình phạt. Người thư lại ấy hiểu được dụng ý của quan huyện, trả lời rằng:

- Ông lớn rất sáng suốt. Phải dùng hình phạt nặng mới khuất phục được dân tâm.

Thi Công lại nhìn sắc mặt của người đàn bà, thấy bộ mặt phấn son ấy cúi gằm xuống. Thi Công lại đập bàn rầm rầm, bảo sai nha bắt đầu cùm kẹp chồng chị. Thị sợ, mặt tái mét, khấu đầu lia lịa, nói:

- Xin quan lớn đừng cùm, con xin khai thực.

Thi Công mỉm cười, chỉ vào mặt thị nói:

- Hãy mau khai ra, nếu đúng ta sẽ không cùm kẹp chồng người.

Người đàn bà nói:

- Ở nhà có một gói bạc, chồng con bảo cất đi, con không biết là bao nhiêu, chồng con dặn không được phép nói với ai. Vừa rồi ngài truy hỏi, con không dám nói ra số bạc ấy. Ngài vừa hỏi, chồng con bảo còn bạc không động tới, con mới dám khai thật. Xin ngài rộng lòng thương, con xin tình nguyện nộp số tiền ấy cho quan, khẩn thiết mong quan lớn miễn hình phạt.

Nghe xong, Thi Công cười ha hả, truyền lệnh đưa Lưu Vĩnh vào xét hỏi.

Lính hầu vội ra cửa công đường gọi:

- Lưu Vĩnh vào công đường cùng đối chất với vợ.

Nghe thấy Lưu Vĩnh rảo bước đi vào, tới nơi nhìn thấy vợ, bất chợt giật mình, biết rằng việc giấu bạc đã bại lộ, mặt hấn tái nhợt, quỳ xuống. Thi Công quát hỏi:

- Lưu Vĩnh, "bạc" có động tới gì không?

Thấy Thi Công hỏi, Lưu Vĩnh giơ tay lên, nói:

- "Bạc" vẫn còn.

Thi Công gật đầu, nói:

- Còn bạc là được rồi.

Còn Lưu Vĩnh nói với vợ:

- Sao bà không ở nhà, lại tới đây làm gì?

Ngô thị thấy chồng bức tức hỏi, thị mắng:

- Đồ vô lương tâm, ông còn mặt mũi nào mà hỏi tôi như thế! Tôi hỏi ông, ông là đàn ông, nợ công khoản, là chủ sự, trả hay không là do ông, sao lại nói với quan lệnh cho đàn bà tới xuất đầu lộ diện. Ông phải biết rằng, tôi còn mặt mũi nào mà gặp bạn bè. Hãy về lấy ngay tiền mà ông đưa cho tôi - tôi để ở chiếc va li da gác lên trần nhà, tới giao nộp khoản tiền công quỹ mong ngài tha đánh.

Ngô thị nói thế khiến Lưu Vĩnh sững người, trợn tròn mắt, cứng họng không sao nói được. Ngừng một lát, chẳng biết vì sao, Ngô thị lại giục:

- Sao không về ngay mà lấy đi, lẽ nào cứ ngồi ngây ra đây mà trả được nợ à! Thấy thế Lưu Vĩnh chửi toáng lên:

- Bà là con ngu xuẩn, ai bảo bà lắm lời!

Thấy việc của hần đã bại lộ, Thi Công nổi giận quát:

- Vợ chồng người còn cãi nhau nữa ư. Ta sẽ vả vỡ mồm các người.

Lưu Vĩnh, Ngô thị sợ quá, cúi đầu không dám nói nữa.

Thi Công nổi giận quát:

- Lưu Vĩnh, người đã giấu số bạc của ông ấy, người là kẻ lừa dối. Song không ngờ, lẽ trời sáng tỏ, quỷ thần giám sát. Mày là kẻ đáng chết. Con người ta sống trong khoảng trời đất, phải trung hiếu tiết nghĩa, biết liêm sỉ, giữ niềm tin, kẻ trượng phu phải răn dạy vợ con, phải biết giữ mình, buôn bán giao dịch, phải công bằng, không lừa dối bất cứ ai, luôn ngay thẳng thì thần linh sẽ phù hộ độ trì, buôn bán mới phát đạt. Tâm địa hại người vừa nảy sinh, thần Phật đều biết cả, các ngài im lặng mà biết rất rõ. Chu Hữu Tín vừa đổ bạc, người muốn giấu đi, trời không dung tha. Lôi đến cửa quan, người còn dám quanh co. Tang chứng không có, nếu ta không sáng suốt thì sao mà xử được vụ án này. Người chỉ biết gian dối, chứ người không biết ta phán đoán sự việc như thần thánh. Mới dùng một kế nhỏ người đã mắc tròng. Lẽ ra ta phải xử tội nặng, song quan thấy người ngu muội, phạt người năm lạng bạc cho người tự sửa lỗi lầm. Nếu còn điêu oa thì ta sẽ xử người nặng hơn.

Thi Công lại nói với Điêu thị:

- Là đàn bà người dám oán trách ta, này hãy nghe ta nói đây: chồng người không phải nợ công quỹ, mà hần đã đánh cắp bạc của người đổi bạc. Vì

truy hỏi, chồng người không chịu nhận, ta phải nghĩ ra mưu kế truyền lệnh gọi người đến. Đầu tiên người oán trách quan huyện không nên gọi người tới đối chất, nay việc đã bại lộ, còn nói năng gì nữa không? Vì sao đàn bà mà cũng vô lương tâm, ám hại người. Ta nghĩ người cũng là đàn bà, nên ta không phạt người.

Ngô thị nghe quan nói, khấu đầu, vô cùng cảm ơn quan huyện.

Đứng bên cạnh Ngô Vĩnh sợ quá, mặt tái xanh tái xuất, khấu đầu nói:

- Bẩm quan lớn, con xin nguyện nộp phạt.

Thi Công thấy thế cười ha hả, nói:

- Hãy lôi Lưu Vĩnh ra, đánh cho hằn mười lăm gậy.

Thấy chồng bị đánh, Ngô thị lòng đau như cắt, không sao chịu nổi. Thi Công cho gọi Chu Tín vào, nói:

- Người đánh mất số bạc là do sơ ý. Đồng tiền liền khúc ruột. Dù nói chuyện với cậu thì cũng phải thu lấy bạc. Nếu như bị bọn trộm xung quanh lấy đi thì khó lấy lại. May mà Lưu Vĩnh lừa dối lấy đi, đến nỗi cãi nhau, rồi đưa cửa quan. Nếu ta không tìm ra, người sẽ trách móc ta là không sáng suốt, rồi sẽ bàn tán những lời bất nhã. Bây giờ thì bạc đã lấy lại, nhưng phải nói, người cũng có lỗi trong việc này. Ta định phạt người về thói lơ đãng, nhưng ta tha cho người. Từ nay phạm làm việc gì người cũng phải cẩn thận.

Chu Hữu Tín khấu đầu tạ ơn. Thi Công lại nói với Lưu Vĩnh:

- Lưu Vĩnh, người lương tâm mờ ám, ta đánh người, lại phạt nặng. Số tiền ấy nhập vào công quỹ, cứu tế người nghèo để người thấy đó mà sửa chữa lỗi lầm, và cũng chứng tỏ rằng, ngoài phép vua, còn có quỷ thần chứng giám.

Thi Công làm việc danh chánh ngôn thuận, không những Lưu Vĩnh cảm ơn, mà tất cả mọi người đều tâm phục khẩu phục. Thi Công cho người cùng đến hiệu đổi tiền, lấy bạc về giao cho Chu Hữu Tín, và lấy năm lạng bạc nhập vào công quỹ. Rồi quan huyện lại hỏi hai người rằng:

- Lời ta nói có đúng không?

- Dạ rất đúng ạ. - Hai người đáp.

- Đã biết thế thì ta tha cho cả hai người. - Thi Công nói.

Mọi người tạ ơn quan huyện. Sai nha lại cùng Lưu Vĩnh ra khỏi nha môn. Thi Công sắp rời khỏi công đường, lại thấy có hai người từ cửa ngách bước tới hiên. Một người gánh đôi hòm cắt tóc đặt trước hiên rồi bước vào công đường quỳ xuống, ngược lên quan nói:

- Con đã giải Đồng Lục tới.

- Hãy gọi người đàn bà kia vào đây ta hỏi. - Thi Công nói.

Sai nha tuân lệnh bước ra khỏi công đường. Thi Công nhìn xuống, chú ý sắc mặt Đồng Lục, da thô nháp, mắt to, mũi cao, râu đuôi én, trạc trên dưới bốn mươi tuổi, mặt dữ tợn, hằm hằm giận dữ. Thi Công nhìn xong, hiểu ra ngay, hỏi:

- Người tên gì? Hãy nói mau.

Thấy hỏi, người ấy cúi đầu nói:

- Thưa ngài, con là Đồng Lục, là con thứ sáu, đời đời sống tại Giang Châu. Con sống bằng nghề cắt tóc. Không biết vì sao quan lệnh cho con đến nha môn.

Thi Công nghe xong nói:

- Vợ người tố cáo người.

Thấy thế Đồng Lục giật thót mình, bèn thưa:

- Thưa ngài, vợ con là Phùng thị, mắc chứng bệnh điên đã hơn nửa năm nay. Không biết vì sao bà ấy lại kiện con, cúi mong ngài gọi bà ấy đến đây đối chất, xem bà ấy kiện con về cái gì!

Thi Công nói:

- Việc thị kiện người, ta đã nghĩ từ lâu, nếu là vô lý thì: một là, thị lừa dối trời, mất hết luân thường đạo lý; hai là, thị mắc chứng điên. Bởi thế ta mới cho gọi người tới đây đối chất xem thật giả thế nào.

Rồi Thi Công cho lính hầu khiêng cùm đến, sau đó giải Phùng thị vào quỳ một bên. Thấy vợ, Đồng Lục quát:

- Con đàn bà ngu xuẩn, có bệnh thì ở nhà mà chữa trị mới phải. Vì sao lại lên huyện cáo giác?

Phùng thị thấy chồng nói thế, tức run người, chửi:

- Sao trời không giết chết người đi? Người vẫn còn nói những điều điên rồ như thế ư? Hãy thôi đi, giờ đây người là kẻ thù của ta.

Thi Công thấy thế quát thét:

- Các người không được chửi càn. Trước hết ta cho Phùng thị nói. Người mà cãi ta vả vỡ mồm.

Phùng thị khẩu đầu thưa:

- Thưa ngài, nỗi oan ức của con đến gỗ đá nghe thấy cũng phải động lòng thương. Con đời đời sống ở Giang Đô, cha mẹ đều mất sớm, chị dâu gả con cho Quách Ngộ Bằng. Chồng con mở cửa hàng bán quần áo, vốn ham mê rượu chè. Là người thật thà hiền lành, chồng con đã giao du với tên bất nghĩa Đồng Lục này. Hắn là người sống bừa bãi. Khi chồng con còn sống, dẫn hắn về, thân thiết như người nhà. Ai ngờ tên này mặt người dạ thú, hắn để ý đến con, rồi ngấm ngầm toan tính kế bất lương. Từ đó trở đi họ uống rượu với nhau suốt ngày, không uống rượu với thức nhắm mà uống rượu với gừng. Không đầy mấy tháng sau, chồng con đổ bệnh, người sưng húp ho ra máu rồi chết. Thật khổ cho con, không có chú bác, anh em. Đang lúc trời nóng nực, thi thể chồng con vẫn còn nằm đó, con không biết làm sao, đành phải bước đi bước nữa, bán thân lấy mấy lạng bạc lo ma chay cho chồng. Đáng giận là, đang lúc tang gia bối rối, con không nghĩ ra, mà cũng chẳng còn lòng dạ đâu mà nghĩ, nên con đành phải nhắm mắt, đưa chân. Đi qua mấy chục nhà, rồi đến nhà hắn, thấy hắn mới biết là mình lấy Đồng Lục.

Phùng thị lại nói tiếp:

- Con đã bằng lòng, càng khó mà hối tiếc được, tiền con bán mình cho người ta đã tiêu rồi. Con đành phải ngậm oan, sống cho qua ngày đoạn tháng. Mấy mươi năm nay con sinh được hai đứa con. Ai ngờ lười trời lồng lộng, thừa mà không để lọt việc báo ứng quả không sai. Hôm kia đứa ác ấy uống rượu say về, không biết thần xui quỷ khiến thế nào, nó đã thông thốc nói ra hết. Nó nói rằng: vì muốn chiếm con, nên nó đã dùng mưu kế, cho chồng con uống rượu với gừng làm nát phổi, không ai biết được. Chỉ trong vòng một trăm ngày đã giết chết chồng mày, chắc mày cũng không biết được, tình xưa nghĩa cũ mày có thương nó không. Nói xong nó ngủ thiếp đi. Nghe nói thế, con vô cùng đau đớn và căm giận. Con nghe người ta sinh ra trên đời này, đàn ông phải trung hiếu, đàn bà phải trinh tiết. Kẻ không

biết nghĩa lý liên sĩ thì khác nào chó lợn. Hiện con đang trong dinh của ngài lẽ nào vì liên quan đến con cái mà cứ để cho nước chảy bèo trôi. Nếu như vì tình con cái máu mủ thì không thể minh oan cho chồng được. Nay may mắn con báo được thù, con có nhắm mắt xuôi tay xuống dưới cửu tuyền cũng không ân hận. Con với thằng khốn nạn ấy, ân ái biến thành cừ thù Con chỉ có một nguyện vọng là mình minh oan cho chồng, thì dù bị dao đâm thành muôn vạn mảnh con cũng vui lòng.

Nghe Phùng thị nói, ai ai cũng xót thương. Đồng Lục bên cạnh vừa nghe thấy thế, cuống lên, bất chấp cả luật pháp, hăn phòng mang trợn má chửi Ngô thị:

- Con đâm phụ nói càn. Đúng là nó điên rồi! ăn mặc chưa vừa ý mày thì mày cũng phải chịu vậy, tại sao trước mặt ngài mày dám nói bừa. Mày không nghĩ rằng thằng Đồng Lục này đã kéo cho mày bao nhiêu vòng, có phải là việc dễ đâu? Mày là con đàn bà chua ngoa, điên khùng. Mày kiện tao có chứng cứ gì không? May mà được ông lớn khoan dung, không trách mắng mày, để cho mày nói bậy.

Phùng thị giận tím mặt, chửi:

- Đồ chết giẫm, mày còn dám cãi bướng! Quỷ thần đã bắt mày tự nói ra, mày cho chồng tao uống rượu với gừng cho nát phổi, mày mưu hại chồng tao. Trước mặt quan mày vẫn không chịu nhận.

- Mày là con đâm ác chua ngoa! - Đồng Lục chửi. - Chồng mày chết không có tiền chôn, mày van xin tao lấy mày. Có mỗi lá cưới xin hăn hoi, sinh con đẻ cái, sống với nhau mấy chục năm nay. Vì cơm ăn, áo mặc không đủ, mày mắc chứng điên, giả thành ma quỷ kiện cáo, đổ cho tao giết chồng mày để lấy mày. Có chứng cứ gì về việc tao hại chồng mày không? Hơn nữa mày biết tao là kẻ thù sao trước đây không đi kiện. Tao hỏi mày, vì sao mày lấy tao, rồi lại kiện tao?

Phùng thị giận run lên, không sao nói được. Thi Công đã hiểu, cố ý chau mày, quát mắng:

- Mày là con mụ chua ngoa, điên khùng! Mày không có lý gì để kiện chồng. Không biết thế nào là tam tòng tứ đức. Đã biết chồng chết oan, sao không minh oan từ sớm? Mày đã lấy người ta, rồi lại trở thành kẻ thù,

chẳng phải mày đã đồng mưu hãm hại chồng sao? Sống với nhau đã mấy chục năm, nay lại đi kiện chồng! Ta cho rằng người chồng mới không làm vừa lòng mày, nên mày đi kiện. Người xưa nói: "Trái tim người đàn bà độc ác đỏ như mào hạc!".

Thế rồi ông bảo người hầu mang dụng cụ tra tấn ra, nói:

- Ta phải cho con đàn bà điêu oa này một trận, tha thứ cho mày thì sợ mày không hối cải, lại làm hại người khác. - Thi Công càng nói càng phẫn nộ, rồi hạ lệnh:

- Các người đâu, hãy lôi con đàn bà độc ác này ra ngoài, đánh cho nó một trận.

Lính hầu dạ ran, rồi như quạ vỗ gà con, họ hăm hăm lôi người đàn bà ra ngoài, mang theo hàng loạt dụng cụ tra tấn. Phùng thị sợ run như cây sậy, cuống cuống chết lạng đi, rồi sau đó gào lên, giọng khản đặc:

- Oan con quá! Oan con quá!

Bọn lính hầu dẫn người đàn bà ấy sang phòng bên. Một lát sau, người đàn bà ấy kêu gào thảm thiết như bị tra tấn. Trước khi gọi Đồng Lục, Thi Công đã dặn lính hầu đưa Phùng thị vào phòng bên, không được tra tấn, nhưng bảo Phùng thị cứ kêu rên như bị tra tấn. Lính hầu lại giả vờ làm cho dụng cụ tra tấn kêu loảng xoảng y như tra tấn thật. Tên ác nhân không biết, nghe thấy vợ kêu ran, đau xót không sao cầm lòng được. Hắn quỳ xuống rồi tiến lên nửa bước, nói:

- Bẩm quan lớn, cho phép con được thưa: vợ con có bệnh, xin ngài đừng phạt, để lại cho vợ con mười ngón tay, để may và kiếm sống. Con thấy phạt thế vợ con biết được lỗi lầm là được rồi.

Nghe xong Thi Công quát:

- Mày là thằng to gan, tao vả mồm mày bây giờ. Triều đình lập ra nha môn, dùng lý để dạy dân, vợ chồng người đến đây cãi nhau lộn bậy, ta không giải quyết được việc nhà của người ư? Các người đâu, hãy mau sang phòng bên tra tấn vợ nó thật nặng cho ta.

Lính hầu lại dạ ran, chạy sang phòng bên hò hét, rồi sau đó nghe thấy tiếng dụng cụ tra tấn kêu loảng xoảng, tiếng quát thét và tiếng kêu van thảm thiết

của Phùng thị.

Thi Công lén nhìn, thấy Đồng Lục cứ quay ra ngoài nhìn, dáng vẻ vô cùng thương xót. Thi Công nói:

- Đồng Lục, người đừng thương tiếc con đàn bà độc ác ấy, cứ mặc nó chịu tra tấn, để sau này nó phải sợ, không dám đi kiện nữa. Bây giờ ta hỏi người: trước đây người có vợ không? Lấy Phùng thị được mấy năm rồi? Hiện có mấy đứa con? Cứ nói thật, ta sẽ ra ân cho người.

Tên ác nhân thấy thế, nói:

- Xin ngài cho con nói, cha mẹ con đều qua đời, không có anh em ruột. Học nghề cắt tóc kiếm ăn, rồi kết bạn với anh thợ may Hách Tài Phùng, nhà anh rất khá giả. Con đi lại chơi bời như người trong nhà, thân thiết như ruột thịt. Về sau chẳng may anh mắc bệnh chết. Vợ anh không có con cái, không anh em, một thân một mình, không có tiền chôn cất, thật đáng thương. Đáng mừng là Phùng thị là người hiền lành, tốt bụng, bán mình đi bước nữa lấy tiền chôn cất chồng. Song người mỗi nhắc đến tên con, thấy con chưa có vợ, nói rằng: "Bạn bè chẳng qua cũng là nghĩa khí, thôi thì nhất cử lưỡng tiện. Con nghĩ rằng anh Hách chết đi, cần tiền mai táng mà chị Phùng thị cũng có chỗ dựa. Người chết được yên ổn dưới tuổi vàng, mà người sống cũng có chỗ dựa suốt đời". Hôm ấy con mang trà, rượu sính lễ đến. Lúc ấy con đau buồn, nửa tỉnh, nửa mê, không kịp nghĩ ra. Vừa được bảy ngày, đã thúc giục cô ấy về với con. Nay nghĩ tới anh Hách, con cảm thấy xấu hổ vô cùng. May mà vợ chồng hòa hợp, con đã lên bảy tuổi. Không ngờ vợ con điên cuồng, mê loạn kiện lên quan. Điều con nói đó là sự thực. Con tha thiết cầu mong ngài tha cho vợ con. Con rất cảm ơn ngài.

Anh ta khẩu đầu lia lịa. Thi Công cười nhạt nói:

- Đồng Lục, nghĩ đến tình bạn bè, lại lấy vợ có mối mang đàn hoàng, thì vì sao phải hối hận. Việc này trên đời thường thấy. Ta hỏi người, Hách Ngô Bằng mắc bệnh gì mà chết?

Thấy quan hỏi thế, Đồng Lục hồn xiêu phách lạc, bất giác trả lời:

- Thưa ngài, anh ấy có bệnh gì đâu, chỉ uống rượu mà chết thôi.

Thi Công cố ý cười ha hả, nói:

- Sao? Uống rượu mà chết được ư? - Thi Công hỏi tiếp. - Người có uống

rượu không?

Tên ác nhân thấy thế tưởng là quan lớn khen, bèn đáp:

- Con cũng biết uống rượu.

- Không biết tử lượng của người thế nào, uống được bao nhiêu? Uống nhiều có hại không?

- Con không giấu gì ngài, con cũng uống được tới mấy cân. - Tên ác nhân nói.

- Thế thì uống còn thua ta. - Thi Công nói. - Ngoài giờ làm việc, về phòng ta chỉ uống rượu làm vui. Ta có một thói xấu, thích nhất là dựa vào uống rượu để nhắm thức ăn, mà thích nhất là nhắm với gừng, nghĩ rằng nó có tính nóng vì có chất lửa.

Thấy thế tên ác nhân kêu lên:

- Bẩm quan lớn! Đừng có nhắm với gừng, rất độc.

Đó chính là oan hồn quả báo, oan hồn đã làm cho hấn rối loạn. Thi Công nghe hấn đã nói hé thấy mấy nguyên nhân, bèn nảy ra ý nghĩ, cố ý hỏi:

- Ta không hiểu vì sao không thể ăn gừng và uống rượu cùng một lúc được? Nếu người giải thích rõ ràng, biết được cái hại của nó thì ta sẽ không dùng nữa.

Thấy hỏi thế, tên ác nhân sợ run như cây sậy, cứng họng không dám nói.

Thi Công thấy vậy cười lạnh lùng mắng:

- Mày không khai, buộc ta phải tra tấn truy hỏi.

Rồi ông cho gọi Phùng thị tới đối chất. Lính hầu dạ ran. Thi Công lại hỏi tại sao gừng và rượu không được ăn uống cùng một lúc. Tên ác nhân không dám khai, cứ đứng ngây người ra, mặt tái nhợt. Thi Công đã biết rõ, cười ha hả. Thấy lính hầu đã dẫn Phùng thị quay ra, quỳ trước mặt. Thi Công nói:

- Phùng thị, người hãy nói lại thật tỉ mỉ về cái chết của chồng mình. - Thi Công hỏi.

Phùng thị lại kể tỉ mỉ về cái chết của chồng mình. Thi Công hỏi:

- Đồng Lục, người đã nghe rõ chưa? Chẳng trách nào vừa nói không được nhắm rượu với gừng, người đã chột dạ. Người phải khai ra việc người làm người ta nát phổi, người là thằng đáng chết, hãy khai ngay thì khỏi tra tấn.

Thấy hỏi như thế, tên ác nhân cứ cúi đầu vái lia lịa, nước mắt chảy ròng

ròng, không biết làm thế nào khác được. Hãn nói:

- Con làm nghề, con không dám làm liều. Con lấy Phùng thị, có cưới xin tử tế, và cô ta cũng bằng lòng theo con. Nay cô ta kiện con là vô căn cứ. Nếu như dùng rượu và gừng làm nát phổi, để giết chết chồng cô thì tại sao trước đây cô không kiện. Ngậm miệng mấy chục năm trời, nay bỗng dưng kêu oan, nhưng chẳng có chứng cứ gì. Cô ta mắc bệnh điên nên cô đi kiện.

Thi Công thét lên, cho đến lúc này mà vẫn còn lắp liếm, chính mày đã nói nhảm rượu với gừng chết người. Trước đây khi Hách Ngộ Bằng còn sống, sáng sáng khi còn lòng không mày cũng cùng với Hách Ngộ Bằng uống rượu với gừng. Trong *Bàn thảo* còn ghi "phương thuốc dùng lục trầm bát để chống lại chất độc làm nát phổi khi uống rượu với gừng". Chắc rằng mày không hiểu được được tính. Theo ta nghĩ, tất phải có kẻ chủ mưu, ta phải hỏi rõ sự thật rồi mới luận tội.

Sau đó ông gọi lính hầu mang dụng cụ tra tấn tới. Tất cả vâng lệnh, lôi Đồng Lục ngã sấp ngã dúi rồi kẹp vào hai chân. Tên ác nhân kêu cha kêu mẹ, hồn xiêu phách lạc. Lính hầu dội nước lạnh vào mặt, hãn mới tỉnh lại, kêu van thảm thiết. Thi Công hỏi:

- Nó có khai không?

- Nó không khai. - Lính hầu trả lời.

- Phùng thị, chồng người không khai. - Thi Công hỏi. - Nếu như người không khai thực thì ta tử hình người.

- Con không kiện bừa. - Phùng thị nói. - Nếu con sai con xin chịu chết.

Thấy vậy Thi Công quát:

- Hãy tiếp tục kẹp hãn cho ta.

Tên ác nhân nghe thấy sợ hết vía, vội kêu lên:

- Con xin khai, con xin khai ạ.

Thi Công nói;

- Tường mày gan sắt, không sợ phép quan.

Thi Công bảo tháo kẹp ra, lôi Đồng Lục vào. Hãn quỳ xuống, khai rõ từ đầu chí cuối. Hãn đã kết bạn với Hách Ngộ Bằng, rồi thấy vợ Hách đẹp, hãn rắp tâm chiếm đoạt. Hãn dùng rượu với gừng giết chết Hách Ngộ Bằng để lấy Phùng thị... Thi Công nghe xong hỏi:

- Phương thuốc độc người dùng lấy ở đâu? Kẻ nào chủ mưu, hãy khai ngay thì khỏi phải tra tấn.

Bọn lính hầu quát:

- Khai mau, nếu chậm, các ông sẽ dùng cực hình.

Tên ác nhân khiếp sợ kêu lên:

- Thưa ngài, con xin khai người truyền phương thuốc ấy. Vì con thấy gái đẹp mà mê muội, suốt ngày cứ như kẻ mất hồn, mẹ nuôi con thấy thế hỏi tại sao buồn rầu như thế? Con đã nói thực với mẹ con, bởi thế bà đã mách thang thuốc này cho con. Không ngờ, lúc con say đã lỡ lời nói với vợ Hách Ngộ Bằng. Con đáng chết, xin cầu mong ngài tha cho con.

Tên ác nhân đã khai ra sự thật, rồi hăn cúi xuống nhìn Phùng thị nói:

- Người đã kiện ta, người thử nghĩ xem. Ta với người đã sinh con đẻ cái, sống với nhau bao nhiêu năm rồi. Ván đã đóng thuyền, chuyện đã xong. Ta dù có chết cũng không dứt ra được!

Phùng thị nghe xong tức run lên, chỉ vào mặt Đồng Lục mắng:

- Đồ lang sói mất hết tính người. Trước mặt ông lớn mày còn dám nói càn. Trước đây chồng tao bị mày lôi kéo, nếu không thì làm gì xảy ra chuyện này. Nay nhờ quan lớn sáng suốt phán xét như thần thánh. Đó chính là trời báo oán. Người say rượu lỡ mồm tiết lộ cơ mưu, còn nói gì đến tình nghĩa vợ chồng nữa. Chúng ta đã đến lúc tận số rồi. - Phùng thị uất ức nói. - Người đáng chết!

Nói xong Phùng thị xông vào căn, đánh túi bụi vào người Đồng Lục, rồi chạy ra đập đầu vào cột hiên chết. Thi Công khen:

- Quả là một người đàn bà trinh tiết, đức hạnh.

Ông dùng dùng nổi giận quát mắng:

- Đồng Lục, người đáng tội chết. Người cùng với Vương Bà mưu giết người. Ta hỏi người. Mẹ nuôi mày ở đâu, nói mau!

Tên ác nhân nghĩ, nếu không nói thì sẽ bị tra tấn, rồi hăn khai:

- Thưa ngài, Vương Bà ở phía nam miếu Quan Đế, Đông Nhai. Trước cửa có treo tấm biển "Đờ đẻ".

Thi Công lập tức sai người bắt Vương Bà. Vương Bà tới quỳ trước công đường. Thấy Phùng thị đã tắt thở, lại thấy Đồng Lục bị tra tấn, bà vô cùng

sợ hãi. Tên ác nhân vừa thấy Vương Bà, hấn reo lên:

- Cám ơn mẹ, phương thuốc mẹ bảo rất hiệu nghiệm!

Thi Công nghe thấy, quát:

- Nếu còn lằm lờn ta sẽ vả vào mồm ngươi.

- Vương Bà! - ông quát tiếp. - Con nuôi ngươi đã khai ngươi đã truyền cho nó phương thuốc giết Hách Ngộ Bằng để chiếm Phùng thị. Có đúng thể không? Khai ra ngay thì khỏi phải chịu hình phạt.

- Con không làm việc ấy. - Vương Bà nói.

- Con mẹ này không kẹp thì nó không khai. - Thi Công nói.

Bọn lính hầu vâng lệnh, kẹp Vương bà. Vương Bà đau đớn không chịu nổi, kêu lên:

- Thừa quan lớn, đừng kẹp nữa, con xin khai.

- Hãy tháo kẹp ra! Nói mau!

- Bẩm quan lớn, - Vương Bà nói. - Khi chồng con còn sống, làm nghề thuốc nên con biết được phương thuốc này. Song con không dám nói với ai, xin quan lớn thương tình.

Nghe xong Thi Công bảo không tra khảo nữa. Lính hầu vâng lệnh tháo kẹp ra. Thi Công lấy bút ghi vào bản án: "Vương Bà trước đây thông dâm với Đồng Lục. Sau đó lại truyền phương thuốc độc cho Đồng Lục đầu độc Hách Ngộ Bằng để chiếm Phùng thị. Cháy nhà ra mặt chuột. Phùng thị tự tử. Theo luật, Vương Bà phải treo cổ, đến mùa thu sẽ hành quyết. Đồng Lục mưu gian, đầu độc Hách Ngộ Bằng để lấy Phùng thị, theo luật phải thẳng tay trừng trị". Phán quyết xong, bảo mang đóng dấu. Đồng Lục, Vương Bà bị tống vào nhà giam. Sau đó Thi Công cho gọi người nhà mẹ đẻ của Phùng thị mang thi thể về. Đúng lúc ấy có năm lạng bạc phạt của Lưu Vĩnh, Thi Công cho để mua quan tài chôn cất Phùng thị. Cho phép người nhà bán gia sản của Đồng Lục để nuôi dưỡng con hấn. Tất cả lạy tạ Thi Công rồi ra khỏi công đường. Ai ai cũng khen Thi Công là người tài giỏi. Thi Công bảo thư lại lập biên bản trình lên cấp trên.

Vừa xử xong, lại thấy Vương Nhân và Từ Mậu bước vào, quỳ trước công đường thưa rằng:

- Thưa ngài, hai chúng con đã mời Cửu Hoàng và Thất Chư tới, đang chờ

ngoài cửa.

Thi Công nói:

- Hãy cho họ vào!

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 6 (D)

Hai người vâng lệnh đi ra, dẫn Cửu Hoàng và Thất Chư Vào. Thi Công thấy Cửu Hoàng đầu hổ, mắt thao láo, mặt đen như cột nhà cháy, râu dài khoảng bảy tấc, tuổi trạc tứ tuần; Thất Chư da trắng nõn nà, môi đỏ, răng trắng, dáng dẻ tha thướt, tuổi trạc ngoài hai mươi. Họ đứng trước công đường nhưng không quỳ. Vái chào, cười nói:

- Thưa ngài, ngài gọi chúng tôi có việc gì?

Thi Công thấy chúng, máu sôi lên song đã kịp thời kìm nén lại, mỉm cười nói:

- Kính mời hai vị, ta thành kính muốn hai vị cùng mười ba vị tăng ni đọc kinh sám hối. Rước đèn, phá ngục, lấy nước, rải cầu, đốt pháo hoa, bố thí... các thứ như cờ, quạt, tàn lọng, dựng rạp ta sẽ cho sắm sửa và chuẩn bị. Mũ áo của tăng ni... tất cả đều phải mới tinh. Hương nến và đồ ăn chay xin phiền hai vị lo giúp. Sáng sớm mai thiết đàn trong ba ngày. Cần phải chi dùng bao nhiêu bạc?

Nghe Thi Công nói xong, Cửu Hoàng nói:

- Thưa quan lớn, được quan lớn sai bảo tiểu tăng không dám từ nan.

Dâm ni tươi cười nói:

- Cũng như ngài Cửu Hoàng nói, tiểu ni sẽ hết lòng.

- Thưa ngài, - Cửu Hoàng nói, - sáng mai đã lập đàn, chúng con cần một ít tiền mời khách, xong việc sẽ thanh toán.

Thi Công gọi Thi An lấy bạc giao cho họ, tăng ni rời khỏi nha môn. Mỗi người mời thêm mười ba người, chuẩn bị hành lễ tất cả các thứ phải chuẩn bị đầy đủ.

Khi tăng ni nhận tiền đi ra, Thi Công sai người gửi giấy ngay cho Thủ phủ, bí mật sai quân lính bắt tên sư hung ác và tên ni cô dâm đẳng. Trước nha môn dựng lễ đài và bắt rạp. Sau đó ngầm dặn các ban trong nha môn phải thực hiện thế nào. Dặn dò xong, Thi Công lại thấy Hồ Đăng Cử vào huyện

đường, tay cầm tờ trình cúi chào. Thi Công nhận đơn, nói:

- Xin ông cứ yên tâm, bản huyện tuy chưa bắt được, song hiện đã điều tra ra tung tích. Chỉ một sớm một chiều là kết thúc vụ án.

Hồ Đăng Cử cúi chào Thi Công, rồi rời khỏi nha môn. Sau đó đã thấy hai người quỳ hai bên dâng đơn kêu oan. Thi Công hỏi:

- Các người có việc gì, không cần phải như thế, hãy nói ta nghe.

Một người nói:

- Con tên Hải Triều, sống ở đây từ lâu: Đêm qua ngẫu nhiên gặp chuyện chẳng lành, bọn cướp vào lấy hết đồ đạc, lại cướp mất cả con gái con. Cháu sắp cưới, con không biết làm thế nào bây giờ. Mong ông lớn gia ân, cử người bắt bọn cướp để giải nỗi hận cho con.

Nghe xong Thi Công vô cùng kinh ngạc. Ông lại hỏi:

- Anh này có việc gì?

- Con là Lý Thiên Thành. - Người ấy đáp. - Buôn bán theo đường Nam-bắc. Đêm qua nơi giáp giới, bị bọn cướp chặn đường, cướp hàng hóa. Xin mong ngài cho người bắt ngay bọn cướp.

Nghe nói thế Thi Công biết ngay là do hòa thượng Cửu Hoàng và mười hai tên cướp gây ra. Thi Công nói:

- Các người hãy để đơn lại đây, ta sẽ giải quyết.

Hai người vâng theo rồi ra khỏi công đường. Thi Công rời khỏi công đường, mọi người xôn xao bàn tán.

Tên hòa thượng độc ác và ni cô dâm dăng nhận bạc trở về chùa, Cửu Hoàng nói với mười hai tên đàn em:

- Ngày mai lập đàn tại huyện đường, ta đã nhận lời. Còn việc lành dữ thế nào các em phải bàn bạc đối phó.

Thi Công rời khỏi công đường. Ngồi trong thư phòng buồn rầu nghĩ ngợi: "Bọn hào bá ở Giang Đô phải bắt cho bằng hết. Những vụ án giết người thường xuyên xảy ra, có những vụ không có đầu mối. Ngoài bọn ni cô ở am Quan âm và bọn ác tăng tại chùa Liên Hoa còn có mười hai tên cướp đường. Muốn bắt bọn hung đồ, trước hết phải nghĩ kế bắt bọn cướp đầu sỏ, sau đó mới bắt bọn tay chân".

Thi Công suy nghĩ rất lung, chợt thấy trống đã điểm canh ba, lúc đó ông

mới cởi áo đi ngủ. Sáng hôm sau ông dậy sớm, rửa mặt, mặc áo, rồi bảo Thi An ra ngoài chuẩn bị chu đáo chờ tăng ni lập đàn. Thi Công phải đi lễ Phật.

Hòa thượng Cửu Hoàng chuẩn bị sẵn tượng Phật đưa tới huyện đường bày trong rạp. Theo sau tên ác tăng có mười hai sư cùng lên huyện hành lễ. Thất Chư cũng mang theo các đồ tế khí tới huyện. Bày biện xong xuôi, giăng đèn kết hoa. Bên cạnh lầu trống, dựng một lầu cao. Một lát sau các tăng ni lục đục kéo đến. Tất cả vào phòng khách uống nước. Tiếp đó Thủ phủ Trấn Công tới cổng huyện đường, xuống ngựa. Lính hầu vào báo, Thi Công ra tận cổng nghinh tiếp. Hai ông đều mặc lễ phục, đội mũ, đi hia. Thi Công tới rạp dành riêng cho sư nam, chào hỏi chủ đàn; Thủ phủ tới tận rạp dành riêng cho ni cô chào hỏi chủ đàn. Cửu Hoàng và Thất Chư giấu binh khí trong người để phòng bất trắc. Hai ông vào rạp lễ Phật, Cửu Hoàng chú ý lén nhìn, không thấy có nhiều người đi theo. Hai tên gian ác thấy thế đều cho rằng các ông thành tâm, chúng đứng dậy cả. Thi Công mỉm cười nhìn Cửu Hoàng nói:

- Xin mời hòa thượng ngồi, tất cả mọi người không cần phải đáp lễ.

Các tăng ni đều nói:

- Đâu dám thế.

Rồi đứng cả dậy chấp tay trước ngực. Thi Công đáp lễ xong, quay ra mỉm cười nói:

- Xin phép các vị.

Hai ông trở về sảnh đường ngồi nói chuyện phiếm. Các sư và ni cô gõ ba hồi chuông trống, thắp nhang, niệm Phật, sau đó chuẩn bị tế khí, rồi gọi mang trà tới. Dâng trà xong, cầm càn phan, chấp sự, rước ra khỏi nha môn, đi qua bốn phố, tất cả thiện nam tín nữ lần lượt theo sau, đám rước đông nghịt, chiêm trống vang trời dậy đất. Đám tăng ni về tới nha môn, xếp gọn tế khí một chỗ tới trai phòng dùng cơm chay. Hai ông mời họ vào rạp, rồi dẫn dò những người hầu bê thức ăn ra, và liên tục thay đổi món ăn. Mọi người bụng bê tất bật. Bọn tăng ni chú ý theo dõi hai ông, không thấy có ý gì khác, thế rồi họ rất yên tâm ăn uống. ăn uống xong họ tới rạp cúng Phật

dùng trà.

Dùng trà xong, rước nước cúng thần, đến tối mới lập đàn cúng chúng sinh, bố thí đồ cúng, mãi tới canh ba mới tan. Tăng ni trở về chùa, sáng hôm sau lại tới huyện. Bọn ác tăng không thấy động tĩnh gì, hoàn toàn yên tâm. Bố thí đồ cúng xong, chúng lại trở về chùa.

Thi Công bảo Thi An:

- Hãy tới chùa Liên Hoa ở Cửa Bắc, bí mật gọi Anh Công Nhiên và Trương Tử Nhân về huyện. Có việc mật cần đến họ.

ThiAn vâng lệnh ra khỏi nha môn, thẳng mấy chốc hai người đã về tới huyện. Thi An vào thư phòng thưa với Thi Công. Hai sai nha vào quỳ lạy. Thi Công mỉm cười nói:

- Hãy đứng dậy, nghe ta dặn.

Hai người đứng dậy, Thi Công nói:

- Các người ở trong chùa thấy thế nào?

Hai người thưa:

- Bẩm quan mười hai tên cướp và sư sãi trong chùa theo chúng con thì chúng có nhiều mảnh lới và thủ đoạn. Tất cả bọn chúng đều võ nghệ cao cường.

Thi Công thấy thế nói:

- Không cần các người phải khuếch khoác. Ta đã biết rõ võ nghệ của các người cũng không xoàng. Bây giờ có một việc cần các người làm, nếu người khác làm sẽ hỏng việc. Mười hai tên cướp ở chùa Liên Hoa, nhờ hai người nghĩ cách bắt chúng. Nếu để chạy thoát đứa nào thì người nhà các người phải vào Tù. Hẹn trong đêm nay các anh phải bắt chúng về đây.

Hai người nghe xong run bắn, họ quỳ xuống lạy, nói:

- Bọn cướp quả thực rất ghê, chúng cười ngạo và sử dụng đao kiếm rất lão luyện. Xin quan lớn cử nhiều người tới.

Nghe xong Thi Công dùng dùng nổi giận, nói:

- Tài năng của các anh ta đã biết rõ. Yêu cầu vào canh ba đêm nay các anh đến chùa bắt mười hai tên cướp và hai chú tiểu về đây. Nếu sai hẹn ta sẽ trị tội.

Hai người không dám nói thêm gì nữa, vâng dạ ra khỏi phòng.

Vừa sáng dậy, những hòa thượng đã tới nha môn tụng kinh niệm Phật. Không thấy có động tĩnh gì, và cũng không đề phòng gì cả. Tên ác tăng và con ni cô dâm đảng không mang binh khí phòng thân. Niệm kinh xong, chúng vào phòng ăn chay. Ăn chay xong chúng trở lại rạp, chuẩn bị bố thí đồ cúng.

Thủ phủ, Huyện Công nói tiếng Mãn Châu vạch định kế hoạch, tối nay sẽ bắt bọn tăng ni. Tối đến, vào lúc lên đèn, tăng ni đều tới địa điểm hành lễ. Trên chính giữa lễ đài là Cửu Hoàng, xung quanh là các tăng ni đọc kinh họa theo. Thi Công ngồi sau Cửu Hoàng, hai người ngồi hầu ông hai ba ngày nay, lễ bố thí chúng sinh cũng thế, cho nên bọn tăng ni không hề để ý tới.

Hôm ấy Trấn Công ngầm chọn những tay hảo hán, bên ngoài mặc áo dài, bên trong mặc áo chèn, giấu binh khí trong người, ngồi quanh Thi Công, chuẩn bị bắt tên ác tăng. Bên dưới là hai hàng hòa thượng và ni cô. Tiếp đó là các đồ tế khí. Trấn Công cũng làm đúng như Thi Công, chuyên ngồi sau Thất Chư, trên lễ đài cũng có hai người hầu. Chỉ chờ bên Thi Công hành động, thì bên này cũng ra tay. Trong ngoài đã phục sẵn, chờ hiệu lệnh là xông vào tóm gọn.

Hai sai nha vừa tới chùa, hai chú tiểu trông thấy cười nói:

- Hai ông anh nghèo, các anh không quét điện thờ Phật, mà lại đi đâu về thế?

- Chú không biết à! - Công Nhiên nói. - Hôm qua nghe thấy ngài họ Ngô ở trong thành về nhà mới, định đi kiểm bữa, ngờ đâu chỉ được bát cháo loãng. Chú tiểu cười hả hê, nói:

- Các anh không may, chúng tôi đem thức ăn cho các anh mà không thấy, thôi đến tối hãy ăn, bây giờ nhờ các anh lên quét trên lầu.

Hai người sai dịch nghe theo, rất may đang cần thăm dò tình hình bọn cướp. Nên cầm ngay chổi và chiếc hốt rác lên quét lầu. Trời tối dần, đèn nến đã thắp. Mười hai tên cướp đang tụ tập trên lầu uống rượu với nhau.

Chúng chơi trò phạt rượu, tới canh ba tất cả bọn chúng, đứa nào nào cũng uống vài ba chén. Vì chúng chờ Cửu Hoàng về rồi uống tiếp, để bàn nhau đi cướp. Hai sai nha thừa cơ hội bỏ thuốc mê vào chén. Sau đó lừa hai chú

tiểu đi lấy rượu và thức nhắm, dùng ảo thuật trói chặt hai chú tiểu rồi nhét bông vào mồm.

Hai sai nha gõ cửa, rồi tới nhà bếp. Bọn sư đều ham rượu, thấy hai người nói:

- Hai anh nghèo, các anh hãy lấy luôn cho chúng ta, xin cảm ơn.

Anh Công Nhiên và Trương Tử Nhân, nói:

- Vâng ạ.

Họ ra khỏi bếp rồi đi xuống, vẫn nghe thấy bên trên còn tiếng cười, biết là thuốc mê chưa ngấm. Hai người cảm thấy lo lắng: "Đến giờ mà người của huyện vẫn chưa tới ứng cứu, làm thế nào đây?".

Tại lễ cúng chúng sinh, Cửu Hoàng kéo dài giọng đọc, ê a đọc từng chữ rất to. Dưới lễ đài, các hòa thượng đánh trống gõ mõ họa theo. Tay hấn gỗ, nhưng mắt cứ liếc nhìn ni cô. Vào canh ba, Thi Công thấy phục binh rất đông, tất cả đã sẵn sàng chờ lệnh là hành động. Thi Công thấy thế rất đặc ý, ngằm đưa mắt ra hiệu. Những võ sĩ hiểu ý, chờ thời cơ là ra tay. Sau đó ông liếc mắt đưa hiệu cho những trai tráng, binh lính, sai dịch. Các võ sĩ không dám chần chừ, đều bước tới sau lưng tên ác tăng, ôm chặt lấy Cửu Hoàng, vật hấn xuống. Tất cả dùng gậy gộc, tay thước đập túi bụi vào người Cửu Hoàng. Bị trói chặt, hấn không sao cử động được. Bên kia, Trấn Công thấy mọi người hành động, cũng ra tay. Thất Chư vừa bố thí lễ vật, đang lúc ồn ào, bỗng nghe thấy tiếng cười. Ni cô chợt dạ, thì Thủ phủ đã đứng lên như một con hổ đói, ôm chặt lấy Thất Chư. Thất Chư ra sức giãy giụa, làm ông ngã lăn xuống đất. Hai võ sĩ chồm tới, dùng gậy sắc đánh vào vai. Thất Chư tay không, bị đánh tối tăm mặt mũi, ngã soài xuống đất. Trấn Công bò dậy nói:

- Ghê thật, con ni cô dâm đảng này rất khỏe.

Thế rồi ông gọi lính lại. Lúc ấy Thủ phủ mới an tâm. Dâm ni cô ra sức gào thét, Thủ phủ sai lính vả vào mồm, ni cô không dám kêu gào nữa. Những tăng ni khác không dám ho he.

Hai ông dẫn lính, mở cửa Bắc thành, đốt đuốc sáng rực như ban ngày, đến thẳng chùa Liên Hoa. Hai người sai nha ở chùa Liên Hoa chờ sốt ruột, thấy đèn đuốc sáng rực, biết rằng quân lính trong thành đã tới, họ nói:

- Ta phải ra đón ngay!

Hai người chạy vội ra, quỳ trước mặt Thi Công. Thi Công cuộc nói:

- Các anh làm thế nào rồi?

Hai người kể lại những việc đã làm. Thi Công rất hài lòng, nói:

- Anh Trấn, tôi và anh giữ chặt ngoài cửa chùa, để hai người dẫn quân vào bắt bọn cướp và trói tất cả sư còn lại giải lên huyện.

Thủ phủ nghe theo, sau đó báo Công Nhiên và Tử Nhân:

- Các người hãy dẫn năm mươi người lính vào chùa, trói toàn bộ bọn cướp và sư lại giải về thành, ta sẽ trọng thưởng các người.

Hai người dẫn quân ập vào, tới thẳng lầu Ngọc Hoàng. Mười hai tên cướp uống phải thuốc mê đều bị bắt. Họ lại dẫn mọi người tới bếp, thấy sư say rượu đang nằm nghiêng ngả, họ trói cả lại. Hai người ra báo lại với Thi Công và Thủ phủ mọi việc giao cho đã xong. Hai ông xuống ngựa vào chùa ngồi trước hiên. Đèn đuốc sáng rực như ban ngày. Thi Công nói:

- Hãy dẫn bọn cướp và hòa thượng tới đây ta hỏi.

- Bọn chúng còn mê chưa tỉnh. - Công Nhiên nói. - Chỉ có hai chú tiểu là còn tỉnh.

- Hãy đưa chúng tới đây. - Thi Công nói.

Hai người vào phòng, lấy giẻ trong miệng hai chú tiểu ra, cởi thừng trói chân, dẫn tới trước mặt Thi Công. Thi Công chỉ vào mặt họ quát:

- Các người không được nói bừa! Cửu Hoàng đã bị bắt, nếu không khai thực ta sẽ giết chết.

Thấy Cửu Hoàng và Thất Chư bị bắt, biết đã nguy, chúng nói:

- Thưa ngài, ngài đừng tra tấn, chúng con xin khai thực.

Thế rồi chúng khai vì sao trước đây phải đi tu, đi làm điều độc ác và gian dân như thế nào. Và chúng kể lại chuyện, có hai vợ chồng vào tránh mưa ở hiên chùa, họ dụ vào chùa, dùng gậy đánh chết chồng, rồi nuôi người vợ để hành dân. Hiện nay thi thể người chồng vẫn còn chôn trong chùa...

Thi Công nghe xong, nói:

- Người đàn bà ấy vẫn còn, sai dịch hãy đi gọi tới đây.

Chẳng mấy chốc người đàn bà đến. Thấy thân hình tiều tụy, Thi Công hỏi:

- Người ở đâu, vợ chồng đi đâu mà qua đây?

Người đàn bà kêu:

- Thừa quan lớn, chồng con là Dương Tiễn Bảo, bị hòa thượng giết, con thì bị bắt ở lại chùa.

- Tại sao không đi kiện cho chồng người? - Thi Công hỏi.

- Vì sao chồng chết lại theo sư?

- Họ khóa con trong phòng. - Người đàn bà nói. - Con không sao trốn được.

- Cũng phải bảo toàn khí tiết. - Thi Công nói. - Sao lại chịu sống như thế mà không chú ý đến đại nghĩa? Ta không tiện hỏi tỉ mỉ về duyên cớ.

- Con sống tại đường La Văn. - Người đàn bà nói. - Tên là La Phượng Anh. Chồng con buôn bán bị thua lỗ, không biết dựa vào ai. Nhân có ông bác cả sống ở đường Chữ Thập tại Giang Đô, con và chồng con tới đó nhờ vả qua ngày. Không ngờ tới đây thì trời đổ mưa. Gặp ngay bọn ác tăng vô cớ dùng gậy đánh chết, rồi bắt con ở đây để chúng hành dâm. Con không còn cách nào khác, mong sao mây đen tan đi, con được thấy mặt trời, con sẽ minh oan cho chồng con. Đem xác chồng con về chôn cất, thì con có về nơi chín suối mới nhắm mắt được.

Nghe xong Thi Công vô cùng thương xót. Trời lúc ấy cũng đã sáng, Thi Công bảo:

- Người hãy đứng dậy theo ta vào thành, sẽ được xét xử công minh.

Thi Công cho giải mười hai tên cướp này đi, rồi để một số lính lại coi chùa. Nói xong, hai ông rời chùa, lên ngựa vào thành. Người hai bên đường đông nghịt, xôn xao bàn tán.

Lại có hai người đàn ông và một người đàn bà, ngăn ngựa quỳ xuống thưa:

- Chúng con vô cùng oan uổng!

Hai ông dừng ngựa, thấy người đàn bà trạc ba mươi tuổi. Tóc vẫn như nàng tiên, mặt trái xoan, da dẻ hồng hào. Thắt đáy lưng ong, mềm mại như liễu rủ, mặc áo xanh quần màu lam, tay đeo ba chiếc xuyên vàng, mắt bồ câu mơ màng. Hai người đàn ông, một người tướng mạo hung ác, áo mũ chỉnh tề; một người mắt lác, mặc áo vải thô, tất trắng, giày mũi nhọn, mồm há, mắt mở trừng trừng, mặt tái mét. Thi Công nhìn khắp lượt nói:

- Các người đều là người đi kiện à?

Tên hung ác nói trước:

- Vâng... ạ.

Bỗng nhiên lại có một người kêu oan, kiện Thổ thần. Người này ăn mặc bình thường. Thi Công bảo:

- Hãy dẫn tất cả về huyện phán xét.

Lính hầu tuân lệnh, khóa tất cả lại. Hai ông lên ngựa về nha môn, tới hiên họ xuống ngựa, lập tức vào công đường. Trấn Công ngồi bên cạnh Thi Công, quân lính xếp hàng bên dưới.

Thấy có hai người vào lối cửa ngách kêu van:

- Thưa ngài con tới kêu oan.

Thi Công thấy người vào kiện vận toàn quần áo lụa là. Người thanh tú, tuổi trạc ngoài bốn mươi, dáng người hiền lành. Xem xong Thi Công nói:

- Có việc gì lạ? Hãy khai rõ họ tên.

- Con là Vương Tự Thần. - Người ấy nói. - Ở tại Đông Quan. Cha mẹ đều đã mất, chỉ có vợ. Con làm nghề cầm đồ, nhà đối diện nhà con là am ni cô Đại Tạng, nữ ni cô tu tại đó. Tối qua con về nhà hơi muộn, lúc ấy khoảng canh ba, trăng vẫn còn sáng. Khi về nhà gõ cửa, bỗng con thấy trên cổng am, treo hai đầu người, một nam, một nữ. Con sợ chẳng còn hồn vía gì cả, vội vào ngay nhà khóa cổng lại. Đến khi trời sáng con không dám giấu. Sáng nay nữ tăng trong am là Lão Ni lại đến dọa con, không được báo quan.

Thi Công thấy thế nghĩ thầm, tại sao những chuyện quái lạ đều xảy ra ở nơi đây. Chỉ có làm như thế... mới được. Thế rồi ông bảo sai nha cùng với Vương Tự Thần đi gọi ni cô trụ trì tới.

Thi Công lại bảo sai nha tới, gọi ngay người cáo giác là Hải Triều tới nghe phán xử, và báo cho Lý Liên Thành và Hồ Đăng Cử - người đã báo về vụ giết người tới nghe phán xét. Sau đó Thi Công cho gọi tên ác tăng tới xét hỏi. Tới công đường, tên ác tăng này không quỳ. Thi Công nổi giận quát:

- Tên ác tăng kia, hãy khai mau.

Cửu Hoàng quát to:

- Bần tăng là đệ tử của Đức Phật Như Lai, cẩn thận giữ gìn phép tu hành. Ngài mời ta đến mở hội cầu phúc, tại sao lại bắt ta. Pháp luật của Đại Thanh rất nghiêm minh, ngài căn cứ vào đâu mà bắt?

Thấy hấn tỏ ra bất bình, ông đập bàn quát:

- Ta sẽ cho người đối chất.

Thế rồi ông gọi hai chú tiểu quỳ trước công đường, Cửu Hoàng trông thấy chửi:

- Con lừa trọc đầu tới đây làm gì?

Chú tiểu nói:

- Người phạm tội rồi, người hãy mau khai ra thì khỏi phải tra tấn.

- Người là tên hung ác, bản quan đã biết hết cả rồi.

Thi Công bảo đưa tên ác tăng xuống dưới và giải những hòa thượng chùa Liên Hoa tới. Lính hầu dạ ran, đưa bọn này tới quỳ trước công đường. Thi Công cười nói:

- Các người hãy khai thực, ta sẽ tha thứ.

Bọn hòa thượng cúi đầu nói:

- Xin ngài cứ hỏi Cửu Hoàng thì sẽ rõ những vụ án giết người.

Thi Công cho người đưa họ xuống dưới và giải mười hai tên cướp lên. Chúng quỳ trước công đường, mặt mũi đứa nào trông cũng hung ác dữ tợn. Lúc ấy chúng đã tỉnh và biết mình đã bị bắt.

Thi Công nói:

- Ta có lời cần bàn với các người. Hiện nay Cửu Hoàng và Thất Chư đã bị bắt. Ta rất thương người, các người hãy khai thực, nếu che giấu cho Cửu Hoàng và Thất Chư, tức là hại mình. Không những người nhà mình chịu tội mà tính mạng của mình rồi sẽ ra sao. Các người hãy nghĩ cho kĩ.

Nghe thấy Thi Công nói thế, bọn cướp rất cảm động. Chúng đều nói:

- Thừa quan lớn, chúng con không dám không khai, quan lớn dạy rất đúng. Xin quan lớn cho gọi Cửu Hoàng tới cùng chúng con đối chất để thấy rõ trắng đen. Cúi xin quan lớn tha chết.

Thi Công nghe xong, nói:

- Lát nữa sẽ gọi tên ác tăng tới, các người hãy khai rõ họ tên, rồi sẽ cho gọi Cửu Hoàng.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 6 (E)

Nghe xong bọn cướp đều khai rõ họ tên: Quách Nghĩa, Triệu Lục, Ngô Lão Tử, Trương Bát, Chu Cửu, Lưu Ngũ, Vương Kiều Bát, Vương Tam Hoán, Đỗ Lão Thúc, Triệu Nhân, Hồ Thất.

Thi Công bảo thư lại ghi rõ họ tên, rồi sai người dẫn chúng đi nơi khác, không cho Cửu Hoàng gặp mặt. Sau đó lại cho gọi người kiện Thổ thần. Anh ta lập tức quỳ trước công đường. Thi Công hỏi:

- Có phải người kiện Thổ thần không?

- Vâng, chính con ạ! - Người ấy đáp.

- Hãy khai rõ sự thực. - Thi Công nói.

- Bẩm quan lớn. - Người ấy thưa. - Con không biết làm thế đành liều mạng kiện Thổ thần. Con sống tại thôn Đào Hoa, ngoài huyện thành. Tên là Lý Chí Thuận, vợ là Vương thị người cùng thôn. Vợ chồng lấy nhau từ thời còn trẻ. Cha mẹ đều đã qua đời, lại không có anh em con cái. Vì nhà nghèo, không còn cách nào đành phải ra ngoài làm ăn. Con tay trắng tới nhà một người thân, người này có cửa hàng bán thuốc, con học buôn bán. Ba năm vất vả, góp được năm sáu chục lạng bạc. Thương người vợ không nơi nương tựa, con đành xin về, đóng giả người ăn mày. Hôm ấy về nhà muốn thử lòng vợ, con vào miếu Thổ thần, thấy quanh mình không có ai, con giấu bạc trong lư hương, giao cho miếu Thổ thần của làng con giữ hộ. Thấy vợ con vẫn chịu khó chịu khổ, giữ tròn trinh tiết, con vô cùng kính trọng. Hôm sau con tới miếu lấy bạc, thì ôi thôi, bạc đã không cánh mà bay. Con không còn cách nào khác, tới đây kiện Thổ thần. Cúi mong ngài phán xử.

Thấy thế Thi Công mỉm cười, tất cả mọi người cũng cười theo. Thi Công hỏi:

- Lý Chí Thuận! Người giao bạc cho Thổ thần, tuy không ai nhìn thấy, song thần là tượng đất, sao tới đây kiện liều, đáng đánh đòn. Bây giờ ta cho phép người về, ngày mai tới hầu tại miếu. Ta sẽ đến hỏi Thổ thần.

Lý Chí Thuận cúi lạy rồi bước ra.

Thi Công gọi hai người đàn ông và một người đàn bà đưa đơn kiện tới xét hỏi. Họ quỳ trước công đường. Thi Công hỏi:

- Các người kiện về việc gì? Hãy nói mau, không được bịa đặt. Các người phải biết rằng, phép quan như sấm sét.

Một người cao to nói:

- Thừa quan lớn, con là Chu Thuận ngụ tại gần cầu, cách thành năm dặm. Cha mẹ vẫn còn sống, con không có anh em. Người đàn bà này là vợ con. Thậ là người hiền lành, nghèo nhưng rất trong sạch. Nhà con xưa nay vẫn luôn luôn làm ăn lương thiện, song tai họa bỗng dưng ập đến. Đó là tên cầm họ Võ, không có quê quán, vì thương hẩm nghèo khổ nên giữ lại để làm người sai bảo trong nhà. Ai ngờ cho hẩm ăn no mặc lành hẩm lại thay lòng đổi dạ. Hẩm quả là tên lang sói, nhận bừa vợ con là vợ hẩm, rồi hẩm cầm gậy cầm dao liều mạng với con. Con chẳng biết làm sao đành cùng với vợ con lên huyện dâng đơn kiện. Cúi xin quan lớn phân xử để con được minh oan.

Anh cầm đứng bên cạnh cứ gào lên, hai mắt mở trừng trừng, nước mắt trút xuống như mưa. Nói không được, anh cầm cuống lên, dấm ngực, vò đầu bứt tai, chẳng kể gì đến phép tắc, cứ kêu á á rầm lên như một người điên. Cả công trường đều không nhin được cười.

Thi Công nhìn xuống nói:

- Người không cần phải lo lắng. Người và Chu Thuận hãy ra ngoài, chút nữa sẽ kết án.

Thi Công nghĩ cách hỏi người đàn bà rằng:

- Ta hỏi người, ta nghĩ rằng vợ chồng người có lòng thương người. Anh cầm vốn là người thật thà, người và Chu Thuận thương anh ta nghèo khổ, giữ lại nhà để sai bảo, điều ấy có thật. Song đáng tức là nó không sợ pháp luật, sinh lòng gian dối, nhận người là vợ hẩm. Ta cũng cảm phần hẩm lòng lang dạ sói, phải đánh cho hẩm một trận, rồi đuổi hẩm ra ngoài biên cảnh để vợ chồng người khỏi phải khổ vì hẩm, đó là lý. Song ta cũng hỏi thật người, rốt cuộc người là vợ anh cầm hay là vợ của Chu Thuận? Hãy khai ra mau!

Người đàn bà đáp:

- Con là vợ Chu Thuận.

- Ta nghĩ rằng, - Thi Công nói, - người vốn không có quan hệ thân thích với anh câm này, thì tại sao lại gọi vào nhà cho ở mà không từ chối lẫn tránh. Chỉ cần người nói thực là ta lập tức đánh tên câm ấy chết đi, chứ quyết không để cho hắn làm loạn Giang Đô. Người hãy nói mau!

Thi Công vờ nói thế, người đàn bà tưởng thật, nói ngay:

- Con không dám nói dối. Người câm ấy là anh con, con là em gái của anh ấy. Vì chồng con cho anh ấy sống trong nhà, ai ngờ anh ấy thay lòng đổi dạ, mặt người nhưng dạ thú. Bởi thế không cách nào khác hơn mới đi kiện.

Thi Công dụ dỗ, thấy nói thực tình, ông không hề nổi giận, cho người đưa thị ra ngoài, rồi gọi Chu Thuận vào quỳ trước công đường. Thi Công mỉm cười nói:

- Chu Thuận! Ta mới tới Giang Đô nhậm chức. Ta rất ghét bọn côn đồ. Người đối xử tốt với người ta, lại trở thành thù oán. Tên câm là một kẻ côn đồ bất lương, ta phải đánh đập cùm kẹp tên này trước mọi người. Ta hỏi người, tên câm này không phải là người thân thích, thì tại sao lại giữ lại nuôi? Người lạ mặt sao lại cho ở nhà mình? Nhất định là tên câm vô lý, đã mắc tội với người, chẳng còn tình nghĩa gì nữa. Hãy nói thực với ta.

Thấy Thi Công hỏi thế, Chu Thuận rất bối rối, cuống lên, cứ ở người ra không nói được. Thấy thế, Thi Công nói:

- Chu Thuận, người đừng lo lắng, hãy nói mau!

Lính hầu bèn bày dụng cụ tra tấn, Chu Thuận thấy truy hỏi căng thẳng. Hắn vô tình nói:

- Con và tên câm cũng có chút thân tình. - Rồi hắn lại nói tiếp. - Là con cô con cậu.

Thi Công cười ha hả, nói:

- Rút cục các người là con cô con cậu.

Rồi sau đó ông bảo đưa Chu Thuận ra ngoài. Gọi anh câm tới hỏi.

Bỗng thấy hai người tới, đó là ni cô ở am Địa Tạng và Vương Tự Thần, họ quỳ trước công đường. Vương Tự Thần nói:

- Lão sư phụ, lâu nay tôi là láng giềng của ni cô, người hãy nói hai chiếc đầu treo trước cửa chùa tối qua, nay đâu rồi, người cứ nói thực đi.

Thi Công nghe nói, quát lớn:

- Tên kia! Trước công đường không được nói bừa, việc ấy đã có ta xét hỏi, người hãy ra ngoài.

Vương Tự Thần được người đưa xuống dưới. Thi Công lại hỏi ni cô:

- Ni cô, người đừng sợ, theo ta nghĩ, nếu như người giết người trong am, thì sao lại treo đầu trước cửa chùa? Hẳn là sáng sớm khi ra cửa, nhìn thấy sợ quá nên giấu đi thôi.

Nghe thấy thế, ni cô sợ run lên.

Thấy vậy Thi Công nói:

- Ni cô không phải lo lắng gì cả, chỉ cần người nói thẳng, ta sẽ có cách giải quyết.

- Thừa quan lớn, - ni cô nói. - Cha con vốn ở huyện này. Cha mẹ đều chết hết, con phải đi tu từ nhỏ, luôn luôn giữ gìn phép tắc nhà Phật. Nay tự nhiên đại họa giáng xuống, con không biết có đầu người, xin quan lớn thương cho.

Nghe ni cô nói, Thi Công cố ý mỉm cười nói:

- Ni cô, đúng là Vương Tự Thần vu cáo.

- Vương Tự Thần, - Thi Công quay sang hỏi Vương Tự Thần - Người thấy đầu người treo trước cửa am, người có báo cho ni cô trụ trì không? Tại sao ni cô lại nói không có.

- Thừa quan lớn, - Vương Tự Thần nói. - Con và ni cô xưa nay không thù không oán gì nhau, sao dám bocc lửa bỏ tay không. Xin mong ngài dùng hình phạt để tra hỏi. Nếu không có việc ấy con hoàn toàn chịu tội.

Nói xong, Vương Tự Thần cúi đầu vái lạy. Thi Công bảo kệp ni cô lại. Lính hầu xông tới kệp ni cô. Ni cô đau quá kêu cha kêu mẹ, sợ run cầm cập, nói:

- Bẩm quan lớn, con xin khai. Con mở cửa am, thấy hai cái đầu treo trước cửa, bỗng chốc sợ quá, con gọi Lão Đạo cho lão ta năm lạng bạc bảo lão vớt ra ngoài đồng. Đó là sự thực.

Thi Công thấy thế nói:

- Tên ni cô ác độc này to gan thật. Thấy đầu người thì phải khai báo chứ. Hãy tạm đưa nó xuống dưới kia.

Lính hầu vâng lệnh, đưa ni cô xuống, gọi Lão Đạo, người trong am đến đối

chất. Lão Đạo tới, quỳ xuống run cầm cập. Thi Công hỏi:

- Lão Đạo, người vất đầu chỗ nào? Hãy khai thực!

- Con năm nay bảy mươi năm tuổi, - Lão Đạo khai, - sống cô đơn, nương tựa nơi cửa am. Hôm ấy được ni cô đưa cho mấy lạng bạc, con đã gói đầu người đem đi. Sợ người ta trông thấy, con ném sang nhà bên, rồi quay về am. Đó là sự thực.

Thi Công nghe xong nói:

- Đồ ngu!

Sau đó, Thi Công bảo sai nha cùng Lão Đại đến nhà ấy đem đầu về. Nếu không thấy đầu thì bắt chủ nhà về đây. Chẳng mấy chốc, sai nha dẫn một người vào quỳ trước công đường, thưa:

- Chúng con cùng Lão Đại tới nhà ấy, đó là sân sau của cửa hàng bán hàng Quảng Đông. Chúng con hỏi họ về việc này, thì chủ cửa hàng bảo "không thấy đầu người", chúng con đã bắt chủ hiệu giải về đây. Xin ngài định đoạt.

Thi Công nghe xong hỏi Lão Đạo:

- Có đúng người vứt đầu người sang nhà người ta không?

- Bẩm quan lớn, đúng ạ! - Lão Đạo đáp.

Thi Công hỏi người chủ hiệu:

- Lão Đạo vứt đầu sang sân nhà người, người có thấy không? Hãy nói thẳng, việc này người vô can.

- Xin quan lớn cho con nói. - Người ấy cúi đầu thưa. - Cha con sống ở Sơn Tây, nay đến Giang Đô buôn bán, ba gian mặt tiền bán hàng Quảng Đông, nhà sau có năm tầng, con đã buôn bán ở đây hơn mười năm nay. Con tên là Lưu Quân Phối, năm mươi tuổi. Cửa hàng của con có hơn mười người làm công. Đâu dám vô cớ lừa dối ngài. Hơn nữa nhà con đông người, ai mà không biết, xin ngài soi xét.

Thi Công nghe xong, cho gọi một người làm công tới. Chẳng mấy chốc sai nha dẫn một người tới quỳ trước công đường. Thi Công thấy người này áo mũ hợp thời, tuổi trạc tứ tuần, ông hỏi:

- Người là người làm thuê cho Lưu Quân Phối phải không?

- Thưa vâng ạ! - Người ấy đáp.

- Lão Đạo trong am Địa Tạng nói đã vứt hai chiếc đầu vào sân sau nhà Lưu

Quân Phối, có đúng không, hãy khai mau!

- Bẩm quan lớn, cho phép con khai tử mi. Cha con người Sơn Tây, cùng quê với ông chủ con. Con tên là Vương Công Bật, bốn mươi năm tuổi, có người em họ cũng làm ở đây. Sáng hôm sau ra sân sau không thấy về, không biết là đi đâu mất tích. Đang lúc con buồn phiền, thì ngài sai người đến tìm đầu người. Con hoàn toàn không biết, xin cầu mong ngài gia ân, tìm người em họ con.

Nói xong người ấy khóc lóc thảm thiết. Thi Công nói:

- Kỳ lạ thật! Đang truy tìm đầu người, lại thấy chuyện quái lạ này.

Ông suy nghĩ hồi lâu, rồi nảy ra một kế, sao không làm... như thế, đối chiếu sự việc. Nghĩ xong, ông hỏi:

- Vương Công Bật, em họ anh ra sân sau, rồi không thấy nữa phải không?

- Thưa ngài, - Vương Công Bật nói. - Đúng thế ạ! Hôm ấy con nghe ông chủ nói: "Anh họ ra sân sau, nhảy qua tường rồi mất tích".

Thi Công nghe xong, hiểu ra, rồi bảo với Vương Công Bật rằng:

- Người hãy lui xuống dưới kia. - Rồi nói tiếp. - Hãy kẹp Lão Đạo cho ta.

Lính hầu khiêng gong lớn đến đặt trước công đường, Lão Đạo thấy thế sợ quá. Chưa kịp hoàn hồn thì lính hầu đã đẩy ông ta ngã sấp, lôi tuột giày tất ra rồi kẹp.

Thi Công quát:

- Hãy kẹp thật đau.

Lão Đạo ngất lịm, họ hắt nước vào mặt, ông ta tỉnh lại, thưa:

- Thưa ngài, đúng là con vất vào sân sau.

- Tháo kẹp ra, - Thi Công nói. - Khiêng lão ra một bên.

Rồi lại cho gọi Lưu Quân Phối, nói:

- Người nghe rõ chưa? Nếu người không khai, ta sẽ kẹp người.

- Quả thật con không thấy. - Lưu Quân Phối nói.

Thi Công dùng dùi nôi giận, bảo lính hầu kẹp rồi sẽ hỏi. Họ kẹp Lưu Quân Phối, gã ngất đi, hắt nước vào mặt, gã tỉnh lại song vẫn không khai. Thi Công sai mang đến mấy chiếc cùm. Lưu Quân Phối không chịu nổi tra tấn phải nói:

- Con xin khai.

- Phép quan như sấm sét. - Thi Công nói. - Không sợ người không khai. Hãy mau nói ra!

- Hôm ấy trời vừa tảng sáng, - Quân Phối khai, - con đau bụng đi ngoài, tới sân sau bỗng nghe tiếng động, nhìn ra thì đó là hai cái đầu đàn ông và đàn bà. Con ra ngoài sân xem, không thấy bóng người. Lúc ấy em họ của Vương Bật cũng mở cổng sân sau. Hấn cũng nhìn thấy đầu người, nhất định hấn sẽ vò tiền. Nếu không cho thì hấn sẽ đi kiện. Bởi thế con nảy ra ý định giết hấn, rồi lừa hấn tới cạnh hố. Đang lúc không phòng bị, con dùng gậy đập vào đầu hấn chết. Con đã hất hấn xuống hố, chôn cùng với hai cái đầu. Trong cửa hàng chẳng ai biết cả. Đó là sự thực.

Thi Công nghe xong, bảo người ghi khẩu cung, lập tức sai người đi khám nghiệm đầu người, đối chứng kết án. Một lát sau, sai nha trở về công đường. Thi Công thấy hai chiếc đầu người đặt trước công đường. Ông sai người gọi Đăng Cử tới. Đăng Cử vào, vừa cúi chào, thấy đầu người, nhìn kỹ thì đó là đầu cha mẹ mình. Đăng Cử ôm lấy khóc rống lên. Thi Công nói:

- Ông Hồ! Đây là đầu của cha mẹ ông ư?

- Thưa ngài, vâng ạ! - Hồ Đăng Cử đau đớn nói. - Ngài hãy bắt ngay hung thủ để minh oan cho cha mẹ tôi, tôi vô cùng cảm ơn ngài.

- Ông hãy chờ một chút. - Thi Công nói. - Ta sẽ kết án ngay.

Thi Công cho gọi hòa thượng Cửu Hoàng vào xét hỏi. Một lát sau, sai nha giải Cửu Hoàng vào, hấn ngang nhiên đứng trước công đường. Thi Công nổi giận quát:

- Tên côn đồ kia, sự việc đã bại lộ, người vẫn còn ngang ngạnh. Hãy kẹp hấn cho ta!

Sai nha dạ ran, đẩy hấn ngã sấp, mang kẹp tới kẹp. Hấn kêu lên một tiếng rồi ngất lịm. Họ hắt nước vào mặt. Hấn tỉnh dậy:

- Thưa quan lớn, con xin khai hết sự thể.

Thi Công cho gọi các chú tiểu lại đối chất. Sai nha giải hai chú tiểu tới quỳ trước công đường. Thi Công hỏi:

- Ta hỏi các người, tại sao giết vợ chồng ngài Hồ Hàn lâm lại treo đầu trước cửa am ni cô? Hãy nói mau, ta tha chết.

- Thừa ngài. - Chú tiểu nói. - Con biết rất rõ. Cửu Hoàng thường uống rượu trong chùa, chúng con thường phải đứng hầu. Hẳn thường thông dâm với Thất Chư. Ông Hồ Hàn Lâm vốn là thí chủ của chùa. Hôm ấy ông cùng phu nhân và tiểu thư tới chùa thắp nhang, thấy họ dâm loạn ông rất khó chịu, bèn giục phu nhân và tiểu thư về. Thất Chư vô cùng xấu hổ. Cửu Hoàng đi trả thù cho Thất Chư. Hôm ấy uống rượu xong hẳn nhảy qua tường ra khỏi chùa. Một lát sau xách về hai chiếc đầu lâu Thất Chư rất mừng.

- Sao Cửu Hoàng lại treo đầu trước cửa am ni cô? - Thi Công hỏi. - Hãy khai mau.

- Thừa ngài. - Chú tiểu nói. - Cửu Hoàng là con quỷ dâm dục. Hôm ấy, khi đi qua am Địa Tạng, Cửu Hoàng thấy ni cô xinh đẹp hẳn mê tít, nhưng không hành dâm được. Trở về chùa hẳn buồn bã vì đã không chiếm được ni cô, hẳn nghĩ nếu treo đầu người trước cửa am, thì ni cô này sẽ bị khát tay giải lên huyện. Nhân lúc đêm khuya, hẳn dùng phép bay lên hiên nhảy qua tường, đánh lừa hành dâm. Nếu không nghe theo sẽ dâm chết.

Nghe xong, Thi Công bảo dẫn chú tiểu xuống dưới. Rồi ông hỏi tên ác tăng Cửu Hoàng:

- Người đã nghe rõ chú tiểu nói chưa?

- Nghe rõ rồi. - Tên ác tăng nói. - Ta đã đến ngày tận số, ngài không phải hỏi nữa, ta sẽ khai.

Thi Công cho mời Hồ tướng công tới. Hồ Đăng Cử tới, đứng sang một bên. Thi Công cười nói:

- Vừa rồi đối chất với Cửu Hoàng, Thất Chư, ngài đã nghe rõ chưa?

- Tôi đã nghe thấy hết tất cả rồi. - Hồ Đăng Cử đau đớn nói. - Cúi xin ngài nghiên cứu kết án.

Thi Công nói:

- Tai họa do mình dẫn đến, nên sự việc mới xảy ra. Cha ngài nửa đời trong triều, làm quan tới chức hàn lâm. Ngài cũng từng đọc sách thánh hiền. Từ nay về sau đừng gần bọn sư sãi ni cô. Nếu cha ngài không tới am ni cô, thì làm sao xảy ra tai họa? Đúng là làm ơ nên oán, cho nên Cửu Hoàng, Thất Chư mới lòng lang dạ sói như thế. Ngài hãy mang đầu ông bà về an táng. Xin ngài hãy nén đau thương, chờ giấy báo chém đầu bọn côn đồ.

Hồ Đăng Cử nghe xong quỳ xuống lạy, nói:

- Xin đa tạ ngài đã dạy bảo, ngài đã báo thù cho kẻ học trò này, tôi xin suốt đời kết cỏ ngậm vành.

Nói xong Đăng Cử khấu đầu đứng dậy, lùi sang một bên, cởi bọc lấy đầu cha mẹ, rồi ôm vào lòng, ra khỏi nha môn.

Thi Công bất giác thở dài, rồi ông cho gọi Lưu Quân Phối đối chất với Vương Công Bật và ni cô am Địa Tạng để kết án. Trước hết ông hỏi ni cô :

- Tai họa do người gây ra, hãy nghe ta phán quyết. Thấy đầu nếu khai báo thì sao đến nỗi gây ra tai vạ để liên lụy đến nhiều người. Dùng tiền thuê Lão Đạo vút đầu, tên ngu muội hám tiền, quên hết kiếp sống cuối đời. Vút đầu người sang sân nhà người khác để gieo tai họa. Quân Phối đáng lẽ phải báo quan, song không báo. Việc ấy lại sinh ra mầm tai họa khác. Khi anh em họ Công Bật trông thấy, nảy sinh ra ý bất lương, đòi năm trăm lạng bạc. Lưu Quân Phối tiếc tiền, quần chí dùng gậy đánh chết, chôn cùng một chỗ. Lưới trời lồng lộng, thưa mà không sao lọt được.

Ông lại hỏi tiếp:

- Lão Đạo, quê người ở đâu?

- Con, người Hà Nam. - Lão Đạo nói. - Tên là Ngô Lâm. Vì nhà nghèo lưu lạc tới Giang Đô.

- Ni cô cho người năm lạng bạc có đúng không?- Thi Công hỏi.

Ngô Lâm rút bạc từ trong thắt lưng ra, đưa cho sai nha đặt lên bàn. Thi Công hỏi ni cô:

- Người đầu đầu người, làm hại người khác, phạt người mười lăm gậy.

Sau đó Thi Công gọi Vương Tự Thần nói:

- Về việc này người có công. Thưởng người năm lạng bạc của Lão Đạo.

Sau đó ông bảo giam Lão Đạo vào ngục chờ xét xử. Ông nhìn xuống dưới nói:

- Vương Công Bật, Lưu Quân Phối, các người hãy nghe ta nói đây.

- Cúi lạy ngài, - Công Bật nói. - Ngài đã báo thù cho em con.

- Ta sẽ trình hồ sơ lên cấp trên, chờ kết án. Người hãy mau chóng về mai táng em khi nào quyết án báo thù mình oan ta sẽ báo.

Nghe xong Vương Công Bật cúi đầu tạ ơn. Thi Công gọi Quân Phối nói:

- Quân Phối, nếu hôm ấy thấy đầu người, người báo ngay thì sao đến nông nỗi này! Vì người nầy ra ý định hại người, thì phải đền mạng. Ta chờ trên báo về sẽ phán quyết.

Thi Công cho sai nhân dẫn Quân Phối về cửa hàng thanh toán sổ sách, giao cho Vương Công Bật rồi giải về giam vào ngục.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 7

Hồng Nhạn Chợt Kêu Nổi Oan

Rửa Sạch Mộ Mới Vừa Lễ Hận Cũ Tiêu Tan

Thi Công, Hạ Thiên Bảo, Hoàng Thiên Bá, Vương Đông cười ngựa theo đường cái quan phi thẳng tới Tế Nam. Tới phủ Tế Nam rẽ vào thành, đến quán Kim Đình tất cả đều xuống ngựa theo Thi Công đi vào. Trong quán Kim Đình đã thấy Quan Tiểu Tây, Vương Điện Thần, ThiAn đứng đó nghênh tiếp. Chào hỏi xong, Thi Công cho người bày yến tiệc khoản đãi. Thi Công ngồi ở hàng đầu, mọi người theo thứ tự cũng ngồi vào, yến tiệc xong đêm đã khuya, tất cả đều về các phòng nghỉ ngơi.

Sáng hôm sau, Thi Công dậy rửa mặt chải đầu, rồi vội vã lên công đường. Các quan văn võ đã tới đông đủ, họ đứng xếp hàng hai bên, cúi chào Thi Công. Thi Công nhìn Tri phủ nói:

- Quý phủ có biết thuyền lương bao giờ tới Tế Nam không?
- Chỉ độ bốn năm hôm nữa sẽ tới. - Tri phủ vái lạy nói.
- Tri phủ hãy đem các vụ án đã xử và chưa xử ra đây để bản Bộ xem. - Thi Công gật đầu nói.

Tri phủ tuân lệnh, rồi bảo thư lại trình lên. Thi Công lướt nhìn, trong đó có vụ án Kim Hữu Nghĩa vô cớ giết Triệu Tam, song người chết và hung thủ chưa hề quen biết nhau, và cũng chẳng có hận thù gì nhau, hung khí cũng không tìm thấy. Kết án phải đền mạng. Xem xong, Thi Công thấy khả thi. Đang lúc trầm ngâm, bỗng thấy một con nhạn đậu dưới mái hiên kêu nháo nhác, khiến mọi người kinh ngạc.

Thi Công nghĩ: "Việc này nhất định có oan ức chi đây". Thi Công bèn rút lệnh ra, thấy tên Diêu Năng, bèn gọi:

- Diêu Năng hãy nghe ta sai bảo.

Thấy bên dưới có một người quỳ, Thi Công nói:

- Người hãy cầm lệnh đi theo con nhạn. Người phải để ý, nhạn đỗ xuống

đâu, ở đó có người thì về báo, nếu còn nấn ná thì ta sẽ trị tội.

Diêu Năng kinh sợ, quỳ xuống rồi bò lên nửa bước, cúi đầu thưa rằng:

- Thưa ông lớn, con đi bằng hai chân, làm sao mà theo kịp chim bay? Chúng bay trên không xuyên qua các đường phố ra khỏi thành, thì con lần mò sao được. Xin ông lớn rộng lòng thương, nếu như nó bay vụt đi mất, thì con biết đâu mà tìm.

Thi Công đập bàn, chỉ vào mặt quát:

- Tên này to gan thật, dám từ nan việc ta giao. Từ ngày ta nhậm chức tới nay, ta đã tìm ra các vụ án không có đầu mối tra hỏi cả Thổ thần, Thổ thần cũng phải khai, kiện ma quỷ cũng tìm ra; đá, rái cá, khỉ cũng biết đi kiện, cóc nhái và chó cũng biết kêu oan, làm Tri phủ đầu trí bắt gió lốc; tại phủ Thuận Thiên đã tìm ra vụ án nhân sâm; ở xóm La Cổ ta đã xử án Táo quân. Nay ta thấy vụ án Kim Hữu Nghĩa, tất có oan tình. Thấy nhận kêu quái lạ, đây là loài chim tín nghĩa, trời sai chúng tới kêu oan. Ta bảo người đi theo nó, người phải theo ngay. Sao người dám chống lại. Hãy lùi hăn xuống, đánh ba mươi gậy!

Diêu Năng thấy tình thế bất lợi, vội vàng cúi đầu nói:

- Con xin đi.

Thế rồi Thi Công thôi không phạt nữa. Diêu Năng đứng dậy nhận lệnh, tới hiên, chỗ chim nhận đậu, nói:

- Nhận ơi! Chỗ nào có oan thì hãy dẫn ta đi tìm. Nhận phải bay chậm ta mới theo kịp. Người bay qua phố xá, bãi sậy, trăng sáng ta biết đâu mà tìm. Nhận ơi! Chúng ta đi thôi.

Lúc ấy nhận gật đầu, bay lên nhìn Diêu Năng. Thấy thế, ai ai cũng kinh ngạc nói:

- Thật là kỳ lạ, chẳng trách người ta gọi là Trại Bao Công!

Tất cả đổ dồn mắt nhìn chim nhận, nó bay chậm chậm như là chờ sai nha. Con nhận ấy bay ra khỏi thành, tới đậu trên một cây cổ thụ, sai nha ngược trông, thấy nó nhìn mình kêu nháo nhác. Diêu Năng cười nói:

- Nhận ơi, ở công đường mày không nghe thấy ông lớn nói phải tìm cho ra sự thực ư?

Chỉ thấy nhận đứng im gật gật đầu. Diêu Năng không hiểu sao, rất lo lắng.

Đang suy nghĩ miên man, bỗng thấy có người đi tới sai nha vội nấp vào thân cây theo dõi, thấy một người đàn bà trạc trên năm mươi tuổi, xanh xao hốc hác, buồn rĩ rượi, nước mắt lưng tròng. Bà mặc chiếc áo vải màu lam, quần xanh, chân nhỏ, đi giày nhọn, tay cầm vàng hương. Tới trước một ngôi mộ, bà quỳ xuống rót rượu, thắp hương, vừa khóc vừa khấn: "Anh Tam, anh chết chưa lâu, nếu anh sống khôn thác thiêng, thì hãy nghe tôi nói. Chồng tôi là Kim Thủ Tín. Tôi họ Nhậm. Hàng chục năm nay, chồng tôi bỏ lại hai mẹ con côai cút. Tên con là Kim Hữu Nghĩa, hai mươi tuổi, buôn bán nhí nhằng kiếm sống. Hiếu thảo nuôi dưỡng mẹ già, nó hoàn toàn không giết người: Anh Tam, anh bị ai giết, vong hồn anh phải biết. Nếu anh linh thiêng thì anh sẽ bắt kẻ sát nhân phải đền mạng, tại sao để người tốt chịu oan?!"

Sau đó bà kể lại con bà bị tổng giam thế nào, bị khép tội xử trảm ra sao. Sai nha nghe hết, và cảm thất rất lạ, sao nhận lại biết mình oan? Anh ngẩng đầu lên, thì nhận đã bay đi từ lúc nào rồi. Anh nghĩ: "Không hiểu vì sao Thi Công biết Kim Hữu Nghĩa oan khuất Người đàn bà này khóc thật đáng thương, ta phải đến an ủi bà ấy". Chợt thấy từ xa lại có một người đàn bà đi tới. Người ấy trạc ba mươi tuổi, mặc tang phục, đi giày vải trắng, hằm hằm tức giận bước thẳng tới người đàn bà. Chẳng nói chẳng rằng, lôi bà lão ngã sấp gào lên chửi:

- Thằng chó đẻ Kim Hữu Nghĩa vô cớ giết chồng ta, con đi già vẫn chưa thỏa hận, lại còn tìm đến mộ, yếm đảo.

Vừa chửi, chị ta vung tay đâm túi bụi lên người bà lão. Bà lão quần quai kêu rên:

- Tôi không thân thiết, không bạn bè, không thù hận, tôi đến kêu van linh hồn anh, cầu xin anh bắt kẻ sát nhân, để người tốt khỏi chịu oan, chứ hoàn toàn không có ý gì khác.

Người thiếu phụ kia vẫn không nghe, cứ đánh bà thùm thụp

Diêu Năng bước tới nói:

- Xin chị đừng giận dữ. Tôi đến đây từ sớm, thấy bà này không có ý gì khác.

Thiếu phụ dừng tay nói:

- Anh là ai, làm gì ở đây?

- Tôi là Diêu Năng, - sai nha nói, - là sai nha của Tể Nam. Tôi vừa theo nhận tới đây, tìm sự thực về nỗi oan khuất. Tôi nghĩ rằng, chồng chị không phải do Kim Hữu Nghĩa giết. Thi Tổng đốc vừa tới Tể Nam phát chẩn, ngài đã xem qua tờ trình, thấy vụ án Kim Hữu Nghĩa hẳn có oan khuất. Ngài thấy một con chim nhận lớn đến kêu oan, đã sai ta theo nhận tới đây. Hai người dừng cãi nhau nữa, hãy theo ta tới gặp ông lớn.

Họ theo anh về thành, tới công đường. Sai nha nói:

- Hai người cứ chờ ở đây, ta vào bẩm với ông lớn.

Tới trước Thi Công, Diêu Năng quỳ xuống bẩm:

- Thưa ngài Khâm sai, con vâng lệnh ngài theo nhận ra khỏi thành, gặp hai người đàn bà một già một trẻ. Đúng là những người có liên quan tới vụ án Kim Hữu Nghĩa. Hiện con đã đưa họ tới đây, chờ ngài xét hỏi.

Thi Công rất vui, ông hỏi Diêu Năng tỉ mỉ những gì đã xảy ra, rồi cho họ gọi hai người đàn bà vào. Sai nha vâng lệnh, ra ngoài nói với họ rằng:

- Hai người hãy vào đi, và hãy kể lại thật tỉ mỉ cho ông lớn nghe.

Hai người vào lối cửa ngách, quỳ trước án thư.

Thi Công nói:

- Các người hãy khai rõ họ tên.

- Thưa quan lớn. - Bà già nói. - Chồng con là Kim Thủ Tín; mất cách đây mười năm. Con họ Nhậm, sinh được một con trai tên là Kim Hữu Nghĩa, hai mươi tuổi. Vì nhà nghèo nên chưa có vợ, hai mẹ con sống nương tựa vào nhau. Con con rất hiếu thuận, mẹ con con sống nghèo khổ thanh bạch. Có ba gian nhà, một gian nhà ngoài hai gian buồng. Con ở buồng phía đông, con con ở buồng phía tây. Tối hôm ấy hai mẹ con con đang ngồi trù chuyện tại buồng phía tây. Bỗng con nghe thấy đầu phía tây có tiếng con gái. Con sinh nghi, có lẽ Kim Hữu Nghĩa đã dụ dỗ những đứa con gái giấu trong nhà. Kim Hữu Nghĩa thấy thế cuống lên, dậm chân dậm ngực thề: "Nếu con làm việc ấy, thì thiên lôi sẽ đánh chết con!". Không còn cách nào khác, hai mẹ con mang đèn tới buồng phía tây xem sao. Lạ thay! Thấy một chiếc tráp gỗ, khóa đồng, trên khóa lại treo một chiếc chìa. Thấy lạ, con mở ra xem, trong đó có năm thoi vàng(l), tất cả đều buộc chỉ đỏ. Con tôi mừng quỳnh

lên, cứ luôn mồm niệm Phật. Song con thì vô cùng sợ hãi, nghĩ rằng tiền của không dùng đem tới, sẽ vì tiền mà mang họa.

(1) Thoi: bằng năm mươi lượng (ND).

Thi Công nói:

- Số bạc ấy trời cho, vì sao mà nàng sợ?

- Một là sợ con con giấu con. - Người mẹ nói. - Hơn nữa tục ngữ có câu: Của phù vân nó vẫn xuống biển. Mẹ con tôi có khổ cũng do số kiếp đã định trước rồi, làm sao có thể thay đổi được? Thưa ngài, xin ngài hãy nghĩ cho: con là người quả phụ không nghề nghiệp, mẹ con sống rất cực khổ. Tuy là chồng chết phải theo con, song sao có thể nghe theo một đứa con ít tuổi? Thấy việc ấy, ai mà không truy hỏi? Nếu như nó lấy cắp về mà cứ lờ đi, theo nó ăn uống, lâu sau rồi cũng sẽ sinh sự, lúc ấy con lại mắc phải tội không nghiêm khắc dạy con. Đó chính là không hiểu được phép vua, khi chết đi gặp chồng con sẽ vô cùng hổ thẹn. Vì con nhiều lần truy hỏi, nó vẫn không nói rõ. Sợ sinh ra việc chẳng lành, con bảo nó vứt đi, nhưng nó cứ tiếc. Con bảo: "Nếu con không nói rõ lai lịch số bạc này, thì ta sẽ đưa con cùng số bạc ấy tới cửa quan?". Khi đó Kim Hữu Nghĩa mới nghe theo lời con, không cần số bạc này nữa. Nó nói: "Đương nhiên là nó có lai lịch". Đêm ấy con đang ngủ, thấy văng vẳng bên tai có tiếng người thì thà thì thào, nghe không rõ. Con nghĩ rằng số bạc này là của người nói chuyện mang tới. Nó gối đầu lên tráp ngủ thử thì lạ thay đó là bạc thật. Con đành nghe theo nó ôm tráp đến buồng phía đông. Nó gối đầu lên tráp ngủ. Con cũng tắt đèn đi nằm, nhưng không sao ngủ được. Đến ấy chưa đến canh ba, bỗng thấy Kim Hữu Nghĩa gọi: "Hồng rồi, mẹ ơi đến mau". Con vội dậy, thắp đèn, đến buồng phía tây xem: thấy Kim Hữu Nghĩa sợ hãi, mặt tái nhợt, kêu là có ma. Nó nói: "Con gối đầu trên chiếc tráp khảm vàng, nhắm mắt, cứ mơ mơ màng màng không sao ngủ được. Thấy năm đứa bé, đeo yếm bằng vải đoạn màu đỏ, tay dặt tay, cười khúc khích nói: “Kim Hữu Nghĩa, tiếc thay người không gặp vận may, chiếc tráp không còn chỗ chúng ta nữa. Bây giờ xin báo cho người một tin, người phải nhớ rõ nơi đến: chỗ ấy cách đây ba dặm, đó là nhà Phú Gia - chúng ta đều ở đấy. Người muốn tìm ta thì tới đó. Nói xong chúng dặt tay nhau đi ra. Con giật mình tỉnh dậy,

người đầm đìa mồ hôi, sờ lại chiếc tráp thấy đã biến mất".

Các quan võ và sai dịch thấy thế, ai cũng sững sờ, và thấy rất kỳ lạ. Thi Công nói:

- Về sau thế nào?

- Thưa ngài. - Nhậm thị nói. - Về sau con con tham của, không nghe lời con. Đêm ấy vào khoảng canh năm, một mình nó ra khỏi nhà đi tìm bạc. Con ở nhà chờ đợi, đến khi trời sáng, nó vẫn chưa về. Sợ rằng đã xảy ra tai họa, con tựa cửa trông ngóng. Thấy một người láng giềng báo tin, khiến con không còn hồn vía.

Nói tới đây bà kêu thảm thiết, khóc như mưa như gió. Thi Công trầm ngâm nói:

- Người hãy nói ta nghe, người láng giềng nói gì.

- Thưa ngài, - Nhậm thị nói. - Lúc ấy có người nói là: "Bà Kim ơi, nguy rồi! Con bà đã giết người ở nhà Phú Gia, bỏ đầu người vào tráp mang đi! Gặp ngay ngài quan phủ, khóa tay giải về thành tổng ngục, chờ tới mùa thu xử trảm". Con không còn cách nào, về nhà, đưa cơm đến nhà tù cho con: Thấy con mình oan uổng, hôm nay con mua vàng hương đến mộ Triệu Tam cúng, cầu mong linh hồn anh khôn thiêng, phù hộ con bắt được hung thủ, để Kim Hữu Nghĩa khỏi chết oan. Khẩn khứa chưa xong thì vợ anh ấy tới. Chị ấy đổ cho con đến yếm đảo, rồi đánh con, không cho con phân trần. May mà được sai nha của ngài khuyên can. Ông ấy bảo là có con hồng nhan đến kêu oan, rồi đưa con đến đây. Đó là chuyện đã xảy ra, con không dám nói sai.

Thi Công trầm ngâm suy nghĩ, nói:

- Quan phủ hãy sai người giải Kim Hữu Nghĩa tới đây, để ta xét hỏi.

Tri phủ tuân lệnh, sai người đi gọi. Một lát sau, sai nhà giải Kim Hữu Nghĩa tới. Thi Công nói:

- Kim Hữu Nghĩa!

Thấy mẹ quỳ trước công đường, Hữu Nghĩa quỳ xuống bò lên nửa bước, nói:

- Xin quan lớn cho phép con được nói.

Thế rồi anh kể lại từ đầu, sự việc đã xảy ra. Thi Công thấy hai mẹ con anh

nói giống hệt nhau, không sai một chữ, cho đó là sự thực. Thi Công lại nói:
- Kim Hữu Nghĩa! Nếu người không tham lam, thì đâu đến nỗi tự dưng gây tai họa. Người gởi đầu lên chiếc tráp thiếp vàng, mơ thấy năm đứa bé, chúng đã nói không ở nhà người nữa, lẽ ra cứ mặc chúng, song người lại không nghe lời mẹ, tham của đi tìm. Vậy người nhặt được chiếc tráp ấy ở đâu/ Người hãy khai thực.

- Con không nghe lời mẹ. - Kim Hữu Nghĩa nói. - Ra khỏi nhà, tới nhà Phú Gia. Cách nhà con ba dặm. Đến đó trăng sao vẫn còn sáng, con nhìn thấy chiếc tráp. Sợ có người biết, con ôm tráp vào lòng, quay ngay trở về. Vừa đi được mấy bước, ngẩng đầu lên, thấy đèn đuốc sáng rực, thì đó là quan Tri phủ. Sợ quá con chạy trốn, không ngờ quan Tri phủ nhìn thấy, bảo sai nha gọi con đến trước kiệu. Ngài hỏi con trong tráp có gì? Đêm khuya khoắt đi đâu? Con cuống lên, sợ quá không nói được. Nếu nói là bạc thì sợ quan lớn nhập kho. Con cứ ngần ngừ. Quan lớn bảo sai nha mở tráp ra xem, song không phải là bạc mà lại một chiếc đầu lâu đẫm máu. Quan Tri phủ lập tức sai người khóa tay con rồi giải về nha môn. Hỏi con vì sao giết người? Tử thi hiện ở đâu, hung khí để đâu? Vì sao lại bỏ đầu vào tráp? Thấy bị truy hỏi, con nát ruột nát gan. Con không giết người, thì sao mà trả lời được? Con nói khan nói vãi, song quan Tri phủ vẫn không nghe. Chịu mọi tra tấn, quần bách không còn cách nào khác, con đành phải nhận. Quan Tri phủ ghép con vào tội tử hình, rồi giam con vào ngục.

Thi Công nhìn quan Tri phủ nói:

- Vụ án Kim Hữu Nghĩa giết người còn có những uẩn khúc, ông thấy thế nào? Ta phải tìm cho ra lẽ trong đó có chỗ nào chưa rõ, xin ngài hãy đề xuất.

Tri phủ chấp tay nói:

- Đại nhân, sức học rộng như biển, quả thì tôi không sánh kịp. Tôi bất tài, học thức nông cạn, nhiều chỗ không nhìn thấy xin ngài chỉ bảo.

Thi Công lạnh nhạt mỉm cười nói:

- Ngài Tri phủ sai rồi! Nếu quan châu phủ ai ai cũng nói: “Tôi bất tài, học thức nông cạn, không đảm đương được tính mạng dân”, thì ngài không nghĩ rằng, tính mạng của dân đều trong tay quan phủ, châu, huyện, dân bị oan

khuất trời sẽ không tha.

Thi Công lại hỏi Kim Hữu Nghĩa:

- Người trông thấy tráp lúc nào?

- Thừa ngài lúc canh hai.

- Ngủ đến mấy giờ - Thi Công hỏi.

- Thừa ngài, - Hữu Nghĩa trả lời, - vào lúc canh tư.

- Người ra khỏi nhà, - Thi Công hỏi, - có mang vật gì không?

- Con đi tay không. - Hữu Nghĩa nói.

- Quý Tri phủ gặp Hữu Nghĩa chỗ nào? - Thi Công hỏi. - Lúc ấy là canh mấy?

- Tôi gặp lúc canh tư. - Trần Tri phủ nói.

- Ngài nói không đúng. - Thi Công nói. - Canh tư Kim Hữu Nghĩa ra khỏi nhà, quý Tri phủ lại nói canh tư bắt được phạm nhân, thời gian không khớp. Hơn nữa canh tư thì đêm đã khuya lắm rồi, trong tay lại không có hung khí thì giết người sao được? Hơn nữa Kim Hữu Nghĩa nếu có thù mà giết Triệu Tam, thì không có lí gì lại bỏ đầu vào tráp mang về. Ta quả không sao hiểu nổi. Xin hỏi quý Tri phủ giết người bằng hung khí gì?

Tri phủ vái lạy nói:

- Tôi giải Kim Hữu Nghĩa về nha môn truy hỏi, Kim Hữu Nghĩa đã cung khai: bỗng nhiên vì thù oán xưa, mà đâm chết Triệu Tam, hung khí vút xuống sông, mò không thấy, hắn đã khai thế nên tôi mới kết tội.

Thi Công lạnh lùng mỉm cười, nói:

- Ngài Tri phủ, ta nói mấy câu, xin ngài hãy nghe cho rõ. Tôi và ngài ăn lộc của vua, phải báo đền ơn vua. Xét hỏi dân tình cần phải thận trọng. Những vụ án liên quan đến tính mạng con người, càng phải đặc biệt lưu tâm. Đợi ta tìm ra vụ án này thì ngài sẽ hiểu.

Thi Công hỏi vợ Triệu Tam:

- Chồng người bị giết, trong đó có những tình tiết, chắc người cũng phải biết chút ít. Kim Hữu Nghĩa không thân thiết không bạn bè gì với chồng người, thì vì sao lại thù hận? Người ta ai cũng có lương tâm, không cho phép điêu oa. Nơi dương thế có phép vua, nơi âm ti còn có quỷ thần. Nếu người nói sai một chữ, ta điều tra ra, thì ta quyết không tha.

- Bẩm quan lớn. - Mai thị cúi đầu trả lời. - Con ba mươi tuổi cha mẹ đều mất. Mười tám tuổi lấy Triệu Tam, tính ra đã hơn mười năm. Con không có con, mẹ chồng cũng đã qua đời. Chồng con rượu chè, trai gái, chơi bời với bọn xấu xa con cũng mặc. Song dù có xấu đến thế nào chẳng nữa, khi đã kết tóc xe tơ nên duyên chồng vợ, thì tình nghĩa như biển cả. Nay bị giết chết, con không đau đớn sao được? Anh ấy không thân thiết, không bạn bè, không thù oán gì Kim Hữu Nghĩa, song anh ấy có một người bạn rất thân thiết.

Thi Công hỏi:

- Người bạn ấy là ai?

- Khi còn sống, - Mai thị nói, - vì nhà nghèo, chồng con kết bạn đi săn kiếm sống, chứ có vàng bạc gì đâu! Kim Hữu Nghĩa vì thù mà giết chứ không phải vì tiền của. Hơn nữa khi chết, chồng con không ở ngoài.

Thi Công vội hỏi:

- Chồng người không ở ngoài, hẳn là phải chết ở nhà.

- Vì thường đi săn, - Mai thị nói, - nên đã kết bạn với một người ở thôn Tiền, tên là Phùng Đại Sinh. Anh ấy hơn chồng con hai tuổi, thường đi lại thân thiết như anh em ruột thịt. Trước đây hai người thường hay đi với nhau. Hôm ấy chồng con uống rượu ngủ ở nhà. Anh ấy dậy sớm bảo là đi săn, mang theo một chiếc gậy phòng thân, nói là đi tìm Phùng Đại Sinh, khi đi còn bảo con đóng cửa. Sáng dậy có người nói với con là chồng con đã bị giết chết không thấy đầu. Con cùng với Hương Bảo vào thành bẩm báo. Nào ngờ đầu lười trời lồng lộng, thừa mà không lọt. Hung thủ Kim Hữu Nghĩa đã bị ngài Tri phủ bắt được. Không chịu nổi tra tấn đã phải khai hết. Con thấy có người phải đền mạng là được rồi, chứ hoàn toàn không muốn gì thêm.

Nói xong chị vái lạy. Thi Công gật đầu nói:

- Mai thị nghe ta hỏi đây, phải nói thực. Phùng Đại Sinh ở đâu? Nhà người ở đâu?

- Con ở Hậu Trại, - Mai thị nói, - hai thôn cách nhau một dặm.

Thi Công gật đầu nói:

- Chồng người bị hại chỗ nào?

- Tại nhà Phú Gia, phía đông thôn Hậu Trại. - Mai thị nói. - Ngoài trại có một bãi sậy. Chồng con bị hại tại đó.

- Chồng người đi khỏi nhà lúc nào. - Thi Công hỏi.

- Lúc canh ba.

Thi Công hỏi Kim Hữu Nghĩa, Kim Hữu Nghĩa nói:

- Con ra khỏi nhà, đến ngay nhà Phú Gia. Thấy chiếc tráp ấy ở cửa sau nhà Phú Gia, con ôm tráp theo hướng bắc về nhà, thì gặp ngài Tri phủ.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 7 (B)

Nói xong anh cúi lạy. Thi Công nhìn Tri phủ, nói:

- Tri phủ nghe rõ không? Canh tư ngài bắt người. Nhưng canh tư Kim Hữu Nghĩa mới rời khỏi nhà. Còn Triệu Tam canh ba ra khỏi cửa. Như vậy người bị chết ra khỏi nhà trước, hung thủ rời khỏi nhà sau. Kim Hữu Nghĩa canh tư mới rời khỏi nhà nhặt được tráp thì bị ngài bắt được. Về thời gian không khớp nhau. Vả lại không có hung khí. Ngài khép Kim Hữu Nghĩa vào tội tử hình, quả là chưa thỏa đáng.

Tri phủ cúi đầu nói:

- Quả là ngài Khâm sai đã phán đoán tài giỏi như thần thánh. Tôi thực không sao sánh kịp. Xin hết sức mong ngài tha thứ.

Thi Công lạnh nhạt mỉm cười, nói:

- Triệu Mai thị, người nói Triệu Tam nghèo khổ, đói rét, đi săn để kiếm ăn, và có một người bạn là Phùng Đại Sinh có phải không?

- Chỉ có anh ấy thôi, - Mai thị nói, - ngoài ra không còn ai khác.

- Thế thì khi đi họ đều hẹn nhau cùng đi, - Thi Công nói, - hay là chồng chị đi trước tìm Phùng Đại Sinh.

- Ai dậy trước thì người ấy đi gọi, - Mai thị nói, - chứ không phân biệt rạch ròi, họ đi với nhau vào lúc mấy giờ.

- Người nói hôm ấy vào canh ba, - Thi Công nói, - mang theo gậy phòng thân, đi tìm Phùng Đại Sinh. Song không biết có tìm thấy Phùng Đại Sinh không?

- Khi anh ấy đi rồi, - Mai thị nói, - con đóng cửa nằm ngủ. Một lát sau bỗng nghe thấy gọi liên mấy tiếng: "Thím Tam! Thím Tam!". Đúng là tiếng Phùng Đại Sinh. Con bảo: "Anh ấy đi từ sớm rồi!". Phùng Đại Sinh nói: "Không tìm thấy anh ấy đâu?". Thế rồi anh ấy lẩm bẩm bỏ đi.

Nghe xong Thi Công nói:

- Mai thị! Thường ngày Phùng Đại Sinh đến gọi chồng chị, thì gọi thế nào?

- Thường ngày khi tới cổng, - Mai thị nói, - Phùng Đại Sinh thường gọi rất to: "Lão Tam, dậy đi! Muộn rồi".

- Thế là được rồi, - Thi Công vừa nói vừa rút lệnh, nói tiếp - Hãy đến bắt ngay Phùng Đại Sinh tới xét hỏi.

Sai nha nhận lệnh, đến thẳng thôn Tiền, thấy mấy người dân, trong đó có một người biết Trịnh Hồng. Trịnh Hồng cười nói:

- Tôi có một chút việc công, mời đến quý thôn, xin phép hỏi thôn Tiền có vị nào là Phùng Đại Sinh đi săn không?

- Ngài hỏi Phùng Đại Sinh ư? - Người ấy nói. - Trước đây anh ấy thường kết bạn với Triệu Tam. Từ khi Triệu Tam chết, Phùng Đại Sinh không đi săn nữa, bây giờ thì anh không ra khỏi cửa, suốt ngày ru rú ở nhà, chỉ đóng cửa ngồi lặng lẽ một mình. Ông Trịnh, ông cứ đi theo hướng bắc, cái cửa đen thứ sáu là nhà anh ấy đấy.

- Xin cảm ơn ông. - Trịnh Hồng cười nói.

Anh tới cửa nhà Phùng Đại Sinh, gõ cửa.

Phùng Đại Sinh đang ngồi trong nhà. Vợ anh ta là Chu thị đang nghĩ về món tiền lớn trời cho. Bỗng nghe thấy có tiếng gõ cửa, Phùng Đại Sinh giật mình đánh thót, nói:

- Mình hãy ra ngoài xem ai? Nếu là người lạ thì hỏi họ tên gì! Nếu họ hỏi tìm ta, thì bảo mấy hôm nay ta không về.

- Không cần phải dặn, - Chu thị nói, - tôi khắc biết nói, anh cứ yên tâm.

Vừa nói Chu thị vừa ra mở cửa, thấy một người đội mũ tua đỏ, mặc áo dài màu lam, đứng trước cửa, dáng oai vệ. Chị ta khép cửa lại. Trịnh Hồng nhìn người đàn bà, bất giác cười thầm, anh nói:

- Tôi là bạn thân của Phùng Đại Sinh, hôm nay có một việc cần nhờ anh, xin chị mời anh ấy ra đây, anh em chúng tôi gặp nhau nói cho tiện.

Chu thị vốn là người ngu đần, nghe thấy thế không biết thực hư, cười nói:

- Đã là người thân thiết, thì xin mời anh vào trong nhà uống nước, chuyện trò. Phùng Đại Sinh là chồng em, suốt ngày ngồi ở nhà buồn bã, mong có bạn bè tới chơi.

Trịnh Hồng là sai nha nhiều năm, rất quen việc, thấy vợ Đại Sinh nói thế, anh nói:

- Cảm ơn chị, chị đi trước dẫn đường.

Phùng Đại Sinh lắng tai nghe vợ nói, nhưng không rõ. Lại nghe thấy gọi nhau anh anh chị chị mời chào như người quen. Cứ nghĩ rằng bạn bè thân thiết đến. Chợt ngẩng lên nhìn thì lại là sai nha, anh ta cuống lên. Chu thị nói:

- Chủ nhà đâu, mau ra tiếp khách đi. Tôi đã dẫn anh anh vào đường buồn rầu nữa.

Đại Sinh đành phải ra tiếp. Trịnh Hồng chấp tay cười nói:

- Ông anh nhàn nhã quá, cứ ở nhà lâu nay không gặp.

Phùng Đại Sinh không còn cách nào, bèn nói.

- Không dám, tôi dạo này cứ hay buồn ngủ, tự nhiên thấy người mệt mỏi uể oải, mong ông anh tha thứ cho. Xin phép được hỏi tên quý anh là gì, hiện ở đâu?

- Chúng ta mới xa nhau mà anh đã quên rồi. Nghĩ rằng anh phát tài, nên không nhận ra đứa em này. Có anh em ở nhà môn mời anh, nhắc anh là có việc cần ra ngay. Tôi là Trịnh Hồng.

- Anh vốn là em Trịnh Đại, - Phùng Đại Sinh nói, - quả là có mắt như mù, tôi thật là vô lễ. Xin anh đừng giận, tôi quên thật. Người trong nhà môn mà anh nói tên gì mà tôi không nhớ ra?

- Tôi cũng không biết tường tận. - Trịnh Hồng nói. - Tôi nghĩ rằng đã mời anh, anh đến là biết ngay thôi.

Nói xong Trịnh Hồng nghiêm nét mặt, nhìn quanh nhà một lượt, rồi rút chiếc còng trong người ra, nói:

- Cho tay vào thì tốt hơn, tôi sợ ông lớn trốn bữa tiệc.

Anh còng vào tay, Đại Sinh mặt tái nhợt cắt không ra máu. Chu thị cuống lên. Trịnh Hồng nói:

- Anh ấy làm gì, chắc rằng chị cũng rõ.

- Đã còng tôi, - Đại Sinh nói, - chắc là tôi bị kiện lên quan rồi.

- Anh đừng nói nữa, tôi đã còng thì mở ra làm sao được. Trịnh Hồng nói.

- Xin ông rộng lòng thương. - Đại Sinh nói.

- Được! Trịnh Hồng nói. - Theo lời ông anh thì ngại gì mà không kết bạn bè, hơn nữa việc của anh cũng chẳng quan trọng gì. Tôi thấy anh có một số

người bạn nói ra khiến người trong làng xóm cũng thấy khó coi.

Hai người tới thành, vào công đường.

Thi Công dùng cơm xong đang uống trà. Sai nha tới báo.

- Đã giải Phùng Đại Sinh tới.

Thi Công lên công đường. Lập tức truyền lệnh dẫn Nhâm thị, Phùng Đại Sinh, Mai thị và những người láng giềng tới, mới có thể kết án được.

Thi Công hỏi:

- Người là Phùng Đại Sinh phải không?

- Con là Phùng Đại Sinh, - Phùng Đại Sinh trả lời, - con xin cúi đầu lạy ngài.

- Người làm nghề gì? - Thi Công hỏi. - Có mấy người bạn?

- Con là người thôn Tiền, - Đại Sinh nói, - cha mẹ đều mất, vợ con là Chu thị. Con sống bằng nghề đi săn. Con có một người bạn tên là Triệu Tam. Hằng ngày vẫn đi săn với nhau, không ngờ anh ấy bị Kim Hữu Nghĩa giết chết. Chỉ còn lại mình con, khó mà đi săn được, chỉ ở nhà một mình. Con luôn luôn tôn trọng luật pháp, không làm điều gì sai trái. Hôm nay sai nha của ngài tới bắt con, không biết vì duyên cớ gì.

Thi Công lạnh lùng cười, nói:

- Quý Tri phủ chú ý nghe đây. Người là người khoa bảng, không như những người thường, xét hỏi người không thể qua loa, Triệu Mai thị nói là Kim Hữu Nghĩa không phải là bạn bè thân thiết, không có thù oán gì. Triệu Tam lại là người nghèo khổ vì sao Kim Hữu Nghĩa lại giết người? Vì sao anh ta giết người vô cớ, rồi bỏ đầu vào tráp mang về nhà? Hơn nữa giờ giấc cũng không khớp, vậy thì Triệu Tam chết bởi một lí do nào khác. Từ nhà Phú Gia, thôn Tiền và Hậu Trại, ba nơi ấy cách sông bao xa?

Trần Tri phủ cúi người thưa rằng:

- Cách sông hai dặm.

Thi Công cười phá lên nói:

- Ngài Tri phủ nói thế, về tình và lí càng không thể xuôi được.

Thi Công xét xử bằng tấm lòng thương dân, biết rõ oan khuất, nhưng vẫn sợ còn có chỗ giấu giếm, nên ông cố ý quát hỏi Kim Hữu Nghĩa. Kim Hữu Nghĩa cúi đầu nói:

- Đúng là con tìm đến chỗ để bạc, chứ hoàn toàn không giết người, con đâu có biết Triệu Tam đến nhà Phú Gia, mà tới đó chờ để giết anh ấy? Lát nữa ngài gọi hàng xóm của con tới hỏi thì biết.

- Những lời người khai ở đây sao không giống lời khai với quan Tri phủ?

- Bẩm quan lớn. - Kim Hữu Nghĩa cúi đầu nói. - Trước đây con cũng khai với quan phủ như thế. Không biết vì sao quan phủ không nghe, dùng mọi hình thức tra khảo con. Quả thực con không chịu nổi hình phạt, nên mới nhận.

Một lát sau sai nha vào quỳ, nói:

- Bẩm ngài, lán giềng nhà Triệu Tam đã tới.

Thi Công ngẩng đầu lên, thấy một ông già quỳ trước công đường. Ông nói:

- Gọi các ông đến chẳng có việc gì khác, chỉ yêu cầu các ông phải khai thực về Kim Hữu Nghĩa, không có chút ảnh hưởng gì đến các ông. Nếu nói sai thì các ông sẽ bị liên lụy.

- Phùng Đại Sinh, - quan khâm sai nói, - bạn người đã bị giết, người tất phải biết sự thực. Sự việc đã xảy ra thế nào, người phải khai mau.

- Con tuy là bạn Triệu Tam, - Phùng Đại Sinh nói, - anh ấy bị người ta sát hại, quả thực con không biết. Xin quan lớn cứ điều tra cho rõ.

- Các người hãy nói, - Thi Công nói với những người lán giềng, - ai là hàng xóm của ai?

- Chúng con là Triệu Đại và Vương Nhị, là hàng xóm của Trương Hữu Nghĩa. - Người bên dưới nói.

- Mẹ con Kim Hữu Nghĩa từ trước tới nay tốt xấu thế nào, - Thi Công nói, - các người phải nói thực.

- Mẹ con anh ấy là người sống yên phận, - hai người nói, - mẹ hiền lành, con hiếu thảo.

- Đúng! - Thi Công nói.

Lại có hai người:

- Chúng con là Lý Vĩnh và Tôn Xương, là hàng xóm của Triệu Tam.

- Khi còn sống, - Thi Công nói, - hành vi của Triệu Tam thế nào?

- Khi còn sống, - hai người nói, - Triệu Tam rượu chè, quan hệ lăng nhăng, chẳng có gì là anh ta không làm. Mai thị vợ anh ta là một người hiền lành.

- Đúng rồi! Đúng rồi! - Thi Công nói.

Lại có hai người nói:

- Chúng con là Vương Tứ, Trương Lục là láng giềng của Phùng Đại Sinh.

- Tính cách Phùng Đại Sinh thế nào? - Thi Công hỏi.

- Phùng Đại Sinh, - hai người nói, - cũng có cái tốt, cái không tốt. Ra ngoài thường hay gây gổ, trong nhà thì vẫn yên lành.

Thi Công cho hai người xuống dưới.

- Triệu Tam là bạn đi săn của người, - Thi Công hỏi Phùng Đại Sinh anh ta bị giết chết người có biết không?

- Bẩm ngài, - Phùng Đại Sinh nói, - Triệu Tam cùng đi săn với con. Anh ấy bị người ta giết chết con không biết.

- Đã là bạn với nhau, - Thi Công gật đầu nói, - nếu đi săn anh có gọi anh ấy đi không?

- Khi đi săn, có ngày anh ấy gọi con, có ngày con gọi anh ấy - Đại Sinh trả lời.

- Còn ngày hôm ấy thì sao? - Thi Công hỏi.

- Con dậy sớm, - Đại Sinh nói, - khoảng canh tư con ra khỏi nhà. Đến cửa nhà Triệu Tam gọi: "Thím Tam, Thím Tam".

- Mai thị, - Thi Công hỏi Mai thị - chồng chị đi khỏi nhà lúc mấy giờ, chị có nhớ không?

- Chồng con ra khỏi nhà lúc canh ba. - Mai thị đáp.

- Phùng Đại Sinh, - Thi Công hỏi Đại Sinh, - canh ba Triệu Tam ra khỏi nhà, người đến tìm anh ấy vào lúc canh tư, đến cửa nhà Triệu Tam người gọi như thế nào, người phải nói ngay. Sai một chữ ta sẽ không tha.

- Thường ngày con vẫn gọi là: - Đại Sinh nói: "Lão Tam, dậy rồi! Muộn rồi!".

- Triệu Mai thị, - Thi Công nói, - Phùng Đại Sinh nói đúng hay sai?

- Anh ấy nói đúng. - Mai thị nói. - Hôm ấy đã muộn, anh ấy đến gọi, đang lúc mơ mơ màng màng con bỗng nghe thấy tiếng gọi: "Thím Tam! Thím Tam! Thím gọi Triệu Tam dậy đi". Con nói: "Anh ấy đi từ lâu rồi?". Anh ấy đứng ngoài nói: "Sao tôi không gặp, nếu gặp thì càng tốt, không gặp thì tôi đợi ở nhà". Nói xong anh bỏ đi.

- Phùng Đại Sinh, - Thi Công nói, - người đi săn với Triệu Tam, mang gì đi?

- Chúng con săn cả thú lẫn chim. - Đại Sinh nói. - Sănchim thì dùng lưới, săn thú thì Triệu Tam mang chiếc gậy cao gần đầu người, con mang một con dao.

- Hôm ấy người đợi ở nhà, - Thi Công nói, - anh ấy có tới không?

- Con đợi ở nhà đến sáng mà vẫn không thấy tới. Về sau nghe thấy người ta nói anh ấy bị Kim Hữu Nghĩa giết chết.

Thi Công nhếch mép cười, nhìn các quan và sai nha nói:

- Các người nghe kĩ thì thấy hung thủ không phải là Kim Hữu Nghĩa, mà là Phùng Đại Sinh. Không biết vì sao hắn lại giết Triệu Tam, rồi lại đến cửa nhà anh gọi để che mắt mọi người. Hằng ngày tới tìm, gọi "Triệu Tam", hôm ấy tới tìm lại gọi "Thím Tam". Rõ ràng hắn biết Triệu Tam không ở nhà giả vờ tới tìm, chính là để đánh lừa mọi người. Hơn nữa nếu Triệu Tam gặp tai họa thì phải đi tìm Phùng Đại Sinh. Bỏ đầu vào tráp, vớt bên ngoài, ai nhặt được chiếc tráp ấy, thì coi như đã sa vào bẫy của hắn. Các người suy nghĩ kĩ xem có đúng không?

Các quan khom người nói.

- Ngài thật là cao kiến. Chúng tôi không sao sánh nổi.

- Vẫn chưa có đối chất, - Thi Công nói, - lát nữa chúng ta sẽ rõ .

Nói xong ông viết một tờ thiếp bằng giấy đỏ, gói vào tờ giấy. Rồi nói:

- Trịnh Hồng.

- Dạ, - Trịnh Hồng quỳ xuống thưa.

- Người có biết chữ không?- Thi Công hỏi.

- Con cũng biết đôi ba chữ, - Trịnh Hồng nói.

- Người hãy mang tờ thiếp này đi. - Thi Công cười nói. - Cứ theo đó mà làm. Không được cho ai biết. Nếu lộ ra, người sẽ bị trọng tội.

- Vâng ạ? - Trịnh Hồng đáp.

Trịnh Hồng nhận tờ thiếp đi ra. Năm bảy sai nha theo sau cứ đòi xem tờ thiếp ấy thế nào. Trịnh Hồng lè lưỡi nói:

- Đến bố tôi sống lại cũng không được nhìn nữa là. Chờ tôi về sẽ biết.

Nói xong anh tới chỗ vắng, mở xem. Ra ngay khỏi thành tới nhà Phùng Đại

Sinh gõ cửa, gọi:

- Bà chị ơi! Hãy ra mở cửa mau!

Chu thị vội ra xem, thấy sai nha. Trịnh Hồng theo chân vào ngay, nói:

- Chị thật nguy rồi, việc anh ấy giết Triệu Tam đã bị bại lộ, anh ấy đã khai trước công đường, quan đã lấy khẩu cung, song rất may không khai ra chị, mà chỉ có mình anh ấy thôi. Anh ấy bí mật nhờ tôi nói với chị, hiện có ít vốn liếng, hãy mau mau đi dứt lốt. Nếu tra tấn đau quá không chịu nổi mà lòi cả chị ra thì khốn.

Chu thị thấy thế tưởng thật, nói:

- Nếu không quen biết anh, thì anh ấy cũng chẳng dám nhờ. Tôi nói thực với anh, số vốn ấy có thật, tôi cũng nhìn thấy rồi. Anh với anh ấy thân thiết như anh em ruột, nên tôi mới cho anh biết. Anh hãy lại đây!

Vừa nói, chị ta vừa mở chiếc ang lấy dao cạy, lòi ra một gói vải, để lên giường, mở ra thì đó là năm thoi bạc. Chu thị vừa nói tới việc chia bạc, Trịnh Hồng nghiêm sắc mặt, lòi chiếc còng ra nói:

- Đi mau lên, tới công đường hãy nói.

Chu thị sợ hết hồn, nói:

- Đưa cho anh ấy ba thoi cũng không dùng hết, mà để lại cho tôi ba thoi cũng không dùng hết. Thôi thì anh lấy hai, tôi hai, còn phần chú một. Cho anh ấy hai thoi để lo kiện, còn hai thoi tôi mua ít đồ trang sức để đi lấy chồng.

Trịnh Hồng thấy Chu thị tính toán như thế nói:

- Chị chia như thế không được, chị hãy đi theo tôi về thành, đến chỗ Khâm sai đại nhân mà chia.

Nói xong Trịnh Hồng nghiêm sắc mặt, mở còng ra tra vào tay Chu thị, bấm còng đến tách một cái, nói:

- Chị đi cho, công đường đang chờ lấy khẩu cung.

Chu thị biết rằng khó mà thoát được, bèn gói bạc lại vác lên vai, khóa cửa. Hai người tới thẳng công đường, quỳ trước án thư.

Vừa thấy Chu thị, Đại Sinh đã hoang mang lo sợ. Thi Công thấy đấy không phải là người đàn bà lương thiện. Ông hỏi:

- Mụ kia hãy khai thực, số bạc này ở đâu ra? Nếu khai không đúng với

chồng người đã khai thì người sẽ phải phạt rất nặng. Hãy khai từ đầu.

Thấy thế Chu thị quỳ xuống rồi bò lên nửa bước nói:

- Con không dám nói sai: chồng con là Phùng Đại Sinh, chơi thân với Triệu Tam. Hôm đó anh ấy đến gọi chồng con đi săn. Chồng con dậy, giặt dao vào hông rồi ra khỏi cửa, khoảng hai canh sau, trời vẫn chưa sáng, thì anh ấy về gọi cửa. Con mở cửa ra, anh ấy bước vào nhà, vội đánh diêm đốt đèn, rồi lấy từ trong người ra năm thoi bạc, buộc bằng chỉ đỏ.

Người đàn bà khai xong, cúi lạy.

Phùng Đại Sinh nghe thấy thế, sợ quá. Thi Công nói:

- Phùng Đại Sinh, người còn quanh co nữa hay thôi? Người hãy khai thật tỉ mỉ.

- Bẩm ông lớn, - Phùng Đại Sinh nói, - hôm ấy Triệu Tam tới gọi con trước, lúc ấy trời còn đêm, chưa quá canh ba. Trước đây cũng thường dậy sớm như thế bỗng nhiên nghĩ tới một việc, muốn về nhà, đi qua nhà Phú Gia, nghe thấy có tiếng trẻ con cãi nhau. Con vào xem thì thấy trong vườn Phú Gia có năm đứa bé trắng trẻo khô ngô, đeo yếm đỏ. Nhiều lần tới gần thì chúng biến mất. Tới bên bãi sậy, Triệu Tam đá phải một chiếc tráp. Cầm lên xem, thấy sẵn cả chìa khóa, mở ra thì bên trong là năm thoi bạc. Thấy đó là bạc Nguyên Bảo. Ai cũng đòi được nhiều. Ai ngờ rằng tiền của nhiều là tai họa. Hai chúng con cãi nhau. Con đã chém chết anh ấy, giặt bạc vào người rồi cắt đầu anh ta bỏ vào tráp. Con nghĩ rằng vụ này nhà họ Phú sẽ chịu kiện thay. Để chiếc tráp ấy trước cổng nhà Phú Gia. Sau đó con lại tới gọi cửa nhà Triệu Tam, để mọi người khỏi nghi ngờ. Con đã giết người, ai ngờ ngài tới, đúng lúc hồng nhan kêu oan. Thế mới biết thiện ác đều có báo ứng. Con nhận ấy đã minh oan cho Kim Hữu Nghĩa, bởi vì: một hôm con và Triệu Tam đánh lười được một con nhận, lúc ấy Kim Hữu Nghĩa đi tới mua con nhận ấy ba trăm đồng, rồi thả ra! Nào ngờ biết anh oan khuất con nhận đã tới kêu oan để cứu anh. Đúng là ăn hiền gặp lành, ác giả ác báo. Xin ngài cũng không cần phải truy hỏi nữa. Con hoàn toàn khai hết sự thực và tình nguyện chết.

Thi Công nghe Phùng Đại Sinh cung khai, nghĩ rằng đó hoàn toàn là sự thực, ông nổi giận quát:

- Kim Hữu Nghĩa, mẹ con người có nghe thấy không?
- Con đã nghe rõ rồi ạ. - Mẹ Hữu Nghĩa cúi đầu nói.
- Kim Hữu Nghĩa tham của không nghe lời mẹ, - Thi Công nói, - để đến nỗi mang họa, suýt nữa thì mất đầu.
- Đa tạ ông lớn đã phán xử rõ vụ án này. - Mẹ Kim Hữu Nghĩa nhìn lên, cúi lạy nói. - Quả là con con đã được cải tử hoàn sinh. Không những con vô cùng biết ơn ngài, mà ngay chồng con ở dưới suối vàng cũng vô cùng cảm ơn đức độ của ngài.
- Mai thị, - Thi Công nói, - Triệu Tam chồng người bị Phùng Đại Sinh giết chết. Người không biết lại đổ oan cho người tốt.
- Thừa ngài, - Mai thị vội nói, - hung thủ do ngài Tri phủ bắt, xét hỏi tại công đường và Kim Hữu Nghĩa cũng nhận tội tại công đường, không liên quan gì tới con.

Nói xong cúi đầu lạy. Thi Công nói:

- Quý tri phủ đã nghe rõ chưa? Xin hỏi ngài, Kim Hữu Nghĩa có phải là người giết Triệu Tam không? Ta phán xét như thế có đúng không? Còn có chỗ nào chưa phải, xin Tri phủ cứ nói rõ. Tri phủ tuyệt nhiên không biện hộ cho những yếu kém của mình.

Trần Tri phủ cúi lạy nói:

- Tôi quả là bất tài, xin ngài tha thứ.

Thi Công cầm bút phán quyết:

"Phùng Đại Sinh giết Triệu Tam, tạm giam vào ngục, chờ giao thuế xong sẽ trả đầu trước mọi người. Kim Hữu Nghĩa tham tài, không nghe lời mẹ cũng có tội. Nghĩ rằng Hữu Nghĩa gặp oan khuất, nay ta tha cho. Mấy thoi bạc tuy trời cho, là vật của Phú Gia, cũng có phần của họ Kim, ta thưởng cho Nhâm thị hai thoi, vì nhà nghèo, lo lắng cho con, tới cúng Triệu Tam mà bị Mai thị đánh đau".

Nhâm thị khấu đầu lia lịa nói:

- Kim Hữu Nghĩa gặp nạn, được ngài cứu mạng, ơn ấy không gì sánh nổi, nay được ngài thưởng cho hai thoi bạc khiến con khắc cốt ghi xương, không bao giờ quên được. Con chỉ biết thắp hương cầu trời khẩn Phật phù hộ cho ngài đời đời quan cao chức trọng, phò tá triều đình.

Nói xong lại cúi đầu vái lạy.

Thi Công nói:

- Mai thị nhà mẹ đẻ người còn ai thân thuộc không?
- Chồng con khi còn sống, - Mai thị nói, - toàn chơi bời với bọn xấu xa, và cũng không còn ai thân thích. Con lên bảy thì cha chết, khi đi lấy chồng thì mẹ cũng qua đời. Cô cậu và các dì cũng không còn nữa, chỉ còn một thân một mình chẳng biết nương tựa vào đâu.

Nói xong Mai thị khóc như mưa.

- Mai thị không nên thương cảm nữa. - Thi Công nói. - Ta thấy việc này nhất cử lưỡng tiện: Kim Hữu Nghĩa thông minh ngay thẳng, mẹ anh cũng là người hiền lành đạo đức, người cũng vốn là người ngay thẳng. Có thể cùng với Hữu Nghĩa nên vợ nên chồng, cả nhà hiền lành hiếu thuận cũng rất tương xứng. Ta thường cho người ba thoi bạc để nuôi thân khi chồng chết, vợ chồng mới nuôi nhau. Người có bằng lòng không cứ nói thẳng ta không trách cứ.

- Bẩm ngài, - Mai thị vừa khóc vừa nói. - Ngài đã minh oan cho chồng con, bắt hung thủ phải đền mạng, con phải hết lòng trình tiết với chồng mới đúng. Nhưng vì tính cách của Triệu Tam con không thể là một người hết lòng trình tiết được. Bây giờ con chỉ còn biết vâng theo ngài. Công ơn của ngài như biển cả con nguyện theo lệnh ngài không dám trái lời.

Nghe xong Thi Công rất vui, nói:

- Kim Nhậm thị, con người gặp oan, đấy cũng là kết quả của kiếp trước. Bạc là người mối, làm chứng cho Mai thị làm dâu nhà bà.
- Xin đa tạ công ơn trời biển của ngài. Con hoàn toàn nghe theo lời chỉ bảo của ngài.

Thi Công quay lại nhìn Tri phủ nói:

- Quý Tri phủ, ngài xử vụ này chính là vu cáo cho người lương thiện, lẽ ra ta phải xử tội ngài, nhưng ta nghĩ đây là lỗi ngài sơ tâm chứ không phải là tham ô. Việc này có thể tha thứ được. Ta nghĩ rằng, ngài được đổ đạt không phải là chuyện dễ, nên ta gia ân tha cho. Sau này mọi việc ngài phải giải quyết hết sức thận trọng.

Tri phủ vâng vâng dạ dạ nghe lời. Thi Công nói:

- Phạt ngài một khoản tiền: Mai thị lấy Kim Hữu Nghĩa, phí tổn cưới xin bao nhiêu ngài phải lo.
- Tôi xin vâng lệnh. - Tri phủ nói.

Thi Công lệnh giam Phùng Đại Sinh vào ngục, còn cho tất cả mọi người về. Ai ai cũng rất đổi vui mừng, khen Thi Công là một vị quan thiên tài.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 8

Tàu Mực Chứng Minh Bì Hùng Án

Chậu Đen Tố Cáo Nổi Oan Khiên

Một hôm Bao Công cùng với Bao Hưng bí mật tới huyện Định Viễn. Họ tới một hàng cơm nghỉ chân ăn lót dạ. Đang ăn, họ thấy có một người vào, người bán hàng mang ra hai bình rượu, hai chiếc chén. Người ấy hỏi:

- Có mình tôi, sao ông lại mang ra hai bình rượu, hai chiếc chén?
- Vừa thấy đi sau ông là một người đầu tóc bù xù, áo quần loang lỗ máu. Tôi nghĩ rằng ông là người khuyên ông ấy hòa giải, không biết sao bây giờ đã biến mất. Chưa biết chừng hay là tôi hoa mắt.

Thấy vậy, người ấy hoảng sợ mặt tái nhợt, cử chỉ gượng gạo luống cuống, khác hẳn với dáng vẻ nghênh ngang khi mới bước vào. Bỗng chốc anh ta ngơ ngơ ngác ngác, đến rượu cũng không uống, vội vàng trả tiền bỏ đi. Bao Công thấy thế hỏi chủ quán:

- Người ấy là ai?
- Anh ấy là Bì Hùng, - chủ quán nói, - là chủ cửa hàng buôn ngựa. Anh ấy có tới bốn con ngựa quý.

Bao Công ghi lại họ tên người ấy. Ăn cơm xong, Bao Công lệnh ngay Bao Hưng tới huyện truyền dụ, nói rằng ông lớn sắp tới nhiệm sở. Sau đó Bao Công bước ra khỏi hàng ăn. Chưa tới huyện đã thấy các quan và nha lại ra nghênh tiếp. Tới huyện quan giữ văn thư giao ấn tín cho ông, và bàn giao tất cả mọi việc.

Bao Công xem hết cuốn hồ sơ xét xử, thấy trong đó có vụ án Thẩm Thanh giết sư, tại điện Già Lam, tình tiết hết sức ti mỉ. Ông bèn lệnh mở cửa công đường xét hỏi vụ án Thẩm Thanh. Tất cả nha lại đã biết rằng, trên đường

tới huyện, ngài đã bí mật điều tra, thế mới biết ngài là người rất ghê. Bởi thế ai ai cũng phải hết sức cẩn thận, chuẩn bị chu đáo. Vừa nghe thấy truyền lệnh, lập tức những người liên quan đến xét xử vụ án đã đứng xếp hàng tề tựu hai bên. Bao Công tới công đường, rút lệnh sai gọi Thẩm Thanh. Lát sau, nha lệ đã dẫn Thẩm Thanh từ nhà giam tới, quỳ trước công đường. Bao Công chăm chú nhìn, thấy người này chưa đầy ba mươi tuổi, run lẩy bẩy, nằm bò trên đất, không giống một tên hung thủ. Bao Công nhìn xong nói:

- Thẩm Thanh, vì sao ngươi giết người? Hãy khai thực.

- Con đi thăm người nhà trở về, - Thẩm Thanh vừa khóc vừa nói, - lúc ấy đã muộn, trời lại mưa mù mịt, đường lầy lội rất khó đi. Con vốn nhát gan, không dám đi đêm, ở phía nam huyện cách đây ba dặm có một ngôi miếu cổ, con vào đó tránh mưa. Ai ngờ hôm sau trời chưa sáng, đang trên đường về, công sai thấy người con có vết máu, mới hỏi con từ đâu tới. Con nói rằng hôm qua con đi thăm người thân về, trời đã muộn, con vào điện Già Lam trong chùa nghỉ tạm. Không ngờ công sai ngăn con lại không cho đi, bắt con tới chùa xem sao. Trời ơi! Khi con cùng công sai tới chùa, thì thấy một vị sư bị giết bên cạnh tượng Phật. Quả thực con không biết kẻ nào đã giết vị sư ấy. Bởi thế hai vị công sai giải con tới huyện rồi bảo con giết sư. Con, thật là oan uổng, xin ngài đền trời soi xét.

Thấy thế Bao Công hỏi:

- Người ra khỏi chùa lúc nào?

Lúc trời chưa sáng. - Thẩm Thanh đáp.

- Vì sao áo người có vết máu? - Bao Công hỏi.

- Con ở Thần Trù, - Thẩm Thanh nói, - máu chảy qua, thấm vào áo con.

Bao Công nghe xong gật đầu, cho người dẫn Thẩm Thanh giam vào ngục. Rồi ông lập tức gọi kiệu, đến ngay điện Già Lam. Bao Hưng đỡ ông lên kiệu, gài thật tay vịn rồi cưỡi ngựa theo sau.

Ngồi trên kiệu Bao Công nghĩ: "Hắn ta đã giết sư, tại sao áo quần không có

vết máu, mà chỉ có vết máu sau lưng? Hơn nữa tuy là giết bằng dao, sao lại không có hung khí?". Ông cứ ngẫm nghĩ mãi cho tới khi đến điện thờ. Ông xuống kiệu, chỉ mình ông vào chùa không cho ai theo. Tới trước điện, thấy tượng Phật bằng gỗ đã mục nát, đổ sập, ông đi vòng ra sau lưng tượng, nhìn kỹ trên dưới, bất giác lặng lẽ gật đầu. Quay lại nhìn kỹ dưới Thần Trù, thấy dưới đất có vết máu lờ mờ nhoè nhoét, bên cạnh đó có một vật, ông lặng lẽ nhặt lên xem, rồi nhét ngay vào tay áo. Sau đó ông lập tức lên kiệu về ngay nha môn. Tới thư phòng, Bao Hưng dâng trà, nói rằng:

- Lý Bảo đã mang hành lý tới.

Bao Công thấy thế, bảo ông ta vào. Lý Bảo vội vàng vào cúi đầu vái lạy Bao Công bèn bảo Bao Hưng gọi người đầu mục trực phiên tới. Bao Hưng tuân lệnh, lát sau dẫn đầu mục vào quỳ trước mặt Bao Công. Anh ta nói:

- Con là Hồ Thành xin cúi đầu lại ngài.

Bao Công hỏi:

- Trong huyện các anh có thợ mộc không?

- Có ạ Hồ Thành đáp.

- Anh hãy gọi tới đây mấy người. - Bao Công nói. - Ta có một việc quan trọng phải làm ngay, sáng sớm mai hãy gọi họ đến đông đủ.

Hồ Thành vội vàng tuân lệnh, rồi ra khỏi phòng.

Sáng hôm sau Hồ Thành vào bẩm:

- Con đã gọi thợ mộc đến đây cả rồi, họ đang đứng ngoài chờ lệnh ngài.

- Hãy chuẩn bị cho ta một số bàn thấp, một ít nghiên bút tới phòng khách phía sau, không được làm lỡ việc, đi thôi.

Hồ Thành vâng lệnh vội vàng đi chuẩn bị. Bao Công chải đầu xong, cùng Bao Hưng tới phòng khách, bảo dẫn những người thợ mộc vào. Tất cả có chín người, đều quỳ xuống nói:

- Chúng con xin cúi đầu chào ông lớn.

Bao Công nói:

- Ta muốn làm các kiểu đôn để chậu hoa, kiểu cách phải mới lạ. Các anh mỗi người vẽ một cái, ta chọn cái nào đẹp sẽ trọng thưởng.

Nói xong ông sai người đặt nghiên bút giấy mực lên bàn. Thấy chín người

thợ mộc ngồi thành hai hàng, ai ai cũng vất óc suy nghĩ, muốn vẽ một kiểu thật đẹp để được lòng Bao Công. Trong số đó có người quen dùng bút tre không cầm được bút lông; cũng có người sợ quan run cầm cập vẽ chẳng ra gì, cũng có người tự nhiên không sợ hãi, chỉ loáng một cái đã vẽ xong. Bao Công ngồi trên chăm chú nhìn. Một lát sau họ vẽ xong, lần lượt trình lên. Ông lớn nhận xem từng tờ một, rồi hỏi:

- Anh tên gì?

- Con là Ngô Lương. - Người ấy đáp.

Bao Công nói với những người thợ mộc rằng:

- Cho các người về, giải Ngô Lương lên công đường.

Mọi người dạ ran, lập tức đánh trống mở công đường.

Bao Công đập bàn quát:

- Ngô Lương, vì sao ngươi lại giết sư? Hãy khai thực, khỏi phải tra tấn đau đớn.

Thấy thế Ngô Lương vô cùng hoảng sợ nói: - Con sống bằng nghề thợ mộc, là người rất yên phận, đâu dám giết người. Xin ông lớn đèn trời soi xét.

Bao Công nói:

- Xem ra thằng này không chịu khai. Các người đến ngay điện thờ Phật, khiêng tượng phật tới đây.

Cấp dưới vâng lệnh đi ngay. Một lát sau họ chuyển tượng Phật tới công đường. Mọi người thấy khiêng tượng tới công đường xét hỏi, ai ai cũng muốn đến xem chuyện kì lạ này. Thấy Bao Công rời khỏi bàn, đón tượng để xuống, rồi với dáng vẻ như hỏi tượng. Mọi người thấy thế tự nhiên bật cười. Ngay cả Bao Hưng cũng nghĩ thầm: "Không biết ông lớn nhà mình cố làm ra vẻ như thế để làm gì?". Rồi thấy Bao Công trở về chỗ ngồi, nói:

- Ngô Lương! Vừa rồi Phật nói rằng, hôm ấy khi ngươi hành hung, còn để lại sau lưng Phật một dấu vết riêng. Hãy đưa Ngô Lương xuống đo.

Cấp dưới vâng lệnh dẫn Ngô Lương xuống, thấy chỗ bả vai sau lưng Phật quả nhiên có vết bàn tay trái sáu ngón. Ai ngờ tay trái của Ngô Lương cũng có sáu ngón, khi đo thấy không sai một li. Ngô Lương sợ quá hồn xiêu phách lạc, ai ai cũng phải lè lưỡi kính phục: "Ngài thật là thần thánh, làm thế nào mà ngài biết được gã thợ mộc Ngô Lương". Họ hoàn toàn không

biết hôm ấy Bao Công khi tới miếu khám nghiệm, ông nhặt được một vật dưới nền đất, đó là chiếc tàu mực của thợ mộc.

Và ông lại thấy sau lưng tượng Phật có vết bàn tay sáu ngón, bởi thế ông nghĩ tới thợ mộc.

Sai nha dẫn Ngô Lương vào quỳ trước công đường. Bao Công đập bàn quát:

- Ngô Lương, chứng cứ đã rành rành, mà ngươi vẫn không chịu khai thực.

Nha lại quát thét:

- Khai mau, khai mau!

Ngô Lương vội khai:

- Bẩm quan lớn, xin quan bớt giận, con sẽ khai hết sự thực.

Thư lại bên cạnh ghi lời khai. Ngô Lương nói:

- Con chơi thân với hòa thượng trong chùa, hòa thượng rất thích rượu, con cũng là một tên bợm rượu. Vì hôm ấy hòa thượng mời con uống rượu, ai ngờ ông say. Con khuyên ông nên nhận một đồ đệ, để sau này lỡ ra viên tịch. Ông nói: "Bây giờ đồ đệ rất khó tìm. Dù sau này có viên tịch ta cũng chẳng sợ. Mấy năm nay ta kiếm được hơn hai chục lạng bạc". Nhân lúc đang say, con mới hỏi rằng: "Số bạc ấy ông giấu chỗ nào, nếu mất thì thật là uổng công mấy năm trời". Ông ấy nói: "Mất làm sao được chỗ ta giấu chẳng ai ngờ tới". Con bèn hỏi: "Thế ông giấu ở chỗ nào?" Ông ấy nói: "Chúng ta thân thiết nhau, tôi mới nói cho anh biết, anh chớ nói với người khác nhé!". Thế rồi ông bảo rằng, ông giấu vào đầu tượng Phật. Lúc ấy con mới nổi máu tham, lại thấy ông ấy say, đã lấy rìu giết chết ông. Thưa ngài, xưa nay con dùng rìu phạt gỗ đã quen rồi nhưng chưa từng phạt người bao giờ. Bỗng nhiên phạt người con bủn rủn cả thân tay. Nhát rìu đầu phạt sảy, ngờ đâu con gặp phải loại sư hổ mang định cướp rìu của con, con không chịu buông tha, đè ông ta xuống, chém liên mấy nhát, ông ta chết. Hai tay con đầm máu, cứ thế lên bệ tay trái đỡ lấy lưng tượng, tay phải moi bạc trong đầu tượng ra, không chút để ý, để lại dấu tay. Nay bị ngài sáng suốt tìm ra, con quả thực đáng chết.

Thấy đã khai thực, Bao Công lấy chiếc tàu mực đưa cho Ngô Lương xem. Ngô Lương nhận ra đó là chiếc tàu mực của mình, vì rút rìu ra, chiếc tàu

mức ấy đã rơi xuống. Bao Công bảo hần kí vào bản lời khai, rồi cùm tay, tống hần vào nhà giam. Thẩm Thanh vô cớ chịu oan, Bao Công thưởng mười lạng bạc, rồi cho về.

Vừa định kết thúc phiên xét xử, bỗng nghe thấy tiếng trống kêu oan. Bao Công lập tức cho phép vào. Thấy hai người từ cửa ngách bước tới. Một người trạc hai mươi tuổi, một người khoảng trên dưới bốn mươi, cả hai đều quỳ trước công đường. Người trẻ tuổi nói:

- Con tên là Khuông Tất Chính, có người chú mở cửa hàng bán vải đoạn, tên là Khuông Tất Hưu. Vì chú con có một tua quạt bằng san hô nặng một lạng tám, mất ba năm nay chưa tìm thấy. Không ngờ hôm nay lại thấy người này đeo vật ấy bên hông. Sợ rằng mình nhận lầm, con định mượn để xem xem. Ai ngờ người ấy không cho xem, mà còn chửi là con vu cho ông ấy, rồi ông ấy giữ chặt con lại. Xin ngài phán xét.

Người ấy nói:

- Con là người Giang Tô, tên là Lã Bội. Hôm nay tại chỗ đường hẹp con gặp anh này, anh ta ngăn con lại, cứ khẳng khẳng nói rằng chiếc tua san hô con đeo bên hông là của anh ấy. Giữa thanh thiên bạch nhật mà dám đón đường ăn cướp, anh này quả thực là một kẻ xấu. Cầu mong ngài phán xét.

Nghe xong, Bao Công cầm lấy chiếc tua san hô xem, thấy quả đúng như thế, nó màu hồng nhạt bóng loáng, đẹp tuyệt vời. Bao Công hỏi Khuông Tất Chính:

- Người vừa nói chiếc tua này nặng bao nhiêu?

- Thưa ngài, nặng hai lạng tám. - Khuông Tất Chính nói. - Nếu không đúng, và không giống hệt nhau, thì con không dám đổ cho ông ấy.

- Người có biết chiếc tua này nặng bao nhiêu không? - Bao Công hỏi Lã Bội.

- Chiếc tua này là bạn con cho. - Lã Bội trả lời. - Con không biết nó nặng bao nhiêu lạng.

Bao Công quay lại gọi Bao Hưng lấy cân tiểu li cân. Quả nhiên nặng đúng một lạng tám.

Bao Công nói với Lã Bội:

- Nếu theo trọng lượng, thì anh ta nói không sai, theo lí mà nói, chiếc tua

này là của anh ấy.

- Trời ơi! Bẩm ngài, chiếc tua này vốn là của bạn con cho con. - Lã Bội lo lắng nói, con cần làm gì cơ chứ? Người Giang Tô chúng con không dám nói dối.

- Nếu là của bạn cho, thì bạn tên là gì? - Bao Công nói.

- Hãy khai thực.

- Bạn con là Bì Hùng, - Lã Bội nói, - anh ấy là lái buôn ngựa ai cũng biết.

Bao Công bỗng nhiên nghe thấy hai tiếng Bì Hùng, bèn bảo dẫn hai người này xuống dưới, rồi lập tức truyền lệnh bắt Bì Hùng tới xét hỏi. Bao Công tạm rời khỏi công đường dùng cơm.

Một lát sau, có người đến báo, Bì Hùng đã tới. Bao Công trở lại công đường, nói:

- Giải Bì Hùng vào.

Bì Hùng quỳ trước công đường, nói:

- Thưa ngài, ngài gọi con tới có việc gì?

- Nghe nói người có chiếc tua quạt san hô, có đúng không?

Bao Công hỏi.

- Có ạ! Bì Hùng nói. - Ba năm trước, con nhặt được.

- Chiếc tua người có đưa cho ai không? - Bao Công hỏi.

- Con không biết ai đánh mất, - Bì Hùng nói, - thì con dám đưa cho ai.

- Chiếc tua ấy hiện ở đâu? - Bao Công hỏi.

- Hiện đang ở nhà con. - Bì Hùng nói.

Bao Công bảo cho Bì Hùng đứng sang một bên, rồi gọi Lã Bội tới.

Bao Công hỏi:

- Vừa rồi hỏi Bì Hùng, thì anh ta bảo, chưa bao giờ tặng anh chiếc tua này, vậy thì chiếc tua này tại sao đến tay anh? Hãy nói mau!

Tự nhiên Lã Bội cuống lên, mới nói rằng Liễu thị vợ Bì Hùng cho. Bao Công thấy trong đó có manh mối, hỏi ngay:

- Tại sao Liễu thị lại cho người chiếc tua này? Hãy nói thực ra.

Lã Bội không nói. Bao Công lệnh vả vào mồm hắn, sai nha vội bước lên, thì Lã Bội đã xua tay nói:

- Thôi thôi, xin ngài bớt giận, con xin nói.

Thế rồi hắn thuật lại, hắn đã thông dâm với Liễu thị và Liễu thị tặng hắn như thế nào. Bì Hùng thật không ngờ vợ mình lại thông dâm với Lã Bội. Bao Công lập tức cho gọi Liễu thị tới. Ngờ đâu Liễu thị rất căm giận chồng, vì hắn không chung thủy với mình, hằng đêm đã thông dâm với gái. Bởi thế tới công đường, không cần tra hỏi, Liễu thị đã tố cáo Bì Hùng thông dâm với Tất thị, vợ Dương Đại Thành, rằng:

- Vật này Bì Hùng lấy của Tất thị về giao cho con hai ba năm nay. Con thân thiết với Lã Bội rồi ngấm ngấm tặng anh ấy.

Bao Công lập tức lệnh bắt Tất thị đến xét hỏi.

Đang lúc xét xử, thì bỗng nghe thấy tiếng trống kêu oan, Bao Công tạm thời cho những người này đứng sang một bên, và cho gọi người đánh trống kêu oan vào. Người vừa vào trạc năm mươi tuổi, tên là Khuông Tất Hưu, chú Khuông Tất Chính. Vì nghe thấy người ta lôi cháu mình tới cửa quan nên vội vàng tới thưa:

- Cách đây ba năm, con không nhớ ngày, con tới cửa hàng bán vải đoạn của Dương Đại Thành mua đoạn, và dùng chiếc tua này làm vật thế chấp. Mấy hôm sau, con đến cửa hàng hỏi, thì không thấy Dương Đại Thành tới cửa hàng, và cũng không thấy chiếc tua này. Bởi thế con đến nhà Dương Đại Thành, ai ngờ Dương Đại Thành đã chết đúng vào tối hôm ấy, và cũng không biết tìm tích chiếc tua ấy, đành ngậm đắng nuốt cay. Không ngờ hôm nay đưa cháu của con nhìn thấy, rồi bị người ta đưa lên quan. Xin quan lớn đèn trời soi xét, để con được minh oan.

Nói xong ông vải đầu cúi lạy.

Bao Công nghe xong hiểu ngay, cho Tất Hưu xuống, rồi lập tức giải Bì Hùng, Tất thị lên xét hỏi. Bao Công hỏi Tất thị:

- Chồng người chết vì bệnh gì?

Tất thị chưa trả lời, Bì Hùng đứng lên đáp:

- Chết vì đau tim.

Bao Công đập bàn quát:

- Đồ chó chết! Tại sao người biết chồng chị ta chết vì đau tim? Đúng là vì gian dâm mà âm mưu giết đi. Hãy khai rõ sự thực người đã mưu hại Dương Đại Thành thế nào.

Lính hầu hai bên cũng quát thét để uy hiếp:

- Khai mau, khai mau!

Bì Hùng hoảng sợ nói:

- Quả thực con đã thông dâm với Tất thị, song con không mưu hại Dương Đại Thành.

- Thằng này vẫn còn che giấu. - Bao Công nói. - Người còn nhớ khi người ở hàng ăn không? Người vào hàng, thì có một người đẩy máu me theo vào, chủ hàng nói, người sợ hãi không dám uống rượu, trả luôn tiền rồi bỏ đi. Nay trước công đường người còn dám chối quanh. Các người đâu mang dụng cụ tra tấn ra đây.

Bì Hùng sợ quá, cứng họng, thầm nghĩ: "Ngay cả việc uống rượu này ngài cũng biết rồi, thì việc khác giấu sao được. Nếu không khai thực thì sao tránh khỏi tra tấn đau đớn". Nghĩ xong, hăn gật đầu nói:

- Xin ngài đừng giận dữ, con xin khai.

- Khai mau. - Bao Công nói.

- Chỉ vì tâm đầu ý hợp, con gian dâm với Tất thị. - Bì Hùng nói. - Sợ rằng Dương Đại Thành biết được sẽ ngăn chặn, bởi thế chúng con âm mưu, chuốc anh ấy uống rượu say, rồi giết đi lén lút bỏ vào quan tài, rồi nói là anh ấy chết đột ngột về bệnh tim. Lúc ấy thấy tua san hô, con cầm lấy mang về nhà, đưa cho vợ con cất đi. Thưa ngài, con đã khai hết sự thực.

Nghe xong, Bao Công bắt ký vào tờ khai. Rồi lập tức định tội: Tất thị bị lăng trì; Bì Hùng bị chém đầu; đánh Lã Bội bốn mươi gậy rồi tha về. Liễu thị bán cho nhà quan; chú cháu nhà họ Khuông được mang tua san hô về. Bởi thế ai ai cũng khen Bao Công tài giỏi như thần thánh. Khắp nơi đều ca ngợi truyền tụng.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 8 (B)

Ở Tiểu Sa Sào, có một cụ già tên là Trương Hành Tam, ông là người cường trực, nghĩa hiệp. Bởi thế người ta gọi ông là Biệt Cổ, ông vốn kiếm sống bằng nghề kiếm củi. Nay tuổi đã cao, không gánh được củi, người ta giao cho ông xem mặt cân, tiền lãi họ chia đều. Được thế cũng vì xưa nay ông là người tốt. Một hôm, đang thanh thoi rồi rảnh, chẳng có việc gì làm, tự nhiên ông nghĩ: "Cách đây ba năm Triệu Đại người Đông Tháp Oa còn nợ mình một gánh củi bốn trăm đồng. Nếu mình không đòi thì có lỗi với bạn bè. Tuy họ không nghi cho mình tiêu đi, song mình vẫn cứ áy náy. Hôm nay rồi rảnh sao ta không đi đòi". Thế rồi ông đóng cửa chống gậy, tới Đông Tháp Oa.

Tới cửa nhà Triệu Đại, thấy nhà cửa mới làm sáng choang, ông không dám gõ cửa. Hỏi một người hàng xóm mới biết Triệu Đại phát tài, bây giờ người ta gọi là ngài Triệu Đại. Thấy thế ông già chột không vui, nghĩ bụng: "Thằng Triệu Đại cứ hờ ra là đánh xoáy ngay cả tiền củi cũng không muốn trả, làm sao mà nó phát tài nhanh thế". Tới nhà, ông lấy gậy gõ cửa, gọi:

- Triệu Đại! Triệu Đại!

Trong nhà có tiếng thưa:

- Ai gọi Triệu Đại đấy?

Nói xong, cửa mở. Trương Tam thấy Triệu Đại quần áo mới tinh, hoàn toàn khác trước. Gặp Trương Tam, Triệu Đại nói ngay.

- Tôi tưởng ai, hóa ra là anh Trương Tam.

- Thôi, không anh anh em em gì cả. - Trương Tam nói. - Anh còn nợ tiền củi của tôi thì trả tôi.

- Sao mà vội thế, em mời ông anh vào nhà chơi đã.

- Tôi không mang tiền, - Trương Tam nói, - tôi không vào.

- Anh nói gì thế. - Triệu Đại nói.

- Tôi nói thật đấy. - Trương Tam nói. - Nếu tôi có tiền, thì tôi chẳng tới nhà

anh đòi nợ.

Đang nói thì thấy một người đàn bà từ trong ra, ăn mặc quái gở, hỏi:

- Anh nói chuyện với ai thế?

Trương Tam vừa trông thấy nói:

- Triệu Đại, giỏi thật, anh làm cái nghề này, trách nào mà chẳng phát tài.

- Đừng có nói bậy. - Triệu Đại nói. - Đây là vợ bé của em đấy.

Rồi Triệu Đại lại nói với người đàn bà:

- Đây không phải là người ngoài, mà là anh Trương Tam tới chơi

Người đàn bà ra chào hỏi Trương Tam nói:

- Xin thứ lỗi, tôi đau lòng không cúi chào lại được.

- Anh vẫn cứ khách khí, - Triệu Đại nói, - xin mời anh vào trong nhà chơi.

Trương Tam đành theo vào. Trong nhà thấy chậu xếp hết hàng này đến hàng khác, nhiều vô kể, hai người mời nhau ngồi. Triệu Đại gọi vợ pha trà.

Trương Tam nói:

- Tôi không khát, hãy trả tôi bốn trăm đồng, đừng cù cửa nữa.

- Xin anh Tam cứ yên tâm. - Triệu Đại nói. - Tôi đời nào lại quịt anh.

Nói xong, Triệu Đại lấy bốn trăm đồng đưa cho Trương Tam. Trương Tam cầm tiền bỏ vào túi, đứng dậy nói:

- Không phải là tôi tham rẻ đâu, tôi tuổi đã cao, đêm thường hay dậy, anh hãy để cho tôi một chiếc chậu nhỏ, anh trừ đi số tiền lẻ anh còn nợ ấy. Hai bên thanh toán cho dứt đi.

- Tội gì mà anh cứ ăn nước giếng. - Triệu Đại nói. - Những chậu này đều lựa kĩ rồi, không rò rỉ, anh cứ lấy một chiếc về mà dùng.

Trương Tam chọn một chiếc chậu màu đen ôm vào lòng cũng chẳng chào hỏi gì, ra khỏi cửa.

Đông Tháp Oa, cách Tiểu Sao Sào ba dặm, Trương Tam rất bất bình, đang lúc cuối thu, mặt trời còn trên đỉnh núi, ông đi tới giữa rừng, những trận gió thu ào ào thổi, lá vàng rơi lả tả. Bỗng nhiên thấy một cơn lốc xoáy tít, lạnh đến gai người. Ông già rụt cổ lại, khom người xuống, vừa kêu lên "Lạnh quá!" thì bất ngờ chiếc chậu ôm trong lòng rơi xuống đất, lăn lóc cà lóc cộc rồi vắng vắng thấy tiếng kêu bi ai:

- Lưng tôi đau quá!

Trương Tam nghe thấy, nhổ liền mấy bãi nước bọt, ôm lấy chậu đi tiếp. Người đã có tuổi chạy làm sao được. Nhưng đằng sau có tiếng người nói:

- Bác Trương! Chờ cháu với!

Quay lại nhìn, không thấy ai, bụng bảo dạ: "Đúng là thời thế suy vi quý nhất người. Đời ta không làm việc gì hổ thẹn lương tâm, sao mà ban ngày ban mặt lại gặp ma. Có lẽ ta chẳng còn sống được bao lâu nữa". Vừa đi vừa nghĩ, chật vật lắm mới về tới nhà ông vội vàng đặt chậu xuống, để chiếc gậy tre sang một bên, rồi mở khóa, chống gậy mang chậu vào nhà, chống cửa lên. Cảm thấy người mệt mỏi, bải hoải, nói một mình: "Mặc ma với quỷ, đánh một giấc cho khỏe người". Vừa nói xong, thì nghe thấy tiếng kêu ai oán:

- Bác ơi bác, cháu chết thê thảm lắm!

Thấy thế Trương Tam nghĩ: "Sao thế nhỉ! Ta lại đem nhốt ma trong nhà". Biệt Cổ vốn trung trực ngay thẳng, không sợ ma quỷ, nói:

- Người cứ nói đi ta nghe đây.

Ông nghe thấy tiếng nói thầm thì:

- Cháu là Lưu Thế Xương, sống tại làng Bát Bảo, ngoài thành Tô Châu. Mẹ là Chu thị, vợ là Vương thị, có đứa con ba tuổi tên là Bách Tuế. Con sinh sống bằng nghề buôn vải đoạn. Vì cười lừa về nhà, hành lí rất nặng, tối hôm ấy nghỉ qua đêm nhà Triệu Đại. Không ngờ vợ chồng hản độc ác, giết con, chiếm đoạt của cải, máu thịt con hản trộn với đất thiêu cháy. Đến nay con chết đi để lại mẹ già, vợ con, không bao giờ được gặp mặt nữa. Hồn con nơi chín suối không lúc nào yên. Xin bác tới Bao Công minh oan cho con, để rửa mối thù này. Oan hồn con ở nơi chín suối vô cùng biết ơn bác. Nói xong gào lên khóc nức nở. Trương Tam nghe anh ta khóc thật đáng thương, bất giác động chạm tới lòng hào hiệp, ông chẳng biết sợ là gì, gọi:

- Chậu Đen!

Rồi nghe thấy:

- Dạ, bác ơi cháu đây.

- Ta sẽ minh oan cho cháu. - Trương Tam nói. - Nhưng chỉ sợ Bao Công không nhận đơn, cháu phải đi với ta.

Chậu Đen vâng lời ngay, nói:

- Cháu sẽ đi với bác.

Thấy nó bằng lòng, Trương Tam rất vui mừng, nghĩ: "Lần đi tố cáo này, không sợ Bao Công không tin. Tuy nói thế, song ta tuổi đã cao trí nhớ kém, nên ta phải học thuộc họ tên và nơi ở". Thế rồi ông đọc đi đọc lại cho thật thuộc.

Ông già rất nhiệt tình, suốt đêm không sao chợp mắt được, trời chưa sáng ông đã dậy, cặp chậu, khóa cửa chống gậy, tới huyện Định Viễn. Khi ra khỏi cửa, gió rét thấu xương, khí lạnh ẩm vào người, trời lại tối đen như mực, nếu không tốt bụng như Trương Tam, thì rét cắt da cắt thịt như thế ai mà chịu đi kêu oan cho. Tới huyện Định Viễn, trời còn quá sớm, công đường chưa mở cửa. Ông rét run cầm cập, tìm chỗ tránh gió, ngồi bệt xuống đất, thở một lát thấy người dễ chịu, ông già hứng chí lên úp chậu xuống đất, lấy gậy tre gõ vào đấy, hát bài "Mười việc không nhàn". Vừa hát tới câu "Rằm tháng tám trăng vắng vặc sáng", thì nghe thấy tiếng cửa mở. Bao Công lên công đường.

Trương Tam vội ôm chậu, quỳ xuống kêu oan. Người trực vào bẩm, rồi dẫn ông vào. Bao Công hỏi:

- Người có oan gì hãy nói ngay.

Trương Tam kể lại chuyện đi đòi nợ Triệu Đại ở Đông Tháp Oa, được một chiếc chậu đen, gặp oan hồn thuật lại nỗi oan ức của mình, "hiện có chiếc chậu đen làm chứng".

Nghe xong, Bao Công không cho việc ấy là nói bừa, bèn gọi:

- Chậu Đen! Chậu Đen!

Không thấy trả lời. Lại gọi liền mấy tiếng nữa, cũng cứ lặng im. Thấy Biệt Cổ già cả lẩm cẩm, Bao Công cũng không nổi giận, bảo lính hầu đuổi ông ra ngoài.

Ra khỏi nha môn, lão Trương gọi:

- Chậu Đen!

Ông nghe thấy tiếng đáp lại:

- Bác ơi, cháu đây.

- Người theo ta kêu oan, - lão Trương nói, - sao người không vào?

- Vì thần coi cửa không cho vào, - Chậu Đen nói, - oan hồn không dám

vào. Xin bác nói giúp cho cháu.

Nghe xong, lão Trương kêu oan. Người gác cổng ra quát:

- Ông già này vẫn chưa đi, còn đứng đấy mà kêu à?

- Xin ông nói cho tôi một tiếng, - lão Trương nói, - Chậu Đen bị thần coi cửa không cho vào, nên không dám vào.

Người gác cổng không còn cách nào, đành phải vào thưa giúp ông. Bao Công thấy thế viết một tờ giấy, bảo người gác cổng ra cửa đốt đi, rồi cho ông già vào, xét hỏi lần nữa. Lão Trương ôm chậu vào công đường, đặt chậu xuống đất, quỳ sang một bên. Bao Công hỏi:

- Lần này có bảo nó trả lời không?

Lão Trương nói có ạ. Bao Công bảo mọi người:

- Các người chú ý nghe nhé!

Những người xung quanh lắng tai nghe Bao Công gọi:

- Chậu Đen!

Vẫn không thấy trả lời. Bao Công bỗng nổi giận, đập bàn quát:

- Lão già này! Ta nghĩ người già cả mới không phạt người. Bây giờ mà như thế, chẳng hóa ra người coi ta là kẻ ngu đần ư!

Thế rồi ông lệnh đánh lão Trương mười gậy để răn đe sau này. Lính hầu chẳng cho ông phân trần, đánh lão Trương mười gậy. Lão Trương nghiêng rường chịu đựng, tập tễnh ôm chậu cầm gậy ra khỏi công đường.

Ra tới bức bình phong, ông già lắng chiếc chậu xuống. Bỗng nghe thấy tiếng kêu:

- Ối! ối! Chẹo chân cháu rồi.

- Kì lạ thật lão Trương nói, - Sao cháu không vào?

- Vì cháu trần truồng, không dám gặp ngài. Không còn cách nào khác, xin bác hãy nói rõ cho cháu.

- Ta vì cháu mà đã bị đánh mười gậy rồi, - lão Trương nói, - nếu bây giờ lại vào thì ta sẽ bị đánh như đòn.

Chậu Đen cứ khẩn thiết van nài. Lão Trương cúi lòng, đành mang chậu vào. Ông không dám kêu oan, đành lén vào qua cửa ngách. Thấy một người đầu bếp bước ra, chợt nhìn thấy ông kêu lên:

- Hồ Đầu Nhi! Hồ Đầu Nhi! Lão già này lại vào.

Hồ Đầu Nhi đang bàn tán cười nói về chuyện này, bỗng nghe thấy ông già lại tới, vội chạy ra lời ông lại. Lão Trương đã định sẵn, bèn ngồi lì xuống đất kêu oan. Bao Công nghe thấy, bảo giải ông vào, hỏi:

- Vì sao ông còn vào đây? Ông không sợ đánh ư?

- Vừa rồi trở ra, con lại hỏi Chậu Đen, - lão Trương cúi đầu nói, - nó nói rằng người nó trần truồng, không dám gặp ngài. Xin ngài cho nó một bộ quần áo che thân, nó mới dám vào.

Thấy thế Bao Công bảo Bao Hưng lấy cho nó bộ quần áo. Bao Hưng lấy một chiếc áo dài, đưa cho lão Trương. Lão Trương cầm áo đi ra. Người gác cổng nói:

- Hãy dìu ông ấy, thấy ông ấy đi tập tễnh.

Lão Trương bọc lấy chiếc chậu, ôm lên lo lắng bảo:

- Chậu Đen, theo ta.

Nghe thấy tiếng đáp lại:

- Vâng, bác đi, cháu ở đây.

Lão Trương nghe thấy tiếng trả lời, lúc ấy mới yên tâm, luôn miệng bảo nó vào.

Tới công đường, lão Trương để chiếc chậu ở giữa còn mình quỳ sang một bên. Bao Công lại bảo mọi người lắng tai nghe. Mọi người đáp:

- Vâng ạ?

Đó là do lệnh trên sai khiến, chứ không phải do mình. Có người cho rằng ông già mắc bệnh điên; có người cho rằng Bao Công dễ tính, cũng có người cười thầm. Ngay cả Bao Hưng cũng bất giác cười thầm cho là: "Hôm nay Bao Công bị gã điên làm phiền". Bao Công ngồi bên trên quát:

- Chậu Đen!

Không ngờ chiếc chậu bọc trong áo thưa:

- Dạ, thưa ngài!

Mọi người thấy rất lạ. Thấy Chậu Đen thưa, lão Trương bỗng nhảy lên suýt nữa đâm sầm vào bàn Bao Công. Mọi người quát lên, ông mới quỳ xuống. Bao Công hỏi kỹ lão Trương. Hình như lão Trương đã thuộc, nói thao thao bất tuyệt rất rõ ràng: họ tên là gì, nhà ở đâu, có những ai, làm gì, vì sao bị giết, kẻ nào giết... Những người xung quanh, ai ai cũng thương xót. Nghe

xong, Bao Công bảo Bao Hưng lấy mười lạng bạc thưởng cho lão Trương, rồi cho ông về. Biệt Cổ vô cùng cảm ơn rồi ra về.

Bao Công lập tức bảo thư lại lập văn bản gửi tới Tô Châu, báo cho người thân tới nghe kết án. Sau đó lệnh bắt vợ chồng Triệu Đại xét hỏi và lấy khẩu cung. Bao Công trầm ngâm hồi lâu, rồi bảo:

- Cho Triệu Đại ra ngoài, không cho hăn gặp Điều thị. Thế rồi họ giải Điều thị tới công đường, Bao Công nói:

- Chồng người đã khai: việc hãm hại Lưu Thế Xương hoàn toàn là do người.

Nghe thấy thế Điều thị nổi giận, bèn bảo là Triệu Đại thắt cổ Lưu Thế Xương. Hiện nay bạc lấy được vẫn chưa dùng hết. Bao Công lập tức ghi lời khai và bắt Điều thị điểm chỉ vào. Sau đó ông sai người thu tang vật. Gọi Triệu Đại vào đối chất với vợ hăn. Ai ngờ hăn rất ngoan cố, khẳng khẳng không nhận. Hăn nói rằng số bạc ấy là do hăn tích góp trước. Bao Công phút thốc nổi giận, gọi mang dụng cụ tra tấn ra, dùng kẹp lớn kẹp vào hai đùi hăn, hăn vẫn không khai. Bao Công hô lên một tiếng dứt khoát:

- Kẹp!

Triệu Đại không chịu được. Ôi thôi! Hăn đã về châu trời. Thấy Triệu Đại chết, Bao Công đành bảo mọi người khiêng hăn ra ngoài. Rồi lập tức viết tờ trình gửi lên phủ, chuyển tờ trình ấy về kinh đô.

Lúc ấy thân nhân của Lưu Thế Xương tới. Bao Công giao hết số bạc còn lại cho mẹ vợ và vợ Lưu Thế Xương, đồng thời hóa giá toàn bộ tài sản của Triệu Đại giao cho mẹ và vợ Thế Xương nuôi nhau. Mẹ con nghĩ tới công ơn lão Trương đã minh oan cho con mình, muốn mời ông tới Tô Châu chăm sóc ông đến trọn đời. Được oan hồn nhờ cậy và cũng muốn chiếu cố đến mẹ con góa bụa cô quả, lão Trương đã vui lòng cùng họ tới Tô Châu.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 9

Mua Thủ Lợn, Thư Sinh Gặp Tai Ương

Hỏi Thiên Nhi, Bao Công Tài Kết Án

Hôm ấy, tới trấn Tam Tinh, thấy nơi đây yên tĩnh, Bao công thầm nghĩ: "Quan vùng này biết cách cai trị dân", bỗng thấy có tiếng kêu oan. Bao Hưng lập tức xuống ngựa, thấy có người từ cây liễu rỗng bên đường chui ra, quỳ xuống đội đơn. Bao Hưng vội cầm lấy đơn. Lúc ấy kiệu dừng, Bao Hưng dâng tờ đơn cho Bao Công. Xem xong Bao Công nói với người đàn bà:

- Trong lá đơn người nói là không có ai, vậy ai viết lá đơn này?

- Từ nhỏ con đã thuộc lòng thi thư, - người đàn bà đáp, - Anh em đều là cử nhân, chồng con cũng là tú tài, không lúc nào rời nghiên bút.

Sẵn có nghiên bút trên kiệu, Bao Công bảo Bao Hưng đưa cho người đàn bà viết một bản khác. Bà ta không đắn đo gì, cầm lấy bút viết ngay. Bao Công nhận đơn, xem qua rồi gật gật đầu nói:

- Bà kia cứ về đi. Ta tới nha môn sẽ xét xử vụ này.

Người đàn bà ấy cúi lạy nói:

- Đa tạ ngài.

Bao Công lên ngựa, đi thẳng tới nha môn.

Người đàn bà này họ Văn, làm dâu nhà họ Hàn. Khi chồng chết, bà có một đứa con tên là Thụy Long, mười sáu tuổi. Sống ở ba gian nhà thuê tại Bạch Gia Bảo. Hàn Văn thị làm nghề khâu vá thêu thùa, dạy con học hành. Con học ở gian phía đông, mẹ làm việc ở gian phía tây. Hai mẹ con sống dựa vào nhau, không có người ăn kẻ ở.

Vào một tối, Hàn Thụy Long chong đèn đọc sách, bỗng thấy gian phía tây

động rèm, rồi thấy một người mặc áo màu lá hẹ, đi giày đỏ lên vào phòng. Anh vội đứng dậy sang phòng phía tây. Mẹ anh đang thắp đèn làm việc. Thấy Thụy Long vào, mẹ anh hỏi:

- Bài vở tối nay con học xong chưa?
- Con tự nhiên quên mất một điển cố, con đến tìm sách tra xem nó thế nào!

Vừa nói anh vừa tới giá sách. Tuy tìm sách, song anh lảng lảng để ý dò tìm nhưng chẳng thấy gì. Anh buồn rầu cầm một cuốn sách bước ra. Cứ sợ trộm nấp trong bóng tối, lại không dám nói, e rằng mẹ sợ. Đêm ấy anh không sao chợp mắt được. Tối hôm sau, đọc sách đến canh một, anh hoảng hốt thấy rèm buồng phía tây lại động, và vẫn thấy người mặc áo xanh đi giày đỏ y như hôm trước vào phòng. Hàn Sinh vội vã chạy sang, gọi:

- Mẹ ơi!

Tiếng gọi là Hàn Văn thị giật mình, nói:

- Con không học à? Vì sao mà hoảng hốt đến thế?

Thấy mẹ hỏi, Hàn Sinh không còn cách nào khác, đành nói thực:

- Vừa thấy có người vào đây, con vội chạy sang thì không thấy đâu cả. Tối qua cũng như thế.

Hàn Văn thị nghe xong thấy lạ, nói:

- Nếu có kẻ xấu ẩn nấp ở đây, thì sợ thật. Con hãy soi đèn xem sao.

Hàn Sinh soi đèn xuống gầm giường, nói:

- Mẹ ơi! Vì sao đất dưới gầm giường lại cao gồ lên như thế?

Hàn Văn thị vội nhìn xuống; quả là đất gồ lên thật, bà nói với con:

- Ta hãy khiêng giường ra và nhìn kỹ xem sao.

Hai mẹ con hì hục khiêng giường ra bởi chỗ đất gồ lên, thấy một chiếc hòm, bất giác trống ngực đánh hơi trống làng, Hàn Văn thị vội tìm một đoạn sắt cạy hòm ra. Bà bủn rủn cả chân tay.

Thấy hòm đựng đầy vàng bạc, Hàn Sinh vô cùng sung sướng, nói:

- Mẹ ơi! Quả là của đến tìm người!

Văn thị thấy thế, quát:

- Nói bậy, làm gì có chuyện đó! Đúng là tiền của nhưng là tiền của bất nghĩa, đừng có động vào.

Hàn Sinh còn bụng non dạ trẻ, thấy nhiều vàng bạc, bỏ đi sao được. Hơn nữa mẹ con rất nghèo túng, anh nói với mẹ:

- Mẹ ơi! Xưa nay người đào được vàng không phải ít. Hơn nữa đây không phải mình trộm cướp, cũng không phải người khác đánh rơi, mình nhặt được thì sao gọi là phi nghĩa? Đây quả là trời thương mẹ con mình, nên mới ban cho số của cải này. Xin mẹ xét kĩ cho.

Thấy con nói có lí, Văn thị nói:

- Đã thế thì sáng mai mua ít lễ vật về tạ ơn thần, như thế mới phải đạo.

Thấy mẹ nói thế, Hàn Sinh rất đổi vui sướng, nghe theo lời mẹ. Thế rồi họ lấp hòm đi, kiêng giường đặt vào như cũ.

Hai mẹ con tắt đèn đi ngủ.

Hàn Sinh trần trọc suốt đêm, nghĩ ngợi lung tung, cứ nhắm mắt lại thì ánh vàng ánh bạc lại rực sáng, chẳng còn lòng dạ nào mà ngủ được. Bỗng nhiên anh choàng tỉnh dậy, thấy trời sáng, vội vàng thưa với mẹ đi mua lễ vật. Ai ngờ ra khỏi cửa, trời vẫn còn sớm, anh đành lững thững đi. Tới cửa hàng thịt nhà họ Trịnh, thấy bên trong có ánh đèn, anh vội vàng gõ cửa mua thủ lợn, đèn bỗng phụt tắt. Một lúc lâu, không thấy ai lên tiếng, anh đành quay về. Vừa đi được mấy bước nghe thấy nhà họ Trịnh mở cửa. Quay lại nhìn thấy đèn đã bật sáng. Rồi nghe thấy người hàng thịt họ Trịnh gọi:

- Ai mua thủ lợn thế? Lại đây!

- Bán cho tôi chiếc thủ lợn. - Hàn Sinh nói.

- Tưởng ai, hóa ra là ông Hàn, - lão Trịnh nói, sao mua thủ lợn mà không mang cái đựng?

- Vội quá, tôi quên mất, làm thế nào đây. - Hàn Sinh nói.

- Không lo, - lão Trịnh nói, - lấy mảnh vải lót của tôi mà gói, ngày mai mang tới trả cũng được.

Thế rồi lão Trịnh dùng mảnh vải lót gói lại, đưa cho Hàn Sinh. Hàn Sinh cầm lấy mang về. Đi một lát, thấy mỏi rã cả tay, Hàn Sinh đặt xuống nghỉ một chút, rồi lại đi tiếp. Vừa lúc ấy lính tuần tra tới, thấy Hàn Sinh mệt nhoài thở hổn hển, hai tay bê gói vải dính máu, họ nghi ngờ, hỏi đó là vật gì. Một người cúi xuống mở gói khám xét. Dưới ánh trăng vắng vặc và ánh đèn sáng rực, một chiếc đầu lâu đàn bà, tóc rối bù dẫm máu. Hàn Sinh sợ

hết hồn, lính tuần canh đêm không nghe những lời phân trần, lập tức giải Hàn Sinh về huyện Nghiệp, chờ trời sáng bẩm quan.

Quan huyện thấy án mạng, lập tức ra công đường. Thấy Hàn Sinh là một thư sinh yếu đuối, bèn hỏi:

- Người tên gì? Vì sao lại giết người?

- Thưa ngài, con là Hàn Thụy Long, - Hàn Sinh khóc lóc nói, - đến cửa hàng thịt nhà họ Trịnh mua thủ lợn, quên không mang cái đựng, ông Trịnh đã dùng vải lót gói lại rồi đưa cho con. Không ngờ đó là chiếc đầu lâu.

Nói xong Hàn Sinh khóc như mưa như gió. Quan huyện nghe thấy, lập tức ra lệnh bắt anh hàng thịt họ Trịnh. Ai ngờ gã họ Trịnh đã chối phắt rằng, hẳn không bán thủ lợn cho Hàn Sinh. Quan huyện lại hỏi:

- Thế thì miếng vải lót không phải là của người ư?

- Cách đây ba hôm Hàn Sinh đã đến mượn tấm vải ấy, - gã họ Trịnh nói, - không ngờ hẳn đã dùng mảnh vải ấy gói đầu lâu rồi đổ vạ cho con.

Thương thay anh học trò non nớt, làm sao địch nổi gã đồ tể lòng lang dạ sói. May mà quan huyện hiểu cho, thấy Hàn Sinh không giống loại người hung ác, không dám tra tấn. Ông lệnh giam Hàn Sinh và gã đồ tể vào ngục, nghĩ cách xét xử sau.

Không ngờ, Hàn Văn thị tại trấn Tam Tịch đã trình đơn cho Bao Công. Tới nha môn, Bao Công nghỉ một lát uống trà, sau đó làm việc với quan huyện về vụ án Hàn Thụy Long. Quan huyện nói:

- Vụ án này còn đang nghiên cứu, chưa thể kết án được.

Bao Công bảo đưa các nhân chứng, vật chứng tới công đường xét hỏi.

Một lát sau. Bao Công tới công đường, thấy Hàn Thụy Long khóc đầm nước mắt, run lẩy bẩy, quỳ trước công đường Bao Công hỏi:

- Hàn Thụy Long! Vì sao giết người? Hãy khai mau.

Hàn Sinh giọt ngấn giọt dài nói:

- Chỉ vì con mua thủ lợn tại cửa hàng họ Trịnh, quên mang cái đựng. Ông ta dùng vải lót gói cẩn thận rồi đưa cho con. Không ngờ lại xảy ra nông nỗi này.

Bao Công nói:

- Được rồi! Người mua thủ lợn rồi gặp tuần tra vào lúc nào?

- Khi trời còn chưa sáng - Hàn Sinh nói.

- Trời chưa sáng người đi mua thủ lợn làm gì, nói mau. - Bao Công hỏi.

Đến lúc này Hàn Sinh không thể giấu được nữa. Anh kể lại ngọn ngành từ đầu tới cuối sự việc đã xảy ra, rồi khóc rống lên:

- Xin ngài tha cho tấm thân hèn mọn này.

Bao Công lặng lẽ gật đầu, nghĩ: "Thằng nhỏ nhà nghèo, thấy của sinh lòng tham, nó như thế chắc rằng không phải là kẻ giết người". Thế rồi ông lệnh cho nó xuống công đường, rồi ông nói với quan huyện:

- Ngài hãy dẫn sai nha đến nhà Hàn Thụy Long khám nghiệm chiếc hòm ấy, phải khám xét thật tỉ mỉ.

Quan huyện vâng lệnh, ra khỏi nha môn, cưỡi ngựa dẫn sai nha đi.

Bao Công lại bảo dẫn lão đồ tể họ Trịnh tới. Thấy bộ mặt hung ác, Bao Công biết đây là loại bất lương. Khi hỏi, hăn vẫn nói như trước. Bao Công nổi giận tát cho hăn hai mươi cái, rồi lại đánh thêm ba mươi gậy. Tên gian ác quả là một thằng chịu đòn, hăn không hề hé răng khai nửa lời. Ông bảo cho hăn xuống. Quan huyện trở về bẩm báo: - Tôi vâng lệnh ngài, đến nhà Hàn Thụy Long khám nghiệm chiếc hòm, thấy trong hòm đầy vàng bạc, song đều là vàng bạc làm bằng giấy cúng người chết. Mọi xuống dưới tìm thì ngờ đâu, đó lại là một xác chết không đầu, mà lại là xác đàn ông.

- Có kiểm tra xem người ấy bị giết bằng gì không? - Bao Công hỏi.

Quan huyện ngớ người ra, thưa:

- Tôi chỉ thấy đó là chiếc xác không đầu, chứ không khám nghiệm người ấy bị giết bằng gì.

- Đã đi khám nghiệm, tại sao không xem xét rõ ràng!? - Bao Công quát.

- Tôi quả là sơ ý. - Quan huyện vội nói.

- Hãy xuống dưới kia. - Bao Công nói.

Quan huyện sợ toát mồ hôi, vội lui ra, nghĩ thầm: "Quả là ngài Khâm sai đại thần ghê thật, lần sau phải cẩn thận mới được".

Bao Công lại gọi Hàn Thụy Long vào, hỏi:

- Hàn Thụy Long, ngôi nhà người ở là do cha người để lại, hay là người làm ra?

- Đây là ngôi nhà con mới thuê. - Hàn Thụy Long nói.

- Trước đây ai ở? - Bao Công hỏi.

- Con cũng không biết. - Hàn Sinh nói.

Nghe xong Bao Công lệnh giam Hàn Sinh và gã đồ tể họ Trình vào ngục. Bao Công buồn rầu rời khỏi công đường. Cho người gọi Công Tôn tiên sinh tới, trao đổi kỹ việc này. Cái đầu là đàn bà, mà thân xác lại là đàn ông, thì sẽ xử lý thế nào đây. Công Tôn tiên sinh đòi phải bí mật thăm dò. Bao Công lắc đầu nói:

- Đã biết rồi không nên đi nữa, để tôi nghĩ kỹ xem sao.

Công Tôn Sách lui ra, bàn với các ông Vương, Mã, Trương, Triệu, song họ đều bó tay. Công Tôn tiên sinh ra về.

Triệu Hổ nói với ba ông anh rằng:

- Chúng ta tới phủ Khai Phong, quả là vô tích sự. Nay Bao Công đang gặp khó khăn, lẽ ra phải chia sẻ nỗi lo với ông, em thử bí mật đi điều tra xem sao.

Ba người nghe thấy thế cười phá lên, nói:

- Đây là việc bí mật, tế nhị, chứ là người thô lỗ không làm được đâu nếu chẳng may xảy ra điều gì sai sót thì sao?

Nói xong họ lại cười phá lên, Triệu Hổ cụt hứng. Ngượng ngùng trở về, song cũng không trách móc họ. Thế rồi đưa hầu lại rất khôn khéo, nó nói thầm với Triệu Hổ rằng:

- Con nghĩ ra rồi.

- Mà định thế nào? - Triệu Hổ nói.

- Vừa rồi chẳng phải ba ông đã chê cười ông sao? - Thằng nhỏ nói. - Cũng cần phải biết tự trọng một chút chứ, ông thử bí mật đi dò xét xem sao. Nhưng phải hóa trang cho thật khéo, khiến người ta không nhận ra được. Nếu dò la ra, thì đó là công lao của ông. Nếu không tìm ra, thì cứ lặng lẽ về không ai biết được cũng chẳng đến nỗi phải hổ thẹn. Ông thử nghĩ xem có được không?

Nghe xong Triệu Hổ rất vui, nói:

- Thằng nhỏ giỏi quá, ý mà rất hay, mà hãy lo giúp ta đi.

Thằng nhỏ vội đi ngay, một lúc lâu nó trở về nói:

- Thưa ông, làm việc này rất tốn kém, khó khăn lắm con mới tìm ra. Tốn

hết mười sáu lạng bạc.

- Chẳng kể nhiều hay ít, - Triệu Hồ nói, - chỉ cốt được việc thôi.

- Chắc chắn là tốt rồi. Ta đi tìm một chỗ vắng, để con hóa trang cho.

Triệu Hồ nghe xong, rất mừng, đi theo thằng nhỏ ra khỏi công đường, tìm một chỗ vắng vẻ nhất. Nó bảo Triệu Hồ cởi áo, rồi nó mở gói đồ ra. Trong gói có một ít nhọ nôi, nó xoa nhọ nhem lên mặt và khắp người Triệu Hồ. Sau đó nó đội cho

Triệu Hồ một chiếc mũ rách nát, lại mặc cho Triệu Hồ một chiếc áo rách như tổ đĩa, xỏ cho đôi tất rách bươm, rồi mặc cho Triệu Hồ một chiếc quần cụt ống rách tướp như xơ mướp, dán hai lá cao lên đùi, nhổ vào đó mấy bãi nước bọt, xoa cho nhem nhuốc, trông như máu mủ rỉ ra. Sau đó xỏ cho Triệu Hồ một đôi giày há mồm vệt đế, đưa cho một chiếc bát mẻ và một chiếc bị, một chiếc gậy đánh chó. Triệu Hồ bỗng chốc giống như một người ăn mày. Bộ trang phục này đến ba mươi đồng cũng chẳng ai thèm mua, chứ nói gì đến mười sáu lạng rưỡi bạc? Chỉ vì Triệu Hồ giàu có, tiêu tiền như rác thì sá gì nhiều hay ít, hơn nữa đây là việc công nên chẳng cần phải tính toán. Trước lúc lên đường, thằng nhỏ nói:

- Vào lúc canh một, con sẽ đợi ông ở đây.

Thế rồi Triệu Hồ tay trái đeo bị, tay phải cầm gậy, đi tới thôn trước mặt.

Cứ đi mãi đi mãi, bỗng thấy đau nhói dưới gan bàn chân. Triệu Hồ tới ngồi trên một hòn đá trước cửa một ngôi chùa nhỏ lấy giày ra xem, thì thấy một chiếc đinh xuyên qua đế giày Triệu Hồ cầm giày đập phành phạch vào hòn đá, mãi chiếc đinh mới bật ra. Thấy động, tưởng có người gõ cửa, hòa thượng chạy ra xem, thì hóa ra là một người ăn mày đang đập giày. Triệu Hồ ngẩng đầu nhìn, vội hỏi:

- Hòa thượng có thấy mình người con gái, đầu người con trai ở đâu không? Hòa thượng thấy vậy cho rằng: "Đó là một thằng điên". Chẳng nói chẳng rằng, đóng cửa chùa đi vào. Triệu Hồ bỗng nhiên tỉnh ngộ, tự chế giễu mình: "Ta đóng vai đi dò la bí mật, sao lại tùy tiện nói năng được, thật là đồ bỏ đi. Thôi mau lên!". Rồi lại nghĩ tiếp: "Đã đóng giả ăn mày thì phải biết kêu xin chứ. Điều này đúng là ta chưa học bao giờ, thôi thì đến đâu ta nói đấy cứ kêu bừa đi mấy câu". Rồi ông kêu:

- Lạy ông đi qua, bà đi lại, hãy thương tôi cho tôi một bát, hay nửa bát, dù cơm cháy cơm khô cũng được.

Lúc đầu còn hứng thú, vì là đi do thám. Sau đó chẳng ai để ý tới ông thầm nghĩ: "Như thế này thì dò la làm sao được". Tự nhiên thấy lo lắng, sốt ruột. Mặt trời đã lặn về tây, trời sắp tối may mà sau ngày rằm, trời tuy tối, song ở phương đông đã thấy một vầng trăng nhô lên.

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 9 (B)

Đi tới đầu thôn, chợt thấy phía sau nhà có một bóng người trèo tường, nhảy vào bên trong. Triệu Hồ nghĩ: "Vừa mới tối sao đã có trộm? Kệ nó, ta cứ theo vào xem sao. Kẻ kiếm ăn, đâu có kể gì đến lương tâm! Nếu không ăn trộm thì mò vào đó làm gì nếu có lương tâm thì đã chẳng đi ăn trộm. Nghĩ thế, Triệu Hồ bỏ bị gậy xuống, lẳng đôi giày rách, đi chân đất, nhún người nhảy phốc lên mặt tường. Thấy bên trong tường có một đồng củi, Triệu Hồ tụt người xuống. Chú ý nhìn, thì thấy một người đang bò lổm ngổm. Triệu Hồ nhào người tóm chặt lấy. Người ấy kêu "Ồi!" lên một tiếng. Triệu Hồ nói:

- Mày mà kêu ta bóp chết.
- Tôi không kêu! Tôi không kêu! - Người ấy nói. - Xin ông tha cho.
- Mày tên gì? - Triệu Hồ hỏi. - Lấy trộm cái gì? Để ở đâu? Nói mau!
- Tôi là Diệp Thiên Nhi, có một người mẹ già đã tám mươi tuổi - Người ấy nói. - Vì không có gì nuôi dưỡng, nên lần đầu tiên tôi đi ăn trộm. Xin ông tha cho.
- Có đúng mày chưa lấy được gì không? - Triệu Hồ hỏi.

Triệu Hồ vừa tra hỏi vừa xét kĩ, thấy dưới đất có một dải lụa trắng. Triệu Hồ vừa lôi thì dưới đất tung ra, càng lôi càng dài, giũ mạnh, thấy hai chiếc chân nhỏ lòi ra, bèn nắm chặt lấy chân lôi thật mạnh, thì đó là chiếc xác đàn bà không đầu.

Thấy thế Triệu Hồ nói:

- Người giỏi thật! Đã giết người lại còn lừa dối ta. Ta nói thực với người, ta không phải ai khác mà là Triệu Hồ dưới trướng Bao đại nhân ở phủ Khai Phong. Vì việc này mà ta phải bí mật tới đây điều tra.

Diệp Thiên Nhi nghe thấy thế sợ hết hồn, van nài:

- Ông Triệu! Thưa ông con quả thực là đi ăn trộm, chứ hoàn toàn không

giết người.

- Ai nghe mà, cứ trối lại đã rồi hãy hay.

Thế rồi Triệu Hồ lấy dải lụa trắng trối lại. Sợ hấn kêu lại xé lụa nhét chặt vào mồm, rồi nói:

- Mà hãy ở đây, ta đi một lát sẽ tới.

Triệu Hồ theo đông củi nhảy ra ngoài, chẳng để ý gì đến bị gậy và đôi giày rách, cứ chân đất, chạy như bay về thẳng công đường.

Lúc ấy trời vừa canh một, thằng nhỏ đang đứng đó chờ. Hình như ngài Triệu Hồ, song lại nghe thấy tiếng bước chân chạy uỳnh ạch, bèn vội ra đón, nói:

- Việc ấy ngài làm thế nào rồi?

- Chú nhỏ, ta rất thú vị. - Triệu Hồ nói.

Vừa nói, vừa chạy như bay vào công đường. Thằng nhỏ thấy thế rồi rít chạy theo. Ai ngờ, vì có quan Khâm sai, nên các cửa công đường đều đóng, canh gác rất nghiêm ngặt. Bỗng thấy có một người ăn mày xồng xộc chạy vào, họ vội ngăn lại, nói:

- Người có biết đây là đâu không, mà dám liều lĩnh như thế.

Chưa nói hết thì đã thấy Triệu Hồ dùng tay gạt họ ngã bổ chửng xuống đất. Triệu Hồ vào rồi. Mọi người mới gào ầm lên, thấy thằng nhỏ của Triệu Hồ chạy vào nói:

- Đừng kêu nữa, ngài Triệu Hồ đấy!

Mọi người nghe thấy sững sờ không biết vì sao.

Triệu Hồ chạy vào, gặp ngay Bao Hưng liền kéo tay nói:

- Đến đúng lúc quá.

Bao Hưng giật mình vội hỏi:

- Người là ai?

Thằng nhỏ chạy tới nói:

- Triệu Hồ đấy.

Trong đêm tối, Bao Hưng nhìn không rõ, chỉ nghe thấy Triệu Hồ nói:

- Người hãy vào bẩm... Bao đại nhân... nói là Triệu Hồ xin gặp.

Nghe thấy tiếng Triệu Hồ, Bao Hưng nói:

- Chà, chà! Ngài Triệu Hồ, ngài làm tôi hết cả hồn vía.

Tới chỗ ánh đèn, thấy dáng vẻ Triệu Hồ không sao tưởng tượng nổi, tự nhiên cười phá lên. Triệu Hồ nói:

- Thôi đừng cười nữa, vào nói ngay với Bao đại nhân, ta có việc rất quan trọng xin gặp. Mau lên, mau lên.

Thấy thế Bao Hưng cho rằng chắc là có việc gì, bèn đưa ngài Triệu vào thư phòng Bao Công. Bao Hưng vào bẩm. Bao Công lập tức gọi vào. Thấy dáng vẻ Triệu Hồ như thế, cũng bật cười, hỏi:

- Có việc gì thế?

Triệu Hồ kể lại việc mình bí mật đi điều tra, gặp Diệp thiên Nhi, thấy xác một người đàn bà không đầu như thế nào. Đang lúc chưa tìm ra đầu mối, thấy thế Bao Công vô cùng mừng rỡ, lập tức sai hai người coi giữ thi thể và hai người giải ngay Diệp Thiên Nhi tới. Dặn dò xong, mới bảo Triệu Hồ ra phía sau thay quần áo, rồi hết lời khen ngợi Triệu Hồ. Triệu Hồ dương dương tự đắc đi ra. Thằng nhỏ đã chuẩn bị sẵn quần áo và nước sạch. Triệu Hồ thưởng cho thằng nhỏ mười lạng bạc, nói:

- Thằng nhỏ giỏi thật, không có mày thì ta làm sao lập được công.

Triệu Hồ rất vui sướng, ông thành thoi chải đầu nghỉ ngơi.

Một lát sau, sai nhân đã giải Diệp Thiên Nhi về, hắn vẫn còn bị trói. Bao Công lập tức lên công đường, lệnh đưa Thiên Nhi đến trước mặt, rồi cởi trói. Ông hỏi:

- Người tên gì? Vì sao lại giết người? Hãy nói mau!

- Con tên là Diệp Thiên Nhi, - Diệp Thiên Nhi nói, - nhà có mẹ già. Chỉ vì khổ quá không sống được mới đi ăn trộm.

Không ngờ lần đầu đã bị bắt. Xin ngài tha tội.

- Người đi ăn trộm là phi pháp, vì sao lại còn giết người?

Bao Công hỏi.

- Đúng là con đã đi ăn trộm. - Diệp Thiên Nhi nói, - song con không giết người.

- Mày là một tên gian manh độc ác! - Bao Công đập bàn quát. Ta hỏi mày

không chịu khai, các người hãy lôi nó ra, đánh cho nó hai mươi gậy.

Chỉ đánh hai mươi gậy mà Diệp Thiên Nhi đau quắn quại, vội khai ngay:

- Con thật không may, lần trước như thế, mà lần này cũng vậy. Thật oan con quá!

Thấy có uẩn khúc, Bao Công hỏi:

- Lần trước thế nào, nói mau?!

Biết rằng đã lỡ lời, Diệp Thiên Nhi im lặng. Bao Công quát:

- Vả vào mồm nó cho ta, vả thật đau vào.

Diệp Thiên Nhi vội nói:

- Mong ngài bớt giận, con xin khai. Vì thôn Bách Gia có Bách Viên Ngoại, gọi là Bách Hùng. Ngày sinh nhật ông ta, con tới giúp để kiếm cơm. Xong việc, con tưởng rằng sẽ được thưởng tiền hoặc được ăn. Ai ngờ Bạch An là quản gia nhà ông ta còn cay nghiệt hơn ông. Xong việc, không những không thưởng tiền, mà ngay cả những thức ăn thừa cũng không cho. Bởi thế con rất tức, đến tối con tới nhà ông ăn trộm.

Bao Công nói:

- Người vừa nói đó là lần đầu, còn hôm nay là lần thứ hai ư?

- Lấy trộm nhà Viên Ngoại là lần đầu. - Diệp Thiên Nhi nói.

- Ăn trộm thế nào nói mau! - Bao Công hỏi.

- Đường ngang lối tắt nhà ông ấy con thuộc hết. - Diệp Thiên Nhi nói. - Con lén vào lối cổng chính, rồi nấp vào nhà phía đông. Đây là phòng của vợ ông ta tên là Ngọc Nhục. Con biết là hòm tủ của bà ta rất nhiều của cải. Đang nấp, con nghe thấy tiếng gõ cửa. Ngọc Nhục ra mở, một người bước vào, rồi đóng cửa lại. Trong chỗ tối con nhìn thấy người ấy chính là quản gia Bạch An. Hai người hú hí cười đùa với nhau, rồi họ vào trong màn. Một lát sau, hai người ngủ say, con rón rén mở tủ rồi được một chiếc tráp gỗ rất nặng, bèn lấy ngay, vượt qua tường về nhà. Thấy ở tráp có chìa khóa, con mừng quá, mở ra xem, thì ôi thôi, đó là một chiếc đầu người. Lần này lại gặp một xác chết, cho nên con nói: "Lần trước như thế, lần này lại cũng như thế". Đó chẳng phải là con gặp vận đen ư!

- Đầu người trong tráp, - Bao Công hỏi, - là nam hay nữ? Nói mau!

- Là đầu đàn ông. - Diệp Thiên Nhi nói.

- Người đã mang đi chôn hay báo quan. - Bao Công hỏi.
- Con không chôn, - Diệp Thiên Nhi nói, - cũng không báo quan.
- Không chôn, cũng không báo quan, - Bao Công nói, - vậy người vứt ở đâu? Nói mau.
- Trong thôn con có một người tên là Khâu Phượng. Vì con lấy trộm bí ngô bị ông bắt được...
- Ăn trộm bí ngô là lần thứ ba. - Bao Công nói.
- Ăn trộm bí ngô là lần đầu. - Diệp Thiên Nhi nói. - Lão Phượng tức giận, dùng giây múc nước giếng đánh con một trận như tử, rồi mới tha. Bởi thế con thù, vứt chiếc đầu lâu ấy vào nhà ông ta.

Bao Công lập tức lệnh cho hai người đi bắt Bạch An, và hai người đi bắt Khâu Phượng, ngày mai tới xét hỏi. Giam Diệp Thiên Nhi vào nhà giam.

Hôm sau, Bao Công đang chải đầu, vẫn chưa ra công đường, thấy một sai nha đi coi xác người đàn bà về báo:

- Tối qua con vâng lệnh đi coi chiếc xác, sáng nay kiểm tra lại, thì nơi ấy là sân sau nhà gã đồ tể họ Trịnh, cửa trước vẫn còn khóa, cho nên con trở về báo với ngài.

Nghe xong Bao Công hiểu ra ngay, nói:

- Ta hiểu ra rồi. Người hãy tới đó ngay.

Bao Công lập tức lên công đường. Ông lệnh cho sai nha dẫn ngay gã đồ tể họ Trịnh tới hỏi:

- Mày là thằng đáng chết, mày đã giết người còn đổ tội cho người khác. Mày không biết đầu người đàn bà, nhưng tại sao sân sau nhà mày lại có xác chết đàn bà. Hãy khai thực đi!

Sai nha hai bên quát để uy hiếp:

- Nói mau! Nói mau!

Gã đồ tể họ Trịnh cho rằng quan đã cho người lục soát tìm thấy chiếc xác đàn bà ấy. Hắn khiếp sợ đứng ngây người như tượng gỗ, một lúc lâu hắn mới nói:

- Con xin khai. Hôm ấy khoảng canh năm con dậy giết lợn thấy có người gõ cửa kêu cứu. Con vội mở cửa ra cho người ấy vào. Con nghe thấy bên ngoài có tiếng người truy đuổi, nói: “Không thấy thì ngày mai ta hãy lục

soát kĩ, có lẽ nó chỉ ẩn nấp quanh quần đây thôi”. Nói xong họ bỏ đi. Con chờ đến lúc yên tĩnh mới thắp đèn lên, thì đó là một cô gái trẻ. Con hỏi vì sao đêm hôm khuya khoắt lại chạy trốn. Cô ta nói: "Tôi là Cẩm Nương. Chỉ vì mắc lừa nên bán mình cho nhà chứa. Tôi là con gái nhà lành, không chịu nghe theo. Sau đó con của Thái thú Tưởng cậy quyền cậy thế, đưa nhiều vàng bạc đòi mua tôi làm thiếp. Tôi bèn giả vờ niềm nở, ân cần, liếc mắt đưa tình dâng rượu, chuốc cho con của Thái thú Tưởng say mềm, rồi chạy trốn". Con thấy cô ta đẹp, đầu cài đầy trang sức, bất giác nổi máu tham. Ai ngờ cô ta kêu la chống cự, concầm dao dọa cô. Không ngờ vừa kề dao vào cổ, đầu cô đã rơi ra. Thấy cô chết, con lột hết áo quần, chôn cô ở sân sau. Trở lại con rút hết đồ trang sức gài trên đầu. Bỗng nghe thấy có người mua thủ lợn, con vội tắt đèn. Sau đó con nghĩ, sao không gói chiếc đầu này lại đưa cho nó mang đi vứt. Đúng là con ngu đần hoảng sợ, và cũng là oan hồn đeo bám nên tự nhiên con gói chiếc đầu ấy vào tấm vải lót, rồi lại thắp đèn mở cửa, gọi người mua thủ lợn quay lại, thì đó lại là ông Hàn. Rất may ông không mang cái đựng, bởi thế con đã đưa cho ông gói đầu lâu ấy, thế là ông mang đi. Ông đi rồi con mới hối hận. Việc này làm sao mà ông ta có thể bỏ qua được? Nhất định sẽ rắc rối to. Rồi sau đó lại nghĩ, nếu như ông ấy vứt đi cho mình thì may, nếu ông ấy làm ra chuyện, thì cứ chối phắt đi là xong. Không ngờ ngài sáng suốt phán xét, đã tìm ra chiếc xác ấy. Thật đáng thương, con đã giết người. Tất cả quần áo và đồ trang sức vẫn còn nguyên vẹn. Con đã phạm tội. Con oan uổng!

Thấy hãn đã khai đúng sự thực, Bao Công bèn bắt hãn kí vào tờ khai.

Vừa đưa hãn xuống, thì thấy một sai nha vào bẩm:

- Thừa ngài đã bắt Khâu Phượng tới.

- Giải nó vào đây. - Bao Công nói.

Hỏi lão vì sao lại chôn đầu người. Lão Khâu không dám che giấu, đành khai thực.

- Hôm ấy nghe bên ngoài đến “uych” một cái, tưởng kẻ xấu vào lấy trộm, con vội chạy ra xem, thì thấy một chiếc đầu lâu, sợ quá con bảo người làm công là Lưu Tam mang đi chôn. Ai ngờ Lưu Tam không nghe, đòi con phải đưa một trăm lạng bạc. Không còn cách nào khác, con trả năm mươi lạng,

anh ta mới chịu chôn.

- Chôn ở đâu? - Bao Công hỏi.

- Ngài hỏi Lưu Tam thì biết rõ. - Lão Khâu trả lời.

- Hiện Lưu Tam ở đâu? - Bao Công hỏi.

- Hiện đang ở nhà con. - Lão Khâu nói.

Bao Công lập tức lệnh cho quan huyện dẫn sai nha giải lão Khâu về tìm Lưu Tam, và đào ngay đầu người đưa về.

Vừa đi xong, lại có sai nha về bẩm báo:

- Đã bắt được Bình An.

Rồi lập tức giải vào công đường. Hắn còn rất trẻ, đẹp trai, rất ăn diện. Bao Công hỏi:

- Người có phải là Bạch An, quản gia của Bạch Hùng không?

- Thưa ngài, con đúng là Bạch An ạ.

- Chủ người đối đãi với người như thế nào?

- Chủ con coi con như ruột thịt, quả thực đó là công ơn tái tạo.

- Mà là đồ loạn luân! - Bao Công đập bàn quát. - Đã như thế sao mà còn thông dâm với vợ chủ nhà? Hãy khai mau.

Bạch An thấy thế bỗng sợ hãi, nói:

- Hằng ngày con vốn hết lòng hầu hạ ông chủ, không có gì phải sợ.

Bao Công bảo dẫn Diệp Thiên Nhi vào. Thấy Bạch An, Thiên Nhi nói:

- Ông không nên biện bạch nữa. Khai đi thôi. Ta đã khai hết ông thế nào rồi. Tối ấy, ông gõ cửa, sau đó cùng với Ngọc Nhự vào màn, ta cũng ở đó. Khi hai người ngủ say, ta mở tủ lấy tráp gỗ, tưởng rằng phát tài to, ai ngờ trong đó là một chiếc đầu lâu. Không cần phải nói việc giữa chủ và đầy tớ, người hãy khai thực đi. Người không khai cũng chẳng được đâu.

Nghe thấy thế Bạch An cứng họng, mặt tái mét. Bao Công giục:

- Đó là đầu ai? Hãy khai thực.

Bạch An không còn cách nào khác, bò lên nửa bước nói:

- Con xin khai. Đó là chiếc đầu em họ nhà chủ con. Tên là Lý Khắc Minh. Vì khi chủ con còn nghèo, có mượn của anh ấy năm trăm lạng bạc ròng, vẫn chưa trả. Hôm ấy Lý Khắc Minh đến nhà Viên ngoại con, một là thăm hỏi, hai là đòi số bạc ấy. Chủ nhà con đãi rượu. Ai ngờ khi say rượu, Lý

Khắc Minh lờ lờ, nói rằng trên đường gặp một hòa thượng điên tên là Đào Nhiên Công, nói rằng trên mặt anh có ám khí, rồi cho anh một chiếc gối Du Tiên, và bảo đưa cho Tinh Chủ. Anh ta cũng không biết Tinh Chủ là ai. Bởi thế đòi mượn gối Du Tiên xem. Chủ con nói, trong đó có vườn Lăng lâu Quỳnh(1) hoa thơm cỏ lạ, vô cùng huyền diệu. Một là chủ con tham lam chiếc gối Du Tiên, hai là để khỏi phải trả năm trăm lạng bạc, nên đã giết anh, rồi bảo con đem chôn xác tại nhà chứa hàng. Con nghĩ, con và Ngọc Nhụy yêu nhau, nếu bị chủ nhà phát hiện thì làm thế nào đây? Thôi thì ta đem chiếc đầu ấy ngâm vào thủy ngân, rồi giấu vào tủ của Ngọc Nhụy, để năm đăng chuôi, nếu sau này chủ nhà phát hiện ra. Ai ngờ bị Diệp Thiên Nhi lấy cắp chiếc đầu ấy, và đến nay xảy ra nông nỗi này.

(1) Vườn Lăng lâu Quỳnh: chỉ nơi tiên ở.

Nói xong Bạch An cúi lạy. Bao Công hỏi:

- Nhà người chôn xác ở đâu?

- Sau khi chôn, - Bạch An nói, - thì thấy ma hiện hình. Bởi thế đã dọn nhà đi nơi khác, mở cửa cho Hàn Thụy Long thuê.

Nghe xong Bao Công hiểu ra ngay, bảo Bạch An kí vào bản lời khai, lập tức ra lệnh bắt Bạch Hùng.

Lúc ấy quan huyện đã về, vào công đường bẩm rằng:

- Tôi áp giải Khâu Phượng, trước hết tới nhà Lưu Tam đào đầu Lưu Tam dẫn tới cạnh giếng, đào lên thì lại là xác đàn ông. Xét nghiệm thấy ở thái dương có dấu vết hung khí bằng sắt. Hỏi Lưu Tam thì Lưu Tam nói rằng "đào nhầm", bên này mới là nơi chôn đầu người thật, đó là chiếc đầu đàn ông được ngâm bằng thủy ngân. Tôi không dám chuyên quyền, giải can phạm Lưu Tam về để ngài xét hỏi.

Nghe quan huyện nói, Bao Công thấy lần này ông rất cẩn thận, không hoang đường như lần trước, nên rất vui, bèn nói:

Quý huyện vất vả quá, hãy đi nghỉ ngơi đi.

Sau đó ông gọi Lưu Tam tới hỏi:

- Chiếc xác đàn ông bên giếng, từ đâu tới? Nói mau!

Lưu Tam vội cúi đầu, nói:

- Mong ngài đừng nổi giận, con xin khai. Thưa ngài, chiếc xác đàn ông ấy

không phải ai khác, đó là Lưu Tú anh em thúc bá của con. Chỉ vì con được chủ thuê năm mươi lạng bạc mang đầu đi chôn, ai ngờ Lưu Tú theo sau, nói:

- Chôn trộm đầu người, đáng khép vào tội gì.

Con hứa cho nó mười lạng, nhưng nó không nghe. Hứa chia cho nó một nửa nó cũng không chịu. Con hỏi nó đòi bao nhiêu? Nó nói: "Bốn mươi lăm lạng". Con nghĩ, tất cả có năm mươi lạng, thế thì con chỉ còn lại có năm lạng. Tức quá, con giả vờ bằng lòng gọi nó đến đào hố giúp. Khi đào đã sâu, thấy nó cúi xuống bốc đất, con dùng xẻng đâm thẳng vào thái dương, và cứ thế chôn luôn. Sau đó đào hố khác chôn đầu. Không ngờ hôm nay thần xui quỷ khiến nên đã đào nhầm.

Nói xong gã khẩu đầu lạy. Bao Công bắt hấn kí vào lời khai, rồi cho hấn xuống dưới.

Lúc ấy, Bạch Hùng cũng bị giải tới, hấn đã khai đúng như Bạch An, đồng thời đã trình chiếu gổì Du Tiên lên Bao Công. Bao Công xem xong giao cho Bao Hưng, rồi tuyên án. Đồ tể họ Trịnh phải đền mạng cho cô gái; Bạch Hùng phải đền mạng cho Lý Khắc Minh; Lưu Tam phải đền mạng cho Lưu Tú. Tất cả đều bị chém đầu; Bạch An bị tổng giam chờ treo cổ, Diệp Thiên Nhi bắt phải sung vào quân đội. Lão Khâu chôn đầu người sợ tội đưa hối lộ chịu tội đồ. Ngọc Nhụy bị bán cho nhà quan làm nô tì; Hàn Thụy Long không nghe lời mẹ, tham tiền, lẽ ra cũng phải trị tội, song vì còn trẻ người non dạ nên được về phụng dưỡng mẹ già và tiếp tục học tập. Hàn Văn thị biết nuôi dưỡng dạy bảo con thấy của nghĩ đến nghĩa, biết cách dạy con, được quan huyện thưởng hai mươi lạng bạc để nêu gương. Quan huyện lẽ ra phải tấu trình lên cấp trên, nhưng nghĩ rằng ông vất vả làm việc chuyên cần, nên vẫn giữ chức cũ. Bao Công xử xong vụ án này tiếng tăm lừng lẫy.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 10

Chiếc Đầu Gà Mười Năm

Bối Hữu Tài người huyện Vạn, nhà nghèo phải đi làm thuê cuốc mướn, tuy ngay thẳng nhưng số phận rủi ro, tí góp được một số tiền, rồi ốm đau bệnh tật. Làm thuê cho nhà giàu hơn mười năm, bốn mươi tuổi mà vẫn chưa thành gia thất. Chủ nhà thương anh nghèo khổ, cho anh ít ruộng trồng cấy coi nương rẫy, không lấy tô. Ông lấy Âm thị, sinh được một con trai đặt tên là Thành Kim. Khi Thành Kim lên năm tuổi thì ông chết, Âm thị ở vậy thờ chồng nuôi con. Cuộc sống vô cùng khổ sở, vì làm quá sức, ốm liệt giường, không tiền chạy chữa thuốc thang, nửa năm sau vợ ông cũng qua đời. Thành Kim mới mười bốn tuổi, xin chủ chiếc quan tài và nơi chôn cất, lại nhờ người quen góp tiền gạo, lo ma chay cho mẹ xong thì đi ở chăn trâu.

Thành Kim là người gian xảo, xảo quyệt, ngành ngạnh, phải đổi chủ tới hai ba lần. Hơn hai mươi tuổi mới dành dụm được hơn mười quan tiền, rồi thuê được hai gian nhà tranh, nhờ người mối lái lấy được người vợ. Lúc đó Trác Đại có một người con gái, tên là Vũ Hoa, vì quá kén chồng, nên mười sáu mười bảy tuổi vẫn chưa có một người nào nhòm ngó. Nay thấy Thành Kim ngỏ ý, cô bằng lòng ngay. Vũ Hoa là người hiền thực, về nhà chồng chịu thương chịu khó, thấy nhà chồng nghèo, gắng công nuôi lợn, dệt vải, may vá lo kiếm thêm tiền giúp đỡ chồng. Từ khi lấy vợ, chi tiêu trong gia đình càng tốn kém, buôn bán lời lãi hằng năm, rau cháo không đủ nuôi nhau.

Một hôm Thành Kim than thở với vợ

- Nghĩ rằng kiếp ta sinh ra phải chịu khổ sở không biết đến bao giờ mới được mở mày mở mặt!

- Người ta thường nói: "Cự phú là do mệnh", - Vũ Hoa nói, - người khá giả là do cần cù. Chỉ cần vợ chồng ta cùng chịu khó chịu khổ kiếm tiền, tuy

không dám nói là mua vườn tậu ruộng, nhưng cũng đủ ăn đủ mặc.

- Tôi nghĩ rằng, - Thành Kim nói, - người ta sống trên đời phải làm nên cơ nghiệp, tuy không dám mong lầu son gác tía, kẻ hầu người hạ, nhưng cũng phải có ruộng vườn, có nhà cao cửa rộng, thì mới gọi là đáng mặt trên cõi đời này.

- Không sợ nghèo, - Vũ Hoa nói, - mà chỉ sợ không có chí, nếu anh có chí thì trời cũng có mắt, khổ tận ắt phải cam lại.

- Xem ra việc buôn bán ở đây, - Thành Kim nói, - chẳng ăn thua gì, phải đi buôn xa, may ra mới phát lên được.

- Buôn bán là việc lớn, - Vũ Hoa nói, - bởi thế thiếp không dám gàn. Song bỏ mặc vợ ở nhà một mình sao được.

- Ta biết nàng vốn cần kiệm, hiền thực, có thể tự xoay xở đi kiếm sống. Nay phải chịu khó chịu khổ, thì sau này mới nhàn nhã được.

Một hôm, Thành Kim nghe thấy vùng Hồ Quảng bị hạn hán, thóc đắt vải rẻ, Giang Nam được mùa, gạo rẻ vải đắt. Anh rất mừng, muốn tới Hồ Quảng buôn gạo, vải. Bèn mua rượu thịt mang về, bảo vợ làm bữa, vừa ăn uống vừa chuyện trò:

- Nàng hãy ngồi xuống đây tôi bàn chút việc. Chỉ vì tôi vận rủi, sinh ra đã chịu biết bao khổ sở. Cha mẹ qua đời không có cái chôn, phải vay mượn xin xỏ khắp nơi để có tiền lo ma chay cho cha mẹ. Vất vả lắm mới kiếm đủ tiền trả nợ, còn dư đôi chút buôn vải. Buôn bán cò con mười năm trời mới tích góp được sáu mươi ba đồng. Từ ngày cưới nàng về, lo ăn lo mặc cũng thật gian truân. Bữa bữa cũng chỉ được lưng vức bát, rau cháo mà thôi. Quanh năm quần áo cũng chỉ nhất mảnh, vá chằng vá đụp. Ta nghĩ rằng, nghèo phải vươn lên, rồi sẽ có ngày sung sướng. Hơn nữa xem ra buôn chuyển với buôn ngồi hoàn toàn khác nhau, chỉ có đi xa mới có thể kiếm tiền nhanh chóng được.

- Anh ạ! - Vũ thị nói. - Việc buôn bán thì nơi gần cũng có thể kiếm được tiền, tội gì phải trèo đèo vượt suối đi xa.

- Buôn gần lãi chả được là bao, - Thành Kim nói, - vật mũi đủ đút miệng. Tôi mua thuốc tới Hồ Quảng bán, rồi mua vải tới Giang Nam. Thuyền về chở gạo rất thuận tiện, xem ra lãi gấp hai, ba lần. Ngày về khó mà định

trước được. Nàng ở nhà cứ yên tâm đừng lo nghĩ gì.

- Anh đi cũng phải liệu về cho sớm. - Vũ thị nói.

- Nàng ở nhà chịu thương chịu khó, tự lo lấy cuộc sống cho riêng mình, - Thành Kim nói, - sớm tối phải chú ý đến cửa ngõ. Nhất thiết phải giữ mình đừng ra ngoài. Phải cẩn thận đề phòng bọn du đảng làm ô nhục thanh danh, xấu chàng hổ ai. Lần này ta đi có thần tài phù hộ, nhất định lưng vốn có bạc vạn mới trở về.

Ăn uống xong họ đi ngủ. Hôm sau họ chuẩn bị tiền nong mua được liệu địa phương, lo sẵn cho vợ hai tháng lương thực, chọn ngày tốt lên đường.

Vũ Hoa nuôi được đờn gà, một trống, một mái. Thấy chồng đi xa, nàng giết con mái làm cơm tiễn chồng. Thành Kim thấy thế nói:

- Nàng giết con gà mái, còn con gà trống hãy cố mà nuôi, chờ khi nào tôi về giết cúng thần tài.

Vũ Hoa mời chồng ngồi vào mâm, tay rót rượu, mà nước mắt cứ ứa ra:

- Thấy chàng đi xa, em không sao cầm nổi nước mắt. Vợ chồng sống với nhau đã tròn ba năm, ân ái như biển cả. Đi buôn là việc trọng, em là vợ không dám can ngăn. Hôm nay trước lúc lên đường, em giết gà làm cơm tiễn chân anh. Chén rượu lễ thứ nhất em chúc anh vui vẻ, ra ngoài đừng tham sắc, phải hết sức kiềm chế mình, đừng la cà nơi đường hoa ngõ liễu rất hại tinh thần và sức khỏe. Chén thứ hai em chúc anh trên đường gặp nhiều bạn tốt, đi sông nước phải hết sức cẩn thận, luôn để ý đến bọn chân sào có ý đồ xấu. Chén thứ ba chúc anh toại nguyện, mang bạc vạn trở về, tiền của như núi, lãi dồn về như nước chảy. Phải luôn luôn nhớ tới người vợ hèn mọn này, liệu mà về cho sớm, đừng la cà nơi đất khách quê người. Em sẽ cố nuôi con gà trống chờ anh về, vợ chồng vui vầy sum họp.

Ăn xong, nàng tiễn chân chồng một đoạn đường, chia tay nước mắt như mưa.

Thành Kim chuyển hàng xuống thuyền tới Hán Khẩu. Bán thuốc, mua vải, xuôi dòng tới Tô Châu bán, quả nhiên có lãi, lập tức mua gạo về Hồ Quảng. Tới Bãi Thanhbồng có một hòn đá ngầm đâm thủng thuyền, thóc gạo chìm ngihim. Thành Kim nhanh tay bám lấy ván thuyền, gọi thuyền đến cứu, may mà thoát chết. Thương thay, hàng hóa, tiền bạc phút chốc đổ xuống sông

xuống biển. Thành trắng tay, muốn về nhưng không có tiền ăn đường, đành phải bán sức nuôi miệng. Mấy năm phiêu dạt đến Trường Sa, gặp một người bán tạp hóa, nhờ anh gánh hàng, Thành Kim theo anh về nhà.

Người bán tạp hóa này tên là Mễ Vinh Hưng, sống tại vùng nông thôn Quế Dương. Cha là Như Châu, lúc còn nhỏ bán quả trám dầm đường, về sau mở cửa hàng tạp hóa, vất vả gian nan xây dựng gia đình, lấy vợ là Dương thị, sinh ra Vinh Hưng. Tích góp được hơn hai ngàn lạng bạc. ông ta nghĩ:

Buôn bán tiền tài tựa phù vân

Vận tưng cơn đen hết chẳng còn

Muốn cho con cháu đời đời hưởng

Cần tậu vườn mua ruộng cấy cày.

Thế rồi ông mua ba mươi mẫu ruộng, bỏ nghề buôn, về làng cày cấy. Sau đó lại sinh thêm một đứa con tên là Nhị Oa. Khi Nhị Oa lên tám tuổi thì đột nhiên Như Châu ốm nặng, thuốc thang không khỏi, cầu cúng cũng chẳng thiêng. Biết mình bệnh tật không qua được, ông gọi Vinh Hưng lại dặn dò:

- Cha đầu váng mắt hoa, bệnh ngày càng nặng, không thể sống được nữa. Gia tài này là do cha vất vả nhọc nhằn mới có được cha phải phân chia rành mạch cho hai anh em, ghi vào khế ước chờ Nhị Oa trưởng thành sẽ bắt thăm. Cha chết rồi, các con phải lập chí cố gắng xây dựng gia đình, đừng để cho tài sản mà cha đã giành được bằng máu và nước mắt mất đi, khiến cho cha ôm hận nơi chín suối. Em con còn nhỏ, con phải hết lòng quan tâm đến nó, đừng hắt hủi nó, khiến cha phải đau lòng.

Nói xong ông trút hơi thở cuối cùng. Vinh Hưng chôn cất cha chu đáo. Dương thị vì quá thương chồng, không lâu sau cũng qua đời.

Theo lời cha dặn, Vinh Hưng cho em đi học. Ba năm xong tang, Vinh Hưng lấy Khố thị. Cô ta là con gái nhà khá giả, xinh đẹp nhưng hay đổ kị, lười nhác chẳng chịu làm gì, suốt ngày chỉ phấn vớ son. Ăn thì của ngon vật lạ, mặc thì quần là áo lượt. Vinh Hưng mê mết vì thị, hoàn toàn nghe theo cô ta sai bảo. Khố thị thấy Nhị Oa như chiếc gai trong mắt, luôn luôn xui bầy chồng.

- Nhà mình vốn chẳng giàu có gì, mà Nhị Oa cứ ngồi không ăn sẵn, học hành lại phải tốn kém, thôi thì gọi nó về chăn trâu cắt cỏ không phải thuê

người, lại đỡ tốn tiền.

Vinh Hưng cho rằng vợ biết bàn hơn tính thiệt bèn gọi em về chăn trâu. Khố thị lại bảo nó lười nhác lác láo, hay ăn trộm, khiến Vinh Hưng cũng phải bức tức. Đêm đêm Khố thị lại thủ thủ với chồng:

- Ruộng nương nhà ta không nhiều, mà chia cho Nhị Oa một nửa thì vợ chồng mình lấy gì để chi dùng. Em rất thương chàng ngày đêm vất vả lo toan. Nhị Oa cứ ngồi đó ăn không, vừa lười nhác, vừa ăn trộm như ranh. Loại chẳng ra hồn người như thế mà chia ruộng cho nó, thì chẳng khác nào bán ruộng đi. Thôi thì hành hạ cho nó chết đi, khỏi phải chia ruộng.

- Đúng thì đúng thôi, - Vinh Hưng nói, - nhưng lúc lâm chung cha anh đã dặn anh rằng, phải yêu thương nó, bây giờ ta cho nó chết đi, thì có lỗi với cha, đã chiếm đoạt tài sản của nó, thì đừng hại nó.

- Anh không nói em cũng khắc biết sắp xếp việc này. - Khố thị nói.

Thế rồi suốt ngày thị bắt Nhị Oa làm quần quật, việc không làm được cũng bắt làm, không gánh nổi cũng bắt phải gánh. Hằng ngày Nhị Oa phải kiếm củi, vớt bèo cho lợn, cắt cỏ cho trâu, làm không đủ mức giao thì chị dâu đánh đập tàn nhẫn, không cho ăn. Mùa đông thì cướp hết chăn đệm, mùa hạ thì giấu cả màn chiếu, đầy đọa đến nỗi Nhị Oa xanh xao gầy guộc, cứ ngồi khóc thầm một mình. Biết rõ anh chị đầy đọa mình chết để chiếm hết cơ nghiệp. Năm ấy Nhị Oa mới mười ba tuổi, muốn trốn đi nhưng chẳng có xu nào, chỉ biết ngồi chờ chết.

Một hôm củi chưa lấy đủ, Khố thị chửi bới, dùng gậy đánh rồi đuổi đi.

- Mày đi đâu thì đi, chết đường chết chợ cũng mặc xác mày, mày mà về thì tao băm vằm mày ra.

Rồi thị đóng sập cửa lại. Nhị Oa kêu khóc thảm thiết. Trời đã chạng vạng mà chẳng biết đi đâu về đâu. Nó lần mò đến mộ cha mẹ, nghĩ tới tình cảnh thê thảm, òa lên khóc nức nở:

- Cha mẹ ơi! Lòng con đau như dao cắt. Anh chị ghét bỏ, định giết con để chiếm ruộng vườn. Bắt con làm quần quật suốt ngày con cũng chẳng quản gì, không biết vì sao lại đuổi con đi. Những ngày qua con đã chịu biết bao đau khổ nhọc nhằn, ngay cả gỗ đá cũng phải thương tâm. Hằng ngày chỉ cho con vài bát cháo loãng, trời rét cầm cầm chỉ phong phanh một manh áo

mỏng. Sáng phải dậy sớm nấu cơm, gọi họ dậy ăn, miếng ngon họ giấu biệt con chẳng được ăn, trưa về phải đủ ba gánh củi khô, chiều về phải vớt bèo cho lợn. Củi không đủ họ giăng lấy bát không cho ăn, củi đủ rồi thì bắt gánh nước tưới vườn. Trời nóng nực không màn, muối đốt sưng húp mắt, cắn nát thịt máu chảy rồi thành ung nhọt. Đến mùa đông cướp hết chăn đệm, chui bừa vào đông rơm rạ ngủ, rét thấu xương. Lại còn chửi con là làm nát cả rơm rạ, là thằng phá gia chi tử rồi đuổi con đi. Thật đáng thương cho con, chân tê cóng không nhấc nổi, chửi con là giả đờ giả độn không chịu làm. Ngay như hôm nay, sai con giặt giũ, lên núi mua, lấy được ít củi, chị đã đánh con tóa máu, vạt áo ướt đầm. Không biết rằng con còn nhỏ, chưa đầy mười bốn tuổi đầu mà đã đuổi con khỏi nhà rồi đóng sầm cửa lại ôi anh ơi! Sao anh không nể mặt cha. Nếu anh đòi đất thì cứ nói thẳng với em. Vì sao lại hại em tàn nhẫn như vậy, anh bảo em đi đâu bây giờ. Ôi! Cha mẹ ơi! Cha mẹ có khôn thiêng thì thương lấy con, phù hộ cho con không ốm đau bệnh tật. Con lớn lên sẽ làm đổi thay cơ nghiệp, lúc ấy con sẽ xây phần mộ cho cha mẹ thật đàng hoàng.

Khóc đến khi trời sáng, muốn đi song chẳng biết đi đâu, mà không đi thì lấy gì mà ăn, hai mắt đỏ hoe sưng húp, không biết làm sao. Làng xóm cũng có người tốt bụng cho cơm. Ba hôm sau thấy nó vẫn quanh quẩn ở đó chưa đi, Khố thị mang gậy ra đuổi rồi chửi:

- Mày là đồ chết dẫm, mày phải đi khỏi nơi này, mày đi đâu mà chết, dùng quanh quẩn ở đây làm xấu mặt tao.

Thế rồi thị cầm gậy vụt xuống như mưa, Nhị Oa vừa khóc vừa đi mà chẳng biết đi đâu. Ban ngày vào làng xin ăn, ban đêm chui vào hang ngủ. Đi được ba ngày, mình mẩy đau nhừ, chân sưng húp, bụng đói cồn cào, không sao nhấc nổi chân. Nghĩ rằng anh chị tàn ác, làm ta lên trời cũng không được, chui xuống đất cũng không xong, muốn chết không chết được, muốn sống cũng không sao sống nổi. Đến nước này thì đi cũng dở mà ở cũng không xong. Biết làm sao để thoát khỏi cảnh này. Nghĩ mà thương cho số kiếp của mình. Nhị Oa lạy tạ công ơn cha mẹ, rồi tới một cây to bên đường cởi giày lưng ra treo cổ.

Lúc ấy một vị cứu tinh đi qua, người ấy là Thường Thanh, nhà giàu lại có

lòng từ thiện. ông đi thu nợ về, thấy có người treo cổ, sờ vào người, thấy vẫn còn nóng, vội vàng bảo người cởi giây, chạy tới nhà gần đó xin một ít trà nóng đổ vào miệng, phút chốc Nhị Oa hồi tỉnh lại. Ông Thường hỏi:

- Anh nhỏ, vì sao lại quần chí như thế?

Thấy ông lão cứu mình, Nhị Oa cúi lạy rồi nghẹn ngào nói:

- Bẩm ông, con là Mễ Nhị Oa, cha mẹ chết sớm, đời con chịu nhiều đau khổ. Chị dâu con người họ Khố, anh con là Vinh Hưng. Anh con đối với con còn có chút tình, chỉ hận một nỗi, chị dâu con lòng lang dạ sói, xúi giục anh con làm hại đời con, để nuốt không cơ nghiệp. Họ vô cùng tàn nhẫn, đày đọa con thập tử nhất sinh. Mỗi bữa chỉ được vài bát cháo loãng, mà làm việc thì luôn chân luôn tay. Hằng ngày phải lấy ba gánh củi khô, phải vớt hai gánh bèo cho lợn. Nếu ít đi một chút là phải đánh đòn, bưng bát cơm lên không sao nuốt nổi. Mùa hè ngủ không màn, mùa đông không chăn chiếu, khổ lắm ông ời. Trời rét buốt chân tay con tê cóng, chỉ kiếm được ít củi, nên đã bị chị dâu đuổi khỏi nhà. Thật đáng thương, con không biết đi đâu về đâu. Hai ba hôm nay con không có hột cơm nào vào bụng. Đói khổ quá con không chịu nổi, lòng con như dao cắt. Chẳng còn cách nào, con đành phải treo cổ để chết đi cho xong. May gặp được ông cứu, lại được ông ân cần hỏi han. Con vô cùng cảm động.

Ông Thường thấy nó nói thương tâm quá. Tuy nó gầy yếu, nhưng mặt mũi khôi ngô sáng sủa, không giống kẻ hèn mọn, mới nói rằng:

- Cháu không nơi nương tựa, thôi thì hãy về chăn trâu cắt cỏ giúp ta, khi nào trưởng thành sẽ tìm nghề nghiệp.

Nhị Oa bằng lòng. Ông Thường đưa Nhị Oa về nhà, cho quần áo giày dép. Nhị Oa vô cùng cảm động, hết lòng làm việc giúp ông.

Từ khi đuổi Nhị Oa đi, Vinh Hưng hoàn toàn nghe Khố thị. Họ sống hết sức xa hoa. Sáng chiều lúc nào cũng xào xào nấu nấu. Hằng ngày mặc sức ăn chơi, thả cửa dâm dục, việc gì cũng thuê mướn. Chưa đầy hai năm, vốn liếng cạn kiệt, mang công mắc nợ, buộc phải bán ruộng vườn để trả, chỉ còn lại mấy trăm quan tiền, mua một gánh hàng tạp hóa đi bán, rồi lại làm giả ngọc lưu li, tới các vùng hẻo lánh đánh lừa đàn bà. Nhân khi tới Trường Sa bán hàng, gặp Bối Thành Kim, và thuê anh ta gánh hàng về nhà. Thấy

anh khiêm tốn, hòa nhã, nên giữ lại sai gánh hàng, đỡ dần việc buôn bán. Thành Kim ở đó, suốt ngày vâng vâng dạ dạ, cần cù chịu khó, tận tâm tận lực, nên Khố thị rất mừng. Vì Vinh Hưng dâm dục quá độ nên mắc bệnh lao, Khố thị không được thỏa mãn bèn tư thông với Thành Kim. Họ gắn với nhau như nhựa, muốn sống như vợ chồng, định trốn đi nhưng lại tiếc gia tài, muốn mưu hại nhưng lo sợ sau này bại lộ. Suy đi tính lại, thị tìm ra một kế, rồi bảo Vinh Hưng rằng:

- Em nghĩ rằng ruộng vườn nhà ta không nhiều. Hằng năm thu hoạch không đủ trả công cày cấy, việc buôn bán của chàng lãi lời quá ít, thôi thì đem bán đất đi, dọn đến thành Quế Dương buôn bán to hơn một chút. Và lại Thành Kim cũng biết buôn bán, giúp anh trông coi lo liệu, chắc rằng sẽ giàu to.

Vinh Hưng lúc nào cũng khư khư ôm lấy thị, cái gì cũng nghe theo. Bán hết cả ruộng vườn nhà cửa, được tất cả bốn trăm lạng bạc, chờ tháng giêng năm sau dọn đến Quế Dương mở hàng. Lúc ấy đang là mùa đông, Vinh Hưng bị cảm lạnh, Khố thị cứ bảo là khí hư, cố ý giết gà sống cho chồng ăn, ai ngờ ăn vào bệnh ngày càng nặng. Mời thầy xem mạch bốc thuốc, Khố thị ngấm ngầm bỏ vị bổ vào, uống vào Vinh Hưng chết ngay lập tức. Vinh Hưng không có anh em họ hàng, Khố thị chỉ chôn cất chồng qua quít.

Khố thị và Thành Kim bán hết gia tài thu lại nhập đầy được tất cả bốn trăm ba mươi lạng bạc, vờ nói là vào thành, cuốc tất cả vàng bạc quần áo chuồn thẳng, định về huyện Vạn. Đi được hai ngày, Khố thị thấy đằng sau có người theo, quay lại nhìn thì thấy Mễ Vinh Hưng chồng mình, hoảng sợ, hồn bay phách lạc, chạy nhảy điên loạn. Thành Kim vừa giữ vừa đi, đến vách núi cao Khố thị nói: "Chồng tôi đến bắt tôi! , rồi nhảy xuống vực, đầu vỡ toác, chết ngay lập tức. Thành Kim sợ quá, cứ thế chạy tới hai mươi dặm mới dừng chân, rồi trở về huyện Vạn.

Từ khi chồng đi, Vũ Hoa tự làm lụng nuôi thân, sớm chiều dệt vải nuôi lợn, tối đến lại may vá thuê, cần kiệm siêng năng, không những thừa ăn mặc, bảy tám năm trời còn dành dụm được tám chục quan tiền. Chú là Bối Hữu Năng thấy cô có tiền, lại không nghe theo mình, mới bảo rằng, cháu đã chết, rồi khuyên cô đi lấy người khác. Vũ Hoa không nghe, Hữu Năng chửi bới, Vũ Hoa không chịu nhún nhường, hai bên đánh chửi nhau. Hữu Năng

ôm hận muốn hại cô để lấy tiền. Vũ Hoa sợ Hữu Năng ám hại, tìm một bà già về làm bạn, cùng cô dệt vải, trông coi nhà cửa.

Một hôm, bà lão về nhà, mặt trời đã lặn, Vũ Hoa bỗng thấy một người tới nhà, nhìn kĩ thì đó là chồng, vội chạy ra đón. Mời chồng uống nước xong, họ kể cho nhau nghe những nỗi khổ của mình. Thành Kim dấu biệt chuyện Khố thị, chỉ nói là thuyền bị đắm mất hết sạch, ..sau đó ra sức buôn bán lại gom được ít vốn liếng tới Quế Dương làm ăn, kiếm được hơn bốn trăm lạng, rồi về quê. Nói xong giao bạc cho vợ. Vũ Hoa vui mừng khôn xiết, vội giết con gà trống nuôi từ dạo Thành

Kim đi để cúng thần tài. Thành Kim nói:

- Em thật là chu đáo, tính ra đã tới mười năm trời mà con gà trống ấy vẫn còn, chờ chồng về để cúng thần, quả là anh rất mừng.

Vũ Hoa giết gà cúng thần xong, vợ chồng mừng vui ăn uống, mãi đến tận khuya mới đi ngủ.

Sáng sớm hôm sau, Vũ Hoa gọi chồng dậy ăn cơm, gọi mãi mà không thưa, mở màn ra xem thì chồng đã chết. Vũ Hoa sợ quá chết ngất đi, lâu sau mới tỉnh dậy. Nghĩ rằng chồng mới về tối qua, hôm nay đã chết, không biết đã mắc chứng gì, mà cũng không biết chết lúc nào. Càng nghĩ càng thương tâm, ôm lấy chồng khóc nức nở.

- Anh ơi đau đớn quá! Nước mắt em rơi lã chã ướt đầm vạt áo. Nói là vợ chồng sống với nhau trọn đời trọn kiếp, ai ngờ duyên ương đã chia lìa đôi ngả. Nghĩ tới xưa kia em bước chân về, ân ái như núi cao, tình nghĩa tựa sông dài. Sớm tối gắn bó keo sơn, chẳng hề điều tiếng gì. Vì nhà nghèo, vợ chồng mới bàn nhau, anh tới Hồ Quảng buôn bán, quyết kiếm tiền về mua vườn tậu ruộng. Anh đi biệt như nước thao thiết chảy về đông không trở lại. Chú anh lòng lang dạ sói, bức em phải lấy chồng khác. Anh ơi! Em quả là người chung thủy, không dám bội nhọ thanh danh. Mặc dù chú anh ép buộc, nhưng em vẫn lòng son dạ sắt. Suốt ngày tựa cửa ngóng trông, song chẳng thấy anh về. Chẳng biết chuyện trò bàn bạc cùng ai. Chịu biết bao nhiêu gian truân vất vả khổ đau. Thấy anh về mừng vui khôn xiết, vội giết gà trống mừng anh, rót rượu mời anh, thủ thi kể lại chuyện nhà chuyện cửa. Kể sao cho hết tình cảnh biệt li, đường xa dặm thẳng. Từ nay về sau

Lương Hồng, Mạnh Quang vĩnh viễn không rời bỏ quê hương, vợ chồng vui vầy đầm ấm tới già. Ngờ đâu tối qua đi ngủ, thì sáng nay đã về nơi chín suối. Lay gọi anh cũng chẳng thua, sao anh nỡ bỏ em mà đi đâu vội vậy, thầy thuốc chưa kịp gọi, thuốc thang chưa kịp uống. Khiến em không sao hiểu nổi, làm sao mà em yên lòng. Người biết, bảo là anh chết do số mệnh, người không biết bảo là em hại anh. Sợ nhất là nỗi oan này không sao giải bày được. Anh ơi! Chắc rằng kiếp trước anh chưa hái sen tịnh đế(1). Vì sao anh không nghĩ tới em, bỏ mặc em sống thê thảm một mình? Biết bao đau khổ, trông chờ mong đợi anh về, ai ngờ mới một đêm đã phải chia li. Anh ơi! Anh hãy chậm chậm chờ em đi theo anh, cùng nhau làm bạn dưới suối vàng. Anh ơi! Việc này chưa thỏa đáng, em muốn chết đi để giữ tròn trinh tiết, năm xương em ai người chôn cất? Em tạm sống nơi trần thế cầu mong gia tộc giúp đỡ, mời cao tăng về lập đàn tràng tiễn đưa anh.

(1) Sen tịnh đế: loại sen có hai bông hoa nở trên cùng một gốc. Người ta thường ví với tình ân ái vợ chồng (ND).

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 10 (B)

Vũ Hoa khóc hồi lâu, rồi đi gọi chú Hai. Vừa ra tới cửa, chị nghĩ: "Chồng mình đã đưa về một số bạc, nếu chú Hai biết được nhất định sẽ sinh lòng tham, bắt mình phải tái giá", nên đã quay lại giấu vào góc nhà.

Hữu Năng tới, thấy mồm, mũi, mắt, tai của cháu mình đều chảy máu, bèn nổi giận quát ầm lên:

- Mày là đứa đê tiện. Tại sao mày lại đầu độc cháu tao?
- Cháu chú về tối qua, - Vũ Hoa nói, - không biết mắc chứng bệnh gì mà mất, sáng nay gọi mới biết, chú đừng có đổ tội cho cháu.
- Đúng là mày đã dẫn trai về nhà rồi đầu độc nó, - Hữu Năng nói, - để lấy nhau. Tao không thể nghe theo mày được.
- Chú đừng. đổ oan cho cháu. - Vũ Hoa nói. - Nếu cháu dẫn trai về nhà, thì tại sao trước đây cháu không tái giá?
- Trước đây vừa có tiền, - Hữu Năng nói, - vừa có gian phu, nên mày không tái giá.

Nói xong Hữu Năng tức tốc đệ đơn lên huyện kêu oan, nói rằng vì gian dân nên cháu dâu đã đầu độc chồng.

Quan huyện Vạn thời ấy là người họ Hồ, lập được chiến công ngoài chiến trường và được cất nhắc lại làm quan huyện. Không am hiểu dân tình, đã lập tức lệnh cho khám nghiệm tử thi, quả là đã chết vì đầu độc; cho mua ngay quan tài an táng. Sau đó bắt ngay Vũ Hoa về huyện xét hỏi:

- Chú người đã tố cáo người vì gian dân nên đầu độc chồng, người vẫn không khai thực ư?

Vũ Hoa vô cùng oan ức, khóc lóc thảm thiết, nói:

- Xin quan lớn hãy lắng tai nghe cho rõ. - Vũ Hoa quỳ trước pháp đường, nước mắt như mưa.

- Hãy khai rõ từ đầu. - Quan huyện nói.
- Từ khi ra đời, con luôn giữ gìn phẩm hạnh ngay thẳng, và cũng biết được liêm sỉ, tiết liệt kiên trinh. Về nhà chồng chúng con sống rất hòa thuận, vì nhà nghèo, chồng con phải đi buôn bán xa. Trước lúc ra đi, chồng con dặn phải hết sức giữ gìn cẩn thận, phải cố nuôi lấy con gà trống mã mậ ấy.
- Vì sao chồng người dặn nuôi con gà trống mã mậ ấy. - Quan huyện hỏi.
- Chồng con thích ăn đầu gà mềm, anh ấy định ninh rằng khi nào kiếm được tiền trở về sẽ giết gà cúng thần tài.
- Chồng người đi buôn, - quan hỏi, - vậy hằng năm, tết nhất có về không?
- Chồng con đi buôn bảy tám năm nay chưa từng về, chú Hai cứ bắt cháu đi lấy con nhà giàu. Con thề giữ trọn tình vợ chồng không tái giá, vì không được tiền nên chú tức giận.
- Thế thì chồng người về lúc mấy giờ? - Quan hỏi.
- Mười năm nay chồng con mới về, - Vũ Hoa nói, - con mừng quá, giết gà trống, mua rượu ngon, làm bữa cơm tẩy trần. Hai vợ chồng hàn huyên đến canh ba mới ngủ, đến khi trời sáng con gọi, thì chồng con đã mất rồi. Gọi chú con đến, thì chú con viết đơn đi kiện, vu cho con là gian dâm rồi đầu độc chồng.
- Chồng người về có ai tới thăm không - Quan hỏi. - Có đưa bạn hay người gánh hàng thuê về không?
- Lúc chồng con về chẳng có ai. - Vũ Hoa nói. - Chỉ có mình chồng con thôi.
- Bên ngoài không ai đến thăm, không có bạn, không có người gánh thuê. Như vậy thì không phải người khác hãm hại. - Quan nói.
- Không biết sáng ấy anh mắc chứng bệnh gì nguy kịch mà bỗng chốc uyên ương chia lìa đôi ngả. - Vũ Hoa nói.
- Hừ! Con dâm phụ này to gan thật. - Quan nói. - Rõ ràng là mày đã dẫn trai về, rồi đầu độc chồng, mà vẫn còn cãi bướng, hãy mau mau khai ra!
- Con là con nhà nề nếp, há rằng lại hủy hoại danh tiết, làm nhục tổ tiên. - Vũ Hoa nói. - Nếu có gian tình thì vì sao khi chồng chưa về không chịu đi tái giá, mà bây giờ chồng về lại giết chồng.
- Trước kia không tái giá, - quan nói, - chỉ vì chồng chưa về cùng với gian

phu sống với nhau. Nay chồng về, thấy được mới giết chồng đi. Vì sao người vẫn chối quanh?

- Nếu không có ai biết sao không giấu xác chồng đi, mà lại đi báo cho họ tộc biết? Thừa quan lớn, vì sao quan lớn cứ suy đoán, rồi đổ riệt cho con những điều xấu xa độc ác.

- Con dâm phụ này to gan thật, dám nói ta vu tội cho người. Các người đâu vả vào miệng nó bốn mươi cái cho ta!

Họ đánh Vũ Hoa rách da tóe máu, hai má rát bỏng như lửa đốt răng đau nhức.

- Cuối cùng người có khai không? - Quan hỏi.

- Con là người trinh tiết, - Vũ Hoa nói, - dù chết con cũng không ân hận. Bẩm quan lớn! Con không giết chồng thì quan bảo khai làm sao được.

- Hừ! Con dâm phụ này to gan thật, mày còn già mồm à, chúng bay đâu, hãy đóng đinh vào mười đầu ngón tay nó cho ta.

- Trời đất ơi! Thừa quan lớn, đúng là quan lớn truy bức con đến chết, con sẵn sàng chịu thịt nát xương tan. Vì sao vô cớ ghép con vào tội chết. Chứng cứ đâu mà bảo con gian dâm, mưu giết chồng.

- Con dâm phụ này còn già mồm cãi, chúng bay đâu hãy mau mau tra khảo nó cho ta.

Đinh tre đóng vào người Vũ Hoa ứa máu, chẳng khác nào nơi địa ngục Diêm Vương, đang lúc muốn gặp Diêm Vương về nài cầu khẩn, thì ai ngờ phút chốc nàng tỉnh lại. Nàng nghĩ: "Không khai thì không thể chịu nổi khổ hình, mà khai thì đem tiếng xấu suốt đời".

- Bội Trác thị! - Quan nói. - Ta khuyên người khai đi là tốt ta sẽ tha cho.

- Thôi thôi, con xin khai. - Vũ Hoa nói. - Thừa ngài con đã giết chồng.

- Tên gian phu đó là đứa nào? - Quan hỏi.

- Ngài ghép con vào tội chết con không oán hận, nhưng bảo con gian dâm thì chết con không nhắm mắt.

- Nó vẫn còn bướng, hãy tra khảo mau. - Quan quát.

- Trời ơi! Quả là có quan dã man chứ không bao giờ có dân dã man, lẽ nào ở pháp trường lại không có quỷ thần!

- Rốt cục kẻ gian phu đó là đứa nào? - Quan hỏi. - Nói mau!
- Kẻ gian phu ấy con quên mất họ tên rồi. Con tình nguyện chịu chém chứ không hại người tốt.
- Con dâm phụ này vẫn còn che giấu, các người đâu, hãy mau mau tra khảo cho ta!
- Trời ơi! Thưa ngài, gian phu tên là Mạc Tu Hữu(1), người ấy đã trốn mất rồi. Xin ngài ra lệnh đi bắt.

(1) Mạc Tu Hữu: có thể có. Triều Tống chống Kim, danh tướng Nhạc Phi bị hạ ngục vì Tần Cối vu cáo. Hàn Thế Trung bắt bình hỏi Tần Cối. Tần Cối nói: "Việc Nhạc Phi làm loạn có thể có: (Mạc tu hữu); về sau dùng "mạc tu hữu" để chỉ án oan. Xem Từ điển điển cổ Trung Hoa, NXB Văn hóa - Thông tin, H, 2002.

Khai xong, quan lệnh giam vào ngục, viết tờ trình đệ lên tỉnh, ra lệnh truy bắt gian phu. Đi tìm khắp mọi nơi không thấy người ấy, quan sợ Vũ Hoa bịa ra họ tên, đưa ra tra hỏi lại. Vũ Hoa cứ một mực kêu oan, và nói là không khai bịa. Không còn cách nào khác quan vẫn cứ giam vào ngục.

Vị quan này làm việc gì cũng tùy tiện, biết bao người đã bị oan khuất, người kháng cáo lên cấp trên cũng rất đông. Vì vụ án này để giằng dai mãi không quyết án được, nên đã phải cho Vũ Hoa về. Viên quan đến thay thế là người họ Vương, xuất thân từ cử nhân, thanh liêm và yêu thương dân chúng. Ông xem kỹ lời cung khai về vụ án này, biết là oan uổng, ông cho gọi Vũ Hoa đến xét hỏi. Vũ Hoa cứ kêu oan. Quan hỏi:

- Chồng người chết như thế nào?
- Con không biết chết vì chứng bệnh gì, sáng dậy con gọi mới biết.

Quan thét:

- Đánh!
- Vũ Hoa vẫn khai như cũ.

Quan biết Vũ Hoa sợ hình phạt mà khai, nên muốn cứu cô, nhưng căn cứ

vào đâu để tha? Nếu nói là bị bệnh thì tại sao máu lại chảy ra đằng mồm, mắt, mũi. Nếu ăn phải của độc thì cả hai vợ chồng đều ăn, nhưng tại sao vợ không chết. Ông cứ suy nghĩ mãi mà không quyết được, cuối cùng vẫn giam Vũ Hoa vào ngục, rồi tiếp tục suy nghĩ.

Lúc ấy có quan Khâm sai họ Lưu, xuất thân từ Hàn lâm, làm viên ngoại bộ Hình tại kinh đô, tới Trùng Khánh khám xét đi theo đường thủy về kinh đô, tiện đường tới huyện Vạn thăm người thân. Quan họ Vương tiếp ông tại công đường. Nhân nhàn rỗi, hai ông chơi cờ. Nào ngờ quan họ Vương chơi cờ rất cao, nhượng một xe một mã, song Lưu Khâm sai cũng chỉ là người chơi cờ bình thường. Bỗng nhiên trong ván cờ chỉ đi một nước nữa là quan họ Vương sẽ thua. Quan Khâm sai mừng thầm, bỗng quan họ Vương đi thêm một nước tiếp thì chuyển bại thành thắng. Lưu Khâm sai vỗ đùi đánh đét một cái xuýt xoa nói:

- Nước cờ này hiểm độc như đầu gà mười năm!

Quan họ Vương thấy thế bỗng nghĩ tới vụ án Vũ Hoa, rồi hỏi:

- Tại sao nước cờ của tôi, đại nhân lại ví với đầu gà mười năm?

- Lẽ nào ngài lại không biết được điển tích ấy? - Lưu Khâm sai nói.

- Tôi không biết, xin đại nhân chỉ bảo. - Quan huyện nói.

- Tôi nhắc đến đầu gà là có lí do của nó, - Lưu Khâm sai nói, - tôi sẽ nói để ngài rõ. Ngài làm quan vốn xuất thân từ cử nhân, lẽ nào lại chưa đọc cuốn sách ấy.

- Tôi vốn kém cỏi, quả thật chưa đọc đến, xin ngài chỉ bảo. - Quan họ Vương nói.

- Theo sách ấy viết thì đầu con gà đã nuôi mười năm, không thể ăn được.

- Vì sao lại như thế?

- Gà ăn kiến vốn có chất độc, chất độc ấy tích tụ trong não gà, cứ thế, tích tụ trong mười năm thì rất độc, càng lâu hơn nữa thì lại càng độc. Nếu người ăn phải loại đầu gà ấy thì chỉ có chết thôi.

- Đúng rồi! Đúng rồi! - Quan họ Vương kêu lên.

- Nước cờ của ngài rất cao siêu, ác hiểm, có khác gì loại đầu gà mười năm ấy. Tôi nói thế là ca ngợi ngài, xem ra ngài cũng cần phải đọc sách.

Quan họ Vương nghe xong mới hiểu được sự thực về vụ án Vũ Hoa. Ông nói:

- Lời nói của đại nhân quả đã cứu được một tù nhân, có thể giải được oan khuất cho họ. Điều ấy rất ích lợi.

Quan Khâm sai hỏi vì sao, quan họ Vương kể lại tỉ mỉ vụ án Vũ Hoa, rồi đưa hồ sơ vụ án cho quan Khâm sai xem, ngài nói:

- Vụ án này, người chết hoàn toàn là do ăn đầu gà, chứ sao lại nghi là mưu gian? Thật oan thay! Trác thị nói không sai, suýt nữa thì chết oan một mạng người. - Quan Khâm sai hỏi tiếp. - Trông hình dáng Vũ Hoa có phải là loại người gian dân, ác độc không?

Quan họ Vương cho gọi Vũ Hoa tới, Lưu Khâm sai nói:

- Trông người con gái này đoan trang, xinh đẹp, nhã nhặn, không phải là loại người dân dưng ác độc. Các ông lầm lẫn quá.

- Người tiền nhiệm bị bãi chức về vụ án này, - quan họ Vương nói, - tôi biết thị oan nhưng không có đường cứu, cho nên đã lâu rồi mà chưa phán quyết được.

Thế rồi ông kết thúc vụ án, tâu trình lên trên rằng chồng Vũ Hoa do ăn phải chất độc của đầu gà mười năm mà chết. Đồng thời thả Vũ Hoa trước mặt quan Khâm sai.

Vũ Hoa cúi đầu lạy tạ quan họ Vương và quan Khâm sai. Khi ra khỏi công đường, Vũ Hoa nghĩ, vì vụ án này mà ta chịu vô vàn đau khổ, nhưng ta không chết vì nỗi oan chưa được sáng tỏ. Nay nỗi oan ấy đã sáng tỏ rồi, ta không con không cháu, về nhà biết dựa vào ai đây? Thôi thì ta chết đi để bảo toàn tiết hạnh, theo chồng về nơi chín suối. Thế rồi nàng nhảy xuống con suối ở phía nam thành. May thay gặp được sai nha đi truy bắt phạm nhân trở về trông thấy vớt lên. Một lúc sau thì tỉnh lại. Sai nha bẩm quan. Quan đang tại công đường, lập tức gọi Vũ Hoa hỏi:

- Ta đã minh oan cho người, sao người không về nhà mà còn nhảy xuống suối tự vẫn?

- Từ lâu con đã muốn tuân tiết, song con còn mắc oan cho nên con phải

sống. Nay con được minh oan, nỗi hận đã được giải tỏa, con không còn cái, bơ vơ không nơi nương tựa, thôi thì con chết theo chồng.

- Nuôi con nuôi thủ tiết cũng được. - Quan nói.

- Con chỉ còn một người chú, không có người nối dõi, biết nuôi ai?

- Nếu không có con nuôi, thì nên đi bước nữa. - Quan huyện nói.

- Người đàn bà phải trọn đời chung thủy với chồng. - Vũ Hoa nói. - Lẽ nào lại đi tái giá!

- Trên đời này có người ở vậy để giữ trinh tiết, cũng có người tái giá để giữ trọn trinh tiết, cốt là phải xem cảnh ngộ cụ thể thế nào mà thôi. Nếu đạo tam tòng không có chỗ dựa thì tái giá cũng không ngại gì. - Quan huyện nói.

- Quan phụ mẫu của người khuyên tái giá, - quan Khâm sai nói, - thì người nên theo sự phán bảo ấy, đừng phụ lòng tốt của ngài. Nếu biết lập chí làm người, thì sau này sẽ gặp may.

Vũ Hoa im lặng. Quan lệnh thông báo cho một cửa hàng ăn gần đấy. Nếu ai muốn lấy nàng thì vào công đường đệ đơn. Lúc ấy có một người có vẻ muốn lấy, quan huyện lập tức gọi vào. Thấy người này trẻ, khôi ngô tuấn tú, vẻ mặt hồng hào, không phải là hạng người đê tiện. Quan lệnh cho kết hôn. Người ấy sắm nén hoa, hai người lấy nhau kết nghĩa vợ chồng, rồi lại lên công đường bái tạ quan. Quan nói:

- Vợ chồng phải cố gắng trở thành người tốt, sau này nhất định sẽ làm ăn phát đạt.

Các bạn thân mến, các bạn có biết người ấy là ai không? Người ấy là Nhị Oa. Vì anh ở nhà họ Thường, chịu thương chịu khó, lại thật thà ngay thẳng, ông Thường rất vui mừng nhận làm con kết nghĩa. Ông Thường giao cho anh đi thu nợ, lúc rảnh rỗi đọc sách. Nhị Oa hết lòng hiếu thuận, ông Thường có ý giao cho anh làm người thừa tự, cho anh một ngàn lạng bạc để buôn bán, lãi kiếm được chia đôi. Vì thế đổi tên là Tái Hưng. Chỉ trong mấy năm trời, số vốn anh kiếm được tới năm sáu trăm lạng. Nhân dịp về thăm nhà, ai ngờ đất vẫn còn đó, mà người đối khác, hỏi kỹ ra mới biết gia đình tan nát, hết sức thảm thê. Thế rồi anh lại trở về nhà họ Thường buôn bán, thường lui tới Vinh Dương và huyện Vạn. Một hôm anh tới huyện Vạn

cất hàng, ăn tại cửa hàng quan huyện đã cho thông báo. Ai ai cũng khen Vũ Hoa là người tiết hạnh, hiền thực. Hỏi kĩ sự tình, người ta nói:

- Đây là một cô gái có tài, lấy một người chồng bạc tình, bỏ vợ ở nhà đi biên biệt tới mười năm mới về, rồi lại làm cho cô chịu biết bao đau khổ, thế mà cô vẫn tuân tiết, trên đời thật hiếm có người như thế.

Mọi người khuyên anh lấy cô, Tái Hưng nói:

- Tốt thì tốt rồi, nhưng là cưới lần thứ hai, tuổi lại nhiều.

- Lấy vợ cốt người hiền thực, - mọi người nói, - kể chi đến tuổi tác, hay tái giá. Nếu lấy người trẻ mà hư, không chịu làm gì e rằng chỉ mang vạ vào thân, làm gì bằng một người đàn bà giỏi giang, lại có chí như thế. Hơn nữa lấy nhau trước mặt quan, thì còn quý hơn là lấy vợ trẻ rất nhiều. Tái Hưng thấy có lí bèn đệ đơn xin cưới làm vợ.

Sau khi lạy tạ quan, Vũ Hoa bảo chồng về nhà cúng chồng cũ. Thiết lập đàn tràng ba ngày, cùng với chồng mới cúng xong, Vũ Hoa nói:

- Chồng trước mang về hơn bốn trăm lạng bạc, em sợ chú hãm hại, nên giấu ở góc nhà.

Họ đào lên, Tái Hưng thấy tám gói, lẻ hai nén, trong đó còn có bản khế ước, có ghi tên Mễ Như Châu, là cha anh, và người được giữ khế ước là Mễ Vinh Hưng anh anh. Tái Hưng thấy rất kì lạ nói:

- Phải chăng người gian dâm với chị dâu rồi hãm hại anh tôi lại là chồng trước của nàng sao? Nếu không thì tại sao bản khế ước này lại rơi vào tay chồng trước của nàng?

Vũ Hoa nói:

- Anh ấy buôn ở Hồ Quảng, đắm thuyền mất hết cả vốn liếng, lưu lạc tới Trường Sa, bán sức rồi đến Quế Dương buôn bán. Xem ra không phải anh ta thì còn ai nữa? Vì anh ấy gây ra việc như thế, nên mới bị quả báo, bị hại đến nỗi vợ mình phải đi lấy người khác. Đúng là "hại vợ người, thì vợ mình phải trả nợ đời".

- Em nói rất đúng. - Tái Hưng nói.

Quả là trời có mắt, thế rồi họ thu xếp chuyển về nhà họ Thường. Bái lạy ông Thường, rồi thanh toán với ông hết các khoản.

Lúc ấy Tái Hưng đã có hơn một ngàn lạng bạc, lập tức tới Quế Dương mua một cửa hàng. Vợ chồng sống với nhau rất hòa thuận, cố gắng xây dựng nghiệp nhà, chuộc lại hết sản nghiệp của cha và anh xưa kia. Buôn bán phát đạt, về sau giàu có nhất vùng. Vũ Hoa sinh được ba con, một người đi theo con đường văn chương, một người học võ nghiệp, con cả đỗ tiến sĩ.

Các bạn thân mến, người ta sống trên đời, không được dâm loạn, anh em ruột không được tàn hại nhau. Người xưa nói: “Anh em như chân với tay, vợ như quần áo. Quần áo rách có thể vá được Chân tay gãy không thể nối lại được”. Mễ Vinh Hưng yêu vợ, quên người ruột thịt, mưu hại em, cuối cùng bị dâm phụ đầu độc chết, khuynh gia bại sản, tính mạng không giữ nổi. Khổ thị hại em giết chồng, dâm dục, bại hoại thanh danh, cuối cùng bị ác báo, chết nơi vực sâu. Bối Thành Kim bỏ vợ đi xa, đắm thuyền mất cửa, không biết sửa chữa lỗi lầm, được người dìu dắt, không biết đền ơn, ngược lại còn cướp vợ người lấy cửa cải, rồi ăn phải cửa độc mà chết. Bối Trác thị đoan chính, hiền thực, cần kiệm, kính yêu chồng, không mắc oan uổng, ai ai cũng khen ngợi là người hiền thực. Mễ Nhị Oa bị anh làm hại, bị chị đọa đày. Nếu không bỏ đi, thì sao gặp được ông Thường, rồi thành cự phú. Qua vụ án này ta thấy, ở hiền gặp lành, ác giả ác báo, người giỏi ở chỗ khôn ngoan. Trời giời ở chỗ báo ứng, quả thật điều ấy chẳng sai.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 11

Bắt Gió Nam

Phụ nữ hãy nêu cao danh tiết

Cần chi tô lức với chuốt hồng.

Những người dâm đảng thường diêm dúa

Lụy đến chồng con, họa đến thân.

Thôn Lạc Gia, huyện Cao Bình, có một người tên là Lạc Niên Phong, vợ là Kim thị, sinh được một người con gái tên là Diễm Cô, dung mạo xinh đẹp. Vợ chồng quý như vàng. Lúc nhỏ cứ để mặc nó ăn diện, lớn lên lại cứ mặc nó chơi bời, chẳng cho tập tành nữ công gia chánh, nhưng mồm mép thì chưa ngoa đánh đá. Khi còn nhỏ, Lạc Niên Phong đã hứa gả cho Quách Ngạn Trân. Nhà Quách nghèo, cha thường đi buôn bán xa, Ngạn Trân theo cha nên cũng biết buôn bán. Cha già yếu, giao việc buôn bán cho Ngạn Trân, còn ông thì về mua ruộng cày cấy. Lúc nhỏ, Ngạn Trân ít học hành, chỉ thích ngấm đàn bà con gái, thích chuyện phòng the. Trong làng xảy ra việc gì hay khiêu khích, đâm bị thóc, chọc bị gạo, để họ thù hằn, kiện cáo nhau. Hắn thường lui tới ngõ liễu đường hoa, không tin vào nhân quả báo ứng. May mà buôn bán kiếm được nhiều lời chưa từng lỗ vốn bao giờ. Cha anh ta biết được, khuyên rằng:

- Người ta sống trên đời, thì hiếu thảo là cái thiện hàng đầu dâm đảng là cái xấu nhất trong các thói xấu. Cái nợ về dâm đảng nhất định phải trả, gần thì vợ phải trả, xa thì con cháu phải trả, đến nỗi bại hoại cả thanh danh, hết của, mất người. Xưa nay, việc báo oán về gian dâm là ghê gớm hơn cả. Con phải giữ mình hết sức thận trọng.

- Lão già thật lắm mồm, - Ngạn Trân nói, - việc buôn bán cứ một vốn một lãi tôi giao đầy đủ, có sao ông cứ đặt điều. Xin hỏi ông rằng, việc gì mà

chẳng cần tiền?

- Không mắc thì tốt, - người cha nói, - mà đã mắc rồi thì đừng tái phạm.

- Nếu tôi có sai phạm thì trời báo ứng, mất đầu là cùng chứ gì. - Ngạn Trân thuận miệng nói.

Cha chửi ầm lên:

- Chẳng qua là tao khuyên mày, chứ ai thách đố với mày!

Năm ấy, người cha cưới vợ cho hăn. Diễm Cô về nhà chồng, suốt ngày ngấm vuốt, chẳng chịu làm gì. Mẹ chồng khuyên nhủ bảo ban, chờ mãi không được phải tự làm thay. Mọi việc đều phải chỉ bảo từng li từng tí. Diễm Cô rất ghét, đêm đêm thủ thủ với chồng, rằng mẹ đầy dọa mình. Ngạn Trân quá mê đắm, cũng chẳng dạy bảo vợ. Thấy mẹ sai vợ làm việc này việc nọ, bèn nói:

- Bà già lắm mồm, đưa con dâu còn non xương non da, sao bà cứ sai làm suốt ngày, việc trong nhà làm cả ngày cũng không hết được!

- Thì chẳng qua tao yêu quý nó, mới dạy nó làm cho quen đi, - mẹ nói, - để sau này khỏi phải tan cửa nát nhà. Đã như thế thì từ nay tao cũng chẳng thềm nói nữa, xem ai sẽ hại ai!

Về sau phàm có việc gì Ngạn Trân đều làm thay và cũng không làm việc đồng áng nữa. Diễm Cô biết được tính chồng, càng lười nhác, ngay chiếc chổi đổ cũng không dựng lên. Mẹ thấy con bênh vợ chăm chăm, cũng chẳng nói nhiều. Cha thấy như thế không được, bèn giục con đi buôn, nói mãi tới nửa năm nó mới chịu đi. Diễm Cô về nhà mẹ đẻ. Khi nào chồng về mới về. Qua hai năm, mẹ thúc giục quá, mới cãi nhau với chồng, không cho chồng đi. Ngạn Trân thấy nhiều lần, đi thêm mấy chuyến nữa. Diễm Cô thấy chồng ở ngoài chơi gái, chửi vổ vào mặt chồng:

- Người là đàn ông mà bạc tình bạc nghĩa, chỉ cốt đi xa để ăn nằm với hết đứa này đến đứa khác, mặc ta ở nhà vò vố một mình, suốt ngày cứ như đứa câm, ban ngày làm việc tối mắt tối mũi, đêm đến bên đông bên tây người ta hú hí với nhau, ta một thân một mình trùm chần ngủ, mắt cứ chong chong cho đến sáng, sao mà không đau lòng. Nếu lại đi, thì ta liều chết với người.

- Con ơi, - người cha nói, - người ta ở trên đời, sĩ nông công thương, mỗi người một nghề. Chồng con mỏng lực, không buôn bán thì ở nhà ôm nhau mà chết à.

- Tôi hiểu rồi, - Diễm Cô nói, - cha con ông vào hùa nhau để giết chết tôi!

Bố chồng nói mấy câu, thế là Diễm Cô gào lên, vừa khóc vừa chửi bới. Bố chồng uất quá hộc máu mồm, thế rồi ông bàn với con, buôn bán ngay tại quê. Ngạn Trân mua một quầy hàng ở dốc Đại Thụ, cách nhà hai mươi dặm, sáng đi tối về, buôn được mấy năm, kiếm được hơn trăm quan tiền.

Một hôm, trời đã tối mà Ngạn Trân vẫn chưa về. Cha bảo người làm công cùng với đứa con ở đi đón. Đi được sáu bảy dặm, bỗng thấy một người cầm chiếc cán cuốc đi tới, người làm công vội hỏi: "Ai đấy?". Người ấy nói rằng:

- Mà... mà không biết tao là ông Lã ư?

Người làm công soi đèn, thì đó là Lã Quang Minh người cùng làng, khắp người đầy máu, tay cầm chiếc cán cuốc. Người làm công nói:

- Vì sao người ông lấm máu thế?

- Mà hỏi tao mía lấm nước ư? Tao không trông mía sao có nước!?

Người làm công thấy gã say mèm, ngờ là hẩn ngã, bèn nói:

- Ông vấp ngã à?

- Tao... Tao chưa mua được dao. - Gã nói.

- Thôi, ông rút đi!. - Người làm công nói.

- Tao... Tao hôm nay mới uống có tám lạng, làm gì được một cân. - Lã Quang Minh nói.

Thấy lão ta say khướt, người làm công cũng không thèm hỏi hẩn nữa, bỏ đi. Tối cầu Bình An cũng không thấy. Hút liền mấy điều thuốc, rồi gọi mấy tiếng. Đứa ở nói:

- Bây giờ đã quá canh hai, nhất định anh ấy không về rồi. Chắc là đã uống rượu ở đâu chẳng!

Họ rủ nhau về .

Bên cầu bình An có một người làm đậu phụ, họ Ngô. Ông vốn là một người lao động, trước đây đi làm thuê, nhưng vì lười nhác, tính khí lại ngang ngạnh, hay nói điếu, một năm mà phải đổi chủ tới ba lần. Hơn bốn mươi tuổi mới gộp nhặt được bốn năm chục quan tiền, lấy một người vợ trạc hơn ba mươi tuổi, vì sĩ diện, gã thuê ít ruộng trồng cấy. Ai ngờ gặp cơn đen vận túng, chỉ có hai năm mà lỗ đến quá nửa, còn lại hai mươi quan tiền, ông ta thuê một ít ruộng cao ở gần cầu An Bình trồng đậu làm đậu phụ. Hôm ấy, vào canh hai, bỗng nghe đến "uỵch" một tiếng, gã giật mình tỉnh dậy, vội thắp đèn lên xem, thì thấy chiếc nồi thủng một lỗ to, trong bếp đen sì sì, không biết là vật gì, khều ra không được. Gã bê nồi ra xem, nói:

- Ôi chao! Nguy rồi!

Chiếc đèn cầm trên tay phụt tắt. Vợ hỏi, chuyện gì thế. Ngô Đậu Phụ nói:

- Không biết đứa nào bất lương ném cái đầu người vào bếp nhà mình, vỡ cả nồi!

- Đừng có la ầm lên, lẳng lặng mang đi mà chôn, kéo người ngoài biết được. - Vợ nói.

Ngô Đậu Phụ mang cuốc ra dốc núi phía sau chôn. Đang đào hố, bỗng có người tới hỏi.

- Ông chôn gì thế?

Lão Ngô kinh hoàng nghe thấy tiếng gã đồ tể họ Yến. Gã đồ tể họ Yến xuống làng mua lợn, thấy đã khuya, muốn đi lối tắt nên rẽ qua đây. Nghe thấy tiếng cuốc, đến xin lửa hút thuốc, trông thấy đầu người bèn hỏi:

- Ông giết người ở đâu, rồi lại mang ra đây chôn?

Lão Ngô bảo rằng mình thấy nó ở bếp. Gã đồ tể Yến không tin dọa sẽ nói với mọi người. Không còn cách nào, lão Ngô hứa cho hai quan tiền. Gã đồ tể họ Yến bằng lòng. Lão Ngô đào hố xong gọi lão Yến đến chôn. Lão Ngô bổ một nhát cuốc, lão Yến rơi xuống hố, rồi bổ thêm một nhát nữa, thế là lão Yến đi đời. Rồi chôn chiếc đầu ấy cùng với xác lão Yến.

Sáng hôm sau, nghe người ta nói, trước miếu thổ thần bên cầu Bình An có một người bị giết, nhưng không thấy đầu. Ngô Đậu Phụ biết, nhưng không dám hé răng.

Chuyện ấy đến tai bố mẹ Quách Ngạn Trân, vì chưa thấy con về nên rất hốt hoảng, họ tức tốc tới xem. Thấy quần áo, giày tất giống con mình, lão Quách nói:

- Cánh tay con tôi có ba chiếc nốt ruồi.

Vén tay áo lên xem, có ba nốt ruồi thật.

- Chiếc quần trắng con tôi mặc, - bà Quách nói, - hôm trước tôi vá cho nó mụn vải xanh.

Kéo áo lên xem quả nhiên đúng như thế.

Cả hai ông bà già đều nói:

- Đúng là con tôi rồi, không biết kẻ nào giết nó, ngay cả đầu cũng bị chúng cắt đi. Thật là đau đớn thay!

Thế rồi họ ôm lấy thi thể con mà khóc rằng:

Cha: - Thấy con, ta như đứt từng khúc ruột.

Mẹ: - Tay sờ vào thi thể con gào lên thảm thiết.

Cha: - Con tôi không còn đầu, thật là thê thảm.

Mẹ: - Thương thay máu chảy ướt đầm cả áo.

Cha: - Không biết vì sao mà nó giết con tôi.

Mẹ: - Hằng ngày tôi chẳng tiếc công tiếc sức vì nó.

Cha: - Cha nuôi con khổ lắm con ơi.

Mẹ: - Tôi vất vả gian truân nuôi nó từ tấm bé.

Cha: - Nó buôn bán có tài và ngay thẳng công bằng.

Mẹ: - Sáng nó đi, tối nó về mà chẳng hề kêu ca phàn nàn gì.

Cha: - Tối hôm kia nó còn mua về một cân rươi thịt.

Mẹ: - Và còn mua thuốc cho mẹ hút.

Cha: - Tôi chỉ nói với nó là phải giữ tròn đạo hiếu.

Mẹ: - Tôi về già ai chôn cất.

Cha: - Hôm qua nó đi chợ.

Mẹ: - Trời tối mịt mà không thấy về.

Cha: - Sáng nay nghe thấy người ta nói.

Mẹ: - Bên cầu Bình An xảy ra tai họa.

Cha: - Cả nhà hốt hoảng tới xem.

Mẹ: - Mới biết con mình đã chết rồi.
Cha: - Thương thay! Tôi đã sáu mươi tuổi rồi.
Mẹ: - Đầu đã bạc trắng phải chôn con tóc còn xanh.
Cha: - Vợ nó còn trẻ và xinh đẹp.
Mẹ: - Lười nhác, chỉ thích mặc đẹp ăn ngon.
Cha: - Gối lạnh chần đờn chẳng người làm bạn.
Mẹ: - Sợ rằng nó ôm đàn sang thuyền khác.
Cha: - Nhìn con, chẳng muốn rời xa nó.
Mẹ: - Gọi con chẳng thấy thừa, nước mắt lưng tròng.
Cha: - Con có linh thiêng đừng đi vội.
Mẹ: - Hãy mau mau đến cửa quan, giải nỗi oan này.

Hai người khóc lóc, rồi đến báo cho lí trưởng. Lí trưởng nói: - Đúng là con ông bà, thì phải bàn bạc xem kiện thế nào?

Người làm công nói:

- Đêm qua Lã Quang Minh người đầy máu me, chúng tôi hỏi thì hắn nói hàm hồ, hơn nữa hắn lại mang chiếc cán cuốc còn dính máu, hắn không giết thì còn ai nữa!?

- Lý trưởng một mặt sai người lên báo quan, một mặt cử người đi bắt Lã Quang Minh.

Lã Quang Minh sống độc thân, nhà nghèo, chuyên đi cày thuê cuốc mướn, đến bốn mươi tuổi cũng kiếm được mấy chục quan tiền cho vay. Mỗi quan tiền mỗi phiên chợ cũng kiếm được năm sáu mươi đồng. Tới nay được hơn một trăm quan, cho người ở dốc Đại Thụvay. Lão nghiện rượu, nên phiên chợ nào cũng thế, chưa say bí tỉ thì hắn chưa thỏa mãn. Khi uống say là hắn đánh chửi người khác. Ai bán rượu cũng phải hỏi tới ba bốn lần hắn mới trả. Lãi của hắn tháng nào đòi tháng ấy. Số nợ lão ghi rõ ràng làm hai bản.

Hôm ấy đi chợ, hắn uống say bết nhè, thấy cán cuốc rẻ, hắn mua một chiếc. Trời tối mịt mới về. Đi qua cầu Bình An hắn vấp phải một vật, ngã bổ chửng xuống đất, rồi lồm ngồm bò dậy. Đi được một quãng, gặp người làm

công của Quách Ngạn Trân. Về nhà đèn cũng chẳng buồn thắp, hẩn mò vào giường ngủ ngay, mãi tới lúc mặt trời lên tới ba quân sào hẩn vẫn chưa dậy. Lý trưởng dẫn người vào tận phòng, lấy khóa, khóa tay hẩn lại. Lã Quang Minh nói:

- Đồ con lợn, sao vô cớ đến đây xích tay, bắt ta đi!

Mọi người nói:

- Mày là thằng ác độc, giết người còn giả vờ giả vịt.

- Tôi giết người ở đâu? - Lã Quang Minh nói. - Ai nhìn thấy?

- Mày không giết người à! Mày hãy mở mắt mà nhìn mày xem! - Mọi người nói.

Quang Minh nhìn thấy người mình đầy máu, vô cùng hoảng sợ. Lúc này gã đã tỉnh rượu, mới nhớ lại sự việc đêm qua. Người ta lôi gã tới cầu Bình An. Vùng này cách thành hơn ba mươi dặm. Quan thấy vụ án mất đầu, lập tức xuống hiện trường khám nghiệm, đến chiều thì tới nơi. Người khám nghiệm báo rằng trên người có sáu nhát dao, bị một nhát đâm vào ngực, sau khi chết mới cắt đầu. Quan hỏi thân nhân người bị giết:

- Có đúng là con người không?

- Đúng là con con, - lão Quách nói, - dấu vết vẫn còn nguyên.

Quan lệnh cho thân nhân, lý trưởng, hàng xóm và hung thủ tới huyện để xét hỏi. Cho phép khám liệm xác chết, chôn cạnh miếu Thổ thần.

Trở về huyện, ngay đêm ấy quan lên công đường xét hỏi Lã Quang Minh:

- Vì sao người giết Quách Ngạn Trân mà người vẫn không khai thực?

- Thừa ngài! - Lã Quang Minh quỳ xuống, nước mắt như mưa nói. - Con tuy là nông dân ngu muội, song con cũng biết thế nào là công lý, không hề làm điều ác. Hôm qua con đi chợ mua cán cuốc, rất tiếc rằng con đã uống thêm vài chén với bạn bè. Ra khỏi chợ thì trời tối đen như mực, con đi không vững. Về tới cầu Bình An, con vấp phải một vật, ngã dúi xuống đất. Song con thấy trơn nhầy, vừa to vừa cứng, say xỉn không biết đó là người chết. Đi được một đoạn thì thấy người nhà của Ngạn Trân tới hỏi, vì sao trên người ông dính đầy máu. Lúc ấy con không nghe rõ, về nhà đi ngủ ngay, tới khi mặt trời lên tới ba quân sào mới dậy. Bỗng thấy có người đến

trời con, bảo rằng con giết Ngạn Trân ở cầu Bình An. Họ khóa tay con lồi tới đây và đổ riết cho con. Bẩm ngài đó là sự thực, xin ngài gia ân thả con về.

- Thằng này liều lĩnh thật, làm sao mà chối cãi được. Đúng là lưới trời lồng lộng, thưa mà không lọt! Người hãy khai mau, để khỏi phải tra tấn.

- Bẩm ngài. Người ta thường nói, người làm quan như gương sáng, làm sao mà ngài không xét thực tình. Đã giết người thì phải cao chạy xa bay, chứ sao lại ngủ trên giường chờ người đến bắt.

- Đồ chó má, giết người không chạy là vì oan hồn không cho chạy. Ta đã gắng hỏi người, người không khai, quân bay đâu hãy đánh nó tám mươi gậy cho ta.

- Trời ơi! Đánh hai chân tôi tóe máu muốn lên trời cũng không được, chui xuống đất cũng không xong. Họ căn cứ vào đâu mà bảo tôi giết người? Không thể nghe lời nói vu vơ mà hãm hại người tốt.

- Vết máu trên người mày không phải chứng cứ thì là gì? - Quan huyện hỏi.

- Trời ơi? Bẩm quan lớn. Đây là con vấp phải xác chết nên máu dính vào. Tại sao ngài đẩy người vào chỗ chết!

- Thằng chó má vẫn còn già mồm cãi. Bay đâu, hãy kẹp nó cho ta.

- Trời ơi! Kẹp tôi đến vãi cứt vãi đái, chết ngất đi, sợ khai bừa ra thì toi mạng, mà không khai thì phải chịu tra tấn thể thảm thế này.

- Để xem mày có phải khai không!

- Đây là do tôi uống rượu mà bị báo ứng, bị đánh đập, bị cùm kẹp, mình còn trách ai. Xin ngài tháo kẹp ra để con khai, Quách Ngạn Trân là do con giết.

- Đầu người vút ở đâu?

- Thưa ngài! Tối qua con mang đầu chạy, tâm thần hoảng loạn, không biết rơi chỗ nào, cứ tìm kỹ sẽ thấy.

Quang Minh khai xong, bị giam vào nhà tù, rồi bị bọn tù đánh hôi.

Hôm sau, quan lại lệnh cho sai nha giải Lã Quang Minh đi tìm đầu. Hai chân Quang Minh nát bết, không đi được, xin ngồi kiệu. Tới cầu Bình An tìm, nhưng chẳng thấy đầu đâu, khóc lóc trở về nhà tù. Bọn phạm nhân thấy Quang Minh cho vay nặng lãi, là người có tiền, nên suốt đêm chúng đánh

cho Quang Minh sống dở chết dở. Quang Minh không chịu nổi đành phải bỏ ra một trăm quan tiền, lại không có người thân nên viết giấy bảo người vay đưa cho chúng, mới được tha chết. Ngày hôm sau, quan hỏi không thấy đầu, lại đánh một ngàn roi, rồi lại khiêng vào nhà giam. Phải năm sáu hôm sau, vừa gượng dậy, quan đã đợi đi tìm đầu, trở về huyện lại bị đánh năm trăm roi. Thế rồi cứ dăm ba ngày lại lôi ra đánh, đến nỗi hai chân Quang Minh lòi cả xương, người gầy như que củi, rất uất hận. Quang Minh khóc suốt ngày. Một hôm tới cầu Bình An tìm đầu, tưởng tượng lại những ngày qua, ông vừa đi vừa khóc:

- Tìm đầu người, kêu trời không thấy, nghẹn ngào ầm ức không sao nói nên lời. Xưa nay Lã Quang Minh không có tội tình gì thẳng bao giờ đốt nhà, giết người cướp của, dối trời lừa người, chỉ luôn luôn muốn sống yên lành, trong sạch, tai qua nạn khỏi, quanh năm lãi mẹ đẻ lãi con. Trời ơi! Ai xui khiến tôi gặp vụ án mạng, chịu liên lụy; tiền của mất hết, bỏ bê việc nhà. Quan đòi phải tìm ra đầu người mới kết án, đánh tôi đến nỗi nát da máu ứa, đau thấu ruột gan. Trời ơi! Đến nay, kẻ giết người không biết ở đâu, chiếc đầu người không biết ở đâu. Ban ngày giải tôi đi tìm, tiền thuê kiệu đã mất hai quan ba. Đêm về giam trong sân nhà ngục, suốt đêm sương gió không sao ngủ được. Chấy rận, rệp bâu kín đặc, cắn nát thịt da thành ung nhọt, máu tứa ra. Trời ơi, quan thật là dã man, cứ năm ba ngày lại tra khảo một lần. Hai chân rách tướp, mà vẫn còn đánh hàng ngàn roi. Đau đến đứt ruột nát gan, chết đi sống lại. Đây quả thật là tai bay vạ gió, bỗng dưng trời giáng họa. Trời ơi! Có lẽ hằng ngày ta uống quá nhiều rượu, uống đến điên cuồng. Khi say rượu ta cứ ngất nga ngất ngưỡng gây gổ với mọi người. Ta cho vay nặng lãi hết tháng không giao tiền, lôi cả ông bà tổ tiên người ta ra chửi. Trời ơi! Ta thề từ nay không đi uống rượu. Không có việc gì không đi chợ, ta không cho vay nặng lãi nữa. Nếu còn sai phạm, thì ta chết đi làm con chó. Ta khuyên người đời đừng ai nát rượu, đừng ai điên khùng, hãy trông gương ta, đừng nghiện ngập, thì mới sống bình yên, tai qua nạn khỏi. Sai nha thấy Quang Minh khóc lóc, chửi:

- Về vụ án của người mà chúng tao phải đi rách nát những hai đôi giày, còn khóc gì nữa. Hôm nay mà không tìm thấy đầu thì chúng tao giao mày cho

quan lớn đánh chết tươi.

Lúc ấy Ngô Đậu Phụ đang đứng trước cửa nhà, thấy sai nha cười, hăn tức cười bèn nói:

- Vô duyên vô cớ thì tìm đâu cho thấy. Chiếc đầu người ấy đến Thánh cũng không tìm được.

Sai nha nói:

- Thế thì nhất định người biết rồi.

Ngô Đậu Phụ lập tức im bật, thấy mình lỡ lời, bèn nói:

- Chẳng qua ta cũng chỉ nói thế thôi, chứ ta có biết gì đâu!

Sai nha lập tức khóa tay Ngô Đậu Phụ lôi đến đốc Đại Thụ. Vốn là sai nha định vùi tiền, sai người nói với Ngô Đậu Phụ đưa cho bốn quan tiền họ sẽ tha. Ai ngờ một xu gã cũng không đưa, gã nói:

- Họ vô cớ xích bừa, đưa ta lên quan huyện, đánh ta một phát đứt làm đôi ta mới chịu nghe.

Sai nha bèn lôi gã đi, giao cho quan. Quan hỏi:

- Người biết đầu người ở đâu không?

- Sai nha muốn vùi tiền, nên đã vô cớ xích tay con, con không đưa tiền, họ bèn bảo con biết đầu người.

- Hăn nói là chiếc đầu người ấy thánh cũng chẳng tìm ra. - Sai nha nói. - Chúng con hỏi, hăn chỉ cười mà không nói. Xin ngài xét cho, nếu hăn không biết, thì sao hăn lại cười!

- Đúng rồi! - Quan nói. - Không tra tấn thì làm sao mà hăn chịu nhận.

Thế rồi ông lệnh mang kẹp tới kẹp. Ngô Đậu Phụ lưng đâm dĩa mồ hôi nói:

- Thưa ngài, ngài hãy tháo kẹp ra, con xin khai.

Ngô Đậu Phụ khai hết chuyện việc nhặt được chiếc đầu người tối hôm ấy. Quan lệnh cho người đi đào đầu người. Bới đất ra thì thấy bên dưới chiếc đầu người có một xác chết. Họ quay về bẩm quan. Quan lập tức cho khám nghiệm, thấy người ấy chết là do cuốc bổ vào người. Quan hỏi Ngô Đậu Phụ, hăn bảo không biết. Quan lại lệnh tiếp tục tra khảo. Hăn mới khai rằng, gã đồ tể Yến thấy hăn chôn đầu người, đòi tiền rồi bị hăn đánh chết. Quan nói:

- Đồ chó má! Sao mày độc ác thế! Thấy có người biết sao không làm đơn

báo quan, cố sao lại giết người như thế. Vậy thì Quách Ngạn Trân là do thằng chó đều này giết chết rồi.

- Thừa ngài, thật oan cho con quá. - Ngô Đậu Phụ nói. - Quả thực chiếc đầu người này con thấy ở trong bếp, ngài không tin, xin ngài hãy tới nhà con sẽ rõ.

Quan lập tức tới nhà, thấy trên nóc nhà quả thật có một lỗ thủng, nòi cũng thấy thủng một lỗ to, lại thấy đầu người bị mảnh nòi vỡ cào rách toạc.

Quan nói:

- Căn cứ vào hiện trường thì đúng là Lã Quang Minh vứt, vì tâm thần hoảng loạn, quên mất chỗ, bị người đem chôn, nên tìm không thấy. Thằng chó chết này đã giết đồ tể Yến, cũng phải đền mạng.

Thế rồi ông lệnh cho bố mẹ Quách Ngạn Trân đưa đầu về chôn cùng một chỗ với bạn mình. Lại lệnh cho nhà họ Yến mang xác về thôn. Lý trưởng nói:

- Yến sống độc thân, không có người thân thích.

Quan bảo, làng ấy phải chôn, đưa Ngô Đậu Phụ về huyện giam, rồi giải lên cấp trên xét hỏi. Tới cấp trên Ngô Đậu Phụ cũng cứ khai như thế, còn Lã Quang Minh cứ một mực kêu oan, thế rồi quan trên lại cho giải về huyện.

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 11 (B)

Lúc ấy quan huyện cũ mất chức, quan mới tới nhiệm sở là Bạch Lương Ngọc, người huyện Tử Đông, Tứ Xuyên, xuất thân từ tiến sĩ, nổi tiếng thanh liêm. Lã Quang Minh đệ đơn kêu oan. Bạch Công lấy bản án ra xem, lại xem vết máu trên áo, thấy máu dính đầy, lật xem bên trong, nhiều chỗ ngấm vào trong, còn một số chỗ lại không thấy ngấm vào, tự nhiên ông đập tay xuống bàn nói: "Oan rồi! Nếu người này giết, thì máu phải ngấm vào trong, nhưng tại sao máu lại đọng lại thành vảy không thấm vào? Đúng là vấp vào xác chết rồi ngã, máu dây vào áo. Vậy thì kẻ nào giết người. Ta phải nghĩ cách thế nào đây?". Nghĩ ngợi mãi, ông mới lệnh cho các bộ phận giúp việc tới cầu Bình An dựng rạp.

Hôm sau, tới cầu Bình An, đã thấy lý trưởng chuẩn bị sẵn cuộc xêng đứng chờ. Quan nói:

- Không cần phải mở quan tài, chỉ cần chiếc đầu thôi, còn khám nghiệm gì nữa. - Rồi ông hỏi. - Người bị giết chỗ nào?

- Thừa ngài bị giết ở trước miếu Thổ thần, tại đầu cầu. - Lý trưởng nói.

Quan xem xét lại một lần nữa, rồi trở về rạp ngồi, bảo sai nha:

- Đưa Thổ thần lại đây ta xét hỏi.

Mọi người cười rộ lên, nói:

- Thổ thần làm bằng đất, thì tra hỏi làm sao được?

Họ túm đông túm đỏ, xem quan tra hỏi Thổ thần.

Sai nha đành phải mở cửa miếu, khiêng Thổ thần tới đặt trước bàn. Quan hỏi:

- Thổ thần, người to gan thật, người là tai mắt của Thượng đế được nhân dân thờ cúng, khuyến thiện trừng ác, ban phúc giáng họa, cai quản một vùng, bảo vệ nhân dân, tại sao nó giết người, cắt đầu người trước mặt người, mà người không biết. Kẻ nào giết người, hiện nó trốn ở đâu, phải khai thực cho quan huyện biết.

- Thừa ngài, Thổ địa không trả lời. - Sai nha bẩm.

- Người cầy giữ chức quan to, ngạo mạn đối với quan huyện ư? - Quan huyện dùng dùng quát thét. - Quân bây đâu, vả vào mồm Thổ thần bốn mươi cái cho ta.

Thấy thế sai nhân khúc khích cười, quan giận dữ quát:

- Người là đồ chó, cười ta bất tài ư? Hãy quát hẳn tám chục roi.

Bọn tay chân quát viên sai nha ấy tám chục roi, rồi đặt ngựa Thổ thần xuống đất, lấy bàn vả bằng da vả bôm bốp vào mặt bốn chục chiếc. Quan nói:

- Ta làm quan ở đây, phải quản dưới sâu ba thước đất, người to gan thật, dám ngạo mạn với ta, hãy khai ra ngay hung thủ, nếu không ta sẽ đánh người tan xác.

Sai nha nói:

- Thần không mở miệng.

Quan liền đập bàn để uy hiếp, rồi hầm hầm đứng dậy nói:

- Gã Thổ thần này quả thực vẫn còn ngoan cố, đánh tiếp tám chục cái nữa!

Sai nha lấy bàn vả giơ thẳng cánh vả thật mạnh, mới đánh được mười chiếc, bỗng nhiên thấy một luồng gió quạt thốc vào trong rạp, xoáy mấy vòng, rồi thổi tạt theo hướng bắc. Quan hỏi:

- Đây là gió gì?

Có người thưa rằng:

- Bây giờ đúng giờ Ngọ, gió nam nổi lên, đó là chính gió nam (chính nam phong, chữ "chính" đồng âm với chữ "trịnh").

Quan lệnh đưa Thổ thần về miếu, sau đó ra lệnh cho sai nha đi bắt Trịnh Nam Phong. Sai nha nói:

- Thừa ngài, gió vô hình vô ảnh, văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình, thì bắt làm sao được?

- Các người ngu như lợn, - quan nói, - Ăn bổng lộc của vua, phải báo đền ơn vua. Các người đã làm sai nha cho ta, thì phải nghe ta sai bảo, các người không đi ư? Hạn cho các người nửa tháng phải về bẩm với ta. Rồi ông vút lệnh xuống đất lên kiệu về nha môn.

Mọi người đều nói:

- Quan quả là người hồ đồ, gió thì bắt làm sao được. Nếu bắt được, thì chúng ta đều phải đi bắt gió.

Sai nha cầm lệnh, rất uất hận, rồi nghĩ: "Đây là quan thấy Thổ thần không nói, cho nên làm ra vẻ như thế để che mắt mọi người, thoát thân cho dễ", và cũng chẳng thèm để ý tới nữa.

Nửa tháng sau quan hỏi sai nha:

- Hôm trước ta lệnh cho các người đi bắt Trịnh Nam Phong, các người đã đi bắt chưa?

- Quả thực chúng con chưa đi. - Sai nha nói.

Quan dùng dùng nổi giận, quát:

- Đồ chó má, tại sao các người lại bê trễ việc công.

Quan lập tức đánh cho mỗi người một ngàn roi, hạn cho nửa tháng nữa, nếu không bắt được sẽ bỏ tù.

Hai người sai nha vô cùng kinh hãi, bàn với nhau rằng:

- Đất này ta không sống nổi, ngài hà khắc như thế thì ta phải chạy trốn thật xa, may ra mới thoát chết. Rồi họ làm một bài theo điệu *Liên hoa oán*, cầm hai tờ lệnh, đi khắp mọi nơi đóng vai người hát rong để khuyên người đời. Một hôm, họ tới bãi Ngũ Lý, hát rong trên đường để khuyên người ta đừng dâm dăng:

"Trên đời bể khổ rộng mênh mông. Những kẻ dâm dăng bao giờ cũng phải đền tội. Có kẻ phải chết sớm, có kẻ vì thế mà đói rét. Có kẻ bán hết ruộng vườn nhà cửa, cũng có kẻ ngồi tù. Kẻ giàu có mất hết nhà cao cửa rộng, kẻ đồ đạc bằng vàng bạc thì mất hết cả thanh danh. Cũng có kẻ vì thế chết tuyệt tự không người thờ cúng, kỹ nữ bôi nhọ thanh danh của tổ tông. Lộc Cử đang là quan hiển đạt bị mất chức, Lý Đăng vì dâm mà mất chức trạng nguyên. Tịch Giai xem tướng phải đói rét. Đừng bàn tới chuyển phòng the sẽ tăng tuổi thọ. Đường Khanh ra làm quan phạm tội dâm dăng. Cha mơ thấy di họa đến cháu con. Xem ra món nợ ấy, nhất định phải trả. Xa thì con cháu phải vào nhà chứa, gần thì vợ ngủ với trai. Người ta bảo cái tội chơi gái là tội tà đình. Một là làm bại hoại cả thanh danh, hai là bệnh quái ác sẽ nhiễm ngay vào bản thân mình, ba là con cháu sẽ bắt chước mình, bốn là mất tiền bạc. Khi chết đi phải xuống điện Diêm Vương, ôm cột đồng nung

đỏ, thịt xương cháy thành than. Đàn ông thì biến thành lợn dẽo, đàn bà thì biến thành lợn sề để đền tội. Tại sao người ta sống trên đời không tính toán, chỉ tặc lưỡi vui sướng chốc lát. Đời trước tu nhân tích đức, mà phút chốc đổ xuống sông xuống biển, ân đức của tổ tiên để lại nay mất sạch sành sanh. Đã mắc phải thì đừng tái phạm, chưa mắc phải thì phải giữ mình. Nay ta khuyên mọi người hãy quay đầu lại. Đánh mất mình thì muôn đời muôn kiếp gặp tai nạn. Hỡi các bậc chính nhân quân tử, hãy nhìn xa trông rộng, hãy bố thí cho vài đồng. Được tiền lộ phí đi điều tra vụ án. Kính chúc các chủ hiệu buôn, tiền vào như nước chảy".

Đang hát thì thấy một người ở cửa hàng đối diện nói:

- Các người đi ăn xin thì cứ đi mà xin, việc gì phải nói lung tung như thế. Nếu gian dân mà có tội, thì trên đời ai dám gian dân!

- Tại sao người bảo không phải tội? - Hai sai nha nói. - Người xem từ xưa tới nay, những kẻ dân đảng đều bị báo ứng.

- Các người nói thối lắm! - Người ấy nói. - Từ ngày cha sinh mẹ đẻ đến nay, ta hoành hành khắp thiên hạ, thấy sắc là thèm, thấy gái là chơi, ta vẫn cứ sống trên cõi đời này mà chẳng thấy báo với bố gì hết. Các người chỉ là đồ bổ láo, đừng nói bậy với ta.

- Đây là chúng tôi tự khuyên mình, - hai sai nha nói, - có liên quan gì đến ông, nếu không lọt tai thì ông đừng nghe nữa.

Rồi người ấy nổi khùng, bước ra khỏi quầy hàng, tổng luôn. Một người ở cửa hàng bên vôi kéo ra, nói:

- Anh Nam Phong, họ là ăn mày, cần gì anh phải bắt họ nhận lỗi.

Thế rồi anh ta quay vào lấy trong tủ ra cho mấy đồng đưa cho người ăn mày rồi đuổi đi. Người hàng xóm kéo anh ta vào nhà. Sai nha rất phẫn uất, hỏi những người xung quanh:

- Người ấy họ gì? Sao lại tàn ác như thế!

- Anh ta họ Trịnh, - người bên cạnh nói. - Tên là Nam Phong, mới dọn về đây bán thuốc hồi đầu năm. Đó là một tên anh chị nức tiếng một thời.

Hai sai nha bàn nhau rằng: "Ông lớn lệnh cho ta đi bắt Trịnh Nam Phong, nhất định là hăn rồi. Sao chúng ta không bắt hăn giao cho quan lớn".

Quá trưa, hai sai nha thấy Nam Phong đang nói chuyện trong cửa hàng, liền

bức vào lấy xích khóa tay. Nam Phong định bỏ đi, một người rút dao ra đánh cho hấn mấy cái sống dao. Nam Phong kêu lên:

- Cướp cướp, đánh cướp làng nước ơi!

Năm sáu người gào thét, xông tới định đánh. Sai nha nói rõ nguyên do, khách hàng cũng đến xem giấy, thấy đúng, mới bảo mọi người dừng tay, để cho sai nha bắt đi. Hai sai nha về huyện bẩm với quan.

Quan lập tức tới công đường hỏi:

- Trịnh Nam Phong, tại sao người giết Quách Ngạn Trân tại cầu Bình An, tới giờ người vẫn không khai thực?

- Thưa ngài - Trịnh Nam Phong nói. - Con sống ở bãi Ngũ Lý, chẳng biết cầu Bình An, và cũng chẳng biết Quách Ngạn Trân là ai thì làm sao con biết chuyện giết người được?

- Người giết Quách Ngạn Trân, - quan nói, - tại cầu Bình An, rồi cắt đầu vứt vào nhà Ngô Đậu Phụ, sao lại bảo là không biết?

- Thưa ngài thật oan cho con quá. - Nam Phong nói. - Con cách đó rất xa, ngay cả việc ấy con cũng chẳng nghe tin, thì làm sao mà biết được.

Trong số sai nhân cũng có người biết hấn, bẩm rằng:

- Chỗ hấn ở trước đây rất gần Quách Ngạn Trân, tới dốc Đại thụ cũng phải qua cầu Bình An.

- Thế thì đúng rồi! - Quan nói. - Rõ ràng là mày, thế mà vẫn còn chối cãi. Các người đâu đánh cho nó tám mươi gậy.

Nam Phong cứ kêu oan, quan lệnh cho sai nha kẹp hấn lại Nam Phong cứng họng, song vẫn không khai, quan lập tức rời khỏi công đường.

Hôm sau đang còn đêm, quan gọi xét hỏi:

- Trịnh Nam Phong, Quách Ngạn Trân đích thực là người giết. Người còn chối quanh làm gì? Ta khuyên người hãy khai ra mau, ta sẽ tha tội.

- Bẩm quan lớn, - Nam Phong nói, - quan lớn cứ một mực bảo con giết, vậy thì ai đã nhìn thấy? Ai là người cáo giác? Nếu cứ hỏi như thế, thì con cũng có thể nói, chính quan lớn là người giết. Nếu quan lớn chịu nhận thì con mới khai.

Quan dùng dùng nổi giận, nói:

- Ta hỏi người tử tế, mà người lại nói bậy, quân bay đầu, đánh cho nó bốn

trăm gậy.

Vừa đánh xong, bỗng thấy một luồng gió ào ào thổi tới, đèn phụt tắt, bên ngoài có tiếng cười sảng sặc. Người trong công đường chạy tán loạn. Quan hỏi có việc gì, chỉ thấy một người xách chiếc đầu, tóm chặt lấy Trịnh Nam Phong, vừa kêu vừa khóc, quan sợ hãi, cuống cuống chui xuống gầm bàn. Lúc ấy Trịnh Nam Phong sợ run như cầy sấy, lại thấy trong công trường không một bóng người, khẽ nói:

- Người đừng bắt ta, đợi vụ án này kết thúc, ta sẽ mở đàn tràng bốn mươi chín ngày, siêu sinh tịnh độ cho oan hồn người.

Quan đứng phắt dậy nói:

- Người nói gì, thằng chó má này to gan thật, thế mà mày còn già mồm, oan hồn đòi mạng mày, mà mày vẫn không khai ư?

Nam Phong thấy không thể thoát được, hăn run như cái giẻ, bèn khai thực từ đầu:

- Bẩm quan lớn, con xin khai đầy đủ. Thừa ngài, đời con là một thằng khốn nạn, chuyên cười ngửa sử dụng đại đao. Kết bè đảng với những tên tàn ác như chó sói, hằng ngày thường lui tới nhà chứa, lừa dối gây tai họa khắp mọi nơi. Thấy đàn bà bèn nghĩ cách chiếm đoạt, tung tiền ra để mua chuộc, không được thì tìm cách đánh lừa. Hôm ấy, con đứng ở dốc núi, thấy một người đàn bà rất đẹp, tuổi trạc hai mươi hai, sáu, tuy áo vải nhưng rất duyên dáng. Con vội đuổi theo, thì đó là con dâu họ Quách. Con hỏi cô đi đâu, cô nói rằng cô đi lấy chồng, mời cô đến tiếp khách. Con cho cô mượn chiếc trâm cài đầu, cô im lặng không nói, rồi cầm lấy cài lên đầu, trông cô rạng rỡ hẳn lên. Thế rồi cô bỏ đi, bỗng thấy cô đánh rơi một chiếc túi, mà không thấy cô quay lại. Con lặng lẽ nhặt lấy giắt vào người. Người đàn bà về nhà thấy mất túi, nước mắt lưng tròng, xin lại thì sợ lỗ vốn, và sẽ bị chồng đánh. Thế rồi cô ấy quay lại tìm nhưng không thấy, sẽ phải treo cổ mà chết. Lúc ấy con mới đến nói thực với cô, đòi cô lấy con thì con mới trả. Hẹn gặp cô lần thứ hai, cô nói rằng chồng cô rất ngang ngược, nếu chồng biết được sẽ đánh cô chết. Nghe thấy cô ấy nói thế con dùng dằng nổi giận, trâm cài đầu giá hơn mười lạng bạc, nếu vào nhà chứa thì sẽ được ngủ nhiều đêm liền tới sáng, hãy tới dốc túi trả nợ cho ta. Trên thế gian này làm gì có thuận

lợi như thế. Cô ta nói rằng chồng cô đang ốm, thôi thì hãy chờ chồng cô chết đã. Khi ấy con và cô ấy thường đi lại với nhau và cũng chẳng biết sợ hãi gì. Con nghe thấy cô nói bèn nghĩ bừa rằng, nếu anh ta không chết thì sẽ lỡ mất cơ hội tốt. Quách Ngạn Trân đi buôn, hằng ngày tối mịt mới về. Con cầm dao chờ ở cầu Bình An, tối ấy con đã kết liễu đời anh ta. Cắt đầu thì sẽ không biết người chết là ai. Xác chết ấy không có người thân thì khó kết án. Trước đây con đã ghẹo vợ Ngô Đậu Phụ, bị anh ta dùng dây trói và đánh tho một trận nên thân. Nay nhân cơ hội, bèn vứt đầu vào nhà anh ta, rồi lên về nhà trốn. Sau đó nghe thấy Lã Quang Minh mắc tội oan, con rất mừng. Nào có ngờ đâu quan lớn biết được, lệnh cho sai nha đến bắt con. Bị tra khảo, con vô cùng đau đớn, khiến con chết đi sống lại. Đêm ấy, oan hồn đã hiện hình, và nghĩ rằng sẽ không sao thoát được lưới trời, không cách nào khác con đành khai ra thực. Mong ngài tha cho con. Cung khai xong, quan hạ lệnh giam vào ngục.

Từ khi Trịnh Nam Phong giết Quách Ngạn Trân, đêm nào hắn cũng mơ thấy Quách Ngạn Trân xách đầu đòi đền mạng. Không còn cách nào hắn bèn dọn nhà đến bãi Ngũ Lý. Tên này đã quen thói hung ác, oan hồn không chịu buông tha, cho nên buộc hắn phải lộ họ tên, rồi bị xích tay giải lên huyện. Đến khi oan hồn hiện hình hắn mới chịu khai.

Các bạn thân mến, làm gì có ma hiện hình, mà dù có đi chẳng nữa thì cũng là do sợ hãi hoảng hốt mà thôi. Con ma oan nghiệt này là do quan lớn thấy Nam Phong không chịu khai, nên ông đã vờ làm ra thế để dọa hắn. Nào ngờ Nam Phong giết người nên bụng lát dạ, thấy oan hồn nên hắn hoảng sợ đã khai ra sự thực. Lập tức quan cho giam Nam Phong vào nhà giam, lại cho người bắt Diễm Cô tới. Lúc đầu thị không nhận, sau quan quát mắng, lại dùng hình phạt, Diễm Cô sợ quá phải khai thực từ đầu. Quan phán:

- Con này không giữ phép nhà, bỏ nhà đi lung tung, chỉ thích trang điểm, tỏ ra ta đẹp hơn người. Hoàn toàn không biết rằng làm dáng như thế là khiêu dâm, đến nỗi hủy hoại cả danh tiết. Nói một câu mà khiến cho chồng chết. Tội người không thể chối cãi được. Thế rồi quan cho giam ngay Diễm Cô

vào ngục, tâu trình vụ án lên cấp trên.

Cấp trên sức giấy về huyện, tha cho Lã Quang Minh, sau đó đao phủ tới, đưa Ngô Đậu Phụ, Trịnh Nam Phong, Diễm Cô tới pháp trường. Ngô Đậu Phụ bị treo cổ; Trịnh Nam Phong bị chém đầu, xác vứt ngoài đồng hoang, đầu bị treo trước cổng thành cho mọi người biết; Diễm Cô bị treo cổ. Trước khi chết, cha mẹ thị là Lạc Niên Phong và Kim thị trông thấy đã hối hận vì trước đây quá nuông chiều, không khuyên răn, dạy bảo con để đến nỗi con phải chết thê thảm. Họ vô cùng đau đớn, mang xác con về an táng. Vợ chồng Niên Phong đau thương quá rồi chết. Sau khi Trịnh Nam Phong chết, vợ hắt bỏ tiền ra mua dâm rồi theo trai chạy trốn. Tên này được tiền rồi bỏ mặc giữa đường, thị đói rét quá rồi chết. Con thị bị người ta nhặt được bán cho nhà chứa nuôi lớn để sau này tiếp khách làng chơi, và rất thạo nghề! Vợ Ngô Đậu Phụ tái giá. Lã Quang Minh trở về, bán hết nhà cửa trả nợ, trở thành kẻ nghèo rớt mồng tơi, phải đi ăn mày. Lão Quách đưa con về quê chôn, nuôi đứa con nhỏ thành người, sau này cuộc sống cũng dư dật.

Xem ra thì, trong thế gian này rượu chè, sắc dục, tiền của, và sự tức giận làm hại người ta không ít. Song thiếu nó cũng không được. Bởi thế Thánh nhân dạy người ta không ngoài chữ "Trung", "Trung" có nghĩa là không thiên lệch. Rượu, sắc đẹp, tiền tài và sự tức giận, phải đạt tới chữ "trung" thì con người sẽ có lợi, quá chữ "trung" thì sẽ có hại. Chúng ta thấy Lã Quang Minh nếu không ham rượu, thì sao mắc oan được; Quách Ngạn Trân trái lời cha, dâm dục, thách đố cha, mặc cho vợ ăn diện, bảo mẹ là lắm mồm để đến nỗi đầu lìa khỏi cổ, đầu một nơi người một nẻo. Trịnh Nam Phong tham sắc, kết cục vợ chạy trốn, con vào nhà chứa, phải phơi thây nơi đồng hoang; gã đồ tể Yến thấy việc vùi tiền, lại vì tiền mà chết; Ngô Đậu Phụ nổi giận giết người, phải chết vì treo cổ, Diễm Cô lười nhác thích ăn diện, bỏ đi lãng nhãng để đến nỗi thất tiết, mất chồng, phải treo cổ nơi pháp trường. Cha mẹ không thấy được lỗi lầm vì mình không dạy con, ngược lại vì con chết, uất ức mà chết. Các bạn hãy trông gương những người ấy mà

răn mình, hãy nhìn nhận thật thấu đáo về rượu chè, dâm dục, tiền của và sự tức giận, đừng để nó làm lụy đến thân.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 12

Sáu Ngón Tay

Làm người phải luyện thành ngọc trắng,

Dối lừa thành cầm thú mà thôi.

Gây oan nhất định trời trừng phạt,

Gia tài khánh kiệt, chẳng cháu con.

Lâm sinh(1) Đới Bình Hồ, người Lô Châu, là người vô cùng tàn ác, không ngay thẳng. Tuy học văn uyên thâm, văn chương sắc sảo, song quen thói võ đoán, xúi bẩy người khác kiện tụng. Hơn nữa ông ta lại thích mùi vị đàn ông, làm nghề dạy học để kiếm ăn. Nếu nhà nào có con xinh đẹp là ông ta ý thể lừa dối để gian dân. Người xưa thường nói rằng: "Thầy bất chính, thì học trò làm loạn". Bởi thế học trò bắt chước ông. Hằng ngày tại thư phòng, đứa lớn cưỡng dân đứa bé, ông ta cũng mặc, ngay biết rõ mười mười, ông ta cũng chẳng đánh mắng. Thế là trường Khổng Mạnh biến thành chuồng lợn. Hằng ngày ông ta nốc rượu say bét nhè như điên dại.

(1) Lâm sinh: tên gọi sinh đồ thời Minh, Thanh ở Trung Quốc, được hưởng học bổng của châu, huyện hoặc phủ (ND).

Vợ ông ta là Lã thị, nhà nghèo, xấu xí lại nỏ mồm. Lúc ấy vào tháng Tư, nhà hết sạch, vợ gửi thư bảo chồng đưa tiền về đóng gạo. Bình Hồ góp được hai quan tiền mang về nhà, nhận được tiền, Lã thị mừng ra mặt, nói:

- Lần lần xin tiền, ông đều kêu không có, hôm nay sao lại có hai quan, ông lấy đâu ra thế?

Bình Hồ có tiền bèn lên mặt, nói:

- Bà không biết à? Số tiền này là từ "Thầy Khổng Tử nói: "Học thì phải luôn luôn luyện tập, thế chẳng vui sao"(1) mà ra đấy". Đêm ấy Lã thị bèn đi

dọn rượu cho chồng uống để tiêu khiển. Bình Hồ uống rượu say xỉn, Lã thị phải dìu vào phòng ngủ. Nằm trên giường lão thấy cộm cộm, lấy tay sờ, thì đó là hai quan tiền. Đang chệnh choáng say, gã bèn hỏi vợ:

- Bà bảo rằng, bà ở nhà không có tiền mua gạo, thế thì hai quan tiền này ở đâu ra?

Thấy chồng nói chữ, Lã thị cũng bắt chước dùng câu bên dưới đó để trả lời:

- Ông biết à, số tiền ấy là "Có bạn từ phương xa tới, chẳng sướng lắm sao" (2) mà ra đấy.

(1) Nguyên văn là: "Tử viết: học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ". Đây là câu trích cuốn Luận ngữ của Khổng Tử. Ý của Bình Hồ là, tiền do dạy học mà có.

(2) Đây là câu "Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ" trích trong cuốn Luận ngữ của Khổng Tử (ND).

Bình Hồ phát khùng nói:

- Mà sướng, nhưng tao đau lòng?

- Có tiền mà ông không vui, thì đời ông mới vui sao?

- Dù tao có chết cũng không chịu nổi cái loại ấy.

- Loại gì? - Vợ đáp. - Loại lợn hay loại chó!

- Mẹ mày chứ, - Bình Hồ nói, - mày là đồ lang chạ. Ông sẽ bỏ mày.

Hai người tiếng bắc tiếng chì, rồi đến cãi nhau. Bố chồng nghe thấy bèn hỏi:

- Nửa đêm canh ba rồi, mà hai đứa vẫn còn cãi cọ nhau?

- Cha không biết à, con đang uất lên đây, - Bình Hồ nói. - Thưa cha, hãy nghe con nói, vì sao con nổi khùng ư, con đâu cha không còn là người nữa, cô ta đã phản bội chồng đi ngoại tình làm những việc xấu xa, mất cả thể diện. Cô ta nói rằng có bạn từ phương xa tới, rồi còn bảo là rất sướng, có tiền tiêu càng thích. Cô ta còn chiêu con hãy chết đời đi, có tiền không biết tiêu. Con là loại người nào ư? Còn nhỏ đã đi học. Vào trường được cử là lãnh sinh. Ra khỏi nhà ai ai cũng kính trọng gọi là ông. Thế mà lấy một con vợ xấu xa như thế. Ở nhà mà còn đi gian dâm làm xấu danh tiên tổ. Con mang tiếng là kẻ bị cấm sùng, thế thì còn dạy học làm sao được, thôi thì bỏ

quách nó đi cho xong. Chỉ hận một nỗi là không giết nó được, khỏi phải tức đến lộn ruột.

Lã thị nghe thấy thế, dở khóc dở cười, nói với bố chồng:

- Thừa cha, xưa nay chưa có chuyện ấy bao giờ. Anh ấy ham rượu chè, cứ say là nói lung tung. Anh ấy mang về hai quan tiền, con hỏi tiền ở đâu ra, thế là anh ấy tuôn ra những câu hủ lậu. Nói là "học thì phải luôn luyện tập". Làm gì có tiền mà biết với không biết. Con nhận tiền, gói xuống đầu giường, đem về anh ấy vào phòng rồi ngồi lên. Anh ấy quên đi, thấy lạ, lại hỏi con tiền ở đâu. Con thấy anh ấy thích nói chữ, con mới dùng câu văn dưới đùa cho vui. Ai ngờ, nghe xong anh ấy ùng ùng nổi giận. Nhân lúc đang say rồi quay ra mắng chửi, làm con giận điên người. Anh ấy còn bốc lửa bỏ tay không, bảo con đi ngoại tình, nói là sẽ bỏ con. Rõ là đồ không biết xấu. Nếu không nghĩ tới tình vợ chồng, thì con đã vả cho rụng răng. Con khuyên anh ấy hãy bỏ rượu đi, để khỏi phải xấu lần nữa. Chừa rượu thì sẽ không điên loạn, người ta sẽ không còn gào bố mình lên mà chửi, sẽ không tổn hại đến thanh danh, lắm sinh còn làm như thế thì người ta sẽ coi thường và khinh bỉ. Thôi hãy ngủ đi kéo hàng xóm biết được thì chẳng ra gì cả.

Hằng ngày bố chồng cũng hay nói đùa, thấy con dâu nói thế ông chửi:

- Con nhóc này chẳng hiểu gì cả. "Người ta không biết tới mình, mà mình không giận, thì chẳng phải là quân tử sao?"(1) Nếu không có ai biết thì hai đứa chửi nhau mà làm gì?

(1) Đây cũng là câu trích trong cuốn Luận ngữ của Khổng Tử, nguyên văn như sau: "Nhân bất tri nhi bất uẩn bất diệc quân tử hồ".

Bình Hồ thấy vợ nói thế, càng tức đấy. Ngủ mãi tới sáng hôm sau, tỉnh rượu, vừa xấu hổ vừa tức giận, nghĩ rằng: "Người đàn bà này chẳng tốt đẹp gì, nói cứ hay cãi bướng, từ nay trở đi ta đến trường chẳng thèm về nữa cho mày ở một mình, đêm đêm nằm không". Rồi gã mang đứa con bảy tuổi tên là Hà Sinh tới lớp học. Hà Sinh là đứa trẻ rất thông minh đỉnh ngộ, đọc sách lâu lâu, nhiều lần đi thi nhưng không đỗ.

Lã thị ở nhà, mấy năm liền không thấy chồng về, biết rằng chồng mình

thích mùi vị đàn ông, tiền chơi quá nhiều. Ở nhà không có tiền tiêu, bèn ngấm ngấm "trả miếng" chồng lấy tiền tiêu dùng.

Năm ấy Hà Sinh mười tám tuổi, Bình Hồ muốn cưới vợ cho con, bèn về nhà bàn với vợ, nhờ mối lái tới xin cưới. Người thông gia tên là Thiệu Quang Phục, cũng là một tú tài, gia đình lại khá giả ông là một người đức độ, và là một thầy đồ giỏi, hằng ngày Thiệu Quang Phục dạy dỗ và giảng cho học trò nghe về sự quả báo. Ông sinh được một người con gái xinh đẹp và đoan trang, tên là Tố Mai. Từ nhỏ Tố Mai đã đi học và được cha dạy dỗ, nên cô sống rất hiếu thuận. Quang Phục nhận được lễ xin cưới của nhà họ Đới, cũng chuẩn bị trang sức cho con đi lấy chồng.

Phong tục vùng này thường làm cỗ đưa dâu, trước khi về nhà chồng, đều mời họ hàng tới ăn cỗ. Hôm ấy Tố Mai đến mời bác, giữa đường gặp một người, anh ta cứ nhìn mình chăm chăm. Cô tức giận vội bỏ đi. Tối đêm hôm về nhà chồng, bạn bè thân thích dẫn chàng rể vào động phòng, rồi uống rượu vui chơi ngay tại phòng ấy. Cô dâu rót rượu mời mọi người rồi mới ra khỏi phòng. Hà Sinh đóng cửa đi ngủ, cô cũng định đi ngủ, thì thấy chồng đứng dậy mở cửa ra ngoài khá lâu, sau đó thấy có người vào đến ngay chỗ ngăn kéo tắt đèn, rút trâm cài đầu, cởi áo quần cho cô, rồi hai người dắt nhau đi ngủ. Gà gáy sáng thì chồng dậy ra ngoài.

Trời sáng, Tố Mai dậy không thấy đồ trang sức, vội tới hòm lấy chiếc khác, cô giật mình sinh nghi: "Hay là trộm? Nhưng mình có ngờ đâu?". Định hỏi chồng, nhưng không thấy chồng vào. Bỗng nghe thấy người bên ngoài nói: - Ông Đới ơi! Không biết vì sao chú rể bị giết sau chuồng xí.

Vợ chồng Bình Hồ chạy ra xem, đúng là con mình thật, óc phọt ra, cổ bị cắt đứt, chỉ mặc chiếc áo lót, người đã lạnh cứng. Rồi gọi người khiêng vào nhà, nghĩ rằng: "Đời ta chỉ có một đứa con, nay đã chết, thì sau này ai hương khói. Vợ chồng ta biết dựa vào ai?". Bất giác lòng đau như cắt, khóc than thảm thiết:

Cha: - Con ơi! Con chết, cha đứt từng khúc ruột.

Mẹ: - Lòng mẹ đau như dao cắt.

Cha: - Con ta là đứa thông minh linh lợi.

Mẹ: - Ta chăm chút nuôi dưỡng con biết bao vất vả nhọc nhằn.

Cha: - Nó học thông minh, thơ văn đều giỏi.

Mẹ: - Khi thi bao giờ nó cũng xếp thứ mười trở lên.

Cha: - Năm nay nó sắp vào trường học.

Mẹ: - Ta đã cưới cho nó một người vợ đẹp. cha: - Cưới dâu về thì nó gặp tai nạn.

Mẹ: - Hai vợ chồng mới sống với nhau một đêm, thì nó đã thác rồi.

Cha: - Song không biết kẻ lòng lang dạ sói.

Mẹ: - Có thù hận gì mà nó giết con ta.

Cha: - Nó chết cứng đằng sau nhà xí, óc tóe ra ngoài.

Mẹ: - Đáng thương thay, nó bị cắt đứt cổ.

Cha: - Quần áo đẹp nó mặc vì sao không thấy.

Mẹ: - Nó đánh chết rồi mới cắt đầu, sao nó tàn ác thế.

Cha: - Đáng thương thay, cha năm mươi tuổi, đầu đã bạc.

Mẹ: - Thương thay, mẹ tuổi trời sắp hết.

Cha: - Thương thay nhà họ Đới không có người hương khói.

Mẹ: - Lúc hai năm mươi ai là người chôn cất?

Cha: - Thảm thương thay, kẻ đầu bạc chôn đứa con tóc còn xanh.

Mẹ: - Lúc tuổi già, con chết có ba điều bất hạnh.

Cha: - Ta nhìn con mà chẳng muốn rời.

Mẹ: - Ta gọi con mà chẳng thấy con thưa.

Cha: - Ta chỉ là chiếc cột mục ở Lô Châu.

Mẹ: - Ai là người che chở cho con.

Cha: - Con hãy trả thù kẻ hung bạo đã giết con.

Mẹ: - Con phải nghĩ cách để rửa hận cho con.

Cha: - Linh hồn con dưới âm ti đừng tán loạn.

Mẹ: - Phải bắt kẻ giết người đền mạng.

Thấy chồng chết, Tố Mai vội chạy ra. Cô gào lên khóc, nghĩ tới sự việc xảy ra đêm qua, đúng là chồng ra ngoài, bị trộm giết chết. Tên trộm đã đội lốt

chồng hủy hoại danh tiết mình. Nếu không thì tại sao nó lấy quần áo và đồ trang sức!? Bây giờ chồng chết rồi, danh tiết cũng đã mất, ta còn mặt mũi nào mà sống trên cõi đời này nữa, thôi thì ta chết quách đi, xuống âm ti địa ngục tìm kẻ thù. Thế rồi cô cởi xà cạp bó chân ra treo cổ. Bỗng nhiên khách vào phòng nhìn thấy, vội vàng cởi ngay dây, đổ nước gừng. Vợ chồng Bình Hồ đang khóc con, lại nghe thấy con dâu thắt cổ, bủn rủn cả chân tay, cuống cuống chạy tới Tổ Mai dần dần tỉnh lại. Ông bà già khuyên rằng:

- Con trai ta đã chết, không thể sống lại được, tại sao con lại vội vã chết đi như thế, con phải bình tâm lại.

Nhân đó mới bảo rằng, đêm qua mất cả đồ trang sức. Vợ chồng Bình Hồ cứ gặng hỏi. Tổ Mai khóc lóc nói rằng đêm qua, lúc chồng ra ngoài, tên trộm mạo danh chồng vào phòng ngủ với cô. Bình Hồ nói:

- Chẳng trách nào con dâu không muốn sống, làm cho ta càng uất ức.

Thế rồi ông lại hỏi:

- Tên trộm ấy như thế nào?

- Khi vào phòng thì nó tắt đèn ngay, - Tổ Mai nói, - nên nhìn không rõ, chỉ sờ thấy nó có sáu ngón tay.

Bình Hồ nghĩ: "Chỉ có đứa học trò tên là Đinh Triệu Lân có sáu ngón tay, vậy là đúng nó rồi. Nó là một đứa học trò tốt, ai ngờ nó lại làm một việc không có luân thường đạo lý như thế". Rồi tức tốc đi hỏi nó ngay.

Đinh Triệu Lân, mất cha từ lúc còn nhỏ, được mẹ là Tào thị nuôi dưỡng thành người. Bà dạy bảo con rất nghiêm khắc. Bởi thế Đinh Triệu Lân là người cung kính khiêm nhường, nói năng lễ phép. Hơn nữa siêng năng học tập, thông minh đỉnh ngộ. Vì nhà giàu, mẹ kén chọn con dâu, nên mười tám tuổi vẫn chưa vợ con gì. Năm ấy tới học thầy Bình Hồ. Hôm cưới cũng ăn cỗ tại đây, bạn bè cũng rủ anh tới vui nhậu tại phòng cưới. Hà Sinh thân thiết với anh, dành cho anh một chiếc đùi gà. Thấy mọi người nói năng lỗ mãng, Đinh Triệu Lân không thích, im lặng chẳng nói chẳng rằng, chán ngán uống vài chén rượu, tự nhiên thấy buồn ngủ, rồi cáo từ lên giường trước. Tỉnh dậy thấy đau bụng, muốn đi đống, lúc dậy lại không thấy đèn, trời tối đen như mực, mò tới nhà xí, trượt chân ngã, sờ thấy ướt, ngỡ là phân, ngửi không thấy thối, rồi lấy tay lau, không thấy mùi thối nữa, thế rồi

anh mò về phòng, cứ để nguyên quần áo đi ngủ. Bỗng anh nghe thấy thầy gọi mới tỉnh giấc. Ngồi nhanh dậy, Bình Hồ thấy Đinh Triệu Lân, tay chân, quần áo dính đầy máu, tát luôn mấy cái, nói:

- Vì sao mày giết con tao, gian dân với con dâu tao, tao bây giờ không có người nối dõi. Tao với mày chẳng còn tình nghĩa gì nữa.

Triệu Lân hỏi:

- Sao thầy lại nói thế, con không giết người, thầy đừng đổ bừa cho con.

- Mày không giết người à! - Bình Hồ nói. - Tại sao người mày dính đầy máu?

Triệu Lân nhìn xuống, hãi quá, trợn tròn mắt, ngó người ra không sao nói được. Bình Hồ bảo mọi người trói Triệu Lân lại rồi giải lên châu, kêu oan.

Quan lập tức gọi Triệu Lân tới hỏi. Triệu Lân đã nói rõ việc đêm qua anh tới nhà xí, bị ngã, máu dính vào quần áo. Quan thấy người có vết máu, lại có sáu ngón tay, nghi cho Triệu Lân giết người, lệnh sai nha khóa tay, tổng giam. Ngày hôm sau khám nghiệm, thấy nạn nhân chết là do đánh bằng gậy, đầu có ba vết thương, cổ bị cắt bằng dao con. Quan xem xét kỹ, thì thấy xung quanh tường không thấy đao ngạch, lập tức gọi cô dâu hỏi, sau đó trở về nha môn hỏi Đinh Triệu Lân rằng:

- Người là đồ chó má, đã đi học sao không biết pháp luật, dám cả gan giết Hà Sinh, đội lốt chàng rể để gian dân. Người không biết tội của người sao!?

- Thưa ngài, đèn trời soi xét. - Triệu Lân khai. - Thật là oan con quá, mong ngài thương tình. Từ tấm bé con luôn theo lời dạy bảo của mẹ con, sống ngay thẳng để vun trồng gốc rễ. Con cũng biết mắc phải điều tà dân sẽ bị báo ứng nên vui đầu vào việc học hành, không sống bừa bãi. Nhân thầy cưới vợ cho con, con đến chúc mừng nhân ngày cưới, bạn bè đều rủ con đến vui chơi. Thấy họ chơi trò đổ rượu trong phòng, nói năng thô lỗ, con không quen sống như thế nên đi ngủ sớm. Khi tỉnh dậy thấy đau bụng, con vội tới nhà vệ sinh. Trời tối đen như mực, trượt ngã, khắp người bị lấm, con vội lấy tay lau, ai ngờ đó là vết máu, khiến con mắc tai họa.

- Đồ bố láo! - Quan nói. - Mày không giết người thì sao dưới đất có máu?

- Vì kẻ trộm giết người máu chảy ra đường, - Triệu Lân nói, - con không

biết nên đã bị máu dây vào. Đó là sự thực.

- Rõ ràng là mày giết người, - quan nói, - đừng quanh co nữa, hãy khai mau, khỏi phải tra khảo.

- Trời ơi! - Triệu Lân nói. - Thưa ngài, nếu con giết người thì con phải chạy trốn chứ sao lại ngủ ở nhà cho người ta bắt? Hơn nữa đồ trang sức của cô dâu đã bị lấy sạch, thì rõ ràng là trộm chứ không phải là con.

- Ta cho rằng, - quan nói, - tất phải có kẻ tòng phạm, mang đồ trang sức đi, người chối làm sao được.

- Nếu có kẻ tòng phạm thì cũng phải cùng nó chạy trốn chứ. - Triệu Lân nói. - Đại gì quay trở lại tiếp?

- Quay trở lại tiếp là vì mày định lập lờ đánh lộn con đen, - quan nói, - hơn nữa cô dâu sờ thấy kẻ trộm có sáu ngón tay, điều này thì mày còn cãi sao được nữa.

- Trời ơi! - Triệu Lân nói. - Thưa ngài, trên đời này thiếu gì người có sáu ngón tay. Tại sao, vì ngẫu nhiên giống nhau lại vu cho con.

- Sáu ngón coi là ngẫu nhiên, vậy vết máu trên người mày cũng ngẫu nhiên à. - Quan nói.

- Con xúi quẩy, gặp vận đen, - Triệu Lân nói, - cũng như đất dây vào đũng quần thì làm sao mà biện bạch được.

- Đồ chó má, mày chỉ già mồm. - Quan nói. - Quân bay đâu hãy mau mau kệp nó cho ta.

Triệu Lân nghĩ: "Kệp ta đến nỗi hồn xiêu phách lạc, như lọt vào địa ngục Diêm vương. Nếu không khai thì quan lớn cứ tra khảo, mà khai thì sợ đầu lìa khỏi cổ. Đáng thương thay mẹ ta đã năm mươi tuổi rồi, người già, khí huyết suy kiệt, biết dựa vào ai đây. Chắc rằng từ nay trở đi ta không được về gặp mẹ nữa. Ta là đứa con bất hiếu, tội cao như núi". Không chịu nổi tra tấn, cực hình, Triệu Lân đành miễn cưỡng nhận tội đã giết Đới Hà Sinh.

- Vậy thì hung khí mày vứt đâu? - Quan huyện hỏi. - Hãy mau mau khai ra.

- Hung khí là chiếc gậy nhà anh ấy, - Triệu Lân nói, - còn chiếc dao rọc giấy cắt cổ, con vứt xuống sông.

- Kẻ tòng phạm, - quan hỏi, - tên là gì?

- Tên anh ta là Hồ Hữu Nhân, - Triệu Lân nói, - đã trốn rồi, xin ngài cho

người đi bắt.

Khai xong, quan giam Triệu Lân vào ngục. Bọn phạm nhân biết nhà Lân giàu có, chúng lệnh cho bọn đàn em đánh đập. Triệu Lân nói:

- Các ông muốn đánh hay muốn tiền?

- Sao lại không cần tiền, - bọn chúng nói, - lẽ vào ngục là không thể thiếu được.

- Đã bị đánh thì không đưa tiền. - Triệu Lân nói. - Người ta thường nói: kim không nhọn hai đầu. Đã chịu khổ mà lại đòi tiền, thì ai đưa.

- Có tiền thì mang tới. - Bọn tù nhân nói.

- Vài hôm nữa mẹ tôi tới, - Triệu Lân nói, - dù nhiều hay ít cũng sẽ đưa cho.

Bọn phạm nhân thôi không đánh đập nữa, cho người nói với mẹ Triệu Lân.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 12 (B)

Tào Thị thấy con đi ăn cưới đã mấy ngày mà không thấy con về, rất sốt ruột, cho người đi hỏi mới biết con mắc tội oan, bà gào lên khóc lóc thảm thiết. Nghĩ mình vất vả ở vậy nuôi con, chả ai mong muốn việc này, nếu không may xảy ra chuyện chẳng lành thì biết dựa vào ai! Đang định tới châu xem sao, thì bỗng có người tới bảo mang bạc tới để đút lót cho phạm nhân. Bà biết con đã cung khai, khóc suốt mướt, mang hai nén bạc lên châu. Tới nhà giam, hai mẹ con ôm nhau khóc, biết được con bị khổ hình, buộc phải khai bừa, lòng đau như dao cắt lập tức đem hai nén bạc ra nộp cho bọn tội phạm. Bọn chúng dùng dằng nổi giận, nói:

- Chỉ có một chút xíu này, mang đến làm gì, không đủ cho chúng ông súc miệng.
- Cần bao nhiêu? - Tào thị nói.
- Một ngàn cũng không nhiều, - bọn chúng nói, - tám trăm cũng không ít, nói thực nhá, các ông cần bốn trăm quan.
- Cái gì! Sao nhiều thế. - Tào thị kinh ngạc nói. - Rốt cực mất tiền mà cũng không đền nổi mạng ư!?
- Đây là lễ vào nhà ngục, còn tội trạng của con bà ai mà can thiệp được.

Tào thị không sao được, đành phải van nài chúng. Bọn chúng dùng dằng nổi giận vứt bạc xuống đất, lệnh cho bọn đàn em treo Triệu Lân lên như một con lợn, bắt rận bỏ vào đầu, nhổ nước bọt vào mặt, rồi đổ nước cống rãnh vào mồm. Tào thị uất ức đến bầm gan tím ruột, nhặt bạc lên vừa đi vừa chửi; tới công đường gào thét kêu oan.

Viên quan xét xử vụ án họ Lê, tuy xuất thân từ khoa bảng, nhưng mới ra làm quan, việc xử án chưa thông thạo, lại không biết được những tệ nạn trong nha môn. Ông rất căm giận người kêu oan. Nghe thấy, ông cho sai

nha ra bảo bà ta có việc gì thì cứ đệ đơn. Tào thị nói:

- Con đến trừ hại cho cả châu, đó cũng là việc công, gặp ngài tự nhiên con muốn đệ đơn kiện.

Quan tức giận gọi vào hỏi:

- Con mẹ này chua ngoa thật, có việc gì ghê gớm mà kêu gào ở ngoài ấy!

Tào thị kể lại việc phạm nhân trong nhà giam dùng hình phạt thi pháp treo người lên đánh để tống tiền. Quan nói:

- Lần đầu nó vào ngục, phạm nhân đòi ít tiền, đưa chúng một ít thì yên ngay. Việc gì phải kêu oan.

- Ngay dù tiền mừng cũng không được đòi nhiều, - Tào thị nói, - huống hồ đã phạm pháp thì vui cái gì mà mừng? Hay mừng nó giết người ư?

Quan không sao trả lời được nữa, một lúc lâu sau mới nói:

- Nó không đòi tiền thì lấy gì mà chi dùng.

- Tù nhân đã có hoàng thượng cho ăn, sao lại lấy tiền của tù nhân mới. Đây rõ ràng là phạm nhân tống tiền chia cho quan lớn, bởi thế quan mới không truy cứu. Như thế là đòi đền mạng, lại đòi tiền, con sẽ vượt quyền ngài, lên tận kinh đô kêu với nhà vua, để minh oan, trừ hại cho cả châu.

Thấy vậy quan dùng dùng nổi giận, trực tiếp đến nhà tù tra hỏi phạm nhân. Lúc ấy phạm nhân đã cời trói cho Triệu Lân. Quan gọi Triệu Lân lại hỏi. Triệu Lân nói:

- Phạm nhân đòi bốn trăm quan tiền đứt lót, mẹ con đã đưa cho họ một nén, xin họ lấy ít thôi, nhưng họ không nghe, đã treo con lên, bỏ rận và nhổ nước bọt vào mặt, đáng căm giận nhất là họ đổ nước cống rãnh vào mồm con, khiến con phải sống dở chết dở. Ngay như quan lớn cũng không bao giờ dùng hình phạt tàn khốc đến như thế. Quả là con không thể chịu nổi. Con mong quan lớn thương cho kẻ học trò này.

Bọn coi ngục và phạm nhân khăng khăng không nhận, Tào thị chỉ cho quan xem vết trói ở tay và vết nước cống rãnh đổ xuống ngực Triệu Lân. Quan lập tức đánh cho bọn coi ngục và tù nhân mỗi đứa một ngàn roi, rồi cách chức ngay tại chỗ. Bọn phạm nhân tuy căm tức, song cũng chừa, không dám bắt nạt Triệu Lân nữa.

Tào thị tới chỗ phủ đạo đưa đơn kêu oan, và lập tức tới Thành Đô kháng cáo. Lúc ấy trên cũng nhận được tờ trình ở dưới gửi lên. Án sát Ty xem xong nghĩ: "Đã là thầy trò, thì tại sao cạn tàu ráo máng, giết người như thế". Lại nhận được đơn cáo trạng của Tào thị, lập tức phê vào đơn phải xem xét kỹ, gửi giấy xuống đạo, lệnh cho đạo cùng với châu phải trực tiếp tra hỏi. Cuối công văn gửi xuống còn dặn dò rằng: "Có thể vì quên hết tình nghĩa thầy trò, thấy người đẹp mà cưỡng dâm cướp của, phải tìm cho ra bằng được tang chứng, phải thận trọng suy xét, đừng làm cho kẻ ác thoát tội, không được suy diễn vô căn cứ, làm người vô tội mắc oan".

Công văn đến Hợp Châu, ngay ngày hôm ấy quan đến Lô Châu. Ngài Lê tiếp tại công đường, lệnh đưa hồ sơ ra xem. Xem xong quan Hợp Châu đưa Đinh Triệu Lân ra xét hỏi:

- Người đã nhận tội, vậy tại sao lại còn bảo mẹ người đi kháng cáo? Có oan ức gì cứ nói thật.

Triệu Lân khai lại từ đầu việc mình uống rượu, ra nhà vệ sinh, trượt ngã, quần áo bị dính máu. Quan Hợp Châu xem kỹ bản án, biết là bị oan, cố ý hỏi:

- Người không giết người, tại sao áo lại có máu, và bàn tay đúng là có sáu ngón? Người đã khai, tại sao bây giờ lại phản cung?

- Thưa ngài, - Triệu Lân nói, - con bị đánh đau quá, không chịu nổi nên con phải khai, bởi thế con phải kêu lại, mong ngài minh oan cho.

- Rõ ràng là người giết người, - quan Hợp Châu giận dữ quát - bây giờ còn phản cung cãi bướng.

Thế rồi ông lệnh cho bọn tay chân tra tấn.

- Thưa ngài, hãy bớt giận, - Triệu Lân nói, - nếu ngài không minh oan cho con thì con không nói nữa là xong, việc gì ngài phải tra tấn. Những lời con khai trước đây là đúng sự thực cầu mong ngài gia ân miễn tra tấn cho con.

- Xem bản án của người, - quan Hợp Châu nói, - hình như có oan khuất, song hung thủ vô danh không thể lần mò ra được. Hung thủ không tìm ra

thì người thoát tội làm sao được.

- Ngài thấy con vô tội, - Triệu Lân nói, - mà mình oan cho con, con vô cùng cảm động. Nếu không thì con chết oan uổng, cũng chẳng oán hận gì.

Quan Hợp Châu trầm ngâm hồi lâu, vẫn giam Triệu Lân vào nhà giam. Rồi bàn với quan họ Lê gia hạn thêm, và hai người cùng giải quyết. Sau đó lệnh cho sai nha đi khắp các ngả tìm người có sáu ngón tay, điều tra hành vi của chúng.

Quan Hợp Châu trở về châu, ba tháng sau vẫn không động chạm tới vụ án này, Tào thị lại đệ đơn lên Thượng Tư thúc giục. Thượng Tư nổi giận quát:
- Vụ án kéo dài mãi không thể giải quyết được, ngu tối như thế thì trị dân làm sao được!?

Rồi lập tức gửi giấy xuống, lệnh cho hai ông phải giải quyết gấp hai tháng nữa mà không bắt được thủ phạm thì phải lên cấp trên xét hỏi. Quan Hợp Châu lại đến Lô Châu thúc giục giải quyết gấp. Hai tháng đã trôi qua mà vẫn chưa tìm thấy, hai quan rất lo lắng, bàn nhau làm tờ sớ, kêu cầu Thành Hoàng chỉ bảo. Nhân ngày mồng một tới miếu thắp nhang, hai quan cùng ngủ tại miếu, nằm mơ thấy hai con gà trống nhỏ đùa với nhau, con lớn nhảy lên lưng con nhỏ. Bỗng thấy một người tay cầm cành liễu, vạch một vòng to, rồi đánh liên hồi vào con gà nhỏ, cạnh đó treo một chiếc thòng lọng, rồi con gà nhỏ chui đầu vào chiếc thòng lọng treo cổ. Người ấy cởi con gà xuống, ôm vào lòng, khóc nức nở, thế rồi cầm gậy đi đuổi con gà to. Dưới đất bỗng xuất hiện một chiếc lá sen, người ấy đánh vào chiếc lá sen ba gậy, rồi lấy dao cắt nát cọng sen. Đang xem, chợt có tiếng thanh la báo sang canh làm họ tỉnh giấc. Thế rồi ông gọi quan Hợp Châu kể lại giấc mộng ấy. Quan Hợp Châu nói:

- Tôi cũng mơ thấy như thế.

Thế rồi họ mời thầy đoán mộng. Thầy nghĩ một lát rồi nói:

- Vụ án này từ con gà gian dân mà ra. Việc người ấy đánh con gà nhỏ, người ấy xấu hổ vì bị ô nhục. Ôm con gà thắt cổ khóc ấy là ôm con ông ta

vậy. Dùng gậy đánh vào lá sen (Hà điệp), rồi dùng dao cắt nát cọng sen. Vụ án này kẻ bị giết là Hà Sinh. Người cầm canh liễu khoanh một vòng to, chẳng phải là Liễu Đại Xuyên ư.

Hai quan gật đầu cho là đúng, bèn lệnh cho sai nha đi bắt Liễu Đại Xuyên. Sai nha nói:

- Liễu Đại Xuyên hiện ngụ tại Đông Sơn, cách nhà Đới Bình Hồ hơn mười dặm.

Thế rồi hai ông cho sai nha đi bắt Liễu Đại Xuyên giải về châu.

Hai quan ngồi giữa công đường hỏi:

- Liễu Đại Xuyên, tại sao ngươi giết con Đới Bình Hồ, mạo danh hành dâm, trước mặt ta ngươi phải khai thực!

Đại Xuyên nói:

- Quả là oan con quá. Mong ngài xét kỹ, cho phép con khai rõ nỗi oan tình. Vụ án này con không giết người, xin ngài trị tội thật phân minh. Nhà con vốn nghèo khổ, để được một đứa con gọi là Trường Thanh. Mười bốn tuổi văn chương lưu loát chỉ mong nó đỗ đạt để rạng rỡ mặt cha. Đới Bình Hồ là thầy giỏi con đưa nó tới học. Ai ngờ Bình Hồ lòng lang dạ sói, lén lút làm ô nhục con con.

- Đã là thầy làm gì có chuyện gian dâm. Ta không tin. - Quan nói.

- Trời ơi! Bẩm quan, - Đại Xuyên nói, - trên gian dâm dưới, xưa nay có rất nhiều. Di Tử Hà chia đào nuôi Vệ Quân. Huống hồ là Bình Hồ, một tên lưu manh, hăn chẳng khác gì cầm thú còn nói gì đến tình thầy trò nữa.

- Nó đã bị gian dâm, thế thì nó theo học ông ta nữa không? - Quan hỏi.

- Nó theo học hai năm, hăn đã làm hại nó, hằng đêm hăn đưa nó ra ngoài hành dâm. - Đại Xuyên nói.

- Gian dâm là việc ám muội, sao ngươi biết được!? - Quan hỏi.

- Con đánh con để tra hỏi, mới biết nó đã thất thân. - Đại Xuyên nói. - Con uất quá xích nó lại để khỏi ra ngoài làm nhục tổ tiên. Con con không còn cách nào khác treo cổ tự tử. Con phải báo thù, Bình Hồ đâu còn là thân sĩ nữa.

- Con người đã tự tìm đến cái chết, ngươi còn trách người ta làm gì nữa? - Quan nói.

- Trời ơi! Bẩm quan lớn! - Đại Xuyên nói. - Nhất định con trai nó phải chết, con dâu nó phải thành góa bụa. Nó gian dâm con con quá đáng, thì con gian dâm với con dâu nó là hợp tình. Nó làm con tuyệt tự, con cũng làm cho nó tuyệt tự. Điều ấy là trời báo ứng, chứ không phải là con làm bừa.

- Người đã giết con gã bằng cách nào? - Quan hỏi.

- Thấy Bình Hồ cưới vợ cho con, con dâu hăn đẹp nghiêng nước nghiêng thành. Con theo đầu bếp gánh hàng vào, sau đó bỏ ba đậu(l) vào nồi hầm gà. Rồi xin phép về, nấp bên nhà vệ sinh chờ. Thế rồi chỉ một nhát búa là hăn về châu trời. Con lột quần áo, mặc vào để đội lốt nó. Sợ rằng lâu sau nó tỉnh dậy, con dùng dao con cắt cổ, rồi ung dung dắt cô dâu lên giường ngủ. Nghe thấy gà gáy sáng, con lấy trang sức rồi bỏ trốn. Ai ngờ lại làm cho Đinh Triệu Lân bị mắc oan. Hôm nay tại phiên tòa con xin khai thật. Nghĩ đến đứa con đã chết mà đau lòng. Xin mong ngài hỏi tội Bình Hồ. So sánh tội của con và hăn, đúng là con đáng chém đầu, song con chết thì hăn cũng không thể tồn tại được.

(1) Ba đậu: một loại hạt ăn vào sẽ đi tả.

- Quần áo và đồ trang sức hiện ở đâu? - Quan hỏi.

- Quần áo và đồ trang sức hiện con đang giấu ở nhà, - Đại Xuyên nói, - hoàn toàn vẫn còn nguyên vẹn. Xin ngài bắt hăn đến đổi chất, thì nơi chín suối con mới nhắm mắt được.

Thấy Liễu Đại Xuyên khai rất phù hợp với giấc mộng, quan cho là thực, bèn nói với quan Hợp Châu rằng:

- Đới Bình Hồ cuồng loạn, gian dâm với học trò, đắc tội với Thánh hiền. Nếu không trị đến cùng, sẽ làm bại hoại phong tục.

- Đây là nhân vật xuất sắc, là kẻ sĩ có tiếng của quý ngài, - quan Hợp Châu nói, - quyền ngài xử lý.

Thế rồi ông về châu. Chỉ để lại cuốn luật pháp, rồi cùng làm văn bản tâu trình lên trên. Giam Đại Xuyên vào ngục. Sau đó lệnh cho sai nha đến nhà họ Liễu lấy quần áo và trang sức. Đồng thời gọi Đới Bình Hồ tới xét hỏi:

- Người được nhận cân đai của triều đình, lẽ ra phải bồi dưỡng nhân tài. Có sao người lại táng tận lương tâm, gian dâm với học trò, nay gặp ta mà người vẫn không chịu khai ư?

- Con là lẫm sinh, dạy học, nội quy trong trường học rất nghiêm ngặt. Hơn nữa con là người ngay thẳng, sao ngài lại bỗng dưng vu tội cho con, làm bại hoại phong tục.

- Người đã gian dâm với Liễu Trường Thanh con Liễu Đại Xuyên, làm hại đời nó. Cha nó trách mắng nên nó thắt cổ chết. Nay trước tòa người không khai thực còn biện bạch gì nữa.

- Liễu Đại Xuyên nói năng bừa bãi, bôi nhọ đạo Thánh hiền, - Bình Hồ nói, - đáng ra phải đánh chết hẳn để hẳn khỏi làm hại người đời. Tại sao ngài nghe theo những lời lừa dối, vu tội cho kẻ sĩ công danh?

- Hành vi của người ta biết cả rồi, - quan nói, - nếu không khai thì pháp luật sẽ không tha.

- Hình pháp của ngài chỉ thi hành đối với bọn trộm cướp, - Bình Hồ nói, - làm sao có thể trị được thân sĩ. Nếu xét xử như vậy thì cũng có thể nói là ngài gian dâm với con, giết hại nó. Nếu ngài nhận, thì lẫm sinh này cũng nhận.

Quan dùng dùng nổi giận, nói:

- Tên lẫm sinh ngông cuồng to gan kia, sao người dám nói láo coi thường quan trường, quân bay đâu cho nó bài học!

Bình Hồ đang biện bạch, mắt bỗng nảy đom đóm, thấy Liễu Trường Thanh đang đứng gục mặt, nhìn mình cười. Bất giác mê loạn, nói:

- Học trò của ta ời, người không nỡ rời bỏ thầy, người tới thăm thầy ư?

- Người nói gì thế, - quan quát, - vẫn không chịu nhận, còn chờ đến bao giờ?

Trường Thanh quát vào tai Bình Hồ:

- Bình Hồ! Hãy khai mau.

Tự nhiên Bình Hồ khai hết việc hằng ngày đã cưỡng dâm trẻ con và dụ dỗ làm ô nhục Trường Thanh. Quan lệnh giam Bình Hồ vào ngục, và tha cho Đinh Triệu Lân. Hai quan cùng làm bản tường trình lên cấp trên. Cấp trên xem xong dùng dùng nổi giận phê rằng:

“Đối Bình Hồ thích mùi vị đàn ông, quả là loài cầm thú. Trong đám văn nhân, gian dâm học trò, quả là tên tội phạm của đạo Thánh hiền, vạn lần chết cũng không đền hết tội. Hẳn tuyệt tự cũng chưa xứng đáng. Phải hoạn

nó ngay tại chỗ để nó sống vẫn mang tội, và làm bài học cho mọi người sau này. Liễu Đại Xuyên báo thù cho con. Bất đắc dĩ phải giết Hà Sinh, tội có thể tha thứ. Song đã gian dâm với cô dâu, làm hại danh tiết người con gái. Nghĩ rằng hắn ta tuyệt tự, cho nên giảm nhẹ tội, đánh hắn một ngàn roi, cùm ba tháng. Thiệu Tổ Mai sờ thấy người sáu ngón tay tưởng là chồng, việc ấy hoàn toàn là ngẫu nhiên. Đinh Triệu Lân vì có sáu ngón tay mà chịu oan, quả là duyên trời se. Nên lấy Thiệu thị là hợp lý".

Công văn chuyển tới châu. Quan cho giải Bình Hồ tới, lệnh cho thợ hoạn hoạn hắn ngay tại chỗ, lấy quả thận ra ngoài cho mọi người xem. Mọi người nhìn thấy đều hả lòng hả dạ, gào thét chửi bới Bình Hồ. Gọi Đinh Triệu Lân tới công đường đọc cho anh nghe chỉ dụ của quan trên, cho anh lấy Thiệu thị. Triệu Lân vui vẻ vâng lệnh. Quan lệnh cho bà mối tới nói với Thiệu thị, và được cô bằng lòng lấy Đinh Triệu Lân.

Nghe thấy Liễu Đại Xuyên đã cung khai. Tổ Mai mới thấy Đinh Triệu Lân bị oan, cô vô cùng thương xót, nghĩ: "Vì ta mà anh ấy bị giam cầm, chịu đựng biết bao đau khổ, đời nay ta không đền đáp được thì kiếp sau ta phải đền ơn". Rồi cô lại nghĩ: "Bước chân vào cái nhà cầm thú này, tội giáng xuống đầu mình, không biết đời mình rồi sẽ ra sao?".

Khi nghe bà mối nói cô rất mừng. Đinh Triệu Lân chọn ngày tốt đón dâu. Vợ chồng sống hòa thuận. Về sau sinh được hai người con, một người trúng kỳ thi Hương. Liễu Đại Xuyên trở về vì không có người nối dõi, cắt tóc đi tu. Đối Bình Hồ sau khi bị hoạn, ai ai cũng khinh bỉ, nhà bị cháy nhiều lần, gia tài khánh kiệt, phải đi ăn mày, rồi chết đường chết chợ. Lã thị trốn theo người khác, về sau cũng chết đói.

Từ vụ án này ta thấy, người ta sống trên đời, gian dâm với đàn ông sẽ bị sát tới ba đời. Người nào một đời làm lỗi, cho dù bị cắt đầu, tuyệt tự, vẫn chưa đền hết tội. Quan trên ghép vào tội phải hoạn. Cũng bởi vì nghĩ đến đạo Thánh hiền, nên mới giảm nhẹ tội. Những kẻ thích mùi vị đàn ông, sao chẳng lấy Bình Hồ để răn mình?

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 13

Thăm Vãn Chó Sói

*Đời lắm kẻ mặt người dạ thú
Cũng có khi mặt thú dạ người
Có đức được đền, oán phải trả
Tự đến pháp đình nghe xét hỏi chẳng sai.*

Sử Chính Cường người Mậu Châu, xuất thân từ thợ bạc, nhà nghèo. Vì trộm đồng làm bạc giả bán mà trở nên giàu có. Hắn kiếm được bốn trăm quan tiền, mở cửa hàng ở thị trấn, gọi là Minh Nguyệt Lâu. Vì tay nghề giỏi cho nên cửa hàng của Chính Cường rất đông khách. Chính Cường là kẻ gian dối xảo trá, bất hiếu với cha mẹ. Cha nghiện rượu, mỗi ngày uống hai bữa. Có một hôm nhà hết rượu, cha định mang tiền đi mua. Chính Cường chửi: - Ông chỉ là một gã kiết xác, chẳng có tài cán ý chí gì, chẳng mua cho con cháu được mảnh ruộng nào, nếu ta không kiếm được tiền, thì có mà đi ăn mày. Đã có miếng ăn lại còn đòi rượu. Nếu từ nay trở đi còn như thế thì ngay cơm ta cũng không cho, xem ông làm gì ta.

Thấy cha mẹ già, nước mắt nước mũi lúc nào cũng chảy ròng ròng, hắn không cho cha mẹ ăn cùng. Hằng ngày hắn uống rượu ăn thịt một mình, cha mẹ đi qua đi lại hắn không thèm gọi lấy nửa lời. Vợ hắn là Hồ thị, trước đây do cha mẹ hỏi cho. Người tuy xấu nhưng lại rất hiếu thuận. Hằng ngày chị vẫn lét lút đưa rượu thịt, nên bố mẹ chồng không đến nỗi phải đói rét. Sử Chính Cường không vừa ý, đánh mắng chị suốt ngày, sai khiến như trâu ngựa. Còn hắn thường xuyên đi chơi gái.

Một hôm, hắn đang uống rượu tại nhà chứa. Ô Thất Ma Tử là người hay

đâm bị thóc, chọc bị gạo, thấy Sử Chính Cường đang uống rượu ở đó, hăn dùng song dao đánh và bảo sẽ đi kiện. Sử Chính Cường không còn cách nào đưa cho hăn bốn quan tiền. Về nhà Sử Chính Cường cứ âm ức mãi. Hăn có một người anh họ tên là Hà Nhị Oa, nghe thấy hăn bị đánh, đến thăm, nói rằng:

- Trên đời này, người nào có tiền của là có thế lực, mềm nắn rắn buông. Có tiền mà không có thế thì lúc nào cũng bị khinh bỉ, ở đâu cũng bị bắt ức. Dù anh có tiền vạn, cũng không bằng người kết nghĩa của chúng tôi.

- Như thế nào mới có thế lực. - Sử Cường nói.

- Anh không thấy anh em giang hồ chúng tôi ư? - Hà Nhị Oa nói. - Lúc thì chơi gái, lúc thì giả làm quan, đêm nay nghỉ nhà này, ngày mai ngủ nhà khác. Không những không chịu nhục, mà không phải tiêu tiền. Há lại như các anh chỉ quanh quẩn ở xó nhà, không đáng mặt chơi. Ra ngoài sống tự do, tiêu tiền không cần tính đếm, lại được đánh chén no say. Hôm nào anh Trịnh sẽ làm việc này, chỉ cần mấy quan tiền, tôi đảm bảo anh sẽ thành bậc anh chị. Chẳng có đứa nào dám động đến mình. Ra khỏi cửa là tha hồ nói năng hoa chân múa tay, đứng trên ghế xưng ông, chửi người. Nếu có việc gì xảy ra, anh em xúm lại nâng đỡ chúc mừng, đông hàng trăm hàng ngàn, muốn đánh thì đánh, muốn giết thì giết. Cái gì mà chẳng làm được!

Sử Chính Cường nghe bùi tai, bỏ ra sáu quan tiền nhập bọn. Thế rồi hăn vênh vang đắc ý, đêm đêm không về nhà.

Một hôm, thấy phố sau có một cô gái rất xinh đẹp, hỏi ra mới biết đó là vợ của Vương Gánh Nước, tên là Trần Thúy Thúy, mới về nhà chồng năm ngoái. Cô là người đẹp nhất thành. Chính Cường muốn ngủ với cô, nên bàn với Hà Nhị Oa. Nhị Oa nói:

- Cô này quen biết Chu Ngũ ở phố Nam, sợ rằng anh không thể động đến cô ta được, tôi khuyên anh hãy thư thư một chút. Anh Chu Ngũ là một tay anh chị nổi tiếng trong thành, ai ai cũng đều ngán. Anh ta là người thét ra lửa, lừa dối trộm cướp giết chóc chẳng từ một việc gì, chẳng ai dám động đến lông chân anh ta.

Sử Chính Cương cũng biết anh ta là tay ghê gớm, khó mà động tới được. Song lúc nào cũng thèm khát Thúy Thúy, cứ đòi Hà Nhị Oa tìm cách. Nhị Oa nói:

- Luật lệ của cánh giang hồ chúng tôi là người dưới phải nghe theo người trên, chỉ cần anh tung tiền ra hối lộ cho ông anh cả. Nếu anh ta đến với anh, thì anh dùng phương pháp cho ăn thả cửa, phải dùng thật nhiều tiền để mua kỹ nữ, thì sợ gì Chu Hồ.

Sử Chính Cương mừng rơn, lệnh cho Nhị Oa mang bốn mươi quan tiền đi các bến tàu tìm kiếm. Nhị Oa nuốt không mười quan. Thế là tìm cho Sử Chính Cương một đại ca mới. Chính Cương khoe khoang khắp thành, làm cỗ mời mọi người. Lập tức bảo Nhị Oa nói rõ với vợ chồng Vương Gánh Nước, mỗi tháng trả hai thùng gạo hai quan tiền. Quần áo, đồ trang sức thì tùy theo sở thích. Từ nay trở đi không cho quan hệ với người ngoài, Thúy Thúy cũng nghe theo. Sử Chính Cương dọn giường chiếu tới, đêm ngày thả sức đi về. Người ta thường nói: "Tiền bạc như quốc bảo, có thể biến xấu thành tốt, nếu không được tiền thì ái ân thành phiền não". Bởi thế Chu Lão Ngũ đi qua nhà, Vương chửi ngay. Chu Lão Ngũ thấy Sử Chính Cương chiếm đoạt kỹ nữ của mình rất phần uất, tìm cách gây sự với Chính Cương, song lại sợ không địch nổi, thế là gã mới nảy ra một kế. Thấy Chính Cương uống trà thì trả tiền trà, uống rượu thì trả tiền rượu, nhiều lần như thế Sử Chính Cương cũng không hề nghi hoặc gì.

Cách thành hai mươi dặm, có một cái chợ ở rìa núi, vào ngày mồng ba tháng Ba, mở hội bách hóa, rất đông vui. Sử Chính Cương mang đồ trang sức đi bán, hàng vật đã bán hết, chỉ còn chín chiếc to chưa bán xong. Bỗng thấy Chu Lão Ngũ đến mời cơm trưa. Sử Chính Cương thối từ. Chu Lão Ngũ cứ năn nỉ mời mọc nói rằng cửa hàng cô Dương đã sắp sẵn rồi. Chính Cương dọn hàng vào bao, tới cửa hàng, thấy thức ăn đã bày sẵn. Chu Lão Ngũ lại gọi ba cô gái họ Dương rót rượu tiếp khách, ân cần mời mọc, lần lượt mang ra tám chín món ăn. Chính Cương nói:

- Tôi làm phiền anh nhiều quá, mà chưa báo đáp được, sao anh lại dở de thịnh soạn thế này.

- Ông anh ơi có gì đâu. - Chu Lão Ngũ nói. - Anh cứ cho em là người tốt là em cảm ơn lắm lắm. Đây chỉ là chuyện vặt chứ có phiền nhiều gì đâu.

Họ uống với nhau mãi tới tận tối mới chia tay.

Cách thành mười dặm có một người là Kiều Cảnh Tinh, là thầy thuốc nội ngoại khoa rất giỏi, phong hàn, cảm sốt, nhiễm độc sưng tấy, cứ thuốc vào là khỏi ngay. Hơn nữa ông lại có lòng từ thiện, thương người yếu vật. Khi bào chế thuốc không dùng sinh vật. Trị bệnh không mặc cả tiền nong, tính tình ngay thẳng, không kiêu ngạo. Vì chưa gặp vận, nên chỉ đủ ăn mà không tích góp được của cải. Một hôm đi chữa bệnh, trên đường trở về, trời gần tối, đang vượt qua một ngọn núi cao, ông thấy trước mặt, sau lưng có hai con sói cản đường. Cảnh Tinh vô cùng sợ hãi, ngồi tựa vào vách núi. Thấy hai con sói lắc đầu vẫy đuôi mồm ngậm một chiếc túi nhỏ, rồi nhả xuống trước mặt, Kiều Cảnh Tinh đi lên phía trước, quay đầu lại rồi đi tiếp, cứ thế ba bốn lần, Kiều Cảnh Tinh không hiểu được. Thấy dáng vẻ chó sói hiền lành, ông nhặt túi xem, thì bên trong có ba bốn chiếc trâm cài đầu, khoảng hơn một lạng. Ông nghĩ: "Chắc rằng sói mời ta chữa bệnh, đem những thứ này biếu ta đây". Rồi ông nói:

- Nếu quả là mày mời ta chữa bệnh thì hãy gật đầu ba cái.

Quả nhiên sói gật đầu. Ông Kiều thấy tiến thoái lưỡng nan. Trời lại sắp tối, đành liều mạng phó mặc số phận cho trời, đi theo chó sói. Đi sâu vào núi hai ba dặm, thấy trong hang có một con sói lớn, đầu mọc một chiếc mụn to bằng cái bát, thối khắm, nhưng nhúc giời bọ. Kiều khoét hết chỗ thịt thối rữa, rồi ngậm nước suối phun, rửa sạch mụn, sau đó đắp thuốc. Xong xuôi hai con sói tiễn Kiều về. Chưa được nửa đường, thấy mười mấy con sói vây lấy ông, định cắn. Con sói đi trước bước tới, như nói với chúng. Đàn sói bỏ đi hết. Sói dẫn ông tới dốc núi. Kiều Cảnh Tinh vừa đi vừa nghĩ, rồi luôn miệng nói, "Lạ thật, kỳ lạ thật".

Được gần nửa tháng, nhà hết gạo, mấy hôm ấy lại chẳng có ai mời. Kiều Cảnh Tinh đem đồ trang sức lên thành bán. Đi mấy chỗ mà chẳng có ai mua. ông vào hàng uống trà, đặt đồ trang sức và chiếc túi lên bàn. Bỗng

thấy một ông già, quần áo rách rưới, cầm đồ trang sức và chiếc túi lên xem, hỏi:

- Chiếc túi này ông lấy ở đâu?

- Đây là của vợ tôi, - Kiều Cảnh Tinh nói, - nhà hết tiền mang đi bán.

- Ông đánh ở đâu? - ông già hỏi.

- Đây là của hồi môn vợ tôi đem về, tôi không biết vợ tôi đánh ở đâu Kiều Cảnh Tinh nói.

- Thế ông đòi bao nhiêu? - ông già hỏi.

- Một lạng tám, - Cảnh Tinh nói, - lấy ông hai quan bảy là phải rồi.

Ông già cầm lấy đồ trang sức, bảo Kiều Cảnh Tinh đi theo lấy tiền. Đến nhà môn, Kiều Cảnh Tinh hỏi:

- Lấy tiền ở đâu?

- Trong nhà môn. - ông già nói.

Vừa tới sảnh đường, ông già gào lên kêu oan. Kiều sợ hãi định bỏ đi, ông già giữ chặt lấy. Quan hỏi:

- Việc gì thế?

- Con tôi đi bán hàng một tháng nay mà chưa về. - ông già nói. - tìm mãi vẫn biệt vô âm tín. Nay thấy người này mang hàng của con tôi đi bán. Nhất định là nó đã cướp của giết người rồi. Xin quan lớn soi xét.

Quan bảo sai nha tạm giam, rồi đệ trình đơn. Ông già này là cha Sử Chính Cương. Hôm ấy Sử Chính Cương đi chợ ở chân núi chưa về, ông tới hỏi Vương Gánh Nước, Vương nói rằng đêm qua anh ấy không tới đây. Tới chợ ven núi hỏi, thì người ta bảo đã về lúc chạng vạng tối. Tìm khắp mọi nơi vẫn chẳng thấy tông tích đâu. Cả nhà cuống lên, đi rút thẻ, xem bói đều nói là dữ nhiều lành ít. Chính Cương lại chưa có con cái, nên ông bà già suốt ngày khóc lóc. Hôm ấy lại thấy đồ trang sức của Kiều Cảnh Tinh. Ông nhận được đó là của con mình, cho nên lừa Cảnh Tinh tới nhà môn kêu oan. Sai nha giải vào nhà giam, trình đơn lên quan. Kiều Cảnh Tinh như sét đánh ngang tai, sợ run như cây sậy.

Quan ngồi trên công đường hỏi lão Sử:

- Con ông đi bán hàng chưa về, trộm cái đầu của Kiều Cảnh Tinh, có thể con ông bán mà ông không biết, tại sao lại tố cáo anh ta giết người cướp

của?

- Nếu như con con bán, - lão Sử nói, - thì tại sao bán tới một tháng nay chưa về? Hơn nữa, chiếc túi ấy cũng là của con con. Con hỏi rằng nó từ đâu ra, thì anh ta bảo, đây là của hồi môn của vợ anh. Điều ấy thật đáng nghi. Anh ta không giết người cướp của thì ai vào đây nữa.

- Trâm cài đầu của người ở đâu ra? - Quan hỏi Kiều Cảnh Tinh. - Hãy khai thực đi.

Kiều Cảnh Tinh run cầm cập, cúi đầu nói:

- Thưa ngài, đèn trời soi xét, con xin khai rõ từ đầu chí cuối. Từ nhỏ con đã học nội ngoại khoa, đi chữa bệnh cho mọi người. Con chữa bệnh nơi gần cho chí nơi xa. Hôm ấy khám bệnh trở về, đi qua Nam Lĩnh, thấy hai con sói chặn đường phía trước và phía sau, đúng là con tiến thoái lưỡng nan. Sói ngậm một chiếc túi, nhả xuống trước mặt con, rồi lắc đầu vẫy đuôi như mời con.

- Sói là loài thú ăn thịt người, - quan nói, - làm sao mà nó biết mời anh? Lúc ấy anh có đi không?

- Con theo nó vào hang núi, - Cảnh Tinh nói, - thấy một con sói mắc bệnh, đầu nó mọc một chiếc mụn thối khắm. Con cắt hết chỗ thịt thối ứa, rồi rửa sạch, rắc thuốc bột, đắp cao rồi về. Sói tiến chân con, đi trước dẫn đường, bỗng thấy mười mấy con sói định xông ra ăn thịt con. Hai con sói ấy vào giữa bầy sói, như nói với chúng. Thế rồi bọn sói bỏ đi, con mới về nhà. Mấy hôm sau hết tiền tiêu, lại không có người mời chữa bệnh, con mới đem trâm vào thành bán thì gặp hạn. Lão Sử thấy đồ trang sức sinh lòng tham, vu cho con giết người cướp của. Mong ngài tìm hiểu kỹ, minh oan cho con.

- Thằng chó má này cả gan nói láo. - Quan nói. - Người bảo những chiếc trâm này là do sói tặng, chó sói là dã thú, nói thế là không có chứng cứ, người không lừa dối được ai đâu. Rõ ràng là người thấy của sinh lòng tham, cướp của giết người, sao người không khai thực. Quân bay đâu đánh nó bốn mươi gậy cho ta!

- Trời ơi, bầm quan lớn. - Cảnh Tinh nói. - Con suốt đời sống yên phận, thật thà ngay thẳng, chữa bệnh cứu sống nhiều người, chưa từng cướp của giết

người, cố sao lại vu vạ cho con. Đúng là ngài dồn người sống vào chỗ chết.
- Mày không cướp của giết người thì mày lấy đâu ra chiếc túi này? - Quan hỏi.

- Xin ngài đừng lo, - Cảnh Tinh nói, - nó đã biết mời thầy chữa bệnh, dùng bạc để tạ ơn, biết đền ơn, cho nên không thể coi nó như loại sói tầm thường được. Nếu nó thấy con bị oan nhất định nó sẽ tới công đường đối chất, thì lập tức sẽ sáng tỏ, mong ngài tha thứ.

Quan lập tức chuẩn y, lệnh sai nha áp giải Cảnh Tinh tới Nam Lĩnh. Vào hang sói xem, thì chẳng thấy con sói nào, chỉ thấy đồng xương khô ngổn ngang trên đồng cỏ. Sai nha giận dữ quát:

- Kiêu Cảnh Tinh, mày là đồ chó, lừa dối quan, làm chúng ta mất công trèo đèo lội suối, tìm sói của mày. Thế bây giờ sói đâu? Hãy mau gọi nó ra đây. Nếu nó ra thì thôi, nó mà không ra thì mày sẽ no đòn.

Kiều Cảnh Tinh trèo lên núi hướng ra bốn phía gọi, song không thấy đáp lại. Xem ra trời sắp tối rồi, sai nha vừa đi vừa chửi, giơ tay định tổng, Kiêu Cảnh Tinh cuống lên, nước mắt giàn giụa, khóc kêu trời kêu đất.

“Tìm chó sói, gọi trời xanh, nước mắt như mưa không sao nói được. Nghĩ lại xưa kia ta học nghề y, kỹ thuật không tồi, nửa để tích đức, nửa để kiếm tiền. Trời ơi! Đáng ra phải được quanh năm yên ổn, bốn mùa vô sự, có nhiều khách hàng, mua vườn tậu ruộng. Thế mà tại sao lại làm tôi khổ khổ thế này. Bỗng dưng bị kiện, khiến tôi phải chịu oan khuất. Vì sói mời tôi chữa bệnh, biếu tôi một vài lạng bạc. Về nhà bán bạc chỉ dùng lại gấp số phận long đong thế này. Lão Sử bảo ta giết con cướp của, kiện lên quan. Ta không nhận, quan rút roi, tay thước cùm kẹp tra khảo ta đủ điều. Ta van nài ngài nhón tay làm phúc, ngài mới bằng lòng cho giải đến đây. Trời đất ơi! Vào hang không thấy sói, tìm khắp mọi nơi, gọi khô cả cổ, từ sáng sớm tới giờ đã gần tối rồi, mà chẳng thấy đâu. Sai nha hăm hăm tức giận, miệng chửi, tay đánh. Đúng là ta chẳng khác nào người trồng hoa mà bị chết oan. Đã gặp khó khăn nay càng khó khăn thêm. Trời ơi! Hay là trước đây ta mắc nhiều tội lỗi, mất hết lương tâm. Suy xét kỹ, bấm đốt ngón tay tính toán, thì chẳng thấy chỗ nào ta làm nên tội. Hay là vì ham làm giàu, coi mạng người như trò đùa, mặc cả trước, thấy nhiều tiền thì bán thuốc tốt, ít tiền thì làm

cho bệnh hoạn triển miên kéo dài, bởi thế nên trời giận dữ mà trừng phạt, khiến ta ngã quỵ không sao gượng dậy nổi. Trời ơi, từ nay ta nguyện sẽ phải sửa mình, phải chuyên tâm chữa bệnh cho mọi người, cho dù người ấy có tiền hay không. Trời ơi, trời vọi vọi cao xanh, hãy mở con mắt thần, sai khiến cho sói ra ngay. Lại đi lên phía trước nhìn, hoàn toàn không thấy một con sói nào ở đó. Trời ơi! Sao trời không hiển linh, bắt sói đáp lại nguyện vọng chính đáng của con. Con sẽ giết dê mổ lợn hát xướng cúng thần. Đi vòng vèo thất tha thất thểu tới một hôm núi. Bỗng nhiên gặp vị cứu tinh, nhìn kỹ, thấy con sói vết sẹo chưa lành hẳn. Trời ơi! Sói ơi! Người làm ta thê thảm đến thế này. Người làm ta phải chịu biết bao nỗi giày vò. Ta đã tìm người toát cả mồ hôi, ta đã mỏi mắt trông chờ người. Nếu không tìm thấy người, thì ta phải treo cổ. Mong người đừng nấn ná nữa. Hãy cùng ta đến cửa quan minh oan. Xin người đừng biến ân thành oán. Chỉ một lời nói của người ta được sống. Con người ai cũng giàu lòng nhân ái, loài vật cũng biết kết cỏ(1) ngậm vành(2). Ta đã khóc đứt hơi, khan tiếng, rát cổ miệng khô. Sói ơi, ta thật đáng thương biết bao.”

(1) Kết cỏ (kết thảo): Ngụy Vũ Tử thời Xuân Thu, có một người thiếp Yêu. Khi ốm Ngụy Vũ Tử dặn con trai là Ngụy Khỏa rằng: "Hãy chôn bà theo ta". Ngụy Khỏa cho rằng trước khi chết tâm trí rối loạn, nên không theo lời cha dặn, vẫn để bà tái giá. Sau này khi Ngụy Khỏa giao chiến với quân Tần, đột nhiên có một ông già dùng cỏ tết thành những sợi dây dài, khiến cho tướng Tần là Đỗ Hồi vấp ngã. Ngụy Khỏa thừa cơ bắt sống Đỗ Hồi. Ngay đêm ấy, Ngụy Khỏa nằm mơ thấy một ông già nói với mình: "Ta là cha người đàn bà người đã gả chồng, cứu con gái ta, ta vô cùng biết ơn. Hôm nay trên chiến trường ta đã kết cỏ làm cho Đỗ Hồi vấp ngã, để đền ơn người".

(2) Ngậm vành (hàm hoàn): Tương truyền, lúc lên chín tuổi Dương Bảo thời Hán thấy một con sẻ vàng bị chim ưng mổ, rơi xuống gốc cây. Dương Bảo đem về nuôi, chuyên cho nó ăn hoa cúc. Được hơn một trăm ngày lông sẻ vàng dài ra, rồi bay đi. Đêm hôm ấy có một bé trai mở áo vàng nói với Dương Bảo rằng: "Ta là sứ giả của Tây Vương Mẫu, tỏ lòng biết ơn người đã cứu ta, xin biếu người bốn chiếc vòng bạch ngọc (Xem Từ điển điển cổ

Trung Hoa, NXB Văn hóa - Thông Tin, H, 2002)

Khóc xong, sói nhảy đến trước mặt Kiều, dùng vuốt quặp chiếc khóa, lôi ra mà không được. Nó quay lại cắn sai nha. Sai nha rút dao định chém, sói tung mình lên mô đất cao, nhìn vào trong núi, tru lên mấy tiếng, sói trên khắp núi lao tới, không sợ dao gậy, xông vào cắn sai nha, quần áo họ rách bươm. Không sao được, sai nha đành van nài Kiều Cảnh Tinh xin sói tha chết cho họ. Lập tức Kiều Cảnh Tinh nói với con sói có vết sẹo rằng:

- Người hãy bảo các con sói kia vào núi đi, đừng cắn người nữa. Nếu cắn chết sai nha thì ta sẽ mắc tội thêm, và ta chỉ có chết mà thôi. Rất mong người nể mặt ta, tha chết cho họ.

Sói gườm gườm nhìn rất lâu, rồi lắc đầu vẫy đuôi với lũ sói kia. Lũ sói lập tức trở về hang. Kiều Cảnh Tinh nói với sói rằng:

- Lần trước người lên mặt nhọt, ta không sợ chết lần vào hang của người, nặn hết mủ lấy hết chất độc và thịt thối rửa cho thịt mới sinh ra. Ta không tiếc thuốc để chữa trị cho người. Số bạc người tạ ơn ta, chẳng biết người lấy ở đâu, khiến ta phải chịu cảnh đánh đập, oán ghét. Đó chỉ là việc nhỏ. Song quan lớn còn bắt ta đền mạng. Ta không giết hại Sử Chính Cương, cũng không biết anh ta sống chết thế nào. Người xem ta phải làm thế nào bây giờ? Thôi thì người hãy đi cùng ta đến gặp quan, nói rõ ta bị oan uổng. Nếu không thì người hãy ăn thịt ta ngay tại đây, để ta khỏi phải chết trong ngục, làm ma quỷ không được sạch sẽ gì. Nghe xong sói hiểu ra, thấy Kiều Cảnh Tinh đi, nó cũng cất bước theo sau.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 13 (B)

Đi tới giữa đường, thấy một quán cơm bên sườn núi, trời sắp tối, sai nha bụng đói, lên cơm nguội, bèn vào hiệu ngả bàn đèn hút thuốc phiện mua rượu thịt, rồi hỏi Kiều Cảnh Tinh lấy tiền, Kiều nói:

- Tiền đã tiêu hết rồi, thôi thì hãy vào thành, đêm nay hút thuốc giải khuây cũng được.

Sai nha không nghe, chỉ muốn đổ tội cho Kiều Cảnh Tinh, ngang ngược đòi tiền. Kiều Cảnh Tinh rất uất ức, song chỉ biết van nài sai nha:

- Còn cách thành chỉ sáu bảy dặm nữa, bây giờ đi vẫn còn kịp. Nếu như ăn cơm hút thuốc thì đêm tối đường khó đi, chúng ta chịu khó một chút nữa thôi.

- Ông Kiều! - sai nha nói. - Vì vụ án của ông mà chúng tôi phải đi suốt ngày hôm nay. Ngay cả cơm sáng và thuốc sáng nay cũng không được ăn. Chỉ có mấy người đi đường mà người cũng tiếc tiền, vào thành còn phải thêm người nữa, lúc ấy họ bê thức ăn ra kìn kìn, người càn sốt ruột. Ta thấy người là một tên nhà què hay lợi dụng, không hiểu được phép tắc, trả tiền mà vẫn còn chịu nhục.

- Người trong nha môn rất độc ác, làm việc không có lương tâm. - Kiều Cảnh Tinh nói. - Xuống làng gọi người, luôn đòi tiền bạc. Nếu bắt người thì không những bắt người ta đãi cơm mà còn đãi cả thuốc. Người nhà què luôn giữ bốn phận, không vì tình riêng mà làm điều sai trái. Hôm nay ta không cứu, thì sói đã ăn thịt các người rồi.

Kiều Cảnh Tinh nói xong, thấy sói phần nộ nhảy bừa lên giường cầm bàn đèn đập nát, rồi xông vào sai nha. Sai nha nấp sau lưng Cảnh Tinh xin tha tội:

- Kiều tiên sinh, hãy mau mau cứu chúng tôi, chúng tôi không đòi ăn cơm, hút thuốc nữa. Xin tiên sinh nói với sói, chúng tôi đi ngay đây.

Kiều Cảnh Tinh nói với sói:

- Họ không bắt ức ta nữa, người hãy tha tội cho họ.

Sói vẫn chưa nguôi giận, quay vào bếp vợ lấy thịt ăn. Sai nha nói:

- Ông Kiêu! Con sói này rất hung ác, anh hãy xích nó lại, nếu không trên đường nó sẽ hại người.

- Người đến mình oan cho ta, đó là điều tốt. - Kiêu Cảnh Tinh. - Ta nghĩ rằng nếu không xích người lại, e rằng người đi đường sẽ sợ hãi, người sai nha này cũng không dám đi cùng, và lại làm ta thêm lo lắng. Ta thiết tha mong sói đừng giận, hãy để ta tạm xích người, khi mình oan xong, ta sẽ giết lợn mổ dê để tạ ơn người.

Nói xong, Kiêu cầm xích bước tới xích sói. Sói giương vuốt, mắt long sòng sọc trông rất hung ác. Tất cả những người trong hàng ăn hô ầm lên định giết sói. Sai nha nói:

- Các người chỉ biết nói cho sướng miệng thôi chứ chẳng nghĩ gì, nếu đánh chết sói thì vụ án sáng tỏ sao được.

Kiêu Cảnh Tinh van lạy mãi, sói mới cho xích, rồi họ dắt sói về thành. Sai nha vào bẩm quan, nói lại việc tìm sói, xích sói cho quan nghe, quan không ngớt lời kêu lạ. Thế rồi cho sói và Kiêu vào miếu Tiêu Tào khóa lại chờ xét xử.

Ngày hôm sau, quan ra công đường xét hỏi sói. Cả thành nghe tin, hàng ngàn hàng vạn người đổ về xem xét xử. Quan ngồi giữa công đường sai người giải lão Sử, Kiêu Cảnh Tinh và sói tới. Quan hỏi sói:

- Có phải trước đây người mời Kiêu Cảnh Tinh chữa bệnh, rồi biếu trăm bạc không?

Sói không nói, Kiêu chỉ vào vết thương trên đầu sói. Quan nhìn thì quả nhiên đầu sói có chiếc sẹo to bằng miệng bát, lại hỏi tiếp:

- Những chiếc trâm ấy có phải của Sử Chính Cương không?

Sử Chính Cương đi đâu? Còn sống hay đã chết? Người có biết không? Sói vẫn im lặng chẳng nói năng gì. Quan lại hỏi:

- Nhất định người đã ăn thịt Sử Chính Cương, rồi lấy trâm tạ ơn thầy thuốc. Có đúng không?

Sói vẫn im lặng như trước. Quan hỏi:

- Thế thì đó là trâm của người đã mua của Sử Chính Cương. Người đã ăn

thịt người ấy rồi lấy trâm biếu Kiều Cảnh Tinh có phải không? Lão Sử thấy bạc tối mắt lại, dấu cất đi, rồi lên báo quan, định cướp không số bạc ấy. Nếu quả như thế người hãy gặt đầu ba cái. Ta sẽ ghép lão Sử vào tội vu cáo.

Sói vẫn không nhúc nhích. Quan nói:

- Vậy thì do một lý do gì khác mà Sử Chính Cường đã bỏ đi, đánh rơi đồ trang sức, người đã nhặt được, rồi đem tạ ơn thầy thuốc, có đúng không?

Sói càng im lặng không nhúc nhích. Quan trầm ngâm hồi lâu hỏi:

- Ta thấy người biết mời thầy chữa bệnh, lại dùng bạc để tạ ơn lại đích thân tới công đường nghe xét xử. Người tuy là dã thú song có lương tâm, nhất định người biết được Sử Chính Cường còn hay mất. Người đi tìm về đây để Kiều Cảnh Tinh khỏi bị liên lụy, người có đi không?

Sói vẫn đứng im. Quan buồn rầu lo lắng, nghĩ một lát, chẳng còn cách nào khác, bỗng nhiên ông đập bàn nói:

- Đúng, thế thì đúng rồi! Nhất định Sử Chính Cường bị kẻ thù giết chết, vứt xác lên núi, bị sói ăn thịt, nhặt được đồ trang sức. Nếu như thế thì người sẽ biết hung thủ là đứa nào rồi. Ta sẽ cho người cùng sai nha đi bắt nó về. Người có bằng lòng không?

Sói lập tức đứng ngay dậy, rồi chạy vụt đi.

Những người xem xét xử thấy sói hung ác lùi lại trốn không kịp, chạy giạt ra, kêu gào như vỡ chợ. Sói xông vào đám đông len lỏi chạy lung tung, đám đông xô giạt như núi lở, sóng xô, người thì rơi mũ, kẻ tụt giày, người thì què chân, kẻ thì giập mặt, quần áo rách tả tơi. Quan cũng kinh hoàng, bảo mọi người:

- Tất cả hãy đứng lại, con sói này không ăn thịt người.

Song không sao ngăn cản được họ. Bỗng nhiên thấy sói tha một chiếc giày gấm bước vào sảnh đường, nhả xuống bên bàn rồi vẫn đứng im y như ban nãy. Quan hiểu ra, vội mở ngay cửa, lệnh cho những người xem chính đốn lại quần áo, giày dép, nếu ai mất giày thì tới công đường mà lĩnh. Một lúc lâu chẳng thấy ai tới nhận.

Quan lệnh cho sai nha hỏi ai mất giày, lúc ấy mọi người hỏi nhau xin lại rồi xỏ vào. Chỉ có một người bị giẫm què chân trái, đứng ở đó, mất một chiếc

giày. Sai nha lòi người ấy vào công đường. Quan nhìn thấy chiếc giày người ấy đang đi, giống với chiếc giày chó sói ngoạm tới, bèn hỏi ngay họ tên. Người ấy nói:

- Con là Chu Vũ, sống ở phố Nam thành này. Hôm nay nghe thấy thảm vắn sói, ai ngờ bị mọi người chen lấn, giẫm phải chân rơi mất một chiếc giày.

- Người giết Sử Chính Cường, vứt xác ở đâu? - Quan hỏi. - Hãy khai mau!

- Con an phận thủ thường, - Chu Vũ nói. - Chưa từng làm điều gì sai trái. Cũng chẳng biết Chính Cường là người thế nào. Con không giết người, thì đâu dám khai bừa.

- Thằng chó má này, to gan thật. - Quan nói. - Rõ ràng là mày giết người mà vẫn không nhận ư?

- Con không quen biết Sử Chính Cường thì sao con biết được xác người ấy. Quan dựa vào đâu mà bảo con giết người.

- Chiếc giày của người là chứng cứ. - Quan nói.

- Chiếc giày ấy bị người ta chen lấn làm rơi, sói ngoạm về, sao có thể là chứng cứ được!

- Giày của bao nhiêu người nó không ngoạm, mà nó chỉ ngoạm lấy giày của người. Vậy không phải người thì ai?

- Sói là loài vật ngu xuẩn, - Chu Vũ nói, - vì nó ngoạm giày mà bảo là con giết người, thì quả là oan con quá.

- Con sói này biết mời thầy thuốc, biết tạ ơn, - quan nói, thấy oan biết mình oan. Nó có lương tâm hơn người, há rằng nó lại vô cớ ngoạm giày của người?

- Quả là con không giết người. - Chu Vũ nói. - Cớ sao ngài bỗng dưng đổ oan cho người tốt?

Quan nổi giận quát:

- Thằng chó má này to gan thật, ta hỏi người mà người cứ cãi bướng, quân bay đầu, hãy trói giật cánh khuỷu nó lại, đánh cho nó tám mươi gậy.

Đánh xong quan hỏi:

- Người có khai không?

Chu Vũ vẫn không khai. Quan gọi:

- Đem kẹp ra đây, kẹp nó cho ta!

Chu Vũ sợ tra tấn, biết rằng không thể che giấu được nữa, bèn cúi đầu nhận tội:

- Thưa ngài đừng tra tấn nữa, con xin khai rõ từ đầu. Con từ nhỏ chơi bởi phóng đảng, chuyên dùng ngựa và đường thương. Nhập bọn giang hồ ngông nghênh khét tiếng, chuyên áp bức kẻ hèn yếu. Làm vương làm tướng lui tới sòng bạc. Giả danh anh chị, tối đến vào lầu xanh chơi gái. Trần Thúy Thúy và con đã tình sâu nghĩa nặng. Hẹn với cô ta một ngày nào đó sẽ nên vợ nên chồng. Sử Chính Cường làm điều không thỏa đáng, tìm người che chở cướp người tình của con, dùng tiền bạc làm cho người tình của con thay lòng đổi dạ. Một mình hăn chiếm kẻ chăn gối của con, không cho phép người ngoài đụng đến. Không chịu được, con bèn xông tới. Trần Thúy Thúy ra mặt chửi con. Khiến lửa ghen bùng cháy. Chỉ tức một nỗi không giết được Sử Chính Cường, sợ rằng sẽ phạm pháp. Từ ngày con không được ngủ với cô, ngày đêm con suy nghĩ. Rồi giả vờ làm thân, chịu lép một bề. Chợ sườn núi mở hội bán hàng bách hóa. Con và Sử Chính Cường cùng đi chợ. Con đã đặt sẵn cớ tại cửa hàng ba cô gái, mời Sử Chính Cường. Chuốc anh ta uống say lúy túy. Đến tối hai người cùng về nhà. Hăn đi trước, con giấu đao theo sau. Sử Chính Cường ngấm rượu, đi chưa đầy ba dặm, lão đảo ngã lăn xuống vệ đường. Con giả vờ công anh ta về, rồi rẽ ngoặt sang đường khác, tới Nam Cường. Nơi đây rất vắng người qua lại, núi cao rừng rậm, con cho hăn đi châu trời. Vứt xác hăn vào bụi rậm. Chắc rằng chẳng quỷ thần nào mà biết được. Con không biết trong người hăn có bạc. Để đến nỗi mấy chiếc trâm rơi vào chó sói, ông lang Kiều bán bạc mà gặp họa. Lúc ấy con vui sướng. Chỉ biết là người khác chịu oan, còn mình thì không phải đền mạng. Ai ngờ sự báo ứng chẳng sai chút nào. Hôm nay tới công đường, nghe xem sói nói thế nào. Ai ngờ chính mình lại gặp tai ương. Sói ngoạm chiếc giày gấm đặt trước công đường. Quan nhìn thấy biết ngay con là mầm tai họa, đánh con tám mươi gậy, con vô cùng đau đớn. Người ta thường nói rằng, giết người thì phải đền mạng. Âm hồn sớm tối luôn luôn đeo bám mình. Dù người có tài biện bạch đến mấy, lấp liếm đến mấy, không khai cũng khó tránh khỏi đánh đập. Kẻ gây ra tội ác làm sao có thể trốn thoát. Đó là lời khai đúng sự thực, xin ngài rộng lòng

thương.

Khai xong, quan lệnh áp giải ngay Chu Vũ tới chỗ hãm giết Sử Chính Cương, khám nghiệm thi thể, xác đã bị chó sói ăn chỉ còn lại những mảnh xương đầu và chân tay mà thôi. Lệnh cho lão Sử nhận lấy xương, cho người chôn ngay tại chỗ. Sói lắc đầu vẫy đuôi rồi bỏ đi. Trở về nha môn, quan giam Chu Vũ vào ngục. Rồi gọi vợ chồng Vương Gánh Nước tới, quan mắng:

- Vương Gánh Nước không giữ được đạo làm chồng, Trần Thúy Thúy dâm dăng làm bại hoại danh tiết. Vụ chết người này là do người gây ra. Mỗi đứa đánh một trăm gậy, đuổi ra khỏi thành.

ThaKiều Cảnh Tinh, tâu trình cụ thể lên cấp trên, trảm thủ Chu Vũ.

Lão Sử về nhà, bảo con dâu nuôi con nuôi để hưởng khói sau này. Con dâu lại là người rất hiếu thảo. Từ đó ông bà già đủ ăn đủ mặc. Sống tới ngoài bảy mươi tuổi mới qua đời. Con dâu của ông bà cũng là người có tuổi thọ cao. Kiều Cảnh Tinh từ đó hết lòng làm việc thiện, cứu nhân độ thế, ăn nên làm ra. Chỉ trong mười năm trở thành giàu có, con đồ tiến sĩ. Vương Gánh Nước bị đuổi ra khỏi thành. Vợ anh ta vẫn tiếp khách làng chơi như cũ. Hà Nhị Oa làm tay sai cho Sử Chính Cương, thời ấy đã thông dâm với Trần Thúy Thúy. Nay thấy Sử Chính Cương và Chu Vũ chết, muốn độc chiếm Thúy Thúy. Về sau, tranh nhau với khách làng chơi, bị chúng giết chết, rồi tẩu thoát. Vợ chồng Vương Gánh Nước sau cũng bị chết trong ngục.

Các bạn thân mến, Sử Chính Cương hà khắc, bất hiếu với cha mẹ, sống dâm dăng, chỉ muốn bắt nạt người. Ai ngờ hãm bị chết, xác làm mồi cho chó sói. Vợ hãm là người hiền thực, nuôi con nuôi xây dựng gia đình, cuối cùng được hưởng tuổi thọ cao. Chu Lão Ngũ không làm ăn ngay thẳng, hung ác dâm dăng dù có giữ kín đến đâu, cuối cùng vẫn bại lộ, bị chém đầu giữa pháp trường. Vương Gánh Nước buông thả vợ dâm loạn, vợ chồng chết trong ngục. Hà Nhị Oa chỉ đường cho người làm việc ác cuối cùng

chết bởi lưỡi dao kẻ khác. Kiều Cảnh Tinh hết lòng làm việc thiện, được sói minh oan, cuối cùng hưởng phú quý. Từ đó ta thấy kẻ nào làm điều ác, dù cho có khôn khéo đến đâu, cũng bị trời trừng phạt. Nếu không thì vì sao sói là loài dã thú cũng biết minh oan. Ta mong mọi người nên gột rửa lòng mình, đừng để cho ý nghĩ gian tà làm lụy đến thân.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 14

Thâm Vấn Chiếu Tầu Thuốc

*Thuốc phiện vốn là thuốc độc
Thạch tín cũng chẳng độc bằng
Ai ơi, chớ nên hút xách.
Kẻ mà thuốc độc giết người.*

Khoa Giáp Tý năm Đồng Trị thứ ba, huyện An Nhạc xảy ra một vụ án. Ở Vương Gia Câu thuộc huyện An Nhạc quản hạt, có một người là Vương Minh Sơn, nhà giàu có, tính tình giáo hoạt, nói năng thông thạo. Trong làng xảy ra việc gì thường hay đi dàn xếp, mọi người cử ông ta đứng ra giải quyết những rắc rối trong làng. Ông ta kết giao với quan trường, xúi bẩy người khác kiện tụng để kiếm tiền. ông ta lấy Ngử thị, mãi mà không sinh đẻ. Về sau cầu trời khấn Phật, năm mười bốn tuổi mới sinh được một mụn con trai, đặt tên là Thiên Hỷ, vợ chồng quý nó như vàng. Ngay từ khi còn bé, Vương Minh Sơn đã nhờ Lãm sinh Lý Thiệu Nho khai tâm. Thiên Hỷ tuy khôi ngô tuấn tú, nhưng rất tối dạ, Minh Sơn lại rất keo kiệt, hằng năm cũng mời mấy ông đồ rồi việc tới dạy, Ngử thị lại không cho phép các ông quả trách nó. Mười lăm tuổi đầu vẫn chưa học hết Tứ thư.

Gần đó có Thôi tiên sinh, là người ti tiện, thô鄙, vô đạo đức, ông ta quen nịnh hót bợ đỡ để kiếm chỗ dạy học. Nghe thấy nhà ấy có con đi học, bèn lân la đến cầu cạnh làm quen. Ông ta lên phố mua quà, đến chúc mừng năm mới, xin dạy học. Minh Sơn nhận quà hai ba lần, nể quá đành cho Thiên Hỷ tới học. Ai ngờ Thôi tiên sinh đọc sách không thông, nhưng có rất nhiều bài văn mẫu, ra đề chữa văn đều theo những bài văn đó sửa chữa đôi chút cho học sinh chép, rồi cho điểm tốt, để học sinh về đánh lừa cha mẹ. Ông ta lại

nghiện phiện, phàm là những bạn bè nghiện hút, bất kể tốt hay xấu, đều tới lớp học của ông, có khi ở tới mấy ngày, quyen quanh chiếc bàn đèn. Thượng bất chính, hạ tắc loạn, thầy đã nghiện thì trò cũng hút. Không những ông ta không ngăn cấm mà ngược lại còn bảo học trò đi lấy nhựa thông, rồi làm bài hộ. Thiên Hỷ cũng nghiện thuốc, lúc đầu hút sái, sau hút thuốc tốt, dần dà mua thuốc hút. Ngũ thị quá chiều con, lấy trộm tiền cho con mua thuốc. Học ba năm thì nghiện nặng, cha biết được thường luôn khuyên bảo. Ai ngờ thuốc phiện không giống các thứ khác, nói bỏ là bỏ thẳng được đâu. Không hút thì lúc nào cũng nghĩ tới nó, mà người lại sinh bệnh, nước mắt nước mũi lúc nào cũng chảy ra, đứng ngồi không yên, thì sao mà bỏ ngay được. Dù cho Minh Sơn khuyên rất cố bồng hòng nhưng Thiên Hỷ nào có chịu nghe cho. Thấy con không bỏ được, Minh Sơn lại nhờ thầy quản chặt. Thầy Thôi vốn dựa vào Thiên Hỷ để hút, nên ông ta cũng sợ Thiên Hỷ bỏ thuốc, thế thì quản làm sao được. Không còn cách nào khác, Minh Sơn đành gọi con về, hết lời dạy bảo con:

“Người ta sống trên đời phải có chí, đừng để cuộc đời phí hoài. Phải làm những việc ngay thẳng theo lẽ trời, đừng sống phóng đảng bệ rạc. Tình yêu tuổi trẻ vừa chớm nở. Đáng sợ là trên bàn còn nhiều quân cờ mà mình đi sai một nước. Phải phân biệt rõ xấu tốt, chính tà, phải học điều hay, ngăn ngừa điều dở, đừng mềm yếu. Đừng nghiện rượu, đừng tham của thì không bị khốn khó, đừng hiếu sắc hoang dâm với vợ con người. Kiếm tiền phải có nghĩa, khi tức giận phải biết nhẫn nại thì tự nhiên thấy thành thoi. Còn thuốc phiện thì tệ hại vô cùng, phải hết sức ngăn ngừa, đừng hút xách. Nếu như người động vào nó thì sẽ mê nó như mê gái. Mới hút thì thấy tinh thần sáng khoái mê mê, nếu ho hay cảm sốt là khỏi ngay không phải mời thầy thuốc. Hút một điếu, thì muốn hút hai ba điếu. Hút một lần thì muốn hút hai ba lần, không thể nào xa rời nó được.

Nếu như mắc nghiện sẽ thành thói quen, thiếu một chút, chậm một chút đều không chịu được. Mà khi đã hút thì sinh ra đủ các thứ bệnh tật, nước mắt nước mũi chảy ra, rời bỏ nó dù có nhân sâm cũng chẳng sao mà gượng dậy được. Người khỏe mạnh cũng trở thành ốm yếu, người béo tốt cũng trở

thành gầy còm, người thông minh cũng trở thành ngu đần, người siêng năng cũng trở thành lười nhác. Người giàu có phải bán ruộng bán vườn, người nghèo khổ thì bán vợ đợ con. Người đọc sách thì rút khỏi bảng vàng, người phú quý thì lầu son gác tía tiêu tan. Nhà có đàn bà thì mọi việc chẳng ai giúp đỡ, nhà có con gái thì chẳng ai đến hỏi. Nhà có nghề nghiệp cũng chẳng còn cơm ăn áo mặc. Nó làm cho mặt bủng da chì, không còn sinh khí, đến lúc ấy thì nó mời anh về Tây Trúc. Xuống âm ti địa ngục nằm giường sắt, đốt đèn lên, người muốn bỏ nó, nó vẫn không buông tha. Đốt người chảy thành keo, làm người chịu biết bao thâm khổ. Lượng tính trên thế gian người đã hút bao nhiêu, chờ tới khi nào người nhả hết ra, nó mới buông tha. Trời ơi!

Rõ ràng thuốc độc hung ác vô cùng, hãy suy nghĩ kỹ đến nỗi khổ và sự tàn hại của nó mà bỏ ngay lập tức. Dù đã trót nghiện rồi thì phải cai ngay, phải cắt một nhát dao vào chỗ đau để dừng lại. Con ơi! Hãy xem những người chính trực thật hãnh diện biết bao, bữa cổ họ được mời ngồi mâm trên. Còn những người nghiện hút, không biết dơ mặt dương dương tự đắc, song bị người ta chửi sau lưng. Con ơi, làm người phải đấu tranh với cái xấu phải ngăn ngừa thuốc phiện, thì mới hạnh phúc và sống lâu”.

Từ đó Vương Minh Sơn không cho Thiên Hỷ đến trường, giữ ở nhà cai nghiện, cho con uống thêm một ít thuốc bổ, mua gà vịt và trứng về cho con tắm bổ. Qua hai tháng đã thấy đỏ da thắm thịt, béo tốt khỏe mạnh. Sợ rằng nó tới trường lại hút, Minh Sơn cho người gánh vờ về, rồi bảo con ở nhà làm việc. Song Thiên Hỷ cứ rồi rôi là mò ra phố, một số bạn bè xấu lại rủ rê tới ngõ liễu đường hoa, hút một vài lần, rồi tái nghiện, và lại thêm khoản chơi gái. Sợ cha mẹ biết được, sáng nó đi lối này, chiều nó đi lối khác, đi hút ở nhiều nơi, không muốn về nhà. Lâu sau nó giấu cha mẹ, cứ đêm đến chờ mọi người ngủ say nó mới dậy thắp đèn hút thuốc. Cha nó biết rõ, cũng chẳng làm sao được. Thế rồi Ngũ thị bàn với chồng, chọn ngày hai mươi sáu tháng Tư năm Đồng Trị thứ ba, nhờ bà mối mang danh thiệp tới nhà họ Lý xin cưới. Lý Thiệu Nho nhận lời, vội sắm sanh đồ cưới đưa dâu về nhà

chồng.

Lý Thiệu Nho có một người con gái tên là Trinh Tú, dáng người xinh đẹp, vợ chồng ông rất yêu quý, dạy con học từ thuở nhỏ Trinh Tú rất thông minh, học được mấy năm đã biết ngâm vịnh Thiệu Nho lại giảng giải *Nội tặc*, *Nữ liệt* cho con, để con biết đạo làm con gái. Khi lớn lên, Trinh Tú đoan trang, thùy mị, có hiếu với cha mẹ, chăm chỉ vá may. Khi về nhà chồng ai ai cũng khen ngợi, vợ chồng Minh Sơn cũng rất vui mừng. Song phong tục nơi này rất thích vui chơi trong ngày cưới. Đêm ấy, khách dẫn chàng rể vào phòng, rồi gái trai nô đùa, cười cợt, chơi trò phạt rượu, lại đòi cô dâu chuốc rượu. Không sao được, Trinh Tú rót cho mỗi người một chén, sau đó vờ say bỏ đi.

Thiên Hỷ uống nhiều rượu, lên cơn nghiện, vội đóng cửa, dọn giường chiếu, lấy bàn đèn. Thiên Hỷ đã giấu tẩu dưới nền nhà, lấy ra tiêm thuốc vào hút, thấy không thông, rút thuốc hai lần vẫn thấy như thế. Thiên Hỷ mới biết tẩu bị tắc, tìm chiếc thông tre thông rồi mới hút. Trinh Tú thở dài. Thiên Hỷ nói:

- Tôi không nhịn được nữa đành phải hút, đã cai nhưng cai không nổi. Cha không cho hút, tha thiết mong nàng hết sức giữ kín cho, đừng nói với cha tôi. Nếu ông ấy mà biết được thì tôi sẽ phải đòn, mà nàng cũng không thoát khổ, hôm nay ta nhận tội trước với nàng.

Thiên Hỷ hút một lèo, rồi cất tẩu vào chỗ cũ, cởi áo đi ngủ. Trinh Tú thấy Thiên Hỷ trần trọc trên giường, cứ thở dài luôn, sau đó đập xuống phản mấy chiếc. Trinh Tú ngỡ rằng chồng thấy cô không ngủ, không tiện gọi, mới làm như thế để gọi cô, cô bèn tháo trang sức, cởi đai bó chân đi ngủ. Thấy chồng quay mặt vào tường, cho rằng chồng giận cô đi ngủ muộn, cô cũng không lên tiếng. Khi gà gáy sáng, cô trở dậy trang điểm xong. Khách khứa đã dậy hết mà chồng vẫn chưa dậy. Cô sợ rằng khách vào phòng sẽ chê cười, muốn gọi lại thấy ngượng. Bên ngoài có tiếng gọi nhau bầy cõ, nên cô đành phải gọi.

- Anh vẫn không dậy ư?

Gọi liên mấy tiếng không thấy thưa, cô mở màn ra, thấy chồng vẫn quay mặt vào tường ngủ, cô lay dậy thì thấy người lạnh toát lay thật mạnh thì người đã cứng rồi. Cô sợ quá hồn xiêu phách lạc, gọi không thành tiếng. Những khách con gái đều đã đi ăn cỗ, cô chạy ra ngoài gọi mẹ chồng:

- Mẹ ơi, anh ấy đã lạnh toát rồi, không biết vì sao?

Minh Sơn vội vã vào phòng, thấy mồm mũi mắt tai Thiên Hỷ đều chảy máu, đã chết cứng rồi, ông gọi:

- Con ơi! Vì sao mà con chết!

Thế rồi ông đâm ngực mình, ngã lăn ra đất. Lúc ấy khách khứa ừa cả tối, vội lấy nước gừng đổ vào mồm, mãi ông mới tỉnh dậy, nói:

- Con ơi, con chết đi thì cha sống làm sao được.

Ông bà già vỗ về xác con khóc:

Cha: - Vừa nhìn đã biết con tôi mất rồi.

Mẹ: - Mẹ đau lòng lắm con ơi!

Cha: - Trước đây cha hận rằng chưa có con.

Mẹ: - Cầu Thần khấn Phật mãi.

Cha: - Sinh được đứa con mới an tâm.

Mẹ: - Tôi quý nó như vàng.

Cha: - Nghe thấy cưới vợ, nó rất mừng.

Mẹ: - Mong vợ chồng con bách niên giai lão.

Cha: - Đêm qua nó còn vào phòng.

Mẹ: - Không biết vì sao sáng nay nó đã bỏ đi.

Cha: - Tiếc thay nó khô ngô tuần tú.

Mẹ: - Tiếc thay tôi chỉ có mình nó.

Cha: - Hằng ngày nó sống rất hiếu thuận.

Mẹ: - Mẹ mong con, đông con nhiều cháu.

Cha: - Tuổi đã già, mất con thật là bất hạnh.

Mẹ: - Trăm năm về nơi tuổi vàng ai chôn cất!

Cha: - Từ nay trở đi ai là người hương khói tổ tiên.

Mẹ: - Nhà họ Vương từ đây tuyệt tự.

Cha: - Không biết con tôi mắc bệnh gì?

Mẹ: - Nếu nó ốm thì phải nói với cha mẹ.

Cha: - Mồm, mũi, mắt, tai nó còn vết máu.

Mẹ: - Vậy thì nó chết là do duyên cớ khác chăng?

Cha: - Phải hỏi con dâu cho ra lẽ.

Mẹ: - Nó chết oan phải được minh oan.

Vợ chồng Minh Sơn khóc xong, quay sang hỏi Trinh Tú:

- Con ời, vì sao chồng con chết?

- Con không biết vì sao. - Trinh Tú nói. - Đêm qua anh ấy đi ngủ trước, con thấy anh ấy trần trọc không ngủ, rồi cứ thở dài luôn. Sau đó con đi ngủ, thấy anh ấy quay mặt vào tường ngủ rất say, sáng ra con gọi, mới biết anh ấy chết.

- Mày đừng che giấu nữa, - Minh Sơn nói, - hãy nói thực ra.

- Con nói thực đấy, - Trinh Tú nói, - con hoàn toàn không nói sai.

- Rõ ràng là mày đã dùng thuốc độc đầu độc con ta, mày còn giả vờ không biết ư?

- Cha đừng đổ oan cho con, con tuy ngu dốt, song cũng biết lẽ nghĩa, đàn bà vốn phải nhờ chồng, lẽ nào lại giết chồng đi?

- Rõ ràng là mày ở nhà có tình nhân, đã tình sâu nghĩa nặng với nó, không muốn về nhà tao, cho nên mày giết con tao để lấy nó, mày giấu tao sao được? Bây giờ ta không thềm nói với mày nữa, phải đưa đến công đường cho ra lẽ.

Rồi ông bảo mọi người vào thành đệ đơn tố cáo con dâu gian dâm đầu độc chồng, xin khám nghiệm tử thi.

Quan xem đơn, ngày hôm sau đích thân tới khám nghiệm. Những người khám nghiệm kết luận chết vì thuốc độc. Quan hỏi Minh Sơn:

- Đêm hôm qua trong phòng con ông có người không?

- Đêm hoa chúc, sao lại không có người - Minh Sơn nói.

Quan hỏi Trinh Tú:

- Chồng người chết thế nào?

Trinh Tú nói, đêm ấy bạn bè thân thích vui chơi trong phòng, đòi anh ấy chuốc rượu, khách ra khỏi phòng thì chồng hút thuốc phiện.

Quan hỏi Minh Sơn:

- Trước đây con ông có hút thuốc phiện không?
- Con tôi nghiện phiện. - Minh Sơn nói.
- Cho dù có nghiện, thì thuốc phiện cũng không làm chết người được - Quan nói. - Cho nên cái chết này không phải chết do chất độc của thuốc phiện.

Quan hỏi mọi người thì ai cũng bảo, đêm qua vào phòng anh không có bệnh tật gì. Quan bèn cho giải Minh Sơn và Trinh

Tú về huyện, rồi gọi Trinh Tú hỏi:

- Bố chồng người tố cáo người gian dân, giết chồng, nay gặp quan huyện sao không khai thực?

Trinh Tú cúi đầu vừa khóc vừa nói:

- Thưa ngài đền trời soi xét, con xin nói rõ nỗi oan ức của con. Cha con Lý Thiệu Nho được bố làm Lãm sinh, mẹ con là Lưu thị, được người làng khen ngợi là hiền thực. Con từ nhỏ cũng được học hành, biết giữ gìn phép tắc của phận đàn bà, biết thế nào là "tam tông tứ đức"(1) cần cù chịu thương chịu khó.

(1) Tam tông: ở nhà theo cha, đi lấy chồng thì theo chồng, chồng chết theo con.

- Đã biết tam tông tứ đức, tại sao còn đầu độc chồng?
- Không biết kiếp trước con có lỗi lầm gì, kiếp này mới về nhà chồng thì chồng chết. Lúc ấy con chỉ biết khóc, tiếc rằng vợ chồng mới lấy nhau được một đêm đã chia lìa đôi ngả. Bố mẹ chồng thấy chồng con chết sinh nghi, rồi kiện con. Cha mẹ chồng nói rằng con đã ngấm ngấm thông dân rồi đầu độc chồng.
- Đúng rồi, chồng người vào phòng vẫn khỏe mạnh, người không đầu độc thì còn ai nữa! Hãy khai mau, để khỏi phải tra tấn.
- Trời ơi, thưa ngài, con van ngài vì lòng nhân ái mà suy xét kỹ cho tình cảnh của con, quả là con oan uổng, thì làm sao mà con nhận được.
- Ta hỏi người tử tế, mà người không khai, quân bay đâu, hãy vả nó bốn mươi cái cho ta.
- Trời ơi, thưa ngài, cho dù con đã mưu hại chồng con, thì xin hỏi ngài con

lấy thuốc độc ở đâu?

- Mày đã làm sẵn thuốc độc ở nhà mẹ đẻ, mày còn chối cãi gì nữa.
- Trời ơi, thưa ngài, vợ chồng trẻ mới cưới, chúng con chẳng có thù hận gì, làm sao có chuyện vừa về nhà chồng đã hại anh ấy!
- Người ở nhà mẹ đẻ đã thông dâm, giết chồng để lấy chồng khác. Ta đã biết rõ rồi, người không khai ư? Đánh, đánh, đánh đi cho ta.
- Trời ơi, thưa ngài, cái quan trọng của người làm quan là đức hạnh, sao ngài lại vu tiếng xấu cho con. Người đời thường nói: cái danh giá của người đàn bà là rất quan trọng, nếu mang tiếng thất tiết thì làm nhục cha mẹ, tổ tiên.
- Con dâm phụ này to gan thật, người dám bảo ta vu oan cho người, quân bay đầu kẹp mười đầu ngón tay nó cho ta.
- Trời ơi, thưa ngài, từ khi đẻ đến nay, con luôn luôn sống ngay thẳng thật thà, cho dù con chết làm ma không đầu con vẫn không khai.
- Con dâm đảng! Mày cố tình ngoan cố không khai, ta cũng không sợ mày già mồm. Quân bay đầu, hãy mang đinh tre ra đây đóng vào mười ngón tay nó cho ta.
- Trời ơi, con đau đến nổi hồn xiêu phách lạc, chẳng khác gì xuống địa ngục Diêm vương. Không khai thì quan tra tấn, không chịu được đau đớn con phải gào lên kêu trời. Pháp đường ghép con vào tội giết người, con không oán hận, song vu cho con gian dâm thì con chết không nhắm mắt.
- Vì sao người lại đầu độc chồng, đầu độc bằng cách nào?
- Con chê anh ấy xấu, cho nên đã bỏ thuốc độc vào đường cho anh ấy ăn.
- Kẻ gian dâm là đứa nào?
- Trời ơi, thưa ngài con không gian dâm thì sao con dám nhận. Dù có bị lăng trì con cũng không hủy hoại danh tiết.

Quan thấy việc gian dâm là không có bằng chứng, chỉ kết luận là vì ghét chồng mà đầu độc chồng, chẳng cần gì thêm. Thế rồi quan lệnh thôi không tra khảo nữa, bắt điểm chỉ vào lời khai, rồi giam vào ngục, viết bản tường trình đệ lên tỉnh.

Những người khách đưa dâu giận tím mặt, họ buồn rầu thấy quan giải Trình Tú đi, họ trở về gặp Lý Thiệu Nho. Đúng lúc Lý Thiệu Nho bị cảm phong

hàn, nằm trên giường không sao dậy được, nghe thấy được tin con gái bị oan ức rất lo lắng, nói:

- Nhà họ Vương thường rất hay nói đến công bằng ngay thẳng, sao họ lại hồ đồ như thế, chẳng có căn cứ nào mà vu cáo cho Trình Tú gian dân.

Lý Thiệu Nho hỏi vì sao con rể mình chết, thì chẳng ai biết, nghĩ rằng việc này làm sao mà gỡ được? Ông muốn lên huyện gặp quan, thì người đang ốm, hơn nữa lại phải ê mặt, cho rằng việc này quan cũng không sao giải quyết được? Lưu thị vợ ông, thấy con gặp oan, gào lên khóc lóc, chỉ giận rằng không bay ngay tới huyện để thăm con, trời lại sắp tối, suốt đêm ấy bà chỉ gào khóc.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 14 (B)

Ngày hôm sau bà gọi kiệu, mang Giáo Nhị mười tuổi tới Thành. Hỏi thăm đến nhà giam xin người gác ngục vào thăm, thấy Trinh Tú đeo gông, mắt sưng húp thâm quầng, ngủ trên sàn nhà tù, Lưu thị vừa kêu lên một tiếng "con ơi", thì ngã vật xuống. Trinh Tú vội đỡ mẹ dậy, kêu gào thảm thiết, lúc lâu sau mới nói nên lời.

- Thấy con, bỗng mẹ khóc sưng cả mắt, lòng mẹ đau như kim châm. Từ khi sinh con mẹ vô cùng hãnh diện, hằng ngày con luôn quấn quanh bên mẹ. Con vừa thông minh vừa linh lợi lại biết vâng lời, coi mẹ như Phật sống. Mẹ luôn luôn dạy dỗ bảo ban con, biết thế nào là đạo tam tông tứ đức, phẩm hạnh đoan trang. Từ nhỏ con đã bằng lòng về làm dâu nhà họ Vương. Mẹ chỉ mong vợ chồng con bách niên giai lão. Ai ngờ vừa mới về nhà chồng, đã gặp trắc trở. Chồng chết, khiến con phải giam cầm. Mẹ cầu mong con bước sang năm mới được mở mày mở mặt, mẹ mong con sau này lo ma chay cho mẹ lúc về già. Ai ngờ con gặp oan uổng, phải nhận là đã giết người. Mẹ sợ rằng chẳng bao lâu nữa con lìa bỏ cõi đời. Mẹ nhìn con không biết chán. Mẹ nghĩ con mà nát ruột nát gan. Mẹ nhìn con tiêu tụy mà lòng đau như dao cắt, thôi thì mẹ ngồi tù cùng con.

Trinh Tú thấy mẹ khóc lóc hết sức thê thảm, lòng đau như vò xé, cô vừa khóc vừa nói cho mẹ nghe nỗi đau khổ của mình.

- Nhìn thấy mẹ con quặn đau như đứt từng khúc ruột, mẹ hãy nghe con kể hết số phận khổ đau của con. Mẹ nuôi con chịu biết bao vất vả nhọc nhằn, những mong con hơn người, con nghĩ rằng kiếp trước tội con chồng chết. Chẳng biết vì sao chồng con chết. Không biết lòng dạ của bố chồng thế nào mà cứ đổ riệt cho con là "giết chồng để thông dâm".

- Bố mẹ chồng con quả là kẻ hồ đồ, - Lưu thị nói, - chưa chắc quan đã thấy rõ trắng đen.

- Quan không cho phân trần, đánh đập con hết sức tàn khốc bắt con phải khai.

- Con đừng khai nữa.

- Trời ơi, đau đớn lắm mẹ ơi! Lần đầu họ vả con bốn mươi cái sái cả quai hàm, máu tứa ra, nói không thành tiếng. Con không khai, họ lại kẹp mười ngón tay con, đau thấu tận tim gan. Con nghĩ khai ra sợ rằng họ sẽ lột da chết thê thảm, con thà chết chứ không chịu nhận gian dâm. Quan lớn nổi giận lôi đình, đập bàn, đóng đinh tre vào mười đầu ngón tay con. Thật khổ thân con, mẹ không tin hãy nhìn kĩ mười đầu ngón tay con mẹ, vết máu chưa khô. Con xin mẹ đừng lo lắng, hãy coi như con đã chết. Công mẹ sinh thành nuôi dưỡng con chưa chút báo đền, xin mẹ hãy tha thứ cho con, đao phủ tới buộc con phải chết. Khi mẹ về nhà đừng nói với cha là con đã khai, sợ rằng tuổi cha đã cao, tóc đã bạc, uất ức quá mà sinh bệnh. Em ngoan của chị lại đây chị bảo, em về nhà phải chịu khó học hành. Chị không thể thấy được ngày em vinh hiển, cầu mong tổ tiên phù hộ cho em sớm đỗ đạt. Nếu em nhớ đến chị thì em cho chị chén nước bát cơm, vào dịp năm mới em đốt ngoài cửa cho chị ít giấy tiền. Từ nay trở đi chị không còn được nhìn thấy mẹ và em nữa, trừ phi gặp nhau trong giấc mộng.

Ba mẹ con khóc đứt hơi khản cổ. Có hai người nữ phạm nhân tới khuyên giải:

- Bác Lý ơi, đừng khóc nữa, con gái bác đã khai rồi, khóc cũng chỉ vô ích, thôi thì hãy cho quan coi ngục ít tiền, để các ông ấy tháo cùm ra, cho chị ấy được dễ chịu một chút, rồi dần dần nghĩ cách cứu chị ấy, tất cả mọi việc trông nom chị đã có chúng tôi.

Thế rồi bà đi nói với những người coi nhà tù, song bọn họ lòng dạ xấu xa, họ bảo không tháo được. Khi ra đi Thiệu Nho đã bảo Lưu thị rằng: "Tôi và ngài Triệu ở hiệu tiền Nam Nhai rất thân nhau. Nếu vụ án chưa ổn, thì nhờ ông giúp đỡ". Lúc đó Lưu thị đành phải đến nói với ngài Triệu, rồi lại nhờ một bà già đưa cơm. Trình Tú khuyên mẹ trở về, đừng lo lắng nghĩ ngợi gì nữa, mẹ khóc lóc rồi từ biệt. Về nhà bà nói với chồng rằng, quan đánh đau

quá, buộc nó phải khai, và giam vào nhà giam rồi. Tôi mượn tiền của ngài Triệu dứt lốt người coi ngục... Thiệu Nho nói:

- Trên đời này sao lại có những viên quan hồ đồ như thế, không xem xét lý tình, chẳng hỏi han hư thực, cứ muốn dùng hình phạt để kết án, họ không sợ báo ứng sao?

Ông định lên tỉnh minh oan cho con, nhưng bệnh tình chưa thuyên giảm. Đến tháng Sáu bệnh đã đỡ, nhưng kì thi lại sắp tới, chờ khỏe mạnh, thi xong sẽ đi cáo giác. Gần đó có một ngôi miếu thờ Thánh Đế Quân, hằng ngày Lưu thị đều đến trước tượng thánh khóc lóc cầu xin ngài hiển ứng, để con bà được minh oan thoát khổ.

Quan huyện bắt Trình Tú phải khai. Trình Tú chỉ khóc lóc kêu oan, quan nổi khùng, tát cho tám mươi cái. Mấy ngày sau lại hỏi, Trình Tú không dám kêu oan, đành phải nói là chê chồng xấu rồi đầu độc chồng. Trước khi giải lên cấp trên thẩm vấn quan huyện dặn rằng:

- Nếu người lên cấp trên phản cung, rồi bị trở về, thì bản huyện sẽ tra tấn ghê gớm hơn nhiều, khiến người sống dở chết dở, thì lúc ấy hối không kịp nữa đâu. Người chỉ có nhận tội thôi. Hồ sơ huyện gửi lên cũng đã giảm nhẹ tội cho người rồi, người đừng sợ.

Thế rồi quan huyện lập tức cho ba sai nha áp giải đi.

Biết tin, Thiệu Nho cùng vợ vào thành tiễn chân con, thuê một bà già đi theo hầu hạ, lại bảo người cháu họ cùng đi. Trình Tú thấy cha mẹ òa lên khóc. Thiệu Nho nói:

- Đây là nỗi oan nghiệt kiếp trước của con, cho nên mới gặp phải việc này và gặp viên quan này, chờ xem con lên tỉnh thế nào, nếu không minh oan được, thì sau khi thi xong, cha sẽ đi kháng cáo.

Nói xong ông rót một chén rượu, rồi dặn Trình Tú rằng:

- Con đi đường phải hết sức giữ gìn sức khỏe, gặp phủ, đạo cố chịu đựng tra tấn, đừng kêu oan. Đến Niết ti(1), Ngưu Công là một người cực kì thanh liêm, con mới có thể minh oan được.

(1) Niết ti: cơ quan tư pháp của một lộ (đơn vị hành chính cấp trên của huyện, phủ, đạo).

Trình Tú quỳ xuống nhận rượu, rồi òa lên khóc:

- Cha mẹ hãy yên tâm, cứ coi như con đã chết rồi, đừng quá đau thương mà tổn hại đến tinh thần, con gặp quan trên sẽ tùy cơ ứng biến.

- Lưu thị uất ức, nước mắt khóc, không muốn xa rời con. Trình Tú an ủi mẹ mãi, bà mới dứt áo lên kiệu ra về.

Đến Đồng Châu, rồi tới Bảo Ninh, cô hoàn toàn không kêu oan, mà vẫn khai như cũ. Khi lên tới tỉnh, đêm ấy ngủ tại quán trọ, sáng sớm hôm sau dậy thì không thấy áo đỏ đâu. Sai nha vô cùng sợ hãi, tìm khắp nơi, hỏi tất cả những người trong quán trọ, thì thấy chỉ mất mỗi chiếc áo đỏ, hành lý vẫn còn nguyên. Sai nha rất lo lắng sợ rằng quan trên trách phạt.

Ngưu Công án sát Thành đô tên là Thụ Mai, ông rất thương yêu dân, vụ án nào cũng xem xét tỉ mỉ, kĩ càng, chỉ sợ dân chúng mắc oan. Một hôm, đang lúc nghỉ ngơi, ông ra vườn ngắm hoa, bỗng nghe tiếng quạ kêu quang quác, ngẩng đầu nhìn lên, thấy mấy chục con quạ đen, tha một vật gì bay lượn trên mái nhà. Ngưu công quát ầm lên, đuổi quạ, đàn quạ bay đi, vật ấy rơi xuống vườn hoa. Nhặt lên thì đó là một chiếc áo đỏ, trên áo viết: "Lý Trình Tú phạm nhân An Nhục". Ngưu Công nghĩ rằng vụ án này nhất định có oan khuất chi đây. Nếu không thì tại sao áo phạm nhân mặc mà quạ lại tha được? Nhất định là có thần xui quỷ khiến. Thế rồi ông lệnh đưa hồ sơ vụ án cho ông xem, thấy bản án phán quyết là vì "chê chồng xấu mà đầu độc". Ông nghĩ rằng chê chồng xấu, thì chỉ hối hận là cùng chứ làm gì đến nỗi cô dâu lại đầu độc chồng.

Ngày hôm sau sai nha trình rằng, nữ phạm nhân đã mất chiếc áo đỏ tại quán trọ. Chúng con tìm mãi không thấy, mong ngài tha tội. Ngưu Công nói:

- Chiếc áo đỏ ấy đang ở đây rồi.

Lập tức lệnh giải nữ phạm nhân vào, thấy người ấy dáng vẻ hiền lành, cử chỉ đoan trang, không giống loại người giết chồng. Ông hỏi:

- Có phải người là Lý Trình Tú không?

- Vâng ạ!

- Có điều gì oan khuất hãy nói ta nghe.

Trình Tú cứ ngồi khóc không nói năng gì. Ngưu Công hỏi:

- Có phải quan phụ mẫu ở huyện xét hỏi không đúng, hay là đánh đau mà phải khai, nên người khóc không? Hãy khai thực với ta, ta sẽ minh oan cho.

Trình Tú cúi đầu nói:

- Thừa ngài cho phép con nói, vì vụ án này con đã chịu biết bao đau khổ, không sao thanh minh được nỗi oan khuất giữa ban đêm. Chẳng biết duyên cớ gì, vừa về làm dâu thì chồng đã chết. Cha mẹ chồng thấy thế giận dữ, vu cho con gian dâm rồi đầu độc chồng.

- Cha mẹ chồng vu cáo, mà quan huyện không xét hỏi cho ra lẽ ư?

Quan trên không hỏi rõ ràng, đã tra khảo tàn nhẫn, máu chảy đầm đìa. Không khai, quan kẹp mười đầu ngón tay rồi đóng đinh tre, khiến con chết ngất đi.

- Quan huyện tra tấn, bức người phải khai có đúng không?

- Không còn cách nào khác, con đành phải khai. Thế rồi quan huyện cho giải lên tỉnh, giữa đường con mất chiếc áo đỏ.

- Chiếc áo đỏ, ta đã biết rồi, ta chỉ hỏi người sự việc xảy ra trong đêm người về nhà chồng thôi.

- Đêm ấy vào lúc canh hai, bạn bè thân thích đưa chồng con vào phòng, họ vui vẻ uống rượu, con rót rượu mời mọi người.

- Uống rượu trong phòng, bảo người rót rượu mời, nam nữ kẻ đưa người nhận, thì còn ra thể thống gì nữa. Song sau khi vui tiệc rượu thì thế nào?

- Sau khi uống say, họ ra khỏi phòng con đóng cửa dọn giường chiếu. Chồng con cuộn chiếu lên, lấy ra rất nhiều thứ.

- Lấy ra những thứ gì, rồi để nó ở đâu?

- Đó là chiếc bàn đèn, rồi dặn con "Đừng nói với cha mẹ, tôi vốn dẫu cha mẹ hút thuốc vụng, nếu cha mẹ mà biết tôi hút thuốc phiện thì quan hệ vợ chồng sẽ rắc rối đấy".

- À, anh ấy dặn người đừng nói, thế thì người thấy anh ấy hút thế nào?

- Anh ấy đốt đèn lên hơi cho thuốc nở ra, rịt vào mõ điều hút, hút không được, rồi lại hơi thuốc vào đèn, vẫn không hút được. Thế rồi anh ấy lấy một chiếc thông tre dài chừng thước rưỡi, thông vào ống điều, chỉ nghe thấy kêu sục sục.

- Thông điều xong có hút được không?

- Hút xong anh ấy cất bàn đèn vào chỗ cũ, cởi áo rồi lên giường ngủ thiếp đi.

- Người nói chưa từng cái gì?
- Là dâu mới con sợ xấu hổ, chỉ biết cúi đầu không dám tỏ ra tức giận.
- Thế người có ngủ không?
- Con ngủ một giấc cho đến sáng, tới lúc ăn cơm, chồng con vẫn chưa dậy. Con sợ khách khứa cười, con ngượng ngùng tới giường gọi anh ấy. Không thấy thưa mới biết anh ấy đã chết rồi, mồm mũi tai mắt đều ứa máu. Con sợ quá. Cha mẹ chồng vu cho con đầu độc chồng, mong ngài minh oan cho con.

Nghe xong quan ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi xem lại bản án một lần nữa, ông nói:

- Xem vụ án của người, ta cho rằng không có lẽ người đã giết chồng, chồng người chết là vì thuốc. Cái hại của thuốc phiện là rất ghê gớm, người béo hút sẽ gầy, người gầy sẽ chết, ruộng đất nhà cửa vợ con đều hết sạch. Ta cho rằng chồng người chết vì thuốc phiện. Nhưng tại sao quan huyện, quan phủ ngu tối lại cho là đầu độc. Người phải thấy rằng đêm tân hôn là cái khoái nhất của đời người, động phòng hoa chúc còn hơn cả thi đỗ. Hơn nữa, trai tài gái sắc, hai nhà đều giàu có, cứ sao lại chê nghèo mà đầu độc chồng.

Thế rồi ông ra lệnh cho người tới nhà Vương Minh Sơn ở An Nhạc lấy ngay chiếc tàu thuốc phiện, bàn đèn, thông điệp về. Áp giải Trình Tú về nhà trọ chờ thẩm vấn. Những người xung quanh thấy thế đều bật cười. Ngưu Công nói:

- Các người cười gì, hãy đi lấy về đây ngay, đừng có hút vào mà toi mạng đấy!

Sai nha của Niết ti nhận lệnh đến An Nhạc, báo sai nha huyện tới nhà họ Vương, tìm bàn đèn. Tìm mãi trong phòng cô dâu vẫn không thấy, họ quay về huyện báo lại. Sai nha của Niết ti nói:

- Chúng bay đều là đồ vô dụng, không tìm thấy một thứ gì ư?
- Việc này ngài phải đi thì mới bắt được. - Sai nha huyện nói.
- Đòi ta phải đi bắt ư? - Sai nha Niết ti nói. - Các người có biết phép tắc không?
- Chúng con không biết, mong ngài chỉ bảo. - Sai nha huyện nói.

- Vụ án này xưa nay hiểm thấy, phải bỏ tiền thuê, ta mới đi. - Sai nha Niết ti nói.

Thế rồi sai nha huyện đành phải bỏ ra hai mươi lạng bạc cho sai nha Niết ti, lúc đó họ mới đi. Tới nhà, hỏi Vương Minh Sơn, Minh Sơn cũng không tìm thấy. Thế rồi Minh Sơn lại đưa cho sai nha Niết ti hai nén bạc nữa. Sai nha Niết ti vào phòng cô dâu, moi dưới nền nhà ra chiếc tàu thuốc, đưa về Thành Đô bẩm với Ngưu Công. Ngưu Công lệnh ngày mai trình lên, lập tức sẽ mở phiên tòa xét xử.

Khi xử án, Ngưu Công thường mở phiên tòa tại sảnh đường lớn cho phép mọi người vào xem, lần này cũng thế, ai ai cũng nóng lòng chờ đợi. Hôm sau, sảnh đường lớn chật ních người.

Ngưu Công tới công đường, gọi Trình Tú hỏi:

- Có đúng chồng người hút thuốc xong rồi chết không?

- Thưa ngài đúng ạ!

Ngưu Công lệnh cho mang bàn đèn tới đặt dưới nền sảnh đường. Ngưu Công hỏi:

- Cái tàu này to gan thật, tại sao người giết chết Vương Thiên Hỷ? Người có thù hằn gì mà giết anh ta? Trước mặt ta người hãy khai thật.

- Thưa đại nhân, chiếc tàu ngoan cố không nói. - Những người tay chân nói.

- Chiếc tàu này to gan thật, - Ngưu Công nói, - trước mặt ta người bướng sao được! Quân bay đầu, lấy tay thước đánh nó thật đau cho ta.

Thế rồi bọn tay chân đưa tàu xuống, giơ tay thước lên đánh một phát, tàu vỡ thành mấy mảnh. Bọn tay chân bẩm rằng:

- Thưa đại nhân, chiếc tàu này không chịu được đòn, vừa quật một cái đã gãy nát.

Ngưu Công quát, hãy đem nó lên đây. Ông bẻ ra xem thì bên trong có một con rết, đã bị thông tre thông nát thành mấy đoạn. Ngưu Công đưa cho Trình Tú và mọi người xem, rồi hỏi Trình Tú:

- Người có biết vì sao chồng người chết không?

- Bẩm ngài, con không biết, mong đại nhân chỉ cho.

- Tàu dẫu dưới nền nhà, - Ngưu Công nói, - tháng Tư rất nhiều rết, người

thấy mùi thơm tiết ra chất độc, chui vào tẩu, bị keo thuốc trong tẩu dính chặt lấy chân, không chui ra được. Cho nên nó ở trong đó tiết ra chất độc, lại dùng thông thông nát, cố sức hút, chất độc của rết và của thuốc vào bụng, thì sao mà không chết.

Người xung quanh hỏi rằng:

- Tại sao đại nhân lại biết vụ án này là do rết giết chết mà bắt tẩu thuốc?
- Ta nghe Trinh Tú nói là chồng lấy tẩu từ dưới đất lên, bởi thế ta biết chết là do hút thuốc.

Nghe xong ai ai cũng vô cùng thán phục Ngưu Công. Ông tha cho Trinh Tú, kết thúc vụ án. Ông hỏi Trinh Tú rằng:

- Người về nhà chồng thì chồng chết, anh em lại không có bây giờ nương tựa vào đâu? Có thể tái giá không?

Trinh Tú im lặng không trả lời. Ngưu Công nói:

- Nhà mẹ đẻ có ai ở đây không?
- Thưa ngài, cha con đang ở dưới kia.

Lúc ấy Lý Thiệu Nho đang xem xử án, lập tức đi lên, cúi lạy nói:

- Thưa ngài, con có lỗi với ngài.
- Người là ai?
- Con là Lý Thiệu Nho, Trinh Tú là con gái con.
- Người hãy đưa con về nhà, rồi gả cho người khác.

Thiệu Nho tạ ơn, lui ra. Ngưu Công tuyên bố, từ nay cấm các phủ huyện không được phép vui chơi rượu chè trong phòng cưới điều đó làm tổn hại đến phong hóa.

Các bạn thân mến! Quạ đen vốn là một loài vật ngu xuẩn, tại sao lại tha chiếc áo đỏ của Trinh Tú tại quán trọ? Chỉ vì sớm chiều Lưu thị đã rất thành tâm cầu khẩn Thánh Đế, cho nên Thánh Đế đã hiển linh, lại thấy Trinh Tú mắc oan, lệnh cho thần gió, thổi bay chiếc áo đỏ lên không trung, khiến quạ tha đi. Ngưu Công thấy cô oan khuất nên đã minh oan cho cô.

Ở thành có Hoắc Vân là cháu của ngài Dương, vợ chết chưa lấy vợ khác, nhà giàu có, lại rất đẹp trai, thấy Trinh Tú xinh đẹp đoan trang, thường

khen cô trước mặt mọi người. Thiệu Nho biết được, nhờ mối nói vun vào, rồi gả Trinh Tú cho anh. Họ sống với nhau rất hòa hợp, suốt đời sung sướng. Về sau Thiệu Nho lại thi đỗ. Vương Minh Sơn không có người nối dõi, định nuôi con một người thuộc chi gần, nhưng không vừa ý. Ông ta bèn cưới một người vợ lẽ, song quá dâm dăng, đến nỗi đổ bệnh, ốm liệt giường, biết rằng không thể sống được nữa mới nuôi con của một người thuộc chi xa. Người chi gần không nghe, dâm đơn kiện. Minh Sơn đang ốm phải vào thành dứt lốt nên thắng kiện, rồi chết ngay tại huyện. Vợ lẽ trốn theo trai. Con nuôi không nên người, chỉ trong mấy năm gia tài khánh kiệt.

Các bạn thân mến, người ta sống trên đời, đáng sợ nhất là nghiện phiện. Cái hại của thuốc phiện còn nguy hiểm hơn nhiều so với rượu và gái. Rượu và gái nói bỏ là bỏ được ngay, còn cái hại của thuốc phiện đến chết vẫn không buông tha, nó còn đeo đẳng người ta tới mãi âm ti địa ngục, làm ma vẫn không yên. Thiên Hỷ giấu cha mẹ hút thuốc phiện, khiến cha mẹ đau buồn. Sau đó bị rết giết chết, làm cho vợ phải mắc oan, cha mẹ tuyệt tự, tuy giàu có, vợ đẹp cũng không được hưởng thụ. Vương Minh Sơn thương luân bại lý, xúi bẩy kiện tụng, keo kiệt đến nỗi phải tuyệt tự, người và của đều mất sạch. Lý Trinh Tú đoan trang hiếu thuận, tuy gặp oan khuất, cuối cùng được thần thánh minh oan, hưởng phúc suốt đời. Ngũ thị hòa theo cái xấu, bởi thế phút chốc lâm vào cái chết. Vợ chồng Lý Thiệu Nho biết nuôi dưỡng dạy bảo con, cuối cùng con gái nên người. Còn như Thôi tiên sinh dạy trò không nghiêm, khó mà dạy người ta được, khiến cho vợ theo trai, con phải chết, ấy là phạm nhân trong số Nho gia. Sau này nhất định sẽ chịu báo ứng.

Qua vụ án này, ta thấy thầy phải luôn luôn răn đe những học trò hút thuốc phiện. Phải hết sức thận trọng, đừng coi đây là chuyện trò đùa. Đã mắc nghiện thì không những sẽ lười nhác mà còn bê trễ học hành, công không thành, danh không toại mà còn khuynh gia bại sản. Đã là người thầy người trò, phải lấy Thôi tiên sinh, Vương Thiên Hỷ làm bài học cho mình. Vụ án

này tôi nghe thấy khi đi thi, sợ rằng đã lâu ngày, tên người, tên địa phương có thể có chỗ sai, xin các bạn tha thứ.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 15

Giếng Nam Sơn

Tứ quan(1) vốn là mê hồn trận

Tửu sắc quả là nguy hiểm thay

Việc gì cũng phải nên đúng mức

Đừng quá đắm say phải ngời tù.

(1) Tứ quan: rượu chè, cờ bạc, trai gái, tiền tài.

Ở huyện Lâm Tri, Thanh Châu, có một người giàu có, tên là Hà Giáp, cha là Hà Vĩnh, mẹ là Thân thị. Hà Vĩnh là người tham lam, hay tính toán chi li, cho vay nặng lãi, xuất ra thì cân nhẹ, thu vào thì cân nặng. Phàm những việc gì lợi mình hại người, thì hăn tìm mọi cách làm bằng được. Gia sản của hăn có tới hàng vạn lạng. Năm bốn mươi tuổi mới sinh được Hà Giáp. Hăn quý con như vàng, nhưng chẳng dạy dỗ gì. Khi Giáp mười bốn tuổi, thì Vĩnh mắc bệnh cấp tính chết. Thân thị quá thương chồng rồi cũng lần lượt qua đời. Từ đó Hà Giáp vênh vang đắc ý, tuy tiếng là học trò, nhưng dốt đặc, rượu chè, trai gái thì chẳng ai bằng. Ngày tới đường hoa đêm thăm ngô liễu, tiêu tiền như rác. Mãn tang hăn lấy Phùng thị, do lúc còn nhỏ cha mẹ hỏi cho. Phùng thị là con nhà danh giá, tính tình hiền thực, cử chỉ đoan trang, rất giỏi nữ công gia chánh, dung nhan xinh đẹp, không ưa chải chuốt, không hay cười cợt chót nhả. Hà Giáp không thích, cứ bảo là vụng về. Một hôm hăn nói với cô:

- Cô như một con lợn dịch, là đàn bà thì cũng phải trang điểm, thì dung nhan mới đẹp. Ta giàu có, vợ không như hoa như ngọc thì cũng phải yếu điệu thướt tha chứ. Trong nhà thiếu gì phấn son, lụa là, đồ trang sức, tại sao không dùng, cứ làm ra vẻ nghèo khổ ngu độn, khiến ta tức giận.

Nhân lúc chồng nói, Phùng thị lựa lời khuyên chồng:

- Anh ạ, người đàn bà phải đoan trang nền nã, điều đáng sợ là phóng đảng dâm loạn. Hầu hạ chồng, điều tối kỵ là ăn diện. Trong tứ đức tuy có nói tới dung nhan, song không cái gì hơn là ăn mặc sạch sẽ gọn gàng, há đâu cứ phải quần là áo lượt. Người đàn bà không hiền thực suốt ngày phấn son, mê hoặc chồng, buông thả tình dục, đến nỗi người đàn ông phải chết yếu, nếu không thì bệnh tật suốt đời. Anh cứ nghĩ xem, điều ấy có ích lợi gì chẳng?

Hà Giáp chửi:

- Người không biết ta đã quen sống ở ngõ liễu đường hoa, những người ta gặp đều là những gái đẹp như tiên giáng thế, tiếng nói như oanh vàng thỏ thẻ. Ta ghét nhất là cái dáng nhà quê bảo cô trang điểm một chút mà cô vẫn còn cường lại ư?

- Anh ơi, người ta thường nói, trong hàng vạn cái xấu thì dâm là hàng đầu, trong hàng trăm việc làm thì hiếu là hàng đầu. Trong *Địch dục văn* có nói: "Mộ của kẻ tuyệt tự hoàn toàn là bọn hiếu sắc cuồng loạn, giống kĩ nữ đều là kẻ dâm đảng". Gần thì báo ứng đến vợ con, xa thì báo ứng đến cháu chắt, anh phải hết sức giữ gìn.

- Gái điểm vốn là một nghề sống, - Hà Giáp nói, - thì có gì là tội lỗi?

- Gái điểm có năm tội. - Phùng thị nói. - Một là hủy hoại phẩm chất; hai là mất hết gia sản; ba là gây ra tai họa, bốn là sinh ra bệnh tật; năm là tổn thương tính mạng. Anh ơi, gia sản của cha để lại lớn như thế, lẽ ra phải lập chí trau dồi phẩm hạnh, làm việc thiện để được phúc đức, trở thành người hào kiệt, có ích, an ủi linh hồn cha mẹ dưới suối vàng, để lộc cho con cháu, mới không uổng phí đời người. Cớ sao cứ gây ra oan nghiệt, sống chịu quả báo, chết vào địa ngục!

Giáp dùng dùng nỗi giận, chửi:

- Mày là đồ hèn hạ, mày nói thối lắm, ông đường đường là một đấng đại trượng phu, lẽ nào lại để cho đứa đàn bà dạy dỗ!

Thế là hăn giơ tay định tống, Phùng thị vội tránh được. Từ đó Hà Giáp thường mắng chửi rồi bỏ đi chơi bởi ít khi về Nhà. Thấy khó mà khuyên được chồng, Phùng thị đành phải mặc quần áo mới một chút để vừa lòng hăn.

Một hôm hân uống rượu, Phùng thị cầm bình rượu, Giáp đã ngà ngà say, cười nói:

- Trông em thế mà xinh, nếu em mặc thêm quần áo đẹp, thì quả là làm cho người khác hồn vía lên mây.

Rồi hân bảo Phùng thị trang điểm. Phùng thị không nghe. Giáp tự lấy đồ trang sức và quần áo ra, bắt Phùng thị phải trang điểm. Phùng thị khẳng khẳng không mặc, Giáp đột nhiên nổi khùng, đập bàn chửi:

- Đồ chó má đê tiện, ông tức không chịu nổi. Ông là con nhà giàu có, đã thích thì chơi thả cửa. Ngay như đứa ở con sen cũng phải trang điểm, huống hồ người vợ mà hằng ngày ta đụng chạm vào da thịt, tuổi trẻ phải vui chơi thỏa thích. Mày là đồ đê tiện, không khác nào đồng đất, chẳng đẹp đẽ gì. Ngay những kẻ quê mùa mộc mạc cũng còn yếu điệu được cơ mà. Đồ trang sức và quần áo đầy rẫy, thả cửa cho mày ăn diện, phải mặc quần hoa đi giày thêu, gót cao ba tấc, mặt hoa da phấn, lông mày lá liễu, thướt tha dạo bước ngoài hiên như hồ li tinh. Khi uống rượu hát khúc *sa song*, tiếng hát thánh thót như oanh vàng. Dáng vẻ phong lưu ấy mới thú, không uống phí một đời người.

- Anh nghĩ quá đáng, em ở nhà mẹ đẻ, cha mẹ dạy em phải đoan trang, không được làm đáng. Tính em vốn đã như thế rồi, nay anh cứ bắt em phải chải chuốt, ăn diện, em không làm thế được đâu.

- Cái ngữ đoan trang ấy cứ chọc vào mắt làm tan tức lộn ruột. Mày là con ma lem hiện hình, mày còn gân cổ làu bàu. Hãy mau mau diện cho thật đẹp vào rồi tiếp rượu ông.

- Tiếp rượu việc gì phải trang điểm, e rằng như thế sẽ làm nhục tổ tiên.

- Bảo trang điểm mày không làm, lại còn dùng những lời xấu xa cãi lại, khiến ông tức uất đến cổ. Hôm nay ông phải tống khứ con ma này đi.

- Em không đi đâu cả, xem hôm nay thành con ma gì.

- Đồ đê tiện, mày nói càng làm ông thêm lộn tiết, mày ương ngạnh như con lừa. Mày như thế, ông không chịu nổi nữa. ông đá cho mày một cú cho chết mẹ mày đi.

Hà Giáp dùng dùng nổi giận, mượn rượu đá thẳng vào bụng dưới. Hà thị

ngã lộn nhào xuống đất, mồm há hốc mắt trợn ngược . Hà Giáp vội kéo dậy, nhưng ôi thôi Hà thị đã tắt thở. Khi tỉnh rượu gã hối hận vô cùng. Hôm sau hẳn cho người đến nhà mẹ vợ báo tin, nói dối rằng vợ đã mắc chứng bệnh cấp tính chết. Anh em Phùng thị thấy bụng dưới có vết thương, làm rùm beng lên không nghe. Hà Giáp nhờ người nói khó xin cho và hứa sẽ làm ma linh đình. Hôm thiêu quan tài, một số tên vô lại nhà Phùng thị tới ngăn trở, khăng khăng đòi kiện lên quan. Hà Giáp khiếp sợ quá, phải rút lút một trăm quan tiền, lập đàn tràng cúng lễ bảy ngày mới yên ổn. Ít lâu sau hẳn cưới vợ khác.

Đỗ Thái Hòa người trong thành, có một đứa con gái tên là Thúy Nường, người xinh đẹp, trước đây từng tư thông với Hà Giáp, khi còn nhỏ đã hứa gả cho nhà họ Trần. Hà Giáp thấy cô xinh đẹp muốn lấy cô. Thái Hòa biết được, cố ý không gả, khi chần gối, Thúy Nường lại hẹn non thề biển, Giáp đã bỏ ra hai trăm quan tiền cho Thái Hòa buôn bán, Thái Hòa mới bằng lòng gả cho. Song nhà họ Trần không nghe, Giáp lại phải tung tiền ra mới ổn thỏa. Lúc sắp cưới, họ Trần lại nói là phải đến cướp dâu. Giáp phải nhờ hơn một trăm người mang khí giới đến đón dâu. Mọi người không nghe, nói rằng đất nước thanh bình, tại sao lại tụ tập đông người mang giáo mác gây gộc như thế. Sau đó họ bắt nộp phạt bốn mươi quan tiền. Giáp đón vợ về, tính ra hết hơn năm trăm quan. Thúy Nường về nhà chồng, suốt ngày tô son điểm phấn, hát xướng tiếp rượu Hà Giáp, thả sức phóng dăng, áo không đẹp không mặc, thịt không ngon không ăn. Chỉ trong vòng hơn bốn năm, tiền của hết nhẵn, rồi bán hết cả mảnh đất cao chân đồi, chưa đầy hai năm cũng tiêu hết nhẵn, sau đó vay mượn để tiêu, về sau mượn cũng không được nữa, đành bán cả ruộng đất nhà cửa trang trại. Thanh toán hết các khoản nợ, chỉ còn lại bốn mươi quan tiền, thuê ruộng người khác trồng cấy. Thúy Nường bán quần áo trang sức mua rượu thịt, suốt ngày chửi chồng là đồ bất tài. Hà Giáp nhẫn nhục chịu đựng không dám hé răng, đành phải đi bán ít hoa quả bánh kẹo. Thúy Nường ở nhà bán dâm, đưa người cửa trước rước người cửa sau. Hà Giáp biết mà không dám nói.

Láng giềng có một người hàng xóm tên là Vương Ngũ, tính tình hung bạo, nổi tiếng là một tên giang hồ, kết giao với bọn đồ đen, mở sòng bạc. Hẳn

thường đưa thịt trâu đến nhà Thúy Nường cùng nhau ăn uống rồi ngủ qua đêm ở đó, một mình chiếm Thúy Nường, không cho quan hệ với bất cứ ai. Mỗi lần đến nhà, bắt Hà Giáp phải nhường giường chiếu, Hà Giáp vội vàng bỏ trốn, thắng hoặc có khi không vừa ý là Vương Ngũ chửi liền. Uất ức quá không chịu nổi, thấy trong thành hạt bồ đề(1) rất đắt, Hà Giáp đi buôn. Từ đó Vương Ngũ ở lì tại đó sống với Thúy Nường như vợ chồng.

(1) Hạt bồ đề tròn, màu đen. Người ta thường dùng làm tràng hạt (ND).

Trong làng có một người tên là Hồ Thành, khỏe mạnh cương trực tranh nhau một cây mọc nơi đất giáp ranh với Phùng An ở Tả Loan. Họ đôi co nhiều lần nhưng vẫn chưa ngã ngũ. Hồ Thành mượn nhiều người đến chặt cây. Phùng An đi kiện. Hồ Thành không kiện cứ gặp là đánh. Không sao được, Phùng An đành thôi, rồi luôn luôn tìm cơ hội trả thù. Thế là Phùng An hạ mình kết thân, lâu ngày Hồ Thành cũng quên đi, rồi họ luôn đi lại với nhau. Năm ấy, lên tuổi bốn mươi, Hồ Thành làm cơm, khách khứa không mời ai, chỉ mời con rể và những người lân cận. Phùng An cũng tới chúc mừng, cùng vui vẻ nâng chén. Khi đã chén choáng hơi men, Hồ Thành say sưa nói về sự tài giỏi trong cuộc đời mình:

- Người ta không cướp của không giàu, ngựa không ăn cỏ đêm không béo, chỉ cần bắt lương là phát tài ngay.

Phùng An ton hót thêm:

- Ông Hồ Thành ơi! ông phát tài nhanh bằng cách nào sao không nói cho mọi người nghe, để chúng tôi học làm giàu.

- Đương nhiên rồi, anh hãy đến đây để thầy dạy cho.

Thế là Hồ Thành khoa chân múa tay nói oang oang:

- Các bạn thân mến, hãy lắng tai, tôi nói cho mà nghe để biết tôi đột nhiên có tiền vạn như thế nào. Tôi sinh ra vốn là con nhà khốn khó, tôi không nói dối đâu, hiện tôi có rất nhiều bạc.

- Có bao nhiêu?

- Tuy không nhiều, nhưng cũng có tới hơn mấy chục nén.

- Tôi e rằng đó là bạc làm bằng giấy.

- Hoàn toàn không phải bạc bằng giấy.

- Thế thì bạc anh lấy ở đâu ra.

- Hôm ấy, tôi đi chợ về, qua Nam Lĩnh, lúc ấy đã nhá nhem tối. Bỗng một láı buôn đi thu tiền về quận, thấy túi bạc nặng trình trịch, thế là tôi giơ thẳng cánh đập gậy vào đầu, đến bộp một cái hấn học máu, rồi về châu trời. Tôi vớt xác hấn xuống một chiếc giếng cạn, lấy bạc mang về nhà.

- Nói mãi tôi cứ tưởng thật, hóa là là ông say rượu.

- Ông Phùng nói thế làm mọi người cụt hứng. Hôm nay tôi đã uống nhiều dđau. Nói về tửu lượng tôi thường uống tới bốn năm cân mà vẫn chưa say đến mức nói liều, làm bậy bao giờ. Hơn nữa Hồ Thành đường đường là một đấng oai phong lẫm liệt, lẽ nào lại khoác lác để đánh lừa các ông.

- Ông Hồ này, - Phùng An nói, - ông cứ lấy bạc ra đây cho chúng tôi xem thật mục sở thị, thì chúng tôi mới tin.

- Nghe các ông nói làm tôi nóng mặt, chắc rằng các ông cả đời chưa nhìn thấy bạc bao giờ. Các ông hãy ngồi đây, tôi đi lấy mấy nén cho các ông xem cho hai năm rõ mười.

- Số bạc ấy là của chồng chị Trịnh gửi anh mua đất, - vợ Hồ Thành nói, - sao ông cứ nói vớ vẩn lung tung, không sợ người ta chọc gậy vào ư?

- Đúng là đàn bà nhát như cáy, - Hồ Thành nói, - phải biết nói khoác mới làm người ta kinh hãi, bà cứ mặc tôi, việc ai người ấy lo, tôi sẽ lấy bạc ra ngay. Anh Phùng lại đây, mở to mắt ra mà nhìn, trắng toát óng a óng ánh, trông có thích mắt không? Hoàn toàn là bạc thật đấy, tất cả là mười tám nén. Các bạn thấy có sượng mắt không. Anh Phùng, từ nay trở đi hãy thật lòng tôn kính ta, nếu không ta sẽ làm như thế.

Phùng An nghe xong mừng thầm, về nhà báo quan, nói là Hồ Thành đã cướp của giết người, vớt xác xuống giếng Nam Sơn. Nơi ấy là vùng đất Lâm Tri nổi tiếng ai ai cũng biết.

Quan huyện Lâm Tri là Phí Y Chỉ, xuất thân từ khoa bảng, thanh liêm có tài. Thấy tờ trình Phùng An đệ lên, ông lập tức ra lệnh bắt Hồ Thành về xét hỏi. Hồ Thành nói:

- Thưa ngài, đấy là do con say rượu nói bừa, chứ hoàn toàn không có việc đó. Vả lại số bạc ấy là của Trịnh Luân, anh rể con nhờ mua đất. Phùng An thù hấn con nên tố giác bừa.

Quan gọi Trịnh Luân tới hỏi, Trịnh Luân cũng nói đó là số bạc anh nhờ Hồ

Thành mua đất. Quan lệnh giải Hồ Thành tới giếng xem có xác chết không. Họ về bẩm rằng quả thật, có một xác chết không đầu. Hồ Thành sợ mất vía, kêu oan. Quan quát mắng:

- Mày là thằng chó má, cướp của giết người, hiện vẫn còn tang chứng, còn oan nỗi gì.

Thế rồi ông lập tức tổng giam, gửi thông báo ai có người chết đến nhận xác. Hôm sau, vợ Hà Giáp là Đỗ Thúy Nường tới trình đơn nhận xác, nói rằng Hà Giáp bán ruộng đất, còn thừa mấy trăm lạng bạc, tới huyện buôn bán. Trên đường về nhà qua Nam Lĩnh, bị Hồ Thành đánh chết, cướp số bạc ấy. Khẩn thiết mong ngài soi xét Quan nói:

- Tại sao người biết đó là chồng người?

- Chồng con nói là đến ngày ấy mang bạc về, - Thúy Nường nói, - song nay đã quá hạn mà không thấy về, thế thì đó không phải là chồng con thì là ai!

- Chồng người mặc quần áo gì - Quan hỏi.

- Chồng con mặc áo lót đã rách.

Quan ra lệnh khám nghiệm, lập tức áp giải Hồ Thành tới giếng, lệnh cho người lôi thi thể lên, quả nhiên thi thể không có đầu mặc áo rách. Thúy Nường từ đằng xa òa lên khóc:

- Chồng tôi chết thật là thê thảm, bỗng chốc lòng tôi như vò xé. Thân xác cứng đờ, toàn thân rữa nát, không còn đầu tựa như một khúc gỗ nằm bên giếng. Tưởng rằng anh ấy đi buôn, kiếm được nhiều tiền, vợ chồng sống mãi tới già. Khốn khổ thân tôi tuổi còn trẻ mà không có người làm bạn, đôi uyên ương giờ đây chia lìa đôi ngả. May mà chàng linh thiêng, trời có mắt, đã nói ra kẻ giết người. Thiếp quỳ bên thi thể chàng, cầu mong quan lớn nghe thấu lời con: tên Hồ Thành đã cướp của, chặt đầu chồng con, làm hại đời con, khiến con không có cơm ăn áo mặc, sống lẻ loi đơn độc một mình. Mong quan lớn chiếu luật thi hành, khiến chồng con được mang ơn nơi chín suối.

Quan hỏi:

- Nhà người có mấy người?

- Trời ơi, bẩm quan lớn, thương thay bố mẹ chồng con đã mắc bệnh qua đời, không có con cái cháu chắt, anh em. Mong quan lớn thương tình, truy

hoàn số bạc cho con.

Quan huyện nói:

- Chờ giải quyết xong vụ án Hồ Thành, ta sẽ đứng ra cho phép người tái giá.

- Con vô cùng biết ơn lòng nhân ái từ bi của quan lớn, con sẽ suốt đời kết cỏ ngậm vành đền ơn quan lớn.

Quan lệnh cho người khám nghiệm, thấy nạn nhân chết do một nhát dao đâm vào ngực, rồi sau khi chết mới cắt đầu. Thế rồi quan cho phép chôn xác chết, và an ủi Thúy Nường rằng:

- Người hãy về nhà, người còn trẻ không nên xuất đầu lộ diện, nay đã bắt được phạm nhân rồi, chờ tìm thấy đầu, vụ án kết thúc, rồi hãy tái giá.

Thúy Nường cúi đầu vái lạy ra về.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 15 (B)

Quan trở về nha môn, lệnh cho Hồ Thành cung khai rồi kí vào. Hồ Thành cứ kêu oan khuất, khóc lóc nói rằng:

- Quỳ dưới pháp đường mà nước mắt con chảy đầm đìa. Thưa ngài, con tuy nhà nghèo khó, nhưng cũng biết đạo lí làm người, không dám làm điều bất lương.

- Mà sợ không làm điều bất lương, có sao lại giết người cướp của. - Quan huyện nói.

- Thưa ngài, - Hồ Thành nói, - con không biết kẻ nào đã làm điều hung ác, giết người vớt xuống giếng để khiến con mắc phải điều oan uổng.

- Đồ chó má to gan thật, hãy khai mau, ta sẽ xử nhẹ tội, nếu không thì ta sẽ đánh nát chân thằng chó má này.

- Quả thực là con không biết người vớt xuống giếng, thì quan bảo con khai sao được!

- Mà còn cãi bướng, quân bay đâu, hãy đánh nó bốn mươi gậy cho ta!

Sắp tra khảo quan lại nói:

- Hồ Thành mà phải khai rõ sự thực, thì sẽ khỏi tra khảo.

- Trời ơi, - Hồ Thành nói, - thưa ngài, ngài cứ khẳng khẳng bắt con phải khai, con chỉ sợ rằng lại chết oan thêm một mạng người nữa.

- Đồ chó má, không khai ư? Các người đánh nó cho ta. - Quan huyện thét.

- Trời ơi! Đánh hai chân con tóe máu, con mong ngài hãy cố gắng gia ân cho con.

- Có khai không? - Quan hỏi.

- Thưa ngài, ngài bắt con khai, thì chẳng khác nào con chôn người sống xuống huyệt.

- Thằng chó chết kia, mà vẫn còn già mồm cãi, quân bay đâu, hãy kẹp nó cho ta!

Lính hầu mang kẹp tới, quan ngăn lại nói:

- Hồ Thành, người hãy khai mau, để khỏi phải chịu cực hình, ta sẽ gia ân, mở ra cho người con đường sống, như thế không tốt ư?

- Trời ơi! Thưa ngài, vụ án này thật vu vơ, dựa vào chứng cứ nào mà bảo con giết người? Lão Phùng cáo giác sao mà tin được, con chết xuống nơi chín suối cũng không thể nhắm mắt.

- Chính mồm người nói trong giếng Nam Sơn có xác chết, - quan nói, - đó chẳng phải là bằng chứng ư? Quân bay đâu hãy mau kẹp nó cho ta!

Vừa kẹp thì quan đã ngăn lại nói:

- Hồ Thành, ta vốn có lòng thương người, người khai đi thì ta mới cứu được người, việc gì cứ phải cãi cố.

- Con đã nghĩ hết cả rồi mà không ra, khiến con nát ruột nát gan. Nếu không nhận thì ngài tra tấn, mà nhận thì sợ rằng phải chém đầu. Suy đi tính lại chẳng còn cách nào khác, đúng là kiếp trước tội con quá nặng. Thôi thì nhận quách đi cho xong. Thưa ngài, xin ngài rộng lượng từ bi tha cho con.

- Ủ mà nói thế mới đúng. Vậy thì mày đã giết người như thế nào? - Quan hỏi.

- Thưa ngài, hai năm nay, túng bấn quá, không còn cách nào, con đã đón đường ăn cướp ở Nam Sơn. Hôm ấy trời đã tối, con thấy Hà Giáp vác một chiếc bao về quận, con vung dao chém vào cổ, hấn ngã gục, con vứt xác xuống giếng, rồi về nhà ngủ. Ngày hôm sau nhân lúc say rượu, con mới kể lại chuyện này.

- Thế đầu người mày vứt ở đâu? - Quan huyện hỏi.

- Lúc ấy vội quá con quên mất chỗ giấu rồi. Chắc rằng không lợn thì chó đã ăn mất.

- Hừ! Thằng chó má này to gan thật, mày đã giấu xác, lẽ nào mày không giấu đầu. Phải khai ra ngay.

- Trời ơi! Thưa ngài, đó là sự thực, xin ngài gia hạn để con đi tìm.

Quan hẹn cho ba ngày, sai hai sai nha áp giải đi tìm. Tìm ròng rã suốt ba ngày, chẳng thấy đâu cả. Quan lại hạn cho năm ngày, vẫn không tìm thấy đầu. Quan dùng dằng nổi giận, bảo tay chân lôi ra tra tấn. Vừa mới lôi ra, thì quan gọi lại nói:

- Ta nghĩ rằng trong lúc mày giấu xác, trong lòng hoảng loạn, không biết

đầu rơi ở chỗ nào, sao không tìm kĩ xem.

- Thừa ngài đúng là rơi ở đâu.

- Nếu chó lợn không tha, thì cũng còn xương. - Quan huyện nói. Nếu bị người chôn đi thì cũng còn mùi thối. Đúng là mày không chịu đi tìm thôi. Ta hạn cho mày hai ngày nữa, nếu không tìm thấy ta sẽ đánh chết tươi. Hồ Thành thấy mình quá oan ức, song không sao nói được. Đi tìm rồi cả chân tay, lại bị sai nha nạt nộ mắng nhiếc, cuống lên, ngồi lì xuống đất kêu trời kêu đất gào khóc:

- Trời ơi có thấu! Nước mắt cứ trào ra không sao nói nên lời. Tưởng rằng Hồ Thành xưa nay làm việc gì cũng tự vẫn lương tâm, chưa làm điều gì bậy bạ khiến người ta ghét bỏ. Trời ơi! Con thường giữ mình trong sạch để được sống bình an, suốt đời tai qua nạn khỏi, ăn nên làm ra. Vì sao lại làm con gặp phải vụ án mạng này, khiến con bị liên lụy. Con bị đánh toạc da ứa máu, khiến con bị tổng giam, vợ con li tán, bán ruộng cầm vườn. Trời ơi, lẽ nào trời không có mắt, nỡ để con vô tội chịu oan. Kẻ cướp của giết người không biết ở đâu, đầu người chết không biết nơi nào. Trời ơi! Quan lớn nói rằng tìm thấy đầu mới kết án. Năm lần bảy lượt tra khảo bức con phải cung khai, con đau đớn không sao chịu nổi. Không còn cách nào ngài mới gia hạn cho con, sai Lý Vạn và Trường Thiên áp giải con đi tìm. Trời ơi, họ thương con, ban ngày dẫn con đi tìm, đêm tối con về nơi giam cầm. Đi khắp mọi nơi không tìm thấy thật là uổng công. Trời ơi! Trời hãy hiển linh báo ứng, - làm cho kẻ giết người phải tự nói ra. Thấy được đầu mới kết án. Lúc ấy con nguyện sẽ giết gà mổ lợn tạ ơn trời. Trời ơi chưa hẳn kiếp trước con độc ác bất lương, gây nên nỗi oan khiên tày đình này. Có lẽ hằng ngày con nát rượu, uống say nói bừa, gây ra tai họa, hối không kịp nữa. Không tìm thấy đầu thì kết án làm sao được? Từ nay về sau con thề, vĩnh viễn không bao giờ uống rượu nữa. về nhà con sẽ đập hết chai lọ, vò hũ. Nếu con tái phạm thì trời đánh thánh vật, chó lợn tha xác ăn thịt gặm xương. Con cũng khuyên người đời giữ gìn đức hạnh, đừng nát rượu, đừng điên khùng, hãy trông gương tôi, thì mới vô sự, sống vui vẻ bình yên.

Hồ Thành nghĩ rằng lần này về không có đầu, thì nhất định sẽ không sống được nữa. Ai ngờ không thấy quan chửi bới trách móc, mà đưa một thông

báo, nói rằng, đầu người này hẳn là lợn chó đã tha, để tiện cho việc kết án, ai nhặt được chôn đi nay đem nộp sẽ thưởng một quan tiền. Ngày hôm sau, Vương Ngũ mang đầu tới, nói rằng chó đã tha chiếc đầu này tới bờ rào, nên mang nộp quan. Quan thưởng ngay cho một quan tiền. Sau đó gọi Thúy Nường lên hỏi:

- Cô còn trẻ như thế, lại chưa có con cái thì sống dựa vào đâu? Thôi thì cô hãy tái giá ngay đi.

Thế rồi ông cho tay chân loan tin, ai muốn lấy cô thì hãy trình đơn lên, quan sẽ se duyên ngay tại công đường. Thúy Nường lạy tạ rồi lui ra. Vương Ngũ lập tức nộp đơn xin cưới Thúy Nường làm vợ. Quan gọi hai người ra công đường, hỏi:

- Có phải chúng bay đã giết người không?

- Hồ Thành giết người cướp của, - Thúy Nường nói, - con quả đội ơn ngài đã tìm ra. Xin ngài chiếu luật hành tội.

- Không phải, không phải, - quan nói, - đấy là kẻ cướp giả, còn có một tên cướp thật.

- Con quả không biết, mong đại nhân chỉ rõ. - Thúy Nường Đáp.

- Kẻ cướp thật đó là mày và thằng Vương Ngũ.

Thúy Nường và Vương Ngũ sợ run cầm cập kêu oan.

Ta vốn biết chúng mày giết người từ lâu rồi, sở dĩ ta kéo dài không đưa ra ánh sáng ngay, sợ rằng lỡ ra chẳng may bị mắc oan. Xác chưa đưa lên, tại sao người tin chắc đó là chồng, có lẽ mày biết trước được cái chết của chồng. Vừa ra khỏi cửa, thì sao đã biết tường tận về quần áo. Vậy người không vứt xuống thì ai vứt. Hà Giáp có hàng mấy trăm đi buôn, cứ sao lại mặc quần áo rách.

Quan lại hỏi Vương Ngũ:

- Tại sao người lại nộp đầu ngay như thế! Sở dĩ vội vàng nộp đầu, là muốn nhanh chóng lấy Thúy Nường.

Hai tên cứng họng không trả lời được. Quan lệnh phải cung khai, hai tên còn cố cãi. Quan lệnh tra khảo, Thúy Nường và Vương Ngũ biết rằng không thể che giấu nổi, đành phải khai rõ sự thật.

Các bạn thân mến, Hà Giáp phần chí lên huyện buôn hạt bồ đề, về tới nhà

thì gặp Vương Ngũ mua cá chép cùng với Thúy Nường phè phởn ăn uống với nhau. Hà Giáp tới ăn, Thúy Nường chửi là đồ bất tài, không cho ăn. Vương Ngũ giật lấy đũa. Hà Giáp biết dao của Vương Ngũ đặt bên giường, rút ngay dao giết Vương Ngũ. Thúy Nường thấy thế ôm chầm lấy Hà Giáp, Vương Ngũ giật lấy dao, nhè vào ngực đâm một nhát chết tươi. Hai đứa bèn nhau vớt xuống giếng Nam Sơn. Chúng sợ người xuống giếng nhận ra, cho nên cắt mất đầu. Nào ngờ Hồ Thành vận đen, chỉ vì say rượu nói bừa, chui vào lưới của chúng. Vương Ngũ mừng rơn, lại nghe thấy mấy nén bạc, hắt vội vàng thúc Thúy Nường đi nhận, tưởng rằng sẽ được tiền, nào ngờ ngài Phí Y Chỉ là một người có tài, thấy Hồ Thành không phải là người hung ác, cho nên yết thị gọi thân nhân của xác chết đến. Thấy Hà Giáp bị dao đâm, Thúy Nường từ đằng xa đã khóc, biết ngay đó là cô ta, cho nên dụ cô ta tái giá để cô ta yên tâm. Quan lại bắt Hồ Thành nhận tội một cách oan ức, khiến cho cô ta không còn nghi ngờ gì nữa, mang ngay đầu ra nộp. Quan nhẹ nhàng khéo léo bắt phạm nhân.

Án oan đã được sáng tỏ, thế rồi đưa Hồ Thành ra, gọi Phùng An tới. Vương Ngũ, Thúy Nường đều đã khai rõ sự thực. Phí Công dùng dùng nổi giận, đập bàn quát:

- Đồ Thúy Nường là đồ chó má đê tiện. Người đàn bà phải sống đứng đắn, biết lễ nghĩa liêm sỉ. Vì quá dâm dăng nên phá hoại hạnh phúc gia đình, mưu sát hại chồng, không tuân theo luân thường đạo lý phong tục, bèn sinh ra lòng lang dạ sói. Thế rồi ông gọi sai nha dùng roi gân bò đánh năm trăm cái. Tổng vào nhà ngục, chờ tường trình lên tỉnh, rồi sau đó mới lột da rút gân. Duy có Vương Ngũ là đáng cảm giận, hắt hoàn toàn là một tên súc sinh, vô đạo đức, hoành hành ngang ngược, mất hết lương tâm. Dám cả gan giết chồng cướp vợ, không sợ phép vua, chẳng hãi thánh thần. Hãy lôi hắt ra đánh đủ bốn mươi gậy cho ta, tâu lên cấp trên chém đầu. Phùng An hãy đóng tai lên mà nghe, tai họa này bắt đầu từ người. Làm người phải biết giữ bốn phận, sống chan hòa với mọi người, không nên kiện cáo nhau. Người chẳng biết thực hư thế nào đã đi kiện. Tội vu cáo phạt nặng không dung tha. Hãy lôi hắt ra dùng bàn vả da, vả vào mồm hắt thật đau, phạt hắt một trăm đồng.

- Xin quan lớn thương tình, con không có tiền nộp phạt.
- Nếu không nộp phạt thì cùm ba tháng, để sau này chữa cái thói vu cáo đi.
Sau đó ngài gọi Hồ Thành:

- Hồ Thành người hãy nghe cho kỹ, người hẳn biết rằng ta đã khổ như thế nào rồi. Ta biết ngay là Quít làm Cam chịu. Bởi thế ta mới dần dà tìm ra, chỉ sợ rằng, chẳng may trong muôn một mà người tốt phải chịu oan. Vì người say rượu nói bừa nên gây ra tai vạ. Chính người đã mở cửa gọi trộm vào, chẳng khác gì con thiêu thân nhảy vào đĩa đèn. Ta tha người về yên phận giữ mình, sống tiếp cuộc đời. Cỗ bàn mời mọc bạn bè phải thận trọng, đừng có uống nước của nhà bên, người ta thường nói rượu làm cho người ta mù mắt đi, tai họa đều từ mồm mà ra. Từ nay trở đi đừng uống rượu nữa, nhất định người sẽ ăn lên làm ra, con cháu đầy đàn.

Xét xử xong, ông cho giam tất cả vào nhà giam, tường trình lên cấp trên, tha Hồ Thành, sau ba tháng tha Phùng An.

Hồ Thành về nhà, hối hận về lỗi lầm của mình, rồi yên phận cai rượu. Phùng An cũng tự hối cải, sau rất thân thiết với Hồ Thành. Hai nhà sau này đều trở nên giàu có. Cấp trên sút giấy về thăng chức cho Phí Công, xử trảm Vương Ngũ, lăng trì Thúy Nương.

Qua vụ án này ta thấy, trên thế gian này chỉ có rượu chè, cờ bạc, trai gái, tiền của là cực kì nguy hiểm. Nó rất dễ mê hoặc người, chẳng kẻ nào mắc phải mà không gặp tai họa, thậm chí mất mạng. Hãy xem Hà Giáp vì sắc mà khuynh gia bại sản, hẳn chết cũng còn vì Hà Vĩnh cha hẳn là kẻ tham của nên bị báo ứng, cho nên Hà Vĩnh mới sinh ra đứa con ngu muội. Ngũ Vương vì tham sắc nên ngang nhiên giết chồng cướp vợ người, tưởng rằng che mắt thiên hạ, ai ngờ lâu ngày cũng bại lộ, bị tử hình. Đỗ Thúy Nương dâm dăng vô liêm sỉ mưu giết chồng đến nỗi bị lăng trì, chết phải bị tội cắt mũi. Hồ Thành thích rượu, vì rượu mà mắc oan. Phùng An vì tức giận, muốn báo thù nên chịu khổ. May mà hai người biết hối cải, mới gặp được vị quan thanh liêm minh oan, thoát tội. Còn như Phùng thị không thích ăn diện, biết được đạo đàn bà, tiếc rằng lấy phải người chồng không xứng đáng, nàng chết không phải vì tội của mình, mà có lẽ đây là tiền oan nghiệp chướng của kiếp trước chẳng. Tóm lại, người ta sống trên đời, dù là nam

hay nữ, nếu không sa vào vòng rượu chè, cờ bạc, trai gái tiền của, thì có thể hưởng hạnh phúc, và cũng chẳng phải hối hận gì.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 16

Hai Chiếu Áo Vấy Máu

Kẻ sĩ quý nhất là phẩm hạnh.

Người thầy tối kị ấy nói bừa

Ý nghĩ nảy sinh tai họa đến,

Chưa chết mà danh tiếng nhuộm nhơ.

Lạc Tâm Điền người huyện Việt Tây, Ninh Viễn, học hành rất thông minh, khôi ngô tuấn tú, nhiều lần thi đều xếp thứ nhất. Nhà không giàu, làm nghề dạy học, nói năng hoạt bát, hay nói chuyện phòng khuê. Năm Quang Tự thứ hai, anh ta mở trường tại Nam Hoa Cung, ngoài trường thi Thái Bình, lớp học có mấy đứa trẻ. Nhà phía tây có một người tên là Nghê Trạch Sơn, xuất thân từ buôn bán, tích góp được hơn một ngàn quan tiền, thuê một ngôi nhà ở Nam Hoa Hội buôn thuốc phiện. Lấy một người vợ tên là Bành thị, dung nhan xinh đẹp tính tình hiền thực cần kiệm, tôn trọng và vâng lời chồng, song lại rất thích trang điểm, hàng ngày chỉ điểm phấn tô son. Bành thị có một đứa con trai tên là Xuân Lâm, mới tám tuổi cũng học ở lớp học của Lạc Tâm Điền. Lớp học có một nhà trên và một nhà ngang, không có tường bao. Bành thị thường ngồi ngoài thềm thêu hoa, lúc nghỉ Tâm Điền thấy Bành thị đẹp, lại rất khéo trang điểm, không khỏi thềm muốn khát khao, thường ra ngoài nhìn trộm. Hằng ngày, mỗi khi Trạch Sơn đi khỏi nhà, lại thấy một thanh niên đến chuyện trò cười cợt với Bành thị. Thềm muốn mà chưa được, Tâm Điền bỗng nổi máu ghen, nghĩ rằng ta đã muốn từ lâu còn chưa được, người là đứa nào dám đến chiếm nước ta. Tâm Điền rất ghét người thanh niên ấy.

Một hôm, Tâm Điền ngấm nhìn người đàn bà ấy, lúc trở vào thấy xung quanh chẳng có ai, thấy Xuân Lâm bước ra, Tâm Điền hỏi ngay. Nó bảo:

- Đó là chú Tôn, mở cửa hàng ngoài phố, chú ấy có đứa cháu con ông anh cũng học ở đây.
- Có phải là Tôn Quế Nguyên không? Chú đến nhà con làm gì thế?
- Chú ấy đến chuyện gẫu với mẹ.
- Thế thì nhất định chú ấy phải lòng mẹ rồi.
- Phải lòng là gì.
- Đi đi.

Xuân Lâm nghĩ, "phải lòng" có nghĩa là đi, cách nói ấy rất lạ và thú vị, thế là nó nhớ kỹ.

Một tối, Xuân Lâm ngồi học, thấy nó đọc sang sảng, câu chữ rõ ràng. Trịnh Sơn rất vui, nghĩ rằng năm nay được thầy Lạc dạy, nó khá lên rất nhanh, nếu học mấy năm nữa e rằng sẽ học hết chữ thầy. Thế rồi Trạch Sơn bảo vợ:

- Nếu có thức ăn hoặc rượu ngon thì đưa biếu thầy, thầy sẽ hết lòng dạy dỗ Xuân Lâm.

Bành thị vâng lời rồi đi ngủ. Xuân Lâm học một lúc lâu, nói:

- Cha ơi, con học thuộc rồi.
- Đọc thêm mấy lượt nữa, sáng mai dậy sớm đọc thuộc lâu như thế mới ngoan.

Xuân Lâm đọc thêm một lúc, thấy buồn ngủ nói:

- Cha ơi cha, con không học nữa, con phải lòng đây.
- Phải lòng là gì?
- Phải lòng là đi.
- Đi là đi sao lại gọi là phải lòng? Ai dạy con đấy!
- Thầy dạy con.

Trạch Sơn truy hỏi, Xuân Lâm kể lại hết những lời Lạc Tâm Điền nói. Trạch Sơn dùng dùng nổi giận, quát Xuân Lâm đi ngủ.

Trạch Sơn nghĩ: vợ mình là người xấu, làm những điều xằng bậy, thầy

trông thấy, làm xấu mặt ta, ra ngoài ta đâu còn dám ngửng mặt mà nhìn mọi người nữa. Ta giết quách đi cho khuất mắt, nhưng phải bắt cả đôi, không chứng cứ thì giết làm sao được. Thế rồi Trạch Sơn nghĩ ra một kế.

Hôm sau Trạch Sơn sắp sẵn một gánh thuốc, sau đó để ra ngoài bốn bát, rồi dặn vợ rằng:

- Nghe thấy thuốc trên phủ rất đắt, anh mang đi bốn bát lên phủ bán thăm giá, nếu đắt thì anh viết thư về, em sẽ thuê người mang lên.

Bành thị nói:

- Bao giờ thì anh gửi thư về?
- Chậm lắm thì cũng phải năm sáu ngày.
- Trạch Sơn bèn gánh thuốc lên huyện. Người em họ hỏi:
- Anh bán ở đâu?
- Trạch Sơn bảo lên phủ bán thăm giá.
- Thế bao giờ anh mới về?
- Cũng phải nửa tháng, bán xong rồi về.

Người em họ là Tôn Tử Lương, tính tình khinh bạc, chẳng nghề nghiệp, chỉ thích chơi gái. Cha mẹ khuyên bảo nhưng vẫn không nghe lời. Thấy Bành thị xinh đẹp, muốn hái hoa. Hắn thường kiếm cớ đến nhà Bành thị tán chuyện. Tuy Bành thị thích chuyện trò, nhưng lòng dạ vẫn đoan chính, chị nghĩ rằng anh ta là người thân, nên thường tiếp thuốc mời chè, bàn với anh chuyện nhà cửa. Tử Lương ngỡ chị họ có tình ý riêng tư, song còn ngại anh họ chưa dám ra tay. Nay nghe thấy anh họ lên phủ, thật là một dịp may hiếm có. Vì chồng đi xa, đêm chỉ có một mình nên rất sợ, Bành thị liền rủ chị Vương Tam sang ngủ. Chị Vương Tam tính khí kì quặc, lười nhác, chỉ thích ngủ, thường chửi mẹ chồng, cãi cọ với chị dâu, lại chơi thân với Bành thị nên hôm ấy gọi sang ngủ là chị sang ngay. Đêm ấy sau khi lên giường thấy bụng hơi đau, chị nói với Bành thị là đi ngoài, thế rồi Bành thị tự nhiên ngủ thiếp đi.

Tôn Tử Lương chờ đến canh hai, tới nhà họ Nghê trèo qua cửa sau đi tới nhà xí thì trượt ngã. Thấy dưới đất có một đồng lù lù nhìn kĩ giống như đàn

bà, tưởng rằng chị dâu họ chờ mình ở đây. Sờ thấy bó chân, Tử Lương rất mừng, lay không động đây, sờ lên ngực, thấy áo ướt, lôi mạnh mới biết đã chết, sợ quá hồn xiêu phách lạc, co dúm người bỏ chạy. Vừa tới phố thì thấy một người xách đèn đi tới, thì đó lại là người anh họ Nghê Trạch Sơn.

Nghê Trạch Sơn hỏi:

- Em đi đâu thế?

- Em... em đến đằng kia lấy nợ. - Tử Lương nói.

- Cái gì trên người em thế?

- Em bị ngã bên nhà xí nên áo bẩn.

Nói rồi vội vã bỏ đi.

Trạch Sơn nghĩ: "Ta giả vờ đi xa, vốn là để bắt kẻ gian phi, ai ngờ nó chạy thoát, tại sao mình hấn lại đầy máu?". Trạch Sơn vội vã về nhà, thấy cửa khép hờ, gọi vợ, không thấy thưa, cửa phòng lại mở, càng nghi đấy, chửi ầm lên:

- Ghê thật, đêm không đóng cửa, chờ đứa nào?

Bành thị tỉnh giấc, thấy chồng, nói:

- Sao anh lại về?

- Mà y hẹn hò đứa nào mà bây giờ chưa đóng cửa?

- Em chờ chị Vương Tam, chị ấy đi ngoài.

- Chị ấy đến làm gì?

- Anh bảo lên phủ, một mình ở nhà em sợ, gọi chị ấy sang ngủ.

- Chị ấy đi ngoài lâu rồi mà vẫn chưa về ư?

Bành thị gọi đến mấy tiếng, không thấy thưa, xách đèn ra ngoài xem, thấy chị bị giết chết ở góc nhà, sợ quá kêu ầm lên:

- Nguy rồi, nguy rồi, đứa nào đã giết chị ấy rồi.

Trạch Sơn ra xem, bèn nói:

- Đúng là Tôn Tử Lương giết rồi, tôi vừa thấy nó khắp người đầy máu.

Bành thị nói:

- Nếu anh biết nó giết, đêm nay mà không đi bắt, nó chạy thoát mình gỡ tội sao được.

Trạch Sơn thấy nói có lí, nghe giọng nói thì hình như vợ mình không thông dâm với hắn, bèn tới báo cho Bảo Ước người hàng xóm gần đó tới nhà

xem, nhờ Bảo Ước cử người đi bắt hung thủ. Khi mọi người sắp vào, Trạch Sơn nói:

- Đợi tôi đứng chặn cửa sau, không thì nó chạy thoát mất.

Đến nhà họ Tôn, Bảo ước gọi Tử Lương, vợ hăn đáp:

- Không có nhà.

- Vừa thấy về nhà, sao lại không ra, chúng tôi phá cửa vào đấy.

Nào ngờ Tử Lương sợ quá, quả nhiên chạy ra lối cửa sau, vừa mở cửa thì Trạch Sơn tóm được, lôi ra phố, Bảo Ước khóa hăn lại. Sáng hôm sau giải lên quan.

Nơi ấy cách huyện không xa, quan lập tức xuống hiện trường khám nghiệm, thấy người bị chết do một nhát dao đâm vào mạng sườn. Quan gọi Bảo Ước tới hỏi, Bảo Ước nói đúng là Trạch Sơn thấy áo Tử Lương đầy máu. Quan hỏi Nghê Trạch Sơn:

- Người với hăn là thân thích, tại sao hăn lại đến nhà anh ta giết người?

- Nó định đến gian dâm với vợ con, hận vì chị Vương Tam ngăn trở, cho nên giết chị.

- Người đã biết hăn gian dâm, thì phải phòng bị chứ, - quan nói, - tại sao lại để gây ra án mạng?

- Con giả vờ đi xa, - Trạch Sơn nói, - vốn là để bắt kẻ gian dâm, ai ngờ hăn chạy thoát.

- Nó đã chạy thoát, sao lại biết nó gian dâm?

Trạch Sơn nói rằng thầy Lạc thường thấy hăn đến nhà, rồi nói với con mình rằng, đã phải lòng rồi, - rồi nói tiếp. - Còn việc hành dâm hay chưa con không biết.

Quan gật đầu, lệnh cho Trạch Sơn khâm liệm thi thể, rồi lập tức giải Trạch Sơn về huyện hầu tòa. Quan gọi Tôn Tử Lương hỏi:

- Mày là thằng chó má, tại sao giết người, hành dâm? Trước mặt ta người phải khai rõ sự thật.

Tử Lương kêu oan, đúng là con đi lấy nợ về rồi trượt ngã.

- Tại sao không trình chiếc áo máu lên?

- Bẩm quan, con đã giặt rồi. - Tôn Tử Nương nói.

Quan dùng dùi gõ giận quát:

- Rõ ràng là mày giết, mà mày còn cãi bướng.

Rồi ông lệnh cho tay chân đánh một trăm roi. Tử Lương vẫn cứ kêu oan, quan lệnh đem kẹp Tử Lương. Tử Lương không sao chịu được đành phải kêu:

- Ngài tha cho con, con xin khai.

Quan thét thôi không kẹp nữa, Tử Lương khóc lóc nói:

- Chiếc kẹp này thật là khủng khiếp, mồ hôi con vã ra đầm đìa, đầu ngón tay bị dây cuốn chặt, gân cốt như đứt đoạn, đầu nhức, mắt hoa, sống dở chết dở. Việc này do con hiếu sắc nên bị báo ứng, vừa bắt đầu đã bị phạm tội, còn oán trách ai.

- Vẫn không khai ư? - Quan quát.

- Thưa ngài, con xin khai. Hằng ngày thấy chị dâu đẹp nồn nà, lại khéo trang điểm khiến con say đắm không sao kiềm chế nổi, thường kiếm cớ đến nhà chơi. Chị họ con là người khiêm tốn hòa nhã, tiếp đãi thuốc nước rất lịch sự. Con nghĩ rằng chị ấy cũng có tình ý với con. Thấy anh họ đi xa con khắp khởi mừng thầm, đêm ấy vào trước lúc canh ba con mò tới thông dâm. Vượt qua bức tường phủ rạ bên cạnh nhà xí, đến gần cửa trượt chân ngã. Đứng dậy thấy hình như có một người đàn bà ngủ. Sờ tay vào mới biết đã chết rồi. Hãi quá, con vội vã cầm cổ chạy, gặp anh họ con, anh ấy nghi ngờ bắt con giải lên thành. Những điều con khai hoàn toàn là sự thật, con không hề che giấu. Con cũng không biết ai đã giết chết người trong nhà anh ấy.

- Ta cho rằng mày và Bành thị thông dâm, người đàn bà ấy biết được, nên mày đã giết đi để bịt đầu mối, mày còn chối gì nữa.

- Trời ơi, thưa ngài, tuy con có ý nghĩ tà dâm, nhưng con chưa hành dâm. Tấm lòng con thề có quỷ thần chứng giám. Chị Vương Tam là một người hèn hạ, con biết cũng chẳng đụng đến chị ấy để mắc tội.

- Nếu chưa hành dâm, - quan nói, - ta cho rằng người thấy người đó, tưởng là Bành thị, rồi cưỡng dâm nhưng Bành thị không chịu, người sợ chị kêu lên, cho nên người giết đi. Người không khai ư?

- Chao ôi! Thưa ngài, hoàn toàn không phải là con cưỡng dâm mà giết người. Trước đó chị ấy đã bị người ta giết chết rồi. Điều ấy quả là do con

gặp cơn đen vận tưng, chui vào lưới của nó, con tha thiết mong ngài thương tình.

- Đồ chó má, mày là đứa già mồm. Quân bay đâu, nhốt nó vào cũi cho ta.

- Nhốt con vào cũi thật là đau đớn, chẳng khác nào chui vào địa ngục Diêm vương. Nếu không khai thì sẽ chết, thôi thì hãy khai rồi sau này tìm cách. Thưa ngài thả con ra, con đã giết chị Vương Tam.

Khai xong, kí tên, quan ra lệnh phải trình áo dính máu và hung khí. Tử Lương nói là để ở nhà, rồi quan tống Tử Lương vào nhà giam, bắt sai nha đi lấy dao và áo. Ai ngờ mẹ Tử Lương thấy con đã cung khai, sợ rằng áo dính máu thì sẽ không còn đường sống, nên cả nhà đã bỏ trốn. Sai nha tới chẳng thấy một ai. Trở về bẩm quan. Quan lại lôi Tử Lương ra đánh một ngàn roi. Thương thay Tử Lương không có ai thân thích dứt lốt cho bọn coi ngục, nên đã bị chúng đánh đập tàn nhẫn. Những vết thương lại đau, song cũng chẳng biết làm sao được. Sau đó năm ngày lại đánh thêm hai trăm roi nữa. Đến nỗi Tử Lương không sau đứng ngồi được, chỉ còn thoi thóp thở. Lần thứ ba bức khai, phải dùng cánh cửa khiêng lên công đường. Tử Lương van nài:

- Thưa ngài, con không chịu nổi đòn nữa, cha mẹ con không nộp áo máu, con mong ngài thương con, giải con về nhà tìm. Cha mẹ thấy con khổ, ắt phải đưa chiếc áo ấy ra.

- Đồ chó má, - quan nói, - mày định về nhà tìm cách chạy trốn ư?

- Thưa ngài, con sắp chết rồi, một mình con về nhà cũng khó mà chạy được, - Tử Lương nói, - huống hồ có sai nha áp giải thì con có chạy đằng trời.

Quan lập tức lệnh cho sai nha khiêng Tử Lương về nhà. Thấy Tử Lương, cha mẹ, vợ và anh chị nhìn nhau khóc. Trước tình cảnh ấy Tử Lương khóc rống lên:

- Thấy cha mẹ mà con đứt từng khúc ruột. Thấy vợ và anh chị lòng con như vò xé. Đều chỉ vì nhà anh Nghê Trạch Sơn xảy ra án mạng, con không tham dân mà chui vào thông lộng. Không biết kẻ nào lòng lang dạ sói, giết chết người, khiến áo con dây máu. Anh Nghê Trạch Sơn đã nghi cho con, bắt con giải lên huyện. Con đã chịu biết bao cực hình, buộc con phải cung khai.

Vì không có áo và dao nên con chịu hàng ngàn roi, đánh đến nổi dù con nát bét, rách da toạc thịt, máu chảy đầm đìa. Quan tổng con vào ngục, con không có người thân đứt lót cho người coi ngục, nên họ vút vào nhà xí thối không chịu nổi, cắt đá bê bết đầy người, họ còn khắc nhố vào người, bắt chấy rận bỏ lên đầu con. Đêm đến rệp lổm ngổm kéo đàn kéo lũ, mặc sức cắn no trên những vết thương ở chân và tay. Những con rận bụng no kênh bầu vào những vết lở loét vừa ngứa vừa đau đớn nhức nhối. Từ chập tối cho đến sáng, hai mắt cứ mở chong chong. Ban ngày thì bị giày vò chẳng được một phút yên thân. Vết thương vừa đóng vảy thì quan lại gọi lên truy hỏi, tuy là hai trăm gậy còn đau đớn hơn hai ngàn gậy. Khiến con đứng không được mà ngồi cũng không xong. Không có tiền đứt lót, không ai thăm hỏi thì con sống được bao lâu nữa! Bức cung lần thứ ba, con cầu xin quan lớn gia ân, ngài mới sai người áp giải con về nhà. Ôi! Cha mẹ ơi! Nếu không tin thì cha mẹ hãy nhìn kỹ hai chân con máu mủ dính bết vào vẫn chưa khô. Ôi trời ơi! Cha mẹ ơi! Lẽ nào con chịu khổ mà cha mẹ không thương con, vì sao giấu dao và áo đi không trình lên quan.

- Quan nói rằng có chiếc áo máu mới kết án, - người mẹ nói, - thì con sống sao nổi, ai ngờ con tội khổ tới nông nổi này.

- Trời ơi! Cha mẹ ơi! Có áo máu thì nhất định con phải chém đầu, không có áo máu con bị truy bức thì càng khổ hơn. Bị chém đầu thì chỉ một nhát dao là kết liễu, còn bị truy bức thì cứ cách mấy ngày lại phải làm tình làm tội. Thôi thì chết sớm cho yên phận.

- Có áo máu mà không có dao thì lấy gì mà trình quan?

Người mẹ nói.

- Không có dao giết người, con nghĩ dao giết lợn hay dao nào cũng phải nộp.

- Con ơi! Đừng khóc nữa, mẹ biết rồi và sẽ làm ngay.

- Ôi cha mẹ ơi! Muốn biết con, mẹ hãy nhìn vào đôi mắt con. Cha mẹ hãy tha thứ cho, khi cha mẹ về già con không thể tiễn đưa cha mẹ về nơi chín suối. Ôi, em yêu của anh ơi! Em muốn nhìn anh thì hãy nhìn đi, từ nay về sau yên ương đôi ngả, xẻ ghé tan đàn. Ôi, anh chị ơi! Nếu đao phủ tới pháp trường xử trảm, em mong anh chị hãy nhặt lấy đầu em đừng để chó

tha. Em nghĩ rằng linh hồn hung dữ của em khó mà vào nhà được hằng năm vào dịp tết, anh chị hóa ngay ngoài cổng cho em ít giấy tiền. Lời dài ngày ngắn nói sao hết tấm lòng li biệt. Nếu muốn gặp em chỉ trong giấc mộng.

Khóc xong, vợ anh lấy ra chiếc áo máu, cha anh tìm dao, đến chiều đi cùng Tử Lương tới giao cho quan huyện, đứt lót cho bọn cai ngục rồi mới về nhà.

Ngũ thị vợ Tử Lương cũng là con nhà danh giá, tính tình hiền thực. Thấy chồng bị oan, khóc lóc suốt ngày, cầu thần khẩn Phật, xem bói rút thẻ, đều thấy nói rằng chồng mình rồi sẽ tai qua nạn khỏi. Ngũ thị lên huyện nói điều ấy với chồng. Tử Lương nghĩ: "Anh gặp oan ức vốn là do ý nghĩ tà dâm mà ra, chứ đã hành dâm đâu mà mắc nạn". Rồi lại nghĩ: "Tội tà dâm mình biết hối hận thì cũng sẽ tai qua nạn khỏi". Từ đó trở đi anh rất hối hận, sống chết cứ phó mặc cho tạo hóa. Rồi anh thề với trời xanh rằng: từ nay về sau bỏ hẳn tà dâm, tu dưỡng phẩm hạnh, nếu được minh oan ra khỏi tù, nguyện tự khuyên nhủ mình để chuộc lại lỗi lầm.

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 16 (B)

Viên quan huyện ấy qua kiểm tra hằng năm thấy có thiếu sót, nên bị miễn nhiệm. Quan mới được bổ nhiệm họ Lâm, là người yêu thương dân và có tài năng thực sự. Tử Lương đệ đơn kêu oan, vì quan mới được bàn giao, công việc rất bận chưa kịp xét hỏi. Tối mùng sáu tháng Ba, là ngày sinh nhật Tử Lương. Ngũ thị vợ Tử Lương đem hương nến, trầu rượu cùng với cháu là Quế Nguyên tới đền chùa miếu mạo thắp hương, kêu cầu Bồ Tát phù hộ cho chồng thoát nạn. Tới cung Nam Hoa thắp nhang, chưa kịp cúi đầu vái lạy, đã thấy chuột kêu rúc rích trên nóc khám thờ, khiến chị giật mình. Cúng thần xong, Quế Nguyên là đứa táo gan, trèo lên xem, thấy một con chuột chạy ra, bèn bò lên, thấy một bộ quần áo, lôi ra xem, thì đó là quần áo của thầy Lạc. Nó nói:

- Hôm trước thầy mất bộ quần áo này, nhờ hết người này đến người khác đi tìm, sao hôm nay lại thấy ở đây.
- Có đúng là của thầy ấy không? - Ngũ thị hỏi.
- Chiếc áo này cháu biết mà, - Quế Nguyên nói, - tết bằng vải đen, không tin thím cứ đi hỏi chúng nó mà xem.

Lúc ấy bọn học trò nhóc đang chơi trước sân, đều nói là của thầy. Ngũ thị thấy chiếc áo đầy máu đã bị chuột gặm thủng hai lỗ. Chuột đang nhai chiếc áo máu, chợt đốt vàng hương, hơi nóng và khói xông lên, chuột kêu chín chít, chạy tán loạn.

Ngũ thị cầm áo, dặn lũ học trò đừng nói với thầy, về nhà nói với bố mẹ chồng. Bố chồng nói:

- Đúng là người ấy bị thầy giết rồi, xem ra ông ta có tình ý với Bành thị, tới thông dâm, đụng đầu chị Vương Tam, chị kêu lên, nên đã giết đi. Nếu không thì tại sao ông ta nói là phải lòng nhau?

Mọi người đều cho rằng đúng là ông ta giết, không còn nghi ngờ gì nữa. Thế rồi họ lập tức lên huyện cáo giác, và trình chiếc áo máu lên quan làm chứng cứ.

Quan xem xong, lại lấy bản án ra xem, rồi ông so sánh vết máu trên hai chiếc áo, lật xem cả trong ngoài, sau đó ông xem tới con dao. Ông nói:

- Người đàn bà ấy là do người này giết.
- Tại sao ngài biết? - Những người cấp dưới hỏi.
- Chiếc áo trước máu không thấm vào bên trong, chỉ là bôi máu lên mà thôi, dao không có dấu vết, nên biết đó là giả. Còn chiếc áo này máu thấm cả trong lẫn ngoài, thì quả thật người đó giết người rồi.

Những người cấp dưới hết sức bái phục. Quan lập tức lệnh cho sai nha bắt Lạc Tâm Điền. Quan hỏi:

- Người là đồ chó má, tại sao làm thầy mà không giữ pháp luật dám cả gan hành dâm, giết người, việc đã bại lộ mà vẫn không khai?
- Con làm thầy nên luôn giữ gìn đức hạnh, con chưa từng hành dâm, giết người, xin ngài đừng vu tội cho con.
- Đồ chó má, mày đã gian dâm với Bành thị vợ Nghê Trạch Sơn rồi giết chị Vương Tam. Vẫn còn chiếc áo máu, tại sao mày không nhận?
- Mấy hôm trước đây con mất chiếc áo, - Tâm Điền nói, - có thể người khác đã lấy trộm áo, rồi đi giết người cũng nên. Xin ngài xem xét kĩ.
- Mày không lừa dối được ai đâu. - Quan nói. - Áo là của mày, hơn nữa mày còn nói với học trò là "phải lòng nhau", mày cãi sao được nữa.
- Đó là do con thấy cử chỉ không đẹp nên nói thế, con biết như thế là sai, còn như giết người thì quả thực con không biết.

Quan ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

- Không có hành động dâm dăng, sao lại nói những lời bậy bạ.

Thế rồi ông lệnh cho bọn tay chân đánh hai trăm roi. Tâm Điền vẫn không nhận. Quan lại kẹp thật đau, Tâm Điền không sao chịu nổi, kêu khóc:

- Ngài kẹp con đau quá, khiến con nuốt nước mắt chịu đựng. Mồ hôi vã ra đầm đìa, toàn thân rát bỏng, đau đớn hơn cả xéo da cắt thịt. Quả thật là tai bay vạ gió, dù có mồm năm miệng người cũng không sao thanh minh được.

Con là người có học, tại sao ngài cứ đồ riệt cho con. Con tuy nhất gan, chân yếu tay mềm, song con đọc hết sách Thánh hiền, đêm tối con có ra khỏi cửa đầu mà bảo con giết người.

- Kẻ sĩ vô hạnh thì làm bất cứ điều gì. Quân bay đầu hãy tra khảo nó cho ta.

- Quan nói.

- Lại tra khảo thì con đến chết mất. Đánh con đến sống dở chết dở, lục phủ ngũ tạng như thiêu như đốt, đầu như vỡ tung, mắt như lồi ra. Thưa ngài, cách đây mười năm con đã mấy lần thi đỗ. Lòng những mong rằng sẽ được ghi tên trên bảng vàng bia đá, được đỗ hai khoa. Con không thể hủy hoại phẩm giá tự gây nên tội, bỗng dưng xóa bỏ cả công danh của mình. Hơn nữa chị là người hàng xóm có con học hành, lẽ nào lại lòng lang dạ thú, thông dâm với người ta?

- Mày vẫn còn cãi bướng, - quan nói, -. quân bay đầu, hãy tra khảo cho ta.

- Thưa ngài, quả thực là lần này con càng thấy không thể nào chịu đựng nổi. Kịp con đến nỗi vải cứt vải đái, suýt nữa con tắt thở, kết liễu cuộc đời, thế rồi bỗng chốc không biết sao con sống lại. Con nghĩ rằng nhận thì thanh danh mất hết, nếu không nhận thì nhất định cũng phải gặp Diêm vương. Là người có học không thể làm mất thanh danh, dù có chết đi cũng bị người đời vạch mặt chỉ tên. Thôi thì ngài cứ kẹp con tan nát, song việc oan uổng con quyết không nhận, ngài làm gì được con.

- Đồ chó má, quả thực nó không khai thì hãy buông nó ra.

Sau một thời gian quan lại lệnh cho tra khảo.

Lạc Tâm Điền nghĩ: "Lần tra khảo này vô cùng độc ác, tàn nhẫn, chết đi sống lại như thế thì chịu đựng sao nổi. Trước đây ta không nhận quả thực là sai, dù cho có lên trời hay chui xuống đất cũng không sao thoát được. Thôi thì chịu oan khuất, khai ra, sẽ có Quan âm Bồ Tát cứu giúp. Điều này hoàn toàn do mình có ý nghĩ tà dâm nói năng bừa bãi mà gây họa. Thế thì mình chịu đánh đập cùm kẹp, còn trách ai nữa!".

- Hãy khai mau. - Quan quát.

- Thưa ngài, đúng là ngài sáng suốt, quả thật con đã giết người.

- Vậy thì dao mày giấu ở đâu?

- Hôm ấy con hốt hoảng chạy trốn, con đã giấu dao vào hốc đá, con quên mất chỗ rồi.
- Thế thì người với Bành thị đã gian dâm chưa? - Quan hỏi.
- Nói về hành dâm thì đây là lần đầu, nhưng chưa hành sự con chỉ làm bại hoại thanh danh vì đã ăn nói bậy bạ.

Khai xong, bèn cho Tôn Tử Lương ra khỏi ngục, và tha ngay tại chỗ.

Lạc Tâm Điền chưa có vợ, chỉ có một người mẹ đã góa chồng, nghe thấy con mắc oan, vội vã lên huyện. Hỏi thăm đến nhà giam, bọn coi tù cho vào. Thấy con mang xiềng, chân tay bị khóa, không áo quần, đứng dưới hố phân, người teo tóp gầy như que củi, bà kêu lên một tiếng "Con ơi!" rồi ngã vật xuống. Tâm Điền vội vã gọi mẹ, một lúc lâu sau mới tỉnh, khóc rằng:

- Mẹ chỉ khuyên con học hành đỗ đạt cho mẹ mở mày mở mặt, nào ngờ chịu oan vào tù, khiến mẹ không sao tưởng tượng
- Đây là nghiệp oan kiếp trước của con, - Tâm Điền nói, - nên ngày nay mới chịu tội, chỉ nói sai một câu mà dẫn đến tai họa này, nay có hối thì cũng đã muộn rồi.
- Con hãy viết một lá đơn kêu oan để mẹ liều mạng lên trên kháng cáo. - Người mẹ nói.
- Lòng con bây giờ rối như tơ vò, - Tâm Điền nói, - sao có thể viết đơn được. Con nghĩ rằng dù mẹ có kháng cáo lên trên cũng chẳng được nữa.
- Không kháng cáo lên trên, nếu có điều gì bất trắc thì mẹ dựa vào ai.
- Mẹ đừng lo, áo máu tuy là của con nhưng không có hung khí thì vụ án cũng chưa phán quyết được, dần dà tìm cách, sẽ có cơ hội sống được. Hãy đút lót cho người coi ngục thì con mới thoát chết.

Mẹ Tâm Điền nói với họ rất thảm thiết, đút lót cho họ, nhưng họ vẫn không nghe. Tâm Điền bảo mẹ tới nhà Cục Thân. Tuy Tâm Điền nói năng hoạt bát sắc bén, song không có thiếu sót gì lớn những nho sĩ đều nể mặt. Cục Thân thấy được nhờ cậy, bèn bỏ ra một quan tiền đút lót mới xong. Lúc ấy quan đưa Tâm Điền ra truy hỏi con dao dùng để giết người. Tâm Điền cắn răng chịu đựng. Viên quan này là người tài giỏi, lại là người có học, chỉ đánh hai mươi roi để răn dạy, bởi thế mấy lần truy hỏi cũng không đến nỗi phải chịu

đòn đau. Tâm Điền nghĩ: "Ta là thầy, mà lại nói những lời bậy bạ, nên gặp phải nỗi oan này, đạo đức tổn thương, danh dự không còn, tiếng tăm mất hết, làm ô uế cửa Khổng sân Trình, quả là tội của kẻ sĩ vậy. Nếu không mau mau hối cải thì e rằng sẽ phải tù một gông". Từ đó Tâm Điền lặng lẽ cầu trời khẩn Phật: phải sửa sang đức hạnh, chặn đứng ý nghĩ tà dâm, giáo dục nhân tài, thường xuyên hối cải.

Nào ngờ người đã thành tâm thì thần Phật cũng phù hộ, một hôm ngài Lâm đi khám nghiệm thi thể trở về, cách Thái Bình Trường không xa, đường rừng núi hẹp và hiểm trở rất khó đi. Bên đường có một ngôi mộ cổ, kiệu của quan đi quanh co ngoắt ngoéo, qua ngôi mộ cổ, bỗng nhiên trượt chân, phu khiêng kiệu rơi xuống hố, thấy một con dao, người ấy nhặt lên.

Quan hỏi vật gì, phu kiệu giao cho quan. Quan thấy dao có vết máu, lại có chỗ han gỉ, nghĩ rằng Lạc Tâm Điền khai dao giấu ở hốc đá, vậy thì con dao này nhất định là của nó rồi. Trở về nha môn quan gọi Tâm Điền lên hỏi. Tâm Điền vẫn khai như thế. Quan nói:

- Con dao giết người ấy ta đã tìm thấy rồi, giấu ta làm sao được?

Thế rồi ông đưa con dao ấy cho Tâm Điền xem. Tâm Điền nói:

- Con dao này là của người đầu bếp của con.

- Đồ chó, mày đã khai là giấu ở hốc đá, con dao này tìm thấy ở hốc đá, tại sao lại đổ cho đầu bếp?

- Đây là con dao mà nhà bếp thường dùng, học trò đều biết cả. Thực ra con sợ tra tấn mà nhận bừa đó thôi, quần áo con cũng mất. Tăm lòng con quả thật có thiên địa quỷ thần hai vai chứng giám, con hoàn toàn không lừa dối.

- Áo mất từ bao giờ? - Quan hỏi.

- Người đầu bếp giặt quần áo đưa cho con, con gối xuống đầu giường, hôm sau nhà họ Nghê xảy ra án mạng, rồi hai hôm nữa con mới biết, con tìm mãi mà không thấy.

Quan bỗng nhiên hiểu ra nói:

- Vụ án này, người mắc oan rồi, người đầu bếp của người tên là gì?

- Thừa ngài đó là Hà Tứ Ma.

Quan lập tức sai người đi bắt Hà Tứ Ma. Chửi rằng:

- Đồ chó má, hãy khai mau việc mày giết chị Vương Tam.

- Việc giết người, quan hỏi thầy mới biết, chứ con sao mà biết được.
- Đồ chó má, mày lấy trộm áo để đội lốt giết người mà vẫn không nhận ư?
- Thưa ngài, thật là oan cho con, quả tình con không biết.

Quan lệnh mang kệp ra, kệp hắt lại. Hà Tứ Ma trông thấy kệp sợ run cầm cập, nói:

- Thưa ngài, đừng tra tấn nữa, con xin khai.

Thế là hắt khai tỉ mỉ từ đầu:

- Ngài đừng tra khảo, con xin khai tường tận từ đầu. Con là một thằng khốn nạn, nhà nghèo. Năm nay con làm thuê cho lớp học. Mỗi lần ra khỏi cửa, con thấy một người đàn bà rục rờ. Chị mặc quần áo rất đẹp. Ngày nào con cũng ước mơ. Một hôm con đến nhà xép lấy củi, con nghĩ rằng thầy đã mê người ấy nhất định thầy muốn hái hoa, nếu thầy cùng cô chung chăn gối thì ta sao thưởng thức được niềm khoái lạc. Ta phải ra tay trước, giả danh thầy đến phòng cô, nói là thầy thì hẳn là cô ấy phải kính trọng, chẳng tốn sức mà lại được chung chăn gối. Bỗng nghe thấy chồng cô lên phủ, con lấy trộm quần áo lên ra ngoài. Lấy dao nhét vào bụng phòng thân. Vào lúc canh hai, con nhẹ nhàng vọt qua tường. Thấy có người mang đèn đi về phía con, bỗng đèn phụt tắt. Rồi thấy bóng người đàn bà thấp thoáng hiện ra. Con nói Bành thị đẹp quá, rồi chạy tới ôm chầm lấy cô. Người đàn bà cuống lên, định kêu nhưng con bịt chặt lấy mồm không kêu được. Người ấy bóp dái con đau điếng, thế là con đâm chết. Sợ hãi quá con quay đầu chuồn thẳng. Con len lén tới miếu giấu chiếc áo máu trên nóc khám thờ, nghĩ rằng có mà trời biết được. Con dao dính đầy máu, mà đi lại sáng quắc. Sợ người khác biết được, con giấu nó vào ngôi mộ cổ. Ai ngờ kẻ ác, trời không phù hộ. Ngày ngày oan hồn cứ bám riết lấy con. Bị lũ chuột ngấm chỉ cho nhà họ Tôn tìm ra quần áo máu. Thấy thầy mắc oan con yên tâm tưởng rằng thoát khỏi tai vạ. Khi kiệu của ngài đi qua ngôi mộ cổ, phu khiêng kiệu trượt chân ngã, đã vớ được con dao trình lên quan. Bởi thế quan hiểu ra, bắt con lên xét hỏi. Sợ quá, không còn cách nào khác con phải khai ra. Đây là lần đầu con giết người, mong ngài rộng lòng thương, tha cho con.

Khai xong quan Hà Tứ Ma ký tên, tống hắt vào ngục và tha cho Lạc Tâm Điền. Quan nói:

- Vụ án này do lời nói của người mà gây ra oan khuất. Lẽ ra phải đánh để răn đe người, song ta nghĩ rằng trước đây người đã bị tra khảo, cho nên ta tha. Đã là kẻ sĩ không được nói bừa, tuân theo bốn điều đừng làm của Nhan Tử(1). Làm gì cũng phải thận trọng theo lời dạy "tam tư" của Quý Văn(2), Còn như việc dâm dục nhất thiết không được sai phạm. Từ nay về sau phải cải tà quy chính, đừng coi thường thanh danh kẻ sĩ là được.

(1) Nhan Tử Nhan Uyên, học trò của Khổng Tử. Ông nói: "Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động". Đại ý là cái gì không phải là lễ thì đừng nhìn, đừng nghe, đừng nói, đừng làm.

(2) Quý Văn: là học trò của Khổng Tử. ông nói: "Tam tư nhi hậu hành", có nghĩa là phải suy nghĩ kỹ rồi mới làm.

Tâm Điền cúi đầu nhận lỗi, về nhà tu thân lập chí, nói năng, làm việc thận trọng, hết lòng dạy học. Thường nghiêm ngặt, dạy bảo học trò phải thực hành điều hiếu và bỏ điều dâm. Năm sau ông thi đậu tú tài, về sau được cử làm cống sĩ. Hà Tứ Ma bị giam vào ngục, chịu biết bao cực hình, đao phủ tới chặt đầu trước đông đảo mọi người. Bành thị tuy thích trang điểm, nhưng là người rất hiền thực, kính trọng chồng, cho nên hai lần chịu tiếng oan, nhưng danh tiết vẫn bảo toàn. Về sau Bành thị hồi cải, không trang điểm nữa, biết kính trọng yêu quý sách vở và được hưởng hạnh phúc suốt đời. Tôn Tử Lương sửa chữa lỗi lầm giữ gìn bốn phận, về sau cửa nhà khá giả, và suốt đời vẫn là người tốt.

Từ vụ án này ta thấy, lòng người vừa mới nhen lên, thần Phật đã biết ngay. Con người không chỉ gây ra tội ác khó tránh khỏi báo ứng, mà ngay cả một ý nghĩ xấu mới nảy sinh cũng bị báo ứng. Ngay cả những kẻ mới có ý nghĩ tà dâm nói ra miệng, thì có kẻ nào thoát khỏi tai họa, khổ nhục đâu. Ta mong rằng người đời hãy lấy Tôn Tử Lương, Lạc Tâm Điền làm bài học cho mình.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 17

Chiếc Áo Vấy Máu

Chuyên chốn phòng the gây tai vạ,

Nói năng bừa bãi dễ chết oan.

Ai ơi, xin chớ coi thường nó,

Kẻo mà trời nổi giận lôi đình.

Chuyện Nghi Tân có Diệp thị, là người còn rất trẻ, nhà giàu có tính tình hiền lành, thường hay đi cúng bái vào mồng một hay ngày rằm hằng tháng. Diệp thị tới quán Tam Vương dâng hương lễ bái rất thành tâm. Diệp thị sinh được một đứa con, đặt tên là Tất Đạt. Con còn đang ẵm ngửa thì chồng chết, Diệp thị vất vả nuôi con, dạy bảo nghiêm khắc, không chút nuông chiều. Tất Đạt khôi ngô tuấn tú, học hành thông minh, chỉ tiếc rằng hay nói năng bừa bãi, thích bàn chuyện phòng the. Mười bốn tuổi đã biết viết văn, mười tám tuổi đỗ tú tài, cưới vợ, hai việc vui mừng đến cùng một lúc. Đúng là đêm động phòng hoa chúc cũng là lúc được ghi tên trên bia đá bảng vàng. Đây là ngày vui sướng nhất trong cuộc đời. Ai ngờ vợ là Cừu thị, người rất xấu, mặt rỗ chân to, Tất Đạt không thích, thường đánh chửi luôn. Cái gì không lấy được bắt vợ lấy, việc gì không làm được bắt vợ làm, hành hạ vợ cho chết đi để lấy vợ đẹp. Cừu thị là người hiền lành hiếu thuận, lại rất ân cần, nhưng tính tình nóng nảy. Mỗi khi chồng đánh chửi thường uất nghẹn tới cổ, nổi uất ức cứ tích tụ lại, hai năm sau thì đổ bệnh, tim đập gấp, khí uất cứ ứ lên, rồi sinh ho, khạc ra đờm. Tất Đạt mừng thầm. Thấy con dâu hiền lành, hiếu thảo, Diệp thị thường khuyên nhủ con, nhưng Tất Đạt không nghe.

Một hôm, bỗng thấy chim khách kêu táo tác, bọn trẻ con vui thích cười rộ lên. Tất Đạt chạy ra xem, thấy đằng sau nhà có một đôi chim khách đang mổm con trong tổ. Mấy đứa trẻ mục đồng trèo lên bắt chim con. Tất Đạt

chửi ầm lên, bắt chúng bỏ vào tổ, rồi thuê người lấy gai rào rập để chúng khỏi trèo. Không được ăn thịt chim khách, bọn mục đồng tức giận. Thấy Tất Đạt không có nhà, chúng dùng súng bắn vào tổ, chim mẹ rơi xuống. Diệp thị nghe tiếng động chạy ra, thấy chim khách rơi ở vườn sau, đuổi bọn mục đồng đi. Nhặt chim lên, thấy nó gãy cánh. Diệp thị mang về, lấy gạo cho ăn. Đến chiều Tất Đạt về, thấy chim chồng cứ bay xuống chỗ chim vợ kêu thảm thiết, như an ủi và nghe vợ kể về nỗi đau khổ của mình. Diệp thị nói:

- Con ơi! Con thấy vợ chồng con chim khách biết yêu thương nhau đến thế. Một con bị thương thì con kia liều chết tới thăm, một con nói về nỗi khổ sở của mình, còn con kia thì an ủi vợ. Chúng yêu thương nhau sao mà thảm thiết đến thế. Chúng khác hẳn vợ chồng con. Vợ con tuy xấu, âu cũng là do cha mẹ sinh ra, nó chỉ biết chịu vậy, chứ làm sao khác được. Con chửi bới đánh đập giày vò nó, khiến mẹ yên lòng sao được? Con đường đường là một vị tú tài, lẽ nào không bằng cầm thú.

Tất Đạt tỉnh ngộ, lấy thuốc bôi vào vết thương cho chim, rồi đưa nó lên tổ. Từ đó vợ chồng sống rất hòa thuận. Nào ngờ, Cừu thị khí uất quá lâu, gan bị tổn thương nặng, khó mà chữa trị, được một năm thì chết. Mai táng vợ xong, Tất Đạt ở nhà miệt mài đèn sách để đi thi.

Một hôm ra ngoài chơi, thấy Uông thị đi qua. Uông thị là người giao hoạt, mồm nói ngọt sớt, nhưng lòng dạ thì độc địa, chuyên làm thuốc trụy thai, lại hay đưa tin mỗi manh qua lại giữa những bọn dâm phu. Thấy Tất Đạt thị hỏi:

Ông Văn Tất Đạt, vợ ông đã mất nửa năm rồi, tại sao không tìm người khác?

- Cũng muốn tìm đấy nhưng không có ai đẹp.

- Mắt ông như thế mà không thấy người đẹp xung quanh sao, không biết người như thế nào thì ông lấy?

Tất Đạt cười, nói:

- Hôm qua thấy bên nhà chị có Khẩu thị vợ của Chu Vinh rất xinh đẹp và đoan trang, được người như thế thì tôi mới lấy.

- Thế thì quả là ông đã yêu cô ấy rồi. - Uông thị nói.

- Không những yêu, mà muốn lấy, không biết cô ấy có bằng lòng không? - Tất Đạt nói.

- Cô ấy có chồng rồi. - Uông thị nói. - Làm sao mà cô ấy chịu lấy! Nếu ông muốn tôi sẽ có cách, làm cho cô ấy lấy ông.

- Cách gì? - Tất Đạt hỏi.

- Cứ lấy dao giết quách chồng cô ấy, thì tự nhiên cô ấy lấy - Uông thị nói.

- Được thôi - Tất Đạt cười, nói.

Nửa tháng sau, Chu Vinh đi chợ về bị giết chết và lột hết quần áo ở đèo Hoàng Giác. Đèo Hoàng Giác là đất của Uông thị. Vì đất cày cấy ít nên Uông thị thuê thêm rồi làm chung với Chu Vinh. Uông thị báo ngay cho lí trưởng tới xem, và nói lại chuyện nói đùa với Tất Đạt trước đây. Lí trưởng bầm quan, tố cáo Tất Đạt. Quan lệnh cho sai nha đi bắt, quan hỏi:

- Văn Tất Đạt, người đã giết Chu Vinh. Tại sao người nhận mũ áo triều đình, biết pháp luật mà còn phạm pháp?

- Thảo dân hằng ngày đọc sách, không rời khỏi nhà nửa bước, - Tất Đạt nói, - vậy thì con giết người ở đâu?

- Mày từng nói với Uông thị là sẽ giết Chu Vinh để lấy Khẩu thị, nay tại sao mày không nhận?

Uông thị cúi đầu nói:

- Ông ta bảo với con là vợ Chu Vinh đẹp, rồi lại hỏi liệu cô ấy có lấy ông ấy không? Con nói đùa là nếu giết chồng cô ấy đi tự nhiên cô ấy sẽ lấy. Ông ta bảo "được thôi". Tôi thấy ông ngông cuồng nên đưa việc khó ra để chặn ý nghĩ của ông ta, chứ biết đâu ông ta lại làm thật.

- Chị hỏi đùa tôi, - Tất Đạt nói, - nên tôi cũng trả lời thế để đùa chị, cả hai đều vừa cười vừa nói thì thật sao được?

- Ta hỏi người mà sao người không khai? - Quan nói.

Sau đó quan bảo bọn tay chân tra khảo, rồi quan lại bảo:

- Người khai thành thực đi, ta nghĩ rằng người là kẻ sĩ ta sẽ tha cho.

Tất Đạt cứ kêu oan. Quan dùng dùng nỗi giận tát cho tám mươi cái, Tất Đạt hộc máu mồm, khóc lóc:

- Đánh trận này con hộc cả máu mồm, con run cầm cập không nói được. Nghĩ rằng từ khi sinh ra con luôn luôn giữ mình lương thiện, và chưa từng

làm tổn thương đến đức hạnh, không vi phạm pháp luật, không gian dâm. Vợ chết con đóng cửa đèn sách, không ra khỏi nhà, không biết việc giết người xảy ra như thế nào?

- Người giết chồng cùng vợ người khác, hiện có Uông thị làm chứng, người chối cãi sao được.

- Con đã từng tới trường, đã nhận được ơn mưa móc của triều đình con sao có thể lấy vợ hai lần để người đời cười chê. Nếu giết người thì sao con lại đem chuyện ấy nói với người khác hoàn toàn đây chỉ là lời nói đùa thôi.

- Đồ chó má vẫn còn cãi bướng, quân bay đầu, hãy đánh nó hai trăm gậy cho ta!

- Trận đòn này đánh nát cả hai chân con, ngài cứ bức con phải khai. Đúng là tai bay vạ gió. Vu hãm cho con, đẩy người sống xuống huyệt. Ngài thay mặt triều đình cai trị dân, lẽ ra phải gỡ oan cho dân. Tại sao kết án vu vợ, dù cho có đánh chết con, cũng uống công thôi.

- Mày là thằng chó má, rõ ràng mày thông dâm với vợ Chu Vinh, rồi bàn nhau giết Chu Vinh để sống với nhau lâu dài, vậy mà còn cãi bướng.

- Ngài bắt con khai oan, cố sao ngài bắt chị ấy cũng phải chịu oan? Ngài nói là gian dâm, và đồng mưu giết người thì ai trông thấy? Ngài làm tổn hại danh tiết chị ấy mà không sợ trời trừng phạt ư?

- Đồ chó má, mày còn già mồm cãi, lại còn dám dạy bảo ta ư? Quân bay đầu hãy kẹp nó cho ta!

- Trận đòn này chẳng khác nào vào chốn thiên la địa võng, vì sao bỗng chốc nó lại ở thế gian này.

- Có khai không?

- Ngài muốn làm gì con thì làm, con không giết người thì sợ gì luật lệ hà khắc của ngài. Bắt con khai chẳng khác nào bắt con hủy hoại danh tiết chị ấy, dù cho núi Thái Sơn thành đất bằng, biển cả cạn khô con cũng không nhận.

Quan thấy Tất Đạt không khai, lệnh cho đưa xuống. Gọi Khấu thị tới hỏi:

- Ai giết chồng người?

- Ông Văn Tất Đạt, mong ngài trừng trị.

- Vì sao hãm lại giết chồng người? - Con không biết, xin ngài xét hỏi

ngghiêm minh.

- Điều ấy rõ ràng là người và Tất Đạt thông dâm, rồi bày mưu giết chết chồng, để lấy hản. Trước mặt ta người không khai ư?

Khấu thị kinh sợ, nói:

- Xưa nay con vốn đoan trang, vợ chồng hòa thuận, con chưa đi đâu bao giờ, thì làm gì có chuyện gian dâm. Mong quan lớn xem xét kĩ.

- Đã có gian tình, sao chẳng nghĩ mưu kế lấy nhau? Đã tính kế lấy nhau, thì sao chẳng bàn với Uông thị? Người chối làm sao được?

Khấu thị cứ nằng nặc kêu oan, quan nổi giận lôi đình, lệnh vả cho tám mươi cái. Khấu thị vẫn kêu oan. Quan lệnh kẹp vào mười đầu ngón tay. Khấu thị thà chết cũng không khai. Quan lại lệnh cho đóng đinh vào mười đầu ngón tay. Khấu thị chết đi sống lại, mồ hôi vã ra đầm đìa, gào lên khóc:

- Xin ngài đừng tra tấn nữa, con xin khai.

Quan lệnh dừng tra tấn, hỏi:

- Thông dâm bao giờ?

- Vợ anh ấy chết thì tới nhà con. - Khấu thị nghĩ mãi mới trả lời.

- Người đã thông dâm rồi thì thôi, sao còn giết chồng? - Quan hỏi.

- Chê chồng nghèo, yêu anh ấy giàu sang.

Lúc ấy Tất Đạt đang ở dưới, thấy Khấu thị phải nhận một cách oan ức. Anh nghĩ: "Vụ án này là do kiếp trước mình có tội cho nên lời nói của mình đã gây nên nỗi oan ức này, ta đã làm cho chị ấy chịu oan, làm bại hoại danh tiết chị ấy. Sao ta nhẫn tâm đến thế. Đã là đấng trượng phu, mình làm mình chịu, tại sao lại để lụy đến người khác". Thế rồi Tất Đạt bước tới nói:

- Con là Văn Tất Đạt xin ngài được kêu oan. Chỉ mình con giết Chu Vinh, con chưa từng thông dâm với chị ấy.

- Thằng chó má này to gan thật, nó đã nhận rồi, việc gì mà phải cãi cho nó.

- Ôi thưa ngài, chị ấy vốn là viên ngọc trắng trong không có tí vết chỉ vì con nói mà gây tai họa. Hai tay chị bị kẹp đứt gân, xương dập nát, đinh tre đóng vào mười đầu ngón tay đau nhói tận tim gan. Thịt da non nớt, chân yếu tay mềm, thì làm sao chịu đựng được sự hành hạ, bởi thế những lời khai của chị là không đúng sự thật.

- Đồ chó má, mày đã không nhận lại còn cái cho người khác thật là đáng ghét.
- Đại trượng phu làm việc gì cũng phải rõ ràng minh bạch, mình gây nên tội thì mình chịu tội. Con đã chết oan lại làm tổn hại danh tiết người khác, thì dù có chết cũng chẳng cam lòng.
- Đồ chó má, vậy thì tại sao mày giết người ta?
- Con muốn lấy vợ nên con giết chết chồng, chỉ một nhát dao anh ấy đã xuống suối vàng.
- Con dao giết người mày để đâu?
- Sợ người ta biết con đã vứt nó xuống sông cái rồi.
- Đồ chó, toàn là những lời lừa dối, mày âm mưu dựa vào đó để chịu đựng hình phạt, thật đáng ghét, đánh, đánh, đánh chết nó đi.
- Xin ngài đừng nổi giận nữa, ở nhà con vẫn còn áo máu. Nếu ngài không tin thì hãy cho người tới đó xem. Con tình nguyện chết thay cho chị ấy.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 17 (B)

Viên quan này xuất thân từ người có công lao trong chiến trận, chưa từng học hành, tính tình lại hung bạo đa nghi, thích dùng hình phạt. Thấy Tất Đạt nhận mình oan cho Khấu thị, ông ta lại càng nghi gian tình là thực, cho giam hai người vào nhà giam. Cử sai nha đến nhà tìm áo máu.

Từ khi con bị mắc oan, mẹ Tất Đạt khóc lóc suốt đêm ngày, thấy sai nha đòi áo máu, bà nói:

- Quan là cha mẹ của dân, không suy xét thực hư, đánh đập tàn nhẫn để bức cung, coi những người có công danh là kẻ hung ác, không biết lòng dạ ông ta thế nào. Con tôi không giết người thì làm gì có dao?

Sai nha trở về bẩm quan, quan lại lôi Tất Đạt ra tra tấn, cứ dăm ba ngày lại bức cung một lần. Tất Đạt van nài:

- Áo máu mẹ tôi giấu đi, sợ rằng đưa ra tôi phải đền mạng. Ngài hãy lệnh cho sai nha áp giải về nhà thì sẽ có áo máu trình lên quan.

Theo lời quan lệnh bốn sai nha áp giải Tất Đạt về lấy áo. Mẹ con trông thấy nhau khóc như mưa như gió, đứt hơi khan tiếng. Diệp thị nói:

- Con ơi! Tại sao khai ra áo máu!? Con không giết người thì lấy áo máu ở đâu ra?

Tất Đạt khóc lóc nói với mẹ:

- Thấy mẹ con ghen ngào không sao nói được. Không cầm nổi nỗi thương tâm, nước mắt con trào ướt đầm vạt áo. Con bất hạnh gặp oan, quan tra hỏi, không khai quan đánh con, máu tươi lênh láng. Ngài lại đánh đập bắt Khấu thị phải khai, dùng kẹp và đinh tre hành hạ, khiến chị chết đi sống lại. Con không nỡ thấy chị chịu oan khuất, hủy hoại danh tiết. Không còn cách nào khác con đành phải nhận con giết Chu Vinh. Quan hỏi dao giết người để kết án. Bởi thế con mới khai ra áo máu để làm bằng chứng. Không có áo máu cứ dăm ba ngày quan lại đánh đập tra khảo con thập tử nhất sinh. Có áo máu thì nhất định con phải đền mạng, không có áo máu thì con cũng chịu

cực hình mà chết. Có áo hay không có áo, sớm hay muộn thì cũng chết. Thôi thì chết sớm cho đỡ phải chịu tra tấn cực hình. Nếu không tin thì mẹ hãy nhìn những vết đánh đập trên hai chân con, thịt da tước hết, lòi cả xương ra.

- Quả là oan nghiệt, quan là kẻ bất lương.

- Ôi đau lòng lắm mẹ ơi. Mẹ nữ lòng nào để con phải chịu nhục hình. Sao mẹ không đưa áo máu ra để con khỏi phải đau đớn?

- Là mẹ sao lại không đau, nhưng không có áo máu, thì bảo mẹ lấy đâu ra mà nộp.

- Ôi! Đau lòng lắm mẹ ơi! Không có áo máu thì nghĩ cách để có áo máu đem nộp. Con chịu khổ đau lẽ nào mẹ không thương xót.

- Được rồi, con mẹ đừng khóc nữa, mẹ biết rồi.

- Ôi mẹ ơi, từ nay về sau mẹ tha thứ cho đứa con bất hiếu này. Khi mẹ hai năm mươi về già, con không thể mặc áo xô chống gậy, đưa mẹ về nơi an nghỉ cuối cùng. Con chết là hồn con về nhà chăm sóc mẹ ngay. Mẹ ơi, mẹ đừng lo nghĩ quá mà tổn hại đến tinh thần, sức khỏe.

Diệp thị làm cơm rượu thết đãi sai nha, bà nghĩ: "Làm thế nào để có áo máu bây giờ? Thấy tình cảnh con như thế, bà đứng ngồi không yên. Không có áo máu khiến ruột gan mẹ như vò xé. Thôi thì cắt đùi mình bôi lên áo, để giải thoát nỗi bức thiết của con". Thế rồi bà lấy chiếc áo cũ, cầm dao ra sau nhà vừa khóc vừa cắt vào chân lấy máu bôi lên áo, rồi hơ vào lửa cho khô giao cho sai nha mang về huyện trình quan. Quan kết án, trình lên cấp trên. Mẹ Văn Tất Đạt ngày ngày tới quán Tam Vương kêu oan, cầu mong thần hiển linh phù hộ. Nhà mẹ chồng Khấu thị đệ đơn kháng cáo lên cấp trên, nói là hung thủ đã khai tự nó giết người, song quan lại tra khảo tàn khốc, vu cho là gian dân. Quan trên phê chuẩn, lệnh cho quan huyện hãy xem xét kỹ càng rồi tường trình lên. Quan đưa Khấu thị ra xét hỏi. Khấu thị cứ một mực kêu oan. Lại hỏi Tất Đạt, Tất Đạt khai:

- Chị ấy hoàn toàn không có gian tình. Giết chồng mưu lấy vợ người, hoàn toàn là do một mình con.

Quan lập tức tha cho Khấu thị, rồi tường trình lên cấp trên rằng, vì thấy vợ Chu Vinh đẹp định lấy làm vợ mà giết Chu Vinh. Khấu thị được tha rất biết

ơn Tất Đạt, đêm đêm cầu trời khẩn Phật, mong anh được minh oan thoát khổ.

Viên quan này chuyên dùng cực hình để lấy cung, một phạm nhân quan trọng đã bị ông ta đánh chết, quan trên đòi người, ông ta cứng họng không nói được, bởi thế bị bãi miễn, ngài Tiêu được bổ nhiệm về nhậm chức. Tiêu Công xuất thân từ tiến sĩ, là một vị quan thanh liêm, thương yêu dân. Khi về nhậm chức, mọi người trong huyện đều ra đón. Đang trên đường về nơi chậm chức, cách thành không xa, một con chim khách sà vào trong kiệu, quan giơ tay bắt, nó bay đi, lát sau lại bay tới cứ như thế tới ba bốn lần. Tiêu Công nghĩ: "Chim khách thường sợ người, nay lại thấy chim bay vào kiệu, hẳn là do oan hồn sai khiến". Rồi ông bảo với chim khách rằng:

- Nếu quả thật có oan tình thì chim hãy bay tới chỗ bị oan, ta sẽ tới khám nghiệm ngay.

Thế là chim khách bay trước dẫn đường. Tiêu Công lệnh khiêng kiệu đưa ông theo sau. Đi tới hai mươi dặm, thấy bên đường có một chiếc giếng, bỗng chim khách bay xuống đó. Tiêu Công lệnh sai nha xuống xem, giếng sâu hun hút nên phải dùng giây thừng buộc vào một chiếc ghế, người ngồi vào ghế rồi từ từ thả xuống. Thấy đây là một chiếc giếng cạn, trong giếng có một chiếc áo và một chiếc quạt lụa. Sai nha đưa lên trình quan. Tiêu Công thấy áo có máu, quạt một mặt vẽ hoa, còn mặt kia có dòng lạc khoản "Lý Văn Ngọc". Tiêu Công thu lấy áo và quạt về huyện nhận bàn giao, lệnh cho Hình phòng(1) trình hồ sơ vụ án cho ông xem. Đọc tới hồ sơ vụ án Văn Tất Đạt ông thấy nghi hoặc, anh ta là một thư sinh, không có gian tình, tại sao thấy người đẹp, lại giết chồng cướp vợ? Xem biên bản khám nghiệm thì người ấy bị chết do một nhát dao đâm vào ngực, lập tức truyền gọi thân nhân của người đã chết đến. Khấu thị tới công đường, quan cho xem áo. Khấu thị nhận ra nói:

- Chiếc áo này là của chồng con.

(1) Hình phòng: bộ phận theo dõi hồ sơ các vụ án.

Quan cho Khấu thị về, đồng thời cho bắt Lý Văn Ngọc.

Lý Văn Ngọc là bạn học của Tất Đạt. Anh ta cũng hay nói chuyện phòng the, thường hay đùa cợt với Tất Đạt, hay dùng tài ăn nói để đánh cuộc

thắng thua. Tới công đường, quan đưa cho anh xem chiếc quạt. Văn Ngọc nói:

- Chiếc quạt này, trước đây con đã đánh mất, không biết nó rơi ở đâu, vì sao nay lại trong tay quan.

Quan chửi:

- Đồ chó, mày đã giết chết Chu Vinh, trời không dung tha, làm mày đánh rơi quạt, nay thấy ta mày không khai ư?

- Thừa ngài, con đi chợ uống rượu say, đánh rơi mất chiếc quạt mấy tháng nay không thấy, chứ con có giết người đâu. Mong ngài soi xét.

- Ta hỏi, người không khai ư?

Thế rồi quan lệnh tát cho bốn mươi cái, Văn Ngọc vẫn một mực kêu oan, nói rằng quả thật con mất quạt.

- Người đánh rơi ở đâu?

- Hôm ấy con uống rượu say, - Văn Ngọc ngẫm nghĩ nói,

- Chắc rằng rơi ngoài phố.

- Căn cứ vào đó ta biết ngay là người lừa dối.

Ông lệnh vả cho bốn mươi cái nữa. Văn Ngọc khóc lóc kêu oan. Quan thấy Văn Ngọc tuy sống phóng khoáng, song dáng vẻ nho nhã, không giống bọn hung ác, bèn cho vào nhà giam, rồi dần dà tìm hiểu ra sự thực.

Văn Ngọc vào nhà giam, đút lót cho bọn coi ngục, gặp Tất Đạt nói rằng:

- Anh gặp vụ án này, lại liên lụy đến em. Hai chúng ta lâu nay không học với nhau, ai ngờ hôm nay lại cùng ngồi tù. Văn chương đã quên mất quá nửa rồi, chúng ta thường chuyện gẫu với nhau anh còn nhớ không?

- Anh và tôi đều gặp oan khuất. - Tất Đạt nói. - Hoàn toàn là do mình nói chuyện phòng the mà sinh ra. Từ nay chúng ta phải sửa chữa những lỗi lầm xưa. Hằng ngày ta hãy ngửa mặt lên trời cầu trời phù hộ cho hai chúng ta được minh oan. Đừng giẫm vào vết xe đổ trước đây nữa.

Văn Ngọc gật đầu. Rồi hai người hướng lên trời cao, hết sức thành khẩn xin sửa chữa lỗi lầm. Em của Văn Ngọc là Văn Hoàn đi khắp nơi dò la xem ai nhặt được quạt. Một hôm có một người thợ hàn nôi tới nhà, nói tới chuyện vì mất chiếc quạt mà anh mắc tội oan. Người thợ hàn nôi nói:

- Hôm ấy tôi thấy Ngũ Hắc Ngưu quạt một chiếc quạt, dòng lạc khoản có

đề tên anh anh, hỏi nhặt được chiếc quạt này ở đâu, anh ta nói nhặt được ở cửa hàng.

Văn Hoàn bèn lấy tiền thuê anh thợ hàn nôi làm chứng. Quan hỏi thấy đúng bèn ra lệnh bắt Ngử Hắc Ngưu tới xét hỏi: Hắc Ngưu không khai. Đánh hăm tám mươi roi, hắc vẫn không nhận. Thấy vẻ mặt hắc hung ác, quan nghi hắc là kẻ sát nhân, lệnh cho quân bay kẹp hắc, song Hắc Ngưu vẫn không khai, lúc ấy hắc nghe văng vẳng bên tai tiếng oan hồn quát: “Khai mau!”. Biết rằng không thể chối được, hắc buộc phải khai từ đầu:

- Ngài tra tấn, con không sao chịu nổi, lòng con đau như dao cắt. Ngài hãy tháo kẹp ra, con xin khai để ngài rõ. Từ khi ra đời con sống rất bừa bãi, suốt đêm ngày con ở sòng bạc. Gặp cơn đen vận túng con thua nhẵn túi. Hôm ấy Chu Vinh đi lấy nợ, con nghĩ thế nào anh ta cũng phải về nhà. Rồi con cầm sẵn một dao chờ ở đèo Hoàng Giác. Chu Vinh đi tới, con chém một nhát chết ngay. Rủi thay, trong người anh ta không có một xu, con đành lột áo mang vào thành bán. Đi được mấy dặm, con mới nghĩ ra, trên áo có máu, sợ bị lộ, tiện tay con vứt áo xuống giếng. Nào ngờ chiếc quạt cũng rơi theo. Về nhà, suốt từ hôm đó con vô cùng sợ hãi và lo lắng. Ngài vừa tới nhậm chức, chim khách sà vào kiệu kêu ai oán, chim đã dẫn ngài tới giếng, sai nha tìm thấy áo và quạt nộp cho ngài. Con đã bị ngài bắt về tra khảo cùm kẹp. Quả thực không sao chịu nổi, con đành phải cung khai, xin ngài gia ân tha cho con.

Ngử Hắc Ngưu vốn là một tên vô lại, không có việc gì xấu mà hắc không làm. Một hôm Hắc Ngưu thua bạc nhẵn túi, thấy Chu Vinh đi lấy nợ về, định giết người cướp của. Hôm ấy thấy trời tối anh định về, song lại gặp một người mời uống rượu, nói là có việc cần, muốn mượn anh số bạc và trả lãi cao. Chu Vinh cho người ấy mượn, rồi uống rượu tới say khướt mới trở về nhà. Có lẽ vì trước đây Chu Vinh là một kẻ ngỗ ngược, bất hiếu, lại hay rượu chè, đến nay những cái xấu đã tích tụ chồng chất cho nên bị Hắc Ngưu giết chết. Mẹ Văn Tất Đạt ngày ngày thành tâm cầu nguyện tại quán Tam Vương, Tất Đạt hằng ngày hết lòng hối cải, bởi thế Tam Vương động lòng, lệnh cho chim khách tới sà vào kiệu. Tiêu Công đã tìm được áo và quạt nên bắt Hắc Ngưu tới truy hỏi. Ngay hôm ấy Hắc Ngưu bị giam vào

nhà ngục. Tiêu Công cho gọi Tất Đạt và Văn Ngọc tới. Ngài nói với Tất Đạt rằng:

- Tối nay vụ án đã được sáng tỏ, mới hay người oan uổng. Song vì tìm thấy áo máu nên vụ án này mới tìm ra thủ phạm. Người lại dùng áo máu để tạo ra chứng cứ giả, vậy chiếc áo máu người lấy ở đâu ra?

- Quả thực con không biết, - Tất Đạt nói, - việc này phải hỏi mẹ con mới biết được.

Quan mời mẹ Tất Đạt lên hỏi, mẹ Tất Đạt trả lời:

- Thấy con con chịu nhục hình, con vô cùng đau đớn, nên đã cắt chân lấy máu bôi vào áo.

- Không có áo máu thì vụ án không kết thúc được, - quan nói, - quan có thể hiểu ra nỗi oan mà tha cho. Nay lại nộp áo máu, há chẳng phải làm cho con chết nhanh ư?

- Chịu oan mà chết, chỉ đau một nhát dao thôi, - mẹ Tất Đạt nói, - còn tra khảo để bức cung chết đi sống lại, hết khổ này đến khổ khác, cho nên nhanh còn hơn chậm.

Nhân đó bà vén áo cho quan xem. Quan thấy vết dao cắt nói:

- Ôi người cai trị dân xử án không thể không thận trọng, nếu lạm dụng hình phạt thì án oan sẽ chồng chất, còn dân, tiếc rằng họ không thể làm gì được.

Ông lại hỏi mẹ Văn Tất Đạt đã ở vậy từ khi nào.

- Từ khi con hai mươi hai tuổi. - Mẹ Tất Đạt nói.

- Bà cắt thân cứu con, quả là một người mẹ hiền trên thế gian này. Ta sẽ tâu lên cấp trên xin được nêu gương bà. - Ông lại quay sang nói với Tất Đạt. - Người mắc nỗi oan là vì thường ngày hay nói năng bừa bãi. Kẻ sĩ nhất thiết nói năng hay làm gì cần phải thận trọng, như thế mới xứng đáng là học trò của Đức Thánh. Bởi thế người xưa kén rể tất phải chọn người tốt như ngọc trắng. Thế mới biết cái tai hại của lời nói thật là khôn lường. Các người về nhà phải sửa chữa ngay những lầm lỗi trước đây đừng mắc sai phạm nữa.

Sau đó quan tha cho hai người về, lại cho dùng kiệu của mình đưa mẹ Tất Đạt tới tận nhà. Rồi ông cho gọi Uông thị tới mắng:

- Tại sao người bảo Tất Đạt giết người?

- Đó là con nói đùa. - Uông thị nói.

- Đã là nói đùa, tại sao coi đùa là thật, khiến người ta phải chịu oan. Lẽ ra phải trừng trị người, ta thấy người đã già, nên chỉ vả người hai trăm cái.

Thị bị đánh đến nổi rụng cả răng, mặt mũi sưng húp, trở về nhà không lâu thì chết. Quan tường trình vụ án lên cấp trên. Tới mùa thu thì có trát súc về, chém đầu Ngũ Hắc Ngưu. Văn Tất Đạt, Lý Văn Ngọc trở về sửa chữa lỗi lầm, luôn luôn làm điều thiện, về sau cả hai người đều thành đạt.

Khẩu thị vô cùng biết ơn Tất Đạt đã bảo vệ danh tiết cho mình, vì chồng chết không biết nương tựa vào ai, nhờ người mới mang nguyện làm vợ Tất Đạt để báo đền ân đức chàng. Tất Đạt nói:

- Trước đây là nói đùa, nay lại thành sự thật.

Rồi nhờ mỗi đêm sính lễ đến hỏi làm vợ. Từ đó hai người sống rất hòa hợp. Về sau sinh được hai con, một người được cử làm hiếu liêm.

Các bạn thân mến, người ta sống trên đời, vợ chồng phải hòa thuận, dù xấu cũng không nên chê, nói năng phải cẩn thận, đừng đổi trắng thay đen. Hãy trông gương Văn Tất Đạt chê vợ rồi giày vò vợ nói đùa mà chuốc lấy tai vạ, khiến mẹ phải cắt chân, vậy thì có hiếu ở chỗ nào? May mà thấy chim khách rồi tỉnh ngộ, chịu oan nhận tội để bảo toàn danh tiết cho Khẩu thị lại biết cải tà quy chính mới được minh oan, thoát nạn. Văn Diệp thị chịu khổ ở vậy thờ chồng nuôi con nên người mới được ân mưa móc vua ban. Khẩu thị chịu oan mà không oán hận, suốt đời không quên ơn cứu mạng, cho nên đẻ được con ngoan, hưởng phúc suốt đời. Lý Văn Ngọc nói năng bừa bãi, hay bàn chuyện phòng the, cho nên bị liên lụy. Ngũ Hắc Ngưu cướp của giết người nên bị chém đầu. Ưông thị hại người nên chịu tội. Chu Vinh bất hiếu nên hãm hại. Tất cả đều do lưới trời lồng lộng, thưa mà không kẻ nào trốn thoát. Ở hiền gặp lành, gieo gió gặt bão, quả là đúng thay.

nhieu tác giả
Đoán Án Kỳ Quan
Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)
Chương 18
Thăm Vãn Cây Lúa

*Xưa nay con gái phòng khuê,
Công dung ngôn hạnh mọi bề giỏi giang
Cha mẹ không dạy con ngoan,
Hong nhan bạc mệnh chết oan có ngày*

Huyện Cao Bình, Sơn Tây, có một người là Liêu Chương Đức, vợ là Hồ thị, con trai là Vĩnh Quý, nhà giàu có nhưng sống không có khuôn phép. Năm bốn mươi tuổi sinh được một đứa con gái út, tên là Quế Anh, dung nhan xinh đẹp. Vợ chồng Chương Đức vô cùng yêu quý. Từ nhỏ nó đã thích ăn diện, xem kịch xem rước đèn. Chương Đức làm cho Quế Anh một ngôi lầu cao to lộng lẫy, bốn mặt đều có cửa sổ, một mặt nhìn ra đường để tiện giải khuây. Một hôm trong làng có người làm lễ cầu phúc, Quế Anh đi xem, giữa đường gặp một tên đồ tể. Thấy Quế Anh dung nhan xinh đẹp, hấn dấn mắt nhìn. Hồ thị thấy con gái mình xinh đẹp, làm xiêu lòng người thì dương dương đắc ý. Hôm sau tên đồ tể kiếm cơ đến nhà Hồ thị mua lợn. Hấn đi đến bên lầu, thấy Quế Anh đang thêu hoa. Vì đêm qua đi xem rước đèn, thức khuya nên Quế Anh ngủ gật, tên đồ tể chỉ nhìn được nửa khuôn mặt. Quế Anh buồn phiền mệt mỏi, bèn hát bài Tiểu Đán thường hát để giải khuây, hát rằng:

*Hỡi người yêu của em ơi
Hãy nghe em nói những lời thiết tha.
Từ ngày em gặp anh qua,
Tương tư sầu muộn diết da sớm chiều.*

Quế Anh không nhớ hết, rồi cứ vừa ngủ gật vừa hát đi hát lại mấy câu ấy. Nghe thấy thế, gã đồ tể tưởng cô đã có tình ý với mình sướng quá khoa chân múa tay. Nào ngờ, đúng lúc ấy Quế Anh cắn gút chỉ nhổ ra ngoài cửa sổ, rơi đúng vào mặt gã đồ tể. Gã đồ tể cứ nếm đi nếm lại giọt nước bọt rơi vào mặt mình. Gã định leo lên nhưng lầu cao không có lối. Bỗng thấy tiếng chó sủa, hăn vội vã bỏ đi, thấy chủ nhà bước ra. Hăn hỏi :

- Ông Liêu! ông có bán lợn không?

- Tôi không bán, dành để cưới con gái. - Chủ nhà nói.

- Cô nhà gả cho ai?

- Gả về làm dâu nhà ông Vương Chính Bang, ngày mười sáu tháng Tám thì cưới.

Gã đồ tể nghe thấy như dội một gáo nước lạnh, tiu nghỉu bỏ đi.

Vương Chính Bang giàu có vì cho vay nợ lãi với giá cắt cổ, mua được hơn một trăm mẫu ruộng. Mặc dù giàu có nhưng một xu hăn cũng không bao giờ bỏ ra để làm việc từ thiện. Đường con cái của hăn lại rất hiếm hoi, cầu trời khấn Phật mãi đến năm Chính Bang bốn mươi tuổi, mới sinh được một mụn con trai, đặt tên là Mậu Sinh. Lớn lên Mậu Sinh quen thói được cưng chiều, mặc thì đòi toàn lụa là, ăn thì toàn thịt gà cá chép, những đòi hỏi của con, Chính Bang nhất nhất chiều theo. Mậu Sinh thích ăn chân ngỗng, nên trong nhà lúc nào cũng nuôi mấy chục con. Vì sát sinh quá nhiều nên mắc tội, bởi thế người Mậu Sinh gầy gò nhiều bệnh tật. Mười sáu tuổi đã bị người khác rủ rê đi chơi gái, trở thành một kẻ hết sức dâm dăng, chẳng việc xấu nào nó không làm, vợ chồng Chính Bang rất lo buồn về nó. Bởi thế muốn cưới dâu về để giữ chân Mậu Sinh. Rồi vợ chồng nhờ mối manh hẹn ngày chuẩn bị cỗ bàn đón dâu về. Liêu Chương Đức nhận lời sắm sửa đồ cưới, mời một người cháu bên ngoại là Hà Lương Dị và đưa con trai là Vĩnh Quý đưa dâu.

Hà Lương Dị là người khôi ngô tuấn tú, tính hay chơi bời, nói năng hài hước, thích bàn chuyện phòng the. Mười tám tuổi đỗ đầu bảng, Hà Lương

Dị vô cùng đặc ý. Nay được cậu mời đi đưa dâu, anh ta diện rất sang. Khi cô dâu về tới nhà, ai ai cũng khen: "Đẹp trai, ăn mặc hợp thời, đi đứng khoan thai, dáng vẻ thướt tha- mềm mại như nhàn liễu".

Đêm ấy tân khách ngủ dưới nhà ngang, phòng trên là phòng của cô dâu chú rể. Hà Lương Dị nghe thấy những người đưa dâu cười nói âm ỉ, anh không thích, muốn đi ngủ. Là khách quý nên anh ngủ cùng với Vĩnh Quý. Đêm khuya yên ắng, Lương Dị dậy đi tiểu, hút điếu thuốc Lào, bỗng nghe thấy phòng cô dâu kêu:

- Cướp cướp giết người! Làng nước ơi!

Hà Lương hỏi:

- Ở đâu?

Đáp:

- Phòng cô dâu!

Lương Dị vội chạy lên, vì chạy quá nhanh, vấp vào bàn, chiếc đèn trên đó rơi xuống, dầu tràn ra phụt tắt. Quay lại vướng phải một vật gì, ngã soài xuống đất, rồi đứng dậy. Vương Chính Bang và tân khách chạy ập tới. Hỏi:

- Giết ai đấy?

- Giết anh Mậu Sinh. - Quế Anh nói.

Chính Bang soi đèn xem, thì chân tay còn đang giật giật, không nói được nữa. Hỏi:

- Cướp đâu?

- Nó chạy rồi!

Mọi người tìm khắp nơi không thấy, quay lại nhìn Hà Lương Dị, thấy người đầy máu, lòi ra chửi:

- Mày giỏi thật! Vì sao mày giết chết con tao?

- Tôi nghe thấy kêu, chạy vào cứu, - Lương Dị nói, - chạy vội vấp vào bàn, đèn rơi vỡ phụt tắt. Tôi vấp ngã, bị máu thấm vào áo, ông đừng đổ oan cho tôi.

- Tên cướp từ gầm giường chui ra, - Quế Anh nói, - anh Mậu Sinh tóm lấy nó, tên cướp rút dao đâm anh chết. Khi anh Lương Dị tới, tên cướp chạy vụt ra, cha đừng đổ oan cho người tốt.

- Tao biết việc hai đứa chúng mày làm rồi, - Vương Chính Bang nói, -

chúng mày ở nhà đã thông dân từ lâu, rồi tìm cách giết con tao để sống với nhau lâu dài, thế mà mày còn bênh nó ư?

- Ông đừng nói bừa, bôi nhọ danh tiết người ta. - Lương Dị nói.

- Tao không nói với mày nữa. - Chính Bang nói.

Thế rồi ông ta lập tức hô trói hai người lại. Uất ức quá, Quế Anh khóc như mưa như gió. Đúng là dù có mồm năm miệng mười cũng không sao cãi nổi.

Hôm sau, người ta giải hai người lên huyện trình quan. Quan hỏi, Chính Bang bảo hai đứa đồng mưu giết chồng. Quế Anh nói cướp ở trong gầm giường chui ra, chồng tóm lấy rồi bị giết; Hà Lương Dị nói nghe thấy tiếng kêu chạy tới cứu, trượt ngã máu dây vào. Quan cho khóa tay giải hai người về khám nghiệm thi thể. Tới nhà họ Vương, khám xét phòng cô dâu và tất cả mọi chỗ, không thấy lỗ ngạch, chàng rể chết do một nhát dao đâm vào mạng sườn. Quan hỏi Vương Chính Bang:

- Người vào phòng thì con đã chết chưa?

- Còn thoi thóp thở.

- Ta ngờ rằng cướp giết người rồi chạy trà trộn với khách, đêm tối không nhận ra, người phải dần dà dò xét xem.

- Nếu cướp chạy trốn phải có dấu vết, con nghe thấy chạy lên ngay. Cửa nhà ngang vẫn chưa mở, chỉ có mỗi Hà Lương Dị ở trong phòng, máu me khắp người, thế thì đích là nó rồi.

Quan gật đầu. Về tới nha môn, quan hỏi ngay Hà Lương Dị tới công đường xét hỏi:

- Người là học trò, tại sao không biết pháp luật, giết chết chàng rể? Nay trước mặt ta, người phải khai thành thực.

Hà Lương Dị cúi đầu nói:

- Thưa ngài cho phép con khai rõ ràng. Con nhà nghèo, đọc sách Thánh hiền, biết pháp luật và luôn luôn giữ gìn phẩm hạnh. Hôm kia cậu con mời đi tiễn em con về nhà chồng. Con từ chối mãi nhưng không được. Chú con nói rằng có ít người đi đưa dâu, nên cháu phải đi. Đến nhà họ Vương, họ xếp con ngủ ở phòng dưới, phòng trên khách khứa cười đùa ầm ĩ. Người thì

bảo cô dâu chuốc rượu, người thì chơi trò phạt rượu. Ổn ào mãi tới canh ba mới yên tĩnh, bỗng con nghe thấy có tiếng kêu cướp giết người. Con sợ tên cướp cao chạy xa bay, bỏ điếu xuống rồi chạy ngay tới phòng cô dâu. Vì chạy vào quá nhanh, con vấp phải chiếc bàn. Dầu tràn ra rồi đèn phụt tắt, tối om. Con vấp vào xác chết, ngã vật xuống, máu dính vào người con. Ông Vương nói những lời bất nhã, vu cho con giết chồng cô ấy. Mong quan đèn trời soi xét, gia ân tha cho con.

- Thằng chó má này to gan thật, mà không giết người thì máu ở đâu ra? Mà còn bướng hả! Quân bay đâu đánh nó bốn mươi roi, xem nó có chịu khai không?

- Ôi! Thưa ngài, con hoàn toàn không giết người, tại sao ngài không hỏi rõ đã tra tấn. Hơn nữa con là học trò học hành để mong đỗ đạt, sao có thể gian dâm giết người?

- Đồ chó, mà không phải là người cùng họ, tại sao lại đi đưa dâu. Hơn nữa mà còn trẻ, thì gian dâm là điều hiển nhiên, cãi sao được. Quân bay đâu, hãy kẹp hăn cho ta.

- Đau đớn quá con không sao chịu nổi, kẹp con vãi cả cứt đái chết đi sống lại, tim con như dầu sôi lửa đốt. Nếu khai thì tổn hại thanh danh, không khai thì không chịu nổi hình phạt tàn khốc. Người học trò, phẩm hạnh là điều quan trọng nhất, sống hay chết đối với ta nhẹ như mây nổi. Ta là người mình đồng da sắt, dù phép vua hung tàn như lò lửa ta cũng không sợ.

- Có khai không?

- Chỉ trừ khi mặt trời mọc ở đằng tây ta mới chịu khai.

Thấy Hà Lương Dị không khai, quan dùng đòn roi, bảo tay chân tra khảo. Lương Dị thà chết không khai. Quan lệnh cho Lương Dị xuống, rồi lại gọi Liêu Quế Anh lên. Quan nói:

- Người là đồ đệ tiện, tại sao lại thông dâm với Hà Lương Dị, rồi bày mưu giết chồng. Tại sao không khai?

Quế Anh cúi đầu nói:

- Thưa ngài, cho phép con nói. Con thật đáng thương, điều oan khuất. Đêm hoa chúc hai vợ chồng con vừa lên giường ngủ, bỗng thấy một người dưới gầm giường chui ra. Lúc ấy con sợ quá hồn xiêu phách lạc. Thấy thế chồng

con nhảy xuống tóm lấy tên cướp. Tên cướp quay lại rút dao đâm chồng con chết. Con cuống lên kêu cướp, nó vội bỏ chạy.

- Con đâm phụ này to gan thật. Rõ ràng Hà Lương Dị giết chồng người mà người còn cố cãi. Hãy khai mau, thì khỏi phải tra tấn.

- Trời ơi, thưa ngài, Hà Lương Dị cùng ngủ với anh con ở phòng dưới, thì làm sao có thể mang dao vào phòng cưới giết người? Hơn nữa bạn bè thân thích cùng ngủ tại đó, họa chẳng anh ấy có phép tàng hình?

- Hừ! Con đâm phụ to gan này thật là đáng ghét. Mà còn cãi cho nó ư? Quân bay đâu, vả cho nó bốn mươi cái!

- Trời ơi, đánh đến nổi hàm răng con tóe máu, bảo con là gian dân thì dù có đánh chết con cũng không nhận. Ghép tội cho người chẳng có bằng chứng gì. Tự nhiên con lại bị vu tiếng xấu.

- Đồ đâm phụ to gan, chính mày gây nên lại bảo quan vu cáo thật là đáng ghét. Quân bay đâu hãy mang kẹp, kẹp nó cho ta!

- Trời ơi, con đến chết mất! Mười đầu ngón tay con bị kẹp dập nát, đứt gân. Thôi thì cứ khai để chết quách đi, rồi xuống Diêm vương địa ngục kêu oan. Thưa ngài hãy buông con ra để con khai, con đã gian dân rồi bàn mưu giết chồng, để hai người lấy nhau lâu dài.

Thấy Quế Anh khai, quan lệnh dẫn Hà Lương Dị tới. Lương Dị thấy Quế Anh đã khai, thì dù có cãi cũng vô ích, nên cũng khai là đồng mưu giết chết Vương Mậu Sinh, quan bắt hai người kí vào tờ khai, rồi tống vào nhà giam. Vĩnh Quý về nhà nói với cha mẹ. Vợ chồng Chương Đức vật vã khóc rồi sai người tới nhà họ Hà báo tin, đem bạc tới huyện thăm con gái. Nghe thấy con đã cung khai và bị tống giam, đến ngay nhà giam xin với người coi tù để vào thăm. Thấy Quế Anh xiềng xích đầy người, thân hình tiều tụy, kêu lên một tiếng "Con ơi!" rồi ngã vật xuống đất ngất lịm. Quế Anh gọi mãi mới tỉnh dậy, rồi khóc nức nở. Người coi tù khuyên:

- Ông Liêu, ông thương con, sao không đứt lót để họ nới lỏng cùm ra cho cô ấy đỡ khổ.

Ông Liêu bàn với phạm nhân nữ đưa tiền đứt lót, lại đưa cho Quế Anh một ít tiền chi dùng, rồi ra khỏi nhà giam. Ra tới cửa thấy vợ chồng ông Hà cũng đến, họ van nài xin người coi tù mở cửa cho vào. Thấy Hà Lương Dị

cổ bị xích sắt xích, chân tay cùm kẹp, buộc bên cạnh hố xí. Vợ chồng ông Hà khóc:

- Ôi con ơi! Sao con đến nông nỗi này?

- Cha mẹ không biết ư? Vì không có tiền đút lót cho bọn coi ngục nên họ hành hạ con đến chết đi sống lại. Đúng là một ngày ở tù như một năm ở ngoài. Quả thật khó mà sống nổi.

Bốn ông bà già thấy tình cảnh ấy lòng như dao cắt, kẻ khóc con người khóc cháu, náo động cả trại giam. Lương Dị phải khuyên mãi họ mới lau nước mắt. Liêu Chương Đức đưa tiền cho Lương Dị đút lót bọn coi ngục, rồi vào thành nhờ một bà già đưa cơm cho hai người. Họ về nhà chỉ biết khóc lóc, không biết làm thế nào để cứu con.

Quan huyện lấy khẩu cung hai người xong, rồi trình hồ sơ vụ án gian dân, mưu giết chồng lên tỉnh. Quan trên nhận được hồ sơ nghĩ rằng, tại sao lại giết người vào đêm động phòng hoa chúc? Hơn nữa chứng cứ chỉ có áo máu, không có dao, ông nghi hoặc, rồi bác bỏ.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 18 (B)

Quan huyện tuy xuất thân từ khoa bảng, song hết sức phóng túng, không nghe lời thầy. Thấy quan trên bác bỏ hồ sơ vụ án, nói rằng không có hung khí để kết án, rồi ông ta lại lôi Hà Lương Dị ra xét hỏi:

- Mày là đồ chó má. Đêm ấy mày giết Vương Mậu Sinh, vậy mày để dao đâu? Hãy khai mau để khỏi phải tra tấn.

- Trong lúc vội vã, con không biết dao thất lạc ở đâu.

Quan dùng dằng nổi giận, cho tay chân tìm kiếm. Lương Dị không còn cách nào khác, đành phải đẩy cho Quế Anh, nói:

- Con đưa cho Quế Anh.

Quan lại lôi Quế Anh ra truy hỏi. Quế Anh nói:

- Tên cướp giết người rồi chạy trốn, làm sao mà biết được dao.

- Mày là dân phụ, - quan chửi, - mày lại phản cung ư?

Thế rồi quan lập tức lệnh tát bốn mươi cái. Quế Anh uất nghẹn cổ, gào lên khóc lóc. Quan thấy Quế Anh không nói, lại gào tra tấn tiếp. Quế Anh bỗng nghĩ ra một kế, rồi nói:

- Đêm ấy con bỏ dao vào hòm mang lên huyện, trên đường đi vào nhà vệ sinh con vứt nó ở bên đường, không biết ai đã nhặt được.

- Nói bậy! - Quan quát.

Rồi lại hô vả hai mươi cái nữa. Quế Anh dù chết vẫn khai là mất rồi, không sao được, quan đành lệnh tổng giam: Cứ năm hôm lại bức cung một lần, Quế Anh đau đớn khó lòng mà chịu đựng nổi. Cha biết tin con vào ngục tới thăm, thấy Quế Anh mặt mày sưng húp, mắt thâm quầng, người gầy như que củi, nói:

- Con ơi! Sao con tới nông nỗi này.

Thấy cha hỏi, Quế Anh nghẹn ngào mãi không nói nên lời, khóc:

- Đau lòng lắm cha ơi. Cha biết sao được nỗi khổ của con, cha hãy nghe con nói.

Đúng là "Người nghe phải đau lòng, người thấy phải rơi nước mắt".

- Thấy cha, con như đứt từng khúc ruột, không cầm nổi nỗi thương tâm, nước mắt con ướt đầm vạt áo. Chẳng biết con kiếp trước mắc tội gì mà đêm động phòng hoa chúc, cướp đã giết chồng con, khiến con phải liên lụy. Người ta lại vu oan cho anh ngoại con, rồi trói anh giải lên huyện, nói rằng anh đã thông dâm với con, mưu giết chồng con. Quan không cho phép chúng con phân giải. Không khai quan kẹp mười đầu ngón tay đau buốt tận ruột gan. Không còn cách nào, con đành nhận để khỏi phải tra tấn, chỉ nghĩ rằng chết quách để khỏi phải bị hành hạ, ai ngờ rằng không có dao thì không thể kết án được, bởi thế quan bức cung đến chết đi sống lại. Lần đầu vả con bốn mươi cái, bàn vả bằng da rách nát, đánh đến nỗi răng rụng máu tuôn ra như suối. Cứ năm ngày lại truy bức đòi dao, vết thương chưa lành lại bị đánh trọng thương không sao ăn uống được. Vào nhà giam chấy, rận, rệp kéo đến hàng đàn cắn lở loét khắp người. Hằng đêm đến mãi canh năm vẫn không tài nào chợp mắt được. Ban ngày nghĩ đến nỗi khổ đau nước mắt chảy đầm đìa. Ôi, cha ơi! Chưa nói nên lời mà lòng đau như cắt nghĩ đến số con khổ sở vô cớ chịu oan. Nếu như đao phủ đến chém đầu, thì mong cha hãy thu nhặt xác con đừng để cho chó tha đi. Vào những ngày tuần tiết hãy đặt ngoài cửa cho con bát cháo bát cơm, đốt cho con ít giấy tiền. Cha hãy tha thứ cho con chưa chút báo đền ơn dưỡng dục, sau này con không thể tiền đưa cha về nơi chín suối. Thôi, tình cha con từ nay đứt đoạn, có chăng chỉ gặp nhau trong giấc mộng mà thôi.

Hai cha con khóc lóc mãi, rồi ông trở về. Trong ngục, Quế Anh nghĩ, ta thích thêu chữ, hay làm dáng, xem kịch xem đèn, khiến cho bọn lãng tử thêm muốn, cho nên mới gây ra tai họa này. Mình làm mình chịu còn trách ai nữa! Có điều vì liên lụy mà chồng bị giết, anh họ bị oan khuất, quả là ta mắc tội tày đình. Quế Anh cứ hồi hận mãi không thôi.

Thuqua đông tới, vì trái ý quan trên, hơn nữa có nhiều người kháng cáo, quan huyện bỗng chốc bị triệu hồi, bổ sung người khác. Quan mới là Bạch Lương Ngọc, người huyện Tử Đồng, Tứ Xuyên, thanh liêm tài giỏi, xuất thân từ tiến sĩ, ông lĩnh văn bằng tới nhậm chức vào mùa đông năm Khang Hy thứ bảy. Ông đi gần tới huyện Cao Bình thì gặp một trận mưa tuyết rất

to. Ông cho dừng kiệu nghỉ chân, Lương ngọc ra khỏi kiệu ngắm nhìn. Thấy bầu trời trong như ngọc, mặt đất như dát bạc, ánh sáng lạnh ngòi chiếu, tất cả đều bừng sáng, lòng ông khoan khoái. Chợt thấy ngôi mộ mới trên dốc núi, không mọc một nhánh cỏ nào, mà cũng không thấy một bông tuyết nào. Trên mộ chỉ có một nhánh lúa xanh tươi, trông thật đáng yêu bông lúa đang vào mây. Ông nghĩ lúa là loại cây trưởng thành vào mùa hạ, kết hạt vào mùa thu, không chịu rét. Nay đang lúc cuối đông, vạn vật khô héo, song chỉ có mỗi cây lúa này là tươi tốt, há chẳng phải là điều lạ lùng ư? Đang lúc băn khoăn, thì những người trong huyện đường đến nghênh đón. Ông hỏi đây là mộ của ai. Họ nói:

- Đây là Vương Gia Câu, chúng con không biết là phần mộ của ai.

Lúc ấy có một ông già chặn trâu, tới bắm:

- Đây là ngôi mộ Vương Mậu Sinh, con Vương Chính Bang. Vợ anh ta thông dâm với một người đưa dâu rồi âm mưu hãm hại. Người ta đã trói hai người này giải lên quan, nay vẫn đang bị giam giữ.

- Đã khai chưa? - Lương Ngọc hỏi ông già.

- Trước thì không khai, - ông già nói, - sau đó họ bị cùm kẹp nên đã khai ra rồi.

Lương Ngọc lập tức truyền lệnh gọi lí trưởng tới hỏi, lí trưởng cũng đều nói thế. Lương Ngọc nói:

- Vụ án này nhất định mắc oan sai, các người cho người coi giữ cây lúa này, không để trâu ăn hoặc dẫm nát.

Về tới huyện nhậm chức, ông lệnh đưa ngay hồ sơ vụ án Hà Lương Dị. Xem xong Lương Ngọc đập bàn nói:

- Người học trò này mắc oan rồi, làm gì có chuyện gian dâm giết chồng, mà người đưa dâu lại giết người.

Ông gọi ngay hai người tới xét hỏi, Lương Dị kêu oan, Quế Anh nhân đó nói rằng tên cướp từ trong gằm giường chui ra rồi giết chồng. Quan gặt đầu, song vẫn lệnh cho giam vào ngục, rồi lập tức cho tay chân tới hiện trường. Quan trực tiếp tới xét hỏi cây lúa.

Hôm sau, ông tới ngôi mộ xem xét kĩ lại một lần nữa, rồi cho người đào lên. ông lại dặn người đào phải hết sức cẩn thận, không để đứt rễ lúa. Mà

cây lúa này cũng lạ thật, chỉ có một chiếc rễ mọc ra từ quan tài, mở quan tài ra xem, thì thấy nó mọc từ mồm xác chết ra. Quan nghĩ: "Điều này chắc ẩn chứa nỗi oan ức chi đây, hoặc là họ tên của hung thủ. Suy xét kỹ về nghĩa của hai nữ sinh hòa (cây lúa sống) tức là ngậm thóc (cốc) rồi sau đó mới suy ra, ý của nó có lẽ là "Hàn Cốc Sinh" chẳng? Thế rồi ông cho lắp ngôi mộ lại và trở về nha môn hạ lệnh nội trong nửa tháng phải bắt bằng được Hàn Cốc Sinh.

Sai nha cầm lệnh truy nã lùng sục khắp mọi nơi. Một hôm họ đến Đà Tử Điểm, thấy trong miếu đang giảng kinh, hai sai nha vào nghe, bài giảng là "Yết lục Văn" của Văn Đế, rồi lại giảng đến sự quả báo về gian dâm. Bỗng thấy có một người nói bô bô:

- Ông đang dùng những lời nói tầm phào quái quỷ để mê hoặc mọi người, ta một đời dâm đảng, người không cho chơi cũng cứ chơi, không gian dâm được cũng cứ gian dâm, mà ta chẳng thấy báo ứng gì cả.

Người đang thuyết giảng nói:

- Anh này lạ thật, đây là lời Bồ Tát khuyên mọi người, anh tin thì nghe, anh không tin thì đừng nghe nữa. Có phải là Bồ Tát nói bừa đâu.

Mọi người nói:

- Sao lại có loại người quái lạ như thế. Đây là lời huấn dụ của hoàng đế, khuyên người ta hãy trở lại đạo làm người, sao người lại phỉ báng, chúng tôi không nghe theo anh đâu.

Thế rồi anh ta bực tức bỏ đi.

Hai sai nha nghe xong, về quán ăn cơm, thấy gã đồ tể đứng bên phản thịt gần cửa quán. Sai nha mua nửa cân thịt, gã cắt một miếng rồi đưa cho. Sai nha nói:

- Anh hãy cân lại xem có đủ không?

Gã đồ tể quắc mắt nói:

- Ông Hàn Cốc Sinh này cắt thịt không cần phải cân lại, cả cái huyện Cao Bình này ai mà không biết tiếng!

Sai nha nghe thấy tên vừa giật mình vừa vui mừng, lặng lẽ lấy xích sắt khóa tay lại, lôi vào cửa hàng. Mọi người hỏi vì sao, sai nha đưa lệnh truy nã cho họ xem. Có người nghe thánh dụ nói:

- Vừa giờ hăn còn nói là gian dân không bị báo ứng, ai ngờ rằng chưa đầy một giờ sau hăn đã lập tức gặp báo ứng, bị sai nha bắt, thế mới biết hôm nay trời thấp, hăn không gây được tội ác.

Hôm sau sai nha giải về huyện, quan ngồi trên công đường quát:

- Hàn Cốc Sinh, tại sao ngươi giết chết Vương Mậu Sinh, trước mặt ta, không khai ư?

- Con mở cửa hàng thịt, - Hàn Cốc Sinh nói, - chưa từng làm điều gì xấu, ngay Vương Mậu Sinh con cũng không biết mặt, thì sao có thể giết được?

- Ngươi đã giết Vương Mậu Sinh, cố sao còn chối? - Quan nói.

- Con là người đức hạnh, - Cốc Sinh nói, - tại sao ngài đổ oan cho con?

Sai Nha nói:

- Khi chưa bị bắt, người này còn khoác lác rằng cả đời dân đảng, mà chẳng thấy báo ứng đâu cả, bây giờ anh ta còn chối quanh.

- Không tra khảo thì người không khai. - Quan nói.

Thế rồi ông gọi tay chân mang cùm kẹp ra, Cốc Sinh sợ run cầm cập, bỗng nhiên bên tai thấy có người quát "khai mau", biết rằng oan hồn vẫn theo bám mình, khó mà thoát tội, đành phải khai rõ sự thực.

- Mong ngài đừng tra tấn nữa, con xin khai hết. Con ở Đà Tử Điểm, tên là Hàn Cốc Sinh. Con là tay dao thớt, mở cửa hàng giết mổ. Một hôm xuống làng mua lợn, thấy một cô gái xinh đẹp đến nhà hàng xóm xem rước đèn. Hôm sau con tới nhà họ Liêu mua lợn, thấy cô ấy ngồi trên lầu thêu hoa, vừa thêu vừa hát bài tình ca gọi con, cô ấy nhổ nước bọt xuống mồm con. Con định lên lầu nói với cô ấy những lời yêu thương, song lầu cao không có lối nào lên được. Hỏi cha cô mới biết ngày mười sáu tháng Tám cô ấy đi lấy chồng. Con đến nhà họ Vương làm cỗ, rồi lên vào phòng cưới, chui vào gầm giường, chờ khách khứa đi ăn cỗ hết, con sẽ thông dân với cô dâu. Ai ngờ khách khứa nườm nượp, kẻ ra người vào. Họ chơi bời uống rượu mãi tới canh ba mới tan cuộc. Cô dâu cởi áo lên giường ngủ. Con nghĩ mình chui dưới gầm giường quả là nhục nhã, thịt chưa được ăn mà đã phải muối mặt. Chạm một chút nữa thì thật là khó coi thế là con lập tức chui ra. Lửa tình ngùn ngụt bốc cháy, con lôi lấy tay cô dâu. Chàng rể trên giường trông thấy, nắm lấy tay con đá cho mấy cái. Đang lúc giằng co, con khó mà thoát

thân, thế là con đâm một nhát, anh ta chết. Sợ quá cô dâu kêu ầm lên, con chạy ra khỏi phòng lẩn vào bóng tối. Chính Bang mở cửa vào xem, con đã lén vào bếp ngủ. Hôm sau thu xếp về nhà. Nghĩ rằng trời cũng không thể nào biết được. Ai ngờ ngài vô cùng sáng suốt, bắt con xét hỏi, cùm kẹp tra tấn, thấy thế con run sợ. Đành phải khai thực, xin ngài tha thứ cho con.

Khai xong, quan cho cùm lại rồi tống ngục. Cho Quế Anh, Hà Lương Dị ra, rồi lại gọi Vương Chính Bang, Liêu Chương Đức tới Quan nói với Quế Anh rằng:

- Vụ án này là do người thích đi xem kịch xem rước đèn mà ra, nghe những câu hát tà dâm để giải khuây, nên bọn du đảng để ý tới mới gây ra tai họa này. Cũng mừng vì người vô tâm, mới được ta minh oan cho.

Sau đó ông lại nói với Vương Chính Bang:

- Ta thấy người con gái này trẻ đẹp, khó lòng mà thủ tiết được thôi thì cho cô đi tái giá.

- Con chỉ thương mình già cả, đã sáu mươi tuổi rồi, khi qua đời không ai hương khói. Con dâu con tuy không giết người nhưng nó gây ra mầm họa, con muốn nó thủ tiết để phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già, để an ủi quãng đời còn lại.

- Người ta thường nói: "Không có cây thì chim không đậu". - Quan nói. - Con người không còn thì cô ấy dựa vào ai.

- Con định nuôi con nuôi. - Chính Bang nói.

- Người muốn nuôi con nuôi ư? - Quan nói. - Ta nghĩ rằng, người đã làm cho Hà Lương Dị oan khuất, chịu biết bao nhiêu đau khổ, sao không lấy đức báo đức, gả con dâu cho anh ấy có phải đẹp cả đôi đàng không?

- Tốt thì tốt đấy, - Chính Bang nói, - song không biết Lương Dị có ưng không?

Quan lại gọi Lương Dị nói:

- Người có mấy anh em, đã vợ con gì chưa?

- Con có năm anh em. - Lương Dị nói. - Con đã lấy hai đời vợ mùa xuân năm nay bỗng nhiên chết, hiện nay con vẫn chưa lấy vợ khác.

- Việc này hoàn toàn không phải ngẫu nhiên, - quan cười nói, - như có người xui khiến vậy. Nay người hãy nghe lời ta nhận làm con Chính Bang,

kết duyên với Quế Anh.

- Con có cha có mẹ, -: Lương Dị nói, - há rằng lại bỏ cha mẹ sinh ra mình đi phụng dưỡng người khác sao? Hơn nữa Chính Bang đã vu cáo cho con, là kẻ thù của con, sao lại nhận ông ấy làm cha được!?

- Ý người cũng quá đáng, người gặp tai họa này vốn là Chính Bang, ngộ nhận mối quan hệ giữa người và Quế Anh Thôi. Quế Anh không mắc oan, thì không thể là vợ người, người không chịu oan thì cũng không thể làm chồng cô ấy. Hơn nữa Chính Bang vốn tố cáo là nghi cho người, và không phải chỉ có Vương Chính Bang nghi, mà ngay cả quan huyện trước cũng nghi cho người, sao người lại trách sự lầm lẫn của ông ấy. Ta nghĩ rằng người nên nhận ông ấy làm cha nuôi thì trên mới hợp ý trời, dưới mới hợp lòng người, khiến người không vợ mà có vợ, Quế Anh không có chồng mà có chồng, Chính Bang không có con mà có con, thì việc ấy có gì là không tốt.

- Con xin nghe theo lời dạy bảo của ngài. - Lương Dị nói. - Song con còn cha mẹ, con không tự ý quyết định được.

- Ta có cách xử trí việc này. - Quan huyện nói.

Thế rồi ông thả hai người, lệnh cho hai người ở tại quán trọ điều dưỡng, quan sẽ chọn ngày lành tháng tốt làm lễ cưới ngay tại huyện đường. Rồi ông sai người bảo vợ chồng ông Hà tới huyện đường, nói rõ ý định của mình. Lão Hà rất vui.

Đến ngày lành tháng tốt, quan ngồi trên sảnh đường, gọi cha mẹ đôi bên gia đình tới, bảo Hà Lương Dị trước hết lạy Vương Chính Bang nhận làm cha, tặng hoa hồng. Hai người lạy trời đất, sau đó lạy quan huyện rồi lạy bố mẹ vợ, bố mẹ đẻ. Lạy xong quan cho dùng kiệu của mình đưa hai người về nhà làm lễ hợp cẩn. Dọc đường đốt pháo tấu nhạc tiền cô dâu chú rể. Mọi người đổ ra đường xem, ai ai cũng khen, đây là một đôi tài tử giai nhân rất hợp nhau, và ca ngợi tài năng của ngài Bạch Lương Ngọc. Từ đó trở đi hai vợ chồng sống với nhau rất hòa thuận. Họ đều sửa đổi lỗi lầm xưa, thề trước thần thánh, nguyện suốt đời làm điều thiện, giữ gìn phẩm hạnh làm gương cho người khác. Quế Anh khuyên Lương Dị cố gắng học hành, năm sau đỗ tú tài. Quan giải quyết xong vụ án này, đệ trình văn bản lên cấp trên, cấp

trên ra lệnh chém đầu Hàn Cốc Sinh.

Bởi thế người ta sống trên đời, con gái không nên xem hát xướng, phải biết rằng trang điểm diêm dúa là khiêu dâm. Con trai đừng bàn tới chuyện phòng the, mới không dẫn đến tai họa: Ta hãy thử xem, nếu Quế Anh không trang điểm, không ra ngoài thì sao có thể dẫn đến tên đồ tể giết chồng, mắc oan chịu khổ! May mà thành tâm hối cải, cho nên gặp được ngài Bạch Lương Ngọc minh oan. Hà Lương Dị hay nói bừa nên vô cớ chịu oan. Về sau biết hối cải lỗi lầm trước đây nên mới chuyển họa thành phúc. Vương Chính Bang cay nghiệt mà trở thành giàu có rồi gia tài cũng rơi vào tay người khác. Vợ Chính Bang nuôi chiều thói xấu của con nên không có người hương khói. Vương Mậu Sinh vì ăn uống mà sát sinh quá nhiều, chơi gái, đánh bạc, không vâng lời cha mẹ, cho nên bị giết. Hàn Cốc Sinh trông thấy sắc đẹp là nghĩ đến dâm ô, nên bị chém đầu. Từ đó ta thấy, kẻ gây ra tội ác dù mưu kế có tinh vi bí mật đến thế nào chăng nữa, nhưng mà người hiểu biết mưu cao mẹo giỏi sắc sảo nhạy bén, lại được trời báo ứng, thì sớm hay muộn tội ác cũng sẽ bị trừng phạt.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 19

Ong Minh Oan

*Đứng đầu vạn ác là dâm dục,
Trời đất, quỷ thần chẳng dung tha,
Ý xấu vừa nhen mầm họa náy,
Thế nào cũng mang vạ vào thân.*

Trần Đại Trung ở Đức Dương, nhà nghèo bán bánh trong thành, người ta gọi là "Trần Bán Bánh". Tính vốn chất phác, nói năng khiêm tốn, hòa nhã. Bánh của anh nhỉnh hơn bánh của người khác, bán rất chạy. Ngoài ba mươi tuổi góp nhặt được hơn bốn mươi quan tiền, anh cưới Hà thị. Tuy tái giá nhưng Hà thị khá xinh đẹp. Là con nhà nghèo, Hà thị không coi trọng giấy chữ Thánh hiền. Thừa các bạn, chữ vốn là do thánh nhân sáng tạo ra cho đời sử dụng, rất ích lợi cho quốc gia và cho muôn đời con cháu. Hà thị không biết quý trọng nó, dùng những tờ giấy có chữ đã rách để xe dây cắt mẫu giày, bịt miệng vò... Tuy đây là lỗi do vô ý, song hủy hoại quá nhiều nên khó tránh khỏi thần thánh nổi giận.

Ở cách nhà Trần Đại Trung không xa có Đàm Lão Thiểm, một người chuyên cho vay bạc lấy lãi, và đổi bạc. Tính lão giáo hoạt, mồm nói ngon ngọt, nhưng lòng dạ độc ác. Thấy người ta làm việc thiện, trước mặt thì lão khen, sau lưng thì nói xấu, bảo như thế chẳng khác nào bỏ tiền ra để mua lấy tiếng. Đời lão, một việc thiện còn con lão cũng không làm, không dám rả ra một xu, lúc nào cũng chỉ nói đến tiền của lợi lộc. Lão rất ghét nhện, nói rằng nhện chẳng lưới, chẳng khác nào bọn tiểu nhân gian hiểm, ngầm ngầm hại người, nếu không đề phòng sẽ mắc bẫy, gặp phải thủ đoạn độc ác. Hễ trông thấy nhện là lão lấy gậy khua đi, may mà lão chưa đến nỗi giết, mà chỉ vứt nó đi. Hằng ngày lão Thiểm ăn bánh nhà lão Trần, thấy Hà thị xinh đẹp nên hay bắt chuyện với chị. Hà thị vốn là gái ở phố xá, quen giao

tiếp nam nữ, thấy lão Thiểm thích chuyện trò cũng hay cười nói với lão ta. Nào ngờ người nói thì vô tâm mà người nghe lại hữu ý, lão Thiểm muốn vụng trộm, song lại ngại Trần Bán Bánh.

Một hôm, lão Thiểm hỏi Trần Bán Bánh:

- Anh buôn bán như thế một năm gỡ được bao nhiêu tiền?
- Có đáng kể gì, chỉ đủ ăn thôi.
- Sao anh không buôn to một chút, - Đàm Lão Thiểm nói, vả lại năm nay anh đã bốn mươi tuổi rồi, không kiếm thêm ít tiền thì khi về già lấy gì mà độ thân.
- Tôi cũng muốn buôn to một chút như thầy Đoàn nói, nhưng không có vốn.
- Nếu anh muốn, - Đàm Lão Thiểm nói, - tôi sẽ cho vay.
- Chỉ cần thầy Đoàn yên tâm, thế thì tốt quá còn gì!
- Tôi thấy anh thật thà chất phác, cho nên tôi nâng đỡ anh, - Đàm Lão Thiểm nói, - có gì mà yên với chẳng tâm.
- Giá đi buôn thì buôn ngả nào hay nhất?
- Hiện nay Kiến Xương vải đang đắt, nếu ta mua ở đây mang đi sẽ lãi gấp đôi, một chuyến cả đi lẫn về không đầy hai tháng.

Thế rồi Trần Bán Bánh mượn lão Thiểm bốn mươi lạng bạc, hẹn đến hai mươi sáu tháng chạp sẽ trả. Có tiền, Trần Bán Bánh đi mua vải, Hà thị ở nhà chuẩn bị bữa rượu tiễn chồng. Bán Bánh dặn dò vợ rằng:

- Tôi là chồng, cô phải nghe lời, số tôi khổ. Từ nhỏ đã bán bánh nuôi thân. Từ khi về nhà này, cô cũng chịu nhiều vất vả, thêm người nên thiếu tiền chi tiêu. Nay nhờ ơn thầy Đoàn, cho tôi mượn tiền lấy lãi. Tôi buôn vải tới Kiến Xương, để cô phải ở nhà một mình.
- Đi buôn là việc hệ trọng, - Hà thị nói, - đến lúc tuổi già có ít vốn sống sẽ yên tâm, dù ở nhà chịu lẻ loi một mình em cũng chẳng ngại gì.
- Không có việc gì thì đừng đi đâu. Sớm tối phải trông coi cẩn thận đừng có sơ ý. Cẩn cảnh giác đề phòng bọn du đảng chòng ghẹo, lỡ thất tiết sẽ làm nhục chồng.
- Em biết thế nào là đạo làm vợ, xin anh cứ yên tâm.
- Dầu muối, gạo, nước, củi đống xem ra dùng trong một tháng vẫn không

đủ. Cô ở nhà lấy tiền công phụ thêm vào, một mình cũng thừa sống. Tôi đi Kiến Xương, đường cũng không xa, có lẽ không đến cuối năm thì tôi về.

Hai người gạt nước mắt chia tay nhau. Nghĩ rằng chồng đi xa, để sau này khỏi phải nghi ngờ, Hà thị nhận việc khâu vá mang về nhà làm, rất ít khi ra khỏi cửa. Lão Thiểm thường lai vãng tới. Một hôm thấy Hà thị đang thêu hoa trong nhà. Lão Thiểm đến bên cửa chòng ghẹo. Hà thị nghiêm nét mặt, nói:

- Con gái chúng tôi danh tiết là cái quý nhất, từ nay trở đi thầy Đoàn đừng nói như thế nữa, e rằng người khác nghe thấy sẽ cho là bất nhã.

- Ta cho em mượn nhiều bạc như thế, - lão Đoàn nói, - lẽ nào lại không trả ơn?

- Có mượn có trả, còn trả ơn cái gì? Tôi không phải là loại đàn bà vô sỉ, thầy đừng có nghĩ bậy.

Lão Đoàn cụt hứng bỏ đi. Đến cuối năm lão lại đến hỏi:

- Bà chị Hà ơi, ngày mai đã hết hạn rồi, số bạc chị mượn tôi đã có chưa ?

- Bạc thì hỏi chồng tôi, đàn bà chúng tôi kiếm đâu ra tiền?

- Bạc của tôi đến hạn phải trả, không dây dưa được đâu, nếu không tôi sẽ có cách.

Tối ngày hai mươi sáu lão lại tới đòi, rồi lại nói những lời chót nhả. Hà thị chỉ đành van xin, và tỏ rõ là người tiết nghĩa, Đoàn Thiên Lương trông thấy, Đám Lão Thiểm xấu hổ bỏ về.

Vùng này thường ăn tết vào hai mươi chín tháng Chạp, ngày ba mươi tết ăn chay. Đến ngày hai mươi chín Hà thị giết con gà tơ mình nuôi, chuẩn bị mâm cỗ chờ chồng về. Tối chiều bắt đầu hầm gà, chờ tới canh hai, người mệt mỏi rã rời, chị bỏ thức ăn vào nồi hầm, rồi khép cửa hờ, để cả quần áo đi ngủ.

Hôm sau, nghĩ rằng thế nào Trần Bán Bánh cũng về, Đám Lão Thiểm tới đòi nợ, cửa mở toang, gọi mấy tiếng không ai thừa nhìn vào trong nhà không thấy ai, chắc rằng Hà thị ra ngoài. Tiện tay Lão Thiểm với cái ghế đầu ngồi bên cửa, rồi rít thuốc vào điếu hút. Bỗng dưng thấy Trần Bán Bánh cùng với hai người gánh thuê trở về, Đám Lão Thiểm nói:

- Anh đã về đấy à, lần này có thêm được khá tiền không?

- Rất cảm ơn ông, được ông giúp đỡ cũng kiếm được chút ít.

Thế rồi lão Trần gọi vợ rót trà, không thấy thừa, tự mình vào bếp rót nước, thấy trà nguội ngắt, nói:

- Đàn bà gì mà đoảng thế, ba mươi tết nước cũng không đun.

Lão vào phòng lấy ấm rót nước sôi, trượt chân ngã, bò dậy, vô cùng kinh hãi, nói:

- Không biết kẻ nào đã giết vợ tôi, ngay đầu nó cũng cắt mất.

Lão Thiểm nghe thấy hỏi:

- Cái gì mà âm lên thế?

- Vợ tôi bị giết rồi!

Lão Thiểm vào phòng xem, Trần Bán Bánh túm lấy lão dấm đá túi bụi, nước mắt anh tự nhiên trào ra, bất giác khóc rống lên.

- Thấy người vợ hiền chết mất đầu, khiến ta vô cùng đau đớn xót thương. Vợ ta vốn là người hiền thực biết người biết việc, hòa nhã với láng giềng, tôn kính chồng con. Việc trong nhà ta đều dựa vào tay người vợ, cô biết ăn dãi để dành, dệt vải nuôi lợn. Ban ngày nhận hàng về thêu, đêm đến chong đèn khâu giày, vá áo tình nghĩa vợ chồng gắn bó như keo sơn vợ chồng hòa thuận chẳng khác nào Lương Hồng với Mạnh Quang(1). Không biết kẻ nào lòng lang dạ sói, giết chết vợ tôi. Khó mà kể hết được tình nghĩa của người vợ đức hạnh. Bây giờ tôi như nhận lẻ đôi. Lão Thiểm, vì duyên cớ gì lại giết chết vợ ta?

(1) Lương Hồng và Mạnh Quang thời Đông Hán. Lương Hồng thường đi gĩa gạo thuê, về tới nhà đã thấy Mạnh Quang bưng cơm lên cao ngang mày lễ phép mời Lương Hồng. Xem Từ điển điển cổ Trung Hoa, NXB Văn hóa

- Thông tin, H, 2002.

- Tại sao anh đổ bữa cho tôi? - Lão Thiểm nói.

- Ta biết lòng dạ người gian tà, không ăn vụng tộp mỡ sao vào bếp.

- Tôi đến hỏi nợ anh, thấy anh chưa về. Bởi thế mới ngồi đây hút thuốc.

- Ta cho rằng người cường dân, song vợ ta chống cự, nên người đã đâm chết.

- Ôi ! ông đừng có đổ oan cho tôi, nhất định là bọn cướp giết chết chị ấy.

- Nếu là trộm cướp thì nó phải lấy đồ đạc, áo quần, chứ lẽ nào lại chỉ lấy

chiếc đầu lâu?

- Ôi thật là oan tôi quá.

- Người làm việc này quả là ác độc, nếu ta không tố cáo người thì ta chết sẽ không nhắm mắt.

Thế rồi Trần Bán Bánh lôi Đàm Lão Thiểm đi gọi láng giềng và lí trưởng. Xưa nay lão Thiểm là một người tồi cho nên hàng phố ai ai cũng ghét. Họ nói:

- Anh mới đi khỏi cửa, ngày nào hăn cũng lai vãng tới, nói nói cười cười với vợ anh.

- Nếu như tôi giết, - lão Thiểm nói, - thì tại sao tôi không chạy trốn, mà lại ngồi ở đây để chờ cho ông bắt?

- Chỉ là tới xem động tĩnh mà thôi. - Mọi người nói.

Lão Thiểm kêu trời kêu đất, nói là mình bị oan uổng. Trần Bán Bánh lôi lão Thiểm tới huyện đường, đệ đơn kêu oan.

Quan lệnh khóa tay lão Thiểm, rồi lập tức tới khám nghiệm tử thi. Toàn thân không có thương tích, cổ có vết bóp, chúng tỏ bị cưỡng dâm rồi giết chết. Quan hỏi lí trưởng:

- Đức hạnh Đàm Lão Thiểm xưa nay thế nào?

- Người này giáo hoạt tham lam, - lí trưởng nói, - chỉ có điều lão Thiểm thường lui tới nhà này, còn giết hay không chúng tôi không biết.

Quan trở về nha môn, gọi Đàm Lão Thiểm lại hỏi:

- Tại sao người giết Hà thị? Trước mặt ta sao không khai thực!

Đoàn cúi đầu nói:

- Xin ngài cho phép con nói. Gặp điều oan khuất này con vô cùng đau đớn. Xưa nay cho vay bạc, con luôn luôn giữ phận mình. Mua vào bán ra đều cân ngang bằng số ngay, không bao giờ lừa dối. Luôn thương người và làm việc thiện, ai ngờ Trần Bán Bánh không có lương tâm. Con thương tình cho anh ấy vay bạc làm vốn buôn vải tới Kiến Xương, không thấy về. Nhân dịp ăn tết con nghĩ rằng thế nào anh ấy cũng về, con tới hỏi, thì thấy cửa mở toang, nhìn vào không thấy người. Ngồi ngoài cửa, rịt thuốc hút, chờ anh ấy, vừa ngồi xuống thì Trần Bán Bánh về. Thấy vợ chết bèn đổ cho con cưỡng dâm giết người.

- Anh ta chưa về người tới đó làm gì? Người không cưỡng dâm giết người thì ai?
- Hằng ngày con luôn giữ gìn đức hạnh, con đến nhà anh ấy lấy nợ chứ có gian dâm đâu?
- Nếu không thấy anh ấy về thì người phải đi ngay chứ, tại sao còn chối cãi. Hãy tra tấn nó cho ta!
- Con cho rằng vợ anh ấy sang nhà hàng xóm, con hút thuốc ngồi chờ cho đỡ buồn.
- Đồ chó, vẫn còn cãi bướng ư? Hãy đánh nó bốn mươi gậy cho ta.
- Xin ngài đừng nổi giận tra tấn con, việc này con hoàn toàn bị oan uổng, vậy con khai làm sao được.
- Đồ chó má, mày không khai ư? Đánh, đánh chết nó đi!
- Ôi! Thưa ngài, chỉ trừ phi mặt trời mọc ở đằng tây con mới nhận cưỡng dâm giết người.
- Thằng này không chịu khai, quân bay đâu, hãy kẹp nó cho ta.
- Trời ơi, đánh đến nỗi hai chân con tóe máu, bây giờ kẹp con đến vải cắt vải đá. Thôi thì chết xuống cõi âm cho yên chuyện, chết đi rồi sống lại làm gì cho khổ. Nếu không khai thì quan tra tấn rất tàn ác, mà khai thì cũng bị chém đầu, ta còn đâu người vợ hiền lành, đức hạnh, trong hòm còn đâu những thỏi bạc óng ánh trắng ngời. Từ nay về sau không còn được chung chăn chung gối với người vợ hiền và số bạc ấy cũng không còn là của ta nữa. Thôi thì ta khai quách cho xong. Hà thị chính là do con cưỡng dâm, giết chết.
- Đầu người vứt ở đâu?
- Đêm ấy xách đầu đi vứt rồi bỏ chạy, con không nhớ là vứt ở chỗ nào, tìm lâu rồi sẽ thấy.

Khai xong quan tổng lão Thiểm vào nhà giam.

Vị quan này chính là mua chức tước mà lên, ông ta tham lam và tàn nhẫn. Tuy biết đây là án oan, song vì muốn đòi bạc, nên ông ta đã đánh đập tàn ác để bức cung, rồi bảo người khác gợi ý vò tiền. Nào ngờ Đàm Lão Thiểm coi của hơn người, thà rằng chịu nhục hình chứ không chịu bỏ tiền ra. Trong nhà giam chịu hàng trăm kiểu đánh đập phi pháp của bọn tù nhân,

lão Thiêm mới chịu bỏ ra mười lạng bạc. Bọn phạm nhân hành hạ lão dờ sống dờ chết. Mấy hôm sau, quan lôi ra hồi cung, thấy lão bất động, chỉ còn thoi thóp thở, biết bọn tù nhân dùng hình phạt phi pháp để tống tiền, quan dùng đòn nổi giận, đem bọn cai ngục và phạm nhân mỗi đứa đánh một ngàn roi mới dẹp yên. Quan thấy Đàm Lão Thiêm tiếc của, cứ cách dăm ba ngày lại hỏi đầu lâu đầu. Lão Thiêm hai chân nát bét, lòi cả xương, song lão vẫn không chịu bỏ ra một đồng. Tổ tiên lão Thiêm xưa kia cũng tham của hám lợi như thế chứ đâu phải riêng lão Thiêm.

Trong tù lão Thiêm suốt ngày khóc lóc, hai mắt sưng húp, chỉ còn có cách bó tay chờ chết. Hơn một tháng sau, bỗng nghe thấy một người thầy dùi thủ đoạn cao cường từ xa tới, mượn người nhờ ông ta nghĩ cách. Khác với người khác, người thầy dùi này đã từng bị báo ứng. Vốn là có một người vô cớ giết vợ, thuê ông ta nghĩ cách. Ông ta bảo cứ im lặng đừng làm ồn lên, tới đêm nếu có một đứa con trai nào vào nhà thì giữ lại chuốc rượu thật say rồi cắt đầu lên báo quan, báo nó gian dân với vợ, thế là tự nhiên vô sự. Nào ngờ, đứa con mười bảy tuổi của ông ta vào thành đón cha, người ấy đã giữ con ông ta lại, cắt đầu báo quan. Người thầy dùi biết được đó là con mình, ông ta vô cùng đau khổ, ngậm đắng nuốt cay không dám nói ra, biết đó chính là quả báo. Từ đó ông ta không muốn làm cái nghề thất đức ấy nữa, song không còn kế sinh nhai, thế là ông ta hối cải lỗi lầm, không hại người mà cứu người, thấy những vụ án oan uổng vô cớ mắc tội, ông ta mới giúp. Ai đi kiện, ông khuyên thôi đừng kiện cáo nữa, rồi kiếm mấy đồng theo phận sự của mình. Cứ làm như thế trong mấy năm, thì vợ ông ta một người đã năm mươi tuổi bỗng sinh được một đứa con trai.

Người thầy dùi ấy rất mừng, biết rằng làm việc thiện là có ích. Ông ta chuyên gỡ án oan cho mọi người, khuyên người ta nên sửa chữa lỗi lầm, hướng theo điều thiện. Nay thấy Đàm Lão Thiêm tới mời, biết đó là oan uổng, ông bèn tới nhà tù khuyên lão Thiêm:

- Phạm là những người gặp oan khuất, đều do mầm ác hằng ngày dẫn đến. Xem ra vụ án của anh tuy là quan đòi bạc, song không biết được hung thủ, thì biết đâu mà giải quyết. Dù có thủ đoạn tráo trở mấy cũng không sao gỡ nổi. Ông hãy thử suy nghĩ xem, về tiền bạc, về luân thường đạo lý, về xử

sự, hăng ngày mình có tội lỗi gì không. Hãy thật sự hối cải, đừng quá coi trọng tiền của, bỏ ra một ít làm điều thiện, lập công chuộc tội. Ta sẽ làm cho ông một lá sớ, cúng ở miếu Thành Hoàng, lòng trời sẽ thay đổi, người và việc hợp nhau, thì tự nhiên sẽ có cơ may, khiến ông được minh oan thoát khổ.

Đàn Lão Thiểm nghe xong tình ngộ, nhờ ông ta làm sớ lập đàn tràng cầu nguyện mất bốn trăm lạng bạc, và trong tù lúc nào cũng thành tâm hối cải. Một hôm quan huyện ra ngoài thành khám nghiệm tử thi trở về, thấy hàng ngàn vạn con ong đen bay lượn vây kín lấy kiệu, không sao đi được. Quan vô cùng kinh ngạc nói:

- Oan có đầu, nợ có chủ, các người không cần phải tìm đến ta.

Đàn ong đen vẫn không chịu bay đi, quan lại nói:

- Nếu có oan tìm ta minh oan thì các người cứ bay đi trước, ta sẽ theo tới đó xem sao.

Thế là đàn ong bay đi, quan lệnh cho phu khiêng kiệu theo sau. Đi tới chùa Quan âm, thấy đàn ong bay xuống giếng. Quan lập tức gọi sư lại hỏi:

- Chiếc giếng này tại sao người lấy đá đập lại, rồi dùng bùa yểm.

- Giếng này có yêu quái, - nhà sư nói, - chúng con mời sư nhốt yêu quái dưới giếng, không thể mở ra được, nếu mở yêu quái ra nhất định sẽ hại người.

- Làm gì có yêu quái. Bọn chó má này đừng có giở trò. - Quan mắng.

Thế rồi quan ra lệnh bầy hòn đá lên xem. Mọi người sợ ong đốt không dám xuống. Quan cho đốt lửa soi, thì trong giếng không có một con ong nào. Quan bảo đúng là oan hồn biến thành ong, chứ có ong gì đâu.

Bọn tay chân đành phải mời một người biết lặn, rồi dùng thùng buộc vào lưng, giồng xuống giếng xem. Người ấy trở lên báo có một xác chết và một chiếc đầu lâu. Quan lệnh lấy thi thể và chiếc đầu lên. Thi thể chưa bị thối rữa, xét nghiệm thấy đó là một bé trai mười hai tuổi, khắp người không có thương tích, bị dao chặt vào tai mà chết. Còn chiếc đầu kia là đầu đàn bà. Quan gọi sư tới hỏi xác chết và đầu lâu ở đâu ra, sư thoái thác là không biết. Quan quát chửi:

- Đây quả là bọn các người gian dân, vi phạm pháp luật, giết người giấu

xuống giếng. Tại sao trước mặt ta không khai thực, quân bay đâu, hãy đánh nó cho ta.

Biết rằng không thể che giấu được, sư nói:

- Mong ngài đừng tra tấn, con xin khai. Thưa ngài cho phép con được nói từ đầu. Con tu tâm dưỡng tính tại chùa này. Con có một đồ đệ nhỏ tên là Đinh Đinh. Năm ngoái chúng con ăn tết rất vui vẻ, hai thầy trò ngồi vót thẻ tới mãi canh ba. Bỗng nghe thấy tiếng chó sủa như xóc ốc, rồi nghe thấy ở chân tường có vật gì rơi đến "bịch" một cái. Con bảo Đinh Đinh ra xem động tĩnh, nó ra khỏi cửa rồi không thấy vào nữa. Gọi mấy tiếng không thấy thưa. Con chạy ra thấy nó đứng ngay như tượng gỗ, con dùng sống dao đập vào vai để đánh thức nó. Trời tối đen như mực, soi đèn nhìn không rõ, thấy nó ngã vật xuống, nhìn kỹ mới biết con đã chém nhầm vào lỗ tai. Hãi quá tâm thần bất định, lại thấy chiếc đầu người đàn bà lăn trên đất, con run như cầy sấy, hất chiếc xác và chiếc đầu xuống giếng.

- Thế chiếc đầu ở đâu ra? - Quan hỏi.

- Không biết chiếc đầu ấy ai vứt vào, bởi thế đồ đệ của con sợ chết đứng. Con bỗng chốc ngộ sát nó, xin ngài tha tội.

- Người đã giết ai, rồi vứt đầu xuống giếng, người vẫn không khai. Hãy đánh nó cho ta!

- Ôi! Thưa ngài, con không giết người thì biết đâu mà khai. Điều ấy thật là vô lí.

- Người không khai ư? Hãy đánh nó tám mươi gậy cho ta.

- Ôi thưa ngài, vì sao ngài khép tội vu vơ, dù có chết con cũng không khai.

Rồi cứ thế, sư gào lên khóc, luôn mồm kêu van xin tha.

- Đồ chó, quả thực nó không khai, thì hãy đánh chết nó cho ta.

Sắp tra tấn, bỗng thấy một người quỳ xuống kêu oan:

- Bẩm ngài, con là tuần canh, xin quỳ lạy.

- Người là ai, tới đây kêu oan?

- Con là Hoàng Mao Ngưu.

- Làm nghề gì?

- Những người hàng phố nhờ con gác đêm!

- Có gì oan?

- Ngày hai mươi chín vào đúng canh ba con đánh trống sang canh, thấy nhà Trần Bán Bánh không đóng cửa, sợ có trộm, con vào nhà xem sao, thấy rượu thịt con uống say bí tỉ. Vào phòng, thấy vợ anh ấy đang ngủ lả trên giường, bỗng chốc nảy ra ý định cưỡng dâm. Ai ngờ, Hà thị là người trinh tiết không chịu, kêu ầm lên. Con cầm song dao giả vờ cắt vào cổ dọa chị ta, song cắt nhầm đằng lưỡi dao, thế là chị ấy qua đời.

- À vậy ra Hà thị là do thằng chó này giết, thế đầu mày vứt ở đâu?

- Con sợ cuống lên mang đầu chạy ra ngoài, ném qua bức tường bao rồi về. Hôm nay con đến xem xử án, thấy người đàn bà cổ đâm máu đánh con một trận, bức con phải khai ra sự thực. Bởi thế con quỳ xuống xin nhận tội, mong ngài tha cho con.

Hoàng Mao Ngưu còn có tên là Đại Xuyên, vốn là nhà giàu có bị sa cơ lỡ vận phải đi ăn mày. Các bậc cha chú bảo đi đánh trống cầm canh. Đêm ngày hai mươi chín đi qua cửa nhà họ Trần, thấy cửa chưa đóng, sợ rằng có trộm, rồi vào nhà thấy nồi thịt bốc hơi ngùn ngụt, mở ra xem thì đó là thịt gà, lại sẵn rượu nóng, một mình ăn cho bằng hết. No say, phanh cúc áo vào phòng Hà thị. Hà thị kêu ầm lên, Mao Ngưu bịt mồm bế chị lên ghế, rút dao ra cửa song dao vào cổ nói:

- Mày kêu thì tao giết.

Đột nhiên Hà thị ngã vật xuống đất, máu ở cổ vọt ra, nhìn kĩ hóa ra là dùng nhầm lưỡi dao, cổ đứt quá nửa, thế rồi chặt đứt luôn, mang cả đầu và ghế đi ra. Chợt nghĩ: "Ta say nên đầu óc lú lẫn, đã giết người lại xách đầu đi ra, nếu có ai nhìn thấy thì sao?". Thế là vứt ngay chiếc đầu qua bức tường bao, rồi trở về nhà.

Bên trong tường là chùa Quan âm, ở đó có một vị sư và một chú tiểu tên là Đình Đình. Đêm ấy ăn tết, vì ống thẻ không đủ nên hai thầy trò đang ngồi vót thẻ, bỗng nghe đánh "ụch", một tiếng, chó sủa rất dữ. Sư bảo chú tiểu ra xem, chú chừng mười hai tuổi, thấy đầu người, sợ quá chết lạng đi. Sư hỏi, chú tiểu không trả lời liền cầm đèn ra xem; sờ không thấy động đậy đang cầm sẵn con dao quắm trong tay, dùng song dao đập vào vai, chú tiểu gục ngã, máu chảy đầm đìa, tắt thở. Nhìn kĩ thì thấy đã dùng nhầm lưỡi dao chặt vào lỗ tai. Vị sư này thường ngày đối xử với đồ đệ rất hà khắc, quen

thói đánh đập, trách mắng, bởi thế mà lần này đã làm chết người. Nhìn kĩ, lại thấy chiếc đầu đàn bà, ông ta sợ hãi nghĩ: "Năm mới gặp phải việc tai quái này, lại giết chết đồ đệ, thế thì làm sao mà thoát chết được?". Bên tường có một chiếc giếng, ông ta bèn hất luôn xác chú tiểu và chiếc đầu người đàn bà xuống đó tìm đá đẩy lên, rồi nói rằng là có yêu quái phải về bùa dán kín mới yên tâm. Ai ngờ Hà thị chết, xuống gặp Diêm Vương kêu oan, Diêm Vương nói, vì Hà thị làm ô uế chữ thánh hiền nên phải chết non. Hà thị nói:

- Hồn con tuy đáng chết non, song không đáng chết một cách thê thảm như thế, con bảo toàn danh tiết, chết vẫn không cam lòng.

Hơn nữa Đàm Lão Thiểm cầu nguyện sửa chữa lỗi lầm, Thành Hoàng trình giấy xuống âm phủ, Diêm Vương sai ông đen dẫn quan tới giếng, lệnh Hà thị báo thù trước mặt quan, để giải oan cho Lão Thiểm tại chùa này.

Nghe tin ông đen vây kín kiệu quan, Hoàng Mao Ngưu tới chùa Quan âm xem, biết rõ sự thực, vội vã quay về. Trong lúc bối rối, gặp ngay Hà thị kéo tay đòi mạng, tạt tai mấy cái, bắt hẵn phải đến khai trước mặt quan, thế là Mao Ngưu như ngây như dại thông thốc nói ra bằng hết. Quan lệnh khóa tay, tống ngục cùng với sư thầy. Ông trở về huyện thả Đàm Lão Thiểm, trình giấy lên cấp trên. Cấp trên súc giấy về, xử trảm Hoàng Mao Ngưu. Sư thầy ngồi tù ba năm.

Về nhà quả nhiên Đàm Lão Thiểm tu thân tích đức, quên hẳn mối thù với Trần Bán Bánh, thương Bán Bánh nghèo túng, bảo Trần Bán Bánh cứ để số tiền ấy lại mà buôn bán, vẫn mở cửa hiệu như cũ. Vợ Hoàng Mao Ngưu là người hiền thực, thấy Mao Ngưu đi ăn xin vẫn không đi lấy người khác. Nay chồng chết không nơi nương tựa, đành phải tái giá. Những người hàng phố bảo với Trần Bán Bánh rằng:

- Hẳn ta giết vợ anh, anh hãy lấy vợ hẵn, thì bọn dân đang mới thấy báo ứng.

Trần Bán Bánh bèn nhờ mối lái đến hỏi chị làm vợ. Về sau hai người chịu thương chịu khó, nhà ngày một khá giả.

Qua đây ta thấy, con người không được tà dâm, ngay cả khi anh mới có ý

định tà dâm thì thần tà dâm đã theo anh, khiến cho anh gặp oan khuất chịu khổ sở, khó mà thoát khỏi, thì tội gì mà phạm dâm cho khổ đời, khổ thân.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 20

Vắt Ốc Nghĩ Ra Hình Phạt Ác

Mọc Lên Nhọt Độc Chết Thảm Thê

Vùng Hào Châu, An Huy, có một nơi, dân chúng thường đeo bên mình một con dao nhỏ, bất kể thân thích hay bè bạn, nói câu gì trái ý là lôi ngay đao ra. Dân ở đây rất thích đánh nhau. Thường thì khi hai nhà mâu thuẫn nhau, hoặc là hai thị trấn hiềm khích nhau, hai bên bèn tự động đi tụ tập lôi kéo mấy trăm người, hẹn nhau vào một ngày nào đó, đến một nơi nào đó đánh nhau. Đã hẹn rồi thì phải đến. Nếu không đến thì người ta coi người ấy chẳng ra gì, thậm chí người ấy không phải là giống người. Người bị hẹn tuy chẳng có liên quan gì đến mình, nhưng đã nhận lời thì phải liều mạng. Tới ngày hẹn, đợi hai bên đến đủ, thì xông vào đánh nhau. Tuy không có súng ống, hỏa pháo, nhưng dao kiếm, câu liêm đều có cả. Nếu thôn Đông chết năm người, thôn Đoài cũng chết năm người, thì coi như huề, tất cả đều vô sự. Song nếu như thôn Đoài chết nhiều hơn hoặc thôn Đông chết nhiều hơn, thì thôn chết ít bèn họp lại, cử ra mấy người đền mạng để số người chết ngang bằng nhau. Người bị cử cũng hiên ngang như mình đồng da sắt không chau mày không thoái thác. Bởi thế họ đánh nhau rất hung bạo, cứ động một cái là mấy chục người toi mạng.

Làm quan ở vùng này vô cùng khó. Nếu dùng đạo đức lễ nghĩa để cảm hóa, thì hoàn toàn thất bại, cho nên dần dần buộc quan địa phương phải dùng hình phạt hà khắc tàn khốc. Có người xảo quyệt, sau khi nhậm chức, chỉ cần dùng một chút thủ đoạn độc ác, đã làm họ phải khuất phục, không những họ không kêu là quan tàn ác, mà ngược lại họ rất bái phục, ca ngợi là quan tốt. Nếu như ông quan nào nhân hậu một chút, thì họ lại chê là quan tồi. Những án mạng và án trộm cắp ở địa phương tự nhiên tăng vọt, thậm chí khu vực sát cổng thành cũng xảy ra án mạng lớn. Bởi thế, mỗi lần quan

địa phương vùng này khuyên cấp trên chọn từ hàng ngũ hậu bổ tìm ra người dũng mãnh, không cần phải trong sạch đứng đắn. Người ấy lại vốn là người hay luồn lọt thích phong chức, tìm đến người có quyền cao chức trọng viết thư tâu trình lên mấy lần, thì mới được gọi tới dinh thự giao việc.

Lần này một vị người Hà Nam tên là Đan Tán Cao, xuất thân từ cố sinh, lên tỉnh chưa đầy một năm thì vừa hay chức quan huyện ấy khuyết và ông ta được chọn vào thay thế. Bởi khi tới tỉnh ông ta có mang một bức thư của vị Quân cơ đại thần, lại có mấy vị hậu bổ tại phủ, đạo khoác lác tâng bốc cho ông ta rằng, ở Phát thẩm cục, ông ta là người thủ đoạn lão luyện, rất giỏi phát hiện kẻ gian. Phiên đài thấy thế rất mừng, bèn trở về Phủ đài yết bảng chọn ngài Đan nhậm chức ở Hào Châu. Gia đình ngài Đan vốn ít người, chỉ có một mình bà lớn, không con cái. Để giảm bớt người đi theo, ngài vẫn để bà lớn ở tỉnh một mình một ngựa tới nhiệm sở. Chưa đầy một ngày thì tới địa giới Hào Châu, thư lại, nha dịch đã có mặt từ sớm đón tiếp. Ngài tới ngay công đường chọn ngày nhận ấn tín.

Đến ngày xử kiện, ngài Đan ngồi giữa công đường nhận đơn xem xét phê chuẩn và bác bỏ. Bỗng ngoài cửa có tiếng gào lên kêu oan, ngài Đan cho gọi vào, hỏi họ tên. Đó là Trương Đại tố cáo Lưu Ngưu Nhi cướp mất quan tiền của mình ngoài phố. Theo Trương Đại nói thì nhà có một người khách đến chơi nên mang một quan tiền lên phố mua chút thức ăn về đãi khách. Vừa tới ngã tư thì bị Lưu Ngưu Nhi giật lấy, bởi thế hai người đánh nhau. Không ngờ Lưu Ngưu Nhi lại kêu oan trước, xin ngài phân xử.

Ngài Đan nghe xong mỉm cười, rồi hỏi Lưu Ngưu Nhi, anh ta nói:

- Con mang tiền đi trả Từ Ngũ. Vừa đi tới ngã tư thì Trương Đại giật lấy bảo là tiền của anh ta, bởi thế cãi nhau. Trương Đại nghèo đói, thấy của tối mắt lại, thật là đáng ghét, xin ngài phân xử.
- Tiền của người lấy ở đâu ra. - Ngài Đan hỏi.
- Hôm qua con bán gạo được một đồng, - Lưu Ngưu Nhi nói..- Hôm nay con tới hiệu tiền Tự Phong để đổi.

Ngài Đan lại hỏi Trương Đại:

- Tiền của người từ đâu ra?

- Con mở cửa hàng bán bánh rán và bánh trứng gà. - Trương Đại nói. - Hàng bán khá chạy, đây là tiền hằng ngày con bán bánh thu về.

- Bán tiền lẻ, chắc rằng quan tiền này phải tự người xâu?

- Ngài Đan hỏi.

- Vâng, chính tay con xâu tiền ạ!

- Nếu người tự xâu thì tất cả đều phải đủ trăm chứ, hay là xâu thiếu? - Ngài Đan hỏi.

Trương Đại không ngờ quan hỏi như thế, bèn cứng lưỡi, ấp úng mãi mới nói:

- Đủ trăm ạ.

Ngài Đan bảo người cời quan tiền ra đếm lại một lượt, trong đó có xâu thứ năm và xâu thứ sáu chỉ có chín mươi sáu đồng, các xâu còn lại đều đủ.

Ngài Đan bèn gọi người giúp việc mang tiền đến hiệu Tự Phong đổi.

Một lát sau người đi đổi tiền về, ngài Đan lại bảo cời tiền ra đếm lại một lần, cũng giống như quan tiền trước chỉ có tám xâu là đủ trăm, còn hai xâu chỉ có chín mươi sáu đồng. Ngài Đan nghiêm sắc mặt, trước hết gọi Lưu Ngưu Nhi nhận lấy quan tiền đó đem xuống rồi đập bàn quát mắng Trương Đại:

- Mày là đồ vô lương tâm, mày cướp tiền của người ta, lại dám kêu oan tại bản huyện. Tội này về tình lí thật khó dung tha, tội mày chưa đáng chết, song một tên điêu oa như mày, pháp luật không thể tha thứ. Hơn nữa ta vừa tới nhậm chức, người đến vu cáo, rõ ràng là người muốn thử tài ta. Người đã thế thì ta cũng cho người trông gương.

Nói rồi ngài nói người trực công đường rằng:

- Hôm trước ta dặn người đóng cái cũi đã xong chưa?

Người trực công đường nói:

- Đã mang tới một chiếc.

- Rất tốt. - Ngài Đan nói.

Sau đó ngài gọi sai nha trực ngày hôm ấy, cho Trương Đại vào cũi đứng.

Trương Đại nghe thấy hết sức kinh sợ, khóc lóc van xin:

- Con bỗng chốc ngu tối, từ nay về sau con không dám làm thế nữa, cầu mong ngài gia ân. Con còn vợ và một đàn con dại, con chết, thì cả nhà chết đói, xin ngài hết sức thương tình. Con cầu mong ngài đời đời hiển đạt.

Vừa nói Trương Đạt vừa khóc, rồi cứ đập đầu cồng cộc xuống đất. Ngài Đan như chẳng nghe thấy gì, dùng bút son đánh dấu một chiếc phong bì, rồi thúc Trương Đại bước vào. Trương Đại vẫn đứng đó khóc lóc van xin, sai nha hai bên bèn xông tới lôi Trương Đại. Ngài Đan nói:

- Thật là phiền phức! Dù thế nào cũng cứ lôi nó vào cũi.

Thấy quan không buông tha, sai nha đành phải ra tay, chẳng nói chẳng rằng, cứ lôi bừa nhét vào cũi, độn vào năm viên gạch, toàn thân co dúm lại, chưa đầy một giờ đồng hồ Trương Đại tắt thở. Ngài Đan rời khỏi công đường, ngồi thờ thần tại thư phòng, nghĩ ngợi hồi lâu, rồi rút ra một tờ giấy, vẽ đi vẽ lại dập dập xóa xóa, cuối cùng đã vẽ xong, ngài còn chú thêm một dòng chữ nhỏ, xem lại một lần nữa, ngài cười ha hả rồi sai người đi gọi thợ mộc, thợ rèn tới nha môn. Khi họ tới, ngài Đan đưa bức vẽ cho họ. Thợ mộc phải làm hai tấm ván, chiều dài tương tự bằng thân người, đúng như ngài vẽ không thể nào khác được. Thợ rèn phải rèn năm chiếc đinh to, bốn cái bằng nhau, một cái thật dài và to; một chiếc búa sắt to; ba thanh sắt tròn, một dài hai ngắn, cái ngắn cũng phải dài bốn thước, tiết diện cắt ngang thanh sắt phải to bằng quả trứng gà. Ngài lại cử người giám sát đốc thúc chế tạo gấp. Mọi người không hiểu ngài dùng làm gì, cũng không dám hỏi, chỉ việc tuân lệnh làm ngay. Chưa đầy ba ngày thì làm xong. Ngắm những dụng cụ ấy, ngài Đan rất thích thú, bảo mang vào công đường rồi ngài khăn áo chỉnh tề bước ra, lôi hai tên ăn cắp trong nhà giam tới.

Vốn là vùng Hào Châu cách tỉnh rất xa, những tên trộm bình thường thì ở Hào Châu tự xử lấy, cấp trên không hỏi đến. Nếu theo các châu huyện Nam Hoãn, cứ gọi giải về, thì quan địa phương không có tiền bồi phụ, hơn nữa dọc đường lại sợ xảy ra việc cướp tù. Cho nên những châu huyện Bắc Hoãn không có châu nào huyện nào không có cũi đứng. Lúc ấy ngài cho lôi hai

tên tù trộm cắp, đó là phạm nhân trước đây quan tiền nhiệm bắt được chưa xử, giao cho ngài. Ngài gọi tên, cũng chẳng hề hỏi han gì, bèn cho lôi ngay một tên, đặt nằm ngửa trên tấm ván, trước hết dùng bốn chiếc đinh sắt đóng chặt hai chân hai tay. Tên trộm kêu gào, la hét, chửi bới, ngài Đan vẫn cứ lờ như không. Đóng chân tay xong, tên trộm đau đớn không sao chịu nổi, cứ gào lên chửi. Ngài Đan bảo lấy chiếc đinh to, đóng vào đúng tim tên trộm. Bọn sai nha đưa mắt nhìn nhau không dám làm. Ngài Đan dùng dùng nổi giận quát mắng:

- Chúng mày là đồ vô dụng, đồ cơm toi.

Ngài Đan lại lệnh cho hai người đứng ngay bên cạnh phải đóng. Có một người đặt mũi đinh vào buồng tim, song tay run cầm cập không sao giơ nổi búa. Ngài thấy thế dùng dùng nổi giận, lập tức rời khỏi bàn, nhảy xuống, tát hai tên sai nha ngã gục xuống đất, nằm lăn quay bất động. Rồi ngài cúi xuống cầm chiếc búa sắt và đinh sắt, nhắm thẳng vào tim tên trộm, đóng chan chát. Vừa đóng được vài nhát búa, thì thấy một dòng máu nóng phọt ra, phun vào mặt ngài đỏ lôm. Mặt tên trộm trắng bệch như tờ giấy, mắt, tai, mũi, lưỡi đều phun ra máu, rồi chết.

Ngài Đan đóng xong, lại bước lên ghế ngồi, mặt đầy máu cũng không thêm rửa, lại bảo lôi một tên khác ra, cũng để nằm ngửa. Sau đó dùng hai thanh sắt, một thanh đè lên đùi, một thanh đè lên ngực. Khí hai đầu không lưu thông, tích tụ lại ở khoang bụng. Phút chốc, bụng chướng lên, căng phồng như chiếc trống cái. Ngài Đan nói:

- Đã đến lúc rồi, ta ngờ rằng việc này các người cũng không biết làm, đợi ta làm mẫu cho các người xem.

Thế rồi ngài lại rời khỏi chỗ ngồi, cầm thanh sắt dài, giơ thẳng cánh đập trúng bụng tên trộm, nổ đánh bốp một tiếng thật to lục phủ ngũ tạng theo đầu thanh sắt bắn ra tung tóe.

Ngài Đan làm xong hai việc, bảo sai nha rằng:

- Các người hãy bình chọn ra mấy người đi luyện tập ngón nghề này. Nếu lần sau không làm thành thạo, thì tao sẽ đuổi về với mẹ chúng mày.

Nói xong ngài ra khỏi công đường. Người xem hai bên, ít nhất cũng có tới hai, ba trăm, ai ai cũng nghiêng rằng lẽ lười lã đầu, nói:

- Thật là ác độc thật là ác độc. Chúng ta ở đây mấy trăm năm nay, chưa từng thấy viên quan nào tàn ác như thế.

Người thì ta thán, người thì oán hận, rồi lũ lượt ra về. Song những sai nha võ dũng không còn cách nào khác, đành phải cử người ra luyện cách dùng hình phạt ấy. Khó khăn lắm mới cử được một người họ Sử, nhận làm việc ấy.

Ngài Đan đặt tên cho hai loại hình phạt này. Hình phạt đánh vào bụng gọi là "Ba tiên ông vào động", phép đóng đinh gọi là "Ngũ tử đăng khoa" (năm con thi đỗ). Hình phạt "Ngũ tử đăng khoa" chuyên trừng trị trộm cướp, còn "Ba tiên ông vào động", thì không định ra tiêu chuẩn. Hai tên trộm trừng trị lần đầu tiên này không có khổ chủ, hoàn toàn do ngài Đan trừng trị. Vì Hào Châu cách tỉnh rất xa, lại không có tiền lộ phí nên các vụ án oan, không ai tới tỉnh thành cáo giác. Còn như đạo hoặc phủ đều từng nhận lễ vật trong các dịp lễ tết, mừng thọ... nên quan trên cũng không hề quan tâm đến, nếu thấy người kháng cáo, không những không phê chuẩn mà trả về huyện, đã về huyện, thì cầm chắc sẽ chết. Bởi thế ngài Đan mặc ý giải quyết, và đương nhiên ngài Đan cũng không sợ, chỉ có điều khổ dân, họ chẳng khác nào con sâu cái kiến.

Tính ngài Đan hiểu động chứ không hiểu tĩnh, nếu không có việc gì làm ngài không chịu nổi cảnh thanh nhàn. Thường là ngay từ tờ mờ sáng, hoặc tới gần tối, ngài Đan thay quần áo, mang theo một vệ sĩ đi lòng sục khắp mọi ngõ ngách, gặp kẻ nào đánh chửi nhau, bất kể đúng sai, tất cả đều bắt về nha môn, nhẹ thì đứng cũi, nặng thì "Ba tiên ông vào động". Cũng có khi ngài mang gói đồ vút bừa trên đường rồi nấp một chỗ theo dõi, nếu ai nhặt liên bắt ngay về cho đứng cũi. Trừng trị một lần như thế quả nhiên chưa đầy hai tháng, thì người đi nhường đường nhau, của rơi không ai dám nhặt. Vì bọn trộm cướp ở Hào Châu rất nhiều, nên ngài Đan đề ra kế hoạch rồi ra lệnh cho người đi bắt cứ nửa tháng mà không bắt được một hai tên trộm thì sẽ bắt bổ dịch(1) phải đứng cũi, khép họ vào tội nhận tiền hối lộ rồi tha tội chúng. Bởi thế những bổ dịch này phải thuê rất nhiều người tới các vùng nông thôn bắt bừa, khiến cho gà chó cũng không yên.

(1) Bổ dịch: người thừa hành đi bắt bớ.

Có một người mới được sung vào bổ dịch tên là Hồ Tác, đến cửa hàng đổi tiền Du Phong, thấy một thanh niên đứng trước quầy đổi tiền, ăn mặc rất sang trọng, bê một bao bạc, đặt lên quầy, rút ra hai đồng đổi. Nhà hàng hỏi anh ta bao nhiêu. Anh ta nói:

- Ông cần bao nhiêu thì đổi bấy nhiêu.

Bổ dịch thấy anh ta không giống tên ăn trộm, song lại thấy anh ta có vẻ lúng túng, rất lấy làm lạ, bèn tới vỗ vai anh ta nói:

- Anh bạn vẫn phát tài đấy chứ?

Anh ta quay lại nhìn, mặt đỏ như, miệng lắp bắp nói không thành tiếng. Bổ dịch càng sinh nghi, bèn chỉ vào bao bạc nói:

- Bao bạc của anh có tất cả bao nhiêu lạng?

Nghe hỏi thế, anh ta ngớ người ra không sao trả lời được.

Thấy thế bổ dịch nghi anh là kẻ gian, bèn lôi đi rồi bảo anh ta ra chỗ khác gặp. Anh ta nói:

- Tôi đang bận việc.

- Bận việc cũng phải đi, - bổ dịch nói, - mà không có việc cũng phải đi.

Rồi vừa nói vừa lôi đi. Người ấy sợ hãi, mặt lúc thì tím tái, lúc thì trắng bệch. Vừa đi qua chỗ rẽ, thì gặp ngay ngài Đan cũng đi dò xét. Từ xa thấy bổ dịch lôi người, ngài bèn gọi ngay tới. Bổ dịch vội vàng nói lại sự nghi ngờ của mình với ngài. Ngài Đan bảo giải ngay về nha môn, rồi lập tức tới công đường. Đầu tiên ngài đập bàn quát:

- Người là tên cầm đầu của bọn nào? Người to gan thật, dám dẫn xác vào đây nộp mạng.

Người ấy hoảng sợ, hai hàm răng va vào nhau cầm cập, giọng run run nói:

- Con là người huyện Thẩm Khâu, Hà Nam, họ Vu. Cậu con họ Vương ở Chu Gia Trang ngoài Cửa Bắc vùng này. Lâu nay con thường đọc sách tại thư phòng, vì thầy cho nghỉ, mẹ con bảo đưa số tiền này cho cậu con. Mẹ con dặn, đi qua thành mua chút gì ăn biếu cậu, cho nên con mới đến hiệu đổi tiền.

- Có tất cả bao nhiêu nén bạc, nặng bao nhiêu, - ngài Đan hỏi - thư mẹ người gửi cho cậu đâu?

Anh họ Vu nói:

- Mẹ con bảo cứ trực tiếp nói với cậu ấy, không phải viết Thư. Bạc là do chính tay mẹ con gói, không bảo với con là bao nhiêu.

- Người là thằng ma mãnh, - ngài Đan nói, - mới một tí tuổi đầu mà đã lọc lõi giảo hoạt! Mẹ người gửi tiền cho cậu mợ người, nếu không viết thư thì cũng phải nói rõ số bạc là bao nhiêu chứ? Cho dù không nói rõ số tiền, thì đã có số bạc lớn gửi cho nhà mẹ, sao lại không đưa vài đồng bạc lẻ cho người mua quà, mà lại bảo người lấy bạc trong bao ra dùng, điều đó thật là vô lí. Ta xem ra người không phải là kẻ cắp mà là tên trộm cắp ngòi đầy mà được chia của và nếu không thì cũng là con cháu của bọn oa trử của ăn cắp. Tóm lại người là kẻ bất lương. Người không thấy ta phát hiện kẻ gian giảo như thần thánh sao. Người quả là to gan lớn mật, đã đến đây thì không có ngày về. Người còn trẻ, ta sẽ cho người chết toàn thân.

Nói xong, ngài Đan lật từng trang cuốn sổ ghi cũi đứng, rồi nói:

- Cũi số mười chín vẫn còn để trống, hãy cho hắt vào đó, sau hai ngày mới cho chết.

Anh họ Vu thấy thế kêu khóc thảm thiết:

- Con quả thực là con nhà tử tế, hoàn toàn không phải là trộm cắp. Thừa ngài, ngài cứ để con sống, con chẳng chạy đâu cho thoát. Nếu ngài không tin thì ngài cho người đến trang trại nhà họ Vu ở huyện Khâu hỏi một câu sẽ rõ. Nếu sai xin ngài cứ trừng phạt thật nặng, hoặc ngài cho người đến nhà cậu con hỏi, nếu không có người thân, thì con xin chịu ngài ghép con vào tội ăn cắp

- Đừng có lời thôi, làm gì phải phí công như thế!

Ngài Đan nói xong, cầm ngay bút son đánh dấu vào chiếc phong bì, bảo người lôi anh họ Vu đi, và đem số bạc ấy nhập kho, lần đầu tiên gã bố dịch này lập công to. Anh họ Vu vẫn cứ van nài kêu xin, nhưng ngài Đan đã rời khỏi công đường.

Sai nha lôi anh họ Vu đi, anh vẫn kêu khóc thảm thiết, cầu xin mọi người thương xót. Sai nha nói:

- Ngài Đan đã quyết, chúng tôi không thể làm khác được.

- Xin các ông rộng lòng từ bi bác ái, - anh họ Vu nói, - cử một người đến nhà tôi, bảo cha mẹ tôi đến nhận, nhà tôi cũng có chút của cải, nếu các ông

đi thì nhất định cha mẹ tôi không dám quên ơn, mà các ông cũng tích đức cho con cháu.

Lúc ấy có một người hầu trong công đường tên là Bạch Lão Tứ, ngẫm nghĩ một lát, thấy anh nói phải, thôi thì thử đi giúp anh xem sao. Nếu đúng, thì may ra có thể được món tiền lớn, nếu sai thì cũng phí một chút công thôi. Thế rồi ông hỏi họ tên, nhà cửa ở đâu, tên cha mẹ là gì rồi vội vã ra đi.

Nhưng sai nha vẫn mở cũi đứng rồi lôi anh họ Vu vào. Vì quan bảo là cho đứng hai ngày, nên họ không kê gạch. Nhà họ Vu cách huyện không đầy bốn mươi dặm, vừa đi vừa về chỉ mất một ngày, nếu đứng cũi hai ngày, thì người nhà sẽ đến kịp. Không ngờ tối hôm ấy, bỗng quan huyện lệnh phải trị anh họ Vu chết ngay. Mọi người chẳng hỏi vì sao, chỉ biết thương anh. Song đây là lệnh quan, không ai dám trái, đành phải theo lệnh kết liễu đời anh.

Nào ngờ vào lúc canh hai, quả nhiên thấy một ông già và Bạch Lão Tứ, mồ hôi đầm đìa lao tới. Sai nha biết ngay đây là cha anh họ Vu. Ông già họ Vu chạy đến chiếc cũi, thấy con mình đã chết, khóc rống lên:

- Cha đến muộn rồi! Cha nghe ông Bạch nói ngày mai con mới chết, không biết tại sao con đã chết rồi.

Mọi người bảo với ông đây là lệnh của ngài Đan. Ông già họ Vu vừa đau đớn, vừa vội vã vừa uất ức, chạy ngay tới cửa công đường, nhặt một thanh gỗ đập thùng thùng vào chiếc trống kêu oan, làm náo động cả công đường. Sai nha ngăn cản cũng không được, đành phải vào bẩm quan, song bên trong ngài đã nghe rõ.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 20 (B)

Vốn là ngài Đan định cho anh họ Vu đứng cũi hai ngày, để xem anh là người thế nào. Sau khi rời khỏi công đường, thì Tôn Tự Lan một người thầy chính trực có tiếng hiểu biết pháp luật đến xin cho anh. Ngài Đan hứa sẵn sàng tha, song thầy vừa ra khỏi cửa ngài bèn ra lệnh giết chết ngay anh họ Vu. Tính khí của ngài Đan là như vậy, ngài rất không thích người nào đó thọc vào công việc của ngài. Nếu như có người nào đó hỏi, thì bao giờ ngài cũng làm ngược lại. Đúng thì nhất định ngài bảo là sai; rõ ràng là sai, thì ngài cứ khẳng khẳng là đúng. Bởi thế anh họ Vu bị người thầy nổi tiếng hiểu biết pháp luật giết chết.

Khi nghe thấy bên ngoài đánh trống, ngài Vu lập tức ra công đường. Thấy ông già kêu khóc bước tới, nói:

- Con ta phạm tội gì mà bị người giết chết, người phải đền mạng. Ta không cần cái mạng già này nữa, ta sẽ liều chết với người!

Ngài Đan biết ngay là cha anh họ Vu bèn nói:

- Không cho phép người làm loạn công đường, người nghe ta nói đây. Con người chết rồi, bạc của người vẫn còn đây, người cầm về lo chôn cất.

Lão Vu nghe xong nổi giận lôi đình, gào lên chửi. Ngài Đan cười lạnh lùng, gọi người cùm ông lại, bảo sai nha xem có chiếc cũi nào còn trống thì nhét ông vào cho xong chuyện. Thế rồi ngài Đan lập tức lấy ra một chiếc phong bì viết rằng: "Chẳng coi quan ra gì, kêu gào náo loạn công đường, mắc trọng tội, hãy cho đứng cũi chết để làm gương cho mọi người", Sai nha lập tức lôi ông đi. Ngài Đan rời khỏi công đường.

Về tới thư phòng, thầy Tôn Tự Lan đã ngồi ở đó, chủ khách chuyện trò một vài câu. Ngài Tôn hỏi người nào đánh trống ngoài đó, ngài Đan nói đó là cha anh họ Vu, rồi nói:

- Không ra tay thì không chịu nổi, thôi thì dứt khoát làm cho tuyệt giống.
Thầy Tôn nghe xong, tức dưng tóc gáy, nghĩ một hồi, rồi khuyên lên mặt bàn một vòng tròn, chặc lưỡi khen:

- Chà chà! Thật là một ý hay, ta không thể không bái phục.

Ngài Đan rất đổi kinh ngạc, nói:

- Sao thầy lại khen ngợi như thế?

- Hiện ngài ở đây, cách tỉnh rất xa, dù cho hình phạt tàn khốc đến thế nào quan trên cũng không thể biết. Nếu không giết chết lão Vu, nhất định lão ta sẽ kháng cáo lên cấp trên, lúc ấy việc thăng tiến của ngài sẽ rất khó khăn. Bởi thế bây giờ phải bảo toàn công danh của mình, ngoài việc trị tội cho lão Vu chết đi, không còn cách nào khác. Ta tính đã lâu rồi, không ngờ ngài cũng nghĩ như thế, đúng là ý kiến của anh hùng thật giống nhau. Những việc ngài làm trước đây tôi không hiểu được, nay chỉ một việc này tôi có thể đoán ra.

Vừa nói ông vừa khuyên những vòng tròn lên bàn: Thấy thế ngài Đan nói thầm: "Người là một thằng ngu, người nói đã đoán được dụng ý của ta, song ta không để cho người đoán được đâu". Chuyện phiếm một hồi, thầy Tôn trở về thư phòng. Đúng vào lúc sai nha cho lão Vu vào cúi đứng thì ngài Đan nói:

- Giao số bạc trong kho cho ông ta, rồi thả ông ta ra.

Nghe thấy thế, sai nha hết sức kinh ngạc, không dám nhiều lời sợ ngài Đan sẽ làm trái lại, chỉ biết vội vàng làm theo, thả lão Vu ra khỏi cũi, rồi khuyên giải an ủi ông. Sai nha lấy bạc từ trong kho ra giao cho ông. Chẳng còn cách nào khác, lão Vu lấy một đồng bạc tạ ơn Bạch Lão Tứ, lại mua một cỗ quan tài mỏng, thuê người khiêng con đến một ngôi miếu hoang để tạm, rồi lão Vu về nhà tìm kế khác.

Sau khi việc này xảy ra, mấy ngày sau ngài Đan thấy một mối. Bà lớn cũng theo đường thủy đến chỗ ông. Bà kể lại chuyện từ ngày tạm xa nhau, và những chuyện nghe thấy dọc đường về những lệnh cấm và những việc làm oai nghiêm ở đây, ngài Đan rất đặc ý.

Mới chỉ mấy tháng, mà ngài đã thi hành biết bao nhiêu vụ án, song cách tra tấn cũ như gậy nhỏ, bàn vả, roi da... ngài không hề dùng đến.

Vào một hôm ngài Đan mừng thọ tuổi bốn mươi, trong nhà môn ồn ào náo nhiệt. Bà lớn chuẩn bị riêng một mâm cỗ để tỏ rõ tấm lòng của mình, rồi mời ngài Đan vào nhà trong uống rượu. Bà lớn nói tới chuyện hiện nay chưa có đứa con nào, rồi nhân đó khuyên ngài tu thân tích đức. Nghe thấy vậy ngài Đan rất không vui, đỏ mặt nói:

- Như thế nào mới là tu thân tích đức?

- Như thế nào ư? - Bà lớn nói. - Lễ nào cứ phải niệm Phật ăn chay. Chẳng hạn như mỗi lần ra công đường là mấy mạng người phải chết. Nếu như họ đáng chết, thì cũng phải theo phép nước, hoặc là chém đầu hoặc treo cổ, thì họ chết cũng không oán. Còn như ông tự tạo ra hình phạt sẽ động đến lòng trời.

- Theo bà, - ngài Đan nói, - ta xử tội cũng là gây ra oan nghiệt ư?

- Xử kiện sao coi là oan nghiệt, có điều mọi việc ông cũng phải biết khoan dung, thì người ta sẽ đội ơn ông. Mới nhậm chức chưa đầy nửa năm, mà nghe nói ông đã bắt đứng cũi chết mất gần hai ngàn người. Lễ nào trong số hai ngàn ấy, không có một ai chết oan ư? Hơn nữa hình phạt "Ba tiên ông vào động", "Năm con thi đố" chỉ nghe nói cũng đã sờn tóc gáy, huống hồ là người trực tiếp chịu hình phạt! Thịt da người ta cũng như mình, có điều cảnh ngộ của mình có khá hơn, mà lại chà đạp họ như con sâu cái kiến, nếu tự vấn lương tâm, mình cũng thấy chẳng an lòng.

Ngài Đan gật gật đầu nói:

- Bà nói chí phải, tôi rất phục bà.

Bà lớn rất hiểu tính khí chồng, không nên nói quá lời, vội vã nói lảng sang chuyện khác.

Sau khi tiệc tan, ngài Đan trở về thư phòng, lấy cuốn danh sách phạm nhân, xem qua một lượt, thấy tất cả còn ba mươi một người, bèn lệnh gọi tất cả ra công đường. Phút chốc họ đã có mặt đầy đủ. Ngài Đan mặc thường phục, điểm danh phạm nhân, cho quỳ sang một bên. Sau đó ngài bảo lấy một chiếc thanh la lớn, đứng ngoài cửa khua thật to, nói là ngài Đan lên công

đường, ai muốn xem thì cho vào hết không hề ngăn cản. Chỉ chốc lát trong công đường đã có mấy chục người. Ngài Đan nói:

- Các người là những tội phạm, song không đáng tội chết, trong đó phần lớn là trộm vặt, ta không muốn xử tội các người. Vì rằng bà lớn khuyên ta nên tích đức, để mong có con cái, cho nên ta không thể không xét hỏi.

Thấy nói thế những phạm nhân tưởng rằng ngài sắp tha mình, tất cả đều cúi đầu nói:

- Cầu xin ngài gia ân.

- Bây giờ chẳng có gì phải nói, - ngài Đan nói, - ta sẽ đuổi tất cả về nhà các người, đó chính là ta rất thương các người vậy!

Bọn phạm nhân đều kinh hoàng cúi đầu xin tha.

Ngài Đan chẳng nói chẳng rằng, rồi bắt hai mươi bốn người đứng cúi, còn bảy người kia đập vỡ bụng. Bọn sai nha đứng hai bên dạ vang. Bọn tù nhân biết rằng không thể sống được, gào thét chửi bới. Trong phút chốc tiếng sai nha lôi kéo người, tiếng quát thét, tiếng tù nhân chửi bới, tiếng nhục mạ, và tiếng gậy sắt đập vào bụng nổ đom đóp, náo loạn cả công đường. Song ngài Đan mắt như mù, tai như điếc, chưa đầy vài khắc đã xong xuôi tất cả. Ngài Đan cười ha hả nói:

- Khoái thật, khoái thật!

Ngài Đan rời khỏi công đường, bà lớn biết được, tự oán trách mình:

- Đúng là ta đã hại họ rồi?

Càng nghĩ bà càng đau đớn, khóc lóc suốt đêm. Ngài Đan mặt mày hớn hở như chẳng có việc gì xảy ra, và như ngài chẳng biết gì.

Sau khi xử vụ này, thì nhà tù trống rỗng, người kiện cáo cũng ít đi dần dần đến kì xử kiện chỉ nhận được vài tờ trình, hoặc không có lá đơn nào. Ngài Đan rất khó chịu cảnh vắng vẻ này, ngài bèn gọi một số người đi gây sự quấy nhiễu xóm làng. Dân chúng không sao sống nổi. Tiếng đồn nhanh chóng lan truyền tới tỉnh thành, Phủ Phiên Niết đều ca tụng tài năng chặn dân của ngài: Còn như việc lạm dụng hình phạt giết người, thì chỉ vì dân Hào Châu đáng phải chết như thế. Hơn nữa phủ, đạo đều bị tiền của ngài Đan, sai khiến họ nói với cấp trên. Bởi thế cấp trên có ý định để ngài Đan nhậm chức lâu dài tại Hào Châu. Song bà lớn suốt ngày thấp thỏm lo âu,

không sao quyết được, nhân lúc rảnh rỗi bèn nói với ngài Đan rằng, phần mộ ở quê hương lâu ngày không tu sửa, phải về hương khói, đắp điểm phần mộ tổ tiên. Ngài Đan thừa hiểu ý bà lớn, bèn bằng lòng ngay, và nói còn phải tiền đưa bà. Bà lớn cho rằng đó chỉ là một bữa cơm bình thường mà thôi, ai ngờ lần tiền chân này xuýt xảy ra to chuyện.

Đêm ấy vào lúc canh hai, ngài Đan mặc thường phục, nai nịt gọn gàng, đeo một con dao bên hông, tay cầm một khẩu súng lục trước hết ngài gọi mấy vệ sĩ tùy thân, đứng đợi phía sau tường, ngài vượt tường ra ngoài. Ngài Đan là người Hà Nam, tuy xuất thân từ con đường thi cử, song ngài cũng có mấy miếng võ. Lần hành động này, ngài không cho những người gác cổng biết. Lúc ấy kể cả ngài Đan là chín người, họ len lỏi qua các đường phố, vừa đi được một đoạn thì thấy cỏ một nhà cửa mở toang, người ra kẻ vào rất nhộn nhịp.

Ngài Đan bèn dẫn người ập vào. Đi vòng vèo, thấy một sảnh đường lớn, có ba gian quay hướng tây, đèn nến sáng choang, chiếc bàn bên trái có bốn người ngồi đánh bài, chiếc bàn bên phải cũng có tới mười mấy người đánh bài xương, dưới hiên còn có mấy người đứng hầu, người thì quạt lò, người thì ngủ gà ngủ gật. Ngài Đan dẫn người xông thẳng vào sảnh đường, người dưới hiên tới hỏi, thì ngài Đan quát thét:

- Hãy khóa tay chúng lại, không cho đứa nào trốn thoát.

Bọn đi theo thét vang tuân lệnh. Thấy bọn người này nai nịt gọn gàng, hông đeo dao, tay cầm súng, người trong nhà tưởng cướp, có người chuồn ra cửa sau, cũng có người bị bắt, tất cả đều run rẩy, kêu:

- Xin đại vương tha chết!

- Nói láo, - ngài Đan nói, - Ai là đại vương! Ta đã nhiều lần cấm cờ bạc, nếu kẻ nào vi phạm sẽ trong trị nghiêm minh, cố sao các người công nhiên mở toang cửa, tụ tập đánh bạc, các người ghê thật, dám bất chấp pháp luật. Đang nói thì thấy một ông già đầu râu, tóc bạc bạc tới, cúi chào ngài Đan nói:

- Xin ngài bớt giận. Hôm nay là ngày mừng thọ của tôi, tôi mời bạn bè thân thích tới chuyện trò, không có việc gì, chơi một chút cho vui, chứ hoàn toàn không dám mở sòng bạc, xin ngài xem xét kĩ.

Ngài Đan cười lạnh lùng:

- Thật là bẻm mép, mặc lão ta, điệu hết về nha môn xét xử.

Hai tên vệ sĩ định lôi đi. Ông già nói:

- Hãy từ từ, để tôi đi, không cần phải lôi. Tôi cũng là người có công danh, há lại để cho các ông chà đạp ư?

Ngài Đan nhìn ông già, rồi bảo:

- Không cần phải lôi lão ta.

Lúc ấy, ngài Đan có tất cả chín người, còn cả khách và chủ nhà ấy có cả thầy tám người, còn những người khác thừa cơ bỏ chạy. Ngài Đan cho thu tất cả những cỗ bài trên bàn, sau đó cũng không đi đâu khác, mà về thẳng nha môn. Ngài cũng không về phòng mình, mà vào thẳng công đường xét xử. Trước hết giải ông già có râu ra, hỏi ông có công danh gì, tên là gì ông già nói:

- Tôi là Ân Hạo, biểu Từ Trình là Đô Ty(1) Sơn Tây, trước đây theo Tăng Vương tới nơi này đánh giặc, sau đó định cư tại đây. Tôi luôn nghiêm chỉnh tuân theo luật pháp. Hôm nay là ngày mừng thọ sáu mươi tuổi, tôi mời bạn bè thân hữu tới chơi, đêm đánh chút bài tiêu khiển, chứ hoàn toàn không phạm pháp, không biết vì sao khiến ngài nổi giận.

(1) Đô ty: chức quan võ thuộc hàng tứ phẩm đời Thanh (ND).

Ngài Đan cười lạnh nhạt nói:

- Nay đã bắt được người và tang vật, người còn cãi bướng. Người là Đô ty, chẳng phải công danh gì to lớn. Pháp luật như Sơn, người đứng sang bên chờ đã.

Ngài Đan nhìn những người kia một lượt rồi nói:

- Những tên tội phạm cờ bạc này ta không hoài hơi dài lời với chúng, hãy xem xem có còn cũi đứng để trống không.

Người theo dõi cũi đồng quỳ xuống trả lời:

- Cũi đứng đều đầy hết cả rồi, không còn chiếc nào để không.

Ngài Đan cảm thấy khó xử, một lát sau nói:

- Như thế thì may cho chúng.

Thế rồi ngài Đan bảo sai nha đốt một lò than, lấy mười đồng tiền đồng to, chỉ một lát sau họ đã mang tới. Ngài Đan lệnh bỏ tiền đồng vào lò nung đỏ,

dùng kẹp than gấp ra, "bỏ vào tay mỗi đứa một đồng".

Bọn người ấy sợ mất vía, khẩu đầu lia lịa xin tha, ngài Đan vẫn điềm nhiên không chút động tâm. Cứ hai người phục dịch một người, một người giữ chặt tay, còn người kia gấp đồng tiền đỏ rực bỏ vào lòng bàn tay phạm nhân. Phút chốc, tiếng kêu rên thảm thiết, hết sức thương tâm và thấy mùi thịt cháy khét lẹt xông vào mũi mọi người. Có người đau giãy đành đạch, lăn lê trên mặt đất. Ngài Đan bèn lệnh đuổi ra từng người một, nói:

- Vì thấy các người hám tiền, cho nên ta cho mỗi đứa một đồng tiền mẹ. Nhưng ta muốn các người cứ vĩnh viễn nắm lấy nó mà không buông ra là tốt rồi.

Sau đó ngài lại gọi mang Ân Hạo tới, nói:

- Công danh của người thật hay giả ta không cần xét hỏi. Hiện bọn kia đã mang tiền đồng đi rồi, song người là chủ nhân cần phải được nhiều hơn thế. Ta cho người hai đồng, mỗi tay một đồng.

Thấy thế Ân Hạo dùng dằng nổi giận, nói:

- Ta đã ngần này tuổi đầu, người giết thế nào cũng được. Nếu người không giết thì ta cũng quyết chết cùng người.

Thấy vậy ngài Đan đang định ra tay, thì một sai nha chạy vào, ghé vào tai ngài Đan nói mấy câu. Ngài Đan bỗng chốc sững sờ, ngay cả Ân Hạo nói cũng không nghe thấy.

Ngừng một lát, mới quay lại nói với già Ân rằng:

- Người đã nói thế, chỉ cần người biết sửa chữa lỗi lầm, ta sẽ rộng lòng tha thứ không truy cứu nữa. Đi đi!

Nói xong ngài Đan đứng dậy rời khỏi công đường. Người đứng hai bên không hiểu vì sao! Chỉ thấy trước cửa nha môn có tới một trăm mấy chục người đứng lố nhố. Ân Hạo vẫn khoa chân múa tay gào lên chửi, rồi cùng đám người ấy bỏ đi.

Ân Hạo vốn là người Sơn Tây, trước đây theo Tăng Trung Thân vương đánh quân Thái Bình tới An Huy. Về sau Trung Thân Vương chết, đại quân tan tác. Ân Hạo bèn đi nơi khác buôn bán. Trong gia tài ngồn ngồn bừa bãi ấy, ông cũng kiếm được một ít. Ông có hai người con đều là người có tài năng, cũng làm mấy năm Đoàn trưởng(1). Đoàn trưởng vùng Hoãn Bắc,

thế lực rất lớn, quan địa phương chẳng làm gì nổi, ngược lại họ càng tỏ rõ sức mạnh mà thôi. Mấy năm nay tuy không giữ chức Đoàn trưởng nữa, nhưng những thuộc hạ vẫn còn tới năm sáu trăm người, có người buôn bán nhỏ, có người trồng cấy ở nông thôn. Song nếu nhà họ Ân có việc, chỉ cần ới một tiếng là lập tức họ tụ tập rất đông. Hôm ấy, khi ngài Đan tới nhà bắt người, hai người con ông thấy việc chẳng lành, lập tức chạy ra lối sau, phứt chốc tụ tập tới hơn một trăm người, tất cả đều cầm dao, gậy và các loại vũ khí, nhất tề xông tới nha môn. Nếu ngài Đan không gây khó dễ cho Ân Hạo thì thôi, nhưng nếu nhất loạt thi hành hình phạt tàn khốc, thì họ sẽ giết quan cướp kho. Người lính gác cổng thấy tình thế nghiêm trọng vào nói ngay với lính trực công đường, thế rồi người này lại vào nói nhỏ với ngài Đan. Ngài Đan định cố trừng phạt, song lại thay đổi ngay ý định nói: "Bậc anh hùng trước mắt không nên chịu thiệt. Ta nhượng một bước, sau này chúng có chạy đằng trời". Thế rồi ngài vui vẻ tha cho Ân Hạo giải trừ mối đại họa tức mắt. Ngài trở về thư phòng, suy đi tính lại hồi lâu, định giảng một mẻ lưới tóm gọn, và tạm thời gác chuyện đó sang một bên, coi như chẳng có việc gì xảy ra.

(1) Đoàn trưởng: một chức quan võ.

Đến ngày thứ năm, ngài sai người đi năm trăm..dặm báo lên cấp trên tin bọn võ biên mưu phản, chọn ngày dựng cờ điều quân đi bắt. Việc này là kế hoạch bên trong, người ngoài không ai biết. Sau khi báo cáo việc này, ngài Đan ngấm ngầm sai người đi dò la ngay tên tuổi và chỗ ở của những người này, để thực hiện một kế sách sét đánh mà không kịp trở tay. Nào ngờ Ân Hạo thấy ngài Đan quyết không chịu buông tay, đã chuyển toàn bộ gia đình đi nơi khác. Ngài Đan cụt hứng, đành gửi giấy bẩm lên trên rằng, ngày đêm ấy, đi bắt, song thủ phạm đã trốn thoát bọn tòng phạm giải tán, địa phương vẫn yên ổn như thường. Các Đại hiến trong thành, hôm trước nhận được văn thư của ngài Đan, vội vàng truyền lệnh luyện quân, chuẩn bị đêm sau hành quân gấp tới tận sào huyệt bắt bọn mưu phản.

Đang chuẩn bị hành động, thì lại nhận được văn thư lần thứ hai của ngài Đan nói là đã dẹp xong. Thượng Hiến quả thực rất mừng, tán tụng ngài mấy câu, rằng ngài Đan đã dẹp được tai họa ở chỗ vô hình, quả là một

người tài giỏi nhất tỉnh. Lần này cụt hứng, ngài rất buồn. Mặc dù Thượng Hiến ngày càng quý mến tín nhiệm, song không thể che mắt mọi người, càng nghĩ ngài càng chán nản. Sau khi đã hết nhiệm kì ở Hào Châu, ngài Đan lại tiếp tục nhậm chức thêm một năm nữa. Tuy ngài Đan thi hành những hình phạt tàn khốc, song hình như không ảnh hưởng gì đến những công việc ở Hào Châu. Nào ngờ về tiền bạc ngài Đan cũng rất ranh mãnh, quyết không chịu buông rơi một đồng nào, dù không tới mức ra sức vơ vét, song so với tiền công, tiền tư và những khoản thu tồi tệ của vị tiền nhiệm, thì ngài Đan chẳng kém chút nào. Ai cũng biết rằng mặc dù ngài dùng hình phạt tàn khốc, song số tiền đút lót cho ngài cũng không thể thiếu được. Trong hai năm ngài đã tích góp được khá nhiều tiền, bỗng nhiên ngài muốn thăng quan. Năm ấy đúng vào lúc Tần Tấn mất mùa, ruộng nương hoang hóa hàng ngàn dặm, triều đình mở cuộc bán quan tước, với giá rất rẻ. Ngài Đan bỏ ra một ít bạc mua chức tri phủ, rồi được cử về Giang Tô. Chờ chiếu chỉ tới tay bèn dâng một tờ thiếp bàn giao. Đúng vào lúc phủ đài cần thay người. Từ lâu đã thấy ngài Đan dùng hình phạt tàn khốc, thấy có thiếp bẩm lên, lập tức phê chuẩn, và Phiên đài chọn một người khác nhậm chức. Ngài Đan bàn giao xong, định ngày mười bốn tháng năm sẽ lên tỉnh bằng đường thủy. Trước đó ba ngày ngài thuê một chiếc thuyền lớn, trên thuyền treo một lá cờ "quan Hào Châu, hậu bổ phủ Giang Tô". Lúc ấy những người dân bị hại, chờ tại một nơi cách thành hơn hai mươi dặm. Ngờ đâu ngài Đan rất ranh mãnh, thuê thuyền treo cờ để che mắt những người dân "ngu xuẩn". Còn ngài thì vào ngày mình một tháng Năm, nhân lúc trời chưa sáng, cưỡi ngựa, đem theo mấy người tùy thân, đi thẳng tới Hà Nam. Hành lí mang theo có hạn, số còn lại gửi quan vừa tới nhậm chức. Tiền còn lại, ngài đã gửi về nhà theo phiếu chuyển tiền. Gia quyến chỉ có mình bà lớn, song bà cũng đã về từ lâu rồi.

Đám người đón đường tới hai ngày, mà không thấy thuyền ngài Đan tới, lẽ nào hẳn lại thay đổi ngày đi. Họ sai mấy người trở về dò la, thì thuyền vẫn còn đó, mà cờ thì đã hạ rồi. Họ vội vàng hỏi nhà thuyền, mới biết rằng ngài Đan đã đi theo đường bộ tới Hà Nam từ ngày mười một tháng Năm. Biết đích xác rồi họ vội vã báo cho mọi người biết. Tính ra thì ngài Đan đã đi

được năm trăm dặm, có đuổi cũng không kịp nữa. Không còn cách nào, họ gào lên chửi một hồi, rồi bỏ về.

Ngài Đan đã dùng một kế nhỏ để ra khỏi Hào Châu, tới Hào Nam nghỉ lại mấy ngày sau đó mới tới Hà Bắc, rồi từ Vũ Hán đáp tàu thủy tới An Huy, xin lệnh tới tỉnh Giang Tô làm Hậu bổ. Lăn đi tàu xe này ngài Đan mệt mỏi, người khó chịu. Đến tỉnh thành lại gặp bạn bè cũ, yến ẩm liên miên, vui chơi tới mấy ngày, ngài vô cùng mệt mỏi, dần dần thấy người phát sốt ngày một trầm trọng, đêm ngày không yên giấc. Ngài thấy sau lưng nóng như lửa đốt, toàn thân nặng nề, không cất mình lên được. Ngài cho người mời Kha Xuân Kiêu, một thầy thuốc giỏi trong thành đến chữa trị, uống mấy ngày thuốc. Kha Xuân Kiêu cho rằng ngài mắc bệnh thương hàn, càng chữa càng quá ra, dần dần không ngồi dậy được, sau lưng thấy một chỗ bị sưng. Ngài Đan cuống lên, lại mời một thầy lang khác chữa trị ông nói rằng ngài lên hậu bổ, rồi ông điều chế thuốc, rửa sạch chỗ đau, đắp thuốc vào, cắt cho ngài mấy chén thuốc tổng độc thấy đỡ dần.

Lúc ấy, lệnh của Phiên Đài đã gửi xuống từ lâu, ngài Đan bèn gắng gượng đến các nha môn chào từ biệt. Chọn ngày đáp tàu thủy, tới Trấn Giang thì lên bờ, chuyển sang thuyền dân tới Tô Châu. Ngài Đan chưa khỏi hẳn, vất vả mấy ngày liền, nên bệnh lại tái phát. Ngài Đan kêu rên suốt ngày, muôn phần khổ sở dần dần ở cổ lại sưng một cái mụn, rồi vỡ, chảy ra rất nhiều nước vàng: Nước vàng chảy đến đâu thì ở đó lại lở loét. Đến Tô Châu thì khắp người như một quả dưa hấu nẫu. Ngài vội vàng bảo người tìm nhà ở, nộp lại lệnh cho cấp trên, rồi cho người mời thầy chạy chữa. Tô Châu có khá nhiều thầy thuốc, song họ đều không biết đây là chứng bệnh gì. Thuốc uống vào mà như ném sỏi xuống biển sâu, chẳng có chút kiến hiệu nào. Hơn nữa ngài Đan lại không tự tin và khiếp sợ, suốt ngày bắt người ngồi bên mình, đầu giường ngài không lúc nào vắng bóng người. Hễ không có người thì ngài thấy ma quỷ cứ gào khóc. Đi Tô Châu lần này bà lớn không đi cùng ngài. Mấy người theo hầu và những vệ sĩ cho rằng ngài khó mà sống nổi.

Tục ngữ có câu, ốm lâu không có con hiếu thảo. Huống hồ những người

theo hầu thì sao họ thật sự yêu thương ngài. Thấy tình hình ngày một xấu đi, họ lần lượt vờ cáo ốm, hoặc xin nghỉ bỏ về. Những người mới tìm đến càng không ai quan tâm. Ngài Đan đến Tô Châu, hai mắt thâm quầng, tứ cố vô thân, khổn đốn vô cùng. Toàn thân thối rữa, đầu óc ngài vẫn tỉnh táo, song tay chân thì vướng víu. Ngài Đan bèn đánh điện về cho bà lớn, và tìm người lo việc tang ma. Khi bà lớn tới, thì cánh tay ngài rữa nát, chỉ còn trơ lại chiếc xương, thân thể không còn mẩu nào nguyên vẹn. Bà lớn nói là ngài Đan bị quả báo, bèn đi khắp các đền chùa miếu mạo cầu thần khẩn Phật cho ngài song hoàn toàn vô dụng. Đến tháng Tư năm sau thì ngài trút hơi thở cuối cùng. Toàn thân chỉ còn là một nhúm xương, không thể mó tay khiêng lên được, người ta đành chèn cả chăn đệm, bỏ vào quan tài. Đây là kết cục cuộc đời ngài Đan. Theo những người hầu hạ nói lại thì, trước khi ngài Đan chết tiếng ma quỷ cứ rên rỉ khóc suốt đêm ngày, ngài vẫn gào lên đòi đánh đuổi. Những chuyện đó hư hư, thực thực, không đáng tin. Người viết chuyện này hoàn toàn không theo những người thủ cựu, khuyên người ta thấp hương niệm Phật. Song ngài Đan tới Hào Châu mới được hai năm mà thảm sát biết bao nhiêu nhân mạng. Ông ta tàn ác hiếu sát mà vẫn phú quý trường thọ, con cháu đầy nhà, thì chẳng khác nào khuyên người ta làm điều ác.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 21

Nhuộm Thịt Tay, Bồ Đầu(1) Dạy Bí Quyết

Nạn Vu Vơ, Quỷ Kế Khó Phòng Ngừa

Thôn Minh Phượng làng Tây huyện Thiên Trường, tỉnh An Huy, có hơn năm trăm nhà. Đây là một thị trấn khá lớn. Cư dân phần đông làm nghề chài lưới. Có một người tên là Chử Trung, trạc hai mươi mốt tuổi. Trước đây khi cha mẹ còn sống, nhà cũng có bát ăn bát để. Chử Trung cũng tới trường học được mấy năm, tuy không thông thạo lắm, nhưng những giấy tờ và sách vở thông thường cũng đọc được. Sau khi cha mẹ chết, chỉ còn lại một mình, không bị ràng buộc, lại nhàn rỗi, nên suốt ngày rong chơi. Vì anh ta không có nghề nghiệp gì nên chẳng ai thèm để ý tới. Hằng ngày ngủ dậy anh ta mang hàng trăm đồng đi bát phố, gặp rượu là uống, gặp cơm là ăn. Quả đúng như người xưa nói, miệng ăn núi lở. Chưa đầy hai năm, gia tài khánh kiệt, dần dần nghèo túng, không sao sống nổi. Về sau có một người anh em họ xa, sống ở thành làm nghề buôn bán nhỏ, gọi anh ta tới bán hàng giúp.

(1) Bồ đầu: người đứng đầu tổ chức truy lùng tội phạm ở huyện thời xưa

Nào ngờ Chử Trung là người hay ăn mà chẳng hay làm. Người anh em họ ấy bị thua thiệt, đành phải cho anh ta mười quan tiền rồi đuổi đi. Anh ta dùng mười quan tiền ấy nhờ người tìm việc, tìm được việc rồi lại không chịu làm, chỉ được dăm bữa nửa tháng lại chuyển sang nhà khác, chẳng làm cho ai được lâu dài.

Một hôm không có việc, anh ta đi chơi lảng vảng trên phố, lại đứng vào ngày cúng Thành Hoàng có diễn kịch. Chử Trung cũng chen vào đám đông xem, thấy một ông già đứng trước ăn mặc rất sang trọng. Đầu tiên, ánh nắng chiếu lóa mắt mọi người, người thì đội mũ, người thì dùng tờ giấy gấp

vào rồi dùng chiếc đuôi sam kẹp lấy trước mặt. Chỉ có ông già là đeo một chiếc kính râu, chẳng sợ gì lóa mắt. Một lát sau ánh nắng dịu đi, ông già đeo kính râu nhìn không rõ, bèn tháo kính ra, bỏ vào túi áo khoác, Chử Trung nhìn thấy. Tiếp đó, trên sân khấu, hát bài *Bát Lạp miếu*, người xem náo nhiệt hẳn lên. Võ Tiểu Sinh múa đao tuyệt diệu, ai ai cũng sững sờ. Lại có thêm người mới đến, chen lẫn vào. Đúng lúc kẻ xô người đẩy Chử Trung rón rén rút lấy chiếc kính trong túi ông già. Sung sướng quá, chẳng thiết xem kịch nữa, cổ sống cổ chết chen ra.

Vừa ra khỏi đám đông, anh ta bèn đeo kính lên, thấy đằng sau có người vỗ vào lưng nói:

- Anh bạn, làm ăn có khá không?

Chử Trung vội quay đầu lại, thì đó là một người đàn ông cao lớn vạm vỡ, vẻ mặt hung ác, đôi mắt dữ tợn, song không hề quen biết. Chử Trung ngơ ngác hỏi:

- Xin ông cho biết tính danh, chúng ta gặp nhau ở đâu nhỉ? Tôi bỗng chốc không nhớ ra.

- Khá, khá lắm, - người ấy nói, - ngay đến ta mà anh cũng không nhận ra, trước mặt có quán trà, ta đến đó uống rồi nói chuyện.

- Tôi vốn không quen biết ông, đâu dám quấy rầy.

- Chúng ta đến đó uống trà, thì anh sẽ biết ta là ai.

Chử Trung hỏi họ tên. Người ấy nói:

- Tí nữa sẽ biết.

Chử Trung theo người ấy vào quán trà, quán đông nghịt, không có chỗ ngồi. Người ấy nói:

- Ở đây không tiện nói, chúng ta đi chỗ khác.

Nói xong người ấy kéo Chử Trung đi loanh quanh mãi mới tới một nơi vắng vẻ bên góc tường thành, ở đó có mấy gian nhà cỏ. Xung quanh đây không có nhà dân. Chử Trung thấy nhớn nhợn. Người ấy bảo Chử Trung vào, rồi ngồi ngay trước mặt, nhìn xoáy vào Chử Trung cười. Chử Trung chẳng biết thế nào, mặt đỏ lên rồi tím tái. Dùng một lát, người ấy nói:

- Ta xem ra thì người mới nhảy cầu!

Chử Trung không hiểu, cứ ngây người ra nhìn người ấy.

- Người đừng giả vờ ngạc nhiên nữa, việc của người đã vỡ lở rồi

Chử Trung hoảng sợ nói:

- Tôi làm gì mà vỡ lở! Ông là ai?

- Việc người làm, người tự hiểu. - Người ấy cười lạnh lùng nói. - Những việc khác không nói, ta chỉ hỏi chiếc kính người lấy ở đâu?

Chử Trung nghe xong, nghĩ bụng: "Nguy rồi, người này nhất định là Bồ khoái(1). Song đã như thế, không thể không cãi lại. Thế rồi Chử Trung vội đứng dậy nói:

(1) Bồ khoái: người ở nhà môn chuyên đi bắt người thời xưa.

- Kính của tôi, liên quan gì tới ông. Tôi cứ tưởng ông mời tôi làm gì, hóa ra là vì chiếc kính. Chiếc kính là của tôi, lẽ nào tôi đeo cũng phải nói với ông! Điều ấy thật nực cười!

Nói xong định bỏ đi. Người ấy nói:

- Khá, khá, người khá lắm! Bây giờ không còn cách nào khác không cho mày ném thử đòn thì mày không sợ. Còn như mày muốn đi, thì dù mày có cánh cũng không bay được.

Chử Trung vừa ra tới cửa thì người ấy lôi lại, rồi huýt một tiếng sáo, bỗng thấy hai ba người ở nhà bên đi tới, đều là những kẻ mặt mũi gớm guốc, mắt tráo trưng, lông mày dựng ngược.

Người ấy nói:

- Hôm nay chộp được một tên mới vào nghề, các người dạy cho nó một bài học, không cần phải ghê gớm lắm. Song thằng này rất bướng, không cho nó biết phép tắc thì nó không sợ. Các người ở đây hành sự, hỏi nó về hoàn cảnh gia đình. Ta có việc phải đi, tối nay về nói lại cho ta biết.

Hai người này vâng lệnh, còn người kia bỏ đi.

Hai người vào phòng nhìn Chử Trung một lượt, Chử Trung vội đứng dậy chào, chúng chẳng thèm để ý. Một đứa lại, túm tóc Chử Trung lôi, còn đứa kia lấy chiếc thùng quần từ cổ tay lên khuỷu tay, cánh tay thẳng đứng, cứng

đơ không cử động được. Chúng lại dùng chiếc thừng khác quấn chân vào một chiếc cột. Khi chúng cuốn, Chử Trung gào lên kêu cứu.

Song nơi đây cách nhà dân rất xa, không ai nghe thấy. Cho dù có nghe thấy họ cũng cho là bồ khoai bắt trộm nên chẳng ai hơi đâu mà để ý tới, dù anh có kêu khản cổ rát họng cũng chỉ uống công. Chử Trung kêu được một lúc, thấy hai cánh tay tê dại, đau đớn như đóng thành băng giá, hoàn toàn không phải là của mình không sao chịu nổi. Hai người ấy lại lấy ra một nắm đũa nêm vào từng vòng thừng quanh tay. Càng nêm càng chặt, những chiếc đũa kẹp vào thịt, cứ thế mỗi vòng một chiếc, nêm vào đến bảy tám chiếc đũa. Chử Trung như lợn chọc tiết mắt nẩy đom đóm, kêu khóc van xin, chúng vẫn cứ mặc thây không thèm để ý tới. Chử Trung không còn cách nào khác đành phải nói:

- Tôi là thằng ngu đần. Các ông muốn sao thì tôi làm vậy. Các ông cứ nói rõ tôi sẽ làm theo các ông.

Thấy nói thế, hai người kia mới hỏi họ tên. Biết nhà Chử Trung không còn ai, chúng rất mừng. Rồi bảo anh rằng, đó là lẽ ra mắt khi làm nghề ăn trộm.

- Tôi có ăn trộm, ăn cắp gì đâu. - Chử Trung nói.

- Phải rồi. - Hai người ấy nói. - Từ nay mày tha hồ mà ăn trộm. Ta còn phải dần dần dạy người tất cả mọi phép tắc nhà nghề.

Đang nói thì người bỏ đi trước đó trở về, nhìn một lát rồi cười nói:

- Nó đã nhận đủ rồi, thôi tháo ra, đánh dấu cho nó.

Hai người ấy cởi thừng ra, những chiếc đũa kẹp vào thịt, tháo ra thành vết tím bầm, xung quanh máu sưng mọng. Một người vào phòng bê ra một chậu mực đặc màu chàm, quét lên những chỗ thịt toạc ra, một lát sau mực ngấm vào thịt, đến khi thành sẹo rửa cũng không sao sạch được.

Xong xuôi, chúng bắt Chử Trung quỳ xuống nghe giáo huấn. Chử Trung chỉ biết chịu đau theo lệnh quỳ xuống. Người ấy nói:

- Ta nói cho người biết, ta là bồ khoai đầu Ngô Lương. Người mà vào nghề phải cúi lạy ra mắt ta, tại sao người tự ý làm bừa. Nay ta nhận người làm đồ đệ, người tha hồ hành nghề. Song quy tắc hành nghề là phải nộp cho ta bảy phần hoa hồng. Người buôn bán ta cũng khấu đi bảy phần, còn ba phần để

cho người sử dụng. Nếu che giấu ta việc gì ta sẽ giết chết. Lại còn thế này nữa, người nào phòng bị nghiêm cẩn, hoặc là quan nhất định đòi phá án, phải làm gấp, bất luận thế nào, bắt đồ đệ phải đứng ra nhận, thì người phải nhận và khi nhận cũng không được nói là người đứng đầu, chỉ nói là làm theo, hoặc là canh chừng, như thế bất quá cũng chịu đánh mấy gậy.

Những trận đòn ấy cũng chỉ là món nợ nhân tình mà thôi. Người nắm hình phạt đều là bạn bè của ta. Biết được đồ đệ của ta họ sẽ không đánh đau, mà cũng chỉ là đánh làm phép để che mắt mà thôi. Đánh xong lại trả về chỗ ta. Còn cái này nữa, người đi ăn trộm phải nhớ nhà cửa, phương hướng, khi có cơ hội thì có thể trèo vào. Hiểu rõ ngọn ngành thì tiền của nó là tiền của mình. Việc này mọi người đều có lợi. Đó cũng chỉ là nhà buôn bán hoặc bỗng nhiên giàu có thôi, còn những thân hào thân sĩ, hoặc là kẻ sĩ thì chớ có đụng vào. Lại nữa, khi thi huyện cũng đừng động vào những ông trời con ấy. Sợ rằng gây sự với họ, họ sẽ dựa vào đông người, thì lúc ấy quan cũng bênh họ. Còn như bình thường lấy trộm nhà người ta cũng có mấy điều bí quyết. Đó là lấy trộm lúc có gió, không lấy lúc có trăng.

Lấy trộm lúc có mưa, không lấy lúc có tuyết. Tại sao phải như thế! Là vì khi gặp gió to, then cửa, cánh cửa nhà người ta luôn có tiếng động, người ta sẽ không nghi ngờ, thì mình nhờ tiếng gió ấy mà áp sát, rồi lén vào. Nếu trăng sáng, người ta nhìn thấy rõ cũng bất lợi. Khi trời mưa cũng có tiếng động như khi có gió. Nếu là trời có tuyết rơi cũng không được, bởi vì nếu chẳng may có động, họ chợt tỉnh, thì họ cứ theo dấu chân hằn lên tuyết mà đuổi. Còn như mùa hạ, mấy ngày liền trời nóng nực oi bức, bỗng đột nhiên mát mẻ, người ta sẽ ngủ say, hoặc là nhà nào có việc cưới xin, ma chay, mấy ngày liền bận rộn mệt mỏi, thì đây là những cơ hội tốt nhất. Khi đi lấy trộm, điều đáng sợ là bị người ta đuổi, bởi vậy khi vào nhà, phải chuẩn bị trước đường tháo chạy, những lối cửa ngoắt ngoéo, và sân, vườn, đều đặt sẵn những chướng ngại vật như ghế tựa ghế đầu để người rượt đuổi vô tình mà vấp ngã. Mà đã ngã thì phải nắn bóp chỗ đau như thế mới có thời gian chạy thoát thân.

Nếu nhà ấy đóng chặt cửa không lấy được gì, thì đó là điều tối kị. Người xưa nói, đi lấy trộm đừng về không, không cần câu nệ, cứ phải lấy một chút gì đó. Mà nhược bằng không lấy được gì thì cũng phải ỉa một bãi giữa sân. Đây là những bí quyết bất di bất dịch không thể nào thay đổi được. Còn như đã đào tường khoét ngạch xong, phải chui ra chui vào thử đi thử lại. Nếu khoét ngạch mà vướng phải gỗ thì phải đào lại chỗ khác. Vì người mới vào nghề, cho nên ta dạy tỉ mỉ như thế. Người đừng nói rằng người đi ăn trộm ta bắt được người rồi lại bảo người đi ăn trộm. Ta nói thực với người, bồ khoái cũng là trộm cắp. Người thử nghĩ mà xem, ông lớn không cho tiền, thì bồ khoái chúng ta ăn sương sa uống nước lã sương sa mà sống à, bởi thế ta phải làm trò ma quỷ này. Rất may nhà người không còn ai, tạng người cũng không buôn bán được, nên chỉ theo con đường này là ổn định nhất. Nếu người vào công đường gặp quan, dám cả gan nói là ta bức người đi ăn trộm thì người cứ nói. Nếu thế thì sau khi người ra khỏi công đường ta sẽ tính sổ với người.

Chử Trung nghe một thôi một hồi như thế, cứ do dự mãi. Người xưa thường nói, người sợ vào tròng, sợ vào lò. Hơn nữa tay mình đã nhúng chàm rồi thì mồm năm miệng mười cũng không sao cãi lại được, thôi thì nghe theo họ sẽ được ăn no mặc ấm. Thế rồi Chử Trung gật đầu. Ngô Lương rất mừng, bèn gọi hai người kia bảo:

- Từ nay về sau, các người sẽ là anh em, các người phải giúp đỡ nhau.

Rồi hắn nói cho Chử Trung biết, một người tên là Sử Đan, một người tên là Cái Tứ. Mọi người làm lễ ăn thề, Chử Trung một lòng một dạ làm nghề ăn trộm, hết lòng vì bồ khoái.

Ngô Lương lại cận kề dạy dỗ Chử Trung một hồi, rồi quay lại nói với Sử Đan rằng:

- Hai thằng nhãi kia thế nào?

- Nó bảo đúng là nó ăn trộm, - Sử Đan nói, - nhưng ở đây mới là lần đầu, song nó không hề gây án. Bảo nó nhận gây ra vụ án ấy, nó không chịu nhận.

- Lần trước đã ép mạnh, mà nó không nhận thì hãy cho nó nếm thử một chút phép tắc. - Rồi lại chỉ vào Chữ Trung nói. - Chữ Trung mới đến, vẫn chưa yên tâm, hãy cho đi xem hai thằng nhãi ranh này, dù nó mình đồng da sắt cũng phải bắt nó khuất phục. Người hãy đi làm mau lên.

Sử Đan rủ Chữ Trung và Cái Tứ cùng tới gian nhà phía Tây. Chữ Trung sợ quá, trống ngực đập hơn trống làng, đầu óc anh cứ loạn cả lên. Lúc thì nghĩ, đúng là không nên lấy chiếc kính này, nay họ bắt quả tang, thì làm thế nào cho phải. Thôi thì tới khi nào vào cửa quan, ta cứ khai hết ra, lẽ nào quan lại cứ bắt mình đi ăn trộm! Hơn nữa tổ tiên ta còn có chút danh dự nếu đi ăn trộm thì còn mặt mũi nào mà nhìn người ta nữa! Còn như chứng cứ thì khi gặp quan mình cứ nói thẳng, lẽ nào trước công đường mình không thanh minh được!

Đang lúc ngổn ngang do dự, thì đã thấy Cái Tứ dẫn một người tới, hăn để anh ta ngồi xuống rồi nói:

- Thầy chúng ta quả là đã bắt bừa. Người không gây án ở đây thì có gì cứ bắt người đi nhận án! Quả là đã vô cớ bắt người phải nhịn đói một ngày, ta là người rất nhân từ, bây giờ ta giấu thầy Ngô Lương bụng cho anh hai bát mì, có điều mì sợi to và không được ngon lắm, anh hãy ăn tạm cho đỡ đói.

Nghe xong người ấy rất cảm động. Cái Tứ bèn bưng ra hai bát mì to. Những sợi mì bằng ngón tay út, đó là hai bát mì suông, dở sống dở chín. Người ấy đói ròn rã một ngày, chẳng nề hà gì, rồi rít cảm ơn, rồi bỗng lên húp soàn soạt, ăn hết một bát, lại bát nữa, phút chốc hai bát mì hết nhẵn.

Ăn xong, Cái Tứ giờ giọng, nghiêm mặt nói:

- Tí nữa thầy ta hỏi việc ấy thì người nói sao?

- Quả thực lần đầu tiên tôi đến đây thì bị thầy tóm được, thực ra tôi chưa từng gây án, tôi không hề nói dối.

- Người thề cũng chẳng được. - Cái Tứ cười nói. - Ta nói thực với người. Hiện nay thầy bị cấp trên bức bách, phải phá án gấp vụ án nhà họ Dư ngoài cửa Đông. Không còn cách nào khác, đành phải bắt người nhận cho xong

chuyện. Người nhận thì nhận, nếu không nhận thì người là người trong nghề, lẽ nào người không biết luật nhà nghề! Đã nói đến thế mà người không nghe thì cũng đành phải vô phép người thôi!

Nói xong, bèn gọi Sử Đan tới xem, còn Cái Tứ thì lấy ra một chiếc chiếu, và hai cái thùng, trải chiếu xuống đất, lật ngã sấp người ấy xuống giữa chiếu, rồi lại dùng thùng buộc xung quanh, thẳng đuồn như một khúc gỗ, rồi động ngược lên, chống vào sau cửa.

Các bạn thân mến, đây là hình phạt phi pháp, gọi là: “Hai con rồng mọc râu”. Bị động ngược xuống chỉ độ một lát, người ấy mặt mũi tối sầm lại, hàng trăm mạch máu đảo lộn, tất cả dồn xuống óc, hai bát mì sợi to, từng sợi từng sợi một theo mắt, tai, mũi mồm chui ra khiến đầu óc người ấy quay cuồng, không còn biết đâu là trời đất. Người ấy còn đau đớn hơn gấp mấy lần bị tùng xẻo(1) lăng trì(2). Chúng coi hai lỗ mũi là hai con rồng, những sợi mì là râu rồng. Người bị động ngược rơi vào tình trạng muốn chết đi cũng không xong, cứ thế kêu gào, sau đó tiếng kêu yếu dần, chỉ còn nghe thấy tiếng nói mơ hồ mới thả ra. Chờ đến khi tỉnh hẳn, chúng hỏi thế nào. Người ấy đáp:

- Trời ơi! Thôi, thôi tôi xin nhận. Sử Đan và Cái Tứ thấy thế vui mừng nói:
- Chẳng phải người đã phí công ư? Nếu người chịu nhận sớm thì đâu đến nỗi thế?

(1) Tùng xẻo: là hình phạt dã man thời xưa, đánh một tiếng trống xẻo một miếng thịt.

(2) Lăng trì: buộc chân tay phạm nhân vào bốn con ngựa, đánh ngựa chạy về bốn phía xé xác người ra.

Đứng bên cạnh, Chủ Trung thấy thế khiếp mất vía, nghĩ bụng: "Tàn khốc đến thế, thật khó mà chịu nổi: Nó không bắt mình chết, giá mà chết ngay đi, thì còn dễ chịu hơn. Thấy tình cảnh này, nếu mình lên công đường khai thẳng ra, thì hãy nhìn tấm gương ấy".

Đang lúc do dự thì Cái Tứ và Sử Đan lại lôi một người vào cũng bảo người ấy phải nhận một vụ án nào đó. Người ấy không chịu, xem ra anh ta lâm vào tình thế vô cùng khốn đốn. Cái Tứ, Sử Đan cũng không nhiều lời, hành động ngay, chúng lôi anh ta tới đặt nằm trên một chiếc ghế dài, dùng hai

chiếc thùng một chiếc buộc đùi vào ghế, một chiếc chằng ngực vào ghế, trói chặt hai tay ngoặt ra phía sau. Vừa buộc vừa lau bầu chửi, sau đó lấy một viên gạch nhét xuống dưới lưng, dù không nhét được, nhưng chúng cũng cố nhét, lát sau lại nhét thêm một viên nữa, bụng anh ta ưỡn lên, chân và đầu cong oặt xuống. Sóng lưng người ấy đau đớn vô cùng. Lúc đầu còn miễn cưỡng chịu được khi nhét đến viên thứ hai trở lên, anh ta kêu như bò chọc tiết. Đến khi nhét vào viên gạch thứ tư, người ấy luôn mồm xin tha tội, bất kể bảo anh ta làm gì anh ta cũng không dám chối từ. Cái Tứ, Sử Đan thấy anh ta tình nguyện, mới từ từ cởi thùng ra, người ấy không sao ngồi dậy được. Cứ nằm thế một lúc lâu mới đứng dậy.

Thấy thế Chữ Trung vô cùng sợ hãi. Cái Tứ, Sử Đan nói với Chữ Trung:

- Đây là ghế ông hổ, đó là phép tắc chúng ta vào nghề. Cái đó người đều biết rồi. Không biết thầy có duyên gì với người mà không để người thử nếm mùi một chút. Tóm lại, nếu anh không vào thì thôi, mà đã vào thì dù là mình đồng da sắt cũng không thể trốn tránh được. Hai người này trước đây cũng như người, song nhẹ không ưa lại ưa nặng, nếu không thế thì chúng không chịu nhận, thế mới biết chúng là đồ hèn. Nói thực với người nhé, hình phạt của quan nặng nhất cũng chỉ là quỳ, xiềng xích, cùm kẹp, song cũng không dùng tùy tiện, chỉ có những kẻ cứng cổ mới chịu phạt đến thế thôi. Còn như hình phạt riêng ở đây chẳng lo gì người không sợ, dù anh có đúc bằng sắt cũng phải chìm xuống nước để tôi.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 21 (B)

Chử Trung nghe xong run cầm cập, rụng rời cả chân tay, tới lúc này mới thực sự một lòng một dạ đi theo họ, không nghĩ gì khác nữa. Cái Tứ và Sử Đan lại đi lấy cơm gạo hầm cho họ ăn, chỉ coi đây là chút điểm tâm, chứ không được ăn no. Lục phủ ngũ tạng của hai con rồng này chưa trở lại bình thường, cũng không dám ăn thêm. Thế rồi chúng nằm bừa xuống đất ngủ.

Sáng sớm hôm sau, Ngô Lương tới. Cái Tứ nói mấy câu, Ngô Lương gật gật đầu. Trước hết bảo người ngồi ghế ông hổ đi nhận:

- Ngày mồng một tháng Tư chúng tôi cạy cửa vào nhà họ Chu ở ngoài cửa Đông lấy mười hai chiếc áo da, một gói đồ trang sức gồm: một chiếc xuyên vàng, hai đôi khuyên vàng, hai chiếc trâm vàng; một vòng cổ bạc, với bốn pho tượng Phật nhỏ bằng đồng, một chiếc áo khoác ngoài bằng đoạn màu thanh thiên, một chiếc áo khoác ngoài bằng nhiễu Hồ đen, một chiếc áo khoác lụa Ninh màu lam, đều là áo lông cừu và chín chiếc áo cộc tay bằng da. Người chỉ nói có hai người đầu sỏ là Triệu Lão Tứ, còn người đứng ngoài canh chừng nhận đồ. Lúc ấy Triệu Lão Tứ ôm một bao ra, đưa cho hai đôi khuyên vàng, một chiếc xuyên còn lại anh lấy hết. Vì anh ấy vào lấy nên đòi chia nhiều hơn. Nếu quan hỏi người, quần áo đâu thì người bảo bán cho người không quen biết được hai đồng, tiện tay đánh bạc thua hết. Hỏi đồ trang sức thì người bảo bán cho thân quyến nhà quan đi thuyền ngang qua chỉ được hai đồng, cũng ăn hết rồi. Hỏi sau đó người đã lấy của ai, người cứ nói bừa là đã lấy trâu của Từ Ngũ và vải của Trịnh Nghĩa Hòa. Hỏi tang vật đâu thì vẫn cứ nói là đã bán cho người không quen biết. Hỏi tiền, thì người nói đã dùng hết rồi. Hỏi xong chẳng qua chỉ đánh người mấy trăm tay thước, người phải chịu đựng qua cửa này, sau này dù người thế nào cũng không đến nỗi chịu thiệt. Người phải nhớ hết từng lời, nếu sai mà lộ ra, bị quan bác bỏ, thì sau này chúng ta không sao trả hết nợ được.

Sau đó Ngô Lương lại gọi người kia ra, bắt người ấy phải nhận một vụ án

khác, đại khái cũng dạn dò gần như người trước. Sợ rằng người ấy quên, lại bảo Cái Tứ và Sử Đan luyện tập cho người ấy một hồi. Chử Trung nghĩ rằng: "Đây quả thật là những ngày đen tối. Trước đây ta chỉ nghe thấy bị mất trộm thì báo bổ khoái, bổ khoái bèn đi bắt kẻ trộm, nếu không thì quan ắt không dựa vào họ. Nào ngờ họ bất chấp cả trời đất, pháp luật, bắt người tốt phải nhận là trộm cắp. Từ đó mà suy ra, giá không có bổ khoái thì có lẽ trộm sẽ ít đi. Cứ làm theo họ, thì về sau ba người chúng ta, ngoài việc đi lấy trộm ra, còn có việc gì đáng làm nữa, chẳng phải họ đã dung dưỡng toàn những kẻ trộm cắp ư? Ta đã mắc tròng, bây giờ chẳng còn cách gì khác nữa, trước mắt ta theo họ sống cuộc sống bụi đời ít ngày, đợi khi nào họ không phòng bị, thì ba mươi sáu kế, chuồn là tốt nhất. Song tay ta đã có chứng cứ thì phải thế nào mới được! Ít lâu nữa ta phải đi bàn bạc với người anh em họ".

Trong lúc Chử Trung dẫn đo tính toán, thì thấy Ngô Lương hỏi:

- Đã nhớ kĩ chưa?

- Nhớ kĩ rồi - Hai người kia vội trả lời.

Ngô Lương đích thân hỏi lại một lần nữa, quả thấy rất đúng, rồi không nói gì thêm, bảo họ đi ăn chút cơm, nói đã chiều rồi chắc là quan cũng đã dậy. Rồi dẫn hai người này đi báo quan.

Đến tối, Ngô Lương trở về, theo sau còn có hai người và một người còn trẻ bị xích bước vào. Trước hết Ngô Lương bảo người ấy dẫn họ sang gian bên, rồi Ngô Lương tới nói chuyện với Chử Trung:

- Ngoài cửa Tây có một nhà giàu họ Trần, xuất thân từ cử nhân, lại có chút thế lực. Quan huyện cũng hết lòng với ông ta. Vì địa phương đang cần một khoản tiền quyên góp, tất cả đều trông ở ông ta. Cờ quạt và tấm biển Chính Đức của ngài quan huyện đều nhờ ông ta đóng góp đầu tiên, nếu ông ta không lên tiếng đóng góp thì dân chẳng ai đóng góp. Nhưng quan nhậm chức trước đây, không ai dám làm méch lòng ông ấy. Hơn nữa ông ấy đối xử với quan Huyện rất tốt. Không ngờ cuối tháng trước bỗng nhiên ông ấy bị mất một mẻ đồ, đó là hai hòm quần áo trong đó có một số hàng da, hai nén bạc, cả thảy là hơn trăm lạng, lại còn năm mươi đồng bạc thật, ngoài ra còn mất một tờ hóa đơn. Quan hết lòng vì việc nhà của ông, nên kiên quyết

phá án. Trước tiên ngài hạn trong nửa tháng phải phá án nay lại gia hạn trong ba ngày. Ta nghĩ việc này cần người phải đương đầu với vụ án này.

Chữ Trung nói:

- Tôi nghe nói tội trạng đầy rẫy, như thế thì nguy hiểm lắm. Tôi nhận thì tính mạng của tôi sẽ ra sao?

- Không sao, việc này còn phải bàn. Hôm sau ta đưa người ra tòa, người nói tất cả có bốn người, hẹn nhau vào lấy trộm. Vì tôi là người ngoài nghề, sợ tôi lỡ gây ra điều gì sơ suất, nên họ chỉ bảo tôi đứng ngoài nhận đồ, bởi thế nhà cửa họ Trần thế nào tôi không hay biết. Nếu hỏi họ tên ba người kia, thì người cứ bịa ra họ tên mấy người ấy. Nhưng đã bịa ra thì phải nhớ cho kĩ, lần thứ hai không thể nói sai một chi tiết nào. Quan hỏi người được chia những gì, thì người chỉ nói được chia bốn đồng bạc thật. Nhất định quan không tin, người nói đây là lần đầu tiên tôi nhập bọn, theo lệ thì không được chia nhiều, đây là luật giang hồ. Quan hỏi, những người kia hiện nay ở đâu, người nói không biết. Lúc đầu cùng đến tụ tập tại trang trại nhà họ Chu ở Nam Hương, trang trại này có một người tên là Chu Tử Ngọc, mở cửa hàng tạp hóa lớn, phía sau là nhà ở, cửa hàng quay hướng nam. Đêm lấy trộm đồ, mọi người về nhà Chu Tử Ngọc, họ Chu đón vào, nhặt lấy mấy chiếc áo và giữ lại một nén bạc, còn bao nhiêu chia cho chúng tôi. Vì tôi được chia quá ít, có ý không bằng lòng, Chu Tử Ngọc còn chửi bới, nhiếc móc tôi, và nói rằng lần sau sẽ được chia thêm. Nếu quan hỏi cửa hàng như thế nào thì người bảo cửa hàng nửa cũ nửa mới, quầy hàng bày gọn gàng khéo léo. Trong cửa hàng có bốn người làm thuê. Bước vào thấy có hai cửa trước và hai cửa sau, có ba gian nhà và hai gian nhà trống, chúng tôi đều tới đó ngồi. Đằng sau còn có một vườn rộng, phía tây là bếp, dưới đó là nhà xí phía đông là một cây du to, bên cây du là một chiếc nhà nhỏ đó là nơi thờ Quan âm, bên trong có một cái khám đặt tượng Phật. Tôi thấy Chu Tử Ngọc để những thứ ấy trên nóc khám. Nhà ấy có một bà trạc bốn mươi tuổi, và một đứa trẻ độ tám chín tuổi. Chu Tử Ngọc để râu, mặt đỏ hoa, tóc lưa thưa hói tận chòm đầu. Còn tai bà kia có một cái sẹo to. Còn những đồ bày trong quầy hàng, không có liên quan nên tôi không nhớ rõ. Những điều trên người phải nhớ kĩ, không được coi thường. Còn những

việc khác ta đã sắp đặt xong xuôi cả rồi. Nếu quan bảo người đi phát hiện tang vật, thì người phải nhận lời ngay. Việc này người làm tốt, thì sau này ta sẽ quan tâm đến người.

Chử Trung vừa nghĩ vừa vâng vâng dạ dạ. Bàn xong Chử Trung trầm ngâm hồi lâu, rồi đột nhiên hỏi:

- Làm như vậy thì Chu Tử Ngọc phá sản ư?
- Mặc xác hẳn. - Ngô Lương cười nói.
- Tôi chẳng sợ gì, chỉ sợ gây ra oan nghiệt.

Ngô Lương nghe xong rất bức, nghiêm mặt hỏi lại:

- Oan nghiệt thế nào được!

Chử Trung thấy thế vội đánh trống lảng:

- Nói thế thôi, kể gì oan với nghiệt.

Ngô Lương đập bàn nói:

- Tốt! Coi như người đã hiểu rõ rồi. Người đừng ngủ, hãy xem ta làm một việc.

Chử Trung đành phải nghe theo.

Ngô Lương bèn gọi dẫn một người vừa đưa tới. Cái Tứ lôi người ấy ra, rồi bắt quỳ xuống. Ngô Lương nói:

- Đây có phải là người mà Phùng Lão Tam tóm được không?
- Đúng ạ! - Cái Tứ nói. - Hôm nay đến công đường xét hỏi, đánh một trăm gậy, bảo giam ba tháng mới tha.

Ngô Lương cúi xuống hỏi:

- Người phạm tội gì? Tên là gì?
- Tôi là Từ Lão Bát, người huyện Đồng Thành. Vì nhà nghèo không sao sống nổi, lấy trộm một chiếc quần đã rách phơi ngoài sân, thì bị các ông bắt được.
- Người đã ăn cắp mấy lần?
- Đây là lần thứ nhất.
- Ta xem ra người là một tên trộm già đời, sao lại bảo là lần đầu! Cái chiêu bài ấy của người đã xưa rồi, người không thể che mắt được ta đâu. Ta khác hẳn với ngài quan huyện xét hỏi người hôm nay. Người phải khai thực với ta mới đúng, người thì có tình, nhưng pháp luật không có tình, chắc rằng

người hiểu được, ta không cần phải nói nhiều. Từ Lão Bát thấy nói thế, biết rằng không thể giấu được, đành phải khai qua một số vụ án mình đã gây ra. Thấy đây không phải là việc ở địa phương này, Ngô Lương không thèm để ý tới, nghiêm mặt nói:

- Ta cho ngươi là một tay già đời quả không sai. Song ngươi đã đến đây cũng phải nói thế nào chứ!

- Tôi cũng chẳng biết nói thế nào!

- Khá lắm! Cái mồm ngươi chỉ biết ăn thôi ư?

- Được ông cho ăn, tôi vô cùng cảm ơn.

- Con mẹ mày chứ! Tao không mở hàng cơm, mà mở hàng cơm thì cũng phải trả tiền mới được ăn. Mày đừng giả vờ ngu ngốc, mày xảo quyết cũng không được lâu. Người xưa nói, nhờ vào núi ăn núi, nhờ vào nước ăn nước, lại nói, chỉ có cá ăn nước, chứ nước không ăn cá. Chúng tao suốt ngày bận bả vất vả, kiếm tiền để nuôi mày ư!

- Xin ông bớt giận, - Từ Lão Bát nói, - tôi đã hiểu rồi. Nếu tôi có tiền lẽ nào tôi lại đi ăn trộm! Quả tình tôi không có ăn nên buộc phải đi vào con đường này. Xin ông thương tình, sau này tôi sẽ hết sức báo đền ông.

- Khá thật! Tiền ta không lấy mà để lại cho ngươi nợ, ngươi đừng tưởng bỏ. Người có tiền cũng được, không có tiền cũng được, xem ra ngươi muốn quấy rầy ta. Ta không cần nhắc tới, vả lại ngươi có hiểu được luật vào cửa của ta không?

- Tôi không còn cách nào khác, tôi là người nơi khác tới, còn như luật vào cửa phải thế nào tôi cũng xin theo, không dám nói gì.

Ngô Lương giận dữ nói:

- Được rồi! Được rồi để xem mày có phải thòi tiền ra không. Cái Tứ hãy dạy cho nó biết luật. Vào cửa có ba phép, không để sót phép nào, ngày mai ta sẽ tới.

Nói xong Ngô Lương bỏ đi. Cái Tứ gọi Sử Đan tới. Sử Đan nói:

- Đây quả là một tên cứng đầu, thế mà ta không nhận ra hân.

- Sao nó lại không biết, đúng là nó chỉ giả vờ ngu ngốc mà thôi. Anh đừng coi nó là người ngoài nghề, chúng ta hãy dạy cho nó biết. Nếu không được, chúng ta lại làm tiếp. Tuy nó chịu khổ nhưng chúng ta cũng rất vất vả.

Cái Tứ nói với Từ Lão Bát:

- Ông bạn là người trong nghề, đừng có giả vờ ngốc. Người tưởng người ranh mãnh, nhưng chúng tao cũng không phải là thằng ngu. Người đã đến, nếu có thì bỏ ra, ngày rộng tháng dài bạn bè đánh chén mừng gặp mặt. Lễ nào thầy phải cung đốn cho người ăn ư? Nếu quả người không có thật thì người cũng phải nghĩ cách mà kiếm chớ, chả nhẽ anh em mình không giúp đỡ được nhau sao. Nếu anh cứ quẩn siu, nói suông như thế thì sẽ chịu đau đớn hơn những chiếc gậy nhỏ của quan lớn ở công đường. Người lắm rồi hãy nghĩ lại đi.

- Trời ơi, cái ăn thì đã ở trong bụng, cái mặc thì đang ở trên người, tôi xa nhà, tứ cố vô thân, cửa quan buộc tôi phải thu nhân tích đức, các ông thương tôi là tốt rồi.

Cái Tứ nói:

- Người xem đấy, chúng ta nói nghiêm chỉnh, mà cái thằng nhóc này không biết yên thân. Chúng ta chẳng hoài hơi mà nói với nó nữa. Còn thằng này, mày không chịu nổi thì đừng có trách chúng tao.

Nói xong bèn bước tới, đẩy Từ Lão Bát ngã xuống, Sử Đan trói chặt chân tay, rồi bước một chiếc thừng treo ngang lưng, đầu kia vắt qua xà nhà, rồi hai người ráng hết sức kéo ngược lên, treo Từ Lão Bát chống hông lên trời, người rũ xuống, thừng buộc chân tay càng thít chặt. Lúc đầu còn có thể chịu đựng được độ hơn mười lăm phút sau đau đớn cứ kêu gào. Đầu Từ Lão Bát lơ lửng chẳng tựa vào đâu, động ngược xuống, xương cổ như sắp đứt. Từ Lão Bát khóc lóc, chừng một giờ họ mới thả xuống.

Đúng lúc ấy thì Ngô Lương mang một chiếc túi bước vào, ngồi xuống nói với Chữ Trung.

- Chúng ta đi làm một việc. Việc chúng ta bàn, người đã nhớ kỹ chưa? Không được quên. Ngày mai chúng ta gặp nhau. - Sau đó lại nói với Cái Tứ. - Ta giao Từ Lão Bát cho người.

- Ông cứ yên tâm. - Cái Tứ nói.

Ngô Lương mang túi đi ra.

Từ Lão Bát được thả xuống, chừng hai giờ mạch máu vừa hoạt động trở lại, Cái Tứ và Sử Đan lại trói Từ Lão Bát vào một chiếc ghế dài, song khác với

lần trước là đầu chúc xuống, rồi đốt một đóm giấy, hun vào lỗ mũi. Chữ Trung nghĩ bụng: "Đây không biết là trò gì" Lẽ nào làm như thế mà khó chịu ư?. Nào ngờ chưa đầy mười lăm phút, Từ Lão Bát không sao chịu nổi. Lúc đầu còn kêu van, về sau cũng chẳng van xin nữa mà cứ réo cả tam đại tổ tiên họ lên chửi. Cái Tứ và Sử Đan cũng mặc, như chẳng nghe thấy gì. Chữ Trung lạnh cả gáy, song cũng nói cho Từ Lão Bát vài câu. Cái Tứ bèn hỏi Từ Lão Bát:

- Có nói gì không?

- Xin các ông thả tôi ra, tôi sẽ nói.

- Thật là phí công. - Cái Tứ nói. - Lúc thì trói, lúc thì cời, tốn cả thời gian. Người nói thì nói đi, không nói thì lại hun, có thể thôi.

- Nó chẳng bay đi đâu mà sợ? Để cho nó thử một chút.

Nếu như nó vẫn thế, chúng ta không chơi kiểu này với nó nữa, mà hun bằng vỏ đay.

Cái Tứ nghe theo. Chữ Trung cũng tới giúp họ cời thùng cho Từ Lão Bát. Lão Bát thở gấp một cái, vừa mới hoàn hồn, vừa khóc vừa nói:

- Tôi hoàn toàn không phải giả vờ ngu ngốc, quả thực tôi không có tiền. Dù cho các ông có giết chết tôi thì cũng thế, nếu các ông có cách nào thì cứ bảo tôi, dù phải gieo mình xuống sông hay lao người vào đồng lửa tôi cũng làm.

- Người đã nói thế, - Sử Đan nói, - ta cũng không thể nào từ bi bác ái được, ta sẽ cùng người nghĩ cách. Chờ thầy về, người nói là người có mất tấm lụa, để tại cửa hàng lụa Vĩnh Thuận Hòa ngoài phố. Ta sẽ nói thêm cho người mấy câu thì nhất định thầy sẽ cùng người đi lấy. Tới đó người đừng nói khác đi. Cho dù thầy có đánh chửi, người cũng đừng nản chí, việc ấy cũng là giả thôi. Ấy là ta chỉ ra con đường sống cho người.

Từ Lão Bát nghe xong, tính toán một hồi rồi theo họ.

Đến chiều hôm sau, Ngô Lương tay không trở về, Cái Tứ nói quả thực Từ Lão Bát không có tiền, chỉ có bốn tấm lụa, gửi lại hàng lụa Vĩnh Thuận Hòa, có thể lấy được. Họ nhìn nhau, hiểu ra ngay, và cũng không nói gì

thêm.

Ngày hôm sau Ngô Lương dẫn Chử Trung đi thú tội. Khi quan tới công đường, Chử Trung bước lên nói rành rọt theo đúng như Ngô Lương đã dạy. Quan huyện nghe thấy có nhà oa trử, đang định cử người đi bắt, thì Ngô Lương quỳ xuống nói:

- Con đi điều tra vụ án, nhiều lần nghe người ta nói nhà họ Chu có một nơi oa trử. Nhưng dò hỏi không ra. Nay Chử Trung đã nói rõ ràng, xin mong ngài nhanh chóng cử sai nha mang lệnh bắt, nếu không e rằng biết được tin chúng sẽ tẩu tán mất. Nghe xong quan huyện gật gật đầu, lập tức cử bốn thân binh và bốn sai nha theo bổ sảnh đi phát hiện tang vật, bắt người. Chử Trung bị áp giải tới nơi oa trử, nói sẽ thẩm vấn tiếp ở nơi cách thành không xa, bổ khoái dậy rất sớm, dẫn thân binh và sai nha đi cùng với Chử Trung, Ngô Lương tới trang trại nhà họ Chu, gặp địa bảo (lính bảo an địa phương), tới thẳng cửa hiệu nhà họ Chu, quát thét xông vào.

Bọn người vào nhà thấy gì lấy đó, Chu Tử Ngọc thấy ồn ào chạy ra, Ngô Lương trông thấy tóm ngay, bảo bổ khoái khóa tay lại. Sau đó tới nóc khám tại nhà thờ Quan âm khám xét, quả nhiên thấy một túi, trong đó có gói quần áo và năm mươi đồng bạc thật. Nhà cửa, phương hướng trong cửa hàng đúng như Chử Trung nói. Họ vẽ ngay một bản sơ đồ. Bổ sảnh muốn đuổi những người làm thuê ra khỏi nhà, rồi niêm phong. Sau đó rất may có một giám sinh ra, nói là cửa hàng này có phần của ông ta, thế rồi không phải niêm phong nữa, chỉ niêm phong phòng ở. Vợ của Chu Tử Ngọc cũng bị khóa tay giải vào thành. Chỉ có đứa con chín tuổi, bỏ đi cũng chẳng ai hỏi tới, còn có một người chú họ xa cùng đi với gia đình Chu Tử Ngọc. Lần rắc rối này, không chỉ những đồ trang sức quý hiếm của Chu Tử Ngọc không còn mà ngay cả những quần nâu áo vải, tất cả đều không cánh mà bay. Ngay cả hai con lợn và mười con gà cũng mất. Chu Tử Ngọc khóc lóc, chẳng biết mình phạm tội gì, đành phải chịu xích tay theo mọi người vào thành.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 21 (C)

Tới thành, bổ sảnh gặp quan huyện, cho sai nha nghỉ. Quan huyện định thẩm vấn ngay, song người lập bản án bước tới nói là, chờ gọi chủ mất đến nhận tang vật rồi sẽ thẩm vấn. Quan huyện vốn là người rất lười nhác, nghe thấy nói thế gật ngay. Nhân viên lập bản án trở ra, gọi Ngô Lương nói:

- Việc này do người chịu trách nhiệm chính, ta nghe nói vốn liếng Chu Tử Ngọc cũng kha khá. Người là người hiểu, đừng chỉ có biết mình thôi nhé.

- Vâng, vâng, - Ngô Lương vội đáp, - ông đã dạy thế, đương nhiên chúng tôi sẽ hết sức cố gắng. Ngay như ông không dạy bảo chúng tôi cũng không dám cả gan như thế. Ông hãy yên tâm.

- Khá, khá lắm, - người lập bản án nói, - người đi nhé!

Thế rồi quan huyện sai người gửi giấy báo cho người mất của đến nhận tang vật. Ngô Lương đưa Chu Tử Ngọc vào phòng giam riêng. Vợ Chu Tử Ngọc thì cho bà môi giới dẫn đi coi giữ.

Chu Tử Ngọc tới phòng giam riêng, ngồi một lát thì Ngô Lương giả vờ ân cần nói mấy câu băng quơ. Sau đó Chu Tử Ngọc hỏi mình phạm tội gì. Ngô Lương nói:

- Tôi cũng không biết. Nếu người muốn biết thì tôi sẽ đi nghe ngóng xem sao. Có điều việc này không có tiền thì không xong. Việc quan chắc người cũng hiểu rõ, không thể nói bằng nước bọt.

Chu Tử Ngọc biết được Ngô Lương muốn đòi tiền, vì khi tới đây Tử Ngọc đã nhờ người cậu là Tôn Hữu Đức lo liệu việc này, sao không biết bao giờ mới đến, bỗng chốc lo lắng, cởi chiếc áo khoác đang mặc đưa cho Ngô Lương, nhờ Ngô Lương dò xem mình đã phạm tội gì. Ngô Lương xem qua chiếc áo thấy tuy mới song không mấy giá trị, bực bội nói:

- Người mắc tội này lẽ nào nhờ người đút lót chút ít chỉ dựa vào phép thần thông của chiếc áo này sao?

Chu Tử Ngọc vội cười lấy lòng, nói:

- Ông đừng nghĩ ngợi gì, ta đã nhờ người rồi, có lẽ tối nay mới tới. Song tôi muốn biết ngay tôi đã phạm tội gì, đây mới là chút tình xin ông nhận cho, tôi sẽ đưa thêm. Ông không chịu nhận, thì khi cậu tôi tới cũng sẽ xin gặp ông, cái áo cũng chẳng đáng gì.

- Việc này ta không biết. - Ngô Lương nói. - Chờ người thân người đến, lúc đó sẽ nghĩ cách.

Ngô Lương biết rằng nhất định Chu Tử Ngọc sẽ có người đến dứt lót, nên cũng không gây khó dễ nữa, rồi đứng dậy ra ngoài, thấy một người ăn mặc tươm tất, tay xách một liễn cơm, bên trên còn có hai bát thứ ăn, đang định đi vào. Thấy Ngô Lương, người ấy vội chạy ào tới.

Thuận tay Ngô Lương tát người ấy một cái, người ấy kêu ối lên một tiếng, tiếp đó Ngô Lương quát:

- Mà làm gì thế?

- Chu tiên sinh ở đây. - Người ấy đáp. - Tôi đến đưa cơm.

- Chu Tử Ngọc ăn cắp, mắc trọng tội, - Ngô Lương cười lạnh nhạt nói, - đây là nơi nghiêm cấm, các người cứ xông bừa vào được ư? Hãy rút mau.

- Từ sáng sớm đến giờ Chu tiên sinh chưa ăn, - người ấy van nài, - xin ông rón tay làm phúc.

- Đồ mù, - Ngô Lương nói, - có rút ngay đi không, còn lại nhai ta trói lại, bảo quan đánh què chân.

Thấy thế người ấy sợ quá, né sang một bên, vẫn cứ đứng đấy. Ngô Lương nổi giận đá cho người ấy một cái, cơm nước văng vãi tung tóe, lũ chó thấy thế chạy tới ăn hết sạch. Người ấy đứng nhìn, tức giận mà không dám hé răng, không sao được, đành ngượng ngùng bỏ đi.

Ngô Lương định quay trở lại bàn bạc gì đó với những người đồng nghiệp, thì đã thấy một người hầu bàn ở quán trà Phi Vân Các đến tìm gọi:

- Ông Ngô, có người mời ông, ông Chu, ông Ngưu và ông Mã tới.

Ngô Lương biết ngay là người thân của Chu Tử Ngọc tới, vội đáp:

- Ta đến ngay đây.

Thế rồi cùng người bồi bàn đến quán trà.

Vừa bước vào cửa, những người cùng làm việc với Ngô Lương trông thấy, tới chào, lại thấy một người tầm thước mặt mũi sáng sủa, mặt chiếc áo dài màu lam, đứng lên mời ngồi, người ấy tự tay rót trà, đặt trước mặt Ngô Lương. Ngô Lương hỏi bạn bè rằng:

- Vị này tên là gì?

- Đây là Tôn Hữu Đức, - những người bạn nói, - là thân thích của Chu Tử Ngọc.

- Tôi đã ngưỡng mộ ông từ lâu. - Ngô Lương nói.

Đầu tiên nói mấy câu xã giao, rồi chuyển ngay sang việc chính hỏi dò xem cuối cùng Chu Tử Ngọc đã phạm tội gì, Ngô Lương bèn nói với Tôn Hữu Đức, là phải chờ khổ chủ đến mới xét xử.

- Vụ án này quả thực là oan uổng quá. - Tôn Hữu Đức nói.

- Điều ấy thì chúng tôi không biết, đợi khi nào xét xử, quan thẩm vấn mới rõ trắng đen.

Tôn Hữu Đức vội cười lấy lòng nói:

- Tôi chẳng có liên can gì, vì nhà ấy không có người, tôi mới thay ông ấy lo liệu tiền phí tổn cho sai nha. Vốn là việc sét đánh ngang tai, không biết rồi sẽ như thế nào, nghe các ông nói mới biết qua loa như thế. Thôi thì chẳng biết có oan hay không, song các ông vất vả nhọc nhằn, ngày mai lại xét xử thì sự phí tổn ấy không thể thiếu được. Tôi là người nông thôn, không biết việc, nhà em rể tôi cũng chẳng giàu có gì. Xin các ông nói lòng cho một chút, đây không coi là vận may của em rể tôi, mà đây là sự chiếu cố của các ông đối với tôi, tôi vô cùng biết ơn các ông, bây giờ nhận trước một số, sau này tôi sẽ lo liệu thêm.

- Việc này không phải chỉ một chỗ. - Ngô Lương nói. - Một là hai vị lập bản án, hiện mồm đang há to như mồm sư tử ông nói thế, tôi là người rất am hiểu sự đời, chúng tôi cũng không muốn anh phải chạy, đường xa, đi vòng vèo ngoắt ngoéo, tôi cũng nói thẳng một câu xin ông chỉ bảo, các ông giữ tiền hay giữ người. Lẽ nào người thân của ông không đáng bảy tám ngàn đồng ư!

Tôn Hữu Đức nghe xong trợn tròn mắt, lát sau mới nói:

- Ông nói sao?

- Nếu giữ tiền ư, - Ngô Lương nói, - thì tôi khuyên ông không cần phải hỏi tin tức nữa, hãy về cho sớm để lo liệu việc nhà. Còn nếu giữ người thì lẽ nào vị người thân của ông không đáng giá bảy tám ngàn đồng! Vì hai ông lớn đã nói với tôi rồi, ông ấy nói tình hình rất nghiêm trọng, nếu ông chịu bỏ ra tám ngàn đồng thì tôi đảm bảo với ông chẳng việc gì, mà yên ổn trở về. Tôi đã nói giúp cho ông là Chu Tử Ngọc người nông thôn, lấy đâu ra nhiều tiền như thế. Hai ông lớn nói là ông đã biết rõ nhà họ Chu có nhà cửa, có ruộng vườn, có cửa hàng cửa hiệu, chứ đâu phải là kẻ khố rách áo ôm. Về sau tôi nói mãi ông ấy mới chịu nhân nhượng lấy một ngàn, không thể thiếu một đồng. Tôi lại van nài một hồi, hai ông lớn nổi giận, chửi tôi như tát nước vào mặt, tôi không dám nói nữa. Ngoài ra tất cả các loại tiền phí tổn cũng phải tới một ngàn, ông cũng phải biết rằng người các ban của ta đông, đi biên biệt suốt ngày, đến hột cơm cũng chẳng kịp vào miệng, lẽ nào việc này không bồi dưỡng họ mấy đồng! Hơn nữa phận sự của mỗi người đều có hạn, tôi cũng rất muốn nói giúp cho ông, nhưng rất tiếc là tôi làm không nổi, bởi thế tôi mới nói với ông là giữ tiền hay giữ người. Còn như người của chúng tôi thì cũng có hạn thôi, móc ra mấy đồng thưởng cho họ cũng xong. Tôi cũng là người lân la bên ngoài, lẽ nào tôi không biết số tiền ấy quả là không ít!

Tôn Hữu Đức nghe xong im lặng không nói, cầm lấy điều rít sòng sọc một hơi dài. Ngừng một lát mới nói:

- Khoản tiền ấy xin nhờ ông giúp đỡ, tôi vô cùng biết ơn ông. - Rồi vừa quỳ xuống vừa nói. - Quả thực em rể tôi không lo nổi.

Ngô Lương vội kéo Tôn Hữu Đức dậy nói:

- Coi như ông hết lòng với em rể. Tôi khuyên ông đừng hỏi nữa.

- Nói thế sao được! Tôi là người lo lắng việc này, xin mong các ông giúp đỡ cho.

- Tôi không làm được, không làm được đâu. - Ngô Lương lắc đầu nói.

Tôn Hữu Đức ngừng một lát nói:

- Đúng ra thì người làm ra của, chứ của không làm ra người, còn người thì còn của. Chúng tôi cần người, còn tiền thì không quan trọng. Song tài sản

của chú ấy, tôi biết chứ, lấy đâu ra nhiều như thế!?

- Tôi xem ra ông là người rất từng trải, - Ngô Lương nói, nên tôi không hề nói dối ông một câu nào. Ông lo được thì lo không lo được thì thôi. Theo tôi, ông thôi không hỏi nữa là tốt nhất, chẳng phải lo nghĩ cho ông ta làm gì cho mệt xác, mặc cho ông ta sau này oán trách.

- Oán trách cũng chẳng được. - Tôn Hữu Đức nói. - Tôi được chú ấy dặn trực tiếp thì làm sao bỏ mặc chú ấy được.

Nói xong Hữu Đức vò đầu bứt tai không tìm ra cách nào khác. Địa bảo bèn tới nói thêm vào.

- Chúng tôi tới từ sáng sớm, bây giờ đã trưa rồi, chúng ta cũng phải cho cái dạ dày nó ăn thôi.

- Xem ra đều quấy rầy ông anh Tôn Hữu Đức. - Ngô Lương nói. - Thôi thì chúng ta ăn cơm, rồi sẽ nói dần dần.

Nói xong Ngô Lương bèn đứng dậy. Tôn Hữu Đức phải trả tiền trà, đi theo họ tới quán ăn gần bờ sông, gọi bốn cân rượu, thịt gà, thịt lợn, thịt vịt và cá bầy la liệt đầy bàn. Mọi người thả sức ăn cơm no rượu say. Có mấy người đòi đến tiệm thuốc phiện hút, Tôn Hữu Đức đành phải đi theo. Về vụ này, Ngô Lương cứ lúc nắn lúc buông, làm cho Tôn Hữu Đức cuống lên, mồ hôi đầu vã ra, nhỏ tong tong, suýt nữa phát khóc lên. Những người ngồi bên chau mày nheo mắt nhếch mồm làm trò cười.

Lúc ấy Ngô Lương mới kéo Tôn Hữu Đức đến một chiếc bàn khác nói:

- Tôi nói thực với ông nhé, rốt cục ông lo được bao nhiêu?

- Khi tôi đi đã biết rõ, ít thì không thể xong được, chỉ chuẩn bị bảy tám trăm quan, nay thì còn thiếu quá nhiều.

- Thế này vậy, - Ngô Lương nói, - ông cứ chi ra ba ngàn đồng tôi sẽ cố gắng lo cho.

Tôn Hữu Đức thấy Ngô Lương nhượng bộ khá nhiều, thấy đã có chút hy vọng. Nghĩ ngợi một lát rồi nói rõ là hai ngàn bốn trăm, trong đó một ngàn đưa cho hai ông lớn, năm trăm tiền án phí, năm trăm tiền bồi dưỡng mọi người vất vả, trừ đi hai trăm tiền cơm rượu, hai trăm cho những người hầu hạ quét tước và tiền vui vẻ cho những người áp giải.

Nói thế nhưng Tôn Hữu Đức không có tiền mặt, chỉ có hai tờ văn khế, song

không có khách mua, không bán được. Lúc ấy có một người lao công nói là nhà Trịnh Hương Thân trên phố cần mua ruộng, Tôn Hữu Đức nhờ người ấy dẫn đi, rồi cho ít tiền, quả nhiên Tôn Hữu Đức tới đó ba mặt một lời thỏa thuận bán hai ngàn sáu trăm, trả trước một nửa, còn lại xem ruộng sẽ giao nốt. Tôn Hữu Đức dùng nửa số tiền ấy chi được khá nhiều việc, số còn lại làm giấy cam đoan trả đúng hạn. Ngô Lương gọi Tôn Hữu Đức cùng tới chỗ Chu Tử Ngọc để ông kí vào.

Chu Tử Ngọc bị đói mất hai ngày một đêm. Hai bên bàn ngã ngũ mới được đưa cơm vào cho Chu Tử Ngọc, lúc ấy Chu Tử Ngọc mới biết qua về sự việc mới xảy ra. Tử Ngọc vừa tức vừa oán giận, lại vừa tiếc tiền và cũng không biết vợ mình đã bị làm tình làm tội như thế nào rồi. Song rất may là bà mỗi là chị em nuôi của Tôn Hữu Đức. Hơn nữa bà ta lại biết Chu Tử Ngọc là nhà có tiền, thế nào cũng đến dàn xếp. Còn vợ Chu Tử Ngọc đã cao tuổi chẳng trẻ đẹp gì, bởi thế cũng không bị làm tình làm tội. Về sau Tôn Hữu Đức cũng đưa cho bà mỗi một trăm đồng.

Mọi việc xong xuôi, thì cũng đã báo tin cho người mất biết. Ngô Lương tới nói với Chử Trung:

- Ngày mai xét hỏi, nếu như mình mất của không nhận tang vật, quan hỏi người , đánh người thì người phải linh hoạt một chút, rằng vì sợ tra tấn mà khai bừa, con không biết Chu Tử Ngọc, mà là do bạn con nói với con, nhà cửa như thế nào, có những ai, đằng sau có nhà thờ Quan âm, trong nhà thờ có cỗ khám đặt tượng Quan âm, vì bạn lấy trộm đồ không có chỗ bèn để vào đó. Nhà nó còn có chút gạo ăn, mấy bộ quần áo vải không đáng giá, cho nên không lấy. Còn như mấy đồng bạc thật, và một ít quần áo có phải là vụ án này không thì con không rõ. Số bạc ấy của khổ chủ, quả thực con không lấy. Còn như bạn như thế nào, quả tình con không biết. Khai xong cứ một mực xin tha. Xem ra thì người cũng chỉ bị đánh hai ba trăm tay thước thôi. Người phải nghiêng rằng mà chịu, thì mới tốt được.

Chử Trung nhất mực nghe theo, song thực ra cũng không dám trái lời. Quả nhiên quan xét hỏi không xảy ra to chuyện. Chử Trung chỉ bị đánh năm trăm tay thước rồi trả về cho người áp giải. Chu Tử Ngọc vô tội được tha. Chử Trung tuy bị đánh năm trăm tay thước, song có Ngô Lương phối hợp,

cho nên cũng chỉ vài ba chục gậy vào người. Chu Tử Ngọc tuy được mình oan, song gia tài khánh kiệt, chỉ còn lại mấy gian nhà ở, cửa hàng không thể duy trì được, hàng quán ở nông thôn không đủ nộp thuế, đành phải để cho bảo an địa phương bán đi. Bảo an địa phương lại muốn cả nhà ở nữa, cho nên không cho Chu Tử Ngọc đi qua cửa trước. Không còn cách nào khác Tử Ngọc bèn trở cửa sau đi lại, sống rất khổ sở vất vả.

Ngô Lương kiếm được món tiền lớn rất mừng, mấy hôm sau lại dẫn Từ Lão Bát tới trước cửa hàng của Vĩnh Thuận Hòa, quát:

- Chủ hiệu có nhận ra người này không?

Người quản lý cửa hàng bước ra, thấy Ngô Lương là một bố khoái, chột giật mình, vội hỏi:

- Có việc gì đây ông Ngô?

- Có nhận ra người này không? - Ngô Lương chỉ vào Từ Lão Bát nói.

Người quản lý nhìn Từ Lão Bát nói:

- Tôi chưa từng quen biết.

- Ông là kẻ vô lương tâm. - Từ Lão Bát quát mắng. - Quen hay không quen, ta không thèm nói. Ta gửi người mười hai tấm lụa, người cần thì trả ta hai trăm đồng, người không cần thì trả lại vải, ta đang cần tiền tiêu.

- Sao người lại nói thế - Người quản lý nói. - Ta có quen biết gì người đâu! Người gửi ta mười hai tấm lụa bao giờ? Đưa cho ai?

- Buổi chiều ngày cuối tháng, chính tay ta giao cho người, người bảo mấy hôm nữa đến lấy tiền, vì ta bị bắt, không tới lấy được, người định nuốt không của ta ư! Thật là đồ mặt dày tim đen. Người không thương ta, còn ức hiếp ta, thật chẳng còn đạo lý gì cả.

Người quản lý điên tiết, quát mấy người làm công ra đối chất. Từ Lão Bát nói:

- Họ đều là người làm công của người, ai mà chẳng bênh người.

- Các người phải nhớ cho kỹ. - Ngô Lương nói chen vào, rồi lại chỉ vào Từ Lão Bát nói. - Người không nhận sai cửa hàng này chứ! - Rồi lại quay sang nói với người quản lý. - ông chủ đừng nói những điều hồ đồ nữa.

- Thật là nực cười, - người quản lý nói. - Quả là vô căn cứ.

- Đúng chứ chẳng sai chút nào, ông ta nhẫn tâm ăn hiếp tôi - Từ Lão Bát

nói.

- Ông chủ - Ngô Lương nói, - công bằng mà nói, tôi là người bệnh ông. Nếu có việc ấy thì phải trả lỵa cho người ta, không thì phải trả tiền. Anh ta hiện là phạm nhân, các khoản chi tiêu không phải ít, cuống lên đã khai trước công đường. Ông chủ ạ! Không phải tôi nói bừa đâu, dù ông có lăm mồm đến mấy cũng chẳng thanh minh nổi.

Người quản lý thấy thế mới vỡ lẽ ra đôi chút, biết rằng muốn cho xong chuyện bèn mời Ngô Lương vào nhà trong, và để Từ Lão Bát ngồi ở một chiếc ghế băng gần cửa.

Ngô Lương vào nhà trong, người quản lý rót trà mời thuốc, cung kính lễ phép chào mời một hồi, mới nói tới việc chính. Ngô Lương nói:

- Vì là chỗ quen biết tôi không thể không quan tâm. Nếu như vào tay người khác thì sẽ đưa ông tới công đường cáo quan. Dù có trả đi chẳng nữa, thì ông cũng phải tốn kém, có điều chỉ khổ những người làm việc quan như chúng tôi, ông nên thể tất nhân tình một chút.

Người quản lý vội vàng cảm ơn, rồi nói: - Tôi chẳng hiểu việc này thế nào.

- Xem ra, - Ngô Lương nói, - thực ra chẳng có chuyện gì.

Người quản lý chỉ trời vạch đất, thề bồi để thanh minh. Ngô Lương lim dim mắt ngồi thừ ra một lúc rồi nói:

- Tôi hiểu rồi. Đúng là trong trại giam có người đòi tiền hắh, không còn cách nào cũng chẳng biết kẻ nào đã bày mưu cho hắh. Hắh mới giở cái trò này ra. Song lòng dạ hắh đã như thế cũng khó mà phui tay được, huống hồ hắh đã thù ông, cho nên hắh không tới nhà khác, mà chỉ đến quý hiệu của ông. Tục ngữ có câu, cơm không lành canh chẳng đắng, không phải là tôi bệnh hắh, xem ra ông cũng phải tốn phí ít nhiều, chỉ rón tay làm phúc cho hắh một tí là xong.

- Nó há cái miệng Sư tử to như thế, - người quản lý nói, thì làm sao mà chiều được nó. Ông đã nói thế thì tôi xin tuân theo, nhưng nên cho nó bao nhiêu, mong ông định cho.

- Tùy ông, tôi làm sao mà định thay cho hắh được. - Ngô Lương nói. - Tôi thấy ông là người yên phận, ông đã nói thế thì tôi cũng mạnh dạn thử định xem sao, ông theo đó mà làm. Việc này ít cũng sợ không xong, mà nhiều

cũng không được, thôi thì cho nó một phần tư vậy.

- Nó nói giá hai trăm đồng, vậy thì mất cho hăn năm mươi đồng cơ à! Đúng là tay bay vạ gió.

- Ông đừng nói thế. Người xưa nói, trộm đã căn thì thối đến xương. Nếu như ông bỏ ra số tiền ấy, nó không nghe, e rằng tới cửa quan cứ khai bừa, như thế chẳng phải càng hổ thẹn ư?

- Đã thế thì tôi cũng không dám trái lời ông. - Người quản lí nói. - Nhưng mà cái tin này loang ra, thì rõ ràng mình ngay thẳng mà bị nghi ngờ. Và lại sau này các ông bắt được người, lại đến chiếu cố tới hiệu chúng tôi, thì cái hiệu này liệu có mở được không?

- Điều ấy thì ông cứ an tâm, - Ngô Lương nói, - đã có tôi.

Như thế thì hôm nay ông cứ giao số tiền ấy cho tôi, khi về tôi sẽ giao cho hăn, giao tiền trước mặt mọi người cho nó sẽ khiến người ta sinh nghi: Tôi trở ra chỉ chửi hăn một trận, lôi hăn đi, người ngoài sẽ không ai biết đến. Sau này ông cứ an tâm mà mở cửa hàng, phạm có việc gì đã có tôi lo, tôi không hề nói sai chút nào. Không phải tôi nói khoác, đồng sự của tôi đều kính nể tôi, lẽ nào những bạn bè tôi lại không chịu xuê xòa cho ông!

- Thế thì tốt quá! - Người quản lí nói. - Trăm sự nhờ ông.

Nói rồi người quản lí gọi người đưa cho năm mươi đồng, đem giao cho Ngô Lương.

Ngô Lương gói vào khăn, song vẫn đứng đấy vẻ ngập ngừng không nói ra được. Một lát sau mới nói:

- Người thân của tôi ở huyện Hu Di sắp cưới vợ cho con, tháng trước gửi thư về bảo tôi mua giúp bốn chiếc áo dài, sáu tấm nhiễu Hồ màu hồng, sáu tấm nhiễu Hồ màu lục, tối qua lại sai người đưa tiền đến. Thấy rằng vải vóc ở đây cũng sẵn, tôi định tới quý hiệu mua một thể, rồi giao luôn cho người ấy mang về. Hôm nay lại rất bận, vậy thì chiều mai xin ông cho một người giúp việc mang mấy loại hàng tốt nhất đưa đến nhà nghỉ Nghĩa Hưng trên phố. Tôi chờ ở đấy. Cùng với người họ Kỷ của ông ấy, xem vải xong sẽ tiền trao cháo múc, nhưng mà giá cung phải chăng một chút đấy!

Người quản lí nghe thấy ngoài ông ta ra còn có người xem hàng, tiền hàng trao tay, bèn sơ ý, vội vàng nhận lời ngay. Ngô Lương lại dặn đi dặn lại

đừng làm lỡ hẹn, rồi mới đứng dậy, nhét tiền vào tay áo, bước ra cửa, lôi chiếc xích tay của Từ Lão Bát nói:

- Đi! Đi!

- Tiền đâu? - Từ Lão Bát hỏi.

- Màỵ là thằng mù, - Ngô Lương chửi, - ta đã kiểm tra sổ xuất nhập hoàn toàn không có việc này. Màỵ định lừa người ta ư? Chúng màỵ là bọn trộm cướp vô lương tâm.

- Sao ông lại bênh người ta? - Từ Lão Bát nói.

Ngô Lương giận dữ xắn tới vả vào mặt Từ Lão Bát, chửi:

- Lẽ nào ta lại bênh thằng nói dối.

Vừa nói vừa quay vào nói với người trong quầy hàng ngày mai gặp nhau, rồi lôi Từ Lão Bát đi. Người quản lí thấy việc đã xong, như cắt được hòn đá đè lên người.

Tối hôm sau, sai người mang sổ hàng tới khách sạn Nghĩa Hưng, quả nhiên Ngô Lương đang ở đó. Khi đã chọn xong hàng, bảo người giúp việc mở tờ hóa đơn ra ghi. Ngô Lương cùng với mấy người ấy xem qua hàng, rồi nói với người làm công.

- Tối nay khi lên đèn tới đây lấy tiền, nếu không thì đến nhà tôi mà lấy.

Người làm công gói sổ hàng còn lại đưa về hiệu, rồi trở lại khách sạn Nghĩa Hưng lấy tiền, song người ấy đã đi rồi. Người quản lí cửa hàng khách sạn nói:

- Chẳng phải ông Ngô Lương đã dặn đến nhà ông ấy ư?

Người làm công đến nhà Ngô Lương, song Ngô Lương không ở nhà. Người nhà nói là không biết. Người làm công kể sơ qua, rồi hẹn ngày mai tới lấy.

Chiều hôm sau, lại tới nhà Ngô Lương, chỉ thấy Ngô Lương trong nhà chửi:

- Sao nó không mở mắt ra, sự việc hôm ấy nếu không có ta thì bây giờ vải vóc trong cửa hàng ấy đã sang tay người khác rồi. Nó bảo ta ăn của nó ư! Đồ bố láo! Nếu bọn làm công của nó tới thì chúng màỵ bảo với nó rằng, chút vải ấy là công lao của tao. Nếu nó đòi tiền, thì bảo nó lên quan mà đòi. Nếu nó còn lảm lời, chúng màỵ cứ cho nó vài cái tát.

Người làm công nghe thấy hết, vội vã lui ra, chuồn thẳng về cửa hiệu, nói

hết với người quản lý. Người quản lý tức điên đầu nhưng cũng chẳng làm sao được, sợ Ngô Lương moi lại chuyện hôm trước, đành ầm ỨC một mình, coi như chẳng có việc gì xảy ra. Chỉ mới quấy có thể thôi mà cửa hàng này mất không hơn bốn trăm đồng, đó chính là vô vàn những bằng cứ mà bọn bồ khoái gieo vạ vu cáo người lương thiện.

Cũng chẳng phải thấy rằng, nếu Tôn Hữu Đức không thay mặt Chu Tử Ngọc chỉ ra một món tiền lớn, hôm sau Chủ Trung cứ khăng khăng nói thế, thì Chu Tử Ngọc cũng chịu thiệt to. Còn như việc khổ chủ nhận tang vật chẳng hề quan trọng gì cho lắm. Nếu như khổ chủ thấy không phải, thì bồ khoái sẽ đến xin họ, bảo họ cứ tạm thời nhận lấy, rồi có thể truy tìm kẻ khác. Hoặc là nói, nếu người không nhận án này thì về sau không có hi vọng phá án nữa. Nếu không thì dùng khổ nhục kế, nói là quan chẳng khác gì lang sói, chẳng ai xơi được đâu, xin họ cứ tạm thời nhận đi để mọi người xả hơi. Người khổ chủ ấy mềm lòng nghe theo lời họ, thì tội của Chu Tử Ngọc to như trái núi. Còn như vụ Vĩnh Thuận Hòa, vẫn là biện pháp mềm dẻo của Ngô Lương. Nếu như người quản lý không hiểu thời thế thì lại có mưu kế mới. Tóm lại dọa nạt, lừa gạt là bí quyết của chúng, càng là kẻ già đời chúng làm càng gọn ghẽ. Phàm là sai nha, bồ khoái trong thiên hạ đều như thế cả, hoàn toàn không phải chỉ có ở huyện Thiên Trường, An Huy.

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 22

Dạo Công Viên Cò Cừa Kháng Cáo, Tất Cả Đều Vô Ích

Trở Về Theo Gia Tô Giáo, Tiếp Tục Kiện Lên Quan

Ở Dương Bối Đầu thành Nhân Hòa, phủ Hàng Châu, Chiết Giang, có một tú tài rất uyên thâm tên là Ngụy Hoán hiệu Hữu Văn, trạc hơn hai mươi tuổi. Chàng vốn là người cực kì thông minh, lại rất chuyên cần, thông kim bác cổ, hạ bút thành thơ. Thấy thời thế ngày càng suy vi, chàng ngày đêm than vãn, song vốn tính thẳng thắn, không thổ lộ ra ngoài, thường viết chữ "chao ôi" vào khoảng không trung(1), tỏ ý không thể làm sao cứu vãn được. Có một người bạn học cùng lớp rủ ông đi Đông Dương chơi. Ngụy Hữu Văn nói:

(1) Nguyên văn là "đốt đốt thư không": viết hai chữ "đốt đốt" (chao ôi) lên trời. Ân Hạo đời Đường khi bị bãi chức, suốt ngày dùng tay viết hai chữ vào khoảng không. Có người ngầm theo dõi thấy ông ta chỉ viết bốn chữ "chao ôi lạ quá" (đốt đốt quái sự). Về sau dùng "đốt đốt thư không" để hình dung việc xảy ra quá bất ngờ khiến người ta kinh ngạc. Xem Từ điển điển cổ Trung Hoa, NXB Văn hóa - Thông tin, H, 2002.

- Đây là việc rất hay. Song tôi sinh trưởng tại Hàng Châu mà chưa ra khỏi nhà. Nếu nay muốn ra nước ngoài, thì trước tiên hãy đi hết hai mươi hai tỉnh trong nước, khảo sát nhân tình phong tục hình thế sông núi các nơi, rồi hãy ra nước ngoài, như thế mới có ích.

Từ khi có ý định ấy chàng không thiết học hành, hơn nữa gia đình lại giàu có, cha mẹ đều qua đời, người vợ mới cưới là Mai thị lại thùy mị hiền thực, rất giỏi thu xếp việc nhà, Hữu Văn rất yên tâm, không phải lo nghĩ gì về nhà cửa, bèn chọn ngày tốt lên đường. Trước hết tới Thượng Hải, từ

Thượng Hải đi tàu thủy tới Thiên Tân, từ Thiên Tân tới Bắc Kinh, rồi từ Bắc Kinh tới Hà Nam, Sơn Đông, quay sang Yên Đài, rồi lại từ Yên Đài lên tàu thủy về Thượng Hải theo ca nô tới Hán Khẩu từ Hán Khẩu tới Thiểm Tây. Mặc sức thưởng ngoạn các danh lam thắng cảnh, Hữu Văn lại mang theo mấy cuốn sổ, ghi những điều mắt thấy tai nghe trên suốt dọc đường.

Trước lâu trống thành Thiểm Tây, có khách sạn Tam Nghĩa. Hữu Văn ở đó mười ngày. Phòng Hữu Văn ở có ba gian. Hữu Văn ở gian đầu, gian giữa người giúp việc đi theo đặt một chiếc giường, còn gian bên kia là một người vùng này ở. Ngụ Hữu Văn thường thấy người ấy khóa cửa khi đi khi về. Thấy nét mặt người ấy buồn rầu ủ rũ như có việc gì ghê gớm lắm. Hữu Văn còn trẻ, nên cũng thích những chuyện không đâu, chàng luôn luôn để ý tới hành tung của người này. Tối hôm ấy, thấy có một người ở ngoài vào, mặc áo dài màu lam, khoác một chiếc áo lông, tay xách đèn lồng, trên đó có viết bốn chữ "nhân viên hành chính". Thấy người ấy đứng ngoài gọi:

- Anh Lâm có nhà không ?

Người bên trong thưa rồi bước ra nói:

- Lâu nay không gặp chú, hãy vào đây.

Họ vào phòng, không biết thì thầm với nhau những gì, chỉ nghe thấy người họ Lâm nói:

- Thế nào thế nào!

Những câu sau nói khề quá nghe không rõ. Ngừng một lát, lại thấy người vừa đến nói:

- Anh Hai, không sao khác được, chỉ có tám chữ là ba mươi sáu cách trốn là thượng sách.

Song không thấy người họ Lâm nói gì. Một lúc lâu sau, người họ Lâm tiễn người ấy ra về, miệng cảm ơn rồi rút. Hữu Văn thấy rất lạ.

Một lát sau thì người họ Lâm về, chỉ nghe thấy phòng bên ấy có tiếng gói buộc đồ đạc loạt soạt. Vốn là ngày mai Hữu Văn lên đường, bèn rụt rè đi tới, đứng ngoài cửa nhìn vào. Người họ Lâm có chiếc rương tre, chiếc lán và bọc chăn đệm, trông thấy Hữu Văn cũng không lên tiếng. Không nén

nổi, Hữu Văn hỏi:

- Ông họ Lâm ư?

Người họ Lâm rất ngạc nhiên, vội đáp lại:

- Vâng ạ!

Hữu Văn lại hỏi tên hiệu của ông ta, ông ta bảo tên là Thiêm Khải. Hữu Văn cũng cho người ấy biết họ tên mình, rồi hỏi người ấy đi đâu. Người họ Lâm nói:

- Tôi tới Đồng Quan.

- May quá, chúng ta đi cùng đường.

Rồi nói rõ lai lịch của mình. Lâm Thiêm Khải bèn vội mời ngồi, nói:

- Ông Hữu thật là người có phúc.

Hai người trò chuyện với nhau rất tâm đắc, rồi hẹn ngày mai dậy sớm cùng đi. Vì đi một mình buồn, nên Lâm Thiêm Khải vui vẻ nhận lời.

Sáng sớm hôm sau, xe họ thuê đã tới, trả tiền khách sạn rồi lên xe. Người xà ích ra roi, xe chạy như bay, phút chốc đã rời khỏi thành. Đi suốt ngày, đến tối nghỉ tại nhà họ Hàn. Cơm nước xong xuôi hai người lại chuyện trò rất tâm đắc. Họ đều tiếc rằng gặp nhau quá muộn. Hữu Văn hỏi Thiêm Khải lần này tới tỉnh làm gì. Lâm Thiêm Khải thở dài nói:

- Nói ra thì dài và cũng thật đau lòng. Tôi là người huyện Bảo An, quê tôi rất khổ. Hai anh em tôi thì tôi là anh cả. Tôi cũng cắp sách tới trường được bốn năm. Chú em kém tôi bốn tuổi, năm nay cũng mười bảy tuổi. Chúng tôi được ông chú nuôi nấng trưởng thành. Chú đối xử với tôi rất tốt. Từ nhỏ, em tôi đã đính hôn với cô gái nhà họ Vệ. Cô ấy rất xinh đẹp, định sang năm thì cưới. Không ngờ chỗ chúng tôi có một ác bá, tên là Tường Minh Doãn, vốn là một quan võ, chẳng biết vì sao giàu có. Lão ta chỉ có một đứa con trai tên là Tường Diệc Lương, nay đã mười sáu tuổi. Hắn xuống làng thu tô, chẳng biết ai đã nói với hắn, cô gái nhà họ Vệ rất đẹp, hắn bèn nhờ người tới cầu hôn. Nhà họ Vệ nói là đã có nơi có chốn rồi, hắn bảo nhà họ Vệ đến dẫn cuộc hôn nhân này. Nhà họ Vệ sợ thế lực của hắn, nhờ người đến nói, bị chú tôi mắng cho một trận. Nhà họ Vệ không còn cách nào, đành trở về

nói lại với Tưởng Minh Doãn. Tưởng Minh Doãn tức giận luôn luôn kình địch, song chưa từng giáp mặt với chúng tôi. Lại vì một đảng ở thành, một đảng ở nông thôn, xa xôi cách trở, chứ không có cách gì khác. Chú tôi cũng hết sức đề phòng, không tùy tiện tới thành, sợ rằng vô ý xảy ra việc gì. Nào ngờ lòng dạ Tưởng Minh Doãn rất ác độc, hãn thuê một số người xuống làng bắt thỏ, giẫm nát cả hoa màu của chúng tôi. Chú tôi chạy ra làm âm cả lên, bọn chúng xông vào đánh chú tôi một trận thừa sống thiếu chết. Tôi đang dạy học ở một thôn cách đó ba dặm, nghe tin trở về thì chúng đã bỏ đi rồi. Chú tôi nằm bất động. Theo bảo an địa phương nói, thì bọn ấy là người nhà họ Tưởng, và họ lại nói, trước khi chúng đi, còn bảo hãy từ bỏ hôn nhân với nhà họ Vệ đi thì sẽ chẳng có việc gì xảy ra nữa, nếu không thì họ nhất định sẽ đánh chết. Tuy tôi về nhà, cũng chẳng biết làm sao, chỉ nhờ người đặt chú tôi nằm trên tấm phản khiêng tới thành kêu oan, xét nghiệm thương tật. Chờ ba ngày, tưởng rằng ngài quan huyện sẽ ra lệnh bắt người. Nào ngờ chẳng thấy động tĩnh gì. Tôi có một người thân thích tại thành, nhờ ông tìm đến người thư biện, hỏi vì sao mà chưa có người đi bắt, lúc ấy mới biết trong đó còn sự ngoắt ngoéo tẻ nhị. Và người thư biện nói, nếu cho sai nha đi, thì trước hết phải nộp tiền phí tổn, tôi không còn cách nào khác. Huyện Bảo An chúng tôi đều dùng tiền giấy, một lạng bạc có thể đổi được hơn bốn quan tiền.

Họ cứ nhất định đòi lấy bạc. Sau đó người thư biện tới, nói là phải trả tiền phí tổn để làm đơn. Tôi nghĩ, anh em tôi được chú nuôi nấng trưởng thành, sao không hết lòng vì ông. Vì muốn minh oan cho chú nên buộc phải nghe theo họ, quả nhiên bạc vừa trao xong thì sai nha tới ngay: một người là Lam Năng, một người là Khả Quý. Hai người này cầm lệnh, họ lại đòi nào là tiền phí tổn ăn ở dọc đường, nào là khi lên đường phải lễ cầu may mắn... Đạn ấy, tiền tôi mang đi hết nhẵn, mai mà vị thân quen ấy rất là hào hiệp, đã bỏ ra hết cho chúng tôi. Trước sau chúng tôi mất tới ba mươi lạng, ấy thế mà sai nha vẫn chưa bước ra khỏi cửa.

- Vụ này khó mà kiện được. - Ngụy Hữu Văn nói.

- Đợi tới ngày thứ hai lên đường, - Lâm Thiêm Khải nói, - tôi chờ họ ngoài

quán trà, từ sáng sớm cho mãi tới non trưa, hai người sai nha mới tới. Trà thuốc xong rồi lên đường, đi đã mười dặm, họ kêu đói không nhắc nổi chân. Tôi bảo không còn xa nữa, tới đó các ông sẽ dùng cơm. Họ bỗng sa sầm mặt lại nói, thế người bắt ta nhịn đói để đi làm việc công ư, xem ra không được. Tôi đành tìm một cửa hàng ăn quen biết đưa họ tới đó ở nông thôn làm gì có thức ăn ngon, họ bảo chủ quán mù, khinh thường họ, rồi chửi chủ quán. Tôi nói mãi họ cũng không nghe. Bắt chủ quán phải đi mua một con gà với hai cân thịt về làm cơm. Họ tới ngay cửa hàng thuốc phiện liền đó, hút chán rồi mới trở lại ăn cơm. Ăn no mới đứng dậy đi. Chủ quán hỏi tiền, lại bị chúng cho vài cái tát và chửi là đồ khốn kiếp, đó là quy tắc đương nhiên, có nghĩa là tôi phải trả. Tôi không một xu dính túi, may mà đó là người quen, nên mới ghi cho tôi nợ tiền cơm tiền thuốc, thế rồi tôi đi theo họ. Đến thị trấn của chúng tôi, họ đòi tôi phải trả họ hai lạng bạc, nói là tiền ở trọ và tiền ăn. Trước đó tôi đã tiêu một món tiền lớn, chả lẽ món tiền vật này lại không đưa cho họ. Đưa tiền cho họ, rồi vào thăm chú. Tôi bỗng giật mình sợ hãi.

Hữu Văn vội hỏi vì sao, Lâm Thiêm Khải lau nước mắt thở dài nói:

- Không ngờ chú tôi mê mệt bất tỉnh nhân sự. Tôi cuống lên, suốt ngày hôm ấy chẳng thấy tăm hơi họ đâu cả. Mãi đến ngày thứ ba, gặp Lam Năng thì anh ta nói là Tưởng Minh Doãn đã sai một người tá điền tên là Thi Tứ Đức vào thành đưa đơn kiện chú tôi. Rồi anh hỏi tôi đến đâu nhờ người giúp đỡ. Tôi sợ họ gây rắc rối, bèn nói tôi định vào thành mua thuốc nên mới đi trước, Lam Năng không nói gì. Sáng sớm hôm sau, tôi vội vã vào thành, mang theo mấy bộ quần áo đi bán để chi tiêu trả tiền người thân, và thanh toán tiền cơm, thuốc hôm trước. Khi tới thành, lại không gặp họ, chờ suốt ba ngày tôi cuống lên, lòng dạ rối bời. Đến chiều ngày thứ tư mới thấy họ tới. Tưởng rằng sẽ xét xử, nào ngờ sau đó lại đi dạo công viên.

- Ai mời anh đi dạo công viên - Ngụy Hữu Văn hỏi.

- Làm gì có người mời tôi đi chơi công viên! - Lâm Thiêm Khải nói. - Đó là tiếng lóng của sai nha. Vụ án đã đủ điều kiện mà không xét hỏi, những người này rồi việc đi quanh quẩn thì gọi là "dạo công viên". Cứ thế tới nửa

tháng tôi không dám về nhà, lại không thể cứ ở đó mãi được. Lúc nào lòng dạ tôi cũng lo lắng về chú. Tâm trí tôi rối bời, mới nảy ra một ý, tôi đi tìm người thầy dạy tôi. Lúc đầu thầy nói là thầy không giúp được, sau đó tôi biểu thầy một thùng gạo, thầy mới nhận lời gặp quan huyện. Chờ khi thầy trở về mới biết ngài quan huyện đã già, việc buổi sáng thì chiều đã quên, việc hôm qua thì hôm nay càng khó mà đưa ra giải quyết. Việc này là việc tháng trước ngài đã để nó bay lên chín tầng mây rồi. Thấy thầy nhắc rồi ngài mới lệnh cho người lập bản án đi hỏi cho rõ ràng, rồi lập tức bảo sáng sớm ngày mai xét xử.

- Thầy lại nói với người lập bản án giúp tôi. Quả nhiên, sau bữa cơm chiều ngày hôm sau, ngài quan huyện mở phiên tòa xét xử. Thoạt tiên ngài hỏi tôi mấy câu, tôi cũng không hiểu là ngài hỏi gì. Lại thấy ngài hỏi người tá điền nhà họ Tưởng, người tá điền theo lệnh chủ cứ vu cáo bừa. Hai bên cãi vã nhau một hồi, quan chán ngán cho về, mai lại xét xử tiếp. Đến hôm sau, cũng không xét hỏi, tôi đi dò hỏi tại sao lại như thế thì có người gọi là "cò cưa", đó cũng là tiếng lóng của sai nha, có nghĩa là xử mà không kết án. Việc này kéo dài tới hai tháng. Chú tôi đã chết rồi, tính ra vẫn còn trong thời hạn xét xử. Tôi đành đệ đơn lên đốc thúc, song quan vẫn cứ ì ra không giải quyết. Tôi lại đệ lá đơn thứ hai thúc giục thì bị quan chửi là kẻ điêu oa. Ông tính, nhà tôi người thì chết, tiền thì mất, không những không được quan minh oan mà còn cho là kẻ điêu oa, thì ông bảo có tức không cơ chứ! Tôi lo đưa đám cho chú xong, rồi đành mang tiền lên phủ kháng cáo. Đây cũng là việc bất đắc dĩ, do họ bức phải làm mà thôi. Nào ngờ đưa tờ trình lên chờ rất nhiều ngày quan phủ chỉ phê là "mong huyện ấy tập hợp nhân chứng hai bên rồi kết án ngay, người học trò phải về ngay huyện để dự phiên tòa xét hỏi". Tôi cho rằng lần này thì quan huyện phải giải quyết gấp, về ngay huyện để dự xét xử.

Thật là nực cười, quan huyện lại chơi một trò kì lạ, nói là nhân chứng chưa đủ, lại cử sai nha tới bắt nhà họ Vệ, và một đồng người chẳng có liên quan gì. Quan huyện không sao kết án được. Lại nghe thấy Tưởng Minh Doãn cũng dẫn vào vụ án này rất nhiều tiền, quan huyện không muốn truy cứu đến cùng, muốn đưa người ta vào chỗ lũng nhùng, đương nhiên không kết

thức mà hóa ra kết thúc. Xem ra chẳng còn cách nào khác. tôi nghĩ đến lòng tốt của chú đối với chúng tôi nên rất thương xót ông. Nghĩ đến cái chết của chú tôi, chúng tôi vô cùng phẫn uất lại nghĩ tới thế lực nhà họ Tưởng, và sự ngu muội của quan huyện, chúng tôi càng thêm nôn nóng. Nghĩ rằng khi chết đi tôi vẫn thấy có lỗi với chú và đứa em của tôi, thế rồi tôi lại đi kháng cáo. Tháng Chín năm ấy tôi tới đạo đưa đơn. Thật là nực cười, quan đạo phê ý như quan phủ. Tôi nghĩ rằng không thể chịu như thế được, tôi dứt khoát chơi hăn một keo, lên trình đệ đơn cho Niết đài để định giải quyết dứt điểm. Thật là lạ lùng Niết đài vẫn đưa về huyện và cũng phê y như đạo và phủ đã phê. Tôi tức quá, lại tiếp tục đệ một lá đơn nữa, xin trực tiếp giải quyết. Không những họ không chuẩn y mà còn chửi tôi một trận. Họ phê rằng: "Vụ án này trước đây đã đưa về phủ, lệnh cho huyện tập hợp nhân chứng giải quyết ngay. Đương sự phải trở về quê quán, tới huyện nghe xét hỏi. Nay lại đệ đơn xin giải quyết, có ý thử cấp trên, quả là một vụ kiện điêu oa". Điều ấy khiến tôi tức uất tận cổ.

- Đến nông nổi này tôi cho rằng vụ án không thể giải quyết được. Vừa rồi tôi lại nhận được thư và tiền của chú em, bảo tôi rằng đệ đơn không được phê chuẩn, thì cứ lần lượt đệ đơn lên các cấp trên. Tôi nghĩ rằng không gì bằng cứ để thẳng lên Phiên đài. Đệ đơn lên tới Phiên đài thật không dễ chút nào, cứ phải mất bốn năm lạng bạc. Đã đến nước này thì không thể không kháng cáo, đành làm theo lời em. Nào ngờ lần phê này quả không dễ dàng, tôi chờ đúng hai tháng trời ròng rã, ông có biết họ phê thế nào không!? Họ phê rằng: "Đúng như Niết đài đã phê về huyện chờ giải quyết". Chuyện này xảy ra trước khi tôi lên đường ba ngày. Sự việc đã đến nước này, thì bỏ cuộc quách đi cho xong, chứ không còn cách nào khác. Nào ngờ tôi tới đây kháng cáo quan huyện cũng biết. Chính vì việc này mà huyện đã đệ trình giấy lên, đòi cấp trên giải tôi tới đầu huyện, và huyện sẽ cử sai nha áp giải tôi về xét xử. Cấp trên lại đưa giấy về huyện phê rằng: "Hãy tước áo mũ để răn đe những kẻ kiện điêu". Quan trên đã phê như thế rồi. Người tới tối hôm qua là em của thầy tôi, ông ấy làm ở bộ phận chuyển giao giấy tờ. Thấy phê như thế, cho nên vội vàng tới báo cho tôi, rồi bảo tôi rằng ba mươi sáu chước trốn là thượng sách. Song đi đâu thì đi, vụ án này cũng sẽ

không bao giờ tìm ra sự thực. Đây là những việc đã xảy ra từ trước tới nay. Ông đã quan tâm đến tôi nên tôi cũng kể hết để ông nghe, xem ông có kế gì giúp tôi được không!

Ngụy Văn Tử nghe suốt từ đầu đến cuối, tức đến bầm gan tím ruột, đập bàn chửi. Lâm Thiêm Khải lại khuyên giải hồi lâu. Ngụy Hữu Văn nói:

- Ông ạ! Nhà ông có nỗi oan lớn, mà nay thì người đã chết, gia tài khánh kiệt. Theo tôi thì ông có kiện tới Bộ cũng thế thôi. Tôi có một cách tốt nhất, song tôi không muốn nói ra, hiện nay chẳng còn trông mong vào đâu được. Giả dụ ông có thi đỗ cũng chỉ là một tú tài quèn, và cũng chẳng nên coi đó là lộc nước. Nay tôi bị tước mất áo mũ, nên chẳng kiêng nể gì nữa. Tôi xem ra nếu ông lật được vụ kiện này, trừ phi ông đi theo đạo nước ngoài, làm giáo dân, mới không sợ. Tưởng Minh Doãn thế lực lớn như thế cũng phải thua ông.

Lâm Thiêm Khải nghe thấy những lời khảng khái ấy, trầm tư hồi lâu, chợt hiểu ra vội vàng cúi lạy nói:

- Xin nghe theo lời dạy bảo của ông. Nếu theo cách ấy tôi cũng phải đến Đồng Quan. Vốn rất sợ quan trên bắt, nên tôi phải đến nương nhờ người bạn ở đó. Bây giờ thì tôi không sợ nữa.

Lúc ấy Lâm Thiêm Khải rất vui, cùng với Ngụy Hữu Văn kể cười kể vẽ chuyện trò, chuyện trò thoải mái suốt đêm, mãi đến khi trời sáng bạch thì họ chia tay nhau. Ngụy Hữu Văn từ Đồng Quan tới vùng Sơn Tây; Lâm Thiêm Khải về huyện Bảo An chuẩn bị theo đạo Gia Tô, rồi lại đi kiện bọn quan lại hồ đồ. Rốt cục sau khi theo Gia Tô giáo thế nào, người viết truyện không nhớ kể tiếp.

Hết Tập 2

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Tập 3 - Chương 1

Huyện Tam Hà, Đến Thăm Chùa Lý Giang,

Bề Tôi Hiền Nhận Chúc Trừ Kẻ Ác

Có bài từ theo điệu *Tây Giang nguyệt* rằng:

Càn khôn cuộn cuộn sóng biển,

Nhật nguyệt vắng vắng đưa thoi,

Phúc Thiên, họa dâm khó lòng thoát,

Người nên biết lỗi sửa sai.

Giàu sang đời trước đã định,

Có, không chẳng tự bên ba,

Từ nay yên phận dưỡng tính hòa,

Người lành được vui mãi mãi.

Khúc *Tây Giang nguyệt* này nói tới một câu chuyện lạ kỳ chép trong bộ sách lạ kỳ của Trung Quốc. Từ khi vua Khang Hy lên ngôi, sông trong biển lặng, ngũ cốc được mùa, muôn dân vui sướng, nước ổn dân yên.

Ở một ngõ đầu tiên qua cổng chào Đông Đơn cửa Sùng Văn có nhà một danh sĩ họ Bành, tên Định Cầu, sau đổi thành Bành Bằng, tên chữ Hữu Nhân. Cha là Đức Thọ làm quan ở kinh đô nhưng mất sớm, mẹ họ Diêu cũng qua đời. Vợ là Mã Thị tính hiền thực lại thông minh. Bành Bằng quyết chí học hành, nhà cũng đủ ăn. Năm Khang Hy thứ 39 (1700), đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn, được bổ tri huyện huyện Tam Hà. Ngày hôm ấy người đưa tin tới nhà báo tin vui, gia nhân là Bành Hưng vào thưa với chủ:

- Có người đem tin vui tới nhà báo cho lão gia biết đấy ạ!

Bành Công thưởng cho người báo tin vui hai lạng bạc tốt, sau đó đến lạy chào thầy, chào các bạn cùng đỗ, bạn rộn suốt mấy ngày.

Ngày hôm ấy mọi việc đã xong, Bành Công cho gọi viên quản gia già là Bành An đến trước mặt, bảo:

- Bành An, nhà người tuổi gần thất thập nhưng còn khỏe mạnh. Ta nay sắp đi nhận chức, để người ở lại trông coi việc nhà mọi việc trong ngoài người phải lưu tâm lo việc. Ngày mai ta đi thăm mộ, tế nhà thờ họ, bái liệt tổ tiên, định đến ngày kia thì khởi hành. Người hãy thu xếp hành lý cho ta. Ta đem theo một mình Bành Hưng, người khác không dùng đến. Người gọi hân lên đây.

Bành An lui ra, gọi Bành Hưng vào. Bành Hưng tới trước mặt, nói:

- Nô tài xin chúc mừng lão gia.

Bành Công nói:

- Người thu xếp hành lý đi, ngày kia cùng ta lên đường.

Bành Hưng đáp:

- Nô tài biết rồi ạ!

Bành An bảo:

- Cháu đi mua ít đồ cúng đi!

Bành Hưng đáp:

- Vâng.

Hai người đi ra, Bành Công tới phòng phu nhân, nói:

- Tôi chịu ơn hoàng thượng trao cho chức huyện lệnh huyện Tam Hà. Đây là nơi vất vả, tôi không thể đưa bà đi cùng. Việc trong nhà, tôi nhờ bà để tâm thu xếp. Sau khi đến nơi nhận chức rồi, có thể nào tôi sẽ sai người về đón bà.

Phu nhân Mã Thị là người hiếu tam tòng tứ đức cùng bảy điều phải giữ chữ trinh, chín điều phải giữ tiết liệt, nên vừa nghe chồng dặn đã nói:

- Xin lão gia cứ yên tâm, thiếp cũng không thể theo lão gia đi được. Hiện nay thiếp đang thai nghén, đợi sau khi sinh nở xong thì báo tin mừng cho lão gia là được rồi.

Phu nhân nói xong, cô hầu Thu Hương thưa:

- Cơm tối đã xong rồi, lão gia ăn ở đâu ạ?

Bành Công đáp:

- Ở đây ta cùng ăn với phu nhân.

U già Lưu Thị cùng Thu Hương dọn cơm ra, vợ chồng Bành Công ăn cơm xong, tối hôm đó không có chuyện gì.

Sáng hôm sau, Bành Hưng vào thưa:

- Nô tài đã mua xong đồ cúng, mời lão gia tới thăm mộ.

Bành Công dùng cơm sáng xong, mang theo Bành Hưng ra khỏi thư phòng, tới ngoài cổng thì lên xe. Bành Hưng dắt ngựa, ra khỏi thành tới phần mộ. Người coi mộ đón tiếp lão gia, chào hỏi và chúc mừng Bành Công. Bành Công xuống xe nhìn xem, thấy các nơi cây cối đều ngay ngắn, bèn sai bày đồ cúng, đốt nhang cầu khấn, thăm khấn rằng:

- Trên có tổ tiên, con là Bành Bằng cúi lạy tổ tiên phù hộ; nhờ ơn đức thánh thượng, con được trao chức huyện lệnh huyện Tam Hà, nay con đến lạy tổ tiên và xin báo biệt.

Nói xong vái tám vái. Lễ mộ xong, người coi mộ tới nói:

- Nô tài đã chuẩn bị trà ở nhà trên, xin mời lão gia uống trà.

Bành Công tới nhà trên ngồi xuống, gọi người coi mộ tới, nói:

- Ta sắp sửa đi nhận chức, người hãy trông nom phần mộ cho tốt và sửa sang cây cối.

Người coi mộ tên là Lai Thuận, nói:

- Nô tài xintuân lệnh.

Bành Công thưởng cho Lai Thuận tám lạng bạc tốt, sau đó lên xe về nhà.

Tới nhà, Bành Công xuống xe, vào thư phòng. Bành An đến nói:

- Bẩm lão gia, nay có Viên ngoại lang bộ Lại là Thục Tam lão gia và Tát Đại lão gia đến chúc mừng lão gia và tiễn đưa, có để lại mấy thứ như trà và bánh điểm tâm, nói rằng sáng sớm mai còn đến tiễn chân nữa.

Bành Công nói:

- Ta biết rồi!

Nhưng Bành Công thầm nghĩ: "Thục Tam đệ là một người bạn tri kỷ của ta, ta đang muốn gặp ông ấy, nhờ ông ấy trông nom giúp việc nhà. Một khi ta đi nhận chức là phải tận tụy với nước, trừ hại cho dân, trên báo ơn vua, dưới làm dân được yên vui, cắt bỏ cái ác cho người lương thiện được sống yên. Nam tử hán, đại trượng phu đã sinh ra ở đời, ắt phải làm nên sự nghiệp oanh liệt để lưu lại tiếng thơm đến nghìn xưa". Trong lúc suy nghĩ thì trời đã muộn, bèn về phòng an nghỉ.

Ngày hôm sau trở dậy, gia nhân vào báo:

- Thụy Minh lão gia đã đến, hiện đang ngồi trong thư phòng đợi lão gia.

Bành Công nói:

- Ta biết rồi!

Nói xong tự đi đến thư phòng, nhìn thì thấy Thụy Minh mặc quan phục càng thêm oai nghiêm. Ông này mình cao bảy thước, tuổi gần tam tuần, mặt vuông, mày dài mà thanh tú, hai mắt tinh nhanh, mũi thẳng, mồm vuông, mặc hộ quần áo lụa Ninh màu lam, áo bào đơn có hình rồng cuộn, trùm bên ngoài là áo ngắn lụa hồng thanh may riêng cho quan ngũ phẩm, đầu đội mũ quan, chân dận đôi giày cao cổ bằng đoạn đế trắng. Vừa thấy Bành Công, ông ta đã đứng lên. Hai người hỏi thăm sức khỏe của nhau rồi Thụy Minh nói:

- Đại ca được nhận chức ở Tam Hà, đệ xin đến chúc mừng.

Bành Công nói:

- Hôm qua được huynh hậu tặng, chưa được cảm ơn tận mặt. Nay tôi đang muốn đến phủ thì lại được huynh chiếu cố đến nhà. Hai ta là bè bạn tri kỷ, không cần phải khách sáo. Tôi vốn định hôm nay lên đường nhưng công việc trước sau chưa làm được hết. Tôi còn có một việc muốn nhờ, ấy là việc trong nhà, mong huynh thường xuyên để ý. Tôi lên đường cũng không ngồi xe của nhà mà thuê hai con lừa cưỡi cho thuận tiện.

Thụy Minh biết Bành Công là người thanh liêm, trong nhà cũng không giàu có gì, bèn tặng hai chục lạng bạc để đi đường. Bành Công cũng không chối từ. Hai người ăn cơm xong thì Thụy Minh đứng dậy cáo từ.

Hôm sau nữa Bành Công mới đem theo văn bằng, thu xếp hành trang, trước hết thuê một cái xe ra cửa Triều Dương, bảo Bành Hưng thuê hai con lừa. Trả xong tiền xe, chất hành lý lên hai con lừa rồi chủ tớ cưỡi lừa theo đường cái mà đi về phía trước.

Đi được hơn hai mươi dặm thì đến Tam Giang Phòng, thấy ở phía bắc đường có một quán rượu, cờ rượu treo cao, thêm biển quán trà, hướng chính bắc là năm gian nhà trên, phía trước dựng rạp, chủ tớ bèn xuống lừa. Bành Hưng buộc lừa rồi cùng lão gia vào ngồi trong quán trà. Người hầu trà mang ấm và chén tới, nói:

- Hai vị vừa mới tới, có mang trà theo không?

- Có trà đây rồi! - Bành Hưng đáp.

Bèn lấy trà trong túi ra bỏ vào ấm pha một ấm trà. Bành Hưng rót cho chủ một bát rồi rót cho mình. Đang uống chợt thấy hai người xuống ngựa trước quán rồi đi vào gọi trà uống. Người đi trước tuổi chừng ngoài đôi mươi, mặc bộ quần áo bằng lụa màu lam, chân đi đôi giày ống bằng đoạn xanh, tay cầm roi ngựa, ngồi vào bàn phía tây, gọi:

- Hầu trà đâu, mau mang trà tới đây. Hai chúng ta uống xong còn phải vào trong cửa Tề Hóa mua mấy thứ.

Hầu trà vội vàng tươi cười chào:

- Hai vị đại gia vừa mới tới ạ!

Nói rồi đưa một ấm trà to tới nói:

- Trà vừa mới pha, xin mời hai vị dùng.

Hai người kia uống liền hai bát rồi bảo:

- Thôi chúng ta đi đây!

- Hai vị lên đường ạ! - Hầu trà đáp.

Bành Hưng hỏi hầu trà:

- Sao họ không trả tiền mà nhà anh còn cung kính thế?

- Anh bạn không biết đó thôi, hai vị này là quản gia Vũ gia trang ở huyện Hương Hà đấy. Vị chủ nhân trang ấy nổi danh khắp tám huyện miền Đông, chẳng ai không biết. Ông ấy tên Vũ Khuê thuộc Bao Y Kỳ(1) trong Vương phủ Thần Lực, biệt hiệu là Phi Thiên Báo Vũ Thất Thái Tử. Nhà có hai trăm khoảnh ruộng tốt, luyện được đầy mình võ công, Trương quyền đánh ngã, đao thương côn bổng thứ gì cũng tinh thông, thu nhận vô số môn đồ. Chỉ có một điều không hay là chuyên kết giao với anh hùng lực lưỡng. Ngày mồng năm tháng Năm năm nay mở hội lớn ở miếu Bà chùa Lý Giang tại Trương Gia Loan, ông Bảy Vũ mời khách đi chơi hội. Hai người vừa nãy tên Vũ Hưng, Vũ Thọ là gia nhân nhà ấy. Ông Bảy Vũ là anh hùng khinh tài trọng nghĩa, năm nay hội miếu náo nhiệt lắm, sao hai vị không đi xem?

(1) Bao Y Kỳ: một trong tám tổ chức quân đội và biên chế hộ khẩu của dân tộc Mãn. (ND).

- Chúng tôi đang định đi đây! - Bành Công nói.

Trả tiền nước xong, Bành Công cùng Bành Hưng nhảy lên lừa theo đường

cái. Đến Thông Châu thì dừng lửa, hai thầy trò ra cửa Nam môn, Bành Hạng gánh hành lý, Bành Công theo sau. Qua Trương Gia Loan, đến đầu thôn chùa Lý Giang, thấy người buôn bán đi hội miếu đông lắm, chiêng trống rầm trời. Các loại trò thì có trò cưỡi ngựa, trò ảo thuật, hát tích sử, xem bệnh, bói toán, thôi thì đủ mọi cách kiếm tiền, người đứng xem xúm xít. Chủ tớ đang định đi tiếp thì thấy phía nam có một quán trà dựng bằng chiếu cói, trong quán có sáu bảy chiếc bàn bát tiên, có chừng hơn hai chục người đang ngồi uống trà, đều là người đi xem hội, trẻ già đều có. Bành Công thấy khát, vào ngồi trong quán gọi một ấm trà.

Chủ tớ đang uống trà, chợt nghe một khách uống trà bên cạnh nói:

- Trò hôm nay hay lắm nhưng không xem được vì người quá đông.

Lại một ông già nói:

- Chùa Lý Giang hương khói trăm ngàn năm nay, những năm nay không chừng xảy ra chuyện.

Một người trẻ tuổi nói thêm:

- Ông Bảy Vũ ở Vũ Gia Trang đến đây chơi hội cùng các bạn bè. Tuy ông Bảy là người tốt nhưng bọn thủ hạ làm bậy lắm. Lại còn tay chủ hiệu Tả Bạch Kiềm ở Hạ Điểm nữa, tay này là chủ hiệu lương thực cung cấp cho vua thuộc phủ Dự Vương, hôm nay cũng đem theo một số người đưa ngựa ở mé bắc kia. Hắn có một người cháu họ xa là Tả Khuê, tên hiệu là Tả Thanh Long đem theo toán phi quấy phá hung hãn, dám cướp đàn bà con gái nhà người ta. Nay người của cả ba huyện đến đây xem hội, huyện ta này, huyện Hương Hà này, lại cả huyện Thông Châu nữa.

Ông già nghe xong, bảo:

- Thế quan huyện Tam Hà bị Tả Thanh Long làm hư rồi sao?

Một ông già khác gạt đi:

- Người anh em nên nói ít chuyện thị phi đi. Thường có câu: "Lời nào vô ích đừng nên nói, Việc chẳng liên quan ít hỏi tra, Chớ quản sương kia rơi mái khác, Hãy lo quét tuyết mái nhà ta". Người xem hội rất đông, lời tôi nói có đúng không nào?

Chủ tớ họ Bành đang nghe đến hồi hay thì người trẻ tuổi bị ông già nói cho mấy câu liền không nói nữa. Bành Công đành trả tiền trà rồi thầy trò ra

khỏi quán. Vừa hay trước mặt có người đi đến, người này thân cao chín thước, vai rộng lưng tròn, trên người mặc chiếc áo trắng dài, trong mặt bộ quần áo lót bằng vải màu lam, giữa là chiếc áo lụa cùng màu, giày xanh tất trắng, tay cầm chiếc quạt lông, mắt to mày rậm, hai mắt long lanh, mồm vuông, vẻ mặt hung ác, đi theo sau có đến hơn hai chục người, đều mặt mũi dữ tợn, nổi hằn cơ thịt. Bọn chúng mặc quần áo hoa màu tím, chân dận giày ống bằng vải mỏng màu xanh, không ra dáng con nhà lành, theo tên chủ trẻ vào hội miếu. Chủ tớ họ Bành đi theo sau. Chợt trước mặt có một thiếu phụ trẻ trông chừng ngoài đôi mươi đi tới, cao sáu thước, đầu chải bóng mượt, cài trâm đeo hoa bằng vàng, mái tóc giắt bông hoa hải đường, mặt tựa hoa đào, mắt hạnh mày liễu, răng trắng môi son, mình mặc chiếc áo ngắn bằng lụa tuyết thanh, trên lụa trang trí nhiều đường ngang dọc, áo nền màu xanh nhạt, áo giữa màu phấn hồng, đôi gót sen đi giày bằng đoạn màu hồng trên thêu đôi bướm, vai gánh một gánh hoa tứ quý, tay dắt thẳng bé chừng tám chín tuổi. Thằng bé tết bím lệch sang một bên, mình mặc áo xanh lam, chân đi đôi giày đế mỏng bằng đoạn xanh lục, tay cầm chiếc quạt tròn, cười hì hì đi theo người thiếu phụ. Dáng đi của thiếu phụ lộ vẻ phong lưu, thật đúng là:

Mặt hoa lê nhàn nhạt,

Eo dương liễu thon thon,

Xinh tươi tô điểm thắm môi son,

Quả thật phong lưu thanh tú!

Đám người kia thấy thiếu phụ phong lưu xinh đẹp nhường ấy thì anh chen tôi lấn, đổ xô về phía trước. Thiếu phụ nói:

- Đừng chen nữa, xô vào người ta rồi!

Người trẻ tuổi mặc áo dài trắng dắt theo lũ vô lại vẫn cố ý chen người thiếu phụ. Chủ tớ Bành Công thấy vậy, nghĩ thầm: “Người đàn bà này cũng không nên nể. Trang điểm thế kia là ít được dạy dỗ, chẳng trách đàn ông bám theo. Bọn kia xúm lại như thế, còn ra thể thống gì nữa!”.

Trong bọn ấy có một người họ Trương tên Hoảng, biệt hiệu là Thám Hoa Lang Tiểu Hồ Điệp, là quản gia cho Tả Thanh Long Tả Khuê ở Hạ Điểm huyện Tam Hà, cũng đem thủ hạ đi chơi hội. Cùng đến với hân có tên Hồ

Thiết Định là loại hư đồn từ lúc còn trứng nước. Thấy đàn bà nào xinh đẹp hơn người, bọn chúng bèn dựa thế chủ, hoành hành mặc sức, bắt nạt người lành cướp bắt phụ nữ, gian dâm đùa cợt, không điều gì mà không dám làm. Hôm nay thấy thiếu phụ này, bọn chúng hòa nhau chen lấn. Nghe thiếu phụ nói "Đừng chen nữa" với giọng thỏ thẻ càng khiến chúng say mê. Tên Thai Lý Hoại(1) Hồ Hắc Cầu nói một tràng tiếng lóng, có nghĩa là: “Anh em hãy ngoảnh lại nhìn kia, con bé vừa xinh vừa trẻ, lại không có chồng cùng đi thử hỏi xem nhà nó ở đâu”. Chủ tớ Bành Công đều không hiểu vì đó là tiếng lóng của bọn giang hồ. Trương Hoàng thấy thiếu phụ kêu đừng chen lấn, hăn liền nói:

- Sợ chen thì ở nhà, đừng đi chơi hội nữa. Người đông như thế này, không chen sao được?

(1) Thai Lý Hoại: hư hỏng từ trong thai, biệt hiệu của Hồ Thiết Định, cũng gọi là Hồ Hắc Cầu (chó mực). (ND).

Bành Công nghe hăn nói thế, liền lên tiếng:

- Làm người cũng nên có lòng tự tôn. Nhà ai chẳng có đàn bà con gái? Làm việc nên theo lẽ trời, nói lời phải thuận lòng người mới được!

Trương Hoàng nghe xong, tức lắm hỏi lại:

- Cô ta là thế nào với ông?

- Tôi không quen người ta, tôi chỉ khuyên chú không nên chen thôi! - Bành Công đáp.

- Nói thôi lắm, Trương đại gia đây không cần người khuyên bảo. Người đâu, trời nó cho ta, đem về trang trại xử lý.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương (B)

Bành Hưng sợ quá run như cầy sấy, nhìn bọn kia ủa tới.

Bỗng từ ngoài bước vào một người ra dáng chững chạc, mặt mũi ngay ngắn, mình cao tám thước, da mặt, hai mày hơi cau, đôi mắt có hồn, đầu tóc đoan trang, mồm vuông, quanh mép lún phún râu, mình mặc áo la hán hai vạt màu xanh nhạt để hở vạt áo trong màu xanh đậm, tất trắng, giày bằng đoạn màu xanh, oai phong凛冽, tuy ăn vận nho nhã nhưng lại có oai của kẻ nghĩa hiệp; theo sau chừng hơn mười gia nhân.

Trương Hoảng thấy người này thì hồn bay phách tán bởi người vừa đi đến là một anh hùng nổi tiếng ở Kinh Đông, nhà ở Lý Tân Trang huyện Tam Hà, họ Lý tên Thất Hầu, biệt hiệu Bạch Mã Lý Thất Hầu, một hào kiệt trong chốn lục lâm, hành hiệp trượng nghĩa, chuyên trừ quan lại tham nhũng và bọn ác bá, thích làm việc nghĩa, thương con cô gái góa, lấy tiền bạc của kẻ bất nghĩa chu cấp cho nhà khốn cùng, bởi vậy nổi tiếng khắp năm tỉnh miền Bắc. Có ông ta thì huyện Tam Hà thực là không người nhặt của rơi, đêm ngủ khỏi đóng cửa. Hôm nay theo lời hẹn với Vũ Thất Thái Tử đến chơi hội, thấy Trương Hoảng đang nói những lời khó nghe với Bành Công, bất giác nổi giận:

- Thằng nhãi Trương Hoảng kia, người lại dám làm chuyện thương thiên hại lý ư? Từ lâu ta đã nghe những việc phạm pháp của người!

Nói xong, bước tới tát luôn giữa mặt Trương Hoảng, khiến hắn ta sợ quá vội cười nịnh:

- Bẩm ông Bảy, tiểu nhân đâu dám làm vậy. Chị ta bảo tiểu nhân chen lấn nhưng tiểu nhân có chen đâu, thế mà ông này còn răn đe.

Hắn chỉ tay vào Bành Công. Lý Thất Hầu nói:

- Tiên sinh bất tất phải ngăn đưa tiểu nhân này, đã có tôi dạy bảo chúng.
- Hắn định trói tôi, may tôn giá vừa đến kịp. Xin cho biết quý tính cao danh.
- Bành Công nói.

Lý Thất Hầu xưng tên họ xong, Bành Công dẫn Bành Hưng lui ra một bên, thiếu phụ cũng bỏ đi. Trương Hoảng không dám đi còn bọn thủ hạ đã hoảng sợ tẩu tán từ nãy. Lý Thất Hầu bảo:

- Nay thằng nhãi Trương Hoảng, từ nay người phải sửa đổi lỗi lầm. Ta tha cho tính mạng người, nếu ta còn gặp lần nữa, ắt giết không tha. Thôi ta đi đây! - Nói xong dẫn bọn gia nhân bỏ đi.

Bành Công và Bành Hưng đứng bên thấy thế, nghĩ thầm: "Lý Thất Hầu quả là người tốt!". Chợt nghe người chơi hội đi đằng sau nói:

- Hôm nay Trương Hoảng gặp phải người đối đầu rồi! Ông Bảy thật là người thích vợ chuyện không đâu vào người, chuyên giết quan tham, diệt trừ ác bá, chỉ có điều, những việc làm của em trai ông ta là Lý Bát Hầu khiến cho huyện Tam Hà chẳng được yên thì ông Bảy lại chẳng quản nổi. Lại còn tên gia nhân Khổng Lượng nữa, thằng này quấy đảo càng hung, thật là thằng đầy tớ gian ác.

Bành Công nghe họ nói thì ghi nhớ trong lòng nghĩ bụng: "Nay ta đã là quan, phải trừ hại cho dân, làm địa phương được trong sạch, bắt hết ác bá, côn đồ". Nghĩ xong cùng Bành Hưng đi thẳng về huyện Tam Hà.

Ngày hôm đầu, hai thầy trò ở trong quán trọ. Sáng hôm sau trở dậy, chủ tớ đến huyện nha, đã có nha lại ra đón tiếp. Bành Công nhận ấn xong, viên典史 và bá tổng tới vái chào. Điển sử họ Lưu tên Chính Khang, vốn xuất thân từ đề lại; bá tổng họ Thường, tên Vạn Niên xuất thân cửa nhân võ. Bành Công chào hỏi lại, cùng các quan chức trong huyện đi lễ nhà thánh miếu. Mọi việc xong xuôi, nhớ lời người dân bàn tán ở chùa Lý Giang, nói rằng Tân Trang họ Lý ở bản huyện có ác bá Lý Bát Hầu, chuyên làm điều ác, ta phải ngầm thăm dò người này. Có khi hẳn là người tốt cũng chưa biết chừng. Tục ngữ nói rất đúng: "Mắt xem việc ấy còn nghi giả, Lời nói bên tai chẳng ắt tin".

Ngày hôm sau, Bành Công mặc áo quần thường dân, đem theo Bành Hưng ra khỏi nha môn. Gần đến Lý Tân Trang, ông dặn Bành Hưng:

- Ta đóng giả thầy bói đến nhà tên Lý Bát Hầu, người ở quanh đây hỏi dò tin tức. Nếu tới lúc mặt trời lặn mà không thấy ta ra, người phải về ngay nha môn để quân lính đến bắt tên giặc ấy.

Bành Hưng vâng dạ. Bành Công đi thẳng vào trong trang, chỉ thấy thôn trang này lại có hẳn một nơi có thể dạo chơi:

Suối nhỏ quanh rừng biếc,
Nhà tranh mấy mái hiên.
Kề suối cửa phen nhỏ,
Bờ khe đường đá xiên.
Thông già rễ xoắn xuýt,
Tre xanh mấy khóm nghiêng.
Tiếng chó gà ngõ thăm,
Bò dê nằm cát êm.
Một thôn nhiều non nước,
Mười mẫu mây khói chen.
Hương thu xem hoa lúa,
Tiếng xuân cùng tiếng chim.
Liễu đào lệnh rũ cửa,
Dưa thiệu bình vườn xen.
Ngòi đông câu được cá,
Làng tây rượu nợ tiền.
Nhà nông cùng bạn suối,
Bên dâu, gai hàn huyên.

Bành Công xem xong phong cảnh, bước thẳng vào thôn. Nghĩ thầm: "Lý Bát Hầu phải là một người giàu có, mình phải vào tận nơi xem xét cho chính xác". Thế là tay gõ thẻ tre bước về phía trước. Chỉ thấy phía bắc đường có cánh cổng lớn, hai bên có hơn mười cây dương liễu rủ bóng. Trong cổng có chiếc ghế lớn, một người đứng giữa cổng. Người này mình cao chín thước tay khỏe lưng tròn, mày rậm mắt to, mặt gân guốc, mồm vuông vắn nhưng không có râu, mình mặc áo quần màu lam, tất trắng, giày đoạn đen, tay cầm quạt lông ngỗng, phía sau có hai thằng nhỏ đứng hầu. Nhìn rõ rồi, Bành Công liền rao:

- Một bút như nhát dao, mở núi Côn Sơn chia ngọc, đá. Hai mắt như tia chớp, xem tường Thương Hải tách cá, rồng. Xem vận mệnh trong năm, xét số phận suốt đời đây!

Người đứng trước cổng chính là Lý Bát Hầu. Hắ đang buồn bực trong lòng, thấy ông thầy bói bèn nghĩ: "Sao ta không mời hắ vào xem cho ta năm nay thế nào, vận số ra sao nhỉ?". Liền gọi:

- Đồng nhi ra gọi ông thầy bói vào cho ta.

Tên hầu nhỏ nói:

- Xin ông Tám vào nhà đã, chúng con đi gọi đây!

Nói rồi ra cổng gọi:

- Ông thầy bói ơi, chủ chúng tôi mời ông vào nhà.

Bành Công hỏi:

- Quý tính chủ người là gì?

Bọn nhỏ nói:

- Chủ nhân chúng tôi họ Lý, tên là Bát Hầu. Ông xem cho tốt còn thưởng tiền cho ông đấy!

Bành Công biết đó chính là tên ác bá bèn theo bọn nhỏ vào cổng, thấy ba gian phía đông là phòng cho người coi cổng, ba gian phía tây là phòng tiếp khách. Chính bắc có một bức tường quét vôi trắng, chính giữa là cửa đi vào bên trong gồm bốn cánh. Vào qua cửa ấy, trong sân hoa cỏ đưa hương. Chính bắc có năm gian, ba gian xếp về phía đông, ba gian thư phòng có dựng rạp. Dưới bậc thềm hướng chính bắc đặt một bàn để đàn, bên trên để ấm chén uống trà; sau bàn là chiếc ghế thái sư trên đó là người vừa đứng ngoài cổng ngồi chễm chệ. Bành Công nhìn xong, nói:

- Xin kính chào trang chủ, Thập Đậ Tam(1) tôi xin có lễ.

(1) Thập Đậ Tam: ba chữ này hợp lại thành chữ Bành. (ND)

Lý Bát Hầu nói:

- Ngồi đi ! Ông xem tôi nguyệt lệnh cao thấp, vận số thế nào?

Bành Công thầm nghĩ: "Ta nên nhân dịp này khuyên can hắ, xem tâm địa hắ ra sao". Nghĩ thế rồi nói:

- Trang chủ mình thủy, tướng mạo đẹp lắm. Sách xem tướng có mấy câu rằng: "Mình mộc thì gãy, mình kim vuông vắn, mình thủy béo tốt, mình thổ thì lưng như mai rùa, còn phía trán mà rộng mở thì đó là mình hỏa. Tướng mạo theo ngũ hành mà suy ra cho kỹ". Theo tướng mạo của trang chủ thì hời nhỏ vận không được tốt, cha mẹ mất sớm, chỉ nhờ vả anh em. Long

mày đậm nét nên tính tình hơi khó hòa. Phàm việc gì làm trong đời đều không nghe lời khuyên. Trung niên vận số bình thường nhưng lúc này ấn đường có màu đen, hẳn là nhằm vào việc mắc mớ với cửa quan. Xin ngài giữ gìn cẩn thận thì phúc mới được dài lâu, nếu không, e rằng vạ lớn xảy ra, hối thì đã muộn.

Lý Bát Hầu nghe nói vậy thì không vui. Bỗng có người tới bên cạnh, ghé sát tai nói mấy câu gì đó. Lý Bát Hầu trợn mắt lên. Người ấy là gia nhân của Lý Bát Hầu, họ Khổng tên Lượng, biệt hiệu người ta đặt cho là Bạch Nhớn Lang(1) Hán chuyên cậy thế chủ đổi trắng thay đen, gian dân cướp bóc, không việc xấu nào là không làm, nào cướp đàn bà con gái trẻ, chiếm đoạt nhà cửa ruộng nương, bắt nạt người lương thiện. Hôm nay thấy chủ mời ông thầy bói vào nhà. Ông thầy nói năng nho nhã, cử chỉ đoan trang khiến hẳn phải suy nghĩ. Lại nghe ông ta xưng tên họ là Thập Đậu Tam, hẳn ngờ ông thầy chính là tri huyện mới đến nhận chức vi hành hỏi thăm. Những việc mà hẳn cùng Lý Bát Hầu làm đều là thương thiên hại lý, bất nghĩa đối người nên hẳn cũng có phần sợ hãi. Hẳn bèn nói với Lý Bát Hầu:

(1) Bạch Nhớn Lang: sói mắt trắng dã. (ND)

- Xin ông Tám vào nhà trong, nô tài có chuyện muốn nói.

Lý Bát Hầu đứng dậy, vào tới nhà trong liền hỏi:

- Khổng Lượng, người muốn nói gì với ta thế?

Khổng Lượng nói:

- Thưa ông Tám, vừa nãy ông cho gọi thầy tướng này vào để xem tướng số. Ông ta có lai lịch đấy. Nguyên là tri huyện mới tới nhậm chức họ Bành tên Bằng từ Kinh đô về đây. Hôm ấy con ở huyện nha nhìn thấy ông ta đi lễ thánh miếu, rất giống người này. Nếu ông ta đến nhà thì việc làm của ông con mình e rằng không hay. Theo ý con, ông con mình nên xét hỏi lai lịch của hẳn, không thể để cho hẳn đi thoát được.

Lý Bát Hầu nói:

- Ta biết rồi!

Nói rồi quay trở lại nhà ngoài, hỏi:

- Tiên sinh, ông là người ở đâu? Họ tên là gì?

Bành Công nói:

- Tôi họ Thập tên Đậ Tam, hiệu là Song Nguyệt, người ở kinh đô.

Lý Bát Hầu nói:

- Tôi xem ông dường như giống tri huyện Bành Bạng mới tới nhận chức, ông đến đây để dò la. Ông hãy nói thật đi, tôi sẽ thả ông về mọi sự đều xong. Còn nếu ông không nói thực, tôi sẽ khảo đả buộc ông phải khai đấy!

Bành Công nói:

- Trang chủ, ngài không nên làm như thế. Tôi đúng là thầy tướng giang hồ, không phải đến dò la.

Lý Bát Hầu nói:

- Chữ Thập bên dưới có chữ Đậ, thân ba nét ở bên cạnh là chữ Bành. Hai chữ Nguyệt ghép vào với nhau chính là chữ Bạng. Ông còn nói gì được nữa?

Nghe đến đây, Bành Công giật nảy người, nói:

- Trang chủ, xin ngài chớ đa nghi. Tôi thực sự là thầy tướng mà!

Lý Bát Hầu bảo gia nhân:

- Trói hắn lại cho ta!

Bọn gia nhân không dám trái lời chủ, bảo thầy tướng:

- Ông không nói thực, chúng tôi đành trói ông vậy!

Tên nô tài độc ác Khổng Lượng nói:

- Cứ trói lại, không cần phải nói nhiều.

Bọn chúng liền trói chặt Bành Công. Lý Bát Hầu ra lệnh:

- Đem treo nó lên trong chuồng ngựa, tra hỏi kỹ cho ta!

Bọn gia nhân điệu Bành Công đến sân phía tây, treo ông lên trong chuồng ngựa. Lý Bát Hầu ngồi trên ghế gần đó, trước mặt kê chiếc bàn bát tiên. Gia nhân đứng thành hai hàng.

Khổng Lượng tay cầm roi mây nói:

- Người mau khai thực đi, tránh cho da thịt bị đánh đòn đau đấy!

Bành Công bị trói, treo trong chuồng ngựa, vừa nghe tên ác nô Khổng Lượng nói như thế thì nghĩ thầm: "Ta vừa mới đến nhậm chức, trước hết đến hỏi thăm tên ác bá này mà nó đã làm dữ. Thôi ta cứ nói thật, xem bọn giặc này dám làm gì ta! Ta lập chí trừ ác an dân, diệt bọn gian tà ác bá!".

Nghĩ rồi, nói:

- Này bọn nhỏ, ta chính là Bành lão gia, quan chính đương huyện Tam Hà đấy! Các người dám làm gì ta nào?

Khổng Lượng nghe nói, kinh hãi vô cùng. Lý Bát Hầu ngồi ngoài chuồng ngựa cũng sợ run khắp người, thầm nghĩ: "Vụ làm loạn này không nhỏ đây. Ông ta là tri huyện mới nhận chức, là quan phụ mẫu của nơi này. Giết quan cũng là làm phản. Ta trói ông ta, đúng là bắt hổ dễ, thả hổ khó, ta không biết làm thế nào đây!". Nghĩ rồi, nói:

- Các con, trước hết hãy cho tên quan chó má này đứng xuống, đem giam ở gian phòng phía tây khu nhà trên phía bắc, đợi đến lúc canh ba, ta đến kết liễu tính mạng nó là xong.

Nói rồi đứng lên, trở ra nhà phía trước, gọi hai tên hầu nhỏ là Tam Đa và Cửu Như, bảo chúng xuống bếp sửa soạn mâm rượu. Tam Đa vâng lời đứng lên, xuống bếp lấy món nhắm bày sẵn. Lý Bát Hầu tự uống rượu một mình, thầm nghĩ việc này tiến thoái lưỡng nan, không biết nên thu xếp như thế nào cho ổn thỏa, chỉ đành uống rượu.

Đúng là tục ngữ nói rất hay: "Ngày dài tựa năm, nhàn mới thấy; việc lớn như trời, rượu cũng thôi". Đang lúc hồ nghi thì gia nhân là Khổng Lượng ở bên ngoài nghĩ: "Việc làm vừa rồi là phạm tới quan, tội danh ấy không nhỏ. Trước hết ta hãy vào nói đúng với tâm tư của chủ, kết liễu tính mạng viên quan chó chết này đi để tránh mối lo về sau". Nghĩ xong, vào thư phòng, thấy Lý Bát Hầu bèn nói:

- Thưa trang chủ, việc hôm nay nên thu xếp ra sao?

Lý Bát Hầu nói:

- Ta chẳng còn biết quyết định ra sao nữa.

Khổng Lượng nói:

- Theo ý kiến nô tài, bắt hổ dễ thả hổ khó. Thế nào cũng phải kết liễu tính mạng của hắn để tránh mối lo về sau mới là kế vẹn toàn.

Lý Bát Hầu nói:

- Người mở cái tay nải của hắn ra xem bên trong có gì. Khám cả người hắn nữa, xem có giấy tờ gì không.

Khổng Lượng trước hết khám người Bành Công, sau đó đi một lúc, trở về nói:

- Con đã khám rồi, trên người không có giấy tờ gì. Con lại mở tay nải thì trong đó chỉ có mấy cuốn *Vạn niên thư*, *Hiệp ký biện phương*, *Đoán Dịch đại toàn* chứ không có thứ gì khác. Trang chủ cứ nên giết cho sớm, đừng để Thất lão gia biết. Nếu Thất lão gia biết thì lúc ấy không xong đâu!

Lý Bát Hầu vốn là người không có chủ ý, nghe Khổng Lượng nói thế, lại thêm có men rượu bèn bảo:

- Lượng nhi, người nói không sai. Ta cũng đang có ý ấy. Người ra ngoài xem trời, xem đã đến lúc nào rồi, vào báo cho ta biết.

Khổng Lượng ra ngoài nhìn trời, vào nói:

- Đã tới lúc định canh rồi(1).

(1) Định canh: lúc bắt đầu vào canh một, tức khoảng tám giờ tối. (ND)

Bát Hầu nói:

- Đợi thêm lúc nữa hãy hay.

Hắn tự uống thêm mấy chén rượu nữa cho thêm bạo gan. Đúng như câu nói: "Giận bốc lên từ tim, Gan sinh ra cái ác". Uống rồi gọi:

- Các con ơi, mang thanh Quỷ đầu đao đến đây cho ta!

Gia nhân dạ rân, vào nhà sau mang Quỷ đầu đao tới. Bát Hầu lại gọi:

- Các con ơi, theo ta đến phòng phía bắc sân đằng tây, giết luôn tên quan chó má đó đi cho xong!

Đám gia nhân đi theo sau, thẳng tới sân đằng tây, thắp đuốc và đèn lồng lên, thắp cả đuốc nhựa thông nữa, soi sáng cả sân như ban ngày. Trước đó đã có gia nhân lên phòng trên, đưa Bành Công bị trói ra, vứt xuống trước mặt Lý Bát Hầu. Bành Công lớn tiếng chửi mắng:

- Thằng nghịch tặc kia, người dám giết quan ngay tại nhà à? Mà trên thì là giặc của bố mẹ, giữa là giặc của vợ, dưới là giặc của con, chung thân là giặc, tên tuổi bị chửi rửa đến ngàn đời. Nếu người bị quan huyện là ta đây bắt được thì ta sẽ san phẳng mộ ba đời, trừ họa cho đến chín họ. Lão gia tuy chết cũng là vì nước tận trung, mà muốn giết muốn xẻo cũng cho mày tha hồ!

Nghe Bành Công chửi mắng như thế, Lý Bát Hầu cả giận nói:

- Đồ cầu quan, trang chủ ta đây có làm điều gì xấu đâu mà mới vừa nhận chức người đã vi hành dò la? Cũng là số mày đáng được như thế. Thiên

đường có lối sao mà không đi; địa ngục không có cửa, sao hôm nay mà cứ bước vào?

Nói xong, giơ đao lên nhắm vào cổ Bành Công toan chém xuống. Bồng gia nhân ở ngoài nhà coi cổng là Lý Trung hốt hoảng chạy vào nói:

- Bẩm trang chủ, hiện có quan Điện sử huyện Tam Hà là Lưu lão gia đến thăm, đang ở ngoài cổng, trang chủ có cho gặp hay không ạ?

Lý Bát Hần nghe thấy thế, thầm nghĩ: "Tay Lưu Điện sử đến vào lúc này cũng lạ đây!".

Lưu Điện sử vì sao lại đến đây? Trong việc này có nguyên do của nó.

Đó là Bành Hưng chờ Bành Công ở ngoài thôn, tới lúc mặt trời đã lặn về tây mà vẫn không thấy Bành Công ra. Đang sốt ruột thấy phía đông có ông già đang đi tới, tuổi chừng ngoài bảy mươi, thần sắc phóng khoáng, tư thế hiên ngang. Bành Hưng đi tới, nói:

- Kính chào cụ, xin hỏi quý trang tên là gì? Chủ nhà giàu này tên họ là gì?

Ông già đáp:

- Thôn trang của chúng tôi đây là Đại Đạo Lý Tân Trang. Chủ nhà giàu kia họ Lý, chính là Bạch Mã Lý Thất Hần nổi tiếng ở tám huyện miền Đông. Bác tìm ai?

Bành Hưng nghe nói nghĩ thầm: "Lão gia nhà ta trên đường đi nghe người ta kháo rằng Lý Bát Hần là tên ác bá, vì thế vừa tới nhận chức đã vi hành dò la. Đến giờ này mà lão gia còn chưa ra, phải chăng trong đó đã xảy ra biến cố gì rồi? Chi bằng ta trở về huyện nha báo tin là việc cần kíp nhất". Nghĩ xong, Bành Hưng quay người đi luôn, về thẳng nha môn huyện Tam Hà.

Vừa vào tới nha môn, những sai dịch ở đấy đều chào:

- Bành nhị gia về rồi à? Ông đi đâu đấy. Cũng chẳng lấy một con ngựa mà cưỡi!

Bành Hưng đáp:

- Không có việc cho các anh đâu! Các anh gọi mấy người trực nhật tới phòng canh cổng, tôi có chuyện muốn nói.

Bọn sai dịch đều đáp: "Vâng ạ!". Biểu hiện ra phòng canh cổng ngồi sẵn, người công sai trực nhật theo nha dịch bước vào hỏi:

- Nhị gia, ông gọi chúng tôi có việc gì? Xin ông cứ nói.

Bành Hưng nói:

- Các anh hãy đi mời gấp Tứ lão gia và Thường lão gia đến đây, tôi có việc cần kíp muốn bẩm.

Người đầu mục trực nhật nhận lời đi ngay. Chẳng bao lâu, Lưu lão gia đến. Bành Hưng mời vào ngồi trong hoa sảnh. Một lát sau, Thường lão gia cũng đến. Vị coi doanh lính giữ thành này tên là Thường Hằng, vốn xuất thân cử nhân về võ, bốn mươi tuổi, hiện giữ chức Bả tổng doanh Thủ thành; tính tình cương trực, cánh tay có sức mạnh. Từ khi nhận chức đến nay, ông ta để tâm bắt giữ kẻ xấu. Nay người của quan huyện có lời mời, vội vàng mang theo tùy tùng tới huyện nha. Tới nơi đã thấy Lưu lão gia có ở đấy rồi.

Hai người chào hỏi nhau xong, đồng thanh hỏi:

- Huyện chủ bây giờ ở đâu?

Bành Hưng không dám giấu, kể lại tình hình Bành Công vi hành đến Đại Đạo Lý Tân Trang cho hai người nghe. Lưu Diễm sử vừa nghe đã hoảng lên:

- Việc này không hay rồi! Nếu quả có việc này thì huyện chủ gặp tốt xấu ra sao, chúng ta biết làm thế nào?

Thường Hằng hỏi:

- Nhân huynh, việc này nên xử trí ra sao đây?

Lưu Diễm sử đáp:

- Lý Thất Hầu là người quang minh chính đại, trong huyện Tam Hà chưa hề phạm pháp. Nhưng người em ruột là Lý Bát Hầu thì gian trá trăm điều, người ta đều nể mặt Lý Thất Hầu mà không chấp đó thôi. Việc hôm nay chỉ có cách là điều quân lính đến tróc nã Lý Bát Hầu mới xong.

Thường Bả tổng nói:

- Lời bàn của nhân huynh rất hay. Việc này theo ý tôi, nên báo cho Bạch Mã Lý Thất Hầu. Ông ấy là người khảng khái, nghĩa hiệp, những việc đã làm đều trên thì hợp với lẽ trời, dưới thì thuận với lòng người. Nếu huyện chủ hôm nay gặp được ông ấy ở nhà thì chắc chắn không kẻ nào dám mưu hại, thế nào cũng được họ cung kính. Nếu ông ấy vắng nhà, thì Lý Bát Hầu không khi nào chịu yên phận. Nay bỗng nhiên ta điều quân lính đến, e

không tránh khỏi vội vàng. Chúng ta chỉ nên điều một trăm quân, lại thêm một trăm nha dịch. Tôi trước hết đóng ở đầu thôn chờ nhân huynh. Còn ông đem theo mấy người tùy tùng trước hết hãy đến thăm nhà đã. Nếu Lý Thất Hầu đi vắng, ông dùng lời dẫn dụ để hãn nói ra sự thực. Nếu hãn chưa làm hại huyện chủ, ông có thể tùy cơ ứng biến. Nếu hãn không tuân lệnh, ông sai người báo tin cho tôi, tôi đem quân đến bắt hãn là xong.

Lưu Diên sử nói:

- Hay lắm! Ta cứ thế mà làm.

Hai người bàn xong, điểm quân lính, ai nấy cầm theo đèn lồng và đuốc rồi hai vị quan lên ngựa ra khỏi huyện nha Tam Hà.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 1 (C)

Trời đã sang canh một, cả đoàn đến Đại Đạo Lý Tân Trang. Thường Bả tổng đem quân đến đóng ngoài đầu thôn. Lưu Điển sử đem theo mấy người tùy tùng cầm đèn lồng đến trước cổng nhà Lý Thất Hầu, bảo gia nhân cầm vòng cổng đập cửa. Đập mấy cái, không thấy ai thưa. Ông Lưu tự xuống ngựa, đứng trước cổng bảo gia nhân gọi nữa. Gia nhân lại gọi mấy tiếng, nghe bên trong có người lên tiếng hỏi:

- Ai đấy. Chúng tôi ngủ rồi, có việc gì ngày mai hãy nói.

Ở bên ngoài, gia nhân của Lưu Điển sử là Lưu Trung nói:

- Tôi là Lưu Trung, gia nhân của Lưu lão gia ở huyện Tam Hà. Nhân Lưu lão gia chúng tôi đi tuần tra đêm, nhân tiện đến thăm chủ nhân nhà bác.

Tiếng bên trong nói:

- Xin đợi một lát, chúng tôi ra mở cổng ngay đây!

Đứng bên ngoài, Lưu Điển sử ngẩng đầu lên nhìn, thấy sao sáng đầy trời nhưng tịnh không có ánh trăng, có lẽ đã sang canh hai. Bỗng nghe cổng kẹt một tiếng mở ra, hai người phu báo canh cầm đèn lồng đứng ở hai bên. Gia nhân nhà họ Lý là Lý Trung nói:

- Thìra là Lưu đại lão gia, lão gia có được khỏe không? Con xin thỉnh an lão gia!

Lưu Điển sử nói:

- Bất tất phải thỉnh an, ta nhân xuống kiểm tra việc công, khuya rồi không trở về được nên ta có ý đến thăm Thất trang chủ của người.

Lý Trung nói:

- Thất gia nhà chúng con được Vũ Thất Thái Tử Phi Thiên Báo ở Vũ gia trang mời chơi hội chùa Lý Giang, chỉ có Bát gia ở nhà. Xin lão gia đợi ở đây một lát, con vào bẩm một tiếng đã.

Lưu Điển sử nói:

- Người vào bẩm cho Bát gia nhà người biết, ta ở đây đợi người.

Lý Trung trở vào nhà trong, tới thư phòng, thấy trên bàn bày cốc chén và thức ăn thừa, hai tên hầu nhỏ là Tam Đa và Cửu Như đang nói chuyện với nhau. Vừa thấy Lý Trung vào, hai đứa nói:

- Lý nhị gia vẫn chưa ngủ à?

Lý Trung hỏi:

- Bát trang chủ đi đâu rồi?

Tam Đa đáp:

- Ông chưa biết à? Ban ngày Bát trang chủ chúng ta chẳng phải đã gọi một ông thầy xem tướng vào nhà, tên là Thập Đậu Tam, hiệu là Long Nguyệt đó sao? Ông ấy vốn là tri huyện mới tới nhận chức, vì hành đến nhà ta dò la, bị Khổng nhị gia nhận ra được nên đã trói người ấy đưa vào trong sân phía tây. Nhân lúc Thất trang chủ đi vắng, Bát trang chủ đã lấy Quỷ đầu đao để kết liễu tính mạng người ấy. Ông muốn tìm Bát trang chủ thì vào sân phía tây mà tìm!

Lý Trung là quản gia của Lý Thất Hầu, tính vốn trung hậu, vừa nghe bọn hầu nhỏ nói thì sợ đến nổi tái mặt đi, nói:

- Thôi hỏng rồi, gây họa diệt tộc rồi?

Vội cầm đèn lồng chạy tới sân phía tây thì thấy Bát Hầu ngồi trên bàn kê ở giữa sân, hai bên gia nhân hơn mười người, ai nấy đều cầm cương đao, dưới đất có một người bị trói. Lý Trung nói:

- Thưa Bát gia, hiện có Lưu lão gia, Điển sử huyện Tam Hà tới thăm.

Lý Bát Hầu nghĩ bụng: "Vô cớ mà đêm khuya tới thăm để làm gì? Phải chăng có kẻ đã để lộ tin? Trong việc này hẳn có tình tiết đây!". Nghĩ rồi nói:

- Lý Trung, người ra nói là ta ngẫu nhiên bị cảm lạnh, đầu nhức không thể tiếp khách được.

Lý Trung nói:

- Thưa Bát trang chủ, nói như thế sợ không ổn. Vị Lưu lão gia này xưa nay qua lại với Thất trang chủ và Bát trang chủ, hôm nay không phải là khát thì nhất định là đói, nếu không thì mỗi một quá nên mới đến đây nghỉ chân. Ông ấy có thân với hai lão gia mới đến vào giờ này. Nếu Bát gia không tiếp kiến thì một là làm thương tổn đến hòa khí; hai là, nói Bát gia ốm thì lời nói

dối ấy càng không thể nói ra, vì Lưu lão gia thế nào cũng đích thân vào thăm. Theo ý con, nếu đã không thể làm thương tổn đến hòa khí thì nên gặp ông ta là hơn. Không biết ý kiến trang chủ ra sao?

Lý Bát Hầu vốn là kẻ không có chủ ý, thấy Lý Trung nói có lý bèn bảo đám gia nhân:

- Nếu quản gia đã nói thế thì các con hãy bấm vằm tên quan chó má này cho ta đã, sau đó ta tới tiền sảnh tiếp khách cũng không muộn.

Đám gia nhân không dám trái lệnh chủ, ai nấy cầm cương đao xông vào Bành Công. Lý Trung nói:

- Khoan đã! Theo ý nô tài, trang chủ nên trước hết đưa người này lên phòng trên canh giữ, tiếp khách xong Bát gia làm việc ấy cũng không muộn, không biết ý Bát gia như thế nào?

Lý Bát Hầu vốn là kẻ chẳng có chủ kiến nào cả, vả hăn cũng hơi sợ, thấy Lý Trung nói thế bèn bản:

- Thôi cũng được. Trước hết hãy đem giam tên quan chó má này ở phòng trên. Các người trông giữ nó để ta lên sảnh trước tiếp khách, lát nữa sẽ xử lý.

Nói xong đem theo Khổng Lượng và Lý Trung lên sảnh trước. Bát Hầu nói:

- Lý Trung, người mời Lưu lão gia vào, ta đợi ở đây.

Lý Trung vâng lời, một lát sau dẫn Lưu lão gia từ ngoài cổng vào, dẫn cả bảy, tám người tùy tùng theo vào. Bát Hầu vội vàng đứng lên nói:

- Không biết Lưu lão gia lại đến vào lúc này nên không ra đón tận cổng.

Lưu Diễm sử nói:

- Đến vào lúc đêm khuya, xin thứ lỗi làm kinh động. Tôi vì đi tuần tra quá muộn song cũng có một việc cần kíp khác, đó là quan huyện mới về nhận chức chưa được bao lâu đã vi hành thăm hỏi, đến giờ còn chưa biết tin nên tôi phải đem theo người đi tìm. Không biết trang chủ có nghe phong thanh được gì không?

Lý Bát Hầu nghe nói thế thầm nghĩ: "Nguy rồi, hăn là có người đến huyện nha báo tin nên họ mới biết tri huyện ở nhà mình". Bất giác Bát Hầu biến sắc mặt, một lúc không nói được gì. Lưu lão gia vốn là người tinh nhanh thạo việc, thấy bộ dạng

Lý Bát Hầu như thế liền cười:

- Bát trang chủ, tại sao ngài lại ngăn người ra như thế?

Lý Bát Hầu ngăn người một lúc lâu, thấy Lưu lão gia hỏi thế đành vội trả lời:

- Ngài hỏi tôi vì sao ngăn người ra ư? Tôi cũng vì có mấy điều tâm sự không thể nói ra, đúng là ứng với câu nói của người xưa là: "Việc chẳng ứng lòng thường tám, chín. Không ngỏ cùng ai được hai, ba". Ngài vừa hỏi quan tri huyện mới đến nhận chức đã vi hành thăm hỏi, không biết vì có gì, phải không ạ?

Lưu lão gia nói:

- Tôi cũng không biết vì có gì. Chỉ riêng việc tôi đi tìm huyện chủ thì có nghe được chút phong thanh.

Lý Bát Hầu nghe đến câu này thì sợ nhột mặt ra, thầm nghĩ: "Giết quan tội ngang làm phản, tôi Lưu Diên sử này mang theo người cũng không nhiều, phải chăng ta đã không làm thì thôi, đã làm là làm tới! Ta giết luôn cả bọn này đi để tránh nỗi lo về sau là hơn". Nghĩ đến đây, gan làm giặc nở to ra, hai mắt mở trừng trừng.

Lưu Diên sử đã sớm nhìn rõ tình thế, ghé vào tai một người đi theo nói mấy câu, gia nhân ấy rảo chân đi như bay, Lý Bát Hầu gọi:

- Khổng Lượng, người tập hợp hết gia nhân nhà ta lại, ai nấy ngậm cầm theo binh khí, sau đó nghe lời ta chỉ bảo!

Hắn trừng mắt nói với Lưu Diên sử:

- Lưu Chính Khanh, người không phải đến tìm tri huyện mà là đến chịu chết! Muốn bỏ chạy cũng không chạy nổi đâu.

Lưu Diên sử nghe xong, đang định nói lại thì nghe tiếng huyền nào ở bên ngoài. Gia nhân họ Lý chạy vào báo:

- Hiện có Thường Bả tổng mang theo quân lính vây chặt nhà rồi!

Lý Bát Hầu biết thế nguy, tay cầm Quỷ đầu đao, nói:

- Lưu Chính Khanh, người dám xin chết trước mặt Bát gia à?

Nói rồi vung đao chạy thẳng tới Lưu Diên sử. Tiếng hô reo ở phía ngoài vang lên, vô số quân lính và nha dịch xông vào, trước hết vây chặt lấy Lý Bát Hầu, quát:

- Lý Bát Hầu, mày muốn làm phản hay sao mà định giết quan?

Lưu Diên sử ra lệnh:

- Quân lính bắt Lý Bát Hầu cho ta! Cũng bắt cả Không Lượng nữa! Xong, đi khám xét khắp nơi!

Đám gia nhân nhà họ Lý quỳ xuống kêu:

- Việc này không liên can gì tới bọn chúng con, đều do Bát trang chủ tự ý làm cả.

Thường Bả tổng nói:

- Tri huyện lão gia ở đâu? Mau khai thực ra thì tha chết cho chúng bay!

Đám gia nhân nói:

- Bát trang chủ trói quan huyện giam ở phòng trên phía bắc, chúng con đến mời ngài ra là xong.

Thường Bả tổng nghe nói thế mới yên tâm, nói:

- Mau vào mời ngài ra đây gặp ta!

Đám gia nhân vào phòng trên phía bắc sân đằng tây, trước hết cởi trói cho Bành Công, sau đó quỳ hết cả xuống kêu:

- Bẩm quan lớn, việc này do Bát trang chủ chúng con gây ra, không liên can gì đến bọn tiểu nhân chúng con, xin quan lớn tha mạng!

Bành Công định thần rồi nói:

- Các người đứng lên đi! Người nào sai các người cởi trói cho ta?

Đám gia nhân nói:

- Đây là Lưu Diên sử và Thường Bả tổng của huyện Tam Hà tới đây bắt Bát trang chủ rồi sai chúng con đến mời quan lớn.

Bành Công nói:

- Cho các người đứng dậy. Hãy đưa ta đi gặp các ông đó!

Đám gia nhân dẫn Bành Công đến thư phòng. Chào hỏi hai vị Thường, Lưu xong, hai vị này liền nói với Bành Công:

- Nhân huynh hôm nay bị một phen kinh sợ.

Bành Công nói:

- Thân vào hiểm địa gặp tên ác nhân. Nếu không có hai vị nhân huynh đến kịp thì tính mạng tôi xong rồi!

Hai vị Thường, Lưu lại nói:

- Bành nhân huynh, huynh vì việc của địa phương mà đi tra xét tên côn đồ nên mới bị chao đảo, kinh sợ một phen. May có thần Phật phù hộ, chúng tôi mới biết tin mà đến, ấy là hồng phúc của nước nhà vậy!

Bành Công nói:

- Tiểu đệ tính toán sai một nước, chỉ định đến thăm hỏi tên côn đồ mà bị nó hãm hại. May nhờ được hai vị mang quân lính đến, đệ mới bảo toàn được mạng sống. Mong hai vị tiểu trừ tặc đảng nhõ cỏ thì nhõ tận gốc, ấy mới là kế vạn toàn.

Lưu Diễn sử nói:

- Hãy đưa tên Khổng Lượng vào đây tra hỏi đã!

Gia nhân đứng hai bên đã thấp sẵn đèn lồng chiếu sáng như ban ngày. Quân lính và nha dịch sắp hàng đứng hai bên.

Lưu Diễn sử ra lệnh:

- Giải tên Khổng Lượng lên đây!

Quân lính kéo Khổng Lượng tới dưới thềm, quát:

- Quỳ xuống!

Khổng Lượng sợ hãi quỳ mọp dưới đất, kêu:

- Xin lão gia tha mạng. Việc này không liên can gì đến tiểu nhân, toàn là do lỗi ở trang chủ.

Bành Công nói:

- Ta chưa hỏi đến việc ấy. Ta chỉ hỏi, các người đều là con dân của triều đình Đại Thanh, không biết báo cái ơn của đất nước mà chúng mày còn định giết hại quan huyện, thử hỏi người khác thì thế nào? Ta hỏi người, giết huyện quan là chủ ý của ai?

- Thực là chủ ý của một mình trang chủ của tiểu nhân, con không biết gì hết! - Khổng Lượng nói.

Lý Trung đứng cạnh nói:

- Xin lão gia khai ân, tất cả những việc làm của Bát trang chủ chúng con đều do một mình Khổng Lượng xúi bẩy.

Bành Công nói:

- Khổng Lượng, ta biết nếu không dùng cực hình thì mày không khai thật, đợi đưa mày về tới nha môn, ta sẽ hỏi nữa.

Bành Công sai nha dịch chuẩn bị sẵn ngựa rồi nói:

- Xin hai vị Thường, Lưu cùng lên ngựa.

Quân lính cầm đèn lồng dẫn đường, phía sau bố đầu của huyện Tam Hà là Mã Thanh và Đỗ Minh áp giải Lý Bát Hầu và Khổng Lượng đi thẳng về huyện Tam Hà.

Ngồi trên ngựa, Bành Công ngẩng đầu nhìn lên trời thấy đầy trời sao sáng mà không có ánh trăng. Nghĩ lại những chuyện ban ngày, ông thấy sợ hết hồn, bất giác thở dài, thầm nghĩ: “Vừa về nhận chức không lâu mà đã gặp mỗi đại hiểm. May mà trên nhờ hồng phúc của quốc gia, dưới nhờ mệnh ta chưa đến lúc hết. Từ nay về sau ta vẫn phải tận trung với nước, trừ hại cho dân, nhưng không được sơ suất nữa. Hôm nay bắt được thằng gian ác này thì cũng là làm cho địa phương được sạch sẽ!” Đang nghĩ thì cách thành không còn xa, trời đã rạng sáng. Lưu, Thường hai vị, ai nấy về bản nha của mình. Về đến nha môn, Bành Công đổi sang mặc áo quan, uống mấy chén trà rồi truyền nha dịch thẳng đường. Ba ban nha dịch hô to lấy oai rồi giải Lý Bát Hầu lên. Bành Công ngồi ở giữa công đường, ba ban nha dịch đứng hai bên.

Lý Bát Hầu trông thấy thế nói ngay:

- Người bắt Lý lão gia mang về đây, muốn giết muốn xẻo thì cứ việc. Tội ta chịu cả, nhưng không được để trang chủ của người phải bực mình!

Bành Công nói:

- Tam ban nha dịch, các người nghe thấy rồi chứ? Tên côn đồ gian ác này dưới mắt không có tướng quan, dám gào lên giữa công đường, còn ra gì nữa? Thấy bản huyện mà nó còn như thế thì đủ biết thường ngày nó hoành hành thế nào rồi!

Lý Bát Hầu, lão gia mới đến nhận chức cũng chưa biết người nông cuồng đến như thế. Ta vì hành đến nhà người thế mà người dám giết quan huyện. Nếu không có quân lính đến cứu thì bản huyện chết vì tay người rồi. Người hãy khai những việc đã làm cho rõ ràng để bản huyện khỏi phải dùng cực hình tra khảo.

Lý Bát Hầu mắng:

- Đồ quan chó má, Bát trang chủ của người không có khẩu cung đâu, hà tất

phải hỏi nhiều!

Bành Công nói:

- Ta hỏi ngươi, ta giả làm thầy tướng, vì sao ngươi toan giết ta? Mau khai ra!

- Ta thấy ngươi không phải người tốt nên định giết đi! -

Bát Hầu đáp.

Bành Công phán:

- Tên nô tài kia, ta không cho đánh thì ngươi chưa biết ta lợi hại đến mức nào. Ngươi đâu, hãy lôi nó xuống đánh thật nặng tay, không được nể tình. Nếu kẻ nào vì tình riêng, ta sẽ xử luôn bọn bay một thể.

Nha dịch nghe nói thế đều sợ vị quan huyện mới tới nhận chức nên không dám nể tình, dẫn Lý Bát Hầu nằm xuống đất, giơ hèo lớn lên đánh đủ bốn chục hèo. Đánh xong, Bành Công lại hỏi:

- Tên nô tài kia, ngươi có mau khai không?

Lý Bát Hầu vốn chưa chịu hình phạt của quan bao giờ, lại lớn lên trong một nhà giàu có, nay chịu một trận đòn, đánh đến nổi máu rơi thịt nát, chẳng biết làm sao. Thấy Bành Công hỏi nữa, hăn thở dài nói:

- Ông không phải hỏi nữa. Tôi đã bị ông vi hành đến nhà điều tra rõ rồi, ông còn hỏi nhiều lời làm gì nữa?

Bành Công gọi nha dịch giải Khổng Lượng lên, nói:

- Tên nô tài gian ác kia, ngươi xúi giục chủ ngươi làm gỏi dân chúng, ăn hiếp dân lành. Ngươi cứ thực khai ra thì tránh được đòn vọt.

Khổng Lượng thấy quan hỏi đến bèn thưa:

- Bẩm lão gia, những việc chủ nhân con đã làm, tuy con có biết nhưng không dám quản đến, xin lão gia soi xét.

Bành Công nhìn Khổng Lượng biết hăn là một kẻ tiểu nhân xảo quyết lại thấy hăn mồm miệng trơn tru, hôm qua trong trang trại ấy, hăn đã từng khiến người khác phải sợ. Tên nô tài kia mới run rẩy nói:

- Xin lão gia tha mạng?

- Trước hết hãy đánh tên nô tài này bốn chục hèo lớn cho ta, sau đó tra hỏi cũng chưa muộn! - Bành Công ra lệnh.

Đám nha dịch lôi Khổng Lượng xuống, đánh một trận thẳng tay. Bành

Công đang định sai đưa Lý Bát Hào lên tra hỏi lần nữa thì trời đã sáng, gà gáy ba hồi, mặt trời mọc từ phương đông. Bỗng bên ngoài có người vào báo:

- Bẩm lão gia, ngoài kia có Bạch Mã Lý Thất Hào xingấp lão gia. Hiện đang đứng ngoài đó.

Bành Công nghe nói thầm nghĩ: "Lý Thất Hào là tên cướp nổi tiếng cả một vùng kinh đông. Nay hản đến đây vì em hản bị bắt, e rằng có chuyện không hay". Nghĩ rồi, Bành Công cố ý hỏi ba ban nha dịch:

- Lý Thất Hào là người thế nào, các người có biết rõ không?

Lưu Tường ở ban thư ký mỉm cười nói:

- Đại lão gia muốn hỏi về người này thì người đó nổi tiếng ở huyện ta. Ở bản địa, không có một vụ án nào là do người ấy gây ra. Trong địa phận huyện Tam Hà, người ấy còn cai quản để không có án trộm cướp. Nay người ấy đến đây hản là vì việc người em. Lão gia gặp hay không đều có thể được cả.

Bành Công nghe thư dịch nói thế bèn gọi người đứng đầu cả ba ban sai dịch là Đỗ Hùng tới trước mặt, bảo:

- Người ra gọi Lý Thất Hào vào đây cho ta, ta sẽ hỏi hản ngay tại công đường.

Đỗ Hùng ra tới bên ngoài, gọi:

- Thất thái gia ở đâu?

Thừa Lý Thất Hào nhân đi chơi hội ở chùa Lý Giang, họp mặt cùng Vũ Thất Thái Tử Phi Thiên Báo và các anh hùng lực lâm. Bọn họ chơi hội cả một ngày, trong số đó có Vũ Văn Hoa, Tả Thanh Long, Tả Bạch Kiếm, Vũ Thất Thái Tử đã về nhà Lý Thất Hào mang theo bọn bạn bè tri kỷ là Kim Nhớn Ma Vương Lưu Trị, Hoa Diện Thái Tuế Lý Thông, Bạch Kiếm Lang Phùng Báo, Tiểu Thái Tuế Đỗ Thanh, Tiểu Quân Sư Phùng Thái, Song Dao Tướng Lý Long, Lam Diện Quỷ Lưu Ngọc, Xích Phát Ôn Thần Cát Hùng. Họ đều là bạn thân của Bạch Mã Lý Thất Hào nên đi theo về Đại Đạo Lý Tân Trang. Về đến trang, trời đã sáng bạch. Vừa vào đến cổng, gia nhân đã báo:

- Thất lão gia, nguy to rồi! Bát trang chủ nhà ta đêm qua bị điển sử và bả

tổng đang đem đưa quân lính đến đem đi cùng với Khổng Lượng, đến nay chưa có tin gì. Chúng con đang định đến chùa Lý Giang thỉnh Thất lão gia đây. May quá, lão gia về nhà thật là đúng lúc.

Lý Thất Hầu vừa nghe gia nhân nói đã giật nảy người, miệng không nói gì nhưng trong lòng thầm nghĩ: "Bát đệ thường ngày không coi luật pháp ra gì, nhưng hôm nay vì có gì bị người ta bắt đi, thật là chuyện lạ". Thất Hầu đưa các bạn vào phòng khách. Các anh hùng lục lâm nghe nói Lý Bát Hầu bị bắt lên huyện Tam Hà thấy đều tức giận, nói:

- Lý trại chủ, anh em ngài chưa hề gây án ở nơi này, sao quan lại chó má lại dám can rở đến thế? Theo ý chúng tôi, mọi người chúng ta cùng xông vào huyện nha, cướp Bát đệ đem ra, sau đó giết luôn tên quan chó má đó đi. Xong việc, chúng ta cao chạy xa bay là xong.

Lý Thất Hầu nói:

- Xin các vị hãy khoan, để tôi hỏi gia nhân trước đã, xem vì có gì?

Bèn gọi gia nhân là Lý Trung đến hỏi:

- Bát trang chủ vì sao bị người ta bắt đi?

Lý Trung đáp:

- Nhân tri huyện mới tới nhận chức họ Bành tên Bằng có vi hành đến trang trại ta dò la, ông ta đóng giả thành thầy xem tướng, bị Bát trang chủ nhận ra được nên đã trối ông ta và định giết. Việc ấy bị người nào đó nói lọt ra, Lưu Diễm sử và Thường Bả tổng đang đem mang quân lính và nha dịch đến nhà ta, cứu tri huyện đó ra rồi bắt Bát trang chủ. Cả Khổng Lượng cũng bị giải đi. Chúng con đang nóng lòng sốt ruột thì Thất trang chủ về.

Lý Thất Hầu nghe nói lại như thế thì thầm nghĩ: "Theo lý thì em ta sai rồi".

Bạch Kiềm Lang Phùng Bác đứng cạnh nói:

- Thất huynh, huynh không cần nói nữa. Chúng ta chờ đến tối cùng nhau đến huyện, giết tên quan chó má, cứu Bát đệ ra là xong!

Đám anh hùng phía bên kia cũng nói:

- Phùng hiền đệ nói phải lắm!

Lý Thất Hầu cũng gọi được là anh hùng cái thế, bèn nghĩ: "Một là em ta tự ý làm can, hai là hãn viên tri huyện kia là quan thanh liêm. Ta nên đến huyện để tùy cơ ứng biến". Nghĩ xong nói:

- Các vị huynh trưởng theo tôi, chúng ta không nên thô bạo, tạm thời xem thế nào đã rồi hãy hay.

Nói xong, mọi người ra khỏi nhà khách đi tới đầu thôn, dặn gia nhân chuẩn bị ngựa rồi ra khỏi trang trại, đi thẳng tới huyện Tam Hà.

Chỉ một lát đã tới huyện thành Tam Hà rồi mọi người đến nha môn. Lý Thất Hầu là một hào kiệt của bản huyện, các nha dịch của ba ban sáu phòng không ai là không biết. Thấy Lý Thất Hầu tới nha môn, ai nấy đều chào hỏi:

- Thất lão gia đã đến rồi sao?

Nhờ các vị vào bẩm với lão gia, nói rằng tôi xin gặp về một việc cần kíp. - Lý Thất Hầu nói.

Người trực ban vào báo tin, Bành Công sai Đỗ Hùng ra gặp. Đỗ Hùng thấy Lý Thất Hầu thì thỉnh an, nói:

- Thất lão gia, lão gia có được khỏe không? Lão gia chúng tôi có lời mời.

Lý Thất Hầu quay qua bảo các anh em:

- Các vị ở ngoài này đợi tôi.

Đỗ Hùng đưa Lý Thất Hầu vào công đường xướng to:

- Lý Thất Hầu xin vào!

Nha dịch đứng hai bên hô: "Ồ!". Lý Thất Hầu thầm nghĩ: "Đỗ Hùng rất nể tình với ta, còn xướng trước khi ta vào, hẳn là có duyên cớ chi đây!".

Vào tới công đường, Thất Hầu nói:

- Đại lão gia ngồi trên, Thất Hầu tôi xin khấu đầu!

Bành Công vừa nhìn đã nhận ra ngay người khiến Trương Hoảng sợ phải bỏ đi ở chùa Lý Giang, bèn nói:

- Nhà ngươi thật là lớn mật, dám dung túng cho em trai hành hung tác quái, tự ý làm càn. Hôm nay ngươi đến đây nên xử như thế nào?

Lý Thất Hầu thưa:

- Xin lão gia đặc cách gia ơn, tha cho em tôi, tôi tình nguyện chịu tội thay em. Không biết ý kiến của lão gia thế nào?

Bành Công biết Lý Thất Hầu là người trọng nghĩa khinh tài có thể thu phục để tróc nã trộm cướp ở địa phương, bèn nói:

- Lý Thất Hầu, việc này ngươi có biết hay không?

Lý Thất Hầu thưa:

- Chỉ vì tiểu nhân quản lý giáo dục không nghiêm nên em tiểu nhân mới làm việc nghịch lý đó. Tiểu nhân tình nguyện nhận tội.

Bành Công nói:

- Từ ngày dựng nước đến nay, người nào phạm pháp thì người ấy phải nhận tội, luật đã định như thế. Bản huyện lâu nay được biết người là lục lâm, chứa giặc trong nhà. Hôm nay người dựa thế những kẻ tác oai tác quái đến đây định làm rối loạn việc công của ta, có đúng thế không?

Lý Thất Hầu thưa:

- Lão gia đã biết tiểu nhân không hề gây án ở bản huyện. Nếu còn ngờ xin lão gia cứ tra xét sổ sách và gọi sai dịch lên hỏi. Tiểu nhân chỉ biết trừ ác an dân, chuyên giết ác bá thổ hào để trừ hại cho dân. Em của tiểu nhân là kẻ vô tri, xin lão gia nghĩ đến dân ngu không biết gì mà trị tội tiểu nhân là được.

Bành Công nói:

- Người đã là người hiểu biết thì cũng nên biết lẽ trời sáng tỏ báo ứng không sai. Đại trượng phu sinh ra ở trên đời, thế nào cũng phải nêu danh làm vẻ vang cho cha mẹ, đây mới là cái gốc của việc lập thân. Người hôm nay đến đây, bản huyện thấy tướng mạo người không tầm thường nên có mấy câu muốn nói cho người biết. Nếu người muốn trở thành anh hùng thật sự thì bản huyện sẽ thu dụng người làm người đứng đầu nha dịch, chịu sự sai bảo của bản huyện, không biết ý người thế nào?

Vừa nghe mấy câu này, Thất Hầu thấy khó xử quá. Nếu không bằng lòng thì chỉ sợ không cứu được em ra; còn nếu bằng lòng lại sợ làm mếch lòng những bạn bè thân trong đám lục lâm. Nghĩ rồi, nhích lên phía trước một bước, nói:

- Được lão gia thi ân, nâng đỡ, tiểu nhân đâu dám trái lệnh. Chỉ vì việc riêng trong nhà không ai lo liệu, tiểu nhân tạm thời xin cáo từ, ngày sau bẩm lại với lão gia để xin góp sức.

Bành Công nói:

- Hôm nay ta nể mặt người đó. Người đâu, đem Lý Bát Hầu ra đánh tám chục hèo cho ta!

Nha dịch dạ ran rồi kéo cổ Lý Bát Hầu xuống đánh tám chục hèo nữa.

Đánh xong lôi dậy, bắt quỳ xuống khấu đầu. Bành Công nói:

- Ta tạm thời tha cho người. Từ nay người nên biết sai trái mà sửa đổi lỗi lầm, như thế còn có thể miễn tội. Nếu tái phạm trong tay bản huyện thì ta sẽ xử thật nặng. Lý Thất Hầu, người mang em về, ắt phải quản lý giáo dục thật nghiêm.

Lý Bát Hầu luôn miệng xin tha, còn tên gia nhân Khổng Lượng vẫn còn quỳ một bên. Lý Thất Hầu lại khấu đầu trước Bành Công:

- Xin tạ ơn lão gia, mong lão gia thả nốt cho Khổng Lượng về.

Bành Công nói:

- Lý Thất Hầu, người lại còn xin tha cho tên nô tài kia ư? Người nghĩ mà xem, những việc sai trái mà em người làm đều do tên nô tài này xúi bẩy cả. Hôm nay ta phải trừng trị để nó không còn làm được chuyện thị phi nữa.

Thất Hầu cũng biết ngày thường Khổng Lượng làm nhiều điều quá độc ác em mình cũng do hấn xúi giục mà làm bậy nên chỉ gọi Bát Hầu cùng mình tạ ơn Bành Công. Hai anh em ra khỏi nha môn, gặp lại các anh hùng lục lâm. Kim Nhữn Ma Vương Lưu Tự hỏi:

- Hai vị trang chủ, sự việc như thế nào rồi?

Lý Thất Hầu bèn kể lại tình hình trong công đường, sau đó mọi người cùng về nhà. Bành Công sai đánh Khổng Lượng một trận nữa rồi sai gông lại bằng cái gông nặng hơn hai mươi cân. Sau khi gông đủ ba tháng, lúc đó mới tha cho về.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 2

Triệu Vĩnh Trân Kêu Oan Nơi Để Xác,
Bành Huyện Lệnh Xét Đoán Án Ly Kỳ

Một buổi sáng Bành Công vừa thẳng đường tra xét, bỗng nghe bên ngoài ồn ào rồi có tiếng kêu oan, xin quan huyện cứu mạng. Các nha dịch toan ngăn cản thì Bành Công sai đưa người kêu oan vào. Nha dịch trực ban đưa tám người vào đều là nông dân, trẻ có già có. Người đi trước tuổi ngoài năm mươi, mặc quần áo vải chàm, giày xanh tất trắng, mặt mũi ngay ngắn nhưng buồn rầu ứa lệ. Bành Công hỏi:

- Người tên gì? Ở đâu? Có oan uổng gì nói ra!

Ông già mặt còn ngấn nước mắt, thưa:

- Thảo dân họ Trương tên Vĩnh Đức, từ nhỏ theo nghề nông, chỉ sinh được một trai một gái, vợ đã qua đời. Con trai tên Trương Ngọc, hai mươi tuổi, con gái tên Phượng Nhi mới mười bảy tuổi. Con trai chưa vợ, con gái chưa nhận lễ ăn hỏi. Gia đình ở thôn Hạ Điểm. Hôm ấy là ngày hai mươi tám tháng Tư, trong thôn có đám hát, con gái đi xem, bị một tên vô lại nổi tiếng ở Hạ Điểm cướp đi. Tên này tên họ là Tả Khuê, biệt hiệu Tả Thanh Long. Chú hăn là người cung cấp lương thực cho phủ Dự vương, hăn cũng mở cửa hàng lương thực, thủ hạ là những tên đầu gấu. Thằng bé Trương Ngọc của con tìm đến nhà nó, nó đánh cho một trận, con gái cũng không biết sống chết ra sao, còn con trai bị thương rất nặng nên con mới đến đây kêu oan, xin quan lớn gia ân cho tìm con gái về thì cả nhà con đội ơn đức của ngài.

Bành Công nói:

- Được rồi! Còn những người khác thì vì việc gì, có đơn trình hay không?

- Chúng con đều tố cáo tên Tả Thanh Long, có đơn trình ở đây!

Bèn đưa tờ trình lên. Nha dịch nhận lấy, chuyển lên cho lão gia. Bành Công xem đơn thấy tờ đầu người đứng đơn là Dư Thuận, là dân thôn Tiểu Đông

thuộc Hạ Điểm ở huyện Tam Hà. Đơn rằng:

Đơn trình về việc ỷ thế ăn hiếp người, dọa nạt lừa dân.

Kẻ buôn bán hàng lương thực ở Hạ Điểm là Tả Khuê, tên hiệu là Tả Thanh Long ỷ thế chú hăn là Tả trang đầu ước hiếp dân làng. Trước đây, ngày mồng chín tháng Tư, hăn mua tám mươi thạch lúa mạch, ba mươi thạch ngô ở phố Hạ Điểm, thành tiền là năm trăm hai mươi lạng bạc nhưng hăn không trả tiền. Đến tận nơi đòi hăn thì hăn sai đồng đảng hơn mười người, trong đó có tên Tôn Nhị Lừa, tên Hà Mắt Trố, và tên Gia Hữu Lý, cùng những tên khác, lại bảo Thuận tôi sai ngoa, cầm gậy và thước sắt đánh thành hơn hai chục vết thương nặng khắp người. Trước đây đã được quan huyện tiền nhậm khám nghiệm rõ ràng nhưng đến nay vẫn chưa truyền gọi hăn đến xử án. Vì thế Thuận tôi đánh liều mạo phạm thiên uy, chỉ xin gia ơn truyền gọi hăn đến xử án để xét xử cho công bằng.

Bành Công xem xong, lại xem đến tờ trình thứ hai, vẫn kêu về việc Tả Thanh Long chiếm nhà đất; lại còn cấu kết hợp mưu làm giả giấy tờ, ước hiếp gái góa, gian dân với trẻ con, xâm chiếm ruộng vườn, tự ý lập ra công đường khảo đả lương dân, uy hiếp phải gả con, v.v... Xem hết các đơn trình, Bành Công thấy việc này có mối quan hệ trọng đại, thật giả khó biết.

Nếu hăn quả là ác bá, tại sao quan huyện trước đây không có hồ sơ truy tố hăn? Có thể là chuyện ghen ăn tức ở, một nhà ấm no nghìn nhà oán hận, cho vay mượn không đồng đều nên mọi người mới tố cáo hăn chăng? Ông tự nhủ phải xem xét tận nơi, mắt nhìn thấy mới là thực, còn tai nghe chưa lấy gì làm chắc. Nghĩ rồi Bành Công nói:

- Các người hãy về đi, ba ngày nữa đến nghe ta phán xử. Dân bèn ra về. Bành Công lui khỏi công đường, sai Bành Hưng ra ngoài kiếm mấy bộ quần áo để Bành Công giả thành một tiên sinh nho nhã. Ông đi một mình, lấy lạng bạc giắt lưng đổi thành tiền lẻ, thuê một con lừa đi thẳng tới Hạ Điểm.

Lúc ấy là sau tết Đoan Ngọ, trời đang nóng nực, lúa má ngoài đồng đang lên tươi tốt, khí trời trong sáng, cây xanh rợp bóng. Vào đầu mùa hè, nông dân đang cày bừa ngoài ruộng, người đi lại trên đường cái hầu hết là chịu khổ bôn ba vì danh vì lợi. Bành Công ngồi trên lưng lừa, thấy Hạ Điểm

không còn xa. Bỗng thấy trước mặt có một đám đông, đến gần để xem, trong đám ấy có người dắt lừa thuê khoảng ngoài tứ tuần, mình mặc áo vải chàm đã cũ, bên ngoài là chiếc áo cộc tay đã rách, chân trần, xỏ đôi giày cũ, trên mặt lấm tấm vết bunn, râu ngô, mắt tròn, lông mày ngắn. Đứng bên là một người ngoài ba chục tuổi, mặt trắng trẻo, mình mặc áo ngắn rộng vải lam, áo trong cũng vải lam, tất trắng giày xanh, mày dài mắt to, miệng đang kêu lớn:

- Mi là cái đồ ngang ngược. Ta hỏi mi, mi phải nói cho rõ. Nay mi lại chày bừa, đất nhà mi bắt nạt người lạ quá lắm!

Người mặc áo cộc tay nói:

- Không cần nói nhiều, ta đánh mi trước đã?

Nói xong giơ nắm đấm lên đánh liền. Người kia nói:

- Ta không muốn đánh nhau với mi. Nếu mi muốn đánh ta thật thì ta cũng đánh lại đấy!

Mọi người kéo đến hỏi xem là chuyện gì. Người trẻ tuổi mặt trắng trẻo nói:

- Tôi ở trong huyện thành Tam Hà, họ Tào tên Nhị, mở một hiệu tạp hóa An Lạc Đường ở chân thành phía Bắc sau cửa Kinh đô. Vì ở quê còn có mẹ già tám mươi tuổi, lại có một chú em, hôm qua có gửi cho tôi một bức thư, nói mẹ tôi đã mất. Tôi vội vàng mua mấy chiếc quần áo. Trời sáng, tôi ra thành đến cửa Tề Hóa thuê con lừa đến Thông Châu. Nghe tin mẹ mất tôi chẳng thiết ăn cơm. Mẹ con gấn bó, tôi hận không có cánh để bay về nhà. Đến Hạ Điểm tôi lại thuê con lừa khác, đã nói rõ với ông ta là trả hai trăm tiền. Tôi cười lừa, đi được một quãng, ông ta bảo tôi đi nhanh quá, trời nắng nóng, tiết trời viêm nhiệt nên nói rằng ông ta không theo nổi và không dắt lừa nữa, kéo lừa lại bảo tôi xuống. Tôi liền xuống, chẳng hơi đâu bực mình với ông ta. Tôi nghĩ mình đã cười lừa đi một đoạn đường nên trả ông ta năm mươi tiền, ông ta cứ đòi đủ hai trăm tiền, nếu không trả, ông ta không cho tôi đi, vì thế mà cãi nhau như các vị đã thấy.

Nghe thấy thế, Bành Công bèn xuống lừa, bảo người dắt lừa:

- Ông là người dắt lừa cho thuê, sao lại không biết điều?

Người ấy không nghe, sẵn tới cho người thuê lừa một đấm. Tào Nhị giơ đấm lên đón đỡ, vừa đấm trả, lập tức đã đánh chết ngay người kia. Tào Nhị

sợ tái mặt. Mọi người thấy là án mạng đều rạt cả sang hai bên. Lúc ấy có hai người làm việc quan đi tới hỏi:

- Ai đánh chết người này? Người kia phải không?

Đám người đứng xem đều giơ tay chỉ vào Tào Nhị. Người làm việc quan bảo:

- Đi lấy cái khóa mang lại đây, khóa Tào Nhị lại rồi sau sẽ xử lý.

Lát sau có mấy người chức dịch trong làng như hương ước, bảo giáp đi tới, ai nấy nói:

- Đi lấy cái nong đập lại, cử một người ở lại trông.

Một chức dịch địa phương tên Đỗ Lượng bảo:

- Cậu Ngụy Bảo Anh trông xác đi, chúng tôi giải người này đến nha môn báo có án mạng. Án mạng là chuyện hệ trọng, không phải chơi.

Nói xong lôi Tào Nhị về huyện Tam Hà.

Bành Công thầm nghĩ: "Nhà anh kia số đen quá, vừa một đám đã đánh chết người. Lạ thật, tuổi thọ người ta có số định sẵn thật". Nghĩ rồi quay người đi vào phố Hạ Điểm, thấy người đông đúc, cửa hiệu rất nhiều, đường nam nẻo bắc, hàng hóa buôn bán thật là hưng thịnh. Đang đi, thấy phía bắc có một quán rượu, cửa hàng sạch sẽ. Bành Công bước vào, người hầu bàn chạy tới nơi:

- Quý khách muốn gọi món gì?

Bành Công nói:

- Cho hai đĩa thức nhắm và hai hồ rượu.

Lát sau, rượu và thức nhắm bày lên. Bành Công hỏi người hầu bàn:

- Ta muốn hỏi thăm anh về một người, không rõ anh có biết không?

Hầu bàn nói:

- Quý khách cứ nói. Người nào có tên thì biết, không tên thì chịu. Xin hỏi quý khách trước, người ấy là ai?

Bành Công nói:

- Ta muốn hỏi thăm ông Tả Thanh Long Tả Khuê, chủ cửa hàng lương thực.

Người hầu bàn lễ lạy đáp:

- Ngài hỏi người khác thì tôi có thể không biết chứ hỏi Tả Khuê thì ai cũng

biết. Quý tính ngài là gì?

- Ta họ Thập, muốn mua ít lương thực ở đây.

- Mua lương thực mà quên biết ông Tả thì lợi lắm. Giá lương thực ở phố này do ông ấy định. Hàng đáng giá mười lạng, ông ấy trả năm lạng, không ai dám không bán, ít người dám bực bội. - Hầu bàn đáp.

- Vậy chứ ông Tả Thanh Long ở đâu?- Bành Công hỏi.

- Hôm nay ông ấy không ở đây. Phiên chợ ngày ba, ngày sáu ngày chín mới tới.

Bành Công thầm nghĩ: "Hôm nay uống công rồi, chi bằng ta về xem xét vụ án mạng kia đã, sau sẽ thăm Tả Thanh Long cũng chưa muộn". Nghĩ rồi uống vài chén rượu, trả tiền, trở lại nha môn.

Trời đã sẩm tối, Bành Công tới cổng sau gọi cổng. Bành Hưng đang mong chủ, bỗng thấy tiếng gọi cổng liền hốt hoảng đi ra mở cổng sau, cầm đèn lồng lên soi, hóa ra lão gia đã về.

Vào qua cổng rồi, Bành Công bảo đóng cổng lại, đi thẳng tới thư phòng ngồi xuống. Bành Hưng tới thỉnh an xong, hỏi:

- Lão gia đã dùng cơm chưa?

- Ta ăn rồi. Hôm nay có công văn giấy tờ gì không?

- Có hai văn kiện, một trong số đó là vụ án mạng do ấu dả của Tôn Lượng ở Hạ Điểm trình báo. Hung thủ Tào Nhị cũng được giải đến, hẳn là người trong thành của bản huyện. - Bành Hưng nói.

Bành Công nghe xong, uống mấy chén trà rồi gọi trực ban chuẩn bị cho ông thăng đường. Thay xong quan phục, ông vào ngồi giữa công đường. Đèn hai bên chiếu sáng như ban ngày.

Bành Công phán:

- Đưa hung thủ vụ án mạng do địa phương Hạ Điểm trình báo lên công đường để nghe xét xử.

Người đứng đầu trực ban vâng lời, đưa phạm nhân đứng bên dưới lên. Tào Nhị quỳ xuống nói:

- Bẩm quan lớn, tiểu nhân là Tào Nhị xin cúi lạy.

Bành Công để ý nhìn, hung thủ chính là người vừa đánh nhau ban sáng, bèn hỏi:

- Người là Tào Nhị phải không?

- Bẩm vâng.

- Vì sao người đánh chết người. Người bị chết là người ở đâu?

Tào Nhị kể lại đúng như tình hình lúc ban sáng. Bành Công nghe xong, sai người giải xuống, dặn trông giữ cho kỹ.

Ông làm thêm mấy việc của nha môn rồi lui khỏi công đường về thư phòng nghỉ ngơi. Sáng hôm sau, Bành Công ăn cơm sáng xong dẫn theo nha dịch làm ở phòng hình sự cùng đi đến Hạ Điểm nghiệm xác.

Ra khỏi thành huyện Tam Hà, người ngựa, phu kiệu đi thẳng về Hạ Điểm. Tới nơi để xác, chức trách địa phương đã đứng đón quan huyện. Bành Công xuống kiệu nhìn thì có người đã lợp mái che, giữa để bàn xét xử, trên bàn đặt giấy bút, bèn vào ngồi trước bàn, sai người đến nghiệm xác. Người nghiệm xác tên Lưu Vinh, xem xong, quì thưa:

- Xin quan lớn xem qua, người này khắp người bị bốn mươi tư vết thương, bảy vết thương chí mạng.

Bành Công nghe nói không vui, thầm nghĩ: "Hôm qua chính mắt bản huyện nhìn thấy Tào Nhị vùng một đám đánh chết người dắt lừa, tại sao hôm nay lại có đến bốn mươi tư vết thương?". Tức thì đứng dậy lại xem, quả nhiên xác này khắp người là vết máu, mặt mũi khó nhận ra. Bành Công trở lại ghế, bảo Tào Nhị:

- Tào Nhị, rốt cuộc người làm sao lại đánh hấn chết?

Tào Nhị thưa:

- Tiểu nhân vì việc thuê lừa, cãi nhau rồi chỉ đám một cái hấn đã chết. Nếu bảo con đâm hơn bốn mươi vết thương thì thật là không đúng.

- Tào Nhị, người đến nhận xem sao? - Bành Công nói.

Tào Nhị được người dẫn đến bên xác chết. Vừa nhìn thấy, Tào Nhị đã ngẩn ra vì đó là xác một thanh niên chừng mười tám, mười chín, nước da trắng trẻo, bị máu loang nên không nhận ra mặt mũi; mình mặc bộ quần áo lụa màu lam dính đầy máu, khắp người bị thương. Tào Nhị xem xong, trở về quì tâu với Bành Công:

- Bẩm quan lớn, tiểu nhân oan uổng! Hôm qua bị con đâm chết là người đàn ông ngoài bốn mươi mặc quần áo rách, còn hôm nay là người trai trẻ,

khắp người thương tích, không biết bị ai đánh chết.

Bành Công nghe nói, suy nghĩ một lát rồi bụng bảo dạ: "Hôm qua chính mắt ta nhìn thấy đó là người đàn ông tuổi hơn bốn chục, sao hôm nay lại là người khác? Nhất định là có chuyện". Nghĩ xong lại đến cạnh xác chết xem kỹ một lượt, đúng là không phải người bị đánh chết sáng hôm qua, đúng là có duyên có chi đây. Xem xong, Bành Công trở về chỗ ngồi, bảo:

- Cho gọi quan chức địa phương lên đây.

Người đứng cạnh vâng dạ, dẫn tới một người. Người này quì mọp, nói:

- Bẩm lão gia, Đỗ Lượng xin khấu đầu.

- Người là chức dịch ở địa phương đây. - Bành Công hỏi.

Đỗ Lượng nói:

- Vâng tiểu nhân được làm chức dịch ở địa phương.

- Ta hỏi người, hôm qua Tào Nhị đánh chết người dắt lừa, người trông coi xác phải không?

- Không ạ.

- Không phải người thì là ai? - Bành Công hỏi.

- Vì tiểu nhân phải giải hung thủ lên nha môn trình báo, nên nơi này chỉ để người giúp việc của tiểu nhân là Ngụy Bảo Anh trông xác thôi ạ.

Bành Công phán:

- Đưa Ngụy Bảo Anh lên đây cho ta hỏi.

Đỗ Lượng vâng dạ rồi đứng lên gọi Ngụy Bảo Anh. Lát sau có người thưa và bước vào lán, tới trước mặt Bành Công quì xuống khấu đầu. Bành Công nhìn xuống, nói:

- Người ngẩng mặt lên cho ta coi!

Ngụy Bảo Anh ngẩng đầu lên, Bành Công thấy hắn khoảng hai mươi tám, hai mươi chín tuổi, da mặt xanh xao, không có lấy một giọt máu, lông mày vàng, mắt ba góc mũi thịt hăn trên mặt, mũi cao, môi mỏng, mình mặc áo vải màu lam, tất vải có hoa tím, giày vải xanh, quì mọp thưa:

- Trên có quan lớn, tiểu nhân là Ngụy Bảo Anh xin cúi lạy.

Bành Công nói:

- Ngụy Bảo Anh, người năm nay bao nhiêu tuổi, làm việc được mấy năm rồi?

Ngụy Bảo Anh thưa:

- Tiểu nhân hai mươi chín tuổi, từ nhỏ đã giúp việc ở cửa công. Cha tiểu nhân tên hiệu là Ngụy Bất Hoạch, từng làm bảo giáp ở nơi này, nay đã chết. Tiểu nhân giúp việc cho ông Trưởng Đỗ.

Bành Công hỏi:

- Một mình người trông xác hay còn người khác nữa?

- Một mình con trông xác, không có người nào khác.

Đã không có người khác, vậy ta hỏi người, tại sao xác lại bị đánh tráo trong đêm qua? - Bành Công hỏi.

- Tiểu nhân trông xác suốt đêm không hề ngủ, sao lại có chuyện đánh tráo được? - Ngụy Bảo Anh cãi.

Bành Công mỉm cười:

- Ta thấy đồ nô tài đáng chết là người to gan thật, trong đêm qua đã đánh tráo xác mà còn dám không khai thực.

Ngụy Bảo Anh vẫn cãi:

- Tiểu nhân đâu có dám gây chuyện gì, xin lão gia lượng xét.

Bành Công phán:

- Ta hỏi mà người không chịu khai thật. Người đâu, lôi xuống và vào miệng hắn cho ta!

Nha dịch lôi Ngụy Bảo Anh xuống, và cho bốn mươi cái, lại đánh thêm bốn chục hèo nữa. Ngụy Bảo Anh nói:

- Lão gia dù có đánh chết tiểu nhân, cũng không có khẩu cung đâu. Mong lão gia làm ơn cho!

Bành Công nói:

- Ta đã biết người không phải là người lương thiện, nếu người không chịu khai thật, ta cho người đánh chết tươi! Người đâu đánh nữa cho ta!

Nha dịch lại lôi xuống đánh nữa, Ngụy Bảo Anh đành nói:

- Xin lão gia đừng đánh nữa, con xin khai là xong.

Bành Công sai nha dịch lôi dậy, Ngụy Bảo Anh cúi lạy rồi khai:

- Hôm qua được Đỗ Đầu mục sai phái, con ở lại trông xác. Con ăn cơm tối xong, uống hai lạng rượu, tới nằm ngủ bên xác chết. Tới trống canh hai, một luồng gió lạnh thổi thấu xương, khiến con dựng tóc gáy. Trở dậy nhìn

trời, khắp trời đầy sao mà không có trăng, không có một ai làm bạn. Con định thần nhìn, thấy bên xác chết đèn bắc lụi dần, con bèn cắt muối bắc đèn rồi toan đi ngủ. Bỗng một trận gió lạnh nữa thổi tới, thật là rùng rợn, cứ thổi quây tròn lấy con. Con bèn bịt mắt lại ngủ đến khi trời sáng bảnh rồi gọi mấy người dựng mái che, chờ quan lớn đến nghiệm xác. Lời khai này là thực, không có nguyên cớ gì khác xin quan lớn tra xét kỹ, đừng đánh con nữa.

Bành Công thấy Ngụy Bảo Anh-mồm mép liến láu che đỡ như thế liền gọi:

- Người đâu, đánh chết tươi tên Ngụy Bảo Anh cho ta.

Sai dịch dạ ran, lôi Ngụy Bảo Anh xuống vít cổ, giơ hèo lên đánh cho hai chục hèo. Ngụy Bảo Anh không chịu được đòn, lại kêu:

- Thôi thôi con xin khai, quan lớn đừng cho đánh nữa!

- Tên nô tài gian trá kia, người đã chịu khai, ta bảo người thả ra cho người khai.

Ngụy Bảo Anh đầm đìa nước mắt, chịu khai ra:

- Đêm qua tiểu nhân canh cái xác bị đánh chết. Khoảng canh ba, một trận gió lạnh thổi tới làm con tỉnh giấc. Trở dậy xem thì không thấy cái xác bị đánh chết ấy đâu nữa. Con nghĩ, nếu đến sáng mà không thấy xác, quan lớn đến xét nghiệm thì con ắt bị đòn. Con chợt nghĩ ra trong đám gò mả có một xác chôn liền nảy ra ý đem xác ấy tới đây để thay thế vào xác kia, tránh được đòn vọt của quan. Xin quan lớn gia ân, lời khai này là sự thực.

Bành Công hỏi:

- Ta hãy hỏi người, sao người biết có xác mới chôn ở đó?

- Bẩm quan lớn, cái xác ấy là do tiểu nhân tham chén làm hỏng việc. Hôm ấy là tối ngày chín tháng Năm, con đánh bạc ở quán rượu phố sau, thua mất bốn mươi hai quan. Đang lúc nguy cấp, ở ngoài bước vào một người, gọi: "Ngụy Bảo Anh ra đây tở bảo". Con nhìn ra, nhận được đó là tên bom rượu Trương Bướng Đầu. Con mới hỏi: "Anh Hai Trương gọi em làm gì thế?". Hắn lôi con ra chỗ vắng người, bảo con đem chôn một người. Con theo hắn vào vườn hoa nhà ông Tả Thanh Long, hắn bảo: "Này chú Hai Ngụy, tôi bảo cho chú biết nhé! Hiện tôi theo lệnh Tả lão gia Tả Thanh Long. Trong vườn hoa này có một cái xác, lão gia tho tôi tám lạng bạc, bảo tôi đem xác

đi, tôi gọi chú để chú giúp tôi, tôi cho chú ba lạng bạc". Tiểu nhân nhận lời cũng là trong một lúc xiêu lòng vì mấy lạng bạc, con theo hẳn vào vườn hoa. Vào đến nhà sau, con thấy quản gia và người báo canh đều đứng đấy canh giữ. Hai chúng con nhận bạc xong mới khiêng xác chết ra khỏi vườn hoa, đem chôn ở bãi tha ma vô chủ. Đến tối hôm qua mới đem xác ấy tới để thay thế, đó là việc thực lời thực không sai một chút nào.

Bành Công nghe lời khai, biết rằng lại có một vụ án mạng nữa nên hỏi tiếp Ngụy Bảo Anh:

- Ta hỏi người thêm một việc nữa, cái tên dắt lừa thuê không rõ họ tên bị Tào Nhị đánh chết hôm qua, xác hẳn hiện ở đâu? Người khai thực đi!

Ngụy Bảo Anh thưa:

- Xin quan lớn gia ân, tiểu nhân thực sự không biết trong vụ này có duyên cớ gì. Con thật sự không biết cái xác bị đánh chết kia làm sao lại tác quái, khiến con khổ sở như thế này!

Đúng lúc ấy, phía ngoài có người nói:

- Xin quan lớn gia ơn thả người thuê lừa ra. Tiểu nhân chưa chết, xin trả lừa cho tiểu nhân.

Bành Công nhìn ra, thấy người nói đó thì giật nảy người vì đó chính là người bị đâm chết hôm qua. Bất giác ông tái mặt, hỏi:

- Người là thế nào, mau nói ra để bản huyện khỏi phải dùng đến cực hình. Người đến gặp bản huyện là vì cớ gì?

Người kia nói:

- Con là người ở Yên Giao, tên Lã Lộc, nhà cửa điêu linh, còn mẹ già hơn bảy mươi tuổi. Vì không biết làm gì, chỉ sống về nghề dắt lừa thuê. Hôm qua, có một người ở Hạ Điểm thuê lừa tới huyện Tam Hà. Người thuê lừa là Tào Nhị. Con và người ấy tranh chấp rồi cãi nhau, trong lúc nóng nảy không nhẫn nại được chúng con liền đánh nhau. Con bị đâm một cú, chết giắc. Khoảng canh ba đêm qua, con tỉnh lại, thấy chiếu đắp trên người, bên cạnh có chiếc đèn lồng, lại có một người nữa cũng nằm ở đấy. Con hiểu ra là do mình bị chết giắc, sau đó nhìn đến lừa thì không thấy lừa đâu. Con nghĩ người đánh con hẳn đã dính đến việc quan, con bèn không đánh thức người canh giữ dậy, sợ làm người ấy sợ hãi trong lúc đêm khuya canh vắng.

Con lại đói quá, chỉ muốn về ngay nhà để ăn cơm rồi đợi đến khi quan lớn đến nghiệm xác sẽ xin lại lửa. Nhưng khi tới nơi để xác thấy quan lớn đã đến rồi và lại có một cái xác nữa, hẳn trong việc này có duyên cớ chi đây, vì thế con chưa dám thưa với quan lớn. Vừa nãy Ngự Bảo Anh đã khai hết thực tình con mới dám thưa với quan lớn gia ơn đặc cách, thả Tào Nhị ra, cho con được nhận lửa về để còn dắt lửa thuê, lấy tiền nuôi sống mẹ già.

Bành Công nghe Lã Lộc nói, nghĩ hẳn và Tào Nhị đều thuộc người làm ăn nhỏ, nếu không thể tất cho họ thì họ sẽ oán. Bèn nói:

- Lã Lộc, ta trả con lửa cho người, việc của người thế là xong.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 2 (B)

Ông gọi chức dịch địa phương trả lừa cho Lã Lộc, kết thúc vụ án ngay tại chỗ. Chức dịch địa phương nghe Bành Công phán bảo, vội gọi:

- Người đâu, con lừa hôm qua các người buộc ở đâu?

Người giúp việc là Trâu Văn nói:

- Dạ, buộc ở Đình Gia Điểm, con xin dắt đưa đến.

Trâu Văn đi một lát đã dắt con lừa về trao cho Lã Lộc. Cả Tào Nhị cũng được cho về.

Bành Công lại nói:

- Ngụy Bảo Anh, người dẫn chức dịch của ta đưa tên Trương Nhị nát rượu ấy về đây để ta tra hỏi kỹ lưỡng.

Một vài chức dịch cùng Ngụy Bảo Anh ra đi, một lúc sau trở về báo:

- Thưa quan lớn, không thấy Trương Nhị nát rượu đâu cả.

Bành Công lại bảo người dân ở đấy:

- Những người đứng xem quanh đây, nếu có ai nhận được xác này thì nên đến nhận, bản huyện không bắt tội đâu.

Quan nói xong, những người đến xem xúm xít đứng quanh, cả nam lẫn nữ nhưng không một ai chen ra. Bành Công lại sai chức dịch truyền lời lần nữa:

- Trong số những người đến xem đứng quanh đây, nếu có ai nhận được xác này thì không việc gì phải sợ hãi, chỉ cần nói rõ lai lịch là được.

Người nào người nấy trong số người đến xem đều bước tới nhìn kỹ cái xác. Thấy xác không nát rữa, ai nấy thầm nghĩ:

"Cậu thanh niên này không biết con cái nhà ai. Mặt mũi xinh đẹp da lại trắng bóc, xem ra chỉ khoảng mười bảy, mười tám tuổi không biết đứa ác độc nào giết chết thế? Đáng thương khắp mình đều là thương tích, gặp chuyện rủi ro này mà không có người thân nào kêu oan cho cậu ta?". Đám người đứng xem bàn ra tán vào, ồn ào cả lên. Bỗng ở một phía có tiếng

người kêu to:

- Oan uổng quá! Oan uổng quá!

Bành Công ngẩng lên nhìn, thấy người kêu oan tuổi chừng ngoài sáu chục, mình mặc áo quần vải màu nguyệt bạch, giày xanh tất trắng, da mặt hơi vàng, hai lông mày rậm, đôi mắt mở to, đầu tóc ngay ngắn, quanh mép có râu đen, quỳ trước bàn kêu:

- Trên có quan lớn, tiểu nhân oan uổng quá!

Bành Công bảo:

- Người có việc oan uổng gì cứ nói thật ra!

Ông già nói:

- Con là Triệu Vĩnh Trân, nhà ở đầu đẳng đông phố Hạ Điểm, làm nghề nông. Con có một trai một gái, với hai vợ chồng con nữa là bốn người. Con trai con mười tám tuổi đang đi học, con gái con hai mươi tuổi, chưa gả chồng. Thằng bé Triệu Cảnh Phương của con thường ở ngay tại trường, đêm ngày mười ba tháng này không về nhà, hôm sau cũng không thấy về. Con cho người đi tìm nhưng không biết cháu ở đâu. Hôm nay thấy quan lớn nghiêm xác ở đây mới biết xác ấy chính là cháu Triệu Cảnh Phương, không biết cháu bị kẻ nào sát hại. Kính mong quan lớn đặc cách gia ân, truy bắt hung thủ cho con được báo thù rửa hận.

Bành Công bảo:

- Ông hãy nhận lấy xác con, tạm thời quản ở một nơi, chờ ta bắt hung thủ báo thù cho.

Ông già nhận xác con đem về. Bành Công gọi:

- Mã Thanh, Đỗ Minh, hai người cấp tốc tróc nã tên Hồ Thiết Minh đưa về huyện để thẩm vấn.

Hai người vâng lời đi ra. Bành Công giải Ngụy Bảo Anh về huyện Tam Hà giam lại, sau đó cho người đi bắt Trương Nhị nát rượu.

Sáng hôm sau, trời vừa sáng, cơm nước xong xuôi, Bành Công truyền ba ban sai nha hầu quan thẳng đường. Bỗng đầu Mã Thanh, Đỗ Minh thưa lại là không tìm thấy tên Hồ Thiết Đình ở phủ của Tả Thanh Long. Bành Công nghĩ bụng: "Tả Khuê là một tài chủ nơi này, có mấy tờ đơn đều tố cáo hắn. Lần trước ta vi hành về Hạ Điểm, giữa đường gặp vụ án người dặt lừa. Vụ

án này, ta phải đích thân dò la mới xong. Chỉ e trên phố Hạ Điểm có người nhận ra ta mà thôi".

Nghĩ xong liền gọi Đỗ Hùng, trưởng bố đầu ba ban. Bành Công nói:

- Đỗ Hùng, người đến Đại Đạo Lý Tân Trang mời Bạch Mã Lý Thất Hưu đến đây!

Đỗ Hùng vâng lời, xuống nhà gọi người giúp việc chuẩn bị ngựa rồi lên ngựa ra khỏi thành, đi thẳng tới Lý Tân Trang.

Tới đầu trang, Đỗ Hùng xuống ngựa, vào đến cổng nhà họ Lý thấy gia nhân nhà này là Lý Trung đứng ngoài cổng. Đỗ Hùng gọi:

- Ông Lý ơi, phiền ông vào bẩm có Đỗ Hùng ở huyện Tam Hà đến thỉnh an Thất lão gia và có chuyện muốn thưa.

Lý Trung nói:

- Vâng. Ngài hãy ngồi chờ ở đây, tôi vào bẩm với trong nhà một tiếng.

Nói rồi quay người đi vào bên trong. Tới thư phòng, thấy Lý Thất Hưu đang bế con trai tên gọi Lý Vân, mới lên ba. Thăng bé bụ bẫm, tai to mắt vuông, mắt mũi mồm miệng ngay ngắn. Lý Thất Hưu từ khi nhận em trai đưa về nhà khuyên giải một hồi, lại chỉ bảo một hồi thì Lý Thất Hưu cũng thông suốt, hối hận về những sai lầm của mình, từ đấy đóng cửa ngôi nhà, thôi không bao giờ dám làm những việc trái lẽ nữa. Tám người bạn lục lâm của Thất Hưu là Lưu Tri, Lý Thông, Phùng Báo, Đỗ Thanh, Phùng Thái, Lý Long, Lưu Ngọc, Cát Hùng muốn tới Sơn Hải Quan chơi một chuyến. Lý Thất Hưu nghĩ, trong đám lục lâm có người nào thọ đến bát tuần đâu! Tuy nói là lấy của kẻ giàu giúp cho người nghèo, hành hiệp trượng nghĩa song không tránh khỏi làm tổn hại, vì thế từ đấy đóng cửa tạ khách, không gặp ai nữa. Ngày hôm ấy ở thư phòng với con là Lý Vân, thấy gia nhân Lý Trung vào báo, nói:

- Thưa lão gia, ngoài cổng có bố đầu của huyện Tam Hà là Đỗ Hùng xin thỉnh an.

- Mời vào đi! Lý Thất Hưu nói.

Lý Trung đi ra mời Đỗ Hùng vào thư phòng. Thất Hưu đứng dậy nói:

- Đỗ hiền đệ, đã lâu không được gặp.

Đỗ Hùng thỉnh an xong, nói:

- Thất lão gia, hôm nay tôi vâng lệnh huyện chủ đến mời lão gia tới nha môn, có việc cần kíp muốn nhờ.

Thất Hầu nói:

- Huyện lão gia hôm nay bảo đệ đến gọi tôi. Ông ấy là quan phụ mẫu, đáng ra tôi phải đến. Có điều việc nhà quấy rối, tôi không xẻ được người thành hai nửa. Phiền đệ trở về nói lại tôi thực không thể vâng mệnh.

Đỗ Hùng nói:

- Thất lão gia mà không đi thì e rằng chủ tôi còn sai người đến mời nữa, chi bằng cùng tôi đi là hơn.

Thất Hầu nói:

- Để ở đây ăn cơm xong rồi hãy về, tôi thực không thể đi cùng được.

Đỗ Hùng thấy Thất Hầu không chịu đi đành ăn cơm rồi cáo từ về nha môn, bẩm rõ với Bành Công.

Bành Công nói:

- Người cầm danh thiếp của ta đi mời lần nữa. Người nói là bản huyện công việc đầy mình, không thể đến được.

Đỗ Hùng cầm danh thiếp, lại tới Đại Đạo Lý Tân Trang mới mời được Lý Thất Hầu. Tới nơi, Thất Hầu nói:

- Trên có quan lớn, tiểu nhân xin thi lễ. Không biết lão gia cho gọi là có việc gì?

Bành Công nói:

- Hạ Điểm có tên Tả Khuê, biệt hiệu là Tả Thanh Long. Người này tiếng tăm ra sao?

Lý Thất Hầu trầm ngâm một lúc, thầm nghĩ: “Việc này ta biết làm thế nào đây? Tả Thanh Long là đứa vô tri, ta mà không nể mặt chú hấn thì đã dạy bảo hấn rồi. Nay huyện lão gia hỏi về hành vi của hấn, hấn là có duyên cớ đây?”. Nghĩ rồi nói:

- Lão gia muốn hỏi về Tả Thanh Long thì đấy là con người vô tri không biết hấn đã làm điều gì rồi?

Bành Công kể lại việc dân chúng tố cáo, rồi ông vi hành dò xét và lúc này đã nhận được đơn từ, cũng đã nghiệm xác cho Thất Hầu nghe. Lý Thất Hầu nói:

- Lão gia định truyền gọi hần thì chỉ phí công. Hần dựa vào thế lực người thân vì hần là con nuôi của Sách thân vương, không điều gì không làm. Theo ý của tiểu nhân, lão gia nên dùng một kế thỏa đáng để mời hần đến. Trước hết truyền gọi nguyên cáo đến nghe thẩm vấn, sau đó mới hỏi hần.

Bành Công gọi.

- Mã Thanh, Đỗ Minh, hai người mang danh thiếp của ta đi mời Tả Thanh Long đến đây?

Hai nha dịch vâng lời đi ngay tới nhà của Tả Thanh Long ở phố Đông Hậu thuộc Hạ Điểm. Tới nơi, nói với người canh cổng:

- Phiền các bác vào bẩm một tiếng, nói là có bố đầu của huyện Tam Hà là Mã Thanh, Đỗ Minh tới thăm hỏi trang chủ.

Người coi cổng đi vào bên trong, thì Tả Thanh Long đang cùng uống rượu với hai người là Thai Lý Hoại Hồ Thiết Đình và Lữ Khiếm Đường. Gia nhân đến báo:

- Hiện có bố đầu huyện Tam Hà là Mã Thanh, Đỗ Minh muốn gặp trang chủ, không biết trang chủ có cho gặp hay không?

Tả Khuê nói:

- Mời họ vào đây!

Gia nhân ra cổng dẫn hai vị bố đầu vào trong đại sảnh.

Mã, Đỗ nhìn xem thì đại sảnh có năm gian, phía đông và tây lại có ba gian phòng nữa. Trong phòng phía bắc có kê chiếc bàn dài mà hẹp, trước bàn dài là chiếc bàn bát tiên, mỗi bàn một ghế bát tiên. Trên ghế phía đông có một người ngồi, chính là Tả Thanh Long, mình cao chín thước, mặt thâm như tương, hai hàng lông mày dựng đứng, hai mắt thô lỗ, miệng vuông, râu đen chạy quanh mép; trên người là chiếc áo dài lụa màu xanh, quần lụa màu lam, áo trong cũng màu lam, chân dận đôi giày thanh vân tất trắng, tuổi chừng ngoại tam tuần. Trên ghế ở phía dưới là một người gầy gò, khô đét, tướng mạo bình thường, đó chính là tên Thai Lý Hoại Hồ Thiết Đình. Hai vị bố đầu nhìn rồi nói:

- Thưa trang chủ, chúng tôi vâng lệnh của huyện lão gia mang danh thiếp đến mời trang chủ.

Tả Thanh Long nghe hai vị Mã, Đỗ nói xong, quay sang hỏi Lữ Khiếm

Đường:

- Việc này ta đi thì hơn hay không đi thì hơn?

Lư Khiêm Đường nói:

- Đi vẫn là thượng sách.

Hồ Thiết Đình nói:

- Tôi đi với.

Tả Khuê sai sắp sẵn ngựa, cùng Mã, Đỗ ăn cơm. Cơm xong lên ngựa cùng hai bố đầu và Hồ Thiết Đình đi thẳng tới huyện Tam Hà.

Trời đang giữa trưa, vào đến huyện thành Tam Hà rồi tới ngoài nha môn. Hai nha dịch vào bên trong bẩm với Bành Công.

Lát sau nghe bên trong nói: "Xin mời!". Tả Thanh Long dẫn Hồ Thiết Đình đi qua nghi môn; thấy trên công đường không có một ai. Qua khỏi công đường chợt nhìn thì giật nảy người.

Thìra Bành Công quan phục chỉnh tề ngồi ở chính giữa, nha dịch ba ban chia ra đứng hai bên; Lý Thất Hầu cũng có mặt, không rõ vì cớ gì. Tả Thanh Long đang còn hồ nghi thì nghe thấy tiếng hô của hai hàng nha dịch:

- Tả Thanh Long đã được dẫn tới!

Sau đó người của ba ban đều hô: "Quỳ xuống!". Tả Khuê quát:

- Bành Bạng, ông về nhận chức chưa được bao lâu, thế mà mời thân sĩ đến lại ngạo mạn đến thế kia ư?

Bành Công nói:

- Người ỷ vào thế lực kim tiền, hiếp đáp người lương thiện, gian dân đàn bà con gái, chiếm đoạt nhà cửa ruộng đất của người ta, lại còn gian dân cả với con trẻ, không điều gì là không dám làm. Hôm nay người tới trước mặt bản quan huyện mà còn không coi trọng quan ra gì, quát tháo cả ở công đường hay sao?

Bèn bảo tả hữu:

- Bắt nó quỳ xuống cho ta!

Hai hàng nha dịch hô vang lấy oai: "Quỳ xuống!". Bành Công thăm vắn:

- Người cướp con gái của Trương Vĩnh Đức, đánh què Trương Ngọc, khấu trừ quá nhiều giá lương thực của Dư Thuận, nhân đây hãy khai thực ra!

Tả Khuê dùng dùi gậy:

- Bành tri huyện, ông tự tiện bịa đặt tội danh cho ta, định vùi vĩnh tiền của ta, ta phục ông sao được?

Bành Công nói:

- Đưa Trương Vĩnh Đức lên đây để đối chất ngay giữa công đường.

Nha dịch vâng lời, đưa Trương Vĩnh Đức lên quỳ trước mặt lão gia, nói:

- Xin lão gia làm chủ thay cho tiểu nhân. Đây chính là kẻ cướp con gái tiểu nhân, xin lão gia báo thù rửa hận cho cháu.

Bành Công nói:

- Tả Khuê, người nghe thấy chứ? Có chịu khai thực không?

Tả Khuê biết có người tố cáo hấn bèn nói:

- Huyện lão gia tham tiền của người ta nên đối đầu với ta chứ gì?

Bành Công mắng:

- Người nói láo, lôi xuống đánh cho ta!

Tả Khuê giật mình sợ hãi, Hồ Thiết Đình cũng run như cầy sấy. Nha dịch hai hàng lập tức vít cổ Tả Khuê xuống đất, đánh cho bốn chục hèo đến nổi da thịt toát ra. Đánh xong, Bành Công nói:

- Cả cái tên theo hầu hấn cũng đưa lên đây để ta xét hỏi.

Hồ Thiết Đình quỳ mọp, kêu:

- Đại lão gia, con không phải là người theo hầu Tả Khuê. ông ta với con cùng ở một phố, hôm nay ông ta bảo con đi cùng. Xin lão gia tha cho con, con hiện còn mẹ già bảy mươi tuổi.

Bành Công nghe Hồ Thiết Đình luôn mồm kêu nài, lại thấy mặt mũi hấn không có gì hung ác liền phán:

- Người đâu, đuổi tên này ra khỏi nha môn cho ta.

Hồ Thiết Đình sợ đến nổi vãi đái nên được lệnh là chuồn thẳng. Bành Công phán:

- Tả Khuê, nếu người còn định giấu giếm thì làm sao thoát khỏi tay bản huyện? Từ khi đến nhận chức, ta đã biết tiếng ác của người vang dội. Con gái của Trương Vĩnh Đức hiện giờ ở đâu? Tiền bạc của Dư Thuận, người nuốt rồi mà còn không chịu khai thực à?

Tả Khuê vốn chưa từng chịu hình phạt của quan, quen dựa vào thế lực kim tiền, ở nhà chuyên kết giao với quan lại, oai vang dậy một phương, không

ai dám gây sự. Nay bị đánh bốn chục hèo, hăn đau quá van nài:

- Lão gia không phải đánh nữa, tôi bảo bạn tôi đến gặp ngài là xong.

Bành Công nói:

- Bạn bè người thế nào, cứ đánh cho hăn bốn chục hèo nữa!

Hai bên nha dịch đều nói:

- Khai mau! Nếu không chịu nói lại đánh nữa đấy!

Tả Khuê không biết làm thế nào đành phải thừa nhận những việc đã làm và khai:

- Con gái Trương Vĩnh Đức hiện ở trong vườn hoa của tôi. Số bạc của Dư Thuận, tôi có thể đền bù. Còn con trai Triệu Vĩnh Trân, vì say rượu, tôi có gian dâm với cậu ấy; sau khi tỉnh rượu, cậu ấy đòi tố cáo tôi nên tôi đã đánh chết, gọi Trương Nhị nát rượu và Ngụy Bảo Anh khiêng đi chôn ở bãi tha ma vô chủ trên đồi. Việc chiếm đoạt năm chục mẫu ruộng của Lưu Tứ, tôi cũng xin thừa nhận hết.

Thư ký viết lời cung khai, Tả Khuê in tay vào. Bành Công cho gọi Dư Thuận:

- Người hãy đợi bản huyện đòi lại số bạc cho người.

Lại bảo Trương Vĩnh Đức:

- Trương Vĩnh Đức, ông hãy đợi bản huyện dẫn con gái ông về đây để nhận lại con gái ngay tại công đường.

Bành Công sai Mã Thanh, Đỗ Minh và Lý Thất Hầu:

- Ba người hãy tới nhà Tả Khuê ở Hạ Điểm, đưa con gái rương Vĩnh Đức về đây, lấy năm trăm hai mươi lạng bạc, truyền cho Trương Nhị nát rượu và Hồ Thiết Đình tới nha môn, ngày mai nghe nghị án!

- Ba người vâng lời ra đi, còn Tả Khuê thì đem giam vào ngục.

Bành Công lui khỏi công đường dùng cơm. Canh hai đêm ấy mới được nghỉ ngơi.

Sáng hôm sau, mọi việc đã xong, Bành Công thẳng đường, nha dịch ba ban đứng hầu hai bên. Mã Thanh, Đỗ Minh, Lý Thất Hầu trình bạc lên nói:

- Vâng lệnh lão gia, hiện đã đưa Trương Phượng Nhi đến.

Trương Nhị đã bỏ trốn, không biết đi đâu. Còn Hồ Thiết Đình cũng bỏ trốn hôm qua.

Bành Công phán:

- Gọi Trương Vĩnh Đức nhận con gái đưa về nhà, Dư Thuận nhận số bạc để kết thúc vụ án ngay tại đây!

Lại sai đem Tả Thanh Long lên, đối chất đúng lời khai, in dấu tay. Bành Công xử hấn vào tội chém đầu không được hoãn thi hành.

Vừa mới dẫn Tả Thanh Long ra thì từ ngoài bước vào một người mình cao tám thước, cổ ngắn mà to, mặc quan phục, đội mũ quan, da mặt hơi vàng, lông mày dựng đứng, hai mắt thô lỗ mặt vuông, miệng vuông, tuổi khoảng ngoài tam tuần. Người này đi thẳng vào công đường, hai tay nắm vào nhau giơ lên, nói:

- Lão phụ đài, văn sinh Vũ Văn Hoa xin có lễ.

Bành Công nhìn ra thấy người này ăn vận theo lối cử nhân, bèn hỏi:

- Người là ai, đến có việc gì?

Người này nói:

- Tôi là Vũ Văn Hoa, cử nhân của bản huyện. Vì lão gia bắt Tả Khuê là một thân sĩ; nhà giàu có nên bị người ta vu cáo, lão gia không xét kỹ, dùng cực hình lấy khẩu cung, lăng nhục thân sĩ. Tôi rất lấy làm bất bình nên đến thỉnh thị ngài.

Thì ra Vũ Văn Hoa là người ở Vũ Gia Trang, nhà có hơn hai trăm khoảnh ruộng, bản thân lại là cử nhân về võ, chơi rất thân với Tả Khuê. Nghe người ta kháo nhau Tả Khuê bị bắt đưa về nha môn, nên đến đây định cứu bạn. Bành Công nói:

- Vũ Văn Hoa, người cậy mình là cử nhân võ mà làm náo loạn công đường. Tả Thanh Long vi phạm phép nước, hiện có người đối chứng, người há không biết vương tử mà phạm pháp thì cũng xử như dân hay sao? Người đâu, đuổi Vũ Văn Hoa ra khỏi công đường cho ta!

Vũ Văn Hoa nói:

- Bành tri huyện, ông về nhận chức chưa lâu mà đã làm nhục thân sĩ, lộn cả đất lên. Tôi mà để cho ông ngồi ở ghế lâu dài thì tôi là kẻ bất tài! - Nói xong, hiên ngang xuống khỏi công đường, bỏ đi.

Bành Công sai giam Tả Thanh Long vào ngục, định hình phạt xử chém ngay không được hoãn. Vừa toan lui khỏi công đường thì nghe bên ngoài

lại có người kêu oan. Ông sai người đưa lên. Khi nha dịch trực ban đưa hai người kêu oan lên công đường thì hai người này đều ngoài ba mươi tuổi, mình mặc quần áo vải màu nguyệt bạch, chân dận giày xanh tất trắng.

Người quỳ phía đông mặt mũi ngay ngắn, da hơi đen, vẻ mặt nhân từ. Người quỳ phía đông mặt mũi cũng hiền lành trung hậu. Bành Công nhìn xong, hỏi:

- Hai người vì sao kêu oan, nhân đây hãy nói thực ra.

Người quỳ phía đông nói:

- Tiểu nhân họ Diêu, tên là Quảng Lễ, nhà ở thôn Hà, chỉ có một mình, sống với cô mẫu cho qua ngày tháng, năm nay ba mươi tuổi. Tối hôm qua, tiểu nhân dạo chơi ở đầu thôn, thấy Tiểu Lâm Trương Hưng đi rất vội vàng như có chuyện gì vậy. Tiểu nhân thường ngày hay nói đùa với hã nên hỏi: " Trương Nhị ca, anh phát tài rồi lờ bạn bè đi đấy à?". Hã đứng ngay lại tái mặt đi nói: "Diêu Tam ca, anh gọi tôi có việc gì?". Tiểu nhân nói: "Anh mời tôi uống một chén rượu đã!". Hã kéo con vào một quán rượu ở trong thôn, nói: "Hai chúng mình uống hai hồ nhé!". Hã gọi rượu và thức nhắm, hai chúng con uống, rồi con hỏi hã: " Anh ở đâu về thế, làm sao lâu nay không thấy anh?". Tiểu Lâm Trương Hưng nói: "Hôm nay tôi từ huyện Hương Hà về đây, có phát tài được một món nhỏ, anh có dám nhận một phần hay không?". Nói xong, hã lấy trong lưng ra hai đỉnh bạc, đặt lên bàn rồi nói: "Anh cần dùng thì cho anh một đỉnh đấy!". Con nói: "Tôi không dám nhận đâu!". Con hỏi hã do đâu mà phát tài, hã nói hã hại một người ở trạm Hòa Hợp, vứt xác xuống giếng, được một trăm lạng bạc. Con nghe xong giật nảy người, nói: "Tôi không lấy đâu, anh cầm lấy đi!" Uống xong hai hồ rượu, chúng con chia tay, càng nghĩ càng thấy không ổn sợ bị liên lụy với hã. Sáng nay con trở dậy đang định vào thành tố cáo hã thì lại gặp Trương Hưng hốt hoảng như muốn bỏ trốn. Con bước tới túm lấy hã, bảo: "Hai chúng ta vào thành kêu oan nhé?". Con liền kéo hã đến đây kêu oan. Con và Trương Hưng tiểu lâm ngày thường không có thù oán gì. Chỉ vì hã phạm tội, con biết mà không tố cáo thì phạm vào tội dung túng cho kẻ phạm tội bỏ trốn.

Bành Công hỏi Trương Hưng:

- Người tên gì, khai ra?

Trương Hưng nói:

- Con tên Trương Hưng, côi cút một mình, ở cùng với cậu con cho qua ngày tháng. Cậu con ở Kinh đô theo hầu quan, tên là Lưu Tường. Mẹ con không có con. Hôm qua cậu con được nghỉ về nhà, con ở nhà cậu giúp việc mua sáu mươi mẫu ruộng của Triệu Đình Tuấn ở huyện Hương Hà, định rõ giá tiền là bốn trăm tám mươi lạng bạc. Hôm qua cậu con hết hạn nghỉ phép, người theo hầu quan khi nào dám để lỡ việc nên cậu con vội về kinh ngay. Trước khi đi, cậu con có dặn, bạc đặt cọc là một trăm lạng và bảo mẹ con giao bạc để con giao cho nhà họ Triệu ở trong thành huyện Hương Hà. Đến nhà, người nhà họ nói ông chủ không có nhà, đi thăm bạn rồi. Con đợi đến khi mặt trời lặn mới nói: "Khi nào ông chủ về nhà thì nói với ông ngày mai đợi tôi ở nhà. Bây giờ tôi về nhà đây!". Con về đến đầu thôn thì gặp Diêu Quảng Lễ. Hắn hay đùa với con, mà tên hiệu của con là Tiểu Lâm Trương Hưng, nên khi nghe hắn hỏi con phát tài, con mới cố ý nói đùa, bảo đã giết một người ở trạm Hòa Hợp, ném xác xuống giếng. Quan lớn soi xét, nếu con giết người thật thì đời nào con lại kể với hắn? Đây là do lỗi ở con thích bông đùa, bởi vậy mới có việc ngày hôm nay. Nếu lão gia còn chưa tin thì gọi Triệu Đình Tuấn đến hỏi sẽ rõ.

Bành Công thấy người này mặt mũi hiền lành, lời khai cũng có thể tin được, bèn nói:

- Đỗ Minh thảo văn thư, truyền gọi Triệu Đình Tuấn ở huyện Hương Hà đến đây để ta thẩm vấn ngay tại công đường.

Đang nói thì bên ngoài lại có hai người nữa bước vào, đó là hương ước Lưu Thăng và chức dịch địa phương ở trạm Hòa Hợp là Lý Phúc. Hai người vào khấu đầu, thưa trình:

- Bẩm lão gia, trước miếu Thiên Tiên ở trạm Hòa Hợp chúng con có một cái giếng, người ở đây đều ăn nước giếng này. Sáng sớm hôm nay có người đi lấy nước thì thấy trong giếng có một xác chết, không biết bị ai ném xuống. Vì vậy chúng con phải đến trình báo cho quan lớn biết.

Bành Công nghe nói thấy vừa khớp với vụ án ông định hỏi, bèn gọi:

- Này Tiểu Lâm Trương Hưng, ngươi là đồ nô tài đáng chết người giết chết

người ta ở chỗ nào, cứ thực khai ra, tránh cho da thịt bị đòn.

Trương Hưng cuống lên nói:

- Thưa quan lớn, tiểu nhân oan uổng quá! Tiểu nhân có biết gì đâu!

Bành Công sai trước hết canh giữ Diêu Quảng Lễ và Trương Hưng cho cẩn thận, tự mình đem theo nha dịch trông coi hình sự đi thẳng tới trạm Hòa Hợp nghiệm xác.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 2 (C)

Bành Công ngồi kiệu ra khỏi nha môn, đi chừng hơn một canh giờ thì tới nơi để xác. Quan chức địa phương đã sớm dựng lán, chuẩn bị sẵn bàn hỏi cung. Bành Công xuống kiệu vào ngồi trước bàn, sai người xuống giếng vớt xác lên. Chức dịch địa phương đã sai chuẩn bị thùng, sọt từ trước, một người xuống giếng, lát sau vớt lên một cái xác đàn bà, tuổi chừng ngoài hai mươi, bị thắt cổ đến chết. Người vớt xác nói:

- Dưới giếng còn một cái xác nữa, xin lão gia cho lệnh.

Bành Công bảo:

- Người xuống lần nữa vớt nốt cái xác ấy lên đây!

Người ấy lại xuống vớt lên. Xác này không có đầu, nhưng là của một người đàn ông. Bành Công sai nghiệm xác, người nghiệm xác xem xét xong tới trước mặt Bành Công thưa:

- Xác đàn bà là do bị thùng thắt cổ, xác đàn ông là do bị dao chém chết. Xin trình để lão gia định đoạt.

Bành Công nghe xong thấy lòng rung động, đoán chắc Tiểu Lâm Trương Hưng không phải là hung thủ giết người, trong chuyện này tất có duyên cớ chi đây. Đang khó nghĩ thì bỗng nghe có người kêu oan. Bành Công nói:

- Đưa người kêu oan vào đây?

Lát sau nha dịch đưa người kêu oan vào quỳ trước bàn Bành Công ngồi. Người ấy kêu:

- Tiểu nhân oan uổng quá!

Bành Công nhìn người kêu oan. Đó là ông già khoảng ngoài lục tuần, nhưng tinh nhanh quắc thước, mặc bộ quần áo vải màu nguyệt bạch, giày xanh tất trắng, quỳ mọp trên đất, nước mắt đầm đìa, nói:

- Tiểu nhân là Tưởng Đắc Thanh, người ở thôn Hà. Nhà có hai vợ chồng, sinh được một con gái là Cúc Nương, gả cho Diêu Quảng Trí ở bản thôn làm vợ, vợ chồng rất hòa thuận. Hôm nay con đến thăm con gái, thấy cửa

buồng nó mở toang, trong nhà không có một ai. Con nghĩ hẳn là con gái về nhà thăm vợ chồng con nên lại về nhà, nhưng con gái con cũng không có ở nhà. Con vội vàng đi các nơi tìm song đều không thấy. Con rẽ con mở quán trà ở trạm Hợp Hòa, con đến quán tìm cũng không thấy, chồng nó cũng không biết việc của vợ. Con nghe nói lão gia đang nghiệm xác ở đây, con cũng vào xem cho vui nào ngờ xác đàn bà ấy chính là con gái con, không biết vì sao bị người nào thắt cổ đến chết. Xin quan lớn báo thù cho con gái của con.

Bành Công nói:

- Tưởng Đắc Thanh, ông đến cạnh xác kia xem xác đàn ông không đầu. ông có nhận ra người đó là ai không?

Tưởng Đắc Thanh đến bên xác đó xem xét rồi trở về thưa:

- Con không quen biết người này.

Bành Công gọi:

- Người đầu, gọi chức dịch địa phương là Lưu Thăng, Lý Phúc lên đây, bỏ xác vào quan tài quan lại để xem xét sau.

Bành Công lên kiệu trở về huyện Tan Hà, vào nha môn nghỉ ngơi, rồi cho người gọi Mã Thanh và Đỗ Minh. Hai người đến, Bành Công nói:

- Hai người dẫn theo Diêu Quảng Lễ tới trạm Hòa Hợp bắt tên Diêu Quảng Trí về đây cho ta xét hỏi.

Hai người vâng lời, dẫn theo Diêu Quảng Lễ ra khỏi nha môn, đi thẳng tới trạm Hòa Hợp. Tới quán trà, người hầu trà ra nhìn, chào:

- Ông Ba Diêu đã đến, hay quá! Mời các ông vào uống trà.

Diêu Quảng Lễ hỏi:

- Chú tư ta đi đâu rồi?

Người hầu trà nói:

- Ông Tư đang ở nhà họ Hoàng ở phía đông, nhà thứ sáu kể từ đây, phía bắc đường là nhà ấy.

Quảng Lễ nói:

- Chúng ta đến đó tìm!

Nói xong đưa hai viên nha dịch đến phía bắc đường đằng đông, nhìn xem thì đó là nhà lâu có tường bao quanh, cửa ván đóng kín, trong sân có ba

gian nhà ngoảnh về phía bắc. Diêu Quảng Lễ lấy tay đập vòng cửa gọi, bên trong có tiếng đàn bà ỏng ẹo hỏi:

- Tìm ai đấy?

Nói rồi ra mở cổng. Vừa thấy Diêu Quảng Lễ và hai người nữa liền hỏi:

- Họ tên mấy ông? Đến tìm ai?

Diêu Quảng Lễ nhìn người đàn bà này thấy tuổi chừng đôi mươi, người thon thả, tóc xức dầu chải bóng lộn, son phấn tô nhạt lông mày vẽ nhỏ, mình mặc chiếc áo vải màu lam nhạt như màu trời hửng sau mưa, áo trong màu xanh mướt như lá hẹ, chân dận đôi giày hoa bằng đoạn đỏ, gót sen ba tấc nhọn thon thon, vừa gầy vừa nhỏ; da mặt trắng trẻo, mắt hạnh đượm tình má thơm cười nụ. Diêu Quảng Lễ nhìn rồi nói:

- Tôi họ Diêu, tên Quảng Lễ, tới tìm chú em họ là Diêu Quảng Trí.

Người đàn bà quay vào trong gọi:

- Ông Tư ơi, có người đến tìm ông, ông ra mà mời vào nhà.

Diêu Quảng Trí từ phía trong đi ra, thấy là Quảng Lễ, nói:

- Anh Ba, anh từ đâu đến đây? Vào nhà ngồi chơi đã!

- Chú Tư, chú đến đây, nay tôi vâng lệnh lão gia đến bắt chú!

Mã, Đổ hai người nhìn rồi nói:

- Người là Diêu Quảng Trí phải không? Người phạm pháp rồi!

Liền lấy xích sắt ra khóa luôn Diêu Quảng Trí. Người đàn bà sợ quá nói:

- Chuyện gì thế?

Mã, Đổ hai người nói:

- Nhà chị cũng trốn không thoát đâu!

Rồi cũng khóa luôn cả người đàn bà, giải cả hai về thẳng huyện Tam Hà.

Gặp đúng lúc Bành Công thẳng đường, Mã, Đổ điệu Diêu Quảng Trí vào, nói:

- Chúng tôi đã đưa Diêu Quảng Trí ở trạm Hòa Hợp về đây. Còn một người đàn bà nữa ở cùng với hắn, chúng tôi cũng giải về để lão gia thẩm vấn.

Bành Công nói:

- Ta biết rồi?

Ông nhìn xuống Diêu Quảng Trí ở phía dưới thấy người này khoảng ngoài hai mươi tuổi, mặt trắng trẻo, người dong dỏng cao, mình mặc áo lụa màu

lam, giày xanh tất trắng, lông mày thanh tú, hai mắt tinh nhanh, là loại đẹp trai. Ông lại nhìn người đàn bà thì người này càng xinh đẹp. Xinh đến nhường nào? Có thơ làm chứng:

Nghiêng mái tóc mây trâm phượng cài,

Long lanh châu ngọc cánh hoa tai.

Phấn son thoa nhạt, trời cho đẹp,

Thật đúng phong lưu niên thiếu tài.

Bành Công nhìn xong, hỏi:

- Kẻ quỳ dưới kia có phải Diêu Quảng Trí không?

Tiếng bên dưới vang lên:

- Thưa vâng.

- Nhà người ở đâu? Buôn bán gì?

- Tiểu nhân ở thôn Hà, có mở một quán trà trên phố tại trạm Hòa Hợp, cách nhà ba dặm. Cha mẹ đều đã mất, chỉ còn một mình con, lấy vợ là Tưởng Thị. - Diêu Quảng Trí đáp.

- Vợ người là Tưởng Thị bị người nào thắt cổ chết, vứt xuống giếng? - Bành Công hỏi.

Diêu Quảng Trí thưa:

- Hôm nay tiểu nhân ở quán trà mới nghe nói, tiểu nhân đang định lên báo quan. Cúi mong lão gia thi ân, báo thù cho vợ tiểu nhân. - Nói xong hai mắt đỏ hoe, dân dân nước mắt.

- Người đàn bà kia là thế nào với người? Sao hôm nay người lại ở nhà chị ta? - Bành Công hỏi.

Người đàn bà nói:

- Tiểu phụ nhân là Lý Thị, người ấy cùng chồng con là anh em kết nghĩa.

Bành Công gõ đánh chát thước gỗ trên bàn, mắng:

- Đừng có lảm lời, bao giờ ta hỏi đến người hãy nói.

Nha dịch ba ban đứng hai bên đều hô vang ra oai, khiến người đàn bà kia giật mình sợ hãi. Diêu Quảng Trí vội vàng nói:

- Tiểu nhân là bạn với chồng cô ta Hoàng Vĩnh. Người ấy buôn bán ở Thông Châu, thường đem trà từ Thông Châu về cho con. Hôm nay con đến nhà người ấy để hỏi có mang trà về hay không thì vừa hay gặp lúc anh Ba

con là Diêu Quảng Lễ đến tìm, lại có cả quý nha dịch của lão gia tới cùng con và cô ta cùng giải về đây. Mong lão gia thả người đàn bà ấy vì cô ấy vô can.

Bành Công nghe xong thầm thấy sự việc đã rõ, bèn hỏi người đàn bà:

- Chồng người buôn bán gì? Ở nhà còn có ai khác không?

Lý Thị thưa:

- Tiểu phụ nhân Lý Thị, chồng con tên Hoàng Vĩnh, năm nay hai mươi bốn tuổi, cha mẹ chết sớm lại không có anh em, lấy con làm vợ, hai vợ chồng sống với nhau. Nhà con buôn bán ở Thông Châu về mặt hàng lương thực.

Bành Công hỏi:

- Cửa hàng lương thực đặt tên là gì, chồng người ra khỏi nhà hôm nào?

Lý Thị tái mặt đi, vội vàng thưa:

- Chồng con đi sau tết Đoan Ngọ tháng Năm năm nay, chưa được mấy ngày.

- Chồng người một năm về nhà mấy lần? - Bành Công hỏi.

- Chồng con về nhà hai ba lần, vào những ngày lễ, Tết. - Lý Thị nói.

Bành Công lại hỏi Diêu Quảng Trí:

- Tưởng Thị vợ người bị người thắt cổ đến chết, vứt xác xuống giếng ở trạm Hòa Hợp là vì sao?

- Tiểu nhân không biết. - Diêu Quảng Trí đáp.

Bành Công cười nhạt:

- Ta phải đánh cho đồ tội hạm đáng chết này! Trước mặt bản huyện đây mà người còn chưa chịu nói thật. Người đầu, lôi xuống và miện cho ta!

Nha dịch ba ban vâng lời, lôi Quảng Trí xuống, vít cổ và cho bốn chục cái, nhưng Quảng Trí vẫn không chịu khai, chỉ kêu oan uổng. Bành Công nói:

- Vợ người bị ai thắt cổ chết, người khai thật đi!

- Quả thật con không biết! - Quảng Trí vẫn chối.

- Lôi xuống đánh nửa cho ta! - Bành Công ra lệnh.

Lại đánh tám chục hèo mà Diêu Quảng Trí vẫn nói là không biết. Bành Công nhíu mày nghĩ ra một kế, phán:

- Diêu Quảng Trí, người hàm oan thật rồi. Bản huyện có sai đánh người, vậy ta đền cho người năm lạng bạc, người lo thu xếp mai táng cho vợ, chờ

bản huyện bắt được hung thủ báo thù cho người. Người cứ việc buôn bán, đừng để xảy ra việc gì nữa.

Rồi Bành Công cho thả cả Lý Thị, hai người rập đầu nói:

- Lão gia đã ơn! - Nói xong ra về.

Bành Công nói nhỏ vào tai Lý Thất Hầu:

- Lý tráng sĩ, tráng sĩ cứ làm như thế, như thế!

Lý Thất Hầu gật đầu, ra khỏi nha môn, lén đi theo Diêu Quảng Trí, thấy hai người này đi thẳng về nhà Hoàng Vĩnh ở trạm Hòa Hợp. Trời đã tối, Thất Hầu thay quần áo, lưng giắt đơn đao, đứng chờ nơi không người ở trạm Hòa Hợp. Chờ đến canh một thì nhảy lên mái nhà, đi tới nhà Hoàng Vĩnh, rồi từ nhà trên phía bắc nhảy xuống, thấy trong phòng có ánh đèn.

Lý Thất Hầu thầm nghĩ: "Ngày hôm nay dám công sai làm việc sơ suất quá, chưa chi đã bắt ngay người đàn bà tới nha môn. Nếu chúng là gian phu dâm phụ thì không nói làm gì; nếu là người tốt thì chẳng phải đó là ý thể quan ăn hiếp dân lành hay sao? Hôm nay lão gia cử ta bí mật theo dõi việc này, không biết thật, giả ra sao?". Đang nghĩ như thế thì nghe trong phòng có tiếng đàn bà, chính là Lý Thị. Thất Hầu đưa đầu lười thăm ướm giấy dán cửa sổ, làm thùng một lỗ nhìn vào thấy trên giường lò trong nhà đặt một cái bàn thấp, trên bàn bày mấy món ăn, Diêu Quảng Trí ngồi phía đông, Lý Thị ngồi phía tây. Lý Thị cười hi hi nói:

- Chàng uống thêm vài chén rượu đi, vô cớ mà hôm nay bị mấy trận đòn. Họ đánh đến nỗi em thấy đau lòng quá!

Diêu Quảng Trí nói:

- Ngày mai đem cái vật ở gầm giường lò vứt đi, có thế thì tôi mới hết lo. Nàng hạ thủ ghê thật đấy, một nhát đã giết chết hẳn, thế là tâm bệnh của tôi cũng trút đi được!

Người đàn bà nói:

- Chàng và em từ nay có thể làm vợ chồng dài lâu được rồi. Chàng hại một người, em hại một người. May mà chúng ta giấu cái đầu lâu đó đi, nếu không thì nguy rồi còn gì nữa?

Nói rồi cười, tay cầm một cốc rượu đưa đến tận môi Diêu Quảng Trí. - Tứ ca, chàng uống chén rượu này đi!

Lý Thất Hầu nhìn rõ, biết là gian phu dâm phụ rồi, liền quát lên một tiếng, xông vào phòng trối nghiến hai đứa lại.

Sáng sớm ngày hôm sau, gọi chức dịch địa phương là Lưu Thăng và Lý Đức, dùng xe lôi hai đứa lên nha môn, đúng lúc Bành Công đã thẳng đường.

Thì ra do Bành Công truyền gọi, Triệu Đình Tuấn đã đến và ông đang hỏi:

- Triệu Đình Tuấn, vì sao người bán sáu mươi mẫu ruộng cho Lưu Tường ở Thôn Hà?

Triệu Đình Tuấn thưa:

- Vì con cần tiền gấp nên bán cho Lưu Tường sáu mươi mẫu ruộng, hôm qua người mua đặt cọc một trăm lạng bạc là chuyện thật.

Bành Công nói:

- Việc này không liên can gì đến người, thôi về đi!

Lý Thất Hầu giải gian phu dâm phụ tới, Bành Công hỏi Thất Hầu:

- Tráng sĩ làm thế nào bắt được hai đứa?

Lý Thất Hầu kể rõ lại những lời nghe lỏm được. Bành Công gật đầu hỏi Diêu Quảng Trí:

- Người còn dám chối nữa không?

Diêu Quảng Trí mất cả hồn vía, biết lưới trời lồng lộng, thưa mà không để lọt lưới nên vừa nghe Bành Công hỏi đã khai ngay:

- Lão gia, tội con đáng muôn chết. Vì con mê muội nên đã thông gian với vợ Hoàng Vĩnh. Lý Thị bảo con: "Chàng muốn chúng mình làm vợ chồng lâu dài hay làm vợ chồng ngắn ngủi?". Con hỏi lại: "Làm vợ chồng lâu dài thì thế nào, làm vợ chồng ngắn ngủi thì thế nào?". Lý Thị nói: "Nếu muốn làm vợ chồng lâu dài thì giết vợ đi, em cũng giết chồng em, thế chẳng phải được làm vợ chồng lâu dài hay sao? Nếu chàng không nghe lời em thì từ nay chàng bắt tất phải sang nhà em nữa!". Con vì nhát gan nên không dám nhận lời. Hôm kia chồng cô ta về nhà, cô ta bảo con mời Hoàng Vĩnh uống rượu. Con mê muội đã mời chồng cô ấy uống rượu ngay tại nhà anh ta. Hai chúng con uống đến canh một thì Hoàng Vĩnh say. Lý Thị bảo con cầm dao giết chồng, con sợ không hạ thủ được, chính cô ta cầm dao giết chết Hoàng Vĩnh, cắt đầu bỏ xuống gầm giường lò. Cô ta xui con thắt cổ vợ. Con nhất

thời mê muội đã về thắt cổ vợ là Tưởng Thị, rồi đem vứt hai cái xác xuống giếng.

Lý Thịch cũng khai nhận và điểm chỉ vào tờ khai. Bành Công lại sai người đến nhà Lý Thị, lấy cái đầu lâu về rồi cầm bút phê rằng:

Diêu Quảng Trí vì gian dâm mà mưu hại hai mạng, theo luật phải xử trảm ngay; Lý Thị vì gian dâm mà mưu hại chồng mình, theo luật phải tùng xẻo. Hai người là Diêu Quảng Lễ và Trương Hưng, vì đùa bỡn mà thừa kiện, theo lệ đáng phải đánh mỗi người bốn chục hèo, chỉ vì nghĩ đến nỗi dân ngu không biết gì nên miễn cho chịu đòn, tha cho về nhà.

Cũng ngay tại công đường, Bành Công gọi Trương Đắc Thanh đến, nói:

- Bản huyện nghĩ đến tình hồng già rồi mà không nơi nương tựa nên cho Diêu Quảng Lễ được cai quản gia nghiệp của Diêu Quảng Trí và cho người ấy làm con nuôi của ông, phụng dưỡng đến già. Nếu không hiếu thuận, ông cứ bẩm quan để quan trị tội. Hoàng Vĩnh không có ai là họ hàng, ruộng vườn nhà cửa cho đứt Trương Đắc Thanh để dưỡng lão.

Vụ án thế là được kết thúc.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 3

Chém Nhầm Thôi Ninh

*Thông minh linh lợi bởi trời sinh
Ngờ nghệch ngu si tự hại mình
Đổ kỵ thường vì nhìn thô thiển
Gầm ghè do bởi nói năng thâm
Chín khúc Hoàng Hà lòng hiểm trở
Mười lần giáp sắt mặt góm ghê
Chỉ vì tửu sắc mà mất nước
Thường thấy thi thư hại người hiền.*

Bài thơ này nói về cái khó của sự làm người, chỉ vì đường đời trắc trở, lòng người khó lường, đạo lớn đã xa, nhân tình trăm ngả. Ôn ào tất bật đều vì lợi lộc mà đến; ngu si ngốc nghệch mắc họa vào. Gìn giữ tính mạng và gia đình, gặp muôn vàn khó khăn trắc trở. Bởi thế người xưa thường nói: "Cười vì cười, chầu mày vì chầu mày", cười hay chầu mày đều phải thận trọng.

Câu chuyện này kể về một người, chỉ vì sau khi uống rượu đã nói đùa mà dẫn đến tan cửa nát nhà, chết tới mấy nhân mạng. Trước tiên tôi dẫn ra đây một câu chuyện tạm coi là "hồi đầu đặc thắng".

Thời Nguyên Phong có một sĩ tử tên là Ngụy Bằng Cử, tự là Xung Tiêu. Mười tám tuổi Ngụy Bằng Cử lấy vợ, vợ anh là một người đẹp như hoa như ngọc. Vợ chồng lấy nhau chưa đầy một tháng thì gặp kì thi, Ngụy Sinh thu xếp hành lí, từ biệt vợ thấy kinh ứng thí. Trước khi đi, vợ dặn chồng rằng:

- Thi đỗ hay không cũng liệu mà về cho sớm, đừng bỏ mặc người vợ ái ân ở nhà giường không chiếu lạnh.
- Hai chữ công danh vốn là niềm hi vọng của anh, - Ngụy Sinh đáp, nàng không phải bận tâm.

Ngụy Sinh từ biệt vợ lên đường vào kinh, quả nhiên thi đậu xếp thứ chín giáp bảng. Được vào kinh làm việc, chàng vô cùng sung sướng, viết cho gia đình một lá thư, sai người đón gia quyến vào kinh. Trong thư, Ngụy Sinh viết những lời thăm hỏi và việc mình được bổ nhiệm làm quan, cuối cùng viết thêm một dòng: "Ở kinh đô sớm chiều không ai chăm sóc, anh đã lấy một người vợ lẽ. Chờ nàng tới kinh đô, cùng hưởng vinh hoa phú quý". Người hầu cầm lá thư, đi một mạch về nhà, trước tiên chúc mừng phu nhân, rồi đưa thư cho bà. Phu nhân bóc thư xem, thấy chồng nói thế, bèn nói với người hầu rằng:

- Quan đã phụ tình, mới được làm quan mà đã lấy bà hai.
- Con ở kinh đô, - người hầu nói, - hoàn toàn không thấy việc này, chắc rằng quan chỉ nói đùa thôi. Phu nhân tới kinh đô sẽ rõ đừng bận tâm làm gì.
- Nếu anh đã nói thế, thì tôi tin anh.

Vì thuyền bè chưa tiện, người vợ vừa chuẩn bị lên đường, một mặt tìm người chuyển thư báo tin ở nhà vẫn bình an. Người mang thư tới kinh đô, hỏi thăm tới nơi ở của vị tân khoa Ngụy tiến sĩ, rồi đưa thư nhà, được Ngụy Bằng Cử đãi cơm no rượu say rồi ra về.

Ngụy Sinh nhận được thư, bóc ra xem, chẳng thấy nói chuyện phiếm, mà chỉ viết: "Chàng ở kinh đô đã lấy vợ lẽ, thì thiếp ở nhà cũng lấy một người chồng, sớm muộn sẽ tới kinh đô". Ngụy Sinh thấy thế chỉ cho là vợ nói đùa, hoàn toàn không để ý tới. Chưa kịp cất thư đi, thì được báo bên ngoài có một người bạn học tới thăm. Nơi ở chốn kinh kỳ không được rộng rãi như ở nhà, người ấy là bạn chí thiết, lại biết Ngụy Sinh không có người thân ở đó, đi thẳng vào nhà trong, chuyện trò thăm hỏi mấy câu thì Ngụy Sinh đi tiểu tiện, người bạn học ấy ngẫu nhiên lật qua những giấy tờ trên bàn, thấy lá thư nhà viết đến buồn cười, cố ý đọc to lên. Ngụy Sinh trở tay không kịp, mặt đỏ như gấc chín, nói:

- Chẳng có gì đâu, vì tôi viết thư đùa nàng, nên nàng cũng đùa lại mà thôi.

Người ấy cười phá lên nói:

- Việc này đùa làm sao được.

Anh ta từ biệt ra về. Người này còn trẻ, thích đùa cợt, phút chốc nội dung bức thư đã loan ra khắp kinh thành. Cũng có một số người ghen tị vì Ngụy

Sinh đồ cao, đưa chuyện này thành một tin ngắn tai nghe mắt thấy, tâu lên triều đình, nói Ngụy Sinh trẻ tuổi không biết giữ gìn, không nên để giữ chức quan trọng, mà cho đi nhậm chức nơi xa. Ngụy Sinh hối hận - thì đã muộn. Về sau con đường công danh của Ngụy Sinh rất khó leo lên, bỏ lỡ mất niềm vinh hạnh, một bước đi ban đầu tốt đẹp. Đây chẳng qua chỉ là một câu nói đùa mà để mất một chức quan to.

Lại có một người cũng chỉ vì uống rượu, nói đùa mà làm liên lụy đến ba người. Tất cả phải bỏ mạng chỉ vì câu nói đùa.

Vì sao vậy? Có bài thơ làm chứng:

Đường đời lắm nỗi gian nan

Chỉ vì đùa cợt mà oan có ngày

Vô tình mây trắng nào hay

Cuồng phong thổi bạt mây bay khôn cùng.

Thời Cao Tông định đô tại Lâm An, đây là nơi phồn hoa đô hội, không kém gì Biện Kinh xưa kia. Cảnh Tiễn Kiều có một người tên là Lưu Quý, tự là Quân Tiễn. Ông bà tổ tiên vốn là người căn cơ nhưng đến đời Quân Tiễn thời vận rủi ro. Đầu tiên cũng cấp sách tới trường, nhưng xem ra không học được bèn quay sang buôn bán, chẳng khác nào giữa đường cắt tóc đi tu. Khi mở hàng lại không biết nghề nên cứ lỗ lú mất cả vốn liếng. Dần dần nhà to biến thành nhà nhỏ, thuê hai ba gian nhà, sống hòa thuận với người vợ là Vương Thị. Vì không có con nối dõi, nên lại lấy một người vợ lẽ họ Trần, đó là con gái của Trần Bán Bánh, người nhà thương gọi là Nhị Thư. Đây là việc xảy ra khi gia cảnh chưa cùng quẫn. Ba miệng ăn cứ chòng chọc ở nhà. Lưu Quân Tiễn vốn rất hiền lành, hòa nhã, được người làng yêu quý, đều gọi anh là Lưu Quan Nhân và bảo rằng: "Anh không gặp vận may nên mới trắng tay, sau này nhất định anh sẽ có ngày mở mày mở mặt". Nói thế thôi, chứ làm sao mà khá lên được. Anh chỉ buồn bã, chẳng có cách nào.

Một hôm đang ngồi chơi, thấy lão Vương, người nhà bố vợ, tuổi gần bảy mươi đến nói với Lưu Quan Nhân:

- Sắp tới ngày sinh nhật của Lão Viên Ngoại, ông cho lão sang mời anh chị tới dự ngày mừng thọ.

- Quả là tôi đang buồn rầu lo nghĩ, nên ngay cả ngày mừng thọ bố vợ mà cũng quên khuấy đi mất.

Thế rồi Lưu Quan Nhân cùng với vợ cả thu xếp áo quần bỏ vào túi, giao cho lão Vương mang đi. Dặn Nhị Thư trông coi nhà cửa:

- Tối nay có lẽ tôi chưa về được, tối mai dứt khoát tôi sẽ về.

Nói xong anh đi ngay. Nhà Vương viên ngoại cách thành hơn mười hai dặm, tới nơi, anh cũng chỉ chuyện trò thăm hỏi sức khỏe bố vợ. Hôm ấy khách khứa đông, chàng rể không thể nói hết cảnh khó khăn túng quẫn của mình. Đến khi khách ra về hết, bố vợ giữ anh nghỉ tại phòng khách. Sáng hôm sau, bố vợ mới chuyện trò với chàng rể:

- Anh Lưu này, anh không nghĩ ư, "miệng ăn núi lở", "cuống họng sâu như biển" mà "ngày tháng tựa thoi đưa". Anh phải tính kế làm ăn. Tôi gả con cho anh cũng chỉ mong đời nó được cơm no áo lành, không đến nỗi khổ sở vất vả là được rồi.

- Thưa thầy, - Lưu Quan Nhân thở dài nói, - đúng là "lên núi bắt hổ dễ, mở miệng nói ra thì khó". Thời thế ngày nay liệu có ai thương con được như thầy đâu! Con gánh chịu khốn khó thôi. Nếu đi cầu xin người ta thì cũng hoài hơi mà chẳng ích lợi gì.

- Điều này thầy cũng chẳng trách con, - bố vợ nói, - thầy nghĩ rằng con đang lúc khó khăn, thầy giúp con ít vốn, mở bừa một cửa hàng bán gạo, củi, kiếm ít lãi mà độ thân, sao lại không được.

- Thế thì tốt quá, - Lưu Quan Nhân nói. - Con vô cùng cảm ơn thầy.

Ăn cơm xong, bố vợ lấy ra mười lăm quan tiền đưa cho Lưu Quan Nhân, nói:

- Anh Lưu, hãy mang số tiền này về chuẩn bị mở cửa hàng. Hôm khai trương thầy sẽ cho con thêm mười quan nữa. Vợ con hãy tạm ở đây ít ngày, hôm nào mở cửa hàng, thầy sẽ trực tiếp dẫn nó về, chúc mừng con. Ý con thế nào?

Lưu Quan Nhân cứ cảm ơn rồi rít, rồi mang tiền về. Đến giữa thành thì trời gần tối, chợt nhớ tới người bạn thân, lại tiện đường qua nhà. Anh ấy lại là người kinh doanh, nên bàn bạc với anh ấy một chút thì tốt biết mấy. Thế rồi Lưu Quan Nhân gõ cửa, thấy có tiếng thưa, và người bạn ra mở cửa chào,

rồi hỏi:

- Hôm nay có gì cần dạy bảo mà ông anh hạ cố tới đây?

Lưu Quan Nhân nói hết dự định của mình. Người ấy nói:

- Em đang chơi dùi ở nhà, khi nào anh cần em sẽ tới giúp.

- Thế thì tốt quá - Lưu Quan Nhân nói.

Lưu Quan Nhân nói hết nhưng dự định về công việc mình sẽ làm. Người ấy giữ anh lại, dọn cơm rượu mời anh. Uống với nhau vài ba chén, Lưu Quan Nhân tửu lượng kém, thấy người choáng váng bèn xin phép ra về, nói:

- Hôm nay quấy quả anh quá, sáng mai phiền anh sang nhà tôi bàn việc làm ăn.

Người ấy tiễn Lưu Quan Nhân ra tận ngõ rồi từ biệt về nhà. Nếu như người bạn ấy giữ anh ở lại thì sẽ không đến nỗi xảy ra tai họa, song Lưu Quan Nhân mang tiền đứng đĩnh về nhà lúc ấy trời đã lên đèn, anh gõ cửa, vợ bé là Nhị Thư ở nhà một mình, không có việc gì làm, thấy trời tối, đóng cửa chong đèn ngủ gà ngủ gật. Lưu Quan Nhân gõ cửa thì vợ sao mà nghe thấy được. Gọi mãi chị mới lên tiếng, rồi đứng dậy mở cửa.

Lưu Quan Nhân bước vào nhà, Nhị Thư cầm lấy tiền, đặt lên bàn, hỏi:

- Anh lấy ở đâu ra những ngần ấy tiền, định dùng số tiền làm gì?

Lưu Quan Nhân, một là đang chệnh choáng say, hai là tức với vợ vì gọi mãi mới mở cửa, lại muốn dọa vợ chơi, bèn nói:

- Nói ra sợ cô trách, dù không muốn cũng phải nói cho cô biết. Chỉ vì tạm thời không có cách nào khác, đành phải bán cô cho một người. Song vì rất thương cô nên chỉ bán với giá mười lăm quan tiền. Nếu sau này làm ăn khá lên, sẽ dùng tiền lãi chuộc cô về. Nếu như làm ăn không thuận lợi thì đành vậy thôi.

Người vợ bé không tin, song lại thấy mười lăm quan tiền đang sờ sờ trước mặt. Sao từ trước tới nay anh ấy không hề nói cho mình biết, chị cả được sống hạnh phúc, còn mình thì anh ấy lại lòng lang dạ sói, bán mình đi như thế. Chị cứ nghi nghi hoặc hoặc, đành hỏi lại:

- Nếu thế sao anh không nói với cha mẹ em một tiếng?

- Nếu nói với cha mẹ, thì việc ấy nhất định không xong.

- Ngày mai cô đến nhà người ta, rồi dần dà tôi sẽ nói cho cha mẹ biết, cha

mẹ cũng không trách được.

- Hôm nay anh uống rượu ở đâu về thế? - Người vợ bé hỏi.

- Bán cô cho người ta, - Lưu Quan Nhân nói, - viết văn tự xong, uống rượu mới về.

- Thế chị cả sao không về? - Vợ bé lại hỏi.

- Vì chị cả không nỡ thấy cô phải bỏ nhà mà đi, ngày mai cô đi khỏi nhà mới về. Đây là hoàn cảnh bức anh phải thế, việc đã quyết rồi.

Nói xong anh bấm bụng cười thầm, để cả quần áo, ngả mình xuống giường rồi ngủ thiếp đi. Người vợ bé nghĩ rằng: "Chẳng biết anh ấy bán mình cho loại người nào. Ta phải về nói cho cha mẹ biết. Ngày mai người ta đến đòi mình thì phải đến nhà mình mới ngã ngũ". Nghĩ ngợi hồi lâu, chị cầm lấy mười lăm quan tiền đặt vào phía sau lưng chồng. Nhân lúc chồng say, Nhị Thư rón rén thu xếp quần áo mang theo, rón rén mở cửa ra khỏi nhà, rồi lại khép cửa vào. Cô tới nhà một người láng giềng thân thiết là Chu Tam, nhờ vợ Chu Tam cho nghỉ lại một đêm, nói là:

- Hôm nay chồng em vô cớ bán em, em phải về nhà nói với cha mẹ. Phiên chị ngày mai nói với anh ấy một tiếng, đã có người mua thì người ấy phải cùng với chồng em đến nói với cha mẹ em biết.

Sáng hôm sau, người vợ bé từ biệt ra đi. Thật là:

Cá kia thoát khỏi lưới câu

Vẫy đuôi cút thẳng, ngoái đầu làm chi.

Lưu Quan Nhân ngủ tới canh ba mới tỉnh. Thấy đèn trên bàn vẫn sáng, không thấy vợ bé bên cạnh, cứ tưởng là vợ còn đang dọn dẹp dưới bếp, bèn gọi Nhị Thư lấy nước. Gọi mãi mà không thấy thưa, lầu bầu, rồi lại ngủ thiếp đi. Không ngờ có kẻ xấu, ban ngày thua bạc, bí quá đêm ấy hăn đi khoảng một ít đồ vừa may hăn đi qua nhà Lưu Quan Nhân. Vì vợ bé bỏ đi cửa chỉ khép hờ chứ không cài then, tên trộm khẻ đẩy, cửa mở ngay. Hăn rón rén đi thẳng vào nhà, thẳng có ai hay biết.

Hăn tới bên giường, thấy sau lưng Lưu Quan Nhân có một bọc tiền, bèn rút lấy mấy quan. Không ngờ Lưu Quan Nhân giật mình tỉnh dậy, quát:

- Mày liều thật, tao mượn bố vợ được mấy quan tiền nuôi thân, mày lấy của tao thì tao sống vào đâu.

- Tên trộm chẳng nói chẳng rằng tổng thẳng vào mặt. Lưu Quan Nhân né người tránh, đứng dậy chống cự. Tên trộm thấy Lưu Quan Nhân tay đâm chân đá bèn bỏ chạy. Lưu Quan Nhân không buông tha, đuổi tới bếp, định kêu làng xóm dậy bắt. Tên trộm cuống lên, bí quá, thấy chiếc búa bổ củi sáng loáng bên cạnh. Đường cùng, hắn cầm búa bổ vào mặt Lưu Quan Nhân ngã vật xuống, hắn lại bồi thêm một nhát nữa, Lưu Quan Nhân chết hẵn. Tên trộm nghĩ: "Một là sống, hai là chết, người đã đuổi ta, buộc ta phải giết, chứ không phải ta đến để giết người". Thế rồi hắn trở vào phòng, lấy mười lăm quan tiền, xé chiếc chăn đem gói chặt lại, rồi hắn khép cửa ra khỏi nhà.

Sáng sớm hôm sau người láng giềng tỉnh dậy, thấy cửa nhà Lưu Quan Nhân để ngỏ, nhà lại im ắng, liền gọi:

- Lưu Quan Nhân, sáng rồi!

Không ai thưa, người láng giềng bước vào nhà thì thấy Lưu Quan Nhân đã bị bổ chết. Hai hôm trước vợ cả về nhà mẹ đẻ, vợ bé cũng không thấy, họ tri hô lên. Chu Tam người láng giềng mà đêm qua cho vợ bé của Lưu Quan Nhân ngủ nhờ chạy sang, nói:

- Tối qua vợ bé Lưu Quan Nhân ngủ nhờ nhà tôi, chị ta nói là, Lưu Quan Nhân vô cớ bán chị, chị phải về nhà mẹ đẻ, và còn bảo tôi nói với Lưu Quan Nhân là nếu bán cho người khác thì cùng với người ấy đến nói với cha mẹ chị cho ra nhẽ.

Bây giờ một mặt phải cử người đuổi theo bắt chị ta về thì mới biết rõ sự thực, một mặt phải báo cho người vợ cả về rồi mới phân xử.

- Ông nói phải. - Mọi người nói.

Thế rồi họ tới báo tin dữ cho Vương viên ngoại. Được tin, Vương viên ngoại và con gái òa lên khóc, nói với người ấy rằng:

- Hôm kia Lưu Quan Nhân về, lão đã cho mười lăm quan tiền làm vốn, sao lại bị giết như thế?

- Ông và chị ạ! Tối hôm qua Lưu Quan Nhân về thì trời đã khuya, uống rượu say, chúng tôi cũng không biết anh ấy có tiền, về sớm về muộn thế nào. Chỉ thấy sáng nay cửa nhà Lưu Quan Nhân để ngỏ, mọi người đẩy cửa bước vào, thì thấy Lưu Quan Nhân chết gục dưới đất, mười lăm quan tiền

mà ông bảo cho chẳng còn một đồng nào, vợ cũng biệt tăm biệt tích. Tri hô lên thì Chu Tam mới chạy tới, nói là tối qua vợ bé anh ấy tới ngủ nhờ, chị ấy nói rằng Lưu Quan Nhân vô cớ bán chị ấy cho người khác, chị ấy phải về nói với cha mẹ. Ngủ ở đó một đêm, sáng dậy ra đi. Bây giờ mọi người cho rằng phải báo cho ông và chị cả biết, và cho người đuổi theo người vợ lẽ. Nếu như giữa đường không tìm thấy thì đến thẳng nhà bố mẹ đẻ, thế nào cũng tìm được chị ấy về hỏi cho ra nhẽ. Xin ông và chị phải về nhà ngay, để lo liệu cho Lưu Quan Nhân.

Vương viên ngoại và vợ cả Lưu Quan Nhân vội vàng chuẩn bị lên đường, sai người dọn cơm rượu mời người tới báo tin, rồi ba chân bốn cẳng về ngay thành.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 3 (B)

Ngay từ sáng sớm người vợ bé đã dậy đi khỏi nhà người láng giềng. Đi được một hai dặm, thấy chân đau mỗi không đi được bèn ngồi nghỉ bên vệ đường. Bỗng thấy đằng sau có một chàng trai, đầu chít khăn mỏ rìu, mặc áo bông rộng, vai khoác chiếc túi bên trong là tiền đồng, chân đi giày tơ không tất, người ấy đi tới. Chàng trai đến trước mặt Nhị Thư, nhìn qua, thấy tuy không phải là mười phân vẹn mười, song răng trắng bóng, đôi má như hoa sen đầy xuân sắc, đôi mắt sáng, lúng liếng như sóng nước hồ thu, đầy sức gợi cảm. Đúng là:

Hoa đồng ôi lóa mắt

Rượu quê ngây ngất say.

Chàng trai ấy đặt túi xuống, bước tới lễ phép chào:

- Cô đi một mình, không có bạn ư? Cô về đâu?

Cô gái đáp lễ:

- Tôi về nhà mẹ đẻ, mỗi chân quá, tạm nghỉ ở đây, thế anh ở đâu tới, bây giờ anh về đâu?

Chàng trai ấy chấp tay, không rời nửa bước:

- Tôi là người thôn quê, vào thành bán tơ, lấy được ít tiền, bây giờ về Chử Gia Đường.

- Nhà em cũng ở Chử Gia Đường, nếu được anh đưa về thì hay quá.

- Có gì mà không được! - Chàng trai nói. - Nếu chị đã nói thế thì tôi xin tình nguyện đưa chị về.

Thế rồi hai người cùng đi. Đi độ hai ba dặm đường, bỗng thấy đằng sau có hai người mồ hôi nhuế nhại, thở hổn hển chạy tới gọi hồi hồi:

- Cô ơi hãy dừng lại, tôi có chuyện muốn nói với cô.

Cô gái và chàng trai thấy họ đuổi theo lấy làm lạ bèn đứng lại. Hai người

phía sau xông tới, chẳng để hai người phân giải, mỗi người tóm chặt lấy một người, nói:

- Các người ghê thật, định dẫn nhau đi đâu?

Người vợ bé giật mình, trợn tròn mắt, song hai người lảng giềng thì một người là chủ nhà cô ngủ nhờ đêm qua. Người vợ bé Lưu Quan Nhân hỏi:

- Tối qua tôi đã nói cho ông biết rồi, chồng tôi vô cớ bán tôi, tôi phải về nói cho cha mẹ tôi biết. Có việc gì mà ông đuổi theo tôi.

- Tôi không nói chuyện dông dài. Hiện nay nhà chị có chuyện giết người, chị về ngay mà đổi chất.

- Chồng tôi bán tôi, đêm hôm qua mang tiền về, có chuyện giết người gì đâu? Tôi không về.

- Cây ngay không sợ chết đứng. - Chu Tam nói. - Nếu cô không về tôi sẽ gọi người địa phương tới, nói có kẻ trộm giết người ở đây, nếu không sẽ liên lụy đến chúng tôi, mà vùng các người ở cũng không yên tĩnh.

Chàng trai thấy chị không phải là đầu mối bèn bảo với chị rằng:

- Đã nói thế thì chị dứt khoát phải về, tôi đi một mình cũng được.

Hai người lảng giềng cùng kêu lên:

- Nếu không có người thì thôi, đã có hai người cùng đi với nhau thì người không đi được đâu.

- Thật là kì quặc! - Chàng trai nói. - Tôi gặp chị ấy giữa đường ngẫu nhiên trở thành bạn đường, điều ấy có liên quan gì với nhau đâu mà bắt tôi phải đi.

- Nhà cô ấy có chuyện giết người, không thể thả người được đâu. Nếu không thì có đầu mối đâu mà kiện.

Xem ra lúc ấy họ không thể dung tha vợ bé Lưu Quan Nhân và người con trai này. Người xem mỗi lúc một đông, họ nói:

- Anh không đi không được. Cây ngay không sợ chết đứng.

- Đi thì đi có ngại gì.

- Nếu anh không đi thì đúng anh là kẻ gian: - Người lảng giềng nói. - Chúng tôi không chịu đâu.

Thế rồi họ lôi hai người về.

Tối cửa nhà Lưu Quan Nhân, thấy người ồn ào đông nghịt. Người vợ bé vào thấy xác Lưu Quan Nhân bị búa bổ, nằm sóng soài trên đất, mười lăm quan tiền trên giường không còn lấy một xu. Chị há hốc miệng, lưỡi cứng đờ không nói được. Người con trai cuống lên nghĩ: "Sao ta lại đen đui thế này! Bỗng dưng đi cùng đường với chị ấy lại bị liên lụy". Mọi người cứ làm ầm lên. Đang lúc chưa biết phân xử thế nào, thì Vương viên ngoại và con gái hốt hơ hốt hải chạy tới. Thấy xác con rể, ông gào lên khóc, rồi nói với Nhị Thưởng:

- Tại sao người lại giết chồng? Cướp lấy mười lăm quan tiền trốn đi. Nay thì lẽ trời đã sáng rõ, người chối làm sao được??

- Quả thật có mười lăm quan tiền. - Nhị Thưởng nói. - Tối qua chồng con về bảo không còn cách nào buộc phải bán con cho người khác lấy mười lăm quan tiền và nói là hôm nay bắt con đến với người ấy. Không biết anh ấy bán con cho loại người nào, con bèn về nói với cha mẹ. Bởi thế đêm qua con đặt mười lăm quan tiền vào sau lưng anh ấy, khép cửa, đến nhà ông Chu Tam ngủ nhờ một đêm, sáng dậy sớm về nói cho cha mẹ biết. Khi đi con cũng đã nhờ ông Chu Tam nói với chồng con, nếu có người mua tối thì cùng đến nói với cha mẹ con giao nhận xong xuôi. Con hoàn toàn không biết kẻ nào đã giết chồng con.

- Khéo nói thật! - Vợ cả Lưu Quan Nhân nói. - Tối qua rõ ràng cha ta đã đưa cho anh ấy mười lăm quan tiền mang về làm vốn nuôi vợ con, đâu có nhẽ anh ấy lại nói dối đó là tiền đã bán cô! Đúng là hai ngày cô ở nhà một mình đã gian díu với người khác, thấy gia cảnh khó khăn, không chịu đựng nổi, lại thấy mười lăm quan tiền chợt nảy ra ý định giết chồng cướp tiền, rồi dùng mảnh lối khôn khéo tới nhà hàng xóm ngủ nhờ một đêm, thông đồng bàn mưu, tính kế chạy trốn. Bây giờ cô cùng đi với một người đàn ông thì còn nói sao được nữa. Thật khó mà chối cãi được.

- Chị cả nói có lí. - Mọi người cùng nói, rồi lại nói với người con trai kia. - Anh kia? Người đã bàn mưu với Nhị Thưởng giết chồng, rồi lại ngấm ngấm hẹn nhau tại nơi vắng vẻ, định rủ nhau đi trốn.

- Con là Thôi Ninh, chẳng hề quen biết chị ấy. Tối qua con vào thành bán được mấy quan tiền tơ, số tiền ấy vẫn còn đây. Trên đường về gặp chị ấy,

ngẫu nhiên con hỏi chị ấy về đâu mà lại đi một mình như thế. Chị ấy nói là đi cùng đường, bởi thế mới đi cùng nhau, chứ con cũng chẳng biết trước sau thế nào.

Không ai chịu nghe lời phân trần, họ bèn khám ngay chiếc túi của anh, thì quả nhiên trong đó có mười lăm quan tiền, không thừa không thiếu. Mọi người reo ầm lên:

- Đúng là lưới trời lồng lộng, thưa mà không lọt. Người đã cùng với Nhị Thư giết người cướp của, rồi cùng trốn đi nơi khác, làm liên lụy đến những người láng giềng, làm cho người ta không còn đầu mối để kiện.

Ngay lập tức người vợ cả trói người vợ hai lại, còn Vương viên ngoại trói Thôi Ninh, làng xóm đều chứng kiến, hò nhau giải vào phủ Lâm An.

Viên phủ doãn nghe thấy có vụ giết người, lập tức lên công đường, cho gọi phạm nhân vào, thuật lại từ đầu sự việc. Thoạt tiên, Vương viên ngoại bước lên thưa:

- Thưa tướng công, con là người thuộc địa phương của bản phủ. Nay đã gần sáu mươi tuổi, chỉ có một người con gái. Trước đây gả cho Lưu Quý người trong thành của bản phủ. Về sau, vì không có con, Lưu Quý lại lấy Trần thị làm thiếp, tên là Nhị Thư. Nhà có ba người, xưa nay đều không có điều tiếng gì? Chỉ vì hôm kia là ngày mừng thọ, lão đã sai người đến đón con rể và con gái tới nhà ở lại một đêm. Hôm sau, vì nhà con rể không còn kế sinh nhai, lão đã cho con rể mười lăm quan tiền làm vốn mở hiệu, buôn bán nuôi thân. Chỉ có mình Nhị Thư ở lại coi nhà. Đến tối hôm qua, khi con rể con về nhà, chẳng biết vì duyên cớ gì, Nhị Thư đã dùng búa bổ chết chồng. Nhị Thư trốn theo một người con trai tên là Thôi Ninh, bị đuổi theo bắt được. Mong tướng công thương con rể lão chết bất minh, gian phu dâm phụ, tang chứng vẫn còn, cúi xin tướng công phán xét.

Phủ doãn nghe thấy thế, bèn gọi Trần thị lên hỏi:

- Tại sao người thông đồng với gian phu, giết chồng, cướp tiền rồi cùng nhau chạy trốn? Hãy khai mau.

- Con lấy Lưu Quý, tuy là vợ bé, song được anh ấy đối xử rất tốt. Chị cả cũng là một người hiền lành tốt bụng, thế thì sao con lại có lòng dạ độc địa, xấu xa như thế. Tối qua khi chồng con về nhà thì đã chệnh choáng say, lại

mang theo mười lăm quan tiền. Con hỏi tiền ở đâu ra, chồng con nói, vì hoàn cảnh khó khăn nên đã bán con cho người khác được mười lăm quan tiền. Chồng con cũng không cho cha mẹ con biết là bán con, mà ngày mai chồng con bắt con phải đến nhà người ta. Con cuống lên, ngay đêm ấy con đi khỏi nhà, và đã ngủ nhờ nhà hàng xóm. Sáng ra con về nhà bố mẹ đẻ, lại nhờ ông Chu Tam nói với chồng con: nếu đã bán con cho người ta thì phải đến nói với cha mẹ con. Mới đi được nửa đường thì thấy người hàng xóm mà con đã ngủ nhờ đêm qua đuổi theo, bắt con về. Con hoàn toàn không biết vì sao chồng con chết.

- Nói láo! - Phủ doãn quát. - Mười lăm quan tiền rõ ràng là của bố vợ cho con rể, người lại bảo là tiền bán người, người nói thật là vô lí. Hơn nữa tại sao đàn bà con gái đang đêm lại bỏ nhà đi! Nhất định đây là kế thoát thân. Việc này không phải chỉ có riêng người đàn bà làm, mà nhất định phải có gian phu giúp người lấy tiền, giết chồng. Người phải khai rõ sự thực từ đầu. Nhị Thử đang định nói thì mấy người hàng xóm quỳ xuống nói:

- Tướng công nói quả là ý trời! Tối qua cô ấy quả thật có ngủ nhờ nhà hàng xóm thứ hai bên trái, sáng nay đi sớm. Chúng con thấy chồng cô bị giết chết, một mặt cho người đuổi theo, tới giữa đường thì thấy cô đi cùng với một người con trai, cô ta khẳng khẳng không chịu về, buộc chúng con phải bắt về. Đến khi Vương viên ngoại nói rằng, tối qua cho con rể mười lăm quan tiền để kiếm kế sinh nhai, nay con rể đã chết, số tiền ấy không biết đi đâu. Hỏi mãi, người vợ lẽ mới nói rằng, khi cô ra khỏi nhà thì số tiền ấy để trên giường. Song khám xét người con trai thì túi anh ta có mười lăm quan tiền, không thiếu một xu. Cô không cùng với người con trai ấy giết chồng cướp của thì còn ai vào đây nữa. Tang chứng rành rành, chối sao được nữa? Phủ doãn nghe thấy họ nói có lí, bèn gọi người con trai lên hỏi:

- Tòa không thể dung tha người làm bậy. Người đã bàn mưu tính kế với Nhị Thử giết người cướp tiền như thế nào? Hôm nay dẫn nhau đi đâu? Hãy khai thực ra.

- Con là Thôi Ninh, - người con trai ấy nói, - là người nông thôn. Hôm qua con vào thành bán tơ, được mười lăm quan tiền. Sáng nay ngẫu nhiên gặp chị ấy, con không hề biết họ tên. Nào ngờ nhà chị ấy xảy ra chuyện giết

người.

- Nói láo! - Phủ doãn nổi giận quát. - Không thể tin rằng trên thế gian này lại có chuyện trùng khít đến như thế. Nhà anh ta mất mười lăm quan tiền, người bán tơ cũng có mười lăm quan. Đây hoàn toàn là lời nói hàm hồ. Hơn nữa vợ người không được yêu, ngựa người khác không được cưỡi. Người không gian díu gì với người đàn bà này thì tại sao người lại đi cùng với chị ta. Người quả là một tên bú đống bình, không đánh thì người không chịu khai.

Thế rồi người ta tra tấn Nhị Thư và Thôi Ninh đến chết đi sống lại. Vương viên ngoại, con gái và những người hàng xóm cứ một mực kết tội hai người này. Phủ doãn đành phải kết án. Tra khảo một hồi, thương thay Nhị Thư và Thôi Ninh không chịu được đòn phải nhận. Nói là vì bổng chốc tham của mà giết chồng, cướp mười lăm quan tiền cùng gian phu chạy trốn. Những người hàng xóm chỉ vạch chữ thập vào bản án. Mang hai chiếc cùm to cùm hai người, rồi tống ngục. Hoàn trả mười lăm quan tiền cho chủ, song số tiền ấy cung phụng cho những người trong nhà môn vẫn không đủ. Phủ doãn gửi hồ sơ lên triều đình. Triều đình phê chuẩn hồ sơ, lệnh: "Thôi Ninh gian dâm vợ người, cướp của giết người, theo luật phải chém đầu. Trần thị thông dâm với gian phu, giết chết chồng, là kẻ đại nghịch vô đạo, phải lăng trì để làm gương cho mọi người".

Quan phủ đọc xong cáo trạng, cho người lôi ngay hai phạm nhân ra pháp trường hành hình. Hai người không sao chối cãi được. Thật là:

Người cam phải nếm mùi hoàng bá

Khó nói cùng ai vị đắng này.

Bạn thấy đấy, nếu quả là Nhị Thư cùng với Thôi Ninh ham của giết người, thì ngay đêm ấy hai người phải trốn đi nơi khác, chứ sao lại sang nhà láng giềng ngủ nhờ một đêm, sáng sớm hôm sau mới về nhà mẹ đẻ rồi bị bắt? Nỗi oan uổng này, nếu chú ý có thể suy ra ngay. Ai ngờ quan xử kiện ngu tối, chỉ cốt xong việc, vì không chịu suy xét ngọn ngành thì sao mà tìm ra được. Nơi côi âm, tích tụ âm đức gần thì bản thân mình bị trừng phạt, xa thì báo oán đến cháu con, hai oan hồn ấy quyết không tha. Bởi thế quan xử kiện nhất thiết không được khinh suất mặc ý dùng hình phạt. Đòi hỏi người

xử kiện phải công bằng sáng suốt. Người chết không thể sống lại, cái đứt không thể nối lại. Thật đáng thương thay!

Người vợ cả về nhà, lập bài vị ở vậy thờ chồng. Vương viên ngoại khuyên con đi bước nữa. Chị nói:

- Không phải nói ba năm mãn tang, mà con phải chờ tới khi cha về già.

Cha bằng lòng rồi ra về.

Ngày tháng như thoi đưa, người vợ cả sống vất vưởng tới gần một năm.

Người cha thấy chị khó mà chịu đựng nổi, bèn bảo với lão Vương đón chị về. Ông nói:

- Bảo nó thu xếp về nhà, tang Lưu Quan Nhân tròn năm, rồi đi tái giá là được rồi.

Người vợ cả nghĩ đi nghĩ lại, thấy điều cha nói là phải, bèn thu xếp hành lý cho lão Vương mang về. Chị chia tay những người láng giềng, nói tạm đi dăm bữa nửa tháng sẽ về. Lúc ấy đang vào giữa thu, ra khỏi thành thì mây đen ùn ùn kéo tới, rồi trời mưa như trút, hai người đành phải theo con đường vào rừng trú mưa. Không ngờ lại đi nhầm đường. Đúng là:

Trâu dê đi vào nhà đồ tể

Bước bước nhích gần tới hiểm nguy.

Vào tới rừng, nghe thấy đằng xa có tiếng quát thét:

- Ta là Tĩnh Sơn Đô Vương! Các người hãy đứng lại mau, đưa ngay tiền mãi lộ cho ta.

Người vợ cả và lão Vương giật bắn mình, quay lại thấy một người xông tới. Người ấy đầu chít khăn đỏ, mình mặc áo chiến bào cũ, lưng thắt đai hồng, chân đi đôi ủng da đen, tay lăm lăm con dao, múa may bước tới. Lão Vương chết tiệt ấy lại nói:

- Mày là tên cướp đón đường. Tao sắp hết đời rồi, tao phải liều mạng với mày.

Thế rồi lão húc đầu vào hăn, hăn né người, húc quá mạnh, lão Vương ngã dập đầu xuống đất. Tên cướp nổi khùng:

- Thằng già này thật vô lễ!

Hăn xia luôn hai nhát dao, máu tươi vọt ra lênh láng, lão Vương đã chết, lại thấy tên cướp hung ác, người vợ cả khó mà thoát thân, bèn nghĩ ra một kế

đánh lừa. Chị ta vỗ tay nói:

- Giết giỏi lắm!

Tên cướp dùng tay trợn tròn mắt kinh ngạc, hỏi:

- Đây là người thế nào với người.

Người vợ cả giả vờ nói:

- Tôi thật là bất hạnh, chồng chết, bị người mối lừa dối dụ dỗ lấy một ông già, chỉ biết ăn mà không biết làm. Hôm nay được đại vương giết chết lão, coi như đã diệt trừ tai họa cho tôi.

Thấy người vợ cả thương tâm như thế, lại thấy cô xinh đẹp bèn hỏi:

- Cô có muốn theo ta làm phu nhân chủ trại không?

Chị nghĩ ngợi hồi lâu, không còn cách nào khác, nói:

- Thiếp xin tình nguyện hầu hạ đại vương.

Người ấy chuyển giận thành vui, cầm đao trượng, hất thi thể lão Vương xuống suối, rồi dẫn người vợ cả họ Lưu về trang trại. Đường tới trang trại ngoắt ngoéo, tới một ngôi nhà, người vợ cả thấy đại vương nhặt một hòn đất ném lên mái, bên trong có người ra mở cửa. Tới thảo đường, người ấy bảo bọn đàn em giết dê làm cỗ cưới họ Lưu. Hai người ấy đúng là:

Biết rõ không là bạn,

Việc gặp phải theo hầu.

Không ngờ, sau khi đại vương chiếm được người vợ cả họ Lưu, chưa đầy nửa năm cướp được mấy món to, trở nên giàu Có. Người vợ cả là người rất hiểu biết, sớm tối dùng lời hơn lẽ thiệt khuyên giải hẳn:

- Người xưa thường nói: "Ang sành gần giếng sẽ vỡ, tướng quân khó tránh khỏi cái chết khi xung trận". Số tiền có được thiếp và chàng cũng đủ dùng lúc cuối đời rồi, nếu cứ làm những việc không có lương tâm như thế này thì cuối cùng cuộc đời sẽ chịu những hậu quả xấu, ấy là chưa nói, "Nơi đây tuy tốt, nhưng không phải gia đình mà ta lưu luyến mãi". Thôi thì bỏ nghề làm người lương thiện, buôn bán nhí nhăng cũng đủ nuôi thân.

Quả nhiên đại vương hối cải, từ bỏ con đường trộm cướp. Họ vào thành mua một ngôi nhà, rồi mở cửa hàng tạp hóa. Gặp những ngày nhàn rỗi thường tới các chùa chiền niệm Phật ăn chay. Bỗng một hôm đang ngồi chơi, đại vương nói với người vợ cả:

- Ta tuy xuất thân từ cướp đường, song cũng biết được nỗi oan có đầu mối, nợ phải có chủ. Hằng ngày sống dựa vào dọa nạt người khác để cướp của. Về sau lấy được nàng, buôn bán luôn luôn xuôi chèo mát mái, nay bỏ đường cũ theo điều thiện. Ngồi nghĩ lại những ngày đã qua, ta thấy đã giết oan mất hai người, rồi lại làm liên lụy đến hai người và đã phải chết oan. Ta thấy lúc nào cũng canh cánh bên lòng, muốn làm việc công đức siêu sinh tịnh độ cho họ. Điều này ta chưa từng nói với nàng bao giờ.

- Giết oan hai người thế nào? Người vợ cả nói.

- Một là chồng của nàng. - Đại vương nói. - Trước đây cái ngày trong rừng ấy, ông ấy húc vào tôi, tôi đã giết ông ấy. Ông ấy lại là một người già cả, chẳng thù hằn gì ta, nay lại cướp vợ ông ấy, dù ông ấy chết cũng không chịu cam tâm.

- Nếu lúc ấy không thế thì thiếp sao được hầu hạ chàng. - Người vợ cả nói.

- Thôi chuyện cũ không nói nữa. - Rồi lại hỏi. - Giết người kia là ai?

- Về người ấy, nói ra thì trời sẽ không tha, lại làm liên lụy đến hai người phải đền mạng. Cách đây một năm, tôi thua bạc không còn một xu dính túi, đêm ấy tôi mò đi lấy trộm, không ngờ đi qua một nhà, thấy cửa không cài, đẩy cửa nhìn vào trong nhà không có ai, bèn lén vào, thấy có một người say rượu nằm ngủ trên giường, sau lưng có một đồng tiền, bèn rút lấy mấy quan. Đang định đi thì người ấy tỉnh dậy nói: "Đây là số tiền bố vợ cho ta làm vốn, mày lấy đi thì cả nhà ta chết đói," Thế rồi người ấy nhồm dậy đuổi tôi ra tận cửa, định tri hô. Tôi thấy nguy cấp, cầm ngay chiếc rìu bổ củi đang dưới chân quát: "Mày không chết thì tao cũng chết", rồi bổ liên hai nhát. Sau đó vào nhà lấy hết mười lăm quan tiền. Về sau nghe thấy cái chết của người ấy đã liên lụy đến người vợ lẽ của anh ta và một người con trai tên Thôi Ninh. Họ mắc tội oan là cướp của giết người. Cả hai đều chịu hình phạt của triều đình. Tôi tuy là một anh hùng nhất khoảnh, song đã giết chết oan hai mạng người này thì trời đất sẽ không dung tha, sớm muộn thì cũng phải siêu sinh tịnh độ cho họ, đó là một việc nên làm.

Người vợ cả nghe xong, âm thầm đau khổ. "Hóa ra chồng mình bị người này giết, Nhị Thưa và Thôi Ninh bị liên lụy đã phải gánh chịu hậu quả. Lẽ ra lúc ấy mình không nên bắt họ phải đền mạng, hai người dưới âm phủ chắc

sẽ không buông tha ta". Lúc ấy người vợ cả tỏ vẻ vui mừng và cũng không hề để cho Đại vương biết chuyện. Ngày hôm sau đại vương vắng nhà, người vợ cả bèn tới thẳng phủ Lâm An kêu oan.

Quan phủ doãn mới vừa nhậm chức được nửa tháng. Lúc đó ông đang làm việc tại công đường, bọn tay chân dẫn người vợ cả vào. Người vợ cả bước tới thềm òa lên khóc, khóc xong chị kể:

- Đại vương đã giết Lưu Quý chồng chị như thế nào, quan xử kiện không chịu suy xét kỹ, đã hàm hồ kết án cho xong chuyện, bắt Nhị Thư và Thôi Ninh đền mạng. Sau đó Đại vương giết lão Vương, cưỡng ép mình như thế nào. Nay thì lẽ trời đã sáng tỏ, chính Đại vương đã nói ra, cúi xin tướng công soi xét, minh oan cho những người đã chết. Nói xong chị khóc lóc thảm thiết. Phủ doãn thấy chị thật đáng thương, lập tức khép Đại vương vào tội tử hình, tâu bản án lên quan trên. Sau sáu mươi ngày, chiếu chỉ của vua ban xuống: "Xét thấy, Tĩnh Sơn đại vương là kẻ giết người cướp của, làm liên lụy, khiến ba người phải chết oan, tội phải chém đầu. Quan xử kiện quyết án bừa bãi, cách chức xuống làm dân thường. Thôi Ninh, Trần Thị chết oan uổng thật đáng thương, quan hữu trách phải tới gia đình an ủi họ; cân nhắc thi hành ưu đãi tiền tử tuất. Vương Thị bị bọn côn đồ bức lấy làm vợ, lại minh oan cho chồng, được chia một nửa gia tài của tên cướp để nuôi thân, một nửa gia tài còn lại nhập vào công quỹ". Hôm ấy người vợ cả họ Lưu tới pháp trường xem hành quyết Tĩnh Sơn đại vương, rồi lấy đầu hấn cúng chồng, Nhị Thư và Thôi Ninh, khóc than thảm thiết. Sau đó đem số tài sản được chia, cúng tiền vào am ni cô. Sớm chiều tụng kinh niệm Phật, cúng những oan hồn, hưởng thọ trăm tuổi mới qua đời. Có bài thơ làm chứng:

*Thiện ác bất phân, chỉ hại mình,
Nói đùa nên thường gặp tai ương.
Nói năng ta phải luôn thận trọng,
Tai họa xưa nay tại miệng người.*

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 4

Người Chế tác Ngọc quan âm

Thời Thiệu Hưng, ở hành cung tạm thời của vua có một người thuộc phủ Diên An, Diên Châu, Quan Tây. Ông làm Tam trấn Tiết độ sứ hàm An Quận vương. Lúc ấy đang là mùa xuân, tiết trời ấm áp, ngài cùng gia quyến đi chơi xuân, đến tối mới trên đường về nhà. Tới cửa Tiền Đường, xe kiệu gia quyến đi trước, đằng sau là kiệu của ngài. Nghe thấy cửa hàng bồi giầy có người nói: "Con ời ra đây mà xem Quận vương". Quận vương ngồi trong kiệu nhìn thấy, rồi ông bảo với Bang Tổng Ngu hầu(1):

- Lâu nay ta đã đi tìm người này, song nay lại thấy ở đây. Ta giao cho người, ngày mai đòi người này vào phủ.

(1) Ngu hầu: quan cận vệ.

Ngu hầu vâng lệnh tới tìm người ấy xem mặt. Đúng là:

Bụi theo xe ngựa không hề hết

Sớm muộn tình người cũng mất đi.

Ngu hầu từ trên xe bước xuống, thấy tấm biển trước cửa đề: "Nhà họ Cừ, chuyên bồi các bức thư họa cổ kim". Trong cửa hàng có một ông già và một cô gái. Thật là:

Mây tóc rung rinh tựa cánh chuồn

Mày ngài mờ ảo nét xuân sơn

Anh đào một trái môi tươi đỏ.

Răng ngọc hai hàng sáng ngời ngời.

Yếu điệu bước đi hoa sen nở.

Thỏ thẻ oanh vàng thánh thót ca.

Đó chính là người ra xem kiệu Quận vương. Ngu hầu bèn tới một quán trà đối diện với nhà ấy. Bà lão rót nước mời. Ngu hầu nói:

- Xin nhờ bà gọi giúp ông Cừ cửa hàng bồi giầy, tôi có chuyện muốn nói với ông ta.

Bà lão đưa ông Cừ tới. Cừ Đãi Chiếu hỏi:

- Ngài hỏi tôi có việc gì?
- Chẳng có việc gì cả, chỉ hỏi một chuyện vặt thôi. Người ông vừa gọi ra xem kiệu Quận vương có phải là con gái ruột ông không?
- Vâng đó chính là đứa con gái vụng về của tôi, - Cừ Đãi Chiếu nói, - nhà chỉ có ba người.
- Cô nhà bao nhiêu tuổi? - Ngu hầu hỏi.
- Mười tám tuổi.
- Cô nhà đã lấy chồng chưa, hay là ông cho cô ấy tới hầu hạ quan?
- Nhà lão nghèo túng, lấy tiền đâu mà gả chồng. Sau này cũng chỉ hiến cho phủ đệ.
- Cô nhà có sở trường gì không?

Cừ Đãi Chiếu nói qua về sở trường của con mình. Có bài từ *Nhãn Nhi Mị* làm chứng:

*Thâm khuê nhà nhỏ thánng ngày dài
Quần lượt áo là đạo gót chơi
Không được vận may do trời phú
Đành theo nghề kim chỉ thêu thùa
Cành nghiêng lá biếc hoa đua sắc
Chỉ hiềm không có được mùi thơm
Ong bám trong vườn bay chấp chới
Ngõ hoa tươi quẩn quít lượn vòng.*

- Cô rất giỏi thêu thùa.

Ngu hầu nói:

- Vừa rồi Quận vương ngồi trong kiệu nhìn thấy chiếc thắt lưng thêu trên người cô. Trong phủ đang cần một người giỏi thêu thùa, sao ông không hiến cho Quận vương?

Cừ Công trở về bàn với vợ, hôm sau viết lá đơn hiến con gái vào phủ, được Quận vương trả tiền. Cô gái được Quận vương đặt tên là Tú Tú Dưỡng Nương.

Một hôm triều đình ban cho Quận vương một chiếc áo chiến bào, ông sai Tú Tú thêu thêm một chiếc đống như thế. Quận vương xem xong rất vui,

nói:

- Chúa thưởng ban cho ta chiếc chiến bào, ta cũng phải tìm vật gì quý hiếm để dâng lên chúa thượng.

Thế rồi ông vào kho lấy ra một viên ngọc trong suốt, cho gọi những người thợ chế tác ngọc lại nói:

- Viên ngọc này nên làm gì?

Một người trong bọn họ nói:

- Nên làm một chiếc chén ngọc.

- Thật đáng tiếc, - Quận vương nói, - một viên ngọc như thế mà chỉ làm được một chiếc chén thôi ư?

- Viên ngọc này trên nhọn dưới tròn, - một người khác nói, - nên làm pho tượng Ma Hầu La Nhi.

- Ma Hầu La Nhi chỉ dùng để cầu may vào ngày mồng bảy tháng bảy thôi, - Quận vương nói, - còn thường ngày không dùng tới.

Một chàng trai trong số họ, tuổi trạc hai mươi lăm, tên là Thôi Ninh, người phủ Kiến Khang, Thăng Châu, chấp tay bước tới nói với Quận vương:

- Thưa Quận vương! Viên ngọc này trên nhọn dưới tròn, có thể chế tác được pho tượng Nam Hải Quan âm.

- Hay quá! Rất hợp ý ta. - Quận vương nói.

- Thế rồi ông giao cho Thôi Ninh tạc pho tượng ấy. Chưa đầy hai tháng đã chế tác xong pho tượng Quan âm ngọc. Quận vương lập tức dâng biểu tiến vua, vua rất mừng. Thôi Ninh được bản phủ cất nhắc thêm một cấp.

Vào một ngày mùa xuân, Thôi Ninh chơi xuân trở về, cùng với mấy người bạn vào quán rượu bên cửa Tiền Đường. Mới uống được vài chén thì thấy tiếng người ầm ĩ, vội mở cửa sổ nhìn thì thấy người kêu gào hỗn loạn: "Cầu Tỉnh Đình cháy!".

Thôi Ninh vội vàng bỏ rượu xuống lều, chỉ thấy ngọn lửa rần rật bốc cao, khói tuôn ngùn ngụt. Thấy thế Thôi Ninh vội nghĩ: "Cầu ngay trước mặt dinh quan phủ". Thế rồi anh chạy về phủ, tất cả đã dọn đi hết, bốn bề im ắng, chẳng thấy một bóng người. Thôi Ninh theo hành lang bên trái đi vào. Ánh lửa sáng rực như ban ngày. Đàng xa thấy một người phụ nữ hốt hải từ trong phủ đường đi ra, vừa đi vừa lăm bẫm, rồi đâm choàng vào người Thôi

Ninh. Thôi Ninh nhận ra đó là Tú Tú Dưỡng Nương, anh lùi lại, khẽ a lên một tiếng. Vốn là trước đây Quận vương từng hứa: "Chờ cho Tú Tú mãn hạn sẽ gả cho Thôi Ninh". Mọi người cũng nói vun vào: "Hai người rất đẹp đôi". Là người sống độc thân, nghe thấy mọi người nói thế, Thôi Ninh rất cảm động và cũng thích cô gái. Tú Tú thấy Thôi Ninh còn trẻ rất muốn cùng anh kết nghĩa trăm năm. Hôm ấy xảy ra hỏa hoạn, Tú Tú mang theo một gói vàng ngọc từ hành lang bên trái đi ra xô phải Thôi Ninh, bèn nói:

- Anh Thôi Ninh, em ra muện, những gái hầu trong phủ chạy tán loạn, không quản nổi. Nay chẳng còn cách nào khác, anh phải dẫn em đi trốn.

Thôi Ninh đưa Tú Tú ra khỏi phủ, men theo bờ sông đến một chiếc cầu đá, Tú Tú nói:

- Anh Thôi Ninh, chân em đau không đi được!

- Chỉ mấy bước nữa là tới nhà tôi, - Thôi Ninh nói. - Tới đó cô nghỉ chân cũng chẳng ngại gì.

Tới nhà, Tú Tú nói:

- Anh Thôi Ninh! em đói lắm, hãy mua cho em chút gì ăn đi, em hơi run, cho em uống chút rượu càng tốt.

Thôi Ninh mua rượu và thức ăn về, nhấp vài chén rượu, thật là:

Vài chén rượu Phần say ngây ngất

Hai má đào hoa ửng sắc hồng

Chẳng trách người ta nói “Xuân là chúa hoa, rượu là mối sắc”. Tú Tú nói:

- Trước đây khi trên lầu ngắm trăng, Quận vương đã hứa gả em cho anh, anh đã cảm ơn Quận vương. Anh còn nhớ không?

- Có - Thôi Ninh đáp.

- Bây giờ em chỉ trông chờ vào anh. Đêm nay sao chúng ta không trở thành vợ chồng, - Tú Tú nói, - Ý anh thế nào?

- Đâu dám thế! - Thôi Ninh nói.

- Nếu anh không dám, - Tú Tú nói, - thì em sẽ làm hại anh. Anh đã dẫn em đến nhà anh, ngày mai em sẽ báo với Quận vương.

- Nói thực với em, - Thôi Ninh nói, - lấy em thì anh không ngại, chỉ có điều không thể ở đây được. Nhân cơ hội nhốn nháo, chúng ta phải đi khỏi nơi đây ngay đêm nay mới được.

- Em đã là vợ anh thì em chỉ biết theo anh thôi, - Tú Tú nói.

Hai người đã thành vợ chồng. Đêm ấy vào lúc canh tư, họ mang theo vàng bạc và hành lí trốn đi. Đói ăn khát uống, ngày đi đêm nghỉ, vòng vèo tới Cù Châu. Thôi Ninh nói:

- Đây là đầu mối giao thông, đi theo đường nào hơn? Thôi thì ta đi về Tín Châu. Anh là thợ chế tác ngọc, Tín Châu có mấy người bạn thân, chắc rằng ở đây sẽ yên ổn.

Thế rồi họ tới Tín Châu. Ở được mấy ngày, Thôi Ninh lại nói:

- Tín Châu thường có người của Quận vương qua lại, nếu họ nói ra chúng ta ở đây, tất sẽ sai người tới bắt, chúng ta sống sẽ không yên ổn, chi bằng hãy rời khỏi Tín Châu đi chỗ khác.

Hai người lại bàn nhau tới Đàm Châu, hôm sau chưa đầy một ngày họ đã tới Đàm Châu. Thế là họ đã cách Quận vương khá xa. Họ mua một căn nhà ở thị trấn Đàm Châu, treo tấm biển, đề dòng chữ "Thôi Ninh chuyên nghề chế tác ngọc". Thôi Ninh nói với Tú Tú:

- Ở đây cách nơi ở của Quận vương hơn hai ngàn dặm, chắc rằng chúng ta sẽ vô sự, anh và em sẽ yên tâm sống lâu dài.

Đàm Châu cũng có những quan viên từ nơi khác đến, biết Thôi Ninh là thợ giữa ngọc hằng ngày vẫn đến làm thuê trong dinh Quận vương. Sợ bị phát hiện Thôi Ninh ngầm sai người thăm dò những việc xảy ra trong phủ Quận vương. Có người thường tới đó cho biết, đêm dinh Quận vương bốc cháy không tìm thấy một người hầu gái, Quận vương đã bỏ tiền ra thuê tìm mấy ngày mà vẫn không thấy, không biết bây giờ cô ấy ở đâu. Nghe nói Thôi Ninh dẫn cô ấy chạy tới Đàm Châu.

Ngày tháng trôi qua thế mà họ đã sống chung với nhau được hơn một năm. Một hôm, sáng ra vừa mở cửa, thấy có hai người ăn mặc giống như Ngu hầu tại phủ Quận vương, tới cửa hàng hỏi:

- Bản quan nghe nói Thôi Đãi Chiếu ở phủ Quận vương, xin mời tới giữa ngọc.

Thôi Ninh dẫn dò người nhà, rồi lên đường tới huyện Tương Đàm. Họ dẫn Thôi Ninh vào dinh gặp quan, rồi mang ngọc cho Thôi Ninh giữa. Trên

đường trở về, Thôi Ninh thấy một người đàn ông, đầu đội nón nan tre, mặc áo trắng, chân quần xà cạp xanh, đi giày vải gai, gánh một gánh nặng đi tới. Người ấy nhìn Thôi Ninh, song anh không hề biết người này. Thôi Ninh đi tiếp người ấy lại rảo bước theo anh. Đúng là:

Trẻ nhà ai khuá náo

Uyên ương sợ bay đi.

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 4 (B)

*Ngõ trúc trâu về hoa đua nở
Nhà cỏ rào thưa trăng sáng ngời
Chén lưu li nhấp ngậm rượu quê
Bên mâm ngọc ngắm hoa mai nở
Đường ảo não, vui lên cười ha hả
Ba ngàn dặm chẳng người tri kỉ
Mười vạn quân, treo ấn từ quan.*

Đây là bài từ *Giá cô thiên* do Lưu Lương Phủ, một danh tướng oai hùng Tần Châu, Quan Tây làm ra, khi ông theo Thuận Xương tham chiến trở về, nương thân tại huyện Tương Đàm, Đàm Châu, Hồ Nam. Ông là danh tướng không tham lam của cải, gia cảnh bần hàn, thường tới quán quê uống rượu. Người trong quán không biết Lưu Lương Phủ, hò reo ầm ĩ.

Lưu Lương Phủ nói:

- Ta coi thường hàng trăm vạn quân, nay bị người ta vu cáo.

Ông làm bài *Giá cô thiên* để truyền tới kinh đô. Lúc ấy Điện tiền Thái úy Dương Hòa Vương thấy bài từ này, rất thương ông, nói:

- Hóa ra là Lưu Lương Phủ sống cô đơn nghèo túng.

Rồi ông bảo quan đề hạt sai người đưa cho Lưu Lương Phủ một ít tiền. Nay thì Đông Nhân Quận vương thấy Lưu Lương Phủ nghèo túng như thế cũng sai người đưa tiền đến biếu ông.

Người ấy qua Đàm Châu, gặp Thôi Ninh đi trên đường, theo Thôi Ninh về nhà, lại thấy Tú Tú đang ngồi sau quầy hàng, chạm trán họ, ông ta nói:

- Anh Thôi! Đã lâu tôi không thấy, nay lại gặp anh ở đây, và cả cô Tú Tú nữa, tại sao cũng ở đây!? Quận vương sai tôi mang thư tới Đàm Châu, nay bỗng dưng gặp anh chị, hóa ra là Tú Tú đã lấy anh, thế cũng tốt!

Rồi người ấy lại dọa nạt Thôi Ninh và Tú Tú một hồi.

Người ấy vốn là tay chân, hầu hạ Quận vương từ nhỏ. Thấy anh ta là người thật thà Quận vương sai mang tiền đến cho Lưu Lương Phủ.

Người này tên là Quách Lập, thường gọi là Quách Bài Quân. Lúc ấy vợ chồng Thôi Ninh mời Quách Bài Quân ở lại, dọn cơm rượu thết đãi. Họ nói với ông ta rằng:

- Xin anh về phủ đừng nói cho Quận vương biết.
- Quận vương làm sao mà biết được anh chị ở đây, - Quách Bài Quân nói, - tôi cũng chẳng hơi đâu nói chuyện này làm gì.

Quách Bài Quân cảm ơn vợ chồng Thôi Ninh rồi ra khỏi Nhà. Về tới phủ, gặp Quận vương, đưa thư cho ông, rồi ngấp ngừng nhìn Quận vương, nói:

- Hôm kia con đưa thư về, qua Đàm Châu, thấy hai người đang ở đó.
- Ai? - Quận vương hỏi.
- Con thấy Tú Tú Dưỡng Nương và Thôi Đãi Chiếu. Họ mời con ăn cơm, và bảo con về phủ đừng nói cho Quận vương biết.

Thấy thế Quận vương nói:

- Hai đứa ấy làm như thế không thể tha thứ được! Tại sao chúng trốn mãi tới đó?
- Con cũng không biết rõ, - Quách Lập nói. - Con chỉ thấy họ ở đó, vẫn treo biển làm hàng.

Quận vương sai người báo cho phủ Lâm An, và lập tức sai người chuẩn bị phí tổn dẫn sai nha đến phủ Đàm Châu, Hồ Nam, mang lệnh bắt Thôi Ninh, Tú Tú. Quả là:

*Đại bàng vỗ chim nhận,
Mãnh hổ nuốt cừ non.*

Chưa đầy hai tháng họ bắt được hai người giải về phủ, báo cho Quận vương biết. Quận vương lập tức lên công đường.

Vốn là, khi Quận vương giết người, tay trái dùng một thanh long đao gọi là

"Tiểu thanh", tay phải dùng một thanh gọi là "Đại thanh", hai thanh long đao này không biết đã chém bao nhiêu người. Khi không dùng đến, hai thanh long đao này được cho vào bao treo trên tường. Quận vương lên công đường, quan lính dạ ran, lập tức áp giải hai người tới, quỳ trước công đường.

Hai thanh kiếm đang đặt trên giá ngà, Quận vương nổi nóng, tay trái cầm ngay "Tiểu thanh", tay phải rút "Đại thanh" ra, cầm lăm lăm trong tay, đôi mắt của kẻ giết người mở trừng trừng, răng nghiến ken két. Phu nhân của ông đứng trong bình phong sợ quá nói:

- Quận vương! Đây là nơi để đô, không phải là chốn biên thù. Nếu có tội thì giải về phủ Lâm An hành hình, chứ sao lại chém bừa ở đây.

Quận vương nghe xong, nói:

- Ta không thể tha thứ cho đứa súc sinh này trốn thoát một lần nữa. Nay đã bắt được, thì có gì ta lại không chém được. Phu nhân đã khuyên thì hãy đưa Tú Tú vào vườn hoa phía sau phủ đường thủ tiêu, giải Thôi Ninh tới phủ Lâm An chém đầu.

Sau đó Quận vương thưởng tiền, rượu cho những người đi bắt. Giải Thôi Ninh tới phủ Lâm An. Thôi Ninh khai hết từ đầu:

- Đêm hỏa hoạn, con tới phủ, tất cả đều đã chạy hết, chỉ thấy Tú Tú Dưỡng Nương từ hành lang đi ra, kéo tay con nói: "Sao anh không nhận em làm vợ? Nếu anh không nghe em thì em sẽ hại anh", đòi con cùng bỏ trốn. Bất đắc dĩ con đã trốn theo cô ấy. Đó là sự thực.

Lâm An phủ trình hồ sơ lên Quận vương. Quận vương là người cương trực, nói:

- Đã như thế thì xử nhẹ tội, tha cho Thôi Ninh. Anh ta không phải là kẻ chủ mưu trốn chạy, đánh cho mấy gậy rồi đuổi tới phủ Kiến Khang cư trú.

Sai nha giải Thôi Ninh đi. Vừa ra khỏi cửa Bắc, đến Nga Đỉnh Đầu thấy một chiếc kiệu có hai người khiêng, từ đằng sau gọi với lại:

- Thôi Đãi Chiêu, hãy đứng lại!

Thôi Ninh nghe như tiếng Tú Tú đuổi theo mình, bối rối không biết làm thế

nào. Thôi Ninh như một con chim đã từng bị bắn không dám nhiều sợ, cứ cúi đầu lặng lẽ bước. Thấy người đằng sau đuổi tới, kiệu dừng, một người đàn bà từ trong kiệu bước ra, không phải ai khác đó chính là Tú Tú. Cô nói:

- Thôi Đãi Chiếu! Nếu anh tới phủ Kiến Khang thì em tính sao đây?

- Vậy thì như thế nào bây giờ? - Thôi Đãi Chiếu nói.

- Khi anh bị giải đi Lâm An phán xét, Quận vương bắt em ra vườn hoa phía sau, đánh em ba mươi gậy rồi đuổi em đi. Biết anh tới phủ Kiến Khang nên đã đuổi theo anh.

- Thế thì tốt quá! - Thôi Ninh đáp.

Thế là họ thuê thuyền tới phủ Kiến Khang. Người áp giải tự trở về. Nếu như người áp giải bép xép thì lại sinh chuyện. Vì Quận vương vốn là người tính nóng như lửa, sẽ cho người bắt họ ngay chứ không để họ thoát. Nhưng anh ta không phải là người trong phủ, nên không để ý đến chuyện đó, hơn nữa, dọc đường Thôi Ninh đã đối xử với anh ta rất tốt. Cảm ơn lòng tốt của Thôi Ninh, nên khi trở về, anh ta chỉ nói những điều tốt đẹp về Thôi Ninh, còn những chuyện khác anh ta không hề nói.

Thôi Ninh và Tú Tú đến sống tại phủ Kiến Khang, vì đã xét xử nên không sợ người khác biết được, họ vẫn mở cửa hàng chế tác ngọc như trước. Người vợ nói:

- Hai vợ chồng ta sống ở đây như thế này là tốt rồi, chỉ có điều từ khi em trốn đến Đàm Châu tới nay, cha mẹ em phải chịu vất vả khổ sở. Khi bắt em vào phủ, cha mẹ em sống dở chết dở. Nay anh hãy cho người tới phủ thành đón cha mẹ về ở với chúng ta.

- Thế thì tốt quá! - Thôi Ninh nói.

Sau đó họ viết địa chỉ, sai người đón bố mẹ vợ về. Người ấy đến Lâm An, tìm tới nơi ở của cha mẹ, hỏi những người láng giềng, họ nói rằng:

- Đây là nhà của ông bà ấy.

Người ấy vào nhà, thấy cửa khóa, bèn hỏi người láng giềng:

- Ông có biết, ông bà ấy đi đâu không?

- Ông bà ấy được một người con gái, đã hiến cho một người có thế lực lớn.

Người con gái ấy không biết sống lại bỏ trốn theo một người thợ giữa ngọc. Gần đây bị bắt ở Hồ Nam giải về bị đưa tới phủ Lâm An xét xử. Người con gái ấy bị Quận vương đưa ra vườn hoa sau phủ đường. Ông bà già thấy con gái bị bắt, họ sống dở chết dở, đã lâu bật vô âm tín, cứ đóng cửa im ỉm như thế.

Người ấy thấy thế lại trở về Kiến Khang, song vẫn chưa tới nhà.

Thôi Ninh đang ngồi trong nhà, thấy bên ngoài có người hỏi: "ông tìm nhà Thôi Đãi Chiếu ư? Nhà anh ấy đây". Thôi Ninh gọi vợ ra xem, thì không phải ai khác, đó chính là ông bà Cừ. Họ nhìn nhau sung sướng mừng vui. Hôm sau người đi tìm ông bà Cừ mới về, nói là tìm không thấy, thật là uổng công. Nhưng ông bà ấy đã đến đây rồi. Ông bà Cừ nói:

- Thật không ngờ con lại ở đây. Ta không biết con sống ở Kiến Khang, đã đi tìm khắp nơi rồi tới đây.

Rồi họ cùng sống với nhau trong một mái nhà.

Một hôm, quan lại trong triều đình tới cung điện thưởng ngoạn những đồ mỹ nghệ bằng ngọc, họ đều cầm pho tượng ngọc Quan âm lên xem. Trên pho tượng có một chiếc chuông ngọc nhỏ, nhưng lỡ tay rơi vỡ. Vua hỏi các quan cận thần:

- Các khanh, làm thế nào để sửa lại pho tượng này?

Các quan Viên cầm pho tượng xem đi xem lại. Một người nói:

- Pho tượng Quan âm rất đẹp, rơi mất chiếc chuông, vẻ đẹp của pho tượng giảm đi rất nhiều!

Xem dưới đế pho tượng, lại thấy khắc ba chữ "Thôi Ninh tạo" người ấy nói:

- Dễ thôi. Đã có người chế tác, thì cứ việc gọi người ấy tới, bảo họ sửa lại. Triều đình lệnh xuống phủ Quận vương, đòi người thợ chế tác ngọc Thôi Ninh tới. Quận vương tâu rằng:

"Thôi Ninh phạm tội, đang cư trú tại phủ Kiến An". Lập tức triều đình sai người tới Kiến An đòi Thôi Ninh về khu hành tại ở. Lệnh cho Thôi Ninh vào gặp vua, vua giao cho pho tượng ngọc Quan âm cho Thôi Ninh sửa lại. Thôi Ninh tạ ơn, rồi tìm một viên ngọc như thế chế tác một chiếc chuông

nhỏ ghép vào, rồi dâng lên vua. Vua phá thông lệ nuôi dưỡng Thôi Ninh, lệnh cho cư trú tại khu hành tại. Thôi Ninh nghĩ: "Nay ta được gặp vua, chẳng thua kém ai, có thể trở lại Thanh Hồ Hà tìm một ngôi nhà mở hiệu chế tác ngọc, cũng chẳng sợ chạm trán với họ nữa". Song vừa mở cửa hàng được ba ngày, thì một người đàn ông tới, đó chính là Quách Bài Quân. Thấy Thôi Đãi Chiếu bèn nói:

- Anh Thôi Đãi Chiếu, xin chúc mừng anh, anh lại về đây ở rồi.

Quách Bài Quân ngẩng đầu lên, nhìn thấy vợ Thôi Đãi Chiếu đang đứng sau quầy hàng. Quách Bài Quân giật mình bỏ đi ngay. Tú Tú nói với chồng:

- Anh gọi Quách Bài Quân lại để em hỏi một chút.

Thôi Đãi Chiếu đuổi theo Quách Bài Quân gọi lại. Quách Bài Quân cứ lắc đầu xoay xoay, miệng lẩm bẩm nói một mình "Quái lạ! Thật quái lạ!" không sao khác được, Quách Bài Quân bèn cùng với Thôi Ninh trở lại. Vợ Thôi Ninh ra chào, hỏi:

- Quách Bài Quân! Lần trước tôi có lòng mời anh ở lại xơi rượu anh lại về nói với Quận vương làm hại chúng tôi. Nay lại được bái kiến vua, không sợ anh nói nữa.

Quách Bài Quân bị Tú Tú hỏi cứng họng không sao nói được chỉ nói "tôi xin lỗi", rồi từ biệt. Về tới phủ, Quách Bài Quân nói với Quận vương:

- Có ma!

- Người nói gì? - Quận vương nói.

- Thưa Quận vương, có ma! - Quách Bài Quân nói.

- Ma nào? - Quận vương hỏi.

- Vừa rồi con đi qua Thanh Hồ Hà, - Quách Bài Quân nói, - thấy Thôi Ninh mở cửa hàng chế tác ngọc, song lại thấy một người đàn bà đứng trong quầy hàng, người ấy là Tú Tú Dưỡng Nương.

- Nói bậy! - Quận vương nôn nóng nói, - Tú Tú đã bị ta giết chôn ở vườn hoa phía sau, tại sao người lại thấy ở đó? Người không đùa ta đấy chứ?

- Thưa Quận vương, - Quách Bài Quân nói, - con đâu dám nói đùa. Vừa rồi cô ta đã gọi con tới trách cứ. Nếu Quận vương không tin cứ cho người đi bắt.

- Nếu quả nó ở đấy thì người mang lệnh đi bắt.

Quách Bài Quân cũng là thân tội. Quả nhiên Quận vương viết lệnh, gọi hai người phu khiêng một chiếc kiệu đi bắt người con gái ấy về. Quận vương nói:

- Nếu đúng nó ở đó thì đem về chém đầu, nếu nó không ở đó thì Quách Lập bị chém thay.

Quách Lập cùng hai người phu khiêng kiệu đến bắt Tú Tú.

Quách Lập người Quan Tây, tính vốn thật thà, song không biết lệnh quân bắt người bừa như thế. Ba người tới nhà Thôi Ninh, vẫn thấy Tú Tú ngồi sau quầy hàng. Quách Bài Quân nói:

- Tú Tú, lệnh của Quận vương tới bắt cô.

- Đã thế thì các anh chờ một chút. - Tú Tú nói. - Để tôi chải đầu rửa mặt đã. Rồi cô vào nhà trong chải đầu, thay quần áo, xong bước ra dạo dò chông, lên kiệu vào phủ đường. Hai người phu khiêng kiệu tới phủ, Quách Lập vào trước, Quận vương đã đang chờ tại sảnh đường. Quách Lập nói:

- Chúng con đã bắt Tú Tú Đường Nương tới.

- Đưa nó vào đây. - Quận vương nói.

Quách Lập trở ra nói:

- Tú Tú! Quận vương đòi cô vào.

Mở rèm kiệu ra xem, thì như một thùng nước lạnh dội vào người, Quách Lập cứ há hốc mồm ra. Không thấy Tú Tú ngồi trong kiệu nữa. Hỏi hai người phu khiêng kiệu, họ nói:

- Tôi không biết, chỉ thấy cô ấy lên kiệu, rồi khiêng về đây không thấy cô ấy ra khỏi kiệu.

Quách Lập vào bẩm:

- Thưa Quận Tương, như thế thì đúng là ma rồi?

- Ta không thể chịu nổi! - Quận vương nói. - Chờ ta viết lệnh chém đầu Quách Lập.

Trước hết ông rút thanh "Tiểu thanh" ra. Xưa nay Quách Lập hầu hạ Quận vương, cũng đã mấy lần được thăng quan, có lẽ Quách Lập là người què mùa, chỉ cho làm bài quân thôi.

Quách Lập cuống lên, nói:

- Hiện có hai kiệu phu chứng kiến, xin ngài cứ hỏi họ.

Lập tức Quận vương gọi hai người phu khiêng kiệu tới, họ nói:

- Chúng con thấy cô ấy lên kiệu, khiêng tới đây thì không thấy nữa.

Họ nói giống nhau, Quận vương nghĩ hẳn là ma rồi. Phải gọi Thôi Ninh tới hỏi. Thế rồi sai người gọi Thôi Ninh tới phủ đường. Thôi Ninh kể lại từ đầu.

Quận vương nói:

- Như thế thì chẳng có liên can gì tới Thôi Ninh, bèn tha cho anh.

Thôi Ninh bái tạ ra về. Quận Tương lôi ngay Quách Bài Quân vạt năm mươi gậy.

Thôi Ninh nghe thấy vợ mình là ma, trở về hỏi bố mẹ vợ.

Hai người đi ra cửa, rồi cứ dăm dăm nhìn nhau, nhìn dòng sông Thanh Hồ, rồi nhảy ùm xuống đó. Người ta kêu ầm lên, nhảy xuống cứu, song không thấy thi thể đâu. Vốn là khi giết Tú Tú, ông bà già này nghe thấy đã nhảy xuống sông chết rồi. Nên hai người này cũng là ma.

Thôi Ninh như người mất hồn, bước vào nhà, thấy vợ đang ngồi trên giường. Thôi Ninh nói:

- Tú Tú, hãy tha thứ cho tôi.

- Em vì anh mà bị Quận vương đánh chết, chôn ở vườn hoa phía sau. Chỉ giận Quách Lập lắm mồm, nay em đã trả thù rồi Quận vương cũng đã đánh anh ta năm mươi gậy. Nay ai cũng biết em là ma, không thể ở lại được nữa.

Nói xong Tú Tú ôm lấy Thôi Ninh, kêu lên một tiếng, rồi ngã vật ra. Láng giềng đổ xô tới xem thì thấy đã hoàn toàn tắt thở. Thôi Ninh cũng bị lôi đi trở thành ma. Người đời sau bàn rằng:

Hàm An Vương tính nóng không kìm nổi.

Quách Bài Quân chẳng giữ được miệng mình.

Tú Dương Nương không rời bỏ người thân.

Thôi Đãi Chiêu thoát sao vòng oan nghiệt.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 5

Bồ Tát Man(1)

(1) Bồ Tát Man: tên một điệu từ khúc.

*Xưa nay trước gió đèn phải tắt,
Danh lợi đôi đường chẳng dựa nhau.
Chỉ sợ làm sư mà không được,
Bởi vì sư cũng có hồ mang.*

Năm Thiệu Hưng thời Tống Cao Tông, huyện Lạc Thanh, phủ ôn Châu, có một vị tú tài tên là Trần Nghĩa, tự Khả Thường, trạc hai mươi bốn tuổi. Dáng người khôi ngô tuấn tú lại thông minh, lâu thông kinh sử. Thời Thiệu Hưng, ba lần đi thi thì cả ba lần đều trượt. Trần Nghĩa tới cửa hàng xem tướng ở Chúng An Kiều, phủ Lâm An xem số mệnh của mình. Thầy tướng nói:

- Cung mệnh có sao Hoa Cái, mà không có sao Quan, số phải xuất gia.

Thời còn nhỏ Trần Nghĩa từng nghe mẹ kể, khi bà sinh ra mình, bà nằm mơ thấy một vị La Hán đầu thai. Nay đường công danh trắc trở, lại nghe thấy thầy tướng nói thế, phần chí, trở về nhà trọ nghỉ một đêm, sáng dậy trả tiền, thuê người gánh hành lý tới chùa Linh ân xin với Ân Thiệt Ngưu xuất gia tu hành. Vị sư già này lâu thông kinh kệ, có mười đồ đệ hiệu là Ất, Giáp, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý, tất cả đều rất thông minh. Trần Khả Thường được Thượng Tọa xếp thứ hai.

Năm Thiệu Hưng thứ mười, cậu của hoàng đế là Ngô Thất Quận vương, vào ngày mồng bốn tháng năm, trong phủ gói bánh chưng, Quận vương

lệnh cho Đô quân:

- Ngày mai tới chùa Linh Ẩn đãi chay, các nhà sư hãy chuẩn bị thật chu đáo. - Đến sáng hôm sau, cơm nước xong, Quận vương xem qua đồ ăn, rồi lên kiệu. Dẫn theo Đô quân, Can biện, Ngụ hầu, Áp phiên tới Tiền Đường Môn, qua Thạch Hàm Kiều, Đại Phật Đầu, tới chùa Linh ẩn, Sơn Tây. Trước hết đưa giấy báo cho nhà chùa biết, sư cụ dẫn các nhà sư đánh chuông trống đón Quận vương vào chính tẩm dâng hương. Sau đó mời Quận Tương về phòng khách. Sư cụ đưa các sư tới chào và tiếp trà, xếp hàng đứng hai bên. Quận vương nói:

- Hằng năm vào ngày mồng năm tháng năm, ta thường cho mang bánh chưng tới chùa thết chay các nhà sư. Hôm nay ta tới chùa bố thí theo thường lệ.

Nhà chùa đưa lên cúng Phật một mâm bánh chưng to. Các nhà sư đều trở về các phòng. Quận vương dạo chơi ngoài hành lang, thấy trên tường có bốn câu thơ

Nước Tề từng có Mạnh Thường Quân

Nước Tấn, Chấn Ác thật kiên cường.

Chỉ có riêng ta là vận hẩm

Muốn tới thầy, bói quẻ xem sao.

Thấy bài thơ Quận vương nghĩ, "Bài thơ này có ý oán hận, không biết ai đã làm". Trở về phòng khách, sư cụ trụ trì bày yến khoản đãi. Quận vương hỏi sư cụ:

- Trong nhà của sư cụ có ai giỏi làm thơ không?

- Cảm ơn Quận vương, - sư cụ đáp - bản tự, sư khá đông, cả thầy có mười đồ đệ, đó là Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý, đều biết làm thơ.

- Hãy gọi họ tới đây cho ta. - Quận vương nói.

- Đa tạ Quận vương. - Cụ sư trụ trì nói. - Hôm nay chỉ có hai người ở chùa, còn tám người kia đều xuống các làng khuyên giáo.

Giáp và Ất đến gặp Quận vương. Quận vương bảo Giáp:

- Người hãy làm một bài thơ xem sao.

Giáp xin Quận vương ra đề. Quận vương ra đề là bánh chưng. Giáp đọc:

Bốn góc vuông vuông mình lạt buộc,

Lục ục trong nồi đảo mấy vòng.

Nếu như được gặp Đường Tam Tạng,

Xem ra người cũng phải lột trần.

Quận vương nghe xong cười phá lên:

- Hay, hay lắm, song vẫn thiếu màu sắc văn chương.

Sau đó ngài bảo Ất làm một bài. Ất xin đề, ngài vẫn ra đề bánh chưng. Ất đọc:

Bánh thơm Đoan Ngọ tế Khuất Nguyên

Trai tăng nay được kết lương duyên.

Cả chùa được hưởng chảnh có biết,

Ai người từng vất vả đầu tiên.

Quận vương rất vui nói:

- Hay, rất hay.

Rồi hỏi Ất:

- Bài thơ viết trên tường có phải người làm không?

- Đa tạ Quận vương, chính con làm ạ!

- Người đã là bài thơ ấy, thì người hãy giải thích ta nghe.

- Nước Tề có Mạnh Thường Quân, sinh vào ngày mồng năm tháng Năm. -

Ất nói. - Đã nuôi ba ngàn thực khách. Nước Tần có đại tướng Vương Trần Ấc, ông ấy cũng sinh vào ngày mồng năm tháng Năm, song lại nghèo khổ cùng cực, bởi thế con làm bốn câu than vãn.

- Người quê ở đâu?- Quận vương hỏi.

- Con là người huyện Lạc Thanh, phủ Ôn Châu, - Ất nói, - tên là Trần Nghĩa, tự Khả Thường.

Quận vương thấy Ất tài năng xuất chúng, đối đáp lưu loát trôi chảy, bèn cất nhắc Ất. ông sai ngay người giúp việc tới Tăng Lục typhủ Lâm An xin một

tờ chứng nhận sư, rồi làm lễ cắt tóc Ất làm sư, lấy pháp danh là Khả Thường, trụ trì trong phủ Quận vương. Tối chiều Quận vương mới trở về. Thời gian thấm thoát thoi đưa, mới thoáng qua mà đã một năm. Tới ngày mồng năm tháng Năm, Quận vương lại tới chùa Linh Ẩn đãi chay các nhà sư. Sư cụ trụ trì dẫn Khả Thường và các nhà sư vào tiếp Quận vương tại phòng khách, và dọn cỗ chay khoản đãi. Quận vương gọi Khả Thường tới bảo:

- Người hãy làm một bài từ nói về bản thân mình. Khả Thường cảm ơn Quận vương rồi đọc một bài từ theo điệu *Bồ*

Tát Man:

Đương triều đời ta không gặp vận,

Tới nay ta đã được đền bù.

Năm nay Đoan Ngọ tới,

Ngày trai tăng đợi chờ.

Chủ nhân ân nghĩa trọng.

Hai lần chịu ơn sâu.

Thanh tịnh làm tăng lữ,

Sống nhàn nhã thành thời.

Quận vương rất vui mừng, tiệc tan trở về phủ đường, đem theo Khả Thường về yết kiến Lưỡng Quốc phu nhân. Ông nói:

- Hòa thượng này người ôn Châu, tên là Trần Nghĩa, ba lần thi không đậu, bởi thế thoát tục đi tu tại chùa Linh Ẩn. Ta thấy anh ta làm thơ hay, bèn làm lễ cắt tóc phong sư đã được một năm, pháp danh là Khả Thường, nay ta đưa về phủ bá kiến phu nhân.

Thấy thế phu nhân rất vui. Lại thấy Khả Thường thông minh thật thà chất phác, người trong cả phủ đều vui mừng.

Quận vương và phu nhân bóc bánh chưng mời Khả Thường, rồi bảo Khả Thường làm bài từ về bánh chưng, vẫn là điệu "Bồ Tát Man". Khả Thường cảm ơn, rồi xin giấy bút viết:

Ở giữa nếp thơm vuông bốn góc

Dao cắt, tơ màu sao mà sắc,

Rượu xương bồ tràn chén.

Nhân dịp Đoan Ngọ hàng năm,

Chu nhân ân nghĩa trọng

Ta mang nặng ơn người.

Bao giờ lên chơi núi,

Hoa quỳ lác đác phai.

Quận vương thấy thế rất vui, cho gọi Tân Hà Thư, hát bài từ của Khả Thường. Tân Hà Thư có đôi mắt thanh tú, da trắng nõn nà, đôi môi đỏ thắm, dáng vẻ khoan thai uyển chuyển. Tay cầm phách ngà, đứng trước bàn tiệc, tiếng hát du dương thánh thót ai ai cũng hết lời khen ngợi. Quận vương lại bảo Khả Thường làm một bài từ về Tân Hà Thư, vẫn theo điệu *Bồ Tát Man*. Khả Thường cầm bút viết:

Dáng người thon thả.

Lời ca dứt, vẫn còn vương vấn

Tiếng trong trẻo lạ kì, vẫn còn lớn vồn bụi trần bay.

Nhờ ơn chủ, trong bữa tiệc được gặp khách hồng quần

Chỉ tiếc vừa thoáng cái đã phải chia tay.

Quận vương vô cùng thích thú. Tối tối tiệc mới tan, Khả Thường trở về chùa.

Tối ngày mồng năm tháng Năm năm sau, Quận vương lại tới chùa Linh Ẩn thết cơm chay, không ngờ trời đổ mưa như trút Quận vương không đi được bảo Viện Công:

- Người hãy đi mời cơm chay các nhà sư, rồi đưa Khả Thường cùng về phủ chơi.

Viện Công vâng lệnh tới chùa Linh Ẩn, nói với sư cụ trụ trì, Quận vương dặn mời Khả Thường về phủ. Sư trụ trì nói:

- Gần đây Khả Thường mắc bệnh tim, không ra khỏi trai phòng. Tôi cùng ông tới thăm Khả Thường một chút.

Viện Công cùng sư cụ trụ trì tới phòng Khả Thường. Khả Thường nằm trên giường nói với Viện Công:

- Xin cảm ơn Quận vương, tôi bị bệnh tim, không đi được, tôi có một bức thiệp nhờ ông trình lên Quận vương giúp cho.

Viện Công nhận lời, mang tờ thiệp về phủ. Quận vương hỏi:

- Tại sao Khả Thường không tới?

- Thừa Quận vương, Khả Thường gần đây đau tim, không tới được. Nhờ con dâng lên ngài một phong thư, chính tay Khả Thường bỏ vào phong bì rồi dán lại.

Quận vương mở phong thư ra xem, thấy một bài từ theo điệu *Bồ Tát Man*.

Năm ngoái được thưởng rượu xương bồ

Năm nay tại trai phòng năm co.

Việc đời sao rắc rối,

Khiến người phải bó tay.

Xin cảm ơn người.

Tim con đau nhói,

Nếu gặp Tân Hà,

Chắc rằng bệnh khỏi.

Quận vương lập tức cho gọi Tân Hà hát bài từ này. Bà quản gia thưa:

- Bẩm Quận vương, gần đây Tân Hà mi mắt sụp xuống, mắt lơ đờ, ngực nở bụng to, không đi lại được.

Quận Vương dùng dùng nổi giận, sai người đưa Tân Hà tới Ngũ phu nhân xét hỏi. Tân Hà khai:

- Con gian dâm với Khả Thường nên đã có mang.

Ngũ phu nhân tâu trình lên Quận vương. Quận vương dùng dùng nổi giận:

- Trách nào trong bài từ của tên đầu trọc ấy có câu: "Được gặp Tân Hà chắc rằng khỏi bệnh". Nó không phải mắc bệnh tim mà là ốm tương tư! Nay nó xấu hổ không dám tới phủ.

Quận vương liền sai người nói với phủ Lâm An, cho người tới chùa Linh Ẩn, bắt sư Khả Thường. Sư cù trụ trì đành phải dọn cơm rượu và đưa cho sai nha ít tiền. Người ta thường nói: "Phép quan như lò lửa", ai dám dung tha. Khả Thường thoát thác không được đành phải gắng gượng dậy, theo sai nha về phủ Lâm An. Quan phủ lên công đường xét hỏi.

Nha lệ đứng hai hàng,

Khả Thường run cầm cập.

Diêm vương phán tử hình,

Đông Nhạc toát mồ hôi.

Quan hỏi:

- Người xuất gia tu hành, Quận vương đã ưu đãi người như thế tại sao lại làm điều vô đạo đức. Hãy khai mau.

- Hoàn toàn không có chuyện ấy. - Khả Thường nói.

Phủ Doãn không nghe lời phân trần của Khả Thường, quát:

- Hãy đánh chết nó đi!

Sai nha lôi Khả Thường đánh, đến nỗi rách da toạc thịt, máu tươi chảy lênh láng. Khả Thường nói:

- Quả thật con không gian dâm với Tân Hà, bất chợt con chỉ có ý nghĩ xấu thôi, thực tình là như thế.

Xét hỏi, tra khảo, thì Tân Hà vẫn khai như trước. Phủ Lâm An tâu trình lời khai của hai người lên Quận vương. Quận vương vốn định giết Khả Thường, song vì có tài năng văn chương không nỡ ra tay, bèn giam Khả Thường vào ngục.

Thượng tọa trụ trì chùa nghi: "Khả Thường là một hòa thượng có đức hạnh, hằng ngày không ra khỏi chùa, chỉ tụng kinh niệm Phật tại chùa. Ngay hôm được Quận vương mời tới dinh nửa ngày, chưa tối đã về, không nghỉ tại phủ đường, thì gian dâm làm sao được?". Ông thấy hết sức băn khoăn, vội vàng vào thành, tới chùa Truyền Pháp, mời vị sư cụ trụ trì Cảo Đại Huệ cùng tới phủ xin tha cho Khả Thường. Quận vương ra nhà khách mời hai vị dùng trà. Quận vương nói:

- Khả Thường vô lễ! Hằng ngày ta đối xử như thế mà anh ta dám làm điều bất lương.

Hai vị Thượng tọa quỳ xuống van nài:

- Tội của Khả Thường chúng tôi không dám biện bạch, chỉ cầu mong Quận vương rủ lòng thương, tha thứ cho Khả Thường.

Quận vương xin hai vị Thượng tọa trở về chùa. Ngày mai sẽ lệnh cho phủ Lâm An xử lý nhẹ việc này.

Thượng tọa chùa Linh ẩn nói:

- Cảm ơn Quận vương. Việc ấy lâu rồi sẽ sáng tỏ.

Quận vương thấy nhà sư trụ trì chùa Linh ẩn nói thế không vui đi vào nhà trong không ra nữa. Thấy Quận vương không ra, hai vị Thượng tọa bèn ra

khỏi phủ đường. Hòa thượng Cảo Đại Huệ nói:

- Chắc rằng Quận vương giận vì cụ nói "lâu rồi sẽ sáng tỏ" nên không ra nữa.

- Khả Thường là người có đức hạnh, thường ngày không làm việc gì sai trái, không ra khỏi chùa, suốt ngày chỉ ngồi tụng kinh trước Phật đài. Ngay cả hôm Quận vương mời tới phủ đường thì nửa ngày đã về, chẳng ngủ qua đêm ở đâu thì gian dân vào lúc nào. Nhất định Khả Thường bị oan cho nên tôi nói "lâu rồi sẽ sáng tỏ".

- Nghèo không chọi nổi giàu, hèn không địch được sang, nhà sư làm sao có thể tranh luận phải trái với Quận vương. Âu đây cũng là nỗi oan nghiệp kiếp trước, và lại Khả Thường được xử lí nhẹ là được rồi.

Nói xong hai người trở về chùa.

Hôm sau Quận vương sức giấy tới phủ Lâm An, xử lí nhẹ đối với Khả Thường và Tân Hà. Quan phủ doãn thưa với Quận vương: "Chờ khi nào Tân Hà đẻ sẽ xử lí". Quận vương lệnh phải xử lí ngay. Quan phủ đành phải thu hồi giấy công nhận sư, đánh một trăm trượng rồi tha về chùa Linh Ẩn, đuổi về nhà lao động. Đánh Tân Hà tám mươi gậy đuổi về nhà tại huyện Tiền Đường, truy hoàn một ngàn quan tiền về Vương phủ.

Hòa thượng đón Khả Thường về chùa, hầu hết các nhà sư đều khuyên Hòa thượng không nên cho Khả Thường ở chùa, như thế sẽ làm ô uế thanh danh cửa Phật. Hòa thượng nói với các sư rằng:

- Việc này ta vẫn bản khoãn, nhưng lâu rồi sẽ rõ.

Hòa thượng sai người làm sau chùa một gian lều cỏ cho Khả Thường nghỉ ở đó, tới khi nào lành hẳn vết thương sẽ cho về quê hương.

Quận vương đuổi Tân Hà về nhà, truy hoàn một ngàn quan tiền. Cha mẹ Tân Hà nói với con:

- Ta không có tiền, con tích góp được ít vốn nào thì đem trả Vương phủ.

- Thật đáng tiếc con đã làm cho hòa thượng Khả Thường chịu oan khuất! Con đã tư thông với Đô quản, thấy con có mang, ông ta sợ sự việc vỡ lở, nói rằng: "Trước mặt Quận vương cứ khai là đã gian dân với hòa thượng Khả Thường. Quận vương yêu quý Khả Thường, nhất định sẽ tha cho em. Ta sẽ cung đốn nuôi dưỡng cả nhà, và cho tiền chi tiêu". Đô Quản đã hứa

như thế thì cha cứ đến hỏi ông ta, đòi tiền tiêu dùng và lấy tiền trả Vương phủ. Con đã bị ông ta lừa, trước ông ta nói thế thì bây giờ chối sao được. Nếu như ông ta lừa dối trở mặt, thì cũng chẳng làm gì được con, bố mẹ cứ đưa con tới Vương phủ, con sẽ khai thực với Quận vương, thì có thể xóa tội cho hòa thượng Khả Thường. - Nghe con gái nói thế, cha mẹ tới phủ Quận vương, nói với Đô quản. Đô quản cuống lên chửi:

- Đồ đê tiện! Đã già mà còn ngu! Không biết thế nào là liêm sỉ. Con gái người gian dân với hòa thượng, quan đã xét xử rồi thế mà còn lừa dối, đổ cho người khác. Người thiếu tiền trả cho con, không sao được lại ranh mãnh đổ cho ta để gỡ thế bí, giá mà xin ta thương tình cho người một vài quan tiền thì còn nghe được. Đằng này người lại nói những điều vô căn cứ, người ta nghe thấy thì ta trở thành mặt mo à!

Đô quản mắng chửi một thôi một hồi rồi bỏ đi, lão Trương đành ngậm đắng nuốt cay về nói với con gái. Tân Hà thấy cha nói thế, hai hàng nước mắt chảy ròng ròng, nói:

- Cha mẹ cứ yên tâm, ngày mai con sẽ cho hắn biết tay.

Hôm sau, Tân Hà cùng với bố mẹ tới phủ Quận vương kêu oan. Quận vương lập tức sai người gọi vào, thì đó lại là cha mẹ của Tân Hà. Quận vương quát mắng:

- Con gái người phạm trọng tội, tại sao còn đến kêu oan!

- Thưa Quận vương, - lão Trương nói, - con gái con vô phúc, gây ra việc này, khiến cho một người bị mắc oan, cầu mong ngài xét xử.

- Ai bị oan? - Quận vương hỏi.

- Con không biết, xin ngài hỏi con gái con sẽ rõ.

- Con hèn hạ ấy đâu?

- Thưa ngài nó đang đang hầu ngoài cửa.

Quận vương gọi vào hỏi rõ ngọn ngành. Tân Hà vào phủ đường quỳ xuống. Quận vương hỏi:

- Người là đồ đê tiện, làm việc vô đạo đức, người còn bảo ai bị oan.

- Thưa Quận vương, - Tân Hà nói, - con gian dân, song đã đổ oan cho hòa thượng Khả Thường.

- Cớ sao lại đổ oan cho Khả Thường? Hãy nói mau, ta sẽ tha cho.

- Con gian dân, không có liên can gì đến Khả Thường.
- Tại sao trước đây người nói thế?
- Con bị Đô quản lừa dối. Khi con có mang Đô quản sợ bại lộ, bảo con rằng "Nếu việc bại lộ, nhất thiết đừng khai ta ra, mà nói là gian dân với Khả Thường. Vì Quận vương yêu quý Khả Thường, nhất định sẽ tha cho".
- Mày là đồ đê tiện, - Quận vương nói, - tại sao lại nghe theo hã làm hại hòa thượng Khả Thường.
- Đô quản nói là, nếu cô vô sự thì ta sẽ nuôi cả nhà cô, nếu như phải hoàn trả tiền cho Quận vương thì ta sẽ bỏ ra. Nay con phải về nhà, Quận vương đòi trả lại tiền, con không sao lo được, đành phải đòi tiền ông ta trả cho Vương phủ. Bởi thế cha mẹ con đến hỏi tiền, ông ta đã vô cớ đánh chửi cha mẹ con. Nay con xin khai thực để Quận vương rõ, con xin chết trước mặt Quận vương.
- Trước đây Đô quản hứa nuôi gia đình người thì có gì làm chứng?
- Thừa Quận vương, khi Đô quản hứa, sợ ông ta lật lọng con đã cầm tấm thẻ bài đỏ làm tin.

Quận vương thấy thế dùng dùng nổi giận, dậm chân quát thét:

- Đồ đê tiện! Đã làm cho Khả Thường phải chịu oan.

Thế rồi Quận vương báo cho phủ Lâm An bắt Đô quản tới sảnh đường xét hỏi, Đô quản phải khai ra sự thực, bị đánh tám mươi gậy, đầy tới đảo Sa Môn. Tân Hà về nhà, không phải hoàn lại một ngàn quan tiền. Quận vương sai người tới chùa Linh Ẩn, đòi hòa thượng Khả Thường tới dinh Quận vương.

Hòa thượng Khả Thường sống tại lều cỏ, vết thương đã lành, ngày mồng năm tháng Năm lại đến. Khả Thường lấy bút mực viết một bài từ về đời mình:

Sinh vào ngày Đoan ngọ

Làm hòa thượng ngày Đoan ngọ

Mắc tội ngày Đoan ngọ

Vì đời trước Tân Hà mắc tội.

Nếu ta không nhận

Tân Hà sẽ chịu khổ đau.

*Nay việc đời đã rõ,
Ta hãy về nơi cõi Phật.
Mồng năm tháng Năm vào giờ ngọ
Lời kia tiếng nợ hết sạch rồi
Mồng năm tháng Năm, thanh thiên bạch nhật
Lời kia tiếng nợ đã hết rồi.*

Làm xong bài từ về cuộc đời mình, Khả Thường ra khỏi lều cỏ ở đó có con suối, Khả Thường ra suối tắm rửa sạch sẽ, về lều cỏ ngồi xếp chân bàn tròn viên tịch, rồi sai người nói cho Thượng tọa biết. Thượng tọa dùng chiếc khám của mình, đặt Khả Thường ngồi vào, rồi khiêng lên đỉnh núi. Thượng tọa đang định châm lửa, thì thấy người của phủ Quận vương tới đòi Khả Thường. Thượng tọa nói:

- Ngài hãy về nói với Quận vương, Khả Thường đã hóa rồi. Tôi đang định châm lửa, thì Quận vương cho người tới đòi, nay tạm dừng, xin chờ lệnh Quận vương.

Người ấy nói:

- Sự việc oan khuất nay đã được sáng tỏ, Khả Thường là người vô tội. Quận vương cho tôi tới đòi, nhưng Khả Thường đã viên tịch. Tôi sẽ về bẩm với Quận vương, nhất định ngài sẽ đích thân tới xem châm lửa.

Người ấy về ngay Vương phủ, tâu trình lại sự việc và dâng bài từ của Khả Thường lên Quận vương. Quận vương rất đổi kinh ngạc. Hôm sau Quận vương cùng Lường Quốc phu nhân tới chùa Linh Ẩn tham dự lễ thiêu hóa Khả Thường. Các nhà sư mời Quận vương tới núi sau chùa, chính tay Quận vương và phu nhân đốt hương. Quận vương ngồi xuống. Thượng tọa cùng các sư đọc kinh xong, sau đó tay châm lửa, miệng đọc kinh:

Bánh chưng Khuất Nguyên còn thơm dẻo,

Thuyền rồng sao nữ vội bỏ đi.

Từ nay cắt đứt trần duyên nợ,

Chẳng cần kiếp sau lại kết duyên

Kính cẩn bái lạy hòa thượng Khả Thường viên tịch:

Mồng năm tháng Năm giờ tốt

Ai tắm nước hoa lan

Bánh chưng tằm vàng xương bồ, giát ngọc
Cần biết “diệu pháp hoa”
Niệm kinh Đại thừa
Tay không chạm Tân Hà,
Chịu mang tiếng bẻ hoa.
Nay đà sáng tỏ
Hát “Khúc Dương Quan”.
Hôm nay mừng năm tháng Năm,
Sao đã vội về Tây Trúc
Tịch diệt trở về cái không,
Quản chi ngày giờ độc.
Các sư trong chùa đều đến cả,
Hiển dăng hương nến
Soi tỏ tam muội(1)
Để thấy rõ cái chân thật vốn có,
Ôi! Hát hết khúc Bồ Tát Man,
Xuôi tay trở về cõi Phật.

(1) Tam muội: tiếng dùng của nhà Phật (dịch từ tiếng Phạn: samàdhi) có nghĩa là làm cho tinh thần yên tĩnh, dứt bỏ mọi ý nghĩ. Là một trong những phương pháp tu hành của đạo Phật. (ND).

Trong ánh lửa người ta thấy Khả Thường chào từ biệt, cảm ơn Quận vương, phu nhân, thượng tọa và mọi người.

- Chỉ vì kiếp trước ta còn nặng nợ, rời bỏ kiếp này. Nay ta trở về tiên cảnh, không bao giờ trở lại cõi nhân gian nữa. Ta là Thường Hoan Hỷ Tôn giả, một trong năm trăm vị La Hán.

Đúng là:

Xưa nay đạo trời đều sáng tỏ.
Xấu tốt lâu rồi cũng rõ ra.
Ai ơi, hãy gắng làm điều thiện,
Tích đức thì sau được đáp đền.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 6

Hòa Thượng Viết Thư Tình

Vào chuyện - *Giá cô thiên:*

Dâu gai rợp lá xanh mơn mơn

Tầm xuân ăn rồi tiếng rào rào

Vũ Môn dập dềnh hoa đào sóng

Nguyệt Điện xuân sang quế ngát hương

Chim bằng sải cánh về biển Bắc

Chim phượng bay theo hướng mặt trời.

Tay mang kiếm, sách, đường xa lắc

Thanh vân dặm thẳng lại ra di

Thương tay sĩ tử sao bận rộn.

Hàm Dương cách Trường An bốn mươi lăm dặm, một người tên là Vũ Văn Thụ, liền trong ba kỳ thi đều tới Trường An ứng thí. Vậy mà trong ba kì thi anh ta đều không đỗ. Vợ là Vương Thị thấy chồng thi trượt trở về, làm một bài từ chuyên nói về chồng thi hỏng. Đầu đề bài từ là *Vọng Giang Nam*. Bài từ ấy như sau:

Chàng ôm hận mang về nghiên bút.

Hoài công nghiên ngẫm đã bao năm,

Uống phí sức sôi kinh nấu sử.

Tủi hổ bút nghiên,

Đầm đìa nước mắt.

Thiếp buồn đơn độc, thuyền một chiếc,

Chẳng dám mong bia đá bảng vàng.

Tháng ngày nhan sắc phôi pha,

Cam phận nương thân xóm vắng.

Ý vẫn chưa hết, Vương thị nhìn chồng lại làm thêm bốn câu thơ:

Chàng thường tự đắc khoe tài giỏi

Cớ sao thi trượt phải trở về.

Lần sau chàng nhớ về đêm nhé,

Về ban ngày thiếp xấu hổ chàng ơi.

Giải nguyên Vũ Văn từ đó phần chí nghĩ: "Thi không đỗ, nhất định không về". Tới kì thi năm sau, Vũ Văn thi đậu, cứ ở lì Trường An không về nữa. Vợ Vương thị thấy thế nghĩ rằng: "Ta từng làm thơ chế giễu chàng, bởi thế chàng không về". Vương thị hèn viết một phong thư, bảo quản gia Vương Cát:

- Anh hãy giúp ta đưa phong thư này cho chàng.

Trong bút thư, trước hết nói chuyện thăm hỏi, sau đó làm một bài từ, đầu đề là *Nam Kha tư*. Lời bài từ như sau:

Đêm qua thiếp thấy hoa đèn nở,

Sáng nay chim thước hót trên cành.

Quả nhiên cánh én từ xa tới,

Báo tin chàng thi đỗ về kinh.

Nỗi buồn xưa cũ xưa tan hết,

Vui mới hân hoan rạng mặt mày.

Thiếp xưa lầm trách chàng thua kém,

Khiến chàng hờn giận chẳng về quê.

Sau bài từ Vương Thị lại viết thêm bốn câu thơ:

Tràng An nơi ấy chẳng bao xa,

Nước biếc non xanh cạnh diêu kỳ

Chàng nay hiển đạt còn trẻ lắm,

Thiếp biết chàng đêm ngủ nơi nao.

Vũ văn Thụnghận thư mở ra xem, đọc hai bài từ và thơ, nghĩ: "Trước đây nàng làm thơ bảo mình phải về vào ban đêm, nay ta thi đậu lại nhắn ta về". Bèn lấy ngay giấy bút, làm bài khúc tên là *Đạp sa hành*:

*Chân bước thang mây
Tay vin cành quế
Họ tên ghi chót vót bằng vàng
Cường bạc yên vàng long lánh sáng
Dự yến vua ban, ngao du phường phố
Ta nay phỉ chí tang bồng.
Viết thư báo người khuê các
Lần này tố ra dáng phong lưu.*

Làm xong bài từ, Vũ Văn lấy một tờ giấy hoa tiên gấp thành phong thư. Định viết cho vợ một lá thư nữa, do xếp lại thư cho ngay ngắn, lỡ tay mực rơi ướt giấy. Vũ Văn gấp một tờ giấy khác, viết xong đưa cho quản gia Vương Cát, bảo anh nói với vợ rằng:

- Ta ở Trường An đã đỡ rồi, đến đêm ta sẽ về, chưa tối ta chưa về đâu.

Vương Cát nhận thư, đi bốn mươi lăm dặm đường về thẳng Nhà.

Vũ Văn Thụ gửi thư đi thì trời đã tối, ở nhà trọ chẳng có việc gì bèn đi ngủ. Vừa mới chợp mắt đã mơ mơ màng màng, thấy mình về nhà. Vương Cát tụt giày cỏ rửa chân. Vũ Văn Thụ hỏi:

- Vương Cát đi nhanh nhỉ?

Hỏi hai ba lần không thấy Vương Cát trả lời, Vũ Văn Thụ sốt ruột ngẩng đầu nhìn, thì thấy vợ là Vương Thị cầm nến đi vào phòng. Vũ Văn Thụ bước theo gọi:

- Mình ơi! Anh đã về rồi!

Vũ Văn Thụ nói hai ba lần mà không thấy vợ trả lời. Anh liền theo vợ vào phòng, thấy Vương Thị đặt nến trên bàn, rút ngay phong thư ra, rồi lấy chiếc lược vàng cắt phong thư, song trong đó chỉ có một tờ giấy trắng. Người vợ mỉm cười, và dưới ánh nến viết ngay lên tờ giấy đó bốn câu thơ

*Em vội buông rèm bóc thư ra,
Giấy tiên trắng toát vẫn ngời hoa.
Mới hay chàng nhớ em da diết,*

Không chữ mà sao vẫn mặn mà.

Viết xong Vương Thỉ lấy chiếc phong bì khác bỏ thư vào dán kín, rồi lấy chiếc lược gãy ngọn nển, làm bắn vào mặt Vũ Văn Thụ. Anh giật mình tỉnh giấc, hóa ra là mình đang ngủ ở nhà trọ đèn vẫn còn đang sáng. Nhìn lên bàn, quả nhiên thấy bỏ nhầm tờ giấy trắng gửi về, bèn cầm ngay tờ giấy viết lại bốn câu thơ trên. Đến hôm sau, cơm sáng xong, Vương Cát cầm phong thư của vợ tới, Vũ Văn mở ra xem, trong đó viết bốn câu thơ đúng như bốn câu thơ Vũ Văn nằm mơ thấy đêm qua. Thế rồi Vũ Văn sắp xếp hành lí về nhà ngay. Đó gọi là "phong nhầm thư".

Câu chuyện sau đây lại là “gửi nhầm thư”. Hai vợ chồng người nọ đang ở nhà, thấy có người đưa một bức thư tới cho vợ. Chỉ vì phong thư ấy mà đã xảy ra một câu chuyện kì quặc.

Đúng là:

*Bụi theo vó ngựa bao giờ hết,
Lòng người sớm muộn cũng rõ thôi.
Lông mày kẻ nhạt, cài nghiêng lược
Chẳng thích phấn son vẫn nuốt nà
Mây vờn cửa sổ sâu thăm thẳm
Vuốt nhẹ hoa tiên học thảo thư
Càng nhiều màu sắc càng xinh đẹp
Người trần sao cốt cách thần tiên?
Thoạt nhìn cứ ngỡ hoa mai nở
Nhìn kĩ, hoa mai cũng chẳng bằng.*

Ở ngõ Táo Sóc, phủ Khai Phong, Biện Châu, Đông Kinh, có một người tên là Hoàng Phủ Tùng. Anh ta năm nay hai mươi sáu tuổi là Tả ban điện trực, vợ là Dương Thị, hai mươi bốn tuổi, nuôi một đứa hầu mười ba tuổi, tên là Nghênh Nhi. Nhà chỉ có ba người, ngoài ra không có ai là thân thích.

Hoàng Phủ điện trực được sai mang quần áo ra biên giới, khi về nhà thì đã cuối tháng Giêng. Cách ngõ Táo Sóc không xa có một quán trà, chủ quán là Vương Nhị, hôm ấy vào giữa trưa trà bán hết thì thấy một người đàn ông vào quán. Người ấy lông mày rậm, mắt to, môi dày, đầu vấn chiếc khăn như úp chiếc thùng, mặc chiếc áo rộng tay. Vạt áo gấp lật xuống, chân đi giày. Người ấy bước vào quán. Chủ quán Vương Nhị rót trà bưng tới mời. Người ấy cầm chén trà, uống xong nhìn Vương Nhị nói:

- Tôi ngồi đợi người quen một lát.
- Xin ông cứ tự nhiên. - Vương Nhị nói.

Chờ lúc lâu, thấy một người con gái bưng mâm tới rao:

- Ai bánh trứng chim đây!

Người ấy vẫy tay gọi:

- Cô bán bánh trứng chim ơi!

Thấy có người gọi, cô tiểu nữ bưng mâm vào quán đặt lên bàn, lấy chiếc tấm tre xâu một ít bánh, rắc thêm ít muối, rồi đưa cho người ấy, nói:

- Mời ông ăn bánh.
- Ta sẽ ăn, - người ấy nói, - nhưng trước hết ta nhờ cô một việc.
- Thưa ông, làm gì ạ? - Cô tiểu nữ hỏi.

Người ấy chỉ vào nhà thứ tư trong xóm Táo Sóc, hỏi cô tiểu:

- Cô có biết nhà ấy không?
- Biết! - Cô tiểu trả lời. - Đó là nhà Hoàng Phủ điện trực.

Điện trực mang quần áo ra biên giới vừa mới về.

- Nhà ấy có mấy người? - Người ấy hỏi.
- Có ba người: Điện trực, Tiểu Nương Tử và một bé hầu.
- Cô có biết Tiểu Nương Tử không? - Người ấy hỏi.
- Người vợ trẻ thường thì không bước ra khỏi rèm, nhưng cũng có khi mua bánh của tôi, nên tôi biết. Ông hỏi bà ấy làm gì?

Người ấy lấy từ chiếc túi kim tuyến ra khoảng năm mươi đồng, đặt vào mâm bánh của cô tiểu. Cô tiểu nhìn thấy thích quá cứ đứng chấp tay, không rời nửa bước, nói:

- Thưa ông, có việc gì sai bảo?
- Tôi phiền cô một việc.

Thế rồi người ấy rút từ trong tay áo ra một tờ giấy trắng, gói một đôi vòng và hai chiếc kim thoa, một tờ thiếp rồi đưa cho cô tiểu nói:

- Ba thứ này cô đưa cho Tiểu Nương Tử, không được đưa cho Điện trực. Khi thấy vợ Điện trực chỉ nói là có một người dặn đi dặn lại rằng đưa ba thứ này cho chị. Đừng nấn ná ở đó trở lại báo tin cho ta biết ngay.

Cô tiểu đặt mâm bánh trên quầy gửi Vương Nhị, rồi cầm ba thứ đó đi vào ngõ Táo Súc. Tới cửa nhà Điện trực, cô mở rèm nhìn vào nhà. Hoàng Phủ điện trực đang ngồi trên ghế, thấy đứa nhỏ bán bánh liều lĩnh mở bừa màn nhòm vào rồi lại bỏ đi. Hoàng Phủ quát ầm lên. Thật là:

*Cầu Đường Dương, Trương Phi dũng mãnh,
Quát đuổi, Tào Công trăm vạn quân.*

Hoàng Phủ hỏi:

- Mà làm gì?

Đứa nhỏ ấy cùn cụt bỏ đi. Hoàng Phủ chạy thốc ra, tóm lấy tay nó lôi lại, hỏi:

- Tại sao mà thấy tao rồi bỏ đi?

- Có một người bảo con đưa ba thứ này cho bà, chứ không đưa cho ông.

- Thứ gì? - Hoàng Phủ hỏi.

- Ông đừng hỏi, không đưa cho ông. - Đứa bé nói.

Hoàng Phủ nắm chặt tay tổng một phát như trời giáng vào đầu nó, nói:

- Hãy đưa ta xem!

Đứa trẻ ấy bị đánh, đành phải lấy gói ấy ra, nói:

- Bảo tôi đưa cho bà ấy chứ không đưa cho ông!

Hoàng Phủ giật lấy gói giấy ấy, mở ra xem thì thấy một đôi vòng vàng, hai chiếc kim thoa và một tờ thiếp, trong đó viết:

“Nhân dịp đầu xuân, kính chúc nàng tràn đầy hạnh phúc.

Một ngày nào đó ta hân hạnh được nâng chén chúc nàng. Ta luôn luôn tưởng nhớ tới nàng, song không tới được, ta có chút tặng phẩm nhỏ mọn và

một bài từ gửi tặng nàng. Kính mong nàng vui lòng nhận cho”.
Bài từ ấy như sau:

*Được biết chồng em đã trở về,
Khiến lòng anh đau đớn tái tê.
Xuyến vàng đôi chiếc, thoa đôi chiếc,
Nhận lấy nghe em, kéo anh buồn.
Từ dạo xa em anh cô quạnh.
Một mình vò võ sống đơn côi.*

Hoàng Phủ xem xong, trợn mắt, nghiến răng hỏi cô tiểu nữ:

- Đứa nào bảo mày đưa đến?

Cô tiểu nữ chỉ ra quán trà của Vương Nhị đầu ngõ nói:

- Có một người, lông mày rậm, mắt thao láo, mũi hếch, môi dày bảo tôi đem lại cho bà, và dặn không được đưa cho ông.

Hoàng Phủ tóm gáy cô tiểu nữ điệu ra quán trà. Cô tiểu nữ chỉ vào quán trà nói:

- Vừa rồi ông ấy ngồi trên chiếc ghế này, và bảo tôi đưa cho bà những thứ ấy, chứ không đưa cho ông, sao ông lại đánh tôi.

Mặc cho Vương Nhị phân trần, Hoàng Phủ cứ lôi cô tiểu nữ đi. Về tới nhà Hoàng Phủ đóng sầm cửa lại, cài then, cô tiểu nữ sợ run cầm cập.

Hoàng Phủ gọi người vợ đẹp như hoa từ trong nhà ra, nói:

- Cô hãy nhìn những thứ này đi.

Người vợ chẳng hiểu vì sao, tới ghế ngồi. Hoàng Phủ cầm những thứ ấy đưa cho vợ xem. Người vợ đọc tờ thiếp, chẳng hiểu ra sao. Hoàng Phủ nói:

- Cô thấy tôi đi ba tháng trời áp tải quần áo ra biên giới, không biết ở nhà cô đã cùng đứa nào uống rượu.

- Tôi làm vợ anh từ nhỏ. - Người vợ nói. - Từ khi anh đi, tôi chưa từng uống rượu với ai cả!

- Không có đứa nào uống rượu, thì tại sao lại có những thứ này?

- Tôi không biết.

Hoàng Phủ xông vào đánh vợ túi bụi. Vợ ôm mặt gào khóc, chạy vào trong

nhà. Hoàng Phủ vào nhà lấy một nắm roi tre ra vút xuống đất, gọi Nghênh Nhi tới. Nghênh Nhi mới mười ba tuổi, vẫn còn là đứa trẻ, cánh tay nó ngắn cùn, chân vòng kiềng, nó chỉ biết bõ củi gánh nước, biết ăn cơm, biết ỉa đái.

Hoàng Phủ lấy chiếc dây trên giá áo xuống, trói chặt lấy hai tay đứa bé, vút dây qua xà nhà, kéo dây treo đứa bé lên, dùng roi tre đánh. Hoàng Phủ hỏi:

- Ta đi ba tháng trời, cô ở nhà có uống rượu với đứa nào không?

- Chẳng có ai cả. - Đứa bé nói.

Hoàng Phủ dùng roi quất vào mông, vừa đánh vừa hỏi.

Đứa bé kêu như lợn chọc tiết, không chịu nổi, nói:

- Ba tháng ông vắng nhà, đêm nào bà cũng ngủ với một người.

- Ghê thật! - Hoàng Phủ nói.

Hoàng Phủ thôi không đánh nữa, cởi dây ra, nói:

- Mà hãy lại đây ta hỏi! Cô đã ngủ với đứa nào?

Đứa bé lau nước mắt, nói:

- Thưa ông, quả thực con không dám giấu. Từ khi ông đi, bà ở nhà thường ngủ với một người, không phải ai khác, đó chính là con.

- Mà đừng đùa với tao? - Hoàng Phủ nói.

Thế rồi Hoàng Phủ cầm lấy chiếc khóa đi ra, khép cửa vào rồi khóa lại. Đi quanh xóm gọi bốn người tuần tra địa phương, đó là Trường Thiên, Lý Vạn, Đồng Bá, Tiết Siêu. Về nhà Hoàng Phủ mở khóa đẩy cửa vào, rồi lôi cô tiểu nữ bán bánh tráng chim ra, nói:

- Phiền các ông bắt giữ lấy con bé này.

- Quan phụ mẫu sai bảo, chúng tôi xin tuân lệnh. - Bốn người ấy nói.

- Đừng đi vội, vẫn còn người nữa. - Hoàng Phủ nói.

Thế rồi Hoàng Phủ gọi Nghênh Nhi và người vợ đẹp như một cành hoa ra, nói:

- Giải cả mấy người này đi.

- Thưa quan phụ mẫu, - Tiết Siêu nói, - chúng tôi không dám bắt bà.

- Các người sợ không dám bắt bà ấy ư? Việc này can hệ đến tính mạng đấy! Sợ quá bốn người tuần tra phải giải vợ Hoàng Phủ, Nghênh Nhi và cô tiểu nữ bán bánh tới Tiền Đại Doãn phủ Khai Phong.

Hoàng Phủ chào quan Đại Doãn, rồi trình tờ thiếp lên quan. Tiền Đại Doãn xem qua, lập tức bảo quan cấp dưới xử ngay vụ này. Thời ấy Sơn Định thừa hành giải quyết vụ này. Hỏi cô tiểu nữ cô bé trả lời:

- Con gặp ở quán trà một người, lông mày rậm, mắt to, mũi hếch, môi dày. Người ấy bảo con đem phong thiếp này cho Tiểu Nương Tử. Ông đã đánh con vẫn khai như thế.

Hỏi Nghênh Nhi, Nghênh Nhi đáp:

- Con không thấy ai đến uống rượu với Tiểu Nương Tử, con cũng không biết người gửi phong thiếp ấy là ai. Đánh chết con cũng khai thế.

Hỏi Tiểu Nương Tử, Tiểu Nương Tử đáp:

- Từ thời còn trẻ con làm vợ anh ấy, chẳng có người thân thích nào lai vãng tới, chỉ có hai vợ chồng con. Con cũng không biết kẻ nào gửi thiếp tới.

Sơn Định thấy Tiểu Nương Tử gầy gò như thế, làm sao chịu nổi tra tấn, nay truy hỏi cô ấy bằng cách nào đây? Sơn Định gọi cai ngục dẫn ra một phạm nhân. Đây là một tên tướng cướp, biệt hiệu là Tĩnh Sơn Đại Vương. Hắn mặt mày hung tợn như một con quỷ gieo tai vạ cho con người.

Tiểu Nương Tử nhìn thấy tên phạm nhân này sợ quá, hai tay ôm lấy mặt không dám nhìn. Sơn Định nhìn Tĩnh Sơn Đại Vương, bảo với người coi ngục:

- Hãy treo ngược tên này lên cho ta.

Sau đó dùng cành gai đánh, tên cướp kêu như lợn chọc tiết. Sơn Định hỏi:

- Người đã từng giết người phải không?

- Thưa ngài con đã từng giết người.

- Người đã từng đốt nhà phải không?

- Thưa ngài con đã từng đốt nhà.

Sơn Định cho người giải Tĩnh Sơn Đại Vương vào ngục.

Sơn Định quay lại hỏi Tiểu Nương Tử:

- Người xem, Tĩnh Sơn Đại Vương cũng không chịu nổi đòn, đã phải nhận tội giết người đốt nhà. Tiểu Nương Tử hãy khai đi, người có chịu nổi những trận đòn như thế không?

Tiểu Nương Tử hai hàng nước mắt rơi lã chã, nói:

- Thưa ngài, đến nước này thì con che giấu cũng không được nữa. Chúng con lấy nhau từ khi còn trẻ, chẳng có người thân thích nào lai vãng tới. Con không biết kẻ nào gửi thiệp đến. Nay thì tùy quan Đại Doãn quyết định.

Hỏi đi hỏi lại mãi, Tiểu Nương Tử vẫn khai như thế.

Sau đó ba hôm, Sơn Định đang đứng trước cửa nha môn, chưa biết giải quyết vụ này thế nào, ngẩng đầu lên thì thấy Hoàng Phủ tới vái chào hỏi về việc ấy:

- Tại sao vụ án đã ba hôm mà vẫn chưa giải quyết? Chẳng phải ngài đã nhận tiền của kẻ viết tờ thiệp ấy nên cố ý trì hoãn không giải quyết?

Sơn Định thấy thế nói:

- Vậy thì theo ý ngài như thế nào?

- Thôi thì li dị quách cho xong, - Hoàng Phủ nói.

Ngay hôm ấy Sơn Định về nha môn trình văn bản lên Tiền Đại Doãn. Tiền Đại Doãn gọi Hoàng Phủ tới nói:

- "Bắt cướp thì phải có tang vật, bắt gian dân thì phải trai trên gái dưới", đảng này vô tang chứng thì bắt tội làm sao được!

- Tới nay thì tôi không muốn chung sống với cô ấy nữa, xin tình nguyện li dị.

- Tôi làm theo ý ông. - Quan Đại Doãn nói.

Hoàng Phủ ra về. Cô tiểu và Nghênh Nhi được thả. Tiểu Nương Tử bị chồng bỏ, khóc sụt sùi bước ra khỏi công đường, nàng nghĩ: "Ta bị chồng bỏ, không người thân thích để nương tựa thôi thì chết quách đi cho xong". Tiểu Nương Tử bước lên cầu Thiên Hán Châu, nhìn xuống dòng nước xiết, định nhảy xuống thì đằng sau có một người túm lấy áo, Tiểu Nương Tử quay lại thì đó là một bà già, búi tóc, lông mày trắng như tuyết, mắt đục lờ, tóc bạc. Bà già nói:

- Con ơi! Tội gì con phải chết? Con có nhận ra ta không?

- Con không nhận ra bà, - Tiểu Nương Tử nói.

- Ta là cô của con. - Bà già nói. - Từ khi con đi lấy chồng, ta nghèo không dám bén mảng tới nhà con. Nay thấy chồng con kiện con, hằng ngày ta vẫn theo dõi con. Bây giờ chồng con bỏ con, việc gì con phải tự tử.

- Hiện nay con, trên không chẳng, dưới không rể. Chồng con không cần con, con chẳng có ai thân thích dựa dẫm, không chết đi thì sống làm gì?

- Bây giờ con hãy đến nhà cô, rồi sẽ tính sau.

Tiểu Nương Tử nghĩ: "Bà này chắc chắn không phải là cô mình, nay không có nơi nương tựa, thôi thì cứ theo bà, rồi sau này sẽ rõ".

Tiểu Nương Tử theo bà cô về nhà thì thấy bà chẳng có nghề nghề gì, song nhà cửa lại khang trang, cũng có màn xanh, có bàn ghế đầy đủ. Ở nhà bà cô được hai ba ngày, hôm ấy vừa cơm nước xong, thì thấy ngoài cửa có một người gọi âm âm.

- Bà mang đồ của ta đi bán, sao không đem trả tiền ta.

Nghe thấy thế, bà ta vội vã ra mời người đàn ông ấy:

- Xin mời ông vào.

Tiểu Nương Tử thấy người vừa vào, lông mày rậm, mắt thao láo, mũi hếch, môi dày, vắn chiếc khăn trùm tới tận mi mắt, mặc áo dài cổ rộng nẹp to, giày tất sạch bong. Tiểu Nương Tử bụng bảo dạ: "Rất giống người đàn ông gửi tờ thiệp mà cô tiểu nữ đã nói". Người ấy vào ngồi lên ghế, rụt rè nói:

- Bà bán cái vật đáng giá ba trăm quan tiền của ta, đã tới hàng tháng rồi sao không đem tiền đến trả?

- Cái ấy thì đã bán rồi, song tiền chưa lấy được. Khi nào lấy được tôi sẽ trả ông ngay.

- Tiền trao cháo múc, - người đàn ông nói, - sao lại chịu lâu đến thế! Lấy được tiền bà phải đưa ngay cho tôi.

Nói xong người đàn ông bỏ đi. Bà già trở vào nhìn Tiểu Nương Tử, nước mắt bà ta ứa ra, nói:

- Giờ thì biết làm thế nào đây?

- Có việc gì thế! - Tiểu Nương Tử hỏi.

- Người này vốn là thông phán Tế Châu, - bà ấy nói, - ông ta họ Hồng. Nay không làm quan, bán một số trang sức bằng ngọc. Trước đây ông ấy bảo ta đi bán, ta đã bị người ta quẹt tiền, đến nay không có tiền trả, khiến ông ta sốt ruột. Mấy hôm trước ông ta có nhờ ta một việc, ta vẫn chưa làm được.

- Việc gì thế? - Tiểu Nương Tử hỏi.

- Ông ta bảo ta tìm cho ông ta một người vợ bé, mà phải là người đẹp. - Bà

ấy nói. - Nếu đẹp như Tiểu Nương Tử thì nhất định ông ấy sẽ rất thích. Tiểu Nương Tử bây giờ đã ở đây, chồng lại bỏ, không còn lối thoát, thôi thì cô sẽ nói vun vào cho con lấy ông ấy. Không biết ý con thế nào?

Tiểu Nương Tử trầm ngâm hồi lâu, bất đắc dĩ nghe theo lời cô tới nhà người ấy.

Thời gian cứ chậm chậm trôi đi, vào mùng một tháng Giêng năm sau, từ khi bỏ vợ, Hoàng Phủ không lúc nào vui, đúng là:

Thời gian như gió lửa,

Thiêu tàn nỗi khổ đau.

Hoàng Phủ nhớ lại: "Hằng năm cứ vào mùng một tháng Giêng, vợ chồng sánh vai nhau tới chùa Đại tướng Quốc dân hương. Năm nay ta lủi thủi đi một mình". Tự nhiên hai hàng nước mắt ứa ra, lòng buồn vô hạn, đành gượng mặc chiếc áo dài tím, mang vàng hương đến chùa Đại Tướng Quốc dân hương. Vào chùa thắp hương xong, vừa ra khỏi cửa thì thấy một người đàn ông dẫn theo một người đàn bà. Người đàn ông ấy lông mày rậm, mắt thao láo, mũi hếch, môi dày; người đàn bà đi theo lại là vợ Hoàng Phủ. Chồng nhìn vợ, vợ nhìn chồng, bốn mắt đắm đắm nhìn nhau chẳng ai dám hé răng.

Người đàn ông và người đàn bà ấy vào chùa. Hoàng Phủ đang đứng trầm tư ngoài cửa chùa, thấy một bà sư đang xin tiền dầu đèn đứng đó, bỗng thấy hai người ấy đi vào, miệng lẩm bẩm: "Người đã làm đời ta khổ, sao hôm nay người lại đến đây". Rồi rào bước đi theo.

Thấy bà sư đuổi theo hai người ấy, Hoàng Phủ ngăn lại nói:

- Có phải bà sư đuổi theo hai người ấy không?

- Đúng thế - bà sư nói, - chẳng nói giấu gì ông, lão ta đã làm đời tôi khổ, tới nay tôi không cất đầu lên được là vì hắn.

Hoàng Phủ hỏi ngay:

- Bà có nhận ra người đàn bà ấy không?

- Không. - Bà sư nói.

- Người ấy là vợ tôi. - Hoàng Phủ nói thẳng.

- Tại sao vợ ông lại theo hắn?

Hoàng Phủ kể lại chuyện gửi thiếp và việc mình bỏ vợ cho bà sư nghe. Bà

sư hỏi:

- Thế là thế nào? Ông có nhận ra hăn không?

- Không, - Hoàng Phủ đáp.

- Hăn là sư chùa ở Phồn Đài Đông Châu. Chịu khổ hạnh nhất là những người tu hành tại chùa Phồn Đài. Ta vốn là sư, song là giám viện tại chùa này. Ta có trên dưới một trăm đồng, cắt tóc làm đồ đệ của hăn. Cách đây một năm hăn lấy trộm của sư trong chùa hai trăm lạng bạc rồi biến mất tăm. Ta bị tra khảo, đuổi khỏi chùa đi ăn xin, thật là tội nghiệp. Ta lưu lại chùa Đại Tướng Quốc hóa vàng hương. Hôm nay gặp hăn ở đây ta làm sao mà chịu được!

Vừa nói xong thì thấy hăn dẫn người đàn bà ấy từ trong hành lang đi ra. Bà sư vén áo rào bước định lôi hăn. Hoàng Phủ vội ngăn lại, nói rằng, hãy xem rõ hành tung của hăn rồi sẽ kiện lên quan.

Hai người cứ bám theo hăn.

Người đàn bà ấy nhìn thấy chồng nước mắt giàn giụa, vào chùa thắp nhang rồi đi ra. Trên đường về hăn hỏi người đàn bà rằng:

- Tại sao Tiểu Nương Tử nhìn thấy chồng lại khóc? Không phải ta dễ dàng mà lấy được cô. Đạo ấy ta qua cửa nhà cô, thấy cô đứng trước rèm xinh đẹp tuyệt vời, ta đã mê cô từ đó. Ta lấy được cô chẳng phải dễ lắm đâu!

Hai người lời qua tiếng lại thì vừa lúc ấy họ về tới nhà. Người đàn bà ấy hỏi:

- Thế thì tờ thiệp ấy do ai gửi?

- Ta nói cho cô biết, chính ta nhờ cô tiểu nữ bán bánh ấy gửi đấy. Chồng cô trúng kế của ta, quả nhiên bỏ cô thật.

Người đàn bà ấy nghe xong túm lấy áo hăn kêu:

- Ôi trời cao đất dày ơi!

Nghe thấy người đàn bà kêu, hăn cuống lên, giơ tay bóp cổ muốn cho người đàn bà ấy chết đi.

Hoàng Phủ và bà sư theo tới cửa, thấy hăn tức tối đi vào, lại nghe bên trong có chuyện, hai người chạy vào thấy người đàn bà bị hăn bóp cổ đang giãy giụa. Hoàng Phủ và bà sư bắt luôn giải hăn tới Tiền Đại Doãn phủ Khai

Phong.

*Giai nhân từng đỡ tay người ngọc
Tráng sĩ vung gươm chém kẻ thù,
Đời đời công tích còn ghi rõ,
Cháu con thừa hưởng nghiệp vinh hoa.*

Đại Doãn ra công trường giải quyết việc này. Hoàng Phủ và vợ kể lại tất cả những sự việc đã xảy ra. Tiền Đại Doãn dùng dùng nổi giận, lệnh cho sai nha đánh cho hòa thượng một trăm gậy, rồi giải xuống Tả Tư Lý viện để điều tra rõ vụ này. Điều tra thấy đúng sự thực, cho Hoàng Phủ đưa vợ về nhà vợ chồng lại đoàn tụ. Bà sư được khen thưởng. Gã hòa thượng đều phải nhận là âm mưu lừa gạt chiếm đoạt người đàn bà, rồi lại âm mưu hãm hại vợ Hoàng Phủ, bị khép vào tội chết. Còn mục đàn bà đồng mưu lừa đảo không ra đầu thú, song đã bị bắt đi ở nơi khác.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 7

Bản Văn Tự Hợp Đồng

*Ăn uống thường cho thêm muối dấm,
Nơi không cần đến chẳng nên đi
Muốn người coi trọng xin gắng học,
Sợ người đời biết, chớ làm chi.*

Năm Khánh Lịch triều Tống Nhân Tông, cách thành Biện Lương, Đông Kinh ba mươi dặm, có một thôn tên là Lão Nhi. Trong thôn có hai anh em họ Lưu, nhà vốn theo nghề nông. Người anh là Lưu Thiêm Tường, trạc bốn mươi tuổi, vợ chết. Người em tên là Lưu Thiêm Thụy, ba mươi năm tuổi, vợ là Điều thị ba mươi tuổi có một đứa con tên là An Trú ba tuổi. Anh em sống bằng nghề cày cấy trồng trọt.

Năm ấy vì hạn hán lụt lội mất mùa, một hôm Thiêm Thụy nói với anh rằng:
- Mùa màng thất bát, chúng ta lấy gì mà sống? Thôi thì anh em mình dọn đến nhà chú Trương Học Cửu thôn Hạ Mã, huyện Cao Bằng, Lộ Châu nhờ vả một thời gian, ý anh thế nào?

- Anh tuổi đã cao đi không được nữa, - Thiêm Tường nói, - mình chú thím đi thôi.

- Anh ạ, nhân thế hôm nay em mời lí trưởng Lý làm chứng, viết hai bản văn tự hợp đồng, anh giữ một bản, em cầm một bản, em tới nhà chú nương nhờ, “người ta khó mà lường tính hết được việc trước sau”, anh tuổi cao, ruộng vườn sản nghiệp dù có bán cũng không được, nay viết văn tự làm bằng.

- Em nói phải đấy. - Thiêm Tường nói.

Thế rồi họ mời lí trưởng Lý tới, viết bản văn tự hợp đồng rõ ràng minh bạch, mỗi người cầm một tờ.

Họ làm mâm cơm mời lý trưởng. Trong lúc ăn uống lý trưởng nói:

- Tôi có một đứa con gái, nếu ông Thụy bằng lòng xin cho An Trú thì hôm nay cứ nói thẳng.

- Ông đã nói thế, - Lưu Thiêm Tường nói, - thì sẽ chọn ngày lành tháng tốt dẫn lễ.

Chỉ trong mấy ngày họ đã chuẩn bị xong xuôi. Lưu Thụy thu xếp hành lí, từ biệt anh lên đường. Vì Lưu Thụy đường xa dặm thẳng tới nương nhờ người thân, có người nghĩ: Đi thì dễ, về thì khó. Đúng là:

Trời lúc nắng lúc mưa,

Nước khi hưng khi thịnh.

Muôn sự do trời định

Đời người thật long đong.

Lưu Thụy đưa vợ con đi ròng rã mấy ngày trời mới tới thôn Hạ Mã huyện Cao Bằng, gặp chồng dì là Trương Học Cửu, kể hết gia cảnh khó khăn và xin nương thân ở đây. Người ấy rất mừng giữ lại nhà.

Thời gian thấm thoát, thoáng cái đã được hai năm. Vợ Lưu Thụy lên cái nhọt ở đầu, chạy chữa hơn một tháng mà vẫn đau đớn nhức nhối không ăn uống được, rồi qua đời. Lưu Thụy khóc lóc đau thương lo ma chay cho vợ. Hai tháng sau thấy người gầy rộc, phờ phạc rồi ngã bệnh, chữa trị mãi mà không khỏi. Trương Học Cửu khuyên Lưu Thụy hãy nén đau thương, bồi dưỡng sức khỏe để nuôi dưỡng An Trú nên người. Nửa năm sau do tiết trời thay đổi, Lưu Thụy bị cảm, đầu đau nhức lên cơn sốt. Đúng là "họa vô đơn chí, phúc bất trùng lai", ốm sáu bảy tháng thì Lưu Thụy lìa bỏ cõi đời. Trương Học Cửu chôn cất vợ chồng Lưu Thụy bên cạnh phần mộ tổ tiên.

Ngày tháng trôi qua, An Trú sống với Trương Học Cửu được mười lăm năm, đã trở thành một chàng trai mười tám tuổi, thông minh đĩnh ngộ, đức độ tài năng, có học và biết lễ nghĩa.

Một hôm vào dịp tiết Thanh minh, vợ chồng Trương Học cứu mua sắm lễ vật cùng An Trú đi tảo mộ. Tới mộ phần, bày lễ vật rồi khấn khứa, Trương Học Cứu nói với vợ:

- Tôi có câu chuyện muốn nói với bà. Tôi nghĩ rằng An Trú đã trưởng thành. Năm nay lại có nhiều thuận lợi. Tôi định bảo An Trú đem hài cốt vợ chồng Lưu Thụy về quê để nhận bác. Ý bà thế nào?

- Ông nói phải lắm. - Vợ Trương nói. - Đây là việc âm đức.

Hai vợ chồng bàn bạc xong xuôi, bảo An Trú:

- Con hãy cúng mộ tổ, đầu đó đến hai ngôi mộ kia vái mấy vái.

- Thừa cha, - An Trú hỏi, - đây là mộ của ai?

Vái xong Học Cứu nói:

- Con đừng hỏi nữa, hóa vàng hương đi rồi về nhà.

- Cha mẹ không cho con biết họ tên người thân đã mất rồi, con sống làm gì nữa, thà rằng con tự vẫn cho xong.

- Con hãy lại đây cha nói để con hay. Đây chính là cha mẹ đẻ của con. Còn ta chỉ là cha mẹ nuôi thôi. Quê con là thôn Lão Nhi cách thành Biện Lương ba mươi dặm. Bác con là Lưu Thiêm Tường, cha con là Lưu Thiêm Thụy, cùng với mẹ con là chị Hai Lưu. Cách đây mười lăm năm, lúc ấy con mới lên ba, vì đói kém, bố mẹ con đã đưa con tới đây nương nhờ. Mẹ con bị lên một chiếc nhọt ở đầu rồi chết. Cha con do thời tiết thay đổi mắc bệnh cảm cũng mất theo. Vợ chồng ta đã lo quan tài chôn cất, và coi con như con đẻ. Không nói ra thì thôi, mà nói ra thì An Trú đến bên phần mộ gào lên khóc nức nở.

- Con là đứa con bất hiếu. Con không biết cha mẹ đã qua đời.

- Con ơi đừng phiền muộn nữa. - Trương Học Cứu nói. - Con hãy chọn ngày tốt, đem hài cốt cha mẹ về quê, nhận bác Lưu Thiêm Tường, mai táng hài cốt cha mẹ. Đừng quên ơn cha mẹ nuôi là được rồi.

- Thừa cha mẹ, công của cha mẹ nuôi còn hơn cả công lao cha mẹ đẻ. Con đâu dám quên ơn. Nếu trời cho khấm khá con xin kết cỏ ngậm vành báo đáp.

Hôm sau họ nhờ người chọn ngày tốt, An Trú gói hài cốt cha mẹ, thu xếp quần áo, tiền ăn đường và bản văn tự hợp đồng thành một gói, chào vợ

chồng Trương Học Cửu lên đường về quê.

Trương Học Cửu nói:

- Xưa kia bố mẹ con tới đây chẳng có một đồng một chữ, một đầu đòn gánh gánh con, còn đầu bên kia là gia tài nghèo nàn. Con đi đường phải cẩn thận, đường rừng núi hiểm trở khó đi, về tới nhà thì gửi thư ngay báo tin cho cha mẹ.
- Cha mẹ cứ yên tâm, đừng lo nghĩ gì.

Thế rồi An Trú từ biệt cha mẹ nuôi, quảy gánh ra đi.

Từ ngày vợ chồng người em ra đi đến nay đã mười lăm mười sáu năm trời, Lưu Thiêm Tường không có tin tức gì về em, nghĩ rằng, chẳng biết là còn hay mất. Vì nhà không có người liền lấy một người nạ dòng là Vương thị, người vợ kế dẫn cả đứa con riêng về nhà.

Một hôm, Vương thị nghĩ: "Chồng mình có một người em và đứa cháu đi nơi khác kiếm ăn, nếu về họ sẽ đuổi con mình đi lúc đó thì rầy rà to".

Hôm ấy là ngày tế xuân, lão Lưu đi ăn cỗ không có nhà. Mãi tới chiều cỗ bàn xong mới về. Đúng lúc ấy An Trú đương hỏi thăm đường, tới cửa nhà đặt gánh xuống. Vợ Lưu Thiêm Tường hỏi:

- Anh tìm ai?
 - Cháu tìm bác cháu, cháu là con của ông Lưu Thiêm Thụy, cách đây mười lăm năm, bố mẹ con và con đi nương thân nhà người thân thuộc, hôm nay cháu trở về.
- Đang hỏi han thì Lưu Thiêm Tường rượu say trở về, thấy An Trú, hỏi:
- Anh là ai? Đến nhà tôi làm gì"
 - Thưa bác, cháu là An Trú.
 - Thế cha mẹ cháu đâu?
 - Từ khi xa bác, tới nhà ông Trương Học Cửu tại thôn Hạ Mã, huyện Cao Bằng, Lộ Châu nương nhờ, không đầy hai năm sau thì cha mẹ cháu mất, chỉ còn lại mình cháu. Cha mẹ cháu quá cố, cháu được ông Trương Học Cửu nuôi nấng từ ngày đó đến nay. Nay cháu đem hài cốt cha mẹ cháu về

quê an táng, xin bác thương tình.

Lão Lưu đang say rượu. Vợ Lưu nói:

- Nhà ta chẳng có ai đi nơi khác nương nhờ người thân cả, tự nhiên anh ở đâu tới nhận xằng.

- Cháu có bản văn tự hợp đồng làm tin, nên mới về đây nhận bác.

Vợ Lưu bảo lão Lưu:

- Đuổi thẳng này đi, nó tới nhà mình nhận trắng nhận cuội.

Lão Lưu cầm hòn gạch đập vào đầu An Trú chảy toang máu, lăn quay ra đất. Đúng lúc ấy lí trưởng họ Lý tới hỏi lão Lưu:

- Người bị đánh ngã là ai đó?

- Nó giả danh là con Lưu Thụy, tới nhận tôi, rồi lại chửi tôi bị tôi đánh.

- Tôi nghe người ta nói, - lí trưởng họ Lý nói, - nên tôi tới xem sao. Đừng nói đúng hay không, để tôi điều anh ta dậy hỏi xem đã.

Lý trưởng họ Lý hỏi:

- Anh là ai?

Cháu là con Lưu Thiêm Thụy, tên là An Trú.

- Thế bao năm nay anh đi đâu, bây giờ mới về?

- Con được ông Trương Học Cửu thôn Hạ Mã, huyện Cao Bằng, Lộ Châu nuôi nay đã khôn lớn, con đem hài cốt cha mẹ về quê an táng. Song hai bác lại bảo con nhận vợ, con cũng đã đưa văn tự hợp đồng, nhưng bác ấy không thèm xem, mà đánh con, may được bác cứu giúp.

Lý trưởng bảo:

- Hãy gánh những thứ này đi theo ta.

Thế rồi đưa An Trú về nhà. An Trú đặt gánh xuống, cúi lạy lý trưởng Lý.

Lý trưởng Lý nói:

- Bà nó ơi, Lưu An Trú, con rể bà đưa hài cốt cha mẹ về quê đây này!

Lý trưởng Lý bảo Lưu An Trú đặt hài cốt trước nhà, rồi nói:

- An Trú, ta là bố vợ, còn đây là mẹ vợ của con.

Rồi ông gọi con gái là Mãn Đường ra nói:

- Con hãy lạy linh cữu của bố mẹ chồng con đi.

Họ bày lễ vật, cúng bái, hóa vàng hương xong, dọn cỗ khoản đãi An Trú.

Rồi lý trưởng Lý nói:

- Ngày mai con tới Bao Phủ doãn, phủ Khai Phong cáo giác con bị bác trai và bác gái đánh trọng thương.

Nghỉ lại đó một đêm, tới sáng hôm sau An Trú tới cáo giác với Bao Tướng Công phủ Khai Phong. Tướng Công lập tức sai người đi bắt vợ chồng Lưu Thiêm Tường tới, và mang theo cả bản văn tự hợp đồng lên trình quan. Lại cho gọi cả lý trưởng Lý tới làm chứng.

Hôm ấy, tất cả những người có liên quan đều tới phủ đường.

Bao Tướng Công hỏi:

- Lưu Thiêm Tường, có phải Lưu An Trú là cháu người Không?

- Không phải! - Lưu Thiêm Tường trả lời.

- Không phải! - Vợ Thiêm Tường cũng nói. - Nếu là cháu ruột, thì tại sao bao nhiêu năm nay chẳng biết sống chết thế nào?

Bao Tướng Công lấy hai bản văn tự hợp đồng ra xem, dùng dùng nôi giận giao lão Lưu cho nhà giam tra khảo.

An Trú nói:

- Thừa Tướng Công, bác con thật đáng thương, tuổi đã già, không con cái, xin tướng công thương tình.

- Hãy đưa vợ kể ra tra khảo! - Bao Tướng Công nói.

- Mong tướng công trị tội con, hai bác con không có liên quan gì. - An Trú nói.

Bao Tướng Công sai người đánh lão Lưu ba mươi gậy.

An Trú nói:

- Thừa Tướng Công, thà rằng Tướng công cứ đánh con chứ đừng đánh bác con. Thừa Tướng Công, chỉ cần việc nhà rõ ràng minh bạch, con sẽ suốt đời không dám quên ơn Tướng công.

Thấy An Trú là người hiếu nghĩa, Bao Tướng Công tha mọi người về nhà, nói:

- Chờ ta tâu lên triều đình.

Triều đình rất hài lòng thấy An Trú có lòng hiếu thảo, khen ngợi Lưu An Trú hiếu nghĩa song toàn, phong tặng giữ chức huyện doãn Trần Lưu, cho gia đình Lưu Thiêm Tường được đoàn viên.

Lý trưởng Lý chọn ngày lành tháng tốt làm lễ thành hôn cho Lưu An Trú

với Lý Mãn Đường.

Sau đó một tháng hai vợ chồng thu xếp hành trang chào đôi bên cha mẹ, lên đường tới huyện Cao Bằng tạ ơn Trương Học Cửu, rồi trở về huyện Trần Lưu nhậm chức. Vợ chồng Lưu An Trú sống hạnh phúc bên nhau tới tận đầu bạc răng long. Đúng là:

*Lý trưởng Lý vẫn đợi chờ chàng rể,
Vợ Lưu Tường định hãm hại cháu con.
Lưu An Trú người hiếu nghĩa song toàn.
Bao Tướng Công xử hợp đồng văn tự.*

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 8

Tào Bá Minh Nhật Được Của Rơi

Vào chuyện:

*Hai tám giai nhân khéo điểm trang,
Phòng ngủ hằng đêm đổi trai tân
Hai tay ngà ngọc ngàn người gối,
Một hạt minh châu vạn khách dòm
Giả dối hằng trăm ngàn mảnh khoe.
Sinh bao lòng dạ xấu xa thay.
Hai hàng nước mắt tương tư giả,
Đón người cửa trước rước cửa sau.*

Thời Chí Chính triều Nguyên, vùng Đông Quan phủ Đông Bình, Tào Châu, có một quán trọ. Chủ quán họ Tào, tên là Bá Minh, trạc ba mươi tuổi. Vợ chết, để lại một đứa con tên là Lư Nhi.

Thành Tào Châu có một kĩ nữ tên là Tạ Tiểu Đào, hai mươi hai tuổi, kiêu diễm nhất vùng. Bá Minh đã gian díu với cô hơn một năm, trong lòng rất yêu cô, muốn lấy cô làm vợ. Tiểu Đào mồm thì thề thốt, nhưng lòng dạ kĩ nữ có thật đâu. Cô ta vốn đã có một người đàn ông độc thân tên là Thường Đô Quân, và sống với hắn đã năm năm nay. Tiểu Đào lại một lòng một dạ muốn lấy hắn, vì Thường Đô Quân không có tiền, nên vẫn phải tiếp khách.

Không ngờ Bá Minh yêu Tiểu Đào say đắm, muốn lấy làm vợ. Một hôm Bá Minh tới thành bàn bạc với người cô của mình. Cô Bá Minh chồng chết, cùng với con mở hàng cơm. Cháu tới nhà hai cô cháu cùng ngồi trò chuyện. Bá Minh nói:

- Cô ạ! Vợ cháu mất đã lâu, nhà không có ai, nay Tà Tiểu Đào muốn lấy cháu, mà cháu cũng rất yêu cô ấy, cháu đến nói để cô biết.

- Cháu không được lấy cô ta, - người cô nói, - cô ta là gái làng chơi, lòng dạ không thật, lấy một cô gái nhà lành khác có hơn không.

Bá Minh không nghe lời, chào cô ra về, tự mình lo tiền sắm lễ, làm giá thú cưới Tà Tiểu Đào về làm vợ. Chỉ vì không theo lời cô nên suýt nữa phải chết thê thảm. Đúng là:

*Gió thu chưa tới ve đã biết,
Chết đến bất thường ai biết đâu.*

Cổ thi từng viết:

*Đôi má tựa môi thơm,
Lông mày lười câu sắc.
Câu Ngô Vương một lần,
Mà nhà tan nước mất.*

Tào Bá Minh sống với Tà Tiểu Đào được hơn hai tháng. Bỗng một hôm, Thường Đô Quân tới thăm Tà Tiểu Đào. Tiểu Đào thì thầm to nhỏ với Thường Đô Quân:

- Em với anh muốn trở thành vợ chồng cũng dễ thôi. Hằng ngày vào lúc canh năm Bá Minh thường đi đón khách không ở nhà. Anh chờ tới canh năm khi hẵn về, đánh chết hẵn thì chúng mình sẽ mãi mãi là vợ chồng. Như thế chẳng tốt sao?

Thấy Tiểu Đào nói thế, Thường Đô Quân mừng rỡ, nói:

- Kế của em hay lắm!

Thế rồi Thường Đô Quân ra về.

Vào canh năm thường có một tên cướp đường gọi là con hổ thọt Tống Lâm. Ban ngày hẵn không dám ra, chỉ xuất hiện vào lúc nửa đêm. Một hôm hẵn lén vào nhà nọ, lấy trộm một ít đồ vật mang về, đúng vào lúc canh năm chạm trán Tào Bá Minh, Bá Minh quát thét:

- Người là ai?

Tống Lâm nói:

- Còn người là ai?
- Ta là Tào Bá Minh mở quán trọ ở Đông Quan.
- Tào Bá Minh! - Tống Lâm nói. - Không lộ ra thì thôi, nếu người lộ ra ta sẽ không tha người đâu.
Nói xong Tống Lâm bỏ đi.

Mấy hôm sau, vào lúc canh năm Tào Bá Minh đi đón khách. Lúc ấy đang mùa đông, tuyết rơi lả tả, chờ mãi không có khách, Bá Minh chẳng kể gì đến gió tuyết, cứ thế ra về. Đi chưa được một dặm, Bá Minh vấp phải một vật gì trên đường, ngã sóng soài lồm ngồm bò dậy thì thấy một chiếc bao, nghĩ rằng: "Nếu bao có tiền mang về còn khá, nếu không có tiền mà mang về càng thêm lo nghĩ mà chết". Rồi Bá Minh gọi thầm lên: "Đằng trước có ai đánh rơi chiếc bao không?". Kêu mãi chẳng thấy ai tới nhận. Tuyết xuống mỗi lúc một dày, đêm đã khuya lắm rồi, Bá Minh đành vác bao về nhà. Gõ cửa, Tiểu Đào ra mở, thấy chiếc bao bèn hỏi:

- Những thứ này ở đâu đấy?
- Em ạ! Anh và em giàu to rồi! - Bá Minh nói. - Khoảng canh năm, thấy tuyết rơi nhiều, trời lạnh không có khách tới, anh đành bỏ về, giữa đường vấp phải chiếc bao ngã dúi xuống đất bò dậy gọi mãi chẳng thấy ai đến nhận. Anh đành phải mang chiếc bao về để chúng ta dùng. Người ta thường nói: "Người không cướp của không giàu, ngựa không ăn cỏ đêm không béo". Đây cũng là trời cho vợ chồng ta.
Bá Minh thấy hơi lo. Đúng là:

*Tự dưng của đến không trả được
Chẳng thấy mừng vui cũng chẳng buồn.*

Cổ thi viết:

*Trời im hơi lặng tiếng,
Thăm thăm biết đâu tìm.
Trời chẳng cao chẳng xa,
Ở ngay lòng ta đấy.*

Châu Doãn Tào Châu bước ra công đường, bỗng thấy phủ Đông Bình sức giấy xuống bắt ngay Tào Bá Minh, người mở quán trọ ở Đông Quan, Tào Châu. Châu Doãn gọi ngay Trương Thiên, nói:

- Người hãy đi bắt ngay Tào Bá Minh tới đây.

Trong chốc lát Tào Bá Minh tới, quỳ trước cửa công đường. Châu Doãn hỏi:

- Tại sao người dọa nạt người, cướp lấy tang vật mang về Nhà. Hãy khai rõ sự thực.

- Thừa tướng công, - Tào Minh nói, - con chưa cướp của bao giờ.

Châu Doãn quát đánh. Sai nha lôi Bá Minh ngã sấp, đánh hai mươi gậy, đến nổi rách da toạc thịt, máu tươi đầm đìa, nhưng Bá Minh vẫn không chịu nhận. Đang định hỏi tiếp, thì thấy Tiểu Đào mang bao đến công đường tự thú, nói:

- Mấy hôm trước đây, không biết Bá Minh lấy ở đâu về một bao, không biết là của ai con mang lên tự thú.

- Mày là con đĩ xấu xa! - Tào Bá Minh nói. - Ta với mày là vợ chồng, mày lại đồng mưu với kẻ khác hãm hại ta!

- Tang vật rành rành, tại sao người không nhận? - Châu Doãn giận dữ quát. Tào Bá Minh cứ một mực kêu oan:

- Thừa tướng công, vào canh năm con đi đón khách, thấy chiếc bao này nằm trên đồng tuyết, con nhặt mang về, chứ hoàn toàn con không lấy của ai.

Châu Doãn không nghe, truy hỏi nhiều lần, Bá Minh không chịu nổi buộc phải khóc lóc van xin. Tà Tiểu Đào giả vờ sụt sịt nói:

- Em sợ anh phải chịu đòn nên mang bao ra tự thú. Anh khai ra là xong.

Bá Minh chửi:

- Đồ đê tiện, mày đã giết tao rồi!

Châu Doãn cho cùm Bá Minh, gói tang vật lại, làm văn bản trình lên trên, giải tới phủ Đông Bình để đưa ra ngoài ngàn dặm sinh sống. Đúng là:

Mai rùa hầm không nát,

Chỉ hại cành dâu khô.

Hôm ấy, hai người áp giải Bá Minh qua cửa nhà người cô. Bá Minh nói với

cô rằng:

- Lúc đầu cháu không nghe lời cô, nên bây giờ bị gái điếm thông đồng với kẻ khác hãm hại. Cháu gửi đứa con cho cô, sau này chết đi con nhờ cô nuôi nấng dạy bảo nó là được rồi.

Người cô dọn rượu mời cháu và hai người sai nha. Họ được lệnh giải Bá Minh, cầm theo tang vật, và tờ trình tới phủ đường. Xong việc, họ phải chờ mang giấy của trên về.

Bộ Tả Thừa hỏi Bá Minh:

- Tại sao người dọa người cướp của, hãy khai rõ sự thực.
- Thừa tướng công đèn trời soi xét vào canh năm con nhặt được chiếc bao này, chứ hoàn toàn con không lấy cắp.
- Hiện có tên trộm bị Tống Lâm đánh chết, - Bộ Tả Thừa nói, - Tống Lâm đã khai người lừa dối cướp lấy số tang vật của tên cướp ấy. Tang vật hiện còn, người chối làm sao được.

Bá Minh cứ khóc lóc kêu:

- Con lấy con gái điếm Tạ Tiểu Đào làm vợ, đến nay bị nó hãm hại. Xin Tướng Công soi xét.

Nghe thấy nói thế, Bộ Tả Thừa thấy nghi hoặc: "Việc này thật khó xét xử hãy giam Bá Minh lại, sai người tới Tào Châu bắt Tiểu Đào tới, may ra mới rửa oan được cho Tào Bá Minh".

Đúng là:

*Báo ứng vốn vô tư,
Tiếng đồn như nhau cả.
Muốn biết mầm tai họa,
Phải xét từ việc làm.*

Sai nha tới Tào Châu, bắt Tạ Tiểu Đào về phủ đường. Bộ Tả Thừa cho giải Tiểu Đào tới quỳ trước phủ đường. Bộ Tả Thừa nói:

- Con gái điếm này hãy khai mau. Người đã gian dâm với đứa nào, rồi bày mưu hại Tào Bá Minh? Hãy khai thực ta sẽ tha, nếu không, ta sẽ đánh chết. Tạ Tiểu Đào quanh co không chịu khai. Bộ Tả Thừa lệnh:

- Hãy nọc nó ra đánh một trăm gậy cho chết đi!

Sai nha lồi Tiểu Đào ra đánh, mới đánh được mười gậy Tiểu Đào không chịu nổi phải khai:

- Thừa Tướng Công, con đã có tình sâu nghĩa nặng với Thường Đô Quân, về sau bị Tào Bá Minh cướp làm thiếp, bởi thế con với Thường Đô Quân đã bày mưu, bảo Tống Lâm đem tang vật vứt trên đường chờ Bá Minh nhặt mang về rồi vu vạ cho Bá Minh để lấy thiếp làm vợ. Thừa Tướng Công đó là sự thực.

Bộ Tả Thừa lệnh giam cầm phụ và ngục, sai ngay bốn người hỏa tốc tới Tào Châu bắt Đô Quân. Bắt được Đô Quân sẽ đưa ngay Tạ Tiểu Đào vào làm nô tì cho quan. Đúng là:

*Nếu như ác độc chưa báo ứng,
Trời đất quỷ thần vẫn thiên tư.*

Hôm sau, Thường Đô Quân bị bắt giải tới công đường. Bộ Tả Thừa không hỏi, lệnh:

- Hãy đánh hăm một trăm roi gai.

Đô Quân bị đánh toạc ra rách thịt, máu me đầm đìa. Bộ Tả Thừa cho gọi Tào Bá Minh, Tạ Tiểu Đào vào trước công đường phán xét. Hai người quỳ một bên, Thường Đô Quân quỳ một bên: Bộ Tả Thừa buộc Đô Quân phải cung khai là do mê đắm Tiểu Đào mà mưu đồ hãm hại Tào Bá Minh. Bộ Tả Thừa cầm bút phán quyết, đánh Thường Đô Quân ba mươi gậy, thịch chửi vào trán, đày đi xa ba ngàn dặm làm khổ sai, không cho phép về quê. Tạ Tiểu Đào phạt vào nhà quan làm nô tì. Tào Bá Minh vô sự, cho về nhà.

Tào Bá Minh lạy tạ Bộ Tả Thừa đã xét xử công minh, trở về nhà, hai cha con lại mở quán trọ như cũ, sống cho tới hết đời. Đúng là:

*Vẽ hổ, vẽ da xương khó vẽ,
Biết người biết mặt chẳng biết lòng.*

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 9

Nhận Lầm Xác Chết

Vào chuyện:

*Thế sự ngày nay thật rối bời,
Sống phải khôn ngoan mới thành thời.
Ngẫm ra, nước mất nhà tan nát,
Đều chỉ vì, tham ngọc tiếc hoa.*

Vào năm Minh Đạo nguyên niên, thời Tống Nhân Tông, phía bắc cầu Thành Chúng An gần chùa Quan âm, quận Ninh Hải, lộ Triết Giang (tức Hàng Châu ngày nay), có một thương gia tên là Kiều Tuấn, tự Ngạn Kiệt, quê cha đất tổ ở Tiền Đường. Cha mẹ mất sớm, Kiều Tuấn là người khôi ngô tuấn tú nhưng lại hiếu sắc tham dâm. Vợ là Cao thị, đã bốn mươi tuổi mà vẫn không có con trai, chỉ có người con gái mười tám tuổi, tên là Ngọc Tú. Nhà có ba người, và một đứa ở tên là Trại Nhi.

Kiều Tuấn có bốn năm vạn quan tiền, chuyên đi mua tơ lụa ở Trường An, Sùng Đức đưa về Đông Kinh bán, rồi buôn tảo hồ đào, tạp hóa về nhà bán. Một năm có tới sáu tháng vắng nhà Kiều Tuấn có một quán rượu, nhưng giao hết cho Trại Nhi, chỉ thuê một người làm công tên là Hồng Tam, chuyên ở nhà cất rượu. Vợ cao thị hằng ngày trông coi việc xuất nhập tiền nong.

Mùa xuân năm Minh Đạo thứ hai, khi đã bán xong tơ lụa ở Đông Kinh, Kiều Tuấn mua hồ đào, tảo mang về, thuyền tới bến sông Thượng Tân, Nam Kinh, thì gặp gió to, phải nằm kẹt ở đó ba ngày không sao đi được. Đang đứng bên thuyền của mình, Kiều Tuấn nhìn thấy thuyền bên có một

người đàn bà đẹp da trắng như tuyết, tóc xanh như mây, Kiều Tuấn nhìn thấy mê tít, bèn hỏi dò người chân sào:

- Thuyền của anh có người khách nào đấy. Vì sao lại có cả quan thi ở đó nữa?

- Chu Tuần Kiêm, phủ Kiến Khang mắc bệnh chết, nay gia đình đưa linh cữu về Sơn Đông, người đàn bà trẻ ấy là thiếp hầu của ông ấy. Ông hỏi người đàn bà ấy làm gì?

- Ông bạn ạ! - Kiều Tuấn nói. - Ông hỏi giúp tôi phu nhân Tuần Kiêm nếu muốn gả người thiếp ấy cho tôi, tôi sẽ tình nguyện đưa cho bà nhiều tiền của lễ vật để lấy người ấy làm thiếp. Ông thu xếp xong việc, tôi sẽ tạ ơn ông năm lạng bạc.

Người chân sào bèn vào khoang thuyền, hỏi phu nhân già:

- Thưa phu nhân, cô gái trẻ đang trước, bà có muốn gả cho người khác không?

Thấy hỏi thế, phu nhân bằng lòng gả ngay người đàn bà trẻ ấy cho Kiều Tuấn làm thiếp, khiến cho:

Cả nhà đều chết hết.

Vạn quan tiền mất toi

Hai má như mồi thơm

Lông mày, lưỡi câu sắc

Câu Ngô Vương một lần

Mà nhà tan cửa nát.

Phu nhân già nói với người chân sào:

- Người có nói với người lái buôn ấy được không? Nếu có ai lấy cô ấy thì ta bằng lòng gả, chỉ cần đưa cho ta một ngàn quan là xong.

- Thuyền bên có một người khách buôn táo, muốn lấy Nhị Nương Tử, nên có ý bảo tôi nói với phu nhân.

Phu nhân bằng lòng. Người chân sào trở lại nói với Kiều Tuấn:

- Phu nhân đã bằng lòng gả cho ông rồi.

Thấy nói thế Kiều Tuấn rất mừng, mở ngay hòm lấy ra một ngàn quan tiền

giao cho người chân sào đưa cho phu nhân. Phu nhân nhận tiền rồi bảo người chân sào mời Kiều Tuấn sang gặp. Kiều Tuấn thay quần áo, sang thuyền chào phu nhân. Phu nhân hỏi quê quán, họ tên, rồi gọi thị thiếp tới bảo:

- Tướng Công đã qua đời, đứa con của ta lại rất ghê gớm, ta gả cô cho ông này làm thiếp, bây giờ cô hãy sang thuyền bên, tới Đại Mã Đầu, quận Ninh Hải sống. Cô phải hết lòng hầu hạ ông ấy, đừng thoái thác!

Người đàn bà và Kiều Tuấn chào từ biệt phu nhân già. Phu nhân cho người đàn bà ấy mang quần áo đồ đạc của mình sang thuyền Kiều Tuấn. Kiều Tuấn lấy ra năm lạng bạc đưa cho người chân sào.

Kiều Tuấn rất đổi vui mừng, hỏi người đàn bà:

- Em tên gì?

- Em là Xuân Hương, hai mươi lăm tuổi.

Đêm ấy trên thuyền, Kiều Tuấn cùng nàng chung chăn gối.

Hôm sau trời quang mây tạnh, tất cả thuyền bè đều giương buồm lên đường. Kiều Tuấn đi sáu bảy ngày mới tới Bắc Tân Quan, ép thuyền lên bờ, gọi một chiếc kiệu cho Xuân Hương về Vũ Lâm Môn, tới cổng thì họ xuống kiệu.

Kiều Tuấn dẫn Xuân Hương về nhà, vào trước gặp Cao thị báo cho Cao thị biết chuyện, rồi trở ra đón Xuân Hương vào gặp Cao thị. Thấy Xuân Hương, Cao thị nói ngay:

- Anh đã lấy cô ấy về tôi không dám ngăn cản, song anh phải nghe theo tôi hai điều thì tôi mới tha cho anh.

- Em hãy nói đi, - Kiều Tuấn nói, - hai điều ấy là gì?

Cao thị nói thẳng với Kiều Tuấn là: có nhà khó ở, có nước khó về! Đúng là:

*Lụn bại tại vì sa quán rượu
Tai ương là bởi có tình nhân,
Trai tài có ý mê người đẹp,
Gái sắc hững hờ gả trai quê,
Sao anh đã vội nghe lời vợ,
Phân chia nhà hại lắm thay.*

*Không nghe lời vợ làm việc lớn,
Nam nhi như thế được mấy người.*

Lúc ấy Cao thị nói với chồng:

- Nay anh đã lấy vợ về thì anh dẫn cô ấy đi nơi khác mà ở, không cho anh để cô ấy ở cái nhà này.
- Được thôi, - Kiều Tuấn nói, - tôi sẽ đi thuê nhà khác ở với cô ấy.
- Từ hôm nay trở đi, - Cao thị nói, - tôi không ở với anh nữa. Tiền, đồ đạc, trang sức, quần áo trong nhà là của mẹ con tôi không cho phép anh mang đi. Anh có nghe không?

Kiều Tuấn trầm ngâm hồi lâu, nghĩ bụng: "Nếu không theo thì khó mà sống được. Thôi thì nghe theo cho yên chuyện", rồi nói:

- Anh theo lời em.

Cao thị im lặng.

Sáng sớm hôm sau Kiều Tuấn dỡ hàng và hành lý về nhà rồi nhờ người thuê một ngôi nhà ở Cự Tiễn Đồng, nay là Cống Viện. Kiều Tuấn chọn ngày tốt, kiểm lại hàng, dọn đến nhà mới, rồi cứ hai ba ngày lại về nhà cũ một lần.

Thời gian thấm thoát thoi đưa, mới thoáng qua mà đã nửa năm, Kiều Tuấn mua tơ xong, chuẩn bị ít gạo củi để ở nhà, nói với Chu thị:

- Em ráng ở nhà một mình, anh đi độ vài tháng thì về. Nếu có việc gì cần kíp thì hãy về nhà nói cho chị cả biết.

Sau đó Kiều Tuấn về nói với vợ cả Cao thị:

- Ngày mai anh đi, nhiều lắm cũng chỉ độ hai tháng thì về. Nếu có việc gì xảy ra, em hãy để ý đến Chu thị, để giữ thể diện cho vợ chồng mình.

Con gái nói:

- Cha đi rồi thu xếp mà về cho sớm nhé.

Kiều Tuấn từ biệt vợ con, trở về thu xếp chuẩn bị mai lên đường. Lúc Kiều

Tuấn xuống thuyền đi Đông Kinh đã là tháng Chín.

Biền biệt hai tháng trời, Chu thị ở nhà vò vó một mình, suốt ngày tựa cửa ngóng trông mà chẳng thấy chồng về. Mùa đông đã tới. Năm ấy trời rất lạnh, rồi bỗng một buổi chiều mây đen ùn ùn kéo đến, bầu trời tối sầm lại, rồi tuyết rơi dữ dội. Cao thị ở nhà lo lắng: "Chồng mình ra đi đã tới mùa đông rồi mà sao vẫn không về", rồi nói với con gái:

- Chu thị ở nhà rét mướt mà Trại Nhi lại ốm nặng không đến được.

Rồi Cao thị bảo Hồng Tam đưa gạo, củi, than, tiền cho Chu thị.

Thấy tuyết xuống nhiều, Chu thị đóng cửa ngồi khóc một mình, bỗng thấy tiếng gõ cửa, cứ ngỡ rằng chồng về, vội vã ra mở cửa, thấy Hồng Tam gánh các thứ tới. Chu thị nói:

- Anh Hồng Tam, lâu nay Đại Nương và Đại Thư có khỏe không?

- Đại Nương thấy ông chưa về, nghĩ rằng bà thiếu tiền chi dùng, nên bảo tôi mang củi, gạo và tiền tới cho bà.

Thấy thế Chu thị nói:

- Hồng Tam, về cho tôi gửi lời cảm ơn Đại Nương và Đại Thư nhé!

Hồng Tam chào từ biệt Chu thị trở về.

Trưa hôm sau lại thấy tiếng gõ cửa, Chu thị nghĩ: "Trời tuyết to thế này không biết ai gọi cửa". Chính vì người này mà sau đó Chu thị không thể sống chung với Kiều Tuấn.

Hôm ấy tuyết rơi mỗi lúc một to. Chu thị đang ngồi trong phòng sưởi ấm, thấy có tiếng gõ cửa, đứng dậy nhìn ra thì thấy một người chít khăn rách, mặc áo cũ, hỏi Chu thị:

- Bà ơi, ông Kiều Tuấn có nhà không?

- Ông nhà tôi đi từ tháng chín tới nay vẫn chưa về. - Chu thị trả lời

- Tôi là lý trưởng tới gọi Kiều Tuấn đến Hải Ninh đắp đê, cứ làm mướn

ngày lại nghỉ hai mươi ngày, ông ấy không ở nhà thì tôi tìm giúp cho ông bà một người, bà trả công cho họ.

- Thế thì nhờ ông tìm giúp, tôi sẽ trả công. - Chu thị nói.

Lý trưởng chào Chu thị ra về. Hôm sau ăn cơm xong lý trưởng dẫn tới một chàng trai trạc hai mươi tuổi tới gặp Chu thị. Lý trưởng nói:

- Anh này người huyện Thượng Hải, tên là Đồng Tiểu Nhị. Cha mẹ mất sớm, nay đi làm thuê sống qua ngày. Mỗi năm chỉ cần bà trả bốn năm quan tiền, mùa đông, mùa hạ may cho anh ta vài bộ quần áo. Tôi thấy nhà bà neo người, có thể thuê anh ấy làm việc nhà, không ngại gì đâu.

Thấy lý trưởng nói thế Chu thị rất mừng, nói:

- Đúng là nhà tôi không có người làm thật.

Thấy người ấy hiền lành, lương thiện bèn cảm ơn lý trưởng, nhận thuê người ấy làm việc ngay tại nhà.

Sáng hôm sau lý trưởng đến gọi đi phu. Chu thị đưa cho ít tiền, rồi Tiểu Nhị theo lý trưởng đi làm mười ngày mới về. Tiểu Nhị ở nhà cần cù siêng năng nhóm bếp, quét nhà, việc gì cũng chịu thương chịu khó.

Kiều Tuấn ở Đông Kinh bán tơ, thường đi lại với Thẩm Thụy Liên, một gái làng chơi có tiếng, rồi ở ngay nhà cô ăn chơi tiêu xài. Anh ta chỉ luyện hoa tiếu liễu mãi mê vui thú, hoàn toàn bỏ mặc vợ con ở nhà.

Đâu có biết Trại Nhi ở nhà ốm đau đã chết hơn một tháng, Cao thị bảo Hồng Tam mua sắm quan tài, đưa ra bãi hỏa táng ngoại thành hỏa thiêu. Cao thị vốn là người trinh tiết, tuy bán rượu ở cửa hàng nhưng chẳng chút tà tâm.

Không ngờ, từ khi Chu thị cho Đồng Tiểu Nhị ở tại nhà, lại gian dú với anh ta, mỗi lần đi phu trở về, thường mang cơm nóng canh sốt cho Tiểu Nhị ăn. Tiểu Nhị thấy không có ai ở nhà càng cần mẫn siêng năng. Chu thị thường đầu mày cuối mắt khơi gợi. Tiểu Nhị cũng có tình ý nhưng không dám gần.

Một hôm, đúng vào đêm ba mươi tháng Chạp, Chu thị bảo Tiểu Nhị mua ít rượu, thịt, cá, hoa quả về ăn tết. Đến tối Chu Thị bảo Tiểu Nhị đóng cổng, vào bếp hâm rượu, thái thịt làm cỗ đặt lò sưởi, đốt đèn, bày mâm trên chiếc giường trong phòng. Tiểu Nhị ngồi dưới bếp đốt lửa. Chu thị khe khẽ gọi:

- Tiểu Nhị, hãy vào phòng ăn cơm uống rượu:

Tiểu Nhị ngượng ngùng bước vào, dường như Tiểu Nhị đang đi vào chỗ chết. Đúng là:

*Chỉ vì rượu gái cùng tiền của,
Chôn vùi sự nghiệp đấng nam nhi.
Trong nhà không thể không kẻ ở
Ngờ đâu gặp phải bọn côn đồ.
Rõ ràng chuyên xảy ra kì quặc,
Thế mà che mắt đấng trượng phu.*

Lúc ấy Chu thị gọi Tiểu Nhị vào giường, nói:

- Tiểu Nhị, lại đây, lại đây! Tôi và anh uống vài chén rượu. Hôm nay chúng ta là vợ chồng có được không?

- Tôi không dám! - Tiểu Nhị đáp.

Chu thị trách:

- Đồ ngốc!

Thế rồi Chu thị bế Tiểu Nhị lên giường, ngồi sát vào Tiểu Nhị rồi ôm chầm vào lòng, cởi thắt lưng bảo Tiểu Nhị sờ vào đôi vú trắng ngần. Hồn vía Tiểu Nhị phiêu diêu bồng bềnh, ôm ghì lấy khuôn mặt Chu thị, thè lưỡi sang mồm Chu thị vô cùng khoái lạc

Chu thị rót rượu, hai người nâng cốc, uống chung năm sáu chén. Chu thị nói:

- Anh ngủ ở ngoài, em ngủ trong phòng, giá lạnh chịu sao nổi. Không nghe theo lời em, anh thật là ngốc nghếch.

Tiểu Nhị quỳ xuống nói:

- Cảm ơn Nương Tử đã có lòng, kẻ hèn mọn này đã có tình ý từ lâu rồi, nhưng không dám nói ra. Nay được Nương Tử nâng đỡ, ơn ấy có đổi mạng sống cũng không đền đáp nổi.

Hai người nói xong cời áo quần sống như vợ chồng. Một đêm mây mưa khoái lạc, không cần phải kể.

Sáng dậy Tiểu Nhị đun nước, rửa bát, nấu cơm, Chu thị dậy trang điểm rửa mặt rồi ăn cơm. Đúng là:

Nam thanh nữ tú,

Gái sắc trai tài.

Họ sống với nhau như vợ chồng. Hàng xóm láng giềng đều biết, song chẳng ai để ý tới chuyện không đâu.

Vì không có người bán rượu, Cao thị phải đứng bán rượu ngoài cửa hàng. Bỗng một hôm nghe thấy người ta nói, Chu thị thông dâm với Tiểu Nhị, Cao thị rất sốt ruột, cho Hồng Tam tới bảo Chu thị dọn về nhà để hai bên đỡ tốn kém. Được tin, Chu thị nhờ Hồng Tam về cảm ơn lòng tốt của Đại Nương, và hứa sẽ dọn đồ đạc về nhà ngay tối nay. Hồng Tam ra về.

Chu thị bèn gọi Tiểu Nhị tới bàn:

- Hôm nay Đại Nương bảo ta về nhà thì anh sẽ như thế nào bây giờ?
- Thưa bà, bà lớn ở nhà không có người, con xin tình nguyện tới đó bán rượu cho bà lớn. Có điều là không được vui thú cùng bà. Đôi ta bỗng dưng phải xa nhau.

Nói xong hai người ôm nhau khóc. Chu thị nói:

- Anh hãy yên tâm. Tôi thu xếp đồ đạc quần áo, anh gánh giúp tôi về chỗ bà lớn. Tôi sẽ nói với bà lớn giữ anh lại, rồi chúng ta lén lút vui thú với nhau, chờ cho chồng tôi về sẽ liệu kế sau.

Tiểu Nhị thấy thế vui vẻ trả lời:

- Xin trông chờ vào sự cố gắng của bà.

Chiều hôm ấy Tiểu Nhị thu xếp gánh đồ đạc đến nhà bà lớn. Đến chiều Hồng Tam mang đèn lồng tới đón Chu thị. Chu thị lấy khóa khóa cổng, cùng với Tiểu Nhị về nhà.

*Thiêu thân lao vào đĩa đèn chết,
Dời vấp phải sào mạng cũng toi.
Làm người xin đừng ai giả dối,
Ngẩng lên ba thước thấy thánh thần.
Nếu như kẻ ác không báo ứng,
Thiên hạ còn đồ giết lẫn nhau.*

Tiểu Nhị, Chu thị về nhà gặp Cao thị. Cao thị nói:

- Nay cô đã về đây ở, tại sao không đuổi Tiểu Nhị đi mà còn dẫn nó về.
- Trước mắt Đại Nương không có người sai bảo, thôi thì cứ lưu nó lại để sai vặt, đến khi anh Kiêu Tuấn về đuổi nó đi cũng chưa muộn.

Cao thị là một người trong trắng, nghĩ bụng: "Ở nhà ta trực tiếp trông coi thì họ gian dối với nhau làm sao được". bèn cho Tiểu Nhị ở lại trông coi cửa hàng, cất rượu, cần gì là có người sai bảo ngay.

Không ngờ mấy tháng trời, Chu thị tuy có tình ý với Tiểu Nhị nhưng không thể tự do hành lạc như khi ở một mình.

Một hôm Chu thị thấy Đại Nương khen Tiểu Nhị cần mẫn siêng năng, lại biết giữ bốn phận, Chu thị bèn chớp lấy thời cơ nói:

- Sao Đại Nương không gả Đại Thư cho Tiểu Nhị có được không?

Nghe thấy thế Đại Nương nổi giận chửi:

- Người là đồ hèn, không có chí khí! Chả lẽ con gái ta lại lấy đứa làm thuê ư?

Chu thị bị Đại Nương chửi ba bốn ngày mà vẫn không dám nói năng gì.

Đại Nương chỉ biết mình quang minh chính đại mà hoàn toàn không cho rằng Chu thị đã thông dâm với Tiểu Nhị, nên Chu thị muốn Cao thị gả con gái cho hắn ta. Nếu Cao thị nghĩ ra trước điều này đuổi Tiểu Nhị đi thì sao này không đến nỗi tan cửa nát nhà, mình và con cũng không phải chết trong tù ngục.

Người xưa nói: "Một năm là đứa ở, hai năm trở thành ông, ba năm thành cụ". Không ngờ Kiều Tuấn đi biệt mãi không về. Tiểu Nhị ở nhà Đại Nương đã hơn một năm, mọi việc trong nhà đều dựa vào Tiểu Nhị và trở thành chủ nhà, ức hiếp Hồng Tam. Mỗi khi gặp Ngọc Tú, Tiểu Nhị thường hay trêu ghẹo, rồi một hôm, không ngờ Tiểu Nhị gian dâm với Ngọc Tú. Việc này Chu thị biết nhưng vẫn giấu Đại Nương.

Dạo ấy vào tháng sáu, trời nóng nực oi bức, Ngọc Tú tắm trong phòng, Đại Nương bước vào, thấy vú con gái to, chợt giật mình. Chờ cho con gái tắm xong, Đại Nương gọi vào nhà hỏi:

- Mày đã bị đứa nào trêu ghẹo mà vú to như thế? Hãy nói thực thì ta tha cho.

Ngọc Tú không thể chối cãi được, đành nói thật:

- Con đã bị Tiểu Nhị lừa.

Cao thị giậm chân kêu trời:

- Việc này hoàn toàn do Chu thị chỉ lối đưa đường, làm hại con gái ta, biết thế nào đây?

Định làm to chuyện, nhưng lại sợ chuyện vỡ lở, con mình sẽ khổ một đời. Cao thị chau mày ngẫm nghĩ hồi lâu: "Phải giết thẳng khốn nạn này thì người ta mới không biết được".

Hai tháng sau, hôm ấy đúng vào dịp tết Trung thu, Cao thị bảo Tiểu Nhị mua cá, thịt, hoa quả làm cỗ. Đêm ấy, Cao thị, Chu thị và Ngọc Tú thưởng trăng ở vườn sau, bảo Hồng Tam và Tiểu Nhị ăn riêng chỗ khác. Vào canh ba, Cao thị gọi Tiểu Nhị thưởng cho hai bát rượu. Tiểu Nhị không dám chối từ uống một hơi cạn hết, không ngờ say quá ngã gục. Hồng Tam uống rượu

xong, một mình về phòng ngủ.

Tiểu Nhị vì say rượu, trúng kế Cao thị, đêm ấy quả là:

Dương gian vừa biến mất một người.

Đông Nhạc lại thêm oan hồn mới.

Lúc ấy Cao thị giục con gái đi ngủ, rồi nói với Chu thị:

- Ta chỉ quan tâm tới việc buôn bán trong nhà, nào ngờ người lại thông dân với thằng khốn nạn ấy. Các người đều cùng một giuộc, người đã cố ý bảo nó gian dân với con gái ta. Ông ấy mà về thì ăn nói sao đây? Ta là một người trong trắng, nay gọi người về người lại làm nhục gia phong nhà ta, phải làm thế nào đây? Không còn cách nào khác, bây giờ ta và người phải giết tên khốn kiếp ấy, chẳng thần thánh ma quỷ nào biết được. Nếu ông ấy về, người và con gái ta cũng sẽ tránh được tiếng xấu xa, mọi người đều vô sự. Người hãy tìm cho ta một chiếc thùng.

Lúc đầu Chu thị không nghe, bị Cao thị chửi:

- Chính vì người thông dân với thằng dê tiện ấy nên đã làm hại con gái ta, bởi thế người vẫn còn luyến tiếc nó!

Chu thị bị chửi như tát nước vào mặt, đành vào phòng lấy ra một chiếc thùng gai đưa cho Đại Nương. Đại Nương cầm lấy thắt cổ Tiểu Nhị.

Đàn bà vốn yếu chân mềm tay, thắt hàng giờ đồng hồ mà không chết. Tiểu Nhị kêu lên. Đang lúc khẩn cấp, không có gì trong tay, Cao thị bảo Chu thị vào bếp lấy ngay chiếc búa bổ củi bổ vào đầu Tiểu Nhị, óc phọt ra chét giãy đành đập.

Cao thị bàn với Chu thị:

- Chết thì chết rồi, nhưng chiếc xác này xử lý thế nào đây?

- Hãy gọi Hồng Tam dậy, - Chu thị nói, - buộc một hòn đá to vào xác mang vứt xuống sông Tân Kiều để chiếc xác ấy thối rửa thì chẳng ma quỷ thần thánh nào biết được.

Cao thị rất mừng, bèn vào gian nhà cất rượu gọi Hồng Tam tới. Hồng Tam ra vườn sau, thấy xác Tiểu Nhị, nói:

- Trừ khử được tai họa này thì tốt quá. Nếu còn để nó ở nhà này ông nhà mà về thì mất mặt.

- Nhân lúc trời chưa sáng, - Chu thị nói, - hãy mang chiếc xác này đưa ra sông Tân Kiều, buộc hòn đá to vào và vứt xuống sông. Sáng mai nếu có ai hỏi thì cứ nói là đêm qua Tiểu Nhị đã lấy trộm đồ trang sức rồi trốn đi. Nhà nó lại không có người đến tìm thế là tai họa không còn nữa.

Hồng Tam mang chiếc xác đi, Đại Nương soi đèn đưa ra khỏi cửa. Lúc ấy đã vào canh năm, Hồng Tam tới bờ sông, lấy một hòn đá to buộc vào xác chết vứt xuống sông, rồi đẩy ra tận giữa dòng. Sông này chỉ sâu hơn một trượng, chiếc xác chìm xuống đáy, chắc rằng sẽ vĩnh viễn không còn tông tích. Hồng Tam trở về, khe khẽ đóng cổng. Đại Nương và Chu thị vào buồng ngủ.

Cao thị tuy tự cho mình là trong sạch, nhưng thiếu chút thông minh, làm hỏng việc này. Nếu như đã biết được việc gian dân, thì chỉ cần đuổi Tiểu Nhị đi là xong chuyện. Song nay lại thất cổ Tiểu Nhị chết, sau này bị người ta cáo giác nên đã chết trong ngục, tan cửa nát nhà.

Hồng Tam ngủ tới sáng, dậy cất rượu. Đại Nương vẫn đứng trước quầy hàng bán rượu như mọi ngày. Ngọc Tú không thấy Tiểu Nhị, cũng không dám hỏi. Chu thị giả vờ nói:

- Thằng Tiểu Nhị là một đứa quá tồi tệ, đêm qua nó đã lấy trộm đồ trang sức rồi trốn đi.

Ngọc Tú ở trong phòng cũng chẳng hỏi gì thêm. Những người hàng xóm cũng chẳng để ý gì đến Tiểu Nhị có còn ở nhà Đại Nương hay không.

Từ hôm sát hại Tiểu Nhị, Cao thị cứ giật mình thon thót, lúc nào cũng lo lắng buồn rầu, chỉ sợ người ngoài phát hiện ra. Đúng là.

*Muốn người coi trọng xin gắng học,
Sợ người đời biết chớ có làm.*

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 9 (B)

Bên cổng Thanh Hồ ngoài Vũ Lâm Môn có một người chuyên sống bằng nghề đóng giày, tên là Trần Văn, vợ là Trình Ngũ Nương. Hôm ấy vào đầu tháng Mười Hai, vợ chồng to tiếng, Trần Văn đến ngay chợ da bên cầu Lý Bồ rồi không thấy về, mãi tới chiều hôm sau cũng không thấy bóng dáng đâu cả. Trình Ngũ Nương rất sốt ruột, lại qua một đêm nữa vẫn biệt vô âm tín. Trình Ngũ Nương ở nhà một mình lo đứng lo ngồi.

Gần một tháng trời vẫn không thấy tin tức chồng, Trình Ngũ Nương buộc phải vào thành, tới chợ hỏi các cửa hàng bán da. Họ đều nói:

- Hàng tháng nay có thấy chồng chị tới mua da đâu? Hay là chết ở đâu rồi!?

Có nhiều người lại hỏi:

- Khi đi chồng chị mặc áo gì?

- Cách đây một tháng, khi đi nhà tôi mặc áo lụa xanh, - Trình Ngũ Nương nói, - đội khăn chữ vạn, nói là đi chợ mua da, tới nay đã một tháng vẫn không thấy về. Chẳng biết đã đi đâu?

Mọi người đều bảo chị cứ đi quanh quẩn trong thành mà hỏi thì may ra sẽ biết tin.

Trình Ngũ Nương cảm ơn mọi người, rồi đi vào thành tìm suốt một ngày mà vẫn không thấy tin tức gì. Hai hôm sau, ăn cơm sáng xong, chị lại vào thành, vừa tới Tân Kiều, thấy có người đứng bên bờ sông kêu toáng lên:

- Có người chết dưới sông, mặc áo xanh, đang nổi phập phờ dưới nước.

Nghe thấy thế Trình Ngũ Nương vội đến bên cầu, rẽ đám đông vào xem, thì thấy một xác chết mặc áo xanh, dập dềnh dưới nước, nhìn xa thấy hao hao chồng mình. Trình thị bèn gào lên khóc:

- Anh ơi, vì sao anh lại chết dưới sông này.

Mọi người đều sững sờ. Trình thị bảo với mọi người rằng:

- Bác nào vớt xác chồng em lên em sẽ biếu năm mươi quan tiền uống rượu.

Lúc ấy có một người sa cơ lỡ vận, gọi là Vương Tửu Tửu, chuyên nịnh nọt bộ đờ, lừa người lấy của. Hắn là một tên lưu manh, nên chẳng ai dây với hắn. Thấy Trình Ngũ Nương hứa biếu năm mươi quan tiền uống rượu, hắn bèn bước tới nói:

- Chị ơi, tôi sẽ lôi chiếc xác ấy lên để chị xem.

Ngũ Nương gạt nước mắt nói:

- Nếu bác giúp được, em vô cùng cảm ơn.

Vương Tửu Tửu thấy một chiếc thuyền đi ngang qua, bèn nhảy xuống thuyền gọi:

- Bác lái, hãy dừng thuyền lại một chút, chờ tôi giúp chị này kéo chiếc xác lên bờ.

Vương Tửu Tửu đứng trên thuyền, dùng chiếc sào đẩy xác chết vào bờ, hắn nhận ra đây là xác Đồng Tiểu Nhị, nhưng không nói ra. Trình thị tới, nhìn thấy mặt đã bị nước làm tướt da, không nhận ra được. Song nhìn quần áo thì hao hao như chồng mình, bèn gào lên khóc thảm thiết, nói với Vương Tửu tửu:

- Phiền bác đi với cháu mua chiếc quan tài về khâm liệm rồi hãy tính toán sau.

Vương Tửu Tửu bèn đi theo Trình Ngũ Nương, tới báo cho Lý Đoàn người trông coi việc khám xét tử thi, mua quan tài, gọi hai người tới bờ sông khiêng xác bỏ vào quan tài, rồi đặt bên bờ sông. Thời ấy bên cầu không có nhà nào ở, hằng ngày chỉ có thuyền bè qua lại.

Trình thị lấy ra năm mươi quan tiền đưa cho Vương Tửu Tửu. Được tiền rồi, Vương Tửu Tửu đến ngay quán rượu của Cao thị, lấy cớ là mua rượu, hỏi Cao thị:

- Vì cớ gì nhà bà lại đánh chết Đồng Tiểu Nhị vớt dưới cầu sông Tân Hà, nay đã nổi lên. Bà bảo có buồn cười không, có một người ở đâu nhận lầm

là chồng mình, mua quan tài khâm liệm, hôm nào đó sẽ đến chôn cất.

- Vương Tửu Tửu, ông chỉ nói liều, - Đại Nương nói, - thằng Tiểu Nhị đã ăn cắp đồ trang sức rồi bỏ trốn, truy tìm không thấy, làm gì có chuyện đó.

- Đại Nương, - Vương Tửu Tửu nói, - bà đừng chối nữa! Giấu người khác chứ che mắt ta làm sao được. Nếu bà đưa cho ta một ít tiền nói khó với ta thì ta lờ đi, để người đàn bà ấy nhận nhầm cho xong chuyện. Nếu như cãi khuấy, không chịu đưa tiền cho ta, thì ta sẽ lên phủ tố giác bà giết người.

Cao thị nghe xong, chửi ầm lên:

- Người là thằng lưu manh cướp của giết người, là thằng ăn mày mặt kiếp. Chồng ta đi vắng đến đánh lừa ta.

Vương Tửu Tửu bị chửi, hằm hằm tức giận, bỏ đi, và việc này đã liên quan tới bốn nhân mạng nhà họ Kiều. Nếu người đàn bà ấy cứ cho bừa hăn một ít tiền thì không đến nỗi xảy ra việc ấy.

Trời tuyết cò kia bay mới thấy,

Liều xanh anh vũ hót mới hay.

Tội ác dù nhỏ,

Xin chó có làm.

Áo mặc cơm ăn,

Do mình cày cấy.

Ôi cuộc sống ấy,

Vui thật là vui.

Bị Cao thị chửi cho một trận, Vương Tửu Tửu đến ngay An phủ ty quận Ninh Hải tố giác. An phủ tướng công đang ngồi trong sảnh đường, sai tay chân gọi Vương Tửu Tửu vào hỏi:

- Người có việc gì oan khuất?

Vương Tửu Tửu quỳ trước sảnh đường nói:

- Con là Vương Thanh, người huyện Tiền Đường, nay tới cáo giác. Láng giềng con có một người tên là Kiều Tuấn đi buôn bán xa chưa về. Vợ anh ta là Cao thị, thiếp là Chu thị, con gái là Ngọc Tú đã gian dâm với một người

làm thuê là Đồng Tiểu Nhị. Không biết vì duyên cớ gì mà mưu sát Đồng Tiểu Nhị, vứt xác xuống sông Tân Kiều, nay xác nổi lên. Con đã nói việc này với Cao thị, song Cao thị đã mắng chửi con tàn tệ. Nhà Cao thị có một người làm công tên là Hồng Tam, dám cùng họ mưu sát Tiểu Nhị. Thấy việc ấy con không đang tâm, bởi thế con lên bẩm báo với ngài. Xin ngài đền trời soi xét.

- An phủ nghe xong, bảo viên lục sự ghi lại lời khai của Vương Thanh, đồng thời viết lệnh, sai hai người dẫn Vương Thanh đi bắt ba người nhà của Kiều Tuấn và Hồng Tam, cấp tốc giải về sảnh đường.

Sai nha tới bắt Cao thị, Chu thị, Ngọc Tú và Hồng Tam, rồi khóa cổng, giải về phủ. Những người này quỳ trước sảnh đường. Tướng Công tên là Hoàng Chính Đại người Thái Châu, là một người giáo hoạt, tham lam và tàn khốc. Ông ta hỏi Cao thị:

- Đồng Tiểu Nhị hiện ở đâu?

- Đồng Tiểu Nhị lấy trộm đồ đạc, hiện không biết trốn đâu? Cao thị nói.

- Xin Tướng Công cứ hỏi Hồng Tam sẽ rõ. - Nha lại nói.

An phủ bèn đánh Hồng Tam năm mươi roi gai, hai chân Hồng Tam tóa máu. Không chịu nổi đòn, Hồng Tam khai:

- Thoạt tiên Đồng Tiểu Nhị gian dâm với Chu thị, sau đó dọn về nhà, lại gian dâm với Ngọc Tú. Cao thị biết được, sợ chồng về làm nhục gia phong, cho nên vào đêm rằm tháng tám, thưởng trăng Trung thu, Cao thị đã cho con và Tiểu Nhị uống rượu. Cả hai đều say. Con sợ lỡ việc, về gian nhà cất rượu ngủ. Đến canh năm, thấy Cao thị, Chu thị tới gọi con ra vườn sau, ở đó con thấy xác Tiểu Nhị nằm trên vũng máu. Con mang ra sông vứt. Trở về con hỏi Cao thị, tại sao lại giết Tiểu Nhị. Cao thị nói: "Nó và Chu thị thông đồng lừa dối con gái ta để gian dâm, nếu bắt chột Kiều Tuấn về biết được làm thế nào. Đuổi nó đi thì không được, lại sợ nó nói ra sự thực, không còn cách nào khác, ta đã dùng thùng thắt cổ nó". Con là người thực thà, bèn nói: "Nó là một tên vô lại, phải trừ khử ngay đi". Thừa Tướng Công, đó là sự thực.

Thấy đã rõ ràng, An Phủ bắt Hồng Tam điểm chỉ vào bản ghi lời khai.

Hồng Tam đã khai hết sự thực, hai người đàn bà hồn xiêu phách lạc, Ngọc Tú run cầm cập. An Phủ hỏi Ngọc Tú, Ngọc Tú khai:

- Thoạt tiên Chu thị gian dâm với Tiểu Nhị, mẹ con gọi hai người về nhà. Tiểu Nhị chòng ghẹo con nhiều lần, con không chịu nghe. Sau đó cưỡng bức con ra vườn sau để gian dâm. Đến ngày rằm tháng tám, chuẩn bị cỗ bàn trông trăng, ăn uống xong mẹ con giục con đi ngủ. Con hoàn toàn không biết chuyện Tiểu Nhị chết.

An phủ lại hỏi Chu thị:

- Người đã gian dâm với Tiểu Nhị, tại sao người lại làm hại con gái người, hãy khai mau.

Chu thị hai hàng nước mắt đầm đìa, khai hết sự thực. An phủ lại hỏi Cao thị:

- Tại sao người mưu giết Tiểu Nhị?

Không thể chối cãi được, Cao thị đành phải khai rõ từ đầu. Sau đó tất cả đều bị tổng vào nhà lao.

An phủ căn cứ vào lời khai, lập bản án. Hôm sau sai huyện úy cùng với pháp y áp giải bọn Cao thị tới cầu Tân Hà khám nghiệm tử thi.

Hôm ấy cả trong và ngoài thành đều náo động, người ta lũ lượt đi xem, không sao kể xiết. Huyện úy áp giải họ tới Tân Hà, bật nắp quan tài, lôi xác chết ra khám nghiệm, rồi lại bỏ vào quan tài. Huyện úy dẫn bốn người ấy về thưa với An phủ:

- Đồng Tiểu Nhị tuy bị búa bổ vỡ sọ, song vẫn còn vết thắt cổ.

An phủ cho sai nha đánh mỗi người hai mươi gậy, tất cả đều ngất đi, một lúc sau mới tỉnh. Họ lấy một chiếc cùm dài cùm Cao thị và dùng xích sắt xích Chu thị, Ngọc Tú, Hồng Tam lại, rồi tổng ngục. Vương Thanh theo nha môn xử lý.

Vợ người thợ khâu giày biết mình nhận lầm xác chồng cũng không khóc nữa, thấy khủng khiếp quá, không dám gặp mọi người.

Ngọc Tú trong tù không ăn uống được, hôm sau thì chết. Hai hôm sau nữa Chu thị cũng chết. Hồng Tam ốm nặng, lính coi ngục bầm báo An phủ, An phủ sai thầy thuốc chữa trị, nhưng không khỏi, rồi cũng chết. Chỉ có Cao thị mình mấy sừng húp, chỗ bị đánh đau đớn nhức nhối không sao chịu nổi, cơm cháo không ăn được, thuốc uống cũng vô dụng, rồi chết nốt.

Thật đáng thương, chưa đầy nửa tháng mà bốn người lần lượt chết trong nhà tù. Lính coi ngục bầm báo, Tri phủ nói với thư lại:

- Kiều Tuấn đi đã lâu không trở về, ở nhà thê thiếp mưu sát người, đáng phải đền mạng. Bọn gây ra tội ác đã chết. Hãy viết tờ biểu tâu lên triều đình, rồi mới quyết đoán.

Chưa đầy một ngày thì chiếu chỉ của triều đình tới, mở ra đọc: "Kẻ gây ra tội ác đều đã chết, nay tịch thu toàn bộ gia sản nhập vào công khố. Thi thể Tiểu Nhị không thấy thân chủ tới nhận, thì đem hỏa thiêu".

An phủ lập tức sai nha lại mở cổng nhà Kiều Tuấn, đem toàn bộ của cải gia sản nhập vào công quỹ, và hỏa thiêu xác Đồng Tiểu Nhị.

Lúc ấy, Kiều Tuấn đang sống vất vưởng khổ sở tại nhà Thẩm Thụy Liên ở Đông Kinh, hoàn toàn không hay biết ở nhà đã xảy ra việc gì. Ở đó được hai năm thì vốn liếng hết sạch, mẹ chủ nhà chứa nói:

- Con gái ta mê người, nên không tiếp khách, cứ thế này mãi sao được? Người có tiền thì bỏ ra mà chi dùng, không tiền thì hãy rời khỏi nhà ta, để cho con ta tiếp khách, chứ cứ ở đây thì cả nhà ta chết đói.

Trước đây Kiều Tuấn là người lắm tiền, song nay nhẵn túi, bị chủ nhà chứa đuổi xơi xơi, Kiều Tuấn nước mắt lưng tròng, muốn lần mò về quê, nhưng không tiền ăn đường. Thấy Kiều Tuấn khóc, Thẩm Thụy Liên cũng giàn giụa nước mắt nói:

- Anh Kiều, em đã làm khổ anh. Trước đây em cũng góp nhặt được ít tiền, anh hãy cầm lấy mà ăn đường. Nếu anh còn thương em thì hãy về nhà lấy ít tiền rồi trở lại.

Kiều Tuấn rất mừng, ngay tối ấy thu xếp quần áo cũ, Thẩm Thụy Liên đưa cho ba trăm quan tiền, Kiều Tuấn bỏ vào túi hành lí, chào chủ nhà chùa, đeo túi cầm gậy chào Thụy Liên. Hai người bịn rịn chia tay.

Kiều Tuấn đáp thuyền, chưa đầy một ngày tới Bắc Tân Quan thì trời đã tối, bèn sang chiếc thuyền người quen tá túc, sáng hôm sau vào thành. Nhà thuyền trông thấy Kiều Tuấn ngạc nhiên nói:

- Anh Kiều, sao lâu nay anh ở đâu mà không về? Người thiếp là Chu thị của anh gian dâm với một người làm thuê. Cao thị gọi về nhà, không biết thế nào anh ta lại gian dâm với con gái anh. Tôi nghe người ta nói, không biết thế nào mà Cao thị lại mưu sát người làm thuê, Hồng Tam mang xác ra vứt ngoài sông Tân Kiều. Được hai tháng thì xác nổi lên, vợ một người thợ giày đến nhận nhầm. Sau đó lại có một người nhận ra đó là xác người làm thuê nhà anh, rồi tố giác lên An phủ ty Quan cho người về bắt Cao thị, Chu thị, Ngọc Tú và Hồng Tam. Họ không chịu nổi tra tấn đã phải cung khai. Quan giam vào nhà lao, không chịu nổi. Đến nay cả bốn người đều chết. Triều đình đã ra lệnh tịch thu toàn bộ gia sản. Bây giờ anh đi đâu? Kiều Tuấn nghe xong chẳng khác nào sét đánh ngang tai.

Kiều Tuấn sững sờ, chết lặng người không sao nói được. Người chủ thuyền dọn cơm rượu ra, song Kiều Tuấn không sao nuốt nổi, hai hàng nước mắt chảy xuống như mưa, khóc nức lên, anh nghĩ: "Không ngờ nay đến nỗi có nhà không về được, có nước không sống được, bây giờ làm sao đây?". Trằn trọc suốt đêm không sao ngủ được, hôm sau khi trời chưa sáng rõ, Kiều Tuấn từ biệt chủ thuyền khăn gói quả mướp vội vã tới Vũ Lâm Môn. Đến cửa hàng bán đồ cổ của Vương Tương Sĩ đối diện với nhà mình, thấy nhà cửa đã bị phá dỡ, chỉ còn lại một mảnh đất hoang tàn.

Đúng lúc ấy Vương Tướng Sĩ mở cửa, Kiều Tuấn đặt khăn gói xuống chào:

- Thưa bác! Không ngờ con ra đi nhà cửa lại đến nỗi tan nát thế này.

- Anh Kiều Tuấn! - Vương Tướng Sĩ nói. - Anh đi đâu mà mãi không về?

- Chỉ vì mất hết vốn liếng, - Kiều Tuấn nói, - nên cháu không về được, và cháu cũng không hề biết tin tức gì ở nhà.

Wương Tướng Sĩ mời Kiều Tuấn vào ghế ngồi rồi nói:

- Cháu ơi, hãy nghe già nói: "Sau khi cháu đi...", - ông kể lại hết những việc đã xảy ra rồi nói - Chỉ buồn cười vợ anh thợ giày vì chồng đi đâu rồi chết, đã nhận nhầm xác. Sau đó bị thằng Vương Tửu Tửu đi báo, vợ con anh và Hồng Tam bị bắt, rồi bị tra tấn, không chịu nổi đã bị chết trong nhà tù, gia sản đều bị tịch thu. Bây giờ anh đi đâu?

Kiều Tuấn nghe xong hai hàng nước mắt cứ trào ra, chẳng còn biết đi đâu nữa, thở dài nảo nuốt, nói:

- Thôi thế là hết rồi! Tôi năm nay bốn mươi tuổi, không vợ con, không nhà cửa, tài sản hết nhẵn, biết dựa vào ai!

Kiều Tuấn tới chiếc cầu thứ hai trên Tây Hồ, nhìn hồ nước mênh mông, rồi nhảy xuống đó chết.

Cả nhà Kiều Tuấn đều chết cả, thật đáng thương thay!

*Ngàn năm trăng gió Tây Hồ,
Chuyện xưa còn mãi đến giờ chưa khuây.*

Thi thể không được liệm vào quan tài chôn xuống đất, đó là kết cục của kẻ tham dâm háo sắc.

*Vợ đẹp như hoa chết trong tù,
Kiều Lang đành phải nhảy xuống hồ
Chỉ bởi gây nên điều ô nhục,
Gia tài bỗng chốc thuộc đế vương.*

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 10

Gã Thư Sinh Lỗ Mãng Cường Đoạt Người Đẹp

Ta thành thực khuyên người đời hãy kìm nén xuân tình, đừng chơi bời lêu lổng, làm hư hỏng con gái người khác, mà âm đức của mình cũng bị hại. Cần phải biết rằng bản tính con người là vui mừng, giận dữ, buồn lo, thích thú, từ đó mà sinh ra biết bao sự sum họp, chia lìa, bi ai, vui sướng. Dưới đây ta không nói tới chuyện vui buồn, giận dữ, bi ai, li biệt, mà chỉ kể mấy chuyện vui. Chẳng hạn người ta toàn tích trữ thóc gạo củi đuốc, bạc vàng châu báu, trên mình mặc toàn lụa là gấm vóc, ăn toàn của ngon vật lạ, nhưng ta thì chạy vạy từng bữa, rau cháo qua ngày, ăn đói mặc rét. Loại người này có muốn vui vẻ cũng chẳng được. Nhưng lại có một loại người có đạo đức phẩm chất, có chí khí, an bản lạc đạo như Nhan Tử giỏ cơm bầu nước, ở nơi ngõ nhỏ tồi tàn, Tử Hạ(1) quần áo tả tơi vá chằng vá đụp, song họ vẫn vui vẻ sống cuộc đời nghèo túng. Lại ví như có những quan văn làm tới chức tể tướng trong triều, quan võ làm tới chức đô đốc tổng binh, lúc nào cũng tiền hô hậu ủng, áo tía đai vàng, rất mực oai phong vô cùng tôn quý. Chỉ có riêng ta suốt đời không được phát đạt, thua kém mọi người, thì vui sao được? Lại có một loại người bụng đầy chữ, ăn to nói lớn, tuy danh không thành chí không đạt song vẫn dương dương tự đắc, coi thường mọi người, làm những điều vô liêm sỉ. Bởi thế nên có người không thích phú quý. Chỉ có sắc đẹp đối với con người cũng chẳng khác nào ong bướm tìm hoa, cứ sấn vào hút nhụy, không chịu buông lời. Cũng chẳng khác gì con thiêu thân lao vào đĩa đèn đến chết mới thôi.

(1) Nhan Tử (Nhan Uyên), Tử Hạ đều là học trò của Khổng Tử.

Xưa nay chỉ có người đàn ông nước Lỗ sống độc thân, là không hiếu sắc. Vào một đêm mưa to gió lớn, nhà người láng giềng đổ sập có một người đàn bà chạy sang trú nhờ, người đàn ông nước Lỗ này đóng chặt cửa không

cho vào. Lại có một vị tú tài tên là Đậu Nghi, đọc sách đêm trắng, có một người đàn bà đến ve vãn, Đậu Nghi thẳng thắn chối từ, đấy mới đúng là người thấy gái mà không mê. Từ thời Bàn Cổ tới nay chỉ có hai người ấy. Còn như Liễu Hạ Huệ ngồi lòng không rối loạn, thì không viết được tờ cam đoan. Còn những kẻ đào tường khoát ngạch, dưới bọc trong dâu, thì không kể sao cho xiết. Người ta thường nói: Đàn ông muốn đến với đàn bà thì cách nhau một dãy núi, còn đàn bà muốn đến với đàn ông chỉ cách một tờ giấy mỏng mà thôi. Nếu như nhà người đàn bà kín cổng cao tường thì người đàn ông dù có trăm phương ngàn kế cũng chỉ là một giấc mộng xuân mà thôi. Thời ấy có một đôi trai gái phong lưu tuấn tú tăng tị với nhau rồi thành vợ chồng, đó là Tư Mã Tương Như và Hàn Thọ. Nếu như con gái của Cổ Sung không nhìn thấy Hàn Thọ thì Hàn Thọ cũng không dám vượt qua bức tường cao phía đông nam để gian dữu với nhau. Nếu như Tư Mã Tương Như phong lưu tài tử, ăn diện sang trọng mà con gái Trác Vương Tôn không được nghe khúc nhạc "Phượng cầu hoàng", thì Tương Như cũng không thể cùng nàng trốn đi để thành bạn tri âm bán rượu. Bởi thế trai gái tăng tị với nhau đều do người con gái mà ra. Nếu cứ đổ lỗi cho người đàn bà thì lẽ nào người đàn ông phải trắng tay. Người đàn ông vốn luôn có ý muốn hành dâm, khi con gái đầu mày cuối mắt đưa tình, hoặc buông ra những câu nói khêu gợi, kín kín hở hở, thì người đàn ông dốc hết công sức nghĩ ra trăm phương ngàn kế nay khơi mai gợi như lửa gần rơm, thế là họ tư thông với nhau. Dù cho thanh danh mất hết, tính mạng chẳng còn họ cũng chẳng quản, cho nên có thể nói, đàn ông quả là to gan lớn mật. Bởi thế chẳng người nào không dám dùng tài năng để đổi lấy sắc đẹp.

Vào những năm Vĩnh Lạc, huyện Lâm Quế phủ Quế Lâm, Quảng Tây, có một vị tú tài tên là Mạc Khả, tự Thúy Hà. Xưa kia nhà khá giả, cha là Mạc Khảo, suốt đời đi thi cốt mong được khoác chiếc áo xanh mà không được. Song Mạc Thúy Hà mới mười hai tuổi, đi thi lần đầu đã đỗ tú tài. Thời ấy có một nhà phú hộ họ Vương, mua một số lễ vật tới xin anh ta làm con rể. Thúy Hà vốn thông minh đỉnh ngộ, hiểu biết sớm, khôn ngoan hơn người, mới mười tuổi đã biết chuyện trăng hoa.

Những ngày nghỉ học thấy kẻ ăn người ở là ôm chằm lấy chúng làm tình. Khi lớn lên yêu đương cuồng nhiệt, đùa chúng đùa đảng la cà tới ngõ liễu đường hoa. Bọn gái làng chơi thấy Thúy Hà trẻ đẹp, tài tử phong lưu, đều muốn bỏ tiền ra để sống với Thúy Hà. Dần dà Thúy Hà trở thành người khinh bạc. Thấy Thúy Hà sống phóng đảng, cha mẹ đau buồn, đổ bệnh rồi lần lượt qua đời. Người chú họ định cưới chạy tang cho Thúy Hà, song gần đến ngày cưới thì con gái nhà họ Vương bỗng ốm nặng rồi chết. Thúy Hà nghe tin dữ rất đau buồn, đến khi tới khâm liệm thấy người vợ ấy rất xấu, mới nghĩ rằng mình gặp may. Từ đó trở đi Thúy Hà cho rằng phải trực tiếp chọn được người đẹp mới lấy. Bởi thế dù cho nhà họ Trương hay họ Lý đến xin làm con rể, nhưng Thúy Hà đều không ưng. Thời gian cứ lần nữa trôi đi, Thúy Hà lại quen thói tới nơi ngõ liễu đường hoa. Ngờ đâu đến năm mười chín tuổi lại đỗ rất cao, được xếp thứ nhì. Những gia đình danh giá giàu có đua nhau đến xin nhận Mạc Thúy Hà làm con rể. Thúy Hà dương đắc ý, bắc bậc kiêu kì, nghĩ rằng "Lần thi hội này dễ dàng như trở bàn tay", khoác lác chẳng chút xấu hổ, nói với mọi người rằng:

- Chờ đến ngày bia đá bảng vàng mới động phòng hoa chúc cũng chưa muộn.

Bởi thế tạm gác chuyện hôn nhân lại, vội vàng thu xếp trẩy kinh ứng thí, nhờ chú trông coi việc cửa nhà, cùng với mấy người bạn lên đường. Lúc ấy là giữa mùa đông, dọc đường mưa tuyết sương gió, trời rét căm căm. Sau khi thi đậu, Thúy Hà mặc sức trắng hoa, thân thể suy nhược, phong hàn rất dễ thâm nhập, nên bị ốm giữa đường. Tới Dương Châu thì ốm nặng, phải và quán trọ. Bạn bè mời thầy đến chạy chữa thuốc thang, mấy ngày sau bệnh có thuyên giảm đi đôi chút, nhưng không phải một sớm một chiều mà khỏi hẳn được. Thấy không thể thi Hội được, mọi người lên đường theo tiếng gọi công danh, để Thúy Hà ở lại, dặn Lai Nguyên là người nhà chăm sóc, rồi họ tới kinh thành ứng thí. Đúng là:

Gặp nhau không xuống ngựa

Lại vội vã lên đường.

Thúy Hà ốm ròng rã hơn một tháng trời, mãi đến trung tuần tháng Giêng mới khỏi hẳn, cũng chưa dám làm gì, chỉ ở đó nghỉ ngơi tĩnh dưỡng. Khi ốm Thúy Hà nằm mơ thấy Quan âm Đại Sĩ dùng cành dương liễu rảy nước vào mặt, từ đó khỏi bệnh rồi dần dần khỏe lên. Người chủ quán biết được nói:

- Chùa Quỳnh Hoa quê tôi xưa nay Quan âm rất linh thiêng, Bồ Tát luôn luôn hiển thánh, cứu nhân độ thế. Được Bồ Tát phù hộ Thúy Hà vô cùng cảm động, hứa sẽ đến đó thắp hương. Đến ngày mùng một tháng Hai, Thúy Hà sắm sửa vàng mã hương nến bảo Lai Nguyên mang đi rồi hai người thư thái lên đường tới chùa Quỳnh Hoa. Thấy trên đường phố cực kì hoa lệ, toàn là những nhân vật mũ cao áo dài, lại có cả những khách buôn bán thập phương tụ hội về đây, ngựa xe đông nghịt, đi lại như mắc cửi, quả là chốn phồn hoa đô hội. Thúy Hà ngắm cảnh dọc đường, vô cùng mãn nguyện, cảm thấy lòng lâng lâng sung sướng. Chàng nghĩ tới một câu thơ của người xưa "Tháng ba hoa khói xuống Dương Châu", quả thực không phải là một câu sáo rỗng. Chẳng mấy chốc họ tới chùa Quan âm, trước tiên vào chùa thắp hương cầu nguyện, rồi sau đó tới các miếu thờ thắp hương lễ bái. Người Quảng Tây vốn rất sùng bái, nên Thúy Hà cũng vô cùng cung kính. Lễ Thần xong, đi thưởng ngoạn những di tích tại chùa Quỳnh Hoa, hoa quỳnh trồng tại đền Hậu Thổ trong chùa từ thời Đường xưa kia, nay không còn nữa. Người xưa thường làm thơ ngâm vịnh loài hoa này; nên nay mới biết hoa quỳnh đẹp.

Thiên hạ trăm loài hoa

Hoa quỳnh thật quý hiếm

Bám rễ nơi đền thiêng

Chẳng thể di dời được

Tám nhụy ngát hương thơm

Một cây tỏa ngàn cành

Hương thơm hơn kim túc

Sắc đẹp hơn ngọc hoa
Sương ướt như thoa phấn
Ráng pha tựa tô son
Gió lay Thường Nga múa
Mưa rơi Thủy Tiên nghiêng
Nhàn nhạt như khói phủ
Lãng đãng bóng trăng sa
Một ngày chán trần thế
Mọc cánh bay về trời
Dấu vết còn lưu lại,
Khiến người tiếc ngẩn ngơ.

Chẳng nơi nào có hoa quỳnh, mà chỉ ở Dương Châu mới có. Đến thời cuối Tống đầu Nguyên, hoa bỗng nhiên tàn héo, từ đó loài hoa này mất hẳn. Người đời sau trồng hoa bát tiên thay vào đó, quả thực đây không phải là hoa quỳnh. Xưa kia ngôi chùa này vốn có tên là Phiên Ly, chỉ vì hoa quỳnh mà nổi tiếng, bởi thế tương truyền gọi là chùa Quỳnh Hoa. Các danh nhân xưa nay thường tới đây ngâm vịnh.

Thúy Hà du ngoạn xong trở về quán trọ. Hai hôm sau lại tới thăm di tích Uyển Mê Lâu thời Tùy, rồi du ngoạn hết các danh lam thắng cảnh ở Dương Châu. Thúy Hà thấy tâm tình thư thái, tinh thần hồi phục, bản tính phóng đãng xưa kia trỗi dậy, lại lân la tới chốn lầu xanh hái hoa thưởng nguyệt, mặc sức truy hoan.

Mới thoáng qua mà đã là trung tuần tháng Hai. Vốn là, hằng năm vào giữa tiết xuân, các nam thanh nữ tú lại tới chùa Quỳnh Hoa thắp hương cầu nguyện, rồi ra vùng ngoại ô chơi xuân. Thúy Hà biết được tin này, hằng ngày cứ cặm nước xong là tới chùa dạo quanh đây đó, mong gặp được duyên kỳ ngộ. Nào ngờ, đi mấy ngày liền mà chẳng tìm được chút thú vui nào. Vì sao vậy? Nếu con gái của những nhà quyền quý tới dâng hương thì theo sau kiệu là kẻ hầu người hạ, tới cửa chùa họ đuổi tất cả các du khách

ra rồi mới xuống kiệu, khi vào chùa thắp hương lễ bái thì nô tì theo sau đông nghịt, dù có người đẹp nhưng vẫn không sao nhìn thấy, Thúy Hà thẳng còn trông ngóng gì. Ngay những cô gái có chút ít nhan sắc, con cái những nhà trung lưu, sợ người ta chòng ghẹo nên bao giờ họ cũng tới chùa từ sáng sớm, khi mà du khách chưa tới. Những người như thế cũng khó mà nhìn thấy được. Còn những đám đông chen lấn nhau chẳng qua đều là những kẻ ăn người ở hay những cô gái quê mùa, Thúy Hà nghĩ rằng trong số đó chắc chẳng có ai là người đẹp, nên rất coi thường. Đến ngày mười chín tháng Hai, là ngày Quan âm Bồ Tát đặc đạo, những người tới dâng hương đông gấp mấy ngày thường. Họ chen lấn nhau mãi tới xế trưa, du khách mới thưa vắng dần. Mặc Thúy Hà thấy mệt mỏi, tới lầu Tử Đồng nghỉ ngơi.

Chùa Quỳnh Hoa có một số điện thờ: Trấn Vũ là phúc thần, đây là ngôi điện chính; Quan Thếâm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn cho con người; Quan Thánh Đế Quân người Hoa và các tộc thiểu số đều thờ cúng, ba nơi này người ta tới thắp hương đông nhất. Còn Tử Đồng chỉ trông coi việc bút nghiên, trong ba trăm sáu mươi nghề, chỉ người theo nghề nghiên bút là ít hơn cả, cho nên trước bệ thờ Văn Xương, lèo tèo vài nén hương, thậm chí nhang tàn khói lạnh.

Mặc Thúy Hà ngồi đó một lúc lâu, rồi bước xuống lầu. Vừa ra khỏi cửa định trở về quán trọ, chợt thấy một cô gái xinh đẹp vào đèn thắp hương, sau cô là một gái hầu. Nhìn thấy cô, Thúy Hà hồn vía chơi vơi, thầm nghĩ: "Đi rạc cả mấy ngày, hôm nay mới gặp được một cô gái đẹp, thật là may mắn".

Cô gái này là người như thế nào? Cha cô họ Khiết Tư, từng làm Viên ngoại lang. Tổ tiên vốn là người dân tộc thiểu số miền Tây Vực, nhập tịch tại Giang Đô. Vì họ kếp khó gọi nên bỏ chữ Khiết đi, chỉ giữ lại chữ Tư làm họ. Tư Viên ngoại là người ngang ngạnh, không hợp với mọi người, bỏ quan về sống ở nhà. Ông chỉ sinh được một người con gái, tên là Tử Anh,

người rất đẹp. Phu nhân của Viên ngoại là Bình Thị, ba năm trước đây bị ốm, tiểu thư Tử Anh cầu nguyện Phật phù hộ cho mẹ mình và hứa với Quan âm Bồ Tát sẽ thêu hai cảnh phan. Không ngờ mệnh trời đã hết, phu nhân ốm liệt giường rồi tạ thế, song Tử Anh vẫn mong mỏi được đền ơn Phật. Cô thêu xong hai cảnh phan, xin cha nhân ngày Quan Thế âm đặc đạo đến chùa hoàn thành ý nguyện của mình. Từ Viên ngoại vốn là người tôn sùng Bồ Tát, lại nghĩ rằng Tử Anh mới mười lăm tuổi, còn nhỏ nên đã cho phép cô đi. Và lại vì buổi sáng người đông, ông dặn con đừng đi sớm. Từ Viên ngoại vốn là vị quan thanh liêm, bổng lộc ít, đến khi về nhà chẳng quan tâm gì đến việc đông dài, nhà cửa lạnh lẽo như băng giá. Mấy người gia nhân biết việc, không chịu được khổ sở buồn tẻ đều bỏ đến những nơi sung sướng đông vui, chỉ còn lại mấy người hầu nhà quê không thể đi được. Ông đã cho mấy người ấy theo tiểu thư đi thắp hương dâng cảnh phan. Mấy người đàn bà ấy trang điểm vào, tiểu thư Tử Anh trông thấy quá xấu xí rất buồn.

Nghĩ rằng: "Nếu để cho họ đi theo thì người ta sẽ cười đến vỡ bụng mất". Bởi thế chỉ để cho Liên Phòng, một cô gái trực tiếp hầu mình cùng với hai người nhà quê khiêng kiệu, hầu hạ tiểu thư tới chùa dâng cảnh phan, và tới dâng hương tại điện chính, nơi thờ Quan Thánh Đế. Sau đó tới lầu Tử Đồng, thấy nơi đây vắng vẻ, không có du khách lai vãng tới, hai người hầu đều bỏ đi chơi. Không ngờ tiểu thư đã lọt vào mắt Mạc Thúy Hà, chỉ hiềm một nỗi chàng không gần gũi trò chuyện với nàng được.

Vì thấy đáng vẻ, cử chỉ nàng thuộc lớp người quý phái, sợ tới gần nàng sẽ gây ra rắc rối. Thúy Hà nghĩ rằng sau Văn Xương lâu là đài Đồng Trọng Thư đọc sách, nơi đây không có người qua lại, có thể ngẫu nhiên tiểu thư tới nơi này du ngoạn, vậy tại sao ta không tới nấp tại đó, chờ cho nàng tới sẽ được nhìn thỏa thích. La cà ở đây suốt ngày, nên Thúy Hà rất thông thuộc nơi này, nghĩ thế, Thúy Hà bèn đến đài Đồng Trọng Thư nấp. Xưa kia Đồng Trọng Thư làm tướng của Giang Đô vương.

Giang Đô vương vốn là người ngạo mạn hiếu dũng, Đồng Trọng Thư dùng

lễ để cảm hóa ông, Giang Đô vương đã sửa chữa lỗi lầm đi theo điều thiện. Bởi thế Dương Châu dựng đài thờ, noi theo tấm gương ông, đài thờ đó được đặt tên là đài Đồng Trọng Thử đọc sách. Chuyện này dân thường không biết, cho nên họ không đến. Nào ngờ nơi ấy đã xảy ra cuộc gặp gỡ bất ngờ đối với Mạc Thúy Hà.

Tới Tử Đồng lâu thấp hương, tiểu thư Tử Anh thấy hương tàn khói lạnh, cũng là do tấm lòng của nàng đối với những bậc đại gia, nên nàng nói với Liên Phòng bảo những người theo hầu mang lửa tới, Liên Phòng vội xuống lầu gọi, nhưng chẳng thấy một ai. Đang lúc vội thì Liên Phòng muốn đi tiểu tiện.

Cô rẽ ra phía sau lầu, ngoặt qua một lối đi nhỏ, thấy một chỗ rất vắng vẻ, kín đáo. Nơi đây cây cối tre trúc um tùm, có mấy chiếc bể non bộ giả cảnh Thái Hồ lung linh tinh xảo, vừa cao vừa to bên núi có một cây mai cổ thụ. Liên Phòng nghĩ: "Trong vườn hoa nhà mình không có nhiều núi giả đẹp như thế, và cũng không có cây mai cổ thụ nào như thế". Thế rồi Liên Phòng lén vào cạnh núi giả đi tiểu tiện. Thời ấy học sĩ họ Đào từng làm một bài thất ngôn tuyệt cú, chẳng khác nào ông đã làm thơ vịnh Liên Phòng:

*Người đẹp xinh tươi vẻ thướt tha,
Mai già tựa núi đáng la đà.
Thạch lựu đỏ au già nứt vỏ
Ngọc châu tràn đất chảy tóa ra.*

Đi tiểu tiện xong, Liên Phòng vội vã quay trở lại, chạy lên lầu thưa với chủ. Tử Anh chờ sốt ruột, trách Liên Phòng đi quá lâu. Liên Phòng nói:

- Không thấy một người hầu nào, ngay cả phu khiêng kiệu cũng đi hết cả rồi. Tiểu thư cứ đi lễ đi.

Tử Anh thấp hương trước đèn thờ Văn Xương, lễ xong đứng dậy. Liên Phòng nghĩ tới phong cảnh phía sau, muốn dạo chơi một lát, nói:

- Thưa tiểu thư, đằng sau lầu có núi giả và cây cối rất thanh u tĩnh mịch,

sao tiểu thư không tới đó dạo chơi?

- Sao người biết? - Tiểu thư hỏi.

- Vì con đi tiểu tiện mới tới nơi đó. - Liên Phòng nói.

- Mà liệu thật, - tiểu thư nói, - lỡ người ta biết thì ngượng chết đi được.

- Nơi ấy rất vắng vẻ tĩnh mịch, - Liên Phòng nói, - chẳng thấy bóng một người nào. Ngược nhìn thấy một tòa đài cao to, nhất định trên đó phong cảnh sẽ rất đẹp.

Vẫn còn tính trẻ con, Tử Anh thấy nơi đó đẹp, lại không có người lui tới, bồng chốc ưng ngay, theo Liên Phòng xuống lầu, len lỏi qua lối đi nhỏ tới đài Đồng Trọng Thư. Quả nhiên thấy núi giả, cây cối, tre trúc um tùm, thanh u vắng vẻ, nàng rất vui thích. Rẽ sang núi Thái Hồ leo lên đài, thì thấy một ngôi miếu nhỏ, trong đó thờ một pho tượng. Ngoài miếu, phía bên trái là một chiếc lò hóa vàng hương, bên phải là một chiếc bể đá lớn thả sen. Vì Liên Phòng vừa đi tiểu tiện, nên tới đó rửa tay, nhìn vào bể nói:

- Tiểu thư, tới đây mà xem này, nước trong vắt, trông thấy đáy thật là thanh khiết, sao tiểu thư không tới rửa tay.

- Tay ta sạch, không cần phải rửa.

- Nước trong vắt thế này hãy rửa một chút đi.

Tử Anh nghe theo Liên Phòng, bèn tới bể rửa tay. Liên Phòng vội vã lấy từ trong tay áo ra một chiếc khăn lụa đưa cho tiểu thư lau.

Hai người đang quay vào bể cúi húi rửa tay vui đùa, ngờ đâu Mạc Thúy Hà rảo bước lên đài, thỏa thuê nhìn tiểu thư.

Tử Anh lau tay xong, quay lại, thấy một chàng trai đứng ngay trước mặt, giật mình thầm trách: "Mình là con gái, lẽ ra không nên nghe đứa hầu đến đây chơi", rồi khe khẽ giục Liên Phòng:

- Có người, ta đi thôi.

Đang định đi, thấy Mạc Thúy Hà đứng trước cản đường,

Liên Phòng nhanh trí nói:

- Tiểu thư tay sạch rồi, ta đi thắp hương thôi.

Thế rồi cô dẫn tiểu thư vào miếu. Tử Anh cũng không biết Đồng Trọng Thư là vị thần như thế nào, vội vã thắp hương, lễ xong bước ra. Lúc ấy Mạc

Thúy Hà lòng những bối rối mẩn mê, chưa biết nên nói thế nào, chợt nghĩ ra một kế, nói:

- Tôi cũng phải rửa tay một chút rồi mới thắp hương được.

Chàng nhúng tay vào bể khuấy khuấy, vén vạt áo trước lên lau, để lộ ra chiếc áo đỏ bên trong. Vốn là mấy ngày liền cứ quanh quẩn đi dạo trong chùa, ước mong sẽ có một lúc nào đó được gặp người đẹp, cho nên chàng diện rất sang. Đầu chít khăn nhiễu màu lá sen rất thời thượng, chiếc áo lót bên trong bằng lụa trắng, làm nổi bật chiếc áo the màu đỏ, ngoài chiếc áo lót bằng lụa trắng là chiếc áo the mềm bằng tơ nôn. Những thứ này đều chuẩn bị sẵn ở nhà, nghĩ rằng nếu đỗ tiến sĩ sẽ mặc tới dự yến vua ban, tạ ơn thầy học, khoe khoang sự phong lưu với bạn bè. Nào ngờ, ốm không đi thi được, bèn thẳng hộ tới chùa Quỳnh Hoa ve gái. Nếu như lúc ấy Tử Anh thắp hương lễ xong rồi ra về thì Mạc Thúy Hà cũng chỉ được nhìn thỏa thích mà thôi, chứ chẳng xớ mớ gì. Nào ngờ, hẳng ngày Tư Viên ngoại sống rất tiết kiệm, ăn mặc tằn tiện không ưa xa hoa lãng phí, tiểu thư cũng quen sống như thế từ nhỏ, nên khi ra khỏi miếu, thấy Mạc Thúy Hà vén áo lau tay, nàng cảm thấy xót ruột thầm nghĩ: "Vị tú tài này thật là phí của, chiếc áo mới thế mà lại đem lau tay, chắc rằng chàng không mang khăn lau đi". Điều ấy hoàn toàn không nên, tiểu thư quay lại bảo Liên Phòng đưa khăn tay cho chàng mượn. Thúy Hà lầm tưởng rằng tiểu thư có tình ý với mình, cầm lấy khăn lau tay mà hồn vía lên mây, nói:

- Phiền tiểu thư quá, tôi vô cùng cảm ơn tấm lòng của tiểu thư.

Rồi chàng lấy từ trong tay áo ra một nén bạc đưa cho Liên Phòng, nói:

- Đây là chút nghĩa mọn, xin báo đền đức lớn.

Liên Phòng biết ý không dám nhận, định bỏ đi, song Thúy Hà lôi lại nhét bạc vào tay áo Liên Phòng, rồi anh ta chạy như bay xuống chân đài, gài chặt lấy cửa sau Tử Đồng lâu. Liên Phòng vội vàng quay lại nói với tiểu thư rằng, tú tài đã như thế, như thế. Tiểu thư nghiêm mặt quát:

- Đồ hèn, sao không nói thẳng với anh ta rằng, ta là người nhà của Tư Viên ngoại, cần gì số bạc của anh!

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 10 (B)

Thấy tiểu thư tức giận, Liên Phòng vội chạy xuống chân đài nói lại những lời của tiểu thư với Thúy Hà rồi trả lại bạc. Song Mạc Thúy Hà không nhận, nói:

- Người là người nhà Tư Viên ngoại, không cần số bạc của ta, nhưng phải biết rằng ta là cử nhân thi Hội, lẽ nào lại mong tiểu thư tiếc thay cho bộ quần áo của ta, mà đưa khăn cho ta.

Liên Phòng thấy anh ta ăn nói chẳng ra sao, không thèm trả lời vứt bạc xuống đất chạy vụt lên đài nói với tiểu thư:

- Số bạc ấy con đã vứt trả anh ta rồi. Người ấy không phải là người vùng ta, tự xưng là cử nhân thi Hội. Nói rất vô lí, con cũng mặc xác anh ta.

- Ta chơi ở đây đã lâu, chắc những đứa hầu đang chờ ngoài kia, ta phải ra ngay đi. - Tử Anh nói.

Liên Phòng dìu tiểu thư đi theo đường rải sỏi vòng đến núi Giả Thái Hồ, Mạc Thúy Hà đứng đó cản đường, nói:

- Tiểu thư hãy nán lại một chút, tôi có câu chuyện muốn nói với nàng.

Tiểu thư giật mình lùi lại, nấp vào núi giả Thái Hồ, bảo Liên Phòng nói với anh ta rằng:

- Anh đã tự xưng là cử nhân thi Hội, thì phải biết giữ phép của người có học, có sao lại ngăn đường ta.

Liên Phòng nói lại với Thúy Hà.

Mạc Thúy Hà cười khanh khách nói:

- Ta là người Quảng Tây, đi mấy ngàn dặm tới đây, may mắn được gặp tiểu thư, há chẳng phải là số trời dun rủi ư? Ta chẳng có ý gì, chỉ mong được gặp mặt chào tiểu thư, nói với tiểu thư một đôi câu rồi sẽ để tiểu thư đi.

Liên Phòng nói lại với tiểu thư. Tử Anh dùng dùng nổi giận, lại bảo Liên Phòng nói với Thúy Hà rằng:

- Anh là cử nhân Quảng Tây, thì chỉ giữ thói côn đồ ở Quảng Tây chứ

không thể giở trò ấy ở Dương Châu của ta được. Hãy để cho ta đi, nếu vẫn còn vô lễ ta sẽ gọi người nhà tới thì e rằng người sẽ mất mặt. Hơn nữa ta là người nhà Viên ngoại chẳng được đến ta đâu. Ta về thưa với Viên ngoại thì người khó mà thoát được.

Thấy thế Mạc Thúy Hà bèn nghĩ ra một kế nói:

- Tiểu thư chỉ dọa được người nhà quê thôi, dù cho Viên ngoại có ghê gớm cũng chẳng làm gì được một cử nhân từ nơi xa đến như ta. Cửa vào ta đã đóng chặt cả rồi, những đứa ở nhà tiểu thư dù có biết bay cũng không vào được. Và cũng chẳng sợ tiểu thư bay đi đâu cả, lẽ nào ta tha thiết cầu mong tiểu thư như thế mà lại thả tiểu thư ra một cách vô ích! Chẳng hóa ra cuộc đời ta vô vị nhạt nhẽo lắm sao? Nếu không đáp lễ nói chuyện với ta thì cũng phải thế nào ta mới cho đi. Bằng không thì đến tết cũng chẳng đi được.

Liên Phòng lại nói lại những lời ấy với tiểu thư. Tiểu thư rất lo lắng, oán trách Liên Phòng.

- Người là đồ đê tiện, đã rủ rê ta tới đây, đến nỗi gây ra chuyện rắc rối này.

Liên Phòng nhanh trí đáp:

- Lúc đầu đúng là con sai, nhưng chính cô bảo con đưa khăn tay cho anh ta cơ mà.

Tử Anh bị câu nói ấy chẹn họng, cứ hồi hận mãi. Song cô lại sợ rằng nếu hăn cưỡng bức thì biết làm thế nào bây giờ. Tiểu thư rất hoang mang. Nàng bèn lấy từ tay áo ra một chiếc khăn là màu hồng, giao cho Liên Phòng đưa cho Mạc Thúy Hà và bảo Liên Phòng nói rằng:

- Chàng là người quân tử có học, phải hiểu đạo lí. Ta với chàng chẳng thân thích chẳng bạn bè gì, hoàn toàn không có chuyện gặp nhau. Chiếc khăn lụa này chỉ là chút quà để chàng mở cửa cho ta đi mà thôi.

Mạc Thúy Hà nhận chiếc khăn tay, cười nói:

- Ta không phải là người gác cổng chùa Quỳnh Hoa, nên ta không cần tiền mở cửa. Chiếc khăn tay trước là của cô, chiếc khăn tay này là của tiểu thư. Tiểu thư cho ta gặp thì thôi, nếu không ta sẽ đưa chiếc khăn này tới nói cho Viên ngoại biết, mọi người sẽ nghi ngờ mối quan hệ của chúng ta, song việc này nhờ cô bàn bạc với tiểu thư.

Liên Phòng là một đứa hầu nhát gan, thấy thế sợ quá, tim cứ đập rộn lên. Chạy như bay tới nói với tiểu thư

- Việc này nguy to rồi, người ấy cứ ăn vạ, sao tiểu thư không cho hắn gặp. Nếu như hắn nói với Viên ngoại thật thì con sẽ bị đánh chết mất. Thôi thì cứ liều gặp hắn, xin hắn cho về là xong.

Tử Anh biết rằng về nhà sẽ rắc rối to, song hối không kịp nữa. Trù trừ do dự một hồi, không còn cách nào khác đành phải theo Liên Phòng tới bề giả Thái Hồ. Liên Phòng vẫy tay nói:

- Tiểu thư bằng lòng rồi, hãy tới gặp tiểu thư ngay.

Mạc Thúy Hà mừng quá, mặt mày rạng rỡ hẳn lên, bước tới chào rất lễ phép. Tử Anh quay lại đáp lễ. Chào xong, Mạc Thúy Hà bước tới chấp tay nói:

- Tôi là cử nhân tân khoa huyện Quế Lâm, phủ Quế Lâm, Quảng Tây, tên là Mạc Khả, nhân dịp lên kinh đô ứng thí, đi qua quý phủ, nghe thấy tiểu thư là người đẹp vô song, bởi thế không muốn lên kinh, ngụ tạm ở đây tìm gặp tiểu thư. Không ngờ trời cũng chiều lòng người, dun rui ta được gặp tiểu thư ở đây, đúng là mối lương duyên tiền định. Lại được tiểu thư ban ơn tặng chiếc khăn là, đó là một vật báu của đời ta. Song mối lương duyên sau này khó gặp, ngày hội ngộ cũng không thể hẹn trước được. Vậy tiểu thư bảo ta làm gì bây giờ?

Nghe thấy thế Tử Anh mặt đỏ bừng, vừa tức giận vừa buồn cười nghĩ thầm: "Biết nói thế nào đây". Thế rồi tiểu thư ghé sát vào tai Liên Phòng nói thầm:

- Người hãy bảo với anh ta rằng, vừa rồi anh nói là được gặp sẽ cho đi, bây giờ đã gặp rồi còn muốn gì nữa.

Liên Phòng nói xong, Mạc Thúy Hà nói:

- Ta chẳng có ý gì khác, chỉ cần tiểu thư xếp đặt ta thỏa đáng, nếu không thì dù ta có chết cũng không cho tiểu thư ra.

Lúc ấy Tử Anh thấy tiến thoái lưỡng nan, tự than thở với mình: "Thế là đời ta hết rồi! Đây là nỗi oan nghiệt kiếp trước của ta". Rồi khe khẽ bảo Liên Phòng nói với anh ta rằng:

- Ngày mồng một tháng Ba tới là ngày giỗ của phu nhân.

Hôm đó làm cỗ chay, cúng tới mồng ba mới xong. Tối hôm ấy, khi hóa vàng hương, tiền đưa bồ tát, tôi chờ gặp ở cửa, lúc đó sẽ trả lời anh.

Mạc Thúy Hà nghe thấy nói thế hớn hờ vui mừng, chẳng khác nào nhận chiếu chỉ của vua, rồi nói:

- Tiểu thư không lừa tôi đấy chứ?

Tử Anh lại bảo Liên Phòng trả lời là:

- Nếu như thất tín thì lúc ấy anh cứ việc nói cho Viên ngoại biết.

Mạc Thúy Hà gật đầu, vội vàng chấp tay chào, nói:

- Những lời vàng ngọc của tiểu thư sẽ mãi mãi khắc sâu trong trái tim ta.

Nói xong Mạc Thúy Hà vội vã mở cửa Tử Đồng các, rồi lẩn vào trong những lùm cây rậm rạp. Thúy Hà đi rồi, Tử Anh thầm nghĩ, anh ta cũng là một nhân vật phong lưu, và không tránh khỏi đôi phần rung động. Mặc dù như thế, xong rốt cục vì là đàn bà mà bỗng nhiên gặp phải chuyện không đâu, khiến cho tiểu thư khi thì mặt đỏ bừng lên, khi thì tái nhợt đi, trống ngực đập hơn trống làng, không sao trấn tĩnh được. Tử Anh vội vàng cùng với Liên Phòng xuống khỏi Tử Đồng các. Những người hầu và phu khiêng kiệu chẳng thấy bóng dáng tiểu thư đâu cuống cuống bổ nhào đi tìm khắp mọi nơi không biết đã bao lâu rồi. Tử Anh không dám chậm trễ, lên ngay kiệu về nhà. Tối phòng rồi mà vẫn còn hốt hoảng. Thơ rằng:

Lửa gần rơm trở thành tai họa,

Gỗ kia có mục một mối ăn.

Hoa đào không chảy theo dòng suối,

Ngư ông sao biết được lối vào.

Tuy tiểu thư đã hẹn, song Mạc Thúy Hà vẫn còn nghi hoặc, chẳng biết thực hư ra sao. Mấy hôm ấy anh ta cứ bồn chồn, bấm đốt ngón tay đã tới ngày mồng một tháng ba, bèn lân la tới cửa nhà họ Tư nghe ngóng. Thấy nhà ấy làm chay thật, Thúy Hà khắp khởi mừng thầm: Chắc rằng tiểu thư không nói dối. Và Thúy Hà rất hy vọng sẽ gặp được Tử Anh. Thế rồi anh ta sức nghĩ ra, đi vòng từ cổng trước ra cổng sau, nghiêng nghiêng ngó ngó. Cửa trước thông ra đường cái quan, cửa sau thông ra một con đường nhỏ. Phía đông là cửa thành, phía tây gần một con sông. Thúy Hà đã thuộc hết đường đi lối lại. Đến chiều ngày mồng ba, Thúy Hà len lén mặc chiếc áo xanh và

đội chiếc mũ nhỏ của Lai Nguyên lên ra khỏi quán trọ, đi thẳng tới nhà họ Tư. Chờ tới lúc vàng vàng mặt trời mà vẫn chưa thấy rước Phật, anh ta rất sốt ruột, nghĩ: "Không biết tới lúc rước Phật tiểu thư có ra không?". Vừa lo sợ vừa nghi hoặc. Ngờ đâu đêm ấy Tử Anh còn lo sợ nghi ngờ bằng mấy Thúy Hà. Nàng bàn với Liên Phòng, định ra nhưng lại sợ xảy ra việc chẳng lành, mà không ra thì lại sợ Thúy Hà đã giữ được chiếc khăn làm bằng chứng, hễ sẽ giở trò đều cáng lu loa lên, thì mất hết cả danh dự. Liên Phòng nói:

- Con thấy hành tung của hễ, phong lưu cũng thực phong lưu mà đều cáng cũng thực là đều cáng, tiểu thư nghĩ thế không sai. Theo con, thôi thì tới khi rước Phật hãy ra xem sao. Chỉ cần hễ trông thấy là chạy tọt vào ngay. Đã trông thấy rồi thì không phải là thất tín, chỗ đông đúc, mọi người nhìn thấy thì hễ sẽ không dám lôi lấy tiểu thư đâu.

Đã đến nước này, Tử Anh đành làm theo lời Liên Phòng.

Hôm ấy người rất đông, các nhà sư đến tụng kinh, những người trong thân tộc đến chung vui đều có kẻ ăn người ở theo hầu. Thúy Hà cũng mặc như kẻ ăn người ở, trà trộn với những người hầu. Người nhà họ cứ tưởng người nhà kia, chẳng sao phân biệt được. Vào khoảng gần tối, hòa thượng rước Phật đi hóa, Tử Anh lên đến bên cửa ngấp nghé ngóng trông.

Mặc Thúy Hà đi lẫn trong đám đông, mắt dăm dăm liếc nhìn, thấy tiểu thư đứng bên cửa, anh ta quay ngoắt lại bước lên thềm, hai người vừa giáp mặt nhau, Liên Phòng thấy đích xác hai người nhìn thấy nhau rồi, lập tức lôi ngay tiểu thư vào. Tiểu thư quay ngoắt vào nhà, lúc ấy hòa thượng đọc kinh chưa xong, tiếng trống tiếng thanh la ầm ĩ huyên náo, ai ai cũng ngược nhìn hòa thượng, chẳng để ý gì đến những việc khác. Nói thì chậm, nhưng thực ra lúc ấy thấy tiểu thư quay ngoắt vào, Mặc Thúy Hà nhanh như chớp, soạt một cái chui qua khe cửa. Cũng bởi vì duyên số nên chẳng ai nhìn thấy. Thúy Hà bám sát gót tiểu thư, đi thẳng vào phòng. Đêm hôm khuya khoắt như thế mà anh ta đột nhập vào nhà, lỡ ra có người bắt được thì chắc chắn cho rằng anh ta không phải là trộm cướp cũng là gian dân, họ lập tức đánh chết cũng chẳng sao. Thúy Hà mê gái cả gan liều mạng xông vào, dù cho có bị chém một nhát chết tươi cũng chẳng kể gì. Thấy Mặc Thúy Hà xông

vào phòng, tiểu thư như hồn lìa khỏi xác, chỉ sợ người ta trông thấy thì nguy to. Nàng chẳng kể gì đến thể diện, cùng Liên Phòng ngáng cửa đẩy hẳn ra. Mạc Thúy Hà là một gã con trai mới lớn, hai người con gái đẩy làm sao nổi. Thúy Hà nói:

- Tiểu thư đừng nóng vội, hãy cho tôi nói một câu đã.

Liên Phòng đưa tay bịt mồm hẳn lại, nói:

- Đây là nơi người nói được sao?

- Dù không được nói thì cũng cho tôi nói một câu thôi. - Thúy Hà nói. - Tôi là cử nhân Lĩnh Thạch, đi thi Hội qua đây, vì ngưỡng mộ tài sắc của tiểu thư, tôi phải vứt bỏ cả công danh chờ đợi ở đây. Không hẹn mà được trời xe mỗi lương duyên, gặp nàng dưới chân đài Đồng Trọng Thư. Mang ơn tiểu thư tặng khăn để làm tin, hẹn đêm nay gặp tôi, tôi dám liều chết đến đây, cả gan vứt bỏ cả tấm thân đồ liền hai khoa, đánh đổi cửa rỗng, tìm đến thềm phượng. Lẽ nào nàng không ưng thuận.

Nói xong Mạc Thúy Hà quỳ xuống. Tiểu thư nói:

- Ai bắt người quỳ, ai bắt người lạy, người hãy mau mau ra đi.

- Đến nước này thì tôi làm sao mà ra đi. Tôi nghĩ rằng, ra cũng chết, mà tiểu thư không ưng cũng chết. Thôi thì hãy chết trong phòng ngủ của tiểu thư, còn hơn chết bên ngoài phòng tiểu thư.

Nói xong Thúy Hà rút từ trong tất ra một con dao nhỏ, đâm vào yết hầu. Khiến cho ba hồn bảy vía tiểu thư lìa khỏi xác, nàng giơ tay cướp lấy dao. Thúy Hà buông dao ra ôm ghì lấy ngang lưng tiểu thư, lúc ấy không sao được, tiểu thư đành mặc cho Thúy Hà vồ vập. Liên Phòng coi chặt ngoài cửa theo dõi động tĩnh. Chỉ thấy:

Một bên là Nam cung học sĩ,

Một bên là Đông các giai nhân.

Nam cung học sĩ thềm thường sắc đẹp,

Đông các giai nhân e sợ rụt rè.

Một đẳng chưa biết mùi đời, sao hiểu được mây mưa vân vũ.

Một đẳng lão luyện phong tình, biết hết cả thương ngọc tiếc hương.

Thoả thuê đùa bỡn hoa hai đường hồng tươi khoe sắc

Ngả nghiêng rung cây ngọc cánh hoa lả tả tuôn rơi.

Đêm ấy họ trở thành vợ chồng. Họ chưa từng quen, song đã như mạ già ruộng ngẫu. Tới đêm hôm sau, Thúy Hà lại tăng tịu với Liên Phòng, thấy tiểu thư cho phép, Liên Phòng sao dám chối từ. Từ đó trên dưới hòa hợp, trở thành một giuộc. Ban ngày họ kê một chiếc giường giấu sau tấm bình phong, đêm khuya khi mọi người yên ắng, Thúy Hà mới ra. Bởi thế trong nhà chẳng ai biết được, chỉ có bọn con hầu mang cơm nước tới phòng, song vì đã vi phạm gia phong, tiểu thư ngày đêm lo âu, chỉ sợ sự việc bại lộ. Hơn nữa Mạc Thúy Hà là người phóng đãng, sống trong chiếc giường giấu sau bình phong mười mấy ngày, cảm thấy bí bức buồn chán, bàn nhau trốn về Quế Lâm. Tính toán xong họ thu xếp những đồ trang sức quý hiếm gói lại. Tiểu thư, Liên Phòng và Thúy Hà trang điểm như nhau, nhân lúc đêm khuya mở cửa vườn sau, men theo con đường nhỏ đi ra. Đường đi lối lại ở đây Thúy Hà thăm dò kĩ. Chỉ có điều, khi đi vội vã Thúy Hà đã đánh rơi mất chiếc giày. Ra khỏi cửa sau, hành lí gọn nhẹ, đường đi thông thuộc, họ tới ngay bến đò, thuê thuyền về thẳng Quảng Tây, bỏ mặc cả Lai

Nguyên ở lại quán trọ. Thơ rằng:

Xấu xa trên bậc với trong dâu

Chim cú mà sao cũng hao cầu

Tơ đã nhúng chàm không trắng lại,

Xuôi theo dòng nước chẳng ngoái đầu.

Tư Viên ngoại thấy con gái và đứa hầu Liên Phòng biến mất tăm, biết rằng đây là chuyện tư tình, không dám làm ầm ĩ lên, giấu kín như bưng. Song chỉ sợ nhà Hồ Thông Phán đến cầu hôn, không thể từ chối được. Rất may có một đứa ở tên là Lan Hương bị bệnh thương hàn, đứa ở này cũng khá xinh đẹp, Tư Viên ngoại bèn nghĩ ra một kế, cho uống một thang thuốc không theo quân thần tá sứ, trong khoảnh khắc đứa ở đã chết. Tư Viên ngoại nói dối đi rằng tiểu thư ốm chết, rồi báo với nhà Hồ Thông Phán. Nhà họ Hồ sai một người đàn bà đến hỏi thăm, người ấy không biết mặt tiểu thư, thì làm sao biết được tiểu thư thật hay giả. Tư Viên ngoại làm ma khá linh đình, khóc than thảm thiết. Tụng kinh niệm Phật bảy tuần, rất tốn kém. Thân bằng cố hữu đều tới thăm hỏi phúng viếng. Cháu của Hồ Thông Phán tuy chưa nên vợ nên chồng, song cũng mặc tang phục tới đưa ma. Hồ

Thông Phán cũng đích thân đến nhà. Thế là sự việc xấu xa ấy đã dựa vào cái chết của đứa con hầu để che giấu mọi người. Đúng là:

Trương Công uống rượu Lý Công đèn,

Đầu độc gái hầu, gia chết con,

Tuyền đài ôm hận không nơi tố,

Thế gian nguyên rửa gã Mạc Thùy.

Đêm ngày mồng ba tháng Ba, thấy chủ đột ngột bỏ đi suốt đêm không về, Lai Nguyên cho rằng Thúy Hà không chịu nổi sự vắng vẻ tĩnh mịch, đã tới lầu xanh tìm vui thú. Ăn cơm sáng xong, sửa soạn đi đón chủ về, thì chẳng thấy khăn áo của mình đâu cả. Lai Nguyên thấy rất lạ, lẽ nào chủ lại mặc áo của mình. Đến khi đi tìm khắp mọi nơi thì chẳng thấy đâu. Đã năm sáu ngày ròng rã Lai Nguyên đi tìm chủ, vậy mà chẳng thấy tăm hơi, anh không còn đủ kiên nhẫn đi tìm nữa, đành phó mặc cho số phận. Hôm sau dậy sớm ra nhà xí, Lai Nguyên nhặt được một chiếc khăn vàng, trong đó có thêu ba chữ "hiệu Vĩnh Hưng". Nghĩ thầm "Ấu cũng là trời dun rui, một chiếc khăn to dùng để gói quần áo cũng được, gói gạo cũng được, mà làm chăn đắp cũng được". Thế là Lai Nguyên hớn hờ nhặt mang về. Tính ra đã hơn hai mươi ngày rồi mà vẫn không thấy chủ về cùi gạo cũng hết nhẫn, trong người không còn một xu dính túi. Nghĩ rằng: "Không biết chủ vui thú ở nơi nào mà để mặc ta chịu khổ ở đây. Đến nay một hạt gạo cũng không còn, lẽ nào ta chịu ở đây chết đói ư? Thôi thì ta hãy mang hai bộ quần áo của chủ đi cầm lấy mấy lạng bạc, mua ít gạo, cùi để lót lòng rồi sẽ tính sau. Nghĩ thế, Lai Nguyên lấy luôn hai bộ quần áo lụa, lại sợ hiệu cầm đồ làm bẩn, anh lại lấy luôn chiếc khăn vàng mới nhặt được gói lại, rồi khóa cửa ra khỏi nhà trọ. Trên đường đi Lai Nguyên không biết nên đến hiệu cầm đồ nào thì mới bán được giá cao, rồi lại nghĩ, mình đã có hàng thì lo gì chỗ bán, chỗ nào mà chẳng bán được, thôi chẳng tính toán làm gì.

Đang lúc gặp xúi quẩy, Lai Nguyên cũng chẳng cho điều ấy là hệ trọng, cứ bước bừa. Không ngờ đi qua con đường nhỏ sau nhà Tư Viên ngoại, thấy một dải tường đá, trên một chiếc cổng lầu nhỏ, thấy treo tấm biển, trên đó viết hai chữ "Túc Cơ". Hai cánh cửa vườn nửa khép nửa mở. Lai Nguyên biết đây là vườn hoa của người ta, bước vào xem. Đang lúc vào cuối tháng

Ba, cây cối xanh um, hương thơm ngào ngạt, cành mơ trĩu quả, chim oanh đậu trên cây thùy dương hót líu lo, trong bồn đá, hoa đỗ quyên nở rộ. Lai Nguyên nghĩ: "Ở huyện Lâm Quế của mình lúc này cũng có oanh hót trong liễu biếc, chỉ có điều mình không về được!". Đang miên man nghĩ ngợi, bỗng thấy một chiếc giày màu hồng nhạt dưới gốc cây, nhặt lên xem, nhận ra đây là chiếc giày của chủ mình. Tại sao chiếc giày ấy lại rơi ở chốn này? Anh bỗng sinh nghi, cứ thì thầm nói một mình, trầm ngâm mãi, muốn đi mà không sao dứt được: Nào ngờ, Tư Viên ngoại mất con gái, tuy đã nói dối rằng con ốm chết để che giấu người ngoài, song trong lòng lúc nào cũng u uất, vừa rầu rĩ, vừa tức giận. Ông đang đi tản bộ trong vườn hoa để nỗi lòng khuây khỏa, bỗng thấy Lai Nguyên tay cầm chiếc giày thần thờ suy nghĩ. Viên ngoại quát hỏi:

- Người là ai, sao dám xộc vào cửa sau nhà ta, chẳng phải là người tới ăn trộm ư?

Thế rồi ông hô người tới bắt. Mấy người hầu chạy vụt ra, chẳng hỏi han gì, cứ thế lôi xềnh xệch, đấm đá túi bụi. Lai Nguyên nói:

- Xin các ông đừng đánh tôi, tôi là quản gia của cử nhân tướng công.

Mọi người thấy thế dừng tay, Viên ngoại hỏi:

- Ở thành Dương Châu có mấy vị cử nhân, vậy người là người nhà của vị nào?

- Chủ tôi không phải là cử nhân của bản châu, mà là cử nhân Mạc ở huyện Lâm Quế, phủ Quế Lâm, Quảng Tây.

- Đã là nơi khác đến thì làm sao mà xác nhận được. - Tư Viên ngoại nói. - Ta chỉ hỏi người tới đây làm gì?

- Tướng công nhà con lên kinh đô thi Hội, từ mùa đông năm ngoái, ngày mồng ba tháng Ba vừa rồi ra khỏi nhà, gần một tháng rồi mà vẫn chưa thấy về. Vì hết cả gạo, củi, con đành mang mấy bộ quần áo đi bán để lấy tiền chi dùng, nhân tiện hỏi dò tướng công hiện đang sống ở đâu. Con đi qua đây, thấy trong này có nhiều hoa đẹp nên vào xem. Ngẫu nhiên con nhặt được chiếc giày dưới gốc cây bách, đó lại là chiếc giày của tướng công con, cho nên con cảm thấy nghi ngờ.

Viên ngoại cầm lấy chiếc giày xem, thầm nghĩ "Kẻ đi đôi giày này đúng là

một đĩa khinh bạc". Rồi ông hỏi:

- Tướng ông của người là cử nhân, vì sao không đi thi Hội?
- Chỉ vì tướng công của con giữa đường bị ốm, phải nghỉ tại đây nên đã lỡ mất kì thi.
- Tướng công của người bao nhiêu tuổi, thường ngày thích gì?
- Tướng công của con mới hai mươi tuổi, người trắng trẻo, phong lan khoáng đạt, cầm kì thi họa đều rất tinh thông, phong hoa tuyết nguyệt đều ưa thích.

Nghe thấy nói thế, Tư Viên ngoại nghĩ thầm: “Vốn là một người không chịu tuân theo phép tắc, song tại sao chiếc giày của người ấy lại rơi tại nhà ta? Hay là con gái ta bị người ấy dụ dỗ? Chỉ có điều xưa nay con gái ta chưa từng ra khỏi nhà, nên người ấy không thể nhìn thấy được”. Ông lại nghĩ tiếp: “Chỉ có hôm mười chín tháng Hai nó tới chùa Quỳnh Hoa dâng cành phan, trừ phi đó là ngày chúng đã hẹn nhau từ trước, sự việc thật khả nghi. Chỉ có điều đã che giấu người ta rồi, hơn nữa không vạch áo cho người xem lưng, nên cũng không nhắc đến nữa”. Ông nói với Lai Nguyên:

- Người không phải là trộm thì đi đi, không nên quanh quẩn ở đây mà bép xép.

Lai Nguyên mang gói quần áo và chiếc giày ra khỏi vườn hoa, tới một cửa hiệu cầm đồ bán. Cửa hiệu cầm đồ này là của nhà họ Trần, người Huy Châu, ở ngay sát nhà Tư Viên ngoại. Người chủ quán mở chiếc gói ra xem, thấy trong đó có thêu ba chữ "hiệu Vĩnh Hưng" bèn nói:

- Hay quá, nhà ta mất đồ đạc đã tìm ra manh mối rồi!

Những người trong cửa hàng thấy thế hò nhau đến xem, họ đều nói:

- Không cần phải nói nữa, đúng rồi.

Thế là họ lấy ra một chiếc xích, xích vào cổ Lai Nguyên. Lai Nguyên phân trần, họ bặt cho mấy cái tát tai. Chửi:

- Mày là tên ăn cắp, tang vật sờ sờ ra đấy mà còn cãi bướng.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 10 (C)

Vốn là, vào lúc canh tư đêm ngày mười chín tháng Ba, bọn trộm đã lén vào cửa hiệu này, lấy đi một số vàng bạc, ngoài ra châu báu quần áo không mất thứ gì. Chiếc khăn này cũng bị chúng lấy cắp, không biết vì sao chúng vứt đi. Lai Nguyên nhật được, hôm nay gói quần áo tới rồi bị sa lưới. Chẳng cần nói lời thôi, họ trói ngay lại giao cho người hầu, giải lên huyện Giang Đô thẩm vấn. Lai Nguyên khai anh là người nhà cử nhân họ Mạc, chiếc khăn này nhật được vào sáng ngày hai mươi tháng Ba. Tri huyện cũng nghĩ "Đã lấy cắp của nhà người ta thì tại sao lại mang tang vật đến cửa hàng người ta mà bán? Người này hẳn không phải là trộm thật". Rồi tổng Lai Nguyên vào nhà giam, cử người đi điều tra, sau đó mới xét xử tiếp.

Nào ngờ Tư Viên ngoại nghe thấy nói việc này, lại nghĩ rằng con gái mình đã theo bọn trộm cướp. Không biết trút giận vào đâu, bèn gửi thư lên quan huyện nói: "Buổi sáng Lai Nguyên đã lén vào trong vườn nhòm ngó, hẳn đúng là tên trộm, không còn nghi ngờ gì nữa". Tri huyện xem thư, bảo đem Lai Nguyên ra thẩm vấn lại. Lai Nguyên vẫn khai là người nhà của cử nhân họ Mạc. Tri huyện hỏi, cử nhân họ Mạc ở đâu, Lai Nguyên khai thực rằng: - Cử nhân đã bỏ nhà đi từ ngày mồng ba tháng Ba, tới nay không biết là đi đâu.

Tri huyện cười nói:

- Có lý nào chủ đi đã lâu mà người nhà lại không biết, đúng là khai láo.

Thế rồi ông ra lệnh cùm kẹp và tra tấn cực hình. Lai Nguyên không chịu được đành khai là kết đảng với bọn trộm cướp phân tán tang vật. Cuối cùng quan huyện nói, chỉ có một chiếc khăn không cũng khó mà kết tội được, vẫn giam vào nhà giam, lệnh cho sai nha đi truy lùng bọn trộm cướp rồi xét xử sau.

Lai Nguyên bị giam tại nhà giam Giang Đô, vì chưa định được tội danh, trong người không có một xu dính túi, không có người thân thích đem cơm, trước mắt chỉ có con đường chết mà thôi. May mà Chu Tiểu Kiều, người chủ quán trọ, biết đích xác đây là quản gia của cử nhân họ Mạc, anh ta hằng ngày thật thà chất phác, ban đêm chẳng bao giờ ra khỏi quán trọ, mà ban ngày sao lại gặp tai họa như thế. Cho nên ông chăm sóc Lai Nguyên như một người thân. Rồi ông đích thân đến nhà giam an ủi:

- Tướng công của anh còn rất nhiều quần áo cất trong hòm, hiện việc đang cần kíp có thể đem bán đi, chờ khi nào chủ anh về thì mọi việc sẽ rõ.

Lai Nguyên giàn giụa nước mắt cảm ơn lòng tốt của ông. Từ đó Lai Nguyên yên tâm nghỉ ngơi tại nhà giam, mỗi mắt trông chờ chủ nhà đến cứu. Đúng là:

*Mai rùa muốn nát mà vô kế,
Dâu khô gặp họa chẳng nói năng.*

Lại nói, Mạc Thúc Hà đưa Tử Anh và Liên Phòng về huyện Lâm Quế, chỉ nói là thi trượt trở về, qua Dương Châu cưới một người thiếp, và mua một thị tì. Anh em bè bạn đều không biết chuyện này. Từ xưa tới nay mỗi tình trăng hoa đắm say hơn nhiều so với ân ái vợ chồng kết tóc se tơ. Về nhà được mấy tháng thì đẻ con trai, hai năm sau lại sinh thêm đứa con nữa. Liên Phòng tuy được "chút cơm thừa canh nguội" không biết là tử cung mắc chứng hàn lãnh, nên không có con. Đáng buồn cười là, sau khi Mạc Thúc Hà lấy được Tử Anh cũng không đi chơi bởi lãng nhãng nữa, mà chỉ quanh quẩn ở nhà với Tử Anh. Năm Mạc Thúc Hà hai mươi hai tuổi, lại đúng vào kì thi Hội. Tháng Mười lại thu xếp lên đường tới kinh đô. Khi chia tay, Tử Anh mỉm cười nói:

- Lên kinh đô lần này nhất định sẽ qua Dương Châu, không cần phải nán lại chùa Quỳnh Hoa nữa.

Liên Phòng nói:

- Nán lại chùa Quỳnh Hoa cũng chẳng ngại gì, có điều không cần đến bể thả sen bằng đá ở đài Đồng Trọng Thư đọc sách để rửa tay nữa.

- Hai người vốn là nói đùa, nhưng họ cũng nhắc lại việc vô lại đã xảy ra cách đây hai năm. Mạc Thúc Hà toát mồ hôi, im lặng không sao đối đáp được. Trầm ngâm một lúc, Thúc Hà mới nói:

- Lần này qua Dương Châu, tiện đường ta sẽ tìm Lai Nguyên thôi, còn việc trai gái này khác thì ta đã chán ngán rồi, các em không cần nghĩ ngợi lo lắng làm gì.

Chia tay hai người, Mạc Thúc Hà lên đường, thẳng tới kinh đô. Dọc đường, đói ăn khát uống, ngày đi đêm nghỉ, chẳng bao lâu đã tới kinh thành. Lần thi ấy, Mạc Thúc Hà đỗ Hoàng giáp. Đến tháng Ba được cất nhắc làm Tri huyện huyện Nghi Chỉnh, lĩnh bằng rồi lập tức tới nhiệm sở. Đi qua Dương Châu thì tới nội địa huyện ấy, trước hết Thúc Hà tới quán trọ xưa kia. Quang cảnh ba năm trước đây vẫn thế, chỉ khác đi chút ít Chủ quán trọ Tiểu Kiều trông thấy, vội cầm tay nói:

- Mạc tướng công, ông đi đâu lâu thế, khiến cho Lai Nguyên bị nhà họ Trần, người Huy Châu vu cho ăn trộm, bị tra tấn hết sức đau đớn khổ sở.

Ông kể lại hết từ đầu cho Thúc Hà nghe. Thúc Hà nói:

- Ông đừng có âm lên. Lần trước không đi thi Hội được tôi rất lo lắng, nên tạm tới nơi khác giải sầu. Không ngờ đi tới ba năm, đến nỗi làm đứa quản gia phải khổ. Nay tôi đã đỗ tiến sĩ rồi, và được cất nhắc làm chức tri huyện huyện Nghi Chỉnh, chờ khi nhậm chức xong tôi sẽ tới tìm hiểu thêm.

Chu Tiểu Kiều thấy Thúc Hà nhậm chức tri huyện một huyện gần đây bèn quỳ xuống khấu đầu. Mạc Thúc Hà vội vàng đỡ dậy, nói:

- Người là người quen biết cũ, đừng thi lễ như thế. - Rồi nói thêm. - Việc đến nhậm chức là quan trọng, nên tôi không thể lưu lại đây lâu được ông đừng tiết lộ việc này với ai, và cũng đừng đến nói trước cho Lai Nguyên biết. Sau này Lai Nguyên ra khỏi ngục, nhất định sẽ tới tìm ông. Ông cứ lặng lẽ đưa đến Nghi Chỉnh, tôi sẽ hậu tạ.

Nói xong Thúc Hà xuống thuyền tới ngay huyện Nghi Chỉnh nhậm chức. Mấy hôm sau sai gia nhân về đón Tử Anh, Liên Phòng tới nhà môn.

Năm ấy quan Tuần án mới là Ân Lâm, là quan trên của Mạc Thúc Hà, hai thầy trò rất tâm đầu ý hợp. Mạc Thúc Hà nói lại chuyện Lai Nguyên bị vu khống. Tới mùa thu năm ấy Tuần án đến huyện Giang Đô, Dương Châu,

tìm hiểu tình hình, giải quyết các vụ án. Tuần án xét đến vụ án Lai Nguyên, lật đi lật lại thấy vô bằng cứ, ông phê ngay vào bản án rằng:

"Kẻ trộm cướp vàng bạc, châu báu rồi vứt khăn ra đường, Lai Nguyên nhặt được. Người kia vứt thì người này nhặt đó chẳng phải là người nước Sở được cung nước Sở. Không bắt được bọn trộm cướp mà chỉ bắt Lai Nguyên thì quả là oan vạ. Mong huyện Giang Đô phúc thẩm để làm sáng tỏ".

Giấy gửi tới huyện Giang Đô, quan huyện đưa Lai Nguyên ra phúc thẩm. Lúc ấy nhà họ Trần người Huy Châu không còn mở cửa hàng ở Dương Châu nữa. Tri huyện tha Lai Nguyên ra, nói:

- Đáng tiếc là người chủ mất của không còn ở đây nữa, nếu còn thì phải ghép hẳn vào tội vu cáo mới đúng.

Lai Nguyên về quán trọ, thấy Chu Tiểu Kiều, anh bái tạ cảm ơn. Chỉ nói rằng nhờ trời được tha, chứ đâu có biết vì sao. Chu Tiểu Kiều nói lại cho Lai Nguyên biết hết mọi chuyện, rồi ngay đêm ấy dẫn Lai Nguyên tới huyện Nghi Chỉnh. Chu Tiểu Kiều tạm nghỉ bên ngoài. Lai Nguyên được lệnh cho vào nha môn, thấy gia chủ, anh quỳ xuống khấu đầu, kể lại chuyện bị vu cáo và phải chịu nhục hình như thế nào. Lai Nguyên vừa nói vừa nức nở, khóc đến nỗi làm cho nước sông Hoàng Hà trong lại, đáy biển nứt nẻ! Mạc Thúc Hà nói:

- Tuy gia chủ bỏ rơi người song người cũng tự phải thấy rằng mình đã gặp phải rủi ro.

Lai Nguyên khóc xong mới tới chào phu nhân Tử Anh. Nghe tiếng nói, Lai Nguyên biết phu nhân là người Dương Châu, nói:

- Hóa ra bà cũng là người Dương Châu, ngài cười từ bao giờ thế? Mạc Thúc Hà vẫn còn lương tâm, thấy Lai Nguyên hỏi thế mặt đỏ bừng, nói rằng cười đã lâu rồi.

Hôm ấy họ bày cơm rượu thịnh soạn, Lai Nguyên đánh một bữa say túy lúy. Sau đó lấy ra ba mươi lạng bạc, sai người đưa cho Chu Tử Kiều để đền ơn.

Từ đó Mạc Thúy Hà cải tà quy chính, trên con đường công danh rất thanh liêm chính trực, thói trăng hoa không còn nữa. Một hôm Thúy Hà nói với Tử Anh:

- Ta xem ra Lai Nguyên đã vì ta mà bị tù tội, chịu khổ sở ròng rã ba năm trời, ta rất thương. Nay Lai Nguyên đã lớn tuổi mà vẫn chưa vợ con, Liên Phòng vẫn hầu hạ ta, song rất mừng là vẫn chưa có con, ta muốn vun vào cho Lai Nguyên và cho chúng về làm quản gia, để họ sống với nhau cho thoải mái, khỏi phải sống bó buộc tù túng ở nha môn.

Lúc ấy Liên Phòng giả vờ không nghe, song kì thực Liên Phòng tính vốn ưa hoạt động, "một ngựa một yên", có gì mà không được.

Tử Anh lại cũng là người có tình nghĩa, nên đã nói vun vào cho họ nên vợ nên chồng. Đám cưới cũng tổ chức đàng hoàng. Tuy không để danh bảng vàng nhưng vẫn coi là động phòng hoa chúc. Cưới nhau xong được tròn một tháng, họ lên đường về Quảng Tây, tuy không phải là áo gấm về quê, nhưng cũng rạng rỡ mặt mày. Đúng là:

*Nếu không rét lạnh thấu xương
Thì hoa mai chẳng ngát hương hồi chàng.*

Tử Anh ở huyện Nghi Chỉnh được một năm, nàng nói với chồng:

- Từ khi theo chàng, miễn cưỡng em trở thành vợ chồng, suốt đời không gặp cha mẹ. Mẹ thiếp chẳng may đã mất, song cha thiếp vẫn còn. Thiếp nghĩ từ huyện Nghi Chỉnh cách Giang Đô không đầy trăm dặm, giá chàng cho em được gặp cha một lần cũng tốt.

Nói xong, Tử Anh nước mắt cứ trào ra, cảm thấy mình xót xa tủi hổ.

- Phu nhân đừng quá lo lắng, - Mạc Thúy Hà nói, - hãy để ta lo liệu dần dần.

Hôm sau nhân dịp đi công cán tới Dương Châu, Mạc Thúy Hà bèn tới nhà Tư Viên ngoại xin bái kiến. Chàng gửi danh thiếp Viên ngoại thấy trong

danh thiếp viết: "Kẻ hậu sinh Mạc Phủ cúi đầu bái kiến". ông cứ ngỡ là quan huyện láng giềng đến đón mời, nào ngờ đâu đó là con rể của mình. Mạc Thúc Hà cứ ngồi lì ở đấy, Tư Viên ngoại đành cho dọn tiệc khoản đãi. Trong khi ăn ngẫu nhiên hỏi:

- Quan phụ mẫu là cụ khánh ư?

Phàm là những người đỗ tiến sĩ, cha mẹ còn sống thì gọi là “cụ khánh” nếu cha còn mẹ mất thì gọi là "nghiêm thị"; mẹ còn cha mất thì gọi là "từ thị", cha mẹ đều mất thì gọi là "vĩnh cảm". Mạc Thúc Hà nghe Tư Viên ngoại hỏi thế, giàn giụa nước mắt, nói:

- Thưa ngài, song thân tôi đều đã qua đời, tôi không được hầu hạ phụng dưỡng.

- Quan phụ mẫu song thân đã mất sớm, còn ta, không có con cái thì cũng buồn khổ như nhau thôi.

Nói xong Tư Viên ngoại tự nhiên ứa lệ. Chẳng ai còn lòng dạ nào mà ăn uống, rồi cả hai đều buông đũa.

Khi chia tay, Mạc Thúc Hà nói:

- Hôm nay chia tay với ngài, không biết bao giờ mới được gặp lại? Nếu ngài không chê tệ huyện hẻo lánh tôi tàn thì kẻ hậu sinh này cũng xin quét cửa đón tiếp ngài.

- Phần mộ tổ tiên của tôi tại chân núi Tây Hà. - Viên ngoại nói. - Hằng năm vào mùa xuân tôi đều tới đó tảo mộ và đi qua quý huyện, sau này chúng tôi sẽ tới bái kiến quan phụ mẫu.

Sau đó Mạc Thúc Hà bái biệt ra về.

Vào tháng Ba năm sau quả nhiên Viên ngoại đến Nghi Chính đáp lễ. Mạc Thúc Hà biết tin, báo cho Tử Anh:

- Cha nàng hôm nay tới đây, nàng có gặp ông hay không?

- Thiếp luôn luôn nhớ tới công ơn dưỡng dục của cha, cũng phải mặt dày mày dạn mà gặp ông.

Nghe xong, Mạc Thúc Hà một mặt cho người chuẩn bị bữa tiệc, một mặt ra đón Tư Viên ngoại vào trong nhà môn dự tiệc.

Trong lúc ăn uống, Mạc Thúc Hà nói:

- Quan muốn dạy bảo điều gì? - Tư Viên ngoại nói.

- Kẻ hậu sinh này rất xấu hổ chưa nói tới chuyện thông gia, từ nay trở đi con sẽ là con rể của ngài, vợ con sẽ ra bái kiến ngài.

- Tôi đâu dám.

Tư Viên ngoại vừa nói xong, thấy Tử Anh đi ra quỳ xuống lạy Tư Viên ngoại mắt đã kém nhem, nhìn không rõ, bỗng chốc cũng quỳ xuống lạy, đứng dậy nhìn, kêu toáng lên:

- Vì sao? Vì sao lại thế này? Trách nào chiếc giày màu hoa đào đánh rơi trong vườn có người nói là của Mạc Cử nhân, đến bây giờ mới rõ.

Nói xong ông rất giận dữ. Mấy năm trời mất con, ông không cảm thấy nỗi vui mừng đột ngột như từ trên trời rơi xuống, mà chỉ thấy lửa giận trong lòng ngùn ngụt dâng lên. Ông than thở rằng "Con gái mình không ra gì, thì oán sao được người ta".

Rồi nói với Mạc Thúy Hà:

- Lúc đầu đứa con gái tôi cũng chẳng ra gì, nó là đứa vô liêm sỉ, đã làm bại hoại gia phong, không cứng cỏi, bị rơi vào địa ngục, đạo bị cướp đi tôi đã nói dối rằng nó đã chết để che mắt Hồ Thông Phán. Nay nếu tin đó lộ ra, tôi xấu hổ, anh cũng xấu hổ, từ nay đến khi chết anh cũng đừng gặp tôi nữa.

Nói xong ông phui áo bỏ đi. Hậm hực chửi Mạc Thúy Hà một kẻ liều lĩnh, coi trời bằng vung. Thúy Hà đành ngậm đắng nuốt cay tiễn Tư Viên ngoại ra về. Tử Anh về phòng, ốm liệt ba tháng trời chẳng nói chẳng rằng, không biết là bệnh gì.

Năm tháng cứ trôi đi, Mạc Thúy Hà ba năm mãn nhiệm, rồi lần lượt được thăng tới chức bố chính sứ Phúc Kiến. Hồi hận vì sự lỗ mãng của mình thời trai trẻ, đã làm tổn hại đến gia phong, làm hại con gái người ta. Bởi thế rất nghiêm khắc dạy dỗ con cái, tuân theo phép tắc chuẩn mực. Đứa con lớn đặt tên là Mạc Ngã Như (không như ta), đứa bé đặt tên là Mạc Ngã Tự (không giống ta). Cả hai đều thi đỗ tiến sĩ, làm quan tại kinh sư. Ngờ đâu gặp hạn lớn, Mạc Thúy Hà đang làm quan tại Phúc Kiến thì đổ bệnh. Mà chứng bệnh này cũng rất kì quái không phải là chứng thất tình(1) lục dục(2) không phải là chứng hàn nhiệt phong thấp, không phải là chứng nội thương ngoại cảm, chỉ là chứng hôn mê trầm uất, cáu gắt, khi cười khanh khách, khi hát rống lên, khi vật vã cung đao múa kiếm, tự cắt vào da thịt mình.

Miệng cứ nói là có ma quỷ, có trộm cướp, có kẻ rình mò.

(1) Thất tình: bảy thứ tình cảm của con người: mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét, muốn.

(2) Lục dục: những tình dục do lục căn mà sinh ra.

Tử Anh ngày đêm phụng dưỡng thuốc thang, không dám rời nửa bước. Một hôm Mạc Thúy Hà đang nằm ngủ, đột ngột nhồm dậy nói:

- Ta chẳng phải là thần nào khác, ta chính là Đức Già Lam ở chùa Quỳnh Hoa, Mạc Khả là gái điếm ở Quế Lâm. Đại phú gia hứa chuộc cô gái điếm này về làm vợ. Bỗng nhiên Đại phú gia này nuốt lời hẹn ước, bỏ về Dương Châu. Người đàn bà ấy phần uất tự tử. Bởi thế người đàn ông đầu thai thành con gái, người đàn bà đầu thai thành con trai, nên mới xảy ra chuyện đời nay. Đời nay Mạc Khả phú quý, hai con đều thi đỗ, ấy là vì khi đời trước làm gái điếm, từng chu cấp những người nghèo đói, xây cầu dựng quán, cho nên mới được báo đáp như thế. Gần tới lúc chết mắc bệnh hiểm nghèo, là vì đã vô cớ cưỡng bức Tử Anh, buộc Tử Anh phải theo mình. Làm bại hoại lương tâm nên bị quả báo. Quả báo là đời sau phải chịu, còn họa báo thì chịu hại ngay nhân tiền. Bởi thế ta khuyên người đời hãy sớm tu nhân tích đức là điều thiện.

Nói xong Mạc Thúy Hà lại nằm vật ra ngủ, vẫn hoàn toàn trở lại Mạc Thúy Hà như ngày thường. Phút chốc hộc ra mấy chậu máu rồi chết. Ô hô! Thương thay!

Nghe thấy Già Lam hiển thánh, Tử Anh lại một lần nữa kinh dị. Khâm liệm Mạc Thúy Hà, đưa quan tài về Quảng Tây. Vợ chồng Lai Nguyên ra đón. Để tỏ lòng biết ơn tình xưa nghĩa cũ, Liên Phòng vô cùng đau thương. Sau đó gặp hai người con của Thúy Hà về chịu tang. Mãn tang ba năm, Tử Anh cũng đổ bệnh. Gọi hai con đến bên giường dặn rằng:

- Cha con sinh ở Quế Lâm, mẹ sinh ở Giang Đô, mộng hồn đều có chốn về, vì duyên số ngẫu nhiên đời nay gắn bó với nhau. Đó là lời di chúc của ta.

Nói xong Tử Anh trút hơi thở cuối cùng. Hai người con nghe thấy nói thế cũng chẳng hiểu gì, chỉ nói là lúc lâm chung đã nói bừa, và cũng chẳng tìm hiểu tường tận. Ngờ đâu Tử Anh đến lúc chết vẫn còn minh mẫn, đó cũng là lời giáo hóa của Đức Già Lam ở chùa Quỳnh Hoa. Người đời sau đã làm

một bài thơ rất hay. Bài thơ ấy như sau:

*Trai gái mắc oan đều có gốc,
Phong tình đâu phải chuyện bỗng dưng.
Oan trái đời nay chưa trả được,
Chỉ sợ đời sau mắc vạ lây.*

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 11

Gã Tham Lam Mua Nhà Chứa Bán Dâm

*Chí sĩ không dám nói,
Tích lại thành tai ương.
Tiểu nhân vô nghề nghiệp,
Muốn người làm mối manh.
Giải thoát được u uất,
Mới biết mở mắt nhìn.
Cửa son ác như hổ,
Phần lớn bị đuổi về.*

Bài thơ này là của tú tài La Ẩn nói về đồng tiền. Hai câu cuối nói về các vị quan trong công đường. Nói rằng, dù còn người hung ác như hùm sói, nhưng nếu có tiền thì con người không còn hung ác nữa. Tiền khiến cho quan lại mặt mày hớn hở, cho tai qua nạn khỏi, hà hơi tiếp sức đều rất công hiệu. Bởi sức mạnh của đồng tiền, nên có những người bất chấp tất cả trở thành kẻ tham lam tàn ác, mặt dày mày dạn, táng tận lương tâm, hăm hăm nổi giận, khiến người sợ hãi, rồi sau đó ra sức vơ vét tiền bạc của người. Nhưng người nào chẳng may bị chúng động tới đều thịt nát xương tan. Đó chính là tệ nạn phổ biến xưa nay, từ quan trên đến quan dưới, nên chẳng ai bảo được ai. Thằng hoặc có người giữ mình liêm khiết, thì thường bị chúng đồ kỵ, cho rằng, nếu không giả dối che đậy thì cũng là chạy theo danh vọng, rồi hòa nhau bài xích, chèn ép đổi trắng thay đen, dìm người ấy xuống tận đất đen, không sao cất đầu lên được. Bởi thế, ngạn ngữ có câu: "Quan to không cần tiền thì về làm vườn; Quan nhỏ không đòi tiền thì như con gái không biết lấy chồng". Thế mới biết kẻ tham lam thì phú quý; người liêm khiết thì mãi nghèo khổ. Bởi nhìn vào tấm gương như thế, nên

thấy tiền tài là họ bất chấp cả tính mạng, dù bị chê cười khinh bỉ, vẫn chẳng chút xấu hổ. "Mặc cho người đời chê cười, ta vẫn là ông quan tốt." Hai câu nói ấy vẫn là hiện thực.

Tuy nói thế, song tiền tài vẫn là nguồn sống không thể thiếu. Nếu như ngang nhiên nhai xương hút tủy thì quả là không được. Chẳng hạn như Phạm Sư Vân thời xưa, từng làm quan lệnh ở Lai Vu nhưng vẫn vui lòng sống cuộc sống đạm bạc. Lại như Nhậm Ngạn Thăng làm tới Thị trung mà ngày ông chết, con ông áo quần vẫn rách tả tơi, che không kín thịt da, điều ấy ta cảm thấy mùi lòng. Theo ta thì cũng không muốn người ta tham lam, chỉ có điều lấy nó phải theo đạo lý, đừng vô liêm sỉ. Ta cũng không muốn cấm người ta tàn khốc, song đánh người phải có pháp luật mà không được thương luân bại lý. Trong sách có nói: "Xuất phát từ cái lợi mà làm". Đây là một lời nói hay về sự không tham lam. "Người biết yêu người thì luôn luôn được người yêu mến". Đó là một lời nói hay về sự không tàn ác. Lại có chỗ nói rằng: "Tài vật nhiều vô tận sẽ trả lại tạo hóa; phúc nhiều vô tận thì trả về cho con cháu". Những bậc thánh hiền xưa kia chẳng ai không khuyên người ta làm điều thiện, chẳng ai là không khuyên người ta cứu giúp mọi người.

Song một điều nực cười là, người trong thế gian biết được tệ nạn không được phép làm ấy lại ngồi ở bên trên. Dù cho anh nói bã bọt mép song cũng như gió thoảng ngoài tai. Nếu không bị quả báo công minh, thì những tệ hại ấy cứ như buồm xuôi gió, luôn đi về phía trước mà không bao giờ quay đầu trở lại. Nay tôi muốn kể một câu chuyện về sự tham lam tiền của để thức tỉnh những người còn đang mê muội. Thơ rằng:

*Tiền của ai ai mà chẳng thích,
Phong lưu ai chẳng có lòng tham.
Chỉ vì mất hết lòng liêm sỉ,
Ngàn năm không xóa sạch vết nhơ.*

Thời Tống, ở Tây Hòa, có một người tên là Ngô Ái Đào. Vì được xem cuốn sách lạ nói về Đào Chu Công trở nên giàu có. Ái Đào rất thích, nghĩ rằng: Đào Chu Công trước kia tên là Phạm Lãi, đã giúp Việt Vương diệt Ngô, sau đó công thành danh toại, đưa Tây Thilên thuyền rong chơi Ngũ Hồ, đổi tên là Đào Chu Công, làm nghề buôn bán mà trở nên giàu có. Đây là một nhân vật phong lưu vào bậc nhất xưa nay, ta là người có học và tài năng chẳng kém gì Đào Chu Công, sau này công thành danh toại ta cũng học theo cách sống phong lưu khoáng đạt của ông ta. Nhất định ta sẽ làm nên sự nghiệp như Chu Công. Bởi thế Ái Đào bèn đổi tên thành Chu Công. Xưa kia Tây Hòa nằm trong vùng Ung Châu cổ, vốn thuộc đất Tây Khương. Thời Tần thuộc Lâm Triệu, thời Ngụy đổi thành Mân Châu. Cổ thi có câu: "Sơn Đông tế tướng, Sơn Tây võ tướng". Vùng Tây Hòa rất ít văn nhân, chỉ có Ngô Ái Đào, từ nhỏ đã xuất chúng, sách chỉ xem qua là nhớ ngay. Thấy của người cũng cứ nhớ mãi, tìm mọi cách lấy cho bằng được. Khi còn nhỏ đi học lấy cả những mẫu mực thừa, những mảnh giấy vụn của bạn bè. Còn vật dụng của mình thì giữ bo bo chẳng cho ai lấy một ly. Tính tình Ái Đào lại hung hăng, nóng nảy, bạn bè nói không vừa ý là lửa giận bốc lên, túm tóc kéo áo, ném gạch ném đá, không chiếm được một chút lợi lộc không chịu yên. Đây là tâm tính hung ác tham lam bí ối sẵn có từ khi còn trong bào thai, ngay cả trời cũng chẳng làm gì nổi Ái Đào.

Thôn Cửu Gia có chín họ, nên đặt tên thôn là Cửu Gia, Ái Đào là người sinh ra ở đó. Số người trong chín họ này rất đông, nhưng từ xưa tới nay chưa có một tú tài nào. Ngô Ái Đào là tú tài đầu tiên của thôn, không lâu sau được cất nhắc làm người coi giữ lương thực. Vùng này không có ai đỗ đạt, nên Ngô Ái Đào đỗ tú tài chẳng khác nào đỗ trạng nguyên. Hắn ngông nghênh, tự do thâm tóm, quyết đoán mọi việc trong làng. Về lý thì không được thu tiền, nhưng Ái Đào vẫn cứ thu. Cả thôn đều thiệt hại, song chẳng biết kêu đâu. Đỗ liền hai khoa, cậy tài giỏi Ngô Ái Đào càng ngày càng làm bừa, khiến dân chúng như chim lồng cá chậu, không ai thoát khỏi tay Ái Đào. Nào ngờ Ái Đào là người thi đỗ cao nhất Tây Hòa, nhưng so với những người tài cao ở các huyện vùng Quan Tây thì Ái Đào chẳng đáng kể

gì. Thi liền mấy khoa, Ái Đào không kiếm được một chiếc áo màu lam. Mỗi khi Ái Đào đi thi, những người trong thôn Cửu Gia đều đến đền ThờCốc, miếu thờ Thành hoàng, đền thờ Văn Xương Đế Quân khấn vái, mong cho Ái Đào thi trượt. Sau khi yết bảng không thấy người mang giấy báo về thôn, mọi người lúc ấy rất vui mừng, tự nguyện góp ít tiền mua lợn về bái tạ thần linh.

Ngô Ái Đào thi trượt, mất hết cả nhuệ khí, song hằng năm vẫn đi thi theo bốn phận của người học trò, cũng như gió xuân theo mùa mà thổi. Mãi tới ngoài năm mươi tuổi mới được cử làm cống sinh. Khi Ái Đào tựu trường, trong phủ cũng có cờ biễn tiễn đưa, khiến trường học trở nên rất náo nhiệt. Ngô Ái Đào thì lên mặt, còn người trong thôn thì chẳng ai vui mừng, chỉ lo Ái Đào tới quấy nhiễu. Ngô Ái Đào tỏ ra công bằng, chia toàn bộ kẻ giàu người nghèo trong toàn thôn thành ba loại thượng, trung, hạ, ghi vào sổ sách, báo hết danh thiếp, rồi cho người nói rằng: "Một là ta may mắn được cử làm cống sinh, được tôn làm người chức sắc trong thôn. Hai là lên kinh đô thiếu tiền chi tiêu, mỗi nhà phải cho ta vay ít tiền, đợi khi làm quan ta sẽ trả lãi. Nếu ai không bằng lòng thì ta ghi vào sổ là không cho mượn". Những người thôn quê thường sợ rắc rối, chỉ muốn yên thân nên chẳng ai dám chống lại. Kẻ giàu người nghèo đều phải dâng hiến, tất cả số bạc ấy đều phải cân lại, nếu chất lượng bạc xấu đều phải bổ sung cho bằng đủ.

Đầu tiên Ngô Ái Đào cướp không những người trong thôn một khoản tiền lớn, dương dương đắc ý đem theo người hầu vào kinh thi Đình. Ngô Ái Đào rà xét lại tỉ mỉ những người làm quan, phàm là những người Quan Trung làm quan tại kinh đô, bất luận là chức tước to hay nhỏ, Ái Đào đều viết một tờ thiếp, với danh nghĩa là học trò thân quyến đến bái yết xin được họ chú ý và hy vọng trong kỳ thi đình được xếp thứ hạng cao. Song xưa nay lòng người khác nhau, người thì ghét chạy chọt, lại có người thích xu phụ. Ngô Ái Đào theo lối quảng canh, nhất định Ái Đào được những người thân thiết, thích danh dự nhận là học trò, và được họ nâng đỡ. Quả nhiên thi Đình, Ái Đào được xếp thứ hạng cao và được bổ nhiệm làm Nho học Huấn đạo.

Được hơn một năm, đúng vào dịp mở khoa tiến sĩ, Ngô Ái Đào đã làm một bài phú về việc quản lý tiền tài rất hay và đã trúng tuyển. Được điều làm giám thuế đề cử tại lộ Kinh Hồ. Ái Đào tới đó nhậm chức, cho người về đón vợ con. Vợ cả Ngô Ái Đào không có con. Người vợ lẽ sinh được một trai một gái. Con trai lên mười tuổi tên là Ngô Tĩnh, con gái tám tuổi đều được đưa tới nha môn, đóng tại thành Kinh Châu. Sau khi đi hành hương ba buổi sáng, Ngô Ái Đào bèn khởi thảo một bản yết thị, treo trước nha môn. Yết thị ghi:

"Ta vốn sinh trưởng ở Tây Bưu vì ngẫu nhiên được đảm nhiệm chức vụ này, trên giao cho ta trông coi việc thuế má ở vùng quan trọng. Ta xấu hổ vì thân phận thấp kém, cho nên luôn đau đầu trong lòng, song trông coi việc thuế khóa cho dù một thước hay một tắc cũng không để thất thoát được, ta làm hết sức mình, đặt ra phép tắc, không cho phép thương nhân thay đổi. Hơn nữa, bản thân luật pháp làm theo ý chí, không bàn tới nhân tình. Hàng hóa phải tính theo kích thước và trọng lượng. Trừ những kẻ không đi theo cửa quan trốn thuế, phải nộp một nửa số hàng hóa ra, số còn lại phàm là chở thuyền hay gánh bộ, hàng hóa lớn hay bé đều phải báo quan, đánh thuế bằng một phần mười. Nếu ai không tuân theo thông cáo này sẽ phải phạt. Nay yết thị".

Sau khi đưa ra tờ yết thị này, lại gọi các nhà hàng tới nói rằng:

- Xưa nay tệ lậu thuế ở các bến đò cửa khẩu rất nhiều, ta đều biết hết. Các người phải thận trọng tuân theo phép công, không cho phép các thương nhân thông đồng trốn tránh thuế má, có nhiều báo ít, lừa dối quan phủ. Nếu ta điều tra ra, nhất định sẽ xử theo pháp luật.

Thấy bản yết thị, và lại nghe Ngô Ái Đào nói thế, biết đây là một viên quan hà khắc, quả nhiên không ai dám làm bậy. Tất cả những khách buôn đều phải nộp đơn khai báo thành thực song vẫn phải kiểm tra lại. Nếu gặp những thương nhân buôn bán lớn, họ bới lông tìm vết, moi ra những sơ hở rồi phạt rất nặng. Hằng ngày thu thuế nhập vào tư dinh, Ái Đào đích thân lần lượt kiểm tra, không được mảy may rơi rụng. Theo lệ cũ thư lại và những nhân viên thu thuế đều có thưởng, song tới nay hoàn toàn bãi bỏ

việc này, ngay cả tiền lương cũng không chịu cấp phát. Ái Đào nghĩ rằng những thuyền qua lại tại các bến sông khi qua trạm thuế này nhất định sẽ có thuyền còn sót lại chưa đóng thuế. Thế rồi Ái Đào cho người đón đường các bến đò, cầu cống buộc phải đi qua trạm thuế.

Vào một buổi sáng vừa mở cửa trạm, thấy có mấy thuyền chở lợn con, đi theo sau là mấy thuyền chở hàng, Ngô Ái Đào quát:

- Đây là thuyền lậu thuế, phải bắt lại.
- Thuyền bán lợn con, xưa nay không phải đóng thuế. - Khách buôn nói.
- Nói láo! - Ngô Ái Đào nói. - Nếu đều không nộp thuế thì thuế nhà nước làm sao có được.

Người buôn lợn cứ năn nỉ rằng:

- Hàng này lệ cũ đều được miễn trừ, trước cửa nha môn đã dựng bia ghi như thế, xin ngài kiểm tra lại thì sẽ rõ.
- Bây giờ có lệ mới, - Ngô Ái Đào nói, - không cho phép. Xem lại bia cũ làm gì?

Rồi bảo, cứ mười con lợn phải nộp vào nha môn một con. Nếu kẻ nào bướng thì phạt gấp đôi. Không sao được, người buôn lợn đành ngậm đắng nuốt cay nộp thuế mất một phần mười số lợn. Vừa cho thuyền lợn con đi, thì đằng sau lại có một thuyền nhỏ đi tới. Ngô Ái Đào bảo người coi cổng xem là thuyền gì, người ấy xem xong bẩm rằng đó là thuyền chở dân địa phương. Trong thuyền chỉ có hai phụ nữ và mấy hộp lễ vật, ngoài ra không có hàng hóa gì khác. Ngô Ái Đào nói:

- Đàn bà cũng giống hàng hóa, tại sao không nộp thuế, lẽ nào người không bằng súc vật ư? Vả lại khắp nơi bọn buôn người rất đông, ta không thể xem xét tỉ mỉ được. Từ nay người đi trên thuyền, bất kể là nam hay nữ, mỗi người phải nộp năm phân. Người mười lăm tuổi trở xuống cho tới các đứa ở, chỉ phải nộp ba phân. Những người nhà quê gần đây nếu như chở thóc gạo, đậu, lúa mạch, bất luận là đi trả tô hay nộp thuế, đều phải nộp. Ngoài ra buôn gà vịt, cá tươi, hoa quả, rau và các loại củ củ rừng đều phải nộp thuế một phần mười. Những người gánh, đội, buôn các loại thức ăn gia súc, đi lại trong chợ đều phải nộp như thế. Những người đi qua có hành lý, trừ những vật giấu trong người không khai báo, nếu khám ra sẽ nhập vào nha

môn một nửa, còn lại ai không có hàng hóa, mỗi người đều phải nộp năm phân. Những hàng buôn được nha dịch bao che nếu điều tra ra sẽ phạt ba mươi gậy, cùm một tháng, và vẫn phải phạt để bồi thường.

Những luật lệ ấy vừa đưa ra, khắp nơi xa gần đều nhao nhao đồn ầm ĩ, không ai không kinh hãi. Những người buôn bán, ai ai cũng kêu ca thấu tận trời xanh. Có mấy vị quan chức già về hưu, thấy sự việc đáng nực cười, bèn cùng nhau tới báo Ái Đào rằng:

- Thuế thu vốn đã có quy định cũ, không nên tự ý thu tăng lên. Dân chúng truyền nhau nói toang ra khắp nơi, nếu dân thường nghe thấy cũng chẳng sao, chỉ sợ tin ấy truyền đến kinh sư, thì e rằng tiên sinh sẽ gặp trở ngại.

Ngô Ái Đào nghe xong, cúi xuống nói:

- Xin nghe theo lời dạy bảo của các vị.

Song sau khi chia tay họ, Ngô Ái Đào cười nói:

- Người nào làm quan, người ấy lập pháp, bàn đến luật cũ hay lệ mới làm gì. Hơn nữa các quan chức cũ đã nghỉ việc thì quản làm sao được việc của quan địa phương.

Ái Đào ngày càng hà khắc, ngay cả thuyền những giám sinh mà các quan đã cử đi qua đây, trừ những quan đương chức quan trọng ra, còn tất cả đều phải thi hành. Dù cho ai đó gửi danh thiếp xin miễn thuế, Ái Đào cũng không tiếp, họ tức khí chửi mắng, Ái Đào cũng coi như không nghe thấy. Những quan lại ấy không làm gì được Ái Đào, dù có tức cũng bấm bụng cho qua.

Có một hôm vừa ra khỏi nha môn, thấy người trong làng gánh một gánh cỏ nước, Ái Đào bèn bảo tay chân gọi lại hỏi:

- Gánh cỏ nước này bao nhiêu cân, tại sao không nộp thuế?
- Cỏ nước là để cho lợn, - người ấy bẩm, - xưa nay có phải nộp thuế đâu!
- Đều là thức ăn gia súc, tại sao lại không đóng thuế.

Rồi Ngô Ái Đào gọi cửa hàng đem cân tới cân, cứ một trăm cân lấy mười cân, đưa vào nha môn nuôi lợn. Một hôm đang ngồi trong nhà, thấy một người mang chiếc thùng gỗ đi qua, tưởng đó là hòm tơ lụa, Ái Đào bèn vội vàng gọi vào, thì hóa ra đó là nhà tu hành đi khất thực, mang một thùng cơm chay. Ngô Ái Đào cũng cứ mười bát bắt nộp một bát đưa cho kẻ hầu

người hạ và nha dịch điểm tâm. Ngay cả những thuyền đánh cá đi qua, cũng phải nộp một phần mười tôm, cá, cua, lươn để nhắm rượu. Chỉ có những người ăn mày xin được ít cơm thừa canh cặn là không phải nộp để chi dùng. Quả thật thương vàng hạ cám tất cả đều thu bằng hết, không sót một ai. Những thương nhân bên ngoài, hai đường thủy bộ, coi như không để sót một nguồn lợi nào. Đến lúc Ngô Ái Đào tính đến các hiệu buôn và những thư lại trong nha môn. Họ đã nhiều năm chiếm cứ ở đây và làm rất nhiều việc. Ái Đào cho rằng những việc ấy đã xâm hại đến thuế khóa nhà nước, phải thu lại một ít để sử dụng. Thoạt đầu Ái Đào soi mói những sai sót của thư lại, dùng trượng gậy đánh, rồi tổng giam hoặc kìm kẹp. Những người này hằng ngày quen ăn ngon mặc đẹp, da thịt mỡ màng làm sao chịu được khổ sở. Họ hiểu rằng bản quan làm thế chỉ vì tiền, bèn mang ngay vàng bạc đến thế mạng. Nếu chưa thỏa mãn, quan vẫn không tha. Ngay những nhân viên thu thuế trong nha môn chỉ để kiếm cơm ăn áo mặc còn không thoát được, thì những cư dân lân cận, tại bản ti, chẳng có chút liên quan gì thì họ thoát sao được.

Bởi thế người vùng này gọi Ngô Ái Đào là Ngô Ái Tiền hay là Ngô Lột Da. Lại có người hiểu sự, viết thư nặc danh, muốn tុ tập thương nhân đốt nhà đuổi Ái Đào đi. Biết được Ngô Ái Đào có phần sợ hãi, một mặt cho dò la tìm ra người cầm đầu, một mặt chiêu mộ mấy chục binh lính để đề phòng, mỗi người một ngày được trả công năm phân. Số tiền công này Ngô Ái Đào không bỏ ra, mà bắt những thương nhân phải nộp thêm để bù đắp. Ngô Ái Đào phát hóa đơn cho binh lính, xem số hàng hóa trên đơn nhiều hay ít thì chủ hàng phải theo đơn nộp một số tiền để trả công. Năm được hóa đơn, những người này hạch sách thương nhân, thỏa mãn yêu cầu của họ mới thôi.

Những sai dịch trong ty thuế chỉ có những binh lính ấy mới được Ngô Ái Đào ban cho ân huệ này. Bởi thế những kẻ tâm phúc làm tai mắt cho Ngô Ái Đào càng ra sức gây sự để làm hại dân địa phương. Những ai vô phúc đụng đến Ngô Ái Đào đều phải gặp tai họa. Tiếng kêu oan vang trời dậy

đất, lan truyền khắp nơi. Những khách buôn giang hồ thường hay thề với nhau rằng: "Nếu tôi dối trá thì Ngô Lột Da sẽ hại tôi". Lời thề ấy kinh sợ chẳng khác gì câu: "Trời đánh thánh vật". Song đây lại là nơi xung yếu, tất cả hàng hóa lên rừng xuống biển đều phải qua, chẳng trốn tránh vào đâu, đành để Ngô Ái Đào làm tình làm tội. Thờ rằng:

Táng tận lương tâm không biết nhục

Núi sông vơ vét sạch sành sanh

Ích kỷ hại người vô đạo đức

Đầu độc dân đen chính bọn này.

Ở Huy Châu có một phú thương họ Uông, mua lụa là gấm vóc ở Tô Hàng hết mấy nghìn lạng bạc tới Xuyên Trung bán. Qua Kinh Châu đã nộp thuế theo lệ, nhưng bọn binh lính thấy hàng hóa cực nhiều, lại đòi thương nhân họ Uông nộp thêm mười lạng bạc. Xưa nay khách buôn một đồng cũng phải tính toán, chỉ có tiền thuế do triều đình đặt ra, không còn cách nào đành bấm bụng nộp. Nghe nói phải nộp theo hóa đơn mười lạng bạc, rõ ràng là đòi cả tính mạng của mình thì làm sao mà nộp được, phú thương họ Uông nói:

- Ta đi buôn đã lâu, ngay gần đây ta đi qua các ty thuế Bắc Tân, Hử Dã cũng không có lệ ấy.

- Đây là lệ mới của ông lớn, - bọn lính nói, - trừ phi không qua cửa này, chứ đã qua thì dù chỉ thiếu một xu cũng không cho đi.

Một người khách buôn bên cạnh nói:

- Đề cử mới nhậm chức ở Hử Dã, so với ở đây cách nhau một trời một vực. Hôm kia có một thuyền nhỏ chở một số vải, vì tham chút lợi nhỏ không nộp thuế, đi qua cầu nhà họ Trương, bị bọn côn đồ ăn khổng ủa lên thuyền như ong vỡ tổ lục soát. Kẻ đánh người cướp, phút chốc mất hết cả thuyền vải. Ngay quần áo mặc trên người chúng cũng lột bằng hết. Người khách buôn ấy cuống lên vật vờ kêu trời kêu đất, chết đi sống lại. Đúng lúc ấy, Đề cử Hà Kỳ đi thăm bạn trong quận trở về, thuyền qua cầu, nghe thấy tiếng kêu oan, ông sai người bắt đưa về nhà môn xét hỏi: "Thuyền nhỏ đi qua cửa sông, tuy là chở ít hàng, song lậu thuế đáng phải phạt". Rồi ông phạt người

khách buôn ấy mười lăm gậy. Sau đó ông bảo bọn côn đồ rằng: “Đã bắt kẻ chống lại, tại sao không bầm quan trường trị, lại tự ý đánh và cướp hàng, tội ấy còn nặng hơn lậu thuế. Phạt mỗi đứa năm mươi gậy, cùm ba tháng”. Ông lại nói với mọi người rằng: “Đã đi buôn thì tại sao không biết luật pháp, quả là người tự chuốc lấy tội. Song ta thấy hàng hóa không nhiều, lại đã bị trách phạt, ta sẽ trả lại hết số hàng ấy. Từ nay về sau đừng liều lĩnh thế nữa”. Những lời nói tốt đẹp ấy thật là nhân từ, chẳng khác nào cha mẹ dạy bảo cháu con! Bởi thế, chẳng thương nhân nào không khen ông là người liêm chính. Nếu ở đây mà vi phạm như thế thì ông ấy đánh cho tuốt xác, may mà sống được thì phúc to bằng cái đình.

Mọi người nghe xong đều nói:

- Quả đúng thế thật, nếu không có núi cao thì làm gì có đất bằng.

Bọn lính trợn mắt quát người vừa nói:

- Cứ theo anh ví như thế thì ông lớn của ta là người xấu ư?

Người khách ấy thấy mình lỡ lời, im lặng rồi vội vã trốn ngay để khỏi phải rắc rối.

Thương nhân họ Uông đang lúc bức tức, nói tiếp:

- Người ta thường nói: "Chuông trong chùa nhưng tiếng ở ngoài", lại nói: "Miệng người đi đường là bia" tốt hay xấu đều được người ta đồn đại, bịt làm sao được miệng người đời.

Ông vừa nói xong, thì bọn lính nổi khùng tát thẳng vào mặt, quát:

- Đồ ngu, phát hóa đơn lại không nộp tiền, thôi không gửi được.

Thương nhân họ Uông là một phú ông giàu có, chưa từng bị sỉ nhục bao giờ bất chợt nổi giận chửi toáng lên:

- Đồ chết đâm! Ta đã nộp hết thuế rồi, cớ sao còn hạch sách lấy thêm tiền, rồi đánh ta, đúng là đồ vô lương tâm, thôi thì ta cũng vì mấy lạng bạc ấy mà chơi với mày một trận.

Nói xong quay lại, định nhổ neo đi, tên lính đó lòi lại, tổng thương nhân họ Uông thêm mấy quả, chửi:

- Đồ ngu, mày chửi ai đấy? Hãy về gặp ông lớn.

Ông Uông kêu mọi người đến cứu, thấy binh lính hành hung, không ai dám

dây vào. Ông Uông bị bọn này lôi về nha môn. Ngô Ái Đào ra khỏi dinh mở cửa, bọn lính quỳ xuống bái:

- Thuyền tên Uông hàng hóa rất nhiều, khai báo còn giấu giếm, hãn lại còn chỉ trích lệ mới ban hành của ông lớn hà khắc và chửi bới tàn tệ.

Ngô Ái Đào thấy thế nổi giận lôi đình, đập bàn quát:

- Có việc ấy ư? Hãy lục soát ngay hàng của hãn.

Ông Uông cứ kêu khan kêu vãn là vì lính hạch sách, đánh đập chửi bới nên mình mới thế, song Ái Đào nào có nghe. Chỉ trong phút chốc chúng khuôn hết hàng hóa về dinh và lần lượt kiểm tra, không ngờ, quả nhiên khai thiếu mất hai hòm. Ngô Ái Đào quát:

- Hãy tóm cổ, đánh cho hãn năm mươi gậy.

Bọn lính đánh xong. Ngô Ái Đào nói:

- Lậu thuế, theo lệ phải nhập vào công quỹ một nửa.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 11 (B)

Rồi ông ta bảo tay chân lấy kéo cắt vải ra chia. Xưa nay nhập vào công quỹ, cứ mười cái lấy năm, nhưng đây thì cứ cắt đôi nhập cho quan một nửa, còn một nửa trả lại cho thương nhân. Tiếc thay, mấy ngàn lạng bạc hàng hóa đều bị cắt nham nhở thậm chí cả gấm chức cẩm hồi văn cũng bị cắt nát như thế.

Ông Uông đau lòng, lúc đầu thì oán hận, sau đó lại cười, than thở rằng:

- Thôi thôi, thế là hết, trời làm lên rồi trời lại phá, ấy là do thời vận, do số mệnh!

Nói xong ông bèn đem số lụa bị cắt nham nhở ấy chất thành đống trước cổng nha môn, mua mấy gánh rơm chất xung quanh rồi châm lửa. Lụa cháy bùng bùng, khói lửa ùn ùn bốc lên mù mịt trời đất. Lúc ấy Ngô Ái Đào đã trở về tư dinh, chợt thấy trước cửa nha môn bốc cháy, vội ra công đường; biết thương nhân họ Uông đã đốt lụa, bùng bùng nổi giận, quát:

- Thằng nhãi này cố ý làm nhục ta ư?

Rồi lập tức sai lính bắt ngay. Một mặt sai người dập lửa, và hứa cho hết số lụa đang cháy dở. Mọi người tham chút lợi nhỏ, phút chốc họ mang thùng to thùng nhỏ múc nước kìn kìn dập tắt ngọn lửa. Ngô Ái Đào gọi chức trách sở tại và không cho phép mọi người lấy lung tung mà phải nhập số vải cháy dở ấy vào công đường tự mình phân chia. Khi Ngô Ái Đào nói thế thì số vải cháy dở ấy đã bị họ cướp sạch. Đến khi đi bắt thương nhân Uông, ai ngờ rằng sau khi đốt vải, ông Uông đã lên thuyền, thuận buồm xuôi gió, không biết ông đã đi được bao nhiêu đường đất. Sai nhân về bẩm báo, Ngô Ái Đào buồn rầu, bực bội bỏ về. Lúc ấy, giá mà ông Uông chịu thiệt mười lạng bạc thì làm gì đến nỗi mất tiền vận, há chẳng phải vì không muốn mất

ít mà phải mất nhiều ư? Cho nên người đời nói:

*Mất một chút hóa ra lại được,
Thiệt đôi phần mà lợi xiết bao.*

Thời ấy ở sát vách trạm thuế, có một người tên là Vương Đại Lang chuyên nghề nấu rượu, giết lợn, làm ăn khá phát đạt. Ông có hai con, con trai lớn là Chiêu Nhi mười bảy tuổi, con thứ là Lưu Nhi mười ba tuổi, trong nhà có ba bốn người làm thuê và hầu hạ. Cả nhà sống yên vui, chỉ có điều Vương Đại Lang là người thẳng thắn, cương trực, nói năng chẳng kiêng nể ai. Những người láng giềng thân cận phần lớn đều ghét, chẳng mấy ai ưa. Hôm ấy chứng kiến sự việc của thương nhân họ Ưng; ông rất bất bình, buột miệng nói:

- Giá ta mà gặp phải việc oan ức này thì ta chỉ xí cho mấy nhát dao chứ ta chẳng chịu.

Bất chợt bọn lính nghe thấy. Hôm ấy đúng vào ngày cưới con, Vương Đại Lang mời họ hàng thân thích đến ăn cỗ, mãi tới tận khuya vẫn chưa tan. Không ngờ đang đêm có một tên trộm mò vào, song chẳng lấy được gì. Hắn bèn tới chỗ vắng khoét ngạch, chui sang nhà môn, cạy cửa lén thẳng vào phòng ngủ. Ngô Ái Đào mơ mơ màng màng, nghe thấy tiếng lạch cạch hòm xiểng, choàng tỉnh giấc kêu toáng lên:

- Nguy rồi, trộm đang ở đây.

Chỉ vì tiền của, Ngô Ái Đào còn đang quần đùi áo lót liều mạng nhảy xuống bắt trộm. Ở phòng bên phu nhân cũng tỉnh giấc gọi gia nhân dậy. Ngô Ái Đào chạy ra khỏi phòng đuổi theo tên trộm, thấy cửa mở toang, kêu ầm lên:

- Chúng bay đâu, mau mau bắt lấy nó!

Bị đuổi sát nút, tên trộm quay lại đâm Ngô Ái Đào. Số Ngô Ái Đào chưa chết, thấy tên trộm giơ dao, Ái Đào vội né người, mũi dao sượt qua trán,

toạc một mảng da, Ái Đào không dám đuổi theo nữa. Gia nhân lập tức đốt đèn đuốc tìm kiếm khắp chỗ. Vốn là tên trộm đã đào ngạch qua bức tường bao chui sang bên kia, họ vội vã hỏi ra mới biết đó là nhà Vương Đại Lang, Ngô Ái Đào sai lính sang ngay nhà ấy bắt trộm.

Lúc đó cả nhà Vương Đại Lang vừa đi ngủ. Tuy nghe thấy bên nha môn kêu trộm, song cũng không ngờ tên trộm ấy lại chui từ nhà mình sang, nên cũng chẳng thèm để ý tới. Đến khi bọn lính đập cửa thành thành mới dậy mở. Bọn lính xông vào, tìm khắp mọi chỗ nhưng chẳng thấy bóng dáng tên trộm đâu cả. Lính trở về bẩm báo:

- Nhà Vương Đại Lang cửa vẫn đóng, mà chẳng tìm thấy tên trộm đâu cả.
- Cửa vẫn đóng thì trộm chạy đi lối nào? - Ngô Ái Đào nói.

Rồi nghi cho chính Đại Lang, bèn cho người gọi Đại Lang tới. Dưới ánh nến, Ngô Ái Đào nhìn kỹ thì thấy Đại Lang na ná như tên trộm vừa rồi. Hỏi:

- Cổng nhà người không mở mà sao lại không tìm thấy tên trộm. Vậy người bảo sao đây?
- Hôm nay nhà con có việc vui mừng, vừa mới đi ngủ thì sai nhân của ngài tới tìm trộm, con mới biết trộm đã khoét ngạch từ nhà con chui sang nha môn, còn việc tên trộm ra vào thế nào, quả tình con không biết.
- Cửa vẫn đóng mà người lại bảo không biết tên trộm đi lại thế nào ư? Đồ vật tên trộm lấy đi là chuyện nhỏ, nhưng kẻ bất lương ấy dám ta mới là chuyện lớn. Người phải bắt tên trộm ấy cho ta.
- Con biết đi tìm nó ở đâu bây giờ, hay là ngài lại sai người của ngài đi bắt?
- Vương Đại Lang nói.
- Nói láo! - Ngô Ái Đào nói. - Nó ra vào theo lối nhà người mà người còn chối không biết. Vậy người bảo người của ta đi bắt ở đâu?

Thế rồi Ngô Ái Đào bảo bọn lính áp giải, bắt Vương Đại Lang phải tìm ra tên trộm. Vốn là lúc ấy tên trộm cuống lên, chạy bừa ra vườn sau, thấy một cây hạnh cổ thụ, cành lá um tùm, liều mạng leo tít lên tận ngọn, thu mình lại như một tổ chim khách. Gia nhân đèn đuốc tìm khắp mọi chỗ nhưng chỉ soi bên dưới, không soi lên trên, vì thế tìm không thấy. Chờ cho hai bên

lùng sục xong hẩn mới tụt xuống, vẫn chui sang nhà Vương Đại Lang. Lúc ấy Vương Đại Lang đã bị bắt, cửa trước cửa sau mở toang, hẩn len lén ra khỏi cổng, vì thế không ai biết được tung tích, song cả nhà Vương Đại Lang thì bị hại. Đúng là:

*Mai rùa hầm không nát,
Chỉ hại cành dâu khô.*

Ngô Ái Đào kiểm lại số bạc và đồ vật đã mất, viết một tờ đơn sáng sớm ra công đường, cho gọi chức trách địa phương tới hỏi, Vương Đại Lang có việc gì, hằng ngày làm gì, nhà có những ai. Người địa phương thưa:

- Nhà Vương Đại Lang có hàng ngàn lạng bạc, tính tình tuy ngang ngạnh, song vẫn giữ gìn bốn phận. Có hai người con còn nhỏ, trong nhà có ba bốn người làm thuê.

Ngô Ái Đào nghe thấy nói nhà Đại Lang giàu có, bèn động lòng tham, nói:

- Ta xem ra người không phải là người lương thiện, nên rất khả nghi.

- Vậy người có bắt được tên trộm không? - Bọn lính hỏi chen vào.

Nào ngờ bọn lính này biết được Vương Đại Lang giàu, cũng muốn moi ít tiền. Vương Đại Lang xưa nay vốn là một người ngang ngạnh, tự cho mình chẳng có gì đáng hổ thẹn, nên chẳng rí ra cho chúng một đồng bạc, một giọt rượu nào. Bọn chúng rất căm, nghĩ tới sự việc về họ Ưông trước đó, Vương Đại Lang từng nói: "Chỉ xí cho mấy nhát dao", đến nay ông lớn bị đâm vào trán, quả là rất khớp với lời nói ấy, vậy không phải hẩn thì còn ai nữa. Vì thế chúng giải Vương Đại Lang vào nha môn, bẩm việc ấy với Ngô Ái Đào. Mọi người đều nghe thấy câu nói ấy nên Vương Đại Lang có mồm mà không sao chối cãi được.

Ngô Ái Đào nghe thấy như lửa đổ thêm dầu, không còn nghi hoặc gì nữa, phòng mang trợn mắt quát:

- Cổng nha môn không mở, thì trộm đi đường nào. Đúng là người rồi. Ta hỏi người, ta ở đây không gây khó dễ cho dân chúng địa phương, chẳng có thù oán gì, tại sao người đâm ta?

Wương Đại Lang gào lên phân trần, kêu oan, nhưng nào ai làm chứng cho. -

Chỉ có hai tội lấy trộm và đâm người, song tùy người nhận lấy một tội. Ngô Ái Đào quát:

- Hãy kẹp hăn lại.

Bọn sai nha dạ ran, xông tới lôi Vương Đại Lang ngã sấp ngã dúi, mắc kẹp vào rồi hai bên ra sức bóp, Vương Đại Lang ngất xỉu. Bọn Nha lại túm tóc lôi dậy, Đại Lang dần dần tỉnh lại Ngô Ái Đào hỏi:

- Tang vật giấu ở đâu? Hãy khai mau!

Vương Đại Lang trợn tròn mắt, nói:

- Ông vu oan cho dân lành lấy trộm, thì khai làm sao được.

- Mày là tên trộm hung hãn, ta không tha mày. - Ngô Ái Đào giận dữ quát thét.

Nói xong, Ái Đào hô đánh một trăm gậy. Sai nha đánh đủ một trăm. Ngô Ái Đào lại hỏi:

- Thế bây giờ mày có khai không?

- Dù có kẹp chết ta cũng không khai. - Vương Đại Lang gào lên.

- Người không khai ư? - Ngô Ái Đào nói.

Rồi Ái Đào bảo tháo kẹp ra, gọi lính lại nói:

- Ta muốn hăn phải trả tang vật cho ta, các người hãy giải hăn về nhà lục soát.

Rồi bảo thư lại lấy một tập sổ giấy trắng, mấy chục phong bì, giao cho lính nói:

- Tất cả những gì có trong nhà hăn dù to dù nhỏ, dù tiền của hay đồ quý hiếm, cứ ghi rõ rành rành mạch, rồi đóng gói lại. Dù một sợi chỉ, một hạt thóc cũng đừng tự tiện đựng vào. Sau đó giải cả vợ con và gia nhân của hăn tới đây.

Vương Đại Lang hai chân trọng thương không đi được, bọn lính phải dìu về. Tới nơi, vợ con Vương Đại Lang và các gia nhân xúm lại kêu oan. Bọn lính khóa hết cổng trước cổng sau, rồi tìm hết từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, lật hòm mở tủ lục soát. Soát xét từ lỗ chuột đến hố phân, chuồng lợn, chuồng gà chẳng sót chỗ nào, song chẳng thấy tang vật đâu cả. Sau đó chúng cho kiểm kê tất cả cái gì có trong nhà ghi hết vào sổ. Niêm

phong xong xuôi, chúng trói Dương thị vợ Vương Đại Lang, con cả Chiêu Nhi và ba người làm công, một người cất rượu và một người bán hàng họ Vương. Chỉ để lại một đứa ở và hai người vợ của người làm thuê. Đứa con thứ là Lưu Nhi lúc đó đi tìm người thân đến bàn bạc, không có nhà nên không bị bắt.

Lúc ấy trời đã tối, Ngô Ái Đào còn ở công đường chưa về phòng nghỉ, trong ngoài công đường đèn đuốc sáng rực như ban ngày. Bọn lính giải những phạm nhân vào, bấm răng tìm không thấy tang vật, rồi trình sổ ghi chép lên. Ngô Ái Đào mở ra xem, thấy tiền của, quần áo, đồ trang sức, dụng cụ, rượu chè, thóc gạo ghi trong sổ sách rất nhiều, nói:

- Nó chẳng qua chỉ là một thằng đồ tể, song sao lại có nhiều của cải đến thế, nhất định nó là một tên oa trử lớn của bọn trộm cướp.

Rồi Ngô Ái Đào để quyển sổ lên giá, quay lại hỏi bọn Dương thị:

- Tiền chồng người lấy của ta giấu ở đâu? Khai ra sẽ không phải tra tấn.

Bọn Dương thị đều thưa:

- Chồng con hoàn toàn không ăn trộm, thì làm gì có tang vật.

- Nói như thế thì hóa ra ta đổ oan cho chồng người ư?

Thế rồi Ái Đào hô tay chân kẹp Dương thị, cha con Vương Đại Lang và người nhà của Vương Đại Lang... kẻ bị cùm người bị kẹp, tiếng kêu oan, rên xiết thê thảm, náo động nha môn.

Chiêu Nhi và gia nhân đau quá không chịu nổi, cứ chỉ bừa là gửi tại nhà láng giềng nọ, giấu ở nhà thân thích kia, nói tới chỗ nào là sai, người tới chỗ đó khám xét. Thương thay cho mấy nhà dân lương thiện ấy, đều bị vợ vét sạch, chứ làm gì có tang vật. Tra khảo tàn khốc, xét hỏi mấy ngày, rốt cục chẳng tìm ra manh mối gì. Vương Đại Lang biết rằng không sao tránh khỏi cái chết, gào lên:

- Ngô Ái Đào mày đã ngược đãi thương nhân ở đây không sao kể xiết, nay lại vu vạ cho gia đình ta. Ta còn sống không chống nổi mày, nhưng chết xuống âm ti nhất định tao phải cãi với mày cho ra nhẽ.

Ngô Ái Đào vô cùng giận dữ, đập bàn quát:

- Đồ gian tặc, mày lên vào công đường ăn trộm của cải, lại còn đâm cả tao, bảo tao vu cho mày, lại còn định xuống âm ti đối chứng ư? Lẽ nào luật lệ

dưới âm ti lại dung túng cho mày tiếp tục cướp của giết người? Trên dương thế mày hãy khai ra tang vật ngay, thì ta sẽ cho mày xuống âm ti mà kêu oan, rồi Ái Đào bảo bọn lính. - Ta biết rằng thằng này cứng đầu cứng cổ không sợ cùm kẹp, ngày mai người tới phủ, gọi mấy thằng truy bức trộm cướp già đời tới đây, chúng có rất nhiều ngón đòn như "Hầu Tôn hiến quả", "Lừa nhổ cộc"... phải truy đến cùng để hấn khai ra tang vật, rồi định tội danh hấn. Đó mới là:

Nỗi oan đã kết từ kiếp trước,

Đời nay phải trả oán đời xưa.

Bọn truy bức này chẳng khác quỷ sứ dưới địa ngục diêm la, lòng dạ của chúng chẳng khác nào sắt đá, chúng vâng lệnh lời tám người tới một công sở bỏ không, chia ra làm bốn nơi để tra khảo, nếu những lời khai giống nhau, thì đúng sự thực. Vợ chồng Vương Đại Lang vào một nơi, Chiêu Nhi và người làm công cho họ Vương vào một nơi, ba người gia nhân và một người cất rượu lại chia thành hai nơi. Thường là bọn tra tấn người vừa dùng thùng treo lên thì bọn trộm cắp đã phải khai, song như thế còn dễ chịu. Nếu không khai thì chúng dùng gậy dần khắp mình mấy từ trên xuống dưới, đánh đến nỗi ai nhìn thấy cũng rất thương tâm. Dù cho có mình đồng da sắt, đến đây cũng nát ra như bã. Bởi thế những người oan khuất vô tội, không chịu khai, đều toi mạng. Lúc ấy, Chiêu Nhi mấy ngày liền bị kẹp đau đớn, thì làm sao chịu nổi sự tra tấn đánh đập độc ác này, nó không thờ được, rồi lặng lẽ im bật, xỉu người đi.

Bọn chúng vội vàng thả xuống, song gọi mãi mà không tỉnh lại. Chúng chạy như bay về báo cho nha môn, Ngô Ái Đào đưa cho chúng một tờ giấy đỏ trên đó viết: "Vương Chiêu Nhi tuy chết, song bọn phạm nhân vẫn phải tiếp tục tra khảo nghiêm khắc, không được dựa vào đó mà đùa với pháp luật để chuốc lấy tội. Đây là mệnh lệnh đặc biệt".

Bọn sai nha nhận được lệnh này, bèn lần lượt dùng hết các loại tra tấn. Mặc dù dùng mọi thủ đoạn, song Vương Đại Lang cứ gào tên Ngô Ái Đào lên mà chửi rủa. Sai nha tuy biết rõ là oan uổng, nhưng đây là ý của quan phủ nên buộc phải làm thế. Chỉ duy có Dương thị, là đàn bà nên chúng nhẹ tay chút ít còn lại chúng chẳng nói lỏng. Tối đêm ngày thứ hai thì năm người

nữa bỏ mạng, đó là ba gia nhân, người bán hàng họ Vương và người thợ cất rượu. Việc này không chờ bọn tra khảo đi báo, mà đã có bọn lính tới đó giám sát đi báo. Ngô Ái Đào biết được Vương Đại Lang chửi bới mình, nghiến răng căm giận. Ngày thứ ba tới công đường, Ngô Ái Đào gọi bọn tra khảo lại dặn:

- Các người nên biết rằng Vương Đại Lang hôm nay sẽ không còn trên cõi đời này nữa. Các người phải hết sức vì ta.

Bọn tra khảo thưa rằng chúng đã hiểu. Sau đó chúng nói với Vương Đại Lang:

- Đại Lang, anh hãy nhớ cho kỹ, sang năm vào giờ này, ngày này, tháng này là ngày giỗ của anh, đó là lệnh quan, anh đừng oán chúng tôi.

- Được - Vương Đại Lang đáp, - ta sẽ tự tìm Ngô Ái Đào, chứ oán gì các ông. Ta đang muốn chết đây, xin các ông hãy nhanh lên một chút. - Lại kêu lên một tiếng thật to. - Em ơi, anh đi đây, em phải tiếp tục chống cự đến cùng.

Dương thị nghe thấy gào lên:

- Anh ơi, đây là oan nghiệp của kiếp trước, em cũng phải lập tức đi theo anh.

Vương Đại Lang lại gào lên:

- Chiêu Nhi con ơi! Cha không bao giờ được gặp con nữa, không, biết con có được sống không, chỉ sợ cha gặp con dưới suối vàng thì thật là bất hạnh. Nghĩ tới đây, Vương Đại Lang tự nhiên ứa mấy giọt nước mắt. Bọn tra khảo nói:

- Đại Lang ơi, anh nên biết rằng, con trai cả anh đêm qua đã đi trước chờ anh, năm người giúp việc của anh đêm qua cũng đi rồi. Anh cứ yên tâm, cùng họ làm bạn đồng hành.

Vương Đại Lang nghe thấy con trai mình và mọi người đều đã chết tự nhiên dòng máu trong mắt trào ra, cổ tắc nghẹn, có nói lấy nửa lời cũng không được. Bọn chúng vội vã lấy thùng tròng vào cổ rồi thít chặt, chỉ trong nháy mắt Vương Đại Lang qua đời. Thương thay chỉ trong ba ngày, bảy người vô tội đã chết không được như chó lợn.

Từng nghe đạo chính ác như hổ,

Ngờ đâu đánh đập chỉ vì tiền.

Ba ngày bảy người vô tội chết,

Oan ức, hồn thiêng biết kêu đau.

Ngay lúc ấy bọn tra khảo tới bẩm rằng Vương Đại Lang đã chết. Ngô Ái Đào nói:

- Hãy đem chôn tên giặc ấy phía nam cửa khẩu, chôn con hãn ở phía bắc cửa khẩu, làm cho cha con chúng dưới âm ty phải kẻ nam người bắc. Còn năm xác chết ba phải chôn ở một chỗ cách đây năm dặm, để chúng không thể nhìn thấy nhau.

- Vương Đại Lang vốn có của cải, có thể mua cho anh ta một cỗ quan tài không? - Bọn lính nói.

- Tên ấy là kẻ hung ác, - Ngô Ái Đào nói, - xác nó không để cho lợn ăn là đủ lắm rồi, cần gì phải quan tài.

Rồi Ái Đào lại nói với bọn tra khảo:

- Con vợ nó phải tra khảo mạnh vào, nhất định sẽ tìm ra tang vật.

- Người đàn bà này hãy từ từ hoãn lại đã. - Bọn tra khảo nói.

- Đúng là kẻ cắp thì làm sao mà hoãn được!

- Trong ba ngày, đàn ông trong nhà nó đều chết cả. Nếu tiếp tục truy bức nghiêm khắc thì người đàn bà này cũng khó mà lường được, nếu cấp trên biết e rằng sẽ bất lợi.

- Nó tới ăn trộm tiền thuế quốc gia, lại còn đâm quan chức lẽ nào không trị đến cùng ư? Dù cấp trên biết được cũng chẳng ngại gì.

- Đương nhiên ngài không ngại, chỉ có điều chúng con chẳng biết vì có gì mà việc ấy không sao làm nổi.

Ngô Ái Đào giận dữ quát:

- Ta biết các người thông đồng với bọn trộm cướp, nên không chịu truy hỏi người đàn bà này, nhất định các người biết rõ sự thực nên thoái thác.

Ngô Ái Đào quát giam bọn tra khảo lại, rồi đưa Dương thị ra thẩm vấn để tìm ra sự thực và trị tội. Dương thị lại bị đánh đập hàng ngàn gậy, tay chân bị lùm kẹp gãy nát, song Dương thị vẫn không khai. Ngô Ái Đào lại gọi bọn lính tới, nói:

- Ta ngờ rằng tang vật vẫn còn giấu ở nhà, chỉ có điều các người chưa chịu

khó tìm, ta sẽ đích thân tới lục soát, nhất định sẽ ra.

Sau đó Ngô Ái Đào tới ngay nhà Vương Đại Lang.

Lúc ấy hai người đàn bà và một đứa ở đang coi nhà, nghe tin chồng chết đang sụt sùi khóc. Bỗng nghe quan phủ tới tìm tang vật, sợ quá trốn ra lối cửa sau. Ngô Ái Đào dẫn bọn lính tới gọi chức trách địa phương cùng tới nhà Vương Đại Lang, lại lục soát hết trước sau, rồi vào một gian nhà, thấy trong đó để bảy chiếc quan tài, bèn bảo bọn lính mở ra. Bọn lính nói:

- Những chiếc quan tài này đã có từ lâu, lần trước cũng đã khám, không cần phải mở ra xem nữa.

- Các người làm sao mà biết được, - Ngô Ái Đào nói, - xưa nay bọn trộm cướp thường giấu của cải vào quan tài để tránh nghi ngờ. Nhà nó vốn là một tên trùm oa trữ của ăn trộm, những của cải cướp được xưa nay đều giấu ở đó. Không thế thì tại sao trong nhà lại để nhiều quan tài đến vậy?

- Những quan tài này, - chức trách địa phương nói, - là thi hài các ông chú ông bác thuộc hai đời trước, và vợ cả của Vương Đại Lang, tất cả là bảy người. Vì hủ tính vốn keo kiệt, không dám bỏ tiền ra làm ma, nên đã để trong nhà từ lâu lắm rồi. Ai ai cũng biết, nhất định trong đó không có tang vật.

Ngô Ái Đào không tin, cứ dứt khoát đòi mở ra xem, chức trách địa phương và láng giềng hàng xóm cứ nằng nặc kêu xin, Ngô Ái Đào mới thôi. Lục soát chán chê mà chẳng thấy tang vật đâu Ngô Ái Đào đứng giữa nhà quát:

- Tên ăn trộm này giỏi cất giấu thì ta cũng giỏi xử lý.

Nói xong Ngô Ái Đào bảo bọn lính kiểm kê lại toàn bộ hòm xiềng đã niêm phong đem về nhập kho. Gọi các cửa hàng tới chia nhau mang hết rượu chè, thóc lúa, lợn gà đi bán. Hạn trong ba ngày phải mang tiền đến nộp kho, ghi vào sổ sách, chờ khi nào truy hỏi Dương thị tìm ra tang vật mới trả lại.

Ngô Ái Đào lại nói:

- Ngôi nhà này ở sát vách nha môn, từng tụ tập bọn trộm cắp sau này rất đáng lo ngại.

Thế rồi bảo ngay chức trách địa phương lập tức mang vứt quan tài ra bãi đất hoang nhà ấy biến thành nơi kinh doanh và chỗ ở cho lính bảo vệ nha môn. Xử lý xong vẫn đưa Dương thị ra truy bức. Hỏi Dương thị giấu con

thứ ở đâu, cần phải bắt cho bằng hết.

Thương thay cơ nghiệp rất chính đáng của Vương Đại Lang, gặp sự chống trả của phủ quan, chỉ trong mấy ngày mà tan nát hết, cả nhà bị hủy diệt, há chẳng phải là oan nghiệt của kiếp trước sao. Nghe thấy ai ai cũng vô cùng phần nộ. Bỗng chốc khắp nơi xa gần đều biết, các thân hào thân sĩ đều bất bình, trình đơn lên phủ huyện kêu oan cho họ. Có vị quan về hưu viết đơn gửi cho Ngô Ái Đào nói: "Phạm nhân không còn con, cả nhà chết tới bảy người, đã đền hết tội, theo lý thì vợ phải được tha". Ngô Ái Đào xét thấy người đời đồn đại về mình không tốt, đành phải tha cho Dương thị và những người tra tấn họ. Dương thị tìm được con trai thứ, họ hàng thân thích bàn với Dương thị rằng, tới nay quan trên đều biết được nỗi oan uổng của mình, thì tại sao không tố cáo để báo thù. Thế rồi Dương thị lập tức viết đơn đưa tới các nha môn kêu oan.

Đúng lúc ấy thì Thiết Ngự Sử mới nhậm chức đi tuần du xem xét các vụ án, thấy Ngô Ái Đào là một viên quan tham ô, tàn ác chưa từng thấy. Hắn đã giết bảy mạng người nhà Vương Đại Lang hết sức oan uổng, bèn dâng sớ lên triều đình. Bài sớ viết như sau:

"Thần nghe nói, người giữ cương vị quản lý tiền bạc của nhà nước, trên không làm hại nước, dưới không làm hại dân, như thế mới xứng đáng với chức vụ. Song Ngô Ái Đào trông coi vùng thượng du, trấn giữ một vùng đất trọng yếu, không nghĩ tới thương xót dân chúng, bồi dưỡng nguồn mạch đất nước. Tự ý làm loạn kỷ cương, đánh thuế cả người đi đường. Chuyên hành bạo ngược, chỉ cốt tham lam. Bởi thế, thương nhân oán hận, dân chúng ta thán. Những bài ca dao về sự bòn xương rút tủy từ lâu đã truyền khắp vùng Giang Hán. Cái tên Lột Da người dân đặt cho hắn nghe thấy khắp nơi. Xưa kia Lưu Yển Tang chiếm dê, được lợi chẳng đáng là bao, cũng chưa đến nỗi hại dân hại nước, thế mà đời sau còn cho Lưu Yển Tang là kẻ vơ vét. Nay Ái Đào là kẻ thù của thương nhân, bị cả nước oán ghét, tội hắn như thế nào đây! Thật là quái lạ, hắn vu cho dân ăn trộm, bịa đặt chứng cứ. Chưa đầy ba ngày mà giết tới bảy người, xác vứt xuống sông, vứt quan tài tổ tiên ra đồng hoang, chiếm nhà cửa cho tay chân ở, vét sạch của cải vào túi mình. Oan hồn đêm ngày kêu khóc, người đi đường thương

xót, thần dân đều căm giận. Phàm quan coi giữ các chức trách không cho phép làm rối loạn. Việc thu thuế má, giải quyết kiện tụng, và xử lý việc trộm cắp phải xác đáng, tất cả đều quy vào việc chấp hành pháp luật. Mà hình phạt tàn khốc bạo người đến mức cả nhà phải chết, vậy thì lẽ trời ở đâu, phép nước có còn không! Thần nhận lệnh tuần du các địa phương, chức trách là phải diệt trừ tàn bạo, rửa oan cho những người vô tội. Tận mắt thấy nỗi oan khuất lẽ nào lại nhẫn tâm im lặng? Xin căn cứ vào sự thực tâu trình lên triều đình, cúi xin triều đình đưa Ngô Ái Đào tới Pháp ty, lên án sự thối tha của hãn, truy đến cùng tội sát nhân của hãn, làm cho pháp luật nghiêm minh, cho mọi người đều thấy. Có như thế phép nước mới sáng tỏ mà dân cũng được minh oan, hình pháp công bằng mà đạo quân vương cũng công bằng".

Chiếu chỉ phê xuống phải điều tra chính xác và trị tội. Ngô Ái Đào nghe thấy tin ấy rất hoang mang. Tự liệu sức không thể đứng vững được. Trước hết hãn sai người về sửa sang nhà cửa một mặt viết tờ sớ thanh minh tâu lên triều đình, mang nhiều vàng bạc tới kinh đô, nhờ những quan lại quen biết, tìm cửa chạy tội. Bài sớ của hãn viết:

"Thần như một cây gỗ mục, tham lam chức quyền, vốn biết mình như một con ruồi, không thể đảm đương nổi nhiệm vụ, đâu dám ăn uống như một con chuột chù. Từ ngày nhậm chức tới nay, hằng ngày tự răn mình, dù gian khổ cũng vẫn cứ vui lòng, dù một ly cũng không dám thu vượt. Bởi thế các thương nhân ca ngợi thần là cán cân công lý, chức trách địa phương cũng không kêu ca thần là người xấu. Song những kẻ ghét thần lại chỉ trích thần là kẻ tham lam tàn khốc, bịa đặt ra những bài ca dao cho thần là người hút tủy dân, gọi thần là Lột Da. Không có gió mà nổi nóng, điều đó chẳng khác nào nói mê, quả là oan cho thần lắm. Song vẫn chưa hết, họ còn mượn việc trộm cướp để dựng nên chuyện thần làm sai pháp luật, ấy có phải là lương tâm không? Khi kẻ trộm đột nhập vào dinh thự của thần lấy vàng, thần tha cho rồi đuổi đi, tên trộm bèn giơ dao đâm thần, may mà sượt vào trán thần nên không chết. Đến khi truy tìm tông tích thì thấy tên trộm đã khoét ngạch phía bên trái dinh thự. Thần sai người đi bắt, nó sợ tội tự tử. Việc truy tìm đồng đảng là điều đương nhiên của pháp luật. Nếu việc ấy mà không trị thì

cấp trên cho thần không thi hành luật pháp mà nghiêm trị thì những kẻ ghét thần chỉ trích thần là tàn khốc bạo ngược, như thế chẳng phải là vu cáo bịa đặt ư? Phải chăng họ muốn kẻ trộm giết thần để cướp hết tiền thuế nhà nước thì họ mới sướng hay sao? Và lại địa phương có trộm cắp mà thần không xử tội thì lại trách thần bắt được trộm mà lại tha, điều đó cũng chẳng khác nào làm trái luật pháp vậy. Tuy thế thần không dám nói, không dám phân trần. Vì sao vậy? Quả thật đó là thần không dám làm cho kẻ ghen ghét phần nộ. Kính xin hoàng thượng thương thần một thân một mình sớm ban ơn truất chức thần để bịt miệng những kẻ ghét thần, để thần an toàn trở về ngôi nhà nhỏ bé của mình, đó là điều may mắn cho thần lắm lắm".

Xưa nay khéo nói thường làm rối loạn tai người nghe. Bản sở Ngô Ái Đào trần tình, triều đình thấy Ngô Ái Đào bị tên trộm đâm, hơn nữa người chức trách không dẹp được nạn trộm cắp sẽ bị quở trách là bắt được trộm lại tha, đó là những lời nói rất có lý. Triều đình bèn phê là, Sở ty phải điều tra thật rõ ràng minh bạch rồi phúc trình cụ thể lên triều đình. Thời ấy Trung thư thị lang Thái Xác đang đương chức, mọi quyền hành ông đều thu tóm trong tay. Bạn thân của Ngô Ái Đào đã dứt lót cho Thái Xác, nên ông đã gợi ý cho Sở ty nể mặt ông. Sở ty phúc trình lên triều đình như sau:

"Thấy Ngô Ái Đào có dấu vết tham lam xấu xa, ai ai cũng biết, tuy có tô vẽ thêm, song công luận khó mà bịt được. Vì thế không thể để Ngô Ái Đào ở đây thêm một ngày nào nữa. Duy vụ án Vương Đại Lang, tên trộm đâm quan, việc ấy có nguyên nhân, hẳn có chết cũng không oan uổng. Người chức trách dẹp trộm cướp không có phương pháp đáng phải phạt lương bổng. Chúng thần không dám tùy tiện, cúi xin hoàng đế phán xét".

Sau khi tâu lên, thánh chỉ theo như tờ trình cách chức Ngô Ái Đào thành dân thường, buộc phải lập tức rời khỏi nhiệm sở phạt ba tháng lương. Người nhận làm người nhà của Ngô Ái Đào biết được tin này, ngay đêm đó về báo tin cho Ngô Ái Đào. Ngô Ái Đào vội vã cho người nhà lên đường, chia một nửa binh lính hộ tống. Hòm xiểng của Vương Đại Lang vẫn còn trong kho, định đợi mang đi, nên cứ chần chừ chưa thỏa mãn, cuối cùng đành phải bỏ lại.

Mấy hôm sau, Thiết Ngự sử tới thi hành lệnh vua, đem tất cả tài sản còn lại

trong kho trả cho Dương thị. Sau đó bắt một số lính đầu sỏ độc ác tới dinh quan trị tội. Lúc ấy Dương thị dẫn con và vợ của hai người làm công đến nha môn đòi mạng chồng. Kẻ gào khóc, người chửi rủa, không cho Ngô Ái Đào đi. Ngô Ái Đào sợ quá lén vào trong, rồi bảo đóng chặt các cửa lại. Thấy hăn sợ hãi, những người địa phương trước đây bị Ngô Ái Đào hăm hại đều kéo đến. Song chẳng ai can thiệp, họ càng thừa cơ làm ầm ĩ lên, họ hô phóng hỏa đốt nhà, làm náo loạn đến sáu bảy ngày. Ngô Ái Đào không cách nào ngăn chặn thì lúc ấy quan thu thuế cấp trên tới. Xưa nay các quan thường bảo vệ lẫn nhau, thấy dân chúng túa vào đây nha môn, ngượng quá quan phải đích thân khuyên nhủ mãi họ mới giải tán, lúc ấy Ngô Ái Đào mới ra khỏi nha môn, xuống thuyền đi ngay.

Những người hai bên bờ sông đã chất sẵn gạch, ngói, đất đá, ném như mưa xuống thuyền, gào lên chửi:

- Ngô Lộ Da, các hòm xiềng mày đã chất đầy, tại sao mày không xếp số gạch đá này xuống thuyền mang về mà xây nhà.

Có người còn nói:

- Ngô Lộ Da, chúng tao biểu mày ít sản vật địa phương như thế mới gọi là tình nghĩa.

Thế rồi họ lấy một bể bùn to vớt xuống, rồi gạch, đất, đá, ngói cứ vù vù bay xuống thuyền như mưa. Ngô Ái Đào bèn chui vào khoang thuyền, gọi người nhanh chóng kéo buồm. Nào ngờ thuyền hàng rất đông, cửa cống tắc nghẽn, mặc dù khẩn cấp song không thể thoát nhanh được. Các thuyền buôn vỗ tay reo hò, nói:

- Ngô Lộ Da, thuyền chở lợn con, thuyền chở người đang ở đây sao không đánh thuế?

- Ngô Lộ Da, trên bờ có người đeo túi đi qua sao không sai người đi bắt?

Cứ thế họ vừa gọi vừa cười phá lên. Ngô Ái Đào vừa uất ức vừa xấu hổ, chẳng nói được câu nào. Thật là:

Cho dù tát cạn Tam Giang

Khó mà rửa sạch nhuốc nhem mặt dày.

Về sau vị quan Đề cử mới tới nhận chức, xét thấy Vương Đại Lang quả thật chết oan uổng, thương vợ Vương vô tội, bèn thu ngôi nhà bỏ không của

Vương thị làm thư phòng và cấp cho Dương thị năm trăm lạng bạc, coi như trả tiền mua nhà. Bảo Dương thị mua quan tài khâm liệm chồng, an táng cùng với bảy chiếc quan tài đã bị vớt ngoài bãi đất hoang. Thương nhân thấy ông làm những việc âm đức như thế, ai ai cũng ngợi khen, ông so với Ngô Lộ Da khác nhau một trời một vực.

Ngô Ái Đào rời khỏi Kinh Châu, đi theo đường thủy Kiến Dương, châu Kinh Môn. Chiếc thuyền nhỏ của gia đình Ái Đào vốn đậu tại Tương Dương, chờ Ngô Ái Đào tới mới cùng khởi hành. Thấy người nhà mà mấy hôm trước Ngô Ái Đào sai về, quay trở lại báo rằng:

- Không thể về nhà được.

Ngô Ái Đào hỏi vì sao, người nhà nói:

- Người trong nha môn nói rằng, trước đây ngài đồ tú tài, làm hại dân trăm chiều. Nay làm quan, kiếm được nhiều tiền của, những người nghèo trong thôn đã lấy sạch rồi, e rằng họ vẫn còn chê ít. Bởi thế họ đánh thanh la tụ tập cả thôn, đốt bằng địa cả nhà cửa, chờ quan về là họ cướp hết.

Ngô Ái Đào nghe xong sợ quá, mặt như chàm đỏ, nói:

- Làm thế nào bây giờ?

Vợ Ngô Ái Đào là một người thông minh, sáng suốt. Hằng ngày bà vẫn thường khuyên chồng làm việc tốt để tích âm đức, song Ngô Ái Đào nào có chịu nghe. Biết được tin ấy, vợ Ngô Ái Đào than thở:

- Người ta mãn nhiệm quan thì thân hào thân sĩ mang trướng đến chúc mừng, quan địa phương mở tiệc tiễn đưa, nhân dân đến đông nghịt tiễn chân giữ lại không cho về, cầm hương, cời giầy lập đền thờ sống, dựng bia ghi ân đức, vinh dự biết bao! Đến khi áo gấm về quê, thân thích ra mãi tận xa đón tiếp, quan phủ kính cẩn chúc mừng, lễ bái gia tiên, gặp gỡ làng xóm, vinh hạnh biết bao. Còn riêng ta rời khỏi nhiệm sở bị người ta trèo qua cổng chửi bới sỉ nhục, không cho đi. Tới khi xuống thuyền, gạch ngói đất đá lại ném xuống như mưa. Ru rú như chó tiền rười, cuống quít như cá mắc lưới, chạy trốn thực mạng như gặp cơn binh lửa. Đến khi hỏi tới quê hương thì dân làng tụ tập hò hét, đốt nhà đốt cửa, ruộng rẫy không cho ở, mồ mả cha ông cũng không được thăm nom. Nếu ông nghe theo lời tôi thì làm gì đến nỗi có nhà mà chẳng về, đã có nước mà không ở được! Kết quả của sự

làm quan như thế từ xưa tới nay chỉ có mình ông mà thôi. Bây giờ thì tiến thoái lưỡng nan, ta biết sống sao đây.

Ngô Ái Đào trong lòng đang phiền não, bị vợ trách móc càng thêm ngán ngẫm, bèn cười gượng nói:

- Đại trượng phu bốn biển là nhà, hà tất cứ phải quê hương.

Hơn nữa quê xa tít mãi tận Tây Bưu, đất đai cằn cỗi bạc màu, con người thô lỗ cục cằn có gì tốt đẹp lắm đâu! Từ lâu ta đã nghe Kim Lăng Kiến Khang là nơi sáu triều đại dựng kinh đô, là nơi ngàn năm văn vật vô cùng phồn thịnh. Xưa nay ta chưa đặt chân tới, nay ta hãy đến nương thân. Nếu nơi ấy hợp thổ nghi thì nhập cư ở đó, có gì mà không được!

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 11 (C)

Ý đã định Ngô Ái Đào bèn cho thuyền rẽ thẳng đến Kiến Khang. Trước hết tìm một nơi tạm trú chân, rồi đuổi bọn lính đi theo phục dịch trở về, dần dà tìm nơi cư trú. Thấy thương nhân khắp các ngã đến đây tụ tập, sợ rằng có người biết được họ tên tìm đến làm nhục, Ái Đào bèn bỏ chữ "khẩu" trong chữ "ngô" đổi họ thành "Ngũ", hiệu là Hồ Tuyền cũng dựa theo ý chữ "Ái Đào". Ái Đào lại nghĩ rằng xưa nay không có họ "Ngũ" bèn thêm vào chữ "Ngũ" bộ nhân đứng, và dặn người nhà chỉ gọi mình là Viên ngoại, không được nhắc tới chữ "Ngô". Từ đó người ta đều gọi Ngô Ái Đào là Ngũ Viên ngoại. Ngô Ái Đào mua một ngôi nhà lớn, sau đó sửa sang, sắp xếp lại thật đàng hoàng. Không ngờ vợ Ái Đào vì khí uất đã đổ bệnh, chẳng bao lâu thì chết. Ngô Ái Đào tiếc của, khâm liệm ma chay rất sơ sài. Không lâu sau người vợ lẽ sinh con gái, rồi cũng mắc bệnh chết. Ngô Ái Đào mua một mảnh đất chôn hai người vợ ở đó.

Thời Ngô Ái Đào làm tú tài, moi móc những việc không đâu mà kiếm được tiền tươi thóc thật. Đến khi làm quan, tiền của cứ chảy vào như nước mà không chi ra, thật là hả hê. Đến nay lấy một đồng trong túi ra tiêu, thấy đau như hoạn, nghĩ: "Người ta thường nói, nhà có tiền kho cũng không thích bằng một ngày kiếm được một hào". Ta nay có một ít vốn nếu không tìm kế sinh nhai, kiếm ít tiền lời thì rồi cũng miệng ăn núi lở. Buôn bán thì xưa nay mình không am hiểu, mà nhờ kẻ giúp việc thì sợ nó cuồn mất, còn mua ruộng vườn thì ta là quan đã về hưu, lại thay họ đổi tên, thay hình đổi dạng, mà phải thuê kẻ ăn người ở thì phải làm thế nào cho tốt được". Rồi ông ta chột vồ tay reo lên vì đã nghĩ ra một lối thoát, nghĩ rằng, nay đang ngồi chơi không, nhàn rồi cần phải tìm thú vui thanh sắc. Xưa kia ta kết tóc xe tơ, cam sống đậm bạc, quần nâu áo vải. Tuy gọi là bà lớn song chưa từng xa hoa lộng lẫy. Nay nếu lấy vợ lẽ thì trước hết phải mua mất một

món tiền lớn. Khi cưới về, nếu để vợ mặc quần nâu áo vải, ăn uống dưa muối đậm bạc thì chẳng ra sao cả. Còn nếu hằng ngày quần là áo lượt cơm trắng cá tươi thì tốn kém tiền của, như thế cũng chẳng phải là người biết tính toán. Thôi thì ta đánh liều bỏ ra mấy ngàn lạng vàng, lấy mấy kỹ nữ đẹp nhất, mở một kỹ viện làm kế sinh nhai trong nhà, lúc nhàn rồi mình cũng được thú vui, nếu đêm nào không tiếp khách chúng lại ngủ với mình. Hằng ngày rượu quý thức ăn ngon đã có bọn làng chơi mời mọc, quần là áo lượt đã có khách làng chơi tặng cho, như thế thì việc ăn mặc của chúng, mình cũng chẳng phải tốn tiền. Hơn nữa tiền vốn vẫn còn, đêm đêm lại sinh lợi, ngày ngày thu tiền, quả là phong lưu sung sướng. Ngay Đào Chu Công cũng không tính tới khoản kinh doanh này. Huống hồ ông ta cũng chỉ có một Tây Thi, lại phải tốn cơm. Còn ta, nay tìm mấy kỹ nữ, lại kiếm được tiền tươi. Xem ra ta còn hơn hẳn Đào Chu Công.

Nghĩ rằng xưa kia Thái thú Cô Tang là Trương Hiến có sáu kỹ nữ đẹp. Người tấu thư gọi là Truyền Phương Kỹ, người dâng rượu gọi là Long Tân Nữ, người dâng thức ăn gọi là Tiên Bàn Sứ, người quản lý giấy tờ gọi là Mặc Ngã, người chuẩn bị lò hương gọi là Xạ Cơ, trông coi việc thơ phú gọi là Song Thanh Tử. Nay ta cũng theo ông ta tìm sáu kỹ nữ. Lão Trương chỉ cốt vui thú một mình ở nhà, cho nên tốn áo, tốn cơm. Còn ta thì sinh tài sinh lợi, chẳng ngại gì cùng mọi người hưởng lạc thú. Từ đó Ngô Ái Đào đi tìm sáu cô kỹ nữ cực đẹp, lại mua một khu nhà lộng lẫy cho họ ở. Chia thành sáu nơi, gọi là lục viện. Cũng học theo Thái thú họ Trương đặt tên: viện thứ nhất gọi là Phương Cơ, viện thứ hai gọi là Long Cơ, viện thứ ba gọi là Tiên Cơ, viện thứ tư gọi là Mặc Cơ, viện thứ năm gọi Hương Cơ, viện thứ sáu gọi là Song Cơ. Mỗi viện có bốn đứa gái hầu để sai khiến, lại tìm thêm một kỹ nữ lọc lõi quản lý sáu kỹ nữ ấy. Người kỹ nữ này tên là Lý Tiểu Đào, người Tiền Đường chuyển đến. Tuy đã hai bảy hai tám nhưng vẫn còn xuân sắc, nghề nghiệp tinh tường, lại giỏi khơi gợi lấy lòng, bởi thế Ngô Ái Đào rất thích giao cho làm chủ trại phấn son. Sáu cô gái này vừa đẹp vừa hiền dịu, nơi phòng the lại bày đặt rất sang trọng, bởi thế Ngũ Gia Lục viện nổi tiếng gần xa, Ngô Ái Đào phong lưu vợ được nhiều lợi tức.

Một hôm có một phú ông đến viện hưởng thú vui. Người này là ai vậy? Đó chính là thương nhân họ Ôn, người trước đây đã bị Ngô Ái Đào phạt và ông ta đã thiêu hủy sổ tư lự gấm vóc còn lại. Ông vốn là người thi thư, hiểu biết. Vì lần ấy bị hại, bèn thề không bao giờ đi buôn, tới kinh sư mua một ngôi nhà và kiếm một chức quan, rồi tới Quan Tây tìm Ngô Ái Đào báo thù rửa hận. Vì không tìm được cơ hội trả thù nên lại trở về kinh thành. Ông có hai người bạn vay vốn mở hiệu cầm đồ tại Kim Lăng nên tới đây thanh toán. Ông Ôn nghe thấy kỹ nữ của Ngũ Gia Lục viện đẹp nổi tiếng, đang lúc ở quán trọ vắng vẻ, bèn tìm tới nơi lạc thú. Ông Ôn không có người hầu hạ, chỉ đem theo một thằng nhỏ. Tới đây, không ngờ lại gặp Lý Tiểu Đào vốn là người em họ xa ở Hàng Châu, là bạn cố tri nơi tha hương nên vô cùng thân thiết, họ kể cho nhau nghe những chuyện lâu ngày xa cách. Uống trà xong, ông bảo Tiểu Đào dẫn đi thăm sáu viện. Quả nhiên người đẹp tuyệt vời, trần thiết tráng lệ. Ông Ôn xem xong cứ thăm thán phục, hỏi Tiểu Đào:

- Chủ viện kỹ nữ họ Ngũ này là người ở đâu mà sao vốn to thế? Tìm ở đâu được những người đẹp đưa về đây?

- Chủ viện kỹ nữ này không phải tầm thường đâu, - Tiểu Đào nói, - Ông ấy là một người danh tiếng. Dù cho các kỹ viện nổi tiếng ở kinh thành cũng phải bái phục, tôn nơi đây vào bậc nhất.

Ông Ôn cười nói:

- Tôi không ngờ ở đây lại có một chủ tiệm cỡ bự thế này.

- Ông chủ sáu viện này, - Tiểu Đào hạ giọng ghé sát vào tai ông Ôn nói, - tuy là họ Ngũ, nhưng thực ra là họ Ngô. Cách đây ba năm từng làm Giám thuế Đề cử ở Kim Lăng. Dùng một khoản tiền lớn mua sáu người đẹp này để kinh doanh. Lại lấy tôi để trông coi họ. Người trong nhà đều gọi ông là Viên ngoại, cho nên người ta chỉ biết Lục viện nhà họ Ngũ. Chuyện này là do người nhà ông ta nói riêng với tôi. Xin anh chớ tiết lộ.

Nghe xong ông Ôn vui mừng khôn xiết, nói:

- Hóa ra Ngô Lộ Da mở viện kỹ nữ ở đây kiếm tiền. Hay! Hay, hay quá! Số tiền của hắn thu khi hàng hóa đi qua cái cổng nhỏ ấy được khá nhiều,

song số tiền của thu được không biết có nộp cho nhà nước được một nửa không? Thôi thôi! Hẳn xuống dốc thì thù hận cũ ta cũng cho qua. Nay ta cũng cho hẳn thêm một chút tiền ăn. Ta thưởng thức hết mùi vị của những cô gái ngọc ngà trong sáu viện này cũng hơn số tiền của nó đã chém mất của ta trước đây. Chẳng khác nào ta mặc áo gấm xí một nhát dao vào kẻ giấu mình trong vỏ ốc mà tiếng xấu còn để đến muôn đời.

Thấy thương nhân Uông lăm băm nói rất nhiều, Tiểu Đào chẳng biết vì sao bèn hỏi, nhưng ông chỉ cười mà không đáp lại sau đó gói mười lạng bạc, nhờ tiểu Tiểu Đào đưa cho viện thứ nhất để ngủ với Phương Cơ. Hoan lạc một đêm rồi đề lên tường một bài thơ tứ tuyệt:

*Xưa được nghe tin thấy lạ kỳ,
Xem ra danh tiếng chẳng sai gì.
Nếu ta không gặp gió xuân thôi,
Sao tới nhà ông gặp Phương Cơ.*

Rồi lại gói mười lạng bạc đưa cho viện thứ hai để ngủ với Long Cơ. Cũng đề một bài thơ tứ tuyệt trên tường:

*Rượu ngọt xưa nay rót chén vàng,
Đêm qua Long Cơ cứ tiếp tràn
Tới nay ta biết Ngô là Ngủ,
Nhấp nhấp ngọt ngào thật khoái thay.*

Lại gói mười lạng bạc đưa cho viện thứ ba để mây mưa với Tiên Cơ. Cũng đề một bài thơ tứ tuyệt lên tường:

*Trăm mùi sao thấy vị này thôi,
Lưng đeo kiếm sắc giết nó thôi.
Trên bàn rượu ngọt xin cứ uống,
Cơm dẻo canh ngon ta cứ xơi.*

Lại gói mười lạng bạc đưa cho viện thứ tư để làm tình với Mặc Cơ. Cũng đề lên tường một bài tứ tuyệt:

*Tương tư hai chữ nghĩ mà hay,
Mực dầm thơ khô nửa đêm nay.
Biết đúng là người thôn Chín Họ,
Lão này vốn từng đếm thẻ dây.*

Lại gói mười lạng bạc đưa cho viện thứ năm, thưởng thức Hương Cơ. Sau đó cũng đề một bài thơ tứ tuyệt lên tường:

*Yêu nàng thấy ngát thơm từ rốn.
Thân nàng nà nuốt tựa mờ đông.
Da nàng ấm áp như hồ nước,
Rửa sạch trần ai, mặt nhuộm nhơ.*

Lại gói mười lạng bạc đưa cho viện thứ sáu. Cũng làm một bài thơ viết lên tường:

*Chẳng biết làm thơ vẫn cứ đề,
Quý Phi nghiên bút vẫn dâng hầu.
Chẳng uống năm sáu mươi lạng bạc,
Mua được phong lưu sáu viện này.*

Thương nhân họ Ôn phóng tay tiêu bữa sáu mươi lạng bạc, hoan lạc với cả sáu kỹ nữ tuyệt đẹp trong sáu viện. Đến ngày thứ bảy, trong lòng thâm nghĩ, thù không quá sâu, vui không quá mức, phen này đã rửa xong mỗi hận, ta phải rời khỏi nơi đây. Họ Ôn lại lấy ra mười lạng bạc nữa đưa cho Tiểu Đào. Đang từ biệt, chợt có tin Viên ngoại đến. Chỉ thấy Ngô Ái Đào nghênh ngang đi tới. Tiểu Đào và sáu cô gái vợ ra chào đón. Vốn là Ngô Ái Đào đã định ra luật lệ, hằng ngày sáu viện phải tính tiền làng chơi ghi

vào sổ sách. Cứ mười ngày Ngô ái Đào đích thân đến đối chiếu thu tiền khách chơi đêm. Đích thân tới các viện kiểm lại một lần, thấy trên tường các viện đều đề thơ. Ngẫm nghĩ từng bài, Ái Đào thấy rất đáng lưu tâm. Vội trở ra, thì thấy thương nhân họ Uông đang chia tay sáu cô gái. Thấy Ái Đào, Uông vờ như không biết, Ái Đào thấy Uông cũng lờ đi như không hay, giơ tay hỏi:

- Quý khách ở đâu tới?

- Tôi là khách buôn sông ở đất Huy Châu. Trước đây ở Kinh Châu, gặp Ngô Lộ Da đã chém đi hàng vạn lạng bạc hàng hóa. Vì hết sạch vốn đã theo các đạo sĩ vân du, học được một ít kiếm thuật để báo thù rửa hận. Nào ngờ hăn tham lam tàn bạo đã bị cách chức, người ở quê hương không cho hăn về, lại nghe nói hăn lẫn trốn ở Kim Lăng nên đến tìm. Song nghe thấy Lục viện nhà họ Ngũ có nhiều cô phong lưu xinh đẹp, trong người lại còn mấy chục lạng tiền vốn, bèn dốc ra cho mấy cô ở đây để tận hưởng sáu đêm lạc thú, coi như trước đây Ngô Lộ Da cướp hết. Nay tôi từ biệt để đi tìm Ngô Lộ Da để tính sổ ngài có biết hăn ở đâu không?

Mấy câu nói ấy khiến Ngô Ái Đào sợ mất vía, cuống lên phẩy phẩy tay nói:

- Không biết, tôi không biết.

Thế rồi quay lại bảo đứa hầu:

- Hãy rót nước mời ông đi.

Mồm thì nói nhưng chân thì vội vội vàng vàng đi tọt vào nhà trong, ông Uông thấy thế nói:

- Nếu như Ngô Lộ Da cũng rụt cổ chui vào hang như thế thì chẳng tìm đâu được nữa.

Nói xong ha hả cười rồi ra. Lại đề ở cửa viện một bài thơ

Mũ áo cân đai mà chi nữa,

Phong lưu ta vẫn chuộng người xưa.

Ngũ Hồ rong ruổi tìm dấu cũ.

Sáu viện đi qua rũ bụi trần.

Người đời nguyên rửa đành cam chịu,

Tham ô thuở ấy đáng đời thay,

*Hắn đã quên rồi liêm với sĩ,
Để lại ngàn thu tiếng xấu xa.*

Người đời mai mỉa như thế, nào ngờ Ngô Ái Đào vẫn cứ vui thú thì quả cũng lạ. Rõ ràng hắn là giỏi bọ trong hố phân nên không thấy thối tha. Năm tháng qua đi, con cái Ngô Ái Đào đã trưởng thành, cũng phải dựng vợ gã chồng. Tuy Ngô Ái Đào là người giàu có, nhưng lại là dân ngụ cư, mang tiếng Ngũ gia Lục viện nên chả ai dám gả con cái mình cho con Ái Đào. Con trai Ái Đào tên là Ngô Tinh, vì đổi thành họ Ngũ nên đảo tên ngược lại là Ngũ Tinh Ngô. Hằng ngày Ái Đào vẫn khuyên con học hành, nói rằng:

- Ta là dân ngụ cư, không có ruộng vườn, hoàn toàn dựa vào sáu viện để lời lãi sinh sôi nảy nở. Đây là cây tiền, rung một lần là rơi xuống một đấu, rung mười lần ta được một thạch, quả thực còn hơn cả đồng ruộng thẳng cánh cò bay. Sau này nếu con được thăng tiến thì không cần phải nói gì nữa. Còn như nếu không có ngày xuất thân, chỉ giữ lấy cái nghề này thì cả đời ăn không hết.

Mỗi lần tới kỹ viện thu tiền chơi đêm, Ái Đào thường dẫn con theo. Ở nhà Ngô Ái Đào sống đạm bạc, ở viện lại sẵn rượu và thức ăn ngon, lần nào tới viện cũng ăn uống no say mới về. Ngô Tinh vốn ham ăn thích uống, tới đây được ăn ngon, thỉnh thoảng lại lẻn đi một mình tới kỹ viện. Gặp thức ăn khách làng chơi ăn thừa cũng cứ chén rồi mới về. Ngô Tinh lại mê đánh bạc, thường lấy trộm tiền của Ái Đào đánh bạc với kẻ ăn người ở và những kẻ đi ăn xin. Bọn chúng xúm lại rủ rê, thắng thì đánh mãi, thua thì chuồn thẳng. Trừ khi đến sáu viện thanh toán ra, suốt ngày Ngô Ái Đào đốc thúc người nhà trồng tre nuôi cá, trồng hành cấy rau, gánh tro chuyển phân, chăn nuôi gà lợn, gây dựng sự nghiệp như Đào Chu Công. Thúc giục con học hành, lại coi là việc phụ, nên Ngô Tinh rất thích vì được thả cửa chơi bời.

Một hôm Ái Đào định tới kỹ viện, vừa ra khỏi cửa được mấy bước, bỗng nhiên ngược lên trời thì thụp lạy kêu liên mấy tiếng:

- Đại Lang, Đại Lang, đúng là tôi sai rồi, xin Đại Lang tha cho tôi.

Những người nhà đi theo rất kinh ngạc, nói:

- Viên ngoại, sao lại thế!

Họ vội vã dìu lên, Ái Đào lại ngã dúi xuống. Nói bằng giọng địa phương:

- Ngô Lột Da, người vô cớ vu oan giết hại nhà ta bảy người, nay trốn tới đây hưởng lạc, chơi bời, khiến ta đi khắp nơi tìm mà không thấy, nay mới gặp được người, hãy mau mau trả mạng cho ta.

Người nhà nghe xong mới biết Vương Đại Lang trước đây đến đòi mạng, sợ toát mồ hôi, chạy ngay về gọi những người hầu tới khiêng Ái Đào về đặt lên giường. Hỏi tới Ngô Tĩnh thì không biết anh ta đã đi đâu đánh bạc rồi, chỉ còn đứa con gái đứng đó nhìn cha. Ngô Ái Đào miệng cứ nói lung tung:

- Trước đây người cùm kẹp ta, treo ta lên rồi đánh, tam hình tam cấp đánh đập tra khảo, truy bức ta, bây giờ người phải lần lượt ném đủ mùi tra tấn để đền lại, trước hết hãy kẹp hăn.

Vừa nói xong thì Ái Đào kêu đau đớn, ra sức kêu van xin tha tội. Kêu gào một lúc lại nói:

- Hãy cùm nó lại.

Hai tay Ái Đào gò lại, kêu đau. Một lát sau lại nói:

- Hãy treo nó lên, giằn cho nó một trận.

Vừa nói dứt thì chân tay quật ra đằng sau, co dúm lại, đầu cất lên, gò vào tay chân. Lúc ấy Ái Đào kêu gào thảm thiết đau đớn không sao kể xiết. Một lát sau lại nói:

- Hãy kẹp nó lại.

Kẹp xong lại cùm, cùm xong lại treo, cứ như thế tới ba lần, khắp người Ái Đào thâm tím, toàn thân hiện lên những vết thừng buộc, gậy đánh, mười đầu ngón tay ngón chân đều rụng đi. Gia nhân mua lễ vật đặt lên giường cúng bái, cầu xin tha tội cho Ái Đào, Ái Đào cười khanh khách, cuối cùng lạnh lùng nói:

- Thời ấy chúng ta chưa bị dai đầu, nay cho nó ném thử mùi vị này, coi như chúng ta được lãi.

Thế rồi đầu Ái Đào phình to như chiếc đấu, hai mắt lồi ra, xung quanh trán thịt lõm xuống như một cái rãnh. Một lát sau lại nói:

- Hãy moi xem tim gan hăn thế nào mà độc ác làm vậy.

Trong nháy mắt, từ lồng ngực cho tới bụng thịt thối rữa, lục phủ ngũ tạng bày hết ra ngoài, lúc ấy Ái Đào mới tắt thở, chết hẳn. Đúng là:

Xin người đừng ác độc,

Ác độc sẽ quả báo;

Khi đã làm điều ác,

Đau đớn đừng kêu ai.

Ái Đào chết, cũng có quan tài khâm liệm. Song da thịt thối rữa khó mà mó tay vào được. Người ta đành để cả quần áo rồi cuộn cả chiếc chăn hăn nằm cho vào quan tài để trong nhà. Lúc ấy Ngô Tinh được sống tự do, hăn không ở lục viện chơi gái thì đi tìm người đánh bạc. Bọn ma cô ở địa phương rất đông, thấy Ngô Tinh sẵn tiền chúng lân la tới rủ rê lấy tiền của. Chúng bảo với Ngô Tinh rằng, gái chơi trong viện tuổi cao, nhan sắc đã tàn, hãy giải thoát rồi kiếm sáu cô trẻ khác. Cứ ra ra vào vào như thế, họ mượn thể bỏ đi mất quá nửa. Những gia nhân thấy ông chủ nhỏ không nên người đều thay lòng đổi dạ, lần lượt tìm cách lấy trộm của cải rồi bỏ đi nơi khác sinh sống. Chẳng bao lâu họ đi hết, chỉ trơ lại đứa em gái trạc mười bốn mười lăm tuổi, trông coi một dinh cơ lớn như thế ai mà chẳng sợ. Ngô Tinh thấy nhà cửa trong viện rất nhiều bèn dọn đến đó ở để thu tiền chơi đêm cho tiện. Ngôi nhà lớn bỏ không, Ngô Tinh cho khiêng quan tài cha đến chỗ phần mộ mẹ, sau đó bán nhà cho người khác. Tiền bán nhà sau cũng vào sòng bạc hết. Trong vòng hai năm, gia tài Ngô Ái Đào khánh kiệt. Những gái làng chơi, người thì bán đi, người thì theo khách chạy trốn, chỉ còn hai người. Đứa em gái lớn tuổi đã biết mùi đời không ai lấy, thấy trong viện có người khách nào kha khá, bèn lén lút tiếp khách. Lúc đầu thấy ngượng còn dẫu anh, sau bén mùi quen đi, cứ công khai nay đón mai đưa. Ngô Tinh cũng cứ diềm nhiên mặc kệ, chẳng trách móc gì, ngược lại còn thấy vui vì đã có thêm một người tiếp khách.

Không lâu sau hai cô gái làng chơi còn lại cũng bỏ đi, chỉ còn trơ trọi lại một đứa em tiếp khách. Tiền kiếm được của một người trong đêm làm sao cung ứng nổi cho Ngô Tinh tiêu xài? Họ đành bán cả cái nhà chứa, phung phí mấy hôm rồi mua hai gian nhà nhỏ khác ở. Nhà cửa tồi tàn, tiền kiếm được một đêm quá ít cuộc sống ngày càng cùng quẫn. Những khách chơi

thấy người tiếp ăn mặc không hợp thời, họ cũng không đến nữa. Đứa em gái nghĩ anh mình cờ bạc, chẳng thể giàu được, mà mình thì cũng túng quẩn, thôi thì tìm đường mà đi, thế rồi đứa em theo một khách làng chơi quen biết đi biệt tích. Đận ấy Ngô Tĩnh như một con khỉ, mồm không có cái nhai, tay chẳng biết làm gì, không sao được hẳn phải đi đào tường khoát ngạch, trộm cắp qua ngày. Mới trót lọt được mấy lần thì bị người ta bắt được mang về tra khảo. Từ trước tới nay Ngô Tĩnh quen sống quần là áo lượt thì sao chịu được đánh đập. Vừa mới bị treo lên đã khai ra hết. Ngô Tĩnh bị đánh một trận như tử, khép vào tội đồ, thịch dấu vào mặt đưa đi đày, sau chết giữa đường. Chiếc quan tài của Ngô Ái Đào khiêng ra nghĩa địa không chôn, gió mưa làm ải mục mủn ra. Đó là kết cục cuối cùng của một tên tham lam tàn khốc. Có một bài thơ xưa còn để lại làm chứng:

*Việc làm sai đúng tự mình ha,
Duyên do họa phúc chớ hỏi ai.
Thiên ác cuối cùng sẽ báo ứng,
Có điều chỉ sớm muộn mà thôi.*

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 12

Vương Phu Nhân Mơ Thấy Ba Ba.

Điều Ly, Hợp Số Trời Đã Định

*Ngoài cửa non xanh nước biếc,
Đường xa rong ruổi mịt mù.
Đi đường không ngại khó,
Phút chốc chồng bắc vợ nam.
Thôi thôi đừng khóc nữa,
Nhân duyên cuối cùng chẳng đoạn tuyệt đâu.*

Đây là bài từ *Như mộng lệnh*, nói rằng trên đời vợ chồng gắn bó như keo sơn, vốn chỉ mong bách niên giai lão. Song trong đó vận mệnh khác nhau, hoặc là đàn ông cứng số sát vợ hoặc là đàn bà tinh tướng sát chồng. Trong sách tướng số có ghi: "Nam gặp Dương Nhân thì hại vợ, nữ phạm Thương Quan phải tái giá". Mệnh đã định như thế thì không sao thoát được. Trong đó cũng có trường hợp chồng không khắc vợ, vợ cũng không khắc chồng mà đột nhiên gặp biến cố, thế là hai vợ chồng đang sống cuộc đời ngọt ngào như mật, không rời nhau nửa bước, phút chốc sẻ ghé tan đàn. Vợ chồng chẳng khác nào như chim cùng tổ khi gặp hạn lớn tới, mỗi người bay một phương trời.

Cũng có thể sau khi chia ly, đoạn tình đoạn nghĩa, không bao giờ sống với nhau nữa, âu cũng là chuyện bình thường không lấy gì làm lạ. Chỉ có người nhân duyên chưa đứt, sau này lại trở lại với nhau, há chẳng phải là chuyện mới lạ sao?

Ngày xưa đời Đường có vị Ninh vương, em hoàng đế Huyền Tông. Dựa vào thể thân vương ông ta kiêu ngạo hống hách ngang tàng tham dâm hiếu

sắc. Ngoài cửa vương phủ có vợ một người bán bánh, dáng người tầm thước trắng trẻo xinh đẹp dịu dàng, đôi mắt thanh tú, nước da trắng ngần, môi đỏ như son, đôi tay nõn nà tựa ngó sen, đôi chân nhỏ nhắn như đôi chân của Phiên Phi(1) mỗi bước đi như nở một bông sen. Ninh vương thấy nàng như bị hút mất hồn, liền sai người gọi vào phủ đường. Người phụ nữ ấy tuy gắn bó với chồng như keo sơn, song vì Ninh vương cưỡng bức buộc phải tuân lệnh. Nếu người bình dân phạm phải việc này, nặng thì ghép vào tội gian dân, nhẹ thì coi như lừa gạt, nhất định mắc trọng tội. Song ông vốn là thân vương thì ai dám khép tội? Còn như câu "Con cháu thuộc dòng dõi nhà vua cũng khép tội như dân thường", thì đó là những điều trống rỗng chỉ nói mà không thi hành, chẳng có chút can hệ gì. Từ khi chiếm được người đàn bà này, suốt ngày dâm dục, không một ai được sủng ái như nàng. Tất cả những cô gái yêu kiều xinh đẹp trong phủ Ninh vương coi như bùn đất. Đúng là tình nhân chẳng khác nào Tây Thi, không ai tranh giành được.

(1) Phiên Phi: Phi của Đông Hôn Hầu, Nam Tề Đông Hôn Hầu đã xây ba cung điện cực kỳ xa hoa cho nàng ở, lại đúc những hoa sen bằng vàng để nàng đi.

Xuân qua thu tới, thoáng cái mà đã hơn một năm, niềm hoan lạc đã tới cực điểm thì mùi vị cũng dần dần trở thành bình thường. Vào một hôm đang dịp tháng Ba, hoa hải đường nở rộ. Ninh vương ngắm hoa uống rượu, vợ người bán bánh ngồi bên cạnh thưởng hoa, tự nhiên nước mắt trào ra. Thấy thế Ninh vương bèn hỏi:

- Nàng sống trong vương phủ của ta so với cuộc sống long đong được bữa sớm lo bữa tối ở nhà gã bán bánh lại không gấp hàng ngàn lần sao? Có gì đáng phiền lòng đâu mà khóc?

Vợ chàng bán bánh bèn quỳ xuống nói:

- Nếu tiện thiếp sinh ra và lớn lên tại vương phủ thì chẳng phải lo nghĩ gì, song trước đây thiếp là vợ người bán bánh, bởi thế thiếp chạnh lòng mà khóc.

Ninh vương vội đỡ dậy, nói:

- Tại sao trước đây nàng không chạnh lòng, nay ta mới thấy nàng như thế?

- Bởi vì, tiện thiếp là con gái nơi thôn dã, chỉ biết hoa đào hoa mận, hoa lê chứ cứ biết hoa hải đường thế nào đâu. Xưa kia thiếp cùng chồng bán bánh trước cửa phủ đường, thấy người trong vương phủ gánh hoa hải đường đi qua. Đồi thiếp chưa từng nhìn thấy hoa hải đường bao giờ nên mới bảo chồng ngắt một bông cho thiếp cài đầu. Chồng thiếp vừa bước tới ngắt hoa thì bị người trong phủ đánh cho một gậy vào vai, nói: "Hải đường trong thiên hạ đều có sắc mà không có hương, chỉ có hải đường ở Xương Châu là có sắc có hương thôi. Ta vâng lệnh đại vương tới Xương Châu hái hoa về mà người to gan lớn mật dám thò tay hái". Lúc ấy thiếp chỉ biết tự oán trách mình, vì mình mà chồng bị đánh. Nay thiếp thấy hoa hải đường trong vương phủ cho nên nhớ tới chồng, nước mắt cứ trào ra.

Ninh vương thấy thế bỗng mỉm lòng, nói:

- Nay nàng còn nghĩ tới chồng, đó là điều tốt. Ta sẽ truyền lệnh cho chồng nàng tới đây gặp nàng có được không?

Vợ người bán bánh quỳ xuống nói:

- Nếu được gặp chồng một lần thì thiếp dầu chết cũng không còn ân hận nữa.

Nghe xong Ninh vương gật gù đầu đỡ nàng dậy, ngay lập tức cho người đi gọi. lát sau chồng nàng tới, quỳ xuống bên khóm hoa. Anh bán bánh tuy quỳ trong vương phủ, song vẫn nhìn vợ bằng con mắt lạnh lùng, không dám khóc mà cũng không dám ngược mắt nhìn. Ai ngờ người vợ thấy chồng gào lên khóc nức nở, không hề sợ hãi. Tuy Ninh vương sống phóng dãng nhưng vẫn thương người. Thấy tình cảnh ấy ông thầm nghĩ: "Vì ta tham sắc mà chia duyên rẽ thúy vợ chồng họ, ta quả là có tội" Thế rồi ông thưởng cho họ một trăm lạng bạc để che giấu nỗi hổ thẹn của mình, cho người bán bánh dẫn vợ về. Thời ấy nhà thơ Vương Duy có làm một bài thơ ghi lại chuyện này như sau:

Chẳng vì được sủng ái

Mà quên mối tình xưa.

Nhìn hoa hàng lệ nhỏ,

Chẳng nói cùng Sở vương.

Câu chuyện chia phôi lại sum họp này đó là vì vợ người bán bánh tuyệt đẹp lại gần vương phủ, suốt ngày liếc mắt đưa tình ngấm ngấm trang điểm dụ dỗ người nên xảy ra như thế.

Nay ta lại nói về một người đi thi bỗng chốc mất vợ. Chuyện này còn thêm thảm hơn bị Ninh vương cướp đoạt rất nhiều. Sau này vô tình lại được sum họp, càng lạ lùng hơn chuyện vợ chồng người bán bánh được đoàn viên. Câu chuyện này xảy ra vào thời Cao Tông Nam Tống. Người này tên là Vương Tùng Sự, người Biện Lương. Thời nhỏ đỗ tú tài, được tiến cử vào trường Thái học. Vợ là Kiều thị, cũng là con nhà gia giáo, đi học hành và biết lễ nghĩa. Hai vợ chồng thật xứng đôi vừa lứa. Vì nghèo nên hai vợ chồng không có kẻ hầu người hạ và cũng chưa con cái. Thời ấy Cao Tông vừa mới xây dựng kinh đô ở Lâm An, khắp nơi trộm cắp nổi lên như ruồi. Năm ấy Vương Tùng Sự được nhậm chức, bàn với vợ rằng:

- Năm nay anh mới hai bốn hai năm tuổi, lẽ ra phải đi thi để đoạt công danh mới phải lẽ. Song chỉ vì nhà nghèo, lại thêm nạn trộm cắp. Vùng Biện Lương lại là miếng mồi của chúng, nếu chẳng may chúng tới thì cho dù anh không chết, cũng bị chúng bắt đi, suốt đời phải lưu lạc nơi đất khách quê người. Vả lại đường tới Lâm An cũng gần, anh định thu xếp tư trang cùng nàng tới Lâm An. Ở đó ta sẽ được sống yên ổn, chờ mãn hạn quan, trời đất yên hàn rồi sẽ trở về quê hương. Nếu như binh lửa chưa yên thì cứ nhập tịch ở Lâm An, có gì mà không được, ý em thế nào?

- Em là đàn bà con gái chẳng biết gì, em chỉ vâng theo lời anh thôi.

- Anh đã định rồi em đừng do dự gì nữa.

Thế rồi vợ chồng thu xếp hành lý, chọn ngày tốt lên đường, gửi nhà cửa cho người thân trông coi, rồi theo đường thủy thanh toán tới Lâm An. Thấy phong cảnh ở đây thật tuyệt vời:

Phượng Hoàng cao vọi vọi

Tần Vọng vút tầng mây,

Tuệ Nhật như bức bình phong nhiều đá lạ,
Cô Sơn u tịch ngan ngát nở hoa mai
Thiên Trúc, Phi Lai đối nhau ngọn ngọn,
Nơi đại bàng bay tới chốn linh thiêng.
Vạn Tùng, Phượng Hoàng lớp lớp đặt bày
Vốn là nơi suối Tiên xuất phát.
Hồ rộng mênh mông, đào liễu bên cầu tràn xuân sắc bao bọc thành tráng lệ
nguy nga.
Hàng trăm lâu đài như bức họa
Không đếm xuể đình đài: Mộng Nhi, Thúy Vi
Phóng Hạc, du ngoạn cảnh thiên nhiên.
Mộ Đỗ Phủ, Phù Lai, Hứa Viễn nhìn không biết chán.
Khiến ta nhớ lại những bậc thánh hiền xưa,

Hắn mới thấy mười tháp, chín cái không đầu, chứng tỏ nhân dân đời đời
ghi nhớ.

Vương Tùng Sự tới Lâm An, vội vàng tìm nơi nghỉ trọ. Lâm An rộng lớn,
buổi đầu còn lạ lòng bờ ngõ, nghỉ chân tại Bảo Kiêm Doanh, xung quanh
đều là nhà chứa. Hằng ngày gái làng chơi ăn mặc lòe loẹt đứng cửa đón
khách. Đã có nhà chứa thì những gã làng chơi du đảng ăn diện lượn lờ đi
lại. Bọn thanh niên đến chơi gái đó là điều đương nhiên, song ngay cả bọn
không có tiền chơi gái cũng mò vào các nhà quả phụ uống nước chè hâm.
Bởi thế Bảo Kiêm Doanh vô cùng ồn ào nhốn nháo. Đã có bọn gái làng
chơi, lại có những bọn thanh niên du đảng, nam nữ ô hợp, thì lại mọc ra
những cửa hàng bán rượu thịt, bán thư họa, bán đồ cổ, bán ngọc thạch, lựa
là gấm vóc, khăn tay, túi đựng đồ trang sức, túi hương liệu, thuốc kích thích
xuân tình, dầu chải đầu, son phấn... Đã có những người buôn bán thì trộm
cắp như ruồi, vợ chồng con cái bọn vô lại đều tụ tập ở đây.

Vương Tùng Sự không biết, đã thuê một chiếc kiệu khiêng Kiều thị về nơi
ở. Phong tục của Lâm An xưa nay, dù là dân thường hay quan lại đều đi
kiệu mát, đó là loại kiệu không có rèm che. Ngay có rèm đi chăng nữa,

người ta cũng vén lên cho người ngoài nhìn thấy cũng chẳng ngượng ngùng gì. Vợ Vương Tùng Sự cũng đi loại kiệu mát không có rèm, Kiều thị là người xinh đẹp tuyệt vời đi kiệu tới nhà trọ. Ai ai nhìn thấy cũng tấm tắc khen ngợi:

- Không biết cô gái này ở đâu tới mà xinh đẹp đến thế.

Không ngờ chính vì nhan sắc tuyệt vời mà tai họa bỗng dưng ập tới. Đúng là:

*Thỏ chết vì lông quý,
Rùa chết vì mai thiêng.*

Vợ chồng Vương Tùng Sự vừa tới chỗ ở, thấy nơi đây không tốt thì trong lòng ngán ngấm. Đến tối khi kỹ nữ tiếp khách, kẻ uống rượu, người hát xướng; bên đông chơi trò phạt rượu, bên tây đánh bài; trên lầu chơi đàn, dưới hiên thổi sáo; âm ỉ nhốn nháo mãi tới tận đêm khuya mới yên. Vợ chồng Vương Tùng Sự thấy ở đây rất tồi tệ không yên tâm, bàn nhau dọn đi nơi khác. Mà cũng lạ thay, nhà cửa ở Lâm An chỉ đẹp mặt ngoài, còn bên trong chỉ ngăn gian bằng phen lau sậy trát vách, quét trang trí qua bằng lượt nước vôi. Cho nên nhà ở kề sách vách nhau không những chỉ nói với nhau một câu người ta cũng nghe thấy, mà ngay như đi đại tiểu tiện người ta cũng biết.

Chỗ ở của Vương Tùng Sự sát với một nhà chứa, thị là Lưu Trại, thường quan hệ với gã đồ tể Triệu Thành. Tên này vừa hung tợn vừa gian manh, quen thói xúi bẩy người khác kiện tụng. Ở sòng bạc hăn tha hồ bỏ túi, tại nha môn hăn tới từng người mua chuộc. Hăn còn kết giao với bọn vô lại, hô một tiếng là hàng trăm tên hưởng ứng. Hăn dùng mọi thủ đoạn cướp giật, lừa đảo dối trá, nuôi dưỡng trộm cướp, chứa chấp của gian, bức người khác phải đi vào con đường trộm cắp, chẳng từ một việc gì mà hăn không làm. Vì sợ nên Lưu Trại phải quan hệ với hăn, chứ hoàn toàn không phải là tự nguyện. Kiều thị đến nơi ở, Triệu Thành nhìn thấy đã có ý định đánh lừa. Bởi thế suốt mấy ngày liền hăn chỉ uống rượu tại nhà Lưu Trại để theo dõi

động tĩnh. Nào ngờ vợ chồng Vương Tùng Sự bàn nhau chuyển nơi ở, mặc dù nói khê, song Triệu Thành cũng lảng máng biết được. Hắn nghĩ: "Thằng ngu, mày ở nơi khác đến mà đã phân biệt sang với hèn, thật là đáng ghét. ở đây thì ngại gì mà mày dọn đi nơi khác. Ta phải xem hắn dọn đến đâu đã rồi sẽ xử trí". Đến khi Vương Tùng Sự đi tìm phòng, Triệu Thành bí mật theo dõi. Vì lúc đầu do vội vã nên tìm nhầm chỗ, lần này Vương Tùng Sự quyết phải tìm được nơi thật yên ắng tĩnh mịch. Mãi đến khi tới Tiền Đường mới tìm được chỗ ở vừa ý, sau đó lại tìm hiểu tỉ mỉ kỹ càng những nhà lảng giềng, thấy họ đều là những nhà buôn bán, lúc đó Vương Tùng Sự mới yên tâm thuê nhà, nói với vợ chọn ngày tốt dọn nhà. Những việc ấy Triệu Thành biết rất tường tận.

Tùng Sự không có con ở đi theo, mọi việc đều phải nhúng tay làm. Tới hôm chuyển nhà, Kiều thị thu xếp hòm xiểng, Vương Tùng Sự nói:

- Tôi cùng với phu khuân vác mang đi trước, rồi sẽ thuê kiệu đón nàng sau. Nói xong áp tải phu khuân vác mang hòm xiểng đi. Kiều thị đợi ở nhà chưa tới nửa giờ sau, thấy hai người đàn ông đến nói:

- Ông Vương bảo chúng con đến đón bà tới nhà mới ở Tiền Đường, kiệu đang chờ ngoài cửa.

Nghe xong Kiều thị lập tức đi ra, thấy một chiếc kiệu rèm vải Kiều thị lên kiệu, phu khiêng kiệu lập tức buông rèm rồi khiêng đi ngay.

Nàng cũng không biết đi được bao xa, tới cửa phu khiêng kiệu dừng lại, mở rèm, Kiều thị xuống kiệu bước vào nhà, chẳng thấy chồng đâu, chỉ thấy một tên gian manh lạ hoắc. Vốn là, khi Vương Tùng Sự dặn vợ, rồi mang đồ đạc đi trước, Triệu Thành ở gian bên nghe thấy bèn tương tế tựu kế, hắn đi thuê ngay hai người khiêng kiệu tới đánh lừa Kiều thị. Phong tục ở Lâm An xưa nay kiệu không buông rèm. Triệu Thành sợ Vương Tùng Sự trở về trông thấy sẽ bại lộ. Bởi thế buông rèm, rồi khiêng thẳng tới đây. Thấy những người này Kiều thị biết rằng đã có chuyện, sợ quá mặt tái mét như chàm đổ. Lập tức quay ngoắt lại gọi phu khiêng kiệu:

- Các người nói rằng nhà tôi bảo các anh đón tôi tới nhà mới, tại sao lại khiêng tôi tới đây? Hãy mau mau đưa tôi đi khỏi nơi này.

Bọn phu khiêng kiệu chẳng thèm trả lời, bỏ đi ngay. Triệu Thành gọi bọn đàn em, xốc nách đưa Kiều thị vào, nói:

- Chồng cô bảo chúng tôi ở đây coi rồi về ngay.

Kiều thị vừa yếu đuối, vừa sợ hãi, làm sao mà cưỡng nổi hai gã đàn ông này. Nàng bị chúng lôi vào nhà trong. Kiều thị kêu lên:

- Các người là ai mà lại vô lễ như thế. Chồng ta không phải là kẻ xoàng đâu, ông ấy là cống sĩ Hà Nam tới đây tham gia tuyển quan. Hãy mau mau đưa ta ra khỏi nơi này thì tất cả đều được bỏ qua. Nếu cứ chậm trễ thì ông ấy chẳng tha các người đâu.

- Xin cô đừng có nóng vội, - Triệu Thành nói, - hãy ở tạm đây vài hôm ta sẽ đưa đi.

- Nói càn, - Kiều thị nói, - ta là vợ người lương thiện, sao lại ở nhà người được?

Triệu Thành nhếch mép cười, cúi sát vào mặt Kiều thị nói:

- Em ơi, em người Hà Nam, anh người Lâm An, thật là duyên trời dun rui, sao em lại nói thế?

Kiều thị dùng dùng nổi giận, tát vào mặt hắn, chửi:

- Mày là tên kẻ cướp chết đâm chết chém! Đất nước đang thanh bình mày lại lừa dối đàn bà lương thiện, mày đáng khếp vào tội chết.

Triệu Thành bị đánh, nổi khùng nói:

- Mày là con giặc cái! Chẳng ai bệnh mày. Tao không nói khoác đâu, dù mày là tiểu thư, là bà lớn, đã vào tay tao thì có mà chạy đằng trời. Song rất tiếc mày là vợ một tên kiết xác, ta bắt chết phải chết, để sống được sống, xem có đứa nào dám làm gì được tao không?

Thấy thế Kiều thị nghĩ: "Mình đã rơi vào tay kẻ cướp, chồng lại không biết thì làm sao thoát được miệng hùm? Thôi thì cứ chết là xong". Rồi nói:

- Hóa ra người là tên giết người cướp của, thôi người hãy giết ngay ta đi.

- Nếu mày muốn chết, tao cũng không cho chết.

Đồng bọn nói:

- Ta nói thực với người, đã đến đây không thoát được đâu, hãy ngoan ngoãn nghe theo thì hơn.

Lúc ấy Kiều thị muốn đâm đầu xuống sông xuống ao cũng không sao được,

muốn treo cổ tự vẫn thì cũng bị bọn chúng coi chặt. Quả là muốn sống không được sống, muốn chết không được chết. Chẳng biết làm sao, Kiều thị nấc lên khóc nức nở. Khóc rồi lại chửi, chửi rồi lại khóc, đập đầu, dậm ngực, dậm chân, đầu tóc rối bù, ngay chiếc giày thêu ba tấc ba cũng bật tung ra.

Tại sao Triệu Thành bị đánh bị chửi như thế mà không hành hung. Chỉ vì hấn tham nàng kiều diễm, vốn rất muốn gian dâm, và cũng rất muốn bán nàng. Cho nên không dám giở trò hung ác mà chỉ ngấm ngấm toan tính. Hấn nói:

- Này các chú em, cứ mặc nó. Chờ khi ta chơi thả sức, nhất định sẽ cho nó một trận no đòn.

Một lát sau chúng mang cơm rượu đến, ăn uống trong tiếng khóc nghẹn ngào, nước nức của Kiều thị. ăn xong Triệu Thành đuổi bọn đàn em đi, gọi vợ là Hoa thị và các tì thiếp đến làm quen để đề phòng bất trắc. Triệu Thành có một vợ cả, hai vợ lẽ và bốn nàng hầu, tất cả bọn họ đều thay nhau tới khuyên nhủ Kiều thị. Chúng mang thau đồng đựng nước ấm cho Kiều thị rửa mặt. Kiều thị vẫn không nín. Hoa thị nói:

- Sắt sợ cho vào lò, người sợ rơi vào đòn, nay thì cô chẳng mọc cánh mà bay đi được, thôi thì cứ theo ông nhà tôi thôi.

- Theo sao được! Theo sao được. - Kiều thị gào lên.

- Thôi thì ngủ với ông ấy mấy đêm, - vợ hấn nói, - nếu như hầu hạ ông vừa lòng thì ông sẽ nhận cô làm vợ bé, cũng gọi là theo. Hoặc cho người khác làm vợ bé hay bán cho lâu xanh làm gái đứng cửa đón khách thì đó cũng gọi là theo. Thôi tùy cô muốn theo đường nào thì theo.

Kiều thị nghe xong giậm chân gào lên khóc, đầu tóc sổ tung, chiếc trâm vàng rơi xuống đất, Kiều thị vội vàng cầm lấy. Chiếc trâm này vốn là sính lễ của Vương Tùng Sự, trên đó có đề bốn chữ "Vương Kiều trăm năm", cho nên nàng cực kỳ yêu quý. Đang lúc bị ô nhục, nàng không nỡ bỏ đi. Lúc ấy Triệu Thành lại uống thêm mấy chén rượu, lửa dục ngùn ngụt bốc lên. Kiều thị tuy sầu thảm, mắt dầm lệ trông càng xinh đẹp, hấn không kìm nổi, xông tới ôm chặt Kiều thị hôn lên môi. Kiều thị phẫn nộ, tay đang cầm sẵn chiếc trâm, dậm ngay vào mặt trúng mắt phải Triệu Thành, sâu khoảng hơn một

tắc. Đau quá Triệu Thành không chịu nổi, vội cầm chặt lấy cổ tay Kiều thị lôi ra, chiếc trâm theo tay ra ngoài, máu vọt ra, hấn ngã gục xuống đất ngất đi. Tiếc thay cơn hứng tình vừa mới trào lên bỗng chốc tiêu tan, vợ cả, hai vợ lẽ và bốn gái hầu vội vàng gói tàn hương vào khăn tay rịt vào mắt cho Triệu Thành, rồi xúm vào, kẻ lôi người đánh Kiều thị, náo loạn cả lên. Triệu Thành thiếp đi một lúc lâu mới ránh chịu đau đớn, nói:

- Được được! Mày là đồ khốn nạn, không theo ta thì thôi lại còn đâm ta mù mắt. Mày không biết rằng mày làm mù mắt tao thì luật pháp của riêng tao cũng rất công bằng.

Rồi hấn gọi con hầu dìu hấn vào trong nhà nghỉ, và cho gọi thầy thuốc đến chữa trị. Bảo thê thiếp thay nhau coi giữ, không cho Kiều thị tự vẫn. Thorăng:

Chim ăn liền cánh ở bãi sông,

Tên bắn từ xa thật hãi hùng.

Giam hãm trong lồng sao thoát được,

Mịt mù thảm thiết tiếng lẻ loi.

Vương Tùng Sự áp tải đồ đạc đến nơi ở mới, quay trở lại thuê kiệu. Tới nơi ở cũ chỉ thấy cửa trong cửa ngoài mở toang hoác, không biết vợ đã đi đâu. Hỏi những người lân cận, họ đều nói không biết. Chỉ có Lưu Trại nói:

- Tôi vừa thấy một chiếc kiệu tới đón cô ấy đi, họ không phải là người của ông thì là ai.

Nghe nói thế Vương Tùng Sự chưa biết phải làm thế nào. Một là mình người nơi khác tới, không người quen biết; hai là một thân một mình biết tìm đâu bây giờ. Đi tìm hai ba ngày nên chẳng thấy, trong lòng uất hận không biết trút giận vào đâu. Vương Tùng Sự bèn đệ đơn kiện lên phủ Lâm An, ghi tên cả hai người ở sát vách vào đơn kiện. Hai nhà này, một người là Lưu Trại, một người họ Lam trạc sáu bảy, sáu tám, người Nam Tầm chuyên làm đậu phụ. Mọi người đều gọi ông là Lam Lão Nhi, hay Lam Đậu Phụ. Phủ doãn Lâm An cho gọi Lưu Trại và Lâm Đậu Phụ tới phủ đường thẩm

vấn, chẳng tìm ra vết tích gì. Một mặt cho điều tra truy tìm, một mặt bắt Lưu Trại, Lam Đậu Phụ phải cam đoan. Triệu Thành ở nhà chữa mắt, biết Lưu Trại bị kiện, hăn ngấm ngầm sai đồng bọn đảm bảo cho Lưu Trại. Lại dựa vào Lưu Trại đảm bảo cho Lam Đậu Phụ. Vương Tùng Sự đi kiện lần này chỉ mong tìm ra sự thực, nào ngờ đã bỏ vào đấy ít tiền mà vẫn không tìm ra, chẳng biết dựa dẫm vào đâu, Tùng Sự đành trở về nơi ở mới, tạm sống trong quán trọ, chờ ngày thi tuyển và dò la tin tức vợ. Thật là:

*Khác nào đáy biển mò kim,
Lênh đênh sóng vỗ biết tìm nơi đâu.*

Triệu Thành tuy bị mù một mắt song lòng dạ hăn vẫn như cũ. Hăn nghĩ rằng người đàn bà ấy là một người cứng rắn, chắc chẳng bao giờ theo mình, thôi thì hãy bán ngay cho chủ khác. Đúng lúc ấy có một vị tiến sĩ mới cũng họ Vương, tên là Tùng Cổ người huyện Ngô, phủ Bình Giang, mới được cất nhắc làm tri huyện Tây An, phủ Cù Châu. Vương Tùng Cổ trạc năm mươi tuổi, nhưng vẫn chưa có con, bởi thế ông muốn mua một người thiếp tại để đô Lâm An. Chỉ cần người đàn bà ấy dung nhan kiều diễm, có đức hạnh thì dù người ấy có tái giá ông cũng mua với giá cao mà không so đo tính toán. Triệu Thành quen buôn tranh bán cướp, lại có một gã cò mồi cũng quen thói buôn bán này, nghe thấy tin đó bèn báo cho Triệu Thành biết. Triệu Thành định bán cho người này song vẫn còn do dự, sợ Kiều thị không nghe. Hăn bảo vợ hỏi dò Kiều thị, vợ hăn nói dối rằng:

- Ngài tri huyện mới nhậm chức tại Tây An, vợ cả đã mất, tiếng là vợ lẽ nhưng thực ra là vợ cả. Cô không chịu theo ông nhà tôi thì cô lấy người ấy cũng vốn là bà lớn như xưa, há chẳng tốt lắm sao?

Kiều thị nghe xong cứ suy đi tính lại mãi: "Chị ta nói cũng có phần đúng. Ta hiện ở đây dầu có muốn chết cũng không chết được lại không được gặp mặt chồng, bao giờ vợ chồng mới được gặp nhau đây? Vợ chồng ta đang sống hạnh phúc bên nhau bỗng nhiên tên đạo tặc này làm cho đôi nơi cách trở, bị hăn làm nhục, mối thù này nếu không trả, thì dù có chết cũng không

sao nhắm mắt được!". Rồi sau đó Kiều thị lại nghĩ: "Đã đến nước này đành nhẫn nhục sống qua ngày đoạn tháng, dựa vào thời cơ để tạo ra thời cơ. Lấy người ấy để thoát khỏi nơi này, rồi sẽ tìm cách trả thù. Nghe thấy Lâm An và Tây An cách nhau không xa, chồng mình thế nào rồi cũng được làm quan. Nếu chàng thương ta vô cớ lâm nạn, sau này sẽ có ngày biết được tông tích, lúc ấy mình sẽ nói rõ sự thực đã bị cướp và bán đi thế nào, hoặc nếu như những kẻ sĩ nghĩ tới những bạn bè đèn sách thì chưa biết chừng vợ chồng sẽ được gặp nhau, và cũng chưa biết đâu ta sẽ trả được mối thù này. Song nếu mình bị chôn chân ở đây cũng chẳng biết đây là đâu và cũng chẳng biết tên cướp này là họ Trương hay họ Lý. Ta hoàn toàn chẳng nắm được gì". Nghĩ hồi lâu nàng cảm thấy xấu hổ, không dám đáp lời, nước mắt giàn giụa rơi lã chã, nàng gục xuống bàn khóc nức nở.

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 12 (B)

Kiều thị im lặng gục đầu khóc, Hoa thị chợt nhìn thấy chiếc trâm vàng bèn len lén rút lấy. Kiều thị biết được ngẩng đầu lên thì chiếc trâm đã nằm gọn trong tay Hoa thị. Kiều thị vội vàng cướp lấy thì người đàn bà kia đã vụt bỏ chạy. Kiều thị mất chiếc trâm, gào lên khóc, nghĩ: "Đây là vật sinh lễ của chồng, là vật báu ta đã dùng đâm kẻ cướp để cứu mình, nay rơi vào tay người khác, chắc vợ chồng sau này sẽ không được gặp nhau nữa". Nàng chỉ muốn chết đi cho rảnh chứ không muốn lấy người khác, nàng khóc như mưa như gió rồi mê man thiếp đi. Nàng mơ thấy một con ba ba lớn bò đến bên mình. Trước đây Kiều thị thường hay làm thịt ba ba, thấy con ba ba lớn nàng bèn cầm một con dao làm thịt. Con ba ba vươn cổ cất đầu lên, sợ quá Kiều thị rút tay lại. Kiều thị nhớ tới chiếc trâm cài trên đầu, cũng không biết làm sao chiếc trâm lại đang ở trong tay mình, nàng ném chiếc trâm ấy vào con ba ba, song thấy tiếc bèn chạy theo nhặt lấy, thì không thấy chiếc trâm đâu cả. Tìm khắp nơi, chỉ thấy con ba ba ấy vươn cổ cất đầu lên nói: "Bà Kiều, bà Kiều ơi! Bà đừng thương tôi làm gì, hãy giết thịt tôi rồi nấu ngay đi. Bà đừng tiếc chiếc trâm làm gì. Tìm thấy cũng tốt mà không tìm thấy cũng thôi. Bà đừng nghĩ đến chồng nữa, ông Vương này không dứt được, mà ông Vương kia cũng không bỏ được". Thấy ba ba nói, Kiều thị rất lạ, dùng dao chặt vào người nó, song bị nó cắn chặt lấy cổ tay, đau đớn không sao chịu nổi, rồi tỉnh giấc. Kiều thị nghĩ: "Thường ngày chồng mình thích ăn ba ba, mình thường hầm thịt ba ba cho anh ấy, nhất định là do mình sát sinh quá nhiều nên nay đến nỗi vợ chồng phải chia lìa đôi ngả, âu cũng là do quả báo chăng?"

Đang nghĩ ngợi như thế thì Hoa thị đến hỏi:

- Có bằng lòng hay không thì nói ra, đừng làm lỡ việc người ta.

Không còn cách nào khác Kiều thị đành miễn cưỡng nghe theo. Triệu

Thành lại nghĩ: "Con mẹ này rất ghê, nếu tới đó nó cứ tuồn tuột nói hết ra, mà quan lại họ bảo vệ nhau, đột nhiên trở mặt, đến hỏi tội ta thì quả là nguy hiểm. Vậy không thể cho họ biết được tung tích của mình". Rồi hăn dặn kẻ môi giới chỉ nói mình là người họ Hồ. Bọn này đều là kẻ cùng hội cùng thuyền, chúng hiểu ý nhau. Tên môi đến thuyền Vương Tri huyện, hẹn ngày mai tri huyện đích thân tới xem mắt. Triệu Thành đến một nơi vắng vẻ thuê một chỗ ở, đưa Kiều thị và vợ tới đó. Đến trưa hôm sau, Vương Tùng Cổ và người mối tới, nhìn kỹ Kiều thị, thấy nàng có nhan sắc, đáng vẻ lại kiều diễm ông rất vừa ý, rồi đi ngay. Lát sau người mối dẫn đến mười người, đưa ba mươi vạn đồng sính lễ. Việc đã đến nước này, Kiều thị đành phải chài đầu, ngậm hôn nuốt tui lên kiệu. Tuy không phải chết vì thủ tiết, mà lại có mối lái cười xin hăn hoi, điều ấy còn hơn là chết dần chết mòn ở nhà Triệu Thành. Cũng cần biết rằng Kiều thị lấy người khác cũng là thất tiết. Song nếu ở nhà Triệu Thành thì luôn luôn bị coi giữ chặt chẽ, muốn chết cũng không chết được. Nhưng tới đây còn có thể nghĩ cách để báo thù. Giả dụ như chết thật thì sau này vợ chồng sao được gặp nhau mà trả thù rửa hận? Thuở ấy có người đã làm một bài thơ tứ tuyệt, nói về Kiều thị bị bắt, song biết tòng quyền, đó là điều rất đúng. Bài thơ như sau:

*Ở tạm Lâm An được mấy ngày,
Tự nhiên mưa gió phải rời ngay.
Đông không ở được sang tây ở,
Khi đến được đông trắng về tây.*

Kiều thị lên kiệu, ra khỏi thành Lâm An, Vương Tùng Cổ ép thuyền vào bến đò. Kiều thị lên thuyền và họ trở thành vợ chồng. Vương Tùng Cổ vốn muốn lấy thiếp để mong được đứa con, vì thấy Kiều thị là người nhan sắc nên khi chẵn gối không thể tránh khỏi quá độ. Kiều thị vốn là người biết thi thư lễ nhạc bỗng chốc bị cưỡng đoạt, cảm thấy vô cùng xấu hổ. Mỗi khi bị Vương Tùng Cổ hỏi, nàng chỉ miễn cưỡng ậm ừ chứ thực ra chẳng vui thú gì. Vương Tùng Cổ nghĩ rằng đó chỉ là sự e thẹn ban đầu, chứ có ngờ đâu trong lòng Kiều thị đang ngổn ngang trăm mối, không thể chiều theo ý

Vương Tùng Cổ được. Đã cưới được thiếp rồi, Vương Tùng Cổ bèn nhổ neo, qua Đồng Lô, Phú Dương, đi thẳng tới Tam Cù. Vì sao gọi là Tam Cù? Vì xưa kia trận lũ đột ngột xảy ra, chia thành ba dòng nên gọi là Tam Cù. Vùng Tam Cù thuộc địa phận Ngưu Nử. Thời Xuân Thu thuộc đất Bỉ Cô Miệt Việt Tây; thời Tần gọi là Thái Mạt; thời Đông Hán gọi là Tân An; thời Tùy gọi là Tam Cù; thời Đường gọi là Cù Châu, tới triều Tống vì phủ Cù Châu có thành nên Tây An là huyện đứng đầu. Vương Tùng Cổ đến nhậm chức tại Tây An, sau khi tới yết kiến các cấp trên, ông bắt tay giải quyết những việc dân sự. Tất cả những việc tranh chấp về tiền thóc, hôn nhân, ruộng đất... ông đều giải quyết có tình có lý và quét sạch những tên độc ác, gian trá sâu mọt, minh oan cho những người dân vô tội. Bởi thế được muôn dân cảm phục, tôn ông là bậc thánh nhân. Ông là người thanh liêm, không tư hào đến của dân. Cuộc sống của người dân huyện Tây An trở nên bình yên. Đúng là:

*Đồng xanh mưa tạnh người cày ruộng
Làng hoa trắng sáng bé ngủ say.*

Vương Tùng Cổ người làm nên sự nghiệp vào tuổi trung niên. Khi lên đường, Vương Tùng Cổ định mang theo vợ là An thị tới nhậm sở, An thị nói:

- Tôi và ông đều đã gần năm mươi mà chưa có con cái. Thầy thuốc bảo đàn bà đến bốn chín tuổi đã tắt kinh thì không còn sinh nở được nữa, đời ông hãy còn dài, thôi thì cứ cưới thêm một người thiếp nữa, kiếm đứa con để hương khói sau này. Ông cứ đi một mình, còn tôi xin tình nguyện ở nhà ăn chay niệm Phật.

Bởi thế Vương Tùng Cổ đến Lâm An cưới thiếp rồi mới tới nhậm Sở. Trong nha môn người bạn thân thiết nhất của Vương Tùng Cổ chỉ có Kiều thị. Ai ngờ Kiều thị lại nhớ người chồng cũ lúc nào cũng canh cánh khôn nguôi. Thời gian trôi đi rất nhanh, thoáng cái mà đã hai năm. Một hôm đúng vào tết trung thu vầng trăng tròn vành vạnh sáng vằng vặc trên bầu

trời, Vương Tùng Cổ trong thư phòng, đốt hương ngấm trắng uống trà, Kiều thị ngồi hầu bên cạnh, ông chợt thấy bóng cây ngô đồng in lên hòn non bộ Thái Hồ. Trời về đêm se se lạnh, vắng vẻ điều hiu, tiếng chim hạc cô đơn lẻ loi trên không trung, tiếng dế rí rỉ kêu không dứt dưới thảm cỏ ẩm sương đêm. Tuy là dinh quan, song ngay nơi chùa chiền cũng chẳng vắng vẻ tịch mịch đến nhường này. Nhân lúc thư nhàn Vương Tùng Cổ hỏi Kiều thị:

- Từ ngày nàng theo ta tới nay mới thoảng mà đã hai năm, song không hiểu vì sao chưa từng thấy nàng tươi tỉnh bao giờ.

- Phàm người ta vui buồn đều có nguyên do, - Kiều thị nói, - người buồn cảnh có vui đâu bao giờ. Có gượng gạo mà vui hay buồn cũng không được. Thấy Kiều thị nói mập mờ, Vương Tùng Cổ bèn nói:

- Ta thấy nàng là người đức hạnh, tài năng, ta cũng không đối xử với nàng như một người vợ lẽ. Tại sao nàng không nói thực với ta?

- Người đàn bà thất tiết thì còn tốt nỗi gì? - Kiều thị nói.

- Thiếp vô cùng cảm ơn quan đã đối xử tốt với thiếp.

- Thiếp là người Biện Lương phải bước đi bước nữa, thế thì chồng trước của thiếp còn sống hay đã mất, tại sao lại đến Lâm An ở tại nhà họ Hồ?

- Thế ra người bán thiếp là họ Hồ ư?

Thấy thế Vương Tùng Cổ kinh ngạc nói:

- Nàng ở nhà ông ta tại sao lại không biết ông ta là họ Hồ? Chồng nàng là người thế nào?

- Thiếp đã bị người ta bán, nói ra thì bôi nhọ anh ấy, song không thể không nói. Huống hồ đã xa nhau hơn hai năm nay, chết cũng vô ích mà sống cũng vô ích.

Nói xong Kiều thị giàn giụa nước mắt, nghẹn ngào nức nở. Thấy Kiều thị khổ đau sâu thẳm Vương Tùng Cổ cảm thấy ngay cả người vợ lẽ mình mua về cũng trở nên vô nghĩa. Ông buồn rầu rồi ngủ thiếp đi. Thấy ông đã ngủ say, Kiều thị bèn đề một bài thơ lên tường:

Nhỏ nhoi con ốc chẳng đáng bàn,

*Tự nhiên tất bật tới Lâm An,
Cớ sao không phải anh em ruột,
Mà họ và tên lại rất gần.*

Đề thơ xong Kiều thị đi ngủ. Sáng hôm sau Vương Tùng Cổ tới thư phòng, thấy bài thơ, biết là Kiều thị làm. Vương Tùng Cổ ngẫm nghĩ: "Con ốc sên nhỏ nhoi, chắc là nói chồng nàng là người đi cầu danh lợi, đến Lâm An thì thất lạc. Điều đó không cần phải nói, song hai câu sau ta cho rằng đó là lời nói bóng gió về họ tên chồng, buộc ta phải tìm ra. Bỗng chốc ta làm sao mà nghĩ ra được?". Vương Tùng Cổ đang lăm bẫm một mình thì Kiều thị mang trà tới Vương Tùng Cổ nói:

- Ý bài thơ của nàng ta đã hiểu, nếu sau này dò tìm được người chồng trước của nàng thì trăng khuyết sẽ lại tròn.

Thấy thế Kiều thị vội quỳ xuống lạy:

- Thiếp cầu mong ông trăm năm phú quý, con cháu đầy đàn.

Kiều thị vui hẳn lên, mặt mày rạng rỡ, hơn hai năm nay chưa bao giờ Kiều thị vui như thế. Vương Tùng Cổ gật đầu cảm phục vì nàng không quên người chồng cũ.

Hơn một năm nữa lại qua đi, một hôm đang làm việc thì có một thầy tướng vào báo:

- Giáo thụ mới tới học phủ, vào bái kiến.

Vương Tùng Cổ thấy ông là người Biện Châu, trạc hai mươi tám tuổi. Xuất thân từ cổng sinh, lúc đầu làm huấn đạo Hồ Châu, rồi được thăng chức giáo thụ. Ông họ Vương, tên Tùng Sự. Thấy tên ông không khác tên mình là mấy bèn nghĩ tới câu thơ của Kiều thị: "Cớ sao không phải anh em ruột mà họ và tên lại rất gần". Vương Tùng Cổ cứ trầm ngâm suy nghĩ, vậy thì chồng nàng là người này chăng? Ta hãy bình tĩnh xem xem có đúng không. Thế rồi ông ra nhà khách tiếp giáo thụ. Sau cuộc gặp này hai người thường đi lại với nhau, khi thì bàn việc công, khi thì hỏi han tới việc riêng. Dần dà họ trở nên thân thiết. Một là giữa chủ và khách không còn e ngại, hai là những người trí thức gặp nhau, chuyện trò rất tương đắc, cùng nhau nhâm

nhì đôi chén rượu là chuyện bình thường. Thoáng cái đã hai năm trôi qua. Phía nam thành Cù Châu có núi Lạn Kha, nghe nói đó là động tiên thứ tám ở Thanh Hà. Vương Chất, một lão tiều phu thời Tấn, vào núi chặt củi, thấy hai cậu bé đang đánh cờ, Vương Chất đặt rìu xuống xem. Ván cờ chưa xong thì cán rìu của Vương Chất đã mục, cho nên gọi núi ấy là Lạn Kha sơn (núi cán rìu mục). Vì có dấu vết tiên, nên mọi người đều muốn đến nơi này du ngoạn. Vào một buổi sáng mùa xuân, Vương Tùng Sự chuẩn bị sẵn rượu và thức nhắm, sai người mang thư tới huyện mời Vương Tri huyện tới núi Lạn Kha ngắm hoa mai. Vương Tùng Sự lập tức nghỉ việc lên kiệu đi ngay. Vương Tùng Sự còn mời ngài Diệp huấn đạo cùng tới tiếp khách. Diệp tiên sinh có tên kép là Lâm Xuân, người huyện Lạc Thanh. Ba vị đều ăn mặc thường phục, đi giày trắng tất trắng tay cầm tay thanh thần trèo lên núi, trải chiếu xuống đất ngồi uống rượu ngắm hoa. Hôm ấy trời quang đãng ấm áp, gió nhè nhẹ thổi. Mỗi cơn gió thoảng qua những cánh hoa lại rơi lả tả đậu trên vai áo hoặc bay vào chén rượu. Vương Tri huyện nói:

- Cảnh đẹp thế này chúng ta không thể phụ lòng, mỗi người dùng một vắn, tức cảnh đề thi, để ghi lại cảm hứng vui sướng hôm nay.
- Như thế thì tuyệt vời, - Vương giáo thụ nói.

Thế rồi Vương Tùng Sự đưa cuốn *Vận thi* cho Vương Tri huyện, tri huyện cầm lấy, tiện tay mở một vắn, đó là chữ "hồ". Tri huyện lại đưa cho Vương giáo thụ. Giáo thụ lại đưa cho Diệp huấn đạo. Diệp huấn đạo mở được chữ "tiên". Cuối cùng tới Vương giáo thụ mở được một vắn lại là chữ "thê", bỗng nét mặt Vương giáo thụ trở nên buồn rầu. Vả lại đề mục là chơi núi ngắm hoa, không dùng được chữ "thê", phải chăng đây là một vắn hiểm, hơn nữa ông lại là người không vợ con, đột nhiên nghĩ về mình mà thương cảm. Ngài tri huyện và huấn đạo làm sao mà hiểu được nỗi lòng ấy. Vương Tri huyện cầm chén rượu trên tay, ngâm nga bài thơ mình vừa làm ra:

*Núi xuân mai nở tràn thi hứng,
Chim đậu cành cây gọi rượu bầu.
Nếu không giai cú đến Kim Cốc,*

Ấy lũ Cao Dương bợm rượu xưa.

Diệp huấn đạo cũng đọc tiếp bài thơ của mình:

Mua được cảnh tiên chẳng mất tiền,

Hoa mai tinh khiết vẻ tự nhiên

Ngắt về không tặng Giang Nam khách

Mà tặng nàng tiên núi Cô Sơn.

Vương giáo thụ cầm vắn trong tay mà vẫn chưa nghĩ ra thơ, nước mắt trào ra. Vương Tri huyện nói:

- Chính tiên sinh khơi ra cuộc du ngoạn này, tại sao lại không hứng thú nữa?

- Tôi đột nhiên bị cảm lạnh, - Vương giáo thụ nói, - bụng đau nhói cho nên thi hứng không đến, theo lệ phải phạt vì làm chậm.

Kiều thị im lặng gục đầu khóc, Hoa thị chợt nhìn thấy chiếc trâm vàng bèn len lén rút lấy. Kiều thị biết được ngẩng đầu lên thì chiếc trâm đã nằm gọn trong tay Hoa thị. Kiều thị vội vàng cướp lấy thì người đàn bà kia đã vụt bỏ chạy. Kiều thị mất chiếc trâm, gào lên khóc, nghĩ: "Đây là vật sính lễ của chồng, là vật báu ta đã dùng đâm kẻ cướp để cứu mình, nay rơi vào tay người khác, chắc vợ chồng sau này sẽ không được gặp nhau nữa". Nàng chỉ muốn chết đi cho rảnh chứ không muốn lấy người khác, nàng khóc như mưa như gió rồi mê man thiếp đi. Nàng mơ thấy một con ba ba lớn bò đến bên mình. Trước đây Kiều thị thường hay làm thịt ba ba, thấy con ba ba lớn nàng bèn cầm một con dao làm thịt. Con ba ba vươn cổ cất đầu lên, sợ quá Kiều thị rút tay lại. Kiều thị nhớ tới chiếc trâm cài trên đầu, cũng không biết làm sao chiếc trâm lại đang ở trong tay mình, nàng ném chiếc trâm ấy vào con ba ba, song thấy tiếc bèn chạy theo nhặt lấy, thì không thấy chiếc trâm đâu cả. Tìm khắp nơi, chỉ thấy con ba ba ấy vươn cổ cất đầu lên nói: "Bà Kiều, bà Kiều ơi! Bà đừng thương tôi làm gì, hãy giết thịt tôi rồi nấu ngay đi. Bà đừng tiếc chiếc trâm làm gì. Tìm thấy cũng tốt mà không tìm thấy cũng thôi. Bà đừng nghĩ đến chồng nữa, ông Vương này không dứt được, mà ông Vương kia cũng không bỏ được". Thấy ba ba nói, Kiều thị rất

lạ, dùng dao chặt vào người nó, song bị nó cắn chặt lấy cổ tay, đau đớn không sao chịu nổi, rồi tỉnh giấc. Kiều thị nghĩ: "Thường ngày chồng mình thích ăn ba ba, mình thường hầm thịt ba ba cho anh ấy, nhất định là do mình sát sinh quá nhiều nên nay đến nỗi vợ chồng phải chia lìa đôi ngả, âu cũng là do quả báo chăng?"

Đang nghĩ ngợi như thế thì Hoa thị đến hỏi:

- Có bằng lòng hay không thì nói ra, đừng làm lỡ việc người ta.

Không còn cách nào khác Kiều thị đành miễn cưỡng nghe theo. Triệu Thành lại nghĩ: "Con mẹ này rất ghê, nếu tới đó nó cứ tuồn tuột nói hết ra, mà quan lại họ bảo vệ nhau, đột nhiên trở mặt, đến hỏi tội ta thì quả là nguy hiểm. Vậy không thể cho họ biết được tung tích của mình". Rồi hăn dặn kẻ môi giới chỉ nói mình là người họ Hồ. Bọn này đều là kẻ cùng hội cùng thuyền, chúng hiểu ý nhau. Tên môi đến thuyền Vương Tri huyện, hẹn ngày mai tri huyện đích thân tới xem mắt. Triệu Thành đến một nơi vắng vẻ thuê một chỗ ở, đưa Kiều thị và vợ tới đó. Đến trưa hôm sau, Vương Tùng Cổ và người mối tới, nhìn kỹ Kiều thị, thấy nàng có nhan sắc, đáng vẻ lại kiều diễm ông rất vừa ý, rồi đi ngay. Lát sau người mối dẫn đến mười người, đưa ba mươi vạn đồng sính lễ. Việc đã đến nước này, Kiều thị đành phải chài đầu, ngậm hờn nuốt tủi lên kiệu. Tuy không phải chết vì thủ tiết, mà lại có mối lái cười xin hăn hoi, điều ấy còn hơn là chết dần chết mòn ở nhà Triệu Thành. Cũng cần biết rằng Kiều thị lấy người khác cũng là thất tiết. Song nếu ở nhà Triệu Thành thì luôn luôn bị coi giữ chặt chẽ, muốn chết cũng không chết được. Nhưng tới đây còn có thể nghĩ cách để báo thù. Giả dụ như chết thật thì sau này vợ chồng sao được gặp nhau mà trả thù rửa hận? Thuở ấy có người đã làm một bài thơ tứ tuyệt, nói về Kiều thị bị bắt, song biết tòng quyền, đó là điều rất đúng. Bài thơ như sau:

*Ở tạm Lâm An được mấy ngày,
Tự nhiên mưa gió phải rời ngay.
Đông không ở được sang tây ở,
Khi đến được đông trăng về tây.*

Kiều thị lên kiệu, ra khỏi thành Lâm An, Vương Tùng Cổ ép thuyền vào bến đò. Kiều thị lên thuyền và họ trở thành vợ chồng. Vương Tùng Cổ vốn muốn lấy thiếp để mong được đũa con, vì thấy Kiều thị là người nhan sắc nên khi chẵn gối không thể tránh khỏi quá độ. Kiều thị vốn là người biết thi thư lễ nhạc bỗng chốc bị cưỡng đoạt, cảm thấy vô cùng xấu hổ. Mỗi khi bị Vương Tùng Cổ hỏi, nàng chỉ miễn cưỡng ậm ừ chứ thực ra chẳng vui thú gì. Vương Tùng Cổ nghĩ rằng đó chỉ là sự e thẹn ban đầu, chứ có ngờ đâu trong lòng Kiều thị đang ngổn ngang trăm mối, không thể chiều theo ý Vương Tùng Cổ được. Đã cưới được thiếp rồi, Vương Tùng Cổ bèn nhổ neo, qua Đồng Lô, Phú Dương, đi thẳng tới Tam Cù. Vì sao gọi là Tam Cù? Vì xưa kia trận lũ đột ngột xảy ra, chia thành ba dòng nên gọi là Tam Cù. Vùng Tam Cù thuộc địa phận Ngưu Nử. Thời Xuân Thu thuộc đất Bỉ Cô Miệt Việt Tây; thời Tần gọi là Thái Mạt; thời Đông Hán gọi là Tân An; thời Tùy gọi là Tam Cù; thời Đường gọi là Cù Châu, tới triều Tống vì phủ Cù Châu có thành nên Tây An là huyện đứng đầu. Vương Tùng Cổ đến nhậm chức tại Tây An, sau khi tới yết kiến các cấp trên, ông bắt tay giải quyết những việc dân sự. Tất cả những việc tranh chấp về tiền thóc, hôn nhân, ruộng đất... ông đều giải quyết có tình có lý và quét sạch những tên độc ác, gian trá sâu mọt, minh oan cho những người dân vô tội. Bởi thế được muôn dân cảm phục, tôn ông là bậc thánh nhân. Ông là người thanh liêm, không tư hào đến của dân. Cuộc sống của người dân huyện Tây An trở nên bình yên. Đúng là:

*Đồng xanh mưa tạnh người cày ruộng
Làng hoa trắng sáng bé ngủ say.*

Vương Tùng Cổ người làm nên sự nghiệp vào tuổi trung niên. Khi lên đường, Vương Tùng Cổ định mang theo vợ là An thị tới nhậm sở, An thị

nói:

- Tôi và ông đều đã gần năm mươi mà chưa có con cái. Thầy thuốc bảo đàn bà đến bốn chín tuổi đã tắt kinh thì không còn sinh nở được nữa, đời ông hãy còn dài, thôi thì cứ cưới thêm một người thiếp nữa, kiếm đứa con để hương khói sau này. Ông cứ đi một mình, còn tôi xin tình nguyện ở nhà ăn chay niệm Phật.

Bởi thế Vương Tùng Cổ đến Lâm An cưới thiếp rồi mới tới nhiệm Sở. Trong nha môn người bạn thân thiết nhất của Vương Tùng Cổ chỉ có Kiều thị. Ai ngờ Kiều thị lại nhớ người chồng cũ lúc nào cũng canh cánh khôn nguôi. Thời gian trôi đi rất nhanh, thoáng cái mà đã hai năm. Một hôm đúng vào tết trung thu vàng trăng tròn vành vạnh sáng vằng vặc trên bầu trời, Vương Tùng Cổ trong thư phòng, đốt hương ngấm trăng uống trà, Kiều thị ngồi hầu bên cạnh, ông chợt thấy bóng cây ngô đồng in lên hòn non bộ Thái Hồ. Trời về đêm se se lạnh, vắng vẻ đìu hiu, tiếng chim hạc cô đơn lẻ loi trên không trung, tiếng dế rí rí kêu không dứt dưới thảm cỏ đầm sương đêm. Tuy là dinh quan, song ngay nơi chùa chiền cũng chẳng vắng vẻ tịch mịch đến nhường này. Nhân lúc thư nhàn Vương Tùng Cổ hỏi Kiều thị:

- Từ ngày nàng theo ta tới nay mới thoáng mà đã hai năm, song không hiểu vì sao chưa từng thấy nàng tươi tỉnh bao giờ.

- Phàm người ta vui buồn đều có nguyên do, - Kiều thị nói, - người buồn cảnh có vui đâu bao giờ. Có gượng gạo mà vui hay buồn cũng không được. Thấy Kiều thị nói mập mờ, Vương Tùng Cổ bèn nói:

- Ta thấy nàng là người đức hạnh, tài năng, ta cũng không đối xử với nàng như một người vợ lẽ. Tại sao nàng không nói thực với ta?

- Người đàn bà thất tiết thì còn tốt nỗi gì? - Kiều thị nói.

- Thiếp vô cùng cảm ơn quan đã đối xử tốt với thiếp.

- Thiếp là người Biện Lương phải bước đi bước nữa, thế thì chồng trước của thiếp còn sống hay đã mất, tại sao lại đến Lâm An ở tại nhà họ Hồ?

- Thế ra người bán thiếp là họ Hồ ư?

Thấy thế Vương Tùng Cổ kinh ngạc nói:

- Nàng ở nhà ông ta tại sao lại không biết ông ta là họ Hồ? Chồng nàng là người thế nào?

- Thiếp đã bị người ta bán, nói ra thì bôi nhọ anh ấy, song không thể không nói. Huống hồ đã xa nhau hơn hai năm nay, chết cũng vô ích mà sống cũng vô ích.

Nói xong Kiều thị giàn giụa nước mắt, nghẹn ngào nức nở. Thấy Kiều thị khổ đau sầu thảm Vương Tùng Cổ cảm thấy ngay cả người vợ lẽ mình mua về cũng trở nên vô nghĩa. Ông buồn rầu rồi ngủ thiếp đi. Thấy ông đã ngủ say, Kiều thị bèn đề một bài thơ lên tường:

*Nhỏ nhoi con ốc chẳng đáng bàn,
Tự nhiên tất bật tới Lâm An,
Cớ sao không phải anh em ruột,
Mà họ và tên lại rất gần.*

Đề thơ xong Kiều thị đi ngủ. Sáng hôm sau Vương Tùng Cổ tới thư phòng, thấy bài thơ, biết là Kiều thị làm. Vương Tùng Cổ ngẫm nghĩ: "Con ốc sên nhỏ nhoi, chắc là nói chồng nàng là người đi cầu danh lợi, đến Lâm An thì thất lạc. Điều đó không cần phải nói, song hai câu sau ta cho rằng đó là lời nói bóng gió về họ tên chồng, buộc ta phải tìm ra. Bỗng chốc ta làm sao mà nghĩ ra được?". Vương Tùng Cổ đang lăm bẫm một mình thì Kiều thị mang trà tới Vương Tùng Cổ nói:

- Ý bài thơ của nàng ta đã hiểu, nếu sau này dò tìm được người chồng trước của nàng thì trăng khuyết sẽ lại tròn.

Thấy thế Kiều thị vội quỳ xuống lạy:

- Thiếp cầu mong ông trăm năm phú quý, con cháu đầy đàn.

Kiều thị vui hẳn lên, mặt mày rạng rỡ, hơn hai năm nay chưa bao giờ Kiều

thị vui như thế. Vương Tùng Cổ gật đầu cảm phục vì nàng không quên người chồng cũ.

Hơn một năm nữa lại qua đi, một hôm đang làm việc thì có một thầy tướng vào báo:

- Giáo thụ mới tới học phủ, vào bái kiến.

Vương Tùng Cổ thấy ông là người Biện Châu, trạc hai mươi tám tuổi. Xuất thân từ cổng sinh, lúc đầu làm huấn đạo Hồ Châu, rồi được thăng chức giáo thụ. Ông họ Vương, tên Tùng Sự. Thấy tên ông không khác tên mình là mấy bèn nghĩ tới câu thơ của Kiều thị: "Cớ sao không phải anh em ruột mà họ và tên lại rất gần". Vương Tùng Cổ cứ trầm ngâm suy nghĩ, vậy thì chồng nàng là người này chăng? Ta hãy bình tĩnh xem xem có đúng không. Thế rồi ông ra nhà khách tiếp giáo thụ. Sau cuộc gặp này hai người thường đi lại với nhau, khi thì bàn việc công, khi thì hỏi han tới việc riêng. Dần dà họ trở nên thân thiết. Một là giữa chủ và khách không còn e ngại, hai là những người trí thức gặp nhau, chuyện trò rất tương đắc, cùng nhau nhâm nhi đôi chén rượu là chuyện bình thường. Thoáng cái đã hai năm trôi qua. Phía nam thành Cù Châu có núi Lạn Kha, nghe nói đó là động tiên thứ tám ở Thanh Hà. Vương Chất, một lão tiều phu thời Tấn, vào núi chặt củi, thấy hai cậu bé đang đánh cờ, Vương Chất đặt rìu xuống xem. Ván cờ chưa xong thì cán rìu của Vương Chất đã mục, cho nên gọi núi ấy là Lạn Kha sơn (núi cán rìu mục). Vì có dấu vết tiên, nên mọi người đều muốn đến nơi này du ngoạn. Vào một buổi sáng mùa xuân, Vương Tùng Sự chuẩn bị sẵn rượu và thức nhắm, sai người mang thư tới huyện mời Vương Tri huyện tới núi Lạn Kha ngắm hoa mai. Vương Tùng Cổ lập tức nghỉ việc lên kiệu đi ngay. Vương Tùng Sự còn mời ngài Diệp huấn đạo cùng tới tiếp khách. Diệp tiên sinh có tên kép là Lâm Xuân, người huyện Lạc Thanh. Ba vị đều ăn mặc thường phục, đi giày trắng tất trắng tay cầm tay thanh thần trèo lên núi, trải chiếu xuống đất ngồi uống rượu ngắm hoa. Hôm ấy trời quang đãng ấm áp, gió nhẹ thổi. Mỗi cơn gió thoảng qua những cánh hoa lại rơi lả tả đậu trên vai áo hoặc bay vào chén rượu. Vương Tri huyện nói:

- Cảnh đẹp thế này chúng ta không thể phụ lòng, mỗi người dùng một văn, tức cảnh đề thi, để ghi lại cảm hứng vui sướng hôm nay.
- Như thế thì tuyệt vời, - Vương giáo thụ nói.

Thế rồi Vương Tùng Sự đưa cuốn *Vận thi* cho Vương Tri huyện, tri huyện cầm lấy, tiện tay mở một văn, đó là chữ "hồ". Tri huyện lại đưa cho Vương giáo thụ. Giáo thụ lại đưa cho Diệp huấn đạo. Diệp huấn đạo mở được chữ "tiên". Cuối cùng tới Vương giáo thụ mở được một văn lại là chữ "thê", bỗng nét mặt Vương giáo thụ trở nên buồn rầu. Vả lại đề mục là chơi núi ngắm hoa, không dùng được chữ "thê", phải chăng đây là một văn hiểm, hơn nữa ông lại là người không vợ con, đột nhiên nghĩ về mình mà thương cảm. Ngài tri huyện và huấn đạo làm sao mà hiểu được nỗi lòng ấy. Vương Tri huyện cầm chén rượu trên tay, ngâm nga bài thơ mình vừa làm ra:

*Núi xuân mai nở tràn thi hứng,
Chim đậu cành cây gọi rượu bầu.
Nếu không giai cú đến Kim Cốc,
Ấy lũ Cao Dương bợm rượu xưa.
Diệp huấn đạo cũng đọc tiếp bài thơ của mình:
Mua được cảnh tiên chẳng mất tiền,
Hoa mai tinh khiết vẻ tự nhiên
Ngắt về không tặng Giang Nam khách
Mà tặng nàng tiên núi Cô Sơn.*

Wương giáo thụ cầm văn trong tay mà vẫn chưa nghĩ ra thơ, nước mắt trào ra. Vương Tri huyện nói:

- Chính tiên sinh khơi ra cuộc du ngoạn này, tại sao lại không hứng thú nữa?

- Tôi đột nhiên bị cảm lạnh, - Vương giáo thụ nói, - bụng đau nhói cho nên thi hứng không đến, theo lệ phải phạt vì làm chậm.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 12 (C)

Cả một đời Triệu Thành được lợi, chỉ có lần quan hệ này chịu thiệt mà không biết. Chu Huyền theo Triệu Thành tới khắp mọi nơi, hết quán rượu này đến nhà chứa khác, hết sòng bạc này đến sòng bạc kia, không chỗ nào là chúng không thông thuộc. Dần dần Chu Huyền thành kẻ chơi bởi du đàng không sòng bạc nào, không nhà chứa nào là hẳn không đến. Ngay những vật mà vợ Triệu Thành tặng hẳn cũng tiêu xài hết. Lưu Trại ở Bao Kiếm Doanh Tiền, cũng bỏ số vốn kiếm được mua gái làng chơi về tiếp khách. Mụ trở thành tú bà, quản gia và luôn thể hái hoa thưởng nguyệt. Chu Huyền thường lui tới đây. Đinh Kỳ là khách buôn bán vải vóc người Gia Hưng, đến nhà Lưu Trại chơi gái rồi quen Chu Huyền. Lưu Trại dụ dỗ bọn đánh bạc. Đinh Kỳ là một con bạc lọc lõi, Chu Huyền là một đứa mới chơi tập tọng, chỉ có mấy ván đã cháy túi, ngay cả chiếc trâm vàng mà Hoa thị tặng cũng không còn. Lúc ấy vào khoảng tháng Năm không ai chút khăn, nhận được trâm Đinh Kỳ cài ngay lên đầu. Tan cuộc, Chu Huyền buồn rầu bỏ đi. Đinh Kỳ còn ở lại uống rượu với gái làng chơi. Lúc ấy Triệu Thành tới, Lưu Trại mời Triệu Thành cùng ngồi uống rượu với Đinh Kỳ. Triệu Thành thấy chiếc trâm trên đầu Đinh Kỳ giống chiếc trâm của vợ mình, mượn xem, chợt giật mình. Đinh Kỳ nói:

- Vừa rồi Chu Nhất Quan thua bạc đã gán chiếc trâm này cho tôi.

Triệu Thành biết chắc vợ mình thông dâm với Chu Huyền, hẳn nghĩ mình đã dụ dỗ Chu Huyền làm điều xấu xa này, thôi thì ta hãy che giấu cái xấu của gia đình mình đi, rồi sẽ kiếm cơ trị Chu Huyền. Kế đã định, hẳn đi tìm Chu Thiệu, rất may Chu Thiệu đang ở nhà. Chu Thiệu vốn là tay hiệu động, quen biết nhiều nhà quyền quý, những người trong nha môn và cũng biết sơ sơ một vài người trong đạo lộ. Triệu Thành tới chào hỏi xong, hẳn nói ngay tới việc Chu Huyền đánh bạc với Đinh Kỳ, thua bạc phải gán cả trâm vàng.

Chu Thiệu nói:

- Thảo nào trong nhà đồ đạc mất khá nhiều. Hóa ra là thằng mất dạy ấy lấy đi biểu bố. Có điều thằng con tôi không có trâm vàng, không biết nó lấy ở đâu ra.

- Trong cờ bạc, được thua là chuyện thường, ông để ý làm gì đến nguồn gốc của nó? - Triệu Thành nói. - Nay ngài quan huyện Tiền Đường mới nhậm chức, sao ông không đi tố giác nó. Cũng chỉ vì tội ác Triệu Thành lâu nay đã chồng chất, bởi thế trong mấy trăm đơn kiện thì đơn kiện này ngài quan huyện xử ngay. Ông lệnh cho gọi đương sự tới xét hỏi. Vì là quan mới tới nhậm chức, không ai dám thờ ơ. Chỉ trong vài ngày đã bắt hết bọn phạm nhân tới.

Vương Tùng Sự ra lệnh xét hỏi ngay từ buổi trưa. Vào khoảng giờ Mùi, Vương Tùng Sự ra công đường, gọi các phạm nhân tới quỳ trước hiên. Thoạt tiên Vương Tùng Sự hỏi nguyên cáo Chu Thiệu:

- Người có mấy người con?

- Thưa ngài con chỉ có một đứa.

- Người là một người khá giả, mở cửa hàng vải vóc ở Dương Châu, lại chỉ có một đứa con sao không biết dạy dỗ nó mà để nó chơi bời hư hỏng.

- Cũng là cái nghiệp của con, bỗng chốc không làm nó thay đổi được.

Tri huyện lại gọi Chu Huyền tới, nhìn qua rồi hỏi:

- Người còn ít tuổi sao không chịu học hành mà đã trai gái cờ bạc, lấy tiền của cha mẹ đi tiêu xài!

- Quả thực con không lấy tiền của cha mẹ để tiêu xài.

- Đồ nói càn! Người không lấy tiền của cha mẹ thì sao cha mẹ người lại đi cáo giác. Trước mặt ta người còn quanh co. - Rồi quát thét. - Hãy lôi nó ra đánh cho ta.

Sai nha dạ ran. Họ lôi Chu Huyền sênh sếch, chẳng khác nào chim ưng vồ nhạn. Chu Huyền sợ quá hồn xiêu phách lạc. Vốn là Triệu Thành muốn dựa vào việc kêu này để trị Chu Huyền, trả mối thù hằn đã gian dâm với vợ mình. Nay thấy tri huyện trị tội Chu Huyền, Triệu Thành rất hả dạ, nháy mắt ra hiệu cho nha lệ đánh cho Chu Huyền một trận nên thân. Song ngờ

đâu tri huyện nhìn thấy, cho rằng nha lệ ăn tiền đút lót mà nường nhẹ. Ông hiểu ngay rằng người này quen biết nhiều người trong nha môn. Thấy Chu Huyền kêu khóc thảm thiết thương hãn còn ít tuổi, ông quát:

- Thôi! Dừng lại không đánh nữa.

Chu Huyền được tha, chẳng khác nào chết đi được sống lại.

Tri huyện gọi Đinh Kỳ hỏi:

- Người dụ dỗ Chu Huyền chơi gái đánh bạc, lại cướp tiền bạc của hãn, rồi đánh Chu Thiệu trọng thương, hơn nữa người là tên buôn muối, đáng khép vào tội đồ.

- Thưa ngài, - Đinh Kỳ nói, - con tới đây buôn bán tơ lụa chứ không phải là người bán muối. Đây là lần đầu tiên con gặp Chu Huyền, tại sao lại bảo con dụ dỗ anh ấy đi chơi gái đánh bạc, rồi cướp tiền của anh ta. Đây hoàn toàn là bịa đặt, vu tội cho con.

Tri huyện lại hỏi Chu Thiệu:

- Người là người khá giả, nếu quả thực người không bị người khác dụ dỗ thì tại sao lại đi kiện đưa con yêu quý của mình?

Chu Thiệu cúi đầu nói:

- Ngài quả thật là đèn trời soi xét.

- Chu Huyền chơi gái đánh bạc, - Đinh Kỳ nói, - có thể là do người khác dụ dỗ, chứ thực ra con không có liên can đến việc này.

- Đúng là Đinh Kỳ dụ dỗ con con, - Chu Thiệu nói - chứ quả thực không có ai khác. Tài sản mà hãn cướp đi có tờ ghi chép tỉ mỉ đây ạ.

Thế rồi Chu Thiệu lấy từ trong tay áo ra một mảnh giấy trình lên quan huyện. Triệu Thành nói chen vào:

- Còn có một chiếc trâm vàng nữa ạ.

Tri huyện dùng dùng nổi giận quát:

- Người là người làm chứng, ta không hỏi, sao người dám cướp lời?

Quan gọi nha lệ vả vào mồm Triệu Thành. Nha lệ dùng chiếc bàn vả bằng tre, vả một thôi một hồi tới hai mươi chiếc, quan mới bảo dừng lại. Mặt Triệu Thành sừng vác lên. Tri huyện hỏi:

- Trâm vàng hiện ở đâu?

Đinh Kỳ không dám che giấu, nói:

- Trâm vàng hiện con đang cầm.
- Đã giữ trâm, - quan huyện nói, - thì đúng là người cướp của rồi.
- Con là khách, - Đinh Kỳ nói, - đến nhà Lưu Trại ngủ qua đêm, ngẫu nhiên gặp Chu Huyền, rồi đánh bạc. Chu Huyền thua, đem chiếc trâm gán cho con, đó là sự thực, còn số bạc mà Chu Thiệu tố cáo trong đơn đều là bịa đặt, xin ngài hỏi Lưu Trại thì biết rõ.

Đinh Kỳ vừa nói vừa rút chiếc trâm vàng từ tay áo ra. Nha lệ cầm lấy trình lên quan. Tri huyện cầm trâm xem, thấy chiếc trâm có bốn chữ "Vương Kiều trăm năm". Đó chính là sính lễ ngày cưới của ông. Gặp lại kỷ vật xưa, tri huyện vô cùng kinh ngạc. Ông thầm nghĩ: "Chiếc trâm này do Chu Huyền lấy trộm, nhất định là vật của vợ Chu Thiệu. Xem ra tên bán người chính là Chu Thiệu ư? Song phu nhân lại nói hắn người họ Hồ, mắt phải bị đâm mù. Nay lại là họ Chu, còn cả hai mắt, tạo sao lại thế?". Trâm ngâm một hồi ông thấy rất khả nghi. Bảo dẫn bọn chúng đi, ngày mai sẽ thẩm vấn lại rồi kết thúc buổi làm việc.

Những người trong nha môn đều nói:

- Một việc nhỏ như thế, nặng thì cùm, nhẹ thì tha. Có gì khó đâu mà phải hỏi cấp trên.

Mọi người cho là tri huyện bất tài, chứ sao biết được ông đang nghĩ gì.

Vương Tùng Sự thu lấy chiếc trâm vào nha môn đưa cho Kiều thị, nói:

- Đúng lúc ta đang dò xét kẻ thù, không ngờ việc ấy bỗng dưng đem đến. Có một vụ kiện về đánh bạc, lại tra ra chiếc trâm này.
- Có phải nó họ Hồ không? Mắt phải có mù không?
- Chỉ vì hắn không phải họ Hồ, - tri huyện đáp, - mà mắt phải không mù nên anh mới nghi hoặc, về hỏi nàng.
- Sao thế nhỉ? - Kiều thị kinh ngạc nói.
- Thế hắn có con cái anh em gì không?
- Đều không có.

Tri huyện không sao quyết được, cứ suy đi nghĩ lại mãi rồi nói:

- Ta đã có cách, cứ truy hỏi Chu Thiệu lấy chiếc trâm ở đâu thì sẽ tìm ra thủ

phạm.

Hôm sau ông ra công đường, cũng không nhận đơn, không giải quyết việc gì khác chỉ gọi những đương sự thuộc vụ kiện đang giải quyết ra xét hỏi.

Tri huyện hỏi Chu Thiệu:

- Chiếc trâm vàng là của người ư?
- Vâng ạ! - Chu Thiệu trả lời.
- Người tự đánh lấy, hay đổi cho người khác, nó nặng bao nhiêu?

Chu Thiệu ấp úng không trả lời được, tri huyện quát:

- Hãy kẹp nó cho ta.

Sai nha vội vàng lấy kẹp ra. Chu Thiệu cuống lên nói:

- Quả thực chiếc trâm ấy không phải là của con, không biết con con lấy ở đâu.

Thằng nhỏ này hôm qua đã bị ăn đòn, nay thấy mang kẹp đến, hăn run sợ đành phải khai thực.

- Chiếc trâm ấy của vợ Triệu Thành cho con.
- Có đúng người đã gian dâm với vợ Triệu Thành không?

Chu Huyền không dám trả lời. Tri huyện lập tức gọi Triệu Thành tới hỏi.

Triệu Thành quỳ trước công đường, tri huyện nhìn kỹ, thấy mắt phải hăn bị mù. Ông đột nhiên hiểu ra: "Kẻ bắt người ban ngày ấy chính là hăn. Hăn nói hăn họ Hồ cũng là do hăn sợ hậu họa nên đã giả mạo tên mà thôi". Thế rồi Vương Tùng Sự hỏi:

- Có phải người thù Chu Huyền đã gian dâm với vợ người, rồi dựa vào việc đánh bạc của Đinh Kỳ, ngấm ngầm xúi bẩy Chu Thiệu cáo giác con để kết liễu Chu Huyền không?

Bị nói đúng tim đen, Triệu Thành vô cùng kinh hãi, hăn cố chối quanh:

- Quả thực Chu Huyền có đánh bạc tại nhà Lưu Trại, chính mắt con trông thấy rồi báo cho cha hăn. Bởi thế hăn trả thù, cố ý vu khống vợ con cho

hắn.

- Điều ấy có thể có - Tri huyện nói. - Người có biết vợ người lấy chiếc trâm này ở đâu không?

- Việc ấy con không biết.

- Ngoài vợ ra người còn mấy thiếp và nàng hầu.

- Con còn hai thiếp và bốn nàng hầu.

Quan huyện thăm nghĩ: "Nó khai đúng như Kiều thị nói, thế thì đúng rồi".

Quan huyện hỏi:

- Người là người thế nào mà lại có tới hai thiếp bốn nàng hầu. Nhất định người đã cưỡng đoạt người ta rồi.

- Thưa ngài, con là người an phận thủ thường, sao có thể làm những điều thương luân bại lý như thế.

- Ta xem ra người là một tên gian ác. - Rồi quan huyện hỏi tiếp. - Tại sao mắt người lại mù?

Nghe quan hỏi thế, Triệu Thành như sét đánh ngang tai, cứng họng không sao nói được. Tri huyện biết đích xác là hắn rồi. Ông nói:

- Người là một tên gian manh, không biết người đã gây ra biết bao tội ác, hãy khai ra mau, ta sẽ tha chết.

- Thưa ngài, quả thực con không làm điều gì xấu xa.

Tri huyện quát:

- Hãy kẹp nó cho ta!

Ba bốn nha lệ xông tới, lôi tuột giày tất hắn ra, mắc kẹp vào. Triệu Thành kêu như bò chọc tiết, song nhất định hắn không khai. Tri huyện viết một tờ trát đỏ, gọi hai nha lệ sừng sỏ tới khe khẽ nói với họ. Nha lệ tuân lệnh chạy như bay ra khỏi công đường. Chẳng mấy chốc họ đã giải vợ cả, hai thiếp và bốn nàng hầu của Triệu Thành tới nha môn, một xâu phạm nhân bị trói quỳ trước công đường. Nha lệ bẩm báo:

- Thưa ngài vợ con hắn, nha lệ đã bắt hết giải về đây.

Lúc ấy Triệu Thành bị ba chiếc kẹp kẹp chặt, ngất đi song hắn không chịu

khai nửa lời. Vợ con hăn trông thấy khiếp mất vía. Tri huyện gọi Hoa thị tới, đưa chiếc trâm vàng cho thị xem. Hỏi:

- Có phải người đã cho Chu Huyền chiếc trâm này không?

Vợ Triệu Thành thấy chồng ngất lịm đi như chết, lại thấy tri huyện rất oai nghiêm, không khác nào một vị thánh sống, đâu dám không nhận tội. Thị vội vàng nói:

- Thưa ngài đúng là con cho anh ấy.

- Người và Chu Huyền thông dâm đã lâu chưa?

- Thưa ngài đã gần một năm rồi. - Hoa thị nói. - Cả lớn lẫn bé trong nhà con đều thông dâm với Chu Huyền chứ không phải chỉ mình con.

- Bắt đầu từ đâu?

- Vốn là chồng con dụ dỗ Chu Huyền đến nhà ngủ đêm, Hoa thị nói, - thế rồi thông dâm.

- Hóa ra là như thế. - Tri huyện nói, rồi lại hỏi tiếp.

- Chiếc trâm này người lấy ở đâu? Tại sao chồng người bị mù mắt? Hằng ngày hăn tàn ác thế nào? Phải khai thực, ta sẽ tha tội.

Hoa thị chỉ sợ những chiếc kẹp kia kẹp vào chân mình, nên thị đã khai hết từ đầu đến cuối về những việc gian ác hàng ngày của chồng và việc bắt cóc rồi bán Kiều thị... Tri huyện nói:

- Ta đã biết hết rồi không cần phải nói nữa.

Tri huyện lệnh tháo kẹp cho Triệu Thành, chọn chiếc gậy to nhất đánh hăn một trăm chiếc. Máu thịt trên hai chân của Triệu Thành bay tung tóe. Thấy Triệu Thành sắp toi mạng, tri huyện gọi Hoa thị nói:

- Người là đồ đê tiện, đã giúp chồng người làm điều ác, lại mắc tội gian dâm, người cũng phải đánh bốn mươi gậy.

Còn bọn thiếp và gái hầu mỗi đứa đánh hai mươi gậy. Rồi ông cầm bút phê:

Xét thấy Triệu Thành độc ác như lang sói, lòng dạ hăn như rắn rết. Bắt vợ con người khác, gian dâm tới hàng trăm người. Cướp đoạt tài sản của người khác. Hăn còn dụ dỗ trai tơ để hành dâm. Tội ác hăn chồng chất không sao

kế xiết. Hắn còn đầu têu cho thê thiếp hành dâm làm thương luân bại lý. Hoa thị ngẫu nhiên cướp trâm vàng để tặng kẻ hoan lạc với thị. Triệu Thành xúi bẩy kiện tụng để rửa mối nhục riêng, Đinh Kỳ bị hắn hiềm khích. Chu Thiệu bị hắn xúi bẩy. Tuy mọi việc đều có nguyên do, song tạo ra nghiệp ác này chỉ xuất phát từ Triệu Thành. Chặt hết trúc không ghi hết tội ác của hắn. Căn cứ vào tội ác ấy thì xé xác hắn ra từng mảnh cũng chưa thỏa đáng. Nhưng việc trước khó mà liệt kê hết. Âm mưu không có chứng cứ. Hắn bí khép vào tội thành đán(1) Quả thực vẫn chưa đền hết tội. Lưu Trại là gái bán hoa, lại chứa cờ bạc, phải phạt bằng gậy để răn đe. Đinh Kỳ là lái buôn lại ngang nhiên đánh bạc, phải trừng phạt để răn đe. Chu Huyền bị dụ dỗ cờ bạc, trai gái, phạt bằng gậy để răn đe. Hoa thị và thê thiếp của Triệu Thành đánh đầu bằng roi để cho chúng biết nhục, theo pháp luật phải bán cho nhà quan làm nô tì. Chiếc trâm vàng nhập kho. Chu Thiệu được miễn tội.

(1) Thành đán: một loại hình phạt có từ thời Tần, Hán. Ban đêm thì coi giấc ngủ ban ngày thì đập Trường Thành.

Phán quyết xong, các phạm nhân đều được giải ra và gọi người bảo lãnh. Giam Triệu Thành vào ngục. Ngay đêm ấy hắn đổ bệnh. Thương thay cả một đời độc ác, đến nỗi phải chết trong tù ngục. Vợ con rơi vào tay người khác. Đúng là:

Thiện ác cuối cùng sẽ báo ứng.

Có điều chỉ sớm muộn mà thôi.

Vương Tùng Sự trở về tư dinh kể lại chuyện này cho Kiều thị. Được trả mỗi thù xưa, Kiều thị vô cùng mãn nguyện, chấp tay lạy tạ trời đất. Chiếc trâm này phải giao lên cấp trên, nên họ đánh một chiếc trâm khác nhập kho. Dân chúng ở Lâm An biết được đã xử xong vụ kiện này, chứ sao biết được sự thực bên trong của vụ án. Qua vụ án này tri huyện đã rửa được mối hận cho mình. Thời ấy ai ai cũng hết lời ca ngợi tri huyện, từ một vụ cờ bạc nhỏ mà đã tìm ra kẻ xúi bẩy, trừ được một tên đại gian ác. Tiếng tăm quan

huyện ngày một lừng lẫy. Ba năm mãn nhiệm, ông được thăng lên chức thông phán phủ Thiệu Hưng. Sau đó vì công tích lớn, ông lại được thăng làm thái thú phủ Thiệu Hưng. Làm được hơn một năm thì Kiều thị ra sức khuyên ông trí sĩ, trở về Biện Lương. Vương Tùng Sự theo lời Kiều thị, lập tức dâng đơn lên thượng cấp, cáo bệnh về hưu. Các nha môn đều phê chuẩn theo nguyện vọng, Vương Tùng Sự thu xếp hành lý trở về quê.

Thuyền đến Tô Châu, họ nhớ tới ân đức của Vương Tri huyện, bèn ghé thuyền vào Xương Môn, hỏi thăm nơi ở của Vương Tri huyện, biết Vương Tri huyện ở Tiểu Hương Kinh, Linh Nham Sơn, Vương Tùng Sự mua sắm lễ vật, neo thuyền tại Độc Thôn, cùng Kiều thị đi kiệu tới Tiểu Hương Kinh. Trước tiên họ sai người tới đưa danh thiếp. Vương Tri huyện lập tức ra nghênh tiếp. Vốn là Vương Tri huyện trước đây từng trả thiếp cho Vương Tùng Sự, ân đức cảm động tới trời, bởi thế mà phu nhân của ông năm mươi một tuổi vẫn sinh được một con trai, đặt tên là Đức Hưng, lúc ấy đã bảy tuổi, học hành rất thông minh. Khi ra cửa đón Vương Tùng Sự, thấy hai chiếc kiệu bèn hỏi:

- Tại sao lại có hai chiếc kiệu?

Tùy tùng đáp:

- Phu nhân của thái thú cũng tới đây.

Wương Tri huyện thấy không yên tâm, sai người nói với Vương Tùng Sự rằng:

- Ta với ngài thái thú là bạn cũ nên mới ra đón tiếp ngài, còn phu nhân của ngài không có lý gì tới đây gặp ta.

Người tùy tùng nói với Vương Tùng Sự rằng Vương Tri huyện không cho phu nhân thái thú tới gặp. Thực ra họ cũng không hiểu vì sao. Kiều thị quay kiệu về thuyền. Vương Tùng Sự lưu luyến Vương Tri huyện, hai hôm sau mới cáo từ.

Tới Biện Lương, thời thế đã yên hàn. Vương Tùng Sự tìm một ngôi nhà nhỏ có vườn hoa ở Biện Lương, hàng ngày hai người sống thanh nhàn

trong khuôn viên yên tĩnh này. Kiều thị cuối cùng vẫn không có con, Tùng Sự nuôi đứa con trai của anh họ làm người thừa tự, đặt tên là Linh Phục, có nghĩa là con nuôi. Vương Tùng Sự sống được mấy năm thì qua đời. Kiều thị ở vậy mười lăm năm sau mới chết. Trước lúc lâm chung, dặn Linh Phục rằng:

- Lúc còn trẻ ta mắc tội với cha con, khi ta chết không được chôn cùng cha. Di hài của cha chôn chỗ mộ phần tổ tiên, còn quan tài của mẹ thì chôn ở chỗ khác.

Linh Phục nghĩ bụng: "Xưa kia cha mẹ ta rất thương yêu nhau, làm gì có chuyện mắc tội". Định hỏi lại xem sao thì mẹ đã nhắm mắt trút hơi thở cuối cùng. Linh Phục nghĩ rằng bà bỗng chốc bị lẫn mà dặn như thế, chứ đâu biết được những chuyện đã xảy ra trước đây. Thời ấy tại nhà Triệu Thành bà mơ thấy ba ba nói, sau này nếu không làm món ba ba cho Vương giáo thụ ăn thì làm sao có chuyện giáo thụ thấy vật mà nhớ đến người, rồi thổ lộ việc riêng của mình với Vương Tri huyện. Cái gọi là giết ta cũng sống, đốt ta cũng sống, quả là linh nghiệm thật. Nếu thời ấy chiếc trâm vàng không bị vợ Triệu Thành cướp đi thì sau này làm sao mà báo thù Triệu Thành được. Cái gọi là tìm được cũng tốt, tìm không được cũng tốt cũng thật đúng với điều trong mộng. Lúc ấy lấy Vương Tùng Sự sau đó bị Triệu Thành bắt cóc. Cái gọi là ông Vương này cũng chưa hết, thì sau này lại được Vương Tri huyện trả lại cho Vương Tùng Sự, ấy là cái gọi ông Vương kia cũng chưa hết. Giấc mộng ba ba cái gì cũng đúng cả. Người đời sau đã làm một bài thơ ca ngợi Vương Tri huyện không vì hiếu sắc mà quên nghĩa, đã làm cho vợ chồng Vương Tùng Sự được tái hợp. Bài thơ như sau:

*Thấy sắc ai mà chẳng động lòng,
Thương thay người đẹp gặp gian manh.
Năm năm trắng lạnh Tây An huyện,
Khách quán đào hoa rục rờ khai.
Bút tích mới hay tân giáo thụ,
Hầm canh mới biết món ăn xưa.*

*Nếu Vương Tùng Cổ không trọng nghĩa,
Ngọc bích sao về với Triệu quân.*

Nhân phu nhân Vương Tri huyện năm mươi tuổi sinh con trai, về sau lại đỗ tiến sĩ nối tiếp mạch thư hương, thấy Vương Tri huyện được báo đền ân đức, người đời sau đã làm một bài thơ tứ tuyệt để ca ngợi:

*Những mong cưới thiếp để sinh con,
Thiếp mất đào hoa rứt rỡ xuân.
Chẳng phải học tài duyên không dứt,
Mà vì ân đức mới hiển vinh.*

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 13

Nói Bừa Nên Thiệt Mạng

Kiên Nhẫn Được Minh Oan

Ngô Đan Dương Doãn Tôn Hử bị tay chân là Đới Viên, Cừu Lãm giết, bức vợ là Từ thị phải lấy hãn. Từ thị lấy cố là đang có tang, hẹn bao giờ mãn tang sẽ lấy. Sau đó Từ thị ngầm tính kế với người tâm phúc của chồng. Đến ngày hẹn, quả nhiên thấy Từ thị ăn mặc rất đẹp, thản nhiên nói cười như không. Đới Viên nghĩ Từ thị là đàn bà, chắc không gây tai họa, liền sai người tới thăm dò. Thấy Từ thị ăn mặc rất đẹp cười nói tự nhiên lại càng không nghi ngờ, bèn ăn mặc rất sang trọng vào phủ cầu hôn. Tới nơi vừa mới chào hỏi thì Từ thị nói:

- Các người đâu?

Từ thị vừa nói dứt lời thì người hai bên xông tới, chặt đầu Đới Viên. Nhân lúc không để ý tới, họ cũng giết luôn Cừu Lãm. Từ thị thay lại tang phục, dâng hai chiếc đầu lên cúng chồng rằng mình đã trả được mối thù. Một con người vừa can đảm vừa khôn khéo, xứng đáng là đấng trượng phu trong nữ giới.

Sau đó có Tạ Tiểu Kiêu, một người từng báo thù cho cha và anh, có thể sánh ngang với Từ thị. Còn ở chỗ khác lại thấy có chuyện vợ báo thù cho chồng. Ngột Mộc Bộ vợ chết, đã giết chồng người, lấy vợ người ta làm vợ kế. Người ấy rút dao đâm Ngột Mộc. Ngột Mộc hỏi vì sao, người ấy bảo ta trả thù cho chồng. Ngột Mộc không giết người đàn bà ấy mà đuổi đi rồi lấy vợ khác. Người đàn bà ấy tuy không hèn hạ kẻ thù, song cũng không biết tự bảo vệ mình để báo thù. Lại có một Tổng binh ở Quảng Đông, giết người

rồi cướp vợ làm thiếp. Nhân lúc hấn vào ngủ người đàn bà ấy cũng rút dao giết, Tống binh sợ quá bỏ chạy. Đúng lúc ấy đưa ở đóng cửa, giữ người đàn bà lại, song không dám giết. Đến khi Tống binh chongười tới bắt thì người đàn bà ấy đã tự vẫn. Đó là những người không quên chồng, không để thân mình bị ô nhục, song không trả thù được. Nếu như họ suy tính kỹ, biết rằng trước mắt không thể địch nổi thì sao không chờ sau này, chẳng chóng thì chầy mình cũng minh oan được cho chồng, chứ không nên liều mình cho hả nổi giận nhất thời. Nếu được thế thì người đàn bà này có thể sánh ngang với Từ phu nhân, Tạ Tiểu Kiều.

*Chồng oan, thề tất báo,
Con cái nhờ ai nuôi?
Nhấn nhục gần mười năm,
Đền tàn đêm nuốt hận.
Chỉ ghét bọn bất lương,
Coi ta như gà mái.
Có chí ắt trả thù,
Phép vua không mất được.
Chồng chết con vẫn còn,
Con còn thù sẽ trả.
Đẹp thay nữ anh hùng,
Được muôn đời ca ngợi.*

Người đàn bà này họ Tiền, vốn là con gái của một vị thân hào. Chồng chị họ Thủy, là họ có tiếng ở Thanh Hà. Bố chồng hiếu liêm(1) từng làm quan châu huyện. Gia đình nhà chồng giàu có được ba người con trai, con trưởng là Bá Tấn, con thứ là Trọng Duy, chồng chị là con út tên là Phúc Miện. Thuở nhỏ ba anh em thường chơi với nhau, anh đôi khi bắt nạt em, và em cũng có khi hỗn láo, song chẳng bao giờ để bụng, cãi nhau xong rồi thôi chứ không hề hiềm khích nhau. Đến khi mười bốn mười lăm tuổi, có khi

anh lên mặt dạy bảo em, còn em thì ghét anh, tỏ ra ta đây người lớn. Đôi khi tỏ ra ta là chủ thì anh cho rằng em khinh thường mình, điều ấy cũng chẳng ngại gì. Song đến khi lập gia đình thì lòng dạ họ thay đổi hẳn. Trong ba nàng dâu thì ai cũng tỏ ra kiêu căng về gia thế của mình, có người thì tự hào về nhân phẩm, có người thì lên mặt vì tiền của, có người thì tự mãn về tài năng, thêm vào đó mẹ chồng lại kẻ trọng người khinh và bọn nô tì thường hay xúc xiểm, làm lộn bậy cả lên.

(1) Hiếu liêm: cử nhân.

*Suối kia vốn cùng nguồn,
Sau chia thành nhiều nhánh.
Theo thế đất vòng vèo,
Không bao giờ hợp lại.*

Trong ba anh em, thì Bá Tấn lấy vợ ngay từ khi cha chưa làm hiếu liêm, vợ là con một nhà nho nghèo, đó là một người rất tiết kiệm, biết yêu quý tiền bạc. Bá Tấn cùng cha đồng cam cộng khổ, và cũng không thoát khỏi cảnh vất vả trong nhà. Rất may cha thi đỗ, mới kiếm được chút chức sắc, song cũng chỉ được cái tiếng mà thôi chứ không chịu học hành, không chịu giao thiệp với ai, anh ta chỉ là thần giử của. Trọng Duy vốn có chút tài vật, được cha cưới vợ cho khi vừa mới đỗ đạt. Vợ Trọng Duy là con một nhà giàu, có nhiều của hồi môn, bởi thế Trọng Duy kết thân với những danh sĩ. Thúc Miện lại được cha cưới vợ sau khi ông đã làm quan. Cho nên bố vợ là một danh gia vọng tộc, Thúc Miện nhờ vào thế lực cha nên học hành thành đạt. Theo Bá Tấn nói, trong ba người thì hai em không biết nổi gian nan vất vả, không biết được cái gian truân của công việc trong nhà. Trọng Duy thì chê cười anh cả là một gã keo kiệt, em út là đứa khinh bạc. Thúc Miện khinh bỉ anh cả là kẻ bẩn thỉu, bụng dạ xấu xa, anh hai là kẻ tham danh, bất tài. Ba anh em họ dần dần trở thành:

*Thế như nước với lửa,
Dần dần thù địch nhau.*

Không ngờ từ sau khi họ có vợ thì mâu thuẫn ngày càng sâu sắc Vợ Bá Tấn là Cao thị, nói:

- Ta là dâu cả.

Vì không còn mẹ chồng nên phần lớn việc nhà đều do Cao thị cai quản, tất cả mọi việc đều đứng ra lo toan. Trong nhà, Cao thị là người có quyền hành nên bọn nô tì đua nhau nịnh nọt. Vợ của Trọng Duy là Vương thị, vì giàu có nên tung tiền ra như rác để áp đảo mọi người, bọn nô tì hòa theo xu phụ. Còn Tiên thị tuy là con dâu thứ ba, lại cậy mình là con nhà gia thế nên cũng không chịu lép, hơn nữa lại có chút tài, kẻ dưới không thể khinh thường bắt nạt, ngược lại họ sợ Tiên thị nên không dám gần. Ba người này quả là:

*Chân vạc như Ngô Sở,
Can qua ắt nổ ra.*

Xưa nay trong anh em, chị em dâu khi xảy ra điều này tiếng nọ thì người chồng phải biết dàn hòa, không nghe theo vợ sẽ không xảy ra cãi cọ. Anh em trai có gì tức nhau thì vợ phải biết phân giải, ngăn ngừa thì không sinh ra hiềm khích. Song anh em họ mỗi người một khác, không ai chịu ai. Tuy đã ăn riêng song họ vẫn mưu chiếm ruộng đất tài sản chung để dùng riêng. Tuy cùng ở một nhà nhưng họ luôn xoi mói nhau, rình mò nhau từng li từng tí. Kể tiếng chửi người tiếng bác, gần như ngày nào cũng có chuyện. Hơn nữa Bá Tấn lại có một người anh vợ là Tiến Tử An, một người vô cùng keo kiệt, chuyên xúi bẩy làm những điều xấu xa. Bên cạnh Trọng Duy

lại có hai người khách giỏi nịnh nọt, khéo đặt điều, đó là Hoàng Trọng Bạch và Trúc Tiêu Nhiên. Bên cạnh Thúc Miện lại có những bạn luôn nồng cuồng phóng đảng, đó là Cung Lạc Quân và Trương Quốc Tộ. Họ chỉ biết phá tung ra chứ không muốn hàn gắn. Bá Tấn là người trọng tiền bạc khinh tình nghĩa, Tiền Tử An xúi bầy rằng:

- Hai người em thả sức kết bạn, chỉ riêng anh ta phải làm việc vất vả thôi thì cứ chia quách ra người nào phận nấy, mình tự lo lấy mình.

Trọng Duy là một kẻ hiếu danh, Hoàng Trọng Bạch và Trúc Tiêu Nhiên lại nói:

- Bá Tấn là một tên điền chủ, Thúc Miện là đứa trẻ ranh, thường chê bai anh trước mặt người ngoài.

Cung Lạc Quân, Trương Quốc Tộ đều là những kẻ không đứng đắn, thường là sau khi uống rượu cứ oang oang ca ngợi Thúc Miện rằng:

- Ông là người mưu lược, không nên như anh cả yên phận với đồng tiền trước mắt, rằng Thúc Miện là một bậc chân tài, sẽ thắng tiến rất nhanh, không như người anh thứ hai toàn dựa vào đút lót cầu cạnh đánh lừa mấy vị quan trên. Những kẻ ăn người ở cũng hùa theo xúi bầy. Đúng là:

*Ngả nghiêng vì đứa ở,
Lung lay bởi bạn bè.
Cây tử kinh ngoài ruộng,
Khó trở lại tốt tươi*

Hiển nhiên tất cả đều dẫn đến chia rẽ, mà chia rẽ sẽ phải loại trừ nhau. Trong đó kẻ nào có mưu mô sẽ thắng, bè cánh đông sẽ thắng, kẻ nào đơn độc sẽ thua. Trọng Duy là một người đầy toan tính, biết anh cả là một người keo kiệt ngu đần, hàng ngày hăn thả ra một ít lợi lộc để làm thân với anh, thường xúi bầy anh làm điều xấu, rồi đứng giữa châm chọc khích bác. Bá Tấn thấy Trọng Duy tôn kính mình, hơn nữa Trọng Duy học hành có tiếng tăm, nghĩ rằng thế nào Duy cũng đổ và rất tin tưởng ở Trọng Duy.

Vương thị vợ Duy thấy chồng xúi bầy cũng tìm cách lôi kéo chị dâu cả, nay biếu cái này mai cho cái khác thả của ra để mua chuộc, dần dần thân thiết như chị em ruột và luôn nói xấu vợ chồng Thúc Miện.

Kế giỏi sai khiến người

Của nhiều lòng dễ dãi.

Hàn, Ngụy vừa hợp tung

Hàm Cốc cũng nguy ngập.

Thúc Miện là một người phóng đảng, không tự kiềm chế được thường hay nói những thiếu sót của anh chị cả với Trọng Duy. Song không ngờ Trọng Duy lại đem chuyện ấy nói với anh cả. Thúc Miện cũng nói với anh cả những sai sót của anh chị hai, thì anh cả lại đem chuyện ấy nói với Trọng Duy. Bởi thế hai người càng thù hận Thúc Miện, càng cấu kết với nhau ngày một chặt chẽ. Song Thúc Miện hoàn toàn không biết gì. Tiền thị đã thấy rõ điều đó nói với chồng rằng:

- Hai người rất thân thiết nhau, anh cứ thẳng như ruột ngựa, nói năng bừa bãi, e rằng họ sẽ oán trách anh, lần sau anh phải lưu tâm giữ mồm giữ miệng.

- Tính ta xưa nay vốn thẳng thắn, - Thúc Miện nói, - anh em ruột với nhau có gì thì cứ nói, ta không thể như cam như điếc được.

- Tuy là thế, - Tiền thị nói, - song cũng phải giữ gìn mới được.

Song Thúc Miện nào có chịu nghe lời.

Một hôm Thúc Miện uống rượu ở một nhà nào đó trở về, thấy hai ni cô ở nhà anh hai đi ra. Thúc Miện máu sôi lên, nói:

- Những ni cô này quen thói dụ dỗ đàn bà, cho hòa thượng vụng trộm! Anh Hai suốt ngày ở trường, các người đến làm gì?

Thế là Thúc Miện làm ầm lên, đánh ni cô, rồi đánh cả người coi nhà của anh hai. Vương thị biết được rất căm tức. Vợ Bá Tấn cố ý dựng đứng lên rằng:

- Thúc Miện bảo ni cô và Vương thị gian dâm với hòa thượng, cho nên đánh ni cô.

Chuyện ấy làm cho Trọng Duy tức giận. Thúc Miện về nhà, Tiền thị trách móc, nói:

- Người nào phận nấy, việc gì đến anh? Cho dù ni cô có lai vãng tới thì anh nói việc ấy với anh Hai, lần sau không cho họ đến là được rồi, cứ sao lại làm chị ấy mất thể diện như thế?

Thúc Miện vốn là người cương trực, thẳng thắn, lại nghiện rượu bèn nói:

- Ngay đến cô cũng muốn gian dâm với hòa thượng ư?

Thấy chồng say, Tiền thị cũng không dám khuyên giải nữa.

Những kẻ nghiện rượu,

Thường sống bê tha.

Nói năng bừa bãi,

Làm hại chính mình.

Một hôm Cao thị đánh đĩa ở đến ba bốn mươi roi mà vẫn chưa thôi. Thúc Miện đang say vội chạy sang. Thấy Cao thị ngồi ở trên, còn anh cả đang đánh đĩa ở. Thúc Miện hỏi mới biết nó lỡ tay đánh vỡ một chiếc bát. Đang còn hơi men, Thúc Miện nói:

- Tôi tưởng việc gì, hóa ra cái việc cón con ấy mà đánh nó ghê gớm như thế. Lỡ ra nó chết thì hàng ngàn hàng vạn chiếc bát cũng chẳng còn nữa đâu. Chị cả thì ngồi như thế mà anh thì đánh người, thật là đẹp mặt!

Thúc Miện cứ nói đi nói lại tới mấy lần rồi bỏ đi. Lúc ấy Bá Tấn xấu hổ, mặt đỏ bừng thôi không đánh nữa. Cao thị điên tiết nói với chồng:

- Chú út coi giữ chúng ta như thế thì kẻ ăn người ở ta sai bảo sao được.

Bên này Tiền thị cứ rầy la chồng mua thù chuốc oán, nhưng Thúc Miện nào có lọt tai. Bên kia thì chị cả từ lâu đã căm ghét Thúc Miện đến tận xương

tử. Còn Thúc Miện cứ rượu vào lời ra, không giữ được mình, nên không những các anh muốn đánh, mà ngay cả bọn gia nhân của họ cũng ghét Thúc Miện. Đến như trước đây cha yêu quý Thúc Miện là thế, bây giờ thấy Thúc Miện nát rượu, lại thêm hai người anh nói xấu, nên cha cũng ghét Thúc Miện. Nhiều lần khuyên bảo con, song đã thành cổ tật thì làm sao mà sửa được. Giá ở ngay nhà thì Tiền thị còn ngăn cản được, nhưng ra ngoài quần tam tụ ngũ, say mèm, hò hát nói năng bừa bãi thì cấm làm sao. Khi say bảo chị cả dung túng cho bọn ni cô ra vào, rồi bảo anh chị đánh bọn con hầu gần chết, hai anh sợ vợ, khi say Thúc Miện đem chuyện đó ra giễu cợt. Tất cả những chuyện ấy đều có thật. Bởi thế hai người anh tức giận, nói:

- Dứt khoát ta không để nó thế được, sau này nó sẽ dựa vào chuyện phòng the, việc nhân mạng để o ép ngăn cản mình. Thôi thì đánh nó chết đi là yên chuyện, rồi bảo đó là do cha, bắt cha phải nhận, chả nhẽ vì chết một đứa con mà cha chịu để hai đứa con kia phải đền mạng? Nhất định buộc cha phải nhận. Mà cha đã nhận rồi thì ai làm gì được mình. Thế rồi chúng quyết ra tay.

*Hả dạ trừ mối hận,
Kể gì đến người thân.*

Hôm sau khi ăn cơm xong, thấy Thúc Miện từ ngoài quán rượu trở về, họ không cho về nhà, nói:

- Cha bảo em ra vườn sau nói chuyện.

Thúc Miện ra vườn sau, thấy hai anh đang ngồi ở đó, cũng không đứng dậy. Thúc Miện nói:

- Cha đâu? Có chuyện gì thế?

Bá Tấn nói:

- Cha bảo người ra ngoài vu cáo chị cả gian dâm với hòa thượng, đánh chết người, làm bại hoại gia phong.

- Làm gì có chuyện đó, - Thúc Miện nói, - hãy mời cha đến cho rõ trắng

đen.

Hai người anh nào có chịu nghe, cùng lúc ra tay, dùng búa, gậy đánh tới tấp. Thúc Miện chết ngay tức khắc.

*Tình máu mủ không còn,
Nói bừa nên chuốc họa.
Nói năng nên thận trọng,
Không nói, chẳng ai thù.*

Sau đó chúng mời cha đến và cho người tới nói với Tiền thị rằng:

- Chồng Tiền thị trúng độc, chết ngoài vườn sau, đến mà khâm liệm.

Cha tới, chúng nói:

- Thúc Miện vu cho chị cả gian dâm, giết chết người, không thể tha thứ được, chúng tôi đã đánh chết rồi. Nếu cha che chở cho một đứa đã chết thì ba đứa cùng chết. Chúng tôi đã cho người đi gọi vợ nó, nếu vợ nó nói ra những điều không tốt thì hôm nay chúng tôi cũng kết liễu luôn đời nó.

- Anh em cùng một mẹ đẻ ra, - người cha nói, - sao các người độc ác thế!

Nói xong nước mắt ông giàn giụa. Sau đó thấy Tiền thị tay ôm con nhỏ, dắt theo hai đứa lớn, một đứa lên năm, một đứa lên ba đi tới, hai người bác nói:

- Chồng người ngỗ ngược, cha đã đánh chết rồi, người hãy thu xếp chôn cất chồng. Cha đánh chết đứa con ngỗ ngược cũng chẳng sao.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 13 (B)

Thấy thế Tiền thị nghĩ: "Những tên tâm phúc của hai người ấy là Lai Phúc, Lai Thọ, Tiến Quý, Văn Đồng vẫn đang đứng ở đây chắc hai người này đã đánh chết chồng mình. Song họ khoác vào cổ cha. Ta là đàn bà, lại một thân một mình thì biết đâu mà kêu oan. Nếu ta không biết thân phận thì sẽ bị họ hãm vào chỗ chết, ba đứa nhỏ cũng không còn đường sống, và mối oán thù như biển cả này cũng không trả được". Đành phải nói với bố chồng rằng:

- Anh ấy nói năng bừa bãi thì tự chuốc lấy cái chết thôi. Cha có đánh chết, con cũng không dám nói gì. Con chỉ mong cha hãy trông nom lấy ba đứa cháu này, bảo toàn lấy chút máu mủ của anh ấy!

Bố chồng đang sợ con dâu không biết thân biết phận sẽ bị họ giết chết. Anh em nó sẽ trừ khử cả ba đứa trẻ này thì chị ấy sẽ tuyệt tự. Thấy con dâu nói thế, nước mắt ông trào ra, nói với Bá Tấn, Trọng Duy rằng:

- Nó đã không nói gì thì chúng mày phải trông nom đến con của nó. Bố chồng lấy ra ba mươi lạng bạc, sai người mua quan tài tang phục. Bá Tấn coi chặt cửa sau, không cho gia nhân tùy tiện ra vào. Trọng Duy đứng chặn lấy cửa vườn chỉ cho hai ba gia nhân và vợ hãnh vào để giúp việc khâm liệm.

Tro nguội không bùng lửa,

Chim lồng chẳng thể bay.

Nỗi oan không rửa được.

Đạo trời mù mịt thay.

Ba đứa con trai mới năm tuổi thì sao hiểu nỗi sự đời, chỉ có Tiền thị vừa lo khâm liệm vừa khóc lóc, chỉ khóc rằng sao chồng đã vội vã bỏ vợ con mà đi, rằng chị một mình không thể nuôi dạy con cái, không dám hé ra một lời

oán hận về chồng chết oan. Khi cùng bọn đàn bà khiêng thi thể chồng, Tiền thị lén lút giấu chiếc búa sắt dùng để giết người đi. Khi hai bên khâm liệm thì người này cứ ngỡ người kia cất đi, không hỏi lại. Xác đưa về nhà Tiền thị thay chiếc áo máu ra giấu cùng với chiếc búa vào một chỗ kín. Khâm liệm xong, quan tài để ngay tại nhà, những người trong thân tộc đều biết rằng Thúc Miện đột tử, trong đó có điều gì bất minh, hai người này giữ kín người ngoài không ai biết được. Họ lại thấy Tiền thị không nói năng gì, mà dù có bất bình cũng không làm sao được. Không còn cách nào khác bố chồng đành phải chia gia tài, và Tiền thị được chia nhiều hơn. Bá Tấn, Trọng Duy biết rõ việc ấy cũng không dám suy bì. Song chúng đuổi hết những gia nhân đi, chỉ để hai người lão bộc ngu đần đi thu tô cho Tiền thị và hai đứa ở ngu xuẩn cho Tiền thị sai vặt trong nhà. Những người thân thích đến chúng đều sai người nghe ngóng xem Tiền thị có nói gì không. Song Tiền thị chỉ nói:

- Tôi là quả phụ, không gặp đàn ông, kể cả người thân tôi cũng không gặp.

Tất cả những người thân thích khi có công việc đến mời, Tiền thị đều từ chối là đang có tang không đi. Đến khi xong tang, phàm là những người chí thân, những việc hiếu hỉ bất đắc dĩ phải đi, thì hai người chị dâu đều sai người đi theo dõi, song Tiền thị cũng chẳng nói gì, vì chị cho rằng có nói ra cũng vô ích, mà có khi còn mang vạ.

*Tai điếc như bức vách,
Chẳng hé răng nửa lời.
Đêm phòng the vò võ,
Ngậm ngùi nuốt đắng cay.*

Cao thị và Vương thị là những đứa đầy mưu kế, sợ rằng Tiền thị không quên thù chồng đã cấm cửa ni cô ra vào và nhờ mấy mục mỗi tâm phúc vờ vệt đến mỗi manh cho mấy đứa con chị, song lại hỏi vì sao chồng chị lại chết yếu như thế? Tiền thị chỉ nói chồng mình chết vì mắc bệnh cấp tính. Có người lại hỏi:

- Nghe đâu người ta bảo chồng chị chết bất minh có phải không?

- Chồng tôi chết vì ốm đau chứ có gì là bất minh đâu.

Tuyệt nhiên Tiền thị không để lộ ra một ý nào khác. Hai người đàn bà kia lòng dạ vô cùng nham hiểm, sai mấy bà mối giả vờ ngờ nghệch, khơi gợi chuyện phong tình, than vãn Tiền thị phải sống phí hoài tuổi thanh xuân, song Tiền thị không chút lãng quên, chị thẳng thắn từ chối:

- Con còn nhỏ, tôi không nghĩ tới chuyện đi bước nữa.

Hai người ấy lại cố ý sai những người đầy tớ trẻ đẹp mang lễ vật tới thăm hỏi, Tiền thị không mời vào nhà. Tất cả những việc ấy Tiền thị đều đáp lại hết sức chu đáo.

Giữ miệng kín như bình,

Giữ thân như giữ ngọc.

Dù sóng cả gió to

Vẫn không hề lay chuyển.

Những đứa con cũng dần dần trưởng thành, sợ học xa nhà không trông nom được, mà mời thầy về nhà dạy, lại sợ những người anh đặt điều, thôi thì Tiền thị tự dạy con. Vì thương con rất mực, Tiền thị dạy con hết sức nghiêm túc.

Con cũng vì thương mẹ,

Nên chịu khó học hành.

Đọc sách cha để lại,

Nước mắt đỏ máu tươi.

Mấy năm sau thì bố chồng chết. Tiền thị nghĩ thầm, nay họ không còn chỗ để che giấu, thoái thác, ta liệu mình mình oan cũng không khó nữa. Song đứa con cả mới hơn mười tuổi, đứa út thì còn bé quá, chưa đủ lông đủ cánh. Trong những đêm trăng Tiền thị thầm kêu lên với chính mình rằng ta phải trả mối thù này. Khi dạy con Tiền thị thường kể cho con nghe những gương trung thần và người có hiếu với cha mẹ. Chị luôn chú ý rèn dũa chúng

thành những người có khí tiết, biết hiếu nghĩa, và những đứa con của chị cũng hiểu được điều đó. Hai đứa con lớn đã trưởng thành, định tìm vợ cho chúng, chị cũng giả vờ xin ý kiến của hai chị dâu, hai người ấy sợ rằng nếu tìm những nhà có thế lực sau này họ giúp đỡ nó thì lại thêm rắc rối. Họ bèn tìm cho thằng cả đứa con gái của một bà quả phụ, nó không có bố vợ. Còn đứa thứ hai thì hỏi cho nó đứa con gái của một gã thô tục vừa mới giàu lên, và họ giả vờ nói, mình là một nhà quan nghèo, lấy họ sẽ được nhiều của hồi môn. Sau này muốn leo lên cao e rằng sẽ tốn kém, mà mình thì mẹ góa con cô lo làm sao được. Tiền thị cũng đành phải nghe theo họ.

*Chân ta vẫn hãy còn,
Cần gì nhờ người khác.
Chí nểm mặt nằm gai,
Quyết trả thù rửa hận.*

Những sách vở của Thúc Miện để lại chúng đã đọc được, những lối văn khoa cử chúng chưa được học. Đến khi mười lăm mười sáu tuổi, Tiền thị cho chúng đi học xa nhà. Bá Tấn, Trọng Duy thấy Tiền thị vẫn yên phận ở vậy, lại vẫn đối đãi với các anh các chị hết sức chu đáo. Họ nghĩ rằng Tiền thị đã quên chuyện xưa. Hơn nữa sự việc xảy ra đã lâu, ba đứa cháu còn yếu đuối chẳng hại được ta, cho nên cũng không nghi kỵ và hãm hại chúng. Bởi thế Tiền thị cũng yên tâm cho chúng đi học xa. Sáng chiều vẫn giữ chúng không cho đi đâu, còn mình thì cũng làm việc nhà, đôn đốc chúng học hành. Điều đáng mừng là hai đứa học tập chuyên cần, đứa lớn được xếp thứ nhất trong phủ huyện, được cử lên đạo(1) học.

(1) Đạo: đơn vị hành chính cấp trên của phủ huyện.

Ba đứa con, đứa lớn lên là Pháp Tổ, đứa thứ hai là Thằng Tổ, đứa thứ ba là Kế Tổ. Lúc ấy Pháp Tổ đã lên đạo học, Thằng Tổ và Kế Tổ cũng đã biết làm văn. Kế Tổ mười tám tuổi, Tiền thị định tìm vợ cho nó, và mong sao cả ba đứa thành gia thành thất rồi sau đó mình mới đòi đến mạng. Không ngờ mười tám năm đau lòng buốt ruột, chỉ biết một mình chịu đựng không dám

thổ lộ cùng ai, kể cả những người thân thích. Ngay những đứa con rút ruột của mình cũng không cho chúng biết, nếu chúng để lộ ra với bác chúng thì sẽ thành tai họa. Bởi thế Tiền thị không dám hé răng, ngay những lúc quá uất ức, muốn khóc lên cho vơi đi cũng không khóc được. Bởi thế lúc đầu khí uất kết tụ trong tim vị không điều hòa được, sau đó biến thành cổ trướng.

*Uất khí nghẽn trong ngực,
Định nói phải nuốt vào.
Tích lại thành cổ tật,
Chết đi ở tuổi vàng.*

Tài sản tích góp được đều do chị tảo tần hơn mười năm trời, thấy mình không thể sống được, chị dành lại một ít để lo việc chôn cất cho mình và lo việc cưới vợ cho Kế Tổ, còn lại chị chia đều cho ba người. Chị dặn:

- Mẹ còn một chiếc hòm nhỏ, sau khi chôn cất mẹ xong, các con hãy mở ra, đừng cho bất cứ ai biết.

Quả nhiên ba người con vẫn không mở ra xem, mà chỉ một lòng một dạ lo chạy chữa thuốc thang cho mẹ. Song thuốc dù tốt cũng không hiệu nghiệm, năm hết tết đến chị ôm hận từ già cỗi đời.

*Đêm bên đèn oán hận
Thù này ngỏ cùng ai.
E rằng nơi chín suối
Vẫn ngậm tủy nuốt cay.*

Ba đứa con khóc lóc kêu trời kêu đất, mua quan tài khâm liệm mẹ. Ai ai cũng xót thương cho Tiền thị, mười tám năm trời khổ sở ở vậy nuôi dạy ba đứa con nên người, không ai biết được chị quyết tâm nuôi chí báo thù.

Việc tang ma tạm xong, ba anh em nghĩ: "Mấy hôm trước mẹ dặn còn chiếc hòm nhỏ, chưa biết chừng ở đó còn ít tiền chẵn". Nay việc ma chay đã tạm xong, thôi thì hãy mở xem sao". Thế rồi họ vào nhà, mang hòm thấy

rất nặng. Ba người vội mở ra, chỉ thấy trong đó có bộ quần áo bê bết máu, một chiếc búa sắt và một mẫu giấy. Trên mẫu giấy còn bút tích của mẹ: "Vì thẳng tính, cha con đã xúc phạm đến hai bác con. Vào ngày... tháng... năm..., hai bác đã lừa cha con ra vườn sau, dùng búa đánh chết. Lúc ấy có cả những tên tay chân của họ là Lai Phúc, Lai Thọ, Tiến Quý, Văn Đồng. Chiếc áo máu là của cha con mặc lúc bị hành hung, chiếc búa là hung khí giết cha con. Vì các con còn nhỏ, nếu mẹ đứng ra đòi mạng, sợ rằng họ sẽ giết hại, và ngay các con cũng khó mà sống được, bởi thế mẹ phải nén chịu. Nếu các con có chí thì hãy làm đơn cáo giác, trên báo thù cho cha, dưới rửa hận cho mẹ!". Ba người con thấy thế gào lên khóc, nói:

- Cha chúng ta vốn chết bất đắc kỳ tử, há sao chúng ta lại không báo thù cho cha?

- Bây giờ thì chúng ta phải giết chết hai người ấy, - Kế Tổ nói, - bắt họ phải đền mạng.

- Không nên nôn nóng như thế, - Pháp Tổ nói. - Ta là anh cả, ta phải đứng ra cáo giác.

Ngay đêm ấy Pháp Tổ làm đơn đưa tới Phủ án cáo giác.

Lưới trời sao thoát được,

Nỗi oan ắt phạt đền.

Khi cáo giác, quan trên cho rằng việc đã quá lâu không chịu giải quyết. Pháp Tổ cứ ôm chiếc áo máu kêu oan, Phủ án đành phải phê, giao cho Lý hình của bản phủ giải quyết. Quan Lý hình là người Trọng Duy tôn là thầy, Bá Tấn lại rút lót nhiều tiền của, bởi thế Lý hình dọa Pháp Tổ:

- Chuyện tính mạng rất hệ trọng, sao lại chỉ dựa vào mấy câu nói của mẹ để tố cáo bác được? Hơn nữa lại không có giấy khám nghiệm thương tích, nếu mở nắp quan tài cha đã khâm liệm từ lâu thì người sẽ là kẻ bất hiếu, mà án mạng sao mười tám năm nay mẹ người không cáo giác?

- Lời trăng trời của mẹ tôi đã rõ, - Pháp Tổ nói, - hai bác tôi giàu như nước, sợ không báo thù được cho cha tôi, mà còn nguy hiểm đến tính mạng của

các con, cho nên mẹ tôi phải nén chịu. Nếu kẻ học trò này lại tiếc thân mình, không dám tố cáo thì kẻ học trò này càng bất hiếu. Mà khám nghiệm không có thương tích thì tôi xin nguyện chết.

Lý hình không dọa nạt được, đành phải tới nhà mở quan tài ra khám nghiệm. Trước khi khám nghiệm Lý hình lại dụ dỗ nhiều lần, song Pháp Tổ khăng khăng không chịu. Hai người này ỷ vào thế Lý hình, nghĩ rằng thi hài đã rửa nát không còn dấu vết, hơn nữa đã đút lót cho những người khám nghiệm tử thi, hẳn là họ sẽ che đậy cho. Ngờ đâu khi mở quan tài, thì lạ thay, đó là một xác chết khô, còn nguyên vẹn. Cởi áo ra khám xét thì xương bả vai trái bị búa đập dập nát, cánh tay bên phải bị búa đập gãy. Thái dương bị tổng tổn thương, hạ bộ bị đá đập. Ngoài ra còn nhiều vết thương trên khắp cơ thể. Những vết bầm tím, vết tròn, vết dài, vết rộng, vết hẹp, đều ghi hết vào biên bản khám nghiệm. Thời ấy, Pháp Tổ kiện hai người bác đã làm chấn động các trường học. Những người cùng học với Pháp Tổ không hiểu sự việc bên trong, còn những người quen biết Thúc Miện đều cho rằng Thúc Miện nói năng bừa bãi mà bị đổ ky. Hai người ấy đều đổ cho cha, nhưng việc Thúc Miện ngỗ ngược với cha lại không có chứng cứ thực, nên quan cũng không bao che được. Lai Phúc đã chết, Tiến Quý bỏ trốn từ lâu, quan đành phải bắt Lai Thọ, Văn Đồng tới tra khảo. Lúc đầu chúng chối là không biết, sau đó tra khảo chúng đành phải khai là Bá Tấn dùng búa đánh gãy cánh tay, Trọng Duy tống vào thái dương, Bá Tấn lấy búa đánh vào vai bên trái, Trọng Duy đá vào hạ bộ, chúng con chỉ hòa theo. Bá Tấn và Trọng Duy không sao chối cãi được, viên quan xét xử cũng không bịt được mồm hai tên kia.

Hai mươi năm ôm hận.

Bỗng nay được minh oan.

Phép vua sao cãi được,

Khó thoát khỏi lưới trời.

Bá Tấn, Trọng Duy phải khếp vào tội anh giết em. Lai Thọ, Văn Đồng

đáng ghép vào tội con ở giết chủ. Song vì tiền bạc của chúng rất thiêng, Bá Tấn đã âm mưu bảo bọn tay chân nhận hết, Trọng Duy được tha, Lai Thọ, Văn Đồng chỉ là kẻ đánh hôi, cuối cùng được giảm tội. Pháp Tổ lại tiếp tục kháng cáo. Hai người kia lại tiếp tục biện bạch, song vẫn bị bác bỏ. Thế mới biết lưới trời lồng lộng, không chóng thì chầy cũng bị báo ứng.

*Ân, nghĩa là lẽ trời,
Giết nhau thật bất nhân.
Lần lượt vào nhà ngục,
Đáng đời bọn ác nhân.*

Bá Tấn là một tên giàu có, Trọng Duy là một kẻ mưu mô quỷ quyết khéo chui lồn, nếu như ngày ấy người đàn bà yếu chân mềm tay kia làm cho ra nhẽ, thì chúng sẽ đổ vấy cho cha, và chẳng qua chúng chỉ tung ra ít tiền, cũng chẳng làm gì được chúng. Nếu xuất đầu lộ diện thì Tiền thị không chết vì uất ức thì cũng bị chết vì mệt mỏi. Ba đứa con mồ côi cha mẹ, ai sẽ là người nuôi nấng, dạy bảo? Nếu Tiền thị không nén lòng chịu đựng thì nỗi oan uổng của chồng không rửa được, mà thậm chí còn phải chết oan, ba đứa con không bảo toàn tính mạng. Không ngờ Tiền thị âm thầm kiên trì chịu đựng nuôi chí báo thù, thấy tình thế bất lợi, bèn thuận theo bố chồng đó là một cách làm tùy thời khéo léo nhất. Mười tám năm trời không tỏ ra một chút gì oán hận, ngay đến con cũng không nói cho chúng biết, thì quả là vô cùng mưu trí và đầy nghị lực. So với những người tiết liệt còn hơn một bậc. Còn như Bá Tấn, Trọng Duy, không có tình yêu thương, tàn sát người thân, tuy dùng mọi mưu mô xảo trá để mong thoát tội, rốt cục vẫn vô ích. Tại sao bọn chúng không kìm nén cái tính độc ác như lang sói đi đôi chút? Còn như Thúc Miện nát rượu nói bừa để đến nỗi phải chuốc lấy cái chết, khiến cho vợ con phải sống vất vưởng long đong, âu cũng là một bài học cho những kẻ ngông cuồng. Tiền thị là một người biết nhẫn nhịn và cuối cùng đã báo được mối thù cho chồng. Ba người đàn ông không nhẫn nhịn được cuối cùng đã phải chuốc lấy cái chết. Kinh thư viết: "Việc nhỏ không nhẫn nhịn sẽ làm loạn mưu lớn". Trương Công Nghệ kiên trì chữ

nhân, không hoàn toàn bị lệ thuộc vào luân lý, quả thực đây cũng là điều quan hệ đến tính mạng con người.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 14

Đánh Bọn Ngông Cuồng Báo Ôn Thầy

Anh Nguyễn Vào Tù Để Cứu Em

Bốn biển đều là anh em, đó là những điều làm cho lòng ta khuây khỏa. Những đứa trẻ trong cùng một nhà quán quít bên nhau, chúng là anh em ruột thịt. Song có khi hiềm khích nhau, phần lớn là do cha mẹ yêu đứa này ghét đứa khác rồi dần dần chúng xa nhau. Cũng có khi do chị em dâu va chạm nhau, hàng ngày tí tê xúc xiểm chồng, rốt cục những người cùng máu mủ sinh ra chia lìa nhau. Cũng có khi bạn bè li gián, kẻ hèn người hạ xúi bẩy. Thường thì lúc đầu anh em hiềm khích nhau, tiếp đó là tranh giành nhau rồi dần dần kiện nhau, thậm chí thù ghét đâm chém nhau chẳng khác người dưng nước lã. Điều ấy thật là quái lạ. Vốn cùng một cha mẹ sinh ra, song lại như nước với lửa. Lẽ nào anh em không phải là đồng bào, không phải là máu thịt do cha mẹ sinh ra? Cho nên ta thường nói, trong lúc bình thường anh em phải như Tư Mã Ôn Công, đến mãi khi đã già vẫn quan tâm tới cái đói cái rét của anh, thương yêu nhau như thời còn bé. Khi lâm sự phải như anh em Triệu Lễ. Thời kỳ nhà Hán thay thế nhà Tần, mất mùa, đói kém khắp nơi trộm cướp nổi lên như ong, anh Triệu Lễ bị bọn cướp bắt ăn thịt, Triệu Lễ biết được đã tự mình đến chỗ bọn cướp nói: "Anh tôi gầy, tôi thì béo, xin các ông đừng giết anh tôi, tôi xin tình nguyện chết thay". Thấy ông là người nghĩa khí, bọn cướp bèn tha chết cho cả hai anh em. Còn như việc anh em họ Điền chia lìa nhau khiến cây tử kinh cũng buồn thương mà khô héo, thấy ba anh em họ Điền đoàn tụ, cây tử kinh lại tốt tươi trở lại. Ta cho rằng họ chưa phải là đấng mây râu, vì họ không làm chủ được mình mà lại nhờ đến sự cảm động của cây cỏ. Hoặc do thời gian tính tình thay đổi có kẻ trí người ngu, thì người anh phải như Ngưu Hoàng, mặc dù em bắn chết mất con trâu kéo xe, song anh không vì thế mà quở trách, chửi bới em. Nếu là em thì phải như Tôn Trùng Nhi, nghi anh là kẻ không đứng đắn đã lãng

nhục anh, song anh không vì thế mà oán hận em. Vương tường với Vương Lãm là anh em cùng cha khác mẹ, Vương Tường là người rất có hiếu và đương nhiên rất thương em. Khi mẹ đầu độc Vương Tường thì Vương Lãm giăng lấy chén thuốc độc định uống, vì thế mẹ đành phải đổ thuốc đi. Khi mẹ sai Vương tường làm những việc khó khăn, Vương Lãm đều nhận làm thay anh. Anh em khác mẹ còn thế, huống hồ là anh em cùng cha mẹ sinh ra. Vương triều chúng ta rất coi trọng hiếu đễ, vào đầu thời Hồng Đức ở Phố Giang có Trịnh Nghĩa Môn là người được triều đình nêu gương về sự hiếu đễ, về sau do lỗi lầm bị giải tới kinh và được tha thứ, sau đó triều đình còn cất nhắc tột trưởng là Trịnh Liên làm tham chính Phúc Kiến. Tất cả các đời sau, mấy đời đều chung sống với nhau, và đều có những cống hiến xuất sắc. Nay tôi xin nêu ra đây một việc cũng như thế, tuy chưa được triều đình biểu dương, song tình yêu thương của họ đối với nhau cũng thật là nổi bật.

Thời Tuyên Đức, ở huyện Thái Bình, phủ Đài Châu, Triết Giang, có anh em nhà họ Diêu, anh cả là Cư Nhân, em là Lợi Nhân, dáng người xinh đẹp, tính tình hòa nhã, ý chí mạnh mẽ dám làm việc nghĩa. Không những tính cách của họ giống nhau, mà khuôn mặt họ cũng giống nhau như đúc. Khi còn dưới hai mươi tuổi theo học thầy Phương Phương Thành. Gia cảnh thầy nghèo túng, Mã thị vợ thầy chỉ sinh được một người con gái tên là Mã Tuệ Lương. Trong lớp học của thầy có Hồ Hành Cốc là người thông minh, lanh lợi, luôn chăm chỉ học hành; một người là Phú Nhĩ Cốc, tuy lớn tuổi nhưng ý thế nhà giàu, học hành lười nhác lại mới cưới vợ, lúc nào cũng quần lấy nhau, không chịu đến trường; một người nữa là Hạ Học, học hành dốt nát, tính tình lại gian xảo, rất hợp với Phú Nhĩ Cốc. Nhiều lần thầy khuyên nhủ, song chúng chẳng lọt tai. Năm người cùng học một trường nhưng tính khí thì như nước với lửa. Về sau cha mẹ anh em họ Diêu đều qua đời, gia cảnh nghèo túng phải bỏ học, chỉ có Hồ Hành Cốc tới trường. Hạ Học thường bợ đỡ Phú Nhĩ Cốc.

Khi thầy Phương Thành qua đời, học trò rủ nhau đến đưa ma thầy. Hai anh em họ Diêu và Hồ Hành Cốc tới trước, Phú Nhĩ Cốc và Hạ Học tới sau. Thấy con gái thầy đẹp, lại đến tuổi trưởng thành, Phú Nhĩ Cốc lúc nào cũng dán mắt nhìn cô trong nhà tang lễ. Vì nhà đơn người nên cô phải chạy đi

chạy lại, khi thì Phú Nhĩ Cốc nhìn thấy đầu, khi thì nhìn thấy đôi chân. Đến khi cô khóc thì tiếng cô như tiếng oanh vàng, khiến cho tai mắt Phú Nhĩ Cốc lúc nào cũng để ý đến cô, lòng hẫng cứ rạo rức, hai mắt cứ nhìn vào cô như hai mắt cua. Còn ba người kia không hợp với hẫng nên cũng chẳng thêm để ý tới. Chỉ có Hạ Học là nói chuyện với hẫng, song hẫng cũng chẳng mặn mà.

Cỗ bàn xong mọi người ra về, Hạ Học sánh vai đi cùng hẫng, nói:

- Anh Phú! Sao hôm nay anh như người mất hồn thế!

- Tôi có một chuyện riêng cần nói với anh. Tôi đã thích con gái thầy khi còn chưa nuôi tóc, có điều cô còn bé quá, nay xem ra cô cũng tới mười sáu tuổi rồi. Hôm nay trong nhà tang lễ tôi thấy đôi chân cô đi giày trắng, chà chà, trông chẳng khác nào búp măng. Rất may vừa đúng lúc gió thổi tung rèm, quả thực cô như một nàng tiên hút hết cả hồn vía của tôi? Hạ Học, nếu có cách gì khiến cô ấy thuộc về tay tôi thì anh quả là một Cỗ áp Nha(1) sống.

(1) Cỗ áp Nha: một nhân vật hiệp khách thời Đường (ND).

- Việc ấy có khó gì? Hằng ngày anh cứ đến đó hộ tang mà thưởng thức là được rồi. - Hạ Học nói.

- Hôm nay đã chết mê chết mệt rồi, nếu đi nữa thì e rằng sẽ không về được. Sao anh không nghĩ cách giúp tôi lấy cô làm thiếp?

- Được thôi, - Hạ Học nói, - ta còn đi lại nhà anh luôn, nếu giúp mà không được thì tìm người khác cũng chẳng sao!

- Anh giỏi lắm. - Phú Nhĩ Cốc nói.

- Ngày nào tôi cũng ở nhà anh. Tôi nói câu này anh đừng giận nhé! - Hạ Học nói. - Đêm qua nóng bức như thế sao không lột trần?

Phú Nhĩ Cốc thúi cho Hạ Học một quả nói:

- Đồ chó! Tính khí đàn bà không làm tới là họ không chịu đâu. Chúng ta bức bối, ra ngoài giải, khuây một chút. Chúng ta không tháo ra, cứ tích mãi trong bụng sẽ thành bệnh, rồi lại phải mua thuốc, anh bảo có đúng không?

- Đúng, đúng đấy, chỉ có điều giá lại thêm một cô vợ nữa thì ông anh sẽ dẫn tới tận biên giới phía bắc, suốt ngày đeo kính để che cái mặt mình.

Hai người cứ ngật ngèo cười, Hạ Học nói:

- Việc này phải để cho đàn em này nghĩ kế.

Ngày hôm sau Hạ Học đến nhà họ Phương, mượn có giúp đỡ việc ma chay.

Vợ thầy ra cảm ơn, Hạ Học nói:

- Tiên sinh suốt đời làm một ông đồ gàn, nghèo rớt mồng tơi, khiến cô phải đứng dựng lo ma chay cho tiên sinh, quả là một bậc trượng phu trong nữ giới.

- Đúng thế, - vợ thầy nói, - trước mắt chi dùng còn tạm đủ sau đây còn phải lo việc chôn cất, song trong nhà không còn một đồng một chữ nào.

- Điều ấy có gì khó đâu? - Hạ Học nói. - Trong đám học trò, ngoài Hồ Hành Cổ nghèo kiệt xác ra, còn hai anh em nhà . họ Diêu cũng đủ ăn đủ tiêu, nhưng họ rất keo kiệt, chỉ có Phú Nhĩ Cốc là sống rộng rãi. Nếu cô nói với anh ấy một tiếng chắc rằng anh ấy sẽ giúp.

- Anh ta và thầy vốn không ưa nhau, sợ anh ta không chịu cho vay?

- Chỉ vì tiên sinh thủ cựu, không phóng khoáng như anh ấy. Phú Nhĩ Cốc rất hay giúp đỡ người, mượn độ mười lạng anh ấy cũng chỉ coi như cái móng tay thôi. Hiện nay vợ anh ấy đang ốm liệt giường, không ai cai quản gia đình, đang muốn bỏ ra mấy trăm lạng để tìm một người vợ lẽ, anh ấy có phải là người tiếc tiền đâu. Chỉ có điều là cô không chịu nói, chứ nếu cô chịu nhún mình thì con sẽ hết lòng vì cô.

- Nếu có mượn thì cũng chibốn năm lạng cũng từng tiệm rồi. - Vợ thầy nói.

Hạ Học cáo từ ra về, đến gặp Phú Nhĩ Cốc nói:

- Anh Phú, hôm nay tôi dâng bốc anh, từ một gã keo kiệt trở thành một người đại hào hiệp! Tôi nghĩ là họ mẹ góa con côi có thể ép họ được. Thôi thì chọn một ngày nào đó, đưa tới năm mươi lạng bạc, mấy tấm lụa, chỉ nói là cho vay. Nếu bà ấy cảm ơn thì nói vào một câu là xong. Nếu như bà ấy không nghe thì nói đó là lễ vật, rồi ta sẽ nói vun vào. Như thế có được không?

- Hai mươi lạng thôi! - Phú Nhĩ Cốc nói.

- Không được nói là lễ vật, - Hạ Học nói, - theo ta thì cứ phải đưa năm mươi lạng.

Phú Nhĩ Cốc đành nghe theo, lấy năm mươi lạng bạc, hai tấm lụa, hai tấm the đưa cho Hạ Học. Hạ Học để lại mười lạng, rồi gọi đứa ở mang chiếc

quả khem bỏ bạc vào đó đến gặp vợ thầy nói:

- Thừa cô con đã bảo anh ta là một người rất hào hiệp, khi tới đây rất may có một người đem trả bốn mươi lạng bạc. Khi con nhắc tới chuyện này anh ấy bèn đưa luôn, con bảo anh ấy để số tiền lãi lại, anh ấy bảo: "Cứ mang cả đi tôi sợ rằng bằng ấy vẫn chưa đủ". Con mang ngay tới đây cho cô.

- Tôi chỉ cần bốn năm lạng thôi, số còn lại xin phiền anh hoàn lại cho anh ấy.

- Tiên sinh sống một đời gàn dở, tất cả đều nhờ cô, nay của tự nhiên đến thì cứ lấy mà chi dùng, cô đừng ngại.

Mã thị còn do dự thì Hạ Học đã chào rồi đi một mạch ra cửa. Tuệ Nương nói:

- Mẹ ạ! Anh họ Phú là một người rất keo kiệt, sao lại giúp nhiều như vậy? Dù nhà mình nghèo mẹ cũng nên trả lại anh ta đi.

Đến ngày đưa linh cữu ra đồng, mọi người chung nhau phúng viếng, chỉ có Phú Nhĩ Cốc không chung với ai, tự làm một bài văn tế tới tế, bài văn tế như sau:

Ô hô! Tiên sinh bố vợ của ta,

Nghèo khổ một đời, theo nghề dạy học.

Thức khuya dậy sớm, đọc sách giảng bài. ăn mặc xuềnh xoàng, áo vải khăn thâm.

Đầu bù râu rậm, cần kiệm thật thà.

Không được đồ cao, bằng vàng mã đá.

Bổng nhiên lâm bệnh, vội vã ra đi.

Thầy nghĩ đến con, theo học lâu ngày.

Cho tới hôm nay, coi con là rể.

Thương tình cốt nhục, lệ nhỏ đầm đìa.

Tỏ rõ lòng thành, xin dâng lễ bạc,

Lợn đen dê trắng, thay thế bạc tiền, ô hô! Thương thay, thương hường.

Hạ Học nghe xong nói:

- Hay, hay tuyệt.

- Mình viết không cần phải suy nghĩ gì mà cũng gieo vần đấy chứ. - Phú Nhĩ Cốc nói.

- Chẳng biết thế nào mà lại làm con rể tiên sinh. - Diêu Cư Nhân nói.

- Anh Phú, anh đã có vợ rồi, sao còn lấy con gái thầy làm thiếp? Diêu Lợi Nhân nói.

- Nghiêu gả hai con gái cho Thuấn, một người là vợ cả, một người là vợ lẽ, điều ấy có ngại gì đâu? - Hạ Học nói.

- Nói càn! - Diêu Cư Nhân nói. - Việc ấy lọt tai làm sao được!

Mã thị bên trong nghe thấy, bước ra nói:

- Phú Nhĩ Cốc, tiên sinh vừa mất, anh đừng coi thường con gái tôi như thế! Khi lâm chung tiên sinh đã nhận Hồ Hành Cốc làm con rể, vì đang lúc tang gia bối rối nên tôi chưa nhắc tới, sao anh đến nỗi khinh bạc như thế?

- Không những làm nhục con gái tiên sinh, lại còn cướp vợ của bạn, chẳng lọt tai chút nào. - Diêu Cư Nhân nói.

- Diêu Cư Nhân? Việc gì đến anh. - Phú Nhĩ Cốc nói.

- Anh làm một việc bất nhân, - Diêu Lợi Nhân nói, - thì sao cấm được miệng người ta.

- Tôi đã đưa lễ vật rồi, - Phú Nhĩ Cốc nói, - có sao anh bảo tôi cướp vợ.

- Anh nói càn, - Mã thị nói, - Ai nhìn thấy anh đưa lễ vật?

- Điều này có nguyên do của nó, - Hạ Học nói, - hôm trước tôi mang tới bốn mươi lạng bạc, cô nói là mượn anh ấy, song anh ấy bảo đây là sính lễ.

- Các người là đồ súc sinh! - Mã thị nói. - Các người đã bày đặt ra để đánh lừa ta.

Thế rồi bà vào nhà trong lấy bạc và vải đoạn ra vắt bừa xuống sân. Phú Nhĩ Cốc nói:

- Bây giờ thì đã mượn rồi, mượn lắm rồi.

Rồi kéo Hạ Học định bỏ đi, song bị Diêu Lợi Nhân lôi lại. Hạ Học gầy yếu, bị Lợi Nhân lôi mạnh, ngã bổ chổng, nói:

- Ở nhà này mà các người còn dám dở cái thói ấy ra ư? Hãy mang ngay cả, anh Hồ sẽ là người làm lễ. Bạc của học trò chúng tao cũng đủ cho cô chi dùng. Mấy hôm nữa chúng tao sẽ công khai hoàn lại.

Hạ Học thấy khó xuôi, nói:

- Anh Phú vốn không phải rồi, song vì sợ rằng ở đây anh không lấy được thiếp nên mới làm như thế!

Thế rồi họ thu nhặt lấy số bạc và vãi đoạn của họ lại, kiểm kỹ thấy thiếu mất năm lạng. Hạ Học nói:

- Cô đã dứt khoát gả cho anh Hồ thì anh Hồ phải trả năm lạng này, chứ đời nào anh Phú chịu mất không.

Hồ Hành Cổ trong người không có một xu dính túi nên không dám lên tiếng. Thế là Diêu Cư Nhân nói:

- Ta sẽ trả cho anh ấy.

- Thế thì, - Hạ Học nói, - anh hãy trả ngay đi, khỏi phải chịu.

- Chẳng việc gì phải lo, - Diêu Cư Nhân nói, - trong năm ngày ta sẽ trả bằng xong.

- Xin anh nhớ cho nhé. - Hạ Học nói.

- Đã nói là trả đúng hạn. - Diêu Cư Nhân nói.

- Lấy gì để làm tin? - Hạ Học nói.

- Thì viết cho anh tờ cam đoan, - Diêu Lợi Nhân nói, - anh còn ngại gì nữa!

Hạ Học bèn làm người trung gian, viết xong tờ khế ước và cũng không quên ký tên vào đó. Phú Nhĩ cốc nhận tờ giấy ấy, thế rồi mọi người ra về.

Trên đường về Hạ Học trách Phú Nhĩ Cốc:

- Việc này giá cứ tà tà để tôi nói cho, anh cứ khoe tài nữa đi làm hỏng cả việc.

- Tôi nói là được tiên sinh yêu, để người ta biết mình là có tài, hai là cũng phải nói ra sự thực chứ.

- Bây giờ thì hỏng rồi! Hồ Hành Cổ thì không ngại, chỉ có điều anh em họ Diêu thọc gậy bánh xe thôi, nhất định phải cho chúng một trận mới hả giận, phải bầy chúng vào tròng cho chúng biết tay, lúc ấy tự nhiên Hồ Hành Cổ phải chấp tay lạy mà nhường Tuệ Nương cho anh.

- Có khó gì đâu ngày mai tôi sẽ sai thằng ở tới đòi bạc và bảo nó chửi cho nó mấy câu, tất nhiên nó không chịu được sẽ đuổi tới nhà chửi mắng, lúc ấy ta đóng chặt cửa đánh nó một trận cho bỏ tức.

Quả nhiên ngày hôm sau Phú Nhĩ Cốc sai thằng nhỏ đi đòi bạc, đúng lúc ấy gặp Diêu Cư Nhân. Cư Nhân nói:

- Đã hẹn năm ngày thì đúng năm ngày người tới đây mà lấy.

- Người ta bảo, có tiền thì lấy ngay không để cách đêm. - Thằng nhỏ nói. -

Ai bảo anh làm hảo hán.

- Mà y là đũa đầy tớ, đừng có nói láo. - Cư Nhân nói.

- Anh bảo ai là đầy tớ, - thằng nhỏ nói, - đồ vô liêm sỉ. Đã nợ người ta còn chửi quàng.

Thấy thế Cư Nhân dùng dùng nổi giận, tát nó một cái nói:

- Đồ tôi tớ cái tát ấy ta gửi cho Phú Nhĩ Cốc đấy. Bảo hẩn trong năm ngày đến đây mà lấy.

Thằng nhỏ hậm hực bỏ đi.

Thời ấy anh em Cư Nhân đã xong tang, Cư Nhân lấy Lưu thị được hơn một tháng, còn Lợi Nhân cũng đính hôn với con gái Nhựt Hoàn người cùng huyện, vẫn chưa cưới. Lưu thị nghe thấy Cư Nhân cãi nhau với thằng ở nhà Phú Nhĩ Cốc, nói:

- Anh cố gắng lo thu xếp số bạc ấy cho xong đi, em có một ít đồ trang sức, anh cầm lấy đưa trả cho người ta.

- Đúng năm ngày mới trả. Anh sẽ đến tận nhà chửi cho hẩn một trận.

Đến tối Lợi Nhân về tới nhà, thấy nói thế cũng khuyên:

- Chị cả muốn trả cho xong việc thì anh trả cho hẩn đi, chẳng cần phải gặp cái thằng ngu xuẩn ấy làm gì.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 14 (B)

Sáng sớm hôm sau chị dâu đưa đồ trang sức cho Lợi Nhân đi đổi bạc. Hôm ấy đưa ở nhà Phú Nhĩ Cốc lại tới chửi, khích cho Cư Nhân nổi khùng rồi đuổi đánh nó. Thằng ở ấy vừa chạy vừa chửi, Cư Nhân dừng lại thì nó cũng đứng lại chửi, khích cho Cư Nhân nổi giận rồi cứ đuổi theo nó. Lợi Nhân đi đổi bạc về, nghe thấy anh đã đuổi theo thằng ở đến nhà họ Phú, bèn chạy theo, không ngờ Phú Nhĩ Cốc đã định kế sẵn.

Tối hôm trước thằng nhỏ trở về, nó nói Cư Nhân đã chửi Phú Nhĩ Cốc, rồi tát nó và bảo tao gửi mày cái tát ấy cho Phú Nhĩ Cốc. Nhĩ Cốc bèn bàn với Hạ Học, rồi đi tìm một gã thầy kiện tên là Trương La tới bàn bạc. Phú Nhĩ Cốc nói:

- Ta là vua ở cái thôn này thế mà hai lần bị nó làm nhục, không còn mặt mũi nào cả, nhất định phải cho nó một trận mới được.
- Việc đã đến nước này, - Trương La nói, - phải nghĩ kế chơi chonó một vố.

Đang bàn soạn thì thằng ở mang trà tới, nó ốm đã lâu ngày, rất yếu ớt, làm rơi chén trà. Hạ Học cầm chiếc thước cốc vào đầu chẳng may nó ngất xỉu. Phú Nhĩ Cốc hốt hoảng nói:

- Nó ốm sắp chết rồi, tại sao anh đánh nó?
- Thằng ở này sắp chết đến nơi rồi, thôi thì nó đã chết thì ngày mai cứ đổ vấy cho nhà họ Diêu. Anh có nhiều tiền thì hai thằng ấy không thoát chết được đâu.
- Có lý, có lý đấy! - Trương La luôn mồm nói.

Thấy thế Phú Nhĩ Cốc bèn đâm đá thêm mấy cái, đưa ở tắt thở. Đứa ở này là con một người trong họ, cha là Phú Tài biết được bèn tới khóc toáng lên. Hạ Học nói:

- Con anh đã ốm đến mức như thế, nay cũng đến cái số nó chết. Vừa lúc nó mang trà tới, đã đánh đổ vào người ông, tức lên ông đánh nó một cái,

không ngờ nó chết. Chủ nhà đánh chết con ở là chuyện thường.

- Dù có đánh đổ trà cũng không được đánh chết người. - Phú Tài nói.

- Dứt khoát phải tìm một người đền mạng, việc xong ta sẽ viết đơn cho. - Trương La nói.

- Ta nuôi nó lớn, - Phú Nhĩ Cốc nói, - thì ta đánh chết nó cũng chẳng ngại gì. Nếu người nói bừa thì ngay cả người ta cũng đánh chết.

Phú Tài im bặt không dám hé môi. Hai vợ chồng đành nuốt nước mắt khóc thầm.

Ba đứa bàn bạc xong, chỉ chờ ngày hôm sau lừa anh em họ Diêu tới, nhất định sẽ mắc tròng. Không ngờ Cư Nhân tới trước, quát âm lên:

- Phú Nhĩ Cốc! Tại sao người sai người đến chửi ta?

- Tại sao người đánh đứa ở của ta? - Phú Nhĩ Cốc nói.

Đang cãi nhau thì Lợi Nhân chạy tới, nói:

- Thôi đừng cãi nhau nữa, bạc đây.

Phú Nhĩ Cốc đã tính toán trước liền vợ ngay lấy Cư Nhân đánh. Cư Nhân cũng chẳng chịu lép. Lợi Nhân vội vàng khuyên can, song làm sao mà can ngăn họ được. Trương La cũng vội chạy ra can, bọn chúng vào hùa đánh lừa anh em họ Diêu.

Thằng ở nấp đâu đó mang xác chết ra, đẩy vào người Diêu Cư Nhân, nói:

- Nguy rồi, nó đánh chết cháu ông chủ rồi.

Mọi người kinh ngạc, thấy một xác chết đầu vỡ toác, nằm sóng soài dưới đất. Phú Nhĩ Cốc nói:

- Được, mày sẽ biết tay! Anh em mày đánh chết người nhà tao.

- Tôi không hề chạm tay vào nó, sao anh lại đổ vấy cho tôi - Cư Nhân nói.

- Không phải tự nhiên nó chết được. - Phú Nhĩ Cốc nói.

- Có trời chứng giám. - Lợi Nhân nói.

- Trời với đất quái gì, - Trương La nói, - phải kiện lên quan.

Thấy thế bất lợi, anh em họ Diêu bỏ chạy. Phú Nhĩ Cốc bắt trói lại, gọi hàng xóm tới giải lên huyện. Thật là:

Đường bằng bỗng gập ghềnh,

Nước nông dâng sóng cả.

Mưu mẹo ngàn trượng sâu,

Hai rồng phải sa lưới.

Quan tri huyện họ Võ, là một người trong sạch liêm khiết: ông đang làm việc trong công đường thì mọi người vào quỳ trước cửa nói:

- Làng chúng con có vụ án mạng lên bẩm quan lớn.

Quan cho họ vào hỏi. Phú Nhĩ Cốc nói:

- Con là khổ chủ, tên Diêu Cư Nhân nợ con năm lạng bạc, con cho đứa ở đến đòi, hai anh em hăn đuổi tới tận nhà đánh nó chết, hàng xóm láng giềng đều biết.

- Tại sao người lại đánh chết đứa ở nhà anh ta? - Quan huyện hỏi Diêu Cư Nhân.

- Thưa ngài, - Diêu Cư Nhân nói, - con và Phú Nhĩ Cốc cùng học thầy Phương Phương Thành. Khi thầy mất, vợ thầy mượn anh ấy năm lạng bạc, anh ấy đến thúc bách đòi nợ. Vợ thầy chưa trả được, con nhận trả giúp. Thế rồi hằng ngày Phú Nhĩ Cốc sai đứa ở đến chửi bới. Con mang bạc đến trả anh ta, con có cãi nhau với Phú Nhĩ Cốc, chứ quả thực con không đánh đứa ở.

- Bẩm ngài, - Phú Nhĩ Cốc nói, - chính mắt con trông thấy Cư Nhân đánh chết.

Tri huyện gọi người hàng xóm vào hỏi. Người hàng xóm là Trúc Anh đã được Phú Nhĩ Cốc cho tiền, quỳ xuống nói:

- Con xin cúi đầu lạy quan lớn.

- Người khai đi?

- Con ở trước nhà Phú Nhĩ Cốc, - Trúc Anh nói, - con thấy thằng ở vừa khóc vừa chạy. Anh em Diêu Cư Nhân đuổi theo vào tận nhà, thấy họ cãi nhau một lúc lâu, rồi lại nghe thấy nói đánh chết đứa ở.

- Đứa bé bị đuổi là đứa bị đánh chết à? - Quan huyện hỏi.

- Thưa ngài đúng ạ. - Trúc Anh nói.

- Thế thì Diêu Cư Nhân đánh chết rồi. - Quan huyện nói.

Quan huyện lập tức giam hai anh em họ Diêu vào nhà giam, ngày hôm sau khám nghiệm tử thi.

Phú Nhĩ Cốc về nhà rất buồn. Trương La thấy vậy nói:

- Việc đã thành rồi phải can đảm lên một chút.

Nhĩ Cốc không biết rằng, tuy đã vu cho anh em họ Diêu, song Trương La đang muốn đưa Phú Nhĩ Cốc vào tròng. Ngay hôm trước hắn đã ngấm ngầm bảo Phú Tài giấu cái thước mà Hạ Học dùng để đánh chết con mình.

Nay đường La lại xui Nhĩ Cốc mua chuộc kẻ khám nghiệm tử thi. Hắn nói:

- Phải can đảm lên. Việc này còn chỗ sơ hở, nếu ngày mai khám nghiệm thấy vết thương đã hai ba ngày, phát hiện ra họ báo cho quan huyện thì làm thế nào? Chả nhẽ anh lại tự nhận mình là đã đánh chết đứa ở, rồi đổ tội cho người khác ư? Việc này phải dứt tiền cho người khám nghiệm mới được.

- Thế thì việc này ta phải đánh liều bỏ tiền ra. - Phú Nhĩ Cốc nói.

- Muốn thắng kiện, - Hạ Học nói, - phải không tiếc tiền.

Bị họ xúi bẩy, Phú Nhĩ Cốc đành phải nghe theo. Muốn người khám nghiệm tử thi báo thương tích lơ mơ thì cũng phải mất hơn trăm lạng. Nếu Phú tài xuất đầu lộ diện định đưa đơn kiện thì cũng phải cho nó mười lạng. Trương La bảo Nhĩ Cốc phải như thế. Đến nay Nhĩ Cốc nghĩ lại rất hối hận.

Hai anh em Diêu Cư Nhân bị giam vào nhà giam, bàn nhau, Cư Nhân nói:

- Xem ra tình thế khó xuôi, chúng có chứng cứ vu vạ cho mình. Thôi thì cũng là tại anh, nếu họ nhất định bức cung thì mình anh chịu. Còn em phải thoát ra, đừng rơi vào bẫy của nó.

- Anh ạ! - Lợi Nhân nói. - Anh mới cưới chị, chưa có con nối dõi, nếu anh bị tù thì chị sẽ bơ vơ. Thôi thì để em nhận cho, anh còn có thể ở ngoài xoay xở.

Cơm sáng xong, tri huyện ra lệnh đi khám nghiệm tử thi, bọn khám nghiệm đã nhận tiền hối lộ, khám nghiệm xong báo rằng: "Trên trán có vết thương do thước đập vào, trên người có vết thương do tay đâm và chân đá". Tri huyện không trực tiếp xem thi thể, rồi ghi ngay vào biên bản khám nghiệm đưa về huyện đường. Gọi đương sự ra thẩm vấn. Hai người giống nhau như đúc quan huyện không phân biệt được đâu là Cư Nhân, đâu là Lợi Nhân, bèn bắt kẹp cả hai người. Cư Nhân nói:

- Thưa ngài, quả thật con có đuối và chửi đứa ở, song thực tình con không đánh, mà ngay đứa bị con đuối cũng không phải là đứa này.

Tri huyện lại gọi Trúc Anh tới hỏi:

- Đứa chết có phải là con ở của Phú Nhĩ Cốc không?

- Thừa ngài đúng ạ. Đứa ở này chính là con Phú Tài.

Tri huyện nói:

- Như thế là đúng rồi.

Quan huyện khép luôn tội cho họ. Vì Phú Nhĩ Cốc đã đút lót nên anh em họ Diêu khó mà thoát tội, Cư Nhân bèn nhận là mình đánh chết. Lợi Nhân nói:

- Lúc ấy anh con đang giằng co với Phú Nhĩ Cốc thì đánh làm sao được? Chính con lỡ tay đánh chết.

- Chính con bảo em con đánh nó. - Cư Nhân nói.

- Quả thực con đánh chết, - Lợi Nhân nói, - thì sao lại hại anh con. Con xin chịu tội.

- Diêu Lợi Nhân nói đúng. - Quan huyện nói xong lại gọi Phú Nhĩ Cốc nói:

- Các người là bạn học, cái chết này là do lỡ tay, không thể xử tội chết được.

- Thừa ngài, - Phú Nhĩ Cốc nói, - đánh chết là sự thực, xin ngài xét xử công minh.

Quan huyện không nghe.

Khi ấy Hồ Hành Cỗ đã đính hôn với con gái Phương Phương Thành thấy Diêu Cư Nhân như thế đã vận động bạn học kêu oan cho anh. Tri huyện cho rằng, vì anh đánh nhau với Phú Nhĩ Cốc, Lợi Nhân vào cứu, dẫn đến ngộ sát. Trương La và Hạ Học lại nói Nhĩ Cốc đang ở thế cười hổ, xúi bẩy Phú Nhĩ Cốc dùng tiền giết chết anh em họ Diêu, làm đơn đệ lên đạo. Quan đạo bác lại rằng: "Theo lời khai là đuổi, vậy là do cố ý đánh, bởi thế trong giấy khám nghiệm ghi có nhiều vết thương, há rằng đây là do ngẫu nhiên sao? Không thể để cho đồng tiền có thể lực khiến cho dân chúng oán hận". Họ lại đệ đơn tới hình sảnh quan hình sảnh là một cử nhân không có bản lĩnh, thấy cấp trên bác bỏ, ông ta lại cho cùm kẹp đánh đập, cho rằng vì đánh nhau mà giết chết người, khép vào tội treo cổ, chờ đến mùa thu sẽ hành quyết, và lệnh bắt Diêu Cư Nhân. Diêu Cư Nhân thưa:

- Con mãi đánh nhau với Phú Nhĩ Cốc, có gọi em giúp đỡ đâu? Con đáng đền mạng, việc này không liên quan gì đến em con.

Lần thẩm vấn nào Cư Nhân cũng khai như thế. Cấp trên thấy anh là người nghĩa khí nên chỉ bắt một người đền mạng mà không tìm hiểu kỹ.

Cư Nhân được ra khỏi nhà giam, đành bỏ học để cày cấy kiếm tiền cung cấp cho em. Lưu thị luôn luôn trách móc chồng:

- Cha mẹ giao em cho anh, không những anh không chăm sóc em mà trái lại anh còn gây chuyện, đến nỗi em phải đền mạng.

- Khi ở trong nhà giam, - Cư Nhân nói, - anh em đã bàn nhau, Lợi Nhân nói, anh mới cưới vợ, sợ rằng anh mất đi thì lỡ cả cuộc đời của chị ấy. Và còn nói anh ở ngoài đi làm còn có thể giúp đỡ gia đình, cho nên chú ấy đã nhận thay anh. Quả thực anh cũng không yên lòng. Nay thì quan trên đã xử rồi, dù có muốn thay đổi cũng không được nữa.

- Anh sợ làm lỡ cuộc đời em ư, - Lưu thị nói, - hiện chú cũng đã khuyên nhà họ Nhựt gả thím ấy cho người khác, nhưng thím ấy không nghe. Vậy chẳng phải đã làm lỡ dở cuộc đời của thím ấy ư?

Cư Nhân ở ngoài chạy ngược chạy xuôi kiếm tiền cung cấp cho em, cuộc sống gia đình tạm ổn, Cư Nhân cũng yên tâm đôi chút. Song Phú Nhĩ Cốc, thì từ khi đi kiện tới nay luôn bị Trương La lừa gạt, gia cảnh ngày càng điêu đứng.

Ngày qua tháng lại, sự việc xảy ra đã được ba năm. Đúng vào dịp triều đình lệnh cho các quan xem xét lại hình phạt. Khi ấy Lưu thị đã sinh được đứa con trai vừa tròn một năm. Nhựt thị không chịu đi lấy chồng, nhà lại nghèo, Lưu thị đón về chia nhà cửa và gia sản cho Nhựt thị. Được tin triều đình sắp xem xét lại các hình phạt, Lưu thị nói:

- Việc này tuy là bị vu khống, khi xét lại hình phạt người ta có phát hiện ra không. Thôi anh hãy dùng ít tiền, mời người giải chú ấy về nhà. Hai anh em anh giống nhau, anh sẽ thay cho chú ấy, để cho chú thím ấy sống với nhau. Em và anh đã có con trai, không tuyệt tự rồi.

Cư Nhân cứ khen vợ nghĩ thế rất đúng. Quả nhiên mời được người áp giải tới nhà, mua chuộc họ, và nói là muốn hoãn lại hai ngày, chờ cho vợ chồng Lợi Nhân sống với nhau. Được tiền, người áp giải bằng lòng ngay. Song Lợi Nhân không muốn sống với vợ. Cư Nhân nói:

- Em ạ! Vợ em không chịu đi lấy người khác, em không sống với vợ chẳng hóa ra em phụ lòng tốt của thím ấy sao? Nếu được một đứa con trai hay một đứa con gái thì em cũng không đến nỗi tuyệt tự.

Khuyên giải mãi Lợi Nhân mới nghe theo.

Đến hôm giải đi Cự Nhân đeo gông, lên đường dặn em rằng:

- Anh thay em đi trước, em cứ tà tà rồi đi sau.

Thật là:

Sáng tiễn anh ra cửa,

Rừng thông rụng đầy hoa.

Anh em tình sâu nặng,

Nước mắt chảy chan hòa.

Người giải quyết cũng không sao làm rõ ra được, tới xem xét lại hình phạt cũng chỉ dựa vào những thư lại, song cũng phải tra hỏi một chút. Pháp đường gọi đến tên mình, Cự Nhân ở dưới rất lo lắng, song quan cũng chỉ hỏi qua loa vài câu cho xong chuyện. Lúc ấy Lợi Nhân cũng tới nha môn, chỉ lo anh bị xử tội. Cự Nhân ra trông thấy em nói rằng:

- Em cứ về trước đi, anh và người áp giải sẽ về nhà ngay.

Không ngờ Cự Nhân và Lưu thị đã bàn soạn trước, Cự Nhân không trở về nữa mà bảo với người áp giải đưa mình vào nhà giam. sau đó người áp giải gửi thư tới nhà báo tin. Lợi Nhân khóc rống lên muốn tới bẩm việc này với quan để tù thay anh. Người áp giải nói:

- Nếu làm thế thì anh giết chúng tôi. Quan sẽ đánh chết chúng tôi ngay. Anh hãy chờ khoảng một tháng nữa, quan sát viện tới, nhất định sẽ thẩm vấn lại, lúc ấy anh tới, như thế tiện hơn.

Lợi Nhân đành phải ở ngoài, đối đãi với anh và chị dâu chẳng khác nào cha mẹ, song vẫn không sao tù thay cho anh được.

Rốt cục lẽ trời cũng sáng tỏ. Việc ấy xảy ra âu cũng chỉ là vận hạn của anh em nhà họ Diêu mà thôi. Một hôm Trương La đến nhà Phú Nhĩ Cốc mượn tiền. Phú Nhĩ Cốc nói:

- Mấy năm nay quả thực tôi rất khó khăn, không còn tiền nữa để cho anh vay.

- Thế anh bắt Lợi Nhân vào tù không phải mất tiền ư. - Trương La nói.

Thấy Trương La giở giọng, Phú Nhĩ Cốc nói:

- Ta uống rượu đã rồi hãy nói tới chuyện này.

Trong lúc hâm rượu không cẩn thận Phú Nhĩ Cốc để cho tàn than bay vào

rượu, nhìn kỹ ra thì thấy trong rượu có những hạt nhỏ li ti màu đen. Trương La lấy móng tay khều ra. Phú Nhĩ Cốc thấy Trương La đến lừa, trong lòng buồn bã không . uống rượu. Trương La sinh nghi, không ngờ khi về tới nhà, vì ăn nhiều đã đi tả, bị một trận thập tử nhất sinh. Lúc ấy Trương La mới biết đích xác là Phú Nhĩ Cốc bỏ thuốc độc, muốn tố giác chuyện này, song đang định mượn tiền Nhĩ Cốc, bởi thế Trương La đành ngậm miệng. Tới hai tháng vẫn không mượn được tiền của Phú Nhĩ Cốc.

Rất may năm ấy nhà nước mở khoa thi, Hồ Hành Cốc thi đỗ. Hành Cốc nói với vợ:

- Anh với em lấy được nhau đó là nhờ anh em nhà họ Diêu, vì mình mà anh ấy bị hại.

Sau khi thi đỗ vợ chồng Hồ Hành Cốc đến cảm ơn và hứa sẽ chu cấp cho anh em họ Diêu. Việc này không cần phải kể. Một hôm Hồ Hành Cốc tới nhà một người thân ăn cỗ, Trương La cũng có mặt trong bữa cỗ ấy. Trong lúc chuyện trò, nói tới nỗi oan của Diêu Lợi Nhân, Trương La chắp tay nói:

- Việc này quả là oan uổng, nếu tiên sinh muốn cứu anh ấy chỉ cần hỏi Phú Tài là được ngay.

Hồ Hành Cốc im lặng không nói. Hôm sau đến nhờ Trương La mách nước. Trương La biết rằng khi mình say đã lỡ lời, song Hồ Hành Cốc đã đến tận nhà hỏi mình, hơn nữa đang cầm Phú Nhĩ Cốc bỏ thuốc độc hại mình, bèn đem chuyện xảy ra trước đây nói với Hồ Hành Cốc. Hành Cốc nói:

- Thế thì tiên sinh có trông thấy không?

- Chính tôi tận mắt trông thấy mà. - Trương La nói.

- Vậy có gì làm chứng?

- Còn cái thước là tang vật hành hung và tiền bạc Phú Nhĩ Cốc đút lót hiện đang ở chỗ Phú Tài.

Nghe xong Hồ Hành Cốc chào từ biệt, đến ngay chỗ Diêu Lợi Nhân bàn bạc. Vừa đúng lúc án sát viện tới, Hành Cốc bảo Lợi Nhân tới cáo giác Phú Nhĩ Cốc giết người rồi vu cáo hãm hại người khác. Hồ Hành Cốc là môn sinh, cũng trực tiếp đến nói, án sát viện phê. "Nếu là bị vu oan, song e rằng khó mà lật lại án đã tuyên", rồi lệnh cho quan hai phủ Đài, Ninh thăm vấn lại vụ án. Rất may quan phủ Ninh Ba là thầy học của Hồ Hành Cốc, lại trực tiếp

giải quyết việc này. Hồ Hành Cỗ gửi cho ông một bức thư kể rõ việc anh em họ Diêu vì làm việc nghĩa mà bị thù hằn. Phú Nhĩ Cốc kết bè kết đảng, vu cho họ giết người. Tri phủ Ninh Đài theo bản cáo trạng gọi tất cả những bị can tới. Tri phủ Ninh Đài hỏi Phú Tài:

- Người là đứa ở tại sao lại thông đồng với Phú Nhĩ Cốc hãm hại người?

- Bẩm quan, - Phú Tài nói, - con không hề kiện Diêu Lợi Nhân.

- Quả thực Diêu Lợi Nhân đánh chết người phải không? - Tri phủ hỏi.

Đang lúc Phú Tài không dám nói, Tri phủ quát:

- Hãy kẹp nó cho ta!

Phú Tài sợ quá đành phải khai:

- Thừa ngài không phải ạ, Hạ Học đã lấy thước đánh con con ngất xỉu. Sau đó Phú Nhĩ Cốc đâm đá tiếp khiến nó chết, chính Trương La cũng trông thấy.

- Thế tại sao người không cáo giác?

- Vì là chủ của con, nên con không dám cáo giác.

Sau đó quan gọi Trương La hỏi, Trương La đành phải khai thật. Tri phủ sai người đi truy tìm thước và bạc đứt lót cho Phú Tài. Không cần phải khám nghiệm tử thi. Hạ Học và Phú Nhĩ Cốc định chối cãi, nhưng Trương La đã khai tất cả sự thật nên không dám nói quanh.

Tri phủ lệnh đánh mỗi đứa bốn mươi gậy, Phú Nhĩ Cốc vô cớ đánh chết đứa ở vu cáo tội giết chết người cho người khác nay bị ghép vào tội đầy đi nơi xa. Hạ Học bàn kế giết người cùng với Trương La, cưỡng bức người khác làm chứng để hại người đều khép vào tội bị đi đầy. Diêu Lợi Nhân vô tội được tha. Những người xử kiện sai trước đây đều bị phạt nặng.

Cư Nhân trở về, vợ chồng anh em đoàn tụ, cả nhà hết sức vui mừng. Mọi người lại biết Lợi Nhân nhận tội thay cho Cư Nhân, Cư Nhân vào tù thay tho Lợi Nhân, quả thật hiếm có anh em nào được như thế. Hạ Học, Phú Nhĩ Cốc âm mưu hãm hại người cuối cùng khó thoát được lưới trời. Trương La xảo quyệt cũng phải sa lưới pháp luật. Tuy có ba năm song Lợi Nhân đã chịu biết bao đau khổ nhưng cuối cùng lưu lại tiếng tốt cho đời, còn Hồ Hành Cỗ đã làm đơn kêu oan cho bạn, tuy là lẽ trời sáng tỏ song cũng thấy Hồ Hành Cỗ là người có nghĩa. Đúng là:

*Gặp nạn nêu gương sáng.
Lâu ngày tỏ lẽ trời.
Gian manh thật đáng kiếp,
Đã phải sa lưới trời.*

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 15

Giấu Đầu Lâu, Cướp Không Người Đẹp

Mở Quan Tài, Chàng Rể Thoát Nguy

Đọc sách Thánh hiền để làm gì? Khi chưa làm quan phải có tấm lòng kinh bang tế thế, ăn lộc của vua thì phải trung với vua. Khi làm quan càng phải ra tay cứu nhân độ thế. Nếu như trông coi việc chăm sóc dân thì phải làm lợi cho dân, diệt trừ tai họa, chăm lo đến cuộc sống của dân, không chỉ ngồi làm mà ăn hại cơm trời. Trông coi việc tiền thóc thì phải chống gian lận, thu đủ cho nhà nước, không được vơ vét của dân. Trông coi về hình phạt thì không được để cho người đời chịu oan sai, phải tìm con đường sống cho dân chứ không được hồ đồ như bọn người vô học. Như thế mới không uổng công đèn sách, không uổng công làm quan. Nếu như được đội mũ the, hoặc làm thư lại quản việc văn thư, thì cũng phải làm đơn từ chính xác, kiểm chút tiền giấy bút, nhận chút lễ vật, như vậy cũng không uổng công học hành. Song, phần lớn những người làm quan không toàn thiện toàn mỹ, có người có tài làm quan song không trong sạch, có người cực kỳ liêm khiết song không tránh khỏi quá uy nghiêm, đó cũng là trong cái tốt có cái không tốt vậy.

Nhưng quan lại nổi tiếng trong triều rất đông, song người sáng suốt quyết đoán có được mấy người. Thời ấy Hoàng Phát tham chính Tứ Xuyên, bỗng một hôm thấy một cơn lốc nổi lên bên chân ngựa, rồi ào ào di chuyển về phía trước. Ông bỗng sinh nghi, sai người đuổi theo, đuổi mãi tới chùa Tây Biên châu Sùng Khánh, gió xoáy tới một chiếc hồ thì dừng lại. Hoàng tham chính vào chùa, thấy có mấy nhà sư ra đón tiếp, trong đó có hai người dáng vẻ hung ác. Ông bèn lệnh lấy dấm rửa sạch hai thái dương của những người này, thì thấy dấu vết của chiếc khăn lưới trùm mặt. Sai người tra khảo thì chúng khai là ngày nào chúng cũng đi cướp của, giết người rồi vứt xác

xuống hồ, cho người xuống vớt quả thực đã vớt được xác người. Lại có một vị tên là Lỗ Mục, trong lúc đi tuần tra thấy một con rắn cứ bò theo kiệu của ông, sau đó chui xuống ao. Ngài Lỗ bèn cho tát cạn ao, thì thấy một xác người buộc vào một thớt cối đá chìm xuống đáy ao. Ngài đã lệnh cho người mang chiếc thớt cối ấy đến đọ với những chiếc cối ở các nhà lân cận, sau đó bắt được kẻ giết người. Lại còn một vị tên là Quách Tử Chương làm thối quan (chức quan trông coi việc hình phạt tại phủ), thấy một con khỉ bám vào đòn kiệu của mình, ông đem con khỉ ấy giấu trong nha môn, rồi vờ nói rằng trong nha môn có một chiếc ghế biết nói, có thể đoán được họa phúc của từng người để lừa mọi người đến nha môn xem. Con khỉ gù bỗng chạy ra kéo lấy một người, thì đó chính là kẻ đã âm mưu giết chết một người ăn mày tên là Hồ Tôn. Đó là một số người làm quan đã minh oan cho người đã chết, song lại có những vị quan không những minh oan cho người đã chết mà còn minh oan cho người sống thoát tội.

Trong triều của chúng ta có một vị quan tên là Thạch Phác, làm quan tới chức tư mã, ông đã có công dẹp quân Miêu ở Quý Châu. Khi ông còn làm chức quan bố chính, trong các bữa tiệc thường có các vị phu nhân của các quan đồng liêu tới dự. Người ta đều quần là áo lượt, trang sức đeo đầy người, còn phu nhân của ông chỉ quần nâu áo vải, bà có vẻ không vui. Khi về Thạch bố chính hỏi:

- Hôm nay tôi dự tiệc, bà ngồi ở vị thứ mấy.
- Tôi được ngồi ở vị thứ nhất.
- Chỉ vì tôi không tham ô cho nên bà được xếp vào vị thứ ấy. Nếu tôi đòi tiền thì e rằng vị thứ nhất ấy bà chẳng được ngồi.

Quả thật ông là người thanh liêm, ai ngờ ông cũng là người giải quyết công việc sáng suốt.

Chuyện kể rằng, ở huyện Hiệp Giang, phủ Lâm Giang, Giang Tây, có một người tên là Bách Mậu, hiệu Thanh Giang, làm thư lại của bản huyện. Ông là một người luôn luôn làm đúng với bốn phận của mình, không bao giờ lợi dụng công việc để lộng hành, che mắt quan trên, làm những điều xấu xa,

chỉ kiếm chút tiền theo phận sự để sống, chỉ lấy tiền công sao chép và đi đưa giấy tờ tốt ra thì uống vài ba chén rượu là xong. Mọi người bàn về việc công, còn ông chỉ thích rượu, chẳng biết trong công đường có bao nhiêu người, cũng chẳng biết kẻ nào là ác độc. Khi ở nhà thì cơm có thể thiếu nhưng rượu thì không sao thiếu được. Uống rượu say là ngê ngao hát, hết kê người này lại gọi người kia. Khi ngủ thì nằm vệt nằm vạ chẳng quản đầu giường hay cuối giường, lúc tỉnh dậy bậ đầu gối dậy, chẳng quản gì đến bàn ghế hay nền đất, đến năm bốn mươi tuổi thì nghiện rượu. Ngay như khi gặp quan cũng phải uống một chén, nói là để thêm can đảm. Người ta mời uống rượu thì uống đến mềm môi, đi ngật ngà ngật ngưỡng, mười lần thì chín lần phải dìu về, có khi còn nôn thốc nôn tháo. Nhiều cũng say, mà ít cũng say, không say cũng muốn uống, mà say rồi cũng muốn uống. Người ta thường gọi ông ta là gã nát rượu. Ông lấy một người vợ họ Lam, tuy không uống rượu nhưng cũng không kém cạnh. Chưa đến chính Ngọ thì bà ta chưa chải đầu, có khi còn chờ đến ngày mai mới chải một thể. Mặt trời chưa lên cao thì chưa dậy, có khi mặt trời đứng bóng mới dậy. Giày cũng thường xỏ trái, quần áo lúc nào cũng nhơ nhớp cáu bẩn. Một lạng gai xe tới hai mươi ngày, một tấm vải dẹt tới hơn một tháng. Cũng mừng là hai người chẳng chê nhau, họ sinh được một mụn con gái, đặt tên là Ái Thư, là người rất xinh đẹp và hay làm dáng:

*Lông mày nàng như dãy núi sau mưa
Thân mảnh mai như gió đưa nhành liễu
Trán nàng sáng như hoa mai trên tuyết
Má nàng hồng như đào nở trong sương.*

Nàng thuộc loại đẹp nhất nhì trong vùng. Chỉ có điều vì cha mẹ mà chịu liên lụy, ai cũng bảo rằng đó là con của gã nát rượu, chẳng có người nào nhòm ngó tới. Năm tháng cứ dần trôi thoát cái nàng đã mười tám tuổi, lúc nào nàng cũng giận hờn oán phẫn, khóc nguyệt thương hoa.

Có người anh họ tên Từ Minh, là một tài chủ mới phát lên, tuổi chừng hai

sáu hai bảy, người trông cũng được, song rất hiếu sắc, tất cả những con hầu người hạ không kể đẹp, xấu hẳn đều không buông tha. Khi còn nhỏ, thấy em họ xinh xắn hẳn đã mê tít. Vì định kiện hai chủ nợ tô nên hẳn muốn Bách Thanh Giang viết đơn kiện giúp, đến nhà hẳn hỏi:

- Cậu có nhà không?

Khi ấy Bách Thanh Giang đã đến nha môn, Lam thị vẫn chưa dậy, ái Thư thấy thế bước ra đáp:

- Không có nhà ạ!

Lam thị đang trên lầu, nghe thấy tiếng Từ Minh, nói vọng xuống lấy lòng:

- Ái Thư mời anh vào nhà đi con, mẹ xuống ngay đây!

Ái Thư mời Từ Minh vào nhà rồi đi pha trà.

Lam thị dậy vẫn cứ ngồi trên giường bó chân, mặc quần áo, rồi lại tới soi gương chải đầu. Dưới này Ái Thư đã mang trà tới. Từ Minh đặt chén trà lên bàn, hai tay chống lên đầu gối, ngậy người ra nhìn Ái Thư, nói:

- Em Ái, anh nhớ hình như năm nay em đã mười tám tuổi rồi?

- Vâng ạ! - Ái Thư nói.

- Em vẫn chưa cho anh uống trà đấy! - Từ Minh nói. - Chị em mười tám tuổi đã có con rồi.

- Anh có hai con rồi ư? - Ái Thư nói.

- Lại còn một đứa đang trong bụng chị nữa đấy. - Từ Minh nói. - Như thế là ba đứa cả thảy.

- Chị ấy có đẹp không? - Ái Thư nói.

Từ Minh cố ý ghé sát đầu vào Ái Thư nói:

- Xấu lắm, không bằng cái móng tay của em đâu, sau này anh còn phải lấy hai người vợ kế nữa.

Đang nói thì Lam thị xuống lầu, hỏi:

- Có phải đến về việc kiện cáo không?

- Cháu uống trà rồi đi ngay đây ạ! - Từ Minh nói.

- Ngày mai tôi bảo cậu đến gặp cháu. - Lam thị nói.

- Không cần đâu ạ! Ngày mai cháu đến.

Quả nhiên ngày hôm sau Từ Minh đến, vào nhà thấy Ái Thư ngồi một mình

như đang nghĩ ngợi điều gì. Hắn nhẹ đặt tay lên vai cô nói:

- Cậu có nhà không?

Ái Thư giật mình đứng dậy nói:

- Bố em đi rồi, hôm qua em đã bảo bố em chờ anh, chắc ông uống say lại quên rồi.

- Cô vẫn chưa dậy ư? - Từ Minh hỏi:

- Chưa dậy, - Ái Thư nói, - em đi gọi nhé.

- Đừng đánh thức cô dậy nữa. - Từ Minh nói.

Thế rồi anh ta kéo Ái Thư ngồi xuống.

- Sao lại thế này! - Ái Thư nói.

- Anh em ngại gì. - Rồi lại kéo tay cô nói. - Đôi tay em như búp măng, không đeo xuyến đeo nhẫn gì ư?

- Nhà em nghèo lấy đâu ra những thứ ấy.

- Anh sẽ làm mỗi cho em một người để em được đeo vàng đeo bạc. Lúc đó em phải tạ ơn anh thế nào đây?

Họ ngượng ngùng sán vào nhau hồi lâu, rồi Từ Minh giật lấy chiếc túi hương liệu trên người Ái Thư nói:

- Tạ ơn anh nhé!

Rồi hắn đứng dậy ra về và còn nói:

- Ngày mai anh lại đến.

Ái Thư bị hắn bám riết, cũng thấy rung động. Hằng ngày Bách Thanh Giang vẫn đến nha môn tìm rượu uống. Lam thị không muốn dậy sớm, còn Từ Minh vào kiểm cố nhờ việc kiện cáo ngày nào cũng lân la tới, như vào chỗ không người.

Hôm sau hắn đến mang một chiếc trâm vàng và hai chiếc nhẫn vàng, nói:

- Anh trả em chiếc túi hương liệu hôm qua.

- Cái gì đấy? - Ái Thư hỏi. - Anh nói đi.

Ái Thư thích quá, cầm lấy ngay. Từ Minh nói:

- Em ạ! Anh có chuyện muốn nói với em. Cậu là người nát rượu, không biết để ý đến việc chồng con của em, khiến em lỡ cả tuổi xuân. Còn chị thì em cũng biết rồi đấy, đã xấu lại ốm đau. Nhà anh thiếu một người đảm đang như em. Chúng mình là anh em, thì còn chờ đợi gì nữa.

- Việc này còn tùy cha mẹ. Chỉ cốt nhất là em bằng lòng, thì sợ gì cha mẹ không bằng lòng.

Thế rồi Từ Minh bế Ái Thương gồi vào lòng, cúi sát vào mặt Ái Thương nói:

- Em yêu, hình như con người, tính cách và việc nhà đều xứng đáng với em. Nếu như cậu cứ nát rượu như thế sẽ chẳng tìm ra người tốt đâu.

- Anh em không thể lấy nhau được. - Ái Thương nói.

- Rất nhiều, rất nhiều. - Từ Minh nói. - Công khai lấy nhau rất nhiều, mà ngầm ngầm lấy nhau cũng rất nhiều.

- Đừng có nói càn. - Ái Thương cười nói rồi đẩy Từ Minh ra, đứng dậy. Lúc ấy đã thấy Lam thị tỉnh giấc, gọi lấy nước rửa mặt. Từ Minh bỏ đi. Từ đó họ thường đi lại với nhau, quyến luyến chẳng muốn rời nhau. Ngọn lửa tình duyên bùng cháy.

Một hôm nhân lúc vắng người, Từ Minh ôm chầm lấy Ái Thương nói:

- Anh không chờ được nữa rồi.

- Không được! - Ái Thương nói. - Nếu ta cứ làm bừa thì làm sao mà lấy chồng được.

- Lấy anh. - Từ Minh nói.

- Chưa bàn bạc xong.

- Chúng ta đã bàn với nhau rồi. - Từ Minh nói.

Ái Thương khẳng khái không chịu, Từ Minh bèn quỳ xuống, nói:

- Em yêu! Ngay từ hồi còn bé anh đã yêu em và đến nay anh vẫn yêu em, hãy thương anh, em hãy thương anh đi.

- Anh đang làm phiền em, mẹ em mà nghe thấy thì chết.

- Anh đang muốn cho bà nghe thấy, nghe thấy còn tốt hơn nhờ người làm mối. Việc đã rồi, sợ gì bà không bằng lòng?

Ái Thươngáng sức đẩy ra, song không sao đẩy được khi thấy Từ Minh khẩn thiết cầu xin. Vừa mới lơi tay đã bị Từ Minh đè xuống đặt lên ghế. Ái Thương sợ mẹ biết, cứ gỡ tay hăn ra, không cho Từ Minh giở trò quỷ quái, nói:

- Anh hãy tha cho em, chờ sau này hãy hay.

- Trước hay sau thì cũng thế, - Từ Minh nói, - càng sớm càng tuyệt vời.

- Thế thì ngượng chết, còn mặt mũi gì nữa.

Ái Thương tuy nói thế nhưng vẫn nghe theo. Sớm một chút, Ái Thương hoảng sợ,

muốn chạy ra lại sợ người khác biết được không dám lên tiếng. Từ Minh nói:

- Vì em không chịu khiến anh vội vã. Bây giờ cứ để anh tự nhiên sẽ không đau đâu.

Ái Thư đành để cho Từ Minh thử một lần nữa. Thân liễu nhẹ bay, đôi mắt lim dim, miệng rên khe khẽ, tình sao kể xiết. Từ Minh cũng chỉ muốn làm qua như thế, chứ không định tận hưởng hết thú vui. Ái Thư cảm thấy vô cùng phiền não, một màu hồng tươi loang trên áo.

Oanh vàng đậu trên cao.

Lung lay cánh hồng rụng.

Đáng tiếc xuân đang dở,

Mà hoa đã phai tàn.

Phàm là con người ta chỉ trong chốc lát mà mắc phải sai lầm, một phút không kiên định thì cái ý niệm giữa gái trinh và dâm phụ chính là ở chỗ then chốt này đây. Nếu lỡ bước thì sau này càng cứu vãn càng sai, và hẳn sẽ càng gây thêm rắc rối. Từ đó trước lạ sau quen, hai người dần dần cứ dần sâu vào cõi thú vui lúc cao hứng lên, bất giác bật ra đôi ba tiếng cười và không sao giữ kín được. Lam thị đã thấy nghi, một hôm nghe thấy tiếng chiếc ghế tre kêu cọt két, vội vàng tới cửa lâu nhìn thì thấy Ái Thư ngồi trên ghế, Từ Minh đứng đó đặt hai đùi Ái Thư gác lên vai, hai tay Ái Thư ôm chầm lấy cổ Từ Minh, dưới thì động đậy, trên thì hôn hít.

Lam thị bèn chạy xuống, hai người thấy động vội buông nhau ra. Lam thị đã đến ngay trước mặt, định đánh Ái Thư thì Từ Minh nói:

- Cô đừng làm ầm lên, nếu chuyện vỡ lở thì cô cũng chẳng ra gì. Chúng con đã hứa hẹn với nhau, con sẽ cưới Ái Thư về làm thiếp. Song có điều rất khó nói, nay cô đã biết thì mong cô hãy thu xếp việc này. Con gái mười tám mười chín tuổi mà vẫn còn giữ ở nhà, như thế là không nên.

Ái Thư là con một, Lam thị không nỡ làm nó rầy rà, hàng ngày lại rất xu phụng Từ Minh, bỗng chốc nổi bực tức tiêu tan, chỉ nói vài câu cho qua

chuyện:

- Chúng mày đừng làm như thế, làm thế thì ta còn mặt mũi nào nữa? Ông say mà biết được thì làm thế nào?

Rồi bà ta cứ thở dài thườn thượt. Từ Minh khe khẽ nói:

- Cháu hoàn toàn nhờ cô che chở và sắp đặt cho.

Hôm ấy Ái Thư cứ phải lẩn trốn không dám gặp mặt mẹ.

Ngày hôm sau Từ Minh mang tới vài chục lạng đồ trang sức đưa cho Lam thị, mong bà che giấu cho. Lam thị không nhận, Từ Minh cứ van nài mãi bà mới nhận, rồi nói:

- Khi ông say không có rượu thì ông ấy rất cố chấp nói chưa chắc ông đã nghe. Mà khi đã rượu vào, say càng khó nói. Ông ấy đã cân nhắc đi cân nhắc lại không biết bao nhiêu lần, cuối cùng đã quyết gả cho lão Đại. Nếu nói làm vợ lẽ cháu thì ông ấy sợ người ta chê cười và nhất định không chịu gả. Có điều bây giờ chúng mày đã để xảy ra việc này thì ta vẫn cứ để cho chúng mày ngấm ngấm đi lại với nhau.

Ba người thỏa thuận để che mắt Bách Thanh Giang. Cháu cô cháu cậu xưa nay đi lại với nhau, chẳng ai để ý tới làm gì, Vì thế hai đứa cứ tự nhiên lên lầu hành sự, Lam thị ở dưới trông chừng.

Ngày qua tháng lại đã được hơn nửa năm. Lam thị biết con mình đã hư hỏng, sợ rằng lời ra tiếng vào sẽ khiến cho các bà mỗi kiếm cớ thoái thác.

Song Bách Thanh Giang chẳng hay biết gì, nói:

- Trai to dạm vợ, gái lớn gả chồng, có sao bà cứ để nó ở nhà hầu hạ bà?

Nhân cơ hội ấy Lam thị mới nói vào:

- Cháu đẳng ngoại nhà họ Từ muốn cưới nó làm vợ.

Nào ngờ Bách Thanh Giang say rượu hất tung chiếc bàn nói:

- Con gái ta mà lại gả làm vợ lẽ cho nó à? Anh em con cô con cậu còn rất gần, về luật, nếu đã lấy nhau cũng phải bỏ.

Lam thị và Ái Thư cứ âm thầm kêu khổ. Lại có một người thư ký của huyện này tên là Giản Thăng, vợ mới chết, không cha mẹ, không con cái, cuộc

sống cũng tạm ổn. Vì tới tìm Bách Thanh Giang, thấy con gái ông nên mượn người tới hỏi. Bách Thanh Giang cho rằng anh ta sống một thân một mình, mà lại biết giữ gìn bốn phận, bởi thế gả cho anh. Hai mẹ con Ái Thư không sao ngăn nổi, nên đành phải để nhà trai dẫn lễ, chọn ngày mồng chín tháng Ba thì cưới. Từ Minh biết tin cũng chẳng làm sao được.

Một hôm Từ Minh đến thăm Ái Thư, cô bèn kéo Minh ra khu vườn nhỏ sau nhà, hai người ngồi trên chiếc giường Hồ, Ái Thư gục đầu vào lòng Từ Minh, nói:

- Anh hại em, anh phụ lòng em, lúc ấy em không nghe, anh cứ nài nằng đòi, hứa sẽ cưới em về, sao bây giờ anh không nói đi? Bây giờ em đã thất thân với anh thì làm sao còn đến nhà người ta được?

- Chỉ vì cha em không chịu gả. - Từ Minh nói. - Người mà em lấy lại chính là Giản Thăng ở lối cửa sau nhà anh. Anh ta là người tham lam độc ác, có người vợ đẹp như hoa nhưng bắt khoan bắt nhặt đủ điều, không ngày nào là không đánh chửi nhau, sau vợ phải bỏ mạng. Nay anh ta lại cưới em làm vợ kế.

- Cha em nói kinh tế nhà anh ta cũng khá. - Ái Thư nói.

- Bố em cũng làm thư ký, - Từ Minh nói, - chỉ nghe thấy bố em cạo giấy chứ có thấy bố em đếm tiền đâu.

Thấy Từ Minh nói thế Ái Thư buồn vô hạn, nói:

- Vừa nãy anh nói, nhà anh có cửa sau, nếu như cưới xong em sẽ sang nhà anh.

- Nếu mất người, - Từ Minh nói, - Giản Thăng sẽ tới nhà em đòi người, thì e rằng sẽ liên lụy đến cha mẹ em.

- Nếu như về nhà anh ta, - Ái Thư nói, - em nói là đã mất trinh, anh ta làm to chuyện, đưa lên quan thì anh bảo là anh cưỡng dâm.

- Chúng ta quan hệ với nhau hàng nửa năm trời, - Từ Minh nói, - em bảo cưỡng dâm thì lọt tai sao được. Em cứ yên tâm, nhất định anh sẽ tìm ra kế sách an toàn cả đôi đảng.

Hoa dương lay động rơi trên áo,

Gió xuân sao nỡ thôi bay đi.

Bao giờ giải đến nha môn nhỉ?

Để khách hồng quần thoát lưới vây.

- Anh phải mau mau nghĩ kế. - Ái Thư nói. - Nếu sự việc xảy ra anh cũng chẳng phải tay được đâu.

Từ Minh vừa nói vừa đùa giỡn, bị Ái Thư đẩy ra nói:

- Còn lòng dạ đâu mà vui với thú, năm hôm nữa là em về nhà người ta rồi, anh phải nghĩ cách ngay rồi sáng mai sang nói với em.

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 15 (B)

Quả nhiên Từ Minh ra về, chẳng còn lòng dạ đâu mà ăn uống nữa. Trong thư phòng nhỏ ở vườn sau, anh ta hết đứng lại ngồi, muốn tìm ra một kế nào đó. Bỗng thấy người vú nuôi tên là Vương Tĩnh Nương bế đứa con nhỏ của mình vào vườn chơi và bón cơm cho nó. Chị vú nuôi mặt mũi tuy xấu nhưng thân hình thon thả, không khác Ái Thư là mấy. Chị có đôi chân nhỏ nhắn, xinh đẹp. Từ Minh trông thấy chị vú nuôi nghĩ: "Con nhỏ này, hàng ngày ta cứ tìm mày, sao hôm nay mày lại lân la đến đây. Ta đã để ý đến cả bọn gia nhân, a hoàn rồi, hôm nay mày lại dẫn xác đến thăm ta, lại còn đến khiêu khích cả vợ ta, ta dùng nó chẳng?".

Kế đã định, Từ Minh tới ngay nhà Ái Thư. Hai người rất vui ôn lại những chuyện đã qua rồi trở về. Đến ngày cưới, Từ Minh tới tiễn Ái Thư lên kiệu hoa.

Giản Thắng vì lấy vợ kế nên cũng không mời thân thích quyến thuộc. Đến tối, kể ra việc ấy thì cả hai người đều thông thuộc chỉ có điều Ái Thư sợ rằng Giản Thắng phát hiện ra mình đã ăn trái cấm, nên cố làm ra vẻ ta đây, Giản Thắng sán đến, mặt đỏ bừng, đầu nghển cao ngấm nguây tránh mặt đi, cứ ngồi lì bên ngọn đèn không muốn đi ngủ. Giản Thắng giục mấy lần, cô nói:

- Anh cứ ngủ trước đi.

Vào trống canh hai Giản Thắng trần trọc trên giường thò đầu nhìn ra, vẫn không thấy động tĩnh gì. Lát sau lại nhìn ra, Ái Thư vẫn để nguyên quần áo như thế ngồi tựa vào bàn. Giản Thắng nói:

- Cô Ái! Đêm đã khuya rồi cô cũng mệt, hãy đi ngủ thôi.

Song Ái Thư vẫn không chịu ngủ. Giản Thắng bèn bế cô vào giường, nói:

- Đừng ngại. Người khác thì không biết nường nhẹ, song anh thì đã biết rồi, lẽ nào anh không biết chừng mực!

Thế rồi Giản Thăng cởi áo cho cô, sờ sờ nắn nắn, lại một canh nữa trôi qua. Giản Thăng đã cởi được giầy lưng, và cởi được bảy tám chiếc cúc, song cô cứ giữ chẳng chẳng không chócởi. Sốt ruột Giản Thăng hứng tình lên tới cao độ, dứt tung cả dải áo Ái Thư. Cô nói:

- Hành kinh.

- Sao không nói với tôi từ sớm để tôi phải phí công.

Thế rồi anh ta chỉ ôm lấy cô, đùa giỡn khan một lúc rồi đi ngủ.

Đến ngày thứ ba là ngày lại mặt, chàng rể mới đến chào bố mẹ vợ. Trong nhà có một thằng nhỏ tên là Phát Tài. Ái Thư nói:

- Hôm nay làm chàng rể mới phải mang nó đi hầu, cho đàn ông chứ.

- Nhà không có ai cơm nước hầu hạ em. - Giản Thăng nói.

- Không ngại, một vợ một chồng chẳng phải lo gì. Hôm nay em tự làm lấy.

Thấy thế Giản Thăng rất vui.

Đi ra khỏi nhà một lúc lâu thì thấy có một gia nhân gánh hai chiếc quả đựng lễ tới, theo sau là một người đàn bà. Ái Thư cũng không quen biết. Thấy nói là nhà họ Từ sai người mang lễ tới mừng. Ái Thư hớn hở vội mang rượu và thức nhắm ra tiếp đãi. Người vú nuôi ấy nói:

- Thưa cô! Tôi cũng gần đây thôi, tôi sẽ tới chơi luôn, cô đừng bày vẽ làm gì.

Ái Thư bèn kéo cô lại ngồi cùng, tự rót rượu mời cô. Gia nhân đứng bên ngoài chính là Từ Báo, một kẻ hết sức ngang ngược. Ái Thư cũng rót rượu cho hắn uống. Uống được một lát thì cô vú nuôi lấy lễ vật ra, rồi lại được Ái Thư hết lòng mời mọc, nên người vú nuôi ăn uống thoải mái, chẳng mấy chốc đã say mê man chẳng biết trời đất gì cả. Từ Báo vội vàng chạy vào nói:

- Để ta làm việc này.

Hắn cởi quần áo của người vú nuôi ra và bảo Ái Thư cởi ngay quần áo của mình mặc vào cho cô ta. Mọi việc xong xuôi người vú nuôi vẫn cứ say mê mê, gáy gổ khò khò, mặc cho hai người vằn đi vằn lại. Sợ để lại dấu vết sẽ bị phát hiện. Từ Báo bảo Ái Thư thu dọn hết những đồ ăn thức uống trên

bàn, những lễ vật mang tới và tất cả quần áo cũ của vú nuôi bỏ vào trong quả. Sau đó hắt cắt đầu người vú nuôi bỏ nốt vào chiếc quả. Ái Thư đóng giả người vú nuôi, vội vàng ra khỏi cửa.

Gió mưa tầm tã máu còn loang,

Đỏ tươi chiếc lá đã bay sang.

Kỷ Tín mưu thành lừa được Sở

Thị phi, phân biệt, mắt tình đời.

Từ Minh mở cửa sau đón Ái Thư, hỏi:

- Có ai biết không?

- Không!

- Không sợ sao?

- Sợ đến chết người đi được, cho tới bây giờ vẫn còn run.

Vào tới vườn sau, Từ Minh hậu thưởng Từ Báo. Từ Minh sai người mua quan tài bỏ chiếc đầu người vú nuôi vào rồi thuê người mang đi chôn. Chỉ vì hằng ngày người vú nuôi thường đi hết nhà này đến nhà khác chơi bời, sợ người ta không thấy sẽ sinh nghi, hơn nữa khi chồng cô ta tới thăm mộ bèn nói dối đi rằng cô đã mắc bệnh tim rồi chết. Sau đó Từ Minh thuê một chiếc kiệu, đến ngay nhà họ Bách. Giản Thăng đang định ra về thì Từ Minh nói:

- Chú Giản! Trước đây là hàng xóm láng giềng, nhưng nay đã là người thân, sao không để tôi mời thêm một chén!

Thế rồi Từ Minh kéo Giản Thăng lại uống rượu mãi. Sau đó nói:

- Thôi thôi, tối còn có việc, ép uống say quá chú lại trách tôi mà ngay cả em tôi nó cũng trách.

Mọi người cười ồ lên rồi tiễn nhau ra về.

Giản Thăng cùng với đứa ở về nhà. Trên đường về, nghĩ: "Uống say rồi, có lẽ hôm nay vẫn còn hành kinh", cứ thế ngật ngưỡng đi. Tới nhà Giản Thăng gọi:

- Cô Ái! Tôi đã về đây! Mẹ dặn cô cứ yên tâm, đừng nghĩ ngợi gì.

Vừa vào đến nhà thì thấy một xác chết không đầu. Giản Thăng giật mình kêu toáng lên.

- Ai... đây.

Gọi cô Ái chẳng thấy thừa, tìm cũng không thấy đâu, nhìn kỹ thì thấy đúng quần áo Ái Thơm. Giản Thẳng mới sống với cô vài ba ngày nên cũng không nhận ra, bèn gào lên khóc.

- Ối Ái Thơm ơi! Rồi nói. - Kẻ cướp ác độc nào đã giết chết vợ tôi, một người đẹp như hoa cúc.

Giản Thẳng gào lên kêu trời kêu đất. Những người láng giềng hỏi thì Phát Tài nói:

- Không biết kẻ nào đã giết chết bà chủ nhà tôi rồi.

Mọi người bước vào, thấy Giản Thẳng cứ nhìn cái xác không đầu khóc. Họ hỏi:

- Đây có phải là vợ anh không?

- Sao lại không, áo mặc thì hoàn toàn là áo vợ tôi, chỉ có điều không có đầu.

- Thật là kỳ lạ. - Mọi người nói.

Thế rồi họ bảo nhau đi tìm, song vẫn không thấy đầu đâu.

Mọi người nói:

- Việc này phải cho người đến báo cho nhà họ Bách.

Giản Thẳng bèn sai Phát Tài đi báo.

Bách Thanh Giang uống rượu say, Lam thị cũng đã ngủ. Thấy tiếng gõ cửa, Lam thị hỏi, nghe đó là Phát Tài. Nghe tin dữ, Lam thị òa lên khóc, gọi Bách Thanh Giang dậy. Thanh Giang nói:

- Con gái lớn thì phải gả chồng. Bây giờ ở đó nó đang vui thú với nhau, bà còn khóc lóc cái nỗi gì?

- Ông say ời! Con gái ông chết rồi!

- Nó sao mà chết? Ta không tin.

- Có người đến báo.

Lúc ấy Bách Thanh Giang mới lập cập ngồi dậy, nói:

- Có việc ấy ư? Thế thì đi ngay thôi.

Thanh Giang chẳng kịp khăn mũ, khóa trái cửa rồi kéo Lam thị đến ngay nhà Giản Thẳng. Cũng chỉ nhận thấy quần áo ấy là của con mình, rồi khóc rống lên. Hỏi Giản Thẳng đầu đâu. Giản Thẳng nói:

- Tôi vừa ở nhà ông về, tôi cũng không biết.

- Lẽ nào nhà anh không có ai ở nhà? Thanh Giang hỏi.
- Quả thực không có ai ở nhà.
- Ta gả cho người một người nguyên vẹn, - Lam thị nói,
- thì người cũng phải trả lại một người nguyên vẹn cho ta. Ta hỏi người tại sao bỗng dưng vô cớ lại xảy ra như thế?

Giản Thăng hỏi những người láng giềng:

- Các ông các bà có thấy ai vào nhà tôi không?
- Chúng tôi đều đi làm cả nên không biết ai vào.

Thấy không có ai biết được đầu mối, mọi người nói:

- Vậy thì chỉ có bọn cướp thôi... mà cũng kỳ lạ thật, nó chỉ lấy đầu mà chẳng lấy của cải gì cả! Kỳ quái thật!

Đoán già đoán non mãi mà không ra, qua một đêm, tới sáng hôm sau họ mới kéo nhau lên báo huyện. Tri huyện Nữu lấy khẩu cung hai nhà, một bên là gả chồng cho con nên không còn liên quan, một bên thì chồng ở nhà bố vợ vừa về, trộm cướp lại không lấy của, kẻ gian cũng không còn tông tích. Tri huyện vội vàng mời Mông Tứ Nha tới bàn bạc. Tứ Nha nói:

- Chờ kẻ hậu sinh này đi khám nghiệm sẽ rõ.

Tri huyện bèn ủy quyền cho Tứ Nha tới đó xem. Trước hết ông gọi lý trưởng lại nói rằng, ở địa phương xảy ra án mạng sao không báo cho nha môn biết. Thế rồi ông đánh lý trưởng mười tay thước để thị uy. Sau đó hỏi:

- Vụ án này rất kỳ lạ, song chúng phải đền mạng chứ không thoát được. Theo ta, nếu không có duyên cớ gì thì kẻ nào dám làm thế. Nhất định là cô dâu mới làm bộ làm tịch không chiều theo chồng, lại động tới Giản Thăng một gã say nên có thể anh ta giết đi. Hoặc cũng có thể vợ chồng Bách Mậu dung túng cho con gái gian dâm, nay thì gian phu đã nổi máu ghen mà giết đi. Tại sao chức trách địa phương lại không biết. Cũng có thể xóm giềng thấy anh ta sầm sứa đầy đủ để cưới vợ mà rủ nhau giết người cướp của. Bây giờ ta hãy đưa lý trưởng tới nha môn, giam vào ngục, ngày mai cùng xét hỏi với hai nhà kia.

Bách Mậu và Giản Thăng nhờ hai người hàng xóm đến nói giùm, quan xét xử nói:

- Nếu luận tội thì cả hai đều là trọng phạm, song đã đến đây nghe ta phân

giải thì ta cho rằng hai vợ chồng Bách Mậu có nhẹ tay hơn, song phải có người bảo lãnh.

Mấy người láng giềng và lý trưởng cũng lo đút lót cho quan để được tha về. Ngày hôm sau giải lên công đường, quan huyện nói:

- Ta nghĩ rằng vợ chồng Bách Mậu không có liên quan đến việc này, còn hai người hàng xóm chẳng lẽ bỗng dưng lại giết chết người. Vậy việc này chỉ do Giản Thăng mà thôi.

Nói xong quan sai người kẹp Giản Thăng. Giản Thăng không chịu được đòn phải khai bừa.

- Bẩm quan, do con say mà giết vợ.

- Vậy đầu người vất đâu?

- Con vớt xuống sông, không biết chỗ nào.

Quan huyện đánh hai mươi gậy, giam vào ngục. Viết cáo trạng trình lên quan trên như sau:

"Giản Thăng mới cưới vợ được ba ngày, chẳng có thù oán gì, chỉ vì say rượu mà giết vợ, rồi vớt đầu đi, thật là thê thảm. Theo luật, vô cớ mà giết vợ phải đền mạng. Hai tên láng giềng là Bính và Khôi trông thấy mà không cứu cũng phải đánh để trừng phạt".

Kết tội xong rồi cho giải những người này lên quan trên. Thạch Chính Sử giải quyết việc này, ông bác lại:

"Giản Thăng mới lấy vợ được ba ngày, sự yêu hay ghét chưa sâu sắc. Lại khai là say rượu mà giết. Làm gì say đến mức điên loạn mà giết người được? Đầu không tìm thấy, và ngay cả người làm chứng cũng không có, nên khó mà kết án được. Vậy kính mong quan hình sảnh giải quyết".

Quan hình sảnh họ Phù nói:

- Bọn hiếu liêm này thật nhiều sự, hễ đã khai đầu vớt xuống sông thì tìm làm sao được. Mà hễ giết người ngay tại nhà thì ai mà trông thấy.

Gọi Giản Thăng lại xét hỏi. Thăng vẫn khai như thế. Quan nói:

- Giết người là do Giản Thăng khai ra, không có ai qua lại thì đổ bừa cho Bính Khôi, Vinh Hiến trông thấy, coi đó là chứng cứ hễ giết vậy. Tuy vớt đầu xuống sông, thì dòng sông mênh mang biết đâu là chứng tích. Đây chẳng phải là chỗ hễ thoái thác sao!

Thề rồi lại giải lên trên. Thạch Liêm Sử lại không vừa lòng nói:

- Xử kiện không mắc oan sai mới tốt, nếu xử oan thì người sống ôm hận mà mối thù của người chết cũng không tan. Rốt cục cả người sống và người chết đều thù oán. Việc này ta phải đích thân xét xử, nay tạm giam phạm nhân vào ngục.

Thế rồi ông tắm gội sạch sẽ, đến miếu Thành Hoàng thắp hương khẩn rằng: "Thần nắm pháp luật của một tỉnh, thần nhờ ơn thánh thượng hưởng lộc một vùng, minh oan rửa hận. Âm dương tuy u minh cách trở, song tấm lòng không phân biệt u minh. Nếu Bách thị mắc oan, Giản Thăng ôm hận ấy là tội của thần, mà đó cũng là nỗi xấu hổ của Thành Hoàng. Hãy hiển linh để làm rõ sự vụ oan này".

Thạch Liêm Sử đốt tờ sớ gửi xuống cho thành hoàng. Đến đêm ngồi trong công đường, Thạch Liêm Sử mơ thấy chữ "mạch". Khi tỉnh dậy ông nghĩ: "Chữ mạch có hai chữ nhân (là người), chắc rằng hai người chết". Ông cứ trăn trở suy nghĩ mãi mà không ra. Tự nhiên ông nảy ra một kế, tỏ rõ nỗi thương xót để xét xử vụ án này.

Người ta đồn nhau rằng Thạch Liêm Sử sẽ trực tiếp xét xử lại vụ án, không ngờ mãi đến canh hai ông mới lên công đường. Những người đi xem xử kiện chờ lâu quá đều bỏ về hết. Thạch Liêm Sử lần lượt hỏi từng người một, Giản Thăng nói:

- Quả thực oan con quá! Hôm ấy con uống rượu ở nhà bố vợ, con hoàn toàn không giết người.

Ông lại gọi Phát Tài tới dọa nạt, song nó vẫn nói như thế. Thạch Liêm Sử bèn gọi hai sai nha tới dặn kín rằng: "Xem bên ngoài có người nào thì bắt đưa vào đây". Sai nha ra ngoài thấy một thằng nhỏ bèn lôi ngay vào. Quan hỏi:

- Người là người nhà ai mà tới đây nhòm ngó?

Thằng nhỏ run sợ một lúc lâu vẫn không cất nên lời, mãi sau nó mới nói:

- Người nhà họ Từ.

- Vậy chủ người tên là gì?

- Thừa ngài tên là Từ Minh.

Thạch Liêm Sử viết hai chữ Từ Minh lên giấy thì quả là có chữ nhândững

kép và chữ tịch. ông nghi ngay, hỏi:

- Gia chủ người có ai là người thân thích?

- Ông ấy là cháu ngoại ông già Bách.

Thạch Liêm Sử nghĩ: "Chẳng phải hẳn đã gian dâm với con gái của Bách Mậu sao, trách nào cô ta đi lấy chồng hẳn đã giết cô"

Thế rồi ông tha thẳng nhỏ này. Đến hôm khác sẽ xét xử tiếp. Người đứng bên ngoài cười ồ lên, nói:

- Ngài Thạch giỏi, mà cũng chẳng tìm ra được đầu mối.

Cách đó một hôm ông lại gọi hai sai nha tới dặn:

- Các người bí mật tới thăm dò hai nhà hàng xóm ở sát vách nhà họ Từ, và bí mật bắt đưa họ về đây.

Quả nhiên hai người đi thăm dò việc cưới xin, đến trước cửa nhà họ Từ, hỏi Tạ Đông Sơn người làm nghề bán giày ở bên trái nhà họ Từ và một người tên là Cao Đông Pha làm nghề chếp khăn. Họ lừa hai người này ra cửa rồi nói:

- Ngài Thạch mời ông.

Hai người ra sức giãy giụa, nhưng sai nha nào có buông ra. Tới công đường Thạch Liêm Sử khẽ gọi Tạ Đông Sơn vào hỏi:

- Việc ngày mười một tháng Ba của nhà Từ Minh người có biết không?

- Thưa ngài con không biết.

- Thế ngày hôm ấy nhà Từ Minh làm gì?

- Thưa ngài chẳng làm gì ạ!

- Người hãy nghĩ kỹ đi.

- Thưa ngài, - lát sau Tạ Đông Sơn nói, - ngày mười một tháng Ba nhà ông ấy chết người vú nuôi.

- Thế ai là người khâm liệm và đưa đi chôn?

- Lô Lân, người khám nghiệm tử thi.

Thạch Liêm Sử lập tức sai người gọi nhân viên khám nghiệm tử thi Lô Lân tới ngay công đường, chờ khám nghiệm thi thể Bách thị.

Thạch Liêm Sử gọi Lô Lân vào hỏi:

- Người chôn thi thể người vú nuôi nhà họ Từ ở đâu?

Tại nghĩa địa ngoại thành.

- Thế người nhập liệm à?
- Thưa ngài không phải con, con chỉ khiêng đi thôi.
- Có thấy gì lạ không?
- Thấy nhẹ.

Thạch Liêm Sử bèn lên ngay kiệu, đem theo người khám nghiệm tới nghĩa địa, bảo Lô Lân đi xác nhận ngôi mộ ấy. Sau đó Thạch Liêm Sử hỏi lại:

- Có đúng là nhẹ không?
- Thưa ngài đúng thế ạ!
- Hãy đào ngay lên. - Thạch Liêm nói.

Quả là khi đào lên chỉ thấy một chiếc đầu lâu lẫn lông lốc. Thạch Liêm Sử ra lệnh bắt ngay Từ Minh tới. Một mặt sai người gọi Bách Mậu đến nhận chiếc quan tài đầu lâu. Vợ chồng Bách Mậu nhìn thấy chiếc quan tài òa lên khóc. Giản Thăng cũng khóc. Ai ngờ lẽ trời sáng tỏ, âm hồn người vú nuôi không tan, bởi thế chiếc đầu vẫn còn tươi nguyên như cũ. Vợ chồng Bách Mậu khóc hồi lâu rồi lau nước mắt nhìn nói:

- Đây không phải đầu con gái con.
- Thật là kỳ quái, - Thạch Liêm Sử nói, - không đào nhằm quan tài đấy chứ?

Ông gọi Lô Lân lại hỏi, Lô Lân nói:

- Thưa ngài con nhận đúng chiếc mộ ấy.
- Chờ Từ Minh tới sẽ rõ. - Thạch Liêm Sử nói.

Khi hai sai nha đến thì đúng là Từ Minh đang giấu Ái Thư tại thư phòng. Họ cứ cười nói với nhau rằng Giản Thăng vô tội mà chịu khổ và ngay cả cha cô cũng khóc. Chợt nghe thấy thằng nhỏ vào nói là ngài Thạch cho người tới bắt. Từ Minh nghĩ: "Chắc là lại do thằng nhỏ đi nghe ngóng tin tức mà ra đây. Có bảo ta dứt lốt cũng vô tang chứng".

Ái Thư nói:

- Có chắc chắn là vô tang chứng không?

Từ Minh cười đáp, mưu mẹo của ta như thần thánh, có trời mà biết được. Vậy ngài biết sao được?

Thế rồi Từ Minh đường hoàng bước ra. Không ngờ hai người sai nha không giải hản về án sát ti mà lại dẫn ra nghĩa địa. Bách Mậu, Giản Thăng

đang đứng trước chiếc quan tài đã bật nắp. Từ Minh giật mình nghĩ: "Sao lại xảy ra chuyện này?". Người ta giải Từ Minh đến trước mặt Thạch Liêm Sử. Ông nói:

- Người là thằng chó chết, người hãy khai mau hai mạng người này.
- Vào tháng Ba, - Từ Minh nói, - người vú nuôi nhà con ốm chết, là người còn nguyên vẹn chứ làm sao chỉ có đầu không. Đây là người nhà khác.
- Đây là cỗ quan tài bằng gỗ tùng có ba mảnh ghép, - Lô Lâm nói, - đúng là khiêng từ nhà anh ra. Hôm ấy tôi bảo anh đánh dấu vào, anh bảo không cần, tôi sợ người nhà họ đến tìm sẽ gặp khó khăn, nên tôi đã vạch ba chữ "Vương Tĩnh Nương" trên quan tài, rất may gió mưa như thế mà vết chữ vẫn còn.

Thạch Liêm Sử cho giải về nha môn. Tới nơi ông cho người kệp Từ Minh. Không chịu nổi Từ Minh đành phải khai. Vì muốn gian dâm với người vú nuôi, nhưng người ấy không chịu, bởi thế căm giận mà giết đi. Thạch Liêm Sử nói:

- Vậy thì xác người ấy đâu?
- Con sai gia nhân là Từ Báo mang đi chôn. Từ Báo luôn luôn thấy Vương Tĩnh Nương hiện hồn về, sợ hãi quá rồi đổ bệnh chết. Hiện nay không biết chôn ở đâu.

Thạch Liêm Sử nghĩ. "Nếu đã chôn sao không chôn toàn thân? Tại sao cắt đầu rời ra, chôn đầu một nơi mình chôn một nơi. Nhất định đây là người nhà Giản Thăng. Phải tiếp tục kệp, bắt khai ra Bách thị ở đâu, chưa biết chừng hẳn giết cả hai nhân mạng". Bị kệp tiếp, Từ Minh buộc phải khai:

- Con vốn thông dâm với Bách thị, con muốn lấy cô làm vợ nhưng Bách Mậu không gả mà lại gả cho Giản Thăng. Sợ bị lộ, nhân lúc cô về nhà chồng con vờ cho vú nuôi đến mừng và sai đưa ở là Từ Báo giết chết Vương Tĩnh Nương rồi mặc quần áo của Bách thị cho Tĩnh Nương, sau đó đón Bách thị về nhà. Vì sợ mặt Tĩnh Nương không giống Bách thị nên đã cắt đầu mang về. Lại sợ người nhà Vương thị, nên cho đầu vào quan tài khâm liệm rồi mang đi chôn để che giấu. Hiện Bách thị đang ở tại thư phòng nhà con.

Thạch Liêm Sử sai người đi bắt Bách thị về hỏi cung. Bách thị khai khớp

với lời khai của Từ Minh. Thạch Liêm Sử cầm bút phán quyết:

"Từ Minh là tên gian ngoan quỷ quái, ác độc như rắn rết. Đã gian dâm với Bách thị và dùng mưu kế xảo quyết giết người cướp vợ Kỳ Tín lừa Sở mà người vô tội bị giết, Phùng Đình vu oan giá họa khiến người vô tội chịu oan. Luật tuy khoan dung song việc giết người là rất hệ trọng. Nay quyết: Từ Minh phải bỏ ra bốn mươi lạng bạc để bồi thường lễ cưới cho Giản Thăng. Bách Mậu lơ là không ngăn ngừa, Lam thị đồng tình với việc bán dâm đều phải đánh bằng gậy. Bách thị tuy không can dự vào mưu chước của Từ Minh, song phản bội chồng trốn đi, thì đáng phải bán cho nhà quan. Từ Báo nghe nói đã chết cho nên không truy cứu. Những người khác tha cho về".

Tuyên án xong, nọc Từ Minh đánh bốn mươi gậy. Sau đó ông nói:

- Bách thị! Hôm ấy người biết người ta giết người tại nhà mà không ngăn trở, vốn phải ghép người vào tội mưu sát mới đúng. Song người là đàn bà, không hiểu pháp luật, tội ấy đều khép cho Từ Minh. Song chưa chồng mà đã thông dâm, khi lấy chồng thì phản bội chồng bỏ trốn, quả thực vô cùng độc ác. Đánh hai mươi lăm gậy.
- Bách Mậu đáng đánh bởi người là chủ nhà bất chính, còn có thể là do người không biết được sự thực, đã kết tội song ta miễn đánh.

Lam thị buông thả cho con gái gian dâm với Từ Minh, gây thành mầm họa, đánh mười lăm gậy. Từ Báo gây nên án mạng song đã chết vào ngày mười chín tháng Năm, không truy cứu. Lô Lân khiêng xác đi vốn không biết rõ. Hai nhà láng giềng Bính và Khôi không biết sự việc ấy, không đến cứu, song cũng chịu liên lụy nhiều cũng không đáng khép tội. E rằng trong đó vẫn chưa điều tra hết sự thực, vậy dám mong phủ Lâm Giang xem xét kỹ. Phủ Lâm Giang xét thấy Thạch Liêm Sử đã phán xét kỹ và lập bản án gửi lên phủ, quan phủ hết sức khen ngợi rằng: "Đại nhân đã sáng suốt, phán xử rõ ràng".

Sau đó Từ Minh bị giải tới tư giải viện, cấp trên cho rằng việc làm của Từ Minh quả là độc ác, song chưa đến nỗi hành quyết sau đó phải đi đầy rồi

chết trên đường đi. Cả tỉnh Giang Tây đều khen Thạch Liêm Sử là người sáng suốt.

Qua vụ án này ta thấy Thạch Liêm Sử vẫn chưa nghiên cứu giải quyết tới cùng. Vương Tĩnh Nương chết oan chưa được minh oan; Giản Thắng vẫn phải đền mạng, nỗi oan ấy chưa rửa được. Từ Minh hoan lạc với vợ người, há chẳng đáng cho pháp luật trừng trị sao? Còn như Bách Mậu là kẻ nát rượu, Lam thị là kẻ lừa nhác, rốt cục làm cho gia phong bại hoại. Từ Minh hiếu sắc, không bảo toàn được tính mệnh; Ái Thư thất thân đến nỗi chịu nhục nhã, tất cả đều là những kẻ xấu xa. Điều ấy khiến cho người đời lấy làm bài học cảnh giác. Chỉ có Giản Thắng bỗng dưng bị tai họa, tuy bị liên lụy nhưng anh không có tội.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 16

Diệu Trí Tham Dâm Nên Bị Giết

Từ Hành Tham Của Bị Báo Thù

Rượu chè trai gái là mầm tai họa.

Tham lam tức tối dễ dẫn đến sai lầm.

Quanh đi quẩn lại đến bao giờ mới hết,

Kiệt bị chết vì đắm say Muội Hỷ.

Trụ bị diệt vong vì rượu thịt tựa núi sông

Hồi Lạc làm Tùy diệt vong bị thế gian chê cười

Cương Phục tầm thường bị Mãng phoir thây.

Bánh xe nghiêng đổ đã nhiều song không lấy đó làm bài học.

Trên đời có bốn thứ làm người ta liên lụy, đó là rượu chè, sắc đẹp, của cải và tức giận. Trong bốn thứ đó thì chỉ một cái cũng đủ làm cho người ta phải điêu đứng, huống hồ cái nọ còn sinh ra cái kia. Bởi thế xưa kia Lý Bạch vì say mà quỳên thân ở Thái Thạch, ấy là tai họa của rượu. Tuân Sảnh yêu thiếp đến nổi tình cảm bị tổn thương mà người cũng chết, đấy là tai họa về sắc đẹp. Mộ Dung Ngạn vợ vét cho đầy túi mà keo kiệt, khiến quân lính không có sức mạnh, ấy là tai họa về của cải. Hạ Bạt Nhạc hám danh, thích tranh giành rồi bị giết, ấy là tai họa của hám danh. Còn có người uống rượu nổi nóng rồi bị tai họa, đó là Quán Phu. Ông ta uống rượu chửi những người cùng ngồi, xúc phạm Điền Phần, rồi bị Điền Phần hãm hại. Vì sắc đẹp mà nổi giận rồi bị tai họa, đó là Kiêu Tri Chi. Ông ta tranh đoạt Yếu Nương với Võ Tam Tư, sau bị Võ Tam Tư gièm pha rồi bị giết hại. Vì của cải sinh ra tức giận mà bị tai họa, đó là Thạch Sùng. Ông ta giàu có mà kiêu căng, thi giàu với Vương Khải, cuối cùng vì tiền của mà lụy đến thân. Ham mê tửu sắc mà bị tai họa đó là Trần Hậu Chủ. Ông ta sủng ái Trương Lệ Hoa. Khổng Quý Tân, mê đắm rượu chè, bỏ bê việc triều chính, bị nhà Tùy

tiêu diệt. Trọng sắc ham của cái bị tai họa, đó là Đường Trang Tông. Ông ta sủng ái Lưu Hậu, vì tham lam không chịu thưởng quân sĩ, quân sĩ làm phản, đến nỗi phải bại vong. Bốn điều ấy vô cùng xấu xa. Song những tai hại được đồn đại ấy đáng để người đời lấy đó mà răn mình.

Truyện kể rằng ở Quý Châu có một người tên là Đô Vân Phủ, làm quản hạt Ma Cáp Châu, vùng Man Di. Ngoài châu có chùa Trấn Quốc, trong chùa có hai phòng hòa thượng: phòng phía đông là chủ tăng Ngô Định. Người này chuyên coi giữ hoa lợi ruộng vườn, ăn chay đọc kinh, đóng cửa không ra ngoài, không quan tâm đến việc ngoài đời. Phòng bên tây có một vị sư già là Ngô Thông, trạc ngoài bảy mươi, thường ốm đau nằm liệt giường. Ông có một người đồ đệ là Diệu Trí, tuổi trạc bốn mươi, tính khí hung ác, chẳng biết sợ là gì. Ngô Thông có một đồ đệ tên là Pháp Minh ngót ba mươi tuổi, người giáo hoạt và một huyền tôn là Viên Tĩnh chừng mười tám mười chín tuổi, xinh đẹp như con gái. Ngô Thông giỏi làm ăn tính toán, điền sản có tới hàng ngàn lượng vàng, và có trong tay tới sáu bảy trăm lạng bạc. Vì giàu có mà Ngô Thông sinh ra kiêu ngạo, không học điều hay lẽ phải, mặc dù có một đồ đệ tốt nhưng ông ta vẫn chưa thỏa mãn, vẫn muốn đi tìm đàn bà.

Ở đó cũng có một gã anh hùng nhất khoảnh tên là Điền Cầm, tự Hữu Hoạch, là kẻ vô cùng giáo hoạt, kinh tế tương đối khá giả, làm viên nha lại về lễ tiết, thường hay la cà tới chùa. Vì hắn rất thích mùi vị đàn ông nên Ngô Thông bèn nhường Viên Tĩnh cho hắn. Chùa được xây dựng quanh co ngoắt ngoéo, phòng thất thâm u còn hơn cả chốn thần tiên.

Thời tráng niên Ngô Thông sống với ni cô tên là Thuở am Bồ Đề, tuổi cũng xấp xỉ nhau. Diệu Trí tay cũng nhúng chàm. Thời ấy có một đồ đệ của Thu ni cô là Tịnh Phạn, trạc tuổi Diệu Trí, bị Thuni cô ghen nên coi giữ rất chặt, hai người có tình ý với nhau nhưng không được gặp nhau, may mà Thuni già ốm nặng rồi chết, Tịnh Phạn được nổi gót, thường qua lại với Diệu Trí. Pháp Minh lại có thêm một đồ đệ là Hồng Như Hải, hai bên cũng đi lại với nhau từ lâu.

Hai gã đầu trọc có voi lại đòi tiên, chúng thường chê hai ni cô này tuổi sần sần nhau, và cũng chẳng đẹp gì cho lắm, đầu lại trọc lốc nên chẳng hứng thú gì, chúng muốn tìm một người đàn bà khác. Thầy trò bàn mưu, nhờ đạo nhân Đỗ Hữu Danh lấy vợ một tên cướp đã bị bán cho nhà quan tên là Nữu A Kim đưa về giấu trong chùa, rồi thay nhau hành dâm. Đỗ Hữu Danh không khoái lắm, Diệu Trí cho thêm Đỗ Hữu Danh mấy lạng bạc để hấn đi tìm người khác.

Đỗ Hữu Danh dùng số bạc ấy ăn nhậu và chơi gái hết sạch, rồi hấn lại lên vào phòng tìm A Kim, nói:

- Con đi trốn ở đâu rồi? Tại sao bỏ ta đi tìm hòa thượng?

Diệu Trí định đánh hấn, Pháp Minh chạy ra can ngăn. Đỗ Hữu Danh nói:

- Nếu sư phụ không có Hữu Danh thì chắc rằng cũng không được Nữu A Kim. Thôi thì bốn chúng ta cùng chung một giường vậy.

- Thôi cũng được. - Pháp Minh nói.

Thế rồi họ mang rượu ra chuốc Hữu Danh. Hữu Danh nói:

- Rượu! Rượu. Các ông đều là bạn tốt của ta.

Hữu Danh cứ uống tí tí, vừa uống vừa nói:

- Sư phụ, không phải tôi động đến sư phụ mà là do rượu đấy. Cho nên tôi muốn chơi cô ta.

Hữu Danh cứ khề khà uống mãi cho tới canh hai canh ba. Chuốc cho hấn say mèm, Diệu Trí mới đi hành lạc. Như thế mới trút hết nổi tức giận của mình trong suốt một ngày. Cuối cùng, sau khi đã cho Hữu Danh say lúy túy, hấn dùng một chiếc thùng để kết liễu cuộc đời Hữu Danh.

Ba chén cả gan gây hiềm khích,

Khướt say rơi vào cõi âm u.

Rượu chè buông thả còn chứng cứ,

Đáng chê kẻ nát rượu lưu linh.

Trong chùa không có ai thân thích, chùa lại vắng vẻ không ai lui tới, hai hôm sau chúng khiêng Hữu Danh ra sau chùa đốt xác. Từ đó hai gã này yên tâm hành lạc. Ngay cả hai ni cô vì bọn chúng không tới, nên cũng thường tới đây thăm, song họ chỉ tiếp bên ngoài mà không mời vào phòng nên cũng không biết ở đó có Nữ A Kim.

Một người hầu hạ hai người, người trước vào thì người sau chờ. "Phật quá khứ" ra sức tận hưởng hứng thú. "Phật vị lai" mắt thấy tai nghe, không khỏi đỏ mắt thèm thuồng. Hằng ngày chúng cứ thay nhau hành sự. Chỉ có điều Diệu Trí tuy tuổi có cao hơn một chút nhưng lại giỏi gợi tình. Pháp Minh tuy ít tuổi nhưng người thanh tú, mà ngón nghề cũng bình thường. Hơn nữa hằng ngày Diệu Trí lại hành lạc đầu tiên, lát sau lửa dục Pháp Minh bùng lên, nhưng khi lâm chiến không dai sức, nên Nữ A Kim không thích Pháp Minh. Biết được điều ấy Pháp Minh nói:

*Cóc ngóe ba chân tìm đâu cho thấy,
Đàn bà hai chân thiên hạ ê chề.*

Pháp Minh bị muối mặt, nên khi đi cúng lễ đã nghĩ cách gạ gẫm. Một hôm đọc kinh cho một nhà trong thành, nhìn qua rèm thấy mấy người, trong đó có một người rất xinh đẹp, Pháp Minh cứ mắt la mày liếc nhìn trộm. Người đàn bà ấy cúi lên, cố ý liếc mắt đưa tình như có tình ý với gã. Đang cúi đầu đọc kinh, người ấy cứ kéo lấy tay áo hắn, rồi gói một cục than len lén bỏ vào ống tay áo mà Pháp Minh không hề hay biết. Gã ngừng đọc kinh, nhìn xoáy vào hai chiếc bánh đầy nóng hôi hổi trên ngực người ấy mà thèm thuồng thích thú. Tuy nhiên lăm nhăm ngồi đọc kinh, nhưng trong bụng gã luôn luôn nghĩ kế để gần cô. Một lát sau mọi người kêu lên:

- Không biết vãi ở đâu cháy mà khét thế.

Mọi người nhìn nhau nhưng không biết là cháy ở đâu. Lát sau thấy tay áo Pháp Minh bốc khói, nhìn vào thấy trong ống tay áo có một hòn than, làm cháy thủng mấy chiếc áo mới tinh Pháp Minh đang mặc. Hắn vội kêu lên

là: "Vừa rồi cắt bắc nển bị tàn than rơi vào", rồi vội vàng mức nước dội, nhưng mấy chiếc áo đã rách nát như xơ mướp.

*Khó cấm ánh mắt thèm thuồng,
Đến nổi cà sa bốc lửa.*

Lũ đàn bà con gái nhìn nhau ôm bụng cười, mặt gĩa đỏ như gấc chín, bỏ dở đọc kinh về thẳng.

Thế mà máu dê vẫn không chữa. Hẳn tức khí cố tìm cho được một người đàn bà. Rất may Pháp Minh gặp một người quả phụ họ Giả, vốn ở một gian nhà trong chùa, do đi lấy tiền thuê nhà mà trông thấy. Chị ta tuổi chừng hai hai, hai ba, cũng có nhan sắc. Giả thị cũng mặt dày mày dạn, đòi sửa chữa, giảm tiền thuê nhà. Pháp Minh cũng tỏ rõ cảm tình, ứng tiền cho chị sửa nhà, rồi thu về sau. Tiền thuê nhà cũng giảm đi chút ít. Dùng ơn huệ riêng để làm thân với chị. Khi chồng ốm chị ta cũng cho sờ mó. Nhưng khi chồng chị ta chết, Pháp Minh đến đọc kinh, tiền phí tổn lễ lạt đều cho chịu, chờ cơ hội sẽ kiếm chác. Những nhà hàng xóm đều là khách thuê nhà, họ cho rằng Pháp Minh là loại sư hổ mang, độc ác chẳng khác gì mụ dạ xoa, cho nên không ai dám động đến hắn. Hơn nữa người thuê nhà lại ở gần vườn chùa nên rất thuận tiện. Chồng chị chết chưa đủ trăm ngày, đêm nào cũng thế hắn trốn sư phụ một mình đến nhà Giả thị tới canh năm mới bỏ đi. Song hắn vẫn nghĩ thầm: "Tuy ta chiếm được thị nhưng vẫn như một thằng ăn trộm, không được thả cửa hành lạc, chẳng thà ta đưa quách cô ta về chùa dùng cho thoải mái, không cần tới con mẹ A Kim nữa, mình ta độc chiếm cô ta".

Quả phụ họ Giả không còn mẹ đẻ, vờ nói với mọi người rằng có một cô gái góa chồng, muốn Giả thị đến ở với cô, thế là Giả thị bán hết đồ đạc, rồi vào một buổi chiều cô ả ra đi. Song cô quay ngoắt vào lối cửa sau chùa, tới nhà phía tây. Vào một ngôi nhà nhỏ, xuyên qua Phật đường, rồi qua một dãy phòng bên. Đây là phòng của Ngô Thông và Viên Tĩnh. Rẽ qua một lối đi

nhỏ thấy một giải tường bao và qua một chiếc cửa nhỏ, thì đây là phòng của Diệu Trí và Pháp Minh. Hai bên là tầng . phòng, ba gian giữa là nơi ngồi nghỉ ngơi, song cửa sơn màu đỏ buông rèm the, phía trước đặt rất nhiều chậu cảnh. Đây là nơi uống rượu cực kỳ thanh nhã. Rẽ sang phòng bên là chiếc cửa quét vôi vào bên trong là chiếc cửa màu tối, đi vào một hành lang. Ngoặt tới là ba gian nhà sâu hun hút, một phòng là của A Kim, một phòng dành cho Giả thị. Hai người gặp nhau, họ đều ngỡ ngàng. Diệu Trí nói:

- Người cùng một nhà cả, có gì phải nghi ngại.

Bốn người cùng ngồi quân quần bên nhau, bọn chúng rất mừng vì hai người đàn bà này đều mặt dày mày dạn. Chúng vui vẻ ăn uống với nhau, sau đó bốn đứa cùng nằm chung một giường. Quả là:

"Ong dạo chơi vườn đào, bướm nhớn nhợ suốt mận. Chấp chới cánh bay, sà xuống hoa tươi, chui vào nhụy ngát. Mềm mại non tơ, khi đón ong vàng, khi vờn bướm trắng. Cành hoa run rẩy sương mai thấm đẫm chưa tan. Cuộc chiến say mèm, người mệt lử, vườn hoa dốc kiệt hai bầu. Hứng tận ngủ khi, hồ nước xanh trong, bày uyên ương nằm bừa trên bãi cỏ. Quả là kể chi ô uế cửa thiền, chỉ cốt xuân tình tràn trề nơi cõi Phật".

Cả hai vô cùng khoái lạc!

Bỗng một hôm Viên Tĩnh tắt nến đi tới, mặt tái nhợt. Diệu Trí hỏi vì sao, Viên Tĩnh đáp:

- Khó nói lắm. Lâu nay tôi ở nhà Điền Hữu Hoạch, hai bên đối với nhau hết sức thân thiết. Vợ Điền là Hoài thị, thiếp là Nhạc thị, họ đều gọi tôi là tiểu sư phụ. Nhà Điền có hai đứa hầu, một đứa tên là Giang Hoa mười tám tuổi, đứa nữa là Dã Đường mười ba tuổi. Chúng thường tới thư phòng pha trà tiếp nước. Giang Hoa là đứa cực kỳ xinh đẹp, nó thường nói: "Tiểu sư phụ xinh đẹp như thế, em rất yêu sư phụ". Thế rồi nó lấy túi hương liệu của người thiếp Điền Hữu Hoạch đưa cho tôi, và đưa cả giày cho tôi, buộc tôi phải yêu nó. Trong giây lát tôi không kềm chế nổi bèn quan hệ với nó. Một lần tôi nghỉ ở đó, Điền Hữu Hoạch tiếp rượu tôi mãi tới tận canh một canh

hai mới bỏ đi, sau đó Giang Hoa lại ra tiếp rượu tôi, cô ta nói thiếp của Điền Hữu Hoạch mê tôi đẹp trai, muốn gặp tôi.

Khi tôi đi, tự nhiên nó ôm chầm lấy tôi, nói: "Anh yêu của em, chẳng phải bà ấy yêu anh mà ngay em cũng mê anh. Hôm trước anh nằm với bà ấy trong phòng, khiến em uất đến tận cổ! Bà ta đã cướp của em thì hôm nay anh phải đền em". Tôi thấy bà ta đẹp hơn Giang Hoa, bất giác tôi bước vào phòng bà ấy rồi không sao ra được. Tôi đành ở ngay trong đó, quần lấy bà ấy, suốt cả đêm vất vả. Sáng hôm sau ra muộn, đụng đầu ngay với Dã Đường, luống cuống tôi đánh rơi chiếc trâm cài đầu không ngờ Dã Đường nhặt được đưa cho Hoài thị. Tối qua Hoài thị ghen với Nhạc thị, nên Hoài thị lôi ra nhiech móc: "Đồ vô liêm sỉ, mày có gã hòa thượng trẻ ấy chưa đủ hay sao còn tranh giành với tao", Giang thị bèn tới nói với tôi: "Nếu Hoài thị đến đôi chối thì cãi làm sao được".

Diệu Trí nói:

- Việc ấy chẳng ngại gì, kẻ ăn chả người ăn nem, thế là huề.
- Không nên nói thế, - Pháp Minh nói, - chúng ta là hòa thượng, có cái hay là chỉ sợ không chơi được thôi, mà chơi rồi thì khi ra cửa quan cũng không thể nói là cưỡng dâm được, và tự nhiên người ta cũng che giấu đi cho. Điền Hữu Hoạch là một gã thủ đoạn, song vì thể diện, hẳn cũng không dám thừa nhận việc này. Chỉ có điều từ nay về sau người đừng sa vào đó nữa.
- Đương nhiên là như thế, - Viên Tĩnh nói, - nếu con Giang Hoa muốn trốn theo ta thì ta dứt khoát đón nó ngay, nhất định Hữu Hoạch không dám tới tìm.
- Như thế sao được. - Pháp Minh nói.

Quả nhiên Điền Hữu Hoạch nói là Dã Đường đặt điều, rồi đánh cho Dã Đường một trận. Sau đó Viên Tĩnh không lui tới đó nữa. Song Hữu Hoạch biết đó là sự thực, hẳn tạm gác lại, tìm dịp khác để trả miếng.

Từ Châu Đồng người huyện Tung Minh, xuất thân từ giám sinh được về nhậm chức châu Di Trực. Ông ta là người hết sức tham lam độc ác, có một đứa con trai tên là Từ Hành, tự Năng Trường, tuổi xấp xỉ đôi mươi, vợ là Châu thị cực kỳ xinh đẹp. Vì ân ái quá mức nên mắc bệnh suy nhược. Thầy

thuốc nói, phải cách ly một thời gian mới có thể khỏi được. Điền Hữu Hoạch nói rằng phải gửi vào chùa. Từ Châu Đồng nói:

- Ta mới nhậm chức, làm thế sao được.

- Tạm trú mấy ngày, - Điền Hữu Hoạch nói, - thì có gì mà ngại.

Thế rồi đưa Từ công tử tới tạm trú ở một gian nhà nhỏ phía tây, và cử hai người tới chăm sóc.

Thỉnh thoảng Điền Hữu Hoạch mang thức ăn tới thăm. Khi thân thiết với Hữu Hoạch, Viên Tĩnh đã nói với hắn những hành tung trong chùa. Thế rồi Điền Hữu Hoạch đem chuyện nói với Từ công tử:

- Thừa công tử, thế công tử đã từng vào bên trong dạo chơi chưa? Trong đó là một phòng đẹp tuyệt vời.

- Tại sao không cho ta mượn?

- Mượn làm sao được!

Điền Hữu Hoạch bèn ghé sát vào tai công tử nói một hồi.

Từ Công tử cười nói:

- Có chuyện đó ư?

Thế rồi hai người chia tay nhau.

Điền Hữu Hoạch cố ý lén vào phòng Viên Tĩnh, ôm chầm lấy Viên Tĩnh hôn liền mấy cái nói:

- Khi ạ, bỏ ta rồi à? Lâu nay không tới thăm ta, hay là ta đã làm anh giận. Không biết anh ghen hễ đã có của lạ Từ công tử mà quên ta.

Hai người ôm chầm lấy nhau cười. Diêu Trí sợ Điền Hữu Hoạch tới tìm Viên Tĩnh có việc, vội chạy tới thì thấy hai người đang ôm nhau cười. Điền Hữu Hoạch vội gọi:

- Diêu Công, anh lại đây! Anh đừng trách tôi. Chúng tôi xưa nay rất thân nhau, có điều anh ấy bị trách móc, nên không chịu đến thăm tôi, hôm nay tôi có ý mang lễ đến nhận lỗi.

Thế rồi Hữu Hoạch lấy ra ba lạng bạc nói:

- Diêu Công, hãy bảo người giúp tôi làm bữa nhắm để mời anh ấy.

- Việc gì phải bắt ông Điền bỏ tiền ra và cũng không bắt phạt Viên Tĩnh. ông đã đến đây thì nhà chùa sẽ thết đãi ông.

Mọi người đều vui vẻ cười, nhắc tới Từ công tử. Điền Hữu Hoạch nói:

- Đây là một kẻ bạc tình, - rồi xoa xoa tay nói tiếp, - Từ Châu Đồng là một người độc ác hung bạo, vô phúc người nào bị kiện lên phủ thì mới thấy rõ bộ mặt của ông ta. Bởi thế phải đối đãi với con ông ta thật tử tế.

Lát sau thức nhắm được dọn ra, bốn người chơi trò phạt rượu ăn uống cười đùa với nhau hết sức vui vẻ. Họ kéo tai Diệu Trí đổ rượu, rồi đề cả Pháp Minh dốc rượu vào mũi, ăn uống, trêu chọc nhau hết sức thoải mái.

Rượu tăm rớt tràn chén,

Xuân sắc má ửng hồng.

Quen nhau càng thêm lụy,

Có người mắc hiểm nguy.

Quả là thanh nhã tuyệt vời. Một chậu xương bồ đặt trên một chiếc đôn nhỏ, cạnh đó là một chiếc khánh vàng nhỏ. Từ công tử gõ nhẹ, chiếc khánh vàng kêu lanh canh mấy tiếng, bỗng nghe thấy cánh cửa kệt mở. Hai người đàn bà cười hi hí bước ra, nói:

- Anh đầu trọc nào tới đây?

Rồi hai người đàn bà bước ra giữa nhà, không ngờ Từ công tử đứng né vào chặn lấy cửa rồi nói:

- Thích chơi hòa thượng, bây giờ hãy thử chơi ta đi.

Từ công tử ngược mắt nhìn thì thấy: "Một người vú to ngực mẩy, một người đầu nhọn mình thon. Một người béo cùn béo cụt trông như bị thịt, một người gầy nhom gầy nhom chẳng khác cò rui. Một người lông mày tô đậm, mặt bự phấn son, dáng vẻ phong tình; một người bím tóc để xõa ngang vai, dáng trông yếu điệu. Là cô bông trong bãi hoang vu, là ma vương trong đàn quỷ đói".

Hai người này cứ đòi vào song không sao vào được. Từ công tử vênh mặt đứng nhìn.

Lúc ấy chú tiểu đồng bưng trà tới, không thấy Từ công tử, bèn đến chỗ Điền Hữu Hoạch hỏi:

- Từ công tử đâu rồi?

Điền Hữu Hoạch giả vờ say, trừng mắt nói:

- Chắc Từ công tử lên điện thờ dạo chơi cho khuây khỏa.

- Rồi lại giục Pháp Minh:

- Anh nên đưa Từ công tử đi vắng cảnh chùa.

Pháp Minh trở ra thì thấy tiểu đồng cuống quýt vội vàng nói:

- Từ công tử đang ở trong hiên.

- Thì hãy cứ để cho công tử vui lòng làm việc công đức.

Diệu Trí nghe thấy rất lo lắng, chạy xộc vào, thấy công tử đang chặn ngang cửa, A Kim và Giả thị đang đứng trơ ra đó, sững sờ kinh sợ. Từ công tử nói :

- Hòa thượng ghê thật, đã làm một việc tuyệt vời. Ta ở đây hãy bảo họ tiếp ta một chút sao lại chỉ lạc thú một mình. Hãy gọi người trói gã đầu trọc lại cho ta.

Bất chợt, Diệu Trí không biết làm thế nào, vội vàng cúi đầu cầu xin:

- Xin công tử che chở.

Cửa thiền tầng tầng khóa,

Giấu kín sắc khuynh thành.

Gió đông nhòm khe hở,

Tin xuân tiết lộ ra.

Từ công tử lắc đầu đòi phải xử.

Điền Hữu Hoạch giả vờ say, ngật ngưỡng xông vào, nói:

- Lạ thật! Tôi qua lại đây đã lâu mà không biết nhỉ?

Nhìn thấy hai người đàn bà, hắn nói:

- Ở đâu mà nảy nòi ra hai con đĩ này? Hay là lũ gái điếm công tử rủ vào đây? Công tử đừng làm ô uế Phật đường.

- Phật đường đã bị ô uế từ lâu, hôm nay ta phải làm cho nó trong sạch lại.

Điền Hữu Hoạch bèn kéo Diệu Trí lại nói:

- Công tử rất thoải mái phóng khoáng.

Diệu Trí khẩu đầu van lạy.

Từ công tử nói với Điền Hữu Hoạch:

- Hai gã đầu trọc, không biết chúng bắt hai con này ở đâu về gian dân. Tôi ngẫu nhiên vào đây trông thấy. Nhất định phải giải chúng lên quan trị tội rồi hủy ngôi chùa này.

Điền Hữu Hoạch vội vàng chấp tay lạy như tế sao, nói:

- Thừa công tử, hòa thượng công tử không nề đã đành, nhưng cũng nên nề

mặt Phật, hơn nữa xin công tử nể mặt thẳng tôi một chút, tha cho họ.

- Khó mà tha được.

- Tôi xin quỳ lạy công tử, xin công tử tha cho họ, họ sẽ biếu công tử năm mươi lạng bạc xơi quà.

- Ta có cần tiền của chúng đâu, ta chỉ cần trừ diệt lũ đầu trọc này.

- Tôi van lạy công tử, xin công tử tha thứ cho họ.

Thế rồi hăn giả vờ liêu xiêu như sắp ngã. Diệu Trí nói:

- Xin công tử nhận lễ cho họ.

- Ta nể ông Điền, các người phải đưa cho ta một ngàn lạng.

- Lấy đâu ra! Lấy đâu ra nhiều thế! - Điền Hữu Hoạch nói. - Có mấy hòa thượng và hai mục đàn bà, thôi thì xin tạ công tử một trăm lạng.

- Sinh mạng của những kẻ ở chùa này, - Từ công tử nói, nắm trong tay ta sao chỉ có một trăm lạng. Ta sẽ báo cho lý trưởng và đình tráng tới bắt.

Nói xong công tử quay ngoắt đi. Diệu Trí liêu mạng kéo lại Điền Hữu Hoạch nói:

- Thừa công tử, quả thực không lấy đâu ra, thôi thì biếu công tử hai trăm lạng vậy.

Song công tử đâu có nghe, nâng lên gạt xuống, co kéo mãi mới ngã giá là năm trăm lạng. Họ cứ van nài kêu khó khăn, rồi đưa trước hai trăm lạng.

Điền Hữu Hoạch tỏ vẻ khó khăn, rồi nhận cho công tử.

Lừa gái đẹp về tay vui thú,

Ngỡ đâu tiền bạc nộp dâng người

Điền Hữu Hoạch nói:

- Hòa thượng, tôi e rằng có thể sinh chuyện, vậy sáng mai hãy thanh toán xong đi.

Không ngờ đến tối, Diệu Trí thở dài thườn thượt, cuối cùng Pháp Minh khôn khéo hơn chút ít, nói:

- Sư phụ, chúng ta giấu quách họ đi, mất tang chứng thì sợ gì hăn nữa. Hăn là con quan đương nhiệm, lại tạm trú trong chùa, ta làm gì được hăn.

- Đúng đấy! - Diệu Trí nói.

Rồi vội vàng vào trong từ biệt hai người. Và ngay đêm ấy, hai người đàn bà mặc áo đen, khăn trùm kín đầu, không dám ra lối cửa trước. Sợ Từ công tử

để ý theo dõi nên họ bắc thang trèo qua tường. Pháp Minh cầm đèn lồng đi trước một đoạn khá xa, Diệu Trí đi sau dẫn họ tới am Bồ Đề. Gõ cửa, Tịnh Phạn mở cửa bước ra, thấy Pháp Minh nói:

- Ngọn gió nào đưa hòa thượng tới đây?
- Chúng tôi gửi thầy hai sư phụ.

Họ vào trong am, Tịnh Phạn nhìn thấy nói:

- Tôi thấy hai sư phụ này rất lạ, mà hai sư phụ này cũng không biết tôi. Am này rất nhỏ, nhiều người qua lại, ở đây không được.

Diệu Trí van nài mãi, hứa sẽ nộp ba đồng một ngày, đưa trước mười lạng bạc. Về sau Diệu Trí lâm sự, Tịnh Phạn thấy ở am quá lâu lại chẳng hy vọng gì về tiền nong nên Tịnh Phạn cứ càu nhàu. Hai người đàn bà này không yên tâm đành phải đi tìm khách hàng khác.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 16 (B)

Diệu Trí Tham Dâm Nên Bị Giết

Từ Hành Tham Của Bị Báo Thù

Hai thầy trò diệu Trí thấy yên tâm, sáng sớm hôm sau Điền Hữu Hoạch tới đòi đủ năm trăm lạng bạc. Hai hòa thượng này cứ đùn đẩy nhau, cuối cùng Diệu Trí nói:

- Tiền tài của hòa thượng là do thập phương tiến cúng, dù có cũng khó mà bỏ ra tiêu, làm sao mà đòi chúng tôi được? Bây giờ chúng tôi chỉ có hai mạng cùng quần mà thôi. Nay con quan đương nhậm ý thế cha lừa dối người được chăng?

Điền Hữu Hoạch khích vào một câu:

- Hôm qua công tử đã nắm đằng chuôi rồi, bởi thế tôi đã thay mặt hòa thượng hứa với công tử. Nếu muốn lấp liếm thì phải chuyển cái tổ ấy đi.

- Chúng ta vốn chẳng có gì cả.

- Nếu giấu đi rồi thì có thể lấp liếm được, nhưng ngài Từ Châu Đồng còn làm quan ở đây thì e sẽ có hậu họa.

- Chẳng sợ, - Diệu Trí nói, - tôi còn phải kiện hãn là đằng khác.

- Nay kiện thì tôi phải là người làm chứng. - Điền Hữu Hoạch nói. - Không lo, tôi sẽ tố tụng nó đi, nhưng hòa thượng phải tạ ơn tôi đây.

Thế rồi Điền Hữu Hoạch gặp công tử nói:

- Tối qua bọn hòa thượng trở tay không kịp, cầu xin công tử nhân nhượng.

- Tối qua, - Từ công tử nói, - vì ông nói nên tôi mới tha cho chúng, nếu đưa lên cửa quan e rằng chúng sẽ toi mạng, còn nhân với nhượng gì nữa.

Điền Hữu Hoạch kéo ghế ngồi sát vào Từ công tử nói:

- Tang chứng mất rồi, không biết chúng giấu ở đâu, bây giờ còn nói vào đâu được. Công tử hãy về bàn ngay việc này.

- Tất cả việc này đều do ông đánh lừa tôi. - Công tử giả vờ nói. - ông hòa hoãn với tôi để cho bọn hòa thượng trở mặt.

- Công tử ạ! Điền Hữu Hoạch nói. - Khi cần buông thì phải buông.

- Ông lừa dối tôi! Ông đã lừa dối tôi!

Thế rồi công tử đứng dậy bỏ đi.

Điền Hữu Hoạch nói với Diệu Trí:

- Nay hắn đã bỏ đi, thì nhất định hắn sẽ nói với ngài Từ Châu Đồng, chúng ta phải thu xếp việc này ngay mới được.

- Đối với hòa thượng chúng tôi, - Diệu Trí nói, - giữa tiền tài và tính mệnh thì tính mệnh có là cái quái gì đâu, hai trăm lạng cũng là quá nhiều rồi. Nếu hắn được đưa lên cửa quan ông cứ làm chứng bừa cho tôi thì nhất định hai trăm ấy phải trả lại tôi.

- Được được - Điền Hữu Hoạch nói.

Từ công tử bỏ về. Quả nhiên nói chuyện ấy với Từ Châu Đồng, Từ Châu Đồng nói:

- Sao không sai người về báo ngay cho ta. Có thể được tới ngàn lạng chứ chẳng vừa, nay thì đã buông ra mất rồi.

- Hôm qua, - Từ công tử nói, - nó đã đưa cho con hai trăm lạng, còn ba trăm lạng nó bảo hôm nay đưa nốt nhưng bây giờ thì nó lật mặt.

Từ Châu Đồng giậm chân nói:

- Con khờ dại quá! Khờ dại quá! Nhưng không ngại, đã có ta.

Thế rồi Từ Châu Đồng gói một lạng bạc gọi một người sai nha tới, đưa cho Diệu Trí và nói rằng: "Quan lớn nói là công tử ở đây đã làm phiền các vị, quan lớn tỏ lời cảm ơn, đây là số tiền công ít ỏi mong các vị nhận cho. Công tử uống nước suốt chỗ các vị rất tốt, vậy phiền các vị lấy cho hai bình".

Thấy thế hai hòa thượng rất đặc ý, nói:

- Thôi chúng tôi không nhận tiền của quan lớn đâu. Còn như cần nước thì tôi bảo Viên Tĩnh lấy cho hai thùng.

Sai nha trở về. Từ Châu Đồng chỉ mong sai nha về là nổi giận. ông ta đổ ngay nước đi và nói đây không phải là nước suối và bắt phải đi đổi nước khác. Sai nha đổ nước và lại mang hai bình đi. Từ Châu Đồng càng nhìn càng giận dữ.

Điền Hữu Hoạch vốn muốn trả thù bọn hòa thượng, và Hữu Hoạch cũng

đang muốn đòi hòa thượng phải trả ơn mình ít ra là trăm lạng. Thấy sự việc xảy ra như thế Hữu Hoạch cố ý nói khích với Từ Châu Đồng rằng:

- Chúng còn bảo đưa lên quan kiện công tử.

Từ Châu Đồng như lửa đổ thêm dầu, phải kiếm cớ để thanh toán bọn này.

Đúng lúc ấy bản châu mới bắt được toán cướp Dương Long. Từ Châu Đồng bảo bọn ngục tốt mớm lời cho bọn này khai ra sào huyệt thì Từ Châu Đồng sẽ tha cùm kẹp. Quả nhiên Dương Long đổ riết cho bọn sư chùa này. Thế là Từ Châu Đồng ra lệnh cho sai nha đi bắt ngay Diệu Trí và Pháp Minh. Trước hết hai người này phải nộp tiền lệ phí cho sai nha. Hai hòa thượng tới công đường, Từ Châu Đồng chẳng cần hỏi han gì, bèn sai người cùm kẹp tra tấn bắt phải nhận tội. Hai người thà chết không khai, thế là tống ngay vào nhà giam.

Điền Hữu Hoạch nói:

- Trong chùa còn có Viên Tĩnh, là người coi giữ tài sản, cũng phải bắt ngay. Từ Châu Đồng cho người bắt Viên Tĩnh và đưa ra kẹp ngay, rồi sai Điền Hữu Hoạch nói với Viên Tĩnh phải đưa một ngàn lạng bạc. Viên Tĩnh đành phải bán hết ruộng vườn, gom mãi mới được năm trăm lạng. Nhờ Điền Hữu Hoạch mang đi. Nhân cơ hội ấy Điền Hữu Hoạch được Viên Tĩnh chuyển cho mười mẫu đất.

Không ngờ Từ Châu Đồng lòng tham vô đáy, lại cho bắt Viên Tĩnh tới cùm kẹp. Diệu Trí là một sư hổ mang, tức uất đến cổ gào lên chửi:

- Ta bắt trộm đàn bà, việc ấy đáng phải tội, song còn người lừa của ta năm trăm lạng bạc người vẫn chưa vừa ý ư? Cướp không bằng ấy tiền thì con trai người sẽ là kẻ cướp, con gái người sẽ là đồ đi.

Châu Đồng chẳng còn mặt mũi nào, hăn nổi giận lôi đình, nói:

- Thằng trọc điêu oa này, mày là kẻ cướp còn trách ta thì hành luật pháp sai, làm ô nhục cả ta.

Thế rồi Từ Châu Đồng lôi họ ra đánh mỗi người bốn mươi gậy lại bàn với con rằng không thể để cho bọn ác tăng này sống, rồi làm tờ trình ghép họ vào tội chết đệ lên cấp trên. Thương thay lũ ác tăng bị bọn ngục tốt bỏ vào quan tài rồi đắp lên mặt tập giấy sùng nước. Bọn ngục tốt nói:

- Chẳng có liên quan gì đến chúng tôi, oan có đầu, nợ có chủ, người đi mà

tìm ngài Từ Châu Đồng.

Chỉ ít phút sau không thở được rồi chết. Khác hẳn với Hữu Doanh, vì say mà chết.

Nốc rượu cuồng dâm cười tít mắt,

Lược gương son phấn hại cà sa.

Giờ đây người đẹp đi đâu nhĩ

Tì bà réo rắt gây ai nghe.

Trong chùa Ngộ Thông tuổi cao sức yếu nghĩ rằng mình chịu khổ hạnh để giành lấy y bát(1) nay bỗng mất hết, cuối cùng do uất ức mà chết. Viên Tĩnh bị khép vào tội oa trử, buộc phải tự treo cổ - nguyên nhân chỉ vì gian dâm với người thiếp của Điền Hữu Hoạch mà nhen lên ngọn lửa hận thù, còn Diệu Trí và Pháp Minh vì gian dâm với đàn bà nên gây ra mầm tai họa, bởi thế tự dừng biển Phật đường đến mức tan nát như thế.

(1) Y bát: áo cà sa và bát trong Phật giáo do sư phụ truyền cho (ND).

Từ Châu Đồng vì quá tham lam tàn khốc nên đã bị đuổi về, mấy kẻ tâm phúc của hắn trong nha môn cũng bị khép tội. Điền Hữu Hoạch nhúng tay vào vụ này cũng bị bỏ tù. Nhân dân trong vùng định cướp hành lý của Từ Châu Đồng. Mặc dù lão ta đã bí mật sai nha lệ vận chuyển đi trước, song cũng bị người ta cướp mất rất nhiều. Từ Châu Đồng giả vờ đi chào từ biệt quan trên, song hắn trốn ngay xuống thuyền, nhưng đã thấy bốn hòa thượng đang đứng trên thuyền, một người già không biết là ai, còn ba người kia nán như Diệu Trí, Pháp Minh và Viên Tĩnh. Từ Châu Đồng vội vã bước vào khoang. Mấy ngày liền Từ Châu Đồng ngơ ngác sợ hãi, hễ nhắm mắt là thấy bốn hòa thượng kia. Rồi cứ luôn mồm nói một mình rằng: "Tội của họ không đến nỗi chết, họ chỉ tức giận vì công tử đã tống tiền họ thôi. Song cha con ta đã lấy tiền của họ, tại sao còn giết chết họ? Thật là vô đạo đức". Bệnh tình Từ Châu Đồng càng ngày càng trầm trọng. Về tới nhà ông ta lập đàn cúng bái để giải oan, nhưng cầu sao được, cuối cùng hắn đã chết. Trước lúc lâm chung Từ Châu Đồng dặn con rằng: "Việc sai trái đừng làm, tiền phi pháp chớ tham".

Cười kẻ mưu sinh làm trâu ngựa,

Lòng tham vô đáy túi đầy vàng.

*Hay đâu vàng hết người cũng chết,
Để lại ô danh chốn thế gian.*

Từ công tử mừng thầm, của vẫn còn thì sau này Từ công tử sẽ lo liệu ma chay cho cha thật linh đình, song gã lại cũng luôn luôn hối hận rằng mình đã lấy không của Diêu Trí hai trăm lạng bạc, mình sẽ nói với cha thế nào đây, và cũng vì thế đã gây ra biết bao chuyện, và cũng dần dần nhận ra sai lầm. Trước đây hẳn lấy Châu thị hiền dịu xinh đẹp, vợ chồng sống với nhau rất hòa thuận. Giờ đây tính khí anh ta thay đổi, cứ động một tí là chửi nhau. Nhà vốn có hai gia nhân, nay người quản trang trại và ruộng đất vắng nhà nên chỉ còn lại một người giúp việc là Từ Phúc trạc ba tư ba lăm tuổi, một đứa hầu gái tên là Thúy Vũ mười lăm tuổi, một thằng nhỏ tên là Uyển Nhi mười ba tuổi. Từ Hành là kẻ công bất thành danh bất toại, hàng ngày hẳn đi lang thang chơi bời thành kẻ du đãng, la cà nơi đường hoa ngõ liễu, Châu thị ở nhà cam phận sống lặng lẽ cô đơn. Hẳn lại nghĩ mình đi chơi gái thì chắc vợ cũng sẽ rước trai về nhà. Hẳn còn đưa cả Thúy Vũ vào phòng ngủ với nó hàng nửa tháng trời, không hề lai vãng tới phòng Châu thị. Vì hẳn không đến nỗi hung bạo, nên hẳn tới hay không Châu thị cũng cứ mặc hẳn, chẳng nói năng gì. Song ngược lại, Từ Hành vẫn nghi ngờ vợ, hẳn thường rắc tro ngoài cửa phòng Châu thị, hoặc dán giấy niêm phong vào cánh cửa để đánh dấu. Châu thị biết nhưng chỉ cười mai mỉa khinh bỉ. Song cũng rất lạ, giấy dán trên cửa thường bị chuột cắn nát, tro rắc trước cửa cũng bị mèo chó cào bới lung tung. Thế là hẳn chửi bới om sòm. Châu thị là người biết giữ bốn phận, nín nhịn chịu đựng, không hề to tiếng với hẳn nửa lời. Song hẳn lại cho rằng vì có tình ý riêng nên Châu thị không dám cãi và càng ngờ vực.

Một hôm hẳn vừa về đến nhà thấy một hòa thượng trẻ đi vào, Từ Hành vội vàng đuổi theo đến chỗ rẽ thì hòa thượng mất hút. Gã xông thẳng vào buồng Châu thị thì thấy Châu thị đang ngồi một mình thêu khăn. Châu thị ngẩng đầu lên thấy Từ Hành trợn trừng mắt hầm hầm nhìn mình. Không biết vì sao Châu thị tỏ ra lo lắng hoảng hốt. Từ Hành chạy xộc vào phòng lật chăn chiếu lên, nhìn xuống gầm giường, lấy gậy khua lên trần nhà, rồi lại nhảy lên xem. Sau đó hẳn mở cả hai chiếc tủ ra tìm, rồi lục soát khắp

mọi nơi. Châu thị cứ ngẫm nghĩ cười khinh bỉ. Thế mà hăn vẫn nói: "Người giấu tài thật, giấu tài thật!" Sau đó hăn lại ra ngoài tìm kiếm khắp mọi nơi. Gọi Thúy Vũ lại hỏi, Thúy Vũ cũng nói là không thấy. Tra khảo Uyển Nhi, Uyển Nhi cũng nói không có. Từ đó hăn không hề lui tới phòng Châu thị nữa. Tối nào hăn cũng tự mình khóa hết lần cửa này đến lần cửa khác rồi đánh dấu cẩn thận.

Thấy thế Châu thị rất buồn, nghĩ mình bỗng dưng vô cớ bị chồng nghi ngờ, thà chết quách đi cho xong. Song vợ Từ Phúc là Hòa thị nói với chị rằng:

- Nếu như bà chết đi thì làm sao rửa được nỗi oan. Cố gắng chịu được một thời gian ngắn, nhất định sự việc sẽ sáng tỏ. Lúc đó ông nhà bình tâm lại thì sẽ sống yên ổn hòa thuận. Người xưa nói: chết trong không bằng sống đục. Hãy bình tâm lại.

Ngày buồn mù mịt tựa đêm đen,

Nước mắt đầm đìa rửa nỗi oan.

Nỗi đau biết ngỏ cùng ai nhỉ,

Chỉ theo tơ rối chẳng thành hàng.

Thư phòng của Từ công tử với phòng ngủ của Châu thị chỉ cách nhau một bức tường. Hôm ấy trời đã tối, Từ công tử lững thững dạo chơi ngoài vườn hoa. Chợt thấy một bóng người, nhìn kỹ thì đó là hòa thượng trẻ tuổi, đẹp trai ngồi trên tường, tươi cười nhìn vào phòng ngủ Châu thị. Từ công tử tức giận, nhặt một hòn gạch ném hòa thượng. Hòn gạch vướng vào cành cây rơi xuống đất. Hòa thượng vội nhảy xuống, Từ công tử dùng dưng nổi giận.

Sau tường hoa lay động,

Dưới trăng thoát bóng người.

Nghĩ rằng nơi màn trướng,

Hai sao nhấp nháy soi.

Từ Hành nghĩ: "Được, được! Hôm nay bắt quả tang ta sẽ giết chúng chứ không tha". Thế rồi Từ vào thư phòng lấy thanh kiếm mài sắc, xông vào phòng. Hăn lại nghĩ: "Đừng vội, hãy lắng nghe xem sao". Thấy trong phòng có tiếng động, hăn nghĩ: "Con dâm phụ với thằng trọc đầu đang thích thú lắm đây". Hăn lấy chân đạp tung cửa phòng. Châu thị giật mình tỉnh giấc hỏi ai đấy. Từ công tử vùng kiếm chém lia lịa. Châu thị không

phòng bị thì làm sao mà chống đỡ được. Thương thay người đàn bà xinh đẹp vô tội, bị lưỡi kiếm oan nghiệt giết chết.

Tấm thân son phấn oan khó gỡ,

Má đào máu đỏ sắc hồng pha.

Chiếc đèn trên bàn khi mờ khi tỏ. Từ công tử cầm đèn soi, chỉ thấy trên giường có một mình Châu thị, cuộn tròn trong chiếc chăn, mấy nhát kiếm chặt đúng vào người, Châu thị đã tắt thở. Từ công tử tin rằng tên trọc đầu nhất định không thể trốn thoát, lại nghe thấy có tiếng động dưới gầm giường, hần nghĩ: "Thằng trọc đang dưới đây". Hần cúi xuống đâm bừa vào gầm giường thì thấy con chó liều mạng nhảy chồm qua mặt.

Từ công tử giật thót mình, nghĩ: "Vừa rồi đúng là mình nghe thấy tiếng động của con chó. Mình lúc lẩn cứ tưởng là gã hòa thượng. Giờ thì quả là không có hần thật rồi". Hần ngồi chết lặng đi, nghĩ: "Việc này nên giải quyết thế nào, giờ thì chẳng kể gì đến tiếng xấu hay sinh mạng nữa". Hần xách kiếm đi ra nhà ngoài gọi:

- Từ Phúc! Từ Phúc!

Hòa thị đáp:

- Hôm qua ông sai Từ Phúc xuống trang trại, nay chưa về.

Từ công tử nghĩ: "Thế phải giải quyết sao đây?". Hần lại vội vã chạy đến chỗ Uyển Nhi, gọi đến tám chín lần mới thấy nó thừa rồi lại im bật. Từ công tử sốt ruột, chờ một lát mới thấy nó ngái ngủ bước ra, hần rút luôn kiếm chém một nhát, Uyển Nhi chết. Một lúc chém chết hai người, chân tay Từ Hành bủn rủn, hần nghĩ một hồi rồi cắt luôn hai chiếc đầu.

Đến khi trời sáng, Hòa thị và Thúy Vũ ngủ dậy, thấy xác Uyển Nhi nằm vật dưới đất, trên chiếc bàn trong phòng để hai chiếc đầu, công tử đang ngồi đó, tay lăm lăm chiếc kiếm, trên giường, Châu thị máu chảy đầm đìa. Hòa thị nghĩ thầm: "Đây là do chồng Châu thị gây ra, nếu không thì là Uyển Nhi". Sáng hôm ấy Từ công tử ăn cơm sáng bình thường rồi xách hai chiếc đầu đi. Hai người khóc lóc than vãn, kêu rằng Châu thị chết oan.

Công tử xách hai chiếc đầu lên huyện, khiến cả thành náo động, nói rằng Từ công tử đã giết chết gian phu dâm phụ, cũng có người kéo đến nhà xem, cũng có một số người kéo nhau lên huyện xem, họ bảo rằng công tử là

người có khí phách đàn ông. Ngay nhà họ Châu có hai ba vị tú tài cũng xấu hổ không dám lộ mặt ra, chỉ sai người đi nghe ngóng tin tức mà thôi.

Lát sau quan huyện lên công đường xét xử vụ án. Quan huyện họ Nhiêu, người Quý Châu, được triều đình tiến cử. Là viên quan có tài năng, nên khi xét xử một vụ án ông rất bình tĩnh và thận trọng. Công tử xách hai chiếc đầu tới công đường đưa đơn kiện, nói:

- Con là Từ Hành, con của Từ Châu Đồng, vợ con là Châu thị đã gian dâm với đứa ở là Uyển Nhi, con đã giết chết và mang đầu tới trình quan. Ngài Nhiêu bước ra khỏi chỗ ngồi, nói:

- Quả là một người đàn ông dũng khí. Đây là việc làm của một người trọng danh dự.

Thế rồi ông xem qua hai chiếc đầu, đó là đầu một người đàn bà xinh đẹp và đầu một thằng nhỏ tóc mới chấm ngang. mày. Ngài quan huyện hỏi:

- Thằng nhỏ này bao nhiêu tuổi?

- Nó mười bốn tuổi, Từ Hành nói.

Ngài nhắc cái giải buộc, kéo nghiêng chiếc đầu xem. Rồi ngài lên ngay kiệu lại nhà Từ công tử điều tra sự thực. Người theo sau xem đông nghịt.

Ngài quan huyện xuống kiệu, nói:

- Thi thể ở đâu?

- Thithể trong phòng. - Từ công tử nói.

Ngài bước vào phòng, thấy thi thể mất đầu đang nằm trên giường, trên người bị mấy nhát kiếm, người bị chém còn cuộn trong chăn. Xem xong ngài nói:

- Thằng nhỏ ở đâu?

- Ở trong bếp. - Từ đáp.

Ông tới bếp xem thì thấy xác thằng nhỏ đang nằm trên nền đất, mình bị chém một nhát kiếm. Nó vẫn còn mặc quần áo. Quan huyện lấy chiếc quần của nó xem. Thế rồi ông gọi người khóa tay công tử, đồng thời giải cả Hòa thị và Thúy Vũ lên huyện tra hỏi:

- Từ Hành, mày là thằng khốn kiếp! Xưa nay bắt gian dâm là phải tra trên gái dưới. Song đây thì một người ở trên giường, một người ở dưới bếp thì khó mà bảo là họ gian dâm được. Hơn nữa thằng nhỏ còn là một đứa trẻ

con sao người lại vu cho nó. Đây đúng là vợ chồng bất hòa, người giết vợ rồi lại giết bừa một thằng nhỏ để giải thoát. Người lừa dối ai chứ không lừa được ta đâu.

Thế rồi ông sai người kệp Từ Hành.

Từ Hành nói:

- Quả thực con thấy một hòa thượng trèo tường vào phòng vợ con khiến con tức giận rồi giết thị.

- Vậy thì thằng nhỏ đã bị người giết oan. Người bảo có một hòa thượng thường lai vãng đến nhà, vậy hòa thượng ấy tên gì?

Từ Hành không sao trả lời được. Ngài quan huyện sai người đưa gã ra ngoài hiên. Gọi Hòa thị tới hỏi:

- Thường ngày Châu thị có gian dâm với ai không?

- Thưa ngài, hằng ngày Châu thị vẫn chỉ ở một mình trong phòng, không gian dâm với ai. Con chỉ thấy công tử đi chơi gái, suốt ngày không ở nhà, rồi nghi ngờ vợ ở nhà gian dâm, ngày nào họ cũng cãi nhau. Tối qua Uyển Nhi không vào phòng Châu thị. Không biết vì sao công tử giết Châu thị lại giết luôn cả Uyển Nhi.

Sau đó ngài hỏi Thúy Vũ, Thúy Vũ cũng khai như Hòa thị Quan huyện nói:

- Từ Hành, người giải thích thế nào đây?

Từ Hành đành phải khai rằng, vì nghi ngờ vợ gian dâm nên đã giết vợ, lại sợ phải đền mạng nên giết luôn cả đứa ở để thoát tội.

Quan huyện dùng dùng nổi giận nói:

- Đã giết người lại còn làm ô nhục thanh danh người ta, người quả là độc ác đến cùng cực. Hãy mang hãn ra đánh bốn mươi gậy.

Lúc ấy mấy vị tú tài mới tới, nói:

- Cầu mong quan lớn theo pháp luật bắt hãn phải đền mạng để giải nỗi oan cho người đã chết.

- Phải đền mạng là đúng rồi, không cần phải nói.

Thế rồi ngài luận tội:

"Chồng Châu thị là một kẻ ngang ngược và độc ác, đã diễm nhiên tự thú không chút oán hận đó là điều tốt. Song Từ Hành vì nghi ngờ mà giết vợ, sau lại vu cho đứa ở gian dâm, quả là kẻ gian ngoan quỷ quyệt. Theo luật,

vô cớ giết vợ phải khép vào tội treo cổ!".

Từ Hành vô cớ giết người ở, nhẹ thì cũng bỏ tù, song theo luật vô cớ giết vợ thì chờ đến mùa thu sẽ hành quyết. Giải tới viện chờ hình sảnh bản phủ phúc thẩm.

Từ Hành dùng tiền đút lót để chạy tội. Song tội ác đó là sự thực, ai cũng cảm giận thì thoát chết sao được. Quan hình sảnh nói:

- Từ Hành vô cớ giết hại hai mạng người, dù có treo cổ cũng chưa đủ tạ oan cho hai người. Tội ấy là sự thực, không thể chối cãi được. Nhiều lần bị giải đi xét xử, rồi Từ Hành bị chết trong nhà tù.

Nỗi gan phải trả sao thoát được,

Hồn về cát bụi cũng chẳng tha.

Hai gã trọc đầu ô nhục ấy,

Đầu lâu phải xơ xác trong tù.

Người đáng thương nhất trong chuyện này là Châu thị, vì bị nghi ngờ mà chết. Thứ hai là Đỗ Hữu Danh, vì say mà chết. Ngoài ra Diêu Trí, tuy chết vô tội, song thực ra là đền mạng cho Đỗ Hữu Danh. Cha con Từ Hành cũng chết để đền mạng cho Diêu Trí, Pháp Minh. Pháp Minh bị tử hình, Viên Tĩnh bị treo cổ cũng là không tuân theo luật của người tu hành, gian dâm với đàn bà mà bị quả báo. Điền Hữu Hoạch tham dâm để lại tiếng xấu ở đời, lừa dối người mà đắc tội, ấy cũng là bài học cho những kẻ tham lam độc ác. Tóm lại, rượu chè, trai gái, tiền của và sự giận dữ nhất định sẽ dẫn đến tai họa. Ta nhắc tới chuyện này cốt mong người đời phải tỉnh ngộ.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 17

Tám Lạng Bạc Giết Hai Mạng Người,
Một Tiếng Sét Diệt Bảy Tên Hung Ác

*Ý trời luôn sáng tỏ,
Lòng tốt đời vẫn còn.
Mưu sâu thật gian ác
Bẫy hiểm đang rập rình
Gương sáng, gian khó giấu
Uy thần, ác phải trừ.
Sống luôn luôn thận trọng,
Tàn ác trời chẳng tha.*

Nếu mọi người biết giữ mình thì chẳng sợ gì sấm sét. Người luôn luôn có lòng tốt ta chưa từng thấy họ bị sét đánh bao giờ. Pháp luật tuy nghiêm, song có thể dùng tiền để chạy tội, dùng thế lực để xin xỏ. Chỉ có sét là chẳng kể gì đến giàu có và thế lực. Bởi thế thấy có một con trâu bị sét đánh, trên mình trâu thấy có mấy chữ đỏ, người ta bảo đó là Lý Lâm Phủ thời Đường. Ba đời phải làm đĩ, bảy đời phải làm trâu. Đây là sét đánh kẻ gian dân. Ở Diên Bình sét đánh ba người đàn bà độc ác ngỗ ngược, một người biến thành trâu, một người biến thành lợn và một người biến thành chó. Đây là sét đánh kẻ ngỗ ngược. Lại có một con rết bị sét đánh, sau lưng nó có ba chữ "Tần Bạch Khởi". Hẳn từng chôn sống hai vạn quân lính. Đó là sét đánh kẻ tàn bạo. Có một kẻ chiếm đất của chị dâu góa chồng, bỗng thấy sét đánh, người ấy bị trói và nhà của hắn bị dời khỏi khu đất của chị dâu. Đó là sét đánh kẻ tham lam. Có một người đàn bà cưới con dâu về thì gia tài khánh kiệt, bà phải đi ở cho người khác để lấy tiền trả nợ. Người con

dâu về không thấy mẹ chồng, hỏi chồng mới biết rõ nguyên do. Người con dâu bèn mang trang sức của mình bán đi để chuộc mẹ chồng về, song bị kẻ hàng xóm cướp mất. Chị uất ức quá treo cổ tự tử. Bỗng sét đánh chết tên hàng xóm ấy, bạc lại trả về tay chị. Người con dâu thắt cổ chột nghe tiếng sét mà sống lại. Đây là sét đánh kẻ cướp, chẳng cần phải nói cũng đủ biết trời rất gần ta.

Trong cuốn *Truyện tranh lục* có ghi: "Có một kẻ mưu hại đứa cháu mồ côi, hãm sai đứa ở đút tiền cho người vú nuôi để người này bôi thuốc độc vào đầu vú. Khi đứa bé ấy sắp bú thì một tiếng sét nổ vang trời, đứa ở và vú nuôi ấy bị sét đánh chết, đứa bé chẳng hề kinh sợ gì cả. Nếu như chỉ chậm lại trong giây lát thì đứa bé ấy ắt phải chết". Đây là sét đánh cấp bách. Thật là một điều kỳ lạ. Lại có một lần sét đánh chết một lúc bảy tên cướp đã cướp của giết người cứu sống hai nhân mạng. Quả là chuyện ấy còn lạ hơn nữa.

Truyện kể rằng ở làng Lưu Thành, huyện Gia Định, phủ Tô Châu, có một người tên là Nguyễn Danh Thắng, con cả trong gia đình, có biệt hiệu là Kính Pha. Mẹ Thắng là Ôn thị, tuổi ngoài sáu mươi, vợ là Lao thị trạc ngoài hai mươi cũng là người có nhan sắc. Ba người đều sống trong ngôi nhà nhỏ, có dăm bảy mẫu đất, lại thuê mấy mẫu, sáng cày tối bừa, chịu thương chịu khó, không nề gian khổ. Ôn thị là người giỏi giang, chị kéo được những cuộn sợi gai đẹp, và dệt được những tấm vải đẹp như lụa. Hàng ngày ngoài việc chải đầu, rửa mặt và nấu ba bữa cơm ra, chẳng lúc nào chị được rảnh tay. Sáu bảy nhà hàng xóm đều ở rải rác, chị cũng chẳng khi nào la cà tới nhà họ chơi bời. Những món ăn chỉ làm cái gì ngon thì để phụng dưỡng mẹ chồng, rồi sau đó để dành cho chồng, còn lại chị mới ăn, chẳng bao giờ chị tỏ ra là người tham ăn. Gia cảnh ngày càng sa sút, mặc dù chồng không kiếm ra tiền, nhưng chị không bao giờ oán giận hoặc chì chiết. Chẳng những vợ chồng sống với nhau hòa thuận vui vẻ, mà mẹ chồng cũng rất quý mến chị và ngay cả những người trong làng ai cũng tấm tắc khen ngợi chị. Họ bảo rằng anh Thắng lấy được người vợ tốt, vừa chịu

thương chịu khó lại vừa hiền lành hiếu thảo.

Tuy chị đảm đang, song những việc giao thiệp bên ngoài phải hoàn toàn dựa vào chồng. Rất tiếc chồng chị lại là người thật thà và nhút nhát như con gái, không biết nói năng. Thuế má vùng Tô Tùng rất nặng, chẳng khác hồ đoi nhai xé thịt người. Bạc đã đủ rồi còn phải trừ hao đi hai ba phân, thóc thuế đã đủ cũng phải trừ hao bốn năm phân. Biết bao việc phu phen, tạp dịch đều phải quy ra bạc để trả. Bọn lý trưởng kỳ hào chẳng hề thương xót mà càng ra sức bóp nặn họ.

Khi nộp tô, những người thuê ruộng giả nghèo giả khổ, xin chịu lại mấy thăng họ cũng đòi phải trả cho bằng đủ. Lần này dù van nài cũng không được, thế là lại đóng ra cho chủ ruộng từng thăng một, song rốt cục vẫn cứ thiếu mấy thăng. Nông dân không biết nói dối, có những người thuê ruộng khác giáo hoạt, đã rây nước hay nước muối vào đánh lừa là thóc ruộng trũng. Hoặc có người lại nấu nồi cháo loãng quấy cám vào rồi trộn với gạo cho nhiều thêm. Nông dân là người yên phận, nên những điền chủ cứ đến thu tô đầu tiên để lấy cớ bắt những người khác làm như nông dân. Bởi thế không những Thăng thiệt mà người khác cũng chịu thiệt lây, họ quay ra oán hận, chửi bới, thậm chí còn định đốt nhà, Thăng phải van xin họ tha cho.

Người già ngày càng già đi, chỉ ăn mà không làm. May mà trong nhà Lao thị đảm đang, chỉ ở nhà quay tơ dệt vải. Vì hoa lợi đất đai có hạn nên phải đi mua thóc ngoài. Song nông dân lại mua đắt, tiền nhiều mà hàng mua về lại ít. Tơ và vải do Lao thị làm ra thì Thăng phải đi bán nhưng lại bán rẻ. Bởi thế họ sống hết sức tằn tiện, đói khát nhưng vẫn không đủ ăn. Mà đã đi làm thì phải ăn, hằng ngày Lao thị phải nấu mấy bát cơm cho chồng ăn để đi làm, sau đó nấu cháo đặc cho mẹ, nghĩ rằng mẹ đã già đói không chịu được, còn chị chỉ húp vài bát nước thừa loãng thoáng mấy hạt gạo. Quần áo thì mùa đông cũng như mùa hè, Lao thị chỉ mặc bộ quần áo vải gai vá chẳng vá đụp, chồng chị thì mặc chiếc áo cộc ngắn cộc ngắn, tay không che kín khuỷu và một chiếc quần lửng. Chẳng phải khi đi làm, mà ngay khi ăn

cổ bàn anh cũng mặc như thế. Quả là nhà nông làm ra thóc gạo mà không có thóc gạo ăn. Cuộc sống của họ vô cùng chật vật.

*Cày cấy chưa xong đã lo dệt vải,
Đạo trời đắp đổi chẳng lúc nào ngừng.
Vợ chồng nhà nông quanh năm vất vả.
Đêm đêm xe chỉ dệt vải dưới trăng sao,
Sáng đi cày trời nắng chang chang như đổ lửa
Chiều đi bừa gió mưa sấm chớp bão giông
Nắng khổ mưa sầu.
Vừa lao tâm lại vừa lao lực.
Vải tay mình dệt mà không được mặc.
Thóc gạo mình làm mà chẳng được ăn.
Thuế má quan thúc nợ nần chủ giục.
Mặc thì, áo rách tả tơi,
Ăn thì bữa rau bữa cháo.
Gội gió tắm sương đen thui đen thui
Chạy vạy sớm chiều, cơm ăn chẳng đủ.
Ai là người dân tấu sớ nói rõ nỗi khổ này cho nhà vua.*

Hai người tuy khổ nhưng sống với nhau vẫn vui vẻ hòa thuận. Song hàng xóm láng giềng có hai tên vô lại: một là Hồ Bào Lôi, thư ký trong làng, chuyên rượu chè lêu lổng, lừa dối người tốt, sợ hãi kẻ ác. Việc gì hắn cũng xuất đầu lộ diện, tự khoe khoang là mình có tài. Một tên nữa là Tiểu Hoa Phương, trạc hai mươi tuổi, tóc đen nhánh, người trắng trẻo, tỏ ra ta đây là người đẹp trai. Hắn rất thân thiết với Bào Lôi. Hoa Phương thấy Nguyễn Thằng nghèo, Lao thị ăn đói mặc rách, Thằng lại lo lắng buồn rầu nên già trước tuổi. Hắn nghĩ hắn là Lao thị không chịu được kham khổ, muốn của lạ, sẽ chê chồng, còn mình lại đẹp trai muốn dụ dỗ chị. Tuy hắn đã hai mươi tuổi nhưng vẫn tự cho mình là còn bé, thường vờ tới nhà Lao thị, mượn cốc cà. Hoặc có khi giả vờ đưa cơm ra đồng giúp chị. Khi thì hắn lân la đến nhà chị nói:

- Chị Lao, cũng rất may chị giỏi giang, hằng ngày làm rất nhiều việc, nào là lo cơm nước, nào là dệt vải xe tơ, cả nhà đều do tay chị lo toan.

- Không làm thì lấy gì mà ăn. - Lao thị nói.

- Chị Lao, - Hoa Phương nói, - ấy thế mà có người không làm mà lại được ăn ngon mặc đẹp đấy!

Hắn thường khen để lấy lòng chị. Có khi hắn lại nói:

- Chị Lao, anh ấy thì dựa vào cái cuốc, còn chị thì dựa vào đôi tay thì làm sao nuôi nổi gia đình. Cũng chỉ là sống chật vật cho qua ngày thôi. Năm được mùa đã vậy, chứ mất mùa rồi, hắn lại lải nhải nói: - Năm tháng xoay vần, tôi xem ra anh Thắng chẳng mấy chốc mà già, thật đáng thương. Tôi cũng rất buồn. Ngay chị cũng thấy già đi chút ít, ấy là chị cũng biết trang điểm đấy. Như chị Chu Thân thôn Tiền, hơn chị năm tuổi, hàng ngày đầu bù tóc rối, đi chân đất, xấu như quỷ, thế mà khi về nhà Lý Bì Tam lại sống sung sướng. Chu Thiệu Giang nghèo kiết xác đã để chị đi lấy chồng khác.

Hắn cứ đưa những chuyện như thế để khơi gợi Lao thị. Lao thị là người ít mồm miệng, dù cho hắn nói gì chị vẫn lẳng lặng ngồi dệt vải hay xe gai, mặc cho hắn cười cợt nhạo, chị vẫn không thèm nhìn. Những lời hắn nói chị đều bỏ ngoài tai.

Không còn cách nào, một hôm không biết hắn đánh ở đâu một chiếc trâm bạc và hai chiếc nhẫn, tới khoe với chị rằng:

- Đây là trâm và nhẫn mà Lý Bì Tam nhờ tôi đi đánh cho vợ Chu Thân, lại còn mất cả tiền công nữa. Lý Bì Tam tốn khá nhiều tiền với vợ Chu Thân. Vợ Chu Thân không nuôi nổi mình, thế mà lại sung sướng. Không những có quần áo đẹp, đồ trang sức đắt tiền, mà hằng ngày lại được ăn thịt, ăn cá. Hắn đưa những việc tư thông để dụ dỗ Lao thị, song Lao thị chẳng thèm nghe, hắn rất bẽ mặt.

Kẻ ngu đần thì suy nghĩ cũng vụng dại, mặt đỏ ửng ra, hỏi thì ứng ngay, song chị thì im lặng không thèm trả lời. Thế rồi một hôm nhân đi mang cơm, hắn đánh liều nắm lấy cổ tay chị. Lao thị trừng mắt, mắng:

- Đồ mất dạy.

- Xin lỗi, xin lỗi chị. - Hăn nói.

Lao thị giận tím mặt, nhưng không dám to tiếng, sợ chồng mình sẽ tức giận.

Hoa Phương cầm đầu chạy, không ngờ đâm xô vào một người, cơm đổ tung tóe. Người ấy lại chính là Bào Lôi. Anh ta tóm chặt lấy Hoa Phương hỏi:

- Thăng quý, sao mà hoảng hốt thế?

- Sợ muộn cơm.

- Mày đừng dối tao, muộn cơm thì việc quái gì mà hoảng. Nhất định là có chuyện gì rồi, mày phải nói thật với tao đi.

Bị hăn tóm chặt, Hoa Phương đành phải thú nhận mình bị Lao thị chửi. Bào Lôi nói:

- Chắc Nguyễn Thăng chẳng giữ được Lao thị được lâu đâu, dù thế nào chẳng nữa mày cũng lấy được cô ta.

- Một người cần cù chịu khó như thế, - Hoa Phương nói, lại xinh đẹp thì Nguyễn Thăng bỏ làm sao được.

- Cứ thử thử một chút, - Bào Lôi nói, - ta chắc rằng Nguyễn Thăng sẽ gả cho mày thôi.

Đúng vào năm ThiênKhải(1) thứ bảy, vào đầu mùa hạ, mùa màng đang bận rộn, mẹ Nguyễn Thăng là Ôn thị ốm nặng, thuốc thang chạy chữa tốn kém. Bởi thế Nguyễn Thăng lo lắng, lại thêm công việc đồng áng nắng mưa vất vả nên mắc bệnh thương hàn, nằm liệt giường tới mười bốn ngày trời, người gầy như que củi. Trong nhà lúc ấy không còn hạt gạo, đồng tiền nào. Lao thị không còn biết lấy đâu ra tiền mà thuê người làm, ruộng chỉ thấy cỏ mà chẳng thấy lúa đâu, mùa màng chẳng trông mong gì thu hoạch. Chưa được nghỉ ngơi, lại bị bó chân bó tay tới nửa tháng trời, Nguyễn Thăng gắng gượng bò dậy, ra cửa ngòi:

(1) Thiên Khải: niên hiệu của Minh Hy Tông (ND).

Người gầy gò xương,

Da vàng như nghệ.

Chống gậy đứng lên,

Gió to cũng đổ.

Lao thị bảo chồng:

- Ra ngoài gió đấy, anh vào nhà mà nghỉ đi.

Chợt thấy có hai người hàng xóm là Vưu Thiệu Lâu và Sử Kế Giang đi qua, Vưu Thiệu Lâu trông thấy nói:

- Xin chúc mừng anh Nguyễn, anh khỏi rồi à? Có ba anh em mình, thì anh lại ốm.

- Đúng là anh từ côi chết trở về thì ai mà chẳng mừng, song có điều ruộng để hoang thì sống sao đây. - Sử Kế Giang nói.

Đang chuyện trò thì Bào Lô ở đâu tới cũng nói chen vào:

- Chà chà, anh Thắng khỏe rồi, xin mừng cho anh.

- Ruộng để hoang, - Nguyễn Thắng nói, - mất trắng rồi, . tôi cũng sắp chết đến nơi đây.

- Sắp chết thì phải tìm cách mà sống chứ. Chịu đựng hết năm nay, mùa xuân sang năm có đậu là sống rồi.

- Mất trắng rồi, - Nguyễn Thắng nói, - trong nhà rỗng tuếch, lấy gì mà mua gạo nước, củi đuốc, chỉ còn tro bụi ba cái xác người thì anh bảo lấy gì mà sống được.

- Có người có cách. - Bào Lô nói. - Nếu như anh chết, thì anh còn cái gì nữa đâu?

Vưu Thiệu Lâu nói:

- Người mà anh ấy nhờ cậy là chị ấy, sao anh lại nói thế?

- Anh không đọc "chúc phát ký" à? - Bào Lô nói. - Có gạo thì ba người sống, không gạo thì ba người phải chết, chết đói thì vợ và bà cũng phải đổi lấy gạo mà sống.

Thế rồi họ chia tay nhau.

Hai hôm sau, quả là không sao chịu đựng nổi, Nguyễn Thắng thấy Bào Lô nói có lý, mới nói với Lao thị rằng:

- Mẹ con tôi rất may có cô mà thoát chết, song chết vì ốm đau bệnh tật cũng như chết đói. Thôi thì cô đi lấy người khác thì sống gắng gượng được nửa năm. Quả thực đây là việc bất đắc dĩ, mà tôi cũng không muốn thế.

- Cho dù tôi không nuôi nổi anh và mẹ, mà nếu có chết thì chết cả ba.

Lại hai ngày nữa qua đi, mà không được lấy hai bữa. Quả thực đã lâm vào cảnh đường cùng. Ôn thị nói:

- Con ạ! Mẹ nghĩ rằng, chỉ hai ngày nữa thôi là mẹ con ta chết. Thôi thì con hãy nghe chồng con, cứu sống lấy hai mẹ con ta.

Thấy thế Lao thị giần giụa nước mắt, chẳng nói năng gì. Nguyễn Thăng bèn nhờ bà mối tìm người.

Hoa Phương biết tin này đến nhà Bào Lôi nói:

- Đúng là vợ Nguyễn Thăng phải đi lấy người khác rồi, làm thế nào cho cô ta lấy tôi?

- Khó gì đâu. Cứ chuẩn bị lấy bốn lạng bạc thì tôi chắc rằng anh tha hồ mà dùng.

- Anh đừng nói là hỏi cho tôi, - Hoa Phương nói, - hôm nọ tôi mới trêu một tí mà cô ấy đã chửi, sợ rằng nói ra cô ấy không ưng.

- Sợ quái gì mà phải giấu tên, ai mà chẳng biết anh là kẻ trăng hoa, cả cái làng này có người nào đẹp trai được như anh.

Bào Lôi tự cho mình có thể mạnh bản lĩnh quen rồi, hơn nữa lại hết lòng với Hoa Phương, nói với Thăng là, hiện có hai lạng, còn hai lạng nữa sẽ đưa sau. Nguyễn Thăng nói:

- Để tôi bàn với vợ tôi xem đã.

Lan thị nói:

- Anh đã định gả tôi cho người khác thì số tiền ấy cũng phải đủ nuôi mẹ con anh được nửa năm, chứ hai lạng thì bỏ bèn gì.

- Người như thế mà bốn lạng thì không được, - Ôn thị nói, - con đã làm khổ nó mấy năm trời, song đâu đã đến nỗi tàn tạ đến như vậy. Hãy đi tìm người khác.

Nguyễn Thăng bảo với Bào Lôi là mẹ không nghe. Bào Lôi cười khẩy nói:

- Chờ hôm nữa tôi bảo Hoa Phương dồn đủ bốn lạng.

Hoa Phương tới thấy vậy nói:

- Anh lo chu đáo cho tôi quá, thôi thì đưa ngay bốn lạng cũng được. Chỉ cần ngủ với chị ta sớm hai ngày là được rồi.

- Đừng sốt ruột, nghe đâu hai người hàng xóm của chúng ta muốn lấy Lao thị. Ta chỉ nói là người đàn bà có chồng, thì sẽ gặp hậu họa, thế thì ai còn dám lấy? Như thế chắc chắn Lao thị sẽ về tay anh thôi. Hãy thư lại vài ngày nữa.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 17 (B)

Không ngờ Dữu Doanh ở thôn Tiên, nhà cũng có chút máu mặt, ngoài Giêng vợ chết cũng muốn cưới vợ khác. Nghe thấy Lao thị ưng đi lấy người khác, và cũng biết Lao thị là người rất chăm chỉ siêng năng, Dữu Doanh cũng chẳng thăm dò gì, bèn nhờ người mỗi tối nói, lễ vật là tám lạng, nếu nhà ấy muốn giữ thể diện thì sẽ mang tới một con ngỗng, một đôi lợn, một đôi gà, hai con cá và ngày hôm sau là làm lễ cưới. Lao thị thấy vậy tự nhiên nước mắt chảy giàn giụa. Suốt hai đêm nói sao hết nỗi vất vả gian nan triền miên trong mấy năm trời, một người thì khuyên chị khéo léo chiều chuộng chồng mới, người thì dặn chị chú ý giữ gìn sức khỏe. Người thì bảo: "Đây chỉ là bắt đắc dĩ thôi, đừng oán tôi là bạc tình bạc nghĩa". Người thì nói là "Biết đấy nhưng chẳng làm khác được, chỉ cầu mong cho con được bình an". Đêm năm Lao thị không sao chợp mắt, đến khi trời sáng mẹ chồng và nàng dâu hết khóc rồi lại nói, nói rồi lại khóc, chẳng ai thiết ăn uống gì. Còn Nguyễn Thăng thì đi sắm chút thức ăn tiễn vợ. Tối đến người mỗi tối, ba người sụt sùi khóc tiễn chân chị ra khỏi nhà.

Thương nhau chẳng tới bạc đầu

Đang vui sum họp đã sầu chia phôi.

Cầm tay giọt ngấn giọt dài,

Chỉ trong gang tấc mà vời vợi xa.

Trong số những người láng giềng, thì Bào Lô và Hoa Phương là không tới tiễn chân Lao thị, những người khác như Vưu Thiệu Lâu, Sử Kế Giang, Phạm Tiêu Vân, Lang Niệm Hải, Thiệu Thừa Pha đều vui vẻ hồ hởi tới tiễn chân Lao thị. Song vì Nguyễn Thăng cứ khóc lóc không còn lòng dạ đâu mà đón tiếp họ, thế là họ cụt hứng bỏ về.

Sáng sớm hôm sau Hoa Phương đến tìm Bào Lôi, nói:

- Tôi đến để cảm ơn anh đã nói vun vào cho tôi, anh đã đảm bảo chắc chắn là tôi được, vậy tại sao bây giờ cô ấy lại sang tay kẻ khác.

- Không phải nói nữa, - Bào Lôi nói, - tôi cũng đang tức thay cho anh đây, phải làm cho cái thằng mới lấy ấy không được thụ hưởng.

Thế rồi Bào Lôi tới các nhà láng giềng nói khích:

- Tôi biết hôm qua mấy người không được uống rượu, hẳn đã làm mấy mâm đãi khách, nhưng hôm qua tại sao Nguyễn Thắng không thềm tiếp đãi các anh?

- Hôm qua lúc chúng tôi bỏ về hẳn cũng không thềm giữ lại - Sử Kế Giang nói. - Tôi về nhà mua một bình rượu trắng, uống thỏa thích.

- Chẳng hiểu sao, - Vưu Thiệu nói, - gả bán một người được gần mười lạng bạc, giá không đến đưa dâu thì cũng phải mời chúng ta một tiếng chứ.

- Hôm qua chẳng còn lòng dạ nào mà mời, - Phạm Tiểu Vân nói, - chắc rằng hôm nay mới mời chăng?

- Không phải thế đâu, - Thiệu Thừa Pha nói, - đến hành cũng chẳng thấy hẳn mua lấy một đồng, hẳn ăn một mình thôi.

- Tôi e rằng không có lẽ không mời. - Lang Niệm Hải nói.

- Các vị ạ, - Bào Lôi nói, - nhất định không ăn được của hẳn rồi. Tối nay xin mời các vị đến nhà đưa đàn em này.

Quả nhiên Bào Lôi bê hai hũ rượu đặt lên hai chiếc bàn, rồi đi mời năm người ấy. Thiệu Thừa Pha từ chối không tới, nhưng Bào Lôi cứ lôi đi bằng được. Họ chơi trò phạt rượu, người nào người nấy chệnh choáng hơi men, mặt đỏ phừng phừng.

Bào Lôi nói:

- Thật không thể nào chịu nổi, thằng Thắng đã khinh ta - như thế Hoa Phương là người tốt, ta đi hỏi Lao thị cho nó, mà nó không gả. Các vị đi dẫn dâu mà nó cũng không mời lấy một chén rượu. Bây giờ xin các vị hãy giúp tôi, cho hẳn một trận. Nếu hẳn không nghe theo, thì trước hết ta sẽ kết liễu hẳn.

Thấy Bào Lôi là một kẻ hung ác, mọi người không dám trái ý, nói:

- Được, được nhưng không biết anh có kế gì?

Thấy mọi người nghe theo, Bào Lôi lại mang rượu ra, nói:

- Phải can đảm lên, uống đi rồi hành động, - hăn nói tiếp, - các anh theo ta bạc sẽ cho các anh hết, còn ta làm thế chỉ cho bỏ tức thôi.

Thế rồi nhân lúc ánh trăng lơ mờ, chúng đi đến cửa sau nhà Nguyễn Thắng.

Thương thay, hai mẹ con Thắng được số bạc ấy, đang suy đi tính lại vẫn chưa ngủ, còn tiền thì giấu xuống đầu giường. Nghe tiếng Bào Lôi rạch rào, Nguyễn Thắng bèn lặn ra cửa. Thấy Bào Lôi đang bẻ khóa gian buồng bên kia, vội kêu lên "cướp cướp". Bào Lôi đá một phát Nguyễn Thắng bắn sang một bên, Hoa Phương nhào tới tống một phát vào thái dương. Vì ốm lâu ngày, Nguyễn Thắng chỉ kêu lên một tiếng rồi tắt thở. Thấy thế Vưu Thiệu Lâu hỏi:

- Bào Lôi, làm thế nào bây giờ?

- Việc đã đến nước này, - Bào Lôi nói, - thì kết liễu luôn con mẹ nó đi, lấy bạc cho chúng mày.

- Chúng tôi hoàn toàn nghe theo đại vương. - Lang Niệm Hải nói.

Trong đêm tối, Ôn thị chạy ra, bọn chúng nhất tề xông tới kết liễu luôn cuộc đời Ôn thị. Bào Lôi lục lọi, thấy trong chiếc làn cũ có chiếc chăn và hai chiếc ruột áo bông rách. Hăn lục đầu giường, thấy dưới đệm cỏ một gói vải rách buộc rất kỹ. Bào Lôi lấy bạc từ trong gói, đưa ra giữa nhà chia đều cho sáu đứa mỗi đứa một lạng ba. Năm đứa xưa nay nghèo đói, chưa từng có số bạc như thế, chúng đều nhận cả, nói:

- Tại sao anh không lấy một đồng nào?

- Tao đã nói trước là tao không cần. - Bào Lôi nói.

Không ngờ nhà Nguyễn Thắng chẳng còn một ai, chiếc nhà này coi như của chung. Lúc ấy Hoa Phương nói:

- Ông anh, hai xác người này làm sao bây giờ?

- Tao đảm bảo với người sẽ có người khác đền mạng. - Bào Lôi nói. - Nếu không đền mạng thì đây vẫn là món tài sản lớn của chúng ta.

Thế rồi hăn chỉ trời vạch đất, đưa ra một kế sách. Nghe xong chúng đồng thanh đáp:

- Hay lắm, ta sẽ phải trắng tay. Song thấy hần thì phải báo cho nhau, không thì nó đi mất.

- Kế đã vạch sẵn, chúng rất yên tâm.

Tuy đi lấy người khác song Lao thị vẫn cứ nhớ hai mẹ con Nguyễn Thắng, nói:

- Mẹ hện là đến ngày thứ ba thế nào cũng mang hai chiếc hộp đến thăm em, sao mãi đến giờ mà vẫn chưa thấy tới?

Lao thị muốn về thăm, Dữu Doanh nói:

- Em bây giờ là người nhà khác, mới về được hai ngày lại bỏ đi, người ta sẽ chê cười. Thôi để anh tới đó xem sao.

Nói xong, Dữu Doanh đội mũ, mặc áo, xỏ giày tới nhà Nguyễn Thắng. Hoa Phương đón đường nói:

- Anh Dữu đến lại mặt đầy ư?

- Nhà tôi nhớ bà cụ quá, - Dữu Doanh cười nói, - bảo tôi tới thăm cụ xem sao.

- Vẫn không quên người cũ, thế là tốt. - Hoa Phương nói.

Rồi hần đi tìm Bào Lôi.

Dữu Doanh tới nhà Nguyễn Thắng, thấy cửa đóng chặt, nghĩ bụng: "Bây giờ mà còn ngủ ư?". Tưởng rằng không có vợ, hai người lại ốm nên không có người mở cửa. Định về, nhưng lại không biết tin tức thế nào, bèn gõ cửa, song làm gì có người thừa bèn vòng ra cửa sau, thì thấy cửa khép hờ, đẩy cửa bước vào. Dữu Doanh thấy Nguyễn Thắng chết gục bên cửa, nhìn vào bên trong thì Ôn thị cũng đã chết. Dữu Doanh khiếp mất vía, bủn rủn chân tay, quay ra ngay.

Vừa khỏi cửa thì nghe thấy:

- Anh Dữu! Đến thăm thông gia đấy ư? Một bông hoa đẹp mà không được hưởng lại đưa cho anh. - Rồi hần kéo tay nói. - Gà và ngỗng hôm trước dẫn lễ vẫn còn, có thể giết để mời anh, sao anh lại bỏ về. Đàn em này sẽ dẫn anh vào, kiếm chén rượu nhạt.

Cứ thế hần lôi Dữu Doanh vào, Dữu Doanh nói:

- Tôi đến thăm mẹ con anh ấy, chẳng hiểu vì sao hai người ấy đã chết rồi.

- Hôm qua hai người vẫn yên lành sao hôm nay lại chết đột ngột như thế?

Tôi không tin.

Thế là hăn lôi Dữu doanh vào xem, thấy hai xác người đang nằm đó. Bào Lôi nói:

- Vì sao thế?

- Tôi cũng chẳng biết nữa.

- Anh trong nhà đi ra, anh không biết thì ai biết? Anh không ra khỏi đây được đâu.

Hăn gọi:

- Vưu Thiệu Lâu đâu?

Vừa cất tiếng gọi thì hai ba người đã ập vào. Bào Lôi nói:

- Hôm qua hai mẹ con Nguyễn Thăng vẫn còn yên lành, hôm nay Dữu Doanh ở trong nhà bước ra, bảo là mẹ con Nguyễn Thăng đã chết. Các ông ạ, tôi thấy kỳ quặc quá.

- Đúng là kỳ quái thật, - Vưu Thiệu Lâu nói. - Anh Dữu bảo sao đây?

- Vợ tôi bảo tới thăm, - Dữu Doanh nói, - gõ cửa trước không thấy mở, tôi đi vòng ra lối cửa sau, thì thấy hai người đã chết, tôi chẳng hiểu vì sao. Việc này chẳng có liên quan gì đến tôi.

- Tại sao chết đúng vào lúc anh đến thăm như thế? Đúng là anh nói có chỗ bất minh.

- Nếu như không ép được Dữu Doanh thì phải để cho anh ta chôn cất hai cái xác này đi. - Phạm Tiểu Vân nói.

- Bắt hăn phải đãi chúng ta. - Hoa Phương nói.

Bào Lôi nói:

- Các chú chẳng hiểu gì cả. Đây là hai nhân mạng, chúng ta đòi bao nhiêu tiền để che giấu cho hăn? Mà khi chuyện đã vỡ lở thì chúng ta lại là kẻ đồng mưu.

- Anh Dữu, - Thiệu Thừa Pha nói, - anh tính sao đây?

- Bảo tôi làm sao bây giờ. - Dữu Doanh nói. - Thực tình là tôi không giết, tôi ngần này tuổi, đã được vợ, sao lại còn đi giết người ta.

- Chỉ cần anh nhận giết chết họ là tiện nhất.

- Hay là anh hối hận, nếu ta lấy vợ anh ấy thì phải thế thôi anh lo liệu là tốt nhất.

- Tôi lo liệu ư? - Dữu Doanh đáp. - Nhưng tôi có giết họ đâu?

- Vậy thì rốt cục tôi giết chết ư? Bào Lôi nói.

Dữu Doanh không đáp, biết không ép được, Bào Lôi bèn túm ngực Dữu Doanh nói:

- Chúng ta giải hẩn lên huyện. Bọn đàn em nghe Bào Lôi sai bảo, bèn hò nhau giải Dữu Doanh lên huyện. Đúng là:

Lưỡi đã chẳng cao dọi chim hồng,

Vô tình chim bay lọt vào trong.

Trương Tô(1) dù có tài uốn lưỡi,

Khó mà thoát khỏi bọn gian manh.

(1) Tô Trương: chỉ Tô Tần, Trương Nghị, hai viên thuyết khách tài giỏi thời Chiến Quốc (ND).

Lúc ấy Lao thị biết tin, muốn nhờ người đến ứng cứu, song chẳng ai dám nhúng tay, Dữu Doanh đã bị bọn chúng lôi lên huyện. Quan huyện họ Tạ, người Ninh Ba, nổi tiếng liêm khiết và sáng suốt. Bào Lôi vào bẩm với quan rằng:

- Chúng con là người ngụ tại Lưu Thành, Nguyễn Thăng là láng giềng của chúng con, vì nghèo túng, hôm kia có bán vợ cho Dữu Doanh. Hôm qua mẹ con Nguyễn Thăng đều bình thường, hôm nay chúng con đi thăm thì thấy Dữu Doanh ở trong nhà ấy đi ra, nói là mẹ con Nguyễn Thăng đều chết. Chúng con gọi những người hàng xóm tới xem, thì quả nhiên hai người chết thật. Vì việc can hệ đến mạng người, chúng con đành giải Dữu Doanh trình lên quan.

Quan huyện hỏi:

- Người tên gì?

- Thưa ngài, con là Bào Lôi.

- Hai người nào ở liền kề với Nguyễn Thăng?

- Thưa ngài, - Vưu Thiệu Lâu nói, - con và Sử Kế Giang là người ở gần, quả thực nhà ấy chết hai người. Dữu Doanh nói với Bào Lôi, chúng con mới biết.

- Vậy tại sao, - quan huyện hỏi, - các người ở gần mà lại không biết?
- Thưa ngài, - Vưu Thiệu Lâu nói, - con cách nhà anh ấy một mẫu bông.
- Con cách nhà anh ấy chiếc sân đập lúa. - Sử Kế Giang nói. - Quả thực con không nghe thấy động tĩnh gì.

Ngài lại gọi Dữu Doanh hỏi:

- Anh trả lời thế nào đây?
- Thưa ngài, - Dữu Doanh nói, - hôm kia con có đưa tám lạng bạc đến cưới vợ Nguyễn Thăng làm vợ. Hôm nay vợ con bảo con đến thăm, khi con đến, thấy cửa trước đóng con đi vòng ra lối sau, đẩy cửa vào thì thấy hai mẹ con anh ấy đã chết rồi.
- Thế người vào có ai biết không?
- Thưa ngài, không ai biết ạ.

Ngài quan huyện thấy hần nói có lý, bèn hỏi:

- Dữu Doanh, ta nghĩ người đàn bà ấy đã lấy chồng khác, thì rõ ràng phải tuyệt tình tuyệt nghĩa với anh ta chứ, tại sao lại còn tình nghĩa?
- Thưa ngài, - Dữu Doanh nói, - quả là vợ con nhớ mẹ chồng cũ, nên bảo con đi thăm.
- Dù có đi thăm chẳng nữa, - quan huyện nói, - thì phải đi lối cửa chính chứ tại sao lại đi cửa sau? Quả là đáng nghi. Đúng là người giả vờ đi thăm để lấy trộm mấy lạng bạc, vì họ biết nên đã giết họ. Đó là sự thực.
- Thưa ngài oan con quá, - Dữu Doanh nói, - quả thực khi con tới đã chết rồi.
- Thấy người ta chết, - Bào Lô nói, - thì cũng phải báo cho người sở tại chúng tôi chứ, tại sao lại đóng các cửa lại rồi bỏ đi? Nếu ta không gặp, không hỏi thì đến giờ cũng không ai biết. Giết người phải đền mạng, đó là lý đương nhiên, chứ có phải chúng tôi hại anh đâu.
- Quả là oan tôi quá. - Dữu Doanh nói. - Đây đúng là các người âm mưu giết họ.
- Chúng tôi có biết anh đến đâu mà đổ cho anh. - Bào Lô nói. - Hãy nhận ngay đi thì khỏi phải cùm kẹp.

Ngài huyện Tả cho người kẹp Dữu Doanh, rồi đưa ra ngoài hiên, một lát sau lại đánh năm sáu mươi gậy, Dữu Doanh ngất đi buộc phải khai là đã giết.

Thế rồi quan huyện cho tháo kẹp ra, Dữu Doanh lại nói:

- Thừa ngài, quả thực là con vô tội, bị họ đổ tội hãm hại con, dù có đánh chết con cũng không nhận.

Quan huyện họ Tạ còn nghi hoặc, bảo giam Dữu Doanh vào ngục, còn bọn Vưu Thiệu được bảo lãnh về nhà sẽ xét hỏi sau. Bọn này tuy lòng dạ xấu xa, song thấy thế cho rằng không ngại gì nữa, chúng lại khen Vưu Thiệu Lâu ăn nói giỏi, Bào Lô giúp đỡ mọi người, rồi chúng về nhà. Chỉ khổ Dữu Doanh vô tội lại bị hại. Lao thị ở nhà chỉ còn biết cầu trời khẩn Phật phù hộ cho chồng.

Hôm ấy trời quang mây tạnh, bỗng thấy trên trời có một vầng lửa sáng lòe, ánh chớp loàng nhoàng lóe lên như một con rắn vàng, ngoằn ngoèo bay qua làng, ánh lửa tím chói lòe phát ra tiếng nổ đoành đoành như trời sập, như núi đổ. Những đợt sóng giận dữ cuộn lên hàng trăm trượng, dòng sông nước dâng lên ào ạt, những trận gió nổi lên tràn vào rừng sâu như hổ gầm.

Phút chốc như trời long đất lở, cả một vùng tối tăm mù mịt. Những chỗ sét đi qua, thấy có người chết trên ruộng, có người chết trên đường, kẻ thì quỳ, người thì nằm gục xuống, kẻ thì đầu cháy xém mặt đen thui, kẻ thì khắp người đen như mực. Cả làng náo loạn đổ ra đông nghịt, giẫm nát cả hoa màu, chen chặt cả đường sá, kẻ khóc cha, người khóc con như ong vỡ tổ ai ai cũng đi nhận người. Thì thấy, một người là Bào Lô, một người là Hoa Phương, một người là Vưu Thiệu Lâu, một người là Sử Kế Giang, một người là Phạm Tiểu Vân, một người là Thiệu Thừa Pha, một người là Lang Niệm Hải, tất cả là bảy người.

*Hại người là hại mình,
Dối người khó dối trời.
Báo ứng thật đúng thay,
Đáng đời lũ gian ác.*

Người làng đệ trình việc kỳ lạ này lên quan huyện. Lao thị cũng lên cửa

quan kêu oan cho chồng, nói:

- Bảy đứa trong bọn Bào Lôĩ hãm hại người, nay đã bị trời hành tội, vậy xin ngài soi xét tha cho chồng con.

Quan huyện thấy quả là lạ lùng, lập tức cho bắt người nhà của bảy tên ấy tới. Thấy con của Văn ThiệuLâu đang cầm một lạng ba bạc đi mua quan tài, bị sai nha bắt và giải tất cả lên quen. Quan huyện vừa mới dọa, hẵn đã thông thốc khai ra:

- Bào Lôĩ là chủ mưu, Hoa Phương giúp sức, còn những người khác được chia bạc. Vì bọn phạm nhân này đã chết, nên quan huyện cũng không truy cứu nữa, chỉ truy hoàn số bạc, thả Dữu Doanh. Nhà cửa chia cho Lao thị, bảo chị an táng Ôn thị và người chồng cũ.

Dữu Doanh bỗng nhiên bị vu oan, chỉ trong mấy ngày đã được minh oan. Kẻ đáng chê cười là bảy đứa trong bọn Bào Lôĩ, ngấm ngấm mưu hại người, bảy người đổ tội cho một người thì lo gì Dữu Doanh không đền mạng. Song ai ngờ lẽ trời sáng tỏ, làm sao mà có thể che giấu được. Cho nên người ta nói rằng, có thể che mắt được quan xử kiện, pháp luật của nhà nước có thể bị uốn cong, song có ngờ đâu mắt trời cực sáng, uy trời cực nghiêm, trốn tránh làm sao được. Nếu như hôm ấy Dữu Doanh đã bị khép tội, cũng không lấy gì làm lạ, bảy tên gian ác kia còn sống sót, một đứa cũng không lấy gì làm lạ. Ai ngờ rằng rành rành không để sót một tên nào? Xin người đời hãy suy nghĩ kỹ lại mình.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 18

Khám Tay Máu, Phủ Quan Luận Tội

Trộm Mũ Vàng, Sau Được Minh Oan

Người trung bị nghi ngờ, người giữ chữ tín bị gièm pha, chuyện ấy xưa nay thường thấy. Chỉ có điều phải trái cuối cùng sẽ phân minh, lâu ngày sẽ sáng tỏ. Người xưa từng nói rằng:

*Chu Công(1) từng sợ lời bịa đặt,
Vương Mãng(2) đề cao kẻ có tài.
Nếu như hai người bỗng nhiên chết.
Thật giả sau này ai biết cho.*

(1) Chu Công: Chu Công Đán, sống cuối thời Tây Chu (ND).

(2) Vương Mãng: làm vua từ năm 8-23 sau công nguyên (ND).

Không ngờ vì trời mà Chu Công không chết, sau khi dời đô về phía đông ba năm ông biết được những người gièm pha, nói rằng ông đã hại Thành Vương, đó là Quán Thúc và Thái Thúc là anh và em ông. Thành Vương cũng không minh oan cho ông, thế là trời bỗng nổi sấm chớp, gió bão cảnh báo Thành Vương, chứng tỏ không có nỗi oan nào là không minh oan. Lại như ngay gần đây thôi, Ngụy Trung Hiền đã dựa vào "Tam án" quây một mẻ lưới sát hại những người hiền lương. Như thế vẫn chưa đủ, hắn "cắt đất nhận hối lộ" vu cho những người chính trực là gian tà, những người thanh liêm là tham lam, người luôn luôn gìn giữ mình thành người gây sự, nên hắn đã đuổi họ về, giết chết và bắt đi làm lính thú, bắt truy hoàn tang vật, không biết bao nhiêu người. Còn có một bọn người khéo tô vẽ, giỏi vơ vét hết lòng xu phụ, lấy bàn tay che mặt trời, khiến những người hiền lương không sao bộc bạch được. Không ngờ đấng quân vương sáng suốt lên ngôi, tất cả sự đen tối đều bị phanh phui ra hết, những người trung nghĩa can đảm

cuối cùng đã làm cho thiên hạ bừng sáng. Đây là việc lớn. Còn những việc nhỏ nhặt như sự ngu dốt của quan xử kiện, hoặc là sự việc xảy ra một cách khéo léo trùng khớp y như thật, thì tuy nhất thời còn mù mờ, song sau này không thể không sáng tỏ.

Chuyện kể rằng, ở Sử Châu triều đại chúng ta có một viên lại họ Đỗ, người huyện Long Tuyền. Vì bỏ tiền mua chức nên được làm việc tại hình phòng. Trong nhà cũng có dăm ba chục mẫu ruộng, đời sống gia đình tương đối khá giả. Vợ là Vương thị, sinh được đứa con trai, vì thiếu sữa nên thuê người vú nuôi là Kim thị, nhà còn có một đứa ở là A Tài. Ông là người sống yên phận, cả gia đình đều sống trong phủ.

Phía tây là công đường, có Phùng ngoại lang là người ở bình phòng, nhà giàu có. Mẹ là Thiệu thị, vợ là Giang thị, đi đâu họ thường đội mũ vàng, cài trâm vàng, khi mời khách thường dùng chén bạc. Hai nhà ở gần nhau, cửa sau nhà Đỗ ngoại lang đối diện với cửa trước nhà Phùng ngoại lang. Hai nhà thường mời nhau uống rượu, trong phủ ai cũng biết họ rất thân nhau. Bởi thế người vú nuôi nhà họ Đỗ hằng ngày thường bế đứa bé sang nhà họ Phùng chơi. Những nhà ở trong phủ đều không rộng rãi, người vú nuôi thường bế đứa bé vào trong phòng chơi.

Một hôm nhân ngày sinh nhật một người thân quyến, mời cả nhà Phùng ngoại lang tới dự tiệc mừng. Người vú nuôi hôm ấy cũng sang giúp Giang thị sửa mũ, cài đầu, tiễn chân ra tận cửa. Phùng ngoại lang cho rằng nhà ở trong phủ, nên cũng không cho người ở lại coi nhà, mà khóa cửa đi hết. Ra đường gặp ngay Trương Tam là thư ký của phòng mình, hắn còn trẻ, thích chơi gái và đánh bạc. Trong nhà có một chút vốn liếng, vừa đủ trang trải khi cưới vợ, còn đâu nữa cho anh ta tiêu xài. Ngay cả việc công trong phủ cũng rất ít, công việc thường xuyên đã có một vị lâu năm làm, nếu có thay thế, mà được người ta đút lót cho một vài lạng thì hắn cũng chỉ được một vài đồng thôi số tiền ấy không đủ hắn tiêu một lần. Vợ hắn thường kỳ kèo, song nào hắn có lọt tai. Nay hắn mang tiền đi xem hát, mai hắn rủ người đi chơi núi, hoặc chơi gái, song đó chỉ là chuyện vặt. Điều tai hại nhất là lúc nào hắn cũng chỉ nghĩ tới cờ bạc. Đã vào sòng bạc thì khó mà thắng. Lúc

đầu nó cho anh được một vài đồng để nhử anh, sau đó anh phải đánh tiếp. Nếu anh tham mồi bắt bóng, cứ đánh to lên, thế là thua cháy túi. Bọn chủ sòng bạc có nhiều mách lới khiến anh không sao gỡ nổi, lúc đầu anh bán quần áo, đồ trang sức của vợ, sau đó bán hết cả đồ đạc trong nhà để đi đánh bạc.

Hôm nay Trương Tam thua to, định về nhà mình kiếm chút tiền gỡ lại. Hắn vừa tới cửa, thấy hai người đàn bà, một già một trẻ lên kiệu, sau là một người đầu đội mũ, mặc áo the Thanh Hải màu lam, trông rất sang trọng, người ấy là Phùng ngoại lang, thuộc binh phòng, sau cùng là đưa ở Cầm Đồng gánh lễ vật. Trương Tam nghĩ: "Không biết gã chó chết này đi đâu?". Hắn về phòng, chẳng thấy một ai, ngồi một lúc hắn nghĩ: "Lão Phùng chết tiết này, trước đây mời mình uống rượu hắn khoe khoang là hắn mua hai bộ chén bạc. Hôm nay cả nhà đi ăn cỗ chắc đến tối mới về. Ta đến nhà gã, nhân lúc không có người khoảng một mẻ, cũng đủ chơi vài ba ngày. Làm việc công được vài đồng thì ra quái gì".

Xưa nay người ta lâm vào cảnh đường cùng thì mưu kế sẽ nảy sinh. Người xưa lại nói gần cờ bạc là gần trộm cướp. Đến nơi thấy cửa khóa, hắn ra sức bẻ đến nổi toạc cả ngón tay, máu chảy ròng ròng. Hắn nghĩ: "Tiền đầu bất lợi", rồi hắn lại nghĩ: "Máu là cửa, thế thì nhất định sẽ gỡ to đây". Hắn gài trái cửa lại rồi đi vào. Máu trên ngón tay chảy ròng ròng. Hắn nhặt được mảnh vải cuộn lại, đi thẳng vào trong nhà, cạy hòm, thấy bên trong có một chiếc mũ đính vàng, bốn chiếc chén bạc, một đôi kim thoa, mấy cành trầm vàng. Hắn moi xuống đáy hòm, thấy một gói bạc nguyên và ít lạng bạc rời. Hắn nhét tất cả vào người. Vì vội vã mảnh vải cuộn tay rơi vào trong hòm mà hắn không hay biết. Hắn cứ thế đi ra.

*Trộm đã lấy được tiền,
Khấp khởi cầm trong tay,
Chỉ một điều sơ xuất,
Cuối cùng lộ ra ngay.*

Hắn nghĩ: "Xưa nay ta là một thằng nghèo, lấy đâu ra nhiều của quý như thế, hơn nữa đang vào tháng Sáu, mặc áo đơn lờ người ta trông thấy thì ê mặt". Hắn rẽ ngay vào trong phòng làm việc, nhân lúc không có ai bèn bỏ những thứ đó vào một hòm đựng giấy tờ mà nhiều năm nay không ai mở, giấu mãi tận đáy hòm rồi đẩy những gói văn thư lên trên. Hắn chỉ giắt số bạc vào người, rồi đi khắp nơi chơi bời thỏa thích.

Phùng ngoại lang ở nhà ấy uống rượu xem kịch, vì nhà không có ai nên bảo Cầm Đồng về trước trông nhà. Cầm Đồng mãi xem, đến hết hồi thứ hai mới về. Tới nhà thấy cửa không còn khóa, đi thẳng vào thấy cửa mở thông. Vào trong nhà thì hòm bị mở tung. Nó vội vàng chạy đi báo chủ.

Người vú nuôi nhà họ Đỗ đang đứng ở cửa sau, thấy nó hốt hoảng hỏi:

- Cầm Đồng, có việc gì mà hốt hơ hốt hải thế?

- Mất trộm, mất trộm rồi.

Nó chạy thẳng vào chỗ đang cỗ bàn, nói với Phùng ngoại lang:

- Ông ơi, nhà mất trộm.

- Mất những gì?

- Hòm bị mở tung ra.

Phùng ngoại lang vội buông bát đĩa về ngay, hai người đàn bà cũng theo chân về. Thấy những đồ đạc vật dụng để ngoài vẫn còn, vào trong nhà thì hai chiếc hòm bị mở, quần áo trong hòm đảo lộn lung tung, chiếc mũ đính vàng, kim thoa, chén bạc và bạc lạng không cánh mà bay. Mẹ và con dâu kiểm lại từng chiếc áo quần thì thấy một mảnh vải cuộn tròn tròn còn dính máu. Hai người nói:

- Áo quần còn đủ cả, song không biết miếng vải này ở đâu.

- Cái này chắc là ở tay kẻ trộm rơi ra. - Phùng ngoại lang nói. Rồi lập tức gọi ứng bố tới xem xét, ứng bố nói:

- Bẻ khóa vào nhà thì đúng rồi, song đây không phải là kẻ trộm lành nghề. Giữa ban ngày ban mặt mà trong phủ mất trộm thì trộm ở ngoài làm sao mà vào được? Phải dò xét quanh đây xem sao.

Phùng ngoại lang bèn viết một lá đơn về việc mình mất trộm trình lên Kinh lịch ty. Đỗ ngoại lang cũng sang hỏi thăm và an ủi.

Song một mất mười ngờ, Phùng ngoại lang mất của tất nhiên là nghi hết người này đến người khác. Hơn nữa ứng bố lại nghi cho những người lân cận. Đến tối ba người uống rượu, bỗng vợ Phùng ngoại lang là Giang thị nói:

- Việc này tôi cũng nghi lắm. Cửa sau nhà họ Đỗ đối diện với cửa nhà mình, không phải là vú nuôi thì còn ai vào đây. Hằng ngày mẹ ta cứ qua lại luôn, thông thuộc đường ra lối vào. Hôm qua lại sang đây giúp việc trang điểm, biết được nhà mình không có ai ở nhà nên đã khoắng một mẻ, lại ở ngay sát nhà mang ra không ai trông thấy.

Cầm Đồng đứng bên rót rượu nghe thấy thế bèn nói:

- Đúng rồi. Hôm qua con đi báo cho ông, gặp ngay mẹ ta đứng cửa sau nhìn ra. Lại thấy bà nói tìm thấy một cái giẻ buộc tay. Con nhớ ra là hôm kia mẹ ta làm cá ở ngoài giếng cắt vào tay, phải buộc giẻ. Con nghĩ đúng là mẹ ta rồi.

- Bọn vú nuôi, - Thiệu thị nói, - mới ở quê ra còn tốt, nếu đã ở cho mấy nhà rồi, vất vả như thế mà công sá chẳng là bao thì chúng phải tính chứ, hoặc là gạ gẫm bọn đàn ông, hoặc là trộm cắp, mười đứa thì họa may có vài đứa tốt. Cho nên bọn ấy đừng có cho nó bước vào nhà. Cái đứa con ở là A Tài ấy mặt mũi như cú vọ, đúng là tướng ăn trộm. Một đứa lấy, một đứa mang đi, xuất quỷ nhập thần, ai mà biết được.

- Đây không phải là chuyện đùa, - Phùng ngoại lang nói, - nhỡ không đúng thì có oan cho người ta không. Hơn nữa ông Đỗ là người rất trung hậu, chắc rằng chẳng bao giờ làm chuyện đó.

- Ông Đỗ trung hậu, - Thiệu thị nói, - chứ mẹ vú nuôi và A Tài nhất định không thật thà, ứng bố chẳng nói là trộm gần đó sao!

- Hãy cứ từ từ bảo ứng bố dò xét. - Phùng ngoại lang nói.

Vì Cầm Đồng không về sớm coi nhà nên bị đánh.

Sáng sớm hôm sau, Cầm Đồng tức quá cứ cho là vú nuôi lấy trộm, bèn chõ sang cửa sau nhà họ Đỗ chửi:

- Mày là đồ vô liêm sỉ, mày lấy cắp làm tao phải bị đánh, mày cần bạc sao mày không theo trai. Hằng ngày mày ra vào nhà tao, mày quen đường quen lối, mày lấy chứ còn ai vào đây nữa. Mày lấy rồi, nhưng mày cũng chẳng hưởng được đâu!

Nó cứ ra ra vào vào chỗ sang nhà ấy mà chửi.

Cửa sau nhà họ Đỗ chính là nhà bếp, thường ngày người vú nuôi này cũng không phải là tay vừa, thấy thế nghĩ rằng: "Con này láo quá, tại sao nó cứ chỗ sang nhà mình mà chửi".

Vương thị nói:

- Nhà nó mất cửa, gia chủ đánh nó. Nên nó phải chửi, nó chửi thì mặc nó.

Đến tối, người vú nuôi mở cửa đi đổ nước thì gặp ngay đứa con ở cứ nhảy chơi chơi lên mà chửi.

- Mày là đồ vô liêm sỉ, là đồ đi, mày chỉ lấy trộm của trai chứ sao mày lại lấy trộm nhà tao. Mày lấy chiếc mũ đính vàng ấy đội cũng chẳng yên đâu, bạc mày nuốt cũng chẳng trôi đâu.

Người vú nuôi không muốn dây lời với nó, nhưng nó kéo lấy tay vú nuôi, nói:

- Vú nuôi này, tôi nhớ hôm kia vú nuôi làm cá cắt phải tay, cuốn miếng vải trắng, trong hòm nhà tôi cũng có miếng vải như thế

Thấy nó cứ chửi mãi, mà câu nào nó cũng ám chỉ mình. Đang tức sẵn, nghe thấy nói thế người vú nuôi chột bưng bưng nổi giận, tát ngay nó một cái, nói:

- Con đi, ra mày chửi, vào mày chữa. Tao không lấy, tao không thèm chấp, sao mày cứ đổ cho tao? Tao quen đường quen lối thì tao lấy của nhà mày à? Cầm Đồng nắm lấy tay vú nuôi, nói:

- Chứng cứ còn rành rành đây, lẽ nào nhà tôi đổ oan cho bà à?

Vú nuôi ba máu sáu con bèn đánh nó một trận. Chủ nhà hai bên và hàng xóm chạy ra, một người nói:

- Mày đổ oan cho bà ấy.

- Trên tay bà vẫn còn dấu vết, - người khác nói, - thì chối làm sao được.

Đỗ ngoại lang nói:

- Bà ấy rất tốt, làm cho nhà tôi một năm nay rồi mà chẳng tơ hào tắt mắt cái

gì, đừng đổ oan cho bà ấy.

- Sự việc xảy ra rất khớp, - Phùng ngoại lang nói, - chẳng trách nào con nhỏ nhà tôi nó nghi ngờ.

Hai nhà đều kéo người nhà mình về, chỉ có điều từ đó hai nhà kiêng nhau.

Nhà họ Đỗ nói:

- Ông ấy trong nha môn mà không hiểu luật pháp, sao lại đổ oan cho người ta? Có kiện cũng chẳng nổi đâu.

Nhà họ Phùng thì nói:

- Đồ vô liêm sỉ, dung túng cho kẻ ăn trộm, lại còn giả ân, giả nghĩa.

Hai bên cứ cãi nhau mãi. A Tài nhà họ Đỗ cũng tức quá cũng chạy ra cửa, dần dần thành cãi nhau to.

Mọi người đều nghĩ bụng nhà họ Phùng có lý. Ngay cả hai người đàn ông, một người thì đòi bắt trộm, một người thì đòi minh oan, lúc đầu còn đối xử tốt với nhau, nhưng đến đêm nghe hai người đàn bà nói, họ đâm ra ghét nhau. Phùng ngoại lang nói với các nhà xung quanh là việc xảy ra rất khớp nhau. Trương Tâm hằng ngày tới nha môn theo dõi động tĩnh, xem cái hòm giấy tờ, gặp bạn bè hẳn thường nói: "Cứ nhìn vào bàn tay tớ cũng biết là số tớ không có bạc".

Hai ngoại lang đều đến Kinh lịch ty, ai cũng tự cho mình là phải. Kinh lịch ty không phân xử được, nói với Phùng ngoại lang rằng: "Việc này vốn có dấu vết". Rồi lại nói với Đỗ ngoại lang rằng: "Trộm cắp không thể đổ oan được". Sau đó đành phải nói: "Đây là việc lớn phải trình lên cấp trên chứ không dám làm hại ai". Thế rồi ông trình tờ đơn mất trộm và lời khai của hai người lên quan phủ.

Sáng sớm hôm sau tri phủ lên công đường, hai bên đều trình đơn kiện, một bên tố cáo là "oa trừ của ăn cắp", một bên tố cáo là "vu oan". Trước hết tri phủ hỏi Phùng ngoại lang, Phùng ngoại lang nói:

- Thừa ngài con là chức lại ở phủ này. Hôm kia cả nhà con đi mừng thọ, kẻ trộm đã lẻn vào nhà lấy đi chiếc mũ đính vàng và một số bạc, còn để lại trong hòm một mảnh giẻ có vết máu. Đứa ở nhà con là Cầm Đồng thấy người vú nuôi nhà họ Đỗ thường hay ra vào nhà con, ngón tay của vú nuôi có vết thương, mới hỏi việc này, rồi hai bên cãi nhau.

Ngài quan phủ lại hỏi Đỗ ngoại lang, Đỗ ngoại lang nói:

- Con cũng là nha lại ở phủ này, nhà con có người vú nuôi là Kim thị, hằng ngày sống rất yên phận. Hôm kia, quả thực chị ấy ở nhà không sang nhà ông Phùng, song ông Phùng đã vu cho chị lấy cắp con không cam tâm chịu oan nên con làm đơn kiện lên ngài.

Tri phủ nói:

- Trong phủ của ta mà lại kiện mất cắp, ta nghĩ cửa thì đóng chặt, người ngoài không thể đột nhập vào được, kẻ nào dám vào đây ăn trộm? Nhất định là người trong nha môn. ông gọi mang mảnh vải lại cho ông xem, thì đúng là mảnh vải cuộn tròn lại để buộc ngón tay. Xem xong tri phủ gọi lính lệ bảo:

- Hãy xem ngón tay của con vú nuôi có bị đứt không?

Lính lệ xem xong thưa với quan huyện:

- Thưa ngài có bị thương, hình như cắt phải tay, sắp khỏi rồi.

Sau đó ông bảo lính lệ mang chiếc vải ấy xỏ vào ngón tay bị đứt của Kim thị. Lính lệ lôi tay Kim thị xỏ vào thì quả nhiên vừa khít nói:

- Bẩm quan, xỏ vào vừa khít.

Tri phủ cười nói:

- Đúng là hàng ngày đi lại, thông thuộc ngõ ngách, hôm kia nhân lúc cả nhà họ Phùng đi vắng nên sang lấy cắp tài sản, do vội vã đã đánh rơi mảnh vải này trong hòm. Không cần phải nói gì nữa, trên đời này làm gì lại có chuyện ngẫu nhiên như thế? Hãy kẹp nó cho ta!

Kẹp đến nỗi Kim thị kêu như bò chọc tiết. Kim thị nói:

- Thưa ngài quả thực con không lấy.

- Người là đàn bà, một mình cũng không dám cả gan, vậy thì trong nhà còn có ai nữa không?

Trong nhà ông còn có A Tài. - Phùng ngoại lang nói.

- Bắt nó tới đây. - Quan phủ nói. - Buộc nó phải khai ra đồng bọn.

- Thưa ngài, - A Tài nói, - Kim thị ở nhà, hoàn toàn không đi đâu cả? Bảo bà ấy lấy trộm thì oan cho bà ấy quá, và cũng chẳng có liên quan gì đến con.

- Mà nói mụ trong sạch, - quan phủ nói, - và nói mà cũng trong sạch, rõ

ràng là mây đồng mưu.

Nói xong quan phủ cho kẹp A Tài. A Tài không khai lại tiếp tục kẹp, đến nỗi gãy cả chân ngất đi. Người vú nuôi cũng bị kẹp, chịu không nổi, đành phải khai là đã lấy cắp. Quan phủ ghép cho A Tài là đồng bọn, A Tài cũng phải nhận. Chỉ có tang vật thì người này đổ cho người kia, cứ rối mù cả lên. Tri phủ hỏi nhà hai người ở đâu, thì biết một người ở Long Tuyền, một người ở Tuyên Bình, đều là huyện ngoài. Tri phủ nói:

- Không cần phải nói thêm nữa, tang vật vẫn còn tại nhà họ Đỗ.

Đòi kẹp Đỗ ngoại lang, Đỗ ngoại lang nói:

- Thưa ngài, hai người này bị đánh nên khai bừa chứ thực ra không có tang vật nào cả.

- Không có người chứa chấp, - quan phủ nói, - thì làm sao nó dám lấy trộm ngay trong phủ? Nhất định phải lấy tang vật ở nhà người để trả lại cho chủ.

Quan phủ ra lệnh cho kẹp Đỗ ngoại lang, Đỗ than rằng:

- Quả là con oan khuất mà không thể minh oan, con phải chịu hình phạt, thật oan cho con quá.

Đỗ ngoại lang phải nhận bồi thường. Tri phủ lệnh đánh hai mươi gậy, và nghĩ rằng đây là kẻ oa trử miễn thích chữ lên mặt và đi đày, tất nhiên là phải cách chức. A Tài lấy cắp phải thích lên mặt và bị đi đày, Kim thị được chuộc tội. Lệnh giam A Tài vào ngục, Đỗ ngoại lang, Kim thị được bảo lãnh.

Quan viên trong phủ đều cho việc này là thật, Đỗ ngoại lang sợ rằng lại tự lấy lửa đốt mình. Có người trách Đỗ rằng: "Trong phủ thường mất trộm, Đỗ ngoại lang ngồi đây mà chia cửa, phen này phải nhả ra".

Cũng có người thương Đỗ ngoại lang nói:

- Ông ấy thật thà chất phác, có thể là hai người kia lấy cắp rồi chia nhau gửi về nhà, người không xơ múi lại phải đền.

Kẻ độc ác lại nói:

- Cùng ở trong một nhà mà lại bảo rằng không biết ư? Lôi được tang vật ra mới rõ mặt chuột.

Thương thay Đỗ ngoại lang vốn là người thanh bạch, chịu tiếng oan, ra vào

trong phủ, quan viên đều nói châm chọc là đầu trộm đuôi cướp, chờ Khuyết điển lại kết luận về sự việc liên quan của ông, sẽ cách chức. Các nhà trong phủ bảo ông là kẻ oa trử, đòi ông phải rời khỏi phủ. Uất ức quá ông đã viết một tờ sớ, khai rõ ngày sinh tháng đẻ của Kim thị, bộc bạch tấm lòng của mình trước đền thờ thần thổ địa ở ngay trong phủ. Song lại có kẻ ác bạc ghi vào ngay sau tờ sớ ấy là: "Oa trử là trộm, ngài quan phủ đã xét xử đúng, còn oan gì nữa mà kêu, đừng có lảm lời".

*Việc đã xảy ra thêm ngờ vực,
Thực hư nào ai biết chi đâu.
Chỉ riêng mình biết, mình ngay thẳng,
Thế nào trời cũng sẽ thương cho.*

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 18 (B)

Đỗ ngoại lang lại dán một tờ thông báo viết rằng: "Nhà ông Phùng mất của, ai bắt được xin tạ ơn mười lạng bạc". Ai cũng bảo là ông "nói bậy". Lại còn làm cho người vú nuôi nhà mình mắc tiếng oan là kẻ ăn cắp. Đỗ ngoại lang muốn chết quách đi cho rồi. May mà Vương thị nói:

- Ông xem nhà mình vô tội lại mang tiếng xấu là kẻ oa trử, lại còn phải bồi thường tang vật. Nếu như ông chết, người ta lại cho là sợ tội mà chết. Đây là mệnh trời, đừng chết oan uổng như thế. Lẽ trời luôn sáng tỏ, việc lâu rồi sẽ rõ ra thôi.

Thế rồi họ luôn luôn cầu trời khẩn Phật phải làm sáng tỏ oan khuất cho cuộc đời của mình.

Án đã xét xong, đệ trình lên cấp trên.

Rất may là Trương Tam, nay đánh bạc mai chơi gái, hằng ngày thường tới xem chiếc hòm văn thư. Hắn chỉ nghĩ tới mình, mặc cho Đỗ ngoại lang vì hắn mà chịu oan, vì hắn mà chịu tội. Số bạc hắn lấy được tiêu ào đi, trong mấy ngày đã hết nhẵn. Bây giờ thì hắn nghĩ tới cái mũ đính vàng. Chỉ có điều mấy lần hắn tới phòng lại thấy có người ngồi ở đó ghi chép, hắn khó mà lấy ra được. Minh thì không ghi chép gì mà cứ ngồi đuồn đuột ra, không tiện đành phải bỏ về. Hôm ấy chờ cho mọi người đi vắng, hắn vội vàng mở hòm giấy tờ, lấy ngay chiếc mũ đính vàng nhét vào tay áo. Đang tìm giấy gói thì đúng lúc ấy Chu Nhất Quan là người của phòng ấy mất một chiếc quạt, bước vào ngó nghiêng tìm quanh quẩn. Chiếc quạt rơi dưới gầm bàn, khi cúi xuống nhặt thấy có vật gì lờng cồng trong tay áo Trương Tam. Hai người này thường đùa cợt nhau, Chu Nhất Quan nói:

- Trương Tam, hôm nay vớ được món gì bỏ thế, phải đãi tớ đi.

Thế rồi Chu đưa tay nắn nắn, Trương Tam vội rút tay lại nói:

- Không được đụng vào đấy.

- Gỏi gì vậy?

- Không phải, đây là vì người nhà cần một ít bạc, sai tôi mang chiếc mũ đính vàng đi đổi. Nếu được tiền chèn thuốc mình sẽ đãi cậu.

- Cô tớ - Chu Nhất nói, - sắp gả chồng cho con gái, nói với tớ là cần đánh một chiếc trâm vàng để làm đồ trang sức, thôi thì đổi luôn chiếc mũ đính vàng này cho tiện. Đổi độ bao nhiêu tớ xem xem thế nào, nếu dùng được tớ đổi giúp cho.

Chu Nhất Quan định lôi ra xem. Trương Tam nói:

- Hàng cũ ấy mà, - Trương Tam nói, - sợ rằng không vừa ý thôi đừng xem nữa.

- Cô tôi vốn chẳng biết gì đến lễ vật, và lại cũng sắp cưới rồi. Cậu cứ cho tớ xem sao. Chẳng lẽ cậu phải để tớ giật lấy mà xem ư?

Trương Tam đành phải cho xem, Chu Tam nói:

- Đây chỉ là hàng thủ công thôi, không phải là hàng xịn tại sao vành lại bẹp thế này, mà khung mũ cũng bị cong, lại thủng mất một chỗ.

- Tốt nhất là cậu đi đánh cái trâm khác.

Chu Nhất Quan mồm thì bảo "được, được" nhưng cứ xem chiếc mũ ấy. Bên trong chiếc mũ có thấy ký tên hình như là chữ Phùng ngoại lang, rồi nói với Trương Tam:

- Hình như cậu không muốn nhờ tớ, thế thì tớ bảo cô tớ sẽ trực tiếp mang bạc tới chỉ cần để cho cô ấy rẻ chút ít.

- Tất nhiên rồi.

Nói xong Trương Tam đi thẳng.

Chu Nhất Quan là một người láu lỉnh, anh nghĩ: "Trương Tam là tay cờ bạc, vào tay nó là nó nướng ngay vào sòng bạc, ngay như vợ nó cũng có dám đưa cho nó đâu, người thân này mù hay sao mà đưa cho nó? Đã vào tay nó thì mất toi". Sau đó anh lại nghĩ: "Đã bảo nó đi đổi sao nó lại không biết là bao nhiêu, tại sao vành mũ lại bẹp? Việc này thật đáng ngờ". Đang lúc nghĩ ngợi thì thấy Phùng ngoại lang đi tới. Chu Nhất Quan sức nghĩ ra nói:

- Ông Phùng này, ông mới mất chiếc mũ đính vàng, nửa mạc bị thủng mất

một lỗ có phải không?

- Thùng mất một lỗ thì tôi không biết, - Phùng ngoại lang nói, - do nhà kết lấy, đội được ba bốn năm rồi.

- Bên trong có ký chữ gì không?

- Năm kia tôi có đội, treo trong phủ sợ bị người ta đội nhầm, tôi có viết chữ bên trong.

- Chỉ vì có chữ ký này mà tôi nghi, - Chu Nhất Quan nói, - người này đang cần đổi, nếu ông có bạc thì mang khoảng mười lạng tôi sẽ đưa về cho ông xem kỹ.

- Ai thế?

- Nếu như nói người này ra, - Chu Nhất Quan nói, - mà không phải thì tôi nghi oan cho người ta, người ấy biết được lại trách tôi.

- Anh đừng lừa tôi.

- Tôi và ông cùng một phòng, gần bó với nhau như chân với tay, lẽ nào tôi lại lừa dối ông mấy lạng bạc? Chỉ có điều tìm được của mình rồi, thì phải cho tôi một bữa rượu ra trò đấy.

Quả nhiên Phùng ngoại lang đưa cho Chu Nhất Quan một gói bốn nén. Chu Nhất Quan đi tìm Trương Tam. Không ngờ Trương Tam đợi không thấy, đã mang đổi bég cho một cửa hàng ngoài phố lấy năm lạng bạc, đi một lúc đã nướng hết nhẵn. Chu Nhất Quan tới nhà Trương Tam, vợ Trương Tam nói:

- Anh ấy vào phủ từ sáng sớm đã về đâu.

Chu Nhất Quan quay về, mới đi được một đoạn thì gặp Trương Tam mặt buồn rười rượi đi tới. Chu Nhất Quan nói:

- Vừa rồi tôi đã nói với cô tôi, cô tôi bảo mang mười lạng tới rồi đưa mũ về cho cô xem, anh thấy có đổi được không?

- Muộn mất rồi, -- Trương Tam nói, - vì anh ấy cần tiền gấp nên tôi đã cầm năm lạng rồi, hóa đơn vẫn còn đây.

- Đã cầm rồi ư? Tôi cùng anh đến hiệu cầm đồ chuộc lại, để sau này khỏi phải trả lãi.

- Chuộc được, - Trương Tam nói, - nhưng phải trả cao hơn.

Đến hiệu cầm đồ, Trương Tam nói:

- Chiếc mũ này không phải chỉ mười lạng đâu nhé.

- Anh chỉ cầm với giá năm lạng thôi mà. - Chu Nhất Quan nói.

Trương Tam trả hóa đơn, rồi lấy mũ đưa cho Chu Nhất Quan. Chu nói:

- Việc này ngày mai sẽ ngã ngũ, cậu ở nhà chờ tở nhé.

Hai người chia tay nhau. Chu Nhất Quan về tới phủ tìm ngay Phùng ngoại lang. Ông đang nóng lòng chờ tin tức, thấy Chu Nhất Quan, nói:

- Đã mang mũ về đây à?

- Chín phần mười là của ông rồi, dấu vết rất đúng.

Chu Nhất Quan đưa cho Phùng ngoại lang. Xem qua Phùng ngoại lang chưa tin là thật, xem đến chữ ký thì Phùng ngoại lang kêu lên:

- Đúng rồi, đúng rồi.

- Việc này xin ông đừng nóng vội, - Chu Nhất Quan nói, - hãy mang vào nhà xem kỹ đi đã.

Phùng ngoại lang mang vào trong nhà, Giang thị nhận ra đúng là chiếc mũ nhà mình, nói:

- Đúng là mũ nhà tôi rồi, đằng trước mũ con nhỏ không biết chọc thủng mất một chỗ.

Phùng ngoại lang thấy đúng là mũ của nhà mình, bèn giữ Chu Nhất Quan ở lại uống rượu, hỏi:

- Là ai đây, có phải là lão Đỗ không?

- Không phải, - Chu Nhất Quan nói, - hẳn là thằng con bạc Trương Tam ở phòng ta.

- Nhất định lão Đỗ không tẩu tán trót lọt, - Phùng ngoại lang nói, - nên phải nhờ Trương Tam.

- Lão Đỗ với Trương Tam có thân nhau đâu. - Chu Nhất Quan nói.

- Thôi mặc nó, - Phùng ngoại lang nói, - ngày mai cứ bắt Trương Tam rồi sẽ rõ.

Chu Nhất Quan ra về.

Khi ấy vụ án Đỗ ngoại lang đã xét xử xong, chỉ chờ giải đi. Không có tang vật nên Đỗ ngoại lang phải bán ruộng, vì bán vội nên chỉ được có tám chục lạng, mất đến ba phần mười.

Đỗ ngoại lang cứ ngồi thở vắn than dài:

- Đúng là số mình phải như thế, người ta thì của đi thay người, còn mình thì không những phải đền mà lại mang tiếng xấu không những thế lại mất hết cả đường thăng tiến.

Hôm nay ở nhà chuẩn bị tiền nong, ngày kia giải lên đạo, ít ra cũng phải bị đánh mười lăm gậy, càng nghĩ Đỗ ngoại lang càng thêm oán hận, nói:

- Sao lại có loại quan ngu đến thế.

Sáng sớm hôm sau Phùng ngoại lang bầm với ngài quan phủ rằng:

- Đội ơn ngài. Hôm kia ngài đã phán xử Đỗ ngoại lang phải đền tám mươi lạng, chờ giải lên đạo. Hôm qua thấy Trương Tam người thuộc phòng con có mang một chiếc mũ đi cầm, nhờ Chu Nhất Quan người cùng phòng đi đổi bạc, con thấy cái mũ ấy đúng là của con. Cúi xin ngài truy cứu.

- Đây là kẻ đồng bọn của Đỗ ngoại lang rồi. - Quan tri phủ nói.

Cho gọi Trương Tam, song không thấy Trương Tam ở phòng, tri phủ bèn sai người đi bắt.

Tối nhà thì thấy Trương Tam đang chờ Chu Nhất Quan, nghe thấy có tiếng gọi bèn nói:

- Anh Chu đấy à?

Trương Tam bước ra, thì thấy lính lệ nói:

- Ngài tri phủ cho gọi anh.

Trương Tam nghĩ rằng chẳng có việc gì, bèn quay lại dặn vợ:

- Nếu Chu Nhất Quan tới thì bảo ở lại chờ tôi nhé.

- Anh ấy đang chờ anh ở phủ. - Lính lệ nói.

Trương Tam tới phủ, thì quan tri phủ còn đang ở công đường. Lính lệ nói:

- Thưa ngài, Trương Tam đã tới.

- Người là thư ký của phủ ư? - Quan phủ nói. - Chiếc mũ hôm qua người lấy ở đâu?

- Thưa ngài người thân của con nhờ con đi đổi bạc ạ. - Trương Tam nói.

- Thế người nhà người tên gì? - Quan phủ hỏi.

Trương Tam không trả lời được. Tri phủ hỏi:

- Có phải Đỗ ngoại lang nhờ người đổi không?

Trương Tam nói mập mờ rằng:

- Vâng.

Đỗ ngoại lang đang ở nhà chuẩn bị tiền bồi thường, nghe nói chiếc mũ đính vàng của Phùng ngoại lang do Trương Tam người cùng phòng lấy cắp bèn chạy ra xem, nghe thấy Trương Tam nói hồ đồ là do mình nhờ đi đổi, bèn quỳ xuống nói:

- Trương Tam, lẽ trời lòng người. Mày ăn trộm khiến cho người vú nuôi bị kẹp, đứa ở bị gãy chân, làm hại cuộc đời ta, bắt ta phải bồi thường. Đến nay sự việc đã rõ rồi, mày còn muốn hại ta ư? Thế tao đưa cho mày bao giờ? Ở đâu? Mày đừng đặt điều.

Trương Tam muốn cãi nhưng cãi không được, chỉ biết cúi đầu. Tri phủ cho kẹp hẳn lại, vừa mới tra kẹp vào chân Trương Tam đã khai. Vốn là khi hăn đang đứng ở cửa phủ thì thấy vợ chồng Phùng ngoại lang đi khỏi nhà, nhân lúc vắng người hăn tới bẻ khóa vào nhà mở hòm lấy một chiếc mũ đính vàng, một đôi kim thoa, sáu chiếc trâm cài đầu, bốn chiếc chén bạc và mười sáu lạng bạc. Tất cả là do hăn, không có liên quan gì tới người vú nuôi và A Tài. Hỏi tang vật đâu, thì hăn nói số bạc hăn đã cùng với Chu Nhất đánh bạc và chơi gái, mũ đính vàng thì hăn nhờ Chu Nhất Quan đi cầm, cốc bạc và kim thoa vẫn còn cất dưới đáy hòm văn thư. Quan phủ lập tức cho mở hòm. Phùng ngoại lang đều nhận đúng của nhà mình. Tri phủ hỏi về mảnh vải rơi trong hòm, thì Trương Tam nói là vì bẻ khóa ngón tay bị toạc nên lấy giẻ buộc, rồi rơi vào hòm. Tri phủ gật đầu nói:

- Quả là có việc ngẫu nhiên như thế. Nếu việc của Trương Tam không lộ ra, chẳng phải vú nuôi, đứa ở bị oan, mà Đỗ ngoại lang cũng phải đền oan biết bao tiền của?

Ông lệnh đánh Trương Tam hai mươi lăm gậy, lập bản án và kết luận Trương Tam là tên ăn trộm. Sau đó ngài gọi Đỗ ngoại lang nói:

- Ta đã xử lầm, khiến ông chịu oan, may mà chưa giải lên đạo văn bản cách chức vẫn chưa gửi lên bố chính ti, ông vẫn giữ nguyên chức cũ.

Sau đó ông hạ lệnh đánh Phùng ngoại lang và đứa ở là Cầm Đồng mỗi người mười lăm gậy. Ông cũng tự bỏ ra hai lạng cho A Tài, trả số bạc cho Phùng ngoại lang và tha ngay.

Quan phủ cho gọi tất cả quan viên thuộc sáu phòng trong phủ lại nói:

- Hai nhà này vốn không có hiềm khích gì, chỉ vì một bên mất trộm, muốn

tìm ngay tang vật, song lại có những hiện tượng ngẫu nhiên trùng hợp, nên đã dẫn đến việc kiện tụng, và đã gây khốn khó cho Đỗ ngoại lang. Nay ta đã minh oan, các người phải coi Đỗ ngoại lang vẫn là người tốt. Còn Phùng ngoại lang phải xin lỗi ông, mọi người là đồng bào, vậy phải sống thân thiện với nhau như trước. Rồi ông nói với Phùng ngoại lang:

- Hôm nay ta căn cứ vào đơn kiện của ông để xét xử, nếu đưa lên cấp trên ông sẽ bị kết tội vu cáo. Ông cũng phải biết rằng đây là một việc nghiêm trọng.

Phùng ngoại lang khẩu đầu nói:

- Xin theo lời dạy bảo của ngài.

Mây đen che khuất mặt trời,

Án oan đã khiến cho người khổ đau.

Người ngay chẳng trước thì sau,

Trời xanh sáng tỏ sạch lầu nổi oan.

Chu Nhất Quan không có ý vì Đỗ ngoại lang, song lại như minh oan cho ông. Chỉ có điều anh bị Trương Tam oán hận là đã kéo anh ta đi đánh bạc, anh ta được năm lạng bạc, và cũng đã nói khó với Chu Nhất Quan rồi. Qua sự việc này những người trong nha môn mới hay trong thiên hạ có chuyện oan uổng như thế. Vú nuôi vốn là người tốt, ngay cả A Tài cũng vô tội. Đỗ ngoại lang là người trung thực, phải bồi thường oan. Nhà ông luôn cầu trời khấn Phật quả nhiên được báo ứng.

Sự việc đã rõ ràng, vú nuôi bèn tức tốc sang chửi vợ Phùng ngoại lang là đã đổ oan cho mình lấy cắp, khiến phải bị đánh đập. A Tài cũng lê chân sang, đòi Phùng ngoại lang phải bồi thường cái chân bị kẹp gãy. Chồng người vú nuôi và bố mẹ A Tài trước đó sợ liên lụy không dám ra mặt, bây giờ họ đến bênh cho vợ cho con, vào tận nhà mà chửi. Phùng ngoại lang trốn không dám ra, phải nhờ người ra xin tha thứ. Đỗ ngoại lang đại lượng nói:

- Lý ra Phùng ngoại lang không biết mà vu cho người ta ăn trộm, người nhà tôi bị cùm kẹp, tôi mang tiếng xấu bị cách chức lại phải mất mấy lạng bạc thì phải kiện lên cấp trên về tội vu cáo cho hả dạ. Hơn nữa năm nay cũng là năm hạn của tôi chỉ mong các vị hiểu cho tôi không phải là kẻ oa trử của ăn cắp, và trước đây tôi đệ đơn lên quan phủ là đúng sự thực.

Mọi người nói rằng:

- Hôm ấy chúng tôi cũng nói ông vốn là người chân thực, ngay thẳng, song ngài tri phủ không cho là thật, chúng tôi cũng không sao cứu nổi. Nay thì lòng người đã rõ, Phùng ngoại lang vốn là bạn tốt của ông, thôi thì ông cũng chín bỏ làm mười.

Phùng ngoại lang sang tận nhà xin lỗi, sau đó làm mâm rượu mời bạn bè và hàng xóm cùng sang tiếp Đỗ ngoại lang. Phùng ngoại lang nói:

- Quả là tôi sai, nghe theo đũa ở, mẹ và vợ, nghi ngờ cho vú nuôi, tôi quả là có tội với ông, xin ông tha thứ.

- Ông ạ! - Đỗ ngoại lang nói. - Tôi cũng đã nói rồi. Vừa rồi ông cũng biết thế là sai. Chúng ta phải dựa vào đôi mắt và tấm lòng mình để xem xét đánh giá con người, làm sao mà không biết tôi không phải là người chứa chấp của ăn cắp, làm sao mà không biết tôi là người không làm điều xấu? Đàn bà con gái có mấy người hiểu hết sự đời đâu, những người tầm thường phần lớn đều làm hỏng việc, đại trượng phu không ngại nói thẳng, hà tất phải đổ cho người khác.

Phùng ngoại lang cứ gật đầu cho là đúng. Mọi người thấy Đỗ ngoại lang nói có lý, vui vẻ uống rượu rồi ra về. Phùng ngoại lang lại chăm sóc A Tài và mong vú nuôi tha thứ. Vụ án kết thúc.

Về sau Trương Tam bị giải lên đạo, rồi phát vãng tới dịch trạm Bồng Lai. Đỗ ngoại lang vì là người chính trực song bị vu cáo tho nên ngài quan phủ hết sức tin cậy, mọi việc đều giao cho ông, gia đình ngày một khá giả. Chỉ có điều về việc này, Đỗ ngoại lang bị oan uổng, cuối cùng trời đã thanh minh cho ông. Vú nuôi quen thói lân la sang nhà người khác đến nỗi bị nghi ngờ. Song trong thiên hạ việc gì cũng có thể xảy ra. Phùng ngoại lang cứ khẳng khẳng cho việc ngẫu nhiên là sự thực cơ hồ dẫn đến người khác phải khuynh gia bại sản, thậm chí bị giết người. Nếu như lật ngược lại thì chính mình cũng sẽ bất lợi. Làm quan phải sáng suốt, phải khoan dung, một ý nghĩ chột đến mà cứ như đinh đóng cột cho là phải và dẫn đến dùng hình phạt. Thử hỏi: người đã chết thì sống lại làm sao? Chân tay đã gãy rồi thì

sao nổi lại được? Cho nên những quan lại thanh liêm sáng suốt không hiển đạt, con cháu không đông đúc, cũng là do nghiêm khắc mà ra. Bởi thế mười phần tin cũng cần phải có ba phần nghi ngờ. Làm quan mười phần sáng suốt cũng phải có một phần khoan dung tha thứ. Đây là bài học khi câu chuyện này kết thúc.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 19

Chu Thành Hoàng Xử Án Giải Oan

*Gió mát phất phơ bay tà áo,
Một đời hành pháp chẳng hề sai.
Thềm son lạnh toát đầy uy vũ,
Ánh sáng ngàn thu rực sáng soi.*

Xưa nay những vụ án oan quả là khó xử. Người đời thường nói: "Bao Công đời Tống từng xử bảy mươi hai vụ án không có đầu mối". Triều chúng ta cũng có một người giống Bao Công. Trước khi vào câu chuyện chính, tôi xin kể một chuyện, gần như oan uổng mong những người làm quan trên đời chớ có coi thường. Mạng người có liên quan đến trời, đây là điều hết quan trọng đừng xem nhẹ, xin hết sức thận trọng. Đúng là người chết không thể sống lại, nếu làm họ chết oan thì dưới chín suối họ không nhắm mắt, hẳn họ sẽ báo ứng.

Chuyện kể rằng năm Bính Tuất thời Vạn Lịch, ở kinh thành có một người đàn bà họ Lô, trước đây thường thông dâm với La Trường Quan. Những người xung quanh đều biết cả. Về sau có việc phải đi xa, Trường Quan không lui tới nữa. Chồng người đàn bà ấy đi làm ăn hàng năm không về. Là một người hết sức dâm dăng, thấy chồng đi biên biệt, ngọn lửa tình dục cứ bùng lên. La Trường Quan lại lâu ngày không đến, không sao chịu nổi, bởi thế đêm nào chị ta cũng rên rỉ kêu lên: "Sướng, sướng quá anh Trường Quan ơi!". Tiếng gọi La Trường Quan không đêm nào dứt, hàng xóm đều nghe thấy. Họ nghĩ rằng Trường Quan lại đến với người tình cũ. Có một người là Giang Hồ Côn từ lâu đã mê Lưu thị, lại thấy thị thông dâm với La Trường Quan, nhiều lần đến gạ gẫm, song người đàn bà này nhất định

không chịu. Giang Hồ Côn rất tức, nghĩ "Mày đã thông dâm với La Trường Quan, tại sao mày lại không chịu thông dâm với tao, chả lẽ tao không bằng thằng Trường Quan ư?". Anh ta vô cùng tức giận, ngấm ngầm định hại hai gian phu dâm phụ này cho hả giận.

Một hôm, chồng Lưu thị đi xa trở về, có tiền nên họ mua sắm thức ăn, ăn uống với nhau. Cơm xong họ lên giường nằm. Sau một hồi mây mưa, họ lăn ra ngủ mê mết. Giang Hồ Côn ghé sát tai vào vách nghe, không thấy tiếng gọi La Trường Quan, mà anh ta cũng không biết chồng Lưu thị về. Hắn nghĩ thầm: "Con đĩ lăng lơ này đêm nào cũng gọi La Trường Quan, sao đêm nay lại không, chắc La Trường Quan không ở đây, nhất định thị ngủ một mình. Ta phải vào mới được, nếu lần này nó không cho, thì giết luôn con đĩ này, rồi giết La Trường Quan sao cũng không muộn". Nghĩ một lát, hắn về nhà lấy một con dao nhỏ, rồi lẻn vào nhà Lưu thị. Nghe thấy hai người gây gỗ, Giang Hồ Côn cho đấy là Trường Quan. Hắn nổi giận, rút dao giết chết cả hai người rồi bỏ đi.

Hôm sau, Tuần thành Ngự sử bắt hai người láng giềng kế bên xét hỏi nguyên do vợ chồng Lưu thị bị giết, những người láng giềng đều nói:

- Thưa ngài, trước kia người đàn bà này thông dâm với La Trường Quan, gần đây đêm nào người đàn bà ấy cũng gọi tên của La Trường Quan. Song chỉ thấy chị ta la như thế mà không thấy tông tích La Trường Quan. Đêm nay cả hai vợ chồng đều chết có thể do La Trường Quan ghen mà giết đi cũng chưa biết chừng.

Ngự sử bèn bắt ngay La Trường Quan tới xét hỏi, cũng không cho phép phân trần, bèn khép ngay vào tội chết. La Trường Quan van nài nói:

- Thưa ngài, trước đây quả thật con có gian dâm, nhưng lâu nay có việc đã hơn bảy năm nay con không hề qua lại, tại sao ngài lại khép con vào tội chết?

Ngự Sử nói:

- Láng giềng đều nói, đêm đêm Lưu thị đều gọi tên La Trường Quan, không

phải người thì ai vào đây nữa?

La Trường Quan không sao thanh minh được, quan ghép vào tội vì ghen mà giết người, chờ tới mùa thu sẽ hành quyết. Trước khi hành quyết, Lưu Trường Quan gào lên kêu oan, phủ quan tạm miễn hành hình.

Hôm ấy Giang Hồ Côn thấy sắp xử trảm Lưu Trường Quan, trong lòng cứ bồn chồn không yên. Hắn tới pháp trường xem hành quyết Lưu Trường Quan, ngấm ngấm than thở. Chẳng biết thần xui quỷ khiến thế nào, mà hắn về nói ngay với vợ:

- Trên đời có nhiều người oan uổng, ta giết người mà Lưu Trường Quan phải đền mạng, đáng lẽ ra bắt ta chết mới đúng.

- Vì sao vậy. - Vợ hắn hỏi. - Đã giết vợ chồng người ấy à?

Giang Hồ Côn kể hết lại đầu đuôi với vợ. Không ngờ vợ hắn lại thông dâm với một người. Hôm ấy hắn đến hành dâm với thị. Đang lúc khoái thì Giang Hồ Côn về, gian phu vội vã nấp vào chỗ tối, nghe thấy hết chuyện Giang Hồ Côn kể lại. Tên gian phu này đang nghĩ cách trừ khử Giang Hồ Côn, để độc chiếm vợ anh ta, thì nay chuyện ấy lại lọt vào tai hắn. Thế là hắn bàn với vợ Giang, nhân cơ hội này kết liễu đời Giang để sống với nhau lâu dài. Hắn bảo vợ Giang tố cáo việc này lên quan. Có nhân chúng sống, Giang Hồ Côn làm sao chối được bèn khai ra hết, rồi bị chém ngay. Thế là Lưu Trường Quan thoát chết. Quả là:

*Gian dâm, gian dâm diệt,
Ác nhân, ác nhân giết.*

Tôi kể chuyện này để thấy rằng xử án khó biết chừng nào, và vì thế mà từ xưa tới nay biết bao người chết oan! Các bạn thân mến, bạn có biết ngài Thành Hoàng Chiết Giang tên gì không? Nghe nói vị thần này vốn người Nam Hải, Quảng Đông, họ là Chu Đan, húy có mỗi chữ "Tâu", đầu tiên được châu tiến cử làm ngự sử, dám thẳng thắn hạch tội, hoàng thân quốc thích vô cùng sợ hãi, không khác gì Bao Công thời Tống. Ông Bao Chửng

này không cười, người ta đã nói rằng nếu ông cười thì nước sông Hoàng Hà sẽ trong. Người ta còn nói: "Cửa hồi lộ chưa tới tay đã thấy Diêm La Bao Công" cho nên người ta còn gọi ông là "Diêm La Bao Lão". Vị thần sống này của triều ta, được người đời ca ngợi là "Chu Công mặt lạnh như sắt", ngài Vĩnh Lạc cũng biết tiếng tăm của ông, giao cho ông làm án sát Phúc Kiến, Vĩnh Thuận, Bảo Tĩnh. Phàm những nơi dân số đông, ông đều tới cả. Về sau ông được cất nhắc làm án sát sứ Vân Nam, rồi sau đó chuyển làm án sát sứ Chiết Giang.

Khoan nói tới việc làm quan của vị thánh sống này, mà hãy nói tới một người bị tù oan uổng ở phủ Kim Hoa, Chiết Giang, người này tên Vương Khả Cửu, nhà giàu có. Vương Khả Cửu thu mua một số hàng đến Chương Châu, Phúc Kiến, bán, một người bạn cùng đi với anh lại vượt biển. Thời ấy biển cấm rất nghiêm ngặt, người bạn ấy tham lãi cứ mong buôn một lãi mười. Ra tới biển thì bị lính tuần tra bắt được rồi đưa vào nhà tù. Cai ngục cho rằng họ giả vờ để gây tai họa, bởi thế Vương Khả Cửu cũng phải vào tù, chịu biết bao khổ sở, đằng đằng tám năm trời mới được về. Vợ Vương Khả Cửu là người còn trẻ và có nhan sắc, thấy chồng biệt bảy năm không về, chị rất lo lắng. Nghe trên phố có một người thầy bói tên Dương Càn Phu, chị bèn tới nhà hắn, nói rõ ngày sinh tháng đẻ của chồng để gã đoán. Dương Càn Phu thấy chồng chị đã bảy năm không về, chị lại là người xinh đẹp, không vướng víu gì về con cái không có chú bác ràng buộc, hơn nữa lại giàu có. Hắn vừa đoán vừa nảy ra ý định tà dâm, giả vờ kinh ngạc nói:

- Ngày sinh tháng đẻ người này thì mệnh rất xấu, số đại bại. Năm kia là năm hạn, phạm vào Tuế Quân, lại không có cát tinh (sao tốt) cứu hộ, chết đã ba năm nay, còn xem làm gì nữa.

Cảnh thị thấy nói chồng chết, hai hàng nước mắt ứa ra. Dương Càn Phu khuyên nhủ:

- Đừng khóc nữa, sợ rằng trong phút chốc sơ tâm, chưa biết chừng xem sai cũng nên. Hãy để ngày sinh tháng đẻ lại đây, để tôi thư thả lưu tâm xem kỹ cho chị, mấy hôm nữa đến thì biết chắc. Cảnh thị bèn tháo chiếc nhẫn vàng

trên tay đưa cho Dương Càn Phu nói:

- Xin phiền ông xem kỹ cho chồng tôi. - Nói xong chị ra về. Mấy hôm sau Cảnh thị đến để biết tin chính xác. Dương Càn Phu cứ than thở rằng:

- Tôi cứ nghĩ rằng lúc đầu mình xem chưa kỹ còn có chỗ sai sót nào chẳng. Suốt mấy ngày trời tôi tính rất kỹ về năm tháng, ngày giờ, xem ra số của anh ấy đã hết, không còn hy vọng nữa. Dần Thân tương xứng, Thái Tuế chiếu mệnh, đúng là đã chết vào tháng Bảy kia rồi. Nay thì số người ấy đã vào vận nhập mộ và thành đồng xương khô dưới mồ rồi. Song không biết số của chị thế nào, để tôi xem kỹ rồi sẽ biết.

Cảnh thị nói rõ ngày sinh tháng đẻ của mình, Dương Càn Phu tính một lát rồi nói:

- Số chị tốt không phải đối nghịch với chồng. Song tháng Bảy năm kia thuộc vào Táng Môn sao Bạch Hổ động, ấy là cái họa chủ hình thương khắc chồng. Vả lại không có con cái gì thì chị có thể bước đi bước nữa, song lại rất tốt. Năm nay là năm có sao Hồng Loan, Thiên Hỷ. Hẳn là sẽ có chuyện vui mừng.

Cảnh thị nghe nói thế rất xúc động rồi quay về.

Từ đó, ngày nào cũng thế, cứ tới đêm khuya, Dương Càn Phu len lén đến bên tường nhà Cảnh thị, giả tiếng ma kêu quỷ khóc hoặc ném gạch ngói vào nhà cho Cảnh thị sợ. Quả nhiên Cảnh thị hoang mang lo lắng.

Thế rồi Dương Càn Phu sai người mỗi tin cậy của mình đến ngỏ lời với Cảnh thị. Cảnh thị chỉ nói rằng chồng đã chết thì đành phải thế thôi. Dương Càn Phu là một gã lọc lõi về thủ thuật phòng the, hẳn mặc sức cùng với Cảnh thị hành lạc theo lối khác thường, Cảnh thị vô cùng thích thú. Dương Càn Phu làm cho Cảnh thị rất mãn nguyện, bởi thế hẳn đã chiếm hết gia sản của gia đình Cảnh thị.

Vương Khả Côn bị mười năm tù nay mới được tha, trong người không một xu dính túi, phải xin ăn lần hồi về tới quê. Tới nhà, thấy nhà và gia sản đã thuộc về tay người khác. Hỏi ra mới biết Dương Càn Phu đã lấy vợ mình, chỉ đứng ngoài cổng xem tình hình thế nào, đúng lúc Cảnh thị đang đứng

đó. Quần áo Vương Khả Cửu rách như tổ đĩa, vá chằng vá đụp, hơn nửa bị giam trong ngục nhiều năm, người trông như ma quỷ ngay cả Cảnh thị cũng không sao nhận ra. Thấy vợ, Vương Khả Cửu khóc lóc kể lể những nỗi khổ sở cay đắng mình đã phải trải qua, Dương Càn Phu thấy thế bèn đánh Vương Khả Cửu hết sức dã man, khắp người bị trọng thương. Hắn còn nói Vương Khả Cửu vượt bể, lọt lưới, rồi cáo giác lên phủ. Các bạn thử nghĩ xem, Dương Càn Phu có ghê không? Hắn đã dốc hết hàng mấy trăm lạng mà Vương Khả Cửu lâu nay tích góp được mua cuộc bọn quan lại, từ trên xuống dưới. Vương Khả Cửu không sao biện bạch nổi, cuối cùng bị khép vào tội vượt biển, giam vào ngục và sau đó sẽ bị thanh toán ngầm. May mà trời Phật cũng phù hộ độ trì, một vị thánh sống tới đạo, biết ở đây có nhiều người oan uổng, vội đưa các phạm nhân ra xét xử từng người một. Vương Khả Cửu được đưa ra xét xử, ngài Chu hiểu ngay sự việc, liền cho đánh chết Dương Càn Phu ngay lập tức còn bọn nha lại làm sai pháp luật và bọn môi giới đều bị xử tội. Cảnh thị biết sự thực mà không cứu, bị phạt trượng rồi bán làm nô tỳ. Gia tài ruộng vườn trả lại cho Vương Khả Cửu. Nếu ngài Chu đến muộn mấy hôm nữa thì Vương Khả Cửu đã chết ngay trong ngục. Ngay ngày hôm ấy ngài Chu tổng cổ viên quan tri phủ ngu tối ra khỏi phủ đường. Từ đấy trở đi luật pháp nghiêm minh.

Trên đường tới Chiết Giang, ngài bỗng thấy một đàn nhặng xanh tới mấy ngàn con bay vo ve trước ngựa, xua thế nào chúng cũng không đi. Ngài biết ngay ở đây có điều gì oan uổng, bèn sai nha lệ tới chỗ nhặng đậu, đào lên thì thấy một xác người, chết mới mấy hôm, bên người còn có một con dấu dùng để đóng vào vải của thương nhân. Ngài Chu vội lấy con dấu bằng gỗ ấy mang về nhiệm sở, rồi ngầm sai người ra chợ mua vải, xem người nào có loại vải đóng bằng con dấu này thì bắt ngay về thẩm vấn kỹ từng người một. Quả nhiên tìm thấy tên cướp số vải của người ấy, truy hoàn tang vật, gọi người nhà của lái buôn đến mang về. Lúc ấy họ mới biết người nhà của mình bị cướp giết chết. Sau đó ngài khép tên cướp vải vào tội chết.

Có một người khách buôn từ Huy Châu tới Phu Dương, thấy bên đường có

một người bẫy chim buộc hai con chim khách trên ngọn sào cao. Hai con chim thấy người khách Huy Châu đi qua, chúng kêu rất bi ai như có ý cầu cứu. Người khách Huy Châu rất thương xót, đưa cho người bẫy chim hai lạng bạc mua hai con chim ấy rồi thả ra. Khi mở gói bạc người khách không cẩn thận nên người dắt lừa trông thấy ông có rất nhiều bạc nén, còn bạc rời thì nhiều vô kể, hăn ta sinh lòng tham. Chờ đến tối, tới nơi vắng vẻ, hăn đẩy người khách xuống, dùng đá đập chết rồi chôn xuống vệ đường, lấy được gói bạc mà chẳng ai biết được. Ai ngờ hai con chim khách đã đền ơn, chúng bay thẳng tới dinh quan án sát. Đang trên công đường, ngài Chu thấy hai con chim khách bay đến bên bàn kêu thảm thiết như là tố cáo nỗi oan. Lính lệ đuổi đi, nó lại sà xuống kêu hết sức ai oán. Ngài Chu nói:

- Người có nỗi oan gì cần tố cáo chẳng? Nếu oan ức thì hãy bay tới bàn kêu lên mấy tiếng.

Quả nhiên hai con chim khách bay tới bàn và kêu lên, rồi ngoáy đầu vẩy đuôi loạn xạ. Ngài Chu bảo chúng:

- Nếu quả thật có nỗi oan khuất thì ta sẽ sai hai người lính lệ đi theo các người.

Ngài liền sai hai người lính lệ đi theo hai con chim khách, quả nhiên họ thấy hai con chim rất tinh khôn. Chúng vừa bay vừa kêu như vậy gọi, sau đó nó bay xuống chỗ người bị giết ở Phúc Dương, rồi đậu trên một mô đất kêu táo tác mãi. Lính lệ đào lên thì thấy một xác chết bị đánh vỡ sọ, bên người còn có một chiếc roi ngựa. Lính lệ mang chiếc roi ấy về báo cho ngài Chu. Đêm ấy ngài Chu mơ thấy một người đầu tóc rối bù, khóc lóc kêu rằng:

- Con là người chết oan, con không phải là Đào (cây Đào) là Lý (mận) cũng không phải là Tọa (ngồi) là Hành (đi), xin ngài soi xét cho.

Người ấy nói xong thì bỏ đi. Sáng hôm sau ông lên công đường nghĩ rằng chiếc roi này đúng là của bọn phu đuổi lừa ngựa đánh roi. Ngài lập tức lệnh cho huyện Phú Dương lập ngay danh sách phu đuổi lừa ngựa trong toàn huyện để ông kiểm tra. Huyện Phú Dương nộp danh sách những người này lên, trong đó một người tên là Lý Lập. Ngài Chu hiểu ngay “không phải

Đào là Lý, là ngòi là đi”, thì chẳng phải là "Lý Lập" thì là gì nữa, rồi lập tức cho bắt ngay Lý Lập. Thấy ngài Chu, Lý Lập chưa bị đánh đã khai là hăn đã mưu sát. Ngài cho truy hoàn số bạc ấy, thì hăn đã tiêu mất một nửa. Hăn bị ghép vào tội chết. Cho gia quyến chôn cất người khách Huy Châu. Có bài thơ làm chứng như sau:

*Chim khách cảm ơn biết đáp đền,
Bay ngay tới phủ để kêu oan.
Nếu quan không giỏi như thánh sống,
Oan khuất ngàn năm ai rửa cho.*

Truyện kể rằng, thời ấy ở cửa Cân Sơn, có chùa Thúy Phong, xây dựng thời Ngũ Đại, cách thành rất xa. Trong đó có rất nhiều sư không an phận. Tuy cắt tóc đi tu, nhưng ruộng đất vườn tược rộng mênh mông, nuôi lợn, dê, gà, vịt, chăn tằm kéo tơ, thả cá nấu rượu, hoàn toàn như người dân thường, chỉ có điều là đêm đêm không có đàn bà đẹp làm bạn. Xưa nay người ta thường nói: "No cơm ấm cật, dậm dật cả đêm". Những hòa thượng này lắm thịt nhiều cá, ngày ngày thả sức ăn uống, béo tròn béo trọc. Trong vườn lại sẵn măng non, họ lấy về hầm với thịt chó để ăn. Đúng như Lỗ Trí Thâm đã nói: "Ba ba bụng to, lại béo ăn rất ngậy. Thịt chó ta cũng ăn, thiện với ác cái quái gì!" Tuy nói thế song nào họ có được lòng ngay dạ thẳng như Lỗ Trí Thâm đâu. Những hòa thượng này do sư tổ truyền lại chẳng tin gì vào sự báo ứng nhân quả, rượu thịt quen rồi và nói đấy là điều vốn có trong cửa Phật. Không nghĩ rằng mình không chịu học hành mà chỉ oán hận cha mẹ đã đưa họ vào chùa, lạnh lẽo vắng vẻ, đêm đêm không được ngủ với đàn bà. Có bài thơ làm chứng:

*Đi tu là phải sống thanh bần,
Nếu sống dư thừa hại đến thân,
Sao chẳng tụng kinh và niệm Phật,
Rượu chè phê phởn phải trầm luân.*

Trong số đó có hai hòa thượng trẻ là tồi tệ nhất. Chúng đều là quỷ đói hiếu sắc. Một gã là Diệu Cao, một gã là Tuệ Lang.

Hãy tạm chưa nói tới hai gã hòa thượng trẻ xấu xa này mà hãy nói tới một người đàn bà trong làng là Hoắc Tứ Nương trạc hai mươi tám tuổi, có chút nhan sắc, vợ chồng đều sống bằng nghề nông. Một hôm chị về nhà mẹ đẻ, vì đường xa phải dậy sớm chải đầu, mặc quần áo rồi lên đường. Vì dậy quá sớm, hơn nửa hàng xóm lại thừa thớt, đường đi không một bóng người, Hoắc Tứ Nương đi một mình, tới chùa thấy người mệt chị dừng chân ngồi nghỉ tạm trước cổng. Bạn thử nghĩ xem, nơi vắng vẻ này con gái đẹp có nên nghỉ chân ở đây hay không. Đúng lúc ấy thì hai gã hòa thượng trẻ bước ra, đứng phải. Thấy chị đẹp chúng nghĩ thầm: "Vợ ta đến rồi". Chúng bước tới giả vờ lễ phép hỏi:

- Chào chị. Xin mời chị vào chùa xơi nước.
- Không cần. - Hoắc Tứ Nương nói.
- Chị đi đâu mà sớm thế!
- Đường xa nên phải đi sớm. - Hoắc Tứ Nương nói.
- Đường còn xa, - hai gã ấy nói, - sao không vào chùa uống chén nước cho lại sức?
- Tôi đi đây.

Hoắc Tứ Nương nói rồi đứng dậy đi, hai đứa tiếc ngẩn ngơ. Thấy đường vắng ngắt không có bóng người, chúng bèn ôm chặt lấy chị lôi vào chùa, định cưỡng dâm, Hoắc Tứ Nương không chịu, gào lên chửi thậm tệ:

- Đồ trọc đầu chết tiệt.

Hai gã hòa thượng phát khùng, dùng dao thái thịt chém chết rồi chôn dưới gốc cây đông thanh⁽¹⁾ cổ thụ, chẳng ai biết. Vì chùa rộng mênh mông, phòng ở cách xa nhau, phòng này làm gì phòng kia không biết, hơn nữa sáng sớm không ai nghĩ rằng có việc ấy xảy ra.

(1) Đông thanh: một loại cây cao to, quả có thể dùng làm thuốc. (ND)

Oan hồn không tan, quả là lẽ trời. Một hôm ngài Chu ngồi trên công đường,

bỗng thấy một trận gió xoáy thổi bay những lá cây đại thụ vào công đường lượn xung quanh bàn làm việc của ngài, gió lạnh thấu xương, hình như lại nghe thấy tiếng khóc bi ai thê thảm vắng vắng trong tiếng gió. Ngài Chu nói:

- Nhất định có oan uổng chi đây.

Ngài gọi mọi người xung quanh lại xem những chiếc lá, họ đều nói trong thành không có loại lá to này, chỉ ở chùa Thúy Phong ngoài cửa Cân Sơn cách rất xa là có cây đông thanh cổ thụ này. Ngài Chu hiểu ngay: "Hẳn là sư trong chùa giết người chôn dưới gốc cây, oan hồn đến báo cho ta".

nhiều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 19 (B)

Lập tức ông cùng nhiều người tới chùa Thúy Phong, đào dưới gốc cây đại đông, nào ngờ vừa đào được mấy thước đã thấy xác một người đàn bà mới bị giết. Ngài Chu liền thăm vấn từng hòa thượng một. Hỏi tới hai gã hòa thượng trẻ, thì mặt chúng đỏ bừng, chân tay run cầm cập, khai ra sự thực. Trước hết ngài lệnh cho đánh tám chục gậy, khép vào tội chết. Soát kỹ trong chùa, thấy lợn, dê, gà, vịt hàng đàn, phòng nào cũng đầy ắp rượu thịt. Ngài dùng dùng nổi giận đánh cho mỗi hòa thượng ba chục gậy, giải về nguyên quán, phá hủy toàn bộ ngôi chùa, ruộng vườn tịch thu bán đi để cứu dân nghèo. Có thơ rằng:

*Lợn dê gà vịt có đầy đàn,
Cửa Phật toàn là sư hổ mang.
Hoang dân tàn ác như quỷ đói,
Đàn bà chúng giết chẳng ghê tay.*

Lại có một người làm nghề buôn bán tên là Thạch Ngưỡng Đường, làm ăn xa lâu ngày nên gộp được hai trăm lạng bạc. Chưa về tới nhà thì trời gần tối, sợ đi một mình sẽ bị hãm hại, nên khi đi qua miếu Yến Công đã len lén giấu bạc dưới đáy chiếc lư hương đá. Đến khuya mới về tới nhà gọi mở cửa, vợ trông thấy nói:

- Đi làm ăn lâu ngày, kiếm được bao nhiêu lạng bạc?
- Kiếm được hai trăm lạng. - Thạch Ngưỡng Đường nói. - Tôi định mang về, nhưng thấy trời tối lại đi một mình sợ mất, tôi giấu nó ở dưới đáy lư hương đá miếu Yến Công, không ai biết, sáng sớm mai đi lấy.

Nói xong họ ăn cơm rồi lên giường ngủ. Sáng sớm hôm sau đến rờ đáy lư hương đá thì khốn khổ thay, không biết kẻ nào biết được lấy mất. Thạch Ngưỡng Đường đành tới chỗ ngài Chu bẩm việc này. Ngài Chu nói:

- Trong đêm tối, người giấu bạc có ai biết không?
- Thưa ngài, chẳng có một ai biết.
- Người có nói với ai không?
- Thưa ngài, về nhà con chỉ nói với vợ con, không ai biết cả.
- Đúng là, - ngài Chu cười nói, - vợ người thông dân, tên gian phu nghe thấy, đến lấy trước mất rồi.

Lập tức ngài bắt vợ người đó tới công đường xét hỏi, thì đúng là thị thông dân. Hôm ấy khi Thạch Ngưỡng Đường về, tên gian phu hốt hoảng chui xuống gầm giường. Thạch Ngưỡng Đường nói, tên gian phu nghe thấy. Khi Thạch Ngưỡng Đường ra ngoài, thừa cơ vợ anh đưa tên gian phu trốn ra lối cửa sau. Hắn tới ngay miếu Yển Công lấy hai trăm lạng bạc dưới đáy lư hương đá, rồi khấp khởi về nhà. Quả là:

*Biết đâu tai vách mạch rừng,
Ngờ đâu người dưới gầm giường đã nghe.*

Thế rồi ngài luận tội dân phu dân phụ, truy hoàn số bạc. Hai trăm lạng vẫn còn nguyên vẹn, hắn chưa kịp tiêu một đồng nào.

Lại có một tù nhân bị giam trong nhà tù Hàng Châu đã nhiều năm, bỗng nhiên hắn tố cáo Phạm Diển, một người dân quê từng đi ăn trộm với hắn. Ngài Chu biết đây là lừa dối, bèn gọi Phạm Diển đến thẩm vấn tỉ mỉ. Phạm Diển kêu oan, nói:

- Thưa ngài, con chưa từng biết mặt tên trộm này, thì làm sao mà con cùng hắn đi ăn trộm được.

Ngài Chu biết chắc đó là vu cáo, bèn cho Phạm Diển mặc áo chít khăn của nha lệ và bảo nha lệ mặc quần áo của Phạm Diển quỳ trước sân, dặn anh không được lên tiếng. Sau đó đột nhiên dẫn tên phạm nhân kia tới quỳ bên cạnh Phạm Diển. Ngài Chu hỏi:

- Người cáo giác hắn cùng đi ăn trộm với người, nhưng hắn không nhận.

Tên tù nhìn Phạm Diển giả nói:

- Người từng đi ăn trộm với ta, sao bây giờ người còn chối?

Phạm Diên giả chỉ cúi đầu không nói. Ngài Chu lại cố ý nói:

- Thế thì không phải hăn rồi.

Tên tù nhìn một lượt nói:

- Không phải hăn ư? Hăn là Phạm Diên, ngụ tại X. Năm X, làm bạn với con, ngày... tháng... năm... cùng con tới nhà X. Ăn trộm, lấy được... rồi chia nhau. Ngày... tháng... năm... vào nhà lấy trộm chia nhau những gì... Con đã làm bạn với hăn nhiều năm, tại sao lại không phải là hăn?

Hăn nói như đinh đóng cột. Ngài Chu cười nói:

- Người chẳng quen biết gì Phạm Diên, ta đã cho lính lệ đóng giả Phạm Diên. Việc này ắt có kẻ xúi bẩy.

Ngài cho người tra tấn tên tù, biết được Lương Trưởng thù phạm Diên, rồi mua chuộc tên tù cáo giác bừa. Ngài Chu dùng dùng nổi giận, bèn đánh chết hai tên này. Từ đó về sau không còn tên tù nào dám vu cáo hãm hại dân lành nữa. Có bài thơ làm chứng:

*Tù nhân thường hay hại người ngay,
Hăn có kẻ nào xúi bẩy đây.
Gian manh quỷ quyệt, cần xét kỹ,
Đừng cho kẻ xấu hại người ngay.*

Chuyện kể rằng ở Hồ Châu có một người tên là Hồng Nhị, mang đi một số vốn lớn, định đến Tô Châu mua hàng về Hồ Châu bán. Hồng Nhị ngồi một mình trên thuyền đợi thằng nhỏ, mãi vẫn không thấy nó tới, người canh sào là Vương Thất thấy túi tiền của Hồng Nhị khá nặng, nơi này lại vắng không ai trông thấy, hăn bèn rắp tâm mưu hại, đẩy Hồng Nhị lăn đùng xuống sông chết, mang túi bạc về nhà. Sau đó hăn đến nhà Hồng Nhị gõ cửa, hỏi:

- Chị ơi, sao anh ấy vẫn chưa xuống thuyền?

Vợ Hồng Nhị ngạc nhiên nói:

- Đi lâu rồi!

- Tôi nghĩ rằng đến giờ vẫn chưa xuống thuyền, vậy thì nhất định anh ấy đã đi nơi khác rồi.

Một lát sau thấy thằng nhỏ về nói:

- Con tới thuyền không thấy ông chủ, không biết ông đã đi đâu rồi, mà cũng không thấy hành lý đâu cả.

- Anh ấy mang hành lý đi, - người vợ nói, - tất nhiên là ra thuyền, làm gì còn thời gian mà đi chỗ khác.

- Vì tôi chờ mãi không thấy anh ấy xuống thuyền, - Vương Thất nói, - nên tôi tới đây tìm anh ấy.

Hai bên cứ cãi nhau, bên nọ đổ bên kia mà Hồng Nhị vẫn biết vô âm tính. Cuối cùng phải báo lên quan để truy tìm. Ngài Chu thấy Vương Thất dáng người hung ác, hỏi kín vợ Hồng Nhị rằng:

- Khi vừa tới nhà thuyền nói thế nào?

Vợ Hồng Nhị nói:

- Thưa ngài, chồng con mang hành lý đi từ lâu lắm rồi, thì nhà thuyền tới gõ cửa, cửa vẫn còn đóng, bèn nói là: "Chị ơi sao anh ấy vẫn chưa xuống thuyền?"

Ngài Chu gọi hai nhà láng giềng của Hồng Nhị tới, hỏi:

- Khi Vương Thất đến gọi, người nghe thấy anh ta nói thế nào?

Hai người láng giềng trả lời:

- Con nghe thấy Vương Thất gõ cửa hỏi: "Chị ơi, sao anh ấy vẫn chưa xuống thuyền?".

Ngài Chu đập bàn quát:

- Vương Thất chính mày giết chết. Mày đã tự thừa nhận rồi, sao còn dám cãi bừa?

Vương Thất cố biện bạch. Ngài Chu nói:

- Người biết chắc chắn Hồng Nhị không có ở nhà cho nên gõ cửa, bèn gọi chị ơi. Cửa vẫn đóng, mà nếu người không giết thì tại sao người không gọi anh ơi, mà lại gọi chị ơi? Đích thị là mày giết chứ ai giết vào đây nữa.

Vương Thất bị nói đúng tim đen, hồn xiêu phách lạc, mặt đỏ bừng, run cầm cập, biết ngay là hấn giết chết. Hấn đã khai hết sự thật. Bắt hấn trả lại hành lý, tất cả còn nguyên vẹn. Hấn bị khép vào tội chết. Có bài thơ làm chứng:

Xử án xưa nay khó lắm thay,

Sắc mặt lời khai lộ rõ ngay.

*Lòng dạ kẻ gian cần xét kỹ,
Chết oan ắt có kẻ phải đền.*

Có hai người tranh nhau một chiếc ô, không ai chịu ai rồi dẫn đến đánh nhau. Trương Tam nói: "Ô của tôi". Lý Tứ cũng nói: "Ô của tôi". Hai người không ai chịu ai, liền đưa nhau đến phủ quan. Ngài Chu bèn đập chiếc ô, đưa cho mỗi người một nửa, rồi bí mật sai người theo dõi. Trương Tam nói: - Lúc đầu tôi đòi anh hai đồng, nếu anh đưa ngay cho tôi thì có phải tốt không? Bây giờ thì hai đồng cũng không có nữa.

- Ô của tôi, - Lý Tứ nói, - sao anh bắt tôi phải đưa cho anh hai đồng!

Thế là người đi sau theo dõi bèn tóm ngay Trương Tam, đưa về phủ. Ngài Chu cho đánh hai mươi gậy và bắt phải mua ô đền Lý Tứ.

Lại có hai người tranh nhau con trâu, hai bên giằng co nhau không sao giải quyết được. Ngài Chu nổi giận quát:

- Hãy nhập con trâu này về dinh quan.

Một người cười hí hí không nói.

Một người tức tối cãi lại.

Ngài Chu lập tức bảo người nổi nóng cãi lại rằng:

- Con trâu này chính là của người, bởi thế người hết sức tức giận. Con trâu này không liên quan gì đến tên kia, nên gã cười hí hí không nói gì.

Ngài lập tức phạt tội anh ta. Quả thật ngài phát hiện ra sự gian dối rất tài tình. Còn rất nhiều chuyện như thế nữa, không sao kể hết được.

Thời ấy, trong nha môn có người thư ký lâu năm tên là Mạc Lão Hồ, chuyên bợ đỡ phủ quan, dò ý quan trên, dùng văn chương xuyên tạc pháp luật, xúi bẩy kiện tụng, không việc gì là hãn không làm. Ngài Chu thăm dò biết hãn vô cùng ác độc, hại người không sao kể xiết, tài sản có tới hàng trăm vạn, những người trong nha môn không người nào là không thông đồng với hãn làm điều xấu. Ngài Chu nói:

- Đây là nơi tập trung bọn sâu mọt một vùng Đông Nam. Bọn sâu mọt trong nha môn không trừ khử thì dân lành không thể sống được.

Thế rồi đem chôn Mạc Lão Hồ trong ngục, bán tài sản của hãn mua thóc lúa nhập vào các phủ huyện để cứu đói khi mất mùa, còn những kẻ độc ác

khác trong nha môn đáng tù thì bỏ tù đáng sung làm lính thì sung vào lính, không chút tha thứ. Từ đó về sau, dân lành mới được yên ổn làm ăn. Hình pháp tỉnh Chiết Giang nghiêm minh trong sạch đều do công lao của ngài Chu vậy. Ngài Chu thường nói:

- Muốn cho thiên hạ thái bình thì tất phải trừ khử bọn tham quan. Bọn tham quan hại dân phải có vây cánh, cho nên quan trên được ba thì bọn tay chân ở dưới được bảy. Muốn diệt tham quan thì phải làm cho nha dịch trong sạch, cho nên không thể tha thứ bọn này.

Thời ấy Diệp Tông Hành là tri huyện Tiền Đường, người Tùng Giang làm quan hết sức liêm khiết. Ông không bao giờ nịnh nọt quan trên, nên ngài Chu vô cùng kính trọng. Về sau Diệp Tông Hành chết, ngài Chu đích thân làm bài văn tế tế ông. ấy là tôn trọng sự liêm khiết và dùng việc này để giáo dục các quan. Mỗi khi đi tuần thú các huyện, ông hay mặc thường phục, khích cho quan huyện tức giận giam ông vào ngục, ông chuyện trò với tù nhân, họ nói cho ông biết nỗi khổ của cả huyện. Hôm sau thuộc quan của ông tới nghênh đón ông từ ngục ra, quan huyện sợ hãi phủ phục dưới đất xin tạ tội, song ông vẫn theo tội mà xét xử. Bởi thế quan lại các huyện nghe thấy tiếng ông đều run sợ, chẳng ai dám tham ô. Khi mới bắt đầu vào địa hạt vùng này, ở đó có một con hổ dữ đã ăn thịt rất nhiều người, ngài Chu tự làm một bài ăn tế cúng thần hoàng, thì con hổ tự đứng đến dinh quan án sát, nằm phủ phục bất động, ngài bèn lệnh cho tay chân đánh chết con hổ ấy ngay tại chỗ. Có bài thơ làm chứng:

*Chu Tân đức nghiêm,
Khuất phục hổ dữ.
Nay là thành hoàng,
Xưa là quan phủ.*

Có một hôm người đồng liêu biểu ông một con ngỗng quay. Ngài Chu treo nó trong nhà, về sau có người biểu gì ông chỉ vào con ngỗng ấy. Ngài Chu nhà rất nghèo. Vợ ngài sống bằng nghề cày cấy. Một hôm bà vợ đi dự tiệc

cùng với vợ các quan lại khác họ ăn diện rất sang trọng, chỉ có phu nhân ngài Chu là quần nâu áo vải như người đàn bà dân quê. Những người ăn mặc sang trọng rất ngưỡng ngùng, về sau họ sống rất giản dị. Phong thái của ông là như thế đó. Bởi thế thời ấy tên tuổi Chu hiển sứ lầy lừng thiên hạ, ngay cả đứa trẻ lên ba cũng biết đức tính tốt đẹp của ngài. Thời ấy, Cầm y vệ chỉ huy là Kỷ Cương, sai Thiên Hộ tới Chiết Giang, tác oai tác quái làm hại dân không sao kể xiết. Ngài Chu Tân bắt Thiên Hộ đánh cho một trận nên thân. Thiên Hộ lập tức về kinh khóc lóc kể với Kỷ Cương. Kỷ Cương dăng sớ nói rằng Chu Tân tự tiện bắt người trị tội. Ngài Vĩnh Lạc sai quan bắt Chu Tân về cung điện. Chu Tân khẳng khái vạch tội Thiên Hộ. Ngài nói:

- Án sát sứ làm việc cũng giống như Nội đô sát viện, đều là vâng theo chiếu chỉ của bệ hạ. Thần phụng chiếu bắt kẻ gian ác, thì sao lại khếp tội cho thần? Thần có chết cũng không hối hận.

Lời nói của ông vô cùng bất khuất, ngài Vĩnh Lạc dùng dùng nổi giận, ra lệnh giết ông. Lúc sắp hành hình, Chu Tân thét lên nói:

- Ta sống làm bề tôi ngay thẳng, chết đi ta làm ma ngay thẳng.

Đêm ấy, Thái sử dăng sớ nói rằng ngôi sao Văn Tinh bị rơi, ngài Vĩnh Lạc mới hiểu rằng ông chết oan và vô cùng hối hận, lập tức xử Thiên Hộ để đền mạng, rồi ngài Vĩnh Lạc hỏi quần thần:

- Tân là người ở đâu?

Quần thần đáp rằng:

- Ông là người Quảng Đông.

Ngài Vĩnh Lạc nhiều lần than vãn rằng:

- Quảng Đông có người tốt như thế mà ta đã giết oan.

Ngài Vĩnh Lạc cứ thương tiếc mãi. Về sau thường thấy ông hiện hình tại miếu. Một hôm giữa ban ngày bỗng thấy một người mặc áo hồng bào, Vĩnh Lạc quát lớn, thì người ấy nói rằng:

- Thần là Chu Tân, án sát sứ Chiết Giang, phụng mệnh thượng đế, thấy thần là người trung trực, cho thần làm thần thành hoàng Chiết Giang, trị những kẻ tham quan ô lại cho bệ hạ.

Nói xong biến mất. Ngài Vĩnh Lạc cứ than thở mãi. Về sau Chu Tân nhập

vào người trước miếu thờ thành hoàng Chiết Giang nói:

- Ta vốn là án sát sứ Chu Tân, thượng đế cho ta là người trung trực, phong ta làm thần hoàng, hãy đắp tượng ta để thờ, ngày sinh của ta là ngày mười bảy tháng Năm.

Dân chúng thấy ông linh thiêng hiển hách, bèn sửa sang miếu mạo, rước tượng Thành Hoàng cũ tới Dương Thị. Có bài thơ làm chứng:

*Uy danh hiển hách ấy thành hoàng,
Chưa biết uy danh đã lấy lòng.
Thần ngay quỷ thẳng đều là một.
Những người trung trực quả phi thường.
Lại có bài thơ ca ngợi như sau:
Chu Tân chết thành thần Chiết Giang,
Vu Khiên chết thành thần Bắc Đô.
Xưa nay người ta ai chẳng chết,
Chết vẫn lưu danh mãi ngàn thu.*

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 20

Đưa Hối Lộ Sống Chết Thành Oan Trái

Sống Từ Bi Quên Hằn Mối Thù Xưa

Thorăng:

Được mất mông lung chẳng thể cầu,

Huống hồ bí mật lắm quyền mưu,

Công danh được mất do trời đất,

Phú quý còn đây cháu con lo.

Đất trời lồng lộng như gương sáng,

Chí công không thể uốn cong lưng.

Tướng quân vỗ ngực khoe thắng trận,

Hướng tới Đông Lăng lễ cổ hầu.

Người ta thường ăn ăn làm lành, tất cả đều như đã định sẵn, không thể cứ cố cầu mong mà được. Nếu như cầu mà được thì tinh thần phải hết sức kiên định. Nếu là người có phúc thì không cầu cũng được. Cho nên nói hai chữ "tiền định" (đã định sẵn từ trước) đã làm phai nhạt những ham muốn không chính đáng, làm tiêu tan những thủ đoạn nóng vội. Người đời có khi cầu mà được, nên cứ cầu bừa đến khi không sao thu xếp nổi, lúc ấy mới hối hận thì đã muộn.

Chẳng hạn như người đi buôn, đã có vốn nhưng vẫn phải nhờ vào vận đỏ, duyên may. Dù có mở cửa hàng ngay tại nhà cũng kiếm được hàng ngàn hàng vạn. Nếu không gặp vận đỏ duyên may thì muốn kiếm vài ba đồng cũng phải hao tâm tốn trí mà vẫn không được. Đừng nói kiếm lấy vài ba đồng mà ngay vốn liếng cũng mất sạch. Huống hồ hai chữ công danh có quan hệ rất lớn, được hưởng rất nhiều lợi lộc.

Có một tú tài nghèo, không đầy nửa năm mà trúng cử nhân tiến sĩ, mũ áo xanh xang, ngồi giữa công đường, sai bảo bách quan, thống trị muôn dân, làm rạng danh tổ tông, vợ được phong thưởng, con được nối dõi. Điều này có phải do may rủi mà được chăng. Không, đó là kẻ hối lộ để mua chuộc, từ khi khai thiên lập địa đã có rồi. Xưa nay cũng có người đưa hối lộ mà được lợi, nói chung họ được quan cao lộc hậu, con cháu đời đời là dòng dõi trâm anh. Há đấy chẳng phải là tấm gương do cố cầu xin mà được đó sao? Dân gian có câu: "Mua khoa cử thì phải đúng vào năm trúng cử". Câu nói này có nghĩa là có thể cầu được và cũng không thể cầu được. Chẳng hạn như năm không trúng cử mà cứ cầu bừa thì cũng chẳng có phúc, việc làm không tính toán chi li chặt chẽ, một khi đã bại lộ thì danh và thực đều mất. Lúc ấy muốn làm tú tài như cũ, cũng không được nữa. Tóm lại công danh không thể hại người, công danh do mình tạo nên, đó là điều tối quan trọng.

Tôi kể ra đây hai câu chuyện làm thí dụ để các bạn nghe. Xưa kia có một cậu tú tài, tính hiền lành trung hậu, luôn luôn làm điều thiện. Tổ tông xưa đều là những người hiền lành, an phận thủ thường, chỉ có điều nhà nghèo mà không học lên được. Năm ấy có khoa thi, cậu nhờ một gian phòng trong chùa để đọc sách. Một hôm gần tới ngày thi, vào buổi tối cậu nghe nhà bên có tiếng thì thầm rất lâu, sau đó thấy uống rượu rồi hát hò, cười nói oang oang, tỏ ra rất vui sướng. Một lát sau bỗng thấy vắng lặng tĩnh mịch. Cậu tú lúc ấy mới được yên tĩnh, nhưng vẫn không ngủ được, cậu tha thần dạo bước dưới hành lang, thì thấy một người con gái thướt tha đi lại, người ấy gần tới nơi thì cậu tú hỏi:

- Cô là ai?

- Chàng đừng sợ. - Cô gái nói. - Thiếp là ma, đến đây không phải để hại chàng. Thiếp thấy chàng có chí học hành lại cố gắng làm điều thiện nên đến nói cho chàng biết việc công danh đại sự. Vừa rồi thiếp thấy người tú tài bên kia uống rượu là vì đã mua được ý mẫu chốt trong kỳ này và đã mặc cả với nhau tại đó. Thiếp đã nghe được xin báo cho chàng biết. Xưa kia cha thiếp buôn bán ở đây và thiếp cũng chết ở đây, linh cữu thiếp gửi ở chùa này. Nếu chàng đặc chí thiếp phiền chàng đến chỗ X, bảo với cha thiếp sớm

đưa linh cữu thiếp về táng nơi quê hương thiếp. Thiếp biết chàng là người trung hậu, chắc chàng không phụ sự nhờ cậy của thiếp, cho nên thiếp mới dám phiền chàng.

Đoạn cô gái nói cho cậu tú tài biết những điểm mấu chốt của đề thi. Theo lời cô gái, quả nhiên cậu tú tài này đỗ cao. Đến ngày yết bảng, vị giám khảo thấy họ tên không phải là người mình đã mách bảo, ông rất ngạc nhiên. Khi gặp người đã thi đậu, ông hỏi vì sao, anh ta nói thực việc mình đã gặp ma như thế nào. Vị quan giám khảo ấy nói:

- Anh là người có nhiều âm đức, từ nay con đường thăng quan tiến chức của anh sẽ rộng mở, không thể lường trước được.

Vị tú tài ấy quả nhiên thi đỗ liên tiếp tới tiến sĩ rồi được làm quan.

Tôi lại còn nghe thấy một vị cử nhân ở Bắc Kinh thi Hội. Vị cử nhân tuổi còn trẻ, tài cao, học vấn uyên thâm, cứ tự khoe rằng, nhất định sẽ đỗ. Hội nguyên, trạng nguyên cầm chắc trong tay. Hôm ấy là ngày vào trường thi. Vị cử nhân ấy đến chỗ ngồi của mình, vừa thu xếp xong xuôi thì thấy một cử nhân khác tới tìm chỗ ngồi. Cử nhân này cao to, nói tiếng miền Bắc, không thấy mang đồ đạc gì, chỉ thấy vai vác một chiếc nghiên to ước chừng bằng thớt cối. Chỗ ngồi của anh ngay bên cạnh vị cử nhân nọ. Vị cử nhân này cười thầm: "Trong trường thi không biết mang vào làm quái gì chiếc nghiên đá to đến thế. Chả lẽ là để tỏ rõ mình có sức khỏe ư? Nếu như dùng nó để đánh người thì chỉ cần huých các góc nhọn của nó vào thì người cũng nát ra như cám". Một lát sau đề bài được mang tới. Vị cử nhân đến trước cầm bút vừa nghĩ vừa viết, xong một thiên anh lại ghé mắt nhìn sang vị cử nhân lực lưỡng kia, chỉ thấy anh này ra sức mài mực. Thôi thì cứ mặc anh ta, vị cử nhân này lại cầm cúi viết xong thiên thứ hai. Vẫn cứ thấy vị cử nhân cao to ấy hì hục mài mực. Anh cười thầm nghĩ: "Giá mà vị cử nhân kia chưa cơm nước gì mà vào đây thì uống số mực ấy cũng no kênh bụng". Anh lại làm xong thiên thứ ba. Người cử nhân cao lớn ấy vẫn cứ ngồi đó mài mực, anh nghĩ: "Người này cứ ngồi mài mực, không biết mài đến bao giờ mới thôi! Hãy xem anh ta làm thế nào, sau này mình sẽ có một câu chuyện cười lý thú ở trường thi để nói với bạn bè". Anh lại ngâm nga đọc lại thiên thứ ba của mình một lần nữa và cảm thấy rất đặc ý. Đang định làm

tiếp thì người cử nhân lực lưỡng kia nhảy sang nói:

- Nghe anh đọc, thấy bài văn của anh hay quá, nhất định là đỗ rồi. Song tôi là người vùng Tây bắc, văn bài không thông thạo anh cho tôi bài văn ấy, anh làm bài khác, thế thì mọi sự đều tốt. Nếu không tôi sẽ đổ mực đen ngòm vào bài của anh, thế là cả hai đều trượt. Nếu anh cho bài tôi, thì anh là người tình nghĩa.

Vị cử nhân này vừa buồn cười vừa tức giận. Thấy người ấy cao to lực lưỡng, mình có đánh cũng không thắng nổi, đành thở dài đưa ba bài văn ấy cho anh ta. Thế là anh ta mặt mày hớn hờ trở về chỗ ngồi của mình, còn anh thì làm lại ba bài văn và làm luôn cả bài kinh văn. Thế rồi vị cử nhân lực lưỡng ấy lại tới nói:

- Anh vừa cho tôi mấy bài văn ấy, tôi nghĩ nhất định sẽ đỗ rồi, tôi lại không biết làm kinh văn, thật đáng tiếc là dù anh đã cho bài tôi nhưng cũng uống công thôi. Nếu anh trọn tình trọn nghĩa với tôi, thì xin anh cho tôi bài kinh văn. Nếu đỗ, thì tôi không bao giờ dám quên ơn anh. Vị cử nhân ấy nghĩ rằng, ba bài trước hay đã cho anh ta rồi, nếu ba bài sau không khớp ý với nhau thì sẽ không đỗ, thế thì cho anh ta cũng vô ích. Thôi thì cho luôn anh ta. Mong rằng lần sau không gặp phải những tên hung đồ thế này nữa, rồi anh cho luôn người ấy và phất tay áo ra khỏi trường thi. Quả nhiên, vì anh người ấy đỗ tiến sĩ, sau này đã đến thăm và đền đáp công lao của anh. Các bạn thân mến, một đảng do ma mách bảo đề thi, một đảng là cướp văn. Hình như đây là hai chuyện hết sức lạ lùng trong trường ốc nhưng không phải ngấm ngầm làm việc ích kỷ hại người, cho nên không có một hận thù gì khắc cốt ghi xương. Tôi xin kể một câu chuyện, do ích kỷ, ngấm ngầm hại người mà sau này cháy nhà ra mặt chuột, khiến cho công lao cả dòng họ đổ xuống sông xuống bể, suýt nữa chết không có chỗ chôn.

Chuyện kể rằng, ở huyện Nhân Hòa phủ Hàng Châu, Chiết Giang có một người tú tài tên là Từ Tất Ngộ, tự Bằng Tử. Ông của anh ta làm tới đô ngự sử, vì thăng thấn can gián mà mất chức trở về rừng núi dưỡng lão tới hai mươi năm. Do bản tính trong sạch và ngay thẳng nên việc thăng giáng chức

luôn luôn xảy ra trong cuộc đời ông. Bởi thế cũng chẳng lấy gì làm giàu có cho lắm. Cha của anh ta là một tú tài, kiến thức uyên thâm nhưng con đường khoa cử thì lận đận, về sau được bổ làm làm sinh, chờ tiến cử. Sau làm huấn đạo được hai khóa. Chức quan thì thấp mà nơi làm việc lại hẻo lánh vắng vẻ, uất ức và bất đắc chí. Không lâu sau cũng cáo quan về nhà. Từ Bằng Tử sống trong cảnh nghèo túng. Đến năm mười tám tuổi anh được cử đi học và cùng năm ấy anh lấy vợ, vợ tên là Vương thị, vợ anh cũng thuộc dòng dõi con nhà quan lại, cũng biết việc đọc sách là cao thượng. Từ Bằng Tử sinh trưởng trong một gia đình quan lại, suốt ngày chỉ khư khư cầm quyển sách trong tay, không hề biết gì đến chuyện ham làm, miệng ăn núi lở, lâu ngày rồi cũng phải bán mấy ngôi nhà của người ông để lại khi còn làm quan. Rồi sau đó lại bán mấy mẫu ruộng của ông để lại. Cuối cùng chỉ còn trơ lại một ngôi nhà cổ, đấy là nơi dấy nghiệp của ông anh và gia đình anh đang sống, không thể động tới. Cũng mừng là hai kỳ thi nhất nhị trường anh không đến nỗi trượt. Song mấy kỳ thi sau anh cũng không được đứng đầu bảng. Nói đến tài văn chương thì anh cũng là người xuất sắc. Năm ấy có khoa thi, anh ở nhà đọc sách, tối đến nhân lúc nghỉ ngơi anh nói với vợ :

- Phen này nhất định đỗ.

- Làm sao mà anh biết được?

- Những đề về "Tứ Thư" anh đều chuẩn bị hết rồi, còn đề mục lớn nhỏ trong kinh "Xuân Thu" anh cũng làm rồi. Về phương diện này, bạn bè thi cử không ai hơn anh được. lần này không những đỗ mà anh còn đỗ cao, ít ra là xếp từ thứ năm trở lên, chứ không chịu đứng sau. Em hãy kiên tâm chờ hơn một tháng nữa, lúc đó em sẽ đàng hoàng là một bà cử.

Vương thị nói:

- Không biết vận nhà mình sẽ thế nào, thi mấy khoa liền mà không đỗ, lại không làm gì để sinh sôi nảy nở thêm được, ruộng vườn đã bán sạch chỉ còn lại ngôi nhà cũ. Khoa này mà không đỗ thì đành phải tìm người khác thay em. Em chỉ cầu mong anh phúc lộc và văn chương đều được cả đôi đàng. Anh sẽ làm rạng rỡ tổ tông, khiến cho vợ con thoát khỏi đói nghèo. Em nguyện suốt đời sống nâu sồng đạm bạc vì chàng.

Nói xong nước mắt chị giàn giụa. Bằng Tử nói:

- Em cứ yên tâm, anh bảo đảm với em chắc chắn khoa này anh sẽ đỗ. Anh sẽ đền em chức cử nhân, nếu không đỗ thì không còn mặt mũi nào gặp em và cũng chẳng còn mặt mũi nào gặp bạn bè, người thân trong dòng họ.

- Em mong được như thế, cầu trời khẩn Phật phù hộ cho anh.

Đúng là:

Tài năng ta chẳng kém ai,

Ngẫm ra mới biết vận may do người.

Những mong áo mũ cân đai,

Ngờ đâu nghèo đói chẳng rời khỏi ta.

Trong số những bạn học của anh cũng có một gã tú tài tên là Đinh Toàn, tự Hiệp Công, cũng thuộc dòng dõi gia thế. Cha làm tới chức Thilang Bộ công, con đường thăng quan tiến chức của anh ta khá thuận lợi, đã tích cóp được khá nhiều tiền của. Đinh Hiệp Công lại giỏi làm ăn, hăn thường lui tới những học trò của cha kiếm chác, gia đình ngày càng trở nên giàu có.

Ngoài việc đánh bạc và chơi gái gã không tiêu phí một đồng nào. Vào năm thi cử, hăn đành phải tung tiền ra tiêu. Việc thứ nhất là mua giám khảo, việc thứ hai là dùng mảnh lới trong trường thi. Kỳ thi nào hăn cũng luôn lọt tìm khe hở, mò mẫm thăm dò khắp nơi, cho tới ngày yết bảng hăn mới yên tâm. Từ khi hăn được vào trường huyện học, kỳ thi nào cũng thế, điều ấy chẳng có gì là lạ.

Năm ấy quan chủ khảo kỳ thi là quan tri phủ, người họ Mạc, cùng đỗ khoa với cha hăn. Ngay từ khi đến nhậm chức, Đinh Hiệp Công đã mang lễ hậu đến nhận là người thân. Hăn nghĩ quan đứng đầu phủ là tiến sĩ, tuổi còn trẻ, có danh vọng, nhất định sẽ làm giám khảo. Cũng không chờ đến khi có tên trong danh sách thi, hăn đã làm một bữa cỗ thịnh soạn mời quan tri phủ họ Mạc. Trong bữa rượu hăn đã ghé tai vào quan tri phủ nhờ vả việc thi cử, như thế làm sao mà quan tri phủ không vui vẻ nghe theo. Đinh Hiệp Công

lại lấy ra bức văn tự một ngôi nhà với giá là ba ngàn lạng đưa cho tri phủ họ Mạc tạm thời làm vật thế chấp, khi yết bảng sẽ lập tức mang bạc đến chuộc lại. Tri phủ họ Mạc nói:

- Hai nhà xưa nay là bạn đồng khoa với nhau, có bốn phận giúp đỡ hết lòng, đâu dám nhận tạ ơn.
- Tuy là anh em con cháu của bạn đồng khoa, nhưng bây giờ là quan hệ thầy trò, vả lại việc công danh cũng phải tạ ơn nhau chứ, chỉ có chút ít thôi, có gì đáng suy nghĩ.

Tri phủ họ Mạc vui vẻ nhận lời.

Đúng là:

*Có duyên ngàn dặm cũng gặp nhau,
Mưu người, trời có thẳng được đâu.*

Đến khi mở khoa thi, quả nhiên tri phủ họ Mạc được cử làm giám khảo. Ông lập tức viết những điểm quan trọng về đề thi, niêm phong cẩn mật, rồi sai người đưa cho Đình Hiệp Côn Đình Hiệp Công mừng quýnh. Tri phủ họ Mạc lại nghĩ, lão Đình mặc mũi sáng sủa, nhưng không biết văn chương chữ nghĩa trong bụng lão thế nào, chẳng may vào trường thi lại nộp giấy trắng hoặc là làm được bài mà văn vẻ trúc trắc, khi ấy khó mà trình lên chánh chủ khảo, mình thật là khó xử, mà lại mất tới ba ngàn lạng. Tri phủ họ Mạc viết một phong thư mật, sai người mang đến. Đình Hiệp Công nhận được mở ra xem, bức thư viết:

"Việc ngoài cửa (khốn ngoại) tướng quân phải làm chủ thì mới phục ngài không uổng công đọc (không đọc) sách cha, dùng sĩ (hồ bí) văn về nội phủ. Chiếu sáng, chiếu sáng?"

Đình Hiệp Công đọc những chữ ấy không hiểu ý nghĩa của nó, lại không thể đưa cho người khác xem. Ngẫm nghĩ mãi, lá thư ông ta gửi nhất định không phải việc gì khác, mà chắc chắn đây là việc thi cử, cách viết rất lơ mờ, khiến người ta khó nhận ra. Hắn lại tra tìm lại các chữ, lật đi lật lại, lần lượt đoán từng câu chữ, nghĩ "Ta đã hiểu rồi, khốn ngoại" là nói ngoài rèm;

"Không độc" có nghĩa là không biết binh pháp; số của "hổ bí" có nghĩa là ba ngàn. Rõ ràng nói về việc thi cử, bảo ta phải tự làm bài. Nếu như bài văn mà không đạt yêu cầu thì cái nhà ba ngàn lạng phải trả lại cho ta". Thế rồi hăn đập tay xuống bàn đến "chát" một cái rồi nói: "Đúng rồi, đúng rồi, không còn nghi ngờ gì nữa. Song điều mà ông nói trong thư lại rất đúng vào chỗ yếu của mình. Chẳng may trong trường thi không thuận lợi, không đạt yêu cầu thì chẳng hóa ra mình mất toi ba ngàn lạng hay sao. Tuy thế, lão Mạc vẫn tính toán tỉ mỉ chắc chắn".

Đúng là:

Quân vương nếu hỏi kế biên cương.

Ắt lo lương đủ với binh cường.

Lúc ấy trong trường lại có một tú tài khác tên là Chu Đức, biệt hiệu là Bạch Nhật Quỷ. Tuy là tú tài song không theo đòi thi cử. Hăn la cà nay nhà này mai nhà khác để kiếm rượu uống. Người ta chơi cờ hăn sà vào tính nước. Người ta đánh bài hăn cũng len vào chia bài. Suốt ngày say bí tỉ, ăn không biết no. Nhà hăn có bếp cũng bằng thừa, thường đến những nhà giàu có thể lực để bộ đỡ lấy lòng. Hăn buôn bán tin tức, chuyên bắt mối với bọn con hầu đưa ở để nghe ngóng tình hình, xui nguyên dục bị để kiếm chút tiền còm cõi. Bởi thế những nhà tú tài, phàm có việc dù to hay nhỏ đều không bỏ qua hăn được. Còn như Đinh Hiệp Công là một tay giàu sang, thì chẳng phải bàn, ngày nào hăn cũng đến xin dạy bảo. Ngay như Từ Bằng Tử, cháu một vị quan nghèo, thấy anh thi cử thuận lợi, lại sáng dạ hăn cũng thường tới khoe khoan hão, vài ba ngày hăn lại đảo đến một lần. Còn như với Đinh Hiệp Công thì khác hăn, hai người này ý hợp tâm đầu, gắn bó như keo sơn, không lúc nào rời nhau.

Đinh Hiệp Công xem tờ giấy, quả thực không khăng định dứt khoát được, hăn suy nghĩ do dự suốt đêm. Sáng hôm sau hăn cho người mời Bạch Nhật Quỷ tới. Chu Đức nói:

- Tối qua tôi có chút việc không được gặp anh, thì đến nơi rồi mà tôi thấy

vẻ mặt anh tươi rói. Khoa thi này nhất định anh đỗ cao. Xin hỏi gọi tôi tới đây để dạy bảo điều gì?

- Tôi có chuyện riêng. - Đinh Hiệp Công nói. - Không thể nói với người khác được. Song tôi với anh rất hợp nhau, việc lớn như thế không thể giấu anh được. Tôi có ý mời anh đến đỡ bàn bạc.

Chu Đức hoa chân múa tay, nói:

- Việc gì thế! Xin sẵn sàng nghe anh nói.

- Mạc Công Tổ, - Đinh Hiệp Công nói, - là con một người đồng khoa của cha tôi, chắc anh biết rồi. Gần đây ông ấy được cử vào làm quan giám khảo, khi đi ông ấy nói là rất mến mộ gia thế tài năng của tôi, có gửi cho tôi những điểm mẫu chốt của đề thi, bảo rằng trong trường thi phải làm như thế, tôi không muốn khước từ lòng tốt của ông ấy, theo anh có nên làm hay không?

Bạch Nhật Quỷ vội chắp tay nói :

- Xin chúc mừng anh. Anh tài cao như thế lại có Mạc Công Tổ giúp đỡ bên trong, lần này anh trúng giải nguyên là chắc. Tại sao lại không làm?

- Tôi cũng nghĩ rằng nên làm, song thường ngày văn chương tôi còn có chỗ sai sót. Chắc anh cũng biết đấy. Một khi đề mục ra không thuận tay, sợ rằng sẽ không lưu loát. Theo tôi nghĩ, trừ phi có bài văn hết sức công phu mới không phụ lòng ông Mạc nếu được như thế thì tuyệt vời. Anh có cách gì hay không? Xin anh dạy bảo đôi điều.

- Điều ấy có gì khó lắm đâu. - Bạch Nhật Quỷ nói. - Tôi có một người anh họ là Trần Hựu Tân, anh ấy là tú tài kỳ cựu trong học phủ, kỳ thi nào anh cũng được ghi vào danh sách viết bài thi. Vì anh thi nhiều năm nên đáng tin cậy, những bài văn được khen đều do anh ấy viết và đưa cho thí sinh. Mỗi khoa thi anh hy vọng kiếm được một ngàn lạng. Nếu anh cần tôi sẽ nói với anh ấy, nhất định sẽ đỡ thôi.

Đinh Hiệp Công rất mừng, vội vàng sai người dọn một mâm rượu thịnh soạn tại nhà trong, thúc giục người đi mời Trần Hựu Tân. Tới nhà, được mời vào phòng riêng, Trần Hựu Tân nói:

- Tôi lâu nay đã ngưỡng mộ ông, ý định ông anh cho gọi tôi em họ tôi đã nói với tôi rồi, nhưng có điều không biết ông học kinh nào.

- Kinh "Xuân Thu". - Đinh Hiệp Công nói.
- Thế thì càng tốt. - Trần Hựu Tân nói. - Chờ tôi vào trường thi chọn những bài văn hay nhất về "Xuân Thu". Cắt phần phách đi, rồi cố gắng mà chép, và nhét vào tập bài thi thì mười phần đồ chín. Song có đúng là Mạc Công Tổ làm chủ sự trường thi hay không?
- Tiếng tăm Mạc Công Tổ nổi như cồn làm giám trường ngự sử là cái chắc. Xin anh đừng ngại.
- Như thế thì tốt rồi, song Mạc Công Tổ có thể quan tâm suông cho mình đâu, còn tôi là kẻ sĩ nghèo, vậy ông anh phải nới rộng tay thì mới được.
- Điều ấy thì tất nhiên rồi. - Đinh Hiệp Công nói.

Nhân đó họ kéo cả Bạch Nhật Quỷ vào thương lượng. Trần Hựu Tân đòi một ngàn lạng, hai bên cò kè nâng lên gạt xuống, cuối cùng ngã giá là bốn trăm lạng. Hẹn tới lúc điểm danh vào trường thi mới cho biết phương pháp. Sau đó họ ra về. Lần này Bạch Nhật Quỷ gỡ gạc cả đôi bên.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 20 (B)

Đến hôm thi, Từ Bằng Tử cũng không chờ đến tối mới ra khỏi trường thi. Anh bước vào nhà với nét mặt rạng rỡ vui mừng, anh thắp hương lễ bái gia tiên. Vương thị hỏi:

- Anh làm bài thế nào?

- Chẳng phải nói hay, bày bài văn anh đều làm được cả. Sợ rằng khi làm có chỗ còn sơ xuất anh đã viết rất cẩn thận, sạch sẽ ngay ngắn, đọc đi đọc lại, quả thật lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu. Trình lên ban giám khảo chắc chắn ai cũng khen ngợi, trừ phi quan giám khảo mù, hoặc bói lông tìm vết cũng phải cho đỗ.

Wương thị thấy thế mừng không sao xiết.

Mấy ngày sau, kết thúc kỳ thi, báo rằng sớm mai là ngày yết bảng. Vợ chồng Từ Bằng Tử làm sao mà ngủ cho được, nghe thấy tiếng trống báo canh năm, vẫn thấy bên ngoài yên tĩnh, dần dần thấy trời hừng sáng mới nghe thấy ngoài đường có tiếng cười nói ồn ào. Lúc ấy anh không kìm nổi được nữa, hai chân cứ muốn nhảy ra đường. Vừa ra khỏi cửa, thấy một người đi báo tin vui chạy như bay, qua cửa nhà môn thấy người ấy chạy chậm lại, anh hỏi:

- Ai đậu giải nguyên đấy?

Anh chạy theo người ấy qua mấy nhà, người ấy mới chịu trả lời. Từ Bằng Tử nghĩ: "Có điều gì đáng nghi, trời đã sáng lắm rồi hãy đến chỗ yết bảng xem sao?". Tới nơi chỉ thấy hai chữ "Xuân Thu", thấy người đỗ thứ ba là Xuân Thu, anh đọc tiếp thì đó là người Nhân Hòa, bên trên đó là Đinh Toàn. Anh nghĩ bụng, anh này mà cũng đỗ ư? Hằng ngày anh ta rất dốt, vì sao lại đỗ. Thôi mặc hă. Tiếp đó anh xem từ đầu đến cuối bảng, rồi lại xem từ cuối bảng ngược lên, đọc kỹ từng dòng, hoàn toàn không có tên

mình. Lúc ấy anh bủn rủn cả chân tay, nước mắt cứ chực trào ra, anh nuốt nước mắt, dựa vào cột bảng, đờ đẫn như người mất hồn. Đến khi người xem bảng thừa dần, anh cảm thấy chán chường, buồn bã quay về. Con đường về nhà sao mà dài dằng dặc, anh khó khăn lắm mới lên bước tới nhà. Đúng là:

*Tướng quân thua trận, vợ thất tiết,
Thích mặt cướp đường, phạm tội quan.
Gặp mặt người quen, ôi xấu hổ,
Hồng thi cũng thế khác gì đâu*

Đình Toàn đỗ cao, nhân viên trường thi chạy như bay tới báo cho nhà họ Đình. Đình Hiệp Công thưởng tho người tới báo và lập tức diện quần áo chỉnh tề đi dự yến tiệc. Ngày hôm sau vội vàng đến bái lạy quan giám khảo Mạc Lão Tổ và tạ ơn quan chủ khảo. Rồi mở tiệc ăn mừng, khách khứa đông nghịt ồn ào náo nhiệt. Quả là giàu sang phú quý không ai bằng. Quả là:

*Nhà đông sầu thăm nhà tây hát,
Cùng một ông trời sao khác nhau.*

Lại nói Từ Bằng Tử xem yết bảng trở về, vô cùng đau đớn, đôi chân anh bước đi tựa ngàn cân, bước không qua nổi bậc cửa. Vương thị chờ tới lúc mặt trời lên cao cũng chẳng thấy tin tức gì, biết chắc không ăn thua. Một mình buồn trong nhà buồn rười rượi. Vào nhà chồng không nhìn mình, biết anh chẳng còn vui thú gì nữa. Từ Bằng Tử ngồi cạnh vợ thở dài thườn thượt, oán trời giận đất, đập bàn đập ghế, chửi quan giám khảo là đồ mù, không biết thế nào là văn chương hay dở. Rồi cứ nói một mình như ma ám. Nhà anh có một đứa ở tên là Xuân Anh, tuổi chừng mười sáu mười bảy, người cũng trắng trẻo sạch sẽ. Từ Bằng Tử coi nó như một món nhắm ngon, đôi khi cũng nếm thử. Vương thị tuy không ghen lồng ghen lộn, song thấy việc ấy cũng chẳng ra thể thống gì cả, nên có khi cũng răng đe

Xuân Anh một vài câu, đó cũng là lẽ thường tình. Vài hôm nay ông bà chủ lo lắng buồn rầu, Từ Bằng Tử thì hết ra lại vào, đang ngồi không yên, trách móc chửi mắng, xô bàn đập ghế, không khí gia đình hết sức nặng nề. Vương thị muốn an ủi chồng, song trong lúc gia đình đau buồn, không sao cất lời lên được. Dầu có nói thì lời lẽ lại bộc trực, sợ rằng không những không khuyên giải được mà lại càng như lửa đổ thêm dầu. Nên Vương thị đành nín nhịn và thường bảo Xuân Anh hầu hạ chàng. Song ngờ đâu Từ Bằng Tử dùng dùng nổi giận, làm sao mà hiểu nổi? Ngay một người đẹp như hoa như ngọc mà Từ bằng Tử mê đắm, thì giờ đây chàng ghét bỏ. Không trông thấy thì thôi hễ trông thấy là hạch sách, rồi chửi toáng lên, tức khí còn đuổi theo đá cho mấy cái mới yên. Thấy chồng chửi bới gắt gỏng, Vương thị nghĩ rằng Vương Anh không ý tứ giữ gìn, mà xúc phạm đến anh, nên không thể không nói cho Xuân Anh một vài câu.

Đúng là trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết. Tuy thế Xuân Anh vẫn không oán hận, chỉ có điều không chịu nổi sự giằng hắt của hai người, cô khóc đỏ mắt, suốt ngày chẳng khác nào nữ tú tài thi trượt. Một hôm Từ Bằng Tử đang buồn rầu ủ rũ, thì bạn bè trong trường đưa đến tập bài làm của năm thí sinh đỗ đầu Bằng Tử vội mở ra xem, nghĩ: "Bài của giải nguyên cũng không hay bằng bài của mình". Sau đó xem đến bài người đỗ thứ ba là Đinh Toàn. Anh đọc thuộc lòng từ mở đề, kinh ngạc nói:
- Bài văn này là của tôi.

Tiếp đó anh đọc bài thứ hai, thứ ba cho đến thứ bảy, giống bài của mình không sai một chữ. Anh nghĩ "Bài làm của mình hôm ấy lẽ nào do ma quỷ làm cho mình ư? Sao mà giống nhau đến thế, hay là mình ngồi gần anh ta, nên anh ta nhìn trộm bài của mình rồi chép vào. Ngay dù có chép trộm đi chẳng nữa thì cũng khó tránh khỏi sai một chữ nào". Anh kinh ngạc và ngờ vực: "Đúng rồi, đúng rồi, ta phải đi tìm lại bài của ta, đối chiếu xem giám khảo phê thế nào". Anh tới ngay nơi lưu giữ những bài thi trượt, tìm sổ báo danh, tìm đi tìm lại, song chẳng thấy đâu. Sợ rằng bài thi của anh lẫn vào trường khác, anh lại tới Hàng Châu tìm, song vẫn không thấy bài của mình.

Anh trở về với tâm trạng hết sức ngờ vực. Vừa về tới cửa thì thấy một người say rượu đi tới, đứng lại nhìn thì thấy:

*Hai mắt lờ đờ,
Mồ hôi nhuế nhai,
Chân đi bước thấp bước cao,
Chẳng khác nào con rối.
Quần áo xộc xà xộc xệch
Như người giấy đèn cù.*

Tới gần thì đó là Bạch Nhật Quỷ. Từ Bểng Tử nói:

- Mấy hôm nay không thấy anh, mời anh vào uống nước.
- Đã gặp nhau, lẽ nào đi qua cửa mà không vào.

Từ Bểng Tử đón anh vào nhà, nói:

- Uống rượu ở đâu về mà say như thế?
- Tôi đánh chén ở nhà quý nhân mới.
- Nhà ai thế?
- Nhà ông Đinh Hiệp Công.
- Không nhắc tới Đinh Toàn thì thôi, mà nhắc tới Đinh Toàn thì thấy một chuyện rất kỳ lạ.
- Chuyện gì mà kỳ lạ thế?
- Bài của Đinh Toàn giống bài của tôi không sai một chữ, không biết hẳn có thủ đoạn thần thánh gì mà ghê đến thế.
- Lẽ nào lại có chuyện ấy?
- Nếu anh không tin tôi lấy cho anh xem.

Từ Bểng Tử đứng dậy đi vào trong, rồi gọi Xuân Anh rót nước mời ông Chu. Mấy hôm bị đánh chửi, Xuân Anh vội vã rót nước mang ra. Từ Bểng Tử đi tìm bài thi, tìm mãi mà không thấy anh lục lọi hết mọi nơi, mới tìm thấy dưới gối của mình, lật đặt mang ra. Bạch Nhật Quỷ đang ngồi trên ghế ngáy khò khò. Từ Bểng Tử lay dậy, nói:

- Anh Chu xem này.

Bạch Nhật Quỷ cầm lấy, nói:

- Đây là năm bài thi đỗ đầu bảng, tôi xem lâu rồi. Vậy xin hỏi bài của anh hiện ở đâu?

- Chính vì thế mới lạ chứ. - Từ Bằng Tử nói. - Tôi tìm tất cả những bài đánh trượt nhưng không thấy bài của tôi, đây là một việc tệ hại đáng ngờ. Tôi định đến ban giám khảo tố cáo, để một là làm rõ sự tệ hại này, hai là để hả nỗi uất hận của tôi.

- Nếu bài của anh còn thì mới có thể đối chứng. - Bạch Nhật Quỷ nói. - Nếu không tìm ra là do ghen ghét mà gây sự. Theo tôi khó mà xoay chuyển được.

Hắn chào một tiếng rồi đi thẳng.

Vốn là bài Từ Bằng Tử, Trần Hữu Tân cắt phách đưa cho

Đinh Hiệp Công chép rồi giấu đi rồi. Bạch Nhật Quỷ thừa biết việc này nên nói thế dọa Từ Bằng Tử. Lúc ấy vì Từ Bằng Tử chột tức giận mà nói thế thôi, chứ đi kiện chưa chắc đã thắng. Nào ngờ Bạch Nhật Quỷ coi đó là một chuyện cơ mật vội vàng về báo cáo ngay với Đinh Hiệp Công.

Đúng là:

Gặp người thì nói cho hả giận,

Biết gian cũng chẳng trị được đâu.

Đinh Hiệp Công lúc ấy cũng hoang mang, hỏi Bạch Nhật Quỷ:

- Việc này làm thế nào cho ổn thỏa, tôi phải đến ngay ban giám khảo Mạc Công Tổ để cầu cứu, còn lão Từ thì mong anh chú ý theo dõi hành động của hắn. Tôi sẽ hậu tạ chứ không dám quên ơn.

Bạch Nhật Quỷ gật đầu nhận lời.

Lại nói Từ Bằng Tử, vì thi cử không toại nguyện nên hôm ấy dậy muộn. Mặt trời lên cao mà không thấy Xuân Anh mang trà tới. Anh gọi không thấy thưa, bèn vào phòng Vương thị hỏi:

- Xuân Anh đi đâu rồi?

- Từ sáng đến giờ tôi cũng không thấy nó, anh gọi lại xem sao.

Hai người đi tìm khắp lượt, mà vẫn không thấy bóng dáng Xuân Anh đâu cả. Vương thị nói:

- Mấy hôm nay anh đánh chửi nó ghê quá, có thể nó theo người khác rồi.
- Nó ở với ta từ khi còn bé, nó biết đi đâu, hay nó về nhà mẹ. Tôi phải tới đó tìm xem sao.

Thế rồi Từ Bằng Tử thu xếp đến nhà mẹ đẻ Xuân Anh. Mẹ Xuân Anh nói:

- Không thấy nó về nhà, xưa nay nó có về một mình bao giờ đâu, nó không biết đường, lẽ nào hôm nay nó lại về một mình.

- Nếu nó không về, - Từ Bằng Tử nói, - thì tôi nhờ bà đi tìm giúp.

Mẹ nó nhận lời. Thế là Từ Bằng Tử về nhà nói với vợ:

- Xuân Anh không về nhà với mẹ đẻ.

- Lạ nhỉ, thế thì nó đi đâu?

Nói chưa dứt lời thì thấy bên ngoài có tiếng chửi rủa ầm ĩ:

- Đang lúc thanh bình thì có kẻ giết người giấu xác đi, hãy mau mau đem trả con cho ta. Nếu không ta bắt hai đứa chúng mày phải đền mạng.

Từ Bằng Tử đứng cửa nhìn ra, thấy bố mẹ Xuân Anh dẫn đến rất nhiều người, chửi bới đập phá lung tung. Từ Bằng Tử tức lộn ruột, bước ra chửi:

- Sao các người trắng trợn, ngang ngược như thế, con gái người ở cho ta đã nhiều năm, ta giết nó để làm gì? Tại sao các người ăn nói càn rỡ đến thế.

Cha Xuân Anh sấn tới tố tụng Từ Bằng Tử, chửi:

- Mày là thằng càn rỡ, sống phải trả người, chết phải trả xác. Dù cho mày là ông gì chẳng nữa mày cũng phải đền mạng.

Thấy tình thế gay go Từ Bằng Tử bèn lui vào , chỉ bọn người này nói:

- Không cần phải vội, ngày mai ta phải kiện bọn vô lại các người lên huyện cho các người biết tay.

Bọn người này thấy Từ Bằng Tử đi vào, họ đứng ngoài chửi bới, đập cửa thành thành một lúc lâu rồi về.

*Phiền nào sao bồng dưng ập đến,
Khiến người ta phút chốc bạc đầu.
Dù anh có ngồi nhà, đóng cửa,
Tránh sao kẻ ném đất giấu tay.*

Từ Bằng Tử phẫn uất nói với vợ:

- Bọn đáng ghét này, hãy chờ ta làm đơn đưa lên huyện, trị cho chúng một trận.

- Anh đang bức bối cũng không nên làm điều ác với họ làm gì, hãy dần dà tìm ra manh mối, lúc ấy sẽ bịt mồm họ lại.

Từ Bằng Tử chỉ nói thế thôi chứ hơi sức đâu mà làm chuyện ấy. Sáng hôm sau nghe thấy người trên huyện về gọi. Từ Bằng Tử ra thì thấy hai người mặc áo xanh hỏi:

- Các anh ở đâu tới?

- Chúng tôi là người do quan hình sảnh họ Mạc sai tới.

- Có việc gì thế, Từ Bằng Tử hỏi.

- Đây là việc có liên quan đến nhân mạng nên chúng tôi tới mời ông.

Nói xong họ đưa trát cho Từ Bằng Tử. Trên tờ trát ghi rõ bố mẹ Xuân Anh tố cáo Từ Bằng Tử giết người. Chưa xem hết anh tức đến run lên, miệng không nói nên lời. Một lát sau mới nói:

- Thưa các vị xin hỏi, sáng sớm mai tôi đến gặp quan lớn có được không?

Hai người ấy sẵn đến túm áo nói:

- Làm gì mà được tự do như thế. Đây là việc liên quan đến nhân mạng, lại còn ra vẻ ông tướng. Ông lớn đang chờ tại sảnh đường, phải đi ngay.

Thế rồi họ lôi Từ Bằng Tử đi. Thấy mất thể diện, không còn cách nào Từ Bằng Tử đành phải đi theo. Về tới cửa dinh họ lập tức thưa:

- Bẩm ngài, đã bắt hung thủ tới.

Quan phủ họ Mạc lập tức lên công đường, nói:

- Phạm nhân quỳ xuống.

Từ Bằng Tử sao chịu được sự nhục nhã như thế. Anh cứ đứng sừng sững, mắt trừng trừng nhìn lên, giận sôi máu như muốn cãi nhau với quan phủ, quan phủ họ Mạc nói:

- Người bảo người là thư sinh trúng tuyển ư? Trước mắt ta người có quỳ không? Người phải biết rằng tính mạng có quan hệ đến trời không?

- Căn cứ vào đâu mà ngài bảo con giết người? Ngài là quan lớn sao ngài lại đồ riệt cho con?

Câu nói ấy đã động chạm tới lòng dạ thâm kín của quan phủ họ Mạc, quan phủ dùng dùng nổi giận, quát:

- Người là tú tài ta không xử được người ư?

Thế rồi ông gọi tay chân giam Từ Bểng Tử vào ngục ngày mai thẩm vấn. Lập tức bảo thư lại lập văn bản trình lên học đạo. Đúng lúc ấy học đạo tại đó xem cử nhân mới trực tiếp lễ tạ. Quan phủ họ Mạc lập tức cho lệnh vào gặp rồi nói thẳng với học đạo, quan học đạo phê ngay vào văn bản: " Cần xóa tên Từ Tất Ngộ ngay". Hôm sau quan phủ họ Mạc đưa Từ Bểng Tử ra thẩm vấn:

- Văn thư của học đài đang ở đây, quyền thi cử của người đã bị tước đoạt, người còn cứng đầu cứng cổ ư? - Rồi ông quát. - Đánh

Bọn nha lệ chẳng nói chẳng rằng, lôi Từ Bểng Tử đánh ba mươi gậy. Quan phủ họ Mạc nói:

- Nhân mạng chưa tìm ra, ta hạn cho người trong ba tháng phải tìm ra Xuân Anh, nếu không thì người phải đền mạng, người đừng trách ta.

Thế rồi ông ta tống Từ Bểng Tử vào nhà giam, chẳng cho nói lấy nửa lời. Sai nha lôi Từ Bểng Tử vào nhà giam.

Đúng là:

*Trời quang mây tạnh nghe sét đánh,
Trong chén tìm đâu thấy rắn bò.*

Từ khi đỗ cử nhân, Đình Hiệp Công ngày nào cũng tiệc tùng ăn uống. Lại được quan phủ họ Mạc ra sức giúp đỡ, hễ càng ngày càng lên mặt. Hễ tạ ơn Bạch Nhật Quý rất hậu, từ đó hễ chuẩn bị lên kinh thi Hội. Nghĩ rằng trên đường từ Nam Kinh tới Hoài Dương có mấy người quen biết làm quan, nhân thể hễ tạt vào bầu víu. Hễ nghĩ, bây giờ ta là cử nhân mới, tiếng tăm lừng lẫy, khác hễ với tú tài trước đây, chắc chắn rằng họ phải cung phụng mình thoải mái. Lộ phí trên đường tới kinh đô không cần phải bỏ tiền túi nhà mình. Chuẩn bị xong xuôi, hễ chọn ngày tốt lên đường. Trên tấm biển hễ cho khắc hai chữ "thi hội", trên đèn lồng hễ cũng đề quan hàm mà khảo thí ban cho hễ. Hễ mang theo hơn mười người phục dịch, đều quần áo mới, cưỡi ngựa tốt. Trên đường dáng vẻ rất oai hùng. Đúng là:

*Chưa thấy sắc xuân vườn Thượng Uyển,
Ngắm nhìn khách điểm mấy nhành hoa.*

Họ tới Nam Kinh thì trú tại chùa Thừa ân. Đầu tiên hẳn tới bái kiến Thị lang bộ Lại là người đồng khoa với cha hẳn. Thị lang mừng rỡ, mời rượu rồi gởi mấy phong thư nói với các nha môn giúp đỡ hẳn. Hẳn càng trở nên ngạo mạn nói:

- Ngài Thị lang bộ Lại rất chiều chuộng nịnh nọt ta, chẳng qua ta là cử nhân nổi tiếng mà thôi.

Bởi thế hẳn càng ngênh ngang ngạo nghễ đi lại trên đường phố Nam Kinh. Nay dạo chơi vườn hoa, mai yếm ảm, hết cô này đến cô khác. Người lớn trẻ con thành Nam Kinh ai mà chẳng biết cử nhân Đình công tử là người thân quen của ngài Thị lang bộ Lại. Không ngờ con của quan chủ khảo đạo Giang Tây họ Kim, người Chiết Giang cũng đỗ cử nhân. Người cử nhân này cũng đi thi hội qua đây, cũng đến nhờ vả quan ngự sử, trước sau hẳn đã mượn quan tới hơn một ngàn lạng mà vẫn chưa đi. Đang lúc quan ngự sử chưa biết làm thế nào để thoát khỏi sự phiền toái này thì bỗng nhiên nhận được một phong thư của ngài Kim ở Chiết Giang. Ngài ngự sử thành Nam Kinh bóc thư ra xem thì quả nhiên đúng là chữ của thầy mình. Cuối thư có viết thêm một dòng: "Thằng nhỏ nhà tôi cũng may mắn được đi thi hội, nó vội vàng đi thuyền tới Bắc Kinh rồi, không tới chào và đưa lá thư này cho ông được. Ra giêng cháu về sẽ đến thăm ông".

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 20 (C)

Ngự sử ngó người ra nghĩ: “Xem ra công tử Kim đến nhờ vả mình là công tử giả”. Ông lập tức ra lệnh sai nha bắt ngay cử nhân giả ấy. Sai nha cầm lệnh tức tốc đi ngay. Tới nơi thì quả nhiên cử nhân Kim cũng ở chùa Thừa Ân, sai nha vào chùa hỏi:

- Cử nhân họ Kim người Chiết Giang trú ở phòng nào?

Người ấy nghe nhầm, nói:

- Cử nhân Đinh ở phòng thứ mười.

Sai nha như hùm sói xông vào. Đúng lúc Đinh Hiệp Công ăn mặc chỉnh tề đi dự tiệc. Sai nha quát:

- Thằng này giả cử nhân để lừa người.

Đinh Hiệp Công ngẩng đầu lên nhìn, thì thấy năm bảy sai nha. Nghe họ nói là cử nhân giả, có tật giật mình, như sét đánh ngang tai, bụng định nói nhưng miệng cứng lại, tim đập thình thình. Mặt tái xanh tái nhợt, hai hàm răng run lập cập. Thấy thế sai nha càng hung hăng, lấy ngay một chiếc thùng . tròng ngay vào cổ. Những người nhà đi theo cho rằng nhà họ Từ ở Nam Kinh kiện nên quan sai người tới bắt. Họ trốn chạy tán loạn. Những sai nha này ghi lại những hành lý mang theo, giao cho hòa thượng, chờ quan phân giải, khóa tay Đinh Hiệp Công giải về nha môn. Đúng là:

Xưa nay giả dối đều tui nhục,

Ngông cuồng vẫn là họa phong lưu.

Vàng ròng ngọc quý là vô giá,

Cú vạ làm sao sánh phượng hoàng.

Đinh Hiệp Công bị nhục, vì hãnh sống ngông cuồng. Cho nên, những người quân tử có học vấn chân chính hoàn toàn không sống như thế. Những sai nha này định giải Đinh Hiệp Công qua đường, có ai đó hỏi, họ đều bảo đây là cử nhân giả, chứ họ cũng chẳng nói là họ Kim hay họ Đinh. Đinh Hiệp Công cứ đinh ninh đổ cho Từ Bằng Tử và cũng chẳng còn lòng dạ nào nghĩ

tối giả hay thật. Giải tới nha môn, thì đúng vào lúc ngục sử đi dự tiệc, đành phải tống vào nhà tạm giam, ở đó chỉ có một manh chiếu cói, cũng chẳng có người nhà nào đi theo, chẳng ai đưa cơm cho nước, hăn đói hoa cả mắt, đành cởi chiếc áo ngoài đưa cho người đầu bếp cầm lấy mấy đồng mua cơm lót lòng. Cả đời hăn vênh vang ra vẻ ta đây, đã bao giờ chịu khổ thế này đâu. Rất may là hăn mang theo một người quản gia già tên là Lai Đắc, là người hầu hạ cha Đình Hiệp Công. Người này thường đi theo ông tới nhiệm sở nên cũng có hiểu biết đôi chút. Lai Đắc nghĩ: "Việc này nếu do Từ Bằng Tử gây ra thì vị ngục sử họ Mạc làm quan giám trường của bản tỉnh không thể giữ được. Nếu Từ Bằng Tử tới tận Nam Kinh kiện thì vụ kiện này sẽ liên lụy tới nhiều người, ngài hình sảnh họ Mạc cũng không thể gỡ được. Nhưng tại sao ta đi lại đây nhiều mà không gặp một người quen nào? Việc này thật đáng ngờ, nhà không có ai vi phạm thì sợ gì. Hơn nữa gia chủ đã bắt đi rồi mình là kẻ hầu người hạ thì trốn không nên. Thế rồi Lai Đắc đánh liều đi nghe ngóng xem sao. Ông ta đến cửa nha môn hỏi:

- Hôm kia ngài bắt Đình cử nhân về việc gì thế?

Người ấy đáp:

- Người bị bắt là cử nhân giả, họ Kim chứ không phải họ Đình. Hăn giả làm công tử của ngài chủ khảo họ Kim, tới đây vay mượn. Ông là ai hỏi làm gì?

- Tôi cũng là người ở địa phương này. - Lai Đắc nói. - Nghe thấy ông lớn bắt hăn, hăn cũng đã lừa tôi, tôi đến hỏi cho rõ, ngày mai đến ông lớn cáo giác để đòi lại.

- Té ra là như thế. - Người ấy nói. - Cử nhân giả này vẫn chưa xử, trong nội ngày nay phải gặp, nếu ông muốn tố cáo thì ngày mai đến hầu là được. Đúng là:

Người ta chẳng biết ai khôn dại,

Chỉ cần nghe ngóng, nắm thời cơ.

Lai Đắc biết rõ sự thực, quay về, nghĩ: "Ta đoán không sai, may mà chưa gặp quan, nếu không thì bị nhục. Bây giờ ta chưa cần gặp ông ấy vội, mà phải tới ngay ngài Thị lang họ Lại để bẩm với ngài việc này. Xin ngài lá thư đưa ông chủ ra khỏi nhà tạm giam, thì càng có thể diện". Thế là Lai Đắc tới, gặp quan Thị lang. Ông kinh ngạc, lập tức viết thư sai người đưa

cho quan ngự sử. Nhận được thư, quan ngự sử thấy khó nghĩ, gọi ngay những sai nha đi bắt tới, đánh cho mỗi người bốn mươi gậy, quát:

- Đồ cơm toi, cử nhân không bắt đi bắt cử nhân thật. Không sao thì thôi, nếu xảy ra rắc rối, thì tội sẽ đổ lên đầu chúng bay. Hãy mau mau thả ông ấy ra.

Ngự sử nghĩ: "Vị cử nhân mới này là con nhà gia thế, lại có chỗ dựa vững chắc là ngài Thị lang bộ Lại, nếu được thả ra, ông ta quyết chẳng chịu đâu. Việc không những sẽ làm cho ta mất thể diện, mà có khi lại làm trở ngại đến việc thăng quan tiến chức của ta chứ chẳng chơi. Ta phải nghĩ cách, trước hết hãy chẳng đứng chuyện này". Một lát sau, ông "à" lên một tiếng phải rồi". Lập tức ông sai thư phòng viết mấy tờ cáo thị, nhanh chóng đưa tới các chùa, nói rằng, nếu như cho khách ở kiểm lời thì cả tăng ni đều phải cùm ba trăm cân trong ba tháng. Sau đó lại viết một bức thư gửi cho Thị lang bộ Lại biết việc này. Thị lang bộ lại thấy ông đã làm đến mức ấy, lại giữ thái độ kính trọng ông. Biết rằng việc đó là do ông ta, song nếu xảy ra rắc rối giữa hai nha môn thì thật là đáng sợ. Sau đó ông cho viết một tờ thông cáo cấm chỉ du khách, dán ngay trước cổng. Đúng là:

Không muốn mở cửa,

Mong thoát búa rìu.

Tuần hoàn báo ứng,

Nhân quả, không sai.

Những sai nha này cùng đến mở cửa nhà tạm giam, làm ra vẻ khó dễ, cố ý trêu chọc, rồi thả Đinh Hiệp Công ra. Tuy được thả ra, song Đinh Hiệp Công cũng không biết nỗi oan ức này do đâu, hăn cúi đầu buồn bã lùi thui đi về chỗ ở. Trên đường đi gặp ngay Lai Đắc. Lai Đắc hỏi:

- Tướng công, ông được ra rồi à?

- Ông đi đâu về? - Đinh Hiệp Công hỏi.

Lai Đắc kể hết đầu đuôi việc bắt lầm người, mình dò la ra việc ấy rồi đến nói cho ngài Thị lang bộ Lại biết, được ngài viết thư cho quan Ngự sử mới xong việc. Đinh Hiệp Công nói:

- Việc này làm ta rất tức giận, về tới chỗ ở thu xếp xong xuôi sẽ bàn bạc tìm cách, tới ngài Thị lang bộ Lại lần nữa để ngài trị cho quan Ngự sử một trận.

Hai người về tới chùa Thừa Ân, hòa thượng đã khuân đồ đạc hành lý của họ ra ngoài rồi đóng cửa lại và cũng không biết họ đi đâu. Ngoài cửa chùa dán một tờ cáo thị đuổi khách. Biết không thể dừng lại đây được nữa, họ cho một người giữ hành lý rồi cùng Lai Đắc tới dinh quan Thịlang bộ Lại, tới nơi thì thấy trước cửa cũng dán một tờ thông cáo đuổi khách. Họ nói với người canh cửa, người canh cửa không dám vào bẩm. Lai Đắc bước tới gõ cửa, Đình Hiệp Công nói:

- Làm thế thật là bất nhã, không nên làm ông giật mình. Một cử nhân mới tinh chịu nhục, thì nhất định là con đường thăng tiến sẽ có chút long đong. Thật là điềm thẳng lành, cũng chẳng còn mặt mũi nào nghênh ngang tại Nam kinh nữa, hãy mau mau trở về thu xếp hành lý lên đường, thi hội xong sẽ tính chuyện.

Lai Đắc nói:

- Ông nói thế là phải.

Đúng là:

Tự quét tuyết trước cửa

Đừng cố di dò dầy

Sau này chớ sai sót

Đã đi đường vẫn vương.

Ngay hôm ấy họ thu xếp hành lý, qua sông Dương Tử tới Phố Khẩu, đáp xe ngựa đi Bắc kinh. Chỉ có Đình Hiệp Công là chẳng vui vẻ gì, hăn nghĩ: "Ta cho rằng Từ Bằng Tử trả thù, nếu quả đúng như vậy thì bị nhục như thế cũng không phải là quá đáng. Nhưng không biết vì sao lại bị vu cáo? Qua việc này xem ra thì nhất định ta không thể không đỗ tiến sĩ. Lặn vào kinh này, dù có lên trời hay xuống biển ta cũng phải đỗ tiến sĩ để khỏi bị kẻ khác đè nén, rồi sau đó trả thù cũng không muộn". Từ đó, trên đường đi hăn chỉ nghĩ mưu kế để đỗ tiến sĩ chẳng mấy chốc đã tới Bắc Kinh. Tìm được chỗ ở, hăn đi suốt ngày, la cà hết nơi này tới nơi khác, gặp gỡ khách khứa, vui chơi yến ẩm, chẳng lúc nào nhòm ngó đến sách vở. Ngờ đâu hăn là người giáo hoạt khôn khéo, luồn lọt mọi góc ngách, hơn nữa về trường ốc hăn lại thông thuộc, không bị người ta lừa dối. Rồi tự nhiên hăn lọt qua tam trường, không ngờ đến ngày yết bảng hăn lại đỗ tiến sĩ vào loại cuối bảng.

Tin đồn báo về nơi hãn trợ, như thế là hãn đã toại nguyện lắm rồi. Hãn bèn viết thư về nhà báo tin. Nhà hãn ồn ào náo nhiệt hẳn lên. Tới khi thi Đình hẳn lại đỗ tam giáp, thuộc hàng tri huyện. Tại Bắc Kinh, ngày nào hãn cũng ngựa xe võng lọng, mặt mày hớn hờ tới Quan chính nha môn(1) và ở ngay Bắc Kinh chờ tuyển dụng. Đúng là:

(1) Quan chính nha môn: cơ quan xem xét chính tích những người đỗ. (ND)

Một phút lên tận mây xanh,

Mấy ai vui tới bạc đầu.

Lại nói Từ Bằng Tử bị quan tri phủ họ Mạc khống chế, không sao mở miệng, con đường công danh cũng bị chặn đứng nằm trong nhà lao chịu hình phạt buộc anh phải đền mạng Xuân Anh. Dưới trướng người khác buộc anh phải cúi đầu. Vương thị phải cầm áo, bán vòng, ngày ngày lo cơm nước cho chồng. Tri phủ họ Mạc tác oai tác quái, ai dám đến nơi khác kêu oan, anh đành chịu chờ chết. Bị giam trong ngục rông rã ba năm trời, đến khi tri phủ họ Mạc được thăng quan, đi nhậm chức ở nơi khác, Từ Bằng Tử mới gửi thư cho vợ, bảo vợ bán nhà nhờ một người có danh vọng lớn cứu mình. Vương thị vội vàng viết tờ thông báo bán nhà, rồi dán ngay trước cửa. Rất may ở đó có một ông quan đã nghỉ hưu, vừa thôi giữ chức tuần phủ Bắc Trục. Người mới về nhậm chức tri phủ lại là học trò của ông. Vương thị nhờ người nói với ông. Ông bảo:

- Đã có nhà thì đừng bán cho người khác, hiện ta cũng muốn mua nhà để cho các công tử có nơi xem sách. Tôi sẽ bảo môi giới tính toán tiền, rồi chỉ đưa số tiền ấy cho tôi để tôi đi nói giúp, tôi đảm bảo chắc chắn anh ấy sẽ được tha.

Wương thị vô cùng mừng rỡ, dọn ra ở gian nhà còn để không phía sau. Rồi đưa tờ văn tự cho viên quan ấy. Thế rồi ông lập tức gửi thư cho quan tri phủ. Xem thư xong, quan tri phủ thấy vụ án này không có căn cứ, nghe theo lời thầy, tri phủ liền thả Từ Bằng Tử ra khỏi nhà giam. Đúng là:

Trong Ni làm lữ khách,

Văn Vương phải trốn đời.

Số phận đã qua rồi,

Uống thuốc bèn khỏi bệnh.

Từ Bểng Tử ra khỏi nhà giam, hai vợ chồng ôm nhau òa lên khóc. Từ Bểng Tử nói:

- Không biết đưa ở trốn đâu để ta phải khổ mất năm trời.

Kiếp trước mình với lão Mạc có thù oán gì không mà lão đã nói với cha mẹ Xuân Anh bắt ta phải đền mạng. Nếu lão không thả quan, thì lão bắt ta chết rũ trong nhà tù.

- Đời bây giờ kể gì đến đạo lý. - Vương thị nói. - Thôi thì anh dẹp bỏ cái tính tự tôn của anh đi để mà sống thôi.

Từ Bểng Tử bị chặn đứng con đường tiến thân mà cũng chẳng muốn sinh sự, song anh không sao dứt bỏ được bản lĩnh của mình. Anh đành bàn với vợ mở một lớp dạy trẻ kiếm sống. Thế rồi ông nói với ông già hàng xóm, ông nói:

- Lệ mới ngày nay khác rồi, muốn tìm được học trò thì trước hết hãy chuẩn bị một ít giấy mời, đi mời những ông bố đến bàn thì mới được. Tôi sẽ đi mời giúp, nhưng anh chị cũng chuẩn bị ít tiền để đãi khách.

- Ông nói phải đấy. - Từ Bểng Tử nói.

Thế rồi anh bàn với vợ bán chiếc áo khoác vợ đang mặc, được hai đồng mua một ít rượu và thức nhắm, rồi nhờ ông già hàng xóm đi mời giúp. Quả nhiên, vừa mời đã có mười bảy mười tám ông bố đến. Người thì bán rau, áo cũn cốn, đòn gánh tre đè nát hai vai; người thì làm ruộng, chân dính đầy bùn, người làm nghề bói toán, ngồi vuốt râu mồm thở ra thối hoắc, người thì làm nghề thầy thuốc, chẳng biết phân biệt thương truật, sinh trần (hai vị thuốc bắc), người thì làm nghề mối lái thì nói chuyện đông dài nhà nọ nhà kia, người đốt than thì mặt mũi chân tay nhem nhuốc, người làm bếp khắp người sức nước mùi hành, người làm lính lệ thì ngồi tót lên ghế cao, người làm lý trưởng thì khăn áo chỉnh tề.

Mấy vị ấy uống rượu xong bằng lòng cho mở lớp, tất cả có mười bảy mười tám học trò, lương thầy chỉ được mười hai lạng, họ sẽ thay nhau nuôi cơm. Anh chọn ngày tốt mở lớp. Hôm khai trương, lớn bé có mười một mười hai đứa. Anh lại nhờ ông già hàng xóm đi mời những học sinh vắng mặt. Khi trở về ông nói, những nhà này cơm chẳng có mà ăn lấy đâu ra tiền trả thầy. Người thì bảo là con ốm, kẻ lại bảo là con còn nhỏ, đường xa không đến

được. Tính ra lương chỉ độ bảy tám lạng. Không còn cách nào khác, Từ Bểng Tử đành phải dạy.

Trong lớp, chỗ này dạy "Thiên tha huyền hoàng", chỗ kia hỏi "Triệu Tiền Tôn Lý". Đứa lớn thì mang theo gói đất màu đỏ đứa bé tập viết thì khóc vì không có giấy mực. Thay nhau nuôi thầy thì cơm trên là của cải, dưới là tội hành, hễ nhắc roi lên là chúng kêu cha kêu mẹ. Suốt ngày anh rất cố bồng hòng vì lũ học trò.

Từ Bểng Tử dạy được hai tháng, bảo họ chi tiền lương cho vợ thầy mua gạo, thì mọi người đều khát đến mùa. Khi họ gặt về lại cho người đi đòi, thì có người mang bột mì, có người mang dưa hoặc rau đến rồi trừ vào tiền lương của thầy, đi mòn cả ngõ mà cũng chỉ thu được ít tiền rách nát. Bước sang tháng sáu học sinh bỏ học quá nửa, họ nói là trời làm đại hạn, nhà không có ăn lấy tiền đâu mà thuê thầy. Từ Bểng Tử dạy bốn năm đứa trẻ lớn nhỏ, chân tay đầy bùn đất thì sao mà sống nổi, anh đành dứt khoát thôi không dạy nữa. Từ đó cuộc sống Từ Bểng Tử càng ngày càng khốn đốn.

Cơm lạnh canh sương bữa có bữa không.

Khăn rách giày thủng, nửa kín nửa hở

Mặt búng da chì,

Chân tay ghét gúa.

Gặp người chẳng nói chẳng rằng.

Nhìn bóng, thở dài than ngắn.

Ai bảo là tú tài bụng chữ hàng bồ

Ai bảo đã từng phong lưu công tử

Từ Bểng Tử như người mất hồn, chẳng ai thèm để ý tới. Một hôm anh lúi thủi đi trên đường, bỗng có một người hỏi:

- Từ tiên sinh đi đâu thế?

Từ Bểng Tử ngược nhìn thì đó là Thúc Tự, người Vệ Lý trước đây cũng có con đến học anh. Bểng nói:

- Chẳng có việc gì đi quanh quẩn cho đỡ buồn.

- Sau khi thôi không dạy học, anh đã tìm việc gì làm chưa?

- Chưa.

- Có một lớp học xa, không biết anh có chịu không?

- Thế thì tốt quá kể chi xa hay gần.
- Nếu chịu đi xa thì tôi sẽ nói giúp.

Chỉ huy Vệ Lý áp tải lương vào Kinh. Muốn tìm một người giúp việc. Song nha môn này không có việc gì ghê gớm lắm, cũng không cần người học vấn thâm, chỉ cần người đọc thông viết thạo để ghi sổ sách. Mỗi năm trả lương ba mươi lạng, tạm ứng trước một nửa, số còn lại tới nơi sẽ trả nốt. Nếu anh chịu đi thì tôi đảm bảo với anh chắc chắn là được.

- Thế thì tốt quá. - Từ Bằng Tử nói. - Phiền anh giúp cho tôi xin hậu tạ.
- Tôi tới đó nói rồi sẽ báo lại cho anh. - Người ấy nói.

Vệ quan vốn đã biết tiếng Từ Bằng Tử, nay có người đến nói ông rất vui mừng, lập tức sai người đi mời Từ Bằng Tử để thưởng lương. Ông đưa trước cho Từ Bằng Tử nửa số tiền lương mang về. Hôm sau lại mời anh tới uống rượu hẹn ngày lên thuyền. Từ Bằng Tử vui mừng khôn xiết, số bạc ấy anh đưa cho Thúc Tự ba lạng để tạ ơn, và mua hai bộ quần áo vải, còn bao nhiêu đưa hết cho vợ ở nhà chi dùng. Từ Bằng Tử lên thuyền cùng họ reo hò nhổ neo. Đúng là:

Nhà nghèo chưa sạch nợ,

Được nhà giàu đãi cơm.

Từ Bằng Tử lên thuyền lương, được ăn uống no đủ. Trên thuyền vô sự, anh thầm nghĩ: "Quan áp tải lương có việc thì đi hết việc thì về, ta cùng ông tới Bắc Kinh, khi trở về có thể ông không dùng mình nữa. Đến đấy nếu có cơ hội mình nhờ một người nào đó tiến cử làm người giúp việc cho một viên quan to nào đó thì tốt biết mấy. Chưa biết chừng người quen ở Chiết Giang nhiều, mình ra sức giúp việc cho họ, có thể sống được thế thì còn lo nghĩ gì nữa". Càng nghĩ anh càng thấy phấn chấn. Chưa đầy một tháng thì thuyền đến Lâm Thanh. Đây là một bến cảng lớn, không thể không thả hương cúng phúc thần. Viên quan vận lương ấy thưởng một bữa rượu, mọi người vui vẻ ăn uống thỏa thích. Vì quá chén say mềm, quên không tắt đèn, lửa bén vào mũi thuyền mà không ai hay hết, đến khi lửa bốc to nổ lốp đốp lan ra khắp thuyền, lúc ấy mọi người mới chợt tỉnh, kêu gào kinh thiên động địa. Từ Bằng Tử tỉnh dậy thì lửa cháy đến tận chỗ nằm, anh vùng dậy, quàng quàng vợ vội quần áo nhảy phốc lên bờ rồi mặc vào. Gió to lửa cháy

càng dữ dội:

Không phải trận ác chiến Xích Bích,

Thì cũng là rồng lửa bao vây.

Dòng sông lửa bốc cao đỏ rực,

Chẳng khác nào ma quỷ tung hoành.

Trên bờ, Từ Bàng Tử chỉ biết đấm ngực dậm chân. Thuyền lương chờ nặng, trong lúc khẩn cấp chẳng biết làm sao mà đẩy đi được chỉ cứu được người lên bờ là may, ai còn nghĩ tới vớt lương thực nữa. Hôm sau quan đảm trách vận chuyển lương thực làm một tờ trình, quan địa phương bắt giữ, chờ chiếu chỉ nhà vua. Lúc ấy ngay đến quan cũng chẳng lo nổi mình thì làm sao mà quan tâm đến Từ Bàng Tử được. Không có một xu dính túi Từ Bàng Tử sống sao đây. Lang thang khắp nơi, đến lúc tới miếu Đông Nhạc thì anh thấy người nhờ viết sớ rất đông, anh nghĩ: "Việc này ta cũng làm được". Bèn tới nói với đạo sĩ:

- Tôi là người nơi xa tới, chẳng may gặp nạn không chỗ nương thân, muốn nhờ thầy cho thuê một cái bàn viết sớ, kiếm ít tiền sống qua ngày, mong thầy rộng lòng thương!

- Sao không được. - Đạo sĩ nói. - Chỉ cần anh viết rõ ràng sạch sẽ, một ngày cũng kiếm được một trăm đồng.

Từ Bàng Tử bèn mượn một chiếc bàn, vừa đặt bút nghiên đã có người mang sớ đến nhờ viết. Hôm ấy anh kiếm được chín mươi đồng. Đúng là:

Chẳng như khất thực cam chui háng,

Lại giống thối tiêu lẫn đám đông.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 20 (D)

Từ Bằng Tử là người có học, chữ viết ngay ngắn rõ ràng. Những người cúng lễ cầu mong điều gì anh viết hết vào sớ, bởi thế mọi người đều muốn anh viết giúp. Ngay đạo sĩ trong miếu có sớ gì cũng nhờ, anh chỉ vung bút đến nhoáng một cái xong văn vẽ đọc lên kêu như chuông. Bởi thế cuộc sống cũng không đến nỗi buồn tẻ. Song việc làm ở miếu này anh không chủ động được, có ngày làm không kịp, có ngày lại chơi dài. Những ngày như thế buồn không sao chịu nổi. Đạo sĩ nói:

- Việc này không có thường xuyên, thấy anh vốn học khá cao, tôi định tiến cử anh, liệu anh có muốn đi không?

- Việc gì thế?

- Ở đây có một ông quan họ Lư, là thí chủ của tôi, hiện giữ chức Hàn lâm viện chiêm sự phủ. Hai năm trước ông có nói với tôi, trong thư phòng con trai cả của ông cần một người đọc thông viết thạo. Công sáu lạng một năm. Tôi vẫn chưa tìm được nếu anh muốn ở với ông lâu dài thì dù không có tiền ông ấy cũng gả đưa hầu cho.

- Nói như thế tức là làm quản gia cho ông ấy ư?

Đạo sĩ nghĩ một lát rồi trả lời:

- Không phải là quản gia mà còn hơn quản gia rất nhiều.

- Như thế thì không được. - Từ Bằng Tử nói. - Quản gia phải quỳ lại người, xưa nay tôi có quen quỳ đâu.

- Ông ấy làm quan to, biết bao người làm quan còn phải quỳ lạy ông, thế mà anh còn sĩ diện. Được rồi để tôi thử nói với ông ấy, nếu ông ấy không bắt anh cúi đầu lạy thì anh có chịu đi không?

- Thầy thử đi xem sao.

Đạo sĩ vui vẻ ra đi. Một lát sau đạo sĩ trở về nói:

- Được được rồi, thư phòng ông lớn đang cần người như thế. Tôi đã nói với ông lớn rồi, ngài bảo rằng người Man ở miền Nam không bắt nó cúi đầu

cũng được và bảo hãy mau mau dẫn nó tới.

Đang lúc bơ vơ, Từ Bằng Tử chẳng dám đòi hỏi chi nhiều, đành theo đạo sĩ. Đúng là:

Nguyễn Sinh đường cùng thường rơi lệ,

Lý Bối, gia nô phải cạo đầu,

Kìa xem Vệ Hoắc phong hầu bởi

Tạm nhún mình nên đấng trượng phu.

Ngay ngày hôm ấy đạo sĩ dẫn Từ Bằng Tử tới gặp Lữ Hàn lâm. Từ Bằng Tử đứng sang một bên. Thấy anh nhã nhặn, ngài Hàn lâm rất vui, rồi hỏi họ tên. Anh dùng tự làm tên, nói:

- Thừa ngài con là Từ Bằng.

Hàn Lâm cho người dẫn xuống thư phòng, gặp người con trai cả của ngài. Lực học của Lữ công tử rất xoàng, song do dựa vào danh vọng của cha mà được vào trường. Trong nhà vẫn mời thầy về dạy, người thầy họ Trần ấy vốn là một tú tài được phát học bổng.

Từ Bằng Tử tới, công tử giao cho anh chép một số bài. Từ Bằng Tử chép rất cẩn thận rồi trao lại cho công tử. Thấy chữ viết đẹp chân phương, công tử rất thích, nên nhìn anh bằng con mắt khác. Mấy hôm sau, công tử lại đưa cho anh mấy bài văn mà hàng ngày công tử làm, bảo Bằng Tử chép để gửi cho cha xem. Bằng Tử vừa viết vừa xem, trong đó thấy mấy câu chưa được, anh không kìm nổi, rồi hứng lên chữa liệu và cứ thế chép vào đưa cho công tử. Công tử đọc lại, thấy chỗ sửa bèn gọi Bằng Tử tới, nói:

- Mấy câu này không đúng nguyên văn của ta.

- Tôi bỗng chốc bạo gan, thấy mấy câu ấy bèn sửa bừa.

- Chỗ sửa rất hay, xem ra anh cũng là người biết làm văn.

- Tôi cũng biết được chút ít.

- Thế thì tốt lắm, hôm qua bác Vương Niên phát hai đề mục của trường, tôi ngại làm, anh thử làm xem sao.

Bằng Tử nhận lời, công tử mang ngay tới, chưa đầy một khắc Bằng Tử đã làm xong đưa ngay cho công tử. Tuy không hiểu hết hay dở, công tử coi như bài của mình, bảo Bằng Tử chép lại sạch sẽ rồi đưa ngay cho bác Vương Niên. Vương Niên vốn là một tiến sĩ kỳ cựu, có con mắt tinh đời.

Xem hai bài văn của công tử thì rất thích. Khuyên như đồ sơn, rồi đưa lại cho công tử, lại viết riêng một lá thư cho ngài Hàn Lâm, hết lời khen ngợi bài văn của công tử. Lữ Hàm Lâm cũng cho là ông chỉ khen lấy lòng mà thôi, nên cũng không xem lại bài văn ấy bằng đi không nhắc tới nữa. Đúng là:

Năm năm không thấy vùng biển rộng

Sao biết văn chương khóc gió thu.

Lữ công tử thực lòng quan tâm đến Từ Bằng Tử, đích thân may áo cho anh. Gặp khi lễ tết lại thưởng cho anh rất hậu. Bằng Tử được nơi yên thân, lại có sách, anh đọc say mê quên cả ngày tháng. Một hôm Trần tiên sinh không ở trường, công tử được về nhà nghỉ đêm, cùng ăn cơm tối với mẹ. Công tử nói:

- Từ Bằng Tử cũng là người có học, văn hay chữ tốt. Anh người Man này không phải là người thấp hèn, hôm nay thầy không ở đây, bảo người mang đến ít rượu và thức ăn thưởng cho anh ấy.

- Hóa ra là như thế. - Người mẹ nói.

Thế rồi bà gọi người hầu của bà là Phi Hồng:

- Người hãy mang hai bát thức ăn và một bình rượu tới thư phòng cho Từ Bằng.

Phi Hồng vâng lời mang đi ngay, cô nghĩ: "Không biết Từ Bằng là người thế nào mà công tử khen anh ấy, ta phải tới xem mặt mũi anh ta".

Tới thư phòng, Phi Hồng gọi:

- Từ Bằng, Từ Bằng.

Từ Bằng đáp lời. Phi Hồng nói:

- Tướng công bảo đưa cho anh ít rượu và thức ăn, anh ra mà nhận.

Từ Bằng vội vàng ra đỡ lấy. Phi Hồng nghĩ bụng. Hóa ra Từ Bằng cũng đẹp trai và cũng ra dáng thư sinh, không giống như một số người đầu óc đần độn ở nhà này. Ta nghĩ mấy người đầy tớ trong nhà bà đều lấy những anh chồng ngu ngốc, nếu ta lấy được người như Từ Bằng thì chết cũng toại nguyện. Chi bằng ta cứ lôi kéo anh ta, bảo anh ta nói với tướng công tình nguyện lấy ta. Tướng công yêu quý anh ta, lo việc này thì chắc chắn là thành. Ý đã quyết chỉ chờ cơ hội là làm. Đúng là:

*Mắt xanh đấng văn nhân chưa gặp,
Đã lọt vào gương khách quần hồng.*

Một hôm Phi Hồng biết được công tử tới nhà bác Vương Niên uống rượu. Phi Hồng tìm một đôi nhẵn và một chiếc móc tai gói vào chiếc khăn là. Cô vuốt tóc mai chải lại đầu rồi tới thư phòng. Thấy cô:

Búi tóc đen nhánh.

Mặt thoa phấn hồng.

Mặc áo xanh, quần vải áo nâu không sao sánh,

Lưng thắt giải là, chẳng khác nào liễu xuân mơn mơn thướt tha.

Đôi chân thon thả, giày hồng cao gót,

Cánh tay trắng ngần, áo lụa thêu hoa.

Tuy chẳng phải giai nhân lâu son gác tía,

Cũng coi như gái trinh khuê các trên đời.

Phi Hồng rón rén bước tới thư phòng, thấy Bằng Tử đang ngồi viết. Bằng Tử hỏi:

- Chị Phi Hồng tới làm gì đó?

- Tướng công không có ở nhà, em đến chơi một chút.

Thế rồi cô chống hai tay xuống cạnh bàn Bằng Tử, xem anh viết, cô nói:

- Chữ anh viết đẹp quá, không như tướng công, chữ to chữ nhỏ xiêu xiêu vẹo vẹo trách nào tướng công thích anh. - Rồi cô lại nói tiếp. - Hôm nay tướng công đến nhà họ Vương uống rượu, bao giờ mới về?

- Bao giờ yến tiệc xong sẽ về, cũng phải đến tối đấy.

- Tướng công không có ở nhà, tôi tới làm bạn với anh có được không?

- Tôi không dám phiền chị.

Phi Hồng thấy trên giá có chậu hoa lan tứ quý đang nở rộ, cô đi tới ngắt hai bông. Cài một bông lên đầu, còn bông kia cô mang tới cài lên búi tóc Bằng Tử, nói:

- Hoa rất thơm.

- Đừng ngắt bừa. - Bằng Tử nói. - Sợ tướng công về sẽ trách mắng.

- Anh cứ yên tâm, có rượu mà không uống là chàng ngốc, có hoa mà không hái là anh đần.

Thấy Bằng Tử cầm cúi viết, không để ý đến cô, cô bước tới ôm lấy vai

Bằng Tử nói:

- Anh không sợ lạnh ư, tối qua tướng công nói với bà là muốn mua vải may cho anh một chiếc áo bông mặc, anh là anh Man mà gặp vận may.

- Đây là ân nghĩa của tướng công, có gì mà nói vận may với không may.

- Anh Từ này. - Phi Hồng nói. - Em có cái này tặng anh, anh hãy nhận đi.

Bằng Tử cầm lấy xem, thấy có hai chiếc nhẫn và một chiếc móc tai, đoạn lại đặt lên bàn như cũ, nói:

- Chị cầm lấy, tôi không dám nhận, tôi cũng không có chỗ để sợ rằng mẹ tướng công tìm thấy thì quả là phiền phức.

- Đây là của em, anh sợ gì. Nếu anh nói với tướng công thì tướng công là một ông chủ tốt. Hơn nữa, mấy người làm thuê trong phòng của bà lớn chẳng ai không tắt mắt. Song em không như họ nên bà lớn rất yêu quý em. Anh Từ này! Chẳng giấu gì anh, anh có chuyện gì cứ nói với em, em sẽ nói với bà lớn cho.

- Tôi chẳng có chuyện gì dám phiền tới bà lớn cả.

- Vật nhỏ mọn này anh không dám nhận lại còn trách em.

Phi Hồng có ý bước lại gần cầm lấy gói tặng phẩm ấy, rồi ôm chầm lấy Bằng Tử, nhét bừa vào tay áo anh, rồi thừa cơ nắn anh mấy cái. Từ Bằng Tử ngượng quá, đành phải bỏ đi.

Anh nói:

- Chị nên đứng đắn một chút, ông lớn mà biết được thông ấy sẽ trị tội, lúc ấy thật là bất tiện.

Thấy Bằng Tử không cần câu. Phi Hồng nằm ềnh xuống giường khe khẽ rên và hát gọi tình. Thấy cô ta cứ bám chằng chằng, không cách nào đuổi đi được, Từ Bằng Tử sợ có người trông thấy bèn cố ý nói:

- Suýt nữa thì quên mất, tướng công bảo tôi ra cửa hiệu lấy sách. Tôi phải đi đây, chị Phi Hồng ở lại đây một mình hay thế nào cho tôi khóa cửa.

Thấy Từ Bằng không mặn mà gì, Phi Hồng đành phải bỏ dậy, cầm lấy gói tặng vật giấu vào tay áo, nói:

- Đồ ngọc, người ta tặng mà không lấy.

Rồi bỏ đi. Đúng là:

Thấy gái chẳng màn, Liễu Hạ Huệ,

Thấy của không tham, Dương Tứ Tri.

Hoa rơi nước chảy bất tin tức,

Trăng sáng trời trong biết thủy chung.

Lại nói, một hôm án sát Viện tới muốn biết phong tục ở đây liền ra đề, trường học lĩnh đề đưa cho Lư công tử làm. Từ Bằng Tử lại làm giúp, thấy bài của công tử được mọi người khen, bèn cho điểm cao nhất. Rồi quan án trả bài và chuẩn bị lễ vật tới thăm Lư Hàn lâm. Quan hết lời khen ngợi bài văn của công tử. Lư Hàn lâm nói:

- Thăng bé được ngài khen cứ ngỡ là thật, thực ra ngài khen quá lời. Hơn nữa ngài là bạn đồng khoa, xin mong ngài cứ dạy bảo thăng mới phải.

- Không phải là tôi khen lấy lòng đâu. - Quan án nói. - Quả là cậu ấy là người xuất chúng ở miền Bắc, sau này tài năng sẽ nở rộ, e rằng tôi chưa thấy hết được cái hay trong bài văn, nên ca ngợi chưa thỏa đáng, xin ngài hãy thử xem.

Thế rồi ông gọi người đưa tập bài tới, đích thân ngài giở ra hai bài đưa cho Lư Hàn lâm xem, quả nhiên bài này khác hẳn ngày thường. Ông rất ngạc nhiên, song không dám tự khen con mình, rồi nói:

- Cũng bình thường thôi, sao lại được ngài quá khen như thế?

Ngài quan án từ biệt ra về. Từ đó về sau thường là bài làm hàng tháng hay bài thi, hay những bài các quan ra để xem xét phong tục, thì bài nào của Lư công tử cũng được xếp thứ nhất. Công tử và Lư Hàn lâm rất vui, thầy Trần cũng vui lây. Cả hai người đều nói là công tử chăm chỉ mài mài, nên văn chương tiến rất nhanh, chẳng ai ngờ tới một nguyên nhân khác.

Đàn sáo hòa nhau ai phân biệt,

Chép, giếc trong ao chẳng khác nhau.

Dạo ấy quan Đề học đạo đến mở kỳ thi cuối năm, Lư Hàn lâm muốn con đi thi liền mở tiệc tiễn chân cực kỳ long trọng. Khi công tử đi thi, Lư Hàn lâm cho mang theo rất nhiều tiền và cử thầy Trần đi theo làm bạn đồng hành. Thấy Trần mặt mày rạng rỡ, xoa tay nói như đinh đóng cột.

- Công tử đi thi lần này nhất định đỗ thủ khoa là cái chắc.

Lư Hàn lâm cũng tin như thế, song lẽ nào lại nói "chưa chắc", chỉ biết tạ ơn công lao thầy dạy dỗ. Nào ngờ, thi xong mấy ngày thì yết bảng. Lư công tử

xếp thứ năm. Mà đứng thứ năm cũng là do quan Đề học nề công tử là con trai của Lữ Hàn lâm. Nếu không thì xếp thứ sáu cũng chưa biết chừng. Lữ Hàn lâm nổi giận, bảo mang bài cho ông xem. Ông nói:

- Bài văn thế này, xếp thứ năm cũng chẳng oan đâu. Tại sao hôm ấy lại làm như thế?

- Hôm ấy con không bình tâm. - Công tử nói. - nên làm ào đi cho xong thôi.

- Lẽ nào lại thế? - Lữ Hàn lâm nói. - Lòng không thư thái hay là bế tắc, văn chương không bay bổng được, khác nhau một trời một vực như thế. Việc này ta không tin. Đúng là:

Xưa nay văn chương có bằng chứng

Chớ vội đua nhau quá ngợi khen.

Lữ Hàn lâm rất nghi hoặc, tới thư phòng nói với thầy Trần:

- Bài thi hôm trước của cháu xếp thứ năm là đáng rồi. Chỉ có điều so với mấy bài làm về phong tục không biết ở đâu ra mà khác nhau một trời một vực như thế.

- Chính điều ấy. - Thầy Trần nói. - Tôi cũng không hiểu được. Tôi có một kế, cứ đến ngày ba, sáu, chín là ngày làm văn, ngày mai là ngày làm văn, trưa mai phiên ngài tới xem công tử nộp bài. Thì hay dở tốt xấu biết ngay.

Ngài Hàn lâm cho thế là phải lắm. Sáng hôm sau, không chờ đến trưa ông đã tới thư phòng, xem bài của công tử thì thấy bài văn viết rất hay. Lữ Hàn lâm nói:

- Văn chương thế này thì còn nói gì nữa, sao bài thi vừa qua lại không làm được như thế?

- Văn thì đúng là có lúc hay lúc dở, công tử nói rằng hôm ấy không bình tĩnh, có thể là như thế thật chứ như hai bài hôm nay thì quả là công tử thiên tư đỉnh ngộ, học một biết mười, nên sẽ tiến rất nhanh. Đúng là người đang gặp vận, nếu thi chắc chắn sẽ xuất sắc và quả là tôi cũng được thơm lây. Thiết nghĩ, hai bài hôm nay mà vẫn như bài thi vừa qua thì không những ngài mất hứng, mà tôi cũng không còn được ngồi ở đây nữa.

Lữ Hàn lâm tuy gật đầu, nhưng ngài vẫn hồ nghi. Song một người làm quan như ngài bao giờ cũng tinh anh hơn người, ngài nghĩ: "Đúng rồi", hôm sau ngài ngồi dưới lầu bảo người đi gọi công tử tới. Khi công tử đến ngài nói:

- Trên lầu có đề bài, con hãy lên đó làm một bài văn để ta xem.

Công tử không dám trái lời, lập tức lên lầu. Lữ Hàn lâm lập tức khóa cửa lại rồi cầm chìa khóa mang đi. Đến trưa ông lại đích thân mở cửa cho đưa hầu mang cơm lên khi nó xuống lầu, ông lại khóa cửa như cũ. Đúng là:

Không phải lấy gai rào lỗ hồng,

Mà dùng gia pháp chỉnh trường quy.

Công tử lên lầu, thấy trên đó chẳng có gì, chỉ thấy bút nghiên, mấy tờ giấy và một cuốn Tứ Thư với một đề bài. Công tử nghĩ: "Lần này ông đã ra tay". Không dám làm sai. Đành phải cố công vắt óc suy nghĩ, làm bài văn suốt từ sáng sớm mãi cho tới chiều tối, lại còn phải đốt nến lên mới viết xong, rồi trực tiếp giao bài. Lữ Hàn lâm xem, nói:

- Bài văn này so với bài thi cũng chỉ thế thôi. - Rồi ông mỉm cười gật gật đầu nói tiếp. - Bài văn này so với mấy bài trước đây thì đúng là chép của ai rồi, không còn nghi ngờ gì nữa, từ nay trở đi con cũng không cần phải học nữa chỉ học sao chép thôi.

Công tử biết sai, cho rằng cha mình đã biết chép bài của Từ Bạng, bèn khai thật:

- Mấy bài văn trước là con chép của Từ Bạng.

Lữ Hàn lâm kinh ngạc:

- Từ Bạng làm ư?

- Vâng ạ.

Lữ Hàn lâm bèn cho gọi Từ Bạng tới. Những người này biết là có chuyện, nghe lệnh bèn gọi toáng lên.

- Ông lớn cho gọi Từ Bạng. Từ Bạng đâu rồi?

Từ Bạng sợ giật thót mình, hỏi:

- Ngài cho gọi tôi có việc gì thế?

- Ngài bảo, - những người ấy nói, - bài văn hôm trước là do anh làm, nên đã cho gọi anh, ông lớn đang tức giận anh phải hết sức cẩn thận.

Từ Bạng nghĩ bụng: "Việc này đã vỡ lở cả rồi, phải làm thế nào đây?" Rồi anh lại nghĩ: "Trong trường thi làm thay thì e rằng sẽ phạm tội, nhưng đây là chuyện riêng thì ngại gì, lẽ nào lại bắt tội ta, xấu chàng hổ ai, chẳng việc gì mà mình lại sợ sệt như thế". Rồi theo mọi người tới gặp ông lớn. Lữ Hàn

lâm nói:

- Anh cũng biết làm văn ư?

Bằng Tử ngẩng đầu lên nhìn Lữ Hàn lâm, vẻ mặt hết sức bình tĩnh, đáp:

- Thưa ngài! Con cũng làm bữa mấy câu.

- Quả như anh nói, hiện trên lầu có đề và giấy bút, anh hãy làm bài văn cho ta xem.

Bằng Tử theo lệnh, khoảng chưa đầy một giờ đã làm xong bài văn trình lên ngài Hàn lâm. Xem xong ngài nói:

- Quả không sai, anh làm được bài văn như thế này thì anh không phải là người thường. Hãy nói thực với ta đi, ta sẽ nâng đỡ anh.

Từ Bằng Tử kể lại mọi việc từ họ tên, lai lịch và việc mình bị xóa tên không cho thi cho Lữ Hàn lâm nghe. Ngài nói:

- Đã như thế thì tôi xin chấp tay mời anh ngồi, ngày mai cùng học với thằng nhỏ nhà tôi, anh có chí lớn như thế chẳng lo gì nghèo hèn. Trước đây tôi có lỗi coi thường anh, rất mong anh tha thứ.

Hôm sau ông may cho Từ Bằng Tử một chiếc khăn và một bộ quần áo. Những gia nhân trong nhà đều phải gọi Từ Bằng Tử bằng tướng công, chứ không được gọi là Từ Bằng nữa. Từ Bằng Tử vô cùng cảm động sự tri ngộ của Lữ Hàn lâm, anh luôn nói về phong tục, tập quán phương Nam để dần dần công tử. Công tử lần này bị sĩ nhục cũng thật tâm suy nghĩ về mình, chỉ vài tháng sau công tử tiến rất nhanh.

Lại nói sau khi Từ Bằng Tử rời khỏi gia đình, bọn cướp biển nổi loạn, vùng Chiết Giang loạn lạc. Nơi nào chúng tràn qua dân chúng đều bỏ chạy tán loạn, nơi nào chúng chưa tới thì chỉ nghe tiếng đồn cũng khiếp vía. Đàn ông, đàn bà, già trẻ, lớn bé cứ chạy vòng quanh. Trong hang núi tiếng kêu gào khóc than thảm thiết. Nơi họ đến thì người ở đó gồng gánh nôi niêu đứng chờ đến lượt mình chạy loạn. Cái khổ của thời chạy loạn không sao kể xiết. Vợ Từ Bằng Tử là Vương thị sống hết sức cùng quẫn, chẳng ai thân thích, bè bạn nào quan tâm, một thân một mình đeo bị nhập bọn, chạy theo mọi người. Vừa chạy tới một nơi, đang cùng mọi người ngồi nghỉ thì chợt Vương thị thấy một người trông rất quen, nhìn kỹ thì hóa ra là Thúc Tự, người Vệ Lý. Chị đứng dậy nói:

- Chào bác, bác cũng ở đây à?
- Chị là người nhà ai nhỉ? - Người ấy nói. - Tôi bỗng nhiên quên mất.
- Tôi là vợ anh Từ Bằng Tử.
- À thế ra là bà Từ, xin lỗi, tôi xin lỗi nhé!
- Bác có biết tin tức gì về chuyến đi của họ không. Mãi tới nay tôi không thấy có một là thư nào gửi về.
- Bà vẫn chưa biết ư? Họ đến Lâm Thanh, do không đề phòng cẩn thận, thuyền lương bị cháy. Nghe nói quan chuyển lương bị quan địa phương bắt giam, sớm muộn gì cũng sẽ giải về Bắc Kinh xử tội.
- Như thế mà không gửi thư về cho vợ biết.
- Đây là do người trong nhóm khác về nói lại. Tôi cũng không biết ông Từ thế nào nên cũng không dám nói bừa.
- Thế thì ngộ xảy ra chuyện gì thì sao, quan chuyển lương bị tội thì họ có việc gì không? Vì sao cho tới nay vẫn không thấy về? Nhất định là chết nơi đất khách quê người rồi.

Nói tới đây Vương thị chẳng kể gì đến chiến tranh loạn lạc cứ gào lên khóc. Người ấy nói:

- Thôi đừng khóc nữa, phải tìm một người nhà đi thăm dò thì mới biết rõ được.
- Anh ấy là con quan. - Vương thị nói. - Trên không có anh em, dưới không có con cái, bỗng dưng lâm nạn ai người ta chịu đi tìm cho? Trừ đích thân mình đi.
- Chị là đàn bà con gái, một thân một mình đi xa không tiện. Tôi nghĩ thế này, hai hôm nữa có một chuyến thuyền lương nhổ neo, người quản thuyền là người thân của tôi, để tôi nói xem sao. Chỉ lấy tiền cơm thôi không lấy tiền thuyền, lại là người cùng địa phương, cùng đi về thì quả là yên tâm.
- Thôi thì trăm sự nhờ bác nói giùm, sớm mai báo tin cho em biết, em vô cùng biết ơn bác.
- Sáng sớm mai tôi sẽ quay lại báo tin cho chị.

Hôm sau quả nhiên người ấy tới, nói:

- Trong nội hôm nay anh ấy nhổ neo, chị cứ đến bến tàu hỏi Lý Ma Tử thì đó là anh ta. Tôi đã nói rõ với anh ấy rồi, chị thu xếp rồi đi ngay đi.

Nói xong người ấy bỏ đi. Thật là:

Bồng chốc không lo xa,

Nghìn dặm rời khỏi nhà.

Đường đi đầy mưa gió,

Hiu hắt dạ xót xa.

Vương thị thu xếp hành lý rồi tới ngay bến tàu hỏi thăm thuyền Lý Ma Tử.

Lý Ma Tử nói:

- Chị là vợ của anh Tử phải không? Người thân của tôi hôm qua đã nói rồi, mời chị lên thuyền, hôm nay nhổ neo đấy.

Vương thị cúi đầu lạy tạ ơn.

Lý Ma Tử vốn là một tên du đãng, đã hơn ba mươi tuổi mà vẫn chưa có vợ. Hắn có một mẹ già hơn sáu mươi tuổi, thường ở trên thuyền lo cơm nước cho hắn. Hôm đầu nghe thấy Thúc Tự nói, hắn vẫn chưa biết là người thế nào. Khi Vương thị tới thấy chị còn trẻ, hắn nghĩ: "Người đàn bà này trẻ đẹp, lại chỉ có một thân một mình lên thuyền ta, đúng là trời xe duyên. Ngày đầu tiên đã được lãi, rồi cầm tay cô đỡ nhẹ ngang hông đón lên thuyền còn hơn hắn mất ba đồng chơi gái ở bến tàu. Nghe nói cô đi tìm chồng, nếu tìm không thấy, khiến cô ta khao khát sống với mình lâu dài chưa biết chừng, đúng là cá đã vào ao, chỉ sợ cô ta tếch đi đâu thì có phải phí hoài một cô vợ đẹp không". Hắn mừng thầm, xếp cô ở một khoang, sáng sáng chiều chiều rất ân cần quan tâm hỏi han, chăm sóc cô từng miếng cơm bùm nước. Vương thị cứ ngỡ hắn là người tốt hiếm thấy trên đời, chẳng hề để ý tới, nào ngờ đâu hắn là kẻ gian manh. Đúng là:

Nghe lời đường mật đừng nhẹ dạ,

Nghĩa đảm lòng trinh phải giữ mình.

Mấy ngày sau khi mọi người đã đi ngủ, Lý Ma Tử uống rượu say khướt, hắn hát nghêu ngao, lên thuyền đến khoang thuyền chị nằm, hắn hỏi:

- Chị Tử chưa ngủ à?

Vốn là từ khi lên thuyền, Vương thị không bao giờ cởi thắt lưng, cứ để cả áo quần đi ngủ. Vừa trở mình thì nghe thấy Lý Ma Tử gọi, chị nghĩ: "Đêm hôm khuya khoắt hắn gọi ta làm gì nhỉ, ta không thừa xem hắn giở trò gì". Thấy chị không thừa, hắn sột soạt cạy cửa khoang. Cửa thuyền không có

khóa, chỉ mấy chốc là hẵn mở được, hẵn len người vào thuyền. Vương thị kêu lên:

- Ai đấy, đang đêm sao lại chui vào đây!

- Anh đây. - Lý Ma tử nói. - Anh thương em đêm nằm không một mình lạnh lẽo, anh vào ngủ với em cho vui đây.

- Nói càn. - Vương thị nói. - Ta là con nhà tử tế, anh làm rồi, hãy đi ra, đừng có làm bậy.

- Em yêu của anh, em lên thuyền anh chính là cái duyên cái số phân biệt gì sang với hèn, anh cũng chỉ mong vui với em một đêm thôi mà.

Nói xong hẵn hai ta ôm chầm lấy Vương thị, tức khí Vương thị nhẩy lên cào cào vào mặt Lý Ma tử, Cuối cùng người hẵn to, sức hẵn khỏe, hẵn đè Vương thị xuống giường. Vương thị kêu lên:

- Làng nước ơi, có kẻ hãm hiếp người lương thiện.

Lý Ma Tử hoảng hốt buông tay, bật lấy mồm chị. Vương thị thừa thế giãy giụa, chui ra ngoài khoang kêu thất thanh:

- Cứu cứu tôi với cướp của giết người các ông ơi!

Lý Ma Tử hoảng hốt, thấy tình thế không xuôi vội vàng chuồn thẳng. Vương thị định rêu rao lên, song chị nghĩ: "Mình nhờ người ta nên phải nhún nhường đôi chút. Ta tới đây để làm gì? Nếu chẳng may bị đuổi khỏi thuyền thì giải quyết sau đây. Thôi thì hãy kiên trì tự giữ mình thì hẵn làm gì được.

Chờ đến khi gặp chồng hãy tính chuyện sau, còn bây giờ cứ chịu đựng là tốt nhất". Đêm ấy chị vẫn im lặng, vẫn cài chặt cửa khoang như cũ, rồi nằm trên giường khóc một mình. Đây chính là khí tiết của Vương thị, chị đã quyết rồi. Nếu không thì đã bị làm nhục, đây cũng là sai lầm của những người đàn bà tùy tiện ra khỏi nhà. Đúng là:

Đàn bà không nên ra khỏi cửa,

Hoa tươi dễ bị bướm ong châm.

Người xưa thường bảo ở nhà tốt.

Ở nhà mới giữ trọn thủy chung.

Hôm sau, Lý Ma Tử cảm thấy ở thuyền chẳng hứng thú gì cơm nước xong hẵn uể oải bỏ đi, cũng chẳng thèm quan tâm đến Vương thị nữa. Vương thị

cũng vui vì hẳn không thích mình. Mấy hôm sau thuyền tới Lâm Thanh, mọi người nô nức đi cúng phúc thần, Vương thị cũng nói với mẹ của Lý Ma Tử:

- Mẹ ơi cho con lên bờ tìm một chút rồi về ngay.

Chị cùng đứa nhỏ trên thuyền lên bờ, cứ gặp nhà hàng là hỏi thăm. Người ở đây nói:

- Đúng là có việc ấy, năm ngoái có một thuyền lương bốc cháy ở đây. Quan chuyển lương bị giam tới nửa năm, sau đó giải về Bắc Kinh giam tại nhà lao Thông Thiên.

- Đêm ấy thuyền của họ mất mấy người? - Vương thị hỏi tiếp - Ông ấy có mời một người họ Từ làm thầy, không biết các vị có biết hiện ông Từ có còn không?

- Người chết xác vẫn còn chôn ở đây, chúng tôi không rõ họ tên. - Người ấy nói.

Wương thị cứ hỏi đi hỏi lại nhiều người, nhưng không ai biết, sau cùng có một cụ già nói:

- Tôi nhớ năm ấy ở miếu Đông Nhạc có một người ở thuyền lương lâm nạn, sống ở đó một thời gian nhưng tôi cũng quên mất tên. Nếu cô muốn biết hãy đến miếu Đông Nhạc hỏi đạo sĩ sẽ rõ.

- Thừa cụ, từ đây đến miếu Đông Nhạc bao xa ạ?

- Xa đấy. - Cụ già đáp. - Cả đi lẫn về cũng bốn năm dặm đường.

Wương thị định đi thì đứa nhỏ nói:

- Đi hỏi mãi bụng cũng đã đói, hãy về thuyền ăn bát cơm rồi hẳn đi. Bà đi chậm, cả đi lẫn về cũng lâu đấy, hơn nữa cũng phải về thuyền nói với người ta một tiếng, phong tục vùng này không phải đùa đâu.

Wương thị thấy nó nói phải, trở về thuyền nói với mọi người, song chẳng thấy ai trả lời. Chỉ thấy Lý Ma Tử nhảy tới quát tháo:

- Con mẹ mày chứ, thuyền ta chở là thuyền quan, vận tải lương thực của triều đình, ai dám bảo muốn đi thì đi, muốn dừng thì dừng. Tao lại không được một xu một hào nào của mày, ai là người hầu của mày. Đừng có nói phu nhân với tiểu nhân, còn lâu bà thì đây thường đây ông trối lại rồi buông cho mày xuống hà bá mà kiện. Nói thực với mày, chúng tao trên thuyền này

còn còn đang nợ hà bá cái mạng chó của mày đấy.

Dứt lời hăn quát cho thuyền nhổ neo đi tới bến cảng khác. Tất cả mọi người hò hực đẩy thuyền đi. Uất quá, Vương thị trừng mắt nhìn họ, tự nhiên nước mắt trào ra. Lúc ấy trời đất mênh mông thân cô thế cô, tiếc rằng là một người đàn bà, chỉ biết giương mắt nhìn chúng kéo buồm cho thuyền chạy.

Vương thị tới khoang sau, nói với mẹ Lý Ma Tử:

- Mẹ ơi, hãy thương con, con cùng quê với mẹ. Mẹ hãy cứu vớt con.
- Cô nói sao? - Mẹ Lý Ma Tử nói.
- Con vốn đi tìm chồng, họ đã không muốn cho con tìm chồng thì lẽ nào cứ bắt con theo thuyền lương đến tận Bắc Kinh. Họ phải thả con ra để con về trước.
- Thế thì cô định về bằng cách nào? - Mẹ hăn hỏi.
- Gặp thuyền xuôi về Nam thì con đáp thuyền nhờ họ về. - Vương thị nói.
- Người trẻ người non dạ, không biết hết được sự nguy hiểm khi ra khỏi nhà. Những chân sào trên thuyền này đều là người vùng ta, còn có thể biết được họ đôi chút. Nếu như gặp một chiếc thuyền đi qua, gửi người sang đó, người có biết người trên thuyền thuộc trời đâu đất đâu không? Người là con gái, ở đây liệu có tốt không? Thuyền ấy đều toàn người tốt thì chẳng nói làm gì, nhưng chẳng may có một đứa xấu bán người đi lấy vài lạng bạc, tổng cổ lên bờ thì người biết đi đâu mà kiện. Ra khỏi nhà không dễ như thế đâu, mà chồng người thì chẳng thấy tăm hơi. Chỉ thương cho người là đàn bà con gái, như con của không chân, chỉ trách người còn trẻ không hiểu hết sự đời, người nói đến là buồn cười.

Nói xong bà ta thở dài rồi vào khoang thuyền ngủ. Vương thị như bị dội một gáo nước lạnh, chị hồi hận: "Mình sai rồi, không thể ra ngoài một cách dễ dàng. Bà ấy nói cũng rất có lý. Ta làm sao bây giờ. Thôi thì cũng liều nhắm mắt đưa chân để xem con tạo xoay vần đến đâu, con sông này là nơi kết liễu đời mình". Nghĩ tới đây nước mắt chị cứ trào ra. Đúng là:

Lòng người hiểm tựa Thái Hành sơn,

Đâu đất Hy Hoàng đóng ải quan.

Bồng chốc phong ba ôi kinh sợ,

Chân bước khỏi nhà thật hiểm nguy.

Trong số họ chỉ có Lý Ma Tử là khó chịu, hăn nghĩ: "Con này không làm gì được nó, đúng là mèo thềm có nem để thừa. Nếu mình cứ bám lấy nó, sợ rằng nó lại làm ầm lên như hôm trước thì chẳng còn mặt mũi nào. Nếu cứ để mặc nó thì mình không chịu nổi". Suốt ngày hăn cứ tính toán, suy nghĩ: "Phải rồi, ngờ nghệch với nó sao được, không được người thì cũng được tiền. Người như thế đến Bắc Kinh thì cũng được bốn năm mươi lạng. Ta bán ngay ở đây cũng có mấy chục lạng, sợ gì không lấy được người mình vừa ý, cần gì cái đồ cứng đầu cứng cổ". Chẳng mấy chốc thuyền tới Thiên Tân, đây là bến đậu của thuyền lương. Mọi người đến đây đều yên tâm ăn nhậu, chơi gái suốt ngày. Đúng là:

Đêm ngày trần trọc tìm kế sống,

Ai ngờ rút cục gặp oan gia.

Vốn là, đứa ở cùng với Vương thị đi hỏi tin hôm trước, chính là cháu ngoại của Lý Ma Tử. Tuy còn nhỏ nhưng nó rất khôn ngoan, nó từng nhờ Vương thị khâu giày cho nó. Vương thị rất yêu quý, mỗi lần rảnh rỗi Vương thị thường giúp đỡ, nên nó rất cảm động. Hôm ấy nó nói:

- Mẹ Tử, con có một chiếc áo mắc vào mũi thuyền bị rách, nhờ mẹ vá giúp có được không?

- Mang lại đây ta vá cho.

Đứa ở ấy ngồi bên Vương thị nói:

- Mẹ Vương sắp có việc vui mừng rồi, mẹ có biết không?

- Có việc vui mừng gì đấy?

- Con nói với mẹ nhưng mẹ đừng nói với Ma Tử nhé.

- Được rồi, cứ nói đi.

- Cậu Ma Tử gả mẹ cho người ta rồi. Hôm kia họ đã lên thuyền xem người. Họ cố ý giả vờ đến xem mẹ. Họ ứng và đã đưa ba mươi lạng bạc làm sính lễ, cậu con đòi bốn mươi lạng. Hôm nay người mới lại đến gọi cậu Ma Tử tới quán rượu nói chuyện, hẹn giao tiền rồi khiêng người đi.

- Sao con biết?

- Con tới quán rượu hỏi tiền mua thức ăn, cậu con gọi vào cho uống rượu, con nghe thấy nên về đây nói với mẹ. Nếu mẹ đến nhà ấy thì chuẩn bị trước đi, đừng để đến lúc ấy lại cuống lên. Con cứ lo thay cho mẹ, không có gì

đền ơn mẹ.

- Vậy thì thế này nhé. - Vương thị nói. - Mẹ vá áo cho con, con hãy lên bờ nghe ngóng, nếu có gì thì về báo ngay cho mẹ, mẹ sẽ đền ơn con.

Đứa trẻ có biết gì đâu, nó nhận lời hớn hờ chạy ngay lên bờ. Vương thị hết sức kinh hãi. Thằng cướp này ác độc đến thế là cùng. May mà đứa nhỏ nói cho biết không thì mình đã bị nó lừa rồi. Nếu ta chết ở đây sẽ chẳng ai biết đến, như thế cũng là chết uổng thôi, ở đây thông tới Bắc Kinh, ta phải tự lo lấy cuộc sống. Ba mươi sáu kế trốn là thượng sách. Chị lập tức sửa soạn quần áo, giày dép, mang theo một ít tiền lộ phí. Lúc ấy trời đã nhá nhem tối, người trên thuyền đều lên bờ uống rượu. Vương thị tứ cố vô thân, vội vã nhảy lên bờ, không dám đi vào chỗ đông người, chị cứ men theo bờ sông vắng vẻ. Thật là:

Gian nan nguy hiểm khôn lường,

Vợ chồng liệu có giữa đường gặp nhau?

Lại nói từ khi đỗ tiến sĩ, Đinh Hiệp Công nghênh nghinh ngang ngang, nay tiệc tùng, mai hò hẹn, cả thành Bắc Kinh không chỗ nào là không tới. Hôm ấy bộ Lại ký giấy cử hần về làm tri huyện phúc Kiến. Cầm bằng trong tay, hần rời ngay Bắc Kinh về nhà tế tổ, mời bạn bè thân thích đến ăn mừng, người ra kẻ vào đông nghịt, tiệc tùng tới mấy ngày sau đó mới trở phách vang lừng tới nhiệm sở. Gia quyến kéo hàng đoàn hết sức vênh vang. Tính hần thế đã quen rồi, làm sao mà kìm nén nổi. Tới nhiệm sở, hần ra sức bóp nặn, chẳng kể gì đến thanh danh, phép nước. Án viện thấy Đinh Hiệp Công mặc dù là tiến sĩ nhưng xuất thân vốn đã có tai tiếng nên cho về quê quán. Liệu về quê làm quan hần có trụ vững không? Bởi hần vốn là người thường dùng mách lới để tiến thân, đã làm quan liệu hần có an tâm trở lại dân thường không? Thời ấy đúng vào lúc tướng Nghiêm đương quyền, hần vợ vót của cải ở Phúc kiến, sau đó chuyển một số về Bắc Kinh đút lót cho Nghiêm Thế Phiến và nhận làm con nuôi ông ta. Nghiêm Thế Phiến bảo với bộ Lại cất nhắc hần làm chủ sự bộ Hộ. Được giữ chức mới, hần lại đưa gia quyến về Kinh, tới bộ Hộ nhậm chức trông coi việc kho tàng. Ở Kinh chưa

đầy một năm, tướng Nghiêm bị đuổi về quê quán, không lâu sau Nghiêm Thế Phiên bị hành quyết. Bố đã chết thì liệu con còn ngồi làm quan được không? Hãn bị chương khoa họ Túc dâng sớ nói rõ hãn đã tham ô và làm rối loạn luật pháp triều đình, không biết đóng cửa tự sửa mình, hãn lại còn ra sức nhận hối lộ, làm điều gian ác, ngu ngốc mà nhận bổng lộc của triều đình, nhận con kết nghĩa để cầu được thăng quan tiến chức. Cuối cùng ông nói: "Trong thi cử hãn đều dùng mưu ma chước quỷ để thi đỗ, chứng cứ vẫn còn chứ không nghe phong thanh. Cúi xin triều đình lệnh cho bộ này chuẩn bị toàn diện thanh trừng triệt để thống kê tội trạng và phải dùng cực hình trị hãn, giải trừ mối lo cho muôn dân, bồi dưỡng nguyên khí muôn đời của quốc gia. Triều đình gởi chiếu chỉ cho bộ Hình truy cứu. Bộ Hình gửi giấy cho bộ lại định ra kế hoạch xét hỏi, ghép hãn vào tội nhận hối lộ. Đúng là:

*Cậy cánh khỏe bay chín tầng trời,
Kẻ gian hùng đến ngày tận số.*

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 20 (F)

Lại nó Từ Bằng Tử được học hành tại nhà Lư Hàn lâm, cùng công tử dùi mài kinh sử. Công tử cũng là người có nghị lực thành tâm chăm chỉ chuyên cần, học hành ngày càng tiến bộ. Anh thường đưa bài văn của mình cho cha xem, biết được công lao dùi dặt của Từ Bằng Tử, Lư Hàn lâm rất vui mừng. Năm ấy Đề học mở khoa thi, Lư Hàn lâm nói với Từ Bằng Tử:

- Anh đã học thành tài, không nên tự chôn vùi tài năng của mình. Ta đây cho lấy quê quán ở đây để đi thi. Anh hãy đi thi xem sao, đừng làm người anh hùng thử dài tới lúc bạc đầu.

Từ Bằng Tử nghe lời, vượt qua các cuộc thi ở phủ, huyện, đạo chẳng mấy khó khăn. Từ Bằng Tử đỗ thứ nhất, Lư công tử đỗ thứ nhì. Lư Hàn lâm vô cùng mừng rỡ, luôn luôn khuyên họ gắng sức học hành, tất cả những việc lật vật về việc trường thi không cần họ phải quan tâm, chỉ chờ ngày tới trường thi mang bút nghiên đi là được. Họ nhanh chóng đậu tam trường. Từ Bằng Tử đỗ giải nguyên, Lư công tử cũng đỗ thứ năm mươi. Tình hình thay đổi hẳn. Từ Bằng Tử như cây khô tươi lại. Lư Hàn lâm thì coi anh là người tri kỷ.

Lư Hàn lâm nói với Từ Bằng Tử:

- Vốn học của thằng nhỏ nhà tôi còn nông cạn, may mà được đỗ nên không được tự cho mình đã giỏi. Tôi nghĩ nhân tiện có thuyền lương về kinh, ta sẽ thuê một khoang rộng rãi, yên tĩnh, Từ tiên sinh cùng thằng nhỏ đi một chuyến, trên đường đi nhờ tiên sinh kèm cặp. Tất cả phí tổn tôi lo liệu hết, tiên sinh đừng ngại. Hai người cùng lên kinh, vừa đi vừa học, nếu cả thằng nhỏ nhà tôi và tiên sinh cùng đỗ cả thì học trò sẽ không bao giờ quên ơn thầy.

Từ Bằng Tử cúi đầu tạ ơn rồi chào từ biệt Lư Hàn lâm lên thuyền lương đi Bắc Kinh. Nhà Lư Hàn lâm giàu cần gì là có nấy, họ chẳng cần phải bận

tâm, suốt ngày miệt mài học tập. Thuyền vừa tới vệ Thiên Tân, hai người bàn nhau: chúng ta trên thuyền lâu ngày bị gò bó, vậy ta thuê xe ngựa đến Bắc Kinh sẽ tiện lợi và thoải mái hơn. Từ Bằng Tử và Lư công tử mỗi người một xe, còn những người khác thì cưỡi ngựa đi theo.

Đi chưa đầy bốn năm chục dặm thì thấy một người đàn bà ngồi trên bãi cỏ vệ đường khóc, những người cùng đi chẳng ai thèm để ý tới. Từ Bằng Tử là người trải qua nhiều hoạn nạn, nghe thấy bèn động lòng thương, xe đi qua trước mặt người ấy Bằng Tử lắng tai nghe, thấy tiếng không phải là người miền Bắc, bèn cho dừng xe. Sai người tới hỏi xem người ấy ở đâu, vì sao mà khóc. Người ấy trả lời là người miền Nam. Nghe tiếng nói, Từ Bằng Tử vội nhảy ra khỏi xe, anh hết sức kinh ngạc, hóa ra người ấy là Vương thị vợ mình, bèn hỏi:

- Tại sao em lại ở đây?

Lúc đầu Vương thị chỉ cúi xuống khóc, thấy người đến nhìn mình cũng không dám ngẩng đầu, vừa nghe thấy tiếng hỏi mới ngẩng lên thì thấy chồng mình, bèn đứng dậy nói:

- Đây là mộng chẳng, tại sao ta lại gặp nhau ở đây?

- Anh đã đổ cử nhân. - Từ Bằng Tử nói. - Nay vào kinh thi Hội. Sao em lại ở đây, hãy nói cho anh nghe.

Vương thị kể chuyện chạy loạn rồi được biết tin chồng nên đã đi tìm, gặp phải nhà thuyền độc ác, bởi thế đang đêm bỏ trốn, vừa đi vừa hỏi vệ quan lân mô tới Bắc Kinh, không ngờ lại gặp anh ở đây. Từ Bằng Tử hỏi:

- Nhà thuyền ấy nay ở đâu?

- Hẳn là Lý Ma Tử, đã cho thuyền tới Bắc Kinh, tới đó chúng ta tìm hẳn rất dễ.

Từ Bằng Tử mời Lư công tử tới gặp, mọi người vừa vui mừng vừa thương cảm. Lư công tử bèn nhường chiếc xe của mình cho Vương thị ngồi, thuê một chiếc xe khác cùng nhau tới Bắc Kinh.

*Cùng nhau bên ngọn đèn khuya,
Cần tay mà vẫn ngỡ là chiêm bao.*

*Những là rày ước mai sau,
Qua gian khổ, mới dạt dào niềm vui.*

Vương thị từng chịu gian nan khổ ải, gần kề với cái chết, ngờ đâu lại gặp được chồng, mà chồng lại là người vinh hoa phú quý, chứ không phải là anh nghèo kiết xác như trước nữa. Ấy là do Vương thị giữ được tấm lòng trong trắng và cũng là do Từ Bằng Tử không tham dâm được Phật trời đền đáp. Chỉ trong mấy ngày đã tới Bắc Kinh, họ thuê nhà trọ, chuẩn bị đi thi. Chỉ mới thoáng cái mà đã thi tam trường và ngày yết bảng đã tới Từ Bằng Tử đỗ tiến sĩ, Lư công tử không có tên trên bảng. Bằng Tử lại thi Đình, đỗ nhị giáp, sau khi tìm hiểu quá trình. Từ Bằng Tử được bổ nhiệm Chủ sự bộ Hình tại Bắc Kinh. Tới nhiệm sở, Từ Bằng Tử đưa gia quyến về nha môn. Lúc ấy Lư công tử mới từ biệt về nhà. Sau khi Từ Bằng Tử tới nhiệm sở thư lại đưa tới một tập hồ sơ về vụ án Lại bộ lang trung Đinh Toàn, và bẩm rằng, trước hết phải kiểm tra từng người một thuộc gia đình Đinh Toàn (Đinh Hiệp Công) rồi lập danh sách tâu lên triều đình chờ chiếu chỉ. Hôm qua ngài Trưởng khoa họ Túc đã gửi thư tới thúc giục việc này. Từ Bằng Tử nghĩ: "Đinh Toàn đã đỗ tiến sĩ, được bổ nhiệm là quan, bị báo ứng không biết đã phạm tội gì?", rồi giở bản án ra xem kỹ một lượt, lại lấy tờ sớ của trưởng khoa họ Túc xem, Từ Bằng Tử nghĩ: "Thế này bị đuổi thì chẳng oan".

Hôm sau Từ Bằng Tử lên công đường, cho gọi Đinh Toàn tới Đinh Toàn xấu hổ cúi gầm mặt, hết sức bối rối. Đinh Toàn thấy mình xấu xa, gặp người làng hăn cảm thấy đau đớn. Từ Bằng Tử hoàn toàn không muốn truy bức hăn. Bèn giở bản danh sách những người trong gia đình hăn xem qua. Trong đó có một đứa hầu tên là Xuân Anh. Bằng Tử cho gọi tới, nhìn kỹ ra thì đấy lại là đứa hầu nhà mình Bằng Tử hết sức kinh ngạc, gọi Xuân Anh hỏi:

- Người có nhận ra ta không?

Xuân Anh nhìn lên nhận ra người chủ cũ, nói:

- Con nhận ra rồi.

Vừa nói xong, nước mắt tuôn lã chã như mưa. Vì đang ở nơi công đường Bểng Tử không tiện hỏi kỹ, rồi nói:

- Đã điểm danh xong rồi, đi đi.

Sau đó Bểng Tử nói với Trưởng ban rằng:

- Đứa hầu nhà họ Đinh tên là Xuân Anh không phải là phạm nhân, tôi sẽ bỏ tiền ra chuộc. ông hãy dẫn cô ta vào nha môn lấy tiền chuộc nộp vào kho là được.

Trưởng ban vâng lời đi ngay. Đến tối người ấy đưa Xuân Anh tới nha môn, người thường trực vào báo:

- Trưởng ban đã đưa Xuân Anh tới nhà xin lĩnh tiền chuộc.

Từ Bểng Tử đã chuẩn bị sẵn mười hai lạng bạc, giao cho trưởng ban, rồi lập tức gọi Xuân Anh vào nha môn. Thấy ông chủ bà chủ, Xuân Anh quỳ xuống nước nở khóc. Thật là:

*Đoàn viên đêm kể bao nhiêu chuyện,
Gà chó cũng còn biết trả ơn.
Đùng tưởng uy danh lừng lẫy mãi,
Thành quách cũng thành đồng gò hoang.*

Từ Bểng Tử nói:

- Ta có phụ lòng người đâu mà người bỏ đi, suýt nữa thì hãm ta vào chỗ chết.

- Quả là con đáng tội chết, song trong đó cũng có nguyên nhân.

Phu nhân Vương thị nói:

- Duyên cớ gì vậy? Người thông thả nói cho ta nghe.

- Đạo ấy ông công không thành danh toại. - Xuân Anh nói. - ông rất hiền nã, con không biết khu xử, bởi thế ông đã nổi giận. Từ nhỏ con đã chịu ơn ông bà nuôi dưỡng, há đâu lại oán giận ông bà. Không ngờ hôm ấy Chu Bạch Quý tới chơi, lúc ấy ông gọi con bưng trà ra, Bạch Nhật Quý hỏi: "Sao mày lại khóc đỏ cả mắt lên thế?". Lúc ấy lẽ ra con không nên nói: "Tướng công không đỗ, mấy hôm nay cứ chửi con thậm tệ". Bạch Nhật Quý nói: "Thế thì tao thương cho mày quá, mày còn có cha mẹ không? Sao

không tạm trốn đi mấy hôm, khi nào ông ấy qua cơn giận dữ thì hãy về có tốt không?”. Con nói với ông ta: "Cha mẹ con ở ngoại thành, con lại không biết đường, nếu trốn đi được vài hôm mới về thì quả là may cho con quá". Bạch Nhật Quỷ nói: "Sáng sớm mai ta sẽ làm phúc giúp mày, đưa mày về nhà vài hôm, sau đó tao quay lại xin với tướng công tha cho". Nào ngờ đầu hôm sau nhân lúc ông bà chưa dậy thì quả nhiên Bạch Nhật Quỷ đến gõ cửa, gọi con ra. Con tưởng ông ta có lòng tốt bèn theo đi. Ai ngờ ông ta dẫn con đến nhà Đinh Toàn rồi sau đó nhốt vào một gian nhà, con không biết gì về bên ngoài cả. Sau đó nghe nói Đinh Toàn mua chuộc cha mẹ con đến cãi nhau với ông bà, lại xúi giục cha mẹ con đi kiện, đã đưa cho viên quan ấy năm trăm lạng đòi phải xử tử ông mới yên tâm.

Phu nhân vô cùng kinh ngạc, nói với Bằng Tử:

- Anh với nhà họ Đinh có thù oán gì không?

Bằng Tử cúi đầu nghĩ: "Mình với ông ta chẳng có thù oán gì sao ông ta lại hại mình như thế?"

- Thưa ông bà. - Xuân Anh nói. - Con còn nghe nói bài của ông ta trúng cử nhân là sửa lại bài của ông. Ông từng nói với Bạch Nhật Quỷ phải lên giám trường sát viện kiện ông ta, ông ta là học trò của quan phủ hết sức giúp đỡ, đã lợi dụng con để áp chế ông. Quả là con đáng tội chết.

Nói xong Xuân Anh khóc nức nở. Bằng Tử gật đầu nói:

- Hóa ra là như thế, khiến ta chẳng biết đầu cua tai nheo thế nào. Chẳng trách hôm tới công đường hãn tỏ ra hết sức lúng túng, ai ngờ đấy là lòng dạ hãn tự bộc lộ ra.

- Loại người độc ác như thế, - Phu nhân nói, - tại sao trời còn cho hãn làm quan, suýt nữa thì chúng ta đã bỏ mạng nơi đất khách.

- Bây giờ ta được thế này. - Từ Bằng Tử nói. - Mặc dù bị lưu lạc, long đong nơi đất khách quê người vẫn có ngày nhìn thấy mặt trời. Người khác tố cáo hãn, sao lại rơi đúng vào tay ta kết thúc, đây cũng là báo ứng.

Nói chưa dứt lời thì có người vào bẩm, ngài trưởng khoa họ Tiêu mời đi dự tiệc. Bằng Tử tới ngay nha môn ngài Tiêu. Đúng là:

Giết người thường ở ngay giữa chợ,

*Gặp nhau mà chẳng dám nhận nhau.
Tiếng khóc nghe sao thê thiết quá,
Lệ tràn cũng phải ngoảnh mặt đi.*

Từ Bằng Tử tới nhà Tiêu trưởng khoa, rồi hỏi ngày hôm nay cùng dự tiệc còn có ai. Tiêu trưởng khoa nói:

- Tôi chỉ mời riêng ngài, ngoài ra không mời ai cả. Trong bữa tiệc tôi còn có một chuyện muốn thưa với ngài.

- Không dám. - Từ Bằng Tử nói.

Sau vài tuần rượu. Tiêu trưởng khoa nói:

- Tôi là người chịu oan khuất, chính là do Đình Toàn gây nên. Vụ án đã lập xong, mong ngài sớm đưa ra xét xử, thi hành án không thể chậm trễ, nếu không hãn sẽ lọt lưới.

- Tôi cũng đang muốn xin ý kiến ngài một việc. - Từ Bằng Tử nói. - Xin hỏi, tờ sớ của ngài lời lẽ đanh thép, song việc ngài nói về trường ốc tôi không biết rõ sự thực là như thế nào, mong ngài chỉ rõ.

- Việc này không nói đến thì thôi. - Tiêu trưởng khoa nói. - Mà nói đến là như đâm vào trái tim tôi. Chỉ tiếc tôi không xẻ thịt lột da ăn gan uống máu hãn. Nếu ngài không sợ làm phiền, tôi xin mượn chén rượu giải sầu này thưa để ngài biết. Tôi học về Xuân Thu, tới lúc tráng niên mới đỗ thi Hương, rồi sau đó thi Hội liền mất khoa mà không đỗ. Người làng đều cho tôi là tú tài "tiền". Lúc ấy chỉ vì một ngôi mộ mà cha tôi cãi nhau với người làng, người ấy đành lòng phải theo ý cha tôi. Vì tôi được cử đi thi Hội, lập tức người ấy nhằm vào sơ hở để trả thù trước lúc lên đường cha tôi dặn: "Tên người làng ấy thù cha đã lâu rồi, chuyến này đi nếu con đỗ tiến sĩ thì nó sẽ thôi không dám làm gì nữa, song nếu không đỗ thì nó sẽ không quên đâu. Con phải cố gắng đoạt lấy tiến sĩ để an ủi sự mong đợi của cha. Hôm nay là ngày con lên xe ra đi cũng là ngày cha mỏi mắt trông chờ". Lúc ấy tôi đáp: "Cha cứ yên tâm, không cần lo lắng gì, lần này ra đi con nghĩ rằng chắc chắn sẽ đỗ, quyết không phụ lòng mong mỏi của cha". Cha tôi gật đầu, tôi từ biệt cha ra đi. Đến khi thi Hội, tôi hết sức cố gắng làm xong bài văn, rồi lại xem đi xem lại và chắc chắn sẽ đỗ. Nộp bài ra khỏi trường thi, báo

ngay về cho cha yên tâm. Đến ngày yết bảng thì lại không thấy tên tôi. Tôi vô cùng uất ức. Sau đó tôi tìm lại bài thi bị đánh trượt, nào ngờ tìm thấy bài ngoài bì có ghi tên tôi lại hoàn toàn không phải là bài của tôi, đó chỉ là một bài viết lèo tèo mấy chữ, chẳng ra sao. Tôi lại tìm những bài đã thi đỗ thì thấy bài của Đinh Toàn giống hệt bài của tôi. Tôi tìm đến người sao lục để hỏi cho ra lẽ thì người ấy nói là việc nhỏ không liên quan gì đến ông, Chính ngài Giám trường đưa cho tôi chép, tôi không đâu dám không tuân lệnh. Tôi định cáo giác để trút đi nỗi uất hận trong lòng, song lại nghĩ, tai họa trong nhà vừa lắng đi lại sinh thù oán khác, sợ cha tôi sẽ không yên lòng nên đành nhẫn nhịn. Nhân tôi không đỗ, tên người làng ấy lại kiện cha tôi lên huyện. Nào ngờ tri huyện và tôi vốn không hòa hợp, hẳn đã thừa cơ trả thù. Hẳn viết lệnh bắt cha tôi, vì uất ức cha tôi đổ bệnh rồi chết, việc an táng sơ sài. Tất cả đều do tôi không đỗ, không đỗ là do Đinh Toàn, việc ấy đã khiến tôi nhục nhã, đau đớn, muốn đâm hãn để báo thù cho cha.

Dứt lời Tiêu trưởng khoa lại nói:

- Tiên sinh, mời tiên sinh uống đi, tiên sinh bảo như thế có đáng vạch mặt chỉ tên hãn không?

Bằng Tử gật đầu nói:

- Đáng lắm.

- Tiên sinh ạ. - Tiêu trưởng khoa nói tiếp. - Tôi vẫn chưa chịu cảnh đường cùng, gượng dậy tôi lại đi học. Song ngờ đâu số phận vẫn chưa qua, tôi nhặt được một tờ huấn dụ của học phủ Liễu Châu, Quảng Tây. Mặc dù đường xá xa xôi tôi vẫn mượn tiền làm lộ phí lại chịu đựng biết bao nỗi khổ sở kinh hoàng. Bộ mặt của học quan sao làm cho người ta sợ đến thế. Ở nơi man rợ sợ cướp đường chứ sao lại sợ học quan? Quả là do ăn uống kham khổ, đời mẹ tôi không được toại nguyện, lại chịu sơn lam chướng khí bà đổ bệnh, thuốc thang chạy chữa mất hàng trăm lạng mà vẫn không khỏi. Việc ấy là do thi không đỗ, không đỗ là do Đinh Toàn, bởi thế tim tôi đau buốt, muốn cầm dao đâm hãn để trả thù.

Nói tới đây Tiêu trưởng khoa mời:

- Tiên sinh, mời tiên sinh uống đi. Tiên sinh thấy đấy, liệu hãn có đáng vạch mặt chỉ tên không?

Từ Bàng Tử gật đầu, nói:

- Đáng lắm.

- Không phải chỉ có thể thôi đâu. - Tiêu trưởng khoa nói.

- Ngài bảo đám ma xa hàng ngàn dặm làm sao đưa về quê một cách dễ dàng. Tôi lo chạy chữa thuốc thang cho mẹ, trong túi không còn một xu, quần áo, đồ trang sức của vợ cái nào bán được thì bán, cái nào cầm được thì cầm, song cũng chỉ được bốn năm chục lạng. Tôi lại phải đến người bạn làm quan vay, họ giúp đỡ cũng chỉ khoảng trên năm mươi lạng. Rất may, một người làm quan ở tỉnh cùng quê, tôi đã trực tiếp đến van nài ông cho vay. Nhờ ông tôi vay được hai trăm lạng, làm văn tự cam kết rằng khi tôi về tới quê thì trả ông ấy. Tôi vô cùng cảm động trên đường đi tiêu pha hết sức tằn tiện, cuối cùng cũng đưa được linh cữu mẹ tôi về quê. Ngài thử nghĩ xem, một cử nhân vừa già vừa nghèo như tôi, trong lúc túng quẫn làm gì mà có tiền trả nợ. Những chủ nợ đến đòi nhiều lần, thấy hoàn cảnh tôi như thế có đòi tôi cũng chẳng có gì để trả, lời ra tiếng vào cuối cùng họ đập cửa chửi toáng lên. Hôm ấy tôi vắng nhà nhưng người đòi nợ vào tận nhà chửi bới lăng nhục, vợ tôi không kìm nổi chửi lại mấy câu. Những người ấy cố ý gây sự, nói: - Nợ đã chịu chày chịu bữa lại còn đánh người. - Họ đẩy vợ tôi ngã rồi ngắt đi. Vì uất quá, từ đó vợ tôi đổ bệnh, ốm tới hơn nửa năm trời rồi mất. Việc ấy đều là do không đỡ không đỡ là do Đình Toàn, bởi thế tôi đau nhói tận tim gan, muốn đâm cho hấn chết đi để báo thù cho vợ.

Nói tới đây Tiêu trưởng khoa lại giục:

- Tiên sinh, mời tiên sinh cạn chén đi chứ. Tiên sinh thấy đầy liêu hấn có đáng vạch mặt chỉ tên không?

- Đáng lắm. - Từ Bàng Tử gật đầu trả lời.

- Đây là ba việc lớn. - Tiêu trưởng khoa nói. - Tôi chỉ kể qua cho tiên sinh nghe. Song thực ra trong đó long đong vất vả, khổ sở còn gấp trăm lần tôi không dám kể hết, sợ làm rát tai tiên sinh. Gần đây tôi mới đỗ tiến sĩ, lúc đầu được cất nhắc lên chức này, thấy được tội ác hấn chồng chất tôi định tố cáo, song mỗi thù không đội trời chung này chưa thể trả được, đành bấm bụng chịu đựng. May mà nay đã núi lở đá nhào, đội ơn Thánh thượng tôi phải trút hết nỗi căm giận này. Tóm lại phải treo cổ hấn giữa chợ cũng là để

thỏa nổi uất hận ngàn năm. Mong tiên sinh đừng trách tôi, thật là những lời tôi nói làm rác tai ngài.

Bằng Tử nói:

- Hóa ra là như thế, tôi e rằng những người chịu lụy như thế không ít.
- Theo như ngài nói. - Tiêu trưởng khoa nói. - Ngài hiểu biết nhiều, xin ngài cứ dạy.

Bằng Tử trả lời một cách mập mờ:

- Tôi nói như thế chưa hẳn là chỉ Đinh Toàn.
- Tôi khẩn thiết mong tiên sinh xử ngay cho.

Họ uống với nhau thêm mấy chén nữa rồi mới cáo từ.

Đúng là:

Phật thuyết thật từ bi,

Chúng sinh nhiều đau khổ.

Mong anh niệm Phật kinh,

Muôn kiếp do nhân quả.

Giết người ngay giữa chợ,

Không biết rằng có ta.

Bé gái nâng chén rượu.

Nước mắt tựa châu sa.

Nghe nói ông đau đớn,

Giết nó cũng được thôi.

Thương cho người đọc sách

Không biết tai họa này.

Từ Bằng Tử uống rượu xong ra về, nói với Vương phu nhân:

- Hóa ra Đinh Toàn gây oan nghiệt không phải chỉ có ta, lên nay mới bị báo ứng nặng nề đến thế.
- Hẳn gây ra việc gì? - Vương phu nhân hỏi.

Bằng Tử kể chuyện Tiêu trưởng khoa, rồi nói:

- Bày mưu tính kế để đổ cử nhân, vội một chút cũng được, song nếu tiến sĩ thì muện một kỳ thi cũng chẳng sao. Có gì hẳn phải vội vả làm cho một người phải khuynh gia bại sản để mình được giàu sang phú quý? Tiêu trưởng khoa bị hẳn làm cho khuynh gia bại sản, mình so với ông ấy còn đỡ

hơn nhiều. Con đường công danh của hai người bị lâm vào cảnh khốn đốn như thế cũng là câu chuyện nực cười.

- Tên khốn nạn ấy đã dùng mọi mưu mô gian dối để hại người, nhân cơ hội này phải xử hắn thật nặng để làm bài học cho đời sau, trút đi nỗi uất hận của hai nhà và thỏa ý nguyện của ta.

- Đây cũng là tiền oan nghiệp chướng. - Từ Bằng Tử nói.

- Hắn nghĩ ra trăm phương ngàn kế để đồ cử nhân, tiến sĩ chỉ mong tử ấm thê phong, rạng danh tiên tổ, tận hưởng phú quý nhân gian, chiếm hết của cải trong thiên hạ. Ai ngờ hắn đã phải rập đầu trước thềm, chán nản tuyệt vọng như thế cũng là đủ. Nếu lại cứ báo oán lẫn nhau thì sự báo oán đến bao giờ mới chấm dứt được. Theo ý ta, thôi thì hãy tha cho hắn.

- Tiêu trưởng khoa đối địch với hắn, mà ta lại tha hắn. - Vương phu nhân nói. - Chẳng hóa ra ta cởi bỏ nỗi oan trên của ta để chuốc lấy sự thù hằn sau này ư?

- Tiêu trưởng khoa là người hiểu biết từng trải, chắc ông ấy cũng sẽ tha thứ. Việc ta chịu tội, lâu ngày ta mới nhận ra, tương lai đã thành sự thật thì tất cả những cái trước kia ta xóa đi hết.

Nói chưa dứt lời, thấy có người vào thưa, cấp trên có văn thư đến. Bằng Tử cầm lấy mở ra xem cười ha hả. Phu nhân nói:

- Có gì mà anh cười thế?

- Em báo báo thù, thì đây chẳng phải là sự báo thù ư?

- Báo thù nào?

- Văn thư của bộ Hộ gửi tới, - Từ Bằng Tử nói, - là nói về vụ cướp thuyền lương mà Lý Ma Tử là phạm nhân.

- A Di Đà Phật, - Phu nhân chấp tay nói. - Tên gian ác ấy ta căm giận đến tận xương tủy, chưa trả thù được, song bây giờ mới chui đầu vào lưới, thế thì mắt trời chưa thật sáng suốt.

- Mắt trời chưa thật sáng nhưng mắt người sáng suốt hơn.

- Từ Bằng Tử nói. - Tên này phạm vào tội không thể tha thứ, ta phải tìm hiểu cho kỹ, việc này không phải một mình Đình Toàn.

- Ý anh thế nào? - Phu nhân nói.

- Thăm vấn xong xuôi mới quyết định. - Từ Bằng Tử nói.

Ngày hôm sau cho giải Lý Ma Tử đến công đường, Từ Bằng Tử nói:

- Người là Lý Ma Tử có đúng không?
- Thưa ngài, đúng ạ.
- Người có nhận ra ta là ai không?
- Thưa ngài con không dám.
- Người có biết người vợ của họ Từ không? Có muốn gặp người vợ họ Từ không? Ta mời ra cho người gặp.

Lý Ma Tử biết việc ấy đã bị phát giác, chỉ cuối đầu nói:

- Phạm nhân đáng chết, phạm nhân đáng chết.

Bằng Tử rút lệnh ra, sai người đánh hấn bốn mươi gậy.

Sau đó Bằng Tử nói:

- Người là tên hung ác, người chưa vào tay ta cũng biết người phải chết, nay người cướp thuyền lương thì người có chạy đằng trời.
- Thưa ngài con là thằng vô lại, đã tiêu một ít tiền lương, con xin chịu hết.
- Người muốn chết cũng khó đấy. - Từ Bằng Tử nói. - Người có sản nghiệp gì không?

- Thưa ngài con chẳng có gì, chỉ có một mẹ già hơn sáu mươi tuổi, ở trên thuyền để lo cơm nước, ngoài ra con không còn chỗ dựa nào khác.

Bằng Tử quát, cho lính giải đi, hôm sau lệnh cho bắt những người chở lương trên thuyền. Bọn này đến. Từ Bằng Tử khuyên kẻ ít người nhiều trợ giúp hấn chút ít. Bằng Tử nói:

- Ta vốn vì các người, nếu hấn vu oan làm hại thì các người cũng phải bồi thường, lại còn tốn kém cho nha môn. Hơn nữa góp tiền của để cho một người không phải chịu tội thì cũng đẹp mặt cho cả bọn các người.

Mọi người cảm động trước tấm lòng ân nghĩa của Bằng Tử, kẻ nhiều người ít bồi thường cho Lý Ma Tử. Bằng Tử kết luận hấn mắc vào tội vật, vẫn bồi thường, rồi đuổi ra khỏi kinh thành. Quả là:

Bây giờ mới hết nỗi oan,

Ngoài đầu cứ hễ bồi hoàn là xong.

Vết xưa, Tần Hán, kìa trông,

Gió mua sấm chớp bão bùng khóc than.

Lại nói, Đinh Hiệp Công đã bị khép tội, song không thấy bộ Hình công bố.

Hắn nghĩ: "Mình đã rơi vào tay ông ta, ông ta lại gác lại bao nhiêu ngày như thế, nhất định sẽ thu thập thêm chứng cứ rồi ghép mình vào trọng tội". Bởi thế hắn sai người nói với một người thân trong làng, hiện đang nhậm chức tại kinh đô, nhờ ông ta tới Từ hình bộ nhận tội rằng:

Đinh Toàn tự biết mình đáng chết, trước hắn ác quá, song xin ngài nghĩ đến tình người làng, mở cho hắn con đường sống, hắn tình nguyện hiến nhà cửa, ruộng vườn ở quê quán để chuộc tội.

- Làm gì có chuyện đó. - Từ hình bộ nói. - Ta kéo dài ra là có ý khác. Đinh Hiệp Công có tội với Tiêu trưởng khoa, chứ đối ta hắn chẳng có liên quan gì.

- Cho dù không liên quan, - viên quan ấy nói, - cũng xin ngài làm một Lễ Trọng Liên, ý ngài thế nào?

- Đừng tưởng lầm như thế. - Từ hình bộ nói. - Tôi trì hoãn không có ý gì khác, ba hôm sau sẽ biết.

Viên quan về nói lại, Đinh Hiệp Công cứ nghi hoặc mãi. Quả nhiên ba hôm sau nghe chiếu chỉ lập Đông cung Thái tử, đại xá thiên hạ. Từ hình bộ theo lệ, tha tội cho Đinh toàn, chỉ bãi miễn chức, rồi làm văn bản tâu với Hoàng thượng, được Hoàng thượng chuẩn y rồi thi hành, lúc ấy Đinh Toàn mới hiểu Từ hình bộ lấy đức báo oán. Quả là một vị thánh trong quan trường, là vị Bồ Tát trong ân oán. Cả nhà Đinh Toàn vô cùng biết ơn, hôm sau Đinh Toàn khăn áo tới bộ Hình định chờ khi nào Từ hình bộ ra công đường, đích thân tới bái tạ. Bằng Tử biết được, treo một tấm biển đề rằng: "Việc hội thẩm đều theo chiếu chỉ, không cho phép đệ trình".

Đinh Toàn thấy bảng đề như thế nghĩ: "Đây là đấng quân tử đức độ có tấm lòng cao cả, không muốn gây ra cái ác đối với con người". Rồi hắn đứng ngoài cửa nghiêm trang vái tạ tám lần, không biết miệng xuýt xoa ca ngợi những gì. Đúng lúc Đinh Toàn đang nghiêm trang bái tạ thì thấy một người quần áo rách nát chạy tới quỳ trước cửa, nói oang oang:

- Cầu mong ông bà lớn đời đời công hầu, mãi mãi phú quý con cháu hưng thịnh, hưởng thọ nghìn năm.

Rồi anh ta cúi hàng ngàn hàng vạn lạy. Lúc đứng lên, đầu húc vào Đinh Toàn, hóa ra hai tên này thân nhau, bỗng chốc. những chuyện xưa lại hiện về. Hai người chuyện trò về quê nhà chấp tay niệm Phật rồi đi. Bạn có biết người đó là ai không, đó chính là Lý Ma Tử. Sau này họ đều trở thành người lương thiện từ cửa công đường của quan Từ hình bộ. Người gác cửa bẩm chuyện này với Từ Bằng Tử, song ông không hề để ý tới.

Các bạn thấy không, Từ Bằng Tử chịu biết bao giày vò, công danh bị người ta chiếm đoạt, tính mạng nằm trong tay họ và ngay tính mạng của người vợ cũng khó bảo toàn. Thế mà Từ Bằng Tử đã lấy đức báo oán, hoàn toàn quên hẳn mối thù. Tuy là một người từng trải, có học vấn, từ trong gian khổ mà ra song về cơ bản ông là một hạt giống của Phật. Còn như Tiêu trưởng khoa không phải là không gian khổ, không rèn luyện, song không thể học được sự quên mối thù của Từ Bằng Tử. Về sau Từ Bằng Tử được chuyển sang bộ Lại, được thăng lên Thái thượng tuần phủ, làm quan tới Thượng thư bộ Lại, hưởng thọ hơn chín mươi tuổi. Phu nhân sinh được hai con trai. Bằng Tử cũng không nghi ngờ gì Xuân Anh, nhớ lại tình xưa nghĩa cũ thời bần hàn, Bằng Tử lấy làm vợ lẽ và cũng sinh được một con trai. Ba đứa nối dõi thư hương. Hai người đỗ tiến sĩ, một người đỗ cử nhân, họ đều làm quan. Tất cả là do vợ chồng nhân từ tích đức mà được vậy.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 21

Khinh Tài Sắc Kẻ Cướp Đường Thuyết Pháp

Thoát Tử Sinh Đấng Nghĩa Hiệp Từ Tâm

Đừng nói người quê cảm khái sâu.

Đất trời nào biết có gì đâu,

Một người hiệp khách đầy cỏ dại

Quách huống tài danh chỉ vì tiền.

Ai bao ngàn năm không chính sử,

Chỉ tại đời này lắm quan tham.

Thế gian bao việc xin thử hỏi,

Cướp phải chăng tại rừng xanh.

Đây là bài thơ hình như không chỉ điều gì cụ thể, chẳng qua là cảm khái gửi gắm những suy nghĩ, mượn nó để bộc lộ những bất mãn phần uất của mình. Ngẫm nghĩ cho kỹ thì hình như bài thơ như là nói về những việc cụ thể, tôi là người đã vứt bỏ công danh, ngày ngày chạy theo ba bữa cơm đạm bạc, trong lúc nhàn rỗi cứ suy nghĩ về bài thơ ấy xem thế nào. Các bạn bảo, triều đình đặt ra bộ Lại, hằng ngày tuyển rất nhiều quan viên. Những viên quan này ta đòi hỏi họ phải làm gì? Không khác gì là đòi hỏi họ vỗ yên muôn dân. Việc vỗ yên muôn dân tuy nhiều, song không có gì quan trọng bằng đánh dẹp bọn cướp. Bởi thế người ta thường nói dẹp cướp yên dân. Triều đình có quan văn, lại có võ tướng, từ trấn tuần tướng lĩnh trở xuống, lại có du kích, phiên bố. Những người này ăn cơm gạo triều đình, rõ ràng là phải dẹp cướp yên dân.

Lẽ nào kẻ làm cướp, khi lọt lòng mẹ đã định sẵn mình nhất thiết phải là kẻ cướp? Cũng có kẻ đói khát bức bách, cũng có kẻ phạm tội không thể tha

thứ được, không còn cách nào khác buộc phải đi vào con đường ấy. Trong đó cũng có rất nhiều người vì phần uất mà giấu mình ở đó. Cũng có người trọng nghĩa khinh tài, cũng có người cứu giúp người hoạn nạn, cũng có người vung dao trừ khử bọn cường đạo giúp đỡ kẻ yếu đuối, cũng có người là kẻ phá gia chi tử, hối cải hiến thân cho đất nước. Những người này không thực hiện chí lớn của đời song lại không muốn làm điều xấu xa vô liêm sỉ, không muốn sống như con sâu cái kiến, không chịu làm điều lừa dối lương tâm, vơ vét những tiền tài đen tối. Cho dù tiết tháo, phẩm hạnh của mình không lập được thì cũng làm một trang nam nhi tự do, sống ngang tàng, khi việc thất bại, sẵn sàng đưa cổ cho người ta chém. Những người như thế hơn hẳn kẻ thực hiện mưu đồ đen tối để cướp của người. Bởi thế Lý Thiệp, một bậc tiên hiền đã làm thơ tặng họ rằng:

*Vừa gặp vì sao lại bỏ trốn,
Trên đời chỉ có một nửa anh.*

Thời ấy có thể nói là "chỉ có một nửa anh". Song ngày nay, câu ấy phải sửa là "Trên đời có ai được như anh". Thế nhưng, thứ nhất là đòi hỏi những người dẹp cướp yên dân phải chính trực, liêm khiết, chứ không đòi hỏi họ phải gương mẫu về mọi mặt. Thứ hai là, triều đình phải phá cách dùng người chứ không thể câu nệ cất nhắc người làm quan theo một con đường nhất định. Những người này nếu được làm quan sẽ phát huy hết tài năng và cống hiến hết mình cho đất nước. Tôi xin kể cho các bạn nghe một câu chuyện sau đây.

Thời Tư Mã Tấn, nước Ngô có hai danh sĩ, anh là Lục Cơ, em là Lục Vân, đời đời làm quan to. Chưa kể đến họ giàu có nhất nước, mà ngay học trò của họ cũng ở khắp thiên hạ. Nước Ngô thất bại, đất đai thuộc về triều Tấn. Hai anh em họ tài cao học rộng, không chịu nổi cuộc sống buồn tẻ, có người tiến cử họ, họ chuẩn bị rất nhiều của cải, mua thuyền chở tới Lạc Dương yết kiến triều đình. Hôm ấy, thuyền đậu dưới sông, nghe thấy có tiếng còi huýt thì thấy có rất nhiều người ập xuống cướp tất cả của cải trên

thuyền. Cửa cái đã chất đồng trên bờ mà họ vẫn còn gào thét bắt giết nó đi. Sợ quá Lục Cô vội chui vào khoang lái, ngồi thu mình ẩn nấp. Khoang lái có một khe hở. Lục Cơ len lén nhìn ra, thấy một tráng sĩ ngồi trên chiếc giường Hồ đặt trên bờ, đầu chít khăn xanh, mặc áo bào đỏ, dáng vẻ phi phàm, phong tư xuất chúng. Sai bảo mọi người, ai cũng nghe theo răm rắp. Phân chia của cải rất công bằng. Thấy thế Lục Cơ hết sức ngưỡng mộ, thầm khen ngợi. Không kìm nén nổi, tự nhiên gọi to:

- Tráng sĩ trên bờ có thể cho biết tính danh được không? Tôi có câu chuyện muốn nói.

Tráng sĩ giật mình, ngẩng đầu lên thì thấy một người ngồi xổm trong khoang lái nói ra, bèn cười nói:

- Anh nói gì?

- Tôi đã gặp nhiều người. - Lục Cơ nói. - Song thấy tướng mạo và hành động của tráng sĩ thật khác thường nhưng rất tiếc con người cao cả ấy lại chôn vùi vào con đường này. Sao tráng sĩ không bỏ quách nó đi, cố gắng học hành thành tài để cống hiến cho triều đình, khỏi uổng phí tài năng và phẩm hạnh.

Người tráng sĩ ấy nói:

- Ông có thể ra đây để ta gặp mặt được không?

Thấy thế Lục Cơ vội nhảy ra khỏi thuyền lên bờ, vái chào tráng sĩ. Hai người nói cho nhau biết họ tên. Người tráng sĩ ấy nói:

- Tôi là Đới Uyên, nhân vì thiên hạ nhiễu nhương nên tôi phải một mình phiêu bạt nơi đây mai đó, quả thực tôi chưa từng đi học. Nếu ông không vứt bỏ thì tôi xin tôn ông làm thầy.

Từ đó tráng sĩ ấy miệt mài học tập. Vui vì thấy ông lập chí. Lục Cơ hết lòng dạy dỗ, tiến cử ông làm quan. Sau này là trụ cột của triều tấn, vì người đẹp loạn, trở thành một người trung thần mà tên tuổi còn lưu mãi tới ngày nay.

Thời Tống lại có một tế tướng tên là Trương Tế Hiền. Khi chưa gặp thời, nghèo rớt mồng tơi. Ông chưa từng câu gấu với ai. Bụng ông cũng chưa bao giờ ăn được một bữa no. Hôm ấy đói quá chẳng có gì tiêu khiển, ông đành

vào thành chơi cho khuây khỏa. Thấy trong một gian nhà dột nát có rất nhiều bậc anh chị, xắn tay phanh ngực, ăn uống ngồm ngoàm, nói năng hùng hổ. Trương Tế Hiền biết đây là những tên dao búa, liền nghênh ngang bước vào, chấp tay vái. Một trong số bọn họ đùa anh rằng:

- Tú tài có biết uống rượu không?

- Sao lại không biết. - Trương Tế Hiền nói. - Các ông đều là hào kiệt, chỉ vì tể tướng không biết, không dùng các ông nên các ông mới thế. Tôi là một học trò nghèo, rất ghét những kẻ bỉ ổi xấu xa, mà lại kính trọng các ông.

Những tay anh chị này thấy chí khí hiên ngang, nói năng tự nhiên thoải mái, bèn mời anh ngồi hàng đầu. Anh ngồi xuống cũng chẳng hề giữ gìn ý tứ, gắp ăn, rót uống rất ngon lành, thấy thế họ đều bỏ đĩa bát xem anh. Anh mặc họ, cứ chén tràn, mâm bát hết nhãn mới bỏ đĩa, quệt quệt mồm nói:

- Tôi quấy rầy các ông nhiều, xin cáo lui.

Thoạt tiên anh như một tú tài, giờ đây trông anh còn hơn cả kẻ cướp. Mọi người nói:

- Anh đúng là một trang hảo hán, hiếm thấy trong đám nghèo kiết xác, xem ra sau này anh có thể làm tể tướng. Đến lúc ấy phải nhớ tới bọn này nhé.

Nói xong người mang gói, kẻ thì mang túi, ai cũng tặng cho anh. Tế Hiền không hề từ chối, vợ lấy hết rồi chấp tay vái, vác đồ đi ra. Sau này Trương Tế Hiền quả làm tể tướng thật. Xem ra người trước là trung thần, còn người sau là trí sĩ. Truyện này có ghi trong sử sách, song nếu lại cứ đưa thêm mấy chuyện nữa e rằng sẽ rờm rà. Tôi xin kể vào câu chuyện chính để các bạn nghe.

Vào nam Thuận Thiên, huyện Tân Kiến, phủ Nam Xương, tỉnh Giang Tây, có một tú tài tên là Thời Tăng, tự Đại Lai. Ông nội là một nhà nho, anh lấy một người vợ là Vạn thị. Thời ấy Đại Lai tuy học giỏi, nhiều lần đỗ loại ưu, song gia cảnh lại nghèo túng. Hằng ngày dựa vào dạy học mà sống. Vùng Giang Tây rất nghèo, tiền dạy học chẳng lấy gì làm nhiều. Tuy gia đình ít người, tiền dạy học cũng chỉ đủ tiêu pha tăng tiệm, chẳng dư dật chút nào.

Năm ấy đúng vào năm hạn hán mất mùa, ăn còn không đủ lấy đâu mà cung đốn cho thầy. Bởi thế anh không tìm được chỗ dạy học. Phàm là tú tài thì chỉ có dạy học là kiếm sống. Không có chỗ dạy thì không còn kế sinh nhai, những người khác tuy không còn kế sinh nhai nhưng còn có tiền vốn để chi dùng hoặc có thể làm giúp người khác kiếm sống. Song cái nghề tú tài quý hóa này thì có vốn đâu mà chi dùng, cũng chẳng biết tính toán nên cũng chẳng ai nhờ. Lại không biết gồng nạng gánh nhẹ, làm ngày nào sống ngày ấy. Các bạn bảo thế thì sao mà không nghèo. Lúc ấy Đại Lai đang buồn rầu ngồi trong nhà, nhìn bộ mặt võ vàng của vợ, chẳng khác nào kẻ thù, lúc nào mặt vợ cũng cau có, bởi đã ăn nhờ vợ đã hai ba tháng nay rồi.

Hôm ấy đúng vào lúc không còn một hạt gạo, thanh củi, Vạn thị nói với chồng:

- Nhà đã hết sạch gạo, anh đi đâu vay mấy đấu gạo ăn tạm hôm nay. Ngày mai em lấy tiền công khâu giày về thì có thể ăn thêm được mười ngày, anh tính sao?

Thời Đại Lai đáp:

- Được rồi!

Nói xong anh vội vàng vào bếp, định lấy chậu nước nóng rửa mặt mới đi. Nào ngờ đâu bếp núc lạnh tanh, nồi niêu lỏng chỏng. Thấy tình cảnh ấy anh vô cùng buồn bã, cảm cúi đi ngay. Vốn là khi nhận lời vợ, Thời Đại Lai cũng chưa biết sẽ tới nhà ai. Đến khi ra khỏi cửa anh mới sực nghĩ: "Mình cứ vội vã đi nhưng đi đến nhà ai đây". Anh đứng lại nghĩ một lát. Người dì của vợ ở ngoài cửa Quảng Nhuận có lẽ hàng tháng nay mình chưa đến, mượn dì ít tiền hoặc vay dì ít bạc chắc là cũng được thôi." Vừa mới đi được mấy bước anh lại nghĩ: "Không được, người chồng của dì là người phố xá, họ giàu mình nghèo, họ sẽ khinh thường, hôm nay đến nếu ông ấy không cho mượn thì nhục quá". Anh quay trở lại, đứng nghĩ một lát: "Ngoài cửa Chương Giang năm ngoái có một nhà có con học ta, anh ấy cũng có ăn, thôi thì mượn anh ta cũng được". Anh vội vàng đi được mấy chục bước lại nghĩ: "Không được, nhà túng thiếu thì họ mới cho con thôi học, nay lại đến mượn thì quả là chẳng biết điều một chút nào". Anh lại quay về, vừa đi vừa nghĩ:

“Cửa hàng của Ưông Chiêu Phụng ở Liêu Châu là cửa hàng cầm đồ, mang thẻ đi cũng có thể vay được ít tiền”. Rồi lại nghĩ: “Ta đến nhà người bạn họ Phó cũng có thể vay được mấy đấu gạo”. Nghĩ đến nhà này đến nhà khác, cứ đi đi lại lại trên đường như một người điên mất trí. Cũng không biết anh đi đi lại lại bao nhiêu lâu mà vẫn chưa vượt ra ngoài mười bước. Không ngờ một đứa trẻ bảy tám tuổi, tay cầm một chiếc bát, bên trong có đựng một ít mỡ đi tới, vấp phải anh, chiếc bát rơi chát xuống đường vỡ tan tành. Đứa bé nào có sá gì đến anh, nó túm ngay lấy Thời Đại Lai bắt đền.

- Hãy đền ta đi.

Thời Đại Lai lấy đầu ra tiền mà đền, cuống lên nói:

- Cháu đi đường, tôi cũng đi đường, cháu lỡ tay đánh rơi, sao lại bắt tôi đền.

Đứa trẻ khóc khóc mếu mếu, nói:

- Ông không trả tôi, tôi cũng không về nhà được, tôi cùng đi chết với ông thôi.

Trong phút chốc, người ta xúm đen xúm đỏ, có người nói:

- Đứa bé ấy đánh đổ nhiều hay ít mà khóc dữ vậy?

- Cháu đi mua một đồng mỡ. - Thằng bé nói. - Về xào rau cho bố cháu ăn, rồi đi Nam Kinh, thế mà ông ấy đánh vỡ mất cái bát của cháu.

Lại có người nói với Thời Đại Lai:

- Ông là người ở đâu, đã đánh vỡ bát của nó rồi, thôi thì hãy đền cho nó.

- Tôi là học trò của phủ này. - Thời Đại Lai nói. - Quả thực trong người tôi không mang một đồng nào. Nếu có thì một đồng chứ nhiều hơn tôi cũng đền.

Lại có người nói:

- Anh là học trò thì đi đường cũng phải có văn hóa một chút chứ, vì sao anh đánh vỡ chiếc bát của thằng bé, hóa ra anh cũng không bằng một đứa trẻ.

Trông chàng hào khí ba ngàn trượng,

Trong túi thế mà chẳng một xu.

Mặt ngựa đầu trâu đời bao kẻ,

Vàng đeo xứng xoảng, kẻ ngu ngơ.

Đứa bé ấy cứ túm chặt lấy anh, dù chết cũng không buông, bắt anh đèn cho bằng được. Những người xem cứ nhao nhao cả lên ầm ĩ, khiến cho Thời Đại Lai không biết làm thế nào, nếu có thể chui xuống đất được thì anh cũng chui ngay. Chiếc áo dài may bằng vải của anh cũng bị xé toạc chẳng còn ra gì nữa. Bỗng anh thấy một trang nam nhi, thân cao bảy thước, hàm râu rậm dài hơn một thước, trông như Quan Công. Bước tới rẽ mọi người ra, vốc một vốc tiền trong túi trước ngực, bảo đứa bé:

- Hãy cầm lấy mang đi.

Sau đó, người ấy kéo Thời Đại Lai đi, nói:

- Tướng công hãy theo ta.

Cuối cùng đám đông bỏ đi. Bạn hãy xem người ấy ăn mặc thế nào.

Đầu đội khăn chữ nhất,

Thân mặc áo chiến bào.

Lưng đeo bao tên,

Chân đi giày ủng.

Tóc búi trang nghiêm,

Chòm râu phất phới.

Lưng sáng loáng thanh đao,

Mắt đăm đăm sát khí.

Sợ gì ma quỷ quấy rầy.

Lúc ấy Đại Lai uất quá, anh như người ngầy dại, thuận chân đi theo ông ta mấy chục bước. Người ấy kéo anh lên lầu của một tiệm lớn, ấn anh ngồi xuống rồi lớn tiếng gọi rượu. Thời Đại Lai lúc này đã bình tĩnh trở lại nói:

- Tráng sĩ là ai, tráng sĩ lắm rồi.

- Mỗ là người Bắc Trục, có chút việc ngồi trên lầu chờ một người bạn đã từ sớm, thấy ông đi đi lại lại trên đường. Ngay tôi nhìn thấy cũng không kìm nén nổi, tôi ngờ rằng tiên sinh đang có việc gì bất đắc dĩ ghê gớm lắm, đang định xuống lầu hỏi xem sao, không ngờ lại xảy ra việc này. Xin hỏi tiên sinh vì có gì vậy?

Thời Đại Lai không dám nói thẳng, chỉ nói hàm hồ:

- Chẳng có việc gì, chỉ định đi thăm một người bạn để tán gẫu thôi.
- Đại trưởng phu, - người ấy nói, - một lời cũng trở thành tương đắc, đâu nhất định là một việc lớn nan giải, ta cũng có thể giúp được đôi chút. Sao tiên sinh lại giấu ta như thế, có thể nói tiên sinh chưa hiểu người.

Nghe thấy thế Đại Lai nghĩ rằng đây đây là một người lạ lùng, bèn nói:

- Không giấu ngài, tôi là thư sinh trường phủ, sống bằng nghề dạy học, năm nay hạn hán mất mùa nên học trò không đi học nữa, gạo củi trong nhà đều hết, định tới nhờ vả mấy người bạn vay ít tiền để sống qua những ngày đói kém. Vừa ra khỏi cửa, trong lòng cứ do dự chưa biết là tới đâu thì gặp đứa bé này cứ chửi toán lên, đáng vẻ xấu xa đón hèn của hàn sĩ đã bị người ta ghê lạnh. Nếu đúng lúc ấy mà không gặp được ân nhân thì không biết bây giờ tôi đã ra sao.

Nói xong nước mắt cứ chực trào ra. Người ấy gật gật đầu thở dài, nói:

- Cũng là người đọc sách, người nào gặp thuận lợi thì suốt ngày chỉ cùm kẹp đánh đập người đời, nhẫn tâm vơ vét bóc lột của cải của người khác, giàu có không ai địch nổi vậy mà vẫn không biết chán, cứ vơ vét mãi, còn những người không gặp vận thì không những cái đói rét nó bám riết lấy bản thân, mà ngay cả vợ con cũng chẳng bảo toàn được. Vừa mới đây thôi, chỉ có một đồng không trả nổi đã chịu biết bao xấu xa cay đắng, xem ra ông trời xếp đặt rất bất công. - Thế rồi người ấy bô bô nói. - Tôi cứ ngỡ là có chuyện gì to tát lắm, hóa ra chỉ là cái việc con con, đáng thương, đáng thương thay. Có điều tôi ngồi đây đã lâu muốn tới đó ngay, nay tôi không thể tiếp ông tới cuối bữa được.

Nói xong, người ấy đưa tay lên túi ngực, móc ra một gói đặt xuống bàn đến keng một tiếng, nói:

- Hôm nay ta không chuẩn bị, chỉ mang một ít bạc mua chút lót dạ, thôi thì ông cứ nhận lấy, đừng trách tôi. Chào ông. - Khi đi người ấy còn quay lại nói. - Rượu và thức nhắm hãy còn, tiên sinh cứ nhẫn nha, yên tâm dùng nốt tôi đã trả tiền.

Nói xong người ấy nhẹ nhàng xuống lầu. Lúc ấy Đại Lai đang định chối từ, chưa kịp nói thì người ấy đã xuống tầng dưới, đưa một gói to cho chủ quán, nói:

- Đây là tiền uống rượu, trên gác đang còn một vị tướng công đang uống, tôi trả cả vào đây. Hãy cầm lấy, tôi sẽ tính toán sau.

Thời Đại Lai xuống lầu đuổi theo thì người ấy đã đi tới đường, đi qua mấy nhà rồi. Thời Đại Lai gọi toáng lên:

- Hãy đứng lại đã. Xin ông cho biết quý danh.

Người ấy vừa đi vừa đáp lại:

- Biệt hiệu của ta là Phong Nhiễm Tử.

Vừa nghe hết câu thì không thấy người ấy đâu nữa. Thời Đại Lai quay lại tửu lâu, thấy rượu và thức ăn vẫn còn bày trên bàn, anh vừa ăn vừa ngẫm nghĩ: "Thiên hạ sao có những người lạ lùng như thế, đến ngay cả hai chữ cảm ơn cũng không nhận, cứ vội vàng đi như bay. Lẽ nào đây là giấc mơ? Không gói đồ vẫn đang nằm trên bàn, gõ vào kêu keng keng, ta nghĩ trên đời này còn có nhiều hiệp sĩ cao thượng, phần đông là những người như thế này. Đáng tiếc là người ấy đi quá vội không được chuyện trò lâu. Anh ăn hết những thức ăn trên bàn, rồi cầm lấy gói xuống lầu. Đúng là:

Có duyên nghìn dặm mà cũng gặp,

Ai ngờ năm ấy vận chưa thông.

Hôm nay gặp bác phải say khướt,

Đừng theo chim nội chửi gió xuân.

Lại nói, vợ Thời Đại Lai ở nhà, bóp bụng chờ đợi, song chẳng thấy bóng dáng chồng về. Mãi tới chiều Thời Đại Lai mới mở cửa bước vào, mặt đỏ phừng phừng, tươi cười hơn hở

Vạn thị hỏi:

- Anh vay được bao nhiêu?

- Chẳng vay được một hào nào.

- Không vay được thì sao mãi đến tối mới về, lại ăn no uống say như vậy?

Thời Đại Lai vứt cái gói xuống bàn, nói:

- Em nhìn đói đến tận bây giờ, anh cũng rất thương em, anh đưa cái này cho em xem đây.

- Cái gì thế?

Vạn thị cầm lên thấy nặng nặng, mở ra xem thì thấy có năm gói, mỗi gói mười lạng, đều là loại bạc cổ nguyên chất.

Vạn thị nói:

- Cái này ở đâu ra, hay lại làm điều gì sai trái.

Thời Đại Lai cười ha hả, nói:

- Ta là người có học, sao lại làm bậy được.

- Vậy thì ai cho anh mượn?

Thời Đại Lai kể lại tỉ mỉ từ đầu đến đuôi những chuyện đã xảy ra hôm nay cho vợ nghe. Vạn thị nói:

- Nhất định là thần tiên thương mình rồi, thấy vợ chồng mình cùng cực quá, đến đây cứu vớt chúng ta. Anh có hỏi tên người ấy không?

- Người ấy lông mày cao, mắt sáng, râu quay nón rậm mà dài, lại có phong khí phiêu diêu như lướt trên mây. Có thể là thần tiên chưa biết chừng. Anh vội chạy theo hỏi họ tên, thì người ấy chỉ nói là Phong Nhiễm Tử, rồi biến mất. Anh nghĩ, số bạc này có trả lại cũng không được, giờ hãy mượn một ít để chi dùng có ngại gì. Hãy mở gói ra lấy một phong mua mấy gánh củi, một gánh gạo, ít mắm muối, rau rợ, mau thêm chút rượu thịt, để anh với em ăn một bữa tươi.

Một lát sau, trong nhà náo nhiệt ồn ào hẳn lên như có thêm rất đông người. Hai vợ chồng cười nói râm ran chứ không buồn bã lạnh lẽo như trước nữa. Các bạn thân mến, Phong Nhiễm Tử là ai vậy? Ông vốn là một tướng cướp, song ông đi ăn cướp khác với người khác. Những tên cướp khác ngay cả những người buôn thúng bán mẹt chúng cũng không tha, quần áo rách nát chúng cũng vơ cho bằng hết. Đại Lai cho rằng: "Làm người tốt có tông tích của người tốt. Ngay làm người xấu cũng có phẩm tiết của người xấu. Đại trượng phu đã đầu thai ở cõi đời, cũng phải vì trời mà để lại một chút nhân ái, vì triều đình mà cống hiến một chút công lao, vì gia đình mà để lại chút danh thơm. Nếu như buôn bán, mang tiền vốn của cha ông, băng đèo lội suối, lo lắng sợ hãi, chỉ kiếm được chút ít lãi, về nhà trả nợ, nuôi nấng cha mẹ vợ con. Nếu anh bán với giá cắt cổ thì trời cũng không dung. Còn những kẻ tham quan ô lại, ăn bổng lộc của triều đình, lại dùng cùm kẹp, để

bóp nặn dân nghèo, dùng hết khiêng nặng gánh nhẹ để sống một đời xa hoa dâm dăng. Nếu triều đình biết được không những truy hồi tang vật, mà còn phải chịu tội. Nay ta phát hiện ra tang vật, tha tội cho ông ta, ta vì triều đình thực thi lòng nhân ái ngoài pháp luật, thì quả là có lợi cho ông ấy". Bởi Phong Nhiễm Tử gặp những người ít vốn cũng không để ý tới, gặp những người làm quan cũng không khúm núm. Tuy là cướp đây, song có thể coi những hiệp sĩ cao thượng. Lúc ấy ngẫu nhiên gặp Thời Đại Lai ông ta động lòng thương cứu giúp, Thời Đại Lai cũng không biết đây là họa hay phúc. Hôm sau, Thời Đại Lai mua hai bộ quần áo mặc vào chẳng ai dám bảo anh là thầy đồ thất nghiệp

*Hơn nhau tấm áo manh quần,
Thả ra mình trần ai cũng như ai.
Tây Thi nếu mặc đay gai,
Ra đường cũng chẳng có ai buồn nhìn.
Áo nâu giấu ngọc trong tim,
Dẫu là Khổng Mạnh ai nhìn cho ra.
Xuân về trời đất đầy hoa.
Lú lo chim chóc hát ca từng bừng.*

Bởi thế, ăn mặc vào, Thời Đại Lai ra dáng một cử nhân. Tục ngữ có câu, chó không cắn quân tử. Lẽ nào chó là loại thông minh, nó thấy anh ăn mặc sang trọng như một người quyền thế, chó không dám cắn. Thấy anh ăn mặc đẹp thì dù anh là thằng ăn mày, khi ăn cỗ người ta cũng mời anh ngồi mâm trên. Ngay đi đường tuy không quen biết anh, nhưng người ta vẫn nhường đường. Nếu như anh ăn mặc rách rưới thì dù văn anh có như Khổng Mạnh, võ ngang với Tôn Ngô(1) thì chẳng nói gì tới ngồi cỗ, mà ngay anh đi đường, đứa ăn mày nó cũng hất anh sang một bên để đi trước. Đây là thói tục từ thuở khai thiên lập địa, trách sao được.

(1) Tôn Ngô: tức Tôn Tử, Ngô Khởi, hai nhà binh pháp thời Chiến Quốc.
(ND)

Lại nói Thời Đại Lai, mặc chiếc áo dài lụa mới mua, đi thăm người bạn họ Phó trở về, nghe thấy có người đằng sau gọi: "Thời tướng công tiên sinh". Quay lại thì đó là Lữ Du Chi, anh dừng lại. Du Chi nhìn Đại Lai từ đầu đến

chân nói:

- Mừng cho anh năm nay có chỗ dạy tốt.
- Có chỗ dạy đâu mà tốt.
- Không có chỗ dạy càng tốt, tôi có một chuyện định nói với anh.
- Xin sẵn sàng nghe anh đây.
- Có một thái phú phủ Triều Châu, Quảng Đông, thuyền đậu ở Liễu Châu rồi đi nhậm chức, muốn mời một người giúp việc ở bản địa. Hôm kia tin ấy lọt đến tai, tôi định nhận đây kiếm mấy lạng bạc, đi suốt hai ba hôm nay vẫn chưa tìm được người quen biết. Nếu anh không có lớp dạy thì có chịu làm việc này không?

Thời Đại Lai hết sức mừng rỡ, nói:

- Xin nhờ anh giúp cho, việc này anh rất thành thạo.
- Nếu anh đã nói thế thì anh cứ đi về đi, tôi đi một lát sẽ tới.

Một lát sau, Lữ Du Chi cùng một vị áo xanh mang tờ thiếp hồng, một gói sáu lạng làm quà tặng. Người ấy nói với Thời Đại Lai:

- Nói bằng nào tôi trả bằng ấy, công mỗi năm tôi trả một trăm hai mươi lạng. Trả trước một nửa để nhà yên tâm, sáng ngày kia nhổ neo. Lát nữa mời ông tới gặp ông lớn.

Thời Đại Lai nhận tiền rồi hai người lên thuyền, tri phủ thấy Đại Lai áo là tươm tất, nói năng nhã nhặn, bèn nhận ngay và nói:

- Nhờ ông thu xếp sớm, trưa mai đã nhổ neo lên đường. Sau đó tri phủ gói sáu mươi lạng bạc ứng trước tiền công đưa cho Thời Đại Lai, Thời Lai nhận bạc rồi tri phủ tiễn ra khỏi thuyền. Lữ Du Chi đến sớm, Đại Lai mở gói ngay trước mặt lấy hai bao tạ ơn Dụ Chi, còn lại anh đưa cho vợ. Hôm sau Đại Lai thu xếp lên đường, ngày thứ hai họ hò reo nhổ neo. Đi tới Nam Lĩnh thuê ngựa thồ vượt qua núi. Đúng là:

*Chẳng phiền dịch sứ gửi hoa mai,
Vận đến gió đưa, Đẳng Vân Các.*

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 21 (B)

Viên tri phủ này họ Nhậm, vốn xuất thân từ khoa giáp, là người cực kỳ tham lam, đầu tiên được nhậm chức tri huyện Cối Kê. Hắn chẳng giữ thể diện gì, lừa cả nguyên cáo lẫn bị cáo, bị người địa phương vạch trần, không trụ nổi hắn dùng tiền đút lót để được điều tới huyện Tĩnh An, tỉnh Giang Tây. Hắn vừa đến thì huyện Tĩnh An trở thành bất an. Hắn tìm mọi cách vơ vét cho bằng hết. Làm được hai năm thì bị phê phán, không được hai nha môn cất nhắc, song hắn đã tìm mọi cách để leo lên chủ sự bộ Hộ. Vận của hắn đang lên, hắn được trông coi việc quản lương và thu thuế, phụ thu lạm bổ quá nhiều. Số bạc hắn vơ vét được không sao kể xiết. Hắn thăm dò thấy Triều Châu sẽ là nơi phát tài, hắn bèn tìm cách để được làm tri phủ Triều Châu. Những người thân đi theo không nhiều, chỉ có phu nhân và một tiểu thư là Trại Nhí, với ý là con trai cũng không sánh kịp. Tiểu thư rất xinh đẹp, hiểu biết rộng, coi thường cha mình chỉ vì tiền tài, sợ rằng việc quan sẽ gặp nhiều bất lợi, cô thường can ngăn cha. Thấy con bất hiếu nên tri phủ cũng không quý cô, ông ta có hai thuyền lớn, thờ đầy ắp, không kể tới đồ đạc to và nặng, ngay những đồ cổ quý hiếm cũng chất đầy cũng lóa mắt không sao đếm xuể. Hôm ấy thuê phu mang vác qua dốc núi, người gánh kẻ khiêng kìn kìn, kéo thành một đoàn dài. Không giống như người đi nhậm chức mà giống một viên quan dọn nhà về quê. Hành lý đi trước, phu nhân và tiểu thư đi sau, tri phủ Nhậm áp tải đi sau, bỗng thấy có tiếng còi vang lên, mấy mũi tên bằng gỗ liễu vụt qua trước mặt, tất cả đều hốt hoảng đứng lại. Thấy hơn mười người đàn ông xông tới cướp hành lý. Họ nói:

- Bắt trói tên cướp của ấy giết đi.

Một lát sau họ trói tri phủ Nhậm lại. Đang lúc kêu trời kêu đất thì bọn Thời Đại Lai đi ở đằng sau, ngồi trên xe, từ đầu dốc đi tới, được báo là hàng của quan bị cướp. Đại Lai giật mình vội chạy lên phía trước, đứng trên cao

quan sát thì một người trong bọn họ nói:

- Hóa ra Thời tướng công cũng đến, thôi thả hãn ra.

Thế là đột nhiên những người này bỏ đi hết, tri phủ được mọi người cời trói, song hành lý, lương thực, ngay cả tiểu thư cũng mất hút. Tri phủ nói:

- Rõ ràng vừa rồi nghe thấy bọn cướp nói tới Thời tướng công, vì sao chúng biết được lão Thời? Nếu hôm nay không đi cùng ông ấy thì ta đã toi mạng rồi. Ta không thể ở lâu trên dốc núi này, phải tới ngay phủ Nam Hùng rồi sẽ tìm hiểu sau.

Lát sau tới phủ Nam Hùng, vì không thấy tiểu thư, Nhậm tri phủ nghĩ, "bọn cướp này đã cướp của của ta lại còn cướp cả con gái của ta nữa". Rồi tri phủ Nhậm lại nghĩ tiếp, đúng rồi, đúng rồi, bọn cướp nhận ra lão Thời, tại sao không truy hãn tận gốc, lúc ấy sẽ tìm ra con gái, thế là hãn quên cả ơn cứu mạng. Đúng là:

*Chỉ mưu thực hiện không thành kế,
Chẳng nghĩ mình đã hút máu người.*

Hôm sau tri phủ Nhậm đích thân tới bái kiến tri phủ Nam Hùng, kể lại chuyện đã xảy ra, hãn nói:

- Cái khác thì thôi, tôi chỉ thương đứa con gái, ai ngờ người giúp việc mình mới tới lại câu kết với bọn người này, mong ngài nghiêm trị Thời Đại Lai, nhất định hãn sẽ khai. Con tôi được trở về, còn tất cả tang vật thu được sẽ dâng cho ngài, tôi sẽ hậu tạ.

- Xin nghe lời dạy bảo của ngài, xin cảm ơn ngài. - Tri phủ Nam Hùng nói.

Vốn là, khi tri phủ Nhậm nghe thấy câu nói ấy thì Thời Đại Lai còn ở đằng sau, nên không hay biết gì.

Đến khi tri phủ Nhậm đến bái kiến tri phủ Nam Hùng trở về, Thời Đại Lai ra đón, nói:

- Bái kiến ngài nên nhờ ngài bắt là tốt nhất.

Tri phủ hùng hổ nói:

- Không cần bắt cũng tìm ra tám chín phần rồi.

Nói xong hần đi vào, Thời Đại Lai chỉ nghĩ ông ta đang đau thương nên tỏ ra bức bối như thế. Vừa quay đầu lại đã thấy một bọn người hùng hổ cầm xích sắt xông vào tròng cổ anh lôi đi. Thời Đại Lai nói:

- Tại sao vậy?

Ra tới cổng gặp người quản gia, anh nói:

- Anh báo ngay cho ông lớn biết, những người này vô cớ bắt người, hãy cứu tôi ngay.

Người quản gia vờ vịt nói:

- Anh đi mà báo.

Thời Đại Lai kinh ngạc nghi ngờ, không sao quyết được, bèn nói với người ấy rằng:

- Các ông theo lệnh ai đến đây, đừng có làm bừa như thế, ta là tướng công do ngài Nhậm mời tới.

Những người ấy nói:

- Thì chính người mời anh là nguyên cáo.

- Việc này căn cứ vào đâu vậy? - Thời Đại Lai nói.

Những người ấy cứ lôi bừa đi, nói:

- Đến đây rồi sẽ hiểu.

Đúng là:

Không gió mà nổi sóng

Nói ra thật đáng khinh.

Thời Đại Lai không biết tình hình bên trong thế nào, vẫn cứ trông chờ Nhậm tri phủ cứu giúp. Cả gan theo họ tới phủ Nam Hùng. Tri phủ lập tức lên công đường, nhìn Thời Đại Lai nói:

- Đúng là tên giúp việc lại là kẻ cướp.

Thời Đại Lai đồng dục nói:

- Kẻ cướp là kẻ cướp, người giúp việc là người giúp việc, tại sao ngài lại bảo người giúp việc là kẻ cướp?

- Ngài Nhậm tri phủ có lòng tốt với người, tại sao người lại thông đồng với

bọn cướp, cướp tài sản của ngài, mà lại còn cướp cả con gái ngài nữa? Ta cho rằng người thấy cô đẹp, nên cướp cô ấy về làm vợ chủ trại. Như thế thì người làm quan ai dám mời người giúp việc. Hãy kẹ nó ngay cho ta.

- Ngài căn cứ vào đâu? Ngài đã vô cớ đổ oan cho tôi.

- Mày không thông đồng thì tại sao bọn cướp biết mà gọi tên mày?

- Ai nghe thấy?

- Tất có người nghe thấy, mày hãy khai mau họ tên bọn chúng, tàng trữ ở đâu, nếu truy tìm được tang vật ta sẽ tha ngay.

- Giữa thanh thiên bạch nhật mà tôi mắc nỗi oan trái này, thà tôi chết làm quỷ, xuống diêm vương kêu oan chứ không biết ai mà khai.

Viên tri phủ chỉ mong tìm ra tang vật để làm vật tạ ơn, chứ kể gì đến oan hay không. Đột nhiên tri phủ nổi giận, gọi người kẹ Đại Lai. Bọn sai nha nhất tề xông tới đánh Đại Lai huỳnh huych. Tri phủ định bóc trần sự thật, thấy Đại Lai lần đầu chưa khai, đành hoãn lại, nói:

- Giam hãm lại, chờ thẩm vấn sau.

Sau đó tri phủ Nam Hùng sai người báo cho tri phủ Nhậm. Tri phủ Nhậm trực tiếp đến bàn với tri phủ Nam Hùng một lần nữa rồi mới từ biệt tới nhiệm sở.

Lại nói người cướp ở Mai Lĩnh là ai vậy? Đó chính là người của Phong Nhiễm Tử. Họ thấy Thời Đại Lai bèn cùng nhau quay về. Tối bản doanh, thấy trước cửa trại có một chiếc kiệu, Phong Nhiễm Tử hỏi:

- Kiệu này khiêng ở đâu về thế?

- Đây là con gái tên tham quan.

- Ai cho các người khiêng về, có làm cô ấy sợ không?

- Chưa ai dám động đến cô ấy. Ngài hãy kiểm tra xem.

Phong Nhiễm Tử lập tức đến gặp tiểu thư, ông vái chào, nói:

- Tiểu thư đừng sợ, vì ta nghe người trị dân huyện Tĩnh An rất tàn ác, nhân dân ta oán, ta muốn trừ tai họa cho dân, nhưng chưa thực hiện được. Nay hãm lại được thăng chức quyền về Tuần Châu, hành lý mang theo nhiều vô kể, ta đã gặp tại Mai Lĩnh, động chạm đến ý muốn của ta xưa kia. Khi ở trên núi, ta trông thấy Thời tú tài. Ông là người chính nhân quân tử nếu ông cùng đi với cha cô thì hẳn ông đã giúp cha cô đi theo con đường ngay

thắng, bởi thế mới quay về. Không ngờ những người anh em của ta không hiểu lòng ta, làm phiền đến tiểu thư xin tiểu thư đừng sợ hãi, nhất định ngày mai tôi sẽ đưa tiểu thư về Nam Hùng, giao tiểu thư cho tri huyện.

Tiểu thư cúi đầu tạ ơn, nói:

- Nếu được trả về thì quả thật ngài là cha mẹ sinh ra thiếp lần thứ hai.

Phong Nhiễm Tử sắp xếp cho tiểu thư nghỉ tại một phòng sạch sẽ yên tĩnh, sai người trông coi tiểu thư. Hôm sau Phong Nhiễm Tử thuê mấy người khiêng kiệu ở bản địa và sai mấy người đi theo. Tiểu thư nghĩ bụng:

- Trong thiên hạ sao lại có kẻ cướp tốt như thế, họ lại chịu trả ta về, mà không biết tại sao Thờ tiên sinh lại quen biết những người ấy? Lẽ nào ông ấy lại là cướp? Vừa rồi ta đã nghe ông ấy nói về cha mình, quả là không sai. Người này đúng là một chính nhân quân tử. Việc này xem ra ông ấy không phải là cướp và vì sao những người ăn cướp ấy lại kính trọng ông ấy đến thế.

Một lát sau những người tiễn tiểu thư tới Nam Hùng trở về. Nhậm tiểu thư được ra, nắm với tri phủ Nam Hùng, ông ta gọi thuyền đưa ngay đến Triều Châu và sai người đi theo, rồi về nói lại với mình.

Những người tiễn tiểu thư về trại. Phong Nhiễm Tử hỏi:

- Đã đưa cô ấy tới nơi chưa? Không bỏ rơi đấy chứ?

Những người ấy nói:

- Không những không bỏ rơi mà còn nghe được một chuyện nực cười, ông hãy tới mà xem.

Phong Nhiễm Tử vội mở ra, thấy một tờ yết thị, trong đó viết:

“Nay ta hiểu dụ, theo Nhậm tri phủ Triều Châu nói, ngài đưa gia quyến tới nhiệm sở, qua Mai Lĩnh gặp cướp, cướp hành lý lương thực không sao kể xiết và còn cướp cả tiểu thư, hiện không biết ở đâu. Nay biết được Thờ Đại Lai là đầu sỏ, đã thông đồng với bọn cướp làm nội ứng. Thờ Đại Lai đã bị bắt và đã bị kêu án. Chờ điều ra, truy lùng bọn dư đảng. Nếu ai biết tin tức báo cho phủ quan, sẽ thưởng cho năm mươi lạng bạc, kẻ nào che giấu, bị phát giác sẽ bị trọng tội, quyết không tha thứ. Nay yết thị.”

Phong Nhiễm Tử đọc xong, giậm chân nói:

- Ta đã làm hại anh ấy, là tú tài làm sao anh ấy chịu đựng nổi. - Ngẫm nghĩ một lát Nhiễm Tử nói tiếp. - Đúng rồi, đúng rồi.

Sau đó Nhiễm Tử tập hợp mọi người lại, nói:

- Ta có việc này, các anh em phải theo ta. Về chuyện ở Mai Lĩnh chúng ta đã làm hỏng việc. Đại trượng phu tự gây ra thì phải tự chịu trách nhiệm, chúng ta giờ cố cho nó chém, chúng ta chẳng phải hối hận gì. Chỉ có điều chúng ta không đáng sai, nói có một câu mà đã làm hại Thờì tú tài. Chúng ta được hưởng hạnh phúc mà để cho anh ấy vô cớ chịu oan. Không những chúng ta không chịu nổi, mà cũng phải làm cho chân lý sáng tỏ. Theo ta phải như thế... như thế... thì mới cứu anh ấy được, ta dù có chết cũng không ân hận. Anh em phải giúp ta đi một chuyến.

Tất cả mọi người nói:

- Đây là việc lớn xin nghe theo ông dạy bảo.

- Thế rồi họ mổ trâu bò, ăn uống với nhau một bữa hả hê.

Hôm sau tất cả đều giấu vũ khí giấu trong người, giả làm người bán thuốc, bán củi... lần lượt tiến vào thành trót lọt. Phong Nhiễm Tử nói với mọi người rằng:

- Đáng cười thay phủ Nam Hùng, quả là một gã ngu độn. Lẽ nào bọn cướp lại xưng danh với mọi người. Thế mà chó ngáp phải ruồi, hấn đổ hai bảng mới được làm quan. Ta phải cứu được tú tài và đập nát cái đầu đần độn này mới hả giận.

Mọi người đồng thanh đáp:

- Đúng là như thế.

Quả là:

*Rõ ràng người trong Thủy Hử truyện,
Chỉ thiếu Trương Thúc Dạ chiêu an.*

Đợi tới khi trời tối, một tiếng hô vang, họ rút khí giới ra, xông vào phá cửa ngục. Phong Nhiễm Tử vọt lên trước, lục soát khắp mọi nơi mới tìm thấy Thờì Đại Lai. Song anh đã bị chúng kẹp nát mất một chân. Nhiễm Tử lệnh cho mọi người công anh ra. Lúc ấy vì đã cứu được người nên không tiến

vào phủ nữa . Đoàn người rút khỏi thành, đi mãi miết suốt cả đêm. Được chừng năm mươi dặm mới ngừng lại. Họ đặt Thời Đại Lai xuống. Phong Nhiễm Tử nói với anh:

- Thời tiên sinh, chúng tôi đã làm anh phải khổ!

Thời Đại Lai nhìn Nhiễm Tử, nói:

- Đây là thực hay mơ, nếu không thì làm sao mà tôi được đến đây.

Phong Nhiễm Tử kể lại từ đầu đến cuối cho Thời Đại Lai nghe. Thời Đại Lai nói:

- Như thế thì ta chẳng trách lão Nhậm được, anh cũng đừng bắt con gái hấn.

Phong Nhiễm Tử lại kể cho anh nghe chuyện trả người con gái ấy. Thời Đại Lai nói:

- Anh đã làm một việc như thánh nhân, tôi dù có chết cũng cam lòng. Song chỉ có điều cứu tôi ra lẽ nào lại bảo tôi theo con đường của các anh.

Phong Nhiễm Tử nói:

- Chúng tôi cũng không khuyên anh làm theo chúng tôi, anh là người có học, phải có khát vọng thăng tiến. Nơi này không ở lâu được, trời lại sắp sáng, tôi chỉ còn một trăm lạng anh hãy cầm lấy làm tiền lộ phí về nhà. Phải nhanh chóng đi khỏi nơi này, nhất thiết không thể nấn ná mà hỏng việc.

Thời Đại Lai nhận bạc nước mắt giàn giụa nói:

- Tôi hết sức cảm ơn anh đã quan tâm, tôi không biết lấy gì để đền ơn cứu mạng này, trượng phu có lòng xin đợi đến dịp khác bây giờ không sao nói hết được.

Đôi mắt giết người không chớp của Phong Nhiễm Tử cũng phải nhỏ mấy giọt nước mắt lạnh như thép, nói:

- Tiền đồ rất đáng quý, tôi không thể ở đây lâu mà nói được.

Nói xong vội vã ra đi. Thời Đại Lai nhìn theo chỉ thoáng một cái đã đi tới mấy dặm. Đại Lai chậm chậm nai nịt gọn gàng rồi thông thả lên đường. Trong người anh có tiền ăn đường nên rất vững dạ, đi theo đường vắng, vừa đi vừa nghĩ, Phong Nhiễm Tử quả là một trang nghĩa hiệp chân chính. Đúng là:

Anh em ruột thịt.
Tranh nhau bạc vàng.
Sao người lạ lẫm,
Cứu ta nhiều phen.
Ta chưa đọc được.
Quản Bão chia vàng.
Anh hùng lệ nhỏ,
Ân oán rõ ràng.

Tri phủ Nam Hùng nghĩ, của cải lão Nhậm rất nhiều, truy ra tang vật thì nhất định sẽ lọt vào túi hăn. Hơn nữa ta đã tìm được con gái và dẫn đến trả ông ta, thật là việc ngoài ý muốn, nhất định ông ta phải bỏ ra số tài sản lớn để hậu tạ. Song quẻ tài này lại rơi vào chính Thời Đại Lai, ta không thể buông lời. Thằng này ngang bướng không tra tấn cực hình hăn sẽ không khai. Lập tức hăn ra lệnh: "Phạm nhân Thời Đại Lai đứng vào trưa mai phải ra công đường thẩm vấn".

Đến tối, bỗng nghe thấy tiếng quát thét, tri phủ sợ run cầm cập, vội gọi lấy một chiếc thang trèo lên nóc nhà. Chờ tới khi yên ắng hăn mới xuống, rồi bảo tên đốc gác ra nghe ngóng tình hình, biết đây là vụ cướp tù. Tên này vào báo, tri phủ hỏi đã cướp mất tên nào, hãy kiểm tra báo ngay. Tên lính gác đem sổ ra kiểm tra tù nhân, thấy thiếu mất Thời Đại Lai, trở về báo:

- Các phạm nhân đều còn, chỉ có Thời Đại Lai là không thấy

Tri phủ tức tối nghĩ: "Đây đúng là bọn ở Mai Lĩnh, hôm kia đánh như thế nó vẫn ngang bướng không khai, rất tiếc là hai ngày đã buông lời, giá mà tra tấn mạnh thì bây giờ chưa biết chừng đã tóm được người và tang vật. Chắc bọn này chưa đi được xa".

Ngày hôm sau lên công đường, tri phủ lệnh cho phiên bổ phải đi bắt ngay, không thể khác được. Một mặt báo việc bị cướp tù lên các cấp trên, đồng thời gửi văn thư tới tri phủ Triều Châu biết việc này, mặt khác bắt việc này

tới hai viện phủ, án, xin gửi văn thư cho hai viện ở Giang Tây biết để phối hợp tiêu trừ. Tất cả đã bố trí xong xuôi. Chỉ mong bắt được Thời Đại Lai thì mới truất được nỗi uất hận này.

Thời Đại Lai chân đau, sức khỏe chưa bình phục, tiền tiêu lại dư dả, dần dần cũng vượt qua. Đi suốt tháng trời mới về tới quê. Hôm ấy đã về tới thành Nam Xương, anh nghĩ: "Trời vẫn còn sớm, nghỉ tạm một lát rồi hãy về", đang lúc do dự, ngán ngẫm cho nỗi oan ức của mình thì đụng phải Lữ Du Chi. Thời Đại Lai vội cúi đầu, song Lữ Du Chi đã nhìn thấy, nói:

- Thời tiên sinh làm gì đấy? Về từ bao giờ thế!

- Bây giờ tôi mới về tới đây, vẫn chưa về nhà.

Lữ Du Chi nghĩ một lát nói:

- Thếà vẫn chưa về nhà ư? Sao anh về vội thế, ở đấy một năm hãy về có tốt không?

- Không giấu gì anh, tôi và lão Nhậm lúc đầu rất hợp nhau, không ngờ tới nhiệm sở lão tham lam quá đáng, tôi đã mấy lần can ngăn nhưng lão không nghe, tôi không thể tiếp tục ở được đành phải bỏ về.

- Vậy thì những người giúp việc lão ta có sao không, lão phải cho anh ít tiền đi đường chứ?

- Triều Châu giàu có, những người giúp việc ai mà chẳng thích. Còn như anh hỏi về tiền đi đường thì chẳng có một xu nào. Lão ta bỏ tôi, tôi bỏ lão thì hỏi tiền đi đường sao được.

- Theo anh nói thì cũng cảm cảnh cho anh thật. Hôm kia tôi cũng định cùng một người đến Quảng kiếm anh ít tiền tạ ơn, thế mà cứ mất công mong ngóng.

Thời Đại Lai tưởng Lữ Du Chi nói thật; cũng không để ý tới chỉ nghĩ tới việc về nhà, rồi nói với Lữ Du Chi:

- Tôi vội về, ngày mai mời anh tới chơi.

- Tôi cũng muốn đi cùng anh, chúng ta đến đầu đường rồi hãy chia tay.

Quả đúng là:

Thấy cười mà tưởng khóc,

Giết người chẳng dùng dao.

Đời không phải cố tích,

Sao tổn công đi tìm.

Thời Đại Lai về tới nhà gọi cửa, gặp chồng, Vạn thị nói:

- Em tưởng anh đi nhiều thì phải hai năm, mà ít ra thì cũng một năm, sao anh lại về sớm thế?

- Một câu không nói hết được, em hãy đóng cửa vào.

Thời Đại Lai kể lại hết cho vợ. Vạn thị dân dấn nước mắt nói:

- Quả là anh chết rồi được sống lại, vậy bây giờ anh tính sao?

- Trước khi chia tay, - Thời Đại Lai nói, - Phong Nhiễm Tử đưa cho anh một trăm lạng bạc, trên đường anh tiêu pha tăn tiện định để lại một nửa số bạc ấy cho em chi dùng, còn một nửa anh sẽ mang đi làm lộ phí, đến nơi nào đó lánh tạm một thời gian, chờ cho hai người này thắng quan chuyển đi nơi khác không còn lo gì, lúc ấy mới quay về làm cho ra lẽ.

Đang lúc tình cảm mặn nồng thì nghe bên ngoài có tiếng gõ cửa nhè nhẹ.

Vạn thị hỏi:

- Ai gõ cửa thế?

Người đứng ngoài nói:

- Tôi là hàng xóm, sang xin chị tí lửa.

- Sao đến giờ này còn xin lửa làm gì? - Vạn thị nói.

- Hàng xóm với nhau, - Thời Đại Lai nói, - không cho thì còn mặt mũi nào nữa, thời thì cho người ta.

Anh ra mở cửa. Vừa rút then thì người đứng ngoài đập toan cánh cửa. Bỗng chốc bọn hung thần xông vào đầy nhà.

Chỉ thấy:

Người nào cũng:

Mình mặc chiến bào

Tay dao tay gậy,

Sát khí đằng đằng,

Mặt mày dữ tợn.

Sáng rực đuốc đèn

Hét hò dậy đất.

Ngõ là bọn cướp

Phong Nhiễm tìm đâu?

Thấy Thời Đại Lai, bọn người ấy dùng tay thước sắt đánh cho mấy cái ngã dúi xuống đất, đứa này xích tay, đứa kia khóa lại rồi chúng vội vàng treo hai chân tay Thời Đại Lai lên xà nhà. Vạn thị cứ cho là bọn cướp, kêu ầm lên.

- Làng nước oi, hãy mau mau cứu chồng tôi với. Bọn cướp đang giết người.

Một đứa trong bọn nhổ toẹt vào mặt Vạn thị nói:

- Mày nói sai rồi, sao không nói, chúng tao là người bắt cướp.

- Các ông là do nha môn nào sai tới, vì việc gì thế? - Thời Đại Lai nói.

- Chúng tao là do ngài tri phủ Nam Xương sai tới, theo lệnh của hai Viện Phủ, án, chúng tao ăn thịt tên cướp trốn ngục ở Nam Hùng, đây chỉ là việc cón con, đừng sợ!

Vạn thị lôi chồng lại van xin, gào khóc, kêu trời kêu đất vô cùng thảm thiết.

Thời Đại Lai nói:

- Nghiệp chướng đến rồi, đúng là anh gặp em lần này là cuối cùng rồi chết, em khóc có ích gì?

Trời sáng, bọn người ấy nói:

- Thôi đừng có mơ màng nữa, hãy dọn cơm và đưa tiền, lệ phí ra đây, chỉ lấy ra một góc ở hòm da cũng đủ rồi.

Đang mỗi đứa một câu ngấu xì cả lên thì Lữ Du Chi đẩy cửa gọi:

- Thời tướng công có nhà không?

Bọn người ấy nói:

- Thời tướng công đang rất vui, vào đây mà đánh đu.

Lữ Du Chi chấp tay nói:

- Hóa ra là lệnh của phủ quan, các ngài đến đây làm gì.

- Người hỏi làm gì? - Một đứa nói. - Ta sẽ đưa trát đòi cho người xem.

Lữ Du Chi xem xong, cố ý khuyên:

- Tướng công là người tử tế, hãy cười trối cho anh để nói cho ra lẽ.

- Người đừng nói đến thả ra, đây là việc quan sai bảo, người sai chúng ta làm sao được, người quen biết tên cướp, xem có ngăn cản được chúng ta không?

Đúng là:

*Chim lồng thú cũi trong hang quý,
Bắn lén khó phòng lũ bất nhân.*

Lữ Du Chi đến ghé tai vào Thờì Đại Lai nói:

- Việc này tới quan vẫn có thể giải quyết được, bọn này chỉ giả bộ thể thôi, anh phải tìm cách dứt lốt cho chúng, để đến trước mặt quan nó nới tay đôi chút.

Thờì Đại Lai nói:

- Có chút bạc vợ tôi giữ, nhờ anh mang đi gỡ giúp tôi.

Nghe nói thế hăn nổi máu tham, nói với Vạn thị:

- Anh ấy vừa nói với tôi chị còn giữ rất nhiều bạc, hãy giao hết cho tôi để tôi tìm cách cứu anh ấy, hãy nhanh lên đừng để lỡ việc.

Đang lúc hoảng loạn Vạn thị đem cả gói bạc mà Phong Nhiễm Tử vừa cho, đưa hết cho Lữ Du Chi, rồi cúi đầu nói:

- Bác Lữ, trăm sự nhờ bác tìm cách cứu anh ấy.

Lữ Du Chi cầm lấy gói bạc nghĩ bụng: "Chẳng biết họ có nới tay không, chứ chết chém là cái chắc". Rồi hăn nói với Vạn thị:

- Tôi đem số bạc này đến nói với quan lớn, nếu không đủ thì chị cần phải đưa thêm.

Hăn quay lại nói với sai nha:

- Hãy cời trói cho anh ấy, tất cả đều do ta.

Bọn sai nha biết ý nói:

- Tên cướp này không thể nường nhẹ được, thôi thì nể mặt anh Lữ, tạm thời cời trói cho hăn.

Bọn hăn cời đây, hạ Thờì Đại Lai xuống rồi dùng xích khóa vào cổ cho hai người áp giải đi. Bọn chúng đi khỏi nhà, Lữ Du Chi kéo sáu bảy đứa đi. Các bạn có biết tại sao lũ sai nha này lại tới bắt Thờì Đại Lai nhanh đến thế không? Thờì Đại Lai bất chợt gặp Lữ Du Chi, cứ tưởng hăn không biết chuyện đã xảy ra ở đó nên giấu hăn. Không ngờ văn thư đã gửi về đây hơn một tháng rồi, hăn chuyên móc nối với nha môn, thì việc gì mà hăn chả biết. Hăn nói cạnh nói khéo song Đại Lai hoàn toàn không hiểu. Vậy thì anh một sách ấy làm sao mà không bị bọn người này bắt đi.

Đúng là:

Vừa thoát khỏi lưới rùng,

Lại sa vào cửa quý.

Đường đời lắm gian nan,

Chẳng ai lường hết được.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 21 (C)

Đây là việc cướp ngục, làm sao có thể dứt lốt mua chuộc được. Sáng sớm hôm sau quan lên công đường. Thời Đại Lai bị giải tới phủ đường. Viên tri phủ này cũng là kẻ tham lam như tri phủ Nam Hùng. Thấy bắt được Thời Đại Lai hăn hỏi phủ đầu:

- Đã ăn cướp lại cướp ngục thoát thân, trông người cũng bình thường mà sao lại nhiều thủ đoạn đến thế.

- Thưa ngài, - Thời Đại Lai nói, - con là sinh viên của phủ này, nếu hàng ngày quả là người bất chính, xin mong ngài cứ điều tra.

- Đừng có nói tới hai chữ sinh viên, - tri phủ nói, - ta hỏi việc người ăn cướp, người đừng có quanh co nữa. Hiện nay đã cướp ngục trốn về, lẽ nào còn chối cãi? Ta nói với người, đây là việc ở tỉnh khác người hãy khai ra một tên để thay cho người thì người chưa chắc đã phải chết. Ta có thể tha cho người.

Thời Đại Lai làm sao có thể khai ra Phong Nhiễm Tử, anh chỉ nói:

- Thưa ngài con xin tình nguyện chết chứ có người nào đâu mà khai.

Tri phủ dùng dùng nổi giận quát:

- Hãy kẹp nó cho ta.

Sau đó lại đánh một trăm gậy. Thời Đại Lai chết đi sống lại, song vẫn không chịu khai. Tri phủ nói:

- Hãy giam nó vào ngục.

Tri phủ lại bảo bọn cai ngục:

- Người có biết tên cướp này đã phá ngục để thoát thân không?

- Con có biết. - Tên coi ngục nói.

Thế rồi hăn giam Thời Đại Lai vào ngục, dùng cùm cùm lại.

Đúng là:

Quan mới và quan cũ.

*Là hiểm họa của người
Phép nước sâu như biển,
Lòng người hiểm độc thay.*

Lữ Du Chi vẫn không buông tha, hắt mua ít rượu và thức nhắm giả vờ vào nhà giam thăm Thời Đại Lai. Hắn nói:

- Thấy anh khổ như thế thật đau lòng, tôi mua chút rượu và thức nhắm tới thăm anh.

- Xin cảm ơn anh. - Thời Đại Lai nói.

Lữ Du Chi rót cho Đại Lai mấy chén nói:

- Anh có nghe hôm qua quan phủ nói thế nào không? Rõ ràng là muốn hại anh. Nếu anh chịu bỏ ra mấy lượng tôi sẽ tìm cách cứu anh, sớm muộn rồi cũng sẽ được tha.

- Đã đến nước này, - Thời Đại Lai nói, - lẽ nào tôi còn giấu anh. Tôi cũng đành liều thôi.

Thời Đại Lai nói lảng ra. Du Chi giả vờ rót vài chén rượu nữa rồi đi ra. Hắn về nói với Vạn thị:

- Tôi vừa mua rượu và thức nhắm đến nhà giam thăm anh ấy, anh ấy không sao chịu nổi đòn và bảo tôi về nói với chị bằng mọi cách lo lấy ít bạc, nhờ tôi đưa đút lót cho phủ quan để cứu anh ấy khỏi chết.

- Còn đâu ra nữa. Chỉ có gói bạc ấy tôi đã đưa cho anh hết cả rồi. Trong nhà hiện chẳng còn một đồng một chữ nào. Chồng tôi có chết cũng không cứu được nữa.

Nói xong chị kêu gào thảm thiết. Lữ Du Chi thấy hai bên nói khớp nhau, biết không còn gì nữa. Hắn nói:

- Ấy là vì tôi thấy anh ấy không có ai nên tôi mới giúp thôi chứ trách tôi làm sao được.

Lúc ấy nghe thấy ngoài đường có tiếng người nói ầm ĩ:

- Án viện đến rồi.

Lữ Du Chi nói:

- Án viện đã xuống ngựa, tôi có đơn phải đưa ra đệ trình cho ngài không ngài đi mất.

Vạn thị nghĩ: "Bạc không có, lẽ nào cứ ngồi đây mà nhìn chồng chết. Vừa rồi nghe nói án viện tới, ta cũng viết một lá đơn để kêu oan cho chồng, biết đâu lại gặp may. Rồi chị lập tức nhờ người viết đơn, đến cửa nha môn. Lúc ấy người đưa đơn rất đông, Vạn thị khóc lóc thảm thiết. Án viện gọi chị đưa đơn để ngài xem. Ngài nổi giận nói:

- Cướp phá ngục bỏ chạy là trọng tội, còn oan nổi gì?

Nói xong ông rút lá đơn đi, quát:

- Đánh chết nó cho ta.

Thuộc hạ kẻ kéo người đẩy, đuổi Vạn thị đi. Vạn thị nói:

- Tôi vốn kêu oan, lại chịu nhục, tôi còn sống làm gì nữa.

Chị gắng gượng về nhà, vừa đi vừa khóc. Phàm là đàn bà khóc họ thường hay kể lẽ đầu cua tai nheo. Vạn thị vẫn lải nhải kể lẽ. "Chỉ mong anh dạy học để nuôi gia đình, song lại đi vào chỗ chết. Giá anh không về nhà cũng được, đằng này về nhà lại chui vào bẫy". Chị vừa khóc vừa đi qua một tiệm rượu, đi được mấy bước thì nghe thấy đằng sau có người gọi:

- Chị ơi! Chị hãy dừng lại. Tôi có câu chuyện muốn nói với chị.

Vạn thị quay đầu lại thì thấy một người đàn ông lực lưỡng, râu dài, bước tới hỏi:

- Chị là thân quyến của ai? Vì sao mà khóc thảm thiết như thế?

Vạn thị nói:

- Chồng thiếp họ Thời, bị oan. Án viện tới, thiếp đưa đơn kêu oan, không ngờ ngài không xét đến nỗi oan của chồng thiếp mà còn đánh thiếp đuổi đi, thiếp thấy chẳng còn cách nào khác nên thiếp khóc.

Người ấy nói:

- Vậy tờ đơn ấy chị có cần không?

- Coi như tờ giấy vứt đi thì còn cần làm gì?

- Chị không cần tới thì hãy đưa tôi xem xem thế nào.

Vạn thị đưa lá đơn cho người ấy rồi cứ thế khóc ra về.

Hai hôm sau, án viện gửi một tờ văn thư tới Hình sảnh Nam Xương. Quan hình sảnh mở ra thì đó là lá đơn như sau:

Người làm đơn là Vạn thị.
Vì sao chồng con phải chết!

Phê rằng:

“Thời Đại Lai là sinh viên thuộc phủ Nam Xương. Ta đã điều tra kỹ. Việc cướp tù là nghe phong thanh ở tỉnh ngoài không có tang chứng, phải trình lên Hình sảnh thẩm vấn xem xét kỹ” .

Tri phủ nghĩ: "Tên cướp này quả là tài giỏi, ở tỉnh ấy phá ngục chạy trốn, ở tỉnh này lại đút lót án viện. Đúng là phải nhiều tiền của, chờ cho án viện đi rồi ta sẽ bắt lại. Việc mua bán này nhất định phải trả cho ta". Tri phủ đành phải giải lên Hình sảnh hỏi qua loa.

- Người là sinh viên phủ Nam Xương có đúng không?

- Thưa ngài, - Thời Đại Lai trả lời rất trôi chảy, - con được vào trường phủ học năm nào, năm nào đi thi, mấy lần đỗ loại ưu.

- Đã là tú tài tại sao không thận trọng mà lại bị liệt vào bọn trộm cướp. Ấu cũng là số kiếp cả, án viện thẳng người ra, có người bảo lãnh không?

Thời Đại Lai chưa kịp trả lời thì nha lệ hai bên quát thét:

- Quan hỏi người có ai bảo lãnh không?

Bổng ngoài cửa có một người bước vào, quỳ xuống nói:

- Bẩm quan, con là tổng giám của phương này, tình nguyện xin bảo lãnh.

Hình sảnh nói:

- Tên phạm nhân giải lên đây rất hệ trọng.

Người ấy đáp:

- Bẩm quan con là Tiền Khả Thông, khi ngài đòi người, cứ gọi con là được. Tiền Khả Thông đệ đơn xin bảo lãnh, quan quát lên một tiếng đuổi ra. Tiền Khả Thông công Thời Đại Lai ra khỏi dinh quan. Về tới nhà gõ cửa nói:

- Bà Thời ơi, mở cửa, chồng bà đã về rồi đây này.

Vạn thị ở trong hỏi vọng ra:

- Người là ai mà dám đến trêu ta.

- Đúng là tôi về thật đấy. - Thời Đại Lai nói.

Vạn thị nghe thấy tiếng chồng vội vàng ra mở cửa, kinh ngạc nói:

- Tại sao anh lại được thả ra?

Chị dìu chồng vào nhà đóng cửa lại. Thời Đại Lai nói:

- Thật là một việc kỳ lạ. Ta nghĩ rằng chỉ trong vài ba ngày là ta sẽ bị hành hạ đến chết, ngờ đâu Hình sánh điều ta ra khỏi ngục nói là án viện thả ra. Em hãy thắp hương lạy tạ tổ tông, cầu chúc cho án viện.

Quả nhiên Vạn thị chấp tay vái lạy, miệng lẩm bẩm cầu khẩn:

- Nhờ được trời đất tổ tông thương tình, cầu mong cho phủ quan sáng suốt, được trời đất phù hộ cho muôn đời con cháu, đời đời công hầu vinh hoa phú quý.

Cúng xong lại cúi đầu lạy mấy lạy.

Đúng là:

*Một nén hương thơm dáng kính cần,
Trời cao im lặng chẳng nói năng,
Hóa phép thần thông ai thế nhỉ,
Cứu vớt người đời thoát hiểm nguy.*

Vạn thị nói:

- Hôm kia em tới dâng đơn kêu oan, án viện đánh em đuổi đi. Sao hôm nay bỗng nhiên lại gia ân?

- Đi kêu oan không dùng tiền ư?

- Làm gì có tiền, gói bạc anh mang về đều đưa hết cho Lữ Du Chi mang đi rồi, sau đó hắt lại đến lừa mấy lần nữa nhưng em bảo hết sạch rồi.

- Thôi nói làm gì đến gã họ Lữ nữa, hóa ra việc này đều do hắt mà ra. Nhờ trời mà thoát khỏi tù ngục, dù cho có nghèo túng một chút còn hơn ngồi trong ngục mà chịu hành hạ. Nếu không gặp được án viện sáng suốt thanh liêm thì e rằng anh sẽ bị tù một gông.

Một lát sau trời tối mịt mùng, lại nghe thấy tiếng gõ cửa nhẹ nhẹ. Thời Đại Lai sợ quá sững sờ nghĩ: "Nhất thiết không thể tùy tiện mở cửa được, lần trước đang đêm mở cửa mà chuốc lấy đại họa, hôm nay lại sợ sẽ xảy ra như thế". Vạn thị không dám lên tiếng, người bên ngoài gõ cửa gấp gáp, nói:

- Vẫn không mở cửa ư? Ta là Phong.

- Có lẽ là Phong Nhiễm Tử tới, - Thời Đại Lai nói, - hãy mở ra đi.

Vạn thị vội vàng mở cửa, đã thấy Phong Nhiễm Tử bước vào. Nhiễm Tử nhìn Đại Lai thì thấy:

*Mặt mày cau bần
Đầu tóc bù xù,
Áo như tổ đĩa
Giày tất tả tơi
Gân xanh chẳng chít
Chấy rận đầy người
Túi chẳng một xu
Dáng đi thất thểu
Ngọn đèn leo lét
Nào khác quỷ ma.*

- Quả là ân nhân đã tới. - Thời Đại Lai nói.
- Tôi đến để chúc mừng anh đây.
- Từ khi chia tay anh, dọc đường vô sự. - Thời Đại Lai nói. - Ai ngờ vừa tới nhà đã gặp cơn sóng gió này. May mà gặp được quan án viện thanh liêm, sáng suốt thả ra. Ngài đúng là đấng cha mẹ dân.
- Chà, quả là sáng suốt, - Phong Nhiễm Tử nói.
- Tôi nhiều lần gặp phủ quan, quan nào chẳng đánh đập cùm kẹp bắt khai ra đồng bọn, vơ vét tiền bạc, nếu không gặp ông quan này thì cũng không gặp được anh hôm nay. Mà cũng buồn cười thật, Hình sảnh vừa bảo là tìm người bảo lãnh, đang lúc bối rối thì lại rất may gặp một người tình nguyện bảo lãnh, rồi lại công tôi về nhà, đến một đồng tá ớn cũng không nhận. Số chưa chết cho nên chỗ nào cũng gặp may, anh ạ. Đây không phải chuyện kỳ lạ trên thế gian này ư.
- Đúng là kỳ lạ thật. - Phong Nhiễm Tử nhìn Thời Đại Lai, vuốt râu cười nói. - Tôi nói thực với anh nhé, tôi tới gặp một người bạn, ngồi trên lầu tiệm rượu ngày trước, thấy chị ấy khóc lóc đi qua, tôi sinh nghi. Lắng tai nghe thì hình như là nói về anh. Tôi có ý hỏi chị. Lừa chị lấy tờ đơn kêu oan và ngay tối ấy đưa cho quan hình sảnh hai trăm lạng vàng, thì ngày

hôm sau nghe thấy anh được thả. Tôi lại đưa cho Tiền Khả Thông mười lạng bạc và bảo anh ta chờ ở cửa nhà môn xin bảo lãnh. Anh cứ nói nào là gặp may, nào là quan thanh liêm, nếu được như thế thì thiên hạ đã thái bình từ lâu rồi. Chúng ta đang đứng ở đâu anh có hiểu không. Anh đừng nói những lời ngốc nghếch của kẻ thư sinh nữa.

Thời Đại Lai như người say chợt tỉnh, đứng dậy chấp tay tạ ơn.

Đúng là:

Một ngày rảnh người cần

Ba năm con sợ lươn,

Nửa đêm nghe anh nói,

Hơn đọc sách mười năm.

Phong Nhiễm Tử nói:

- Tôi biết anh vẫn chưa ăn bữa tối, tôi đi một lát rồi về ngay.

Phong Nhiễm Tử đi một lát rồi trở về, thấy anh cho người gánh vào hai gánh, đó là chiếc chân giò, một đôi gà béo, một con cá to, một tảng thịt cừu, một vò rượu cùng với củi đuốc, gạo và rau. Phong Nhiễm Tử nói:

- Hãy bảo chị ấy làm cơm đi, tôi sẽ uống với anh suốt đêm nay.

Chỉ một thoáng, những thức ăn nóng hổi đã được bày đầy bàn. Hai người ăn uống thả sức. Phong Nhiễm Tử sao chịu dùng chén uống rượu, gọi:

- Đem một cái bát ra đây.

Thế rồi anh cứ dùng bát dốc ừng ực. Vạn thị trong bếp hâm rượu không kịp. Phong Nhiễm Tử nói:

- Hãy đổ cả vào nồi mà đun, hâm từng ấm như thế không đủ xấp giọng.

Một lát sau, họ uống cũng đã khá nhiều, mâm bát được dọn đi, Phong Nhiễm Tử trông như một kẻ sĩ. Anh nói:

- Rượu uống đủ rồi, hãy nói đi, nay đã thoát nạn thì bây giờ phải thế nào đây?

- Tôi cũng đang nghĩ tới điều ấy, - Thời Đại Lai nói, - song nhà không còn một đồng một chữ nên chưa biết làm thế nào.

- Chẳng lâu đâu án viện sẽ về phục mệnh, những người này sẽ không buông

tha, họ sẽ bắt giam ngay như cũ, lúc ấy rất khó xoay sở. Tôi thấy anh là người trung hậu, sau này nhất định sẽ đỗ đạt. Anh hãy mau mau tới vùng biên ải phía Bắc, thay họ đổi tên, nuôi chí tiến thủ. Nếu có dịp chúng ta lại gặp nhau nơi chân trời góc bể.

Nói xong Phong Nhiễm Tử đưa tay lên hông, lấy ra một gói đặt lên bàn, nói:

- Đây là một trăm lạng bạc, để lại nhà một ít còn thì mang đi làm lộ phí. Ngày mai phải đi ngay để thoát khỏi tai họa. Tôi đi đây anh đi đường phải hết sức thận trọng.

Thời Đại Lai định bàn kỹ với Phong Nhiễm Tử, nhưng anh đã mở cửa đến ket một cái ra đi và cũng chẳng biết đi đâu. Vạn thị bước ra nói:

- Cách cư xử của Phong Nhiễm Tử thật khác thường, anh phải nghe theo anh ấy.

- Sao lại không nghe theo. - Thời Đại Lai nói. - Trước đây ta lo vì không có tiền, có tiền thì đúng là thuốc tiên. Chỉ ân hận là anh và em vừa mới gặp nhau đã phải biệt ly, lấy một người chồng như anh là một gánh nặng đối với em.

Vạn thị an ủi chồng, đun nước cho chồng tắm, lấy quần áo cho anh thay, thu xếp hành lý và chia số bạc ấy. Gói ghém xong xuôi, Thời Đại Lai đáp theo thuyền tới Nam Kinh, họ ngậm ngùi rân rân nước mắt chia tay.

Đúng là:

Ông tơ sao nở rẽ duyên,

Hồng nam, nhận bắc đôi miền cách xa.

Thời Đại Lai lên thuyền ngủ mấy ngày liền cho lại sức trông người lại ra dáng thư sinh. Thuyền thuận buồm xuôi gió chẳng bao lâu đã tới Nam Kinh. Thời Đại Lai nghĩ: "Lâu nay được nghe Nam Kinh là một danh thắng, mình chưa từng đặt chân tới, nhân thể đi du ngoạn mấy hôm rồi sẽ liệu việc học hành". Anh gửi hành lý tại một quán trọ, thay quần áo, dạo chơi trên những phố lớn. Anh lại nghĩ, chùa Báo ân là nơi danh thắng, phải tới đó chơi. Hỏi thăm đường tới chùa, thấy một hòa thượng đang ngồi đó kể

chuyện, nhân lúc nhàn rỗi anh cũng đứng chen vào đám đông nghe. Người ấy kể một câu chuyện về Trương Văn Tú người Dương Châu, mới xảy ra gần đây. Nghe thấy nỗi khổ của Trương Văn Tú, Thôi Đại Lai nghĩ: “Khổ như thế chưa thấm vào đâu, như mình đây mới thực là khổ”. Đại Lai mãi mê nghĩ, quên cả về, mãi đến khi tan cuộc anh mới cùng mọi người đứng dậy về quán trọ ăn cơm. Tới phòng ngủ định cởi áo đi nghỉ thì thấy bên hông nhẹ bồng, lấy tay sờ thì gói bạc biến đâu mất. Anh nghĩ: "Hay là mình để trong gói quần áo, không mang theo người". Mở gói ra xem, tìm đi tìm lại mấy lần, song nào có thấy. Anh xem lại túi thì thấy một đường dao rạch, anh dậm chân nói: "Thôi chết rồi. Đúng là lúc mình mãi nghe đã bị kẻ cắp rạch túi lấy đi rồi".

Suốt đêm anh trằn trọc, đập giường lật gối, trằn trở mãi không sao ngủ được. Anh nghĩ: "Phong Nhiễm Tử đã dặn ta phải hết sức thận trọng, thế mà không nghe lời anh. Vừa mới lên bờ đã gặp rủi ro, may mà hai hôm trước đi thuyền, chứ nếu đi bộ thì chưa biết chừng đã hỏng việc từ lâu rồi. Bây giờ đâm đầu vào bức vách rồi, thật là tiến thoái lưỡng nan, đường cùng mà tiền cũng hết, làm thế nào bây giờ. Sáng mai Đại Lai đành bán chiếc khăn bông cho chủ hiệu để trả tiền cơm. Lại còn phải kiếm mấy đồng mà sống chứ. Đây là lúc quẩn bách nhất, không thể buông xuôi. Chẳng còn lòng dạ nào mà đi du ngoạn nữa. Anh tìm đường qua sông, tiền túi không nhiều, anh chỉ mua chiếc bánh bao lót dạ chứ không dám mua cơm. Đến Sơn Đông thì trong túi không còn một xu, bây giờ lại đang là mùa đông, rét mướt mà trên người chỉ có một chiếc áo dài, ban ngày làm áo, ban đêm làm chăn. Có bài thơ ghi lại tình cảnh này:

*Người coi là áo,
Ta coi là chăn.
Ban đêm ta đắp,
Ban ngày ta mặc.
Người coi là áo,
Ta coi là vàng*

Xin khuyên người đời
Đi xa nhớ kỹ.

Đang lúc bí thì làm gì có Lữ Mông Chính(1) cứu vớt. Đã liều thì ba bảy cũng liều. Thời Đại Lai đành liều vào một quán trọ nói:

(1) Lữ Mông Chính: thời Tống, ba lần được cất nhắc làm tể tướng.

- Năm hết tết đến tôi xin ở nhờ ông mấy hôm, ra Giêng tôi sẽ đi.

Người chủ cửa hàng nói:

- Xin tùy ông, chỉ có điều năm cùng tháng tận, muốn xin ông trước ít tiền để mua củi gạo.

Thời Đại Lai nói:

- Quả là tôi chẳng còn một xu nào, xin ông cứ cho tôi ở mấy hôm rồi sang giêng sẽ tìm cách trả ông:

- Tôi thấy ông, - chủ cửa hàng nói, - như một người có học, thế ông có viết chữ được không?

- Ông nói thế là thế nào? - Thời Đại Lai nói.

- Ông vừa nói là ông không có tiền. Ở vùng tôi rất ít người biết viết câu đối, nếu ông viết được thì cứ viết ào đi, một ngày cũng gỡ được tiền cơm.

- Ông nói đúng. - Thời Đại Lai nói.

Thế rồi anh mượn chủ nhà chiếc bút, đề mấy chữ. "Viết câu đối thuê".

Chỉ trong chốc lát đã thấy có người mang đến nhờ anh viết. Hôm ấy anh cũng kiếm được bốn năm trăm bạc. Hôm sau người tới nhờ anh viết càng đông. Người miền Bắc quả là rất thật thà thấy anh là người có học đã mang giấy đến nhờ anh viết các bức trướng. Anh cũng mạnh dạn viết, chẳng kể nhiều hay ít, cứ thấy mang đến là viết. Những người nhờ anh viết cứ tấm tắc khen:

- Anh học trò miền Nam viết tuyệt đẹp.

Đến giáp tết, hai sáu hai bảy cửa hàng đông nghịt, viết không kịp anh phải mang cơm ra ăn ngay tại bàn. Những ngày . ấy cũng kiếm được chừng mười mấy quan tiền, nên rất vui.

Đúng là:

Rồng bay phượng múa vung ngọn bút

Tiền của tuôn trào tự đó ra.

Phủ Đông Xương có một ông quan nghỉ hưu, họ Viên. ông vốn nhậm chức Thái thường tự khanh, vì dăng sớ kể tội Vương Trấn nên bị treo mũ từ quan. Vua xuống chiếu gia ân cho ông một chức quan danh nghĩa. Song ông là người lập ngôn, khi trở về ông khác hẳn với những viên quan xấu khác, tiếng tăm ông lừng lẫy, trong kinh ngoài nội ai ai cũng kính trọng. Ông nghe nói có một anh người Nam viết chữ đẹp, nhân tiện ông dẫn con trai đi dạo và xem người ấy viết chữ. Con ông tên là Viên Kiệt, tuy chưa vào trường phủ học, song trong đám học trò cậu ta là người thông minh nhất. Hai cha con tới cửa hàng ăn, thấy câu đối treo la liệt, ông cầm lấy một tờ xem, nói:

- Chữ viết chưa thật điêu luyện, song cũng đẹp.

Lát sau ngài Viên cũng chen vào cửa hàng, nói với Thời Đại Lai:

- Xin chào anh.

- Xin chào ngài. - Chủ hàng nói. - Sao quý ngài cũng hạ cố tới tệt xá này.

Thời Đại Lai nghĩ đây chắc là ông lớn nên vội vàng sửa sang lại quần áo, đứng dậy vái chào. Ngài Viên nói:

- Viết đẹp mà có cảm hứng.

- Con là người lưu lạc, - Thời Đại Lai nói, - dựa vào việc này để kiếm ăn chứ có biết viết gì đâu ạ.

Thấy nói năng nhã nhặn, ngài Viên hỏi:

- Anh cũng từng đi học rồi chứ?

- Thưa ngài con cũng học được chút ít.

Ngài Viên hỏi anh mấy bài cổ văn và mấy danh sĩ thời Ngô, Thời Đại Lai vừa viết vừa trả lời rất lưu loát. Ngài Viên hỏi họ tên, nghĩ bụng: "Người này không phải đến đây bán chữ" rồi nói:

- Thời tướng công có hành lý gì không? - Ngài Viên hỏi.

Chủ cửa hàng nói:

- Hành lý của khách đều cả trên người.
- Không có hành lý, - ngài Viên hỏi, - thì tới ngay nhà tôi đi.
Thời Đại Lai ngần ngại một lát rồi đi theo ngài Viên.
Đúng là:

*Buôn bán thương cỏ yếu.
Nhàn nhã tiếc hoa rơi.
Bên đường vui câu chuyện,
Mới biết ông Mạnh Thường.*

Thời Đại Lai tới nhà ngài Viên mới biết đây là một ông quan danh tiếng.
Ngài Viên thết đãi cơm rượu rồi hỏi:

- Lưu lạc như thế, văn chương chữ nghĩa vẫn còn nhớ chứ.
- Con nhà nghèo, lại không được lên học quán, phiêu bạt đã nhiều năm song chữ nghĩa vẫn còn nhớ. Xin ngài dạy bảo.

Tối ấy anh nghỉ tại thư phòng. Sáng hôm sau ngài Viên thuận miệng đọc hai đề văn, bảo con và Thời Đại Lai làm. Đến trưa cả hai đều làm xong, trình lên ngài Viên. Nhìn chữ nghĩa, văn vẻ của Thời Đại Lai, ngài Viên khen:

- Không những chữ nghĩa không quên mà nội dung và nghệ thuật đều nổi bật, âm hưởng hòa quyện nhau, có tài giật bảng vàng. Anh xuất chúng như thế có muốn tôi tiến cử vào trường học trong vùng này không?

Thời Đại Lai không dám bộc lộ rõ ý tứ của mình, anh nói:

- Nửa đời lưu lạc, thời gian trôi đi một cách phí hoài, quả thực con vẫn chưa đỗ tú tài.

- Sang năm là năm thi, quan chủ khảo mở kỳ thi, anh hãy chịu khó lưu lại đây, cùng thằng nhỏ nhà tôi đèn sách, nhận quê quán ở đây anh mới là người miền Bắc, nhất định anh sẽ đỗ.

Là người lang thang phiêu dạt tới đây, Thời Đại Lai sao mà chẳng nghe theo. Ngài Viên dành riêng một phòng học cho hai người đọc sách. Từ khi bỏ học, nay được làm bạn với đèn sách. Thời Đại Lai suốt ngày miệt mài học tập. Gặp được người tri kỷ, sách vở lại nhiều, anh vui đầu vào việc học

hành. Ăn tết xong, thoáng cái đã sang tháng Ba. Ngài Viên nói:

- Quan chủ khảo đã tới bản phủ yết bảng mở kỳ thi, anh Thời thích đến xem trường thi không?

Thời Đại Lai nói:

- Anh nhà ta văn bài tiến bộ đã khá nhanh, tất sẽ đỗ cao, còn con nếu ngài thương thì cũng được đi theo anh nhà.

Ngài Viên bèn bảo anh đổi họ tên, anh muốn giữ lại tên vốn có và đặt là Viên Thời. Hai lần thi huyện và phủ Viên Thời đều đỗ đầu Viên Kiệt cũng có tên trong bảng phụ. Đến khi thi vào trường phủ thì Viên Thời đỗ thứ nhất. Viên Kiệt đỗ thứ ba. Họ báo tin về cho ngài Viên, ông vô cùng mừng rỡ.

Đúng là:

*Tuy rằng đã đổi thay dạ lốt,
Xem ra vẫn giữ được nếp nhà.*

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 21 (D)

Ngày hôm sau họ khấn áo chỉnh tề tới tạ ơn quan chủ khảo. Thấy quan chủ khảo gọi quan tuần bộ. Tuần bộ vào gặp, quan chủ khảo nói:

- Người hãy đi theo hỏi người đỗ đầu ở đâu.

Tuần bộ đuổi theo, hỏi:

- Ngài chủ khảo hỏi người đỗ đầu ở đâu?

Viên Kiệt trả lời thay:

- Ở tại dinh ngài Viên.

Tuần bộ về thưa với quan chủ khảo. Quan nói:

- Người hãy tới nói với ngài Viên Rằng, quan chủ khảo rất thích bài văn của người đỗ đầu. Trong nha môn có công tử còn nhỏ, muốn mời tới dạy. Phải lập tức tới đó ngay, nếu trái lệnh sẽ phạt nặng.

Tuần bộ dạ ran:

- Vâng ạ

Hai anh em họ Viên ra khỏi nha môn về nhà chào ngài Viên. Ngài Viên cho dọn rượu chúc mừng. Đang dọn tiệc thì người coi cửa vào bẩm.

- Ngài học đạo sai tuần bộ tới, nói là phải mời Viên tướng công, người đỗ đầu bảng vào nha môn để dạy công tử.

- Quả có thể chăng? - Ngài Viên nói.

- Thưa ngài, vâng ạ. Tuần bộ vẫn đang đứng đợi bên ngoài.

Ngài Viên vô cùng mừng rỡ nói:

- Hãy mời ông ấy vào đây, uống một chén cho vui. Viên học đạo này tuy không tài năng lắm song có con mắt của một người đỗ đạt. Ông ấy đã lấy anh đỗ đầu, lại mời đến dạy học, quả là biết người biết của. Hãy uống đi mấy chén lấy may.

Lát sau tuần bộ giục, ngài Viên đành phải để cho anh đi. Viên Thời theo tuần bộ về phủ.

Đúng là:

Đê lợn dã vào nhà đồ tể

Lại còn ve vẩy vẩy đuôi mừng.

Các bạn có biết vị đề học này là ai mà lại để ý tới Thời Đại Lai không? Ông ta là tri phủ Nhậm. Vợ vét đã nhiều bạc ở Triều Châu, ông ta lại đút lót để lên chức học đạo. Đầu tiên ông cũng công tâm chấm bài và lấy Thời Đại Lai đỗ đầu. Khi đến tạ ơn, thấy anh bước từng bước lên thềm, ông ta nghĩ: "Đây là tên cướp Thời Đại Lai, đã phá ngục chạy trốn nay lại đỗ tú tài ở đây. Tên này quả là thần thông biến hóa". Nhìn đi nhìn lại thì đúng là Thời Đại Lai không còn nghi ngờ gì nữa. Ông ta lại nghĩ: "Mà cũng lạ thật, sao lại họ Viên, lẽ nào người họ Viên này lại giống hần như đúc thế?"

Lúc ấy Thời Đại Lai thấy ông ta cứ nhìn mình chăm chăm dù có bỏ về cũng không được. Nhậm đề học nghĩ ra cách mời dạy học để trực tiếp hỏi thẳng anh ta xem sao. Nếu không phải thì thôi, nhưng nếu đúng là kẻ cướp thì giết chết hần có khó gì. Thời Đại Lai làm sao mà biết được sự nguy ngập như thế, anh tất tả nghênh ngang đi theo tuần bổ với vẻ dương dương tự đắc.

Tới nha môn truyền lệnh cho vào. Quan học đạo ngồi ở trên, nha lệ mở cửa mời Thời Đại Lai vào. Vừa bước gần tới quan học đạo thì nghe trống gióng báo hết giờ làm việc. Đề học chấp tay dẫn Thời Đại Lai vào phòng bên, rồi mời Đại Lai ngồi. Đề học nói:

- Bài hôm trước anh làm rất hay, cũng không phụ công tôi chấm, xin hỏi Viên thái thường với anh là người thế nào?

- Ông là bác tôi.

- Nghe tiếng anh nói thì không phải tiếng miền Bắc. - Đề học nói.

Xem ra không thể giấu được. Thời Đại Lai đành nói:

- Tôi quê ở Sơn Đông, vốn lâu nay du học ở Giang Tây.

Nhậm đề học đã biết chắc đây là Thời Đại Lai, liền hỏi:

- Tôi trông anh rất quen, hình như đã gặp ở đâu rồi.

Thời Đại Lai ngẩng lên nhìn, thì biết đó là tri phụ Nhậm. Anh chợt thấy lo lắng, nói mập mờ rằng:

- Hình như tôi cũng gặp ngài ở đâu rồi.

Đề học chấp tay chào rồi trở về nha môn. Thời Đại Lai hồn xiêu phách lạc, nghĩ: "Đúng là Nhậm tri phủ, không còn nghi ngờ gì nữa, trách nào ông ta cứ nhìn mình chăm chăm, lại còn mời mình tới đây. Hóa ra ta lại chết trong tay Diêm vương rồi. Ta đến đây chỉ mong dựa vào nơi này để mở mày mở mặt, ai ngờ, đâu đâu cũng đi vào chỗ chết, thôi thế là xong đời ta sẽ chết ở đây thôi. Nếu nói đến chết thì mấy lần ta đã suýt chết rồi, ta đã sống thêm một năm, nay thì biết chạy đâu cho thoát. Thôi thì chỉ cầu mong ở ông ta thôi". Thoáng cái trời đã tối, Thời Đại Lai trong lòng ngổn ngang trăm mối, làm sao mà ngủ được. Anh nghe thấy tiếng trống cầm canh. Trống điểm canh một, khoảng canh hai thì nghe có tiếng người truyền lệnh cho người gác nha môn đưa chìa khóa mở cửa. Người gác vâng theo, đưa chìa khóa cho một người, người đó cầm đèn lồng bước vào. Đầu người ấy chít khăn, mặc áo dài rộng tay, búi tóc đen nhánh thoang thoảng hương thơm, hai má ửng hồng, dáng đi khoan thai yếu điệu thướt tha như cảnh liễu mùa xuân, hàm răng trắng bóng, tiếng nói thánh thót như oanh vàng, trong không giống như người phủ Long Dương luôn luôn theo hầu sau kiệu. Người gác nha môn nói:

- Thưa ngài đi đâu ạ?

- Viên tướng công được mời tới nha môn hiện ở đâu? - Người ấy hỏi.

- Ở phòng bên. - Người gác nha môn nói.

- Thôi người đi đi, - người ấy nói, - không cần theo ta nữa.

Người gác nha môn vâng lời bỏ đi. Người ấy gõ cửa. Thời Đại Lai nghĩ: "Vào giờ này gọi người làm gì? Thật là quái lạ". Thời Đại Lai run cầm cập mở cửa, thấy một người đẹp trai, anh vội vàng vái chào, nói:

- Ngài đến đây có việc gì ạ. Ngài có việc gì cần sai bảo?

Người ấy ngồi xuống, cúi đầu tỏ vẻ ngượng ngùng, im lặng một lúc lâu không lên tiếng. Thời Đại Lai nói:

- Đêm đã khuya, ngài chưa ngủ sao?

Người ấy mặt đỏ bừng, nói:

- Anh là Thời Đại Lai người Giang Tây, sao lại đổi thành họ Viên?

Nghe thấy thế Thời Đại Lai như sét đánh ngang tai, trốn cũng không kịp nữa, hoảng hốt nói:

- Tôi người Sơn Đông, vốn là người lương thiện, có biết Thời Đại Lai là ai đâu.

- Đừng giấu tôi, - người ấy nói, - tai họa đã đến rồi mà anh còn nói dối. Anh cứ nói thật với tôi đi.

Thời Đại Lai nói:

- Ông hãy nói đi.

Người ấy bỏ mũ ra, nói:

- Tôi chẳng phải là ông nào cả, tôi là tiểu thư trong nha môn.

Thấy nói là tiểu thư, Thời Đại Lai ngẩn người ra, vội đứng tay nói:

- Xin cho phép hỏi, tiểu thư tới đây làm gì?

- Chẳng giấu gì anh, - tiểu thư nói, - từ khi gặp cướp ở Mai Lĩnh, thiếp bị bắt, nhờ ơn vị hảo hán tôi được trả về. Vị hảo hán ấy nói tiên sinh là một chính nhân quân tử. Khi thiếp được thả ra khỏi doanh trại, cha thiếp cứ nghi ngờ, không có lý gì ngọc trở về Triệu mà không tỳ vết. Tuy không nói ra nhưng ông đối đãi với thiếp rất lạnh nhạt. Thiếp là đàn bà con gái, là một viên ngọc không có vết nhưng đâu dám hé răng. Những điều tai tiếng không đâu ấy khiến thiếp phải quá lúng lờ thì, cha thiếp cũng không muốn tìm người cho thiếp. Xin hỏi, tiên sinh đã là người đứng đắn sao lại giao du với bọn người ấy.

Thời Đại Lai lúc ấy mới thuật lại chuyện bỏ dở học hành, đến việc cướp tù cho tiểu thư nghe. Tiểu thư nói:

- Thiếp cũng biết tiên sinh không phải là người gây nên, tôi muốn thanh minh cho tiên sinh, song là gái, không duyên cớ gì nói được, đành phải nhẫn nhục. Bất ngờ tối nay cha thiếp về nha môn nói: "Tên cướp Thời Đại Lai đang ở đây, trước kia hấn phá ngục chạy trốn, sau đó lại mua chuộc án viên, nay lại mạo danh quê quán ở đây để đi thi. Tên cướp quả là có phép thần thông biến hóa, ta đã lừa tới, mai sẽ tìm cách ghép hấn vào tội chết để

trừ họa sau này". Tuy lúc ấy nghe thấy, nhưng thiếp không sao cứu được. Chỉ có chờ tới khi cha thiếp ngủ say, mới cải trang tới đây cứu tiên sinh. Thiếp có hai mươi lạng bạc, tiên sinh hãy cầm lấy, rồi đi thật xa, càng nhanh càng tốt. Nếu thiếp giấu được tiên sinh thì sau này sẽ nguyện cắt tóc đi tu, còn chuyện võ lữ thì thiếp cũng coi là người bỏ đi, sẽ lập tức tự vẫn, từ bỏ cuộc đời này mà thôi. Tiên sinh hãy mau mau theo ta, sợ rằng cha thiếp tỉnh giấc.

Lúc ấy Thời Đại Lai có muốn nói nhiều cũng không được, anh chỉ nói:

- Cám ơn tiểu thư đã thương tình, một ngày nào đó sẽ trả ơn kết cỏ ngậm vành .

Tiểu thư đội mũ lên như cũ, nói:

- Tuần bố hãy mở cửa ra, ông lớn nói phải tiễn tướng công về.

Mọi người vâng theo, mở cửa cho ta ra. Tiểu thư bảo:

- Đóng cửa lại.

- Thấy cửa đã đóng, tiểu thư mới mang đèn lồng về phòng riêng.

Sáng hôm sau Nhậm đề học mang hai tờ văn thư tới công đường, gọi tuần bố nói:

- Bức văn thư này gửi cho Hình sở phủ Đông Xương, còn bức văn thư này thì gửi cho quan Học giáo phủ Đông Xương.

Sau đó ông ta gọi nha lệ lấy một chiếc xích to, nói:

- Mở cửa này, khóa tay Viên sinh viên lại rồi áp giải về phủ Đông Xương ký giam, sau đó sẽ xử trí.

Bọn sai nha hùng hổ đập tung cửa, không thấy người, quay lại bẩm:

- Thưa ngài, con đi bắt nhưng không thấy người.

- Làm gì có chuyện đó?

Ông ta bèn sai đưa ở trực tiếp hầu hạ mình cùng đi xem.

Họ lại trở về bẩm:

- Thưa ngài, quả đúng như thế.

- Nói bậy, - Đề học nói, - ta sẽ đích thân tới xem.

Mọi người đi theo ông ta, nhìn khắp phòng quả đúng là không có người. Ông ta ra lệnh mọi người phải tìm khắp nơi. Mọi người theo lệnh, tìm mọi

ngóc ngách như xua mèo đuổi chó, âm ỉ cả lên, hết chỗ này lại tìm chỗ khác, nhưng nào có thấy. Họ trở lại bấm:

- Thừa ngài đã tìm hết mọi nơi, đều không thấy tung tích đâu cả.

- Cổng kín tường cao như thế lẽ nào nó bay qua?

Đề học không thấy người trong nha môn, nhưng lại không muốn chuyện ấy loang ra, đành nói:

- Thôi không tìm nữa.

Bọn sai nha lúc ấy mới thôi. Ông ta càng nghĩ càng tức, gọi tuần bổ tới, nói:

- Người đến nhà ngài Viên nói rằng, Viên tướng công ta mời tới dạy học không ngờ đêm qua đã lấy trộm của cải trong nha môn rồi tẩu thoát, nếu nó ở nhà ông thì ông phải lôi ra để chúng tôi giải về. Nếu không ở nhà thì bắt ông ta cùng đi tìm. Đây là việc phải dâng sớ tâu lên triều đình chứ không phải chuyện nhỏ.

Đúng là:

Cáo đã chạy mất rồi

Phải truy tìm thỏ giảo

Hai bên quyết sống mái,

Họa phúc biết về ai.

Tuần bổ vâng lệnh tới nhà họ Viên nói hết sự việc đã xảy ra. Nào ngờ ngài Viên là người cứng rắn, thấy thế dùng dằng nổi giận, nói:

- Nói láo. Hôm qua rõ ràng có một người đến đây mời đi, không biết vì sao đã mưu hại anh ấy, lại còn đến ta hỏi người. Anh nói với ông ấy, quan họ Viên này không sợ đâu, ta phải hỏi tội ông ta.

Tuần bổ không dám giấu, đành phải thưa thật với đề học. Nhậm đề học hiểu rằng ngài Viên không phải là người dễ chơi, ta không làm thì ông ta cũng làm cho ra nhẽ. Nay thì không thể nói được nữa, đành phải làm một tờ yết thị. Trong tờ yết thị viết như sau:

“Quan họ Viên bị phế chức về nhà nghỉ, dựa vào thế lực, tác oai tác quái,

làm rối loạn phép tắc trường học, khống chế triều chính. Thời Đại Lai là tên tướng cướp ở Giang Nam, phá ngục ở Việt Đông, hồ sơ vẫn còn. Hãn lại bị bắt ở Nam Xương rồi lại trốn thoát. Ngài Viên đã nhận hãn làm người trong họ, dùng hãn làm nanh vuốt. Ông đã nhận kẻ cướp làm con, rõ ràng là chứa chấp kẻ cướp, nếu không cấp bách trừ khử thì dần dần sẽ làm tổn hại đến sắc lệnh nhà vua".

Ngài Viên cũng không sợ đối đầu, cũng ra một bản yết thị, đại khái như sau:

"Đề đốc học chính là một chức hết sức tôn nghiêm. Việc tuyển chọn nhân tài phải cực kỳ thanh liêm và thận trọng. Nhậm đề học là người đề tiện bất tài hủ lậu, khiến người đời chê trách, giết học trò ngay trên giường chiếu, thật là xảo quyệt. Dùng những kẻ xấu xa hung ác làm tay chân, hãm hại tài năng. Tội ông ta là làm ô nhục lời răn dạy của triều đình đối với quan lại. Hằng ngày thường dùng hình phạt đối với mọi người. Học trò của phủ phải nộp bao nhiêu bạc để được vào trường, người nào là người trung gian nhận tiền. Sinh viên nào phải nộp bao nhiêu tiền thì được trợ cấp học bổng và được vào trường học. Ông ta lợi dụng mũ áo triều đình để vơ vét những tiền của hôi tanh. Triều đình phải trừng phạt ngay để răn đe kẻ khác".

Sau khi yết thị, cả hai đầu dăng sớ tâu lên triều đình. Chỉ trong mấy ngày, chiếu chỉ nhà vua gửi xuống, viết:

"Nhậm đề học tham lam vô đáy, chứng cứ rõ ràng, các bộ phải hạch tội nghiêm túc, rồi tấu lên cho trẫm biết. Viên mỗ trẫm đã hiểu rõ được bản chất của ông, không cần phải trình bày kỹ. ông vốn là người có tiếng trong triều. Còn Viên Thời thì sức cho các quan địa phương truy nã xét xử và tấu lên cho trẫm biết".

Đúng là:

*Hại người là hại mình,
Tha người là tha mình.
Lòng quan mỏng như giấy,
Phép vua dày như sương.*

Nhậm đề học bị một đòn nặng, cụt hứng, khuôn tất tiền bạc tới Bộ đút lót mới được bãi chức làm thường dân, thu dọn về quê.

Sau khi được tiểu thư giải thoát, Thời Đại Lai vội vàng đến một ngôi miếu hoang ẩn náu. Sáng hôm sau ra khỏi cửa thành đi thẳng tới Bắc Kinh. Trong người đã có tiền, Đại Lai bèn thuê xe ngựa lên đường. Không đầy nửa tháng đã tới ngoại thành Bắc Kinh, Đại Lai thuê một gian phòng ở rồi vào thành nghe ngóng, tìm chỗ dung thân. Một hôm ngẫu nhiên đọc Kỳ báo biết được ngài Viên và Nhậm đề học vạch tội nhau tấu lên triều đình, phụng chiếu chỉ nhà vua, Nhậm đề học bị nghiêm trị anh như mở cờ trong bụng.

Chủ nhà của Thời Đại Lai là Cao Lâm, tự là Tiến Chi, thuộc dòng dõi chỉ huy Bắc Kinh. Anh ông chết trong vụ biến ThổMộc, lẽ ra Tiến Chi được thế tập, song bộ Binh đâu có dễ dàng cho ông tập chức, đòi phải đút lót mấy trăm, mấy ngàn mới chịu tấu danh sách lên triều đình. Cao Tiến Chi cũng là một người cứng đầu, ông nghĩ: "Mình làm gì có ngần ấy tiền đút lót cho họ. Mà dù có tập chức thì sau này cũng không có tiền leo lên chức chưởng sự, cái hố đựng tiền sâu hun hút ấy lấp bao giờ cho đầy. Ta có tài thì tự mình cũng tìm được công danh, làm rạng rỡ tổ tông. Bởi thế ông tự sống thanh thản tại gia đình. Trong võ giới có một người như thế cũng coi là một người trong sạch và cao thượng, Thời Đại Lai ở nhà ông, rất tâm đầu ý hợp. Họ rất kính trọng như, không sao nói hết được.

Đúng là:

Đường ươi thương đường ươi

Hảo hán thân hảo hán.

Sóng gió nổi trước mặt,

Lòng băng, lạnh than hồng.

Một hôm Thời Đại Lai ở thành về, nghe thấy tiếng khóc của người trong nhà. Can Tiến chi mắt cũng đỏ hoen. Thấy thế Thời Đại Lai hỏi:

- Hôm nay nhà anh có chuyện gì không vui thế?

- Chẳng giấu gì anh, - Cao Tiến Chi nói, - tính tôi ngang ngạnh, không thiết công danh, lại không có việc gì sinh sống nên gia đình nghèo túng. Không gặp thời nên hình như ngay cả ngôi nhà này cũng không giữ mà ở được. Nay ta định bán đứa con gái nhỏ cho một người lấy ít lễ vật chi dùng, chứ bán nhà thì đi đâu, bởi thế cứ nhìn nhau khóc.

- Hóa ra là như thế, - Thời Đại Lai nói, - hãy giữ cháu lại, tôi còn mấy lạng bạc anh lấy dùng tạm, rồi sẽ tính sau.

Cao Tiến Chi là một người có hoài bão, không chối từ mà nhận ngay đưa cho vợ. Cô gái họ Cáo vô cùng cảm động. Từ đó Cao Tiến Chi với anh thân thiết như ruột thịt.

Một hôm Cao Tiến Chi nói:

- Thời tướng công tài giỏi như thế sao không đi thi?
- Chẳng khác nào anh hùng nhưng không có đất dụng võ.
- Năm nay đến kỳ thi, chủ khảo mở khoa thi, có tài sẽ đỗ luôn cả hai kỳ. Nếu anh thích thì nhận quê quán của tôi, thi vào học quán.
- Thế thì hay quá. - Thời Đại Lai nói.

Hôm sau thấy quan đề học yết thị thu nạp nhân tài. Thời Đại Lai đổi họ tên là Cao Thăng. Thi xong, yết bảng anh đỗ đầu. Vợ chồng Cao Tiến Chi vô cùng mừng rỡ, quan tâm chăm sóc Thời Đại Lai. Thixong tam trường, yết bảng Thời Đại Lai đỗ thứ ba. Ăn tết xong, thoáng cái đã đến kỳ thi Hội. Đại Lai lại đỗ khôi nguyên. Thi Điện đỗ tiến sĩ nhị giáp. Thời Đại Lai đã trải qua nhiều thử thách, luôn luôn tâm niệm mình sẽ làm một ông quan tốt chứ không chạy chọt mưu cầu danh lợi như một số người, chỉ tuân theo sự tuyển dụng công bằng. Thời Đại Lai được bổ dụng làm hình bộ chủ sự. Tuy ở bộ Hình nhặt nhẽ lãnh đạm song anh không tính toán. Anh chuẩn bị ít tiền nhờ Cao Tiến Chi đón gia quyến tới nhiệm sở. Tiến Chi cảm động không dám từ chối lên đường đi ngay. Không đầy hai tháng đã đón phu nhân Vạn thị về nhà môn.

Đúng là:

Vợ chồng bè bạn ân nghĩa nặng,
Cả nhà vui vẻ đáng ngàn vàng.

Một hôm đang làm việc tại công đường, cấp trên gửi xuống một tờ văn thư. Thời Đại Lai mở ra xem thì thấy trong đó phê:

Vụ án Hoàng Hiệp là một vụ án rất nghiêm trọng, hẹn trong một ngày phải xét xử nghiêm minh, rồi tấu báo lên triều đình. Không được chậm trễ.

Thấy sự việc rất khẩn cấp, Thời Đại Lai lập tức đưa ra xét xử cho giải phạm nhân quỳ trước thềm. Thời Đại Lai nhìn kỹ phạm nhân thì giật mình nghĩ: "Người này rất giống Phong

Nhiễm Tử, song tại sao gọi là Hoàng Hiệp?" Nhìn kỹ một lần nữa thì thấy khuôn mặt tuy gầy và đen song bộ râu vẫn như xưa. Đúng là Phong Nhiễm Tử rồi, không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng lại mắc trọng tội, vậy thì xử thế nào đây. Ta hãy thử hỏi xem rồi hãy bàn cách. Thời Đại Lai xem bản án, gọi Hoàng Hiệp tới, nói:

- Tại sao người dám cả gan cướp lương của quan vận chuyển tại Thiên Tân lại còn giết mấy kỳ giáp? Đến nay người còn bao che cho bọn đồng đảng, không chịu cung khai nhận tội?

- Việc ăn cướp ở vệ Thiên Tân có liên quan gì đến phạm nhân, kẻ ấy chính là bọn Phi thiên dạ xoa Đỗ Tiểu Nhị mà phiên mỗ nhận lầm, tưởng gà hóa quốc, cho phạm nhân là hăn. Con đã từng nhiều lần bắt với quan song đây là việc hệ trọng ai dám nhận sai lầm, cho nên phạm nhân chịu oan, không thấy được mặt trời.

- Vậy thì Phi thiên dạ xoa Đỗ Tiểu Nhị ở đâu? Điều người nói có đúng không? - Thời Đại Lai hỏi.

- Sao lại không đúng thưa ngài, - Hoàng Hiệp nói, - hăn là người Sơn Đông. Nếu quả là phạm nhân thì tại sao nhiều lần tra tấn cực hình phạm nhân không khai ra đồng đảng mà lại chịu chết một mình?

Thời Đại Lai cố ý hỏi dò:

- Ở vệ Thiên Tân không phải là người, nhưng kẻ cướp tài sản của tri phủ

Nhậm ở Mai Lĩnh có phải là người không? Nay ông ta đang cáo giác người. Hoàng Hiệp à lên một tiếng nói:

- Việc ở Mai Lĩnh là có thật, phạm nhân xin nhận. Song vụ này không thể so với vụ ăn cướp lương thực, giết người ở Thiên Tân được.

Cao Tiến Chi nghe thấy thế rất tán thành.

Đúng là:

Sẻ, chuột tranh thóc gạo,

Anh hùng cùng tử sinh.

Tới nay trên Thanh Đảo.

Rót rượu viếng Điền Hoàn(1)

(1) Điền Hoàn: một nhân vật thời Chiến Quốc, là tướng quốc của Tề vương, Hàn Tín diệt Tề, Hoàn tự xưng là Tề vương, mang 500 người chạy trốn ra hải đảo. Lưu Bang xưng đế dụ hàng, Hoàn về Lạc Dương, giữa đường thấy xấu hổ rồi tự sát.

Thời Đại Lai viết một bản văn thư gửi lên cấp trên, đại ý như sau:

Thẩm xét vụ án Thiên Tân, quả thực là Đỗ Tiểu Nhị Sơn Đông. Hoàng Hiệp người miền Bắc xa xôi không có liên quan đến vụ án. Việc nhận gà hóa cuốc như thế thì đất nước sao mà tồn tại được? Giết người để xiêm ninh người, bọn quan lại xấu xa ấy phải phế bổ. Cúi xin hoàng thượng ra lệnh cho phiên bổ truy tìm thủ phạm. Hoàng Hiệp vô tội, nên cho được bảo lãnh thả ra.

Thượng thư bộ Hình thấy Thời Đại Lai là một tiến sĩ tân khoa dám chịu trách nhiệm. Hằng ngày lại rất thanh liêm, hơn nữa lời nói nghiêm túc hợp lý hợp tình, hoàn toàn không thể bác bỏ. Lập tức phê trả lời:

Ty ấy phải ra sức bắt ngay thủ phạm chính. Đây là vụ án quan trọng phải nhanh chóng kết thúc, không được chậm trễ. Hoàng Hiệp quả là vô tội, ty phải xem xét kỹ cho được bảo lãnh.

Thời Đại Lai vô cùng mừng rỡ, ngay lập tức đưa Hoàng Hiệp ra nói:

- Bản ty thấy người oan uổng nên ra sức trình bày giải thích với cấp trên, người có biết không?

Hoàng Hiệp nói:

- Sống chết tuy là dân đen, song sự oan uổng lại can hệ đến phép nước, phạm nhân cũng biết được điều đó.

Thời Đại Lai cho gọi ngay một người gác ngục, bắt anh ta bảo lãnh. Người gác ngục nói:

- Đây là tên trọng phạm, một mình con khó mà đảm đương hai việc. Quả thực con không dám.

Thời Đại Lai quát lên.

- Còn có ta ở đây, người sợ cái gì? Hãy mau mau đưa ông ấy bảo lãnh.

Bất đắc dĩ người gác ngục phải đưa Hoàng Hiệp về. Thời Đại Lai dặn thêm:

- Người này mà trốn mất thì có liên quan đến bản thân anh đấy.

Người gác ngục cứ luôn mồm kêu khổ, đành phải đưa Hoàng Hiệp về nhà mà lòng không vui. Hoàng Hiệp nói:

- Tôi hiểu ý anh rồi, Hoàng Hiệp này là một người đầu đội trời chân đạp đất lẽ nào lại bỏ trốn để làm liên lụy đến anh. Hơn nữa tôi đã đợi ơn ngài Cao thì liên lụy đến anh là liên lụy đến ngài Cao. Thôi anh hãy giúp tôi đi mua ít rượu và thức nhắm mang về đây tôi với anh uống một bữa thoả thuê. Từ nay trở đi chúng ta là bạn với nhau có được không?

Hoàng Hiệp lấy ra một thỏi bạc, mà cũng chẳng thèm cân là bao nhiêu đưa cho người gác ngục, người gác ngục mới an tâm ra đi. Anh mua về một hũ rượu, một mâm bánh mìn thầu và bánh cuốn, một đùi cừu, một thủ lợn, một con ngỗng béo. Hoàng Hiệp bảo anh làm thức nhắm cùng nhau uống rượu. Loáng một cái mâm rượu được dọn ra, hai người đóng cửa lên nhà, sắp sửa uống rượu thì chợt nghe có tiếng gọi cửa. Người coi tù hoảng hốt hỏi:

- Ai đấy?

- Tôi là người do ngài Cao ở bộ Hình sai tới, đòi Hoàng Hiệp, người mới được tha khỏi nhà giam. Ngài còn dặn là phải trả lời ngay. - Người đứng ngoài nói.

- Tôi đã biết trước là việc này không được rồi, - người gác ngục nói, - bây giờ lại đến gọi anh. Nếu không phải ông lớn lật lại bản án thì chiếu chỉ gửi

xuống cũng phải chém đầu. Nếu không thì tại sao người ta nói là phải trả lời ngay.

- Thì cứ mở cửa ra sẽ biết. - Hoàng Hiệp nói.

Người gác ngục mở cửa, người ấy bước vào chấp tay nói:

- Ngài Cao có lời mời ông tới.

Đúng là:

Đêm đêm thảng thốt không an giấc

Trời đất bao giờ lặng sóng đây.

Hoàng Hiệp nói:

- Tôi không phải là người sợ chết, hơn nữa chưa hẳn cái chết đã đến với tôi. Chỉ có điều ngồi trong ngục buồn đến chết người đi được. Rượu và thức nhấm đã bày sẵn, ta hãy uống đi mấy chén rồi cùng đi một thể.

Người ấy thấy mâm rượu đã dọn sẵn nghĩ, đã đến đây thì cũng làm cho họ yên tâm, bèn ngồi xuống ăn uống. Được một lát Hoàng Hiệp bảo lấy bát ra rót rượu rồi uống liền hàng chục bát. Người ấy nói:

- Sắp gặp ông lớn, uống ít thôi. Ông lớn chờ đã lâu, xin mời các ông đi ngay cho.

Ba người cùng đứng dậy, đi tới nha môn. Cổng nha môn mở toang, công đường đèn nến sáng choang. Ngài Cao đang ngồi đợi. Người ấy quỳ xuống bái:

- Thưa ngài, Hoàng Hiệp đã tới.

Hoàng Hiệp phủ phục trước thềm, bỗng nghe thấy ngài Cao truyền lệnh đóng cửa. Ngài Cao bước xuống thềm kéo tay Hoàng Hiệp đi vào trong. Hoàng Hiệp nghĩ: "Thật là kỳ quặc, ta phạm tội với triều đình, lẽ nào lại điều ta đến nhà riêng xử tội", Đi quanh co mãi tới một thư phòng ở chính giữa, đèn nến sáng choang, bàn ghế bày ngay ngắn.

Dẫn Hoàng Hiệp vào tới phòng, ngài Cao bỗng nhiên bỏ mũ ra, nói to:

- Anh! Anh có nhận ra Thời Đại Lai không?

Hoàng Hiệp ngẩng đầu nhìn, nhận ra Thời Đại Lai, nói:

- Ôi! Tôi cứ tưởng ngài Cao thanh bạch là người ở đây. Ai ngờ đó lại là hiền huynh.

- Lúc đầu cứ gọi là Phong Nhiễm Tử, mà không hỏi họ tên thực, nào ngờ họ tên lại là một chòm râu, thế thì ai mà đoán ra được.

Hai người vái nhau bốn cái, Thời Đại Lai mời phu nhân ra gặp mặt. Vạn thị vô cùng biết ơn, vui mừng khôn xiết, không sao kìm nổi, phu nhân lại mời cả Cao Tiến Chi cùng ra tiếp đón. Phong Nhiễm Tử hỏi:

- Sau khi chia tay, thế nào mà anh lại tới đây.

Thời Đại Lai kể lại tỉ mỉ cho Phong Nhiễm Tử nghe, và nói:

- Nhậm đề học, ân hận rằng không đánh đổ được người mà ngược lại mình bị đổ, làm một kẻ tiểu nhân một cách oan uổng.

Mọi người cười rộ lên, Phong Nhiễm Tử nói:

- Vị Cao Tiến Chi đây là người thế nào?

Thời Đại Lai kể lại đầu đuôi việc mình kết giao với Cao Tiến Chi. Phong Nhiễm Tử hết sức khâm phục, nói:

- Lúc đầu tôi cứ tưởng thiên hạ là những hạng mặt người dạ thú, ai ngờ người tốt vẫn còn. Ngay như anh Cao người đang ngồi đây là một người thanh cao, em Thời là một người nghĩa hiệp, Viên thái thường là một người chính trực. Tất cả đều là những người hiếm thấy xưa nay. Đáng tiếc là tôi đã lầm lỡ nửa đời người, giờ có sửa lại cũng không được nữa.

Thế rồi Phong Nhiễm Tử dùng chiếc cốc lớn bằng sừng tê giác cùng với Cao Tiến Chi, thả sức say sưa. Họ bàn với nhau về võ nghệ, về những chuyện ở chốn biên cương rất tâm đầu ý hợp. Lúc ấy Phong Nhiễm Tử rất vui. Ba người như anh em ruột thịt, chẳng còn vấn vương gì. Phong Nhiễm Tử vốn là người không chịu sống yên một chỗ, song vì có Cao Tiến Chi, họ rất hợp nhau, nên hằng ngày thường thi đấu đao thương, cung tên, bởi thế họ vui vẻ quên cả ngày tháng.

Đúng là:

*Tình cá nước biết bao sâu nặng,
Mười năm về trước, đó ân nhân.*

*Đời người vẫn có duyên hòa hợp,
Tình nghĩa anh em tựa keo sơn.*

Thời Đại Lai luôn luôn là một viên quan thanh liêm, là một người tiếng tăm lừng lẫy Trường An cả triều đình đều muốn để cử Đại Lai vào bộ Lại, song không phải vào bộ Lại một cách dễ dàng, phải có mưu mô thủ đoạn thì mới vào được. Thời Đại Lai không hề quan tâm đến chuyện đó, chỉ nghe theo mệnh trời. Song Thời Đại Lai khó thoát khỏi công luận. Bộ Lại không chịu tiếp nhận Đại Lai mà chuyển sang bộ Binh. Thời Đại Lai vẫn cứ thản nhiên tới nhậm chức tại bộ Binh. Chưa đầy hai tháng thì có tin báo về: bọn Yểm Đáp đã tiến vào cửa ải áp sát đô thành, việc này phải do bộ Binh đảm trách. Song những quan viên dùng tiền đút lót thì dùn đẩy không đi, Thời Đại Lai là người không dùng tiền đút lót cho nên bộ Binh đã đẩy Thời Đại Lai đương đầu. Thời Đại Lai không hề từ chối, đến ngày thao trường, soái lĩnh hơn một ngàn binh mã, đưa cả Phong Nhiễm Tử và Cao Tiến Chi đi cùng. Nào ngờ, vừa ra tới nơi thì gặp chúng đang cướp bóc, thấy thế Phong Nhiễm Tử và Cao Tiến Chi, hai người đang tràn đầy nhuệ khí, họ như một con chim ưng thích đấu, hào hùng xông lên chém đầu bốn năm chục tên, bọn Yểm Đáp phải bỏ chạy, họ thu được rất nhiều quân lương. Ngay sau đó họ phóng ngựa về triều đình báo tin chiến thắng. Thời Đại Lai dẫn quân về yết thị tại bộ Binh, thưởng công cho hai người. Nhà vua xuống chiếu giao cho Hoàng Hiệp làm đô ty, Cao Tiến Chi làm thủ bị, trở về nhà môn mở tiệc ăn mừng.

Vì lập công ngoài biên ải, cả triều đình cho rằng Thời Đại Lai giỏi việc binh, bèn thăng làm binh bị đạo Trang Lãng. Thời Đại Lai đưa cả hai vị hảo hán này đi theo. Tới nơi cử Hoàng Hiệp làm tham tướng, Cao Tiến Chi giữ chức du kích. Từ đó họ đều binh luyện võ tại biên cương, thỉnh thoảng Yểm Đáp vào cướp bóc đều bị họ đánh bại. Không lâu sau hai người này được trao chức tước, đúng vào Chiết Giang có giặc Oa xâm phạm, bộ Binh lại tiến cử Hoàng Hiệp làm phó tướng đi cứu viện Tam Chiết. Không đầy nửa năm dẹp yên giặc Oa, Hoàng Hiệp được thăng làm tổng binh quan, đi

ngựa tới nhiệm sở. Thời Đại Lai được triều đình giao cho trông coi vùng biên giới, thăng chức tuần phủ Diên Tuy. Hai người gặp nhau, hết sức vui mừng hòa hợp.

Đúng là:

*Hen ước ban đầu cùng chung sống,
Chẳng còn nỗi khổ buổi thiếu thời.*

Lại nói Nhậm đề học bị bãi chức, sống nhàn nhã, song ông ta là người hám của thì làm sao chịu đựng được nỗi cô quạnh. Ông ta đã chuẩn bị một ít bạc vào kinh đút cho chức sự để được trở lại làm quan. Được đút lót nhiều cho nên chức sự ra sức giúp ông ta đúng lúc ấy thì đạo Trang Lãng mà Cao tuần phủ mới nhậm chức thiếu người bèn cho rằng ông ta biết việc binh thăng giữ chức binh bị phó sứ đạo Trang Lãng. Lão Nhậm vô cùng mãn nguyện, lập tức đưa gia quyến tới ngay nhiệm sở bái yết tuần phủ. Được bẩm báo, Thời Đại Lai biết ngay đó là Nhậm tri phủ. Nhậm phó sứ tuổi đã cao, hám danh lợi, chỉ biết vái lạy mọi người và sợ đỡ cấp trên nên Thời Đại Lai cũng chẳng cần để ý đến họ tên lai lịch của lão làm gì. Một hôm trong bữa rượu, Thời Đại Lai hỏi Phong Nhiễm Tử:

- Có một người biết anh, xem anh có biết người ấy không?
- Ai đấy? - Phong Nhiễm Tử hỏi.
- Anh còn nhận ra Nhậm tri phủ không?
- Lâu lắm rồi tôi quên mất rồi.
- Thế chẳng phải anh đã gặp phó sứ Trung Lãng rồi sao?
- Chỉ nói hắn là họ Nhậm chứ ai ngờ lại là tên vô liêm sỉ ấy. Thật đáng tiếc đã không giết hắn ở Mai Lĩnh để hắn còn sống đến bây giờ làm như nhuốc thanh danh những người khoa giáp.
- Loại người bỉ ổi ấy còn đầy rẫy ở Trường An. Hãy dung tha cho đồ vô dụng ấy.

Phong Nhiễm Tử tuy ngoài miệng nghe theo, song trong lòng cứ âm ứ. Một hôm lại nghe tin quân giặc phía tây tiến vào cửa ải. Phong Nhiễm Tử

mang binh mã đi đánh dẹp, mãi xông lên Nhiễm Tử quên cả phòng bị phía sau. Cuối cùng bị phục binh xông ra vây hãm. Nghe tin cấp báo, Thời Đại Lai truyền lệnh điều Cao phó tướng đi cứu viện, đồng thời mình cũng tự dẫn binh mã tới ứng cứu. Cao Tiến Chi nghe thấy Phong Nhiễm Tử bị vây liều chết tiến lên. Phong Nhiễm Tử thấy quân tiếp viện tới gào thét xông lên chém giết, lại được quân của tuần phủ ứng cứu, ba cánh quân nhất tề xông tới đông như kiến cỏ, truy đuổi quân giặc tới hai ba trăm dặm mới trở về. Phong Nhiễm Tử đắc thắng trở về bèn nghĩ: "Binh mã của tuần phủ đều tới, lẽ nào phó sứ lại tọa hưởng kỳ thành? Nếu không nhân dịp này kết liễu đời hắn thì sau này khó mà trút được nỗi oán hận". Thế là Phong Nhiễm Tử làm một tờ trình lên bộ Binh, đại lược như sau:

Mở mang một cách quân yếu, bị bốn mặt tiến công, vây khốn hai ngày, song các dũng sĩ liều chết xông lên, may mà không làm nhục uy danh nơi đất người quân thù đã bị tiêu diệt. Song Nhậm phó sứ bất tài vô dụng, giữ trọng trách nhưng nhút nhác sợ chết, hoàn toàn không biết gì về việc binh, chỉ biết ra sức bóp nặn nhân dân, không thực hiện chức trách của một người làm quan. Khi ta xông lên diệt địch bị địch vây hãm, cơ hồ như sắp chết trong tay kẻ thù thì Nhậm phó sứ định mượn tay kẻ thù giết ta. Ta chết là việc nhỏ, song điều quan hệ đến biên cương lại là chuyện lớn...

Bộ Binh tấu lên triều đình. Vua lập tức xuống chiếu như sau:

Nhậm phó sứ thù riêng mà không lo việc biên Cương, phủ sứ phai thăm xét xử lý nghiêm minh. Hoàng Hiệp lập công đã được ghi nhận, nay ra chiếu chỉ để Bộ biết.

Tuân theo chiếu chỉ, sáng hôm sau Nhậm phó sứ khấn áo chỉnh tề tới nha môn tuần phủ chờ xét xử. Thời Đại Lai ra lệnh đóng cửa rồi chấp tay chào phó sứ kéo đứng dậy mời trà. Nhậm phó sứ nói:

- Phạm quan đáng Trừng phạt, đâu dám mong đại nhân gia ân.
- Ông có nhận ra Thời Đại Lai trước đây không? - Tuần phủ nói.

Nhậm phó sứ lau mắt nhìn kỹ:

- Phạm quan đáng chết từ lâu rồi, chỉ mong ngài rộng lòng cứu giúp.

Nói xong Nhậm phó sứ quỳ xuống lạy. Thời Đại Lai nói:

- Không nói tới chuyện trước đây, chỉ xin hỏi người con gái yêu của ngài đã lấy chồng chưa?

- Không giấu gì ông lớn, - Nhậm phó sứ nói, - khi bị bắt trở về cháu không muốn sống trong đời tục nữa, từ lâu muốn cắt tóc đi tu. Phạm quan không nỡ bỏ mặc, cháu vẫn còn trong nha môn ăn chay niệm Phật, thề sẽ không đi lấy chồng.

- Thế thì tốt quá, - Thời Đại Lai nói, - tôi muốn làm mối cho con gái yêu của ông. Nếu ông bằng lòng thì không những ông được giải thoát mà còn có thể phục lại nguyên chức.

Nghe thấy có thể phục chức, Nhậm phó sứ cũng chẳng hỏi làm mối cho ai, mà bằng lòng ngay.

- Thưa ông lớn, nếu ông lớn nâng đỡ phạm quan thì phạm quan lo liệu một ít của hồi môn để chàng rể mới báo đáp đại nhân.

Nói xong Nhậm phó sứ quỳ xuống lạy. Thời Đại Lai nâng dậy nói:

- Tôi nói nghiêm túc đấy. Tôi làm mối cho vị này, sẽ không làm nhục ông. Nếu ông nói tới của hồi môn, điều ấy sẽ đụng chạm đến tông tích cũ. Không những con rể không nhận mà ngay tôi cũng không dám nói.

- Tôi xin nghe theo ngài. - Nhậm phó sứ nói.

Sau đó Thời Đại Lai lập tức dọn rượu mời Phong Nhiễm Tử tới. Trong lúc uống rượu Thời Đại Lai nói:

- Tôi xin chúc mừng anh.

- Có việc gì mà chúc mừng.

Phong Nhiễm Tử vốn là người trọng nghĩa, rượu đối với anh là không thể thiếu, song về mặt sắc thì anh chẳng hề màng tới, bởi thế tới nay vẫn chưa vợ con. Thời Đại Lai nói:

- Tôi đã làm mối cho anh một người.

- Ai đấy Phong Nhiễm Tử hỏi.

- Con gái Nhậm phó sứ.

- Anh sai rồi. - Phong Nhiễm Tử nói toáng lên. - Lấy loại người ấy để làm

nhục tôi à? Sao bây giờ anh lại xử tệ với tôi như thế.

- Hãy nghe tôi nói đã, tiểu thư tên là Trại Nhi, không những đẹp mà còn là người nghĩa hiệp. Sau khi cô bị bắt, mặc dù anh là người đức hạnh không làm nhục cô ta, song là đàn bà con gái cô khó mà tự thanh minh được. Vì sự nghi ngờ ấy làm đời cô dang dở đến nay vẫn chưa đi lấy chồng. Điều ấy chẳng phải là do anh làm cô lỡ dở ư? Thế nhưng cô ở nhà ăn chay tụng niệm kinh Phật mà hoàn toàn không hề oán hận. Ngay khi tôi bị lừa, cái chết cầm chắc trong tay cô đã đóng giả đàn ông để cứu tôi. Anh tính nghĩa khí ấy, tài trí ấy thì trong hàng vạn đàn ông cũng không có lấy một người chứ đừng nói là con gái. Anh là bậc đàn ông kỳ tài trong thiên hạ, kết duyên với một cô gái kỳ tài thì đó chẳng phải là một đôi hiếm có do trời sinh ra ư? Tôi làm mối cho anh là phải lắm rồi, anh đừng có trách tôi.

Nghe thấy thế Phong Nhiễm Tử cười ha hả nói:

- Không ngờ mình châu từ bụng rắn mà ra. Tôi xin nghe theo lời anh.

Thời Đại Lai lập tức tâu lên triều đình gỡ tội cho phó sứ. bản tấu sơ đại lược như sau:

Tổng binh Hoàng mỗ hết lòng vì nước, anh dũng quên mình, bị vây hãm ở vùng sa mạc. Trong giờ phút gian nguy dám xông lên tiêu diệt địch lập công to. Song Nhậm phó sứ đang lúc tuần du không biết hỏa đài cấp báo, đến khi trở về điều quân theo sau. Tuy có sai lầm là chậm trễ song đó là sai lầm một cách vô tình chứ không phải cố ý. Xin bệ hạ phục chức đòi hỏi ông phải ra sức đáp đền.

Chỉ trong vài ba ngày nhận được chiếu chỉ, Nhậm phó sứ đến tạ ơn Thời Đại Lai và cùng tới tạ ơn con rể. Vốn là trước đây Nhậm phó sứ chỉ quan hệ với bọn người chó má, toàn bàn những chuyện chui luồn bợ đỡ, đến khi gặp quan tuần phủ Thời Đại Lai thanh liêm sáng suốt và gặp được chàng rể hào hiệp mới hiểu trên đời này còn có những chính nhân quân tử như thế. Từ đó về sau Nhậm phó sứ thương dân như con, coi tiền của như bùn đất. Đúng là:

*Sống lẫn trong cỏ dại
Chẳng đỡ mà thẳng ngay.
Lâu rồi quên hương sắc,
Nay bước vào phòng lan.*

Thời tuần phủ đã bàn bạc với chàng rể nên trong bản tấu sớ đã biện bách cho Nhậm phó sứ, lại ca ngợi công lao của Hoàng tổng binh nên triều đình ban mãng ngọc, gia phong hàm Thiếu bảo. Thời tuần phủ có công lao dùng người cũng được thăng chức Thượng thư bộ Binh, gia phong Thái tử thiếu bảo, được tặng kiếm Thượng Phương, tổng đốc Tam Biên. Có một hôm Thời tổng đốc nói với Hoàng thiếu bảo rằng:

- Anh còn nhớ lúc tôi vì thiếu một đồng mà lâm vào chỗ chết không? Tôi và anh nay đã vinh quang tột đỉnh, nếu không sớm quay về thì khó tránh khỏi bị nhục.

Hoàng thiếu bảo là một người phóng khoáng, từ lâu đã chán ngán cuộc đời làm quan, bèn nói:

- Anh nói có lý, ngay ngày hôm nay chúng ta dâng sớ cáo quan.

Triều đình thấy họ ở biên cương đã lâu ngày, nhiều năm gian nan vất vả, bèn chuẩn y ngay. Họ vui vẻ vinh quy. Vì ngoài biên ải lâu ngày Thời Đại Lai chưa có con, lại được Phong Nhiễm Tử làm mối, khuyên Cao Tiến Chi gả con gái làm thiếp Thời Đại Lai. Cao Tiến Chi mang ơn Đại Lai cũng muốn đáp đền, bèn tiễn con gái đến nhà môn. Sau đó Cao Tiến Chi lại thông gia với Phong Nhiễm Tử. Đời đời họ quan hệ mật thiết với nhau. Nhậm tiểu thư thấy cha không có con trai, nói với chồng đón ông về ở cùng và từ đó họ luôn luôn qua lại với Thời Đại Lai, thọ hơn bảy mươi tuổi. Người con gái đức hạnh hiếu nghĩa như thế thật hiếm có trên đời.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 22

Cứu Người Nghèo Làm Quan Hiển Đạt

Rửa Án Oan Hưởng Phúc Đời Đời

"Họa đường xuân"

*Xưa nay việc thiện trời đều biết,
Huống hồ việc gỡ oán phù nguy.
Việc ấy người trời đều tôn trọng,
An nhàn hưởng lộc sẽ dài lâu.
Tích góp sách vở chưa chắc đọc,
Tích góp bạc vàng chưa chắc giàu.
Chẳng bằng tích đức cho con cháu,
Phú quý giàu sang sẽ bền lâu.*

Dịch truyện viết: "Người tích thiện tất có nhiều phúc, người tích ác tất sẽ gặp tai ương". Chứng tỏ họa phúc là do người tạo nên chứ không phải trời đối xử xấu tốt đối với riêng ai. Song tích thiện không gì lớn bằng âm. Cho nên cái phúc do âm sắp đặt là lâu dài nhất, sử quả báo cho âm làm hại là tàn khốc nhất. Còn như việc hình ngục thì lại có quan hệ rất lớn: nếu hết lòng tha thứ thì người chết sẽ được sống lại, nếu rắp tâm độc ác thì người sống có thể chết ngay tức khắc. Huống hồ là kẻ nhận hối lộ uốn cong pháp luật, cố ý hãm hại người, mạng người rất quan trọng, sao có thể lợi dụng nó để hưởng lạc hay trả thù, để mặc sức hành hạ. Người xưa thường nói: "Người đương quyền, nếu không ra tay cứu vớt người, thì cũng chẳng khác nào vào núi vàng mà về tay không. Sĩ đại phu nắm quyền hành trong tay, mà không làm rõ các vụ án oan, không thương xót người vô tội, không mang tấm lòng yêu người của trời sao?".

Thời Hán có Vu Công, làm quan coi ngục, biết minh oan cho người đàn bà

hiếu đễ. Ông thường tự hào nói rằng: "Con cháu ta sau này nhất định sẽ hiển đạt". Về sau con ông dẹp yên bờ cõi, quả nhiên làm đình úy, đúng như lời ông nói. Thời Đường có Hà Tỷ Can, cùng với Từ Hữu Công, Lai Tuấn Thần, Hầu Tư Chỉ là hình quan. Tỷ Can là người khoan dung, đã tha tội cho nhiều người. Người thời ấy thường nói rằng: "Nếu ai gặp Lai Tuấn Thần, Hầu Tư Chỉ sẽ chết, mà ai gặp Từ Hữu Công, Hà Tỷ Can sẽ sống". Một hôm có một bà lão cầm hơn chín mươi thẻ tre, nói với Hà Tỷ Can. "Ông là người có âm đức, con cháu sẽ làm tới công khanh, quận thú. Được phong ấn tín, bằng sổ thẻ này". Về sau quả nhiên đời đời hiển đạt. Thời Tống có Trương Khánh làm quan coi ngục, ông luôn luôn quét tước nhà tù sạch sẽ, cho tù nhân ăn uống, không đến nỗi đói rét. Người đau ốm thì chạy chữa thuốc thang. Tuy ông không thể minh oan cho họ được, nhưng sau này con cháu ông cũng được đỗ đạt. Còn như bọn Chu Hưng, Cát Tu tra tấn người tàn ác, hãm hại bình dân, sát hại quan lại, cuối cùng khi chết thì đầu một nơi, người một nẻo, vợ con họ tộc đều bị giết. Tại sao lại khác hẳn với việc đền ơn người làm điều thiện như thế?

Như trên đã nói, quyền hành trong tay mình hay không là do tấm lòng của mình, bởi thế gỡ oan cho họ không phải là việc khó. Nay tôi xin kể về một người, quan thì thấp, chức thì nhỏ chẳng có quyền hành gì, ông cũng không tham tiền mà cũng chẳng muốn ai khen, vậy mà lại minh oan cho tù nhân và thả họ ra khỏi nhà tù, đó chẳng phải là việc vô cùng khó khăn sao?

Thời Gia Tĩnh có một người tên là Diêu Nhất tường, người huyện Thượng Hải, Tùng Giang. Diêu mất cha từ thời tấm bé, nhà khá giả sống phóng khoáng, khinh tài trọng nghĩa. Từng theo dõi đèn sách, giỏi thơ văn, mấy lần thì không gặp vận nên không được nhập học. Những người trong làng thường chê cười anh, song anh vẫn thản nhiên chẳng để bụng làm gì. Mẹ anh ở vậy nuôi con, luôn luôn mong con công thành danh toại. Bà tích góp được bốn năm trăm lạng bạc, rồi bảo con tới Nam Kinh nhập học.

Nhất Tường vâng lời mẹ, từ biệt vợ, mang theo hai người hầu lên đường.

Nam Kinh xưa kia gọi là Kim Lăng, lại còn gọi là Mạt Lang. Đây là nơi rồng cuộn hổ ngồi, là nơi đô hội bậc nhất của đế vương. Từ khi Đông Tấn vượt sông tới nay, Tống, Tề, Lương, Trần đều xây dựng kinh đô ở đây. Sau đó Lý Dục, Lý Cảnh, Nam Đường cũng đóng đô ở đây, cho nên đây là nơi phồn hoa tráng lệ vào bậc nhất vùng Đông Nam. Vương Giới Phủ từng sáng tác một bài thơ nhan đề là *Kim Lăng hoài cổ* theo điệu *Quế chi hương* như sau:

*Lên cao đưa tầm mắt.
Nhìn cổ quốc buổi cuối thu,
Khi trời chớm lạnh,
Dòng nước trong xanh như dải lụa,
Núi biếc chọc trời tựa tên bay.
Dong buồm đưa mái chèo dưới bóng chiều tà.
Trên đỉnh tửu lâu dài biển hiệu phấp phới bay theo gió.
Bóng thuyền ngũ sắc mờ dần,
Sao sáng lung linh hiện trên dòng nước,
Đẹp như bức họa.
Xưa kia nơi đây một thời hào hoa.
Hận rằng trên lầu ngoài thành
Niềm vui nỗi buồn cứ theo nhau đắp đổi.
Việc cũ của sáu triều đại cứ trôi theo dòng nước
Nay chỉ thấy làn khói lạnh và những vật cỏ mềm xanh ngắt,
Đến nay những kỹ nữ vẫn còn hát khúc Hậu Đình.*

Đến hoàng đế Minh Thái Tổ khôi phục đất nước, xây dựng cung điện, hàng trăm hàng ngàn phủ điện nha môn, đường phố chỉ chít như bàn cờ. Những sản vật kỳ lạ tinh xảo, những con người áo mũ lịch thiệp, những trai thanh gái lịch, những người thuộc đủ mọi nghề, ùn ùn tụ tập về đây. Quả là không sao nói hết được sự phồn hoa, và cũng không sao hưởng hết được sự khoái lạc. Tuy thủ đô đã dời về Bắc Kinh, nơi đây không sao tránh khỏi hoang phế, song sông núi vẫn như xưa, cảnh vật vẫn y nguyên, nơi đây khác hẳn

với tỉnh thành nơi khác.

Nhất Tường tới đây vô cùng thích thú. Anh nghĩ: "Gửi đơn nhập trường thì phải học hành, không được thỏa thích du ngoạn, thôi thì ta tìm một nơi trọ tạm du ngoạn mấy ngày rồi hãy tính sau". Thế là anh cùng với hai người đầy tớ đến bến đò Đào Diệp trên sông Tần Hoài tìm một phòng trọ trên sông.

Nơi nghỉ trọ ở Nam Kinh thì phòng nghỉ trên sông là đắt nhất và cũng tuyệt vời nhất. Phía tây là trường thi, bên kia sông là nhà chứa. Bởi thế những kẻ sĩ phong lưu hào phóng rất muốn dốc tiền ra thuê. Nhất Tường cũng nghỉ ở đây một ngày, hôm sau đi du ngoạn. Thế rồi anh chơi tới hai ba ngày liền, chợt anh qua phường Võ Công, vượt qua cầu, tới một nhà chứa. Chỉ thấy: Lầu hồng như hang núi, quán biếc chạm tầng mây. Lan can chạm trổ, ngoáy ngoéo quanh co, trồng rất nhiều hoa thơm cỏ lạ, phòng ốc sâu hun hút, ánh sáng mờ mờ, đàn ngọc sáo ngà, tiếng nhạc du dương, hương thơm sức nước. Những cô gái mặt hoa da phấn, dáng vẻ yếu điệu thướt tha chẳng khác nào tiên nữ trong động phủ. Những chàng trai bầu rượu túi thơ, ai ai cũng dáng vẻ văn nhân học sĩ. Ở đây đêmđêm sáng rực, chẳng lo gì không trăng Theo mùi hương tới nơi mà xưa nay người ta gọi là mê hồn trận. Nơi rất mực phong lan này đã cuốn hút biết bao anh tài niên thiếu.

Nhất Tường không có ý định ngủ đêm chơi gái, nhưng đã đến đây thấy cảnh tượng như thế cũng thấy ngã lòng. Hơn nữa trong đám gái làng chơi thường nói: "Chỉ sợ anh không đến thì thôi chứ đã đến đây khó lòng mà bỏ đi được". Bởi thế, ngay cả những anh cực kì keo kiệt, chỉ chuyên sà đến với đàn bà góa chồng cũng phải nghỉ lại mấy đêm liền, hoang phí hàng chục lạng bạc mới ra khỏi cửa. Hơn nữa, ở đây có một bọn cò mồi, luôn luôn đồ ngon đồ ngọt, xu nịnh tâng bốc, thì dù có học vấn đến mấy cũng khó mà thoát được. Nhất Tường là người phóng khoáng, thoải mái, không tiếc tiền tài bồng chốc mê hai cô gái làng chơi, rồi cùng họ hoan lạc. Người nào cũng tâng bốc nịnh nọt anh. Được mấy hôm Nhất Tường lại bảo mấy đứa

theo hầu mang hành lý đến đó ở. Mụ chủ nhà chứa lại sai bọn đầy tớ gái tiếp họ. Cho nên hai đứa ở cũng khoái chí, không nhắc nhở Nhất Tường nữa.

Ý muốn chiếm danh đoạt lợi của Diêu Nhất Tường nay đã biến thành khao tiếc ngọc thưởng hoa. Số tiền mang đi để tiến thân bằng con đường học tập thì nay dùng để tiêu xài. Chẳng mấy chốc mất quá nửa, Tính ra thì không thể nhập học được nữa, thôi thì cứ thả sức vui chơi. Hơn nữa bọn cò mỗi đêm ngày lôi kéo, khi thì hát xướng, khi thì cờ bạc, cứ mê đắm trong cảnh ăn chơi, tiêu tiền thoải mái. Sờ đến túi thì tiền gần hết.

Một hôm bọn cò mời mời Nhất Tường tới du ngoạn ở Vũ Hoa Đài. Bọn kỹ nữ xinh đẹp đàn sáo réo rắt tỏ vẻ đắm say chàng, nhưng thật ra muốn rút hết hầu bao của anh, rồi tổng khứ anh đi.

Các bạn thân mến, có phải anh dễ dàng mà đến đây được đâu và có phải anh sống bừa với họ được đâu. Diêu Nhất Tường không hiểu được điều đó, say sưa ăn uống thả sức hát ca, lại còn lấy bút đề thơ để ghi lại sự khoái lạc của mình.

*Xưa kia mơ gái trinh
Nay chơi cùng kỹ nữ.
Linh Vận cũng dừng xe,
Ta chẳng ngại buộc thuyền.
Dòng sông như dải lụa,
Mái hiên vút mây xanh.
Rong chơi miền lạc thú.
Vui chẳng nói nên lời.*

Đề thơ xong bọn chúng đua nhau tán tụng:

- Tài cao như thế sợ gì cửa rông cao vạn trượng.

Ai ai cũng rót rượu chúc mừng. Mọi người đang ăn uống vui vẻ thì có một

người quần áo rách rưới, thân hình tiều tụy, sắc mặt tái nhợt xăm xăm bước tới nhìn Diêu Nhất Tường vái chào xin tiền. Diêu Nhất Tường cho rằng đây là người ăn mày, cũng chẳng thèm để ý tới, bảo đưa hầu mang rượu và thức ăn cho ông ta. Người ấy không uống rượu mà cũng chẳng ăn, nói với Diêu Nhất Tường.

- Tôi là tú tài Hà Nam, giữa đường gặp cướp, tiền của mất hết mà người thì chúng đánh bị thương không thể về quê được, vậy xin ông cho ít tiền ăn đường, còn rượu và thức nhắm chỉ là chuyện vặt.

Hai tên cò mồi nói ngay:

- Diêu tướng công, mặc hăn. Ở nơi chúng tôi đây loại người như thế rất nhiều, chúng đều giả vờ là bị nạn rồi đánh lừa người. Ai hơi đâu mà đi điều tra xem hư hay thực, là tú tài hay không phải tú tài!

Người ấy rất tức giận nghĩ. Ta bị cướp đánh gần chết, sợ rằng phải lưu lạc nơi đất khách, bắt đắ dĩ phải đi ăn xin, nay bị người đời nghi ngờ làm sao còn có thể ở đây mà ăn xin được. Song ta không phải là bọn người lừa dối, đã không cho ta thì thôi sao lại bị mang tiếng xấu, ta phải làm cho họ hiểu rằng ta không phải là kẻ lừa dối. Thế rồi người ấy cởi phăng áo ra, quả nhiên thấy vết thương chưa lành, máu còn đang rỉ ra thấm ướt áo. Nhất Tường bèn đứng dậy, cúi đầu xin lỗi, anh bảo đưa hầu mang hòm hành lý tới, xem qua thấy trong túi chỉ còn mười lạng bạc, một chiếc áo vải và một chiếc áo rộng tay. Nhất Tường cho hết, rồi rót rượu mời người ấy. Vị tú tài rưng rưng nước mắt, chấp tay cảm ơn, hỏi họ tên Diêu Nhất tường rồi từ biệt. Diêu Nhất Tường không hỏi gì thêm. Người ngày nay có giúp người nào đó chút ít đã huênh hoang khoe ta là người nhân đức, song Diêu Nhất Tường gặp người giữa đường giúp đỡ như thế mà cũng chẳng hỏi họ tên người ấy, hẳn là Nhất Tường giúp người mà không cần đền ơn, nên anh cũng quên ngay chẳng hỏi lại làm gì. Ngay như về chuyện này, người đời cũng không sao sánh kịp, huống hồ là những việc còn to lớn hơn thế thì sao mà sánh nổi.

Lúc ấy Diêu Nhất Tường nghĩ rằng: "Tiền trong túi đã hết nhẵn, chắc rằng

chẳng có ai giúp mình, nếu ta cứ sống một cách nhàm chán ở đây, bị mục chủ nhà chứa đuổi đi thì chẳng còn mặt mũi nào nữa. Thôi thì bỏ về sẽ không lộ chân tướng. Thế rồi Nhất Tường rượu cũng không thèm uống, trở về nhà chứa thu xếp quần áo chần màn đi ngay. Hai kỹ nữ cứ nài nỉ Nhất Tường ở lại ngủ thêm một đêm nữa. Sáng hôm sau bảo đưa ở gọi thuyền rồi vội vã lên đường. Hai ả làng chơi tuy khóc lóc thề bồi đều là vì tiền cả thôi. Thấy anh hết tiền, đành phải mượn tay người khác tổng khứ Nhất Tường ra khỏi cửa.

Diêu Nhất Tường là một người phóng khoáng, không vì hai cô gái kia mà quyến luyến, dứt khoát xuống thuyền ngay. Mấy ngày sau Nhất Tường về tới nhà. Thấy con trở về, mẹ hết sức vui mừng, hỏi tới chuyện học hành, Nhất Tường mãi mãi không sao cất lời lên được. Cuối cùng chẳng còn cách nào khác anh đành nói thế. Mẹ anh nổi giận. Thường ngày Nhất Tường là một người rất có hiếu, luôn luôn vâng theo lời mẹ, nhưng nay vì bổng chốc cao hứng, hoang phí năm trăm lạng bạc mà cũng chẳng lo lắng gì. Chỉ có điều không nghe theo lời dạy bảo của mẹ, say mê gái làng chơi mà làm hỏng cả công danh sự nghiệp, anh rất buồn rầu, song hối không kịp nữa. Từ đó về sau có cát vàng cũng không dám đi xa.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 22 (B)

Hai năm sau anh nghĩ rằng không thể cứ thế này mãi được bèn xin vào làm một chức dịch nhỏ trong huyện. Các bạn thân mến, một người phóng khoáng như thế, Nhất Tường có quan tâm đến những đồng tiền bẩn thỉu không? Anh lúc nào cũng nghĩ tới cứu giúp người hoạn nạn, đối đãi với mọi người bằng tấm lòng nhân hậu. Trong nha môn cũng có người khen anh, cũng có người cho anh là một thằng ngốc, song anh chẳng để bụng, mặc cho mọi người chê cười.

Thời gian cứ vùn vụt qua đi, mới thoáng cái mà đã sáu bảy năm, xem ra hai lần khảo hạch cũng sắp đến rồi, anh phải vào kinh phấn đấu. Vâng theo lời mẹ, anh vào kinh đô sống ba năm không dám hoang phí một xu nào, rồi được tuyển làm tri sự phủ Cửu Giang, Giang Tây. Tới nhiệm sở chưa được bao lâu thì ngục tù của bản phủ thiếu quan, cấp trên giao cho anh cai quản nhà tù. Anh dốc lòng vào công việc, quan tâm chăm sóc tù nhân, ngay cả những thường phạm tạm giam cũng không hề ngược đãi. Thậm chí những tù nhân phạm trọng tội, giam trong ngục anh cũng thường trực tiếp tới thăm hỏi. Người bẩn thỉu thì anh tắm rửa, người đau ốm thì anh thuốc thang chạy chữa, rét thì cho áo, đói thì cho cơm. Ai ai cũng mang ơn anh, nên hết sức cảm động. Còn đối với những người bị vu hàm oan khuất gặp cấp trên không công bằng sáng suốt đánh đập ép cung. Biết mười mười là oan uổng nhưng không có thể trực tiếp minh oan cho họ được, anh luôn luôn cảm thấy hổ thẹn. Bởi thế phòng anh, rộng tuếch. Anh ăn mặc hết sức giản dị. Anh từng đề một bài thơ ngắn trên tường như sau:

Đạo lý nay chẳng còn.

Người không vẽ được gió.

Bao giờ hết hình phạt,

Thì thành sẽ bỏ không.

Thơ là nói cái chí của con người, cũng giống như Thiệu Nghiêu Phu mong rằng trời luôn sinh ra người tốt, người luôn làm việc tốt. Như thế mới biết được nỗi quan tâm hằng ngày của anh.

Được nửa năm thì có một vị án đài mới, được bổ nhiệm tới đây. Các quan lớn nhỏ đều đến yết kiến, dù không muốn nhưng anh cũng đôi ba lần theo họ tới bái kiến. Các bạn thân mến, dinh quan sát viện oai nghiêm biết là phương nào, những quan nhỏ ấy làm sao mà có thể nói năng với ngài được. Song sự thế đã như thế, không đi không được. Đi liền trong ba ngày, bái kiến xong mọi người ra về. Nhất Tường cũng phải cáo lui, bỗng nhiên thấy bên trong có lệnh gọi Diêu tri sự. Nhất Tường không hiểu vì sao, giật thót mình, anh nghĩ: "Ta làm quan ở đây chưa từng làm điều gì phi pháp, không lấy một xu nào phi pháp, chắc rằng chẳng có can hệ gì, ta ngại gì mà không vào". Thế rồi anh vội vã bước vào.

Sát viện hỏi:

- Anh có phải là Diêu Nhất Tường không?
- Thưa ngài, con chính là Diêu Nhất Tường.
- Anh đến đây đã lâu chưa?
- Thưa ngài con đến đây được mười tháng.
- Anh cai quản nhà giam bao lâu rồi?
- Thưa ngài con đã làm được năm tháng.
- Anh là người phong lưu khoáng đạt, sao lại làm một chức quan nhỏ như thế?

Thấy nói vậy Nhất Tường rất nghi hoặc, miễn cưỡng nói:

- Không dám.
- Năm ấy tháng ấy anh cặp kè uống rượu với gái điếm ở Vũ Hoa đài có phải không?

Nghe thấy nói thế Nhất Tường không biết vì sao, tự nhiên hốt hoảng tim đập rộn lên, chẳng khác nào dội một chậu nước lạnh từ đầu đến chân, toàn thân run lên cầm cập. Anh lập tức bỏ mũ ra, rạp cúi đầu lạy như gà mổ

thóc, nói:

- Con đáng tội chết, con đáng chết, cúi xin ngài tha tội.
- Đừng hốt hoảng. Ta hỏi người, khi ở Vũ Hoa đài có một tú tài lâm nạn hồn xiêu phách lạc, xin người cứu giúp, người cho người ấy bạc và quần áo có đúng không?

Đến lúc ấy Nhất Tường mới bình tâm lại, vội đáp:

- Thưa ngài có ạ.
- Vậy người có nhận ra người ấy không?
- Con bất chợt giúp đỡ người ấy con cũng không hỏi họ tên ạ.
- Người ấy chính là ta đó. - Rồi ông nói tiếp. - Hãy đứng dậy vái chào ta đi. Sau đó ngài sát viện gọi người đóng cửa lại.

Lúc ấy Nhất Tường mới yên tâm đứng dậy vái chào, rồi đứng tránh sang một bên. Phép tắc của sát viện là, khi gặp các quan lại trong phủ không có lệ mời trà, hoặc có lưu lại mời trà thì cũng chỉ được đứng uống chứ không được mời ngồi. Bởi thế Diêu Nhất Tường tuy có ơn cũ với ngài sát viện nên cũng chỉ đứng uống trà mà thôi. Uống xong, sát viện nói:

- Từ ngày ta được người chu cấp trở về quê, cũng may được đỡ đạt, lúc nào cũng nghĩ đến việc đền ơn, nhưng chưa gặp được. Nay gặp anh ở đây cũng là do trời dun rui, song chỉ có điều tôn ti cách nhau quá xa, thể lệ nghiêm ngặt không thể năng đi lại để báo đáp được. Anh đã có tấm lòng thương người, hiểu được tường tận những phạm nhân. Trong đó nếu có những người oan uổng mà quả thực thương họ thì anh có thể khai ra mấy người, mỗi người kiếm được một ngàn lạng bạc, thì ta cũng sẽ tha cho họ để báo ơn anh.

Nhất Tường được phép, cảm ơn quan đã mời trà rồi ra về. Anh thấy những người trong nha môn cứ thấp thò thò để nghe ngóng, xem vì sao mà quan lớn lại mời trà. Những người viết báo ở phủ huyện viết việc này thông báo đến các nha môn trong phủ huyện. Thế là các quan trong phủ huyện gửi thiệp đến chúc mừng Nhất Tường, thậm chí có người còn mang cả lễ vật đến. Các bạn cho rằng những người này nịnh bợ viên quan coi ngục tép riu này ư. Đó chẳng qua là họ nịnh bợ người quen biết ngài sát viện mà thôi.

Về tới nha môn Diêu Nhất Tường vô cùng vui sướng, anh gọi ngay người thư lại tới rồi nói hết chuyện đã xảy ra. Thư lại đều chúc mừng:

- Xin mừng ông lớn, được một món tiền kếch xù.

Diêu Nhất Tường cười nói:

- Các anh là đồ ngu. Nếu ta là loại người cần tiền thì tại sao hằng ngày ta không hạch sách họ để kiếm tiền? Chỉ vì ta là quan nhỏ, chức thấp không thể minh oan cho họ được, bởi thế lúc nào ta cũng ân hận. Nay may mà ông lớn có lòng tốt ta cũng muốn dựa vào đó té nước theo mưa để thực hiện ý nguyện của ta bấy lâu nay. Há có phải vì được tiền mà vui mừng đâu? Nếu như đòi tiền, những người oan uổng không có tiền thì rốt cục sẽ không tha họ sao?

Nghe thấy thế, tuy ngoài miệng thư lại khen ngợi nhưng trong lòng cứ cười thầm: "Làm gì có người không cần tiền? Trước mặt mọi người tỏ vẻ thanh liêm đó thôi, chờ xem ông ta làm sẽ biết". Thế rồi thư lại nói:

- Nếu ngài không cần tiền thì ngài xem trong ngục có mấy người mắc oan?

- Ta tới đây làm việc, - Diêu Nhất Tường nói, luôn nghĩ tới điều này, cho nên ta thường thăm dò, thấy trong nhà tù có bảy người oan thực sự.

Thế rồi anh kể rõ họ tên và nỗi oan khuất của họ, rồi nói:

- Các anh hãy trình bày thật tỉ mỉ nguyên nhân và sự việc dẫn đến oan khuất rồi trình bày lên ngài sát viện thả họ ra, ta không đòi họ một xu nào. Trong số đó có ba bốn phú gia, nếu thả họ ra thì các anh có thể đòi họ một vài chục lạng cũng không phải là quá đáng.

Ngục lại lập tức nói với bảy người ấy. Họ vô cùng cảm tạ, sai ngay người tới nhà báo tin là sẽ gom bạc mang tới cho thư lại. Bọn thư lại tính rằng: "Ông nói là không đòi bạc, chưa chắc là thật lòng? Ông ấy đã biết được ba bốn phú gia, ngài sát viện lại nói mỗi người lấy một ngàn lạng, thôi thì ta đòi mấy người gom lại hai ba ngàn lạng tới đây rồi đưa văn bản cho ông ấy. Nếu quả ông ấy không cần tiền thì lập tức sẽ mang văn bản đi ngay. Nếu giả vờ thì thế nào cũng trùng trình trì hoãn lại vài ba ngày, lúc ấy ta sẽ mang bạc tới cho ông ta. Mọi người bàn bạc xong, và số bạc cũng đã gom đầy đủ.

Mấy hôm sau làm xong văn bản, thư lại mang cho Diêu Nhất Tường xem,

nhận được văn bản Nhất Tường vội vã lên gặp ngay ngài sát viện. Lúc ấy thư lại mới biết ông không cần tiền thật, thế là ai ai cũng tấm tắc khen ngợi. Đến sát viện, anh chờ mở cửa truyền lệnh cho vào. Lần này khác hẳn với lần trước, Nhất Tường vừa bước vào ngài sát viện lệnh đóng cửa. Nhất Tường trình văn bản lên, bẩm:

- Thưa ngài, hằng ngày tri sự tìm hiểu thực tình. Trong số trọng phạm, có bảy người quả thực oan uổng, được ngài cho phép con dám mạnh dạn tâu trình, mong ngài gia ân trời biển.

Ngài sát viện xem tờ trình, nói:

- Anh đã được gì chưa?

- Thưa ngài họ đã hẹn rằng đến ngày được thả ra sẽ tạ ơn tất cả là bảy ngàn lạng bạc.

- Nếu được như thế, - ngài sát viện nói, - cũng đủ đền ơn anh rồi. Anh hãy mang số bạc ấy về nhà sống thoải mái đến lúc già, rong chơi ở chốn suối rừng, hà tất cứ phải uốn gúi khom lưng vì năm đấu gạo.

Nhất Tường nhận lệnh rồi đi ra.

Ngài sát viện phê chuẩn tha ngay bảy người ra khỏi nhà tù. Gia quyến của bảy nhà ấy dặt dứ, thắp hương đội lễ, nước mắt tuôn rơi lẫn cả quỳ xuống đi bằng đầu gối tới nha môn lạy tạ. Tuy Diêu Nhất Tường nói là mình được bảy ngàn lạng bạc, nhưng thực ra không được xu nào. Nếu như vào tay người khác vì mình oan mà được bằng ấy tiền cũng không phải là quá đáng. Có nghĩ là người giàu thì lấy tiền còn người nghèo thì nói dùm, như thế cũng là bậc thánh nhân quân tử rồi. Người cao thượng nhất, nếu không được tiền thì cũng nói rõ với cấp trên, để cấp trên thấy được nguyện vọng mình oan chân thực của mình. Như thế thì cũng chẳng ai có thể đạt được. Song đằng này Diêu Nhất Tường không được một xu nào mà nói là được bảy ngàn lạng bạc. Ai có thể rửa oan cho người lại chịu mang tiếng mà không có quyền lợi thực, không lợi dụng để lấy tiền của của người khác. Không cần người khác khen mình để mưu cầu cấp trên khen thưởng. Há chẳng phải đó là tấm lòng của bậc đại thánh nhân đại Bồ Tát sao? E rằng những người như thế xưa nay quả là hiếm có.

Hôm sau Nhất Tường lập tức đệ đơn xin nghỉ. Ngài sát viện tưởng rằng

Nhất Tường đã được bảy ngàn lạng bạc thật, phê chuẩn ngay, thế là ông treo mũ trở về. Bởi thế đã làm chấn động cả thành phố. Phủ, huyện, đạo không ai không khâm phục, nói:

- Một chức quan nhỏ bé không nhận hối lộ mà lại rửa oan được cho người thì quả là đến quan ngự sử cũng không sánh kịp.

Thế là khi về những người đồng liêu tặng ông rất nhiều quà. Họ hàng bảy người được tha tập hợp bạn bè với Tam viện, thuật lại việc Nhất Tường minh oan cho người mà không lấy một xu hối lộ, quả là một người đức độ liêm khiết, xứng đáng là tấm gương cho đời, nên đưa tên ông vào đền thờ những vị quan nổi tiếng. Lúc đầu chuẩn y cho ông về nghỉ, ngài sát viện cứ ngỡ là ông có bảy ngàn lạng bạc, về nghỉ hưu cũng đủ lắm rồi. Đến khi thấy người ta trình lên như thế mới biết Nhất Tường không cần tiền bạc. Ông vô cùng kinh ngạc nghĩ: "Một người tốt như thế quả là độc nhất vô nhị! Song ta muốn báo đền ơn anh mà lại làm cho anh phải thôi việc, không ngờ mình làm lỡ dở con đường thăng tiến của anh". Thế là quan lập tức phê chuẩn đưa ông vào thờ tại miếu thờ các vị quan nổi tiếng.

Các bạn thân mến, các bạn bảo rằng tri sự được đưa vào miếu thờ xưa nay được mấy người? Đó chính là sự báo đức vậy. Về tới nhà, hai túi rỗng không. Cháu tuy đã đồ tú tài nhưng gia đình nghèo túng. Mọi người trong nhà đều oán trách ông không biết tính toán đã không được tiền thì sao không xin ông đền cho một chức quan nho nhỏ. Há rằng đây chẳng phải là việc mất cả chì lẫn chài sao. Diêu Nhất Tường vẫn cứ vui vẻ bình thản như thường.

Đến năm hơn chín mươi tuổi, bỗng một hôm Diêu Nhất Tường nằm mơ thấy năm sáu người mặt áo xanh đội mũ quỳ trước mặt bẩm rằng:

- Chúng tôi đến nghênh đón ngài.

Trong giấc mơ ngài Diêu cũng vẫn nhận ra đây là những người mình cứu họ thoát chết. Nhân đó mới hỏi lại:

- Vì sao các người đến đây.

- Chúng con đội ơn ông lớn cứu mạng được trở về, - những người ấy nói, - tất cả tổ tông cha mẹ của bảy nhà chúng con đều tâu lên Thiên Đế, Thiên Đế lệnh cho Tư mệnh Chân quân tăng tuổi thọ cho ngài và phù hộ cho con

cháu ngài đời đời vinh hiển. Tuổi trời cho của ngài sắp hết rồi, chúng con đến đây hầu hạ ngài. Bên ngoài có sẵn kiệu, xin mời ngài đi ngay.

Ông Diêu nghe xong bèn lên kiệu. Người ta khiêng tới nhà môn rồi đặt kiệu xuống. Thấy người gác cửa vào báo, sau đó một vị quan từ bên trong bước ra nghênh tiếp. Nhìn kỹ thì vị ấy ăn mặc không giống quan phủ, mà đội mũ miện, mặc áo long cổn, lúc ấy ông Diêu mới hiểu rằng đó là Diêm La Vương. Diêm Vương vái chào ông Diêu, rồi cùng ông lên thiên đình. Ông thấy có một vị ngồi sẵn tại đó. Diêm Vương vái chào mời ông Diêu ngồi trên vị Tướng này. Ông Diêu chối từ không dám ngồi. Diêm Vương nói:

- Ông có âm đức. Hôm qua sắc luật trời gửi xuống mời ông làm Hình tào Thái Sơn. Ông hãy về nhà lo liệu công việc, sắp tới có người tới đón.

Thế rồi tiễn ông Diêu trở ra. Mọi người lại mời ông lên kiệu rồi khiêng về. Ông Diêu ngáp một cái rồi tỉnh dậy, thì hóa ra đó là một giấc mơ.

Sáng hôm sau lúc ngủ dậy, ông nói với người nhà rằng:

- Hôm qua ta nằm mơ, có lẽ ta sắp chết rồi. Hằng ngày mọi người cứ trách ta là không nghĩ đến gia đình, đêm qua ta nằm mơ thấy những người mà ta cứu họ khỏi chết oan đã tới đón ta và nói rằng đã tâu lên Thiên đế xin cho con cháu ta phú quý vinh hiển. - Rồi ông chỉ vào đứa cháu, nói:

- Người làm rạng danh cho nhà ta có lẽ con của anh này ư, Mọi người không cần phải lo nghèo đói.

Sau đó ông thuật lại những việc đã xảy ra trong giấc mộng, ông nói tiếp:

- Diêm Vương nói với ta rằng, chỉ trong mấy ngày nữa sẽ sai người về đón. Nhất định ngày chết đã đến nơi rồi. Các con hãy nấu một nồi nước thơm cho ta tắm rửa để chờ họ.

Theo lời ông, người nhà nấu nước thơm. Ông Diêu tắm xong lại nói:

- Người đến đón ta đã tới cửa rồi.

Cả nhà đều ngửi thấy mùi thơm sức nức khắp phòng, phút chốc ông tạ thế.

Cháu của ông là Vĩnh Tế đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất thời Vạn Lịch, về sau làm quan tới chức Tả bố chánh Chiết Giang, rồi xin cáo quan về nhà. Phúc Lộc đều do thịnh đức của ông, ông đã giỏi xây dựng gia thế cho nhà mình, bởi thế dòng dõi trâm anh không bao giờ dứt. Bảy người nói rằng đã tâu lên

Thiên đế xin cho ông, quả thật chẳng sai chút nào. Thực hiện âm đức được đền đáp, việc ấy rất linh nghiệm. Những bậc quân tử đương quyền, sao không ra tay cứu vớt mọi người để mưu cầu phúc lộc cho con cháu? Thơ rằng:

Tích đức hơn tu hành.

Tu hành chẳng bằng học.

Số tận mình cũng hết,

Tích đức hưởng trăm đời

Lộc dành cho con cháu

Đâu cứ phải công huân.

Xin nhắc người dương chức,

Biến bút thành trâm anh.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 23

Thục Nữ Giả Nhớ Chồng, Thất Tiết

Mạo Danh Lừa Gạt, Bạn Sói Lang

“Nam kha tử”:

Lấy nhằm đừng oán hận, lòng trinh gửi đỡ quyên. Nếu như nói việc kín với người khác thì sẽ làm cho bạn lãng tử trộm phần son ngấm ngấm sinh lòng gian tà. Vì sao lại đi theo người. muốn ngủ với người ta ư? Cho dù tìm được nhân duyên cũ, thì mình đã bị ô nhục quá nhiều, khó mà rửa sạch được.

Con gái đã hứa gả cho người ta, trong đó thường có những biến cố, không thể lấy nhau được, thì lấy một người khác thích hợp. Nếu không chịu lấy người khác thì thủ tiết cho đến khi chết ấy là cao thượng nhất. Chẳng hạn như thời Vạn Lịch có một cô gái mà người ta đồn ầm cả lên, vì họ lấy nhau vội vội vàng vàng nên không biết nhằm bao nhiêu lần. Lúc ấy ở huyện Thanh Điền có một người đi xa vừa mới về nghe thấy câu chuyện ấy gả ngay con gái mình cho một người nông phu. Giữa đường không có gì, người ấy đã dùng một dải áo làm sính lễ. Khi về tới nhà, lại có một nhà giàu tới hỏi, mẹ cô lại gả cô cho người ấy. Đến tối họ mang kiệu đến đón dâu, vì cha đã hứa gả trước, nên không theo lời mẹ, cô mang theo con dao, rồi tự đâm cổ ngay kiệu đón dâu. Quan huyện thấy thế khen cô là một liệt nữ, lập đền thờ, rồi lệnh cho chồng phải làm ông từ đền nhang hương khói tại ngôi đền này. Quả là trong hàng ngàn người, mới có một người như thế, chỉ tiếc rằng ta quên mất họ tên.

Trường hợp thứ hai là bất đắc dĩ phải lấy, nhưng rồi cuộc vì nhớ người chồng cũ mà chết. Đó là cô gái nước Lương. Cô này đã hứa hôn với một người, song người này đi xa quê, suốt một năm trời rỗng rã mà vẫn không

về. Cha mẹ ép cô phải lấy một người khác, tuy cô đã lấy người ấy, nhưng suốt ngày cứ nhớ người chồng cũ, rồi u uất mà chết. Ở nơi xa, người chồng nghe tin cô ấy vì thương nhớ mình mà chết, bèn tới mộ cô, đào quan tài lên, cô gái ấy tự nhiên sống lại. Người chồng sau thấy thế làm đơn đưa lên quan kiện anh kia. Quan nói:

- Đây là chuyện hết sức khác thường, không thể dựa vào lý bình thường mà xét xử.

Ông xử cho cô ấy thuộc về người chồng cũ.

Còn như chuyện về một cô gái, không đến nỗi chết ngay mà vẫn còn để tâm đến việc già trẻ giàu nghèo. Tuy không quên lời cha mẹ, nhưng lại thất thân với người khác. Tức là cô có lưu luyến người đã hỏi trước, đó cũng chỉ là điều bình thường thôi.

Thời ấy ở phía tây thành Lật Dương có một người tên là Thang Khôn Nguyên, hiệu là Tiểu Xuân, chừng hai mươi tuổi, khôi ngô tuấn tú, chẳng có chút nào tỏ ra quê mùa. Phía tây thành có một nhà giàu tên là Phùng Huyền, không có con trai, chỉ sinh một người con gái, gọi là Thục Nương cũng gần hai mươi tuổi. Lão Phùng thấy Thang Tiểu Xuân người sáng sủa, sau này chắc cũng không đến nỗi nào, thế là ông kén anh làm rể, rồi nhờ người mối đến nói với nhà họ Thang nhận Tiểu Xuân làm rể. Vì nhà nghèo không môn đăng hộ đối nên cha mẹ Tiểu Xuân không dám nhận lời. Người mối đi lại tới mấy lần, lão Phùng mới bằng lòng. Song tuy bằng lòng đấy cũng chỉ nói mồm thôi chứ không bắt tay vào lo việc cưới xin.

Một năm sau, nhà họ Phùng cho người mối đến giục cưới, nhà họ Thang nói:

- Tôi rất cảm ơn tấm lòng tốt của ông Phùng, nhưng nay hoàn cảnh vẫn còn eo hẹp, chưa lo được sính lễ, lễ nào lại tay không đến xin cưới thì còn ra cái gì nữa.

Người mối nói:

- Thôi thì ông cứ đến nói trước đi, miễn là ông bằng lòng cho Thang Tiểu Xuân làm rể là được rồi, còn lễ lạt không cần phải lo, nhà họ Phùng sẽ đưa lễ vật tới, để chàng rể mang đi.

Vợ chồng ông Thang thấy thế mừng quỳnh lên, nói:

- Vậy thì nhà ông Phùng chọn ngày cưới ngay đi.

Người mối trở về nói với lão Phùng, rồi ông chọn ngày mười lăm tháng Chín làm lễ cưới.

Tháng sau bàn định như thế thì ngờ đâu tháng Bảy lão Phùng đổ bệnh, chỉ sau mấy hôm là qua đời. Lo ma chay xong, gia đình họ Phùng giàu có, nhất định sẽ có nhiều của hồi môn, người ta đua nhau nhờ người đến hỏi. Khi còn sống ông Phùng đã hứa gả cho Thang Tiểu Xuân, gia đình không dám thay đổi, nên không nhận lời ai. Thấy ông Phùng chết ông Thang nghĩ rằng giàu nghèo không môn đăng hộ đối, ông Phùng lại chưa nhận sính lễ, chắc rằng đã thay đổi ý định nên nhà họ Thang không dám cưới xin nữa.

Lại qua mấy tháng nữa Thục Nương có một người chú tên là Phùng Kỳ. Thấy cháu đã lớn mà chưa có chồng để nương tựa ông đã đứng lên gả cháu làm vợ kế cho một tú tài người phía nam thành. Người tú tài này tên là Tiền Nham, tự là Hiên Dân, trạc bốn mươi tuổi, nghèo rất mỏng tờ, anh ta thường dựa vào mấy quyển sách nát, dạy học sống qua ngày.

Cưới được ba ngày, Tiền Nham hỏi Thục Nương:

- Em ơi, khi cha còn sống ông là một người giàu có, tại sao lại để em tới gần này tuổi mới lấy chồng?

Thấy chồng hỏi thế cô chột chầu mày, quay đi gạt nước mắt, cúi đầu thở dài, im lặng. Tiền Nham không hiểu vì sao, rồi hớn hờ tươi cười thân thiết hỏi:

- Em thân yêu, trong lòng em có gì vướng mắc sao không nói với anh, để anh cùng em chia sẻ.

- Chuyện này lẽ ra không nên nói với anh, - Thục Nương thở dài nói. - Mà

có nói với anh cũng vô ích thôi, nói mà làm gì.

Tiền tú tài thấy thế cứ vò đầu bứt tai van nài đòi cô nói ra. Thục Nương nói:
- Anh bảo em có chuyện gì vương mắc ư? Ngày cha em còn sống, vốn đã bằng lòng gả em cho Thang Tiểu Xuân, tháng sau chọn ngày mười lăm tháng Chín thì cưới. Không ngờ tháng Bảy cha em ốm rồi mất, nhà họ Thang chưa đưa sính lễ, thế là họ không vãn lại nữa, cuộc nhân duyên đành như nước chảy bèo trôi. Nói ra càng thêm đau khổ.

Nói xong, nước mắt lại giàn giụa rơi lã chã. Đấy quả là tấm lòng tốt của Thục Nương, lẽ ra phải giấu kín. Mà nói thì hóa ra người một dạ hai lòng. Tiền tú tài lại là một người thẳng như ruột ngựa, anh chẳng chút nghi ngờ bực bội. Tiền tú tài lại cười nói:

- Chuyện này vốn không nên nhắc tới, tóm lại đã là vợ chồng thì đã có đồ võ, rồi tự nhiên cũng sẽ xum họp. Mà đã không phải duyên số thì dù có hợp rồi thì nhất định sẽ tan. Đã gọi duyên số từ kiếp trước thì người ta không thể định đoạt được. Khóc mà làm gì.

Nói chưa dứt lời thì người nhà họ Phùng đã mang hòm của hồi môn tới. Thục Nương lau nước mắt, mặt mày rạng rỡ đứng dậy chuẩn bị ít quà bánh rồi cử người tiễn chân.

Đến ngày thứ năm, có một số bạn học và mấy học sinh đi theo đến chúc mừng. Trong lúc uống rượu bạn bè hỏi:

- Anh Tiền! Nghe nói chị ấy có nhiều của hồi môn lắm. - Hình như có tới hơn một ngàn lạng. Nhà tôi có nỗi buồn thầm kín, chưa mở ra nên cũng chẳng biết đích xác bao nhiêu, thì sao nói là giàu to được.

- Con gái vừa mới lấy chồng, - những người bạn nói, - có gì mà buồn, chẳng qua là do tuổi tác và diện mạo không xứng đôi mà thôi. "Chỉ hiềm em sinh ra quá muộn, không gặp được anh lúc thiếu thời". Anh Tiền, anh trả lời chị ấy thế nào?

- Không phải thế. - Tiền tú tài nói.

- Không phải vì thế thì vì cái gì cơ chứ? Mới có năm sáu ngày mà đã nói nổi lòng thầm kín với anh, thì chắc rằng nhất định chị ấy cũng nói với người khác rồi. Anh còn giấu làm gì mà không nói ra.

Thấy bạn bè cứ hỏi gặng, rồi cứ pha trò mãi, Tiền Nham đành phải kể lại hết những lời của Thục Nương với bạn bè.

Bạn bè thấy đây là câu chuyện khó nói nên mọi người đều im lặng. Trong đó có một người tên là Dư Lâm, trạc hai lăm hai sáu, hằng ngày anh ta thường hay lừa gạt. Vừa nghe Tiền Nham nói hăng vừa ngấm ngấm tính toán. Đây quả là điều Tiền tú tài qua loa đại khái. Vì rằng qua những điều Thục Nương nói với Tiền tú tài ta cảm thấy hình như cô không thích Tiền tú tài. Nói ra người ta sẽ biết ngay là cô không yêu Tiền tú tài, như thế thì sao mà không khiến cho kẻ khác nảy ra ý nghĩ lừa gạt! Điều này quả là Tiền tú tài đã dẫn chó vào nhà.

Hôm ấy uống rượu xong, mọi người ra về. Mười hôm sau đúng vào tết Đoan Ngọ. Dư Lâm biết rằng thế nào chủ nhà mà Tiền tú tài ngồi dạy học cũng mời anh tới uống rượu, nên đúng vào lúc giữa trưa cố ý mò đến nhà Tiền tú tài, rón rén bước vào. Thăm dò một hồi, quả nhiên Tiền tú tài không ở nhà thật. Hăng hỏi nhỏ:

- Có người ở nhà không?

Thục Nương ở trong nhà hỏi vọng ra:

- Ai đấy?

- Tôi là Thang Tiểu Xuân ở phía tây thành, muốn gặp ông Tiền nói câu chuyện.

Thục Nương nghe nói Thang Tiểu Xuân, tình xưa nghĩa cũ bèn trỗi dậy, vội vàng bỏ dở công việc chạy ra, thì thấy một người con trai trẻ đẹp, dáng vẻ nhanh nhẹn, bèn cảm thấy tuổi tác dung mạo Tiền Nham thật đáng chán. Thục Nương nói:

- Xin mời anh vào xơi nước.

Thấy thế Dư Lâm biết ngay chuyện Tiền Nham nói hôm trước quả không

sai, bèn ngồi xuống ngay.

Thục Nương nghĩ, đây đúng là Thang Tiểu Xuân rồi, bèn bước tới nói:

- Anh, anh là Thang Tiểu Xuân thật ư?

Dư Lâm cười nói:

- Thang Tiểu Xuân có phải là người tiếng tăm lừng lẫy gì đâu mà người ta phải mạo danh.

- Anh với nhà họ Phùng ở phía đông thành có quan hệ thông gia gì không?

- Thục Nương hỏi.

- Không nên nói nữa. - Dư Lâm giả vờ nói. - Đạo ấy còn bác Phùng, bác có lòng tốt gả con gái cho tôi. Không ngờ chọn ngày xong thì bác Phùng mất, đến nay thì việc hôn nhân không thành quả là công toi.

Nói xong Dư Lâm thở dài. Thục Nương nói:

- Tôi là Phùng Thục Nương đây. Anh là người con rể mà cha mẹ khi còn sống rất ưng ý.

Thế rồi Thục Nương ứa khóc vừa nói:

- Anh ơi, khi cha em còn sống sau anh không cưới em?

- Nhà anh nghèo, - Dư Lâm nói, - một lúc kiếm đâu ra một đồng bạc, bởi thế ngay sinh lễ cũng không lo được, nếu lo được sinh lễ thì không đến nông nỗi này.

- Đáng trách là chú em chẳng biết ắt giáp gì gả em cho một lão đồ kiết nhô hủ lậu, làm lỡ dở cuộc đời em. - Thục Nương nói.

- Tiền tiên sinh, - Dư Lâm nói, - tuy là một nhà nho nghèo, nhưng sau này nhất định có ngày phát đạt. Chúng tôi làm sao mà bì với ông ấy được, cô đã lấy ông ấy thì chắc chắn sẽ là bà lớn gấp hàng vạn lần dân làm ruộng chúng tôi. Vì sao lại cứ nhớ tôi mãi.

- Sao anh nói thế! - Thục Nương nói. - Vợ chồng thì tuổi tác và dung mạo phải ngang nhau, tình ý phải hợp nhau. Khi cha em hứa gả cho anh, lúc nào em cũng mơ tưởng tới anh. Ai ngờ đâu lại xảy ra cố sự thế này, chôn vùi em vào tay lão đồ nhô nghèo và hủ lậu.

Các bạn thân mến, đó là lý do vì sao Thục Nương chê Tiền Nha và đó cũng là nguyên nhân Thục Nương trốn theo Dư Lâm. Thấy cá đã cắn câu. Dư Lâm giả vờ rút nước mắt nói:

- Nói thế thì đúng là tại anh làm lỡ dở đời em. Song việc đã đến thế này nói lại cũng không được nữa, mà càng làm cho nhau đau khổ.

Dứt lời Dư Lâm đứng dậy đi ngay. Thục Nương kéo lại nói:

- Ngày nào em cũng nghĩ tới anh, hôm nay mới gặp được anh, sao anh nỡ nhẫn tâm bỏ em mà đi?

Dư Lâm lại ngồi xuống, rồi kẹp Thục Nương ngồi bên cạnh nói:

- Cám ơn em luôn luôn nghĩ tới anh. Anh có một kế là hẹn một ngày nào đó em sẽ trốn đi với anh.

- Thế thì tốt quá, - Thục Nương nói, - nhưng đi đâu cho an toàn. Nơi đến phải yên ổn mới tốt.

- Cách cửa thành phía đông năm dặm, - Dư Lâm nói, - đó là Mộc Gia trang, nhà cậu anh ở đấy, tới đó thì tuyệt vời, đến thánh cũng chẳng tìm thấy được.

- Việc này không thể chậm trễ, - Thục Nương nói, - dù thế nào chẳng nữa đúng vào canh năm đêm nay anh đến cửa sau, hãy ho lên một tiếng ra hiệu rồi cùng nhau trốn ra khỏi thành.

Hai người đã bàn soạn xong. Dư Lâm ôm hôn Thục Nương rồi mới về.

Thục Nương nhận lầm Thang Tiểu Xuân, thấy rất mãn nguyện, vội vàng thu xếp của hồi môn và tư trang thành hai bao to, suốt đêm không ngủ, chờ mãi đến canh ba nghe thấy cửa sau có tiếng ho, cứ tưởng là Thang Tiểu Xuân tới mới len lén châm đèn mở cửa bước ra, thấy một người ngủ lảo đảo quay bên ngoài cửa. Nhìn kỹ thì không phải là Thang Tiểu Xuân mà là Tiền Nham. Các bạn có biết vì sao lúc ấy Tiền Nham lại ở ngoài cửa sau không? Vốn là Tiền Nham uống rượu tại nhà chủ mình dạy học, anh cũng là người biết uống rượu, song anh nghĩ, mình mới cưới, đêm nay còn phải về nhà với vợ, không thể uống nhiều được, nghĩ thế nhưng anh không giữ được mà uống say khướt. Về tới nhà thì bất tỉnh nhân sự, nằm vật ngoài cửa sau tới quá nửa đêm. Nếu không ho thì ngủ ở ngoài cho tới sáng. Giá mà Dư Lâm đến cũng không dám hành động mà dứt khoát bỏ về. Chỉ vì Tiền Nham ho nên Thục Nương mới mở cửa, thấy chồng vẫn chưa tỉnh, bèn dịu dàng đi

ngủ.

Một lát sau gần tới canh năm, cửa sau lại có tiếng ho. Thục Nương biết chắc lần này là ai rồi, vội vàng xách bao ra cổng sau, đúng là Dư Lâm. Hai người hết sức vui mừng, không nói không rằng mỗi người vác một bao rồi đi thẳng ra cửa phía đông thành. Có bài thơ tiếc cho việc này:

*Hẹn ước xưa kia đâu dám quên
Đêm ngày vẫn mơ tưởng chàng Thang.
Thương thay nhẹ dạ theo kẻ xấu.
Đào Tiềm mà cứ tưởng Nguyễn Lang.*

Tiền tú tài ngủ tới sáng hôm sau, tuy tỉnh rượu song vẫn không dậy, cứ luôn mồm gọi mang trà tới, nhưng gọi mãi mà chẳng thấy. Tiền tú tài dậy tìm khắp mọi nơi không thấy bóng dáng vợ đâu. Anh ra cửa sau thì thấy cửa mở toang, chiếc đèn vất lỏng chông dưới đất, mới biết được vợ mình đã cao chạy xa bay mất rồi. Tiền tú tài tri hô những người hàng xóm tới. Nghe tú tài nói người vợ mới cưới của mình đã bỏ đi, những người ấy thấy đó là chuyện lạ, tìm hỏi nguyên do.

Tiền Nham nói:

- Tối qua tôi uống rượu say, trở về vấp ngã ở cửa sau, cô ấy vẫn ra mở cửa dìu tôi đi ngủ. Không biết cô ấy đi lúc nào?

Một người láng giềng nói:

- Ông Tiền, ông ngã ở bên ngoài có gõ cửa không?

- Không! - Tiền Nham nói.

- Không gõ cửa sau chị ấy lại biết mà ra mở cửa. - Người ấy nói. - Vậy thì nhất định họ đã hẹn nhau từ trước, cho nên mới để tâm tới, chắc chị ấy đã bỏ đi từ lúc đó.

- Ông Tiền, vậy thì hoàn toàn là do ông rồi. - Một người khác nói. - Vợ chồng lấy nhau là một việc quan trọng, vả lại đã bỏ nhà đến với ông thì ít ra ông phải ở với chị ấy hàng tháng trời ấy chứ, Đằng này không ai như ông,

mới ở với nhau bốn năm hôm đã đi dạy "tử viết" "thi vân", bỏ mặc vợ mới cưới ở nhà phòng không lạnh lẽo, sống cô đơn một mình như thế thì chịu làm sao nổi, nên chị ấy bỏ đi là chuyện đương nhiên.

Sự việc xảy ra đột ngột Tiền Nham ngỡ ngác hỏi mọi người:

- Các vị ạ các vị bảo rằng liệu người đàn bà ấy có về không?

Mọi người ồ lên, nói:

- Những điều mà tú tài nói ra đều là những điều cứng nhắc. Nếu như cô ấy chịu về thì cô ấy đã không bỏ đi.

- Xin nhờ các vị làm chứng, - Tiền tú tài nói, - ta sẽ sớm làm quan rồi sẽ đi kiện.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 23 (B)

Mọi người nói rằng, đúng là phải kiện rồi. Nếu không kiện thì e rằng nhà họ Phùng cũng sẽ kiện. Lại có người nói, tú tài mất vợ thì còn mặt mũi nào mà đi kiện nữa? Chỉ cần viết một bản thông báo là được rồi. Lại có một người khác nói, dán tờ thông báo thì cũng chẳng ra sao cả, thôi thì cứ lặng lẽ mà đi tìm, thấy rồi hãy tính chuyện. Tiền tú tài thấy mỗi người nói một cách bèn hỏi:

- Theo ý các vị bàn thì viết một tờ thông cáo là phải lắm.

Thế là Tiền tú tài viết một tờ thông cáo, song tú tài không viết theo cách viết ngày nay, mà viết hơn mười câu như sau:

"Vì Tiền Nham không cẩn thận, nên vào đêm ngày tết Đoan Ngọ, vợ là Phùng Thục Nương trạc hai mốt hai hai tuổi, không biết bị kẻ gian nào đã cả gan lừa gạt rồi bỏ nhà đi theo hắn. Tiền bạc và đồ trang sức trong hòm lấy hết sạch không còn gì. Người hàn nho cô độc này muốn đi kiện nhưng không đủ sức. Nếu các bậc quân tử nào ở bốn phương thấy được tông tích thì xin báo cho hàn nho này biết, và tình nguyện hậu tạ số bạc là . Xin dán tờ thông báo này chứng tỏ là đúng sự thực".

Viết xong thông báo, đang định tìm người mang đi dán thì gặp một bà lão ở ngay sát vách bước tới nói:

- Ông Tiền, không nên nóng vội, kẻ đánh lừa bà nhà ông, lão cũng biết được chút ít.

- Cụ đã biết, vậy thì người ấy là ai? - Tiền tú tài nói.

- Người ấy thì tôi không biết được, - bà cụ nói, - có điều trưa hôm qua tôi ở nhà bóc bánh chưng, nghe thấy có một người tới tìm Tiền tiên sinh . Nói là Thang Tiểu Xuân ở cửa tây thành. Bà nhà ông gặp người ấy trò chuyện một hồi lâu rồi khóc. Hai người nói chuyện rất lâu, người ấy ra về, chắc là họ đã đánh lừa bà ấy rồi.

Nghe thấy thế tú tài đập tay xuống bàn nói:

- Thế thì đúng rồi, cô ấy từng nói là khi cha cô còn sống đã hứa gả cho Thang Tiểu Xuân, tới nay lúc nào cô. Ấy cũng tưởng nhớ tới anh ta. Nhất định là hai người vốn đã đi lại với nhau, cho nên nhân lúc sơ hở bỏ trốn. Ta phải tới cửa tây thành dò la xem sao, rồi bàn với mọi người.

- Nếu như tìm thấy bà ấy, - bà lão nói, - thì xin ông đừng bảo là già này nói nhé, sợ rằng khi về bà ấy lại trách già này.

Tiền Nham từ biệt bà lão đi một mạch tới cửa tây thành, hỏi nhà họ Thang, thăm dò những nhà láng giềng, dò la rất kỹ nhưng không thấy tăm hơi. Tiền Nham liền hỏi.

- Thang Tiểu Xuân là người như thế nào?

Chưa dứt lời thì thấy một người còn rất trẻ bước ra. Người láng giềng nói:

- Người ấy là Thang Tiểu Xuân đấy.

Tiền Nham nhìn kỹ thì thấy đó là một chàng trai có đôi mắt thanh tú, hàm răng trắng nõn, môi đỏ như son. Tuy không chuyên trang điểm son phấn như Hà Lang(1) song da trắng không kém Trần Bình(2) không diêm dúa như Đồng Tử, cũng phong lưu gần như Tống Ngọc(3). Anh đội một chiếc khăn hợp thời, mặc bộ quần áo rất vừa, trông rất đàng hoàng, cố nhiên không có dáng vẻ hiên ngang của con nhà giàu có. Song lại có dáng vẻ nho nhã, nhưng không có tài bẻ quế, nên đâu dám hái trộm hoa.

(1) Hà Lang: Hà Yến, một người thích trang điểm thời xưa.

(2) Trần Bình: người Dương Vũ thời Hán.

(3) Tống Ngọc: học trò của Khuất Nguyên thời Chiến Quốc.

Tiền Nham nghĩ bụng: "Thằng nhỏ này, đi đường còn sợ tiếng bước chân, lẽ nào lại liều lĩnh như thế? Hơn nữa nếu nó có lỡ gây ra việc này, thì nhất định nó sẽ giấu giếm lẩn tránh, hoang mang sợ hãi, chứ sao tự nhiên thanh thản thế kia? Xem ra không phải nó. Người xưa nói: "Làm việc có thư thả mới trọn vẹn. Ta hãy trở về hỏi rõ sự thực rồi sau sẽ nói chuyện với hân". Tiền Nham buồn rầu trở về.

Bà lão trông thấy hỏi ngay:

- Ông Tiền! Đã dò la được tin tức gì chưa?

Tiền Nham lắc đầu nói:

- Việc này tuy có nguyên cớ, song vẫn chưa rõ ràng. Hai nhà hàng xóm kề bên đều nói là không biết.

- Ông hãy đến nhà họ Thang dò la xem động tĩnh thế nào.

Bà lão nói.

- Tôi đang định vào, - Tiền Nham nói, - thì thấy ngay Thang Tiểu Xuân đi ra, xem kỹ thì hình như nó không phải loại người làm việc ấy.

- Bây giờ còn sớm, ông hãy đến nói ngay cho người tộc trưởng họ Phùng biết, để ngày mai đỡ phải tốn công giải thích.

- Cụ nói đúng.

Tiền Nham nói xong đi ngay.

Đúng là người ta thường nói: "Tiếng lành đồn gần tiếng dữ đồn xa". Phùng Kỳ đã biết, đang đi tới. Tiền Nham nói lại lời bà cụ với Phùng Kỳ. Phùng nói:

- Vậy thì hòm của hồi môn có còn lại gì không?

- Chẳng còn gì cả.

- Như vậy thì đây là việc không thể biết ngay được. Bây giờ thì không khó nữa rồi, cứ theo lời bà cụ ta viết một lá đơn kiện Thang Tiểu Xuân, cứ khoác vào cổ hăn phải đền người.

- Vợ của một tú tài, - Tiền Nham nói, - bị người ta lừa, bây giờ đi kiện, sợ rằng người ta chê cười.

- Tuy mất thể diện thật đấy, - Phùng Kỳ nói, - nhưng chẳng có lý nào, vợ mình bị người ta đánh lừa mà im đi không nghe ngóng gì. Theo tôi đệ đơn kiện mới phải.

Tiền Nham nghe theo, lập tức viết đơn và nhờ Phùng Kỳ làm chứng. Hôm sau đưa đơn lên huyện.

Quan huyện sai người đi bắt Thang Tiểu Xuân, cha mẹ Tiểu Xuân không

hiếu vì có gì đành phải nhờ láng giềng cùng lên gặp quan. Quan huyện hỏi về sự việc xảy ra trước đây. Thang Tiểu Xuân kể lại tỉ mỉ việc hôn nhân trước đây khi ông Phùng còn sống. Còn việc hiện nay bỏ trốn thì anh không hề biết. Quan huyện nghiêm mặt nói:

- Trước đây có việc ấy thì đích thị nay người đã lừa người đàn bà ấy rồi.

Rồi ông ghép anh thanh niên mặt còn búng ra sữa là một tên lừa đảo, cho người kẹp anh ta, buộc phải trả người. Những người láng giềng đều kêu với quan là anh bị oan ức, song quan huyện không nghe.

Cha mẹ Tiểu Xuân thấy con oan uổng khổ sở cứ rập đầu xuống đất van xin thảm thiết.

- Chúng con xin ông lớn gia hạn cho mấy ngày, tìm được người thì quả là ơn ngài to như trời biển.

Thấy thế quan huyện cho phép những người láng giềng bảo lãnh cho Thang Tiểu Xuân. Ngài còn đang dặn dò thêm mấy câu thì thấy quan điển sử vào bái kiến. Điển sử vái chào xong, hỏi:

- Thưa ngài, đây là việc gì vậy?

- Đây là vụ lừa gạt người.

Điển sử nhìn Thang Tiểu Xuân, nói:

- Thằng nhỏ này lừa gạt người, hay là nó bị người ta lừa?

- Thằng này là Thang Tiểu Xuân, - quan huyện nói, - tuy còn ít tuổi nhưng nó thật to gan. Đêm ngày mồng năm tháng Năm, lừa gạt vợ Tiền tú tài rồi dẫn đi, này Tiền tú tài đưa đơn kiện song vẫn chưa phân quyết được.

Điển sử cúi đầu nghĩ một lát, nói:

- Thưa ngài, việc này điển sử cũng thấy nghi ngờ, chưa chắc là người này.

- Thế ông biết việc này ư? - Quan huyện nói.

- Con không biết việc này. - Quan điển sử nói. - Song vào lúc canh năm, đêm mồng năm rạng ngày mồng sáu, con đi tuần tra ở ngoài thành trở về, sắp vào cửa đông thì thấy một người đàn ông và một người đàn bà, mỗi người vác một bao đi ra khỏi thành. Lúc ấy con nhìn kỹ thấy hai người có phần hoảng hốt vội vã đi qua. Con sinh nghi, nhưng thấy hai người đáng vẻ

tử tế, hình như không phải là trộm cướp, cho nên con không bắt. Bây giờ nghĩ lại, chắc đó là vợ anh Tiền. Song người đàn ông cùng đi lại khác hẳn tên này.

Thấy thế quan huyện càng nghi nghi hoặc hoặc, nghĩ bụng: "Việc này ta nghĩ sai rồi". Rồi ông nói:

- Truy lùng kẻ chạy trốn là việc của các ông, nay thì phiền các ông đi truy bắt thì mới giải thoát cho người vô tội này.

Điển sử nhận lời, xin cáo từ. Quan huyện cho Thang Tiểu Xuân được bảo lãnh tại ngoại. Lệnh cho năm ngày sau phải tới. Mọi người cúi lạy tạ ơn rồi ra về. Từng có người làm thơ ca ngợi Điển sử như sau:

*Tù và báo sáng, ngựa tới nơi,
Vội vã đúng là kẻ gian rồi,
Một lời giải thoát người tù tội,
Lại bắt kẻ gian đã lừa người.*

Điển sử về tới nha môn, song lại cảm thấy hơi ân hận, vì đã nhận lời ngài quan huyện, chỉ trong một thời gian ngắn làm sao mà bắt được hãn. Đang nghĩ cách thì thấy người của quan huyện tới nói:

- Ông lớn đang chờ gặp ông ở hậu đường.

Điển sử nghĩ bụng: "Ngài vừa mới dặn xong, lẽ nào lại vào nghe ông nói lại". Thử rồi vội vàng ăn mặc chỉnh tề tới hậu đường gặp ngài.

Ngài quan huyện nói:

- Tôi có một người bạn giỏi về dịch số. Ông vừa tới đây, tôi bèn đem chuyện ấy ra nhờ ông xem giúp. Ông nói: "Người đi mất, chưa ra khỏi chỗ gần mộ, cách thành về phía đông nam chừng hơn năm mươi dặm". Có một người gác cổng trong nha môn nói: "Cách năm mươi dặm về phía đông nam thành thì chỉ có Mộ Gia Trang". Vậy thì hai đứa trốn ở đó chẳng? Nhờ ông hỏa tốc đi một chuyến xem sao. Hôm nay đi ngày mai quay về thì sẽ phán quyết được vụ án này.

Điển sử vâng lệnh ngài quan huyện, thay thường phục, mang theo một số

người, rồi nhảy phốc lên mình ngựa ra khỏi thành. Chẳng mấy chốc đã đến gần Mộc Gia Trang. Một số người nông phu nhận ra quan Diên sử, vội bỏ cày bừa, đến cúi đầu chào, hỏi:

- Thưa ngài, hôm nay có việc gì mà ngài xuống làng?
- Ta nhận lệnh của ông lớn đến Mộc Gia Trang để bắt phạm nhân. Mùa màng đang vào lúc cày cấy bận rộn, chúng tôi không muốn làm trở ngại đến nông tang kỳ vụ, các ông hãy đi làm đi.

Trong đó có hai người ở Mộc Gia Trang hỏi:

- Không biết ông lớn tới Mộc Gia Trang bắt ai?
- Bắt bọn cướp chạy trốn.
- Vậy có phải là Dư Đại Lang, cháu ngoại của Mộc Trang không? - Hai người ấy nói.
- Đúng là Dư Đại, - Diên sử nói, - ngày mồng sáu hẵn đưa một người đàn bà đến đây.

Hai người ấy nói ngay:

- Đúng là có một người đàn bà còn khá trẻ cùng đi theo anh ta. Họ còn đang ở đó.

Diên sử nhờ hai người này chỉ đường đến Mộc Gia Trang.

Thấy Diên sử trực tiếp đến bắt, nhà họ Mộc sợ rằng việc tày đình như thế sẽ mang họa vào thân, bèn vội vàng lôi Dư Lâm và Phùng thị ra. Lúc ấy trời cũng đã tối, Diên sử giao hai người này cho người trong làng coi giữ, rồi mượn chỗ ngủ nhờ một đêm. Người trong làng giết gà mổ dê tiếp đãi rất thịnh soạn.

Sáng hôm sau họ giải hai người về huyện. Tri huyện thấy Diên sử đã giải người tới rất vui mừng, lên ngay công đường, cho sai nha gọi Tiền sinh viên, Thang Tiểu Xuân và những người có liên can đến nghe xét xử. Tri huyện cho giải Thục Nương tới, rồi hỏi Tiền Nham:

- Đây có phải là vợ anh không?
- Thưa ngài, đúng là vợ con ạ. Đã bắt được vợ con rồi, vậy kẻ lừa đảo quan phụ mẫu đã bắt được chưa ạ.

- Hẳn đang ở đây.
- Xin ngài cho con được gặp xem hẳn là người thế nào?

Ngài quan huyện cho gọi Dư Lâm ra. Thấy Dư Lâm, Tiền Nham giậm chân đấm ngực kêu lên:

- Hóa ra là mày! Hóa ra là mày ư!

Dư Lâm tự thấy đuối lý, cúi gằm mặt xuống, chẳng nói chẳng rằng. Ngài quan huyện nói:

- Anh quen biết hẳn ư?

- Thưa ngài, con với hẳn là bạn học cùng trường, con cưới vợ được năm sáu hôm, nhân khi bạn bè tới, con làm một bữa tiệc để ăn mừng. Lúc ấy con đâu có biết mà đề phòng loại cầm thú đội lốt người đang ở đó. Trong lúc uống rượu, ngẫu nhiên bàn đến việc hôn nhân của vợ con, không biết thế nào lại lừa vợ con rồi dẫn đi.

Ngài quan huyện cười, rồi quay lại hỏi Dư Lâm:

- Đối với bạn bè người không nên làm như thế. Ta hỏi người, người đã nói thế nào mà lại lừa được Phùng thị? Vì sao Phùng thị không quen biết nhau mà lại trốn theo người? Hãy khai thực, nếu quanh co che giấu ta sẽ cho nếm đòn rồi nói chuyện sau.

- Thưa ngài, - Dư Lâm nói, - vì ông Tiền nói rằng vợ ông ấy vốn đã gả cho Thang Tiểu Xuân làm vợ, nhưng không thành. Vợ ông ấy không lúc nào là không thương nhớ Tiểu Xuân. Bởi thế, vào ngày tết Đoan Ngọ con đã cố ý đến nhà ông Tiền. Không ngờ Phùng thị ra hỏi, con bèn mạo nhận là Thang Tiểu Xuân. Phùng thị tưởng thật, muốn thỏa nguyện ước xưa, bằng lòng bỏ trốn. Thế là hẹn nhau bỏ trốn vào lúc canh năm ngày đêm ấy.

Nói chưa dứt lời thì Thang Tiểu Xuân đang quỳ bên cạnh đánh bừa vào đầu Dư Lâm, nói:

- Mày giả danh tao lừa người ta, khiến ta bị đòn oan.

- Không được ăn nói bừa bãi, - quan huyện nói, - không cho phép người báo thù.

- Bẩm ông lớn, - Tiền Nham nói, - điều này không thể trách Thang Tiểu Xuân được, ngay con đây cũng không chịu nổi.

Quan huyện hỏi Phùng thị:

- Tại sao trong phút chốc người nghe the mưu gian, rồi theo hẩn trốn đi?

Thục Nường kìm nén nỗi xấu hổ, cố giữ không cho nước mắt chảy ra. Kể ra thì mỗi khi cha còn sống đã hứa nhận Thang Tiểu Xuân là con rể như thế nào. Ngài quan huyện nói với Tiền Nham:

- Anh Tiền, căn cứ vào lời khai của Phùng thị, thế thì chẳng phải là anh cưỡng ép người ta lấy anh ư?

- Thưa ngài, nhà con nghèo xơ xác, tiền không mà thế lực cũng không, thì làm sao mà cưỡng ép cô ấy được? Đó là do chú cô ấy bằng lòng gả cho con làm vợ kế. Đã thế thì nay cô ấy cũng không còn là vợ con nữa, Phùng thị một lòng muốn về với Thang Tiểu Xuân, nếu con giữ cô ta lại thì sau này sẽ sinh sự. Thôi thì ngài đứng ra gả Phùng thị cho Thang Tiểu Xuân để trọn mối tình xưa nghĩa cũ.

- Tuy anh nói như thế, - ngài quan huyện cười nói, - song ta sợ rằng lòng anh nghĩ khác!

- Thưa ngài, con là một tú tài kiết xác, nhưng cũng có chút khí tiết, một lời đã quyết thì sẽ không thay lòng đổi dạ. Huống hồ vợ đã thất thân, về ly cũng khó mà tái hợp được.

- Anh nói phải, - quan huyện nói, - song người đã về nhà họ Thang, thì phải trả lại lễ vật cho anh. Khi nào Thang Tiểu Xuân bồi hoàn xong lễ vật thì đưa Phùng thị về làm lễ thành hôn.

- Thưa ngài, - Tiền Nham nói, - khi con cưới Phùng thị, lễ vật chẳng đáng là bao. Nếu nay xử cho Thang Tiểu Xuân phải mang bạc đến trả thì chẳng hóa ra con lợi dụng vợ ư? Sau này bạn bè biết được, bảo con vì nghèo túng quá mà bán vợ đi thì chẳng đẹp mặt chút nào. Con chỉ mong ông lớn cho Thang Tiểu Xuân dẫn ngay Phùng thị về làm lễ thành hôn, như thế con mới giữ được thể diện và được trong sạch.

- Như thế - quan huyện nói, - thì quả là việc hiếm có trên đời, và cũng thấy được phẩm cách của anh. Dư Lâm gian đâm lừa dối vợ nhà lành xử theo

luật định không thể tha thứ được.

Thế rồi ông quát tả hữu lôi Dư Lâm ra, đánh ba mươi gậy, đày đi Tĩnh Nam làm khổ sai ba năm. Phùng thị bằng lòng cho Tiểu Xuân đón về làm vợ. Hai người cúi lạy tạ ơn, ra khỏi cổng bèn gọi một chiếc kiệu nhỏ khiêng Phùng thị về nhà mình. Còn Tiền tú tài một mình lủi thủi trở về nhà.

Hai ba hôm sau, Tiền Nham lại tới bẩm với quan huyện rằng:

- Thừa ngài của hồi môn của Phùng thị rất nhiều, họ đều mang đến Mộc Gia Trang. Tuy là bỏ đi trốn, nhưng đây không phải là của ăn cắp, cho nên về lý vẫn thuộc về Phùng thị. Xin quan lớn cho người đến lấy về trả chonguyên chủ.

Quan huyện chuẩn y, sai hai người tới chuyển về, thì chỉ còn khoảng năm sáu phần mười. Lúc ấy quan huyện coi trọng nhân cách của Tiền tú tài, bảo thư lại làm mối tìm cho Tiền một người vợ khác. Sau đó anh cũng làm được mấy việc công. Kiếm được khoảng một trăm lạng. Tiền Nham đã sống khá hơn trước.

Mấy hôm sau Thang Tiểu Xuân khấn áo tới tạ ơn quan huyện. Quan huyện nói:

- Không phải tạ ơn ta. May mà bố nha trông thấy, chứ không thì bản thân anh có đến cũng không được. Bây giờ anh nên tới tạ ơn quan bố nha.

Thang Tiểu Xuân vâng dạ, rồi rít ròi tới ngay cảm ơn Diển sử. Diển sử cười nói:

- Quả là nếu trước đó tôi không nhìn thấy họ thì khó có thể gỡ oan cho anh được. Anh về còn phải lạy tạ ông bạn họ Tiền của anh. Một người nhẹ nhàng thoả mái giao vợ mình cho người khác như thế quả là hiếm có. Còn Dư Lâm tuy làm liên lụy khiến anh phải chịu chút ít hình phạt, song nếu anh ta không lừa cô ấy thì làm sao anh được vợ. Việc này quả là tội nặng mà công thì cũng lớn. Bởi thế tôi đi tuần tra suốt một đêm, không bắt được trộm mà lại làm mối cho anh được vợ, vậy mà tôi chưa được uống rượu

cưới đấy. Hôm nào đó tôi đến chúc mừng anh kiếm bữa rượu.

Thang Tiểu Xuân rất mừng kêu lên:

- Xin mời, xin mời ông.

Tiểu Xuân cáo từ ra về, chuẩn bị hai tấm vải, ba bốn lạng bạc tới biểu Điền sử. Điền sử vui vẻ nhận, đây cũng là việc bình thường, nhận cũng chẳng có gì sai. Có bài thơ như sau:

Xưa nay bắt trộm được chia của,

Nay thì bắt trộm giải được oan.

Lại thêm nổi lại nhân duyên cũ.

Đến tới bạc muôn cũng chẳng vừa.

Về sau nghe nói, Phùng Thục Nương và Thang Tiểu Xuân sống với nhau rất tâm đầu ý hợp. Sinh được mấy người con, chỉ vì nhẹ dạ tin những lời lừa gạt của kẻ khác lại thất thân với hắn, thật là ê mặt. Tuy nói là không bội ước; nhưng cũng không phải là thục nữ có tấm lòng trinh bạch. Hơn nữa lại nói rằng: "Ta lấy một tú tài nghèo kiệt xác hữu lậu". Nếu như Tiền tú tài trẻ và giàu có thì chắc gì cô ta nhớ đến Thang Tiểu Xuân. Tiền tú tài không chú ý giữ gìn, sơ suất nói ra chuyện thầm kín của vợ mình, gây nên nỗi ô nhục cho chính mình. May mà còn có một chút ít chí khí, không nhận người vợ đã bỏ trốn, không nhận sính lễ, được ông lớn cho là người chưa nhụt mất nhuệ khí. Vả lại gặp những sự cố xảy ra trong gia đình, cũng không đến nỗi mất hết tinh thần, đó là do có lòng tốt mà được đáp đền. Còn như Dư Lâm là loài cầm thú đội lốt người, cho nên thật đáng ghét. Nếu Thục Nương không thương nhớ mối tình cũ, Tiền Nham cũng không nói lộ ra, không có kẻ hở thì Dư Lâm làm sao mà chui vào được. Ôi, phàm là mình tự khinh mình, rồi sau đó người khác mới khinh mình. Người ấy có lẽ là Tiền Nham chăng? Võ Tắc Thiên từng nói: "Sau này khanh có mời khách cũng phải chọn người"(1) Các bạn thân mến, xem tới đây mới thấy chúng ta nói năng phải thận trọng và giao du cũng phải thận trọng. Thời ấy có một bài thơ trào lộng như sau:

*Thục Nương quyền luyện người tình cũ,
Một tháng ba lần phải thay chồng.
Chàng Tiền vợ mất, đêm chung gối.
Cớ sao làm mối, giúp Từ Lâm.
Mượn Lý khoe Trương còn giữ được,
Tưởng thật, theo gian chẳng phải ngoan.
Thương ôi! Phà tổ về chủ cũ,
Dù có phong lưu cũng sượng sùng.*

(1) Võ Tắc Thiên ra lệnh cấm giết gia súc. Trương Đức sinh con trai giết để ăn mừng mời bạn đồng liêu tới dự. Đỗ Túc cũng được mời song hăn ngần tâu với võ Tắc Thiên. Hôm sau vào chầu, Võ Tắc Thiên nói với Trương Đức: "Nghe nói ái khanh mới xin con trai, trẫm xin chúc mừng". Trương Đức cúi đầu lạy tạ. Võ Tắc Thiên hỏi: "Lấy thịt ở đâu ra mời khách đấy". Trương Đức hồn xiêu phách lạc cúi đầu nhận tội. Võ Tắc Thiên nói: "Trẫm cấm giết gia súc, nhưng việc hiếu lễ thì không hạn chế, có điều sau này khanh mời khách cũng phải chọn người". Trích Truyện Võ Tắc Thiên, NXB Thuận Hóa, 2003.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 24

Giữ Khí Tiết Liệt Nữ Lưu Danh

Tham Sắc Đẹp Kẻ Ngu Chịu Tội

Khổng Dung che giấu Trương Kiệm, việc ấy bị phát giác, em và mẹ tranh nhau chết thay, cả nhà đã trở thành những người nghĩa hiệp, được đời đời ca ngợi. Sau này lại có nhà tham quyền ỷ thế, không có cương thường nghĩa, cha, con không đồng lòng, anh em không cùng tiết liễm liệt, trở thành một loại. Những việc này do quyền lực ngăn chặn, mai một đi, không ai còn biết được nữa, ta hoàn toàn không muốn nó mất đi.

Ta thường ghi những sự việc tai nghe mắt thấy: có một người đàn bà chồng chết, không đi lấy người khác, đã vẽ bức ảnh chồng để dưới gối, hằng ngày ngắm nhìn chồng. Thế rồi có một người khác biết được nói, chẳng phải cô ta yêu chồng đâu, cô chỉ yêu sắc đẹp đấy thôi. Có một người dung mạo đẹp hơn chồng cô, cuối cùng đã làm cho cô thay lòng đổi dạ. Một người thấy Long Dương là bạn thân của mình đẹp hơn hẳn chồng cô, anh ta bèn vẽ bức chân dung Long Dương rồi nhờ một bà già đưa cho cô. Quả nhiên bà già ấy làm cô thay lòng. Long Dương ép thuyền vào bờ chờ ba đêm thì cô ấy ra. Sao đó Long Dương trốn đi, chỉ còn lại một người trung niên râu quai nón, nên cô ấy đành phải lấy người này. Người nhà chồng cũ kiện người này đã dụ dỗ người gian dân. Song người này đã dẫn cô ta cho một vị quan to, để dập tắt vụ kiện. Như vậy cô đã qua bốn đời chồng. Điều ấy chẳng có gì đáng nói.

Ở Ngô Giang có một người đàn bà giàu nhưng góa chồng. Vì muốn chiếm gia tài, nên người chú họ gả người ấy cho một người danh tiếng. Người ấy trốn thoát tố cáo việc này lên huyện. Quan huyện không dám thẳng tay xét xử. Người đàn bà ấy đã tự cắt cổ chết. ở Sở Trung có một người đàn bà giỏi văn chương, từng làm bài giúp chồng. Có một công tử cùng trường biết được, bởi thế đã đầu độc chồng chị ta. Sau đó lại tổ chức tang lễ cho chồng

chị cực kỳ linh đình. Người đàn bà ấy vẫn không biết. Đến khi người này tìm mọi cách và dùng cả thế lực cướp chị về làm vợ lẽ. Người đàn bà này bèn nghi ngờ về cái chết của chồng. Rồi chị nghĩ: "Ta đã dùng tài sắc để giết chồng, rồi đi hầu hạ kẻ giết chồng mình". Sau đó tự đâm cổ chết. Người đàn bà này thật xứng đáng là một liệt nữ. Ở Chiết Giang lại có một người giữ trọn lời thề với người chồng chưa cưới, khi chồng chết cũng chết theo chồng, càng làm cho ta vô cùng kính trọng.

Đó là:

Một lời đã hứa,

Tiếc gì đến thân.

Cùng nhau sống chết,

Tuyệt vời vĩ nhân.

Người đàn bà ấy họ Trình, ở ngoại thành huyện Khai Hóa, phủ Cù Châu, vốn quê ở Vụ Nguyên. Cha là Trình ông, thường xẻ gỗ bán cho vùng Nam Trực, Triết Giang, bởi thế thường trú tại Khai Hóa. Vợ là Ngô thị, cũng là người thuộc dòng họ lớn ở Tân An. Trình ông có người con trai tên là Trình Thức. Tháng Chín lại xin được một con gái tên là Cúc Anh. Trình ông tính tình chất phát, thật thà, đã hứa với ai thì chẳng bao giờ sai lời, chẳng hạn như hẹn một người nào đó vào giờ ty, thì không bao giờ tới giờ Ngọ. Đã hứa cho ai vay một trăm lạng thì không bao giờ đưa chín mươi chín lạng. Ông thường nói mình là một gã đi buôn, không thông hiểu chữ nghĩa, nhưng rất yêu mến những kẻ sĩ hiểu biết rộng. Trong nhà, ông thích lưu giữ sách vở và thư họa. Con cái còn nhỏ tuổi nhưng ông đã mời thầy về dạy học. Bởi thế Cúc Anh cũng biết đến sách vở chữ nghĩa và biết viết văn chương. Khi lớn lên ông lại dạy thêm thua may vá. Xem ra sau này cô không chỉ là người đẹp, răng trắng lông mày lá liễu, da trắng như tuyết, thướt tha yếu điệu, hòa nhã nét na mà còn là một bậc nữ sĩ tài hoa. Vợ Trình Công thương nói: "Con gái ta nhất định sẽ không làm thiếp cho những kẻ phàm phu tục tử".

Người đẹp như băng tuyết,

Lại tỏa ngát hương thơm.

Lũ dê đục thềm thuồng,

Cũng không sao chiếm được.

Trước hết Trình ông cưới cho Trình Thị một người con gái thuộc dòng dõi Nho gia. Sau đó ông chọn cho con gái một chàng trai cũng thuộc dòng dõi Nho gia. Trong làng có một tú tài người họ Trương. Con trai ông là Trương Quốc Trân, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ lịch thiệp, cực kỳ thông minh, lại rất ham học. Chỉ có điều nhà rất thanh bạch nghèo túng. Trình ông thấy anh ta là người đức hạnh, lại học giỏi bèn gả con gái cho anh ta. Song Trương tú tài ra sức chối từ, ông nói:

- Người ngày nay chỉ muốn lấy vợ nhà giàu, mong của hồi môn, để hằng ngày dựa dẫm vào vợ. Không biết rằng người đời sẽ cậy của lẫn lượt chồng, coi thường bố mẹ chồng. Hơn nữa không quen gian khổ, lại thích ăn ngon mặc đẹp. Nếu mình cứ chiều theo họ thì sẽ không có khả năng. Nếu không chiều theo họ thì cửa nhà sẽ không yên, cho nên không thể với cao.

Tùng bách vườn tàng mây,

Mộng đàn bà hạn hẹp.

Giữa đường mộng đã vỡ,

Lệ chảy tràn xiêm y.

Trình ông nghĩ: "Ông Trương nói như thế, ấy là người có phẩm giá cao. Con gái ta vốn là người có học vấn, biết lễ phải. Hoàn toàn khác hẳn với con những nhà giàu có khác. Dù cho lễ vật ít hay nhiều ta vẫn gả cho Trương Quốc Trân".

Đúng vào lúc sắp cưới, thì gặp lại nhà họ Từ ở Thanh Dương, là một đại phú gia, ruộng đồng thẳng cánh cò bay. Thích kết giao với quan lại, chỉ có một đứa con trai tên là Từ Đăng Đệ. Vì là nhà giàu lại một con, nên cả nhà hết sức nuông chiều. Tuy có mời thầy, nhưng không dám dạy một câu viết một chữ. Đến năm mười ba, mười bốn tuổi vẫn mù tịt, chẳng biết chữ nào. Chạy hết chỗ này đến chỗ khác xin vào trường, tỏ ra ta đây là học sinh. Nay phá đề thừa đề, mai giảng giải, chọn ngày làm văn. Chẳng biết chữ nào do anh ta viết ra? Còn thầy thì cốt kiếm tiền, không nghĩ gì đến hậu họa. Từ Đăng Đệ thì vênh vang tỏ ra ta đây là người tài giỏi. Hẳn cứ mở miệng ra là tục tĩu. Thường thì người ta tốt đẹp khoe ra, xấu xa dè dặt, nhưng hẳn thì không thể, lúc nào cũng luôn miệng chi hồ giả dối(1), người khác xấu hổ

thay, nhưng hăn không biết ngượng. Đến năm mười lăm mười sáu tuổi thì hăn la ca tới ngô liễu đường hoa, quán rượu sòng bạc, chẳng nơi nào mà hăn không đến. Tới khi thi, thì cả nhà phải chạy chọt dứt lót, thầy dạy cũng đi tìm người làm bài hộ, chẳng biết mất bao nhiêu tiền. Đến khi không đỡ lại ngông cuồng khoác lác rằng: "Lão đề học không hiểu được văn chương mới, rằng không biết chọn người có thực tài "

(1) Chi hồ giả dã: là các hư tự thường dùng trong cổ văn. Ở đây ý nói Từ Đăng Đề dốt đặc nhưng hay khoe chữ.

Đúng là:

Bụng dạ tối om om,

Không phải là chứa mực.

Là mặt hoa da phấn,

Song chẳng phải văn nhân.

Lão Từ lại nói:

- Con tôi giỏi như thế, phải lấy một người cực kỳ xinh đẹp, cực kỳ giỏi giang.

Chẳng quản xa hay gần, cứ thấy nhà ai có gái đẹp là nhờ người tới hỏi. Rất may lão Từ tìm được con gái nhà họ Trình, lại biết được nhà họ Trình mời thầy về dạy chữ, mời người dạy thêu thùa. Cô gái ấy biết chữ lại biết thêu thùa may vá. Thế rồi lão ta nhờ một người mối đến nhà xem mắt, họ trở về nói, cô là một người quốc sắc thiên hương. Lão ta nhờ người tới hỏi, song Trình ông không ưng. Lão Từ đã định rằng, nếu Trình ông ưng thuận thì đưa tới năm trăm lạng bạc làm sính lễ. Trình ông không bằng lòng gả. Ông nói:

- Không phải là tôi bán con.

Thế rồi ông sai người mối tới nói với Trương tú tài, thôi thì sính lễ. thế nào cũng được, cứ dẫn lễ trước đi. Đó chính là:

Chim hoang sánh chim phượng,

Bạch chỉ sánh hoa lan.

Cười cho giống lau sậy,

Đòi sánh càng ngọc lan.

Thấy Trình ông nhiều lần chối từ, lão Từ tức giận nói:

- Ta nhờ một người có thế lực, sợ gì ông ta không nghe.

Thường ngày lão Từ kết thân với một viên quan họ Vương, đây là một tri huyện cử nhân, đã từng làm quan đốc phủ của tỉnh này, ông ta luôn búi tóc. Lần này đốc phủ vẫn còn phần chần, lão Từ đã biếu bốn bộ quần áo, một bộ chén bạc có chân, và mười hai lạng bạc, nhờ ông ta bày mưu. Viên quan này nhận tất không từ chối.

Ông ta chọn ngày tốt, đội chiếc khăn đen nhánh, mặc chiếc áo đỏ sẫm, tay cầm ô tới gặp Trình ông. Trình ông thấy thế khiếp sợ sau khi ngồi vào bàn, ông ta nói ngay vào việc hôn nhân. Trình ông nói:

- Con gái tôi đã nhận sính lễ nhà họ Trương.

- Làm gì có chuyện đó, viên quan nói, mà nếu có nhận sính lễ rồi thì tại sao ông Từ lại còn nhờ tôi, đến nói? Tôi phải là người làm mối.

- Quả thực đã nhận sính lễ rồi, - Trình ông nói, - hiện lễ vật vẫn còn.

Thế rồi Trình ông bảo người mang lễ vật ra cho quan xem. Thấy thế quan nói:

- Sao ông lại bán rẻ con ông như thế? Đây không coi là sính lễ. Tôi xin đảm bảo với ông sính lễ năm trăm lạng.

- Việc hôn nhân mà bàn đến của cải thì đó là đạo cầm thú, quả thực tôi đã gả cháu cho người ta rồi, không thể thay đổi được nữa.

- Có khó gì mà không thay đổi được! - Viên quan nói. - Loại tú tài kiết xác, ông trả thêm cho ông ta một ít thì ông ta ưng ngay. Ông lại chuẩn bị một ít để lại quả cho ông Từ, như vậy vẫn còn bốn trăm lạng. Đây là điều ông ấy mong chờ ông, có mất thêm một chút cũng không ngại. Ngay tôi đây khi gặp may, có ba bà, tám đứa con gái mà cũng đã lấy chồng cả rồi, cháu nội cháu ngoại thì cũng phải đủ ba trăm lạng một đứa. Nhà tôi cũng như nhà ông Từ, hơn một trăm lạng có đáng kể gì tiền lãi hằng ngày của ông ấy còn nhiều hơn thế. Ông không nên cố chấp.

Trình ông vẫn không nghe, viên quan cụt hứng bỏ về. Lúc ấy cha con lão Từ đang chờ ở nhà, cầm chắc việc đã thành. Thấy ngoài cửa báo tin ngài Vương tới, viên quan họ Vương không giương ô, không mặc áo nhà quan, bước vào nói:

- Hai mươi năm đỗ cử nhân làm quan, ta đã nói không biết bao nhiêu

người, song không có ai lại cố chấp như lão ta.

- Lẽ nào ông ta không nghe. - Lão Từ nói.

- Vẫn không nghe! - Viên quan nói. - Ta nghĩ rằng thiên hạ thiếu gì con gái, sợ gì không có người đẹp? Ta sẽ tìm cho một người khác.

Nói xong đứng dậy ra về. Cha con lão Từ cố giữ lại bằng được, nói:

- Mong ông ngồi lại một chút đã.

- Không có công mà ăn lộc. - Viên quan nói.

Ngồi yên chỗ, viên quan chỉ vào Từ Đăng Đệ nói:

- Tài cao như anh nhà đây giá làm phò mã cũng xứng. Chỉ hận một nỗi tôi không đưa con gái thứ chín.

- Cha con tôi ngu dốt bị cự tuyệt còn chịu được. Nhưng ông lớn nói lời vàng ý ngọc, không thể không nghe. Nhà tôi mất thể diện đã đành, mà ngay cả ông lớn nói không đả lời cũng sẽ bị người ta chê cười. Mong ông lớn tìm cách giúp.

Viên quan nói:

- Tôi chẳng có kế gì, có gì ông cứ nói ra tôi sẽ đi làm.

Hồng nhan thường bạc mệnh,

Xưa nay thật đáng thương.

Chỉ sợ may ngài đẹp,

Gây nên bao chuyện buồn.

Lão Từ nói:

- Tôi biết ngài quan huyện rất phục ông lớn, mình cầu hôn không được thì kiện thôi.

- Lẽ nào lại đi kiện! - Viên quan nói.

- Tôi kiện nhà họ Trình bội ước, họ Trương cưỡng ép đưa sính lễ. Xin ngài nhờ quan huyện xét xử.

- Tôi được đóc phủ tin cậy yêu mến, song chuyện nhỏ không nên nhờ. - Viên quan nói. - Việc hôn nhân là việc nhỏ ông nhờ người khác thôi.

- Cốt là tranh lấy tiếng chứ không tranh giành về của cải, Từ Đăng Đệ nói, - chỉ cần xong việc là tôi sẽ tạ ơn một trăm lạng, cha tôi không bỏ ra thì tôi bỏ ra.

- Loại lăng nhăng ấy kể làm gì, chỉ cần kiện nhà họ Trình bội ước, gả con gái cho người khác thôi.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 24 (B)

Quả nhiên nhà họ Từ làm đơn kiện, còn viên quan sẽ được trả một trăm lạng bạc khi nhà họ Từ thắng kiện. Trước hết hai sai nha đến nhà họ Trình, Trình ông chẳng biết vì sao. Sai nha nói là nhà họ Từ kiện ông bội ước. Thật đáng là điều vừa tức giận vừa buồn cười. Trình ông dọn cơm rượu đãi sai nha, sai nha đòi lót tay sáu mươi đồng, nếu không thì giải con gái lên huyện. Không còn cách nào Trình ông đành đưa cho họ hai mươi đồng.

Mỗ sẽ xuyên qua đuôi

Uy cáo quen cướp vàng.

Họa đến như có cánh,

Ngồi nhà cũng tai ương.

Khi xét xử, Trương tú tài cũng nhờ bạn bè tới nói giúp. Trước hết quan huyện nghe theo viên quan họ Vương trình bày rồi nói với Trương tú tài:

- Anh là người không biết điều, bây giờ ta gọi lễ vật cho anh thôi.
- Nhà họ Từ chưa từng đưa sính lễ, mà cưỡng ép họ Trình phải gả. - Trương tú tài nói.

- Việc ấy anh mặc người ta, - quan huyện nói, - chẳng thiệt gì đến anh.

Khi thăm vấn chẳng biết lão Từ lấy đâu ra một chiếc vật áo nói:

- Đạo ấy con đi buôn với Trình ông, hai người vợ chúng con đều có mang, và hai người đã từng cắt vật áo để đính ước với nhau. Về sau con đẻ con trai, ông ấy sinh con gái, con từng đưa cho Trình ông một đôi vòng vàng, hai chuỗi ngọc và bốn mươi lạng bạc để tạ ơn ông ấy hứa gả con gái cho con trai mình. Sau đó vợ ông chê nhà con ở xa, rồi gả cho nhà họ Trương.

Quan huyện gọi Trình ông, Trình ông nói:

- Thưa ngài, con tuy đi buôn nhưng không quen biết ông Từ thì làm gì có chuyện cắt vật áo để hẹn ước với nhau? Và cũng chẳng bao giờ nhận vòng vàng, chuỗi hạt châu và tiền bạc nào cả.

- Trên đời này làm gì có chuyện ăn không nói có đến như thế!

Quan huyện nói xong gọi người làm chứng, - một tên lưu manh do lão Từ mua chuộc, - hăn nói:

- Thưa ngài, con là Nha Hành. Mười bảy năm về trước hai người này buôn bán gỗ, họ đều nghỉ nhờ tại nhà con, không ngờ sau khi uống rượu họ cắt vạt áo đính ước với nhau và nhờ con làm mối. Con thấy họ đưa lễ cho nhau rồi sau đó có tới mười năm họ không đến nghỉ tại nhà con nữa. Cách đây ba năm, ông Từ đến nhờ con tới gặp ông Trình xin cưới. Trình ông nói: "Đường xa không gả". ông Từ không nghe, bởi thế cứ dây dưa. Còn việc nhận sính lễ của Trương tú tài thì quả thực con không biết.

- Đồ lừa dối gian xảo, - tri huyện chỉ vào mặt Trình ông nói - đúng là người đã bội ước, nhận sính lễ của người khác rồi.

- Thưa ngài, - Trình ông nói, - con chưa từng đến buôn bán ở Thanh Dương, và cũng chưa từng nhờ Nha Hành làm mối. Đây là một tên vô lại, do lão Từ mua chuộc rồi tự đặt điều.

- Ta đến xin cưới, - tên vô lại nói, - người còn mời ta uống rượu. Khi ta hỏi, thì người nói còn phải bàn với vợ, đi đi lại lại tới mấy lần, sao người lại bảo không quen biết ta? Đúng là:

Bịa đặt điều tày trời,

Lừa dối mà có lý.

Tài Tô Tần, Trương Nghi(1)

Mới bịt mồm hăn được.

(1) Tô Tần, Trương Nghi: hai nhà thuyết khách tài giỏi thời Chiến Quốc.

Tri huyện dùng dùng nổi giận, gọi sai nha đánh và kẹp Trình ông. Bắt sai nha áp giải về nhà trả lại sính lễ nhà họ Trương, và bắt họ Trương phải nhận. Đồng thời nhà họ Từ đưa lễ tới rồi trở về thưa lại với quan huyện.

Giải Trình ông tới nhà rồi sai nha lại đến tìm Trương tú Tài. Sợ rằng sẽ làm liên lụy đến Trình ông, Trương tú tài phải nhận lại sính lễ. Trình ông nói:

- Sao lại có chuyện này được.

Ông không chịu trả lễ vật. Đến khi nhà họ Từ mang lễ vật tới, Trình ông quăng ra sân, giăng co nhau đến hơn một ngày mà không xong. Nhà họ Từ lại bầm lên quan. Sai nha tức lên tới Trình ông lại nói:

- Người trái lệnh quan, ta phải giải người lên huyện, đánh cho người một trận thì việc cưới xin này mới xong.

Cứ giăng đi kéo lại mãi như thế, Trình ông uất ức, đem chẹn lấy cổ rồi ngã vật xuống. Vợ con trong nhà đều chạy ra, đổ thuốc dội nước. Trình ông trời trắng lại rằng:

- Con gái ta thật là bất hạnh, bị nhà có thế lực ức hiếp. Cha chết đi con phải giữ lời cha thì cha xuống dưới suối vàng mới nhắm mắt được.

Nói xong, đem lại chẹn lên tận cổ, rồi tắt thở.

Sống chết giữ lời hứa,

Không bao giờ đổi thay.

Đáng đời bọn phản phúc,

Bị đời đời cười chê

Cả nhà gào khóc thảm thiết, bọn sao nha thấy vậy chuồn thẳng. Nhà họ Trình đập nát sình lễ nhà họ Từ rồi vứt đi. Cho người tới gọi nhà họ Trương, nhân lúc chưa phát tang sang cưới chạy tang. Trương tú tài sợ quan quở trách, không dám tới. Nhà họ Trình tự thu xếp rồi khâm liệm Trình ông.

Lão Từ nghĩ: "Nó không gả thì ta cũng không chịu! Trình ông chết rồi, con trai còn non trẻ, trước đây ta kiện hấn bội ước. Dù cho hấn kiện về án mạng cũng chỉ là chống đỡ". Nhất định đòi viên quan họ Vương đảm bảo đến cùng, và đưa cho ông ta mười lạng bạc làm lệ phí. Viên quan họ Vương nhận làm cháu ngoại, rồi đệ đơn kiện lên đốc phủ, quan đốc phủ phê: "Bội hôn ước, chống lại quan, rất coi thường phép nước. Mong rằng huyện phải nghiêm chỉnh phán quyết, định ngày thành hôn rồi đệ lên cấp trên". Nghe thấy viên quan họ Vương kiện lên tỉnh, tri huyện lo cuống vó. Đến khi nhận được trát quan tỉnh dào về, vội sai tới người tới bắt Trình Thức. Trình Thức

ngang nhiên tới huyện đường. Mẹ anh dặn:

- Con không được thay đổi lời cha.

- Xương cha con chưa lạnh, - Trình Thức nói, - làm sao con nỡ nhẫn tâm trái lời cha.

- Việc này quyết phải chống lại, - vợ anh nói, - không thể nhủ nhờ với họ được.

Giữ nghĩa phải đồng tâm,

Hứa hôn không thay đổi.

Nghe những lời khích lệ,

Thấy đạo xưa vẫn còn.

Trình Thức tới nơi, quan huyện nói:

- Quan trên hẹn ngày con trai họ Từ cưới em người, người không thể trái lệnh được.

- Thưa ngài, cha con không hề gả cho anh ta, mà cũng chẳng có chuyện nhận sính lễ của họ.

- Anh đừng nói càn như thế, - quan huyện nói, - bỏ nhà giàu không gả, lại đi gả cho thằng kiết xác, thiên hạ không có ai ngu như người! Bây giờ ta làm người mối, đốc phủ làm chủ hôn. Nếu người cưỡng lại thì ta giải người tới đốc phủ thì người sẽ nát như cám.

- Sống chết đều có số, - Trình Thức nói, - còn nếu như hủy hoại đức hạnh, phẩm tiết thì con nhất định không làm. Ngay như ngài coi dân như con thì cũng phải làm cho phong tục ngay thẳng, kỷ cương sáng rõ. Tại sao ngài lại bảo con làm những điều như thế?

Nghe xong tri huyện dùng dằng nổi giận:

- Bọn ngu si lại dám chống ta!

Thế rồi quan huyện đánh Trình Thức ba mươi gậy, máu me chan hòa. Sau đó quan huyện gọi nhà họ Từ mang lễ vật đến giao ngay tại công đường. Trình Thức gào lên.

- Ông lớn, dù có phải chết tôi cũng không nhận lễ vật, em tôi quyết không lấy hân!

- Thằng này bướng thật!

Dứt lời quan huyện sai người dùng bàn vả vả vào mặt Trình Thức bốn mươi cái, Trình Thức vẫn không chịu. Quan huyện nghĩ: "Mình cũng ngu rồi, đốc phủ hẹn ngày thành hôn, mình bắt nó thành hôn, còn nó có nhận lễ vật hay không mặc nó!". Sau đó giam Trình Thức vào ngục, rồi sai nha lập tức đi bắt Trình thị.

Ông tơ sai quan huyện

Bà Nguyệt sai lính hầu

Mượn một tờ lệnh trát

Dùng làm bùa đón dâu.

Bọn sai nha tới nhà, bà mẹ vội vào phòng con gái, nói:

- Việc này phải xử thế nào? Con không được quên lời cha trăng trối lúc lâm chung.

- Con có cách, - Trình thị nói, - mẹ đừng lo, con thà chết để báo đền cha mẹ, chứ quyết không thất thân với kẻ cường bạo.

Thế rồi cô ung dung rửa mặt chải đầu, mở hòm lấy bộ quần áo mới mặc vào. Mấy tên sai nha ngoài sân quát tháo ầm ĩ, Trình thị như không nghe thấy. Cô khâu chặt áo trong, bên ngoài thắt dây lưng thật chắc. Mẹ cô nói:

- Gặp quan phải mặc áo xanh.

Cô mặc thêm áo xanh bên ngoài, rồi đến bàn viết của mình mài mực, lấy ra một tờ giấy, viết mấy chữ giấu vào tay áo. Sau đó cô tới linh cữu cha khóc từ biệt. Tiếp đó cô lạy mẹ, mẹ cô khóc nức nở không nói lên lời. Cô lại quay sang nói với chị dâu:

- Em đã làm liên lụy đến anh, lại liên lụy cả đến chị. Em thật là bất hạnh, không thể suốt đời hầu hạ chị, đúng là số của em đã như thế rồi. *Kinh Thi* nói: "Há rằng chẳng phải lúc nào cũng đi trên con đường đầm sương". Em không tham sống một ngày mà để cho "thế gian mãi mãi cười chê". Nhà còn mẹ già, may mà còn có chị trông nom săn sóc.

Chị dâu cũng khóc lóc, nói:

- Chị hứa với em sẽ chăm sóc mẹ già chu đáo, còn em cũng phải nhớ lời

trần trời của cha.

Trình thị đi tới bên kiệu, bõn sai nha thăm khen: "Quả là một người đẹp! Chẳng trách nhà họ Từ đòi lấy cô bằng được". Suốt dọc đường người ta lũ lượt kéo nhau lên huyện xem.

Ngựa cùng đường sa huyết

Trai lột ra khỏi vỏ

Đi giữa, nển sáng rực

Hơn cả dạ minh châu.

Nhà họ Từ nghe thấy cô gái đã bị bắt tới huyện, nghĩ rằng tri huyện cuối cùng sẽ bắt làm lễ cưới ngay công đường. Họ Từ sai người về nhà chuẩn bị cỗ bàn, mời mọc khách khứa và thuê cả phường nhạc về giúp vui. Từ Đăng đệ trang điểm xong, suốt từ trong ra ngoài mặc toàn quần áo mới, ra dáng một chàng rể mới. Hắn chỉ mong bõn phu khiêng kiệu khiêng ngay hắn lên huyện, rồi quan huyện lập tức cho cô về nhà. Hắn cứ thập thò thập thò đến là buồn cười.

Lúc ấy sắp đến chính Ngọ, bầu trời quang đặng sáng sủa. Trình thị trong hiệu hỏi vọng ra:

- Còn mấy dặm nữa thì tới huyện?

Bõn phu khiêng kiệu cười, nói:

- Sốt ruột à sắp tới nơi rồi.

Thế rồi bõn phu khiêng ra sức cười đùa trêu chọc:

- Trước đây tôi khiêng một cô dâu, cứ ngồi trong kiệu khóc là mình khổ cực. Tôi nghe thấy chường quá nói: "Cô ơi, tôi khiêng cô tới chỗ khác nhé". Thế là cô nín ngay, bảo tôi rằng: "Tôi khóc mặc tôi, còn các anh khiêng thì cứ việc khiêng".

Người ấy nói xong, thì người phu khiêng kiệu đằng sau lại nói:

- Tôi cũng đã từng khiêng một cô dâu, đang khiêng thì đây kiệu lâu ngày bị hỏng, cô dâu tụt xuống, làm thế nào bây giờ. Có người bảo dùng dây buộc, người thì bảo thợ rèn đóng đinh thợ mộc sửa kiệu, song chỉ sợ lỡ giờ. Lúc ấy cô dâu bảo: "Không sao, các anh bên ngoài cứ khiêng, ta ở bên trong

kiệu cứ thế đi".

Bọn họ vừa đi vừa cười đùa như thế. Nào ngờ:

*Nhạn không vì kết đôi,
Nhà chứa thích dâm dăng.
Trinh, dâm thật khác biệt
Chẳng ai rõ lòng người.*

Đang nói, thì tự nhiên thấy một trận cuồng phong, đất trời mù mịt, đất đá bay tứ tung, không nhìn rõ mặt người. Họ đành phải dừng kiệu chạy vào nấp dưới hiên nhà, tới nửa giờ.

Tưởng như:

*Mưa tuôn, trời nhỏ lệ,
Sấm chớp tiếng bi ai.
Phật từ bốn phương tới,
Tiễn Đức Phật Như Lai.*

Từ Đăng Đệ muốn nhìn cô dâu nhưng không có kẻ hở nào để nhìn, hẳn phải dùng tiền đút lót cho bọn sai nha và bảo họ đừng có bép xép. Người đi xem trước cổng huyện đông nghịt như kiến cỏ. Tới cổng huyện, một sai nha chạy vào trước bẩm với quan huyện:

- Thưa ngài chúng con đã bắt Cúc Anh tới.

Mấy người còn lại tới đưa Cúc Anh xuống kiệu, giục mãi mà không thấy cô xuống. Bọn sai nha quát:

- Ông lớn đang ngồi chờ trong công đường mà vẫn còn ngồi đó ư?

Họ mở rèm ra, bỗng giật mình kinh ngạc, không biết Cúc Anh đã thắt cổ chết từ lúc nào rồi. Nhan sắc của cô xinh tươi như khi còn sống, nhưng không còn thở nữa.

*Vẫn giữ trọn lời thề,
Vâng theo lời cha dặn.*

*Dám chết cho danh tiết,
Sống thêm hổ danh cha.*

Bọn sai nha vội chạy vào bẩm quan:

- Trình Cúc Anh đã đến!

Quan bảo dẫn vào, không được làm cô ta sợ hãi.

- Thừa ngài, cô ta chết rồi. - Sai nha nói.

- Nói bậy, - quan huyện nói, - đã đến thì không chết, mà chết thì đến làm sao được? Các người nói chẳng sao hiểu nổi.

- Rõ ràng khi ra khỏi cửa, lên kiệu cô ta vẫn còn sống, khi bảo cô ta xuống kiệu thì thấy cô đã chết rồi!

- Ta nghĩ rằng con gái nhất gan, - quan huyện nói, - các người đã làm cho cô ta sợ hãi mà chết. Hãy mau mau gọi người tới cứu!

- Cô ấy thắt cổ chết từ lâu rồi, - sai nha nói, - còn làm sao được.

Quan huyện giậm chân nói:

- Ta không chịu trách nhiệm việc làm lỡ người đàn bà này. Hãy thả ngay Trình Thức ra, bảo anh ta mang thi thể về mai táng.

Quan huyện làm ngay văn thư trình lên quan đốc phủ. Trình Thức ra khỏi ngục, thấy thi thể em gái, dấm ngực khóc rống lên:

- Em yêu quý của anh! Em là người trinh liệp như thế, anh chết vì em cũng không uổng.

Tiết nghĩa nặng như núi,

Sao nỡ hờn kẻ thù.

Cho dùng ngọc tan nát,

Hương thơm còn vấn vương.

Mệnh hết dây đàn đứt,

Danh thơm mãi mãi còn.

Nga Giang có thánh nữ,

Đi vào cõi thanh u.

Trong số những người đi xem trước cổng huyện có một người bất bình nói:

- Nhà họ Từ bức liệt nữ này phải chết. Phải tìm cha con nó làm nhục.
Bọn người nhà họ Từ sợ quá chuồn biệt tích. Mọi người la hét ầm ĩ, quan huyện nghe thấy, trống cũng không đánh, lui khỏi công đường.
Theo tục lệ, chết ở ngoài, gọi "lãnh thi" không đưa về nhà. Trình Thức nói:
- Đây là một liệt nữ, không làm nhục nhà ta.
Rồi bèn khiêng thi thể nàng về nhà. Mẹ chị dâu ôm lấy xác nàng khóc lóc thảm thiết. Cởi đai áo cho nàng, trên người nàng đều mặc quần áo mới, quần áo lót bên trong nàng khâu chặt lại, cho nên không thay được quần áo. Người ta rút từ ống tay áo nàng ra một tờ giấy do tay nàng viết: "Xác ta đưa về nhà họ Trương, để toại lòng cha".
Có chồng dù chưa cưới,

*Vẫn giữ trọn lời thề.
Vâng theo lời cha dặn,
Ý nguyện ắt phải thành.*

Trình Thức sai người tới báo cho nhà họ Trương. Cảm động trước tấm lòng nghĩa khí của nàng, cha con nhà họ Trương đều đến đưa đám. Trương Quốc Trân phủ phục trước linh cữu nàng khóc nức nở như tang vợ mình thực sự. Chàng mặc tang bằng gấm, đứng trước quan tài thực hiện lễ chồng tang vợ. Chọn ngày đưa linh cữu nàng an táng tại khu phần mộ tiên tổ nhà họ Trương.

Sau đó Trương Quốc Trân dạy học, người ta muốn người đến nói sẵn sàng gả con cho anh, nhưng anh không chịu lấy vợ. Trương tú tài nói:
- Ta chỉ có một mình con, sao con cứ khẳng khẳng không lấy vợ thì dòng dõi nhà ta tuyệt tự ư? Ông khuyên nhủ con hơn một năm trời, anh chỉ nuôi một người đầy tớ gái. Được hơn một năm thì được đứa con trai. Từ đó anh không chung chăn gối với cô nữa. Trong thư phòng anh đặt bài vị thờ liệt nữ. Anh coi Trình Thức như anh vợ và đi lại thăm viếng luôn. Sau này đỗ cử nhân, ra làm quan tới chức đồng tri, nhưng vẫn không lấy vợ nữa. Anh nói:

- Nuôi người hầu gái cũng là vâng theo ý cha. Anh không lấy vợ không muốn làm mất cái tình cái nghĩa mà cha con Trình ông đối với anh.

Vì vương quan huyện, nên những người trong huyện chỉ làm thơ văn phúng viếng với tư cách cá nhân, không thể dựng bia lập biển. Quan huyện cũng vì vương đốc phủ nên không dám dâng biểu xin triều đình nêu gương. Sau này hối hận vì đã giết cha con họ Trình, quan huyện lo sợ ốm đau, thường mơ thấy một người đẹp, cổ cuốn dây, đứng trước mặt, rồi sau mắc chứng bệnh ngơ ngơ ngác ngác, không đầy một năm thì xin về quê Đốc phủ vì lãng phí quân nhu cũng bị giải về hạch tội. Viên quan họ Vương chẳng được xu nào mà bị nhiều người phỉ nhổ. Nhà họ Từ cậy của ngang ngược, bị đưa vào lính, gia sản phá tán, con hăn phải đi ăn mày. Trình liệt nữ tuy không được triều đình biểu dương, nhưng được Đồ Xích Thủy tiên sinh viết lại thành chuyện và mãi mãi trường tồn cùng trời đất. Đúng là một chữ khen ngợi còn hơn biển khen bốn chữ. Cha, mẹ, anh, chị dâu của liệt nữ cũng được ghi trong phụ bản của truyện, rạng rỡ chiếu sáng ngàn thu. Còn như nhà họ Từ cậy giàu có mà ngang ngược, và những quan lại nhúng tay vào vụ giết người này, nay còn đâu! mà vẫn bị người đời nguyên rủa.

Những người không có kiến thức nghe thấy câu chuyện này cho rằng: "Cha ngu, con cũng ngu, bỏ nhà giàu không gả, mà lại gây ra cái sai của quan lại". Nhà họ Từ giàu có sai khiến được cả quan lại, tú tài địch với họ Từ sao được. Chỉ cần đến kết cục chuyện, nếu cân nhắc một chút, thì cũng tự thấy rõ.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 25

Vì Tức Giận Giết Hai Nhân Mạng

Do Cường Dâm Mang Họa Vào Thân

*Vỗ tay chê cười kẻ điên loạn,
Chỉ vì tham sắc mà nên tội.
Đặt bẫy đào hố hãm hại người,
Đêm khuya dễ dàng lừa gái đẹp,
Những mong thỏa mãn thói dâm ô.
Mây mưa phút chốc tưởng thân yên
Song khó bề thoát khỏi lưới tù
Cười ngựa ô tự khoe châu ngọc,
Sống nhất thời, máu chảy đầu rơi.*

Việc thành thì gọi là gì, việc không thành thì hậu quả thế nào. Đây là điều mà Dương Thục Sơn tiên sinh luận bàn về chủ trương quốc sự. Ta cho rằng người làm việc quốc gia, quả là phải có tấm lòng son đỏ vô tư, khảng khái gánh vác việc công, thành công không mong được tiếng trung nghĩa; thất bại thì không ngại gì làm ma trung nghĩa. Kẻ chuyên làm việc xấu, đưa thì lỗ mãng, đưa thì cực kỳ xảo trá, nếu thành cũng thuộc loại gian giáo lừa dối, mà không thành thì cũng không tránh khỏi bị treo cổ, chém đầu hay bị lưu đày.

Hậu quả ấy thật đáng chê cười. Song gánh chịu tai tiếng để cầu danh trục lợi, tham cái khoái lạc nhất thời cũng không tránh khỏi điều mỡ bụng giấu ngọc châu. Còn nếu đến với rượu và gái, tìm sự khoái lạc trong chốc lát thì có gì là cần thiết đâu? Đây là điều mà Thái Tổ Cao Hoàng đế đã cấm trong "Lục luận". Đừng làm những điều sai trái. Không biết tại sao người ta không tỉnh ngộ.

Ở kinh sư, dưới thiên tử, về cai trị dân có phủ huyện, có tuần tra năm thành, lại có thêm Nhiếp sự nha môn, Đông quảng bố doanh cấm y vệ. Dưới mỗi quan lại có một số Kỳ hiệu dịch, bên cạnh mỗi Kỳ hiệu phiên dịch còn có một số tay chân giúp việc. Hơn nữa lại còn có người mạo danh giả làm người tu hành, tụ tập đông như kiến, bí mật dò xét tới sát vách thể mà người ta vẫn không sợ. Hôm nay cùm chết người, ngày mai lại cùm chết người. Vụ án này vừa kết thúc thì lại phát luôn ra vụ án khác. Tóm lại đây là nơi bọn xấu ở khắp nơi và bọn người háms danh trục lợi ở các tỉnh đồn về. Bởi thế ở đây xảy ra biết bao tệ nạn. Còn về mặt pháp luật, bên trên thì ăn hối lộ bên dưới thì coi thường pháp luật. Cho nên ở kinh sư bọn côn đồ rất đông. Tôi cho rằng bọn người này đều là bọn thông minh. Song không hiểu vì sao bọn người thông minh này lại làm những điều ngu xuẩn. Người ta cho rằng chúng dùng sự giả dối để hại người cho nên trời làm cho chúng ngu tối đi, để rồi làm những việc tự giết mình. Tôi cho rằng bọn chúng chỉ nghĩ tới cái trước mắt mà quên mất cái hậu quả về sau, thấy lợi mà quên hại, chúng hoàn toàn không suy nghĩ về tiếng tăm và hậu quả mà thôi.

*Trong sáng thì ngu thành thánh sống
Đen tối thì ngu thành khùng điên
Những người trong sạch hay ô trọc
Cách nhau chỉ gang tấc mà thôi.*

Có một người họ Vương là con thứ tư, người Việt Trung, đến ngụ cư ở kinh sư, người ta thường gọi hã là Tiểu Vương Tứ. Từ nhỏ tâm địa hã đã xấu xa, nhưng hã giả vờ tỏ ra có tấm lòng hào phóng. Bên trên thì hã giao lưu với bọn cận thần và quản gia những nhà quyền thế. Lớp giữa thì hã thân với bọn quan lại các nha môn. Bên dưới thì hã liên hệ với bọn côn đồ lưu manh vô gia cư có thể đánh người, cùm người hoặc bắt người. Cho nên phàm gặp chuyện gì là hã ăn sống nuốt tươi người ta ngay. Bán mình cho hã thì hã sán đến làm tình. Không bán mình cho hã thì có ngay kẻ cáo giác, kẻ làm chứng giả, chưa làm cho anh khuynh gia bại sản hã chưa thôi.

Thậm chí có những nhà giàu sống an phận hẳn cũng bất ngờ kiếm có gây sự. Bởi thế, có một số ngự sử nổi tiếng giàu có và thế lực cũng không bắt được hẳn, mà dù có bắt được cũng không sao xử tội hẳn được, trừ phi có chiếu chỉ nhà vua, ngoài ra phần lớn bắt được, hẳn đều thoát thân.

Vương Tứ có một vợ và hai thiếp. Vương Tam là anh ruột. Hẳn ỷ thế vào việc kiếm tiền một cách dễ dàng, hằng ngày hẳn thường la cà đến các sông bạc và nhà chứa. Thấy người đàn bà nào có nhan sắc là hẳn chiếm bằng được mới thôi. Một hôm hẳn đi qua xưởng làm đồ gốm, thấy một đứa bé rao:

- Ai bánh nướng đây!

Hẳn chợt nghe thấy một tiếng gọi dịu dàng:

- Bánh nướng ơi!

Đúng là:

Hoa xuân khoe sắc chim ríu rít

Hành quân dùng bước ngẩn ngơ nghe.

Nghe tiếng nói êm ái, Vương Tứ cố ý đi chậm lại, thì thấy một cô gái mở màn bước ra, đúng là:

Một bông hồng hạnh vườn dậu,

Thoáng gió xuân về nhẹ nhẹ lay.

Cô đưa cho em bé mười đồng rồi nhặt từ trong chiếc làn sáu chiếc bánh nướng. Vương Tứ nhìn kỹ thì thấy, vừa sáng ra mái tóc nàng chưa kịp trang điểm giống như áng mây xanh, miệng nàng như một đóa hoa lê phảng phất sương khói. Đôi mắt nàng sáng long lanh như ngọc, nàng không son phấn mà má hồng như hoa đào. Hai trái đào tiên, non tơ như ngọc vừa đông, mềm mà đầy đặn, khiến người ta thèm muốn.

Thấy cô ấy bước vào trong nhà, Vương Tứ hỏi đứa bé bán bánh:

- Cô ấy con ai thế?

- Đây là con gái ông Trần, chuyên sao chép thuê ở khoa thi võ vẫn chưa chồng.

Vương Tứ nghĩ: "Ta sẽ lấy cô ta làm thiếp thứ ba". Thế rồi hẳn nhờ một bà mối tới hỏi. Lão Trần là người miền Nam, nhà nghèo, viết thuê để kiếm sống, vợ là Trương thị, con trai là Trần Nhất hai mươi tuổi, thường chơi bời với những người bình thường. Lão có một người con gái tên là Đại Thư. Hôm bà mối đến nhà khen ngay rằng:

- Hôm nay nhà ông gặp may rồi, ông Vương là một người rất nổi tiếng, vừa có tiền vừa có thế lực. Ông ấy có một bà vợ đẻ xong thì bại liệt, chỉ ăn rồi nằm đấy, không có ai trông coi việc gia đình. Ông ấy thấy Đại Thư nhà ta xinh đẹp lại giỏi giang nên nhờ tôi đến nói với ông bà xin cô ấy về làm vợ, quán xuyến việc gia đình.

Hỏi kỹ ra mới biết đây là Vương Tứ. Trần Nhất trẻ người non dạ không biết gì nói:

- Vương Tứ là người kinh sư tới hỏi, chúng ta gả cho anh ấy, sau này sẽ có chỗ cậy nhờ.

- Ta chỉ có một đứa con gái, phải tìm một nhà giàu để cả nhà dựa dẫm vào nó.

Lão Trần nói thế song Trần thị lại nói:

- Việc gả bán không thể trả lời ngay được, để chúng tôi bàn bạc thêm đã. Đúng là:

Con gái như thân dây leo

Chọn nơi nương tựa là điều phải lo

Cây yếu chớ leo cành tơ

Cành gãy dây đứt thiệt thua một đời.

Về sau thăm dò thì thấy Vương Tứ đã có một vợ và hai thiếp. Trương thị nói:

- Đây là một kẻ phóng đảng, đã có vợ lại lấy thiếp, có hai thiếp rồi lại bỏ họ đi lấy thiếp thứ ba. Sau này, thấy một người đẹp khác, ai chắc rằng nó sẽ

không bỏ Đại Thư để lấy người khác nữa.

Thế rồi họ khéo léo từ chối:

- Nhà tôi nghèo, trông mong vào một đứa con gái, vợ chồng tôi sức yếu tuổi già nhờ cậy vào nó, bởi thế tôi cần gả cho một người chưa vợ sống một mình, chứ không gả làm thiếp.

Bà mỗi đi lại tới mấy lần nhưng nhà họ Trần không gả.

Sau đó, Vương Tứ nói:

- Ông ta muốn gả cho người sống một thân một mình, thì Vương Tam nhà mình chưa vợ, sống một mình, vậy cứ hỏi cho Vương Tam.

Lại có một người nói với nhà họ Trần:

- Hẳn chỉ lừa đẩy thôi. Biết là gả cho Vương Tam hay Vương Tứ. Vương Tam tuy là anh thật nhưng chỉ là người cầm rổ cầm cân, như một thằng ở mà thôi.

Bởi thế nhà họ Trần không gả.

Ít lâu sau có người đến làm mối cho một người tại ngũ tên là Thi Tài. Anh ta có một ngôi nhà để ở, hai nhà cho thuê, hai xuất quân lương, một xuất dùng để thuê người hầu hạ, còn một xuất thuê ngựa cưỡi mua vui. Mỗi tháng được cung cấp hai thạch gạo lứt, bán mỗi thạch được tám trăm đồng, tương đương với một lạng bạc, dùng để mua than và rượu. Trần Đại Thư lấy ông ta sống cũng dễ chịu. Sáng dậy nhóm lửa đun nước rửa mặt rồi mua bánh nướng bánh bao hoặc là cháo đường ăn sáng. Tối trưa, thì nấu cơm hoặc kê ăn bữa trưa. Nếu ngại thì trưa và tối đều mua bánh mì ăn. Khi có tiền cũng mua ít cá thịt cải thiện, ít tiền thì mua mỡ hoặc tương, không có tiền thì ăn rau dưa, chứ cũng không đến nỗi bếp không đở lửa. Hai vợ chồng sống như thế cũng tạm ổn.

Đói có kê vàng, rét có chăn,

Còn tìm đâu nữa chốn thần tiên

Gái đẹp chiều chồng càng thêm đẹp

Mơ làm chi nữa chốn Đào Nguyên.

Bỗng một hôm có lệnh của cấp trên điều anh từ châu Xương Bình đến Hoàng Lăng làm việc, van nài xin ở lại nhưng không được. Nghĩ rằng vợ mình là đàn bà con gái không thể sống ở nhà một mình, anh bèn gửi vợ đến nhà bố vợ, rồi ra đi. Xương Bình cách kinh thành sáu mươi dặm, anh đi hai tháng trời mà chẳng thấy tin tức gì. Chị phải nhờ người đi hỏi thăm, thì có người nói là: "Nội tướng(1) đưa anh về nhà hầu hạ". Có người lại nói: "Anh đi ra ngoài chặt củi, chắc là bị bắt đi rồi". Và sau đó cũng không biết tin tức gì về anh nữa. Trần Đại Thư bỏ tiền ra bảo anh đi tìm nhưng cũng không thấy. Suốt một năm trời, Trần Đại Thư phải ở vậy một mình.

Xem bói khắp mọi nơi,
Ngày về vẫn mờ mịt
Đêm đêm phòng lạnh lẽo,
Đèn soi bóng lẻ loi.

(1) Nội tướng: Hàn lâm sĩ (ND).

Lúc ấy có một người tên là Nguyễn Lương, người Kim Hoa, trạc hai bốn hai năm tuổi, kết nghĩa anh em với Trần Nhất, thường năng lui tới nhà họ Trần, hẳn cũng là người không tốt, luôn luôn chòng ghẹo Đại Thư. Song cô là người đứng đắn, nên cứ mặc xác hẳn. Nguyễn Lương thường nói: "Chồng cô Thư lâu nay chẳng thấy tin tức gì, hình như không còn nữa, cô còn trẻ, chẳng khác gì một đóa hoa, đừng vì anh ấy mà lỡ cả một đời, thôi thì phải biết tùy thời". Lão Trần là một người sống yên phận, nói:

- Đàn bà đã có chồng, ai người ta còn lấy? Ta bồng chốc gả cho người khác, nếu chồng nó có sống trở về kiện lên quan, thì có mà như đòn.

- Nếu em nó muốn lấy chồng, - Nguyễn Lương nói, - thì tôi quen nha môn, xin cho nó thì sợ gì anh ta.

Trần Đại Thư nói:

- Ta ăn của anh, thì ta vẫn thuộc về anh, lấy người khác làm sao được!

Phiêu dạt gặp nhau nên chồng vợ,
Nhà tranh vách nửa có gái ngoan.

Hơn một tháng sau, bỗng thấy hai người tới, người đi sau mặc áo xanh chít khăn vuông, đeo kính, cổ quần một chiếc thùng. Chúng chẳng nói chẳng rằng trói ngay lão Trần giải tới nha môn, giam liền trong năm ngày. Trần Nhất hoảng sợ không dám xuất đầu lộ diện, nhờ người hỏi dò thì đó là một thư lại bộ binh làm văn thư giả có dấu giả, hãnh nói là Lão Trần mua cho hãnh. Người có tiền thì quan trong triều cho sống, không có tiền thì họ bắt phải chết. Hoàng thượng biết rõ tệ nạn này, lão Trần tuy vô can, song không thể tha ngay được.

*Phép quan thật thâm khốc,
Quan độc ác như hổ.
Dù có phép thần thông,
Cũng không sao thoát khổ.*

Nguyễn Lương tới nói:

- Việc này không phải chỉ có một mình ông Trần chịu oan. Nếu có tiền thì có thể cứu thoát. Ta xem ra Vương Tứ là một người có nhiều mưu kế. Anh ấy hỏi Đại Thư về làm thiệp. Nếu anh gả em gái cho anh ấy thì tôi đoán chắc ông Trần sẽ được tha.

Đang lúc sốt ruột nấu gan, Trương thị nói:

- Lại là thằng Vương Tứ! Trời còn có mắt, thế nào ông Trần cũng được tha.

Trần Đại Thư nguýt mắt lườm Nguyễn Lương, nói:

- Ta không lấy hãnh! Người đừng có nhúng vào.

Nguyễn Lương cười nói:

- Đại Thư cô đi đêm không kiếm được người đâu.

- Cút! Người cút đi! - Trần Đại Thư giận dữ nói. - Từ nay trở đi người đừng đến đây mà nói bậy nữa.

Bị mắng như tát nước, Nguyễn Lương ê mặt bỏ đi. Vừa được mấy bước thì gặp ngay Vương Tứ. Hãnh hỏi:

- Anh Nguyễn đi đâu thế?

Nguyễn Lương nói lấy lòng:

- Hôm nay tốt ngày, nhưng tôi lại bị con đĩ già mồm nó chửi.
- Bị con dâm phụ nào chửi thế? Nó dám xúc phạm đến người anh em của ta. Ta phải vật lông nó cho hả giận. - Hấn kéo Nguyên Lương đi rồi nói tiếp. - Nó là mụ góa nào thế?
- Không phải mụ góa, mà là con Trần Đại Thư, nó không nhận sự nâng đỡ của tôi. Tôi nói với nó rằng chồng cô biệt tích, đừng tự giam hãm mình, thôi thì ta làm mối lấy anh Vương Tứ, để anh ấy nghĩ cách cứu cha cô. Thế mà con dâm phụ ấy không thấy được lòng tốt của tôi, trái lại nó chửi toáng lên, không cho tới nhà nó nữa. Ngay như Trần Nhất, tuy không thân thiết bằng anh, nhưng về tiếng cũng là anh em kết nghĩa, thế mà anh ta cũng không ngăn cản, mặc cho nó chửi bởi tôi.
- Thôi đừng bực bõ nữa, - Vương Tứ nói, - hãy thư thả đến nhà tôi uống rượu đã.

*Tìm được rượu ngon do bợm rượu,
Vứt bỏ rượu tồi cũng do anh.
Người bảo ta trừ ngay phiền não,
Ta lại lo để nổi can qua.*

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 25 (B)

Tới nhà, Vương Tứ gọi mang rượu ra, rồi đặt lên bàn một bát xương hầm, một đĩa thịt gà rán, một đĩa dạ dày xào và một hũ guốc lủi. Đang uống rượu thì Vương Tam đến, Vương Tứ kéo Vương Tam cùng ngồi. Nguyễn Lương vừa uống rượu vừa nói:

- Thật đáng ghét, mẹ con Trần Đại Thư không nghe lời tôi.
- Trần Đại Thư cứ thách cao đá nặng như thế, nhất định ta sẽ hành cho một trận. - Vương Tứ nói.
- Tôi cũng phải trị nó mới hả giận. - Nguyễn Lương nói.
- Nó không chịu lấy chúng ta, - Vương Tam nói, - thì trị nó làm sao được?
- Người ta thường nói: "Người đẹp gan to bằng trời, rượu vào thì gan người ta còn to hơn cả trời".

Wương Tam nghĩ một lát nói:

- Thừa lúc mẹ con Trần Nhất vắng nhà, cứ bắt nó về nhà tha hồ mà dùng.
- Anh Tứ, một mình ta không trị được nó.

Wương Tứ, một tên lỗ mãng, ngầm nghĩ một lát, nói:

- Ta có một kế, chặt đứt gốc rễ, làm cho gia đình nó không còn ai; là chiếm được Đại Thư.

Song hắn chỉ ghé sát vào tai Nguyễn Lương nói mấy câu gì đó rồi hắn nói:

- Tối mai ta sẽ dùng người, xong việc ta cho hai mươi lạng bạc ròng, để cho người lấy một cô vợ đẹp.

Sau đó Vương Tứ khe khẽ nói với Vương Tam, Vương Tam nói:

- Như thế thì tàn ác quá.

Uống rượu xong chúng ra về.

Ba tên đã quyết,

Coi tiền bằng vung.

Ai ngờ uống rượu,

Nghĩ cách hành hung.

Hôm sau là ngày mồng năm tháng Hai, mẹ con nhà họ Trần buồn rầu vì vụ án chưa kết thúc, không có cách nào cứu lão Trần. Nguyễn Lương bước vào, nói:

- Tối qua tôi uống mấy chén rượu suông nói năng bừa bãi, hôm nay tôi đến xin lỗi.

Trần Đại Thư thấy thế cũng mặc xác hăn, ngời quay mặt đi. Trần Nhất nói:

- Đã là anh em, thì lần sau đi lại cần nói năng thận trọng.

- Đại Thư trách tôi, mà mẹ cũng vẫn còn giận tôi. - Nguyễn Lương nói. - Thôi thì tôi với anh đi làm mấy chén.

- Thôi, thôi, tôi không đi đâu. - Trần Nhất nói.

Thế rồi Nguyễn Lương cứ lôi Trần Nhất đi. Đúng là:

*Thú vui chưa thấy ba chén rượu,
Trượng phu mắc bẫy khó lòng ra.*

Đi một lúc lâu, chừng chưa tới canh một, Trương thị nghĩ: “Đến đêm rồi mà sao chưa thấy Trần Nhất về!?”. Thì thấy Nguyễn Lương hốt hơ hốt hải mang tới một chiếc áo dài bằng vải xanh đã cũ mà Trần Nhất mặc lúc đi khỏi nhà, nói:

- Tôi và Trần Nhất uống rượu xong, vừa ra khỏi cửa thì gặp lão Trương Trọc Đầu, Trần Nhất nói là lão còn nợ một số bạc. Một người thì đòi, một người thì bảo là không có. Hai bên đánh nhau. Trần Nhất đưa cho tôi chiếc áo này mang về làm tin, bảo bà mau mau tới cứu anh ấy.

- Tôi đã có thai tám tháng, - Trương thị nói, - người nặng nề đi lại khó khăn.

- Đúng lúc đang cần một người to béo như bà, thì người ta mới sợ. Nhất định bà phải đi, tôi dìu bà là được rồi.

Hăn vừa nói vừa lôi bà ra khỏi cửa. Trần Đại Thư không biết là chuyện gì, nghĩ đây là sự chẳng lành. Nào ngờ Nguyễn Lương mời Trần Nhất đi uống rượu, khi trời sắp tối, đi qua xưởng làm đồ gốm, Nguyễn Lương nói:

- Trong xưởng có một ổ gài điểm, nhân đây tôi với anh vào xem một chút. Thế rồi Nguyễn Lương cứ lôi tuột đi. Tới dốc núi, không có một bóng người, Trần Nhất không đề phòng, Vương Tứ cầm hòn gạch đập vào thái dương. Trần Nhất ngã gục. Vương Tam, Nguyễn Lương đá bồi thêm mấy phát. Trần Nhất tắt thở.

Đúng là:

Ba hồ vồ một dê.

Tính mạng khó bảo toàn.

Nguyễn Lương lột ngay chiếc áo xanh để đánh lừa Trương thị. Tới nơi, thấy xác con nằm gục bên vệ đường, Trương thị đang cúi xuống nhìn, thì ba tên hung thủ cùng lúc ra tay giết chết Trương thị.

Quý kẻ tìm hoan lạc,

Điên loạn gây tội thêm.

Thương cho mẹ con họ,

Chết gục bên vệ đường.

Nguyễn Lương nói:

- Bây giờ thì Đại Thư chẳng ai giữ được nữa, chúng ta cùng đi thôi.

Bọn chúng lột lấy chiếc quần lụa của Trương thị. Nguyễn Lương mang chiếc quần ấy đến nhà họ Trần. Trần Đại Thư đang thần thờ ngồi trên giường, một mình với ngọn đèn ngóng chờ tin tức. Đột nhiên thấy Nguyễn Lương tới, nói:

- Mẹ cô đi, đánh nhau với Trương Trọc Đầu bị hấn đẩy ngã, gãy xiu. Tôi cầm chiếc quần này về làm tin, cô phải đi ngay.

Thế rồi hăn lôi Đại Thư đi. Trần Đại Thư nói:

- Tôi đi cũng không có sổ sách gì cả.

Thế rồi lại thấy một người nữa vào, cùng lôi với Nguyễn Lương, nói:

- Đi đi thôi.

Đại Thư hoảng hốt, kêu lên, Nguyễn Lương vội chộp lấy một con dao trên

bàn, nói:

- Mà y kêu tao giết chết!

Tên kia bít mồm Đại Thư, lại có một tên nữa chạy vào tắt phụt đèn. Nguyễn Lương đè Trần Đại Thư xuống giường. Hai đứa kia giữ chặt lấy hai tay, Nguyễn Lương xé tuột quần áo lót của chị rồi hành sự đầu tiên.

Hoa rừng thơm ngan ngát,

Thấm đượm cả hang sâu.

Bướm ong bay loạn xạ,

Điên cuồng thả sức châm.

Trần Đại Thư không giẫy giụa, không kêu lên được. Nguyễn Lương cứ mặc sức hãm hiếp. Vừa xong, lại một tên khác nói:

- Con đĩ dâm loạn, mấy lần tao xin cưới mà mà y không nghe, hôm nay mà y đã sa vào tay tao. Hãm hãm hiếp càng hung bạo. Trần Đại Thư đành phải chịu đựng, cô nghĩ: "Thằng này nhất định là Vương Tứ rồi". Lại một lúc lâu đứa bên cạnh nói:

- Mà y đã thỏa mãn, hãy bỏ nó ra cho tao.

Thằng thứ hai buông ra, thì thằng thứ ba chồm tới, song nó vô tình buông tay bít miệng cô ra. Trần Đại Thư vội kêu lên:

- Làng người ơi! Cứu tôi với! Có đứa đến cướp của hãm hiếp người.

Thấy kêu, thằng ấy buông ra. Trần Đại Thư bò dậy, thế là bọn chúng, đứa này đứa kia lôi cô ra khỏi phòng. Một thằng trong bọn chúng tháo lấy chiếc dây bằng chỉ đỏ màu hồng đào mà cô dùng để thắt quần lót. Chúng lôi cô ra tới con hẻm nhỏ thì có người nghe thấy tiếng kêu, mở cửa chạy ra. Ba tên này bỏ Đại Thư lại, rồi hò nhau chạy.

Bướm ong điên loạn làm xơ xác,

Tan tác hương thơm mất mấy phần.

Tuần đêm cười ngửa đi dò xét,

Một cảnh còn lại cũng là may.

Trần Đại Thư định thần lại, mặc quần áo rồi kể lại cho mọi người về nỗi khổ của mình. Rất may lúc ấy Bả Bài và hai người nữa đi tuần tra đêm, sau họ là hai người mang đèn lồng đốt bằng dầu trám. Họ len lỏi vào những con đường vắng vẻ và nhìn thấy hai người như say rượu, nằm gục bên dốc núi. Ông hét to:

- Hãy mau mau gọi người cùng với ta cứu họ tỉnh lại.

Tới nơi thì đó là hai xác người không biết kẻ nào đã giết chết. Họ vội vàng gọi ngay người địa phương tới. Qua ánh đèn, một người trong số họ nói:

- Người đàn ông này hình như là Trần Nhất, người ở trước lò gốm.

Viên tuần đêm sai giải người ấy đi gọi người nhà. Tới nơi thì Trần Đại Thư nói là anh và mẹ cô bị lừa, không biết bây giờ thế nào. Nghe sai nha nói đã bị đánh chết bên dốc núi trước lò gốm, cô khóc toáng lên.

*Hận số hồng nhan bạc mệnh,
Khiến người ruột thịt chết oan.*

Cô khóa cửa rồi cùng mấy người hàng xóm tới gặp Bả Bài. Cô nói là đầu tiên anh cô bị Nguyễn Lương lừa đi uống rượu. Sau đó Nguyễn Lương lại trở về nói là anh cô cãi nhau rồi lại lừa mẹ cô đi, không biết vì sao bị đánh chết. Sau đó vào lúc canh ba, còn có hai đứa đến cường dâm. Nghe ra thì một trong số đó là Vương Tứ. Hai đứa cường dâm xong thì cô la lên gọi hàng xóm. Thế là chúng bỏ chạy. Bả Bài lập tức sai chức trách các làng lân cận cùng với Phiên kỳ truy bắt, náo loạn suốt một đêm. Tới nhà Vương Tứ thì hãn đã chạy trốn, họ bắt ngay những người thân thích của Vương Tứ truy hỏi đến cùng. Đến ngày thứ ba thì bắt được. Vì án mạng quá lớn, nên mặc dù phe cánh của hãn đông cũng không thể bao che được. Oan hồn cứ vây riết lấy hãn, nên hãn không sao thoát nổi.

*Lòng trời thật nghiêm khắc,
Phép vua chẳng dung tha.
Đáng đời bọn gian ác,
Không thoát khỏi nhà pha.*

Ba tên này đã đệ trình lời khai. Bả Bài căn cứ vào lời khai của Trần Đại Thử, bèn thẩm vấn từng tên một, sau đó ông hạ lệnh cùng kẹp tra tấn. Việc giết người này Vương Tứ là chủ mưu, Nguyễn Lương và Vương Tam là kẻ tiếp tay. Về hành dâm thì đầu tiên là Nguyễn Lương, sau đó Vương Tứ, Vương Tam chưa kịp hành dâm. Về việc đánh chết Trần Nhất, thì đầu tiên Vương Tứ đánh đòn hiểm khiến Trần Nhất hấp hối, sau đó là Nguyễn Lương và Vương Tam. Về việc đánh Trương thị thì đầu tiên Nguyễn Lương đá vào bụng, sau đó Vương Tứ, Vương Tam đá chết hẳn. Về việc cưỡng dâm Trần Đại Thử thì Nguyễn Lương là người cầm dao dọa, cởi quần đẩy chị ngã. Vương Tứ kéo tay trái, bịt mồm. Vương Tứ thổi tắt đèn, đè tay phải. Tất cả chúng đều khai ra hết.

Thủy Hoàng sáng suốt,

Hạ Vũ thần thông.

Gian tà ác độc,

Chẳng thoát tay ông.

Trông coi việc tuần tra là Mã thái giám, xem bản cáo trạng, thấy rằng việc giết người, cưỡng dâm đều là trọng tội. Trương thị có mang tám tháng, mẹ chết sẽ dẫn đến con chết, tuy không phải là trực tiếp đánh chết, nhưng đứa bé chết trong bụng mẹ là do chúng gây ra. Việc khám nghiệm đã thấy rõ ràng. Ông làm tờ trình về việc giết hại ba nhân mạng này lên bộ Hình. Bộ Hình phê khép vào trọng tội. Bọn tấn thân thấy thế rất run sợ. Những cử nhân thì đến tám chín phần mười là bất lực. Phạm là những vụ án do Vệ đề doanh tấu lên, không dám làm trái ý. Kế sách tốt nhất của họ là xác nhận đó là trọng tội để giữ thân. Bản án ghép vào tội giết ba nhân mạng thì bộ Hình cũng phải kết án là giết ba người, và khép Vương Tứ vào tội lăng trì, Nguyễn Lương, Vương Tam phải xử trảm ngay.

Khi sớ dâng lên hoàng đế, rất may hoàng đế là người rất thận trọng nghiêm minh, cho rằng cái thai trong bụng đã là người rồi, nhưng chưa đẻ thì không thể coi là ba nhân mạng, bèn giao cho bộ Hình định tội lại. Lần trước bộ

Hình theo bộ Doanh, lần này bộ Hình theo ý chỉ của hoàng thượng, không dám ghép vào tội giết ba nhân mạng. Vương Tứ, Nguyễn Lương, Vương Tam đều bị khép vào tội xử trảm. Nguyễn Lương bị kẹp và bị tra tấn, đã chết tại bộ Hình. Tuân theo chiếu chỉ của hoàng thượng: Vương Tứ phải trảm đầu ngay, Nguyễn Lương thì phải đâm chết, Vương Tam thì chờ đến mùa thu xử quyết.

Cho Trần Đại Thư về. Văn thư phòng sao chiếu chỉ gửi tới Hình Khoa, Hình Khoa đóng dấu, Hiệu úy tới bộ Hình. Quan Cấm y vệ trói phạm nhân lại, cùng với quan bộ Hình áp giải ra góc phía tây kinh thành. Khi ấy Đô sát viện đã ủy quyền cho quan ngự sử tại đó giám sát việc hành hình. Vương Tứ tới đó, dù có mười đầu sáu tay cũng không sao thoát được. Bọn vô lại hăng ngày cùng hân rượu chè, vợ và hai thiếp của hân cũng chỉ dương mắt nhìn hân bị chặt đầu mà thôi.

*Đừng nhỏ nước mắt nữa,
Hãy nghĩ đến lỗi lầm.
Kìa mẹ con Trần thị.
Cớ sao phải chết đâm.*

Tóm lại Vương Tứ là tên độc ác đến cùng cực, trời đất chẳng dung tha, cho nên thần xui quỷ khiến thế nào mà lại gây ra cái trò độc ác ấy, khi cưỡng dâm lại để lộ ra tung tích. Trong thiên hạ liệu có kẻ giết hai mạng người mà không đền mạng không? Có kẻ cưỡng dâm mà không phát hiện ra không? Nếu như hôm ấy chúng giết cả ba mẹ con Trương thị, thì không biết đó là kẻ nào và vì thế sẽ liên lụy tới không ít những nhà hàng xóm. Nếu ba đứa ấy bắt Trần Đại Thư giấu một nơi rồi mặc sức hành dâm, thì mọi việc sẽ không bại lộ. Người ta sẽ cho rằng Trần Đại Thư cùng với bọn gian dâm mưu sát anh và mẹ rồi trốn đi. Thì đó cũng là một nghi án khó làm sáng tỏ. Cái ta đáng cười là nhà cao cửa rộng mà không ở, chần gẫm chịu hoa mà không nằm, nem công chả phượng cũng chỉ một miếng, quần là áo lượt cũng chỉ che được chiếu thân. Bọn chúng đã làm cạn kiệt cốt tủy, trở thành

một chiếc đầu lâu khô chỉ vì sắc đẹp, làm thân trâu ngựa chỉ cốt để lại của cải cho con cháu. Chỉ vì thấy Trần Đại Thư mà hắt bỏ lại một vợ hai thiếp cho kẻ khác. Vì một vài chục lạng bạc, mà tính mạng mình không được bảo toàn, cuối cùng bị đâm chết. Cái bọn chúng được giờ đây không còn, mà bản thân đến nỗi như thế? Còn như chồng và cha của Đại Thư, người ta đều cho rằng đó là do âm mưu quỷ quyệt của Vương Tứ. Chồng Đại Thư mất tích. Cha Đại Thư vì thế mà được minh oan. Xem thế thì lòng dạ xảo trá có ích gì! Nếu như hằng ngày bọn gian dân ấy nghĩ rằng, việc thành cũng chỉ được hoan lạc trong chốc lát, chẳng đáng kể gì. Nhưng việc không thành thì sẽ khuynh gia bại sản, bản thân cũng chết, sự khao khát cuồng nhiệt cũng sẽ trở thành băng giá. Đáng tiếc thay những người suy nghĩ thấu đáo ngày nay còn ít quá.

nhieu tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 26

Hoàng Thượng Diên Liễu Đoạt Ngai Vàng

Thuật Sĩ Ngu Nghĩ Bừa Mưu Phản

Người xưa thường nói: "Ai cũng có lòng trời, nhưng cái quý báu to lớn ấy khó mà giữ được". Ngay như Lý Vệ Công, Trương Hồng Nhiễm anh hùng đến nhường nào, khi nhà Tùy mất, đám người xưng hùng xưng bá giành giết nhau, họ tự cho rằng giành thiên hạ dễ như trở bàn tay. Đến khi thấy Lý Thế Dân, người thì cúi đầu đi theo, người thì lẩn trốn ra hải ngoại. Lúc ấy Lý Mật cũng là một tay hào kiệt, chỉ vì không biết thời thế, không chịu hàng Đường, nên đã bị giết. Huống hồ là, khi thiên hạ đã thống nhất thái bình yên ổn, lại muốn khư khư giữ thói xấu xa nhòm ngó ngai vàng, thì chẳng khác nào trứng chọi đá, chỉ có tan nát mà thôi. Song lại có người nói, trời sinh ra, kẻ nông cuồng, vô luận là thành công hay thất bại, thì lúc đẻ cũng có diêm lành. Người sinh ra có tướng mạo khác thường, lại được bọn người xằng bậy hòa vào, làm ra to chuyện.

Thời Đường Minh Hoàng, Tịnh Châu mục(1), ban đêm thấy phía đông nam có một luồng ánh sáng màu hồng, ông ta kinh ngạc nói: "Đây là khí tượng thiên tử". Hôm sau ông đi khắp nơi trong dân gian, thấy đứa trẻ nào vừa đẻ đều tới xem, nhưng không thấy đứa nào có tướng mạo khác thường. Sau đó ông kiểm tra trong quân lính, thì thấy một đứa bé mới sinh có tướng mạo khác thường. Viên châu mục ấy nói:

(1) Tịnh Châu mục: người đứng đầu Tịnh Châu. (ND)

- Đây là thiên tử giả.
- Đã là thiên tử giả, - những người cấp dưới nói, - thì hẳn sau này nhất định phản nghịch, sao không giết đi để trừ hậu họa?
- Thiên tử được sinh ra, - viên châu mục nói, - ai có thể giết được?

Các bạn có biết đứa bé ấy là ai không? Đấy chính là An Lộc Sơn, con nuôi Dương Quý Phi. Tương truyền An Lộc Sơn là Ma Diệt Vương chuyển kiếp, cho nên đã sát hại nhiều sinh linh, bức vua phải nhường ngôi, sắp thành nghiệp lớn. Cuối cùng bị chết, cả họ diệt vong, mang tiếng là kẻ giặc. Nhưng do đã làm được chút ít sự nghiệp, chiếm được một số thành trì và đã từng một thời xưng đế. Còn Tể Bình Thành chẳng dựa dẫm vào đâu chỉ vì mặt vuông tai to, rồi tự cho mình là đế vương do trời sinh ra. Hắn kết bè kết đảng với bọn người vô lại, hòng chiếm giang sơn, song chưa khởi sự đã tự trói tay, chịu bắt. Vẫn chưa bằng Tề Vạn Niên, Tống Giang... một phen tung hoành ngang dọc, há chẳng đáng cười sao!

Thời Thành Hóa(1) ở huyện Dịch Châu, phủ Bảo Định, có một người Hầu, ông sinh được một người con trai tên là Trữ Nhi. Trữ Nhi ra đời đúng vào lúc nhà lảng giềng dựng cột, cất nhà. Có một ông già nói:

(1) Thành Hóa: niên hiệu Hiến Tông thời Tống (1465 - 1487) (ND).

- Đúng là ngày tốt, sau này nó phải là người rường cột của quốc gia.

Thế là đặt tên nó là Trữ Nhi. Từ nhỏ Trữ Nhi ốm đau bệnh tật luôn, cha mẹ định cho nhà chùa, song vẫn chưa muốn. Lên sáu tuổi được bố mẹ cho đi học và đặt tên là Đắc Quyền, học rất sáng dạ. Không ngờ bố mẹ lần lượt qua đời, nó không còn nơi nương tựa, ông Kim một người hàng xóm, theo ý nguyện xưa kia của cha mẹ nó, bảo đưa nó tới chùa theo ý nguyện xưa kia của cha mẹ nó, bèn đưa nó tới chùa Quảng Thọ ở Lang Sơn làm hòa thượng, gọi là Minh Quả. Đầu cao nhẵn thín, mặt vuông, tai to, trán rộng, mũi cao, quả là tướng mạo khác lạ. Khi ngoài hai mươi tuổi Minh Quả muốn tầm sư học đạo, khăn gói từ biệt sư trụ trì đi tìm danh sư có tiếng trong thiên hạ để học tập.

*Nón tre xộc xệch trăng soi bóng,
Giày đi rách nát dẫm sương đêm.
Rửa bát thì tìm khe suối vắng,
Ngồi thiền thường tựa gốc cây rừng.*

Ăn gió nằm sương, trải qua biết bao gian khổ, tới Thiếu Lâm Tự, Hà Nam. Đây là một ngôi chùa nổi tiếng, từng truyền dạy được nhiều võ sư thời Lương siêu thoát, và cũng là nơi các danh sĩ nổi tiếng trong thiên hạ thường lui tới. Minh Quả tới đây bái kiến sư trụ trì, vào phòng khách nghỉ chân. Hôm sau tới Phật đường thì thấy một người từ ngoài đi vào:

*Râu phơ phất tiên phong đạo cốt,
Mắt long lanh như nước hồ thu.
Miếng liễn thoảng thao thao bất tuyệt,
Phần lớn anh hùng lợt mắt xanh.*

Người ấy nhìn Minh Quả nói:

- Tướng tốt.

Minh Quả vái chào, nói:

- Tiên sinh biết xem tướng sao?

- Cũng biết đôi chút, - đạo sĩ nói, - tôi chuyên xem tướng số.

- Xin mời tiên sinh tới phòng, - Minh Quả nói, - xem giùm số tôi tốt xấu thế nào?

Tới phòng, ông ta lấy ra một tờ giấy. Minh Quả bèn nói với ông ta về ngày sinh tháng đẻ của mình. Ông ta múa bút viết tám chữ. Rồi lấy một lá số ông ta nhìn, rồi kinh ngạc nói:

- Hòa thượng, số ông tốt lắm. Phú quý tuyệt đỉnh, quyền uy vô song, là số của bậc đế vương, địa vị không dưới khanh tướng. Sau này sẽ có vợ có con, quý tới bậc đế vương, giàu tới mức có cả thiên hạ, mệnh và tướng đều hợp nhau. Chỉ có điều tới ngày đặc chí đừng quên Giang Chiêu hèn mọn này.

- Tiểu tăng nón tre bát gỗ, làm bạn với mây nước, mơ sao tới phú quý công danh. Tiên sinh đoán lầm rồi.

- Hòa thượng! - Giang Chiêu nói. - Thái Tổ Cao Hoàng Đế triều ta là người thế nào ông biết chứ? Ngài cũng từng là sư chùa Hoàng Giác, về sau lên ngôi báu. Hòa thượng cũng như thế, việc là do người định đoạt. Tôi đã từng xem số nhiều người, nhưng chưa từng thấy ai có số như thế này. Hơn nữa tôi đoán cho rất nhiều người nhưng chưa từng sai bao giờ.

Ta nghĩ rằng, những kẻ đi lang thang đoán số luôn luôn nói bậy để lừa người. Gặp thương nhân thì chúng nói là tiền rông bạc chảy, gặp những kẻ nho sinh thì chúng bảo là sẽ đỗ cử nhân tiến sĩ. Song không kẻ nào dám lấy ngôi hoàng đế để đoán cho người ta, gã Giang Chiêu này quả là kẻ điên rồ mất hết lương tâm. Song khi người ta được tâng bốc thì ai mà chả thích. Ngay đối với việc không thể làm được, lúc đầu thì kinh sợ nghĩ rằng làm gì có chuyện như thế. Nhưng sau lại nghĩ rằng: "Tại sao người ấy lại dễ dàng hứa với mình như thế, hay là có thật chăng?".

Ngựa đàn vui mừng

Ngõ mình tuần mã.

Trong chuồng hí vang

Mơ ngoài ngàn dặm.

Minh Quả chăm chú nghe, mỉm cười nghĩ bụng: "Hoàng đế sao đến lượt mình, song ông này nói chắc rằng có duyên có gì đây". Chu Đạo Chân, cũng là một đạo sĩ ngồi bên cạnh lại nói bừa rằng:

- Nay thì vương chủ chân chính đã có rồi, người miền Bắc đều biết cả, ở trong sách chúng tôi cũng từng viết.

Nói xong Chu Đạo Chân lấy từ trong túi ra một cuốn sách, trong đó viết: "Thôn Khúc Giang, huyện Trường An, Thiểm Tây, nhà họ Lý ở Kim Bồn. Có một bà mẹ mang thai mười hai tháng, sinh đứa con trai là Tử Long, thấy trong nhà có một vầng ánh sáng màu hồng, bạch xà cuộn lấy đứa bé, lớn lên sẽ làm thiên tử".

Mọi người đều nhìn thấy. Đạo sĩ Chu nói:

- Nếu Lý Tử Long là bậc vương chủ, thì hòa thượng là mệnh công hầu.

Đạo sĩ Giang đứng dậy nói:

- Việc này có thể đoán bừa cho người ta sao? Nếu sau này không đúng thì tôi sẽ không làm thầy tướng nữa. Đăng cơ vào vận Sửu Tý, năm Thân Dậu. Phải tin ta Viên Liễu Trang một đạo sĩ chân chính.

Minh Quả hả hê sung sướng, mời hai người này vào quán đánh một bữa say

túy lúy. Minh Quả hớn hở tự coi mình là Thái Tổ Cao Hoàng Đế. Giang Triều tự nhận mình là đạo sĩ chân chính. Chu Đạo Chân cũng tự coi mình là Lưu Bá Ôn.

*Bọn điên khùng ngu dốt,
Mong phú quý giàu sang.
Cả người cùng hòa hợp,
Ai ngờ mắc vạ lây.*

Hai thằng ngu đều nói: "Phú quý đừng quên", khiến Minh Quả thừa cơ mưu sự. Sau khi từ biệt, Minh Quả cứ nghĩ thâm trong bụng: "Theo Giang Triều nói thì ta là thiên tử, còn Chu đạo sĩ lại nói, chân mệnh thiên tử là Lý Tử Long. Nếu ta không nhận là Lý Tử Long thì chân mệnh không phải là ta ư? Cho dù Thái Tổ cũng phải nuôi tóc làm hoàng đế, ta cũng còn phải nuôi tóc đã. Trước tiên hòa thượng phải đi khất thực, sau đó búi tóc, giống như một hảo hán. Ở chùa Thiếu Lâm học một ít võ nghệ, rồi sẽ giao lưu với các hào kiệt. Đại thể là, phần lớn người dũng mãnh, trọng nghĩa khí, nhưng ít hiểu biết khi hứng lên họ không lường tính được việc ấy có nên làm không, có làm được hay không, làm được thì tốt hay xấu. Hoạn nạn thường liên quan với nhau, khó khăn nguy hiểm thường đến cùng một lúc. Chết vì người là trung, vì cha mà chết là hiếu. Việc này là đáng làm. Làm được là tốt, làm không được cũng chẳng sao. Nếu vì anh em bạn bè thì phải suy nghĩ: "Vì họ song có làm hại họ không? Và liệu vì họ không được mà ngược lại hại đến mình, làm cái việc xuống giếng cứu người thì có nên chăng? Việc đáng làm song việc ấy phải làm được, mà làm được là tốt". Điều ấy không phải vì khiếp sợ. Trong sách từng viết: "Kẻ thù của cha mẹ là không đội trời chung, kẻ thù của anh em, không thể quay mũi giáo trở lại". Điều ấy là có mức độ khác nhau.

*Chính khí hần phải có,
Khách khí chưa chắc cần.
Khi tức giận bùng lên,*

Suy nghĩ cần sáng suốt.

Nếu như một người thể hiện chí khí mà ngược đãi thân thuộc bạn bè, đánh bừa phủ quan, động một tí thượng cẳng chân hạ cẳng tay, kiện tụng hiếu thẳng, điều đó không nên làm, không làm được, mà làm được cũng không tốt. Nói tới việc vì nghĩa hiệp mà đánh chết người, vì bất bình mà đánh chết người cũng là không cần thiết. Huống hồ là làm điều xấu, thậm chí mưu đồ những việc phạm mình không đáng có. Hoặc là, mình đứng đầu kêu gọi tụ tập nhau. Hoặc là hòa theo kết bè kết đảng, mưu bá đồ vương, việc này không thể làm được, hoàn toàn làm không được, mà làm được thì cũng là kẻ phản nghịch, tội ấy không tha.

Nay thì đằng sau bọn phi lại có bọn lính trơn, đó là do chỉ biết tôn sùng sức mạnh không hiểu đạo lý. Không có cơ sở nào mà có cả thiên hạ, đó là Minh Thái Tổ hoàng đế. Không ngờ rằng, thời ấy người Nguyên từ Mông Cổ vào Trung Quốc. Tới Thuận đế thì hoang dân bê trễ công việc triều chính. Hơn nữa họ lại dùng người Nguyên làm tri phủ tri huyện, không thấu hiểu dân tình, không biết vỗ về dân chúng, bởi thế lòng dân nổi loạn. Đầu tiên là một số kẻ tham dân ngu dốt ra tay trước, làm loạn thiên hạ. Thời ấy dân chúng chịu sức ép của nạn binh đao, chỉ mong rằng không bị giết hại, không bị dân ô. Lúc đầu những kẻ sĩ yêu thương dân lớp dưới mới xuất hiện. Bởi thế Minh Thái Tổ hoàng đế thuận theo lòng trời, đáp lại tiếng gọi của lòng người mà có được thiện hạ. Còn những kẻ khởi sự làm điều ác lại lâm vào cảnh không những mình bị chết mà cả họ cũng bị diệt.

*Lòng trời luôn luôn thiên,
Ý dân theo đức nhân.
Ngang ngược bị diệt vong,
Thời loạn tự làm giặc.*

Các bậc thánh nhân kế tiếp nhau, hoàn toàn không phải là thất đức. Trong số những quan lại cũng có người xấu, nhưng người tốt cũng nhiều. Không thể nói là bĩ cực thì sinh loạn, loạn đến cùng cực thì thịnh. Những người

ngu si hung hãn, không hiểu được. Huống hồ là kẻ tiểu nhân lấy cái tham để cứu cái ngu, muốn làm bậc công hầu, bá của một nước, bèn kích động nơi này nơi khác, đánh lừa được một vài người nông cuồng ngang ngược. Cũng có khi chúng quen biết nhau, cũng có khi là ngưu tầm ngưu mã tầm mã. Tại Châu Định hãn đã tập hợp được một số tên vô lại. Lý Tử Long nghĩ rằng đã có chút ít thế lực. Lúc ấy lại có một vài tên thầy bói không biết đoán số cho chính mình và cho người khác, đó là Hắc Sơn một tên đáng chém đầu, xem số cho Lý Tử Long và nói rằng: "Nếu gặp khỉ gà (năm giữa Thân - Dậu) và phượng hoàng giao phối ấy là đại mệnh". Song năm Thân Dậu sắp tới rồi, mưu việc lớn không thể trì hoãn được, Hắc Sơn luôn bên cạnh Lý Tử Long làm chủ mưu, dùng mệnh của Lý Tử Long đi mê hoặc xúi bẩy mọi người. Phàm là những người có thế lực dũng mãnh, những nhà giàu có hãn đều lân la tới đoán số, rằng họ là những người đáng làm quan to, hiểu hách một đời, để câu kết với họ. Bọn người vô học làm quan sao được, trừ phi lập được võ công, không ngờ bọn này đều mắc vào kế của hãn.

*Ngư si và dốt nát,
Lại đòi làm quan to.
Quan to nào có được,
Chỉ mang vạ vào thân.*

Lý Tử Long và Hắc Sơn bàn nhau rằng: "Mưu đồ đại sự phải cần người, tụ tập người phải có lương thực. Bên ngoài tuy có một số người, song cũng là bọn ô hợp khó mà cai quản được. Ta vẫn không có người giàu để làm chỗ dựa, một khi hành sự thì lấy đâu ra tiền. Nay cấm quân trong thành nhiều, ở đó cũng có nhiều hào kiệt, nếu trong bọn họ có nhiều người phù trợ, thì khí giới cũng không cần phải mua, nhà nào mà chẳng có cung tên đao súng. Bên trong nhiều người có máu mặt, những người này lại thích quyền lực, có thể lôi kéo được. Nếu lôi kéo được một số người, thì sợ gì không có tiền. Chúng quyết định phải vào kinh thành. Chúng lại được đạo sĩ Phương Thủ Chân, đây cũng là một kẻ không biết sống yên phận. Hãn nói:

- Trong kinh thành có Dương Đạo Tiên là thợ trong quân đội rất giàu có, phát lương hằng tháng, những lính nghèo trong kinh sư đều dựa vào ông ta, được ông ta chu cấp. Bởi thế quân sĩ đều biết ơn ông ta. Người vay mượn ông ta lại đông, hằng ngày xoay chuyển ứng phó, thợ ở khắp nơi rất thích giao du với ông ta, quả thật ông ta là một bậc hào kiệt.

Điều hâu có đâm cỏ,
Hổ báo có hang sâu.
*Ở giữa nơi kinh thành,
Đã gieo mầm tội ác.*

Hắc Sơn nghe xong, nói:

- Chúc mừng, như thế là tốt lắm rồi. Thành công hoàn toàn do ông ta. Ông ấy quen biết với một số người trong quân ngũ. Chúng ta lo gì không có người, lại quen biết với những người giàu có thì chúng ta lo gì không có tiền. Bản thân ông ta là thợ trong quân lính thì làm ra vũ khí cũng chẳng khó khăn gì. Phải dựa vào ông ta thôi.

Vừa mới lời kéo là bọn ngu xuẩn đáng chết này tụ tập lại ngay.

Dương Đạo Tiên thấy Lý Tử Long tướng mạo kỳ lạ. Hắc Sơn ra sức tán dương:

- Ông ấy là người cởi mở, độ lượng, rất có tài kinh bang tế thế.

Lý Tử Long lại hết lời khen ngợi Hắc Sơn là một thầy tướng kỳ tài độc nhất vô nhị trong thiên hạ. Dương Đạo Tiên bèn cầm ngay lá số của mình đưa cho Hắc Sơn. Hắc Sơn xem xong, nói:

- Đây là một vị nhân áo mão cân đai! So với ngài Lý Tử Long có kém một chút xiu. Đúng là ngài Hồng Tu(1) được gặp Lý Thế Dân(2). Sự nghiệp của ngài Lý Tử Long là do ngài Dương Đạo Tiên xây dựng nên. Công của ngài Dương do ngài Lý mà có được.

(1) Hồng Tu: Trương Thuyết thời Đường, râu dài (hồng tu) là một người dũng mãnh, có sức khỏe, bắn rất giỏi.

(2) Lý Thế Dân: Đường Thái Tông.

Lúc ấy Dương Đạo Tiên thấy tướng mạo của mình so với Lý Tử Long có kém chút ít, thì rõ ràng Lý Tử Long phải là bậc quân chủ, mà mình chỉ là người phò tá. Dương cười, nói:

- Tôi cũng nhờ vào ngài Lý.

Nói xong, Dương lấy lá số của vợ đưa cho Hắc Sơn xem, Hắc Sơn nói:

- Đây là một vị nhất phẩm phu nhân, số cũng tốt vào hàng đai ngọc.

Điều ấy đã làm cho Dương Đạo Tiên hả hê sung sướng.

Nói tới công danh lòng tham muốn,

Tay vồ kiếm rồng đã mấy phen.

Tài trí Hàn Bành đây chẳng tá,

Nhớ lại phong hầu bá, tử, nam.

Dương Đạo Tiên giữ hai người này lại nhà. Quả là Đạo Tiên có quan hệ với một số người trong cung đình, song cũng không phải là những người thật sự hiển đạt, đó là Nội sử Bào Thạch, Thôi Hoảng, Trưởng tùy Thịnh Chí, Vương Giám, Thường Hạo, Tư thiết giám, Tả Thiết giám Chu Lương, Môn phó Mạc Kính. Thấy họ mặt vuông tai to, mũi sư tử, lông mày lưỡi mác, cũng là những người khác thường. Hắc Sơn lại thao thao bất tuyệt rồi lấy ra cuốn sách ma quái mà Chu Đạo Chân cho hẳn, theo đó hẳn vẽ ra mấy lá bùa, nói:

- Đeo là bùa này vào có thể tránh được mọi tai họa bệnh tật.

Dương Đạo Tiên lại khoác lác rằng:

- Ông Hắc còn có nhiều phép kỳ lạ như quạt thiết khiến cho thành trì đổ sụp, vạch đất thành sông, rắc gạo thành quân lính cắt cỏ thành ngựa, phi kiếm là rơi đầu quân địch.

Phàm là với những bậc hào kiệt thì nói về nghĩa khí; với những kẻ ngu si thì nói về phú quý lợi hại; với những kẻ không có tri thức thì nói những chuyện ma quỷ hoang đường; thì ai mà chả nghe theo. Bọn quan lại nhỏ trong cung đình đều không được học hành, không đọc sử sách. Những lời nói vô căn cứ ấy lôi kéo được họ, và ngay cả Phật cũng kính nể chúng. Hắc Sơn và Dương Đạo Tiên lại gán cho Lý Tử Long một tôn hiệu, chúng nói:

- Lý Tử Long là Đức Phật Vương Như Lai cứu khổ cứu nạn trừ khử tai họa cho đời, chỉ chờ tới giữa những năm Thân Dậu sẽ đổi thay thiên hạ, vỗ về muôn dân. Nếu những dự định trước tiết lộ với những kẻ không tận tâm phù trợ, thì thiên thần sẽ tru diệt.

Những viên quan trong triều này, quả nhiên không dám truyền tin, mà chỉ riêng mình biết, tỵ đến bái kiến. Người nườm nượp, kẻ thì dâng áo quần yên ngựa, người thì dâng vàng bạc tiền nong. Tử Long vẫn khoắc lác rằng:

- Những thứ bỏ đi này ta dùng làm gì? Nhưng thôi, các người cứ để đấy, để thử xem lòng trung thành của các người tới đâu.

Những quan lại trong triều, lúc đầu vẫn coi mình là khách, song sau đó lại gọi Tử Long là Đức Phật, là Thượng sư, và đều cúi lạy Tử Long. Hắc vẫn thản nhiên nhận mình như thế. Một hôm bọn Bào Thạch mời Tử Long vào trong thành chơi. Hắc tới một ngôi điện nhỏ ở Vạn Tuế Sơn, bên trên chỉ đặt một chiếc long sàng. Đi đường đã mệt mỏi, hắc thản nhiên như không, bước lên long sàng rồi ngồi xuống, nói:

- Ta đã có đài vàng bệ bạc, tòa sen bảo tọa, chứ đâu phải thứ này? Song chỉ vì do trời muốn cứu vớt sinh linh nơi trần thế nên trời đã sai ta xuống đây, thôi thì cũng chẳng lâu la gì, ta ngồi tạm cũng được.

*Chim sâu đỗ cành cao,
Giếc cạn tới Dao Trì,
Đâu phải nơi chúng ở,
Ngông cuồng chẳng nghĩ xa.*

Những nội thần này nói:

- Chỉ nguyện Đức Phật ngồi vào bảo tọa là chúng con cũng như được lên thế giới cực lạc rồi. Hắc ngồi một lát sau đó ra khỏi hoàng thành. Ai ai trông thấy cũng cho rằng hắc thật xứng đáng, và còn quả quyết rằng Lý Tử Long có số làm thiên tử còn những thường dân thì bái phục đến sái cổ, từ đó ngày càng tôn kính và tin theo.

Lý Tử Long, Hắc Sơn và Dương Đạo Tiên bàn nhau rằng: "Trong và ngoài

phối hợp với nhau là hai điều không thể thiếu được. Bên trong thì có nội thần, bên ngoài thì dựa các địa phương vùng Châu Định, những hào kiệt này quá xa, vậy phải có được một số võ quan trong kinh thành cùng một số cấm quân phù trợ mới tốt được". Họ nghĩ tới Vũ Lâm bách hộ Chu Quảng, là người thân của Bào Thạch. Tiểu Kỳ Vương Nguyên là người thân của Trịnh Trung, vậy bảo hai người này lôi kéo họ nhập bọn. Quả nhiên hai người ấy tới bái kiến Lý Tử Long và họ hứa rằng tới lúc lâm sự họ sẽ cho người tiếp ứng.

Trâm anh đời đời ăn lộc nước.

Dốc hết lòng trung với nước non.

Cớ sao cam lòng theo phản nghịch,

Để rồi di họa tới cháu con.

nhều tác giả

Đoán Án Kỳ Quan

Phạm Tú Châu - Nguyễn Văn Thiệu (Dịch và biên soạn)

Chương 26 (B) Kết

Lúc ấy có một Ngự mã thái giám là Vĩ Hàm, tuy không ở Tư lễ giám, song rất thân cận với hoàng thượng, có quyền lực và giàu có. Bào Thạch vốn là thuộc cấp của ông ta. Vĩ Hàm ngẫu nhiên bị ốm, Bào Thạch đã đến xin một số bùa cho ông ta chữa bệnh, không ngờ bệnh khỏi. Viên thái giám ấy rất cảm động, mang tiền tới tạ ơn và mở tiệc mời Lý Tử Long. Thấy Lý Tử Long tướng mạo堂堂 hoàng chững chạc, Vĩ Hàm rất vui thích và từ đó thường đi lại với nhau.

Dương Đạo Tiên nói:

- Tốt rồi, ông ấy là người vừa có tiền vừa có thể lực, sự nghiệp của chúng ta phần lớn dựa vào ông ấy. Song ông này cũng có một chút hiểu biết, nên việc làm không được lộ liễu. Nếu đem việc này nói với ông ta, đây là việc mưu phản thì làm sao mà ông ta nghe theo. Hơn nữa, chúng ta mong phú quý, mà ông ta đã phú quý rồi thì làm sao ông ta dám làm việc mạo hiểm? Nếu một người không theo mà lộ ra thì sự nguy hại thật khó lường. Việc này phải dùng kế để lôi kéo ông ta.

Hắc Sơn nói:

- Ngài Dương rất giỏi mưu kế, ngài hãy tính kế đi.

Dương Đạo Tiên nghĩ một lát rồi nói:

- Nghĩ ra rồi. Ông ta có một người em là Vĩ Lão Nhị, một người ngu đần, chơi thân với Bào Thạch. Ông ta có một đứa con gái mười bảy tuổi, Vĩ thái giám nuôi từ hồi còn bé, cần phải tìm cho nó một tấm chồng. Song cô ta là tú tài, nên Vĩ Hàm không muốn gả cho những người phú quý bậc trung, và cũng không muốn kết hôn với võ quan. Ngoài ra những thương nhân và phú hộ Vĩ thái giám cũng không muốn gả. Thấy tướng mạo luôn luôn xuất chúng, thái giám rất kính trọng. Phải thuyết phục Vĩ Lão Nhị nói với thái giám. Nếu họ thông gia được với nhau, thì sướng khổ cùng nhau, lo gì Vĩ

thái giám không theo.

- Nếu lấy vợ, - Lý Tử Long nói, - thì e rằng không phải là hành vi của Thượng sư.

- Chúng ta sẽ có cách nói để lay động ông ta. - Hắc Sơn nói.

Tưởng mình Lê Thực Kỳ(1)

Uốn lưỡi Tề thành, hạ,

Giữa chừng gặp sự biến,

Đầu phải chui vạc dầu.

(1) Lê Thực Kỳ (? - 203 trước CN), người Can Dương, Trần Lưu thời Hán, nhà nghèo làm lính gác cửa. Khi Lưu Bang tới Can Dương, hiến kế đánh thành Trần Lưu, được phong Quảng Dã Quân. Vì sau thuyết phục Tề vương là Điền Quang theo Hán. Khi Hàn Tín theo kế Bàng Thống đánh Tề chiếm Lâm Tri, Điền Quang cho rằng Lê Thực Kỳ bán mình, bèn bỏ Thực Kỳ vào vạc dầu.

Đúng lúc ấy Bào Thạc tới, nói với Dương Đạo Tiên:

- Vĩ thái giám rất kính trọng thượng sư và cho rằng tướng mạo thượng sư không phải là người thường.

- Việc này rất may cho thái giám. - Hắc Sơn nói.

- Chỉ có điều gần đây thấy hơi lạ. - Dương Đạo Tiên nói. - Thượng sư bảo là: "Hoàng đế có phải dễ làm đâu, khi làm thật là phiền toái", hình như có ý không muốn làm hoàng đế. Trước công, hầu, bá sắp đến tay chúng ta rồi, nếu thượng sư thay đổi ý định, thì việc của chúng ta không thành. Ta muốn tiền tài và hưởng thụ thì Thượng sư cho rằng đó là cái bề ngoài hoàn toàn không quan tâm tới, cái đó không ràng buộc ngài được. Làm hoàng đế phải có hoàng hậu, tam cung lục viện, chúng ta phải dùng gái đẹp để giữ ngài lại. Mỹ nữ thuộc loại tà dâm, nhất định ngài không chịu. Trừ phi tìm cho ngài một chính cung phải tìm một người con gái có số đại phúc, và cần phải có một người làm hoàng thân quốc thích cũng không ai có con gái đẹp, cho nên rất lo.

- Thượng sư là Phật làm sao lấy vợ được? - Bào Thạc nói.

- Xưa kia Cửu Ma La Thập(1) là Phật, Tây Tần vương từng tặng ông mười cung nữ, hạnh một lần được hai đứa con trai, chuyện ấy đã có, ta e ngại gì nữa.

(1) Cửu Ma La Thập (344-413 sau CN), là một cao tăng thời Đông Tấn.

- Thế thì Vĩ thái giám có một người cháu gái, tướng mạo rất phúc hậu, - Bào Thạch nói, - Vĩ thái giám lại rất kính trọng Thượng sư, trước hết ta nói qua với Vĩ Lão Nhị để Vĩ Lão Nhị nói việc này với Vĩ thái giám.

*Chim sâu sánh chim phượng,
Chép, mè muốn cưới rồng.
Tưởng rằng dưới mái tranh,
Nến hồng huy hoàng chiếu.*

Hắc Sơn nói:

- Vĩ thái giám tuy kính trọng Thượng sư, song việc sắp tới của chúng ta không thể nói với ông ấy được. Chỉ nói là Thượng sư là người có quý tướng, hôm nào đó thái giám giúp ông ấy một chút, văn quan cũng phải làm tới trung thư thuộc phẩm hàm khanh, mà võ quan thì cầm chắc là làm tới chức cầm chỉ huy. Cứ nói thế thôi.

Bào Thạch nói:

- Tôi sẽ nói y như các ông.

Khi Bào Thạch nói với Vĩ Lão Nhị thì Vĩ Lão Nhị nói:

- Việc này là tùy ở Vĩ thái giám.

Khi Vĩ Lão Nhị nói thì Vĩ thái giám chẳng hỏi han gì đến lai lịch của Lý Tử Long mà nói:

- Người này tướng mạo khác thường, nếu dựa vào ta thì ông ấy thiếu gì áo mũ. Cháu cũng đã lớn rồi, ta cũng chẳng kể gì đến lễ vật, thôi thì gả cho ông ta.

Sau đó dựng cho Lý Tử Long một ngôi nhà ở ngoài cửa Đông Hoa, và chuẩn bị hàng ngàn lạng vàng làm của hồi môn, chọn ngày lành tháng tốt làm lễ cưới.

*Lau sậy lướt theo dòng,
Thình thoang lai vãng tới
Bao giờ sen bùng nở,
Lã lướt ở bên mình.*

Ban đầu Dương Đạo Tiên biết lai lịch của gã côn đồ này, đến nay lại là thân thích của thái giám. Hằng ngày Lý Tử Long nghênh ngang xe ngựa, mũ cao áo thụng sai khiến kẻ hầu người hạ, giao lưu với mọi người. Ta nghĩ rằng một gã tiểu nhân nghèo kiết xác làm hòa thượng, vô gia cư, đi khắp nơi khất thực, nay đã có vợ có tiền của tha hồ sử dụng, ấy thế mà không biết dừng lại. Song dù hãn có dừng lại thì những kẻ mưu đồ vinh hoa phú quý cũng không muốn dừng. Người này dẫn người đến bá kiến, người kia móc nối người đến nhập bọn. Lòng dạ của những kẻ không biết thế nào là đủ, cứ nóng lòng sốt ruột nghĩ rằng năm Thân - Dậu cũng không muốn từ chối những người này. Bởi thế sự việc này dần dần lộ ra.

Lúc ấy có cầm y vệ hiệu úy là Tôn Hiền, ở bên cạnh là một người lính nghèo là Cam Hiếu. Người này nghèo rớt mồng tơi cả nhà ăn đói mặc rét. Người vợ cứ thường trách móc anh ta, Cam Hiếu nói:

- Thôi đừng cần rút ta, chỉ chịu đựng vài ba tháng nữa thôi, ta theo ông ấy cũng kiếm được chức trăm hộ, được hàm chính thất phẩm, thì chúng ta tha hồ mà chi dùng. Hãy kiên nhẫn chờ đợi một chút nữa.

Tôn Hiền nghe thấy, ngày hôm sau nói với anh ta rằng:

- Anh Cam có chỗ nào tốt thế? Nói giúp cho tôi với.
- Ông giúp tôi được chứ làm sao mà tôi giúp được ông.
- Anh ạ, thuyền đông không ngại bến hẹp. Nếu tôi được chỗ tốt thì đâu dám quên ơn anh.

Biết rằng Cam Hiếu thích rượu, đến tối Tôn Hiền mua rượu và thức nhắm mời Cam Hiếu, nhờ Cam Hiếu dẫn đường chỉ lối. Uống được mấy chén thì Cam Hiếu chỉ trời vạch đất nói:

- Tôi không giúp nổi ông đâu, ở đây chỉ có Lý thượng sư mới giúp được ông thôi. Thế nào ngày mai tôi cũng đưa ông tới bá yết ngài, chắc chắn

ông sẽ có chỗ tốt.

Rượu vào lời ra,

Cơ mưu bại lộ.

Lời đã nói rồi,

Ngựa sao đuổi kịp.

Sáng sớm hôm sau Tôn Hiền đến tìm Cam Hiếu không sao nuốt lời được, chần chừ thêm mấy ngày nữa cuối cùng đành phải dẫn Tôn Hiền đến bái kiến Lý Tử Long. Tôn Hiền rập đầu thề rằng:

- Thề sẽ đồng tâm hiệp lực phù trợ Thượng sư cứu vớt sinh linh không hề thoái lui. Nếu một dạ đối lòng thì kiếm chém đứt đầu, cả nhà bị diệt.

Thề xong Tôn Hiền nhập bọn, trước hết theo dõi những người lai vãng, rồi nhớ thật kỹ. Sau đó xem xét khắp nơi, biết rằng đây là việc mưu phản, đã định vào giờ Thân - Dậu năm Ất Dậu, trong đánh ra, ngoài đánh vào chiếm đoạt kinh thành.

Lúc ấy Vĩ thái giám đang định tiến cử Lý Tử Long làm trung thư, rồi bảo với Vĩ Lão Nhị, Vĩ Lão Nhị nói:

- Ông ạ, ông ấy muốn làm to cơ, chứ không muốn cái chức lệp nhẹp ấy đâu?

- Thế ông ấy muốn quan gì? - Vĩ thái giám nói.

- Ông ấy muốn chức sai khiến quan cơ. - Vĩ Lão Nhị hạ giọng nói tiếp. - Mệnh và tướng mạo đều khớp nhau, đáng là chân mệnh thiên tử. Bên ngoài đã sắp xếp xong xuôi rồi, bên trong cũng có người rồi, còn muốn anh giúp đỡ một chút. Việc thành anh không những là quốc thích mà còn là công thần.

Nghe xong thái giám thét lên một tiếng.

Cầu lưới không thể hạ,

Miệng cam chẳng thành lời.

Kinh sợ mồ hôi toát,

Thân, phách lạc hồn bay.

Vĩ thái giám kinh sợ không sao cất nên lời, thì Vĩ Lão Nhị nói:

- Việc này cũng không phải tại anh. Giúp ông ấy mình vẫn có lợi. Nếu không giúp, việc không thành thì anh cũng không trốn thoát.

Vĩ thái giám thấy thế vừa kinh hãi vừa tức giận. Chờ hăn nổi loạn, sự việc lộ ra cũng chết. Bây giờ mình là người thân cận triều đình, áo tía đai vàng, phú quý tột bậc còn muốn gì nữa, nếu làm theo hăn chỉ chuốc lấy tai vạ. Giờ thì đã gả cháu gái cho hăn rồi, còn xoay trở sao được nữa, quả là không thoát được rồi. Đang lúc lo lắng buồn rầu, thì Lý Tử Long cùng với Dương Đạo Tiên đã lén lút may áo hoàng bào, mũ cánh chuồn, chẳng khác gì diễn kịch, chỉ chờ thanh la nổi lên là bước ra sân khấu.

Song tại kinh sư, chú cháu Tào Cát Tường từng làm phản. Bốn chú cháu đều trong cung cấm, trong nhà nuôi dưỡng quan lại lính tráng mà cũng không làm nổi. Huống hồ là mấy nội thần không có thực quyền, một vài quan võ quen và mấy binh lính nghèo mà định khởi sự, thì làm sao nổi. Không ngờ Tôn Hiền đã mò ra sự thực, báo cho chỉ huy chương vệ ấn Viên Bân. ông lập tức sai người bắt Lý Tử Long, khám thấy hoàng bào. Rồi bắt Dương Đạo Tiên, Hắc Sơn. Lúc ấy hoàng bào là tang vật phản nghịch. Viên Bân là người vùng sa mạc, theo vua mà được làm quan. Ông ta là người trung hậu. Nếu vào tay người khác muốn lập công to, thì cuối cùng sẽ làm thành vụ việc can hệ đến người trong hoàng cung, nhất định là họ nhờ vả ông, song ông cũng chẳng đòi hỏi gì. Ông nghĩ rằng: "Những người theo sự chẳng qua cũng là cùng dân dốt nát. Mà nói là mưu phản thì âm mưu chưa thực hiện và cũng chỉ là mấy đứa ngông cuồng, đặt ra chủ trương thôi. Ngay cả thân thích những người này cũng không ai hay biết, làm sao mà vu cho những người ngu xuẩn này được?"

Hiếu sinh hành nhân đức,

Mở ba mặt lưới vây,

Thỏ hoang bị ăn thịt,

Phù dung vui thoáng tròn.

Chu Quảng, Bào Thạch là người không thể che giấu được, Viên Bân đành viết số tấu lên cấp trên. Rốt cục vì sự việc liên quan tới người trong hoàng cung, nên dù có âm mưu táo bạo để mưu cầu lợi lộc, song thánh chỉ cũng không nghiêm trị. Nhưng việc này đã đến Lập pháp ty, Vĩ thái giám nghĩ rằng: “Lý Tử Long mưu phản là sự thực, ta lại là người chí thân của hắn, người trong Vệ tuy có che giấu cho ta, song Pháp ty không chịu. Những người nắm pháp luật này, lòng dạ họ xấu xa. Họ tấu trình lên, nói ta là cận thần mà thông đồng với bọn phản nghịch, thì còn tốt làm sao được. Nếu thánh thượng biết sẽ ra lệnh chém đầu, thôi thì cứ chết trước đi thì thi thể mình mới còn nguyên vẹn”. Thế là Vĩ thái giám uống thuốc độc chết.

Giữ mình theo năm tháng

Cầu phú quý làm chi.

Chết thành đồng tro lạnh,

Vì theo bọn côn đồ.

Thương cho Vĩ thái giám đã bị kẻ khác lừa dối. Những phạm nhân đến Pháp ty thì Pháp ty cũng chỉ căn cứ vào bản tấu trình của Viên Bân, thêm vào một số lời khai rồi trình lên thánh thượng. Trong bản tấu trình viết: "Lý Tử Long, Hắc Sơn, Chu Quảng, Bào Thạch là kẻ chủ mưu. Thôi Hoảng, Trịnh Trung, Vương Giám, Thường Hạo, Mục Kính, Vương Nguyên là tòng phạm, đều phải xử tội. Giang Triều, Chu Đạo Chân, Phương Thủ Chân cũng theo đó mà luận tội". Song Thánh thượng khoan dung, biết rằng đây là bọn ngông cuồng hoang đường, tự chuốc lấy họa vào thân. Những quan viên trong triều cũng là một lũ ngu xuẩn, bị kẻ khác mê hoặc. Chỉ hành quyết năm tên cầm đầu thuộc bọn Lý Tử Long, còn bọn Thôi Hoảng cho thiến rồi sung vào quân lính. Vương Nguyên chuyển đi Vệ khác, những tên còn lại theo pháp luật thi hành. Thật nực cười thay, Lý Tử Long một tên ngông cuồng lại muốn làm hoàng đế, Dương Đạo Tiên, Hắc Sơn, Chu Quảng lại muốn lập công đầu để được phong bá. Bào Thạch cũng muốn chức đại tư lễ, song nay đã sa cơ.

*Ôn chúa lòng rộng mở,
Đáng cười bọn ngu si.
Phú quý giờ đâu nhĩ,
Phơi thây bên lề đường.*

Quả thực, bộ Hình cho rằng bọn Bào Thạch đã móc nối giữa trong và ngoài, âm mưu chống lại triều đình, tội ác của chúng quả là ghê gớm. Nếu nặng về tình, nhẹ về pháp luật thì không thể trừng trị bọn phản loạn và làm cho phép nước sáng tỏ, bởi thế bộ Hình xin chém đầu bọn Vương Nguyên theo pháp luật. Song Thánh thượng vẫn khoan dung cho rằng đã ban hành rồi, hãy miễn truy cứu tiếp. Tuy bên trong nhưng chỉ là một nhóm nhỏ, những quân trong kinh thành theo chúng, và những tên vô lại chúng kết giao hằng ngày, ta truy lùng bắt bớ, e rằng sẽ xảy ra to chuyện.

*Xử nghiêm thủ mưu,
Khoan dung tòng phạm.
Nếu bắt bớ bừa,
E rằng biến loạn.*

Ta nghĩ rằng, trong bốn loại dân thì: kẻ sĩ mong muốn được làm quan, nông phu thì muốn giữ được nghiệp nhà, thương nhân thì cầu mong được hành nghề khác, cũng chỉ nên lừa người kiếm chút tiền nuôi miệng, thì nói năng cũng phải theo lẽ phải. Những cao tăng thì phải làm sáng rõ cái tâm cái tính, chăm lo bản tính và du dưỡng cái chân nguyên để hoàn tất sự sinh tử. Còn chúng sinh thì tụng kinh niệm phật để chăm lo cuộc sống cuối đời. Đúng như Thái Tổ Cao hoàng đế triều Minh nói: “Mọi người yên phận sống và làm việc, đừng làm những việc không thể làm được. Còn như những kẻ làm nghề bói toán, nói bừa rằng người ta sẽ làm hoàng đế, bởi thế một ngã tăng nhân du thủ du thực muốn được làm hoàng đế”. Dương Đạo Tiên là một phú gia, không cần quan chức, cũng sống ung dung. Chu Quảng là chức quan thế tập, không cần địa vị cao, vẫn có thể đời đời nối

dối làm quan. Bào Thạch là nội thần, cũng có chức nghiệp. Tại sao bọn họ lại ngu ngốc điên cuồng, rồi đi vào chỗ chết. Những lời nói quỷ quái bừa bãi ấy, quả thật không nên nghe. Cho dù nghèo xơ xác đến mức phải chết đói, thì vẫn là người dân lương thiện. Bọn người này không những bị chém đầu mà còn mang tiếng là kẻ phản nghịch, há chẳng đáng chê cười sao. Bởi thế làm người dân cần phải giữ gìn cẩn thận, mọi người làm theo nghề nghiệp của mình để bảo toàn tính mạng cho cả nhà. Không nên chạy theo phú quý công danh sau này, mà làm mất hết ruộng vườn, vợ con đã có.

Hết



Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: **Nguyễn Kim Vy**.

Đánh máy: bevanng

Nguồn: Bevanng/ VNthuquan - Thư viện Online

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 2 tháng 6 năm 2010